

**THERAVĀDA PHẬT GIÁO NAM TÔNG
THÁNH ĐIỂN PĀLI**

**CHÚ GIẢI
KINH PHÁP CÚ
(DHAMMAPADATTHAKATHA)**

**Tác giả: Bhadantācāriya Buddhaghosa
Dịch giả: Trưởng lão Pháp Minh**

**THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
PL. 2541 DL. 1997**

LỜI GIỚI THIỆU

“Sabba dānam Dhamma dānam jināti”.

“Pháp thí thắng mọi thí”.

Thực hành lời dạy trên của Đức Phật, trong những năm qua tại chùa Kỳ Viên chúng tôi đã mở những lớp giảng dạy Giáo lý căn bản; Phạm ngữ Pāli; Vi Diệu Pháp Abhidhamma và nhất là những khóa thiền tập Vipassana Minh Sát Tuệ. Song song với những sinh hoạt Phật pháp nói trên, trong điều kiện còn hạn chế, chúng tôi đã cố gắng cho tái bản lại những quyển kinh quan trọng cần thiết cho việc tu học của Chư Tăng và Phật tử như Luật Xuất Gia; Kinh Nhật Tụng của Cư sĩ...

Nhờ hội đủ duyên lành, đến nay chúng tôi mới thực hiện được hoài bão của Ngài Thiền sư Đầu Đà PHÁP MINH, bậc Thầy Tổ Pháp Hành khả kính của chúng tôi là cho in thành sách BỘ CHÚ GIẢI KINH PHÁP CÚ tiếng Việt mà Người đã dày công phiên dịch lúc còn sanh tiền.

Trong hoàn cảnh vật chất thật tri túc, thiếu dục của một vị Tỷ kheo thọ Hạnh Đầu Đà trì bình khát thực; ngăn oai nghi nằm; độc cư giữa đồng vắng tại cốc Bình Thủy và dưới gốc cây Mít Nài tại chùa Bửu Quang, Gò Dưa, Thủ Đức, Người đã phải tận dụng tất cả nội lực từ thể xác đến tinh thần của mình có được do sự khổ luyện hành đạo một cách phi thường hằng đêm, chỉ cùng với vài quyển tập giấy vàng cũ kỹ và ngòi viết mực tím thô sơ, dưới ngọn đèn dầu không đủ sáng đối với đôi mắt đã già đi theo năm tháng vì định luật Vô thường chi phối, Người đã hoàn thành dịch phẩm tuyệt tác này. Toàn bộ các tác phẩm biên khảo, tùy bút, bản thảo các dịch phẩm đều được sao chép lại nhiều bản bằng chính chữ viết tay của Người để phổ biến cho các Phật tử mượn đọc hoặc chép lại, mỗi khi đến thăm viếng và đặt bát cúng dường Người, nhất là nhóm Hành giả Minh Sát Khổ và những Phật tử đạt tiêu chuẩn tinh tấn hành thiền 6 giờ đồng hồ trong tư thế kiết già mỗi thời thiền tọa. Vì hạnh nguyện của mình, Người đã phải đi bộ với đầu trần chân đất một đoạn đường trên 30 km cả đi lẫn về trong chỉ một ngày, để mượn được bản Chú giải kinh Pháp Cú bằng chữ Thái của chùa Từ Quang, Gò Vấp về phiên dịch tại cốc của Người ở Thủ Đức.

Với lối văn bình dị trong sáng, mang đậm nét dân tộc Việt Nam của một Giáo sư khoa Văn thông suốt nhiều ngoại ngữ Pháp, Anh, Thái, Miên... Người không những đã làm cho các Chuyện Pháp Cú Kinh trở nên sống động, dễ hiểu và gần gũi với chúng ta hơn, mặc dù câu chuyện đã xảy ra ở trong một hoàn cảnh xã hội Ấn Độ cách đây hơn 25 thế kỷ, mà còn làm nổi bật hơn nữa những lợi ích thực tiễn tuyệt vời của những câu kệ Phật ngôn như là những khuôn vàng thước ngọc, kim chỉ nam cho chúng ta ứng dụng vào đời sống tu tập hiện tại. Và cũng chính điều này là một phần động lực thúc đẩy Người hy sinh vượt mọi thử thách để hoàn thành tâm nguyện hồng dương Phật pháp, tự giác giác tha.

Đoàn hậu tấn chúng con chí thành tâm nguyện tu hành tinh tấn và cố gắng in ấn thành sách toàn bộ những dịch phẩm còn lại ngõ hầu đền đáp phần nào công ơn giáo dưỡng và sự hy sinh cao cả của Người, một bậc chân tu, một tấm gương sáng về Đức Tinh tấn, Xả ly, Thiếu dục và Hạnh Đầu Đà vô song của Chư Tăng Ni và Tín đồ Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam.

Bộ CHÚ GIẢI KINH PHÁP CÚ tiếng Việt này in hoàn chỉnh được là do nhờ sự giúp đỡ tận tình của nhóm Hành giả MINH SÁT KHỔ, các Bạn Đạo thân thiết Xuất gia cũng như Cư sĩ, nhất là anh ĐÌNH đã góp công rất nhiều trong việc giúp chúng tôi sửa chữa, đối chiếu lại các từ ngữ trong phần kệ Pāli với bản kinh chữ Thái.

Chân thành cảm tạ và tán thán công đức, xin chia đều phần phước PHÁP THÍ này đến toàn thể chư Trưởng Lão Tăng và quý Phật tử đã hùn phước vào ngân quỹ Ấn hành Kinh sách của Chùa Kỳ Viên nhất là Trưởng Lão KIM CANG và Ông bà KEN and VISAKHA KAWASAKI tại hải ngoại.

Nguyện cho tất cả chúng sanh được an lành.

Kỳ Viên Tự, mùa An Cư Kiết Hạ PL. 2541 năm Đinh Sửu 1997

Tỷ kheo TĂNG ĐỊNH

TIỂU SỬ

Thiền Sư Đầu Đà PHÁP MINH

Ngài Thiền Sư PHÁP MINH thế danh là NGUYỄN VĂN LONG, sinh ngày 15-3-1918, tại Làng Phước Hải, Huyện Long Đất, Tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu.

Thân phụ của Ngài là Cụ NGUYỄN VĂN TÀI, thân mẫu là Bà PHẠM THỊ MINH.

Ngài xuất thân trong một gia đình có tinh thần yêu nước, có truyền thống đạo đức lâu đời, thuộc gia đình trí thức, ngài đậu bằng Diplome (Trung học).

Năm 1965, Ngài xuất gia Sa Di với Hòa thượng BỬU CHƠN tại chùa Phổ Minh, Gò Vấp, Gia Định, lúc 10 giờ 30 ngày 7-2, tức 6 Á.L. năm Ất Tỵ.

Ngày 6-1-1968, tại chùa Pháp Bảo, Mỹ Tho, Ngài thọ Đại giới Tỷ kheo với Thầy Tế độ là Hòa thượng GIỚI NGHIÊM.

Sau khi tu tại chùa Phổ Minh một thời gian, Ngài vân du hành đạo tại chùa Phước Hải, Vũng Tàu. Sau đó, Ngài đến Tịnh xá Ngọc Hương, Thủ Dầu Một.

Năm 1967, Ngài đi hành đạo ở Tịnh Xá An Lạc, Bắc Mỹ Thuận. Cuối năm ấy, Ngài về Tổ Đình Bửu Quang ở Gò Dưa để thực hành pháp môn Đầu Đà, độc cư thiền tịnh.

Năm 1968, Ngài rời chùa Bửu Quang đến Núi Nhỏ, Vũng Tàu, tìm nơi độc cư thiền định. Năm 1969, Ngài lại trở về Tổ Đình Bửu Quang để tiếp tục sự nghiệp tu hành.

Tháng 12-1974, theo lời thỉnh cầu của Ban Quản Trị Thích Ca Phật Đài, Vũng Tàu, Ngài đến khu Thắng Tích để hành đạo và hoằng dương Chánh Pháp.

Từ năm 1975 đến 1976, bước chân Ngài đã vân du đến Tô Châu, Hà Tiên, Rạch Giá.

Năm 1977, 1978, 1979, 1980, Ngài lại trở về Tổ Đình Bửu Quang để thiền định, Từ đó đến nay, Ngài sống Hạnh độc cư, trì bình khất thực tại Cốc Bình Thủy, Gò Dưa, Thủ Đức.

Vào lúc 9 giờ ngày thứ Tư 27 tháng 1 năm 1993 (mùng 5 tháng giêng năm Quý Dậu), Ngài đã an nhiên thị tịch trong khi ngồi thiền định với tư thế kiết già liên hoa tọa.

Từ khi xuất gia cho đến giờ viên tịch, Ngài luôn luôn thực hành pháp hạnh Đầu Đà khất thực, hạnh Đầu Đà không nằm... Ngài giữ hạnh tri túc, thường ít nhận tứ sự cúng dường của Chư Tăng và các Phật tử, Ngài sống vô cùng đơn giản.

Trong thời gian còn sinh tiền, Ngài đã soạn dịch nhiều tác phẩm Kinh điển như:

- Bộ Chú Giải Kinh Pháp Cú.
- Sưu Tập Kệ Pāli.

Ngài đã trước tác nhiều tác phẩm mà hiện nay vẫn còn là bản thảo, như:

1. Sở Túc Quan thực tập 1, 2, 3...
2. Cổng Vào Níp Bàn.
3. Lâm Tuyền Pháp.
4. Chiến Sĩ Thượng Thặng.
5. Ba Cách Làm Phước.
6. Siêu Pháp Tiết Chế Tình Dục.

7. Việc Tập Tâm.
8. Tứ Oai Nghi.
9. Hạnh Nguyện Bồ tát.
10. Thiền Luận.
11. Tùy Bút Pháp Hành.
12. Kệ Kinh Tam Bảo Pāli....

Ngài thông suốt nhiều ngoại ngữ như tiếng Pháp, Anh, Thái, Khomer, Pāli...

Ngài còn là một họa sĩ, nhạc sĩ, thi sĩ, y sĩ... Ngài hiểu biết sâu sắc trong khoa học và nghệ thuật.

Trong thời gian còn sinh tiền, Ngài đã từ bi tế độ cho nhiều hành giả thực hành pháp môn Thiền quán Minh Sát Khổ có kết quả, nhiều hành giả đã ngồi thiền bảy giờ (07 giờ) liên tục với tư thế Kiết già liên hoa tọa.

Ngài Thiền Sư PHÁP MINH là một trong những vị Cao Tăng, chân tu, thực hành Hạnh Đầu Đà vô cùng tinh tấn của Hệ phái Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam. Ngài ra đi nhưng Ngài vẫn còn sống mãi, với hình ảnh là một bậc chân tu khả kính, thực hành GIỚI-ĐỊNH-TUỆ, in đậm nét trong tâm trí của toàn thể Chư Tăng, tu nữ và hàng Phật tử gần xa.

Toàn thể Tăng Tín đồ Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam cung kính nghiêng mình trước đạo hạnh Cố Trưởng Lão Thiền Sư Đầu Đà PHÁP MINH.

Tỷ kheo BỬU CHÁNH phụng soạn

Kính Cáo

KINH PHÁP CÚ

Sau mỗi tích chuyện có phần Căn đề là những bài kệ vịnh trích ra từ bộ Chú giải Kinh Pháp Cú mới dịch xong trong mùa Hạ kỳ 1984 này. Mong rằng các hành giả sơ cơ đang cần học tập, ôn nhuần Kinh Pháp Cú để áp dụng vào đời sống thực tế của mình cho hợp theo Chánh Pháp, sẽ được gọi hứng để có thể hoàn tất sự học cũng như chúng tôi đã hoàn tất sự dịch ra Việt ngữ vậy. Ngoài ra với những kệ này, quý bạn thức đêm Đầu Đà có thể bày ra những câu đố về sự tích hoặc căn bản giáo lý chứa đựng trong bộ Pháp Cú mà các Phật tử phương Tây rất quý trọng, nhất là ở Tây Đức.

Nếu mọi người hiểu rành Kinh Pháp Cú và thực hành theo đó thì thế giới có thể hòa bình, an lạc.

Rất mong thay!

Tỳ Khuru PHÁP MINH

PANĀMA GĀTHĀ

(KỆ LỄ BÀI TRƯỚC KHI HỌC)

1. Kính lạy dưới chân Ngài Đại Giác,
Bực oai hùng trên các Nhân Thiên,
Kính lạy Chánh Pháp chân truyền,
Kính lạy Tăng chúng hữu duyên của Ngài.
2. Cõi phàm tục lâu dài tăm tối,
Vì si mê lạc lối đọa sa,
Pháp đăng, ngọn đuốc Thiên na,
Ngài soi rõ thấu ngõ ra luân hồi.
3. Phật thông suốt đường lui, nẻo tới,
Chánh hay tà, nhân bởi tại đâu?
Từ Bi, Ngài dạy lắm câu,
Pháp Cú, nghĩa lý thâm sâu ngọt ngào!
4. Khắp nhân thiên đời đời hỉ lạc,
Đón mừng kinh tuyệt tác của Ngài,
Từ xưa cho đến đời nay,
Một bản chú giải rất hay còn truyền.
5. Đảo Tích Lan là miền hữu phước,
Được thắm nhuần di chúc Phật Đà,
Nhưng còn có biết bao là,
Nhân dân Phật tử gần xa mong cầu.
6. Tôi được nghe rõ câu ước nguyện,
Ngài Kassapa⁽¹⁾ thánh thiện thốt ra,
Thành tâm, tin tưởng thiết tha,
Ngài mong Chánh Pháp chan hòa mọi nơi,
7. Do đó tôi vâng lời chỉ dạy,
Ráng dịch và sửa lại rõ ràng,
Những câu thơ ngữ mơn màng,
Thành kinh Nam Phạn đàng hoàng để coi.
8. Chú giải thật rạch ròi cận kề,
Những điểm nào Pháp kệ không soi,
Nhưng bao giờ tôi cũng noi,
Đúng theo diệu lý hân hời kệ ngôn.
9. Mong rằng khắp chư Tôn trí giả,
Hỷ hoan cùng bản đã dịch đây,
Cốt làm phát triển đủ đầy,
Lý, Pháp, Tâm, Tuệ liên dây chẳng rời⁽²⁾.

1

Kumāra Kassapathera.

² Lời của Ngài Buddhaghosa, theo đây thì Ngài Buddhaghosa không phải là tác giả mà chỉ là soạn giả, có công sưu tập và ghi chép bộ Chú Giải Pháp Cú vào khoảng 450 sau Công nguyên, mười năm sau bộ Chú Giải Bốn Sanh Kinh (Burlingame).

10. Chúng con sanh trong thời Tượng Pháp,
Nguyện rằng công tu tập Kế ngôn,
Hầu đến Ân Phật Thế Tôn,
Cúng dường cao thượng Pháp môn chân truyền.

I. PHẨM SONG ĐỐI

(YAMAKA VAGGA)

- 20 bài kệ: Pháp Cú số 01-20
- 14 chuyện.

I. 1- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO CAKKHUPĀLA (Cakkhupālattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 01)

<i>Manopubbaṅgamā dhammā</i>	Tâm đi trước các Pháp,
<i>manoseṭṭhā manomayā</i>	Tâm chủ, duy tâm tác;
<i>Manasā ce paduṭṭhena</i>	Nếu bằng tâm như đục,
<i>bhāsati và karoti và</i>	Nói năng hoặc hành vi,
<i>Tatonam dukkham anveti</i>	Khổ sẽ theo người như,
<i>cakkam'va vahato padam.</i>	Bánh xe chân bò giạt.

Kệ Pháp Cú này được thuyết tại đâu? Tại thành Sāvattthī. Nói về ai? - Về Trưởng lão Hộ (Mù Nhãn (Cakkhupāla).

Tương truyền rằng:

Thuở ấy, trong thành Sāvattthī có ông Trưởng lão tên là Đại Kim (Mahāsuvanna) là một bậc phú hào, gia tài đồ sộ, sự sản kinh dinh, nhưng lại hiếm muộn con cái.

Một hôm, nhân dịp đi tắm ở bến tắm về, dọc đường ông gặp một cây Đại lâm thọ, tàng nhánh sum suê: “Trên cây này chắc có thọ thần oai linh ngự trị”. Nghĩ như thế, ông bèn thuê công dọn sạch chỗ gốc cây, khiến xây một vòng tường rào và cho trải cát bên trong, đoạn ông trần thiết cờ xí, trang hoàng cho cây đại thọ, rồi khẩn vái rằng: “Xin cho tôi có được một đứa con, dẫu trai hay gái tôi cũng sẽ làm đại lễ cúng tế Tôn thần”. Nguyện xong ông lui gót về nhà.

Rồi thì, không bao lâu vợ ông thọ thai, ông chăm lo thuốc thang com nước đầy đủ cho bà để bảo dưỡng thai nhi. Mười tháng vừa mãn, bà trở sanh một mụn trai; ông Đại Kim tin rằng: “Nhờ ta bảo hộ cây rừng, mới được đứa con cầu tự”. Nên ông đặt cho nó là Pāla. Kế đó bà lại sanh thêm một quý tử nữa, đứa con trai sau, phú ông đặt tên là Tiểu Hộ (Culla Pāla) và đứa trước ông kêu là Đại Hộ (Mahā Pāla) cho khỏi trùng nhau.

Khi hai trẻ lớn khôn, ông bà Đại Kim lựa chỗ xứng đáng cho con kết mối duyên lành. Tháng lụn ngày qua, lần lượt mẹ cha thành người thiên cổ. Tất cả gia sản được chia đồng đều cho hai anh em.

Thời bấy giờ, Đức Bổn Sư đã chuyển bánh xe Pháp bảo, sau khi tuần tự trải đi hoàng hóa nhiều nơi, Ngài tạm dừng bước du hành ngự đến an ngự tại Đại Tự Kỳ Viên (Kỳ Viên Mahāvihāra), do nhà cự phú Cấp Cô Độc đã xuất của kho kiến tạo, phí tổn lên tới năm trăm bốn mươi triệu đồng vàng. Nơi đây Đức Phật đã khai thông con đường thiên giới và con đường Níp Bàn, tiếp độ vô số chúng sanh chứng đắc Đạo quả.

Đức Như Lai chỉ có lưu trú trong một mùa an cư (ba tháng mưa) tại ngôi chùa Nigrodha, vốn là công trình của hai lần tám muôn quyển thuộc trong hoàng tộc Thích Ca (tám muôn bên họ ngoại và tám muôn bên họ nội).

Thế mà, tại Đại Tự Kỳ Viên của ông Cấp Cô Độc, Ngài đã an cư mùa mưa tất cả là mười chín hạ, và tại Đông Phương Tự (Pubbārāma) của bà Visākhā, xây cất với phí tổn là hai trăm bảy mươi triệu

tiền vàng (27 koti), Ngài cũng đã an cư mùa mưa sáu hạ. Đó là nhờ công đức lớn lao của hai gia tộc này mà Đức Giáo Chủ đã ngự an cư trong khoảng thời gian hai mươi lăm năm gần thành Sāvattthī.

Ông Cấp Cô Độc cũng như bà Visākā đại tín nữ, hằng ngày đến hầu cận Đức Như Lai thường xuyên, mỗi ngày hai lượt và họ chẳng khi nào đến với tay không, vì mỗi lần từ nhà ra đi hai người đều nhớ rằng: “Mấy vị Sa Di nhỏ đang mong chờ ta đến dâng cúng (họ sẽ nhìn tay ta)”. Đi trước buổi ngọ, họ bảo gia nhơn cùng đi, mang theo vật thực loại cứng và loại mềm, đi sau bữa ngọ họ cho mang theo năm món thuốc ngừa bệnh (là bơ, sữa, mật, đường, dầu ăn) và tám thứ nước giải khát (nước cốt trái cây như nước trầm, xoài, chuối, việt, thanh trà, thị, cam...). Còn tại nhà riêng của mỗi người luôn luôn lúc nào cũng dự bị sẵn sàng chỗ ngồi cho hai ngàn vị Tỳ Khưu, về phần cơm nước, thuốc men, vị sự nào cần dùng món chi đều được cúng dường theo như ý muốn.

Tuy nhiên, không có ngày nào mà ông Cấp Cô Độc hỏi Đức Thầy một câu về đạo lý. Theo truyền ngôn thì sở dĩ ông không vấn đạo là vì ông quá tôn sùng ngưỡng mộ Đức Bổn Sư, ông tự nhủ: “Đức Như Lai là một vị Phật Chí Tôn, một vị Vương chí Thánh, thuộc dòng dõi quyền quý cao sang, nếu Ngài thấy ta hộ độ Ngài nhiều rồi thuyết pháp cho ta nghe, sợ e Ngài phải hao hơi tổn sức”.

Nhưng ông Cấp Cô Độc vừa an tọa thì Đức Bổn Sư lại nghĩ rằng: “Trưởng giả này cứ lo gìn giữ cho Ta, ở chỗ mà Ta chẳng cần chi phải gìn giữ”. Trải qua bốn A tăng kỳ (Asankheyya) và một trăm ngàn đại kiếp (mahākappa) của quả địa cầu, Ta đã từng cắt thủ cấp khô ngô tuần tú của chính mình, Ta đã từng móc mắt Ta, Ta đã từng rút thịt nơi quả tim Ta, Ta đã từng đoạn ly vợ con yêu dấu nhất đời mà Ta quý trọng chẳng khác nào mạng sống của tự thân Ta, nhất nguyện để hoàn thành hạnh Ba La Mật (Paramī) ngõ hầu để có thể tuyên dương Chánh Pháp, phổ độ quần sanh. Cái ông này cứ lo gìn giữ cho Ta cái chỗ mà Ta chẳng cần chi phải gìn giữ.” Thế rồi, Đức Bổn Sư thuyết ngay một thời pháp.

Thuở ấy, thành Sāvattthī rất là phồn thịnh và đông đúc dân cư, sau khi nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp thì phần lớn nhập dòng Thánh vực, chứng bực Thinh Văn (Sāvaka).

Chư Thánh cư sĩ Thinh Văn có hai phận sự: Buổi sáng thì lo để bát hộ Chư Tăng, buổi chiều thì cù bị lễ vật để đi nghe pháp. Khi đi, các vị ấy cầm hương hoa trên tay và dắt theo người để mang vải hoặc y, thuốc ngừa bệnh và nước giải khát.

Một hôm, Trưởng giả Đại Hộ trông thấy các Thánh cư sĩ Thinh Văn đi chùa, trên tay có cầm hương hoa, bèn hỏi: “Hàng đại chúng đi đâu mà đông vậy?”, có tiếng trả lời rằng: “Đi nghe thuyết pháp”.

- Tôi cũng đi nữa.

Nói xong, Trưởng giả nhập theo đoàn người đi chùa. Đến nơi đánh lễ Đức Bổn Sư, rồi ngồi xuống một nơi sau cùng ngoài vòng cử tọa.

Trước khi thuyết pháp, Chư Phật luôn luôn quán xét căn cơ và trình độ của thính chúng rồi mới tùy nhân duyên mà giảng giải về pháp thọ trì Qui giới, hoặc pháp xuất gia chẳng hạn. Bởi thế, ngày ấy Đức Giáo Chủ sau khi quán xét căn cơ trình độ của Trưởng giả Đại Hộ, Ngài đã thuyết bài pháp gọi là “Tuần tự pháp thoại (Anupubbikathā), nghĩa là Ngài lần lượt giảng giải liên tục về năm pháp kế tiếp nhau từ bố thí, trì giới, các nhàn cảnh đến tội ngũ trần và phước báu của bậc xuất gia.

Ngồi yên nghe pháp, Trưởng giả Đại Hộ ngẫm nghĩ: “Khi mình lìa đời đi sang thế giới bên kia, thì con trai con gái đều chẳng theo mình, nhà cửa ruộng vườn cũng đều bỏ lại, thậm chí xác thân cũng không còn làm bạn đồng hành, nào có ích chi mà ta mãi miết đeo đai gánh nặng gia đình, ta phải xuất gia mới được”.

Đợi dứt thời pháp, Trưởng giả đến gần Đức Bổn Sư và ngỏ lời cầu xin xuất gia nhập đạo.

Khi ấy Đức Phật bèn hỏi:

- Ông có quyến thuộc nào để căn hỏi lại ý kiến (từ già) không?
- Bạch Ngài! Con còn có đứa em trai.
- Vậy ông hãy về hỏi lại ý kiến của em ông đi.
- Dạ vâng.

Sau khi đánh lễ tạm biệt Đức Phật, Trưởng giả Đại Hộ trở về nhà, cho mời Trưởng giả Tiểu Hộ đến và bảo:

- Em à! Tất cả tài sản hữu thức và vô thức (gồm có tôi tớ, súc vật, động sản, và bất động sản) trong nhà này anh giao hết cho em trọn quyền làm chủ.

- Còn anh thì sao? Thừa anh.

- Anh sẽ đến xuất gia với Đức Tôn Sư.

- Anh ơi! Sao anh nói chi lời ấy, từ khi thân mẫu từ trần thì em sở cậy chỗ anh thay vào chỗ mẹ. Đến khi thân phụ quá cố thì em cũng nhờ nơi anh thế chỗ của cha. Vả lại, anh là một bậc phú gia, của tiền thừa thừa, anh cứ ở nhà mà làm việc phước đức cũng được, hà tất anh phải xuất gia như vậy.

- Em ơi! Anh vừa được nghe Chánh Pháp của Đức Tôn Sư, Ngài đã thuyết một thời pháp tuyệt diệu cả đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối, giải rành ba tướng mong manh (Saṅhasukhumam) là Vô thường, Khổ não, Phi ngã khiến cho anh nghe qua ngán ngẫm sự đời, không thể tiếp tục ở nhà mà mong kiện toàn đạo hạnh cao siêu, cho nên anh phải xuất gia.

- Thừa hiện giờ anh cũng còn thanh niên tráng kiện, xin hãy nán lại, chờ khi già cả rồi hãy xuất gia.

- Em à! Con người khi già nua thì chắc hẳn là tay chân không còn tự chủ, không thể điều khiển theo như ý muốn của mình. Chính ngay bản thân hãy còn như vậy thay, huống hồ là gia nhon quyền thuộc, bởi thế anh không làm theo lời khuyên dụ của em; trái lại anh sẽ đi ngay bây giờ để thực hành đầy đủ giới hạnh của bậc Sa Môn.

Jarājajjaritā honti

Hatthapaḍā anassavā

Yassa so vihatatthāmo

Katham dhammam carissati.

*Tuổi già làm suy yếu,
Tay chân khó dạy biểu,
Người lực kiệt sức cùng,
Lấy chi hành pháp diệu.*

Sau bài kệ, Trưởng giả Đại Hộ nói tiếp:

- Này em! Chỉ anh đã quyết, dầu em có can gián cách nào, anh cũng định xuất gia mà thôi.

Thế rồi, bỏ mặc người em kêu gào than khóc, Trưởng giả Đại Hộ dứt tình ra đi, đến chỗ Đức Bốn Sư đang ngự và xin xuất gia nhập đạo nơi Ngài.

Thọ Cụ túc giới xong, vị Tỳ Khưu mới phải ở chung cùng với các vị Trưởng Lão Tăng để học tập thu thúc trong thời gian năm hạ. Đến mãn hạ thứ năm, làm lễ Tỳ Tứ xong, Tỳ Khưu Đại Hộ tìm đến Đức Bốn Sư đảnh lễ Ngài, rồi bạch hỏi rằng:

- Bạch Đức Tôn Sư! Trong tôn giáo của Ngài có bao nhiêu pháp chánh yếu cần phải hành trì?

- Này Tỳ Khưu! Chỉ có hai pháp tất yếu mà thôi, đó là Pháp học và Pháp hành vậy.

- Bạch Ngài! Pháp học là sao và Pháp hành là thế nào?

- Tùy theo trí tuệ của mình, học hỏi ôn nhuần một hay hai bộ kinh (Nikāya) hoặc toàn bộ Tam Tạng (Tipitaka) ghi chép Phật Ngôn, sau khi đã thành thuộc đem ra đọc tụng thuyết giảng để giáo hóa chúng sanh, đó gọi là Pháp học (Ganthadhura).

Còn như cam chịu sống cảnh thanh bần đạm bạc (Sallabukavutti) vui thích ở nơi vắng vẻ hẻo lánh (Pantase-nāsanabhirata), ngày đêm hằng nhớ tưởng đến tánh chất Vô thường dị diệt của bản ngã (attabha-vekkhayaviya), rồi bền chí kiên gan, hành thiền đắc Tuệ Minh Sát để dứt trừ phiền não, để chứng bậc Vô sanh (Arahattagahana), đó gọi là Pháp hành (Vipassanādhura) vậy.

- Bạch hóa Tôn Sư! Đệ tử nay là kẻ cao niên xuất gia (Mahāllakakālepabbajita) không kham theo đuổi Pháp học cho đến ngày thành tựu hoàn toàn, còn Pháp hành thì đệ tử còn có thể làm cho kết quả mỹ mãn được. Cúi xin Tôn Sư truyền dạy để mục (Kammaṭṭhāna) cho đệ tử.

Thế theo lời thỉnh cầu của Tỳ Khưu Đại Hộ, Đức Bốn Sư đã truyền dạy cho thầy câu thoại đầu (để mục) để niệm cho đắc quả Vô sanh (A La Hán).

Sau khi đánh lễ từ tạ Đức Tôn Sư, thầy đi tìm thêm được sáu mươi vị Tỳ Khuru làm bạn đồng tu, rồi cùng nhau cất bước ra đi hành đạo, đi được quãng đường xa một trăm hai mươi do tuần (Visa-yojanasatamagga). Chư Sư đến một thị trấn nhỏ sát biên giới, Trưởng Lão Đại Hộ hướng dẫn cả đoàn Chư Tăng vào đó trì bình khát thực.

Dân chúng trông thấy chư vị Tỳ Khuru đầy đủ oai nghi tế hạnh, nên phát sanh lòng ngưỡng mộ. Họ bảo nhau sắp đặt chỗ ngồi thỉnh Chư Tăng an tọa và dâng cúng vật thực ngon lành, xong mới hỏi rằng:

- Bạch chư Trưởng Lão, chẳng hay các Ngài định đi đâu vậy?
- Nầy chư Thiện nam! Chúng tôi đi tìm một chỗ tiện nghi thuận cảnh.

Nghe đáp như vậy, những vị trí thức trong nhóm người ấy tự nhiên là hiểu biết Chư Tăng đang cần có chỗ để kiết hạ an cư, họ bèn thỉnh khéo rằng:

- Bạch Trưởng Lão Tăng, nếu quý Ngài có thể lưu lại nơi đây nhập hạ ba tháng nầy, thì rất tiện bề cho chúng tôi là có được chỗ nương nhờ vững chắc để thọ trì Tam qui và Ngũ giới.

Chư Tăng cùng nghĩ: “Chúng ta nương nhờ các gia tộc nầy hộ độ, may ra có thể tu hành siêu xuất ba cõi được chăng?”. Thế nên quý Ngài nhận lời cầu thỉnh.

Nhóm người ấy, sau khi được sự chấp nhận của Chư Tăng, liền khởi công xây dựng một ngôi Tịnh xá, kiến tạo các cơ sở cần thiết để Chư Tăng tùy nghi sử dụng trong lúc ban ngày hoặc ban đêm (Rattitthanadivāthānāni), rồi dâng cúng tất cả đến Chư Tăng. Chư Tăng chỉ còn việc là hàng ngày ôm bát vào thị trấn nhỏ để khát thực mà thôi.

Sau khi ấy, có một vị y sĩ tìm đến Tịnh xá, hứa cung phụng Chư Tăng về phương tiện trị liệu thuốc thang. Ông nói: “Bạch Trưởng Lão Tăng! Chỗ nào người ở đông đảo thì không sao tránh khỏi phát sanh bệnh tật. Vậy nếu trong quý Ngài có vị nào đau yếu, xin hoan hỷ báo tin cho tôi biết, tôi nguyện sẽ tận tâm chữa trị và cúng dường thuốc men đến cho quý Ngài dùng”.

Ngày làm lễ nhập hạ an cư, Trưởng Lão Đại Hộ hội các vị Tỳ Khuru lại nói rằng:

- Nầy chư hiền hữu! Trong ba tháng hạ nầy, chư hiền hữu sẽ giữ mấy oai nghi?
- Bạch Ngài! Chúng tôi sẽ giữ hết bốn oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi).

- Nói thế có hợp không, hỏi chư hiền hữu? Chúng ta đương nhiên là chẳng buông lung giải đãi, vì trước khi ra đến tận chỗ nầy, chúng ta đã thọ trì đề mục Minh sát từ nơi Đức Phật hiện thế và ân huệ của Đức đương kim Đại Giác, chẳng có thể hưởng được từ một thái độ lung chùng. Trái lại ta phải có thái độ dứt khoát một lòng thiết tha vì đạo mới được, vả lại bốn khổ cảnh ác đạo hiện như đang hờm sẵn chờ người phóng dật, kẻ nào buông lung ắt sẽ về đó như về nhà của mình chẳng sai. Vậy chư hiền hữu hãy nên tinh cần dũng mãnh.

- Bạch Ngài! Còn Ngài thì sao?

- Về phần tôi, thì tôi nguyện sẽ giữ ba oai nghi, tôi sẽ không đặt lưng nằm xuống trong ba tháng hạ.

- Sādhu! Lành thay! Bạch Trưởng Lão! Chúng tôi cầu chúc cho Ngài chuyên cần tinh tấn y như sở nguyện.

Cuối tháng thứ nhất, Trưởng Lão Đại Hộ cảm thấy đôi mắt xốn xang vì sự bỏ ngủ, qua tháng thứ hai Ngài bị đau mắt thật sự, từ hai khóe mắt nước mắt cứ chảy xuống ròng ròng như hai vòi nước tuôn ra từ một cái lu nước lúng. Tuy vậy, Trưởng Lão vẫn tiếp tục hành thiền Minh sát suốt cả đêm thâu, mãi đến lúc mặt trời sắp rạng, Trưởng Lão mới vào ngồi tịnh trong cốc.

Khi đến giờ đi bát, các Tỳ Khuru đến thỉnh Trưởng Lão:

- Bạch Ngài! Đã tới giờ đi khát thực.
- Thế thì chư hiền hữu cù bị y bát sẵn sàng đi.

Nói rồi, Trưởng Lão cũng tự mình đắp y mang bát ra đi, chừng ấy các Tỳ Khuru mới nhận thấy hai mắt của Trưởng Lão ràn rụa nước mắt, bèn hỏi:

- Bạch Ngài! Ngài làm sao vậy?

- Nay chư hiền hữu, tôi bị gió làm xốn mắt.

- Bạch Ngài! Vị y sĩ lúc nọ há đã chẳng hứa lời giúp đỡ trị bệnh Chư Tăng hay sao? Để chúng tôi báo tin cho vị ấy biết.

- Phải đó, chư hiền hữu!

Chư Tỳ Khuru báo tin cho vị y sĩ. Vị này liền chế một thứ thuốc dầu, gọi Chư Tăng đem về dâng lên Trưởng Lão Đại Hộ, Ngài vẫn giữ oai nghi ngồi mà nhỏ thuốc lên mũi. Nhỏ thuốc xong, Trưởng Lão đi vào làng, vị y sĩ trông thấy bèn hỏi:

- Bạch Trưởng Lão, nghe nói Trưởng Lão bị trúng gió đau mắt phải không?

- Phải đó, ông Thiện nam.

- Bạch Trưởng Lão, thứ thuốc dầu của tôi chế để nhỏ lên mũi, tôi có gửi dâng Trưởng Lão. Trưởng Lão đã dùng qua chưa?

- Ta đã dùng rồi. Ông Thiện nam.

Vị y sĩ nghĩ thầm: “Thứ thuốc của mình chế gửi dâng Trưởng Lão, chỉ cần nhỏ qua một lần là đủ lành bệnh, nhưng nay Trưởng Lão dùng rồi mà chưa hết bệnh là bởi có sao?”, rồi ông lên tiếng hỏi nữa rằng: “Bạch Trưởng Lão chẳng hay Trưởng Lão nằm hay ngồi mà nhỏ thuốc vậy?”.

Trưởng Lão Đại Hộ làm thính, mặc dầu vị ấy lập lại câu hỏi ấy nhiều lần, Ngài vẫn nín lặng không đáp.

Vị y sĩ tính thầm: “Để rồi mình sẽ đến Tịnh Xá xem qua chỗ ngụ của Trưởng Lão”. Ông bèn nói: “Thôi vậy cũng được, xin Trưởng Lão cứ đi”.

Sau khi tiễn chân Trưởng Lão Đại Hộ, vị y sĩ đi ngay đến Tịnh Xá, xem xét chỗ ngụ của Trưởng Lão, thì thấy có một chỗ đi kinh hành và một chỗ ngồi, còn chỗ nằm thì tuyệt nhiên không thấy đâu cả, ông lại hỏi: “Bạch Trưởng Lão, lúc nhỏ thuốc đó Trưởng Lão ngồi hay nằm?”. Trưởng Lão làm thính.

Thấy thế, vị y sĩ khẩn khoản yêu cầu: “Bạch Trưởng Lão xin Trưởng Lão đừng làm như vậy không nên. Một bậc Sa Môn cũng cần phải bảo dưỡng xác thân đầy đủ sức khỏe để mà hành đạo. Yêu cầu Trưởng Lão hoan hỷ nằm xuống đặt nhỏ thuốc cho có hiệu quả”.

Giây lâu, Trưởng Lão mới đáp: “Thôi hiền hữu hãy về đi. Để Ta bàn tính lại rồi sẽ quyết định”.

Ngay bấy giờ, Trưởng Lão Đại Hộ không có gia đình quyến thuộc chi ở tại nơi ấy để cùng nhau thảo luận hoặc thăm dò ý kiến. Vì thế Trưởng Lão tự mình hỏi lấy mình rằng: “Hỡi này Pāla hiền hữu, hãy nói cho ta biết hiền hữu xem đôi nhục nhãn của mình hay Giáo Pháp của Đức Giác Ngộ là đáng quý trọng hơn?”.

Và Trưởng Lão cũng tự trả lời câu hỏi của mình như vậy: “Từ đời vô thủy dĩ lai, trải qua hằng hà sa số kiếp, chìm nổi trôi giạt trong biển luân hồi, hiền hữu vẫn sống mãi trong cảnh đui mù tăm tối. Trong khoảng thời gian ấy không thể đếm kể xiết là có bao nhiêu trăm Đức Phật, bao nhiêu ngàn Đức Đại Giác đã thành đạo chúng quả, còn kiến, văn, tri thức của hiền hữu không đủ bao trùm thời kỳ của một Đức Phật trong số Chư Phật quá khứ, bây giờ đây hiền hữu đã phát nguyện: “Trong hạ kỳ này! Ta sẽ ngăn oai nghi nằm suốt cả ba tháng”. Vậy thì dù cho đôi mắt của hiền hữu có đui mù hư hoại đi nữa cũng mặc kệ cho nó đui mù hư hoại. Hiền hữu chỉ cần kiên trì Giáo Pháp của Đức Đại Giác mà thôi”.

Rồi như để dạy bảo thân xác của mình. Trưởng Lão ngâm lên mấy câu kệ:

Cakkhūni hāyantu mamāyitāni
Sotāni hāyantu tathevadeho
Sabbampidaṃ hāyantu dehanissitaṃ
Kim kāraṇā pālita tvaṃ pamajjasi?
Cakkhūni jīrantu mamāyitāni
Sotāni jīrantu tatheva kāyo
Sabbampidaṃ jīrantu kāyanissitaṃ
Kim kāraṇā pālita tvaṃ pamajjasi.
Cakkhūni bhijjantu mamāyitāni

*Sotāni bhijjantu tatthevarūpaṃ
Sabbampidaṃ bhijjatu rūpanissitaṃ
Kim kāraṇā pālita tvaṃ pamajjasi?*

*Mắt ta dù có đui mù,
Tai ta dù điếc, thân dầu bất an.
Trong thân tất cả cơ quan,
Dầu tê liệt hết, há màng chi sao.
Hộ ơi! Đừng vịn có nào?
Buông lời mỗi đạo, lãng xao Pháp hành.
Mắt ta dầu có quáng manh,
Tai ta dầu nặng, thân đành bất an.
Trong thân tất cả cơ quan,
Dầu hư hoại hết, há màng chi sao!
Hộ ơi! Đừng vịn có nào?
Buông lời mỗi đạo, lãng xao Pháp hành.
Mắt ta dầu có tan tành,
Tai ta dầu lủng, thân đành bất an.
Trong thân tất cả cơ quan,
Dầu tiêu tán hết há màng chi sao!
Hộ ơi! Đừng vịn có nào?
Buông lời mỗi đạo, lãng xao Pháp hành.*

Ngâm bài kệ dài ba kệ khúc để tự huấn dụ lấy mình xong. Trưởng Lão Đại Hộ vẫn giữ oai nghi ngồi như trước, lấy thuốc nhỏ lên mũi, rồi đi vào làng khất thực. Vị y sĩ trông thấy Ngài bèn hỏi:

- Bạch Trưởng Lão! Hôm nay Trưởng Lão có nhỏ thuốc lên mũi không?
- Có rồi! Ông Thiện nam.
- Vậy bây giờ Trưởng Lão thấy hai mắt thế nào?
- Vẫn còn đau nhức như cũ, ông Thiện nam.
- Sao thế? Trưởng Lão nằm xuống hay cũng vẫn ngồi mà nhỏ thuốc?

Đến đây, Trưởng Lão Đại Hộ làm thinh, dầu cho vị y sĩ có hỏi đi hỏi lại nhiều lần, Ngài cũng chẳng thốt ra một lời để đối đáp. Khi ấy, vị y sĩ nói: “Trưởng Lão đã không cần làm cho mình được tiện nghi thoải mái thì thôi, nhưng tôi yêu cầu Trưởng Lão từ nay về sau đừng nói với ai là: “Có ông thầy đó đã chế thuốc trị bệnh cho ta, và tôi cũng chẳng nhìn nhận là đã chế thuốc trị bệnh cho Trưởng Lão”.

Trưởng Lão bèn đáp:

- Ta sẽ không nói thế đâu.

Bị vị y sĩ chạy bệnh không chịu cứu chữa, Trưởng Lão trở về Tịnh xá, lòng tự nhủ lòng: “Nầy ông Sa Môn ơi! Thấy thuốc đó bỏ rơi ông thì bỏ, chứ ông đừng bỏ rơi hạnh nguyện của mình đa nhé”.

Ngài lại xướng lên bốn câu kệ:

*Paṭikkhitto tikicchāya
Vejjenāsi vivajjito
Niyato maccurājassa
Kim pālita pamajjāsīti?*

*“Diệu dược vô phương chữa trị rồi,
Lương y bất lực cũng đành lui,
Giờ đây có nước chờ Diêm Chúa,
Hộ hỏi làm sao dám để duôi?”.*

Sau bài kệ tự huấn ấy, Trưởng Lão thu thúc hành Sa Môn pháp một cách rất ráo. Đến cuối canh giữa đêm ấy không trước không sau, thì hai mắt của Ngài vĩnh biệt ánh sáng, nhưng đồng thời tâm

của Ngài cũng đoạn ly tất cả tiêm miên phiền não. Ngài hưởng thụ nguồn an vui tự tại trong sự giác ngộ nội tâm của quả vị A La Hán, rồi vào ngôi trong tịnh thất.

Đến giờ đi bát, Chư Tăng đến thỉnh:

- Bạch Ngài! Đã đến giờ đi khát thực.
- Tới giờ rồi sao chư hiền hữu?
- Dạ, bạch Ngài đã tới giờ rồi.
- Nếu vậy chư hiền hữu hãy đi đi.
- Dạ! Còn Ngài thì sao? Bạch Ngài.
- Mắt ta (hông mắt) hết thấy đường rồi chư hiền hữu.

Các Tỳ Khưu sau khi nhìn thấy đôi mắt mù của Trưởng Lão Đại Hộ, cả thầy đều động lòng, quanh tròn lệ ứa, đồng tỏ lời an ủi rằng: “Bạch Ngài! Xin Ngài đừng bận tâm lo nghĩ chi nhiều, đã có chúng tôi chăm lo cho Ngài đàng hoàng tử tế”.

Kế đó, sau khi thi hành mọi việc cần thiết thuộc về phận sự của mình, Chư Tăng vào làng đi bát, không trông thấy vị Trưởng Lão nhiều người bèn hỏi Chư Tăng: “Bạch chư Trưởng Lão! Ngài Cả của chúng tôi đâu? Không thấy đi đây?”.

Khi được nghe câu chuyện rõ ràng, họ gởi cháo nhờ Chư Tăng đem về trước dâng lên Trưởng Lão điểm tâm. Phần họ đích thân dự bị cơm nước đem theo để bát. Đến Tịnh xá họ đành lễ Trưởng Lão, rồi nằm lăn xuống đất bên chân Ngài mà khóc lóc thở than.

Một lát sau, trước khi từ tạ ra về, họ an ủi Trưởng Lão rằng: “Chúng tôi hứa chắc chắn sẽ chu cấp, phụng dưỡng Trưởng Lão tới cùng, xin Trưởng Lão cứ an tâm đừng lo nghĩ”.

Từ đó trở đi, mỗi ngày họ mỗi gởi cháo, cơm vật thực đến Tịnh xá đều đều không khi nào ngắt.

Trưởng Lão Đại Hộ vẫn thường khuyên bảo nhắc nhở các bạn đồng đạo và chư Tỳ Khưu cũng biết phục thiện, tinh tấn thực hành theo lời chỉ dạy của vị trưởng đoàn một cách rất ráo, cho đến kỳ Tự Tứ sau đó, tất cả sáu mươi vị Thiên Sư cũng đều đắc quả A La Hán với Tuệ Phân tích.

Sau lễ ra hạ, chư Tỳ Khưu muốn về hội kiến với Đức Bổn Sư, nên bạch xin với Trưởng Lão:

- Bạch Ngài! Chúng tôi muốn về yết kiến Đức Thế Tôn.

Khi nghe Chư Tăng ngỏ ý như vậy, Trưởng Lão Đại Hộ suy nghĩ: “Ta nay mù lòa yếu đuối, đường xá lại trắc trở gian nan, phải xuyên qua truông rậm rừng hoang đầy đầy phi nhơn ác quỷ. Nếu Ta đi chung với Chư Tăng thì cả đoàn đều khó mỗi, còn e một nỗi không thể đi bát kiếm được món ăn. Chi bằng Ta hãy để cho Chư Tăng đi về trước là hơn”.

Trưởng Lão ứng tiếng bảo chư Tỳ Khưu:

- Nầy chư hiền hữu, các bạn hãy về trước đi.
- Còn phần Ngài thì sao? Bạch Ngài.
- Ta nay yếu đuối, mù lòa, đường xá lại gian nan nguy hiểm, phải vượt qua truông rậm rừng hoang có nhiều phi nhơn trấn thủ, nếu ta cùng đi với chư hiền hữu thì càng gây thêm trở ngại và làm chậm trễ cuộc hành trình, thôi chư hiền hữu cứ tự tiện về trước đi.
- Bạch Ngài! Xin Ngài đừng làm vậy, dầu sao chúng tôi cũng quyết sẽ về một lượt với Ngài mà thôi.

- Nầy chư hiền hữu! Không nên cố nài ép làm như thế thật Ta chẳng hài lòng. Khi nào gặp mặt chư hiền hữu, đưa em trai của Ta có hỏi về Ta thì xin quý vị hãy hoan hỷ báo tin cho chú nó biết là Ta đã bị mù đôi mắt, chắc chắn chú nó sẽ cho người đến đón Ta về. Chư hiền hữu cho Ta gởi lời đánh lễ Đức Thập Lực (Đức Phật) với tám mươi vị Trưởng Lão Trưởng lão Chưởng quản Giáo Hội Tăng Già.

Sau khi dặn dò, Trưởng Lão thốt lời tiễn biệt, chư Tỳ Khưu đồng thanh sám hối vì đã nài ép Ngài, rồi cùng nhau đi vào làng.

Chư Thiện tín thỉnh Chư Tăng an tọa, cúng dường cơm nước như thường lệ, rồi mới hỏi rằng:

- Bạch Trưởng Lão Tăng! Hôm nay quý Ngài sửa soạn đi đâu? Có thể cho chúng tôi biết được chẳng?

- Nầy chư Thiện tín! Chư Tăng chúng tôi sắp về yết kiến Đức Bổn Sư.

Nhóm Thiện tín lúc ấy nài nỉ cầm cọng nhiều phen, đến khi biết rõ Chư Tăng nhứt định ra đi, thì cầm lòng không đậu, khóc than bịn rịn, theo tiễn chân Chư Tăng hai dặm đường mới chịu trở lại.

Chư Tăng đi bộ lần hồi về đến Kỳ Viên, vào ra mắt Đức Bổn Sư và Bát thập đại Trưởng lão để đánh lễ, và chuyển lời xin đánh lễ của vị Trưởng Lão Đại Hộ.

Hôm sau, lúc đi bát chư Tỳ Khuru nhắm ngay con đường có ngôi nhà của vị em trai Trưởng Lão mà đi tới. Trưởng giả Tiểu Hộ nhận ra các vị Tỳ Khuru quen thuộc thì niềm nở chào mừng, trải chiếu mời thỉnh Chư Tăng an tọa, xong mới hỏi rằng:

- Sư huynh của đệ tử hiện giờ ở đâu?

Khi ấy Chư Tăng tường thuật mọi điều khúc chiết, khiến cho Trưởng giả Tiểu Hộ nghe qua, nhào lặn bên chân các Sư mà khóc lóc thở than, giây lâu mới hỏi tiếp rằng: "Bạch quý Sư huynh! Bây giờ đệ tử phải làm sao đây?".

- Trưởng Lão mong ước ông gửi đến cho Ngài một người, để Ngài theo chân người ấy trở về.

- Bạch quý Sư huynh! Đây là thằng Tể Hộ, đưa cháu ruột kêu đệ tử bằng cậu. Quý Sư huynh hãy sai nó đi đi.

- Cho đi như thế không được đâu? Vì lộ trình nguy khổ lắm, phải cho nó xuất gia trước rồi hãy sai nó đi.

- Bạch quý Sư huynh! Xin quý Sư huynh hãy làm như vậy rồi sai nó đi.

Khi ấy, Chư Tăng làm lễ Sa Di cho Tể Hộ, giữ ông lại trong nửa tháng để kèm tập những oai nghi thường thức, nhất là tập cách đáp y cho đàng hoàng, xong rồi chỉ về đường đi nước bước và cầu chúc cho vị tu sĩ thiếu niên thượng lộ bình an.

Sa Di Tể Hộ ra đi một mình, lần hồi đến nơi thị trấn nhỏ ở sát biên giới. Tại cổng làng, Tể Hộ gặp một vị bô lão, bèn đón lại hỏi thăm:

- Kính thưa lão trượng! Gần thôn trang nầy có ngôi Thiên lâm Tịnh xá nào chẳng?

- Bạch Sư có.

- Vị Đại Sư nào trụ trì nơi đó, thưa lão trượng?

- Có một vị Trưởng Lão tên là Đại Hộ hiện trụ nơi đó, bạch Sư.

- Xin lão trượng hoan hỷ chỉ đường cho tôi đến đó.

- Bạch Sư, Sư là ai?

- Thưa lão trượng! Tôi là cháu ruột kêu vị Trưởng Lão đó bằng cậu.

Khi ấy, vị bô lão dẫn đường đưa vị Sư trẻ đến nơi Tịnh xá.

Sau khi đánh lễ vấn an Trưởng Lão Đại Hộ, Sa Di Tể Hộ ở luôn nơi Tịnh xá nửa tháng, chăm lo quán xuyến các việc lớn nhỏ, giúp đỡ tay chân cho vị Sư mù, hết lòng phụng dưỡng người cậu tật nguyền của mình một cách chu đáo, sau đó ông bạch với Trưởng Lão: "Bạch Sư cửu. Cậu Tiểu Hộ ở nhà, hiện đang mong chờ Sư cửu! Xin thỉnh Sư cửu đi về với con".

- Thế thì con hãy cầm gậy dắt ta đi.

Vị Sư trẻ nắm lấy một đầu gậy, cùng vị Trưởng Lão đi vào trung tâm thị trấn nhỏ, nhóm Thiện tín đón rước, mời ngồi đoạn hỏi Trưởng Lão: "Bạch Trưởng Lão! Trưởng Lão sửa soạn đi đâu, có thể cho chúng tôi biết được chẳng?".

- Được lắm. Nầy chư Thiện tín, Ta hôm nay đi về đánh lễ Đức Tôn Sư.

Chư Thiện tín thỉnh cầu Trưởng Lão ở lại, đến năm lần bảy lượt cũng không được. Họ bèn theo tiễn chân, đưa một đôi đường, đến lúc cáo từ lui gót, họ còn ngậm ngùi lưu luyến, mắt lệ chứa chan.

Vị Sa Di tay vẫn không rời gậy, dắt vị Trưởng Lão tiếp tục cuộc hành trình. Đi đến một thôn trang ở ven rừng, tên là Mộc Thanh (Katthanagara), gần nơi đó Ngài có tịnh cư một lúc trước.

Vừa ra khỏi làng, bỗng nghe trong rừng vọng ra tiếng hát của một người đàn bà (itthī) đang mót củi. Vị Sư trẻ phát động tình xuân, luyến ái tiếng hát của người phụ nữ.

(Nói về năng lực làm cho toàn thân của người nam xao xuyến mê ly thì không có thứ âm thanh nào mãnh liệt cho bằng tiếng hát ru hồn của người phụ nữ). Cho nên Đức Thế Tôn đã có lần khuyến cáo:

“Nāhaṃ bhikkhave aññaṃ ekasaddampi samanupassāmi yo evaṃ purisassa cittaṃ pariyādāya tiṭṭhati yathayidaṃ bhikkhave itthīsaddoti”. (Aṅguttara nikāya I)

“Này các Tỳ Khuru! Như Lai biết chắc là không hề có một thứ thanh âm nào khác có năng lực chiếm đoạt trọn vẹn quả tim của một người nam, ngoài thứ thanh âm này: Đó là âm thanh (tiếng nói) của người nữ vậy” (Tăng Chi kinh I).

Mê mẩn vì giọng hò tiếng hát ấy. Vị Sa Di buông rơi đầu gậy, vừa bạch với vị Trưởng Lão rằng: “Xin Sư cứu đừng delay chờ, con đi có chút việc..”. Nói đoạn ông ta đi ngay đến chỗ người nữ, cô này ngưng ngang tiếng hát khi thấy ông Sa Di và ông ta phá giới, làm hư phạm hạnh (Silavipatti) với người phụ nữ ấy.

Vị Trưởng Lão đứng một mình suy nghĩ: “Ta vừa mới nghe tiếng hát véo von rõ ràng là tiếng phụ nữ, sao bây giờ im bật lặng thinh. Chắc ông Sa Di này đã làm hư hỏng phạm hạnh”.

Sau khi rồi việc tư riêng, Tế Hộ trở lại bạch với Trưởng Lão:- Bây giờ mình lên đường đi Sư cứu.

Khi ấy Trưởng Lão mới hỏi: “Này ông Sa Di, ông đã làm chuyện tội lỗi rồi phải không?”.

Vị Sa Di nín thinh, đầu bị cật vấn nhiều lần vẫn không đáp lời chi cả. Vị Trưởng Lão bèn nói: - Kẻ phạm tội như ông, không bao giờ Ta cho nắm giữ gậy của Ta.

Vị Sa Di trẻ kinh hoàng hối hận, liền cởi xả bộ y vàng, mặc lại bộ đồ của hàng cư sĩ. Rồi ông nói:

- Bạch Sư cứu! Khi trước con là một Sa Di, nhưng bây giờ con đã xả giới hoàn tục (gihjāto), con chỉ miễn cưỡng xuất gia vì e ngại đường xá hiểm trở, chớ thật lòng con không có ý muốn đi tu luôn. Thôi bây giờ cậu cháu mình hãy đi cho khỏi chốn này.

- Ông bạn (āvuso) cứ đi, Trưởng Lão nói: Hễ kẻ nào làm tội thì đã là kẻ phạm tội, dù là cư sĩ hay bậc xuất gia cũng vậy. Khi còn là Sa Di ông đã không giữ tròn phạm hạnh, bây giờ hoàn tục ông sẽ làm được việc thiện gì sao? Một kẻ tội phạm như ông, không bao giờ Ta cho nắm giữ gậy của Ta.

- Bạch Sư cứu! Đoạn đường này có nhiều phi nhơn khuấy nhiễu mà Sư cứu lại mù lòa, làm sao ở lại nơi đây một mình cho được.

Khi ấy Trưởng Lão đáp:

- Này ông bạn, ông chớ lo chi điều ấy, Ta sẽ nằm đây chờ chết, hoặc đi lang thang một mình đây đó cũng mặc kệ ta, còn đi chung với ông nữa, chuyện ấy chắc chắn không thể có đâu mà hòng...

Ngẫu hứng Trưởng Lão tiếp ngâm luôn mấy câu kệ rằng:

“Handāhaṃ hatacakkhusmi

Kantāraddhānamāgato

Sayamāno na gacchāmi

Natthi bāle sahāyatā”.

“Handāhaṃ hatacakkhusmi

Kantāraddhānamāgato

Marissāmi no gamissāmi

Natthi bāle sahāyatā”.

“Than ôi mắt đã bị mù!

Đường còn xa vắng, âm u lạnh lùng.

Thà nằm giữa chốn mông lung,

Quyết không kết bạn, đi cùng đũa ngu”.

“Than ôi mắt đã bị mù!

*Đường còn xa vắng, âm u lạnh lùng.
Đành liễu thân, chịu mạng chung,
Quyết không kết bạn, đi cùng đũa ngu”.*

Nghe qua bài kệ, Tể Hộ càng thêm kinh hoàng, hối hận kêu lớn mấy tiếng: “Hỡi ơi! Việc quấy rầy của ta làm, quả thật nặng nề ác liệt”. Rồi tự ôm chầm lấy hai vai, chàng khóc than rên rĩ và đi tuốt vô rừng biệt dạng.

Khi ấy, trên cung trời Đao Lợi, Đúc Thiên Vương Đế Thích (Sakka) đang ngự trên chiếc ngai bằng thạch anh vàng, có màu tươi như hoa hồng nhung (jayasumana), có thể tự động hạ xuống hay vươn lên tùy lúc đức vua Trời ngôi hay đứng. Chiếc ngai ấy bị ảnh hưởng oai lực giới đức cao độ của vị Trưởng Lão nên bỗng nhiên phát nhiệt. Đúc Đế Thích nói thầm: “Kẻ nào muốn truất ngôi ta đây kìa”. Đoạn Ngài dùng Thiên nhân (Dibbacakkhu) quan sát thấy vị Trưởng Lão.

Người xưa (Porāṇā) có bài thơ vịnh rằng:

*“Sahassanetto devindo
Dibbacakkhūṃ visodhayi
Pāpagarahī ayam Pālo
ājīvaṃ parisodhayi”.*
*“Sahassanetto devindo
Dibbacakkhūṃ visodhayi
Dhammagaruko ayam Pālo
Nisinno sāsane ratoti”.*

*“Vua Trời ngàn con mắt,
Giữ “mắt thần” trong sạch.
Thánh Hộ lánh tội tình,
Sống đời tu khiết bạch.
Chúa Trời ngàn con mắt,
Gìn Thiên nhân trong sạch.
Sư Hộ trong giáo điều,
Vui đạo ngôi tự đắc”.*

Khi ấy, đức Đế Thích nghĩ thầm: “Nếu ta bỏ qua không tiếp độ một người có tâm trong sạch, biết ghê sợ tội lỗi, tôn trọng giới luật như vị Sư này, chắc có lẽ đầu ta nứt bể thành bảy mảnh. Ta phải xuống đó giúp người mới được”. Thế rồi:

*Sahassanetto devindo
Devarajjasirīdharo
Tam Khaṇena āgantvā
Cakkhupālaṃ upāgami”.*

*Ngọc Đế ngàn con mắt,
Cao sang nhất cõi trời.
Phút chốc đến tận nơi,
Sư Hộ mù đôi mắt.*

Khi đáp xuống cách chỗ Trưởng Lão Đại Hộ không xa, đức Đế Thích nhấn mạnh bước chân cho nghe tiếng xào xạc. Trưởng Lão bèn hỏi: “Ai đó?”.

- Bạch Ngài! Tôi đây, tôi là một khách lữ hành.
- Ông Thiện nam! Ông đi đâu vậy?
- Bạch Ngài! Tôi về thành Sāvattihī.
- À thôi! Ông bạn đi đi.
- Bạch Ngài! Còn Ngài đi đâu?
- Ta cũng sẽ về nơi đó.
- Nếu vậy thì tiện quá. Bạch Ngài, ta hãy cùng đi một lượt cho vui.

- Ta yếu đuối, đi chung với Ta sẽ trở ngại, phiền phức cho hiền hữu lắm.

- Bạch Ngài! Không sao, tôi đi đây không có chuyện gì cần kíp. Và lại, cùng đi với Ngài tôi có thể thực thi phần nào trong mười việc thiện để bòn chút phước báu, thôi ta hãy cùng nhau lên đường.

Trưởng Lão Đại Hộ tự nghĩ: “Ông này chắc là là một nhà hảo tâm quân tử chẳng sai”. Rồi Ngài nói:

- Vậy thì, ông Thiện nam, hãy cầm lấy một đầu gậy của Ta.

Đức Đế Thích vâng lời vị Trưởng Lão, rồi dùng phép thu đất, rút ngắn con đường, cho nên sáng hôm sau hai khách lữ hành đã đến Đại Tự Kỳ Viên. Khi nghe tiếng công, tiếng sáo rộn rã, Trưởng Lão hỏi đức Đế Thích:

- Đây là đâu mà nghe tiếng tiêu thổi nhạc trời vậy?

- Bạch Ngài! Đây đã tới thành Sāvattihī.

- Ủa! Sao lúc trước Ta đi với chư Tỳ Khưu lâu lắm mới tới đây mà.

- Dạ! Tại vì tôi biết một lối đi tắt đó, bạch Ngài.

Ngay lúc ấy, hốt nhiên Trưởng Lão tự hiểu biết rằng: “Ông này không phải là người ta, chắc có lẽ là một vị Chư Thiên”.

Quả thật:

“Sahassanetto devindo

Devarajjasirīdharo

Saṅkhipintvāna tam maggam

Khippam Sāvattihimāgamī”.

“Ngọc Đế ngàn con mắt,

Cao sang nhưt cõi Trời.

Thâu đường ngàn dặm khơi,

Đến Vệ Thành tức khắc”.

Đức vua Trời dẫn vị Trưởng Lão đến cái cốc lá của Trưởng giả Tiểu Hộ đã cất riêng cho anh mình về ở tịnh. Dìu Trưởng Lão ngồi xuống một cái đôn, rồi biến hình hóa ra một người bạn thân thiết của Trưởng giả Tiểu Hộ, đến trước, và ông kêu lớn:

- Bạn Tiểu Hộ ơi!

- Chuyện chi đó bạn?

- Bạn có biết tin Trưởng Lão đã về đây chưa?

- Chưa biết, nhưng có phải thật Trưởng Lão đã về đây không?

- Thật mà! Chính tôi vừa đến Tịnh xá, thấy Trưởng Lão ngồi ngoài cái cốc lá mà bạn cất cho Ngài, kể về qua đây.

Nói rồi, đức Đế Thích đi luôn.

Trưởng giả Tiểu Hộ đi đến Tịnh xá, gặp mặt Trưởng Lão Đại Hộ thì nửa mừng nửa tủi, nằm lăn xuống đất bên chân Trưởng Lão mà khóc nức nở và nói:

- Trước kia em đã hết sức cảm cảm mà Ngài không nghe, để bây giờ chịu khổ như vậy.

Sau những lời hàn huyên an ủi của người anh bất hạnh của mình, Trưởng giả về nhà chọn lựa hai đứa tiểu đồng, đưa đến cho xuất gia Sa Di làm đệ tử của Trưởng Lão, rồi giao phó cho chúng phận sự trông nom, phục dịch thầy Tế Độ, và dặn thêm rằng:

- Hai Sư mỗi ngày đi bát, thọ lãnh cháo cơm vật thực đem về dâng lên Trưởng Lão nghe!

Hai vị Sa Di nhỏ vâng lời, chăm lo tất cả mọi việc trong tịnh thất và hộ độ Trưởng Lão rất chu đáo.

Một ngày kia, có nhóm Tỳ Khưu ở phương xa về Kỳ Viên để yết kiến Đức Bốn Sư, về đến nơi đành lễ Đức Thầy và ra mắt tám mươi vị Đại Trưởng lão xong, Chư Tăng cùng nhau đi tản bộ trong

vòng Tịnh xá, gần đến tịnh thất của Trưởng Lão Đại Hộ, Chư Tăng rủ nhau: “Chiều nay ta cũng nên đến thăm Trưởng Lão một chút”.

Nhưng chiều tối, lúc Chư Tăng sắp sửa đi thăm Trưởng Lão thì trời vẫn vũ, mưa to gió lớn nổi lên khiến Chư Tăng phải quay trở lại và hẹn nhau: “Bây giờ trời đã tối, mà mưa bão tới nơi rồi, thôi để mai sáng ta hãy đi thăm Trưởng Lão”.

Mưa tuôn xối xả từ canh đầu đến canh giữa mới tạnh.

Trưởng Lão Đại Hộ bản tánh chuyên cần tinh tấn, năng đi kinh hành nên đến canh cuối đã xuống chỗ kinh hành, không ngờ lúc ấy từ dưới lòng đất ướn lạnh vì trận mưa đầu hôm, mấy con mối cánh chùng lên cả đàn cả lũ, vị Đại đức đi đi lại lại đạp chết rất nhiều. Hai ông Sa Di chưa kịp quét dọn chỗ Trưởng Lão kinh hành ấy. Khi các khách Tăng đến viếng chỗ ngụ, thấy xác mối mới chết còn nằm la liệt trên đường kinh hành, bèn hỏi:

- Ai vừa mới đi trên đường nầy vậy?

- Bạch chư Trưởng Lão, đó là Trưởng Lão thầy của chúng tôi. Hai vị Sa Di đáp.

Chư Tăng bất mãn, buông lời khiển trách rằng: “Chư hiền hữu hãy coi! Hành vi của ông Sa Môn nầy, khi còn sáng mắt ông ta cứ nằm mãi không làm chi hết, để bây giờ với đôi mắt mù, ông ta lại tính “Ta đi kinh hành”, rồi sát hại bấy nhiêu chúng sanh đó. Miệng ông ta nói: “Ta sẽ hành động đúng đắn, lợi ích” nhưng việc làm của ông ta thì không đúng đắn, lợi ích chút nào!”.

Thế rồi, Chư Tăng đem chuyện nầy bạch Đức Như Lai:

- Bạch Ngài! Trưởng Lão Đại Hộ tính thâm “Ta sẽ đi kinh hành”, rồi giết rất nhiều chúng sanh.

- Chính mắt các ông có thấy ông ta giết chết những chúng sanh ấy hay không?

- Bạch Ngài! Chúng con không thấy.

- Các ông không thấy ông ta như thế nào, thì ông ta cũng không trông thấy những chúng sanh kia như thế ấy. Nầy các Tỳ Khưu, các bậc đã dứt trừ lậu hoặc không còn tác ý sát sanh.

- Bạch Ngài! Trưởng Lão Đại Hộ có đầy đủ căn lành để đắc quả A La Hán như thế, tại sao còn phải chịu mù?

- Nầy các Tỳ Khưu! Đó là tiền nghiệp bất thiện của ông ta vậy!

- Bạch Ngài! Chẳng hay Trưởng Lão đã tạo nghiệp gì?

- Nầy các Tỳ Khưu! Các ông hãy lắng nghe đây:

- Thời quá khứ, dưới triều của quốc vương Bārāṇasi đang trị vì tại thành Bārāṇasi, có một ông y sĩ du phương, trải đi khắp nơi trong xứ, từ thành thị đến thôn quê, để hành nghề nuôi mạng, khi gặp một phụ nữ đau mắt, ông ta hỏi:

- Bà chị có bệnh phải không?

- Dạ! Mắt tôi đau không thấy đường.

- Đâu đưa tôi xem thử.

- Dạ đây! Thầy coi liệu chữa trị được không?

- Nếu tôi trị hết bệnh, bà chị trả công thuốc cho tôi bao nhiêu?

- Dạ! Nếu thầy làm sao cho mắt tôi sáng lại như thường, tôi tình nguyện đưa cả con gái đến làm tôi mọi cho thầy suốt đời.

- Được lắm.

Nói rồi, y sĩ lo chế thuốc nhỏ mắt trao cho phụ nữ ấy, chỉ nhỏ có một lần thuốc, mắt bà ta đã thấy rõ lại như thường, nhưng bà ta suy tính ngấm ngấm: “Mình trót hứa đem cả con gái đến làm tôi đòi cho ông thầy thuốc, nhưng e rồi đây thế nào ông ta cũng nặng nhẹ khó dễ, hành hạ mẹ con mình, chi bằng kiếm lời tráo trở đối gạt ông ta là hơn”.

Vì thế, lúc y sĩ đến nhà hỏi thăm bệnh tình: “Mắt bà chị hôm nay ra sao?”. Phụ nữ ấy đáp: “Lúc trước chỉ hơi đau sơ sơ chút ít thôi, còn bây giờ thì nhức nhối quá chừng quá đỗi”.

Vị y sĩ nghĩ thầm: “Mụ này muốn gạt ta để quyết số tiền công thuốc của ta đây. Ta chẳng cần đòi số tiền thù lao của mụ, nhưng ta sẽ làm cho hai mắt của mụ mù luôn cho hết nói dối”.

Ông y sĩ về nhà, có thuật câu chuyện trên đây cho vợ nghe, nhưng vợ ông ta làm thinh không phát biểu ý kiến gì cả. Ông bèn chế ra một thứ thuốc có sức công phạt rất mạnh, đi ngay đến nhà phụ nữ nói dối, giục thúc rằng: “Bà chị hãy nhỏ thứ thuốc này liền bây giờ đi”.

Nhỏ thuốc vừa xong, hai con mắt của phụ nữ tắt lịm ánh sáng, y như ngọn đèn hết dầu.

Ông thầy thuốc có dã tâm ấy là Tỳ Khuru Hộ Nhãn hiện nay vậy. Này các Tỳ Khuru! Nghiệp ác chưa trả quả vẫn đeo đuổi con của Như Lai mãi cho đến hết kiếp này. Vì nghiệp ác luôn luôn theo đuổi theo kẻ làm ác, y như bánh xe theo sát gót chân con bò kéo xe vậy.

Sau khi chấm dứt câu chuyện tiền khiên, chỉ rõ mối tương quan chặt chẽ giữa nhân và quả, Đức Chánh Pháp Vương xướng lên bài kệ như sau đây, chẳng khác gì một vị Hoàng Đế đóng ấn Ngọc tử lên trên chỗ đất xi (patiṭṭhapitamattika) để niêm phong một bức cảm nang từ Thánh chỉ:

*“Tâm đi trước thọ, tưởng, hành,
Tâm là chủ pháp, tâm thành nghiệp duyên.
Ai mà tâm dục (chẳng hiền),
Nói làm chi cũng lụy phiền theo sau.
Chân con vật kéo nơi nào,
Bánh xe lăn cũng theo sau đành rành”.*

CHÚ GIẢI:

*Tâm (1) đi trước (2) các pháp (3),
Tâm chủ (4) duy tâm tác (5);
Nếu bằng tâm như dục (6),
Nói năng hoặc hành vi (7),
Khổ sẽ theo người (8) như,
Bánh xe chân bò giật (9).*

(1) Tâm hay ý (mano) trong kệ ngôn này chính là tâm (citta) trong Thắng Pháp tập yếu (Abhidhammatthasaṅgaha), theo đó phân loại thì có Tứ địa tâm (Catubbhūmikacitta), là tâm trong bốn giới, nhất là Dục giới bất thiện tâm (Kāma vacarakusalacitta) nếu y cứ theo tâm của vị y sĩ, phát sanh lên trong lúc tạo nghiệp ác mà định nghĩa cho phân minh chính xác, thì chữ tâm trong câu Pháp Cú này là tâm Câu hữu ưu tương ông hận (domanassasahagatampāṭigha-sampayuttaṃ cittaṃ).

(2) Đi trước (pubbaṅgamā), nghĩa là dẫn đầu và đi chung một thể.

(3) Các pháp (Dhammā), căn cứ trên đặc tánh không phải là chúng sanh (Nissatta) không có mạng sống (Nijjīva). Theo nghĩa tổng quát trong Kinh Tạng thì có bốn pháp tất cả là: Pháp (Dhamma-thiện tâm); phi pháp (Adhamma- bất thiện tâm) và hai Dị thực quả tâm (Vipākacitta). Có Phật ngôn giải về đặc tính các pháp như sau:

*“Na hi dhammo adhammo ca
Ubho samavipākino
Adhammo nirayaṃ neti
Dhammo papeti sugatinti”.*

*“Pháp cùng phi pháp chẳng đồng,
Thì tâm dị thực cũng không ngang hàng.
Pháp đưa lên cõi thiên đàng,
Phi pháp dất xuống suối vàng âm ti”.*

Ngoài ra chữ Pháp có nhiều nghĩa khác nữa, chẳng hạn như: Trong kinh có chỗ Đức Phật nói: “Này chư Tỳ Khuru, Như Lai sắp thuyết cho các ông nghe thời pháp tuyệt diệu cả đoạn đầu..” thì chữ Pháp chỗ đó có nghĩa là bài thuyết pháp.

Ở một chỗ khác Đức Phật nói: “Này các Tỳ Khuru, nơi đây có một số con nhà gia giáo (Kulaputta) đã học thuộc lòng pháp.” thì chữ Pháp ở đây có nghĩa là Phật ngôn, Kinh kệ, gọi chung là Pháp Bảo vậy.

Cũng có chỗ Đức Phật nói: “Có những pháp, có những uẩn..”. Thì những pháp ấy gọi là phi chúng sanh pháp (Nissattadhammo). Những pháp vô sanh mạng (Nijjivadhammo) cũng đồng một nghĩa lý như thế.

Giải rộng ra thêm nữa, thì những pháp có hai đặc tính trên đây gồm có ba Vô sắc uẩn là: Thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn.

Tâm (tức là thức uẩn) dẫn đầu tất cả những Tâm sở kia, cho nên có tiếng nói là tâm đi trước các pháp.

Vì sao đồng đi chung với các sở hữu tâm (Cetasikā) đồng một vật (Vatthu), đồng một cảnh (ārammaṇa), đồng sanh lên trong một sát na (Ekakhana) mà gọi là tâm đi trước.

Vì do tâm làm duyên sanh khởi các pháp vậy, cũng ví như có nhiều kẻ cướp đồng một lượt xông vào giết hại cướp bóc trong làng xã chẳng hạn, thì thử hỏi: “Ai là kẻ cầm đầu bọn cướp lúc đó?”. Cố nhiên kẻ làm duyên khởi cho chúng nương theo mà tạo nghiệp cướp bóc ấy, kẻ ấy đầu là bạn hay cái chi cũng có thể gọi là kẻ cầm đầu. Ta nên trả lời câu hỏi trên đây một cách đầy đủ như vậy.

Do lẽ làm duyên khởi cho các Pháp sanh lên mà gọi là tâm đi trước các Pháp. Quả thật không bao giờ các Pháp sanh lên khi tâm chưa sanh, nhưng trái lại tâm vẫn sanh lên được mặc dù có một vài nhóm sở hữu tâm chưa sanh.

(4) Tâm chủ (Manosetthā): Do vì tâm làm chúa các pháp Vô sắc nên nói là tâm chủ. Theo ví dụ trên, tên đầu đảng của bọn cướp là chúa tướng, là chủ của bọn chúng như thế nào, thì nơi đây tâm ác là chỉ các pháp (ác) cũng như thế.

(5) Duy tâm tác (Manomayā): Khi ta dùng gỗ chẳng hạn, để sản xuất các thứ đồ mộc khác nhau, nhưng tựu trung cũng chỉ là của gỗ là bản chất, ta quen nói là các món đồ gỗ ấy làm bằng gỗ (dārumayā) cũng đồng một cách như thế, các pháp Vô sắc đều do tâm mà ra, có tâm là bản thể, ta cũng gọi là pháp làm bằng tâm hay duy tâm tác.

(6) Nếu bằng tâm như đục (Manasā ce paduṭṭhena) là bằng tâm vừa mới bị những sở hữu tâm khách như tham, sân chẳng hạn xâm nhập, làm cho nhiều chỗ nhiễm ô, như đục.

Quả nhiên, tâm bình thường (Pakatimano) tức là Hữu phần tâm (Bhavaṅgacitta), tự tánh vốn trong sạch chưa bị nhiễm ô (tánh bổn thiện), nhưng một khi đã bị sân hận (Dosa), nhứt là tham lam (Abhijjhā) gia nhập làm cho trở nên như đục, không còn là tâm bình tịnh, nhứt là Hữu phần như trước, chẳng khác nào là một dòng nước trong bị những màu bất khiết, nhứt là màu chàm mới vừa lẫn vào làm cho biến sắc, thành ra nước sanh chàm (Nīlodaka) không còn là nước thuần chất, cũng không còn trong sạch như thuở ban đầu vậy.

Đức Thế Tôn có dạy rằng: “Pabhassaramidaṃ bhikkhave cittaṃ tañca kho āgantukehi upakkilesehi upakkilittanti”.

“Nầy các Tỳ Khưu! Tâm nầy bản chất tịnh quang sáng suốt, nhưng bị các pháp mới ô nhiễm xâm nhập, làm cho trở nên như đục”. Từ ngữ “bằng tâm như đục” có ý nghĩa như thế.

(7) Nói năng hoặc hành vi (Bhāsati và karotivā) kẻ có sẵn tâm ác, hể mở miệng nói ra lời là phạm nhằm bốn tội về khẩu ác hạnh (Vacīduccarita), bằng như ra tay hành động thì phạm nhằm ba tội về thân ác hạnh (Kāyaduccarita) nhược bằng làm thình không nói, không làm đi nữa cũng phạm nhằm ba tội về ý ác hạnh (Manoduccarita), tất cả tội ác chung qui cũng đều do nơi tâm đã bị tham lam, oán thù, tà kiến làm cho như đục mà ra. Lộ trình của mười nghiệp bất thiện (Dasa akusalakammamāpatha) trải đi tròn đủ qua ba cửa thân, khẩu, ý là như thế.

(8) Khổ sẽ theo người: (Tato nam, dukkham anveti), kẻ thủ phạm tạo ba ác hạnh từ lúc nào thì sự khổ bắt đầu theo dõi kẻ ấy từ lúc đó, do năng lực của ác hạnh, kẻ ấy sẽ sa xuống bốn ác đạo (Apāya), hoặc trở lại làm người thế gian, nhưng trong đời kiếp nào, thân căn và cả các căn khác tức là những sở hữu tâm liên hệ với thân căn đã giải rành mạch trên đây của kẻ ấy cũng bị quả khổ theo sát một bên.

(9) Như bánh xe theo chân bò giật (Cakkam và vahato padam). Thường thường bò tơ mới tập giật (kéo xe), thì hay tháo trút, tánh còn hung hăng, khi bị mắc cổ vào ách thì chạy vụt đi, lôi cả chiếc xe chở đồ nặng, ý muốn tự do như trước, nhưng nào có được, con bò ấy đầu cho kéo một ngày, hai ngày, năm ngày, mười ngày hay nửa tháng cũng không thể nào tách rời ra chiếc bánh xe đang lăn phía sau, mỗi khi con bò muốn vươn mình tới trước thì bị cái ách đè nặng trên cổ, không cho vượt

qua, còn muốn thụt về phía sau thì bị bánh xe đung cọ vào thịt đùi không cho lùi lại, thành thử ra do hai lỗ ấy con bò đành chịu để cho hai bánh xe cứ mãi theo sát hai bên chân của nó vậy.

Con người có tâm như đực, đã làm tất cả ba ác hạnh rồi, nhứt định phải sa vào ác đạo như địa ngục chẳng hạn, là nơi mà vì gốc ác hạnh, cả thân tâm của người ấy đều bị tội khổ đuổi theo.

□

Kệ ngôn vừa dứt nhiều vị Tỳ Khưu đắc quả A La Hán với Tuệ Phân tích, kỳ dư thính chúng câu hội nơi ấy đều được chứng quả, nhờ nghe thời pháp của Đức Bổn Sư.

DỨT TÍCH TRƯỜNG LÃO CAKKHUPĀLA

DỊCH GIẢI CẢN ĐỀ

*Vì tâm niệm ác lúc chưa tu,
Thánh Hộ đời nay phải chịu mù.
Chế thuốc cho người công chẳng thí,
Dùng mưu hại chúng tội đành bù.
Nhân gieo ý chí vui vài phút,
Quả hái thân còn cực mấy thu.
Sớm biết hồi đầu lo giải thoát,
Rắn lòng, chẳng trễ buổi công phu.*



I. 2- CHUYỆN CẬU MATṬHAKUṆḌALI (Matṭhakuṇḍalivatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 02)

<i>“Manopubbaṅgamādhamaṃ</i>	“Tâm đi trước các pháp,
<i>mano setṭhā manomayā</i>	Tâm chủ, duy tâm tác.
<i>Manasā ce pasannena</i>	Nếu bằng tâm trong sạch,
<i>bhāsati vākaroti vā</i>	Nói năng hoặc hành vi.
<i>Tato nam sukhamanveti</i>	Phúc lạc sẽ theo người,
<i>chāyāvā anupāyīnīti”.</i>	Như bóng theo hình thật”.

Kệ Pháp Cú thứ nhì cũng được thuyết tại thành Sāvattṭhī, nhưng để cập đến cậu Matṭhakuṇḍali (Matṭha-kuṇḍali).

Tương truyền rằng: Thuở ấy, tại thành Sāvattṭhī, có ông Bà la môn tên là Vị Tàng Thí (Adinnapubbaka). Ông ta chưa hề bố thí cho ai chút gì, nên người đời gán cho ông cái biệt danh như thế.

Ông ta có một đứa con trai duy nhứt mà ông ta rất thương yêu triu mến, ông ta muốn đặt thợ bạc làm một món đồ trang sức cho cậu trai cưng, nhưng lại đắn đo suy nghĩ rằng: “Nếu ta đưa vàng cho thợ làm thì phải mất tiền trả công cho thợ”. Suy tính như vậy rồi, ông ta lấy vàng ra tự tay đập, uốn thành một đôi vòng tai bằng vàng cho cậu con đeo. Do đó, cậu công tử nầy được mệnh danh là Matṭhakuṇḍali.

Cậu Matṭhakuṇḍali lúc lên mười sáu thì bị mắc bệnh huỳnh đản (Paṇḍurogo). Mẹ cậu nhìn cậu, rồi kêu chổng:

- Nầy ông Bà la môn, con trai ông mang bệnh rồi đó! Ông lo rước thầy chữa bệnh cho nó đi.

- Bà ơi! Nếu ta rước thầy chạy thuốc thì ta phải tốn tiền công tiền thuốc. Bà chẳng dòm ngó đến tài sản của ta, muốn cho dễ bị sút mẻ hao hót hay sao?

- Ta tính cách nào, miễn là không hao hót sút mẻ tài sản của ta thì thôi.

Nói xong, ông Bà la môn đến viếng nhiều vị lương y lần lượt hỏi thăm: “Gặp bệnh nhân như phát chứng như vậy, như vậy đó, thường quý thầy cho uống thứ thuốc chi?”.

Các y sĩ điếm chỉ cho ông ta thứ nọ, thứ kia, như là vỏ cây chẳng hạn. Ông ta nghe lời đi kiếm mấy thứ ấy đem về sắc làm thuốc cho con trai ông uống. Mặc dầu đã xoay đủ cách, bệnh tình của cậu con trai Maṭṭhakuṇḍali đã không thuyên giảm mà còn trở nên trầm trọng nan y. Đến khi thấy con trai đã kiệt quệ, ông Bà la môn mới cho mời thầy lang đến, nhìn thấy khí sắc của bệnh nhân, thầy thuốc nói:

- Tôi bữa nay bận quá! Xin tôn huynh cảm phiền rước thầy thuốc nào khác đến coi mạch, hốt thuốc cho cậu ấy.

Kiểm có chạy bệnh như thế rồi, ông y sĩ vội vã rút lui.

Ông Bà la môn nhìn con mình sắp chết, lại tính thầm rằng: “Nếu cứ để nó nằm ở đây, ai đến thăm viếng nó cũng đều ngó thấy đồ đạc của cải trong nhà ta hết. Ta phải đem nó ra nằm ngoài mới được”.

Tính rồi, ông sai người đem cậu con trai ra đặt nằm ngoài mái hiên hàng ba.

Ngày ấy, vừa sáng tinh sương, Đức Thế Tôn xuất Định đại bi, dùng Phật nhãn quan sát thế gian, bủa lưới Chánh giác bao trùm khắp cả mười ngàn cõi Ta bà để tìm xem kẻ nào đã từng phát nguyện từ thời Chư Phật quá khứ, kẻ nào có đầy đủ căn lành đáng được tiếp độ.

Hình ảnh cậu Maṭṭhakuṇḍali bị đem nằm bỏ dưới mái hiên lọt vào Giác võng của Đức Thế Tôn, vừa thấy cậu Maṭṭhakuṇḍali Đức Thế Tôn biết ngay là cậu bị đem ra khỏi nhà, bỏ nằm ngoài mái hiên như thế. Đức Thấy tự vấn: “Cậu bé này có đầy đủ duyên lành để Như Lai tiếp độ không?”.

Ngài liền thấy biết như sau: “Cậu bé này sẽ đặt niềm tin trong sạch nơi Ta!”, rồi nhắm mắt từ già cõi đời, sanh lên cõi Trời Đao Lợi ở trong một tòa Kim điện có cả đoàn Thiên nữ theo hầu”.

Vị Chư Thiên sau khi ngắm nhìn thân mình mới mẻ của mình, cao đến ba phần tư dặm (12 cây số), đeo giắt những đồ trang sức có thể chất đầy năm mươi cỗ xe bò, có hàng ngàn Thiên nữ châu chực chung quanh thì tự nghĩ: “Do nhờ nghiệp lành nào mà ta hưởng quả vinh hạnh này đây”.

Khi quán xét thấy rõ nhờ tâm trong sạch đối với Như Lai mà được phước ấy rồi, vị Chư Thiên nhớ đến cha cũ của mình, tự nhủ rằng: “Thân phụ ta vì sợ sút mẻ tài sản mà không dám rước thầy trị bệnh cho ta, bây giờ lại ra mộ địa mà than khóc nhớ tiếc ta, để ta làm cho người thay đổi tính tình mới được”.

Vì tình phụ tử, vị Chư Thiên mới biến hình thành một thiếu niên giống hệt cậu Maṭṭhakuṇḍali, hiện xuống cách nơi mộ địa không xa, sẽ nằm xuống đất mà than khóc. Khi ấy ông Bà la môn sẽ hỏi: “Cậu là ai?”.

- Con là Maṭṭhakuṇḍali của cha đây mà.

- Con được sanh về cảnh giới nào?

- Ở Đao Lợi Thiên.

- Con đã tạo nghiệp gì?

Nghe cha hỏi vậy, Chư Thiên sẽ đáp là nhờ nơi có tâm trong sạch đối với Như Lai mà được siêu sanh. Ông Bà la môn sẽ đến chất vấn Như Lai: “Có người nào chỉ nhờ có tâm trong sạch đối với Ngài không thôi mà được siêu sanh về nhàn cảnh không?”.

Khi ấy, Như Lai sẽ đáp: “Chẳng những chỉ có hàng trăm, hàng ngàn, hàng trăm ngàn người như vậy, nhiều không thể đếm cho xiết”. Và Như Lai sẽ đọc bài Kệ Pháp Cú, khi dứt bài kệ tám muôn bốn ngàn chúng sanh sẽ tỏ ngộ Giáo Pháp Như Lai, Maṭṭhakuṇḍali sẽ chứng Nhập Lưu (Tu Đà Hoàn), cả ông Bà la môn cũng thế, ấy là do duyên lành của cậu công tử này mà đại chúng sẽ tỏ ngộ Chánh Pháp chẳng sai.

Đức Phật đã quán sát thấy rõ đầu đuôi câu chuyện diễn tiến như thế, nên sáng hôm ấy, sau khi tắm gội sạch sẽ, Ngài đắp y chỉnh tề cùng với đại chúng Tỳ Khuru vào thành Sāvattihī khát thực, rồi đi lần đến cửa ngõ ông Bà la môn.

Lúc bấy giờ, cậu Maṭṭhakuṇḍali đang nằm day mặt vô nhà, Đức Bổn Sư biết cậu thiếu niên không nhìn thấy kim thân của Ngài, nên Ngài phóng hào quang ra. Thiếu niên tự hỏi: “Ánh sáng gì đây?”, từ chỗ nằm cậu day mặt ra nhìn, liền thấy Đức Phật, cậu nói thầm một mình: “Ta mắc phải ông cha mù quáng si mê, thành ra không có cơ hội đến gần một bên Đức Phật như vậy để mà hầu hạ cúng dường vật thực hoặc nghe kinh, thính pháp. Bây giờ gặp được Ngài nhưng chân tay đã bị tê liệt, không cử động được, trông gì mạnh lại để làm những việc ấy”. Nghĩ rồi, thiếu niên đem hết lòng tin trong trắng hướng lên Đức Phật.

Đức Bổn Sư nói: “Thôi bấy nhiêu đủ rồi” và Ngài ngự đi luôn.

Cậu Maṭṭhakuṇḍali nằm nhìn theo mãi cho đến khi hình bóng của Đức Từ Phụ đã ra ngoài tầm mắt của cậu. Trong khi cậu đang trong sạch như thế, cậu tắt hơi luôn. Như một người mới ngủ thức giấc, cậu thác sanh lên cõi trời, ở trong một tòa kim ốc rộng đến ba mươi do tuần.

Ông Bà la môn thiêu xác con rồi, từ đó bỏ phế việc nhà, cứ ra mộ địa khóc lóc bi ai, mạch máu chẳng dứt. Mỗi ngày ông mỗi ra đó kêu gào kể lể: “Con trai duy nhất của ta đâu rồi?”.

Khi ấy, vị Chư Thiên kiếp trước là con của ông Bà la môn đang nhìn ngắm mọi vẻ huy hoàng tráng lệ của mình và tự hỏi: “Do nghiệp gì mà ta được như vậy đây?”.

Khi được biết là nhờ có tâm trong sạch đặt cả niềm tin nơi Đức Bổn Sư, vị Chư Thiên lại nói thầm: “Ông Bà la môn này, khi trước ta mang bệnh nặng, không dám bỏ tiền chạy thuốc cho ta, bây giờ lại ra mộ địa khóc than kêu réo. Ta phải lập cách cho ông chữa bỏ tật cũ mới được”.

Liền đó, vị Chư Thiên liền biến thành cậu Maṭṭhakuṇḍali trở lại, xuống gần chỗ mộ địa hỏa táng, đứng khoanh tay than khóc nức nở.

Ông Bà la môn trông thấy cậu con trai thì tự nói thầm: “Như ta vì thương nhớ con công mà than khóc đã đành, còn cậu nhỏ kia có việc gì mà cũng khóc lóc. Để ta hỏi thử cho biết”.

Rồi ông ứng tiếng ngâm bài kệ hỏi vị thiếu niên như vậy:

*“Alaṅkato maṭṭhakuṇḍali
Mālābhārī haricandanussado
Bāhā paggayha kandasi
Vanamajjhe kim dukkhito tuvanti..”.*

*Hỡi cậu tai đeo kim hoàn,
Mình đây hoa với huỳnh đàn thơm tho,
Khoanh tay rên rỉ nhỏ to,
Giữa rừng than khóc nguyên do khổ gì?*

Cậu trai liền đáp:

*“Sovaṇṇamayo pabhassaro
Uppanno rathapaṇjaro
Mama Tassa cakkayugaṇ na vindāni
Tena dukkhena jahissāmi jīvitanti”.*

*Tôi vừa mới được tức thì,
Chiếc xe không bánh vàng y sáng ngời,
Tôi tìm hai bánh hết hơi,
Khổ thân tôi phải lìa đời chết đi”.*

Khi ấy, ông Bà la môn hỏi lại:

*“Sovaṇṇamayaṃ maṇimayaṃ
Lohamayaṃ attha rūpiyamayaṃ
ācikkhame bhaddamāṇava
Cakkayugaṃ paṭilābhayāmi teti”.*

Bằng vàng, bằng ngọc ma ni,

Bằng đồng, bằng bạc, bằng gì nói ra.

Hỡi chàng son trẻ tài hoa,

Bánh xe đủ cặp, để ta cho chàng.

Nghe vậy, vị thiếu niên nghĩ thầm: “Ông này trước đã không dám rước thầy chạy thuốc cho con, bây giờ trông thấy ta giống tạc con ông, ông ta lại làm đồng nói cho, là sẽ cho ta cặp bánh bằng vàng ngọc..để ta hạ bót ông ta xuống cho ông ta hết lớn lối”.

Thiếu niên cất tiếng hỏi: “Ông định làm cặp bánh chùng bao lớn để lắp vào chiếc xe cho tôi?”.

“Cậu em muốn bao lớn cũng được, tùy ý”. Ông Bà la môn trả lời.

- Tôi muốn được mặt trời và mặt trăng. Cậu trai đáp, ông cho tôi hai mặt ấy đi.

Để năn nỉ xin xỏ:

Thiếu niên đáp lại vội vàng,

Mặt nguyệt, mặt nhật hai chàng sinh đôi,

Lấy làm hai bánh cho tôi,

Lắp xe vàng nọ, sáng ôi chi bằng.

Ông Bà la môn liền trách:

“Bālo Kho tvamasi māṇava

Yo tvam paṭṭhayase apatṭhiyam

Maññāmi tuvaṃ marissasi

Na hi tvam lacchasi candasuriyeti”.

“Rõ em khờ dại nghĩ rằng,

Em đòi những vật lãng nhãng khó lòng.

“Qua” nghi em sẽ mạng cùng,

Trời, trăng không thể đèo bồng một hai”.

Nhưng thiếu niên không chịu lép, hỏi vặn lại rằng: “Tôi khóc vì đòi những vật còn thấy bóng hình, còn ông đã khóc thương người đã cách âm dương. Tôi với ông, không biết ai là kẻ ngu khờ số một?”.

Thiếu niên ngâm luôn mấy câu kệ rằng:

“Gamanāgamanampi dissati

Vaṇṇadhātu ubhayattha vīthiyā

Peto kālakato na dissati

Ko nīdha kandatam bālyataroti”.

“Chúng còn hình bóng vắng lai,

Sắc màu còn thấy rọi hai bên đường.

Vọng mơ đâu thấy chán chường,

Khóc là ngu dại ai nhường hơn ai?”.

Nghe qua mấy lời biện bạch, ông Bà la môn như chợt tỉnh ngộ nghĩ thầm: “Cậu trai này nói đúng lý”, nên ông lên tiếng chịu thua:

“Saccam kho vadesi māṇava

Ahameva kandatam bālyataro

Candam vaya dārako rudam

Puttam kālakatābhipaṭṭhayanti”.

“Lời em quả thật chánh chơn,

Chính ta khóc dại khờ hơn em à!

Như đòi trăng, trẻ khóc la,

Ta đòi con đã ra ma mất rồi”.

Đến đây bỗng dung trút bỏ được nỗi sầu tư, nhờ nghe kịp những lời biện minh của người bạn trẻ, ông Bà la môn ngâm lên hai bài kệ tán dương ca tụng thiếu niên:

“ādittam vata mam santam

Ghatasittam va pavakam
Varina viya osincim
Sabbam nibbapaye daram
abbuhi vata me sallam
Sokam hadayanissitam
Yo me sokaparetassa
Puttalokam apanudi
Svham abbulhasallosmi
Sitibhutosmi nibbuto
Na socami na rodami
Tava sutvana manavati”.

“Lúc trước tâm ta tợ lửa lò,
Còn châm dầu nữa, cháy thêm to.
Em đem nước tưới lên lò lửa,
Lửa tắt: lòng ta hết khổ lo,
Em nhổ dùm ta mũi tên trù,
Cho lòng ta trắng hận ngàn thu,
Cho ta hết khổ sầu con chết,
Chẳng thế ta nào sống được ru.
Tên khổ trong tâm nhổ sạch rồi,
Giờ ta hạnh phúc biết an vui,
Nhờ nghe giác đắc lời trai trẻ,
Thôi dứt sầu thương, khóc cũng thôi”.

Kế đó, ông Bà la môn hỏi tiếp thiếu niên rằng:

- Cậu là ai?

“Devata nusi gandhabbo
adu sakko purindado
Ko va tam kassava putto
Katham janemu tam mayanti”.

Cậu em là Càn Thát Bà,
Là vua Đế Thích hay là Chư Thiên.
Là ai? Con kể lạ, quen?
Làm sao cho lão biết tên thử nào?

Thiếu niên đáp:

“Yanca kandasi yanca rodasi
Puttam alahane sayam dahitva
Svham kusalam karitvana kammam
Tidasanam sahyatam pattoti”.

Chính con ông khóc ông gào,
Ông đem thiêu xác bỏ vào rừng hoang.
Con nhờ thiện nghiệp thế gian,
Sanh lên Đạo Lợi dự hàng Chư Thiên”.

Khi nghe Chư Thiên cho biết nguyên do như thế, ông Bà la môn hỏi nữa rằng:

“Appam va bahum va naddasama
Danam dadantassa sake agare
Uposathakammam va tadisam
Tena kammena gatosi devalokanti”.

“Ta không thấy trẻ chuyên cần,
Cúng dường nhiều ít làm duyên tại nhà,
Bát quan trai chẳng giữ qua,

Sanh lên thiên giới được là do đâu?”

Thiếu niên giải thích rằng:

“*ābādhikohaṃ dukkhito gilāno
ātūrarūpomhi sake nivesane
Buddhaṃ vigatarajaṃ anomapaññaṃ
Addakkhiṃ sugataṃ anomapaññaṃ
Svāhaṃ muditamano pasannacitto
añjaliṃ ākaṃ tathāgatassa
Tāhaṃ kusalaṃ karitvaṃ kammaṃ
Tidasānaṃ saḥabyataṃ pattoti*”.

“Nghĩ thân bệnh hoạn khổ sâu,
Nằm nhà còn những lo âu não phiền.
Thấy Phật vô nhiễm vô khiên,
Thiện Thệ diệu trí hóa duyên qua đường.
Tâm con phấn khởi lạ thường,
Chấp tay tưởng Phật cúng dường đức tin.
Tâm thành là nghiệp siêu sinh,
Bạn cùng Đạo Lợi, thiên đình quốc vương”.

Trong khi nghe qua những lời giảng giải của vị Chư Thiên, ông Bà la môn phát sanh phỉ lặc khắp cả châu thân, để tỏ niềm hân hoan, ông ngâm lên bài tán thán:

“*Acchariyaṃ vata abbhutaṃ
añjalikammaṃ ayamādiso vipāko
Ahampi muditamano pāsannacitto
Ajjeva buddhaṃ saranaṃ vajāmīti*”.

“Thật là huyền diệu phi thường,
Chấp tay là nghiệp, quả dường thế ư?
Tôi cũng đem hết tâm tư,
Qui y Phật Bảo kể từ hôm nay”.

Thấy ông Bà la môn đã có Chánh Kiến, thiếu niên bèn dạy ông rằng:

“*Ajjeva buddhaṃ saranaṃ vajāhi
Dhammañca saṅghaṃca pasannacitto
Tatheva sikkhāpadāni pañca
Akhaṇḍaphullāni samādiyassu
Pāṇātipātā viramassu khippaṃ
Loke adinnaṃ parivajjayassu
Amajjapo no ca musā bhaṇāhi
Sakena dārena ca hoti tuṭṭhoti*”.

“Hôm nay ông có tâm thành thật,
Hãy quy y cùng Phật, Pháp, Tăng.
Năm điều học, Phật cấm ngăn,
Gọi là ngũ giới, chớ hững hờ sai.
Tội sát sanh chừa ngay tức khắc,
Của trong đời hoạn đắc không tham.
Rượu say, nói dối không làm,
Vợ nhà tri túc, chớ nên dâm tà”.

Ông Bà la môn hoan hỷ nhận lãnh mấy lời chỉ giáo của vị Chư Thiên bằng tiếng Sādhu - Lành thay! Đoạn ông ngâm kệ rằng:

“*Atthakāmosi me yakkha
Hitakāmosi devatā
Karomi tuyhaṃ vacanaṃ*”

*Tvamasī ācariyo mama
Upemi saraṇaṃ buddhaṃ
Dhammañcāpi anuttaraṃ
Saṅghañca naradevassa
Gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ
Pāṇātipātā viramāmi khippaṃ
Loke adinnaṃ parivajjayāmi
Amajjapo no ca musā bhaṇāmi
Sakena dārena ca homi tuṭṭhoti”*

*Chư Thiên hoặc Dạ xoa, người hối!
Muốn an lành lợi ích cho ta,
Tôn người làm thầy, làm cha,
Lời người ta sẽ hành qua y kỳ.
Nay tôi nguyện quy y Đức Phật,
Và quy y Pháp thật cao siêu,
Quy y Tăng hội đủ điều,
Thỉnh Văn đệ tử hàng triệu Thích Ca.
Tội sát sanh nguyện xa tức khắc,
Của trong đời hoạnh đắc không tham,
Rượu say, nói dối không làm,
Vợ nhà tri túc chẳng ham dâm tà”.*

Khi vị Chư Thiên bảo ông Bà la môn: “Nầy ông Bà la môn, nhà ông có nhiều tiền của, ông nên tìm đến Đức Bổn Sư cúng dường để bát, thỉnh pháp, nghe kinh và hỏi han đạo lý”.

Vừa dứt lời, vị Chư Thiên biến mất. Ông Bà la môn trở về nhà bảo vợ rằng: “Nầy bà nó! Ta sẽ thỉnh Đức Sa Môn Cổ Đàm về nhà để hỏi đạo, vậy bà hãy lo sắp đặt lễ vật để cúng dường Chư Tăng”.

Đoạn ông đi ngay đến Tịnh xá tìm Đức Bổn Sư, gặp Ngài ông chẳng biết danh lễ, cũng chẳng tỏ lời hoan hỷ theo pháp xã giao, ông chỉ biết đứng nép một bên và nói: “Bạch Ngài Cổ Đàm, xin Ngài vui lòng nhận bữa Trai Tăng hôm nay tại nhà tôi, cùng chư Tỳ Khuru Tăng”.

Đức Bổn Sư im lặng nhận lời.

Khi được biết Đức Bổn Sư chấp nhận lời mình, ông Bà la môn vội vã trở về hối người nhà lo nấu nướng vật thực loại cứng và loại mềm cho kịp giờ dâng cúng.

Đức Giáo chủ cùng với đại chúng Tỳ Khuru tùy tùng đông đảo, ngự đi bộ đến nhà ông Bà la môn và ngồi lên những chỗ ngồi đã dọn sẵn. Ông Bà la môn phục dịch Đức Thế Tôn thật cung kính.

Bên ngoài quần chúng tụ tập rất đông, theo truyền ngôn khi có người tà kiến thỉnh Phật cúng dường Trai Tăng, thì có hai hạng người thường tụ hội nơi chỗ cuộc lễ để chờ nghe vấn đạo. Bên phe tà kiến nghĩ rằng: “Hôm nay chúng ta sẽ được mục kích Sa Môn Cổ Đàm bối rối vì bí lối, không giải đáp được những câu vấn nạn”. Nhóm người Chánh Kiến lại nghĩ khác: “Hôm nay chúng ta sẽ được chứng kiến thần oai đại lực của Đức Chánh Giác”.

Khi thấy Đức Như Lai đã độ xong bữa nợ, ông Bà la môn bèn đến bên chân Ngài, ngồi xuống một chỗ dưới thấp và bắt đầu mở lời hỏi rằng:

- Bạch Ngài Cổ Đàm! Có người nào không từng cúng dường để bát cho Ngài, không từng nghe Ngài thuyết pháp, giảng kinh, không từng giữ Bát quan trai giới, chỉ có tâm chí thành khẩn thiết đối với Ngài không thôi, mà được siêu sanh Thiên giới hay chăng?

Đức Bổn Sư trả lời bằng cách hỏi lại như vậy:

- Nầy ông Bà la môn, tại sao ông còn chất vấn Như Lai. Vậy chứ đứa con trai công của ông là thiếu niên Maṭṭhakuṇḍali đã chẳng nói cho ông biết là cậu ấy sanh lên cõi trời chỉ vì có tâm chí thành khẩn thiết đối với Như Lai hay sao?

- Bạch Ngài Cổ Đàm! Có nói tại đâu?

- Vậy chớ hôm qua ông qua mộ địa kêu khóc, ông há chẳng thấy gần nơi thiêu xác con ông có một thiếu niên đang khoanh tay kêu khóc, rồi ông ngậm kệ hỏi như vậy hay sao?:

“Hỡi cậu tai đeo kim hoàn,
Mình đây hoa với huỳnh đàn thơm tho”...

Đức Bổn Sư đọc lại hết câu chuyện vấn đáp của hai người và kể luôn tiểu sử cậu Maṭṭhakunḍali nữa.

Do nhân duyên như vậy, Đức Thế Tôn mới thuyết lên một câu Phật ngôn: “Na kho brahmaṇa ekasataṃ na dve satāni atha kho mayi manañ pasādetvā sagge nibbattāṇaṃ gaṇaṇā nāma natthīti”.

“Nầy ông Bà la môn! Không phải một trăm, không phải hai trăm đâu, số người nhờ có đức tin trong sạch đối với Như Lai mà được siêu sanh Thiên giới nhiều không thể đếm”.

Đám đông đang dự thính còn đang bán tin bán nghi. Hiểu rõ tâm trạng của quần chúng, Đức Bổn Sư bèn nguyện rằng: “Thiên tử Maṭṭhakunḍali hãy hiện xuống nơi đây với cả tòa Kim ốc”.

Thiên tử Maṭṭhakunḍali bỗng nhiên hiện đến tức khắc, bề cao ba phần tư dậm, khắp mình trang điểm bằng những vật báu cõi trời từ trên tòa đền bằng vàng bước xuống, đánh lễ Đức Bổn Sư rồi đứng nép một bên. Khi ấy Đức Thế Tôn cất tiếng hỏi:

- Ông nhờ tạo nghiệp gì mà được phước báu cao sang dường ấy?

Rồi Đức Bổn Sư ngâm luôn bài kệ hỏi rằng:

*“Abhikkantena vaṇṇena
yā tvaṃ tiṭṭhasi devate
Obhāsentī disā sabbā
Pucchāmi tvaṃ deva mahānubhāvaṃ
Manussabhūto kimakāsi puññanti”.*

*“Chư Thiên đứng nơi kia,
Dung nhan đẹp quán thế,
Sáng dường sao một thế;
Nghe Như Lai hỏi đây:
Hỡi vị trời oai vệ,
Tạo phước gì đáng kể?”.*

Đức Bổn Sư vừa dứt lời, vị Chư Thiên vội vàng đáp rằng:

- Bạch Ngài! Con nhớ kiếp trước đặt hết niềm tin nơi Ngài mà được phước báu cao thượng nầy đây?

- Ông chỉ nhờ có tâm trong sạch tin tưởng Như Lai mà được như thế nầy phải không?

- Bạch Ngài đúng vậy.

Quần chúng trầm trồ ngắm nhìn vị Chư Thiên rồi tỏ lời khâm phục rằng: “Huyền diệu thay ân huệ của Chư Phật, con trai của Bà la môn Adinṇapubbaka chẳng có làm phước lành chi khác, chỉ nhờ đặt lòng tin trong sạch vào Đức Giáo chủ mà được vinh quang dường ấy”. Và quần chúng lấy làm hoan hỷ.

Khi ấy Đức Bổn Sư phán dạy quần chúng rằng:

“Tất cả các nghiệp thiện và bất thiện của con người tạo ra đều do tâm đi trước dẫn đầu, tâm làm chủ, người có tâm trong sạch tạo nghiệp gì, khi sanh lên cõi trời, cõi người nghiệp ấy vẫn còn theo dính kể cận bên mình, như hình với bóng không lúc nào rời nhau”.

Sau khi chấm dứt câu chuyện bằng cách chỉ rõ mối tương quan chặt chẽ giữa Nhân quả. Đức Chánh Pháp Vương xướng lên bài kệ như sau, chẳng khác nào vị Hoàng đế đóng ấn ngọc tỳ lên trên chỗ đất xi để niêm phong một bức cấm nang mang tờ Thánh chỉ:

*“Tâm đi trước thọ, tưởng, hành,
Tâm là chủ pháp, tâm là nghiệp duyên.
Ai mà tâm sạch lành hiền,
Nói làm chi cũng yên vui theo mình.
Ví như bóng nọ tùy hình,
Hình đâu bóng đó như in hản hời”.*

CHÚ GIẢI:

- Tâm (1) đi trước (2) các Pháp (3)*
- Tâm chủ (4) duy tâm tác (5)*
- Nếu bằng tâm trong sạch (6)*
- Nói năng hoặc hành vi (7)*
- Phúc lạc sẽ theo người (8)*
- Như bóng theo hình thật (9).*

(1) Tâm hay ý (Mano) tức là tâm (citta) theo cách phân loại tổng quát thì có tất cả Tứ địa tâm (catubbhūmikacitta), nghĩa là tâm trong bốn cõi: Dục, Sắc, Vô sắc và Siêu thế. Theo ý nghĩa trong kệ ngôn này mà phân định cho chính xác, thì đây chỉ nói riêng về tám thiện tâm ở cõi Dục mà thôi. Còn theo chuyện tích này, tâm của cậu Maṭṭhakuṇḍali là tâm câu hữu hỷ tương ông trí (Somanassasahagatam ñānasamyuttam).

(2) Đi trước (Pubbaṅgamā), là dẫn đầu và đi chung một thể.

(3) Các Pháp (Dhamma), chỉ thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn.

Do lẽ tâm câu hữu với hỷ tương ông trí làm duyên sanh khởi cho các uẩn kia, nên gọi là tâm đi trước. Ví như có nhiều người đồng làm phước một lượt trong một cuộc lễ dâng y, đặt bát, dâng vật dụng đến chư Tỳ Khưu Tăng, hoặc chung đèn, dọn hương, treo hoa kết lụa để cúng dường cao thượng ở một nơi thuyết pháp công cộng, thì thử hỏi: “Ai là người dẫn đầu trong nhóm ấy”, cố nhiên ta phải trả lời rằng: “Người mà ai này đều nương theo để làm chung cuộc phước ấy, dầu là ông Giáp, ông Ất chi cũng gọi là người cầm đầu”.

Do lẽ tâm làm duyên khởi cho các pháp sanh lên mà gọi là tâm đi trước dẫn đầu, quả nhiên không bao giờ các pháp sanh lên mà không có tâm sanh, trái lại khi tâm sanh rồi thì cũng có một vài nhóm tâm sở không cùng sanh.

(4) Tâm chủ (Manoseṭṭhā) vì tâm là chúa tể các pháp, nên gọi là tâm là chủ pháp, cũng vị thủ lãnh của một đảng được tôn xưng là chúa đảng, hoặc vị chủ tịch trong cuộc nhóm họp thì được gọi là hội chủ. Nơi đây nói tâm là chủ cũng y như thế.

(5) Tâm tác (Manomayā): Ví như ta lấy vàng làm nguyên liệu, để chế ra nhiều món đồ kim loại, ta thường nói các món đồ ấy làm bằng vàng (suvanṇamayā), nghĩa là do vàng làm ra (duy kim tác), các pháp do tâm làm nguyên liệu hay bản thể mà sanh ra nên gọi là duy tâm tác cũng đồng một lý như thế.

(6) Nếu bằng tâm trong sạch (Manasā ce pasannena) là bằng tâm thuần thiện, không bị tham, sân, si, tà kiến làm cho nhiễm ô, như đục.

(7) Nói năng hoặc hành vi (Tato sukham anveti): Hễ con người tạo thiện nghiệp qua thân, khẩu, ý từ giờ nào thì phúc lạc sẽ theo bên người từ giờ đó, do mười nghiệp quả ba cửa đã giải trên đây, con người được siêu sanh về nhàn cảnh để hưởng sự an vui hạnh phúc, vì nơi ấy thân căn và các căn tùy thuộc gọi là thân căn tâm sở của người ấy, hằng có quả an vui theo sát một bên (hỷ thần tùy chí) chẳng khi nào rời.

(9) Như bóng theo hình thật (Chāya và anupāyinīti), là như bóng rọi của thân mình luôn luôn dính liền theo thân, thân đi thì bóng cũng đi, thân đứng bóng cũng đứng, thân ngồi bóng cũng ngồi, không thể dùng biện pháp dụ dàng hay thô bạo hoặc mềm mỏng hay cứng rắn mà tách rời ra được. Chẳng hạn như nói nhỏ nhẹ “Bóng ơi! hãy đi chỗ khác” hoặc đánh đập, là hét “Tại sao bóng cứ theo ta mãi vậy” cũng chẳng ly khai bóng với hình cho được.

Cũng như thế ấy, trên lộ trình của người, thiện nghiệp này con người đã có sẵn thiện tâm, dầu đã thực hành hay chưa thực hành, khi sanh về cõi nào nhất là cõi Dục giới thì thân căn và các thiện căn tâm sở tùy thuộc đều có quả an vui theo dính một bên, như bóng với hình không rời nhau vậy.

□

Kệ ngôn vừa dứt, tám muôn bốn ngàn chúng sanh được tỏ ngộ Chánh Pháp. Thiên tử Maṭṭhakuṇḍali chứng quả Dự Lưu, cả ông Bà la môn Adinṇapubbaka cũng vậy. Ông này về sau đem cả gia sản khổng lồ của mình ra gieo trồng vào phước điền ở trong Phật giáo.

DỨT TÍCH CẬU MAṬṬHAKUṆḌALI

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Nhờ tâm niệm thiện chí chân thành,
Khiến cậu Kim Hoàn được vãng sanh.
Cha đã thương tiền liểu mạng trẻ,
Phật còn nhớ nguyện độc căn lành.
Lâm chung một niệm, nhân dẫu chậm,
Phước báu ngàn xuân, quả khá nhanh!
Chẳng đợi cúng dường cùng thọ giới,
Thiên đường, Kim ốc cũng thơm danh.



I. 3- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO TISSA (Tissatheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 03-04)

<i>“Akkocchi maṃ avadhi maṃ</i>	“Nó mắng tôi, đánh tôi,
<i>Ajini maṃ ahāsi me</i>	Áp chế tôi, cướp tôi,
<i>Ye ca taṃ upanayhanti</i>	Người cố chấp niệm ấy,
<i>Veram tesam na sammati”.</i>	Hận lòng người chẳng nguôi”.
<i>Akkocchi maṃ avadhi maṃ</i>	“Nó mắng tôi, đánh tôi,
<i>Ajini maṃ ahāsi me</i>	Áp chế tôi, cướp tôi,
<i>Ye ca taṃ nūpanayhanti</i>	Người không chấp niệm ấy,
<i>Veram tesūpasammatīti”.</i>	Hận lòng tự khắc nguôi”.

Kệ Pháp Cú (3 và 4) này do Đức Bốn Sư đã thuyết ra, trong khi Ngài an cư tại Đại Tự Kỳ Viên, để cập đến Trưởng lão Đề Xá (Tissa).

Trương truyền rằng: Trưởng lão Tissa vốn dòng hoàng tộc, xuất gia nhập đạo lúc tuổi đã cao niên, nhằm thời kỳ Phật giáo hưng thịnh, được nhiều lợi lộc, Trưởng lão thọ dụng đầy đủ, thân thể phì mỹ đầy đà. Trưởng lão ưa đắp y giặt giũ dần nếp thật sạch sẽ thẳng thớm, lại thích ngồi chễm chệ trong phòng nhóm Tăng hội ngay giữa chánh điện.

Nhiều vị Tỳ Khưu từ phương xa mới về để yết kiến Đức Bốn Sư, trông thấy Trưởng lão, ngỡ rằng: “Chắc đây là vị cao Tăng Trưởng Lão”, nên đến gần xin hầu hạ, đấm bóp tay chân cho Trưởng lão. Trưởng lão làm thình nhận lời, nhưng bất ngờ thay có một vị Tỳ Khưu hỏi Trưởng lão:

- Bạch Ngài, năm nay Ngài được bao nhiêu hạ? (tuổi đạo của Tỳ Khưu).
- Ta chưa có hạ nào hết. Ta tuy lớn tuổi nhưng vừa mới xuất gia.

Vị sư trẻ phát nói nặng lời rằng:

- Này ông sư già mất dạy, cống cao ngã mạn, không biết tự lượng, ông trông thấy các Ngài Trưởng Lão trong nhóm đây mà không chào hỏi theo pháp. Các Ngài ngỡ ông cao hạ nên xin phục dịch ông, ông cũng làm thình, đã vậy mà còn trân tráo, không tỏ ra vẻ gì là biết ăn năn hối ngộ.

Nói rồi, vị sư trẻ bật ngón tay kêu ra tiếng trước mặt Trưởng lão. Trưởng lão Tissa khí phách hãy còn hiên ngang, bị người chạm đến lòng tự tôn tự đại của dòng Sát Đế Ly (Khattiya vua chúa) bèn hỏi ngay lại rằng:

- Các ông đến đây tìm ai?

- Chúng tôi về thỉnh an Đức Tôn Sư.

- Vậy mà đối với ta, các ông lại hỏi lẫn nhau “Ông đó là ai” phải không? Ta sẽ nhớ tận gốc dòng họ các ông cả thầy bây giờ.

Nói rồi, Trưởng lão Tissa vừa khóc mếu máo, vừa đi tìm Đức Bổn Sư, trong tâm uất ức sâu khổ lắm!

Thấy Trưởng lão, Đức Bổn Sư bèn hỏi:

- Nầy Tissa! Ông làm gì mà buồn rầu khổ sở, mặt mày đăm lẹ, đến đây còn khóc vậy?

Nhóm khách Tăng bảo nhau: “Nếu để ông ta đi một mình, ông ta có thể gây ra nhiều chuyện rắc rối”, nên cũng đi theo Trưởng lão, đến nơi đánh lễ Đức Tôn Sư rồi ngồi qua một bên.

Sấn dịp đó, Trưởng lão Tissa “mét” với Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài! Mấy ông Tỳ Khuru nầy đã mắng nhiếc tôi.

- Lúc ấy, ông ngồi tại đâu?

- Bạch Ngài, trong chỗ Tăng hội, ngay chỗ giữa chánh điện.

- Mấy Tỳ Khuru nầy đến, ông có thấy không?

- Bạch Ngài, có thấy.

- Ông có đứng dậy đi đón tiếp mấy vị nầy không?

- Bạch Ngài! Không có đi.

- Ông có lời xin rước bát, xách phụ đồ đạc cho mấy vị không?

- Bạch Ngài, không có hỏi.

- Ông có hỏi xin hầu hạ dâng nước cho mấy vị nầy không.

- Bạch Ngài, không có làm chi hết.

- Nầy Tissa! Đối với những Tỳ Khuru lớn hạ, ông có bốn phận phải làm tất cả các việc trên đây, bởi vì ông sư nào không giữ những phép hành ấy, thì không được quyền ngồi giữa chánh điện, vậy thì chính ông có lỗi, ông hãy xin sám hối với các vị Tỳ Khuru nầy đi.

- Bạch Ngài! Mấy ông nầy đã mắng nhiếc tôi, tôi không thể sám hối với mấy ông nầy đâu?

- Nầy Tissa, không nên như thế, ông phải xin sám hối đi.

- Bạch Ngài, tôi nhứt định không sám hối đâu?

Chư Tăng thấy vậy bạch rằng:

- Bạch Ngài! Ông này thật đúng là một ông sư ương ngạnh (cứng đầu).

Nghe vậy, Đức Tôn Sư bảo Chư Tăng rằng:

- Nầy các Tỳ Khuru, đây không phải là lần đầu tiên đâu. Trong tiền kiếp ông ta cũng đã tỏ ra ương ngạnh như vậy rồi.

- Bạch Ngài, hiện tại đây ông ta bướng bỉnh thế nào chúng con đã thấy biết, còn trong kiếp quá khứ chẳng hay ông ta đã làm gì?

Nghe Chư Tăng hỏi, Đức Bổn Sư liền đáp:

- Nầy các Tỳ Khuru, nếu các ông muốn biết thì hãy lắng tai nghe. Và Ngài nhắc lại chuyện cổ tích như vậy:

“Xưa kia, dưới triều Quốc vương Bārāṇasi, trị vì thành Bārāṇasi, có ông đạo sĩ tên là Đê Quý Lá, sau tám tháng cần tu khổ hạnh trong miền núi Himalaya (Hy Mã Lạp Sơn), đạo sĩ muốn về thành để an cư trong bốn tháng mưa, để tiện bề kiếm thức ăn có vị, mùi chua, mặn...

Từ miền Tuyết Sơn về đến cổng thành, đạo sĩ gặp mấy đứa nhi đồng, bèn kêu lại, hỏi thăm:

- Mấy vị xuất gia tu hành, về đến thành nầy thường ngụ ở đâu?

- Bạch Ngài, trong trại làm đồ gốm.

Đạo sĩ xăm xăm đến chỗ trại làm đồ gốm, đứng ngoài cửa nói vọng vào:

- Xin gia chủ hoan hỷ cho bản đạo tá túc một đêm trong quý trại.

Chủ lò gốm đáp:

- Chúng tôi không có làm đêm trong trại, trại rộng có thiếu chi chỗ trống, Ngài cứ tùy tiện vào đó ngủ nghỉ.

Nói xong, chủ lò gốm cho người quét dọn trong gian trại ngoài. Đạo sĩ Đê Quý Lá vừa vào trại ngồi nghỉ chân, thì bên ngoài có vị đạo sĩ khác tên là Na La Đa, cũng từ núi Tuyết Sơn lặn lội về thành, đến trại ông chủ lò gốm xin ngủ nhờ một đêm.

Ông chủ lò gốm nghĩ thầm: “Ông đạo sĩ đến trước có vui lòng cho ông nấy ngủ chung hay không, điều ấy không can gì đến ta”, nghĩ rồi bèn nói:

- Bạch Ngài, nếu vị đạo sĩ đến trước bằng lòng thì Ngài cứ tha hồ vào đó nghỉ ngơi.

Vì thế, đạo sĩ Na La Đa đến xin hỏi đạo sĩ Đê Quý Lá:

- Bạch thầy, xin thầy hoan hỷ cho tôi ngủ chung một đêm được không?

- Gian trại rộng thênh, thầy hãy vào đây nghỉ ở một phía đi!

Nghe vậy, đạo sĩ mới đi vào phía trong cổng, ngồi sau chỗ đạo sĩ Đê Quý Lá, hai bạn tu hành chuyện vãn hàn huyên một hồi, kể tới giờ tắt đèn đi ngủ.

Trước khi nằm xuống, đạo sĩ Na La Đa để ý ghi nhớ chỗ cửa ra vào và chỗ nằm của đạo sĩ Đê Quý Lá, không dè ông nấy không nằm ngay chỗ mình đã ngồi, mà lại đến nằm ngang cửa cái.

Ban đêm, đạo sĩ Na La Đa đi ra, rúi đập nhằm bính tóc của đạo sĩ Đê Quý Lá, ông nấy hỏi:

- Ai đi đập ta vậy?

- Bạch thầy, tôi. Đạo sĩ Na La Đa đáp.

- Đồ giả tu, Đê Quý Lá mắng: “Ngươi từ rừng rú về đây để đập tóc ta phải không?”.

- Bạch thầy, tôi thật tình không biết thầy ra nằm đây. Xin thầy hoan hỷ thứ lỗi cho tôi.

Nói rồi, đạo sĩ Na La Đa đi luôn ra ngoài không lưu ý đến đạo sĩ Đê Quý Lá đang còn nằm khóc tức tưởi. Một lát sau, ông nấy nằm nói thầm một mình: “Nếu ta nằm nguyên chỗ cũ, hẳn ta trở vào và đập nhằm ta nữa”. Ông bèn nằm day đầu về phía dưới chân.

Đến khi đạo sĩ Na La Đa trở vào, cũng tính thầm: “Lần trước ta đi phía nầy, đã đập nhằm bính tóc của ông thầy, bây giờ ta đi vô phải tránh xuống phía dưới chân ông thầy mới được”. Nhưng vừa bước vô, đạo sĩ Na La Đa đã đập trúng cần cổ của đạo sĩ Đê Quý Lá, ông ta la lên: “Ai đó?”.

- Bạch thầy, tôi.

Đạo sĩ Na La Đa vừa lên tiếng, đã bị đạo sĩ Đê Quý Lá mắng rằng:

- Đồ giả tu! Lần trước đã đập bính tóc của ta, lần nầy lại còn đập lên cổ của ta nữa, ta sẽ nguyên rửa nhà ngươi cho mà coi.

Nghe vậy, đạo sĩ Na La Đa phân trần, biện minh rằng:

- Bạch thầy, khi đi vô thì tôi nghĩ rằng: “Lúc nầy tôi đã đập trúng tóc của thầy, bây giờ ta phải đi phía dưới chân của ông thầy”, không phải lỗi nơi tôi, vì tôi không biết thầy nằm như vậy, tôi lỡ đập nhằm, xin thầy hoan hỷ miễn thứ.

- Đồ giả tu! Ta sẽ nguyên rửa nhà ngươi.

- Xin thầy đừng làm như vậy.

Không đếm xỉa đến lời xin lỗi của đối phương, đạo sĩ Đê Quý Lá cất tiếng nguyên rửa rằng:

“Sahassaramsi satatejo
Suriyo tamavinodano
Pāto udayanta uto suriye
Muddhā te phalatu sattadhāti”.

*“Vói nghìn tia sáng, trăm ngọn lửa,
Mặt trời quét sạch cảnh u minh.
Cho đầu người nút ra bảy mảnh,
Lúc mặt trời mai lộ dạng hình”.*

Đạo sĩ Na La Đa nói:

- Thầy ơi! Tôi là người không có lỗi chi mà thầy chẳng kể lời tôi, cứ nguyên rửa đại như thế, ai có lỗi thì người ấy bị nút đầu, chứ người vô tội có hề chi.

Nói rồi đạo sĩ Na La Đa cũng thốt lời nguyên rửa lại:

*Vói ngàn tia sáng trăm ngọn lửa,
Mặt trời quét sạch cảnh u minh.
Cho đầu thầy nút ra bảy khúc,
Lúc mặt trời mai lộ dạng hình”.*

Đạo sĩ Na La Đa vốn là một bậc thần thông quảng đại, có thể biết được bốn mươi kiếp quá khứ, bốn mươi kiếp vị lai, cộng chung là tám mươi kiếp trái đất (kappa). Sau khi nguyên rửa, đạo sĩ hỏi: “Ai sẽ mắc lời thề độc này?”, nhờ tịnh tâm quán xét đạo sĩ thấy biết: “Ông này sẽ bị bể đầu”, nên động mỗi từ tâm muốn ra tay tế độ, bèn dùng thần lực ếm không cho mặt trời mọc lên.

Dân chúng trong thành thấy mặt trời không mọc, kéo nhau đến cửa hoàng cung than khóc, kêu ca rằng: “Linh Thiên tử là chúa cả giang san thiên hạ, ngày nay mặt trời không mọc, mong ân linh Thiên tử sử dụng vương quyền khiến sai mặt trời mọc lên cho con dân được nhờ”.

Đức vua tự thẩm xét các nghiệp do thân, khẩu, ý của mình đã tạo, thấy không có điều chi phạm lỗi đối với Thánh thần hoặc Tiên vương, bèn nghĩ thâm: “Vì duyên có nào đây? Chắc có lẽ các vị xuất gia đạo sĩ đã tranh chấp nhau đây chứ gì?”.

Để dứt lòng nghi, đức vua phán xét hỏi dân chúng rằng:

- Trong thành hiện nay, có vị xuất gia tu hành nào chẳng?

- Muôn tâu Thánh thượng! Chiều hôm qua có hai vị đạo sĩ mới đến, tá túc tại trại đồ gốm.

Nghe vậy, đức vua lập tức truyền lệnh khiến quân thấp đuốc soi đường, đoạn Ngài thân hành ngự giá đến trại đồ gốm, đánh lễ đạo sĩ Na La Đa xong, ngồi xuống một bên rồi hỏi bằng kệ rằng:

*“Kammantā nappavattanti
Jambūdīpassa Na La Đa
Kena loko tamobhūto
Tam me akkhāhi pucchitoti”.*

*“Kính bạch Na La Đa đạo sĩ,
Cõi Diêm Phù bởi lý do chi,
Bóng đen bao phủ khắp tứ vi,
Khiến cho dân chúng không đi ăn làm.
Chắc có lẽ Ngài am hiểu đạo,
Trẫm xin Ngài chỉ giáo phân minh”.*

Đạo sĩ Na La Đa đem hết sự việc thuật lại cho vua nghe, rồi nói:

- “..vì lẽ ấy, Ta bị đạo huynh này nguyên rửa và ta cũng có nguyên rửa lại như vậy. Ta không có lỗi chi, nếu ai có lỗi thì cho đầu này nút ra làm bảy mảnh. Nhưng sau lời nguyên, ta chú tâm quán xét tìm coi ai sẽ mắc lời thề độc, thì ta hiểu biết là khi mặt trời ban mai vừa lộ dạng, đầu của đạo huynh này sẽ nút làm bảy mảnh, bởi vì lòng từ bi, không nỡ để cho đạo huynh ấy bị nạn, ta đã cấm mặt trời lại không cho mọc lên.

- Bạch Ngài! Làm sao cho vị đạo sĩ này khỏi bị tai hại?

- Nếu đạo huynh này chịu sám hối với ta thì khỏi bị tai hại.

- Vậy thì đạo trưởng hãy sám hối với Ngài đi.

- Hẳn đã đập tóc, đập cổ ta, không bao giờ ta lại đi sám hối với kẻ giả tu như thế.

- Bạch đạo trưởng! Đừng nên làm thế hãy chịu sám hối đi.

- Ta không sám hối đâu?

- Đầu đạo trưởng sẽ bị nút ra làm bảy mảnh.

Dầu nghe lời hăm dọa như thế, đạo sĩ Đê Quý Lá cũng nhứt quyết không chịu sám hối, khi ấy đức vua phán:

- Chắc đạo sĩ này không tự mình xuống nước nhận lỗi phải không?

Nói rồi, đức vua truyền lệnh cho thị vệ nắm tay, nắm chân, nắm lưng, nắm cổ của đạo sĩ Đê Quý Lá, đe ông ta xuống bắt phải mọp đầu dưới chân đạo sĩ Na La Đa.

Đạo sĩ Na La Đa nói: “Thôi, thầy (ācariya) hãy bình thân, ta miễn lỗi cho thầy rồi đó”. Rồi đạo sĩ Na La Đa râu với đức vua:

- Tâu Đại vương! Vì đạo huynh đây không tự mình chịu sám hối, xin Đại vương hãy ra lệnh đem ông ta đến một cái ao hồ, không xa đô thành, để hòn đất lên đầu ông ta và bắt ông ta đứng dưới sâu ngập tới cổ.

Đức vua làm y như lời, rồi đạo sĩ Na La Đa dặn đạo sĩ Đê Quý Lá:

- Bạch thầy! Tôi sẽ thị hiện thần thông, khiến cho mặt trời mọc lên, khi ấy thầy lặn xuống dưới nước và trôi đầu lên ở một nơi khác và chạy đi luôn.

Đức Bổn Sư thuyết tích này, còn giải thêm rằng:

“Này các Tỳ Khuru, đức vua lúc bấy giờ là Ānanda, Đê Quý Lá nay là Tissa và Na La Đa chính là Như Lai. Thuở xưa ông ta cũng tỏ ra bướng bỉnh, ương ngạnh như thế đó”.

Đức Bổn Sư dạy qua dạy thêm Trưởng lão Tissa, đoạn Ngài kết luận rằng:

- Này Tissa, nếu Tỳ Khuru nào cố chấp mãi trong tâm như vậy “Ông đó nhiếc mắng tôi, ông đó đánh đập tôi, ông đó áp chế tôi, ông đó cướp giật tôi, thì Tỳ Khuru đó sẽ không nguôi ngoai được mối căm thù, hờn giận. Nhưng nếu Tỳ Khuru ấy không cố chấp niệm ấy trong tâm thì tự khắc nỗi căm thù oán hận sẽ nguôi ngoai”.

Tiếp sau đó, Đức Bổn Sư nói lên bài kệ sau đây:

*“Nó mắng tôi, nó đánh tôi,
Áp chế tôi, cướp giật tôi kia mà.
Người còn cố chấp phiền hà,
Hận lòng người ấy chắc là khôn nguôi.
“Nó mắng tôi, nó đánh tôi,
Áp chế tôi, cướp giật tôi kia mà.
Người không cố chấp phiền hà,
Hận lòng người ấy chắc là chóng tan”.*

CHÚ GIẢI:

*Nó mắng (1) tôi, đánh(2) tôi.
Áp chế (3)tôi, cướp (4) tôi.
Người (5) cố chấp niệm ấy (6)
Hận lòng người chẳng nguôi (7).*

.....

*Người không chấp niệm ấy(8),
Hận lòng người sẽ nguôi (9).*

(1) Nó mắng (Akkocchi), đây là nhiếc mắng, chưởi rủa.

(2) **Đánh (Avadhi)**: là đánh đập.

(3) **Áp chế (Ajini)**: là bắt phải khuất phục bằng lời nói xuôi ngược, hoặc việc làm cao thấp để đè ép.

(4) **Cướp (Ahāsi)**: là giật lấy, sang đoạt của cải, tài vật, nhất là y của nhà sư.

(5) **Người (Ye)**: Là bất luận ai, kể cả Chư Thiên và nhân loại, tại gia hoặc xuất gia.

(6) **Cố chấp niệm ấy (Tam upanayhanti):** Là cứ ôm ấp, chất chứa trong tâm rằng “Nó đánh tôi, nó mắng tôi” rồi hờn giận mãi, chẳng khác nào người lấy nhiều nước cỏ thom (kusa) che đầy mớ cá uơn, chở trên một chiếc xe bò.

(7) **Hận lòng người chẳng nguôi (Veram tesam na sammati):** Ở những người cố chấp như trên, hễ có sự căm hờn nổi lên ắt là không nguôi ngoai, không lắng dịu được.

(8) **Người không chấp niệm ấy (Ye ca tam nūpanayhanti):** Là không nhớ tưởng, không lưu tâm để ý, hoặc là biết suy nghĩ về nghiệp quả, nên dù có bị mắng, bị đánh, bị áp đảo bị cướp bóc, cũng không hờn giận: “Hồi trước chắc mình có mắng người, có đánh người, có áp đảo người, có cướp bóc người, nên nay người mới trả đũa lại, nghĩ như vậy nên không cự thù, chuốc oán”.

(9) **Hận lòng người sẽ nguôi (Veram tesūpasammati):** Người sau này có dễ dãi quên mình, để cho sự sân hận sanh lên, thì mới căm thù tự khắc cũng nguôi ngoai tan rã, nhờ không cố chấp cũng như lửa không gặp bồi (nhiên liệu) hay dầu vậy.

□

Thời pháp vừa dứt, một trăm ngàn vị Tỳ Khưu đắc Thánh quả Tu Đà Hườn, kỳ dư đại chúng thính pháp đều được hưởng sự lợi ích, và số người bướng bỉnh, ương ngạnh nhờ đó trở nên mềm mỏng dễ dạy.

DỨT TÍCH TRƯỜNG LÃO TISSA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Thấy lỗi người, không thấy lỗi mình
Hận lòng, Trường lão khó làm thinh
Quyết đưa cả nhóm ra hải tội
Nào nhận riêng ta đáng phạt hình
Mãn cây thân già, dòng dõi quý
Mà quên hạ nhỏ, bạn bè khinh
Lắng nghe Phật thuyết nhân tiền nghiệp
Giải được tâm thù hận chúng sanh.*



I. 4- CHUYỆN NGƯỜI SANH LÀM NỮ DẠ XOA (Kāliyakkhiniya upatti vatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 05)

<i>“Na hi verena verāni</i>	Đời này hận rửa hận,
<i>Sammantīdha kudācanam</i>	Muôn thuở chẳng sạch thù.
<i>Averena ca sammanti</i>	Từ bi rửa sạch hận,
<i>Esa dhammo sanantanoti”</i>	Là định luật thiên thu”.

Kệ Pháp Cú số 5 này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Đại Tự Kỳ Viên, để cập đến nàng Thạch Nữ (Vañhitthim).

Tương truyền rằng: Thuở ấy có một công tử thiếu niên, khi cha mới qua đời, một tay cậu chăm lo phụng dưỡng từ thân, vừa phải đảm đang coi sóc mọi việc trong nhà, ngoài ruộng.

Bà mẹ thấy con đơn chiếc, mới bảo cậu rằng:

- Để má lo bề gia thất cho con, nghe không.

- Má ơi! Má đừng nói chuyện ấy, má còn sống đến ngày nào con nguyện ở vậy nuôi má đến ngày ấy, cho đến trọn đời.

- Con à, một mình con mà gánh vác luôn cả mọi việc ruộng nương nhà cửa, lòng má áy náy không vui, con để má lo đôi bạn cho con.

Thiếu niên từ chối nhiều phen, nhưng bà mẹ cứ thúc giục, dỗ dành mãi, nên cậu làm thỉnh nhận chịu.

Khi ấy, mẹ cậu ra đi, định đến dạm hỏi con gái của một gia đình nọ, thiếu niên muốn biết ý mẹ, bèn nói với rằng:

- Má định nói con ai vậy?

- Cô con gái nhà ông Mỗ, bà mẹ đáp.

Thiếu niên nghe rồi, cảm mẹ lại và ngỏ lời chỉ nhà cô gái mà cậu ông ý.

Chịu lòng con, bà mẹ đi ngay đến nhà ấy, dạm hỏi con gái chủ nhà cho con trai mình, định ngày làm lễ cưới. Và đến ngày ấy rước dâu về, cho con có người nội trợ.

Cô vợ hiếm hoi, ở với chồng một thời gian khá lâu mà không sinh nở, thấy vậy bà mẹ bảo người con trai:

- Con à! Con vợ mà con ông ý, biểu má cưới đem về, bây giờ mới biết là nó hiếm hoi, không sanh nở được. Chẳng lẽ để nhà ta tuyệt tự vì không con nối dòng, con để má kiếm đứa khác cho con.

Thiếu niên không chịu, đáp tắt ngang: “Thôi đi má”, nhưng bà mẹ chẳng nản lòng, cứ theo òn ì nói mãi.

Cô Thạch Nữ nghe lỏm được chuyện này, tự nghĩ: “Áo mặc sao qua khỏi đầu, làm con làm sao cãi được lời cha mẹ. Một mai chồng ta cưới vợ bé đem về, nếu nó có con chắc mọi người trong gia đình sẽ công trọng nó mà khinh rẻ ta, xem ta như hạng tôi đòi. Ôi! Hay là ta hãy kiếm vợ bé cho chồng, để ta được trọn quyền chọn lựa người theo ý muốn của ta”.

Thế rồi cô Thạch Nữ lân la đến một gia đình nọ, dạm hỏi một cô thiếu nữ để làm vợ bé cho chồng, nhưng ban đầu cô ta bị cha mẹ cô gái cự tuyệt, hỏi rằng:

- Thím ơi! Sao thím nói gì lạ vậy?

- Dạ! Bởi vì tôi hiếm hoi, không thể sanh con cho chồng tôi khỏi tuyệt tự...nếu dì nó để con trai, dì nó sẽ được trọn quyền cai quản cả gia đình, làm chủ luôn cả tài sản nữa.

Sau cùng, cô Thạch Nữ thuyết phục được gia đình cô gái và dắt cô ta đem về, cho làm vợ bé chồng mình.

Nhưng rồi tâm cô Thạch Nữ nảy sanh như vậy: “Nếu con nhỏ này sanh con trai hoặc con gái thì một mình nó sẽ nắm hết quyền hành trong nhà ta. Ta phải mưu tính cách nào, không cho nó sanh con mới được”.

Thế nên, cô đình ninh dặn dò cô vợ bé rằng:

- Dì nó à! Khi nào dì cần thai thì báo cho chị biết nghe không.

Cô vợ bé vô tình đáp lại: “Dạ...dạ”.

Y theo lời hứa, khi biết mình có nghén, cô vợ bé bèn báo tin cho cô Thạch Nữ hay.

Cô này đã có dụng ý từ trước, nên hằng ngày thường làm ra vẻ yêu thương, tự tay nấu cơm cháo bưng đem cho cô vợ bé ăn.

Khi được biết tin cô vợ bé thọ thai, cô ta bèn trộn lẫn thuốc phá thai vào vật thực cho cô vợ bé và kết quả là cái thai bị xảo.

Cô vợ bé thọ thai lần thứ hai, cũng thiệt tình nói cho cô Thạch Nữ biết, cô này lại hạ độc thủ, làm cô vợ bé trụ thai lần thứ hai.

Các phụ nữ lối xóm, có người tò mò hỏi cô vợ bé rằng: “Có phải chị bị bà lớn lập tâm hãm hại chăng?”.

Cô vợ bé bèn tỏ hết tâm sự gia đình, liền bị các cô bạn trách rằng: “Chỉ có chị là mù quáng dại dột, mới tin nghe vợ lớn, như vậy. Con mẹ sợ mất chủ quyền trong nhà, nên hốt thuốc phá thai cho chị uống, chị tin lời con mẹ nên mới bị hư thai, từ rày đừng thêm nghe theo con mẹ nữa”.

Mấy lời rỉ tai nói nhỏ của mấy cô bạn láng giềng khiến cho cô vợ bé sinh nghi, nên khi có thai lần thứ ba, cô ta không tiết lộ cho cô vợ lớn biết, nhưng rồi bụng càng ngày càng to cô ta bị vợ lớn hạch hỏi rằng: “Sao dì có thai mà không bảo cho chị biết?”.

Túng nước, cô vợ bé phải đáp thật rằng: “Chị đã báo hại làm cho em hư thai hết hai lần rồi, bây giờ bảo em nói cho chị biết nữa hay sao?”.

Cô Thạch Nữ nghĩ thầm: “Muru kế của ta bị bại lộ rồi”. Từ đó, cô ta rình rập, chờ dịp nào cô vợ bé sơ ý ra tay, đến khi cái thai đã lớn, cô ta mới gặp cơ hội, bèn trộn thuốc phá thai vào thang thuốc bổ của cô vợ bé.

Cái thai đã già ngày tháng, nên không xảo ra, quay lại nằm ngang cửa tử cung, dụng phụ nghe dạ dưới đau trần dử dội nghi mình sắp thiệt mạng vì tay cô vợ lớn, nên vừa khóc vừa thể nguyện rằng: “Một tay mày sát hại ba đứa con tao. Bây giờ tới tao cũng chết vì tay mày, chết rồi tao sẽ đầu thai làm nữ Dạ Xoa (Yakkhini) để ăn thịt mấy đứa con mày lại mà rửa hận”.

Dứt lời, cô ta tắt hơi luôn, thọ sanh làm con mèo cái (majjārī) trong nhà.

Còn cô Thạch Nữ bị chồng lôi ra mắng rằng:

- Con ác phụ, mày đã báo hại làm cho tao phải tuyệt tự. Chưa đã nư giận, chồng cô còn thúc cùi chỏ lên gối, thẳng tay đấm đá một cách tàn nhẫn.

Bị trận đòn chí tử, cô Thạch Nữ đau nặng bỏ mình luôn, chuyển kiếp làm con gà mái trong nhà.

Không bao lâu, con gà mái lớn lên, bắt đầu đẻ trứng, con mèo rình ăn trộm ổ trứng đầu tiên của nó. Lúa trứng thứ hai, thứ ba cùng con gà mái cũng bị ăn luôn. Con gà mái cảm thù con mèo mới thể rằng:

- Mày ăn của tao hết ba lứa trứng, bây giờ còn muốn ăn thịt cả tao nữa, tao mà chết rồi đầu thai kiếp khác tao thể sẽ ăn thịt lũ con mày lại báo oán.

Thế rồi con gà mái chết, đầu thai làm con beo cái, còn con mèo cái khi chết đầu thai làm con nai cái.

Đến khi con nai cái sanh con, ba lần đều bị con beo cái tìm đến ăn thịt con cả ba lần. Khi biết mình sắp chết, con nai cái thể rằng: “Mày ăn thịt con tao ba lần, bây giờ còn sắp ăn thịt tao nữa, tao thể kiếp sau sẽ ăn thịt cả mày lẫn con mày mới hả dạ tao”.

Nguyện rồi, con nai cái chết hóa thân làm Hắc Nữ Dạ Xoa (bà chằn đen), còn con beo cái sau khi chết, đầu thai làm con gái một gia đình Trưởng giả ở kinh thành Sāvattihī.

Cô gái lớn lên được gả về làm dâu trong một gia đình ở tận cổng làng, đến khi thiếu phụ sanh đứa con đầu lòng, Dạ Xoa cái hiện đến hóa hình giống như người bạn chí thân của thiếu phụ, giả vờ hỏi thăm người nhà của thiếu phụ rằng:

- Chị bạn thiết của tôi đâu?

- Nằm ở trong bụng, mới sanh con.

Nghe vậy, nữ Dạ Xoa nói:

- Để tôi vô thăm coi sanh trai hay gái.

Dạ Xoa vô bụng giả vờ ẵm đứa hài nhi sơ sinh, ăn thịt rồi biến mất.

Lần thứ hai thiếu phụ sanh con, cũng bị nữ Dạ Xoa hiện đến ăn thịt như thế.

Đến lần thứ ba, khi mang thai gần đến ngày sanh, thiếu phụ bảo chồng rằng: “Mình ơi! Tại đây có con chằn cái, nó đã ăn thịt con ta hai lần rồi, kỳ này em muốn về nhà ba má em để nằm chờ”.

Và thiếu phụ sanh đứa con thứ ba tại nhà cha mẹ ruột của mình tại thành Sāvattihī.

Trong khi ấy nữ Dạ Xoa có phận sự phải đi đội thuyền nước.

Vì tất cả Dạ Xoa ở quốc độ của vua Tỳ Sa Môn (Vessavana) là vị Đại Thiên Vương trấn thủ phương Bắc, đều bị bắt đi đội thuyền nước từ hồ Thiên Lãnh (Anottattā). Công việc làm xâu này kéo dài đến bốn năm tháng, khi được phóng thích, các Dạ Xoa khác đều bị bỏ mạng vì quá nhọc xác.

Còn Dạ Xoa Hắc nữ (Kālī) khi mãn hạn được thả ra, lật đật trở lại nhà của thiếu phụ và hỏi rằng:

- Cô bạn của tôi đâu?

- Cô ấy lánh mặt đi nơi khác rồi, kiếm không gặp đâu. Vì ở đây cô sanh đứa con nào cũng bị bà chằn tinh tới bắt ăn thịt hết, nên kỳ này cô về nhà cha mẹ ruột của cô rồi.

Nghe đáp như vậy, nữ Dạ Xoa lấy làm tức tối, nói thảm một mình: “Dầu cho đi đàng nào, mà cũng không thoát khỏi tay tao”, lòng đang sôi sục hận thù, nó vụt chạy về phía trong thành Sāvattihī.

Ngày ấy, nhằm ngày lễ đặt tên cho đứa con mới sanh, thiếu phụ tắm rửa cho con sạch sẽ, đặt tên cho nó và nói với chồng:

- Anh ạ! Bây giờ chúng mình trở về nhà.

Nói đoạn, thiếu phụ bồng con theo chồng lên đường trở về chốn cũ.

Khi đi ngang qua Tịnh xá Kỳ Viên, tới chỗ ao hồ, thiếu phụ trao con cho chồng ẵm, lội xuống tắm dưới ao, tắm xong nâng lên bờ ẵm con cho chồng xuống tắm. Thiếu phụ đứng trên bờ hồ đang cho con bú, bỗng thấy dáng con Dạ Xoa lù lù chạy tới. Khi nhận biết đích xác là nó rồi, thiếu phụ lớn tiếng riu rít kêu chồng: “Anh ơi! Anh ơi! Mau lên, con Dạ Xoa nó tới đây rồi nè”.

Liệu chồng lên không kịp, thiếu phụ ẵm con quày quả cắm đầu chạy ngay vào trong Tịnh xá.

Lúc bấy giờ, Đức Bổn Sư đang ngồi thuyết pháp giữa tứ chúng. Thiếu phụ đặt đứa hài nhi dưới chân Đức Như Lai, rồi bạch rằng: “Con xin cúng dường Đức Ngài đứa nhỏ này, xin Ngài từ bi tế độ cứu sanh mạng con của con”.

Ngoài cổng tam quan, nữ Dạ Xoa bị Chư Thiên Sumana (Thiện Ý) đứng trấn giữ nơi đó chặn lại, không cho vào Tịnh xá. Đức Bổn Sư bèn kêu Trưởng Lão Ānanda và dạy rằng:

- Này Ānanda, hãy ra gọi nữ Dạ Xoa vào đây.

Trưởng Lão Ānanda ra gọi nữ Dạ Xoa vào. Thiếu phụ la lên:

- Bạch Ngài! “Nó” vào đó.

Đức Bổn Sư bảo:

- Cứ để yên cho nó vô, đừng làm ồn.

Khi nữ Dạ Xoa vào đến nơi, đứng trước Đức Bổn Sư, Ngài khiển trách rằng: “Tại sao ngươi làm như vậy. Nếu các ngươi không có duyên lành được diện kiến một vị Phật như Ta, thì các ngươi còn buộc oan trái với nhau mãi mãi cho đến hết một kiếp của quả địa cầu này (kappa) như con rắn với con mông thừ (Nāgamissatha) hễ gặp nhau là run rẩy, sùng sộ, sôi sục hận thù, hay như con quạ với con chim cú vậy.

Tại sao các ngươi lấy hận rửa hận, lấy oán báo oán, thù hận chỉ có thể dập tắt bằng từ bi, chứ không phải bằng hận thù được. Nói rồi Đức Bổn Sư đọc bài kệ:

“Khắp cùng trên cõi nhân gian,

Có đâu thù hận dẹp tan hận thù.

Từ bi cởi mở hận thù,

Đó là định luật thiên thu lưu truyền”.

CHÚ GIẢI:

“Đòi này hận rửa hận” - Muôn thuở chẳng sạch thù (Na hi verena verāmi sammantīdha kudācanāṃ): Chẳng khác nào ta lấy nước dơ như nước bọt, nước mũi chẳng hạn, để rửa chỗ dính phần uế, thì không chỗ nào sạch sẽ thơm tho được, trái lại chỗ rửa ấy càng như nhớp hôi thúi lên. Cũng như thế khi bị người mắng, mắng lại người, khi bị người đánh, đánh lại người, để mong trả thù rửa hận thì mỗi oan trái đó sẽ không giải tỏa, mà còn thắt chặt thêm và hận thù cũng chẳng được trấn an nên ngày càng tăng trưởng.

“Từ bi rửa sạch hận thù” (Averena ca sammanti): Chẳng khác nào lấy nước trong sạch để tẩy rửa vết nước miếng, nước mũi, phần uế, thì chỗ rửa ấy mới được sạch sẽ hết mùi hôi thúi.

Cũng y như thế, vết nơ hận thù nhờ thứ nước nhẩn nhục từ bi tẩy sạch được, người biết lưu tâm chiêm nghiệm, thấu triệt được chân lý thì tự khắc bao nhiêu hận lòng cố kết, cũng đều tan rã.

“Là định luật thiên thu” (Esa dhammo sanantanoti):

Pháp dùng nước từ bi để tẩy sạch hận thù là một pháp hoàn toàn bất di bất dịch, đã có tự ngàn xưa mà tất cả Chư Phật Đốc Giác và Thỉnh Văn Giác đều công nhận.

□

Bài kệ vừa dứt, nữ Dạ xoa chứng được quả Tu Đà Hườn, thính chúng câu hội nơi ấy cũng đều hưởng được sự lợi ích. Kế đó, Đức Bổn Sư bảo thiếu phụ:

- Con hãy trao đĩa hài nhi qua nữ Dạ Xoa.
- Bạch Ngài, con không dám.
- Chớ nên sợ vô lý, không can gì đâu.

Thiếu phụ bạo gan đưa con mình qua tay nữ Dạ Xoa, nữ Dạ Xoa tiếp ẵm đứa bé vào lòng, hôn hít, nựng nịu rồi trao trả lại cho mẹ nó, rồi phát khóc ầm ục. Đức Bổn Sư liền hỏi:

- Sao người lại khóc?
- Bạch Ngài, lúc trước con dùng đủ phương nầy chước nọ để nuôi mạng sống mà còn đói lên đói xuống, không được no lòng, bây giờ con sẽ sống bằng cách nào đây.
- Người chớ nên quá lo âu.

Sau khi an ủi Dạ Xoa, Đức Bổn Sư dạy qua bảo thiếu phụ rằng: - “Con hãy đem nó về nhà, cho nó ở chung và cấp dưỡng cao lương mỹ vị cho nó”.

Thiếu phụ dắt nữ Dạ Xoa về nhà, cho ở một chái phía sau và hằng ngày cúng dường cơm cháo bánh trái, toàn thứ ngon lành thượng hạng.

Tới khi trong nhà đập lúa, Dạ Xoa thấy đòan xóc giơ lên cao, sợ giáng xuống trúng đầu mình nên nói với thiếu phụ:

- Tôi không thể nào ở đây lâu hơn nữa, bạn kiếm cho tôi một chỗ khác.

Thiếu phụ đưa Dạ xoa đi lựa chỗ, lần lượt từ chái nhà kho trữ đòan xóc, vào nhà tắm, vào nhà bếp, vào chòi dựa xoài, rồi ra chỗ đống rác, ra tận cổng làng... đến chỗ nào Dạ Xoa cũng lắc đầu không chịu ở, nói rằng: “Ở đây thấy đòan đập lúa giơ lên giơ xuống, tôi sợ trúng nhằm đầu tôi sẽ bể hai... ở đây con nít tạt xối nước dơ... ở đây có chó nằm... ở đây trẻ con phóng uest... ở đây người ta đổ rác... ở đây, lũ trẻ trong làng làm thầy coi tướng v.v...”.

Cuối cùng, thiếu phụ đưa nữ Dạ Xoa ra tới ngoại ô, chọn một địa điểm an tịnh vắng lặng. Nữ Dạ Xoa bằng lòng ở đó, hằng ngày thiếu phụ vẫn đem món ăn thượng vị cung cấp cho nó.

Nữ Dạ Xoa tự nghĩ: “Cô bạn của ta đối xử với ta rất mực thâm tình, ta phải làm sao đền đáp ân đức trọng hậu của người trong muôn một”.

Rồi nữ Dạ Xoa nói cho cô bạn biết rằng: “Năm nay trời sẽ mưa nhiều, bạn nên gieo trồng trên chỗ đất gò”.

“Năm nay nắng hạn, bạn nên gieo trồng trên chỗ đất bưng”.

Nhờ đó, năm nào thiếu phụ cũng được trúng mùa, cửa nhà sung túc, trong khi mùa màng của những người khác đều bị hư hại vì mưa giã hay nắng hạn.

Bạn bè hàng xóm hỏi thăm thiếu phụ: “Nầy chị sao mùa màng của những người khác đều bị hư hoại, mùa màng của chị gặp năm dư nước, thiếu nước chị cũng không bị hư hại như của người khác, hình như là từ khi đầu mùa chị đã tiên đoán biết trước năm nào mưa dầm, năm nào nắng hạn vậy phải không? Hay là chị làm cách nào?”.

Thiếu phụ tỏ thật rằng:

- Tôi có cô bạn nữ Dạ Xoa, cô ta tiên đoán biết trước thời tiết mỗi năm mưa nhiều hay nắng nhiều, đều có nói cho chúng tôi hay, chúng tôi theo lời cô ta chỉ dẫn mà làm mùa, nhờ vậy năm nào chúng tôi cũng trúng. Vậy chứ bà con không thấy ngày ngày chúng tôi đem cơm cháo, bánh trái đi ra

hay sao? Đó là những vật thực chúng tôi đem đến cúng cấp cho cô ta vậy. Bà con muốn cạy cô ta chỉ biếu dùm cho, thì cứ đem vật thực ngon lành đến biếu cô ta là được chứ gì.

Khi ấy, tất cả cư dân trong thành tranh nhau mang lễ vật đến.

Từ đó về sau, nữ Dạ Xoa làm bà thầy hướng dẫn nông nghiệp cho mọi người, được cúng dường lợi lộc dồi dào và qui tụ rất đông tín đồ đệ tử.

Sau đó, bà ta có lập ra tám thứ thực phẩm do người bắt thăm dâng cúng (Salākabhattāni), và cái lệ này vẫn còn gìn giữ cho đến ngày nay.

DỨT TÍCH NGƯỜI SANH LÀM NỮ DẠ XOA.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Tranh chấp tranh quyền nghịch lẫn nhau,
Giết con tình địch họa càng sâu.
Gà beo, lợn kiếp hai đời khổ,
Chằng, thú, bàng sanh mấy đọa sâu.
Có oán nào từng vui đến trước,
Thâm thù chỉ để hận về sau.
Vâng lời Phật dạy: Từ, bi, xả,
Cùng sống nương theo lý đạo mầu.*

PHỤ GIẢI:

I- Ngài Giác Âm (Buddhaghosa), tác giả bộ Chú Giải Pháp Cú Kinh, là một Tỳ Khưu ở xứ Thaton, dòng dõi Bà la môn xuất gia theo Phật giáo vào thế kỷ thứ V, Ngài rất thông suốt Tam Tạng và được Phật giáo Nam Tông xem là một vị Thánh Tăng, đã có công chấn chỉnh Phật giáo suy đồi ở Tích Lan, thủ tiêu những kinh điển mà Ngài cho là không đúng đường lối của Đức Phật, và có viết lại bằng Pāli những Bộ Chú giải, nhất là bộ Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga) mà Chư Tăng ngày nay lấy làm kinh chánh để tu học về GIỚI - ĐỊNH - TUỆ.

Tuy nhiên, gần đây có một số Chư Tăng ở Thái Lan bắt đầu ngờ vực những công trình của Ngài. Vì lẽ, dòng dõi Bà la môn của Ngài bao giờ cũng có chủ tâm dẹp bỏ Phật giáo, hay ít nhất cũng hạ bệ Phật và sắp Ngài vào hàng dưới đức Phạm Thiên của họ, biết đâu chừng những kinh chính thống Phật giáo đã bị thiêu đốt và thay thế bằng những giáo lý lai Bà la môn?

(Lúc Đức Phật còn tại thế, Ngài không cho ghi chép kinh, vì sợ tam sao thất bản. Mấy Tổ về sau giỏi chữ nghĩa văn chương nhất là các vị gốc Bà la môn sẽ có thể thêm bớt làm sai lệch nguyên bản, Ngài chỉ thuyết bằng tiếng Pāli, tiếng bình dân xứ Ma Kiệt Đà, không có chữ Nam Phạn, chữ Bắc Phạn (Sanskrit) là của đạo Bà la môn, tuy hơi giống như tiếng Pāli, nhưng không phải là một thứ tiếng như tiếng Việt Nam ở hai miền Nam, Bắc cả xứ ta).

Trong quyển *Legende de Gautama*, trang 372, có đoạn nói về Ngài, xin trích dịch ra dưới đây:

Người đầu tiên có công sưu tập một bản sao của Tam Tạng là Ngài Buddhaghosa, tu sĩ xứ Thaton, dòng Bà la môn, người này xuống thuyền ở Thaton, lúc bấy giờ ở ven biển gần đó, địa phương này nằm ở trong xứ Ramagnia và dân bản xứ gọi là người Moun. Ngài đã đáp thuyền buồm đi Tích Lan trong năm 1.043 - 400 năm sau Dương lịch. Dưới triều đại của vua Mahānāma. Ngài ở lại đảo ba năm viết (chép) Tam Tạng bằng chữ Miến Điện trên lá bối (lá buôn) theo các bản viết bằng chữ Tích Lan. Ở một bản kinh khác, chúng tôi đọc thấy Ngài viết ra tiếng Pāli những bản kinh bằng tiếng Tích Lan. Ngài Buddhaghosa lưu lại xứ Tích Lan ba năm để hoàn thành công trình đã dự định. Trong thời gian Ngài ở đảo này, dân chúng rất hâm mộ kính mến Ngài, nên khi Ngài từ giã, họ dâng cúng Ngài rất nhiều vật dụng quý giá, Ngài mang về xứ Suvannabhūmi (Kim Thành), ở xứ Ramagnia nguyên bộ Tam Tạng.

(2) Những phước báu dành cho tín đồ sau khi qua đời, đúng theo tỷ lệ của các việc làm phước thiện của họ lúc còn sống. Các cõi trời tiếp theo cõi người, nhưng ở dưới mười sáu cõi dành cho các Phạm Thiên Hữu sắc, được mở ra tiếp đón các thiện tín tu, các đực lạc ở cõi Chư Thiên hoàn toàn thuộc loại cảm quan. Tất cả những gì con người có thể tưởng ra để làm thỏa mãn ngũ quan, được dồn trên các nhàn cảnh ấy và Chư Thiên ở cõi đó tha hồ mà hưởng thụ một cách tự do, rộng rãi. Thú vui bằng Ngũ trần thì không thể nào tả hết cho được, ta chỉ cần biết là: Ở cõi trời Dục giới phái tính vẫn

còn. Trong hai cõi thấp nhất là Tứ Đại Thiên và Đạo Lợi, sự hành dâm vẫn có giữa hai phái tính nhưng không có sự chữa đẽ, trong cõi Dạ Ma Chư Thiên nam và nữ chỉ ôm nhau hôn hít là đủ thỏa mãn tình dục, trong cõi Đâu Suất hai bên chỉ nắm tay nhau, trong cõi Hóa Lạc vợ chồng chỉ nhìn mặt nhau. Và trong cõi Tha Hóa Tự Tại, hai người chỉ cần gặp nhau ở một nơi nào đó. Về phái tính trong Dục giới thiên, chúng ta có thể nhận thấy hai điểm:

A- Là dục lạc càng mất vẻ thô tục và càng trở nên thanh bai, tế nhị khi càng lên cõi cao hơn. Hễ lúc còn sống, Thiện tín làm phước càng thanh cao to lớn, thì sau đó sẽ được sanh lên cõi càng thanh cao, và hưởng thụ được những cảnh vui tế nhị. Do đó Đức Phật Cổ Đàm của chúng ta, trong tiền kiếp đã tạo nhiều giới đức tối cao nên được sanh lên cõi trời Đâu Suất (Tusita) là cõi trời dục thứ tư.

B- Thời gian thụ hưởng dục lạc cứ tăng gấp đôi từ cõi dưới thấp lên cõi trên kế tiếp. Nghĩa là những thú vui ở cõi Đạo Lợi được xem như thọ hưởng lâu hơn gấp đôi cõi Tứ Đại Thiên, cõi Dạ Ma thì gấp đôi cõi Đạo Lợi, cứ như thế tăng dần cho đến cõi trời thứ sáu.

Trong các bài pháp mà chư Tỳ Khuru thuyết cho quần chúng nghe để khuyến khích họ tinh tấn, nhất là về hạnh bố thí, các Sư hết sức rộng rãi trong các lời hứa hẹn về phước báu ở trên nhân cảnh, lấy đó làm một phương tiện mạnh mẽ để duy trì sự tinh tấn bố thí cúng dường của chư Thiện tín, Chư Tăng đã thành công rực rỡ trong các chương trình đã dự định. Đối với đại đa số thánh giả, người ta không thể phủ nhận rằng: “Những Phật giáo đồ là những nạn nhân của sự gạt gẫm này”, đã trọn tin những lời thuyết của các Pháp sư. Về vấn đề cõi trời Dục giới đó là đức tin chung trong đại chúng Phật giáo đồ, thỉnh thoảng người ta có thể gặp một số ít người phủ nhận các truyện ngụ ngôn ấy. Nhưng số ít này không được quan tâm lưu ý, vì phần chính thống của Giáo hội xem họ như những người tự do tư tưởng, thuần lý luận (Vie de gandama trang 281).

Trường hợp cậu Maṭṭhakuṇḍali được vãng sanh lên cung trời Đạo Lợi, không phải do làm phước hay giữ giới, mà chỉ giữ tâm trong sạch hướng đến Đức Phật là được như vậy.

Điều này mới nghe qua, như phản lại lời các Pháp sư thường ca tụng về pháp Bố thí và Trì giới, nhưng chính Đức Phật đã xác nhận và vị Chư Thiên Maṭṭhakuṇḍali là một bằng chứng: Chỉ bằng tâm trong sạch, dầu nói hoặc làm, hoặc nghĩ cũng được phước cả. Nguyên nhân tạo nghiệp là ý (mano). Ở nơi khác, Đức Phật còn dạy rằng tâm (tác ý) tức là nghiệp. Như Cổ Trưởng Lão Hộ Tông đã từng giải bày thứ quả của tài thí đều do tâm cả, xin nhắc lại là:

- 1- Bố thí với sự mong mỏi phước báu thì sẽ được sanh lên cõi trời thấp nhất (Tứ Đại Thiên).
- 2- Bố thí vì nghĩ đến việc làm thiện thì sanh lên cõi trời thứ hai (Đạo Lợi).
- 3- Bố thí vì phong tục tập quán sẽ sanh lên cõi trời thứ ba là Dạ Ma.
- 4- Bố thí theo Phật giáo thì sẽ được sanh lên cõi trời thứ tư là Đâu Suất.
- 5- Bố thí bằng tâm vui thích thì sẽ sanh lên cõi trời thứ năm là Hóa Lạc.
- 6- Bố thí bằng tâm giúp cho người được an vui đầy đủ thì được sanh lên cõi trời thứ sáu là Tha Hóa Tự Tại.
- 7- Bố thí không cầu mong hưởng quả, chỉ để xả ly tham, sân, si, nhất là lòng bòn xén thì được sanh lên cõi Phạm Thiên (vì đã hết dục vọng).

Phần nhiều Thiện tín không thích quả phước Vô lậu của cách bố thí với tâm xả ly để sớm đạt được Đạo quả Níp Bàn, mà chỉ bố thí để hồi hướng cho người quá vãng và để dành cho mình kiếp sau được hưởng quả. Ít người hiểu rành vì không được Chư Tăng giải rành mạch, tận tường, là mình đã bố thí hết cả phần phước của mình trong khi đọc bài Phước căn.. không chừa lại chút gì cả, mà còn đọc tiếp lời nguyện xả ly những phiền não tức là những dục vọng ham muốn, hưởng dục lạc ngũ trần trong ngày vị lai. Một lẽ nữa, là chư Thiện tín hiểu lầm Níp Bàn là cõi tịch diệt, không không rỗng tuếch, đoạn diệt tất cả nên ngán sợ Níp Bàn.

Trong số Chư Tăng có vị chưa nhận thức rằng, một Thánh nhân bậc thấp nhất, tuy nghèo xơ xác về mặt vật chất cũng không phải là người vô sản cùng đing. Do lẽ đó, Đức Phật đã từng khuyên các hành giả: “Vị Tỳ Khuru nên ở chỗ nào pháp dễ phát sanh mặc dù thiếu thốn vật thực” và Ngài cũng nhắc nhở các đệ tử: “Hãy là người thừa tự pháp, chớ đừng làm người thừa tự vật thực của Như Lai”.

Nhiều vị cư sĩ muốn xuất gia mà ngại thiếu thốn vật thực, vật chất, không thể tu được nên ráng làm phước để dành làm hậu bị thực. Các vị quá sợ khổ như vậy, không thể nào dám Minh sát Khổ, và

nếu ráng học nhiều pháp thì chỉ biết cái khổ bằng lý thuyết suông. Và lại đem hết tài sản bố thí cúng dường lớn lao trọng đại như ông Cấp Cô Độc hay bà Visākā, phước báu chẳng hơn gì người thợ hàng hoa Sumana được Phật thọ ký là Phật Độc Giác sau này.

Trong Tăng Chi Bộ Kinh, Đức Phật có giải về phước hữu lậu của Ngài đã làm trong kiếp còn là Bồ tát Velāma nhiều vô số kể, nhưng so ra chẳng bằng một phần mười sáu của hành giả thấy Pháp Sanh Diệt, tức là Minh sát Khổ cho tới khi hết khổ, không còn tái sinh cái khổ, tức là chứng được pháp Vô Sanh (của cái khổ).

Chuyện cậu Maṭṭhakuṇḍali về lý thì giống như pháp niệm Phật A Di Đà của phái Tịnh Độ, nghĩa là nhờ tha lực bằng đức tin mãnh liệt nơi Đức Phật vào lúc lâm chung mà được siêu sanh, tuy nhiên chẳng phải dễ gì niệm tưởng Đức Phật trong khi từ già cõi đời được, nếu không có sự trợ duyên.

Trong sách Quần Nghi Luận có kể mười trường hợp lâm chung không thể niệm Phật, xin chép ra đây:

- 1- Không gặp người trí thức nên không đi khuyên niệm Phật.
- 2- Nghiệp khổ buộc trong thân, không rảnh trí mà niệm Phật.
- 3- Trúng gió tắt tiếng, không xưng niệm hiệu Phật được.
- 4- Cuồng tâm loạn trí không thể niệm Phật được.
- 5- Chết chìm, chết thiêu không thể niệm Phật được.
- 6- Gặp nạn hùm, gấu mà không có ai nhắc niệm Phật được.
- 7- Gặp bạn ác khuyên điều tà, không tin Phật nên chẳng niệm được.
- 8- Ăn no quá độ rồi bị hôn mê mà chết nên không thể niệm Phật được.
- 9- Chết trong trận giặc không thể niệm Phật được.
- 10- Té xuống từ núi cao mà chết, không niệm Phật được.

Hành giả Minh sát Khổ thường xuyên giác ngộ lý Tứ Đế không sợ mê muội vào lúc lâm chung, dù không niệm Phật nhưng vẫn chánh niệm, giác tỉnh thì không bao giờ sa đọa xuống khổ cảnh. Nhưng hành giả không nên giải đãi dễ duôi, mà phải bắt đầu cho sớm thành thói quen, đừng đợi tuổi già mới Minh sát khổ.

*Mạc đại lão lai phương quán khổ
Cô phân đa thị thiếu niên nhân.*

III- Xã hội Ấn Độ trước thời Đức Phật, đã phân ra làm bốn giai cấp. Theo Luật Đức Bàn Cổ (Mano) đã ấn định bốn cách này căn cứ vào dòng dõi; tuy sống chung trong một xứ nhưng mỗi dòng chỉ kết hôn với người đồng dòng với mình thôi, chứ không chịu thú con lai hai dòng. Cấp Bà la môn là cấp tu sĩ, cao nhất vì tự cho mình là quý phái, trong sạch thánh thiện, được phép làm chủ các việc tế tự. Đức trời Phạm Thiên là đấng tạo hóa ra mọi loài, vạn vật. Cấp thứ hai là cấp chiến sĩ hay vua chúa, gọi là Khattiya (Bắc phạn là Ksatrya), Tàu âm là Sát Đế Ly. Đức Thích Ca thuộc dòng chiến sĩ, nhưng Ngài đã cách mạng, phá bỏ hàng rào giai cấp, nghĩa là lập ra giai cấp A La Hán, hay đúng hơn là định nghĩa lại tiếng Bà la môn, là bậc có giới đức đáng được lãnh đạo, chứ không phải là do cha mẹ Bà la môn sanh ra mà được tôn trọng là Bà la môn (cấp tối cao), theo Ngài hai giai cấp sau là Phệ Xá (thương buôn, thợ thuyền) và cấp Thủ Đà La (cùng đinh, du mục), nếu tu hành đúng đắn thì cũng được gọi là Bà la môn.

Theo Phật sử thì Đức Phạm Thiên (mà tu sĩ Bà la môn cho là đấng Tạo hóa tối tôn) còn nhỏ hơn Đức Phật và không đủ khả năng bằng Ngài, nên đã ba lượt yêu cầu Ngài ra đi hoàng pháp độ sanh sau khi Ngài đắc đạo. Do đó, giòng Thích Ca được Đức Phật làm nổi bật lên (Chính danh hiệu Thích Ca- Thích Ca- nghĩa là Thắng Nhân) đã kiêu căng càng thêm ngā mạn, như trường hợp Trưởng Lão Tissa hay Trưởng lão Xa Nặc (Channa) và Trưởng Lão Ānanda. Hai Ngài này, sau khi Đức Phật Níp Bàn rồi, mới chịu bỏ tánh tự tôn và đắc quả A La Hán.

Để phá bỏ sự chấp ngã mà Phật gọi là một tà kiến, Ngài đã thuyết kinh Vô ngã Tướng (Anattalakkhaṇasutta) cho năm vị Koṇḍañña nghe, và năm vị đệ tử đầu tiên đã lần lượt đắc quả A La Hán, nhờ giác ngộ rằng Ngũ uẩn không phải là ta, ta không phải là Ngũ uẩn.. Tiếng Anatta chính Đức Phật đã giải thích rằng: “N'etaṃ mama nesohamasivana me so atta” như đã dịch ở trên, nhưng ngày xưa các Ngài Trưởng Lão thông Hán tự nên dịch là Vô ngã, khiến cho lắm Phật tử hiểu lầm là

không có cái ngã. Và lại, các Pháp sư nhất là Luật sư dùng thuyết Vô ngã để chống lại chủ trương Bà la môn giáo: họ cho con người là một tiểu ngã, sau khi hết luân hồi sẽ trở về nhập cái Đại Ngã (Mahā - atman) tức là đấng tạo hóa, Phạm Thiên, đây chỉ là một phương tiện huyền ảo, một thứ khí giới để thắng phục địch thủ giỏi biện luận, một phương thuốc đặc biệt để trị bệnh ngã chấp của giai cấp Bà la môn và nhiều nhóm ngoại đạo khác chuyên môn lý luận. Đây không phải là môn thuốc trị bá chứng hoặc môn thuốc hay nhất của vị Y vương, nếu uống không nhằm bệnh người Phật tử vô ý sẽ phát khùng, cho rằng Đức Phật khẳng định rằng tất cả các pháp là Vô ngã (Anattā), hiểu sai như vậy thì hết muốn tu hành, vì có ai đâu nhập Níp Bàn và có ai đâu sa địa ngục.

Quý bạn tinh ý nên đọc qua đoạn đầu Tạng Luật, chỗ Đức Phật đính chánh, những tiếng đồn về Ngài là người chủ trương pháp Vô vi là hiểu dùng làm cái chi cả và thuyết Hư vô (Nevayiko) nghĩa là tất cả đều không.

Tinh hoa của đạo Phật là Tứ Diệu Đế hay bốn chân lý của Bạc Thánh Nhân. Tiếng Phật chỉ định người đã giác ngộ Tứ đế và đem ra dạy lại người khác. Tiếng Vô minh chỉ sự dốt về Tứ đế, nên không biết lối nào để thoát khổ, và tiếng Giải thoát tri kiến chỉ sự thấy, biết con đường đi đến sự diệt khổ. Sau khi đã hành qua pháp Minh sát khổ, nghĩa là với sự ghi nhớ của mình, ngồi quan sát rõ ràng sự diễn tiến của cái khổ từ khi sanh tới khi diệt, hay nói cách khác với trí Bát Nhã (hay Tâm Không chấp trước) bình tĩnh trải qua bốn giai đoạn Tứ đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo).

Phần đông nhân loại vẫn còn ở trong trạng thái vô minh, nên chỉ nhìn Đức Phật và đạo Phật một cách siêu hình, thần thánh không chút gì thiết thực cả và chưa bỏ được tánh ý lại thần quyền như dân tộc cổ sơ, nên đi lạc vào tà kiến ngoại đạo mà không ngờ, cứ tự phụ cho mình là Chánh Kiến và vẫn còn nơm nớp lo sợ lắm chuyện vu vơ.

Câu chuyện tiền kiếp của Trưởng lão Tissa chỉ là một thứ ngụ ngôn, nhưng Đức Phật đã khéo dùng đúng lúc, vui vui, khiến cho ai đọc đến kết cuộc cũng bật cười cho sự bướng bỉnh của đạo sĩ Đề Quý Lát. Trưởng Lão Tissa và tiền kiếp của Ngài có thật hay không? Không thành vấn đề, điều quan trọng là phần giáo lý thực tiễn, chứa đựng trong sự tích làm cho hiểu rõ thêm nghĩa và nhớ dai. Hai câu Pháp Cú 3-4 nếu gặp trường hợp như vậy, ta hãy đem trí tuệ mà thuyết phục cái tánh ngã mạn vô lối của ta thì ta là người thấu triệt chân lý ẩn trong câu chuyện cổ tích này.

IV- Yakkha (Dạ Xoa) là một trong Bát bộ được kể dưới đây (theo tài liệu Từ Bi Âm số 28.. năm 1935).

1- Càn Thát Bà (Gandhabba) Tàu dịch là Hương Âm, nghĩa là dùng các thứ mùi hương mà thọ dụng.

2- Tỳ Xá Xà (Pisaca) Tàu dịch là Đạm tinh khí, nghĩa là ăn uống những đồ tinh khí của người và các giống bấp đậu.

3- Cưu Bàn Trà (Kumbhanda), Tàu dịch là Ong hình, nghĩa là nam căn giống như cái vò vậy.

4- Chư Long (Nāga) nghĩa là các thứ Rồng.

5- Bích Lệ (Peta), Tàu dịch là Ngạ quỷ, nghĩa là thứ quỷ đói khát.

6- Phú Đon Na (pūtana) Tàu dịch là Xú ngạ quỷ, nghĩa là thứ ngạ quỷ đói mà thân thể rất hôi thúi.

7- Dạ Xoa (Yakkha) Tàu dịch là Dòng Kiện quỷ, nghĩa là thứ quỷ rất mạnh bạo.

8- La Sát (Rasasa) Tàu dịch là Bạo ác, nghĩa là thứ quỷ rất dữ tợn, hay ăn thịt người ta.

Tám bộ quỷ thần trên đây, có phát tâm hộ trì Chánh Pháp, cho nên Phật thuyết pháp đến đâu thì cũng có các bộ này đến hộ vệ và nghe pháp cả. Những chúng sanh này, Phật giáo Nam Tông gọi là Chư Thiên cõi thấp ở bốn cõi trời Tứ Đại Vương.

V. Cõi Tứ Đại thiên là cõi trời thấp nhất trong sáu cõi trời Dục giới (sáu cõi này còn có vợ chồng, có dâm dục, có ăn uống như nhân gian, nên gọi là trời Dục giới như đã giải ở trên).

Theo chú giải kinh Bắc Tông (Từ Bi Âm) thì bắt đầu từ dưới chân núi Tu Di (Tu Di), lên thẳng tới nửa núi Tu Di, tính là bốn muôn hai ngàn do tuần, mỗi do tuần là sáu mươi km, đó là chỗ ở của trời Tứ Đại Thiên.

(Theo Pāli một do tuần là mười sáu km, ở đây có lẽ dịch lộn mười sáu thành sáu mươi do chữ tánh là Chaddasa).

Bốn cõi Thiên Vương trấn bốn phương trời, một ông là Trì Quốc Thiên Vương (Dhatarattha), đất nơi đó toàn bằng bạc trắng, thành của ông kêu là thành Thượng Hiền. Ông lãnh một bộ thần Càn Thát Bà và một bộ quỷ Tì Xá Xà, ở phía Đông núi Tu Di, hộ người Đông Thắng Thần Châu.

Ông tên là Quảng Mục Thiên Vương (Virūpakkha) thành của ông gọi là Châu La, đất nơi đó bằng ngọc pha lê, ông lãnh các bộ Long vương và quỷ Phú Đon Na (Pātana), ở phía Tây núi Tu Di, hộ người Tây Ngưu Hóa Châu.

Một ông tên là Tăng Trưởng Thiên Vương (Virūhaka), thành của ông ở tên là Thiện Kiến (Sudassana), đất nơi đó bằng ngọc lưu ly xanh, ông lãnh coi Cưu Bàn Trà và một bộ quỷ đói, ở phía Nam núi Tu Di, hộ người Nam Thiện Bộ Châu.

Một ông tên Đa Văn Thiên Vương (Vessavana) hay Kuvera, có ba thành là: Thành Khả Úy, Thành Thiên Kính và Thành Chúng Quy, đất nơi đó bằng vàng, ông lãnh bộ quỷ Dạ Xoa và La Sát, ở phía Bắc núi Tu Di, hộ người Bắc Cưu Lưu Châu. Vị Trời này còn được Tâu âm là Tỳ Sa Môn, theo trong tích Nữ Dạ Xoa Hắc Nô, mà chúng ta có nói đến.

Bốn vị vua Trời này, mỗi ông có ba mươi hai vị Tướng quân và chín mươi một vị Thái tử. Vị nào cũng đủ oai lực ủng hộ mười phương, ngày đêm nơi cõi này bằng ở cõi người năm mươi năm.

Thân của bốn vị Trời ấy đều cao bảy mươi một trượng (mỗi trượng dài mười thước), còn tuổi thọ thì lâu đến năm trăm cõi ấy, bằng chín triệu năm ở cõi người.

Tại sao bốn cõi trời ấy hưởng phước được như vậy? Vì kiếp trước ở cõi người, bốn Trời ấy tu đủ mười nghiệp lành thượng phẩm, hoặc là giữ một giới sát sanh không phạm tới hay giữ Bát quan trai trong một ngày một đêm rất tinh thành, nên hưởng được phước báu như thế.

Tại từng trời ấy, mặt trời, mặt trăng đi quanh theo mà soi bốn hướng ở bốn phía núi Tu Di.



I. 5- CHUYỆN CÁC TỖ KHUU Ở KOSAMBI

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 06)

“Pare ca na vijānanti

Nhóm kia không hiểu biết,

mayam'ettha yamāse

Nơi đây ta tự diệt.

Ye ca tattha vijānanti

Người am hiểu lẽ này,

tato sammanti medhagā”.

Từ nay thôi biện thuyết”.

Kệ Pháp Cú số 6 này, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến các Tỳ Khưu ở thành Kosambi.

Thời ấy, gần thành Kosambi có hai vị Tỳ Khưu cùng an cư trong ngôi chùa Lô Âm (Ghosita), một vị chuyên thuyết pháp, một vị thông suốt Tạng Luật. Vị nào cũng có năm trăm đệ tử túc trực bên mình.

Một hôm vị Pháp sư đi đại tiện trong cầu xí, rửa ráy xong đi ra, còn chừa nước dư trong cái gáo mà không úp xuống.

Kế đó, vị Luật sư đi cầu, vô thấy nước dư trong cái gáo, đến khi trở ra gặp vị Pháp sư bèn hỏi:

- Này đạo hữu, phải đạo hữu đi cầu còn chừa nước dư trong cái gáo không?
- Dạ phải! Thưa đạo hữu.
- Đạo hữu không biết làm vậy là phạm giới (Tác ác) sao?
- Dạ! Thật tôi không biết.
- Làm vậy là phạm giới đó thưa đạo hữu.

- Thế thì để cho tôi xin sám hối tội ấy.

- Nhưng nếu đạo hữu không cố ý, không niệm tưởng trong khi làm thì không phạm.

Nghe vậy, vị Pháp sư phạm giới cho là mình không có lỗi, nên bỏ qua không sám hối.

Vị Luật sư không kín miệng, đem nói với nhóm đệ tử của mình: “Vị Pháp sư này phạm giới mà không biết”.

Những vị này, khi gặp mặt những vị đệ tử của vị Pháp sư, bèn chê trách: “Thầy Tế độ của mấy đạo hữu đã phạm giới mà cũng không nhận biết là mình có lỗi”.

Đệ tử của vị Pháp sư đem chuyện này bạch với thầy mình. Vị Pháp sư nói rằng: “Cái ông Luật sư này, lúc trước đã bảo là ta không phạm, bây giờ lại nói là ta phạm. Vậy ông ta là người vọng ngữ”.

Thế rồi, hai bên sanh sự cãi nhau, trước nhỏ sau to, lần lần gây ra lớn chuyện. Kế đó, vị Luật sư nắm được cơ hội, nhóm hết Chư Tăng, đọc tuyên ngôn trục xuất vị Pháp sư. Viện có rằng vị này phạm giới mà không chịu nhận lỗi.

Từ đó, những thí chủ thường dâng cúng vật thực, vật dụng và những người hộ độ Chư Tăng trong chùa bắt đầu chia ra làm hai phe.

Cho đến chư Tỳ Khuru Ni thỉnh Tăng dạy đạo, Chư Thiên hộ pháp cùng các bạn mới bạn cũ, Chư Thiên trên hư không như chư Phạm Thiên, tất cả những vị còn phàm tâm thầy đều chia ra làm hai phe đối lập, tranh luận nhau, tiếng xô xao thấu đến cõi trời Sắc Cứu Cánh Thiên (Kānīthabhavana).

Lúc ấy, một vị Tỳ Khuru đem chuyện tranh chấp giữa hai nhóm Tăng về bạch lên Đức Thế Tôn, nói rằng: “Nhóm Tăng đọc tuyên ngôn trục xuất vị Pháp sư, cho rằng mình hành đúng pháp luật, nhưng nhóm bình vực vị này phản ứng bản trục xuất, cho là không đúng pháp luật, nên vẫn giao thiệp thân cận vị Pháp sư”.

Đức Thế Tôn hai lần nhấn lời khuyên bảo: “Hãy nên hòa hiệp”, nhưng Ngài được tin trả lời: “Bạch Ngài, họ vẫn không chịu hòa nhau”.

Lần thứ ba được tin cho hay Tăng chúng đã phân ly, Đức Thế Tôn phải thân hành ngự đi đến tận nơi tranh chấp giải bày chỗ bất lợi trong hành vi thái độ của cả hai bên, bên Luật sư đọc tuyên ngôn trục xuất và bên Pháp sư phạm giới mà không chịu sám hối.

Rồi Ngài phán dạy Chư Tăng hãy làm lễ Phát lồ chung nhau ngay lúc đó và hành Tăng sự chung trong một chỗ có Kiết giới (Sīmā). Ngài ban hành điều lệ, cho phép các Tỳ Khuru đã tranh chấp nhau nơi Trai Tăng Đường hay bất luận nơi nào, hãy nên ngồi xen kẽ nhau (āsanatarikāya) trong Trai Tăng Đường.

Dàn xếp xong xuôi, Đức Thế Tôn trở về chùa Kỳ Viên.

Kế đó, lại có tin cho hay: Chư Tỳ Khuru ở Kosambi lại cạnh tranh với nhau nữa. Đức Thế Tôn lại thân hành ngự đến tận chùa Lôi Âm để hòa giải. Ngài mở lời cản ngăn rằng: “Thôi đi, các Tỳ Khuru đừng chia rẽ, tranh chấp nữa”.

Đoạn Ngài dạy tiếp rằng:

“Này các Tỳ Khuru, những sự chia rẽ tranh chấp, cãi lẫy, kinh chống nhau, đều chẳng lợi ích chi, cũng vì tranh chấp nhau mà con chim cút Ấn Độ (Latutika) bé tí hon đã làm thiệt mạng một thớt tượng chúa (Hatthināga) “.

Sau khi kể tích Bốn Sanh (Jātaka) về con chim cút, Đức Thế Tôn khuyên nhủ rằng: “Này các Tỳ Khuru, các ông hãy nên hòa hợp nhau, đừng kinh chống nhau nữa. Vì kinh chống nhau mà cả trăm ngàn con chim cút thường (vattatā) phải bỏ mạng”.

Và Đức Bổn Sư kể thêm về tiền tích con chim cút.

Nhưng Chư Tăng vẫn giữ lập luận của mình, bất chấp những huấn từ của Đức Thế Tôn.

Một vị Pháp sư háo thắng, muốn cho Đức Thế Tôn khỏi phải cực lòng nói mãi vô ích, lên tiếng can rằng: “Bạch Thế Tôn là Đức Pháp Chủ, xin Ngài hãy về nơi nghỉ dưỡng nhàn và hưởng thụ sự an vui nhân tiên hiện hữu. Để cho chúng Tăng nhờ sự chia rẽ, tranh chấp, cãi lẫy, kinh chống này mà danh tiếng được lấy lòng”.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn lại phán: “Nầy các Tỳ Khuru, xưa kia tại thành Bārāṇasi, có vị Quốc vương tên là Phạm Thí là vua xứ Ka Xí.

Vua Phạm Thí xâm chiếm nước Kosalā của vua Dīghīti (Trường Thọ), bắt hành quyết vị Vương tẩu quốc, sau được Thái tử Dīghāyu (Trường Sanh) dung tha mạng sống, không báo thù, từ đó hai họ giao hòa, đồng vinh cộng lạc”.

Kể tích nầy, Đức Bổn Sư kết luận: “Nầy các Tỳ Khuru, rất đỗi là các bậc vua chúa anh hùng mã thượng, từng trải việc kiếm cung chinh chiến mà còn nhẫn nại giao hòa được như thế thay, hà huống là Chư Tăng đã xuất gia Sa Môn, dự hàng Thịnh Văn đệ tử của Như Lai mà không làm sao sáng tỏ đức nhẫn nhục hiền hòa, cho mọi người trông thấy được sao?”.

Mặc dầu đã tận tình khuyến giới, Đức Bổn Sư cũng không hòa giải được nhóm đệ tử của Ngài.

Thấy Tăng chúng phân ly, Đức Thế Tôn chẳng được hài lòng. Ngài tự nghĩ: “Các Tỳ Khuru không vâng lời ta giáo hóa, tình trạng chia rẽ nầy chỉ làm Ta bận rộn hay là Ta lánh xa nơi đô hội, một mình ra đi tìm chỗ tịnh cư”.

Nghĩ rồi, Đức Thế Tôn vào thành Kosambi khát thực, sau đó không từ già Chư Tăng, Ngài mang y bát đơn thân độc hành, ngự ngay đến làng Balaka của người làm muối (Lonakaranam). Nơi đó Ngài thuyết cho Trưởng lão Bhagu về hạnh độc hành (Ekacarikavatta). Rồi Ngài ngự đến rừng Pācinavamasamigadāya (Trúc Lộ Viên), thuyết về phước báu hương vị của pháp hòa hợp cho ba mươi vị thiếu niên công tử nghe.

Đoạn Ngài trực chỉ vô miền Pālileyaka.

Nghe rằng Đức Thế Tôn đã nhập một hạ an vui nơi đó, dưới gốc cây Ta La xinh đẹp trong khu rừng Rakkhitavana (Vê Lâm) gần vùng Pālileyaka có con Tượng chúa Pālileyaka hộ độ.

Ở Kosambi, những Thiện nam tử đi chùa không thấy Đức Bổn Sư, bèn hỏi Chư Tăng:

- Bạch các Ngài! Đức Bổn Sư ngự tại đâu?
- Ngài đi vào rừng Pālileyaka rồi.
- Bạch Ngài, vì lý do nào?
- Vì Ngài đã cố gắng hết sức giảng hòa mà Chư Tăng chúng tôi không chịu đoàn kết với nhau.
- Bạch các Ngài! Các Ngài đã xuất gia làm đệ tử của Đức Bổn Sư, mà Đức Bổn Sư dạy các Ngài hòa hợp đoàn kết, các Ngài không chịu đoàn kết với nhau hay sao?
- Quả thật như thế đó, nầy các đạo hữu.

Mọi người nghe vậy, bảo nhau: “Mấy ông nầy là môn đồ của Đức Bổn Sư mà lại cãi lời Thầy, không chịu đoàn kết. Tại mấy ông mà chúng ta không diện kiến Đức Bổn Sư được, vậy ta đừng nên thỉnh ngồi, đánh lễ, chào mừng, kính trọng mấy ông nầy nữa”. Từ đó trở đi, khi gặp Chư Tăng ở Kosambi, không ai thèm để ý chào đón chi hết.

Chư Tỳ Khuru đi khát thực cũng ít người để bát, phải nhịn đói hết hai ba ngày liền, nhờ đó mới tỉnh ngộ cùng nhau sám hối và tha thứ tội lỗi cho nhau, đoạn báo tin cho Thiện tín hay rằng:

- Nầy chư Thiện tín, Chư Tăng đã hòa hợp, các ông hãy trong sạch như trước.
- Các Ngài có xin sám hối với Đức Bổn Sư chưa?
- Nầy các đạo hữu, Chư Tăng chưa sám hối với Ngài.
- Nếu vậy, các Ngài hãy xin sám hối với Đức Bổn Sư đi. Chừng nào các Ngài xin sám hối với Đức Bổn Sư chừng ấy chúng tôi sẽ trong sạch với các Ngài như trước.

Lúc ấy vì chưa mãn hạ, không thể đi sám hối với Đức Bổn Sư nên các Tỳ Khuru phải ráng sống lây lất khổ cực lắm.

Trái lại, Đức Bổn Sư nhập hạ một mình trong rừng được an vui nhờ có Tượng chúa Pālileyaka hộ độ.

Tượng chúa này cũng lia đàn, đi vô rừng sâu một mình để được an tịnh.

Tượng chúa tự nghĩ: “Ở trong đàn chung chạ bực bội quá! Nào là voi đực, voi cái, voi lứa, voi con... bao nhiêu đầu ngọn cỏ của ta đều bị chúng gặm trước, bao nhiêu nhánh cây ta bẻ sẵn xuống đều bị chúng dành nhau ăn, chỗ ta uống nước đều bị chúng quậy cho nổi bùn. Ta xuống ngâm mình dưới ao hồ nào cũng bị con voi cái đeo theo kỳ cọ trên mình ta. Hay là ta hãy lánh đi, tìm chỗ sống riêng biệt một mình”. Nghĩ rồi Tượng chúa quyết định lia đàn, đi ngay vô khu rừng Rakkhitavana trong vùng Pālileyyaka, đến dưới gốc cây Ta La xinh đẹp, chỗ Đức Thế Tôn đang ngự, đánh lễ Ngài xong, Tượng chúa nhìn quanh không thấy có vật chi khác hết, Tượng chúa bèn lấy chân đạp mạnh vào gốc cây Ta La xinh đẹp làm cho cây ngã xuống, đoạn dùng vòi tét một nhánh cây, lấy làm chổi quét sân.

Kế đó, Tượng chúa dùng vòi lấy vỏ cây đi múc nước để sẵn.

Khi nhớ nước nóng cần phải có, tượng nghĩ lập cách nấu nước, làm sao đây? Tượng dùng vòi kéo cây cứng cọ nhau cho nháng lửa, đoạn nó chất thêm củi khô cho cháy lên có ngọn, lượm đá nhỏ bỏ vô đồng lửa, nướng cho nóng, rồi dùng vòi cầm gậy khuấy đá ra, lăn đũa đi cho đá rớt xuống các hồ nước thiên nhiên trên một hốc đá (sondi).

Thỉnh thoảng Tượng lấy vòi thăm chừng, khi độ biết nước vừa đủ ấm, nó đến đánh lễ Đức Bổn Sư.

Đức Ngài hỏi nó: “Ngươi nấu nước nóng rồi phải không Pālileyyaka?”. Đoạn Đức Thầy đến chỗ tắm.

Kế đó, Tượng chúa mang nhiều thứ trái cây dâng lên Đức Bổn Sư. Tới giờ Đức Bổn Sư vào làng khát thực, Tượng chúa lấy y bát đội lên đầu đi theo hầu Ngài.

Khi tới cận xóm, Đức Bổn Sư dừng lại, bảo tượng rằng: “Này Pālileyyaka, kể từ đây ngươi không thể theo ta được nữa, hãy trao y bát lại cho ta”.

Lấy y bát rồi, Đức Bổn Sư ngự đi một mình vào làng khát thực.

Còn Tượng chúa đứng mãi nơi bìa rừng, chờ cho tới khi Đức Bổn Sư đi bát về, chạy ra rước lấy y bát, đội lên đầu và lục thực theo Ngài trở về chỗ ngự.

Về đến nơi, nó để y bát xuống đàng hoàng, lại tiếp tục làm lại những công việc hàng ngày nó vẫn làm để phục dịch Đức Bổn Sư, khi rảnh việc nó cầm cây làm quạt để quạt hầu Ngài.

Ban đêm, Tượng cầm một khúc cây to, thức để canh phòng thú dữ, nó nói thầm: “Ta sẽ hộ vệ Đức Bổn Sư”, rồi nó đi tới đi lui, tuần hành theo các khoảng trống trong rừng cho tới khi mặt trời mọc.

Theo tục truyền, khu rừng được mệnh danh kể từ đó.

Khi mặt trời mọc lên, Tượng chúa dâng nước rửa mặt, cây đánh răng..đến Đức Bổn Sư xong, nó lo làm những phận sự hằng ngày đã kể ở trước.

Gần nơi đó, có con khỉ chúa, ngày ngày trông thấy Tượng chúa dậy sớm, hầu hạ phục dịch Đức Như Lai, khỉ chúa tự nghĩ: “Ta cũng sẽ làm việc chút ít chứ”.

Trong khi nhảy nhót la cà nhiều chỗ, một hôm khỉ ta gặp được một ổ mật ong, đóng trên một nhánh cây, thấy ong đã bỏ đi hết, nó bèn bẻ nhánh cây ấy, cầm đi đem về gần tới Đức Bổn Sư nó bứt lá chuối lột dưới ổ mật ong, rồi dâng lên cho Ngài dùng.

Ngài chỉ tiếp nhận và làm thỉnh.

Khỉ chúa đứng chờ coi Đức Bổn Sư có thọ dụng ổ mật đó không. Nhưng nó chỉ thấy Ngài cầm lên và để xuống chứ không dùng. Khỉ ta tự hỏi: “Có cái gì đây?” nó bèn cầm lấy nhánh cây có ổ ong lên, lật qua lật lại xem thật kỹ, thì thấy còn sót trứng ong trong ổ, nó bèn cẩn thận gạt bỏ hết trứng ong, rồi dâng ổ mật lại Đức Bổn Sư.

Lần này Ngài thọ lãnh và thọ dụng.

Thấy vậy, khỉ chúa mừng quýnh, tung tăng nhảy nhót chuyển hết cảnh này tới cảnh kia.

Đang lúc cao hứng, không cẩn thận để phòng, khỉ chúa với tay chụp phải một nhánh cây đòn yếu, nhánh nằm trong tay gãy, nhánh đập dưới chân cũng gãy luôn, khỉ ta rơi từ trên cao xuống, trúng nhằm một gốc cây bén nhọn, chết liền tại chỗ.

Nhờ tâm trong sạch đối với Đức Bốn Sư, khi được siêu sanh lên cõi Tam thập tam thiên (Tāvātimsa) ở trong một tòa đền bằng vàng rộng ba mươi do tuần, có hàng ngàn thiên nữ theo hầu. Khắp cõi Diêm Phù Đề đều hay biết tin Đức Bốn Sư kết hạ an cư trong rừng Rakkhitavana, có Tượng chúa hộ độ.

Từ thành Sāvattihī Trưởng giả Cấp Cô Độc và bà Visākha cùng nhiều đại gia tộc khác gửi thơ yêu cầu Trưởng Lão Ānanda:

“Bạch Ngài, xin cho chúng tôi được yết kiến với Đức Tôn Sư”.

Năm trăm vị Tỳ Khưu nhập hạ ở tha phương, khi mãn hạ về gặp Trưởng Lão Ānanda, cũng yêu cầu:

- Nầy đạo hữu Ānanda! Từ khi chúng tôi hội kiến với Đức Tôn Sư, được nghe pháp thoại của Ngài đến nay cũng đã quá lâu, xin đạo hữu hoan hỷ giúp chúng tôi được yết kiến Ngài để được nghe những lời vàng ngọc do Ngài ban bố”.

Trưởng Lão Ānanda bèn hướng dẫn chư khách Tăng đi tìm Đức Bốn Sư.

Khi gần đến nơi, Trưởng Lão nghĩ thầm: “Đức Như Lai đã sống biệt cư trong ba tháng qua, ta chẳng nên đưa khách Tăng cùng vào một lượt mà làm mất sự yên tịnh của Ngài”.

Để Chư Tăng ở lại bên ngoài, Trưởng Lão đi một mình vào rừng Vệ Lâm.

Tượng chúa Pālileyyaka vừa thấy dáng người lạ đã cảm gậy chạy xông tới.

Đức Bốn Sư nhìn tượng chúa và kêu: “Pālileyyaka hãy dang ra, hãy dang ra đừng đứng cản đường. Đó là vị thị giả của Như Lai”.

Tượng chúa lập tức bỏ gậy xuống, đến xin rước bát của Trưởng Lão, nhưng Trưởng Lão không đưa. Tượng chúa nghĩ thầm: “Nếu vị này thông hiểu Giới Luật thì không dám để đồ đạc của mình lên thạch bàn chỗ Đức Bốn Sư an tọa”.

Trưởng Lão đặt y bát xuống đất (những vị Tỳ Khưu hiểu Luật không bao giờ để đồ đạc của mình lên chỗ ngồi, chỗ nằm của các bậc Thầy Tổ).

Tượng chúa thấy vậy, phát tâm trong sạch đối với Trưởng Lão.

Sau khi đánh lễ Đức Tôn Sư, Trưởng Lão ngồi xuống một bên. Đức Bốn Sư bèn nói:

- Nầy Ānanda! Ông lại đây có một mình ông sao?

Khi nghe Trưởng Lão Ānanda cho Ngài biết có năm trăm vị Tỳ Khưu cùng đi với Trưởng Lão, Ngài lại nói:

- Chư Tăng ấy hiện giờ ở đâu?

- Vì không biết được tôn ý, nên con vào đây có một mình, Chư Tăng còn ở lại phía ngoài.

- Hãy gọi Chư Tăng ấy vào đây.

Trưởng Lão vâng lời dạy; Chư Tăng vào đến nơi, đánh lễ Đức Thầy xong, ngồi nép qua một bên.

Đức Bốn Sư thân mật hỏi han các Chư Tăng về việc tự túc và hành đạo rồi, Chư Tăng bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ngài là một vị Phật Chí Tôn, một vị Vương tối thượng, lá ngọc cành vàng, mà ở rừng suốt ba tháng hạ, không người hộ độ, dâng nước hầu cơm khi ngồi, khi đứng, khuya sớm một mình chắc là cực khổ lắm!

Nghe vậy, Đức Bốn Sư đáp:

- Nầy các Tỳ Khưu! Đã có tượng chúa Pālileyyaka làm hết mọi việc cần thiết giúp Ta, nếu ai có được bạn đồng cư như Tượng chúa nầy, người ấy có thể vui sống chung, bằng không được vậy thì sống lẻ loi cô độc còn hơn.

Nói rồi, tiếp đọc ba câu kệ dưới đây, về sau được ghi chép lại trong phẩm Voi (Nāga vagga) của kinh Pháp Cú.

*“Sace labhetha nipakam̐ sahāyam̐
Saddhim̐ caram̐ sādhuvihāri-dhīram̐*

*Abhibhuyya sabbāni parissayāni
Careyya ten'attamano satīmā
No ce labhetha nipakaṃ sahāyaṃ
Saddhiṃ caram sādhuvihāridhīraṃ
Rājāva raṭṭhaṃ vijitaṃ pahāya
Eko care mātaṅgaraññeva nāgo
Ekassa caritaṃ seyyo
Natthi bāle sahāyatā
Eko care na ca pāpāni kayirā
Appossuko mātaṅgaraññeva nāgoti”.*

*“Nếu may gặp bạn đồng hành,
Hiển minh chọn chánh hiểu rành lối đi.
Tinh tường thắng phục gian nguy,
Hãy nên hoan hỷ, nhớ ghi kết tình.
Nếu không gặp bạn đồng hành,
Hiển minh chọn chánh, hiểu rành lối đi.
Như vua bỏ nước vong suy,
Như voi rừng thẳm thà đi một mình.
Thà rằng chiếc bóng độc hành,
Không cùng đũa đại kết tình thâm giao.
Độc cư chẳng phạm lỗi nào,
Thanh nhàn như tượng ra vào rừng sâu”.*

Kệ ngôn vừa dứt, năm trăm vị Tỳ Khuru đều đắc quả A La Hán. Kế đó Trưởng Lão Ānanda chuyển lời thỉnh cầu của ông Cấp Cô Độc và các Thiện tín khác, Trưởng Lão nói:

- Bạch Ngài! Năm mươi triệu Thánh Thinh Văn có ông Cấp Cô Độc là người lãnh đạo, kính gửi lời xin cung thỉnh Đức Tôn Sư trở về Kỳ Viên.

Đức Thế Tôn phán:

- Thế thì nầy Ānanda, ông hãy mang bát của Ta đi.

Trưởng Lão Ānanda vừa lấy y bát của Đức Bổn Sư bước đi, thì Tượng chúa đứng đường cản lại. Chư Tăng thấy Tượng làm vậy bèn hỏi Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài! Tượng chúa làm cái gì đây?

- Nầy các Tỳ Khuru! Tượng chúa tỏ ý muốn cúng dường thực phẩm đó. Tượng nầy có công hộ độ Như Lai lâu ngày, chớ nên làm buồn lòng nó. Chư Tăng hãy ở nán lại”.

Đức Bổn Sư dẫn Chư Tăng quay trở lại chờ.

Tượng chúa đi sâu vô rừng, kiếm chuối và nhiều thứ trái cây khác, chất lên trên đầu, đội về để dành qua ngày sau dung cúng đến Chư Tăng, năm trăm vị Tỳ Khuru độ cũng không hết.

Khi Chư Tăng thọ thực xong, Đức Bổn Sư lấy y bát ra đi.

Tượng chúa rẽ lối đi chen vào Chư Tăng, đến đứng ngay trước mặt Đức Bổn Sư. Chư Tăng lại bạch hỏi:

- Bạch Ngài! Tượng chúa định làm gì vậy?

- Nầy các Tỳ Khuru! Tượng chúa muốn tiễn đưa các ông về cho sớm và giữ ta ở lại.

Đức Bổn Sư day qua bảo Tượng chúa rằng:

- Nầy Pālileyyaka, hôm nay Như Lai ra đi không còn trở lại. Vĩnh biệt nhà ngươi. Trong kiếp hiện tại nầy người chẳng mong gì đắc Thiên định, Minh sát hay chứng được Đạo quả chi đâu. Thôi ngươi hãy nán lại ở đây nghe.

Nghe vậy, Tượng chúa dứt vòi vào miệng, từ từ thụt lùi lại phía sau, vừa đi vừa rống lên những tiếng bi ai sâu thẳm (nếu nó cầm được Đức Như Lai ở lại, có lẽ nó sẽ hết lòng phụng dưỡng Ngài mãi mãi cho đến hết đời của nó).

Ra tới bìa rừng, Đức Bốn Sư kêu Tượng chúa và bảo:

- Này Pālileyyaka! Từ đây trở ra không phải là địa phận của người, nếu người đi xa hơn nữa, vào tới nhà cửa xóm làng có người ở, ắt là sẽ nguy hiểm cho người. Thôi người hãy dừng lại!

Tượng chúa bèn dừng lại, rống lên nghe rất thảm thiết. Nó giương đôi mắt nhìn theo Đức Bốn Sư cho đến khi khuất dạng rồi bị nút tim, nó chết ngay tại chỗ đó, nhờ đang có tâm trong sạch với Đức Như Lai, nó được sanh về cõi Tāvātimsa (Đao Lợi) ở trong một tòa lâu đài bằng vàng rộng ba mươi do tuần, có cả ngàn thiên nữ theo hầu, và được mệnh danh là Pālileyyaka Thiên tử (Devaputta).

Đức Bốn Sư ngự hành lần hồi về tới Kỳ Viên. Các Tỳ Khuru ở Kosambi hay tin Đức Bốn Sư đã trở về thành Sāvattihī, bèn kéo nhau đến để xin sám hối.

Quốc vương xứ Kosalā nghe tin Chư Tăng tranh chấp ở Kosambi đi vào thành Kosalā, bèn ngự đến đánh lễ Đức Thế Tôn và bạch:

- Bạch Ngài! Quả nhân cấm không cho các Tỳ Khuru ngỗ nghịch ấy vào nước của quả nhân.

- Tâu đại vương! Tất cả những Tỳ Khuru ấy đều là hạng người có giới đức thanh cao, chẳng qua vì tranh giành, kinh chống lẫn nhau mà không vâng lời Như Lai đó thôi. Nay họ đã biết ăn năn đến để xin sám hối Như Lai. Đại vương hãy để cho họ đến.

Ông Cấp Cô Độc cũng đến bạch với Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài! Con không cho mấy ông đó vào chùa.

Đức Bốn Sư lại giải thích cho ông nghe, như Ngài giải thích với đức vua, nên ông lẳng lặng đi ra.

Khi các Tỳ Khuru ở Kosambi đến, Đức Bốn Sư ra lệnh sắp đặt chỗ ở riêng biệt một phía cho họ ở chung, ngoài ra các Tỳ Khuru khác không được ngồi chung, đứng chung hay tiếp xúc chuyện trò với họ.

Nhiều người nghe tiếng đồn, kéo nhau đến chùa hỏi thăm Đức Bốn Sư: “Bạch Ngài! Các vị nào là những vị Tỳ Khuru tranh chấp ở Kosambi đâu?”.

Đức Bốn Sư chỉ ngay họ cho Thiện tín thấy. Rồi hết người nọ đến người kia, họ lấy tay chỉ truyền nhau: “Nghe nói là mấy ông Sư đó đó”.

Thét rồi, chư Tỳ Khuru ấy hổ thẹn chẳng dám ngược mặt ngó lên đến quỳ mọp dưới chân Đức Bốn Sư và xin sám hối với Ngài.

Đức Bốn Sư quả rằng:

- Này các Tỳ Khuru! Việc làm của các ông thật là đáng tội, các ông được xuất gia tu hành với một vị Phật như Ta, mà các ông bất chấp lời khuyên dạy, chẳng khứng hiệp hòa. Bậc hiền trí thuở xưa lãnh lời di chúc của song thân sắp thọ tử hình, dầu cho song thân có bị thảm sát chết đi rồi, cũng không dám vi phạm lời di chúc ấy. Về sau được thống lãnh cả hai quốc gia.

Nói rồi, Đức Bốn Sư nhắc lại tích đức vua xứ Kosalā một lần nữa và Ngài kết luận rằng:

“Này các Tỳ Khuru, dầu cho Phụ vương và Mẫu hậu đã bị hành quyết rồi, Thái tử Trường Sanh cũng không trái lời di chúc của Tiên vương. Về sau được vua Phạm Thích phong làm phò mã và nhường cả Ngài vàng, thành ra một mình thống lãnh cả hai lãnh thổ là xứ Ka Xí và Kosalā. Còn các ông bây giờ lại cãi, không nghe lời Ta. Tội lỗi của các ông nặng nề biết mấy”.

Đến đây Đức Bốn Sư đọc lên bài kệ rằng:

*“Pare ca na vijānanti
Mayam'ettha yamāse
Ye ca tattha vijānanti
Tato sammanti medhagāti”.*

*Nhóm kia tranh luận đảo điên,
Không ngờ: Mình tự tìm niềm diệt vong.
Nhóm nầy lý nọ hiểu thông,
Từ đây dứt sự lòng vòng hơn thua.*

CHÚ GIẢI:

Pare ca: Theo nghĩa thông thường là “những người khác” nhưng ở đây không có nghĩa là người ngoài cuộc, mà ám chỉ những người đang tranh chấp. Gây sự xáo trộn trong đoàn thể, là những người thiếu sự hiểu biết, tương đối với nhóm này là nhóm hiểu biết, không tranh chấp. Hoặc giả chỉ nhóm Tăng mà Như Lai đã khuyến giới: “Nầy các Tỳ Khuru, đừng nên chia rẽ nhau”... mà chẳng chịu nghe lời, lại còn đáp rằng: “Vì chúng tôi còn tham sân...”.

Na Vijānanti: Nghĩa là không hiểu biết, tức là không hiểu biết rằng: Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết. Hoặc giả là dốt nát đảo điên, chấp theo tà kiến, gắng làm tăng trưởng mầm sống chia rẽ tranh chấp với hy vọng rằng: “Làm vậy chúng tôi sẽ được danh tiếng”.

Mayam' ettha: Nghĩa là chúng ta nơi đây, ý nói trong việc tranh chấp, chia rẽ này, hoặc là ở nơi có sự chia rẽ này.

Yamāse: Sự tiêu diệt, Chư Tăng đang hòa hợp sống chung, bỗng nhiên sanh ra tranh giành, cãi vã, bất hòa, ấy là tự mình chặn đứng bước tiến của mình, tự mình tiêu diệt mình, tự mình đưa nhau đến chỗ suy vong mà không tự biết.

Ye ca tattha: Nghĩa là những người ở tại đây, chỉ nhóm người không tranh chấp, đối lại với nhóm kia ở câu kệ trên.

Hoặc giả chỉ những Tỳ Khuru tranh chấp, nhưng sớm biết ăn năn tự hối, nhờ có sự lưu tâm, suy xét, cân phân lợi hại.

Vijānanti: Nghĩa là hiểu biết, tức là hiểu biết sự tai hại của sự chia rẽ và sức mạnh của sự đoàn kết to lớn dường nào?

Tato: Từ đây, hay là do đây, từ đây là kể từ lúc người hiền trí nhờ lưu tâm quán xét thống thấu được rằng: Sự tranh chấp chia rẽ là con đường đưa đến chỗ diệt vong.

Còn nói do đây, là do những người sớm biết lưu tâm quán xét tự nhận tội lỗi để cùng nhau hợp hòa trở lại, do người như vậy làm gương cho người khác noi theo.

Samanti medhagāti: Các sự tranh chấp, cãi lầy biện thuyết hơn thua, phải quấy thảy đều yên lặng chấm dứt, không còn kéo dài lòng thòng nữa.

□

Đến cuối câu kệ, chư Tỳ Khuru đều đắc quả vị, nhất là quả Tu Đà Huòn.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*“Hai nhóm Tỳ Khuru Kosambi,
Nghịch nhau bởi có chẳng ra gì.
Nước thừa, lại phá Tăng hòa hiệp,
Giới nhỏ sao làm chúng đoạn ly.
Phật dạy không nghe lời quý ích,
Thầy chung sẽ được tiếng cao kỳ.
Từ Tôn vắng bóng còn ai hộ,
Bụng đói thì thôi hết thị phi”.*

DỨT CHUYỆN CÁC TỶ KHUU Ở Kosambi

□

I. 6- CHUYỆN TIỂU HẮC SƯ VÀ ĐẠI HẮC (Cullakālamahākaḷa vatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 07-08)

*“Subhānupassiṃ viharantaṃ
indriyesu asaṃvutaṃ
Bhojanamhi amattaññuṃ
kusītaṃ hīnaviriyam
Taṃ ve pasahati māro
vāto rukkhamaṃva dubbalaṃ’
“Asubhānupassiṃ viharantaṃ
Indriyesu susaṃvutaṃ
Bhojanamhi ca mattaññuṃ.
Saddham āradhaviṛiyam
Taṃ ve nappasahati māro
Vāto selamaṃva pabbatanti”*

“Ai sống theo thị dục,
Các căn chẳng thu thúc,
Ăn uống vô độ điều,
Biếng lười không tận lực.
Ma thắng người ấy như,
Gió đè cây yếu sức”.
“Ai bất tịnh quán tu,
Các căn khéo nhiếp thu,
Ăn uống có tiết độ,
Chánh tín và cần cù,
Ma chẳng thắng người ấy,
Như gió thổi sơn đầu”.

Kệ Pháp Cú 7 và 8 này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự gần thành Xê Táp Da, trong rừng Simsapa, để cập đến hai anh em Tiểu Hắc (Cullakāḷa) và Đại Hắc (Mahākāḷa).

Tiểu Hắc (Cullakāḷa), Trung Hắc (Majjhimakāḷa) và Đại Hắc (Mahākāḷa) là ba anh em Trưởng giả ở thành Xê Táp Da. Trong ba người, anh cả và em út chuyên đi xứ xa bỏ hàng chở về bằng năm trăm cỗ xe bò, người giữa ở lại xứ nhà lo việc buôn bán.

Công việc hợp tác buôn bán giữa ba anh em vẫn trôi chảy đều đều như vậy, cho đến một lúc nọ sau khi chất đủ thứ hàng hóa đầy năm trăm cỗ xe bò. Hai vị thương khách lên đường trở về thành Sāvattihī. Đến khoảng giữa đường của thành Sāvattihī và chùa Kỳ Viên. Họ cho đoàn xe dừng lại, và mở thả bò ra, nghỉ đêm tại đó.

Sáng hôm sau, Trưởng giả Đại Hắc trông thấy các Thánh Thinh Văn ở thành Sāvattihī, tay cầm hương hoa lễ vật đi nghe thuyết pháp. Trưởng giả Đại Hắc bèn hỏi:

- Máy người nầy đi đâu vậy?

Khi biết mục đích của cuộc hành hương, Trưởng giả Đại Hắc nói thắm: Ta cũng đi nữa.

Nghĩ rồi Trưởng giả kêu em út và dặn rằng:

- Nầy em! Em hãy ở đây trông chừng đoàn xe, để anh đi nghe thuyết pháp.

Dặn em rồi, Đại Hắc ra đi, đến đánh lễ Đức Như Lai xong, ngồi xuống một nơi ngoài vòng cử tọa.

Ngày ấy, tùy theo trình độ của Đại Hắc, Đức Bổn Sư đã thuyết tuần tự pháp. Giảng giải kinh Khổ Uẩn và các kinh khác nữa, chỉ rành chỗ tai hại, lầm lỗi, ô nhiễm của Ngũ trần dục lạc.

Đại Hắc nghe pháp xong tự nghĩ: “Trước sau gì con người cũng phải một lần ra đi, phải tay bỏ hết những vật hiện hữu, một mình lẻ loi sang cảnh giới khác, của tiền, thân quyến nào có ai theo. Vậy ta còn nấn ná ở nhà làm gì? Ta nhất định sẽ xuất gia”.

Chờ cho đại chúng trong hội trường đánh lễ Đức Bổn Sư ra về hết. Đại Hắc đến xin Đức Bổn Sư cho mình được xuất gia.

Đức Bổn Sư bèn hỏi: - “Ông còn có ai mà phải từ giã không?”.

- Bạch Ngài! Con còn có đứa em trai út.

- Nếu vậy, ông hãy trở về từ giã đứa em trai út của ông đi.

- Sādhu! Bạch Ngài.

Đáp xong Đại Hắc trở về chỗ đoàn xe, tìm gặp Tiểu Hắc và bảo: “Nầy em! Em hãy nhận làm chủ hết cả tài vật nầy đi”.

- Còn anh thì sao? Thưa anh! Anh sẽ đi đâu?

- Anh sẽ đến xuất gia với Đức Bổn Sư.

Tiểu Hắc viện đủ lý lẽ để anh mình từ bỏ ý định xuất gia, nhưng không được. Rốt cuộc Tiểu Hắc bảo:

- Sādhu! Lành thay, xin Trưởng huynh hãy làm theo ý định.

Đại Hắc bèn đến xuất gia với Đức Bổn Sư.

Kế đó, Tiểu Hắc cũng xuất gia, nhưng trong tâm tính thầm rằng: “Hễ lời kéo anh ta ra được rồi thì ta cũng sẽ hoàn tục”. Thời gian sau, Đại Hắc thọ Cụ túc giới, tu lên bậc trên xong, bèn đến đánh lễ Đức Bổn Sư và hỏi về hai pháp trọng yếu trong Phật giáo.

Sau khi nghe Đức Bổn Sư thuyết minh về hai pháp ấy, Đại Hắc bạch rằng:

- Bạch Ngài! Con nay đã lớn tuổi rồi mới xuất gia, chắc không kham theo nổi Pháp học cho trọn đủ được, nhưng con có thể hy vọng thành tựu pháp hành Minh Sát.

Thế rồi, Tỳ Khưu Đại Hắc học lấy đề mục bất tịnh (tử thi) để niệm cho đắc quả A La Hán và thọ trì chi Đâu Đà ngụ nơi mộ địa (Sosanikadhutaṅga).

Lối cuối canh đầu, khi mọi người đều an giấc, Trưởng lão Đại Hắc đi vào mộ địa hành thiền và khi mặt trời gần sáng, trước khi thiên hạ thức dậy, Trưởng lão trở về chùa.

Khi ấy, người giữ mộ địa là một phụ nữ, tên là Hắc Nữ, có phận sự thiêu xác chết, thấy bóng Trưởng lão Đại Hắc thấp thoáng giữa canh khuya, khi đứng, khi ngồi, hoặc đi tới đi lui trong nghĩa địa, bèn tự hỏi: “Ai mà vào chi đây, ta phải rình coi cho biết mặt”.

Nhưng rình coi mãi cũng không thể đoán biết, được người ấy là ai? Một hôm Hắc Nữ thấp một cây đèn, treo trong nhà thiêu xác, rồi dắt con trai, con gái ra núp ở một phía bên ngoài. Gần nửa đêm Hắc Nữ thấy Trưởng lão đi đến, bèn ra đánh lễ Trưởng lão và hỏi:

- Bạch Ngài! Một vị Sư cao quý như Ngài mà ngụ ở chỗ nầy sao?

- Phải đó, cô tín nữ.

- Bạch Ngài, Ngài cư ngụ nơi mộ địa cần phải tuân theo một vài thủ tục.

Trưởng lão không nói: “Cô tưởng rằng ta sẽ làm theo những qui tắc của cô đưa ra hay sao?”. Nhưng Trưởng lão chỉ hỏi:

- Nầy cô tín nữ! Tôi phải tuân hành theo những thủ tục gì?

- Bạch Ngài! Người cư ngụ nơi mộ địa, cho vị trụ trì chùa mình và cho vị xã trưởng trong làng mình hay biết.

- Vì lý do nào?

- Dạ! Bởi vì bọn ăn trộm sau khi lấy được đồ, khi bị chủ nhà rượt đuổi theo, túng nước thường hay ném tang vật vào trong mộ địa để thoát thân. Bởi thế người ta mới hăm dọa, những người cư ngụ trong mộ địa, nhưng nếu Ngài đã có trình báo đảng hoàng với nhà chức trách, thì khỏi lo phiền phức về sau, vì đã được những người có thẩm quyền chứng nhận rằng: “Chúng tôi chứng nhận vị Trưởng Lão nầy có khai báo trong thời gian cư ngụ nơi đây, vị nầy không phải là kẻ trộm”. Do đó mà Ngài cần trình báo với người hữu trách đúng theo thủ tục.

Trưởng lão lại hỏi:

- Ngoài ra còn phải làm gì nữa không?

- Bạch Ngài, trong thời gian cư ngụ nơi mộ địa, Ngài phải kiêng cử cả thịt, cá, mè, trứng, đường mật, bột... Ngài không được ngủ ngày, không nên lười biếng. Ngài phải luôn luôn tinh cần dũng mãnh, không do dự gian dối, phải có nhiều thiện chí. Buổi tối chờ khi mọi người ngủ hết rồi, Ngài mới nên từ chùa đến đây. Gần sáng mọi người chưa thức dậy, Ngài nên trở về chùa.

Bạch Ngài, nếu như Ngài cư ngụ nơi đây, hành y như thế mà đạt đến mục đích tối cao của đời tu sĩ, thì hễ khi nào có tử thi mang đến vứt bỏ tại đây, tôi sẽ đem xác ấy vô nhà thiêu dùng hương hoa lễ vật cúng tế vong linh của người quá cố.

Nhược bằng Ngài không thành tựu được theo cách ấy thì tôi sẽ đặt tử thi lên giàn hỏa châm lửa đốt, lại lấy cây cọ nhồi đấm cho xì nước, rồi lôi ra ngoài dùng búa đập chặt đứt ra nhiều khúc ném trở vào lửa, để Ngài chứng kiến rồi lấy đó làm đề mục tham thiền.

Nghe xong, Trưởng lão đáp:

- Sādhu! Lành thay, vậy khi cô thấy có xác nào có thể làm đề mục niệm tử thi được, thì báo tin cho ta.

Sau đó, trong khi chờ đợi, Trưởng lão Đại Hắc vẫn noi theo bốn nguyện hành Sa Môn pháp ở nơi mộ địa.

Trưởng lão Tiểu Hắc vốn tánh hoạt bát, hiếu động, không thích ngồi yên, chỉ tưởng nghĩ đến gia đình, thương nhớ vợ con, Trưởng lão nói thầm: “Anh ta lựa chi con đường tu hành quá khổ khắc như thế không biết”.

Khi ấy, có một thiếu phụ con nhà giàu sang, vương bệnh thành linh, sớm đau chiều chết, nên thi thể không sút kém tồi tàn.

Đầu hôm, thân quyến bạn bè của cô đưa xác cô ta vào mộ địa với củi khô, dầu và các món vật dụng để thiêu xác, rồi bảo cô giữ mộ địa: “Hãy thiêu xác nầy đi”.

Trả trước lệ phí, những người ấy giao xác cho cô giữ mộ địa.

Khi cô giữ mộ địa cởi hết y phục của thiếu phụ chết ra. Thì thấy lồ lộ nguyên cả thân hình, tròn trịa xinh xắn, một màu vàng ánh. Cô ta nghĩ ngay rằng: “Tử thi nầy là một đề mục thích ứng, vừa cho ta thỉnh Trưởng lão tới quán niệm”.

Cô ta lập tức đi tìm Trưởng lão, đánh lễ xong rồi bạch rằng:

- Tôi vừa mới được một tử thi làm đề mục niệm tốt vô cùng, xin thỉnh Ngài đến quán sát.

- Sādhu! Lành thay!

Đáp lời xong, Trưởng lão đến ngay, khiến giới lớp y phục che phủ trên tử thi và nhìn kỹ từ gót chân lên ngọn tóc. Rồi Trưởng lão bảo: “Hãy ném cái xác thân đẹp để vàng ánh nầy vào lửa, và khi nào lửa bắt đầu cháy xém xác thân thì hoan hỷ báo cho ta biết”.

Dặn rồi, Trưởng lão trở về chỗ cũ của mình và ngồi xuống. Cô giữ mộ địa làm theo lời dặn rồi đến báo cho Trưởng lão biết. Trưởng lão đến quan sát tử thi, khi lửa bén cháy tới thịt thì xác thân trở nên màu giống như con bò cái, rồi hai chân rớt ra đánh tòn ten, hai tay rút lại cong queo, chỗ trán không còn chút da.

Trưởng lão nghĩ thầm: “Cái thi hài nầy khi nầy ai nhìn tới ắt cũng sanh lòng thương yêu lưu luyến, mà bây giờ tiêu hoại đã tan như vậy”.

Trở về chỗ cũ, Trưởng lão ngồi xuống, quán xét thấy rõ lý hoại diệt (Khayavaya) cảm kích ngâm lên mấy câu kệ Vô thường:

*“Aniccā vata saṅkhārā
Uppādavāyadhammino
Uppajjitvā nirujjhanti
Tesam vūpasamo sukhoti”.*

Lược dịch:

*“Hữu vi quả thật chẳng miên trường,
Sanh diệt xưa nay vẫn sự thường.
Các pháp tự sanh rồi tự diệt,
Diệt sanh tịch tịnh mới an khương”.*

Đọc xong bài kệ, Trưởng lão tăng tiến pháp Thiên Minh Sát, đặc quả A La Hán với Tuệ Phân tích.

Lúc Trưởng lão đặc A La Hán thì Đức Bốn Sư cùng đại chúng Tỳ Khuru cất bước du hành ngự đến gần thành Xê Táp Da, vào tịnh cư trong rừng Simsapa.

Mấy bà vợ của Tiểu Hắc nghe đồn: “Đức Bổn Sư đã về gần đây”, bèn bàn tính với nhau: “Chúng ta sẽ bắt chồng ta trở lại mới được”, tính rồi họ cho người đi thỉnh Đức Bổn Sư.

Theo thông lệ của Chư Phật, nhà nào muốn thỉnh Phật và Chư Tăng thì phải sắp đặt chỗ ngồi cho có trật tự đúng pháp, thường thì một vị sư được phái đến đó trước để chỉ biểu cách thức như vậy: Ngay chính giữa là chỗ danh dự để Đức Phật ngự một mình, phía phải là chỗ của Trưởng Lão Sāriputta, phía tay trái là chỗ của Trưởng Lão Moggallāna, kể từ đó sắp hai dãy ghế của Chư Tăng.

Lúc ấy, Trưởng Lão Đại Hắc đang đứng trong chỗ để y bát, bèn bảo Trưởng lão Tiểu Hắc: “Sư về đó chỉ biểu sắp đặt chỗ ngồi trước đi”.

Từ lúc người nhà trông thấy Tiểu Hắc, họ bày ra chuyện trớ trêu, đem chỗ ghế thấp sắp ngay hàng đầu nơi chỗ dành riêng cho chư Trưởng Lão và sắp những ghế cao vào các nơi những vị mới tu.

Tỳ Khuru Tiểu Hắc nhắc đi nhắc lại:

- Đừng làm như vậy, đừng sắp ghế thấp ở chỗ cao và ghế cao ở chỗ thấp.

Bảo đến lần thứ ba, họ đã chẳng thềm nghe mà còn hỏi lại:

- Chớ còn ông làm gì mà chẳng chịu ra tay sắp chỗ ngồi, cứ ở không đi tới đi lui hoài vậy? Lúc đi tu ông có từ giả ai không? Ai cho ông xuất gia? Ông về đây làm gì?

Nói rồi họ ráp nhau xé rách y trong, y ngoài của Trưởng lão Tiểu Hắc, lấy thường phục màu trắng thay cho ông rồi nói:

- Bây giờ ông đi thỉnh Đức Bổn Sư đi để chúng tôi ở nhà mà sắp đặt chỗ ngồi.

Vừa mới tu lên Tỳ Khuru chưa có hạ nào, kế hoàn tục vừa theo sở thích nên Tiểu Hắc chẳng chút hổ thẹn, cũng không thắc mắc ngại ngùng vì lối phục sức đó. Ông ta đi ngay đến nơi Đức Bổn Sư, đảnh lễ Ngài xong, xin rước luôn Chư Tăng có Đức Phật làm chủ tọa trở về nhà.

Mấy bà vợ của Trưởng lão Đại Hắc tính với nhau: “Hai cô này đã bắt được chồng họ quay trở về, chúng ta phải bắt chồng chúng ta quay trở về mới được”.

Tính rồi, mấy bà chờ Chư Tăng độ ngọc xong, bèn thỉnh Đức Bổn Sư và Chư Tăng ngày hôm sau thọ thực nơi nhà của mình.

Lần này một vị Tỳ Khuru lạ đến trước, chỉ bảo cách sắp đặt chỗ ngồi, mấy bà không có cơ hội để bắt cóc chồng cũ, bèn thỉnh Đức Phật và Chư Tăng an tọa xong, dâng vật thực.

Lúc bấy giờ có đủ mặt hai bà vợ của Tiểu Hắc, bốn bà vợ của Trung Hắc, tám bà vợ của Đại Hắc.

Chư Tăng vị nào muốn thọ thực trong nhà thì ngồi đó dùng, còn vị nào muốn ra ngoài thì sau khi thọ bát rồi đứng dậy ra đi. Đức Bổn Sư ngồi luôn nơi đó thọ thực.

Khi Ngài dùng xong bữa, các phụ nữ ấy bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trưởng lão Đại Hắc còn phải ở lại tụng kinh hồi hướng phước báu, xin cung thỉnh Ngài hoan hỷ trở về trước với Chư Tăng.

Đức Bổn Sư đáp: Sādhu!

Rồi Ngài ra về trước, để Trưởng lão Đại Hắc ở lại một mình. Về đến cổng thành, Chư Tăng mới lên tiếng than phiền rằng:

- Tại sao Đức Tôn Sư làm như vậy, không biết là Ngài cố ý hay vô tình? Hôm qua cho Tiểu Hắc về nhà trước đã làm hại cuộc đời tu hành của ông ta rồi. Hôm nay phái một vị Tỳ Khuru lạ đến trước, nên không có sự tai hại nào xảy ra, bây giờ Đức Bổn Sư lại bảo Đại Hắc ở lại một mình và Ngài ngự ra về trước, tội nghiệp Tỳ Khuru Đại Hắc giới đức chơn chánh, không biết có bị mấy bà vợ cũ làm hư phạm hạnh, kết liễu cuộc đời tu sĩ hay không?

Nghe Chư Tăng bàn tán, Đức Bổn Sư dùng bước dạy lại hỏi:

- Này các Tỳ Khuru! Các ông đang nói chuyện gì vậy?

Chư Tăng lặp lại lời vừa nói với Đức Bổn Sư. Ngài nói:

- Này các Tỳ Khuru! Các ông cũng tính rằng Đại Hắc cũng bị như Tiểu Hắc hay sao?

- Bạch Ngài! Đúng như vậy, vì Tiểu Hắc chỉ có hai vợ, còn Đại Hắc có đến tám vợ. Nếu tám bà này rập nhau vây bắt, ông ta đâu làm sao thoát khỏi. Bạch Ngài.

Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Này các Tỳ Khuru! Các ông chớ nên nói như thế, Tiểu Hắc đã quen sống đời phóng túng, hằng thả tư tưởng chạy theo dục lạc ngũ trần, như cây mềm yếu mọc dựa bờ sông. Trái lại con của Như Lai là Đại Hắc sống không ham dục lạc, hành Thiên quán bất tịnh như núi đá kiên cố không bị lay chuyển.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm hai bài kệ sau đây:

*“Subhānupassim viharantaṃ
Indriyesu asaṃvutaṃ
Bhojanamhi amattaññuṃ
Kusītaṃ hīnavīriyaṃ
Taṃ ve pasahati māro
Vāto rukkhaṃ'va dubbalaṃ”.*
*“Asubhānupassim viharantaṃ
Indriyesu susaṃvutaṃ
Bhojanamhi ca mattaññuṃ
Saddhaṃ āradhāvīriyaṃ
Taṃ ve nappasahati māro
Vāto selaṃ'va pabbatanti”.*

*“Người ham khoái lạc vui đùa,
Lục căn chẳng giữ lại ưa ăn nhiều.
Biếng lười phận sự bỏ liêu,
Ma vương mới dễ dắt dìu khiến sai.
Cây mềm gió lốc dễ bay,
Người hèn khó thoát khỏi tay dục tình”.*
*“Lục căn khôn khéo giữ gìn,
Uống ăn tiết độ, vững tin pháp thiện.
Thanh bản giữ một lời nguyện,
Quán thân bất tịnh, tinh chuyên tu hành.
Như giông đặng núi đá xanh,
Ma Vương muốn thắng cũng đành bó tay”.*

CHÚ GIẢI:

Subhānupassim (theo thị dục): Là ưa thích sự khoái lạc về thể xác, ở đây có nghĩa là buông thả tâm hồn, tư tưởng cho chạy theo đối tượng là người nữ (itthārammaṇa).

Viharantaṃ (sống): Là nương vào, là cần phải có, người nam nào đang ấp ủ một bóng sắc mà mình say mê, đang nắm giữ những nét kiều diễm mà mình đắm đuối luôn miệng, trầm trồ: “Móng tay đẹp quá, ngón tay đẹp quá”... hai tay, hai chân, bắp chuối chân, ngực, háng, bụng, vú, cổ, môi, răng, miệng, mũi, mắt, tai, mày, trán, tóc đẹp quá, rồi lấy tay sờ rẫm, cầm vuốt ve... tóc, răng, móng, da đẹp rồi lấy tay sờ... màu da đẹp, dung nhan đẹp... rồi chiếm hữu giữ gìn. Như vậy gọi là chạy theo khoái lạc.

Câu “Ai sống theo thị dục”. Chỉ hạng người như thế.

Indriyesu (các căn): Là Lục căn: nhãn, nhĩ, ty, thiệt, thân và ý.

Asaṃvutaṃ (chẳng thu thúc): Là không gìn giữ sáu căn: Mắt, mũi, lưỡi, tai, thân và ý.

Amattaññuṃ (vô độ lượng): Là không biết tri túc, không có chừng mực trong sự tìm kiếm, trong sự thọ lãnh, trong sự dùng xài.

Bhojanamhi amattaññuṃ (ăn uống vô độ), là trong sự ăn uống không biết quán tưởng, không biết từ chối, không biết phân biệt rằng: Món thực phẩm này hợp lẽ đạo (dhammiko), món thực phẩm không hợp lẽ đạo (adhammiko).

Kusitam (biếng lười): Là biếng lười trong sự suy xét để thấy rõ tội lỗi ác hại của Ngũ trần dục lạc.

Hinavīriyam (kém tinh tấn): Là không tấn lực, không cố gắng, thiếu sự tinh cần đồng mãnh hành trì trong bốn oai nghi.

Pasahati māro (Ma thắng): Là ma vương thâm phục, lấn áp, đè nén.

Vato rukkham 'va dubbalanti (như gió đè cây yếu): Là như giông to gió lớn thổi rạp những cây yếu ớt mọc ở bờ sông, giông gió ấy làm cho bông trái, lá đọt phải rơi rụng, nhánh nhỏ phải đứt đoạn, nhánh lớn phải gãy lìa, gốc rễ tróc bật lên, cả cây phải nằm chổng gọng, gốc trở lên trời, ngọn cắm xuống đất.

Con người tu hành mà yếu đuối nhu nhược, cũng bị phiền não Ma vương quật ngã như thế ấy, những giới nhỏ của Tỳ Khuru như tác ác, ác khẩu, Ong học pháp ví như bông trái, lá, đọt của cây, những giới vừa là Ong xả đối trị và Ong đối trị ví như nhánh nhỏ, mười ba giới Tăng tàng ví như những nhánh lớn. Còn bốn giới Bất cộng trụ ví như gốc rễ của cây. Người tu mà yếu hèn chịu nằm ẹp dưới quyền lực của phiền não Ma vương để cho dục tình chi phối sai sử rồi thì bao nhiêu giới nhỏ, lớn cũng đều vi phạm và cuối cùng phải hư hỏng phạm hạnh, sa ngã là người cư sĩ bạch y, không còn dự hàng Thánh Văn đệ tử của Đức Phật nữa.

Asubhānupassim (Bất tịnh quán): Là quán niệm một trong mười đề bất tịnh (tử thi) hoặc niệm ba mươi hai thể trước, niệm thuận khởi đầu từ tóc là vật bất tịnh rồi đến lông móng răng da, tất cả hình hài này là vật bất tịnh.

Viharantam (tu): Là tinh tấn quán niệm như trên.

Indriyesu (các căn): Là sáu căn đã giải.

Susamvutam (khéo nhiếp thu): Là dứt được say mê nữ sắc, đóng chặt các cửa, không cho tâm tiếp xúc với Lục trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Bhojanamhi ca mattaññum (Ăn uống có tiết độ): Là ăn uống có chừng mực, nghịch hẳn với sự vô tiết độ.

Saddham (Chánh tín): Là có đức tin nơi nghiệp quả tương quan, đức tin của phàm nhơn gọi là phàm tín (lokiyassaddha) nhờ sự suy xét hành thiện và nhận thức được tin có ba cõi Dục, Sắc và Vô sắc. Đức tin của bậc Thánh nhân là Thánh tín (Lokuttarassaddha) nhờ được giải thoát mà tin nơi Đạo quả và Níp Bàn.

āraddhavīriyam (Cần cù): Là có sự tinh tấn bền bỉ, dẻo dai có nhiều nghị lực chịu được gian khổ.

Tam ve (Người ấy): Là người giới hạnh như vậy.

Nappasahati māro (Ma không thắng) là Ma vương không thể lấn áp, thâm phục.

Vāto selam'va pabbatanti (như gió thổi núi đá): Là như gió, dầu cho mạnh đến bậc nào cũng không lay chuyển, đàn áp được khối đá to mà vững chắc như núi.

Cũng như thế, phiền não Ma vương không thể đàn áp, lay chuyển đối với tâm tánh của người có giới đức kiên cố được.

□

Trưởng Lão Đại Hắc còn ở lại một mình, bị tám bà vợ cũ ráp lại bao vây và hỏi: “Ông đi tu có từ giã ai không? Bây giờ ông chịu hoàn tục hay không?”.

Hỏi rồi, tám bà ra tay lột bộ y vàng của Trưởng Lão. Thấy tình thế nguy ngập, Trưởng Lão vội vã đứng dậy, dùng thần thông bay lên phá trống nóc nhà thoát ra ngoài, theo đường hư không bay theo kịp Đức Bổn Sư lúc Ngài vừa đọc dứt hai kệ ngôn. Trưởng Lão đứng ở giữa hư không, tán tụng kim thân của Đức Bổn Sư, rồi đáp xuống đất, đánh lễ dưới chân Ngài.

Cùng lúc kệ ngôn chấm dứt, những Tỳ Khuru có mặt nơi đó đều đắc chúng Tu Đà Hườn.

DỨT TÍCH TIỂU HẮC, ĐẠI HẮC

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Tiểu Hắc tâm còn luyến thế gian,
 Theo anh tạm khoác bộ y vàng.
 Cửa đời chưa chán mùi cam chỉ,
 Đường đạo nào kham vị khổ toan.
 Lấp lửng chờ anh, anh bước thẳng,
 Chàng ràng kiếm vợ, vợ lồi ngang.
 Đội hoa lại mặc đồ cư sĩ,
 Chẳng tị hiềm chi chẳng hổ han.
 Đại Hắc lòng không luyến tục trần,
 Mong tìm Đạo quả bậc siêu nhân.
 Nửa đêm đứng quán bên thi thể,
 Hằng bữa ngồi tu sát mộ phần.
 Thấu lẽ Vô thường sanh với diệt,
 Quên niềm phu phụ ái và ân.
 Xem chừng tám ả vừa sanh sự,
 Trở nóc phi đảng giải thoát thân.



I. 7- CHUYỆN DEVADATTA ĐƯỢC Y QUÍ (Devadattassa Kāsāvalabha vatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 09-10)

<i>“Anikkasāvo kāsāvaṃ yo vatthaṃ paridahessati Apeto damasaccena na so kāsāvaṃ arahati”.</i>	“Ai muốn đắp huỳnh y, Phiền trước chưa đoạn ly. Không chon thật tự chu, Y, người chẳng thích nghi”.
<i>“Yo ca vantakāsāv’assa sīlesu susamāhito Upeto damasaccena sa ve kāsāvaṃ arahati”.</i>	“Ai phiền trước đoạn ly, Giới luật khéo tu trì. Tự chủ cách chon thật, Người ấy xứng huỳnh y”.

Kệ Pháp Cú (9 và 10) này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Kỳ Viên, để cập đến Devadatta thọ lãnh y quý giá ở thành Vương Xá (Vương Xá).

Một thuở nọ, hai vị Thượng Thỉnh Văn, mỗi vị dắt theo năm trăm Tỳ Khuru tùy tùng, đến từ già Đức Bốn Sư, đánh lễ Ngài rồi cùng nhau rời chùa Kỳ Viên, lên đường sang thành Vương Xá.

Dân chúng ở thành này hiệp nhau từng nhóm hai ba người hoặc nhiều hơn nữa, thỉnh Tăng để bát, theo phép cúng dường mỗi Tỳ Khuru mới đến.

Một hôm nhân cơ hội đó, Trưởng Lão Sāriputta trong khi hồi hướng phước báo có thuyết giảng rằng:

“Này chư Thiện tín, một người tự mình làm phước cúng dường không khuyên rủ ai khác, kiếp sau tái sanh ở nơi nào chỉ được đầy đủ tiền của (Bhoga-sampadā) chớ không được đầy đủ những người tùy thuộc (Parivārasampadā).

Một người không làm phước cúng dường, lại không kêu gọi ai khác thì kiếp sau tái sanh ở nơi nào cũng cô độc bản cùng, cơm hẩm ngày hai bữa chẳng đủ no bụng.

Còn một người vừa tự mình làm phước cúng dường, vừa khuyến rủ nhiều người khác làm chung với mình, thì hàng trăm hoặc hàng ngàn hoặc hàng trăm ngàn kiếp tái sinh ở nơi nào cũng được đầy đủ cả hai phương diện tài sản dồi dào, tùy thuộc đông đảo! Còn một người không làm phước cúng dường, nhưng lại khuyến rủ người khác làm phước, thì sanh ở nơi nào sẽ bần cùng, nhưng có nhiều tùy thuộc”.

Nghe vậy, một vị trí thức nghĩ rằng: “Ông ơi! Thời pháp vừa thuyết thật huyền diệu làm sao, hy hữu làm sao đâu. Chỉ cách tạo phước lành đầy đủ cả hai chi. Ta phải ráng thực hành để tạo phước báo đầy đủ cả hai phương diện”.

Nghĩ rồi, vị ấy bèn thỉnh Trưởng Lão:

- Bạch Ngài, chúng tôi xin thỉnh Trai Tăng ngày mai.
- Này ông Thiện nam - Trưởng Lão hỏi - Ông cần thỉnh bao nhiêu vị?
- Bạch Ngài! Ngài có bao nhiêu vị tùy tùng?
- Một ngàn, này Thiện nam.
- Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài luôn với tất cả Chư Tăng ngày mai đến nhà để thọ thực.

Trưởng Lão im lặng nhận lời.

Trên đại lộ vào thành, gặp người nào ông Thiện nam ấy cũng rủ: “Này quý ông bà. Tôi xin thỉnh Trai Tăng được một ngàn vị sư. Quý ông có thể hùn phước cúng dường chừng bao nhiêu vị? Quý bà chừng bao nhiêu vị?”.

Mỗi người hứa cúng nhiều ít tùy theo phương tiện của mình. Họ nói: “Chúng tôi xin cúng mười vị, chúng tôi hai mươi vị, chúng tôi ba mươi vị, chúng tôi năm mươi vị, chúng tôi một trăm vị..”.

Vị trí thức bèn xếp đặt tất cả câu hỏi tại nhà của mình ông nói: “Thế thì chúng ta hãy họp nhau lại một chỗ để nấu nướng và dâng cúng cho tiện? Quý bạn hãy đem tất cả vật thực như dầu mè, gạo bở, đường...đến nhà tôi”.

Lúc ấy, có một ông Trưởng giả hùn phước một xấp vải may y xứ Gandhāra, trị giá một trăm ngàn đồng và nói: “Nếu quý vị góp vật thực còn thiếu thì hãy bán vải y này gộp thêm cho đủ, nếu như không thiếu thì tùy ý muốn dâng cúng đến vị Trưởng Lão nào thì dâng”.

Sau khi mọi người chung đậu để làm phước Trai Tăng đủ cả, không còn thiếu món chi, ông chủ lễ bèn hỏi phân đông rằng: “Vải y vô giá này của ông Trưởng giả hùn phước với những lời dặn như vậy đó. Bây giờ chúng ta làm phước đầy đủ rồi, còn dư ra, vậy chúng ta nên dâng đến vị Sư nào?”.

Một nhóm người đề nghị: “Hãy dâng đến Trưởng Lão Sāriputta”.

Một nhóm khác nói: “Trưởng Lão chỉ đến với chúng ta một năm một kỳ trong mùa lúa chín. Còn Sư Devadatta là người bạn thường trực của chúng ta, cả trong những ngày lễ và ngày thường, lúc nào cũng gần gũi sẵn sàng bên chúng ta như bình nước uống. Vậy chúng ta nên dâng vải này đến Sư”.

Sau khi thảo luận rất lâu, nhiều người vì chỗ cảm tình quen biết, đồng ý chấp thuận dâng xấp vải y quý giá đến Tỳ Khuru Devadatta.

Được vải, Devadatta cắt đôi ra làm y nội và y vai trái (hạ và thượng y) may, nhuộm xong, liền mặc y mới đi tới đi lui.

Nhiều người thấy chướng mắt phê bình rằng: “Y này coi Devadatta mặc không xứng đáng. Phải Trưởng Lão Sāriputta mặc mới xứng. Vậy mà Devadatta vận y vàng không xứng với mình, đi tới đi lui coi thật không được”.

Khi ấy, có một vị Tỳ Khuru du hành từ thành Vương Xá về thành Sāvathī, đánh lễ Đức Bổn Sư và thỉnh an Ngài xong, Ngài bèn hỏi thăm sự an vui của hai vị Đại đệ tử. Vị này bèn bạch hết câu chuyện bộ y quý về tay người không xứng đáng với Đức Thế Tôn. Đức Bổn Sư nói:

- Này Tỳ Khuru! Không phải kiếp này Devadatta mới lạm đắp y vàng đâu. Hồi tiền kiếp, ông ta cũng từng lạm đắp y vàng như thế rồi.

Nói xong, Ngài kể luôn chuyện tiền thân của nhà Sư vô sĩ:

“Xưa kia, dưới triều của Quốc vương Phạm Thí, đóng đô tại thành Bārānasi, có một người thợ săn cư ngụ trong thành. Anh ta chuyên nghề săn bắt voi lấy ngà, móng, ruột và thịt nạc voi đem bán để chi độ hộ khẩu.

Lúc ấy, trong rừng già có đoàn voi gồm cả ngàn thốt, về quần tụ để kiếm ăn, đi theo đường gặp những vị Phật Độc Giác. Từ đó về sau, mỗi khi qua lại ngang chỗ Chư Phật ngồi tịnh, đàn voi đều qui gối đánh lễ các Ngài rồi mới dặng đi.

Một hôm, tên thợ săn trông thấy hành động ấy của đàn voi, thì nghĩ thầm rằng: “Những con tượng nầy ta đến gần hạ chúng được rất là khó khăn, thế mà mỗi lần qua lại, chúng đều dưng chân đánh lễ Chư Phật Độc Giác, không biết chúng nhìn thấy cái chi mà chúng đánh lễ?”.

Sau khi suy nghĩ, tên thợ săn nói thầm: “Chắc tại thấy bộ y vàng”.

Anh ta bèn tính thầm: “Ta cần phải kiếm cho được một bộ y vàng “. Nhon dịp một vị Phật Độc giác xuống tắm dưới ao, anh ta lén lấy trộm, rồi ra chỗ đường mà voi nạng đi lại, tay lăm le cầm cây lao nhọn, đắp y lên che kín, ngồi chờ.

Đàn voi đi tới, tưởng lầm anh ta là một vị Độc Giác Phật, nên dưng chân đánh lễ, rồi mới đi qua. Tên thợ săn chờ cho đàn voi qua hết, rút lao ra phóng giết con đi sau cùng, lấy ngà, móng, ruột, thịt nạc rồi còn dư bao nhiêu đều đào đất chôn cho mất tích, đoạn anh ta rời khỏi rừng đi về thành.

Thời gian sau, nhằm lúc Đức Bồ tát giáng sanh, làm tượng chúa, cầm đầu cả đoàn voi, tên thợ săn vẫn còn dưng cách ấy. Đức Bồ tát là tượng chúa, thấy đàn voi của mình ngày một hao hụt, bèn hỏi những voi khác rằng: “Những voi này đi đâu mất mà đàn ta ngày càng thưa thớt vậy?”.

- Thưa chúa Tượng. Chúng tôi không biết.

Nghe đáp như vậy, chúa Tượng tự nghĩ: “Chúng đi đâu mà chẳng hỏi xin ta kìa, chắc không phải đi đâu, có lẽ chúng đã bị tai nạn”.

Rồi Tượng chúa phát nghi rằng: “Chắc là chúng bị hại chỗ người đắp y vàng chẳng sai”.

Nghĩ thế, Tượng chúa bèn ra lệnh cho cả đàn voi đi trước, để một mình đi đoạn hậu, vừa đi vừa quan sát.

Tên thợ săn là vị Phật giả mạo, chờ đàn voi đánh lễ qua hết rồi, khi thấy Bồ tát từ từ đi tới phía sau cùng, bèn lập tức vén y lên, nhắm ngay chỗ nhược của Tượng chúa phóng cây lao tới.

Tượng chúa đã đề phòng trước, nên thối lui tránh được cây lao. Bồ tát liền nghĩ: “Đây là kẻ sát hại đàn voi của ta” nên xông tới quyết bắt cho được.

Nhưng hấn ta chạy núp sau một thân cây, Bồ tát tính thầm “Ta sẽ lấy vòi quấn luôn cả cây lẫn người hấn mà chà đạp xuống đất”.

Ngay lúc ấy, tên thợ săn đã cởi tấc chiếc y vàng lên cao cho Tượng chúa thấy.

Tượng chúa nghĩ thầm: “Nếu ta sát hại tên nầy, thì ta sẽ mất mặt đối với Chư Phật Toàn Giác, Độc Giác và A La Hán chẳng sai”. Vì thế, nên tượng chúa dằn lòng nhẫn nhịn và hỏi rằng:

- Chính nhà ngươi đã sát hại những voi trong đàn của ta phải không?

- Dạ phải, thưa ông Tượng.

- Tại sao ngươi tạo nghiệp ác nặng nề như thế, tự mình không xứng đáng mà dám lạm khoác bộ y vàng của bậc đã dứt trừ tham dục, làm như vậy ngươi đã tạo nghiệp ác rất nặng nề.

Nói rồi, Bồ tát đọc hai bài kệ khuyến cáo tên thợ săn như sau:

*“Cà sa mặc ở bên ngoài,
Tâm còn ô nhiễm cũng hoài lá y,
Buông lung giả dối hay gì?
Thà rằng không mặc, mới y hợp thời.
Trong tâm tẩy sạch bụi đời,
Chân thành khắc kỷ, chẳng rời luật nghi,
Người tu y với lá y,
Cà sa Tăng và từ bi khách thiên”.*

Đọc kệ rồi, Bồ tát còn thêm câu kết luận:

- Việc làm của người thật không xứng đáng chút nào, nói rồi thả hấn đi.

Khi chấm dứt thời pháp, Đức Bổn Sư dẫn giải rằng:

- Tên thợ săn voi lúc trước nay là Devadatta và Tượng chúa cho tên thợ săn bài học đó chính là Như Lai vậy.

Nầy Tỳ Khuru, đây không phải là lần đầu tiên Devadatta mặc y không xứng đáng với người của ông ta đâu. Trong tiền kiếp ông ta cũng đã từng làm như thế đó rồi.

Đến đây Đức Bổn Sư lập lại bài kệ trên:

*Anikkasāvo kāsāvaṃ
Yo vatthaṃ paridahessati
Apeto damasaccena
Na so kāsāvaṃ arahati
Yo ca vantakāsāv'assa
Sīlesu susamāhito
Upeto damasaccena
Sa ve kāsāvaṃ arahatī"*

Nêu lên làm sáng tỏ nghĩa lý nầy bằng tích Tượng chúa sáu ngà.

CHÚ GIẢI:

Anikkasāvo: (Chưa dứt triển phược): Là chưa tẩy sạch phiền não trong tâm là tham, sân, si.

Kāsāvaṃ: Là y cà sa tức là y vàng của Tỳ Khuru.

Paridahessati (sẽ đắp): Là sẽ vận mặc, trùm phủ khoác lên mình.

Apeto damasaccena (không chơn thật tự chủ): Là không chế ngự được lục căn, không nói lời chơn thật, đúng theo chơn lý Thánh Đế.

Na so kāsāvaṃ arahati: Là kẻ kém đức thiếu tài, như vậy không xứng đáng mặc y vàng cà sa.

Vantakāsāv'assa (đã dứt triển phược): Là đã dứt bỏ, đã xa lìa những ô nhiễm phiền não, noi theo bốn Thánh Đạo.

Sīlesu (trong Giới luật): Là Tứ thanh tịnh giới: Thu thúc trong giới bốn, thu thúc lục căn, thu thúc theo chánh mạng, thu thúc theo quán tưởng tứ vật dụng.

Susamāhito (khéo tu trì): Là khéo thọ, khéo giữ và hành theo cách chắc chắn.

Upeto damasaccena (có sự tự chủ chơn thật): Là thật sự thu thúc sáu căn, có lời nói chơn thật.

Sa ve kāsāvaṃ arahati: Người giới hạnh như vậy xứng đáng mặc bộ y vàng.

□

Bài kệ vừa dứt, vị Tỳ Khuru du hành đặc quả Tu Đà Hườn, nhiều vị khác cũng chứng đắc Đạo quả nhất là quả Nhập Lưu. Kỳ dư thính chúng đều hưởng sự lợi ích.

DỨT TÍCH DEVADATTA ĐƯỢC Y QUÍ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Dịp may dong ruổi khiến Đề Bà,
Vớ được y vàng mặc nhởn nha!
Giới hạnh không bì người lạ xứ,
Tài năng chỉ cậy chỗ quen nhà.
Gặp thời vênh váo quên điều phải,
Đắc thế kiêu kỳ chấp cái ta.
Đường cũ ngựa quen từ kiếp trước,
Săn voi cũng lạm đắp cà sa.*

I. 8- CHUYỆN ÔNG SAÑJAYA KHÔNG ĐẦU PHẬT (Sañjayassānāgamanavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 11-12)

<i>“Asāre sāramatino</i>	Việc không cần tưởng cần,
<i>sāre cāsāradassino</i>	Việc cần thấy không cần.
<i>Te sāraṃ nādhigacchanti</i>	Người tư duy tà vạy,
<i>micchāsāṅkappagocarā”.</i>	Không đạt thấy lý chân.
<i>“Sāraṇ ca sārato ñatvā</i>	Việc cần biết là cần,
<i>asāraṇ ca asārato</i>	Không cần biết không cần.
<i>Te sāraṃ adhigacchanti</i>	Người tư duy đúng đắn,
<i>sammāsāṅkappogocarā”.</i>	Hằng đạt thấy lý chân.

Kệ Pháp Cú (11- 12) này, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Trúc Lâm (Trúc Lâm), đề cập đến ông Sañjaya (Sañjaya) không khúng theo về với Ngài, như lời tường trình của hai vị Thượng thủ Thinh Văn (Aggasāvaka) đầu đuôi câu chuyện diễn tiến như sau:

Cách nay bốn A tăng kỳ (Asaṅkheyya) và một trăm ngàn đại kiếp (kappa) quả địa cầu. Đức Bổn Sư Thích Ca còn là một vị công tử dòng Bà la môn (Brahmaṇa), cư ngụ trong thành Amaravatī (Bất Tử). Sau khi học tập tinh thuần bá nghệ thì song thân đều khuất bóng, công tử bèn xả hết tài sản vô số triệu ra bố thí rồi xuất gia làm đạo sĩ, ẩn tu trong miền Tuyết Sơn (Himavanta) tục gọi là núi Ma Thiên Lãnh.

Trong lúc hành thiền, đắc pháp Thần thông, đạo sĩ bay lên hư không ngó xuống thấy thiên hạ đang quét dọn con đường từ ngôi Tịnh xá Sudassana (Thiện Kiến) của đấng Thập Lực Nhiên Đăng Phật (Dīpaṅkara) vào tới thành Bất Tử.

Đạo sĩ cũng tự mình lãnh một phần công quả, ráng hết sức làm nhưng không xong kịp, khi Đức Bổn Sư ngự đến, để bỏ khuyết một đoạn đường ngắn còn dở dang, đạo sĩ bèn trải tấm tọa cụ bằng da beo của mình lấp chỗ sinh lầy, nằm xấp xuống bắt cầu và nguyện rằng: “Đức Bổn Sư cùng với Thánh chúng (Sāvakaṅgha) không từng dẫm lên chỗ bùn nhơ, xin các Ngài bước lên mình ta mà đi qua cho sạch”.

Thấy vậy, Đức Cổ Phật thọ ký rằng: “Vị này có Phật căn (Buddhakura), còn bốn A tăng kỳ và một trăm ngàn đại kiếp nữa sẽ thành Chánh quả hiệu là Cổ Đàm”.

Sau thời kỳ Đức Phật Dīpaṅkara (Nhiên Đăng), lần lượt đến thời Đức Phật Koṇḍañña (Koṇḍañña), Phật Sumaṅgala (Xú Mãng Gá Lá), Phật Sumana (Thiên Ý), Phật Revata (Revata), Phật Sobhita (Xô Phí Tá), Phật Anomadassī, Phật Padumuttara (Thượng Liên Hoa), Phật Sumedha (Thiện Tuệ), Phật Sujāta (Thiện Sanh), Phật Piyadassī (Ái Kiến), Phật Atthadassī (Lợi Kiến), Phật Dhammadassī, Phật Siddhattha (Sĩ Đạt Ta), Phật Tissa, Phật Pussa (Phất Sa), Phật Vipassī (Vipassī), Phật Sikhī (Thi Khí), Phật Vessabhū (Tỳ Xá Phù), Phật Kakusandha (Câu Lưu Tôn), Koṇāgamana (Câu Na Hàm Mưu Ni), và Phật Kassapa (Kassapa).

Hai mươi ba vị Phật trên đây nối tiếp nhau, xuất hiện trong đời, khiến cho cõi thế từng hồi rạng ngời ánh đạo từ bi.

Đức Bồ tát (Bodhisatta) tinh tấn bỏ túc mười pháp Pāramī, mười pháp Upapāramī, mười pháp Paramatthapāramī. Đức Bồ tát hoàn thành Tam thập độ (Timsapāramī). Trong kiếp thọ sanh làm Thế tử Vessantara đã khiến cho quả địa cầu rung động bảy lần. Khi Ngài thực hành đủ năm pháp đại thí (Mahāpariccāga), dứt tình thân ái, hy sinh cả vợ và con.

Sau khi thăng hà, Đức Vessantara sanh lên cõi Tusita (Đâu Suất), sống hết bốn ngàn tuổi thọ như ý (năm trăm bảy mươi sáu triệu năm nhân loại) thì Chư Thiên trong mười ngàn cõi Sa bà (cakkavāḷa) vân tập đến trước ngọc giai cung thỉnh Ngài giáng sinh làm Phật, bằng kệ ngôn rằng:

“Kāloyan te mahāvīra
Uppajja mātu kucchiyaṃ

*Sadevakam tārāyanto
Bujjhassa amatam padanti”.*

*“Bậc Đại Hùng, giờ thiêng đã điểm,
Cung thỉnh Ngài lãnh nhiệm đầu thai.
Gót vàng giã biệt thiên giai,
Mở đường bất tử, Phật đài ngự yên”.*

Nghe vậy, Đức Bồ tát suy gẫm năm điều đại quán (Mahāvīlokanāni). Chư Thiên lại nhắc rằng:

*“Kālam desaññe dīpañca
Kulam māterameva ca
Ime pañca viloketvā
Upajjanti mahāyasāti”.*

*“Chọn thời, xứ, chọn luôn châu nữa,
Lựa dòng sang, rồi lựa mẹ hiền.
Năm điều đại quán đủ duyên,
Xin cung thỉnh Đại hoàng thiên lâm phàm”.*

Mạng chung từ cõi trời, Đức Bồ tát giáng sanh trong hoàng tộc Thích Ca, toại hưởng ngũ trần của đế nghiệp. Dần dà hết thời thơ ấu, đến tuổi hoa niên Đức Bồ tát được làm chủ ba tòa cung điện hợp theo thời tiết ba mùa với nếp sống huy hoàng vương giả, chẳng khác nào ở cõi Thượng Thiên.

Nhưng có ba hôm, nhân lúc dạo chơi vườn Ngự Uyển, Đức Bồ tát lần lượt xúc kiến ba vị Sứ trời (Devadūta) mệnh danh là Lão (Jiṇṇa), Bình (Byādhi), và Tử (Mata). Cả ba lần Ngài đều phát tâm kinh cảm, bâng hoàng quay gót về cung.

Đến kỳ du ngoạn thứ tư, Đức Bồ tát gặp được một vị Sa Môn từ đó ý Ngài thiết tha hoài vọng con đường thoát tục “Ta phải xuất gia”.

Ngự vào vườn ngự uyển, Đức Bồ tát ngồi trên bờ hồ Hạnh Phúc (Maṅgalapokkharanī) cho đến hết ngày hôm ấy.

Sau khi Đức Bồ tát nhận lấy y phục của quan nội thị, thì Chư Thiên Vissukamma (Tỳ Thủ Yết Ma) tự nhiên hiện đến. Ngài còn đang nhờ vị này sắp đặt hóa trang, chợt nghe tin báo rằng Thái tử Rāhula vừa mới chào đời, vốn biết rằng tình phụ tử sâu xa mãnh liệt, Đức Bồ tát nói: “Sợi dây luyến ái này, Ta phải cắt đứt nó ngay khi nó chưa ràng buộc được Ta”. Nghĩ rồi, Bồ tát bộ hành vào thành, bỗng nghe cô em họ của Ngài là công chúa Kisāgotamī hát rằng:

*“Nibbutā nūna sà mātā
Nibbuto nūna so pitā
Nibbutā nūna sà nārī
Yassāyam udiso patitī”.*

*Hạnh phúc thay mẹ chàng tuổi trẻ,
Hạnh phúc thay cha để chàng ta,
Hạnh phúc thay bạn quân thoa.
Có chồng anh tuấn hào hoa như chàng”.*

Nghe qua bài kệ, Đức Bồ tát nói thầm: “Phải chăng cô này là sứ giả, giục Ta lên đường phúc lạc trường niên (Nibbutapada)”.

Đưa tay lên cổ tháo chuỗi trân châu, Đức Bồ tát tặng thưởng cô em họ, đoạn Ngài ngự về vương thất tịnh tọa trên long sàng.

Đêm ấy, trong chốn thâm cung, cảnh tượng các vũ nữ, phi tần sật sừ ngây ngủ, xiêm y lệch lạc, mắt mũi bơ phờ, càng khiến Đức Bồ tát sanh tâm chán chường phiến muộn, Ngài ra lệnh bảo thị thân Sa Nặc (Chana) thắng ngựa Kaṇṭhaka (Kiền Trắc) đến cho Ngài. Lên yên thân mã, đeo thêm Channa làm bạn đồng hành, Đức Bồ tát bắt đầu chuyến đi lịch sử, có đủ mặt Chư Thiên trong mười ngàn cõi Sa bà tụ hội lại tiễn đưa.

Ra khỏi đế đô, vượt qua dòng sông Vô Thượng (Anoma), Đức Bồ tát tự xuất gia, rồi lần hồi tiến đến thành Vương Xá. Vào thành Vương Xá, khát thực xong, Ngài đình bộ an tọa trên sườn

Paṇḍarapabbata (Bạch Sơn), đức vua Ma Kiệt Đà thân ngự đến thỉnh Đức Bồ tát về triều, nhưng Ngài đã khước từ vương vị, và về sau Ngài đắc quả Toàn Tri (Sabbaññū). Buổi đầu tiên, trên bước đường tầm phương tự thắng, Đức Bồ tát có tìm đến thọ giáo với hai tu sĩ tự xưng đã đắc đạo mầu là A Lã Ra và Út Đá Ká. Nhưng sau lúc nhập môn, Ngài nhận thấy Đạo quả của hai vị này chưa đạt đến chỗ cao siêu tuyệt đối. Đức Bồ tát lại tách ra đi tìm chân lý với chí cương quyết xả thân cầu đạo, nhưng chỉ tự mình khổ hạnh cần tu, sau sáu năm trời đằng đẵng trôi qua.

Một buổi sáng bình minh vào ngày rằm tháng tư âm lịch (Visākha). Độ xong bữa cơm sữa để hồ do nàng Sujātā dâng cúng. Đức Bồ tát ném bát vàng xuống sông Nerañjara (Ni Liên Thiên) và khiến bát ấy trôi ngược dòng sông theo ước nguyện.

Dựa mé sông Ni Liên lặng lẽ, trong rừng Mahāvana (Đại Lâm) u nhã, Đức Bồ tát tinh tấn công phu suốt ngày hôm ấy. Mãi đến xế chiều, có ông lão Sotthiya (An Hòa) hiến dâng cho Ngài một bó cỏ, Ngài nhận lãnh xong thì Long Vương (Nāgarāja) hiện đến ca tụng ân đức của Ngài.

Tại gốc cây Bồ Đề (Bodhimanda) theo lời nguyện của Bồ tát tự nhiên có một bảo tọa nổi lên, Ngài trải cỏ ra làm bồ đoàn, rồi phát lời đoạn thệ rằng:

“Na tāvimam̐ pallankam̐ bhindissāmi yāva me anupādāya asevehi cittaṃ na vimuccissati” - Ta nhất định không bao giờ từ bỏ thế ngồi này, cho đến bao giờ tâm Ta được giải thoát, tất cả lậu hoặc (āsava) không còn chấp thủ nữa mới thôi”.

Đoạn Ngài ngự lên bồ đoàn, ngồi day mặt về hướng Đông, ác vàng chưa lặn, Ngài đã thắng đội binh Ma vương (mārabala).

Canh một đầu hôm, Ngài đắc Túc mạng minh (Pubbenivāsa saññāna), canh giữa Ngài đắc Sanh tử minh (Cātupapātāññāna) và đến canh cuối Ngài đắc Minh thấu triệt nhân sanh khởi của vạn pháp (Paccayākasehāna).

Khi vắng thái dương ló dạng, Ngài chứng Đạo quả Toàn Giác gồm đủ ân đức của một vị Thập Lực (Dasabala) nhất là bốn Thần túc (Dục - cần - tâm - thãm).

Trải qua bảy thất (bốn mươi chín ngày), Ngài không lìa xa cội Bồ Đề, đến thất thứ tám, Ngài ngự đến gốc cây Ajapāla Nigrodha, ngồi trầm tư mặc tưởng nguyên lý cao thâm mầu nhiệm của Chánh Pháp.

Thấy Ngài an nhiên bất động, vua trời Phạm Thiên Sá Ham Pá Tí với mười ngàn Phạm chúng Thiên theo hầu, vội xuống khẩn cầu thỉnh Ngài đi hoàng pháp độ sinh. Dùng Phật nhãn quan sát thế gian xong, Ngài chấp nhận lời Đại chúng Thiên cung thỉnh.

“Thời Pháp đầu tiên, Như Lai nên thuyết cho ai đây?”, sau khi tự vấn, Ngài thấy rõ hai thầy A Lã Ra và Út Đá Ká đã mệnh chung, Ngài đi đến nhóm năm thầy Koṇḍañña có nhiều duyên lành, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy khởi hành sang xứ Ka Xí.

Giữa đường Ngài có gặp du sĩ Ú Pá Ká. Ngày rằm tháng sáu âm lịch (āsālha), Ngài mới tới chỗ ngụ của năm vị Tỳ Khưu (Pañcayaggiya) trong rừng Chur Tiên đọa xứ vườn Lộc Giả. Đối với những sai lầm của nhóm đệ tử này, Ngài đã vạch rõ lẽ lối thích nghi, rồi Ngài bắt đầu Chuyển Pháp Luân (Dhamma cakkaṃ pavatteti), khiến cho một trăm tám mươi triệu Phạm Thiên với vị lãnh đạo là Koṇḍañña uống được nước nguồn bất tử (Amataṃ pāyati).

Quay bánh xe Bảo pháp đến ngày thứ năm Ngài độ các vị Tỳ Khưu trong nhóm này đắc quả A La Hán. Cũng trong ngày ấy, Ngài quán sát thấy duyên lành của công tử Yasa đã đến, nên ngồi nán chờ, nửa đêm Công tử phát tâm nhằm chán gia đình, lìa nhà ra đi thơ thẩn, không ngờ đến ngay chỗ ngụ của Đức Thế Tôn.

Ngài lên tiếng gọi: “Lại đây Yasa”. Nội trong ngày ấy, Ngài thuyết pháp độ công tử Yasa đắc quả Nhập Lưu (Sotāpatti) và tiếp qua ngày sau đắc quả A La Hán.

Kế đó, Ngài tiếp độ năm mươi bốn người bạn thân của Công tử Yasa bằng cách bảo cho họ xuất gia Ehi-bhikkhu (Thiện lai Tỳ Khưu) và đắc luôn quả A La Hán.

Như thế là trên cõi phàm trần đã có sáu mươi một vị A La Hán.

Ra hạ đầu tiên, Chur Tăng làm lễ Tự tứ xong, Đức Bổn Sư phán rằng: “Caratha bhikkhave cārikanti”.:Này các Tỳ Khưu! Hãy cất bước vân du. Phái sáu mươi vị sứ đồ di tản các tứ phương, rồi Đức Bổn Sư thân hành ngự qua miền rừng Uruvela (Quảng Đại Biên). Tới khu Kappāsikavanasaṇḍa

(Miên Hoa Viên Lâm) là rừng trồng bông vải ở khoảng giữa đường, Đức Bổn Sư hóa độ cả ba mươi vị công tử trong nhóm quý tộc Bhadda vaggiya. Trong số này các vị thấp kém nhất đắc quả Tu Đà Huàn, vị ưu tú nhất đắc A Na Hàm. Nhưng rồi Đức Bổn Sư cũng độ cho các vị đó xuất gia bằng cách Ehibhikkhu và phái đi tha phương hành đạo.

Ngài tiếp tục ngự hành đến rừng Quảng Đại Biên, biến hóa ba ngàn năm trăm phép lạ (pātihāriya) thu phục ba anh em ngoại đạo tóc bện (jaṭila) đứng đầu là đạo sĩ Quảng Đại Biên Kassapa cùng với một ngàn đệ tử của họ, Ngài cho tất cả xuất gia Ehibhikkhu cho nhóm trong xứ Tượng Đầu Sơn, rồi Ngài thuyết thời pháp Viêm Nhiệt Luân (Aditta pariyāya) “Giải về lửa phiền não”, hóa độ cho tất cả đắc quả A La Hán. Với đoàn Thánh Tăng một ngàn vị A La Hán ấy, Đức Thế Tôn ngự về Latthivanuyyāna (Công Viên Tiểu Thọ Lâm) ở phụ cận thành Vương Xá, Ngài nghĩ rằng: “Như Lai sẽ thanh toán hai điều giao ước cùng Quốc vương Bimbisāra (Tần Bà Sa) lúc trước”.

Nghe tin đồn: “Đức Bổn Sư đã trở lại”. Đức Vua dẫn theo mười hai muôn Bà la môn và gia trưởng đến yết kiến Đức Bổn Sư. Đức Thầy dùng lời dịu ngọt thuyết pháp phủ dụ xong, thì đức vua với mười một muôn vị tùy giá đắc quả Nhập Lưu, còn một muôn vị phát khởi đức tin và quy y Tam Bảo.

Qua ngày thứ sáu, nhờ Thiên Vương Đế Thích (Sakka) biến hình làm một thanh niên tán dương oai đức của Ngài, vừa đi trước mở đường. Đức Bổn Sư nhập thành Vương Xá, ngự vào hoàng cung, sau bữa thọ thực, Đức Bổn Sư nhận lãnh Tịnh xá Trúc Lâm và ngự an nơi đó. Chính tại ngôi chùa này mà Trưởng Lão Sāriputta và Moggallāna tìm đến xuất gia đầu Phật. Đây lần lượt kể tiếp chuyện như sau:

Trước thời Đức Chánh Biến Tri Cổ Đàm giảng thế, cách thành Vương Xá không xa, có hai làng Bà la môn là Upatissa và Kolita. Ngày ở làng Upatissa, cô Bà la môn Xá Lợi thọ thai thì ở làng Kolita, cô Bà la môn Moggallī cũng kiết tử nhâm thân.

Theo tục truyền, hai gia tộc này từ bầy đời liên tiếp đã từng giao hảo mật thiết với nhau, thân nhân của hai bên cho hai dựng phụ uống thuốc dưỡng thai cùng ngày. Chấn mười tháng hai nàng đồng hạ sanh con trai.

Đến ngày lễ đặt tên con, bà Sārī được mệnh danh là Sāriputta vì là trưởng nam của một trưởng tộc trong làng Upatissa nên còn có tên gọi là Upatissa, con của bà Moggallī thì có tên là Kolita, vì là con trai đầu lòng của một thế gia chủ tế trong làng Kolita.

Đến tuổi trưởng thành, hai công tử đều tỏ ra xuất chúng trong mọi nghề nghiệp. Khi công tử Upatissa muốn đi du hí ở sông hoặc ở công viên thì có năm trăm chiếc kiệu vàng đứng đón đưa. Còn công tử Kolita mỗi khi đi chơi lại dắt theo cả đoàn năm trăm cỗ xe tuần mã, hai công tử cậu nào cũng có năm trăm thiếu niên tùy tùng hộ tống.

Trong thành Vương Xá hàng năm có lệ dân chúng họp nhau ăn chơi trên chóp núi, gọi là Sơn Đảnh Hội (Giraggamajja). Hai chiếc giường của hai công tử được kết dính liền ở một nơi, hai cậu cùng ngồi bên nhau chủ tọa và thưởng thức cuộc lễ, đến chỗ vui nhộn hai cậu cùng cười, đến chỗ bi thương hai cậu cùng khóc. Đến lúc lạc quyền thì hai cậu cùng bố thí một lượt với nhau. Họ hành động như vậy trong nhiều ngày.

Cho đến một hôm, trí hóa của hai người trở nên già giặn, họ không còn vui cười trước cảnh trào lộng hay nhỏ lệ trước cảnh lâm ly, bố thí cho kẻ lạc quyền như những ngày trước nữa.

Theo truyền ngôn thì hai chàng đang bị một định kiến như vậy ám ảnh: Có chi đâu mà ta phải ở đây dòm ngó, không đầy một trăm năm nữa, tất cả mọi thứ này đều phải tiêu tan không còn lại chút hình bóng. Ta nên gia công tìm kiếm đạo giải thoát khỏi luật Vô thường là hơn.

Với ý nghĩ như thế trong đầu, hai chàng ngồi xuống bàn hoãn...Sau cùng công tử Kolita hỏi bạn rằng: “Hiển huynh Upatissa, sao hiển huynh không có vẻ hài lòng toại ý như những ngày qua? Hôm nay hiển huynh lại ra chịu bất mãn...Chẳng hay điều chi đang làm cho hiển huynh thắc mắc ưu phiền?”.

Công tử Upatissa bèn đáp: “Hiển huynh Kolita à! Xem mãi các trò chơi này, tôi nhận thấy tất cả đều trống rỗng vô ích. Chi bằng ta mau đi tìm pháp môn giải thoát, độ lấy thân mình còn hơn, đó là điều tôi ngồi yên tư lự. Còn hiển huynh vì sao cũng lộ vẻ không vui?”.

Công tử Kolita cũng đáp lời như vậy. Khi biết bạn mình đồng một chí nguyện với mình, công tử Upatissa bèn ngỏ lời tâm sự rằng: “Hiển huynh, chúng ta cùng chung một lý tưởng cao đẹp, cùng

mong tâm cầu lấy con đường giải thoát, vậy ta hãy xuất gia một lượt để cùng nhau tu học. Ta nên xuất gia với vị Đạo trưởng nào đây?”.

Ngay lúc bấy giờ, có thầy Sañjaya là một giáo chủ ngoại đạo cùng với một số đông đệ tử du sĩ vào thành Vương Xá.

Hai công tử tính rằng: “Ta sẽ đến xuất gia, ta sẽ theo ông này”, nên giải tán bớt năm trăm thiếu niên thủ hạ và bảo họ: “Hãy lấy tất cả kiệu và xe rôi đi đi”. Còn lại năm trăm vị tùy tùng, hai công tử dắt theo đến xuất gia học đạo cùng với thầy Sañjaya. Từ khi có hai công tử xuất gia, thầy Sañjaya càng được dồi dào lợi đắc và lừng lẫy thanh danh hơn bao giờ hết, nhưng chỉ trong vài ngày, hai trò mới đã học hết giáo lý của ông thầy. Họ bèn hỏi: “Bạch thầy! (ācariya) Giáo lý của thầy hiểu biết chỉ có bấy nhiêu hay còn cao siêu hơn nữa?”.

- Có bao nhiêu thì hai trò đã học hiểu qua tất cả rồi đấy.

Nghe dứt lời, họ thầm nghĩ: “Nếu quả như thế ta còn theo làm đệ tử của thầy nữa cũng vô ích, con đường giải thoát khỏi sự sanh tử mà ta bỏ cửa lìa nhà ra đi tìm kiếm, ta không thể gặp trong đạo của thầy. Nhưng cõi Diêm Phù Đề (Jambūdīpa) rộng lớn bao la, ta hãy chịu khó lê chân qua khắp kinh đô, phố phường, làng mạc, chắc có ngày ta cũng sẽ hạnh ngộ bậc thầy minh triết, giảng rành về đạo giải thoát cho ta”.

Kể từ hôm ấy, hễ nghe có tiếng đồn có vị Bà la môn, Sa Môn hiền trí ở tận đâu đâu thì hai chàng du sĩ (paribbājaka) cũng tìm đến nơi đó để luận đạo, nhưng những câu hai chàng hỏi mấy vị kia trả lời không được, trái lại mấy câu vấn nạn của họ hai chàng giải đáp dễ dàng.

Cùng nhau chu du khắp cõi Diêm Phù mà chẳng gặp Minh sư, hai chàng đành quay gót về quê. Trước khi chia tay để đi lang thang mỗi người mỗi ngả, du sĩ Upatissa giao ước với bạn rằng: “Hiền huynh Kolita ạ! Trong hai đứa mình hễ ai gặp đạo bất tử (amata) trước, thì phải nhớ nói lại cho người kia biết nghe”.

Thời ấy, nhằm lúc Đức Bổn Sư đã vân du đến thành Vương Xá, nhận lãnh Tịnh xá Trúc Lâm và an ngự nơi đó.

Từ ngày được lệnh: “Này các Tỳ Khuru! Vì lợi ích của chúng sanh, hãy đi vân du hành đạo”.

Thì sáu mươi vị A La Hán lãnh sứ mạng ra đi, ngõ hầu tán dương ân đức của Tam Bảo.

Một trong số chư Thánh Tăng ấy là Trưởng Lão A Xà Chí, thuộc nhóm năm thầy Koṇḍañña của Đức Thế Tôn, đã quay gót trở lại, đi về phía thành Vương Xá. Và sáng hôm sau, đắp y mang bát vào nội thành khất thực.

Cùng trong lúc ấy, du sĩ Upatissa sau khi đi bát thọ thực từ sáng sớm, đang trở về chùa của môn phái mình, thì gặp Trưởng Lão A Xà Chí, chàng khen thầm: “Từ trước đến giờ, ta chưa từng thấy một vị xuất gia nào phong độ như vị Sư này. Trong cõi trần ai ví như có ai đắc quả A La Hán hoặc đạt được A La Hán đạo, thì vị này phải là một trong số những Thánh Tăng ấy chẳng sai. Ta hãy thử đến tiếp xúc hỏi thăm Ngài”.

- Bạch đạo huynh, vì tôn chỉ nào mà đạo huynh xuất gia? Vị nào là thầy của đạo huynh? Giáo pháp của ai mà đạo huynh thuyết giảng?

Nhưng chàng xét lại: “Giờ chưa phải lúc ta vấn đạo vị Tỳ Khuru này, vì người đang đi trì bình khất thực từng nhà. Ta hãy chậm rãi nối bước theo chân người, y theo lối của kẻ mong cầu học hỏi”.

Khi thấy Trưởng Lão thọ bát rồi, còn đi tìm chỗ ngồi cho phải lẽ, du sĩ Upatissa hiểu ý, bèn đặt cái ghế du sĩ nhỏ của mình xuống đất và thỉnh Trưởng Lão an tọa.

Sau bữa cơm, chàng lại tiếp dung nước trong bầu của mình đến Trưởng Lão, sau khi làm đúng theo pháp như một đệ tử phục dịch thầy, du sĩ chờ Trưởng Lão xong bữa đàng hoàng, mới chào một cách thân thiện hoan hỷ, nói rằng: “Bạch đạo huynh, thật là quang minh thanh tịnh, nước da của đạo huynh thật là mịn màng tươi sáng. Chẳng hay đạo huynh xuất gia vì tôn chỉ nào? Ai là sư phụ của đạo huynh? Đạo huynh truyền bá Giáo Pháp cho ai?”.

Trưởng Lão nghĩ thầm: “Những du sĩ ngoại đạo bình thường hay chống đối Phật giáo lắm, vậy ta sẽ chỉ cho chàng này thấy cái thâm sâu vi diệu của Chánh Pháp”.

Đoạn Trưởng Lão mở lời khiêm nhường, tỏ thật rằng mình mới xuất gia và nói: “Nầy đạo hữu! Bần Tăng còn non nớt lắm. Vì ta xuất gia nhập đạo chưa được bao lâu, ta không đủ khả năng thuyết pháp luận giải dài dòng”.

Chàng du sĩ vội đáp: “Xin đạo huynh cứ tùy theo khả năng của mình mà thuyết pháp nhiều ít chi cũng được hết, Upatissa này sẽ cố công thấu triệt giáo lý bằng trăm ngàn cách”.

Nói đoạn đọc kệ rằng:

*“Appamāṃ va bhāṃṃ va bhāssu
Atthaññeva me brūhi
Attheneva me attho
Kiṃ kāhassi byañjanam bahunti”.*

*Ít nhiều xin nói ngay
Điều cốt yếu chỉ bày
Tôi chỉ cần cốt yếu
Lắm lời cũng không hay”.*

Nghe vậy Trưởng Lão đọc kệ đáp rằng:

*“Ye dhammā hetuppabhavā
Yesam hetum tathāgato
Tesañca yo nirodho ca
Evam vadī mahāsamaṇoti”.*

*“Những pháp nào có nhân,
Nhân pháp Đức Như Lai,
Pháp với nhân nào diệt,
Đức Phật dạy không sai”.*

Chỉ nghe qua hai câu của bài kệ, chàng du sĩ đã đắc ngay Tu Đà Hườn quả, lãnh hội cả giáo nghĩa bằng cả ngàn cách.

Khi chàng đắc Sơ quả rồi, Trưởng Lão đọc tiếp hai câu sau và chấm dứt bài kệ. Nhưng vị Thánh Nhập Lưu mới này không chứng đắc những quả vị cao hơn.

“Đây chắc là tại một nguyên do”, thầm nghĩ như thế, chàng bèn bạch với Trưởng Lão rằng: “Bạch Ngài! Xin Ngài đừng thuyết pháp cao siêu hơn nữa đây, bấy nhiêu cũng tạm đủ rồi. Chẳng hay Tôn Sư bây giờ đang ngự ở đâu?”.

- Ở Trúc Lâm, nầy đạo hữu.

- Bạch Ngài! Nếu vậy xin thỉnh Ngài đi trước, đệ tử còn một người bạn. Cả hai chúng tôi có giao ước với nhau rằng: “Hễ ai đạt đạo bất tử (amata) trước thì phải thông tin với người kia hay”. Bây giờ đệ tử lo giữ lời hứa, trở về rủ bạn của đệ tử, rồi sẽ theo con đường của Ngài đi mà tìm đến yết kiến Đức Tôn Sư.

Nói rồi, du sĩ Upatissa gieo năm vốc xuống đất, nằm mọp bên chân Trưởng Lão, đoạn đứng lên nhiễu quanh Trưởng Lão ba vòng từ trái sang phải.

Sau khi tiễn biệt Trưởng Lão A Xà Chí, du sĩ Upatissa đi ngay về chùa của Ngài Sañjaya, trông thấy chàng về từ đằng xa, du sĩ Kolita nói thầm: “Hôm nay sắc diện bạn ta không giống như những ngày thường, có lẽ bạn ta thấu đạt con đường bất tử rồi chăng?”. Kolita liền đón bạn, hỏi ngay:

- Gặp đạo bất tử rồi chăng?

- Gặp đạo bất tử rồi bạn ạ.

Sau khi báo tin lành, Upatissa đọc luôn bài pháp kệ mình học được cho bạn nghe. Bài kệ vừa dứt, du sĩ Kolita cũng đắc Tu Đà Hườn. Chàng vội hỏi:

- Hiền huynh có nghe Đức Tôn Sư hiện ngự tại đâu không?

- Nghe nói Ngài ngự ở Trúc Lâm, hiền huynh à! Chính Trưởng Lão A Xà Chí là thầy tiếp dẫn của tôi bảo thế.

- Vậy thì chúng ta nên đến ngay nơi đó để yết kiến Đức Bốn Sư đi hiền huynh.

Du sĩ này có tên là Sāriputta, vốn là người có đặc tính bao giờ cũng cung kính ông thầy đầu tiên của mình, cho nên chàng lại nhắc bạn mình rằng:

- Này hiền huynh! Ta hãy bạch cho thầy của ta là du sĩ Sañjaya hay biết chúng mình đã gặp đạo bất tử. Nếu thầy thức tỉnh kịp, thầy sẽ thông cảm cho chúng ta, thẳng như thầy không thông cảm thầy cũng phải tin theo lời thành thật của ta mà yết kiến Đức Bốn Sư. Chùng được nghe pháp của bậc Đại Giác, chắc thầy sẽ đắc Đạo quả không sai vậy.

Hai bạn đồng ý, cùng nhau đi đến tiếp xúc với thầy Sañjaya thấy mặt hai chàng, thầy liền hỏi:

- Hai hiền hữu đã tìm gặp một vị Đạo sư nào chỉ rành cho mình con đường bất tử chưa?

- Dạ! Bạch thầy tìm gặp rồi, Đức Phật đã xuất thế, Đức Pháp đã xuất thế, Đức Tăng đã xuất thế. Vậy mà thầy còn lang thang trên con đường hư ảo, vô đề vô căn (tucche asāre). Xin thầy đi với chúng tôi, chúng ta cùng đến học đạo với Đức Bốn Sư.

- Các đồ đệ hãy đi đi, phần ta không thể đi được.

- Bạch thầy vì sao vậy?

- Vì ta nay dù sao cũng là thầy của hàng đại chúng rồi, nếu ta hạ mình đi làm đệ tử cho người, thì kể như nước trong vò đang yên lặng bỗng nhiên giao động nổi sóng lên, ta không thể đi làm Sa Môn sinh của ai được.

- Bạch Thầy, xin thầy chớ nên cố chấp như thế.

- Thôi đừng bận tâm lo lắng cho ta nữa, các hiền đồ cứ đi, còn ta thì không thể nào đi được.

- Bạch thầy, từ khi Đức Phật xuất thế, hàng đại chúng đều qui ngưỡng nơi Ngài, hằng bữa thường cắm hương và hoa đem đến cúng dường không ngớt, chúng tôi cũng sẽ quy y đầu Phật. Bạch thầy, rồi đây thầy sẽ làm gì?

- Này các hiền đồ, hiện tại trong đời này có nhiều kẻ ngu hay người trí?

- Bạch Thầy, kẻ ngu nhiều, người trí thì hiếm.

- Nếu vậy, này các hiền đồ, những người trí hãy đi nhập chung với những người trí là Sa Môn Cổ Đàm, còn những kẻ ngu hãy ở lại đây, làm bạn với những kẻ ngu như ta. Các hiền đồ hãy đi đi, ta sẽ không đi đâu.

Thuyết phục thầy cũ không được, hai chàng còn ráng nói thêm một câu thông: “Bạch Thầy, rồi thầy sẽ được rạng danh”. Đoạn hai chàng cáo biệt.

Hai chàng vừa đi, giáo đoàn môn hạ của thầy Sañjaya cũng vừa tan rã, ngay từ lúc ấy cảnh chùa trở nên vắng vẻ, quạnh hiu, thấy chùa trống trơn không còn đệ tử, thầy ta giận ói máu tươi.

Năm trăm du sĩ thuộc hạ cũ theo tiễn chân hai chàng một đôi, rồi phân nửa số đó trở về với Sañjaya, còn phân nửa ở lại hai chàng thân nhận làm đệ tử và dắt luôn đến chùa Trúc Lâm.

Đang ngồi thuyết pháp giữa Tứ chúng (Catupa-risā), Đức Bốn Sư trông thấy hai chàng từ xa đi đến, từ đằng xa, Ngài gọi Chư Tăng lại và giới thiệu trước rằng: Này các Tỳ Khưu! Hai người bạn mới đến kia là Kolita và Upatissa. Họ sẽ là cặp Thịnh Văn Thượng thủ của Như Lai, một cặp Thượng thủ quý báu nhất (Aggabhaddayuga).

Nhóm du sĩ đánh lễ Đức Bốn Sư rồi đồng ngồi nép qua một bên, ngồi yên chỗ xong, họ bạch Đức Thế Tôn như vậy:

- Bạch Đức Thế Tôn, chúng con muốn được xuất gia nơi Đức Ngài, chúng con muốn xin thọ Cụ túc giới.

Đức Thế Tôn bèn phán: “Etha bhikkhavoti (Thiện lai chư Tỳ Khưu)”. Lại đây hỏi các Tỳ Khưu! Giáo phái đã được hiển dương, hãy hành trì phạm hạnh cho chánh đáng, ngõ hầu chấm dứt mọi khổ đau”.

Kim ngôn vừa dứt, do thần thông của Đức Thế Tôn, tất cả nhóm Tỳ Khưu mới này đều có đủ y bát, trang mạo giống như những vị Trưởng Lão Tăng hằng trăm tuổi hạ.

Khi ấy, Đức Bốn Sư càng gia công thuyết pháp để giáo hóa nhóm đệ tử mới, cho họ biết chấp theo lối ngoạ đạo. Trừ hai vị Thượng Thinh Văn (Agga sāvaka), tất cả đều đắc A La Hán quả.

Hai vị Đại đệ tử tham thiền cách nào cũng không đưa tâm mình lên Thánh đạo cao hơn được nữa? Tại vì đâu? Tại vì chỗ bao la của Thinh Văn siêu việt trí (Sāvaka pāramiñña) tức là trí tuệ Ba la mật của một vị Đại đệ tử của Đức Phật vậy.

Riêng về Trưởng Lão Moggallāna, từ ngày xuất gia đầu Phật, đến nương ngụ gần thôn Kallavāla, trong xứ Ma Kiệt Đà, hành thiền được bảy hôm, kể bị hôn trầm dã dượi. Nhờ Đức Bốn Sư thức tỉnh, Trưởng Lão phát tâm kinh sợ thẳng phục được hôn trầm, tinh tấn niệm đề mục Tứ đại (Dhātu kammaṭṭhāna), do Đức Thế Tôn truyền giáo, thành tựu ba Đạo quả cao thượng và đạt đến đỉnh của Thinh Văn siêu việt.

Còn Trưởng Lão Xá Lợi Pussau ngày xuất gia vẫn còn ở trong thành Vương Xá với Đức Bốn Sư, nương nhờ trong một hang đá Trư Quật, tục gọi là hang heo đào (Sākarakhālena). Mãi đến nửa tháng sau, Trưởng Lão nghe Đức Phật thuyết bài kinh sutta Đa Thọ Học (Vedanā pariggaha) để hóa độ du sĩ Trưởng Trảo là cháu kêu Trưởng Lão bằng cậu. Nhờ đưa trí theo dõi lời kinh, Trưởng Lão lần lần đạt đến mức cùng tột của Thinh Văn siêu việt trí. Cũng như người được no lòng nhờ ăn bữa cơm dọn cho người khác vậy. (Trưởng Lão Sāriputta có tiếng là bậc thông minh quán chúng (Mahāpañña) mà tại sao lại chứng quả Thinh Văn siêu việt trí sau Trưởng Lão Moggallāna lâu đến thế?).

Trong trường hợp này, ta nên giải thích chính đáng như vậy: “Tại vì phải chuẩn bị kỹ càng hơn, ví như người nhà nghèo muốn đi đâu thì đi ngay không có gì phải sửa soạn, còn các bậc vua chúa thì phải chờ sắp đặt long xa phụng cán chỉnh tề đội ngũ rồi mới khởi hành”.

Một ngày, Trưởng Lão Sāriputta đắc chứng A La Hán với Tuệ Phân tích lúc bóng xế tà (Vaddhamānakacchāyāya) Đức Bốn Sư cho triệu tập Thinh Văn hội để cử hai Trưởng Lão lên địa vị Thượng thủ Thinh Văn (Aggasāvaka), rồi truyền đọc giới bổn Biệt Giải Thoát.

Chư Tỳ Khuru thì thâm dị nghị rằng: “Đức Tôn Sư chỉ coi mặt (mukhalokanena) mà ân tứ cho các Tỳ Khuru, hai chức Thượng thủ Thinh Văn đáng lẽ Ngài nên phong cho những đồ đệ đầu tiên là năm vị trong nhóm Koṇḍañña (Pañca vagga) mới phải. Nếu không kể các vị ấy, thì Ngài nên huệ cố đến nhóm có năm mươi lăm vị Tỳ Khuru có Trưởng Lão Yasa đứng đầu mới hợp lý.

Ngoài mấy vị này ra, còn có ba chục vị trong nhóm quý tộc Bhadda vaggiya cũng xứng đáng được Ngài lưu ý, còn không nữa thì còn nhóm ba anh em Quảng Đại Biên Kassapa, sao Ngài chẳng tấn phong?

Đằng này, Ngài lại bỏ các vị cũ ra để cử mấy ông mới xuất gia sau này lên làm hai đệ tử, đứng đầu tất cả các Chư Tăng... Thật Đức Bốn Sư coi mặt mà ân tứ vậy”.

Thấy vậy, Đức Bốn Sư phán hỏi: “Nầy các Tỳ Khuru, các ông bàn luận chuyện chi đó?”.

Khi nghe Chư Tăng phúc đáp xong, Đức Bốn Sư thanh minh rằng: “Nầy chư Tỳ Khuru! Chẳng phải Như Lai coi mặt mà ân tứ cho các Tỳ Khuru đâu? Như Lai giao phó nhiệm vụ cho các ông ấy đều đúng theo sở nguyện cá nhân của từng người một. Như A Nhã Koṇḍañña tuy có lòng cúng dường chín lần bằng những sản phẩm đầu tiên trong một vụ mùa, nhưng trong lúc dâng cúng không phát nguyện thành Thượng thủ Thinh Văn. Trái lại trong lúc ông để bát ông chỉ phát nguyện chứng đắc pháp tối thượng (Agga-dhamma) tức là A La Hán quả trước hơn tất cả mọi người mà thôi.

- Bạch Đức Thế Tôn! Chuyện ấy xảy ra từ bao giờ?

- Nầy các Tỳ Khuru! Các ông hãy lắng tai nghe!

- Dạ vâng, bạch Ngài.

Đức Thế Tôn bèn nhắc lại tiền tích sau đây:

“Nầy các Tỳ Khuru, cách đây chín mươi một đại kiếp, có Đức Thế Tôn Vipassī giáng thế. Thời ấy có hai anh em là Đại Hắc và Tiểu Hắc, là hai Trưởng giả, đã cho người gieo trồng lúa Sālī (thứ lúa đại mạch quý giá nhất Ấn Độ) trong một thửa ruộng lớn.

Ngày nọ, Trưởng giả Tiểu Hắc đi thăm ruộng, bứt một hạt Sālī đòng đòng (Sālī gabbhaṃ: Lúa mới tượng hình) bỏ vào miệng nhai, nhận thấy hạt lúa non này có hương vị thơm ngọt vô cùng. Trưởng giả nảy ra ý định muốn để bát cúng dường Sālī non đến Tỳ Khuru Tăng có Đức Phật làm hội chủ.

Trưởng giả liền trở về gặp anh mình và rủ: “Anh à! Chúng ta hãy cho người cắt Sālī đòng đòng, nấu chín hợp theo lễ đạo của Chư Phật, rồi chúng ta để bát cúng dường nghe anh?”.

- Chú nói sao? Cắt lúa Sālī đòng đòng nấu chín để bát à? Tự cổ chí kim chưa từng có ai làm vậy, mà trong tương lai cũng chẳng có ai làm vậy. Thôi chú đừng có phá cho hư hại mùa màng.

Tiểu Hắc nằng nặc quyết một, cứ theo gót chân anh nói mãi, sau cùng Đại Hắc nói: “Thôi được! bây giờ ta hãy phân chia đôi. Ruộng lúa Sālī, phần nào của anh, chú chớ có rờ đụng tới, còn phần riêng của chú, mặc chú muốn làm gì thì làm”.

Được cởi mở tấm lòng, Tiểu Hắc vội đáp “Lành thay”.

Chia ruộng xong Tiểu Hắc liền thuê nhiều nhân công cắt lúa Sālī đòng đòng đem về, nấu với sữa tươi không pha nước, chín rồi trộn chung thêm gia vị cam trần như bơ, sữa lỏng (sappi) mật ong và đường.

Sau khi để bát Chư Tăng có Đức Phật Vipassī làm hội chủ, Tiểu Hắc chờ cho các Ngài độ xong, mới bạch rằng: “Bạch Ngài! Do sự cúng dường thù thắng (aggadāna) bằng những lúa Sālī trở đòng đòng này. Xin cho được đặc pháp thù thắng (Aggadhamma) tức là A La Hán quả trước hơn tất cả mọi người”.

Đức Tôn Sư chúc phúc cho ông: “Vạn sự như ý” (Evaṃ hotuti).

Sau đó Trưởng giả Tiểu Hắc lại đi thăm ruộng, thấy lúa Sālī trở đòng đòng phát sanh như cũ, gié đơm đầy như là lúa đã được bó lại, ông phát sanh năm loại phỉ lạc nói thắm: “Thật là may quá!”.

Trưởng giả liền kêu thôn dân phụ lực để làm phước cúng dường thù thắng. Cứ như thế, mỗi vụ lúa, Tiểu Hắc cứ cúng dường kết quả đầu tiên: Khi lúa vừa ngậm sữa thì dâng lúa vừa ngậm sữa đầu tiên, khi gặt lúa thì dâng lúa gặt đầu tiên, khi đập lúa thì dâng lúa đập đầu tiên, khi quạt lúa thì dâng lúa quạt đầu tiên, khi vựa lúa thì dâng lúa vựa đầu tiên. Chỉ trong một mùa lúa, Tiểu Hắc đã cúng dường thù thắng được chín lần. Trong tất cả những lần ấy, chỗ lúa được đem cúng dường lại hoàn trả như cũ một cách tự nhiên, mùa lúa ấy Trưởng giả Tiểu Hắc trúng quá sức tưởng tượng, đúng như câu: “Thiện hữu thiện báo”, hễ ai hộ pháp thì được pháp độ trì. Cho nên Đức Thế Tôn có thuyết rằng:

*“Dhammo have rakkhati dhammacāriṃ
Dhammo suciṇṇo sukhamāvahāti
Esānisamso dhamme suciṇṇe
Na duggatiṃ gacchati dhammacārīti”.*

*Chánh Pháp hộ trì người nương Chánh Pháp.
Nương pháp thì an lạc biết bao,
Phước báu nương pháp thanh tao,
Nương pháp khỏi đọa trần lao, thoát nạn”.*

Trong thời kỳ Đức Chánh Biến Tri Vipassī, Añña Koṇḍañña đã làm phước cúng dường chín lần thù thắng như thế đó, nhưng chỉ ước nguyện đặc pháp thù thắng trước hơn tất cả mọi người mà thôi. Và trong thời kỳ Đức Phật Thượng Liên Hoa, cách nay một trăm ngàn đại kiếp. Khi ở trong thành Hamsavatī (Thiên Nga), ông có cúng dường trọng thể (Mahādāna) trong bảy ngày đêm liên tiếp, rồi mọp bên chân Đức Thế Tôn thời ấy, nguyện cầu đặc pháp thù thắng trước hết thầy mọi người.

Cho nên đời nay, Như Lai đã căn cứ theo nguyện vọng của ông mà ân tứ. Chẳng phải Như Lai coi mặt mà ân tứ cho các Tỳ Khưu đâu.

- Bạch Ngài! Còn năm mươi lăm vị công tử có Trưởng Lão Yasa làm trưởng đoàn chẳng hay tạo nghiệp gì?

Đức Thế Tôn đáp rằng: “Nầy các Tỳ Khưu! Máy ông ấy đối với một vị Phật quá khứ, cũng phát nguyện thành A La Hán và đã có tạo nhiều phước nghiệp, nhất là trong kiếp sau, thời Đức Phật chưa giáng thế và thành lập một ban phước thiện, chuyên lo tổng chung những xác chết bản tiện, cô đơn.

Một hôm thấy một phụ nữ có mang, họ bèn xúm nhau đưa vào bãi tha ma để hỏa táng:

- Các anh đem thiêu nhé!

Năm người được chỉ thị ở lại mộ địa, kỳ dư bao nhiêu đều trở về làng. Thanh niên Yasa đứng chỉ huy việc thiêu này, chàng dùng cây nhọn đâm lưng cái xác cho chảy bớt nước và lật qua lật lại cho

mau cháy. Chăm chỉ nhìn cây đuốc thịt đang biến thành than, chàng bỗng đâm ra nhòm góm cái tử thi một cách lạ thường, đó là triệu chứng trong tâm chàng phát sanh bất tịnh tướng (Asubhasañña).

Yasa kêu bốn chàng kia lại chỉ: “Quý vị ơi! Hãy nhìn cho kỹ xác chết này, da của nó nứt nẻ loang lỗ từng đốm giống hệt như miếng da bò, thật là bẩn thỉu, hôi tanh, đáng tởm làm sao?”.

Bốn người bạn Yasa ngay lúc ấy cũng đều phát sanh bất tịnh tướng. Xong phận sự đốt thây ma, năm chàng trở về làng kể chuyện vừa qua với các bạn kia. Chàng Yasa thuật lại chuyện ấy trong gia đình chàng nghe, nên cha mẹ chàng cũng phát sanh bất tịnh tướng (Asubhasañña).

Đó là tiền nghiệp của nhóm Tỳ Khuru Yasa, chính do nhân ấy mà đang ở trong lâu đài, nhìn những mỹ nữ ngủ, Yasa có cái cảm giác như đang ở trong mộ địa với những thây ma và cũng nhờ tích lũy những nghiệp lành trong những kiếp đã qua, nên kiếp này tất cả những người trong nhóm mới đắc chứng những quả đặc thù (Vivesadhigama) là A La Hán quả.

Như thế thì, những Tỳ Khuru này cũng đắc quả đúng theo nguyện vọng của họ. Chẳng phải Như Lai coi mặt mà ân tứ cho các Tỳ Khuru đâu.

Chư Tăng lại hỏi thêm nữa rằng: “Bạch Ngài, còn những bằng hữu trong nhóm quý tộc Bhadda, chẳng hay đã tạo nghiệp gì?”.

Đức Thế Tôn đáp: “Này các Tỳ Khuru! Các công tử ấy cũng đã cúng dường đối với Đức Phật quá khứ, phát nguyện thành A La Hán và đã làm nhiều chuyện phước đức. Tiếp theo đó, trong thời Đức Phật chưa giáng thế, họ đầu thai làm ba mươi tên lưu manh lẳng tử, nhờ nghe huấn từ của Đức Thế Tôn ban cho ông Tuṇḍila mà cải tà quy chánh, thọ trì ngũ giới được sáu muôn năm. Do đó, kiếp chót này, các ông ấy chứng đắc quả vị đúng theo bốn nguyện cá nhân từ những kiếp trước. Chẳng phải Như Lai coi mặt mà ân tứ cho các Tỳ Khuru đâu”.

- Bạch Ngài! Còn những vị trong nhóm của đạo sĩ Quảng Đại Biên Kassapa đã làm gì?

- Các ông ấy đã phát nguyện thành A La Hán và cũng tạo nhiều phước nghiệp.

Thật vậy, cách đây chín mươi hai đại kiếp Kappa này có hai vị Phật giáng sanh là Đức Phật Tissa và Đức Phật Pussa.

Đức Phật Pussa vốn là vị đông cung Thái tử, con đức vua Mahinda (Đại Đế). Sau khi Ngài đắc quả Chánh Biến Tri thì có Thượng thủ Thịnh Văn là Hoàng tử út, em Ngài, Đệ nhị Thịnh Văn là vị công tử con quan Lễ bộ Thượng thư đương triều.

Nhân dịp đến yết kiến Đức Bổn Sư, đức vua tự hỏi thăm: “Thái tử của trẫm là Đức Phật, Hoàng tử út là Đệ nhất Thịnh Văn, con quan Lễ bộ Thượng thư là đệ nhị Thịnh Văn (Dutiyasāvaka)”.

Ngược nhìn lên ba Ngài, đức vua càng thỏa thích với ý nghĩ: “Đức Phật cũng của trẫm, Đức Pháp cũng của trẫm, Đức Tăng cũng của trẫm”. Nên cao hứng cất tiếng niệm ba lần: “Namo tassa bhagavato arahato sammā sambuddhassa” (Kính lạy Đức Ngài, Đức đại phước, Đức Ứng Cúng, Đức Chánh Biến Tri”. Đoạn đức vua phủ phục long thể trước chân Đức Bổn Sư và bạch rằng:

- Bạch Ngài! Năm nay quả nhân sống đã đúng chín muôn tuổi thọ, chỉ còn đợi giờ an giấc trường niên. Trong những ngày tàn của quả nhân, xin thỉnh Ngài đừng đi bát nhà ai, mà chỉ nhận tứ vật dụng (chỗ dùng để ăn, mặc, ở, trị bệnh) của một mình quả nhân dâng cúng.

Đức Bổn Sư nhận lời.

Từ đó, đức vua Mahinda chăm lo hộ độ Đức Phật Pussa thường xuyên mỗi bữa.

Ngoài hai vị xuất gia, đức vua còn có ba Hoàng tử nữa, vị đầu có năm trăm tùy tướng, vị kế có ba trăm tùy tướng, vị út có hai trăm tùy tướng.

Ba vị Hoàng tử muốn để bát hộ độ anh mình là Đức Phật Pussa, nhưng xin phép vua cha nhiều lần không được.

Đến khi biên thù nổi loạn chống lại triều đình, ba Hoàng tử được lệnh sai đi bình giặc. Dẹp yên bờ cõi, ba Hoàng tử khải hoàn phục vị vua cha.

Quốc vương ôm con vào lòng, hôn lên đầu và phán rằng: “Vương nhi các con, trẫm chuẩn ân thưởng cho các con tùy theo ước nguyện”.

- Dạ xin vâng! Tàu lệnh phụ vương.

Ba Hoàng tử phụng hành lời hứa của vua cha mà thôi. Cách mấy hôm sau, Quốc vương lại nhắc: “Các vương nhi hãy nhận lãnh phần thưởng của mình đi”.

Ba Hoàng tử bèn tâu rằng: “Tâu phụ vương, chúng con không ước nguyện chi khác hơn là từ rày về sau chúng con được phép cúng dường hộ độ vương huynh của các con. Xin lệnh phụ vương ban cho chúng con ân huệ ấy”.

- Nầy các vương nhi! Việc ấy trăm không thể ân tứ được.

- Tâu phụ vương, nếu phụ vương không chuẩn tấu cho chúng con cúng dường thường trực, thì xin phụ vương ân tứ cho chúng con mỗi người trong bảy năm.

- Nầy Vương Nhi! Việc ấy, trăm không thể ân tứ được.

- Nếu không thì xin phụ vương ân tứ cho chúng con trong sáu năm... năm năm... bốn năm... ba năm... hai năm.. một năm... Hoặc trong bảy tháng... sáu tháng.. năm tháng.. bốn tháng.. ba tháng.. hai tháng.. Hoặc một tháng.

- Nầy các vương nhi! Việc ấy trăm không thể ân tứ được.

- Tâu đại vương! Xin phụ vương cho chúng con mỗi người một tháng, nhập chung là ba tháng liền nhau.

- Được rồi, trăm y tấu, các vương nhi hãy lo hộ độ vương huynh trong ba tháng liền nhau.

Ba Hoàng tử hân hoan khấn biệt Quốc vương trở về cung. Thời thường, ba Hoàng tử chung nhau chỉ có một viên quản khố và một viên thiện tế, viên quan coi việc bếp núc có đến mười hai viên thủ hạ thanh niên.

Ba Hoàng tử ra lệnh đòi hai viên quan ấy đến và bảo rằng: “Ba tháng tới đây, chúng ta sẽ mặc nhị y, thọ trì Thập giới và nhập hạ với Đức Bồ Sư. Hai khanh hãy thay ba ta và tiếp tục coi việc xuất kho những thực phẩm cứng và mềm, cho nấu nướng, rồi mỗi ngày để bát cúng dường đến chín muôn vị Tỳ Khưu, luôn cả ba ta cùng một ngàn tùy tướng của ta nữa. Thôi hai khanh hãy ráng tự lo liệu lấy, ba ta chẳng còn việc chi phải nói thêm nữa”.

Thế rồi, dắt theo cả ngàn tùy tướng thân tín, ba Hoàng tử xin thọ trì Thập giới. Xuất gia tạm, đắp nhị y và nhập hạ tại chùa.

Hai quan quản khố và thiện tế hợp nhau chung nhau, luân phiên lo liệu việc cúng dường, mỗi ngày đều cho người vào kho của ba Hoàng tử, xuất ra đủ thứ thực phẩm cứng và mềm, sắp đặt xong rồi cho làm lễ Trai Tăng.

Trong khi các đầu bếp nấu cơm, cháo, vật thực dọn ra thì lũ con nhỏ của họ la khóc đòi ăn. Hai quan Tổng quản thấy vậy lấy món ăn chúng đòi ăn đưa cho chúng ăn trước khi Chư Tăng ngự tới. Vì thế, Chư Tăng chỉ thọ thực một bữa thừa, không đầy đủ nguyên vẹn như khi mới dọn.

Lần lần về sau, hai quan Tổng quản trông thấy thực phẩm mới dọn, cũng sanh thèm, nhin không được, giả bộ nói: “Ta hãy đem cho lũ trẻ”, rồi lấy đem đi ăn vụng”.

Cả đám từ nhỏ đến lớn có tám muôn bốn ngàn vị phạm tội ăn bớt thực phẩm mà họ có phận sự cúng dường Trưởng Lão Tăng, sau khi tan rã thân xác, đều bị sanh đoạ vào cõi nạ quỷ (Petti visaya).

Ba anh em Hoàng tử với một ngàn thuộc hạ, sau khi từ giả cõi đời, được siêu sanh lên Thiên giới, rồi luân hồi chuyển kiếp, khi thì ở cõi trời, khi thì ở cõi người. Trải qua chín mươi hai đại kiếp mới đến ngày nay. Mỗi khi tạo nghiệp lành họ đều nguyện thành A La Hán. Cho nên cả ba vị đều đắc Thánh quả đúng theo nguyện vọng của mình. Chẳng phải Như Lai coi mặt mà ân tứ đâu.

Quan thiện tế của ba vị Hoàng tử nay là vua Bimbisāra, còn quan quản khố nay là Cận sự nam Visākha. Những người phụ tá của họ, khi ấy sau khi chết bị đoạ sanh vào cõi nạ quỷ (ma đói), rồi chuyển kiếp, khi làm người, khi làm Chư Thiên, khi ở khổ cảnh địa ngục, nạ quỷ, súc sanh, a tu la.

Cho đến hiện kiếp nầy, họ sanh sống trong cõi nạ quỷ suốt trong khoảng thời gian nối liền bốn chu kỳ có Phật xuất thế. Họ đã đến gặp Đức Phật Kakusandha là vị Chánh Đẳng Giác đầu tiên xuất hiện trong hiện kiếp nầy, Ngài có tuổi thọ là tám muôn năm, họ bạch hỏi Ngài: “Xin Ngài cho biết đến bao giờ chúng tôi mới có được thức ăn?”.

Đức Phật đáp: “Trong thời Như Lai, các người chưa có gì ăn được, sau này địa đại sẽ cao lên một do tuần, chùng ấy có Đức Phật danh hiệu là Câu Na Hàm sẽ giảng thế. Các người ráng chờ đến vị Phật nầy mà hỏi thăm”.

Các nạ quỉ chờ đợi suốt khoảng giữa hai đời Phật và khi Đức Chánh Biến Tri Câu Na Hàm xuất thế, chúng đến bạch hỏi Ngài: “Xin Ngài chỉ dạy cho biết, bao giờ chúng tôi mới được có thức ăn?”.

Đức Phật Câu Na Hàm cũng đáp: “Trong thời của Như Lai các người cũng chưa có gì ăn được. Sau này khi địa đại cao thêm một do tuần, chùng ấy có Đức Phật Kassapa sẽ ra đời, các người nên chờ hỏi vị Phật ấy!”.

Các nạ quỉ đành phải chịu đói, chờ thêm khoảng thời gian không Phật nữa. Khi gặp Đức Phật Kassapa, chúng cũng tới hỏi thăm và nghe trả lời mừng tượng như trước: “Trong thời của Như Lai, các người chưa có gì ăn, sau này địa đại sẽ cao thêm một do tuần, chùng ấy Đức Phật có hồng danh Cổ Đàm sẽ giảng lâm, thân nhân của các người là đức vua Bimbisāra sẽ cúng dường đến Đức Thế Tôn và hồi hướng phước báu đến cho các người, chùng ấy các người sẽ có được thức ăn”.

Thời gian không có vị Phật, sau cùng nầy đối với nạ quỉ chỉ thoáng qua mau hầu như đầu hôm sớm mai vậy (bởi chúng vui mừng vì sắp được ăn).

Khi Đức Như Lai xuất thế, vua Bimbisāra cúng dường Trai Tăng bữa đầu, chúng nạ quỉ không thọ hưởng được quả báu (vì thí chủ không hồi hướng đến) chúng đợi tới khuya, về báo mộng cho đức vua ngó thấy và rú lên những tiếng rùng rợn.

Sáng hôm sau, đức vua ngự hành đến chùa Trúc Lâm thuật lại chuyện ma hiện hình cho Đức Như Lai nghe.

Đức Bổn Sư dạy rằng: “Tâu đại vương! Cách nay chín mươi hai đại kiếp trong thời Đức Chánh Biến Tri Pussa, những nạ quỉ ấy là thân bằng quyến thuộc của đại vương. Vì tội ăn vớt thực phẩm mà chúng có phận sự cúng dường đến Trưởng Lão Tăng nên bị đoạ xuống cõi nạ quỉ, rồi lại luân hồi lên xuống nhiều kiếp. Đến thời của mỗi vị Phật, chúng đều hỏi thăm cả ba vị Chánh Biến Tri là Đức Kakusandha, Đức Câu Na Hàm và Đức Kassapa, đều trả lời như vậy.. Như vậy.., chúng đã nóng lòng chờ đợi suốt cả thời gian ấy, nhưng hôm qua sau khi đại vương làm lễ Trai Tăng chúng không lãnh được phước báu, cho nên mới hiện hình kêu la như thế đó!”.

Nghe vậy, đức vua Bimbisāra bạch hỏi rằng: “Bạch Ngài! Như buổi Trai Tăng ngày nay, họ có lãnh được phước báu hay không?”.

- Có lãnh được! Tâu đại vương.

Hôm sau, đức vua lại thỉnh Tỳ Khưu Tăng có Đức Phật làm hội chủ đến thọ thực. Sau bữa Trai Tăng trọng thể (mahādāna), đức vua hồi hướng phước báu rằng: “Bạch Ngài! Do sự phước thí nầy xin cho những vong linh quyến thuộc của trẫm có đầy đủ cơm nước của hàng Chư Thiên”.

Ngay lúc ấy, các nạ quỉ đều thoát khỏi sự đói khát nhờ thọ hưởng được phước hồi hướng. Nhưng đêm hôm sau chúng lại hiện cho đức vua thấy thân chúng lỏa lổ.

Đức vua ngự đến bạch hỏi Đức Tôn Sư: “Bạch Ngài, đêm qua những vong linh ấy hiện hình lỏa lổ cho trẫm thấy, là ý nghĩa làm sao?”.

Đức Phật giải: “Vì đại vương không bố thí y phục cho họ đấy, đại vương”.

Hôm sau, Đức vua cúng dường y và vải cho Chư Tăng có Đức Phật là hội chủ và nguyện rằng: “Do phước nầy, xin cho các vong linh quyến thuộc của trẫm được mặc y phục của hàng Chư Thiên”.

Ngay lúc ấy, những y phục Chư Thiên tạo phát sanh đầy đủ sẵn đến các vong linh lỏa thể, cởi lóp nạ quỉ, họ trở thành những Chư Thiên có hình thái xinh đẹp sáng chói.

Khi chúc phúc, Đức Bổn Sư đọc bài kinh bắt đầu bằng: “Tirokuddesu tiṭṭhanti... (các hàng nạ quỉ đã đến nhà quyến thuộc rồi..) để dạy bảo cho các thí chủ và các vong nhân cách thức hồi hướng phước báu cho nhau (Xem Kinh Tụng của cố Trưởng Lão Hộ Tông).

Bài Kinh Nạ quỉ đứng ngoài vách nhà vừa dứt thì tám muôn bốn ngàn chúng sanh được lãnh hội Giáo Pháp (trong khi kể về tiền thân của ba anh em Quảng Đại Biên Kassapa, Đức Bổn Sư đã đề cập đến tích các nạ quỉ như trên).

- Bạch Ngài! Còn hai vị Thượng thủ Thịnh Văn đã làm gì?

- Hai vị Thượng thủ Thịnh Văn đã phát nguyện làm Thượng thủ Thịnh Văn.

Quả vậy, cách đây lối một A Tăng Kỳ và một trăm ngàn đại kiếp, Xá Lợi Pussanh ra trong một gia đình đại phú thuộc giai cấp Bà la môn quý danh là công tử Kim Thu (Kim Thu), còn Moggallāna sanh trong một vọng tộc đại gia, có tên là Tân Lợi (Sirivaddhana), hai chàng là đôi bạn cố giao, thân thiết với nhau từ thuở còn đọc đất chơi bùn.

Đến khi thân phụ qua đời, công tử Kim Thu được thừa hưởng trọn cả gia tài to tát, nhưng không lấy thế làm vui. Một hôm công tử ngồi tư lự một mình: “Ta chỉ biết được phần nào kiếp sống của ta trong đời hiện tại, chớ không biết gì về kiếp vị lai. Đã là giống hữu tình (satta) hễ sanh lên tất có ngày chịu chết. Nào ai thoát khỏi công lệ đó đâu, âu là ta hãy xuất gia sống đời phiêu bạt, để tìm con đường giải thoát tử sanh”.

Nghĩ rồi, công tử Kim Thu đến nhà bạn hỏi rằng: “Bạn Sirivaddhana ơi! Tôi định sẽ tìm cách xuất gia, tìm đạo giải thoát, bạn có thể xuất gia chung với tôi chăng?”.

Trưởng giả Sirivaddhana bèn đáp: “Bạn ơi! Chắc tôi không đi được, xin bạn cảm phiền đi xuất gia một mình”.

Công tử Kim Thu tự nghĩ: “Đến chung cuộc rồi, không ai có thể dắt cả thân bằng quyến thuộc đi sang thế giới bên kia. Thôi thì việc ai nấy làm, đường ai nấy đi”.

Từ đó, công tử mở rộng cửa kho vàng ra bố thí cho những kẻ khốn cùng, bản tiện xin ăn. Xong cuộc đại thí, công tử đi vào tận chân núi xuất gia làm đạo sĩ.

Ban đầu chỉ một, hai, ba người xuất gia tu theo đạo sĩ Kim Thu, nhưng lần lần số đệ tử tăng lên đến bảy muôn bốn ngàn.

Đạo sĩ Kim Thu hành đắc chứng được Ngũ thông, Bát thiên bèn đem cách niệm để mục thiện tịnh (kasiṇa parikamma) chỉ dạy cho các đạo sĩ tóc bện đệ tử, nhờ vậy tất cả đều đắc Ngũ thông, Bát thiên như nhau.

Thời ấy, Đức Phật hồng danh là Vô Thượng Kiến giáng lâm nơi thành Buddhamatī (Giác Tuệ) cũng có khi gọi là Candavatī (Thái Âm), phụ vương Ngài tên Yasavanta thuộc giai cấp Sát Đế Ly (Khattiya), mẫu hậu Ngài là Yasodharā nương tử.

Ngài giác ngộ dưới cội cây Long Thọ (Ajuna), có Tỳ Khưu Nisabha (Trác Lạc) và Anoma (Vô Thượng) là nhị vị Thượng thủ Thịnh Văn, có Thiện nam Varuṇa là đại thí chủ, có Tỳ Khưu Ni Sundarā (Mỹ Lệ) và Tỳ Khưu Ni Sumanā là hai nữ đệ tử (aggasāvika). Tuổi thọ của Ngài là mười muôn năm, bệ cao của Ngài là năm mươi tám hắc tay (hatta: lối năm tấc tây), hào quang từ thân Ngài chiếu ra xa mười hai do tuần, Ngài có mười muôn Tỳ Khưu tùy tùng.

Một hôm, hừng sáng Ngài xuất định Đại Bi quán thế gian, thấy đạo sĩ Kim Thu, Ngài nghĩ rằng: “Hôm nay do nhờ duyên lành của đạo sĩ Kim Thu mà Chánh Pháp sẽ được tuyên dương. Kim Thu sẽ phát nguyện thành Thủ Thịnh Văn. Bạn của đạo sĩ Kim Thu là Trưởng giả Sirivaddhana sẽ nguyện làm đệ nhị Thượng Thủ Thịnh Văn. Dứt thời pháp, tất cả tùy tùng của đạo sĩ Kim Thu có bảy muôn bốn ngàn đạo sĩ tóc bính sẽ đắc quả A La Hán. Vậy Như Lai nên ngự đến đó”.

Sau khi quán sát thấy rõ như thế, Đức Phật Vô Thượng Kiến không nói cho ai hay biết, Ngài lặng lẽ đắp y mang bát ra đi một mình như chúa sơn lâm.

Lúc ấy những đạo sĩ đệ tử của Kim Thu đã đi tứ tán vào rừng hái trái cây, đạo sĩ ở lại tịnh thất một mình.

“Ta hãy cho đạo sĩ biết Ta là vị Phật”, nghĩ như thế Đức Tôn Sư từ trên hư không đáp xuống, đứng trước mặt đạo sĩ Kim Thu. Khi thấy rõ oai lực của Đức Phật và tướng hảo quang minh của Ngài, đạo sĩ lẩm nhẩm ôn lại bài kệ mô tả tướng tốt của bậc Đại Nhân (Mahāpurisa), rồi đạo sĩ nói thầm: “Người có đầy đủ tướng tốt như vậy, nếu không xuất gia thì sẽ trở thành vị Chuyển Luân Vương. Còn nếu xuất gia thì sẽ làm vị Phật Toàn Giác, vén màn vô minh bao trùm cõi thế. Người này quyết chắc là một vị Phật không còn nghi ngờ chi nữa”.

Biết rõ như vậy, đạo sĩ tiến bước đến trước Đức Phật gieo năm vốc xuống đánh lễ Ngài, đoạn sắp chỗ ngồi và thỉnh Ngài an tọa.

Đức Thế Tôn ngự lên chỗ ngồi dọn sẵn, đạo sĩ Kim Thu tự mình cũng chọn một chỗ phải lẽ, ngồi nép qua một bên.

Bảy muôn bốn ngàn đạo sĩ tóc bính hái được đủ thứ trái cây ngon quý, bổ dưỡng rồi trở về với đạo trưởng. Về đến nơi họ nhìn chỗ ngồi của Đức Phật, rồi nhìn chỗ ngồi của thầy mình và nói: “Bạch thầy, chúng đệ tử đã từng chu du khắp chốn, chưa từng gặp ai cao thượng hơn thầy. Nhưng người này so với thầy, chúng đệ tử thấy còn cao thượng hơn”.

Nghe vậy, đạo sĩ Kim Thu đáp: “Các con nói chi. Đùng có tính đem hột cải bé tí teo mà đọ với núi Tu Di có bề cao tám muôn bốn ngàn do tuần. Đùng đem thầy ra mà so sánh với Đức Phật Toàn Giác, nghe các con!”.

Khi ấy, các đạo sĩ nghĩ thầm: “Nếu người này là một kẻ tầm thường vô vị thì thầy ta đã không đưa ra một ví dụ như thế. Chắc hẳn đây là một bậc Ứng Cúng (Arahā) không sai”.

Nghĩ rồi, cả thầy đồng qui xuống, mọp đầu đánh lễ Đức Tôn Sư.

Kế đó, đạo sĩ Kim Thu bảo các đệ tử rằng: “Này các trò, hiện đây chúng ta chẳng có gì xứng đáng để cúng dường Đức Phật, Ngài đến nhằm giờ chúng ta đi khát thực. Chúng ta hãy tùy tài lực của mình mà cúng dường, vậy các trò hãy tìm cách kiếm đủ thứ trái cây ngon quý, bổ dưỡng đem về đây nghe”.

Khi có trái cây đem về, đạo sĩ Kim Thu rửa tay sạch sẽ, đích thân để bát cúng dường Đấng Như Lai. Lúc Tôn Sư thọ bát, Chư Thiên thêm chất tự dưỡng thiên, tạo phước để vào trong bát của Ngài.

Kế đó, đạo sĩ Kim Thu cũng tự mình lọc nước cho Đức Tôn Sư. Đức Tôn Sư thọ thực xong, vẫn ngồi nguyên chỗ cũ. Đạo sĩ Kim Thu cho gọi tất cả đệ tử của mình, đi đến ngồi gần Đức Tôn Sư, vấn an Ngài theo xả giao. Khi ấy, Đức Tôn Sư nguyện thầm: “Hai vị Thủ Thịnh Văn cùng đi với Tăng chúng hãy đến nơi đây”. Hai vị Đại đệ tử thân giao cách cảm, được lệnh của Đức Tôn Sư, bèn dắt cả đoàn Tăng chúng gồm có mười muôn Thánh Lậu Tận (A La Hán) đến chỗ Đức Tôn Sư, đánh lễ Ngài và đứng nép qua một bên.

Thấy vậy, đạo sĩ Kim Thu cho gọi các đệ tử vào bảo: “Này các trò, ghé chỗ Chư Phật ngồi thấp quá. Ghế để mười muôn vị Sa Môn ngồi cũng không có. Hôm nay các trò cũng nên nhân dịp này mà làm một cuộc lễ cúng dường trọng thể đến Chư Phật. Vậy các trò hãy đi vào chân núi, tìm hái đủ thứ kỳ hoa dị thảo, sắc đẹp hương nồng đem về đây”.

Tục ngữ có câu “Kathānakālo papañco... Nhand thoại vô công” chẳng có ai ước lượng được giới hạn thần thông của một bậc pháp thuật cao cường cho được. Chỉ trong chốc lát, các đạo sĩ đã lần lượt đem về vô số những hoa vừa thơm vừa đẹp.

Bảo tọa của Đức Phật được kết bằng hoa rộng lớn cả một do tuần, bảo tọa của hai vị Thủ Thịnh Văn rộng ba phần tư do tuần, kỳ dư bảo tọa của chư vị Tỷ Khuru rộng từ nửa do tuần (hai gāvuta) sắp xuống, của các vị mới xuất gia thì rộng lối bảy chục thước tây (một trăm bốn mươi usabha).

Ta chớ lấy làm lạ, đặt nghi vấn rằng: “Làm cách nào mà sắp xếp bao nhiêu bảo tọa to lớn như vậy trong ngôi đạo tràng ấy”. Đó là do phép thần thông làm ra mới có được như thế.

Các bảo tọa chung dọn xong, đạo sĩ Kim Thu đến trình Đức Như Lai, chắp tay cung kính bạch rằng:

- Bạch Ngài! Cung thỉnh Ngài ngự lên bảo tọa, cho chúng tôi được sự tấn hóa, sự bình an lâu dài.

Vậy có kệ rằng:

*“Nānāpupphañca gandhañca
Sannipātetvāna ekato
Pupphāsanam paññāpetvā
Idam vacamabravim
Idam me āsanam vira
Paññattam tavanucchavim”
“Mama cittam pasādentō
Nisīdi pupphamāsane
Sattarattindivam buddho
Nisīdi pupphamāsane
Mama cittam pasādetvā*

Hāsayitvā sadevaketi”.

*Hương hoa nhiều thứ gộp chung,
Kết xong bảo tọa, cúc cung bạch rằng:
Bạch Đại Hùng nên chăng bảo tọa?
Tôi vì Ngài kết đã thành công;
Thỉnh Ngài lên bảo tọa bông,
Cho tâm tôi sạch, cho lòng tôi vui.
Trên đài hoa, Phật ngồi bầy bữa,
Khiến tâm tôi sạch rửa trần ai.
Chư Thiên dĩ chí muôn loài,
Chúng tôi hỉ dạ Phật oai nhiệm mầu.*

Đức Bổn Sư nhận lời, ngự lên đài an tọa, kế đó là hai vị Thủ Thỉnh Văn và kỳ dư chư Tỳ Khuru đều lần lượt ngồi lên những bảo tọa dành riêng cho từng vị.

Đạo sĩ Kim Thu tay cầm lọng hoa vĩ đại, đứng che trên đầu Đức Như Lai.

Đức Tôn Sư chú nguyện rằng: “Do sự cúng dường lễ bái này quả phước lớn lao hãy phát sanh đến các đạo sĩ tóc bính”.

Phúc chúc xong rồi, Đức Tôn Sư ngồi yên, nhập vào Thiền Diệt (Nirodha samāpatti). Thấy biết Tôn Sư đã ở trong trạng thái Diệt, Thọ, Tướng, Định, hai vị Thủ Thỉnh Văn và tất cả Chư Tăng cũng đều nhập định luôn.

Sau khi nhập Thiền Diệt, Đức Như Lai ngồi nguyên trong một tư thế bảy ngày liền.

Trong thời gian ấy, mỗi ngày các đạo sĩ đệ tử của Kim Thu đều đứng chấp tay hầu bên Phật, ngoại trừ giờ đi khất thực, phải chia nhau đi kiếm trái cây rừng lót dạ mà thôi.

Riêng một mình đạo sĩ Kim Thu không đi kiếm ăn, đạo sĩ đứng yên, tay cầm lọng hoa suốt bảy ngày liền, trong lòng tràn ngập một niềm vui phơi phới (pīti).

Khi xuất Thiền Diệt, Đức Bổn Sư gọi các vị Thượng thủ Thỉnh Văn tay phải là Trưởng lão Nisabha, bảo: “Nầy Nisabha, con hãy chúc phúc cho các đạo sĩ đã có lòng tôn kính cúng dường những bảo tọa hoa”.

Khi ấy, như một tướng soái oai hùng vừa được Đức Chuyển Luân Vương đích thân ban thưởng, Trưởng lão Nisabha phát tâm hoan hỷ, trụ vào Thỉnh Văn siêu việt trí, mở lời chúc phúc cho các đạo sĩ cúng dường những bảo tọa hoa.

Sau thời pháp của vị Thủ Thỉnh Văn, Đức Tôn Sư quay lại gọi đệ nhị Thỉnh Văn ngồi bên tay trái của Ngài và bảo: “Nầy Tỳ Khuru! Con cũng hãy thuyết pháp đi”.

Vâng lời Đức Bổn Sư, Trưởng Lão Vô Thượng niệm tưởng những Phật ngôn trong Tam Tạng, rồi thuyết ra một thời pháp.

Mặc dầu cả hai vị thượng Thỉnh Văn thay nhau thuyết pháp, nhưng tất cả đạo sĩ trong hội trường không có một ai lãnh hội được giáo nghĩa.

Khi ấy, Đức Bổn Sư trụ tâm vào Vô Biên Phật Cảnh Trí (Aparimāṇa buddhavisaya) rồi thuyết ra một thời pháp.

Thời pháp dứt, trừ đạo sĩ Kim Thu, tất cả bảy muôn bốn ngàn đạo sĩ tóc bính đều đắc quả A La Hán. Các đạo sĩ ấy bèn xin xuất gia với Đức Bổn Sư.

Đức Ngài đưa tay ra vẫy gọi: Thiện Lai Tỳ Khuru... Tức thì tất cả tóc râu của các đạo sĩ ấy đều biến mất hết và họ trở thành Tỳ Khuru có tám món phụ dính liền theo thân là ba y, bát, dây lưng, ống đựng kim, ống lược nước, dao cạo.

Thử hỏi: Vì sao đạo sĩ Kim Thu không đắc A La Hán?

Xin đáp: Tại vì Tâm Không định.

Theo truyền ngôn thì từ khi vị Thủ Thỉnh Văn ngồi trên bảo tọa thứ nhì kế bên Đức Phật, trụ tâm vào Thỉnh Văn siêu việt trí thuyết pháp. Đạo sĩ Kim Thu sau khi nghe được thời pháp này rồi,

đâm ra mơ ước: “Ồi! Phải chi mình được lãnh nhiệm vụ của vị Đại đệ tử này trong Giáo Pháp của một vị Phật vị lai”. Vì mãi bận tâm lo nghĩ như vậy, nên đạo sĩ không đắc quả chi hết.

Đạo sĩ đành lễ Đức Như Lai. Rồi đứng đối diện với Ngài và bạch hỏi: “Bạch Ngài! chẳng hay trong Giáo Pháp của Ngài, vị Tỳ Khuru ngồi sát bên cánh tay phải của Ngài mệnh danh là gì?”.

- Tỳ Khuru nào theo phụ lục với Như Lai, quay chuyển bánh xe pháp, đã đạt tới mức thượng đỉnh của Thịnh Văn Siêu Việt Trí (Sāvaka-pārāmi ñāṇassakoṭippatto), đã hiểu biết mười sáu vấn đề (Solasa pañña) (tức là mười sáu lý của Tứ Diệu Đế - xem Kho Tàng Pháp Bảo) Tỳ Khuru ấy mệnh danh là Thủ Thịnh Văn (Aggasāvaka) trong Giáo Pháp của Như Lai.

- Bạch Ngài! Do nơi công đức của con đứng cầm lọng tôn kính che mát cho Ngài trong bảy ngày liền, con không cần được phước báu làm Đế Thích (Sakka) hoặc Phạm Thiên (Brahma) chi hết. Con chỉ nguyện làm Thủ Thịnh Văn của một Đức Phật vị lai, y như Trưởng lão Nisabha ngày hôm nay vậy.

Nghe đạo sĩ phát nguyện xong, Đức Tôn Sư tự vấn: “Lời nguyện của chàng này có thành tựu hay không?”. Ngài phóng tâm Giác Lực (Sañña) của Ngài về thời vị lai, quan sát thấy sau một A tăng kỳ và một trăm ngàn đại kiếp nữa, lời nguyện ấy sẽ được kết quả.

Thấy vậy, Ngài bảo đạo sĩ Kim Thu rằng: “Lời nguyện của người không phải là vô hiệu quả (mogha), sau một A tăng kỳ và một trăm ngàn đại kiếp nữa. Vị Phật danh hiệu là Cổ Đàm sẽ giáng thế, thân mẫu Ngài là Mahāmāyā, thân phụ Ngài là Suddhodana. Thái tử Ngài là Rāhula, thị giả Ngài tên Ānanda, đệ nhị Thịnh Văn Ngài là Moggallāna người sẽ là vị Thủ Thịnh Văn của Ngài là vị tướng quân Chánh Pháp (Dhammasenapati) tên là Sāriputta. Thọ ký cho đạo sĩ rồi, Đức Phật thuyết pháp phủ dụ, đoạn Ngài cùng tất cả Thánh Tăng đặng vân bay đi.

Đạo sĩ Kim Thu (Sāradatāpasa) đến gần chư Tỳ Khuru đệ tử cũ, nhờ các vị này chuyển lời đến bạn mình là Trưởng giả Sirivaḍḍhana. Đạo sĩ nói:

- Bạch các Ngài! Xin các Ngài hoan hỷ nói dùm với bạn tôi rằng: Đạo sĩ Kim Thu là người đã quì dưới chân của Đức Phật Vô Thượng Kiến, phát nguyện làm vị Thủ Thịnh Văn trong Giáo Pháp của Đức Phật Cổ Đàm giáng thế trong thời vị lai. Vậy người có muốn làm đệ nhị Thịnh Văn hay không?

Tuy đã nhắn lời như thế, nhưng đạo sĩ cũng theo một lối tắt đi trước các Trưởng lão, đến trước nhà của Trưởng giả Sirivaḍḍhana. Trông thấy bạn cố tri, Trưởng giả kêu lên:

- Chà! Thật lâu quá mới thấy đạo huynh về thăm tôi.

Đoạn Trưởng giả kéo ghế mời đạo sĩ ngồi và tự mình cũng ngồi ở một chỗ thấp hơn.

- Bạch Ngài! Ngài không có giáo đồ đệ tử chi hết sao?

Trưởng giả hỏi:

- Thật vậy bạn à! Đức Phật Vô Thượng Kiến đã đến Tịnh Xá của chúng tôi, chúng tôi đã tùy theo tài lực của mình mà làm lễ cúng dường. Rồi Đức Tôn Sư đã thuyết pháp cho chúng tôi nghe. Dứt thời pháp, trừ tôi ra, tất cả đều đắc quả A La Hán và xuất gia Tỳ Khuru hết rồi, vì tôi thấy Trưởng lão Nisabha là vị Thủ Thịnh Văn của Đức Bổn Sư, tôi đã phát nguyện thành vị Thủ Thịnh Văn trong Giáo Pháp của Đức Phật Cổ Đàm sắp giáng thế trong thời vị lai. Còn bạn, bạn hãy phát nguyện làm vị đệ tử nhị Thịnh Văn trong Giáo Pháp của Đức Phật ấy đi.

- Bạch Ngài! Tôi không được thân cận, quen biết với Chư Phật.

- Để tôi lãnh phần thỉnh Chư Phật cho, bạn cứ yên trí ở nhà lo sắp đặt cuộc đại lễ Trai Tăng đi nhé.

Nghe lời bạn, Trưởng giả Sirivaḍḍhana cho người dọn miếng đất trước cửa nhà mình thành một cái sân rộng độ tám sào đất vuông (Kaṛisa) tráng thật bằng phẳng. Trải cát trắng khắp mặt sân, rắc thêm năm thứ hoa đồng nội (Lāja) dựng lên một cái nhà lồng nóc lợp bằng hoa sen xanh, như là để nghinh tiếp một bậc Đế vương vậy.

Trưởng giả lại cho sửa soạn bảo tọa của Chư Phật, sắp đặt chỗ ngồi của chư Thánh Tăng, chuẩn bị lễ vật cúng dường rất long trọng, rồi báo tin cho đạo sĩ Kim Thu hay để cung nghinh Chư Phật.

Đạo sĩ thỉnh được Chư Tăng có Đức Phật làm hội chủ, rồi cùng đi theo các Ngài trở về nhà bạn Trưởng giả Sirivaḍḍhana.

Trưởng giả thân hành ra nghinh tiếp Chư Tăng, thỉnh bát nơi bàn tay của Đức Như Lai, rước Ngài ngự vào Thanh Liên Đình.

Khi Trưởng Lão Tăng, có Đức Phật làm hội chủ đã an tọa trên những ngôi vị đã sắp đặt sẵn. Trưởng giả Sirivaḍḍhana lấy nước rót lên tay Đức Bổn Sư theo nghi lễ cúng dường (dakkhiṇodaka) xong, liền tiếp dâng cúng những thực phẩm cam trân mỹ vị. Sau bữa Trai Tăng, Trưởng giả lại dâng đầy đủ y quý giá đến Trưởng Lão Tăng có Đức Phật làm hội chủ, rồi bạch rằng: “Bạch Ngài! Cuộc lễ Trai Tăng này không phải được tổ chức với mục đích tâm thường nhỏ nhen. Xin thỉnh Ngài từ bi hoan hỷ lưu lại nơi đây, để con được cúng dường như vậy trong bảy ngày liên tiếp”.

Đức Bổn Sư nhận lời.

Khi lễ đại thí trong bảy ngày liền vừa chấm dứt, Trưởng giả Sirivaḍḍhana đánh lễ Đức Bổn Sư, đoạn đứng chấp tay bạch rằng:

- Bạch Ngài! Bạn của tôi là đạo sĩ Kim Thu đã nguyện làm Thủ Thỉnh Văn của Đức Phật nào, thì tôi cũng nguyện xin là đệ nhị Thỉnh Văn của Đức Phật ấy.

Đức Thế Tôn quán sát thời vị lai, thấy lời nguyện Trưởng giả sẽ thành tựu, bèn thọ ký rằng: “Từ đây về sau một A tăng kỳ và một trăm ngàn đại kiếp nữa, người sẽ là đệ nhị Thỉnh Văn của Đức Phật Cổ Đàm”.

Nghe Đức Phật thọ ký, Trưởng giả vui mừng không kể xiết. Phúc chúc xong, Đức Tôn Sư cùng đoàn Thỉnh Văn về Tịnh xá.

Thuật xong tiền tích của hai vị Trưởng Lão Sāriputta và Moggallāna, Đức Bổn Sư dạy tiếp: “Nầy các Tỳ Khưu, đó là lời nguyện mà hai con của Như Lai đã phát ra từ thời quá khứ”.

Hai vị Tỳ Khưu nầy trước đã phát nguyện đắc quả vị nào thì nay đắc quả vị đó, đúng theo bốn nguyện của mình vậy thôi.

Chẳng phải Như Lai coi mặt mà ân tứ cho các Tỳ Khưu đâu”.

Đức Bổn Sư dứt lời, hai vị Thượng thủ Thỉnh Văn đánh lễ và bạch rằng: “Bạch Ngài! Khi còn ở ngoài đời, chúng con đã có lần lên xem lễ hội trên đỉnh núi...”.

Hai vị lần lượt kể hết chuyện mình trong kiếp hiện tại. Từ lúc dự kiến cuộc lễ Sơn Đảnh Hội, cho đến khi hạnh ngộ Trưởng Lão A Xà Chí, được chứng quả Tu Đà Huàn. Rồi thuật tiếp rằng:

- Bạch Thầy! Chúng con đã rủ thầy Sañjaya cùng đến hầu hạ bên chân Ngài, chúng con đã chỉ cho thầy thấy chủ thuyết lập luận (laddhi) của thầy là vô căn vô bản (nissāra), chúng con đã giải cho thầy nghe về phước báu của sự quy y đầu Phật, nhưng thầy đáp rằng: “Nếu giờ ta thay bậc đổi ngôi, hạ mình làm môn đồ cho người, thì cũng giống như nước trong vò đang yên mà làm cho phát sanh sự giao động (cātiyā udaka calana bhāvappattisadiso) ta không thể đi làm học trò cho ai được”.

Chúng con lại nói: “Bạch Thầy, giờ đây hàng đại chúng ai ai cũng đều cầm hương hoa đi chùa lễ Phật. Còn thầy thì sao?”.

Thầy lại hỏi rằng: “Trong đời nầy có nhiều người trí (paṇḍitā) hay nhiều kẻ ngu (dandhā)?”.

Chúng con đáp lại: “Bạch thầy, kẻ ngu thì nhiều, những người trí thì rất hiếm”.

Nghe vậy, thầy bảo chúng con: “Thế thì người trí nên đi nhập chung với người trí là Sa Môn Cổ Đàm. Còn kẻ ngu hãy ở lại với kẻ ngu như ta, các trò cứ đi đi”.

Thầy nói như thế, rồi không chịu đến đây, bạch Ngài.

Nghe xong câu chuyện của hai vị Thủ Thỉnh Văn, Đức Bổn Sư dạy rằng: “Nầy các Tỳ Khưu! Thầy Sañjaya tự mình mang nặng tà kiến, việc không cần cho là cần, việc cần cho là không cần. Còn các Tỳ Khưu, tự nghĩ mình là bậc hiền trí, việc cần biết là cần, việc không cần biết là không cần. Nhờ vậy mới dứt bỏ được việc không cần yếu mà kiên trì lấy việc cần yếu”.

Đến đây, Đức Bổn Sư thuyết kệ ngôn rằng:

*“Asāre sāramatino
Sāre cāsāradassino
Te sāraṃ nādhigacchanti
Micchāsaṅkappagocarāti”.*

“Sārañca sarato ñatvā
Āsārañca asārato
Te sāraṃ adhigacchanti
Sammāsaṅkappagocarāti”.

Việc không cần cứ cần chuyên,
Việc cần yếu lại chẳng siêng tu hành.
Tư duy tà kiến đã đành,
Người như thế chẳng đạt thành lý chân.
Việc cần thì biết là cần,
Việc không cần yếu cũng phân biệt rành.
Tư duy Chánh Kiến tu hành,
Người như thế sẽ đạt thành lý chân.

Trong hai bài kệ trên đây, đoạn đầu “Asāre saramatino sare cāsāradassino”, (việc không cần tưởng cần, việc cần thấy không cần), đề cập tới hạng người chấp theo mười thứ tà kiến (dasa vatthukāmicchādiṭṭhi), rồi do sự suy nghĩ sai lầm trong những điều không cần yếu (asāre) như tứ vật dụng (cattāro paccayā): Thức ăn, y phục, chỗ ở, thuốc men), lại nhận thấy là cần yếu, quan trọng thiết thực (Sāradassino).

Ngược lại, trong những điều cần yếu (sāra) cho sự tu hành giải thoát như mười thứ Chánh Kiến (dasavatthukā sammādiṭṭhi) và Giới (sīla), Định (samādhi), Tuệ (paññā), Giải thoát (vimutti), Giải thoát tri kiến (vimuttiññāṇa dassana), Thánh đế (paramattha) và Níp Bàn (Nibbāna) thì lại thấy là không cần yếu quan trọng thiết thực (asāre dassino).

Mười thứ tà kiến này là Thập vô tướng kiến (dasa natthilakkhaṇa diṭṭhi), là cho rằng:

- 1- Bố thí không có phước.
- 2- Cúng dường không có phước.
- 3- Báo hiếu, đáp ân không có phước.
- 4- Không có nhân quả tốt xấu.
- 5- Đòi nay không thật có.
- 6- Đòi sau sẽ không có.
- 7- Mẹ không phải mẹ.
- 8- Cha không phải thật cha.
- 9- Hạng hóa sanh vô hình không có.
- 10- Không ai chứng đắc thần thông, Đạo quả.

Đoạn kể “Te saram nādhigacchanti; micchā saṅkappa gocarā” (người tư duy, tà vạy không đạt thấu chân lý). Kết luận bài kệ trên đây, quả quyết rằng họ (là những người chấp cứng theo tà kiến, vì nhận thức sai lầm mà chỉ lo theo đuổi ngũ trần dục lạc (Kāma vitakka), phù phiếm vô căn (asāraṃ) để người tận hưởng thú vui tạm bợ trong một kiếp rồi thả tâm theo tà tư duy (micchāsaṅkappa gocara), không khi nào suy tư đến những điều quan trọng thiết thực, cho nên họ không đạt thấu lý chân như (sāraṃ nādhigacchanti), không đắc Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, Thánh đế và Níp Bàn.

Trong bài kệ sau, đoạn đầu “Sārañca sarato ñatvā; āsārañca asārato” (việc cần biết là cần, không cần biết không cần), đề cập đến hạng người tu hành chính chắn, nương theo mười thứ Chánh Kiến, nghịch với mười thứ tà kiến đã kể ở trên, biết nhận thức đúng đắn thấy Giới, Định, Tuệ.... Là chủ yếu (sārañca asārato ñatavā), còn tứ vật dụng là phụ thuộc, không mấy vì quan trọng trong đạo giải thoát (āsārañca asārato).

Đoạn kết luận “Te saram adhigacchanti sammāsaṅkappa gocarāti” (quả quyết rằng họ (te) là những bậc hiền trí giữ mình nương theo Chánh Kiến hằng niệm tưởng sự ly dục (nekkhamma) để tâm trong Chánh tư duy (sammā saṅkappa gocara).

Những người như thế mới khả dĩ đạt đến mục đích, cứu cánh của đời tu hành là chân lý, là giải thoát Níp Bàn vậy.

Kệ ngôn vừa dứt, rất nhiều người đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Huòn quả. Kỳ dư thính chúng đều được hưởng sự lợi ích.

DỨT TÍCH ÔNG SAÑJAYA KHÔNG ĐẦU PHẬT

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Gặp Phật ra đời có dễ đâu?
Thương ông Sañjaya chẳng hỏi đâu!
Ham gom lễ vật, lo gìn giữ,
Tránh gặp Bốn Sư sợ lạy hầu.
Ác kiến hồ tư ngu hóa trí,
Si tâm loạn tưởng đá thành châu!
Tham lam tự chuốc thêm hờn giận,
Đến chết chưa thông lý đạo mầu...
Xả hết tư tài để xuất gia,
Ưu Ba Đề Xá đạo Ta bà.
Hai câu kệ ngăn thay niềm tục,
Nửa dặm đường xa bỏ nẻo tà!
Vắng bạn không quên lời hẹn cũ,
Lìa thầy vẫn nhớ lễ con nhà...
Chân thành đại nguyện từ bao thuở,
Mới được ngồi bên Đức Thích Ca.
Nhấn khách tâm tu dứt tử sanh,
Xả thân cầu đạo, chẳng cầu danh!
Sải con, sải cả đùng câu chấp,
Mâm nhỏ, mâm to chớ giựt giành!
Cảnh vắng an lòng ly thế tục,
Đồ ngon nhịn miệng tụng chơn kinh!
Trước sau giữ vẹn niềm nguyên thủy,
Tròn đủ nhân duyên gặp bạn lành.



I. 9- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO NANDA

(Nandathera vatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 13-14).

“Yathā'gāraṃ ducchannaṃ

Vuṭṭhi samativijjhati

Evam abhāvitam cittam

Rāgo samativijjhati”.

“Yathā'gāraṃ succhannaṃ

Vuṭṭhi na samativijjhati

Evam subhāvitam cittam

Rāgo na samativijjhati”.

“Như nhà mái lợp thưa,

Để bị dột nước mưa.

Tâm Không tu luyện kỹ,

Tham dục vào có thừa”.

Như nhà lợp kín tốt,

Nước mưa không thể dột.

Tâm tu luyện kỹ càng

Tham dục vào chẳng lọt”.

Kệ Pháp Cú 13 - 14 này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến Trưởng Lão Nanda.

Quả nhiên, lúc Đức Giáo Chủ là đấng Chuyển Pháp Luân, vân du đến thành Vương Xá, và đang ngự tại Tịnh xá Trúc Lâm, thì đại vương Suddhodana (Tịnh Phạm) dẫn dắt biệt phái mười đoàn sứ giả với lời ủy thác: “Chư hiền khanh khá mau qua đó rước Thái tử về, cho quả nhân được gặp mặt con”.

Tùng đột, hàng ngàn thị giả theo vị đoàn trưởng nối tiếp ra đi, để rồi tất cả đều đắc A La Hán quả và nhập luôn vào Giáo hội Tăng Già, đến lượt cuối cùng vị đoàn trưởng là Trưởng Lão Kāḷudāyī nhận biết là đã đúng thời kỳ thịnh Phật, bèn ngâm lên sáu mươi bài kệ, ca tụng con đường trở lại cố đô.

Với đoàn Thánh Tăng hai muôn vị Lậu Tận (A La Hán), giữa cảnh trùng phùng với tất cả vương gia quyến thuộc, Đức Thiên Nhơn Sư đã khiến cho một trận mưa hồng rơi xuống như hoa (Pakkharavassa) để làm sống lại một thời xưa, rồi nhân đó Ngài nhắc tích Bồ tát Vessantara là tiền thân của Ngài.

Qua ngày sau, lúc ngự vào thành khất thực, Đức Bốn Sư độ cho phụ vương Ngài đắc quả Nhập Lưu (Sotāpattiphala) với bài Kệ Pháp Cú:

*“Uttitṭhe nappamajjeyya
Dhammaṃ sucaritaṃ care
Dhammacārī sukhaṃ seti
Asmiṃ loke paramhi ca”.*

*“Pháp môn khất thực chớ khinh thường,
Chánh hạnh Tỳ Khuru pháp đáng nương.
Kẻ y Chánh Pháp hằng an lạc,
Kiếp trước đời sau vạn kiết tường”.*

Và với bài kệ sau đây:

*“Dhammañcare sucaritaṃ
Na nam ducaritaṃ care
Dhammacārī sukhaṃ seti
Asmiṃ loke paramhica”.*

*“Chánh hạnh hành theo pháp đáng nương,
Tà hạnh đừng nên giữ lệ thường.
Kẻ y Chánh Pháp hằng an lạc,
Kiếp trước đời sau vạn kiết tường”.*

Ngài đã độ cho Di mẫu Mahāpajāpati Gotamī đắc quả Nhập Lưu và đưa Phụ vương Ngài tiến lên quả Nhất Lai (Sakadāgāmi).

Kể đó, sau một bữa thọ thực trong hoàng cung, Đức Bốn Sư thuyết tích nàng Candakinnarī, là một chúng sanh mình chim đầu người, vốn là tiền thân của nàng Yasodharā, ngõ hầu để cho ân nghĩa mẹ Rāhula đối với chính Ngài từ những lúc còn mang kiếp thú....

Đến ngày thứ ba, đang lúc Thái tử Nanda tung bưng cử hành song lễ là tức vị Quốc vương cùng tấn phong Hoàng hậu thì Đức Bốn Sư ngự vào biệt điện hoàng gia để lấy bát. Thọ thực xong, Ngài trao bát tận tay Thái tử Nanda, ban lời chúc phúc, rồi từ bảo tọa đứng lên cất bước ra đi, không回首 bát lại.

Thái tử vì lòng tôn kính Đức Như Lai, không dám mở lời kêu gọi: “Bạch Ngài! Xin hãy lấy bát đi”.

Lẳng lẳng theo hầu Đức Thầy, Thái tử nghĩ thầm: “Tới cầu thang chắc Ngài sẽ lấy bát”, nhưng tới đó Đức Bốn Sư không dùng chân lại lấy bát. Thái tử lại tính thầm: “Chắc là xuống chân cầu thang, thì Ngài sẽ lấy lại chẳng sai”. Nhưng đến đây Đức Bốn Sư vẫn làm ngơ đi luôn một mạch, Thái tử lại tự nhủ: “Thế nào tới sân ngự trước đến rông, Ngài cũng sẽ thu bát lại”, nhưng đến nơi đấy, Đức Bốn Sư cũng vẫn điêm nhiên đi thẳng.

Mặc dầu trong thâm tâm vẫn muốn quay gót trở lui, Thái tử vì nể Đức Thầy, không hề dám hở môi kêu nài: “Ngài ơi! Xin Ngài lấy bát lại dùm”.

Vừa đi vừa mong ước lắm lắm: “Tới đây Ngài sẽ lấy bát lại... tới đằng ấy Ngài sẽ lấy bát lại...”. Cứ như thế, Thái tử lẩm lủi theo sau chân Đức Bồ Sư, làm một vị thị tùng miến cưỡng.

Ngay lúc ấy, có bạn cung tần trông thấy Thái tử ra đi, bèn chạy đi báo tin cho bà tần Hoàng hậu là công nương Janapadakalyānī (Hoa Khôi) được biết.

- Tâu lệnh nương nương, Đức Thế Tôn đã dặt tân vương đi rồi, vậy lệnh bà phải liệu làm sao, một khi tân vương vắng mặt...

Nghe tin cấp báo công nương không cầm được tuổi lệ, lật đật bới sơ đầu tóc đang chải dở dang, bươn bả chạy theo gọi vói:

- Hoàng tử ơi! Xin khá mau trở lại trào ca.

Những lời kêu than thiết tha của ý trung nhân, dường như châm thấu trái tim đa cảm của vị Hoàng tử si tình, khiến chàng phải bàng hoàng ngỡ ngẩn.... Nhưng Đức Bồ Sư Ngài vẫn tiến bước, không hề quay lại thâu hồi bình bát, để cho Hoàng tử được rảnh tay.

Dắt chàng đến chùa, Đức Bồ Sư phán hỏi: “Nanda! Có muốn xuất gia không?”.

Vì quá tôn kính Đức Tôn Sư, Thái tử không thể từ chối rằng: - Không!, nên ngập ngừng đáp lại: “Dạ thưa... Muốn! Bạch Ngài”.

Đức Giáo Chủ liền bảo: “Nếu vậy, nầy các Tỷ Khuru các ông làm lễ xuất gia cho Thái tử Nanda”.

Đức Bồ Sư độ cho Thái tử Nanda xuất gia đúng vào ngày thứ ba kể từ ngày Ngài trở về thành Kapilavatthu.

Trong ngày thứ bảy, mẫu thân của Thái tử Rāhula, cho con vận một bộ triều phục sang trọng hoa mỹ, dạy con hãy đến gần Đức Thế Tôn và đảnh ninh dặn rằng: “Vương nhi thấy không! Vị Sa Môn da như vàng ròng, hình dáng như Phạm Thiên, có đến hai muôn Sa Môn khác theo hầu hạ, chính là phụ vương của con đó, khi phụ vương ra đời thì người có được những hăm châu báu vĩ đại, nhưng từ khi người xuất gia đến giờ mẫu hậu không còn trông thấy được nữa. Vậy vương nhi, con hãy đến xin người ban cho con phần di sản ấy, con thưa như vậy nghe: “Bạch Ngài Đại Sa Môn, con là trưởng tử của Ngài. Sau khi kế vị ngai vàng, con sẽ là một Chuyển Luân Vương giàu sang bốn biển, nên con cần phải có những kho sản quý giá, vì lẽ phụ nghiệp thì tử năng thừa, xin Ngài ân tứ cho con những hăm châu báu của Ngài”.

Thái tử Rāhula đến gần Đức Thế Tôn, đảnh lễ xong thì phát tâm yêu mến phụ thân mình nên âu yếm thổ lộ rằng: “Bạch Ngài Sa Môn! Bóng mát của Ngài làm con vui sướng làm sao”.

Đoạn Thái tử đứng lên, nói thêm những lời lẽ, bày tỏ nguyện vọng của mình. Sau khi thọ thực và phúc chúc xong, Đức Thế Tôn từ bảo tọa đứng dậy ra về.

Thái tử Rāhula cũng vội vã đi theo Đức Thế Tôn và nhắc đi nhắc lại: “Xin Ngài Đại Sa Môn ân tứ phụ sản cho con, xin Ngài Đại Sa Môn ân tứ phụ sản cho con..”.

Đức Thế Tôn lặng thinh, không bảo Thái tử quay gót trở về. Nội thị triều thần trông thấy Thái tử đi chung với Đức Bồ Sư thì cũng không ai dám đứng ra ngăn cản lại. Do đó, Thái tử theo Đức Thế Tôn đi luôn cho đến vườn chùa.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Thứ phụ sản mà Rāhula mong mỏi, chỉ là thứ tài sản luân lưu giả tạm (Vaṭṭānugata) không được trường tồn vĩnh cửu. Vậy để Như Lai ban cho nó Thánh sản (Ariyadhana) có Thất bảo mà Như Lai đã đặc nơi cõi Bồ Đề của Như Lai vậy”.

Liền đó, Đức Thế Tôn kêu Trưởng Lão Sāriputta: “Ông hãy cho Rāhula xuất gia”.

Trưởng Lão y lệnh, làm lễ xuất gia cho Thái tử.

Nghe được tin này, đức vua Suddhodana hết sức buồn phiền. Không thể nhẫn nại làm thinh, đức vua ngự đến yết kiến Đức Thế Tôn, bày tỏ nỗi lòng sầu khổ và đưa ra thỉnh nguyện như vậy: “Bạch Thế Tôn, xin Ngài đừng cho Chư Tăng làm lễ xuất gia cho đứa trẻ vị thành niên nào chưa được cha mẹ cho phép”.

Đức Thế Tôn chấp thuận lời yêu cầu của đức vua. Hôm sau, khi Đức Thế Tôn ngự trong đến vua, dùng bữa điểm tâm (pātarāsa) xong, Tịnh Phạn Vương ngồi nép một bên và bạch rằng:

- Bạch Ngài, trong thời gian Ngài tu khổ hạnh có một vị Chư Thiên đến mách bảo quả nhân rằng: “Thái tử của đại vương đã mệnh chung”. Quả nhân nhất định không tin lời vị Chư Thiên ấy, cho nên phản đối ngay rằng: “Không bao giờ Thái tử của trăm có thể mạng chung, trước khi đắc thành Thánh quả”.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn bảo rằng:

- Tâu đại vương, trong kiếp nầy làm sao đại vương còn tin được, vì trong kiếp trước cũng chính người đó trung cho đại vương thấy một bộ xương và nói: “Con ông đã chết”, nhưng đại vương nghe xong chẳng chút gì tin.

Nhân dịp nầy, Đức Thế Tôn thuyết tích, Bốn Sanh nói về công tử Mahādhammapāla (Đại Hộ Pháp).

Nghe đến đoạn kết, đức Tịnh Phạn Vương liền đắc quả A Na Hàm (Anāgāmi).

Sau khi độ cho phụ vương Ngài đắc ba quả Thánh rồi, Đức Giáo Chủ cùng với tất cả Tỳ Khưu Tăng thị tùng lên đường trở lại gần thành Vương Xá.

Từ đây, do theo lời hứa với Trưởng giả anātha-piṇḍika, Đức Bốn Sư ngự hành sang qua Sāvattihī, để chủ toạ lễ khánh thành ngôi Đại Tự Kỳ Viên vừa kiến trúc xong và ngự an nơi đó.

Trong thời gian Đức Thầy ngự an nơi Kỳ Viên như thế, Trưởng Lão Nanda cảm thấy bực bội, bực rức nóng nảy, bồn chồn nên hằng thở than với Chư Tăng rằng:

- Các sư hữu ơi! Tôi không thấy chút gì hứng thú khi hành theo phạm hạnh. Chắc là tôi không sống được đời tu sĩ lâu, có lẽ rồi đây tôi sẽ xả giới và trở về cương vị cũ của tôi khi trước.

Khi Đức Bốn Sư nghe Chư Tăng tường trình câu chuyện nầy, Ngài cho gọi Trưởng Lão Nanda đến và phán hỏi:

- Nầy Nanda! Nghe nói ông đã thốt với nhiều Tỳ Khưu những lời như vậy: “Các sư hữu! Tôi không thấy hứng thú trong sự hành theo phạm hạnh, chắc là tôi không sống cuộc đời tu sĩ được lâu. Có lẽ rồi đây tôi sẽ xả giới mà trở về cương vị cũ của tôi khi trước”. Có quả thật vậy chăng?

- Bạch Ngài! Quả thật vậy.

- Nầy Nanda! Ông mắc chứng có gì mà không thấy hứng thú trong sự tu hành theo phạm hạnh, không ông sống cuộc đời tu sĩ, toan xả giới xuống cương vị của ông như cũ?

- Bạch Ngài! Tôi không thể quên nàng Thích Nữ của tôi là công chúa Kalyānī, khi nàng từ trong biệt điện hoàng gia, tóc chải nửa chừng, mắt chưa ráo lệ. Nàng đã van lơn: “Hoàng tử ơi! Xin chàng hãy mau trở lại trào ca”. Bạch Ngài! Tôi nhớ mãi hình bóng của nàng mà không thấy chút gì hứng thú trong sự hành theo phạm hạnh, không ông sống cuộc đời tu sĩ và sẽ xả giới lui về cương vị tân vương.

Liền đó, Đức Thế Tôn nắm tay Trưởng Lão Nanda, dùng thân thông đưa Trưởng Lão lên Đạo Lợi thiên cung, dọc đường bay Đức Thế Tôn chỉ cho Trưởng Lão lưu ý đến một con khỉ cái sút tai, sút mũi, đứt đuôi, ngồi chết rục trên một góc cây cháy nám, trong một cánh đồng khi hỏa hoạn.

Trên cung trời Đạo Lợi, Đức Thế Tôn dẫn cho Trưởng Lão Nanda được vào xem cảnh năm trăm thiên nữ đang châu hầu đức Ngọc Đế (Sakka), năm trăm Hằng Nga yêu kiều diễm lệ, gót đỏ như son thắm, tựa như chân chim bồ câu. Cho xem mãn nhãn rồi, Đức Thế Tôn mới hỏi: “Nầy Nanda! Ông nghĩ thế nào? Nếu đem so sánh với năm trăm Ngọc nữ yếu điệu nầy với Thích Nữ Kalyānī, thì ai diễm lệ ai mỹ miều, ai khả ái hơn ai?”.

Nghe Thế Tôn hỏi, Trưởng Lão vội đáp: “Bạch Ngài, nếu đem so nàng Thích Nữ Kalyānī với năm trăm ngọc nữ nầy, thì nàng ấy xấu như con khỉ cái sút tai, sút mũi và đứt đuôi kia vậy. Về nhan sắc nàng thua kém quá xa mười phần không bằng được một, lẽ dĩ nhiên năm trăm tiên nga nầy yêu kiều mỹ lệ, mỹ miều, khả ái hơn nhiều”.

- Nếu vậy thì nầy Nanda, ông hãy vui lên, hãy vui lên đi. Như Lai cam đoan là ông sẽ được năm trăm ngọc nữ yếu điệu gót son nầy.

Nghe vậy Trưởng Lão Nanda mừng rỡ, trả lời rằng:

- Bạch Thế Tôn, nếu Ngài chịu đứng chủ hôn giúp cho tôi cưới được năm trăm ngọc nữ gót son yếu điệu ấy, thì tôi nguyện sẽ vui vẻ luôn và thực hành phạm hạnh, bạch Ngài.

Liên khi ấy, Đức Thế Tôn nắm tay Trưởng Lão Nanda, biến mất trên cung trời Đao Lợi và hiện xuống nơi Tịnh xá Trúc Lâm.

Giữa Chư Tăng có tiếng đồn đãi rằng: “Nghe nói Trưởng Lão Nanda là em một cha khác mẹ với Đức Thế Tôn, cố công hành đạo chỉ vì mong mỗi được gần ả thiên nga... Nghe nói Đức Thế Tôn cam đoan sẽ giúp cho Trưởng Lão Nanda được gần năm trăm ngọc nữ gót son yếu điệu”.

Từ khi ấy, các Tỳ Khưu bạn của Trưởng Lão Nanda hễ gặp mặt Trưởng Lão là buông lời khinh chê, chọc ghẹo nào là: Trưởng Lão tu hành theo lối người ở đợ, nào là: Trưởng Lão làm như kẻ nô lệ, cố công hành đạo chỉ vì muốn cưới năm trăm ngọc nữ yếu điệu gót son mà Đức Thế Tôn đã hứa chủ hôn thành toàn cho Trưởng Lão.

Cứ nghe bạn đồng tu lập đi lập lại mãi những lời chế nhạo gay gắt ấy. Trưởng Lão Nanda cảm thấy khó chịu, bực mình, chán ngán quá, nên lánh đi tìm một chỗ khuất tịch vắng vẻ, đem hết tâm tư chuyên thực hành phạm hạnh Sa Môn pháp. Không bao lâu Trưởng Lão đạt tới mục tiêu cứu cánh của đời phạm hạnh, tự mình chứng ngộ sự tri kiến các pháp và an tâm nơi đó, cũng như bất cứ con nhà gia giáo, thoát ly gia đình, xuất gia hành đạo, tu theo Chánh Pháp vậy.

Trưởng Lão tự mình giác ngộ: “Sanh đã tận, phạm hạnh đã tròn, việc phải làm đã làm, sau kiếp này ta sẽ không còn kiếp nào khác nữa”.

Thế là từ đây, trên cõi trần ai có thêm một vị A La Hán nữa là Trưởng Lão Nanda vậy.

Khi ấy, vào khoảng nửa đêm, một vị Chư Thiên hiện xuống, hào quang chiếu sáng khắp cả Kỳ Viên, đến bên Đức Bồ Sư đánh lễ Ngài xong, mách bảo rằng: “Bạch Ngài! Trưởng Lão Nanda là em cùng cha khác mẹ với Ngài, đã diệt trừ lậu hoặc, thành bậc Vô lậu, có tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự mình chứng đắc các pháp tri kiến và an tâm nơi đó rồi”.

Chính Đức Thế Tôn cũng trực giác biết rằng: “Nanda đã tận trừ mọi lậu hoặc, thành bậc Vô lậu, có tâm giải thoát, có tuệ giải thoát, tự mình chứng đắc các pháp tri kiến và an tâm nơi đó rồi”.

Kế đó, khi đêm gần tàn, Trưởng Lão Nanda cũng về gần Đức Thế Tôn, đánh lễ Ngài và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hủy bỏ lời cam đoan hứa đứng chủ hôn cho tôi với năm trăm ngọc nữ gót son, từ nay tôi không tính tưởng đến việc ấy nữa.

- Này Nanda! Như Lai nhờ Tha tâm thông đã biết rõ ràng là Nanda đã tận trừ lậu hoặc, thành bậc Vô lậu, có tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự mình đã chứng ngộ các pháp tri kiến và an tâm nơi đó rồi... Này Nanda! Ông được tâm giải thoát tất cả lậu hoặc, nhờ buông bỏ chấp thủ, từ giờ phút nào thì lời cam đoan của Như Lai cũng được cởi mở từ giờ phút ấy.

Thế rồi, Đức Thế Tôn ngâm kệ hoan hỷ tán thán rằng:

*“Yassa tiṇṇo kāmapaṅko
Maddito kāmakaṇṭako
Mohakkhayamanuppatto
Sukhadukkhe na vedhatī”.*

*“Vững bền dục lạc đã băng qua,
Gai ngũ trần kia đã đập chà.
Ai dứt bỏ si mê thì giác ngộ,
Khổ vui chẳng động đến tâm mà”.*

Sau đó, có một hôm các Tỳ Khưu cật vấn Trưởng Lão Nanda rằng:

- Này sư hữu! Lúc trước sư hữu thường hay than phiền bất mãn, thế bây giờ thì ra sao?

- Này các sư hữu! Tôi không còn muốn hoàn tục đâu.

Nghe qua lời ấy, Chư Tăng bảo nhau rằng: “Trưởng Lão Nanda đã nói lời giả dối, có ý không muốn cho ta biết rõ sự thật, những ngày trước, chính Trưởng Lão than phiền luôn miệng là: Tôi chán nản quá, mà bây giờ lại nói: Tôi không còn muốn hoàn tục nữa là sao?”

Thế rồi, Chư Tăng đem câu chuyện này bạch lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳ Khưu! Vì trong dĩ vãng tâm tư Nanda giống như gian nhà mái lợp thưa thớt, còn bây giờ tâm ông ta giống như gian nhà mái lợp kín đáo rồi vậy. Quả thật từ khi nhìn thấy các Thiên

nữ, về sau ông đã tinh tâm tu hành để đạt đến mục đích tối thượng của đời xuất gia, nhờ vậy mà nay ông đã đắc kỳ sở nguyện.

Dứt lời, Đức Thế Tôn xướng lên hai bài kệ sau đây:

“Yathā, gāraṃ ducchannaṃ

Vuṭṭhi samativijjhati

Evam abhāvitāṃ cittaṃ

Rāgo samātivijjhati”.

“Yathā, gāraṃ succhannaṃ

Vuṭṭhi na samativijjhati

Evam subhāvitāṃ cittaṃ

Rāgo na samativijjhati”.

*Mái thừa mưa thấm dột lán,
Tâm Không tu luyện dục tham lọt vào.
Mái dầy ngăn giọt mưa rào,
Tâm tu luyện kỹ, tham nào lọt vô.*

CHÚ GIẢI:

Chữ **Agāraṃ** trên đây nghĩa là gian nhà, bất cứ là nhà nào.

Ducchannaṃ: Nghĩa là che lợp thừa thớt trống trải (Virācchannaṃ) có nhiều kẻ hoặc lỗ hở (chiddāvaccaddaṃ)

Samativijjhati (dột): Là nước mưa xuyên qua được.

Abhāvitāṃ (không tu luyện): Ví như gian nhà mái lợp thừa trống thì nước mưa dột được. Tâm người không tu luyện bằng thiền định thì tham dục mới có thể lọt vào, chẳng phải hoàn toàn chỉ có tham dục mà thôi. Ngoài ra còn có nhiều thứ phiền não khác nữa như sân hận, si mê, ngã mạn... dễ xâm chiếm được cái Tâm Không tu luyện ấy.

Subhāvita (tu luyện kỹ) là tu luyện đúng bằng Thiền chỉ quán (samatha vipassanā bhāvanāni). Tâm được tu luyện đúng đắn kỹ càng như thế, thì các thứ phiền não nhất là tham dục (rāga) không thể lọt vào, y như gian nhà mái lợp dầy đặng kín đáo, thì nước mưa không thể dột được như vậy.

□

Khi bài kệ vừa chấm dứt, nhiều vị Tỳ Khưu đắc quả Nhập Lưu, đại chúng cũng hưởng được sự lợi ích nhờ nghe thời pháp của Đức Bổn Sư.

Kế đó, Chư Tăng tụ tập trong giảng đường (Dhammasabhāyaṃ) tiếp tục bình luận về câu chuyện vừa qua.

- Nầy các sư hữu! Chư Phật quả thực là oai lực phi thường. Như Trưởng Lão Nanda đã chán đời phạm hạnh vì si tình công chúa Kalyāṇī. Thế mà Đức Thế Tôn đã khéo áp dụng miếng mồi Thiên nữ để giáo hóa và thuyết phục khiến cho ông trở nên con người tốt, dễ dạy (Vinito).

Đức Thế Tôn ngự trở vào giảng đường và phán hỏi:

- Nầy các Tỳ Khưu! Đây không phải là mới lần đầu tiên mà Nanda được cải hóa bằng miếng mồi nữ sắc đâu. Chuyện này đã từng xảy ra trong tiền kiếp của ông ta y như thế rồi.

Chư Tăng nghe đến đây, liền thỉnh cầu Đức Thế Tôn dẫn tích tiền thân, Ngài bèn nhắc lại cổ tích như sau:

Thuở xưa, trong thành Bārāṇasi, dưới triều quốc vương Phạm Thí, có một người lái buôn tên là Kappaka.

Ông Kappaka có nuôi một con lừa để kéo xe, chở đồ gốm, mỗi ngày đi được bảy do tuần.

Một lúc nọ ông lái buôn chất đầy hàng hóa lên xe cho con lừa kéo đi đến thành Takkasilā. Đến nơi ông dừng xe lại bán hàng và thả lừa ra cho nó đi kiếm ăn tự do.

Trong lúc lang thang dọc theo bờ ruộng bên đường, lừa ta chợt thấy một nữ lưu đồng chủng, bèn mon men đến gần đó để làm quen.

Cô lừa thân mật chào mừng khách lạ đường xa, rồi hỏi rằng:

- Này anh lừa! Anh ở đâu lại đây vậy?

- Anh ở thành Bārāṇasi.

- Anh lại đây làm chi vậy?

- Lại để buôn bán em à.

- Anh chở hàng gì vậy anh?

- Anh chở đồ gốm.

- Kéo một xe đồ nặng anh đi được bao nhiêu do tuần?

- Anh đi được bảy do tuần em ạ.

- Tới chỗ nghỉ ngơi có ai bóp cẳng đấm lưng cho anh không?

- Chà nếu vậy thì đời anh chẳng những là cực khổ nhọc nhằn mà còn quạnh quẽ cô đơn lắm vậy.

(Dĩ nhiên súc vật thì chẳng hề có ai bóp cẳng, đấm lưng bao giờ, nhưng cô lừa nói như thế là để lấy lòng bạn mới, hy vọng có thể thắt chặt mối tình sơ giao).

Chú lừa bị ảnh hưởng cuộc gặp gỡ qua đường, từ đó bỗng nhiên sanh tâm bất mãn.

Khi người lái buôn bán hàng xong, định thu xếp trở về, quay lại thấy con lừa bèn bảo nó:

- Lừa ơi! Ta hãy lên đường.

- Ông cứ đi đi, tôi không đi đâu hết.

Người chủ lừa dùng lời dịu ngọt vỗ về khuyên bảo con vật của mình nhiều lần, không thấy kết quả mới tính thầm rằng:

- Nó không chịu đi thì ta hãm cho nó sợ mới được.

Nghĩ rồi ông Kappaka ngâm kệ:

*“Patodante karissāmi
Soḷasaṅgulikaṇṭakam
Sañchindissāmi te kāyam
Evam jānāhi gadrabhāti”.*

*“Ta sẽ làm đót nhọn,
Mũi dài mười sáu phân.
Đâm lưng nát thịt lừa,
Biết thân thì lựa chọn”.*

Lừa nghe xong, đáp trả lại ngay: “Nếu quả như thế, lừa này cũng biết cách đối phó với ông vậy”. Nói rồi lừa cũng kệ rằng:

*“Patodante karissāsi
Soḷasaṅgulikaṇṭakam
Purato patitṭhahitvāna
Uddharitvāna pacchato
Bhaṇḍam te pātayissami
Evam jānāhi kappakāti”.*

*“Ông cứ làm đót nhọn,
Mũi dài mười sáu ngón.
Cẳng trước tôi đứng yên,
Giò sau tôi búng gọn.
Liệu hồn, đừng xâm xốn...”.*

Ông Kappaka nghe con lừa của mình trả lời trịch thượng như vậy, thì tự hỏi thầm: “Do đâu mà hăn dám hỗn xược với ta như thế?”.

Đưa mắt nhìn quanh, ông trông thấy con lừa cái to, mới chợt hiểu rằng: “À! Hèn gì hần ta dám giở giọng bướng bỉnh. Chắc con lừa cái này đã dạy hần ta những điều học ấy. Được rồi, để ta bảo với hần: Lừa ơi! Ta sẽ kiếm cho ngươi một con vợ hình dung giống y như con kia, ta phải dùng miếng mỡ nữ sắc để câu nhử mà sai khiến nó đi mới được”.

Nghĩ ra diệu kế, ông Kappaka ngâm kệ hứa với lừa rằng:

*“Catuppadiṃ saṅkhamukhiṃ
Nāriṃ sabbaṅgāsobhiniṃ
Bhariyaṃ te ānayissāmi
Evam jānāhi gadrabhāti”.*

*“Một kiêu nữ tứ túc,
Mặt ngọc, dáng ngoạo mục.
Ta sẽ cưới cho lừa,
Mát dạ đẹp lòng chưa?”.*

Nghe chủ hứa như vậy, lừa ta vui mừng khắp khởi bèn kệ đáp rằng:

*“Catuppadiṃ saṅkhamukhiṃ
Nāriṃ sabbaṅgasobhiniṃ
Bhariyaṃ me ānayissasi
Evam jānāhi kappaka
Kappaka bhiyyo gamissāmi
Yojanāni catuddasāti”.*

*“Một kiêu nữ tứ túc,
Mặt ngọc dáng ngoạo mục.
Nếu ông cưới cho lừa,
Lừa nguyện sẽ tiếp tục.
Kéo xe nặng đàng xa,
Mười bốn dặm mỗi lúc”.*

Thấy êm rồi, ông Kappaka gọi con lừa:

- Thôi mau lại đây đi con.

Nắm được con lừa, ông dắt nó bắt kê vào xe, đánh về chốn cũ.

Về nhà được vài hôm, con lừa nhắc chủ nó rằng:

- Thưa ông! Ông có nhớ lời hứa sẽ kiếm vợ cho lừa hay chẳng?

Ông lái buôn đáp: “Ừ ta nhớ, và ta sẽ giữ lời hứa. Ta sẽ lo kiếm vợ cho lừa, nhưng ta giao trước: Ta chỉ chạy ăn cho mỗi mình lừa thôi. Khi có vợ lừa phải tự liệu san sẻ phần ăn với vợ, khi có đôi bạn rồi thì sẽ có con đàn con lũ. Chừng ấy chúng bây hãy tự tiện liệu mà chia sót vật thực cho nhau, đó là chuyện riêng của chúng bây”.

Nghe ông Kappaka trình bày cặn kẽ như vậy, con lừa mất hết hy vọng, không còn ước mong có đôi bạn nữa.

Đức Bốn Sư thuyết tích đến đây bèn kết luận rằng:

- “Này các Tỳ Khưu! Con lừa cái khi xưa nay là công chúa Kalyānī, con lừa đực nay là Tỳ Khưu Nanda, còn ông lái buôn Kappaka nay chính là Như Lai vậy”.

Ấy, từ quá khứ Nanda đã từng được Như Lai giáo hóa (Vinīto) bằng cách dùng mỡ nữ sắc để thuyết phục.

DỨT TÍCH TRƯỜNG LÃO NANDA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Một đấng quân vương nặng chữ tình,
Nan Đà hạnh đắc quả Vô sanh!
Áo vua bỏ lại gìn y bát,
Tay vợ lia ra giữ kệ kinh!*

Chẳng thiết hoa khô hiển thế tục,
Không ham ngọc nữ chốn thiên đình!
Nương cùng Chánh Giác hành chơn đạo,
Như thuở còn mang khổ nhục hình”!

I. 10- CHUYỆN ĐỒ TẾ CUNDA (Cundasūkarikavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 15)

<i>“Idha socati pecca socati</i>	“Sống khổ, chết cũng khổ,
<i>pāpakārī ubhayattha socati</i>	Kẻ ác hai đường khổ.
<i>So socati so vihaññati</i>	Đã khổ càng thêm sâu,
<i>divā kammakiliṭṭhamattano”.</i>	Thấy nghiệp mình lem ố”.

Kệ Pháp Cú 15 này, Đức Tôn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Tịnh xá Trúc Lâm, đề cập đến ông đồ tể giết heo tên là Cunda.

Theo như khẩu truyền, ông đồ tể này đã từng sát hại dòng heo suốt cả năm mươi lăm năm trường, để lấy thịt, lớp ăn lớp bán mà nuôi mạng sống.

Gặp năm mất mùa đói kém, ông ta lấy xe bò chở lúa về miền đồng quê, dạo qua các làng để mua heo con, mỗi con trả giá một hoặc hai lon lúa là nhiều, ông ta trở về nhà với một xe heo đầy, thả heo vào chuồng lộ thiên phía sau nhà, nguyên là một miếng đất trống mà ông đã rào kín bốn mặt, ông cho heo ăn đủ thứ rau cỏ và cả đồ dơ, nuôi cho tới lớn

Muốn làm thịt con heo nào, ông bắt trói thúc ké nó vào gốc cột, lấy cây đòn tay vuông đập khắp mình nó cho thịt mềm ra và nở phù ra cho nặng cân.

Xong rồi ông cạy răng, banh mổ heo ra, nhét một khúc cây vào cẳng miệng, không cho nó ngậm kín lại, đoạn ông lấy nước ấm đang sôi chế vào cổ họng heo.

Nước nóng chảy tuột vào bụng heo làm loãng phần trong ruột nó và lôi cuốn ra ngoài hậu môn, hễ ruột heo còn chút ít phần dơ thì nước chảy ra còn đục, bao giờ ruột tẩy thật sạch, nước chảy ra thật trong thì mới thôi.

Còn nước sôi trong ấm, ông chế luôn lên lưng heo, cạo cho vượt lớp da bên ngoài, ông lấy đuốc đốt râu heo, rồi dùng gươm bén chặt đầu nó ra, huyết heo chảy xuống, ông hứng vào chậu để dành rưới lên thịt khi quay heo.

Thịt chín rồi, ông ta ngồi vào bàn cùng ăn với vợ con, còn dư bao nhiêu ông để bán cho khách hàng.

Ông Cunda đã sanh sống bằng nghề đồ tể, tạo nghiệp sát sanh như vậy trong hơn năm mươi lăm năm qua.

Mặc dầu Đức Như Lai ngự trong ngôi chùa gần nhà, ông chớ hề nhìn ra ngày nào mà bước chân đến đó, dâng cúng một nắm hoa để bát chùng một vá cơm, hoặc làm chút ít công quả chi để bòn phước về sau.

Một hôm, thành linh ông phát bệnh nặng, tuy chưa bỏ xác, ông cũng bị ngọn lửa A tỳ thiêu đốt ngày đêm. Hỏa lực của địa ngục Vô gián này cũng có thể làm nổ mắt người nhìn, mặc dù đứng cách xa đến hàng trăm do tuần... Do đó có câu kệ:

*“Samantā yojanasatam
Pharivā tiṭṭhati sabbadāti”.*

*“Nóng xa hàng trăm do tuần
Lửa A tỳ cháy tung bừng ngày đêm”.*

(Để mô tả sức nóng dữ dội của lửa địa ngục hơn thứ lửa thường đến mức độ nào. Trưởng Lão Nāgāsena đã từng đưa ra sự so sánh sau đây, để đáp lại câu hỏi của vua Milanda: Tàu đại vương! Nếu có một tảng đá to bằng cái nhà, rớt vào trung tâm hỏa ngục, thì chỉ trong giây lát là nó sẽ cháy tan ra tro bụi ngay. Vậy mà, do bởi nghiệp quả nặng nề, những kẻ làm ác đọa sanh chẳng khác nào bào thai ở trong bụng mẹ vậy).

Trong lúc bị thiêu đốt nóng nảy như thế, ông Cunda có những hành động kỳ dị khác thường, như tiếng heo la rồi ông xuống gối, bò hai chân ra phía trước nhà, rồi bò vô phía sau nhà, gia nhân quyến thuộc xúm nhau kềm và bùm miệng ông lại, cũng không ngăn được ác nghiệp tới thời trả quả. Thét rồi họ cũng buông thả ông ta ra để mặc ông bò lê bò la lung tung trong nhà, la hét luôn mồm như heo bị cắt cổ vậy.

Ở xung quanh đó, cách xa độ bảy căn nhà, không ai có thể ngủ yên giấc với ông ta, cho đến người trong nhà ông cũng kinh hãi. Vì thấy ông là hiện thân của Tử thần, nên không dám ở chung để sẵn sóc gìn giữ, họ tấn cánh cửa lại, nhốt một mình ông ta trong nhà, còn tất cả đều ra ngoài, luân phiên canh gác chung quanh nhà, để phòng ngừa ông có thể thoát ra.

Ông Cunda vẫn bò lê lét trong nhà, bị lửa địa ngục thiêu đốt nóng nảy, nên la hét như heo suốt trong bảy ngày đêm như thế.... đến ngày thứ tám ông mới tắt hơi bỏ xác, đọa sanh vào địa ngục Vô gián.

Địa ngục Vô gián này, ta nên mô tả theo như trong quyển Thiên Sứ Kinh (Devadūtasuttanta).

Vài Tỳ Khuru đi ngang qua nhà ông Cunda, nghe tiếng kêu la tưởng lầm là tiếng của heo kêu, nên về đến chùa, vào ngồi bên Đức Phật mà bạch rằng:

- Bạch Ngài! Lão Cunda đóng kín cửa nhà lại để giết heo, kể hôm nay là bảy ngày rồi, chắc họ sắp làm tiệc lớn ăn mừng việc chi đấy, bạch Ngài! Thử nghĩ coi, ông ta đã sát hại biết bao nhiêu heo rồi, mà chẳng chịu nghỉ tay, thật quả vậy, ông ta không còn một chút tâm từ, tâm bi nào cả, thiết tưởng trên đời này không có một chúng sanh nào mà ác độc hung bạo đến thế bao giờ.

Đức Bốn Sư giải rằng:

- Này các Tỳ Khuru! Lão Cunda không có giết heo trong bảy ngày nay đâu. Vì nghiệp quả (Kammavipāka) đã chín mùi, nên ông bị lửa địa ngục A tỳ nổi lên thiêu đốt ngay còn sống, bị thọ khổ hình, ông ta nóng nảy la hét như heo và bò lê lét trong nhà suốt bảy ngày qua. Hôm nay mới bỏ xác, đọa sanh vào địa ngục A tỳ.

Chư Tăng bèn bạch rằng: “Bạch Ngài! Lão Cunda lúc sống đã chịu quả khổ như thế mà chết rồi còn phải đọa sanh vào khổ cảnh ác đạo nữa sao?”.

Đức Bốn Sư đáp:

- Đúng vậy, này các Tỳ Khuru! Kẻ nào dễ duôi (Pamatto), mặc dầu còn tại gia hay đã xuất gia cũng đều chịu đau khổ trong hai cảnh giới như thế cả.

Rồi Ngài đọc tiếp bài kệ sau đây:

*“Idha socati pecca socati
Pāpakārī ubhayattha socati
So socati so vihaññati
Disvā kammakiliṭṭhamattano”.*

*“Những tay bạo ác hung đồ,
Dù cho thác xuống dưới mồ chưa yên.
Kiếp này đau khổ triền miên,
Kiếp sau vương vẩn hận phiền không thôi.
Thấy mình ác nghiệp gieo rồi,
Cả trong hai kiếp ngậm ngùi ăn năn”.*

CHÚ GIẢI:

Chữ **Pāpakārī** trong bài kệ trên đây chỉ kẻ tạo nghiệp ác bằng nhiều đường lối, đến khi lâm chung, hồi tưởng lại lúc mình sanh tiền, thấy rằng: “Quả thật ta chưa từng làm việc lành nào cả, ta chỉ có làm việc ác không mà thôi”. Thế rồi, kẻ ấy ăn năn hối hận, âu sầu Khổ não.

Đó là nghiệp khổ trong đời này (idha).

Còn quả khổ kế tiếp sau là: Sau khi chết rồi, kẻ ác tái sinh vào khổ cảnh, vào cảnh giới khác cũng còn phải chịu ảnh hưởng của sự buồn rầu, sầu khổ trong hiện kiếp ấy nữa.

Vì là kẻ ác phải chịu đau khổ trong hai cảnh giới như thế, nên lão Cunda đồ tể, đã khổ trong khi còn sống mà còn khổ thêm sau khi thác rồi nữa.

Disvā kammakiliṭṭhamattano (thấy nghiệp mình lem ố): Sau khi nhìn thấy tự mình đã tạo nghiệp xấu xa, nhớ nhớp thì kẻ ác sanh tâm buồn rầu, càng than van rên rĩ, lại càng ăn năn hối tiếc.

□

Sau bài kệ, có nhiều Tỳ Khuru đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Đại chúng thính pháp cũng đều được hưởng ít nhiều lợi ích.

DỨT TÍCH ĐỒ TỂ CUNDA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Giết lợn nuôi mình với vợ con,
Năm năm năm chán, nghiệp vuông tròn!
Một con nóng sáng mơ thành thú,
Bảy bữa rên la tưởng bị đòn!
Ngọn lửa A tỳ cao ngắt núi,
Tội ông đồ tể lớn tà non!
Ác lai ác báo mau cùng chậm,
Sống chết hai nơi khổ vẫn còn.*

I. 11- CHUYỆN THIỆN NAM SÙNG ĐẠO DHAMMIKA

(Dhammika upāsaka vatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 16)

<i>“Idha modati pecca modati</i>	“Sống vui thác cũng vui,
<i>katapuñño ubhayattha modati</i>	Người thiện hai đời vui,
<i>So modati so pamodati</i>	Đã vui càng hoan hỷ,
<i>disvā kammavisuddhamattano”.</i>	Thấy nghiệp mình sạch rồi”.

Kệ Pháp Cú (16), Đức Phật thuyết ra khi Ngài ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến ông thiện sự nam sùng đạo Dhammika.

Truyện truyền rằng: Thuở ấy, tại thành Sāvattihī, có đến năm trăm ông Thiện nam, toàn là những nhà hân mộ tôn sùng Phật Pháp, mỗi ông sùng đạo nầy quy tụ được năm trăm cư sĩ trong mỗi nhóm của mình.

Vị thủ lãnh của tất cả các nhóm cư sĩ có được mười bốn người con, bảy trai và bảy gái. Mỗi người con ông đều rất trong sạch trong sự hộ độ Tăng, thường xuyên để bát bằng cách rút thăm, để dâng cháo, cơm, vật thực đến Tăng (Salākabhadda), để bát một ngày nào trong mỗi kỳ nửa tháng (pakkhikabhadda), làm lễ Trai Tăng đang nhập hạ tại chùa (vassavāsikā).

Ông Dhammika với vợ và mười bốn người con mà ông mệnh danh là đoàn hậu sanh của ông, hiệp nhau thành mười sáu người Thiện tín đặc lực, thay phiên nhau chăm lo cúng dường thực phẩm đến Tăng.

Ông đứng ra làm gương mẫu giới đức cho cả gia đình ông và tất cả Thiện tín, và ông hoan hỷ thỏa thích trong sự cúng dường Tăng Bảo luôn luôn như vậy.

Một thời gian sau, ông Dhammika nhuốm bệnh và sức lực suy giảm rất nhiều.

Biết mình kiệt quệ, ông muốn được nghe kinh, nên bảo người nhà đến đánh lễ Đức Thế Tôn và xin cho tám hoặc mười sáu vị Tỳ Khuru rành rẽ về kinh tụng.

Đức Bổn Sư ra lệnh cho các Tỳ Khuru đến nhà ông.

Chư Tăng đến nơi, ngồi lên những chỗ đã dọn sẵn hai bên giường bệnh của ông.

“Bạch Trưởng Lão Tăng! Ông cố gắng nói, vì tôi yếu quá không thể đánh lễ Chư Tăng được, xin các Ngài từ bi hoan hỷ tụng bố thí cho con một bài kinh”.

Chư Tăng hỏi: “Ông Thiện nam muốn nghe kinh gì?”

- Bạch! Xin các Ngài tụng Niệm Xứ Kinh (Satipaṭṭhāna sutta).

Nghe vậy Chư Tăng bắt đầu tụng:

“Ekayāno ayam bhikkhave maggo sattānam visuddhiyāti..”.

“Chỉ có con đường này, các Tỳ Khuru! Là lối đi duy nhất, dắt dẫn chúng sanh đến nơi hoàn toàn thanh tịnh..”.

Ngay khi ấy, từ sáu cung trời Đục giới (Tứ Đại Thiên, Đạo Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc và Tha Hóa Tự Tại Thiên), có sáu chiếc thiên xa chạy xuống, mỗi chiếc dài năm mươi do tuần, trang bị đầy đủ bằng mọi thứ mỹ phẩm xuê xang lộng lẫy, do một ngàn con tuần mã kéo đi. Mỗi vị Chư Thiên đứng trên thiên xa đồng thanh nói với Dhammika: “Tôi xin mạn phép rước ông về thiên cung của chúng tôi...”.

Ông Dhammika chưa kịp trả lời, Chư Thiên đã nói rằng:

- Ông ơi! Ví như cái bát đất đã bể mà đổi được cái bát bằng vàng, ai sanh về thiên cung của chúng tôi sẽ được hưởng muôn ngàn lạc thú, xin ông hãy về với chúng tôi.

Ông Thiện nam Dhammika đang nằm nghe kinh, không muốn dứt đoạn nửa chừng, nên bảo Chư Thiên: “Thôi đi, khoan đã...”.

Các thầy Tỳ Khuru nghe vậy, ngỡ là ông nói với mình, bèn thôi không tụng kinh nữa.

Khi ấy các con trai của ông, phát khóc lên âm ỉ, kể lể rằng:

- Trước kia phụ thân ta nghe kinh không bao giờ chấn động, sao hôm nay bảo thỉnh Chư Tăng đến tụng, rồi lại bảo “Thôi đi” như vậy. Ôi! Đến phút lâm chung đối diện với Tử thần chắc không chúng sanh nào không hãi hùng kinh sợ.

Chư Tăng thấy tình cảnh ấy cũng nhắc bảo nhau không tụng kinh nữa thì ra về, nói rồi đồng đứng dậy cáo từ ra đi.

Một lúc sau ông Dhammika hồi tỉnh, nghe tiếng con khóc mới hỏi rằng: - “Sao các con lại khóc?”.

- Thưa cha! Cha đã bảo thỉnh Chư Tăng đến tụng kinh cho cha nghe, thế mà khi Chư Tăng đang tụng thì cha lại ngăn cản bảo thôi đi, các con khóc vì nghĩ rằng: “Không có chúng sanh nào mà không sợ mặt Tử thần”.

- Thế Chư Tăng bây giờ đâu rồi?

- Các Ngài nói: “Không tụng kinh nữa thì ta về”. Và đã đi về hết rồi cha ạ..

- Này các con! Không phải cha nói lời ấy với Chư Tăng đâu!

- Thế thì cha nói với ai vậy? Thưa cha.

- Có sáu vị Chư Thiên từ sáu cõi trời đưa đến sáu chiếc thiên xa, trang trí lộng lẫy, đậu ngay giữa hư không, họ đứng trên xe cất tiếng hỏi cha: “Mời Ngài hoan hỷ về cõi Chư Thiên với chúng tôi”. Cha bảo “Thôi đi” là nói với Chư Thiên ấy.

- Thưa cha! Nhưng thiên xa nào đâu, chúng con không thấy.

- Hiện ở nơi đây, ta có vòng hoa nào không?

- Thưa cha có.

- Trong các cõi trời, cõi nào là an lạc nhất hở các con?

- Thưa cha! Cõi trời an lạc nhất là cõi Đâu Suất thiên (Tusitabhavanam) là nơi tịnh cư của tất cả chư Bồ tát và của phụ mẫu chư vị Đại Giác trong kiếp thành đạo ở thế gian.

- Vậy thì các con hãy lấy vòng hoa liệng lên hư không và nguyện: “Xin vòng hoa này dính trên chiếc thiên xa của cõi trời Đâu Suất”.

Các con ông Dhammika y lời, ném một vòng hoa dính vào gọng xe là lơ lửng giữa hư không.

Tất cả mọi người túc trực nơi đó đều thấy vòng hoa lơ lửng giữa hư không mà không ai thấy chiếc thiên xa cả.

Ông Thiện nam hỏi: “Các con có thấy vòng hoa không?”.

- Dạ! Thưa thầy.

- Vòng hoa dính trên chiếc thiên xa từ cõi Đâu Suất đưa xuống, cha nay sắp về thiên cảnh ấy, vậy các con chớ nên bi thảm, nếu muốn tái sinh về đó để phụ tử được trùng phùng thì các con nên noi gương cha mà tạo nhiều phước báu ở cõi trần gian này đi vậy.

Dứt lời, ông Dhammika từ giã cõi đời, bước lên thiên xa về cung Đâu Suất. Liền đó, ông hóa thành vị Chư Thiên bề cao ba phần tư do tuần, khắp mình đeo giắt những món trang sức, có thể chất đầy sáu mươi cỗ xe bò, có hàng ngọc nữ theo hầu và được một tòa Kim ốc phát sanh lên rõ rệt.

Nói về Chư Tăng, khi vào đến Tịnh xá, vào đánh lễ, phục lịnh Đức Bốn Sư, Ngài phán hỏi:

- Này các Tỳ Khưu! Ông Cận sự nam có nghe các ông tụng kinh không?

- Bạch Ngài! Có, nhưng đến nửa bài kinh thì ông ấy lên tiếng bảo thôi, rồi đàn con ông phát khóc âm lên. Chúng con thấy ở nán lại cũng không làm gì nên đứng dậy ra về.

- Này các Tỳ Khưu! Không phải ông Dhammika đã nói các lời ấy với các ông đâu. Có những Chư Thiên từ trên sáu cõi trời đưa sáu chiếc thiên xa trang trí lộng lẫy và thỉnh ông lên xe về thiên cảnh, ông ấy không muốn nghe dở bài kinh đang tụng, nên đã thốt lời ấy với Chư Thiên.

- Bạch Ngài, có vậy mà chúng con không biết.

- Quả thực vậy đó, các Tỳ Khưu.

- Bạch Ngài! Bây giờ ông ấy đang thọ sanh về đâu?

- Này các Tỳ Khưu! Hiện giờ ông ấy ở cõi Đâu Suất thiên.

- Bạch Ngài! Lúc ông ấy còn sanh tiền, đã vui sống giữa thân bằng quyến thuộc, bây giờ thác rồi lại được thọ sanh vào nhàn cảnh để hưởng thêm hạnh phúc nữa sao?

- Đúng vậy, này các Tỳ Khưu! Những người không dễ duôi (appamattā) dầu còn tại gia hay đã xuất gia, cũng đều hưởng được sự yên vui trong hai cảnh giới. Lúc sống và sau khi thác rồi cũng đều như thế cả.

Đến đây, Đức Bốn Sư nói lên kệ ngôn rằng:

“Idha modati pecca modati

Katapuñña ubhayattha modati.

So modati so pamodati

Disvā kammavisuddhamattanoti”.

*Những người đã sẵn thiện căn,
Kiếp này, kiếp nữa, lòng hằng an vui.
Thấy mình phúc nghiệp gieo rồi,
Cả trong hai kiếp đều vui sướng hoài.*

CHÚ GIẢI:

Trong câu kệ Phạm ngữ, chữ **Katapuñña** chỉ cho người tạo thiện nghiệp bằng nhiều đường lối, khi lâm chung xét thấy rằng quả thật, ta chưa từng làm việc quấy ác, ta chỉ làm những việc thuần thiện mà thôi... Nhờ đó mà y được an vui với nghiệp lành trong đời hiện tại.

Sau khi thác, y cũng còn nhờ ảnh hưởng của quả lành, tiếp tục theo mà được an vui kiếp sau nữa, nên mới gọi là hai đời vui (ubhayattha modati).

Kammavisuddhim: Nghiệp sạch, như Cận sự nam Dhammika. Sau khi xét thấy tự mình đã tạo nhiều nghiệp trong sạch (thuần thiện), tự mình đầy đủ phước nghiệp (kammapuñña) rồi, đến khi lâm

chung cũng được hưởng sự an vui trong kiếp hiện tại và sau khi mệnh chung lại được thọ sanh vào cảnh giới khác, lại càng hưởng nhiều thiên phúc lạc hơn nữa.

Sau bài kệ này, chư Tỳ Khưu đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Đại chúng thính pháp cũng được hưởng ít nhiều lợi ích.

DỨT CHUYỆN CẬN SỰ NAM DHAMMIKA.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Suốt cả đời tu, chuông phước điển,
Chánh tâm sùng đạo, cảm Chư Thiên,
Sáu xe túc trực, chờ tôn khách,
Ngàn ngựa bên phi đón đại hiền?
Tặng tụng kinh dài, ai khiến nghĩ?
Con lo bố khổ, dạ sao yên?
Trấn an, may có vòng hoa lạ,
Lơ lửng trên không việc nhĩ tiền.



I. 12- CHUYỆN DEVADATTA (Devadatta vatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 17)

<i>“Idha tappati pecca tappati</i>	“Sống than, chết cũng than,
<i>pāpakārī ubhayattha tappati</i>	Kẻ ác hai đời than.
<i>Pāpam me katanti tappati</i>	Than “mình lỡ tạo ác”,
<i>bhiyyo tappati duggatiṃ gatoti”.</i>	Càng than khi đọa lạc”.

Kệ Pháp Cú 17 này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến Devadatta.

Tiểu sử của Devadatta từ khi xuất gia đến ngày bị đất rút, tất cả Kinh Bổn Sanh (Jātakāni) đều có tường thuật đầy đủ chi tiết.

Dưới đây chỉ là một sự tích tóm lược mà thôi.

Thuở ấy, nhằm lúc Đức Bổn Sư ngự an trong vườn xoài của ông Á Nú Pí Dá, trong thị trấn Mallā (Nigama mallāna) thuộc địa phận xứ Á Nú Pí Dá.

Khi ấy, tám muôn quyến thuộc của Ngài hội nhau lại thảo luận với nhau rằng:

- Từ khi thầy tướng tiên đoán Đức Như Lai sau này sẽ thành bậc Đại Giác hoặc sẽ tước vị Đế vương, chúng ta đã hứa lời sẽ cho con cháu của chúng ta trong tông tộc Sát Đế Lý (Khattiya) đi theo để hầu hạ Ngài. Vậy bây giờ ta nên giữ lời hứa đó”.

Thế rồi, hoàng tộc Thích Ca cho tám muôn vị Thái tử xuất gia theo Phật, trừ ra sáu vị là đức vua Bhaddiya và các vương tử Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimbila và Devadatta còn ở lại nhà.

Vì thế trong hoàng tộc Thích Ca, có người lại đưa sự kiện này ra hội thảo và kêu nài rằng:

- Tất cả chúng ta đều có cho con mình xuất gia đúng theo lời hứa, còn sáu họ Thích này không phải là thân tộc của chúng ta hay sao, mà không cho con xuất gia.

Nghe vậy, Thái tử Mahānāma (Đại Danh) đến nói với em mình là Anuruddha rằng: “Này em! Trong gia đình ta chưa có người nào xuất gia, vậy bây giờ em đi hay là để anh đi xuất gia đây?”.

Hoàng tử Anuruddha từ nhỏ tới giờ chỉ quen sống trên nhung lụa, an hưởng cuộc đời vương giả cao sang phú túc, chưa hề nghe đến tiếng không có bao giờ.

Cho đến một hôm nọ, sáu Vương tử trên đây ráp nhau chơi đánh cầu (Vulalila), Anuruddha bị thua cuộc phải chịu đãi bánh, nên cho thị giả về nhà xin bánh.

Chơi đi chơi lại, ván nào cũng thua, Anuruddha cho người về xin bánh mãi, bà mẹ sắp bánh gửi đến được ba lần, đến lần thứ tư bà chỉ nhả lời nói: “Bánh không có”. Ông hoàng trẻ tuổi chưa từng nghe tiếng không có cho nên ngẫm nghĩ: “Đó là thứ bánh gì vậy há?”. đoạn ông bảo từng giả hãy cứ đi về lấy Bánh Không Có đem đến vậy.

Người này y lời về bẩm lại: “Tâu lệnh bà! Xin Bà hãy gửi Bánh Không Có đến cho điện hạ”. Nghe vậy, bà mẹ suy nghĩ: “Con ta chưa hề nghe tiếng không có bao giờ. Vậy nhân đây ta phải áp dụng cách này, dạy cho nó biết”.

Thế rồi, bà lấy một cái đĩa bằng vàng, đặt úp trên một cái đĩa không nữa cũng bằng vàng và trao cho người hầu đem đi. Lúc đó Chư Thiên ngự trong thành ấy, nghĩ rằng: “Thái tử Anuruddha đã từng nhìn ăn phần ăn của mình trong một mùa đói kém để cúng dường một vị tối thượng Độc Giác Phật thời quá khứ và đã phát nguyện: “Xin cho tôi đừng bao giờ nghe đến tiếng không có. Xin cho tôi đừng bao giờ bận tâm biết đến vấn đề lương thực”. Hôm nay, nếu để cho Thái tử thấy cái đĩa không thì chúng ta còn mặt mũi nào về dự Đại hội Chư Thiên và có lẽ đầu chúng ta sẽ nứt ra làm bảy mảnh”.

Nghĩ rồi, Chư Thiên lấy những bánh trời đặt vào đầy đủ đĩa cho Thái tử Anuruddha.

Khi vị từng giả mang đĩa đến chỗ sân đánh cầu, Thái tử đến giờ ra, thì mùi bánh thơm ngon sực nức bay lan khắp cả châu thành. Thái tử cắn thử một miếng ngậm vào miệng, nghe hương vị thanh thoát lạ thường, không thể tả sao cho xiết.

Khi ấy Thái tử Anuruddha nghĩ rằng: “Từ trước mẹ ta không yêu ta, nên chưa có lần nào người làm thứ bánh Không Có này cho ta ăn. Kể từ đây về sau, ta nhứt định không thèm dùng thứ bánh nào khác nữa”.

Thái tử đi ngay về nhà, bảo mẹ rằng: “Thưa mẹ! Mẹ có yêu con hay không?”.

- Mẹ có yêu quý con, ví như người chột mắt quý con mắt sáng của mình, hay như mọi người yêu quý quả tim của mình vậy con à.

- Thế sao hồi đó tới giờ, chưa có lần nào mẹ làm thứ bánh Không Có cho con ăn hở mẹ?

Bà mẹ day lại hỏi người hầu Thái tử:

- Này con! Con thấy trong đĩa có chút gì không?

- Tâu lệnh bà! Đĩa đầy bánh, toàn là thứ bánh lạ từ trước tới giờ con chưa được thấy.

Bà mẹ lẩm bẩm: “Con ta quả thật là một bậc đại phước, đại lộc, đã tạo nhân lành từ đời kiếp trước, cho nên Chư Thiên mới là để bánh đầy đĩa gửi đến cho nó như thế”.

Ông hoàng con lại nũng nịu, nói với mẹ rằng:

- Thưa mẹ, từ rày về sau con nhứt định không ăn thứ bánh gì khác hết, mẹ phải làm rờng một thứ bánh Không Có cho con ăn nghe mẹ.

Kể từ ngày ấy, mỗi khi Anuruddha đòi ăn bánh thì bà mẹ lại y như trước, lấy cái đĩa không đặt úp lên một cái đĩa không khác, rồi gửi lên cho con.

Trong suốt thời gian Thái tử còn ở trong gia đình, Chư Thiên vẫn hằng cung cấp bánh trời cho Thái tử như thế mãi. Vì không bận tâm lo nghĩ đến những nhu cầu về vật chất cho nên dầu là một vấn đề thông thường, Thái tử cũng không biết rõ, nói chi đến chuyện xuất gia.

Khi nghe Thái tử Mahānāma hỏi, Anuruddha không đáp lời anh, mà còn hỏi lại:

- Xuất gia nghĩa là đi làm gì vậy? Hoàng huynh.

Thái tử giải thích sơ lược rằng: “Cạo bỏ râu tóc, khoác bộ y vàng, nằm ván cứng giường thô, đi trì bình khát thực, sống một đời sống không gia đình, như thế gọi là xuất gia vậy”.

Nghe vậy, Thái tử Anuruddha đáp:

- Vậy thì hoàng huynh ơi! Em chỉ quen sống an nhàn dục lạc, em không xuất gia hành đạo được đâu.

- Vậy thì em hãy ráng học tập công nghệ (Kammantā) rồi ở lại nhà, để anh đi xuất gia cho gia đình ta khỏi thất hứa.

Hoàng tử Anuruddha lại hỏi:

- Hoàng huynh! Anh vừa nói đến hai tiếng công nghệ, thế nghĩa là gì vậy? Hoàng huynh.

Lê thường, các con nhà quyền quý, không ai léo hánh đến các chỗ nấu ăn, mó tay vào việc com nước, bếp núc bao giờ, có đâu mà biết quán xuyến công nghệ gia đình cho được.

Cho đến vật thực hằng ngày, các vị vương tử cũng không biết xuất xứ từ đâu. Cho nên, có một hôm giữa ba vị Hoàng tử có một câu hỏi sau đây được nêu lên: “Đó biết vật thực ta ăn, từ đâu mà có?”.

Kimbila bảo: “Từ nhà kho mang lại”. Bhaddiya vội cãi: “Biểu đệ không biết nên nói sai rồi, vật thực nầy trong nồi múc ra”. Anuruddha nhất định nói rằng: “Cả hai biểu huynh đều nói trật hết. Vật thực nầy là do đĩa ngọc chén vàng phát sanh ra”.

Theo tục truyền, sở dĩ ba Thái tử giải thích khác nhau, đó là vì mỗi vị chấp theo quan kiến của mình.

Kimbila thường xuyên thấy người ta vào kho, lấy lúa đem ra xay, cho nên mới cho là vật thực từ kho mang lại.

Bhaddiya có lúc thấy người ta bới com từ trong nồi ra, cứ tưởng là vật thực từ trong nồi múc ra.

Còn Anuruddha chưa từng thấy ai xay lúa, nấu com rồi bới ra, chỉ thấy vật thực đã dọn sẵn trên chén đĩa trong giờ ăn, nên quả quyết rằng: “Vật thực phát sanh từ nơi chén đĩa”.

Thật ra, ba vị con nhà quý tộc nầy cũng chưa biết rõ vật thực xuất xứ từ đâu.

Do đó, Hoàng tử Anuruddha mới hỏi lại anh mình câu hỏi:

- Tiếng công nghệ nghĩa là chi vậy? Hoàng huynh.

Thái tử Mahānāma giải thích rằng: “Từ đầu mùa lo dọn đất nhất là cày bừa ruộng nương rồi lo trông trọt lúa, bắp, đậu, mè.. Kế đến cuối mùa thì lo gặt hái phơi, nhập vào kho tích trữ... Mỗi năm, năm nào cũng phải làm đi làm lại bấy nhiêu công việc đồng áng như vậy”.

Nghe vừa dứt lời, Anuruddha nói thắm rằng: “Chà! Công việc gia đình làm biết bao giờ mới hết, và biết đến bao giờ ta mới được rảnh rang để toại hưởng phú quý vinh hoa”.

Sau khi nêu rõ lý do là: “Công việc gia đình làm mãi cũng không rồi” Hoàng tử cương quyết thưa với anh:

- Thôi hoàng huynh cứ ở lại nhà mà lo công nghệ gia đình, còn em không thích làm những việc ấy đâu!

Nói rồi, Hoàng tử đi tìm thân mẫu và thưa rằng:

- Thưa mẹ! Xin phép mẹ cho con đi xuất gia.

Anuruddha đến xin ba lần, bà mẹ cũng không cho phép. Sau cùng bà đưa ra điều kiện nầy: “Nếu bạn con là vua Bhaddiya cùng đi xuất gia với con thì mẹ chấp thuận ngay”.

Nghe vậy, Anuruddha đến gặp bạn mình và để thưa rằng:

- Tâu hoàng huynh! Tiểu đệ vì kẹt có hoàng huynh mà chậm trễ đi xuất gia.

Hoàng tử cứ đeo theo năn nỉ và đưa ra nhiều lý do để thúc đẩy, giục nhà vua. Nên sau cùng đức vua Bhaddiya hẹn trong bảy hôm nữa sẽ đi xuất gia một lượt.

Rồi đó, đức vua Bhaddiya trong dòng họ Thích Ca (Thích Ca) hiệp với Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimbila và Devadattta. Tất cả là sáu vị Sát Đế Lý cùng với ông thợ cạo Ưu Ba Li nữa là bảy người. Trong bảy ngày liên tiếp chung nhau tận hưởng mọi lạc thú vinh sang trong đời, như những Chư Thiên nơi miền Cực lạc.

Đến ngày khởi hành, bảy vị xuất gia được quân binh hộ giá rầm rộ tiến lên, y như các đấng quân vương ngự du trong vườn Thượng Uyển, đi đến biên thủy, bảy vị ấy ra lệnh cho đoàn quân hộ tống trở về, rồi cùng nhau lần lượt vượt qua giới tuyến, đi sang địa phận quốc gia khác.

Nơi đây, sáu vị Hoàng tử cởi bỏ hết trang sức đeo trên mình ra, bỏ thành một đống, kêu ông thợ cạo và bảo: “Nầy Ưu Ba Li! Bạn hãy thu hết của nầy và trở lại xứ nhà, bấy nhiêu đây chắc cũng đủ cho bạn sống một cuộc đời bạn được”.

Ông Ưu Ba Li sụp lạy tạ các vị hoàng gia, khóc lóc bịn rịn. Vì không dám cãi lệnh các chủ cũ, ông buộc lòng đứng dậy, xách gói bảo vật quây lên vai, rồi quay chân trở lại.

Sáu vị vương giả đứng nhìn theo bóng ông thợ cạo trở về cố quốc, ai ai cũng đều lưu luyến ngậm ngùi, thật là:

*Não nùng thay cảnh chia phôi,
Rừng cây ủ dột, núi đồi tang thương.*

Trên nẻo đường về, ông vừa đi chậm vừa suy nghĩ rằng:

“Dòng Thích Ca xưa nay vẫn có tiếng là hung hãn (Caṇḍa), nếu họ tưởng lầm ta hạ sát các Hoàng tử nầy mà đoạt của báu thì thế nào họ cũng giết ta bỏ mạng, vả lại các vương gia Thích Tử nầy đã vứt bỏ những đồ trang sức quý giá của họ, như là nhổ cục nước miếng, để được rảnh rang đi tu, thì ta đại gì chẳng noi theo gương ấy”.

Nghĩ vậy, ông cởi đồ trang sức đang quây trên vai ấy, đem treo trên một nhánh cây và nói: “Ai cần dùng thì cứ lấy” rồi ông hối hả chạy theo các vị đi xuất gia.

Thấy ông chạy theo, các vị ấy ngừng lại hỏi: “Sao ông còn trở lại?”.

Ông Ưu Ba Li bèn tỏ thật cảm nghĩ và quyết định của mình. Các vị Hoàng tử bèn dắt luôn ông đi theo, đến đánh lễ Đức Thế Tôn và bạch rằng: “Bạch Ngài, dòng họ Thích Ca của chúng ta vẫn thường có tính ngã mạn. Người nầy đã từng phục dịch chúng ta lâu năm, xin Ngài hãy cho ông ta xuất gia trước nhất, để chúng tôi cung kính lễ bái ông theo bậc Sư huynh, ngõ hầu phá bỏ cái tánh ngã mạn của chúng tôi”.

Tiếp theo lời thỉnh cầu ấy, Đức Bổn Sư cho ông Ưu Ba Li xuất gia đầu tiên, rồi lần lượt đến phiên sáu vị Hoàng tử.

Trong nhóm Tỳ Khuru mới nầy, Trưởng Lão Bhaddiya đắc Tam Minh (Tevijjā) trong mùa hạ đầu, Trưởng Lão Anuruddha trước đắc Thiên nhãn Thông (Dibbacakkhu), rồi sau đó đắc A La Hán do nhờ nghe bài Kinh Mahāpurisa vitakka, Trưởng Lão Ānanda đắc quả Tu Đà Huòn, hai vị Trưởng Lão Bhagu và Kimbila trong thời gian sau nhờ tinh cần hành thiền Minh Sát (Vipassanā) cũng đều đắc quả A La Hán, Devadatta thì đắc Thần thông phàm (Puthujjhanikam iddhiṃ).

Sau đó một thời gian, khi Đức Bổn Sư ngự tại thành Kosambi thì có rất nhiều lợi lộc phát sanh đến Đức Như Lai và Thánh chúng. Hằng ngày Thiện tín nườm nượp đến chùa, đem theo lễ vật trọng thể đến để cúng dường và hỏi thăm Đức Thế Tôn ngự nơi đâu? Đức Sāriputta ở đâu? Trưởng Lão Mahā Kassapa ở đâu?

Họ vừa đi vòng quanh nhìn vào chỗ tám mươi vị Thinh Văn và luôn miệng hỏi thăm Trưởng Lão Bhaddiya ở đâu? Trưởng Lão Anuruddha ở đâu? Trưởng Lão Kimbila ở đâu?

Các Tỳ Khuru, vị nào cũng được mọi người săn đón, nhưng không ai nghe hỏi về Trưởng Lão Devadatta ngồi ở đâu? Hoặc đứng tại đâu cả?

Thấy không ai lưu ý đến mình, Trưởng Lão tự ti mặc cảm, nghĩ thầm rằng: “Ta cũng đồng xuất gia một lượt với những Tỳ Khuru ấy, họ là dòng dõi Sát Đế Ly xuất gia, thế sao họ được người đời săn đón trọng hậu, còn ta thì không có ma nào động đến tên! Bây giờ ta biết ai là người mà ta có thể làm cho phát tâm trong sạch để họ cúng dường đến ta?”.

Khi ấy, Trưởng Lão Devadatta tính thầm: “Với Bimbisāra đã đắc Tu Đà Huòn một lượt với mười một muôn vị tùy gia trong buổi sơ ngộ với Đức Thầy. Ta không thể hiệp tác được với vua Kosalā, ta cũng không thể liên kết. Chỉ còn Thái tử Ajātasattu (Ajātasattu), con của vị chúa tể một quốc gia cường thịnh mới là người mà ta thu phục để làm bạn tri kỷ vậy”.

Sau khi quyết định như vậy, Devadatta rời Kosambi đi đến thành Vương Xá, tự biến hình thành một thanh niên, khắp mình quấn đầy những con độc xà, hai con làm vòng tay, hai con làm kiềng chân, một con làm kiềng cổ, một con đội trên đầu, một con vắt vào bên vai.

Trưởng Lão từ trên hư không đáp xuống, với cách trang bị bằng rắn như thế, ngồi trên bắp vế của Thái tử Ajātasattu.

Thái tử giật mình kinh hãi, kêu lên rồi hỏi rằng: “Người là ai?”.

- Ta là Devadatta.

Nói rồi, để cho Thái tử hết sợ, Trưởng Lão liền hiện nguyên hình là một vị Tỳ Khưu có đầy đủ tam y nhất bát đứng ngay trước mặt Thái tử, làm cho Thái tử phát tâm trong sạch, từ đó bắt đầu cúng dường lễ vật đầy đủ mọi thứ.

Khi được cúng dường trọng hậu rồi, Trưởng Lão Devadatta cũng chưa toại nguyện, Trưởng Lão còn mong rằng: “Ta sẽ đứng ra lãnh đạo Tăng chúng” tà niệm vừa phát khởi trong tâm thì các pháp thần thông (iddhi) cùng với Tứ Thần Túc (catuppāda) của Devadatta tự nhiên biến mất.

Trưởng Lão Devadatta trở về Trúc Lâm, đến chỗ cư ngụ của Đức Bổn Sư, nhằm lúc Ngài đang thuyết pháp, có đức vua cùng hàng tứ chúng ngồi nghe, Trưởng Lão đánh lễ Đức Bổn Sư rồi đứng dậy chấp tay thỉnh cầu rằng: “Bạch Thế Tôn! Hiện nay Ngài đã già nua, niên kỷ cao tường rồi, không còn hoạt bát như xưa. Vậy Ngài cũng nên nhàn cư tịnh lạc cho yên thân, tôi nguyện sẽ đứng ra lãnh đạo Chư Tăng, xin Ngài giao cho tôi lèo lái con thuyền Giáo hội”.

Nghe qua mấy lời đường đột khiêm nhã ấy, Đức Thế Tôn không thể nào chấp nhận được.

Bất mãn vì bị từ chối, Devadatta bỏ ra đi, tuy ngoài miệng làm thính, nhưng trong thâm tâm đã buộc oan trái với Đức Như Lai kể từ khi ấy.

Liền đó, vâng lệnh Đức Thế Tôn, Chư Tăng nhóm tất cả Thiện tín trong thành Rajāgaha và đọc tuyên ngôn không thừa nhận Trưởng Lão Devadatta là người của Giáo hội Tăng Già nầy nữa. Hay tin nầy, Devadatta nói rằng: “Kể từ giờ phút nầy, ta đã bị Sa Môn Cổ Đàm sa thải rồi, ta phải lập tâm báo thù, rửa cái nhục nầy mới được”.

Nói rồi, Devadatta đến hội kiến với Thái tử Ajātasattu, kiếm cách dẫn dụ rằng: “Tâu điện hạ, đời xưa con người trường thọ nhưng đời nay chẳng ai sống được lâu, chẳng lẽ điện hạ ở mãi cái địa vị làm ông hoàng con cho đến khi xuống lỗ. Vậy tốt hơn điện hạ nên lo thí phước vương mà soán đoạt ngôi trời, còn ta thì sẽ lo hạ sát Đức Thế Tôn mà tranh giành quả Phật”.

Sau khi dụ hoặc được Thái tử Ajātasattu, Devadatta thuê bốn người nam bản xứ đi hành thích Đức Như Lai, nhưng họ đã đắc quả Tu Đà Huàn và họ trở về không.

Thấy mưu sự bất thành, Devadatta tự mình leo lên núi Gijjhakūṭa (Linh Thú) lăn đá xuống, cố ý đoạt mạng Đức Thế Tôn, nhưng chỉ làm cho người trầy da chảy máu.

Chưa hả giận, Devadatta lại lừa dìm, phóng thích thốt tượng Nālāgiri để cho nó đến chà đạp Đức Thế Tôn. Thấy tượng hung hăng chạy lại, Trưởng Lão Ānanda đứng ra cản đường, quyết liều mạng mình mà cứu Đức Bổn Sư, nhưng Đức Giáo Chủ chỉ rải lòng từ (mettā) thu phục được voi dữ, ngựa ra khỏi thành và trở về Tịnh xá bình yên vô sự.

Ngày ấy, hàng ngàn Thiện tín câu hội tổ chức đại lễ Trai Tăng, sau đó trước sự hiện diện của hầu hết dân cư trong thành Vương Xá, độ cho tám muôn bốn ngàn chúng sanh giác ngộ Chánh Pháp (dhammābhisamayo).

Chư Tăng đều ca tụng lòng dũng cảm của Trưởng Lão Ānanda đã dám liều mình cản đường một con voi dữ đang nổi cơn điên để che chở Đức Bổn Sư.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn dạy rằng: “Nầy các Tỳ Khưu, đây không phải là lần đầu tiên Ānanda dám liều mình vì Như Lai đâu”. Theo lời thỉnh cầu của Chư Tăng, Đức Thế Tôn bèn dẫn lại điển tích nói về hai con thiên nga với con cua (Cullahamsamahāham sakakkaṭaka).

Cơ mưu của Devadatta mong lòng hại Phật, cả ba lần đều bị thất bại cả ba, nhưng hai lần trước là thuê người ám toán và lăn đá phi tang đều còn âm thầm, chỉ còn có sự phóng thích voi điên là quá lộ liễu, nên đã làm chấn động tất cả quần chúng và thấu đến tai đức vua.

Thiên hạ đồn đãi rùm lên: “Nào là Devadatta thuê người hành thích Phật, lăn đá đè Phật, bây giờ còn manh tâm thả voi Nālāgiri ra để hãm hại Đức Phật nữa.. Tội ác tày trời như thế phải đưa ra quốc vương xử trị mới được”.

Đức vua nghe dân chúng dị nghị quá, bèn ra lệnh chấm dứt sự cúng dường năm trăm nôi cháo sữa và từ đó tuyệt giao, không hộ độ cho Devadatta nữa. Đã vậy, những nhà Thiện tín trong thành cũng nghỉ luôn, không ai còn để bát cho ông ta.

Không kham nhẫn với sự thiếu thốn lợi lộc, Devadatta vì mưu đồ sinh kế, lại giở trò quỷ quyệt đến đánh lễ Đức Bốn Sư và xin quyết năm điều.

Đức Thế Tôn phán rằng: “Thôi đi ông hỡi! Devadatta, Tỳ Khuru nào muốn ở trong rừng thì cứ ở rừng, Tỳ Khuru nào muốn ở xóm thì cứ ở trong xóm”.

Chụp ngay lấy cơ Đức Bốn Sư không chấp thuận năm điều thỉnh nguyện của mình, Devadatta rêu rao lên rằng: “Các đạo hữu ơi! Giữa Như Lai và ta, ai là người nói lời thanh bạch (vacanaṃ sobhāṃ). Với thật tâm muốn bảo tồn Chánh Pháp, ta đã nói rằng: “Bạch Ngài! Xin Ngài chế định cho chư Tỳ Khuru mãi mãi suốt đời nương theo năm pháp là ngụ ở trong rừng, đi bát mà ăn, mặc y phần tảo, ngồi dưới cội cây, không dùng thịt cá, thế mà Ngài không chấp nhận lời ta”.

Vậy bạn nào muốn giải thoát trần lao, xin cứ theo ta mà hành đạo”. Nói rồi, ông ta bỏ đi.

Nhiều Tỳ Khuru mới xuất gia, kém hiểu biết cho rằng: “Trưởng Lão Devadatta nói phải lắm, chúng ta nên nương tựa theo Trưởng Lão mà hành đạo cao thượng”. Rồi họ nhập một đoàn với ông ta.

Với số năm trăm Tỳ Khuru tách ra đi theo mình, Devadatta hành theo năm điều kể trên, làm ra vẻ rách rưới lang thang, thọ thực nơi các gia đình trong sạch với người tu khổ hạnh và quyết tâm chia rẽ Giáo Hội Tăng Già.

Hay tin này, Đức Thế Tôn triệu tập Thịnh Văn hội và chất vấn ông ta: “Này Devadatta, nghe đồn ông lập tâm chia rẽ Tăng, ý muốn phá hoại Giáo hội phải không?”.

Devadatta xác nhận rằng: “Quả thật vậy, bạch Thế Tôn”.

- Này Devadatta, chia rẽ Tăng là một tội nặng, Đức Bốn Sư tiếp theo là huấn từ, chỉ dạy những hậu quả của sự chia rẽ và sự hòa hiệp.

Devadatta không đếm xỉa gì đến kim ngôn ngọc ngữ của Đức Thầy, bỏ phòng nhóm ra đi một nước.

Khi gặp Trưởng Lão Ānanda đang đi trì bình khát thực trong thành Vương Xá, ông ta kêu Trưởng Lão và nói nhảm: “Này đạo hữu Ānanda! Kể từ nay ta sẽ hành lễ Phát lồ (lễ sám hối của chư Tỳ Khuru) và hành Tăng sự riêng biệt, không cần có Đức Thế Tôn và không cần có Tăng chúng nữa”.

Trưởng Lão Ānanda trở về Tịnh xá, bạch lại chuyện với Đức Thế Tôn, khi nghe hết đầu đuôi, Đức Thế Tôn động lòng bi mẫn than rằng: “Devadatta đã phá hoại con đường Thiên giới, tự mình tạo nghiệp Vô gián để sau phải chịu thiêu đốt trong địa ngục A tỳ”. Ngài trầm tư một lúc rồi ngâm kệ lên rằng:

*“Sukarāṇi asādhūni
Attano ahitāni ca
Yam ve hitaṅca sādhuṅca
Tam ve paramadukkaranti!”.*

*“Dễ làm việc bất lương,
Và tự chịu tai ương,
Còn việc phước việc thiện,
Lại khó làm phi thường”.*

Dứt bài Kệ Pháp Cú 163. Đức Thế Tôn lại đọc tiếp một bài kệ ngẫu hứng (Udāna) như vậy:

*“Sukaram sādhanā sādhu
Sādhu pāpena dukkaram
Pāpam papena sukaram
Pāpamariyehi dukkaranti”*

*Thiện nhen hành thiện dễ dàng thay!
Ác nhen hành thiện khó chi tày!
Ác nhen hành ác như chơi giỡn.
Thánh nhen hành ác chẳng quen tay”.*

Nói về Devadatta, chờ đến ngày làm lễ Phát lồ, vào trong chỗ kiết giới, ngồi qua một phía cùng với đồng lửa của mình, rồi tuyên bố rằng: “Sư nào ông hành theo năm điều do tôi đề xướng thì xin

biểu quyết bằng cách rút thăm”. Năm trăm Tỳ Khuru mới tu, con dòng Vajjī vì ít cảm mến Đức Thế Tôn nên đã đồng tình bỏ Đức Bổn Sư mà theo về phe Devadatta.

Chia rẽ Tăng rồi, ông ta dắt các Tỳ Khuru phe mình đi về phía Gayāsīsa (Tượng Đầu Sơn).

Khi nghe tin Devadatta đi về xứ ấy, Đức Bổn Sư phái hai vị Thủ Thỉnh Văn đến đó để dắt những Tỳ Khuru kia trở về. Hai vị Đại đệ tử vâng lời ra đi, đến nơi trở hết tài nghệ đặc biệt của mình, một vị thuyết pháp, một vị thì thi thố thần thông, dẫn độ cho năm trăm vị Tỳ Khuru mới tu kia đều được nếm hương vị Níp Bàn. Rồi dắt nhau bay về Tịnh xá.

Khi ấy, Devadatta đang nằm ngủ, Kokālika là Tỳ Khuru đồng lõa trong việc chia rẽ Tăng, vội kêu ông ta dậy: “Dậy đi, đạo hữu Devadatta. Sāriputta và Moggallāna đã dắt cả đoàn Tỳ Khuru của đạo hữu đi hết rồi”.

- Tôi đã căn dặn đạo hữu rồi mà, đừng có tin tưởng bọn Sāriputta và Moggallāna. Bọn này có nhiều tà tâm tư ý, chưa thoát khỏi vòng nô lệ, của những dục vọng xấu xa đê hèn.

Nói rồi, Kokālika lấy đầu gối thúc mạnh vào ngực của Devadatta, ngay quả tim ông ta, đã làm ông ta ói máu tươi ra tại chỗ.

Chư Tăng ở chùa thấy Trưởng Lão Sāriputta và Moggallāna dẫn đoàn Tỳ Khuru theo đường hư không bay về thì bạch với Đức Thế Tôn: “Bạch Ngài, Trưởng Lão Sāriputta lúc đi chỉ có một mình Moggallāna là bạn đồng hành, bây giờ trở về dắt theo một đoàn Tăng lữ, coi thật là huy hoàng sáng lạn”.

Đức Bổn Sư đáp: “Này các Tỳ Khuru, đây không phải là lần đầu tiên mà Sāriputta có vẻ huy hoàng sáng lạn! Thời quá khứ khi còn mang lớp thú, con của Như Lai cũng từng trở về với Như Lai đầy vẻ huy hoàng như thế”. Thuyết đến đây Đức Bổn Sư đọc bài kệ Bổn Sanh Lakkhaṇa (Con Tướng).

*“Hoti sīlavatam attho
Paṭisaṅṭhāra vuttinam
Lakkhaṇam passa āyatam
ñātisaṅghapurakkhatam
Atha passasinam kalam
Suvihīnamva ñātibhīti”.*

*“Kẻ giới đức tính tình thân thiện,
Sống một đời vinh hiển cao sang.
Hãy xem con Tướng huy hoàng,
Dẫn đầu quyến thuộc hiền ngang trở về.
Rồi nhìn lại ê chề buồn bã.
Con thời kia mất cả thân bằng”.*

Kế đó, Chư Tăng bạch rằng: “Bạch Ngài nghe đồn Devadatta có đặt để hai vị Tỳ Khuru làm Thủ Thỉnh Văn, ngồi hai bên mình bắt chước Ngài mà phát ngôn rằng: “Ta nay sẽ thuyết pháp độ đời, đem ân huệ của một vị Đại Giác mà ban bố cho tất cả chúng sanh”.

Nghe vậy, Đức Bổn Sư đáp: “Này các Tỳ Khuru! Đây không phải mới lần thứ nhứt đâu, trong thời quá khứ ông ta đã từng cố gắng bắt chước Như Lai và cũng đã thất bại rồi”.

Nói đoạn, Đức Bổn Sư ngâm bài kệ Bổn Sanh Nadīcarakāka (Giang Hành Điếu).

*“Api vīraka passasi
Sakuṇam mañjubhāṇakam
Mayuragīvasaṅkāsam
Paṭim mayham savitthikam
Udakathalacarassa pakkhino
Niccān āmakamacchabhajino
Tassānukaram savatṭhako
Sevalehi paligaṭṭhito matoti”.*

*“Quạ hùng ơi! Người đi đâu đó,
Có gặp chim, cầm cố giống công,
Tiếng kêu lạnh lốt đẹp lòng,*

Tên Xa Biệt Thác là chồng của ta.
Dầu dưới nước hay là trên bộ,
Thấy chim kia hằng độ cá tươi,
Chồng cô bắt chước như người,
Không may vương rể rong tươi chết chìm”.

Dứt bài kệ ngôn Bốn Sanh, Đức Bốn Sư kể luôn sự tích con quạ hùng (Viraka) cho Chư Tăng nghe. Những ngày sau đó, Đức Thầy cũng còn đề cập đến chuyện trên đây, khi Ngài ngâm kệ Bốn Sanh:

“Acāri vatāyaṃ vitudaṃ vanāni
Kaṭṭhaṅgarukkhesu asārakesu
Athāsadā khadiram jālasāram
Yatthābhidā raruḷo uttamaṅganti ca
Lasī ca te nipphalitā
Katthako ca vidālito
Sabbā te phāsuka bhaggā
Dāni samma virocasī”.

“Đi khắp rừng tung hoành khoét đục,
Những cây mềm nhánh mục gãy tan.
Gặp keo lỏi cứng mỡ càn,
Ô hô! Kim sí vỡ toang cả đầu.
Đại bàng nay còn đâu,
Óc người văng tứ phía,
Sọ người nứt hai đầu,
Sườn người đều gãy lọi,
Trông người thật đáng sầu”.

Tiếp qua ngày sau, khi nghe lời bình phẩm: “Devadatta là kẻ bội ơn”. Đức Bốn Sư lại thuyết: Tích Bốn Sanh mà ngâm kệ rằng:

“Akaramhā va te kiccaṃ
Yaṃ balaṃ ahuvamha se
Migarāja namo tyatthu
Api kiñci lābhamha se
Māma lohitabhakkhassa
Niccaṃ luddāni kubbato
Dantantaragato santo
Taṃ bahuṃ yampi jīvasī”.

“Lộc vương con việc chi cứ bảo,
Thân hết lòng nguyện báo ơn Ngài,
Trung thành chẳng dám đơn sai,
Ơn trên xuống phước một hai chàng nào?
Ta cần uống máu đào để sống,
Và luôn luôn bạo động mà thôi,
Rằng ta đã ngậm miếng mồi,
Này giờ người sống nhiều rồi còn chi”?

Và một lần nữa, nhân nhắc đến Devadatta có tâm sát hại Đức Bốn Sư, Ngài lại ngâm kệ Bốn Sanh và thuyết tích con hoẵng (một thú nai), kệ rằng:

“ñātametaṃ kuruṅgassa
Yaṃ tvaṃ sepaṇṇi seyyasi
Aññaṃ sepaṇṇiṃ gacchāmi
Na me te ruccate phalanti”.

“Hoẵng đã biết việc nầy đích thật,
Trái Xê ban, người vắt xuống mà,

*Cây kia ta hãy băng qua,
Cây này quả chẳng ưa ta chút nào”.*

Lại một hôm khác, nhân nghe Chư Tăng bình luận bảo nhau: “Devadatta đã mất hai điều lợi ích là lợi lộc và phẩm vị Sa Môn”. Đức Bổn Sư bèn dạy rằng: “Nầy các Tỳ Khưu, đây không phải mới lần đầu Devadatta đã mất cả hai đường lợi ích như thế”. Nói rồi, Ngài ngâm kệ và thuyết tích Bốn Sanh Ubhatobhatta (tham thì thâm).

*“Akkhī bhinnā paṭo naṭṭho
Sakhīgehe ca bhaṇḍanam
Ubhato paduṭṭhakammantā
Udakamhi thalamhi cati”.*

*“Mặt bị nổ, áo quần tiêu hết,
Vợ lẳng loàn gia thất rã tan,
Hai nơi sự nghiệp tiêu tan,
Dưới sông cũng hỏng, trên ngàn cũng hư”.*

Cứ như thế, trong thời gian cư ngụ trong thành Vương Xá, Đức Bổn Sư đã thuyết rất nhiều kinh và tích Bốn Sanh để cập đến Devadatta. Sau đó, Ngài rời thành Vương Xá, ngự sang thành Sāvattthī và an cư tại Đại Tự Kỳ Viên.

Về phần Devadatta, bị bệnh nằm liệt giường suốt chín tháng, sau cùng muốn gặp Đức Bổn Sư, ông bảo đệ tử của ông rằng: “Ta muốn yết kiến Đức Thế Tôn, các trò hãy làm sao đưa ta đến gặp Ngài”.

Bạch Ngài! - Đệ tử đáp - lúc bình thời Ngài cột oan trái với Đức Bổn Sư, nên đã bỏ ra đi, chúng tôi sẽ không đưa Ngài trở về gặp Đức Bổn Sư đâu!

Devadatta xuống nước nhỏ, năn nỉ với các đệ tử rằng: “Các trò chớ làm ta tuyệt vọng, vì không được sám hối với Đức Bổn Sư. Thật ra ta có buộc oan trái với Ngài, nhưng ngược lại Ngài đối với ta không mấy may có chút thù hằn”. Nói đến đây, Devadatta đọc lên bài kệ rằng:

*“Vadhake devadattamhi
Core aṅgulimālake
Dhanapāle Rāhule ca
Sabbattha samamanasoti”.*

*“Với sát nhân Đẻ Bà,
Hoặc tướng cướp Vô Não,
Hộ tài Ra Hầu La,
Ngài hằng bình đẳng đạo”.*

Rồi ông khẩn khoản yêu cầu: “Hãy đưa hộ ta đến bái kiến Đức Bổn Sư đi các trò ơi”. Sau cùng nhóm đệ tử ông đặt ông lên cái chõng và khiêng ông đi.

Nghe tin Devadatta đang trở về Tịnh xá, Chư Tăng vào bạch Đức Thế Tôn: “Bạch Đức Thế Tôn! Nghe đồn rằng Devadatta trở lại đây để yết kiến Ngài”.

- Nầy các Tỳ Khưu! Trong kiếp hiện tại này (atta bhāva) ông ta không thể vào thấy mặt Như Lai đâu?

(Có thuyết cho rằng: Vị Tỳ Khưu nào đã xin giữ năm điều của Devadatta thì từ đó về sau luôn luôn không còn gặp Đức Phật nữa). Theo Đại Phẩm - Tạng Luật, ngài Sariputta đã xin đức Phật cho những vị đi theo kẻ gây chia rẽ Tăng Devadatta được phép tu lên bậc trên lại. Nhưng đức Phật chỉ để các vị ấy sám hối tội Thullaccaya mà không cần xuất gia lại.

Chư Tăng lần lượt báo tin lên Đức Bổn Sư: “Bạch Ngài, ông ta tới chỗ kia... Chỗ nọ”.

- Ông ta muốn làm gì thì làm, nhưng ông ta không gặp mặt được Như Lai đâu.

Chư Tăng vẫn tiếp tục thông tin: “Ông ta về còn cách đây độ một do tuần.... độ nửa do tuần... Bạch Ngài, ông ta đã về đến hồ sen trong Tịnh xá Kỳ Viên”.

- Dầu cho đã về trong vòng chùa Kỳ Viên này, y cũng không gặp mặt được Như Lai đâu.

Các Tỳ Khuru khiêng Devadattta về đến hồ sen trong chùa, bèn để giường xuống bên hồ và xuống hồ tắm rửa. Khi ấy, Devadattta tự mình ráng ngổ dậy, định bước xuống giường, vừa đặt chân đứng lên thì ông ta bị đất sụp lún mất hai bàn chân, kể đến hai mắt cá, rồi hai đầu gối, hai bắp vế, lẫn tới ngực, cuối cùng khi xương quai hàm của ông nằm ngang mặt đất thì ông góp hết hơi tàn đọc lên bài kệ tuyệt mạng sau đây:

*“Imehi atthīhi tamaggapuggalaṃ
Devātidevaṃ naradammasārathim
Samantacakkhuṃ satapuññalakkhaṇaṃ
Pāṇehi buddhaṃ saraṇaṃ gatasmīti”.*

*“Bằng hơi sót với xương tàn trên đất,
Con quy y cùng Đức Phật tuyệt luân.
Chúa Chư Thiên, thầy huấn luyện nhân quần,
Bậc Phổ Nhân, có tướng thuần trăm đức”.*

Tới giai đoạn này, có tà kiến cho rằng: “Đức Như Lai đã làm lễ cho Devadattta xuất gia Tỳ Khuru lại, vì Ngài nghĩ rằng: “Nếu không như vậy thì ông ta chỉ là người cư sĩ, không có hy vọng giữ được đức tin Tam Bảo trong ngày vị lai và chịu đựng hậu quả nặng nề của tội ngũ nghịch mà ông đã phạm”. Khi ông đã được xuất gia lại rồi, thì dù cho nghiệp quả có nặng nề đi nữa, ông vẫn còn giữ được đức tin và nhẫn nại mà chịu đến tội, do đó Đức Bổn Sư đã cho ông xuất gia lại.

Theo Tiểu Phẩm - Tạng Luật, người phạm ngũ nghịch trọng tội (giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, cố ý làm Phật chảy máu, chia rẽ Tăng) thì không được phép xuất gia trong giáo pháp. Dù biết trước ác nghiệp mà Devadatta sẽ làm, nhưng vì muốn Devadatta có lòng tin và vun trồng ba-la-mật nhằm cắt đứt sanh tử luân hồi nên đức Phật đã cho phép Devadatta xuất gia. Và cũng chỉ cần một lần đó mà thôi. Có vô số Phật tử đã gieo lòng tin vào Tam Bảo ở hiện tại và họ cũng sẽ có lòng tin ấy trong tương lai.

(Về sau khi mãn một trăm ngàn đại kiếp của quả địa cầu, Devadattta ta sẽ đắc quả Bích Chi Phật (Pacceka buddha), tức là Phật Độc Giác, có hồng danh là Atthissara.

Sau khi bị đất rút chôn sống, Devadattta đọa sanh vào địa ngục Vô gián bề rộng một trăm do tuần, thân hình ông ta cũng vươn lên cao một trăm do tuần, đầu của ông ta lọt vào một cái lọ bằng sắt (ayaka palla) chụp đến vành tai, chân ông ta đứng trên một cái nền cũng bằng sắt lút tới ngang mắt cá, một cây đòn sắt lớn bằng cây thốt nốt từ trong bức tường phía Tây, xĩa ra đâm thẳng vào phía lưng thủng qua tới trước ngực ông ta rồi cắm luôn vào bức tường phía Đông.

Một cây đòn sắt khác, từ bức tường phía Nam xĩa ra đâm thẳng hông bên phải, thấu qua hông bên trái của ông ta, rồi cắm luôn vào bức tường phía Bắc. Lại có một cây đòn sắt khác, từ nơi cái lọ sắt từ nơi cao đâm thủng xương sọ, thấu qua mình ông ta cắm luôn xuống nền bằng sắt.

Nơi hỏa ngục mà ông phải chịu khổ hình trong tư thế bất động như vậy, khi ấy giữa Tăng chúng, câu hỏi sau đây được nêu lên để làm đề tài cho một cuộc bình luận khác: “Từ phương trời xa xăm, Devadattta được về đến nơi đây mà không được gặp mặt Đức Thế Tôn. Lại còn bị đất chôn sống nữa”. Nghe vậy, Đức Bổn Sư minh định rằng: “Này các Tỳ Khuru, đây không phải là lần đầu mà Devadattta đắc tội với Như Lai và bị đất chôn sống đâu, trước kia ông ta cũng có lần bị đất rút như thế rồi”.

Để chứng minh, Đức Bổn Sư nhắc lại câu chuyện đã xảy ra trong một tiền kiếp của Ngài, khi Ngài mang lớp tượng chúa: “Thuở ấy, Ngài chỉ đường cho một kẻ lạc lối, cho hắn trèo cỡi trên lưng Ngài, đưa hắn ra đến nơi an toàn, về sau hắn phủi ơn Ngài. Trở lại ba lần, lần đầu để cua khúc chót cái ngà của Ngài, lần kế cua khúc giữa của ngà, lần cuối cua sát tận gốc ngà, làm cho Ngài phải đổ máu. Kẻ bội bạc ấy đi khuất tầm mắt Ngài, thì liền bị đất sụp chôn sống ngay”. Dứt chuyện dĩ vãng, Đức Bổn Sư ngâm bài kệ vịnh Bổn Sanh giới đức tượng. (silavanāga) để vịnh như sau:

*“Akataññussa posassa
Niccamaṃ vivaradassino
Sabbāñce paṭhaviṃ dajjā
Neva nam abhirādhayeti”.*

*“Đối với phùng vong ân phản phúc,
Thường chờ khi nước đục thả câu,*

*Dầu đem tất cả địa cầu,
Tặng y, y cũng tóm râu chưa vùa”.*

Sau khi nghe hết tích chuyện nầy, Chư Tăng vẫn còn bàn luận về vấn đề Devadattta bị đất rút tái đi tái lại mãi. Nhân đó, Đức Bổn Sư thuật lại thêm một Bổn Sanh, trong đó tiền thân Devadattta là vua Kālābura cũng bị đất rút chôn sống, vì đắc tội với đạo sĩ Khantivādi, là tiền thân của Ngài. Devadattta còn bị đất rút chôn sống trong một tiền kiếp nữa khi ông ta là vua Mahā Patāpa (Đại Huy Hoàng) đã tạo tội đối với tiền thân của Đức Bổn Sư là Bồ tát Culladhammapāla. Tích nầy Đức Bổn Sư cũng có kể cho Chư Tăng nghe.

Việc Devadattta bị đất sụp chôn sống làm cho dân chúng ai cũng vui mừng thỏa thích. Họ tự động treo cờ xí hoặc cột lá chuối phát phơ, châm đậy các lu và đổ nước đậy các đồ chứa. đoạn cử hành đại lễ ăn mừng và nói: “Ông ấy chết quả thật là một đại lợi cho nhà ta”.

Khi chư Tỳ Khuru đem chuyện nầy tường trình lên Đức Thế Tôn, Ngài cho rằng: “Nầy các Tỳ Khuru, đây không phải là lần đầu tiên mà dân chúng ăn mừng cái chết của Devadattta, thời dĩ vãng chúng cũng đã thỏa thích về cái chết của ông ta như thế”.

Để chứng minh, Đức Phật thuật lại tiền tích đức vua Piṅgala (Cát Huỳnh) ở thành Bārāṇasi, là một vị vua độc tài chuyên chế, có cặp mắt vàng sậm mà tất cả muôn dân đều ta thán, cho nên ai ai cũng ăn mừng khi được tin nhà vua hung tàn bạo ngược nầy bằng hà và Đức Bổn Sư đọc luôn bài kệ Piṅgala như sau:

*“Sabbo jano hiṃsito piṅgalena
Tasmim̐ mate paccayaṃ vedayanti
Piyo na te āsi akaṇhanetto
Kasmā tvam̐ rodasi dvārapāla
Na me piyo āsi akaṇhanetto
Bhāyāmi paccāgamanāya tassa
Ito gato hiṃseyya maccurājam̐
So hiṃsito āneyya nam̐ puna idhāti”.*

*“Triều Cát Huỳnh triệu sanh linh đồ thán,
Bạo chúa băng, dân thoát nạn âu ca,
Môn quan ơi! Ngài khóc phải chăng là,
Vì mến tiếc chúa băng hà huỳnh mục.
Ta với hấn không chút tình cốt nhục,
Ta chỉ e hấn bình phục hồi sinh,
Đây hấn đi khùng bố chúa Diêm Đình,
Người sợ họa, hườn hồn linh hấn lại”.*

Cuối cùng, Chư Tăng còn bạch hỏi Đức Bổn Sư: “Bạch Ngài! Hiện giờ Devadattta thọ sanh về đâu?”.

- Nầy các Tỳ Khuru! Ông ta hiện ở trong đại địa ngục Vô gián (Avīci).

- Bạch Ngài, lúc sống ông ta than thở nhiều rồi, mà sau khi chết ông ta còn đi thọ sanh vào chỗ cực hình để than thở nữa hay sao?

Để kết luận, Đức Bổn Sư ngâm kệ ngôn Pháp Cú sau đây:

*“Idha tappati pecca tappati
Pāpakārī ubhayattha tappati
Pāpam̐ me katanti tappati
Bhiyyo tappati duggatim̐ gato”.*

*“Kiếp nầy than thở bao nhiêu,
Kiếp sau cũng còn nhiều thở than.
Nghĩ mình độc ác bạo tàn,
Cả trong hai kiếp hằng than thở hoài.
Lại càng thống thiết bi ai,
Khi sa ác đạo, lâu dài khó siêu”.*

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ:

Idha tappati (Ở đây than): Nghĩa là còn sống trong kiếp hiện tại đây, kẻ ác đã phải ưu bi sâu khổ vì nghiệp (Kammattappati).

Pecca (Sau khi thác): Là nói sau khi qua cảnh giới khác, kẻ ác cũng còn than thở vì ảnh hưởng của việc làm ác quá khứ. Gọi là than thở vì quả (vipāka tappati), và lại than thở hơn khi bị sa vào ác đạo, để chịu nhiều thứ khổ hình nặng nề ác liệt nữa.

Pāpakāri (Kẻ làm ác): Là chỉ kẻ đã tạo nghiệp ác bằng nhiều đường lối khác nhau.

Ubhayattha (Ở hai nơi): Là khi còn sống và sau khi chết như đã giải. (Xem chuyện đồ tể Cunda)

Pāpam me katanti (Ta đã làm ác): Là khi than thở vì nghiệp, kẻ ác chỉ thở than chút ít thôi, đến lúc than thở vì quả thì kẻ ác lại than thở nhiều hơn chút nữa và đến khi đọa sanh vào khổ cảnh địa ngục thì kẻ ác còn than thở gấp bội, than thở nhiều hơn bao giờ hết, than thở tới mức cùng cực tối đa.

□

Khi Đức Bốn Sư chấm dứt bài kệ, nhiều Tỳ Khưu đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả, đại chúng thính pháp cũng đều được hưởng sự lợi ích.

DỨT TÍCH DEVADATTA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Luật Tạng còn ghi tội rẽ Tăng,
Đề Bà phản Phật bởi tham sân,
Ba phen ám toán không thành tựu,
Ngàn thuở điều linh khó thượng thăng!
Dương thế đất dầy còn sụp lún!
Âm ty sắt đở mới cân bằng!
Càng gây oan trái càng thêm hận,
Hy, xả, từ, bi phải sống chăng?*

□

I. 13- CHUYỆN SUMANĀDEVĪ (Sumanādevivatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 18)

<i>“Idha nandati pecca nandati</i>	“Sống sướng, chết cũng sướng,
<i>katapuñño ubhayattha nandati</i>	Kẻ thiện hai đời sướng.
<i>Puññaṃ me katanti nandati</i>	Sướng thấy mình làm lành,
<i>bhiyyo nandati sugatim gatoti”.</i>	Càng sướng khi vắng sanh”.

Kệ Pháp Cú 18 này, Đức Bốn Sư thuyết tại Đại Tự Kỳ Viên, khi Ngài an trú nơi ấy, trong thành Sāvattihī, đề cập đến nàng Sumanādevī.

Vào thời ấy, trong thành Sāvattihī, mỗi ngày nơi nhà ông Trưởng giả Cấp Cô Độc đều có hai ngàn vị Tỳ Khưu đến thọ thực và nơi nhà của bà tín nữ Visākhā cũng có số Chư Tăng đông như vậy.

Các Thiện tín khác trong thành Sāvattihī, bất cứ là ai nếu muốn làm phước Trai Tăng đều phải thông qua hai vị ấy hoặc sở cậy đến sự chỉ dẫn của họ. Tại sao vậy? Bởi vì dầu cho thí chủ nào dám

chịu tốn kém xuất ra hàng trăm đồng vàng để làm cuộc lễ phước lớn hơn ông Cấp Cô Độc hay bà Visākhā, thì cũng vẫn chưa vừa lòng Chư Tăng, mà còn bị xâm xì rằng: “Cuộc phước thì gì đâu ấy?”.

Thật ra, hai vị đại thí chủ nhờ thân cận quen ý Chư Tăng nên thành tựu trong việc dâng cúng thực phẩm hạp theo sở thích các Ngài. Do đó, mọi người khi muốn làm phước cúng dường vật chi đến Chư Tăng, đều rủ hai vị ấy cùng đi.

Chỉ ngặt có một điều là khi họ đi lo việc giúp người khác thì không có ai trông coi hộ Tăng trong nhà của họ. Bà Visākhā nghĩ thầm: “Ta biết chọn ai thay thế cho ta trông coi hộ độ Chư Tăng đến đây lấy bát”.

Thấy đứa cháu nội gái, bà lấy làm ông ý, bèn giao cho cô ta đứng trông nom việc ấy, và nơi đó nhà bà Visākhā đã có cô cháu của bà đảm trách phận sự hộ Tăng đến thọ thực.

Về phần ông Cấp Cô Độc, ông cũng chỉ định con gái lớn của ông tên là Mahā subhaddā (Diệu Hiền), thay mặt cho ông, cô này lo phục dịch Chư Tăng, nghe kinh thỉnh pháp đặc quả Tu Đà Hườn, rồi có chồng đến cưới rước đi.

Kế đó, ông Cấp Cô Độc giao trách nhiệm cho người con gái kế là Culla subhaddā (Tiểu Diệu Hiền), cô này cũng làm y như cô chị trước, cũng đặc quả Tu Đà Hườn, rồi có chồng đến rước đi.

Sau cùng, cô con gái út của ông tên là nàng Sumanādevī (Tố Tâm nương tử), đứng ra thay mặt cho cha mà đảm trách phận sự hộ Tăng, cô nghe pháp đặc quả Tu Đà Hườn, nhưng vẫn ở vậy vì không có người đến xin cưới hỏi. Buồn vì tiếng gái lỡ thời cô bỏ ăn nằm liệt giường và nhẩn cha cô về gặp mặt.

Ông Cấp Cô Độc đang ở trong trai đường được tin gấp rút của cô con gái út. Bèn lật đật trở về nhà hỏi con gái:

- Sumanā con! Con đau làm sao vậy?
- Này cậu út, cậu nói chi vậy?
- Sumanā con à! Con nói tầm xàm.
- Chị không nói xàm đâu? Cậu út à.
- Sumanā con! Con sợ chết phải không?
- Chị không sợ chết đâu cậu út à.

Nói dứt lời, nàng Sumanādevī làm thình rồí tắt hơi, đi luôn sang cảnh giới khác.

Dầu đã đặc Sơ quả (Tu Đà Hườn), Trưởng giả Cấp Cô Độc không sao khuây khỏa nỗi ưu sầu mẩn tiếc đứa con gái yêu đã mất. Lo việc hỏa táng thi hài cho con xong, ông vừa khóc vừa đi đến chỗ ngụ của Đức Bổn Sư, thấy ông đến Ngài hỏi:

- Này gia chủ, có việc chi ông đến đây mà còn khóc? Trông ông có vẻ khổ sở sầu bi, mặt đầy nước mắt vậy?

- Bạch Ngài! Ông đáp, con gái út của con là Sumanādevī vừa mới từ trần.

- Vậy sao ông khóc, ông há chẳng biết rằng tất cả chúng sanh đều phải chịu chết hay sao?

- Bạch Ngài, con cũng biết lắm, nhưng con gái út của con nó có đầy đủ sự hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi thế nào ấy. Thế mà nó lại mất trí mê tâm nói bậy, nói xàm trong lúc lâm chung. Đó là điều con hết sức buồn rầu đau khổ.

- Này phú Trưởng giả, chẳng hay con gái ông đã nói những gì?

- Bạch Ngài, khi con hỏi nó, này Sumanādevī con đau làm sao thì nó đáp rằng: “Này cậu út, cậu nói chi?”. Con lại bảo nó “Sumanā con nói xàm”, thì nó đáp lại rằng: “Chị không nói xàm đâu cậu út à”. Con nói “Sumanādevī con sợ chết phải chăng?”, nó đáp: “Chị không sợ chết đâu cậu út à” rồi nó làm thình rồí tắt hơi đi luôn, không trối trăng lời chi nữa hết.

Khi ấy, Đức Thế Tôn dạy rằng: “Này phú Trưởng giả, con gái của ông không nói xàm đâu!”.

- Thế sao nó nói lạ kỳ vậy?

- Nầy gia chủ, sở dĩ con gái ông nói như vậy là vì kể về Đạo quả, thì ông phải là em út nhỏ hơn con gái của ông, quả thực ông chỉ chứng bậc Tu Đà Hườn, con gái ông đã chứng bậc Tư Đà Hàm. Tức là về Đạo quả con gái ông lớn hơn ông một bậc.

- Bạch Ngài! Thật vậy sao?

- Quả thật vậy đó gia chủ.

- Thế Bạch Ngài! Bây giờ nó sanh về đâu?

- Nầy gia chủ, con ông hiện đang ở Đâu Suất Đà Thiên.

- Bạch Ngài, con gái út của con khi còn sống ở gia đình hằng vui vẻ hoan hỷ, nay chết rồi lại sanh về nơi hoan hỷ như thế nữa sao?

Đức Bổn Sư đáp: “Đúng vậy, nầy gia chủ kẻ nào không buông lung (appamattā) dầu còn tại gia hay đã xuất gia đều được hoan hỷ trong kiếp nầy và luôn kiếp sau như thế cả.

Nói rồi Ngài ngâm kệ rằng:

*“Idha nandati pecca nandati
Katapuñño ubhayatthanandati
Puññaṃ me katanti nandati
Bhiyyo nandati sugatim gatoti”.*

*“Kiếp nầy hoan hỷ bao nhiêu,
Kiếp sau cũng vẫn còn nhiều hỷ hoan.
Nghĩ mình phúc nghiệp vẹn toàn,
Cả trong hai kiếp đều hoan hỷ hoàn.
Lại càng hoan hỷ lâu dài,
Khi sanh lên cõi Bông Lai thiên đường”.*

CHÚ GIẢI:

Chữ **Idha** (nơi đây): Nghĩa là trong đời kiếp nầy thì hoan hỷ với nghiệp hỷ (kammanandana).

Pecca (sau khi chết): Nghĩa là trong đời sau thì hoan hỷ với quả hỷ (vipāka nandati).

Katapuñño (kẻ thiện): Chỉ người làm việc thiện, việc lành, việc phước bằng nhiều đường lối khác nhau.

Ubhayattha (hai nơi): Khi còn sống ở đời nầy, hay xét rằng: “Ta chỉ làm việc lành, ta không từng làm việc ác rồi phát tâm hoan hỷ” chết rồi thọ sanh ở cảnh giới khác, cũng nhờ ảnh hưởng quả của nghiệp mà hoan hỷ thêm nữa.

Puññaṃ me (ta làm lành): Người thiện đang vui vẻ trong kiếp hiện tại là nhờ có ý nghĩ: “Ta đã làm việc lành, sự vui nầy chưa có bao nhiêu vì chỉ căn cứ trên nghiệp hỷ, càng vui vẻ hơn là khi do quả hỷ mà được siêu sanh về nhàn cảnh”.

Sugatim: Tuổi thọ lâu đến năm trăm bảy mươi sáu triệu năm (satta paññā savassa koṭiyo satthiṅca vassa sata sahaṣāni), tuổi hưởng phước lộc của Chư Thiên nơi cung trời Đâu Suất thì càng hoan hỷ vô cùng tận.

□

Bài kệ vừa dứt, có nhiều vị Tỳ Khưu đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn, đại chúng thính pháp cũng đều hưởng được lợi ích.

DỨT TÍCH NÀNG SUMANĀDEVĪ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Con gái mà xưng chị với cha,
Tổ Tâm nương tử khéo thay là!
Tiến cung Đâu Suất lên thêm ngọc,
Rời chốn trần lao bỏ kiếp hoa!
Thính pháp bất ngờ nên Nhị quả,*

Hộ Tăng đâu tính đạo thiên hà?
Lòng trình một tấm dầu chưa tỏ,
Trưởng giả cầu ân Phật Thích Ca.



I. 14- CHUYỆN HAI VỊ TỶ KHUU BẠN (Dvesahāyakabhikkhuvatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 19-20).

*“Bahumpi ce sahitam bhāsamāno
Na takkaro hoti naro pamatto
Gopo'va gāvo gaṇayam paresam
Na bhāgavā sāmāññassa hoti”.*
*“Appam pi ce sahitam bhāsamāno
Dhammassa hoti anudhammacārī
Rāgañca dosañca pahāya moham
Sammappajāno suvimuttacitto
Anupādiyāno idha và huram và
Sa bhāgavā sāmāññassa hoti”.*

*“Kinh nhiều năng thuyết tụng,
Pháp không hành, phóng túng;
Như giữ đếm bò người,
Chẳng hưởng Sa Môn dụng”.*
*“Kinh nhiều ít thuyết tụng,
Chánh Pháp hành trì đúng,
Trí minh, tâm giải phóng,
Tất hưởng Sa Môn dụng”.*

Kệ Pháp Cú này (19 - 20), Đức Bổn Sư thuyết ra khi ngự tại Đại Tự Kỳ Viên, đề cập đến hai người bạn cùng xuất gia một lượt.

Thời ấy, ở thành Sāvattihī, có hai vị công tử kết bạn với nhau, sau khi đi chùa nghe Đức Bổn Sư thuyết pháp, họ bèn từ bỏ ngũ trần tục lạc cùng nhau qui ngưỡng giáo lý của Đức Thầy rồi xuất gia luôn.

Khi mãn thời hạn năm năm nương nhờ các vị Cao Tăng, Trưởng Lão (ācāriya và Trưởng lão). Hai bạn Tỷ Khuru cùng đến đánh lễ Đức Thế Tôn bạch hỏi về pháp chủ yếu của bậc xuất gia.

Nghe Đức Thế Tôn giảng giải rành mạch về Pháp hành (Vipassanā dhura) và Pháp học (Gantha dhura), một vị nói:

- Bạch Ngài! Con vì lớn tuổi mới xuất gia, chắc không kham kiện toàn Pháp học, nhưng Pháp hành thì con có thể thành tựu viên mãn.

Thế rồi vị ấy xin Đức Bổn Sư chỉ dạy cách hành thiền, gia công gắng sức tu tập, nên đắc A La Hán quả với Tuệ Phân tích.

Còn vị kia lại bạch rằng: “Bạch Ngài, con sẽ thành tựu được Pháp học”. Sau khi lần lượt học hết Phật ngôn, thông suốt Tam Tạng, vị này đi đến đâu cũng đem sở học của mình ra mà thuyết pháp giảng đạo, chú giải kinh điển, thu phục được năm trăm Tỷ Khuru đệ tử và trở thành vị Pháp sư, cầm đầu mười tám đoàn Tăng lữ đông đảo.

Nhiều Tỷ Khuru, sau khi thọ giáo đề mục thiền định nơi Đức Bổn Sư, cùng nhau đến đạo tràng của vị Thiền sư nói trên để mong nương nhờ hành đạo. Nhờ hết lòng vâng giữ hành theo những huấn từ của vị thầy chỉ dẫn (ācāriya), tất cả đều đắc quả A La Hán. Sau đó, Chư Tăng đến đánh lễ vị Thiền sư và bạch: “Bạch Ngài, chúng tôi muốn đến yết kiến Đức Bổn Sư”. Vị Thiền sư tiễn biệt Chư Tăng và dặn rằng: “Chư hiền hữu cứ đi đi và cho ta kính lời đánh lễ Đức Bổn Sư và tám mươi vị Đại Thánh Văn và hãy nhân danh ta mà vấn an Trưởng Lão Pháp Sư bạn ta dùm một chút”.

Các Tỳ Khuru về đến Tịnh xá vào đánh lễ Đức Bổn Sư và tám mươi vị Đại Thánh Văn đệ tử Phật, xong rồi liền đi tìm Trưởng Lão chuyên về Pháp học và bạch rằng: “Bạch Ngài! Thầy chỉ dẫn của chúng con có lời đánh lễ Ngài”.

Vị Pháp sư hỏi: “Thầy của các ông là ai?”.

- Bạch Ngài! Đó là vị Tỳ Khuru bạn của Ngài.

Mấy lần đầu, khi nhận được tin của vị Tỳ Khuru bạn cũ nhắn thăm như thế thì vị Pháp sư còn nhắn lại được. Nhưng về sau hết tốp này đến tốp kia, những đệ tử của vị Thiên sư cứ đem tin về mãi, khiến cho vị Pháp sư không dần tâm ngã mạn được mỗi khi nghe chư Tỳ Khuru bạch đi bạch lại rằng: “Thầy của chúng con kính lời đánh lễ ngài”.

Vị pháp sư hỏi: “Thầy của các ông là ai?”

- Bạch Ngài! Đó là vị Trưởng Lão bạn cũ của Ngài.

Nghe đáp như vậy, vị Pháp sư cất vấn các đệ tử của bạn mình rằng: “Các ông đã học được những gì nơi thầy của các ông, có học được bộ nào trong các kinh, nhất là Trường Bộ Kinh không? Có được Tạng nào trong Tam Tạng chưa?...”.

Rồi vị Pháp sư tự nói thắm: “Ông sư này chẳng thuộc nổi bài kệ Tứ cú nào mà cũng dám làm thầy dạy người ta. Vừa xuất gia ông ta liền thọ pháp Đầu Đà, mặc y phẩn tảo, ngự luôn trong rừng, qui tụ cho thật nhiều đệ tử, để khi ông về giáp mặt ta sẽ chất vấn ông ta vài câu mới được”.

Sau đó, một thời gian vị Thiên sư trở về để bái yết Đức Bổn Sư, có ghé qua gởi y bát của mình nơi vị Pháp sư bạn cũ.

Sau khi đánh lễ, thỉnh an Đức Bổn Sư và tám mươi vị đại Trưởng lão, Thiên sư trở về chỗ ngụ của Pháp sư. Trưởng Lão này chào đón bạn của mình đúng theo phép của vị trụ trì đối với khách Tăng, xong rồi mới ngồi ngang hàng, trong bụng tính thắm: “Ta sẽ chất vấn ông sư này mới được”.

Trong khi ấy, Đức Bổn Sư biết rõ tâm lý của vị trụ trì Pháp sư, Ngài nghĩ rằng: “Nếu để Tỳ Khuru này làm khổ con Như Lai như thế, thì ông ta sẽ sa địa ngục”.

Động lòng bi mẫn, muốn ra tay tế độ, Đức Thế Tôn làm như đi quan sát quanh ngôi Tịnh xá rồi ngự ngay đến nơi chỗ hai Tỳ Khuru bạn đang ngồi đàm đạo, Ngài ngự lên Phật Bảo tọa đã được dành soạn sẵn.

(Chư Tăng giữ lệ: Thường thường trước khi ngồi luận đạo bất cứ nơi đâu cũng phải dọn sẵn một Bảo tọa để dành phòng khi Đức Phật ngự đến thỉnh linh. Vì thế, Đức Bổn Sư đến là ngự ngay lên Phật Bảo tọa đã dọn sẵn.)

Khi an tọa, Đức Bổn Sư bèn hỏi vị Tỳ Khuru chuyên về Pháp học (Ganthika bhikkhu) một câu hỏi về Sơ thiên (Pathamajjhāna) vị Pháp Sư chịu bí không trả lời được (Tasmim akathite). Đức Bổn Sư lần lượt hỏi tiếp về các pháp siêu nhân (Uttarimanussa dhamma) khác, từ Nhị thiên lên cao đến Bát thiên, từ thiên Hữu sắc đến thiên Vô sắc.

Vị Trưởng Lão chuyên về Pháp học chịu phép bí luôn không đáp được câu nào cả (Ganthikattheropi ekampi kāthetum nāsakkhi).

Kế đó, Đức Bổn Sư lại chất vấn về Tu Đà Hườn đạo, vị Pháp sư cũng không đáp được. Đức Bổn Sư dạy qua hỏi vị Trưởng Lão Lộ Tận, Trưởng Lão giải đáp trôi chảy hết.

Đức Bổn Sư hết sức hoan hỷ, tán dương rằng: “Lành thay! Lành thay”. Đoạn Ngài hỏi tiếp về Tư Đà Hàm đạo, A Na Hàm đạo, A La Hán đạo.

Vị Trưởng Lão Pháp sư không trả lời được câu nào cả, còn vị Trưởng Lão A La Hán thì mỗi câu mỗi trả lời một cách rành mạch.

Cứ mỗi lần vị Thiên sư đáp trúng thì Đức Bổn Sư lại hoan hỷ tán dương: “Sādhu! Lành thay” và tất cả Chư Thiên, từ quả địa cầu cho đến cõi Đại Phạm Thiên, luôn cả Long Vương và Kim Sí Điểu (suppanna) đều đồng thanh hoan hô vang dậy: “Lành thay! Lành thay!”.

Đức Bổn Sư khen vị Thiên sư bốn lượt như vậy, sau khi nghe tiếng Sādhu! Lành thay, lần cuối cùng, nhóm thị giả và đệ tử của vị Pháp sư đều bất bình, than phiền trách móc rằng: “Tại sao Đức Bổn Sư lại làm như vậy, vị Trưởng Lão già dốt kia có biết chi đâu mà Đức Bổn Sư Ngài lại quá khen lão sādhu đến bốn lượt như thế. Còn vị Pháp sư là thầy của chúng ta đã thuộc nằm lòng tất cả Phật

ngôn trong Tam Tạng lại là vị Tăng trưởng của năm trăm Tỳ Khuru thì Ngài chẳng tán thưởng lần nào cả”.

Nghe Chư Tăng đang xầm xì to nhỏ, Đức Bổn Sư quay lại hỏi rằng: “Nầy các Tỳ Khuru! Các ông đang nói chi đó vậy”, nghe Chư Tăng đáp xong Đức Bổn Sư dạy rằng: “Nầy các Tỳ Khuru Giáo sư của các ông đang ở trong Giáo Pháp của Như Lai chẳng khác nào mục đồng chăn giữ bò cái cho người, còn con của Như Lai thì giống như chủ đàn bò, có thể tùy thích thọ dụng năm thứ phẩm vị của bò (pañcagorasa).

Nói xong, Đức Thế Tôn ngâm hai bài kệ dưới đây:

*“Bahum pice sahitam bhāsamāno
Na takkaro hoti naro pamatto
Gopo'va gāvo gaṇayam paresam
Na bhāgavā sāmāññassa hoti”.*

*“Appampice sahitam bhāsamāno
Dhammassa hoti anudhammacārī
Rāgañca dosañca pahāya moham
Sammappajāno suvimutta-citto”.*

*“Anupādiyāno idha và huram và
Sa bhāgavā sāmāññassa hotīti”.*

*“Tụng kinh thuyết pháp thường thường,
Mà lòng khinh xuất chẳng nương Pháp hành.
Người (còn dính mắc lợi danh),
Không chi hưởng được quả lành Sa Môn.
Khác nào mục tử cô thôn,
Vì người chuyên có một môn đếm bò.
“Kinh dù tụng chẳng mấy pho,
Nhưng y Giáo Pháp dẫn đo hành trì.
Diệt trừ tham với sân, si,
Hiểu biết chân chánh tâm ly dục trần.
Đời nầy đời nữa không cần,
Ắt là hưởng được phước phần Sa Môn”*

CHÚ GIẢI:

Chữ Sahitam trong hai bài kệ trên đây chỉ những Phật ngôn ghi chép trong Tam Tạng kinh điển Pāli (Tipiṭaka). Tỳ Khuru theo lời thầy ācāriya (A Xà Lê) học hiểu rành rẽ rồi đem ra thuyết giảng đọc tụng cho người khác nghe. Dầu cho có thuyết giảng thật nhiều mà người nghe không vâng giữ hành theo những lời chỉ dạy của Đức Phật thì đến ngày Vô thường (aniccā divasa) trong khoảnh khắc ngắn ngủi bằng con gà trống vỗ cánh, người ấy cũng không sao giữ được bình tĩnh sáng suốt để tránh khỏi bị sa đọa.

Bao giờ cũng vậy, kẻ chăn bò cái muốn, đến hết ngày thì lừa gom bò, đếm cho đủ số giao lại cho chủ rồi nhận lãnh chút ít tiền công, chứ không được tùy thích thọ hưởng năm thứ phẩm vị của bò cái (sữa tươi, sữa chua, lạc, sanh tô, để hồ). Cũng y như thế, vị Pháp sư năng thuyết bất năng hành cùng với toàn thể nhóm Tỳ Khuru đệ tử của mình chia nhau làm công việc lớn nhỏ, rồi chia nhau hưởng lợi lộc vật chất (mà Đức Phật cho là không cần yếu) chớ không được chia hưởng phần phước cao quý của bậc Sa Môn đắc Đạo quả.

Trái lại, người chủ bò, bao giờ cũng có thể tùy theo sở thích, thọ dụng năm thứ phẩm vị của bấy bò mà kẻ chăn giữ đem về giao lại cho mình.

Cũng y như thế, người nghe thuyết pháp rồi, rán vâng giữ hành theo cho đúng đắn, lần lượt chứng nhập từ các bậc thiền từ Sơ thiền trở lên, hoặc là tăng tiến pháp hành Minh Sát chứng đắc Đạo quả tức là được chia hưởng phần phước cao quý của quả vị Sa Môn, như người chủ bò được hưởng năm thứ vị của bò cái vậy.

Trong bài kệ đầu, Đức Bốn Sư không nói động đến người phá giới (dussila), Ngài chỉ đề cập đến vị Tỳ Khưu giới đức (Sīlasampanna), quảng kiến, đa văn (bahussuta), nhưng có tánh dễ duôi khinh suất (pamāda) đến ngày Vô thường còn giữ được tâm trí bình thản nên không bị sa đọa.

Kệ thứ nhì: Đề cập đến người dẫu không nghe nhiều học rộng, nhưng rất cẩn thận luôn luôn lưu ý đến nghiệp mình đang làm.

Trong kệ này, appampi ce đề cập đến người, dẫu cho chỉ biết chút ít, như chừng một hai phẩm kinh chi đó, mà thôi.

Dhammassa anudhammacārī (Chánh Pháp tri hành đúng), để rõ được nghĩa kinh, thông được lý pháp, Tỳ Khưu hành trì các pháp thích nghi đưa đến pháp Siêu Thế (Nava lokuttara dhamma), gọi là giai đoạn đầu của con đường tu (pubba bhāga paṭipadā), gồm có Tứ thanh tịnh giới: Thu thúc giới bốn, quán tưởng, chánh mạng, hạnh Đầu Đà: mười ba Pháp Đầu Đà, nhất là mặc y phần tảo, đi bát mà ăn, ngụ ở trong rừng... Thiển quán bất tịnh (mười đề mục tử thi).. Như thế mới là người hành theo Chánh Pháp (anudhammacārī).

Ví như hôm nay hoặc hôm nào chẳng hạn, vị ấy nguyện giải nghĩa lý thâm sâu vi diệu của Phật ngôn và bắt đầu hành đạo theo Chánh Pháp, nhờ sự thực hành đúng đắn, từ bỏ tham, sân, si làm cái nhân chân thật, vị ấy giác ngộ những pháp cần giác ngộ, tẩy sạch mọi thứ phiền não ngủ ngầm trong tâm do theo năm lối: Là do Minh Sát Tuệ (tadaṅga), do nhiều thiền định nhận được năm pháp cái (vikkhambhana), do Thánh đạo (samuccheda), do Thánh quả (paṭi passaddhi), do nhập Níp Bàn tức là được giải thoát (nissaraṇa).

Anupādiyāno idha và huraṃ và (không chấp đây hoặc kia là) nghĩa là không chấp trước ngoại cảnh hay nội tâm (ajjhatta bāhirā), không chấp trước các uẩn, căn và chất (khandhāyatanadhātu), không chấp bốn cái thủ (cố chấp trong ngũ trần, kiến thức, giới cấm thủ, bản ngã), nhờ đó mà hành giả chứng được bậc Đại Lộ Tận (Mahā khīṇāsava) đạt đến con đường có tên là Sa Môn đạo, để đắc Sa Môn quả là như thế, tức là chia hưởng được phần phước của Sa Môn, thọ dụng năm môn của bậc Vô học (asekkha dhammakhandha) như là ngôi nhà được coi lên một cái gác nhọn (ratanakūṭa), bực hành giả chơn chánh, nhờ nghe thuyết pháp rồi rón vâng giữ hành theo mà đạt đến quả vị tối cao là A La Hán vậy.

□

Kệ ngôn vừa dứt, nhiều Tỳ Khưu đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Huòn quả, đại chúng thính pháp cũng đều được hưởng sự lợi ích.

DỨT TÍCH HAI VỊ TỶ KHU BẠN

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Học để độ người chẳng độ mình,
Cậy tài hoạt bát trí thông mình.
Muốn ai cũng biết qua nhiều pháp,
Cười kẻ không rành, thuộc ít kinh.
Tham dục còn, thì chưa bắt tử,
Sân si hết, mới thật vô sinh.
Thuyết hay, hay thuyết, đều vô bổ,
Nếu chẳng kèm thêm chút Pháp hành!
Pháp học không kham giữ Pháp hành,
Cần tu hạnh đắc quả vô sanh.
Người hay cứ thuyết cho nhiều pháp,
Ta dờ cam đành thuộc ít kinh.
Phiền não thanh yên, còn giác tuệ,
Sân si giữ sạch, hết vô minh.
Trần ai, ai biết ta cũng chẳng,
Muốn độ tha nhân, trước độ mình”.*



DÚT PHẨM SONG YẾU

II. PHẨM CHUYỀN NIỆM

(APPAMĀDA VAGGA)

- 12 bài kệ: Pháp Cú số 21-30
- 09 chuyện.

II. 1- CHUYỆN HOÀNG HẬU SĀMĀVATĪ

(Sāmāvatī vatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú 21-22-23)

- “Appamādo amatam padam pamādo maccuno padam Appamattā na mīyanti ye pamattā yathā matā”.	“Chuyên cần đường bất tử, Giải đãi lộ tiêu vong. Người chuyên cần chẳng chết, Kẻ biếng sống như không”.
- “Etam visesato ñatvā appamādamhi pañditā Appamāde pamodanti ariyānam gocare ratā”.	“Nhờ trí giác như thế, Bậc trí chẳng buông lung. Hoan hỷ chuyên cần mãi, Tôi, Thánh được thung dung”.
- “Te jhāyino sātatikā niccam dalhaparakkamā Phusanti dhīrā nibbānam yogakkhemam anuttaranti”.	“Người chuyên cần thiền định, Hằng tinh tấn dụng công. Bậc trí thoát trần phược, Chúng Níp Bàn vô song”.

Những kệ ngôn Pháp Cú (21-22-23) này được Đức Thế Tôn đã thuyết pháp khi Ngài an ngự tại Ghositārāma (Lôi Âm Tự), gần thành Kosambi, đề cập đến cái chết của Hoàng hậu Sāmāvatī cùng năm trăm phi tần của cô, và cái chết của Thứ hậu Māgandiyā luôn cả năm trăm cung nữ, quyền thuộc của nàng.

Đầu đuôi câu chuyện như sau:

Trong thời quá khứ, nơi quốc độ Allakappa (An Lạc Kiếp), có An Lạc Kiếp Quốc vương, và nơi quốc độ Vetthadīpaka (Bệ Tha Đảo), có Vetthadīpaka quốc vương. Hai nhà vua là đôi bạn thâm giao. Hai người kết nghĩa kim bằng từ thời thơ ấu, đã từng sống chung, học tập nghề và nghiệp võ với một ông thầy. Khi phụ vương của mỗi vị bành hà. Ai về nước này để nối ngôi thiên tử, thống lãnh giang sơn tiểu quốc (Dasadasayojanika raṭṭha). Tuy nhiên, hai vị tân vương thỉnh thoảng vẫn còn tương hội, cùng sánh vai nhau đi đứng, nằm ngồi.

Một hôm luận đàm thế sự, nhìn thấy dân gian lớp mới sanh, lớp đã già, đều đi lần đến cõi chết, hai bạn tri kỷ đồng than: “Hỡi ơi! Huỳnh tiên di lộ, bất đắc tương tùy, hơi thở dứt đi thì thân này cũng bỏ, cơ đồ sự nghiệp, quyền thuộc gia đình.. Chúng qui cũng là ảo mộng mà thôi. Vậy ta hãy xuất gia tu hành cho rảnh”.

Phán rồi, hai nhà vua cả quyết phú thác sơn hà xã tắc lại cho thê nhi, cùng nhau xuất gia đạo sĩ, vào ẩn cư trong miền Tuyết Lãnh (Himavanta).

Ở chung nơi đây, hai bạn đạo bảo nhau rằng: “Chúng ta bỏ vương quyền để vị là hy cần đắc đạo, nhập thánh siêu phàm, chẳng lẽ không tự túc cánh sinh, nếu ta còn lưu luyến chung cư thì có

khác nào lúc xưa ta còn ở thế? Thôi ta nên ở riêng mỗi người một phía, bạn ở núi kia tôi ở núi này, mỗi kỳ nửa tháng, đến ngày Phát lộ (sám hối) ta sẽ hội họp một lần nữa mà thôi”.

Hai đạo sĩ lại đồng ý thêm rằng: “Nhu thế ta cũng còn mong mỗi đến ngày tương hội, tốt hơn hết là đến ngày ấy, bạn nổi lửa bên núi bạn, tôi nổi lửa bên núi tôi. Bằng cách ấy, ta thông tin nhau biết là mình còn sống”.

Thế rồi, hai đạo sĩ chia tay, giữ đúng lời giao ước. Một thời gian sau, đạo sĩ Veṭṭhadīpaka chết, thọ sanh làm một vị Thiên vương có nhiều thần lực.

Đến kỳ Phát lộ nửa tháng, không thấy khói lửa phía núi bên kia, vị đạo sĩ còn sống biết rằng: “Bạn ta đã mãn phần”.

Còn vị thiên, sau khi hóa sanh, ngắm xem thân hình đổi mới, cao sang lộng lẫy, bèn tìm hiểu duyên nghiệp đã làm cho được quả phước hiện tại, thì được biết rằng: Do nhờ ta xuất gia tu hành, rồi vị ấy tính thăm: “Ta hãy xuống thăm bạn ta coi nào?”.

Liền đó, xóa bỏ hình dáng Chư Thiên, vị ấy biến thành một khách lữ hành, đến đánh lễ vị đạo sĩ và đứng qua một bên.

Thấy người lạ, đạo sĩ hỏi:

- Đạo hữu ở đâu lại đây?

- Bạch Ngài! Tôi là khách lữ hành ở tận một phương xa, bạch Ngài cho phép tôi hỏi thăm: Nơi đây có ai khác nữa ở chung với Ngài không?

- Có, ta có một người bạn.

- Ngài ấy ở đâu?

- Vị ấy ở núi bên kia, hôm nay đến kỳ Phát Lộ mà sao không thấy nổi lửa, có lẽ vị ấy chết rồi chàng?

- Bạch Ngài, đúng vậy.

- Đạo hữu biết chắc ư?

- Bạch Ngài, vị ấy chính là tôi đây.

- Đạo hữu sanh về cảnh giới nào?

- Tôi sanh lên cõi trời, làm vị Thiên vương có nhiều thần lực, nay vì muốn thăm bạn cũ, nên trở xuống đây.

- Bạch Ngài! Nơi đây Ngài có gặp điều chi trở ngại, khó khăn phiền phức không?

- Thưa đạo hữu, có. Tôi bị mấy con voi thường đến quấy phá.

- Bạch Ngài, chẳng hay mấy con voi ấy quấy nhiễu Ngài bằng cách nào?

- Đàn voi đến phóng uế trên sân, chỗ tôi đã quét sạch sẽ, và dậm chân quần thảo làm cho bụi bay lên tứ tung, tôi phải mất công hốt phân voi và đổ đất lấp các lỗ chân voi.

- Chắc Ngài muốn đàn voi đừng trở lại nữa?

- Phải đó đạo hữu.

- Vậy thì để tôi chỉ Ngài cách này làm cho bọn chúng sẽ từ biệt nơi đây.

Nói rồi, Thiên vương tặng cho đạo sĩ cây đàn thần ba dây và dạy cho đạo sĩ niệm chú để sai khiến loài voi. Lần lượt chỉ vào ba dây đàn, Thiên vương giảng:

- Khi nào Ngài khảy dây đàn này và niệm chú này thì đàn voi chạy thẳng một mạch, không thể quay đầu nhìn lại phía sau. Còn khi nào Ngài khảy dây đàn này và niệm câu chú này, thì đàn voi “phản tiến vi hậu”, quay đầu lại, vừa chạy vừa nhìn về phía Ngài.

Còn nếu Ngài khảy dây đàn này và niệm câu thần chú này thì con Tượng chúa lập tức chạy đến đưa lưng cho Ngài cỡi.

Đoạn Thiên vương đánh lễ đạo sĩ và cáo từ lui gót.

Nhờ phép niệm chú và khảy đàn rất linh nghiệm, khiến cho đàn voi chạy lảng xa hết, đạo sĩ từ đó mới được nhận sự nhàn lạc tịnh cư nơi miền sơn dã.

Đồng thời với đạo sĩ, có đức vua ngự, hiệu là Pa-rantapa (Phổ Chiếu), đóng đô tại thành Kosambi.

Một hôm nhân buổi chiều hè nóng bức, quốc vương cùng Chánh hậu đang hoài thai ra khỏi hoàng cung, ngự tọa trên sân thượng lộ thiên của tòa biệt điện.

Hoàng hậu được đức vua khoác trên mình chiếc long bào triều phục bằng gấm đỏ trị giá bằng mười vạn đồng vàng, trong khi âu yếm chuyện trò, đức vua lại cởi chiếc nhẫn ngọc ấn trị giá cũng mười vạn đồng vàng nơi tay Ngài mà lồng qua ngón tay của Hoàng hậu.

Tình cờ khi ấy, trên không có con chim đại bàng (hatthilingasakuna) từ xa bay đến, trung thấy Hoàng hậu mặc chiếc hồng bào, nó tưởng là đồng thịt đỏ tươi, nên xé đôi cánh lại lao mình xuống nhanh như cắt, phát ra tiếng gió ào ào nghe đến lạnh mình. Đức vua kinh hãi đứng dậy, chạy ngay xuống lầu. Hoàng hậu cũng hốt hoảng hoang mang, nhưng vì đang lúc hoài thai nên không thể lạnh chân tẩu thoát kịp. Vì thế đại bàng điếu xốt được Hoàng hậu, kẹp cứng trong móng vuốt của nó, rồi vỗ cánh bay lên.

Theo lời xưa kể lại, giống đại bàng này là một giống kên kên (Thốc thú) có mỏ dài như vòi voi, có sức mạnh tha mỗi bằng năm con trượng, cho nên khi sót mỗi rồi là nó bay đi, tùy thích đáp xuống mà ăn thịt. Đang lúc bị chim đại bàng tha nó bay lên không, Hoàng hậu phập phồng sợ chết, tự nghĩ thầm rằng: “Giống thú hay sợ tiếng người, nếu ta kêu la, nó nghe tiếng ta, ắt là buông bỏ ta rơi xuống đất, như thế ta cùng thai nhi cũng đều vong mạng. Chi bằng chờ khi nó đậu chỗ nào, sắp sửa ăn thịt ta, chừng ấy ta sẽ cất tiếng la to để xua đuổi nó”.

Nhờ thông minh tỉnh trí, nghĩ ra diệu kế, Hoàng hậu nhẫn nại làm thinh.

Nơi miền Tuyết Sơn có một cây đa rất to lớn, mọc lên đã lâu đời, thân cây sừng sững giữa trời, tàn nhánh tròn xoe, sum sê mát mẻ, chim đại bàng vẫn thường sót tha thú rừng đem về gác trên cây đa cổ thụ mà ăn. Cho nên hôm ấy nó cũng tha Hoàng hậu Parantapa về đậu trên cháng hai ấy và đưa mắt quan sát con đường về. Theo tục truyền giống chim này có thói quen là luôn luôn quan sát con đường về như thế.

Ngay khi ấy, Hoàng hậu tính rằng: “Bây giờ là lúc ta phải xua đuổi nó đây”.

Duỗi hai cánh tay ra, Hoàng hậu vừa vỗ tay vừa la lớn tiếng, đuổi được con chim đại bàng bay mất.

Chiều tàn, bóng ư vừa khuất, Hoàng hậu bỗng nghe thai nhi chuyển động. Bầu trời lúc bấy giờ lại vẫn vũ mây đen, tư bề chớp giông sấm nổ.

Thảm thay cho một trang quốc mẫu, lá ngọc cành vàng.

“Rừng khuya tân khổ cơ hàn

Ai người bậu bạn trấn an cho mình”.

Đến khi đêm tàn mưa tạnh vùng hồng lổ dạng trời đông, Hoàng hậu xỏ lòng sanh được một hoàng nam. Để kỷ niệm bầu trời quang đặng với mặt nhật đang lên, báo hiệu một ngày tươi sáng. Hoàng hậu Parantapa đặt tên con là Udena (Udena). Chỗ Hoàng hậu thọ nạn, cách chỗ ngụ của đạo sĩ An Lạc Kiếp không bao xa.

Thói thường trong những ngày mưa, đạo sĩ sợ cảm hàn không dám vào rừng hái trái cây, đạo sĩ chỉ đi đến dưới gốc cây đa cổ thụ, chờ đại bàng điếu ăn xong thì hốt mót xương thừa, thịt vụn, đem về giã nát ra, cho thêm gia vị nấu thành nước canh mà húp.

Sáng hôm ấy, đạo sĩ cũng tính thầm: “Ta đi lượm mót xương” đến gốc cây đa, đạo sĩ còn đang nhặt xương gom lại, bỗng nghe tiếng khóc của trẻ thơ ở phía trên cây.

Đạo sĩ ngược mắt nhìn lên, thấy Hoàng hậu ẵm con, bèn hỏi rằng: - “Nàng là giống chi?”.

- Thưa thiếp bị đại bàng điếu xốt tha về đây.

- Nàng muốn xuống đất không?

- Thưa muốn! Nhưng thiếp e giữa thiếp với người có chỗ cách biệt về dòng dõi không?

- Nàng thuộc về giai cấp nào?

- Thừa thiếp thuộc dòng Sát Đế Ly (Khattiya).
- Bản đạo cũng dòng Sát Đế Ly.
- Thế thì xin Ngài hãy kể những kiến thức đặc biệt của dòng Sát Đế Ly thử coi.

Nghe đạo sĩ kể đúng rồi, Hoàng hậu hết nghi nan, bèn yêu cầu: “Xin Ngài trèo lên ấu tử dùm cho tiện thiếp”.

Đạo sĩ lập cách mở một lối lên đến cháng cây đa, đoạn trèo lên để bồng ấu tử và dặn rằng: “Nàng khá thủ lễ, chớ đụng tay vào mình bản đạo không nên”.

Hoàng hậu y lời, khi trao hài nhi qua cho đạo sĩ ẵm xuống giữ gìn không cho đụng chạm, rồi Hoàng hậu cũng xuống theo luôn.

Đạo sĩ bồng ấu tử trở về tới thảo am, ra tay tế độ nuôi nấng nhưng dè dặt chẳng cho đứt giới người tu, đạo sĩ vào rừng kiếm mật ong nguyên chất và nước trái thốt nốt, đem về nấu cháo lỏng cho ấu tử bú.

Thấy đạo sĩ chàm nom dưỡng dục con mình mà còn gìn giữ tư cách, Hoàng hậu buồn thân tủi phận nói thầm rằng: “Như ta nay đường đi chẳng biết, nẻo về cũng không hay, ở lại thì đạo sĩ đối với nữ nhân bơ phờ lạnh nhạt, không chút cảm tình. Nếu rủi bị ông ấy bỏ rơi thì mẹ con ta biết sẽ lưu lạc về đâu? Chắc chắn cả hai đều phải chết, ta phải làm sao cho đạo sĩ phá bỏ giới hạnh, chớ đừng bỏ rơi hai mẹ con ta”.

Nghĩ vậy, Hoàng hậu bắt đầu ăn vận rách rưới lang thang, dùng chất liệu bỏ nhược chất mà lung lạc tâm kẻ tu hành. Đạo sĩ rốt cuộc phải xiêu lòng. Từ đó nam nữ sống chung thuận hòa hợp êm ấm.

Tháng ngày qua... Một hôm đạo sĩ nhìn xem thiên tượng, thấy khí số của vua Parantapa đã hết, bèn kêu vợ bảo rằng:

- Nầy hiền nội, đức vua Parantapa trong thành Kosambi đã băng hà rồi.
- Sao phu quân nói vậy, đức vua với phu quân có thù nghịch chi chàng?
- Không đâu! Nầy hiền nội, ta nhìn xem thiên tượng thấy sao ứng ra điều ấy, nên nói như thế.

Hoàng hậu sụt sùi đổ lệ.

Đạo sĩ hỏi: Sao nàng lại khóc.

Khi được biết vua Parantapa là chồng cũ của vợ mình, đạo sĩ an ủi: “Thôi hiền nội đừng nên bi lụy, ở đời hễ có sanh là có tử, đó là lẽ đương nhiên”.

- Thừa phu quân, thiếp cũng biết như vậy.
- Thế sao nàng lại khóc?
- Vì con trai của thiếp là đông cung Thái tử, có quyền kế vị ngai vàng, đáng lẽ hưởng được phú quý vinh hoa tốt bực thế mà Thái tử bây giờ phải chịu làm kẻ thường dân, cho nên thiếp tủi buồn cho thân con mà lưu lệ đó phu quân!

- Hiền nội cứ an tâm, đừng lo rầu nữa, nếu Thái tử muốn hồi trào để thừa hưởng được phú quý vinh hoa tốt bực thì ta có cách giúp cho Thái tử thành toàn ý nguyện chẳng sai.

Hoàng hậu mừng rỡ đáp: “Thưa phu quân, nếu được vậy thì còn chi quý bằng”.

- Được rồi, hiền nội.

Tiếp theo lời hứa, đạo sĩ lấy cây đàn thần ba dây ra trao cho Thái tử và truyền dạy ba câu mật chú điều khiển loài voi.

Hồi ấy vẫn có vô số tượng rừng ra vào gần đấy, tập trung quanh các gốc cây to kể hơn trăm ngàn thốt. Đạo sĩ liền dặn Thái tử rằng: “Lúc đàn voi chưa đến, con phải trèo lên ngõi trước trên cây cao. Hễ thấy chúng nó đến thì con niệm câu chú nầy và khảy dây đàn nầy, tất nhiên cả đàn voi sẽ quay đầu lại chạy thẳng một mạch không dám liếc nhìn lại phía sau. Chờ cả đàn voi qua hết, con hãy tuột xuống mà về”.

Thái tử vâng lời dưỡng phụ, một mình vào rừng thí nghiệm phép linh, xong rồi trở về thảo am thuật lại chuyện.

Qua ngày thứ hai, đạo sĩ lại dạy thêm Thái tử: “Bữa nay con niệm câu chú này và khảy sợi dây đàn này, đàn voi sẽ phản tiến vi hậu vừa chạy vừa nhìn về phía con”.

Thái tử cũng vâng lời ra đi, thí nghiệm xong liền trở về phục lệnh dưỡng phụ.

Khi ấy, đạo sĩ gọi Hoàng hậu và bảo: “Này hiền nội, nàng có cần nhân tin chi, thì hãy nói với con đi! Thái tử trở về phen này ắt sẽ lên ngôi cửu ngũ”.

Hoàng hậu gọi Thái tử vào ngỏ lời tâm sự rằng: “Này vương nhi, con chính là đông cung Thái tử, con vua Parantapa xứ Kosambi, lúc mẹ mang con trong lòng thì bị đại bàng điểu xót đi..”.

Thuật hết lai lịch tung tích của mình rồi, Hoàng hậu lại kể đích danh các đại thần trong triều, nhất là tên quan Nguyên soái cho Thái tử biết và tiếp rằng: “Đến lúc cần, con hãy trưng ra chiếc Hồng cấm bào và chiếc Vương chỉ hoàn này, vốn là triều phục và ngọc ấn của phụ vương con để làm tin”.

Dặn dò xong, Hoàng hậu tiễn biệt Thái tử. Thái tử quay lại hỏi đạo sĩ rằng:

- Thưa dưỡng phụ! Bây giờ con phải làm gì?

- Con hãy trèo lên cây, ngồi trên một nhánh thấp rồi con niệm câu chú này và khảy sợi dây này, tức thì Tượng chúa đến đưa lưng cho con cỡi, con tuột xuống ngồi lên lưng tượng trở về cố quốc kế vị ngai vàng của phụ vương con”.

Thái tử sụp xuống bái biệt song thân, rồi theo lời dạy của dưỡng phụ, gọi con Tượng chúa đến cỡi lên lưng nó và kê miệng gần tai nó, xuống lệnh phán rằng: “Ta là Thái tử Udena, con vua Parantapa xứ Kosambi, xin Tượng chúa hãy đưa ta về triều phục quốc, để kế vị ngai vàng!”.

Nghe vậy, Tượng chúa rống to lên, dùng ngôn ngữ của loài voi kêu gọi hợp đàn: “Vô số ngàn thốt tượng hãy tập trung tất cả nơi đây”.

Quả nhiên, có vô số ngàn thốt tượng vâng lệnh chúa đàn qui tụ rất đông.

Với lực lượng hùng hậu vô số ngàn voi chiến. Thái tử lên đường trở lại cố đô, Đến biên ải, Thái tử kêu gọi dân chúng: “Ta là đông cung Thái tử trở về trào phục quốc, thần dân khá mau hộ giá mà lập công danh”.

Từ đó trở đi dân chúng gia nhập càng ngày càng đông, Thái tử kết tập cả đoàn dân quân cùng với tượng binh kéo dốc toàn lực về vây thành Kosambi và phái sứ giả vào triều trao tối hậu thư, kết thúc bằng hai điều vắn tắt “Muốn chiến tranh hay là qui hoàn vương vị cho ta”.

Trào thần đáp lại sứ giả rằng: “Cả hai câu hỏi của quý Ngài chúng tôi không thể trả lời dứt khoát. Quả thật, Hoàng hậu hoài thai có bị đại bàng điểu xót tha đi, nhưng từ đó đến nay biệt tích vắng tăm, còn mất thế nào chưa rõ, bao giờ chúng tôi nghe đích xác tin tức Hoàng hậu rồi, chúng tôi mới có thể biểu quyết chiến tranh hay hoàn vương vị lại cho chúa của quý Ngài”.

Sứ giả về tâu lại với Thái tử những lời thương nghị của trào thần, Thái tử bèn thân hành đến tận cổng thành, bắt loa phán rằng: “Ta là đông cung Thái tử Udena, con của Hoàng hậu mất tích đây”. Rồi Thái tử gọi đích danh các quan đại thần, nhất là tên vị Nguyên nhung. Thấy họ còn hoài nghi, Thái tử bèn trưng ra hai tín vật, bá quan nhận thấy chiếc Hồng cấm bào và chiếc ngọc ấn chỉ hoàn là tín hiệu của quốc vương Parantapa, bèn mở rộng cửa ngỏ môn nghinh tiếp Thái tử với ba quân tướng sĩ vào thành và chọn ngày làm lễ đăng quang để tôn Thái tử lên ngôi cửu ngũ.

(Trên đây là sự tích đản sanh của Thái tử Udena.)

Nơi quốc độ An Lạc Kiếp, trong một năm mất mùa, nạn đói hoành hành rất khốc liệt, có một anh chàng nọ tên là Kotuhaliko (Háo Kỳ) nghèo xác nghèo xơ, không nuôi sống nổi gia đình là một vợ một con thơ chưa rời vú mẹ. Chàng bảo vợ: “Chúng mình hãy đi Kosambi để tìm lối sống!”.

Nói rồi, anh ta góp nhóp được chút ít lương khô để dành ăn theo đường, dắt vợ ẵm con bỏ nhà ra đi.

Anh Kotuhaliko chạy tị nạn đói, nhưng cũng có người cho rằng anh ta chạy tránh bệnh thiên thời dịch khí, làm cho nhân dân chết lây liểu yếu vậy.

Hai vợ chồng đi được một quãng đường thì vật thực hết sạch vừa đói vừa lả vì kiệt sức, và còn phải đèo theo đứa con thơ, Kotuhaliko chán nản, than thở với vợ rằng:

- Mình ơi! Chúng ta còn sống thì còn sanh con, ta hãy bỏ đứa này lại nơi đây mà đi cho đỡ khổ nghe mình.

Động lòng từ mẫn, Kālī (Thị Thời) phản đối chồng rằng:

- Con còn sống, em không đành bỏ nó đâu?

- Vậy thì ta phải làm sao?

- Thì ta thay phiên nhau mà ẵm nó chứ sao?

Người mẹ lãnh phiên đầu, đeo đứa bé như một vòng hoa, đặt nó nằm yên trên ngực mình, một lúc sau thiếu phụ trao con cho chồng. Kotuhaliko ẵm con đi, dừng lại từng hồi từng chập chỗ nọ, chỗ kia. Mỗi khi bụng đói cồn cào, khổ đau quá sức. Thỉnh thoảng anh ta nhắc đi nhắc lại với vợ rằng: “Mình ơi! Ta còn sống thì còn sanh con, ta hãy bỏ đứa này cho rảnh”.

Kālī hể nghe chồng mở miệng nói, là phản đối liền, nhất định không chịu lìa con. Đứa bé được hai người thay phiên nhau ẵm bồng. Một lúc sau mòn mỏi ngủ thiếp trên tay cha nó.

Kotuhaliko thấy con ngủ, bèn giục vợ đi trước, một mình ở lại sau, anh kiếm lá lót trải dưới một bụi cây, se se đặt con nằm xuống rồi bỏ đi.

Kālī quay lại kiểm chồng, không thấy con bèn hỏi: “Con đâu, mình?” - Anh để nó nằm dưới bụi cây kia kìa.

Kālī dấm ngực khóc than kể lể: “Mình ơi! Mình làm khổ cho em, không có con chắc em không sống được, mình đem con giao trả lại cho em”.

Kotuhaliko phải miễn cưỡng trở lại ẵm con theo, nhưng đến nửa đường đứa trẻ cũng chết.

(Do nhân dứt bỏ con thơ nhiều chỗ trong kiếp ấy mà Kotuhaliko phải trả quả, bị đem dứt bỏ bảy lần trong một kiếp sau. Thấy đó, ta không nên khinh thường những tội lỗi nhỏ nhen mà cho rằng sẽ không trả quả).

Vợ chồng Kotuhaliko khi được rảnh tay lại tiếp tục lộ trình gian khổ và sau cùng đi đến nông trại của một chủ nuôi bò.

Hôm ấy, nhằm ngày trong trại tổ chức lễ mừng cho con bò cái giống (dhenumangala) của chủ trại mới đẻ con so. Thường nhật có một vị Phật Độc Giác hằng đến thọ thực trong trại chủ bò. Chủ trại để bát cúng dường Đức Phật Độc Giác trước, rồi mới cử hành cuộc lễ, bữa ăn thịnh soạn cơm trắng chung dọn ê hề.

Chủ trại nhìn thấy vợ chồng Kotuhaliko mới đến, bèn hỏi rằng: “Hai em ở đâu lại đây?”.

Sau khi nghe tường thuật những nỗi đoạn trường của kẻ tị nạn đói, ông bèn khiến gia đình đem đến cho họ khá nhiều cơm trắng với sanh tư (sappi).

Kālī nói: “Mình ơi! Hể mình sống là em sống, vậy mình hãy ráng ăn cho no nê đi đừng bù lại khi trước mình đã chịu đói lâu ngày”.

Nói rồi, người vợ đem gần hết phần cơm trắng sanh tư của mình sót qua bát của chồng, chỉ chừa lại ăn chút ít thôi. Anh Kotuhaliko vì bị đói trong bảy ngày liền, bây giờ gặp được mỹ vị cao lương, ăn nhiều bao nhiêu cũng chưa đã thèm.

Sau khi sai người bố thí cơm trắng cho hai nạn nhân, chủ trại bò ngồi vào bàn ăn để dùng bữa.

Anh Kotuhaliko ngồi nhìn chủ trại, thấy ông ấy ném vắt cơm sữa xuống cho con chó cái đang nằm dưới gầm bàn thì phát sanh ý nghĩ như vậy: “Con chó cái này quả thật có phước mới được chủ cho ăn ngon lành như thế hằng ngày”.

Đêm ấy, anh Kotuhaliko bị trúng thực, phát ách, đau bụng mà chết, tâm thức nhập vào thai bào của con chó cái nói trên.

Kālī lo an táng chồng rồi, còn nán ở lại làm công việc trong nhà chủ trại bò. Lãnh được một gáo gạo, chị bèn nấu cơm để bát cúng dường Đức Phật Độc Giác và phát nguyện rằng: “Xin cho phước này thấu đến chồng con”, nguyện rồi chị tự nghĩ: “Ta nên ở lại đây phục dịch, vì Ngài Trưởng Lão

mỗi ngày đều đến đây thọ bát. Dầu ta có cúng dường hay không, mỗi ngày ta cũng được dịp lễ bái phục dịch Ngài. Như vậy, chắc chắn ta sẽ tạo được nhiều phước báo cho đời vị lai” Thế là từ đó chị Kālī ở luôn làm công cho chủ trại.

Độ vài tháng sau, con chó cái đẻ, trong bầy con, nó chỉ có một con đực, chủ trại bò công con chó con này lắm, nên lấy sữa của một con bò cái cho nó bú, không bao lâu nó lớn, mỗi ngày trong khi thọ thực, Đức Phật Độc Giác đều cho nó một vắt cơm, vì được cho ăn quen lệ, con chó này cảm mến Đức Phật Độc Giác.

Thường thường chủ trại bò đến hộ Đức Phật Độc Giác ngày hai lần. Đi đường đến chỗ có thú dữ, ông ta lấy gậy đập lên bụi cây, hay đập xuống đất, miệng la: Hiu, hiu, hiu ba tiếng làm cho thú dữ hoảng sợ bỏ chạy, mỗi lần ông đi, con chó chạy theo ông.

Một hôm, chủ trại bò ngỏ lời yêu cầu Đức Phật Độc Giác rằng: - “Bạch Ngài! Khi nào con không được rảnh thì con sẽ cho con chó này đến thỉnh Ngài, xin Ngài hoan hỷ chấp nhận lời yêu cầu của con”.

Từ đó về sau, mỗi khi bận việc, chủ trại bò sai con chó: - Này con, con hãy đi thỉnh Ngài Trưởng Lão.

Chỉ nghe chủ nói qua một lần là con chó lập tức đi. Tới chỗ mà chủ nó hay đập gậy lên bụi cây hay đập xuống đất, nó đứng lại sủa ba tiếng, khi chắc ý là thú dữ nghe tiếng nó sủa bỏ chạy xa rồi, nó mới sủa bộ tịch cho chỉnh tề, đi đến thảo am, chỗ Đức Phật Độc Giác đang ngự, thấy Ngài ngồi trong am nó đứng ngay trước cửa sủa ba tiếng ra hiệu cho biết là có nó đến, đoạn nó vào nằm bên Ngài. Đoán biết Đức Phật Độc Giác sắp ra đi, nó vừa sủa vừa chạy trước dẫn đường.

Để thử trí khôn của con chó, Đức Phật Độc Giác thường rẽ qua lối này lối nọ, thấy vậy, nó chạy vọt tới trước, đứng cản đường và sủa lên để kêu Ngài trở lại con đường kia, một hôm Đức Phật Độc Giác cũng rẽ qua lối khác như thường lệ, con chó cũng chạy tới trước đón đường, nó rống sức sủa, nhưng Ngài không đổi hướng, lại nằm chân nó vệt qua để đi tới, khi thấy Ngài đi luôn, con chó chạy theo níu chéo y của Ngài lồi ngược lại, để chỉ cho Ngài biết con đường nên đi. Sự gần gũi thân mật như thế khiến cho mối tình quyến luyến của con chó đối với Đức Phật Độc Giác càng ngày càng gia tăng.

Một thời gian sau, khi thấy y của Đức Phật Độc Giác cũ quá; ông chủ trại bò xin dâng Ngài vải may y. Khi ấy, Đức Phật Độc Giác bảo rằng: “Nầy đạo hữu, việc cất may y rất khó mà làm một mình, vậy để ta đem vải đến chỗ có người tiếp tay phụ may cho dễ”.

- Bạch Ngài, xin thỉnh Ngài hoan hỷ ở đây may y.

- Không thể được đâu đạo hữu!

- Bạch Ngài, nếu vậy xin Ngài đừng đi ở đó quá lâu. Khi chủ trại bò hầu chuyện cùng Đức Phật Độc Giác con chó ở một bên để ý lắng nghe.

Đức Phật từ giả thí chủ rồi, liền bay bổng lên hư không đoạn Ngài trực chỉ bay luôn về núi Gandhamādana (Hương Đản).

Thấy Đức Phật Độc Giác bay đi, con chó đứng dưới đất nhìn theo mà sủa mãi, cho đến khi hình bóng của Ngài mờ dần và tan biến trong hư không thì tim nó vỡ tan ra. Ôi, súc vật cũng có nhiều con trung nghĩa trung thành, trái với tiếng lòng muôn dạ thú, còn loài người cũng lắm kẻ mặt miêng gương lòng, hiệp với câu: “Giáp mặt lời ra, lòng xa ngàn núi (đối diện dữ, nhữ tâm cách thiên san)

Do nhờ tánh trung nghĩa chân thật, sau khi chết, con chó được thọ sanh lên cung trời Đao Lợi, có một ngàn ngọc nữ theo hầu hưởng được phước lộc của một Thiên vương, đức vua trời này có giọng nói rất to. Dầu khi kể tai nói nhỏ, tiếng Ngài cũng vang rền xa mười sáu do tuần. Lúc nói bình thường thì âm thanh vang dội khắp cả kinh thành của Chư Thiên, rộng đến mười ngàn do tuần. Do đó, Thiên vương được mệnh danh là Lôi Âm thiên tử (Ghositadevaputta).

Nhờ gieo nhân nào mà Ngài được phước ấy, nhờ trong kiếp chó Ngài đã sủa Đức Phật Độc Giác bằng cả tấm lòng triu mến vậy.

Lôi Âm thiên tử không được trường thọ để hưởng lộc trời, (Trên Thiên giới, Chư Thiên mạng chung vì hết tuổi thọ, hoặc vì hết phước, vì quên thọ thực hay vì quá sân hận). Vị nào do tạo nhiều phước nghiệp, thọ sanh lên cõi trời nào, sống mãi tùy theo số tuổi thọ của Chư Thiên cõi ấy, chết rồi sanh đi sanh lại cũng chưa hết phước. Như vậy gọi là mạng chung vì hết tuổi thọ, vị nào tạo chút ít

phước thọ sanh lên cõi trời nào, khi hưởng hết phước để dành thì phải chết, ví như người gởi vào công khố độ bốn, năm lon lúa, lấy ra hết rồi thôi, như thế mạng chung vì hết phước, còn vị nào đang mê say thọ hưởng ngũ trần, mãi ham vui mà quên lãng việc thọ thực, vị ấy cũng phải chết vì xác thân không được dinh dưỡng, như thế gọi là mạng chung vì quên thọ thực và vị nào thấy vị khác có nhiều oai lực phước báu hơn mình mà phát sanh lòng ganh tỵ, hễ con giận nổi lên thì cũng chết, như vậy gọi là mạng chung vì sân hận.

Ghositadevaputta mãi vui say với ngũ trần dục lạc mà quên thọ thực nên phải mạng chung, đầu thai vào lòng một cư gái lầu xanh ở trong thành Kosambi. Vừa sanh con, cư kỹ nữ (sobhini) đã hỏi đứa tỳ nữ: “Trai hay gái”.

- Dạ thưa con trai!

Không cần thấy mặt anh nhi, sản phụ vội bảo:

- Vậy mấy hãy bỏ thằng nầy vào một cái giỏ xách bằng mây, rồi đem liệng nó ra trên đồng rác.

Đứa nữ tỳ vâng lệnh chủ, đem vứt đứa bé vô thừa nhận (các cư ả làng chơi ở đô thành chỉ nuôi rông con gái, chớ không dùng con trai, vì con gái mới nổi được nghiệp nhà).

Nằm trơ trên đồng rác, hòn máu bỏ rơi bị chó và quạ xúm lại bao vây, nhưng chẳng con nào dám xáp lại gần do nhờ phước báu đã sửa Đức Phật Độc Giác với tâm từ mẫn trong kiếp làm chó của nó.

Thời may, trong giây phút ấy có người đàn ông đi ra đồng, thấy quạ và chó chòm nhum một chỗ, nên để ý tự hỏi:

- Đàng đó có cái gì vậy?

Rảo bước đến nơi, người đàn ông thấy đứa hài nhi thì sanh lòng thương như con đẻ, bèn bế xốc nó lên và tri hư rằng:

- Ta xí được đứa con trai, đoạn người ấy bỗng nó đem về nhà.

Ngày sanh đứa trẻ không cha là ngày ông Thiên hộ thành Kosambi vào triều bái mạng đức vua. Lúc vào hoàng thành ông gặp quan Khâm thiên giám từ trong cung nội đi ra, bèn nghiêng mình thi lễ và hỏi rằng:

- Kính thưa Quốc sư, chẳng hay Ngài đã xem thiên vãn để tiên đoán quốc sự ngày bữa nay hay chưa?

- Thưa phú Trưởng giả, đó là bốn phận hằng ngày của bốn chức.

- Vậy thưa Ngài, trong nước có chuyện chi lạ xảy ra không?

- Chẳng có chi khác, ngoài việc đứa bé sanh ra trong đô thành ngày hôm nay, sau nầy sẽ là đệ nhất phú Trưởng giả.

Lúc ấy bà Thiên hộ cũng có thai gần ngày sanh, cho nên ông Thiên hộ hối hả sai tên gia đình theo hầu:

- Nầy con! Con về xem coi bà đã lâm bồn chưa nghe!

Tùng giả vâng lời chạy ngay về nhà, hỏi: “Bà Thiên Hộ đã lâm bồn chưa?”.

Nghe người nhà đáp: “Bà chưa sanh”, tùng giả bèn chạy trở vô thành, lập y lại với chủ “bà chưa sanh”.

Khi hay tin vợ chưa sanh, phú ông vào triều thỉnh an đức vua xong, vội vã trở về nhà, cho đòi con tỳ tất Kālī (Hắc Nô) đến, giao cho nó một ngàn đồng vàng và dặn bảo: “Con hãy đi rào khắp trong thành dò xét, nếu gặp đứa bé nào mới sanh ra nội ngày bữa nay thì con xuất hết một ngàn đồng vàng mua nó đem về cho ông”.

Nàng Kālī (Hắc Nô) đi hỏi thăm lần hồi, nhờ người điếm chỉ đến ngay nhà người đàn ông xí được đứa bé, liền hỏi vợ chủ nhà:

- Thằng nhỏ nầy thím sanh được bao lâu rồi?

- Dạ mới sanh bữa nay.

- Cho tôi xin nó đi.

Rồi cứ kỳ kèo trả giá, từ một đồng lên tới một ngàn đồng vàng mới mua được đứa con rồi đem về cho ông Thiên hộ.

Phú ông bề ngoài làm ra vẻ yêu mến đứa con nuôi, cho cất nhà riêng để nó ở, nhưng trong thâm tâm ông dự tính rằng: “Nếu vợ ta sanh con gái thì ta sẽ gả cho thằng này và truyền chức Thiên hộ cho rể, nhưng bằng vợ ta sanh con trai thì ta sẽ thủ tiêu nó ngay”.

Cách vài ngày sau, phú bà xổ lòng, sanh được một trai. Phú ông nghĩ rằng: “Bây giờ ta phải tìm cách hạ sát đứa con hoang, thì đứa con ruột của ta sẽ giữ chức đệ nhất phú gia trong thành Kosambi này”.

Ông Thiên hộ gọi con tử tất Kālī và dặn riêng nó rằng: “Con đem thằng bé ngoại tộc này đến cửa chuồng bò, chờ khi người ta sắp thả bò ra, thì con bỏ nó nằm ngay giữa lối đi, cho bò cái dậm nhẹp xác nó! Con chờ coi, thấy nó bị đạp chết rồi, hãy về cho ông biết tin”.

Nữ tỳ Kālī ẵm đứa bé đi, chờ một lúc thấy mục đồng mở cửa chuồng bò, bèn đặt nó nằm ngang cửa lối đi của bò. Mọi bữa khác thì con bò đực Đâu Đàn đi ra sau chót hết, nhưng hôm nay nó lại ra trước nhất, đến ngay chỗ đứa bé nằm nó đứng dang bốn chân ra, che chở tứ phía.

Bầy bò cái không biết mấy trăm con, chạy túa ra làm hai hàng, chạm vào hai bên hung con bò mộng, người chăn bò thấy chuyện lạ, nói thầm rằng: “Con bò mộng này lúc nào cũng đi ra sau cùng, sao hôm nay lại phát chứng chạy ra trước nhất, đứng chặn ngay cửa chuồng vậy cà? Không biết có cái gì ở đó?”

Khi đến gần trung thấy đứa bé tí hon đang nằm dưới con bò mộng, người chăn bò sanh lòng thương như con ruột của mình, bèn hư lớn lên: “Ta xí được đứa con trai”. Rồi ẵm luôn nó vô nhà.

Kālī về phục lệnh chủ, đem hết mọi sự trình lại cho ông Thiên hộ nghe. Phú ông lại giao cho nó một ngàn đồng vàng và dặn: “Bây giờ con đem số tiền này đi, ráng chuộc thằng bé về cho ông”.

Tử tất Kālī thực hành lệnh chủ, xuất hết một ngàn đồng vàng chuộc được đứa bé mang về cho ông Thiên hộ. Khi ấy, phú ông lại nhỏ to sờ cậy đứa con gái tâm phúc rằng: “Này Kālī con, hôm nay trong đô thành có năm trăm cỗ xe bò sắp khởi hành một chuyến buôn xa, sẽ đi từ mờ sáng, vậy con hãy mang thằng bé này đem bỏ giữa đường lộ cho bò đạp, cho xe cán nó nát thây, đứt đầu chết đi cho rảnh, con chờ xem thấy nó chết thật rồi, hãy về cho ông hay”.

Con nữ tỳ lại mang đứa bé đi bỏ nằm ngang giữa lộ. Lúc khởi hành, vị đoàn trưởng cho xe mình đi trước dẫn đường, đến chỗ đứa bé nằm, cặp bò đứng khựng lại, bị chủ la hét thúc giục, chúng lại lộn nài bẻ ống không chịu đi tới nữa. Vì cặp bò hướng đạo sanh chứng, tháo trút như vậy, nên cả đoàn xe phải dừng lại. Vị đoàn trưởng đang mãi đứng loay hoay gác ách lên cổ bò thì trời rưng sáng.

Khi ấy ông trưởng đoàn lái buôn nhìn xuống đường để xem coi: “Tại sao mấy con bò sanh chứng kỳ vậy”. Khi trung thấy đứa hài nhi ông mừng thầm: “Hay lắm, công việc này thật phù hợp với vợ ta”, rồi ông bồng đứa bé lên và đem nó về nhà.

Thấy Kālī về. Ông Thiên hộ lật đặt hỏi thăm, khi nghe đứa con gái tường thuật hết sự tình, ông lại sai nó đi:

- Thôi con ráng đi một lần nữa, đem một ngàn đồng vàng này chuộc nó đem về đây.

Con nữ tỳ làm theo lời chủ dặn.

Ông Thiên hộ lại bảo nó: “Bây giờ con đem thằng nhỏ bỏ vào bãi tha ma, để cho cầm thú, nhất là chó mèo nhai xương nó, cho phi nhân, ngạ quỷ đánh đập nó chết đi, chừng con thấy nó thật chết rồi thì về cho ông biết tin”.

Kālī lại na đứa hài nhi ra đi, quạ hay là các giống phi nhân đều không dám xáp lại gần kề bên nó, nó chỉ có một mình trợ trợ, chẳng có cha có mẹ, có anh chị nào khác bảo bọc, che chở cho nó hết cả. Vậy thì ai hộ trì nó? Đó là nhờ phước nó đã tạo trong kiếp chó, bằng cách sửa kêu Đức Độc Giác Phật với tâm triu mến, hộ trì nó vậy.

Khi ấy có một người chăn dê, đuổi hàng trăm ngàn con dê ra đồng cỏ cho ăn, đi xuyên qua bãi tha ma, một con dê cái đi kiếm lá cây ăn, nên tách ra đi riêng, chui vào một bụi rậm, thấy đứa bé nó dừng lại, quì hai gối đưa vú cho đứa bé bú, nghe người chăn giả tiếng kêu be be, nó cũng không chạy ra, người này định bụng ta sẽ đập cho nó mấy gậy.

Khi chui vào chỗ lùm cây bụi rậm, thấy con dê cái đang đứng chằng hằng cho đứa bé nút sữa của nó, người chăn dê cảm thấy thương đứa bé ấy như con mình, bèn tri hư lên rồi ẵm nó đem đi.

Con Kālī mục kích được chuyện nầy, trở về phúc trình tường tận cho ông phú hộ biết, ông ta lại sai nó mang một ngàn đồng tiền vàng chuộc đứa bé mang về và nó lại thi hành mệnh lệnh của chủ.

Khi ấy, ông Thiên hộ lại dặn dò cư tử gái thân tín: “Nầy Kālī con! Phen nầy con ráng đem thằng nầy trèo lên núi, tới chỗ vực thẳm mà người ta sẽ xô bọn cướp xuống hành hình (Corappabbata), con vớt nó xuống hố sâu cho nó va chạm vào vách đá đập nát thầy thi, chừng con thấy nó rớt xuống đất thật chết rồi thì con về cho ông hay”.

Con nữ tỳ đai đứa bé, trèo lên chót núi rồi quăng nó xuống.

Ngay chỗ ấy, từ sườn núi phía dưới có một lùm tre lớn theo khe đá nứt mọc lên trên đầu ngọn tre một đám cam thảo rừng (jīnjūka) bao phủ rậm rạp, đứa bé rơi nhằm trong đó như là nằm trên tấm thảm to vậy.

Ngày ấy, ông thợ cả trong nhóm người đan thúng rổ cần dùng tre, ông ta xách rựa đi với đứa con trai lên núi, đến chỗ lùm tre dọn gai gốc để đốn, bị động đứa trẻ khóc ré lên. Nghe tiếng con nít khóc dậy, ông đốn tre nói: “Tiếng gì y như tiếng con nít khóc vậy”. Đoạn ông ta tìm lối trèo lên đầu ngọn tre, thấy đứa hài nhi ông mừng rỡ tri hư lên: “Ta xí được đứa con trai”. Rồi ông bồng nó đem đi.

Con Kālī trở về gặp ông Thiên hộ, ông hỏi thì nó thấy sao cứ nói vậy, tình thật khai ngay, phú ông lại đưa ra một ngàn đồng vàng, biểu nó đi chuộc đứa bé đem về cho ông và nó cứ y lời, không dám cãi lịnh chủ.

Mặc dù bị dưỡng phụ là ông Thiên hộ lập phương nầy thế nọ để sát hại như thế, đứa con trai mồ côi cũng chẳng hề hấn gì, nó lớn dần lên và được mọi người gọi là Ghosaka (Lôi Âm công tử), vì tiếng nói của nó vang rền như sấm, nó như là cái gai nhọn châm vào mắt Trương giả, ông ta thù ghét nó đến nỗi ông ta không muốn trưng thấy mặt nó, bị những ý tưởng đen tối ám ảnh, ông Thiên hộ lại cố tìm cho ra mưu kế để giết nó cho khuất mắt mình, ông ta bèn đến chỗ ngụ của người làm nghề lò gốm và nói:

- Chừng nào bạn đốt lò?

- Ngày mai.

Nghe vậy, ông Thiên hộ nói: “Thế thì bạn cứ cầm lấy một ngàn đồng tiền vàng nầy mà xài, rồi tiếp theo làm việc nầy giúp tôi nhé!”.

- Việc chi vậy?

- Tôi có một thằng con nuôi, tôi sẽ sai nó đến đây bạn hãy dắt nó vào phòng kín, lấy dao bén phân thân nó ra từng mảnh, ném vào lò hầm. Đây một ngàn đồng vàng nầy tôi biểu trước cho bạn, khi nào xong việc tôi còn nhiều quà tặng thù lao cho bạn nữa.

Chủ lò gốm nhận lời đáp: “Dạ thưa, được rồi”. Hôm sau, ông Thiên hộ cho đòi Lôi Âm (Ghosaka) đến, bảo rằng:

- Con à! Hôm qua cha có đặt cho ông chủ lò gốm làm một công việc, giờ con hãy đến nhắc ông ta như vậy: “Hôm qua cha tôi có đặt cho chú làm chuyện chi đó, thì chú cứ làm đi”.

công tử Ghosaka: “Dạ vâng”, rồi ra đi.

Khi ấy, con ruột của ông Thiên hộ đang chơi bắn cu li (Gulakīlā) với bạn trẻ, thấy Ghosaka ra đi, kêu lại hỏi: “Anh Ghosaka, anh đi đâu đó?”.

- Cha sai anh đi đến nhà người chủ lò gốm có việc.

- Để em đi thế cho, mấy đứa nầy ăn của em nhiều đạn quá, anh hãy ở đây chơi, gỡ lại dùm em.

- Anh sợ cha rầy lắm.

- Anh đừng sợ, để em đi đưa tin thế cho anh, em bị thua nhiều lắm, anh ráng gỡ lại dùm em, trước khi em trở về nhà.

công tử Ghosaka có tiếng là chơi bắn đạn rất giỏi nên con Trương giả mới theo nài nỉ như vậy.

Sau cùng công tử chịu theo ý em và bảo: “Ừ thôi, thì em đến nhắc với chủ lò gốm rằng: Nghe nói hôm qua cha tôi có đặt cho chú làm công việc chi đó, vậy bây giờ chú cứ làm đi”.

Cậu con ruột của ông Thiên hộ đến tìm gặp ông chủ lò gốm và nói y theo lời Ghosaka đã dặn. Cậu ta không dè ông chủ lò gốm đã nhận tiền của cha cậu, nên y theo mật ước, giết chết và phân thây cậu và ném vào lò hầm.

công tử Ghosaka ở chơi bắn đạn, mãi đến chiều tối mới trở về nhà. Ông Thiên hộ thấy cậu liền hỏi: “Sao con chưa đi mà còn ở đây?”

công tử Ghosaka bèn cho dưỡng phụ biết lý do: “Cậu không đi là vì em cậu đã giành đi thế cho cậu.”

Nghe vừa dứt lời, ông Thiên hộ tưởng như máu nóng sôi trào trong khắp người ông, ông kêu thét lên hai tiếng: “Đừng giết” rồi ông oằn oại chấp tay, lao đảo đi đến lò gốm vừa đi vừa than khóc: “Chú lò gốm ơi! Chú đừng có giết hại tôi hi hi, chú đừng có giết hại tôi hi hi...”.

Chủ lò gốm thấy ông Thiên hộ đi đến, vội vã chạy ra đón rước và cho biết rằng: “Thưa ông chủ, xin ông đừng to tiếng, việc ấy tôi đã thi hành rồi”.

Ông Thiên hộ bị mối sầu tựa như núi đè nặng tâm tư, nhưng ông chỉ còn nước ngậm hờn, nuốt tủi, thâm ôm mối hận ngàn đời.

Đó là tội báo của kẻ nhiễm ư, manh tâm muốn hãm hại người trong sạch, đề cập đến việc này, Đức Thế Tôn có thuyết bài Kệ Pháp Cú được ghi trong phẩm Đao Trượng (Hình phạt).

*“Yo daṇḍena adañḍesu
Appaduṭṭhena dussati
Dasannaṃ aññataraṃ tḥānaṃ
Khippameva nigacchati”.*
*“Vedanāṃ pharusāṃ jāniṃ
Sarīrassa ca bhedaṇāṃ
Garukaṃ vāpi ābādhāṃ
Cittakkhepaṃ va pāpuṇe”.*
*“Rājato va upassaggaṃ
Abbhakkhānaṃ va dāruṇāṃ
Parikkhayaṃ va ñātīnaṃ
Bhogānaṃ va pabhaṅguṇāṃ”.*
*“Atha v’āssa agārāni
Aggi dahati pāvako
Kāyassa bhedaṃ duppañño
Nirayaṃ so’papajjati”.*

*Cầm đao trượng đối tay không,
Ác nhân muốn hại người trong sạch thì,
Quả kia sẽ trả cấp kỳ,
Trong mười điều khổ, thọ y một điều:
Tâm thân đau đớn trăm chiều,
Hoặc thân ngộ nạn nát tiêu, rã rời,
Hoặc lâm bệnh nặng khổ đời,
Hoặc cuồng tâm, hóa ra người khùng điên,
Hoặc vua hình phạt, cùm xiềng,
Hoặc người vu cáo oan khiên tội tình,
Hoặc ly tán cả gia đình,
Hoặc là tài sản tan tành hư hao,
Hoặc là cửa rộng nhà cao,
Lửa hồng một ngọn cháy ào tan hoang.
Rã thân rồi, kẻ ngu ngoan,
Còn sa địa ngục chịu toàn khổ đau.*

Tuy đau khổ vì con chết do lòng hiểm độc của mình, phú Trưởng giả vẫn chưa tỉnh ngộ hối quá, mà lại càng ghét cay ghét đắng công tử Ghosaka, muốn thủ tiêu ngay cậu cho khỏi xốn mắt, mỗi khi nhìn thấy cậu, ông lại moi óc tìm ra được một kế khác “Ta sẽ sai thằng nầy, đi đến mượn tay cậu quản lý ở Gāmasata (Ba Thôn) của ta giết nó”.

Ông liền thảo một bức thư, đại khái nói rằng: “Thằng nầy là con nuôi của ta, nhờ cậu giết nó chết, và trừ cho mất xác, rồi ta sẽ đền công ơn xứng đáng”.

Trao phong thư cho công tử Ghosaka, phú ông hạ thấp giọng bảo rằng: “Nầy Ghosaka con! Cha có một viên quản lý ở Gāmasata, con mau mang thơ nầy đến trao tận tay ông ấy”.

Dặn dò xong, phú ông buộc bức thư cầm nang vào vạt áo của cậu Ghosaka. Chàng công tử nầy đã đến tuổi thiếu niên mà còn dốt chữ vì thất học. Từ bé đến giờ, chàng bị người dưỡng phụ ác tâm cứ mãi tìm cách giết chàng cho khuất mắt, nhưng chẳng thành công, có đầu mà chàm lo đến sự học vấn của chàng.

Vì thế, chàng ta vẫn vô tình để cho dưỡng phụ buộc cầm nang, trong đó đựng bản án của chàng vào vạt áo. Lúc ra đi chàng chỉ hỏi: “Thưa cha, con chưa có vật thực chi để ăn theo đường”.

- Con khỏi cần đem theo vật thực cho mất công. Con đi giữa đường thì đến làng mỗ, nơi đó có ông Trưởng giả là bạn của cha, con ghé nhà ông ấy dùng cơm rồi hãy đi nữa.

- Dạ thưa vâng!

công tử Ghosaka cúi lạy từ giả dưỡng phụ, đi đến làng mỗ hỏi thăm nhà ông Trưởng giả, rồi đến gọi cổng thì gặp bà Trưởng giả.

- Cháu ở đâu lại đây? Phú bà hỏi.

- Dạ thưa bác! Cháu ở thành nội. Thiếu niên đáp.

- Cháu là con ai?

- Dạ thưa bác cháu là con ông Thiên hộ

- Phải cháu tên là Ghosaka không?

- Dạ thưa bác phải.

Bà Trưởng giả thấy mặt Ghosaka và nghe tiếng chàng đối đáp tự nhiên sanh lòng mến thương chàng như con đẻ.

Ông bà Trưởng giả chỉ có một nàng tiểu thư tuổi vừa mới cặp kê, nhan sắc mỹ miều, khả ái. Ông bà cất riêng một đũa nữ tỳ để theo săn sóc và phục dịch cho tiểu thư. Tiểu thư ở trên tầng lầu thứ bảy, tối ngày chẳng hề bước chân ra khỏi càn phòng.

Bà Trưởng giả thấy con hầu của tiểu thư xuống lầu, bèn kêu hỏi nó: “A hoàn ạ! Mấy đi đâu vậy?”.

- Bẩm bà! Tiểu thư sai con đi chợ

Bà Trưởng giả bảo: “Thôi mấy khoan đi chợ đã! Lại đây lo sửa soạn ghế cho công tử ngồi, trải chiếu mời công tử nằm nghỉ đâu đó xong xuôi đàng hoàng, rồi hãy đi chợ nghe”.

Con a hoàn vâng lệnh bà Trưởng giả, lo xong công việc rồi mới đi chợ. Khi nó về, tiểu thư thấy nó đi lâu nên trách mắng, hàm he, nó bèn phân trần: “Thưa tiểu thư, xin tiểu thư đừng giận, mắc bị có công tử Ghosaka là trưởng nam của ông Thiên hộ mới đến, bà biểu phải làm công kia việc nọ cho công tử trước rồi hãy đi chợ sau, nên em về trễ”.

Vừa nghe đến tên công tử Ghosaka, tiểu thư bỗng nhiên sừng sốt ngẩn ngơ: Tình yêu công tử bộc phát như xuyên qua khỏi làn da, chạm đến tận xương tủy của nàng xử nữ.

Trong tiền kiếp công tử Ghosaka chính là chàng Kotuhaliko còn tiểu thư là nàng Kālā vợ của chàng, nàng nhờ để bát một bát cơm cúng đường Đức Phật Độc Giác, nên kiếp nầy được sanh vào nhà đại phú, tình yêu chồng từ kiếp trước như lửa bùng cháy lại, khiến cho nàng xúc động tâm tư. Bởi thế nên Đức Thế Tôn mới thuyết kệ rằng:

*“Pubbevasannivāsena
Paccuppannahitena và*

*Evantam jāyate pemaṁ
Uppalaṁ va yathodaketi”.*

*“Xưa từng chung chạ ra vào,
Giờ nay tái ngộ, lòng nào chẳng lay.
Men tình vừa nhấp đã say,
Bèo xanh gặp nước ngày ngày gia tàng.*

Khi ấy, tiểu thư hỏi con a hoàn: “công tử hiện nay ở đâu vậy em?”

- Thưa cô! công tử đang nằm ngủ trên giường.

- công tử có cầm vật chi trong tay không?

- Thưa tiểu thư, ở vạt áo công tử có buộc một bức cẩm nang.

Tiểu thư nghĩ thầm: “Đó là thư từ chi vậy?”.

Trong khi công tử Ghosaka còn đang say giấc nồng, tiểu thư không cho cha mẹ hay biết, rón rén lén xuống thư phòng, mở lấy cẩm nang buộc nơi vạt áo của công tử, đoạn trở lên khuê các, đóng cửa cài then mở thư ra đọc, tiểu thư vốn là bậc văn hay chữ giỏi, đọc suốt hết lời lẽ trong thư rồi chép miệng than rằng: “Ôi! Công tử khờ khạo làm sao, ai lại buộc theo vạt áo một bức thư giết mình mà đi lang thang như vậy? Nếu ta không thấy kịp còn chi là đời của công tử”.

Tiểu thư liền xé bỏ bức thư đọc hại, nhái theo tuồng chữ và lời lẽ của ông Trưởng giả vẫn tất như vậy: “Đây là trưởng tử của tôi tên là Ghosaka. Xin túc hạ thay mặt tôi, tương lễ vật từ Gāmasata, lo cho nó đẹp duyên cùng ái nữ của ông Trưởng giả bạn tôi, cắt chia nửa phần đất giữa làng chỗ túc hạ ở, cất một ngôi nhà xung quanh có tường rào và thuê người canh gác cẩn mật phòng vệ chu đáo, xong rồi gửi thư phúc đáp: “Tôi đã làm như vậy... Như vậy...” thì ta hậu tạ chẳng dám quên ơn”. Thảo xong bức thư bỏ vào cẩm nang, tiểu thư vội vã trở xuống chỗ Ghosaka đang ngủ, buộc trở lại vào áo công tử như trước.

Ngủ một giấc đỡ mệt, công tử dậy dùng cơm trưa, rồi cất bước lên đường, đi suốt cả đêm, sáng hôm sau công tử Ghosaka đến Gāmasata, gặp viên quản lý đang đi công cán trong làng. Thấy Ghosaka, viên quản lý bèn hỏi:

- Có việc chi vậy công tử?

- Cha tôi gửi thư qua cho ông đây.

- Thư gì đâu, công tử cho tôi coi thử.

Tiếp lấy bức cẩm nang, viên quản lý mở thư ra đọc rồi phân bua với dân làng: “Bà con ơi! Bà con coi đây, ông chủ thương tôi hết mình, ông gửi thư biểu tôi: “Hãy lo cưới vợ cho trưởng nam của ta”. Vậy anh em hãy ráng lo sắp đặt củi nước sẵn sàng nghe chưa”.

Phân chia công tác cho các gia chủ dự bị cuộc lễ hôn phối xong, viên quản lý khiến dọn miếng đất gòn gang giữa làng và lo kiến tạo một ngôi nhà mới.

Kế đó, viên quản lý sắp sanh lễ vật cầu hôn, đến rước tiểu thư ái nữ của ông Trưởng giả về cử hành lễ tân hôn và tân gia cho công tử Ghosaka, đoạn cho người báo hỷ tin cho ông Thiên hộ biết: “Tôi đã phụng hành mệnh lệnh Thiên hộ, làm như thế... như thế..”.

Tiếp được hỷ tin, ông Thiên hộ càng thêm tức tối bội phần, ngày đêm vào thở ra than: “Việc ta chủ mưu sao không thành, còn việc ta không chủ mưu thành sự như thế làm chi”.

Lớp sâu con chết, lớp giận Ghosaka, hai mối ưu phiền dồn dập, khiến ông Thiên hộ phát chứng đau bụng sanh ra kiết lỵ.

Đây nói về tiểu thư con ông Trưởng giả, khi về ở nhà mới, nàng dặn dò hết các gia tộc: “Nếu có người nhà của ông Thiên hộ qua đây, mà chưa gọi sai biểu các người thì các người khoan đi báo tin cho công tử biết nghe không?”.

Còn ông Thiên hộ nằm trên giường bệnh, ông tính một mình: “Nghĩa tử là kẻ ngoại thân, ta nhất định sẽ không lập nó lên là kẻ thừa kế sản nghiệp của ta”.

Nghĩ rồi, ông cho đòi quản gia đến bảo rằng: “Nầy cậu, ta muốn gặp mặt nghĩa tử của ta. Vậy cậu sai một đứa bộ hạ đi kêu nó về đây!”.

- Dạ thưa vâng! Viên quản lý đáp, rồi ông ấy thảo một bức thư, trao cho một gia đình cầm đi qua Gāmasata để rước công tử Ghosaka.

Khi nghe tin báo có đưa gia đình của ông Thiên hộ mới qua, còn đứng ngoài cổng ngõ chờ lệnh, tiểu thư con ông Trưởng giả cho gọi nó vào nhà và hỏi: “Cậu qua đây có việc chi?”.

- Thưa tiểu thư, ông Thiên hộ bệnh, sai con đi rước công tử về cho ông thấy mặt.

- Này, cậu thấy ông bệnh mà còn khỏe hay yếu sức rồi?

- Thưa tiểu thư, ông còn khỏe, thấy ông vẫn ăn uống như thường?

- Thôi được, cậu cứ ở lại đây chơi, đợi lúc nào cô bảo về hãy về.

Tiểu thư lấy tiền thưởng công cho tên gia đình, sai người dọn chỗ cho nó ở lại, nhưng cấm tuyệt không ai thông báo cho công tử biết.

Ông Thiên hộ nằm chờ tin, lại hỏi viên quản gia: “Sao lâu quá vậy cậu! Hay là cậu chưa sai đưa nào kêu con ta về đây phải không?”.

- Dạ thưa Thiên hộ, tôi đã sai gia đình đi rồi, nhưng nó chưa về.

- Nếu vậy, cậu sai đưa nào khác đi tiếp theo coi.

Viên quản gia lại sai thêm một tên gia đình khác. Đưa sau này qua Gāmasata cũng bị tiểu thư đón hỏi thăm tin và lưu giữ lại như đưa trước.

Bệnh tình của ông Thiên hộ bỗng đâu biến chứng trở nên trầm trọng, cơm cháo ông cho vào một bát thì cũng cho ra một bát. Lần thứ ba, ông hỏi viên quản gia: “Sao lâu dữ vậy? Hay cậu không cho đưa nào đi gọi con ta về”.

- Thưa Thiên hộ, tôi đã sai thêm đưa khác đi nữa rồi, nhưng nó cũng chưa về.

- Thế thì, hãy sai thêm đưa khác đi nữa đi.

Viên quản gia lại sai thêm đưa khác đi qua rước công tử.

Đưa gia đình thứ ba này cũng bị tiểu thư đón lại hỏi thăm: “Bệnh tình của ông Thiên hộ lúc này ra sao?”. Nó đáp: “Thưa tiểu thư ông Thiên hộ bệnh nặng lắm, ông tuyệt thực, nhắm chắc ông phải chết, ông bị ngay sống trường, ăn vô chút nào thì xổ ra hết chút này”.

Tiểu thư nghĩ thầm: “Lúc này chính là lúc nên đi”. Tiểu thư bèn vào thưa với chồng: “Có tin nhắn cho hay nghiêm trọng bệnh”.

- Hiền thê nói chi?

- Dạ thưa lang quân, phụ thân của chàng quý thể bất an.

công tử Ghosaka lại hỏi vợ rằng: “Bây giờ ta phải làm gì đây há?”.

Tiểu thư đáp: “Thưa lang quân! Ta nên đem theo sản phẩm ở Gāmasata để làm lễ vật khi về thăm viếng gia nghiêm”.

- Ở phải rồi!

công tử khiến người mang lễ vật chất đầy mấy cỗ xe bò, đem đi theo, rồi hai vợ chồng khởi hành.

Đi được nửa đường, tiểu thư nói với chồng:

- Lệnh nghiêm đường đau yếu, ta về thăm mà mang nhiều lễ vật kỉnh càng bất tiện lắm. Thôi chàng hãy cho trả trở lại hết đi.

Nói rồi, tiểu thư cho xe đem tất cả về hết nhà ông Trưởng giả cha nàng. Tiểu thư lại dặn chồng: “Lang quân à! Lát nữa về thăm lệnh nghiêm, chàng hãy đứng phía dưới chân, để thiếp đứng phía trên đầu nghe chàng”.

Vào tới trong nhà, công tử Ghosaka đứng phía dưới chân dưỡng phụ, còn nàng thì đứng phía trên đầu ông.

Trong giờ ấy, ông Thiên hộ nằm ngửa, mắt nhắm thiêm thiếp, viên quản gia đang ngồi bóp chân cho ông, bèn lên tiếng:

- Thừa Thiên hộ, có công tử mới về đây.
- Nó đâu?
- Dạ công tử đang đứng dưới chân Thiên hộ đó.

Trung thấy công tử Ghosaka, ông Thiên hộ cho mời viên tổng quản tài sản của ông đến hỏi rằng:

- Gia tài của ta tất cả được bao nhiêu?

- Thừa Thiên hộ, về tiền mặt, đồ vật dùng và xa xỉ phẩm độ bốn trăm triệu, còn làng ấp, rộng vườn, sản vật lương tức, tứ tức, xe cộ, mỗi thứ được chừng nầy, chừng nầy...

Nghe viên tổng quản phúc trình xong, ông Thiên hộ có ý muốn di chúc rằng: “Chừng ấy tài sản của ta, Ghosaka là nghĩa tử, ta không cho quyền thừa kế”. Nhưng khi thốt ra lời, ông Thiên hộ nói lộn là “Ta cho quyền thừa kế”. Tiểu thơ nghe dứt tiếng, nàng mừng thầm tự nghĩ: “Nếu cho ông ấy nói sửa trở lại thì tình thế sẽ đảo ngược hết”. Tiểu thơ liền giả cách bi thương, bứt tóc dậm chân khóc kể rằng: “Cha ơi là cha, cha nói làm chi lời ấy, làm cho hai con nghe qua càng thêm đau khổ quá chừng! Cha ơi là cha ơi...”.

Dứt lời, tiểu thơ giả vờ chồm tới trước, đập đầu ngay ngực ông Thiên hộ, rồi nằm lì nơi đó khóc nỉ non tức tưởi, cốt ý không cho cha chồng mở miệng sửa lại chúc ngôn. Nhưng ông Thiên hộ cũng vừa tắt thở ngay trong phút giây ấy.

Gia nhân vào trào bá kiến đức vua Udena để báo tin: “Ông Thiên hộ đã thất lạc”. Quốc vương ban cho gấm vóc để đem về khâm liệm tống chung phú ông, đúng theo nghi lễ và phán hỏi:

- Thiên hộ có con trai hay con gái chi không?

- Muôn tâu bệ hạ, Thiên hộ có một người con trai là công tử Ghosaka. Trước khi thất lạc, Thiên hộ có chúc ngôn truyền hết tài sản lại cho công tử.

Sau đó một thời gian, đức vua triệu công tử Ghosaka vào triều bệ kiến.

Hôm ấy nhằm trời mưa to, trong sân ngự chỗ nào cũng có nước đọng vũng, công tử Ghosaka tính thâm: “Ta đi châu vua”, rồi một mình đi vào cung nội. Đức vua đứng trong biệt điện, mở cửa sổ nhìn ra, thấy công tử đi đến đang nhảy tránh các vũng nước trong sân mà vào cung.

Đến chỗ vua ngự, công tử triều bá, tung hư vạn tuế, rồi đứng lên. Đức vua phán hỏi công tử:

- Khanh đây phải là Ghosaka không?

- Muôn tâu bệ hạ, phải! Hạ thần chẳng may nên nghiêm đường đã sớm thất lạc.

- Khanh đừng bi lụy, để trẫm phong chức Thiên hộ cho khanh, để khanh được nối chức của cha.

Phán xong, đức vua ân tứ cho công tử mấy chung ngự tửu, rồi truyền bãi châu: “Trẫm cho phép khanh về”.

Khi Ghosaka về, đức vua còn đứng nhìn theo, thấy công tử đi thẳng một đường, lội luôn qua các vũng nước, chứ không nhảy tránh như lúc vào cung. Đức vua lấy làm lạ về cử chỉ của công tử Ghosaka, bèn triệu hồi và phán hỏi công tử:

- Nầy hiền khanh, tại sao lúc vào cung để triều kiến trẫm thì khanh nhảy tránh các vũng nước, còn khi trở về khanh lội phàng xuống nước, đi thẳng một đường?

- Muôn tâu Thánh thượng, hạ thần lúc vào cung còn là một công tử, cho nên còn giữ tánh bay nhảy bung lung, bây giờ đã được lệnh cửu trùng chấn hứa sẽ ban cho tước lộc triều đình hạ thần không dám khinh suất như trước, cho nên phải đi đứng chỉnh tề như thế.

Nghe công tử biện bạch, Quốc vương Udena cảm mến, khen rằng:

- Thiếu niên nầy có đủ tư cách, đáng được thụ phong ngay từ bây giờ.

Phán rồi, đức vua hạ chiếu chỉ, phong cho công tử Ghosaka giữ chức Thiên hộ của cha, được phép thu thuế công điền công thổ một trăm thôn ấp như trước.

công tử Ghosaka về nhà vinh qui bá tử, công tử đứng trên một chiếc xe hoa, nhiễu qua thành phố dân chúng khắp nơi tung bùng chào đón, tiếng hoan hỷ vang dậy.

Tiểu thư ở nhà đang trò chuyện với bà vú Hắc Nữ, tiểu thư hỏi rằng: “Nhũ mẫu Kālī, vú có biết rằng tất cả sản nghiệp của con trai vú, nhờ một tay con mà có không?”.

- Nhờ bằng cách nào hả con?

- Lúc trước công tử qua nhà con, bên vạt áo có buộc một phong thư mượn người hạ sát chàng. Khi ấy chính tay con xé bỏ bức thư độc hại ấy và viết tráo một bức thư khác, mượn người đứng chủ hôn cho công tử đứng cưới con. Nhờ con cứu mạng mà công tử mới được sống sót đến ngày nay.

- Con à! Con chỉ biết thấy có bao nhiêu đó thôi. Chớ thật ra lão Thiên hộ đã lập tâm mưu sát công tử nhiều lần, kể từ thuở công tử hãy còn bé thơ. Nhưng lão đã thất bại hoàn toàn mặc dầu lão đã tung ra rất nhiều tiền của.

- Nhũ mẫu à! Lão Thiên hộ đã tạo thật nhiều nghiệp hết sức nặng nề, tội lỗi phải không?

Thấy công tử đã nhiều qua thành phố, trở về đến nhà, Tiểu thư cười rằng: “công tử nhờ một tay thiệp mới được vinh hiển như thế”.

Thiên hộ Ghosaka thấy vợ cười thì hỏi:

- Tại sao nàng cười?

- Tại vì một lẽ riêng

- Lẽ gì? Nói ta nghe thử.

Tiểu thư nín thính, làm ra vẻ bí mật. Ghosaka rút kiếm ra giả vờ hăm dọa: “Nếu thực không chịu khai, ta sẽ chém mi đứt hai bây giờ”.

Tiểu thư nói: “Thiếp cười vì chàng nhờ thiệp mới được làm chủ bấy nhiêu sản nghiệp nầy đây?”.

Ghosaka bảo vợ: “Tất cả tư sản nầy là của gia nghiêm truyền giao cho ta, ta thừa hưởng là lẽ dĩ nhiên, nàng có công lao chi mà kể lễ”.

Thiên hộ vẫn vô tình, không biết chi về ác tâm của dưỡng phụ trong thời gian qua, nên khi nghe vợ kể công, thì chàng không tin.

Tiểu thư bèn đem tất cả những điều uẩn khúc thuật lại một hồi: “Dưỡng phụ sai chàng mang thư, mượn tay người thủ tiêu chàng, mà chàng vô tình nào biết. Nhờ thiệp đã làm như vậy.. Như vậy... để cứu mạng và che chở cho chàng sống đến ngày nay”.

- Nàng khéo bịa chuyện không có.

- Không tin, chàng cứ hỏi bảo mẫu Kālī thì biết.

- Thừa bảo mẫu, vợ con nói đây có thật không?

- Thật thế con à, dưỡng phụ con mưu tính giết con khi con còn măng sữa nhưng không được. Người đã xuất rất nhiều tiền sai đem bỏ con bầy lẩn ở bầy chỗ, mà con đều thoát chết. Nên bây giờ con mới sống mà thừa hưởng di sản, được vua phong chức Thiên hộ và ân tứ quyền thu thuế một trăm thôn ấy đó con.

Nghe hết tự sự, Thiên hộ Ghosaka giật mình, than thầm: “Ôi! Nghiệp báo của ta quả thật nặng nề, cho nên mới chết hụt nhiều lần như vậy. May sao mà ta còn toàn mạng... Nếu ta cứ buông lung phóng dật chẳng là trái đạo lắm ư? Từ rày ta không nên để đuôi nữa!”

Nghĩ rồi, mỗi ngày Thiên hộ xuất ra một ngàn đồng vàng để làm việc phước thiện, như giúp kẻ lỡ đường, nuôi người tàn phế, châu cấp cho kẻ cô bản quả nhược... Thiên hộ giao phó công việc chuẩn thí cho Trưởng giả Mittakuṭumbika trung coi.

DỨT TÍCH THIÊN HỘ GHOSAKA

Thuở ấy, nơi kinh thành Bhaddavatī, có viên ngoại là bạn đồng điệu “tương giao tương kiến” (aditṭhapubbasahāyako) của Thiên hộ Ghosaka.

Do những lái buôn từ thành Bhaddavatī đến Kosambi, Thiên hộ được nghe danh tiếng giàu sang của nhà cự phú ở nước láng giềng, sanh lòng ái mộ, muốn kết tình hữu nghị nên gởi tặng phẩm đến cho viên ngoại. Bánh ịch đi bánh qui lại, hai nhà giao hảo như thế, nhưng chưa có dịp gần nhau. Một thời gian sau, nhà viên ngoại Bhaddavatī bị nhiễm bệnh thiên thời (ahivātarogo). Ruồi lẩn chết trước tiên, kế đến kiến mối, chuột, bọ, gà, vịt, heo, chó, mèo, bồ câu, tó gái, tó trai. Sau cùng tất cả gia

nhân đều chết rụi, những người sợ chết lây, bỏ nhà chạy đi lánh nạn thì còn được sống sót. Trong số đó có viên ngoại Bhaddavatī, bà vợ và cô con gái tên là Sāmā (Ô Nhi: Con đen).

Chạy thoát nơi tử địa rồi, viên ngoại tính muốn qua thăm Thiên hộ Ghosaka, bèn cùng vợ con lên đường đi Kosambi. Họ đi mới được nửa đường thì hết lương thực.

Dầu dãi phong sương, nhịn đói, nhịn khát thân thể mệt mỏi, tay chân rũ liệt, gian nan lắm họ mới đi đến thành Kosambi. Kiếm chỗ có nước tắm rửa sạch sẽ cho mát mẻ, rồi họ vào nghỉ trong một ký túc xá (sālā) ở đầu cổng thành.

Tạm trú yên nơi, viên ngoại bảo vợ rằng: “Bà ơi! Chúng ta tiêu tụy như vậy mà đến nhà ai, dầu là nhà mẹ sanh đi nữa, coi cũng khiếm nhã, nghe đồn bạn ta là Thiên hộ Ghosaka hằng ngày xuất cả trăm ngàn đồng vàng để cứu giúp những người lỡ chân trái bước, áo rách đói cơm, ta hãy sai con Sāmā đến đó xin vật thực, ta dùng đỡ một đôi ngày cho lại sức, rồi hãy đến nhà viếng thăm bằng hữu của ta vậy”.

Bà Bhaddavatī cũng đồng tình: “Phải đó ông à”. Đêm ấy ba người ngủ luôn nơi ký túc xá, sáng hôm sau, khi thấy đám bán nhân kéo đến xin vật thực, ông bà viên ngoại kêu con gái:

- Con ơi! Con đi xin vật thực về cho cha mẹ đi con.

Than ôi! Một thiên kim tiểu thư đến hỏi mạt vận, cũng phải ráng dần lòng chịu nhục, ôm bát đi chung với đám ăn mày, đến đứng trước cửa nhà Trưởng giả Mitta.

- cô bé đây lãnh mấy phần?

Nghe Trưởng giả hỏi, tiểu thư đáp:

- Dạ thưa ba phần.

Trưởng giả cấp cho nàng ba phần ăn.

Lãnh thực phẩm xong, tiểu thư đem về ký túc xá cùng ngồi ăn chung với cha mẹ.

Bà viên ngoại nói: “Gia tài sự nghiệp của ta đều tiêu tan, nhưng cũng có ngày tạo lại được cái khác, bây giờ ông nên bảo trọng thân thể, cứ ăn cho no đi, đừng lo cho mẹ con tôi, mà cũng đừng nghĩ ngợi gì nữa”.

Bị hai người cố nài nỉ ép ăn, viên ngoại Bhaddavatī thọ thực quá nhiều, nên bị trúng thực phát ách, đau bụng cả đêm và trút hơi thở cuối cùng vào lúc mặt trời mới rạng.

Hai mẹ con bà viên ngoại vật mình than khóc, tình cảnh ái ly tử biệt thật là thống thiết bi ai...

Sáng hôm ấy, tiểu thư Sāmā vừa gạt lệ sấu, vừa đi đến chỗ phát chẩn. Thấy tiểu thư, Trưởng giả Mitta lại hỏi:

- cô bé lãnh mấy phần?

Tiểu thư đáp: “Dạ thưa hai phần”.

Trưởng giả bèn cấp cho tiểu thư hai phần ăn, tiểu thư đem thực phẩm xin được về dâng hết cho mẹ và yêu cầu bà ăn cho no, chịu theo lòng con gái, bà viên ngoại dùng bữa ăn quá sức mình, vật thực không tiêu hóa được làm cho bà sinh bụng, phát ách và từ trần luôn ngày ấy.

Tiểu thư Sāmā còn sống một mình, hết khóc lại than, muôn sầu vạn thảm, quê người vô võ, tứ cố vô thân, chút phận liễu yếu đào tơ, luống chịu truân chuyên nhiều nỗi.

Đã khổ tâm còn đói bụng, ngày sau tiểu thư phải gắng gượng đi xin ăn, vừa đi vừa gạt lệ sấu.

- cô bé lãnh mấy phần ăn?

- Dạ thưa, chỉ một phần.

Từ ba ngày nay, Trưởng giả Mitta thấy cô bé này mỗi ngày mỗi giảm một phần ăn, nên khi nghe cô đáp “một phần”, thì nói giọng khinh miệt rằng: “À cô bé ăn mày! Bữa nay mày mới tiết độ rồi hả?”.

Tiểu thư Sāmā cảm thấy xót xa tủi nhục như vừa bị ai xát muối vào vết thương lòng, nhưng cũng còn gượng hỏi lại rằng:

- Dạ thưa, ông nói chi?

- Bữa đầu mây lãnh ba phần ăn, hôm qua lãnh hai phần, hôm nay lãnh một. Vậy là hôm nay mây biết tiết độ rồi đó.

- Dạ thưa ông chủ, xin ông đừng hiểu lầm là tôi xin về ăn một mình tôi.

- Thế thì tại sao cô bé đã lãnh tới ba phần?

- Bữa đầu, chúng tôi cả thầy ba người, hôm qua còn hai, bữa nay còn một mình tôi mà thôi.

Trưởng giả chưa hiểu rõ nguyên nhân, hỏi tiếp: “Tại làm sao, đâu em nói rành rẽ cho ta nghe thử?”.

Sau khi tiểu thư Sāmā kể hết nỗi nhà tan tác vì tai biến, trôi nổi thân lạc loài, Trưởng giả Mitta cảm lòng không được, nước mắt tuôn rơi.

Trưởng giả an ủi tiểu thư: “Thôi chuyện đã qua rồi, em đừng khêu gọi lại nữa. Con gái của viên ngoại Bhaddavatī cũng như con gái của ta, từ giờ trở đi ta nhận con làm nghĩa nữ”.

Nói rồi, Trưởng giả hôn lên đầu Sāmā, dắt nàng vào nhà, lập nàng lên làm trưởng nữ của mình.

Khi ấy, trong phước xá (Dānagga) có nhiều tiếng ồn ào huyền não. Tiểu thư Sāmā hỏi dưỡng phụ rằng:

- Thưa cha, sao cha không bảo đám người kia êm lặng và cha không bố thí cho họ vậy?

- Không có cách nào làm cho họ im lặng được con à!

- Thưa cha, con có cách làm được.

- Làm sao được hả con?

- Thưa cha! Cha hãy cho xây rào ngang phía trước phước xá chỉ chừa hai bên cửa ra vào, rồi cha dặn họ: “Đi vô bên này, đi ra bên kia”. Làm như vậy thì cha sẽ giữ được trật tự. Họ hết chen lấn ồn ào, ai cũng đi vô lãnh phần mình và đi ra êm thắm.

Trưởng giả Mitta nghe dứt lời khen rằng: “Hay quá, phương pháp của con hay quá”. Rồi Trưởng giả làm y như lời đề nghị của cô nghĩa nữ.

Tiểu thư trước đây tên là Sāmā, nay vì có sáng kiến làm hàng rào trước phước xá, nên được người gọi là Sāmāvatī. Từ đó về sau, trong phước xá dứt hẳn tiếng ồn ào náo nhiệt, sự thay đổi này làm cho Thiên hộ Ghosaka để ý, lúc trước mỗi khi nghe tiếng người lao xao vọng đến nhà mình, Thiên hộ rất hài lòng, nói thắm: “Tiếng huyền não ở phước xá ta đó”. Cách hai ba bữa nay, nghe trong phước xá lặng trang, Thiên hộ lấy làm lạ, bèn đích thân đến gặp Trưởng giả Mitta để gạn hỏi cho biết nguyên nhân.

- công việc chốn thị vẫn tiếp tục như thường chứ.

- Dạ vâng, thưa Thiên hộ.

- Tại sao hai ba bữa nay nghe lặng trang, không có tiếng tăm chi hết vậy?

- Thưa Thiên hộ, vì tôi áp dụng phương pháp khiến họ được im lặng trước khi lãnh phần cấp thí.

- Thế sao từ trước ông không áp dụng phương pháp ấy?

- Thưa Thiên hộ vì trước kia tôi chưa biết.

- Sao bây giờ lại biết?

- Thưa Thiên hộ, nhờ có trưởng nữ của tôi nó bày cách cho tôi.

- Ủa lạ, từ hồi trước tới giờ, ta chưa nghe nói là ông có con gái mà.

Trưởng giả Mitta bèn đem hết lai lịch của tiểu thư Sāmāvatī, từ khi viên ngoại chết đi cho đến lúc Trưởng giả nhận tiểu thư Sāmāvatī làm trưởng nữ của mình, thuật lại một hồi. Nghe xong, Thiên hộ Ghosaka trách rằng:

- Chuyện như vậy, mà sao ông không cho ta hay? Con gái của bạn ta tức là con gái của ta. Ông kêu nó ra đây cho ta hỏi coi.

Thiên hộ nói tiểu thư Sāmāvatī rằng:

- Con là ái nữ của viên ngoại Bhaddavatī phải không?

- Dạ thưa Ngài, phải.

- Nếu vậy con đừng buồn lo nữa, ta nhận con làm con gái của ta, con chịu chăng?

Thiên hộ Ghosaka hôn lên mái tóc đen huyền của cô gái mồ côi, cấp cho cô năm trăm nữ tỳ và đặt lên địa vị tiểu thư, trưởng nữ của Thiên hộ.

Ngày lễ Quốc khánh trong thành Kosambi, nhân dân vui chơi tung bồng, rộn rịp. Theo tục lệ, ngày này ai ai cũng được tự do, mấy cô thiếu nữ “khuê môn bất xuất” đều dắt cả nhóm thị tỳ của mình đi bộ ra bờ sông để tắm gội.

Nhân dịp lễ hội, tiểu thư Sāmāvati cùng với năm trăm thị nữ dắt nhau đi tắm sông. Họ đi ngang qua sân ngự trước đền vua.

Quốc vương Udena đứng trong hoàng cung nhìn qua song cửa sổ, thấy tiểu thư Sāmāvati, bèn phán hỏi thị thần: “Vũ nữ này là của ai?”

- Tâu bệ hạ, nàng này không phải là vũ nữ.

- Vậy nàng là con ai?

- Tâu bệ hạ! Nàng là ái nữ của Thiên hộ Ghosaka, mỹ danh là Sāmāvati.

Quốc vương Udena từ lúc thấy tiểu thư Sāmāvati thì đem lòng sủng ái, bèn hạ chiếu chỉ truyền lệnh cho Thiên hộ Ghosaka đưa tiểu thư tiến cung.

- Muôn tâu Thánh thượng, thần không thể nào đưa con gái tiến cung. Thiên hộ Ghosaka đáp.

- Khanh chớ vi lệnh quả nhân như thế. Hãy mau đưa lệnh ái tiến cung lập tức.

- Muôn tâu chúa thượng, luật nước tuy nghiêm minh, không có lệ xử phạt, giam cầm người vô tội. Quyền cha thì hữu hạn thì làm sao hạ thần áp chế, đánh đập, ép uống duyên con. Hạ thần không thể đem con gái mình mà hiến nạp vào cung.

Đức vua nổi trận lôi đình chi bộ, ra lệnh cho quan quân niêm phong nhà cửa của Thiên hộ Ghosaka, dắt hai ông bà đại phú đuổi tống ra bên ngoài.

Tiểu thư đi tắm về bị cấm cửa, không vào nhà được, bèn hỏi ông Thiên hộ:

- Sao có việc này vậy thưa cha?

- Này con, đức vua đưa sứ đến, đòi tuyển con vào cung, cha mẹ không phục tùng vương lệnh. Đức vua phẫn nộ ra lệnh niêm phong nhà cửa, đuổi tống cha mẹ ra ngoài như vậy đây.

- Thưa cha! tiểu thư nói: Cha đã phạm tội khi quân, tội ấy rất nặng. Phạm đạo làm tôi không nên cãi lệnh nhà vua. Thưa cha, con thiết tưởng, cha nên tâu cùng đức vua, xin cho cả đoàn thị nữ cùng nhập cung với con.

- Hay thay! Nếu con đã thuận tình gán gửi quân vương thì cha mẹ sẽ chịu ý con mà tâu lên Thiên tử.

Nói rồi Thiên hộ Ghosaka cho người dâng số tâu lên Thiên tử. Đức vua chấp nhận bằng lời chuẩn tấu, đoạn khiến quân binh đến rước tiểu thư Sāmāvati với đoàn thị nữ nhập cung. Đức vua tấn phong tiểu thư là chánh cung Hoàng hậu, còn năm trăm thị nữ của tiểu thư đều được chuẩn nhận làm cung nữ.

DỨT TÍCH TIỂU THƯ SĀMĀVATĪ.

Đức vua Udena còn có một bà Thứ hậu tên là Vāsuladatta (Hòa Tu Lạc Thí), là công chúa con vua Caṇḍapajjota (Huy Đăng) trị vì Út Chê Ni.

Hoàng đế Caṇḍapajjota là một vị vua có nhiều tham vọng hằng mong đi chinh phạt các nước nhược tiểu để mở rộng bờ cõi nước mình.

Một hôm, trên đường du ngoạn trở về nhà, vừa háo chiến vừa tự đắc nhìn ngắm giang san của mình, rồi phán hỏi quần thần: “Có lãnh thổ của quốc vương nào bì kịp với lãnh thổ của trẫm đây chăng?”.

Bá quan tâu rằng: “Muôn tâu Chúa thượng, nếu so với lãnh thổ của Quốc vương Udena thì đất nước của chúng ta chưa thấm vào đâu cả, vì xứ Kosambi là một xứ rộng lớn vô cùng”.

Nghe vậy, Hoàng Đế Caṇḍapajjota phán rằng:

- Thế thì trăm sẽ trưng tập binh, thôn tính xứ Kosambi.

- Muôn tâu Thánh thượng, không thể được.

- Tại vì sao thế?

- Vì vua Udena biết phép điều tượng, miệng niệm mật chú, tay khảy đàn thần, vua ấy có thể huy động đàn voi chiến chạy tới chạy lui đúng theo binh pháp. Nước ta không có tượng binh hùng hậu và người tài giỏi như vua ấy đâu?

- Trăm không bắt sống được vua ấy sao?

- Muôn tâu chúa thượng, nếu chúa thượng quyết bắt cho được vua Udena thì phải dụng mưu kế như vậy: Chúa thượng nên khiến thợ mộc rèn nghề, chế tạo một con tượng bằng gỗ, rồi cho quân đem thả gần ranh giới nước vua Udena. Hễ vua ấy nghe đồn có voi chiến, hoặc ngựa chiến ở đâu, thì dẫu cho xa xôi cách mấy cũng tìm đến tận nơi, khi ấy ta phục binh thì bắt được vua Udena dễ dàng như trở bàn tay.

Hoàng đế Caṇḍapajjota nghe tâu rất đẹp ý, bèn khiến tuyển nhiều thợ khéo, đặt cho họ làm một con tượng máy bằng gỗ, bên ngoài lấy vải cũ xù xì như da voi phủ lên, bên trong sắp đặt cơ quan điều động, đứng xa trông có vẻ linh hoạt như là voi sống thật sự, xong rồi Hoàng đế Caṇḍapajjota khiến quân sĩ đem tượng máy đến tận biên thù, đặt nó đứng trên bờ của một hồ nước, trong bụng voi có đến sáu mươi quân sĩ điều khiển cho nó đi tới đi lui chỗ này, chỗ nọ. Họ đem theo phần voi để trải đường voi đi. Một người thợ rừng xứ Kosambi trông thấy con bạch tượng trước nhất "Thót tượng này rất xứng với quân vương ta". Nghĩ vậy, người ấy về trào tâu với vua Udena:

- Muôn tâu chúa thượng! Hạ thần đi rừng gặp một con voi trắng, mình trắng phau phau như ngọn núi tuyết. Thật là một thứ bạch tượng quý rất xứng đôi với chúa thượng.

Lập tức vua Udena phong cho thợ rừng làm hướng đạo viên, rồi vua cỡi voi cùng với đoàn quân hộ giá lên đường đi săn bạch tượng.

Thấy vua Udena trúng kế, bọn thám tử thông tin cho Hoàng đế Caṇḍapajjota hay.

Caṇḍapajjota ngự giá đến nửa đường, khiến quân sĩ an dinh hạ trại, đoạn bố trí hai đội quân mai phục hai bên con đường chẹt, chờ vua Udena đến.

Vua Udena không hay biết cơ mưu của địch, chỉ cứ mãi miết rượt theo con bạch tượng giả, bị đuổi nà, bọn người trong mình voi gia tăng tốc độ, hướng về nơi có phục binh chạy tới.

Vua Udena giở thuật niệm chú, khảy đàn để trục hồi tượng chúa, nhưng con voi gỗ không tuân theo phép, bỏ chạy đi luôn.

Thấy cỡi voi rượt không kịp, đức vua Udena liền bỏ voi, thót lên một con tuấn mã, thúc ngựa đuổi theo.

Ngựa vua phi nước đại, bỏ cả đoàn quân hộ tống rút lại phía sau, đưa một mình vua vào nơi hiểm địa.

Khi ấy hai đội binh của Hoàng đế Caṇḍapajjota rời chỗ mai phục, xông ra đón đường vây bắt được vua Udena, đem về nạp cho chúa tướng.

Đoàn quân hộ giá của vua Udena chạy trờ tới, thấy vua mình bị sa lưới địch, đã bị sanh cầm, bèn lập tức thối lui, đồn trú ngoài biên giới.

Sau khi dùng mưu bắt sống được vua Udena, Hoàng đế Caṇḍapajjota ra lệnh hạ ngục nhà vua thất thế, sai lính canh phòng cẩn mật, đoạn mở tiệc khao quân, ăn mừng thắng trận trong ba ngày liền. Đến ngày thứ ba, vua Udena kêu gọi các lính canh: "Chúa tướng các người đâu?".

- Đang uống rượu mừng bắt được vua nước địch.

Nghe vậy, vua Udena quát mắng rằng: "Chúa tướng của chúng bây hành động y như là hạng phụ nữ. Lẽ thường, trên chiến địa hễ bắt được vua nước nghịch, một là tha, hai là giết, chớ có đâu mà giam cầm cô gia mãi, để cùng nhau uống rượu ăn mừng.

Bọn lính canh chạy đi tâu lại những lời trên đây với chúa tướng, Hoàng đế Caṇḍapajjota thân ngự đến đề lao, hỏi vua Udena: “Phải quốc vương đã buông lời khiển trách khiếm nhã đối với quả nhân như thế chẳng?”.

- Tâu đại vương, phải.

- Quả nhân nghe đồn Quốc vương biết pháp điều khiển tượng, nếu Quốc vương truyền dạy quả nhân phép ấy, quả nhân sẽ thả Quốc vương ra ngay.

- Được rồi, cô gia sẽ dạy, nhưng trước khi thọ giáo, đại vương phải là lễ bái sư, nào đại vương đánh lễ đi.

- Quả nhân chẳng đánh lễ ai cả.

- Đại vương không khứng hạ mình làm lễ bái sư hay sao?

- Quả nhân không làm lễ bái sư.

- Thì cô gia cũng không truyền phép điều tượng.

- Nếu Quốc vương giấu nghề, quả nhân sẽ đưa Quốc vương theo châu tiên đế.

- Thân ta như cá nằm trên thớt, đại vương cứ giết phút ta đi, chớ đừng mong làm chủ được tâm ta.

Nghe tù nhân phẫn uất la to, Hoàng đế Caṇḍapajjota biết không thể thị oai, nghĩ rằng: “Bây giờ ta phải tìm cách nào học lấy mật chú này cho kỳ được. Ta không nên để tiết lậu ra ngoài. À hay ta hãy cho Công chúa con ta đến học với hần, rồi sau đó ta sẽ học lại của Công chúa”.

Suy nghĩ chín chắn rồi, Hoàng đế Caṇḍapajjota hỏi lại vua Udena: “Nếu có ai khác đánh lễ Quốc vương để thọ giáo thì quốc vương sẽ truyền dạy mật chú cho người ấy phải chẳng?”.

- Tâu đại vương, phải.

- Nếu vậy, trong hoàng cung có đứa con gái lưng gù, để quả nhân bảo nó ngồi bên trong bức rèm đánh lễ, còn Quốc vương thì hãy đứng bên ngoài mà dạy nó học.

- Tâu đại vương! Gù lưng hay què cẳng chi cũng được, miễn là làm lễ bái sư, thì cô gia sẽ truyền bí thuật.

Hoàng đế Caṇḍapajjota liền trở về cung điện bảo công chúa Vāsuladatta: “Này Công chúa, có một thanh niên cùi phong lở lói mà biết câu mật chú quý giá vô cùng, phụ vương không muốn hần tiết lậu cho kẻ nào biết được. Vậy con hãy ngồi sau bức rèm làm lễ bái sư, rồi học câu chú ấy. Còn hần ta, phụ vương sẽ khiến đứng phía ngoài bức rèm mà dạy con học, thôi để phụ vương dắt hần đến đây”.

Hoàng đế Caṇḍapajjota đã bịa ra cô gái gù lưng và gã thanh niên cùi như thế, để cho hai bên nam nữ ghê sợ lẫn nhau mà không dám sống sả lả lơi.

Bị bức rèm ngăn cách, hai đàng không trông thấy rõ nhau. Chờ Công chúa đánh lễ và ngồi xuống xong, vua Udena đứng bên ngoài nói vọng vào để truyền dạy mật chú.

Suốt cả ngày hôm ấy, ông thầy nhắc đi nhắc lại có một câu chú, mà cô học trò nói theo cũng không đúng giọng. Vua Udena bực mình gắt gỏng: “Cô gái lưng gù này đây, môi và má cô đầy quá đi thôi. Tôi phải tát tay cô mới được. Cô phải đọc đúng giọng như vậy nè”.

Công chúa nổi giận cũng mắng trả lại: “Cái thằng cha cùi phong lở lói này đừng có ăn nói hàm hồ, người như ta mà người dám kêu là cô gái gù lưng phải không?”.

Công chúa vén rèm lên nhìn vua Udena. Vua Udena hỏi:

- Tiểu thư là ai?

- Ta là Công chúa Vāsuladatta.

- Đại vương đã nói với ta rằng: “Công chúa là cô gái lưng gù”.

- Phụ vương cũng nói với ta rằng: “Quốc vương là gã thanh niên cùi phong lở lói”.

Hai người đồng chung một ý nghĩ: “Chắc phụ hoàng sợ chúng ta gần gũi thân mật nhau nên nói vậy”.

Rồi họ đưa nhau vào bên trong bức rèm tư tình với nhau. Từ đó về sau, không còn có chuyện dạy chú thuật, học thuật chi nữa cả. Hoàng đế Caṇḍapajjota không hay biết chuyện này, và thường hỏi thăm Công chúa: “Con có học pháp thuật không con?”.

- Tàu phụ vương, con vẫn đang học.

Nấn ná ở nước người được ít lâu. Một hôm vua Udena than thở cùng Công chúa Vāsuladatta: “Công chúa ơi! Tình nghĩa vợ chồng đậm đà, thắm thiết dù cho cha mẹ, anh em ruột cũng chẳng sánh bằng. Nếu Công chúa thật dạ yêu ta, thì ráng giúp ta được đào sanh cùng nhau trở về cố quốc, ta sẽ phong cho Công chúa làm Hoàng hậu và cấp cho năm trăm cung phi mỹ nữ theo hầu”.

- Nếu như quân vương đoan thệ giữ lời kim thạch thì thân thiếp nguyện sẽ tận tình mà khai lộ đào sanh.

- Ái hậu ơi! Trẫm sẽ giữ đúng như lời đã hứa.

- Thôi được rồi, xin Quân vương hãy vững dạ.

Hôm ấy, Công chúa vào vương cung bái kiến phụ hoàng, rồi đứng qua một bên. Hoàng đế Caṇḍapajjota liền phán hỏi:

- Công chúa, con học hết phép điều tượng rồi phải không?

- Tàu phụ vương, con học chưa hết.

Vua lại phán:

- Thế thì con có điều chi muốn tỏ trần?

- Tàu phụ vương! Chúng con cần có một cửa thành riêng biệt và một con vật thần hành (Vāhana).

- Để làm chi vậy con?

- Tàu phụ vương, người thí nghiệm thần chú cần phải ra phía ngoài thành trong lúc ban đêm để kiếm một vị thuốc, cho nên chúng con cần phải có một cửa thành đặc biệt và một con vật thần hành để tiện dụng trong lúc xuất thành chánh thời hoặc phi thời cũng được.

Đức vua chuẩn tấu. Đồi tình nhân vui mừng hớn hở, đích thân ra khai một cửa thành đặc biệt.

Hoàng đế Caṇḍapajjota có đến năm vật thần hành. Một con voi cái tên là Bhaddavatī (Hiên Ly) mỗi ngày đi được năm mươi do tuần. Một quan nội thị tên Kāka (Ô Nha) mỗi ngày đi sáu mươi do tuần, hai con thiên lý mã là Velakaṃsi và Muñjakesi mỗi ngày chạy được một trăm do tuần và con voi chúa Nālāgiri mỗi ngày đi được một trăm hai mươi do tuần.

Tương truyền rằng: Trong tiền kiếp, trước thời kỳ Đức Phật Tổ Cổ Đàm giáng sanh, Hoàng Đế Caṇḍapajjota là bộ hạ của quan Tổng trấn (Issara).

Một ngày nọ, nhằm lúc quan tổng trấn ra ngoài ngoại ô để tắm, đang đi trở về thì gặp vị Phật Bích Chi (Pacceka buddha) vào thành khát thực, bị Ma vương cản trở khiến toàn thể dân chúng không ai để bát, nên Ngài chẳng thọ dụng chút ít vật thực nào hết, bèn ôm bát không trở ra.

Đã vậy, Ma vương còn hóa hiện ra một người lạ mặt đứng đón Ngài tại cổng thành để hỏi: “Bạch Ngài! Ngài đi bát có được chút gì không?”. Đức Phật Độc Giác hỏi lại Ma vương:

- Vì có lẽ nào mà nguời phá rối, làm cho ta đi bát không được chút gì hết vậy?

- Thế thì Ngài hãy trở lại thành, phen này tôi không phá Ngài nữa đâu.

Kỳ thật nếu Đức Phật Độc Giác trở vào thành thì Ma vương sẽ nhập vào mình toàn thể dân chúng khiến cho họ vỗ tay cười rộ lên chế nhạo Ngài. Nhưng Đức Phật từ khước không vào lại thành, thấy gặt Đức Phật không được, Ma vương biến mất.

Khi ấy, quan Tổng trấn trông thấy Đức Phật Độc Giác ôm bát không đi ra, bèn kính cẩn đánh lễ Ngài, rồi hỏi rằng:

- Bạch Ngài, chẳng hay Ngài đi bát có được chút chi chăng?

- Nầy đạo hữu! Đi vào rồi, bây giờ ta đi ra.

Quan Tổng trấn ngẫm nghĩ: “Trưởng Lão không trả lời câu hỏi của ta, mà lại nói lảng qua chuyện khác, chắc là Ngài không được chi hết”.

Khi đến xin Đức Phật Bích Chi cho xem bát, quan Tổng trấn nhìn thấy bát trống không, ý muốn xin thỉnh bát mà chưa dám, vì không biết chắc ở nhà mình com nước đã chín sẵn chưa?

- Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài đi thông thả lại một chút.

Nói rồi quan Tổng trấn bưng bả trở về nhà, hỏi rằng: “Ở nhà com nước có chín sẵn chưa hả?”.

- Thưa sẵn cả rồi.

Nghe vậy, quan Tổng trấn gọi tên bộ hạ thân tín, bảo rằng:

- Này con! Nội nhà không có ai chạy lẹ bằng con, vậy con ráng hết tốc lực chạy theo cho kịp Ngài Trưởng Lão, bạch Ngài cho con thỉnh cái bát, rồi ôm bát chạy bay trở về đây.

Quan Tổng trấn vừa dứt tiếng nói thì tên bộ hạ đã phát sải như giông, chạy lấy bát đem về tức khắc. Quan Tổng trấn đem phần com ăn của mình đặt vào đây bát rồi trao cho tên bộ hạ: “Này con, con chạy ra cho mau dâng bát thực phẩm này lên Ngài Trưởng Lão! Phần phước của sự cúng dường này, ông cho con hết đó”.

Tên bộ hạ nhận lãnh bát vật thực, lại vội vã chạy thật nhanh, đến dâng bát lên Đức Phật Độc Giác, rồi gieo năm vốc xuống đất, đảnh lễ Ngài xong, phát nguyện rằng: “Bạch Ngài, do phước báu đã chạy đi cấp tốc, chạy về cũng cấp tốc của tôi hôm nay, xin cho tôi làm chủ được năm vật thần hành thiên lý, đi được năm mươi, sáu mươi, một trăm và một trăm hai mươi do tuần mỗi ngày trong đời cận lai. Do sự nóng nhiệt của thân tôi khi chạy đi chạy lại dưới ánh mặt trời gay gắt, xin cho tôi tái sanh lên cõi nào cũng được oai lực sáng chói như ánh mặt trời. Do nơi phước báu để bát của chủ tôi cho tôi, xin cho tôi chứng được phép mầu cũng như Ngài vậy”.

Đức Phật Bích Chi đáp: “Mong cho được như ý” và Ngài đọc bài kệ phúc chúc như sau:

“Icchitaṃ patthitaṃ tuyhaṃ

Khippameva samijjhatu

Sabbe pūrentu saṅkappā

Cando paṇṇaraso yathā”.

“Icchitaṃ patthitaṃ tuyhaṃ

Khippameva samijjhatu

Sabbe pūrentu saṅkappā

Maṇi joti raso yathā”

“Cầu cho bao nhiêu phước đã ước nguyện,

Của thí chủ mau kết quả nhãn tiền.

Bao nhiêu tư duy đạt thành viên mãn,

Như tối rằm, trăng chiếu sáng khắp miền.

Cầu cho bao nhiêu phước đã ước nguyện,

Của thí chủ mau kết quả nhãn tiền.

Bao nhiêu tư duy đạt thành viên mãn,

Như ngọc Ma ni, như ý chơn truyền”.

Theo huyền thoại, hai bài kệ phúc chúc này đã có từ thời Đức Phật Bích Chi và được truyền tụng mãi đến ngày nay.

Trong bài kệ sau, thành ngữ Maṇijotiraso chỉ thứ ngọc Ma ni bảo châu, giúp cho sở hữu chủ có thể thành tựu tất cả mọi điều mong ước.

Tên bộ hạ của quan tổng trấn trong thời dĩ vãng, nay là Hoàng đế Caṇḍapajjota, do phước báu của tiền nghiệp đã kể, mà năm món vật thần hành phát sanh đến Hoàng đế vậy.

Một hôm Hoàng đế xuất thành du ngoạn trong vườn thượng uyển. Vua Udena nghĩ: “Hôm nay, ta phải nhân lúc đại vương đi vắng mà tẩu thoát cho mau”. Vua tom góp vàng, bạc dồn đầy mỗi thứ trong một cái bao da thật lớn, chất lên lưng con voi cái Bhaddavatī, rồi cùng với Công chúa Vāsuladatta cỡi voi bôn đào.

Huỳnh môn quan trông thấy hai người chạy trốn, bèn tức tốc báo với Hoàng đế Caṇḍapajjota. Hoàng đế hạ lệnh cho tướng sĩ dẫn binh rượt theo truy nã, thấy đại quân đuổi nà theo phía sau. Vua Udena mở miệng bao đựng tiền vàng ra, ném rải xuống đất, quân sĩ đang chạy nhanh, bỗng dừng lại tranh nhau lượm cho hết tiền vàng, rồi mới lên ngựa rượt đuổi theo nữa. Vua Udena lại mở miệng cái bao đựng bạc, ném rải tứ tung theo đường, tướng sĩ mãi ham lo lượm bạc nên đình bộ lần thứ hai.

Nhờ vậy, vua Udena với Công chúa Vāsuladatta chạy vượt qua khỏi biên giới, về tới địa phận xứ Kosambi.

Đội quân đồn trú nơi biên ải, thấy vua Udena đã về, liền nhổ trại hộ tống Quốc vương trở lại kinh đô. Về đến nơi, vua Udena giữ lời hứa tấn phong Công chúa Vāsuladatta làm thứ cung Hoàng hậu.

DỨT TÍCH HOÀNG HẬU VĀSULADATTA.

Ngoài hai bà chánh cung và thứ cung, Hoàng đế Udena còn có một người ái phi tên là Māgandiyā (Tam Địa), sau khi nàng tiến cung, được vua Udena phong làm Hoàng hậu thứ ba.

Nghe nói, nàng nầy người gốc Kuru, con giống Bà la môn, cả cha và mẹ nàng cùng trùng một tên với bà là Māgandiyā. Bà có một người chú (Cūlapitu) cũng tên là Māgandiyā.

Tiểu thư Māgandiyā có nhan sắc hoa nhường nguyệt thẹn, đẹp như là tiên nữ giáng trần, mặc dầu đã có nhiều bậc vương tôn công tử, con nhà quyền quý đến cầu hôn. Tiểu thư vẫn còn treo giá ngọc, vì phụ thân nàng chưa kén được rể đông sàng. Ông nói ngay: “Các cậu không xứng với con gái ta”. Khiến cho bọn người rắp ranh bần sè tiu nguỵ rút lui, về sau không còn ai dám nuôi hy vọng được làm chồng của tiểu thư nữa.

Một bữa nọ, theo lệ thường, vào lúc tinh sương. Đức Bổn Sư dùng tuệ nhãn quan sát thế gian, thấy ông Bà la môn Māgandiyā với vợ ông, đều có căn lành có thể đắc quả A Na Hàm trong ngày hôm ấy. Vì thế, Ngài tự mang y bát một mình ngự đến ngôi đền thờ thần lửa của ông Bà la môn ở ngoài ô thị trấn.

Ngắm nhìn tướng hảo quang minh siêu phàm tuyệt sắc của Đức Như Lai. Ông Bà la môn nghĩ thầm: “Trên đời nầy nhất định không có cậu trai nào khác có thể sánh cặp với cậu trai nầy. Cậu nầy thật xứng đôi vừa lứa với con gái ta, ta sẽ dắt con gái ta ra tại đây mà gả không cho cậu”

Nghĩ vậy, ông Bà la môn kêu Đức Bổn Sư và nói:

- Nầy ông Sa Môn! Lão có một đứa con gái mà lâu nay lão vẫn kén rể đông sàng, nhưng chưa gặp cậu trai nào có thể sánh duyên cùng con gái lão, nay lão gặp ông, nếu đem so ông với nó thì hai chàng thật là xứng đôi vừa lứa, sắc cầm hảo hiệp. Vậy ông hãy đứng đây chờ, lão về dắt con gái ra mà gả cho ông.

Đức Bổn Sư im lặng, không đáp lời chi cả, ông Bà la môn lật đật chạy về nhà gọi bà vợ: “Bà ơi! Bà à! Ta đã gặp được chàng rể xứng đáng với nhà ta, bà lo trang điểm con gái lệ lệ lên đi”. Khi tiểu thư đã trang điểm tươm tất rồi, ông Bà la môn với vợ dắt con gái chạy ra kiếm Đức Bổn Sư. khắp cả châu thành đều xô xao náo động, dân chúng bàn tán rằng: “Ông lão nầy lúc trước rêu rao là không có ai xứng đáng với con gái của lão và không chịu gả con cho ai hết cả. Bây giờ phát thình nói: “Hôm nay lão đã gặp được người xứng với con gái lão. Để ta tới xem mắt chàng rể quý của ông lão xem ra sao?”.

Thế là, người nọ rủ người kia, họ ùn ùn chạy theo ông Bà la môn. Khi ông Bà la môn dắt con gái đến chỗ hẹn với Đức Bổn Sư, thì Ngài không còn đứng ở chỗ đó nữa, nhưng Ngài có lưu lại một dấu chân, trước khi sang qua đứng ở chỗ khác.

Pháp Phật thật là kỳ diệu vô cùng, sau khi đã nguyện, Chư Phật dậm chân lên tại chỗ nào thì ngay tại chỗ ấy có dấu bàn chân của Ngài in hình rõ rệt, còn ở những chỗ khác ngoài chỗ nguyện thì không thấy dấu vết chi cả.

Vả lại, những dấu chân của Chư Phật không ai có thể xóa nhòa, dầu cho người ấy có phép hộ phong hoán võ, đảo hải di sơn, khiến cho gió táp mưa sa, tượng dày thú đạp đi nữa để làm mất dấu Phật tích nầy cũng không thể được.

Khi ấy, bà Bà la môn hỏi chồng: “Chàng rể đâu?”.

- Cậu ấy mới vừa đứng đây, sao bây giờ đi đâu rồi?

Vừa nói, ông Bà la môn đưa mắt nhìn quanh, thấy dấu chân Đức Phật, ông bảo bà: “Đây dấu chân cậu ấy rành rành đây”.

Bà Bà la môn vốn là người thông suốt ba bộ kinh Phệ Đà (Veda), rành về khoa tướng số, nên lắm nhằm duyệt lại những bài kệ “thần tướng”, xem kỹ dấu chân Đức Phật, rồi quyết đoán rằng: “Nầy ông Bà la môn, dấu chân nầy không phải là của người phạm tục đâu!”.

Rồi Bà đọc kệ rằng:

*“Rattassa hi ukkuṭikam padam bhava
Duṭṭhassa hoti sahasānupīṭam
Mūlhassa hoti avakaḍḍhitam padanti
Vivaṭachadassa idamidisaṃ padanti”.*

*“Đầu chân túm người đẩy tham dục,
Dấu lõm sâu phạm tục xấu xa,
Dấu kéo lê, tánh la cà,
Dấu nẩy hiển lộ, quả là chánh tâm”.*

Ông Bà la môn vội ngăn vợ “Thôi thôi hãy dẹp mấy câu chú ngữ của bà đi, đừng có giở giọng thầy bói nói đui, hít tới hít lui, hít ra kẻ trộm nằm trên máng xối..”.

- Nầy ông Bà la môn! Ông muốn nói chi thì nói, chớ dấu chân nầy, theo tôi nhận biết thì không phải của người đăm nhiễm ngũ trần.

Ông Bà la môn ngó quanh quất, trông thấy Đức Bổn Sư thì kêu lên:

- Cậu ấy đây rồi.

Ông ta đi ngay đến chỗ Đức Phật và gọi: “Nầy ông Sa Môn lão đem con gái lão ra mà gả không cho ông đây”.

Đức Bổn Sư không đáp ngay: “Ta cần hoặc ta không cần dùng con gái của ông”. Ngài ôn tồn bảo rằng: “Nầy ông Bà la môn để Như Lai kể lại cho ông nghe một câu chuyện”.

- Ông Sa Môn kể đi.

Thế rồi, Đức Bổn Sư nhắc lại lộ trình hành đạo của Ngài, từ khi mới phát đại nguyện xuất gia cho tới khi cảm thắng Ma vương dưới cội Bồ Đề và kết luận: “Dưới gốc cây Bồ Đề, Như Lai đã vượt qua ngũ dục ấy rồi”.

Thấy chuyện trên đây chưa dứt được nỗi ưu phiền tuyệt vọng của ông Bà la môn, Đức Bổn Sư giảng thêm chuyện ba cô Ma nữ, con gái của Ma vương đã từng dùng kế mỹ nhân để cám dỗ Ngài một cách vô ích: “Khi ấy Như Lai cũng chẳng còn thêm nữa là”. Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

*“Disvāna taṇham aratiñca rāgaṃ
nā hosi chando api methunasmiṃ
Kimevidam muttakarīsapuṇṇam
Pādāpimam samphusitam na iccheti”.*

*“Khát vọng, tật đố, dục tình,
Đã từng bạo dạng trên hình mà chơi.
Chán chường bướm lả ong lơ,
Xá chi phần ướm đây người thế a.
Chớ mong đây đó hiệp hòa,
Dầu đưa chân đụng cũng là chẳng ông”.*

Bài kệ vừa dứt, cả hai ông bà Bà la môn, đều chứng đắc A Na Hàm quả, còn tiểu thư Māgandiyā bị chạm tự ái, nên sanh lòng thù hận mà buộc oan trái với Đức Bổn Sư: “Nếu Sa Môn nầy không cần ta thì ông ta nên nói ngay là ông không cần ta mới phải. Sao ông lại miệt thị ta là phần ướm đây người, với mức sang giàu trẻ đẹp như ta, nguyện sao ta đạt đến địa vị mẫu nghi thiên hạ, cao quý tột phẩm triều đình, để chừng ấy ta sẽ liệu phương chước mà hạ nhục Sa Môn Cổ Đàm nầy mới được”.

(Đức Bổn Sư biết hay không biết việc tiểu thư Māgandiyā kết buộc oan trái với Ngài, vì bài kệ trên đây? Cố nhiên là Ngài biết chớ lẽ nào không, Ngài biết mà tại sao Ngài ngâm kệ ấy?)

Vì Ngài muốn tiếp độ cho hai người kia, bao giờ cũng vậy Chư Phật chỉ thuyết pháp tiếp độ cho chúng sanh chúng đắc Đạo quả mà thôi, chớ không phải để gây oan trái).

Ông Bà la môn Māgandiyā dặt tiểu thư đến gửi nhà chú út của tiểu thư là Cūla Māgandiyā, bảo bọc chu toàn. Rồi cả hai người đến xin xuất gia với Đức Bổn Sư, và về sau đều đắc quả A La Hán.

Ông Cūla Māgandiyā sau khi nhận lãnh trách nhiệm thành toàn giai ngẫu cho tiểu thư Māgandiyā thì suy tính rằng:

- Cháu gái ta, nếu đem gả cho kẻ thấp hèn dân dã thì không xứng đáng. Chỉ có bậc vua chúa mới xứng với nó mà thôi.

Nghĩ rồi, ông bèn đưa cháu gái lên thành Kosambi, mua sắm đủ thứ thời trang lộng lẫy để tô điểm cho tiểu thư thêm mỹ lệ, dặt tiểu thư hiến nạp vua Udena và tâu rằng: “Muôn tâu Thánh thượng, bảo nữ (Itṭhīratana) này xứng với chúa thượng, hạ thần mong ân chúa thượng doãn nạp”.

Vua Udena thấy tiểu thư Māgandiyā quả là một trang quốc sắc thiên hương, bèn đem lòng sủng ái, vua cấp cho năm trăm cung nữ theo hầu tiểu thư, phong cho tiểu thư làm Hoàng hậu thứ ba, được dự vào hàng mẫu nghi thiên hạ.

DỨT TÍCH TIỂU THƯ MĀGANDIYĀ.

Thế là Quốc vương Udena có đến ba Hoàng hậu, với tổng số một ngàn năm trăm cung nữ hầu hạ dưới trướng.

Đồng thời trong thành Kosambi cũng có ba nhà Thiên hộ là Thiên hộ Ghosaka, Thiên hộ Kukkuṭa (Hùng Kê) và Thiên hộ Pāvārika (Hắc Y).

Hàng năm cứ đến mùa mưa, thì có năm trăm vị đạo sĩ từ miền Tuyết Sơn về thành để kiết hạ an cư. Một hôm ba nhà Thiên hộ thấy các đạo sĩ đang đi khát thực thì phát tâm thành tín, mời các đạo sĩ vào ngồi trong nhà, cúng dường vật thực xong, thỉnh cầu các vị ấy nhập hạ bốn tháng ở gần nhà mình, mãn hạn kỳ ba nhà đại phú lại tiếp thỉnh các Ngài trở lại nhập hạ mùa sau, rồi mới tiễn đưa các vị ấy lên đường về núi.

Sau tám tháng hành đạo trong miền Tuyết Sơn, các đạo sĩ lại về thành an cư gần trú xứ của ba nhà Thiên hộ.

Từ đó trở đi, họ cứ luân lưu như thế mãi cho đến một kỳ hạ nọ, các đạo sĩ cũng quen lệ, rời miền tuyết giá, đi xuyên qua một khu rừng, thấy một cây da to, họ đến ngồi xung quanh gốc cây ấy để nghỉ mệt. Vị đạo sĩ trưởng đoàn nghĩ thầm: “Vị thọ thân ngự trên cây này không phải là hạng tầm thường thấp kém đâu? Chắc hẳn là một vị Thiên vương có nhiều oai lực, ước gì Ngài ban cho cả đoàn đạo sĩ nước uống giải khát”.

Quả nhiên, thọ thân ban cho họ nước giải khát, vị trưởng đoàn ước muốn có nước để tắm, thọ thân ban cho họ nước tắm. Đạo sĩ ước muốn có cơm ăn, thọ thân cũng cho họ cơm ăn. Kế đó đạo sĩ trưởng nói thầm: “Ta mong ước vật kia vật nọ. Thiên vương này đều ban cho tất cả, ước gì ta được giáp mặt Thiên vương”.

Thọ thân làm cho cây nứt đôi, và hiện hình trong chỗ nứt ấy. Các đạo sĩ xúm nhau hỏi: “Tâu Thiên vương! Quyền lực của Ngài thật to tát, chẳng hay Ngài đã tạo nghiệp gì mà được hưởng phước này?”.

- Bạch xin các Ngài đừng tra hỏi tôi.

- Tâu Thiên vương! Xin Ngài hoan hỷ trả lời.

Hở thẹn vì tiền nghiệp của mình quá nhỏ nhen, thọ thân không muốn phô trương ra, nhưng bị các đạo sĩ nài ép, yêu cầu mãi, thọ thân phải chịu theo: “Thôi vậy, xin các Ngài lắng nghe”.

Thế rồi, Thiên vương bắt đầu kể chuyện: Theo lời tự thuật, thọ thân kiếp trước là một người đàn ông nghèo khó, đi xin việc làm để kiếm ăn, may được ông Cấp Cô Độc thu nhận, cho ở làm công, nhờ đó mà yên thân, tạm sống qua ngày.

Một hôm nhằm ngày Bát quan trai, ông Cấp Cô Độc đi chùa về, hỏi gia nhân: “Có ai nói chú mới đến ở mượn biết: Hôm nay cả nhà ta giữ bát quan không?”

- Dạ thưa ông chủ! Không có ai nói cả.

- Vậy thì hãy lo nấu nướng cơm chiều cho chú ấy nghe.

Vâng lệnh chủ, người nhà lo nấu cơm chiều, để dành phần cho chú mới đến ở. Chú ấy làm lụng cả ngày trong rừng, đến chiều mới trở về nhà, kêu lên: “Nấu cơm rồi thì dọn cho tôi ăn, tôi đói bụng quá”.

Gia nhân dọn cơm ra, nhưng chú ấy bỗng nhiên ngừng lại, chưa vội ăn: “Mọi bữa thì giờ này trong nhà rần rần, đầu này kêu com, đầu kia gọi canh, đầu nọ xin thêm đồ ăn, om xòm tở lở, bữa nay ai này đều nằm ngủ im lìm. Họ dọn cơm chỉ một mình ta ăn, có việc chi vậy cả?”.

Chú làm mướn quay lại hỏi gia nhân: “Bộ mấy người kia ăn cơm hết rồi phải không?”.

- Họ không ăn.

- Tại vì lý do gì vậy?

- Nhà này không có ai dùng cơm chiều trong những ngày Bát quan cả, vì tất cả đều là những người thọ trì Bát giới. Cho đến trẻ con còn bú, phú Trưởng giả cũng bắt cho súc miệng rồi cho ngậm kẹo bộ đầu (catumadhura) để làm người thọ trì Bát giới nữa. Tối đến, khi lũ trẻ nhỏ lớn gì đều đi ngủ rồi, người ta đốt đèn và hương trầm lên ngôi tham thiền để mục ba mươi hai thể trước. Vì quên không nói cho chú biết bữa nay trong nhà giữ Bát quan trai, nên tôi phải ráng nấu cơm chiều cho chú ăn. Thôi chú cứ dùng cho no bữa đi.

Chú làm rùng nói: “Nếu bữa nay trong nhà giữ Bát quan trai thì tôi cũng xin giữ nữa”.

Gia nhân đáp: “Nếu muốn vậy phải bảm cho ông chủ biết!”.

- Ô! Anh hỏi dùm ông chủ coi.

Gia nhân đi hỏi ý kiến phú Trưởng giả, ông đáp: “Nếu bây giờ chú ấy chưa ăn, chú ấy súc miệng cho sạch rồi nguyện thọ trì Bát quan phần (uposathaṅgāni) thì chú sẽ hưởng được phước báu của nửa ngày Bát quan”.

Chú mới ở nghe vậy, bèn làm theo cách ấy, vì ráng nhịn đói sau một ngày làm lụng cực nhọc, chú ấy bị cảm gió đau bụng. Chú phải lấy một dây lưng thắt chặt ngang bụng, một tay đè giữ mối thắt, nằm úp sấp mà chịu.

Hay tin này, phú Trưởng giả sai gia nhân cầm đuốc và đem theo kẹo mật, bơ dầu đi với ông đến thăm người bệnh, ông hỏi: “Con đau làm sao?”.

- Con bị trúng gió, đau bụng.

- Không sao, con ráng ngồi dậy, lấy kẹo, mật, bơ dầu này ngậm đi.

- Dạ, mà ông chủ cũng ngậm kẹo này chứ.

- Không, vì ông không có bệnh, con có bệnh thì ngậm lấy kẹo mà ăn.

Chú ở không chịu ăn, đáp rằng;

- Dạ, thưa ông chủ, con đã trót lỡ không được thọ trì Bát quan trọn cả một ngày, thì bây giờ con nguyện giữ đưng cho dứt giới Bát quan phần trong nửa ngày còn lại.

- Con đừng làm vậy không nên.

Dầu cho ông chủ nói gì thì nói, chú ở vẫn một mực từ chối, và rồi chú ấy tắt thở vào lúc mặt trời mọc, bỏ xác nằm trơ như một đóa hoa tàn. Tâm thức của chú thọ sanh làm vị Thiên vương, ngự trên cây đa này đây.

Sau khi để hết tiền nghiệp của mình, thọ thần kết luận:

- Phú Trưởng giả Cấp Cô Độc là người tín ngưỡng Đức Phật (Buddhamāko), là người tín ngưỡng Đức Pháp, là người tín ngưỡng Đức Tăng. Nhờ làm theo lời ông chủ biểu, thọ trì nửa ngày Bát quan trai, ta mới tạo được phước báu là nhân duyên sanh quyền lực của ta vậy”.

Nghe đến tiếng Đức Phật (Buddho), năm trăm vị đạo sĩ đồng thời đứng lên, chắp tay yêu cầu Thiên vương hãy niệm Đức Phật ba lần cho chúng tôi niệm theo với. Tiếng niệm Đức Phật vang lên nghe như rung chuyển cả một góc trời.

Các đạo sĩ bồi hồi cảm kích, buột miệng tự nhủ: “Tiếng niệm vang rền như vậy, cũng khó mà được nghe trong thế gian”. Đoạn họ thốt lời cảm tạ thọ thần: “Thiên vương ơi! Cái tiếng mà chưa từng nghe từ vô lượng kiếp, trăm ngàn đại kiếp, nhờ Thiên vương mà chúng tôi mới được nghe đây!”.

Khi ấy, các đạo sĩ đệ tử bạch cùng đạo sĩ trưởng:

- Vậy chúng ta đi tìm Đức Phật ngay bây giờ đi.

- Này các trò, từ lâu nay chúng ta đã nhờ ân ba nhà Thiên hộ giúp đỡ rất nhiều, vậy mai nầy sau khi thọ thực tại nhà ba vị ấy, ta phải báo tin cho họ biết và từ giã họ. Các trò hãy khoan, đừng vội đi gấp.

Các đệ tử vâng lệnh thầy, đều ở nán lại.

Ngày hôm sau, khi nhớ chừng hôm nay là ngày quý vị đạo sĩ của mình trở về, ba nhà Thiên hộ khiến gia nhân nấu cơm cháo, sắp (soạn) chỗ ngồi trước sẵn sàng, rồi ra đi nghinh tiếp các đạo sĩ, thỉnh vào ngồi trong nhà và cúng dường vật thực.

Sau bữa cơm, các đạo sĩ đứng dậy nói: “Chúng tôi xin cáo từ gia chủ để đi nơi khác”.

- Bạch các Ngài! Các Ngài đã nhận lời thỉnh cầu của chúng tôi, hứa ở đây nhập hạ bốn tháng mà sao các Ngài còn định đi nữa?

- Nghe rằng: Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng đã giáng thế, cho nên chúng tôi đi tìm gặp Đức Bổn Sư.

- Ngoài các Ngài ra, những người khác có thể tháp tùng với quý Ngài, đi đến gặp Đức Đạo Sư được chăng?

- Những người khác đi cũng được, không có chi trở ngại đâu đạo hữu.

- Bạch Ngài, nếu vậy xin các Ngài khoan đi, chờ sắp đặt hành trang, chúng tôi cùng đi nữa

- Nếu chờ quý gia chủ sắp đặt hành trang thì sợ e trì hoãn lâu lắc mất nhiều thì giờ, thôi để bản đạo chúng tôi khởi hành đi trước, rồi quý gia chủ sẽ nối gót theo sau.

Nói rồi, đoàn đạo sĩ vội vã đăng trình đến gặp Đức Chánh Biến Tri, họ vội vàng quì xuống đánh lễ Ngài rồi nép qua một bên. Khi ấy, Đức Bổn Sư thuyết thời pháp gọi là Tuần Tự Pháp Thoại (Anupubbikatham), nghe hết thời pháp, tất cả năm trăm đạo sĩ đều đắc A La Hán quả với Tuệ Phân tích, nên ngỏ lời xin xuất gia. Đức Bổn Sư lại phán: “Lại đây, hỏi các Tỳ Khưu”. Ngài vừa dứt lời, thì tự nhiên do thần thông của Ngài, các vị sư mới liền được đáp y mang bát giống như các vị Trưởng Lão hàng trăm tuổi hạ.

Sau các đạo sĩ, ba nhà triệu phú cùng nhau ra đi, mỗi người cùng mang theo năm trăm cỗ xe bò, chở đủ thứ thập vật đồ cúng dường như là vải, y phục, đường, mật, bơ, dầu... đến Đại Tự Kỳ Viên, đi bộ vào chùa, đánh lễ Đức Bổn Sư rồi ngồi nghe pháp. Nghe hết thời pháp, họ đắc chứng Tu Đà Hườn quả. Họ ở nán lại Kỳ Viên độ nửa tháng để làm phước Trai Tăng ngày ngày được gần gũi Đức Bổn Sư.

Khi muốn trở về Kosambi, ba nhà Thiên hộ đến đánh lễ cáo từ Đức Bổn Sư và xin Ngài ngự sang xứ mình để hoàng dương Chánh Pháp, Đức Bổn Sư chuẩn nhận bằng lời dạy rằng:

- Này các gia chủ, chư Như Lai chỉ an cư tịnh lạc trong chỗ rừng xa, nhà vắng mà thôi.

Nghe vậy, ba nhà triệu phú đáp: “Bạch Ngài, chúng con hiểu rồi. Để chúng con lo liệu, về sắp đặt chỗ nơi, xong rồi sẽ phái người sang thỉnh Ngài”.

Về đến Kosambi, ba nhà cự phú bèn xúc tiến công việc kiến thiết cảnh già lam (ārāma), Thiên hộ Ghosaka cất Ghositārāma (Lôi Âm Tự), Thiên hộ Kukkuṭa thì cất Kukkuīārāma (Hùng Kê Tự), Thiên hộ Pāvarika thì cất Pāvarikārāma (Hắc Y Tự). Xong rồi, họ phái người đi thỉnh Đức Bổn Sư. Khi nghe tin sai của ba nhà Thiên hộ đến cung thỉnh. Đức Bổn Sư liền ngự sang thành Kosambi.

Ba nhà cự phú ra khỏi thành nghinh tiếp Đức Bổn Sư, lần lượt thỉnh Ngài vào ngôi nơi chùa mới của mình và tuyên bố trong cuộc lễ: “Ngôi đạo tràng nầy, chúng tôi xin dâng đến từ phương Tỳ Khưu Tăng, có Đức Phật làm hội chủ”.

Sau cuộc lễ dâng chùa, ba nhà cự phú thay nhau hộ độ Chư Tăng. Đức Bổn Sư mỗi ngày ngự trong mỗi một ngôi chùa, hễ ở chùa của vị nào thì Ngài trì bình đến trước cửa nhà vị ấy mà thọ bát.

Thuở ấy có ông Sumana (Hảo Ý) là nhà chuyên môn làm tràng hoa để cung cấp cho ba nhà Thiên hộ. Một hôm, ông Sumana nói với ba vị thân chủ của mình rằng: “Tôi là người phục vụ cho ông chủ đã lâu rồi, bây giờ tôi muốn để bát cúng đường Đức Bốn Sư, tôi phải nghỉ việc một ngày để lo sắp đặt sự cúng đường”.

- Nếu vậy, ngày mai chú để bát đi.

- Dạ vâng, thưa ông chủ.

Hôm sau, ông Sumana cung thỉnh Đức Bốn Sư đến nhà và cúng đường thực phẩm.

Vào thời ấy, vua Udena ban cho Hoàng hậu Sāmāvati mỗi ngày tám đồng vàng để mua hoa, số tiền đó thường được giao cho một thế nữ tên là Khuj-juttarā đi lấy hoa ở nhà ông Sumana.

Ngày ấy, khi cô thế nữ lưng gù đến, ông Sumana nói: “À! Hôm nay tôi mới vừa thỉnh được Đức Bốn Sư, tôi phải để dành những thứ hoa đẹp quý thượng hạng mà cúng đường Ngài, cô ở đây phụ tiếp với tôi, một lát nữa nghe pháp, xong rồi thì cô lấy số hoa còn lại mà đem đi”. Cô thế nữ đáp: “Dạ được”, rồi cô ở lại chờ.

Sau khi để bát cúng đường chư Tỳ Khuru Tăng có Đức Phật làm hội chủ xong, ông Sumana phát nguyện hồi hướng phước báu đến Chư Thiên và các bậc hữu ân đã quá vãng. Nhân đó, Đức Bốn Sư thuyết giảng về công đức hồi hướng phước báu. Ngồi chăm chú theo dõi thời pháp của Đức Bốn Sư, cô Khujjuttarā chứng đắc quả vị Tu Đà Hườn. Cô gái lưng gù nầy trong những ngày khác thì cô chỉ mua có bốn đồng hoa mà thôi, còn bốn đồng thì cô ăn lời, nhưng trong ngày ấy cô mua đủ tám đồng hoa đem về. Thấy nhiều hoa, Hoàng hậu hỏi cô thế nữ:

- Này con! Có lẽ hôm nay đức vua tăng lên gấp đôi số tiền mua hoa cho ta phải chăng?

- Tâu Chánh Hậu, không phải.

- Không thì tại sao hôm nay nhiều hoa thế?

- Những ngày khác thì con ăn lời, cất bớt bốn đồng vàng, chỉ mua đem về có bốn đồng mà thôi.

- Bữa nay, sao con không ăn lời?

- Nhờ nghe thời pháp của Đức Bốn Sư con đã chứng ngộ được Chánh Pháp.

Khi ấy, thay vì hăm he trách mắng cô thế nữ “Mi là con thị tỳ xấu xa, bấy lâu nay mi đã ăn cắp giữ bao nhiêu đồng vàng, thì mi phải trả hết lại cho ta”. Hoàng hậu lại phán bảo:

- Này con, con đã hữu duyên uống được nước nguồn bất tử, vậy con hãy cho chúng ta uống với.

Cô Khujjuttarā đáp: - “Nếu vậy, xin cho con được tắm gội sạch sẽ đã”.

Nghe vậy, Hoàng hậu cho các cung nữ lo tắm gội cho cô thế nữ bằng mười sáu bầu nước thơm và ban cho cô hai cái y choàng bằng lụa thật tốt, cô lấy một cái để mặc một cái choàng lên phủ kín mình. Cô chỉ biểu cho cung nữ dọn một pháp tòa và đem đến cho cô một cây quạt.

Lên ngôi đàng hoàng trên pháp tọa, một tay cầm cây quạt tuyệt đẹp, cô Khujjuttarā mở lời kêu gọi năm trăm cung nữ và thuyết lại cho họ nghe y nguyên thời Pháp mà cô đã được nghe Đức Bốn Sư thuyết.

Xong rồi, tất cả năm trăm cung nữ ấy đều đắc quả Tu Đà Hườn.

Tất cả đều đánh lễ cô gái lưng gù và nói: “Chị ơi! Từ giờ trở đi xin chị đừng làm các công việc gì nặng nhọc nữa, xin chị giữ địa vị làm mẹ và bà giáo của chúng tôi. Chị cứ ở không để đi nghe pháp của Đức Bốn Sư để về cùng thuyết lại cho chúng tôi nghe với.

Cô Khujjuttarā làm y như lời yêu cầu, về sau trở thành một nữ Tam Tạng Pháp Sư.

Khi ấy, Đức Bốn Sư đặt cô lên hàng đệ tử ưu tú: “Này các Tỳ Khuru! Cao minh nhất trong các nữ cận sự Thinh Văn về đệ nhất thuyết pháp là thế nữ Khujjuttarā nầy vậy”.

Năm trăm cô cung nữ còn yêu cầu cô thế nữ lưng gù:

- Chị ơi! Chúng tôi muốn bái kiến Đức Bốn Sư. Chị làm sao đưa dùm chúng tôi đến gặp Ngài để chúng tôi cúng dường hương hoa lễ vật đến Ngài.

- Thưa quý nàng! Thế thống của hoàng gia rất trọng đại, tôi không dám dắt đưa các nàng ra khỏi hoàng cung.

- Chị ơi! Đừng để chúng tôi mỗi mòn thất vọng, chị ráng làm cách nào giúp chúng tôi được bái kiến Đức Bổn Sư.

- Thôi thì các nàng, mỗi người trở một lỗ trống trong vách phòng của mình, rộng vừa đủ để trông thấy rõ bên ngoài và cho người mang lễ vật, hương hoa để sẵn nơi đó, chờ khi Đức Bổn Sư đi ngang qua để đến cổng ba nhà Thiên hộ, thì các nàng lại chỗ lỗ trống của phòng mình mà nhìn xem, hay là giơ tay ra ngoài lễ bái và dâng cúng lễ vật.

Các phi tần làm y theo như vậy, họ chờ Đức Bổn Sư đi ngang qua, lúc Ngài ngự đến hoặc lúc trở về để nhìn ngắm kim quang hoặc lễ bái, cúng dường tùy theo sở thích.

Bất ngờ, một hôm Thứ hậu Māgandiyā từ trong tư cung bước ra, trong khi thung thăng bách bộ, bà đi đến chỗ ngự của năm trăm nàng cung phi ấy.

Trông thấy các lỗ trống trong vách cung phòng, Thứ hậu bèn hỏi: “Lỗ gì vậy?”.

Các nàng cung nữ không biết việc Thứ hậu Māgandiyā cuu lòng thù hận, ngầm buộc oan trái với Đức Bổn Sư, nên tình thật đáp rằng: “Khi nào Đức Bổn Sư ngự vào thành, chúng tôi đứng đó mà lễ bái và dâng cúng lễ vật đến Ngài”.

Thứ hậu nghĩ thầm: “Sa Môn Cổ Đàm vào thành lúc nầy, thật là dịp may ta lập cách tẩy thù, phục hận, rửa được cái nhục ngày xưa. Còn mấy con tiện tỳ nầy là bọn a dua, thị tòng của hắn, thì ta cũng sẽ làm cho biết tay”.

Lập tâm như thế rồi, Thứ hậu Māgandiyā vào trào, mật tấu với vua Udena: “Tâu đại vương! Năm trăm cung nữ của Chánh hậu Sāmavati âm mưu tư thông với bên ngoài, dự bị hành thích đại vương trong vài ngày tới đây”.

Đức vua không tin đáp rằng: “Các cung nữ ấy không dám làm việc tà đình ấy đâu”.

Mặc dầu Thứ hậu tâu đi tâu lại, đức vua cũng không lưu ý, thấy vu cáo đến ba lần mà đức vua cũng không tin lời mình, Thứ hậu bèn tâu rằng: “Nếu đại vương không tin, thì xin đại vương quang lâm đến chỗ ngự của các cung nữ ấy mà quan sát thì sẽ rõ ngay gian”.

Đức vua ngự đến các cung phòng, trông thấy những lỗ trống trong vách, phán hỏi lỗ gì đây vậy.

Sau khi nghe các cung nữ trình bày hợp lý, đức vua chẳng giận hờn trách mắng chi họ, mà còn cho lệnh đến lấp các lỗ trống lại và gắn cửa sổ mắt cáo (khuddacchiddakavātapānāni) vào vách của tất cả các cung nữ. Tương truyền rằng: “Những cửa sổ mắt cáo có từ khi nầy vậy”.

Bị thất bại trong việc vu cáo các cung nữ, Thứ hậu Māgandiyā tự nghĩ: “Bây giờ ta phải đối phó với Sa Môn Cổ Đàm trước đã!”.

Thứ Hậu bèn vãi tiền ra mướn dân chúng trong thành:

“Ai thấy Sa Môn Cổ Đàm vào thành thì kéo hết kẻ ăn người làm trong gia đình ra mà mắng nhiếc, lẳng mạ xua đuổi ông ta đi”. Bọn người tà kiến, không có đức tin nơi Tam Bảo, sau khi lớn tiếng mắng chửi, lẳng mạ Ngài: “Ngươi là kẻ cướp, là kẻ ngu, là kẻ khùng, ngươi là con lạc đà, là con bò, là con lừa, ngươi là giống quỷ sứ, là giống súc sanh, ngươi sẽ không bao giờ được siêu sanh lên nhân cảnh, ngươi nhất định sẽ sa vào ác đạo”. Bị xúc phạm bằng mười thứ thô ác ngữ như trên. Trưởng Lão Ānanda bạch với Đức Bổn Sư: “Bạch Ngài, dân chúng miễn nầy mắng nhiếc, lẳng mạ ta. Vậy ta hãy đi qua nơi khác”.

- Đi đâu hở Ānanda?

- Bạch Ngài, ta đi qua thành khác.

- Nếu dân chúng ở đó mắng nhiếc ta thì ta sẽ đi đâu nữa hở Ānanda?

- Bạch Ngài! Thì ta sẽ bỏ đó mà đi qua thành khác nữa.

- Nầy Ānanda! Không nên làm như vậy, chỗ nào có sự khẩu thiệt (adhikaraṇa) phát sanh, thì ta phải lưu lại đó cho đến khi những tiếng thị phi lắng dịu hết rồi mới nên đi qua chỗ khác. Họ mắng nhiếc bằng những lời lẽ nào vậy Ānanda?

- Bạch Ngài, họ giảng đủ cả thập ác thô ngữ.

- Này Ānanda! Như Lai chẳng khác nào con tượng chúa khi lâm trận phải hứng chịu tất cả bao nhiêu mũi tên địch từ bốn phía bắn vào, cũng như nơi đây, dầu cho những kẻ không giới hạnh có thốt ra nhiều lời bất nhã như thế kia, Như Lai cũng vẫn nhẫn nhục chịu đựng được hết.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp, tự đề cập đến Ngài và kết thúc bằng ba bài Kệ Pháp Cú sau đây, được ghi chép trong Phẩm Voi:

“Ahaṃ nāgo va saṅgāme

Cāpāto patitaṃ saraṃ

Ativākyam titikkhissam

Dussīlo hi bahujjano”.

“Dantaṃ nayanti samitiṃ

Dantaṃ rājābhiruhati

Danto seṭṭho manussesu

Yoti vākyam titikkhati”.

“Varamassatarā dantā

ājānīyā ca sindhavā

Kuñjarā ca mahānāgā

Attadanto tato varanti”.

“Như voi xuất trận gan lì,

Hứng tên cung bắn vào bì chẳng nao.

Như Lai hứng chịu biết bao,

Những lời phỉ báng thấp cao tục tằn”.

“Thế gian lắm kẻ làm nhẩn,

Phá hư giới hạnh thiện căn của mình.

Voi thuần được đến hội đình,

Voi thuần được chúa thích tình ngự du.

Cao hơn nhân loại người tu,

Nhịn lời phỉ báng phàm phu tục tằn”.

Quý thay là giống la thuần!

Quý thay ngựa tuấn người hăng khéo nuôi!

Quý thay tượng chúa đàn voi!

Người tự điều chế hẳn hoi quý hơn”.

Sau khi thuyết giảng như thế, Đức Bổn Sư phán:

- Này Ānanda! Người chớ nên tự lự, họ chỉ mắng nhiếc trong vòng bảy ngày mà thôi. Đến ngày thứ tám họ sẽ tự động im lặng ngay.

Quả nhiên đối với Chư Phật, mọi sự khẩu thiệt chỉ tồn tại trong bảy ngày chớ không bao giờ kéo dài hơn nữa.

Khi thấy muốn người mắng nhiếc, xua đuổi Đức Bổn Sư không kết quả, Thứ hậu Māgandiyā tự nghĩ: “Bây giờ ta sẽ làm gì đây? Ấm cúng tân và Sāmāvātī là những kẻ hậu thuẫn của Sa Môn Cổ Đàm. Ta phải tiêu diệt lũ nó”.

Một hôm nọ, Thứ hậu được chỉ định trông coi việc ngự thiện, làm quản đốc nơi tòa ngự yến lâu (Rañño surāpānaṭṭhāna). Nhân cơ hội đó, Thứ hậu gửi mật thư cho chú mình như vậy: “Xin tin cho Quốc trưởng rõ, con đang cần dùng gà trống, tám con sống và tám con chết. Quốc trưởng nên mang gà đến ngự yến lâu, đứng túc trực nơi chân cầu thang và thông tin cho con biết tin Quốc trưởng đến. Khi có lệnh truyền cho vào. Quốc trưởng cũng đừng lên lầu, lần đầu tiên Quốc trưởng gửi cho nội thị tám con gà trống còn sống và lần sau hãy gửi mấy con kia”.

Mặc khác, Thứ hậu đút lót vàng bạc mua chuộc viên quan hầu rượu của vua (Cūḷupatthāko) và căn dặn: “Khanh nhớ rắng làm đúng theo lời ta ủy thác nha”.

Tiếp được mật thư, Quốc trưởng Cūḷa Māgandiyā thân hành đi vào hoàng cung, khiến nội thị thông báo cho đức vua biết: Quốc vương truyền lệnh cho vào, Quốc trưởng thối thác với nội thị rằng: “Nơi Quốc vương yến ẩm, ta không dám lên”.

Thứ hậu bèn phán bảo bồi yến quan: “Hiền khanh hãy xuống tiếp kiến Quốc trưởng đi”.

Quan bồi yến xuống lầu, được Quốc trưởng gọi tám con gà trống còn sống đem lên dâng đức vua: “Tâu Quốc vương, đây là lễ vật của Quốc trưởng hiến nạp”.

Quốc vương rất đẹp ý, phán rằng: “Quý hóa thay! Được thêm món trân tu mỹ vị này cô gia không biết nên giao cho ai nấu nướng đây”.

Thứ hậu Māgandiyā tâu “Tâu đại vương, năm trăm cung phi do Chánh hậu Sāmāvatī chưởng quản hiện đang ở không, đi đông đi dài. Xin đại vương gọi món này đến bảo họ nấu nướng rồi mang lại đây”.

Quốc vương ra lệnh cho quan bồi yến:

- Khanh đem nấy con gà này đến giao tận tay các cung nữ, chớ đừng giao cho ai khác và tâu rằng: “Đức vua muốn quý lệnh bà tự tay mình làm thịt gà và nấu món ăn dâng lên đức vua”.

- Hạ thần xin tuân Thánh lệnh.

Nói rồi, quan bồi yến ra đi, đến gặp các cung nữ và truyền lệnh vua. Các cung nữ từ chối, đáp rằng: “Chúng tôi giữ giới không dám sát sanh”.

Quan bồi yến trở về phục lệnh đức vua. Khi ấy Thứ hậu Māgandiyā tâu rằng:

- Tâu đại vương! Muốn biết thật các cung nữ này có giữ giới cấm sát sanh hay là họ chỉ mượn cớ thối thác, không tuân vương lệnh, thì xin đại vương thử phán bảo họ: “Nấu xong thực phẩm đem dâng cúng đường Sa Môn Cổ Đàm”, xem ra sao?

Quốc vương y tâu, lại sai viên quan hầu rượu ra đi một lần nữa. Bồi yến quan đem gà xuống lầu, giả cách như đem thẳng vào thâm cung, nhưng sự thật thì ông giao trả Quốc trưởng tám con gà trống sống mà tráo lấy tám con gà trống chết, đem qua chánh cung, tâu với vương phi rằng: “Có lệnh vua khiến quý vương phi làm thịt mấy con gà này, nấu thành thực phẩm gửi đến cúng đường Đức Tôn Sư”.

Các cung nữ ra rước lấy mấy con gà chết và nói:

- Bây giờ, công việc này là phận sự của chúng tôi đây.

Thấy quan hầu rượu trở về phục lệnh, đức vua phán hỏi:

- Thế nào vậy Khanh?

Bồi yến quan tâu: “Muôn tâu chúa thượng vừa nghe nói nấu để cúng đường Sa Môn Cổ Đàm, thì các cung nữ liền chạy ra đón đường hạ thần và rước mấy con gà rồi”. Thấy vậy, Thứ hậu Māgandiyā liền tâu rằng: - “Đại vương hãy coi đó, có phải rõ ràng là các cung phi ấy chỉ có tâm xu hướng ngoại nhân chớ không có lòng tín ngưỡng đại vương chăng, thế mà đại vương còn chẳng tin lời thần thiếp”.

Quốc vương làm thinh giữ vẻ trầm ngâm để cho Thứ hậu Māgandiyā tha hồ tâu rồi. Thấy vậy, Thứ hậu nghĩ thầm: “Bây giờ, ta phải làm sao đây?”.

Thời ấy đức vua luân phiên ngự vào cung của ba bà Hoàng hậu Sāmāvatī, Vasuladatta và Māgandiyā. Vua tuần tự lưu lại trong mỗi hậu cung bảy ngày đêm liền.

Sau khi hỏi vua để biết trước “Mai hay mốt đức vua sẽ ngự hành sang qua chánh cung”, Thứ hậu Māgandiyā sai một người thân tín đến dinh Quốc trưởng Cula Māgandiyā, để xin một con rắn độc đã nhốt hết mấy cái răng độc về cho mình cần dùng. Quốc trưởng làm y như lời hứa cháu gái cung.

Quốc vương Udena, mỗi khi thân hành ngự đến nơi nào cũng mang cây đàn điều tượng đem theo, thùng đàn có một lỗ nhỏ, Thứ hậu Māgandiyā lừa cho con rắn độc xà chui qua lỗ ấy mà vào trong thùng đàn, đoạn lấy một chùm hoa nhét trám miệng lỗ. Đến ngày Quốc vương xuất hành, Thứ hậu giả vờ hỏi:

- Hôm nay đại vương ngự đến cung nào?

- Đến cung Chánh hậu Sāmāvatī.

Nghe vậy, Thứ hậu can rằng: “Tâu đại vương! Đêm hôm qua thần thiếp nằm mộng, thấy một điểm bất tường là lệnh Thiên tử không nên ngự qua chánh cung được”.

- Trẫm nhứt định qua đó.

Thứ hậu can ngăn đức vua đủ ba lần, rồi mới nói:

- Nếu đại vương quyết như thế, thì thần thiếp xin cùng đi với đại vương.

Nói rồi, Thứ hậu theo sát cánh Quốc vương, ra khỏi phạm vi đệ tam cung, Thứ hậu cũng không quay về, lại nói rằng:

- Tâu Chúa thượng! Thần thiếp rất e ngại, không biết sắp xảy ra biến cố nào đây.

Khi Quốc vương ngự đến chánh cung, Hoàng hậu Sāmāvatī và đoàn cung nữ ra nghinh tiếp, khoác lên long thể những đồ trang điểm quý giá tràng hoa và hương trầm. Đức vua cứ để nguyên các phục sức ấy mà ngự dụng các món thiện soạn (subhojanam). Xong bữa rồi, đức vua ngự lên long sà để an giấc buông bỏ cây đàn kế bên đầu nằm.

Thứ hậu Māgandiyā giả vờ đi quan sát chỗ nọ, chỗ kia, rồi thừa lúc vắng người lên đến rút bỏ chùm hoa nhét trám cái lỗ trên thùng đàn.

Con rắn nằm yên trong thùng đàn hai ba ngày qua, liền theo lỗ trống bò ra ngoài, ngóc đầu lên phùng mang thở khem khem rồi trườn lên nằm trên long sà. Thấy vậy, Māgandiyā kêu thét lên: “Chúa thượng ơi! Có con rắn!”. Rồi như ngậy như dại, Thứ hậu mắng nhiếc cả Quốc vương, Chánh hậu cùng các cung nữ:

- Hôn quân bất hạnh, không nghe lời ta can gián. Lũ tiện tỳ nầy cũng vô phước vậy mà cũng học đòi châu chực Quốc vương. Có lẽ chúng bây mong mỗi đức vua thăng hà để cho bây được sống an vui, nếu đức vua còn tại vị thì chúng bây sống chịu cực khổ phải không?

Chúa thượng ơi! Sáng nay thần thiếp đã thấy triệu bất thường, biết là Chúa thượng chẳng nên ngự đến cung của Chánh hậu Sāmāvatī nầy. Thần thiếp đã hết lời can gián mà Chúa thượng chẳng tin nghe thần thiếp.

Nhìn thấy con rắn, Quốc vương kinh hoàng, nghĩ đến cái chết:

“Mấy cung nữ nầy có thể làm cho trẫm thăng hà được lắm. Ôi! Thật trẫm quá ngu khờ mới không tin lời Thứ hậu đã lẩm lẩn chỉ rõ ác tâm của bọn họ cho trẫm thấy. Lần đầu tiên họ khoét lỗ vách cung phòng để ngó ra ngoài, lần kế đó họ trả mấy con gà trống của trẫm đưa đến cho họ làm thịt và bữa nay họ thả rắn lên long sà trong lúc trẫm ngủ say”.

Nghĩ đến đây, Quốc vương phùng phùng lửa giận, nộ khí xung thiên.

Chánh hậu Sāmāvatī điềm tĩnh bảo năm trăm cung nữ:

- Nầy các em. Chẳng có ai có thể che chở cho chị em mình hết. Vì các Thiên vương, Thiên hậu với chị em mình cũng ngang hàng đồng bậc, chẳng khác chi nhau, các em cứ lo rải tâm từ đừng ái ngại chi hết.

Quốc vương lấy chiếc cung vàng có sức bắn đi mạnh gấp ngàn cây cung thường (sahassathāmasiṅ-gadhanu), cầm lên tay búng thử dây cung, lắp một mũi tên có tẩm thuốc độc vào, rồi truyền lệnh bắt Chánh hậu Sāmāvatī đứng đầu, cả đoàn cung phi sắp hàng đứng nối theo sau. Đoàn Quốc vương nhắm ngay ngực Hoàng hậu Sāmāvatī bắn mũi tên ra.

Do mãnh lực từ tâm của Hoàng hậu, mũi tên quay đầu trở lại bay thẳng về phía Quốc vương, suýt đâm thủng tim Quốc vương mới dừng lại. Quốc vương giật mình, ngẫm nghĩ rằng: “Mũi tên của trẫm bắn ra, dầu cho gặp đá cứng nó cũng xuyên thủng đi qua, còn trên hư không nó đâu có đụng bá chỗ nào, sao tự nhiên nó quay đầu trở lại, chực bay xia vào tim của trẫm? Ôi! Rất đổi là một mũi tên, là thứ đồ bắn bỏ, là giống vô tình là vật vô sanh mà nó còn nhận thức được giới đức của Hoàng hậu, trẫm là giống con người mà sao trẫm thua vật vô tri”. Quốc vương ném phăng chiếc cung vàng xuống đất, chấp tay ngói xồm bên chân Hoàng hậu Sāmāvatī rồi đọc kệ rằng:

*“Sammuyhāmi pamuyhāmi
Sabbā mayhanti me disā
Sāmāvatī mam tāyassu
Tvaṅca me saraṇam bhavāti”.*

*“Trẫm quên, trẫm lạc mất đường,
Trẫm không còn nhớ hướng phương đi về.*

Ô Nhi Ly hãy phá mê,
Cho trẫm nương tựa cận kề được chăng?”.

Nghe Quốc vương thốt ra những lời khiêm tốn, tự hạ mình như vậy, Chánh hậu không nói “Phải đó Chúa thượng, Chúa thượng hãy qui y với thần thiếp”. Nhưng Chánh hậu lại tâu rằng:

- Tâu đại vương! Hễ thần thiếp qui y với vị nào thì đại vương cũng nên quy y với vị đó.

Hoàng hậu bèn đọc kệ rằng:

*“Idam vatvā sāmāvatī
Sammāsambuddhasāvīkā
Mā maṃ tvaṃ saraṇaṃ gaccha
Yamaṃ saraṇaṃ gatā.
Esa buddho mahārāja”.
“Esa buddho anuttaro
Saraṇaṃ gaccha taṃ buddhaṃ
Tvañcame saraṇaṃ bhavāti”.*

“Ô Nhi Ly nữ Thịnh Văn.
Của Đức Toàn Giác đáp rằng: Chúa ơi!
Chúa đừng qui ngưỡng theo tôi,
Hãy qui ngưỡng Phật đang ngồi từ bi.
Mà tôi cũng đã qui y,
Phật đó cao thượng không chi sánh bằng.
Phật đó, đại vương nhớ chăng?
Để tôi nương tựa hầu gần đại vương”.

Đức vua Udena nghe dứt bài kệ của Hoàng hậu Sāmāvatī, bèn nói: “Bây giờ, trẫm càng hoang mang lo sợ hơn bao giờ hết”.

Đoạn vua lại ngâm kệ rằng:

*“Esa bhiyyo pamuyhāmi
Sabbā muyhanti me disā
Sāmāvatī maṃ tāsya
Tvañca me saraṇaṃ bhavāti”.*

“Phật càng làm trẫm lạc đường,
Trẫm không còn nhớ hướng phương đi về.
Ô Nhi Ly hãy phá mê,
Cho trẫm nương tựa cận kề ái khanh”.

Dẫu cho đức vua cầu mấy lượt, Hoàng hậu cũng vẫn từ nan như trước.

- Thôi thì để trẫm quy y với Đức Bổn Sư và đồng thời trẫm ban cho ái khanh một ân huệ tùy ý ái khanh chọn lựa.

Nghe vua chuẩn hứa, Chánh hậu đáp: “Tâu đại vương, thần thiếp vui lòng nhận lãnh ân huệ vua ban”.

Quốc vương Udena bèn đến chỗ Đức Bổn Sư đang ngự xin quy y với Ngài, rồi cung thỉnh Tỳ Khưu Tăng quang lâm vào hoàng cung thọ thực, sau cuộc lễ Trai Tăng liên tiếp bảy ngày, Quốc vương phán bảo Hoàng hậu Sāmāvatī: “Bây giờ ái khanh muốn được trẫm ân tứ vật gì, ái khanh cứ nói cho trẫm biết”.

- Tâu đại vương! Thần thiếp không cần dùng châu báu, bạc vàng chi cả. Thần thiếp chỉ xin chúa thượng ban cho ân huệ này là: Chúa thượng thỉnh Đức Bổn Sư với năm trăm Tỳ Khưu hằng ngày vào hoàng cung để thần thiếp và các cung nhân được nghe thuyết pháp.

Quốc vương bèn đánh lễ Đức Bổn Sư, rồi bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trẫm xin cung thỉnh Ngài với năm trăm vị Tỳ Khưu, hằng ngày vào thọ thực nơi đây để cho Chánh hậu cùng đoàn cung nhân được dịp đánh lễ và thỉnh pháp.

- Tâu đại vương! Đồng danh với Chư Phật Như Lai, không nên đi mãi một chỗ nào, vì đại chúng ở khắp nơi còn đang ngóng đợi Như Lai.

- Bạch Ngài! Nếu vậy xin Ngài biệt phái một Tỳ Khưu đại diện cho Ngài.

Đức Bồ Sư bèn chỉ định Trưởng Lão Ānanda.

Từ đó về sau, mỗi ngày Trưởng Lão Ānanda đều dắt năm trăm vị Tỳ Khưu vào hoàng cung thọ thực, Chánh hậu cùng đoàn cung nhân vẫn chăm lo sốt bát cúng dường và nghe kinh, thính pháp đều đều không ngớt.

Một hôm, sau khi nghe dứt thời pháp do Trưởng Lão Ānanda thuyết, đoàn cung nhân phát tâm thành tín hết sức trong sạch bèn dâng năm trăm lá y vai trái (Uttarasaṅga) để cúng dường Pháp Bảo, thứ y này rất quý, mỗi lá trị giá đến năm trăm đồng vàng.

Khi thấy các cung nhân không còn một lá y quý báu nào hết, Quốc vương phán hỏi:

- Những y vai trái của các ái khanh để đâu?

- Chúng tôi đã cúng dường Ngài Trưởng Lão.

- Trưởng Lão đã nhận hết cả ư?

- Tâu chúa thượng, Trưởng Lão đã thu nhận hết cả.

Quốc vương đến đảnh lễ Trưởng Lão Ānanda và phán hỏi về các cung nhân cúng dường năm trăm lá y Uất Đà La Tăng. Khi Trưởng Lão xác nhận rằng: Các cung nhân có cúng dường và Trưởng Lão có thọ lãnh số y ấy, Quốc vương bèn hỏi: “Bạch Ngài bấy nhiêu y đó há chẳng phải là quá nhiều lắm sao? Vậy Ngài dùng làm gì cho hết”.

- Tâu đại vương, ta chỉ thọ dụng vừa phải thôi, còn dư ra thì ta bố thí cho các vị mặc y cũ rách.

- Có y mới, các vị ấy sẽ dùng y cũ của mình làm gì?

- Họ sẽ bố thí cho những vị có y cũ rách hơn.

- Rồi các vị sau này sẽ làm gì với những y cũ rách của mình.

- Chư Tăng sẽ lấy làm tấm trải lót giường.

- Còn những tấm trải lót giường cũ, Chư Tăng để làm gì?

- Chư Tăng sẽ lấy làm tấm trải lót dưới đất.

- Những tấm trải lót dưới đất cũ, Chư Tăng để làm gì?

- Tâu đại vương! Chư Tăng dùng làm giẻ chùi chân.

- Giẻ chùi chân cũ, Chư Tăng để làm gì?

- Chư Tăng xé nhỏ ra, quét cho nhuyễn rồi nhào lộn với đất sét để tô trên vách.

- Bạch Ngài, nếu Chư Tăng làm như thế thì những vật cúng dường quý Ngài quả thật không uổng chút nào.

- Tâu đại vương, phải..

Quốc vương phát khởi đức tin trong sạch, bèn hạ lệnh cho quân hầu mang thêm năm trăm lá y nữa đến cúng dường, đặt xuống bên chân Trưởng Lão Ānanda.

Trương truyền rằng: “Mỗi khi có năm trăm lá y quý giá cúng dường thí chủ chia ra làm năm trăm phần, dâng đến bên chân của Trưởng Lão và Trưởng Lão thọ lãnh đủ năm trăm lần. Mỗi khi có một ngàn bộ y quý giá cúng dường, thí chủ chia ra làm một ngàn phần dâng đến bên chân Trưởng Lão và Trưởng Lão thọ lãnh đủ một ngàn lần, mỗi khi có một trăm ngàn lá y quý giá cúng dường, thí chủ cũng chia ra một trăm ngàn phần dâng đến bên chân Trưởng Lão và Trưởng Lão cũng thọ lãnh đủ một trăm ngàn lần. Nhưng y phát sanh đến Trưởng Lão vô số kể, không phải chỉ có một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười hay một đôi chục đâu.

Theo truyền ngôn: Khi Đức Như Lai Níp Bàn rồi, Trưởng Lão đi vân du ta bà khắp cõi Diêm Phù Đề, đến chùa nào Trưởng Lão cũng bố thí những y bát của mình cho tất cả Tỳ Khưu trong chùa ấy.

Thử hỏi: Trưởng Lão nhờ tạo nghiệp gì trong quá khứ mà trong kiếp này có được y phát sanh dồi dào như thế?

Tương truyền rằng: Xưa kia trong một kiếp làm thợ dệt Trưởng Lão có cúng dường một cây kim và một nắm vải vụn đến một vị Phật Độc Giác. Nhờ quả phước của sự cúng dường cây kim kiếp này Trưởng Lão có được Trí Bát nhã (Mahāpañña), nhờ quả phước của sự cúng dường vải vụn, kiếp này Trưởng Lão mới có được nhiều y như thế.

Nói về Thứ hậu Māgandiyā từ khi thất bại trong các việc vu cáo, thấy Chánh hậu cùng đoàn cung nhân, chẳng những đã không bị thiệt hại mà còn được Quốc vương trọng dụng thì càng đem lòng căm tức. Thứ hậu nghĩ thầm: “Cơ mưu của ta sắp đặt đều sai lạc hết, thật là hoài công vô ích, bây giờ ta phải tính sao đây? À ta còn một cách này”.

Chờ lúc Quốc vương xuất thành, ngự đi du ngoạn, Thứ hậu thảo bức mật thư gửi cho chú mình: “Quốc trượng mau đến cung của Sāmāvati, mở cửa kho chứa vải và kho chứa dầu, rồi đem quấn vòng hết mấy cây cột, nhốt chung tất cả cung nhân vào một chỗ, khóa kín cửa cung phòng, bên ngoài cho một nhóm thợ máy, sắp đặt hỏa tiễn phóng vào, chùng lửa bốc cháy cung phòng, Quốc trượng lánh mặt đi”.

Cūla Māgandiyā lập tức trèo lên cung điện của Chánh hậu, mở các cửa kho lấy vải nhúng vào dầu, rồi đem quấn vòng các cây cột. Khi ấy Chánh hậu Sāmāvati cùng đoàn cung nhân xúm nhau đến hỏi: “Quốc trượng làm chi đó vậy?”.

- Tâu Chánh hậu, Quốc vương hạ lệnh phải quấn vải dầu vào hết mấy cây cột này. Lệnh của vua ra thì thân chỉ biết tuân theo chứ không dám bàn cãi chi cả. Xin quý lệnh bà đừng đến gần các cây cột này.

Kể đó Quốc trượng lừa hết cung nhân nhốt vào trong cung thất, khóa trái cửa lại, bên ngoài cho quân đốt lửa, dùng máy phóng hỏa, bắn xả vào các cung phòng, lửa cháy bốc lên ngùn ngụt. Thấy vậy, Chánh hậu Sāmāvati ban huấn từ phủ dụ các cung phi: “Chị em chúng ta đã từng là những kẻ phiêu bạt lang thang trong vòng luân hồi sanh tử từ đời vô thủy cho đến nay, dầu cho ngọn lửa hồng như thế kia có thiêu rụi thân xác chúng ta trong một kiếp này cũng không thể nào chúng ta cắt đứt cái vòng tái sanh lẩn quẩn, và chúng đắc Tuệ giác Chư Phật. Vậy chị em chúng ta hãy ráng chuyên cần chớ khá dễ dãi”.

Thế rồi, trong tòa hậu cung bùng bùng lửa cháy dậy trời, Hoàng hậu Sāmāvati cùng với các cung phi lấy sự thọ khổ làm để mục tham thiền, gia công chuyên chú niệm, nên người đắc Nhị quả, người đắc Tam quả trong lúc lâm chung.

Hay tin hỏa hoạn thiêu rụi chánh cung, có nhiều Tỳ Khuru sau bữa Trai Tăng, hoặc đi khát thực rồi trở về đến chỗ ngự của Đức Thế Tôn, đành lễ Ngài và ngồi nép qua một bên.

Khi đã ngồi yên, chư Tỳ Khuru bạch cùng Đức Thế Tôn: “Bạch Ngài! Hôm nay trong lúc Quốc vương Udena xuất ngoại ngự du, lửa cháy hậu cung, cả đoàn năm trăm vương phi có Sāmāvati là Chánh hậu đều thiệt mạng. Bạch Ngài, các cung phi ấy đều là tín nữ, chẳng hay họ sẽ được chuyển kiếp, siêu sanh về cảnh giới nào?”.

- Này các Tỳ Khuru! Trong nhóm Cận sự nữ ấy có người đắc Tu Đà Hườn, có người đắc Tư Đà Hàm, có người đắc A Na Hàm. Này các Tỳ Khuru, tất cả các Cận sự nữ ấy đều đắc Thánh quả, không còn ai là phàm phu trong lúc lâm chung cả.

Khi ấy, nhận xét cái chết vì hỏa tai của đoàn cung phi và Chánh hậu không ngoài định lý nhân quả. Đức Thế Tôn cảm khái ngâm bài kệ sau đây:

*“Mohasambandhano loko
Bhabbarupova dissati
Upadhibandhano bālo
Tamasā parivārīto
Sassatī viya khāyati
Passato natthi kiñcananti”.*

*“Thế gian liên kết bởi vô minh,
Chỉ thấy nhãn tiền cảnh sắc thịnh,
Kẻ dại đắm chìm trong biển tối,*

*Vì mang thủ chấp buộc theo mình,
Cho rằng thế giới lưu tồn mãi,
Người thấy không gì thoát tử sinh”.*

Sau bài kệ, Đức Thế Tôn thuyết luôn một thời pháp tóm tắt như vậy: “Nầy các Tỳ Khuru! Tất cả chúng sanh khi còn lang thang trong vòng luân hồi, nếu có chuyên cần mãi mãi thì tạo được phước nghiệp luôn luôn, còn nếu lúc nào dễ duôi thì lúc ấy cũng tạo gây ác nghiệp vậy, bởi thế cho nên chúng sanh khi thì thọ vui, khi thì thọ khổ đều do tiền nghiệp của mình trong kiếp nầy hoặc kiếp xa xưa!”.

Quốc vương Udena đang ngự du, nghe tin phi báo cung điện của Chánh hậu Sāmāvatī phát hỏa, bèn cấp tốc hồi loan để đốc thúc việc cứu chữa. Quốc vương ngự về đến nơi thì đã muộn. Tòa chánh cung đã bị hỏa thiêu, chỉ còn trơ lại những đồng tro tàn.

Lòng buồn rười rượi, Quốc vương ngồi phịch trên chiếc cấm đôn, quần thần xúm nhau khuyên giải, Quốc vương vẫn lặng thinh. Càng tưởng nhớ đến ân đức của người quá cố. Quốc vương càng thêm áo não, tự hỏi: “Kẻ nào ác tâm gây ra cảnh chia lìa tang tóc nầy đây? Chắc có lẽ Thứ hậu Māgandiyā chớ không phải ai đâu xa lạ”. Tuy hiểu biết như thế, nhưng Quốc vương lại nghĩ thầm: “Nếu dùng biện pháp hăm he, tra tấn, sợ e Thứ hậu không chịu khai ngay, trăm phải dùng mẹo mà tra hỏi một cách êm thấm mới mong tìm ra manh mối được”. Nghĩ rồi, Quốc vương đổi buồn làm vui, phán bảo các quan cận thân tư vấn rằng: “Chư hiền khanh, lúc trước trăm ăn ngủ không yên, ngày đêm cứ phập phồng lo sợ, vì trăm nghĩ: Sāmāvatī đang rình rập mong chờ cơ hội để ra tay hành thích trăm. Bây giờ Sāmāvatī thác rồi, trăm mới vững dạ yên lòng, toại hưởng một đời hạnh phúc”.

- Tâu chúa thượng, việc nầy do kẻ nào gây ra vậy.

- Chắc là do một người nào đó có lòng yêu mến trăm.

Thứ hậu Māgandiyā đứng gần đó nghe Quốc vương đáp lời như vậy, thì vội vã tâu rằng:

- Tâu Chúa thượng, việc nầy do tay thần thiếp gây nên, chớ ngoài thần thiếp ra không ai có thể làm được. Thần thiếp đã triệu Quốc thượng vào cung và ra lệnh cho Quốc thượng thi hành việc ấy.

Quốc vương phán: “Trừ ái Hậu ra trăm không còn ai thật lòng yêu quý trăm. Ái hậu ơi! Trăm phát tâm trong sạch muốn ban bố cho ái hậu một ân huệ. Vậy ái khanh hãy triệu cả gia nhân quyến thuộc của ái hậu vào đây”.

Thứ hậu bèn gọi thư kêu gọi thân nhân: “Đức vua phát tâm trong sạch đối với ta, Ngài sẽ ban bố ân huệ, tất cả bà con hãy đến cho mau”.

Những gia nhân của Thứ hậu Māgandiyā lũ lượt kéo nhau vào hoàng cung, đều được Quốc vương ban thưởng rất trọng hậu. Thấy vậy, nhiều người không phải quyến thuộc của Thứ hậu cũng ráng lo lót để được chứng nhận là: “Gia nhân của Māgandiyā để vào cung lãnh thưởng”.

Sau khi đã kiểm kê gia nhân của Thứ hậu Māgandiyā, Quốc vương ra lệnh bắt hết những người ấy trói lại, dẫn họ ra chỗ sân ngự, xô họ xuống ngồi dưới những hố cá nhân đã đào sẵn, rồi lấp đất lại, rải rơm lên trên và châm lửa đốt. Khi lửa bén cháy da tội nhân, Quốc vương truyền lệnh lấy cày sắt cày qua cày lại nhiều lượt để phân thây họ ra từng mảnh. Còn Thứ hậu Māgandiyā cũng bị Quốc vương ra lệnh lấy dao bén lóc hết những mảng thịt nạc trong người của Thứ hậu bỏ vào chảo dầu sôi, chiên chín như bánh cam, rồi bắt Thứ hậu phải ăn.

Một hôm, trong phòng pháp hội, nhân khi nhắc đến vụ hỏa thiêu hậu cung, Chư Tăng đồng kết luận rằng: “Nầy các đạo hữu, thật là không hợp lý khi những tín nữ có những đức tin trong sạch như thế, sao lại phải hứng chịu cái chết thê thảm như thế?”. Đức Thế Tôn ngự đến phán hỏi: “Nầy các Tỳ Khuru các ông ngồi thảo luận việc chi đó?”.

- Bạch Ngài, như thế.... Như thế...

Nghe Chư Tăng đáp xong, Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Nầy các Tỳ Khuru! Trong kiếp nầy đoàn cung nhân có Sāmāvatī là Chánh hậu tử nạn như thế, là vì họ trả quả của nghiệp tiền khiên, chớ không có chi lạ”.

- Bạch Ngài! Xin Ngài từ bi hoan hỷ giải rõ tiền nghiệp của họ cho chúng con được biết.

Nghe Chư Tăng yêu cầu, Đức Thế Tôn bèn nhắc lại tích xưa:

Thời quá khứ, dưới triều đại của Quốc vương Phạm Thí, có tám vị Phật Độc Giác đóng đô tại thành Bārāṇasi, hằng ngày ngự đến thọ thực trong vương cung, năm trăm cung nữ lo việc hộ độ Chư Phật.

Khi bảy vị Phật ngự về núi Hy Mã (Himavanta), còn một vị ở lại đang ngồi nhập đại định trong một đám cỏ rậm gần bờ sông.

Một hôm nhân thấy Chư Phật đi vắng, Quốc vương dắt đoàn cung nữ xuống sông để bơi lội. Các cung nữ ham vui đắm mình dưới nước cả ngày, đến khi lên bờ họ cảm thấy lạnh run, nên muốn nhóm lửa để hơ cho ấm.

“Chúng ta đi kiếm lửa nhóm”, nói rồi họ kéo nhau đi tìm chỗ nọ, chỗ kia, đưa mắt lục soát tứ phía. Trông thấy đám cỏ rậm rạp, tưởng là đám cỏ khô, họ bèn châm lửa đốt rồi đứng xúm xít quanh để hơ. Khi đám cỏ cháy rạp xuống, các cung nữ mới thấy Đức Phật Độc Giác ngồi yên trong đám lửa. Họ hoảng sợ kêu bảo nhau: “Thôi chết rồi, chết mình rồi chị em ơi. Đức Phật Độc Giác của Quốc vương mà chết cháy, Quốc vương hay được thì chị em mình chắc không toàn tánh mạng. Bây giờ đã trót lỡ như thế, chúng ta phải thiêu Ngài luôn cho mất tích”.

Thế là, cả đoàn năm trăm cung nữ rối rít chạy túa ra đi, quì củi khô gom lại, chất thành một đống cao lớn. Họ châm lửa đốt củi rồi bỏ đi, yên chí là lần nầy chắc Ngài sẽ cháy tiêu mất xác.

(Các cung nữ ấy ban đầu không có tác ý, nhưng bây giờ thì họ cố ý, vì lẽ đó họ phải mắc nghiệp quả về sau).

Tuy nhiên, dầu họ có gom cả trăm cả ngàn khúc củi chất đống rồi đốt cháy bùng lên, họ cũng không làm cho Đức Phật Độc Giác đang nhập đại định phải bị tác hại hay nóng nẩy một chút nào. Bởi vậy, đến ngày thứ bảy, Đức Phật Độc Giác xuất định ra đi bình yên vô sự. Do ác nghiệp đã tạo, các cung nữ bị sa vào hỏa ngục, bị lửa thiêu trong nhiều trăm ngàn năm, do quả còn dư, khi tái sinh lên làm người, họ còn bị chết cháy cả trăm kiếp và kiếp chót nầy họ bị hỏa thiêu trong tòa hậu cung như thế. Đó là do tiền nghiệp của họ vậy.

Nghe dứt chuyện nầy, Chư Tăng hỏi Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài! Còn cô Khujjuttarā do ác nghiệp gì mà cô bị tật gù lưng, do thân nghiệp gì mà cô có trí tuệ đại Bát nhã, do phước nghiệp gì cô chứng quả vị Tu Đà Huàn và do ác nghiệp gì cô phải chịu làm nô tỳ cho người khác?

- Nầy các Tỳ Khưu! Cũng dưới triều đại của Quốc vương Phạm Thí đó, ở tại thành Bārāṇasi, có một vị Phật Độc Giác có tật hơi gù lưng.

Khi ấy có người nữ là người phục dịch cho Đức Phật. Lấy cái mền nỉ làm y trùm, lại lấy cái chén chum làm bát (bằng vàng), giả cách gù lưng nhái theo Đức Phật Độc Giác cho mọi người coi chơi và nói: “Đức Phật Độc Giác của chúng ta có tướng đi như vậy, như vậy...”. Do quả nghiệp của ác hành ấy mà cô Khujjuttarā phải mang tật gù lưng.

Khi Chư Phật vào vương cung thọ thực lần đầu tiên, Quốc vương thỉnh các Ngài an tọa xong, cho người thỉnh bát không của các Ngài, đem đầy cơm trắng rồi đem dâng trở lại, cơm nóng quá khiến Chư Phật phải trở tay liền liền.

Thấy vậy, cô phục dịch lấy tám chiếc vòng tay bằng ngà của mình đem dâng Chư Phật và bạch: “Xin các Ngài để bát lên trên cái vòng nầy mà bưng”. Chư Phật lấy vòng ngà lót kê bát rồi nhìn cô cung nữ. Cô hiểu ý Chư Phật nên bạch: “Bạch các Ngài, chúng con không cần dùng những chiếc vòng ấy, xin dâng dứt luôn đến các Ngài, các Ngài cứ nhận lấy đi”.

Chư Phật Độc Giác nhận lãnh các vòng tay ngà ngự luôn về núi Nandamūlaka, cho tới ngày nay, những chiếc vòng ngà ấy vẫn còn nguyên vẹn.

Do thiện nghiệp ấy, bây giờ cô Khujjuttarā có trí đại Bát nhã, thông suốt Tam tạng và do phước báu của sự phục dịch Chư Phật Độc Giác cô chứng đắc Tu Đà Huàn.

Trên đây là tiền nghiệp của cô Khujjuttarā có trí đại Bát nhã (Mahāpañña) thông suốt Tam tạng và do phước báu phục dịch Chư Phật Độc Giác cô ta chứng đắc Tu Đà Huàn.

Còn đây là tiền nghiệp của nàng Khujjuttarā trong thời kỳ không có Đức Phật Độc Giác.

Đến thời Đức Phật Tổ Kassapa (Kassapa), cô là một tiểu thư của ông Trưởng giả thành Bārāṇasi. Một buổi chiều kia cô đang ngồi soi kiếng để tự trang điểm. Khi ấy, có một Tỳ Khưu Ni là

bậc Lưu Tận (A La Hán) quen thân với tiểu thư đến nhà để thăm (các Tỳ Khuru Ni A La Hán thường hay đến viếng thăm những gia đình hộ độ mình vào buổi xế chiều). Ngay phút ấy, cô không có tờ giấy nào đứng hầu gần đó để làm tay sai cho cô tiểu thư cả.

Khi ấy, vị Tỳ Khuru Ni đến, tiểu thư nói: “Con xin đánh lễ Sư cô, xin Sư cô hoan hỷ trao dùm cái hộp nữ trang qua cho con”.

Sư cô nghĩ thầm: “Nếu ta không lấy cái hộp này trao qua cho tiểu thư thì cô ấy sẽ buộc oan trái với ta, và rồi về sau cô ta sẽ đi địa ngục. Còn nếu ta làm theo lời cô thì cô sẽ làm tội tớ trong đời vị lai. Thà để cô phải làm tội tớ cho người, còn hơn là để cô phải chịu thiêu đốt trong cảnh địa ngục”.

Quán xét thấy rõ nguyên nhân như thế, vị Tỳ Khuru Ni Lưu Tận bèn lấy cái hộp đồ nữ trang trao qua cho cô tiểu thư. Do tiền nghiệp đã sai khiến một vị A La Hán mà cô Khujjuttarā phải mang kiếp làm kẻ tội đồ vậy.

Qua ngày sau, Chư Tăng lại nhóm trong phòng pháp hội, câu hỏi sau đây được nêu lên: “Một nhóm năm trăm phụ nữ có nàng Sāmavati đứng đầu bị hỏa thiêu trong tòa hậu cung, một nhóm nữa gồm các quyến thuộc của bà Māgandiyā bị ủ rơm đốt cháy, rồi bị cây sắt phân thân. Bà Māgandiyā bị lóc xẻo thịt chiền trong chảo dầu. Trong số người trên đây, những ai đáng gọi là còn sống, những ai đáng gọi là đã chết?”.

Đức Bổn Sư ngự vào phòng nhóm phán hỏi Chư Tăng: “Nầy các Tỳ Khuru! Các thầy đang thảo luận việc chi đây?”.

- Bạch Ngài! Việc như vậy, như vậy....

Nghe Chư Tăng đáp xong, Đức Thế Tôn phán bảo rằng: “Nầy các Tỳ Khuru! Những kẻ giải đãi biếng nhác, dầu cho còn sống một trăm năm nữa, cũng đáng gọi là đã chết. Những người chuyên cần tinh tấn, dầu cho chết rồi cũng vẫn như còn sống y nhiên. Cho nên Māgandiyā sống cũng vậy, chết rồi cũng vậy, đều đáng gọi là tử vong, còn năm trăm cung nữ có Sāmavati đứng đầu tuy đã chết nhưng cũng đáng gọi là đang còn sống. Quả thật nầy, các Tỳ Khuru những người chuyên cần không đời nào chết đi”.

Nói rồi, Đức Thế Tôn ngâm liên tiếp ba bài kệ:

*“Appamādo amatam padam
Pamādo maccuno padam
Appamattā namīyanti
Ye pamattā yathā matā”.*
*Etam visesato ñātvā
Appamādamhi paṇḍitā
Appamāde pamodanti
Ariyanam gocare ratā”.*
*“Te jhāyino sātatikā
Niccām dāḥaparakkamā
Phusanti dhīrā nibbānam
Yogakkhemam anuttaranti”.*

*“Chuyên cần là lộ trường tồn,
Buông lung là lộ đưa hồn âm cung.
Người cần chuyên sống vô cùng,
Kẻ buông lung sống, lâm chung khác nào.
Hiển nhân biết rõ thấp cao,
Cần chuyên thủ phận dám nào buông lung.
Cần chuyên ngày tháng thung dung,
An vui tự tại sánh cùng Thánh nhân.
Nhờ tu thiền định tinh cần,
Ngày đêm tinh tấn, trí nhân siêu phàm,
Chứng ngay vô thượng Níp Bàn,
Nào phiền giữ sạch, tịnh an cõi lòng”.*

CHÚ GIẢI:

Appamādo: Sự chuyên cần, không buông lung. Trong câu kệ này Đức Thế Tôn nêu rõ sự lợi ích lớn lao mà người tu tập chuyên cần hằng đạt được và một khi đạt được sự lợi ích lớn lao (tức là Níp Bàn) ấy rồi, hành giả hằng trú vững trong đó.

Quả thật dầu cho ai có đầy công học hết Phật ngôn trong toàn bộ Tam tạng, rồi đem ra thuyết giảng cũng không được sự lợi ích bằng người chuyên cần tu tập, bởi thế Đức Phật có dạy rằng: “Nầy các Tỳ Khưu! Ví như ta đem dấu chân voi mà so sánh với bất cứ dấu chân nào khác của các giống thú rừng, thì ta thấy dấu chân voi bao giờ cũng to lớn vượt bực, lấn át tất cả các dấu khác.

Cũng như thế! Nầy các Tỳ Khưu, nếu ta đem pháp chuyên cần mà so sánh với bất cứ những thiện pháp nào chẳng hạn thì bao giờ chuyên cần (appamādo) cũng có sự lợi ích to lớn vượt bực, lớn hơn những thiện pháp khác.

Người mà không xa lìa pháp ghi nhớ đến sự lợi ích ấy, có tâm thường trú trong chánh niệm, gọi là người chuyên cần vậy.

Amataṃ padam (Con đường bất tử): Đức Thế Tôn dùng danh từ bất tử (amataṃ) để ám chỉ Níp Bàn là cõi Vô sanh (Ajatatta), vì nơi đó không có sự sống, chết cho nên gọi là cõi bất tử. Con đường đưa đến cõi bất tử, con đường mà hành giả cần noi theo để đạt đến cõi bất tử. Đức Thế Tôn gọi là con đường bất tử (amataṃ padam).

Pamādo: (Giải đãi): Là sự lười biếng, sự phóng dật, sự buông lung dễ dãi, tiếng này chỉ trạng thái của người bỏ mất pháp ghi nhớ, thường hay quên, mà ta quen gọi là lãng trí (muṭṭhāsacca).

Maccuno padam (Lộ suy vong): Maccu là cõi chết, chỗ tử vong, padam là con đường lối đi, đạo lộ.

Quả nhiên giải đãi (Pamatto) không vượt qua khỏi biển luân hồi, chỉ lẩn quẩn trong vòng sanh tử, sanh ra để mà chết mãi vậy thôi.

Con đường đưa kẻ giải đãi đến chỗ suy vong gọi là lộ suy vong (maccuno padam).

Appmattā (Những người chuyên cần): Tức là những người có chánh niệm, luôn luôn có đầy đủ pháp ghi nhớ đến điều lợi ích lớn lao.

Na miyanti (Chẳng chết): Ta chẳng nên nghĩ tưởng là họ chẳng già, không chết, vì thật ra chẳng có chúng sanh nào không già, không chết cả. Những người dễ dãi thì bất chấp thiện ác, hành động của họ vô giới hạn, họ không có lý tưởng Chánh Kiến, cho nên họ không thoát khỏi con đường sanh tử triền miên. Dầu họ đang còn sống thì cũng kể như họ đã chết rồi vậy. Còn những người chuyên cần, gia công nỗ lực, chứng đắc Đạo quả một cách mau chóng, thì khỏi phải tái sanh kiếp thứ nhì thứ ba... Cho nên dầu họ đang còn sống hay là họ đã chết cũng đáng gọi là chẳng chết vậy.

Ye pamattā yathā matā (Những kẻ biếng như đã chết): Những chúng sanh nào lười biếng, giải đãi thì sống cũng như không, ta có thể xem họ như đã chết vì lười, cũng như xác chết, vì đã đứt mạng căn, như khúc củi mục, không có tâm thức, nếu là người tại gia họ chẳng hề khi nào có ý nghĩ khắc kỷ lợi tha, chẳng hạn như: “Ta sẽ bố thí vợ con, ta sẽ thọ trì Ngũ giới giữ, Bất quan trai giới...”.

Nếu là người là xuất gia, họ chẳng hề phát tâm nhẫn nại, cầu tiến, chẳng hạn như: “Ta sẽ hầu hạ thầy tế độ, thầy tiếp dẫn, hoặc các Trưởng Lão Cao Tăng, ta sẽ giữ hạnh Đầu Đà, ta sẽ hành thiền...” Do các lý đã nêu, Đức Thế Tôn mới thuyết câu kệ ngôn trên đây vậy.

Etam visesato ñatvā (Nhờ giác tri như thế) nghĩa là biết rõ rằng: Kẻ giải đãi không thể nào thoát khỏi vòng sanh tử, còn người chuyên cần thì chắc chắn là sẽ thoát khỏi biển luân hồi.

Appamādamhi paṇḍitā (Các bậc trí chẳng buông lung): Hiền nhân hay trí giả là những bậc thông minh trí tuệ, tự mình kiểm lấy mình, đã không dám buông lung mà còn tinh cần thêm lên mãi mãi, các bậc ấy biết rõ hai con đường sanh và tử đã nêu trong hai câu kệ đầu (1 và 2).

Appamāde pamodanti (Mãi chuyên cần hoan hỷ): Là các bậc hiền trí biết rõ lý trên, hằng hoan hỷ, vui thích thỏa mãn trong sự chuyên cần.

Ariyānam gocare ratā (Cõi Thánh được thung dung): Các vị hoan hỷ trong sự chuyên cần, càng ngày càng tinh tấn thêm, ắt được hưởng sự an vui tịnh lạc, tự tại ung dung trong cảnh giới thiền định Đạo quả của bậc Thánh nhân, gọi là cõi Thánh của hàng Thánh Văn đệ tử Phật Độc Giác và chư Chánh Đẳng Giác, gồm có bốn chỗ niệm, ba mươi bảy pháp trợ đạo, và chín pháp siêu thế... Te

jhāyino (Người tu thiền định) chỉ các bậc hiền trí hàng tu tập theo hai pháp hành Thiền định, (Samādhi) và Chỉ quán (Samātha vipassamā) để đắc thiền định và Đạo quả, bằng cách định tâm trên đối tượng gọi là Bát thiền (aṭṭhasa-māpatti) và pháp quan sát ba tướng (Vô thường, Khổ não, Phi ngã), gọi là Minh sát (vipassanā).

Sāta tikā (Chuyên): Từ khi xuất gia về sau, hành giả cứ một mực tinh tấn, chuyên cần rèn luyện tâm mãi cho đến bao giờ chứng đạt A La Hán quả mới thôi.

Niccaṃ dalhaparakkamā (Hằng tinh tấn dụng công): Pháp nào mà ta cần nên chứng đắc với sức mạnh, với sự hăng hái, với sự cố gắng của một người nam. Nếu chưa chứng đắc pháp ấy, ta nhất định chưa đành chỉ sự tinh tấn, nhờ quyết tâm như thế, bậc hiền trí không thối chuyển trên đường hành đạo và hằng tinh tấn nỗ lực, không bỏ dở sự công phu.

Phusanti (Chứng đạt): Trong Phật giáo có hai danh từ dùng để chỉ sự chứng đắc Đạo quả là: Tuệ chứng (ñāṇaphusana) và Dị thực chứng (vipāka-phasana).

Nói về bốn đạo (Cattāri magga) thì gọi là Tuệ chứng, nói về bốn quả là Dị thực chứng (cattāri phalāni: bốn quả). Nơi đây Đức Phật thuyết về Dị thực chứng.

Câu nói: “Các bậc trí tuệ (dhīrā) hằng làm cho thấu rõ Níp Bàn bằng Thánh quả (Ariyāphalena nibbānaṃ sacchikarontā) đồng nghĩa với câu do nơi Dị thực chứng (Vipākaphusanāya) của Thánh quả ấy mà các bậc hiền trí (dhīrā paṇḍitā) làm cho thấu rõ Níp Bàn.

Yogakkhemam anuttaranti (thoát phiền trược vô thượng): Yoga nơi đây chỉ cho bốn cái ách mà chúng sanh bị trói chặt vào, càng làm cho họ chìm đắm mãi trong biển sanh tử, là nguyên nhân của mọi phiền não nhiễm ô: Đó là dục ách (Kāmāyoga), hữu ách (Bhavayoga), kiến ách (Diṭṭhiyoga) và vô minh ách (avijjāyogo).

Khemam là an toàn, tự tại, không còn lo sợ, vì đã thoát khỏi bốn ách.

Anuttaram là vô thượng, vô song, vì Níp Bàn là pháp cao thượng quý báu hơn tất cả các pháp thế gian (phàm) và siêu thế gian (Thánh). Sau thời pháp của Đức Thế Tôn, có nhiều người đắc chứng Thánh quả, nhất là Tu Đà Huần quả, kỳ dư đại chúng thính pháp đều hưởng được sự lợi ích.

DỨT TÍCH HOÀNG HẬU SĀMĀVATĪ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Sanh tử hai đường, hệ ở đâu?
Mưu cao chi lắm họa càng sâu!
Khổ vui nhớ xét nhân tiền nghiệp,
Lành dữ chớ xem quả đáo đầu.
Trắng cỏ Ma-Phi sao Phật góm?
Đen như Ô Hậu lại vua cầu?
Ai người trí tuệ ham thịnh sắc?
Thánh Đức miên trường, mặc bể dâu.*

II. 2- CHUYỆN KUMBHAGHOSAKA

(Kumbhaghosaka vatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú 24)

*“Uṭṭhānavato satimato
sucikammaṃsa nisammakārino
Saññatassa ca dhammajīvino
appamattassa yasobhivaḍḍhatīti”.*

*“Người chánh niệm nhiệt thành,
Tịnh nghiệp hiệp tri hành,
Giữ mình sống phải đạo,
Không buông lung thô tháo,
Hằng lừng lẫy thịnh danh”.*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự ở Trúc Lâm, đề cập đến Thiên hộ Kumbhaghosaka (Đào Khí Âm).

Thuở ấy, nhà của một phú Trưởng giả trong thành Vương Xá bị nhiễm bệnh thời khí (ahivāta-karogo).

Lúc bệnh mới phát, ruồi lẩn chết trước, kế đến những bò cái, súc vật khác chết tiếp theo. Từ đó, bệnh lây qua các nô tỳ, công nhân trong nhà và sau cùng lây đến chủ nhà.

Khi biết mình lâm trọng bệnh, liệu thế chắc không thoát khỏi chết, hai ông bà phú Trưởng giả đưa đôi mắt đăm lệ nhìn cậu công tử đang đứng gần đó và bảo rằng: “Con ơi! Nghe nói lúc bệnh này mới phát, những người phá vách chạy thoát ra ngoài thì được sống sót. Vậy con đừng lo cho cha mẹ. Hãy tiên bảo kỳ thân, chạy thoát đi cho mau, nếu con còn sống ngày sau con trở về đây, đến hầm cha mẹ chôn dẫu bốn trăm triệu đồng vàng, con đào lấy lên mà làm của sinh sống”.

Nghe qua những lời trần trối của song thân trong giờ hấp hối, cậu con trai xúc động đến rơi nước mắt. Vừa lạy vừa khóc, cậu không biết làm gì hơn là vâng lời cha mẹ, trốn tránh tử thần, phá vách thoát ra ngoài chạy về miền sơn lâm (Pabbatagahano). Cậu ở tại đó mười hai năm trời dài đằng đẵng, mới quay về sanh quán.

Lúc ra đi là tiểu công tử hãy còn ấu xuân, bây giờ trở về râu tóc sum sê, mặt mày đổi khác nên không ai nhìn biết cậu là con nhà đại phú đã từ trần.

Công tử lên đến thăm chùng hầm chôn vàng mà song thân quá cố đã di ngôn cho cậu, thấy còn nguyên vẹn thì nghĩ thầm:

- Bây giờ không còn ai nhận ra ta hết, nếu ta đào lên lấy kho vàng tiêu xài, thì sao khỏi chánh quyền bắt bớ làm khó dễ ta, nghĩ rằng ta là một kẻ bản cùng đạo trộm của người chôn dẫu. Thôi ta hãy kiếm việc làm thuê, lấy tiền chi độ khẩu.

Thế rồi, công tử cải trang, ăn vận rách rưới, đi dần vào xóm lao động, vừa đi vừa nói:

- Ai có cần mướn người làm không?

Khi ấy có người ở mướn, trông thấy Kumbha-ghosaka trong bộ y phục bản cùng đi xin việc thì bảo cậu: “Này chú em, làm việc này giúp bọn ta, thì bọn ta sẽ cấp lương thực cho chú em”.

- Việc chi vậy mấy anh?

- Ôi việc này dễ ợt, nếu chú em mảy siêng năng thì hừng đông dậy cho sớm đi loanh quanh kiếm các công nhân và kêu gọi họ: “Anh em ơi! Hãy thức dậy đẩy xe ra ngoài và hãy bắt kê bỏ vô! Đã đến giờ thả voi, ngựa ra đồng cỏ rồi nghe! Chị em cũng mau mau ra nấu cơm, nấu cháo đi nghe”, chỉ có vậy thôi.

Nghe giảng giải xong, công tử nhận chịu đáp:

- Được vậy tốt lắm.

Khi ấy, công tử được cấp cho một cái nhà ở gần nơi đó, mỗi ngày công tử làm tròn phần việc mà họ đã giao.

Thời bấy giờ, Quốc vương Bimbisāra có phép chỉ nghe tiếng nói mà đoán biết thân thế của tất cả mọi người. Một hôm Quốc vương tình cờ nghe được tiếng nói của công tử Kumbhaghosaka, bèn buột miệng phán rằng: “Đó là một tiếng nói của một thanh niên cự phú”.

Lúc ấy có bà ngự nữ đứng hầu đức vua, bà muốn ứng tiếng hỏi nhưng lại nghĩ thầm “Chắc có lẽ đức vua cũng chẳng dạy cho ta biết rõ việc này đâu? Ta cần phải tự mình truy cho ra sự thật”.

Nghĩ rồi, bà ngự nữ phái một quan nội thị ra đi “Khanh hãy điều tra xem thanh niên đó là người thế nào?”.

Nội thần vội vã ra đi, giáp mặt công tử Kumbhaghosaka rồi trở về tâu rằng: “Tâu lệnh bà, thanh niên đó là một người nghèo khổ, làm công cho một người ở mướn”.

Quốc vương nghe tâu làm thình.

Qua ngày thứ hai, thứ ba, Quốc vương vẫn còn nghe tiếng nói ấy và cũng đã thốt ra những lời như trước, khiến cho bà ngự nữ đứng hầu nghe được, bà cũng nghĩ như trước: “Ta phải truy cho ra manh mối việc này”.

Bà đã sai phái người đi điều tra nhiều lượt, nhưng ai cũng về trả lời rằng: “Đó là một kẻ bần nhon”.

Bà ngự phi suy nghĩ: “Quốc vương nghe tấu đó là một kẻ bần nhon thì không tin, cứ lập đi lập lại rằng: “Đó là tiếng nói của chàng thanh niên đại phú”. Việc này ta phải làm cho ra lẽ, ta phải biết rõ sự thật mới được”.

Bà tâu cùng Quốc vương: “Tâu bệ hạ, xin bệ hạ cho thần thiếp một ngàn đồng vàng, thần thiếp sẽ dắt Công chúa đi theo, nhất định sẽ đem kho tàng ấy về nhập vào vương khố.”

Quốc vương chuẩn tấu, ban cho Vương phi một ngàn đồng vàng, Vương phi nhận tiền rồi, bảo Công chúa vận y phục bằng thứ vải thô kịch dơ dáy, đoạn hai mẹ con rời thành Vương Xá ra đi.

Giả trang khách lữ hành, hai phụ nữ quyền quý này đến ngay xóm lao động, vào trong một nhà nọ hỏi một chủ nhà: “Bác ơi! Chúng tôi đi xa lỡ đường, xin bác làm ơn cho ở đỡ vài hôm rồi chúng ta sẽ ra đi”. Chủ nhà đáp: - Bác à! Không mấy khi bác đến đây hỏi xin ở nhờ, nhưng nhà cháu đông người chật chội lắm, đùm đậ ở đây không tiện, hay bác hỏi ở nhà Kumbhaghosaka thử xem, chú ấy ở một mình một cái nhà rộng lớn. Vương phi dắt Công chúa đến đó, yêu cầu: “Ông ơi! Chúng cháu lỡ đường, xin ông chủ cho chúng cháu ở nhà nhờ trong một vài hôm”.

Thấy thanh niên từ chối nhiều lượt, Vương phi khẩn khoản van nài: “Ông chủ làm ơn cho chúng cháu ngủ nhờ một đêm nay thôi, ngày mai chúng cháu sẽ đi sớm”.

- Ờ thôi được! Hai người ở đỡ một đêm thì cứ ở.

Ngày hôm sau, Vương phi không chịu từ giã lên đường, chờ khi công tử đi ra đồng làm việc trở về, Vương phi bảo: “Ông chủ ơi! Ông có lòng tốt cho chúng tôi ở tá túc, chúng tôi không biết lấy chi đền ơn, vậy chúng tôi xin nấu cơm giúp ông chủ”.

- Thôi đi bà ơi! Tôi tự nấu lấy mà ăn cũng được.

Tuy bị từ chối, Vương phi cũng không nản lòng, cứ đeo theo yêu cầu mãi, về sau cũng được công tử chấp nhận, Vương phi bèn ra chợ mua các thứ ngon lành hảo hạng như gạo trắng thơm.... đem về nấu nướng theo thực đơn của nhà vua, gồm: có cơm trắng nuốt như bông bưởi, phụ thêm hai ba món sơn hào hải vị cam trân ngà ngọc, chờ công tử đi làm về dọn ra cho công tử dùng. Khi thấy công tử dùng xong bữa có vẻ hài lòng thỏa mãn, Vương phi bèn nói với ông chủ:

- Ông chủ ơi! Mẹ con chúng tôi còn mệt, xin ông chủ cảm phiền cho mẹ con tôi ở lại một đôi ngày nữa.

Công tử nhận lời: “Ờ được”.

Ngày hôm sau, Vương phi đích thân đứng nấu các món thực phẩm hương điểm dọn cho công tử ăn.

Thấy biết công tử đã xiêu lòng, Vương phi nài nỉ xin ở thêm mấy ngày nữa.

Nay lần mai lượt, thừa lúc công tử Kumbha-ghosaka vắng nhà, Vương phi dùng dao bén cắt đứt nhiều khúc ở dưới hai bên phía dưới giường nệm của công tử. Khi công tử đi làm về, ngồi lên giường thì cái giường lún thấp xuống.

Công tử hỏi: “Tại sao cái giường này thủng xuống như vậy đây?”.

- Thưa ông chủ, có mấy đứa con nít ở lối xóm lại chơi, chúng nó nghịch quá, tôi ngăn cản không được. Chúng nó cả đám trèo ngồi hết trên giường hoài.

- Bà ơi! Tôi mắc cái nạn này cũng là tại cho bà ở đậ mà ra, chớ lúc trước mỗi lần ra đi, tôi khóa cửa nhà lại hết thì đâu có xảy ra chuyện gì?

- Tôi ngăn lũ trẻ không được thì biết làm sao. Thưa ông chủ.

Wương phi kiếm lời chống chế như vậy, rồi cứ ngày một ngày hai xin lưu lại ở trong nhà, cắt đứt hết dần dây treo nệm, chỉ còn chừa lại mỗi sợi vải tào nguyên mà thôi, mặc cho công tử phiền hà trách móc.

Một hôm, công tử đi làm về vừa ngồi trên giường thì cái giường nệm sụp xuống luôn, làm công tử té ngồi, đọng trán trên hai đầu gối. Công tử đứng dậy cần nhắc: “Tôi làm cái gì, tôi sẽ đi đâu bây giờ, mấy bà báo hại tôi mất cả giường nằm”.

- Ông chủ ơi! Ông đừng buồn tội nghiệp, tôi biết làm sao hơn, tại lũ trẻ con tinh nghịch quá, tôi không ngăn nổi. Thôi giờ này ông định đi đâu? Thôi ông cảm phiền lên ngủ đờ một giường với em gái một đêm nay.

Vương phi bảo Công chúa: “Con ạ, con nằm nép qua một bên cho anh con nằm chung với”.

Công chúa nằm chừa một khoảng trống và kêu: “Ông chủ lên nằm đây đi”.

Vương phi cũng giục công tử: “Ông chủ cứ lên nằm một bên em gái đi”.

Công tử Kumbhaghosaka y lời, lên nằm ngủ chung một giường với Công chúa, chỉ trong đêm ấy, trai gái đã giao tình với nhau. Thiếu nữ phát khóc thút thít. Nghe tiếng, Vương phi gạn hỏi:

- Sao con khóc vậy con?

- Thưa mẹ! Chuyện xảy ra như vậy...

- Con ạ! Việc đã lỡ rồi, có khóc cũng chẳng ích chi. Và lại con gái lớn cần phải lấy chồng, trai lớn cần phải lấy vợ. Con được sửa tráp nâng khăn cho công tử đây, cũng là một việc rất hay vậy.

Nói rồi Vương phi nhìn nhận công tử là giai tể của mình. Từ đó, ba mẹ con sống chung với nhau rất thuận hòa êm thấm.

Cách mấy hôm sau, Vương phi cho người thông tin lên đức vua: “Xin bệ hạ cho kỵ binh đi rao truyền. Cho thần dân trong xóm lao động phải ăn mừng lễ khánh hạ, nhà nào không tuân lệnh thì phải nộp tiền phạt!”.

Quốc vương y tấu, cho lính mã kỵ bắt loa loan truyền vương lệnh trong xóm lao động.

Khi ấy, bà hỏi chàng rể:

- Con ạ! Có lệnh đức vua truyền lệnh dân chúng trong xóm lao động chúng ta phải ăn mừng lễ khánh hạ. Vậy ta phải làm sao bây giờ?

- Thưa má, con đi làm thuê, lương không đủ sống, biết làm thế nào bây giờ.

- Con ạ! Những người có nhà ở thì vay mượn được, còn lệnh vua truyền xuống thì không thể cãi lại đâu con. Vậy con đi hỏi coi có nhà nào cho vay thì con cầm cố vay mượn đờ một vài đồng vàng đem về cho má.

Công tử bực mình, vừa đi vừa cần nhẫn, đến hầm chôn vàng đào lấy lên một đồng đưa cho nhạc mẫu.

Vương phi gửi đồng vàng ấy lên cho đức vua, và lấy tiền mình ra xài phí trong cuộc lễ.

Đờ vài hôm sau, Vương phi lại cho người thông tin lên Quốc vương, cũng tâu xin như trước.

Quốc vương lại hạ lệnh cho thần dân ăn mừng lễ khánh chúc, nhà nào không tuân lệnh thì phải nộp phạt.

Công tử Kumbhaghosaka nghe mẹ vào báo tin và thúc hối chạy tiền thì cần nhẫn, nhưng cũng đi lấy hai ba đồng vàng đem về.

Vương phi nhận được tiền của con rể, bèn gọi người thân tín đem dâng lên đức vua. Lại cách mấy hôm nữa, Vương phi thông tin lên đức vua: “Bây giờ, xin bệ hạ hãy triệu công tử về triều”.

Quốc vương y tấu, cho binh cầm lệnh tiễn đi triệu công tử Kumbhaghosaka.

Toán lệ binh đến xóm lao động, kiểm hỏi người rằng: “Ai tên là Kumbhaghosaka?”. Sau cùng gặp được công tử, họ gọi:

- Lại đây bố ơi! Có lệnh của đức vua đòi bố về triều.

Công tử hoảng hốt, không biết có chuyện gì mà binh lính đến kiểm mình, nên đáp: “Quốc vương không quen biết với tôi mà vả lại, tôi có làm tội lệ gì đâu...”. Nói rồi, công tử không chịu đi.

Khi ấy, toán lệ binh bắt đắ dĩ phải dùng cường lực, nắm hai tay công tử lôi đi, thấy họ làm như vậy, Vương phi quả rằng:

- Nè những quân khó dạy. Bây nắm tay lôi bừa con rể của ta như vậy là bất hợp pháp đờ nghe.

Hăm he toán lính rồi, Vương phi trấn an công tử:

- Con cứ đi đi, đừng sợ chi cả. Mẹ về bái kiến đức vua xong, đứa nào nắm tay con lôi kéo, mẹ sẽ bắt chặt tay chúng nó hết.

Nói rồi Vương phi dắt Công chúa về triều trước, thay đổi xiêm y, trang điểm tươm tất và mặc y phục lộng lẫy, rồi đứng chờ ở trong một phía nơi cung đình.

Công tử Kumbhaghosaka bị lệ binh điệu đến sân triều, quì xuống triều bái Quốc vương xong, đứng lên chờ lệnh.

Quốc vương phán hỏi: “Khanh tên là Kumbha-ghosaka phải không?”.

- Muôn tâu đại vương, phải.

- Vì lý do gì, khanh có một kho tàng to tát mà lại dấu, không khai báo chi hết vậy?

- Muôn tâu đại vương, ngu dân này đâu có kho vàng nào. Ngu dân nghèo khó, còn phải đi làm mướn kiếm ăn.

Khi ấy, Quốc vương lấy mấy đồng tiền vàng của công tử trưng ra làm tang vật và phán hỏi: “Mấy đồng vàng này của ai đây?”.

Công tử nhìn biết là tiền của mình thì sợ hãi, than rằng:

- “Trời ơi! Nguy cho ta rồi, tại sao mấy đồng tiền vàng này lọt vào tay đức vua”.

Nhìn quanh một lượt, công tử trông thấy Vương phi và Công chúa xiêm y lộng lẫy đang đứng chỗ ngưỡng cửa ngự phòng thì nói thầm: “Quả thật ta mắc tội khi quân nặng lắm, hai mẹ con bà ấy chắc là người của đức vua cho theo dò thám ta”.

Thấy công tử nín thinh, Quốc vương phán bảo: “Thôi khanh hãy nên khai hết sự thật. Tại sao khanh làm như thế?”.

- Tâu đại vương! Vì hạ thần không có ai là người bảo trợ để cho hạ thần nương nhờ cả.

- Người như trẫm không làm chỗ nương nhờ cho khanh được sao?

- Tâu đại vương! Thật là tốt đẹp quý báu, nếu hạ thần được đại vương bảo trợ cho hạ thần được có chỗ nương nhờ.

- Kho vàng của khanh tất cả được bao nhiêu?

- Tâu đại vương, bốn trăm triệu đồng vàng.

- Khanh cần phương tiện gì để đem lên?

- Tâu đại vương, hạ thần cần nhiều xe bò.

Quốc vương truyền lệnh thặng mấy trăm cỗ xe bò, cho lệ binh đi theo Kumbhaghosaka đến hầm chôn vàng, lấy vàng chất lên xe bò, chở về sân ngự chất thành một đống to lớn. Đoạn Quốc vương triệu tập tất cả dân cư trong thành Vương Xá và phán hỏi: “Trong đô thành có ai làm chủ được bấy nhiêu vàng đây không?”.

- Tâu đại vương, không.

- Vậy ta nên làm gì đây?

- Tâu đại vương! Xin đại vương trọng thưởng và phong chức tước cho chủ kho vàng này.

Quốc vương y tấu, ân tứ nhiều tặng phẩm thưởng công tử Kumbhaghosaka, phong cho công tử chức Thiên hộ và gả Công chúa cho công tử.

Xong rồi Quốc vương với tân Phò mã, ngự đến yết kiến Đức Bổn Sư. Sau khi đánh lễ Ngài, Quốc vương bạch rằng: “Bạch Ngài, quả nhân chưa từng thấy ai cương nghị như thanh niên này, mặc dù làm chủ một kho tàng bốn trăm triệu, chàng không hề ỷ lại, chàng làm như kẻ bán hàn, ăn vận rách rưới, làm thuê trong xóm lao động mà nuôi mạng sống, quả nhân đã khéo dùng mưu mẹo điều tra mới khám phá ra sự thật và cho đào lấy kho vàng đưa vào triều. Quả nhân đã gả Công chúa cho chàng, phong cho phẩm hàm Thiên hộ kiêm chức Phò mã. Bạch Ngài, thật quả nhân chưa từng thấy ai giàu nghị lực như thiếu niên này vậy”.

Nghe xong, Đức Bổn Sư đáp:

- Tâu đại vương! Người giữ theo một nếp sống như thế, mới gọi là sống theo lẽ đạo, còn kẻ bất lương làm nghề trộm cướp chẳng hạn, chỉ chuyên đàn áp nhiều hại trong kiếp hiện tại, chúng sẽ không có sự an vui. Quả thật thanh niên con nhà giàu có, không may gặp cảnh sa sút mà chịu khó làm công nhân hoặc làm nông phu để nuôi mạng như thế, thì đáng gọi là sống chánh mạng, phải đạo lý. Người có sự tinh tấn, đầy đủ sự ghi nhớ chánh niệm, sau khi dùng trí tuệ cân nhắc rồi mới hành động sao cho tri hành hiệp nhất giữa ba nghiệp, thân, khẩu và ý của mình thuần tịnh luôn luôn, nhất là giữ mình sống đời đạo lý, nương theo chánh mạng, không bao giờ xa lìa chánh niệm thì thanh danh về quyền hành, chức tước hoặc sự nghiệp càng ngày càng tăng trưởng thêm lên.

Đến đây, Đức Bổn Sư ngâm kệ ngôn rằng:

*“Uṭṭhānavato satimato
Sucikammassa nisammakārino
Saññatassa ca dhammajīvino
Appamattassa yasobhivaḍḍhatī”.*

*“Nhiệt thành chánh niệm song song,
Thân, tâm, khẩu nghiệp sạch trong phải đường.
Trí năng cân nhắc tỏ tường,
Sống theo đạo lý, luân thường chẳng quên”.*

CHÚ GIẢI:

Trên đây, tiếng **Uṭṭhānavat** chỉ người có lòng nhiệt thành, tinh tấn hăng hái, chuyên cần.

Satimato: Người có đầy đủ sự ghi nhớ hay pháp chánh niệm. Sucikammassa (là người) tịnh nghiệp, nghĩa là tam nghiệp (thân, khẩu, ý) đều thanh tịnh, trong sạch, vô tội.

Nisammakārino: Là người có chánh niệm nhận thức đúng đắn và hành động phù hợp với kiến thức chân xác của mình. Hễ ý nghĩ hay lời nói làm sao thì việc làm cũng vậy, hoặc là người suy xét kỹ lưỡng, nghĩ đến nguyên nhân và hậu quả các nghiệp mình tạo do thân, khẩu, ý trong sạch vô tội rồi mới hành động.

Saññatassa là biết rõ bằng trí tuệ các thanh hạnh của mình, biết tam nghiệp mình vô tội.

Dhammajīvino: Là người sống hợp theo lý đạo, nuôi mạng chân chánh, như tại gia thì không lường thặng tráo đấu, mua cần già bán cần non, điều ngoa gian xảo... Còn xuất gia tu hành thì không làm hai mươi một pháp tà mạng, như cho thuốc, đi thơ... Chỉ sống tự túc và tri túc bằng cách trì bình khất thực, lậy lất qua ngày.

Appamattassa: Là không buông lung, không phóng dật, không quên lãng sự thu thúc, chánh niệm.

Yasobhivaḍḍhati: Thanh danh tăng trưởng, là quyền tước chức vụ, tên tuổi... Càng ngày càng lừng lẫy, càng được nhiều người mến phục.

□

Sau khi bài kệ chấm dứt, Thiên hộ Kumbha-ghosaka đắc quả Nhập Lưu, ngoài ra còn có nhiều người đắc Thánh quả. Nhất là Sơ quả do nhờ thính pháp của Đức Bổn Sư, hàng đại chúng hưởng được lợi ích như thế.

DỨT TÍCH KUMBHAGHOSAKA

DỊCH GIẢI CẢN ĐỀ

*Chánh niệm, chuyên cần, hẳn biết bao!
Tám gương Kumbha sáng hừng hào!
Giả nghề ti tiện thân hèn hạ,
Thật kế châu toàn của quý cao!
Nếu chẳng Tần Vương nghe tiếng mách,
Thì không hoàng tộc bước chân vào,
Đức dày phước lớn càng tăng trưởng,
Bỏ lúc trần ai chịu khổ lao!*



II. 3- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO CŪLAPANTHAKA (Cūlapanthakattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú 25)

<i>“Uṭṭhānenappamādena</i>	“Nhiệt thành không giải đãi,
<i>saññāmena damena ca</i>	Giới căn thu thúc mãi.
<i>Dīpaṃ kayirātha medhāvī</i>	Người trí đáp cù lao,
<i>yam ogho nābhikīratīti”.</i>	Khỏi ngọn triều khổ hại”.

Kệ Pháp Cú (25) này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự an tại Trúc Lâm, đề cập đến Trưởng Lão Cūlapanthaka.

Tương truyền rằng: Thời ấy, trong thành Vương Xá, có một tiểu thư con nhà phú Trưởng giả Dhanasetṭhi (Tài Bạch) đến tuổi cập kê, tiểu thư được song thân cho ở tầng lầu thứ bảy không cho ra khỏi cửa khuê phòng, thật là:

*Thâm nghiêm kín cổng cao tường,
Cạn dòng lá thắm, bật đường chim xanh.*

Tuy nhiên, con gái đến tuổi dậy thì, tình xuân phát động, tiểu thư không đành lòng giữ thói nhà băng tuyết, nên đã trà trộn lịnh mẹ cha mà tư thông với một gia đình, sợ việc đổ bể lậu tiếng ra ngoài, Tiểu thư bàn với tình nhân: “Chúng mình ở đây mãi không thể được, nếu cha mẹ biết việc em tác tộ chắc là song thân phải phân thân em ra. Vậy chúng mình hãy đi ra cho khỏi xứ này, khỏi sợ bị ai dòm ngó”.

Thế là đôi trai gái gom lấy tư trang và đồ tế nhuyễn quý giá, trở cửa sổ trên nóc lầu thòng dây xuống đất và trốn khỏi tòa lầu đài của Trưởng giả Dhanasetṭhi.

Hai người cứ lằm lủi mà đi mãi, vừa nhắc chừng nhau:

- Mình đi tới chỗ nào không có người quen biết, mình sẽ ở đó.

Đôi nam nữ tự do luyến ái nảy đi đến lưu cư tại một địa phương nọ trong một thời gian, thì cô vợ có thai, khi gần ngày sanh, thiếu phụ tỏ vẻ với chồng: “Mình ơi! Em gần tới kỳ khai hoa nở nhụy, mà ở đây không có ai hộ hàng thân thích chi cả. Sau khi sanh con, hai đứa mình còn khốn khổ hơn nhiều, ta hãy đánh liều tạ tội với song thân đi mình.

Nghe vợ nói, người nô bộc nghĩ thầm: “Nếu ta trở về nơi đó, chắc là tính mạng không an toàn”. Vì quá lo sợ như thế, nên anh ta kiếm cớ thối thác, hẹn nay rồi lại hẹn mai.

Ngày tháng qua... tiểu thư nóng nảy, bồn chồn nghĩ rằng: “Cái anh ngốc này cứ lo sợ tội mình nặng nề, nên dự định không muốn trở về nhà ta. Thôi thì đầu anh ta không đi theo ta chẳng nữa, ta cũng cứ đi một mình vậy”.

Nghĩ rồi, tiểu thư sắp xếp đồ đạc trong nhà cho gọn gàng. Đoạn nói cho hàng xóm biết là mình trở về sanh quán và lên đường.

Người chồng đi làm về, không thấy vợ bèn hỏi thăm bạn láng giềng, nghe nói: “Chị ấy đã đi về nhà cha mẹ rồi”. Anh ta cấp tốc chạy theo, bắt kịp vợ đang đi nơi khoảng nửa đường. Ngay chỗ hai người gặp nhau, tiểu thư chuyển bụng xoắn, đẻ rớt một đứa con. Anh chồng hỏi:

- Hiền thê ơi! Cái chi đó vậy?

- Chàng ơi! Một đứa con trai mới chào đời.

- Bây giờ, chúng ta làm gì đây?

- Bây giờ đã sanh nở giữa đường giữa xá rồi, thì ta còn đến nhà cha mẹ làm chi nữa. Thôi chúng mình hãy quay trở lại.

Hai vợ chồng cũng đồng một ý, bèn bồng con trở lại tư gia vì đứa trẻ bị để rớt dọc đường, nên người ta đặt cho nó cái tên là Panthaka (Lộ).

Ít lâu sau, tiểu thư lại thọ thai và tất cả câu chuyện sanh nở lần thứ hai diễn y như lần trước. Vì cả hai đứa con trai của Tiểu thư đều bị để rớt dọc đường, nên đứa ra đời trước được gọi là Đại Bản Đặc (Đại Lộ), và đứa sau được gọi là Cūlapanthaka (Tiểu Lộ) cho dễ phân biệt anh em. Để rồi, hai vợ chồng tay bồng tay bế con thơ đồng quay trở lại nhà mình.

Trong xóm, chỗ hai vợ chồng đến cư ngụ, đứa con trai lớn là Đại Bản Đặc thường nghe các bạn trẻ láng giềng, đứa thì khoe có chú có bác, đứa thì chúng có ông bà, nên theo hỏi mẹ nó: “Má à! Tụi nó đứa còn có ông nội, ông ngoại, đứa thì có bà ngoại, bà nội. Còn hai đứa tụi con thì không có họ hàng chi hết. Sao vậy hả má?”.

- Có chứ sao không hả con, ở xứ này mình không có họ hàng bà con với ai hết. Nhưng ở tại đô thành Vương Xá chỗ ông ngoại con là phú Trưởng giả Dhanasetthi ở, thì mình có nhiều thân quyến lắm!

- Sao mình không về đó hở má?

Tiểu thư không tỏ thật vì lý do nào mình không đi về đó thăm cha mẹ cho con biết. Hai đứa bé không được nghe giải thích một cách thỏa đáng, cứ đeo theo tiểu thư mà hỏi han hoài.

Sau cùng tiểu thư nói với chồng: “Chàng ơi, hai đứa con cái của mình làm khổ em quá lắm. Bây giờ mình hãy dắt chúng nó về thăm nội ngoại. Chẳng lẽ cha mẹ thấy mình lại nở ăn thịt mình hay sao?”.

- Phận anh thì không thể nào giáp mặt nhạc gia, nhưng anh sẽ đưa hai con về cho chúng nó nhìn ông ngoại bà ngoại.

- Vậy thì ta nên chuẩn bị hành trang, rồi dắt chúng về thăm họ hàng bên ngoại.

Hai vợ chồng dắt hai đứa con trai ra đi, lần hồi đến thành Vương Xá. Họ vào ngụ trong một ký túc xá trong thành, tiểu thư nhờ người qua lại, đem tin cho ông bà phú Trưởng giả hay rằng mình đã dắt hai con về thăm cha mẹ.

Khi được tin ấy, ông bà đại phú nói nhắn trả lời rằng:

- Trong cái vòng tái sanh lẫn quẩn này, thật ra không có ai là con trai, con gái hay là ông bà, cha mẹ ai tất cả, ta không muốn nhìn thấy mặt chúng nó nữa, lũ nó đã làm điểm nhục gia phong của ta, chúng nó muốn lấy bao nhiêu tiền của thì ta cho, rồi hai người đi tìm chỗ sống an vui đi. Còn hai đứa nhỏ thì gởi lại ta nuôi dùm cho.

Tiểu thư nhận lãnh số gia tài do người đại diện của phú Trưởng giả trao cho và giao hai con mình cho người ấy dắt đem đi, hai đứa bé từ đó sống chung với ngoại tổ cho tới khi lớn khôn.

Giữa hai anh em có sự khác biệt rõ rệt, bé Cūlapanthaka thì hình vóc ốm yếu chỉ ưa lúc thức ở nhà, còn bé Đại Bản Đặc hằng ngày theo ông ngoại đến nghe Đức Thập Lực thuyết pháp. Do được gần gũi Đức Bổn Sư thường xuyên như thế, Đại Bản Đặc nảy ra ý muốn xuất gia. Cậu bèn tỏ thật với ông ngoại: “Nếu ông ngoại cho phép con đi tu, thì con xuất gia liền”.

- Sao cháu lại nói vậy, dầu cho ai trong nhân gian cũng xuất gia hết thì ngoại cũng không cản, hưởng chi là một mình cháu. Nếu cháu liệu tu được thì cháu cứ xuất gia.

Nói rồi, ông đại phú Dhanasetthi dắt bé Đại Bản Đặc đến yết kiến Đức Bổn Sư. Ngài phán hỏi: “Nầy gia chủ, đứa bé này ông mới có được phải không?”.

- Vâng, bạch Ngài! Nó là cháu ngoại của con, nó muốn xuất gia đi tu với Ngài.

Đức Bổn Sư bèn gọi một vị Tỳ kheo Đầu Đà thường thường khát thực và bảo: “Ông hãy làm lễ xuất gia cho đứa bé này”.

Vị Trưởng Lão chỉ cách niệm để mục năm thể trước đầu tiên là tóc, lông, móng, răng, da cho bé Đại Bản Đặc, rồi cho cậu xuất gia Sa Di, từ đó về sau Đại Bản Đặc chăm học thuộc lòng rất nhiều Phật ngôn, đến khi tròn đủ hai mươi tuổi, Sa Di Đại Bản Đặc xuất gia lên bậc trên, chuyên tâm hành Thiền chỉ quán (samātha vipassanā) và đắc A La Hán quả.

Trong khi hưởng thụ tịnh vị của Bát Thiền và Tứ Quả. Trưởng Lão Đại Bản Đặc nghĩ rằng: “Vị tịnh lạc này có thể bố thí cho Cūlapanthaka được”.

Sau đó, Trưởng Lão về thăm ngoại tổ là nhà đại phú hởi ước:

- Thừa đại phú hộ, nếu người cho phép thì bản Tăng sẽ làm lễ xuất gia cho Cūḷapanthaka.
- Bạch Trưởng Lão, Ngài hãy làm lễ xuất gia cho nó đi.

Thiên hạ người thì đồn rằng: nhà Đại phú hộ Dhanasetṭhi có đức tin hoàn toàn trong sạch đối với Chánh Pháp. Có kẻ nói là ông ta bực mình vì mắc cỡ khi nhìn nhận hai đứa bé là con của tiểu thơ đã bỏ nhà ra đi với trai, cho nên vui lòng cho phép cả hai đứa cháu ngoại đi.

Trưởng Lão Đại Bản Đặc làm lễ xuất gia truyền thọ Cụ túc giới cho em. Sau khi nhập đạo, Tỳ kheo Cūḷapanthaka tỏ ra hết sức tối dạ. Ông được Trưởng Lão bắt đầu dạy bằng kệ Nam Phạm nầy:

*“Padmaṃ yathā kokanudaṃ sugandhaṃ
Pāto siyā phullamavitagandhaṃ
Aṅgīrasaṃ passa virocamaṇaṃ
Tapantaṃ mādiccamivantaḷikkheti.*

*“Như đóa sen hồng là thứ sen thơm ngát,
Lúc rạng đông nở bừng hương ngào ngát.
Kìa đấng Chí Tôn, Ngài rực rỡ quang vinh,
Tợ vầng thái dương trên trời sáng bình minh”.*

Bài kệ nầy Tỳ Khưu Cūḷapanthaka học ròng rã bốn tháng chưa thuộc. Tại sao? Nghe nói rằng: Trong thời kỳ của Đức Chánh Biến Tri Kassapa. Cūḷapanthaka là một Tỳ Khưu rất thông thái, nhận thấy một Tỳ Khưu tối dạ đang học kinh tiếng Phạm (Pāli) có buông lời chế nhạo, khiến cho vị ấy hổ thẹn bỏ luôn sự học tập kinh kệ. Do tiền nghiệp ấy, kiếp nầy Tỳ Khưu Cūḷapanthaka sanh chứng tối dạ, học kệ không vô, cứ học câu dưới thì quên câu trên, học câu sau thì quên câu trước, dầu cho hết sức cố gắng học đi học lại mãi nhưng vì bị nghiệp chướng, Cūḷapanthaka không nhớ nổi bài kệ trên đây.

Bốn tháng trôi qua... Khi ấy, Trưởng Lão Đại Bản Đặc bảo em mình rằng: “Nầy Cūḷapanthaka, chú tu trong Giáo Pháp nầy chắc không được, có một bài kệ mà chú học bốn tháng chưa thuộc thì làm sao chú giải cho tròn phận sự người xuất gia? Ở đây càng tội lỗi nhiều. Thôi chú hãy hoàn tục đi”.

Nói rồi, Trưởng Lão kéo em mình đẩy ra ngoài Tịnh Xá, tuy bị anh xua đuổi, Cūḷapanthaka vẫn không muốn hoàn tục, vì còn mến mộ con đường giải thoát.

Lúc bấy giờ Trưởng Lão Đại Bản Đặc đảm nhiệm chức vụ Trị sự trong Giáo hội Tăng già, chư Thiện tín thường nhờ Trưởng Lão chỉ định các Tỳ Khưu cho mình, thỉnh đến nhà sốt bát.

Hôm ấy, ông Kỳ Bá Komārabhacca (Tôn Sanh Nghĩa Tử, tà âm là Kỳ Bà) đem theo nhiều tràng hoa, vật thơm và vật thoa (để tắm gội) đến ngôi vườn xoài của mình để cúng dường Đức Bổn Sư, Ngài đang ngự nơi đó.

Sau khi cúng dường và thỉnh pháp, ông Kỳ Bá đứng lên đảnh lễ và cáo từ Đức Bổn Sư rồi đến bạch hỏi Trưởng Lão Đại Bản Đặc rằng: “Bạch Ngài, có bao nhiêu Tỳ Khưu cùng ở đây với Đức Bổn Sư”.

- Có tất cả năm trăm vị Tỳ Khưu.
- Bạch Ngài, đệ tử xin thỉnh hết năm trăm vị Tỳ Khưu cùng đi với Đức Thế Tôn ngày mai đến nhà đệ tử để thọ thực.
- Nầy ông Thiện nam, ta nhận lời của ông thỉnh hết tất cả Chư Tăng. Trừ ra một mình Tỳ Khưu Cūḷapanthaka, vì ông ta tối dạ, kinh pháp còn non kém lắm.

Nghe Trưởng Lão tri sự nói vậy, Tỳ Khưu Cūḷapanthaka nghĩ thầm: “Trưởng Lão nhận lời thỉnh của thí chủ cho tất cả Tỳ Khưu đi dự Trai Tăng, lại bỏ ta ra ngoài, không kể tình huynh nghĩa đệ chi hết. Còn ở đây chắc có ngày ta tức bể tim mà chết. Thôi thà ta xin hoàn tục, làm người cư sĩ tại gia chỉ lo việc bố thí, trì giới cũng tạo được phước lành vậy”.

Sáng hôm sau, Tỳ Khưu Cūḷapanthaka ra đi, định về nhà để hoàn tục.

Vào khoảng đêm gần tàn, Đức Bổn Sư theo lệ thường quán sát thế gian. Thấy biết việc này, Ngài thức dậy thật sớm đi kinh hành trước cổng ngõ, có ý chờ Tỳ Khưu Cūḷapanthaka đi ngang qua. Thấy vị này đến, Ngài dừng bước đứng lại.

Đang lầm lũi đi, chợt nhìn thấy Đức Bổn Sư, Tỳ Khưu Cūḷapanthaka bèn đến đánh lễ Ngài.

Khi ấy, Đức Bổn Sư phán hỏi: “Này Cūḷapanthaka, mới chùng này mà ông đi đâu vậy?”.

- Bạch Ngài! Anh con xô đuổi con, nên con đi về hoàn tục.

- Này Cūḷapanthaka! Ông xuất gia là xuất gia trong Giáo Pháp của ta, dầu anh ông có xô đuổi đi nữa, tại sao ông không tìm tới ta? Lại đây, hãy ở gần ta chớ nên trở về làm người cư sĩ mà làm gì?

Nói rồi, Đức Bổn Sư giơ lòng bàn tay có đường chỉ hình bánh xe của Ngài xoa lên đầu Tỳ Khưu Cūḷapanthaka, dắt ông đi đến cửa hương thất của Ngài, chỉ chỗ cho ông ngồi rồi phán bảo rằng: “Này Cūḷapanthaka, ông hãy ở lại đây, day mặt về hướng đông, cầm cái khăn này vò đi vò lại mãi và nói: “Tẩy trừ cấu uế! Tẩy trừ cấu uế”. Ngài trao cho ông một cái khăn nhỏ màu trắng tinh, phát sanh do thần thông của Ngài.

Khi có người đến báo tin đã đến giờ đi thọ bát. Đức Bổn Sư cùng chư Tỳ Khưu thị tùng thân hành đến nhà ông Kỳ Bá và ngồi lên những chỗ đã được soạn sẵn.

Còn Tỳ Khưu Cūḷapanthaka vẫn ngồi y chỗ cũ, mắt nhìn mặt trời, hai tay vò đi vò lại cái khăn của Đức Bổn Sư giao cho, miệng thì nói: “Tẩy trừ cấu uế. Tẩy trừ cấu uế..” không ngớt.

Cái khăn mới tinh sạch sẽ, bị chà sát mãi hóa ra dơ dáy đen thui. Thấy vậy, Tỳ Khưu Cūḷapanthaka ngẫm nghĩ: “Cái khăn nhỏ này vốn thật tinh khiết, không có một mảy mọt nhỏ, thế mà khi tiếp xúc với thân thể của ta nó bỏ mất trạng thái ban đầu, hóa ra ô nhiễm cấu uế như thế này đây. Ôi! các pháp hữu vi thật không bền vững”. Chú tâm suy tư định lý Vô thường, sanh diệt, Tỳ Khưu Cūḷapanthaka tăng tiến pháp hành Minh sát (Vipassanā).

Khi ấy Đức Bổn Sư hiểu biết rằng: “Tâm của Cūḷapanthaka đã vượt lên đến độ Minh sát”. Ngài bèn phân thân, thị hiện thần thông như đang ngồi trước mặt Cūḷapanthaka, phán bảo rằng: “Này Cūḷapanthaka! Ông đã làm cái khăn trong sạch kia phải bị nhiễm ô trần cấu. Nhưng ngoại vật không đáng kể, bên trong của ông còn bị ô nhiễm bởi những bụi tham lam, sân hận và si mê, ông hãy tẩy sạch nội tâm của ông đi”.

Đoạn Đức Thế Tôn ngâm kệ rằng:

*-”Rāgo rajo na ca pana reṇu vuccati
Rāgassetam̐ adhivacanam̐ rajoti
Etam̐ rajam̐ vippajahitvā bhikkhavo
Viharanti te vigatarajassa sāsane”.*

*-”Doso rajo na ca pana reṇu vuccati
Dossassetam̐ adhivacanam̐ rajoti
Etam̐ rajam̐ vippajahitvā bhikkhavo
Viharanti te vigatarajassa sāsane”.*

*-”Moho rajo na ca pana reṇu vuccati
Mohassetam̐ adhivacanam̐ rajoti
Etam̐ rajam̐ vippajahitvā bhikkhavo
Viharanti te vigatarajassa sāsane ti”.*

*“Tham cấu uế, còn bụi không gọi thế,
Tham chính là cấu uế, đúng như tên.
Này Chư Tăng! Xa uế đó mới nên,
Trong Giáo Pháp trú vững bền vô uế”.*

*“Sân cấu uế, còn bụi không gọi thế,
Sân chính là cấu uế, đúng như tên.
Này Chư Tăng! Xa uế ấy mới nên,
Trong Giáo Pháp trú vững bền vô uế”.*

*“Si cấu uế, còn bụi không gọi thế,
Si chính là cấu uế, đúng như tên.*

*Nầy Chư Tăng, xa uest đó mới nên,
Trong Giáo Pháp trú vững bền vô uest”.*

Bài kệ vừa chấm dứt, Tỳ Khuru Cūḷapanthaka chứng ngay A La Hán quả với Vô ngại giải (Paṭisambhidā), nhờ có Tuệ Phân tích, Ngài thông suốt Tam Tạng.

Trương truyền rằng: Trong một tiền kiếp nọ, Tỳ Khuru Cūḷapanthaka là một Quốc vương, trong một buổi diễn hành nhiều quanh thành phố. Quốc vương đã xuất mồ hôi trán, đã lấy một cái khăn trắng mới tinh mà lau chùi, làm cho dơ cái khăn. Quốc vương phán xét rằng: “Do nơi nhục uest nầy mà cái khăn trắng sạch thế kia đã mất sự tinh khiết lúc ban đầu trở nên ô nhiễm cấu uest. Ôi, hữu vi pháp thật chẳng miên trường”.

Nhờ suy tư như thế, Quốc vương đắc Vô thường tướng (Aniccasañña). Đó là nhân quả khứ làm duyên cho Cūḷapanthaka đắc Tuệ minh sát, rồi dần lên với A La Hán quả với Tuệ Phân tích vậy.

Đây nói về ông Kỳ Bá! Đang sắp sửa xối nước khai mạc lễ Trai Tăng (Dakkhiṇosaka), Đức Bổn Sư lấy tay đập miệng bát và phán: “Nầy Kỳ Bá! Ở chùa còn một vị Tỳ Khuru”.

Trưởng Lão Đại Bản Đạc đáp:

- Bạch Ngài! Ở chùa không còn Tỳ Khuru.

Đức Bổn Sư lập lại: “Nầy Kỳ Bá ở chùa này còn một vị”.

Ông Kỳ Bá sai gia đình: “Thế thì con hãy đến chùa xem cho kỹ coi có hay là không có Tỳ Khuru nào ở đó nghe, hãy còn một vị Tỳ Khuru”.

Ngay trong sát na ấy, Tỳ Khuru Cūḷapanthaka nghĩ thầm: “Anh ta nói là ở chùa không có Tỳ Khuru, vậy để ta làm cho có nhiều Tỳ Khuru, thử coi anh ấy nói sao?”.

Nghĩ rồi, Tỳ Khuru Cūḷapanthaka dùng thần thông hóa ra nhiều nhóm Tỳ Khuru đông ước chừng có thể ngồi khắp khu vườn xoài. Có nhóm đang cắt may y, có nhóm đang giặt nhuộm y, có nhóm đang tập dượt kinh kệ... Tất cả gồm có hàng ngàn Tỳ Khuru vô tử (asadisa) như thế.

Tên gia đình tới chùa, thấy có nhiều Tỳ Khuru, về bẩm với chủ

- Bẩm ông, khắp cả vườn xoài đầy nghệt Tỳ Khuru.

Trong khi ấy:

*“Sahassakkhattumattānam
Niminitvāna panthako
Nisīdi ambavane ramme
Yāva kālappavedanāti”.*

*Một mình hóa hiện ngàn thân,
Bàn Đạc sử dụng phép thần đã xong
Bèn ngồi tịnh tọa thông dong,
Giữa vườn xoài pho mặc dòng thời gian.*

Khi ấy, Đức Bổn Sư dạy tên gia đình: “Người hãy đến chùa nói rằng: “Đức Thầy cho gọi Tỳ Khuru Cūḷapanthaka”.

Tên gia đình tới chùa, nói y như vậy, khi ấy cả ngàn miệng ứng tiếng trả lời: “Ta là Cūḷapanthaka, ta là Cūḷapanthaka”....

Tên gia đình lại quay về bạch: “Bạch Ngài, tất cả Chư Tăng đều trùng một tên là Cūḷapanthaka, con không biết phải thỉnh vị nào đây?”.

- Thế thì người hãy đến chùa, hãy nghe vị nào xưng: Ta là Cūḷapanthaka trước nhất, thì người hãy nắm chặt tay người ấy, tức thì bao nhiêu vị khác sẽ biến mất ngay.

Tên gia đình làm y theo lời của Đức Bổn Sư chỉ dạy. Quả nhiên một ngàn vị Tỳ Khuru hóa hiện đều biến mất. Trưởng Lão Cūḷapanthaka bèn ra đi với tên gia đình.

Sau bữa Trai Tăng, Đức Bổn Sư kêu ông Kỳ Bá và bảo:

- Nầy Kỳ Bá, ông hãy giữ bát của Tỳ Khuru Cūḷapanthaka, vị ấy sẽ thuyết pháp và kệ hoan hỷ phước báu để chấm dứt cuộc lễ hôm nay.

Như một Tiểu Hùng Sư rống tiếng rống của loài sư tử. Trưởng Lão Cūlapanthaka đem những nghĩa lý cao siêu trong Tam Tạng ra biện giải rất hùng hồn, trước khi ông Kỳ Bá đem bài kinh hồi hướng phước báu ra tụng niệm.

Kế đó, Đức Bốn Sư từ chỗ ngồi đứng lên, dẫn đầu Tăng chúng trở về Tịnh Xá. Sau khi chỉ bảo công việc cho Chư Tăng, ban huấn từ cho chư Tỳ Khuru, Đức Thiện Thệ thuyết giảng về đề mục thiền định, xong rồi mới giải tán Chư Tăng. Ngài vào trong chỗ ngụ thom tho gọi là Hương thất để nằm thiền, nghiêng mình bên tay phải, theo lối nằm của con sư tử.

Chiều hôm ấy, chư Tỳ Khuru chỗ nầy, chỗ nọ câu hội lại ngồi xoay tròn như một bức màn nhung đỏ, bàn luận về oai lực của Đức Bốn Sư: “Nầy chư huynh đệ, Trưởng Lão Đại Bản Đạc đã hoài công tập dượt chỉ dạy Tỳ Khuru Cūlapanthaka trong bốn tháng trời mà không làm sao cho em mình thuộc được một bài kệ, đến nỗi phải gắt ông nầy tối dạ quá, và đuổi ông ta ra khỏi chùa. Đức Chánh Biến Tri quả là một bậc Vô thượng Pháp vương, chỉ trong khoảnh khắc độ chưa xong bữa cơm, Ngài đã khiến cho Cūlapanthaka đắc A La Hán quả với Tuệ Phân tích, nhờ đó mà Ngài thông suốt Tam Tạng biện thuyết với Ngài. Ôi, oai lực Chư Phật lớn lao, không thể nghĩ bàn”.

Khi ấy, Đức Bốn Sư biết rõ câu chuyện Chư Tăng đang thảo luận trong giảng đường: “Hôm nay, Như Lai nên đi”.

Từ Phật sàng đứng lên, Ngài mặc hai lá hồng y nhuộm thật khéo, lấy dây lưng thắt lẹ như chớp nhoáng, đoạn khoác lên kim thân chiếc phấn tảo đại y của Đức Thiện Thệ màu như gấm đỏ, ra khỏi tảo hương thất, Ngài cất bước khoan thai, vừa đài các vừa hùng dũng như con mãnh sư quý báu, chúa cả đàn sư tử, với tướng hảo quang minh vô tận của Chư Phật, Ngài thân hành đến giảng đường, ngự lên ngôi Phật Bảo tọa đã sẵn sàng, kê trên một bực gỗ có treo hoa trang hoàng thắm mỹ.

Vừa an tọa, Đức Bốn Sư phóng ra sáu đạo hào quang của bậc Đại Giác, soi sáng cả hội trường, như vùng hồng mai rạng rỡ giữa trời đông, trong lúc đại trùng dương ba đào chuyển động.

Thấy Đức Chánh Biến Tri ngự đến, Chư Tăng ngắt ngang câu chuyện đang thảo luận và ngồi yên lặng.

Với tâm bi mẫn, Đức Thế Tôn nhìn khắp đồ chúng (pārisam) và nghĩ rằng: “Đoàn Tăng đồ nầy thật rất trang nghiêm thanh tịnh, dầu một cử động của tay hay một cử động của chân, một tiếng ho hay một tiếng nháy mũi cũng chẳng có, tất cả đều hết lòng tôn kính ta, bằng sự tôn kính của một bậc Đại Giác, kiêng nể ta với sự kiêng nể Phật oai. Dầu ta có ngồi mặc nhiên suốt một kiếp (kappa) Tăng chúng cũng không dám hở môi phá tan sự im lặng trước. Chỉ có ta là có quyền quyết định, khi nào hợp thời để khởi pháp thoại vậy thì ta phải lên tiếng trước để mở đầu”.

Với giọng nói dịu ngọt của một vị Đại Phạm Thiên, Đức Bốn Sư kêu gọi Tăng chúng và hỏi rằng:

- Nầy các Tỳ Khuru, chuyện gì mà các ông thảo luận hôm nay? Chuyện gì mà các ông bỏ lưng nửa chừng?

- Bạch Ngài, chuyện ấy như vậy, như vậy...

Sau khi nghe Chư Tăng cho biết nội dung cuộc thảo luận, Đức Bốn Sư bổ chính rằng: “Nầy các Tỳ Khuru, không phải Cūlapanthaka chỉ tối dạ trong kiếp hiện tại đâu, xưa kia ông ta cũng đã từng tối dạ như thế rồi. Không phải ông ta chỉ mới hoàn toàn nhờ cậy ta trong kiếp hiện tại đâu. Xưa kia ông ta cũng đã nhờ cậy ta như thế ấy rồi. Trước kia ta đã giúp cho Cūlapanthaka được làm chủ tài sản thế gian và bây giờ được làm chủ tài sản siêu thế!”.

Thế theo lời yêu cầu của Chư Tăng muốn nghe đầy đủ chi tiết về câu chuyện nầy. Đức Bốn Sư nhắc tích rằng:

Hồi thời quá khứ, trong đám dân cư thành Bārāṇasi, có một gã thanh niên muốn lập công danh, nên quyết chí muốn tìm thầy để học nghề văn nghiệp võ. Cậu ta đến thành Takkaṣilā, xin làm đệ tử của một Sư trưởng thời danh (Disapāṃokkha).

Trong nhóm năm trăm môn sinh chỉ có một mình cậu ta là chăm lo phận sự phục vụ sư phụ hơn hết. Cậu ta siêng năng hầu hạ, đấm bóp cùng làm tất cả mọi việc cho thầy, nhưng cậu ta lại là đứa học trò tối dạ nhất nên không thụ huấn được một nghề mọn nào cả. Vị Sư trưởng thấy cậu ta giúp đỡ mình được nhiều việc muốn đem hết tài nghệ ra truyền cho cậu. Nhưng dầu ông thầy có tận tâm, tận lực cho mấy, cậu học trò ngu cũng vẫn hoàn ngu.

Ở tông học đã lâu, mà không nhập tâm được một bài kệ, cậu ta đâm ra nản chí, định bụng sẽ thôi học, bèn lên xin phép thầy để trở về nhà.

Vị Sư trưởng nghĩ thầm: “Cậu này siêng năng hầu hạ, phục dịch ta, ta cũng mong đào luyện cậu ta trở thành người hiền trí mà không được. Đương nhiên là ta phải đền đáp công khó của cậu. Vậy ta sẽ truyền cho cậu một câu mật chú (manta) để làm hộ thân”.

Vị Sư trưởng bèn dắt cậu học trò tối dạ đi vào trong rừng vắng, truyền dạy mật chú như vậy:

Ghaṭesi ghaṭesi kim kārāṇa ghaṭesi
Ahampi tam jānāmi jānāmīti.

Sau khi lập lại mấy trăm lần, vị Sư trưởng hỏi: “Bây giờ thuộc chưa?”.

Khi nghe đáp: “Dạ thưa, thuộc rồi”.

Vị Sư trưởng căn dặn rằng:

- Dẫu cho trò có tối dạ nhưng cứ siêng năng ôn nhuần chú ngữ này cho thật nằm lòng, thì sẽ không bao giờ quên mất nó được.

Đưa tiền lộ phí cho trò, thầy còn an ủi và nhắc thêm rằng:

- Thôi trò về đi, nhớ mật chú này hộ thân, trò sẽ sống túc ý, túc thực. Ráng ôn tập cho thường, đừng để cho quên mất nghe.

Nói rồi, thầy để cho trò đi.

Khi trở về Bārāṇasi, thiếu niên du học được mẹ chàng mừng rỡ tiếp đón long trọng và nghĩ rằng:

- Con trai ta nay đã thành tài, nên trở về đây.

Thời bấy giờ, Quốc vương Bārāṇasi đang tự kiểm thảo: “Không biết trăm có phạm lỗi nào trong ba nghiệp thân, khẩu, ý chăng?”.

Sau khi suy xét, Quốc vương lại nghĩ: “Lỗi của mình thì tự mình không thấy mà người khác thấy. Trăm phải đi hành để dò xét tâm ý của dân trong thành mới được”.

Thừa lúc ban đêm, Quốc vương giả dạng thường dân di hành ra khỏi hoàng cung, tính thầm rằng: “Sau bữa cơm chiều tối, người ta ưa ngồi nói chuyện phiếm, bàn luận về thiên hạ sự, nếu trăm trị vì không đúng vương pháp, họ sẽ ta thán trăm là hôn quân, bạo chúa và nguyện rửa trăm. Nếu trăm hành đúng vương pháp, họ sẽ ca tụng công đức và nguyện cầu cho trăm trường thọ”.

Nghĩ vậy, Quốc vương đi lẩn theo, sát vách các nhà dân chúng để nghe ngóng.

Ngay lúc ấy, có nhiều kẻ trộm chuyên môn đào hầm khoét vách (ummaṅacorà), đào một con đường ngầm khoảng giữa hai ngôi nhà định sẽ trở đường lên cả hai bên.

Trông thấy lũ trộm, Quốc vương vội nép mình vào bóng tối trong một ngôi nhà.

Bọn trộm đào xong địa đạo, vào được trong nhà của thiếu niên du học, còn đang tóm thâu tài vật thì thiếu niên thức giấc đọc được câu mật chú: “Ghaṭesi ghaṭesi kim kārāṇa ghaṭesi. Ahampi tam jānāmi jānāmīti” (Làm bậy, làm bậy, có chi làm bậy. Ta biết như vậy, biết việc như vậy).

Bọn trộm nghe thiếu niên đọc chú, tưởng rằng chủ nhà đã hay biết, sợ bị vây bắt, chúng tuột khỏi quần áo, buông bỏ tài vật lại, mạnh ai lo dành đường thoát thân. Được thấy tận mắt bọn trộm đang tháo bỏ chạy và nghe tận tai tiếng của chủ nhà đọc câu chú ngữ, Quốc vương lại tiếp tục chuyển du hành quanh thành phố, rồi quay trở về cung đình.

Sáng hôm sau, Quốc vương truyền cho nội thị đòi một tên quân và phán bảo:

- Này nhà ngươi hãy đi đến con đường nọ, hỏi thăm cái nhà bị kẻ trộm đào đường hầm chun vào tối hôm qua. Nơi đó có vị thiếu niên du học ở xứ Takkaṣilā trở về. Ngươi rước vị ấy vào triều nghe.

Thiếu niên đi theo tên quân vào triều bái yết Quốc vương, khi ấy Quốc vương phán hỏi:

- Này tráng sĩ, trăm nghe tiếng đồn tráng sĩ du học ở Takkaṣilā trở về, có thọ giáo được pháp thuật phải không?

- Tâu bệ hạ phải.

- Tráng sĩ hãy truyền phép ấy cho trăm thợ giáo với.

- Tốt lắm, tâu bệ hạ, xin bệ hạ hãy ngồi đồng hàng mà học pháp ngữ.

Quốc vương y lời, học được câu mật chú rồi ban cho thiếu niên ngàn đồng vàng và phán:

- Đây là tiền thầy tổ, để đền công ơn tráng sĩ chỉ dạy.

Lúc bấy giờ, quan Nguyên soái chủ mưu toan hành thích Quốc vương. Nguyên soái hỏi quan nội thị chuyên việc cạo râu cho vua: “Chùng nào túc hạ sẽ cạo râu cho Quốc vương”.

- Mai hay là một.

Quan Nguyên soái liền tặng cho nội thần một ngàn đồng tiền vàng và nói: “Bổn soái có việc cần được Ngài tiếp tay”.

- Việc chi vậy Nguyên soái?

- Tối bữa đó, Ngài giả tuồng như cạo râu cho Quốc vương, mài con dao cho bén ngọt rồi thừa dịp cắt cổ hạ sát Quốc vương. Xong việc này bổn soái tức vị ngôi trời, sẽ phong cho Ngài giữ chức Nguyên nhung.

Quan nội thị nhận lời, tới ngày cạo râu cho vua, ông ta lấy nước thơm thấm ướt râu vua, mài dao cạo xong, đề trán Quốc vương, sắp sửa xuống tay, nhưng quan ta còn sợ dao chưa bén, nên đứng qua một bên để liếc dao lại, trong bụng tính thầm: “Dao cạo mau lụt lắm, ta phải làm sao cắt một lát dao cho đứt lia cuống họng của vua”.

Trong sát na ấy, Quốc vương nhớ câu chú ngữ, bèn đọc dượt lại rằng: “Làm bậy, làm bậy, có chi làm bậy. Ta biết như vậy, biết việc như vậy”...

Quan nội thị có tịch sẵn, nghe Quốc vương thốt lời như thế thì xuất mồ hôi trán, hết sức lo sợ nghĩ thầm:

- Quốc vương biết hết nguyên do công việc này rồi.

Viên phản thần ném dao cạo xuống đất, nằm mọp đầu bên chân Quốc vương. Những bậc vua chúa bao giờ cũng lạnh trí, đa nghi, thấy có việc lạ, Quốc vương giả cách phẫn nộ, quát mắng rằng: - “Nầy tên nội thần phản phúc, ngươi tưởng lầm là trăm chẳng hay biết việc chi chẳng?”.

- Muôn tâu bệ hạ, xin bệ hạ dung chế cho kẻ hạ thần.

Quốc vương dụ giọng:

- Thôi khanh đừng sợ, cứ tình thật khai ngay đi.

- Muôn tâu bệ hạ, quan Nguyên soái trao cho hạ thần một ngàn đồng vàng và căn dặn: “Ông làm bộ cạo râu cho Quốc vương, rồi cắt đứt cuống họng vua đi, hễ vua băng rồi, ta lên ngôi vua, ta sẽ phong cho ông chức Nguyên soái”.

Quốc vương nghe rõ tự sự, nghĩ thầm: “Nhờ ơn giáo sư mà ta được toàn mạng”.

Quốc vương triệu quan Nguyên soái vào triều và phán rằng:

- Từ nay, khanh không còn được ân sủng gần gũi long nhan nữa. Vì trăm không còn muốn nhìn mặt khanh, khanh hãy đi ra khỏi quốc gia trăm.

Sau khi trục xuất quan Nguyên soái, Quốc vương triệu giáo sư về triều:

- Thừa giáo sư, nhờ giáo sư mà trăm mới được tồn sanh.

Phán rồi, Quốc vương ban cho giáo sư rất nhiều phẩm vật quý giá và phong cho giáo sư tước vị Tổng lãnh binh đại Nguyên soái.

Vị giáo sư thời xưa nay là Cūḷapanthaka, Quốc vương nay là Ānanda, và vị Sư trưởng thời danh này là Như Lai đây vậy.

Sau khi kể hết chuyện tiền thân này. Đức Bổn Sư kết luận rằng: - “Nầy các Tỳ Khuru, xưa kia Cūḷapanthaka cũng đã từng tối dạ như thế, và xưa kia ta cũng đã từng giúp đỡ cho ông ta chiếm được tài sản thế gian như thế”.

Hôm sau, giữa Tăng chúng, pháp thoại này được khởi lên:

- Quả thật Tỳ Khuru Cūḷapanthaka thành công được là có sự giúp đỡ của Đức Bốn Sư.

Đức Bốn Sư nhân cơ hội thuyết tiếp Bốn Sanh (Jātaka) phú Trưởng giả Cūḷaka và đọc kệ rằng:

*“Appakena pi medhāvī
Pābhatena vicakkhaṇo
Samuṭṭhāpeti attānaṃ
Anuṃ aggaṃva sandhananti”.*

*Trí nhân được chút đỉnh quà,
Tự mình tăng tiến cũng là nên danh.
Nơi người vật mọn trở thành,
Kho tàng quý báu cao thanh nhứt đời.*

Dứt bài kệ, Đức Bốn Sư phán: - “Nầy các Tỳ Khuru, bây giờ ta giúp đỡ Cūḷapanthaka cũng như ta đã từng giúp đỡ ông ta trước kia. Thuở xưa ta đã độ cho ông ta được làm chủ thế sản, cũng như hiện nay ta độ ông ta được làm chủ siêu thế sản vậy”.

Sau cùng, Đức Bốn Sư giải rằng:

- Đệ tử của phú Trưởng giả Cūḷaka nay là Cūḷapanthaka, và phú Trưởng giả hiền minh, thiện xảo, am tường khoa chiêm tinh chính là Như Lai vậy.

Ngày sau, Chư Tăng ngồi trong giảng đường, đề khởi pháp thoại như vậy:

- Nầy chư đạo hữu, Tỳ Khuru Cūḷapanthaka ban đầu học một bài kệ bốn câu đến bốn tháng mà chưa thuộc. Nhưng nhờ không nản chí, cứ tinh tấn mãi nên mới đắc quả A La Hán. Bây giờ được làm chủ Thánh sản, là các pháp siêu thế như vậy.

Đức Bốn Sư ngự đến phán hỏi: “Nầy các Tỳ Khuru, hôm nay các ông hội luận pháp thoại gì đây?”.

Nghe Chư Tăng phúc đáp xong, Đức Bốn Sư phán:

- Nầy các Tỳ Khuru, trong Giáo Pháp của ta. Tỳ Khuru nào tinh cần, không thối chuyển cũng sẽ làm chủ được siêu thế pháp (Lokuttaradhamma) như thế cả.

Đoạn Ngài ngâm kệ ngôn rằng:

*“Uṭṭhānenappamādena
Saññāmena damena ca
Dīpaṃ kayirātha medhāvī
Yaṃ ogho nābhikīratī”.*

*“Nhiệt thành, chánh niệm không ngừng,
Sáu căn, bốn giới giữ gìn chẳng rời.
Đắp hòn đảo giữa biển khơi,
Vượt dòng nước lũ, thật người trí minh”.*

Trong bài kệ trên đây, thành ngữ Dīpaṃ kayirātha nghĩa là kiến tạo, xây dựng đắp một hòn đảo, nhưng đây không phải là một hòn đảo thường, mà là hòn đảo A La Hán quả mà bậc trí giả hiền minh có thể xây đắp bằng cái gọi là pháp Tinh tấn, bằng cái gọi là pháp bất ly phần chán, Chánh niệm bằng cái gọi là pháp chuyên cần thọ trì Tứ thanh tịnh giới và bằng pháp thu thúc điều ngự lục căn. Với bốn pháp nầy làm vật liệu cứng chắc, bậc Hiền trí giác ngộ được Chánh Pháp hoàn toàn, một công tác hết sức khó khăn, là tự tạo cho mình một hòn đảo kiên cố nhô lên khỏi ngọn triều dục lạc của biển luân hồi sâu thẳm ngàn trùng.

Yaṃ ogho nābhikīratī (mà dòng nước lũ không ngập qua): Hòn đảo mà bốn dòng nước lũ (dục, hữu, kiến, vô minh) là phiền não không thể tràn qua nhận chìm được. Quả thật bậc A La Hán đã vượt lên khỏi biển luân hồi, không thể bị dòng nước là phiền não mà nhận chìm được.

Lúc bài kệ chấm dứt, nhiều Tỳ Khuru đắc chứng Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn quả. Toàn thể Tăng chúng đều hưởng lợi ích nhờ nghe lời pháp của Đức Bốn Sư.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO CŪḶAPANTHAKA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Chớ nghĩ mình ngu, mãi chịu khờ!
 Xem Ngài Tiểu Lộ mới trí cơ:
 Bốn hàng kệ học gần năm tháng,
 Ba Tạng kinh thông chỉ nửa giờ!
 Trước bởi còn dư nhân nghiệp chướng,
 Sau do hết sạch bụi trần nhơ.
 Chuyên cần giữ đạo, đừng suy suyển,
 Có lúc làm nên chuyện bất ngờ!

II. 4- CHUYỆN CÁI TẾT THÁC LOẠN (Bālanakkhattavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú 26 - 27)

<i>-“Pamādamanuñjanti</i>	Kẻ vô trí bất nhân,
<i>bālā dummedhino janā</i>	Đắm mình trong phóng dật.
<i>Appamādañca medhāvī</i>	Trí giả giữ chuyên cần,
<i>dhanam seṭṭham va rakkhakhati”.</i>	Như kho tàng quý nhất”.
<i>-“Mā pamādamanuñjetha</i>	“Chớ tham cấu phóng dật,
<i>mā kāmaratisanthavam</i>	Dục lạc chớ nên gần.
<i>Appamatto hi jhāyanto</i>	Người tu thiền chuyên nhất,
<i>pappoti vipulam sukhamti”.</i>	Đắc quả phúc chẳng mất”.

Hai câu Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Kỳ Viên, đề cập về cái Tết thác loạn của bọn người ngu dốt.

Tương truyền rằng: Có một thời nọ, trong thành Sāvattihī nổi lên phong trào ăn Tết thác loạn.

Trong dịp này, những kẻ ngu si vô trí lấy tro và phân bò thoa khắp mình mẩy suốt bảy ngày. Họ đi nông nghênh ngoài đường, nói toàn những lời tục tĩu. Dầu gặp thân quyến hay bạn bè, tại gia hoặc xuất gia, họ cũng chẳng biết hổ thẹn. Họ đến trước cửa nhà người mà vắng tục, chủ nhà nghe những lời bất nhã của họ chịu không nổi phải tùy theo sức mình mà bố thí cho họ nửa đồng hoặc một đồng bạc (pāda), hoặc đến cả 1 đồng vàng (kahāpaṇa) để tống họ đi chỗ khác. Từ nhà này sang nhà kế cận, lại trở ra những tràng thô ác ngữ, khi nhận lãnh tiền thí rồi họ lại tiếp tục đi nữa.

Bấy giờ, trong thành Sāvattihī, có đến năm mươi triệu Thánh Thinh Văn, những vị Thánh đệ tử cư sĩ của Đức Bổn Sư nhận lời thỉnh Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài cùng với Chư Tăng ở trong Tịnh Xá đừng vào thành khát thực trong thời gian bảy ngày, kể từ hôm nay.

Sau khi sắp đặt sự cúng dường, cơm cháo để hộ độ Chư Tăng trong bảy ngày tết thác loạn xong, không ai bước chân ra khỏi nhà của mình nữa.

Khi hết Tết, đến ngày thứ tám, chư Thinh Văn thỉnh Tăng chúng, có Đức Bổn Sư dẫn đầu vào thành làm lễ đại thí, xong rồi ngồi qua một bên và bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trong bảy ngày qua chúng con khổ tâm hết sức, ngày nào cũng phải nghe những lời thô tục của kẻ ngu si. Thật muốn bịt cả hai tai. Bọn họ không một ai biết xấu hổ cả. Vì vậy, chúng con không dám thỉnh Ngài và Tăng chúng vào thành, và chúng con cũng không dám ra khỏi nhà nữa.

Nghe lời phân trần của chư Thinh Văn. Đức Bổn Sư kết luận rằng: “Những kẻ ngu si, vô trí thì hành động cầu thả như thế. Còn bậc trí giả thì lo giữ gìn hạnh chuyên cần. Như giữ một kho tàng quý báu và đặc trưng bất tử đại Níp Bàn”.

Rồi Ngài ngâm tiếp bài kệ sau đây:

*“Pamādamanuñjanti
Bālā dummedhino janā
Appamādañca medhāvī
Dhanam seṭṭham va rakkhati”.*
-“Mā pamādamanuñjetha
Mā kāmarati-saṅthavam
Appamatto hi jhāyanto
Pappoti vipulam sukhanti”.

*“Kẻ ngu vô trí đắm mình,
Trong vòng phóng dật mặc tình đảo điên.
Như gìn kho báu ưu tiên,
Người trí giữ hạnh cần chuyên làm đầu”.*
*“Chớ nên phóng dật tham cầu,
Chớ tìm dục lạc ngõ hầu vui chơi.
Người tu thiền định chẳng lời,
Chúng phương quảng phúc, vui chơi Níp Bàn”.*

Tiếng Bālā trên đây chỉ những kẻ ngu si, khờ khạo, ngây ngô, không hiểu biết sự lợi ích đời này và đời vị lai.

Dummedhino là kẻ vô trí, không có trí tuệ, vì không thấy tội lỗi trong sự phóng dật, họ đắm mình trong dục lạc buông lung. Phung phí thời giờ của họ một cách cầu thả.

Medhāvī là những bậc hiền minh, có trí Bát nhã, nhờ nếm hương vị Chánh Pháp, hằng giữ gìn hạnh chuyên cần như kho tàng thất bảo ưu thắng của tổ phụ di truyền.

Thật vậy, cũng như người được sự phước lợi của kho tàng vô giá, ta sẽ được hưởng thụ ngũ trần dục lạc, ta sẽ cấp dưỡng cho con ta đầy đủ. Ta sẽ quét sạch sẽ con đường cho vợ con ta đầy đủ, sẽ đưa ta sang thế giới khác, rồi chăm lo kho tàng như thế nào. Cũng như thế ấy, bậc hiền trí thấy được sự phước lợi của hạnh chuyên cần thì nghĩ rằng: “Người chuyên cần tu tập hằng đặc từ Sơ thiền đến Bát thiền, từ Sơ đến Tứ quả, có đủ Tam minh, Lục thông..”.

Mā pamādam: Bởi có ấy, các ông chớ nên tham cầu, phóng dật, chớ nên phung phí thời giờ.

Mā kāmarati saṅthavam: Chớ nên vui theo dục lạc ngũ trần; sắc, thanh, hương, vị, xúc là những vật ô nhiễm, là món ăn của ái dục (taṇhā).

Mā anuyuñjetha: Chớ tham cầu, là chớ mong mỗi đũa đòi, chớ tìm kiếm hưởng thụ.

Appamatto: Người chuyên cần là người có đầy đủ pháp ghi nhớ chánh niệm kiên cố, người chuyên cần tu thiền định, giác ngộ được Níp Bàn tịnh lạc, quảng đại vô lượng vô biên.

Khi bài kệ chấm dứt, nhiều Tỳ Khuru đặc trưng Thánh quả nhất là quả Dự Lưu. Kỳ dư đại chúng thính pháp đều hưởng được nhiều lợi ích.

DỨT TÍCH CÁI TẾT THÁC LOẠN

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Người ngu ăn tết cũng ngu kỳ!
Thác loạn, điên khùng nghĩa lý chi?
Mình trét phân tro, tay nhám nhóp,
Miệng văng tục tữ, mặt chai lỳ.
Được tiền xá nghĩ do người trọng,
Mất đức nào lo bị chúng khi!
Bảy bữa tung hoành trong Sāvathī,
Ngàn năm tiếng xấu vẫn còn ghi!*

II. 5- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO MAHĀKASSAPA (Mahākassapattheravatthu)

KỆ NGÔN (Pháp Cú số 28)

“Pamādaṃ appamādena

yadā nudati paṇḍito

Paññā pāsādamāruyha

asoko sokiniṃ pajam̐

Pabbataṭṭho va bhummaṭṭhe

dhīro bāle avekkhatīti”.

“Trí giả lấy chuyên cần,

Đuổi tống nét phóng dật.

Lầu Bát nhã tiến thân,

Ung dung nhìn xuống đất.

Khác nào bậc siêu nhân,

Đứng trên đỉnh cao nhất,

Nhìn xuống đám ngu dân

Đang đau khổ chật vật”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến Trưởng Lão Mahā-Kassapa.

Thật vậy, trong thời gian Trưởng Lão an cư tại động Pippaliguhā (Lạt Tiêu). Một ngày nọ, sau khi ôm bát vào thành Vương Xá khát thực, độ xong bữa trưa rồi trở về. Trưởng Lão ngồi tham thiền, phát huy ánh sáng, định dùng Thiên nhãn để quan sát những loại hữu tình (sattā) ở khắp các nơi như là trên đất, trên núi, dưới nước... Thử xem lớp nào tử, lớp nào sinh, lớp nào chuyên cần, lớp nào phóng dật.

Trong khi ấy, Đức Bốn Sư đang ngự tại Kỳ Viên, muốn biết: “Kassapa! Con trai của ta hiện nay đang ở Tịnh Xá của ai?": Ngài phóng tâm Thiên nhãn nhìn ra, thấy Trưởng Lão đang ngồi yên quan sát sự sanh tử của các loài hữu tình. Biết vậy, Đức Bốn Sư phán: “Sự chết đi sanh lại của chúng sanh, dầu lấy trí tuệ mà ước lượng cũng chưa thấu đáo giới hạn được (aparicchinno). Ông không thể biết làm sao tìm ra manh mối của những chúng sanh nhập vào thai bào trong bụng mẹ, không cho cha mẹ hay biết. Nầy Kassapa, việc ấy quá tầm nhận thức của ông, vì phạm vi nhận thức của ông còn kém cõi, eo hẹp lắm. Sự thấy biết chúng sanh đang chết đi và đang sanh lại thuộc về quyền hạn của Chư Phật”.

Phán rồi, Đức Phật phóng hào quang, hiện ra cho Trưởng Lão thấy như Ngài đang ngồi trước mặt Trưởng Lão mà thuyết lên kệ ngôn:

“Pamādaṃ appamādena

Yadā nudati paṇḍito

Paññā pāsādamāruyha

Asoko sokiniṃ pajam̐

Pabbataṭṭho'va bhummaṭṭhe

Dhīro bāle avekkhatīti”.

“Trí giả lấy hạnh chuyên cần,

Đuổi hết phóng dật bước chân lên lầu.

Trên đài Bát nhã vô sâu,

Nhìn xem nhân loại lo âu dưới trần.

Siêu nhân ngắm đám ngu dân,

Như người trên núi nhìn dân dưới đồng”.

Tiếng Nudati trên đây nghĩa là tống đi, cũng như lớp nước từ trên núi chảy xuống ao hồ, làm xáo trộn lớp nước cũ không cho ở yên, như lấy đầu đung đầu, đuổi tống lớp cũ chạy đi như thế nào. Cũng như thế ấy, bậc hiền trí sau khi phát triển chuyên cần, không cho nét phóng dật ở yên. Lúc bấy giờ mới dùng hạnh chuyên cần khử trừ nét phóng dật chạy đi cho lẹ. Noi theo sự hành chánh đạo

rốt ráo, viên mãn, là cái cầu thang. Người tiến bước lên đài Bát nhã, là có trí tuệ phát huy cái được gọi là Thiên nhãn thuần tịnh, bẻ gãy mũi nhọn của sáu tư mà thành bậc Vô sầu (Asoko), rồi dùng Thiên nhãn nhìn xem nhân loại đang đau khổ vì chưa nhổ được cái gai ưu tư, thấy những nhóm phàm linh đang chết đi và những nhóm khác đang sanh trở lại.

Pabbatatto'va bhummattthe là ví dụ như người đứng trên dãy núi nhìn xuống người đứng dưới núi, hay đất bằng, nhìn xuống người đứng tầng trệt, thì có thể quan sát dễ dàng không khó khăn gì cả. Bậc siêu nhân cũng thế, Ngài là bậc Đại lậu tận, là bậc trí tuệ, không còn lưu trữ hạt giống luân hồi. Cho nên quan sát những chúng sanh hữu tình trong vòng tử sanh không thấy khó khăn gì cả.

Dứt bài kệ nhiều vị chúng đắc Thánh quả nhất là quả vị Tu Đà Hườn.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO MAHĀKASSAPA

DỊCH GIẢ CẨN ĐỀ

*Trí Thinh Văn giác có bao mà,
Trưởng Lão toan nhìn rõ thật ra!
Muốn biết phàm linh qua tử lộ,
Mong đem Thiên nhãn rọi sanh hà.
Phải lên nóc thượng lầu Bát nhã,
Mới đắc minh cao có Phật Đà,
Nguyện lớp viên thành Tam Thập độ,
Trong trần nào dễ mấy ai a?*



II. 6- CHUYỆN HAI VỊ TỖ KHUU BẠN (Dvesahāyakabhikkhuvatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 29)

*“Appamatto pamattesu
suttesu bahujāgaro
Abalassam'va sīghasso
hitvā yāti sumedhasoti”.*

“Tinh cần giữa phóng dật,
Giác tỉnh giữa thụ miên.
Kẻ trí, ngựa hay nhất,
Thắng bỏ ngựa gậy hèn”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Kỳ Viên. Đề cập đến hai vị Tỳ Khưu bạn đồng tu.

Tương truyền rằng: Hai vị Tỳ Khưu này, sau khi thọ huấn để mục tham thiền nơi Đức Bốn Sư, đồng vào ngự nơi một ngôi Thiên lâm Tịnh Xá.

Một trong hai vị dùng thời gian của mình bằng cách đi kiếm củi khô đem về bỏ trong lò sưởi, rồi ngồi hơ cho ấm vừa nói chuyện khào với mấy ông Sa Di trẻ tuổi suốt cả canh một. Còn vị kia là người hành Sa Môn pháp. Cố khuyên cần nhắc nhở bạn mình rằng: “Nầy đạo hữu! Đừng làm như vậy, quả thật người dễ duôi hàng đi vào bốn ác đạo, như đi về nhà của mình và không thể hưởng hồng ân của Chư Phật”.

Vị Tỳ Khưu lười biếng không thèm đếm xỉa đến lời khuyên của bạn, cứ tiếp tục ngồi hơ ấm kế bên lò sưởi.

Vị siêng tu thấy mình cứ nói hoài cũng vô ích, bèn một mình hành Sa Môn pháp, không dám giải đãi.

Đến cuối canh một, vị này nghỉ đi kinh hành vì tới giờ vào cốc, thì vị kia cũng nghỉ hơ ấm.

Vị lười biếng tự nghĩ: “Nầy Mahākusīta (Đại Lãn), người vào rừng thanh vắng là để ngủ cho yên giấc, còn việc thọ huấn để mục tham thiền nơi Đức Phật, ráng thức cả đêm ngày mà hành Sa Môn pháp thì không nên đâu...”. Nói rồi, vị ấy đi về trong cốc riêng để ngủ.

Còn vị kia, sau khi kinh hành trong canh đầu, ngồi nghỉ trong canh giữa đến canh chót thì hành Sa Môn pháp. Nhờ chuyên cần như thế mãi không bao lâu vị siêng tu đắc quả A La Hán với Tuệ Phân tích. Vị lười biếng thì vẫn dễ duôi, hoang phí thời giờ của mình.

Mãn kỳ an cư, hai vị đồng tu cùng về đánh lễ yết kiến Đức Thầy và ngồi qua một bên.

Đức Bốn Sư tiếp chuyện thân mật với hai vị Tỳ Khưu và hỏi: “Nầy các Tỳ Khưu! Các ông có chuyên cần hành Sa Môn pháp không? Các ông có đạt đến mục đích cứu cánh của người xuất gia chưa?”.

Vị Tỳ Khưu phóng dật bèn đáp trước rằng: “Bạch Ngài! Ông ấy đâu có chuyên cần, kể từ lúc ra hành đạo cho tới nay ông ta chỉ có nằm ngủ mãi cho hết ngày, hết giờ mà thôi?”.

- Thế còn ông làm những gì?

- Bạch Ngài! Lúc rảnh con đi tìm củi khô đem về chụm trong lò sưởi, ngồi hơ ấm trong canh đầu, trải qua thời gian không nằm như thế.

Khi ấy, Đức Bốn Sư khiển trách vị này rằng: “Ta là người chuyên cần, còn người chuyên cần ông lại cho là buông lung. Ông ở gần cái trại ta cũng như con ngựa gậy yếu, chậm lụt, còn con ta sánh với ông như con tuấn mã thần tốc, lanh lẹ, thắng bỏ bạn rất xa”.

Phán rồi, Đức Bốn Sư nói kệ ngôn rằng:

*“Appamatto pamattesu
Suttesu bahujāgaro
Abalassam va sīghasso
Hitvā yāti sumedhasoti”.*

*“Chuyên cần giữa đám buông lung,
Kẻ trí tỉnh thức trong vùng mộng mơ.
Như con tuấn mã trường đồ,
Bôn phi bỏ đứt ngựa thô gây hèn”.*

Trong bài kệ, Phạm ngữ Appamatto là người chuyên cần, ám chỉ bậc Lộ tận đã đắc pháp chánh niệm, quảng bác và có đầy đủ chánh niệm và sự chuyên cần.

Pamattesu: Chỉ những chúng sanh đã buông bỏ chánh niệm.

Suttetu: Chỉ những người không giữ trạng thái tỉnh giác trong tứ oai nghi, cũng giống như người nằm ngủ mà thôi.

Bahujāgaro: Là người luôn luôn có sự tỉnh giác quảng bác sự chánh niệm vĩ đại.

Abalassam'va: Ví như con ngựa cùn, chậm lụt yếu sức đem thi đua với con tuấn mã là giống ngựa hay, gốc từ miền Sindha (Tín Độ) của xứ Ấn Độ.

Sumedhasoti: Là bậc trí thượng đỉnh, đã đạt đến mức độ sáng suốt mà thường nhân chưa đạt được. Cho nên ăn đứt họ, chẳng hạn như một người tối dạ học một bài kinh dù là tận lực cũng thua bậc trí tuệ học trọn phẩm. Người tối dạ trong chỗ hành thiền ban ngày hoặc ban đêm, sau khi thọ giáo để mục rồi, dẫu cho ráng hết sức mình luyện tập, cũng thua bậc trí tuệ, chấp cho bạn mình trước một canh đầu, đến canh kế vào chỗ hành thiền ban đêm hoặc chỗ hành ban ngày. Sau khi quán thông để mục đứt tận phiền não, liền đắc pháp siêu thế. Cũng giống như trong cuộc chạy đua trong vòng luân hồi, bậc trí tuệ vượt qua, thắng bỏ người tối dạ ấy mà đi đến mức giải thoát trước vậy.

Sau kệ ngôn có nhiều vị chứng đắc Thánh quả nhất là Sơ quả.

DỨT TÍCH HAI VỊ TỶ KHUU BẠN

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Người trí cần chuyên ấy hạnh đầu,
Ngu thì giải đãi hóa ra lâu.
Ai tu nấy đắc, khôn chờ bạn,
Đó xuống đây lên khó bắt cầu.
Dặm thẳng chĩnh nghe lòng quái ngại,
Đường dài há nản ngựa Long câu?
Tỉnh rồi một giấc Nam Kha mộng,
Thiên hạ thùy miên, vạn khổ sầu.*



II. 7- CHUYỆN ĐỨC SAKKA (Sakkavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 30)

*“Appamādena maghavā
devānaṃ seṭṭhataṃ gato
Appamādaṃ pasamsanti
pamādo garahito sadāti”.*

“Nhờ chuyên cần Ma Già,
Thành vua trời Đạo Lợi.
Chuyên cần được ngợi khen,
Phóng dật thường bị la”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự an trong giảng đường Trùng Các (Kūṭagārasālā), gần thành Vesālī, để cập đến Thiên Vương Sakka (Đế Thích), tục gọi là Đức Ngọc Hoàng.

Thời ấy, trong thành Vesālī (Quảng Nghiêm) có một vương tử tên là Mahāli, thuộc dòng Licchavī.

Một hôm, được nghe Đức Bốn Sư thuyết lên bài kinh Sakkapañha (Đế Thích Vấn Đạo). Vương tử nghĩ rằng:

- Đức Chánh Biến Tri đã thuyết pháp đề cao, ca tụng quyền lực của đức Đế Thích, là do Ngài đã thấy rồi thuyết, hay là Ngài chưa thấy mà thuyết. Do Ngài quen Đức Đế Thích hay là không quen? Ta phải hỏi lại Ngài mới được.

Thế rồi, vương tử Mahāli đến gần Đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài xong rồi, ngồi qua một bên. Khi đã ngồi yên, vương tử bạch hỏi Đức Thế Tôn: - “Bạch Ngài! Ngài có thấy Thiên Vương Đế Thích hay chưa?”.

- Này Mahāli! Ta đã thấy Thiên Vương Đế Thích rồi.

- Bạch Ngài! Nếu thật là Thiên Vương Đế Thích thì khó thấy, khó biết lắm. Sợ e Ngài đã thấy lầm vị nào giống như như Thiên Vương Đế Thích chăng?

- Này Mahāli! Ta biết rõ Đế Thích, ta biết rõ cả những pháp nào mà Đế Thích thọ trì và thực hành mới được làm chúa cõi Chư Thiên. Này Mahāli, Đế Thích Hoàn Nhân (Sakkadevānamindo), do kiếp trước ở cõi nhân gian là một thanh niên tên Magha, cho nên được gọi là đức Maghavā. Này Mahāli, Đức Đế Thích do kiếp trước ở nhân loại đã bố thí tròn đủ nên được gọi là Purindado (Đức Viên Mãn Thí). Này, Mahāli, đức Đế Thích do kiếp trước ở cõi nhân gian đã bố thí đặc lực, cho nên được gọi là đấng Sakka (Năng Thiên). Này Mahāli, đức Đế Thích do kiếp trước ở cõi nhân gian đã bố thí chỗ trú, nên được gọi là Vāsava (Lưu Ngự Thí). Này Mahāli, do kiếp trước ở cõi nhân gian, mỗi giây phút nghĩ ra được hàng ngàn việc lợi ích, cho nên đức Đế Thích được gọi là Sahassacakkhu (Thiên nhãn). Này Mahāli do làm chồng của nàng Sujātā là Công chúa cõi Asura (A Tu La) nên có danh hiệu là Sujampati (Đức Diệu Sanh Phu). Này Mahāli, do là vị lãnh chúa, ngự trị trên cõi Tam thập tam thiên (Tāvātimsa), nên có danh hiệu là Devānamindo (Đức Đế Hoàn Nhân). Này Mahāli Đức Đế Thích kiếp trước ở cõi nhân gian đã hành theo bảy hạnh công đức mà được làm vua cõi Chư Thiên. Thế nào là bảy?

1- Hạnh nguyện suốt đời phụng dưỡng song thân.

2- Suốt đời tôn kính các bậc trưởng thượng.

3- Hạnh nguyện suốt đời nói lời chân thật.

4- Hạnh nguyện suốt đời không nói lời đâm thọc.

5- Hạnh nguyện suốt đời rửa lòng thật sạch hơn bồn xén, là người tại gia cư sĩ mà xả bỏ của cải bố thí không chút luyến tiếc, để đáp ứng nhu cầu của kẻ đến xin.

6- Hạnh nguyện suốt đời nói lời dịu ngọt.

7- Hạnh nguyện suốt đời không phẫn nộ, nếu có sân hận nổi lên thì mau dập tắt.

Nầy Mahāli! Đức Đế Thích do kiếp trước ở cõi nhân gian đã thành tựu bảy thứ công hạnh: Sự thân, tôn trọng, cam ngôn, vô lưỡng thiệt, hảo tâm, chơn ngữ, vô nộ như thế nên mới được làm chúa cung trời Đao Lợi.

*“Mātāpetibharam jantum
Kule jetṭhāpacāyinaṃ
Saṅham sakhilasambhāsam
Pesuṇeyyappahāyinaṃ
Maccheravinaye yuttam
Saccam kothābhibhum naram
Tam ve devā tāvatimsā
Ahu sappuriso itīti”.*

*“Nuôi song thân trọn niềm hiếu đạo.
Biết kính nhường Trưởng lão trong nhà.
Nói năng êm ái dịu hòa.
Những thói đâm thọc, điều ngoa chẳng dùng.
Hằng dứt bỏ được lòng rít róng.
Lời chánh chơn, tánh nóng dẹp yên.
Người có Đạo Lợi Chư Thiên.
Tôn xưng quân tử đại hiền trượng phu”.*

Nầy Mahāli! Đó là nghiệp lành mà đức Đế Thích đã tạo trong kiếp làm thanh niên Magha vậy.

Đức Bốn Sư vừa dứt lời, vương tử Mahāli muốn biết thêm chi tiết về những thiện hạnh của đức Đế Thích, bèn bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài! Chẳng hay thanh niên Magha đã thực thi những hạnh công đức như thế nào?

- Thế thì, nầy Mahāli ông hãy lắng nghe.

Phán rồi, Đức Thế Tôn bắt đầu kể chuyện tiền thân của đức Đế Thích.

Thuở xưa, trong làng Acalagāma (Bát Đồng) thuộc Ma Kiệt Đà, có một thanh niên tên là Magha. Chàng Magha đến cư ngụ trong làng từ lúc mới lập thôn ấp, đất đai hãy còn nhiều chỗ hoang vu. Ban đầu chàng xí một miếng đất rừng, phát dọn kang trang thành một nơi lạc thổ. Cất nhà lên để ở, thì một kẻ khác đến đánh đá, đuổi đi và chiếm đoạt chỗ ở của chàng.

Magha cũng chẳng chút giận hờn chi kẻ đã hiếp đáp mình, lại phát dọn một sở đất khác cho sạch sẽ, đẹp đẽ rồi lại cất nhà khác để ở. Làm xong nhà, chàng lại bị kẻ khác đến đánh chiếm dành chỗ nhà, không cho chàng ở.

Magha cũng chẳng giận chi kẻ bất lương, chỉ lo khai thác đất hoang cho bằng phẳng, cất nhà ở một chỗ khác. Hễ cất nhà xong là chàng bị kẻ khác đuổi đi, dọn đất thì bị chiếm đất, thanh niên Magha bị những kẻ mạnh áp chế để cướp đoạt chàng một cách trắng trợn như thế nhiều lần, nên phải cứ đi mãi. Tuy vậy chàng vẫn hoan hỷ tự nhủ rằng: “Tất cả mọi người đều được an vui, chính ta là người ban sự an vui cho họ, tức là ta đã tạo phước cho ta về sau vậy”.

Nhờ có tâm quảng đại như thế, thanh niên Magha không chút ưu phiền. Hôm sau, chàng lại vác cuốc đi dẫy cỏ, ban đất, dọn thành một cái sân rộng lớn, sạch sẽ kang trang, cất lên một phước xá. Tất cả mọi người đến ngụ đều được Magha cung cấp củi lửa trong mùa lạnh và nước tắm trong mùa nóng.

Từ khi hoàn thành ngôi an lạc cảnh này, về sau Magha được lòng yêu mến của mọi người thọ ơn, không ai còn ganh ghét chàng nữa cả.

Thấy việc làm phước của mình có kết quả tốt đẹp, thanh niên lại nghĩ rằng: “Từ nay về sau ta nên đắp đường bồi lộ cho thiên hạ đi”. Mỗi buổi sáng, chàng ra đi sửa sang đường sá cho bằng phẳng, lượm hết rác rến, nhánh cây gãy nằm ở giữa đường.

Khi ấy, có người thấy thanh niên Magha làm như vậy bèn hỏi:

- Nầy anh, làm cái chi vậy?

- Anh ạ! Tôi làm con đường đi lên cõi trời.

- Nếu vậy, anh cho tôi làm chung cho có bạn.

- Được thôi, anh hãy làm chung với tôi. Ở cõi trời có nhiều người cũng là tốt.

Từ đó, có được hai người chung một chí hướng, nhiều người khác thấy họ làm việc công ích, hỏi thăm và xin gia nhập vào đoàn. Số bạn của Magha tăng lên dần dần, sau cùng thành một nhóm ba mươi ba người.

Ngày nào họ cũng vác cuốc ra đồng để sửa soạn con đường, làm thành một quãng dài độ hai do tuần.

Thấy công tác do nhóm thanh niên Magha lãnh đạo, viên Hương quản (Gāmahojaka) nghĩ bụng:

- Những người này chỉ lo làm việc tổn công vô ích, phải chi họ đi rừng kiếm cá thịt đem về, hoặc là nấu rượu ăn nhậu chơi, hoặc làm cái chi khác mà ta có thể kiếm chác, liếm láp chút đỉnh...

Thế rồi, viên Hương quản sai chú trùm đi mời nhóm thanh niên ấy đến công sở và hỏi:

- Mấy chú làm cái chi vậy?

- Dạ thưa Hương quản, làm đường lên trời.

- Những người có nhà cửa gia đình chẳng nên làm vậy. Tốt hơn nên vào rừng kiếm cá thịt, rau trái đem về, hoặc nấu rượu nhậu chơi, hoặc làm việc chi khác nữa kia.

Mặc dầu viên Hương quản nhắc đi nhắc lại nhiều lượt như thế. Nhóm thanh niên cũng chẳng chịu nghe theo, viên Hương quản nổi giận nói rằng:

- Ta sẽ làm cho lũ này phải chết hết.

Ông ta vào triều tâu với Quốc vương: “Muôn tâu Thiên tử! Y chúc có thấy nhiều kẻ cướp kết bè lập đảng để đi nhiễu hại lương dân”.

Quốc vương phán rằng: “Trẫm phú cho khanh nã tróc bọn ấy đem nạp triều đình”.

Được lệnh Quốc vương, viên Hương quản bắt hết nhóm thanh niên áp giải về triều.

Quốc vương không cần tra xét, lập tức ra lệnh:

- Hãy cho voi dày bọn ấy.

Magha bình tĩnh khuyên nhủ các bạn:

- Này anh em, trừ tâm từ ái chúng ta không còn chỗ nào để nhờ cậy. Anh em đừng có chút gì buồn giận đứ đũa vua với viên Hương quản và con voi sẽ dày đập mình. Anh em hãy rải từ tâm và giữ tâm bình tĩnh.

Cả nhóm đã làm như thế, khi ấy do oai lực từ tâm của những người vô tội, con voi không dám lại gần họ.

Quốc vương nghe quân phúc trình việc này thì nghĩ rằng:

- Chắc là tại nó thấy đông người nên không dám dày đập họ.

Ngài bèn ra lệnh: “Hãy lấy đệm phủ lên mình bọn ấy rồi thả voi ra cho dày đập”.

Con voi được thả ra cho dày đập nhóm người bị trùm đệm, thấy họ nó càng lảng tránh ra xa. Khi nghe thông báo rõ việc này, Quốc vương sanh nghi: “Chắc là có điều chi uẩn khúc?”.

Quốc vương cho áp giải toán thanh niên vào triều và phán hỏi:

- Này các khanh! Tại sao các khanh không tuân hành luật vua phép nước như vậy?

- Muôn tâu Thánh hoàng! Chúng thần có làm chi phạm pháp đâu?

- Có người tố cáo các khanh là những tên cướp kết bè đảng với nhau, đi lẩn lút trong rừng.

- Tâu Thánh thượng! Ai tố cáo như thế?

- Viên Hương quản các khanh ạ.

- Muôn tâu Thánh hoàng, chúng con không phải là kẻ cướp, chúng con tự lo sửa sang, quét dọn con đường lên thiên giới. Nếu có làm việc nầy việc nọ, viên Hương quản xúi bảo chúng con làm điều bất thiện không được, ông ta muốn hãm hại chúng con, nên mới vu khống như thế.

Sau khi nghe lời trần tình của nhóm thanh niên ham làm việc nghĩa. Quốc vương rất đẹp dạ, phán rằng:

- Nầy các khanh! Con thú nầy nó còn nhận biết ân đức của các khanh, trăm là người không bì kịp nó, cho nên trót lỡ tin theo lời quấy của kẻ ngu si, không chịu tra xét cho minh bạch. Trăm có sơ xuất các khanh tha lỗi cho trăm.

Quốc vương hạ lệnh bắt giam viên Hương quản và vợ con phải làm tội tớ cho nhóm thanh niên, ban cho nhóm nầy con voi ấy để cỡi cấp luân làng Acalagāma cho họ được trọn quyền làm chủ, tùy ý sử dụng. Các thanh niên bảo nhau: “Chúng mình làm phước thì được phước, được thấy nhãn tiền rồi”. Họ càng phấn khởi phát tâm trong sạch.

Sau khi cỡi voi dạo khắp làng, họ lại trừ tính như vậy: “Bây giờ chúng ta nên làm một công tác phước thiện đặc biệt”.

- Chúng ta sẽ làm gì?

- Nơi ngã tư đường cái, ta sẽ lập một ngôi An dưỡng đường (vissamanasālā) bình dân, thật bền chắc lâu dài.

- Phải rồi.

Sau khi đã đồng ý, họ kêu thợ mộc làm ngôi An dưỡng đường. Vì không muốn có tên nữ nhân dự trong công việc của họ, nên họ không chịu cho phụ nữ hùn phước trong việc tạo tác ngôi dưỡng đường.

Chàng Magha có bốn cô vợ là: Sunandā, Sucittā, Sudhammā và Sujātā, bốn nàng đều có nhà ở riêng.

Nàng Sudhammā nghe các thanh niên không cho nữ nhân hùn phước, nàng tìm đến ông thợ mộc mật đàm rằng:

- Nầy bác ơi! Bác làm thế nào cho cháu được đứng tên làm chủ ngôi giảng đường nầy.

Nàng trao tặng cho người thợ mộc tiền nước rất trọng hậu, ông nhận lời nói rằng: “Được rồi”.

Lúc khởi công, người thợ mộc chọn cây ván, phơi khô, bào đục, làm thành tấm bảng hiệu trước hết và khắc mấy chữ là: “An dưỡng đường Sudhammā”. Xong rồi dùng vải bao lại, để riêng một nơi.

Khi đã đốc xuất làm xong ngôi An dưỡng đường. Vào ngày trưng bảng hiệu để khánh thành. Ông thợ mộc giả vờ nói:

- Ông ơi! Có một việc mà tôi quên mất.

- Việc chi vậy bác?

- Còn thiếu tấm bảng.

- Để chúng tôi mang cây ván đến cho bác làm.

- Bây giờ dùng ván mới sẽ không làm kịp. Phải kiếm cho được tấm bảng ván phơi khô sẵn bào đục từ trước để dành cho đến bây giờ mới được.

- Thế thì phải làm sao?

- Nếu như ai có làm sẵn bảng để dành bán thì mình hãy nài lại họ.

Nhóm thanh niên đi kiếm tấm bảng để mua, gặp được tấm bảng trong nhà của Sudhammā, trả giá đến ngàn đồng vàng, cũng không mua được. Nàng nói: “Tôi không cần tiền bạc chi cả. Nếu các anh cho tôi được hùn phước tạo tác ngôi An dưỡng đường thì tôi biểu không tấm bảng nầy”.

Nghe vậy, các chàng thanh niên đáp:

- Chúng tôi đã qui định không cho nữ nhân hùn phước.

Khi ấy ông thợ mộc xen vào can thiệp:

- Thưa quý ngài! Sao quý ngài lại tính như thế, trừ ra cõi Phạm Thiên, ngoài ra không có cõi nào không có nữ nhân. Quý Ngài nên nhận tấm bảng đã sẵn sàng như thế này đi, để khánh thành ngôi An dưỡng đường cho xong. Xong việc rồi chúng tôi còn đi nơi khác nữa.

Nhóm thanh niên bằng lòng nhận tấm bảng đem về, dựng lên khánh thành ngôi An dưỡng đường.

Cơ sở kiến trúc này được chia làm ba khu, khu thứ nhất để cho chủ nhân ở, khu thứ nhì để cho bản nhân và khu thứ ba để cho bệnh nhân trú.

Ba mươi ba chàng thanh niên lót ba mươi ba tấm ván, rồi ra dấu cho con voi hiểu rằng: “Nếu khách đến ngồi trên tấm ván của người nào lót, thì hãy đưa khách đến nhà người ấy; chủ tấm ván ấy làm tất cả phận sự để phục dịch khách lạ mới đến, như là đấm bóp tay chân, đấm lưng, cung cấp vật thực cứng mềm, xếp dọn chỗ ngủ...”.

Con voi hiểu ý chủ nhân, hễ thấy khách lạ đến ngồi vào tấm ván nào, thì nó đưa khách đến gặp chủ tấm ván ấy. Và chủ nhân phải lo làm tất cả những gì cần phải làm trong ngày, để phục dịch khách. Cách An dưỡng đường không xa, Magha có trồng một cây Kovidāra và lót kê một phiến đá bằng mặt, nơi gốc cây ấy.

Thiên hạ khi vào An dưỡng đường, ai cũng nhìn lên tấm bảng và đọc mấy chữ: “An dưỡng đường Sudhammā” rồi nói:

- An dưỡng đường này của nàng Sudhammā. Không ai nhắc đến tên ba mươi ba chàng thanh niên.

Khi ấy, nàng Sunandā suy nghĩ rằng: “Mấy anh ấy cất An dưỡng đường, không chịu cho nữ nhân hùn phước. Tuy vậy, nàng Sudhammā thông minh lịch lãm, đã biết dùng tấm bảng mà chia phước báu, ta cũng phải làm cái chi để tham dự phần nào. Bây giờ, ta sẽ phải làm gì đây?”. Tiếp đến, nàng Sunandā suy nghĩ rằng: “Khách xa mới đến cần nước để tắm rửa, để xài. Vậy ta mượn đào một hồ nước.” Và nàng Sunandā đã tạo được một hồ sen. Thấy vậy, nàng Sucittā nói thầm: “Dì Sudhammā làm phước được tấm bảng, chị Sunanda tạo được ao sen, còn phần ta phải làm chi đây?”. Để tạo phước nàng suy nghĩ:

- Khách đến An dưỡng đường, sau khi tắm rửa, uống nước, tắm mát xong, cần phải có hoa để cài lên mình mà đi. Vậy ta sẽ tạo vườn hoa.

Và nàng Sucittā đã tạo thành một lạc cảnh viên trổ đủ mọi hoa thơm cỏ lạ, mỹ miều khả ái, có đủ các thứ ăn quả chen vào với cây tòng, cây bá, xanh rợp cả bốn mùa.

Riêng nàng Sujātā thấy mọi người chung nhau tạo phước, nàng nghĩ rằng: “Ta là họ hàng bên ngoại và cũng là người nâng khăn sửa túi cho chàng Magha, những công tác của chàng thì cũng như của ta, những công việc của ta thì cũng chính là của chàng, chớ có khác chi đâu”.

Nghĩ vậy, nàng Sujātā không lo hùn phước, chỉ tối ngày lo điểm trang thân thể, trau giồi sắc đẹp mà thôi.

Còn chàng thanh niên Magha, suốt đời giữ đủ bảy hạnh: Sự thân, tôn trọng, cam ngôn, vô lưỡng thiệt, ly hận, chân thật, vô nộ:

Nuôi song thân trọn niềm hiếu thảo.

Biết kính nhường Trưởng lão trong nhà.

Nói năng êm ái dịu hòa.

Những thói đâm thọc điều ngoa chẳng dùng.

Hằng dứt bỏ được lòng rít róng.

Lời chánh chơn, tánh nóng dẹp yên.

Người đó Đạo Lợi Chư Thiên,

Tôn xưng quân tử, đại hiền, trượng phu.

Nhờ chuyên cần nhiệt tâm đáng đề cao như thế, sau khi mệnh chung Magha siêu sanh làm bậc Thiên Vương trên cung trời Đạo Lợi. Những người bạn đồng chí của Magha cũng đều được sanh về đó cả, ông thợ mộc cũng sanh lên đó, là vị Chư Thiên có tên là Vissakamma (Thiên Tử kiến trúc) vì là người thợ mộc kiến tạo An dưỡng đường (Vissamanasālā).

Thời bấy giờ, các Thiên thần Asura (A Tu La) còn ở trên Tam thập tam thiên (Tāvātimsabhavana), nhân dịp có những tân thiên tử mới sanh lên, họ liền mở tiệc rượu ăn mừng, uống rông huỳnh tương tiên tửu (dibbapāna).

Đức Đế Thích ra lệnh nghiêm cấm các thuộc hạ của mình, không cho ai uống rượu. Các thần A Tu La cứ uống rượu tiên đến nỗi say mềm, nằm nghiêng ngửa.

Đức Đế Thích thấy vậy, bất bình phán rằng:

- Làm sao trảm trị quốc với những kẻ buông lung nậy được. Thiên Vương bèn truyền lệnh cho tùy tướng của mình nắm chân bọn A Tu La say, quăng chúng xuống đại hải. Tuy bị rơi cắm đầu xuống biển, nhưng các thần A Tu La còn nhiều phước báu, nhờ đó mà một A Tu La thiên đường nhân cảnh (Asuravimāne) phát sanh lên cho họ ở dưới chân núi Tu Di. Một kinh đô cũng phát sanh lên có tên là Cittapāṭali (Mỹ La Thành).

Sau khi chiến thắng các A Tu La, ba mươi ba vị Thiên Chủ chiếm trọn cảnh giới Tāvātimsa rộng mười ngàn do tuần, và nơi này được mệnh danh là cõi Ba Mươi Ba (Tāvātimsadevanagara). Tàu âm là Đạo Lợi Đế Hoàng thành. Thành nầy từ cửa Đông qua cửa Tây đo được mười ngàn do tuần và cửa Nam qua cửa Bắc cũng mười ngàn do tuần. Vòng thành có ngàn cái cửa, bên trong có hoa viên và hồ nước mát. Ngay trung tâm thành do phước kiến tạo An dưỡng đường có nổi lên một ngôi đền gọi là Tối Thắng Điện (Vejayanta) cao bảy trăm do tuần, làm bằng thất bảo (Sattaratana). Có cấm những đại kỳ cao ba trăm do tuần, những lá đại kỳ bằng ngọc Maṇi thì có cán bằng vàng, những lá đại kỳ bằng vàng thì cán là ngọc Ma ni. Những lá đại kỳ bằng trân châu có cán bằng san hô, lá đại kỳ bằng san hô thì cán bằng trân châu. Những lá đại kỳ bằng thất bảo thì cán cũng là thất bảo. Ngay chính giữa là Đại Chiến Thắng Kỳ đứng hùng dũng cao ba trăm do tuần.

Đó là phước tạo An dưỡng đường mà ngôi Vương điện làm bằng thất bảo, cao một ngàn do tuần phát sanh lên như thế. Các thiên trượng (pāriccgattako) che phủ một khoảng tròn rộng một trăm do tuần phát sanh lên là nhờ phước trồng cây Kovidāra. Còn phước kê tầng đá bằng mặt, làm cho dưới chân Thiên Trượng phát sanh lên bảo tọa bằng thạch anh vàng (Paṇḍukambalasilā), có màu tươi sáng như hoa hồng nhung, dài sáu mươi do tuần, rộng năm mươi do tuần, cao cũng năm mươi do tuần. Ngai bảo tọa nầy tự động xẹp xuống khi Thiên Vương ngự lên, và sau đó tự động phồng lên như cũ khi Thiên Vương đứng dậy.

Con voi cũng được sanh về cõi Đạo Lợi, là vị Thiên Tử có tên Erāvaṇa. Trên Thiên cung không có thú vật, cho nên mỗi khi Thiên Đế hay Chư Thiên xuất hành ngự du ngoạn thì vị trời Erāvaṇa bỏ tướng Chư Thiên, hóa hình thành voi Erāvaṇa cao lớn một trăm năm mươi do tuần cho vua cõi. Vị Trời nầy còn hóa ra ba mươi ba ngà voi (kumbha) có ba mươi ba bảo tọa để ba mươi ba vị Thiên Chủ sử dụng, mỗi bảo tọa có bề tròn khoảng 3/4 do tuần. Chính giữa là thiên kiệu dành cho đức Đế Thích, cao ba mươi do tuần có tên là Sudassanaṃ (Thiện Kiến Đình). Trên mặt đình có ngôi nhà mát Bảo Đình tạ (Ratanamaṇḍapo) rộng độ mười hai do tuần. Nơi đây được trần liệt những thất bảo kỳ cao một do tuần, chung quanh mái đình tạ có treo một giàn chuông lạc, gọi là Linh Vọng (Kimkinijāla), mỗi khi có làn gió nhẹ thoảng qua, lưới chuông nầy phát ra tiếng nhạc ngũ âm trầm bổng du dương, hòa nhã thanh thoát, nghe tựa như cung đàn tiếng địch trong động Thiên Thai.

Giữa ngôi đình tạ, một bảo tọa bằng ngọc Maṇi rộng độ một do tuần, được trang trí khéo léo, là nơi đức Đế Thích ngự tọa.

Ba mươi ba vị Chư Thiên đều ngồi trên bảo tọa trong thiên kiệu của mình.

Tất cả ba mươi ba thiện kiệu, mỗi cái đều được vị trời Erāvaṇa hóa ra đủ bảy ngà dài năm mươi do tuần. Trong mỗi ngà có một hồ sen, mỗi hồ sen có bảy cây hoa sen, mỗi cụm hoa sen có bảy hoa sen, mỗi hoa sen có bảy cánh sen, mỗi cánh hoa sen có bảy nàng thiên nữ đang vũ những khúc nghệ thường. Trên khắp cả vũ trường rộng năm mươi do tuần, bảy ngà voi đều có lễ hội tung bùng như nhau cả. Đức Thiên Vương tọa hưởng vinh quang, Ngài hằng đi du ngoạn khắp Thiên cảnh vĩ đại huy hoàng như thế.

Nàng Sudhammā mệnh chung cũng được sanh lên cõi Đạo Lợi, tòa Chư Thiên hội rộng năm trăm do tuần phát sanh lên, có tên là Sudhammā là tên của nàng. Tòa bảo điện nầy nổi tiếng là nguy nga tráng lệ nhất, không nơi nào khác sánh kịp, hàng tháng, cứ đến ngày thứ tám, Chư Thiên tề tựu về đây để nghe thuyết pháp, ai ai cũng trầm trồ ngợi khen rằng:

- “Tất cả những thắng cảnh tân thời ta đã viếng, đều thua xa tòa Diệu Pháp Thiên Hội Đường này!”.

Nàng Sunandā sau khi chết sanh về cõi trời Đao Lợi cùng với một ao sen xinh đẹp rộng năm trăm do tuần.

Nàng Sucittā cũng sanh về cõi Đao Lợi, một vườn hoa kỳ ảo rộng sáu trăm do tuần, có tên là Cittalatāvana (Cát Đàng Viên Citta) phát sanh lên cho nàng. Đó là nơi thu hút Chư Thiên cõi Đao Lợi đến thưởng ngoạn một cách say mê. Vì đây là một cảnh trí đầy hương sắc và hằng thay đổi.

Riêng về nàng Sujātā, khi lâm chung bị đọa làm con cò mái ở trong một hang đá trên sườn núi.

Đức Thiên Vương nhớ đến bốn người vợ cũ, bèn dùng Thiên nhãn ra quán sát, thấy nàng Sudhammā, Sunandā, Sucittā được sanh về Đao Lợi cung, riêng nàng Sujātā thì vắng mặt nơi đây. Nhìn xa xuống nhân gian, Đức Thiên Vương thấy nàng đang ở trong khổ cảnh thì nghĩ rằng:

- Nàng nầy đại dột, không làm phước báu dù chỉ là ít oi, bây giờ phải mang lớp thú. Ta cũng nên nhắc nhở nàng tạo phước để được siêu sanh về đây.

Nghĩ vậy, Đức Đế Thích biến hình hóa ra một người lạ mặt đến gần con cò mái và hỏi:

- Nàng làm gì lang thang ở đây vậy?

- Thưa, ông là ai?

- Ta là chồng của nàng, là Magha đây.

- Chàng hiện sanh về cảnh giới nào?

- Ta được sanh về Đao Lợi Thiên cung, ba cô bạn của nàng cũng được sanh lên đó. Nàng không biết sao?

- Thưa chàng! Em không biết.

- Nàng ráng cần tu khổ hạnh cho được sanh lên cõi của ta, thì sẽ tái ngộ ba cô bạn của nàng.

- Bây giờ, tôi lên cõi đó có được chăng?

- Được, để ta mang nàng lên cõi ấy.

Nói rồi, Đức Đế Thích đem con cò mái Sujātā lên cõi Đao Lợi, đặt nó đứng cạnh bờ hồ Sunandā, Ngài báo tin cho ba nàng Thiên hậu biết rằng:

- Ba nàng đã gặp nàng Sujātā chưa?

- Thưa Thiên chúa! Nàng ấy ở đâu?

- Đang đứng tại bờ hồ Sunandā.

Nghe vậy, cả ba nàng rủ nhau đến đó, trông thấy con cò mái, ba nàng kêu lên rằng:

- Dì út! Chao ôi, còn đâu nhan sắc mặn mà. Chao ôi! Còn đâu phấn sáp lụa là điểm trang. Bây giờ chị em hãy nhìn cặp giò kia, hãy nhìn xem hai bàn chân kia? Có phải cô ả thật là đẹp lộng lẫy chẳng?

Sau khi buông lời chế giễu mỉa mai cô bạn cũ, ba nàng Thiên hậu đồng bỏ ra về.

Đức Đế Thích trở lại hỏi con cò Sujātā:

- Nàng có gặp được bạn cũ rồi chớ?

- Thưa có rồi, họ chế giễu em rồi kéo nhau đi mất. Xin chàng hãy đưa em đi viếng cảnh thiên.

Đế Thích nhận lời đưa cò Sujātā đi viếng khắp các thắng cảnh trên Thiên cung, xong rồi đưa nàng trở lại nơi cũ của nàng và hỏi rằng:

- Nàng đã thấy cơ đồ sự nghiệp của ba nàng kia chưa?

- Tâu Thiên vương, thiếp đã thấy rồi.

- Vậy nàng nên tinh cần tu tập để được về nơi ấy.

- Thưa Thiên vương! Thần thiếp phải làm sao để tu tập?

- Nàng hãy ráng vâng giữ làm theo những huấn từ của ta.

- Tâu Thiên vương, thần thiếp nguyện sẽ tuân theo lời dạy.

Khi ấy, Đức Thiên vương Đế Thích truyền ngũ giới cho con cò mái Sujātā, căn dặn nàng phải ráng chuyên cần gìn giữ rồi từ giả nàng.

Từ đó trở đi, con cò mái chỉ ăn ròn những tôm cá đã chết, để khỏi phạm giới sát sanh.

Cách vài hôm sau, để thử lòng con cò đức Đế Thích hóa thành con cá măng nằm ngửa trên bãi cát. Giống như đã chết, con cò mái thấy, ngỡ là cá chết nó lấy mỏ gắp lên để ăn, không ngờ khi nó sắp nuốt thì thấy con cá ve vẩy đuôi. Con cò nói:

- Cá còn sống.

Rồi nó nhả ra, thả cá xuống ao nước.

Mấy hôm sau nữa, Đức Đế Thích lại thử con cò lần nữa, cũng y như thế, khi con cò gắp cá thấy còn ve vẩy cái kỳ, nó lại thả ra và nói “Cá còn sống”.

Sau khi thử thách ba phen như thế. Đế Thích hiện nguyên hình Thiên vương, khen con cò mái rằng:

- Nàng giữ giới thật trong sạch, ta đã ba phen xuống thử nàng, nàng đã kiên trì giữ giới cả ba. Nếu nàng cứ trì giới như thế mãi thì không bao lâu nàng sẽ siêu sanh về cõi của ta.

Nói rồi Thiên vương biến mất.

Từ đó trở đi, con cò mái nhất định: “Có cá chết thì ta dùng, không có thì thôi”. Cách mấy ngày sau nó phải bị chết đói. Do phước giữ năm giới trong sạch, nó được tái sanh làm con gái ông chủ lò gốm trong thành Bārāṇasi.

Khi cô gái đến tuổi cập kê, đức Đế Thích chợt nhớ đến con cò, tự hỏi: “Nàng đã tái sanh về đâu nhỉ?”. Khi quan sát tìm kiếm, thấy được hậu thân con cò mái là cô gái lúa. Đức Đế Thích nhủ thầm: “Bây giờ, ta nên xuống nơi đó”, Ngài hóa ra một cỗ xe tay nhỏ, chất đầy bảy loại báu vật, hình dáng như những quả thanh qua (dưa chuột), đi vào trong thành Bārāṇasi

- Ai dùng thanh qua chẳng?

Vừa đi, vừa cất tiếng rao lanh lảnh, đức Đế Thích noi theo lộ chính của thành phố, rao qua các phố thị. Nhiều người đem đậu xanh, đậu đỏ, ngũ cốc đến đổi chác, đức Đế Thích đều từ chối, nói rằng:

- Tôi không bán buôn hay đổi chác chi hết.

- Vậy thì ông cho hay sao?

- Tôi chỉ cho không những nữ nhân nào giữ giới.

- Trong những chị em đây, không một ai biết ngũ giới là gì cả, làm sao mà giữ giới cho được.

- Tôi chỉ cho đến người nào có giữ giới mà thôi.

- Ông ạ! Ở đây có cô gái ông chủ lò gốm thường ngày tự xưng là có giữ giới. Vậy ông nên đến cho cô ấy đi.

Thiếu nữ nghe tin đồn, cũng tìm đến cỗ xe của đức Đế Thích:

- Ông ơi! Ông hãy cho tôi xin những trái thanh qua của ông.

- Nàng là ai?

- Tôi là người không bao giờ dứt lìa ngũ giới.

Nghe vậy, đức Đế Thích bảo:

- Thế thì nàng hãy đưa ta về cho biết nhà đi.

Đức Đế Thích đẩy cỗ xe đi theo thiếu nữ về tận nhà cô, cho cô trợn xe báu vật dưa xanh của cõi trời, rồi hiện nguyên hình cho cô biết và dặn rằng: Nàng hãy dùng châu báu này để nuôi mạng sống một đời nàng. Hãy ráng gìn giữ giới đừng cho dứt.

Nói rồi, Thiên vương từ giả ra đi. Thiếu nữ y theo lời dạy, giữ giới cho tới mãn đời. Sau khi thác thiếu nữ được sanh lên làm Công chúa, con vua cõi A Tu La Thiên. Nhờ cả hai kiếp đều giữ giới trong sạch, nên Công chúa A Tu La có dung nhan tuyệt đẹp, màu da như vàng ròng, đầy vẻ đẹp yêu kiều diễm lệ, thanh quý vô song.

Các vương tôn, công tử A Tu La đi đến cầu hôn, đều bị A Tu La vương là đức Vepacitti cự tuyệt, bảo rằng:

- Các khanh không xứng đáng với con gái trẫm.

Về sau, đức vua Vepacitti cho phép Công chúa gieo cầu để tự mình kén chọn phò mã.

Đức vua tập hợp thần dân cùng tướng sĩ A Tu La trước hoàng lâu, trao cho Công chúa một vòng hoa và phán:

- Con hãy gieo cầu kén chọn phò mã xứng ý với con đi.

Ngay lúc ấy, đức Đế Thích quan sát tìm xem nàng Sujātā thọ sanh vào cõi nào. Biết được việc này. Thiên vương nói:

- Bây giờ, trẫm xuống đó rước nàng về đây.

Đức Đế Thích bèn hóa thành một ông lão A Tu La, xuống đứng sau đám quân sĩ đang dự hội giao cầu.

Công chúa đang ngồi trên lầu vàng, nhìn khắp mọi nơi, nhưng không lưu ý đến ai cả. Nhưng khi vừa trông thấy lão già A Tu La, thì đột nhiên tình ái khởi phát, sóng tình lai láng tràn ngập tâm tư của nàng trinh nữ đang độ xuân thì, do nơi tiền kiếp của đôi bạn đã từng chung chăn chung gối.

“Người đó là ý trung nhân của ta”, nghĩ rồi Công chúa nhắm ngay ông lão mà ném chiếc giao cầu xuống.

Khắp cả hội trường xôn xao, ai cũng nói:

- Quốc vương tuyên bố là không ai xứng đáng với Công chúa. Bây giờ cuộc gieo cầu kén phò mã, lại chọn được ông cụ già tuổi đáng cha của Công chúa vậy.

Đức Đế Thích nắm tay Công chúa, miệng hét lớn rằng: “Ta là vua trời Đế Thích đây!”. Đoạn Thiên vương dắt vợ đằng vân bay đi. Binh lính A Tu La hô chuyển nhau: “Chúng ta đã mắc mưu lão già Đế Thích”, rồi họ ráp nhau đuổi theo hai người. Mātali, vị Trời đánh xe hộ giá, điều khiển chiếc nhạc thinh xa (Vejantaratham) chạy đến rước Đế Thích, Đức Đế Thích bèn ngự lên Thiên xa trực chỉ về Thiên thành Đạo Lợi. Khi chiếc xe vượt qua đám rừng (Simbali) (Ti Thọ), những con Kim Sí Điểu con, nghe tiếng xe réo thì giựt mình, sợ Thiên xa cán chết, nên la ó inh ỏi. Đức Đế Thích phán hỏi Mātali: “Lũ nào la om sòm như thế?”.

- Tâu Thiên vương, lũ Kim Sí Điểu con la ó như thế.

- Tại sao vậy?

- Chúng nó nghe tiếng xe nghiêng rần rộ nên sợ chết mà la đó.

- Vì một mình trẫm mà bao nhiêu kẻ bị xe cán chết quá nhanh, thôi đừng sát hại nữa. Khanh hãy cho xe quay lại đi.

Vị trời hộ giá ra roi lên, điều khiển ngàn con ngựa cho quay xe trở lại. Thấy vậy, quân binh A Tu La thông báo cho nhau “Lão già Đế Thích thua ta đang bỏ chạy, chợt quay đầu lại, hẳn là có Thiên binh tiếp viện ở phía sau”.

Thế là, họ thối lui quay đầu chạy trở về thành A Tu La, cho đóng chặt các cửa thành lại không dám cất đầu ngó lên.

Đức Đế Thích đưa nàng Sujātā (Công chúa Apsura) về Thiên thành, phong cho nàng chức Thiên hậu, cầm đầu hai mươi lăm triệu Thiên nữ. Tân Thiên hậu tâu xin với đức Đế Thích rằng:

- Tâu đại vương! Nơi Thiên cung này thần thiếp không có cha mẹ, anh chị em chi cả. Nếu đại vương ngự đi bất cứ nơi nào, xin cho thần thiếp được theo một bên hầu hạ đại vương.

Đức Đế Thích chuẩn tấu rằng: “Lành thay!”.

Từ đó về sau, Chư Thiên A Tu La đóng quân ở hai thành Cittapāṭali (Mỹ Hoa) và Pupphita (Khai Hoa). Cứ mỗi mùa thiên trượng của vua họ (Dibbapāricchātṭaka) trở hoa, thì họ lại dấy loạn, đem binh chống cự lại với Thiên triều, quyết định tái chiếm cung trời Đao Lợi.

Đức Đế Thích muốn ngừa hậu hoạn bèn sắp đặt cho những Long vương án ngữ canh phòng dưới đáy biển. Từng kế đó thì giao cho những Kim Xí điếu. Lên từng nữa thì có Cưu bàn trà (Kumbhaṇḍa), từng kế tiếp do các Dạ xoa trấn giữ, và lớp cuối cùng là Tứ Đại Thiên Vương. Trên Thiên cung, ở mấy cổng thành đều có tượng Thiên vương tay cầm Kim Cang trượng (Vajirahattha). Binh sĩ A Tu La dù cho có thắng trận vượt qua vòng thành của các Long vương và mấy vòng thành kế, khi thấy dáng pho tượng của đức Thiên Vương từ xa, chúng ngỡ là đức Đế Thích đứng trấn nơi đó thì tháo lui chạy trở lại.

- Này Māhali! Thanh niên Magha đã chuyên cần hành pháp như thế. Và người chuyên cần như thế mới đạt đến mức quyền uy như thế, một mình ngự trên hai Thiên giới. Là người chuyên cần, thì tất cả Chư Thiên cho đến Chư Phật đều tán dương, ca tụng người ấy. Vì quả như thế, mới có thể chúng đạt những pháp siêu thế quý báu cao thượng do nương theo hạnh nguyện chuyên cần vậy.

Kết luận xong, Đức Bốn Sư ngâm kệ rằng:

*“Appamādena maghavā
Devānaṃ seṭṭhataṃ gato
Appamādaṃ pasamsanti
Pamādo garahito sadāti”*

*Ma già ngự cõi Chư Thiên,
Cũng nhờ giữ hạnh cần chuyên vững bền.
Chuyên cần Phật, Thánh đều khen,
Luôn luôn giải đãi uơn hèn bị chê...”*

Trong bài kệ, Phạm ngữ Appamāda nghĩa là: Do sự chuyên cần, tức là sự siêng năng cần cù, quét dọn đất đai, kiến tạo phòng ốc, làm việc phước thiện trong làng Acalagāma vậy.

- Maghavā, đức Ma Già được tôn xưng như thế, sau khi từ cõi nhân gian là thanh niên Magha mà lên làm Chúa Chư Thiên, thống trị cả hai Thiên cảnh.

- Pasamsanti (ca tụng, ngợi khen) những bậc trí tuệ nhất là Chư Phật hằng tán dương, đề cao, khen ngợi hạnh chuyên cần, là bởi vì sao? Là bởi vì nhờ nó mà chúng đạt tất cả các pháp siêu thế quý báu cao thượng.

- Pamādo garahito sadā: Người buông lung, phóng dật dễ dãi, giải đãi, thì thường bị các bậc Thánh ấy rầy la quở trách, là bởi vì sao? Là bởi nét buông lung là nguồn cội của tất cả nét hư tật xấu. Quả thật các tội lỗi mà người đời gây tạo, các ác đạo mà họ bị đe dọa đều do căn bản là buông lung cả thảy.

Khi bài kệ chấm dứt, Vương tử Mahāli dòng Licchavi chúng đạt Dự Lưu quả. Đồ chúng câu hội thính pháp, nhiều người cũng đạt Thánh quả nhất là Dự lưu.

DỨT TÍCH ĐỨC SAKKA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Ngọc Hoàng kiếp trước cũng như ta,
Tích đức tu nhân mới được là!
Bố thí, không lo người tốt xấu,
Trang hoàng chẳng ngại chỗ gần xa.
Đường trời đắp thấu nhờ kiên nhẫn,
Nghĩa bạn gây nên bởi cộng hòa.
Hiếu, Đễ, Từ, Chân đều đủ cả,
Muôn đời ngự trị cõi Băm Ba.*



II. 8- CHUYỆN VỊ TỖ KHUU QUÁN LỬA RỪNG (Aññatarabhikkhuvatthu)

KỆ NGÔN (Pháp Cú 31)

*“Appamādarato bhikkhu “Tỳ Khưu mển chuyên cần,
pamāde bhayadassi và Hoặc thấy sợ phóng dật.
Saññojanam̐ aṇuṃ thūlam̐ Như lửa cháy lan truyền,
daham̐ aggīva gacchatī” Kiệt sử nhỏ lớn mất”.*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Tịnh Xá Kỳ Viên. Đề cập đến vị Tỳ Khưu đã mục kích được một đám cháy rừng.

Tương truyền rằng: Vị ấy sau khi đã thọ huấn nơi Đức Bổn Sư đề mục thiền định để đắc quả A La Hán. Bèn đi vào rừng tinh tấn hành thiền. Nhưng không chứng đắc quả như ý nguyện, vị ấy nghĩ thắm: “Ta phải về bạch xin Tôn sư giải thích thêm đề mục này mới được”.

Thế rồi, vị ấy lìa rừng trở về nơi ngự của Đức Bổn Sư, dọc đường vị ấy trông thấy một đám cháy rừng đang cháy tới, bèn lật dật treo lên chóp một trái núi trọc, ngồi nhìn ngọn lửa đang cháy tung hoành và lấy đó làm đối tượng để quán niệm rằng: “Cũng như ngọn lửa rừng này, nó bắt cháy những nhiên liệu cỏ cây nhỏ lớn, mà tràn tiến tới. Như thế này thì ngọn lửa trí tuệ giác ngộ thành đạo, nó sẽ bắt cháy những kiết sử lớn nhỏ mà lan truyền tới cũng như thế ấy.”

Đức Bổn Sư đang ngự tọa trong hương thất thì thấy tâm niệm của vị Tỳ Khưu trong rừng, nên phán dạy rằng:

- Này Tỳ Khưu! cũng như những đồ nhiên liệu lớn có, nhỏ có như thế ấy. Bèn trong những chúng sanh này có những kiết sử nhỏ lớn đang sinh lên, cần phải dùng ngọn lửa trí tuệ để thiêu cho cháy hết, không cho có thể tái sanh.

Phán rồi, Đức Bổn Sư phóng hào quang hiện ra cho vị Tỳ Khưu trông thấy như Ngài đang ngự trước mặt vị ấy và đọc kệ rằng:

*“Appamādarato bhikkhu
Pamāde bhayadassi và
Saññojanam̐ aṇuṃ thūlam̐
daham̐ aggīva gacchatī”*

*“Tỳ Khưu nào giữ thường lệ,
Thích không phóng dật, sợ ghê buông tuồng.
Tiến mau như ngọn lửa cuồng,
Kiết sử lớn nhỏ, tiêu luôn chẳng chừa”.*

Trong bài kệ, Phạm ngữ Appamādarato, nghĩa là người hoan hỷ, thỏa thích trong hạnh chuyên cần, người luôn luôn giữ mình không phóng dật.

Pamāde bhayadassi và: Nghĩa là người thấy sợ thay cho những người phóng dật sẽ phải sa đọa khổ cảnh như địa ngục chẳng hạn, hoặc là thấy sợ phóng dật, vì đó là căn nguyên sa đọa của những người ấy.

Saññojanam̐: Đây là triển phục, là kiết sử, nghĩa là mùi sợi dây trói buộc chúng sanh trong vòng tái sanh.

Aṇuṃ thūlam̐: Nghĩa là nhỏ nhen và lớn lao. Kiệt sử được chia thành hai phần: Hạ phần có năm là: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái và sân. Thượng phần kiết sử là sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử và vô minh.

daham̐ aggīva gacchatī: Cũng như ngọn lửa này bắt cháy những nhiên liệu lớn và nhỏ ấy mà đi tới. Vị Tỳ Khưu là người ưa thích nét hạnh chuyên cần, nhờ ngọn lửa trí tuệ, chuyên cần tăng tiến pháp hành cũng bắt cháy những kiết sử lớn nhỏ, lan truyền đi tới đốt thiêu tất cả, không còn có thể tái sanh vậy.

Bài kệ vừa dứt, vị Tỳ Khưu ấy đắc quả A La Hán tại chỗ ngồi, vì đã thiêu đốt sạch tất cả mùi kiết sử. Vị ấy bay đến tán thán Kim thân Đấng Như Lai. Sau khi ca tụng vị ấy đành lễ Ngài rồi từ giả ra đi.

DỨT TÍCH TỖ KHUU QUÁN LỬA RỪNG

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Ngọn lửa thiên nhiên cứ cháy tràn,
Rừng xanh cây lá cũng tiêu tan.
Người tu trí tuệ dường như lửa,
Kiết sử nào đâu chẳng rụi tàn?
Cần chuyên hằng hái nhiệt tâm thành,
Bỏ ngủ, quên nằm tuệ giác sanh.
Mỗi phút, giờ qua đùng chẻn mảng,
Lo chi Đạo quả chậm viên thành?*



II. 9- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO TISSA Ở THỊ XÃ (Nigamavāsītissattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 32)

<i>“Appamādararo bhikkhu</i>	“Tỳ Khuru mền chuyên cần,
<i>pamāde bhayadasi và</i>	Hoặc thấy sợ phóng dật.
<i>Abhabbo parihānāya</i>	Không thể bị sa chân,
<i>nibbānasseva santiketī”</i>	Níp Bàn đến gần thật”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Kỳ Viên. Đề cập đến Trưởng Lão Tissa ở thị xã (Nigamatissatthera).

Quả vậy, cách thành Sāvattī không bao xa, có một công tử (Kulaputto) sanh trưởng trong một thị xã nọ. Về sau, xuất gia hành đạo trong Giáo Pháp của Đức Bổn Sư, trước tu Sa Di, sau thọ Cụ túc giới, tu lên Tỳ Khuru, vì trùng tên với Trưởng lão Tissa, nên vị này được Chư Tăng gọi là Trưởng Lão Tissa thị xã cho dễ phân biệt.

Trưởng Lão tỏ ra là một vị Tỳ Khuru thiếu dục, tri túc, độc cư, cần mẫn. Trưởng Lão chỉ đi khất thực trong vòng phường thị xã là sinh quán của Trưởng Lão mà thôi, chớ không đi đâu xa. Cho đến những cuộc lễ Trai Tăng do các đại thí chủ, nhất là ông Cấp Cô Độc tổ chức, hoặc cuộc cúng dường không tiền khoáng hậu của Quốc vương Pasenadi xứ Kosalā thực hiện trong thành Sāvattī, Trưởng Lão cũng không đến dự. Thấy vắng mặt Trưởng Lão trong các cuộc Tăng hội, Chư Tỳ Khuru bảo nhau rằng:

- “Trưởng Lão Tissa thị xã này, hằng ngày cứ sống thân cận với quyến thuộc không rời ra đi đâu hết, cho tới các cuộc đại lễ Trai Tăng do các thí chủ nhất là ông (Anathapiṇḍika) tổ chức, hoặc cuộc cúng dường của Quốc vương Pasenadi xứ Kosalā thực hiện mà ông cũng không đến dự”.

Và chuyện này được Chư Tăng bạch trình với Đức Bổn Sư. Ngài cho gọi Trưởng Lão Tissa thị xã đến và phán hỏi:

- Này Tỳ Khuru! Nghe nói ông như thế, có thật vậy chăng?

- Bạch ngài! Con không có lê la thân mật với quyến thuộc. Con giữ hạnh độc cư, đi thọ bát được món chi thì dùng món ấy, ngon hay dở chi cũng được. Dầu cho có nghe Trai Tăng ở đâu, con cũng không đi dự. Thật tình con không có lân la thân cận với các quyến thuộc, Bạch Ngài.

Sau khi nghe rõ hạnh bình sanh của Trưởng Lão Tissa thị xã. Đức Bổn Sư cất tiếng tán dương rằng:

- Lành thay! Lành thay! Nầy chư Tỳ Khuru, chính nhờ thọ giáo với Bạc Đạo Sư như Ta, mà ông trở nên người thiếu dục, nét hạnh thiếu dục nầy quả thật là một đức tánh cố hữu, một tập quán di truyền của Ta tự thời xưa.

Nghe vậy, Chư Tăng thỉnh cầu Đức Thế Tôn thuật lại Bốn sanh. Ngài bắt đầu kể rằng:

Xưa kia có vô số ngàn con chim Anh Vũ (Suvakā), đồng cư ngụ trong rừng Udumbara (cây trái vải), trên bờ sông Hằng thuộc miền núi Hy Mã Lạp Sơn, bây giờ có con chim oanh vũ chúa giữ hạnh tri túc hết sức cao thượng.

Trên cây vải, chỗ nó ngụ trái đã hết sạch, chỉ còn sót lại ít nụ, lá hay vỏ cây mà thôi. Nhưng nó cũng bằng lòng với chút ít ấy, ăn lấy chút đỉnh vật thực nầy rồi uống nước sông, chớ không chịu đi nơi khác.

Do oai lực tri túc của chim Anh vũ chúa. Thiên cung Đế Thích bị rung chuyển, Đế Thích tìm hiểu nguyên nhân, thấy là do hạnh tri túc của chim Anh vũ chúa, để thử lòng chim Anh vũ, Ngài liền khiến cho cây vải trở nên héo khô.

Cây vải khô héo, mục gãy lẩn hết những nhánh lẫn thân cây, chỉ còn trơ lại gốc cây với nhiều lỗ bọng, gió thổi mạnh luồn qua nghe ù ù, làm cho mạt cây bay ra. Chim Anh vũ lại ăn mạt cây và uống nước sông mà sống qua ngày. Chớ không đi nơi khác. Nó đậu mãi trên gốc cây Trái vải, bất kể đêm sương ngày nắng gió cuộn bụi làm.

Sau khi biết rõ đức hạnh cao siêu của chim Anh vũ về hạnh thiếu dục, Đức Đế Thích nghĩ thầm: "Ta sẽ kết tình bằng hữu với chim nầy, và ban ân huệ khiến cho cây vải trở trái liên miên".

Đức Đế Thích hóa thành chim Thiên Nga chúa, cùng nàng Sujātā là Công chúa A Tu La, đi đến gần khu rừng Trái vải, đậu trên một cây khác gần đó của chim Anh vũ, gọi chuyện làm quen bằng kệ ngôn rằng:

*"Santi rukkhā haritapattā
Dumāneka phalā bahū
Kasmā nu sukkhe kolāpe
Suvassa nirato manoti"*

*"Có những cây xanh lá,
Vô số cây nhiều quả.
Xá chi cội mục khô,
Mà chúa kết mến lạ".*

Cuộc đối thoại giữa Hạc chúa và két chúa còn dài, trong Bốn sanh thứ mười đã ghi chép rõ chi tiết, nên đây chỉ tóm tắt.

Anh vũ chúa đáp: "Ta đã từng ăn quả cây nầy rất nhiều năm rồi, cho nên bây giờ dầu cho hết trái, ta cũng vẫn thương mến nó như thuở trước".

Liền đó, Thiên Vương Đế Thích liền khiến cho cây vải mục khô xanh tươi trở lại, và trở cây đầy hoa trái.

Dứt tích bốn sanh, Đức Bốn Sư giải rằng: Đức Đế Thích xưa kia nay là Ānanda, còn chim Anh vũ chúa chính là Đấng Như Lai. Và Đức Thầy kết luận rằng: - "Nầy các Tỳ Khuru! Nết hạnh thiếu dục như thế, là tập quán cố hữu di truyền của Ta, cho nên đối với Ta không có chi lạ, khi con trai của Ta là Tissa thị xã cũng giữ hạnh thiếu dục, cho xứng mang danh là Tỳ Khuru. Quả thật vậy, Tỳ Khuru nào hành được như thế thì không thể nào xa lìa các Đạo quả. Chắc chắn sẽ chứng ngộ Níp Bàn chẳng sai".

Đức Bốn Sư đọc tiếp kệ ngôn rằng:

*"Appamādarato bhikkhu
Pamāde bhayadassi và
Abhabbo parihānāya
Nibbānasseva santiketi"*

*"Tỳ Khuru nào đã mến ưa,
Hạnh không phóng dật, sợ chừa buông lung.
Khỏi lo sa đọa kỳ cùng,*

Gần đây sẽ chứng viên dung Níp Bàn”.

CHÚ GIẢI:

Abhabbo parihānāya (Người không thể xa lìa) là Tỳ Khưu giữ nét hạnh thiếu dục như thế. Không thể xa lìa các pháp hành Chỉ và Quán (Samathavipassanā) hoặc là Đạo quả (Maggaphala), cũng không thể xa lìa các Pháp đã chứng đắc và không đạt đến các Pháp chưa chứng đắc ấy.

Nibbānasseva santike (gần Níp Bàn), là gần tắt hết lửa phiền não và chứng Hữu Dư Níp Bàn cũng như gần tận diệt các pháp chấp thủ (upādāna) và chứng Vô dư Níp Bàn. Sau khi mạng chung không còn tái sinh nữa.

□

Sau kệ ngôn Trưởng lão Tissa thị xã chứng đạt A La Hán quả với Tuệ Phân tích. Những Tỳ Khưu khác, nhiều vị đắc Thánh quả nhất là Dự lưu, trong hàng tứ chứng những Đại quả cũng phát sanh lên do nhờ thời Pháp của Đức Bổn Sư.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO TISSA Ở THỊ XÃ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Nào phải ăn là việc tối cần,
Mà Ngài Tissa cậy gia nhân!
Trai Tăng, đại lễ không ra mắt,
Bố thí vô song chẳng dự phần.
Tri túc xả thân tìm giác ngộ,
Độc cư cầu đạo thoát mê tân,
Hành trì nét hạnh theo gương Phật,
Nên Níp Bàn xa cũng hóa gần.*



(DỨT QUYỂN I)

III. PHẨM TÂM

(CITTA VAGGA)

- 11 bài kệ: Pháp Cú số 33-43
- 9 Chuyện.

III. 1- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO MEGHIYA (Meghiyattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 33-34)

<i>“Phandanam capalam cittam durakkham dunnivārayam Ujum karoti medhāvī usukāro'va tejanam”.</i>	“Tâm xao động không yên, Khó giữ, khó kiểm định. Người trí điều tâm chĩnh, Như thợ khéo uốn tên”.
<i>“Vārijo'va thale khitto okamokata ubbhato Pariphandati'dam cittam māradheyyam pahātaveti”.</i>	“Như thủy tộc bị vớt, Bỏ lên bờ xa nước. Tâm nẩy run lạ thường, Hãy thoát cảnh Ma vương”.

Hai bài Kệ Pháp Cú này (33-34) Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại núi Cālika (Trà Lý Ca), đề cập đến Trưởng Lão Meghiya (Mê Kỳ Dạ).

(Sự tích Trưởng Lão Meghiya có giải rộng trong kinh Meghiya. Nơi đây chỉ tóm tắt sơ lược.)

Trong thời kỳ Trưởng Lão Ānanda chưa xuất gia, Trưởng Lão Meghiya là vị Sa Môn tùy tùng của Đức Bốn Sư, một hôm trông thấy một vườn xoài, cảnh trí u nhã. Trưởng Lão phát tâm mãnh liệt, muốn vào đó để tu tập, mong sớm đắc Đạo quả. Trưởng Lão bèn ngỏ lời xin phép Đức Thế Tôn, nhưng Ngài đã ngăn cản Trưởng Lão ba lần mà Trưởng Lão vẫn quyết tâm bỏ Ngài ra đi.

Vào đến vườn xoài, Trưởng Lão cố gắng hành Sa Môn pháp, nhưng vì tâm còn dục vọng chưa tự chủ được, nên phiền não dấy lên. Trưởng Lão thối chuyển bèn quay về tạ tội với Đức Bốn Sư.

Khi ấy, Đức Bốn Sư quở trách rằng:

- Nầy Meghiya! Tội của ông làm thật nặng nề lắm, Ta đã can ngăn, bảo ông rằng: “Nầy Meghiya, hãy khoan. Hiện giờ Ta chỉ có một mình, chùng nào ta kiếm thấy vị Tỳ Khuru khác thay thế cho ông, rồi ông hãy đi”. Ông đã chẳng kể gì đến lời yêu cầu của Ta, bỏ Như Lai một mình mà ra đi. Mang danh Tỳ Khuru mà có tâm nông nổi, không vâng lời Như Lai, thì thật là không nên vậy. Trái lại, ông nên sửa đổi tâm mình sao cho nhẹ nhàng uyển chuyển, mềm mại để uốn nắn.

Nói rồi Đức Bốn Sư ngậm kệ rằng:

*“Phandanam capalam cittam
Durakkham dunnivārayam
Ujum karoti medhāvī
Usukāro'va tejanam”.*
- *“Vārijo'va thale khitto
Okamokata ubbhato*

*Pariphandatidam cittam
Māradheyyam pahātaveti”.*

“Tâm phàm xao xuyên rộn ràng,
Rất khó kiểm soát, khó hàng phục thay!
Người trí uốn nắn tâm ngay,
Dễ dàng như thợ có tài uốn tên”.
“Như thủy tộc vớt nằm trên,
Xa bờ cách nước, vẫy lên hải hùng.
Tâm nẩy run rẩy hải hùng,
Hãy mau chóng thoát khỏi vùng ác ma”.

□

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ, tiếng **Phandanam** nghĩa là xao xuyên, rung động khi tiếp xúc với cảnh (đối tượng) là Ngũ trần (Sắc, thính, hương, vị, xúc).

Capalam: Rộn ràng, không trú vững trong một đối tượng, giống như trẻ con ở miền quê, không giữ vững được một oai nghi.

Cittam: Tâm là thức (viññāṇa) đây nói về tứ đại tâm, là tâm nương theo đối tượng ở bốn cõi: Dục, Sắc, Vô sắc và Siêu thế.

Durakkham: Khó gìn giữ Tâm Không cho nó đeo níu theo Ngũ trần là đối tượng mà nó ưa thích mỗi khi có sự tiếp xúc. Cũng như khó giữ gìn một con bò không cho nó ăn lúa, khi thả nó tự do đi trong đồng lúa chín.

Dunnivārayam: Khó kiểm soát, khó giữ gìn, khó ngăn chặn không cho tâm chạy theo đối tượng khác với đề mục đã chọn.

Usukāro'va tejanam: Cũng như người thợ chuốt tên sau khi vô rừng chọn một khúc lõi cây chắc đem về, đẽo vót thành mũi tên rồi người ấy tẩm nó trong dầu và đem hơ trên lửa nóng cho nó trở nên mềm dịu, dễ uốn nắn, đoạn buộc ép nó vào một cây cột thật ngay thẳng để hoàn thành một mũi tên không lệch lạc, mà người ấy có thể dùng bắn một sợi tóc ở đằng xa. Với mũi tên ấy, người thợ vào triều biểu diễn tài nghệ bắn cung cho đức vua và bá quan xem, ắt được ban thưởng trọng hậu như thế nào, thì cũng như thế ấy, một nam tử hiền minh, có đủ trí tuệ, trước hết thọ trì hạnh Đầu Đà ngụ nơi rừng vắng để cho phàm tâm của mình bớt xao xuyên rộn ràng. Như người thợ chuốt tên, đẽo vót bớt các phiền não thô sơ bên ngoài cái phàm tâm, tẩm nó bằng thứ dầu yêu mến đức tin nơi Chánh Pháp. Hơ nó lên ngọn lửa nóng là sự nhiệt thành Tinh tấn cả thân tâm, đoạn đem buộc ép nó lên trên cây cột Chỉ Quán (Samathavipassanā) làm cho nó trở nên ngay thẳng, phẳng phiêu, rồi ắt sẽ thấu triệt các Pháp Hữu vi, phá vỡ cái khối Vô minh vĩ đại, chứng đắc Tam minh, Lục thông, Cửu Chánh Pháp. Khi làm chủ được các Pháp siêu nhân ấy rồi, vị ấy trở nên là bậc Ứng Cúng tối thượng rất đáng thọ lãnh vật dụng của Tín thí vậy.

Vārijo'va: Như là loài thủy tộc, giống vật sống dưới nước như cá.

Thale khitto (bị vớt lên bờ): Là bị người ta dùng tay chân, lưới, chài, hoặc phương tiện nào khác bắt được bỏ nằm trên bờ.

Okamokata ubbhato: Trong thành ngữ này, chữ Oka có đủ cả hai nghĩa: một là nước, như nói okapunṇehi cīvarehi (với những ly đầy nước), hai là chỗ ở như đã nói: Okam pahāya aniketasārī (bỏ nhà làm kẻ lang thang không nhà). Loài thủy tộc sanh trưởng dưới nước, thì nước là chỗ trú của nó vậy. Ubbhato là bị vớt lên, bị kéo lên khỏi chỗ ở.

Pariphandatidam cittam: Cũng như con cá bị vớt lên khỏi nước là chỗ ở thường xuyên của nó, bị bỏ nằm trên khô, nó hằng vùng vẫy như thế nào, thì cái phàm tâm nẩy cũng thế, khi nó bị kéo lôi ra khỏi gian nhà ngũ dục mà nó hằng vui say thỏa thích, bị đặt lên đề mục niệm Minh Sát, lúc mà hành giả thân tâm tinh tấn, cần tu nhiệt tâm tinh cần để mau thoát khỏi cái vòng luân hồi, gọi là cảnh giới của ác ma thì nó cũng run rẩy, vẫy vùng không chịu yên lặng. Tuy nhiên là kẻ nam tử, là bậc trí tuệ cũng không vì thấy khó mà bỏ qua hay là xao lãng phận sự rèn luyện tâm mình, uốn nắn nó trở nên chân chánh và dễ sử dụng được. Hoặc là: Cái phàm tâm nẩy, vì còn bị trói buộc trong

vòng luân hồi Khổ não, còn ở dưới quyền thao túng của Ma vương cho nên nó run rẩy hãi hùng như loài thủy tộc bị vớt lên khỏi nước vậy. Hãy mau thoát khỏi cảnh giới của ác ma, thoát ra cái gọi là vòng luân hồi Khổ não hằng làm cho tâm phàm run rẩy hãi hùng.

□

Bài kệ vừa dứt, Trưởng Lão Meghiya chứng đắc Tu Đà Hườn quả, trong số các Tỳ Khưu khác cũng chứng đạt Thánh quả như Tu Đà Hườn.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Ngài Mê Kỳ Dạ quyết tu thiên,
Ngặt nổi tâm phàm khó định yên!
Thầy dạy: Hãy khoan chờ thị giả!
Trò xin: Cho gấp đến lâm tuyền!
Rừng sâu tưởng chứa nhiều pháp tịnh,
Cảnh vắng càng sanh lắm sự phiền!
Rốt cuộc lui về nương bóng Phật,
Buổi nầy, chưa hiệp đủ nhân duyên.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO MEGHIYA

□

III. 2- CHUYỆN VỊ TỖ KHUU Ở THỦY LƯU THÔN (Aññatarabhikkhuvatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 35)

<i>“Dunnigghassa lahuno</i>	“Lanh lẹ khó kiếm thục,
<i>yatthakāmanipātino</i>	Mê say theo ngũ dục.
<i>Cittassa damatho sādhu</i>	Lành thay điều phục tâm,
<i>cittam dantam sukhāvahanti”.</i>	Tâm điều dưỡng hạnh phúc”.

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Tịnh Xá Kỳ Viên, đề cập đến một vị Tỳ Khưu nọ.

Tương truyền rằng: Nơi miền sơn cước, thuộc lãnh thổ của vương quốc Kosalā, có một ngôi làng tên là Thủy Lưu thôn (Mātikagāma), là một địa phương cư dân trừu mật.

Một lần nọ, có sáu mươi vị Tỳ Khưu xin Đức Bổn Sư khải truyền đề mục niệam cho đắc A La Hán quả. Rồi cùng nhau đi kiếm nơi hành đạo và đồng vào khát thực trong Mātikagāma.

Khi ấy, vị thân mẫu của thôn trưởng Mātikagāma trông thấy Chư Tăng, bèn rước thỉnh vào nhà, mời ngồi đắng hoàng rồi dâng cúng các thực phẩm thượng vị. Sau đó, bà bạch hỏi rằng: “Bạch Trưởng Lão Tăng, chẳng hay quý Ngài định đi đến đắu?”.

- Nắy bà tín nữ, Chư Tăng đi tìm chỗ thuận tiện, thuận cảnh.

Bà đại tín nữ hiểu ngay là: “Ý các Ngài muốn tìm kiếm chỗ để an cư”. Bà liền sụp xuống đắnh lễ và yêu cầu:

- Nếu quý Ngài lưu lại nơi đắy trong ba tháng an cư nắy, tôi sẽ xin thọ trì Tam qui và Ngũ giới và thọ luôn Bát giới trong những ngày Bát quan trai.

Chư Tăng bảo nhau: “Chúng ta nương nhờ bà nắy khỏi phải đi khát thực, chắc có thể hành đạo đến nơi rất ráo được”. Thế là, Chư Tăng hoan hỷ nhận lời.

Bà đại tín nữ lo cất lên một ngôi đạo tràng Tịnh Xá rồi cúng đường đến Chư Tăng.

Một hôm nọ, sau khi đã ở yên, Chư Tăng tập hợp đông đủ và cùng khuyến dụ lẫn nhau rằng: “Nầy chư huynh đệ, chúng ta không nên hành đạo một cách dễ dãi cầu thả. Quả thật, tám cảnh địa ngục đang mở rộng cửa chờ kẻ dễ dãi, như chờ đón ông chủ sắp trở về nhà. Và lại, chúng ta đã thọ giáo đề mục do chính Đức Phật hiện thể khẩu truyền rồi, mới đến đây. Ân huệ của Chư Phật chúng ta không thể nào hưởng bằng cách gian dối được. Ta hãy là người không phóng dật, ta không nên đứng hay ngồi hai vị một chỗ với nhau. Buổi tối, trong giờ phục dịch các vị Trưởng lão, và buổi sáng trong giờ đi khất thực chúng ta sẽ họp mặt nhau. Ngoài ra trong những thời khác, chúng ta không nên ở chung hai vị trong một chỗ. Thảng như có vị Tỳ Khuru nào thân thể bất an, đến đánh kiếng ở giữa đạo tràng để kêu gọi, chúng ta nghe tiếng hiệu lệnh sẽ đến lo thuốc men, săn sóc vị ấy”.

Sau khi đồng ý, Chư Tăng giữ đúng theo lời giao ước, mỗi vị ở riêng một nơi để hành đạo.

Thế rồi, một hôm vào buổi sáng, bà đại tín nữ dẫn cả đoàn tỳ tứ và gia đình mang theo những thứ thuốc ngựa bình như bọ, đường... đi vào Tịnh xá. Vào đến nơi, bà không thấy vị Tỳ Khuru nào cả, bà hỏi những người lân cận:

- Các Ngài đi đâu hết cả rồi?

- Chắc các Ngài đang ngồi riêng nơi chỗ hành đạo của mình.

Nghe đáp như vậy, bà lại hỏi:

- Ta phải làm sao mới được gặp các Ngài đây.

Khi ấy, có người hiểu biết nội qui giao ước của Chư Tăng, mới thưa rằng: “Thưa bà! Hễ nghe tiếng kiếng thì Chư Tăng sẽ hội lại”.

Bà đại tín nữ liền sai gia nhân đánh keng.

Chư Tỳ Khuru nghe được tín hiệu bất thường, nghĩ chắc có vị Tỳ Khuru nào thọ bệnh nên kêu gọi, bèn rời chỗ ngụ riêng biệt của mình, tập trung vào Tịnh xá. Khi đi thì mỗi vị từ mỗi ngã đến, không ai đi chung đường với ai. Bà đại tín nữ thấy vậy, lấy làm lạ, nghĩ thầm: “Chắc là các con trai của ta (Mamaputta) đã sanh sự bất hòa với nhau”.

Sau khi đánh lễ Trưởng Lão Tăng, bà hỏi:

- Bạch chư Trưởng Lão, các Ngài sanh sự bất hòa phải chăng?

- Chư Tăng không có sự bất hòa đâu, nầy bà đại tín nữ.

- Bạch các Ngài, nếu các Ngài không sanh sự bất hòa thì tại sao khi mới đến nhà chúng tôi, tất cả các Ngài cùng đi chung, còn bây giờ thì các Ngài từ chỗ ngụ riêng rẽ, mỗi Ngài đi một mình đến đây?

- Nầy bà đại tín nữ, Chư Tăng đang hành Sa Môn pháp, thì mỗi vị phải ở riêng mỗi nơi.

- Bạch các Ngài! Sa Môn pháp đó là cái chi?

- Nầy bà đại tín nữ, Chư Tăng niệm đề mục ba mươi hai thể trước và quán sự sanh diệt của danh sắc.

- Bạch các Ngài! Sự niệm ba mươi hai thể trước và quán sự sanh diệt của danh sắc như vậy, đó là công việc riêng của các Ngài hay là của cả chúng tôi nữa.

- Nầy bà đại tín nữ, pháp đó Đức Thế Tôn không cấm đoán ai cả.

- Thế thì xin các Ngài hoan hỷ dạy chúng tôi niệm ba mươi hai thể trước và quán sự sanh diệt của danh sắc.

Chư Tăng bèn đem pháp Thiên chỉ - Quán truyền dạy tất cả cho bà đại tín nữ học tập.

Từ đó về sau, bà đại tín nữ lo chăm niệm ba mươi hai thể trước xong, quán luôn sự sanh diệt của danh sắc trong tự ngã, liền chứng đắc Đạo quả A Na Hàm trước cả Chư Tăng, đồng thời bà cũng đạt được tứ phân tích với thần thông thắng trí.

Sau khi hưởng thụ hương vị Đạo quả, bà dùng Thiên nhãn quan sát xem thử coi: “Chùng nào các con trai của ta mới đạt đến pháp nầy?”. Bà thấy rằng: “Tất cả Chư Tăng đều chưa đắc thiên định Đạo quả chi hết. Vì tâm còn vương tham, sân, si”. Bà lại quán xét xem: “Các con trai ta có căn lành chứng đắc A La Hán chăng?”. Bà thấy rằng có, bà lại quán xét thử: Chỗ ngụ có được thích hợp

chăng? Bà thấy rằng chỗ ngụ thích hợp, bà lại tìm xét rằng: Bạn lữ có thích hợp chăng? Bà lại thấy rằng bạn lữ thích hợp.

Khi quán đến vật thực có thích hợp chăng, bà lại thấy rằng “Vật thực chẳng thích hợp với Chư Tăng!”.

Từ đó về sau, bà lo nấu dọn nhiều thứ khác nhau, vô số thứ kẹo ngọt, nhiều món ăn mới lạ đặc biệt, rồi thỉnh Chư Tăng vào ngôi trong nhà, xối nước khai mạc lễ cúng dường và ngỏ lời yêu cầu là:

- Bạch chư Trưởng Lão, các Ngài cần dùng món nào, xin cứ tự tiện lấy món đó mà độ đi.

Được lời thỉnh cầu, Chư Tăng thọ dụng cháo, cơm hay vật thực chi khác, tùy theo sở thích.

Nhờ độ vật thực thích hợp, các Ngài hành thiền đắc định tâm (ekaggam cittam), với tâm định các Ngài càng tăng tiến pháp Minh sát (Vipassanā), không bao lâu chứng đạt A La Hán quả. Khi ấy, Chư Tăng nghĩ rằng: “Quả thật, nhờ ơn bà đại tín nữ, chúng ta mới thành đạt được như vậy, nếu thiếu vật thực thích hợp thì chúng ta chẳng hưởng thụ được Đạo quả. Bây giờ chờ khi ra hạ, tự tứ Tăng rồi, chúng ta sẽ trở về yết kiến Đức Bổn Sư”.

Đến khi mãn mùa hạ, Chư Tăng đến từ giả bà đại tín nữ:

- Hôm nay Chư Tăng chúng tôi định về yết kiến Đức Bổn Sư.

Bà đáp: “Lành thay! Bạch các Ngài”.

Nói rồi, bà theo tiễn chân, đưa Chư Tăng đi một đôi đường, vừa thốt lên những lời ưu ái, đầy thiện cảm. Khi từ biệt Chư Tăng để quay trở lại, bà còn nói:

- Bạch các Ngài, xin các Ngài có dịp nào rảnh thì các Ngài đến thăm viếng, nhắc nhở chúng tôi.

Khi Chư Tăng về đến Tịnh Xá Kỳ Viên, gần thành Sāvattihī, sau khi đánh lễ Đức Bổn Sư, ngỏ qua một bên xong. Đức Bổn Sư phán hỏi: “Này các Tỳ Khuru! Các ông hành đạo có kham nhẫn không? Tự túc có dễ dàng không? Có khỏi phải đi bát vất vả không?” Chư Tỳ Khuru đáp:

- Bạch Ngài, chúng con hành đạo kham nhẫn và tự túc dễ dàng. Bạch Ngài, chúng con khát thực không bao giờ vất vả. Thật vậy, nhờ một bà đại tín nữ là mẹ của thôn trưởng ở Mātikagāma biết được tâm niệm của chúng con mỗi khi chúng con ước muốn. “Chà phải chi mình được cúng dường món ăn danh sắc như thế” thì bà liền đem cúng dường món ăn mà chúng con ước muốn ngay.

Chư Tỳ Khuru hết lời tán dương công đức của bà đại tín nữ.

Một vị Tỳ Khuru nọ, được nghe Chư Tăng nhập hạ tại Mātikagāma, tán dương công hạnh của bà đại tín nữ. Cũng muốn đến đó hành đạo, bèn xin thọ giáo để mục thiền định nơi Đức Bổn Sư và bạch rằng: “Bạch Ngài, con sẽ đi đến làng Mātikagāma”.

Sau khi bái biệt Đức Bổn Sư, Tỳ Khuru nầy khởi hành từ Kỳ Viên du hành lần hồi đến làng Mātikagāma, vào ngôi trong Tịnh Xá, nghĩ rằng: “Nghe đồn bà đại tín nữ nầy có Tha tâm thông. Nay ta đã đến đây, đi đường xa mệt mỏi, không thể quét dọn Tịnh Xá được, phải chi bà gởi một người nam đến cho phục dịch bần tăng.”

Bà đại tín nữ đang ngồi ở nhà, quán thấy tư tưởng của vị Tỳ Khuru mới đến, bèn gọi một gia đình vào bảo:

- Này con, hãy vào Tịnh Xá, phụ đỡ công việc cho vị Trưởng Lão đi.

Tên gia đình vâng lệnh chủ, vào quét dọn trong Tịnh Xá. Khi ấy, vị Tỳ Khuru khát nước, bèn ước rằng: “Chà, phải chi bà ấy có nước giải khát gởi đến cho ta dùng nhỉ?”.

Bà tín nữ liền gởi nước giải khát.

Vị Tỳ Khuru lại ước: “Phải chi sáng ngày mai bà tín nữ gởi đến cúng dường ta cháo nấu thật nhừ với thực phẩm hảo hạng”.

Bà đại tín nữ cũng làm thỏa mãn vị ấy. Độ cháo xong rồi, Tỳ Khuru lại ước: “Chà, phải chi bà có thứ kẹo bánh ngọt đó thì gởi đến cúng dường cho ta”.

Bà đại tín nữ lại cho người mang thứ bánh kẹo đó đến dâng. Vị Tỳ Khuru lại nghĩ rằng: “Ta ao ước bất cứ thứ gì, bà tín nữ ấy đều gởi đến cả.. Bây giờ ta muốn gặp mặt bà, phải chi bà cho người mang cúng dường đến ta thứ vật thực thượng vị, còn bà thì đi tay không đến đây”.

Bà tín nữ kêu gọi gia đình: “Con trai ta muốn gặp mặt ta. Vậy các con hãy chờ ta cùng đi một lượt”.

Cho gia đình mang theo vật thực, bà đi đến Tịnh Xá cúng dường vị Tỳ Khuru. Độ xong bữa, vị Tỳ Khuru hỏi bà đại tín nữ:

- Phải bà là Mātikamātā chẳng?
- Bạch Ngài, phải.
- Này bà đại tín nữ, bà có Tha tâm thông phải chẳng?
- Bạch Ngài, tại sao Ngài lại hỏi tôi như thế?
- Tôi ước trong tâm vật nầy, vật nọ, thấy sao bà làm đúng theo tất cả, nên mới hỏi bà như thế.
- Bạch Ngài, chư Tỳ Khuru biết được tâm người khác cũng có nhiều vị.
- Này bà đại tín nữ, tôi không hỏi người khác, tôi chỉ hỏi mỗi một mình bà thôi.

Mặc dầu có Tha tâm thông, nhưng bà đại tín nữ cũng không khoe khoang “Tôi biết được tâm người khác”, bà chỉ trả lời: “Này con trai (Putta), những ai có Tha tâm thông thường làm như thế đó”. Nghe vậy, vị Tỳ Khuru lo ngại rằng: “Quả thật vậy, việc nầy chướng ngại cho ta quá, còn là phạm nhơn thì trong tâm còn có những tư tưởng quàng xiên ô trược, lẫn lộn với những tư tưởng chơn chánh thanh cao. Nếu rủi mà ta nghĩ đến điều không phải, thì cũng bị bà nầy thấu rõ tới tim đen của ta, y như kẻ trộm bị người nắm chớp mao, bắt được với tất cả tang vật. Vậy ta phải chạy cho xa chỗ nầy”.

Nghĩ rồi, vị Tỳ Khuru bảo bà Mātikamātā rằng:

- Này bà tín nữ, tôi sẽ ra đi ngay bây giờ.
- Bạch Trưởng Lão, Ngài đi đâu?
- Tôi trở về với Đức Bốn Sư, bà tín nữ à.
- Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài hãy ở lại đây.
- Tôi không thể ở lại đây đâu. Này bà tín nữ, tôi nhất định sẽ ra đi.

Nói rồi, vị Tỳ Khuru ra khỏi Tịnh Xá, lên đường trở về chỗ ngụ của Đức Bốn Sư.

Khi vị Tỳ Khuru về đánh lễ Đức Bốn Sư, Ngài phán hỏi:

- Này Tỳ Khuru, ông không còn ở lại tại chỗ ấy sao?
- Vâng, bạch Ngài con không thể ở tại chỗ ấy được.
- Tại có nào vậy, Tỳ Khuru?

- Bạch Ngài! Bà tín nữ ấy có Tha tâm thông, biết rõ cả những tư tưởng của người khác, con còn là phạm nhơn, còn có những ý nghĩ thanh cao xen lẫn với những dục vọng bất hảo. Nếu như con nghĩ tưởng đến điều chi sái quấy, sợ e bà ấy biết rõ tâm xấu của con, như người ta nắm lấy chớp mao của kẻ gian phi với những tang vật. Vì vậy, con không dám ở đó, phải trở về đây.

- Này Tỳ Khuru! Nếu quả như thế thì ông nên ở lại nơi đó.
- Bạch Ngài, con không thể trở lại nơi đó nữa.
- Này Tỳ Khuru, có thể ở lại nơi đó được, nếu ông có thể gìn được một vật.
- Bạch Ngài, vật chi.

- Cái tâm của ông. Tâm là vật rất khó kềm giữ, nhưng ông phải cố gắng chế ngự nó, đừng nghĩ tưởng đến việc nào khác. Tâm là vật khó bắt giữ được.

Nói đoạn Đức Bốn Sư ngâm lên kệ ngôn:

*“Dunniggahassa lahuno
Yatthakāmanipātino
Cittassa damatho sādhu
Cittam dantam sukhāvahanti”.*

“Tâm phạm ngũ dục mê sa,

*Biến hóa lạnh lẽo khó mà bắt thay!
Người thu phục được tâm này,
Mới là thông thả tháng ngày yên vui”.*

□

CHÚ GIẢI:

Dunniggham: Khó giữ, khó kềm chế cái tâm phàm lấm.

Lahuno: Lạnh lẽo, là nói về tốc độ sanh diệt của tâm trong từng sát na (Khaṇa), vì lẽ tâm sanh diệt liên liền, biến đổi luôn luôn nên khó mà nắm giữ kềm chế nó được.

Yatthakāmanipātino: Hễ ưa thích chỗ nào thì sa đọa theo chỗ ấy, không kể gì giới hạnh. Quả thật tâm phàm không biết chỗ nào nên, chỗ nào hư, chỗ nào phải, chỗ nào quấy. Không phân biệt giai cấp, tông tộc chi cả, hễ ưa thích chỗ nào thì nó mê sa theo chỗ ấy mà thôi.

Cittassa damatho sādhu: Lành thay, nếu tâm phàm ấy được điều phục bằng bốn Thánh đạo. Lành thay! Nếu tâm phàm ấy được bình tịnh hóa, (cittam dantam sukhāvaham) vì sao? Quả nhiên, vì người điều phục tâm hưởng được hạnh phúc, nhờ tâm định tĩnh, người sẽ hưởng thụ được sự an lạc của Đạo quả và sự an lạc tối đại Níp Bàn chẳng sai.

□

Bà kế vừa dứt, trong số Chư Tăng hiện có, nhiều người đặc chứng Thánh quả, nhất là Tu Đà Huần quả, đại chúng thính pháp cũng được hưởng sự lợi ích.

Đức Bốn Sư phủ dụ Tỳ Khuru bằng huấn từ sau đây:

- Này Tỳ Khuru! Ông cứ đi đến đó hành đạo. Đừng lo nghĩ vấn vợ khác mà làm chi.

Vị Tỳ Khuru thọ lãnh huấn từ của Đức Bốn Sư ra đi, đến làng Mātikagāma, ngày đêm chuyên lo gìn giữ tâm mình, ngoài ra không tưởng đến việc chi khác.

Bà đại tín nữ dùng Thiên nhãn thông nhìn thấy Trưởng Lão:

- Bây giờ con trai ta đã thọ lãnh huấn từ của đức Thầy rồi nên trở lại đây.

Bà lại dùng Tâm thông để biết rõ ý muốn của vị Tỳ Khuru, rồi cho người nấu nướng thực phẩm thích hợp đem đến cúng dường vị ấy. Nhờ độ vật thực thích hợp, mấy hôm sau, vị Tỳ Khuru đắc A La Hán quả, hưởng được tịnh lạc của Đạo quả. Vị ấy suy nghĩ: “Bà tín nữ này hộ độ ta rất lớn, nhờ sự hộ độ này mà ta giải thoát được trần lao! Trong kiếp này bà hộ ta như thế, không biết trong những kiếp trước, khi ta còn lang thang trong vòng luân hồi bà có hộ ta hay không?”.

Nghĩ rồi, vị Tỳ Khuru dùng Túc mạng thông, nhớ lại từ một cho đến chín mươi chín kiếp của mình. Trong chín mươi chín kiếp, có kiếp bà đại tín nữ này là bạn gối chăn của vị Tỳ Khuru, nhưng lại sanh tâm ngoại tình và đã hạ sát chồng, thấy sự trác nết lang tâm của bà vợ trong kiếp ấy, vị Trưởng Lão nghĩ thầm: “Chao ôi! Bà đại tín nữ này đã tạo tội ác nặng nề quá lắm”.

Ngày lúc ấy, bà đại tín nữ cũng ngồi trong nhà mình dùng Thiên nhãn thông quán sát vị Tỳ Khuru: “Không biết con trai đã đạt đến mục đích cứu cánh của bậc xuất gia chưa? Khi biết được vị ấy đã đắc thành A La Hán, bà nói thầm: “Nhờ pháp Minh sát mà con ta đã đắc A La Hán quả”, đang nghĩ rằng: Ôi! Bà đại tín nữ này có công hộ độ ta rất lớn không biết trong đời quá khứ, bà có hộ độ ta như thế không?”.

Vẫn tiếp tục theo dõi tâm vị Tỳ Khuru, bà đại tín nữ thấy vị ấy dùng Túc mạng thông, nhớ lại được chín mươi chín kiếp, bà nói thầm: “Trong chín mươi chín kiếp, có kiếp ta đã giao tình cùng kẻ khác và đã sát hại vị này. Vị này thấy sự lang tâm trác nết của ta trong những kiếp trước, nghĩ rằng: “Chao ôi! Bà đại tín nữ tạo tội ác nặng nề thay?”.

Khi được hiểu biết như vậy, bà đại tín nữ tự hỏi:

- Trong khi lang thang trong vòng luân hồi, trong kiếp trước nữa ta có hộ độ con trai ta không?

Nghĩ rồi, bà cố ôn lại kiếp thứ một trăm, trong kiếp này bà cũng là vợ của vị ấy, đã hy sinh mạng sống, chết thế cho chồng:

“Ôi! Ta đã là một đại ân nhân cho con trai ta vậy”.

Biết được như thế, bà đại tín nữ ngồi ở nhà mình dùng thần thông nhắc vị ấy rằng: “Ngài hãy hồi cổ xa hơn nữa đi”. Vị Tỳ Khưu nhờ Thiên nhĩ, nghe được tiếng nhắc của bà đại tín nữ, bèn nhớ lại tiền kiếp thứ một trăm, thấy được rằng trong kiếp ấy, bà tín nữ nầy đã hy sinh mạng sống, chết thế cho chồng: “Ôi, bà đại tín nữ nầy cũng đã từng là người hỗ trợ ta trong kiếp quá khứ kia mà!”.

Nghĩ như vậy, vị Tỳ Khưu rất hoan hỷ, giải đáp về bốn câu hỏi về quả vị tối cao của đại tín nữ ngay tại chỗ đang ngồi. Vừa dứt lời thì vị ấy viên tịch, chúng đạt Vô Dư Níp Bàn (Anupādisesanibbāna).

DỊCH GIẢ CĂN ĐỀ

*Hai chuyến đi về bến Thủy Lưu,
Cầu mong tín nữ hộ Tỳ Khưu,
Nhờ cơm thích hợp thành công lớn,
Mượn cảnh tương nghi, đạt pháp mẫu!
Ân trước há đành tâm bội bạc?
Thù sau chi để đạt ưu sâu?
Ngược dòng đời, lướt qua dòng đạo,
Nước chảy thuyền xuôi mãi tận đâu!*

DÚT TÍCH TỖ KHUU Ở THỦY LƯU THÔN

III. 3- CHUYỆN VỊ TỖ KHUU BẤT MÃN (Ukkaṇṭhitabhikkhuvatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 36)

<i>“Suddasam sunipuṇam</i>	“Vi tế khéo lẫn lút,
<i>yatthakāmanipātinam</i>	Đắm chìm trong ngũ dục.
<i>Cittam rakkhetha medhāvī</i>	Kẻ trí hộ trì tâm,
<i>cittam guttam sukhāvahanti”.</i>	Tâm hộ hưởng hạnh phúc”.

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến một vị Tỳ Khưu bất mãn.

Tương truyền rằng: Trong thời gian Đức Bổn Sư ngự gần thành Sāvattihī, có một Công tử con nhà triệu phú (Setṭhiputto) đến bạch với vị Trưởng Lão quen thuộc với gia đình mình như vậy: “Bạch Ngài! Con có ý muốn thoát khổ, xin Ngài hoan hỷ thuyết pháp nào giải khổ được cho con nghe?”.

- Lành thay! Nầy đạo hữu, nếu đạo hữu muốn thoát khỏi khổ, đạo hữu nên hành pháp bố thí. Hãy cúng dường bằng cách rút thăm chia phần, để bát. Hãy tổ chức Trai Tăng mỗi kỳ sóc vọng, hãy hộ độ Chư Tăng đang an cư kiết hạ, hãy dâng cúng tứ sự”.

Đạo hữu nên chia tư sản của mình ra làm ba phần, một phần dành để kinh doanh, một phần cấp dưỡng gia đình vợ con, một phần nữa đem ra bố thí cúng dường Phật pháp.

- Lành thay! Bạch Ngài.

Công tử vâng lời vị Trưởng Lão, tuân tự thực hành các pháp bố thí, rồi lại đến bạch hỏi vị Trưởng Lão rằng: - “Bạch Ngài! Những điều Ngài chỉ giáo cho con, con đã làm xong. Bây giờ con phải làm gì thêm khác nữa?”.

- Đạo hữu nên thọ trì Tam Qui và Ngũ Giới. Sau khi đã thực hành những điều nầy, Công tử hỏi pháp cao thượng tiếp theo.

- Thế thì, đạo hữu nên thọ trì Thập giới đi.

Công tử vâng chịu: “Lành thay! Bạch Ngài”. Do nơi cách tạo phước từ thấp đến cao, Công tử được người đương thời mệnh danh là Công tử tuần tự (Anupubba).

Sau đó công tử Anupubba lại bạch hỏi vị Trưởng Lão:

- Bạch Ngài! Còn phước nào cao thượng mà con nên làm nữa chẳng?

- Thế thì con hãy xuất gia đi.

Công tử vâng chịu lời vị Trưởng Lão, lìa bỏ gia đình để đi xuất gia. Có được vị Luận Sư là thầy tiếp dẫn và vị Luật Sư là thầy tế độ. Đều là những Trưởng Lão thông suốt về pháp học của mình.

Khi vị tân sư đến gần vị thầy tiếp dẫn, thì được nghe vị ấy thuyết giảng về những đề tài trong tạng Vi Diệu Pháp “Đúng theo chơn lý của Đức Phật đã giác ngộ, pháp này nên hành, pháp này chẳng nên hành...”. Và khi vị ấy đến gần thầy tế độ, thì cũng được nghe thầy mình thuyết giảng những học giới trong Tạng Luật: “Đúng theo Chánh Pháp của Đức Thế Tôn, điều này nên làm, điều này chẳng nên làm... Điều này hợp lẽ đạo, điều này không hợp lẽ đạo....”.

Vị Tỳ Khuru ấy suy nghĩ rằng: “Chao ôi! Việc hành đạo này thật là phiền phức, ta xuất gia là cầu mong đạt được sự thoát khổ, nào ngờ vào tu phải học bù đầu, không được thành thoi lúc nào cả. Phải biết trước như thế này, ta ở nhà làm cư sĩ, rán sức tự tu cũng có thể thoát khỏi cái vòng Khổ não được vậy.”

Từ đó về sau, Tỳ Khuru Tuần Tự sanh tâm bất mãn, chán nản đề mục ba mươi hai thể trước không niệm, Phạm ngữ cũng không học, hình thể gầy còm tiêu tụy, mình mẩy nổi gân xanh, tinh thần bạc nhược, ngồi đâu gãi đó.

Khi ấy, các vị Sa Di trẻ tuổi nói với thầy Tỳ Khuru Tuần Tự rằng: - “Sư ơi! Sư làm gì mà đứng ngồi nơi đâu, sư cũng gãi gẻ, phải sư mắc bệnh huỳnh đản chẳng? Mà coi sư ốm o tiêu tụy, mình đầy gân xanh, bản thân đã dươi vậy”.

- Này các đạo hữu, tôi bất mãn lắm.

- Tại sao vậy sư?

Tỳ Khuru Anupubba bèn tỏ thật tâm sự của mình. Mấy ông Sa Di bèn đem chuyện này bạch lại với ông thầy tiếp dẫn và thầy tế độ. Hai ông này bèn dắt Tỳ Khuru bất mãn ấy đến chỗ ngụ của Đức Thế Tôn, Đức Bổn Sư phán hỏi:

- Này các Tỳ Khuru! Các ông đến đây có việc chi cần thiết?

- Bạch Ngài! Tỳ Khuru này không thỏa mãn ở trong Giáo Pháp của Ngài.

- Các vị ấy nói thế. Có thật không hỏi Tỳ Khuru?

- Dạ đúng, bạch Ngài.

- Tại sao vậy?

- Bạch Ngài, con xuất gia là mong được thoát khổ rồi vô tu, tu rồi lại được nghe thầy tiếp dẫn thuyết Vi Diệu Pháp, và vị thầy tế độ thuyết về Tạng Luật mà phát mệt, nên con nghĩ rằng: “Nơi đây đầu óc của ta thật là bận rộn, không được thành thoi. Phải chi ta cứ làm cư sĩ, ở nhà hành cũng có thể thoát khổ được vậy”.

- Này Tỳ Khuru! Nếu ông có thể giữ được một vật này thì ngoài nó ra, ông khỏi phải lo phòng hộ cái chi khác nữa.

- Bạch Ngài, vật chi vậy?

- Cái tâm của ông! Ông có thể gìn giữ nó được không.

- Bạch Ngài, con có thể giữ được.

- Thế thì ông hãy hộ trì cái tâm của ông, bấy nhiêu đó đủ để ông thoát khổ được.

Ban huấn từ xong, Đức Thế Tôn thuyết kệ rằng:

*“Suddasam sunipunam
Yatthakāmanipātinam
Cittam rakkhetha medhāvī*

Cittam guttam sukhāvahanti”.

“Tâm phàm bị dục cuốn lôi,
Vi tế, u ẩn, ngược xuôi khó nhìn.
Người khôn phòng hộ tâm mình,
Yên vui nhờ khéo giữ gìn bản thân”.

□

CHÚ GIẢI:

Suddasam: Do hai tiếng Suttu và duddasam ghép lại, nghĩa là rất khó thấy, khó biết.

Sunipunam: (suttu nipunam) nghĩa là rất mềm, uyển chuyển hết sức vi tế, u ẩn.

Yatthakāmanipātinam: Vui đâu trút đó, cứ để cho ngũ dục cuốn lôi, không kể giai cấp, tông tộc, tuổi tác... Cho cả về mặt giới luật thì bất chấp nên hư, phải quấy cho nên nói là thích đâu là mê sa đó.

Cittam rakhetha medhāvī: Đối với kẻ ngu si, dẫn động thì sự phòng hộ bản Tâm Không thể có được, còn bậc hiền minh trí tuệ, sau khi làm chủ được tâm, đạt đến mức bình thản vô não hại thì có thể phòng hộ bản tâm, cho nên ông hãy phòng giữ tâm như thế ấy. Quả thật, tâm được phòng hộ thì đem chủ nó đến nơi an lạc, là Đạo quả Níp Bàn an lạc vậy.

□

Khi bài kệ vừa dứt, Tỳ Khuru bất mãn phát tâm hoan hỷ chứng đắc Dự Lưu quả. Nhiều vị khác cũng đắc chứng thánh quả nhất là Tu Đà Hườn quả. Kỳ dư đại chúng thính pháp đều hưởng được sự lợi ích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Công tử đi tu chỉ thích nhàn,
Thấy nhiều Kinh Luật phát bi quan.
Pháp môn bốn vạn chia đầy lối,
Học giới vài trăm rỗi đủ đàng!
Chẳng ở tiếng đời chê bạc nhược,
Không về cửa đạo chán gian nan!
May nhờ Phật dạy dùng tâm hộ,
Vào được dòng xuôi đến Níp Bàn.

DỨT TÍCH TỖ KHU BẤT MẢN



III. 4- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO BHĀGINEYYASAṄGHARAKKHITA (Bhāgineyyasaṅgharakkhitattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 37)

“Dūraṅgamāṃ ekacaramāṃ
asarīram guhāsayaṃ
Ye cittam saññamessanti
mokkhanti mārabandhanā”.

“Tâm đi xa một mình,
Ẩn hang sâu vô hình.
Ai bình tâm khéo giữ,
Thoát vòng Ma kiết sử”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến vị Tỳ Khưu pháp danh là Bhāgineyyasaṅgharakkhita (Hộ Tăng Diệt).

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvattī, có cậu công tử sau khi nghe pháp của Đức Bốn Sư, bèn lìa bỏ gia đình xuất gia thọ Cụ túc giới, có pháp danh là Saṅgharakkhita (Hộ Tăng), Ngài đã chứng đắc quả La Hán sau vài ngày hành Sa Môn pháp.

Người em út của Trưởng Lão, khi có con trai bèn lấy pháp danh của Ngài mà đặt cho con mình, kèm thêm chữ Bhāgineyya (Diệt là cháu) thành ra đứa bé có tên là Bhāgineyyasaṅgharakkhita.

Đến tuổi trưởng thành, Bhāgineyyasaṅgha-rakkhita xuất gia Sa Di với Sư bá, nhưng sau khi thọ Cụ túc, Tỳ Khưu ấy lại đi nhập hạ ở một ngôi chùa ở một làng quê.

Khi an cư mùa mưa, Trưởng Lão Bhāgineyyasaṅgha-rakkhita chia được hai lá y tắm mưa, một lá dài bảy hắc và một lá dài tám hắc tay (hattha: Độ năm tắc tây). Trưởng Lão Saṅgharakkhita cháu nguyện rằng: “Lá y tám hắc tay ta sẽ dâng thầy tế độ, còn lá y bảy hắc ta sẽ giữ lại phần ta”.

Đến khi mãn mùa an cư, Tỳ Khưu Saṅgha-rakkhita cháu định về thăm Sư bá, nên vừa đi khát thực tự túc, đi bộ lần hồi về đến Tịnh Xá của Sư bá, nhằm lúc Trưởng Lão đi vắng. Bhāgineyyasaṅgharakkhita bèn vào Tịnh Xá, quét dọn trai phòng của Trưởng Lão, múc sẵn nước rửa chân, trải sẵn tọa cụ rồi ngồi nghỉ chờ Trưởng Lão về.

Khi thấy Sư bá mình về gần đến nơi, Hộ Tăng Diệt đi ra rước bát, thỉnh Trưởng Lão vào an tọa lấy quạt hầu Trưởng Lão, dâng nước uống và rửa chân Trưởng Lão, xong rồi mới lấy y tắm mưa đem đến đặt dưới chân Trưởng Lão:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hãy thọ lãnh y này.

Nói rồi Bhāgineyyasaṅgharakkhita đứng dậy quạt hầu Trưởng Lão. Khi ấy Trưởng Lão nói:

- Này Bhāgineyyasaṅgharakkhita! Y của Sư bá có đầy đủ rồi, con hãy giữ y này lại mà dùng đi.

- Bạch Ngài! Từ khi phát sanh con đã nguyện để dành cúng dường Ngài, xin Ngài hãy thọ dụng.

- Này Bhāgineyyasaṅgharakkhita, con hãy giữ lại mà dùng, Sư bá có đủ y rồi.

- Bạch Ngài, xin Ngài đừng từ chối. Xin Ngài từ bi thọ dụng cho con được nhiều phước lớn.

Mặc dù Tỳ Khưu Saṅgharakkhita cháu khẩn khoản yêu cầu nhiều lượt, Trưởng Lão Sư bá chẳng nhận lãnh y.

Thấy vậy, Tỳ Khưu cháu không phải nài nỉ y nữa. Tuy đứng làm thỉnh quạt hầu vị Trưởng Lão nhưng trong thân tâm vị Tỳ Khưu nảy nghĩ rằng: “Khi còn tại gia mình là cháu Trưởng Lão Sư bá. Khi xuất gia rồi mình là đệ tử của Ngài. Thế mà Ngài không khứng thọ lãnh vật mình dâng cúng. Ngài đã không tưởng tình bác cháu, thấy trò thì mình còn ở đây tu với Ngài làm chi nữa, thà là mình hoàn tục cho rồi”. Nghĩ đến đây, Tỳ Khưu Saṅgharakkhita cháu tính thầm: “Đời sống tại gia cũng khó sắp đặt lắm. Hoàn tục rồi, ta sẽ làm gì để sinh nhai đây?”.

Nhớ đến hai lá y Tỳ Khưu Saṅgharakkhita cháu phác họa một chương trình: “Mình sẽ đem lá y tám hắc bán lấy tiền mua một con dê cái, dê cái thì mau sanh con lắm, hễ nó đẻ ra bao nhiêu thì ta bán hết bấy nhiêu, góp nhóp tiền bạc cho khá nhiều, rồi mình sẽ cưới vợ, vợ mình sẽ sanh cho mình một đứa con. Khi ấy, mình sẽ lấy tên bác mình đặt tên cho con, để nó ngồi trong cỗ xe nhỏ, rồi mình đưa cả vợ con đến chào bác mình. Đang đi giữa đường, mình bảo vợ mình rằng: “Em trao con qua cho anh bế”, vợ mình bảo: “Anh ẵm con mà chi, anh hãy đẩy cỗ xe đi”, rồi vợ mình bế xốc con lên và nói: “Để em ẵm nó”, nhưng vợ mình bỗng con không quen, buông nó té xuống dưới đường, bánh xe lăn qua cán ngang mình đứa bé. Mình mắng vợ “Con tao mà mấy không bao giờ chịu trao cho tao, để mấy ẵm một mình không nổi vậy đó, đồ đàn bà hư nói không biết nghe. Mắng rồi, mình xách gậy đập lên lưng vợ mình”. Nghĩ miên man đến đó, Tỳ Khưu Bhāgineyyasaṅgharakkhita quên hẳn là mình đang đứng quạt hầu Sư bá, nên cầm cây quạt đánh lên đầu Trưởng Lão Saṅgharakkhita. Trưởng Lão dùng Tha tâm thông quán xem tại sao Trưởng Lão bị cháu đánh lên đầu như thế. Khi biết rõ nguyên nhân, Trưởng Lão nói:

- Này Hộ Tăng diệt, ông đánh phụ nữ không được thì thôi. Chớ Trưởng Lão Trưởng lão nảy đâu có mắc mớ gì?

Tỳ Khưu Saṅgharakkhita cháu hoảng hốt:

- Chết ta rồi! Trưởng Lão Sư bá Ngài có Tha tâm thông, biết rõ dự định của ta hết. Vậy ta còn mặc y Sa Môn làm chi nữa.

Nghĩ vậy, Saṅgharakkhita cháu quăng cây quạt xuống đất và phát bỏ chạy đi. Khi ấy Hộ Tăng Diệt bị các Tỳ Khuru và Sa Di trẻ đuổi theo bắt lại, dắt đến trước mặt Đức Bổn Sư.

Thấy Chư Tăng ấy, Ngài phán hỏi: “Nầy các Tỳ Khuru, các ông đến đây có việc chi cần yếu. Các ông ví được một Tỳ Khuru phải không?”

- Vâng bạch Ngài, ông Sư nầy bắt măn bỏ chạy đi. Chúng con bắt lại, dắt đến cho Ngài liệu định.

- Nầy Tỳ Khuru! Chư Tăng nói vậy có đúng không

- Bạch Ngài, đúng vậy.

- Nầy Tỳ Khuru! Ông làm như thế này có lợi ích chi, chỉ gây tội lỗi nặng nề thì có. Ông há chẳng phải là đứa con trai của một vị Phật tinh cần hay sao? Xuất gia trong Giáo Pháp của một vị Phật như ta, ông đã không khiến được mọi người nhắc nhở đến ông với một Thánh quả nào? Một bậc Tu Đà Hườn hoặc bậc Tư Đà Hàm, A Na Hàm hay A La Hán ư. Tại sao ông lại tạo nghiệp nặng nề như thế?

- Bạch Ngài, vì con bất măn.

- Tại sao ông lại bất măn?

Tỳ Khuru Bhāgineyyasaṅgharakkhita đem hết mọi sự trình bày với Đức Bổn Sư, từ lúc mình an cư được hai lá y tắm mưa cho đến lúc đánh quạt lên đầu Sư bá. Thuật hết rồi, Bhāgineyyasaṅgharakkhita bạch rằng: Bạch Ngài, vì lẽ đó mà con bỏ chạy.

Khi ấy, Đức Bổn Sư bảo rằng:

- Lại đây, Tỳ Khuru đừng lo vớ vẩn. Tâm phàm thì nó hay chạy theo cảnh mà nó vừa lòng, dẫu cho xa vời mấy cũng vậy. Phải rán tinh tấn thoát khỏi ràng buộc của tham, sân, si.

Rồi Đức Bổn Sư ngâm tiếp kệ ngôn rằng:

“Dūraṅgamaṃ ekacaram

Asarīram guhāsayam

Ye cittam saññamessanti

Mokkhanti mārabandhanā”.

*“Tâm phàm lén lút âm thâm,
Ra đi biệt tích vắng tăm một mình.
Hang sâu như ẩn dạng hình,
Người nào điều phục tâm bình mới hay.
Vòng Ma đã thoát ra ngoài,
Không còn trần trối miệt mài trần lao.”*

□

CHÚ GIẢI:

Dūraṅgamaṃ: Đi xa. Thật vậy, dù không có những chỉ tơ mảnh mai như tơ nhện, phát đi tứ hướng đông, tây, nam, bắc để liên lạc với cảnh, nhưng hễ có cảnh vừa lòng, dẫu xa cách mấy, tâm cũng nhận bắt được cho nên gọi là tâm đi xa.

Ekacaram (đi một mình): Không bao giờ có bảy hay tám tâm nhập chung lại một bó, đồng phát sanh trong một sát na. Lúc sanh thì tâm sanh từng cái một, lúc diệt thì tâm cũng diệt từng cái một, cho nên gọi là tâm đi một mình.

Asarīram (vô hình): Tâm thì không có hình ảnh màu sắc chi cả.

Guhā (hang động): Là tứ đại đất, nước, lửa, gió. Nơi đây chỉ cho sắc trái tim (hadayarūpa), là chỗ tâm nương gá và phát sanh.

Ye cittam (người nào): Chỉ những người nam nữ, tại gia hay xuất gia mà giữ không cho Tỳ phiến não phát sanh lên được, dứt trừ được phiến não đã phát sanh, vì sự mất trí hay đã lãng quên.

Saññamessanti: Có ý thức giữ được tâm bình thản, không điên đảo rộn ràng.

Mokkhanti mārabandhanā: Được giải thoát khỏi vòng luân hồi trong tam giới, khỏi cái gọi là Ma phược (Mārabandhānā), là tất cả những dây trói buộc của phiền não Ma vương.

□

Bài kệ vừa dứt, Tỳ Khưu Hộ Tăng diệt chúng đắc Tu Đà Hườn quả. Nhiều vị khác cũng chúng đắc Thánh quả nhất là Sơ quả, kỳ dư thánh chúng đều hưởng được sự lợi ích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Một lá y choàng chữa bán ra,
Mà Sư Diệt đã tính non già!
Mua dê để giống gom tiền bạc,
Cưới vợ sanh con viếng Bác nhà.
Quạt đó nhưng quên Thầy Tế độ,
Gậy dẫu lại nhớ bạn quần thoa?
Tỉnh rồi mới biết tâm đi lạc,
Đắc quả nhờ nghe pháp Phật Đà.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO HỘ TĂNG DIỆT



III. 5- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO CITTAHATTHA (Cittahatthatheravatthu)

KỆ NGÔN (Pháp Cú số 38-39)

<i>“Anavatthitacittassa saddhammam avijānato Pariplavapasādassa paññā na paripūراتي”.</i>	“Người chưa có định tâm, Hiểu Chánh Pháp sai lầm. Tín đức chẳng kiên cố, Chẳng đắc tuệ cao thâm”.
<i>“Anavassutacittassa ananvāhatacetaso Puññapāpapahīnassa natthi jāgarato bhayam”.</i>	“Người hết tâm tham ái, Không còn ý não hại. Phước tội đều dứt trừ, Giác tỉnh không sợ hãi”.

Hai bài Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài an ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến Trưởng Lão Cittahattha (Phục Tâm).

Tương truyền rằng: Thuở ấy có một vị công tử vào rừng để tìm một con bò đi lạc, theo dấu chân con bò đi mãi cho đến cuối giờ Ngọ, công tử mới tìm gặp được nó. Đuổi cho nó nhập vào bầy xong, công tử cảm thấy mình vừa đói lại vừa khát. Nhìn thấy cổng Tịnh Xá, cậu nghĩ rằng:

- Mình vào đây xin cơm nước, thế nào Chư Tăng cũng cho. (Trong thời Đức Phật còn tại thế, có vô số thức ăn phụ và canh phát sanh đến Chư Tăng luôn luôn).

Sau khi ăn cơm no, uống nước đã khát, rửa tay và súc miệng rồi, công tử đành lễ Chư Tăng:

- Bạch các Ngài! Hôm nay chắc là có thí chủ thỉnh các Ngài đến nhà thọ bát mang về.

- Không đâu, nầy ông Thiện nam, Chư Tăng đi khát thực hằng ngày luôn luôn đều được như thế nầy.

Công tử suy nghĩ: “Mình thức khuya dậy sớm, làm việc không hở tay, cũng chưa có được com ngon canh ngọt mà dùng. Mình nghe Chư Tăng nói ngày nào cũng độ như vậy thì thật là sướng quá. Mình nên đi tu chớ ở nhà làm gì cực khổ quá”.

Thế rồi, công tử đến xin Chư Tăng cho mình được xuất gia nhập đạo.

Khi ấy, Chư Tăng đáp: “Lành thay! Ông Thiện nam” và cho công tử được xuất gia ngay.

Thọ Cục tức giận rồi, tân Tỳ Khưu cũng làm hết mọi phận sự lớn nhỏ của vị Tỳ Khưu. Nhờ được thọ hưởng đầy đủ lễ vật phát sanh lên đến chư Thánh Tăng, nên mấy ngày sau vị Sư mới nầy phát phì.

Khi ấy, vị nầy nghĩ rằng: “Thà làm người cư sĩ còn hơn là sống đi trì bình khát thực.” Thế rồi, vị ấy lại hoàn tục trở về nhà. Ở nhà làm công việc được vài hôm thì sút ốm trở lại, thấy vậy chàng nghĩ rằng: “Thà làm vị Sa Môn còn hơn ở nhà chịu cực khổ như vậy”.

Nghĩ rồi, công tử lại đến chùa xin xuất gia. Cách vài hôm sau, nhà Sư mới lại bắt mãn, nên hoàn tục nữa. Nhưng trong lúc tại gia, công tử vẫn lui tới nơi chùa làm phụ các việc hộ Tăng. Mấy bữa sau, công tử lại bắt mãn nghĩ thầm: “Ta nên xuất gia chớ ở nhà làm cái gì”.

Thế là, công tử đến đánh lễ chư Tỳ Khưu và xin xuất gia lại. Khi ấy, Chư Tăng nghĩ công hộ độ nên cũng chiều lòng cho công tử xuất gia trở lại.

Công tử nầy xuất gia đi xuất gia lại tất cả là sáu lần như vậy. Mỗi lần thấy công tử xuất gia thì vị nào cũng nói:

- Ông Sư nầy bây giờ khắc phục tâm được rồi mới xuất gia hành đạo đó.

Vì thế Chư Tăng tặng cho vị nầy danh hiệu Cittahattha. Trong thời gian Trưởng Lão Cittahattha hoàn tục rồi xuất gia trở lại nhiều lần như thế thì cô vợ có thai.

Đến kỳ muốn xuất gia lần thứ bảy, công tử từ rừng xách đồ phụ tùng mang về nhà, bỏ xuống và nói:

- Ta sẽ đắp y trở lại.

Rồi đi ngay vô buồng, nhằm lúc cô vợ chửa của công tử nằm ngủ mê, cô ta để tuột y nội, thân thể lỏa lồ mà không hay biết, mũi thì ngáy khò khò, miệng thì há toang hoác, ngó y như thầy ma chết sinh. Công tử ghé tòm, tự nghĩ: “Đây là Vô thường, Khổ não. Mình đã mấy lần xuất gia lại hoàn tục, cũng tại cái nầy đây mà mình không tu làm Tỳ Khưu lâu bền được”.

Đoạn công tử lấy y buộc thắt ngang bụng rồi chạy ra khỏi nhà. Khi ấy, bà mẹ vợ đứng bên nhà kế cận, thấy công tử đi vào nhà rồi chạy trở ra, thì tự hỏi:

- Thằng nầy từ rừng mới về nhà, bây giờ lại lấy y vàng buộc ngang lưng bụng chạy trở ra đi về phía chùa. Tại sao vậy cà?

Bà nhọc vào nhà thấy đứa con gái của mình nằm hở hang như thế thì biết ngay là: “Thằng nầy nhìn thấy tướng con nầy nằm ngủ phát chán nên bỏ ra đi”.

Bà đánh thức con gái: “Dậy đi! Kālakanni (Hắc Nhi), chồng mày thấy tướng mày nằm ngủ, nó chán bỏ đi luôn đó. Từ nay chắc nó không thuộc quyền sở hữu của mày nữa đâu”.

- “Má à! Anh ấy đi rồi anh ấy về nhiều lượt rồi mà, vài bữa đây anh ấy lại trở về, chớ đâu có đi luôn mà sợ”. Công tử Cittahattha đi trên đường, chân đặt bước mà miệng cứ lẩm nhẩm thầm: “Vô thường, Khổ não”, rồi chứng đạt quả Tu Đà Hườn trong lúc đang đi đường.

Đến đánh lễ Chư Tăng xin xuất gia, công tử bị từ chối:

- Chư Tăng không muốn cho ông xuất gia, ông đâu có đủ tư cách làm vị Sa Môn. Đầu ông cứng như đá mài dao.

- Bạch các Ngài, xin các Ngài hoan hỷ từ bi giúp con một lần nầy nữa mà thôi.

Chư Tăng lại chiều lòng, cho công tử xuất gia, mấy ngày sau Tỳ Khưu Cittahattha chứng đắc A La Hán cùng với Tuệ Phân tích, Chư Tăng không biết việc nầy, hỏi vị Thánh Tăng mới:

- Nầy đạo hữu! Kỳ nầy sao lâu quá đạo hữu chưa trở về nhà.

- Bạch các Ngài! Hễ còn luyến ái trong tâm thì còn trở về nhà. Ai dứt được tâm luyến ái thì không còn muốn trở về nhà nữa chứ sao!

Chư Tăng kéo đến bạch cùng Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài! Tỳ Khuu nầy đã dám nói với Chư Tăng như thế. Ông nói như thế tức là nói tráo trở, giả dối phạm đại vọng ngữ.

Nhưng Đức Bổn Sư xác nhận: “Nầy các Tỳ Khuu! Ông ấy nói đúng sự thật, con trai Ta trong lúc tâm còn bất định, không thông hiểu Chánh Pháp thì còn đi đi về về. Nhưng bây giờ thì dứt cả việc phước việc tội”.

Nói rồi Đức Bổn Sư ngâm hai bài kệ như sau:

*“Anavatthitacittassa
Saddhammā avijānato
Pariplavapasādassa
Paññā na paripūراتi”.*

*“Người tâm bất định xôn xao,
Không thông Chánh Pháp tối cao lạ thường.
Đức tin chẳng được kiên cường,
Thì trí Bát nhã không phương viên thành”.*

*“Anavassutacittassa
Ananvāhatacetaso
Puññapāpapahīnassa
Natthi jāgarato bhayaṃ”*

*“Người mà tâm đã tịnh thanh,
Không còn tham ái, gian manh thù hận.
Phước tội đều dứt tận căn,
Giác tỉnh chẳng sợ lẽ hằng tử sanh”.*

□

CHÚ GIẢI:

“Anavatthitacittassa (Người tâm bất định): Tâm phàm là không có chút gì chơn thường, hay là bất biến. Nó giao động luôn luôn không khi nào đứng yên, cũng như trái bí đặt trên lưng ngựa, như cây đòn xóc dựng trên đồng trống, cũng như bông Kadamba để trên đầu trục vậy. Người nào lúc thì làm nô lệ, lúc thì làm tu sĩ ngoại đạo ājīvaka, lúc thì tu theo Nigantha, lúc thì tu đạo sĩ, không nhất định theo mãi một con đường nào thì gọi là người tâm bất định...

Saddhammā avijānato (Người không thông Chánh Pháp): Người có tâm bất định thì không phân tích được ba mươi bảy pháp trợ Bồ đề (Sattatīṃsabo-dhipakkhiya).

Pariplavapasādassa (Tín đức chẳng kiên cố): Người không thông Chánh Pháp thì đức tin kém cõi, cạn cợt không vững chắc.

Paññā na paripūراتi (Không đầy đủ trí tuệ): Không có trí tuệ cao siêu để hiểu biết, phân tích được các pháp trong cõi Dục, cõi Sắc... Nội trong cõi Dục còn chưa biết cho đầy đủ, có đâu mà hiểu biết tới cõi Sắc, rồi từ cõi Sắc mà hiểu biết cho đầy đủ cõi Vô sắc và Siêu thế được.

Anavassutacittassa (Người hết tâm tham ái): Là người đã dứt trừ được tham ái.

Ananvāhatacetaso (Không còn ý nào hại): Là không có tâm muốn dùng cây đánh đập, dẫu đang lúc giận, không có ý gì muốn đánh đập làm thiệt hại ai.

Puññapāpapahīnassa (Phước tội đều dứt trừ): Là dứt bỏ bốn đạo, gọi là dứt phước, và diệt tận phiền não gọi là dứt tội.

Natthi Jāgarato bhayaṃ (Giác tỉnh không sợ hãi): Đây là nói trạng thái giác tỉnh, vô úy của bậc Lưu tận, bậc đã giác tỉnh, thấy được năm pháp giác tỉnh là: Tín, tấn, niệm, định và tuệ, cho nên dầu thức hay ngủ cũng không sợ phiền não là sự sợ hãi, những phiền não người đã đoạn trừ bằng bốn Thánh đạo, không còn theo đuổi người nữa, nghĩa là những phiền não người đã đoạn trừ bằng Tu Đà

Huyền đạo là ba kiệt sử thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ không còn trở lại theo người nữa, những phiền não nào người đã đoạn trừ bằng Tu Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán đạo, những phiền não ấy có bảy kiệt sử, không còn trở lại đeo níu người ấy nữa”.

□

Nghe dứt hai bài kệ đại chúng đều hưởng được lợi ích và đắc Thánh quả.

Sau đó, có một hôm chư Tỳ Khuru đề khởi Pháp luận trong giảng pháp đường như vậy:

- Nầy chư huynh đệ, những phiền não nầy quả thật là đáng sợ, một vị công tử có đầy đủ căn lành để đắc A La Hán mà còn bị nó lung lạc, tu rồi hoàn tục đến bảy lần như thế.

Đức Bổn Sư nghe được Pháp thoại đề khởi giữa chư Tỳ Khuru, bèn ngự hành vào giảng đường, ngự lên Phật tọa xong, Ngài phán hỏi:

- Nầy chư Tỳ Khuru! Hôm nay các ông hội thảo chuyện chi thế?

- Bạch Ngài như vậy...

Nghe vậy, Đức Bổn Sư xác nhận: “Nầy các Tỳ Khuru! Những phiền não đáng sợ là thế, nếu nó phát sanh lên rồi thì ai cũng bị nó chi phối tất cả. Khắp cõi Sa bà từ Chư Thiên, Phạm Thiên đến những chúng sanh ti tiện, không một ai thoát khỏi quyền lực của nó. Cả những người đầy đủ trí tuệ như Ta thuở trước, cũng bị bao gồm trong vòng vây của nó, đừng nói chi là ai khác. Quả thật, Ta cũng đã từng vì nửa gáo hạt giống và một cái cuốc mà đã hoàn tục, xuất gia cả bảy lần như thế.

- Bạch Ngài! Lúc nào vậy.

- Nầy các Tỳ Khuru! Các ông có muốn nghe chăng?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Thế thì hãy lắng nghe đây.

Đức Bổn Sư thuật lại tiền tích rằng:

Trong thời quá khứ, khi vua Phạm Thí đóng đô tại thành Bārāṇasi, có một thanh niên tên là Kuddālapaṇḍita (Tráp hiền sĩ), xuất gia làm đạo sĩ. Ở tu tám tháng trong miền Tuyết Sơn, đến mùa mưa thấy đất ướt Kuddāla nghĩ rằng:

- Ở nhà còn nửa gáo hạt giống bí ngô, với cái cuốc cùn. Ta đừng để cho mất giống...

Nghĩ rồi chàng hoàn tục, trở về nhà lấy cuốc xới một thửa đất, xới dọn, đem hạt giống bí ngô gieo, cắm rào chung quanh để gìn giữ. Đến mùa bí già, hái ăn xong còn tiếc nuôi để dành một gáo hạt giống mới nữa.

Hết mùa mưa, Kuddāla hiển trí lại tự nghĩ: “Bây giờ ta ở nhà làm gì? Thôi ta hãy xuất gia tu tám tháng nữa đi”.

Thế là hiền trí Kuddāla lìa nhà, vào tu ở trong miền Tuyết Sơn và đến mùa mưa năm sau lại về. Cứ như thế tất cả sáu lần và cũng về nhà sáu lần, cũng vì đạo sĩ tiếc nuôi nửa gáo hạt giống với cái cuốc cùn. Đến lần thứ bảy, vị hiền trí ấy nghĩ rằng:

- Ta đã sáu lần hoàn tục sáu lần xuất gia lại cũng tại cái cuốc cùn nầy. Cứ giữ nó hoài tu không được, ta hãy đem liệng bỏ nó đi cho rồi.

Xách cuốc tới bờ sông, hiền trí Kuddāla nghĩ rằng:

- Nếu ta thấy biết chỗ nó rơi xuống thì sợ e mình còn lượm lấy lại được, chi bằng mình liệng đừng dòm thấy chỗ nó rơi xuống mới nên.

Nghĩ kỹ rồi, chàng lấy vải gói gáo hạt giống, đoạn cột gáo hạt giống vào cây cuốc, cầm đầu cán cuốc đứng trên bờ sông, nhắm hai mắt lại, quay cái cuốc trên đầu ba vòng cho có trớn chàng ném mạnh nó ra giữa dòng sông. Khi quay đầu mở mắt ra không nhìn thấy dấu vết của cuốc rơi xuống chỗ nào. Hiền sĩ vui thích reo lên ba lần: “Ta đã thắng, ta đã thắng...”.

Trong khi ấy, Quốc vương xứ Bārāṇasi ngự giá thân chinh để bình giặc loạn ở biên cương, ban sư khải hoàn vừa ngự đến bờ sông. Đức vua khoác lên long thể chiếc dục y quý giá, ngự xuống sông để tắm, thì nghe tiếng reo của Kuddāla.

(Các vị lãnh chúa thì không ưa thích tiếng reo: “Ta đã thắng...” như vậy).

Quốc vương đến gần bậc hiền trí và phán hỏi:

- Trẫm đi bình phiên dẹp loạn, đắc thắng khải hoàn về đến đây. Vừa nghe đạo nhân hô to ba lần: Ta đã thắng chẳng hay đạo nhân đã thắng là thắng cái chi?

- Tâu đại vương! Đại vương tuy chiến thắng kẻ tặc loạn bên ngoài, bây giờ tuy nó chịu thua, nhưng cũng có ngày nó dấy binh thắng ngược lại đại vương, còn tôi đã chiến thắng kẻ tặc loạn bên trong là tâm tham ái, không còn sợ bị nó thắng ngược lại. Sự toàn thắng vĩnh viễn như thế mới thật là vẻ vang.

Nói xong đạo sĩ ngâm lên kệ ngôn rằng:

*“Na tam jitaṃ sādhu jitaṃ
Yam jitaṃ avajīyati
Tam kho jitaṃ sādhu jitaṃ
Yam jitaṃ nāvajīyati”*

*“Giao tranh trên bãi chiến trường,
Thắng rồi lại bại lẽ thường xưa nay.
Toàn thắng mới thật là hay,
Thắng không còn bại vì tay địch thù...”.*

Ngâm kệ rồi, đạo sĩ nhìn xuống dòng sông, lấy nước làm lễ mục niệm, đắc Thần túc thông, bay lên ngòi kiết già giữa hư không.

Quốc vương được nghe Pháp của đại nhân thuyết rồi, liền phủ phục long thể xin Ngài nhận làm đệ tử. Đức vua đã xuất gia cùng với tướng sĩ từng chinh, thành một đoàn đạo sĩ ở trong một đạo tràng rộng cả một do tuần.

Nghe tin Quốc vương Bārāṇasi đã xuất gia, Quốc vương nước láng giềng cử đại binh đình sang đánh chiếm nước này. Nhưng khi tiến binh vào giữa thành đô nguy nga tráng lệ mà không hề có quân phòng thủ, Quốc vương xâm lăng nghĩ thầm:

- Một kinh đô như vậy mà Quốc vương Bārāṇasi còn bỏ đi xuất gia, thì việc xuất gia này không phải là việc thấp hèn đâu. Vậy trẫm cũng nên xuất gia cho rồi.

Nghĩ vậy, Quốc vương bèn nự giá thân hành đến tận đạo tràng, xin đại nhân cho mình được xuất gia và đã xuất gia với đoàn quân hộ giá. Lần lượt có tất cả bảy Quốc vương đều xuất gia như trên, thành ra đạo tràng chiếm trọn một vùng đất bảy do tuần. Bảy nhà vua đã phế thải cơ đồ, sự nghiệp, xuất gia chỉ đem theo những người tâm phúc của mình mà thôi.

Đại nhân Kuddāla sống đời phạm hạnh đến khi lâm chung sanh về cõi Phạm Thiên giới.

Thuật hết câu chuyện tiền thân, Đức Bổn Sư dẫn giải rằng:

- Này các Tỳ Khuru! Ta là hiền trí Kuddala thuở xưa và những phiền não quả thật là đáng sợ như thế đó.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Cuốc cùn, hột giống tiếc mà chi?
Tạo nghiệp dây dưa chẳng định kỳ?
Đất thịt sáu lần còn nghĩ đến,
Rừng thiêng bảy lượt mãi ra đi.
Tham sân tội lớn nên kinh cụ,
Tín, tấn căn sâu khá chủ trì.
Quyết thắng được mình là đại thắng,
Phục tâm hiền sĩ cũng tướng y.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO CITTAHATTHA



III. 6- CHUYỆN CÁC TỖ KHUU ĀRADDHAVIPASSAKA (Āraddhavipassakabhikkhuvatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 40)

<i>“Kumbhūpamaṃ kāyamimaṃ viditvā</i>	“Biết thân như ngôi gạch,
<i>nagarūpamaṃ cittamidaṃ ṭhapetvā</i>	Giữ tâm như thành quách.
<i>Yodetha māraṃ paññāvudhena</i>	Dùng gươm trí đánh ma,
<i>jitañ ca rakkhe anivesano siyā”.</i>	Thủ thắng mãi vô địch, Mọi ô nhiễm đều xa”.

Kệ Pháp Cú này Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngụ tại gần thành Sāvattihī, có năm trăm Tỷ Khưu đến xin thọ giáo để mục Minh sát với Ngài rồi cùng nhau ra đi kiếm chỗ hành Sa Môn pháp.

Sau khi trải qua lộ trình hằng trăm do tuần, chư Tỷ Khưu đến một thị trấn dân cư trù mật. Khi ấy nhiều người trông thấy Chư Tăng, bèn ra rước thỉnh các Ngài vào nhà an tọa trên những chỗ ngồi đã được soạn sẵn, dâng cúng vật thực ngon lành xong rồi hỏi rằng:

- Bạch chư Trưởng Lão chẳng hay các Ngài đi đâu vậy?
- Chúng tôi đi tìm nơi cảnh tịnh nghỉ.

Nghe đáp như thế, họ liền yêu cầu rằng:

- Bạch chư Trưởng Lão, nếu có thể xin thỉnh quý Ngài lưu lại nơi đây, trong ba tháng an cư này, chúng tôi sẽ nhờ quý Ngài giáo truyền Qui giới để vâng giữ hành theo.

Khi được biết Chư Tăng đã nhận lời, họ đưa Chư Tăng đến một khu rừng lớn gần đó:

- Xin thỉnh các Ngài hãy ngụ lại nơi này.

Nói rồi họ cáo từ trở lại làng, để Chư Tăng đi vào khu rừng ấy, Chư Thiên ngụ trong rừng nghĩ thầm: “Chư Tăng này là những bậc có Giới đức, nay lại có dịp quang lâm đến khu rừng này, trong lúc quý ngài cư ngụ nơi đây, mà chúng ta đưa con cháu, em út trèo lên ở trên cây thì coi không được”. Vì thế Chư Thiên đều tuột ngồi xuống đất hết, tính thầm rằng:

- Chắc quý Ngài chỉ ngụ đờ một đêm này thôi, rồi sáng mai sẽ đi nơi khác.

Hôm sau, chư Tỷ Khưu vào làng khát thực xong, lại trở về khu rừng ấy. Chư Thiên cho rằng: “Chắc hôm nay có ai thỉnh các Ngài, nên các Ngài còn rảnh ở lại. Hôm nay chưa đi thì mai các Ngài sẽ đi vậy”.

Chư Thiên cứ ở dưới đất với sự hy vọng từng ngày như vậy cho đến nửa tháng, khi đó Chư Thiên nghĩ thầm rằng:

- Chắc chắn quý vị Trưởng Lão này trú ngụ tại đây cả ba tháng rồi, suốt thời gian quý Ngài cư ngụ tại đây, như thế nếu chúng ta ngụ trên cây thì không phải cách, còn nếu chúng ta đem con cái em út nằm ngồi dưới mặt đất cả ba tháng trường thì cũng khó nhọc cho chúng ta. Ta phải làm sao cho chư Tỷ Khưu này bỏ chạy mới được.

Thế rồi, Chư Thiên hiện ra làm ma nhát Chư Tăng, khi thì cho thấy đầu lâu, khi thì cho thấy thân mình mất đầu, khi thì cho nghe tiếng rú kinh dị của phi nhon, phi nhon phá phách khắp nơi ngụ của các Ngài, hoặc nơi hành đạo, trên đường kinh hành chẳng hạn.

Chư Tỷ Khưu mất ăn mất ngủ, sa sút hao mòn lần lần nhuốm bệnh, quý Ngài hỏi lẫn nhau: “Đạo hữu bệnh gì?”.

Vị thì nói tôi đau thần kinh, vị thì nói tôi đau phổi... truy ra nguyên nhân của bệnh thì mới biết là bị ma nhát.

- Này đạo hữu, hôm nay tôi thấy một cái đầu lâu ở cuối con đường kinh hành.

- Tôi thì thấy một thân hình không đầu ở trong chỗ ngủ.
- Tôi lại nghe tiếng rú kinh dị ở chỗ ngồi thiền.
- Chúng ta nên bỏ chỗ này, kiếm chỗ khác thích nghi hơn, chớ ở đây thấy bất tiện quá.
- Chúng ta hãy về yết kiến Bạc Đạo Sư.

Chư Tăng đồng ý lìa bỏ khu rừng, đi bộ lần hồi về đến chỗ ngụ của Đức Bổn Sư, đánh lễ Ngài xong rồi ngồi qua một bên. Khi ấy, Đức Bổn Sư phán hỏi Chư Tăng:

- Nầy chư Tỳ Khuru, chắc chắn nơi ấy các ông không được an vui phải chăng?

- Vâng bạch Ngài! Trong lúc chúng con ở đó có nhiều hiện tượng phát sanh rất đáng sợ, khiến cho chúng con mất sự an vui, chúng con đồng ý cho rằng: “Nơi này không tốt, cần phải xa lánh”, nên chúng con rời bỏ nơi ấy mà về đây với Ngài.

- Nầy các Tỳ Khuru, các ông nên đến chỗ ở như vậy.

- Bạch Ngài! Không thể được.

- Nầy các Tỳ Khuru! Lần trước các ông ra đi không mang theo khí giới. Lần này nên lấy khí giới đem theo rồi hãy lên đường.

- Bạch Ngài! Thử khí giới nào vậy?

Đức Bổn Sư đáp: “Để ta ban cho khí giới, các ông nhận lãnh khí giới của Ta ban cho rồi hãy đi”.

Nói rồi, Đức Bổn Sư khẩu truyền dạy hết bài Kinh Từ Bi:

Karaṇīyamatthakusalena

Yantam santam padam abhisamecca

Sakko ujū ca suhujū ca

Suvaco cassa mudu anatimānīti...

Pháp hữu ích nên hành cần biết,

Đường Níp Bàn nếu quyết rũi giông.

Trí năng, chơn chánh, phục tòng,

Thẳng ngay, mềm mỏng, không lòng cố cao”...

Tiếp theo bài kinh, Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Nầy các Tỳ Khuru! Bài kinh này các ông hãy tụng niệm cho thường, từ lúc đặt chân vào khu rừng cho đến lúc đến vòng ngoài Tịnh Xá, rồi sẽ vào trong... Thôi các ông cứ yên trí lên đường.

Chư Tỳ Khuru đánh lễ từ biệt Đức Bổn Sư, ra đi lần hồi đến bìa rừng ấy, đồng thanh vừa niệm Kinh Từ Bi vừa đi vào trong rừng. Toàn thể Chư Thiên ngụ trong khu rừng đều phát tâm Từ bi, ra nghinh tiếp Chư Tăng, xin rước y bát, hoặc xin đấm lưng, hoặc xin bóp tay chân cho các Ngài. Những nơi ăn, chốn ngủ hoặc chỗ hành thiền. Và xúm nhau gìn giữ luân phiên, sắp đặt trang hoàng, không còn có tiếng kêu rú phi nhon.

Nhờ thuận cảnh, Chư Tăng hành đắc định tâm (Ekaggata citta) nơi chỗ hành thiền ban đêm và ban ngày các Ngài dùng tâm Minh sát quán sự sanh diệt của tự ngã, tiến hành pháp Quán, các Ngài thấy rõ rằng: “Cái bản ngã này nó giòn yếu, dễ tan vỡ, cũng như một món đồ gốm vậy thôi”.

Đức Chánh Biến Tri ngụ tọa trong hương thất, hiểu biết chư Tỳ Khuru ở trong rừng, đang trong trạng thái tiến hành Tuệ Minh sát, bèn gọi các vị ấy và dạy rằng: - Nầy các Tỳ Khuru, cái bản ngã này có tính dễ tan vỡ, chẳng vững bền như thế.

Nói rồi Đức Bổn Sư phóng hào quang sáu màu rực rỡ, hiện kim thân cho Chư Tăng ngó thấy như Ngài đang ngồi đối diện, mặc dù lúc ấy Ngài đứng cách xa Chư Tăng hằng trăm do tuần, và đọc kệ rằng:

“Kumbhūpamaṃ kāyamimaṃ veditvā

Nagarūpamaṃ cittamidaṃ tḥapetvā

Yodetha māraṃ paññāvudhena

Jitañ ca rakkhe anivesano siyā”.

“Thân này đã biết mỏng manh,

Như đồ gốm hay bể, thành giữ tâm.
Sẵn guom trí tuệ đang cầm,
Khá mau đánh dẹp Ma quân vây thành.
Giữ phần thắng lợi về mình,
Chớ đừng đả trước, mê tình không nên”.

□

CHÚ GIẢI:

Tiếng **Kumbhūpamaṃ** trên đây, nghĩa là sánh như đồ gốm, là do tính giòn yếu, dễ tan vỡ, không bền bỉ lâu dài. Cái khối tập hợp bởi ba mươi hai thể trước, gọi là xác thân này đây, ta phải biết nó không bền bỉ gì hơn một món đồ gốm, như chậu đất, như bình sành hay là ngôi gạch.

Nagarūpamaṃ cittamidam thapetvā (giữ tâm như thành quách): Thành trì thì mặt ngoài kiên cố, chung quanh phải có hào sâu, lũy cao phải có cửa cho chắc. Bên trong phải có ngăn nắp thứ tự, đường xe rộng rãi, phải có ngã tư, như thế bọn cường khấu bên ngoài muốn vào cướp phá bên trong không thể được, đành phải bỏ đi chẳng khác nào chúng chạm phải núi đá vậy.

Con nhà gia giáo và bậc hiền minh cũng thế, sau khi điều luyện tâm Minh sát cho kiên cố như thành trì, vị này bế cửa thành tâm, đứng vững trong thành.

Yodetha māraṃ paññāvudhena (Dùng guom trí đánh Ma): Bọn cướp cầm đủ thứ khí giới, đồng côn, xông đến hãm thành trì, ví như những ma phiền não cần phải diệt tận hay khử trừ với khí giới làm bằng Minh Sát Tuệ, Thánh đạo tuệ và Bát nhã tuệ.

Jitā ca rakkhe (thù thắng): Là giữ phần thắng, là tuệ Minh sát vừa mới phát sanh, đừng cho suy giảm, chọn chỗ ở thích hợp, thời tiết thích hợp, vật thực thích hợp, bạn lữ thích hợp, thính pháp thích hợp... mà nương theo để hành cho đắc các bậc thiền rồi xuất thiền, dùng tâm thanh tịnh phán xét, thấu rõ các pháp hữu vi, gọi là đem phần thắng lợi về mình.

Anivesano siyā (mọi ô nhiễm đều xa): Là hãy dứt lìa sự luyến ái, trở thành bậc vô nhiễm.

Cũng như một chiến tướng ở tiền tuyến, sau khi xây đắp thành trì kiên cố rồi mới giao tranh với địch quân đến lúc đói khát có thể cầm theo hoặc buông bỏ vũ khí, tùy thích trở vào thành bế cửa nghỉ ngơi, ăn uống xong rồi lại nài nịch mang theo vũ khí trở ra chiến đấu nữa. Tướng ấy tuy tạm thủ quyền thắng lợi, nhưng cũng còn lo giữ sự thắng, bằng sự phòng vệ, cho đến lúc đánh tan quân địch. Quả thật, nếu lúc chiến tướng đang nghỉ ngơi vui chơi trong thành như vậy, mà địch quân chiếm phá được thành thì cả vương quốc phải lọt về tay kẻ khác vậy.

Cũng như thế ấy, Tỳ Khuru mới đắc tuệ Minh sát, nhập thiền nhiều lượt rồi mới xuất thiền thì có thể dùng tâm thanh tịnh gìn giữ sự giác ngộ của các pháp hữu vi, thắng được phiền não Ma vương, nhờ đắc đạo cao thượng. Nếu như vị này vui thích Thiền định, không xuất thiền dùng tâm thanh tịnh mà quán đi quán lại cho thấu triệt các pháp hữu vi thì không thể thấu triệt Đạo quả. Vì vậy, chỉ nên gìn giữ pháp nào tâm cần gìn giữ, không nên đả trước mê say theo nó như sau khi định tâm trong để mục thiền rồi, không nên lưu luyến giữ mãi tâm nơi đó. Các ông hãy hành như vậy.

□

Đức Bổn Sư đã thuyết pháp dạy các Tỳ Khuru như thế. Khi thời pháp chấm dứt, cả năm trăm vị Tỳ Khuru chúng đắc A La Hán quả với Tuệ Phân tích ngay tại chỗ ngồi bèn tán thán ca tụng kim thân Đấng Như Lai, đánh lễ Ngài rồi lui gót.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Nhờ kinh Bác ái cảm Chư Thiên,
Ngũ bá Tỳ Khuru ở mới yên.
Hết bị tà ma gây bệnh sơ,
Còn nhờ giả quỷ hộ rừng thiền.
Đem tâm Minh sát xây thành trí,
Lấy kiếm siêu nhân dẹp giặc phiền.
Bản ngã quán rời như nói bỏ,

Thoát trần nhẹ bước gót thiên nhiên.

DỨT TÍCH CÁC TỶ KHU QUÁN BẢN THÂN



III. 7- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO PŪTIGATTATIṢṢA (Pūtigattatissattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 41)

<i>“Aciram vatayaṃ kāyo</i>	“Không lâu đâu xác này,
<i>paṭhaviṃ adhisessati</i>	Trên đất sẽ nằm ngay.
<i>Chuddho apetaññāṇo</i>	Với thức bị vút bỏ,
<i>nirattham'va kaliṅgaranti”.</i>	Như gỗ mục hết xài”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến Trưởng Lão Tissa thúí thây.

Tương truyền rằng: Thuở ấy có một công tử ở thành Sāvattḥī, sau khi nghe thời pháp của Đức Bốn Sư, bèn ly tục, xuất gia nhập đạo, tu lên Tỷ Khuru với pháp danh là Trưởng Lão Tissa.

Trong thời gian đi hành đạo, rày đây mai đó, Trưởng Lão bị nổi đing sang đây mình, ban đầu các mục ngựa chỉ như hột cải, nhưng càng ngày càng lớn thêm ra to bằng hột đậu xanh, hột đậu đen, bằng trái táo lớn, rồi bằng trái a ma lặc (āmalaka) bằng trái Beluva.

Khắp châu thân Trưởng Lão đầy những ghẻ lở loét, hôi hám, do đó Trưởng Lão mới có biệt hiệu là Tissa thúí thây.

Về sau, xương cũng mục gãy, Trưởng Lão không còn đi đứng tự mình được nữa, các y nội ngoại của Trưởng Lão dính đầy máu mủ, có đóm giống như ở tầng ong. Các Tỷ Khuru, Sa Di đệ tử không thể chịu đựng được mùi hôi thúí, nên không đến gần săn sóc Trưởng Lão, bỏ Trưởng Lão nằm chèo queo một mình.

Chư Phật thì không bao giờ bỏ qua thông lệ quan sát thế gian, mỗi ngày hai lần: Buổi sáng tinh sương, các Ngài bủa lưới trí quán sát từ ngoài thế giới Ta bà trở vào tới hương thất và buổi chiều chạng vạng tối, các Ngài quan sát từ hương thất trở ra đến ngoại biên.

Trong khi ấy, hình ảnh của Trưởng Lão Tissa thúí thây lọt trong giác võng của Đức Như Lai. Đức Bốn Sư nhìn thấy căn lành của Trưởng Lão Tissa này, đặc được quả A La Hán. Ngài nói thắm: “Tỷ Khuru này bị các bạn đồng tu và các đệ tử bỏ rơi, ngoài Ta ra thì ông không còn ai là nơi nương tựa khác”.

Đức Bốn Sư ngự ra ngoài hương thất, du hành vòng quanh Tịnh Xá như kinh hành, rồi ngự đến phòng nấu nước (Aggisāla), lấy bình rửa sạch, châm đầy nước, bắt lên lò lửa, rồi đứng chờ cho nước nóng. Khi biết nước đã nóng, Ngài đến nắm đầu giường chỗ Tỷ Khuru Tissa đang nằm.

Chư Tăng thấy vậy, liền tranh nhau: “Bạch Thế Tôn! Xin Ngài dang ra, để chúng con khiêng cho”.

Rồi Chư Tăng xúm nhau nhấc luôn chiếc giường cùng người, đem vào phòng nấu nước.

Đức Bốn Sư khiến Chư Tăng lấy chậu chế nước nóng, cởi y vai trái (uttarasāṅga) của Trưởng Lão, vò sạch sẽ rồi đem phơi nắng.

Kế đó, Ngài đến gần Trưởng Lão, bảo Tăng chúng lấy nước nóng thấm ướt mình Trưởng Lão, rồi tắm rửa, kỳ cọ cho sạch sẽ. Khi Trưởng Lão tắm xong thì y được phơi cũng vừa khô. Đức Bốn Sư dạy Chư Tăng lấy y này vện đỡ cho Trưởng Lão, cởi y nội ra đem đi giặt sạch sẽ rồi phơi ngoài nắng.

Khi y nội của Trưởng Lão khô thì mình của Trưởng Lão cũng vừa ráo nước. Được vận một lá y bên dưới, một lá y bên trên xong. Trưởng Lão cảm thấy thân thể nhẹ nhàng, nằm định tâm trên giường.

Đức Bốn Sư đứng trên đầu nằm của Trưởng Lão phán rằng:

- Nay Tỳ Khuru! Thân của ông đây, một khi tâm thức lìa bỏ nó rồi, thì nó không còn có chỗ sở cậy, nó sẽ nằm ngay trên mặt đất như khúc gỗ mục mà thôi.

Nói rồi Đức Bốn Sư thuyết lên kệ ngôn:

*“Aciraṃ vatayaṃ kāyo
Paṭhaviṃ adhisessati
Chuddho apetaviññāṇo
Niratthaṃ'va kaliṅgaranti”.*

*“Thân nầy hẳn thật không bền,
Rồi đây nó sẽ nằm trên đất mồi.
Không hồn như gỗ mục khô,
Bị đem vứt bỏ vì vô dụng mà”.*

□

CHÚ GIẢI:

Paṭhaviṃ adhisessati: Trong lúc bình sanh, thân nầy chỉ nằm trên giường, nhưng rồi đây nó sẽ nằm trên đất trong bãi tha ma.

Chuddho: Bị vứt bỏ ném quăng đi.

Apetaviññāṇo: Khi tâm thức xuất đi rồi thì cái thân trống rỗng, không có hồn nằm trơ như khúc gỗ.

Niratthaṃ'va kaliṅgaranti: “Như khúc gỗ mục, vô dụng hết xài”. Thật thế, những người thợ giàn trò, đi vào rừng, nếu cần cây ngay thì đốn cây ngay, cần cây cong thì đốn cây cong, xong rồi róc sạch vỏ, chỉ lấy gỗ tốt còn gỗ xấu, mục, lủng lỗ, bị bọng không có lõi thì vứt bỏ lại. Những thợ giàn trò khác, vào thấy những khúc gỗ vứt bỏ nầy, không ai thèm lấy dùng xài. Tuy nhiên, nếu muốn thì họ cũng lấy làm thanh giường, gỗ chui chân hoặc băng ngồi ngoài vườn chẳng hạn. Chớ ba mươi hai thể trực trong thân nầy không thể dùng làm được chân giường hay làm được vật chi khác được. Khi tâm thức mất rồi, thân xác nầy trở nên hoàn toàn vô dụng, y như cây mục nát, chỉ chờ ngày bị dẹp bỏ nằm trong bãi tha ma.

□

Khi bài pháp vừa dứt, Trưởng Lão Tissa thúi thây đắc A La Hán quả với Tuệ Phân tích. Trong số đó các Tỳ Khuru khác cũng có nhiều vị đắc thánh quả, nhất là quả Dự Lưu.

Trưởng Lão Tissa đắc quả A La Hán quả rồi thì nhập Vô Dư Níp Bàn. Đức Bốn Sư dạy chư Tỳ Khuru hỏa táng Trưởng Lão, lấy xá lợi để vào Bảo tháp mà thờ.

Chư Tăng bạch hỏi Đức Bốn Sư:

- Bạch Ngài! Trưởng Lão Tissa thúi thây sanh về cõi nào?

- Nầy các Tỳ Khuru! Tissa đã nhập Vô Dư Níp Bàn.

- Bạch Ngài! Một vị có đầy đủ duyên lành đắc A La Hán quả như thế. Tại sao mà thân xác lại lở lói thúi hôi? Tại lý do nào mà bị gãy xương, nhờ đâu mà đắc A La Hán quả?

- Nay các Tỳ Khuru! Tất cả những sự kiện nầy đều do tiền nghiệp của ông ta.

- Bạch Ngài! Ông ấy đã tạo những nghiệp gì?

- Nầy các Tỳ Khuru! Nếu muốn biết thì các ông hãy lắng nghe.

Đức Bốn Sư dẫn tích rằng:

“Trong thời kỳ của Đức Chánh Biến Tri Kassapa, Tỳ Khuru này là một người săn chim, sau khi bắt được chim, y đem đựng cho các vị lãnh chúa, còn dư ra thì đem bán. Khi bán không hết, y sợ làm

thịt để dành thì thịt chim không còn tươi, nên bẻ lọi giò, lọi cánh chim để chim còn sống mà không thể thoát được, y để chim nằm chung một đồng.

Qua ngày sau, y lại đem đồng chim ấy ra bán, khi nào sẵn được nhiều chim thì y cho người nấu nướng chim ấy, tự mình dùng lấy. Một hôm khi phần cơm ngon của y vừa chín thì có vị Trưởng Lão Lộ Tận đang trì bình, đến đứng trước cửa nhà y, thấy Trưởng Lão, y phát tâm tịnh tín nghĩ rằng: “Mình sát hại chúng sanh, ăn thịt cũng quá nhiều rồi. Hôm nay có Trưởng Lão đến đứng ngay trước cửa nhà mình, vậy ta lấy thức ăn ngon lành để dung cúng Ngài”.

Sau khi thỉnh bát không của Trưởng Lão, y đem đầy bát ngon với thức ăn thượng vị, đem dâng Trưởng Lão và gieo năm vóc xuống đánh lễ: “Bạch Ngài! Xin cho con được chứng ngộ quả tối cao của Ngài”.

Trưởng Lão phúc chúc: “Xin cho người được như ý”.

Này các Tỳ Khưu do tiền nghiệp ấy mà ngày nay Tissa trả quả. Minh mảy thúi lờ, xương gãy, cũng vì xưa kia đã sát hại và bẻ gãy chân, cánh chim. Còn quả A La Hán là nhờ để bát cúng dường cơm ngon đến vị Lộ Tận.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Nghiệp ác ngày xưa đã tạo gây,
Báo Ngài Tissa khổ thân này.
Săn chim bẻ lọi chân cùng cánh,
Gải ghẻ càu banh mủ lộn mày.
Thịt thúi xương giòn nằm bại liệt,
Trò xa bạn lánh sợ truyền lây.
Định tâm thính pháp rồi viên tịch,
Sốt bát tròn nhân quả cũng đầy.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO TISSA THÚI THÂY



III. 8- CHUYỆN NANDAGOPĀLAKA (Nandagopālakavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 42)

*“Diso disaṃ yaṃ taṃ kayirā
verī va pana verinaṃ
Micchāpaṇihitaṃ cittaṃ
pāpiyo naṃ tato kare' ti”.*

“Cừu địch hại cừu địch,
Oan gia báo oan gia.
Không bằng tâm thiên lệch,
Khiến kẻ ấy đọa sa”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Kosalā, đề cập đến ông Nanda (Nan Đà) chủ trại bò.

Tương truyền rằng: Ở thành Sāvattī có một gia chủ là thuộc hạ của ông Cấp Cô Độc, tên là Nanda là một chủ trại bò, rất giàu có, gia tài đồ sộ, sự sản kinh dinh. Người ta bảo nhau rằng: “Cũng như đạo sĩ tóc bính (Jaṭṭilo) tên Keṇiyo làm người xuất gia, ông Nanda làm nghề nuôi bò, như thế là để gìn giữ tài sản của mình khỏi sự áp chế của đức vua”.

Ông Nanda thỉnh thoảng đem năm món ngưu vị (gorasa) đến biếu ông Cấp Cô Độc, rồi đến yết kiến Đức Thế Tôn để nghe pháp. Sau đó, ông thỉnh Đức Bổn Sư đến nhà ông.

Một hôm đang ngự hành cùng với đại chúng Tỳ Khuru trên đường cái. Đức Bổn Sư xét biết rõ căn lành của ông Nanda đã chín mùi rồi, Ngài bèn tách qua con đường nhỏ, ngự đến một gốc cây ngồi gần nhà ông ta.

Ông Nanda đến đánh lễ Đức Bổn Sư chào hỏi thân thiện rồi ngỏ lời thỉnh Đức Bổn Sư ngự đến nhà ông và ông làm phước cúng dường thực phẩm hương điển có đủ năm thứ nguưu vị đến Tỳ Khuru Tăng có Đức Phật làm chủ tọa trong bảy ngày liền.

Đến ngày thứ bảy, Đức Bổn Sư đọc kệ hoan hỷ chúc phúc cho thí chủ xong, thuyết luôn tuân tự pháp, giảng giải từ pháp Bồ thí cho đến phước báu của sự Xuất gia.

Khi Ngài chấm dứt pháp thoại, ông chủ trại bò Nanda chứng đắc quả Dự Lưu. Ông ôm bát của Đức thầy đi theo một quãng đường xa. Khi nghe lệnh dạy: “Ông Thiện nam hãy dừng bước”. Ông Nanda bèn đánh lễ cáo từ Đức Bổn Sư, rồi quay trở lại nhà. Trong lúc ấy, một người thợ săn bắn trúng ông Nanda, khiến ông ta chết ngay lập tức.

Những Tỳ Khuru đi sau, thấy vậy đến than phiền với Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài! Ông Nanda chủ trại bò, vì có ngài đến đây mới làm đại lễ Trai Tăng và đi tiễn chân Ngài nên khi trở về mới bị giết chết, nếu như Ngài không đến đây thì ông ta chưa chết đâu.

Đức Bổn Sư đáp:

- Này các Tỳ Khuru! Dầu Ta có đến đây hay không đến đây cũng vậy. Trong bốn phương tám hướng, cho dầu ông ta có đi hướng nào cũng không thoát khỏi tử thần. Quả thật vậy, tội khổ nào mà cả bọn cướp và kẻ thù đều không thể gây tai hại cho nhau thì chính cái tâm lệch lạc tà vạy thúc đẩy những chúng sanh này phải rơi vào tội khổ ấy.

Nói rồi Đức Bổn Sư đọc kệ rằng:

*“Diso disam yam tam kayirā
Veri và pana verinam
Micchāpaṇihitam cittam
Pāpiyo nam tato kare' ti”.*

*“Kẻ thù hoặc kẻ oan gia,
Hại nhau, hại ấy vẫn là kém xa.
Cái hại của tâm niệm tà,
Khiến cho kẻ ấy đọa sa một mình”.*

□

CHÚ GIẢI:

Hai tiếng **Diso disam** trên đây, có nghĩa là kẻ cướp gặp kẻ cướp. Vì nói tắt nên ngắt bớt chữ gặp (disvā).

Yam tam kayirā: Nếu làm điều nào để hủy diệt đối thủ thì làm ngay điều đó.

Veri và pana verinam: Câu này nghĩa mừng tượng như câu đầu. Ví như một kẻ cướp phản bội một kẻ cướp, làm thiệt hại đến vợ con, đồng ruộng, gia sản... của đồng bọn. Trong lúc đang gây hại thì bị đồng bọn bắt gặp quả tang, hoặc là gây thù oán vì một lý do nào đó, buộc oan trái với một kẻ khác, khi gặp mặt kẻ ấy thì dùng những thủ đoạn độc ác thô bạo để tàn hại y hoặc là cưỡng bức vợ con của y, hoặc là phá hoại ruộng vườn của y, hoặc là giết y chết.

Micchāpaṇihitam cittam: Tâm lệch lạc là đặt vào chỗ sai quấy, là chỗ ở trên con đường thập ác nghiệp (thần ba, khẩu bốn, ý ba)

Pāpiyo nam tato kareti: Vì có tâm tà vạy, kẻ ấy càng ngày càng làm tội lỗi tiêm nhiễm, cho nên gọi là khiến cho kẻ ấy đọa sa vào vòng tội ác. Quả thật, kẻ cướp hoặc kẻ thù hoặc là đối phương của họ, trong kiếp này gây khổ cho nhau, hoặc là tàn sát lẫn nhau là cùng.

Trái lại, nếu cái tâm tà vạy, tà kiến, bị đặt nằm trên lộ bất thiện nghiệp trong kiếp này, thì nó đưa kẻ ấy đến chỗ diệt vong, hàng trăm kiếp đọa sa vào bốn ác đạo, không cho cất đầu lên nổi.

□

Nghe dứt bài kệ nhiều vị Tỳ Khưu đắc Thánh quả, nhất là Sơ quả. Đại chúng thính pháp cũng hưởng được sự lợi ích.

Vì Chư Tăng không hỏi đến tiền nghiệp của Cận sự nam Nanda, cho nên Đức Bổn Sư không dẫn giải.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Cúng Phật Trai Tăng đủ bảy ngày,
Nan Đà chết dữ cũng kỳ thay!
Mũi tên oan nghiệt, trăm người rõ,
Quả thánh Tu Đà, mấy kẻ hay?
Tâm niệm khi lành, khi hiểm ác,
Thân sanh lúc sống, lúc đọa đày.
Gieo chi gặt nấy, tùy duyên nghiệp,
Tội phước là nhân tạo rủi may.*

DỨT TÍCH NANDA CHỦ TRẠI BÒ



III. 9- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SOREYYA (Soreyyattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 43)

<i>“Na tam mātā pitā kayirā</i>	“Không phải do cha mẹ,
<i>aññe vāpi ca ñātakā</i>	Hoặc thân nhân làm thế.
<i>Sammāpaṇihitaṃ cittaṃ</i>	Chính tâm niệm chánh chơn,
<i>seyyaso nam tato kareti”.</i>	Khiến người cao thượng hơn”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra nhân câu chuyện phát khởi từ thành Soreyya (Tu Lê Đa), về sau chấm dứt tại thành Sāvattthī.

Trong thời Đức Chánh Biến Tri an cư gần thành Sāvattthī. Trong thành Soreyya, có công tử con nhà triệu phú Soreyya, cùng với người bạn ngồi chung một cỗ xe nhỏ, nhanh lẹ, gọn gàng đã dắt theo rất đông bộ hạ tùy tùng đi ra phía ngoài thành để tắm.

Ngay lúc đó, Trưởng Lão Mahākaccāyana đang đứng ngoài cổng thành đắp y Tăng Già Lê (Saṅghāṭi) lên mình, định vào thành Soreyya để khát thực, thân sắc của Trưởng Lão đẹp sáng tợ vàng ròng.

Công tử Soreyya trông thấy Trưởng Lão cõi trần, ước thầm rằng: “Cha! Phải chi Trưởng Lão này là vợ của mình hoặc là vợ mình có được thân hình sáng đẹp như thân hình của Trưởng Lão này”.

Vì nghĩ quấy như thế, công tử mất hết cả nam tướng đột nhiên biến thành một tiểu thơ, hết sức hổ thẹn, Soreyya tuột xuống xe bỏ trốn.

Cả đoàn tùy giả đều thấy tiểu thơ, nhưng không nhìn ra đó là công tử của mình, nên ngơ ngác hỏi chuyên nhau: “Cái gì thế? Cái gì thế? ”.

Người nam hóa nữ này đi thẳng một mạch đến thành Takkasilā, chẳng từ giả người bạn cũ của mình, báo hại chàng ta đi tìm công tử Soreyya khắp vùng lân cận, chung quanh mà chẳng hề gặp.

Sau khi tắm trở về, nghe Trưởng giả hỏi:

- Còn công tử đâu?

Nhóm bộ hạ đáp: “Chúng con tưởng rằng công tử tẩm xong trở về nhà trước rồi!”.

Khi hay tin con mình mất tích, ông triệu phú cho người đi tìm công tử khắp nơi nhưng không gặp, thì buồn rầu than khóc, rồi nấu cơm cúng quảy vì nghĩ rằng công tử đã chết chìm.

Tiểu thư Soreyya đi đường gặp một đoàn lái buôn, bèn đi bộ theo sau chiếc xe của ông đoàn trưởng, nhiều người trông thấy tiểu thư liền hỏi rằng:

- Cô gái đi theo xe chúng tôi, cô là con nhà ai chúng tôi không biết?
- Máy ông cứ đánh xe đi đi, để tôi đi bộ cũng được.

Nhưng đi lâu mỗi chân, tiểu thư cởi chiếc nhẫn đeo ở ngón tay ra đổi lấy một chỗ ngồi trên xe.

Những lái buôn suy nghĩ: “Trong thành Takkasilā có công tử là con nhà triệu phú của ta chưa có đôi bạn, để ta làm mối chỉ se tơ cho cô này với công tử. Chắc ta sẽ được trọng thưởng”.

Thế là họ đi ngay đến công tử nói rằng:

- Thưa ông chủ! Hôm nay chúng tôi đưa về cho ông chủ một bảo nữ (itthīratana) Nghe vậy, công tử cho mời Tiểu thư Soreyya đến để công tử xem mặt. Khi thấy tiểu thư trẻ trung xinh đẹp, duyên dáng, công tử sanh lòng yêu mến, bèn nhận cưới làm chánh thất.

(Hiện tượng nam hóa nữ hay nữ hóa nam rất thông thường, mặc dầu là khó thấy. Thật vậy, không hề có việc người nam nào chưa từng hóa thành nữ, và cũng không hề có người nữ nào mà không hóa thành nam. Quả nhiên, những người nam đã gian dâm với vợ kẻ khác, sau khi mệnh chung phải thọ khổ hàng trăm ngàn kiếp, nằm trong địa ngục và khi tái sanh làm người thì phải mang thân phụ nữ. Chính Trưởng Lão Ānanda là bậc Thánh Thỉnh Văn đã hoàn thành pháp độ sau một trăm ngàn đại kiếp, nhưng khi còn luân hồi cũng có lần phạm tội tà dâm trong kiếp sanh làm con người thợ rèn. Sau khi mãn kiếp đọa sa vào địa ngục, thọ khổ đền tội xong, do nghiệp còn dư sót, còn phải mang thân phụ nữ, làm vợ người nam trong mười bốn kiếp và trải qua thêm bảy kiếp nữ nhân nữa mới được trở lại làm người nam.

Những phụ nữ, sau khi làm các việc lành như bố thí, trì giới... không muốn mang thân người nữ, nên phát nguyện rằng: “Do phước báu của chúng tôi ngày hôm nay, xin cho chúng tôi được tái sanh làm nam nhân trong ngày vị lai”, (Idam no puññam purisattabhāvapaṭilābhāya samvattatūti), thì sau khi chết được hóa thân thành nam tử. Chư Thiên nữ hầu hạ Thiên Vương cũng do sự hành đạo chơn chánh mà được hóa sanh thành thiên tử.

Công tử Soreyya nầy vì một lúc dấy ý nghĩ xằng đối với Ngài Mahākaccāyana mà trong kiếp hiện tại hóa thành nữ nhân).

Ăn ở với con ông triệu phú trong thành Takkasilā, cô Soreyya có thai, mãn mười tháng cô sanh con trai, khi đưa con đầu biết đi lẫm đẫm thì cô lại sanh thêm một đứa con trai nữa.

Thế là cô làm mẹ hai đứa con trai, nếu tính chung trước đó, khi còn là công tử Soreyya cô có được hai con trai, thì cô có tất cả là bốn người con trai.

Lúc bấy giờ, chàng thanh niên bạn cố tri của cô đang ngồi trên một cỗ xe nhỏ, dẫn đầu năm trăm cỗ xe bò. Chàng từ thành Soreyya sang thành Takkasilā. Khi đoàn xe đi vào trong thành, cô Soreyya đứng trên tầng chót tòa lâu đài của mình, mở cửa sổ nhìn xuống đường phố, trông thấy thanh niên thì nhận ra được bạn cố tri, bèn sai nữ tỳ đi mời thanh niên lên lầu thượng, khoản đãi niềm nở, trọng hậu.

Thanh niên không biết chủ nhân nên hỏi:

- Thưa bà! Bà chưa từng tiếp xúc với chúng tôi lần nào, tại sao bà lại hậu đãi chúng tôi như thế nầy, hay là có quen biết với chúng tôi chăng?

- Vâng thưa công tử tôi có quen biết công tử, phải công tử ở thành Soreyya không?
- Dạ phải, thưa bà.

Bà chủ nhà lại hỏi thăm tình hình sức khỏe của song thân, của vợ con công tử Soreyya. Công tử đáp:

- Dạ thưa bà, tất cả đều bình an vô bệnh... Thưa bà, bà cũng có quen biết với nhà ông triệu phú ấy nữa sao?

- Dạ thưa công tử, tôi biết ông bà có một cậu công tử. Cậu ấy hiện giờ ở đâu?

- Bà ơi! Cậu ấy mất rồi, xin bà đừng nhắc đến nữa. Một hôm tôi với công tử cùng ngồi chung trên cỗ xe nhỏ, đi ra ngoài thành để tắm. Thế rồi, cậu ấy mất tích chúng tôi không biết cậu ấy đi đâu, tìm khắp quanh vùng cũng không gặp cậu ấy. Về báo tin cho ông bà Trưởng giả, hai ông bà khóc lóc thở than, rồi lo liệu ma chay cầu siêu cho cậu...

- Thưa ông, chính tôi là công tử Soreyya đây.

- Thưa bà! Bà có tỉnh trí không? Mà sao bà lại nói như thế. Bạn của tôi là một công tử khôi ngô tuấn tú, đẹp như Thiên tử cõi Thượng thiên kia mà.

- Thưa công tử, chính tôi là cậu ấy, không dám nói ngoa.

Cậu công tử không tin hỏi lại: Sao lạ kỳ vậy?

- Ngày ấy, công tử có thấy Trưởng Lão Mahākaccāyana chớ?

- Vâng, tôi có thấy.

- Tôi đã ngắm nhìn Ngài Trưởng Lão, rồi ước ao rằng: Chà phải chi Trưởng Lão làm vợ mình, hay là vợ mình có thân hình đẹp đẽ như của Trưởng Lão. Vừa nghĩ quấy như vậy, thì nam tướng biến mất và nữ tướng của tôi hiện rõ rệt ra. Khi ấy, tôi quá hổ thẹn, không dám nói ra cho ai biết cả, bỏ chạy lánh đi chỗ khác đó công tử.

- Ôi thôi! Bạn tộ quá đổi tộ, tại sao lúc ấy bạn không cho tôi hay? Bây giờ bạn đã sám hối với Ngài Trưởng Lão chưa?

- Thưa công tử chưa, công tử biết Trưởng Lão bây giờ ở đâu không?

- Ngài đang cư ngụ trong thành này.

- Nếu Trưởng Lão có trì bình ngang đây. Tôi sẽ xin đặt bát Ngài, cúng dường đến Ngài.

- Thế thì bạn hãy lo sắm sửa lễ vật cho sẵn sàng để chúng ta đi sám hối với Ngài.

Công tử đến chỗ ngụ của Trưởng Lão, đánh lễ ngài rồi ngồi nép qua một bên, bạch rằng:

- Bạch Ngài, xin thỉnh Ngài ngày mai nầy đến thọ bát nơi nhà con.

- Nầy công tử, người từ xa đến đây phải chăng?

- Bạch Ngài! Xin Ngài đừng hỏi con về việc ấy, chỉ xin thỉnh Ngài ngày mai nầy thọ bát nơi nhà con.

Trưởng Lão im lặng nhận lời.

Công tử trở về nhà sắp đặt lễ vật cúng dường trọng thể đến Trưởng Lão. Hôm sau, Trưởng Lão đi ngay đến nhà của công tử. Sau khi thỉnh Trưởng Lão an tọa và cúng dường thực phẩm thượng vị đến Trưởng Lão, công tử dắt cô Soreyya ra quì mọp dưới chân Trưởng Lão: “Bạch Ngài, xin Ngài thứ tội cho bạn con”.

- Chuyện chi thế?

- Bạch Ngài! Cô nầy đây, trước kia là một người nam, bạn thân thiết của con, có lỗi nhìn trộm Ngài và ước quấy như vậy, thành ra mất hết nam tính, hóa ra thân nữ nhân xin Ngài xá tội.

- Thôi hãy đứng dậy, ta miễn thứ cho cô đó.

Trưởng Lão vừa dứt lời, thì tiểu thư Soreyya hoàn hình công tử trở lại như trước.

Sau khi ấy, công tử Takkasilā nói với công tử Soreyya

- Này bạn, hai đứa con nầy do tôi và bạn sanh ra, hoài thai và hoạn dưỡng chúng, sanh dưỡng cũng đạo đồng, chúng nó là con của chúng ta, vậy chúng ta cứ tiếp tục chung sống ở đây bạn đừng ngại chi cả.

- Bạn à! Tôi đã sống một kiếp là nam nhân, sau đó là nữ nhân và bây giờ trở lại thân nam nhân như trước. Ba lần thay đổi xác thân. Lần đầu, tôi là cha hai đứa con trai, lần sau là mẹ hai đứa con trai khác, cho nên bây giờ đây tôi đã chán ngán đời sống tại gia. Thôi bạn đừng cố gắng lưu tôi lại

làm gì. Tôi sẽ đến xuất gia với Ngài Trưởng Lão, hai đứa con này xin bạn ráng nuôi nấng, dạy dỗ, đừng bỏ chúng vất vả tội nghiệp.

Nói rồi, công tử Soreyya hôn hít, nựng nịu hai đứa con trai, đoạn nắm tay chúng giao trả tận tay cha chúng, rồi từ giã ra đi đến xuất gia với Ngài Trưởng Lão.

Trưởng Lão cho công tử xuất gia làm Sa Di, về sau cho thọ Cụ túc giới, rồi dặt đệ tử lần lượt du hành về thành Sāvattḥī.

Từ đây, người ta gọi vị tân Sư này là Tỳ Khuru Soreyya.

Hiện tượng biến nam thành nữ của Trưởng Lão Soreyya lúc Ngài chưa xuất gia, đã làm chấn động dư luận trong xứ. Thiên hạ đua nhau đến hỏi Trưởng Lão:

- Bạch Ngài! Chúng tôi được nghe đồn rằng: Ngài đã hóa nữ, rồi lại hóa nam. Chuyện ấy có thật chăng?

- Quả thật như thế, nầy đạo hữu.

- Bạch Ngài, nếu quả thật vậy, trong hai đợt con ấy, một đợt do Ngài hoài thai và một do hộ giống của Ngài, Ngài thương lớp con nào hơn?

- Nầy đạo hữu, những con do tôi sanh thì thương nhiều hơn.

Hết kẻ này đến kẻ khác, những kẻ hiếu kỳ luôn luôn tìm gặp Trưởng Lão Soreyya chỉ hỏi bấy nhiêu đó thôi. Trưởng Lão phải lập đi lập lại mãi câu trả lời: “Con lọt lòng thì thương hơn”, vừa thẹn vừa bực, Trưởng Lão tìm lảng vào chỗ thanh vắng để dễ bề hành đạo.

Nhờ hạnh độc cư, Trưởng Lão Soreyya an tâm, quán sự sanh diệt của danh sắc trong tự ngã, chúng đắc A La Hán quả với Tuệ Phân tích.

Sau đó, cũng còn nhiều kẻ đến hỏi Ngài nữa:

- Bạch Trưởng Lão nghe đồn rằng: Ngài đã biến tính như thế, có đúng không?

- Quả có thế, nầy đạo hữu.

- Vậy trong hai lớp con của Ngài, Ngài thương đứa nào nhiều hơn?

- Ta không còn yêu thương lớp con nào nữa cả.

Chư Tăng nghe được câu hỏi trả lời của Trưởng Lão bèn tố cáo với Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài! Tỳ Khuru nầy đại vọng ngữ, những ngày trước đây ông mới nói: “Con lọt lòng thì thương hơn”. Hôm nay ông lại nói: “Không còn thương con nào hết”. Thế là ông ta dám khoe dối pháp cao nhân, bạch Ngài.

Đức Bổn Sư phán: “Nầy các Tỳ Khuru! Con trai của Ta không khoe dối pháp cao nhân, nhờ chánh niệm chánh chơn, con Ta đã kiến đạo, nên từ đó về sau không còn thương mến con nào nữa cả. Thật thế, sự nghiệp là Thánh sản mà cả cha lẫn mẹ không thể tạo được cho những chúng sanh nầy, thì chỉ có nội tâm chơn chánh của họ đã ban bố cho họ mà thôi”.

Để giải rộng luận đề trên, Đức Bổn Sư thuyết pháp thoại và đọc lên kệ ngôn rằng:

*“Na tam mātā pitā kayirā
Aññe vāpi ca ñātakā
Sammāpaṇihitaṃ cittaṃ
Seyyaso nam tato kare' ti”.*

*“Chẳng phải do cha mẹ sanh,
Hoặc thân thuộc khác tạo thành mà nên.
Đưa người cao thượng hơn lên,
Chính tâm niệm hướng về bên thiện lành”.*

□

CHÚ GIẢI:

Na tam: Việc ấy không phải do cha hay mẹ hoặc là những bà con họ hàng nào khác làm nên cho họ được.

Sammāpaṇihitam: Đặt đúng trên lộ Thập thiện nghiệp là bố thí, trì giới, thiền định, tôn kính, phục vụ, hồi hướng công đức, tùy hỷ công đức, thỉnh pháp, thuyết pháp nói đạo, Chánh Kiến.

Seyyaso nam tato kare' ti: Chính nhờ tâm niệm chánh của họ, làm cho họ trở nên quý báu cao thượng hơn lên.

Thật thế, cha mẹ có thể đem tài sản truyền lại cho con trai mình, nhưng không thể khiến cho chúng sống hạnh phúc suốt đời được, như song thân bà Visākhā là sở hữu chủ của một sản nghiệp kinh dinh đồ sộ đường ấy, đã cho bà tài sản lớn, mong rằng bà sống suốt đời hạnh phúc, nhưng cũng tùy theo sức mình mà thôi. Không thể có cha mẹ nào có thể cho con mình cơ đồ của một bực chuyển luân vương bao trùm bốn châu thiên hạ. Đừng nói chi đến tài sản của Chư Thiên, hoặc là tài sản của bậc cao nhân là các mức thiền định hay là tài sản siêu thế là các Đạo quả. Thế mà, tâm niệm chánh đạo nằm trên đường Thiện nghiệp có thể cho hành giả tất cả những sản nghiệp phi thường ấy, cho nên nói do cái tâm niệm chánh của họ làm cho họ trở nên quý báu cao thượng hơn lên vậy.

□

Khi thời pháp chấm dứt, nhiều vị Tỳ Khuru chứng đắc thánh quả nhất là Tu Đà Hườn quả. Kỳ dư thỉnh chúng đều hưởng lợi ích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Nam mà hóa nữ lại hoàn nam,
Hai gánh gia đình nghĩ hết ham!
Nghĩa vợ tình chồng thôi đã chán,
Lòng cha, dạ mẹ chỉ thêm nhàm.
Dâm căn nguyện dứt, nương Thiền quán,
Giới bổn xin gìn, ngụ thảo am.
Tu Lệ Da đi về Sāvattī,
Nhờ môn tâm quý được siêu phàm”.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO SOREYYA DỨT PHẨM TÂM

□

IV. PHẨM HOA

(PUPPHAVAGGA)

- 16 bài kệ: Pháp Cú số 44-59
- 12 chuyện.

IV. 1- CHUYỆN 500 VỊ TỖ KHUÙ ĐÀM LUẬN VỀ ĐỊA ĐẠI (Paṭhavīkathāpasutapañcasata-bhikkhuvatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 44-45)

*“Ko imaṃ paṭhaviṃ vijessati
yamalokañca imaṃ sadevakam
Ko dhammapadam sudesitam
kusalo puppham'iva pacessati”.*

*“Sekho paṭhaviṃ vijessati
yamalokañ ca imaṃ sadevakam
Sekho dhammapadam sudesitam
kusalo puppham'iva pacessati”.*

“Ai thông suốt địa đại,
Diêm nhân thiên giới nầy.
Hiểu Pháp Cú khéo giải,
Như thợ tuyền hoa hay”.

“Hữu học thông địa đại,
Diêm nhân thiên giới nầy.
Hiểu Pháp Cú khéo giải,
Như thợ tuyền hoa hay”.

Hai bài Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự an gần thành Sāvattthī để cập đến năm trăm vị Tỳ Khuru đang đàm luận về địa đại.

Tương truyền rằng: Một buổi chiều, sau khi Đức Thế Tôn vân du nhiều quốc độ. Trở về Kỳ Viên, Chư Tăng cùng vào ngôi trong giảng đường đàm luận về địa hình, địa chất, nhắc lại những địa phương, mình đã lần lượt trải qua “từ làng nọ đến làng kia, đường xa bằng phẳng hay gập ghềnh, lấy lợi hay có nhiều sỏi đá, đất màu đen hay màu nâu”.

Đức Bổn Sư ngự vào, phán hỏi: “Nầy các Tỳ Khuru, hôm nay các ông đang ngồi thảo luận việc chi đây?”

Chư Tăng đáp: “Bạch Ngài, chúng con đang bàn về địa đại nhắc lại những địa phương chúng con đã trải qua”.

Đức Bổn Sư phán dạy: “Nầy các Tỳ Khuru, các nơi ấy, thuộc về ngoại cảnh địa đại (bāhirappaṭhavī) mà các ông cần nên chỉnh trang hoàn bị”.

Nói rồi, Đức Bổn Sư đọc hai bài kệ sau đây:

*“Ko imaṃ paṭhaviṃ vijessati
Yamalokañ ca imaṃ sadevakam
Ko dhammapadam sudesitam
Kusalo puppham'iva pacessati”.*

*“Sekho paṭhaviṃ vijessati
Yamalokañ ca imaṃ sadevakam
Sekho dhammapadam sudesitam
Kusalo puppham'iva pacessati”.*

*“Ai người thông suốt địa hình,
Diêm ma, nhân giới, thiên đình cũng thông.*

Ai như thợ khéo tuyển bông,
Pháp Cú khéo giảng, hiểu thông thực hành”.
“Hữu học thông suốt địa hình,
Diêm ma, nhân giới, thiên đình cũng thông.
Hữu học, thợ khéo tuyển bông,
Pháp Cú khéo giảng, hiểu thông thực hành”.

□

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạm ngữ **Imam pathavim** nghĩa là địa đại nầy ám chỉ xác thân tứ đại của con người gồm có Danh và Sắc.

Ko vijessati: Ai sẽ thấu triệt, hiểu rành tự do mình giác ngộ mà biết được rốt ráo, làm cho thấu rõ chân lý.

Yamalokañ ca: Diêm ma giới, chỉ bốn khổ cảnh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la.

Imam Sadevakañ: Nhân, thiên giới, chỉ cho cõi người và sáu cõi trời Dục giới là Tứ Đại Thiên, Đạo Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc và Tha Hóa Tự Tại.

Hai câu kệ đầu nhập lại thành một câu hỏi.

Ko dhammapadam sudesitam: Ai hiểu Pháp Cú khéo giải. Những bài Kệ Pháp Cú do chính Đức Bổn Sư đã khéo thuyết giảng chính xác, đúng chân lý, gọi là ba mươi bảy nhân phát sanh quả Bồ đề, ví như những đóa hoa tươi tốt của người thợ khéo làm tràng hoa để tuyển chọn. Ai mà nhận chân được giá trị của chúng, sẽ thu thập, nghiền ngẫm, hiểu cho rốt ráo, làm cho thấu rõ.

Hai câu kệ sau nhập lại cũng thành một câu hỏi.

Sekho (Hữu học): Là bậc đã chứng đắc Thánh quả, nhưng còn đang học tập Tam học là Giới, Định, Tuệ, đầu tiên là Sơ đạo, hay Dự Lưu đạo, hoặc Nhập Lưu đạo. Hành giả chứng đạt bậc nầy, chỉ còn sanh lại nhiều nhất là bảy lần, trước khi đắc A La Hán đạo. Trong khoảng thời gian xuôi dòng Thánh vực, bậc hữu học luôn luôn trau dồi Giới, Định, Tuệ, xa lìa tam độc, nhất là tham dục, tự mình thẳng phục mình, nhận thức chân xác và làm sao cho thấu rõ bản chất tự ngã, không còn mê đắm nữa. Bậc hữu học như thế, nhất định sẽ chứng nhập Níp Bàn chậm nhất là sau bảy kiếp.

Như người thợ làm tràng hoa, vào vườn hoa chỉ lựa ròng những bông hoa tươi đẹp rực rỡ. Loại bỏ những nụ còn non, những cánh hoa héo úa u nần, bị sâu ăn lủng lỗ. Bậc hữu học cũng khéo nhận thức trong kinh Pháp Cú do Đức Bổn Sư đã thuyết giảng. Những pháp vi tế thâm sâu là ba mươi bảy pháp trợ đạo Bồ đề mà thu thập, lãnh hội, thấu triệt và làm cho thấu rõ.

□

Đức Bổn Sư nêu ra hai câu hỏi và chính Ngài đã tự giải đáp như trên.

Đến cuối bài kệ năm trăm vị Tỳ Khưu đều đắc A La Hán quả với Tuệ Phân tích. Đồ chúng thính pháp cũng hưởng được sự lợi ích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Trên bước quan hà khắp đó đây,
Năm trăm Trưởng Lão gắng theo thầy.
Đôi phen lẩn lướt đường cao sỏi,
Lắm lúc xông pha lộ thấp lầy.
Mặt đất Tỳ Khưu xem đã rõ,
Dòng tâm sanh diệt quán chưa hay.
Hồi quang phản chiếu trừ tam độc,
Pháp Cú tri hành, chứng Quả ngay.

DỨT TÍCH NĂM TRĂM VỊ TỖ KHƯU ĐÀM LUẬN VỀ ĐẠI ĐỊA



IV. 2- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO MARĪCIKAMMAṬṬHĀNIKA (Marīcikammaṭṭhānikattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 46)

<i>“Phenūpamaṃ kāyamimaṃ viditvā</i>	“Biết thân như bọt trứng,
<i>marīcidhammaṃ abhisam-budhāno</i>	Giác thân như huyễn tượng.
<i>Chetvāna mārassa papupphakāni</i>	Phá vòng hoa Ma quân,
<i>adassanaṃ maccurājassa gacche”.</i>	Qua khỏi mắt tử thần”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra, khi Ngài an ngự gần thành Sāvattihī để cập đến một vị Tỳ Khuru quán bào ảnh.

Tương truyền rằng: Tỳ Khuru này sau khi thụ huấn để mục Thiên quán nơi Đức Bốn Sư, bèn đi vào trong một khu rừng nọ, lập tâm: “Ta sẽ hành Sa Môn pháp”. Sau một thời gian tinh tấn công phu, không chúng đắc A La Hán, vị Sa Môn nghĩ rằng:

- Chắc ta còn thiếu sót, để về xin thầy bổ khuyết.

Đi dọc đường, vị ấy trông thấy ảo ảnh phát sanh lên, bèn tư niệm rằng: “Cũng như ảo ảnh phát hiện trong mùa hè, đứng ở xa trông như là có thật, nhưng đến gần thì chẳng còn hình bóng chi cả. Cái thân ngũ uẩn này, nó cũng sanh diệt hư ảo như thế thôi”.

Vị Sa Môn vừa đi vừa chú tâm quán xét để mục ảo ảnh, đến khi đường xa mệt mỏi, vị ấy xuống sông Aciravatī (Bát Cửu) để tắm, tắm xong lên ngồi nghỉ trên bờ, vị ấy nhìn xuống dòng nước đang chảy xiết. Trên mặt nước trôi cuộn cuộn, nhiều bọt nước nổi lên rồi tan biến. Vị ấy nghĩ rằng:

- Cái thân ngũ uẩn này nó cũng nổi lên rồi tan biến như bọt nước mà thôi.

Và vị ấy lấy đề tài này làm đề mục tham thiền.

Khi ấy, Đức Bốn Sư đang đứng trong hương thất, Ngài trông thấy vị Tỳ Khuru đang ngồi trên bờ sông quán niệm bào ảnh, bèn phán rằng:

- Này Tỳ Khuru! Tự ngã này cũng giống như bọt nước, bào ảnh, nó có tính hằng sanh khởi và hoại diệt như thế mãi.

Nói rồi Đức Bốn Sư thuyết lên kệ ngôn:

*“Biết thân bọt nước đầu gành,
Giác thân huyễn hóa diệt sanh sự thường.
Phá vòng hoa đục Ma vương,
Qua mắt thần chết lên đường thoát thân”.*

□

Trong bài kệ Phạm ngữ này, Phenūpamaṃ nghĩa là ví như bọt nước. Cái nhóm ba mươi hai thể giả hiệp, gọi là xác thân này đây, nó yếu đuối, mong manh không trường tồn vĩnh viễn, thoát sanh diệt từng sát na một, xét ra không khác chi là bọt nước đầu gành.

Marīcidhammaṃ: Nghĩa là ảo ảnh, phát sanh lên do các chất nóng bốc hơi, mặt trời hè đứng ở xa trông thấy giống như cảnh thật ai cũng phải lầm, nhưng khi đến gần thì thấy trống trơn, chẳng có chi hết. Cái giả thân này nó giống như cái huyễn, tạm bợ, thay đổi từng sát na, xem gần thì nó giống như ảo ảnh vậy.

Abhisambudhāno: Nghĩa là giác ngộ, thông suốt, hiểu rõ.

Mārassa papupphakāni: Là hãy thoát đi, vượt qua khỏi tầm thấy biết, tức là quyền hạn của tử thần, hãy đạt đến vô sanh bất tử là Đại Níp Bàn.

Khi bài kệ chấm dứt, Trưởng Lão chứng A La Hán quả với Tuệ Phân tích, bèn thốt lời tán dương ca tụng Kim thân của Đức Bổn Sư. Đoạn đánh lễ Ngài rồi lui gót.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Dòng nước trôi xuôi, bọt nổi phình,
Nầy thân huyễn hóa kiếp phù sinh...
Trăm năm nhớ lại như tàn mộng,
Một sớm rời đi đã biệt hình.
Tội ác gây nhiều vì ái dục,
Phước lành tạo ít bởi vô minh.
Phải như Trưởng Lão vô rùng rắng,
Gặp Phật tham thiền đắc Quả minh.*

DỨT TÍCH TỶ KHU QUÁN BẢO ẢNH

IV. 3- CHUYỆN VIDŪDABHA (LƯU LY VƯƠNG) (Viḍḍabhavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 47)

<i>"Pupphāni' heva pacinantam</i>	"Kẻ đang mãi hái hoa,
<i>byāsattamanasam naram</i>	Tâm còn vọng tưởng xa.
<i>Suttam gāmam mahogho'va</i>	Bị Tử thần bắt mất,
<i>maccu ādāya gacchati"</i>	Như làng ngủ bị lụt".

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến vua Viḍḍabha (Lưu Ly Vương) và đoàn tùy giá viễn chinh, đã chết trôi vì nạn lụt.

Thuở ấy ở ba nước láng giềng có ba vị Đông cung Thái tử đồng trang lứa với nhau: Thái tử Pasenadi con vua xứ Kosalā, Thái tử Mahāli con dòng Licchavi xứ Vesālī và Thái tử Bandhula con vua Malla xứ Ku-sinārā.

Ba Thái tử cùng đi du học văn võ với một vị danh sư thời danh ở thành Takkasilā. Ba vị Thái tử gặp gỡ nhau trong một quán trọ ngoại thành. Sau khi hỏi thăm nhau, biết rõ mục đích cuộc hành trình cùng danh tánh tông tích của nhau, họ bèn kết nghĩa đệ huynh, và đồng đến xin nhập môn một lượt. Không bao lâu cả ba vị Thái tử đồng song nầy văn ôn võ luyện đã đến mức tinh thông thuần thục. Đồng cùng nhau bái tạ Sư trưởng ra đi, ai về xứ nấy.

Trong ba vị, Thái tử Pasenadi được phụ vương đẹp dạ, truyền ngôi cửu ngũ, sau khi thấy Thái tử biểu diễn tài nghệ cho Ngài duyệt lãm.

Thái tử Mahāli thuộc dòng Licchavi, trong lúc biểu diễn vì dụng lực thái quá, nên hai mắt bị nổ. Các vua Licchavi đồng thanh bảo rằng:

- Ôi! Thật chẳng may cho sự phước của chúng ta, Ngài đã bị mù cả đôi mắt, không lẽ chúng ta bỏ rơi Ngài, chúng ta phải có bổn phận chăm lo phụng dưỡng Ngài mãi đời mới trọn đạo thầy trò.

Các vua đồng ý tặng cho Thái tử chức Huỳnh môn quan, quyền trấn một cửa cổng thành, trị giá một trăm ngàn đồng.

Nhậm chức rồi, Thái tử liền nhận năm trăm Thái tử dòng Licchavi đến xin thọ giáo để học tập văn võ.

Thái tử Bandhula về nước Kusinārā để biểu diễn nghệ thuật. Các hoàng tộc dòng Malla đích thân bó tre thành từng bó, mỗi bó là sáu mươi cây, ở giữa mỗi bó lại đệm một giáo sắt, đoạn treo nó giữa hư không, hồng mặt đất và thách Thái tử chém cho đứt rơi xuống.

Thái tử báỉ Tổ xong rồi, cật mình phóng lên hư không cao tám mươi hắc tay. Chân vừa rơi chắm đất, Thái tử hơi grom chém tới lia lịa, đến bó tre cuối cùng, Thái tử chọt nghe tiếng giáo sắt bị khua chạm lên, bèn hỏi: “Cái gì thế?”.

Khi biết được trong sáu mươi bó tre có đẽm giáo sắt, Thái tử ném grom khóc rằng: “Trong tất cả thân bằng quyến thuộc của ta nơi đây, không một ai thương yêu ta nói cho ta biết trước việc này. Nếu ta biết trước thì ta sẽ chém đứt cả sáu mươi bó tre mà không cho phát lên tiếng khua chạm giáo sắt”.

Thái tử day lại thưa với phụ hoàng cùng mẫu hậu rằng:

- Tâu phụ vương và mẫu hậu! Xin hãy tru lục bọn này rồi trị quốc mới yên.

- Nậy vương nhi! Chiếu theo luật vua phép nước, không thể làm việc ấy được (vì quyền trị quốc chỉ có thể truyền tử lưu tôn mà thôi).

Sau khi nài nỉ song thân nhiều phen không kết quả, Thái tử bèn yêu cầu: “Thế thì phụ hoàng và mẫu hậu cho con sang xứ của bạn con”. Được mẹ cha chuẩn tấu, Thái tử lên đường đến kinh thành Sāvathī.

Quốc vương Pasenadi nghe tin Thái tử Bandhula ly hương sang nước mình, liền ngự giá ra đến rước bạn ở ngoài thành, rất trọng thể. Về triều giao cho bạn giữ chức Đại Nguyên soái, thống lãnh quân đội hoàng gia. Khi nhận chức rồi, Thái tử phái người thân tín trở về Kusinārā rước cả phụ vương và mẫu hậu về cùng ở chung với mình nơi thành Sāvathī.

Một hôm, Quốc vương Pasenadi nhìn xuống đường phố khi Ngài đứng trên lầu ngự của mình thấy chư Tỳ Khuru lũ lượt vào thành thọ bát nơi nhà các đại thí chủ như ông Cấp Cô Độc, Cullānāthapiṇḍika, bà Visākhā, nàng Suppavāsā... Quốc vương phán hỏi thị thân: - “Chư Trưởng Lão đi đâu vậy?” - Tâu Bệ hạ! Mỗi ngày có độ hai ngàn vị Tỳ Khuru đến nhà ông Cấp Cô Độc để dự lễ Trai Tăng hoặc thọ thực do thí chủ dâng cúng hợp pháp đến Chư Tăng, rút thăm hoặc là chư Tỳ Khuru bình chưởng hạn. Nơi nhà của Trưởng giả Cullānāthapiṇḍika có khoảng năm trăm vị đến thọ thực thường xuyên, nơi nhà của bà Visākhā và bà Suppavāsā cũng như thế.

Nghe xong, đức vua phát tâm muốn làm người hộ Tăng, bèn ngự đến Tịnh Xá Kỳ Viên cung thỉnh Đức Bổn Sư với một ngàn vị Tỳ Khuru vào hoàng cung thọ thực.

Quốc vương đích thân đứng ra trông coi việc đặt bát cúng dường trọn cả bảy ngày liền.

Đến ngày thứ bảy, đức vua đánh lễ Đức Bổn Sư và yêu cầu:

- Bạch Ngài! Quả nhân xin thỉnh Ngài cùng năm trăm vị Tỳ Khuru thường xuyên thọ thực nơi Hoàng cung.

- Tâu đại vương! Chư Phật không bao giờ thọ thực thường xuyên một nơi, vì còn nhiều chúng sanh chờ đợi các Ngài ngự đến.

- Nếu vậy xin Ngài phái một vị Tỳ Khuru nào đó có thể đến hằng ngày.

Đức Thế Tôn giao phận sự này cho Trưởng Lão Ānanda. Trong bảy ngày đầu, khi Chư Tăng đến Quốc vương thân ngự ra rước bát, đứng trông nom chỉ bảo cho nội thân quyến thuộc hộ độ các Ngài rất chu đáo.

Đến ngày thứ tám, Quốc vương vì long thể bất an, nên xao lãng phận sự hộ độ Chư Tăng, Chư Tăng vào hoàng cung, không ai soạn sẵn chỗ ngồi, thỉnh các Ngài an tọa và dâng cúng thực phẩm đến tay các Ngài. Chư Tăng bàn với nhau rằng:

- Trong hoàng cung vì thừa hành lệnh của đức vua, nên không ai dám tự chuyên, đứng ra mời Chư Tăng ngồi và phục dịch cả. Vắng mặt Quốc vương, chắc chúng ta không thể nào đến đây lâu được.” Thế là nhiều vị bỏ ra đi.

Qua những ngày sau, quốc vương cũng vẫn chểnh mảng như thế, nhiều vị Tỳ Khuru khác lại bỏ ra đi.

Qua những ngày sau đó, tình trạng cũng chẳng lấy làm khả quan hơn, thế là tất cả năm trăm Tỳ Khuru đều lần lượt ra đi cả. Chỉ còn lại một mình Trưởng Lão Ānanda (những bậc đại phúc đức bao giờ cũng đầy đủ uy tín, giữ đức tin trong sạch của hàng tại gia cư sĩ. Đệ tử của Đức Như Lai trong hàng xuất gia có Trưởng Lão Sāriputta, Trưởng Lão Moggallāna là hai thượng Thủ Văn, Tỳ kheo Ni

Khemā (An bình), Tỳ kheo Ni Uppalavaṇṇā là hai nữ Thượng Thích Văn, trong hàng tại gia cư sĩ thì có Trưởng giả Citta, Dạ xoa ālavaka là hai Thượng Thích Văn Thích nam, về tín nữ thì có nàng Veoukaṇṭakī nandamātā và nàng Khujjuttarā là hai nữ Thượng Thích Văn tín nữ. Tám vị này đáng được liệt kê ở hàng đầu trong tứ chúng. Ngoài ra tất cả các vị Thích Văn ở các quốc độ, hễ đã hoàn thành Thập độ rồi cũng đều là những bậc Đại phúc đức viên mãn hạnh nguyện hết. Trưởng Lão Ānanda cũng vậy, Ngài đã trải qua một trăm ngàn đại kiếp, hoàn thành đủ pháp độ Ba la mật (Pāramī), hạnh nguyện đã viên mãn, Ngài có đầy đủ uy tín, giữ vững đức tin của hàng tại gia cư sĩ, một mình Ngài được hoàng tộc thỉnh mời ngồi và dâng cúng đàng hoàng tử tế. Sau khi Chư Tăng ra về, Quốc vương ngự vào trai đường, trông thấy thực phẩm loại cứng loại mềm còn nguyên trên bàn, bèn phán hỏi nội thị rằng:

- Chư Trưởng Lão không đến thọ bát hay sao?

- Tàu bệ hạ chỉ có một mình Trưởng Lão Ānanda đến mà thôi.

Quốc vương nghe tàu, buồn giận chư Tỳ Khuru, nghĩ rằng:

- Các Ngài đã cắt đứt con đường thiện duyên của trăm rồi.

Quốc vương ngự đến bái kiến Đức Bổn Sư và bạch rằng:

- Bạch Ngài quả nhân đã chuẩn bị cả năm trăm cỗ phần để sót bát cúng dường Chư Tăng, mà nghe rằng: Chỉ có một mình Trưởng Lão Ānanda đến thọ thực... Số thực phẩm dọn ra mà còn y nguyên. Năm trăm vị Tỳ Khuru không thấy vào hoàng cung, không biết vì lý do nào?

Đức Bổn Sư không quở trách chư Tỳ Khuru, Ngài chỉ vỗ về đức vua Pasenadi rằng:

- Tàu đại vương! Chắc là chư Thích Văn của Như Lai không có tình thân mật với đại vương, cho nên không đi vào cung nội.

Kế đó, Đức Bổn Sư kêu gọi Chư Tăng vào và giảng dạy những trường hợp nào Chư Tăng không đến thọ thực nơi nhà thí chủ và những trường hợp nào nên đến. Đoạn Ngài kết thúc bằng bài kinh này:

“Navahi bhikkhave aṅgehi samannāgataṃ kulaṃ anupagantvā ca nālaṃ upagantum upagantvā ca nālaṃ upanisīditum. Katamehi navahi? Na manāpena paccuṭṭhenti, na manāpena abhivādenti, manāpena asanaṃ denti, santamassa pariguyhanti, bahukamhi thokaṃ denti, paṇītamhi lukkaṃ denti, asakkaccaṃ denti, no sakkaccaṃ, na upanisīdanti dhammassavanāya, bhāsantassa na raññiyanti. Imehi kho bhikkhave navahi aṅgehi samannāgataṃ kulaṃ anupagantvā ca nālaṃ upagantum upagantvā ca nālaṃ upanisīditum.” Navahi bhikkhave aṅgehi samannāgataṃ kulaṃ anupagantvā ca alaṃ upagantum upagantvā và alaṃ upanisīditum”.

Này các Tỳ Khuru, có chín điều mà gia tộc nào hội đủ. Thì Tăng không nên đến đó nếu chưa đến. Hoặc không ngồi nếu đã đến đó. Thế nào là chín?

1. Họ không hoan hỷ đứng dậy tiếp rước.
2. Họ không hoan hỷ đánh lễ.
3. Họ không hoan hỷ mời ngồi.
4. Có vật dụng mà họ giấu.
5. Có nhiều mà họ dâng ít.
6. Có đồ ngon mà họ dâng đồ dở.
7. Họ dâng bằng cách không cung kính.
8. Họ không giữ lễ, không ngồi gân.
9. Họ không thỏa thích trong khi nghe nói pháp giảng đạo.

Này các Tỳ Khuru, chín điều này gia tộc nào hội đủ thì Tăng không nên đến đó nếu chưa đến, hoặc không nên ngồi nếu đã đến rồi.

Này các Tỳ Khuru, có chín điều mà gia tộc nào hội đủ thì Chư Tăng nên đến đó nếu chưa đến, hoặc nên ngồi nơi đó, nếu đã đến rồi. Thế nào là chín?

1. Họ hoan hỷ mời ngồi.

2. Họ hoan hỷ đứng dậy tiếp rước.
3. Họ hoan hỷ đánh lễ.
4. Có vật dụng họ không giấu.
5. Có nhiều họ dâng nhiều.
6. Có đồ ngon họ dâng đồ ngon.
7. Họ dâng bằng cách cung kính.
8. Họ giữ lễ phép ngồi gấn.
9. Họ thỏa thích nghe pháp, nói đạo.

Nầy các Tỳ Khuru, chín điều nầy, gia tộc nào mà họp đủ thì Tăng nên đến đó nếu chưa đến, hoặc nên ngồi nếu đã đến rồi”.

Dứt bài kinh, Đức Thế Tôn lại tiếp chuyện với nhà vua:

- Tâu đại vương! Chắc là các Thỉnh Văn của Như Lai không tìm được thân mật nơi đại vương, cho nên mới không đi vào ngự như vậy. Quả thật, bậc hiền trí ngày xưa, cho dầu được hộ độ chu đáo, nhưng ở chỗ thiếu tình thân mật cũng đã thọ khổ gấn chết được, đến nỗi phải ra đi trở về nơi có tình thân mật.

- Bạch Ngài, vào thời nào vậy?

Đức Thế Tôn liền thuật lại tiền tích rằng:

Thuở xưa, dưới triều đại của vua Phạm Thí, đóng đô tại thành Bārāṇasi. Có một Quốc vương là Kesava (Quyền Phát) đã từ bỏ ngai vàng điện ngọc, ra đi xuất gia làm đạo sĩ, năm trăm tùy tướng cũng xuất gia theo làm môn đệ của Kesava, người thợ cạo của đức vua cũng xuất gia làm thị giả của đạo sĩ, có tên là Kappaka (Lý Phát).

Đạo sĩ Kesava cùng với những môn sinh tu ở miền Tuyết Sơn (Himavanta) trong tám tháng nắng ráo. Đến mùa mưa, đạo nhân dắt đoàn đạo sĩ môn đệ ra đi đến thành Bārāṇasi, khất thực trong kinh thành.

Khi ấy, vua Phạm Thí trông thấy đạo sĩ Kesava thì phát tâm trong sạch. Thỉnh được đạo nhân nhận lời an cư bốn tháng trong hoàng thành, đức vua cho người sửa sang vườn ngự uyển để đạo nhân lưu trú. Mỗi ngày hai lượt, sáng và chiều đức vua ngự đến lo việc hộ độ các đạo nhân.

Ở được vài ba ngày, các đạo sĩ đệ tử điếc tai vì các tiếng voi, ngựa hí, chịu không nổi nên xin thầy cho mình rút lui. Đạo nhân hỏi:

- Chư hiền đồ sẽ đi về đâu?

- Bạch Sư phụ, chúng con về núi Tuyết Sơn.

- Nầy chư hiền đồ, ngày mới đến đây ta đã nhận lời của Quốc vương ở trú an cư nơi nầy bốn tháng, sao chư hiền đồ lại tính bỏ ra đi?

- Bạch Sư phụ, tại vì Sư phụ nhận lời mà không cho chúng con hay biết. Nơi đây, chúng con không thể ở lại đây, xin cho chúng con kiếm chỗ ở gần nơi đây, hầu có thể nghe ngóng tin tức của Sư phụ.

Nói rồi, cả đoàn đệ tử đánh lễ từ biệt Kesava đạo nhân. Chỉ còn lại mình đạo sĩ Kappaka là vị thị giả ở lại hầu thầy mà thôi.

Khi đến hộ độ các đạo nhân, Quốc vương hỏi:

- Chư đạo sĩ đi đâu hết rồi?

- Tâu đại vương, chư hiền đồ bất mãn nên đã xin trở về núi Tuyết Sơn cả rồi.

Không bao lâu, đạo sĩ Kappaka cũng không thể kham nhẫn, bèn tỏ thật với thầy: “Bạch Sư phụ, con cũng không thể cố gắng ở lại đây lâu hơn nữa được”.

Sau khi xin phép nhiều lần, vị thị giả được đạo nhân Kesava bằng lòng cho đi về Tuyết Lãnh Sơn nhập chung với các bạn đồng tu, ở một nơi cách đó không bao xa để có thể nghe ngóng tin tức Sư phụ được dễ dàng.

Thời gian sau, đạo sĩ Kesava sanh chứng đau bụng vì nỗi nhớ nhung các đệ tử thân yêu. Quốc vương khiến ngự y đến điều trị, nhưng bệnh tình không thuyên giảm chút nào cả.

Đạo nhân thấy đức vua ân cần săn sóc, bèn hỏi:

- Tâu đại vương! Có thật đại vương muốn tôi khỏi bệnh chăng?

- Bạch Ngài! Nếu quả nhân có cách nào làm cho Ngài mau bình phục thì quả nhân sẽ thi hành ngay.

- Tâu đại vương! Nếu đại vương muốn cho tôi mau lành bệnh được yên lành, thì đại vương cho người đưa tôi về với các môn sinh.

- Bạch Ngài, được lắm.

Quốc vương truyền lệnh cho nội thị đặt đạo nhân nằm trên một chiếc giường, rồi khiến bốn vị đại thần, có quan Na La Đa lãnh đạo, đưa đạo nhân đi với lời ủy thác: “Chư khanh đi đến nơi rồi hãy lưu lại, chờ xem bao giờ đạo trưởng bình phục sức khỏe thì thông báo cho trẫm biết”.

Thị giả Kappaka nghe tin Sư phụ đã về, lật đật ra đi tiếp đón, đạo nhân hỏi: - “Còn các hiền đồ khác ở đâu?”.

Đạo sĩ Kappaka đáp: “Bạch Sư phụ, nghe nói các sư huynh sư đệ của con ở tại nơi đó”.

Các đạo sĩ môn đệ hay tin thầy trở về, cũng đều qui tụ lại đông đủ, chung lo chăm sóc đạo nhân, như dâng nước nóng các thứ trái cây rừng và thực phẩm khác.

Chỉ trong chốc lát, đạo nhân khỏi bệnh và vài ba ngày sau da dẻ đã sáng ánh như vàng ròng. Khi ấy đại thần Na La Đa hỏi đạo nhân:

*“Manussindam jahitvāna
Sabbakāmasamiddhinam
Kathannu bhagavā kesi
Kappassa ramasi assameti”*

*“Chốn thảo am đủ mùi dục lạc,
Sao Thế Tôn Quyền Phát bỏ đi.
Thảo am Lý Phát có chi,
Mà Ngài lưu luyến làm gì cho cam?”.*

*“Sādūni ramaṇīyāni
Santi rukkhā manoramā
Subhāsītāni kappassa
Na La Đa ramayanti manti”.*

*- “Na La Đa nầy, chốn thảo am,
Là nơi ta thích, không nhàm chán đâu.
Cỏ cây đẹp mát rừng sâu,
Có trì Lý Phát bạn bầu sớm hôm”.*

*“Sālīnam odanam bhutvā
Sucimamsūpasecanam
Katham sāmākanivārā
Aloṇā sādāyanti tanti”.*

*“Com Sà Li thơm ngon trộn thịt,
Ngài quen dùng thỏa thích sẵn sàng.
Sá chi kê lạt tối tàn,
Mà Ngài lưu luyến buộc ràng nơi đây”.*

- *“Asādum yadi và sādum
Appam và yadi và bahum*

*Vissattho yattha bhuñjeyya
Vissāsaparamā rasāti”.*

*“Dầu ngon dầu dở trời thây,
Dầu nhiều dầu ít, dạ nầy chẳng lo.
Chung vui bạn lữ thầy trò,
Ăn sao cũng được, miễn cho thâm tình”.*

Thuyết dứt tích Bổn Sanh nầy, Đức Bổn Sư dẫn giải rằng:

- Quốc vương thời ấy nay là Moggallāna, Na La Đa nay là Sāriputta, thị giả Kappaka nay là Ānanda và đạo sĩ Kesava chính là Đấng Như Lai vậy.

Đức Bổn Sư nói tiếp: “Tâu đại vương, những bậc hiền trí thời xưa đã từng thọ khổ gần đến mạng chung, chỉ vì thiếu tinh thần thân mật như thế đó. Các Thánh Văn của Như Lai, sở dĩ không vào hoàng cung cũng bởi vì không được thân mật với đại vương vậy”.

Quốc vương Pasenadi suy nghĩ: “Bây giờ quả nhân phải làm sao để cho Tăng chúng thân thiện với quả nhân đây? À quả nhân nên cầu hôn với hoàng tộc Thích Ca là quyến thuộc của Đức Chánh Biến Tri, được như vậy các Tỳ Khưu và Sa Di sẽ thấy quả nhân là quyến thuộc của đấng Chánh Biến Tri, ắt sẽ thân thiện với quả nhân và sẽ lui tới trong đền ngự”.

Nghĩ vậy, Quốc vương phái sứ giả sang cầu hôn với dòng Thích Ca: “Khanh hãy đại diện cho trẫm, qua nạp sính lễ cầu hôn, xin cưới một Công chúa thuộc huyết thống Thích Ca rồi trở về đây phục lệnh”.

Sứ thần lãnh mạng ra đi cầu hôn với dòng họ Thích. Tại thành Kapilavatthu, tất cả những vị tai mắt, đại diện cho hoàng tộc Thích Ca, đều được các Quốc vương triệu thỉnh nhóm đại hội dòng tộc biểu, để tham khảo ý kiến. Ai cũng cho rằng: “Vua Padenadi không phải là dòng môn đẳng hộ đối, dòng huyết thống ngang với chúng ta. Nhưng nếu chúng ta không nhận gả con cho y, thì y sẽ dấy động can qua, hung binh đánh chiếm nước ta chẳng sai. Vậy ta nên làm gì bây giờ?”.

Đức vua Mahānāma (Đại Danh) bèn đề nghị rằng:

- Đưa con gái tức thể nữ của trẫm, tên là Vāsabhakhattiya, có nhan sắc tuyệt đẹp, ta hãy đem gả cho vua ấy.

Giải pháp nầy được hoàng tộc Thích Ca chấp nhận. Đức vua bèn đáp lời cùng sứ giả: “Quả nhân vui lòng gả Công chúa cho Quốc vương”.

Sứ giả tâu rằng: - “Công chúa ấy là con vị vua nào?”

- Công chúa là con gái của đức vua Mahānāma, là biểu đệ của Đức Chánh Biến Tri, mỹ hiệu là Vāsa-bhakhattiya.

Sứ thần về nước mang tin mừng nầy tâu lên vua Pasenadi. Đức vua phán: “Nếu vậy thì tốt lắm, khanh hãy qua nghênh đón Công chúa về đây cho mau. Nhưng hãy nên cẩn thận đề phòng, dòng Sát Đế Ly Thích Ca thường man trá. Sợ e đem con gái của bọn phi tần đấy. Khanh hãy nài cho được thấy Công chúa dùng cơm chung một mâm với phụ vương trong bữa ăn, tiệc tiễn hành cho chắc ý, rồi sẽ rước về”.

Các sứ thần mai dong tuân lệnh vua Pasenadi ra đi, gặp vua Mahānāma thì tâu rằng:

- Tâu bệ hạ! Quốc vương của tôi muốn cho Công chúa được ngồi dùng cơm chung với Ngài trong bữa tiệc tiễn hành.

- Tốt lắm, nầy chư hiền sĩ.

Đoạn Quốc vương Mahānāma khiến Công chúa trang điểm hoàn bị, đến giờ ngự thiện thì dùng chung mâm với đức vua cho sứ thần trông thấy. Xong bữa, đức vua chuyển giao Công chúa cho sứ giả hộ giá vu qui.

Đưa dâu về đến thành Sāvattthī, các sứ giả tâu với Quốc vương các việc mình đã mục kích tận tường. Quốc vương cả đẹp bèn phong cho Công chúa là Chánh hậu, chuồng quản một nhóm năm trăm cung phi.

Không bao lâu sau, chánh hậu hạ sanh được một hoàng nam, màu da sáng chói như vàng ròng, đến ngày lễ đặt tên cho hoàng tử, quốc vương phán quan nội giám đến thỉnh ý của hoàng Thái hậu.

- Công chúa Vāsabhakhattiya dòng Thích Ca, là chánh cung hoàng hậu vừa mới hạ sanh hoàng tử, Tổ mẫu ông đặt tên gì cho cháu nội?

Quan Thái giám lãnh lĩnh của quốc vương là người có tật lảng tai, khi đến tư cung của hoàng Thái hậu, ông trình bày sự mạng của ông xong, Thái hậu đáp rằng:

- Thái tử là con của hoàng hậu Vāsabhakhattiya, lúc chưa sanh cũng đã thu phục được lòng người rồi. Bây giờ đây chắc hẳn là được quốc vương sủng ái vô cùng vậy?

Viên nội giám lảng tai, nghe lầm tiếng Vallabha (Đắc Sủng) thành ra tiếng Viḍḍabha (Lưu Ly), rồi in trí như thế, nên trở về tâu với Quốc vương:

- Tâu bệ hạ, xin bệ hạ đặt Thái tử tên là Viḍḍabha.

Quốc vương nghĩ thầm: “Chắc đây là một tên rất xưa trong hoàng tộc trăm”. Nghe theo lời của viên nội giám lảng tai, quốc vương đặt tên cho thái tử là Viḍḍabha.

Ngay từ khi thái tử còn ở tuổi thiếu niên, quốc vương muốn lấy lòng Đức Bốn Sư, đã phong thái tử làm chức Hàm đô thống đại nguyên soái.

Lúc mới bảy tuổi, thái tử Viḍḍabha trông thấy các vương tôn hoàng tử đồng tuế được ngoại tổ gọi cho đồ chơi như hình voi, hình ngựa hoặc thứ nầy thứ nọ, thì hỏi mẹ:

- Mẫu hậu ơi! Sao mấy hoàng nam khác có ngoại tổ gọi đồ chơi đủ thứ, còn con không có ai gọi tặng món chi hết vậy? Bộ con không có ngoại tổ phụ mẫu hay sao?

Chánh hậu đáp rằng: “Nầy vương nhi con! Ngoại tổ của con là dòng Thích Ca, ở cách đây xa lắm, cho nên không gọi quà tặng cho con được”

Đến khi được mười sáu tuổi, thái tử Viḍḍabha lại thưa với mẹ:

- Tâu mẫu hậu! Con muốn được về thăm dòng họ bên ngoại.

Chánh hậu gạt ngang, bảo rằng:

- Thôi vương nhi! Con về bên ấy mà làm gì?

Thái tử cứ theo mẹ mà van xin mãi. Sau cùng Chánh hậu phải chịu theo: “Vương nhi muốn đi thì con cứ đi”

Chánh hậu Vāsabhakhattiya khiến người mang thư đi trước thái tử về báo tin cho vua Mahānāma hay, nói rằng:

- Con ở đây vẫn bình yên, xin hoàng tộc Thích Ca đừng lộ vẻ gì khác biệt với chồng con, đừng cho thái tử cùng quan hộ giá trông thấy.

Hoàng tộc Thích Ca hay tin thái tử Viḍḍabha sắp đến Kapilavatthu, thì thương nghị cùng nhau và quyết định rằng:

- Không thể để cho con cháu chúng ta đánh lễ, chào đón nó.

Thế là, bao nhiêu hoàng tôn, thái tử nhỏ tuổi hơn thái tử Viḍḍabha đều được gọi về miền quê đổi gió. Các vị lớn tuổi ở lại tập trung nơi tòa khách thính trong thành Kapilavatthu.

Thái tử Viḍḍabha được đưa vào thành, khi đứng trước các vị ấy, họ tự giới thiệu rằng: “Nầy vương nhi, đây là ngoại tổ của con. Đây là cử phụ của con..”.

Thái tử đánh lễ ra mắt tất cả mọi người xong, không thấy có ai đánh lễ lại mình, thì hỏi rằng:

- Sao không ai đánh lễ con hết vậy?

Quyển thuộc Thích Ca trả lời rằng:

- Nầy vương nhi! Các thái tử hoàng tôn tuổi nhỏ hơn con, mắc về quê cả rồi.

Và họ sắp đặt tiệc đãi đằng hoàng tử Viḍḍabha rất trọng hậu. Thái tử lưu lại Kapilavatthu vài ba hôm chơi, rồi tạ từ dòng họ Thích Ca lên đường về xứ.

Khi ấy, các cung nữ đến dọn dẹp quét tước ngôi khách thánh, lấy sữa tươi rửa cằm đôn, nơi mà hoàng tử Viḍḍabha đã ngồi, vừa rửa vừa mắng rằng: “Đây là chỗ ngồi của con trai cung nữ Vāsabhakhattiya”. Bất ngờ thay, có một viên tùy tướng của thái tử bỏ quên khí giới, nên trở lại khách thánh lấy, y nghe được những lời này, bèn gạn hỏi rõ nguyên nhân, mới biết rằng: “Chánh hậu Vāsabhakhattiya tuy là con của đức vua Mahānāma dòng Thích Ca, nhưng mẹ nàng lại là một cung nữ”.

Viên tùy tướng đem chuyện này thuật lại cho quân sĩ nghe. Thế là, trong sĩ tốt có tiếng xôn xao, đồn rằng: “Bà Vāsabhakhattiya là con gái của một cung nữ”. Thái tử Viḍḍabha nghe rõ câu chuyện, chàng cảm tức dòng họ Thích Ca, thề rằng:

- Mặc cho bọn nó giỏi lấy sữa tươi mà rửa chỗ ngồi của ta, khi nào lên làm vua ta sẽ lấy máu cổ họng chúng nó mà rửa lại chỗ ấy.

Khi thái tử về đến thành Sāvattī, các quan tùy giá thuật lại sự tích ấy do cung nữ Kapilā (Vệ Kim Thành) đã thổ lộ, nguồn gốc của chánh hậu lên đức vua Pasenadi. Quốc vương rất căm thù dòng Thích Ca, nghĩ rằng:

- Bọn này đã mạo muội gả con gái cung nhân cho trẫm.

Quốc vương hạ lệnh tước đoạt phẩm vị của Chánh cung hoàng hậu và Đông cung thái tử, biếm xuống làm cung nhân.

Cách mấy hôm sau, Đức Bốn Sư ngự vào hoàng cung, an ngự vào chỗ ngồi soạn sẵn, quốc vương bèn đánh lễ Ngài và bạch rằng: “Bạch Ngài, quả nhân xin cho Ngài hay biết các quyền thuộc của Ngài đã mạo hôn, gả con gái cung nữ cho quả nhân, vì vậy, cho nên quả nhân đã tước hết phẩm vị chánh hậu và Đông cung thái tử, cho làm cung nhân, nô tỳ vì phận vị ấy hợp với họ”.

Đức Bốn Sư phán rằng: “Tâu đại vương, việc này rất oan uổng cho họ, Chánh hậu đã được dòng Thích Ca nhìn nhận ngang hàng mới đem gả cho đại vương. Như Lai xác nhận việc này. Đại vương, mẫu hệ không nghĩa lý gì, chỉ có phụ hệ là đáng kể mà thôi. Như bậc hiền trí thuở xưa đã phong cho một thiếu nữ bán hàn đi một củi khô lên làm chánh hậu, thái tử do nàng ấy sanh ra về sau lãnh tụ, là vị chúa tể thống trị cả quốc độ Bārāṇasi rộng đến mười hai do tuần, có danh hiệu là Kaṭṭhavāhanarāja (Tiểu Phu Vương).

Nhân dịp này, Đức Bốn Sư thuật tích Bốn Sinh Nữ tiểu phu (Kaṭṭhahāriyajātaka).

Quốc vương Pasenadi nghe pháp rồi, công nhận chỉ có phụ hệ là đáng kể nên phát tâm hoan hỷ, bèn truyền lệnh ân xá chánh hậu và thái tử, cho phục hồi cựu vị.

Nói về Đô thống tướng quân Bandhula kết hôn với Công chúa Mallikā (Mallikā, là con vua xứ Malla, đã lâu ngày không có con. Gia tộc Bandhula kết tội nàng là “vô hậu”, nên đuổi công chúa trở về cố quốc. Công chúa định đến bái biệt Đức Bốn Sư rồi sẽ lên đường. Vào Tịnh Xá Kỳ Viên, công chúa đánh lễ Đức Như Lai rồi đứng qua một bên. Đức Bốn Sư phán hỏi:

- Con đi đâu đây?

- Bạch Ngài, con trở về sanh quán

- Tại sao vậy?

- Bạch Ngài, vì con hiếm muộn, chồng con kết tội vô hậu, nên đuổi về xứ.

- Nếu thế thì con khỏi cần đi về quê, con hãy trở lại nhà chồng.

Công chúa mừng rỡ, đánh lễ Đức Thế Tôn rồi trở gót về nhà Thống soái Bandhula, Bandhula hỏi nàng rằng:

- Tại sao nàng trở lại?

- Đức Thập Lực bảo thiếp trở lại.

Đại Tướng quân Bandhula bằng lòng cho vợ ở lại và nghĩ:

- Chắc Đức Thập Lực tiên tri, thấy được vị lai. Thôi ta hãy ráng chờ xem.

Quả thật, chẳng bao lâu Công chúa thọ thai, sanh chứng ốm nghén, thèm khát không chịu đựng được, bèn tỏ thật cùng chồng. Tướng quân Bandhula hỏi: “Nàng thèm món chi?”.

- Thừa tướng quân, tại kinh đô Vesālī, trong ngự uyển của vương tộc Licchavī, có hồ sen mà họ dành dùng làm lễ tôn vương. Thiếp thềm tắm rửa và uống nước trong hồ ấy.

Tướng quân Bandhula nói: Được. Đoàn Đại tướng lấy chiếc cung thần có sức mạnh gấp ngàn lần cung nỏ thường đeo lên vai. Gióng xe ra khỏi thành Sāvattthī, nhắm ngay thành Vesālī tiến tới và đột nhập vào thành Vesālī, do cửa của Thái tử Mahāli trấn giữ. Tư dinh của Thái tử Mahāli gần cửa kinh thành. Nghe tiếng ngựa xe rầm rộ vượt qua cổng thành, Mahāli nhủ thầm: “Đây là tiếng xe của tướng quân Bandhula. Hôm nay chắc các vua dòng Licchavī phải kinh tâm tán đởm”.

Các hồ cấm có hộ vệ quân trấn giữ, phòng thủ trong ngoài cẩn mật. Trên mặt hồ có lưới nhặt mắt, bao phủ kín mít một con chim nhỏ chui qua cũng không lọt.

Thế mà, Đô thống tướng Bandhula xuống xe, tuốt gươm đánh đuổi lực lượng phòng vệ thật mau lẹ, chém đứt lưới đồng bao phủ mặt hồ. Dìu vợ xuống tắm dưới hồ, Khi Công chúa tắm xong và uống nước thỏa mãn rồi, tướng quân cũng tự mình xuống tắm.

Xong rồi, Đại tướng lái xe vượt qua khỏi thành Vesālī lên đường trở về bốn quốc.

Quân lính giữ hồ báo tin cho các vua Licchavī, các vua nổi giận, thắng năm trăm cỗ chiến xa, tức tốc dẫn binh xông ra khỏi thành, quyết theo bắt cho được Bandhula và Mallikā.

Các vua ghé vào dinh của Mahāli để cho biết ý định thì Thái tử can rằng: “Thôi chừ vương, đừng đuổi theo. Bandhula sẽ giết sạch chừ vương, không sót một mạng”.

Các vua đồng thanh nói:

- Dầu sao chúng tôi cũng sẽ rượt theo hần.

Mahāli dặn rằng: “Nếu vậy, chừ vương nên lưu ý đề phòng. Hễ khi nào trông thấy bánh chiến xa của y lún xuống tới bùn thì nên thu quân trở lại. Nếu không, khi chừ vương tiến tới mà nghe tiếng nổ vang như sấm, lúc ấy nên lui binh, bằng không chừ vương sẽ thấy các đầu chiến xa của mình đứt đoạn nát tan. Đến đây, chừ vương không nên liều lĩnh tiến xa hơn nữa mà nguy đến tánh mạng”.

Các vua Licchavī bất chấp lời khuyên ngăn của thái tử Mahāli, đem hết toàn lực đuổi theo Bandhula tướng quân. Công chúa Mallikā nhìn lại phía sau lưng, thấy bụi bay mù mịt, nàng nói với chồng: “Thưa phu tướng, hình như có nhiều chiến xa đuổi theo chúng ta”.

- Nếu vậy, nàng hãy nhìn cho kỹ, chừng nào thấy chiếc xe đầu tiên rõ rệt thì hãy bảo ta.

Khi thấy tất cả đoàn xe hiện ra như một chiếc xe giữa đám bụi mù. Công chúa Mallikā bảo chồng:

- Thừa phu tướng, giờ thiếp thấy rõ như một cái đầu xe.

Tướng quân Bandhula trao dây cương ngựa qua cho vợ dặn rằng: “Nếu vậy, nàng hãy cầm giữ dây cương này, lái cho xe đi thẳng đường, để một mình ta đối phó với họ”.

Nói rồi Bandhula lấy thế đứng vững trên xe, lắp sẵn tên vào chiếc cung thần.

Khi thấy chiếc chiến xa của tướng Bandhula bị lún bánh xuống tới bùn, các vua thấy vậy cũng chẳng lui bước. Tướng quân Bandhula cho xe mình đi một quãng đường ngắn rồi giơ tay búng dây cung thần, một tiếng nổ vang trời vang lên như tiếng sấm. Các vua Licchavī nghe vậy cũng chẳng nao núng mà còn đuổi theo rất gấp. Bandhula đứng trên xe bắn mũi tên, mũi tên ấy đâm lủng đầu năm trăm cỗ chiến xa địch, xuyên qua mình năm trăm vua Licchavī ngay chỗ dây ngọc đá, rồi cắm phập xuống đất; các vua Licchavī không hay rằng mình đã trúng tên địch, hăng hái xông tới hét lớn: “Tiểu tốt vô danh, có giỏi thì đứng đó đừng chạy”.

Bandhula dừng xe lại, đợi các vua Licchavī đến gần mắng rằng: “Đồ chết bản, ta không thềm giao chiến với những xác chết đâu”.

Các vua Licchavī bảo: “Ngươi hãy xem cho kỹ, chúng ta không phải là những xác chết?”.

Bandhula nói: “Tất cả các người đồng chung số phận, các người hãy cởi bỏ ngọc đá của tên thủ lãnh ra xem”.

Các vua Licchavī vừa mở dây ngọc đá của tên thủ lãnh thì vị này ngã xuống chết.

- Tất cả các người đều đồng chung số phận với tên đầu lãnh, mỗi người hãy trở về nhà sắp đặt việc hậu sự, từ giã vợ con quyến thuộc, rồi hãy cởi bỏ khôi giáp.

Bandhula đưa công chúa Mallikā về thành Sāvattthī. Từ đó về sau, công chúa sanh mười sáu lần sanh đôi con trai. Tất cả đều là những tay vũ dũng, có đóm lược anh hùng, đến tuổi trưởng thành đều am tường lục thao tam lược, mỗi chàng đều có ngàn sĩ tốt bộ hạ. Mỗi lần Bandhula tướng quân về triều yết kiến quốc vương, các công tử và bộ hạ đi theo vào đứng chật cả sân rồng trong đền ngự.

Một hôm các quan tòa xử án nhiều người vì bị xử hiếp trong một vụ kiện, trông thấy tướng quân Bandhula đi tới, la ó lên, phản đối các thẩm phán thiên vị và cậy nhờ tướng quân can thiệp. Bandhula tướng quân vào đến giữa tòa, minh xét lại bản án, làm cho rõ ngay gian và giúp cho người sở hữu chủ được thắng kiện. Quần chúng dự thính hoan hô vang dậy.

Quốc vương nghe tiếng reo hò phán hỏi thị thần: “Chuyện chi thế?”. Khi biết rõ nguyên do, quốc vương rất hài lòng, giáng chức các quan tòa cũ và bổ nhậm Bandhula cầm đầu Tam pháp y. Từ ngày nhậm chức mới, Bandhula xử đoán rất công minh. Các vị tài phán bị cách chức, mất cả danh lợi đâm ra thù ghét Bandhula, nên kiếm chuyện đâm thọc với hoàng thân quốc thích, tuyên truyền rằng: “Bandhula âm mưu tạo phản”.

Quốc vương nghe các quyến thuộc tâu vào tâu ra mãi, cũng mắc kế của bọn gian thần, sanh tâm nghi ngờ người bạn cố tri, muốn tru lục cha con Bandhula để trừ hậu hoạn.

- “Nếu trẫm ra lệnh hành quyết ngay tại nơi đây, ắt là phải mang tiếng người đòi chê trách.

Quốc vương liền mật sai những quân tướng tâm phúc giả làm quân phiến loạn, đánh phá nơi biên thùy. Đoàn triệu tướng Bandhula vào triều phán rằng:

- Có tin biên thùy dấy loạn, trẫm phú cho hiền đệ và các hiền diệt đi tiểu trừ và bắt cho được bọn cướp thảo khấu ấy.

Tướng quân lãnh mạng ra đi, không ngờ Quốc vương ngầm sai những tướng tài khác đi kèm theo với mấy cha con, với lệnh truyền rằng “chém đầu Bandhula với ba mươi hai công tử, đem thủ cấp về đây”.

Trong lúc đội binh mã rầm rộ kéo đi ra biên thùy. Bọn khấu tặc nghe tin Đô thống tướng Bandhula xuất chinh, bèn tan rã hàng ngũ, bỏ chạy trước. Tướng quân vào thành lập lại trật tự vô an bá tánh, xong rồi kéo đại binh trở về gần tới kinh đô, các tướng sĩ lãnh lệnh vua thi hành bản án tử hình. Bắt hết cha con tướng quân Bandhula xử trảm một lượt.

Hôm ấy, nhằm ngày công chúa Mallikā cung thỉnh hai vị Thượng Thỉnh Văn và năm trăm Tỷ Khưu đến soái phủ thọ thực. Vào buổi sáng hôm ấy, công chúa đã nhận được thư báo của gia nhân: “Chồng và các con đã bị xử trảm”. Được biết hung tin công chúa vẫn lặng thinh, nhét phong thơ vào trong vạt áo, lo việc hộ độ Chư Tăng, như không có việc gì quan hệ xảy ra, khi ấy bọn nữ tỳ của Công chúa, sau khi dâng cơm đến chư Tỷ Khưu, đang bung cái bình sanh tô (bơ tươi) đến trước hai vị Trưởng Lão thì sút tay, buông rơi cái bình xuống nền bể nát.

Đức Sāriputta nói an ủi rằng:

- Cửa tạm bợ Vô thường, lỡ bể thì thôi, chẳng nên ân hận.

Công chúa Mallikā liền lật vạt áo lên, lấy phong thơ đưa ra và nói: “Bạch Ngài, ba mươi hai đứa con trai và cha nó vừa bị xử trảm, khi được người nhà đưa thư báo tin này, đệ tử đọc rồi còn chẳng ân hận, huống chi là việc bể cái bình sanh tô mà đệ tử ân hận hay sao?”.

Đức Tướng quân Chánh Pháp liền thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Animittamaññātāṃ

Maccānaṃ idha jīvitāṃ

Kasirañca parittañca

Tañca dukkhena saṃyuttanti”

“Sanh tử không kỳ hạn,

Tuổi thọ khó tiên đoán.

Đời tội tệ nhỏ nhen,

Đầy khổ đau hoạn nạn”.

Kế đó, Trưởng Lão thuyết tiếp một thời pháp, rồi đứng lên rời Soái phủ, trở về Tịnh Xá.

Công chúa cho gọi hết ba mươi hai cô dâu đến phán dạy rằng:

- Chông các con phải chết vì tay người khác, chẳng qua là trả quả của nghiệp tiền khiên, các con chớ nên buồn rầu khóc lóc, cũng đừng đem lòng oán hận đức vua.

Các thám tử của quốc vương nghe được những lời nầy, nên về tâu lên quốc vương việc các quả phụ không đem lòng oán hận Ngài. Nghe vậy, quốc vương sanh tâm kinh cảm, ngự đến tư dinh của công chúa Mallikā để xin chịu lỗi với công chúa và các nàng dâu góa bụa, xong rồi ban cho công chúa một ân huệ.

Công chúa tâu: “Thần thiếp xin nhận lãnh ân huệ của bệ hạ”.

Sau khi quốc vương ngự giá về cung, công chúa cử hành tang lễ, Trai Tăng cầu siêu, đoạn tắm gội sạch sẽ vào triều yết kiến quốc vương:

- Tâu đại vương! Bệ hạ hứa ban ân huệ, nhưng thần thiếp không cầu mong việc chi khác, ngoài việc xin bệ hạ gia ân cho thần thiếp và ba mươi hai con dâu được trở về xứ sở quê hương.

Quốc vương chuẩn tấu. Công chúa sắp đặt cho ba mươi hai nàng dâu ai về nhà nấy, riêng mình cũng lên đường trở về quê quán trong thành Kusinārā.

Quốc vương ấn phong cháu trai của tướng quân Bandhula là Dīghakārāyana (Trường Lao) làm Đô thống đại Nguyên soái.

Nhưng Dīghakārāyana căm thù quốc vương đã xử trảm Bandhula nên hằng chờ cơ hội để trả thù cho cậu mình.

Lúc bấy giờ, Đức Bổn Sư đang ngự trong thị trấn Medālapa của dòng Thích Ca, quốc vương ngự giá đến đó, an dinh hạ trại cách chùa không bao xa, đoạn rời khỏi đại quân tùy giá vào chùa đánh lễ Đức Bổn Sư, trước khi vào hương thất một mình, quốc vương cởi hết những phù hiệu của nhà vua (Mão, hia, kiếm, trượng và hốt), giao cho Dīghakārāyana gìn giữ (đoạn nầy trong kinh Dhammacetiya sutta (Pháp Tháp) trong Trung Bộ Kinh có giải rõ từng chi tiết).

Thừa lúc quốc vương Pasenadi vào trong hương thất, Dīghakārāyana lấy hết phù hiệu vương vị, tôn Thái tử Viḍḍabha lên làm vua, kéo rốc toàn quân trở về thành Sāvattihī, chỉ chừa lại cho quốc vương một con ngựa già và bà thế nữ hầu hạ vua mà thôi.

Sau khi đàm đạo thân ái với Đức Bổn Sư, quốc vương đánh lễ Ngài trở ra, không thấy binh lính, hỏi bà thế nữ mới tỏ rõ mọi sự. Quốc vương nghĩ thầm: “Quả nhân phải nhờ Vương sanh (cháu kêu Ngài bằng dượng, tức là vua Ajātasattu) tiếp viện mà bắt Viḍḍabha mới được”.

Khi quốc vương Pasenadi đến thành Vương Xá thì đã quá giờ lưu thông, các cổng thành đều đóng kín. Quốc vương buộc lòng phải nghỉ đờ trong một ký túc xá. Cả ngày đi nắng lại bị trúng gió cảm sưng, quốc vương thặng hà vào lúc nửa đêm. Thế nữ theo hầu đức vua khóc lóc thở than: - Bệ hạ ơi! Bệ hạ là chúa của toàn dân xứ Kosalā, mà sao phải chọn nằm cô quạnh lạnh lùng...

Khi đêm tàn, trời hừng sáng, nhiều người nghe tiếng nức nở của bà thế nữ, hỏi ra mới biết là đức vua Pasenadi thặng hà ở nơi quán trọ ngoài thành, bèn vào báo tin với quốc vương Ajātasattu, quốc vương bèn ra lệnh hỏa táng một cách trọng thể, y theo nghi lễ tống chung của bậc đại vương.

Thái tử Viḍḍabha sau khi tức vị, nhớ lại mối hận ngày xưa, bèn chiêu tập binh mã, kéo hết đại binh ra khỏi thành Sāvattihī, trong tâm tính rằng: “Trẫm sẽ tận sát dòng Thích Ca”. Ngày ấy, lúc quán sát thế gian trong buổi sáng. Đức Bổn Sư thấy rằng dòng họ Thích của Ngài sắp bị tiêu diệt. Ngài tự nghĩ Như Lai phải đi về độ tông tộc mới được. Thế rồi, trong buổi sáng Ngài ngự đi khất thực, độ xong bữa Người trở về hương thất. Buổi trưa Ngài nằm thiền, nghiêng mình về phía phải như con hùng sư, và buổi xế Ngài bay đến Kapilavatthu, an tọa dưới một gốc cây có bóng mát loang lổ, nơi giáp ranh hai nước.

Phía bên kia ranh thuộc lãnh thổ của Viḍḍabha có cây đa to, tàn nhánh rậm rạp có nhiều bóng mát.

Vừa trông thấy Đức Bổn Sư, vua Viḍḍabha vội đến gần Ngài đánh lễ và bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trong lúc nắng nôi như thế nầy, sao Ngài lại ngồi chi dưới gốc cây có bóng râm loang lổ, xin thỉnh Ngài qua ngồi bên gốc cây đa to có nhiều bóng mát, ở đằng kia.

Đức Bổn Sư đáp rằng: “Tâu đại vương! Bóng râm của thân quyền bao giờ cũng mát mẻ”.

Nghe vậy, đức vua Viḍḍabha nghĩ rằng: “Chắc Đức Bốn Sư ngồi đây để bảo vệ gia quyến của Ngài”. Đức vua đành lễ rồi cáo từ Đức Bốn Sư và thân binh trở về Sāvattḥī. Đức Bốn Sư cũng đứng dậy bay về Kỳ Viên.

Quốc vương Viḍḍabha không thể quên được mối hận thù đối với dòng Thích Ca, xuất binh lần thứ hai đến chỗ giáp ranh hai nước, cùng gặp Đức Bốn Sư như lần trước, nên lại thu quân trở về. Đến lần thứ ba đức vua lại xuất binh, lại gặp Đức Bốn Sư nơi đó và lại thu quân trở về một lần nữa.

Đến lần xuất binh thứ tư của vua Viḍḍabha, Đức Bốn Sư không can thiệp để cứu quyến thuộc của Ngài nữa. Vì Ngài quán thấy ác nghiệp của họ ở tiền kiếp, đã bỏ thuốc độc xuống dòng sông thuốc cá chết, nay quả tới thời trở quả rồi, không thể che chở cứu vãn được nữa.

Với quyết tâm: “Trăm sẽ tận diệt dòng Thích Ca”. Viḍḍabha đem đại đội hùng binh ra đi, không còn bị Đức Bốn Sư cản trở. Quyến thuộc của Đức Bốn Sư kiên trì giữ giới sát sanh, thà chịu chết chứ không dám xuống tay giết hại kẻ khác, nghe tin địch quân kéo đến, họ nghĩ ngay rằng:

- Chúng ta là những tay thiện xạ bá phát bá trúng, nhưng ta không thể phá giới mà giết hại địch quân, ta chỉ nên bắn dọa cho họ sợ mà chạy thôi.

Thấy tên bắn như mưa, vua Viḍḍabha bảo các tùy tướng:

- Các khanh nghĩ sao? Có phải dòng Thích Ca giữ giới không sát sanh, thế mà bây giờ họ giết hại binh sĩ của trăm.

Khi ấy, một tùy tướng tâu rằng:

- Tâu chúa thượng, vì sao chúa thượng lại lui quân?

- Dòng Thích Ca giết hại binh sĩ của trăm.

- Ba quân tướng sĩ không có ai bị thương cả. Xin chúa thượng hãy cho kiểm lại quân sĩ xem.

Khi kiểm lại quân sĩ, không thấy thiệt mạng ai cả, vua Viḍḍabha lại truyền lệnh tấn công và dặn rằng:

- Này ba quân tướng sĩ! Các khanh hãy giết sạch những kẻ nào tự nhận là dòng Thích Ca, trừ những ai đứng gần ngoại tổ của trăm là vua Mahānāma, thì các khanh hãy dung tha mạng sống cho họ.

Quân binh của Viḍḍabha phá cửa thành Kapilavatthu, tuôn vào như nước vỡ bờ, đi lục soát bắt dòng Thích Ca để tru lục. Có nhiều người không cam tâm chịu chết vô cớ, bèn cắn cỏ hoặc cầm lau sậy đứng chực sẵn. Hễ quân nghịch đến hỏi “Người có phải là dòng Thích Ca không?”. Thì nhóm cắn cỏ đáp: “Không phải Thích Ca, cỏ” (No sako tiṇanti), còn nhóm cầm lau thì đáp: “Không phải Thích Ca, vì lô (no sako naṭoti). Quân lính ngoại quốc nghe không rành, tưởng họ phủ nhận dòng Thích Ca, nên không hạ sát họ, các người này dẫu có chết cũng không dám phạm giới nói dối, nên đã dùng mẹo khéo nói trớ như vậy mà được sống sót (tiếng Phạn Sāka là rau, đọc mừng tụng như Sākya là Năng Nhân Thích Ca), cả những người chạy theo đứng gần với vua Mahānāma cũng được tồn sanh. Do đó, về sau có danh từ Thảo Thích Ca (Tiṇasākiya) để chỉ những người đứng cắn cỏ và danh từ Vi lô Thích Ca (Naḷasākiya) để chỉ nhóm người đứng cầm lau.

Ngoài ba nhóm kể trên, tất cả hoàng tộc Thích Ca dẫu là trẻ con còn bú cũng không toàn mạng. Vua Viḍḍabha ra lệnh cắt cổ họ đem dội máu lên cấm đôn mà mình đã ngồi khi trước.

Tông tộc Thích Ca đã bị vua Viḍḍabha tru lục như thế, vua Viḍḍabha ra lệnh bắt vua Mahānāma đem theo làm tù binh, rồi mới rút lui trở về nước.

Đến giờ sáng vua Viḍḍabha đình bộ, xuống một nơi thung lũng nghỉ, cho quân hầu bung com và khiến người đi thỉnh ông ngoại đến để cùng ngồi ăn chung một mâm.

Dòng Sát Đế Ly thà bỏ mạng chứ không bao giờ chịu ngồi ăn chung mâm với con trai của thế nữ, cho nên vua Mahānāma nhìn xuống một ao hồ và nói:

- Này vương diệt mình trăm lăm lem cát bụi, để trăm đi tắm đã.

- Vâng, ngoại tổ hãy đi tắm đi.

Vua Mahānāma nghĩ thầm: “Nếu ta không ngồi ăn chung với thằng này, thì chắc chắn nó sẽ giết chết ta, thà là ta tự sát cho rồi”.

Vua bèn xả búi tóc ra, cột thắt gút phía ngọn tóc, đoạn xỏ hai chân vào cái nôi, rồi nhảy ùm xuống nước, do oai lực cao độ của vua Mahānāma, thủy cung của loài rồng phát hiện, Long vương tự hỏi: “Có chuyện gì thế?” Khi quán thấy được nguyên nhân, Long vương liền rước vua Mahānāma để ngồi trên mang của mình rồi đưa về thủy cung. Vua Mahānāma lưu trú nơi đây trong mười hai năm trường.

Vua Viḍḍabha ngồi chờ ngoại tử đã lâu, bèn khiến quân lính túa đi tìm kiếm từ dưới nước trên bờ, đến tối cũng không thấy, thấp đuốc soi đường mà tìm cũng chẳng thấy được nhà vua mất tích. Sau cùng vua Viḍḍabha cho rằng vua Mahānāma đã trốn thoát, nên rút quân lên đường, đại binh đến sông Aciravatī vào lúc ban đêm, nên chia làm hai đội, đóng trại nghỉ tại bờ sông, một đội ngủ trên cồn cát dưới sông, một đội thì ngủ trên bờ cao. Những người ngủ tại cồn cát mà không tạo ác nghiệp thì không bị kiến cắn thức dậy la lên: “Chỗ tôi nằm bị kiến cắn”. Thế là họ lên trên bờ cao mà nằm, còn những người nằm ở trên bờ cao mà tạo ác nghiệp nặng cũng bị kiến cắn, họ thức dậy la rằng: “Chỗ tôi nằm có kiến”, và họ lại đi xuống cồn cát mà nằm. Ngay lúc ấy, mây đen kéo mù mịt, mưa tuôn như thác đổ, nước sông dâng lên trong nháy mắt, ngập lụt cả bờ sông, cuốn vua Viḍḍabha cùng đoàn quân ngủ trên cồn cát đưa luôn ra biển. Tất cả những người tạo ác trọng nghiệp đều làm mồi cho cá và rùa.

Đại chúng Tỳ Khuru để khởi lời nghị luận rằng:

- Dòng Thích Ca bị diệt vong quả thật là oan uổng, khi không bị bọn người khát máu, cho rằng dòng Thích Ca đáng bị tru lục, rồi gập ai chém nấy. Như thế thật là phi lý bất công.

Đức Bổn Sư nghe được lời đàm thoại của chư Tỳ Khuru, bèn dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ Khuru! Trong kiếp hiện tại, dòng Thích Ca bị diệt vong như thế là bất xứng, nhưng không có gì oan uổng vì họ chỉ gặt hái cái quả tương xứng với ác nghiệp mà họ đã tạo ra trong dĩ vãng mà thôi.

- Bạch Ngài! Dòng họ Thích Ca đã tạo nghiệp gì trong dĩ vãng?

- Trong dĩ vãng, họ đã vây thành đoàn, xuống sông bỏ thuốc độc làm cho cá và rùa chết thật nhiều, do cộng nghiệp ấy mà dòng Thích Ca phải bị tiêu diệt như vậy.

Qua ngày sau, chư Tỳ Khuru lại nhóm trong giảng đường và để khởi pháp thoại như vậy:

- Vua Viḍḍabha hạ sát cả dòng họ Thích Ca, trở về không đến được xứ. Vì nuôi tham vọng quá mức mà dắt dẫn cả bao nhiêu người đi theo làm mồi cho cá và rùa ở dưới biển sâu.

Đức Bổn Sư ngự đến giảng đường, phán hỏi rằng:

- Nầy các Tỳ Khuru! Các ông đang hội thảo về việc chi vậy?

Chư Tăng đáp: “Bạch Ngài, chuyện như vậy..”

- Nầy các Tỳ Khuru! Cũng như dòng nước lũ ngập lụt cả xóm làng đang mê ngủ. tử thần bắt những chúng sanh nầy trong lúc họ còn ôm ấp tham vọng chưa thỏa mãn, cắt đứt mạng căn của họ, nhận chìm họ xuống biển tứ ác đạo vậy.

Nói xong, Đức Bổn Sư thuyết kệ rằng:

*“Pupphāni h'eva pacinantam
Byāsattamanasam naram
Suttam gāmam mahogho'va
Maccu ādāya gacchati”.*

*“Kẻ mãi hái hoa ngũ trần,
Tâm còn mê vọng, tử thần bắt đi.
Như làng xóm ngủ li bì,
Nửa đêm bị nước cuốn đi thành linh”.*

□

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn Ngữ, câu **byāsattamanasam** nghĩa là: Tâm còn lưu luyến đến chỗ đã đến, hoặc đến chỗ chưa đến cũng như thợ làm tràng hoa, vào hoa viên để hái hoa, tuy còn đang hái ở đây

mà tâm đã vọng tưởng đến chỗ khác, người ấy đưa tâm đi chu du khắp vườn hoa, dự định hái hết chỗ này sang qua chỗ kia, vừa đi vừa hái hoa, vừa để tâm lỏng bông như thế nào, thì cũng như thế ấy, người sa mê đắm nhiễm ngũ trần, khi chiếm hữu một bông hoa biết nói, có một nhan sắc ưa nhìn, hoặc có thính hương vị, xúc vừa lòng đẹp ý rồi, cũng còn hướng tới mơ ước những bông hoa khác nữa, người ấy chưa hề biết đủ và còn thả tâm hồn đi lỏng bông theo các bóng hồng xa lạ. Cũng đồng một nghĩa như trên, đối với người thế thì bông hoa ấy là bò, trâu, tằm tó, trai gái, ruộng vườn, làng, xứ, quận chẳng hạn, còn đối với bậc xuất gia thì là cốc liêu, tịnh thất, y, bát, chẳng hạn, đó là những bông hoa có tên là ngũ trần dục lạc mà người mãi mê thâm nhập hết chỗ này đến chỗ khác, là người tâm còn vọng tưởng ngũ trần vậy.

Suttam gāmaṃ (làng ngũ say), không phải là đồ vật trong làng như nhà cửa, vách phen.. Ngủ mà gọi là làng ngũ say, đây là nói về những chúng sanh như người và súc vật đang ngủ yên giấc lúc ban đêm, làng ngũ bị tử thần là nước dâng lên ngập lụt cả hai ba do tuần chiều dài lẫn chiều sâu bị lôi cuốn đem đi.

Cũng như thế ấy, tử thần là dòng nước lũ, lôi cuốn tất cả chúng sanh trong làng không sót một ai, dầu là đàn ông hay đàn bà, bò, trâu, gà vịt chi cũng bị đưa ra biển làm mồi cho cá và rùa, thì sự tử vong cũng vậy, nó bắt những kẻ đang mê vọng ngũ trần, cắt đứt mạng căn của mình, kẻ ấy bị nhận chìm xuống biển tứ ác đạo.

□

Khi thời pháp chấm dứt, nhiều vị Tỳ Khuru chứng đắc Thánh quả, nhưt là Sơ quả. Đại chúng thính pháp cũng đều hưởng được sự lợi ích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Vì chút tư thù khởi chiến tranh,
Lưu Ly Vương tạo nghiệp không lành.
Làn tên hữu ý dầu miễn tử,
Núi kiếm vô tình chẳng phóng sanh?
Máu đỏ loang hồng tòa khách sảnh,
Lòng son tô thắm đất Kim Thành.
Diệt dòng giới đức vui chưa trọn,
Bụng cá vùi thây chẳng hổ danh.*

DỨT TÍCH VUA VIDŪḬABHA

□

IV. 4- CHUYỆN NÀNG PATIPŪJIKĀ (Patipūjikāvatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 48)

<i>“Pupphāni h'eva pacinantam</i>	“Kẻ đang mãi hái hoa,
<i>byāsattamanasam naram</i>	Tâm còn vọng tưởng xa.
<i>Atittam yeva kamesu</i>	Tìm hưởng thú dục lạc,
<i>antako kurute vasam”.</i>	Tử thân nhốt chẳng tha”.

Kệ Pháp Cú này Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự gần thành Sāvattthī đề cập đến nàng Patipū-yikā (Sự Phụ).

Chuyện này khởi đầu từ trên cung trời Đao Lợi.

Tương truyền rằng: Thuở ấy trên Tam thập tam thiên có vị Thiên tử (Devaputta) có hiệu là Mālābhārī (Hoa Quang), dắt theo hàng ngàn ngọc nữ ngự du trong vườn thượng uyển. Năm trăm Thiên nữ trèo lên cây hái hoa ném xuống, năm trăm ở dưới nhặt hoa đi trang điểm cho vị Thiên tử. Trong số Thiên nữ leo cây, có một nàng đang ngồi trên nhánh cây vừa hết tuổi thọ, ngọc thể của nàng biến mất cũng như ngọn đèn vụt tắt. Tâm thức nàng thọ sanh vào một gia đình khá giả trong thành Sāvattihī.

Khi ra đời, nàng nhớ lại được tiền kiếp trước của mình, biết: “Mình trước là ái thiếp của Thiên tử Mālābhārī trên cung trời Đao Lợi”. Nên vừa lớn khôn nàng đã bắt đầu dâng cúng hương hoa, lễ vật nguyện cầu được siêu sanh trở về đoàn tụ với lang quân.

Lúc mười sáu tuổi, nàng xuất giá, từ đó nàng sống năng làm phước cúng dường thực phẩm đến Tăng bằng những cách thông thường như để bát Chư Tỳ Khuru mà nàng rút thẻ bắt thăm được, Trai Tăng mỗi ngày Bố tát (ngày rằm và ngày ba mươi), hoặc hộ Tăng trong ba tháng hạ... Và phát nguyện rằng: “Xin cho sự phước thí này hãy là món duyên lành, giúp cho con được tái sanh hội hiệp với chồng con”.

Chư Tỳ Khuru nghe nàng ước nguyện như thế, sáng chiếu hướng tâm đến chồng, nên đã đặt cho nàng biệt hiệu là nàng Patipūjikā (Sự Phụ). Nàng luôn chăm nom ngôi tọa đường (āsana sālā) cho người, lo việc dâng nước và sắp đặt chỗ ngồi, những thiếu nữ khác khi muốn cúng dường, Trai Tăng cũng thường nhờ cậy nàng cho mượn chỗ và phụ tiếp công nữa, hoặc đưa vật thực đến mượn nàng thay mặt để lo hộ độ Chư Tăng nơi ngôi tọa đường, cứ mỗi bước đến ngôi tọa đường, hoặc đi về nhà, là nàng Patipūjikā có được năm mươi sáu thiện pháp đều đều như vậy.

Nàng thọ thai, được mười tháng thì sanh được đứa con trai, khi đứa con đầu lòng biết đi, nàng sanh thêm được một đứa kế, và cứ thế, nàng hạ sanh được bốn đứa con trai.

Thế rồi, một hôm sau khi bố thí, cúng dường, thỉnh pháp, thọ giới, đến cuối ngày không đau bệnh chi hết, nàng tự nhiên lìa bỏ cõi đời, siêu sanh về tái hội với chồng. Khi ấy, các Thiên nữ khác vẫn còn đang trang điểm cho thiên tử Mālābhārī. Thiên tử thấy nàng thì hỏi:

- Từ sáng đến giờ không ai thấy nàng, vậy nàng đi đâu?

- Thừa chàng, thiếp đã mệnh chung.

- Nàng nói thật chứ?

- Vâng, quả đúng như thế, thưa chàng.

- Nàng sanh về đâu?

- Trong một gia đình khá giả nơi thành Sāvattihī.

- Nàng ở đó bao lâu?

- Ở trong bụng mẹ mười tháng thì ra đời, đến năm mười sáu tuổi thì xuất giá, sanh được bốn con trai rồi làm phước cúng dường và ước nguyện được trở về với chàng. Nên giờ đây mới được thọ sanh về đây đó chàng.

- Tuổi thọ nhân loại là bao nhiêu?

- Lối một trăm năm.

- Chỉ có bấy nhiêu ư?

- Vâng, thưa chàng.

- Sanh làm con người chỉ có bao nhiêu tuổi thọ thế, họ lại ăn ngủ buông lung, để mặc thời gian trôi qua hay là họ cúng dường làm phước vậy?

- Thừa chàng, chàng nói chi chuyện làm phước, người đời họ luôn luôn dễ dãi, buông tuồng, y như là họ sống đến hết A tăng kỳ kiếp, không già không chết vậy.

Nghe đến đây, một mối kinh cảm phát sanh lên trong lòng Thiên tử Mālābhārī. Nghe nói: “Sanh làm người chỉ sống có một trăm tuổi thọ, thế mà họ vẫn sống buông lung ăn ngủ mãi, thì biết bao giờ họ mới thoát khổ”.

Ở Thiên giới chúng ta, một trăm năm cõi nhân loại chỉ bằng một ngày đêm cõi Đao Lợi này. Cứ ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, tuổi thọ nơi Đao Lợi Thiên cung là một ngàn tuổi, tính theo tuổi nhân loại là ba mươi sáu triệu năm.

Bởi thế, nàng Thiên nữ khi thác xuống cõi người rồi trở về thiên giới chưa đến một ngày. Coi như mới đi trong chốc lát vậy. Con người có tuổi thọ ít ỏi như thế mà cứ buông lung giải đãi thì thật là không phải cách.

Ngày hôm sau, chư Tỳ Khuru vào ngôi trong ngôi tọa đường thấy không có người trông nom, chỗ ngôi không ai sắp đặt, nước không ai dâng cúng, bèn hỏi: “Nàng Sự Phu đâu rồi?”

- Bạch các Ngài! Nàng ấy còn đâu nữa chỉ vừa mới ngày hôm qua, khi các Ngài thọ thực xong ra đi, thì chiều hôm ấy nàng đã qui thiên.

Nghe tin buồn, các Tỳ Khuru phàm tưởng nhớ đến công đức của nàng tín nữ quá cố mà không cầm được giọt lệ, các Thịnh Văn Lộ Tận cũng phát sanh kinh cảm. Sau bữa cơm, Chư Tăng về chùa đánh lễ Đức Bổn Sư và bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài, nàng cận sự Patipūyikā sáng chiều hằng lo làm phước cúng dường lễ vật, phát nguyện xin được gắn chồng, bây giờ nàng đã thác, không biết được thọ sanh về đâu?

- Này các Tỳ Khuru! Nàng thọ sanh về gần gũi với chồng nàng.

- Bạch Ngài! Nàng chết rồi, đâu còn gần gũi với chồng nàng.

- Này chư Tỳ Khuru! Nàng không phát nguyện gần gũi với chồng ấy đâu. Chồng nàng là Thiên tử Mālābhārī trên cõi Đao Lợi, khi nàng đang trèo lên cây hái hoa để trang điểm cho chồng thì hết tuổi thọ, hạ sanh về nhân loại, bây giờ thì đã trở về với chồng cũ rồi.

- Bạch Ngài, có thật như thế ư?

- Này các Tỳ Khuru! Có thật như thế.

- Ôi! Kiếp sống của chúng sanh thật là nhỏ nhen ngắn ngủi bạch Ngài, mới hồi sáng nàng còn hộ độ chúng con, kể buổi chiều nàng phát bệnh chết liền.

Đức Bổn Sư đáp: “Phải đó, các Tỳ Khuru, đời sống chúng sanh ngắn ngủi là thường lệ, những chúng sanh này còn đang mài miết hái hoa ngũ trần dục lạc, thì bị tử thần bắt giữ, dầu cho có than van khóc lóc, tử thần cũng bắt đi luôn”.

Rồi Đức Bổn Sư thuyết kệ rằng:

*“Pupphāni h'eva pacinantam
Byāsattamanasam naram
Atittamyeva kāmesu
Antako kurute vasanti”.*

*“Kẻ mãi hái hoa vô tình,
Tâm còn vọng tưởng chẳng gìn giữ thân.
Trong giờ thọ hưởng ngũ trần,
Lòng còn nô lệ, tử thần chẳng xa”.*

□

CHÚ GIẢI:

Pupphāni h'eva pacinantam: Như người thợ làm tràng hoa vào vườn hoa mài mê hái hoa. Người ham mê ngũ trần mài mê góp nhặt những vật dính liền vào xác thân. Xác thân và các đồ vật dụng khác, gọi là hoa dục lạc.

Byāsattamanasam naram: Tâm lưu luyến đủ mọi cách, chỗ nào chưa đến thì khát khao mong mỏi, chỗ nào đã đến rồi thì nịch ái đắm say.

Atittam yeva kāmesu: Không bao giờ thỏa mãn trong sự tìm kiếm, thọ hưởng tích trữ mọi thứ ngũ trần dục lạc.

Antako kurute vasam: Bị lọt vào tay của Tử thần là sự chết, dầu cho thở than khóc lóc gì cũng vô ích, thế nào cũng bị nó bắt đem đi.

□

Bài kệ chấm dứt, nhiều vị Tỳ Khuru chứng đắc Thánh quả, như là Thánh quả Tu Đà Hườn, đại chúng thính pháp cũng đều được hưởng nhiều lợi ích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Một phút thiên đình lở sẩy chân,
Sự Phụ sa đọa xuống hồng trần.
Hái hoa còn nhớ khi đoàn tụ,
Làm phước chưa quên buổi hợp quần.
Sống chỉ nguyện siêu về cảnh cũ,
Thác không lo đoạn mất tình thân.
Giữa thời xuân sắc xinh như mộng,
Giã biệt chồng con dứt nợ trần.

DỨT TÍCH NÀNG PATIPŪJIKĀ



IV. 5- CHUYỆN BÁ HỘ MACCHARIYAKOSIYA (Macchariyakosiyasetthivatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số số 49)

*“Yathāpi bhamaro puppham
vaṇṇagandham aheṭhayam
Paleti rasamādāya
evam gāme munī care”.*

“Ví như ong lấy mật,
Không hại sắc hương hoa.
Vị Sa Môn hành khát,
Vào làng lại trở ra”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự gần thành Sāvattthī, để cập đến bá hộ Macchariya (Túi keo: Khan Nang).

Câu chuyện này khởi đầu tại thành Vương Xá.

Tương truyền rằng: Cách kinh thành Vương Xá không bao xa, có một thị trấn tên là Sakkara, nơi đó có bá hộ Macchariyakosiyā, gia tài lên đến tám trăm triệu đồng vàng. Ông bá hộ này chẳng bao giờ bố thí cho ai hoặc tự mình tiêu xài chút ít chi, dầu chỉ là nhỏ nhen như rót dầu trên đầu cọng cỏ, cho đến những người thân thích ruột rà như vợ con trong nhà hoặc các bậc xuất gia như Sa Môn, Bà la môn chẳng hạn, cũng không ai được hưởng phần gia tài khổng lồ mà ông bo bo gìn giữ như hồ nước đầy, không dám cho hao một giọt.

Một hôm, sau khi xuất định Đại bi trong buổi sáng sớm, Đức Bổn Sư dùng Phật nhãn quán xét toàn cõi thế gian tìm kiếm chúng sanh nào có đủ căn lành đáng được tiếp độ, Ngài thấy ở cách xa Ngài độ bốn mươi lăm do tuần, có hai vợ chồng ông Trưởng giả Macchariyakosiyā có duyên lành đắc Tu Đà Hườn trong ngày ấy.

Nguyên cách mấy hôm trước, ông Trưởng giả có lên thành Vương Xá yết kiến đức vua, sau khi bái châu, trở về dọc đường ông có gặp một người dân quê đói bụng đang nhai ngấu nghiến một ổ bánh tẻ ong chất đầy váng sữa coi bộ ngon lành lắm, làm ông phát thèm. Về đến nhà, ông nghĩ thầm: “Nếu ta hở môi ra nói là ta muốn ăn bánh tẻ ong, thì chắc có nhiều đứa muốn ăn chung với ta, như thế phải tốn hao nhiều mè, gạo, bơ, đường, than củi đủ thứ... Thôi tốt hơn ta không nên cho ai biết”. Rán dần tâm đè nén sự thèm khát, ông bỏ đi thất thểu đầy đó.

Nhưng càng đi nhiều, ông càng thấy vỏ vàng gầy guộc, mình nổi gân xanh, chớ không khuây khỏa được sự thèm khát. Về sau, ông phải vào phòng riêng, nằm úp sấp trên giường, cho đến nước ỉa mà ông chẳng chịu tỏ thật với ai, chỉ vì sợ hao hụt kho tàng của mình.

Khi ấy, bà Trưởng giả vào đấm lưng cho chồng, hỏi ông:

- Chẳng hay mình đau bịnh chi vậy?
- Ta không có đau ốm chi cả!
- Hay là mình bị đức vua khiến trách?
- Đức vua cũng không phiền trách chi ta cả!
- Hay là con cái hoặc tôi tớ trong nhà có làm điều chi phật lòng của mình?
- Cũng chẳng có ai làm cho ta phật ý cả.
- Thế thì mình có thềm lạt món chi chẳng?

Nghe vợ hỏi vậy, ông Trưởng giả lặng thinh, sợ nói ra lời thì thất thố, có thể hao tổn đến kho tàng của ông. Bà Trưởng giả không nghe ông trả lời, bèn lặp lại câu hỏi:

- Mình à, hay là mình thềm lạt món chi?

Ông không dám nói lớn, chỉ ầm ú trong cuống họng: “Ta thềm ăn một món”.

- Mình thềm ăn món gì?
- Ta muốn ăn bánh tàn ong.
- Chỉ có vậy mình không nói cho tôi biết, để chịu nhịn thềm làm chi. Bây giờ, để tôi làm ổ bánh để đãi cả thị trấn Sakkara này.
- Bà lo cho nhiều người chi vậy, họ muốn ăn thì họ tự lo làm lấy mà ăn chớ.
- Thế thì tôi làm một ổ bánh vừa đủ để đãi tất cả gia nhân trong khu phố để ăn.
- Tôi dư biết là bà giàu có lớn rồi mà.
- Thế thì, tôi sẽ làm một ổ bánh lớn vừa cả gia tộc của mình ăn.
- Tôi vẫn biết bà có tật ưa làm đầy mà.
- Thế thì tôi sẽ làm một ổ bánh vừa đủ vợ chồng con cái mình ăn.
- Con cái ăn làm gì bánh này?
- Vậy tôi, sẽ làm vừa đủ để ông và tôi dùng.
- Bà không thềm mà ăn làm chi.
- Vậy thì để tôi làm một cái vừa đủ mình ông ăn.
- Nếu bà nấu bánh tại đây sẽ có đũa biết mà ăn chực, bà chừa gạo tốt ra lấy tấm mẩn với khuôn lò nướng và chút ít sữa tươi, bơ lỏng mật ong, đường rồi mang lên lấu bầy, ở đó làm bánh và nướng ngay tại chỗ đó, để tôi ngồi ăn một mình.

Bà Trưởng giả đáp: “Dạ được”.

Bà cho đem đủ thứ vật liệu cần thiết, lên tuốt trên lấu thượng, rồi cho các nữ tỳ xuống hết, mới kêu ông Trưởng giả lên. Ông Trưởng giả trước hết lo đi đóng kín các cửa lại, gài then cẩn thận, rồi mới lên lấu bầy, đóng cửa bít bùng, ngồi trong phòng, đoạn ông bảo bà đốt lò, làm bánh nướng cho ông ăn.

Khi ấy vừa bình minh, Đức Bốn Sư gọi Trưởng Lão Moggallāna và dạy: “Nầy Moggallāna, cách thành Vương Xá không xa, nơi thị trấn Sakkara có ông Trưởng giả Macchariyakosiyā muốn ăn bánh tàn ong, nhưng sợ người ngó thấy, nên bảo vợ làm bánh nướng trên từng lấu thứ bầy, ông hãy đến nơi đó thu phục cho được ông Trưởng giả ấy, bảo họ mang theo cả bánh và sữa, bơ, đường, mật, rồi ông hãy dùng thần lực đưa cả hai vợ chồng về Kỳ Viên. Hôm nay ta sẽ ngồi thọ thực tại chùa cùng với năm trăm Tỷ Khuru”.

Trưởng Lão đáp: “Lành thay! Bạch Ngài”.

Vâng lệnh Đức Bốn Sư, Trưởng Lão dùng thần thông bay đến thị xã Sakkara. Đến đứng trước cửa sổ tòa lầu đài bầy từng của ông trưởng giả, Trưởng Lão đứng giữa hư không với tam y quả bát nghiêm trang rực rỡ chói lòa như ngọc Mani. Ông trông thấy Trưởng Lão thì nghe trong tim rúng động, ông nghĩ:

- Ta sợ gặp mặt những người như vậy nên mới lên đến chỗ này, vậy mà ông còn theo ta lên đứng tại cửa sổ.

Nên ông nói rằng: “Này ông Sa Môn ơi! Không có bánh cho ông đâu, ông hãy đi đi”.

Không dè Trưởng Lão đã quyết thi hành cho được sứ mạng rồi mới chịu đi, nên Ngài lặng thinh đứng nơi ấy. Ông Trưởng giả nổi xung, nói với giọng mất bình tĩnh, như là muối được ném vào lửa đỏ:

- Này ông Sa Môn, ông đứng đó làm chi giữa trời vậy, ông có thể đi lên đi xuống làm thành một con đường mòn giữa hư không, nhưng rốt cuộc ông cũng chẳng được chi cả đâu.

Trưởng Lão Moggallāna liền đi tới đi lui, ngay trước cửa sổ giữa hư không... Ông Trưởng giả liền nói:

- Ông đi tới đi lui làm chi cho mọi người thấy, chỉ mỗi chân thôi, ông có thể ngồi kiết già giữa hư không, nhưng nếu có làm như vậy ông cũng chẳng được chi cả.

Vị Trưởng Lão liền xếp chân ngồi kiết già giữa hư không.

Ông Trưởng giả lại nói:

- Ông ngồi giữa trời mà làm chi, ông có thể đến đứng ngay trên cửa sổ, nhưng rốt cuộc làm như vậy, ông cũng sẽ chẳng được gì.

Vị Trưởng Lão liền đến đứng trước cửa sổ, ông Trưởng giả lại nói: “Ông đứng ngay ngưỡng cửa sổ làm gì, ông có thể phun ra khói, nhưng rốt cuộc làm vậy ông cũng chẳng được gì đâu”.

Vị Trưởng Lão liền phun khói ra, cả tòa lâu đài mù mịt trong đám khói đen, hai mắt ông Trưởng giả xốn xang như bị kim chích. Sợ cháy nhà, ông ta không dám thách thức Trưởng Lão phun lửa, nên làm thinh nghĩ rằng:

- Ông Sa Môn này đeo dính theo ta, nói gì cũng không nhúc nhích. Ta phải thí cho ông một ổ bánh đưa ông đi cho rồi.

Ông Trưởng giả bảo vợ: “Bà này, hãy nướng một cái bánh nhỏ cho ông Sa Môn, bảo ông đi nơi khác đi”.

Bà Trưởng giả đổ chút ít bột vào khuôn, bột nổi phình thành một cái bánh to, choán đầy cả khuôn, thấy vậy ông nóng ruột, tự nghĩ rằng: “Chắc là đổ nhiều bột quá”.

Ông bèn đứng dậy, tự mình múc một muỗng nhỏ bột đổ vào khuôn, cái bánh thứ hai còn phồng to hơn cái bánh trước, ông lại tiếp tục bớt bột, nhưng cái thứ ba to lớn hơn thêm, ông tiếp tục bớt bột đổ thêm nữa, nhưng cái bánh càng về sau lại càng to phồng hơn cái trước. Đến khi mệt mỏi, ông bảo vợ:

- Này bà, hãy lấy một cái bánh cho ông Sa Môn đi.

Bà Trưởng giả cầm lấy cái bánh trong giỏ xách, nhưng tự nhiên các ổ bánh dính chùm lại với nhau. Bà gọi chồng:

- Mình à, những ổ bánh này dính chùm lại với nhau, tôi gỡ không ra.

- Bà để đó cho tôi.

Ông Trưởng giả gỡ cũng không ra, hai ông bà nắm hai đầu bánh kéo như căng dây, mà cũng không thể bẻ lẻ ra được, hai ông bà ráng sức kéo một hồi mồ hôi xuất ướt cả mình, hai ông bà khát nước quá, phải buông ra chịu thua. Ông bảo vợ rằng:

- Bà à, ta không cần ăn bánh nữa, bà hãy đem cả giỏ xách này mà cho ông Sa Môn đi.

Bà Trưởng giả mang cả giỏ bánh đến gần Trưởng Lão, Trưởng Lão thuyết pháp cho ông bà nghe về ân đức của Tam bảo và giải cho họ biết phước báu của các việc lành, nhất là sự bố thí sẽ phát sanh tròn đủ các thí chủ như trăng tròn mọc trong ngày rằm vậy.

Được nghe pháp, ông Trưởng giả phát tâm trong sạch thỉnh Trưởng Lão: “Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài vào an tọa nơi đây thọ thực”.

Trưởng Lão đáp: “Này Trưởng giả, Đức Chánh Biến Tri hiện đang ngụ tọa trong chùa Kỳ Viên, Ngài muốn độ bánh với năm trăm Tỷ Khuru tại đó. Ngài đã sai ta đến đây thuyết phục ông bà, rồi đưa

ông bà với bánh sữa, đường, mật về Kỳ Viên. Vậy ta hãy chuẩn bị cùng nhau đi đến viếng Đức Bổn Sư.

- Bạch Ngài, hôm nay Đức Bổn Sư ngự tại đâu?

- Ở chùa Kỳ Viên, cách đây độ bốn mươi lăm do tuần đó à.

- Bạch Ngài! Làm sao ta đi được một khoảng đường xa như thế cho kịp bây giờ.

- Này ông Trưởng giả, miễn là ông bà hoan hỷ thì dầu xa, ta sẽ dùng thần thông đưa hai người đi, nơi ta đứng trong tòa lâu đài này sẽ là cầu thang, và cổng tam quan của chùa Kỳ Viên là chân cầu thang, chỉ trong thời gian mau lẹ như từ trên lầu này xuống đất, ta sẽ đưa hai ông bà tới Kỳ Viên rồi.

Ông Trưởng giả bằng lòng nên đáp: “Lành thay, bạch Ngài”.

Trưởng Lão bèn nguyện rằng: “Nơi đây, là cầu thang, xin cho chân thang là cổng của Tịnh Xá Kỳ Viên”.

Lời nguyện của Trưởng Lão thành tựu trong tức khắc. Trưởng Lão và hai ông bà Trưởng giả trong chốc lát đã đến Kỳ Viên, còn mau hơn là từ lầu xuống đất. Hai thí chủ cùng đến báo tin với Đức Bổn Sư: “Đã đến giờ thọ thực”.

Đức Bổn Sư bèn dắt năm trăm Tỳ Khuru, ngự vào trai đường, Ngài ngự lên Phật bảo tọa đã được dọn sẵn, ông Trưởng giả bèn xối nước khai mạc buổi lễ cúng dường bánh đến Trưởng Lão Tăng có Đức Phật là hội chủ. Bà sót đẩy bánh đến Đấng Như Lai, Đức Bổn Sư thọ dụng bánh vừa đủ, cả năm trăm Tỳ Khuru vẫn như thế, ông Trưởng giả đứng dâng sữa, bơ, mật, đường lỏng, đường cục.

Khi dùng xong bữa, Đức Bổn Sư cùng với năm trăm Tỳ Khuru bảo thôi dâng, hai vợ chồng Trưởng giả mới rảnh tay, cùng ăn bánh cho no bụng, bánh còn dư thật nhiều, đem cho đến người xin tàn thực của Chư Tăng, ăn cũng không hết. Hai ông bà bèn bạch lại với Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài, bánh còn dư đem bỏ đâu?

Đức Bổn Sư dạy:

- Hãy mang đi ngoài cổng trước chùa Kỳ Viên

Khi hai ông bà đem bánh dư đổ xuống triền dốc, gần cổng tam quan chùa, cho đến nay chỗ ấy còn mang tàn tích kỷ niệm là Dốc bánh tàn ong (Kapallapūvapabbhāra), kế đó nhà đại phú hộ cùng vợ đến gần đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi đứng sang qua một bên. Đức Thế Tôn đọc kinh phúc chúc.

Nghe hết bài kinh, hai ông bà đặc quả Tu Đà Hườn, đánh lễ Đức Bổn Sư rồi lên cầu thang từ cổng tam quan trở lại lâu đài của mình. Từ đó về sau, ông đem cái kho tàng tám trăm triệu đồng vàng mà ủng hộ Phật pháp.

Sáng hôm sau, chư Tỳ Khuru ngồi họp mặt trong giảng pháp đường, đề cao oai lực của Trưởng Lão Moggallāna rằng:

- Chư hiền hữu có thấy oai lực của Trưởng Lão Moggallāna chưa? Trưởng Lão không làm mất đức tin, không làm hao tài sản, chỉ trong chốc lát mà thu phục được ông Trưởng giả Maccharyakosiya, khiến ông mang cả bánh và đưa ông ta trở về Kỳ Viên yết kiến Đức Bổn Sư, nhờ đó ông đặc quả Tu Đà Hườn. Trưởng Lão quả thật là một bậc đại thần lực vậy.

Do Thiên nhĩ, Đức Thế Tôn nghe được sự đàm luận của chư Tỳ Khuru, Đức Bổn Sư ngự vào phòng họp phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ Khuru! Hôm nay các ông hội họp thảo luận về việc chi thế?

- Bạch Ngài, chúng con.. Như vậy....

Nghe Chư Tăng đáp xong, Đức Bổn Sư phán dạy:

- Này các Tỳ Khuru! Ví như ong chỉ lấy mật trong hoa, Tỳ Khuru nào khéo huấn luyện một gia tộc thì không làm mất đức tin, không làm hại tài sản, không làm khổ cực, khóãi cho gia tộc ấy. Trái lại, khi đến gần người cư sĩ nên làm cho họ biết đến ân đức của Tam Bảo như con trai ta là Moggallāna, đây vậy.

Sau khi thốt lời khen ngợi Trưởng Lão, Đức Bổn Sư thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Yathā pi bhamaro puppham

*Vaṇṇagandham aheṭṭhayam
Paleti rasam'ādāya
Evam gāme munī care".*

*"Ví như ong nọ tìm hoa,
Lấy xong chút mật rồi là bay đi.
Sắc hương chẳng động làm chi,
Sa Môn khát thực cũng y thế mà".*

□

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ, Phạm ngữ **bhamaro** chỉ cho con ong mật bất cứ thứ nào.

Puppham: Trong vườn hoa, con ong vào ra hút mật, nhưng không làm tổn hại hoa và hương sắc của hoa.

Paleti: Sau khi hút lấy nhụy hoa vừa đủ no, con ong bay về tổ, nhả ra để làm thành mật, nó bay lút vào một bông cây trong rừng rậm nào đó, nhỏ nhụy có lẫn bột phấn hoa ra lọc lấy chất tinh túy chế biến dần thành mật ong nguyên chất. Trong khi bay đi đây đó khắp vườn hoa, không bao giờ con ong làm thiệt hại hoa hay là hương sắc của hoa, sau đó nó bay đi, tất cả vườn hoa vẫn y nguyên như thường.

Evam gāme munī careti: Cũng như thế, bậc xuất gia tịnh giả hữu học hoặc vô học (asekha) đi trì bình khát thực trong làng xóm của người cư sĩ, không bao giờ sự đi lại của các Ngài gây tổn hại đức tin hoặc tài sản của các gia tộc khi vào làng như thế, rồi trở ra, bậc tịnh giả hữu học trái Tăng già lê (saṅghāṭi) ngồi nơi chỗ mát mẻ, có nước, ở ngoài xóm, quán tưởng vật thực đi bát được như thịt của đứa con mình, là người trốn trong rừng bất đắc dĩ phải ăn để duy trì mạng sống, rồi mới thọ dụng, sau khi đi vào rừng như thế, vị ấy lấy nội tâm làm đề mục tham Thiền quán tưởng, đạt được bốn đạo và bốn quả trở thành vị Thánh vô học, trú tâm vào Kiến pháp lạc (Ditṭhadhamma sukha) tức là hưởng thụ tịnh lạc hiện tiền do nhờ giác ngộ nội tâm.

Vị này cũng giống như con ong vào rừng nhả nhụy làm hoa, biến chế ra mật nguyên chất vậy. Bậc tịnh giả trong bài kệ này là chỉ bậc Sa Môn A La Hán như Trưởng Lão Moggallāna.

□

Bài kệ vừa dứt, nhiều vị Tỳ Khuru chứng đắc Thánh Quả nhất là Tu Đà hườn quả.

Sau bài pháp này Đức Thế Tôn còn thốt lời tán dương ân đức cao thượng của Trưởng Lão nữa:

- Nầy chư Tỳ Khuru, không phải Moggallāna chỉ mới thu phục được Trưởng giả trong kiếp này. Trong tiền kiếp Moggallāna cũng đã từng huấn luyện ông ta, khiến ông ta hưởng được nghiệp quả liên quan rồi.

Để minh chứng cho việc này, Đức Bốn Sư giảng tích Illisajātaka (Tích Đoản Kiếm) và ngâm lên kệ rằng:

(Jātaka 345)

*"Ubho khañjā ubho kuṇi
Ubho visamacakkhukā
Ubhinnaṃ pīlakā sīse
Nāhaṃ jānāmi illisanti".*

*"Người què, người lại nhót chân,
Cả hai cặp mắt lé trần không nhìn.
Hai đầu lép cũng giống in,
Ai là đoản kiếm ta nhìn không ra"?*

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Khan Nang bá hộ kiết ai bằng?

Thèm bánh tào ong định trốn ăn.
Cửa đóng then gài che mắt tục,
Lời qua tiếng lại tiễn chân Tăng.
Duyên may Phật Độ thành Sơ quả,
Phước tốt Sư trừ bớt bệnh căn.
Tự hậu chẳng quên thầy tiếp dẫn,
Tỳ Khuru Lậu Tận, bực kỳ năng.

DÚT TÍCH BÁ HỘ KHAN NANG

IV. 6- CHUYỆN TU SĨ PĀṬIKĀJĪVAKA (Pāṭikājīvakavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 50)

<i>“Na paresaṃ vilomāni</i>	“Đừng oán lời thô bỉ,
<i>na paresaṃ katākatāni</i>	Việc người làm rồi chưa.
<i>Attano'va avekkheyya</i>	Hãy quán xét tự kỷ,
<i>katāni akatāni ca”.</i>	Việc mình làm xong chưa”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự gần thành Sāvattihī, để cập đến tu sĩ Pāṭika (Tiểu Diệp).

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvattihī có một bà thí chủ hàng chu cấp cho một tu sĩ ngoại đạo thường xuyên, tên ông ấy là Pāṭika (Tiểu Diệp) mà bà nhận làm con nuôi.

Trong xóm bà ở đó có những người đi nghe Đức Bổn Sư thuyết pháp, lúc về hàng ca tụng ân Đức Phật Bảo bằng nhiều lời lẽ như là: “Ôi pháp của Chư Phật thuyết ra thật là huyền diệu phi thường!”.

Được nghe lời tán dương ân Đức Phật Bảo, bà nảy phát tâm muốn đi chùa thỉnh pháp, bèn ngỏ ý với tu sĩ Pāṭika:

- Bạch thầy, tôi muốn đến viếng Đức Phật.

Tu sĩ Pāṭika can rằng: “Thôi đừng đi má ơi!”

Bà nài nỉ nhiều lần, vị tu sĩ cũng đều can như vậy hết. Sau cùng bà nghĩ rằng: “Thầy không bằng lòng cho ta đi chùa nghe pháp, thôi thì ta hãy thỉnh Đức Thế Tôn đến đây! Như thế ta sẽ được nghe pháp”.

Sáng hôm ấy, bà chủ nhà cho gọi cậu con trai đến và bảo:

- Này con, con hãy đi thỉnh Đức Tôn Sư ngày mai đến đây.

Trước khi đi, cậu con trai ghé vào chỗ ngụ của tu sĩ Pāṭika đánh lễ vị ấy rồi ngồi xuống. Vị tu sĩ hỏi cậu:

- Cậu đi đâu vậy?

- Má tôi sai tôi đi thỉnh Đức Tôn sư.

- Cậu đừng nên đến chỗ ông Sa Môn đó.

- Không được đâu thầy. Tôi sợ má tôi lắm. Thôi để tôi đi.

- Cậu đừng đi, đồ lễ vật sắp dung cho ông ấy, để hai ta cùng chia nhau cùng ăn.

- Thôi thầy ơi! Má hăm đánh, tôi sợ lắm.

- Thế thì cậu hãy đi thỉnh đi, nhưng nhớ đừng chỉ rõ đường nào, lối nào đến nhà ta. Cậu giả như người ở gần đâu đó, và khi từ già, cậu hãy chạy nhanh cho khuất mắt, rồi rẽ sang ngã khác đến đây.

Vâng lời tu sĩ ngoại giáo ấy, thiếu niên đến thỉnh Đức Bổn Sư rồi làm theo cách thầy ấy đã dạy, xong trở về phục lệnh.

Vị tu sĩ hỏi cậu ta: “Cậu đã làm cách nào?”.

- Thưa thầy, tôi đã làm đúng như lời thầy chỉ dạy.

- Cậu giỏi thật, vậy phần lễ vật dâng cho ông Sa Môn ấy, hai đứa mình sẽ chia nhau ăn nhé.

Hôm sau, từ sáng sớm, tu sĩ Pāṭika đã đến nhà bà tín chủ ấy, bà rước tu sĩ vào ngồi trong nhà nghỉ.

Phía nhà trước, những người láng giềng phụ tô vách phòng bằng phân bò ướt, đoạn lấy bông lúa và bông ngũ cốc khô gieo rắc khắp nơi cho đẹp. Họ sửa soạn bảo tọa cực kỳ xinh đẹp và sang trọng để cung thỉnh Đức Bổn Sư ngồi. Quả thật, những người chưa từng thân cận với Chư Phật thì không biết rành cách sắp đặt chỗ ngồi cho bậc Sa Môn. Và lại, Chư Phật không cần phải có người chỉ đường dẫn lối cho Ngài đi. Trong ngày Đức Chánh Biến Tri đắc Đạo quả dưới cội Bồ đề, khắp cả mười ngàn thế giới Ta bà đều rung động. Ngài đã thấu rõ con đường luân hồi của chúng sanh: Đây là đường đi địa ngục, đây là đường súc sanh, đây là đường ngựa quý, đây là đường nhân loại, đây là đường Chư Thiên và đây là đường bất diệt Đại Níp Bàn. Không bao giờ Ngài cần ai chỉ đường vào làng, hay vào thị trấn, hay đến những nơi khác. Vì thế nên sáng hôm ấy, Đức Bổn Sư mang y bát đến nhà bà tín chủ, bà ra khỏi nhà, gieo năm vóc xuống đánh lễ Đức Bổn Sư, thỉnh Ngài an tọa trong nhà xong, xối nước khai mạc lễ cúng dường đến Ngài các vật thực loại cứng loại mềm ngon quý.

Khi Đức Bổn Sư độ xong bữa, bà Cận sự nữ xin thỉnh bát Ngài, để Ngài thuyết kinh phúc chúc đến cho bà. Đức Bổn Sư ôn tồn thuyết pháp hồi hướng phước báu đến thí chủ làm cho bà vô cùng thỏa thích, vừa nghe pháp vừa thốt lên lời hoan hỷ: “Lành thay! Lành thay!”.

Khi ấy, tu sĩ Pāṭika ngồi ở nhà trong, nghe tiếng bà má nuôi đang thính pháp mà khen đồn như vậy thì dần lòng không được, đứng dậy ra đi trong lòng nghĩ rằng:

- Như vậy bà nầy bây giờ không còn là đệ tử của ta nữa rồi.

Tu sĩ Pāṭika xỉ mạ bà đại tín nữ luôn cả Đức Phật bằng những lời lẽ bất nhã như là: “Mụ già đốn mạt, tới số rồi đã, hãy lo phụng sự hần ta như vậy mãi nghe...”. đoạn bỏ đi luôn.

Bà Cận sự nữ hổ thẹn vì lời mắng nhiếc của tu sĩ Pāṭika tâm bị xao lãng, không còn chú ý nghe pháp nữa.

Thấy vậy, Đức Bổn Sư hỏi bà:

- Nầy bà tín nữ, bà không còn chú ý nghe pháp được nữa phải chăng?

- Bạch Ngài, những lời của thầy ấy làm cho tâm con xao lãng.

Đức Thế Tôn bảo rằng: “Những lời lẽ của con người ưa khích bác, chống đối như thế, nói ra bà không nên nghĩ nhớ làm gì. Đừng chất chứa nó trong tâm, chỉ nên nhìn xem sự việc mình đã làm xong chưa, và việc mà mình chưa làm là hơn”.

Nói rồi Đức Bổn Sư thuyết bài kệ sau đây:

*“Na paresam vilomāni
Na paresam katākatam
Attano'va avekkheyya
Katāni akatāni ca”.*

*“Lời thô bỉ gác ngoài tai,
Việc lành đắc thất của ai mặc tình?
Hãy lo quán xét việc mình,
Việc nầy việc nọ hoàn thành hay chưa”.*

□

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ nầy, câu Phạn ngữ **Na paresam vilomāni** nghĩa là không nên để ý đến những lời nói thô bỉ, độc ác xuyên tạc của kẻ khác.

Na paresam katākatam: Không nên nhìn xem việc đã làm, hoặc không làm của kẻ khác, chẳng hạn như thấy rằng: Ông Thiện nam nọ kém đức tin, không trong sạch, chưa hề bố thí tại nhà một vá thực phẩm nào, không làm phước Trai Tăng, không dâng cúng tứ vật dụng... Hoặc là ở nơi đó Tỳ Khưu nọ kém đức tin, không trong sạch, không hầu hạ thầy tế độ, không phục vụ thầy tiếp dẫn, không làm tròn bốn phận đối với Tăng mới đến, đối với Tăng sắp đi xa, với Thánh Pháp, nơi làm lễ phát lộ, trong trai đường, trong nhà tắm nước nóng... Vị ấy cũng không thọ chi Đầu Đà nào, không tinh tấn tham thiền hành đạo.....

Attano'va avekkheyya: Tự kỷ hằng quán xét như vậy: Kathambhūta me rattindivā vitīpatanti: Ngày và đêm qua mau thắm thoát ta đã làm xong việc chi chưa. Người tại gia nên luôn luôn quán xét như vậy, lại phải nhớ đến huấn từ này: “Con người gia giáo có đức tin xuất gia nhập đạo phải tự hỏi rằng: “Tam tướng là Vô thường, Khổ não, Vô ngã. Tại sao ta chưa dứt được bốn ách và chúng đấng Níp Bàn? Phải nên quán việc đã làm hoặc chưa làm như thế”.

□

Bài kệ vừa dứt, bà tín nữ đấng chứng Tu Đà Hườn quả. Đại chúng thính pháp cũng đều hưởng được sự lợi ích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Bày mưu thỉnh Phật chỉ sai đường,
Tiểu Diệp ganh người được tán dương.
Trước ý làm con cao giọng mắng,
Sau do biết mẹ nặng tình thương.
Mất phần thực lộc thà ly biệt,
Được quả Thịnh Văn cũng đoạn trường!
Hai lễ chánh tà không hiệp một,
Kẻ còn ở lại, kẻ tha phương.*

DỨT TÍCH TU SĨ NGOẠI ĐẠO PAṬIKA

□

IV. 7- CHUYỆN THIỆN NAM CHATTAPĀṆI (Chattapāṇi upāsakavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 51-52)

<i>“Yathāpi ruciraṃ pupphaṃ vaṇṇavantaṃ agandhakam Evaṃ subhāsitaṃ vācā aphalā hoti akubbato”.</i>	“Nhu đóa hoa tươi đẹp, Có sắc chẳng mùi thơm. Nhu lời nói tuy đẹp, Không hành quả chẳng đơm”.
<i>“Yāthā'pi ruciraṃ pupphaṃ vaṇṇavantaṃ sagandhakam Evaṃ subhāsitaṃ vācā saphalā hoti sakubbato”.</i>	Nhu đóa hoa tươi đẹp, Có sắc có mùi thơm. Nhu lời nói đã đẹp, Có hành quả chắc đơm”.

Kệ Pháp Cú (51- 52) này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Tịnh Xá Kỳ Viên, gần thành Sāvattthī để cập đến Thiện nam Chattapāṇi (Tản Thủ).

Quả thật vậy, vào thời ấy ở thành Sāvattthī có vị Cận sự nam tên là Chattapāṇi đấng A Na Hàm và thông suốt Tam tạng.

Một buổi sáng nọ, sau khi thọ giới Bát quan, ông ấy đến hầu cận với Đức Thế Tôn, dĩ nhiên là chư Thánh Thinh Văn A Na Hàm thì không cần giữ giới Bát quan trai, vì các vị ấy giữ tròn phạm hạnh và không còn ăn sái giờ nữa. Do đó, có Phật ngôn: Tâu đại vương! Dầu là người thọ làm chén, làm đồ gốm nhưng nếu ăn một ngày một bữa và giữ phạm hạnh tròn, thì cũng là bậc có giới đức, có thiện pháp, ví như vị A Na Hàm luôn luôn ăn ngày một bữa và giữ tròn phạm vậy!

Tuy nhiên, Cận sự nam Chattapāṇi cũng theo lệ thọ trì Bát quan trai giới, rồi đến gần Đức Bổn Sư, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên nghe thuyết pháp.

Ngay lúc bấy giờ, quốc vương Pasenadi Kosalā cũng ngự đến hầu Đức Bổn Sư.

Thấy quốc vương đến, ông Cận sự nam nghĩ thầm: “Ta có nên đứng dậy hay không?”, ông xét thấy rằng: “Ta đang ngồi châu một vị Hoàng đế mà đứng lên chào một vua chư hầu thì không phải phép”, dầu cho quốc vương có thấy ta không đứng dậy tiếp rước mà giận dữ, ta cũng đành để cho quốc vương giận, chớ ta không đứng dậy. Quả nhiên, nếu thấy các vua mà đứng dậy thì ta quý trọng đức vua hơn Đức Bổn Sư hay sao? Thôi ta nhất định không đứng”. Thế rồi, ông Cận sự nam ngồi yên như cũ.

Các bậc hiền trí không bao giờ giận người đang ngồi gần vị cao quý hơn mình, khi người nấy thấy mình mà không đứng dậy. Nhưng quốc vương thấy ông Chattapāṇi không đứng dậy chào mình, nghinh tiếp mình, thì lại bất bình, đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi nép qua một bên. Đức Bổn Sư biết đức vua đang giận, bèn đề cao ông Thiện nam rằng:

- Tâu đại vương! Cận sự nam Chattapāṇi nầy là bậc hiền giả, bậc lịch sự, thông suốt Tam tạng Pháp bảo, hiểu rành các điều hữu ích và vô ích.

Quốc vương nghe Đức Bổn Sư ca tụng Cận sự nam với ân đức thù diệu thời mới nguôi cơn giận và phát tâm hoan hỷ.

Sau đó, một hôm quốc vương đã thọ thực xong, đang đứng trên lầu cao trong cung đình, trông thấy Thiện nam Chattapāṇi, tay cầm dù chân mang dép tiến lên sân ngự, bèn cho quân hầu gọi ông vào đến, ông bỏ dù cởi dép, đến gần đánh lễ quốc vương, rồi đứng nép qua một bên. Quốc vương phán hỏi:

- Nầy khanh Cận sự nam, sao khanh lại bỏ dù, cởi dép chi vậy?

- Tâu bệ hạ! Vì nghe có lệnh quốc vương dòi, nên thần dân bỏ dù cởi dép ra mà vào hầu bệ hạ.

- Chắc hôm nay khanh mới nhận biết trăm là quốc vương phải không?

- Tâu bệ hạ! Thần dân chúng tôi lúc nào cũng nhận biết bệ hạ là quốc vương luôn luôn

- Nếu nói như thế, tại sao ngày hôm nọ khanh ngồi bên Đức Thế Tôn, thấy trăm đến sao khanh không đứng dậy?

- Tâu đại vương! Như người đang ngồi châu Đức hoàng đế mà trông thấy các vua chư hầu, nếu thần dân đứng dậy lúc ấy hóa ra bất kính thất lễ đối với Đức Bổn Sư. Vì vậy, mà thần dân không đứng dậy.

- Khanh nói cũng hữu lý, trăm nghe nói khanh là bậc hiểu rành các sự lợi và bất lợi trong hiện kiếp và những kiếp vị lại, thông suốt Tam tạng kinh điển, vậy khanh hãy thuyết pháp ngay trong hậu cung đình cho trăm nghe.

- Tâu bệ hạ, không thể được.

- Vì lý do nào?

- Tâu bệ hạ, chốn cung đình thâm nghiêm trang trọng, có nhiều nghi thức phiền phức, thần dân không dám phạm thượng.

- Khanh chớ nói như thế, bữa hôm trước khanh trông thấy trăm còn không đứng dậy chào, bây giờ đừng e ngại gì cả.

- Tâu bệ hạ, người cư sĩ tại gia mà vượt quá phận sự của mình đảm nhiệm làm phận sự của Tăng thì mang lỗi. Xin bệ hạ hãy cho triệu thỉnh một bậc xuất gia vào đây thuyết pháp.

Quốc vương phán: “Lành thay, thôi khanh đi đi”.

Cho phép Cận sự nam đi rồi, quốc vương ngự đến yết kiến Đức Thế Tôn và yêu cầu:

- Bạch Ngài, hoàng hậu Mallikā và hoàng hậu Vāsabhakhattiya ngỏ lời muốn ôn nhuần các bài pháp. Xin thỉnh Ngài với năm trăm Tỳ Khuru thường nhật vào hoàng cung thuyết giảng cho họ nghe.

- Tâu đại vương, Chư Phật không bao giờ đến mãi một nơi nào.

- Bạch Ngài, nếu vậy xin Ngài phái một vị Tỳ Khuru khác cũng được.

Đức Bốn Sư bèn giao trọng trách ấy cho Trưởng Lão Ānanda. Trưởng Lão hằng ngày vào thâm cung giảng dạy kinh điển cho hai hoàng hậu. Trong hai bà, bà Mallikā chăm chỉ học tập nên thuộc lòng được các kinh tụng. Bà Vāsabhakhattiya trái lại không chăm chỉ học tập cho nên không thể thuộc lòng được các kinh tụng. Một hôm, Đức Bốn Sư phán hỏi Trưởng Lão:

- Này Ānanda! Hai tín nữ ấy có ôn thuần kinh pháp hay không?

- Bạch Ngài có.

- Người nào chăm chỉ học tập?

- Bạch Ngài hoàng hậu Mallikā chăm chỉ học tập cho nên có thể nhập tâm được các bài kinh tụng một cách hoàn toàn. Còn bà quyến thuộc của Ngài không chăm chỉ học tập nên không thể nhập tâm kinh tụng một cách mỹ mãn.

Nghe Trưởng Lão trình bày Đức Bốn Sư kết luận:

- Này Ānanda! Pháp của ta thuyết giảng kẻ nào không nghe, không học, không tập, không thuyết thì không được kết quả gì. Ví như thứ hoa hữu sắc vô hương. Còn kẻ nào ráng nghe, ráng học, ráng tập, ráng thuyết thì sẽ gặt nhiều kết quả, hưởng được phước báu to tát.

Nói rồi Đức Bốn Sư ngâm hai bài kệ sau đây:

“*Yathā' pi ruciram puppham
Vaṇṇavantam agandhakam
Evam subhāsītā vācā
Aphalā hoti akubbato*”.

“*Yāthā' pi ruciram puppham
Vaṇṇavantam sagandhakam
Evam subhāsītā vācā
Saphalā hoti sakubbato*”.

“Nhu hoa sắc đẹp có thừa,
Mùi thơm chẳng có thì chưa quý gì?
Lời lành thuyết để mà chi?
Nếu không cố gắng thực thi việc lành”.

“Nhu hoa tươi tốt trên cành,
Sắc hương thấm đượm lịch thanh đủ mùi.
Lời lành nếu đã thuyết rồi,
Làm lành kết quả an vui thấy liền”.

□

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ, Phạm ngữ **ruciram** nghĩa là sáng sủa, đẹp đẽ, tươi tốt.

Vaṇṇavantam: Là có đầy đủ màu sắc.

Agandhakam: Là không có hương thơm, như nhiều loại hoa ở rừng núi, trừ ra hoa lài, hoa sứ, hoa mẫu đơn.

Evam subhāsītā vācā: Lời lành ở đây là Phật ngôn trong Tam tạng Pháp bảo, ví như loài hoa hữu sắc vô hương. Cũng như loại hoa vô hương này nếu có giắt, đeo trên thân mình cũng không thể tiết ra mùi thơm được. Các câu Phật ngôn cũng thế, ai không kính cẩn nghe, không kính cẩn thọ trì, tức là không làm điều đáng làm thì không có mùi tinh hương, thọ hương, hành hương, không có kết quả. Do đó, Phật dạy câu:

Lời lành thuyết để mà chi?

Nếu không cố gắng thực thi việc lành.

Sagandhakam: Là có hương thơm, không như tai nấm, hoa lục bình, hoa rau muống.... Cũng như thế ấy, ai mang, giắt những thứ hoa thơm trên mình thì thân mình xông ra mùi hương thơm tho dễ chịu, như người thực hành theo Phật ngôn trong Tam tạng Pháp bảo, tức là kính cẩn nghe, kính cẩn thọ trì, là làm việc nên làm thì sẽ gặt hái được nhiều phước báu vậy.

□

Bài kệ vừa dứt, nhiều vị Tỳ Khuru chúng đắc Thánh quả, kỳ dư thính chúng đều được hưởng sự lợi ích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Tản Thủ đa văn lại khéo hành,
Tại gia đắc quả đáng nêu danh.
Thấy vua, kính Phật không rời chỗ,
Trọng pháp, nhường Tăng chẳng hợm mình.
Mạt Lê Viên, hoa đủ sắc hương,
Phật ngôn học tập hiểu tinh tường.
Dày công kính cẩn hành không mỏi,
Đáng được đời sau mãi tán dương!
Hòa Tát Ba thì chẳng dụng công,
Như hoa có sắc, thiếu hương nồng.
Uổng mang tên tuổi Hoàng gia Thích,
Pháp học, hành chi cũng bất thông”...*

DỨT TÍCH THIỆN NAM CHATTAPĀṆI

IV. 8- CHUYỆN ĐẠI TÍN NỮ VISĀKHĀ (Visākhāvatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 53)

<i>“Yathā’ pi puppharāsimhā</i>	“Như hoa từ một đồng,
<i>Kayirā mālāguṇe bahū</i>	Kết được nhiều tràng hoa,
<i>Evam jātena maccena</i>	Từ thân người tạm sống,
<i>Kattabbam kusalam bahum”</i>	Nhiều thiện sự sanh ra.”

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Đông Phương Tự (Pubbārāma), để cập đến bà Visākhā (Visākhā).

Tương truyền rằng: Bà Visākhā là con gái của bà Sumanādevī. Bà này là vợ chánh thất của Trưởng giả Dhanañjaya (Hộ Tài Thắng), ông này là con Trưởng giả Menḍaka (Miên Dương) ở thành Bhaddiya, trong xứ Aṅgaratṭha (Ương Già).

Lúc bà Visākhā mới lên bảy tuổi thì Đức Bổn Sư lãnh đạo đại chúng Tỳ Khuru ngự vào thành Bhaddiya, vì Ngài nhận thấy nơi đây có nhiều người hội đủ căn lành, có thể chứng đắc Đạo quả như ông Bà la môn Sela (Nham Thạch) chẳng hạn.

Vào thời kỳ ấy, gia chủ Menḍaka là người giàu có nhất trong số năm vị đại phú (Pañcamahāpuñña) ở thành đô, vừa được vua phong chức Trưởng giả (Seṭṭhi). Nhà nữ đại phú Menḍaka cưới được vợ chánh thất tên là Candapadumā (Nguyệt Liên), sanh được người con trưởng nam tên là Dhanañjaya có nàng dâu là nàng Sumanādevī, có được người nô bộc là Puṇṇa (Viên Mãn).

Trên toàn lãnh thổ của vua Bimbisāra không phải chỉ có ông Menḍaka là bậc đại phú gia mà còn có bốn người khác nữa, cũng là bậc đại gia phú hữu tứ hải (amitabhogā). Đó là ông Joṭika, Jātila, Menḍako Puṇṇaka và Kākavalliyo (Ô Nha Cát Đằng).

Trong năm nhà đại Trưởng giả nầy, ông Menḍaka biết tin là Đức Thập Lực đã ngự đến gần nhà, bèn gọi cô cháu gái là nàng Visākhā con gái của Trưởng giả Dhanañjaya, bảo rằng:

- Này cháu, hôm nay là ngày hạnh phúc của cháu, và cũng là ngày hạnh phúc của ông nữa, cháu hãy dắt dẫn năm trăm cháu gái khác, ngồi lái năm trăm chiếc xe có năm trăm nữ tỳ theo hầu đi cung nghinh đấng Thập lực.

Cô bé vàng lời đáp: Lành thay!

Hướng đạo đoàn xe một cách thông thạo, đi đến chỗ xe không còn đi được nữa, cô Visākhā xuống xe đi bộ vào gần Đức Bốn Sư, đánh lễ Ngài rồi đứng qua một bên.

Khi ấy, do duyên lành cô đã gieo từ kiếp quá khứ, Đức Bốn Sư thuyết pháp cho cô nghe. Nghe dứt thời pháp cô Visākhā cùng năm trăm cô bé đều đắc quả Tu đà hườn.

Ông Trưởng giả Menḍaka đến yết kiến Đức Bốn Sư khi được nghe pháp của Đức Thế Tôn cũng đắc quả Tu đà hườn, ông thỉnh cầu được Trai tăng ngày mai. Hôm sau, tại tư thất của ông, ông đã khoản đãi Trưởng Lão Tăng có Đức Phật làm chủ tọa bằng những thực phẩm ngon lành, loại cứng và loại mềm. Đại lễ Trai Tăng này kéo dài suốt nửa tháng, ngày nào cũng thịnh soạn như vậy cả.

Đức Bốn Sư lưu lại gần thành Bhaddiya cho tới lúc Ngài xét là vừa phải rồi mới rời khỏi nơi đó.

Thời bấy giờ, hai quốc vương Bimbisāra và Pasenadikosala có tình á nghị (anh em bạn rể) với nhau, cho nên một hôm đức vua Pasenadi nghĩ thầm:

- Trong nước của Bimbisāra có đến năm nhà đại Trưởng giả phú hữu vô lượng (amitabhogā), còn trong nước quả nhân, một nhà cũng không có. Vậy để quả nhân sang viếng vua Bimbisāra mà xin thỉnh bớt một nhà đại Trưởng giả mới được.

Thế rồi quốc vương ngự giá sang qua nước bạn, trong khi tương hội với vua Bimbisāra, đức vua Bimbisāra hỏi á hoàng đệ rằng:

- Á hoàng đệ sang viếng quả nhân có việc chi chẳng?

- Trong nước của hoàng huynh có đến năm nhà đại phúc phú hữu vô lượng cư trú, hoàng đệ muốn có một nhà như vậy trong nước mình, nên mới sang đây cạy hoàng huynh cho đệ xin thỉnh bớt một vị.

- Những nhà thế gia vọng tộc, quả nhân không thể bắt buộc họ di tản được.

- Nếu không được nhà nào hết thì tiểu đệ sẽ không về nước.

Khi ấy, đức vua Bimbisāra cho nhóm các đại thần lại thương nghị, rồi phán rằng:

- Việc di chuyển ngũ đại gia, nhất là Trưởng giả Joṭika chẳng khác nào phải di chuyển quả địa cầu. Duy có Trưởng giả Menḍaka có người trưởng nam là Trưởng giả Dhanañjaya, may ra có thể di chuyển được. Vậy thì, á hoàng đệ hãy chờ trăm cho triệu ông ấy vào triều hỏi ý rồi sẽ trả lời dứt khoát.

Nói rồi vua Bimbisāra cho nội thị thỉnh Trưởng giả Dhanañjaya vào triều và phán rằng:

- Này hiền khanh! Quốc vương xứ Kosalā ngó ý muốn thỉnh một đại Trưởng giả đem về nước, vậy hiền khanh khá mau lên đường đi với quốc vương.

- Tàu bệ hạ! Nếu lệnh bệ hạ sai thì thần ắt phải đi.

- Nếu vậy, hiền khanh hãy lo chuẩn bị khởi hành cho sớm.

Trưởng giả Dhanañjaya lo về nhà sắp xếp các việc cần yếu, rồi dắt cả vợ con gia đình theo vua Pasenadikosala.

Quốc vương Bimbisāra ban nhiều tặng phẩm trọng hậu, sai đại thần đưa vua Pasenadi về nước.

Đoàn lữ hành đi được một ngày đêm, đến một địa phận nọ, có đầy đủ tiện nghi thì đình bộ nghỉ ngơi.

Khi ấy, Trưởng giả Dhanañjaya hỏi vua Pasenadi rằng:

- Tâu bệ hạ! Đây thuộc quốc độ nào?

- Thuộc quốc độ của trăm đấng Trưởng giả.

- Từ đây đến Sāvattthī còn bao xa?

- Độ bảy do tuần.

- Tâu bệ hạ! Ở kinh thành thì dân cư trù mật, mà gia nhân quyến thuộc của hạ thần thì đông đảo quá, nếu lệnh bệ hạ chuẩn tấu, thì hạ thần xin lưu ngụ nơi đây.

- Lành thay!

Sau khi phê chuẩn, quốc vương truyền lệnh sửa sang kiến thiết địa phương nầy thành một đô thị, ân tứ cho Trưởng giả Dhanañjaya, xong rồi Ngài mới về triều. Vì đại gia đình di tản đến nơi đây vào lúc chiều tối cho nên thành phố được mệnh danh là Sāketa (Mộ Đáo thành).

Thời ấy, nơi thành Sāvattthī có cậu công tử là con ông Trưởng giả Migāra (Migāraseṭṭhi), tên là Puṇṇavaḍḍhana (Mẫn Hưng), công tử đến tuổi trưởng thành, hai ông bà bảo với công tử:

- Con à! Con liệu coi có chỗ nào ông ý thì nói, để cha mẹ lo vợ cho con.

- Thưa ba má, con không muốn có vợ chút nào cả.

- Con à! Con đừng ở vậy không nên, trai không lập gia đình thì không có con trai để nối dõi tông đường.

Thấy song thân nhọc lòng nói mãi:

- Thôi thì, chừng nào ba má tìm được một thiếu nữ nào có ngũ mỹ câu hữu (Pañcakalyānasāmannāgatā) thì con sẽ vâng lời cha mẹ.

- Con à, ngũ mỹ câu hữu là những gì vậy con?

- Tóc tốt, thịt tốt, xương tốt, da tốt, tuổi xuân tốt (lẽ thường tóc của những nữ nhân hữu phúc mảnh và mượt, khi xả ra buông thõng xuống lai y nội, ngọn tóc lại uốn cong ngược trở lên, giống như đuôi con công, đó là tóc tốt (Kesākalyāna).

Môi đỏ như trái Bimba (Tần loa) tươi nhuận, mềm mại, đầy đặn nhưng thanh tú, đó là thịt tốt (Mamsakalyāna).

Hai hàm răng trắng, không có kẽ hở, rất đẹp và đều như chuỗi kim cương do thợ ngọc khéo kết, mỗi khi cười thì long lanh như ốc xà cừ. Đó là xương tốt (Aṭṭhikalyāna).

Làn da tự nhiên không tô phấn sáp mà mịn màng tươi tắn, không có vết thẹo, bết đen hoặc nút ruồi, nếu đen thì như hoa sen xanh, còn trắng thì như hoa Kaṇṇikā, đó là da tốt (Chavikakalyāna).

Dầu sanh nở mười lần coi cũng như gái một con, không mất nhan sắc tuổi thanh xuân, đó là tuổi xuân tốt (Vayakalyāna).

Sau khi công tử đưa ra yêu sách như thế, ông bà Trưởng giả lập tức thỉnh một trăm lẻ tám vị Bà la môn đến nhà, đãi ăn long trọng, xong rồi mới hỏi rằng:

- Thưa các Ngài, mỹ nữ có ngũ mỹ câu hữu có tìm được chăng?

- Thưa có.

- Nếu vậy, xin quý vị vui lòng ra công tìm thiếu nữ có mỹ dung như thế giúp chúng tôi.

Ông bà Trưởng giả giao rất nhiều tiền cho những người đi tìm nàng dâu tương lai và định ninh dặn dò rằng:

- Khi nào được việc quý vị trở về, chúng tôi xin hậu tạ. Bây giờ cứ xin quý vị hãy ráng sức tìm cho gặp được thiếu nữ ngũ mỹ câu hữu như thế. Khi nào tìm được, quý vị hãy giao vòng nầy cho cô ấy đeo làm lễ vật cầu hôn.

Ông Trưởng giả trao cho họ một vòng kim hoa trị giá một trăm ngàn đồng vàng (Kahāpaṇa) và giục họ lên đường.

Các ông mai đi chu du khắp các tỉnh thành, đô thị lớn nhỏ, không tìm gặp được thiếu nữ nào có ngũ mỹ câu hữu, họ quay trở về, đi đến thành Sāketa, nhằm ngày khai sáng thành này, họ nghĩ thầm: “Hôm nay chắc công việc tầm người của chúng ta có kết quả”.

Tương truyền rằng trong thành này mỗi năm đều có lễ hội kỷ niệm ngày khai sáng thành phố. Vào ngày lễ, tất cả dân chúng, cho đến những nàng tiểu thư khuê các, bắt xuất khuê phòng, những gia đình tịnh cư cũng đều ra khỏi nhà, dắt theo đoàn tùy tùng, đầu trần chân không đi bộ xuống bờ sông.

Ngày này, các thiếu niên hầu là vương tôn công tử thuộc dòng Sát Đế Ly, cũng ra đứng nơi ngã ba đường hay ngã tư, chờ gặp các tiểu thư đồng trang lứa hợp ý đi qua, dặng ném hoa kén vợ.

Tám vị Bà la môn cũng vào đứng trong ký túc xá ở gần bờ sông. Lúc ấy, tiểu thư Visākha tuổi vừa cập kê, mình đeo giắt nhiều loại nữ trang, đang dẫn năm trăm thiếu nữ đi tắm sông, cũng vừa đi đến đó. Thành linh mây đen kéo tới, rồi thì mưa lớn, cả năm trăm thiếu nữ lật đật kéo nhau đi vào ký túc xá tránh mưa. Chỉ riêng tiểu thư Visākha thông thả bước vào ký túc xá, y phục và các trang sức đều đầm ướt nước mưa, các ông Bà la môn nhìn thấy tiểu thư hội đủ được bốn mỹ đức, muốn thử xem răng của nàng, nên giả vờ nói chuyện lớn tiếng với nhau rằng: “Con gái của ta lười quá, chồng nào vô phúc mắc phải cô này chắc chắc cũng không có mà húp”.

Nghe vậy, tiểu thư Visākha hỏi mấy ông khách lạ:

- Chẳng hay quý ông muốn ám chỉ ai thế?
- Chúng tôi nói cô đó mà.

Tiểu thư dùng lời ôn tồn, ngọt dịu nói như rót mật, hỏi lại: “Vì lý do nào mà quý ông nói tôi như thế?”.

- Đoàn thiếu nữ tùy tùng của cô không bị ướt y phục, đồ vật, nhờ lanh chân chạy vào ký túc xá, còn cô thì đứng đả đủng đỉnh, không lanh lệ chạy vào đụt mưa, y phục nữ trang đều ướt mem, cho nên chúng tôi mới nói cô đó.

- Xin quý ông đừng nói như thế, tôi mạnh khỏe hơn các cô ấy. Vả lại, tôi không hối hả chạy vào đây vì những lý do chánh đáng.

- Cô nói sao?

- Thưa quý ông, đối với bốn hạng chúng sanh, dáng đi mau lẹ xem không đẹp, ngoài ra còn có một lý do khác nữa.

- Bốn hạng người nào mà dáng đi lanh lệ coi không đẹp đâu hở cô.

- Thưa ông, quốc vương trong lễ gia miện, long thể trang sức đầy châu báu, mà xắn vén triều phục, bước đi lanh lệ giữa sân rồng thì coi không đẹp, thế nào cũng bị thiên hạ chỉ trích rằng: Đại vương gì mà chạy lẹ quá như người gia trưởng vậy. Nếu quốc vương giữ dáng đi chậm rãi coi mới đẹp.

Thốt tượng hạnh phúc (Maṅgala) của quốc vương, đã được trang phục chỉnh tề mà chạy đi lanh lệ coi cũng không đẹp, như thế ắt bị người chê trách, bảo rằng: Loài voi có tướng đi uyển chuyển coi mới đẹp.

Hàng xuất gia mà có tướng đi lanh lệ coi cũng không được như thế, ắt người chê trách, bảo rằng: Ông Sa Môn này sao chạy lẹ quá như là người cư sĩ vậy, nếu ông ta đi thông thả thì coi mới đẹp.

Hàng phụ nữ có dáng đi lanh lệ coi cũng không được, thiên hạ sẽ quở trách một cách hợp lý là: Phụ nữ này làm gì mà chạy quá lẹ như nam nhân vậy. Phụ nữ có dáng đi khoan thai như thường thì coi mới được.

Đó là bốn hạng chúng sanh mà dáng đi lanh lệ coi không được đó quý ông.

- Ngoài ra, còn lý do nào khác nữa vậy cô?

- Thưa quý ông, các bậc phụ mẫu nuôi dưỡng con cái, ráng gìn giữ con mình cho tay chân được lành lặn. Vì chúng tôi là những món hàng để bán, cha mẹ nuôi cho đến lớn, chờ chàng trai đến là gả tống chúng tôi đi. Nếu trong khi hấp tấp vội vàng, chúng tôi vướng vấp lại y phục, té ngã xuống đất, mà bị gãy tay hay gãy chân. Như vậy có phải là trở nên một gánh nặng cho gia đình chăng? Thà là để

cho y phục bị ướt cùng với đồ tư trang, rồi sau sẽ giặt phơi khô. Đó là lý do khiến cho tôi suy nghĩ đắn đo, rồi tôi mới không chạy, thưa quý ông.

Trong lúc tiểu thư nói, tám ông Bà la môn thấy được hai hàm răng đều đặn tốt đẹp của tiểu thư, thì nghĩ thầm:

- Thiếu nữ này có đủ tư cách như vậy chúng ta chưa từng gặp.

Họ bèn tán dương tiểu thư và nói:

- Tiểu thư biện luận thật là đúng lý.

Thế rồi, các ông mai đeo tặng phẩm là chiếc vòng kim hoa cho tiểu thư. Tiểu thư bèn hỏi:

- Chẳng hay quý ông từ thành phố nào đến đây?

- Từ thành Sāvattthī, thưa tiểu thư.

- Vị Trưởng giả mà quý ông đại diện tên là chi?

- Là ông Trưởng giả Migāra, thưa tiểu thư.

- Trưởng nam của Trưởng giả tên là chi?

- Là Puṇṇavaḍḍhana công tử, thưa tiểu thư.

Tiểu thư nhận lời cầu hôn vì thấy dòng dõi của Puṇṇavaḍḍhana cũng môn đăng hộ đối với dòng dõi nhà mình, tiểu thư nhắn tin về cho phụ thân:

- Xin cho kiệu xa đến rước con.

Lúc trước, tiểu thư đi bộ ra khỏi nhà, nhưng từ khi nhận chiếc vòng kim hoa đeo lên cổ rồi thì không được tự do đi bộ như thế nữa.

Các tiểu thư vọng tộc đi bằng kiệu xa nhỏ nhẹ, còn những thiếu nữ hầu trèo lên thứ xe nhỏ thường hoặc là cầm lọng hoặc là lấy quạt che phía trên đầu bằng. Chẳng vậy, thì các cô lấy y choàng phủ lên vai.

Ông Trưởng giả Dhanañjaya gửi đến cho tiểu thư năm trăm cỗ xe, tiểu thư cùng với các thị nữ đồng lên xe trở về nhà. Tám ông Bà la môn cũng đi theo một lượt.

Khi thấy các ông mai, ông Dhanañjaya hỏi:

- Quý khách từ đâu lại đây.

- Thưa Trưởng giả, từ thành Sāvattthī.

- Trưởng giả thành ấy tên là chi?

- Thưa là Migārasettḥi.

- Con trai ông tên là gì?

- Thưa tên là Puṇṇavaḍḍhana công tử.

- Gia sản của ông ấy được bao nhiêu?

- Thưa Trưởng giả được bốn trăm triệu đồng vàng.

- Bấy nhiêu đó mà so sánh với gia sản nhà ta thì đàn trai còn thua xa lắm. Kể ra cũng chưa đủ tiền phần sấp cho con gái ta, chớ đừng nói chi đến tiền khác. Tuy nhiên, một khi gặp chỗ xứng đáng cho con gái mình nương tựa thì còn so hơn tính thiệt mà làm gì.

Nói rồi, ông Dhanañjaya nhận lời cầu hôn của các vị Bà la môn, ông cầm các ông mai ở lại khoản đãi trong hai ngày rồi tiễn chân các ông trở về thành Sāvattthī.

Khi về đến kinh thành, họ báo tin mừng cho Trưởng giả Migāra: “Chúng tôi đã tìm được nàng dâu có đủ ngũ mỹ đức”.

- Nàng ấy là con nhà ai?

- Là ái nữ của Trưởng giả Dhanañjaya.

Nghe vậy, Trưởng giả Migāra nghĩ thầm:

- Ta may mắn được dâu con nhà vọng tộc. Vậy ta nên cưới đem về cho gấp.

Ông vào trình với quốc vương để đi Sāketa, lo việc hôn nhân cho trưởng tử.

Quốc vương phán rằng:

- Đại gia tộc ấy là do trầm đã sang viếng vua Bimbisāra, thỉnh được đưa về ngụ nơi Sāketa. Quả nhân cần phải ưu đãi, quý trọng, vậy để quả nhân cùng đi với khanh.

Ông Trưởng giả Migāra vâng lời, đáp: “Lành thay, tâu bệ hạ”. Đoạn ông trở về nhà, thảo ngay một bức thư gửi cho bá hộ Dhanañjaya, lời lẽ vắn tắt như vậy: “Khi bệ hạ đến sẽ có đức vua cùng đến và quân gia rầm rộ đông đảo, hằng bấy nhiêu người cần phải thù tiếp, tiên sinh liệu có thể lo kham hay không?”.

Ông Dhanañjaya phúc thư rằng: “Dâu cho có mùi vị quốc vương đến cũng tốt vậy”.

Thế là, trọn cả kinh đô rộng lớn như thế, ngoại trừ những người phải ở lại trông nom nhà cửa, còn tất cả bao nhiêu cư dân; ông Migāra đều cho đi theo dự lễ thành hôn, đến một địa điểm cách Sāketa nửa do tuần, ông Migāra lựa chỗ cắm trại, rồi gửi thư báo tin cho chàng gái: “Chúng tôi đến”.

Ông Dhanañjaya cho người mang nhiều lễ vật đến đãi sui gia, rồi gọi con gái đến hỏi ý kiến rằng:

- Này con, nghe nói cha chồng của con cùng các vương gia xứ Kosalā đến đây. Vậy con thử nghĩ: Trong các lâu đài của ta, nên tiếp đãi cha chồng con trong tòa lâu đài nào, quốc vương tại lâu đài nào, chư Tiểu vương tại ngôi nào?

(Tiểu thư là một bậc hiền minh, có trí tuệ sáng suốt, quyết định mau lẹ chớp nhoáng, nhờ nàng đã phát nguyện từ một trăm ngàn kiếp trái đất về trước).

Khi nghe thân phụ hỏi, tiểu thư bèn đáp:

- Cha hãy tiếp đãi cha chồng của con ở ngôi nọ, quốc vương ở ngôi nọ, các tiểu vương thì ở những ngôi kia.

Chỉ dẫn cho thân phụ xong rồi, tiểu thư cho gọi các nô tỳ gia đình đến phân phát công việc:

- Bao nhiêu đây hãy lo cơm nước đãi đàng quốc vương, bao nhiêu đây hãy lo đãi các tiểu vương... Ngoài ra các người cũng phải lo sẵn sóc voi, ngựa ăn uống đàng hoàng tử tế phải lo cho các tượng nô, mã phu theo hầu quốc vương, để họ được rảnh rang mà dự lễ nữa...

- Tại sao vậy?

- Đùng để cho một ai có lời phiến trách, như nói: “Chúng ta đi dự lễ cưới của tiểu thư Visākhā mà chẳng có được chút gì vui thú, vì mắc lo giữ ngựa chăn voi, không đi đâu được hết”.

Trong ngày ấy, thân phụ của tiểu thư Visākhā cho rước năm trăm thợ kim hoàn đến tư thất, đặt khoán cho họ: “Hãy làm cho con gái ta một sợi dây chuyền thật lớn như cái áo dài”. Rồi ông giao cho thợ một trăm ngàn đồng vàng (Nikkha), đủ số lượng bạc và kim cương... trân châu, san hô, ngọc thạch để cẩn theo kiểu mẫu...

Quốc vương ở lại vài ba ngày, rồi sai cận thần mang chiếu chỉ cho ông Trưởng giả Dhanañjaya:

- Khanh không thể đảm nhận trọng trách cung cấp cho quả nhân cùng với tất cả binh gia tùy giá lâu dài được. Vậy hiền khanh khá chọn ngày lành tháng tốt làm lễ vu qui đi.

Trưởng giả Dhanañjaya vội vàng gửi sớ phúc đáp quốc vương:

- Bây giờ đang đầu mùa mưa, trọn bốn tháng này, sự lưu thông sẽ bị gián đoạn. Tất cả những nhu yếu phẩm của đạo quân tùy giá, bất cứ món chi bệ hạ cần đến, hạ thần xin gánh chịu hết bao giờ hạ thần tiền biệt, chừng ấy bệ hạ sẽ ngự giá đàng trình.

Từ đó trở đi, thành Sāketa luôn luôn tung bùng rộn rịp như trong những ngày tết vậy, từ quốc vương cho đến quân dân không sót một ai, tất cả đều được cung cấp đầy đủ vật dụng như tràng hoa, vật thơm, y phục, thuốc men... Ai ai cũng nghĩ rằng: “Trưởng giả hậu đãi chúng ta thật thành tình”.

Ba tháng đã qua như thế, sợi dây chuyền vàng nạm ngọc vẫn chưa làm xong, các nữ giám thị, nữ công nhân đầu bếp thừa với Trưởng giả Dhanañjaya:

- Mọi công việc đều trôi chảy, không có chi rắc rối cả, nhưng củi gần hết, không đủ chụm để nấu ăn đãi binh lính trong tháng tới.

- Các người hãy đi khắp thành, xem những chuồng voi, chuồng ngựa, chuồng bò nào mục cũ, và những trại xiêu vẹo tới tuổi rồi thì cứ việc gỡ xuống hết lấy làm củi chụm.

Thứ nhiên liệu này chỉ xài được có nửa tháng, các nữ giám thị lại bẩm cho Trưởng giả biết để liệu định.

- Trong mùa này không làm cách nào kiếm được củi, thôi thì các người hãy mở các kho vải ra, lấy vải thô xấu quăn bó làm đuốc, đem tẩm vào các thùng dầu chai để nấu ăn thế cho củi vậy.

Các nữ giám thị vâng lời chủ làm y như thế trong nửa tháng. Như thế là trọn bốn tháng mùa mưa, món nữ trang của tiểu thư cũng làm xong.

Món trang sức đặc biệt này, thợ cần đến bốn gáo (Nali) kim cương, mười một gáo trân châu, hai mươi hai gáo san hô, ba mươi ba gáo ngọc ma ni bảo châu, như thế là nó chứa hết bao nhiêu thứ bảo châu này, bảo châu nọ. Thợ không dùng chỉ thường, mà dùng sợi chỉ làm bằng bạc để kết, nếu đứt nó lại phía trên rồi thả thòng xuống thì đến bàn chân. Ở nhiều nơi thợ kết những nút bằng vàng, khuy thì bằng bạc để gài cho chắc, trên đầu, hai nút ở hai tay, một nút ngay yết hầu, hai nút ở đầu gối, hai nút ở chỗ cánh chỏ, một nút trước ngực, và một nút chỗ eo lưng.

Trong món nữ trang y như cái áo này, thợ có làm một con Khổng Tước (Công) đang múa, cánh phải có năm trăm cái lông đều bằng vàng ròng, cánh trái có năm trăm cái lông cũng toàn là vàng ròng, mỏ công bằng san hô, mắt bằng bảo châu, chỗ cổ và đuôi cũng vậy, đuôi công có năm trăm hình mặt trời, chân công bằng bạc.

Món nữ trang này khi tiểu thư đội lên đầu, trong giống hệt như con Khổng Tước đứng trên chót núi đang múa thật vậy.

Tiếng reo của ngàn cái lông có hình mặt trời nghe du dương như tiếng nhạc thiên thai vang rền như tiếng ngũ âm. Khi đến gần trông thật rõ mới biết không phải là chim thật.

Vật liệu dùng làm món trang sức này trị giá đến chín mươi triệu và tiền công thợ là một trăm ngàn Kahāpaṇa.

(Do phước báu nào mà tiểu thư làm chủ được món nữ trang này? Tương truyền rằng: “Trong thời kỳ Đức Phật Kassapa tiểu thư đã cúng dường y và vải may y đến hai muôn Tỷ Khuru nàng dâng luôn cả kim chỉ màu nhuộm, để cho Chư Tăng tự ý sử dụng. Do phước cúng dường y phục này mà tiểu thư được sợi dây chuyền to lớn quý giá này. Phụ nữ dâng y thì được phát sanh nữ trang to quý như thế, còn nam nhân khi xuất gia thì có y bát sẵn, do thần thông phát sanh.)

Trưởng giả Dhanañjaya sửa soạn tư trang cho tiểu thư trong bốn tháng như thế, mà còn cho thêm tài sản để làm của hồi môn, đem theo về nhà chồng: năm trăm cỗ xe bò chở đầy tiền vàng, năm trăm cỗ chén quý, đĩa quý bằng vàng, năm trăm cỗ chén đĩa bạc, năm trăm cỗ mâm thau, năm trăm cỗ dầu sữa, năm trăm cỗ đường mía, năm trăm cỗ mâm đồng đen, năm trăm cỗ tơ lụa hàng vải, năm trăm cỗ sanh tô, năm trăm cỗ gạo ngon, năm trăm cỗ nông cụ như lưỡi cày, lưỡi cuốc... Người ta nói rằng: Ông Trưởng giả muốn cho con gái mình về nhà chồng khỏi phải lo thiếu thốn món này món nọ, phải đi chạy mượn của nhà khác, nên cho đủ thứ nông cụ như thế!

Ông Trưởng giả còn cho một trăm chiếc xe kiệu trên mỗi chiếc xe đều có ba nàng tỷ nữ, trang sức lộng lẫy để theo phục dịch tiểu thư. Ông dặn tất cả nữ tỷ hãy lo tắm rửa, cho ăn uống và trang điểm cho tiểu thư.

Khi ấy ông còn tính: “Ta sẽ cho con gái ta nhiều bò cái”, ông cho gọi gia đình đến và bảo: “Nè, mấy đứa bây đi mở cửa chuồng bò nhỏ ra, rồi cách xa ba dặm đường, lấy ba cái trống đứng đó và đứng thành hai hàng hai bên, chừa khoảng trống ở giữa một dặm đường, giữ đừng cho bò cái chạy tản lạc bậy bạ. Đứng xong rồi nổi trống hiệu lên”.

Các gia đình chăn bò vâng lệnh làm y theo như vậy, đàn bò cái ra khỏi chuồng, đi được một dặm thì họ nổi trống, và khi đàn bò đi được ba dặm, họ lại nổi trống báo hiệu lần thứ ba, và chặn bò trong chuồng lại. Trên khoảng đường dài ba dặm (gāvuta) rộng một trăm bốn mươi hắc (usabha) đàn bò cái đứng chật ních, con nọ đụng vai con kia.

Ông Trưởng giả ra lệnh: “Bấy nhiêu bò cái ngoài này cho tiểu thư đủ rồi, thôi bây giờ hãy đóng cửa chuồng lại”.

Trong lúc gia đình vừa đóng cửa chuồng, do quả phước của tiểu thư, những con bò cái tơ khỏe và nhiều con bò mẹ khác đua nhau nhảy qua cửa cổng thoát ra ngoài, các gia đình chặn cách nào cũng không được. Nên sẩy chuồng khoảng sáu mươi ngàn con bò đực và sáu mươi ngàn con bò mẹ dẫn theo cũng ngần ấy bò lừa (do nhân nào cho quả phước khiến cho tiểu thư được thêm bấy nhiêu bò cái đó? Do quả phước cứng dường vật thực mà Tăng đã ngăn cản. Tương truyền rằng: Trong thời Giáo Pháp của Đức Chánh Biến Tri Kassapa, tiểu thư là Công chúa thứ bảy của vua Kikī, mỹ danh là Saṅghadāsī (Tăng Tỳ), có cúng dường năm món nguưu vị đến hai mươi ngàn vị Tỳ Khuru. Trong khi ấy có những vị Tỳ Khuru và Sa Di trẻ tuổi dậy nấp bát lại không nhận nữa, nói rằng: “Thôi thôi”, nhưng Công chúa vẫn nói ép “Món này ngon lắm, món này ngọt lắm” và dung cho bằng được. Do phước báo của việc lành đó, khiến cho mấy muôn con bò cái dẫu bị ngăn cản cũng cứ nhảy tràn ra).

Khi Trưởng giả chia gia tài cho tiểu thư bấy nhiêu đó, thì bà Sumanadevī bảo rằng:

- Tất cả mọi thứ ông lo chu đáo rồi, nhưng còn tôi trai tứ gái, kẻ ăn người ở trong nhà sao ông không lo cho nó?

- Bởi vì tôi muốn biết kẻ nào ưa cùng kẻ nào không ưa con gái mình. Tôi không thích cái lối tống cổ đưa đi nếu họ không muốn đi. Vậy đến bữa đưa dâu lên xe hoa, ta sẽ hỏi tất cả gia nhân “Ai muốn theo tiểu thư thì cứ đi. Ai muốn ở lại thì cứ ở lại chớ ta không cấm cản chi đâu”.

Khi đã định ngày hôm sau cho con gái xuất giá, ông Trưởng giả ngồi trong thư phòng, cho tiểu thư ngồi gần một bên dặn dò, dạy dỗ rằng:

- Này con! Con gái về nhà chồng thì phải biết làm tròn bổn phận dâu con, đối xử với thân quyến bên chồng phải giữ nề nếp con nhà gia giáo...

Ông Migāra ngồi trong gian phòng bên cạnh cũng nghe được những lời của ông Trưởng giả Dhanañjaya dạy con như thế. Ông Dhanañjaya còn ban huấn từ cho tiểu thư như vậy:

- Này con! Con ở nhà chồng thì:

1. Không nên đem lửa trong nhà ra ngoài.
2. Không nên đem lửa bên ngoài vào nhà.
3. Không nên cho đến kẻ không đáng cho.
4. Nên cho đến kẻ nào đáng cho.
5. Nên cho đến kẻ cho và cả kẻ không cho.
6. Nên ngồi cách an vui.
7. Nên ăn cách an vui.
8. Nên ngủ cách an vui.
9. Nên coi chừng lửa.
10. Nên lễ bái Chư Thiên trong nhà.

Sau khi ban thập điều gia huấn cho tiểu thư Visākhā. Ngày hôm sau, Trưởng giả Dhanañjaya triệu thỉnh các tướng lãnh chỉ huy đoàn quân hộ giá đến chứng minh, rồi ông đứng giữa đó, bảo tám vị Trưởng lão gia tộc làm giám hộ rằng:

- Nếu con ta đến nơi, có ai tố cáo nó lỗi lầm chi, các ông hãy nên làm cho ra lẽ.

Nói rồi, Trưởng giả Dhanañjaya đeo lên cho tiểu thư món nữ trang là sợi dây chuyền to lớn trị giá chín mươi triệu, cho tiểu thư năm trăm bốn mươi triệu đồng tiền vàng là tiền mua mật ong để tắm gội. Đoạn ông sai người thặng xe đưa ông với tiểu thư đi khắp châu thành Sāketa, đánh trống truyền rao cho dân làm công trong mười bốn làng của ông: “Ai muốn đi theo con gái ta thì cứ đi”.

Dân làng nghe rao, đồng nói: “Nay tiểu chủ của ta ra đi, ta còn ở lại đây mà làm gì?”. Thế là tất cả dân cư trong mười bốn làng ra đi hết, không còn một người nào ở lại.

Trưởng giả Dhanañjaya dâng, biếu nhiều tặng phẩm đến quốc vương cùng Trưởng giả Migāra, đi theo đưa tiền kiệu hoa cùng các tân khách một đoạn đường rồi mới trở lại.

Ông Trưởng giả Migāra ngồi trên cỗ xe đi sau cùng, trông thấy đoàn người đi theo đông đảo, bèn hỏi:

- Đám người nầy là ai?

- Họ là những tôi trai tớ gái và người làm công của tiểu thư, dâu của ông đó.

- Họ đông quá, ai mà nuôi cho nổi, hãy đánh đuổi họ chạy bớt đi, còn ai không chịu chạy thì cho họ theo.

Tiểu thư Visākhā liền bảo họ rằng:

- Hãy khoan, đừng ngăn cản họ, đoàn người nầy sẽ lo cơm nước cho binh lính.

Nghe vậy, Trưởng giả Migāra bảo rằng: “Này con, nhà ta không cần dùng những người ấy, ai đâu mà nuôi họ”.

Thế rồi, ông lấy đất cục, gậy gộc liệng họ và đánh đuổi họ chạy đi bớt, chỉ còn giữ lại một số ít, không chạy đi và nói: “Bấy nhiêu đây cũng đủ dùng rồi”. Đoạn tiếp tục lên đường.

Khi đến cổng thành Sāvattihī, tiểu thư Visākhā nghĩ thầm: “Ta sẽ ngồi trong xe bít bùng hay là sẽ đứng trên xe nhỏ mà vào thành?”. Rồi tiểu thư nghĩ rằng: “Nếu ta ngồi trong xe bít bùng mà vào thành thì phẩm giá món trang sức quý giá nầy chẳng một ai thấy hết”, tiểu thư bèn đứng trên một cỗ xe nhỏ nhẹ mà đi vào thành để cho toàn dân trong thành đều trông thấy tiểu thư hết.

Dân thành Sāvattihī trông thấy tài sản của tiểu thư Visākhā đều nói: “Nghe nói rằng cô dâu là nàng Visākhā, nàng đã đẹp như thế lại giàu quá mức như vậy. Thật là xứng đáng hết sức”.

Ngày về nhà chồng, tiểu thư Visākhā đã biểu dương tài sản to lớn của mình như thế đó. Ngày ấy, toàn dân chúng trong thành đều gọi quà tùy theo sức của mình mà tặng cô dâu mới, vì họ nghĩ rằng: “Lúc đến Sāketa, thành của Trưởng giả Dhanañjaya, chúng ta được Trưởng giả tiếp đãi trọng hậu”.

Nhận được tặng phẩm của các nhà gọi đến, tiểu thư liền hoàn lại, bằng cách trao đổi quà tặng với các nhà. Tiểu thư khôn khéo gọi quà biếu cho toàn dân trong thành tùy theo tuổi tác và gia thế của họ với những lời lẽ triu mến ngọt ngào như những thân nhân: “Đây là quà của thân mẫu tôi, đây là quà của thân phụ tôi, đây là quà của anh tôi, đây là quà của chị tôi...”.

Lúc chạng vạng tối con ngựa trắng cái của nàng đẻ con, tiểu thư sai bọn nữ tỳ đốt đuốc soi đường đi xuống chuồng ngựa, lấy nước ấm tắm rửa sạch sẽ cho nó, thoa dầu khử phong cho nó rồi mới trở về chỗ ngủ.

Mặc dầu ông Trưởng giả Migāra ở gần chùa, nhưng lúc cưới vợ cho con trai, ông chẳng hề lưu ý đến Đức Như Lai cùng Chư Tăng. Đã từ lâu rồi, ông đặt niềm tin vào nhóm đạo sĩ lửa thể.

Một ngày nọ, ông dự định cúng dường đến các vị Trưởng Lão của ông, ông cho nấu cơm trắng với sữa tươi rắc rỗng trong hàng trăm cái nồi mới, rồi thỉnh năm trăm vị đạo sĩ lửa thể đến nhà, khi họ đã vào nhà rồi, ông cho gọi tiểu thư Visākhā:

- Con dâu của ta, hãy đến và đánh lễ các vị A La Hán.

Nghe tiếng A La Hán, nàng Visākhā rất mừng rỡ vì nàng là nữ Thịnh Văn đã đắc Tu Đà Huàn.

Tiểu thư đến ngay phòng các đạo sĩ đang ăn, trông thấy họ, nàng trách cha chồng rằng:

- Những người nầy không biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi như thế, họ không phải là những vị A La Hán đâu. Tại sao cha lại gọi con đến đây?

Tiểu thư bỏ trở về tư thất.

Nhóm đạo sĩ lửa thể trông thấy tiểu thư có thái độ như thế, đồng loạt quở trách nặng nề ông Migāra:

- Này gia chủ, tại sao ông đưa về nhà con tiện tỳ hèn mạt đệ tử của Sa Môn Cổ Đàm, là kẻ khác đạo của chúng ta. Ông hãy mau lôi cổ, tống nó ra khỏi nhà cho rồi.

Ông Migāra nghĩ thầm: “Dâu ta là con nhà thế gia vọng tộc ta không thể lôi kéo đuổi xô theo lời các Ngài đây được”.

Trưởng giả đành nói cho xuôi chuyện:

- Bạch các Ngài! Bọn trẻ tuổi làm cho có ý thức được, chỉ là bọn vô ý thức. Xin các Ngài làm thinh bỏ qua đi cho.

Sau khi tiễn đưa các tu sĩ lửa thề, ông Migāra ngồi trên một cái ghế rất đắt tiền, ăn cơm trắng nấu bằng mật ong pha ít nước đựng trong một cái chén bằng vàng. Ngay khi ấy, một vị Trưởng Lão hạnh Đầu Đà thường đi khất thực, đi vào cổng nhà ông Trưởng giả, đang đứng quạt hầu cha chồng, nàng Visākhā trông thấy vị Trưởng Lão, bèn đứng nép qua bên để cha chồng nhìn thấy vị Trưởng Lão, chớ tiểu thư không muốn chỉ. Nhưng Trưởng giả là người kém trí, tuy thấy vị Trưởng Lão nhưng làm như không thấy, chỉ cúi đầu xuống ăn như thường.

Tiểu thư biết rằng cha chồng mình trông thấy vị Trưởng Lão nhưng không thấy lộ vẻ gì cả, bèn bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin đi nơi khác, cha tôi đang ăn vật thực cũ (Purārakam).

Lần trước nghe tiểu thư miệt thị nhóm Nigantha (Ni Kiên Tử), ông Migāra còn nhịn được, nhưng lần này nghe nói ông ăn đồ ăn cũ, ông dùng tay lại không ăn nữa và bảo:

- Hãy lấy chén cơm này đem đổ đi và lôi con nhỏ đó ra khỏi nhà ta lập tức. May mà cưới nó về chưa bao lâu mà nó đã dám bảo cha chồng nó ăn đồ dơ như bây giờ đây.

Lúc bấy giờ, gia nhân trong nhà đều là người của tiểu thư thì có ai dám đến gần nàng nắm tay hoặc nắm chân nàng, cũng không ai dám mở miệng nói lời chi cả.

Nghe cha chồng bảo vậy, tiểu thư Visākhā đáp rằng:

- Thưa cha, bấy nhiêu đó chưa đủ cho con ra khỏi nhà đâu, con không phải là hạng nữ tỳ ở bên tấm mà cha đem về đâu, con là con gái có cha mẹ đàng hoàng đều còn sanh tiền cả. Con được cưới hỏi đủ lễ đem về, không thể ra đi vì chuyện không đáng tội. Vì lẽ này mà khi xuất giá, cha con đã mời tám vị Trưởng lão đến làm giám hộ cho con và nói: “Nếu con gái tôi có bị tố cáo vì lỗi lầm chi thì các ông hãy làm cho ra lẽ minh bạch”, cha con đã giao phó con cho mấy vị kỳ lão xét đoán, vậy thì cha hãy cho mời mấy ông ấy đến đây phân xử việc này mới được.

Ông Trưởng giả suy nghĩ: “Con này nói phải”, ông cho mời tám vị kỳ lão đến, trình bày:

- Con nhỏ này, trong khi tôi đang ngồi ăn cơm trong ngày lễ cơm trắng nấu với sữa rắc ròn, đựng trong chén bằng vàng, mà nó dám nói tôi: “Ăn đồ dơ”. Xin các Ngài hãy buộc tội nó, và đuổi nó ra khỏi nhà giùm tôi.

- Có đúng như lời ông nói không, tiểu thư?

- Cháu không bao giờ nói với ý như thế. Trong lúc cha chồng đang ăn, có vị Trưởng Lão trì bình khất thực đến đứng trước cửa nhà, cha chồng cháu đang ăn cơm trắng nấu rắc sữa, không lưu ý đến vị ấy, cháu nghĩ: “Trong kiếp hiện tại cha chồng ta không tạo phước mới, mà chỉ ăn toàn phước cũ không mà thôi”. Cháu nói với ý nghĩa này, như thế cháu không có tội chi cả.

- Thưa Trưởng giả, nó nói như thế thì không có lỗi, cháu chúng tôi nói đúng lý. Tại sao ông lại giận hờn nó mà chi.

- Thưa quý vị, việc ấy tôi cũng cho là vô tội đi, nhưng có việc này, một đêm nọ nó dắt tôi trai tó gái đi vòng ra phía sau nhà...

- Ông nói thế có đúng như vậy không cháu?

- Thưa các bác, cháu ra đi không vì lẽ gì bậy bạ, nguyên vì con ngựa của cháu để con trong chuồng nhà này. Cháu nghĩ: Minh biết tin mà ngồi không chẳng làm gì hết thì không phải cách. Cháu có bảo đốt đuốc soi đường rồi đi với mấy con nữ tỳ xuống săn sóc cho con ngựa cái mới sanh con. Làm như thế, cháu có tội chi đâu.

- Thưa quý vị, việc này kể là vô tội cũng được. Nhưng còn việc này nữa, khi con này sắp về đây, cha nó có dạy mười điều bằng thứ tiếng lóng, cho nên tôi không hiểu được ý nghĩa ra sao. Tôi muốn nó giải thích cho tôi nghe rõ rệt, chẳng hạn như cha nó bảo rằng: “Không nên đem lửa trong nhà ra ngoài”. Có thể nào nhà chúng tôi không cho nhà ở hai bên cạnh mỗi lửa được u?

- Ông nói thế có đúng không cháu?

- Thưa các bác, cha cháu không có ý muốn nói như thế, mà người muốn nói như vậy: Con ơi, dầu cho con có nhìn thấy chỗ xấu của chồng và cha mẹ chồng con, thì giữ kín trong nhà chớ để lọt ra ngoài cho thiên hạ biết. Quả thật không có thứ lửa nào nóng như thế cả.

- Thưa quý vị, việc ấy có thể là được đi. Nhưng cha nó còn dạy rằng: “Không nên đem lửa bên ngoài vào nhà, làm sao không có thể lấy lửa từ ngoài đem vào”, nếu rủi như trong nhà tắt hết cả lửa?

- Lời ông nói có đúng không vậy cháu?

- Thưa các bác, cha cháu không có ý nói như thế đâu. Người muốn dạy cháu như vậy: “Nếu như trong những nhà lân cận, người nữ hoặc người nam nói xấu chồng hay vợ hoặc cha mẹ chồng, mình nghe rồi không nên đem về học lại, những người đó đã nói xấu anh chị như thế”. Không có lửa nào bằng thứ lửa ấy cả.

- Như thế trong cái lý này, cháu chúng tôi không có lỗi.

Cũng như mấy câu trên, các câu kệ được tiểu thư giảng giải lần lượt như sau: Khi cha nàng nói “Nên cho đến người đáng cho”, nghĩa là nên cho đến người nào mà sau này khi thọ lãnh được đồ vật còn biết đến đáp, cho trở lại (những người nào mượn đồ đạc, dùng rồi đem trả lại tử tế thì nên cho họ mượn).

Câu: “Không nên cho đến người không cho”, có nghĩa là không nên cho đến những người nào mà sau khi thọ lãnh đồ vật xin được, không biết đến đáp, cho trở lại (những người nào mượn đồ đạc, dùng rồi không đem trả lại thì không nên cho họ mượn).

Câu: “Nên cho đến người cho và người không cho”, có nghĩa là đối với thân bằng quyến thuộc nghèo khó, dầu cho họ có thể trả được hay không cũng nên cho họ mượn (nên giúp đỡ họ).

Câu: “Ngồi cách an vui” có nghĩa là khi đang ngồi mà thấy chồng hoặc cha mẹ chồng thì phải đứng dậy chào, không nên ngồi nữa.

Câu: “Ăn cách an vui” có nghĩa là trước bữa ăn, phải lo cơm nước cho chồng và cha mẹ chồng ăn trước, lại phải trông coi tất cả người trong nhà có ai thiếu đủ gì không, rồi mới nên tự mình ăn.

Câu: “Ngủ cách an vui”, có nghĩa là không nên đi ngủ trước chồng và cha mẹ chồng, phải lo kiểm soát trong nhà, trông coi cửa ngõ, để phòng người ăn kẻ ở có sai sót việc chi không, sau rồi tự mình mới lên giường.

Câu: “Nên giữ chừng lửa”, nghĩa là nên coi chồng và cha mẹ chồng cũng như là lửa, cũng như là rắn chũa trong khi tiếp xúc phải lưu tâm cẩn thận.

Câu: “Nên lễ bái Chư Thiên trong nhà”, có nghĩa là nên cung kính chồng và cha mẹ chồng như là Chư Thiên.

Nghe tiểu thư giải xong nghĩa lý của mười điều gia huấn, ông Migāra cúi xuống làm thỉnh, không nói lời nào trách cứ được nữa.

Khi ấy các vị bồ lão hỏi: “Thưa Trưởng giả, cháu gái của chúng tôi có còn làm lỗi gì nữa chăng?”.

- Thưa quý vị, không.

- Nó không lầm lỗi thì tại sao Ngài ra lệnh đuổi nó ra khỏi nhà?

Nghe được lời này, tiểu thư Visākha bèn hỏi:

- Thưa các bác, ban đầu nghe lời cha chồng cháu đuổi cháu đi, nếu cháu bỏ đi liền thì không phải cách, vì khi cháu xuất giá, cha cháu có đặt cách cháu dưới quyền giám hộ của các bác. Nay các bác đã biết rõ là trong việc này, cháu không có lầm lỗi chi tất cả, thì bây giờ cháu ra khỏi nhà này là phải cách lắm.

Nói rồi, tiểu thư cho gọi các tôi trai tớ gái bảo họ chuẩn bị đồ đạc xe cộ dựng lên đường.

Khi ấy Trưởng giả liền phân chứng cùng tám vị kỳ lão và năn nỉ cô dâu rằng:

- Con à! Vì cha không biết xét nên đã nói oan cho con, con hãy thứ lỗi cho cha đi.

- Thưa cha, nếu cha có lỗi gì đáng xóa bỏ thì con xóa bỏ hết. Ngược lại, con chỉ xin cha chấp thuận cho con vậy: Vì con là con gái của một gia tộc, có đức tin trong sạch với Phật pháp, không muốn sống cách biệt với Chư Trưởng Lão Tăng, nếu cha vui lòng cho con được hộ độ Chư Tăng thì con sẽ ở lại đây.

- Nay con cứ tự tiện lo việc hộ độ các ông Sa Môn đi.

Được lời cha chồng cho quyền tự do, tiểu thư bèn cho người đi thỉnh đấng Thập Lực ngày hôm sau đến nhà thọ thực ngay tại tư gia của Trưởng giả Migāra. Các đạo sĩ lửa thể được tin Đức Bổn Sư đến thọ lãnh vật thực tại nhà của ông Migāra, bèn ráp nhau đến ngồi xung quanh tư thất của ông.

Sau khi xối nước khai mạc lễ Trai Tăng, tiểu thư Visākhā gọi thư cho cha chồng: “Tất cả lễ vật đều sắp đặt xong, xin thỉnh cha đến sát bát cúng dường đến đấng Thập Lực”.

Khi ấy các du sĩ lửa thể liền ngăn cản ông Trưởng giả nói rằng: “Này gia chủ, ông đừng đi đến chỗ Sa Môn Cổ Đàm”.

Ông Trưởng giả phải viết thư trả lời rằng:

- Dâu của cha cứ việc lo cúng dường sát bát một mình cũng được.

Nàng Visākhā đứng trông nom việc sát bát Trưởng Lão Tăng có Đức Phật là vị Tăng trưởng. Khi các Ngài xong bữa, nàng lại nhắn tin cha chồng đến nghe thuyết pháp.

Khi ấy, ông Trưởng giả nói với nhóm lửa thể ngoại đạo rằng: “Bây giờ mà không đến đó thì bất lịch sự lắm”.

Thấy ông Trưởng giả muốn đi nghe pháp và năn nỉ nhiều lượt, nhóm đạo sĩ lửa thể nói:

- Thôi được, nếu ông muốn đi nghe pháp của Sa Môn Cổ Đàm thì hãy đến ngồi bên ngoài bức rèm mà nghe.

Nhóm đạo sĩ lửa thể liền lấy rèm bao quanh chỗ thuyết pháp, ông Trưởng giả đến ngồi bên ngoài rèm. Đức Bổn Sư nghĩ thầm: “Dầu cho ông có ngồi bên ngoài rèm, hoặc là ngoài tấm vách, hoặc là ngồi bên kia dãy núi hay ngoài địa cầu này, hay ngoài thế giới Ta bà đi nữa. Ta là Phật thì ta vẫn khiến cho ông nghe được pháp âm của ta”.

Thế rồi, như một người lực sĩ nắm lấy cây Diêm phù to lớn, lắc mạnh, như trời mưa một đám mưa lớn bất diệt, Đức Bổn Sư bắt đầu thuyết lên tuần tự pháp.

Trong khi Đức Chánh Biến Tri đang thuyết pháp, thì dầu cho người đứng phía trước, đứng phía sau, đứng cách xa cả trăm ngàn do tuần, đứng tận trên tầng trời Sắc cứu cánh, ai cũng cho rằng: “Đức Bổn Sư vì ta mà thuyết pháp, mỗi người đều cảm thấy y như Đức Bổn Sư chiếu cố đến mình và y như mình đang chuyện trò tâm sự vậy, có thể nói: Chư Phật ví như mặt trăng giữa trời, tất cả chúng sanh ở dưới đất trông lên đều thấy hình như mặt trăng ở trên đầu mình. Cùng như thế ấy, người đứng nơi nào cũng trông thấy như mình đang đứng trước Đức Phật vậy. Đó là do hạnh nguyện bố thí Ba La Mật mà Đức Bổn Sư đã hoàn thành viên mãn, như Ngài đã tự cắt đầu khô ngô tuần tú của Ngài, đã mọc cặp mắt sáng như sao băng, đã rút quả tim, đã dứt tình thâm thí Hoàng tử Jāli, công chúa Kanhā và hoàng hậu Maddī, để có thể hoàn thành quả vị Phật Toàn Giác, thuyết pháp độ sanh.

Trong lúc Đức Bổn Sư thuyết tuần tự pháp thoại, có lớp có lang, càng nghe càng thấy cởi mở, ông Trưởng giả ngồi bên ngoài bức rèm cảm thông bằng cả ngàn lý lẽ, nên chứng đắc quả vị Dự Lưu đi đôi với đức tin bất thối, có lòng tin trọn vẹn đối với Tam Bảo. Ông liền vén rèm bước vào nhà, kê miệng ngậm vú nàng dâu và tôn nàng lên làm mẹ mình: “Từ giờ trở đi, người là mẹ của tôi”.

Kể từ đó, nàng Visākhā được mệnh danh là Migāramātā, về sau khi nàng có con trai, đặt tên con là Migāratissa.

Ông Trưởng giả nhả vú nàng dâu ra, rồi đến nằm mọp đầu dưới chân Đức Thế Tôn, đôi tay mon trón và miệng hun hít đôi bàn chân của Ngài, nói rằng: “Bạch Ngài, con tên là Migāra, bạch Ngài con tên là Migāra”.

Sau khi tự xưng tên ba lần như thế, Trưởng giả nói tiếp:

- Bạch Thế Tôn, trong kiếp nầy con có được hai lần đại phúc, nhờ nàng dâu mà con được thoát khỏi mọi khổ cảnh ác thú đạo. Nàng dâu của con đến nhà nầy mang theo sự lợi ích, sự tấn hóa, sự an vui đến con.

Nói rồi, ông ngâm lên kệ ngôn rằng:

*“Sohaṃ ajjā pajānāmi
Yattha dinnam mahapphalam
Atthāya vata me bhaddā
Sunisa gharamāgatī”*

Lược dịch:

*“Hôm nay con biết rành,
Cúng Phật đại quả sanh,
Lợi ích con nhiều thật,
Nhờ cưới được dâu lành”.*

Qua ngày sau, tiểu thư Visākhā lại tái thỉnh Đức Bồn Sur. Nhờ vậy mà mẹ chồng của nàng cũng chứng được Sơ quả trong ngày thứ hai ấy. Từ đó trở đi, ngôi nhà của tiểu thư luôn luôn mở rộng đối với Phật giáo.

Từ đó, ông Trưởng giả nghĩ thầm: “Ta có nhiều cách để biếu dâu ta những tặng vật. Quả thật vậy, món nữ trang của nó thật nặng nề, không thể mang theo luôn được. Ta sẽ làm cho nó món nữ trang vừa phải, có thể đeo luôn cả ngày lẫn đêm trong mọi oai nghi”.

Ông mượn thợ kim hoàn làm một món nữ trang tên là Ghanamaṭṭhaka (Phủ Đầu), trị giá hàng trăm ngàn đồng vàng, khi món nữ trang vừa xong, ông thỉnh Tỳ Khuru Tăng có Đức Phật làm Tăng trưởng, đến nhà ông, ông kính cẩn dâng thực phẩm cúng dường, đoạn cho người tắm gội tiểu thư Visākhā bằng mười sáu nôi nước thơm, rồi để tiểu thư đứng trước mặt Đức Thế Tôn mà đeo cho nàng món nữ trang mới, và bảo tiểu thư đánh lễ Đức Bồn Sur. Đức Thế Tôn sau khi phúc chúc xong, Ngài trở về chùa.

Từ ấy trở đi nàng Visākhā vẫn tiếp tục tạo được nhiều thiện nghiệp, như là năng bố thí, bà đã xin Đức Bồn Sur ban cho bà tám đặc ân:

1. Dâng y đến Tăng suốt đời.
2. Để bát Tăng đến Sāvattihī.
3. Để bát Tăng rời Sāvattihī.
4. Để bát Tỳ Khuru bệnh.
5. Để bát Tỳ Khuru nuôi bệnh.
6. Dâng thuốc đến Tỳ Khuru bệnh.
7. Dâng cháo sáng đến Tăng.
8. Dâng y tắm mưa đến Tỳ Khuru Ni.

Thịnh danh của bà ngày càng tăng trưởng cũng như số con cháu của bà vậy. Tương truyền rằng bà có đến hai mươi người con, mười trai và mười gái, mỗi người con của bà cũng có hai mươi đứa con như thế, và mỗi đứa cháu của bà cũng có hai mươi người con như thế. Tổng cộng con và cháu của bà là tám ngàn bốn trăm hai mươi người, bà thọ được một trăm hai mươi tuổi. Trên đầu bà chẳng hề có được một sợi tóc bạc, trông bà lúc nào cũng như cô gái mười sáu tuổi, có khi bà đi chùa dắt theo cả đoàn con cháu, nhiều người trông thấy, hỏi nhau rằng: “Trong đám này, ai là bà Visākhā?”. Những người đang đi gặp bà đang đi thì nghĩ rằng: “Bây giờ ta hãy đi thông thả, đi như bà của chúng ta đi như vậy coi mới đẹp”, những người trông thấy bà đứng, nằm hoặc ngồi thì nghĩ rằng: “Bây giờ ta hãy ngồi thông thả như bà ấy, coi mới đẹp”, chưa có ai thốt lên lời chê bà một oai nghi nào trong bốn oai nghi cả. Bà có sức mạnh gấp năm lần con đại tượng.

Quốc vương nghe đồn bà Visākhā có sức mạnh gấp năm con đại tượng, bèn ngự giá đến chùa của bà để thỉnh pháp, đến khi trở về, quốc vương muốn thử sức mạnh của bà, nên khiến quân thả con tượng ra, con tượng giờ vọt lên cao, nhắm ngay bà Visākhā tiến tới. Trong nhóm năm trăm nữ nhân theo hầu bà Visākhā, có một số kinh hoàng bỏ chạy, một số ôm lấy chân bà, bà hỏi: “Cái gì thế?”.

Họ đáp: “Quốc vương muốn thử sức mạnh của bà nên cho thả tượng ra đó”.

Bà Visākhā thấy con voi thì nghĩ thầm:

- Việc gì mà ta phải bỏ chạy, để ta bắt nó lại. Nhưng nếu ta dùng cả sức ra chặn bắt nó, chắc nó phải chết.

Thế là, bà chỉ dùng hai ngón tay kẹp cứng cái vòi, bắt con tượng đứng lại, con tượng vùng vẫy nhưng rút vòi ra không nổi, rồi nằm luôn xuống nền sân ngự. Đại chúng hoan hô vang dậy.

Và Visākhā và đoàn phụ nữ theo hầu đều an toàn trở về nhà.

Thời bấy giờ, trong thành Sāvattthī chỉ có bà Visākhā là có nhiều con trai và cháu trai nhất, con cháu của bà đều mạnh khỏe, nên bà được xem là người có hạnh phúc tối thắng, trong số hàng ngàn con cháu ấy, chẳng một ai chết yểu cả.

Dân thành Sāvattthī, trong các đám tiệc lễ cưới bao giờ cũng mời bà Visākhā đến dự trước nhất.

Một hôm nọ, nhân dịp một lễ hội, bà Visākhā mang theo cả món trang sức nổi tiếng đi dự lễ hội, rồi bà lại đi chùa nghe pháp, khi đến chùa bà Visākhā cởi chiếc trang sức lộng lẫy quý giá ấy, giao cho đứa tớ gái mang.

Đoạn nầy có kinh ghi chép rằng: Thời ấy, trong thành Sāvattthī có lễ hội, nhiều người sửa soạn trang điểm lộng lẫy rồi đi chùa, bà Visākhā cũng trang điểm lộng lẫy đi lễ hội, rồi bà đi chùa, khi thấy bà tháo gỡ món trang sức lộng lẫy ấy, bỏ vào chiếc y Uất Đà La Tăng (vai trái), bó cột lại cho đàng hoàng rồi giao cho đứa tớ gái:

- Nầy con ở đây giữ cái nầy cho bà nghe.

Tương truyền rằng, khi đến chùa bà tự nghĩ thầm: “Mình đeo món trang sức quý giá nầy từ trên đầu xuống tới chân, đi vào chùa là không phải cách”, cho nên bà cởi ra, bó lại và trao cho cô tớ gái có sức mạnh gấp năm lần con tượng mà bà là chủ nhân của cô, do theo phước báu của bà. Mạnh như thế nó mới mang nổi món nữ trang như thế, bà có dặn nó:

- Nầy con, hãy cầm giữ món nữ trang nầy, bà vào bái yết Đức Bổn Sư rồi đeo vào.

Sau khi giao phó món nữ trang nặng nề quý giá ấy cho cô tớ gái, bà đeo chiếc Phủ Đầu, rồi vào gần Đức Bổn Sư ngồi thính pháp, đến cuối thời pháp bà đánh lễ Đức Bổn Sư rồi từ chỗ ngồi đứng lên đi ra, đứa tớ gái bỏ quên món nữ trang quý giá ấy ở trong chùa, đi theo bà mà bà cũng không nhớ nhắc cô ta, khi Thiện tín nghe pháp trở về hết, nếu có vật chi bỏ quên trong chùa thì Trưởng Lão ānada có phận sự phải lấy đem cất, về sau trả lại cho sở hữu chủ. Vì thế, khi nhìn thấy gói trang sức bỏ quên ấy, Trưởng Lão bạch lên cho Đức Bổn Sư biết:

- Bạch Ngài! Bà Visākhā ra về có bỏ quên món trang sức nầy lại đây.

- Ông hãy dẹp nó qua một bên đi, nầy Ānanda.

Trưởng Lão mang món trang sức ấy treo cất tại chỗ lối đi bên cầu thang.

Bà Visākhā nói với bà Suppiyā, hai bà cùng đi rảo trong vòng đất chùa, để tìm xem có chư Tỳ Khuru nào mới đến, hoặc sắp đi xa, hoặc đau yếu... ngõ hầu lo sắp đặt việc hộ độ cho kịp giờ. Thường thường khi thấy hai bà tín nữ đi trong vòng đất chùa, các Tỳ Khuru trẻ cùng các Sa Di cần dùng thuốc trị bệnh như bơ, sữa, mật, đường, dầu đều đem bát đến để nhận. Hôm ấy chư Sư cũng làm như thế.

Trông thấy một vị Tỳ Khuru bệnh, bà Suppiyā bạch hỏi:

- Trưởng Lão cần dùng món chi?

- Nước cốt thịt.

- Dạ được, để đệ tử dâng cho Trưởng Lão. Nàng Suppiyā đáp.

Qua ngày sau, không kiếm được thịt tam tịnh, nàng Suppiyā cắt thịt bắp vế mình, gởi đến vị Tỳ Khuru bệnh ấy. Rồi nhờ đức tin trong sạch nơi Đức Phật, thân thể của bà lành lặn nguyên vẹn lại như cũ.

Bà Visākhā sau khi thăm viếng các Tỳ Khuru bệnh, Tỳ Khuru trẻ cùng với các Sa Di, bà tách ra đi bằng một lối đi cổng khác, đứng sát cánh cửa chùa bảo cô tớ gái:

- Nầy con, hãy mang món trang sức cho ta đeo vào.

Khi ấy, cô tớ gái biết là sắp đi về, mới chợt nhớ mình đã bỏ quên món nữ trang trong chùa, cô bảo rằng:

- Bẩm bà, con bỏ quên rồi.

- Thế thì con hãy vào lấy đem ra đây, nhưng nếu Trưởng Lão Ānanda cất giữ rồi, thì thôi con đừng đòi lại, kể như bà dâng cúng đến Trưởng Lão rồi.

Người ta nói là bà Visākhā biết được việc Trưởng Lão Ānanda có phận sự cất giùm đồ đạc của Thiện tín bỏ quên, nên bà dặn cô tớ gái như thế.

Thấy cô nữ tỳ đến, Trưởng Lão hỏi: “Con vào có việc chi?”.

- Dạ con bỏ quên món nữ trang của bà chủ, nên con trở vào lấy nó.

- Sư để nó ở lối lên cầu thang kia, con lại đó lấy đi.

- Bạch Trưởng Lão, chủ con có dặn rằng: “Nếu vật ấy đã được Trưởng Lão đụng tay vào rồi thì thôi, con không nên lấy lại”.

Nói rồi cô nữ tỳ trở ra với tay không.

- Thế nào con?

Nghe bà Visākhā hỏi, cô nữ tỳ thuật lại mọi sự.

- Này con, món nữ trang mà Trưởng Lão đã đụng tay vào, bà sẽ không đeo để chung diện nữa, bà sẽ dứt bỏ để cúng dường Trưởng Lão. Nhưng để Chư Tăng gìn giữ nó thì khó khăn cho các Ngài, để bà bán nó đổi lấy vật dụng hợp với lễ đạo, đem đến cúng dường Chư Tăng. Vậy con hãy trở vào lấy nó đem ra cho bà.

Cô nữ tỳ đi lấy món trang sức đem ra, bà Visākhā không đeo nó nữa, bà cho gọi thợ kim hoàn đến để đánh giá, thợ nói:

- Món trang sức này trị giá chín mươi triệu, thêm một trăm ngàn đồng vàng tiền công.

Nghe vậy, bà Visākhā bảo để món trang sức ấy trên xe:

- Vậy thì các ông hãy bán nó giùm tôi đi.

Nhưng không ai xuất ra món tiền lớn để mua món nữ trang này cho nổi. Thật vậy, phụ nữ có sức mang nổi món nữ trang này khó kiếm được lắm. Trên hoàn cầu vào thời ấy chỉ có ba nang đeo nổi món nữ trang ấy, đó là Visākhā, nàng Mallikā vợ của Bandhula và tiểu thư Mạt Ly con của Trưởng giả ở thành Bārāsī, vì vậy, bà Visākhā phải xuất ra số tiền ấy để mua lại món nữ trang của chính mình là chín mươi triệu, một trăm ngàn đồng vàng. Đoạn bà cho thặng xe bò, cho chở tiền mang đến chùa, vào đánh lễ Đức Bổn Sư bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trưởng Lão Ānanda đã đụng tay vào món trang sức rồi, thì con không thể đeo được nữa, con định bán nó để mua vật dụng cúng dường cho hợp lễ đạo, nhưng đem bán ra thì không ai mua nổi, thành ra con mua trở lại. Vậy với số tiền đúng theo giá trị của nó, con nên mua món gì để cúng dường. Bạch Ngài?

- Này Visākhā, nếu nàng cất được chỗ ngụ của Tăng chúng ở ngoài cửa thành phía Đông thì phải cách lắm.

Nàng Visākhā hoan hỷ đáp: “Bạch Ngài, phải cách lắm”.

Đoạn bà xuất ra chín mươi triệu mua đất, chín mươi triệu để xây cất chùa. Một ngày nọ, lúc trời gần sáng, Đức Thế Tôn quan sát thế gian, thấy công tử Bhaddiya, nguyên là một Chư Thiên hạ sanh vào gia tộc của Trưởng giả trong thành Bhaddiya, công tử là người có duyên lành đáng được tiếp độ, cho nên sau khi thọ thực nơi nhà của Trưởng giả Cấp Cô Độc, Ngài đi ngay về phía cửa thành đó. Theo lệ thường, khi Đức Bổn Sư thọ thực nơi nhà của bà Visākhā thì Ngài ra cổng thành phía Nam và ngự về Kỳ Viên, còn nếu Ngài thọ thực tại nhà ông Cấp Cô Độc thì ngự ra cổng thành phía Đông, ngự về Đông Phương Tự (Pubbārāma). Những người thấy Đức Bổn Sư ngự ra cửa Bắc, thì biết rằng: “Chắc Ngài sắp đi vân du”.

Trong ngày ấy, bà Visākhā nghe tin Đức Bổn Sư ngự ra cửa Bắc, thì vội vàng đi theo đón Ngài, đánh lễ xong bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài, có phải Ngài định đi vân du phải chăng?

- Phải đó, này Visākhā.

- Bạch Ngài, con đã dứt bỏ bao nhiêu tiền của để cất chùa dâng Ngài. Xin Ngài hãy trở lại chùa, bạch Ngài.

- Này Visākhā, chuyển đi này ta không trở lại.

Bà Visākhā suy nghĩ rằng: “Hẳn là Đức Thế Tôn thấy điều chi có đủ nhân duyên trong chuyến đi này”.

Bà Visākhā liền yêu cầu:

- Bạch Ngài, vậy xin Ngài cho bớt một vị Tỳ Khuru rành rẽ Phật sự trở lại chùa con, rồi Ngài hãy đi.

- Này Visākhā, nàng ông thỉnh vị Tỳ Khuru nào thì xin thỉnh bát của vị ấy đi.

Mặc dầu yêu mến Trưởng Lão Ānanda hơn vị nào hết, nhưng bà xin thỉnh bát của Trưởng Lão Moggallāna, vì bà nghĩ rằng: “Trưởng Lão Moggallāna có thần thông, nhờ có Ngài công việc của ta sẽ nhẹ nhàng, dễ dãi”.

Trưởng Lão nhìn Đức Bốn Sư, Ngài phán bảo rằng:

- Này Moggallāna, ông hãy dắt năm trăm Tỳ Khuru quay lại đi.

Trưởng Lão vâng lời, làm theo lệnh Đức Thế Tôn.

Do nhờ thần thông của Trưởng Lão, mặc dầu số cây và đá cần dùng cách xa sáu mươi do tuần, những người đi trong ngày hôm ấy đều mang về thật nhiều đá to và cây lớn mà khỏi phải ra công chất lên xe bò cho cực khổ, tổn thương. Không bao lâu, họ kiến tạo được một tòa nhà lầu hai tầng, tầng dưới có năm trăm căn, tầng trên có năm trăm căn phòng. Thành ra tòa lầu đài có một ngàn căn phòng, tòa lầu đài được xây cất trên một miếng đất trống, đứng trơ trọi giữa trời, xem không đẹp, thế là bà Visākhā cho cất thêm xung quanh năm trăm cái thiền thất, năm trăm ngôi nhà nhỏ, năm trăm ngôi nhà dài.

Đức Thế Tôn đi vân du hết chín tháng, Ngài mới trở lại thành Sāvattihī, công việc kiến tạo Tịnh thất của bà Visākhā vừa hoàn tất sau chín tháng ấy.

Trên nóc lầu, bà Visākhā cho gắn sáu mươi hình nhân đội ghe nước bằng vàng ròng đặc. Khi nghe Đức Bốn Sư ngự về Kỳ Viên, bà ra khỏi thành nghinh tiếp Ngài, rước về chùa của mình và nhận được lời Ngài chuẩn hứa:

- Bạch Ngài! Trong bốn tháng này, xin Ngài đem cả Tỳ Khuru Tăng về đây ở, con sẽ cất lầu đài.

Đức Phật nhận lời, từ đó về sau bà Visākhā cúng dường Tỳ Khuru Tăng có Đức Phật là Tăng trưởng tại ngôi chùa của bà. Khi ấy, có một cô bạn gái của bà ôm tấm vải đáng giá một ngàn đồng vàng, đến hỏi bà: “Bạn à! Tôi muốn trải tấm vải này làm thảm trải nho nhỏ trong lầu đài của bạn, vậy bạn chỉ chỗ cho tôi trải”.

- Lành thay, này bạn, nếu tôi nói là không có chỗ nào trống thì bạn nghĩ là tôi không muốn cho bạn có dịp làm phước, vậy bạn tự mình đi xem khắp cả ngàn căn phòng trong tòa lầu đài, để kiếm chỗ trải thảm đi.

Bà bạn Visākhā ôm tấm vải một ngàn đồng vàng đi hết phòng nọ phòng kia, ngó không thấy chỗ nào còn nền trống: “Ta không được hùn phước trong tòa lầu đài này”, bà buồn tủi phạm mình, đứng khóc một mình tại một chỗ nọ.

Khi ấy, Trưởng Lão Ānanda thấy bà đang khóc, bèn hỏi:

- Sao nàng khóc?

Bà thuật lại hết sự tình, Trưởng Lão khuyên rằng:

- Bà chớ nên buồn, ta sẽ chỉ chỗ cho nàng trải. Bà hãy trải tấm vải này làm thảm chùi chân tại chân cầu thang. Trước khi lên lầu, Chư Tăng rửa chân xong, sẽ chùi lên tấm thảm này cho ráo nước rồi mới đi lên, như thế bà được quả phước lớn lắm.

Nghe nói rằng, bà Visākhā còn bỏ sót chỗ ấy vì không để ý đến nơi đó. Bà Visākhā để bát hộ độ Chư Tăng có Đức Phật là vị Tăng trưởng suốt cả bốn tháng trong ngôi chùa mới, đến ngày cuối cùng, bà cúng dường y vai trái và y nội đến Trưởng Lão Tăng, những y này có giá trị là hàng ngàn đồng vàng. Tất cả Chư Tăng đều được cúng dường một bát đầy thuốc ngựa bệnh (bhesajjā), tổng cộng số tiền làm phước cúng dường là chín mươi triệu, như thế nếu tính chín mươi triệu tiền mua đất, chín mươi triệu cất chùa và chín mươi triệu tiền cúng dường đại lễ, thì bà Visākhā đã xuất ra hai trăm bảy mươi triệu để làm phước thí trong Phật giáo. Là một nữ nhân trong một gia đình tà kiến khi trước,

mà bà đã khéo chuyển gia đình chồng trở về Chánh Pháp, làm được đại thí như thế đó, ngoài bà Visākhā ra không có một ai khác nữa.

Ngày mà Đông Phương Đại Tự hoàn tất, khi bóng chiều đã tàn, bà Visākhā đã cầm đầu con cháu đông đúc của bà nhiều quanh ngôi chùa mới. Bà nghĩ: “Điều này, điều nọ, ta đã nguyện ước xưa kia, ngày nay tất cả đều được thành tựu viên mãn”.

Bằng giọng du dương, bà cảm hứng lên ngâm kệ ngôn rằng:

1. “*Kadāhaṃ navapāsādaṃ
Sudhāmattikalepanaṃ
Vihāradānaṃ dassāmi
Saṅkappo mayha pūrito*”.

“Chùng cất xong lâu đài,
Tô thạch cao trong ngoài,
Ta sẽ dâng chùa mới
Nguyện ta mãn từ nay”.

2. “*Kadāhaṃ mañcapīṭhañca
Bhisibimbohanāni ca
Senāsanabhaṇḍaṃ dassāmi
Saṅkappo mayha pūrito*”.

“Chùng có giường ghế dài,
Gối đủ thứ trong ngoài,
Ta sẽ dâng chỗ ngụ,
Nguyện ta mãn từ nay”.

3. “*Kadāhaṃ salākabhattaṃ
Sucimaṃsūpasecanaṃ
Bhojanadānaṃ dassāmi
Saṅkappo mayha pūrito*”.

“Chùng rút thẻ sót bát,
Com trắng trộn thịt nạc,
Ta sẽ cúng Trai Tăng,
Nguyện ta nay thành đạt”.

4. “*Kadāhaṃ kāsikavatthaṃ
Khomakappāsikāni ca
Cīvaraḍānaṃ dassāmi
Saṅkappo mayha pūrito*”.

“Chùng có vải Ca Thi,
Vải li nông, vải chỉ,
Ta sẽ cúng đường y,
Nguyện nay ta hoàn mỹ”.

5. “*Kadāhaṃ sappinavanītaṃ
Madhutelañca phāṇitaṃ
Bhesajjadānaṃ dassāmi
Saṅkappo mayhan pūrito*”.

“Chùng có sanh tô lặc,
Mật ong với đường dầu,
Ta sẽ dung giải khát,
Nay ta mãn nguyện cầu”.

Chư Tỳ Khuru nghe tiếng ngâm kệ của bà Visākhā liền bạch với Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài, từ bấy lâu nay chúng con chưa hề nghe bà Visākḥā ngâm kệ. Hôm nay sao bà dắt cả đoàn con cháu nhiều vòng quanh tòa lâu đài, vừa đi vừa ca hát như thế, có phải là tâm bà nổi sân hay nổi điên rồi không.

Đức Bổn Sư đáp: “Nầy các Tỳ Khuru, không phải con gái ta ca hát đâu, vì thấy bao nhiêu nguyện ước của mình đã thành tựu mỹ mãn, nó hoan hỷ thỏa thích nên vừa đi vừa ngâm kệ ngẫu hứng đó”.

Chư Tăng bạch hỏi: “Bạch Ngài, bà ấy phát nguyện từ bao giờ mà nay được thành tựu?”.

Nghe vậy, Đức Bổn Sư phán: “Nầy các Tỳ Khuru, các ông hãy lắng nghe”.

- Chúng con nghe đây, bạch Ngài.

Đức Bổn Sư liền dẫn tích đời quá khứ:

“Nầy các Tỳ Khuru, cách đây một trăm ngàn kappa, có Đức Phật hồng danh là Thượng Liên Hoa giảng thế. Tuổi thọ của Ngài là một trăm ngàn năm, Ngài có một trăm ngàn đệ tử Lậu Tận, kinh đô là Hamsavatī (Nga Thành), phụ vương Ngài là Sunanda, mẫu hậu của Ngài là Sujātādevī. Trong số các đại thí chủ của Ngài, có bà đại thí chủ là một tín nữ xin được tám đặc ân, được nhận làm mẹ nuôi của Ngài, cung phụng cho Ngài bốn món vật dụng, sáng chiếu hai lượt đến hầu Ngài, bà luôn luôn đi chùa với một cô bạn, cô này thấy bà chuyện trò thân mật với Đức Phật và được Ngài quý mến thì nghĩ thầm: “Không biết bà làm cách nào mà được Chư Phật sủng ái, quý mến như vậy?”. Rồi cô hỏi Đức Bổn Sư: “Bạch Ngài, bà đó là chi của Ngài?”.

- Bà là trưởng ban hộ Tăng.

- Bạch Ngài, bà đã làm gì mà được chức vụ trưởng hộ Tăng?

- Bà đã từng phát nguyện được địa vị này từ một trăm ngàn đại kiếp trở về trước.

- Bạch Ngài! Bây giờ con phát nguyện thì có được không?

- Có thể được.

- Thế thì con xin thỉnh Ngài cùng với một trăm ngàn Tỳ Khuru đến thọ thực tại nhà con liền tiếp bảy ngày.

Đức Bổn Sư im lặng nhận lời.

Sau bảy ngày Trai Tăng, trong ngày chót, bà dâng y vai trái và y nội xong. Đánh lễ Đức Bổn Sư rồi mọp bên chân Ngài mà phát nguyện rằng:

- Bạch Ngài! Do phước của Đại lễ Trai Tăng này, con không ước nguyện điều chi khác hơn là: Sau này con sẽ được gặp vị Chánh Đẳng Giác thời vị lai, và sau khi yêu cầu sẽ được ban tám đặc ân, được nhận làm mẹ nuôi, cúng dường bốn món vật dụng, có thể trở nên trưởng ban hộ Tăng bên phái nữ trong ngày vị lai.

Đức Bổn Sư tự hỏi: “Lời nguyện của tín nữ này sẽ thành tựu hay không?”. Ngài liền quán sát vị lai một trăm ngàn đại kiếp, thấy rằng sẽ có vị Chánh Đẳng Giác giảng thế, có hồng danh là Cổ Đàm. Đến thời ấy con sẽ là cô tín nữ tên là Visākḥā, sẽ được Đức Phật ấy ban cho tám đặc ân, được đứng địa vị mẹ nuôi và sẽ trở nên trưởng ban hộ Tăng bên phái nữ để cúng dường tứ vật dụng.

Cũng như tài sản của ai thì người ấy phải được hưởng, cô tín nữ ấy về sau đã được đắc kỳ sở nguyện vậy.

Cô ấy vẫn tiếp tục làm phước cho tới khi hết tuổi thọ thác xuống và sanh lên cõi trời và luân chuyển lên xuống hai cõi nhân thiên, cho đến thời kỳ Đức Chánh Biến Tri Kassapa, cô thọ sanh là Công chúa Saṅghadāsī, là con gái thứ bảy của vua Kikī trong xứ Ka Xí. Sau khi xuất gia, Công chúa cùng với mấy chị chồng hằng tạo thêm nhiều phước, nhất là bố thí cúng dường, xong rồi mới quì bên chân Đức Chánh Biến Tri Kassapa, nguyện rằng: “Trong kiếp vị lai, xin cho con gặp Đức Phật như Ngài, sẽ ban cho con tám đặc ân và lập làm mẹ nuôi, đứng đầu tất cả các nữ thí chủ lo việc dâng cúng tứ vật dụng”. Từ kiếp ấy công chúa Saṅghadāsī luân hồi lên xuống hai cõi nhân thiên, cho đến kiếp hiện tại, thọ sanh làm con gái của Trưởng giả Dhanañjaya, là trưởng nam của đại Trưởng giả Menḍaka, và đã tạo nhiều phước nghiệp trong Giáo Pháp của Ta đây.

Như thế, nầy các Tỳ Khuru, không phải con gái của Ta ca hát vì lý do khác, nhưng vì thấy bốn nguyện đã thành tựu, cho nên cao hứng ngâm kệ ngẫu hứng đó thôi.

Nói rồi, Đức Bốn Sư thuyết một thời pháp và kết luận rằng:

- Này các Tỳ Khuru! Một người thợ làm tràng hoa thiện nghệ, sau khi gọt các thứ hoa được dồn thành đồng lớn, rồi từ đó lấy ra kết làm nhiều tràng hoa kiểu mẫu khác nhau, như thế nào thì Visākhā lưu tâm làm các việc lành cũng như thế ấy.

Đoạn Đức Bốn Sư thuyết kệ rằng:

*“Yathāpi puppharāsimhā
Kayirā mālāguṇe bahū
Evam jātena maccena
Kattabbam kusalam bahum”.*

*“Như từ một đồng hoa riêng,
Nhiều tràng hoa được thợ liên kết thành.
Từ thân người được phát sanh,
Biết bao nhiêu việc phước lành cho ta”.*

□

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ, tiếng **Puppharāsimhā** là nói do từ một đồng đủ các loại hoa.

Kayirā: Là có thể làm ra.

Mālāguṇe bahū: Là các hoa có cuống dính chung, được tách rời ra để kết lại thành nhiều kiểu tràng hoa.

Maccena: Tất cả chúng sanh đều không thoát khỏi bàn tay tử thần. Ta mong được sanh làm con người khá, nên tạo nhiều nghiệp lành như bố thí, dâng y chẳng hạn.

Trong bài kệ, Đức Phật dùng tiếng đồng hoa (puppharāsi) cho ta thấy là rất nhiều hoa, chất cả đồng, quả nhiên nếu ít hoa thì thợ làm tràng hoa thiện nghệ không kết thành nhiều tràng hoa được. Còn người không thiện nghệ, dầu cho có nhiều hoa hay ít hoa cũng chẳng làm được chi cả, cho nên cần phải có nhiều hoa và người thợ phải lành nghề mới có thể làm nhiều tràng hoa được. Cũng như thế, một người có ít đức tin mà lại ít của cải thì không thể làm phước được. Người có đức tin dồi dào mà ít của cải cũng khó làm phước. Chỉ có người có đức tin nhiều của cải dồi dào thì người ấy mới có thể tạo được nhiều phước lành. Và người đầy đủ khả năng như thế chính là bà Visākhā mà Đức Phật đã đề cập đến trong bài kệ:

*“Như từ một đồng hoa riêng,
Nhiều tràng hoa được thợ liên kết thành.
Từ thân người được phát sanh,
Biết bao nhiêu việc phước lành do ta”.*

□□

Bài kệ vừa dứt nhiều vị Tỳ Khuru chứng đắc Thánh quả, nhất là Dự Lưu quả. Đại chúng thính pháp cũng hưởng được nhiều lợi ích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Tín nữ đứng đầu có Visākhā,
Đức tin sản nghiệp mấy ai bì,
Cát chùa hộ Phật nuôi Tăng chúng,
Thính pháp khuyên cha giữ giới qui.
Thuở bé đã thành Sơ thánh quả,
Khi già chưa mất sắc xuân thì,
Con đàn cháu lũ đều khương thọ,
Phước lộc ba đời chẳng thể suy.*

DỨT TÍCH BÀ VISĀKHĀ



IV. 9- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO ĀNANDA VẤN ĐẠO (Ānandattherapañhavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 54-55)

<p>- “<i>Na pupphagandho paṭivātam eti</i></p> <p><i>Na candanam tagaramallikā</i> và</p> <p><i>Santañ ca gandho paṭivātam eti</i></p> <p><i>Sabbā disā sappuriso pavāyati</i>”.</p> <p>- “<i>Candanam tagaram vā'pi</i></p> <p><i>Uppalam atha vassikī</i></p> <p><i>Etesam gandhajātānam</i></p> <p><i>Sīlagandho anuttaro</i>”.</p>	<p>“Ngược lại chiều gió thổi, Hương hoa không bay nổi,</p> <p>Dầu là Đa già la, Chiên đàn, Mạt ly hoa,</p> <p>Chỉ có hương Gió đức,</p> <p>Khắp phương trời bay xa”.</p> <p>“Chiên đàn, Đa già la,</p> <p>Thanh liên, Vũ quý hoa,</p> <p>Sánh các hương hoa ấy,</p> <p>Giới hương vô thượng vậy”.</p>
--	---

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự gần thành Sāvattthī, để giải đáp câu hỏi của Trưởng Lão Ānanda.

Trương truyền rằng: Một buổi chiều nọ, Trưởng Lão ngồi nơi thanh vắng, bỗng nhiên tự nghĩ rằng Đức Thế Tôn có nói: “Cần hương (thọ), tâm hương và hương hoa là ba thứ hương cao thượng”. Nhưng ba thứ hương ấy chỉ bay theo chiều gió chứ không có hương nào bay ngược gió cả. Không biết có loại hương nào mà bay xuôi gió, bay ngược gió cũng được, hay bay cả hai chiều gió đều được cả chăng?”.

Rồi Trưởng Lão lại tính thầm: “Ta cần gì suy nghĩ tìm tòi cho mất công, để về hỏi Đức Bốn Sư là hơn”.

Thế rồi, Trưởng Lão về nơi cư ngụ của Đức Bốn Sư và bạch hỏi Ngài. Đoạn này trong kinh có ghi chép rằng: Khi ấy trong buổi chiều, Trưởng Lão Ānanda từ chỗ tịnh cư đứng dậy, về gần Đức Thế Tôn. Sau khi đến gần bèn bạch với Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài, có ba thứ hương, mà hương của nó chỉ bay thuận theo chiều gió, chứ không bay nghịch chiều gió. Thế nào là ba? Hương của rễ, hương của lõi và hương của hoa là ba giống có hương, mà hương nó chỉ bay thuận theo chiều gió, chứ không bay nghịch chiều gió. Bạch Ngài, chẳng hay có giống hương nào mà hương của nó bay thuận chiều gió, nghịch chiều gió, hay bay thuận và nghịch theo chiều gió được chăng?

Khi ấy, Đức Thế Tôn đáp rằng:

- Này Ānanda! Có giống hương mà hương của nó dầu gặp gió xuôi, gió ngược cũng đều bay được cả.

- Bạch Ngài! Thế nào là có giống hương mà hương của nó dầu gặp gió xuôi, gió ngược hay cả gió xuôi gió ngược đều được cả.

- Này Ānanda! Ở đây nơi thôn quê hay thành thị nào có một nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, tránh xa sự sát sanh, tránh xa sự trộm cắp, tránh xa sự tà dâm, tránh xa sự nói dối, tránh xa sự uống rượu và các chất say, là người có Giới đức là người có thiện pháp. Tâm đã dứt bỏ sự bòn xén, sự nhiễm ô. Tuy còn tại gia mà có tâm dứt bỏ, xả thí, thỏa thích trong sự bố thí không như bọn, biết thông cảm đến người xin, hoan hỷ chia sẻ vật thí đến tất cả mọi người. Thì từ nơi thôn quê hay thành thị đó, cho đến các phương hướng, chư Sa Môn và Bà la môn hằng ca tụng rằng: “Nơi chốn thôn quê hay thành thị nọ, có nữ nhân ấy hoặc nam nhân ấy là người quy y Phật... Hoan hỷ chia sẻ vật thí đến tất cả mọi người”. Chư Thiên và nhân loại cũng hằng ca tụng rằng: “Nơi chốn thôn quê hoặc thành thị nọ, có nữ nhân ấy, có nam nhân ấy là người quy y Phật... Hoan hỷ chia

sốt vật thí đến tất cả mọi người”. Nay Ānanda, đó là giống có hương mà hương của nó bay xuôi chiều gió, bay ngược chiều gió, bay xuôi lẫn ngược chiều gió vậy.

Giải xong, Đức Bản Sư thuyết lên hai bài kệ:

- “*Na pupphagandho paṭivātam eti*
Na candanam tagaramallikā và
Satañca gandho paṭivātam eti
Sabbā disā sappuriso pavāyati”.

- “*Candanam tagaram vā'pi*
Uppalam aṭṭha vassikī
Etasam gandhajātānam
Sīlagandho anuttaro”.

1. “Ngược chiều gió, các hương hoa,
Chiên đàn, Mạt ly, Già la bật đường.
Ngược chiều gió chỉ có hương,
Của người Giới đức muôn phương lan tràn”.

2. “Đa già la với Chiên đàn,
Thanh liên, Vũ quý, các hàng hoa vương.
Dầu thơm cho mấy cũng nhường,
Thứ hương Giới đức là hương tuyệt trần”.

□

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạm ngữ, câu đầu có nghĩa là không có hương hoa nào bay ngược chiều gió, như trên cung trời Đao Lợi có cây Pāricchattakarukkha, thân cao và tàng rộng hằng trăm do tuần, hoa của nó phát ra ánh sáng rơi xa năm mươi do tuần, hương hoa lan xa hằng trăm do tuần. Tuy nhiên nó chỉ bay theo chiều gió mà thôi, còn ngược gió thì dầu gần như nửa ngón tay nó cũng không thể bay được. Tất cả các hương hoa đều không thể bay ngược chiều gió như thế cả.

Candanam: Viết cho đủ là candanagandho nghĩa là hương của Chiên đàn.

Tagaramallikā và: Cũng đề cập đến hương của Đa già la Mạt ly.

Quả thật, dầu cho hương của các thứ có tiếng là thơm nhất, như là Chiên đàn đỏ, Đa già la, Mạt ly hoa chẳng hạn, cũng chỉ bay xuôi chiều gió chứ không bay ngược chiều gió bao giờ cả.

Satañca gandho: Chỉ có hương của người Giới đức là hương của các bậc Thánh Văn đệ tử Phật Toàn Giác và Độc Giác mới bay được ngược gió. Tại sao vậy?

Sabbā disā sappuriso pavāyati: Tại vì tiếng thơm Giới đức của các bậc Thánh Văn, những người Thánh thiện lan truyền đi khắp các phương hướng, cho nên có thể nói là mùi hương Giới đức bay ngược chiều gió. Do đó, Đức Phật đã dùng từ ngữ Paṭivātameti.

Vassikī: là Vũ quý, Vũ sanh, tức là loại hoa thơm như lan, huệ.

Etasam: Câu chót có nghĩa là nếu đem so sánh có giống nào mùi thơm như Chiên đàn chẳng hạn, với những bậc Thánh thiện có Giới đức là mùi thơm thì Giới hương là vô thượng, vô tỷ, vô song vậy (anuttaro asadisō appaṭibhāgo).

□

Khi thời pháp chấm dứt, nhiều Tỳ Khưu thành đạt chánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Đại chúng cũng hưởng được sự lợi ích nhờ nghe pháp.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Trưởng Lão Nan Đa muốn biết rằng:
Hương bay ngược gió có cùng chăng?
Chiều tà tạm lánh nơi cô tịch,

Trở gót đi tìm Đức Vạn Năng.
Phật dạy “Hương sanh có thứ này,
Ngược chiều gió thổi chẳng ngừng bay,
Là hương Giới đức cao vô tỷ,
Hương của trăm hoa chẳng sánh tày”.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO ĀNANDA VẤN ĐẠO



IV. 10- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO MAHĀKASSAPA ĐƯỢC VUA TRỜI ĐẾ BÁT

(Mahākassapattherapiṇḍapātānavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 56)

“Appamatto ayam gandho
yā'yam tagaracandanī
Yo ca sīlavatam gandho
Vāti devesu uttamo”.

“Đa già la, Chiên đàn,
Hương này ít giá trị,
Hương Giới đức lan tràn,
Thấu rõ trời vô tỷ”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Trúc Lâm (Trúc Lâm) để cập đến Trưởng Lão Mahākassapa, được đức Đế Thích để bát.

Thật vậy, một hôm sau bảy ngày Thiên Diệt, Trưởng Lão xuất định, rời chỗ tịnh cư để đi vào thành Vương Xá đi bát từng nhà.

Trong khi ấy, năm trăm ngọc nữ là cung phi của Đức Thiên Vương Đế Thích rủ nhau: “Chúng ta hãy để bát cúng dường Trưởng Lão”. Rồi họ mang theo năm trăm vắt cơm sữa, xuống đứng đón đường Trưởng Lão và đồng hỏi:

- Bạch Ngài, xin Ngài thọ lãnh vắt cơm này rồi hãy đi, xin Ngài tế độ chúng con.
- Các cô hãy tránh đường cho ta đi độ những người khốn khó.
- Bạch Ngài, xin Ngài đừng xua đuổi chúng con, xin Ngài từ bi tế độ chúng con.

Trưởng Lão biết họ là năm trăm Thiên nữ, nên một mực từ chối, nhưng họ không chịu tránh đường, cứ theo van xin mãi. Trưởng Lão thầm bảo họ: “Mấy cô thật không biết tự lượng. Hãy tránh đi chỗ khác đi”. Nói rồi, Trưởng Lão búng ngón tay kêu thành tiếng. Nghe tiếng búng tay của Trưởng Lão các ngọc nữ đều cúng mình, không thể diên trì ở đó được nữa nên đồng chạy trở về thiên đình. Đức Đế Thích hỏi: “Các nàng đi đâu về đó?”.

- Tâu Thiên vương! Chúng em thấy Trưởng Lão Mahākassapa vừa xuất đại định nên rủ nhau xuống để bát cúng dường Trưởng Lão rồi về đây.

- Các nàng có để bát được chăng?
- Trưởng Lão không chịu thọ.
- Ngài bảo sao?
- Tâu Thiên vương! Trưởng Lão bảo: “Để ta tiếp độ những người khốn khó”.
- Các nàng đi với lối trang phục như thế nào?
- Tâu Thiên vương, cũng y như thế này.

Đức Đế Thích chê rằng: “Sang như các nàng, để bát Trưởng Lão thì làm sao Trưởng Lão chịu nhận”.

Đế Thích tự mình cũng muốn để bát, nên Đức Thiên vương hóa làm ông lão thợ dệt già lụm cùm, răng rụng, tóc sương, gần đất xa trời. Thiên hậu Sujātā cũng hóa thành một bà lão tuổi tác cũng già nua như thế. Đức Đế Thích hóa hiện một con đường dẫn đến chỗ ngụ là mái nhà tranh tồi tàn, trong đó là hai ông bà già đang kéo chỉ.

Trưởng Lão Mahākassapa đang đi vào thành tìm người khốn khổ để tế độ, vừa đến ngoài cổng thành trông thấy con đường, có mái chòi tranh, hai ông bà lão nghèo khổ đang ở đó. Khi ấy Đế Thích đang giăng chỉ, còn Thiên hậu thì quần chỉ đã se thành cuộn.

Trưởng Lão suy nghĩ: “Hai người nầy tuổi tác đã già mà còn làm việc lao động, chắc chắn trong thành này không có ai nghèo khổ hơn họ, dầu họ chỉ chùng một vá com, ta cũng nên tế độ thọ dụng cho họ có phước”. Trưởng Lão đi đến cửa nhà của hai ông bà.

Đức Đế Thích thấy Trưởng Lão đi đến bèn bảo Thiên hậu:

- Nầy ái khanh, Trưởng Lão của chúng ta đã đến rồi kia, khanh cứ ngồi làm thinh, giả dò như không thấy Trưởng Lão, để ta nói gạt Trưởng Lão đặng mình để bát Ngài nghe.

Trưởng Lão đến đứng trước cửa nhà, hai ông bà làm như không thấy Trưởng Lão, cứ chăm chỉ lo làm công việc của mình, một lát sau mới đi vào nhà. Bây giờ, Đế Thích mới bảo vợ:

- Trước cửa nhà mình in như có vị Trưởng Lão đứng, bà coi có phải vậy chăng?

- Thôi, ông hãy ra xem đi ông à!

Đức Đế Thích ra khỏi nhà, gieo năm vóc xuống đánh lễ Trưởng Lão, hai tay gác lên đầu gối nói rằng:

- Chà khổ dữ a! Không mấy thuở mà Trưởng Lão Mahākassapa của ta quang lâm đến tộ xá, bà ở trong nhà có món chi chút đỉnh không hả?

Nàng Sujātā làm ra vẻ lấm cẩm, chậm chạp trả lời rằng:

- Có ông à!

Đức Đế Thích không nói xả giao: “Bạch Ngài, có vui lòng nhận thực phẩm ngon lành không?”, mà chỉ rước bát Ngài, nói:

- Xin Ngài hãy tế độ chúng tôi.

Trưởng Lão thâm nghĩ: “Mấy người này chỉ để một nắm rau hay cám, ta cũng sẽ thọ cho họ có phước”, rồi đưa bát ra.

Đức Đế Thích vào trong nhà, bới com trong nồi ra đổ đầy bát, rồi đem trao qua tay của Trưởng Lão. Com của Đế Thích để bát có cả canh và thức ăn mùi thơm ngon lan ra khắp cả thành Vương Xá.

Lúc bấy giờ, Trưởng Lão nghĩ rằng: “Người nầy coi bộ nghèo khó, để bát đồ cao quý như là đồ ăn của Đức Đế Thích, ai đây há?”.

Khi quán xét biết rõ là Đức Thiên vương ở cung trời Đao Lợi. Trưởng Lão trách rằng: “Nghiệp của Thiên vương tạo đây nặng lắm, không khác nào cướp phước của kẻ nghèo khó. Thật vậy, kẻ nào nghèo khổ thế mấy, nhưng hôm nay đặt bát cho ta thì nhất định phải chiếm được địa vị, Đô đốc hay Trưởng giả chẳng sai.

- Bạch Ngài, không có ai nghèo khổ hơn trăm cả.

- Có lý nào mà Thiên vương nghèo khổ trong khi Thiên vương làm chúa tể cả hai cõi trời.

- Bạch Ngài, quả thật như thế, là vì trăm tạo nghiệp lành nhằm thời kỳ chưa có Phật. Còn ba vị Thiên vương như Cūlaratha (Tiểu Xa), Mahāratha (Đại Xa) và Anekavaṇṇa (Đa Sắc) nhờ tạo nghiệp lành trong thời Đức Phật hiện tại giáng thế. Khi sanh lên Thiên cung, gần cung của trăm thì có oai lực bằng nhau và đều thắng xa trăm về vẻ huy hoàng xán lạn. Quả thật, gần ba vị ấy thì ngôi sao của trăm trở nên lu mờ đen tối, trăm phải dắt cả đoàn cung phi ngọc nữ kiếm đường thoát thân, chạy vào tư cung. Ánh sáng từ mình họ chiếu ra bao trùm ngọc thể của trăm, còn ánh sáng từ ngọc thể của trăm chiếu ra không thấu tới mình họ. Vậy thì ai là người khốn khổ hơn trăm, bạch Ngài?

- Dầu vậy mặc lòng, từ rày về sau, Thiên vương đừng gạt bản Tăng mà để bát nữa nhé!

- Bạch Ngài, gạt Ngài để bát như thế, trăm có được phước lành hay chăng?

- Có được đạo hữu à!

- Nếu vậy thì tạo nghiệp lành là bốn phần của trăm, bạch Ngài.

Nói rồi đức Đế Thích đánh lễ Trưởng Lão, dắt nàng Sujātā nhiều quanh Trưởng Lão rồi bay bổng lên hư không, cất tiếng ca hừng reo rằng: “Ôi sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đức Mahākassapa trường tồn âm chất”.

Trong Tam Tạng kinh có nhiều chỗ chép rằng: Một thời, Đức Thế Tôn trú tại Trúc Lâm, trong vùng nuôi sóc, gần thành Vương Xá.

Trong thuở ấy, Trưởng Lão Mahākassapa an cư trong động Pippaliguhā (Lạc Tiêu), ngồi kiết già nhập định suốt bảy đêm ngày, khi mãn hạn bảy ngày, Trưởng Lão Mahākassapa mới xuất định, khi đã xuất định, Trưởng Lão Mahākassapa nghĩ rằng:

- Ta hãy vào khất thực trong thành Vương Xá.

Ngay lúc đó, độ năm trăm nàng Thiên nữ cố gắng muốn để bát cúng dường đến Trưởng Lão Mahākassapa, khi ấy Trưởng Lão Mahākassapa từ khước sự cúng dường của năm trăm thiên nữ, xong rồi Ngài sửa soạn đũa y mang bát vào thành Vương Xá khất thực.

Ngay lúc bấy giờ, Đức Đế Thích (Sakka) có ý muốn để bát cúng dường Trưởng Lão Mahākassapa, hóa ra người thợ dệt đang se chỉ, nàng Sujātā là công chúa A tu la đang quay xe.

Khi ấy Trưởng Lão Mahākassapa đi ngay đến nhà của đức Đế Thích Hoàn Nhân. Khi thấy Trưởng Lão Mahākassapa đi từ phía xa lại, đức Đế Thích đi ra khỏi nhà để tiếp đón, rước lấy bát đem vào nhà, xúc cơm trong nồi đơm đầy bát rồi dâng cúng đến Trưởng Lão Mahākassapa, cơm trong bát có nhiều canh và các món phụ tùng.

Khi ấy, Trưởng Lão Mahākassapa tự nghĩ: “Chúng sanh này là ai mà có thần thông oai lực như thế này?”. Rồi Trưởng Lão Mahākassapa lại nghĩ: “Đây chắc là Đế Thích Hoàn Nhân”.

Sau khi hiểu biết như vậy, Trưởng Lão nói với Đế Thích Hoàn Nhân rằng: “Việc của Thiên vương đã làm hôm nay rồi thì thôi, đừng làm như vậy nữa đạ”.

- Bạch Trưởng Lão Mahākassapa, chúng tôi cũng còn thiếu phước, chúng tôi cũng phải tạo phước vậy.

Nói rồi, đức Đế Thích đánh lễ Trưởng Lão Mahākassapa, nhiều quanh Ngài đoạn bay bổng lên hư không ở giữa trời, cao hừng thốt lên ba lần câu nói sau đây:

“Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Trưởng Lão Mahākassapa trường tồn âm chất.

Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Trưởng Lão Mahākassapa trường tồn âm chất.

Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Trưởng Lão Mahākassapa trường tồn âm chất!”.

Pāli:

Aho dānaṃ paramadānaṃ kassape supatitṭṭhi tanti.

Đức Thế Tôn đứng trong chùa, nghe tiếng của Thiên vương reo lên như vậy, bèn kêu chư Tỳ Khưu và bảo rằng:

- Này các Tỳ Khưu, hãy nhìn coi Đế Thích Hoàn Nhân, ông ta cao hừng ca ngâm rồi bay đi trên hư không kia.

- Ông ta làm gì mà cao hừng vậy bạch Ngài?

- Gạt được Kassapa con trai ta, để bát cúng dường rồi, ông ta thỏa thích, vừa đi vừa cao hừng ngâm nga.

- Bạch Ngài, làm sao mà ông ta biết là nên để bát cúng dường cho Trưởng Lão?

- Này các Tỳ Khưu, Tỳ Khưu thọ pháp Đầu Đà hằng đi khất thực như con trai ta, thì Chư Thiên hay nhân loại gì cũng đều thương mến cả.

Nói rồi, chính Ngài cũng ngẩng hừng ngâm nga.

Trong kinh chỉ ghi chép có bấy nhiêu thôi.

Do nhờ Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân. Đức Thế Tôn nghe được Đế Thích, sau khi bay bổng lên không ở giữa trời cao húng reo lên ba lần:

“Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đức Mahākassapa trường tồn âm chất.

Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đức Mahākassapa trường tồn âm chất.

Ôi! Sự bố thí, bố thí Ba la mật nơi Đức Mahākassapa trường tồn âm chất”.

Thế rồi, sau khi hiểu rõ chuyện này, Đức Thế Tôn cao húng thốt lời ngẫu hứng sau đây:

- *“Piṇḍapātikassa bhikkhuno
Attabharassa anaññaposino
Devā pihayanti tādino
Upasantassa sadā satīmatoti”.*

*“Tỳ Khuru nguyện giữ hạnh trì bình,
Xin chẳng nuôi ai, đủ miệng mình,
Người vậy Chư Thiên hằng cảm mến,
Tâm thường thanh thản, trí viên minh”.*

Sau bài kệ ngẫu hứng, Đức Thế Tôn phán bảo:

- Này các Tỳ Khuru, đức Đế Thích sở dĩ để bát cúng dường con trai ta, chẳng qua vì mộ hương Giới đức vậy.

Rồi Ngài thuyết lên Kệ Pháp Cú:

*“Appamatto ayam gandho
yā'yam tagaracandanī
Yo ca sīlavataṃ gandho
Vāti devesu uttamo”.*

*“Đa già la với Chiên đàn,
Hương này chưa mấy cao sang trên đời.
Hương người Giới đức tuyệt vời,
Xông lên thấu các cõi trời cao siêu”.*

□

CHÚ GIẢI:

Trên đây, tiếng **appamatto** nghĩa là nhỏ nhen ít oi.

Yo ca sīlavataṃ: Nghĩa là Giới hương nào của người Giới đức, không phải ít giá trị như hương Đa già la như Chiên đàn đó đâu, mà nó có sức bay lan thật xa vậy.

Vāti devesu uttamo: Nghĩa là quý giá, cao cả không hương nào bằng, và tỏa rộng ra khắp cả các nơi, kể cả các cảnh giới của Chư Thiên và nhân loại.

□

Khi thời pháp chấm dứt, nhiều Tỳ Khuru chúng đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn quả, đại chúng thính pháp đều hưởng được sự lợi ích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Kassapa Mahā định tế bản,
Độ nhằm Đế Thích giả cùng nhân,
Mới hay trời cũng tranh làm phước,
Kẻ sống thua người thấy tủ thân.
Bằng tâm đối gạt giúp cho người,
Phước cũng mười phân đủ trọn mười,
Chỉ tội chú nghèo chưa biết mặt,*

Hụt làm bá hộ một phen chơi.
Đi bát hằng ngày Phật vẫn khen,
Nhưng mà chịu cực phải cho quen,
Bằng không sẽ thấy buồn trong ruột,
Bỏ hạnh Tỳ Khuru chẳng trống kèn.

DỨT TÍCH VUA TRỜI ĐẾ THÍCH ĐẾ BÁT TRƯỞNG LÃO MAHĀKASSAPA



IV. 11- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO GODHIKA VIÊN TỊCH (Godhikattheraparinibbānavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 57)

<i>“Tesaṃ sampannasīlanāṃ</i>	“Những người đủ Giới đức,
<i>Appamādavahārināṃ</i>	Vững Tâm Không phóng dật,
<i>Sammadaññā vimuttānaṃ</i>	Chánh trí thoát lao lung,
<i>Māro maggaṃ na vindati”.</i>	Ma chẳng thấy hành tung”

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự trong Trúc Lâm (Trúc Lâm), gần thành Vương Xá, để cập đến sự viên tịch của Trưởng Lão Go-dhika (Cổ Diệt).

Thời ấy, Trưởng Lão Godhika an cư nơi làng Kālasilā (Hắc Nham) trên sườn núi Isigili (Ấn Sĩ), nhờ chuyên cần tinh tấn hành đạo một mình, nên chứng đạt trên tâm giải thoát tạm thời (Sāmāyikaṃ cetovimuttiṃ). Nhưng bị một chứng bệnh kinh niên làm cho sa sút, mất pháp đã chứng.

Trưởng Lão hành thiền lần thứ nhì, lần ba cho đến lần thứ sáu cũng không chứng đắc pháp thiền đã mất, đến lần thứ bảy, Trưởng Lão bỗng phát khởi ý nghĩ: “Ta đã sáu lần rút ra khỏi để mục thiền. Hành giả mà rút ra khỏi thiền thì cảnh giới tái sanh kể như bất định. Vậy bây giờ ta phải dùng đến lưỡi dao mới được”.

Thế rồi, Trưởng Lão lấy con dao cạo tóc lên, nằm trên giường định cắt đứt cuống họng.

Ma vương biết được tâm niệm của Trưởng Lão, thì nghĩ rằng:

- Tỳ Khuru này có ý muốn lấy dao, lấy dao rồi lại muốn tận diệt mạng sống của mình. Ông ấy mà an tâm vào Minh Sát Tuệ thì chắc là phải đắc A La Hán quả. Nếu ta đứng ra cản ông ấy thì chắc ông ấy chẳng chịu nghe lời ta, chi bằng ta cậy mượn Đức Bổn Sư cản ngăn ông ấy.

Ma vương liền hóa thân thành một khách lạ, đến gần Đức Bổn Sư, đọc lên kệ ngôn như vậy:

“Mahāvīra mahāpaññā
Iddhiyā yasaṃ jala
Sabbaverabhayātīta
Pāde vandāmi cakkhumā
Sāvako te mahāvīra
Maraṇaṃ marārābhībhū
ākaṅkhati cetayati
Taṃ nisedha jutindhara
Kathaṃ hi bhagavā tuyhaṃ
Sāvako sāsane rato
Appattamanaso sekho
Kālaṃ kayirā janesutāti
Tasmiṃ khaṇe therena
Satthaṃ āharitaṃ hoti”.

Lược dịch:

Kính bạch Đức Đại Hùng Đại Trí,
Bậc uy danh lừng lẫy khắp nơi,
Bậc đã qua oán cụ biển đời,
Bậc Hữu Nhãn, tôi thời đánh lễ.
Bậc Đại Hùng, trong hàng môn đệ,
Của Ngài từng áp chế tử thần,
Có Thịnh Văn muốn lìa trần,
Bạch Ngài tráng hệ, Ngài cần cần ngăn.
Trong đạo Ngài, Thịnh Văn vui vẻ,
Bạch Thế Tôn, sao kẻ chán đời,
Không lo tu tập đến nơi,
Lại toan tự vận, Ngài thời biết cho.
Giây phút này tôi lo Trưởng Lão,
Đã lấy dao để dứt mạng căn.

Đức Bổn sư biết rõ: “Người này là Ma vương”, nên Ngài đáp lời bằng bài kệ rằng:

*“Evam hi dhīrā kubbanti
Nāvakankhanti jīvitam
Samūlam taṇham abbuyha
Godhiko parinibbutoti”.*

*“Quả thật kẻ hiền năng làm thế,
Chẳng duy trì mạng để sống thừa,
Ái dục nhổ gốc chẳng chừa,
Cổ Diệt đã nhập Vô Dư Níp Bàn”.*

Kế đó, Đức Thế Tôn cùng với nhiều Tỳ Khuru, ngự đến bên giường, chỗ Trưởng Lão Godhika nằm với lưỡi dao cắt cổ.

Trong khi ấy, ác ma muốn biết “Thức tái sanh của Trưởng Lão này trú nơi đâu?” nên liền hóa ra một luồng khói đen tỏa đi các hướng để tìm tâm thức của Trưởng Lão.

Đức Thế Tôn chỉ làn khói đen cho chư Tỳ Khuru thấy và báo rằng: “Này các Tỳ Khuru, đó là ác ma đi tìm kiếm tâm thức của Godhika, nó tự hỏi: “Tâm thức của Ngài Godhika đang trú nơi đâu?”. Này các Tỳ Khuru! Tỳ Khuru Godhika đã Vô Dư Níp Bàn rồi, cho nên tâm thức không còn trú nơi đâu nữa vậy”.

Dẫu là Ma vương, y cũng không thể tìm thấy tâm thức của Ngài Godhika. Hẩn liền hiện hình là một thanh niên, tay ôm cây đàn Tỳ bà vàng lợt, đến gần Đức Bổn Sư hỏi rằng:

*“Uddham adho ca tiriyaṃ
Disāsu ca vidisāsu ca
Anvesam nādhigacchāmi
Godhiko so kuhiṃ gatoti”.*

Lược dịch:

*“Đường lên xuống bằng ngang hay dọc,
Khắp hướng phương, xó hóc gần xa,
Tôi tìm không gặp ông ta,
Chẳng hay Cổ Diệt đi qua cõi nào?”.*

Đức Bổn sư đọc kệ đáp rằng:

*“Yo dhīro dhītisampanno
jhāyī jhānarato sadā
Ahorattam anuyuñjam
Jīvitam anikāmayam
Jitvāna maccuno senam*

*anāgantvā punabbhavaṃ
Samūlaṃ taṇhaṃ abbhuyha
Godhiko parinibbutoti”.*

Lược dịch:

*Người trí tuệ, hùng hào cương nghị,
Hằng vui thiền, mến vị vui thiền,
Đêm ngày mài miệt cần chuyên,
Không tham mạng sống cần chuyên dài dòng.
Thẳng phục được binh ròng thần chết,
Đường tái sanh đã hết bước đi,
Ái dục búng gốc còn chi,
Cổ Diệt đã nhập Vô Dư Níp Bàn.
Nghe vậy, Ác ma đứng thở than tiếc rẻ,
Không vững lầy, khỏi té xuống sâu,
Từ đây bất hạnh khổ sầu,
Dạ xoa vội biến đi đâu mất liến.*

Tuy nhiên, Đức Bổn Sư cũng còn nói tiếp rằng:

- Này ác ma, người dùng lương công đi tìm chỗ tái sanh của Godhika làm chi vô ích. Quả thật, đâu có một trăm hay một ngàn kẻ như người đi tìm kiếm nữa cũng chẳng thấy được.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết Kệ Pháp Cú:

*“Tesaṃ sampannasīlānaṃ
Appamādavihāriṇaṃ
Sammadaññā vimuttānaṃ
Māro maggaṃ na vindati”.*

*Những người Giới đức đủ điều,
Vững tâm những ngã theo chiều buông lung,
Chánh trí giải thoát tốt cùng,
Ma vương có thấu hành tung bao giờ”.*

□

CHÚ GIẢI:

Tiếng **tesaṃ** trên đây chỉ những người đã Vô Dư Níp Bàn, tâm thức chẳng còn trú vào chỗ nào nữa cả, y như Trưởng Lão Godhika vậy.

Sampannasīlānaṃ: Nghĩa là đầy đủ Giới đức.

Appamādavihāriṇaṃ: Nghĩa là những người có tâm an vui, trú trong sự chuyên cần, không phóng dật, tức là những người có pháp ghi nhớ (gọi là Chánh niệm) đến sự lợi ích to lớn là Níp Bàn.

Sammadaññā vimuttānaṃ: Chánh trí giải thoát, là có trí hiểu biết về nhân (hetu), pháp (naya), lý (kāraṇa) của sự giải thoát. Những người giải thoát lại được dứt trừ phiền não theo năm pháp.:

1. Tadaṅgavimutti: Giải thoát tạm thời, do quán xét.
2. Vikkhambhanavimutti: Giải thoát năm pháp che lấp (pháp cái) của thiên định, gọi là áp chế giải thoát.
3. Samucchedavimutti: Giải thoát do đạo tuệ, gọi là đoạn trừ giải thoát.
4. Paṭippassaddhivimutti: Giải thoát do đặc quả.
5. Nissaraṇavimutti: Giải thoát do Vô Dư Níp Bàn.

Māro maggaṃ na vindati: Đối những bậc đại Lậu Tận như thế, thì tất cả các chỗ của các Ngài đi đến trên con đường đạo, Ma vương chẳng biết chẳng thấy, chẳng đến được giai đoạn nào cả.

Thời pháp vừa dứt, nhiều Tỳ kheo chứng đắc Thánh quả, nhất là Sơ quả. Đại chúng thính pháp cũng đều được hưởng nhiều lợi ích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Tâm chúng từng cao, kế sứt liền,
Bồi Ngài Cổ Diệt bịnh kinh niên,
Sáu phen sức đẩy không vào định,
Một nhát dao đưa mới đắc thiền.
Quyết chí thân tàn thành quả Thánh,
Nguyện đi nước lớn rạng danh hiền,
Ma vương Ngũ uẩn, Ma phiến não,
Hết biết đường theo phải lặng yên.*

DÚT TÍCH TRƯỞNG LÃO GODHIKA VIÊN TỊCH.



IV. 12- CHUYỆN ÔNG GARAHADINNA (Garahadinnavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 58-59)

<i>Yathā saṅkāradhānasmim</i>	“Như từ đồng rác đen,
<i>Ujjhitasmim mahāpathe</i>	Vứt trên bờ đại lộ,
<i>Padumaṃ tattha jāyetha</i>	Mọc lên một đóa sen,
<i>Sucigandhaṃ manoramaṃ”</i>	Sạch thơm ai cũng mộ”.
<i>“Evaṃ saṅkārabhūtesu</i>	“Từ chúng sanh như rác,
<i>Andhabhūte puthujjane</i>	Phàm tục và ngu si,
<i>Atirocati paññāya</i>	Sáng ngời với tuệ giác,
<i>Sammāsambudhasāvako”.</i>	Đệ tử đáng Toàn Tri”.

Hai bài kệ này, Đức Bốn Sư đã thuyết pháp ra khi Ngài ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến một đệ tử của nhóm ngoại đạo Nigantha (Ni kiến Tử: Ly Hệ Giả), tên là Garahadinna (Oán trách Thí)

Thời bấy giờ, trong thành Sāvattihī có hai người bạn là ông Sirigutta (Thủ Danh Dự) và ông Garaha-dinna (Oán Trách Thí). Ông Sirigutta là một Cận sự nam, Garahadinna lại là đệ tử của nhóm ngoại đạo Ly Hệ Giả (Nigantha), các du sĩ ngoại đạo này thường xúi bảo ông Garahadinna rằng:

- Ông vốn là bạn của Sirigutta, sao ông không chỉ dạy ông ấy rằng: “Bạn theo Sa Môn Cổ Đàm làm chi? Theo đạo ông ta bạn có được lợi ích chi?”, ông nên khuyến dụ ông ấy đến nghe chúng ta thuyết pháp.

Vâng theo lời thầy, ông Garahadinna thường lân la gần gũi với ông Sirigutta. Những lúc hai người đứng hoặc ngồi chung, ông khuyên bạn như vậy:

- Bạn à! Bạn theo Sa Môn Cổ Đàm làm chi? Theo ông ấy bạn có lợi ích gì? Sao bạn không tìm đến cúng dường các Trưởng Lão của tôi.

Mặc dầu nghe bạn nhắc nhở như thế trong nhiều ngày, ông Sirigutta vẫn làm thỉnh bỏ qua.

Nhưng một hôm, ông Sirigutta hỏi ông Garaha-dinna:

- Này bạn, bạn thường đến chơi với tôi, trong lúc đứng hoặc ngồi chung, bạn hay nhắc nhở tôi rằng: “Theo đạo của Sa Môn Cổ Đàm bạn sẽ được lợi ích gì? Bạn hãy đến cúng dường chư Trưởng Lão của tôi”. Thưa bạn, xin lỗi bạn đừng buồn. Đối với tôi các Trưởng Lão của bạn nào có biết chi đâu.

- Thôi thôi bạn ơi, bạn đừng có nói vậy. Chư Trưởng Lão của tôi thì có gì mà chẳng hiểu biết. Các Ngài thông suốt tất cả các nghiệp do thân, khẩu, ý trong ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai. Các Ngài biết trước việc nào sẽ xảy ra cùng không xảy ra, việc nào có thể cùng không thể được.

- Bạn nói chắc không?

- Dạ thưa bạn, chắc chắn.

- Nếu quả vậy thì bạn tệ thật. Từ bấy lâu nay sao bạn không chỉ rõ giùm tôi việc đó. Đến hôm nay tôi mới biết oai lực tuệ giác của các Trưởng Lão bạn à, tôi nhờ bạn thay mặt tôi đi thỉnh giùm chư Trưởng Lão đến đây để tôi cúng dường.

Ông Garahadinna bèn đến chùa của nhóm Nigantha, đánh lễ các thầy và bạch rằng: “Bạn tôi là Sirigutta xin thỉnh chư Trưởng Lão ngày mai đến nhà ông ấy”.

- Chính ông Sirigutta nói với ông phải không?

- Dạ phải, bạch chư Trưởng Lão.

Nhóm ngoại đạo vui mừng hớn hở bảo nhau:

- Chúng ta bây giờ thấy khỏe rồi, chỉ có việc nằm ngủ mà thôi. Hễ được Sirigutta tin tưởng nơi chúng ta rồi, thì từ này về sau có thứ lễ vật nào mà chúng ta chẳng có được.

Chỗ ở của ông Sirigutta rất lớn và rộng, trong khuôn đất đó nơi có khoảng trống giữa hai ngôi nhà, ông cho đào một cái mương dài rồi lấy sinh non và phân lấp đầy mương bằng mặt đất. Ngoài hai đầu mương, ông cho đóng hai cây cừ ló đầu lên, cột dây giăng dài trên đường mương, đoạn ông cho sắp ghế thành một hàng, chân trước ghế nằm trên mép mương trước, chân ghế sau nằm gá lên đường dây, như thế, người ngồi trên ghế sẽ bật ngựa ra sau, té chông gọng, muốn che giấu cái đường mương, ông cho trải thảm phủ lên hàng ghế. Phía sau nhà, ông cho sắp nhiều cái khạp không, lấy lá chuối và vải cũ bịt miệng khạp, đoạn lấy cháo, cơm, bơ, đường, bánh vụn trây trét bên ngoài. Sáng hôm sau, ông Garahadinna lật đật đến nhà bạn thật sớm và hỏi:

- Lễ vật cúng chư Trưởng Lão đã sẵn sàng chưa?

- Đàng hoàng hết cả rồi bạn à.

- Đâu để tôi coi thử coi.

- Trong mấy cái khạp đó, đây là khạp đựng cháo, kia là khạp đựng cơm, những khạp đó bơ, khạp đường, khạp bánh đủ thứ. Ghế ngồi cũng đã sắp sẵn cả rồi.

Ông Garahadinna nói: “Lành thay”, rồi ông ra đi, khi ông vừa đi ra thì năm trăm du sĩ Nigantha cũng vừa đi đến.

Ông Sirigutta ra khỏi nhà, gieo năm vốc xuống lễ chào các Nigantha, đứng dậy chấp tay nguyện thầm rằng:

- Nghe nói quý Ngài quán trí quá khứ, vị lai, việc gì cũng biết, chính người hộ độ cho quý Ngài đã nói với tôi như thế. Nếu quả thật quý Ngài toàn tri thì quý Ngài đừng vào nhà tôi, vì khi quý Ngài vào nhà tôi, Ngài nào té xuống mương phần thì sẽ lấy cây khệnh.

Nguyện rồi, ông Sirigutta dặn nhỏ các gia đình:

“Các người biết cách sắp đặt ghế ngồi như thế nào rồi. Vậy các người hãy chực chờ bên mép mương phía sau ghế đừng rút mấy tấm thảm, đừng cho dính đồ dơ”.

Đoạn ông lên tiếng thỉnh Nigantha:

- Bạch Ngài, xin thỉnh quý Ngài vào trong này.

Nhóm Nigantha vào tới trong sân, định ngồi lên ghế đã được trải sẵn tọa cụ. Nhưng các gia đình ngăn lại rằng:

- Bạch các Ngài chậm lại một chút, xin đừng ngồi liền như thế.

- Tại sao vậy?
- Vào nhà chúng tôi, các Ngài nên biết phận sự của mình trước rồi hãy ngồi sau.
- Phải làm phận sự chi ạ, hồi đạo hữu?
- Mỗi Ngài vào đứng trước chỗ của mình đều đủ cả hết rồi, chùng ấy mới ngồi xuống một lượt.

Đây là các gia đình nghe lời dặn của chủ, cho họ lộn xuống mương đồng loạt, đừng cho họ ngồi lẻ tẻ.

Các Nigantha đáp: “Lành thay”, trong tâm họ nghĩ rằng: “Chúng ta nên làm y theo lời chỉ dẫn của các nhân viên này”.

Thế rồi, tất cả nhóm mỗi người y theo thứ tự đến đứng trước chỗ ngồi của mình.

Khi ấy, các gia đình bảo họ:

- Bạch Ngài, xin các Ngài hãy ngồi xuống cho thật lẹ.

Khi nhóm Nigantha vừa dọn ngồi xuống cho thì các gia đình rút hết tấm thảm lót, trước khi dứt các tu sĩ dựng tới ghế, mấy vị ấy vô tình đồng ngồi xuống một lượt, những chân ghế trên sợi dây tuột ra lún xuống, nhóm ngoại đạo ngồi không vững té ngã ra sau, lộn xuống mương phần. Thấy họ té xuống mương sinh trộn phần, ông Sirigutta khiến gia đình:

- Bậy đóng cửa lại, hễ ông nào dưới mương bò lên thì hỏi: “Tại sao ông không tiên tri quá khứ, vị lai?” và khệnh cho ông ta mấy hèo.

Sau khi cho các Nigantha một trận no đòn, chủ nhà mới bảo gia đình mở cổng thả họ ra. Họ tranh nhau chạy thoát thân, không dè Sirigutta đã khiến gia đình trảng một lớp bẫy lầy lên mặt đường đi làm cho đường trở nên trơn trượt. Thành ra bọn ngoại đạo còn té lên té xuống nhiều keo, chủ nhà còn nói đưa đẩy họ đi: “Thôi bấy nhiêu đó đã đủ cho các ông rồi nhé”. Bị một vố quá đau, các Nigantha kéo nhau đến trước nhà Garahadinna, vừa đi vừa khóc:

- Ông ám hại chúng tôi, ông ám hại chúng tôi.

Nhìn thấy sự thảm bại nhục nhã của các thầy mình, ông Garahadinna nổi giận, nguyên rủa Sirigutta: “Ông nầy tới số rồi, cho nên mới dám đánh đập làm hại các vị Trưởng Lão của ta, là những bậc Ứng Cúng, là những phước điền mà Chư Thiên trên sáu cõi trời cũng hoan hỷ lễ bái cúng dường”.

Kế đến, ông Garahadinna đệ sớ lên đức vua, xin Ngài phạt vạ ông Sirigutta một ngàn đồng vàng. Đức vua hạ chiếu cho vời Sirigutta đến, ông vào triều dâng lễ Đức vua, xong tâu rằng: “Tâu bệ hạ, thần mong ân bệ hạ xét đoán công minh rồi hãy phạt, để tránh sự võ đoán bất công”.

- Trẫm sẽ xét xử rồi mới kết án.
- Lành thay, tâu bệ hạ, xin bệ hạ xử án.
- Vậy thì sự việc thế nào, khanh hãy tâu ngay đi.

- Tâu bệ hạ! Bạn của tôi là đệ tử nhóm Nigantha, thường ngày đến nhà tôi, thừa dịp đứng hay ngồi chung dụ hoặc tôi rằng: như nói: “Bạn ơi, bạn theo Sa Môn Cổ Đàm làm chi, bạn nào có được lợi ích gì?”.

Và ông Sirigutta đem mọi sự việc đã qua trình tấu một hồi, đoạn nói tiếp:

- Tâu bệ hạ, nếu trong việc nầy, bệ hạ thấy kẻ hạ thần đáng tội, thì bệ hạ hãy xử phạt đúng theo luật nước.

Quốc vương nhìn ông Garahadinna và phán hỏi:

- Lời khai của bạn ông, khanh nghe có đúng sự thật không?
- Tâu bệ hạ, đúng sự thật.

- Mấy ông ngu dốt, vô minh như thế mà khanh tôn xưng là sư phụ, đi tới đâu cũng ca ngợi các Ngài biết hết tất cả. Tại sao khanh lại còn mong dụ hoặc Thịnh Văn của Đấng Như Lai, khanh đã kêu nài đòi xử phạt thì khanh phải chịu hình phạt.

Thế là, ông Garahadinna bị thất kiện mất cả tiền ký quỹ một ngàn đồng. Chẳng khác nào bị đánh đòn, đuổi đi như các Trưởng Lão của ông ta (ông Burlingame dịch là: Ông ấy bị vua hành phạt, còn các Trưởng Lão của ông bị đánh đòn trục xuất.)

Cảm tức vì thua bạn, từ ngày ấy cho đến nửa tháng sau, ông ta lánh mặt không chuyện vãn với ông Sirigutta, ông nói thẳm: “Hành động như thế thì ta không hợp lý. Ta nên báo hại các thầy tổ của ông ấy mà trả đũa thì hơn”.

Ông nhân buổi bãi triều, đến giả lá với Sirigutta và kêu: “Bạn Sirigutta ơi!”

- Dạ, có chuyện chi đó bạn?

- Thân bằng quyến thuộc cũng có khi cãi lẩy tranh chấp nhau. Sao gặp tôi bạn chẳng nói năng chi cả. Tại sao bạn lại đối xử với tôi như thế?

- Này bạn, tại vì bạn không chuyện trò cùng tôi, thì tôi mới không nói chuyện. Nhưng dầu giữa hai ta có điều chi xích mích, chúng ta không lẽ đoạn giao tình nghĩa bạn bè.

Từ đó về sau, hai người lân la, thân mật, cùng ngồi và đứng gần bên nhau.

Cho đến một hôm, ông Sirigutta bảo Ông Garahadinna:

- Bạn theo nhóm Nigantha nào có được lợi ích gì? Sao bạn không Quy y với Đức Bốn Sư, hoặc là để bát cúng dường Trưởng Lão Tăng có phải là quý hơn không?

Ông Garahadinna chỉ chờ mong có thể, nên khi nghe bạn mở lời, chẳng khác nào gãi nhằm chỗ ngứa của mình. Ông bèn hỏi Sirigutta: “Chẳng hay lệnh Tôn Sư Ngài biết được cái gì?”.

- Này bạn ơi! Bạn đừng nên hỏi như thế, Đức Bốn Sư chẳng có cái gì mà Ngài chẳng biết. Ngài thông suốt cả quá khứ, hiện tại, vị lai, Ngài phân tích tâm của các chúng sanh ra làm mười sáu chập liên tiếp.

- Vậy mà tôi không được biết. Tại sao bấy lâu nay bạn không tỏ thật cho tôi hay. Thôi thì, bạn làm ơn đi thỉnh Đức Bốn Sư giùm tôi, ngày mai tôi sẽ để bát. Xin Đức Tôn Sư cùng với năm trăm vị Tỳ Khuru đến nhà tôi thọ thực.

Ông Sirigutta đi đến chỗ ngụ của Đức Bốn Sư đánh lễ Ngài rồi bạch rằng:

- Bạch Ngài, bạn con là ông Garahadinna nhờ con đến thỉnh Ngài và năm trăm vị Tỳ Khuru, ngày mai đến thọ bát cơm của ông ta. Hôm trước con có trác các vị Trưởng Lão của Ông ta một vố nặng, hôm nay con không biết có phải ông ta định trả đũa hay là ông thật tâm trong sạch đặt bát Chư Tăng. Xin Ngài hãy minh xét, nếu hợp lẽ đạo thì Ngài nhận, còn bằng không thì thôi.

Đức Bốn Sư quán xét: “Garahadinna định làm gì Như Lai đây?”, Ngài thấy rằng: “Ở chỗ sân trống giữa hai ngôi nhà, ông cho đào một hầm rộng lớn, cho đem độ tám mươi cỗ xe bò cũ khô chất đầy hố, rồi châm lửa đốt. Định tâm rằng: “Khi Như Lai rơi xuống hầm lửa thì ông sẽ chỉ trích”. Rồi Đức Bốn Sư quán thêm nữa rằng: “Do nhân duyên như thế, Như Lai có cần ngụ đến hay không? Ngài thấy rằng: “Như Lai sẽ bước chân lên hầm lửa, tấm đệm che giấu miệng hố sẽ biến mất, lộ ra hầm lửa, từ đó lộ ra đóa liên hoa lớn bằng bánh xe. Khi ấy, Như Lai bước lên cánh sen đi trên hầm lửa vào ngụ lên Bảo tọa, các Tỳ Khuru cũng theo lối ấy mà đến chỗ ngồi. Đại chúng sẽ tụ tập đông đảo, giữa hội trường Như Lai đọc kệ phúc chúc. Dứt bài kệ sẽ có tám mươi lễ bốn ngàn chúng sanh sẽ giác ngộ Chánh Pháp. Cả Sirigutta và Garahadinna cũng đạt được Thánh quả đầu tiên, mỗi người sẽ xuất kho vàng của mình ra mà gieo vào Giáo Pháp. Như Lai nên đi đến tế độ ông Garahadinna vậy”.

Quán xét xong rồi, Đức Bốn Sư nhận lời đi thọ bát. Khi biết Đức Bốn Sư đã nhận lời, Sirigutta trở về báo tin cho Garahadinna biết và dặn rằng: “Bạn hãy lo sắp đặt những lễ vật thượng phẩm để cúng dường Đấng Như Lai”.

Garahadinna đáp: “Cảm ơn bạn, tôi bây giờ phải biết làm thế nào coi cho được chứ”.

Chờ bạn ra về rồi, ông lập tức bảo gia nhân đào một cái hầm rộng lớn, đem tám mươi xe bò củi chất đầy hầm, châm lửa đốt, gắn ống thổi bể (bhasitā) thổi suốt đêm cho củi cháy thành than đỏ. Trên miệng hầm, ông lót ván mỏng, rồi phủ đệm lên che kín, lấy phân bò thoa trét coi như nền trắng. Ở một phía ông bảo làm một lối đi, trên mặt hầm ông cho gác những đòn tay nhỏ yếu và cũng che đậy không cho thấy dấu. Ông tưởng tượng rằng: “Làm vậy, khi họ bước chân lên để đi qua, thế nào mấy cây đòn tay cũng gãy và họ cũng té lộn nhào xuống dưới hầm lửa”.

Phía sau nhà ông, ông cũng sắp nhiều khạp không, làm theo cách của Sirigutta lúc trước, các chỗ ngồi ông cũng bảo sửa soạn như thế.

Sáng hôm sau, Sirigutta đến nhà bạn thật sớm, nói rằng:

- Bạn ơi! Lễ vật bạn lo đã xong chưa?
- Xong cả rồi bạn à.
- Bạn để đâu?
- Mời bạn vào đây coi với tôi.

Ông Garahadinna chỉ cho bạn coi các lễ vật mình đã sắp đặt theo cách của Sirigutta bữa trước. Sirigutta tán thành: “Lành thay”. Lúc ấy, dân chúng tụ hội rất đông, người tà kiến mà phát tâm thỉnh Đức Bổn Sư thì bao giờ thiện hạ cũng tụ hội đông đảo như thế. Nhóm tà kiến rủ nhau đi cho đông, để xem: “Sa Môn sẽ bị mất mặt” (vipakra), còn nhóm Chánh Kiến cũng rủ nhau đi cho đông, vì “Hôm nay Đức Bổn Sư sẽ thuyết pháp một thời pháp lớn. Chúng ta sẽ được chứng kiến thần oai đại lực của Đức Phật”.

Ngày ấy, Đức Bổn Sư cùng với năm trăm Tỳ Khưu ngự đến trước cổng nhà ông Garahadinna. Ông nẩy ra khỏi nhà, gieo năm vóc xuống đánh lễ Ngài, đoạn đứng trước mặt Ngài chấp tay nguyện thầm rằng: “Bạch Ngài, nghe đồn rằng Ngài biết việc quá khứ, hiện tại, vị lai, phân tích được tâm chúng sanh ra làm mười sáu chập. Chính Thiện tín ruột của Ngài đã khoe với tôi như thế. Nếu quả thật Ngài tiên tri thì Ngài không vào nhà tôi. Vì Ngài vào nhà tôi chẳng có cơm cháo chi ráo... Tất cả các Ngài lọt xuống hầm lửa rồi thì tôi sẽ chỉ trích cho mà coi...”.

Nguyện thầm rồi, Garahadinna rước lấy bát của Đức Bổn Sư miệng nói: “Xin thỉnh Thế Tôn vào”, nhưng ông ta tiếp theo liền: “Bạch Ngài, Ngài nên biết trước cách thức vào nhà tôi rồi hãy vào”.

- Cách thức sao đạo hữu?
- Các Ngài đi vào từng vị một, vị trước vào chỗ ngồi, vị sau mới nên tiếp theo.

Trong thâm tâm ông Garahadinna tính như vậy: “Hễ cùng đi vào một lượt, người đi đầu lọt xuống hầm lửa, rồi thì mấy vị sau thấy sẽ không đi tới nữa. Đi riêng lẻ từng người, họ sẽ sa đọa hết và ta sẽ chê trách họ”.

Đức Bổn Sư đáp: “Lành thay”, đoạn Ngài cùng đi vào một lượt với Garahadinna. Đi đến chỗ hầm lửa, Garahadinna đứng tránh qua một bên, nói: “Xin thỉnh Ngài đi trước”.

Đức Bổn Sư đưa chân lên ngay miệng hầm lửa, chiếc đệm phủ trên mặt biển mắt, ván lót rút ra, để lộ ra một hầm lửa đỏ, rồi từ bên dưới mọc ra những đóa hoa sen to như bánh xe, Đức Thế Tôn bước lên những cánh hoa sen đi qua hầm lửa, vào ngự lên Phật bảo tọa để được soạn sẵn. Chư Tăng cũng theo lối ấy vào, ngồi lên các ghế ngồi.

Garahadinna tự nhiên nghe trong mình nóng nảy như bị lửa thiêu đốt, ông liền chạy tìm Sirigutta và kêu cứu:

- Ngài ơi! Ngài làm ơn cứu giùm tôi.
- Cái chi vậy?
- Năm trăm Tỳ Khưu đã vào trong nhà mà cháo cơm gì chẳng có chi ráo. Tôi biết làm sao bây giờ?
- Chớ hôm qua đến nay bạn đã làm gì?
- Ở khoảng giữa hai ngôi nhà, tôi đã cho đào một cái hầm chứa đầy than đỏ, chờ mấy Ngài té xuống đó thì tôi sẽ chê trách. Cái hầm lửa giờ đây mọc lên toàn những cánh hoa sen lớn. Tất cả Tỳ Khưu đều bước lên những cánh hoa sen đi vào, ngồi trên những chỗ ngồi được soạn sẵn. Bây giờ, tôi làm gì đây?
- Ủa! Tôi nhớ ban sáng bạn đã chỉ cho tôi thấy, đây là những khạp cháo, kia là những khạp cơm... Đủ cả rồi mà.
- Thưa bạn, tôi nói dối đấy, mấy khạp ấy đều trống trơn cả.

- Không sao, bạn ra giờ mấy khạp cháo, khạp com ấy ra coi lại đi.

Ngay lúc ấy, những khạp nào mà Garahadinna nói dối là khạp cháo thì đều đầy cháo, những khạp nào mà ông nói là com thì đầy com... Thấy oai lực đặc biệt hiển nhiên của đấng Bổn Sư, Garahadinna phát sanh phỉ lạc khắp mình. Trong tâm hết sức trong sạch tin tưởng, ông cung kính sót bát hộ độ chư Trưởng Lão Tăng có Đức Phật là vị Tăng trưởng, khi các Ngài dùng xong bữa, ông ta thỉnh bát của Đức Bổn Sư để yêu cầu Ngài thuyết kinh phúc chúc.

Sau bài kinh hoan hỷ phước báu của thí chủ, Đức Bổn Sư dạy rằng: “Những chúng sanh này, do không có pháp nhãn nên không nhận thức được ân đức của Phật Pháp và Chư Tăng đệ tử của Ta. Người không có tuệ nhãn, Ta gọi là kẻ mù, người có trí tuệ, Ta gọi kẻ ấy là người mắt sáng”.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết lên hai bài kệ:

“*Yathā saṅkārādhānasmim
Ujjhitasmim mahāpathe
Padumam tattha jāyetha
Sucigandham manoramam*”
“*Evam saṅkārabhūtesu
Andhabhūte puthujjane
Atirocati paññāya
Sammāsambuddhasāvako*”.

Lược dịch:

“Nhu từ đống rác bùn nhơ,
Vút lên đại lộ không ngờ mọc ra,
Đóa sen thanh khiết nở nà,
Mùi hương thơm ngát, trẻ già cùng ham.
“Từ nơi nhân chúng tục phạm,
Tối tăm mê muội như giam dưới bùn,
Thinh văn của đấng Đại hùng,
Nêu cao đức tuệ, soi cùng thế gian”.

□

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ, Phạm ngữ: **Saṅkārādhānasmim**: Nghĩa là trong đống rác dơ.

Ujjhitasmim mahāpathe: Nghĩa là đồ bỏ trên đại lộ.

Sucigandham tức là surabhogandham nghĩa là hương thơm ngào ngạt. Manoramam: Là có ý ưa thích nơi đó.

Saṅkārabhūtesu: Nghĩa là những chúng sinh cặn bã cũng như rác vạ.

Puthujjane: Là phạm phu ám chỉ những người còn bị phiền não chi phối là phần đông nhân loại trên thế gian.

Bài này Đức Phật dạy rằng: Cũng như đống rác dơ dáy vút trên đại lộ, tuy là đáng kinh tởm gớm ghê nhưng đóa hoa sen từ đó mọc lên lại thơm tho, thanh khiết, dầu cho quan quyền vua chúa cũng ưa thích mến chuộng, ai cũng đẹp ý muốn cài, giắt nó lên đầu của mình. Cũng như thế, đám chúng sanh phạm phu xuất thân từ nơi bần tiện như nơi đống rác, trong đại chúng vô trí tuệ, mù quáng có những người nhờ tuệ lực của mình, thấy tội lỗi ngũ trần dục lạc và phước báu của hạnh xuất gia, bèn lìa nhà đi tu theo hạnh không nhà, cố gắng hành đạo theo Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, trở nên bậc Tỳ Khưu lậu tận. Thánh đệ tử của Đức Chánh biến Tri vượt qua khỏi đám chúng sanh phạm phu ngu muội chói sáng rực rỡ.

□

Bài pháp chấm dứt thì tám muôn bốn ngàn chúng sanh giác ngộ Chánh Pháp, Garahadinna và Sirigutta đều chứng đắc Tu Đà Hườn quả. Hai người, về sau mang hết của cải mình, xuất ra để phục vụ đạo pháp.

Đức Bổn Sư từ Phật bảo tọa đứng dậy, ngự về chùa. Lúc xế chiều, chư Tỳ Khuru câu hội tại giảng đường, đề khởi pháp luận như vậy: “Ôi! Huyền diệu thay là oai lực của Chư Phật. Sức nóng như hầm lửa đầy than nóng, lửa đỏ đến thế, phải nhường chỗ cho những cánh hoa sen mọc lên”.

Đức Bổn Sư ngự đến phán hỏi: “Này các Tỳ Khuru, hôm nay các ông câu hội thảo luận đề tài gì thế?”

- Bạch Ngài, việc này đây...

Nghe đáp, Đức Bổn Sư dạy rằng: “Này chư Tỳ Khuru! Việc hôm nay ta khiến được hoa sen mọc lên từ trong hầm lửa đỏ, không có chi là huyền diệu vì ta đã thành Phật. Trước kia còn là Bồ tát, ta cũng đã từng khiến cho cánh sen mọc như thế rồi”.

Chư Tỳ Khuru yêu cầu: Bạch Ngài, việc ấy có từ bao giờ, xin Ngài chỉ dạy cho chúng con.

Theo lời cầu xin của Chư Tăng. Đức Bổn Sư thuyết giảng kinh Bổn Sanh “Hầm lửa đỏ” (Khadīraṅgārajātaka), rồi Ngài ngâm kệ:

*“Kāmaṃ patāmi nirayaṃ
Uddhampādo avamsino
Nānariyaṃ karissāmi
Handa piṇḍaṃ paṭigahāti”.*

*“Ta sa địa ngục ngũ trần,
Thất điên bát đảo, giở chân chẳng rời.
Ta quyết không như kẻ tồi,
Lấy cái ống nhổ, làm nổi đưng com”.*

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Trách Thí để cao phái ngoại môn,
Thủ Danh vì bạn phá “mê hồn”,
Một mương phần, đợi người thiếu trí,
Vài miếng đòn, đưa kẻ đại ngôn.
Chẳng cọp sao ham kêu tiếng cọp,
Là chôn phải chịu ló đuôi chôn,
Từ đây thêm rạng đèn Chánh giác,
Đại chúng qui đầu Đức Thế Tôn.*

DÚT TÍCH ÔNG GARAHADINNA DÚT PHẨM HOA



V. PHẨM NGU NHON

(BĀLAVAGGA)

- 16 bài kệ: Pháp Cú số 60-75
- 15 chuyện.

V. 1- CHUYỆN TRAI NGHÈO CÓ VỢ ĐẸP (Aññatarapurisavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 60)

<i>“Dīghā jāgarato ratti</i>	“Đêm dài đối kẻ thức,
<i>Dīgham santassa yojanam</i>	Dặm dài đối kẻ nhọc,
<i>Dīgho bālāna samsāro</i>	Đường sanh tử rất dài,
<i>Saddhammam avijānatam”.</i>	Đối kẻ dốt Chánh Pháp”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến một thanh niên nọ và đức vua Pasenadi Kosalā.

Tương truyền rằng: Nhân một ngày quốc lễ, quốc vương Pasenadikosala vận đại triều phục, ngự lên một thớt bạch tượng thuần sắc, tên là Puṇḍarīkā (Bạch Liên), ngự du một vòng kinh thành với đoàn quân hộ giá tiến hô hậu ủng, đầy đủ vẻ uy nghi tráng lệ của bậc Đế vương.

Quần chúng đi xem lễ đông nghẹt các nẻo đường, tiếng nói cười nhộn nhịp, náo nhiệt. Họ bị quân dọn đường lấy đất, đá và gậy gộc đánh đuổi, tuy bị chạy tán loạn nhưng họ vẫn ngoái cổ lại nhìn (người ta nói rằng: Sở dĩ nhà vua được vinh hiển, tốt bụng như thế, là do sự bố thí đầy đủ duyên trong quá khứ).

Ngày ấy, vợ một chàng thanh niên nghèo khổ nọ, nàng đang đứng trên tầng thượng của một tòa nhà bảy tầng, nghe tiếng có đức vua ngự qua, thì mở một cửa sổ nhìn xuống, ngay lúc quốc vương cũng vừa ngược nhìn lên. Thiếu phụ vội thụt vào, đóng cửa sổ lại. Quốc vương nhìn theo ngơ ngẩn, như đang mong đợi mặt trăng rằm vừa khuất sau áng mây đen. Tương tự một đóa hoa hèn, lòng quốc vương cảm thấy nóng nảy bồn chồn, ngồi chằng vững trên lưng tượng, Ngài đốc thúc cuộc diễu hành quanh thành phố cho mau chấm dứt.

Về đến cung đình, quốc vương phán hỏi một cận thân thân tín: “Lúc nãy, tại chỗ đó khanh có trông thấy tòa lầu đài mà trẫm nhìn lên không?”.

- Tâu bệ hạ, có thấy.
- Trong lầu đài ấy, khanh có trông thấy một nữ nhân không?
- Tâu bệ hạ, thần có thấy.
- Vậy khanh hãy đến đó hỏi nàng ấy có chồng chưa?

Viên hầu cận thân tín đi, rồi trở về tâu lại cho đức vua biết rằng: “Nàng ấy đã có chồng”. Quốc vương bèn ra lệnh: - Vậy khanh hãy triệu chồng nàng ấy vào triều cho ta.

Vị quan vâng lệnh đức vua gặp chàng thanh niên nghèo khổ, bảo rằng: “Lại đây bạn ơi, đức vua triệu bạn vào triều”.

Thanh niên nghĩ thầm: “Việc này e có liên quan đến vợ ta”. Không dám trái lệnh vua, thanh niên vào triều bái đức vua rồi đứng chờ.

Đức vua phán hỏi thanh niên: “Trẫm phong cho khanh làm thị vệ quân”.

- Muôn tâu bệ hạ, thần không dám nhận lãnh chức đó. Xin cho thần ở ngoài hành nghề, đóng thuế cho bệ hạ, thần chỉ quen với lối sống bình dân.

- Trẫm không cần đến tiền khanh đóng thuế. Kể từ nay về sau khanh hãy theo hầu trẫm.

Quốc vương ban cho thanh niên bộ võ phục, một lưỡi gươm và một cái khiên (mộc). Thanh niên nghĩ:

- Nếu mình có điều chi sơ xuất với đức vua thì phạm tội khi quân, chẳng khỏi chết chém. Ta phải lo sợ mới được.

Vì sợ tội chết, thanh niên siêng năng hầu hạ đức vua.

Quốc vương không tìm được lầm lỗi nào của thanh niên, thì lòng mong hưởng dục lạc lại càng tăng trưởng, nghĩ thầm: “Phải tìm có buộc tội hấn thì trẫm ngồi làm vua mới yên”.

Quốc vương liền triệu thanh niên đến và phán rằng:

- Nầy khanh, khanh hãy đi đến một địa điểm ấy, cách đây độ một do tuần, xuống sông hái nhiều hoa sen xanh và trắng, móc lấy đất đỏ như màu mặt trời bình minh, đem về đây vào buổi chiều cho kịp trẫm tắm. Nếu khanh trễ tri hoãn, không về kịp lúc ấy, trẫm cứ luật mà gia hình.

(Người ta bảo rằng: “Thị vệ quân là chức thấp kém nhất trong bốn hạng tội đòi. Quả nhiên, hạng làm mướn ăn tiền chẳng hạn, có thể lấy cớ đau bệnh, mệt mỏi mà xin nghỉ được. Còn thị vệ thì không được phép nghỉ hễ lệnh vua sai khiến là phải thi hành chớ không được thoái thác). Thanh niên suy nghĩ: “Nhất định là ta phải đi đến đó. Nhưng hoa sen xanh, trắng cùng đất đỏ như mặt trời bình minh chỉ có cảnh giới Long Vương còn trên thế giới nhân gian ta biết tìm lấy ở đâu cho được”.

Càng suy nghĩ, càng sợ tội chết, thanh niên về nhà bảo vợ:

- Mình ơi! Cơm nấu chín chưa?

- Dạ thưa, mới vừa bắc lên nấu mình à!

Thanh niên không chờ cơm chín, liền nhắc xuống bảo vợ lấy vá xúc cơm chưa ráo nước, đổ vào giỏ, chan thêm canh nóng vào, rồi mang theo cất bước lên đường. Trong lúc đi đường cơm cũng vừa chín.

Thanh niên sốt riêng ra một phần lớn, không rớ tay đến, chỉ ăn chút ít còn lại. Khi đang ăn, thấy một lũ khách đi đến, thanh niên nói: “Tôi sốt ra, chỉ ăn có chút ít, phần cơm này tôi không đụng đến, ông hãy lấy dùng đi”.

Khách lấy cơm dùng. Thanh niên độ xong bữa, còn chừa lại một nắm cơm đem bỏ xuống nước, rửa mặt súc miệng xong, la lớn rằng: “Cầu xin Long vương, Kim Sí điều và Chư Thiên ngự nơi thủy quốc này hãy nghe tôi nói đây: “Quốc vương ra lệnh khiến tôi thi hành việc này. Là đến đây lấy cho được sen xanh, sen trắng cùng với đất màu đỏ như mặt trời bình minh đem về triều. Tôi đã bố thí cơm cho người lữ hành được ngàn phần phước, tôi đã bố thí cơm cho cá dưới nước, được một trăm phần phước nữa. Tất cả bấy nhiêu phước báu tôi xin chia hết cho các Ngài. Xin các Ngài hãy đem hoa sen xanh, hoa sen trắng và đất đỏ màu mặt trời bình minh đến cho tôi”.

Thanh niên la lớn đủ ba lần như vậy. Long vương là chúa rồng ngự tại nơi đó, nghe tiếng của thanh niên:

- Chú em nói gì thế?

Thanh niên liền lập lại y như trước.

- Chú hãy chia phước cho ta với. Ông lão nói.

- Tôi xin chia phước đến ông, thanh niên đáp.

Sau khi bảo thanh niên chia phước hai ba lần như vậy rồi, Long vương đem hoa sen xanh, trắng và đất đỏ màu mặt trời bình minh tặng lại thanh niên.

Trong khi ấy, quốc vương tính thầm rằng:

“Người đòi có nhiều kẻ giỏi chú thuật. Nếu như gã ấy dùng pháp thuật mà kiếm được các món ấy, thì mưu cơ của trẫm không thể thành tựu”. Đức vua liền cho đóng kín tất cả cửa vào thành.

Sau khi kiếm được hoa sen xanh, trắng cùng với đất đỏ, thanh niên vội quay về cho kịp giờ đức vua tắm gội, nhưng cửa thành đã bế chặt, không thể vào thành được. Thanh niên yêu cầu tiếp xúc với thủ môn quan và bảo: Mở cửa ra.

- Không thể mở cửa được. Đức vua đã xuống chiếu truyền lệnh đóng hết các cửa thành Sāvattihī.

- Ta là Khâm sai (rajadūta) của đức vua. Hãy mở cửa cho ta vào.

Thanh niên nói gì thì nói, các quan giữ cửa thành vẫn không mở cửa.

Không vào được, thanh niên ngẫm nghĩ: “Bây giờ chắc hẳn mạng căn của ta đã tuyệt. Ta phải làm sao đây?”.

Thanh niên đặt cục đất đỏ lên đầu cổng thành, cắm mấy cành hoa lên cục đất, rồi cất tiếng la lớn lên rằng: Hỡi dân cư ngụ trong kinh thành! Xin các vị hãy biết rằng việc này: Đức vua sai tôi đi công cán, tôi đã thi hành xong. Bây giờ đức vua cố ý ngăn trở không cho tôi vào, để có cớ mà giết tôi”. La to ba lần như lần như thế, thanh niên lại nghĩ: “Ta bây giờ đi đâu bây giờ? À! Chư Tỳ Khuru có tiếng là từ tâm vậy ta hãy vào ngủ nhờ trong chùa”.

Quả thật những chúng sanh như thanh niên này, trong thời kỳ an vui không bao giờ nghĩ tưởng đến chư Tỳ Khuru đâu, chỉ khi nào lâm vấp cảnh khổ rồi mới có ý muốn đi chùa. Thanh niên tự nghĩ: “Ta không còn chỗ nào khác để nương nhờ”. Bèn đi vào chùa, kiếm một chỗ tiện nghi để nằm ngủ.

Đêm ấy trong hoàng cung, quốc vương không sao an giấc điệp, vì hình bóng của thiếu phụ vẫn ám ảnh tâm tư. Quốc vương chỉ mong trời mau sáng để xử tử thanh niên, ngõ hầu đoạt vợ của chàng.

Cũng trong giờ đêm tăm tối ấy, dưới địa ngục đồng sôi, rộng khoảng sáu mươi do tuần, có bốn thanh niên bị đọa lạc xuống đó, đang bị nấu trong chảo dầu sôi, nổi lên chìm xuống như những hạt gạo. Từ trên miệng chảo chìm xuống đến tận đáy trải qua một thời gian là ba muôn năm, lại trải qua ba muôn năm khác mới trôi lên tới miệng chảo. Bốn chàng ngóc đầu lên, thấy được nhau, mỗi chàng định nói bài kệ nhưng không nói kịp, mỗi chàng chỉ nói được một tiếng rồi lại bị chìm xuống, lộn đầu roi xuống đáy chảo.

Đang bần khổ, thao thức, vào lúc nửa đêm, quốc vương mộng nghe được bốn tiếng la của tội nhân dưới địa ngục ấy, thì giật mình kinh sợ, lo lắng tự nghĩ: “Đây chắc là điềm báo cho trăm hoặc hoàng hậu băng hà, hay là ngại vàng sẽ đổ nát...”. Thế là, suốt đêm hôm ấy, quốc vương không sao chợp mắt được.

Mặt trời vừa mọc, quốc vương cho triệu vị Quân sư vào triều và phán hỏi:

- Thưa quân sư, vào khoảng giữa đêm hôm nay, trăm nghe có tiếng la thật lớn, rất đáng kinh sợ. Trăm không biết đó là điềm báo sự tai hại đến ngại vàng, đến hoàng hậu hay đến chính bản thân trăm. Cho nên trăm mới triệu quân sư vào đây.

- Tâu đại vương, đại vương nghe được những tiếng gì?

- Thưa quân sư, trăm nghe được bốn tiếng rời rạc là Du, Sa, Na, So. Xin Quân sư hãy giải rộng nghĩa lý của những chữ này.

Vị quân sư Bà la môn như người đi trong đêm tối, chẳng nhận ra đường lối nào cả. Sợ thú thật mình không biết thì chúng tỏ mình là kẻ bất tài, sẽ mất cả uy tín và bổng lộc, ông ta bèn kêu bướng rằng: “Tâu đại vương, điềm này hệ trọng lắm”.

- Thưa Quân sư, điềm chi vậy?

- Đó là điềm tai họa có liên quan đến thọ mạng của đại vương.

Quốc vương nghe lời bàn ẩu, tưởng chắc thật, càng thêm lo sợ bội phần, phán hỏi ông Bà la môn:

- Thưa quân sư, có cách chi ngăn ngừa tai họa ấy được chăng?

- Tâu đại vương, có. Xin đại vương hãy bình tâm đừng có lo sợ. Hạ thần thông suốt Tam Phệ Đà (Veda) mà.

- Cần phải làm gì để tránh tai họa?

- Tàu bệ hạ, phải hy sinh người và vật, mỗi thứ là một trăm để cúng tế thì bệ hạ sẽ tăng thêm tuổi thọ.

- Quân sư cần những gì?

- Trăm con voi, trăm con ngựa, trăm bò đực, trăm bò cái, trăm dê đực, trăm dê cái, trăm gà trống, trăm con heo, trăm đồng nam và trăm đồng nữ.

Như thế là, cứ mỗi loại chúng sanh, ông Bà la môn xin đức vua cho cắt đủ trăm, vì ông nghĩ rằng: “Nếu ta xin bệ hạ bắt dân chúng nạp thú rừng thì họ nói là ta có có ý bắt để ăn thịt” nên ông ta mới xin đức vua cho bắt cả voi, ngựa và người vậy.

Quốc vương nghĩ thầm: “Trăm phải tiên bảo kỳ thân, tự mình phải lo bảo tồn sanh mạng mới được”.

Vua bèn hạ lệnh: “Bắt tất cả chúng sanh cho mau”. Lệnh trên ban xuống, cấp dưới lập tức thừa hành, bắt vật hy sinh nhiều hơn con số đã ấn định.

Trong kinh liên quan đến xứ Kosalā, có đoạn đề cập đến việc ấy như sau: “Thời ấy, quốc vương Pasenadikosala dự bị cử hành đại lễ bằng sinh vật, gồm có năm trăm con bò đực, năm trăm bò cái, năm trăm dê đực, năm trăm dê cái, tất cả đều bị bắt cột chung chỗ xây cột tế, còn những nô lệ nam, nữ, những kẻ phục dịch, công nhân của đức vua bị hăm dọa sợ đòn, mặt đầy nước mắt, vừa khóc vừa lo sắp đặt công việc tế lễ”.

Dân chúng thương tiếc quyền thuộc của mình đã bị bắt, mạnh ai nấy khóc than kể lể, tiếng kêu la ồn ào, hỗn độn, nghe như quả địa cầu có tri giác cũng biết xót xa vậy.

Khi ấy, hoàng hậu Mallikā nghe tiếng dân chúng kêu la, bèn vào triều kiến đức vua và hỏi rằng:

- Tàu đại vương, đại vương vẫn còn nguyên vẹn, đầy đủ lục căn, mà sao thần thiếp trông đại vương có vẻ bơ phờ hốc hác như thế?

- Ái hậu Mallikā, hậu không hay biết rằng: “Trăm muốn điếc con ráy rồi sao?”.

- Tàu bệ hạ! Việc chi vậy?

- Ban đêm, trăm nghe được những tiếng quái gở như vậy, trăm cho triệu quân sư vào hỏi thì quân sư cho biết đó là điềm tai hại đến tánh mạng của trăm, phải cúng tế người vật, mỗi thứ là một trăm thì trăm mới được trường thọ. Trăm nghe lời quân sư để bảo tồn mạng sống, nên ra lệnh tìm bắt cho đủ tế vật để hy sinh.

Nghe vậy, hoàng hậu Mallikā nói rằng:

- Tàu đại vương! Đại vương thật là mù quáng, si mê. Dầu sao đại vương cũng là bậc ăn trên ngồi trước, là chúa thiên hạ, hưởng lộc nhiều hơn cả mọi người, có lý nào đại vương có trí kém cõi như thế.

- Sao hậu lại nói vậy?

- Tại sao đại vương nghe chi lời của tên Bà la môn mù quáng ngu si, tự mình muốn sống lại gây sự chết chóc cho kẻ khác, gieo rắc sự khổ sầu thảm khốc cho dân chúng như vậy? Trong chùa Kỳ Viên gần đây, có Đức Bổn Sư đang ngự, Ngài là bậc Đại hùng, Đại lực, là Thầy của Chư Thiên và Nhơn loại. Các việc quá khứ, hiện tại, vị lai Ngài thông suốt cả. Đại vương nên đến học hỏi nơi Ngài.

Khi ấy, đức vua liền ngự lên chiếc loan xa nhỏ, cùng đi với hoàng hậu Malikā đến chùa. Trong tâm còn lo sợ chết, nên chẳng nói năng chi được hết. Quốc vương chỉ đành lễ Đức Bổn Sư, rồi ngồi nép vào một bên.

Đức Bổn Sư mở lời, hỏi rằng:

- Kia đại vương từ cõi trời hay cõi nào đến đây?

Quốc vương nghe vậy cũng làm thinh, không trả lời. Hoàng hậu Mallikā bèn đem mọi sự trình bạch lên Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài, đức vua nói rằng vào khoảng giữa đêm có nghe những tiếng quái dị, hỏi quân sư thì ông ấy cho biết là có điềm tai họa đến sinh mạng của đức vua. Nếu muốn ngăn ngừa phải bắt vật hy sinh mỗi thứ là một trăm, cắt cổ lấy huyết tế thần thì sẽ được trường thọ. Quốc vương đã sai bắt nhiều chúng sanh, vì vậy con hướng dẫn đức vua đến đây.

- Hoàng hậu nói thế có đúng không hờ đại vương?
- Bạch Ngài, đúng thế.
- Đại vương đã nghe thấy những tiếng gì?

Quốc vương bèn nhắc lại những tiếng mà chính mình đã nghe. Đức Như Lai nghe vừa dứt lời, thì đã hiểu rõ mọi sự như làn chớp xẹt một cách nhanh lẹ. Ngài bèn vỗ an ủi đức vua: “Đại vương chớ sợ hãi. Chẳng có việc chi tai hại đến đại vương cả, những chúng sanh tạo ác nghiệp muốn tỏ bày nỗi thống khổ của chính mình nên mới nói lên như thế đó”.

- Bạch Ngài, bọn họ đã làm gì?

Để giải rõ những nghiệp báo của bốn chúng sanh ấy, Đức Thế Tôn phán rằng: “Thế thì, đại vương hãy lắng nghe”.

Nói rồi, Ngài dẫn tích như sau:

Thời quá khứ, lúc tuổi thọ của loài người là hai muôn năm thì Đức Thế Tôn có hồng danh là Kassapa giảng thế, Ngài cùng với hai muôn vị A La Hán vân du khắp nơi, rồi ngự đến thành Bārāṇasi. Dân chúng trong thành rủ nhau, từ hai ba người hay đông hơn nữa, cùng hợp nhau luân phiên để bát cúng dường thực phẩm đến các khách Tăng.

Thời bấy giờ, trong thành Bārāṇasi có bốn vị công tử là con nhà Trưởng giả, nhà nào cũng có tài sản lên đến bốn trăm triệu đồng vàng. Họ giao du với nhau rất thân mật, họ thường hỏi nhau: “Nhà ta giàu có, tiền của ta để làm gì?”.

Trong thời Đức Phật đang tại thế, Ngài đang vân du khắp nơi, chúng ta hãy bố thí, cúng dường, tôn thờ, lễ bái, hãy thọ trì Tam quy Ngũ giới... không có cậu nào để nghị như thế cả. Một cậu thì nói lên rằng: “Uống rượu nồng, ăn thịt béo rồi chúng ta sẽ thả rong chơi, đời sống chúng ta như thế cũng là thú vị lắm rồi”. Cậu khác nói: “Phải đó, gạo thơm ngon như hoa ngọc lan, với nhiều món sơn hào hải vị, ta ăn rồi thả đi chơi”.

Cậu thứ ba thì bảo: “Ta bảo đầu bếp nấu món cà ri thập cẩm có đủ thứ gia vị, ăn rồi ta sẽ đi chơi”.

Cậu thứ tư lại có ý kiến: “Này các bạn, ta sẽ chẳng nấu cơm nước chi ráo, ta sẽ đem tiền của ra cho thế thường, chẳng có nữ nhân nào lại chẳng ham tiền, hễ ta rải tiền ra cám dỗ mua chuộc thì vợ con nhà ai mà thoát khỏi tay ta”.

- Hay! Hay!...

Tất cả bốn cậu đều chấp thuận đề nghị này, từ đó về sau hễ thấy phụ nữ có sắc đẹp thì là họ bỏ tiền ra quyến rũ làm cho phải thất tiết mới nghe. Họ phạm tội gian dâm như thế trong hai muôn năm, đến lúc chết bị sa xuống đại địa ngục A tỳ. Họ bị thiêu đốt trong đó suốt một thời gian không có Phật. Khi mạng chung do quả dư sót, họ lại sanh lên địa ngục đồng sôi, có bể sâu là sáu mươi do tuần, từ trên miệng chảo chìm mãi xuống đáy là ba muôn năm, rồi trải qua ba muôn năm nữa mới trôi đầu lên được miệng chảo. Họ muốn nói nguyên một bài kệ mà nói không kịp, chỉ kịp mở miệng la lên có một tiếng rồi lộn chìm xuống đáy chảo. Đại vương hãy nói, đại vương nghe trước được tiếng gì?

- Bạch Ngài, tiếng DU.

Quốc vương chỉ nói ra vồn vện có một tiếng vắn tắt mà Đức Bổn Sư bỏ tức thành bài kệ như sau:

1. *“Dujjīvitamajīvimhā
Yesanno na dadāma se
Vijjāmanesu bhogesu
Dīpaṃ nākamha attanoti”.*

*“Xưa ta sống nhuốc nhơ,
Chẳng bố thí bao giờ,
Tuy có nhiều tiền của,
Không tạo chỗ nương nhờ”.*

Sau khi giải nghĩa bài kệ trên cho quốc vương hiểu, Đức Bổn Sư hỏi tiếp:

- Tàu đại vương, lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư đại vương nghe được những tiếng gì?

- Bạch Thế Tôn, nghe được những tiếng này...

Cứ mỗi lần đức vua đáp lời, Đức Bổn Sư lại bổ túc thêm thành ba bài kệ, theo thứ tự như sau:

2. *“Satthivassasahassāni*

Paripuṇṇāni sabbaso

Niraye paccamānānaṃ

Kadā anto bhavissati”.

*“Ta ở sáu muôn năm,
Tròn đủ, nếu không lắm,
Trong địa ngục thọ khổ,
Chùng nào hết bị cầm”.*

3. *“Natthi anto kuto anto*

Na anto paṭidissati

Tadā hi pakataṃ papam

Mama tuyhañca mārisā”.

*“Không hết cũng không cùng,
Không thấy chỗ cáo chung,
Bởi xưa ta tạo ác,
Tôi cùng với các ông”.*

4. *“Sohaṃ nūna ito gantvā*

Yoniṃ laddhāna mānusiṃ

Vadaññū silasampanno

Kāhāmikusalāṃ bahunti”.

*“Nếu tôi được thoát thân,
Đầu thai làm thế nhân,
Hiểu biết giữ đủ giới,
Tạo thiện pháp nhiều lần”.*

Lần lượt đọc ba bài kệ và giải thích nghĩa lý xong, Đức Bổn Sư tiếp lời rằng:

- Tàu đại vương, bốn chàng trai khổ đó, mỗi chàng đọc một bài kệ, mà đọc không kịp, chỉ mở miệng nói được một tiếng thôi, rồi chìm trở xuống trong lòng chảo vậy.

(Kể từ khi quốc vương Pasenadikosala nghe tiếng của bốn chúng sanh địa ngục ấy, cho đến nay đã hơn hai mươi lăm thế kỷ mà họ cũng vẫn còn đang chìm xuống mãi mãi như thế.)

Nghe dứt thời pháp, đức vua phát sanh đại kinh cảm, đức vua nghĩ thầm: “Nghệp tà dâm quả thật là nặng nề thay! Đức Thế Tôn bảo rằng bọn họ bị thiêu đốt trong lòng địa ngục suốt khoảng thời gian không có Phật, mãi kiếp lại tái sanh vào địa ngục đồng sôi, bị nấu luộc sáu muôn năm như vậy, không biết đến thời gian nào mới được thoát khổ? Trăm đây cũng có tâm tà vậy, yêu thương vợ kẻ khác, đến nỗi trần trọc suốt đêm ngủ không an giấc. Từ bây giờ trở đi, trăm quyết sẽ không nuôi ý niệm tà dâm nữa”.

Nghĩ rồi, quốc vương bạch Đức Như Lai:

- Bạch Ngài, hôm nay trăm mới biết là đêm dài.

Thanh niên là cựu thị vệ quân, đang ngồi nơi hội trường nghe mấy lời của đức vua, trong tâm nghĩ: “Ta gặp được cơ hội may mắn rồi”. Thanh niên bèn bạch với Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài, đức vua hôm nay mới thấy đêm dài bấy nhiêu đó, còn con ngày hôm qua chính con đã biết là đêm dài.

Đức Bổn Sư so sánh hai câu nói của hai người, rồi bảo rằng:

- Đêm dài đối với một số người, đêm dài đối với một số người, con đường luân hồi dài đối với kẻ ngu si.

Nhân đó, Đức Thế Tôn thuyết lên một thời pháp, rồi Ngài kết luận bằng bài kệ rằng:

*“Dīghā jāgarato ratti
Dīgham santassa yojanam
Dīgho bālāna saṃsāro
Saddhammam avijānataṃ”.*

*“Đêm dài vì giấc chẳng an,
Dặm dài chìm nổi, lại càng thấy xa,
Đường đời vạn nẻo quan hà,
Kẻ dốt Chánh Pháp, chậm qua luân hồi”.*

□

CHÚ GIẢI:

Tiếng **Dīghā** trên đây nghĩa là dài. Thường thì một đêm có ba canh (theo bên Ấn Độ thời xưa), nhưng đối với người thao thức cầm canh thì thấy như là đêm dài gấp đôi gấp ba vậy.

Đêm không thấy dài đối với người chỉ biết ăn no ngủ kỹ, mặt trời lên cao mà còn lặn qua trở lại trên giường. Người đại lãn ăn đồ (mahākusito) cao lương mỹ vị, nằm ngủ chỗ sang trọng, người toại hưởng ngũ trần cũng chẳng biết rằng đêm dài.

Hành giả tinh cần hành thiền suốt đêm, vị Pháp sư thuyết pháp và thính giả ngồi trong hội trường, người bị bệnh hành như nhức đầu, nhức răng chẳng hạn, hoặc người thọ khổ vì bị thương như đứt tay chân, là lữ khách dạ hành mới biết đêm dài.

Yojanam: Là do tuần, dài bằng bốn dặm (độ mười sáu cây số), nhưng đối với khách lữ hành mệt mỏi thì thấy như là dài gấp đôi, gấp ba lặn. Quả nhiên, khách đi đường xa cả ngày đã mệt nhừ, mà thấy hành trình còn thăm thẳm, gặp ai cũng hỏi:

“Thôn, xã ở phía trước, cách đây còn bao xa?”, nghe đáp: “Một do tuần”. Khách ráng đi một lát lại hỏi người khác, người nầy cũng đáp “một do tuần”, khách hỏi đi hỏi lại, hết người nọ đến người kia, họ đều đáp: Một do tuần. Khách thấy chán ngán than rằng: “Cha! Một do tuần! Sao mà dài như thế?”. Và người ấy thấy dài gấp đôi, gấp ba lúc bình thường.

Bālānam: Là những kẻ ngu si, không biết đến sự lợi ích (tức là Níp Bàn) trong đời nầy và kiếp sau, những kẻ ngu si không thể chấm dứt cái vòng luân hồi được. Những người nào thông hiểu Chánh Pháp (Saddhamma) nhứt là ba mươi bảy nhân sanh Bồ đề (Sattatimsa Bodhipakkhiya) những người ấy mới tận cùng con đường sanh tử được, còn đối với những kẻ dốt Chánh Pháp thì con đường nầy dài vô tận. Và lại, đặc tính của nó bao giờ cũng vậy, cho nên mới gọi là dài. Để cập đến nó có Phật ngôn rằng: Anamataggoyam bhikkhave saṃsāro pubbā kotim na paññayatīti. (Nầy các Tỳ Khuru! Đường luân hồi vốn vô thủy, khởi điểm của nó không thể thấy được).

Đối với những người ngu si không thể tận cùng con đường sanh tử, thì thấy nó dài hết sức dài.

□

Thời pháp vừa dứt, thanh niên chúng đấng quả Nhập Lưu, ngoài ra nhiều người khác cũng chúng đấng Thánh quả nhứt là Nhập Lưu. Đại chúng thính pháp cũng hưởng được lợi ích.

Quốc vương đành lễ Đức Bổn Sư, ngự về nơi cây trụ cột chúng sanh là tế vật, truyền quân mở trí, phóng thích cả người lẫn vật đã bị bắt chuẩn bị hy sinh.

Cả bọn nam, nữ được thả tự do ấy, được tắm gội sạch sẽ, rồi ai trở về nhà nấy. Lúc đi đường, họ ca tụng công ơn của hoàng hậu Mallikā, nói rằng:

- Chúng mình còn được sống sót ngày nào, cũng là nhờ ơn cứu tử của hoàng hậu Mallikā.

Chiều hôm ấy, chư Tỳ Khuru câu hội nơi giảng pháp đường, khởi lên pháp luận như sau: “Hiển trí thay bà Mallikā nầy. Nhờ có trí tuệ, bà đã cứu tử hườn sanh cho bấy nhiêu người và vật như thế”.

Đức Bổn Sư ngự đến giảng đường, phán hỏi: “Nầy chư Tỳ Khuru! Hôm nay các ông thảo luận về việc chi vậy?”.

- Bạch Thế Tôn, việc như vậy...

Đức Bốn Sư bảo rằng:

- Này các Tỳ Khuru, chẳng phải chỉ bây giờ nàng Mallikā dùng trí tuệ của mình mà cứu tử cho nhiều người, thuở xưa nàng cũng đã từng như thế, đã cứu mạng nhiều người lắm rồi.

Để minh chứng việc này, Đức Bốn Sư thuật lại tiền tích như sau:

Thời quá khứ, có vị hoàng tử xứ Bārāṇasi, đi đến gốc một cây đa, khẩn vái thọ thần hóa sanh nơi cây ấy rằng:

- Cầu xin Thiên vương chứng giám. Trong cõi Diêm Phù này có một trăm lẻ một quốc vương và một trăm lẻ một hoàng hậu. Nếu khi phụ hoàng tôi thăng hà mà tôi được kế vị ngai vàng, tôi sẽ lấy huyết cổ của họ mà cúng tế Thiên vương.

Khi vua cha thăng hà, thái tử ấy được tôn vương, nghĩ rằng:

“Do nhờ Thiên vương phù hộ, mà trăm được lên ngôi cửu ngũ. Vậy trăm phải lo việc trả lễ hoàn nguyện”.

Tân vương bèn cử đại đội hùng binh, ngự giá thân chinh, đánh chiếm một nước láng giềng, bắt được đức vua và hoàng hậu, rồi mang theo đi đánh chiếm nước khác, lần lượt bắt được tất cả các đức vua và hoàng hậu của một trăm lẻ một nước.

Đại vương Bārāṇasi đem tất cả đến gốc cây đa, chỉ trừ một mình bà hoàng hậu của vua Uggasena (Kiêu Bình) tên là Dhammadinnā (Pháp Thí) được miễn vì đang hoài thai.

Đại vương sai quân lính quét dọn quanh gốc cây đa, tính rằng: “Để cho bấy nhiêu người đây uống độc được rồi ta sẽ hành quyết họ”.

Vị Thọ thần nơi gốc cây đa nghĩ rằng: “Quốc vương này đã cho rằng nhờ ta phù trợ mà chiến thắng, bắt được bấy nhiêu đức vua cùng hoàng hậu, nên định lấy máu của họ mà cúng tế ta. Nếu để cho quốc vương này hành quyết họ thì giòng giống vua chúa trên cõi Diêm Phù phải bị tiêu diệt, mà gốc cây đa cũng bị lem ố. Ta có thể nào ngăn trở được cuộc lưu huyết này chăng?”.

Sau khi quán xét, biết mình không đủ khả năng, vị Thọ thần lại đi tìm vị Chư Thiên khác, nhưng khắp thế giới Ta bà gặp vị Chư Thiên nào, vị ấy cũng đều khước từ cả.

Vị Thọ thần đến cầu cứu nơi Tứ Đại Thiên Vương, các vị này cũng kinh sợ thối thác rằng: “Chúng tôi không đủ quyền năng, Ngài hãy tìm vị nào mà phước báu cùng trí tuệ cao trội hơn chúng tôi mà sở cậy”.

Thọ thần bèn lên cung trời Đao Lợi vấn kế nơi đức Đế Thích và nói khích rằng: “Tâu Thiên vương, nếu Ngài cứ ngồi khoanh tay không chịu can thiệp thì ắt là giòng giống vua chúa phải tận diệt. Xin Ngài tế độ, chở che cho họ”.

Đức Đế Thích đáp: “Chính trăm cũng không làm sao ngăn trở được việc này. Nhưng để trăm bày cách cho khanh”.

Phán rồi, đức Đế Thích dạy rằng: “Bây giờ khanh hãy trở về vận y phục toàn màu đỏ cho quốc vương dễ ngó thấy, rồi khanh hiện hình từ trong thân cây bước ra, đứng trước mặt đức vua. Khi đức vua thấy khanh, ắt nghĩ rằng: Vị Chư Thiên của trăm đến rồi kia. Để trăm yêu cầu Ngài chậm lại một giây phút”.

Chờ cho đức vua xin điều này, điều nọ xong, khanh hãy bảo rằng: “Quốc vương trước có hứa với ta là sẽ bắt đủ một trăm lẻ một đức vua và một trăm lẻ một hoàng hậu đem đến cây này lấy máu cổ mà cúng tế ta để trả lễ. Hiện nay các vua thì đủ mà thiếu một vị hoàng hậu của vua Uggasena. Ta không nhận lễ của người đối trá như quốc vương đâu”.

Khanh nói như thế, khi đức vua nghe được sẽ cho bắt hoàng hậu Dhammadinnā đến, hoàng hậu sẽ thuyết pháp thức tỉnh quốc vương và cứu thoát cho bấy nhiêu nhân mạng.

Đức Đế Thích chỉ bày cách thức cho vị Thọ thần. Vị này y theo kế ấy mà thi hành. Quả nhiên, đức vua khiến bắt luôn hoàng hậu Dhammadinnā đem đến gốc cây đa. Hoàng hậu Dhammadinnā đến nơi, nàng đi đến đánh lễ chống, là vị vua ngồi phía sau cùng của các vua chư hầu.

Đức vua cả giận, bắt lỗi hoàng hậu Dhamma-dinnā rằng:

- Trẫm là đàn anh lớn nhất nơi đây, sao nàng không đánh lễ, lại đi đánh lễ nhà vua đàn em tất cả vậy?

Hoàng hậu bình tĩnh trả lời rằng: “Thiếp có gì trực thuộc nơi đại vương đâu? Đức vua này là phu quân của thiếp đã ban cho thiếp danh quyền, tước lộc, mà bảo thiếp đừng đánh lễ để đi đánh lễ đại vương, thì nghĩa là sao?”.

Vị Thọ thần hiện ra, tán dương hoàng hậu Dhammadinnā:

- Đúng như thế nàng ạ! Đúng như thế.

Đoạn Thọ thần cúng dường nàng một nắm hoa.

Quốc vương lại hỏi rằng: “Thế nàng không đánh lễ trẫm thì thôi. Còn vị đã ban cho trẫm vương quyền, là Chư Thiên có đại oai lực như thế, sao nàng không đánh lễ?”.

- Tâu đại vương, sở dĩ đại vương bắt được các vua chư hầu đó là do công lao phước đức của đại vương, chớ nào phải vị Chư Thiên bắt nạt cho đại vương đâu?

Lần thứ hai, vị Thọ thần lại tán dương: “Phải lắm nàng à”, rồi Thọ thần lại dâng cho hoàng hậu nắm hoa thứ hai.

Khi ấy, hoàng hậu Dhammadinnā lại nói tiếp:

- Đại vương cho rằng vị Chư Thiên nầy đã bắt các chư hầu mà nạt cho đại vương ư. Hiện giờ đây, tàng cây phía bên trái của vị Chư Thiên của đại vương đã bị cháy, tại sao vị Chư Thiên không dập tắt lửa được, nếu vị ấy có thần oai đại lực?

Lần thứ ba, Thọ thần lại hiện ra khen: “Đúng lắm, nàng à! Phải lắm nàng à”. Và lại dâng thêm một nắm hoa như trước.

Đang đứng nói, bỗng nhiên hoàng hậu cất tiếng khóc, rồi lại cười. Khi ấy, quốc vương lấy làm lạ hỏi:

- Bộ nàng điên rồi hay sao?

- Tại sao bệ hạ lại nói như thế? Những người như thiếp không phải là điên đâu!

- Không điên thì tại sao nàng lại khóc, rồi lại cười khan như thế?

- Tâu đại vương, đại vương hãy nghe đây: Trong quá khứ thiếp sanh làm con gái của một gia đình gia giáo, đến khi xuất giá theo về nhà chồng. Nhận thấy người bạn của chồng đến chơi, muốn làm cơm đãi khách, thiếp đưa tiền bảo tớ gái đi mua thịt, nó đi rồi trở về bảo: Không có thịt. Nghe vậy, thiếp bắt con dê cái đem ra phía sau nhà, đẽ xuống chặt đầu làm cơm đãi khách. Vì tội chặt đầu con dê cái, thiếp bị hình phạt trong địa ngục, do quả còn dư sót, thiếp bị chặt đầu nhiều lần bằng số lông con dê mà đền tội như vậy. Còn đại vương sát hại bấy nhiêu mạng người nầy thì không biết đời nào mới thoát khỏi tội khổ? Vì nhớ tưởng đến nỗi đau khổ to lớn của đại vương mà thiếp khóc lên như vậy.

Nói rồi hoàng hậu ngâm kệ rằng:

*“Ekissā kaṇṭham chinditvā
Lomagaṇānāya paccisaṃ
Bahunnaṃ kaṇṭhe chetvāna
Katham kāhasi khattiyāti”.*

*“Thiếp chặt cổ một con dê cái,
Bằng số lông kiếp phải thọ hình,
Chặt cổ quá nhiều chúng sanh,
Làm sao thoát khổ tội tình, đại vương?”*

- Còn nàng cười là vì sao?

- Tâu đại vương! Thiếp cười vì biết rằng: Chỉ còn đền tội một lần nữa là thiếp được thoát khổ.

Lần thứ tư, vị Thọ thần hoan hô: “Phải lắm nàng à” và Thọ thần lại dâng hoàng hậu Dhammadinnā một nắm hoa nữa.

Quốc vương thở dài, than rằng: “Ôi! Nghiệp của trẫm nặng lắm thay. Theo lời nàng nói, nàng chỉ giết một con dê cái mà bị đọa địa ngục thọ khổ rồi, do nghiệp còn dư sót, khi tái sinh trở lại còn phải chịu bị chặt đầu trong số kiếp nhiều bằng số lông dê ấy. Huống chi giờ đây, trẫm sát hại biết bao nhiêu người, thì biết đến bao giờ trẫm mới đạt đến nơi an vui được”.

Quốc vương liền đích thân mở trời, thả các vua chư hầu rồi đánh lễ các vị vua cao niên, chấp tay xá các vị trẻ tuổi, cầu xin tất cả hãy tha lỗi cho mình. Đoàn sắp đặt tiễn đưa mỗi vị trở về nguyên quốc.

Sau khi thuyết dứt tích này, Đức Bốn Sư kết luận:

- Như thế, này các Tỳ Khuru, không phải chỉ bây giờ có hoàng hậu Mallikā mới đem trí tuệ của mình ra áp dụng mà cứu tử đại chúng đâu. Xưa kia nàng cũng từng cứu tử như thế rồi.

Đoạn Đức Bốn Sư dẫn giải thêm rằng: Quốc vương xứ Bārāṇasi lúc xưa, nay là đức vua Pasenadi-Kosalā, hoàng hậu Dhammadinnā nay chính là nàng Mallikā, vị Thọ thần nay chính là Đấng Như Lai vậy.

Dẫn giải xong, Đức Bốn Sư lại thuyết pháp thoại, rồi nhắc nhở Chư Tăng rằng: “Này các Tỳ Khuru! Tội sát sanh quả là điều chẳng nên làm, thật vậy những kẻ sát sanh hằng khóc lóc, thở than vĩnh kiếp”.

Rồi đức Bốn Sư ngâm lên kệ ngôn sau đây:

*“Evañce sattā jāneyyūṃ
Dukkhāyaṃ jātisambhavo
Na pāṇo pāṇinaṃ haññe
Pāṇaghātī hi socatitī”.*

*“Chúng sanh nên biết rành như thế,
Sanh mạng này chẳng dễ được đâu,
Đừng ham sát hại lẫn nhau,
Vì kẻ háo sát hằng đau khổ hoài”.*

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Thân nghèo có vợ sắc tươi xinh,
Báo hại chàng trai suýt lụy mình,
Trướng gấm hầu vua, e vạn tử,
Dặm đường kiếm vật, khó toàn sanh.
Vào chùa tạm lánh cơn tai biến,
Gặp Phật liền tan mối hận tình,
Cố sát, tà dâm nghe đã rõ,
Ngàn đau, muôn khổ, tội nên kinh.*

DỨT TÍCH CHÀNG THANH NIÊN CÓ VỢ ĐẸP

V. 2- CHUYỆN ĐỆ TỬ CỦA TRƯỞNG LÃO MAHĀ KASSAPA (Mahākassapatttherassa saddhivihārikavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 61)

*“Carañce nādhigaccheyya
Seyyam sadisamattano
Ekacariyaṃ dalham kayirā
Natthi bāle sahāyatā”.*

*“Nếu chẳng được chung đường,
Người hơn hoặc tương đương,
Thà quyết đi độc chiếc,
Kẻ ngu không chõnương”.*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự an gần thành Sāvathī, đề cập đến một đệ tử của Trưởng Lão Mahākassapa.

Câu chuyện này phát khởi từ thành Vương Xá (Tàu âm là La Duyệt Kỳ).

Trương truyền rằng: “Thuở ấy, Trương Lão náu trong động Pippaliguhā (Lạt Tiêu), phụ cận thành Vương Xá, Ngài có được hai đệ tử theo hầu.

Trong hai vị, một vị thì chăm làm phận sự đàng hoàng, tử tế, còn vị kia thì xảo trá, thường mạo nhận công việc của bạn là như chính của mình làm. Như khi biết bạn sắp đặt nước rửa mặt, cây chà răng xong rồi, thì ông mau chân đi đến bạch với Trương Lão trước rằng: “Bạch Ngài, nước rửa mặt, cây chà răng đã sẵn rồi, xin thỉnh Ngài đi rửa mặt”. Đến giờ Trương Lão rửa chân hoặc tắm gội chẳng hạn, ông ta cũng đi thỉnh Trương Lão như thế đó.

Vị đệ tử siêng năng làm phận sự, thấy vậy nghĩ rằng:

- Ông này luôn cướp công lao của ta, làm Trương Lão ngỡ lầm là của ông. Ta phải làm cho ông bỏ tật ấy mới được.

Đến xế chiều, vị kia ngủ dậy, thấy hơi nước nóng xông ra nghĩ rằng: “Chắc có nước sôi nấu sẵn để trong nhà tắm”, có ngờ đâu khi ông lười biếng, ăn rồi đi ngủ, vị siêng năng nấu nước tắm, châm đầy bình, giấu phía sau phòng tắm, chỉ chừa lại trong nồi độ gáo nước sôi đủ cho có hơi nước bay ra thôi.

Thế nên, vị lười biếng đi đến bạch với Trương Lão: “Xin thỉnh Ngài đi tắm”. Nói rồi, ông ta cùng với Trương Lão đi vào nhà tắm.

Không thấy có nước, Trương Lão hỏi: “Nước ở đâu, đạo hữu?”.

Vị ấy liền đi vào nhà nấu nước, đưa vá vào nồi nước, mới biết là nồi không, bèn xách bình đi ra giếng múc nước, vừa đi vừa cần nhẫn: “Hãy coi đó, thứ đồ mất dạy, nó bắc cái nồi không lên bếp rồi bỏ đi đâu mất. Làm mình tưởng có sẵn nước trong nhà tắm, mới đi thỉnh Trương Lão”.

Khi ấy, vị đệ tử siêng năng xách cái bình nước nóng giấu sau nhà tắm, đem vào nhà tắm. Trương Lão nghĩ:

- Ông sư trẻ nói: Nước nấu sẵn rồi, để trong nhà tắm, thỉnh Ngài đi tắm, mà giờ đây lại vừa xách bình đi múc nước vừa cần nhẫn, thế là nghĩa làm sao?

Đợi vị ấy trở lại, Trương Lão bảo ông ngồi đàng hoàng, rồi ban huấn từ rằng:

- Này đạo hữu, phàm là Tỳ Khuru thì việc nào có làm mới nhận là của mình làm, bằng không thì thôi. Còn ông, ông đã nói với ta: “Trong nhà tắm đã có nước sẵn, thỉnh Ngài đi tắm”. Nhưng ta vào thì đứng chờ, còn ông thì xách bình đi ra, vừa cần nhẫn. Người xuất gia không nên làm như thế.

Vị đệ tử nói thắm: “Ai mà coi, Ngài Trương Lão mà còn làm như vậy đó. Vì vấn đề nước tắm mà Ngài rầy ta nặng nề như thế”. Ông giận thấy tế độ, nên hôm sau không đi khát thực với Trương Lão.

Trương Lão cùng với đệ tử kia đi đến một địa phương nọ. Trong lúc vắng Trương Lão, vị đệ tử cúng đầu, vị ấy đi đến nhà của người hộ độ Trương Lão. Chủ nhà hỏi:

- Bạch Ngài, Trương Lão đâu rồi?

- Trương Lão trong mình không được khỏe nên còn ngồi trong chùa.

- Bạch Ngài, tôi phải làm gì bây giờ đây?

- Ông hãy đặt bát dâng cho Trương Lão những thực phẩm có tên như vậy... như vậy...

Tỳ Khuru ấy giả cách đi bát về nuôi thầy, nên nói món gì thì chủ nhà lo tìm đủ món ấy rồi để bát cúng đường. Ông ta đi nửa đường, kiếm chỗ ngồi ăn hết rồi mới đi về chùa.

Ở địa phương nơi Trương Lão đến, người ta dâng cho Trương Lão lá y lớn, bằng vải nhuyễn rất tốt. Trương Lão cho lại vị đệ tử theo mình. Ông này mừng rỡ, lấy chiếc y mới đắp lên mình.

Qua hôm sau, Trương Lão đến nhà người hộ độ của mình. Chủ nhà bạch lại rằng:

- Bạch Ngài! Nghe nói Ngài không được khỏe trong mình, chúng con có sắp đặt thực phẩm theo lời chỉ dẫn của ông Tỳ Khuru trẻ và gởi ông đem về dâng Ngài. Chẳng hay Ngài dùng rồi, nghe có khỏe trong mình chưa?

Trương Lão nghe vậy, Ngài làm thỉnh. Trương Lão về đến chùa, khi vị ấy đánh lễ Ngài xong, Trương Lão dạy rằng:

- Nầy đạo hữu! Nghe nói ngày hôm qua ông đã làm việc như vậy. Những người xuất gia không nên ăn, dùng những thực phẩm mà mình quán thấy không hợp lẽ đạo như vậy.

Bị rầy lần nầy, ông đệ tử giận lắm, bèn cột oan trái với Trưởng Lão: “Bữa hôm trước về vụ nước, Ngài đã cho ta là kẻ láo xược, ngày hôm nay thực phẩm mà Thiện tín hộ độ của Ngài dâng ta, ta đã ăn hết rồi. Ngài còn bảo là phải quán xét rồi mới nên thọ dụng. Được y mới tốt, Ngài cho riêng đệ tử theo hầu Ngài. Ôi! Nghiệp của Ngài nặng lắm thay! Đã đối xử khác nghiệt với ta thì ta cũng sẽ biết cách mà đối phó lại vậy”.

Hôm sau, thừa lúc Trưởng Lão đi vào làng, ông Sư ấy ở lại một mình nơi chùa, lấy gậy đập bể hết các đồ vật dụng của Trưởng Lão, lại nổi lửa đốt cái cốc lá của Trưởng Lão. Còn món nào không thể cháy, ông ta lấy chày vô đập bể ra rồi bỏ đi luôn. Về sau, ông ta chết bị đọa vào địa ngục Vô Gian (Avīci).

Đại chúng khởi lên bàn tán việc này như vậy: “Nghe nói đệ tử của Trưởng Lão không chịu đựng nổi sự giáo hóa của Trưởng Lão, nổi xung lên đã đốt cháy cái thảo am của Trưởng Lão và bỏ đi mất rồi”. Sau đó, có một Tỳ Khưu rời thành Vương Xá đến thành Sāvattihī, đi vào Tịnh Xá Kỳ Viên để yết kiến Đức Bổn Sư. Khi vị này đánh lễ xong, Đức Bổn Sư tiếp chuyện thân hữu, rồi hỏi rằng: “Ông từ đâu về đây?”.

- Bạch Ngài, con từ thành Vương Xá đến đây.

- Kassapa con trai ta có được dễ chịu chăng?

- Bạch Ngài, được dễ chịu. Tuy nhiên có một vị đệ tử của Ngài đã chẳng nghe lời giáo huấn của Trưởng Lão, mà còn sanh tâm thù hận, nổi lửa đốt cháy thảo am của Trưởng Lão rồi bỏ đi mất.

Đức Bổn Sư minh định rằng: “Không phải chỉ bây giờ ông ấy mới căm thù khi được nghe lời giáo hóa đâu. Xưa kia, ông cũng đã từng căm thù như thế rồi. Không phải chỉ bây giờ ông ta mới phá cốc đâu, xưa kia ông ta cũng đã từng phá hoại như thế ấy rồi”. Đoạn Đức Bổn Sư tiếp theo thuật lại tiền tích của ông đệ tử ngỗ nghịch.

Thuở xưa, dưới triều đại của vua Phạm Thí, đóng đô tại kinh thành Bārāṇasi. Trong miền núi Tuyết Lãnh có một con sáo trú ẩn trong ổ của nó làm.

Một hôm, trong lúc mưa giông, một con khỉ rét run lập cập, mon men đi vào miền núi ấy. Sáo thấy khỉ bèn hét lên bài kệ rằng:

*“Manussasseva te sīsam
Hatthapādā ca vānara
Atha kena nu vaṇṇena
Agārante na vijjatī”.*

*“Anh có đầu giống người,
Đủ tay chân, khỉ ơi,
Sao không làm nhà ở,
Để lang thang ngoài trời”.*

Khỉ ta nghĩ thầm: “Đầu ta có đủ tay chân, nhưng ta còn thiếu trí tuệ sáng suốt để kiến tạo nhà”.

Muốn nói lên cho sáo biết việc này, khỉ cũng hú lên kệ rằng:

*“Manussaseva me sīsam
Hatthapādā ca siṅgila
Yāhu setṭhā manussesu
Sāme paññā na vijjatī”.*

*“Ta có đầu giống người,
Đủ tay chân sáo ơi!
Nhưng ta thiếu trí tuệ,
Phải thua kém người đời”.*

Câu chuyện đối đáp về nhà ở giữa cầm và thú, ban đầu còn êm ái, nhưng lần lần đi đến chỗ gay cấn. Sáo liền nói lên hai bài kệ trách khỉ rằng:

“Anavaṭṭhitacittassa
Lahucittassa dubbhino
Niccama addhuvasīlassa
Sukhabhāvo na vijjati”.

“So karassānubhāvaṃ tvaṃ
Tvaṃ Vitivattassu sīliyaṃ
Sītavātaparittānaṃ
Karassu kuṭikaṃ kapīti”.

“Người có tâm bất an,
Nóng nảy gây trái oan,
Thường bốn chôn liếng khí,
Không vui vẻ hân hoan”.

“Tự nâng cao giá trị,
Thời giờ đừng lãng phí,
Anh nên cất cái chòi,
Gió rét có nơi nghỉ”.

Con khỉ tức giận nói rằng: “Con này dám chê ta là kẻ có tâm bất an, có tâm nóng nảy, ưa gây oan trái và thường bốn chôn. Bây giờ, ta hãy cho nó thấy sự ta ưa gây oan trái của ta một lần cho nó tởn”. Khi ta liền bứt phá tan hoang ổ của con cáo. Con cáo thấy động ổ, vội thoát ra ngoài rồi bay mất.

Sau khi thuyết xong tích này, Đức Bốn Sư dẫn giải rằng: “Con khỉ lúc trước nay là vị Tỳ Khưu phá cốc thấy tế độ, còn con cáo nay là Mahākassapa vậy.”

Để kết luận, Đức Bốn Sư lập lại rằng:

- Như thế, này các Tỳ Khưu, không phải bây giờ người giáo huấn mà bị phá hoại chỗ ngụ của người. Còn con trai của ta là Mahākassapa mà ở chung với kẻ ngu si như thế, thà là ở một mình đơn chiếc còn hơn.

Nói rồi, Đức Bốn Sư thuyết kệ rằng:

“Carañce nādhigaccheyya
Seyyaṃ sadisamattano
Ekacariyaṃ dalhaṃ kayirā
Natthi bāle sahāyatā”.

“Ví như chẳng được kết đôi,
Với người cao hoặc bằng ngời thứ mình.
Thà rằng quyết chí độc hành,
Kẻ ngu chẳng phải bạn lành thâm giao”.

□

CHÚ GIẢI:

Tiếng **Caram** trên đây nghĩa là đi, chỉ một trong bốn oai nghi, được dùng một cách vắn tắt, phải hiểu rộng ra là “đi tìm bạn lành”.

Seyyaṃ sadisamattano: Là nếu không gặp được người nào cao hơn mình hoặc ngang hàng mình về phương diện Giới, Định, Tuệ.

Ekacariyaṃ: Thà là đi một mình. Quả thật vậy, kết bạn với người cao thì Giới hạnh càng thêm tăng tiến, kết bạn với người bằng thì Giới hạnh không suy giảm, còn kết bạn với kẻ kém hèn, khi ở chung, ăn chung, làm việc chung thì Giới hạnh lần lần bị thua sút. Có Phật ngôn rằng: Evarūpo puggalo na sevitaḅbo na bhajitaḅbo na payirupāsitaḅbo aññatra anukampayāya aññatra anuddayāyāti: “Kẻ nam tử như vậy ta không nên thân cận, không nên giao du, không nên liên kết, trừ ra vì lòng thương xót muốn tế độ”. Cho nên nếu vì lòng bi mẫn ta thấy rằng: Được nương theo ta, thanh niên này sẽ tăng trưởng Giới hạnh. Rồi ta đối đãi tử tế mà không cầu mong sự đền đáp chút nào, nếu ta làm được như vậy thì rất tốt, bằng không được như vậy thà ở một mình tốt hơn.

Dalham kayirā: Là ở nơi cô tịch một mình kiên cố, bên bờ trú tâm trong bốn oai nghi như là bạn đồng cư. Tại sao vậy?

Natthi bāle sahāyatā: Không có tình bạn nơi kẻ ngu. Tiếng sahāyatā (tình bạn) được dùng với nghĩa phần tiểu giới, phần Trung giới, phần Đại giới, mười đề luận (kathāvatthūni), mười ba chi pháp Đầu Đà (dhutaṅga). Pháp Minh sát, bốn Đạo, bốn Quả, ba cái Minh (vijjā), sáu cái Thông (abhiñña). Những Giới đức trên đây không có nơi kẻ ngu si.

□□

Khi thời pháp chấm dứt, vị Tỳ Khuru khách chúng đắc Tu Đà Hườn quả. Các vị khác cũng có nhiều vị chúng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Đại chúng thính Pháp đều hưởng được sự lợi ích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Trưởng Lão Mahā Kassapa dạy kẻ ngu,
Không ơn thì chớ, lại sanh thù,
Mưu cơ sắp sẵn liền thiêu cốc,
Thủ đoạn hành xong, vội rút dù.
Bạc nghĩa đã đành sa cảnh khổ,
Vong tình còn chịu phí đời tu,
Kiếp xưa là khi, nay người ngòm,
Xác đổi nhưng mà trí vẫn lu.*

DỨT TÍCH ĐỆ TỬ CỦA TRƯỞNG LÃO MAHĀKASSAPA

□

V. 3- CHUYỆN TRƯỞNG GIẢ ĀNANDA (Ānandasetṭhivatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 62)

<i>“Puttā m'atthi dhanam m'atthi</i>	“Ta có con, có của,
<i>Iti bālo vihaññati</i>	Kẻ ngu cứ lo âu,
<i>Attā hi attano natthi</i>	Bản thân không tự chủ,
<i>Kuto puttā kuto dhanam”.</i>	Nào con đâu, của đâu”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự gần thành Sāvattthī, đề cập đến ông Trưởng giả Anan.

Tương truyền rằng: Thời ấy trong thành Sāvattthī, có vị Trưởng giả tên là Anan, có đại gia sản đến tám trăm triệu đồng vàng, nhưng lại có tiếng là Đại Hà Tiện.

Cứ mỗi kỳ nửa tháng, ông ta nhóm họp thân quyến một lần, rồi trước mắt mọi người trong gia tộc. Ông gọi công tử Mūlasiri (Tiền Tài) là con trai ông, nhắc nhở rằng:

- Chớ nên cho rằng tám trăm triệu đồng đây là nhiều rồi. Dầu có của cũng chẳng nên bố thí. Hãy ráng làm cho tiền của sanh lên mãi, dầu một đồng cũng chẳng nên tiêu phí mà hao hụt gia tài.

Ông nhắc nhở con trai ba lần như thế. Kế đó, ông đọc luôn bốn câu kệ:

*“añjanānam khayam disvā
Upacikānañca ācayam
Madhūnañca samāhāram
Paṇḍito gharamāveti”.*

Lược dịch:

*“Thấy những giọt thuốc hư,
Mới góp chừa vào ổ,
Com với chút mật dư,
Hiển sĩ ngồi nhà độ”.*

Thời gian sau, không kịp chỉ năm hầm lớn tài sản của mình cho con biết, ông Trưởng giả Anan hà tiện, nhưng rất tự mãn ấy qua đời. Tâm thức của ông tái sanh vào lòng một phụ nữ Chiên đà la (giai cấp cùng đinh ở Ấn Độ thời xưa) cư ngụ trong một làng nhỏ ngoài cổng thành Sāvattihī.

Quốc vương hay tin ông Anan từ trần, bèn triệu công tử Mūlasiri vào bệ kiến, rồi phong chức Trưởng giả cho công tử.

Một ngàn gia đình Chiên đà la vẫn cùng nhau làm thuê, làm mướn chung quanh để sống qua ngày. Nhưng từ lúc ông Trưởng giả hà tiện tái sanh vào giòng họ thì họ không còn tìm được việc làm như trước nữa, dầu chỉ là một việc làm được trả công bằng bữa cơm, họ bàn rằng: “Chúng ta ngày nay đi xin việc làm để kiếm ăn cũng không có, chắc là trong bộ lạc của chúng ta có những kẻ xui xẻo (Kālakarṇī) ở chung. Họ bèn chia làm hai nhóm, lựa chọn lần lần để loại ra kẻ hắc vận. Khi loại đến cặp vợ chồng là cha mẹ của đứa bé ấy, thì họ biết rằng: “Trong gia đình này có kẻ xui xẻo sanh ra”. Họ bèn đuổi mẹ của ông ta ra khỏi bộ lạc.

Phụ nữ này còn đang mang thai ngày nào là còn vất vả ngày ấy, đi xin việc làm sống lây lất cho đến lúc sanh ra đứa con trai. Đứa bé này tay chân vẹo vọ, mắt lé, mũi và miệng đều không nằm đúng vị trí thông thường. Với hình dung cổ quái như ngựa quỉ, trông nó xấu không thể tưởng tượng được. Tuy nhiên, mẹ nó cũng không bỏ rơi nó. Tình thương của người mẹ đối với đứa con ruột do mình sanh ra quả thật là đậm đà mãnh liệt.

Phụ nữ nuôi đứa con này cũng gặp nhiều khó khăn, ngày nào bà đem nó theo là ngày ấy bà chẳng được chút chi cả. Còn bỏ nó lại nhà đi một mình thì ngày ấy bà tìm được việc làm có lương.

Đến khi đứa bé trọng tuổi, có thể ôm bát đi xin ăn, tự nuôi mạng sống được thì bà mẹ trao cho đứa con cái bát và bảo:

- Con à, cha mẹ vì con mà phải đau khổ ê chề, bây giờ không nuôi nổi con nữa. Trong thành này, người ta có thí cơm cho những người bần cùng hành khất. Vậy con hãy vào đó đi xin ăn mà nuôi mạng.

Nói rồi, bà mẹ thả con đi một mình.

Lần theo từng nhà đi xin ăn, đứa bé đi đến xóm, nơi nó ở trong tiền kiếp là Trưởng giả Anan. Đến đây, thấy lại được cảnh cũ, nó lại được chuyện xưa, bèn xăm xăm đi ngay vào nhà của nó. Qua ba từng cửa cổng, không một ai lưu ý đến nó, đến từng cổng thứ tư, đứa con trai nhỏ của Trưởng giả Mūlasiri trông thấy nó, hoảng sợ khóc thét lên.

Khi ấy, các gia đình của ông Trưởng giả đuổi nó:

- Đi ra, đồ hắc ám.

Họ còn đánh đập và ôm đứa bé ăn mày ném lên đồng rác. Bấy giờ, Đức Bốn Sư cùng với Trưởng Lão Ānanda là vị Sa Môn thị giả, ngự đi trì bình, cũng vừa đến nơi đó. Ngài nhìn Trưởng Lão, Trưởng Lão bạch hỏi nguyên do. Ngài giải rõ câu chuyện tái sanh của ông Anan hà tiện.

Trưởng Lão bảo gia đình đi mời Trưởng giả Mūlasiri đến. Đại chúng thấy lạ nên tụ lại xem rất đông.

Đức Bốn Sư gọi Trưởng giả Mūlasiri và hỏi:

- Ông có biết đứa bé ấy chẳng?

- Thưa, tôi không biết.

Đức Bốn Sư chỉ ngay rằng: “Nó là Trưởng giả Anan, cha của ông kiếp trước đó!”.

Thấy Trưởng giả Mūlasiri chưa tin lời, Đức Bốn Sư bảo đứa bé ăn mày:

- Này Trưởng giả Anan, ông hãy chỉ chỗ năm hầm đại tài sản đã chôn cho con trai ông đi.

Sau khi đưa bé chỉ nằm hằm của chôn giấu, ông Mūlasiri hết sức tin tưởng nơi Đức Bổn Sư, nên ông xin quy y với Ngài.

Đức Bổn Sư nhân cơ hội ấy, thuyết pháp đến ông Mūlasiri, rồi Ngài đọc lên kệ ngôn rằng:

*“Puttā m'atthi dhanam m' atthi
Iti bālo vihaññati
Atta hi attano natthi
Kuto puttā kuto dhanam”*

*“Người ngu chấp ngã, tự hào,
Đây con, đây của, ta đào tạo ra,
Nhưng không biết chính mình ta,
Còn không tự chủ, hưởng là của, con”.*

□

CHÚ GIẢI:

Hai câu đầu: **Puttā me atthi dhanam me atthi; iti bālo vihaññati**: Nghĩa là ta có của, ta có con, kẻ ngu do lòng luyến ái con, luyến ái của mà lo âu, phiền muộn, khổ tâm, khổ vì sợ “con ta chết”, khổ vì “con ta đang chết”, khổ vì “con ta sẽ chết”. Đối với của cải cũng vậy, thành ra sáu trường hợp phải khổ tâm. Người có con, phải lo nuôi con hằng ngày, lo ngày đêm, lo trên đường bộ, trên đường thủy, cố gắng cách nào cũng không hết chuyện lo. Người muốn có của cải phải lo bươn chải làm ăn, buôn bán, dẫu hành nghề gì cũng không khỏi lo.

Attā hi attano natthi: Tự mình còn làm chủ không được, như bao nhiêu nỗi khổ đã giải ở trên, mình không thể đổi trở thành vui sướng được. Lúc lâm chung mình cũng không tự chủ được, nằm trên giường thọ khổ, lúc hấp hối một mình, chẳng khác nào bị màn lưới lửa bao vây thiêu đốt, gân cốt dường như tan nát, rã rời, dẫu cho có ai mở mắt nhìn thấy cái khổ lúc sắp bước sang cảnh giới khác, rồi nhìn lại kiếp hiện tại, chăm sóc o bế xác thân, mỗi ngày tắm gội nó đôi ba lần, nuôi cơm ba lần, trang điểm hương hoa đủ thứ cho nó suốt đời đi nữa, cũng không làm cho nó vị tình, nhớ ơn cấp dưỡng mà giảm bớt khổ cho ta được.

Bản thân còn không phải của mình, vì mình không tự chủ tức là không làm chủ được xác thân như đã giải rồi, thì Kuto puttā kuto dhanam nào là con, nào là của có thể làm được gì để giảm khổ cho ta được?

Như Trưởng giả Anan chẳng hề bố thí cho ai chút gì, bao nhiêu tài sản gom góp giao lại cho con, mà con và của có làm chi được trong tiền kiếp, lúc ông sắp lâm chung. Vì trong kiếp hiện tại, khi ông chịu hậu quả khổ sở như vậy, mà con đâu? Của đâu? Sao không chia sót sự khổ cho ông, sao không chia vui cho ông?

□

Thời pháp vừa dứt, tám muôn bốn ngàn chúng sanh giác ngộ Chánh Pháp. Đại chúng dự thính cũng được hưởng nhiều lợi ích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Bá hộ mãn đời bị tái sanh,
Làm tên xui xẻo cấp cùng đình,
Từ trong bụng mẹ đã mang khổ,
Tận cửa nhà con vẫn thọ hình,
Mắt mũi dường ma, ai chẳng góm,
Hình dung tợ quỷ, cháu còn kinh,
Vâng lời Phật, chỉ hằm chôn của,
Mới được đoàn viên, phụ tử tình.*

DÚT TÍCH TRƯỞNG GIẢ ANAN

V. 4- CHUYỆN NGƯỜI ĐIỂM MÓC TÚI (Gaṇḍhibhedakacoravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 63)

*“Yo bālo maññati bālyam
Paṇḍito vā'pi tena so
Bālo ca paṇḍitamānī
Sa ve bālo'ti vuccatī”.*

“Ngu mà tự biết ngu,
Người vậy ắt thành trí,
Ngu mà tưởng mình trí,
Thật đáng gọi là ngu”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến một tên móc túi.

Trương truyền rằng: Thời ấy có hai người bạn, cùng đi với đại chúng đến chùa Kỳ Viên để nghe thuyết pháp. Một người chăm chỉ theo dõi thời pháp, một người để ý tìm xem cái gì trộm được thì lấy ngay.

Người nghe pháp chứng đắc quả Dự Lưu. Người kia thì rút được một món tiền của người vô ý.

Tên móc túi ở nhà, ngày nào cũng ăn uống sung sướng thỏa thuê, còn bạn của anh ta thì cửa nhà có hơi bản chặt. Thấy vậy, kẻ trộm đạo hỏi rằng:

- Hai vợ chồng anh là người thông minh, trí tuệ, sao không làm cho ra tiền để ăn tiêu, để chi mà thiếu trước hụt sau vậy.

Vị Thánh Thịnh Văn nghĩ thầm: “Anh này quả thật là người ngu si mà lại tự cho mình là bậc hiền trí”. Rồi vị ấy rủ các quyến thuộc cùng đi đến chùa Kỳ Viên, thuật lại việc này với Đức Bốn Sư.

Đức Bốn Sư thuyết pháp cho họ nghe, rồi Ngài ngâm lên kệ:

*“Yo bālo maññati bālyam
Paṇḍito vā'pi tena so
Bālo ca paṇḍitamānī
Sa ve bāloti vuccatī”.*

*“Ngu mà tự nghĩ mình khôn,
Thật là ngu đặc, không còn biết chi.
Ngu mà tự biết mình si,
Cũng là người trí, không suy nghĩ lắm”.*

□

CHÚ GIẢI:

Câu **Yo bālo maññati bālyam** nghĩa là: Người nào ngu dốt kém trí tuệ, tự mình có ý nghĩ rằng: “Ta là kẻ ngu dốt” người đó tuy ngu nhưng biết nhận thức đúng trạng thái ngu dốt của mình: Nghĩa do lẽ đó mà người ấy (tena kārāṇena so puggalo). Paṇḍito vāpi: Cũng bằng như bậc hiền trí vậy. Quả nhiên, nhờ biết rằng: “Ta là kẻ ngu” người ấy lân la thân cận với bậc đáng thân cận, là bậc hiền trí để tìm cách mở mang trí tuệ. Nhờ cố gắng học hỏi, ghi nhớ những lời giáo huấn, hàng ngày ôn tập các điều đã học, về sau sẽ thành bậc hiền trí ngang hàng hoặc là cao hơn thầy mình.

Sa ve bāloti: Người nào ngu mà có ý nghĩ rằng: “Ta là người quảng kiến đa văn, thuyết pháp lưu loát, rành rẽ Tạng Luật, nguyện giữ hạnh Đầu Đà, không có ai sánh bằng”. Vì tự cho mình là bậc hiền trí, nên không tìm lân la thân cận với bậc hiền trí nào khác, không chịu học thêm Tam Tạng, không chịu tiến hành các pháp Thiên chỉ Quán, thiên chấp một cách ngu xuẩn. Đức Thế Tôn cho rằng: “Thật đáng gọi là người ngu”.

□

Đức Bốn Sư vừa thuyết dứt bài pháp, những quyến thuộc của vị Thánh Thịnh Văn chứng đắc Tu Đà Hườn quả một lượt với hàng đại chúng.

Hằng ngày móc túi để sanh nhai,
Nhà cửa trang hoàng chẳng kém ai,
Liếc mắt nhìn sang anh bạn khó,
Chê anh hữu trí, lại vô tài.
Bạc trí thà cam chịu cảnh nghèo,
Ai giàu phi nghĩa chẳng đua theo,
Cùng nhau dắt dẫn trên đường chánh,
Đốc núi dầu cao cũng cứ trèo.

DỨT TÍCH NGƯỜI ĐIỂM MÓC TÚI

V. 5- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO UDĀYI (Udāyittheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 64)

*“Yāvajīvam'pi ce bālo
Paṇḍitaṃ payirupāsati
Na so dhammaṃ vijānāti
Dabbi sūparasam yathā”*

“Người ngu dầu suốt đời,
Thân cận bậc hiền minh,
Chẳng hiểu Pháp đến nơi,
Như muốn đổi vị canh”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến Trưởng Lão Udāyi (Ưu Đà Di).

Tương truyền rằng: Thừa lúc các vị cao Tăng đi vắng, Trưởng Lão thường vào giảng đường, ngồi lên pháp tọa, vì thế, một hôm những Tỷ kheo ở xa mới tới trông thấy Trưởng Lão, ngỡ rằng: “Vị này chắc là bậc cao Tăng, nghe nhiều học rộng”. Cho nên đến nhờ Trưởng Lão giảng giải về Pháp số như Ngũ uẩn chẳng hạn. Té ra Trưởng Lão không biết gì ráo. Chư Tăng bèn trách rằng: “Ông sư đó là ai? Ở chung chùa với Đức Phật làm chi mà Ngũ uẩn, Tứ đại, Lục căn gì hỏi ổng cũng không biết hết?”. Đoạn Chư Tăng đem việc ấy bạch lên Đức Như Lai.

Đức Bổn Sư nhân dịp đó, thuyết pháp cho Chư Tăng nghe, rồi đọc lên kệ ngôn:

*“Yāvajīvam'pi ce bālo
Paṇḍitaṃ payirupāsati
Na so dhammaṃ vijānāti
Dabbi sūparasam yathā”.*

*“Người ngu gần bậc cao thâm,
Suốt đời cũng chẳng nhập tâm pháp mẫu.
Muống nào biết nếm vị đâu,
Dầu cho vẫn nhúng ngập đầu trong canh”.*

□

CHÚ GIẢI:

Bālo: Là người ngu dốt mà không chịu học hỏi, thật đáng gọi là người ngu. Theo như lời của Đức Phật, dầu cho cả đời gần gũi thân cận bậc trí tuệ cũng không thuộc được ít nhiều Phật ngôn trong Tam Tạng, hoặc là không phân biệt rành rẽ rằng: “Đây là chỗ tịnh cư, đây là chỗ hành đạo (ācāro), đây là chỗ khát thực (gocaro). Điều này phạm giới, điều này không phạm giới, việc này nên làm theo, việc này chẳng nên làm theo. Việc này phải hành, việc này phải tự mình chứng nghiệm...”.

Dabbi sūparasam yathā: Như muốn đổi với vị canh. Quả thật cái muống nằm trong tô canh có nhiều gia vị, cho tới cạn hết tô canh đi nữa, cũng không nếm được mùi vị của canh là mặn hay là

chua, hay là lạt, đắng hay là cay... hoặc ngon hay dở như thế nào thì người ngu dốt suốt đời ở bên cạnh người trí cũng không biết được các pháp đã giải ở trên, cũng như thế ấy.

□

Đến cuối thời pháp, tâm của chư khách Tăng giải thoát hết mọi lậu hoặc.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Sống gần bên Phật suốt đời ông,
Kinh Luật không rành, đạo chẳng thông,
Pháp tọa lên ngồi cao ngất ngưỡng,
Chư Tăng vấn nạn cứ chông ngông.
Phật ví ông như cái muỗng sành,
Hằng ngày vẫn tắm, nhúng trong canh,
Nhưng vì thiếu hẳn phân tri giác,
Mùi vị làm sao có thể sanh?*

DỨT TÍCH TRƯỜNG LÃO udāYI

V. 6- CHUYỆN NHÓM TỖ KHUU PĀṬHEYAKA (Pāṭheyakabhikkhuvatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 65)

<i>“Muhutam api ce viññū</i>	“Người trí dẫu một khắc,
<i>Paṇḍitaṃ payirupāsati</i>	Gần gũi bậc hiền minh,
<i>Khippaṃ dhammaṃ vijānāti</i>	Cũng hiểu pháp tức khắc,
<i>Jivhā sūparasam yathā”.</i>	Như lưỡi nếm vị canh”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự an tại Kỳ Viên, để cập đến ba mươi vị Tỳ Khuru trong xứ Pāṭheyaka (Bạt Đề).

Quả vậy, những Tỳ Khuru ấy nguyên là những công tử quý tộc, nhân khi đi tìm một cô gái giang hồ, gặp Đức Thế Tôn trong khu rừng Kappāsika-vanaṣaṇḍa (Miền Hoa Lâm). Lần đầu tiên được nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp, tất cả đều chứng đắc quả bậc thấp và đều xuất gia Thiện lai Tỳ kheo, tự nhiên có đầy đủ y bát do thần thông của Ngài. Sau khi thọ mười ba chi pháp Đâu Đà, hành đạo một thời gian khá lâu, chư Tỳ Khuru ấy trở về gần Đức Bổn Sư, được nghe bài pháp về con đường sanh tử, vô thủy (Anama taggadhamma) liền chứng đắc quả A La Hán ngay tại chỗ ngồi.

Khi biết được việc này, Chư Tăng câu hội trong giảng đường, đề khởi pháp thoại rằng: “Ôi! Quả thật, các Tỳ Khuru này thông hiểu Giáo Pháp mau vậy thay”.

Nghe lời bình luận của Chư Tăng, Đức Bổn Sư giải thêm rằng:

- Này các Tỳ Khuru! Không phải chỉ trong kiếp hiện tại, mà trong kiếp quá khứ, ba mươi vị Tỳ Khuru này cũng đã là những bạn bè, nhờ nghe pháp của Tuṇḍila (Tuần Đề La) mà nhận thức ngay được Chánh Pháp, nên đã thọ trì Ngũ giới, nhờ đó mà ngày nay chứng đắc A La Hán quả ngay tại chỗ ngồi như thế.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết kệ rằng:

“Muhuttam api ce viññū
Paṇḍitaṃ payirupāsati
Khippaṃ dhammaṃ vijānāti
Jivhā sūparasam yathā”.

*“Người khôn gần bậc hiền minh,
Chỉ trong khoảnh khắc hiểu rành lý chơn.
Lưỡi kia chỉ nếm một lần,
Vị mùi canh đã biệt phân rõ ràng”.*

□

CHÚ GIẢI:

Trong bài kệ Phạn ngữ **Viññū** là người khôn, người trí, đồng nghĩa với tiếng Paṇḍita. Người khôn đã có căn bản trí tuệ, khi được gần với bậc trí tuệ khác, thì học hỏi rất mau lẹ, không bao lâu đã thông hiểu Kinh, Luật, Luận, thọ trì đề mục Minh Sát, tinh tấn hành thiền chứng đắc Đạo quả. Cũng như người có lưỡi lành mạnh, sạch sẽ, khi muốn biết vị của một món gì thì để nó lên trên lưỡi mà nếm, tức khắc biết ngay vị của nó là ngọt, mặn hay thế nào, thì người trí cũng mau biết pháp Siêu thế cũng như thế ấy.

□

Khi thời pháp chấm dứt, rất nhiều Tỳ Khuru chứng đắc quả A La Hán.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Ba mươi vị, trước có tu rồi,
Nay chúng Vô Sanh tại chỗ ngồi,
Phước đã tạo nhiều, duyên đã đủ,
Bằng không há dễ được cao ngôi.
Phật ví Thánh Tăng tựa lưỡi lành,
Chỉ cần được nếm một lần canh,
Do nhờ có sẵn phần tri giác,
Mùi vị đương nhiên phải phát sanh.*

DỨT TÍCH NHÓM TỶ KHUU BẠT ĐỀ

□

V. 7- CHUYỆN ÔNG SUPPABUDDHAKUṬṬHI (Suppabuddhakuṭṭhivatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 66)

*“Caranti bālā dummedhā
Amitten'eva attanā
Karontā pāpakam kammaṃ
Yam hoti kaṭukapphalam”.*

“Kẻ vô trí, kẻ ngu,
Với kẻ nghịch cùng đi,
Là ác nghiệp đã tạo,
Để chịu quả đắng cay”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Trúc Lâm, đề cập đến ông Thiện Giác cùi (Suppabuddhakuṭṭhi).

Đây chỉ là một đoạn trích trong sự tích của ông Suppabuddha (Kinh Udāna), kể từ khi ông gặp Đức Bốn Sư về sau mà thôi.

Quả nhiên, khi ông Suppabuddha cùi, ngồi ngoài vòng cửa cử tọa, nghe pháp do Đức Thế Tôn thuyết xong, chứng đắc Quả Tu Đà Hườn, ông muốn bạch rõ sự chứng đắc của mình với Đức Bốn Sư, nhưng ông không dám rẽ lối giữa hàng tứ chúng mà đi vào chùa, cho nên ông chờ đợi chúng đánh lễ Đức Bốn Sư ra về hết rồi, ông sẽ đi.

Trong giây phút ông còn trì hoãn, Thiên Vương Đế Thích biết rằng: “Suppabuddha này có ý định bạch lên Đức Bốn Sư sự chứng quả Nhập Lưu của mình”.

Thiên Vương định thử thách ông Suppabuddha, bèn hiện ra đứng trên hư không, cho ông ta thấy và bảo rằng: “Này ông Suppabuddha! Người là kẻ bần cùng, là kẻ khốn khó, ta sẽ ban cho người một kho tàng vô biên vô lượng. Nếu người chịu nói Phật không phải là Phật, Pháp không phải Pháp, Tăng không phải Tăng. Ta hết quy y Phật, ta hết quy y Pháp, ta hết quy y Tăng”.

Nghe vậy, ông Suppabuddha hỏi: “Ông là ai?”.

- Ta là Đế Thích. Vua Trời đáp.

- Hỡi ông mù quáng ngu si, không biết xấu hổ, những lời của ông thốt ra với tôi đó, nghe không hợp lý chút nào. Ông cho rằng tôi là kẻ khốn khó; kẻ bần cùng, kẻ hành khất, nhưng tôi không hề chịu cảnh khốn khó, bần cùng đâu. Tôi đã đạt đến cảnh an vui, tôi là bậc có đại tài sản.

*“Saddhā dhanam sīladhanam
Hirī ottappiyam dhanam
Sutadhanañca cāgo ca
Paññā ve sattamam dhanam
Yassa etā dhanā atthi
Itthiyā purisassa và
Adaliddoti tam ahu
Amogham tassa līvantanti”.*

*“Tín, giới, tà, quý, văn, thí, tuệ,
Bảy thứ tài sản kể trên đây,
Ai mà có được đủ đầy,
Dầu nam hay nữ, người này chẳng nên.
Lấy tiếng “vô sản” gọi tên,
Đòi này chẳng phải hư hèn rỗng không”.*

Bảy Thánh sản này tôi đều có đủ. Những ai có đủ bảy thứ Thánh sản này, thì Chư Phật Toàn Giác hoặc Phật Độc Giác và Thánh Văn Giác không bao giờ gọi họ là kẻ bần cùng vô sản cả.

Nghe dứt lời đối đáp của ông Thiện Giác cùi, Đức Đế Thích bèn từ giã ông ở khoảng giữa đường, đến chỗ ngự của Đức Bốn Sư và thuật lại tất cả những lời biện giải của ông ấy. Đức Bốn Sư bèn phán rằng:

- Nầy Đế Thích, dầu cho một trăm hay một ngàn người như ông, cũng không thể nào bảo Suppabuddha phủ nhận Phật, Pháp, Tăng cho được.

Ông Suppabuddha cũng tự mình đến đánh lễ Đức Bổn Sư. Sau khi trả lời những câu hỏi thân thiện xả giao của Ngài, ông bèn đem việc mình được đắc quả Tu Đà Hườn bạch lên, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

Ông đi không bao lâu, thì bị con bò cái tơ húc chết dọc đường.

Nghe nói rằng: Con bò cái ấy là một nữ Dạ xoa, hóa hiện ra để báo oán. Nó đã từng hóa làm bò cái húc chết bốn người là Ngài Bāhiyadārucīriya, Ngài Pukkusāti, Ngài Tambadāhika (Đao phủ râu đỏ) và Ngài Suppabuddha.

Tương truyền rằng: Vào thời quá khứ, bốn vị ấy là bốn vị công tử, một hôm có dắt theo một nàng kỹ nữ đi dạo chơi trong hoa viên, họ vui thú cùng nhau trọn ngày, khi chiều xuống, bốn công tử bàn tính cùng nhau rằng:

- Chỗ này vắng vẻ, không có ai lai vãng, nàng này đã đập đổ chúng ta với thù lao là một ngàn đồng vàng. Ta hãy giết chết cô ta, để khỏi trả một ngàn đồng vàng và tiêu đoạt hết những trang sức mà cô ta mang trên mình đi.

Cô gái giang hồ nghe được việc mưu sát của bốn công tử ấy, nghĩ rằng:

- Những kẻ vô sỉ này đã cùng ta hoan lạc, bây giờ lại muốn giết chết ta. Ta sẽ biết cách đối phó với họ.

Khi bị họ sắp hạ sát, cô nguyện rằng: “Bốn tên này giết ta như thế nào, chết rồi ta nguyện làm Dạ xoa để có thể giết họ trở lại mà báo thù này”. Do nhân ấy mà nữ Dạ xoa ấy đã hóa làm bò cái húc chết cả bốn người, trong đó có Suppabuddha.

Nhiều Tỳ Khuru đem việc Suppabuddha vừa từ trần bạch lên Đức Bổn Sư và hỏi: “Ông ấy nay sanh về đâu? Do nhân gì mà Suppabuddha bị bệnh cùi?”.

Đức Bổn Sư giải rằng: “Ông đã đắc quả Dự Lưu và sanh về cõi Đao Lợi. Có một kiếp ông gặp Đức Phật Độc Giác Tagarasikhi, ông đã phun nước bọt lên mình Đức Phật, nên khi mệnh chung phải thọ khổ rất lâu cõi địa ngục và vì quả của nghiệp còn dư sót nên kiếp này mang bệnh cùi phun lở lói”.

Đức Bổn Sư kết luận rằng: “Nầy các Tỳ Khuru, những chúng sanh ấy đi lang thang trên con đường hành ác, tự mình tạo nghiệp và tự mình hứng chịu hậu quả đắng cay như thế”.

Đoạn Đức Bổn Sư thuyết thêm một thời pháp cao thượng, rồi đọc lên kệ ngôn rằng:

*“Caranti bāla dummedhā
Amitteneva attanā
Karontā pāpakam kammaṃ
Yaṃ hoti kaṭukapphalanti”.*

*“Người ngu vô trí chung đàng,
Vớ kẻ thù địch mưu toan hại mình.
Là nghiệp ác lúc bình sinh,
Hậu quả cay đắng tự mình mà ra”.*

□

CHÚ GIẢI:

Tiếng **Caranti** nghĩa là đi, là một trong bốn oai nghi, theo nghĩa thông thường. Ở đây nghĩa là tạo nghiệp bất thiện.

Bālā: Những kẻ ngu là những kẻ không biết được sự lợi ích lớn trong kiếp này và kiếp sau.

Dummedhā: Những kẻ thiếu trí và vô trí tuệ.

Amittenevā: Như là những kẻ thù nghịch.

Kaṭukapphalam: Là quả cay đắng, khổ sở cùng cực.

□

Đến cuối thời pháp nhiều vị Tỳ Khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là quả Dự Lưu.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Khoa học ngày nay nói bịnh phong,
Sanh ra vì bị nhiễm vi trùng,
Tích xưa có chuyện chàng Thiện Giác,
Khắc nhổ lên thân Đức Đại Hùng.
Do mình tạo nghiệp quả mình mang,
Nghiệp ác không rời kẻ ác gian,
Chỉ đợi thời cơ là trở quả,
Mới hay thù địch vẫn chung đàng.*

DỨT TÍCH THIÊN GIÁC CÙI



V. 8- CHUYỆN NGƯỜI NÔNG PHU MẮC NẠN (Kassakavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 67)

*“Na tam kammaṃ kataṃ sādhu
Yam katvā anutappati
Yassa assumukho rodam
Vipākam paṭisevati”.*

“Nghịệp nào mà không hay
Làm xong hối tiếc ngay
Mặt đầy lệ than khóc
Chịu quả khổ đắng cay”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến người nông phu.

Tương truyền rằng: Người ấy đang cày một thửa ruộng cách thành Sāvattihī không xa. Lúc ấy có một nhóm trộm đạo, do theo một con kênh nước, đi vào trong thành, đào một đường hầm đột nhập vào một gia đình Trưởng giả, chúng tóm thâu rất nhiều vàng bạc, rồi theo con kênh mà thoát ra ngoài.

Một tên trộm lừa đồng bọn, giấu đi một ngàn đồng vàng, bỏ vào một cái túi trước khi bọn chúng đến thửa ruộng để phân chia tài vật. Lúc mang tài vật của mình đi, tên trộm ấy làm rơi túi tiền ngàn đồng vàng ra khỏi bọc mà không hay biết.

Ngày ấy, vào lúc sáng tinh sương, Đức Bổn Sư quán sát thế gian, thấy hình ảnh của nông phu lọt vào giác võng của Ngài. Ngài tự hỏi: “Sắp có việc chi đây?”. Quán thêm nữa, Ngài thấy rằng: “Người nông phu này sẽ đi cày vào buổi sáng. Những tài chủ theo dấu kẻ trộm, tìm được túi tiền vàng trong thửa ruộng của y và sẽ bắt oan người vô tội. Ngoài Ta ra không ai mục chứng được việc ấy. Vả lại, người nông dân này có duyên lành đắc Đạo quả Tu Đà Hườn. Vậy ta nên đến đó”.

Người nông phu trông thấy Đức Bổn Sư ngự đến cùng với Trưởng Lão Ānanda là vị thị giả hầu Ngài. Y liền bỏ cày, đi đến đánh lễ Đức Bổn Sư, rồi tiếp tục cày ruộng.

Đức Bổn Sư chẳng nói chi với người nông phu, Ngài đưa Trưởng Lão Ānanda đi đến nơi túi tiền vàng rớt, nằm dưới đất, chỉ cho Trưởng Lão trông thấy và bảo:

- Này Ānanda! Ông có thấy con rắn độc không?
- Bạch Ngài! Con có thấy con độc xà ghê tởm.

Nghe mấy lời đối đáp giữa Đức Bổn Sư và Trưởng Lão Ānanda người nông dân thâm nghĩ: “Mình tới số hay chưa mà nghe nói có con rắn độc lai vãng nơi đây vậy kia?”.

Khi Đức Bổn Sư đi khỏi, người nông phu định giết chết con độc xà, bèn cầm gậy đi đến túi tiền, thấy nó thì nghĩ:

- Chắc Đức Bổn Sư đã ám chỉ vật này đấy.

Y liền lượm cái túi tiền lên, đem trở lại ruộng cày, vung vể đặt nó xuống một bên, che đậy sơ sài rồi tiếp tục cày ruộng.

Lúc trời rưng sáng, những người trong ngôi nhà bị trộm, biết mình bị mất đồ, bèn nom theo dấu chân đi lần đến chỗ thửa ruộng của người nông phu. Nơi đó, họ gặp được nơi bọn trộm chia tài vật và thấy có dấu chân người nông phu. Theo dấu, họ moi đất lên, tìm thấy túi tiền vàng dưới đất. Họ phải sạch bụi, lấy cái túi lên rồi mắng chửi, đánh đập người nông phu, bảo rằng:

- Mày đào trộm của người ta, rồi giả vờ ra đi cày hả?

Họ bắt anh dân cày giải đến quốc vương để định tội. Quốc vương nghe xong câu chuyện trộm đồ có tang chứng, bèn hạ lệnh mang anh ta ra tử hình. Võ đạo quân bắt trói ké anh ta, lấy roi quất vào người rồi dẫn y ra pháp trường.

Trong lúc bị đòn roi, anh ta vừa đi vừa nói luôn miệng: “Này Ānanda, ông có thấy con rắn độc không? Bạch Ngài con thấy con độc xà ghê gớm!”.

Võ đạo quân hỏi: “Chú mày lập đi lập lại những lời đối thoại như thế để làm gì?”.

- Bao giờ đến gặp đức vua tôi sẽ nói.

Nghe vậy, võ đạo quân giải tội nhân đến sân rồng, và tâu lên đức vua việc ấy. Quốc vương phán hỏi:

- Tại sao ngươi lại nói như thế?

- Tâu bệ hạ, con không phải là kẻ trộm.

Nói rồi, anh thuật lại mọi sự cho đức vua nghe, từ lúc nói đến cày ruộng cho tới khi bị bắt. Nghe xong, đức vua phán rằng:

- Này khanh, khanh quả là bậc trượng phu quân tử, cho nên Đức Bổn Sư mới là nhân chứng, nếu hành phạt khanh thì không hợp lý. Trẫm sẽ biết nên hành động thế nào cho hợp lý.

Chiều hôm ấy, quốc vương dắt người dân cày đến bái yết Đức Bổn Sư, đoạn hỏi rằng:

- Bạch Ngài, Ngài có nợ du với Trưởng Lão Ānanda, đến thửa ruộng cày của người nông phu này phải chăng?

- Phải, tâu đại vương.

- Nơi đó, Ngài đã thấy vật chi?

- Tâu đại vương, thấy cái túi tiền vàng.

- Lúc thấy nó, Ngài đã phán dạy chi?

- Này đại vương, Như Lai đã nói như vậy...

- Bạch Ngài, nếu người này không viện Ngài ra làm nhân chứng thì chắc sẽ không toàn mạng, nhờ có những lời đối đáp giữa Ngài với Trưởng Lão Ānanda mà hắn mới được tồn sanh.

Nghe quốc vương nói vậy, Đức Bổn Sư đáp:

- Phải đó, tâu đại vương, Như Lai đã nói lên bấy nhiêu lời rồi mới đi. Lẽ thường, đối với bậc trí tuệ, nghiệp nào hễ đã làm rồi, về sau phải ăn năn hối hận thì chẳng nên làm.

Để cập đến việc này, Đức Bổn Sư thuyết lên thời pháp, đoạn Ngài thuyết lên kệ ngôn:

*“Na tam kamman katamsādhū
Yam kātvā anutappati
Yassa assumukho rodan
Vipākaṃ paṭisevatīti”.*

*“Nghiệp nào là nghiệp ác tà,
Làm xong hối tiếc lệ sa dầm dề.
Mặt mày nhăn nhó ủ ê,
Thọ ngay quả báo nặng nề đắng cay”.*

□

CHÚ GIẢI:

Yam kātvā: Nghiệp nào mà khi làm xong, nó có thể đưa mình đến khổ cảnh, như sa địa ngục chẳng hạn và mỗi khi nhớ lại thì ăn năn hối tiếc, nghiệp ấy chớ khá làm, vì nó không tốt, không đẹp, không êm dịu đâu.

Yassa assumukho: Nghiệp ấy có hậu quả là sẽ khóc lóc than van với bộ mặt dầm dìa nước mắt.

□□

Khi dứt thời pháp, Cận sự nam là người nông phu chứng đắc Tu Đà Hườn quả. Những Tỳ Khưu hiện diện cũng có nhiều vị chứng đắc thánh quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Nông phu lượm ví rớt bên đường,

Vạ gió ai ngờ lại phải mang,
May có Đức Thầy làm chúng giúp,
Bằng không ưỡng kiếp, chịu hàm oan.
Bị lính đánh đòn chẳng thở than,
Tự mình mình biết thật vô can,
Người ngay mắc nạn cam lòng nhẫn,
Nhờ Phật từ bi mới mạng toàn.

DỨT TÍCH NGƯỜI NÔNG PHU



V. 9- CHUYỆN ÔNG HÀNG HOA SUMANA (Sumanamālākāravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 68)

“*Tañ ca kammaṃ kataṃ sādhu*
Yam katvā nānutappati
Yassa patīto sumano
Vipākam paṭisevatīti”.

“Nghệp nào là nghiệp lành,
Làm xong chẳng hối quá,
Tâm thỏa thích hân hoan,
Thọ hưởng ngay thiện quả”.

Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Trúc Lâm, để cập đến người kết tràng hoa, tên là Sumana (Hảo ý).

Trong truyền rằng: Ông Sumana mỗi ngày từ sáng sớm phải đem nọp cho đức vua Bimbisāra tám vòng hoa Sumanī (Tố Hình) và nhận tiền ân tứ là tám đồng tiền vàng (kahāpaṇa). Ông vẫn thi hành việc ấy đều đặn. Cho đến một hôm, trong khi ông Sumana mang hoa đi vào thành nội thì Đức Thế Tôn cũng đang ngự vào thành Vương Xá để khát thực, có dẫn theo đại chúng Tỳ Khưu. Từ kim thân, Ngài phóng hào quang sáu màu rực rỡ, biểu lộ thần oai lực của một đấng Chánh đẳng giác (có những lúc Đức Thế Tôn khuất lấp hào quang lục sắc dưới bộ y vàng, giống như vị Sư Đầu Đà đang đi khát thực, chẳng hạn như khi Ngài vượt quãng đường xa ba mươi do tuần để đón đường tướng cướp Ahimsa (Tức Angulimāla). Hoặc cũng như lúc ngự vào hoàng cung Kapilavatthu, Ngài cũng phóng ra sáu đạo hào quang.

Trong ngày này cũng thế, từ kim thân tỏa ra hào quang lục sắc, biểu lộ thần oai đại lực của một đấng Chí Tôn, trong lúc Ngài ngự vào thành Vương Xá.

Khi trông thấy tướng mạo quang minh của Đức Thế Tôn quý giá dường châu báu, ông Sumana nhìn kỹ thấy được ba mươi hai tướng tốt và tám mươi phụ tướng của bậc đại nhân đều có đầy đủ nơi Ngài, ông phát tâm trong sạch,

Nghĩ rằng:

- Ta lấy chi để dâng lên Đức Thầy đây?

Thấy mình chẳng có vật chi khác, ngoài mấy tràng hoa, ông nghĩ thầm: “Ta sẽ dâng cúng Đức Thầy những đóa hoa này”. Kế đó, ông tự hỏi lấy mình: “Hoa này là phẩm vật hàng ngày phải nọp vào cung vua, nếu như hôm nay vua không nhận được hoa, đức vua sẽ giam cầm, sẽ xử tử hoặc sẽ lưu đày ta thì sao?”. Nhưng rồi, ông quả quyết tự nhủ rằng: “Thôi thì là ta liều để đức vua xử tử hoặc lưu đày chi cũng được. Xét cho kỹ, dầu đức vua có dung dưỡng ta, thì Ngài cũng chỉ ban cho ta tài sản quý nhất là mạng sống trong kiếp này mà thôi. Còn nếu ta cúng dường Đức Bổn Sư thì chắc chắn là ta sẽ được nhiều sự lợi ích, sự bình an trong hàng mấy mươi triệu kiếp trái đất, không sai chạy vậy”.

Sau khi nhất định dứt bỏ sanh mạng để cúng dường Đức Như Lai, ông Sumana còn tự thúc hối rằng: “Ta hãy cúng dường ngay bây giờ, kéo để trì hoãn e cái tâm trong sạch của ta nó lui sụt”. Thế là, ông hết sức hoan hỷ, thỏa thích dâng cúng tám vòng hoa lên Đức Thế Tôn. Lần thứ nhất, ông tung hai vòng hoa nhắm phía trên đầu Đức Thế Tôn mà vung tới, những hoa ấy xòe ra như tầng lọng rồi đứng lơ lửng trên không. Ông lại tung tiếp hai vòng hoa nữa ở bên phải, những cánh hoa lại kết thành bức màn hoa che phía tay phải của Đức Thế Tôn. Ông Sumana tung hai vòng hoa thứ ba thì những cánh hoa sa xuống làm tấm màn che phía sau lưng Đức Thế Tôn. Và lần thứ tư, ông tung hai vòng hoa cuối, thì hoa nở thành màn hoa che bên tay trái của Đức Bổn Sư. Như thế, tám vòng hoa được chia làm bốn chỗ chung quanh kim thân Đấng Như Lai và chừa trống phía trước như cánh cửa ngõ vậy.

Các vòng hoa đều quay vào trong với nhau, chỉ phô các cánh hoa ra làm mặt, màu trắng sáng như những chiếc đĩa bạc bao quanh kim thân Đức Bổn Sư. Khi Ngài cất bước đi, tuy là giống vô tri nhưng hoa dường như cũng có tâm sùng kính ái mộ, không rời xa Đức Thế Tôn, chúng quấn quít đi theo. Khi Ngài dừng chân thì chúng cũng đứng lại. Từ kim thân Ngài phát ra ngàn lần điện quang. Cả bốn phía trước, sau, phải, trái và trên đầu Ngài đều phát ra quang tuyến như nhau. Những tia sáng này chẳng có tia nào chạy lảng ra xa. Tất cả đều nhiễu quanh Đức Thế Tôn ba vòng rồi nhập lại

thành những cây ánh sáng bằng cờ cây thốt nốt còn to, đoạn chạy trước vệt đường làm cho cả kinh thành đều náo động.

Trong số một trăm tám mươi triệu dân chúng, chín mươi triệu ở trong thành và chín mươi triệu ở ngoài, đâu là nam hay nữ, không một ai không mang vật thực để bát và ra khỏi nhà. Quần chúng reo vang như tiếng sấm rống, vừa ve vẩy hàng ngàn khúc lự, tỏ vẻ hoan nghênh cùng đi theo tiếp rước Đức Bổn Sư. Chỉ trong giây lát, tin Đức Thầy thị hiện thân thông, làm hiển lộ công đức cúng dường của người bán hoa được loan truyền khắp cả kinh thành rộng ba phần tư do tuần, y như có người mang trống đi cổ động vậy.

Khi ấy, ông bán hoa nghe khắp châu thân tràn đầy năm thứ phỉ lạc, ông từ từ nổi gót theo Đức Như Lai, đi vào vòng hào quang của Ngài như lặn xuống một hồ nước thơm ngon mát mẻ (manosilārase). Đoạn ông thốt lời tán dương Đức Bổn Sư, đánh lễ cáo biệt Ngài và phủ sạch hai tay không, trở gót về nhà.

Khi ấy vợ ông hỏi ông rằng: “Hoa đâu?”.

- Tôi đã cúng dường Đức Bổn Sư rồi.

- Nếu vậy, lỡ vua bắt tội thì làm sao?

- Dầu vua có xử tử hoặc lưu đày chi cũng đành, tôi nguyện thí bỏ thân mạng mà cúng dường Đức Bổn Sư, cho nên chia tất cả số hoa làm tám vòng hoa dung cúng như vậy, như vậy... Còn đại chúng lúc ấy cũng phát lên reo hò đi theo sau Đức Bổn Sư, làm cho trong thành vang rền hàng ngàn tiếng hoan hô như vậy...

Sau khi nghe hết câu chuyện Đức Phật thị hiện thân thông như thế, người vợ ngu si mù quáng, đã chẳng phát tâm trong sạch, mà còn trách cứ chồng rằng: “Các quốc vương hùng mạnh thường hay bạo ngược, một khi bị chọc giận, các Ngài có thể gia hình nhiều hình phạt nặng nề như xuống lệnh chặt tay, chặt chân chẳng hạn. Tội lỗi của ông làm thì tôi cũng phải bị liên can không ít”.

Nói rồi, bà vợ của ông Sumana dắt hết những đứa con trai vào triều, xin bệ kiến đức vua. Quốc vương phán hỏi:

- Nàng kia, nàng muốn tâu xin việc chi?

- Tâu đại vương! Chồng của con đã mang số hoa phải đem nạp đại vương ngày hôm nay, lại cúng dường hết đến Đức Bổn Sư, rồi đi tay không trở về nhà. Con hỏi: Hoa đâu? Thì ông đáp lời như thế, như thế. Con rầy ông rằng: “Thường thường các đức vua hay có tính hung bạo, một khi đã nổi trận lôi đình, ắt là các Ngài bắt tội, hình phạt ta bằng nhiều cách như là chặt cả tay lẫn chân chẳng hạn. Tội của ông làm mà tôi cũng bị vạ lây”. Nói rồi, con từ bỏ ống và đến đây ngay. Công việc dâng hoa đến Phật do chính ông làm, thì dầu có phước cũng chỉ có riêng ông ấy nhờ, còn như có tội thì cũng chỉ mình riêng ông gánh chịu, chớ con với chồng con đã đoạn tuyệt nhau rồi. Mong ân đại vương minh xét cho con nhờ.

Quốc vương là vị Thánh Thịnh Văn, lúc gặp Đức Phật lần đầu tiên, Ngài đã đắc quả Tu Đà Hườn, có đức tin kiên cố trong Chánh Pháp. Vừa nghe qua mấy lời của vợ ông Sumana, đức vua nghĩ: “Ôi! Nữ nhân này thật là mù quáng ngu si làm sao. Thấy ân Đức Phật phi thường như thế mà chẳng phát tâm trong sạch tin tưởng nơi Ngài”.

Quốc vương giả cách nổi giận, phán hỏi rằng:

- Nàng nói sao? Chồng nàng đã mang số hoa phải nạp cho trẫm mà cúng dường Đức Phật hết rồi phải không?

- Tâu đại vương, phải!

- Con từ bỏ hẳn ta là phải lắm. Kẻ nào đem hoa của trẫm mà cúng dường, trẫm sẽ liệu cách mà đối xử với hẳn.

Sau khi truyền lệnh cho nữ nhân ấy ra về, quốc vương vội vàng ngự đi đón Đức Bổn Sư, đánh lễ Ngài xong rồi, cùng đi bách bộ với Ngài.

Đức Bổn Sư hiểu rõ tâm trạng của đức vua, cho nên Ngài ngự hành điếu qua đại lộ chánh trong kinh thành, tiến về phía hoàng cung. Đến trước ngọ môn, quốc vương xin rước bát của Đức Bổn Sư, ngó ý muốn thỉnh Ngài nhập vào vương điện. Nhưng đức Thầy dừng chân nơi sân ngự trước đền, rút tọa cụ ra.

Quốc vương hội ý, bèn lập tức truyền lệnh cho dân thợ hãy gấp rút dựng lên một cái trại nghỉ mát cho mau.

Đức Bồ Sư an tọa nơi đó cùng với Tỳ Khuru Tăng. Tại sao Ngài không ngự vào đền vua? Theo truyền ngôn thì Đức Thế Tôn nghĩ rằng: “Nếu Như Lai ngự vào trong đền, thì đại chúng bên ngoài sẽ không thấy được Như Lai. Như thế thì công đức của người dâng hoa không được hiển dương. Như Lai an tọa nơi sân ngự như vậy, đại chúng sẽ ngắm xem mãn nhãn và công đức của người dâng hoa sẽ được hiển dương”.

(Quả thật, chỉ có Chư Phật mới biểu dương công đức của các bậc hữu ân như thế, chớ thường nhân trong khi tán tụng công đức của các bậc hữu ân thì tiết kiệm từng lời nói).

Khi ấy, bốn bức màn hoa đứng ở bốn phía, đại chúng lũ lượt đi theo Đức Thế Tôn đến chỗ ngự.

Quốc vương chăm lo dâng cúng những thực phẩm ngon quý đến Tỳ Khuru Tăng, có Đức Phật làm tọa chủ.

Sau bữa ngọ, Ngài thuyết kinh chúc phúc thí chủ xong rồi, Đức Bồ Sư ngự trở về Trúc Lâm. Cũng như lúc đến, bốn bức màn hoa lại che phủ kín thân và đại chúng lại rần rộ theo tiễn chân Ngài, tiếng hoan hô vang rền như tiếng sấm rỗng.

Quốc vương cũng ngự đưa Đức Bồ Sư một quãng đường, đoạn đánh lễ cáo biệt Ngài mà trở lại hoàng cung. Khi ấy, đức vua cho đòi ông Sumana vào triều phán hỏi:

- Nhà ngươi đã nói gì khi cúng dường Đức Bồ Sư những hoa tươi mà ngươi phải nạp cho trầm?

- Tâu đại vương, con đã nguyện hy sinh tánh mạng mà cúng dường Đức Bồ Sư, nên nói rằng: Dầu đức vua có lấy luật gia hình hoặc giết bỏ hoặc tù đầy chi, con cũng cam tâm.

Quốc vương ban khen rằng: “Khanh quả là một bậc đại Trưởng phu (Mahāpuriso)”. Phán rồi, đức vua ân thưởng cho ông Sumana tám voi, tám ngựa cùng với nhiều tôi trai, tớ gái, tám y phục trang trí cực kỳ sang trọng và tám ngàn đồng vàng, tám cung nữ điếm trang lộng lẫy được phóng thích khỏi hoàng cung để về làm vợ Sumana. Quốc vương còn cấp thêm cho ông tám làng trừ phú để thu thuế nữa. Nói tóm lại là ông Sumana được ban thưởng trọng hậu đủ mọi thứ, mỗi thứ là tám lần như vậy.

Được mục kích chuyện này, Trưởng Lão Ānanda nghĩ rằng:

- Từ sáng đến giờ đã được hưởng hàng ngàn tiếng hoan hô, và được đại chúng phát lụa đón đưa nồng nhiệt trong ngày hôm nay như thế. Không biết ông Sumana sẽ hưởng được Dị thực quả (vipāka) nào nữa trong ngày vị lai?

Trưởng Lão Ānanda bạch hỏi Đức Thế Tôn. Ngài bèn giải rằng:

- Này Ānanda, ông chớ suy tư cho rằng nghiệp lành của ông bán hoa đây là nhỏ nhen. Ông ấy đã dám hy sinh tánh mạng để cúng dường ta. Do nhờ có tâm trong sạch với ta như thế mà ông khỏi khổ cảnh trong hàng trăm kappa (kiếp trái đất).

Pāli:

*“Kappānaṃ satasahassam
Duggatiṃ na gamissati
thatvā devamanussesu
Phalaṃ etassa kammuno
Pacchā paccekasambuddho
Sumano nāma bhavissati”.*

*“Trong hàng ngàn kappa,
Khổ cảnh khỏi đọa sa,
Hưởng nhơn thiên phước báu,
Do quả nghiệp vừa tạo,
Sau thành Phật Bích Chi,
Danh Hảo ý vẫn y”.*

Khi Đức Bồ Sư ngự về chùa, Ngài ngự vào Hương thất thì những cánh hoa kia rơi xuống nằm tại ngưỡng cửa.

Chiều hôm ấy, trong Luận Pháp Đường, chư Tỳ Khưu khởi lên pháp thoại như vậy: “Ôi! Thật là huyền diệu hy hữu thay, nghiệp lành của Sumana dám hy sinh tính mạng để dâng hoa đến Đức Phật hiện tại, mà trong khoảnh khắc hưởng được đủ thứ bổng lộc như thế”.

Đức Bổn Sư từ hương thất ngự ra, đi kinh hành rồi Ngài ngự đến Luận pháp đường, ngồi an tọa trên Phật Bảo Tọa. Ngài phán hỏi: “Này chư Tỳ Khưu! Hôm nay các ông đang ngồi luận bàn về việc chi đó?”.

- Bạch Ngài, chuyện như vậy, như vậy...

Nghe vậy, Đức Bổn Sư xác nhận rằng: “Phải đó, các Tỳ Khưu, nghiệp nào mà khi làm xong ta không ăn năn hối hận, mà còn phát tâm thỏa thích hân hoan mỗi khi ta nhớ lại nó, thì nghiệp đó là nghiệp tốt cần nên làm vậy”.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn thuyết lên một thời pháp để giải rộng thêm nghĩa lý, đoạn Ngài kết luận bằng bài kệ này:

*“Tañ ca kammañ katamā sādhu
Yam katvā nānutappati
Yassa patito sumano
Vipākam paṭisevatī”.*

*“Nghiệp nào là nghiệp tốt hay,
Làm xong chẳng chút mảy may hận phiền.
Nghiệp nào Hảo Ý vui yên,
Thọ ngay phước báo tùy duyên hợp thời”.*

□

CHÚ GIẢI:

Trong kệ ngôn Phạm ngữ trên đây, câu thứ hai **Yam katvā** ám chỉ nghiệp nào mà sau khi làm xong ta không bị lương tâm cắn rứt hay đau khổ buồn phiền vì nó, mà trái lại ta còn được tái sinh về nhân cảnh, mà hưởng phước báo Nhơn Thiên, hoặc hưởng quả Níp Bàn.

Yassa patito sumano: Sau khi đắc Đạo hoặc hưởng quả của phước báo, mỗi lần nhớ lại nghiệp cũ, tâm lại thỏa thích hoan hỷ, vui vẻ thêm lên (trong câu này có hàm tên ông bán hoa là Sumano (Hảo Ý) là nhân vật điển hình cho loại thiện nghiệp này vậy).

Vipākam paṭisevatī: Hễ Hảo Ý được thỏa mãn rồi, từ đó mới phát sanh quả Dị thực của thiện nghiệp trong kiếp quá khứ vậy.

Tam kammañ katamā sādhu: Nghiệp ấy là nghiệp nên làm vì nó tốt đẹp, trong sạch. (Đây là câu kết luận, nhưng trong bài kệ này được đặt lên hàng đầu, có lẽ vì Đức Thế Tôn muốn biểu dương thiện nghiệp của người thợ bán hoa Sumana để làm gương cho mọi người bắt chước vậy).

□

Thời pháp vừa chấm dứt, tám muôn bốn ngàn chúng sanh được tỏ ngộ Chánh Pháp.

DỊCH GIẢI CẢN ĐỀ

*Hảo Ý dâng hoa chẳng hận phiền,
Liều thân đại thí nguyện gieo duyên,
Phật cho hiển lộ phần công đức,
Vua khiến vinh thăng chỗ lợi quyền.
Hiện tại nghiệp lành sanh phước lớn,
Tương lai quả chánh đợi người hiền,
Ai ngờ bỏ cả mà được cả,
Mãn kiếp thanh nhàn sướng tự tiên.*

DỨT TÍCH ÔNG BÁN HOA SUMANA

V. 10- CHUYỆN NỮ THÁNH UPPALAVANNA (Uppalavannātherivatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 69)

“Mādhū'va maññatī bālo

Yāva pāpaṃ na paccati

Yadā ca paccati pāpaṃ

Atha (bālo) dukkhaṃ nigacchatīti”.

“Người ngu tưởng mật ngọt,

Khi ác quả chưa mùi,

Đến chùng quả thuần thực,

Phải chịu khổ không thôi”.

Kệ ngôn này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự an tại Kỳ Viên, để cập đến nàng Thánh nữ Uppalavanna (Thanh Liên Sắc).

Tương truyền rằng: Nàng Uppalavanna đã từng phát đại nguyện dưới chân Đức Phật Thượng Liên Hoa và tiếp tục gieo trồng vào ruộng phước trong hằng trăm ngàn đại kiếp. Sau khi luân hồi lên xuống các cõi trời, người. Trong thời Đức Phật hiện tại, nàng tái sinh vào một gia đình Trưởng giả ở trong thành Sāvattī. Cô được cha mẹ đặt tên là Uppalavanna, vì da mặt cô tuy đen, nhưng mịn màng tươi tắn, thanh lịch như cánh sen xanh phong nhụy. Đến tuổi cập kê, cô được các vương tôn, công tử nhà quyền quý, danh vọng trong cõi Diêm Phù mang lễ vật đến cầu hôn.

Trưởng giả là thân phụ của cô không dứt khoát hồi hôn, từ chối một ai, nhưng ông tự nghĩ: “Ta không thể nhận lời, chiều theo ý muốn của tất cả những người này. Vậy ta phải lập ra một phương thế”.

Ông cho gọi tiểu thư đến và hỏi:

- Này con, con có thể xuất gia được chăng?

Trưởng giả vừa dứt lời, nàng Uppalavanna nghe trong đầu cô bùng nóng, như có dầu sôi trăm đạo, nên cô đáp lại ngay:

- Thừa cha, con sẽ xuất gia.

Trưởng giả liền thiết tiệc linh đình để làm lễ tiễn đưa con gái, rồi đưa nàng đến chùa của Tỳ Khuru Ni (Bhikkhunūpassayaṃ), cho nàng xuất gia Tỳ Khuru Ni.

Xuất gia không bao lâu, nàng Uppalavanna chứng quả A La Hán. Hôm ấy, nhằm phiên nàng quét dọn, sửa soạn chỗ làm lễ Phát Lồ sám hối của Tăng Ni.

Sau khi quét tước trong chỗ kiết giới, nàng đốt đèn lên, nàng nhìn lại ngọn đèn làm đối tượng cho để mục thiền, đặc luôn quả vị A La Hán với Tuệ Phân tích và các Thắng trí thần thông (abhiññā).

Thời gian sau, nàng Uppalavanna đi vân du, rồi đi vào rừng Manh Lâm (Andhavana) hành đạo. Lúc bấy giờ chưa có học giới cấm Tỳ Khuru Ni ngụ trong rừng.

Khi ấy, nhiều người phát tâm cất cốc cho nàng, bên trong có kê giường, bên ngoài có màn che bốn phía. Nàng đi vào thành Sāvattī khát thực rồi đi trở ra.

Một thanh niên tên là Nanda, vốn là anh em cô cậu của nàng Uppalavanna (Mātulaputto), đã nặng tình ái luyện nàng từ khi nàng còn ở gia đình. Nay hay tin nàng trở lại kinh thành, chàng ta thừa lúc nàng chưa về, lén đến rừng Andhavana, lén vào trong cốc của nàng, núp dưới gầm giường.

Khi nàng về đến lều, vào trong đóng cửa lại, vừa lên ngồi trên giường, thì thanh niên Nanda từ gầm giường chun ra, trèo lên giường. Nàng la lên: “Đồ ngu, đừng có liều mạng. Đồ ngu đừng có liều mạng”. Bất chấp sự kháng cự của người Nữ ni, thanh niên dùng cường lực cưỡng hiếp vị Thánh nữ, cho thỏa lòng dục vọng rồi y bỏ chạy đi.

Khi ấy, địa đại dường như không chịu nổi tội ác nặng nề của chàng thanh niên Nanda, nên nứt đôi, chàng ta sa vào nơi đất nứt, bị đọa vào đại địa ngục A Tỳ (Mahāvīci).

Nữ ni Uppalavanna muốn cho tâm mình khỏi tặc trách, bèn đem chuyện này trình lên Giáo Hội Tỳ Khuru Ni. Chư Ni bạch lại Chư Tăng và Chư Tăng bạch trình lên Đức Bổn Sư.

Nghe vậy. Đức Thế Tôn gọi các Tỳ Khuru đến phán dạy:

- Này các Tỳ Khuru! Đối với hàng tứ chúng là Tỳ Khuru, Tỳ Khuru Ni, Cận sự nam và Cận sự nữ. Nếu kẻ ngu nào gây ra ác nghiệp thì dầu cho kẻ ấy có vui sướng thỏa mãn được chút ít chi, cũng ví như người nếm qua hương vị ngọt ngào của chất đường và mật chẳng hạn.

Tiếp theo đây, Đức Bổn Sư thuyết lên thời pháp, rồi đọc kệ ngôn rằng:

“Madhu'và maññatī bālo

Yāva pāpaṃ na paccati

Yadā ca paccatī pāpaṃ

Atha bālo dukkhaṃ niggacchati”.

*“Khi quả ác nghiệp chưa mùi,
Người ngu lầm tưởng yên vui mật đường.
Đến giờ quả chín như thường,
Người ngu mới thấy chán chường khổ đau”.*

□

CHÚ GIẢI:

Madhuvā: Câu kệ Pāli thứ nhất có ý nói việc làm tội lỗi của người ngu vui sướng thỏa thích như là ăn kẹo ngọt, như mật như đường. Đây là trường hợp của thanh niên Nanda nghĩ tưởng sai quấy như vậy.

Yāvā: Trong lúc mà...

Pāpaṃ na paccatī: Quả ác dị thực chưa trở, chưa chín hoặc trong những kiếp về sau thì người ngu vẫn còn tưởng như trên.

Yadā: Đến chừng hưởng ác quả, đã làm bằng cách này thế nọ, đến thời trở quả, chín mùi hoặc trong kiếp này hoặc trong kiếp sau thì kẻ ác phải chịu khổ thọ hình như ở hỏa ngục chẳng hạn.

Atha bālo nigacchati: Khi ấy kẻ ngu đi đến khổ cảnh, là phải bị khổ, bị thọ khổ như vậy.

□

Khi thời pháp chấm dứt, nhiều vị chúng đắc Thánh quả, như là Tu Đà Hườn quả.

Vào thời khác, đại chúng Tỳ Khuru cùng nhau luận đạo trong phòng Pháp hội, để xướng pháp thoại như vậy: “Dầu là bậc Lậu Tận (Khināsavā) theo ý tôi nghĩ, các Ngài cũng còn thọ hưởng dục lạc, vui thích ngũ trần, chớ chẳng lẽ làm ngơ. Thật thế, các Ngài đâu phải là bọng cây hay gò mối gì cho cam. Thân thể các Ngài cũng biết thọ hưởng dục lạc, vui thích ngũ trần...”.

Đức Thế Tôn ngự đến phán hỏi: “Này các Tỳ Khuru, hôm nay các ông ngồi luận việc chi?”.

Khi nghe đáp: “Bạch Ngài, việc như vậy, như vậy...”. Đức Bổn Sư đính chính rằng: “Này các Tỳ Khuru, các bậc Lậu Tận (A La Hán) không vui thích ngũ trần, không thọ hưởng dục lạc. Thật thế, như trên mặt những lá sen, nước rơi xuống không thấm ướt, không ứ đọng mà tuột đi luôn và trên đầu mũi kim, hạt cải không thể đeo dính, đứng vững được mà phải lăn tuột đi. Cũng như thế ấy, trong tâm bậc Lậu Tận, dục lạc ngũ trần không đeo dính và không ứ đọng lại được”.

Đến đây, Đức Bổn Sư thuyết pháp giải rộng thêm nghĩa lý rồi Ngài kết luận bằng câu Kệ Pháp Cú sau đây:

“Vāri pokkharapatt'eva

āraggeriva sāsapo

Yo na lippati kāmesu

Tam ahaṃ brūmi brāhmaṇanti”.

Lược dịch:

*“Như nước giọt lá sen,
Hạt cải gác đầu kim,
Người không nhiễm dục lạc,
Ta gọi Bà la môn”.*

Bài kệ này nghĩa lý rõ rệt, phù hợp với phẩm Bà la môn, nên về sau được sắp chung vào phẩm ấy.

Nhân dịp này, Đức Bổn Sư triệu thỉnh quốc vương Pasenadikosala đến và đề nghị rằng:

- Tâu đại vương! Trong Giáo Pháp này có bao nhiêu công tử thì cũng có bấy nhiêu tiểu thư, đều là con nhà gia giáo vọng tộc, đã từ bỏ quyền thuộc đông đảo và tài sản dồi dào mà xuất gia hành đạo, cư ngụ trong rừng. Khi ngụ trong rừng, các nữ tu ấy hằng bị các thanh niên ác quấy, dè hèn, manh tâm làm khó, đôi khi còn gây tai hại, làm hư hỏng phạm hạnh nữa là khác.

Vì thế, cần phải xây cất chỗ ngụ cho Tỳ Khuru Ni ở trong vòng kinh thành.

Quốc vương đáp: “Lành thay”, rồi vâng theo lời đề nghị của Đức Thế Tôn, khiến quan quân kiến thiết một cảnh già lam riêng biệt cho Giáo Hội Tỳ Khuru Ni, trên một địa điểm trong vòng thành đô.

Từ đó về sau, các Tỳ Khuru Ni chỉ cư ngụ trong vòng đô thành mà thôi.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Thánh Liên Sắc quý mấy ai bì,
Chẳng khúng làm dâu, khúng đắp y,
Lửa đỏ thiên tâm hơn nữ tử,
Rừng xanh, phạm hạnh quá nam nhi.
Từ hôn đã cắt duyên trần tục,
Đắc quả còn mang nợ thiếu thì...
Hy Lạc nài hoa, say mật ngọt,
Ngờ đâu đất sục, đạo A Tỳ.*

DÚT TÍCH THÁNH NỮ UPPALAVAnnā



V. 11- CHUYỆN JAMBŪKĀJĪVAKA (Jambūkājīvakavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 70)

<i>“Māse māse kusaggena</i>	“Tháng tháng chỉ dùng com,
<i>Bālo bhuñjetha bhojanam</i>	Vít bằng đầu cỏ thom,
<i>Na so saṅkhātadhammānam</i>	Người ngu không bì kịp,
<i>Kalam agghati soḷasim”.</i>	Một phần mười sáu pháp, Người chớng đắc lý chơn”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngụ an tại Trúc Lâm, đề cập đến tu sĩ ngoại đạo Jambūka (Hào Cầu).

Tương truyền rằng: Thuở xưa, vào thời Đức Chánh Đẳng Giác Kassapa, trong một làng nợ có ông Trưởng giả (Kuṭumbiko) phát tâm cất chùa, thỉnh một vị Tỳ Khuru ở đó làm trụ trì và thường xuyên hộ độ bốn món vật dụng. Vị trụ trì này mỗi ngày đến thọ thực nơi nhà của người đại tín gia hộ độ.

Một hôm, có vị Thánh Tăng Lậu Tận đi trì bình khát thực, đến đứng trước nhà của Trưởng giả. Phú ông nhìn thấy vẻ thanh bản thoát tục, kham nhẫn của bậc thanh tịnh thì phát tâm trong sạch, cung thỉnh vị Thánh Tăng vào nhà, trân trọng dâng cúng các món thực phẩm thượng vị.

Kế đó, gia chủ cúng dường một khăn choàng lớn và bạch:

- Bạch Ngài, xin Ngài nhuộm khăn choàng này rồi làm y nội mà mặc.

Và gia chủ còn thỉnh cầu thêm rằng: “Bạch Ngài! tóc Ngài khá dài, để con gọi thợ cạo đến phải sạch cho Ngài. Thỉnh Ngài về chùa trước rồi con sẽ cho người đem giường nằm đến dung Ngài liền bây giờ”.

Vị trụ trì vẫn đến thợ thực nơi nhà tín chủ hằng ngày, trông thấy ông ta quý trọng vị Sư mới đến như vậy thì không phát tâm trong sạch tùy hỷ chút nào.

- Ông chủ nầy mới vừa gặp mặt vị Sư kia mà đã dâng cúng trọng thể dường ấy, còn mình đến nơi nhà ông ta mỗi ngày mà ông ta chớ hề dâng cúng lễ vật cho mình.

Vị sư trụ trì nghĩ thâm như vậy, nhưng chẳng nói ra, trở về chùa. Vị khách Tăng cũng theo chân vị trụ trì về chùa, nhuộm khăn choàng của thí chủ dâng cúng, rồi đắp làm y nội.

Phú Trưởng giả rước thợ cạo đến phải tóc cho vị sư trụ trì bình, cho người khiêng giường nằm đến lót kê đàng hoàng rồi thỉnh rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài tự tiện nằm nghỉ trên giường nầy.

Trước khi ra về, chủ nhân còn thỉnh cả hai vị Trưởng Lão ngày mai đến nhà mình thọ bát.

Thấy gia chủ tỏ vẻ hâm mộ vị khách Tăng và săn sóc vị ấy, vị trụ trì không đành lòng ganh tị. Chiều hôm ấy, ông ta đích thân vào tận phòng của vị A La Hán và nhục mạ Ngài bằng bốn điều như vậy: “Nầy đạo hữu tân đáo! Đạo hữu không nên đến thọ thực nơi nhà của phú Trưởng giả thà đạo hữu ăn phần dơ còn hơn, đạo hữu không nên để cho thợ cạo đến cạo tóc, thà đạo hữu lấy lá thốt nốt mà cạo còn hơn. Đạo hữu không nên mặc y cứ ở trần truồng là hơn. Không nên nằm trên giường của thí chủ kê lót, thà đạo hữu nằm dưới đất còn hơn”.

Bị người đồng đạo xỉ mạ, vị Trưởng Lão im lặng, tự nghĩ: “Không nên để cho kẻ ngu nầy vì ta mà phải sa đọa”. Sáng hôm sau, Ngài thức dậy thật sớm, bỏ chùa ra đi vân du ta bà, chớ không theo lời thỉnh cầu mà đến nhà thí chủ thọ thực.

Sáng hôm ấy, vị trụ trì cũng dậy sớm, lo việc công phu lễ bái sớm trong chùa. Đến giờ đi lấy bát, không thấy vị khách Tăng đâu cả, ông ta nói:

- Ông Sư khách nầy, đến giờ vẫn còn ngủ. Ta phải gõ keng đánh thức ông ta dậy.

Sau khi lấy đầu móng tay gõ vào keng cho có chừng, vị trụ trì ôm bát đi vào làng một mình.

Khi ấy, phú Trưởng giả đã chuẩn bị lễ vật cúng dường, còn đang ngóng trông hai vị Trưởng Lão, thấy vị trụ trì đến, phú ông hỏi: “Bạch Ngài, còn vị khách Tăng đi đâu mà chưa đến?”.

- Nầy đạo hữu, thôi đừng nhắc đến vị Trưởng Lão của ông nữa. Hôm qua, ở đây trở về chùa, ông ta vào nằm luôn trong lều, cho tới sáng hôm nay, tôi dậy quét chùa, xách nước uống, nước xài đầy cả, châm đầy các lu các khạp. Tiếng khua động, cả đến tiếng keng báo giờ đi lấy bát, ông ta cũng chẳng nghe biết chi.

Vốn là bậc trí thức, phú ông ngẫm nghĩ:

- Vị Trưởng Lão ấy có oai nghi tế hạnh dường ấy, mà bảo rằng còn ngủ đến giờ nầy thì không có lý. Chắc chắn là vì thấy ta cúng dường trọng thể đến Ngài mà vị trụ trì có bụng lòi chi xúc phạm đến Ngài chăng?

Nhưng phú Trưởng giả vẫn một mực cung kính để bát hộ độ vị trụ trì và khi vị nầy xong bữa, ông xin bát đem rửa thật sạch, rồi sốt đậy bát bằng đồ cao lương mỹ vị và bạch rằng:

- Bạch Ngài, nếu Ngài về gặp vị Trưởng Lão, xin Ngài hoan hỷ sót bát cơm nầy cúng dường Ngài Trưởng Lão giúp con.

Vị trụ trì nhận lãnh bát cơm, nghĩ thầm: “Nếu ông ta thọ dụng bát cơm nầy, thế nào ông ta cũng sẽ lưu luyến ở mãi nơi đây chẳng sai”.

Về đến nửa đường, vị trụ trì dốc bát đổ sạch bát cơm canh, rồi đi thẳng về lều của vị khách Tăng, nhưng nhìn tìm không thấy vị ấy.

Mặc dù đã tu hạnh Sa Môn trong thời gian là hai muôn năm (vīsativassasahasāsāni), sau khi đã tạo ác nghiệp nặng nề như vậy, thiện pháp của vị Tỳ Khuru nầy cũng không đủ sức cứu nổi ông ta. Khi mãn tuổi thọ, ông bị sa vào địa ngục Vô Gian (Avīci) thọ khổ khốc liệt suốt cả một thời gian không có

vị Phật. Mãi đến thời Đức Phật hiện tại giảng lâm, ông được tái sanh làm người trong một gia tộc dư ần dư để (bahu annapāne), cư ngụ trong thành Vương Xá.

Tuy là con nhà khá giả, nhưng từ lúc biết đi cậu bé không bao giờ nằm giường, cũng không chịu ăn cơm, chỉ ăn rỗng đồ xú uế do thân mình phóng ra.

Đến tuổi trưởng thành, ông cũng không chịu mặc y phục, cứ ở trần truồng mà đi lang thang, ngủ thì vẫn nằm dưới đất và ăn thì nhai lại những đồ mà mình đại tiện ra.

Khi ấy, cha mẹ ông buồn phiền chán nản, vì ông không thể giáo hóa được, nên bàn tính cùng nhau:

- Thằng này chắc cốt tử của nó không phải là con nhà mình, cho nên không biết xấu hổ chi hết. Có lẽ nó hạp với phái tu sĩ ājīvaka (phái lửa thể).

Thế rồi, hai ông bà đem ông ta cho đứt nhóm ngoại đạo lửa thể, yêu cầu họ cho ông xuất gia nhập đạo.

Phái này cho Hào Cầu xuất gia theo nghi lễ của họ, để cậu đứng dưới một cái mương sâu tới cần cổ, bắt hai tấm ván đè trên vai cậu ta, rồi ngồi trên tấm ván ấy, dùng sóng lá thốt nốt mà cạo đầu của cậu.

Sau đó, cha mẹ cậu thỉnh các tu sĩ ājīvaka ngày mai đến nhà mình thọ thực, rồi đồng cáo thối.

Ngày hôm sau, nhóm du sĩ lửa thể bảo Hào Cầu:

- Lại đây, chúng ta cùng nhau đi vào làng.

Tu sĩ mới này không chịu đi, nói: “Xin các Ngài cứ đi đi, còn tôi xin được ở lại giữ chùa”.

Nhóm tu sĩ ấy năn nỉ nhiều lần không được, bèn ra đi. Khi ấy, Hào Cầu bèn mở cửa cầu tiêu, tuột xuống hầm cầu, hai tay bứt phần vắt thành từng vắt mà ăn. Các tu sĩ ājīvaka ở trong làng gửi cơm canh về cho Hào Cầu, nhưng ông ta không thọ lãnh, khi họ nài ép, ông ta mới trả lời rằng:

- Tôi khỏi cần vật thực này, vì tôi có được phần ăn rồi.

- Phần ăn ở đâu mà có?

- Chỉ ở gần đây chứ không xa đâu.

Qua ngày thứ hai, thứ ba, thứ tư, mỗi khi đi vào làng, nhóm ājīvaka đều rủ ông ta nhiều lượt, nhưng ông vẫn một mực từ chối không chịu đi, bảo rằng: “Xin cho tôi ở lại chùa”.

Thái độ kỳ hoặc của Hào Cầu làm cho nhóm tu sĩ ngoại đạo sanh nghi: “Ông đạo này hằng ngày không chịu đi vào làng, mà vật thực ta gửi về cho ông, ông cũng chẳng ăn, cứ nói: “Tôi ở đây có phần ăn rồi”. Chúng ta phải rình coi cho biết ông ở lại chùa làm cái gì mới được”.

Thế là, hôm sau khi đi vào làng, họ giao cho hai người trở lại núp xem Hào Cầu làm cái chi. Cũng như mấy ngày trước, khi thấy nhóm đồng đạo đi vắng hết, Hào Cầu tuột xuống hầm cầu ăn phần, không ngờ bị lộ tẩy, hai tu sĩ nọ bắt được hành động xấu xa của Hào Cầu, bèn thuật lại cho cả nhóm nghe. Tất cả đều đồng tình rằng: “Chao ôi! Việc này thật là tồi tệ quá lắm. Giá như các Thịnh Văn của Sa Môn Cổ Đàm hay biết rằng: “Các tu sĩ ājīvaka thường ngày ăn phần, và truyền bá tin này ra thì thật là nhục nhã cho chúng ta. Tên Hào Cầu này không xứng đáng danh là một tu sĩ ājīvaka chút nào”.

Thế rồi, nhóm tu sĩ ngoại đạo tuyên bố trục xuất Hào Cầu ra khỏi nhóm mình.

Trong một cánh đồng, chỗ đại chúng phóng uế tự do, có một tảng đá bằng phẳng, trên mặt đá có lỗ trũng xuống rất lớn, đại chúng ưa đại tiện xuống nơi đó. Sau khi bị đuổi ra khỏi chùa, Jambūjīvaka đi đến gần tảng đá ấy, chờ đêm xuống ra bứt phần mà ăn. Ban ngày khi thấy đại chúng đi phóng uế thì ông ta lấy tay vịn tảng đá và đứng một chân, còn chân kia giơ lên tỳ vào đầu gối chân đứng, miệng thì hả ra, hướng về phía có gió.

Đại chúng thấy vậy, đến gần và đánh lễ ông ta, họ nói:

- Bạch Trưởng Lão, sao Ngài đứng hả miệng như thế?

- Ta lấy gió làm cơm, chớ không có đồ vật thực chi khác hết.

- Bạch Ngài, còn tại sao Ngài chỉ đứng có một chân, còn chân kia rút lên tỳ vào đầu gối chân đứng như vậy.

- Bần đạo tu khổ hạnh dị thường lắm, nếu đứng cả hai chân xuống đất thì quả đất sẽ rung động. Cho nên bần đạo chỉ đứng có một chân còn chân kia co lên như thế. Quả thật ta phải đứng mãi mãi chứ không ngồi nằm bao giờ cả.

Thế thường con người ta hãy nghe ai già hàm lợi khẩu, nhiều lời biện thuyết thì tin nghe theo. Cho nên đại chúng bảo nhau: “Ồi thật là phi thường, những nhà tu khổ hạnh đến mức ấy, từ trước đến giờ ta chưa từng gặp gỡ vị nào như thế”.

Nhân dân trong hai xứ Aṅga (Ương Già) và Ma Kiệt Đà xô nhau, náo động, nườm nượp kéo nhau đến đánh lễ tu sĩ Hào Cầu, và hàng tháng mang nhiều lễ vật trọng hậu đến cúng dường ông, nhưng ông ta không thọ lãnh lễ vật của ai hết, bảo rằng:

- Ta chỉ lấy gió làm cơm, chớ không độ vật thực nào khác. Nếu ta ăn món chi khác, sợ hư hỏng, lui sụt hạnh khổ hạnh của ta đi chăng?

Nhiều người cứ theo nài nỉ: “Bạch Trưởng Lão, xin Ngài thương xót tế độ chúng con. Được bậc tu hành khổ hạnh như Ngài thọ lễ cúng dường thì chúng con mới mong thành tựu sự lợi ích sự bình an lâu dài đó, bạch Ngài”.

Thấy đại chúng cầu khẩn thái quá, tu sĩ Hào Cầu cũng phải xiêu lòng, thọ lãnh chút ít bơ, đường, sữa, mật... Và nói: “Mấy thứ này không gọi là vật thực chi khác, thôi ta thọ lãnh cho cư gia bá tánh được sự lợi ích, sự bình an mà trở về nhà”.

Nói rồi, ông ta lấy đầu ngọn cỏ thom (kusagga) vít mỗi thứ một chút để lên chót lưỡi nếm cho có vị rồi ra dấu cho thí chủ đi về.

Tu sĩ Hào Cầu đã trải qua năm mươi lăm năm với nếp sống khổ hạnh dị thường như thế, là luôn luôn trần truồng, ăn phần, nhổ tóc và nằm trên đất.

Theo thông lệ, Chư Phật hằng quán xét khắp thế gian vào lúc sáng tinh sương. Vì thế, một hôm trong khi Đức Thế Tôn quán sát khắp cõi Diêm Phù Đề vào buổi trời hừng sáng, thì hình ảnh của tu sĩ Hào Cầu lọt vào giác võng của Ngài. Quán thêm nữa, Đức Thế Tôn thấy rằng tu sĩ ấy có duyên lành chúng A La Hán với Tuệ Phân tích. Câu chuyện Ngài tế độ ông ta sẽ được diễn tiến như sau:

Trước tiên, Hào Cầu sẽ làm như vậy như vậy, Đức Thầy sẽ thuyết lên một bài kệ. Khi bài kệ chấm dứt, tám muôn bốn ngàn chúng sanh sẽ giác ngộ Chánh Pháp. Nhờ nương theo Ngài gia giáo này mà đại chúng đạt đến hạnh phúc cao thượng vậy.

Sau khi biết rõ như thế rồi, ngày ấy Đức Bổn Sư vào thành Vương Xá khát thực. Trên đường về chùa, Ngài bảo Trưởng Lão Ānanda:

- Này, Ānanda! Như Lai sẽ đi đến chỗ ngụ của Jambūkājīvaka.

- Bạch Ngài, Ngài sẽ ngự hành đến chỗ như vậy hay sao?

- Phải đó, Như Lai sẽ đi đến chỗ như vậy.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngự đi ngay đến chỗ ngụ của Hào Cầu nhằm lúc buổi xế chiều.

Chư Thiên suy nghĩ rằng: “Chiều nay Đức Bổn Sư ngự đến chỗ của Jambūkājīvaka, mà chỗ ở của ông ta là một tảng đá, ngập tràn rác rến dơ dáy, là chỗ thiên hạ đại tiện hết sức uế trước. Vậy ta cần làm mưa gột rửa chỗ ấy”.

Nghĩ rồi, Chư Thiên dùng thần lực làm cho mưa xuống tức khắc, dội rửa tảng đá bằng cho sạch sẽ tinh khiết. Kế đó, lại có đám mưa hoa ngũ sắc rơi xuống trên mặt thạch bàn. Đến chiều, Đức Thiên Nhơn Sư đến chỗ ngụ của Jambūkājīvaka, Ngài cất tiếng gọi: “Hào Cầu”.

Hào Cầu nghĩ thầm: “Không biết ông này là ai mà gọi xách mé tên ta như vậy”. Ông hỏi “Ai đó?”.

- Như Lai đây, Hào Cầu ạ.

- Ông Đại Sa Môn muốn nói chi?

- Ông hoan hỷ cho Như Lai tạm ngụ đêm nay ở đây nhé.

- Ở đây không có chỗ nghỉ, ông Đại Sa Môn à.

- Này Hào Cầu, ông đừng nên chia rẽ như vậy. Hãy hoan hỷ cho Như Lai nghỉ nhờ một đêm. Phàm là bậc xuất gia thì tập hợp với bậc xuất gia, người thế tập hợp với người thế và thú vật thì tập hợp với thú.

- Vậy ông có phải là bậc xuất gia chăng?

- Cố nhiên ta là bậc xuất gia.

- Nếu ông là bậc xuất gia, thì bát com, bầu nước, những vật tùy thân của bậc xuất gia sao ông không có?

- Ta có đủ hết, nhưng mang theo làm chi nhiều thứ kênh càng, đi đứng bất tiện. Ta để nơi kín đáo, khi nào đi bát mới mang theo.

Hào Cầu nổi giận rằng:

- Nếu thế, ông chỉ mang theo khi đi bát mà thôi à?

Đức Thế Tôn ôn tồn bảo:

- Này Hào Cầu, đừng nóng nảy. Hãy chỉ chỗ cho Như Lai nghỉ đi.

- Này ông Đại Sa Môn, ta đã nói: Ở đây không có chỗ nghỉ rồi mà.

Đức Bổn Sư đưa tay chỉ một sườn núi cách đó, nơi trú của Hào Cầu chẳng bao xa và hỏi: “Ai ở nơi sườn núi đó?”.

- Không có ai cả, ông Đại Sa Môn à.

- Thế thì, ông hoan hỷ cho Như Lai nghỉ ở đó nghe.

- Nơi đó thì tùy ý ông liệu định, ông Đại Sa Môn.

Đức Bổn Sư mang tọa cụ trải nơi sườn núi xong, ngự tọa nơi đó. Đêm hôm ấy, trong canh đầu Tứ Đại Thiên Vương từ bốn hướng phóng ra bốn đạo hào quang, rồi nhập chung lại, bay đến hầu Đức Thế Tôn. Hào Cầu trông thấy ánh sáng tự hỏi: “Ánh sáng gì đây?”. Trong canh giữa có Đức Đế Thích ngự đến, Hào Cầu trông thấy Ngài thì nghĩ thầm: “Ông nào vậy?”. Trong canh cuối là đức Đại Phạm Thiên ngự đến, từ mỗi ngón tay của Ngài phát ra một đạo hào quang có thể soi sáng cả cõi Ta bà. Cả mười ngón tay phát ra mười đạo hào quang có thể soi cả mười phương thế giới, cho nên khi ấy toàn thể khu rừng chỗ Đức Bổn Sư ngự tọa sáng rực như một đám cháy lớn. Thấy Đại Phạm Thiên, Hào Cầu tự hỏi: “Ông này là ai vậy?”.

Sáng sớm hôm sau, Hào Cầu đi đến chỗ ngự của Đức Thế Tôn, chào hỏi thân thiện rồi đứng nép một bên, hỏi Ngài rằng:

- Này ông Đại Sa Môn, hồi đầu hôm có ông nào mà hào quang chói sáng cả bốn góc trời đến chỗ của ông vậy?

- Đó là Tứ Đại Thiên Vương.

- Máy ổng đến chi vậy?

- Đến để hầu hạ Như Lai.

- Nói vậy thì ông cao thượng hơn cả Tứ Đại Thiên Vương hay sao?

- Phải đó Hào Cầu, Như Lai quả thật là vị Tối Thượng Vương (atirāja) trên hết các vị vua.

- Còn lúc canh giữa, ông nào đến vậy?

- Thiên Vương Đế Thích.

- Ông đến chi vậy?

- Đến để hầu hạ Như Lai.

- Nói vậy, ông cũng cao thượng hơn Thiên Vương Đế Thích nữa sao?

- Phải đó Hào Cầu. Như Lai cao thượng hơn cả Đế Thích. Ông ta là người nuôi bịnh và hầu hạ com nước, thuốc men của Như Lai cũng như vị Sa Di vậy.

- Còn trong canh chót, ông nào đến mà hào quang chói sáng khắp cả khu rừng vậy?
- Ông đó là Đại Phạm Thiên mà các thầy tế lễ như các thầy Bà la môn trên cõi thế đều nương nhờ kính ngưỡng, và mỗi khi trọt té, mấy ông thường niệm: “Nam mô Đại Phạm Thiên” đó.
- Nói vậy ông còn cao thượng hơn Đại Phạm Thiên nữa sao?
- Phải đó Hào Cầu! Như Lai quả là vị tối thượng Phạm Thiên, trên tất cả các Đại Phạm Thiên.
- Chà! Ông Đại Sa Môn thật là bậc phi thường. Ta ở nơi đây ròng rã năm mươi năm rồi, mà trong mấy ông đó không một ông nào đến để hầu hạ ta cả. Mặc dầu suốt cả thời gian dài đằng đẳng ta tu khổ hạnh, lấy gió làm vật thực, mà cũng chưa được mấy ông ấy đến hầu hạ như đối với ông bao giờ.

Khi ấy Đức Bốn Sư bảo:

- Này Hào Cầu! Nhà ngươi quen thói đối gạt đại chúng mù quáng si mê, bây giờ định đối gạt cả Như Lai nữa sao? Trong thời gian năm mươi năm qua, ngươi há đã chẳng lấy phấn làm cơm, lấy đất làm giường, lấy da mẹ đẻ làm y phục, lấy sọng lá thốt nốt làm đồ nhỏ tóc hay sao? Thế mà ngươi dám lừa dối thiên hạ nói rằng: “Ta chỉ lấy gió làm cơm, đứng mãi một chân chớ không ngồi, nằm chi cả”. Trong quá khứ, ngươi đã có kiến thức đê hèn, nên hiện tại phải chịu ăn phấn, nằm đất, lỏa thể và nhổ tóc bằng sọng thốt nốt trong bấy nhiêu lâu. Vậy mà giờ đây ngươi còn cố chấp các thứ tà kiến tội lỗi đê hèn ấy mãi ư?

- Trước kia ta đã tạo nghiệp gì đâu, ông Đại Sa Môn?

Khi ấy Đức Bốn Sư mới chỉ rõ tiền nghiệp của Hào Cầu cho ông ta biết.

Nghe Đức Thầy giải đến đây, Hào Cầu phát sanh kinh cảm đến đó, hết sức ghê sợ và hổ thẹn tội lỗi của mình. Ông bần khoản hối hận. Ngay khi ấy, Đức Thế Tôn ném cái choàng tằm (Udakasātaka) xuống, bố thí cho ông ta. Ông vận y rồi, đứng lên đánh lễ Đức Thầy và ngồi xuống một bên.

Bấy giờ, Đức Bốn Sư mới đem tuần tự pháp thoại mà thuyết cho Hào Cầu nghe. Nghe dứt thời pháp, ông chứng đắc A La Hán quả với Tuệ Phân tích, bèn cúi xuống đánh lễ Đức Tôn Sư, đoạn đứng lên ngỏ lời xin Ngài cho ông xuất gia và cho thọ luôn Cụ túc giới.

Như thế là từ đây, bao nhiêu nghiệp báo tiền khiên của Tỳ Khuru này đã hết sạch. Tội mạng sát vị Trưởng Lão Lậu Tận bằng bốn thô ác ngữ của ông trong thời quá khứ đã làm cho địa đại rộng khoảng hai do tuần phải rung động. Sau khi mạng chung, ông đã bị thiêu đốt trong địa ngục A Tỳ, quả dư sót khiến ông thọ khổ trong năm mươi lăm năm qua, đến nay mới chấm dứt. Còn phần phước ông đã tạo bằng sự thực hành Sa Môn Pháp trong hai muôn năm trước không vì tội kia mà hư hoại, cho nên Đức Bốn Sư đưa thẳng cánh tay mặt của Ngài ra, phán bảo:

- Thiện lai Tỳ Khuru! Lại đây Tỳ Khuru, ông hãy thực hành phạm hạnh đi.

Ngay lúc ấy, ông Hào Cầu mất hẳn hình dáng người cư sĩ. Trông ông có vẻ nghiêm trang đạo mạo như Trưởng Lão có sáu mươi tuổi hạ, có đầy đủ tám món vật dụng Sa Môn (Y, bát, dây lưng, dao cạo, ống đựng kim, bình lọc nước).

Dân chúng trong hai xứ Aṅga và Ma Kiệt Đà đều nghe danh của Hào Cầu, nên ngày nào cũng mang lễ vật đến cúng dường ông. Sáng hôm ấy, khi họ đến trông thấy Đức Như Lai thì phân vân tự hỏi: “Không biết Trưởng Lão Hào Cầu của mình với Sa Môn Cổ Đàm, ai lớn hơn ai?”. Rồi họ tự giải đáp rằng: “Nếu như Sa Môn Cổ Đàm lớn hơn thì Trưởng Lão của mình phải đi đến chỗ của ông ta. Đằng này, Sa Môn Cổ Đàm đi đến tìm Trưởng Lão của mình thì chắc hẳn là Trưởng Lão của mình lớn hơn rồi vậy”.

Đức Bốn Sư hiểu rõ tư tưởng của đại chúng, bèn phán:

- Này Hào Cầu! Ông hãy đoạn nghi cho tín đồ của ông đi.
- Bạch Ngài, con cũng định làm như vậy.

Rồi ngài Hào Cầu nhập vào Tứ thiền, đoạn đứng dậy bay bổng lên cao cỡ khoảng cây thốt nốt, tuyên bố rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, Ngài là Đức Tôn Sư còn con là Thịnh Văn đệ tử của Ngài.

Nói rồi, từ trên hư không ông đáp xuống đánh lễ Ngài, đoạn bay lên cao độ hai cây thốt nốt, cao khoảng ba cây thốt nốt... Cho đến lần cuối cao khoảng bảy cây thốt nốt, tuyên bố lên như trước, đoạn hạ xuống đánh lễ Đức Thế Tôn, cho đại chúng biết mình là Thịnh Văn của Đức Thế Tôn.

Thấy vậy, đại chúng nghĩ thầm: “Ôi! Ân đức của Đức Phật thật là vô thượng, phi thường”.

Nhân lúc quần chúng phát tâm tín ngưỡng, Đức Bổn Sư thuyết pháp để phá chấp tà kiến của họ, Ngài bảo:

- Tỳ Khuru này, bấy lâu nay cho rằng mình ở đây hành đạo cao thượng (papacaraṇa), cho nên lễ vật của các người đem dâng cúng, ông chỉ lấy ngọn cỏ thơm, vít một chút để lên chót lưỡi mà thôi. Nhưng cho dầu lúc trước, ông có tu hành khổ hạnh như thế cả trăm năm đi nữa, việc làm ấy của ông chẳng có giá trị bằng một phần mười sáu của người hiểu thông chân lý nhịn ăn một bữa cơm vì có tâm nghi ngại sợ ô nhiễm phạm hạnh của mình.

Tiếp theo Đức Bổn Sư thuyết pháp, giải rộng thêm, rồi đọc lên kệ ngôn rằng:

*“Māse māse kusaggena
Bālo bhuñjetha bhojanam
Na so saṅkhātadhammānam
Kalam agghati soḷasinti”.*

*“Người ngu tháng tháng như nhau,
Ăn chút vật thực bằng đầu cỏ thơm.
So người chúng đắc pháp chơn,
Một phần mười sáu không hơn được mà”.*

□

CHÚ GIẢI:

Theo nghĩa lý bài kệ trên, người ngu (bālo) không thông hiểu Chánh Pháp, đã xuất gia tu theo tà giáo ngoại đạo, không tôn trọng giới luật chẳng hạn. Cho nên, mới nghĩ rằng: “Ta quyết tu khổ hạnh cho đến mức rốt ráo”. Thế rồi tháng này tháng khác, người ấy chỉ thọ thực chút ít bằng đầu ngọn cỏ thơm, nhưng dầu ép xác như thế cả một trăm năm, công phu của người ấy cũng không có giá trị bằng một phần mười sáu của người chúng đắc pháp chơn lý.

Saṅkhātadhamme: Pháp Giác ngộ tức là pháp tri kiến (ñātadhammo), pháp Quán xét (tūlita-dhammo) ở tầng dưới có pháp Giác ngộ của bậc Tu Đà Hườn, còn ở tầng trên có pháp của bậc Lưu Tận là pháp của bậc Thánh nhân, mà người ngu không thể bì kịp một phần mười sáu của các bậc ấy.

Nếu đem so sánh: Tác ý (cetanā) của những người ngu ráng hành khổ hạnh như vậy suốt cả một trăm năm, với tác ý của bậc Giác ngộ chơn lý chịu nhịn một bữa ăn để cho tâm mình khỏi tắc trách hối hận thì tác ý trước tuy có lâu dài, nhưng giá trị cũng chẳng bằng một phần mười sáu của tác ý sau vậy.

Vả lại, nếu đem quả phước do tác ý của người chúng ngộ chơn lý mà chia ra làm mười sáu phần nhỏ nữa, thì một phần nhỏ của quả phước này cũng còn to lớn gấp bội công phu khổ hạnh của người ngu kia.

□

Khi Đức Bổn Sư chấm dứt pháp thoại, có đến tám muôn bốn ngàn chúng sanh giác ngộ chân lý.

DỊCH GIẢ CĂN ĐỀ

*Hành khổ mong cho thoát khổ sâu,
Tu theo tà kiến, khổ thêm lâu,
Ăn đờ, lấy bụi thay quần áo,
Ngủ đất, dùng cây nạo tóc râu.
Quả ác trở qua ngày cuối chót,
Căn lành nhớ lại hạnh ban đầu,
Ngồi nghe Phật thuyết kinh tuần tự,*

V. 12- CHUYỆN NGẠ QUI MÌNH RẮN (Ahipetavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 71)

“Na hi pāpaṃ kataṃ kammaṃ
Sajju khīraṃ'va muccati
ḍahantaṃ bālam anveti
Bhasmācchanno'va pāvako”.

“Nghịch ác như sữa bò,
Mới vắt chưa nổi dậy,
Như lửa ngùn dưới tro,
Ngâm theo đốt kẻ quấy”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Trúc Lâm, đề cập đến con ngạ quỷ mình rắn (ahipeta).

Quả nhiên, một ngày nọ, Trưởng Lão Lakkhaṇa (Thiện Tướng) nguyên là một trong số cả ngàn cựu đạo sĩ hỏa giáo (Jatila) rủ Trưởng Lão Moggallāna cùng đi vào thành Vương Xá khát thực. Trong lúc hai Ngài từ trên núi Gijjhakūta (Kỳ Xà Quật) đi xuống, Trưởng Lão Moggallāna trông thấy con ngạ quỷ mình rắn nên mỉm cười. Trưởng Lão Lakkhaṇa vì không có Thiên nhãn, nên ngạc nhiên hỏi:

- Vì có chi mà đạo hữu mỉm cười?

- Thưa đạo hữu, bây giờ không phải là lúc trả lời câu hỏi của đạo hữu, đạo hữu hãy hỏi tôi khi nào chúng ta giáp mặt Đức Thế Tôn.

Sau khi đi bát trong thành Vương Xá trở ra, hai bạn đồng đạo đến đánh lễ Đức Thế Tôn. Ngồi yên chỗ xong, Trưởng Lão Lakkhaṇa liền hỏi rằng:

- Nầy đạo hữu Moggallāna! Lúc ở trên núi Gijjhakūta đi xuống, thấy bạn mỉm cười, tôi có hỏi cho rõ nguyên do, bạn bảo rằng: Nên hỏi bạn trước mặt Đức Thế Tôn. Vậy bây giờ bạn hãy giải rõ việc ấy đi.

Trưởng Lão Moggallāna liền đáp:

- Thưa đạo hữu, buổi sáng nay tôi có mỉm cười khi trông thấy con ngạ quỷ mình rắn. Con quỷ dị hình nầy, đầu giống như đầu người, còn thân thì sưng đuột giống như mình rắn, cho nên tôi gọi nó là ngạ quỷ mình rắn (ahipeta), bề dài của nó ước độ hai mươi lăm do tuần. Từ trước đầu nó, ngọn lửa bốc lên cháy dài tới sau đuôi, rồi lại bắt đầu từ đuôi cháy ra hai bên, cháy ngược tới trước đầu, hoặc từ giữa mình bốc lửa lên cháy lan ra hai bên, rồi từ hai bên mình bốc lên cháy ra hai phía, rồi từ hai phía bốc cháy nhập lại khúc giữa.

Theo tục truyền rằng: Về giống ngạ quỷ này có hai con, mình dài đến hai mươi lăm do tuần, kỳ dư những con khác chỉ dài độ ba phần tư do tuần mà thôi. Thứ dài hai mươi lăm do tuần như con mình rắn trên đây là một. Còn một con nữa là con ngạ quỷ Ó Nha (kākāpeta) hình thù như con quạ.

Con sau này, Trưởng Lão Moggallāna cũng thấy trên đỉnh núi Gijjhakūta. Thấy nó bị lửa thiêu đốt, Trưởng Lão có thuyết kệ hỏi tiền nghiệp của nó như vậy:

“Pañcayojanikā jivhā
Sīsante navayojanaṃ
kāyo accuggato tuyhaṃ
Pañcavīsatiyojanaṃ
Kinnu kammaṃ karitvāna
Pattosi dukkhamīdissanti”.

Lược dịch:

“Với lưỡi năm do tuần,
Đầu người chín do tuần,
Mình người dài thườn thọt,

*Hai mươi lăm do tuần,
Do nghiệp gì kiếp trước,
Người thọ khổ hiện thân?”.*

Nga quỉ đáp:

*“Ahaṃ bhante Moggallāna
Kassapassa mahesino
Saṅghassābhihaṭṭam bhattam
āharesiṃ yathicchakanti”.*

Lược dịch:

*“Bạch Trưởng Lão Mục Liên,
Thời Kassapa đại hiền,
Lúc Tăng chưa thọ bát,
Con ăn vụng trước tiên”.*

Tiếp theo bài kệ, nga quỉ kể tích rằng:

- Bạch Ngài, trong thời kỳ Đức Phật Kassapa, có nhiều vị vào làng khát thực. Dân làng trông thấy Chư Tăng thì phát tâm ái mộ, nên cung thỉnh quý Ngài vào an ngự trong nhà khách sảng, lấy nước rửa chân quý Ngài rồi thoa xức dầu. Kế đó, họ dựng cháo điểm tâm và đồ ngọt giải lao. Trong khi chờ đến giờ để cúng dường cơm ngô, họ xúm nhau ngồi nghe thuyết pháp.

Sau thời pháp, các thính giả xin thỉnh bát không của quý Ngài, rồi quý Ngài mạnh ai nấy về nhà của mình, lựa toàn cao lương mỹ vị để đầy mỗi bát mà đem đến khách đường.

Lúc bấy giờ, con là một con quạ đang đậu trên mái nhà khách, thấy vậy mới bay xuống mổ ăn ba lần ba vắt cơm bát. Cơm ấy Trưởng Lão Tăng chưa nhận lãnh cũng như chưa kiểm soát rồi bố thí, cũng không phải là cơm của thí chủ từ nhà mình đem đến, với tác ý cúng dường đến toàn thể Trưởng Lão Tăng.

Vì ăn trước ba vắt cơm ấy, và cũng chỉ có tiền ác nghiệp ấy thôi, mà đến khi mạng chung con phải trả quả, bị thiêu đốt trong lửa địa ngục A Tỳ, quả còn dư sót nên giờ đây phải hóa sanh là nga quỉ. Quạ (kākapeta) ở trên núi Gijjhakūta, để chịu khổ như thế này đây.

Trên đây là tiền tích của nga quỉ Quạ, đã thuật lại với Trưởng Lão Moggallāna.

Hôm nay, trước mặt Đức Thế Tôn, Trưởng Lão quả quyết rằng:

- Tôi đã mỉm cười khi thấy nga quỉ mình rắn.

Bấy giờ, Đức Bốn Sư xác nhận lời của Trưởng Lão và phán:

- Này các Tỳ Khuru, Moggallāna đã nói sự thật. Chính Như Lai từ ngày đắc quả Chánh giác cũng đã từng thấy nga quỉ rắn ấy nhưng không nói cho người khác biết vì nghĩ rằng “Những ai không tin lời Như Lai, ắt gặp sự bất lợi”.

Sau khi minh chứng, xác nhận sự mục kích của Trưởng Lão Moggallāna cùng với Lakkhaṇa trong buổi sáng hôm ấy, Đức Bốn Sư thuyết về nhị thập điều (Vīsativatthūni: Có lẽ hai mươi phạm sự của bậc Sa Môn: là setthabhūmissayo... sikkhāpadāripūrī (xin xem kho tàng Pháp Bảo của Trưởng Lão Bửu Chơn).

Nghe Pháp xong, chư Tỳ Khuru còn muốn biết sinh tiền nghiệp của nga quỉ mình rắn, nên bạch hỏi Đức Bốn Sư. Ngài từ bi thuyết tiếp sự tích sau đây:

Tương truyền rằng: Trong thời dĩ vãng xa xưa, có nhiều người hiệp nhau cất lên một thảo xá (paṇṇasālā) ở cạnh bờ sông gần thành Bārāṇasi, rồi dâng đến Đức Phật Độc Giác.

Từ khi ngụ an nơi đó, Ngài vẫn thường thường đi vào khát thực trong thành.

Dân chúng trong thành cũng quen lệ, sáng và chiều mang theo lễ vật như hương hoa đi cúng dường Đức Phật Độc Giác. Con đường của mọi người đi viếng Đức Phật xuyên qua đám ruộng cày của một thanh niên nọ, cũng là dân ở trong thành Bārāṇasi. Vì thế, mỗi ngày hai lần sáng và chiều, tất cả đại chúng đi đến thảo xá của Đức Phật Độc Giác, ai cũng giẫm đạp lên đám ruộng của thanh niên ấy.

Chàng trai đã nhiều phen cản ngăn không cho quần chúng giẫm đạp lên đất ruộng của mình, nhưng cũng vô hiệu. Tức quá, không biết làm cách nào khác, chàng ta nghĩ quấy rằng:

- Nếu như không có thảo xá của vị Sa Môn ở đây, thì họ bật đường lui tới, đâu có đạp bừa lên ruộng của ta.

Vì qui tội cho thảo xá của Đức Độc Giác Phật, nên chàng nông phu thừa lúc Ngài đi vào thành khất thực, chàng đập phá những đồ vật dụng của Ngài tan nát, rồi châm lửa đốt luôn cốc lá.

Khi thấy chỗ ngụ của mình đã cháy tiêu, Đức Phật Độc Giác rời bỏ chỗ ấy đi, không chút gì luyến tiếc.

Đại chúng mang hương hoa đến, trông thấy cốc bị cháy, hỏi chuyển nhau rằng: “Không biết Trưởng Lão của chúng ta đi đâu?”. Chàng trai khi ấy cũng có mặt trong nhóm đại chúng, đến chỗ cốc cháy, chàng đứng giữa đám đông tự khoe rằng: “Chính tay tôi đã đốt thảo xá của ông ấy”.

Quần chúng nổi giận la lên: “Hãy giữ chặt tên ấy. Tại vì nó gây tội ác mà chúng ta không còn được gặp Đức Phật Độc Giác nữa”. Rồi kẻ tay chân, người gậy gộc đánh đập chàng nông dân ấy đến vong mạng. Chết rồi chàng ta bị đọa xuống A tỳ địa ngục, bị thiêu đốt mãi mãi, cho đến khi địa đại cao lên thêm một do tuần mới thoát khỏi nơi đó. Vì còn dư sót quả chàng ta phải hóa sanh ngựa quỷ Rắn, ở trên núi Gijjhakūṭa hiện nay vậy.

Khi thuật hết tích trên đây, Đức Bổn Sư kết luận rằng:

- Nậy các Tỳ Khuru, nghiệp ác bao giờ cũng giống như sữa tươi vậy. Hễ sữa tươi mới vắt ra không biến chất như thế nào thì nghiệp ác bao giờ khi làm chưa thuần thực như thế ấy. Nhưng khi nghiệp quả chín mùi thì lúc bấy giờ kẻ ác phải mang lấy thống khổ triền miên vậy.

Đức Thế Tôn thuyết pháp giải rộng thêm nghĩa lý trường hợp trên đây, rồi Ngài kết thúc bằng bài kệ nầy:

*“Na hi pāpaṃ kataṃ kammaṃ
Sajju khīraṃ'va muccati
ḍahantaṃ bālaṃanveti
Bhasmācchanno'va pāvakoṭi”*

*“Nghiệp ác vừa mới làm ra,
Như sữa mới nặn khó mà đông ngay.
Tro tàn lửa ngùn còn đây,
Ngâm theo kẻ ác, hăng ngày đốt thiêu”.*

□

CHÚ GIẢI:

Sajju khīraṃ: Sữa tươi mới nặn, là sữa từ trong vú bò cái mới nặn ra.

Muccati: Là chín mùi, biến chất, nổi dậy. Sữa bò để lâu mới biến chất thành chua hoặc có đóng váng trên mặt, hoặc đông đặc lại, chớ lúc mới vừa nặn ra nó chưa bị mất tính chất sữa tươi của nó. Cho nên người làm sanh tô, lạc, để hồ cần phải ủ sữa và chờ đợi một thời gian mới có kết quả.

Nghiệp ác cũng vậy, khi mới vừa làm nó chưa trở quả liền ngay lúc ấy. Nếu quả ác thuần thực ngay thì không có ai dám tạo ác nghiệp cả. Những kẻ làm ác sở dĩ còn sống an nhiên do nhờ nghiệp lành quá khứ còn duy trì Ngũ uẩn hiện tại. Nhưng sau khi Ngũ uẩn phân ly, nghiệp quả thuần thực, những người ấy sẽ sa đọa vào khổ cảnh ác thú chẳng sai.

ḍahantaṃ bālaṃanveti: Ngâm theo đốt kẻ ngu.

Bhasmācchannova pāvako: Như lửa ngùn dưới tro. Thật thế, than lửa bị vùi lấp dưới tro nóng thì không cháy lên ngọn, vì có tro che. Nhưng ai vô ý cào lớp tro mặt mà đụng nhằm lửa than thì sẽ bị phỏng da mặt, cháy tay ngay và sẽ có cảm giác nóng dữ dội như lửa cháy xém tới trong óc lặn.

Cũng như thế, sau khi tạo nghiệp ác, kẻ ngu bị nghiệp theo đốt mãi mãi, nhứt là bị sa hỏa ngục trong kiếp thứ hai hoặc kiếp thứ ba chẳng hạn.

*

Khi thời pháp chấm dứt, nhiều vị Tỳ Khuru chứng đắc Thánh quả, nhứt là Tu Đà Huòn quả.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Gặp Phật mà không tạo phước gì,
Còn gây tội ác rõ ngu si,
Ruộng kia trống trải, ngăn người đến,
Đường nọ liền trơn, cấm chúng đi.
Vọng chấp tư điên, đồ địa chất,
Hỏa thiêu thảo xá, cảnh Liên trì,
Nay làm nạ quỷ mình như rắn,
Thọ khổ trường miên khó thoát ly.

DỨT TÍCH NẠ QUỶ MÌNH RẮN



V. 13- CHUYỆN NẠ QUỶ BÚA ĐẬP ĐẦU (Saṭṭhikūṭapetavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 72)

<i>“Yāvadeva anattāya</i>	“Trí danh và tai hại,
<i>ñāttam bālassa jāyati</i>	Đồng đến với kẻ dại,
<i>Hanti bālassa sukkaṃsam</i>	Phá thiện pháp để dành,
<i>Muddham assa vipātayanti”</i>	Đập đầu y tan hoại”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi ngự an tại Trúc Lâm, đề cập đến nạ quỷ bị búa đập đầu (Saṭṭhikūṭapeta). Quả nhiên, cũng như trong truyện tích trước, khi Trưởng Lão Moggallāna đang đi với Trưởng Lão Lakkhaṇa từ trên núi Gijjhakūta xuống, đến một địa điểm nọ, Ngài mỉm cười. Để trả lời câu hỏi về lý do của cái cười này, Ngài bảo bạn đồng hành:

- Đạo hữu nên hỏi tôi trước mặt Đức Bổn Sư.

Thế rồi, sau khi đi bát xong, hai vị Trưởng Lão đồng đến bái kiến Đức Bổn Sư. Khi ngồi xuống đã yên nơi rồi, Trưởng Lão Lakkhaṇa nhắc lại câu hỏi buổi sáng.

Trưởng Lão Moggallāna đáp: “Thưa đạo hữu, tôi đã thấy một con nạ quỷ thân hình cao lồi ba phần tư do tuần. Phía trên đầu nó có đến sáu muôn cái búa sắt cháy lên ngọn lửa, bay lên giáng xuống không ngớt, đập đi đập lại sọ óc của nó nát tan, rồi lại hùn như cũ. Từ trước đến giờ, tôi chưa từng gặp chúng sanh nào có hình thù như thế, nên nay thấy nó, tôi mỉm cười”.

Trong kinh: “Chuyện nạ quỷ (Petavatthu) có bài kệ như vậy:

*“Saṭṭhī kūṭasahassāni
Paripuṇṇāni sabbaso
Sīse tuyham nipatanti
Obhindanteva matthakanti”*

Lược dịch:

*“Sáu muôn búa sắt,
Đều đủ một loạt,
Rớt xuống đầu người,
Đập cho nó nát”.*

Bài kệ này đề cập đến con nạ quỷ mà Trưởng Lão Moggallāna vừa mới nói thấy đây vậy. Khi nghe Trưởng Lão Moggallāna vừa nói dứt lời, Đức Bổn Sư xác nhận rằng:

- Này các Tỳ Khuru, Như Lai cũng đã từng thấy chúng sanh ấy từ khi đấng Chánh Đẳng Giác dưới cội Bồ Đề, nhưng vì lòng bi mẫn, Như Lai không hề thổ lộ với những người khác, vì e có những kẻ không tin lời Như Lai sẽ gặp phải điều bất hạnh. Bây giờ đã có Moggallāna là nhân chứng, nên Như Lai mới nói rõ ra đây.

Nghe vậy, chư Tỳ Khuru bạch xin Đức Thế Tôn giải về tiền nghiệp của con ngựa quỉ nát đầu. Do đó, Đức Bổn Sư thuyết sự tích sau đây:

Tương truyền rằng: Thời quá khứ trong thành Bārāṇasi có người đàn ông què, nhưng y có tài về thuật búng giàn thun (Sālittakasippa) bá phát bá trúng.

Hằng ngày, anh ta đến ngồi dưới gốc một cây đa to tại cổng vào thành. Lũ trẻ con trong làng xúm nhau yêu cầu: “Chú lấy sạn bắn thủng lá cây da cho thành hình con voi coi chú, cho thành hình con ngựa coi chú...”.

Nhờ biểu diễn tài bắn đạn cho nhóm nhi đồng coi thỏa thích, nhà thiện xạ què được chúng đem cơm bánh, vật thực đến cho anh ta ăn.

Một hôm, có đoàn xa giá đức vua ngự đi đến tại gốc cây da tại cổng thành. Lũ trẻ lôi anh què vào giữa những chùm rễ phụ của cây da rồi bỏ chạy trốn hết.

Đức vua ngự vào đứng tại gốc cây đa để nghỉ mát, Ngài thấy bóng râm phủ lên long thể loang lỗ khác thường. Ngài tự nghĩ: “Sao kỳ lạ thế?” Khi ngược nhìn lên thấy những hình voi, ngựa... Theo các lỗ thủng trong tàng lá cây, đức vua phán hỏi: “Ai đã làm việc nầy?”.

Khi nghe thị thần đáp là: “Anh què làm”, đức vua cho đòi anh ta đến trước long nhan và phán rằng: “Viên Ngự sử (purohito) của trẫm rất già hàm lợi khẩu. Dầu cho trẫm có cố gắng khuyên nhủ nhiều phen, ông ta vẫn cứ lảm lòi, khiến trẫm phải bực bội khó chịu. Nhà ngươi có thể bắn chùng một gáo phân dê vào miệng ông ta được không?”.

- Tâu hoàng thượng được. Xin hoàng thượng cho người đặt con ngói sau bức rèm có khoét lỗ nhỏ. Rồi hoàng thượng cùng ngồi với quan Ngự sử phía ngoài. Con sẽ có cách thừa hành thánh lệnh”.

Đức vua làm y theo kế của anh què.

Anh nẩy lấy mũi dao nhọn khoét một lỗ trống trong bức rèm, rồi theo đó phóng viên phân dê vào miệng vừa hở ra của viên Ngự sử đang ngồi lý luận với đức vua. Mãi mê hùng biện để thuyết phục đức vua, vị quan già không hay biết có chuyện khác thường. Hễ lợn phần nào lọt vào miệng là ông ta nuốt luôn viên phần ấy với nước miếng.

Khi đã bắn hết phân dê, anh què lay động bức rèm. Đức vua nhận được mật hiệu của anh ta, biết là phân dê đã hết, bèn phán bảo viên Ngự sử: “Này khanh Đại Học sĩ (ācariya), quả nhân chịu thua, không thể nào biện luận hơn khanh nổi, vì khanh già hàm lợi khẩu quá! Nuốt hết gáo phân dê rồi mà khanh chưa chịu ngậm miệng làm thinh”.

Vị quan Bà la môn hết sức hổ thẹn, từ đó không thể mở miệng nói thêm lời nào với đức vua nữa.

Đức vua hài lòng, triệu anh què vào cung và phán rằng:

- Nhờ khanh mà trẫm mới được an vui.

Đoạn nhà vua ban thưởng cho anh ta đủ thứ phẩm vật, và còn ân tứ thêm bốn làng trừ phú (gāmavara) ở bốn phía thành.

Khi hay biết chuyện nầy, vị quân sư (amacco) đặc lực của đức vua có thuyết kệ rằng:

*“Sādhū kho sippakannāma
Api yādisakīdisaṃ
Passa khañjappahārena
Laddhā gāmā catuddisāti”*

*“Nếu tập luyện cho tinh,
Nghề nào cũng là vinh,
Như anh què bắn sạn,
Được làng bốn phương thành”.*

Vị quân sư lúc bấy giờ chính là Như Lai ngày nay vậy. Thời ấy, có gã nam tử (puriso) trông thấy anh què được hiển vinh phú túc, tự nói thầm rằng: “Ông què nầy còn được tài sản lớn lao, chỉ nhờ vào tài bắn sạ. Vậy ta cũng cần học tập nghề ấy”.

Nghĩ rồi, thanh niên đến bái kiến ông què để xin thọ giáo.

Chàng nói:

- Xin giáo sư (ācariya) truyền nghề bắn sạ cho con.
- Ta không thể truyền nghề bắn sạ cho chú em được.

Tuy bị từ chối, thanh niên cũng không nản chí, cứ lân la chịu đựng, dấm bóp tay chân, phục thị ông thầy què, quyết làm cho ông hài lòng mà thâm nạp mình làm đệ tử. Lâu lâu, mỗi khi thấy thầy có vẻ vui, chàng nhắc lại lời yêu cầu.

Về sau, ông xạ sư cũng xiêu lòng, không nỡ phụ rẫy công lao khó nhọc của người hầu hạ, ông mới đem hết sở trường của mình truyền lại cho y. Khi thanh niên đã tinh thông nghề bắn sạ, giáo sư hỏi chàng: “Bây giờ con đã thành nghề, vậy con định sẽ làm gì sau khi xuất sư?”.

- Thưa thầy, con sẽ ra đi để thực hiện tài nghệ của con.

- Nghĩa là con sẽ làm gì?

- Dạ thưa, con sẽ hạ sát bò cái hay là người ta bằng một phát đạn.

- Con ơi, con bắn chết bò cái thì phải bồi thường một trăm đồng vàng, còn bắn chết người thường dân thì phải bồi thường ngàn đồng vàng nhân mạng. Con đem bán vợ đợ con mà mang tai họa đó con. Trừ khi vật gì không gia tộc, cha mẹ vợ con chi, khi bị bắn thì không có ai đòi tiền thiệt hại.

- Thưa sư phụ, vâng.

Đoạn chàng ta lượm sạ bỏ đây một cái bao nhỏ mang theo kè trên bắp vế, ra đi tìm mồi. Gặp con bò cái, gã không dám hạ sát, vì nghĩ rằng “Con bò nầy có chủ”.

Thời bấy giờ, có vị Độc Giác Phật (Paccekabuddha) hồng danh là Thiện Nhân, Ngài an cư trong một thảo xá ở phụ cận thành. Lúc ấy, Ngài đi vào thành khất thực, còn đang đứng tại cổng thành.

Thấy Ngài, thanh niên nghĩ rằng: “Ông nầy không cha, không mẹ, không bà con họ hàng chi cả, có bắn chết ông ta cũng không ai đòi bồi thường nhân mạng. Vậy để ta bắn ông nầy thí nghiệm tài nghệ của ta”.

Giương giàn thun thẳng cánh, thanh niên nhắm ngay lỗ tai phải của Đức Độc Giác Phật, bắn ra một phát. Viên sạ bay vào lỗ tai phải, rồi lọt ra ngoài theo lỗ tai trái. Đức Phật Độc Giác thọ khổ thái quá, không đi bắt được nữa, nên bay về thảo xá và Vô dư Níp Bàn.

Dân chúng thấy vắng bóng Đức Phật đi trì bình, nghĩ:

- Chắc có lẽ Ngài đau yếu chi chăng?

Khi đến thảo xá, trông thấy Ngài đã viên tịch, ai cũng thở than, khóc lóc.

Thấy thiên hạ kéo nhau đến thảo xá, thanh niên cũng đi theo. Đến chỗ nhục thể của Đức Độc Giác, chàng tự thú nhận rằng mình đã hạ sát Ngài: “Ông nầy đi vào thành khất thực, còn đang đứng giữa cổng, ngay trước mặt tôi. Hôm nay là ngày tôi xuất sư, nên tôi bắn ông ta để thử tay nghề đó”.

Đại chúng đồng thanh la ó: “Giữ chặt nó lại, giữ chặt nó lại. Hẳn đã tự xưng là thủ phạm bắn chết Đức Phật Độc Giác của chúng ta”. Thế rồi, phần đông xúm nhau đánh đập gã thanh niên sát nhân cho đến khi y mệnh chung. Chết rồi, chàng ta bị đọa vào hỏa ngục Vô Gián (avīci) bị thiêu đốt rất lâu, cho đến thời địa cầu nầy dày thêm một do tuần, mới thoát khỏi nơi đó. Do quả còn dư sót, chàng ta hóa sanh làm con ngựa quỉ bị búa đập đầu ở trên núi Gijjhakūṭa.

Thuật dứt câu chuyện nầy, Đức Bốn Sư kết luận rằng:

- Nầy các Tỳ Khuru! Phàm là người ngu mà được nghề nghiệp thiện xảo hoặc của tiền quyền chức, thì họ tự hại lấy bản thân như thế.

Đức Bốn Sư thuyết pháp giải rộng thêm nghĩa lý rồi đọc kệ ngôn rằng:

“Yāvadeva anattāya

*ñāttam bālassa jāyati
Hanti bālassa sukkamsam
Muddhamassa vipātayanti”.*

*“Người ngu được trí danh nhiều,
Tài cao để khiến tự chiêu tội tình.
Làm tiêu thiện pháp để dành,
Đầu y cũng phá tan thành chẳng sai”.*

□

CHÚ GIẢI:

Yāvadeva: Là tiếng liên từ hay tiếp tục từ (nipāto) có ý nghĩa là vô lượng vô biên (avaddipanicchedana).

ñāttam: Là trạng thái của người có kiến thức, có danh tiếng, người nào có nghề nghiệp hay nghiệp giỏi hoặc có quyền cao chức trọng thì bao giờ cũng được tiến của danh vọng, từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội. Ai ai cũng nghe biết đến thân thế của họ một cách rõ ràng. Tiếng ñāttam hàm cả hai nghĩa như trên.

Đối với người ngu, hễ tài năng, chức nghiệp hoặc là của tiền quyền thế, phát sanh lên lúc nào thì tai họa cũng đồng thời phát sanh lên y lúc ấy. Bởi vì y ỷ lại vào trí danh ấy mà tự chiêu lấy tội vào thân.

Hanti: Phá hủy, tiêu diệt.

Sukkamsam: Là thiện pháp để dành, tức là phước tích trữ do nghiệp lành quá khứ.

Quả nhiên, trong lúc trí danh bắt đầu phát sanh lên cho kẻ ngu thì vốn thiện pháp để dành từ trước của y cũng bắt đầu suy sụp, tiêu hoại.

Muddham: Là cái đầu hay cân não, nghĩa bóng là trí tuệ.

Vipātayam: Là tiêu diệt phá tan, đập vỡ ra. Quả nhiên người ngu bị trí danh phá tan vỡ thiện pháp của họ, phá tan vỡ luôn cả cái gọi là trí tuệ, đầu não của họ nữa.

□

Thời pháp vừa dứt, nhiều vị Tỳ Khuru đắc thánh quả, nhưt là Quả Tu Đà Huờn.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Người ngu được thế dám làm ngang,
Gặp bậc chân tu bắn giết càng,
Sạn nhỏ một viên vào óc Phật,
Búa to muôn cái đập đầu chàng,
Phô danh chưa thấy danh thêm rạng,
Tạo khổ nào hay khổ lại mang,
Hỏa ngục thiêu còn dư sót lại,
Làm thân nạ quỉ đỉnh Linh Sơn.*

DỨT TÍCH NGẠ QUỈ BỊ BÚA ĐẬP ĐẦU

V. 14- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO THIỆN PHÁP (Sudhammattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 73-74)

*“Asataṃ bhāvanam iccheyya
Purekkhāraṇ ca bhikkhusu*

*“Ham danh không tương xứng,
Chức vị Tỳ Khuru trưởng,*

*avāsesu ca issariyam
pūjā parakulesu ca”.*

–”Mam eva kata maññantu

Gihī pabbajitā ubho

Mameva ativasā assu

Kiccākiccesu kismiñci

Iti bālassa saṅkappo

Ichā māno ca vaḍḍhati”.

Quyển hành tại chùa chiến,

Lễ vật ngoài nhân chúng”.

“Mỗi việc chính ta làm,

Tăng tục cả hai ban,

Phải tùy ta sắp đặt,

Từng chi tiết nhỏ nhặt,

Người ngu chỉ bao hàm,

Càng ngã mạn tham lam”.

Kệ Pháp Cú này, đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an cư tại Kỳ Viên, để cập đến Trưởng Lão Thiện Pháp (Sudhamma) và một Cận sự nam. Chuyện ấy phát khởi từ thành Macchikāsaṇḍa, về sau chấm dứt tại thành Sāvattihī.

Quả thật, trong thành Macchikāsaṇḍa (Mạc Thi Ca), có vị cư sĩ tên là Citta (Hữu Tâm). Khi trông thấy Trưởng Lão Mahānāma thuộc nhóm năm vị Koṇḍañña, đang trì bình khát thực, tướng mạo trang nghiêm thì sanh lòng tín ngưỡng, bèn ra rước bát và thỉnh Trưởng Lão vào nhà để cúng dường thực phẩm.

Sau khi Trưởng Lão thọ thực xong, ông được Trưởng Lão thuyết pháp cho nghe, khiến ông đắc quả Tu Đà Huờn. Với đức tin kiên cố, ông muốn kiến tạo một ngôi vườn du ngoạn của mình, mệnh danh là Ambānakavana thành một cảnh Già Lam của Trưởng Lão Tăng, nên ông làm lễ dâng cúng ngôi vườn bằng cách xối nước lên tay của Trưởng Lão Mahānāma và phát nguyện rằng:

“Ngay trong sát na nầy, xin cho Phật Pháp được thành tựu”. Nước xối vừa hết thì khắp mặt địa cầu đều chuyển động.

Tiếp theo đó, nhà đại gia sản lo sửa sang ngôi vườn, lập nên ngôi đạo tràng đại tự, là nơi lúc nào cũng mở rộng cửa ngõ mà đón tiếp khách Tăng tứ phương. Trưởng Lão Sudhamma được cử làm vị trụ trì ở xứ Macchikāsaṇḍa.

Khi hay tin hai vị Thượng Thỉnh Văn của Đức Thế Tôn đi gần đến, ông Citta ra đi một quãng đường xa nửa do tuần để nghinh tiếp và đưa Ngài về chùa mình. Lo phục dịch cho hai vị khách Tăng, tẩy trần và dâng nước giải lao xong, ông ngỏ lời xin Đức Pháp Chủ (Dhammasenāpati):

- Bạch Ngài, con ao ước được nghe thuyết pháp đã lâu. Xin Ngài từ bi hoan hỷ ban bố cho con một vài lời.

Khi ấy, Trưởng Lão Sāriputta đáp: Nầy ông Thiện nam, Chư Tăng chúng tôi còn mệt mỏi vì đi đường xa, nên chỉ thuyết chút ít thôi. Vậy ông hãy ráng nghe.

Trong lúc vị Pháp chủ thuyết pháp, ông hữu tâm chú ý lắng nghe và đắc quả A Na Hàm.

Đến cuối thời pháp, ông đánh lễ hai vị Thượng Thỉnh Văn:

- Bạch hai Ngài, con xin cung thỉnh hai Ngài cùng với một ngàn vị Tỳ Khuru, ngày mai đến thọ thực nơi nhà con.

Thỉnh những khách Tăng trước rồi, sau đó ông Citta mới thỉnh đến vị trụ trì là Trưởng Lão Sudhamma: “Bạch Ngài, con cũng xin thỉnh Ngài, ngày mai đi chung với hai Ngài Trưởng Lão”.

Cho rằng mình bị mất mặt vì được thỉnh sau các vị khách Tăng, vị trụ trì nổi giận từ khước ngay. Mặc dầu thí chủ van nài khẩn khoản, Trưởng Lão cũng không đổi ý.

Thấy vậy, ông Thiện nam Citta đành ra về với lời từ giả:

- Bạch Ngài, xin Ngài thông cảm giùm con.

Ngày hôm sau, ông Citta ở nhà lo sắp đặt cuộc lễ Trai Tăng rất long trọng.

Từ mờ mờ đất, vị trụ trì ở chùa cũng ngồi không yên, nghĩ thầm rằng: “Để sáng mai ta đến nhà thí chủ coi ông ta cúng dường hai vị Thượng Thỉnh Văn những lễ vật thế nào cho biết”.

Chờ khi trời sáng tỏ, Trưởng Lão Sudhamma đắp y mang bát, đi đến nhà Citta, nhưng không chịu ngồi. Mặc dầu gia chủ có lời cầu thỉnh, Trưởng Lão nói rằng: “Ta không ngồi đâu, ta sẽ đi trì bình khát thực”.

Nói rồi, Trưởng Lão đưa mắt nhìn xem những lễ vật sắp đem cúng dường đến hai vị Thượng Thỉnh Văn, cố ý muốn xúc phạm đến dòng dõi gia chủ, mới bảo rằng:

- Này gia chủ, những lễ vật cúng dường của ông trọng thể quá, nhưng hiểm vì còn thiếu một món.

- Bạch Ngài, còn thiếu món chi.

- Bánh mè (Tilasaṅkulikā), gia chủ ạ.

Nghe lời châm chích khiếm nhã, ông Citta thuật chuyện ngụ ngôn “Con quạ và con gà mái”, có ý khuyên vị trụ trì thốt ra những lời đạo đức như Phật ngôn chẳng hạn, chớ dùng dùng những tiếng lóng như tiếng “bánh mè”.

Trưởng Lão Sudhamma bất mãn còn nóng nảy thêm, vì đổ lỗi cho ông cư sĩ, dám so sánh mình với con quạ: “Này, gia chủ, Ta sẽ ra khỏi đất chùa của ông liền bây giờ đây”.

Mặc dầu ông Citta hết sức phân trần là mình không dám nói phạm thượng và yêu cầu Trưởng Lão Su-dhamma đến ba lượt, Trưởng Lão cũng bỏ chùa, đi về Sāvattthī đánh lễ đức Bốn Sư và tường trình cuộc đấu khẩu giữa Trưởng Lão và ông Citta.

Đức Bốn Sư phán rằng: “Cận sự nam của ông là người có đức tin trong sạch, mà ông lại thô lỗ cộc cằn miệt thị người ta”. Phán rồi, đức Bốn Sư triệu tập Tăng chúng, dạy tụng tuyên ngôn khuyến cáo, nhắc nhở (paṭisāraṇīyakammaṃ) Trưởng Lão Sudhamma (bài tuyên ngôn bằng Pāli có ghi trong Tạng Luật, quyển thứ 9, chương 134).

Sau khi sám hối giữa Chư Tăng, Trưởng Lão còn phải vâng lời đức Bốn Sư trở về chùa để chịu lỗi với ông Citta nữa.

Về chỗ cũ, đến giáp mặt ông Thiện nam Citta, Trưởng Lão nói:

- Này gia chủ, ta đã biết lỗi, người hãy miễn lỗi cho ta.

Nhưng gia chủ Citta từ chối không chịu tha thứ, nói rằng:

- Con không thể tha thứ.

Trưởng Lão Sudhamma ngỡ ngàng quá, không mở miệng được, vì nhớ lại chuyện mình đã cương quyết bác bỏ lời thỉnh cầu của ông ta. Trưởng Lão làm thỉnh quay về Sāvattthī một lần nữa.

Vẫn biết là vị Tỳ Khuru nầy cống cao ngã mạn, nhứt định không chịu lỗi với Thiện nam, thà là đi suốt quảng đường xa ba mươi do tuần rồi trở về không, nên đức Bốn Sư cứ để cho đi mà không chỉ dạy cách thức xin lỗi làm sao cả.

Khi Trưởng Lão trở về Kỳ Viên, đức Bốn Sư phái một Tỳ Khuru khác cùng đi với Trưởng Lão để giúp cho Trưởng Lão tự thắng được tánh ngã mạn và dạy rằng:

- Ông hãy đi chung với ông nầy đi xin lỗi ông Thiện nam.

Đức Bốn Sư còn nhấn mạnh thêm rằng:

- Hễ là Sa Môn thì không nên nghĩ quấy như vậy: Chùa của ta, đạo tràng của ta, Thiện nam của ta, tín nữ của ta hoặc lộ vẻ kiêu căng, tật đố. Vì làm như thế thì các thứ phiền não nhất là tật đố và ngã mạn tự nhiên tăng trưởng thêm lên.

Kết luận xong, đức Bốn Sư thuyết pháp, đoạn Ngài chấm dứt bằng kệ ngôn rằng:

*“Asantaṃ bhāvamiccheyya
Purekkhāraṅca bhikkhusu
āvāsesu ca issariyaṃ
Pujā parakulesu ca”.*

- *“Mam eva kata maññantu
Gihī pabbajitā ubho
Mameva ativasā assu*

Kiccākiccesu kismiñci
Iti bālassa saṅkappo
Ichhā māno ca vaḍḍhati”.

“Ham danh không xứng đức tài,
Chức vị Sư trưởng, quyền oai nhất chùa.
Gồm râu đệ tử tín đồ,
Lễ vật dung cúng dư thừa cũng cam”.

“Việc này do chính ta làm,
Việc lớn, việc nhỏ bao hàm tự ta...
Người ngu cứ tưởng sai ngoa,
Muốn cho Tăng tục biết qua việc mình.
Nên lòng ngạo mạn phát sinh,
Lòng tham lam cũng mặc tình gia tăng”.

□

CHÚ GIẢI:

Asantaṃ... (là danh không xứng) nghĩa là Tỳ Khuru ngu dốt lại ham muốn danh vọng mà mình không xứng đáng vì thật không có tài đức, ví dụ mình không có chánh tín mà tuyên bố: Tôi là người có chánh tín và muốn cho ai nấy cũng nhìn nhận mình là người có chánh tín. Do tà dục, người ngu nói ra những lời tương tự như vậy, chẳng hạn mình là người tà tín, phá giới ít kiến văn, không thích đọc kinh, biếng nhác, tâm bất định, trí tuệ kém, chưa dứt trừ lậu hoặc mà vẫn tuyên bố: “Hãy biết rằng tôi là người ai cũng tán dương: Đây là bậc chánh tín, bậc giới đức, bậc đa văn, bậc độc cư, bậc tinh tấn, bậc có tâm thanh tịnh, có đầy đủ trí tuệ, là bậc Lưu Tận”. Như vậy gọi là ham danh không xứng đáng.

Purekkhāram: Chức vị Tỳ Khuru trưởng (dẫn đầu cả nhóm), nghĩa là ham muốn chỗ ngồi trên trước cả đoàn Tỳ Khuru trong chùa, để Tăng chúng hộ tống mình và bầm bạch hỏi han mọi công việc.

āvāsesu: (Quyền hành tại chùa chiền, nơi đạo tràng) là trong chỗ ngụ của Tăng chúng, như ở giữa vườn chùa có chỗ ngồi cao sang thì mình dành riêng cho các Tỳ Khuru bạn mới bạn cũ của mình. Chính mình chiếm địa điểm quý báu nhất. Còn đối với các khách Tăng thì chỉ định những chỗ ngụ dơ bẩn, bất tiện, ở bên ranh vườn chùa và chỗ có phi nhơn giữ gìn. Như vậy là muốn chiếm độc quyền về chỗ ngụ trong chùa.

pūjā parakulesu ca: (lễ vật ngoại nhân cúng). Tỳ Khuru có tâm tham tứ vật dụng của tín thí cúng dường, muốn rằng: “Cha, phải chi họ chỉ dung đến một mình ta, chớ đừng dâng cho ai khác hết.”

Mam'eva kata maññantu, Gihī pabbajitā ubho (mọi việc chính ta làm, Tăng tục cả hai ban) người ngu hăng tư duy tự lập công trạng như vậy: Tất cả hai bên Cư sĩ và Xuất gia phải biết rằng: Bất cứ việc chi lớn nhỏ trong chùa từ việc quét tước, sắp đặt trong chỗ Tăng phát lộ cho đến việc kiến thiết những cơ sở mới đều do Trưởng Lão của ta đứng ra chỉ huy mới thành tựu, mới kết quả mỹ mãn.

Mam'eva ativasā assu, kiccākiccesu kismiñci (Phải tùy theo ta sắp đặt, từng chi tiết nhỏ nhặt). Người ngu tư duy như vậy: Tất cả hai hạng Cư sĩ và Xuất gia đều nhờ quyền lực ảnh hưởng của ta mới có được nào là xe cộ, bò bê, dao mác, búa rìu. Dầu là việc nhỏ nhen như việc nấu cháo ăn sáng, tất cả mọi công việc lớn nhỏ phải làm cách nào đều phải hỏi lại ta để ta định đoạt.

Iti bālassa saṅkappo, icchā māno ca vaḍḍhati (Người ngu nghĩ như vậy, càng ngã mạn tham lam). Khi tà tư duy đã phát sanh lên như vậy thì không bao giờ có được Tuệ minh sát hay là Đạo quả tăng tiến được nữa. Trái lại, ái dục (taṇhā) sẽ dấy lên theo sáu cửa và đồng tăng trưởng với tâm ngã mạn như toàn thể nước thủy triều dung lên trong đục hải.

□

Khi thời pháp chấm dứt, nhiều vị Tỳ Khuru chúng đắc Thánh Quả, nhưt là Dự Lưu.

Trưởng Lão Sudhamma nghe Đức Thế Tôn ban huấn từ xong, đành lễ Ngài, rời khỏi chỗ ngồi đứng lên nhiễu quanh Ngài ba vòng đoạn cùng vị Tỳ Khuru bạn lên đường đi Mạc Thi Ca.

Vừa trông thấy ông Thiện nam Citta, Trưởng Lão đã lên tiếng chịu lỗi và xin ông miễn thứ. Ông Citta đáp:

- Bạch Ngài, con xin miễn lỗi cho Ngài. Nếu con có lỗi chi, xin Ngài tha thứ cho con.

Sau khi sám hối với Thiện nam, Trưởng Lão Sudhamma lấy huấn từ của đức Bổn Sư làm đề tài suy niệm và ngày sau Trưởng Lão đã giác ngộ đắc ngay quả A La Hán với Tuệ Phân tích.

Còn ông Thiện nam nghĩ thầm: Từ lúc đắc quả Tu Đà Hườn ta chưa gặp được đức Bổn Sư, kể đến đắc quả A Na Hàm ta cũng chưa gặp được Ngài. Vậy ta phải đến bái yết Ngài mới được.

Thế rồi, ông Citta chuẩn bị lễ vật cúng dường như là gạo, mè, đường, sữa, khăn... Chất đầy năm trăm cỗ xe bò. Ông thỉnh Chư Tăng vị nào muốn đến bái yết đức Bổn Sư thì nên đi chung đoàn, khỏi lo đi bát cực nhọc. Ông thỉnh Tỳ Khuru Tăng, Ni, và luôn cả Cận sự nam, nữ nữa.

Thành ra tất cả năm trăm Tỳ Khuru, năm trăm Tỳ Khuru Ni, năm trăm Thiện nam và năm trăm Tín nữ nữa. Vậy đoàn cùng đi với ông Citta cùng với ba ngàn tùy tùng của ông. Với con số của đoàn lữ hành cùng với con đường dài ba mươi do tuần đông đảo như thế, mà ông lo lắng sắp đặt mọi việc rất chu đáo, không để cho ai phải thiếu cơm vật thực chi hết.

Khi hay đoàn hành hương đã lên đường, Chư Thiên lập trại cách khoảng đường từng mỗi do tuần một, để khoản đãi chúng bằng những vật thực như cháo, cơm, bánh, nước... của cõi Trời. Do đó, không ai thiếu thốn món chi cả.

Được Chư Thiên đón đưa như thế, đoàn hành hương đi mỗi ngày được một do tuần. Đúng một tháng họ mới đến kinh thành Sāvattihī. Số đồ vật đem theo còn đầy nguyên trên năm trăm cỗ xe bò Chư Thiên và nhân loại đồng dốc tay cho hết tặng phẩm rồi mới từ biệt.

Hôm ấy, đức Bổn Sư bảo Trưởng Lão Ānanda “Nầy Ānanda chiều nay, khi bóng xế tà. Gia chủ Citta dắt theo năm trăm Thiện nam, sẽ đến đánh lễ Như Lai”.

- Bạch Ngài, trong lúc ông đánh lễ Ngài, sẽ có hiện tượng huyền diệu chi chăng?

- Nầy Ānanda, sẽ có

- Bạch Ngài, sẽ có việc chi?

- Lúc đánh lễ Như Lai, thì khắp một vùng vương thổ rộng độ tám sào, sẽ có Chư Thiên làm mưa hoa dày đặc rơi xuống, bề cao ngập lụt đầu gối.

Kim ngôn nầy được dân chúng trong thành nghe được, họ truyền tin cho nhau: “Nghe nói có một gia trưởng tên là Citta là bậc đại phước sẽ đến đây hôm nay để đánh lễ đức Bổn Sư. Nghe nói sẽ có hiện tượng huyền diệu như vậy. Chúng ta cũng nên đi xem cho biết mặt nhà đại phước ấy”. Thiên hạ mang theo quà biếu, ra đứng chờ hai bên lề đường”.

Khi đến gần chùa Kỳ Viên, năm trăm vị Tỳ Khuru vào trước nhưt. Gia trưởng Citta dẫn đoàn Tín nữ: “Quý bà quý cô hãy rảo chờ vào sau”. Rồi tự mình dắt cả đoàn năm trăm Thiện nam đi đến chỗ đức Bổn Sư đang ngự.

(Theo lệ thường, ngay trước mặt Đức Thế Tôn không có ai dám đứng hoặc ngồi hay làm cái chi khác. Luôn luôn người ta chừa trống con đường trước mặt Đức Thế Tôn và chỉ đứng thành hàng ở hai bên).

Thấy chỗ trống rộng rãi, gia trưởng Citta đi ngay vào đó.

Những Thánh Thinh Văn đắc từ tam quả trở xuống, lấy mắt nhìn nhau, hồi hộp, đại chúng cũng chăm chú nhìn, họ kháo nhau: “Ông ta là gia trưởng Citta phải không?”.

Đến chỗ Đức Thế Tôn đang ngự, ông Citta đi vào trong vòng hào quang sáu màu của Ngài, rồi sụp xuống đánh lễ và ôm chân của Ngài.

Ngay trong giây phút ấy, hoa trời rơi xuống như mưa. Muôn ngàn tiếng chúc: “Lành thay! Lành thay!” vang dậy.

Ông Citta lưu lại bên Đức Thế Tôn trong thời gian một tháng. Lúc ấy, mỗi ngày đều có lễ Trai Tăng trong chùa Kỳ Viên, do Thiện tín cúng dường cho toàn thể chư Tỳ Khuru Tăng Đức Phật làm tọa chủ. Ông Citta và đoàn tùy tùng của ông cũng được thiết đãi tại chùa. Không có ngày nào mà ông

phải đi lấy vật dụng chi để trên xe bò của ông cả. Chư Thiên trong nhân loại mang tặng phẩm đến Trai Tăng và đảm đương tất cả mọi việc cúng dường.

Đến giáp tháng, ông Citta vào đánh lễ đức Bổn Sư và bạch rằng:

- Bạch Ngài, con đến đây với mục đích cúng dường, nhưng con không lấy được món gì trên xe con đem theo mà cúng dường đến Ngài được cả, vì đã có Chư Thiên và nhân loại mang lễ vật đến cúng dường suốt một tháng qua. Dầu cho con có nán ở lại đây một năm nữa, nhắm con không có thể dâng cúng lễ vật của con được bao giờ. Nay con định về xứ, xin Ngài chỉ định chỗ nào cho con chắt hết đồ đạc trên xe bò xuống, để trở về xe không.

Đức Bổn Sư dạy Trưởng Lão Ānanda: “Nầy Ānanda! Ông hãy chỉ cho ông Thiện nam nầy địa điểm để ông ấy chắt đồ trên xe bò xuống, để trở về xe không”.

Đức Bổn Sư bảo Trưởng Lão Ānanda, Trưởng Lão vâng lệnh, chọn một địa điểm thích nghi, rồi họp Tăng tụng tuyên ngôn, nhìn nhận địa điểm đúng theo Luật (Kappiyabhūmi). Tương truyền rằng: Đức Bổn Sư cho phép chỉ định địa điểm thích hợp là do nơi lời yêu cầu của gia trưởng Citta vậy.

Sau khi dốc hết đồ vật trên xe bò xuống, ông Thiện nam Citta cùng với ba ngàn tùy tùng lên đường trở về xứ. Nhưng Chư Thiên và nhân loại đồng nói: “Thưa Ngài, chẳng lẽ Ngài đi xe không mà về hay sao?”. Nói rồi đồng đem đồ thất bảo làm quà tặng chắt đầy các cỗ xe bò.

Ông Citta đích thân đứng ra phân phát bố thí các tặng phẩm cho quần chúng, hết rồi mới đi.

Thấy vậy, Trưởng Lão Ānanda đánh lễ đức Bổn Sư và bạch rằng:

- Bạch Ngài, trong lúc gia chủ Citta từ nhà đến yết kiến Ngài, ông đã đi suốt một tháng, và ở đây mãi một tháng ông lại trở về, suốt cả thời gian ấy, ông không ngớt nhận tặng phẩm mỗi ngày. Hôm nay, biết tin ông cúng dường hết tặng phẩm trên xe bò để trở về với xe không, Chư Thiên và nhân loại lại dâng rằng “Thưa Ngài, chẳng lẽ Ngài đi về xe không?”. Rồi đem đồ thất bảo làm quà tặng chắt đầy các cỗ xe bò cho ông và nghe nói đích thân ông đứng ra bố thí hết tặng phẩm đến đại chúng rồi mới đi. Bạch Ngài, có phải là ông chỉ được danh dự như thế trong khi đến hầu Ngài mà thôi, hay là khi đến hầu vị nào khác, ông cũng được như vậy?

- Nầy Ānanda! Dầu là đến với Như Lai hay đến với vị nào khác, danh dự cũng phát sanh lên cho ông Thiện nam nầy. Quả thật vậy, vì ông là người có đức tin trong sạch, có đầy đủ giới hạnh. Người như thế đi đến xứ nào cũng được sự tôn kính của mọi người.

Thuyết đến đây, đức Bổn Sư đọc bài kệ nầy, về sau được xếp vào phẩm Tạp Lục (Pakiṇṇaka vagga).

*“Saddho sīlena sampanno
Yaso bhogasamappito
Yam yam padesaṃ bhajati
Tattha tattheva pūjitoti”*

*“Bậc chánh tín, giới hạnh,
Hữu danh, tài sản Thánh,
Dầu đến ở xứ nào,
Cũng được người tôn kính.*

Nghĩa lý của bài kệ nầy sẽ được giải thích rõ ràng nơi phẩm Tạp Lục.

Nghe vậy, Trưởng Lão Ānanda bạch xin Đức Thế Tôn thuật tiền nghiệp của gia chủ Citta.

Đức Bổn Sư bèn nhắc tích rằng:

“Nầy Ānanda! Citta đã từng phát nguyện dưới chân Đức Phật Thượng Liên Hoa. Sau khi luân hồi lên xuống trong các cõi trời và người hết một trăm ngàn đại kiếp (kappa), đến thời Đức Phật Kassapa ông thọ sanh vào dòng thợ săn nai (Migaluddaka). Đến tuổi trưởng thành, ông cũng sống về nghề săn bắn.

Một hôm nhằm lúc trời mưa, ông cầm lao đi vào rừng để săn thịt. Đang nhìn kiếm nai, chợt trông thấy vị Tỳ Khưu đầu trùm y, đang ngồi sườn núi, ông nghĩ thầm:

- Đây chắc là vị Sa Môn đang hành Sa Môn pháp, ta hãy đem com đến dâng cúng Ngài.

Ông thợ săn nai hối hả trở về nhà bảo vợ nhóm lò lửa, một lò nấu thịt săn được hôm qua, một lò nấu cơm. Khi ấy, vật thực đã sẵn sàng, ông thấy những Tỳ Khuru khác đang đi trì bình khát thực, ông cũng ra thỉnh bát, dọn chỗ mời các vị ngồi, rồi dặn người nhà lo hộ độ các vị Trưởng Lão trì bình, còn mình thì lấy giỏ đựng cơm bát đem đi dọc đường, ông hái nhiều thứ hoa đẹp trên nắp bát rồi đi ngay đến cho vị Trưởng Lão đang tịnh tọa.

- Bạch Ngài, xin Ngài từ bi tế độ cho con.

Nói rồi, ông rước lấy bát, sốt đây cơm canh xong, dâng hai tay đến Trưởng Lão và cúng dường luôn những hoa tươi mới hái.

Khi ấy, ông phát nguyện rằng: “Do tâm con thỏa thích trong khi cúng dường bát cơm ngon lành cùng với những đóa hoa tươi đẹp như vậy như thế nào, xin cho con tái sinh lên trong cõi nào, bất cứ nơi đâu cũng được hằng ngàn quà tặng đem đến cho con và có mưa hoa ngũ sắc trên trời rơi xuống, làm cho tâm con thỏa thích cũng như thế ấy”. Nhờ tạo thiện nghiệp suốt đời, đến lúc hết tuổi thọ ông được siêu sinh lên Thiên giới. Nơi ông sinh ra, có hoa trời mưa xuống, cao tới đầu gối. Bây giờ cũng như ngày ông chào đời, lúc ông đến nơi đây, ông được hoa trời rơi xuống đón mừng, được vô số tặng phẩm đem đến biếu và được bảy vật báu chất đầy xe bò như thế, là do nơi quả phước cúng dường của tiền nghiệp ấy vậy”.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Vì chút si mê muốn đứng đầu,
Trụ trì Thiện Pháp nặng lo âu,
Danh cao chẳng trọn, công đàn hành bỏ,
Chức lớn không toàn, lợi miễn thân.
Trách kẻ hữu tâm lời nhã nhặn,
Quên mình vô ý, tánh câu mâu,
Nhờ kinh Pháp Cú, thấy khuyên dứt,
Diệt ngã hành thâm đắc đạo mầu.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO THIỆN PHÁP



V. 15- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO TISSA Ở RỪNG (Vanavāsītissattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 75)

<i>“Aññā hi lābhūpanisā</i>	“Đường theo thế lợi khác,
<i>Aññā nibbānagāminī</i>	Đường đến Níp Bàn khác,
<i>Evametaṃ abhiññāya</i>	Như vậy hiểu biết rành,
<i>Bhikkhu buddhassa sāvako</i>	Tỳ Khuru, đệ tử Phật,
<i>Sakkāraṃ nābhinandeyya</i>	Chớ vui theo lợi danh,
<i>Vivekam anubrūhayeti”.</i>	Hãy chuyên tu giải thoát”.

Kệ Pháp Cú này, đức Bổn Sư đã thuyết ra, khi Ngài an ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến Trưởng Lão Tissa (Đề Xá) ở rừng (Vanavāsi Tissa).

Chuyện này phát khởi trong thành Vương Xá.

Tương truyền rằng: Thân phụ của Trưởng Lão Sāriputta là ông Bà la môn Vaṅganta, có người bạn Bà la môn là Mahāsena (Đại Bình), cư ngụ trong thành Vương Xá.

Một hôm nọ, nhân lúc đi trì bình khát thực, Trưởng Lão Sāriputta đến trước cửa nhà ông, để tiếp độ ông ta. Ông Bà la môn nầy bấy giờ gia tài đã khánh tận, thành ra người nghèo xác xơ ông nghĩ thầm: “Con trai ta đến trước nhà ta khát thực, chắc hẳn là chưa biết ta đang túng quẩn bần hàn, không có vật chi để bát cả”. Thấy không tiện gặp mặt Trưởng Lão, ông ta bèn lẩn tránh. Ngày khác Trưởng Lão lại đến đứng trước nhà của ông, ông cũng lánh mặt nữa, vì không tìm được chút chi để bát cả.

Nhưng có một hôm, nhờ tụng kinh một cuộc lễ của môn phái mình, ông Bà la môn được chia một phần cơm trắng và một cái choàng tắm lớn. Lúc mang lễ vật về nhà, ông sực nhớ đến Trưởng Lão Sāriputta. Ông nói thầm: “Phần cơm nầy, ta nên để dành cúng dường đến Trưởng Lão của ta”.

Ngay sát na ấy, Trưởng Lão nhập thiền vừa xuất ra, quán thấy ông Bà la môn. Trưởng Lão nghĩ rằng: “Ông Bà la môn vừa có được lễ vật, còn đang chờ ta đến để cúng dường. Vậy ta nên đến đó”. Trưởng Lão đắp y Tăng Già Lê (Saṅghāṭi), ôm bát đi bộ đến đứng ngay trước cửa nhà ông Mahāsena, cho ông ngó thấy mình. Trông thấy Trưởng Lão, ông Bà la môn phát tín tâm trong sạch, ra đón chào đánh lễ Trưởng Lão, thỉnh Trưởng Lão vào ngồi trong nhà, đoạn đem phần cơm trắng của ông vừa được, sót vào bát của Trưởng Lão.

Trưởng Lão chỉ nhận nửa phần cơm, thì lấy tay đậy miệng bát. Ông Bà la môn xin: “Bạch Trưởng Lão, Ngài hãy nhận hết, chỉ chùng ấy thì con được có nửa phần thôi. Xin Ngài tế độ con trong những kiếp về sau, chớ đừng tế độ ngay trong đời nầy. Còn phần cơm còn lại đây, tôi muốn cúng dường hết cho Ngài”. Nói rồi ông sót luôn vào bát Trưởng Lão. Trưởng Lão thọ bát luôn tại đó. Khi Trưởng Lão dùng xong bữa, ông Bà la môn đem cái y choàng ra, đánh lễ Trưởng Lão và nguyện:

- Bạch Ngài, tôi nguyện xin đắc pháp mà Ngài đã đắc.

Trưởng Lão chúc phúc: “Nầy ông Bà la môn, cầu chúc cho ông được như ý”. Sau lời chúc phúc, Trưởng Lão từ chỗ ngồi đứng dậy, ra đi vân du, lần hồi về đến Kỳ Viên.

Trong lúc cùng quẩn mà tạo được sự bố thí, ông Bà la môn vui mừng không xiết tả. Sau khi để bát, ông phát tín tâm trong sạch vô cùng hoan hỷ và sanh lòng ái mộ Trưởng Lão vô hạn. Còn đang quuyến luyến Trưởng Lão thì ông bỏ xác lia đời, tâm thức nhập vào bào thai của một tín nữ là người hộ độ Trưởng Lão, cư ngụ trong thành Sāvattihī.

Liên đó, mẹ tương lai của ông, bảo chồng rằng: “Em đã thọ thai rồi anh ạ”. Người chồng chăm sóc thuốc thang để bảo dưỡng thai nhi. Dụng phụ cũng ráng kiêng cử các thức ăn nóng lạnh, hoặc chua cay thái quá, vì sợ ảnh hưởng không tốt đến bào thai. Do đó, dụng phụ phát sanh sự thèm muốn: “Chà, phải chi mình thỉnh được năm trăm Tỳ Khuru có Trưởng Lão Sāriputta làm tọa chủ, rước vào ngồi trong nhà, rồi cúng dường toàn là cơm nấu rỗng sữa tươi. Còn mình thì đắp y vàng ôm bát bằng vàng ngồi nối phía sau Tăng chúng và ăn dùng cơm dư của các Ngài Tỳ Khuru ấy sót bát ra cho lại”.

Tương truyền rằng: Phụ nữ nầy phát sanh chúng thèm đắp y và ăn cơm bát như vậy là điềm báo trước cho biết là đứa bé trong thai sau nầy sẽ xuất gia đầu Phật.

Khi ấy, các thân bằng quyến thuộc như là cha mẹ chồng, nhìn nhận rằng: “Sự thèm muốn của dâu ta hợp theo lẽ đạo”.

Một cuộc Trai Tăng được tổ chức và Trưởng Lão Sāriputta được thỉnh làm tọa chủ đoàn năm trăm Tỳ Khuru vị, đến thọ bữa cơm nấu rỗng với sữa tươi.

Dụng phụ, bên dưới vận y vàng, trên khoác y vàng khác, lấy bát bằng vàng đến ngồi phía sau rốt Chư Tăng và ăn những vật thực mà Chư Tăng sót bát cho nàng.

Hết chúng thèm khát, cho đến thời kỳ sanh nở, gia đình thiếu phụ lại thỉnh thoảng tổ chức đại lễ Trai Tăng.

Sau mười tháng hoài thai, thiếu phụ sanh được một cậu con trai trong nhà nàng lại thỉnh đoàn Tỳ Khuru Tăng năm trăm vị có Trưởng Lão Sāriputta làm tọa chủ, để bát cúng dường cơm nấu với mật ong pha ít nước.

Tương truyền rằng: Do nhờ quả phước của đứa bé cúng dường Bố thí cơm trắng đã gieo trong kiếp làm ông Bà la môn mà trong ngày ăn mừng nó chào đời, buổi sáng nó được tắm gội sạch sẽ, mặc đồ sang trọng, đặt nằm trên giường chạm trở tinh vi, có trải lót gấm trị giá một trăm ngàn đồng vàng.

Nằm trên nhung lụa, đứa bé sơ sanh nhìn Trưởng Lão nhớ lại rằng: “Ông này là thầy của ta trong kiếp trước (pubbācāriya), Ta nhờ Ngài mà được phú quý như vậy. Ta phải cúng dường Ngài một món đồ”.

Khi người nhà bồng đứa bé định đem đến xin Trưởng Lão truyền Qui giới cho nó, thì nó lấy ngón tay út xoắn một góc tấm vải lót bằng gấm, rồi nắm chặt tay lại. Nhiều người bảo: “Tay nó dính trong tấm lót gấm kia, gỡ ra”.

Đứa bé khóc lên. Các quyến thuộc bảo: “Thôi đừng làm cho nó khóc”. Người nhà phải ôm luôn tấm lót gấm đi với đứa bé.

Khi được đặt xuống để nó dành lễ Trưởng Lão đăng xin thọ Qui giới, đứa bé buông tay ra, thả tấm lót gấm rớt ngay chân của Trưởng Lão. Thấy vậy, các quyến thuộc không nói: “Trẻ con ngu dốt làm việc vô ý thức”, nhưng họ lại nói: “Bạch Ngài, xin Ngài thọ nhận lễ vật chúng tôi cúng dường, do đứa con trai của chúng tôi bỏ xuống như vậy”.

Tiếp theo đó, họ yêu cầu: “Bạch Ngài, xin Ngài hoan hỷ truyền Thập giới cho Thiện nam đã cúng dường Ngài cái y gấm có giá trị một trăm ngàn đồng vàng”.

Trưởng Lão hỏi: “Đứa bé này tên chi?”.

- Bạch Ngài, xin tùy ý Ngài đặt tên cho nó.

- Vậy thì hãy gọi nó là Tissa nhé.

Nghe nói, Trưởng Lão Sāriputta khi chưa xuất gia, Ngài có tên là Upatissamāṇava. Tiếng Upa có nghĩa là ở gần, kèm theo. Cha mẹ của cậu Tissa nghĩ rằng: “Không nên để cho con trai của ta xa lìa thầy tế độ của nó”. Sau cuộc lễ Trai Tăng, đặt tên đứa bé, đến lễ đầy tháng, lễ giáp tuổi, rồi lễ xả lỗi tai đeo nhĩ hoàn.... Bất cứ cuộc lễ nào, cha mẹ đứa bé cũng đều thỉnh năm trăm Tỳ Khưu, có Trưởng Lão Sāriputta làm tọa chủ đến dự lễ cùng dường cơm trắng, nấu rỗng sữa hay mật ong pha chút ít nước như thế cả.

Khi đứa bé lớn lên, vừa tròn bảy tuổi, cậu lại xin mẹ:

- Thưa mẹ, con muốn xuất gia tu học với Trưởng Lão.

Bà mẹ chấp nhận ngay: “Lành thay! Con à. Từ trước đến giờ mẹ hằng nguyện trong tâm rằng: “Xin cho con của mẹ đừng xa lìa Thầy tế độ của nó”. Vậy con hãy xuất gia đi”.

Bà mẹ sai người đi thỉnh Trưởng Lão đến nhà, để bát xong, rồi bạch rằng: “Bạch Ngài, kẻ tôi tớ của Ngài đây, nó đòi xuất gia. Để chiều nay chúng con sẽ dắt nó đến chùa”. Sau khi tiễn chân Trưởng Lão về buổi chiều hôm ấy, cha mẹ đứa bé sắm lễ vật trọng hậu rồi dắt nó đến chùa gởi cho Trưởng Lão.

Trưởng Lão khuyến bảo nó rằng: “Này Tissa, việc tu hành rất khó nhọc, khi mình cần dùng đồ nóng thì lại được đồ lạnh, còn khi cần dùng đồ lạnh thì lại được đồ nóng. Hễ là người xuất gia tu hành thì phải sống kham khổ, còn con sống sung sướng đã quen, sợ e chịu không nổi chăng?”.

- Bạch Ngài, những điều Ngài kể ra đó, con có thể chịu được hết.

- Lành thay! Trưởng Lão khen.

Đoạn Trưởng Lão làm lễ xuất gia Sa Di của Tissa, bằng cách truyền cho cậu để mục tham thiền, niệm xuôi và ngược năm thế trước đầu tiên trong thân thể con người là tóc, lông, móng, răng, da. Tất cả có đến ba mươi hai thế trước, nhưng trong một thời gian không thể truyền dạy hết một lượt cho nên vị Thầy Tế Độ truyền cho đệ tử có một phần cần yếu để dứt trừ tham dục. Tất cả Chư Phật đều không loại bỏ nó, vì nhờ niệm từng phần như trên, nhứt là bằng đầu bằng tóc, mà các Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Thiện nam, tín nữ thường chúng đấng A La Hán quả không ngớt. Những vị Tỳ Khưu rành rẽ Tăng sự, khi cho đệ tử xuất gia, không để cho đệ tử xa lìa con đường Đạo quả A La Hán. Vì vậy, Trưởng Lão Sāriputta cho Tissa xuất gia bằng cách chỉ dạy để mục tham thiền trước, rồi truyền thọ mười giới Sa Di tiếp theo.

Sau lễ xuất gia Sa Di của Tissa, cha mẹ ông Sa Di này thiết lễ Trai Tăng liên tiếp bảy ngày tại chùa để cúng dường cơm trắng nấu với mật ong pha chút ít nước, hay sữa bò nguyên chất đến Tỳ Khưu Tăng có Đức Phật làm tọa chủ. Nhiều Tỳ Khưu than phiền: “Mỗi ngày mỗi dung cơm nấu với mật ong, chúng ta ăn mãi không xiết”.

Nhưng cuộc lễ Trai Tăng chấm dứt trong ngày thứ 7, và thí chủ cũng trở về nhà. Đến ngày thứ tám, Sa Di Tissa bắt đầu theo các Tỳ Khuru vào thành khát thực.

Dân chúng trong thành Sāvattthī loan tin cho nhau: “Hôm nay ông Sa Di vào thành khát thực, chúng ta hãy dự bị lễ vật để cúng dường”. Họ đem theo năm trăm cái y choàng đã xếp gọn và năm trăm phần cơm bát ra cúng dường, đứng chờ Tissa và để bát cho ông. Qua ngày sau, dân chúng lại đến khu rừng ở bên cạnh chùa để đón Sa Di Tissa để bát và dâng y như bữa trước. Thế là trong hai ngày liền, Sa Di Tissa nhận được một ngàn lá y cùng với ngàn phần cơm bát, và ông cúng dường đến Chư Tăng Tỳ Khuru.

(Theo truyền ngôn đó là quả phước của ông đã cúng dường y choàng lớn cùng với phần cơm của mình khi còn là Bà la môn).

Khi ấy, chư Tỳ Khuru mệnh danh cho Sa Di là Tissa thí thực (Piṇḍapātadāyakatissa).

Qua ngày hôm sau nữa, ông Sa Di đi trong vườn chùa, nhằm khi trời lạnh, thấy chư Tỳ Khuru chỗ này, chỗ nọ, nhút là trong các phòng sưởi (aggisālā) đang ngồi xúm xít hơi ấm. Ông hỏi:

- Bạch các Ngài, sao các Ngài ngồi hơi lửa chi vậy?

- Chúng tôi lạnh quá, ông Sa Di ơi.

- Bạch các Ngài, hễ trời lạnh thì chúng ta nên trùm y gấm ngự hàn (kambala) là có thể hết lạnh ngay.

- Này Sa Di, ông có đại phước, có được y gấm ngự hàn, chớ chúng tôi thì lấy đâu mà có?

- Nếu vậy, xin các Ngài cần dùng y gấm hãy cùng đi với tôi.

Các Tỳ Khuru rủ nhau theo Sa Di Tissa bảy tuổi nầy để kiếm y ngự hàn, tất cả có đến ngàn vị.

Chẳng chút ngần ngại suy tính rằng: “Bấy nhiêu Tỳ Khuru, ta biết tìm gấm ở đâu cho đủ”, Sa Di Tissa dẫn đầu, hướng cả đoàn Tỳ Khuru đi thẳng vào trong thành (quả thật, người có tâm hảo thí (sudinna) mới có thái độ hiên ngang hùng dũng như thế được). Tuần tự đi từng nhà, từ ngoài vào đến cổng thành. Sa Di có được năm trăm chiếc y gấm, rồi mới vào thành. Đi đến nơi nầy nơi nọ, ông được dân chúng đem y gấm đến dựng nữa.

Khi ấy có một người nam (puriso) đi qua đầu chợ, trông thấy người bán hàng đang bày ra năm trăm y gấm chờ khách, thì bảo:

- Bạn ơi! Có một Sa Di đi tìm y gấm, đang đi gần đến đây rồi, bạn hãy lo giấu y của bạn đi.

- Thế nào bạn, ông là người lấy của chưa cho hay là lấy của đã cho rồi?

- Ông lấy của cho rồi (dinnaka).

Người bán hàng xua đuổi anh chàng nhiều chuyện rằng:

- Nếu vậy, tôi có vui lòng cho thì ông ấy mới lấy, không vui lòng cho thì thôi, việc gì phải giấu. Thôi bạn hãy đi đi.

(Thật vậy, những kẻ ngu si mù quáng bao giờ cũng bần sần, rít róng. Khi thấy người khác làm phước bố thí, thì họ cũng tiếc của nóng ruột. Đến phút lâm chung, tâm bần sần của họ nhất định để đưa họ sa xuống địa ngục chẳng sai).

Người bán hàng nghĩ thầm: “Anh chàng nầy cứ luôn đến bảo ta: Ông hãy giấu hết y gấm của ông đi. Nhưng ta thiết nghĩ: Ông Sa Di chỉ lấy của đã cho, còn vật sở hữu chủ của ta, ta có quyền cho hay không là tùy ý ta. Tuy vậy, chớ mình có của bày ra trước mắt mà nói không có đồ cho thì cũng mắc cỡ miệng lắm. Vả lại, đồ của mình mà mình giấu đi có tội chi đâu!

Trong số năm trăm lá y nầy có hai lá y trị giá hàng trăm ngàn đồng vàng, ta phải giấu hai lá y nầy mới được”.

Nghĩ rồi, người bán hàng lấy hai chiếc y gấm quý giá xếp chung lại, giấu vào giữa những lá y thường. Ông Sa Di dắt đoàn tùy tùng đến ngay đầu chợ. Ông bán hàng vừa trông thấy Sa Di thì sanh lòng thương mến như con ruột của mình, mỗi tình phụ tử hầu như tràn đầy cơ thể ông ta. Ông nói thầm: “Thấy mặt Sa Di nầy rồi, tim gan mình cũng có thể mọc ra cho, nói gì đến y gấm chứ?”.

Thế rồi, ông bán hàng lấy hai chiếc y gấm quý, đem dâng dưới chân Sa Di Tissa, đánh lễ xong rồi, đứng lên nguyện rằng: “Bạch Ngài, xin cho tôi được pháp mà Ngài đã đắc”. Sa Di Tissa đọc kinh phúc chúc và nói: “Xin cho người được như ý”.

Đi vòng trong thành, ông Sa Di cũng được năm trăm cái y gấm, thế là chỉ trong một ngày Tissa đã tìm được ngàn cái y gấm, dung lên chư Tỳ Khuru Tăng. Và ông được chư Tỳ Khuru mệnh danh là Tissa thí y (Kambaladāyakatissa)

(Sở dĩ Sa Di Tissa được danh thơm tiếng tốt trong ngày nay lúc vừa được bảy tuổi, là do nhân cúng dường y kiếp trước bây giờ trở quả, khiến cho ông kiếm được ngàn lá y gấm vậy).

Quả thật vậy, ngoại trừ Phật giáo, không có một tôn giáo nào khác, khi Bồ thí ít mà lại được kết quả nhiều và Bồ thí nhiều càng được kết quả nhiều hơn gấp bội. Cho nên Đức Thế Tôn có dạy rằng: “Nầy các Tỳ Khuru, nơi nào có Tỳ Khuru Tăng như thế, dầu ít cũng được nhiều kết quả, nếu nhiều càng được nhiều kết quả hơn nữa”.

(Như chuyện Sa Di, trước kia chỉ dâng một lá y mà bây giờ mới lên bảy tuổi đã được dâng cúng ngàn lá y gấm vậy).

Trong khi Tissa ngụ tại Kỳ Viên, những thân quyến trẻ tuổi luôn luôn tìm đến thăm viếng chuyện trò. Ông nghĩ thầm rằng: “Nếu ta cứ ở đây, những trẻ con thân thuộc của ta cứ đến nói chuyện hoài, ta không thể ngồi lặng thinh được, còn hễ ta góp chuyện với họ thì là một trở ngại cho việc tu hành của ta. Vậy ta hãy đến xin đức Bổn Sư ban cho một đề mục để tu tập, học xong, ta sẽ đi trú trong rừng”.

Sa Di Tissa bèn đến đánh lễ Đức Thế Tôn, ngỏ lời yêu cầu Ngài truyền dạy đề mục niệm cho đắc quả A La Hán. Được đề mục rồi, ông về đánh lễ từ biệt thầy tế độ, mang cả y bát đi ra khỏi chùa, đi luôn một mạch một trăm hai mươi do tuần, vì nghĩ rằng: “Nếu ta ở quanh vùng này, các quyến thuộc của ta sẽ theo dõi quấy rầy ta được”.

Đến cuối lộ trình, Sa Di Tissa đi vào cổng một làng nọ, gặp vị bô lão, Sa Di bèn hỏi thăm:

- Thưa ông Thiện nam, trong địa phương này có ngôi thiền lâm, Tịnh Xá nào chăng?
- Bạch Sư có.
- Xin ông làm ơn chỉ dùm đường cho tôi.

Ông lão nầy vừa gặp Sa Di đã sanh lòng thương mến, ông ta xem như là con ruột của mình. Ông lão không chỉ đường, mà lại nói: “Sư hãy đi theo tôi, tôi đưa Sư đến đó”. Nói rồi, dẫn Sa Di đi.

Trong lúc cùng đi với ông lão vào làng, đến năm hoặc sáu địa điểm dọc đường, theo đường có trồng nhiều hoa quả, Sa Di hỏi:

- Thưa ông Thiện nam, chỗ nầy tên chi? Chỗ nầy tên chi. Và ông lão đều nói tên cho ông Sa Di biết cả. Khi đến ngôi Tịnh Xá trong rừng, ông lão đưa đường nói:

- Bạch Sư, xin cầu chúc cho Sư ở lại đây bình an. Rồi ông hỏi pháp danh Sa Di, Sa Di đáp rằng:
- Thưa ông Thiện nam, Pháp danh tôi là Tissa Cư Lâm (Vanavāsi Tissa).

Nghe vậy, ông lão thỉnh: “Ngày mai, Sư nên vào làng, chúng tôi đi bát”.

Nói rồi, ông lão về làng thông tin cho dân làng hay rằng: “Có vị Sa Di pháp danh là Vanavāsītissa mới đến Tịnh Xá ta nên dự bị đem cơm cháo để bát cho ông”.

Vị Sa Di nầy, đầu tiên được thầy tế độ đặt tên là Tissa, sau đó được Chư Tăng mệnh danh là Tissa Thí Thực, Tissa Thí Y và Tissa Cư Lâm. Như vậy, chỉ mới bảy tuổi mà vị ấy có đến bốn pháp danh.

Sáng hôm sau, ông Sa Di vào làng trì bình khát thực, nhiều người để bát xong, còn đánh lễ vị ấy nữa, Sa Di chúc rằng: “Xin cho người được an vui, xin cho người được thoát khổ”. Trong số những người để bát rồi, không một ai trở về nhà được cả, tất cả đều đứng nán lại để ngắm nhìn Sa Di cho thỏa thích. Sa Di Tissa Cư Lâm thọ vật thực vừa đủ một mình thôi. Toàn thể dân làng cúi mọp dưới chân vị Sa Di nhỏ, mà bạch rằng: “- Bạch Ngài, xin Ngài nhập hạ ba tháng nơi đây và truyền Tam qui và Ngũ giới để chúng tôi thọ trì thường nhật và truyền Bát giới cho chúng tôi vâng giữ hành theo trong những ngày Bồ tát. Xin Ngài hoan hỷ nhận lời của chúng tôi”.

Xét thấy dân làng có lòng thành khẩn. Tissa Cư Lâm hứa chịu nhập hạ gần đây, rồi hằng ngày đi vào làng khát thực. Mỗi lần thí chủ để bát và đánh lễ, ông luôn luôn chúc lại bằng hai câu: “Xin cho người được an vui, xin cho người được thoát khổ”, rồi mới đi nơi khác.

Sa Di Tissa Cư Lâm an cư nơi đây, trải qua hai tháng, trong tháng thứ ba, vị ấy chứng đắc A La Hán với Tuệ Phân tích. Đến khi mãn mùa an cư, làm lễ tự tứ xong, thầy Tế Độ đến đánh lễ đức Bổn Sư và xin rằng:

- Bạch Ngài, con sẽ đi thăm Sa Di Tissa - Ông cứ đi đi, này Sāriputta. Trưởng Lão Sāriputta dắt theo năm trăm Tỳ Khưu tùy tùng, đến báo tin cho Trưởng Lão Moggallāna hay: “Nầy Đạo hữu Moggallāna tôi sẽ đi thăm Sa Di Tissa đây”.

Trưởng Lão Moggallāna liền đáp: “Tôi cũng đi nữa đạo hữu ạ”. Nói rồi, Trưởng Lão cũng dắt theo năm trăm Tỳ Khưu tùy tùng của mình ra đi. Hay tin nầy, tất cả chư Đại Thỉnh Văn như Trưởng Lão Mahākassapa, Anuruddha, Ưu Ba Li, Puṇṇa... Mỗi vị dắt theo năm trăm Tỳ Khưu của mình cùng ra đi. Con số tổng cộng các nhóm Tỳ Khưu lên đến tám mươi bốn ngàn vị.

Các Ngài đồng bộ hành suốt cả lộ trình một trăm hai mươi do tuần mới đến làng, nơi trú của Sa Di.

Khi ấy, vị Thiện nam hộ độ thường trực của Sa Di Tissa nhà ở gần cổng làng, thấy Trưởng Lão Tăng trước nhất, bèn ra đánh lễ chào đón các ngài. Trưởng Lão Sāriputta hỏi:

- Nầy ông Thiện nam, trong địa phương nầy có ngôi thiền lâm, tịnh xá nào chăng?
- Bạch Ngài, có.
- Có Tỳ Khưu nào thường trú chăng?
- Bạch Ngài có.
- Vị thường trụ ấy có pháp danh là chi?
- Bạch ngài là Tissa Cư Lâm.
- Nếu vậy, ông hoan hỷ chỉ đường cho chúng tôi đi.
- Bạch Ngài, chẳng hay Ngài là chi của Trưởng Lão?
- Chúng tôi là khách đến viếng Sa Di.

Vị Thiện nam lưu ý, nhìn kỹ từ Trưởng Lão Pháp chủ cho đến tất cả chư Đại Thỉnh Văn để nhớ mặt. Tự nhiên ông cảm thấy toàn thân ông tràn trề một niềm phỉ lạc vô biên. Ông yêu cầu:

- Bạch các Ngài, xin các Ngài hãy đình độ đôi chút.

Đoạn ông hối hả vào làng, cất tiếng kêu gọi:

- Hôm nay, có chư Trưởng Lão Tăng quang lâm đến bốn thôn, do ngài Sāriputta lãnh đạo, có tám mươi vị Đại Thỉnh Văn, mỗi vị dẫn theo năm trăm vị Tỳ Khưu tùy tùng, đồng đến để viếng Sa Di. Các người hãy đem vật thực, vật dụng như giường, ghế, ngọa cụ, đèn, dầu... đến tịnh xá cho mau.

Mọi người y theo lời kêu gọi, đem giường ghế các thứ vật dụng theo chân các ngài Trưởng Lão, đồng đi đến tịnh xá.

Sa Di Tissa nhận biết chư Tỳ Khưu Tăng, bèn ra rước bát Ngài Đại Trưởng lão và làm các phận sự đối với khách Tăng và cất hết y bát của các Ngài xong, thì trời nhá nhem tối. Trưởng Lão Sāriputta bảo các Thiện nam: “Thôi, các Thiện nam hãy về đi, tối rồi”.

- Bạch Ngài, hôm nay là ngày nghe pháp, chúng con không về. Chúng con ở lại chờ nghe pháp. Vả lại, từ trước đến giờ chúng con chưa từng được thính pháp bao giờ.

- Thế thì, nầy Sa Di, ông hãy đốt đèn lên rồi tuyên bố giờ thuyết pháp cho Thiện tín biết.

Sa Di Tissa làm theo lời của Trưởng Lão. Kế đến, Trưởng Lão lại bảo rằng: “Nầy Tissa, các Thiện tín của ông đã ngỏ lời, muốn nghe pháp. Vậy ông hãy thuyết pháp cho họ nghe đi”.

Các Thiện nam đồng loạt đứng dậy, bạch rằng:

- Bạch Trưởng Lão, Sư của chúng con chỉ thuộc lòng có hai câu kệ phúc chúc “Xin cho người được an lạc, xin cho người được thoát khổ”, ngoài ra không biết pháp nào khác. Vậy xin Ngài từ bi hoan hỷ thuyết pháp khác cho chúng con nghe.

Ngài Sa Di Tissa tuy chứng đạt A La Hán nhưng không hề thuyết pháp cho Thiện tín nghe. Khi ấy, vị thầy Tế Độ của Ngài bảo:

- “Nầy Sa Di, ông hãy lấy hai mệnh đề: Những người được an vui, những người được thoát khổ làm đề tài mà thuyết giảng rành rẽ nghĩa lý đi”.

- Lành thay! Bạch Ngài.

Đáp xong, Sa Di cầm lấy cây quạt đẹp, trèo lên pháp tọa, ngồi nghiêm trang tề chỉnh, rồi bắt đầu thuyết giảng nghĩa lý Kinh điển, từ cạn đến sâu, từ thấp lên cao, phân tích lần lượt Ngũ uẩn, Tứ đại, Lục căn, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là con đường đưa đến mức tối cao là A La Hán quả. Thời pháp bao la phổ cập như đám mưa rào dội ướt khắp cả bốn châu thiên hạ.

Để kết luận, Sa Di Tissa nói: “Bạch Ngài, người đã đắc quả A La Hán được an vui là như thế, người đắc A La Hán quả được thoát khổ là như thế, là người đã thoát khỏi tứ khổ sanh, lão, bệnh, tử cũng là khổ sanh vào ác đạo, nhất là địa ngục mà phạm phu nhân loại thường phải vương mang”.

- Lành thay, nầy ông Sa Di. Hai câu phúc chúc ông đã khéo giảng lắm đấy. Bây giờ ông hãy giảng tiếp theo phần Vi Diệu Pháp đi.

Vâng lời thầy, Sa Di Tissa giảng thêm về Vi Diệu Pháp. Đến khi trời rưng sáng, những người hộ độ của Sa Di chia làm hai nhóm: một nhóm bất bình vì nghĩ rằng: Thật từ trước đến giờ chúng ta chưa từng thấy ai lãnh đạm, bạc bẽo như thế. Ông ta thuyết pháp thông suốt như thế mà bấy lâu nay đối với những người có công hộ độ, cấp dưỡng ông ta chẳng khác nào cha mẹ nuôi con, ông chẳng hề giảng thuyết một câu Pháp Cú nào cho họ nghe.

Còn nhóm kia thì lại hoan hỷ, nghĩ rằng: “Thật chúng ta có phước báu quá. Những vị sư như thế, mà chúng ta chỉ biết hộ độ chứ không biết tài đức của vị ấy, hôm nay chúng ta được may duyên nên nghe được Ngài thuyết pháp”.

Ngày hôm ấy, từ sáng tinh sương, đức Bổn Sư vẫn theo thông lệ, Ngài quán sát thế gian, thấy được những Cận sự nam của Tissa Cư Lâm lọt vào giác võng của Ngài: “Chuyện chi xảy ra?”, khi quán thêm nữa, Ngài thấy rằng: Trong số các tín đồ của Tissa Cư Lâm có nhóm bất mãn, có nhóm hoan hỷ”. Những ai bất bình chống đối với con Như Lai ắt sẽ bị sa đọa xuống địa ngục chẳng sai. Thế thì Như Lai phải đi đến đó, nhờ có Như Lai đến, tất cả đều khởi tâm Từ đối với Sa Di Tissa và được thoát ly khỏi Khổ não.

Ở chốn thiền lâm, dân chúng thỉnh cầu được chư Tỳ Khuru tăng, bèn trở về làng lo cất trại và nấu sắn cơm cháo, dọn sẵn tọa vị, rồi ngồi chờ Chư Tăng đến.

Chư Tỳ Khuru tắm gội xong, đến giờ đi bát, sắp sửa vào làng bèn hỏi Sa Di: “Nầy Tissa, ông cùng đi một lượt với chúng tôi hay là ông đi sau?”. - “Xin các Ngài đi trước”.

Chư Tỳ Khuru đắp y mang bát đồng đi vào làng.

Tại Kỳ Viên, đức Bổn Sư cũng đắp y mang bát và chỉ trong một sát na tâm (cittakhaṇo: lẹ hơn trong nháy mắt), Ngài đã hiển hiện, đứng trước mặt chư Tỳ Khuru. “Có lẽ Đức Chánh Biến tri ngữ đến”. Tin nầy làm cho khắp cả làng xôn xao náo động. Mọi người đều vui mừng hỉ dạ, đồng thỉnh Chư Tăng có Đức Phật làm tọa chủ, an tọa xong rồi cúng dường cháo và đồ ngọt điểm tâm.

Trong khi Chư Tăng độ chưa xong bữa, thì Sa Di Tissa đi vào làng. Dân chúng tản bót ra, cung kính để bát cho Sa Di.

Sa Di thọ bát vừa xong, đem dâng lên đức Bổn Sư, Ngài bảo:

- Đưa đây Tissa.

Và Ngài đưa tay thọ bát, trao Trưởng Lão Sāriputta vừa bảo: “Nầy Sāriputta, đây là bát của Sa Di Tissa, đệ tử của ông”.

Trưởng Lão nhận lấy bát trên tay của đức Bổn Sư rồi cho lại Sa Di và dạy: “Ông tìm chỗ ngồi phải lễ rồi thọ thực đi nhé”. Sau khi hộ độ Tỳ Khuru Tăng có Đức Phật làm tọa chủ xong, dân làng đồng xin đức Bổn Sư thuyết kinh phúc chúc.

Đức Bổn Sư thuyết giảng như sau: “Nầy các thiện gia tử, các ông thật là hữu phúc, nhờ có Sa Di nầy mà các ông hộ độ hàng ngày đây, các ông mới được dịp hội kiến với Sāriputta Moggallāna, Mahā Kassapa luôn cả tám mươi vị Đại Thánh Văn. Chính Như Lai hôm nay đến đây cũng là vì ông Sa Di Tissa mà các ông hộ độ hằng ngày đó. Nhờ có Sa Di mà các ông hân hạnh được diện kiến Đức Phật. Thật là các ông hữu phúc lắm mới được như vậy”.

Đại chúng đều suy nghĩ rằng: “Ôi! Chúng ta hân hạnh biết mấy, sở dĩ chúng ta có thể thỉnh được Đức Phật và Chư Tăng để cúng dường Trai Tăng là nhờ các Ngài đến thăm vị Trưởng Lão của ta...”.

Những người bất bình Sa Di lúc trước, bây giờ cũng vui mừng. Còn những người đã hài lòng thì càng có đức tin trong sạch đối với ông thêm nữa.

Đức Bổn Sư phúc chúc xong, có nhiều vị chúng đấng Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn.

Đức Bổn Sư từ chỗ ngồi đứng lên đi ra, dân chúng kéo nhau theo tiễn biệt, đánh lễ Ngài và quay trở lại.

Đức Bổn Sư dắt Sa Di Tissa cùng đi đến những địa điểm mà trước kia khi mới đến ông đã hỏi thăm vị bô lão, khi ấy đức Bổn Sư cũng hỏi ông:

- Nầy ông Sa Di, xứ nầy tên chi? Xứ kia tên chi?

Vị Sa Di vừa đi vừa đáp lời rằng: “Bạch Ngài, đây là xứ... Đây là xứ...”.

Đến chỗ ngụ của Sa Di, Đức Thế Tôn leo lên tận đỉnh núi. Từ chỗ Ngài đứng trông xuống thì thấy mặt biển mênh mông. Đức Bổn Sư phán hỏi Sa Di:

- Nầy Tissa, ông đứng nơi nầy nơi nọ trên đỉnh núi nhìn xuống thì thấy cái chi?

- Bạch Ngài, con thấy đại hải.

- Thấy đại hải, ông nghĩ thế nào?

- Bạch Ngài, con nghĩ rằng: Số lượng nước mắt mà con đã khóc ra trong những khi sầu khổ, có lẽ còn nhiều hơn nước biển trong bốn đại dương.

- Lành thay, lành thay! Nầy Tissa, thật quả như thế, số lệ của mỗi chúng sanh tuôn trào trong những khi sầu khổ còn nhiều hơn nước trong bốn đại trùng dương.

Nói rồi đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

*“Cātusu samuddesu jalāṃ parittakāṃ
Tato bahū assujalāṃ anappakāṃ
Dukkhena phutṭhassa narassa socato
Kiṃ kāraṇā samma tvaṃ pamajjāsīti”.*

*“Nước trong bốn biển có bao nhiêu,
Nước mắt so ra mới thật nhiều,
Khắp cõi nhân gian đầy khổ lụy,
Sao con lơ đãng thả xuôi chiều”.*

Đức Bổn Sư lại hỏi Sa Di: “Nầy Tissa, ông ngụ ở đâu?”.

- Bạch Ngài, tại hang núi nầy đây.

- Lúc ngụ tại đây, ông nghĩ như thế nào?

- Bạch Ngài, con nghĩ rằng: Đến khi chết thì con bỏ xác luôn nơi đây, khỏi phải lo kiếm chỗ nằm trên mặt đất bằng.

- Lành thay! Lành thay. Nầy Tissa quả thật cũng như thế ấy, những chúng sanh nầy (xác thân chết) nằm trên mặt đất cũng không đến bất tử được.

Nói rồi Đức Thế Tôn ngâm lên kệ ngôn rằng:

*“Upasāḥhakanāmānaṃ
Sahassāni catuddasa
Asmiṃ padese daḍḍhāni*

*Natthi loke anāmatam
Yamhi saccañca dhammo ca
Ahimsā saññamo damo
Etadariyā sevanti
Etam loke anāmatanti”.*

*“Một muôn lại với bốn ngàn,
Thổ dân đã rụi xương tàn nơi đây.
Không bao giờ cỗi tạm này,
Có nơi bất diệt cho thân phàm trần.
Nơi nào Đạo pháp chánh chân,
Vô não thu thúc, tâm thân tự điều.
Là nơi chư Thánh tiêu diêu,
Nơi ấy bất diệt, nghịch chiều thế gian”.*

Dứt hai bài kệ, đức Bổn Sư thuyết tích Bổn Sanh Upasāhaka (Dân xứ). Theo phong tục, họ đặt thi thể nằm trên đất bằng, mong sao người chết theo dấu ông bà về xứ Bất tử (amata pubbepadese). Nhưng sự thật, người thường không ai về đến xứ ấy cả. Chỉ những bậc như Trưởng Lão Ānanda mới được viên tịch, theo dấu tiền nhân lên đến Bất tử mà thôi.

Trương truyền rằng: Lúc được một trăm hai mươi tuổi, Trưởng Lão Ānanda quán xét thấy thọ mạng của mình sắp hết, bèn báo tin cho Thiện tín hay: Bảy ngày nữa, bản Tăng sẽ nhập diệt.

Hay tin này, trong số người ở hai bên bờ sông Rohinī, nhóm ở bên bờ này nói rằng: Chúng ta hộ độ Trưởng Lão nhiều, chắc là Ngài sẽ viên tịch trên phần đất của ta.

Nhóm người bên kia sông cũng nói: “Chúng ta hộ độ Ngài nhiều, chắc là Ngài sẽ viên tịch trên phần đất của ta”.

Trưởng Lão nghe cả hai bên nói giống nhau như thế, thì nghĩ rằng: “Thiện tín ở hai bên bờ sông đều hộ độ cho ta nhiều cả. Nhưng ta không thể chiều ý theo cả hai bên, nếu ta viên tịch ở bên này thì nhóm cư sĩ bên bờ kia sẽ tranh cãi. Do nơi ta mà họ sẽ đối chọi lẫn nhau. Ta phải làm sao cho họ sẽ vì ta mà chấm dứt mọi tranh chấp”.

Nghĩ rồi, Trưởng Lão bảo hai nhóm Thiện tín rằng: “Quý vị ở bờ sông bên này, cũng như quý vị ở bờ sông bên kia, đều là những người có công hộ độ cho ta cả. Ta không thể nào theo ai mà bỏ ai. Thôi thì quý vị ở bên này hãy tập hợp ở bờ bên ấy, và quý vị ở bờ bên kia hãy tập hợp ở bờ bên kia”.

(Đến ngày thứ bảy, Trưởng Lão ngồi kiết già ở giữa sông, lơ lửng trên từng cao độ bảy cây thốt nốt mà thuyết pháp cho đại chúng nghe).

Thuyết pháp xong, Ngài nguyện: Xá lợi của ta hãy phân làm hai, một rơi xuống bờ này, một rơi xuống bờ kia.

Đoạn Ngài nhập vào hỏa giới, lửa bốc lên có ngọn thiêu nhục thân Ngài. Xá lợi tự nhiên chia đôi, một phần rơi xuống bờ này, một phần rơi xuống bờ kia.

Đại chúng kêu gào than khóc nghe như mặt đất vô tình cũng vỡ tan từng mảnh, nấc lên những tiếng ai bi.

Khi đức Bổn Sư Níp Bàn, quả đất vang rền tiếng than khóc não ruột của đại chúng trong bốn tháng dài, nghe thật bi ai sâu thẳm, mọi người đi lang thang kể lể rằng: “Đức Bổn Sư Ngài đã Níp Bàn, chúng ta không còn được trông thấy ánh từ quang, không còn được trông thấy kim thân của Ngài đắp y mang bát như thuở tại tiền”.

Dứt tích Bổn Sanh, đức Bổn Sư phán hỏi Sa Di Tissa: “Này Tissa, trong khu rừng này có những tiếng cọp, beo gầm thét mà ông không sợ sao?”.

- Bạch Thế Tôn, chẳng những con không sợ mà khi nghe tiếng gầm thét của loài dã thú, con càng vui thích với cảnh lâm tuyền.

Nói rồi Sa Di ngâm lên bài kệ trường thiên gồm sáu mươi đoạn mô tả phong cảnh núi rừng.

Khi ấy, Đức Thế Tôn phán gọi: “Này Tissa”.

- Dạ bạch Ngài.

- Như Lai sẽ đi với Tăng chúng, còn ông sẽ đi hay là trở lại?

- Bạch Ngài, nếu thầy Tế độ của con dắt đi thì con đi, nếu người trở lại thì con trở lại.

Đức Bổn Sư cùng với Tăng chúng đồng lên đường. Ông Sa Di lui lại tìm thầy Tế độ. Gặp ông, Trưởng Lão hỏi:

- Này Tissa, nếu ông muốn trở về chỗ ngụ thì cứ đi.

Ông Sa Di Tissa đánh lễ cáo biệt đức Bổn Sư và Tỳ Khuru Tăng rồi trở lại. Đức Bổn Sư thì đi luôn về Kỳ Viên.

Trong phòng pháp hội, giữa các Tỳ Khuru, pháp thoại sau đây được đề khởi: “Chà! Tội nghiệp Sa Di Tissa bây giờ tu khổ hạnh quá. Từ ngày ông tục sanh, song thân ông đã thiết lập bảy cuộc đại thí cơm trắng nấu với sữa tươi hay mật ong pha đặc để cúng dường đến năm trăm vị Tỳ Khuru. Đến khi ông xuất gia, song thân ông lại thiết lễ Trai Tăng bảy ngày liền trong chùa, cúng dường cơm trắng nấu với mật pha chút ít nước đến Tỳ Khuru Tăng có Đức Phật làm tọa chủ. Xuất gia rồi, từ ngày thứ tám ông vào làng đi bát, trong hai ngày được cúng ngàn bát cơm cùng ngàn bộ y tắm. Qua ngày sau được thêm ngàn lá y gấm ngự hàn. Đến nay, ông vào cư ngụ trong rừng lại có lễ lộc dồi dào phát sanh đến cho ông, mà rồi ông cũng xả bỏ tất cả lợi danh như thế, đi vào rừng sâu, ăn cơm trộn lộn trong bát. Thật là ông Sa Di tu hành khổ hạnh quá.

Đức Bổn Sư ngự đến phán hỏi: “Này các Tỳ Khuru, hôm nay các ông ngồi thảo luận việc chi đó?”.

- Bạch Ngài, chuyện như vậy...

Nghe vậy, đức Bổn Sư dạy rằng:

- Phải đó, này các Tỳ Khuru, có hai đường lối khác nhau. Con đường thiên về thế lợi như trên là khác và con đường hành đạo để chúng đạt Níp Bàn là khác. Thật thế, Tỳ Khuru nào cứ mong ước: Ta sẽ được lễ lộc như thế. Dầu cho có thọ các chi Đâu Đà nhất là ngụ trong rừng mà còn lo gìn giữ lợi danh thì nhất định bốn cảnh ác thú đang mở rộng chờ đón ông ta. Còn Tỳ Khuru muốn đặt bước lên đường Níp Bàn thì xả bỏ hết lợi danh, lễ lộc, vào cư ngụ trong rừng vắng tinh tấn hành đạo không xao lãng, thì sẽ chúng đắc quả A La Hán chẳng sai.

Đức Bổn Sư kết luận xong, còn thuyết pháp giải rộng thêm những nghĩa lý và đọc bài kệ nầy:

*“Aññā hi lābhūpanisā
Aññā nibbānagāminī
Evametam abbiññāya
Bhikkhu buddhassa sāvako
Sakkāram nābhinandeyya
Vivekamanubrūhayeti”.*

*“Một đường hưởng lộc thế gian,
Một đường tu chứng Níp Bàn vô sanh.
Tỳ Khuru Phật tử phải rành,
Chớ nên tham đắm lợi danh thế quyền.
Đạo mẫu ráng để tâm chuyên,
Đi đường giải thoát bình yên lâu dài”.*

□

CHÚ GIẢI:

Aññā hi lābhūpanisā: Là đường theo thế lợi khác, đường đến Níp Bàn khác. Quả nhiên muốn có lợi lộc phát sanh, vị Tỳ Khuru phải gây tạo một vài nghiệp bất thiện tà vạy, nhất là thân tà hạnh (kāyavaṅka), nhờ vậy mới kiếm được lợi lộc. Thật thế, như phần cơm bát chẳng hạn, nếu có giờ tay ra thẳng cánh, không chịu cong queo thì bàn tay sẽ ngay ra để xuống chỉ có đụng được mà thôi. Còn như chụm tay lại đưa xuống, đến khi giở lên thì có thể bốc lấy cục cơm mà đem lên được. Chính khi nào làm việc tà vạy nhất là thân tà hạnh như thế mà lễ lộc phát sanh, thì con đường tu hành nầy chỉ thiên về danh lợi thế gian, không hợp theo lẽ đạo (adhammika), còn dính mắc trong vòng tái sanh luân hồi. Lợi lộc phát sanh hợp theo lẽ đạo là khi nào vị Tỳ Khuru chỉ nương theo y bát, nghiêm trì giới

luật, cư ngụ trong rừng... Tỳ Khuru là hành giả đi trên đường đến Níp Bàn phải dứt bỏ tất cả tà hạnh do thân khẩu là nhiều nhứt, không đi phải làm như đi, không cầm phải làm như cầm, không điếc phải làm như điếc, không nên lường gạt trá trở, giả dối, điêu ngoa.

Evametaṃ abhiññāya bhikkhu buddhassa sāvako: (Như vậy hiểu biết rành, Tỳ Khuru đệ tử Phật). Sau khi hiểu biết rành rẽ con đường đưa đến Níp Bàn và con đường theo thế lợi khác nhau như vậy, Tỳ Khuru là Thánh Văn đệ tử Phật, đã giác ngộ được đâu là Chánh Pháp, đâu là phi pháp.

Sakkāraṃ nābhinandeyya, vivekamanubrū-hayeti: (Chớ vui theo lợi danh, hãy chuyên tu giải thoát). Đây là huấn từ dạy thêm vị Tỳ Khuru, không nên vui theo tứ vật dụng và sự lễ bái phi pháp, nhưng nếu lễ vật ấy hợp pháp thì cũng đừng từ chối. Hãy thực hành tịnh pháp (viveka) nhất là thân thanh tịnh, ở đây có nghĩa là thân sống độc cư (kāyassa ekābhāva). Tâm thanh tịnh (upadhiviveka) tức là Níp Bàn. Người có thân thanh tịnh là người xa lánh chỗ đông đảo, bè phái. Người có tâm thanh tịnh là người xa lánh việc chất chứa phiền não, người có thủ thanh tịnh là người xa lánh được tất cả pháp hữu vi, thân thanh tịnh là duyên sanh tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là duyên sanh thủ thanh tịnh.

Cũng có thể giải rằng: Người có thân thanh tịnh (kāyaviveko) là người thỏa thích trong sự xuất gia hành đạo, một mình ở chỗ hẻo lánh quạnh hiu, người có tâm thanh tịnh (attaviveko) là người đã đạt đến mức thánh thiện tối cao về mặt tinh thần và người có thủ thanh tịnh (upadhiviveko) là người đã chấm dứt cái vòng luân hồi, không còn bị pháp hữu vi (saṅ-khāra) chi phối để phải tái sanh làm người lại nữa.

Tỳ Khuru nên ráng xúc tiến thực hành tròn đủ ba pháp Thanh tịnh trên đây luôn luôn.

□□

Đức Bổn Sư vừa dứt thời pháp, có nhiều Tỳ Khuru chứng đắc Thánh quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Tissa Sa Di bảy tuổi đầu,
Tu rừng giác ngộ lý cao sâu,
Sườn non thấy tiếp màu xương trắng,
Nước biển xem thua suối lệ sầu.
Lẽ lộc hơn người thêm khổ lụy,
Tài danh quán chúng nặng lo âu,
Con đường thế lợi nhiều khê lăm,
Thà sống an vui với đạo mầu.*

DỨT TÍCH TISSA CƯ LÂM DỨT PHẨM: NGU NHON



VI. PHẨM HIỀN TRÍ

(PAṆḌITA VAGGA)

- 14 bài kệ: Pháp Cú số 76-89
- 11 chuyện.

VI. 1- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO RĀDHA

(Rādhatheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 76)

<i>“Nidhīnam'va pavattāram</i>	<i>“Được hiền nhân thánh thiện,</i>
<i>Yam passe vajjadassinam</i>	<i>Chỉ bày lối thô thiển,</i>
<i>Niggayhavādiṃ medhāvīṃ</i>	<i>Nên hoan hỷ kết tình,</i>
<i>Tādisam paṇḍitam bhaje</i>	<i>Tôn như bậc cao minh.</i>
<i>Tādisam bhajamānassa</i>	<i>Chỉ đường ta kiếm lại,</i>
<i>Seyyo hoti na pāpiyoti”.</i>	<i>Hâm chôn giấu của cải,</i>
	<i>Thân hiền lợi ích nhiều,</i>
	<i>Chẳng có chi tai hại”.</i>

Kệ Pháp Cú này, đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự an tại Kỳ Viên, đề cập đến Trưởng Lão Rādhā (La Đà).

Tương truyền rằng: Lúc còn ở tại gia, Trưởng Lão trên đây vốn là một ông Bà là môn nghèo khó, cư ngụ trong thành Sāvathī. Vì muốn xuất gia để sống gần gũi chư Tỳ Khuru, ông ta đến chùa xin ở làm công quả, nhứt là phụ giúp Chư Tăng trong các việc lật vật như quét dọn cốc liêu, dung nước rửa mặt... Tuy nhiên, Chư Tăng không nhận cho ông xuất gia, không được toại nguyện, ông trở nên ốm o gầy mòn.

Một hôm, trong lúc quán sát thế gian vào lúc sáng sớm, đức Bổn Sư quán thấy ông Bà là môn ấy. Để xem ông ta có đủ căn lành hay không, Ngài quán thêm nữa thì biết ông sẽ đắc quả A La Hán. Cho nên, chiều hôm ấy, Đức Thầy ung dung bách bộ trong vòng Tịnh Xá, như đi kinh hành rồi ngự ngay đến chỗ ở của ông Bà là môn và phán hỏi rằng:

- Này ông Bà là môn, thường ngày làm công việc chi?
- Bạch Ngài, con làm tất cả mọi việc hộ giúp Chư Tăng
- Ông có được chư Tỳ Khuru tế độ chăng?
- Bạch Ngài, về vật thực thì con được tiếp độ, nhưng Chư Tăng không nhận cho con xuất gia.

Nhân dịp này, đức Bổn Sư triệu tập Tăng chúng và phán hỏi về vấn đề Bà là môn.

- Này các Tỳ Khuru, trong các ông, có ai nhớ ra rằng mình đã có thọ bát của ông Bà là môn này chăng?

Trưởng Lão Sāriputta đáp rằng:

- Dạ Bạch Ngài, con đã nhớ ra, trong lúc con đi trì bình trong thành Vương Xá, chính ông này đã đích thân để bát cúng dường đến con một vá thực phẩm. Con nhớ rằng con đã thọ bát của ông ta.

- Này Sāriputta, một người hộ giúp ông như thế, không đáng được ông giải khổ hay sao?

Nghe đức Bốn Sư hỏi vậy, Trưởng Lão Sāriputta vội đáp: “Lành thay! Bạch Ngài, con sẽ tế độ ông ta”.

Nói rồi, Trưởng Lão làm lễ xuất gia cho Bà la môn ấy. Mỗi lần nhập chúng trong Trai Tăng Đường, vị tân sư này phải khó khăn vất vả trong sự thọ lãnh vật thực như cơm cháo, vì ông phải đi đến chỗ ngồi ở phía sau cùng chư Tỳ Khuru. Thấy vậy, Trưởng Lão mới dắt ông đi du phương, một thầy một trò và nhân thể luôn kèm dạy lẫn lẫn, nhắc nhở ông những điều nên hành và những điều phải tránh.

Là người dễ dạy, hết lòng tôn kính thầy chỉ dạy, Sư Rādha chăm chỉ hành đúng theo huấn từ của Trưởng Lão Sāriputta, mấy ngày sau Ngài Rādha chứng đắc A La Hán quả. Kế đó, Trưởng Lão dắt Sư trở về yết kiến Đức Bốn Sư, sau khi hai vị đệ tử đánh lễ và ngồi xuống, Đức Bốn Sư hỏi Trưởng Lão những câu hàn thuyên thông thường rồi, Đức Bốn Sư hỏi Trưởng Lão rằng:

- Này Sāriputta! Học trò mới của ông có dễ dạy không?

- Bạch Ngài, ông ta rất mềm mỏng dễ dạy. Ông ta không hề tỏ ra nóng giận mỗi khi bị chỉ trích đâu là phạm lỗi nhỏ nhen chút ít.

- Này Sāriputta, nếu được những người như vậy theo xin ông tế độ, thì ông sẽ thu nhận bao nhiêu cho xuất gia.

Một hôm nọ, chư Tỳ Khuru câu hội trong giảng đường, đưa ra luận đề như vậy: “Tiếng đồn Trưởng Lão Sāriputta là người biết ghi ơn và biết đền ơn. Sau khi nhớ lại sự hỗ trợ của ông Bà la môn nghèo, dầu chỉ một vá thực phẩm, cũng chịu khó tế độ cho ông ta xuất gia. Trưởng Lão Rādha cũng là người giỏi chịu đựng, uốn nắn, mới gặp được thầy khéo dạy dỗ như thế”.

Khi Đức Bốn Sư ngự đến giảng đường, nghe chư Tỳ Khuru bạch lại đề tài của cuộc luận đạo, Ngài phán rằng:

- Này các Tỳ Khuru, không phải bây giờ mới như thế đâu, trước kia Sāriputta cũng đã từng là người biết ghi ơn và biết đền ơn như thế rồi.

Đoạn Ngài lại dẫn tích xưa, bắt đầu đọc kệ rằng:

*“Alīnacittam nissāya
Pahaṭṭhā mahatī camu
Kosalam senāsantutṭham
Jivaggāham agāhayi
Evam nissāya sampanno
Bhikkhu āradhaviṛiyo
Bhāvayam kusalam dhammam
Yogakkhemassa pattiyā
Pāpuṇe anupubbena
Sabbasaṃyojanakhayanti”.*

*“Nhờ phấn chấn tâm dẫn đầu,
Đại binh hoan hỷ phục thù san hà.
Sanh cầm vua Kosalā,
Phá tan quân địch bắt hòa chúa tôi.
Cũng vậy phấn chấn tâm rồi,
Tỳ Khuru tinh tấn trau dồi thiện duyên.
Chăm lo trì giới tham thiền,
Níp Bàn tịch tịnh chứng liền chẳng sai.
Bao nhiêu kiết sử dằng dai,
Lần lượt cắt hết một hai chẳng còn”.*

Kế đó, đức Bốn Sư thuyết giảng rành mạch tích Bốn Sanh phấn chấn tâm (Alīnacitta Jātaka), gồm có hai phân đoạn trên đây. Trong đó, con tượng chúa độ chiếc, đã đem con tượng con toàn sắc trắng của mình hiến tặng cho ông thọ mộc vì nhớ ơn người đã chữa lành vết thương nơi chân, chính là Trưởng Lão Sāriputta đây vậy.

Sau khi kể sự tích tiền thân Trưởng Lão Sāriputta, đức Bổn Sư lại đề cập đến Trưởng Lão Rādha.

“Nầy các Tỳ Khuru, bất cứ là Tỳ Khuru nào, cũng nên noi gương để dạy của ông Rādha đây mà bắt chước. Nếu được người trí thức chỉ rõ lỗi mình, không nên nóng giận trong lúc nhận lãnh những lời dạy dỗ. Phải xem người ban huấn từ như là bậc hướng đạo chỉ cho mình chỗ có hầm chôn giấu của cải vậy”.

Pāli:

*“Nidhīnaṃ va pavattāraṃ
Yam passe vajjadassināṃ
Niggayhavādiṃ medhāvīṃ
Tādisaṃ paṇḍitaṃ bhaje
Tādisaṃ bhajamānassa
Seyyo hoti na pāpiyoti”.*

*“Gặp người hiền trí giải bày,
Những điều lầm lỗi sửa sai cho mình.
Hãy nên cùng họ kết tình,
Xem họ như bậc cao minh chỉ đường,
Cho ta tìm thấy kho tàng,
Gần hiền vô hại, lợi càng gia tăng”.*

□

CHÚ GIẢI:

Trong Pāli, tiếng **Nidhīnaṃ** nghĩa là: Những kho tàng bí mật, hay là những chỗ nào mà người đã đào lên chôn giấu của cải, thường là những chỗ đựng đầy vàng, bạc chẳng hạn.

Pavattāraṃ: Người chỉ lối không khác nào người có lòng từ mẫn muốn tế độ, những kẻ khốn cùng khỏi cảnh vất vả lầm than, bèn kêu: “Hãy lại đây, ta sẽ chỉ cho các người một lối sống an vui”, rồi dắt họ đến tận chỗ chôn của để dành, lấy tay chỉ và bảo họ: Hãy lấy của nầy và sống an vui đi”.

Vajjadassināṃ: (Người cho thấy lỗi) có hai hạng Tỳ Khuru ưa vạch lỗi của người khác. Một là hạng Tỳ Khuru tiểu tâm tìm lỗi lầm sơ suất của Tỳ Khuru bạn, để lên mặt khiển trách người ở giữa Tăng chúng. Hai là hạng Tỳ Khuru có tâm bi mẫn, muốn tế độ người tâm tối dốt nát, muốn dắt y đi lần đến chỗ sáng suốt thông minh, giúp cho y tăng trưởng về mặt trí đức, cho nên mỗi việc lầm lỗi của y đều vạch ra cho y nhìn thấy để sửa chữa, ngõ hầu tiến lên bậc trên, trở nên con người đạo hạnh gương mẫu, tiếng Vajjadassināṃ trong bài kệ chỉ hạng Tỳ Khuru thứ hai nầy vậy.

Quả thật, ví như một người khốn cùng, gặp được người chỉ bảo: “Hãy lấy của nầy đi!”. Dầu cho người ấy có dọa nạt đánh đập anh ta chẳng nữa, ông ta cũng không nóng giận mà còn vui thích là khác khi mà mắt anh ta nhận thấy được chỗ chôn vàng.

Cũng vậy, Tỳ Khuru nào nhận thấy điều sơ suất lỗi lầm của mình bị vạch ra, không nên tỏ vẻ nóng giận trong khi được người chỉ dạy. Trái lại, phải hết lòng hoan hỷ và phải yêu cầu như vậy: “Bạch Ngài, on Ngài chỉ bảo thật rất trọng đại, xin Ngài hãy nhận làm thầy Tiếp dẫn hoặc thầy Tế độ của con mãi mãi, để ban thêm nhiều huấn từ giáo hóa cho con”.

Niggayhavādi (là người phản đối, khiển trách). Như có một số thầy Tế độ (Hòa thượng) hoặc thầy Tiếp dẫn (Yết Ma) nhìn thấy các đệ tử sơ suất phạm lỗi, nhưng không dám nói ra vì cho rằng: “Ông nầy chăm lo hầu hạ ta đàng hoàng tử tế, phục vụ ta được nhiều việc, nhất là dung nước rửa mặt, nếu ta vạch lỗi ông ta sợ e ông ta sẽ không hầu hạ ta nữa như thế thì ta sẽ bị thiệt thòi”. Tỳ Khuru nghĩ như vậy, không đáng gọi là Niggayhavādi. Vị ấy dung túng tội lỗi, như người xả rác trong Giáo Pháp nầy vậy.

Còn vị thầy nào thấy đệ tử mình phạm lỗi như thế, mà chỉ dạy, nhắc nhở giới luật, có khi đe dọa đòi đuổi, bắt chịu hình phạt hoặc không cho ở trong chùa, thì mới đáng gọi là Niggayhavādi. Cũng như câu kim ngôn của Đức Chánh Biến Tri có dạy rằng: “Nầy Ānanda, việc đáng phản đối thì Như Lai khiển trách cấm ngăn. Nầy Ānanda, việc đáng ủng hộ thì Như Lai khích lệ thúc đẩy”. (Niggayha niggayhāham Ānanda vakkhāmi, paggayha paggayhāham Ānanda vakkhāmi. Yo sāro soṭhassatīti).

Medhāvīm: Bực nầy có đầy đủ trí tuệ đã nếm được hương vị của Pháp Bảo.

Tādīsam: Nên giao hảo nương nhờ học hỏi với bậc hiền trí như thế.

Quả thật, vị đệ tử mà nương nhờ học hỏi với Giáo sư như vậy, thì thân hoạch được nhiều lợi ích, không bao giờ phải chịu thiệt thòi, hoặc tăng thêm những điều quấy ác tai hại.

□

Thời pháp vừa dứt, nhiều vị Tỳ Khuru chứng đắc Đạo quả.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Dầu on nhỏ mọn cũng không quên,
Đợi lúc lâm nguy mới đáp đền,
Người trí tùy cơ mà ứng biến,
Giúp cho bạn cũ được làm nên.
Giữ tánh nhu hòa diệt nét sân,
Một lòng cầu tiến, học chuyên cần,
Càng mau thấy lỗi càng mau sửa,
Thầy đó, trò đây, thầy Thánh nhân...*

DỨT TÍCH TRƯỜNG LÃO RĀDHA



VI. 2- CHUYỆN ÁC TĂNG (Assajipunabbasukavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 77)

*“Ovadeyyānusāseyya
Asabbhā ca nivāraye
Sataṃ hi so piyo hoti
Asataṃ hoti appiyoti”.*

“Những người hay khuyên giải,
Cản ngăn điều chẳng phải,
Người sáng trí kính yêu,
Kẻ tối thì trái lại”.

Kệ Pháp Cú nầy, đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến nhóm Tỳ Khuru Assajipunabbasuka (Ác Tăng).

Câu chuyện của nhóm Tăng nầy đã phát khởi tại miền núi Kīṭa. Tương truyền rằng: “Họ là những Tỳ Khuru quấy ác, không biết hổ thẹn tội lỗi, mặc dầu vị nào cũng đã từng là đệ tử của hai vị Thượng Thinh Văn. Họ quy tụ được đồ chúng cũng quấy ác như họ, gồm có năm trăm Tỳ Khuru cùng trú ngụ chung nhau ở núi Kīṭa, tự mình trồng hay bảo kẻ khác trồng hoa... sửa kiếng... Nói tóm lại là họ tạo nhiều việc tà hạnh, làm hư hỏng các gia đình Thiện tín, để nhờ đó mà nuôi sống bằng tư vật dụng tà mạng. Họ chấp chứa các Tỳ Khuru quấy ác như thế, còn những vị trong sạch thì bị họ đuổi đi, không cho ở (anāvāsam akāmsu).

Việc tác tệ của nhóm Tỳ Khuru nầy thấu đến tai Đức Thế Tôn. Để hành Tăng sự trục xuất (pabbājanīyakammakaraṇa) họ ra khỏi vùng cư trú, Đức thầy gọi hai vị Thượng Thinh Văn cùng với đoàn tùy tùng của các Ngài, đến phán bảo:

- Nầy Sāriputta, các ông hãy ra đi... Hễ những ai không vâng lệnh các ông, thì các ông hãy cho đọc tuyên ngôn trục xuất họ. Còn những ai vâng lệnh, thì ông hãy dạy dỗ nhắc nhở họ. Quả thật, đối với người dạy dỗ, nhắc nhở thì những kẻ thiếu trí không mấy gì yêu mến, nhưng những người sáng suốt thì lại kính yêu.

Tiếp theo đó, đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bằng kệ ngôn rằng:

“*Ovādeyyānusāseyya
Asabbhā ca nivāraye
Sataṃ hi so piyo hoti
Asataṃ hoti appiyo*”.

“*Người hay dạy dỗ khuyên răn,
Thấy ai phạm lỗi can ngăn tức thì.
Người sáng kính mến yêu vì,
Kẻ tối, trái lại sân si oán thù*”.

□

CHÚ GIẢI:

Tiếng **Ovādeyya** trên đây nghĩa là chỉ dạy về điều lỗi nào đã hoặc đang phạm. Còn tiếng **anusāseyya** là chỉ dạy khuyên răn về điều lỗi nào chưa phạm nhưng có thể phạm trong tương lai, và làm hạ phẩm giá của người phạm lỗi.

Dạy dỗ người cách trực tiếp, lúc giáp mặt gọi là **ovadati**, còn dạy dỗ gián tiếp hoặc bằng thơ, hoặc bằng lời nói nhắn thì gọi là **anusāsati**.

Dạy dỗ chỉ một lần cũng gọi là **ovadati**, còn dạy dỗ theo cách dạy đi dạy lại nhiều lần nối tiếp theo thì dạy những lần sau gọi là **anusāsati**.

Câu kệ đầu là nói về sự chỉ dạy cả bằng hai cách như đã giải trên.

Asabbhā có nghĩa là cấm ngăn các bất thiện pháp và khuyến khích các thiện pháp.

Sataṃ: Người sáng trí như thế, hằng được các bậc Đại nhân, nhất là Chư Phật mến yêu.

Asataṃ: Những người chưa giác ngộ chon lý giải thoát, xuất gia chỉ có mục đích kiếm ăn để nuôi thân sống mà thôi cho nên đối với người dạy dỗ khuyên răn họ, họ trả lời trắng trợn như muốn xía xói vào mặt: “*Sư không phải là thầy Tế độ, không phải là thầy Tiếp dẫn của chúng tôi. Tại sao Sư lại muốn dạy chúng tôi; kẻ tối mê không ưa mà còn ghét người dạy dỗ như thế.*”

□

Đến cuối thời pháp, nhiều vị Tỳ Khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn.

Sau khi nhận lãnh huấn từ của đức Bổn Sư, Trưởng Lão Sāriputta cùng Trưởng Lão Moggallāna ra đi đến dạy dỗ, nhắc nhở nhóm Tỳ Khưu tà hạnh, có một số nhận lãnh huấn từ giáo hóa, cải tà qui chánh, một số tự động xin hoàn tục, còn một số không nhận lỗi bị Tăng tụng tuyên ngôn trục xuất ra khỏi địa phương Kỳà.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Phẩm giá nhà sư chẳng giữ gìn,
Làm điều tà hạnh để mưu sinh,
Biết nghe lời dạy còn yêu Phật,
Ngoan cố thì theo hẳn thế tình...*

DỨT TÍCH: ASSAJIPUNABBASUKA

□

VI. 3- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO CHANNA (Channattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 78)

“*Na bhaje pāpake mitte*

“*Đừng thân cận bạn ác,*

Na bhaje purisādhame
Bhajetha mitte kalyāṇe
Bhajetha purisuttameti”.

Đừng thân kẻ tiểu nhân,
Tìm bạn lành, hiệp tác,
Gặp quân tử cầu thân”.

Kệ Pháp Cú này, đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài an ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến Trưởng Lão Channa (Sa Nặc).

Tương truyền rằng: Trưởng Lão có lần thốt ra lời mai mỉa hai vị Thượng Thích Văn như sau:

- Trong khi thái tử, con của đại vương ta phát nguyện xuất gia tu hành khổ hạnh, thì Ngài ra đi chỉ có một mình, ta chẳng thấy có mặt nào khác. Thế mà, bây giờ có người đi đâu cũng tự xưng tên: Ta là Sāriputta, ta là Moggallāna. Chúng ta là Thượng Thủ Thích Văn...

Đức Bốn Sư được chư Tỳ Khưu bạch lại việc này, bèn cho gọi Trưởng Lão đến khuyên răn, dạy. Trưởng Lão nín nhịn được ba lần như vậy, nhưng sau đó lại vẫn mỉa mai hai vị Thủ Thích Văn như trước.

Trong khi đang mỉa mai như thế, lần thứ ba Trưởng Lão bị đức Bốn Sư đòi đến và phán dạy rằng:

- Này Channa, hai Tỳ Khưu ấy là Thượng Thích Văn, chính là bậc đại trượng phu quân tử, là những bạn lành của ông. Ông nên thân cận giao kết với những bạn lành như thế.

Nói rồi, đức Bốn Sư nhân đó thuyết một thời pháp, Ngài kết luận bằng bài kệ này:

“Na bhaje pāpake mitte
Na bhaje purisādhame
Bhajetha mitte kalyāṇe
Bhajetha purisuttameti”.

“Đừng thân cận bạn ác, ngu,
Đừng gần gũi kẻ thất phu tục tằn.
Chỉ nên kết nghĩa kim bằng,
Với bậc hiền đức, trí năng hơn đời”.

□

CHÚ GIẢI:

Bài kệ trên đây có ý khuyên các Tỳ Khưu không nên giao thiệp với hai hạng bạn ác: Một là bọn người truy hoan trong các bất thiện pháp, nhất là thân tà hạnh (kāyaduccaritā) như hành động trộm cướp chẳng hạn. Và hai là hạng đê tiện thấp hèn trong số hai mươi một hạng người không nên thân cận. Trái lại những người lành, thuộc hạng trượng phu quân tử thì nên tìm đến mà cầu thân giao kết.

□

Sau thời pháp có nhiều Tỳ Khưu chứng đắc Thánh quả, như là Tu Đà Hườn quả.

Trưởng Lão Channa, mặc dầu đã nghe được huấn từ, sau đó cũng vẫn còn tiếp tục mỉa mai, nhiếc móc các Tỳ Khưu. Chư Tăng lại bạch lên Đức Thế Tôn việc làm khiếm nhã này. Đức thầy phán rằng: “Này các Tỳ Khưu, trong lúc Như Lai còn tại thế, các ông không thể nào bắt buộc Channa vâng giữ điều học được. Rán chờ khi Như Lai Níp Bàn rồi, các ông sẽ dạy dỗ ông ta”.

Và khi Ngài sắp Níp Bàn, nghe Trưởng Lão Ānanda bạch hỏi:

- Bạch Ngài, chúng con phải dùng pháp nào để cải hóa Trưởng Lão Channa? Ngài dạy rằng:

- Này Ānanda, hãy dùng hình phạt Phạm Đàn (Brahmadāṇḍa) một cách phạm tội là tuyệt giao, không tiếp xúc chuyện trò chi với vị sư phạm tội cả, mà phạt Tỳ Khưu Channa.

Trong lúc đức Bốn Sư Níp Bàn, vừa nghe tiếng Trưởng Lão Ānanda đã tuyên bố phạt Phạm Đàn mình, Trưởng Lão Channa đang buồn khổ phải ngắt xiủ đến ba lần, tỉnh lại thì kêu than:

- Bạch các Ngài, xin đừng hủy diệt.

Sau khi hối ngộ không bao lâu, Trưởng Lão thực hành tròn đủ phạm hạnh, nên đắc quả A La Hán với Tuệ Phân tích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Thép còn bị lửa đốt mềm thay,
Sa Nặc đành thua một phép này,
Phật tại, phạm hình chưa đúng lúc,
Nhân sanh, nghiệp quả, phải chờ ngày.
Võ đòn tâm lý sao mà nặng,
Bài học ưu sâu, nghĩ cũng hay,
Cái bịnh cống cao vừa trị dứt,
Thì ngôi La Hán đã phô bày.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO CHANNA



VI. 4- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO MAHĀ KAPPINA (Mahākappinattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 79)

<i>“Dhammapīti sukhaṃ seti</i>	“Các pháp hỉ thành thoi,
<i>Vippasannena cetasā</i>	Với tâm tư thuần khiết,
<i>Ariyappavedite dhamme</i>	Nghe pháp Thánh nhân thuyết,
<i>Sadā ramati paṇḍitoti”.</i>	Người trí mãi vui chơi”.

Kệ Pháp Cú này, đức Bổn Sư đã thuyết ra, khi Ngài ngự an Kỳ Viên, đề cập đến Trưởng Lão Mahākappina (Mahā Kappina).

Và đây là sự tích kể theo thứ lớp. Tương truyền rằng từ thời quá khứ, Trưởng Lão Mahākappina đã từng cúng dường, rồi phát nguyện dưới chân Đức Phật Pa-dumuttara. Trong thời gian phiêu lưu trong vòng luân hồi, có kiếp Trưởng Lão tái sanh vào gia tộc ông trưởng đoàn thợ dệt, trong một khu phố dệt cách thành Bārāṇasi không bao xa.

Vào thời ấy có độ một ngàn vị Độc Giác Phật, sau khi trú ở miền Tuyết Sơn đã tám tháng, các Ngài tìm đến thành Bārāṇasi để tìm nơi an cư trong bốn tháng mùa mưa. Các Ngài dùng chân một địa điểm cách thành Bārāṇasi không xa, cử tám vị đi yết kiến quốc vương để xin nhân công đến xây cất chỗ ngụ cho các Ngài.

Bấy giờ, nhằm lúc đức vua đang bận tổ chức cuộc lễ gieo mạ. Khi nghe quan hầu báo tin có Chư Phật Độc Giác ngự đến, quốc vương lâm triều và phán hỏi cho rõ mục đích của cuộc tiếp xúc này.

- Bạch chư Trưởng Lão, trẫm không thể chuẩn nhận lời xin của chư Trưởng Lão. Bởi vì sáng mai trẫm sẽ cử hành cuộc lễ gieo mạ kéo dài cả ba ngày đêm liền.

Phán rồi, quốc vương trở vào hoàng cung không mời thỉnh Chư Phật Độc Giác cúng dường vật thực chi cả. Các Ngài đành ra khỏi thành, tính thầm: “Chúng ta sẽ đến một làng khác”.

Ngay trong lúc ấy, bà vợ của ông trưởng đoàn thợ dệt đang đi vào thành Bārāṇasi vì một chút việc cần. Gặp Chư Phật Độc Giác bà đành lễ xong, bạch hỏi:

- Bạch chư Trưởng Lão, sao các Ngài đến trễ quá vậy?

Sau khi nghe rõ đầu đuôi câu chuyện người nữ có đầy đủ đức tin và trí tuệ ấy mới thỉnh cầu:

- Bạch chư Trưởng Lão, con xin thỉnh các Ngài, sáng mai đến thợ bát tại nhà con.

- Nầy cô, Chư Tăng chúng tôi đông lắm.
- Bạch chư Trưởng Lão, các Ngài có tất cả bao nhiêu?
- Độ một ngàn vị cô ạ.

- Bạch chư Trưởng Lão, trong làng có một ngàn gia tộc, mỗi nhà sẽ lo để bát một vị. Các Ngài hãy nhận thọ bát trước, rồi con sẽ lo liệu việc cất liêu cốc, chỗ ngụ để cúng dường các Ngài sau.

Chư Phật Độc Giác bèn nhận lời. Bà tín nữ đi vào làng, cất tiếng kêu gọi rằng: “Tôi đã gặp độ ngàn vị Phật Độc Giác và đã cung thỉnh Ngài, vậy quý vị hãy lo sắp đặt chỗ ngồi, nấu sẵn cơm cháo... Sau đó dựng lên một trang trại ở ngay giữa làng, trải lót tọa cụ đàng hoàng và qua ngày mai họ thỉnh Chư Phật Độc Giác an tọa, rồi dâng cúng vật thực ngon quý. Sau khi các Ngài dùng xong bữa, bà tín nữ dắt tất cả nữ nhân trong làng cùng đi với mình đến đánh lễ Chư Phật Độc Giác và thỉnh các Ngài chấp nhận ở lại nơi đó an cư mùa mưa ba tháng.

Kế đó, các bà tín nữ vào làng, cất tiếng kêu gọi rằng:

- Nầy các người ơi! Mỗi nhà hãy đơn cử một người nam, đem theo búa rìu vào rừng đốn cây làm vật liệu mang về dựng kiến tạo chỗ ngụ hộ các chư Trưởng Lão.

Dân chúng trong làng, theo lời của bà tín nữ, mỗi nhà đưa ra một nam nhân, hiệp lực công tác dựng lên ngàn thảo am (paṇṇasālā) có đủ chỗ hành đạo và nghỉ ngơi. Đến gần ngày an cư, các chủ nhà của những thảo xá tranh nhau cung thỉnh Chư Phật Độc Giác và hứa hẹn: “Tôi nguyện sẽ hộ độ Ngài tử tế đàng hoàng”. Nhà nào thỉnh được vị Phật nào ở thảo xá của mình thì lo hộ độ vị đó. Đến khi mãn hạ, mỗi nhà đều nhắc vị Phật của mình may y và dâng mỗi vị một xấp vải may y đáng giá một ngàn đồng.

Sau khi mãn mùa an cư, Chư Phật Độc Giác tụng kinh phúc chúc cho các thí chủ xong, thì từ giã ra đi. Còn dân chúng trong làng nhờ tạo phước nầy, đến khi chết được siêu sanh lên cõi trời Dao Lợi (Tāvattīsa) mệnh danh là thiên chúng (Gaṇadevaputta), hưởng lộc trời, đến thời kỳ của Đức Chánh Biến Tri Kassapa, họ cùng tái sanh vào những gia đình Trưởng giả trong thành Bārāṇasi, ông đoàn trưởng thợ dệt tái sanh làm con trai của ông Đại Trưởng giả trong thành, bà vợ của ông lại là một tiểu thư con của một đại Trưởng giả khác. Tất cả các bà vợ của ông thợ dệt cũng là những tiểu thư của các nhà Trưởng giả và khi khôn lớn, họ lại tái hợp với nhau như thuở trước.

Một hôm, dân chúng cùng rủ nhau vào Tịnh Xá nghe thuyết pháp. Khi nghe nói: “Có đức Bổn Sư thuyết pháp”, tất cả các Trưởng giả đồng thanh: “Chúng ta hãy đi nghe pháp” và dắt luôn vợ đi vào Tịnh Xá.

Lúc họ đến giữa vườn chùa thì trời đổ mưa. Những ai có người quen thuộc hoặc là thân quyến là các vị Sa Di... thì chạy vào đụt mưa trong cốc của các vị ấy. Còn những ai không có người quen thì không biết chạy đâu, đành đứng y giữa sân Tịnh Xá mà chịu trận.

Khi ấy, ông đại Trưởng giả nói với họ rằng: “Quý vị hãy nhìn xem thảm trạng của chúng ta! Là con nhà danh giá cả, mà phải chịu cái cảnh xấu hổ như vậy. Thưa quý vị, bây giờ ta phải tính sao?”.

- Chúng ta sở dĩ gặp phải cảnh trạng huống như vậy là do thiếu chỗ thân thiện có thể nương nhờ. Vậy chúng ta nên bỏ tiền ra chung đậu lại mà cất lên một ngôi chánh điện (pariveja).

- Lành thay, thưa quý vị.

Ông đại Trưởng giả bỏ ra ngàn đồng vàng, kỳ dư đều bỏ ra năm trăm đồng vàng cho mỗi vị, còn các nữ nhân thì cũng bỏ ra mỗi người hai trăm năm mươi đồng vàng để hùn vào. Khi góp được số tiền lớn ấy, họ khởi công xây cất một ngôi chánh điện mệnh danh là Đại Giảng Đường (Mahāpariveja) gồm cả ngàn cái nóc để cúng dường đến Chư Tăng có đức Bổn Sư là tọa chủ. Công trình kiến trúc đồ sộ quá, phí tổn rất nhiều, thành ra số tiền góp được khi trước không đủ, họ phải góp thêm hai lần phân nửa như vậy nữa.

Ngày khánh thành ngôi Giảng Đường Trùng Các nầy, họ cung thỉnh đức Bổn Sư đến chứng minh cuộc đại lễ Trai Tăng suốt bảy ngày, và lúc sắp kết thúc đại lễ, họ lại cúng dường y đến hai muôn vị Tỳ Khưu.

Vợ của đại Trưởng giả không chịu đồng hưởng phước như mọi người, mà định sử dụng trí tuệ của mình để tạo ra công đức tối thắng hơn: “Ta sẽ cúng dường đến đức Bổn Sư”. Nghĩ như vậy, bà lấy một đóa hoa Anoja (Hoàng Hoa) gói trong một khăn choàng có màu như hoa Anoja trị giá một

trăm ngàn đồng vàng. Chờ khi Đức Bồ Sư sắp tụng kinh phúc chúc, bà dâng y cùng hoa đến Ngài, đặt tấm y choàng quý giá dưới chân Đức Phật, bà phát nguyện: “Bạch Ngài, xin cho con tái sinh trong cảnh giới nào, cũng được thân thể sáng màu vàng cam như sắc Hoàng Hoa (Anoja) đây vậy, và xin cho con được mang tên là Anoja (Hoàng Hoa) nữa”.

Đức Phật chúc phúc: “Chúc con được mãn nguyện”. Tất cả những gia trưởng trên đây sống tùy theo tuổi thọ sau khi mạng chung đều thọ sanh về Thiên giới. Đến thời Đức Phật hiện tại, ông đại Trưởng giả thời trước, từ cõi trời tái sinh vào hoàng tộc, tại thành Kukkuṭavatī (Hùng Kê), đến tuổi trưởng thành thì được tôn vương, ngự hiệu là đức vua Mahākappina. Các Trưởng giả xưa kia cũng tái sinh vào cõi người, trong những gia tộc đại thần cả. Bà đại Trưởng giả thì tái sinh vào hoàng tộc trong thành Tāyala, xứ Madda, được song thân đặt tên là công chúa Anoja (Hoàng Hoa), vì toàn thân công chúa có ánh sắc vàng cam như bông Anoja vậy. Các bà Trưởng giả kia cũng đều sanh vào các gia tộc quyền quý, đến khi trưởng thành lại kết hôn với những công tử con quan trong triều vua Mahākappina, theo đúng như quan hệ từ trước. Còn công chúa Anoja thì được hoàng đế Mahākappina rước về làm hoàng hậu trong triều.

Tất cả những quý tộc nầy đều giàu sang ngang hàng với quốc vương. Khi nào quốc vương vận triều phục, điểm trang lộng lẫy, cỡi voi ngự đi du ngoạn thì họ cũng xuất hành đi theo chung thể, chứ không chịu kém. Còn quốc vương cỡi ngựa hoặc ngồi xe thì họ cũng cỡi ngựa hoặc ngồi xe mà đi như quốc vương. Họ được vinh hiển đồng đẳng như vậy là do nhờ hưởng quả của những phước lành mà họ đã tạo dựng chung một lượt với nhau.

Quốc vương có năm con tuần mã tên là Bala (Lục), Balavāhana (Lục Tải), Puppha (Hoa), Pupphavāhana (Hoa Tải) và Supatta (Thiện Đạt). Quốc vương chỉ cỡi con Supatta, còn bốn con thì giao cho những sứ giả của vua cỡi để đi săn tin. Mỗi sáng quốc vương đãi đằng các vương sứ ăn uống xong rồi, phán bảo họ: “Chư khanh hãy đi, trải qua độ hai ba do tuần để nghe ngóng, dò hỏi: Khi biết rõ có Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng ra đời thì mang phúc tín về cho quả nhân”.

Bốn vị vương sứ theo bốn cửa thành ra đi bốn hướng, trải qua hai ba do tuần chẳng bắt được tin lành, bèn trở về triều.

Một hôm, đức vua cỡi con tuần mã Supatta cùng với ngàn quan đại thần hộ giá, xuất thành du ngoạn, bỗng thấy năm trăm người lái buôn dạn dày sương gió, đang đi vào thành, quốc vương nghĩ thầm: “Những người lái buôn nầy có vẻ mệt mỏi phong trần vì đi đường xa. Trẫm sẽ hỏi thăm họ, may ra nghe được tin lành nào chăng?”. Quốc vương cho đòi đoàn lái buôn đến và phán hỏi: “Các người từ đâu đến đây?”.

- Tàu đại vương, cách đây độ một trăm hai mươi do tuần, có một kinh thành tên là Sāvattihī. Chúng tôi từ đó đến đây.

- Trong xứ đó của các người, có tin lành gì phát sanh lên chăng?

- Tàu đại vương! Chẳng có tin lành chi khác, ngoài ra cái tin Đức Chánh Biến Tri đã giáng thế.

Vừa nghe tới đó, long thể tràn đầy năm thứ phi lạc, quốc vương không suy tính được gì cả, một chập sau mới phán hỏi rằng: “Các khanh nói sao?”.

- Tàu đại vương, Đức Phật đã giáng thế.

Lần thứ nhì, rồi lần thứ ba, quốc vương cũng ngỡ ngẩn vì quá vui mừng trong chốc lát như thế. Lần thứ tư, quốc vương lại phán hỏi: “Các khanh nói chi?”.

Khi nghe trả lời: “Tàu Đại vương! Đức Phật đã giáng thế”. Quốc vương phán rằng:

- Nầy chư khanh, trẫm sẽ ân thưởng chư khanh một trăm ngàn đồng.

Phán rồi quốc vương lại hỏi tiếp:

- Về sau còn có tin lành nào khác nữa chăng? Các khanh.

- Tàu đại vương, Đức Pháp đã giáng thế.

Nghe tin nầy, đức vua cũng ngây ngất trong chốc lát ba lần như trước. Đến khi nghe câu “Đức Pháp đã giáng thế” lần thứ tư, đức vua cũng hứa: “Trẫm sẽ ân thưởng chư khanh một trăm ngàn đồng”. Hứa xong, đức vua lại phán hỏi:

- Về sau, có tin lành nào khác nữa không?

- Tàu đại vương, có Đức Tăng đã giáng thế.

Nghe vậy, đức vua cũng ngây ngất vì vui mừng trong chốc lát như ba lần trước, và lần thứ tư khi nghe câu: “Đức Tăng đã giáng thế”. Đức vua cũng tuyên bố sẽ ân thưởng một trăm ngàn đồng vàng cho đoàn thương buôn báo tin lành đến Ngài.

Đoạn đức vua đưa mắt nhìn ngàn quan đại thần tùy giá hỏi rằng: “Chư hiền khanh, sẽ làm gì?”.

- Tàu bệ hạ, chẳng hay bệ hạ định làm gì?

- Nầy chư khanh! Bây giờ đã biết tin lành Đức Phật giáng thế, Đức Pháp đã giáng thế, Đức Tăng đã giáng thế, quả nhân sẽ không thối chuyển, nhất định sẽ tìm đến Đức Thế Tôn để xin xuất gia với Ngài.

- Tàu bệ hạ! Chúng tôi cũng sẽ xuất gia đi chung với bệ hạ.

Quốc vương khiến quan hầu lấy vàng lá, thảo tín thư trao cho những lái buôn và dặn rằng: “Chư khanh về triều trao tín thư nầy đến hoàng hậu Anoja, hoàng hậu sẽ ban thưởng cho các khanh ba trăm ngàn đồng vàng. Khi ấy, chư khanh hãy tâu với hoàng hậu như vậy: “Quốc vương truyền ngôi và giao phó giang san để nghiệp về tay hoàng hậu. Vậy hoàng hậu hãy tùy nghi sử dụng. Nếu hoàng hậu có hỏi chư khanh: Hoàng thượng bây giờ ngự ở đâu, thì chư khanh nên cho biết rằng: Ngài đã tuyên bố: “Trẫm sẽ đi tìm đức Bổn Sư để xuất gia và Ngài đã đi rồi”.

Còn ngàn quan đại thần cũng thảo thư, mỗi vị đều báo tin cho vợ mình như thế cả.

Sau khi lái buôn từ biệt rồi, quốc vương lập tức lên đường tầm sư học đạo cùng với ngàn viên đại thần tùy tùng. Ngày ấy, lúc sáng tinh sương, trong khi đức Bổn Sư quán sát thế gian, Ngài trông thấy quốc vương Mahākappina cùng với đoàn hộ giá. Quán thêm nữa, Ngài biết rõ rằng: Đức vua Mahākappina khi nghe đoàn lái buôn báo tin đã có Tam Bảo giáng thế thì ban thưởng cho họ ba trăm ngàn đồng vàng, rồi rời bỏ ngai vàng, dắt theo ngàn quan đại thần đi tìm Như Lai để xuất gia hành đạo. Ngày mai đức vua sẽ đến đây xuất gia, sẽ đăc quả A La Hán với Tuệ Phân tích một lượt với ngàn quan tùy tùng. Như Lai sẽ đón tiếp, để tế độ đức vua.

Qua hôm sau, cũng như vị Chuyển Luân Vương ngự đón đường một vị thôn trưởng. Đức Thế Tôn đắp y mang bát, một mình vượt qua quãng đường một trăm hai mươi do tuần, đi về hướng có quốc vương, đến ngôi tại bờ sông Candabhāgā (Nguyệt Phần), dưới gốc cây đa và phóng tỏa ra hào quang lục sắc.

Còn quốc vương đang đi tìm Đức Phật, đến một con sông, bèn hỏi quan tùy tùng: “Con sông nầy tên chi?”.

- Tàu bệ hạ! Đây là sông Aravacchā.

- Sông nầy sâu rộng thế nào vậy chư khanh?

- Tàu bệ hạ, bề sâu của nó là một dặm, bề rộng là hai dặm (gāvuta).

- Nơi đây có thuyền bè chi để qua sông chẳng?

- Tàu bệ hạ không có.

Trong lúc các quan lo tìm kiếm thuyền bè... quốc vương khẩn thắm rằng: “Vì chúng tôi nhận thấy sự sanh dất dẫn đến sự già, sự già dất dẫn đến sự chết, nên bá quan đã một lòng cùng trẫm ra đi để tìm Tam Bảo. Do nhờ oai lực của Tam Bảo, xin cho nước sông nầy hãy đừng giống như nước”.

Sau khi suy tư đến Hồng Ân Tam Bảo, quốc vương bắt đầu tưởng niệm: “Itipi so bhagavā araham sammāsambuddhoti (Ngài là Đức Thế Tôn, bậc Ứng Cúng Đức Chánh Biến Tri...) chú tâm giữ vững đề mục niệm Phật, quốc vương với đoàn tùy tùng ngồi trên lưng cả ngàn con ngựa, lướt trên mặt nước mà qua sông. Những con tuấn mã vó câu dồn dập như chạy trên mặt đá, đầu móng chân không bị thấm ướt chút nào cả.

Qua khỏi con sông nầy, quốc vương đi trước lại gặp một con sông khác, liền phán hỏi:

- Sông nầy tên chi?

- Tàu bệ hạ, nó tên là Nīlavahanā (Thanh Sắc Cấp Thủy Hà).

- Nó sâu, rộng bao nhiêu?

- Tàu bệ hạ, bề sâu cũng như bề rộng của nó là nửa do tuần.

Trong lúc các quan lo tìm kiếm thuyền bè để qua sông. Quốc vương cũng khẩn nguyện như lần trước, nhưng với con sông này Quốc Vương tưởng niệm câu svākkhāto bhagavatā dhammo ti” (Pháp mà Đức Thế Tôn khéo thuyết giảng...). Chú tâm giữ vững đề mục Niệm Pháp, quốc vương phóng ngựa vượt qua sông an toàn.

Nhưng vượt qua sông này rồi, quốc vương lại gặp một con sông khác nữa, lại phán hỏi các quan: “Sông này tên chi?”.

- Tàu bệ hạ, tên nó là Candabhāga (Nguyệt Phần).

- Bề sâu và rộng của nó là bao nhiêu?

- Bề sâu và rộng của nó là một do tuần.

Trong lúc bá quan nhìn kiếm thuyền bè, quốc vương cũng khẩn nguyện như trước, nhưng với con sông này, quốc vương khẩn nguyện tưởng niệm ân Đức Tăng: “Supatipanno bhagavato sāvakaṅghoti” (Tăng là các bậc Thịnh Văn đệ tử Phật đã tu hành đúng theo Chánh Pháp). Chú tâm giữ vững đề mục Niệm Tăng, quốc vương vượt sông an toàn.

Qua sông rồi, đức vua tiếp tục hành trình đi mãi đi mãi, cho đến khi trông thấy những tia hào quang sáu màu từ kim thân của đức Bổn Sư phóng ra. Toàn cả cây đa, chỗ đức Bổn Sư ngự, những cành lá và rễ phụ đều lóng lánh y như bằng vàng ròng. Quốc vương nghĩ thầm: “Trẫm chưa từng thấy ánh sáng rực rỡ dường này bao giờ. Nó không phải là của mặt trăng, mặt trời hay Chư Thiên, Ma vương, Phạm Thiên, Long vương, Kim sí điều... hoặc của ai khác nữa. Trên đường đi tầm sư học đạo chắc là trẫm được gặp Đức Phật Tổ Cổ Đàm bây giờ đây”.

Quốc vương bèn xuống ngựa, hạ mình nương theo ánh hào quang mà đến gần đức Bổn Sư. Như người lặn trong hồ nước thơm, mát mẻ (manosilārasa), quốc vương đến bên trong vùng hào quang của Đức Phật, đánh lễ ra mắt đức Bổn Sư xong rồi, ngồi xuống một bên cùng với một ngàn cận thần.

Đức Bổn Sư thuyết tuần tự Pháp (anupubbīkathā), đến cuối thời pháp, quốc vương cùng đoàn tùy tùng đều đắc quả Tu Đà Hườn. Khi ấy tất cả đồng đứng dậy, ngỏ lời xin xuất gia.

Đức Bổn Sư tự vấn: “Những thiện gia tử quý tộc này có y bát do thần thông lực được chăng?”. Khi quán xét, Ngài thấy rằng: “Những thiện gia tử này đã có cúng dường một ngàn lá y đến ngàn vị Độc Giác Phật, và trong thời Đức Chánh Biến Tri Kassapa đã cúng dường hai muôn lá y đến hai muôn Tăng chúng. Không có chi lạ, nếu có y bát phát sanh đến cho họ do thần thông lực”.

Biết rõ như thế, đức Bổn Sư đưa tay phải ra, phán rằng:

“Thiện lai Tỳ Khuru (Hãy đến đây hỏi chư Tỳ Khuru)! Hãy thực hành phạm hạnh cho chơn chánh, ngõ hầu chấm dứt mọi nỗi khổ đau”.

Ngay khi ấy, những Tỳ Khuru mới này có đầy đủ tám món vật tùy thân, có hình dáng trang nghiêm như những vị Trưởng Lão hàng trăm tuổi hạ, đồng bay bổng lên hư không, đáp xuống đánh lễ đức Bổn Sư, rồi ngồi yên nơi đó.

Nói về các thương khách, về đến kinh đô vào triều kiến hoàng hậu, báo tin rằng mình có mang lời ủy thác của đức vua, khi được hoàng hậu truyền lệnh: “Hãy vào!”. Họ bèn vào triều bái tung hô xong, đứng nép qua một bên.

Khi ấy, hoàng hậu phán hỏi họ: “Chư khanh, đến có việc chi cần yếu?”.

- Chúng tôi được lệnh quốc vương phái về tiếp kiến hoàng hậu để xin hoàng hậu ban cho chúng tôi ba trăm ngàn đồng.

- Chư khanh xin sao nhiều quá vậy? Chẳng hay chư khanh đã làm điều chi khiến hoàng thượng phát tâm trong sạch đối với chư khanh, mới ban thưởng cho chư khanh số tiền to lớn như thế ấy?

- Tàu hoàng hậu, chúng tôi chẳng có làm điều chi khác ngoài việc báo một tin lành đến quốc vương biết.

- Chư khanh báo tin lành ấy đến cho ta nghe được chăng?

- Tàu hoàng hậu, được.

- Thế thì chư khanh hãy nói đi.

- Tàu hoàng hậu, Đức Phật đã giáng thế.

Nghe được tin này, từ lần thứ nhất đến lần thứ ba, cả ba lần ngọc thể tràn đầy phỉ lạc, hoàng hậu không còn tưởng nghĩ điều chi được nữa. Khi nghe tiếng Đức Phật (Buddho) lần thứ tư, hoàng hậu mới phán hỏi: “Chư khanh, nghe câu này Hoàng thượng đã ban thưởng bao nhiêu?”.

- Tàu hoàng hậu, một trăm ngàn.

- Chư khanh, nghe được tin lành như thế mà hoàng thượng chỉ ban cho chư khanh có một trăm ngàn, như thế thì không xứng đáng. Quả thật, ta sẽ tặng cho chư khanh món quà nhỏ mọn của ta là ba trăm ngàn đồng. Chư khanh còn báo tin gì khác cho hoàng thượng biết nữa chăng?

Các thương khách lần lượt tâu cho hoàng hậu biết hai tin lành khác: “Tàu hoàng hậu, Đức Pháp đã giáng thế..”, tâu hoàng hậu, Đức Tăng đã giáng thế”.

Cũng như lần đầu, long thể hoàng hậu biết hai tin lành ấy, cả ba lần đều ngẩn ngơ. Nghe đến lần thứ tư, hoàng hậu tỉnh trí, khiến ban thưởng cho các thương khách hai lần, mỗi lần ba trăm ngàn đồng vàng nữa. Thế là các nhà đem tin báo tiếp được lãnh tất cả là một triệu hai trăm ngàn đồng vàng.

Sau đó, hoàng hậu phán hỏi các thương khách:

- Này chư khanh, hiện giờ Hoàng thượng đang ở đâu?

- Tàu hoàng hậu, hoàng thượng có nói: “Trẫm sẽ đến xuất gia nơi Đức Phật, và Ngài đã lên đường”.

- Thế hoàng thượng có nhắn lời gì cho ta.

- Ngài dặn tâu lại rằng tất cả quyền tước của Ngài, Ngài giao phó cho hoàng hậu toàn quyền sử dụng, rằng hoàng hậu hãy thừa hưởng hương vị tùy theo sở thích.

- Này chư khanh, còn các quan cận thân đi đâu?

- Tàu hoàng hậu, bá quan cũng có nói: “Chúng tôi sẽ xuất gia theo cùng với đức vua”. Và cũng ra đi cả rồi. Hoàng hậu cho triệu tập các mệnh phụ phu nhân của ngàn vị đại thần và phán hỏi rằng: “Chư tử muội, chồng của các chị, em đã nói: “Chúng ta sẽ đi xuất gia với quốc vương và đã ra đi, vậy các chị em tính làm sao đây?”.

- Tàu hoàng hậu, các ông ấy có nhắn lời gì cho chúng tôi chăng?

- Các chị em, hoàng thượng cùng các ông ấy, nghe nói là giao hết sự sản của mình lại cho chị em, bảo chị em cứ tha hồ hưởng thụ đi.

- Tàu hoàng hậu, chẳng hay giờ đây hoàng hậu tính sao?

- Này chị em, khi Hoàng thượng đang đứng ngoài đường, khi nghe được tin lành này, đã xuất ra ba trăm ngàn đồng để cúng dường Tam Bảo, rồi từ bỏ giang san sự nghiệp như thế, như người nhỏ bỏ nước bọt. Ngài tuyên bố: Trẫm sẽ đi xuất gia, và đã ra đi. Còn ta, khi nghe tin lành Tam Bảo đã khởi hiện, ta cũng đã cúng dường Tam Bảo chín trăm ngàn đồng. Quốc vương đã từ bỏ vương vị, xả phú cầu bản thì ta cũng nên xả phú cầu bản, chứ ai lại quì gối xuống đất, hả miệng liếm lại nước bọt của quốc vương đã nhổ bỏ hay sao? Ta không cần vương vị làm chi, ta cũng sẽ đi tìm đức Bổn Sư mà xin xuất gia hành đạo.

- Tàu hoàng hậu, chị em chúng tôi cũng sẽ đi xuất gia một lượt với hoàng hậu.

- Nếu được vậy thì quý lắm chị em ạ.

- Tàu hoàng hậu, được lắm.

Sau khi cho thặng ngàn chiếc xe, hoàng hậu đích thân ngự lên một chiếc, cùng với các mệnh phụ phu nhân khởi hành, rời bỏ kinh đô.

Đọc đường, hoàng hậu thấy con sông thứ nhứt, cũng đã phán hỏi như quốc vương lúc trước. Khi đã nghe rõ tự sự, hoàng hậu khiến các phu nhân tìm xem quốc vương đã đi về ngã nào.

- Tàu hoàng hậu, chúng tôi không thấy dấu chân của những tuấn mã đâu cả.

Nghe vậy, hoàng hậu đoán rằng: “Có lẽ hoàng thượng đã phát nguyện, đem cả tâm chân thành ra đi tầm cầu Tam Bảo, cho nên đã đi trôi lợt. Nay ta cũng ra đi tầm cầu Tam Bảo. Xin nhờ oai lực Tam Bảo mà nước sông này không giống như nước thường.

Chú tâm niệm ân đức Tam Bảo, hoàng hậu ra lệnh cho một ngàn chiếc xe vượt qua sông. Mặt nước khi ấy đặc cứng như mặt đá bằng, các vành bánh xe lăn qua không dính chút nước nào cả.

Cũng bằng cách ấy, mà đoàn xe lữ hành vượt qua hai con sông kia. Đức Bổn Sư biết rằng hoàng hậu và các phu nhân sắp đến, bèn khiến cho những Tỳ Khuru đang ngồi gần bên Ngài biến mất hình dạng.

Đoàn phụ nữ quý tộc đang đi, bỗng thấy những tia ánh sáng từ kim thân Đức Phật phóng ra, cũng có ý nghĩ như quốc vương lúc trước, bèn đến đảnh lễ Ngài rồi đứng nép qua một bên.

- Bạch Ngài, đức vua Mahākappina đã ra đi để tìm Ngài. Theo chúng con tưởng, chắc có lẽ đức vua đã đến đây rồi. Vậy nhờ Ngài từ bi chỉ giùm chúng con biết, hiện giờ đức vua ở đâu?

- Các bà hãy ngồi xuống đây đi, rồi ta sẽ chỉ cho thấy đức vua.

Tất cả phụ nữ quý tộc đều hài lòng, ngồi xuống vừa trầm nghĩ: “Theo lời Ngài nói, chúng tôi ngồi nơi đây, rồi thì sẽ được gặp mặt các đấng lang quân”.

Đức Bổn Sư bắt đầu thuyết tuần tự pháp, nghe dứt thời pháp, hoàng hậu Anoja cùng đoàn mạng phụ thủy đều chứng đắc Tu Đà Hườn quả.

Trưởng Lão Mahākappina ngồi nghe thời pháp của đức Bổn Sư thuyết để tiếp độ các nữ nhân ấy thì lại chứng đắc A La Hán quả cùng với Tuệ Phân tích, cùng với ngàn vị Tỳ Khuru tùy tùng cũng chứng đạt như thế.

Ngay sát na ấy, đức Bổn Sư khiến cho các nữ nhân được thấy chư Tỳ Khuru đã đắc A La Hán (người ta cho rằng: Lúc các mệnh phụ vừa đến mà gặp mặt ngay chống mình cạo tóc, đắp y thì không thể giữ được tâm định tĩnh, do đó sẽ không chứng đắc Đạo quả chi hết. Bởi thế cho nên, Đức Thế Tôn mới chờ khi họ đã có tín tâm kiên cố rồi mới khiến cho họ nhìn thấy Chư Tăng A La Hán).

Khi nhìn thấy chư Thánh Tăng này, quý bà liền gieo năm vóc xuống đảnh lễ và bạch rằng: “Bạch chư Trưởng Lão, lúc này chư Trưởng Lão đã đạt đến mục đích tối cao của người xuất gia rồi chắc?”.

Kế đó, quý bà đảnh lễ đức Bổn Sư, rồi đứng nép qua một bên ngỏ lời xin xuất gia (có một số người nói rằng: “Nghe vậy, đức Bổn Sư nghĩ đến nàng Uppalavaṇṇā, nàng biết được tư tưởng của Đức Thế Tôn, nên hiện đến nơi ấy, Đức Thế Tôn phán bảo Uppalavaṇṇā cho ngàn nữ nhân xuất gia, rồi đưa các Tỳ Khuru Ni ấy trở về Kỳ Viên Ni viện bằng Thần thông lực).

Đức Bổn Sư bèn bảo các tín nữ ấy rằng: “Các con hãy đến thành Sāvattthī vào chùa Sư nữ mà xin xuất gia”.

Các tín nữ vâng lời ra đi, họ trải qua quãng đường xa một trăm hai mươi do tuần, lần hồi mới đến thành Sāvattthī, dọc đường họ được đại chúng đón đường cúng dường lễ vật rất vinh quang.

Sau khi đến Ni viện, được xuất gia Tỳ Khuru Ni, đoàn phụ nữ ấy về sau chứng đắc A La Hán quả cả thảy.

Đức Bổn Sư cũng dất ngàn vị Tỳ Khuru bay trở về Kỳ Viên.

Tương truyền rằng: Trưởng Lão Mahākappina hằng đi tới lui trong các nơi hàng hiên hoặc nơi nghỉ ngơi... Cao hứng thốt lên câu: “Ồi sung sướng thay!Ồi sung sướng thay”. Chư Tỳ Khuru bèn bạch với Đức Thế Tôn: Bạch Ngài, Trưởng Lão Mahākappina hằng đi tới, lui cao hứng thốt lên câu: “Ồi sung sướng thay!Ồi sung sướng thay”. Có lẽ Trưởng Lão muốn nhắc lại thời sung sướng vương giả của mình chăng?

Đức Bổn Sư cho gọi Trưởng Lão đến và phán hỏi:

- Này Mahākappina, nghe nói rằng ông hồi tưởng đến thời sung sướng vương giả, toại hưởng ngũ trần nên thốt lên những lời cao hứng phải chăng?

- Bạch Thế Tôn, Ngài vẫn biết con có hay là không có thốt ra lời cao hứng vì hồi tưởng đến dục lạc ngũ trần rồi.

Đức Bổn Sư xác nhận rằng: “Nầy các Tỳ Khưu, con trai Ta không phải vì ngũ trần dục lạc, sự sung sướng vương giả mà thốt lên lời cao húng đầu. Pháp hỷ đã phát sanh đến con trai Ta, và con trai Ta đã nếm vị của Bất tử Níp Bàn nên mới thốt lên câu cảm khái thế ấy vậy”.

Nói rồi, đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bằng bài kệ:

*“Dhammapīti sukkham seti
Vippasannena cetasā
Ariyappavedite dhamme
Sadā ramati paṇḍitoti”.*

*“Người đắc pháp hỷ thành thoi,
Với tâm khiết tịnh, sống đời thanh cao.
Người trí mãi mãi hân hoan,
Lắng nghe Pháp Phật bảo ban giáo truyền”.*

□

CHÚ GIẢI:

Tiếng **dhammapīti** trên đây nghĩa là người được no vui nhờ pháp, ví như đứa bé được mẹ cho bú sữa là pháp vậy. Gọi là Pháp (dhammo) nầy, không thể uống, húp hay bú như cháo, sữa đựng trong chén, bát... Người tu hành nhờ đề mục niệm mà chứng được chín pháp Siêu Thế (Lokuttaranavadhamma), giác ngộ bằng trực giác chân lý Tứ Diệu Đế, nhưt là Khổ đế. Gọi là người uống được pháp, tức là đắc Pháp hỷ vậy.

Sukham seti: Sống an vui luôn luôn trong bốn oai nghi, cả trong lúc thức và trong lúc nghỉ.

Vippasannena: Với tâm khiết tịnh không nhiễm ô, không phiền não.

Ariyappavedite: Được các bậc Thánh nhân như Đức Phật... Thuyết giảng rành rẽ về các nhân sanh quả Bồ Đề (Bodhipakkhiyadhamma), Tứ niệm xứ...

Sadā ramati: Người đắc pháp hỷ như thế, tâm hằng thanh tịnh thuần khiết. Có đầy đủ trí tuệ sáng suốt thì luôn luôn hoan hỷ thành thoi, vui một niềm vui thoát tục.

□

Thời pháp vừa dứt có nhiều vị chứng đắc Thánh quả nhưt là Tu Đà Hườn quả.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Ai bằng Trưởng Lão Kappina,
Ngàn dặm xuyên sơn kiếm Phật Đà,
Từ ngôi nguyện sống đời tu sĩ,
Bỏ vợ hầu nương hạnh xuất gia.
Giữa chốn thanh bản vui biết mấy,
Nghe tên Chánh Pháp sướng thay là,
Của tiền danh vọng, cần chi nữa,
Một quả vô sanh quá đủ mà.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO MAHĀKAPPINA



VI. 5- CHUYỆN SADI PANDITA (Paṇḍitasāmaṇeravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 80)

“Udakam hi nayanti nettikā

Usukārā namayanti tejanam

Dāruṃ namayanti tacchakā

Attānam damayanti paṇḍitāti”.

“Người dẫn thủy dẫn nước,

Thợ làm tên nắn tên,

Thợ mộc uốn gỗ ước,

Trí giả tự điều tâm”.

Kệ Pháp Cú này, đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến Sa Di Paṇḍita (Trí Giả).

Vào thời quá khứ, có một lần nạn Đức Chánh Biến Tri Kassapa ngự vào thành Bārāṇasi, dắt theo hai muôn vị Thánh Lậu Tận.

Dân chúng tự lượng sức mình, rủ nhau từng nhóm tám người cũng có, mười người cũng có, chung lo tiếp đãi Chư Tăng mới đến, nhứt là Bố thí cúng dường tứ vật dụng.

Thế rồi, một hôm sau khi thọ thực, Đức Thầy nhân dịp này tỏ lời hoan hỷ cuộc phước thí, thuyết giảng như sau:

“Nầy các thiện gia tử, nơi đây có một số người nghĩ rằng: “Ta nên xuất của nhà ra, tự mình làm việc phước thí, cần gì kêu rủ ai khác làm chi?”. Thế rồi, những người nầy tự mình làm việc phước chớ không kêu rủ ai khác cả. Trong kiếp tái sanh, họ được tài sản dồi dào, nhưng không được đông đảo người tùy thuộc. Lại có một số người nữa, chỉ kêu gọi người làm phước còn tự mình chẳng bố thí chi cả, cho nên trong kiếp vị lai họ được nhiều người tùy thuộc, nhưng tài sản chẳng được dồi dào. Còn một số người tự mình không bố thí, cũng không kêu gọi ai bố thí thì trong kiếp vị lai họ không thể nào được phú túc về mặt tài sản và tùy thuộc cả. Trái lại họ còn nghèo túng đến phải xin ăn cơm thừa cá cặn mà sống qua ngày. Một số người tự mình làm phước bố thí và kêu gọi người khác bố thí thì kiếp sau họ được đầy đủ phước báu. Tài sản dồi dào tùy thuộc đông đảo”.

Nghe vậy, một người nam là bậc có trí, đứng gần đó nghĩ thầm rằng:

- Bây giờ ta sẽ làm theo cách của nhóm người thứ tư, để sau nầy được dồi dào về cả hai mặt.

Ông đánh lễ đức Bốn Sư và bạch rằng: “Bạch Ngài, ngày mai xin các Ngài hãy thọ bát của chúng con”.

- Ông cần bao nhiêu Tỳ Khuru?

- Bạch Ngài! Chư Tăng theo Ngài có được là bao nhiêu vị Tỳ Khuru?

- Hai muôn vị Tỳ Khuru.

- Bạch Ngài, con xin Ngài với tất cả chư Tỳ Khuru ngày mai hãy thọ cơm bát của con.

Đức Bốn Sư im lặng nhận lời.

Thiện nam có trí ấy đi vào làng báo tin cho dân chúng hay:

- Các người ơi! Tôi thỉnh được chư Tỳ Khuru Tăng có Đức Phật là vị tọa chủ, ngày mai đến thọ bát nơi nhà của tôi. Các người ai có sức hộ độ được bao nhiêu vị Tỳ Khuru, thì hãy hộ độ bấy nhiêu vị.

Nghe vậy, dân làng tùy theo sức mình, người thì nói: Chúng tôi sẽ để bát mười vị, chúng tôi hai mươi vị, chúng tôi một trăm vị, chúng tôi năm trăm vị... Thiện nam ấy lấy giấy ghi tất cả danh sách thí chủ ấy, từ đầu đến cuối.

Thuở ấy, trong thành có chàng nông dân nghèo khó, nghèo quá đói nghèo, nên mọi người gọi chàng là Mahāduggata (Đại Bần khổ). Gặp anh ta, Thiện nam ấy cũng rủ: “Nầy bạn Mahāduggata! Ngày mai tôi thỉnh Tỳ Khuru Tăng có Đức Phật cầm đầu đến tại nhà tôi, ngày mai dân thành sẽ cúng dường làm phước. Vậy phần bạn, bạn lãnh để bát bao nhiêu vị Tỳ Khuru.

- Dạ thưa ông, nhà tôi mà ông hỏi để bát Tỳ Khuru ư? Để bát cho Tỳ Khuru phải là người giàu có, còn tôi buổi sáng kiếm một nhúm gạo để nấu cũng chẳng có thay. Tôi làm thuê làm mướn sống lây lất qua ngày, tôi biết lấy chi để bát Tỳ Khuru mà ông kêu gọi.

Người đi khuyên nhủ người khác làm phước phải là người khéo nói, mới thuyết phục người khác theo mình được. Bởi vậy, ông Thiện nam đầu nghe anh Mahāduggata than túng, cũng không làm

thinh mà nói tiếp rằng: “Này bạn Mahāduggata, trong thành này, có nhiều người ăn ngon, mặc áo đẹp, nằm trên giường ngà chiếu ngọc, thân thể thì trau giồi đeo, giặt nhiều loại nữ trang quý giá. Họ thì thọ hưởng phước lộc dồi dào như vậy, còn bạn thì mỗi ngày phải làm thuê làm mướn cực khổ, kiếm ăn cũng chưa no bụng. Thế mà bạn chẳng nghĩ biết gì rằng: “Vì ta không gieo chút ít phước chi trong quá khứ, cho nên trong đời này ta chẳng hưởng được chút ít quả gì ư?”

- Thưa ông, tôi biết lắm chứ.

- Thế thì, tại sao bây giờ bạn không làm phước? Bạn còn trẻ trung, đầy sức mạnh. Nếu bạn làm thuê lãnh tiền công rồi, tùy theo sức mình mà làm phước bố thí, há chẳng nên ư?

Trong lúc ông Thiện nam đang dùng tài hùng biện để giảng giải, thì anh Mahāduggata phát sanh kinh cảm (samvegappatto), bèn hứa rằng: Làm thuê được nhiều ít chi, tôi cũng sẽ để bát một vị Tỳ Khuru.

Ông Thiện nam không ghi vào sổ, vì cho rằng: “Có một vị Tỳ Khuru thì biên vào sổ để làm chi?”.

Ông Mahāduggata về nhà bảo vợ rằng: “Này hiền nội, mai nầy dân chúng trong thành sẽ đặt bát Trai Tăng, ông hội trưởng có gọi anh để bát, hộ độ một vị Tỳ Khuru. Và anh cũng đã hứa ngày mai chúng tôi sẽ để bát hộ độ một vị Tỳ Khuru”.

Khi ấy, vợ chàng không nói: “Chúng ta nghèo túng, sao anh nhận lời làm chi?”, mà nàng lại nói rằng: “Thưa chàng, chàng nhận lời là phải lắm. Chúng ta kiếp trước không bố thí chút gì, nên kiếp nầy sanh ra gặp cảnh khổ cùng. Vậy hai vợ chồng ta hãy đồng đi làm thuê để góp tiền công, lo sót bát hộ độ một vị Tỳ Khuru”.

Nói rồi, hai vợ chồng đồng ra khỏi nhà, đi đến chỗ chợ thuê người làm công (bhattiṭṭhānam).

Ông đại Trưởng giả trông thấy chàng Mahāduggata thì hỏi:

- Này Mahāduggata, chú làm được công việc chi chẳng?

- Dạ được, thưa ông chủ.

- Chú làm được việc chi?

- Dạ bất cứ việc gì mà ông chủ sai bảo con làm.

- Thế thì, mai nầy ta có thỉnh để bát hai trăm, ba trăm vị Tỳ Khuru. Chú em hãy đến bữa củi nghe.

Đại Trưởng giả bảo người nhà mang dao, búa ra trao cho Mahāduggata. Anh buộc thắt lưng lại cho thật chặt, ráng sức bữa củi, khi thì dùng dao khi thì thay búa, làm liền tay tùy theo cây củi.

Thấy vậy, Trưởng giả hỏi rằng: “Này chú em, hôm nay chú em làm việc hết sức siêng năng, hăng hái là do có chi vậy?”.

- Thưa chủ! Vì mai nầy con được để bát cho một vị Tỳ Khuru.

Nghe vậy, đại Trưởng giả phát tâm hoan hỷ, trong sạch đối với chàng Mahāduggata, vì nghĩ rằng: “Chà! Chuyện của chú nầy làm quả thật là khó lắm thay. Chú làm thinh, không than thở là “Tôi nghèo khổ”, còn xuất lực để làm thuê, và nói: “Tôi sẽ để bát một vị Tỳ Khuru”.

Bà Trưởng giả khi thấy vợ chàng Mahāduggata cũng hỏi:

- Này con! Con làm được việc chi?

- Dạ thưa, tùy bà chủ sai làm việc chi thì con làm việc ấy.

Nghe vậy, bà Trưởng giả dắt nàng vào trong trại giã gạo, khiến người nhà mang cối, chày trao cho chị ta. Chị hớn hở giã gạo, sàng gạo, làm việc nhanh nhẹn như người khiêu vũ. Thấy vậy, bà Trưởng giả hỏi rằng:

- Này con, con làm việc siêng năng vui vẻ hết sức là do có chi vậy?

- Thưa bà chủ, con làm thuê lấy công đặng chúng con cúng dường để bát đến một vị Tỳ Khuru.

Nghe nàng nói như thế, bà Trưởng giả cũng phát tâm hoan hỷ và trong sạch với nàng, vì nghĩ rằng: “Chà! Cô nầy làm được một việc khó làm thật”.

Đại Trưởng giả bảo gia nhân đong cho chàng Mahāduggata bốn gáo gạo Sālī và nói: “Đây là phần công một ngày bửa củi” và ông còn sai cho thêm anh bốn gáo gạo Sālī nữa, bảo rằng: “Còn đây là phần thưởng cho sự siêng năng của anh”.

Chàng về nhà bảo vợ: “Phần anh làm thuê được lãnh tám gáo gạo Sālī, phần này để nấu cơm được rồi. Còn phần công của em, em hãy nài đổi lấy sanh tô, dầu và các món gia vị nghe”.

Vợ chàng thì được bà Trưởng giả trả công bơ lỏng và sanh tô, mỗi thứ một tô nhỏ và một tô gia vị cùng với một gáo gạo Sālī rỗng. Như thế vợ chồng được lãnh tất cả là chín gáo gạo Sālī cùng đồ gia vị. Hai vợ chồng bảo nhau: “Chúng mình đã có đồ dâng cúng rồi”. Nhờ vui thích, sáng hôm sau hai người thức thật sớm. Vợ bảo chồng rằng: “Anh ơi, anh hãy đi tìm lá (nấu cà ri) chấp sẵn đem về đây cho em”.

Anh Mahāduggata đi đến chợ tìm lá, nhưng không thấy có bèn thả ra bờ sông để hái lá. Trong tâm chàng vô cùng thỏa thích, vừa đi vừa hát nghêu ngao rằng: “Ta sẽ được để bát cúng dường các Ngài Trưởng Lão”.

Một ngư phủ vừa ném cái chài xuống nước, đứng gần đó, nghe tiếng hát văng vẳng thì nghĩ rằng: “Đây chắc là tiếng của anh Mahāduggata”. Khi thấy chàng đến, người chài cá hỏi:

- Ô! Có việc chi làm tâm anh thỏa thích lắm sao, mà anh ca hát nghêu ngao như vậy?

- Dạ tôi tìm lá anh ạ.

- Để làm chi vậy anh?

- Tôi sẽ để bát cúng dường đến vị Tỳ Khuru.

- Chà! Vị Tỳ Khuru nào được chiếc lá của anh chắc hạnh phúc lắm thay.

- Thưa anh, tôi làm sao tìm được lá cúng dường để bát.

- Thế thì, anh hãy lại đây.

- Dạ tôi đến để làm gì?

- Anh hãy lựa những con cá này, chia để riêng ra thành từng mớ, tùy theo giá tiền: Thứ một đồng (pāda), thứ nửa đồng và thứ một đồng vàng (kahāpaṇa).

Anh Mahāduggata làm đúng theo lời dặn. Từng mớ, từng mớ cá đã xỏ râu sẵn, được dân chúng trong kinh thành lần lượt đến mua đem về để cúng dường sót bát chư Tỳ Khuru mà mình đã thỉnh.

Anh Mahāduggata vừa phân chia hết đồng cá từng râu xong thì đã đến giờ để bát. Anh sợ trễ liền nói với người chài:

- Tôi phải về anh à, về cho kịp giờ rước Chư Tăng.

- Còn mớ cá nào không vậy?

- Thưa hết sạch cả rồi.

- Nếu vậy còn bốn con cá thu của tôi để dành ăn, tôi vùi dưới cát. Nếu anh muốn để bát cúng dường Tỳ Khuru thì anh hãy đào lên mà lấy đem đi.

Và anh thợ chài cho Mahāduggata cả bốn con cá thu.

Ngày ấy, trong buổi sáng tinh sương, đức Bổn Sư quán xét thế gian, thấy anh Mahāduggata lọt vào giác võng của Ngài: “Chuyện gì sẽ xảy ra?”. Quán thêm nữa, Ngài thấy rằng: “Anh Mahāduggata này, cùng vợ anh. Ngày hôm qua đã làm thuê để lấy tiền công mua sắm đồ để bát một vị Tỳ Khuru”. Ngài tự hỏi: “Anh ta sẽ gặp được vị Tỳ Khuru nào?”. Quán tiếp, thì Ngài biết rằng: “Mọi người coi theo bảng ghi danh các Tỳ Khuru mà mình thỉnh để bát, sẽ thỉnh các vị ấy về nhà mình. Riêng chàng Mahāduggata này, ngoài Ta ra thì sẽ không được vị Tỳ Khuru nào khác cả”.

Theo truyền ngôn thì Chư Phật hằng tế độ những người nghèo khó, vì thế cho nên sáng hôm ấy, sau khi tắm gội, đức Bổn Sư vào an ngữ trong hương thất, nghĩ rằng: “Ta sẽ tiếp độ chàng Mahāduggata”.

Trong khi chàng Mahāduggata xách cá đi vào nhà, thì ngai vàng bằng Thạch Anh vàng của Đức Đế Thích phát nóng lên. Thiên Vương biết rằng: “Ngày hôm qua, chàng Mahāduggata đã hứa: “Tôi sẽ đặt bát vị Tỳ Khuru”, rồi cùng vợ đi làm thuê, anh ta sẽ gặp được vị Tỳ Khuru nào? Thiên Vương nghĩ

như thế và được thấy rằng: “Anh không được vị Tỳ Khuru nào khác ngoài bậc Chánh Đẳng Giác”. Hiện Ngài đang an ngự trong hương thất, nghĩ rằng: “Ta sẽ tiếp độ chàng Mahāduggata”.

Và Mahāduggata tự mình phải lo cho có thực phẩm xứng đáng như cháo, cơm và cà ri lá cảm (paṇṇasūpeyya)... để cúng dường Đức Như Lai. Vậy ta hãy đến nhà Mahāduggata lãnh phần nấu nướng.

Hóa thành một người lạ mặt, Thiên Vương đi đến túp lều của Mahāduggata, ứng tiếng lên hỏi: “Ở đây, có công việc chi cần người làm không?”.

Thấy khách lạ, Mahāduggata hỏi: “Này bạn, bạn làm được việc chi?”.

- Thưa ông chủ, tôi bá nghệ, không có nghề nào mà tôi không biết cả. Nhất là nghề nấu nướng cơm cháo thì tôi rành lắm.

- Này bạn, chúng tôi rất cần tay bạn phụ giúp trong việc này, nhưng khổ nỗi chúng tôi không có tiền để trả công cho bạn.

- Thưa ông, ông cần việc chi?

- Chúng tôi đang cần người nấu nướng cháo, cơm cho vị ấy.

- Nếu ông sốt bát cúng dường đến Tỳ Khuru, thì cần chi trả công cho tôi. Vậy ông chia phước cho tôi chẳng quý hơn sao?

- Nếu được như vậy thì tốt lắm. Vậy mời bạn vào nhà.

Đức Đế Thích vào nhà Mahāduggata, bảo đem gạo ra cho mình, rồi giục anh đi rằng: “Thôi, anh hãy đi thỉnh vị Tỳ Khuru về phần anh để bát, rồi rước về đây”.

Vị Trưởng ban đứng trông coi cuộc đại thí, phân chia các nhóm Tỳ Khuru. Tùy theo thứ tự trong bảng ghi danh sách thí chủ mà đưa Chư Tăng đến nhà các thí chủ.

Anh Mahāduggata đến gặp vị ấy và nói: “Xin cho tôi một vị Tỳ Khuru lấy bát ở nhà tôi”.

Trong lúc ấy, vị Trưởng ban hộ Tăng mới trực nhớ lại, bèn đáp: “Tôi đã quên ghi vị Tỳ Khuru của chú rồi”.

Anh Mahāduggata nghe như bị dao nhọn, bén cắt vào bụng mình. Anh ôm chặt lấy hai tay khóc than kể lể rằng: “Ông ơi! Sao ôngỡ giết hại tôi chi? Hôm qua nghe lời ông kêu rử, tôi với vợ tôi làm mướn trọn ngày lấy tiền công và sáng hôm nay tôi đã phải thả ra phía mé sông mà kiếm lá cảm về nấu canh. Ông ơi, ông hãy cho tôi một vị Tỳ Khuru đi, ông ơi...”.

Nhiều người tụ hội lại, hỏi rằng: “Việc gì thế? Này anh Mahāduggata! Anh liền thuật lại hết tự sự. Họ bèn hỏi ông Trưởng ban hộ Tăng rằng: “Anh ta nói rằng ông đã kêu gọi anh ta hãy đi làm việc phước. Anh đã đi làm thuê để được để bát cho một vị Tỳ Khuru. Có thật vậy hay chẳng?”.

- Thưa các Ngài, có ạ.

- Việc làm của ông là quấy lắm. Ai lại lo phân chia bấy nhiêu vị Tỳ Khuru như thế, lại chẳng để cho anh ta được một vị.

Vị Trưởng ban nghe đại chúng trách cứ, lấy làm hổ thẹn, bảo chàng Mahāduggata rằng: “Này bạn Mahāduggata, xin bạn đừng giết hại tôi, tôi vì bạn mà khổ tâm hết sức. Mọi người tùy theo bảng nêu danh sách sắp sẵn mà thỉnh các Tỳ Khuru về nhà của mình lấy bát cả rồi, không còn sót lại vị Tỳ Khuru nào nữa mà giao lại cho anh cả”.

Bây giờ, chỉ có đức Bổn Sư, sau khi rửa mặt, đang tịnh tọa trong Hương thất. Bên ngoài các Tiểu vương, Đại thần... đang chờ trông, tính rằng: “Chúng ta ở đây đợi Ngài ra khỏi Hương thất, tiếp đón và lãnh bát của Ngài đem đi”. Thường thì Chư Phật hay tế độ những người khổ khó. Vậy anh hãy vào chùa xin với Đức Thầy: “Bạch Ngài, con là kẻ khổ cùng, xin Ngài từ bi tế độ cho con. Nếu anh hữu phước may ra anh sẽ được Ngài chấp thuận”.

Anh Mahāduggata bèn đi đến chùa.

Thấy anh ta, các Tiểu vương, Đại thần... tưởng lầm anh ta là người xin ăn tàn thực như những người khác, bèn nói rằng:

- Này Mahāduggata, bây giờ chưa phải là giờ thọ thực, mà chú đến làm chi?

Anh đáp: “Dạ thưa tôi biết chưa tới giờ thọ thực, tôi đến để đánh lễ đức Bổn Sư”.

Vừa nói, anh vừa phủ phục xuống, đập đầu lên ngưỡng cửa Hương thất, lạy rồi bạch rằng:

- Bạch Ngài, trong kinh thành này, không có ai nghèo khổ hơn con. Xin Ngài hãy là người bảo trợ cho con. Xin Ngài hãy tế độ cho con đi.

Đức Bổn Sư mở cửa Hương thất, lấy bát của Ngài đặt trên tay của anh Mahāduggata. Anh ta vui mừng sung sướng như được tôn lên làm Chuyển Luân Vương. Các Tiểu vương, Đại thần trở mắt nhìn nhau. Quả thật, bát của Đức Thế Tôn trao cho thanh niên Mahāduggata rồi thì không có ai có thể dùng quyền lực nào mà lấy lại được cả. Các vương tử đồng nói: “Này bạn Mahāduggata, bạn hãy giao bát của Đức Bổn Sư lại cho ta đi, chúng ta sẽ trả bạn một số tài vật như thế... Bạn đang nghèo khổ, hãy lấy tiền của đi, chớ lấy bát mà làm gì?”.

Mahāduggata đáp: “Dầu sao đi nữa, tôi cũng không giao bát, tiền của thì tôi không cần, tôi chỉ cần để bát cúng dường đức Bổn Sư mà thôi”. Các Tiểu vương nài nỉ lấy bát không được liền trở về cung. Quốc vương nghĩ thầm: “Cả Mahāduggata này, dầu đem cả tài sản ra dụ dỗ, gả cũng chẳng giao bát, nhứt định tự mình cúng dường Đức Thế Tôn, không ai có thể dành lấy được với gả. Gả sẽ cúng dường thực phẩm loại nào? Trẫm phải chờ đến giờ gả cúng dường rồi, ra rước bát Đức Thế Tôn về cung, để bát Ngài những vật thực đã sắp sẵn”.

Nghĩ rồi, đức vua cùng đi với đức Bổn Sư.

Thiên Vương Đế Thích đã dọn sẵn cơm, cháo, cà ri... Lấy tọa cụ của đức Bổn Sư, trải ra rồi ngồi nghỉ.

Anh Mahāduggata rước Đức Thế Tôn về đến nhà, thỉnh rằng:

- Xin thỉnh Ngài ngự vào nhà con.

Túp lều của anh ta thấp lụp xụp, nếu không khom lưng cúi đầu thì không thể vào được. Chư Phật không bao giờ cúi đầu chun vào nhà. Thật vậy, vì khi Ngài bước vào nhà, thì mặt đất lồi xuống, và cái nhà thì lại vươn lên cao. Đây là do quả phước của hạnh bố thí tốt đẹp của các Ngài. Khi các Ngài trở ra đi thì tất cả đều hườn y lại như thường. Bởi thế, đức Bổn Sư cứ thẳng người mà đi vào trong nhà rồi ngự lên bảo tọa của Đức Đế Thích dọn sẵn.

Khi đức Bổn Sư an tọa, quốc vương hỏi rằng:

- Này Mahāduggata! Trẫm và chư vương tử hỏi xin lấy bát của Đức Thế Tôn, nhưng bạn vẫn một mực chối từ. Vậy bây giờ trẫm muốn xem bạn cúng dường đến Đức Thế Tôn đến mức nào cho biết.

Khi ấy, Đức Đế Thích giở nắp các nồi cháo cơm ra cho vua ngó thấy, mùi thơm bát ngát từ các nồi xông ra, tỏa lan khắp cả châu thành, quốc vương nhìn các món thực phẩm, rồi bạch cùng đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài! Quả nhân nghĩ thầm: “Lễ vật cúng dường của Mahāduggata sẽ trọng hậu bậc nào, Trẫm chờ cho gả để bát rồi, trẫm sẽ rước Ngài về cung mà dâng vật thực đã soạn sẵn. Vì nghĩ vậy nên trẫm mới đến đây. Nhưng vật thực như vậy, trẫm chưa từng thấy, nếu trẫm đứng mãi ở đây, sợ làm rận cho Mahāduggata, vậy trẫm xin cáo từ lui gót.

Quốc vương đánh lễ đức Bổn Sư rồi ra đi.

Nói về Đức Đế Thích, sau khi dâng cháo đến đức Bổn Sư rồi, thì chăm lo tiếp đãi Ngài rất kỹ lưỡng. Đức Bổn Sư thọ thực xong, tụng kinh phúc chúc cho thí chủ, rồi từ bảo tọa đứng lên, ngự ra đi.

Đức Đế Thích ra dấu cho Mahāduggata, anh bèn ôm bát đi theo sau Đức Thế Tôn. Đức Đế Thích quay trở vào, đứng ngay cửa nhà anh Mahāduggata, nhìn lên trời, từ trên hư không vật báu rớt xuống như mưa, đầy hết các lu khạp rồi tràn ra đầy cả nhà của Mahāduggata, không có chỗ nào trống cả.

Đức Đế Thích quay trở vào, đứng ngay cửa nhà Mahāduggata, khi ấy vợ và con trai của Mahāduggata ra đứng ở ngoài sân.

Sau khi tiễn chân đức Bổn Sư, anh Mahāduggata quay trở về, trông thấy lũ trẻ đứng ngoài sân, bèn hỏi: “Có việc gì đây?”.

- Anh à! Khắp nhà ta bây giờ tràn ngập bầy báu, không còn chỗ nào trống để chúng ta vào trong.

Mahāduggata nghĩ thầm: “Do nhờ phước báu ta cúng dường hôm nay, nên ta mới được ban thưởng như vậy”.

Anh bèn vào triều bái yết quốc vương, nghe quốc vương phán hỏi: “Khanh đến có việc chi?”. Anh đáp:

- Tâu hoàng thượng! Nhà con chứa đầy vật báu, xin hoàng thượng hãy nạp dụng những báu vật ấy.

Đức vua nghĩ thầm: “Ôi! Sự cúng dường lễ vật đến Chư Phật đưa đến phước tối cao phát sanh hiện tiền như thế”.

Đức Vua phán hỏi: “Khanh cần có những gì?”

- Xin hoàng thượng hãy ban cho ngàn cỗ xe bò đi chở những báu vật ấy, đem về chất đống nơi giữa sân rộng.

Đống báu bập ảo cao ngùn ngụt đến ngọn cây thốt nốt. Đức vua cho triệu tập dân chúng trong thành vào triều, quốc vương phán hỏi:

- Trong thành này có ai có được bấy nhiêu bảo vật như vậy chăng?

- Tâu bệ hạ, không có.

- Vậy thì ta nên làm gì với người chủ kho tàng này?

- Tâu bệ hạ, bệ hạ hãy phong chức Trưởng giả cho người ấy.

Quốc vương ban thưởng cho Mahāduggata trọng hậu và ban chức đại Trưởng giả đến anh. Kế đó, đức vua chỉ chỗ nền nhà cũ của Trưởng giả và phán rằng: “Này khanh, hãy chỉnh trang nơi ấy và cất lầu đài lên mà ở”.

Trong lúc quét dọn và san bằng mặt đất, những người làm khi cuốc đất nơi này nơi nọ, phát giác được những ché đựng đồ chôn dấu đã di chuyển khỏi vị trí cũ.

Mahāduggata trình báo lại đức vua, đức vua phán rằng:

- Đó là phần phước của khanh, khanh cứ giữ lấy mà dùng.

Mahāduggata cất xong dinh thự, bèn thỉnh Đức Phật và Chư Tăng đến tư gia để cúng dường. Từ đó về sau anh làm phước suốt đời. Đến khi hết tuổi thọ, được sanh về nhàn cảnh, hưởng lộc trời suốt một khoảng thời gian hai đời vị Phật. Cho đến thời Đức Phật hiện tại, anh mệnh chung từ Thiên giới, tái sanh vào lòng của một tiểu thư con nhà Trưởng giả, là một gia tộc Thiện tín đệ tử của Trưởng Lão Sāriputta cư ngụ trong thành Sāvathī.

Khi cha mẹ biết thai đậu thì lo chăm nom thuốc thang bảo dưỡng thai nhi. Khi thai đã lớn, bà mẹ phát sanh chứng thèm lạ kỳ. Bà ao ước: “Ôi! Phải chi ta được cúng dường, sót bát năm trăm vị Tỳ Khưu, có Trưởng Lão Sāriputta cầm đầu, với thực phẩm ngon lành như cá thu, rồi ta đắp y vàng, ngồi phía sau Tăng chúng, dùng những vật thực của Chư Tăng dùng dư thừa sót cho ta”.

Nghĩ rồi, dựng phụ ngỏ lời cho cha mẹ biết và thực hành ý định ấy. Bệnh ốm nghén liền dứt.

Từ đó về sau, trong bảy cuộc lễ trong gia tộc thì chủ lại cúng dường sót bát năm trăm vị Tỳ Khưu, có Trưởng Lão Sāriputta cầm đầu với món vật thực đặc biệt là cá thu (đoạn này giải rộng ra y như tích công tử Tissa).

Đó là do phước báu của Mahāduggata lúc trước đã cúng dường cá thu, bây giờ trở quả như vậy.

Đến ngày lễ đặt tên con, thiếu phụ bạch với Trưởng Lão Sāriputta: “Bạch Ngài! Xin Ngài truyền giới cho kẻ tôi tớ của Ngài”.

Nghe người mẹ bạch, Trưởng Lão hỏi:

- Đứa bé trai này tên chi?

- Bạch Ngài! Kể từ khi con thọ thai về sau, trong nhà này dầu là kẻ ngu khờ cũng trở nên bậc trí giả, cho nên con mới đặt tên là Paṇḍita (Trí Giả Tử).

Trưởng Lão truyền giới cho đũa hài nhi.

Kể từ ngày đưa con ra chào đời, tự nhiên bà mẹ phát tâm nguyện rằng: “Ta nhất định sẽ không phá hoại căn lành của con trai ta”.

Đến khi lên bảy, cậu con trai ngộ ý với bà mẹ:

- Thưa mẹ, con sẽ xuất gia với Trưởng Lão.

Bà mẹ liền tán thành rằng:

- Tốt lắm con, mẹ đã phát nguyện là sẽ không phá hoại căn lành của con.

Nói rồi, bà thỉnh Trưởng Lão đến cúng dường để bát xong, bạch rằng: “Bạch Ngài! Kể tôi tớ của Ngài, nó muốn xuất gia. Để chiều nay con sẽ mang nó vào chùa”.

Tiến chân Trưởng Lão về chùa rồi, bà triệu tập quyến thuộc báo tin cho họ biết rằng: “Hôm nay là ngày cuối cùng con trai tôi là tại gia cư sĩ, nên tôi thiết đãi nó một buổi tiệc tiến hành xứng đáng”.

Sau bữa tiệc long trọng, bà mẹ dắt con trai đến chùa giao cho Trưởng Lão và bạch rằng: “Xin Ngài cho hài tử này xuất gia”. Trưởng Lão nói: “Đời sống của người xuất gia rất khó khăn, nhiều cực nhọc lắm”. Cậu bé đáp:

- Bạch Ngài, con sẽ tuân hành theo huấn từ của Ngài.

Nghe vậy, Trưởng Lão nói: “Nếu vậy thì con hãy lại đây”.

Trưởng Lão truyền giáo năm chi đầu của đề mục tham thiền ba mươi hai thể trước, khởi đầu bằng tóc để làm phép xuất gia Sa Di cho cậu Paṇḍita.

Cha mẹ của Sa Di Paṇḍita lưu lại chùa trong bảy ngày để làm phước Trai Tăng, cúng dường thực phẩm là cá thu đến Chư Tăng có Đức Phật là tọa chủ. Chiều ngày thứ bảy, hai ông bà mới trở về nhà. Qua ngày thứ tám, lúc đi vào làng khát thực, Trưởng Lão dẫn theo Sa Di Paṇḍita, chớ Ngài không đi chung với Chư Tăng. Tại sao vậy? Vì Sa Di mới tu, cách đắp y mang bát hoặc trong bốn oai nghi chưa được tề chỉnh nghiêm trang. Vả lại, trong chùa Trưởng Lão cũng có nhiều phận sự phải làm, trong lúc Chư Tăng vào làng khát thực thì Trưởng Lão dạo khắp trong chùa để quét dọn, đổ đầy nước uống, nước xài vào những lu khạp còn trống... sắp lại những giường, ghế dài để sai chỗ... Xong đâu đó rồi, Ngài mới đi vào làng khát thực. Một lễ nữa, Trưởng Lão nghĩ rằng: “Chúng ta đừng để cho nhóm ngoại đạo buông lời chỉ trích như vậy, khi họ vào viếng chùa: “Chúng ta hãy nhìn xem chỗ ngồi của các đệ tử Sa Môn Cổ Đàm như thế này”.

Chỉ khi nào nhìn thấy khắp chùa chu đáo rồi, Trưởng Lão mới đi vào làng khát thực. Cho nên ngày ấy, sau khi xong công việc tại chùa, Trưởng Lão bảo Sa Di Paṇḍita theo Trưởng Lão đi vào làng. Đang đi với thầy Tế độ, dọc đường Sa Di nhìn thấy một lạch nước, Sa Di hỏi: “Bạch Ngài, cái này gọi là gì?”.

- Đây Sa Di, tên nó là lạch nước.

- Người ta dùng nó để làm gì?

- Người ta dẫn nước đi đến chỗ này chỗ nọ, để tưới vào ruộng của mình.

- Bạch Ngài, nước có tâm thức chăng?

- Không có đâu, này Sa Di.

- Bạch Ngài, một vật không có tâm thức mà người ta dẫn dắt đến chỗ người ta muốn để làm công việc, thì tại sao những chúng sanh có tâm lại chẳng có thể tự điều chế tâm mình để hành Sa Môn pháp?

Đi thêm đoạn nữa, Sa Di tự mắt trông thấy người thợ làm tên đang hơ cây gậy cứng bằng lõi cây trên lửa nóng, để uốn cho ngay thẳng, bèn hỏi: “Bạch Ngài, những người này gọi là chi?”.

- Gọi là thợ làm tên, Sa Di ạ.

- Họ đang làm chi đó, bạch Ngài?

- Họ đang hơ lửa một khúc cây có lõi cứng để uốn cho thẳng.

- Bạch Ngài, cây ấy có tâm thức chăng?

- Không có tâm đầu, này Sa Di.

Sa Di nghĩ thầm: “Nếu một khúc cây vô tâm mà người ta có thể hơ lửa cho thẳng được, thì tại sao những chúng sanh hữu tâm lại chẳng có thể tự điều chế tâm mình để hành Sa Môn pháp?”.

Lại đi thêm một đôi nữa, Sa Di trông thấy nhiều thợ mộc đang làm cãm, vành, đùm xe bèn hỏi: “Bạch Ngài, những người nầy kêu là chi?”.

- Gọi là thợ mộc, Sa Di ạ.

- Họ đang làm cái chi thế?

- Họ lấy cây làm thành đùm, bánh xe, vành xe của những chiếc xe nhỏ.

- Những vật ấy có Tâm Không, bạch Ngài?

- Không có tâm đầu Sa Di ạ.

Khi ấy, Sa Di Paṇḍita suy nghĩ: “Nếu như người ta có thể lấy cây rừng là vật vô tâm làm thành bánh xe thì tại sao những chúng sanh hữu tâm lại chẳng có thể tự điều chế tâm mình để hành Sa Môn pháp?”.

Sa Di tự suy nghĩ thấy được những lý lẽ trên đây chín chắn rồi, bạch rằng: “Bạch Ngài, nếu y bát nầy của Ngài thì xin Ngài hãy cãm giữ lấy, con cần phải trở về chùa”.

Trưởng Lão không nghĩ trong tâm rằng: “Ông nhỏ nầy mới xuất gia Sa Di, lúc đang đi sát bên ta mà còn nói như thế à”.

Nhưng Trưởng Lão bảo rằng: “Hãy đưa đây, này Sa Di”.

Nói rồi, Trưởng Lão tự cãm giữ lấy y bát của mình, Sa Di đành lễ thầy Tế độ, rồi quay trở lại, miệng còn nói:

- Bạch Ngài, khi Ngài lấy phần cơm của con mang về, xin Ngài hãy lấy phần cơm cá thu cho con.

- Nầy con, làm sao ta có được.

- Bạch Ngài, nếu như Ngài không có được do phước của Ngài, thì Ngài sẽ có được do phước của con.

Trưởng Lão nghĩ thầm: “Nếu để Sa Di nầy ngồi bên ngoài, e có sự tai hại nguy hiểm”. Nên trao chìa khóa cho Sa Di và dặn rằng: “Con hãy mở cửa cốc của ta, vào ngồi trong ấy”.

Sa Di Paṇḍita vâng theo lời thầy dạy, ngồi tịnh trong thất của thầy. Khi ấy, do oai lực ân đức của Sa Di, chiếc ngai vàng của Đế Thích nóng ran lên. Thiên Vương tự hỏi: “Tại có nào vậy”. Quán xét thì thấy được Sa Di Paṇḍita sau khi giao y bát lại cho thầy, trở về hành Sa Môn pháp: “Ta cũng nên xuống nơi đó”.

Nghĩ rồi, Đế Thích triệu bốn vị Thiên Vương đến khiến rằng:

- Chư Thiên vương hãy đi tuần gần Tịnh Xá Kỳ Viên, đuổi hết chim, thú đi hết, lo việc canh phòng cho chu đáo.

Phán rồi, Thiên Vương ra lệnh cho Thái Âm Thiên Tử (Candadevaputta): “Hãy níu giữ mặt trăng lại”, ra lệnh cho Thái Dương Thiên Tử (Suriyadevaputta): “Hãy níu giữ mặt trời lại”.

Xong rồi, tự thân Thiên Vương làm người đứng canh giữa cái chốt quả lắc chuông cho Sa Di. Trong Tịnh Xá lặng thình, dù một tiếng lá khô rụng cũng không có.

Tâm của Sa Di đến mức an tịnh, chỉ trong thời gian độ xong bữa cơm, ông chứng đạt Đạo quả, đạt đến ba tầng Thánh đầu. Trong lúc Sa Di đang ngồi trong Tịnh Xá, thì Trưởng Lão Sāriputta nghĩ thầm: “Ta nên đến nhà ai để có thể kiếm được vật thực cho Sa Di?”. Trưởng Lão đi đến nhà một gia chủ hộ độ Trưởng Lão, nơi đây trong ngày ấy, người ta có được nhiều cá thu, và đang chờ đợi Trưởng Lão đến để đặt bát.

Khi thấy Trưởng Lão đến gần, họ bạch rằng:

- Bạch Ngài, Ngài đến thật là đúng lúc. Xin thỉnh Ngài vào trong.

Khi Trưởng Lão vào trong nhà, họ dâng cháo và kẹo bánh, điểm tâm xong, họ đặt bát com với vật thực là cá thu. Trưởng Lão định mang bát ra đi, nhưng họ thỉnh: “Xin Ngài hãy thọ thực bát này đi, còn phần mang về Tịnh Xá chúng con sẽ dâng thêm sau”.

Khi Trưởng Lão dùng xong bữa rồi, họ xin bát không để rỗng com cá thu đầy bát, rồi dâng đến tay Ngài.

Trưởng Lão vội vã ra đi, nghĩ thầm: “Sa Di của ta chắc hẳn đang đói bụng”.

Ngày hôm ấy, đức Bổn Sư thọ thực trong lúc phải thời xong rồi và đã trở về Tịnh Xá. Ngài quán thấy rằng: “Sa Di Paṇḍita đã trao bát lại cho Thầy, với ý niệm “Ta sẽ hành Sa Môn Pháp”, và đã trở về liêu. Ngài tự hỏi: “Sa Di này có đắc được Đạo quả chi chăng?”. Khi quán thấy, Sa Di chứng đạt được ba quả Thánh, Ngài lại xét tiếp: “Sa Di có thể chứng đắc quả Thánh, Ngài lại xét tiếp: “Sa Di có thể chứng đắc A La Hán quả chăng?”. Và Ngài lại biết rằng: “Ông Sa Di này chứng đắc quả A La Hán”. Khi ấy đức Bổn Sư suy nghĩ: “Sāriputta đang hối hả đem com về cho Sa Di sớm quá, chính là gây chướng ngại cho Sa Di. Vậy ta hãy đón Sāriputta, hỏi ông ta bốn câu hỏi, khi ông ta giải đáp xong thì Sa Di cũng chứng đắc A La Hán với Tuệ Phân tích”.

Thế rồi, đức Bổn Sư ngự ra đứng trước cổng Tịnh Xá, và khi Sāriputta đang về, Ngài hỏi Trưởng Lão bốn câu hỏi, Trưởng Lão đã giải đáp đầy đủ. Tương truyền rằng: Cuộc vấn đáp này đã diễn tiến như sau:

- Này Sāriputta, ông được vật chi?
- Bạch Ngài, là vật thực (āhāra).
- Cái gọi là vật thực, đem vật chi đến? Hỏi Sāriputta.
- Bạch Ngài, Thọ uẩn (vedanā).
- Thọ uẩn đem vật chi đến? Hỏi Sāriputta.
- Bạch Ngài, sắc uẩn (rūpaṃ).
- Sắc uẩn đem vật chi đến? Hỏi Sāriputta.
- Bạch Ngài Xúc (phassaṃ).

Những lời vấn đáp vẫn tắt trên, chúng ta nên hiểu rộng như sau: Do sự đói khát, chúng sanh dùng vật thực (āhāra), vật thực tiêu hóa từ lần mang đến sự thọ vui (sukhā vedanā). Trong khi sự thọ vui phát sanh lên do nhờ sự thỏa thích thọ dùng vật thực, thì toàn thân của con nó có màu sắc tươi tốt đầy đủ, như thế là Thọ (vedanā) đem đến Sắc (rūpaṃ). Nhờ sự an vui của sắc phát sanh từ vật thực (āhāra-rūpa) mà sự hỉ lạc (sukha somanassa) phát sanh. Bây giờ đây con thỏa mãn xứ (assādo) dầu ngồi hay nằm, lúc nào cũng tiếp xúc với sự an vui (sukhasamphassaṃ).

Khi Trưởng Lão Sāriputta giải đáp xong bốn câu hỏi như trên, thì Sa Di Paṇḍita cũng vừa đắc quả A La Hán với Tuệ Phân tích.

Đức Bổn Sư bèn bảo với Trưởng Lão: “Này Sāriputta, hãy đem com vào cho Sa Di của ông ăn đi”.

Trưởng Lão đến gõ cửa cốc. Sa Di bước ra, thọ lãnh bát từ tay Trưởng Lão, rồi đứng qua một bên, lấy quạt quạt hầu thầy Tế độ. Trưởng Lão bảo: “Này Sa Di, hãy dùng com đi”.

- Bạch Ngài, còn Ngài thì sao?
- Ta đã dùng rồi, con cứ dùng đi.

Vị Sa Di mới bảy tuổi đầu, xuất gia được tám ngày đã chứng đắc quả A La Hán như hoa sen vừa nở đẹp, bèn ngồi xuống quán tưởng bát com, rồi thọ dụng.

Khi Sa Di rửa bát sạch sẽ dàng hoàng, Nguyệt thần phóng thích mặt trăng, Nhật thần phóng thích mặt trời. Tứ Đại Thiên Vương giải tỏa sự giữ gìn bốn hướng, Đức Đế Thích cũng thôi không giữ chùng chốt nữa. Mặt trời đứng bóng, bóng chéch qua rất lẹ, thành ra mới đó mà đã xế chiều.

Chư Tỳ Khưu bàn tán xôn xao rằng: “Bỗng nhiên đã xế tà, mặt trời từ trên đỉnh thượng đã trịch qua rất lẹ, có phải là chờ Sa Di độ xong bữa, hay là sao vậy?”.

Đức Bổn Sư hiểu biết việc này, bèn ngự đến phán hỏi:

- Nầy chư Tỳ Khuru! Các ông đang thảo luận việc chi đó?

- Bạch Ngài, như thế, như thế....

- Đúng vậy, nầy các Tỳ Khuru, trong lúc bậc hữu phúc (puññavato) đang hành Sa Môn pháp, Nguyệt thần phải níu chặt giữ mặt trăng, Nhựt thần níu giữ mặt trời, Tứ Đại Thiên Vương canh giữ bốn hướng, Đúc Đế Thích xuống giữ chốt cửa và chính ta là Đấng Chánh Đẳng Giác cũng không ngồi an nhiên được, nên giữ tại cổng Kỳ Viên con trai ta.

Khi nhìn thấy những người dẫn thủy nhập điền bằng cống rãnh, những thợ làm tên uốn thẳng cây tên và những thợ mộc bào gỗ dẻo ván. Bậc trí giả lấy những đối tượng ấy làm đề mục tham thiền, rồi tự mình điều chế lấy mình mà đắc quả A La Hán như thế đó.

Sau khi dẫn giải như vậy, Đúc Bổn Sư thuyết giảng một thời pháp trong đó có bài kệ nầy:

*“Udakam hi nayanti nettikā
Usukārā namayanti tejanam
Dāruṃ namayanti tacchakā
Attāmaṃ damayanti paṇḍitāti”*

*“Người tưới nước vào điền,
Thợ làm cung nắm ngay liền mũi tên.
Thợ mộc uốn gỗ cần chuyên,
Trí giả điều chế tâm viên của mình”.*

□

CHÚ GIẢI:

Kệ ngôn thứ nhất đề cập đến những người thợ dẫn nước (nettikā), sau khi ban chỗ đất gò xuống thấp đắp chỗ trũng cho bằng, làm thành mương, lạch lộ thiên, hoặc đặt ống bằng cây có bọng, xong rồi có thể theo ý muốn, họ dẫn nước đến chỗ cần dùng.

Tejanam: Cây tên để bắt vào cung, nỏ để bắn. Kệ ngôn nầy ý nói: Những thợ dẫn nước tùy theo sở thích, thợ làm tên cũng vậy, sau khi hơi nóng cây tên rồi, họ uốn nắn cho nó ngay thẳng, và thợ mộc nữa, muốn làm thành những cần xe... Họ dẻo gọt, rồi sửa cho ngay ngắn, hoặc uốn cong nó được tùy theo sở thích.

Bậc trí giả, sau khi quán niệm bấy nhiêu đề mục trên đây, đã làm phát khởi Tu Đà Hoàn đạo tâm... Rồi điều chế tự ngã mà đắc A La Hán luôn liền theo đó.

Dầu với vật vô tâm hay hữu tâm, hành giả đều phải hạ thủ công phu mới đạt đến chỗ diệu dụng được.

□

Sau thời pháp nhiều vị Tỳ Khuru chứng thánh quả...

DỊCH GIẢ CĂN ĐỀ

*Sa Di Trí giả đủ căn lành,
Nửa bước theo thầy tuệ giác sanh,
Thấy vật vô hình, người biến chế,
Lo thân hữu phước, tự điều hành.
Phật trời hội giúp Tâm Không sứt,
Nhựt nguyệt ngưng cho quả kịp sanh,
Nguyện cũ mãn rồi trong kiếp chót,
Níp Bàn bảy tuổi đã nên danh.*

DỨT TÍCH SA DI PAṆḌITA

□

Tướng tuy lùn bé khó tự hào,
Trưởng Lão Bạt Đà chẳng núng nao,
Mặc kệ rờ đầu cùng bóp mũi,
Dầu ai hạ thấp hoặc để cao.
Vô sanh Thánh cảnh đà đi tới,
Tục lụy phàm phong hết lọt vào,
Tâm trí kiên cường như núi đá,
Ngoài da, bạn lữ biết đâu nào.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO BHADDIYA LÙN



VI. 7- CHUYỆN MẸ CÔNG CHÚA KĀṆĀ (Kāṇāmātāvattu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 82)

<i>“Yathāpi rahado gambhīro</i>	“Như lòng sâu biển hồ,
<i>Vippasanno anāvilo</i>	Yên lặng không nhiễm ô,
<i>Evam dhammāni sutvāna</i>	Khi đã nghe Chánh Pháp,
<i>Vippasīdanti paṇḍitāti”.</i>	Tâm trí giả thanh tịnh”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự an tại Kỳ Viên, đề cập đến mẹ nàng kâṇā.

Chuyện này trích từ Tạng luật, trong đó ghi lại rằng:

Mẹ nàng kâṇā, không muốn con gái mình tay không trở về nhà chồng, nên đã làm bánh. Nhưng bốn lần làm bánh đều đặt bát dâng cúng cho bốn vị Tỳ Khuru trong giờ thọ thực, do đó Đức Bốn Sư đã ban hành điều học cấm Tỳ Khuru thọ lãnh vật thực quá bốn bát.

Chồng nàng kâṇā cưới vợ khác. Sau khi hay tin này, nàng kâṇā gặp mặt các Tỳ Khuru thì buồn lòng mắng nhiếc, chửi rủa rằng: “Mấy ông Sư này phá hoại gia can nhà ta”. Chư Tỳ Khuru chẳng dám đi trên con đường ấy nữa.

Hay biết việc này, Đức Bốn Sư ngự đến nhà mẹ nàng kâṇā. Bà đánh lễ Đức Thế Tôn, thỉnh Ngài ngự vào nơi được soạn sẵn, rồi dâng cháo cùng đồ ngọt.

Sau bữa điểm tâm, Đức Bốn Sư phán hỏi: “Nàng kâṇā đâu?”.

- Bạch Ngài, kâṇā thấy Ngài, nó hổ thẹn đang đứng khóc một mình.

- Tại sao thế?

- Bạch Ngài, vì nó mắng nhiếc chư Tỳ Khuru, cho nên thấy Ngài nó xấu hổ, đứng khóc như thế.

Đức Thế Tôn bảo gọi nàng kâṇā đến và hỏi:

- Này kâṇā tại sao thấy Như Lai con lại xấu hổ, lánh mặt ta mà khóc như thế?

Nàng kâṇā bạch lại mọi việc, nàng đã làm, mắng nhiếc chư Tỳ Khuru, Đức Thế Tôn bèn hỏi rằng: “Này mẹ kâṇā, thế nào? Các đệ tử Như Lai nhận vật của bà có dâng cúng thì họ phạm lỗi chi hay là vật không có dâng cúng?”.

- Bạch Ngài đồ vật không có dâng cúng.

- Nếu thế, khi đệ tử Như Lai khát thực, đến đứng trước cửa nhà bà, nhận vật được dâng cúng thì họ phạm lỗi chi?

- Bạch Ngài, chư Trưởng Lão không có lỗi chi cả, chỉ kâṇā là có lỗi thôi.

Đức Bốn Sư bèn bảo nàng kāṇā: “Nầy kāṇā, chư Thinh Văn đệ tử của Ta khi đi bát khất thực, đến trước cửa nhà nầy, nhận được bánh của mẹ con cúng dường, thì các Thinh Văn đệ tử của Ta có phạm tội lỗi gì?”.

- Bạch Ngài chư Trưởng Lão không có lỗi gì cả, chỉ mình con là có lỗi thôi.

Nói đoạn, nàng đánh lễ Đức Thế Tôn và xin sám hối. Nhân đó, Đức Phật thuyết lên tuần tự pháp cho nàng nghe, và nàng chứng đắc quả vị Tu Đà Hườn.

Đức Bốn Sư từ chỗ ngồi đứng dậy, ngự về Tịnh Xá, đi ngang qua sân rộng, đức vua trông thấy Ngài, bèn phán hỏi thị thần:

- Hình như là Đức Bốn Sư, có phải không chư khanh?

- Tâu bệ hạ phải.

Nghe tâu như vậy, đức vua phán bảo thị thần ra đón Đức Bốn Sư: “Chư khanh mau ra bạch với Ngài rằng: Trẫm xin đến đánh lễ Ngài”.

Đức Bốn Sư đứng dừng lại trong sân ngự, quốc vương đến gần Ngài, đánh lễ xong bạch rằng:

- Bạch Ngài, chẳng hay Ngài đi đâu đây?

- Tâu Đại vương! Như Lai đến nhà của mẹ nàng kāṇā.

- Bạch Ngài vì lẽ gì vậy?

- Nghe rằng: “Nàng kāṇā mắng nhiếc chư Tỳ Khuru nên Như Lai đã đến nhà mẹ nàng”.

- Bạch Ngài, có lẽ Ngài đã khiến được nàng kāṇā thôi mắng nhiếc phải không?

- Tâu Đại vương! Như Lai đã khiến nàng dứt bỏ sự mắng nhiếc chư Tỳ Khuru, đồng thời thâm hoạch được thánh tài (Lokuttarakuṭumba).

Bạch Ngài, Ngài khiến nàng thu được Thánh tài, phần trăm, trăm sẽ khiến nàng được làm chủ thế tài (lokiyakuṭumba).

Nói rồi, đức vua đánh lễ cáo từ Đức Bốn Sư. Về triều, đức vua phái một cỗ loan xe có màn che sáo phủ đi rước nàng kāṇā vào cung, khiến cung phi trang điểm và đeo đủ thứ trang sức quý giá cho nàng rồi, lập nàng lên làm đại công chúa. Sau đó, đức vua báo tin cho các quan hay rằng: “Ai có thể nuôi dưỡng con gái trăm thì hãy đến rước công chúa về nhà”.

Khi ấy, có viên Đại Thần Tể tướng tâu rằng:

- Hạ thần xin lãnh nuôi công chúa.

Ông rước công chúa đem về nhà mình, giao nàng đủ cả quyền hạn trong tay và bảo: “Công chúa hãy làm phước theo tùy thích đi”.

Từ đó, công chúa kāṇā sai nhiều người đàn ông đứng gác ở bốn cửa để đón rước Chư Tăng, nhưng chỉ hoài công chờ đợi, vì không gặp được Tỳ Khuru và Tỳ Khuru Ni đặng mà để bát. Thành ra tại bốn cửa nhà nàng những vật thực cúng và mềm đã dự bị để cúng dường đều còn nguyên, ối động dồn dập mãi phần nhiều như thác nước.

Trong giảng đường, Chư Tăng để khởi pháp thoại như sau:

- Nầy chư huynh đệ, lúc trước nàng kāṇā làm cho bốn vị Trưởng Lão Trưởng lão phải ăn năn hối tiếc. Là người gây sự phiền phức như vậy, mà khi Đức Bốn Sư đến viếng, nàng lại có đức tin đầy đủ, Đức Thế Tôn đã khiến được nàng đem của nhà đến gần chư Tỳ Khuru. Nhưng bây giờ nàng muốn có Chư Tăng hoặc chư Ni để cúng dường thì kiếm cũng không ra. Ôi! Ân Đức Phật bảo quả là kỳ diệu thay.

Đức Bốn Sư ngự đến phán hỏi: “Nầy chư Tỳ Khuru, hôm nay các ông hội thảo về vấn đề gì?”.

- Bạch Ngài, việc như vậy... Như vậy.

- Nầy các Tỳ Khuru, Đức Bốn Sư dạy, không phải nàng kāṇā chỉ làm cho chư Tỳ Khuru cao hạ phải hối hận bây giờ mà thôi. Trước kia nàng đã từng làm như thế rồi. Không phải bây giờ là lần đầu tiên Ta đã khiến được nàng vâng lời, trước kia Ta cũng đã từng khiến được nàng như thế rồi.

Chư Tăng muốn nghe Bốn Sanh, bèn thỉnh cầu Đức Thế Tôn, Ngài ngâm kệ mở đầu rằng:

“Yattheko labhatī babbu
Dutiyo tattha jāyati
Tatiyo ca catuttho ca
Idante babbukā bilanti”.

“Khi nào thấy một chú mèo,
Thì một chú nữa hiện theo chẳng từ.
Rồi chú ba và chú tư,
Hang nầy mèo nọ hình như thích tìm”.

Đức Bốn Sư dẫn giải rằng: Bốn vị Trưởng lão hôm nay là bốn chú mèo thuở trước, nàng kâṇā đã là con chuột cái, còn Như Lai là người thợ ngọc vậy”.

Giải rằng: Đức Bốn Sư dạy rằng: Nầy các Tỳ Khuru, trong thời quá khứ, nàng kâṇā cũng đã từng gặp cảnh buồn rầu, khổ tâm như thế rồi, nhưng nhờ nghe lời Như Lai mà nàng đã được tâm thanh tịnh như hồ nước trong veo.

Kết luận xong, Đức Bốn Sư lại thuyết pháp và đọc lên bài kệ nầy:

“Yathāpi rahado gambhīro
Vippasanno anāvilo
Evam dhammāni sutvāna
Vippasīdanti paṇḍitāti”.

“Hiển nhân nghe pháp vừa xong,
Tâm liền thanh tịnh, sạch trong như hồ.
Nước sâu, gương phẳng lặng tờ,
Trong veo sáng suốt, chẳng như bụi hồng”.

□

CHÚ GIẢI:

Danh từ **Rahado** trên đây nghĩa là hồ, nhưng là hồ sâu rộng lắm. Dầu cho bốn bộ binh (quân, xa, mã, tượng) xuống hết dưới hồ đó, nước hồ cũng không tràn dung lên. Như vậy thì chỉ có đại trùng dương (nīlamahāsamuddo), bề sâu tám muôn ngàn do tuần mới xứng với tên là Rahado. Quả thật, từ dưới đáy hồ của nó ở chỗ sâu độ tám mươi bốn ngàn do tuần (cattāḷisayojanasahassa), nước chao động vì cá, khoảng giữa độ sâu bốn ngàn do tuần thì nước đứng yên, còn ngang phía trên mặt nước chao động vì gió. Chỗ yên lặng ấy có thể gọi là hồ sâu thăm vầy (gambhīrarahado).

Evam dhammāni (nghe pháp) đây chỉ cho những thời pháp thuyết: Theo định nghĩa trên, cũng như hồ sâu không bị xáo trộn, thì nước của nó trong sạch, yên tịnh, lặng trang, như thế nào. Cũng như thế ấy, sau khi nghe pháp của Ta t huyết, do nơi Tu Đà Hườn đạo... Bậc trí giả đạt đến tâm thanh tịnh, xa lìa phiền não chứng đắc A La Hán quả.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Đợi bánh, kâṇā bị mất chống,
Tức mình, đổ tội bốn Sư ông,
Nhờ nghe Pháp Phật, tâm liền tịnh,
Hưởng lộc trời ban giữa bệ rồng.
Trước lỗ buông lời nhiếc lão Tăng,
Sau lo bù đắp lại cho bằng,
Mỗi ngày công chúa lo làm phước,
Chờ mãi hoài công, nghĩ ngán chẳng?

DÚT TÍCH MẸ NÀNG KĀIÀ

□

*So majjatī tena janinda phutṭho
Dhorayhasīlo ca kulamhi jāto
Na majjatī aggarasam pivitvāti”.*

Lược dịch:

*“Tĩnh thủy” lạt lẻo thấp hèn,
Bây lùa uống bị ma men nhập vào.
Rượu nho ngon ngọt thanh cao,
Ngựa tuấn uống, chẳng khi nào biết say.
Tâu quốc vương, kẻ không hay,
Nhấp chút ít rượu là say tức thì.
Con nhà dòng dõi lễ nghi,
Không say, dù uống rượu gì quý ngon.*

Sau khi giải rộng tích Bốn Sanh Tĩnh Thủy (vālodaka), Đức Bốn Sư kết luận rằng: “Nầy chư Tỳ Khuru, các bậc hiền nhân quân tử hằng giữ được phẩm hạnh như thế. Xa lìa tham dục rồi, dầu gặp hoàn cảnh vui buồn, sướng khổ thế nào, các bậc ấy cũng vẫn điềm đạm an nhiên”.

Kết luận xong, Đức Bốn Sư lại thuyết pháp và đọc bài kệ nầy:

*“Sabbattha ve sappurisā vajanti
Na kāmakāmā lapayanti santo
Sukhena phutṭhā atha và dukkhena
Na uccāvacaṃ paṇḍitā dassayantīti”.*

*“Trượng phu chẳng chút bận lòng,
Đến điều tham dục nên không luận bàn.
Trí giả, tâm đã tịnh an,
Gặp cảnh sướng khổ, chẳng màng nói ra”.*

□

CHÚ GIẢI:

Tiếng **sabbattha** (khắp nơi) trên đây, ám chỉ khắp tất cả mọi pháp, nhất là khắp tất cả mọi thành phần của Ngũ uẩn (thân và tâm).

Sappurisā (Trượng phu) là những nam nhân tốt (Supurisā), tức là những bậc hiền nhân quân tử.

Vajanta (lìa bỏ), đây là dứt bỏ được ái dục (chandarāga) do nhờ chứng đắc A La Hán đạo tuệ (Arahattamaggaññāṇa).

Na kāmakāmā: không bàn đến động cơ của dục lạc (Kāmayantā) nhân của dục lạc (Kāmahetu), lý do của dục lạc (Kāmakāraṇā).

Santo: Bậc an tịnh như Chư Phật... thì không tự mình nói hoặc bảo kẻ khác nói đến nhân dục lạc... Quả vậy, những vị Tỳ Khuru nào lúc đi trì bình khát thực, đến đứng chỗ mình ưa thích rồi mở lời rằng:

“Nầy ông Thiện nam, vợ con ông mạnh giỏi không?”. Hoặc “Ông không có việc chi phiền phức chớ”. Tỳ Khuru nói chuyện vô ích phù phiếm, như chuyện vua quan, trộm cướp... Chừng ba bốn câu như vậy, gọi là lapayanti (nói phiếm). Khi gia chủ nghe rồi, đáp lại: “Bạch Ngài, cả nhà con đều được an vui, không có điều chi phiền phức. Bây giờ, chúng con dư dả vật thực, xin thỉnh Ngài ở lại đây”. Tỳ Khuru nói ướm để được thỉnh mời như vậy, gọi là lapayanti. Bậc Tĩnh giả không nói theo hai cách trên đây.

Dầu tiếp xúc với cảnh vui hay cảnh khổ, dầu bị tám pháp thế gian đụng chạm đến các Ngài, bậc Trí giả cũng không to tiếng, lộ vẻ bất bình khen tốt, chê xấu, hãnh diện hay hổ thẹn chi cả.

□

Cuối thời pháp, có nhiều vị Tỳ Khuru chứng đắc quả Tu Đà Hườn...

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Tịnh giả dẫu trong cảnh ngộ nào,
Cũng là trăm mặc chẳng xôn xao,
Khi vui, lúc khổ tâm thường trụ,
Bữa được, ngày thua, trí vẫn cao.
Lan nhã đã qua mùa đói kém,
Kỳ Viên còn gặp nhóm tâm phào,
Thói đời no đủ sanh nhiều chuyện,
Theo Phật ăn dư lại tự hào.

DỨT TÍCH NĂM TRĂM VỊ TỶ KHUU



VI. 9- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO HỢP PHÁP (Dhammikatheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 84)

<i>“Na attahetu na parassahetu</i>	“Không vì người, vì mình,
<i>Na puttamicche na dhanam na rattham</i>	Không mong con, của, xứ,
<i>Na iccheyya adhammena samiddhimattano</i>	Không mong được không thành,
<i>Sa silavā paññavā dhammiko siyā”.</i>	Rằng lời, mất, danh dự, Thế mới gọi hợp pháp, Giới đức và trí tuệ”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Kỳ Viên, để cập đến Trưởng Lão Dhammika (Hợp Pháp).

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvattī có một Thiện nam đang sống an vui với gia đình. Một hôm phát tâm muốn xuất gia, ông ngồi gần bên vợ, chuyện trò vui vẻ rồi nói: “Này mình, anh có ý muốn xuất gia”.

Người vợ can: “Anh hãy khoan đi đã, trong khi em còn bụng mang dạ chửa như vậy”.

Người chồng hoãn lại ý định xuất gia, chờ tới khi đưa hài nhi biết đi, rồi mới từ biệt để đi tu. Người vợ lại van:

- Anh ơi! Anh hãy chờ đợi con khôn lớn.

Nghe vậy, ông Thiện nam suy nghĩ: “Dẫu vợ ta chấp thuận hay không, ta cũng sẽ tự mình làm cho mình hết khổ!”. Thế rồi, ông xuất gia đi tu.

Sau khi thọ đề mục, ông tinh tấn tham Thiền quán tưởng, tự mình hoàn tất phận sự xuất gia, xong rồi mới quay trở về Sāvattī, cốt để thuyết pháp tế độ gia tộc cho thấu đạt chân lý. Con trai của ông cũng xuất gia theo ông và sau đó không bao lâu chứng đắc quả A La Hán.

Lúc bấy giờ, còn vợ ông ở nhà, tự nghĩ: “Ta vì chồng con mới ở nhà lo coi sóc gia đình. Nay cả hai đều xuất gia cả rồi, thì ta còn ở nhà mà làm chi. Ta sẽ xuất gia”. Sau khi xuất gia không bao lâu, bà cũng chứng đạt A La Hán.

Một hôm, trong giảng đường, câu chuyện này được đề khởi:

- Này các hiền giả! Thiện nam Dhammika tự mình sống theo Chánh Pháp xong rồi xuất gia hành đạo thành bậc A La Hán, thế mà cũng còn sanh tâm ái luyến vợ con.

Đức Bổn Sư ngự đến hỏi: “Này các Tỷ Khưu, hôm nay các thầy câu hội bàn tán chuyện gì thế?”.

- Bạch Ngài, chuyện như vậy...

Nghe vậy, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nầy các Tỳ Khưu, đã gọi là bậc Trí giả thì không bao giờ nên vì mình, vì người mà mong thành đạt kết quả, chỉ nên nương theo pháp, làm việc hợp pháp mà thôi.

Để kết thúc, Đức Thế Tôn thuyết lên bài kệ nầy:

*“Na attahetu na parassa hetu
Na puttamicche na dhanam na rattham
Na iccheyya adhammena samiddhimattano
Sa silavā paññavā dhammiko siyā”*

*“Người trí không làm điều tà,
Không vị thiên hạ, hoặc là riêng ai.
Không nên, bằng việc quấy sai,
Cầu mong vương quốc, con trai, sự giàu.
Không nên tha thiết mong cầu,
Dùng phương bất chánh ngõ hầu thành công.
Được vậy mới thật đáng phong,
Đạo đức trí tuệ, có lòng thẳng ngay”.*
*(Không vì mình vì người,
Không cầu con, ruộng, tiền,
Không mưu thần, chước quý,
Chỉ sống thuần đức hạnh,
Chánh trí, hợp Chánh Pháp). (T.M. C.)*

□

CHÚ GIẢI:

Na attahetu: Bậc xứng danh là trí giả (paṇḍita) thì không thiên vị vì mình hoặc vì người khác mà làm việc quấy ác.

Na puttamicche: Bậc trí giả không cầu mong được con, tài sản, xứ bằng việc làm quấy ác, mà dầu có mong muốn đi nữa, cũng không vì vậy mà tạo thêm ác nghiệp.

Samiddhim attano: Dầu việc chi có lợi ích đến mình, bậc trí cũng không muốn được bằng phi pháp, cho nên không làm ác vì lý do lợi ích vậy.

Sa silavā: Bậc quân tử, trọng phụ như vậy chính là bậc có đức hạnh, có trí tuệ và sống hợp Chánh Pháp. Ngoài ra không có ai khác.

□

Cuối thời pháp, nhiều vị Tỳ Khưu đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn quả.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Lý đạo thông rồi quyết xuất gia,
Xá chi con vợ, xá chi nhà,
Trước lo giải thoát riêng mình một,
Sau tính châu toàn trọn cả ba.
Bậc trí trước sau hành đúng đắn,
Người ngu cao thấp nói sai ngoa,
Mắt trần khó biết phân tà chánh,
Hợp Pháp Tỳ Khưu, La Hán mà.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO DHAMMIKA



VI. 10- CHUYỆN NGHE THUYẾT PHÁP (Dhammassavanavattu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 85-86)

<p><i>“Appakā te manussesu Ye janā pāragāmino Athāyaṃ itarā pajā Tīramevānudhāvati”</i></p> <p><i>“Ye ca kho sammadakkhāte Dhamme dhammānuvattino Te janā pāramessanti Maccudheyyaṃ suduttaram”.</i></p>	<p>“Giữa nhân loại ít người, Bờ kia đạt đến nơi, Có nhiều người còn lại, Chạy theo bờ nầy mãi”.</p> <p>“Nương theo Pháp khéo dạy, Những ai chân hành trì, Vượt biển đục nan giải, Sẽ đạt đến bờ kia”.</p>
--	---

Kệ Pháp Cú nầy, Đức Bồ Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến nhóm Thiện tín nghe pháp.

Tương truyền rằng: Nhiều người ở dọc theo một con đường trong thành Sāvattihī, thỏa hiệp lập thành một nhóm Thiện tín, làm phước Trai Tăng xong, rủ nhau ở lại chùa suốt đêm để nghe pháp. Tuy nhiên, họ không thể thức để nghe pháp suốt đêm theo ý định, một số bị lòng tham đục thúc đẩy, tự động rút về nhà, một số khác bị sự sân hận nổi lên cũng bỏ chùa ra đi, một số nữa bị hôn trầm thụy miên còn ngồi nán lại gục lên, gục xuống chớ không nghe được pháp.

Ngày sau, chư Tỳ Khuru câu hội trong giảng đường, đem đề tài “nghe pháp” nầy ra đàm luận, Đức Bồ Sư ngự đến hỏi:

- Nầy các Tỳ Khuru, hôm nay các hôm nay các thầy câu hội bàn luận việc chi?
- Bạch Ngài, việc nầy...

Nghe vậy, Đức Bồ Sư giải thích:

- Nầy các Tỳ Khuru! Những chúng sanh ấy hằng sống theo cõi Dục, dính mắc trong cõi Dục như thế, nên rất ít người đạt được Níp Bàn.

Để kết thúc thời pháp, Đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn:

*“Nội trong đám nhân quần nầy,
Bờ kia đạt đến một vài mà thôi.
Còn thì vợ vẫn bồi hồi,
Bao nhiêu người khác tại nơi bờ nầy.
Những người nghe được pháp hay,
Ráng hành cho đúng lời thầy chẳng sai”.*

*Bờ kia sẽ đạt đến ngay,
Biển trần lao ắt có ngày vượt qua”.*

*(“Ít người giữa nhân loại,
Đến được bờ bên kia,
Số lớn người còn lại,
Xuôi ngược bên bờ nầy”.*

*- Những ai chơn hành trì,
Theo Chánh Pháp khéo dạy,
Sẽ đạt đến bờ kia,
Vượt ma giới khó thoát”.) (TMC)*

□

CHÚ GIẢI:

Appakā: Số ít, không có nhiều.

Pāragāmino: Đáo bỉ ngạn, qua đến bờ kia là đến Níp Bàn.

Athāyaṃ itarā pajā: Số người còn lại, là phần đông nhân loại vì thân kiến, tức là thành kiến ngã chấp, cứ bám chặt vào danh sắc, nên cứ chạy theo bờ bên này.

Sammadakkhāte: Được chỉ dạy đúng đắn, khéo thuyết giảng.

Dhamme: Trong các pháp đã thuyết.

Dhammānurvattino: Pháp mà được nghe thuyết rồi, theo đó thực hành cho đầy đủ, để chúng đạt Đạo quả.

Pāramessanti: Những người như thế sẽ đạt đến bờ kia tức là Níp Bàn.

Maccudheyyaṃ: Trong vòng tử thân, ám chỉ cõi trần nơi mà chúng sanh bị cái gọi là phiền não Ma vương (kilesamārasaṅkhāta) bao vây.

Suduttaraṃ: Những ai thực hành đầy đủ theo pháp đã nghe thì thoát qua khỏi qua khỏi vòng vây của Ma vương rất khó vượt qua khỏi vòng vây của Ma vương rất khó vượt qua và đạt đến bờ kia là Níp Bàn.

□

Cuối thời pháp, nhiều thính giả đắc quả Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Rủ nhau làm phước, thức nghe kinh,
Ý niệm đầu tiên quả thật lành,
Ma dục xen vào về nghĩ lạ,
Lửa sân nổi giận, bỏ đi nhanh.
Lắm anh ngủ gật, gần như chết,
Nhiều chị hôn trầm tợ mới sanh,
Vượt biển khổ qua bờ giải thoát,
Xưa nay rất hiếm bậc viên thành.*

DỨT TÍCH NGHE THUYẾT PHÁP

□

VI. 11- CHUYỆN ĀGANTUKA (Āgantukabhikkhuvatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 87-88-89)

- *“Kaṇham dhammāṃ vipphāya*

Sukkam bhāvētha paṇḍito

Okā anokamāgama

Viveke yattha dūramaṃ”

“Tatrābhiratimiccheyya

Hitvā kāme akiñcano

Pariyodapeyya attānaṃ

“Người trí bỏ hắc pháp,

Tu tập theo bạch pháp,

Xuất gia sống không nhà,

Một mình ở nơi xa”. (87)

- “Người trí gột rửa sạch,

Cấu uế ở nội tâm,

Lìa dục không ô nhiễm,

Cittakilesehi paṇḍito”.

*“Yesaṃ sambodhiyaṅgesu
Sammā cittaṃ subhāvitāṃ
ādānapaṭinissagge
Anupādāya ye ratā
Khiṇāsavā jutimanto
Te loke parinibbutā*”.

Hãy cầu vui Níp Bàn”. (88)

- “Những người giữ chánh tâm,
Tu giác chi bảy pháp,
Xa lìa mọi thủ chấp,
Không ái nhiễm hỷ hoan,
Sẽ sanh không lậu hoặc,
Hiện sắp chứng Níp Bàn”. (89)

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Kỳ Viên, đề cập đến năm trăm vị Tỳ Khưu khách.

Tương truyền rằng: có năm trăm vị Tỳ Khưu đã kiết hạ an cư trong xứ Kosalā. Sau khi mãn mùa an cư, các vị ấy trở về Kỳ Viên để ý yết kiến Đức Bổn Sư. Đến nơi, đành lễ Đức Bổn Sư rồi, các vị ấy ngồi xuống một bên.

Sau khi lắng nghe Chư Tăng phúc trình sự hành đạo của riêng từng nhóm, Ngài thuyết pháp và ngâm lên bài kệ rằng:

*“Người trí hắc pháp bỏ ra,
Tu tập bạch pháp lìa xa gia đình.
Xuất ly, tự sống một mình,
Y theo giới đức, lộ trình Sa Môn. (87)*

*Người trí phải gội sạch tron,
Những điều cấu uế chỉ tồn trong tâm.
Thú vui Chánh Pháp nên tầm,
Xa lìa ngũ dục, nhập tâm Níp Bàn. (88)*

*Người tâm hoàn hảo chánh chơn,
Trú trong bảy pháp là nhân Bồ đề.
Không còn cố thủ chấp nê,
Rời tâm ái dục, diệt bề trăm lao.
Để thành sáng suốt thanh cao,
Níp Bàn ắt sẽ chứng vào hiện nay”. (89)*

*“Kẻ trí bỏ hắc pháp,
Tu tập theo bạch pháp,
Bỏ nhà sống không nhà,
Độc thân rất khó hưởng. (87)*

- “Hãy cầu vui Níp Bàn,
Bỏ dục không nhiễm ố,
Kẻ trí tự rửa sạch,
Mọi cấu uế nội tâm”. (88)

- “Những ai thường chánh tâm,
Tu tập pháp Giác chi,
Xa lìa mọi chấp trước,
Hoan hỷ không nhiễm ái,
Sẽ sống không lậu hoặc,
Sáng chói, chứng Níp Bàn,
Ngay trong đời hiện tại”.

□

□

CHÚ GIẢI:

Kaṇham dhammaṃ: Sau khi rời bỏ hắc pháp là pháp bất thiện, nhất là thân ác hạnh.

Sukkam bhāvettha: Người trí xuất gia tu lên Tỳ Khuru rồi, từ đó nên hành cho đắc A La Hán đạo, tu tập bạch pháp nhất là thân thiện hạnh, làm sao?

Okā anokamāgamma: Okam đây chỉ cho chỗ ngụ, là gia đình.

Anokam: Là vô gia đình, cốt bước lên con đường đến Níp Bàn.

Tatrābhiratimiccheyya: Âm chỉ trạng thái vô gia đình, cô tịch, Níp Bàn. Người tu tập thất giác chi nên thỏa thích trong trạng thái đó.

Hitvā kāme: Là đã rời xa vật dục và phiền não dục, không còn bị ô nhiễm tâm tịch tịnh an vui.

Cittakilesehi: Năm pháp cái hầy tự mình gột rửa tẩy sạch.

Sambodhiyaṅgesu: Chỉ Thất giác chi.

Sammā cittaṃ subhāvitam: Đào luyện phát triển chánh tâm cho càng tăng trưởng, ưu tú.

ādānapaṭinissagge: ādāna là bám níu, cầm nắm, nay từ bỏ sự bám níu. Cả bốn cái thủ đều dứt bỏ hết thì được hoan hỷ.

Jutimanto: Bậc có oai lực, nhờ ánh sáng của A La Hán đạo tuệ lúc tan rã Ngũ uẩn sẽ vô dư Níp Bàn vì đã giác ngộ lý pháp.

Te loke: Những người trong thế gian là Ngũ uẩn này, sau khi Níp Bàn. Từ khi đắc quả A La Hán, về sau đã liệng bỏ cả vòng Ngũ uẩn với sự diệt tận cuối cùng bằng Vô dư Níp Bàn. Người đã Níp Bàn là người không còn chấp thủ thứ gì cả, giống như cây đèn tắt vậy.

□

Cuối thời pháp nhiều vị Tỳ Khuru chứng đắc thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Năm trăm Tăng khách Kosalā,
Về đến Kỳ Viên lễ Phật Đà,
Ngài đã ban truyền ba pháp kế,
Dạy khuyên bậc trí hạnh không nhà.
Một nên độc chiếc hành phạm hạnh,
Hai phải trừng thanh ngũ dục ra,
Ba ráng tu theo bảy nhánh giác,
Níp Bàn quả vị sẽ không xa.*

DỨT TÍCH KHÁCH TẶNG

DỨT PHẨM HIỀN TRÍ

VII. PHẨM A LA HÁN

(ARAHANTAVAGGA)

- 10 bài kệ: Pháp Cú số 90-99

- 10 chuyện.

VII. 1- CHUYỆN NGỰ Y JĪVAKA VẤN ĐẠO

(Jīvakapañhavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 90)

<i>"Gataddhino visokassa</i>	<i>"Đến đích không ưu phiền,</i>
<i>vippamuttassa sabbadhi</i>	<i>Giải thoát ngoài tất cả,</i>
<i>Sabbaganthappahīnassa</i>	<i>Trừ diệt mọi buộc ràng,</i>
<i>pariāho na vijjati".</i>	<i>Không còn lửa tham ái".</i>

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết khi ngự tại vườn xoài của ông Kỳ Bá (Jīvaka), đề cập về một câu hỏi của ông ấy.

Sự tích Ngự y Kỳ Bá đã giải rõ rộng rãi, đầy đủ chi tiết, đầy chỉ lược thuật văn tắt mà thôi:

Một thuở nọ, sau khi chia rẽ Tăng và liên kết với Thái tử Ajātasattu (Ajātasattu), Devadatta có ác ý muốn ám sát Đức Bổn Sư, bèn treo lên núi Kỳ Xà Quật (Gij-jhakūṭa), xeo một hòn đá cho lăn xuống lúc Đức Bổn Sư đang đi phía dưới. Thời may, tảng đá bị hai ngọn núi giữ lại. Nhưng một mảnh đá vỡ bằng tai nấm rơi xuống, làm dập chân Đức Thế Tôn, đến nỗi máu chảy ra khiến Ngài đau nhức dữ dội. Các Tỳ khưu tiếp đỡ ngực Ngài, dìu Ngài đi. Đức Bổn Sư muốn từ đây đi đến vườn xoài nên bảo: "Hãy đưa ta đến đó". Các Tỳ khưu vâng lệnh Đức Thế Tôn đưa Ngài đến vườn xoài của ông Kỳ Bá.

Ngự y Kỳ Bá hay tin này liền đến gặp Đức Bổn Sư, để chữa trị vết thương, ông dùng thứ thuốc nước cay nồng băng bó xong, bạch với Đức Bổn Sư rằng: "Bạch Ngài, con phải đi làm thuốc chữa bệnh cho một người ở trong thành rồi sẽ trở lại, xin Ngài hãy chịu khó chờ con về mở băng thuốc này ra".

Ông y sĩ ra đi, làm xong phận sự đối với người bệnh thì đã tới giờ đóng cửa thành, ông không kịp tới cửa cổng. Khi ấy, ông lo lắng tự nghĩ: "Chao ôi! Nghiệp ta đã tạo thật là nghiêm trọng, ta đã vì một người bệnh khác mà không lo châu toàn cho Đức Thế Tôn, đã cho thuốc nước cay nồng và băng bó vết thương, nhưng bây giờ tới lúc mở băng ra cho Ngài, ta lại không có mặt trong thành để mở băng. Cả đêm nay, toàn thân Đức Như Lai sẽ phát nhiệt".

Ngày lúc đó, Đức Thế Tôn cho gọi Trưởng lão Ānanda và bảo rằng: "Này Ānanda! Ngự y Kỳ Bá tối nay không về kịp đến cửa thành, hiện giờ ông đang lo lắng vì đã đến giờ mở băng vết thương. Vậy ông hãy mở băng vết thương đi".

Trưởng lão Ānanda mở băng ra, vết thương đã kéo da non.

Qua ngày sau, mặt trời chưa mọc, ông Kỳ Bá đã về thành, lật đật đến thăm Đức Bổn Sư và hỏi: "Bạch Ngài, Ngài nghe trong châu thân có nóng nhiệt lắm không?". Đức Bổn Sư đáp:

- Này Kỳ Bá! Dưới cội cây Bồ đề của Đức Như Lai, tất cả mọi sự nóng nhiệt thảy đều lắng dịu.

Nhân dịp này, Ngài thuyết lên thời Pháp thích hợp, rồi ngâm lên kệ ngôn rằng:

"Gataddhino visokassa
Vippamuttassa sabbadhi
Sabbaganthappahīnassa

Pariḷāho na vijjati".

"Không còn lo sợ mảy may,
Khi đã cắt đứt mọi dây buộc ràng.
Người đã giải thoát hoàn toàn,
Là người đi mút con đường tử sanh".

CHÚ GIẢI:

Gataddhino: người đã hoàn tất cuộc hành trình, tức là đã chứng đắc Đạo quả A La Hán. Có hai lộ trình là lộ trình băng qua cõi hoang vu, (Kantāraddhā) và lộ trình đi quanh trong vòng luân hồi (Vaṭṭaddhā).

Trong hai lộ trình đó, người lữ hành (Addhiko) đang đi trên lộ trình băng qua cõi hoang vu là chưa đạt đến mục đích đã nhắm, một khi đạt đến mục đích là Níp Bàn rồi, thì gọi là đã hoàn tất cuộc hành trình (Gataddhā). Những chúng sanh còn dính mắc trong vòng luân hồi cứ luẩn quẩn trong đó, thì còn là những người lữ hành mãi mãi (Addhikā). Bởi thế cho nên phải tận cùng vòng luân hồi, các bậc Thánh nhân nhất là Tu Đà Hườn là những người lữ hành đã tận cùng vòng luân hồi, là những bậc Lậu tận, đã được gọi là những người đã đến đích (Gataddhā). Đó nghĩa là tiếng Gataddhino.

Visokassa: không ưu phiền (Soka) là đã dứt hết mọi nỗi khổ lo âu, phiền muộn có căn bản là vòng luân hồi.

Vippamuttassa sabbadhi: đã giải thoát hết tất cả là đã giải thoát Pháp Hữu vi nhất là Ngũ uẩn.

Sabbaganthapahīnassa: đã trừ bỏ mọi sự trói buộc là đã dứt cả bốn loại trói buộc (Gantha): Abhijjhā (Tham xan), Vyāpāda (Oán hận), Silabbatāpasāmāsa (Giới cấm thủ) và idaṃ saccābhinivesa (Kiến thủ).

Pariḷāho na vijjati: có hai loại nồng nhiệt: Một của thân và một của tâm. Đối với bậc Lậu tận, khi bị ảnh hưởng của điều kiện bên ngoài, nhất là sự lạnh sự nóng thì chỉ có thân nhiệt sanh lên mà thôi.

Câu hỏi của ngự y Kỳ Bá liên hệ với thân nhiệt này, còn Đức Bổn Sư là bậc Pháp Vương chuyên môn thuyết pháp, giảng đạo, nên nhân dịp này, Ngài thuyết pháp đề cập đến ảnh hưởng của tâm nhiệt (Cetasikapariḷāho)⁽³⁾: "Này đạo hữu Kỳ Bá, nói theo Chân Đế (Paramattha) thì đối với bậc Lậu tận như vậy, không có sự nóng nhiệt".

Cuối thời Pháp nhiều vị Tỳ khuru chứng đạt Thánh quả, nhất là quả vị Tu Đà Hườn.

Tích này đề cập đến một câu hỏi của ngự y Kỳ Bá còn nguyên sự tích của ông ngự y này rất dài, trong Tạng Luật quyển 6 có kể rõ.

DỊCH GIẢI CẢN ĐỀ

*Ngự y Kỳ Bá hỏi Phật rằng:
"Ngài thấy trong người có nóng chằng?"
Phật đáp: "Từ khi Ta đại Ngộ,
Trong Ta lửa dục đã trừ căn".
Ý Ngài ám chỉ đến Tâm không,
Phiền não đâu còn cháy phía trong,
Nhưng phía ngoài thân, sao khỏi khổ,
Giập chân, nát thịt, máu ròng ròng.
Nghịch mới tuy là đã dứt rồi,
Nhưng bao quả cũ vẫn còn nhối,
"Hữu thân hữu khổ là Chân lý!"*

Dầu Phật hay ai, cũng thế thôi!

DỨT TÍCH NGỰ Y KỲ BÁ BẰNG CHÂN PHẬT

VII. 2- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO MAHĀ KASSAPA BỊ CHÊ (Mahākassapattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 91)

*"Uyyuñjanti satimanto
na nikete ramanti te
Hamṣā'va pallalam hitvā
okamokaṃ jahanti te".*

*"Tự sách tấn, Chánh niệm,
Không thích cư xá nào,
Như ngỗng trời rời ao,
Bỏ sau mọi trú ẩn".*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Trúc Lâm (Veluvana), đề cập đến Trưởng lão Mahā Kassapa (Mahākassapa).

Thuở nọ, Đức Bổn Sư nhập hạ gần thành Vương Xá (Rājagaha), đến khi mãn an cư, Ngài tuyên bố với chư Tỳ khưu:

"Nửa tháng nữa Ta sẽ đi vân du". Theo truyền ngôn: Chư Phật có phận sự đi vân du hành đạo với các Tỳ khưu, khi các Ngài muốn đi, chư Tỳ khưu được thông báo trước như thế, để có thời giờ chuẩn bị những vật dụng mang theo mình, nhất là đốt bát và nhuộm y để khi đi được an vui. Do đó, Đức Bổn Sư mới cho thông báo với các Tỳ khưu: "Từ nay cho đến nửa tháng nữa, Ta sẽ đi vân du".

Chư Tăng mạnh ai nấy lo phận sự của mình, nhất là đốt bát. Chính Trưởng lão Mahā Kassapa cũng giặt những chiếc y của mình, nhiều vị Tỳ khưu than phiền: "Tại sao Trưởng lão lại giặt y? Nơi thành này cả bên trong lẫn ngoài, số dân cư là một trăm tám mươi triệu, những người không phải là quyến thuộc của Trưởng lão đều là những Thiện tín của Trưởng lão, còn những ai không phải là Thiện tín thì đều là quyến thuộc của Trưởng lão cả. Ai ai cũng đều tôn kính, trọng đãi, dâng cúng tứ vật dụng đến Trưởng lão, thế mà Trưởng lão từ bỏ bấy nhiêu sự hộ độ đó, để rồi đi đâu? Và lại, nếu có đi thì chỉ lên hang đá Đùng Đẻ Duôi (Māpamāda) không đi qua nơi khác".

Theo truyền thuyết, sau khi Đức Thế Tôn đến một hang đá nào, Ngài thường bảo chư Tỳ khưu có phận sự phải trở về chùa.

"Từ bây giờ, các thầy hãy quay trở lại, đừng để duôi". Do đó mới có tên hang đá Đùng Đẻ Duôi mà Chư Tăng nói đến ở trên.

Trong khi sắp đi vân du, Đức Thế Tôn nghĩ rằng: "Nơi thành này, bên trong lẫn bên ngoài có đến một trăm tám mươi triệu dân cư, các Tỳ khưu còn phải đi đến những nơi hạnh phúc hoặc bất hạnh của nhiều người. Ta không thể bỏ tịnh xá trống không, vậy Ta sẽ cho vị Tỳ khưu nào quay trở lại?".

Rồi Đức Bổn Sư quyết định: "Dân chúng ở thành này đều là quyến thuộc và Thiện tín của Kassapa. Vậy Kassapa nên quay trở lại".

Đức Bổn Sư bèn bảo Trưởng lão Kassapa: "Này Kassapa, Ta không thể bỏ chùa trống không, dân chúng ở mọi nơi đang vui hoặc đang khổ đều cần sự có mặt của các Tỳ khưu. Vậy thầy cùng đoàn tùy tùng của mình hãy quay trở lại".

- Lành thay! Bạch Ngài.

Trưởng lão liền dắt đoàn đệ tử của mình quay trở lại. Các Tỳ khưu than phiền: "Các đạo hữu thấy chưa? Chúng tôi há chẳng nói trước rồi sao, Trưởng lão Mahā Kassapa giặt y làm gì? Trưởng lão sẽ không đi chung với Đức Bổn Sư đâu? Chúng tôi đã nói điều gì thì bây giờ quả đúng y như vậy".

Đức Bổn Sư nghe các Tỳ khưu nói chuyện, bèn quay mặt lại đứng và hỏi rằng:

- Này các Tỳ khưu, các thầy nói đến chuyện gì đó?

Các Tỳ khưu đáp: "Bạch Ngài! Chúng con nói đến Trưởng lão Mahā Kassapa". Rồi các Tỳ khưu đem hết mọi lời đàm luận của mình trình lên Đức Bổn Sư. Nghe xong, Đức Bổn Sư bảo:

- Nầy các Tỳ khuru! Các thầy nói rằng: "Kassapa lưu luyến quyến thuộc, họ hàng, tứ vật dụng". Nhưng Kassapa chỉ vâng lời Ta mà quay trở lại thôi. Quả vậy, trong tiền kiếp Mahā Kassapa đã từng phát nguyện không quyến luyến tứ vật dụng, ví như mặt trăng có thể đến gần họ hàng quyến thuộc mà không bị vướng bận bởi những họ hàng và tứ vật dụng đó". Đức Bổn Sư nhắc lại lời nguyện đó của Trưởng lão Mahā Kassapa là: "Tôi nguyện hành đạo của bậc Thánh nhân, ví như mặt trăng noi theo lộ trình (quỹ đạo) của nó, chớ không bám víu vào những họ hàng và tứ vật dụng ấy".

Các Tỳ khuru lại hỏi Đức Bổn Sư: "Bạch Ngài, Trưởng lão đã nguyện vào lúc nào?".

- Nầy các Tỳ khuru, các thầy có muốn nghe không?

- Thưa vâng, bạch Ngài.

Đức Bổn Sư thuyết lại Bổn sanh:

- Nầy các Tỳ khuru, cách đây khoảng trăm ngàn đại kiếp, có vị Phật Chánh Đẳng Giác hồng danh là Thượng Liên Hoa (Padumuttara) giáng sanh... Kế đó, Đức Bổn Sư thuật luôn sự hành đạo phát nguyện đầu tiên của Trưởng lão Mahā Kassapa trong tiền kiếp ấy. Sự tích nầy trong Kinh Tạng Pāli có giải rành.

Sau khi nhắc lại đầy đủ hạnh nguyện của Trưởng lão, Đức Bổn Sư nói: "Nầy các Tỳ khuru! Con trai Ta là Mahā Kassapa đã từng phát nguyện lần đầu tiên: "Ta nguyện hành đạo của bậc Thánh nhân, ví như mặt trăng noi theo quỹ đạo của nó, như thế ấy rồi", cho nên đối với con trai Ta, sự quyến luyến trong tứ vật dụng, họ hàng hoặc chùa, am, tịnh thất, nhất thiết đều không có nơi con trai Ta. Ví như con hạc chúa, sau khi đáo xuống một cái hồ, đi vợ vẫn đó đây rồi bay đi nơi khác, không có chút gì luyến tiếc".

Đức Bổn Sư tóm tắt ý nghĩa của sự tích, thuyết lên thời Pháp và ngâm kệ rằng:

"Uyyuñjanti satimanto

Na nikete ramanti te

Hamsā'va pallalam hitvā

Okamokam jahanti te".

"Đại hùng, Chánh niệm viên thành,

Tâm không ưa thích đắm chìm tại gia,

Ví như lìa bỏ ao nhà,

Thiên nga chẳng chút thiết tha bận lòng".

CHÚ GIẢI:

Uyyuñjanti satimanto: các bậc Lậu tận đã đạt đến mức Chánh niệm tròn đủ, luôn luôn dững mãnh Tinh tấn hành đạo, nhất là phát triển các ân đức của mình bằng các pháp Thiền định và Minh sát. Sau khi nhập thiền và xuất thiền thì cố gắng suy xét quán tưởng.

Na nikete ramanti te: đối với các bậc ấy thì không có sự vui thích, quyến luyến chỗ ngụ.

Hamsā'va: như con chim hạc, có nơi dịch là chim thiên nga. Sở dĩ chim này được nêu ra làm thí dụ sánh với bậc Lậu tận, là vì giống chim trời, sau khi đáo xuống một ao hồ, kiếm ăn no đủ rồi, ra đi không mang theo vật thực của mình. Nó không nghĩ nước của ta, hoa sen xanh của ta, hoa sen hồng của ta, cỏ của ta... Nó không thèm muốn, không chấp nắm chút gì trong ao hồ ấy cả. Nó bỏ lại tất cả xứ ấy mà bay lên không trung ra đi thành thoi vui thú. Các bậc Lậu tận cũng thế, dầu một chút chi của chùa, quyến thuộc... các Ngài cũng không luyến tiếc.

Sau khi an cư, đến giờ lên đường, các Ngài từ bỏ chỗ ngụ mà đi như không, không bao giờ thèm muốn nhớ tiếc: Chùa của ta, đạo trường của ta, người Hộ pháp của ta...

Okamokam: ao nước, chỗ trú ẩn, tất cả đều bỏ lại hết.

Cuối thời Pháp nhiều vị Tỳ khuru chúng đắc Thánh Quả, nhất là Dự Lưu Quả.

DỊCH GIẢI CẢN ĐỀ

"Ra đi hành đạo lại quay về!"

Tặng chúng phàm phu giờ giọng chê:

"Trưởng lão Mahā ham vật dụng!"

Ngờ đâu, Ngài đã hết si mê!
Phật ví Ngài như giống thiên nga,
Ra đi nào tiếc nước ao nhà!
Trời cao, gió lộng, chim bay mãi,
La Hán không còn chấp "Của ta!"

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO Mahā Kassapa BỊ CHÊ

VII. 3- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO BELAṬṬHASĪSA (Belatṭhasisattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 92)

"*Yesam sannicayo natthi
ye pariññātabhojanā
Suññato animitto ca
vimokkho yassa gocaro
ākāseva sakuntānaṃ
gati tesam duranvayāti*".

"*Tài sản không chất chứa,
Ăn uống biết liễu tri,
Tự tại trong hành xứ,
"Không, Vô tướng, Giải thoát".
Như chim giữa hư không,
Hướng chúng đi khó tìm*".

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), đề cập đến Trưởng lão Bê Lát Thá Xi Xô (Belatṭhasīsa).

Tương truyền rằng: Trưởng lão này, sau khi vào làng đi khát thực theo một con đường, độ com xong rồi, lại theo một con đường khác thọ lãnh com khô đem về chùa cất để dành, vì thấy sự đi bát kiếm ăn hằng ngày vất vả khó nhọc. Trưởng lão muốn nghỉ vài ba hôm để hành thiền cho được an vui, lúc cần đến vật thực sẽ lấy com khô ấy mà độ. Chư Tỳ khưu biết được chuyện này trách móc Trưởng lão, rồi mách lại với Đức Thế Tôn.

Mặc dầu Đức Thế Tôn nhân cơ hội này đã ban hành điều học cấm các Tỳ khưu từ nay trở đi không được phép cất giữ vật thực quá thời hạn, nhưng Ngài cũng giải thích rằng: Trưởng lão không phạm tội vì hành theo hạnh Thiểu dục, trong khi các học giới chưa được ban hành. Kế đó, Đức Bổn Sư thuyết pháp rồi ngâm kệ rằng:

"*Yesam sannicayo natthi
Ye pariññātabhojanā
Suññato animitto ca
Vimokkho yassa gocaro
ākāseva sakuntānaṃ
Gati tesam duranvayāti*".

"*Những bực đắc Lộ tận thông,
Của tiền chẳng để dự phòng mà chi.
Uống ăn quán tưởng theo thì,
Trên đường giải thoát lại đi an nhàn.
Cõi Không, Vô tướng, Níp Bàn.
Là nơi trống vắng chim ngàn bay cao*".

CHÚ GIẢI:

Sannicayo: sự tích trữ có hai thứ: Tích trữ nghiệp (Kammasannicayo) và tích trữ vật dụng (Paccayasannicayo). Sự tích trữ các thiện hay bất thiện nghiệp, gọi là tích trữ nghiệp, sự tích trữ bốn món vật dụng để ăn, mặc, ở và trị bệnh gọi là tích trữ vật dụng. Trong ngôi chùa nói trên đây, là một khối đường cục, bốn phần sữa chua và một đấu gạo của vị Tỳ khưu cất giữ để dành còn không có, hướng chi nhiều hơn nữa, đó là nói về tích trữ vật dụng. Đối với các bậc A La Hán, cả hai thứ tích trữ trên đều không có.

Pariññātabhojanā: biết rõ vật thực, có ba thứ biết rõ gồm chung trong đó.

1- ñātapariññā: là sự biết rõ thường thức, chẳng hạn như biết rõ cháo là cháo bởi trạng thái của nó.

2- Tiraṇapariññā: sự biết rõ đặc biệt do suy xét đến nhân phát sanh vật thực ô trọc tướng (āhāre paṭikūlasaññā).

3- Pahānapariññā: sự biết rõ dứt bỏ, nhờ có Trí tuệ cao thượng không còn tham dục đối với các món ăn thức uống.

Suññato animitto ca: không, Vô tướng ở đây có luôn cả vô dục giải thoát. Cảnh giới Níp Bàn là nơi có ba tánh cách: Không, Vô tướng và Vô dục giải thoát này. Nơi đó không có những tâm tham, sân, si nên gọi là Không (Suññam), đã giải thoát cả tam độc đến mức rỗng không, nên gọi là Không giải thoát (Suññatovimokkha), không còn hình tướng của Tam độc nên gọi là Vô tướng (Animitta), đã giải thoát đến mức không còn hình tướng của Tam Độc nên gọi là Vô Tướng Giải Thoát (Animitto vimokkho), không có sự thèm muốn dục lạc nên gọi là Vô dục (Appaṇhita), đã giải thoát hết cả mọi tình dục, nên gọi là Vô Dục Giải Thoát (Appaṇhito Vimokkho). Các bậc đã đắc Đạo quả, lấy Níp Bàn làm cảnh giới, trú tâm trong đối tượng đó mà được giải thoát cả ba mặt nói trên đây.

Gataṃ tesam durannayā: lộ trình của các vị ấy không thể vẽ lại được. Cũng như đàn chim bay trên hư không, không có lưu lại dấu chơn, ta không thấy lối đi của chúng, nên không thể vẽ lại được. Các bậc Lưu tận cũng thế, các Ngài không có hai thứ tích trữ về nghiệp và vật dụng, lại có ba thứ biết rõ về vật thực ăn uống, các Ngài lấy Níp Bàn Không, Vô tướng và Vô dục giải thoát làm cảnh giới.

Đối với các Ngài, ba cõi (Tam giới), bốn loài (Tứ sanh), năm đường luân hồi (Ngũ lộ), bảy nơi nhân cảnh (Satta viññāṇaṭṭhitiyo), chín cõi Tịnh cư (Navasattāvāsa), tất cả là năm đường lối tái sanh các Ngài đã vượt qua, lộ trình các Ngài đi không thể biết được, cũng không bày vẽ cho ai biết được.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đắc quả Thánh nhất là quả vị Tu Đà Hườn.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Trưởng lão Bê Lát Thá Xi Xô,
Ham ngồi Thiền quá, chứa com khô,
Nghỉ chân ít bữa, mong vào Định,
Tặng chúng xì xò, Định chẳng vô...
Phật chẳng chê sư hám lợi quyền,
Nhưng ban Giới cấm chứa com tiền,
Người tu đi bát ăn từng bữa,
La Hán không còn trữ Nghiệp duyên.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO BELAṬṬHASĪSA

VII. 4- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO ANURUDDHA (Anuruddhattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 93)

Yassāsavā parikkhīṇā

"Ai Lưu hoặc đoạn sạch,

āhāre ca anissito

Ăn uống không tham đắm,

Suññato animitto ca

Tự tại trong hành xứ,

vimokkho yassa gocaro

"Không, Vô tướng, Giải thoát".

ākāseva sakuntānam

Như chim giữa hư không,

padantassa durannayam.

Dấu chân thật khó tìm".

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Lâm, đề cập đến Trưởng lão Anuruddha (Anuruddha).

Một hôm nọ, Trưởng lão là Tỳ khưu nguyện Đầu Đà mặc y cũ (Jinṇacīvaro), đi tìm y nơi đồng rác mà người ta vứt bỏ. Người vợ cũ trong tiền kiếp thứ ba của Trưởng lão, lúc ấy tái sinh làm Thiên nữ trên cõi Dao Lợi, tên là Cha Lí Ni (Jālīnī), trông thấy Trưởng lão đi kiếm vải dơ, bèn lấy ba khúc vải trời dài mười ba hắc, rộng bốn hắc, nhưng không dám mang đến dâng ngay Trưởng lão, vì e Ngài không nhận. Thiên nữ đem để ba tấm vải trên một đồng rác, phía trước đường đi của Trưởng lão, cũng như là đồ vô chủ vậy. Quả nhiên, Trưởng lão đang đi kiếm vải dơ, cứ thẳng đường mà tiến bước, trông thấy mấy tấm vải bỏ ấy, bèn lượm lấy xỏ ra coi thì thấy là vải trời, dài và rộng như thế. Đây là loại vải phần tảo quý giá hiếm có. Nói rồi, Trưởng lão ôm ba tấm vải ấy đi.

Đến ngày Trưởng lão may y, Đức Bổn Sư với năm trăm vị Tỳ khưu tùy tùng đến chùa ngự tọa, cả tám mươi vị Trưởng lão cũng ngồi nơi ấy. Trưởng lão Mahā Kassapa ngồi ở một góc để may y, Trưởng lão Sāriputta ngồi ở giữa, Trưởng lão Ānanda ngồi đằng đầu, Tăng chúng lo se chỉ, chỉ ấy Đức Bổn Sư xỏ vào lỗ kim, còn Trưởng lão Mahā Moggallāna đi qua đi lại, xem chỗ nào cần dùng cái chỉ thì đưa tới. Cô Thiên nữ Jālīnī đi vào làng khuyén khích dân chúng đi để bát.

"Bà con thân mến! Hôm nay Trưởng lão Anuruddha làm y, có Đức Bổn Sư với đoàn tùy tùng tám mươi vị Đại Trưởng lão và năm trăm vị Tỳ khưu ngự đến an tọa trong chùa. Bà con hãy đi chùa dâng cúng vật thực, nhất là cháo sáng đi".

Khoảng giữa hai bữa ăn, Trưởng lão Moggallāna còn đem về thêm những mận đỏ của xứ Đại Diêm Phù (Mahājambūpesito). Năm trăm vị Tỳ khưu không thể độ hết vật thực.

Đức Đế Thích đánh bóng lên chỗ nền may y, mặt nền trơn láng như có sơn vecni. Com, cháo và đồ ngọt Chư Tăng độ còn dư lại một đồng lớn, các Tỳ khưu than phiền: "Chỉ có bấy nhiêu Tỳ khưu đây, cần chi nhiều vật thực, nhất là cháo com như vậy? Nếu có suy tính độ lượng thì đáng lẽ nên bảo cả quyền thuộc và người hộ độ mang đến đây bấy nhiêu vật thực mà thôi! Chắc có lẽ Trưởng lão Anuruddha muốn khoe cho ta biết mình có nhiều người quyền thuộc và người hộ độ vậy".

Khi ấy, Đức Bổn Sư hỏi Chư Tăng: "Nầy các Tỳ khưu, các thầy nói chuyện chi thế?".

- Bạch Ngài, chuyện như vậy... như vậy.

Nghe vậy, Đức Bổn Sư hỏi rằng: "Nầy các Tỳ khưu, các thầy nghĩ rằng số vật thực nầy do Anuruddha khiến sai mang đến phải chăng?".

- Bạch Ngài, phải.

- Nầy các Tỳ khưu! Không phải do Anuruddha con trai Ta sai bảo như vậy. Không bao giờ các bậc Lậu tận nói chuyện chi dính líu đến vấn đề tứ vật dụng. Bữa cúng dường sót bát nầy phát sanh lên do nhờ oai lực của Chư Thiên.

Sau câu kết luận tóm tắt, Đức Bổn Sư thuyết pháp rồi ngâm kệ rằng:

*"Yassāsavaṃ parikkhīṇā
āhāre ca anissito
Suññato animitto ca
Vimokkho yassa gocaro
ākāse'va sakuntānam
Padantassa duranvayanti".*

*"Không tham ăn uống chút nào,
Bực đã giải thoát trần lao hoàn toàn.
Cõi Không, Vô tướng, Nip Bàn,
Là nơi trống vắng chim ngàn lại bay.
Quảng trời vô tận bao la,
Dấu chim bay mãi biết là về đâu"?*

CHÚ GIẢI:

Yassāsavaṃ: cả bốn Lậu hoặc đã dứt sạch nơi người nào, bốn thứ lậu là Kāmāsava, bhavāsava, ditṭhāsava, avijjāsava (Dục, Hữu, Kiến và Vô minh lậu).

āhāre ca anissito: không bám vào vật thực vì không nương theo sự thèm khát, tà kiến đối với vật thực.

Padantassa dūranvayam: dấu chân khó noi theo, ví như những con chim đang bay trên hư không vậy, đã biết dùng chân bước khỏi chỗ này, đã hết vổ cánh tại chỗ này, ta không thể biết được đâu là đầu, đâu là cặp cánh. Một Tỳ khưu không bám víu vào vật thực cũng thế, ta không thể biết vị ấy đi theo lối nào, xuống Địa ngục hay thọ sanh làm thú chẳng hạn.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Anuruddha lượm vải trời,
Do người vợ cũ giả buông rơi...
Phật, Tăng xúm lại may y mới,
Thiện tín đem cơm cháo thỉnh mời.
Bánh trái, cơm canh quá thặng dư,
Cũng làm bất mãn lắm nhà Sư,
Phật rằng: La Hán tâm không bận,
Lo nghĩ cơm tiền vật dụng tư...*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO ANURUDDHA

VII. 5- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO MAHĀ KACCĀYANA (Mahākaccāyanattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 94)

*"Yass'indriyāni samathaṅgatāni
assā yathā sārathinā sudantā
Pahīnamānassa anāsavassa
devā'pi tassa pihayanti tādino"*

*"Ai nhiếp phục các căn,
Như đánh xe điều ngự,
Mạn trù, Lậu hoặc dứt,
Người vậy, Chư thiên mến".*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết, khi ngự tại Đông Phương Tự (Pubbārāma), đề cập đến Trưởng lão Mahā kaccāyana (Mahākaccāyana).

Một thuở nọ, trong ngày lễ Tự Tứ Tăng, Đức Bốn Sư ngự tọa bên dưới tòa nhà lầu của bà Visākhā, có đại chúng Thinh Văn đệ tử theo hầu.

Trong thời gian ấy, Trưởng lão Mahā Kaccāyana cư ngụ trong xứ A Quan Ti (Avantī). Dầu cách trở xa xôi, Trưởng lão cũng đến góp mặt để khích lệ sự nghe Pháp, do đó các vị Trưởng lão cao hạ, khi vào chỗ ngồi có chừa một chỗ trống để dành cho Trưởng lão Mahā Kaccāyana.

Đức Thiên Vương Đế Thích cùng với Chư Thiên hộ giá và tùy tùng từ hai cõi trời, đem lễ vật nhất là hương và tràng hoa của Chư Thiên đến cúng dường Đức Bốn Sư.

Khi đứng lên không thấy Trưởng lão Mahā Kaccāyana, Thiên Vương tự hỏi: "Sao Ngài Trưởng lão của ta không có mặt ở đây? Phải chi Ngài đến là tốt biết mấy".

Ngay khi ấy, Trưởng lão đến nơi, ngồi vào chỗ ngồi của mình cho mọi người thấy mình.

Đức Đế Thích trông thấy Trưởng lão, nắm chắc lấy hai cườm chân của Trưởng lão nói: "May quá, Trưởng lão của ta đã đến! Bạch Trưởng lão, Trẫm đã mong đợi Trưởng lão đến!". Nói rồi Thiên Vương lấy hai tay xoa bóp chân của Trưởng lão cúng dường hương hoa, lễ vật, đánh lễ Trưởng lão xong, đứng nép qua một bên".

Các Tỳ khưu than phiền: "Đức Đế Thích lựa mặt mà cúng dường lễ bái, bao nhiêu bậc Đại Thinh Văn khác Thiên Vương không cung kính như vậy, còn khi gặp Ngài Mahā Kaccāyana thì lật đật nắm mặt cá chân: "May quá, Trưởng lão của ta đã đến. Bạch Trưởng lão, trẫm mong chờ Trưởng lão đến!". Nói rồi lại lấy hai tay xoa bóp chân, cúng dường lễ vật, đánh lễ rồi đứng qua một bên.

Nghe lời bàn luận của Chư Tăng, Đức Bốn Sư bảo: "Nầy các Tỳ khưu, những Tỳ khưu nào thu thúc được lục căn như con trai Ta là Mahā Kaccāyana thì cả Chư Thiên và nhân loại thầy đều ái mộ".

Nói rồi, Ngài thuyết pháp giải thích thêm và tóm lược ý nghĩa bằng kệ ngôn này:

"*Yass'indriyāni samathaṅgatāni*

Assā yathā sārathinā sudantā

Pahīnamānassa anāsavassa

Devā'pi tassa pihayanti tādino".

"Đúng bực La Hán giới trau,
Các căn tịch tịnh, lâu lâu, sạch trong.
Như người cỡi được ngựa hồng,
Phiền não, ngã mạn nơi lòng lặng yên.
Nhân loại cho đến Chư Thiên,
Thấy đều ái mộ nể kiên đức lành."

CHÚ GIẢI:

Yassa...: Tỳ khuru nào khéo điều ngự lục căn, như người kỵ mã khéo huấn luyện ngựa, cho đến mức tịch tịnh thuần hóa.

Pahīnamānassa: tỳ khuru ấy đã dứt bỏ được chín cách ngã mạn (Navavidham mānaṃ), là:

1. Seyyassa seyyohamasmīti māno: người cao thượng cho mình cao thượng hơn người.
2. Seyyassa sadisoahamasmīti māno: người cao thượng cho mình bằng người hay ngang hàng người.
3. Seyyassa hīnohamasmīti māno: người cao thượng cho mình đê hèn hơn người.
4. Sadisassa seyyohamasmīti māno: người ngang hàng với người nhưng cho mình là cao thượng hơn người.
5. Sadisassa sadisoahamasmīti māno: người ngang hàng với người nhưng ỷ mình bằng người.
6. Sadisassa hīnohamasmīti māno: người ngang hàng với người nhưng cho mình thấp hèn hơn người.
7. Hīnassa seyyohamasmīti māno: người thấp hèn hơn người lại cho mình là cao thượng hơn người.
8. Hīnassa sadisoahamasmīti māno: người thấp hèn hơn người lại cho mình bằng người.
9. Hīnassa hīnohamasmīti māno: người thấp hèn hơn người lại cũng cho mình đê hèn hơn người.

anāsavassa: không còn bốn thứ Lậu hoặc.

Tādino: người có khả năng như vậy thì được Chư Thiên ước mong, nhân loại chờ đợi để trông thấy mặt.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khuru chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn...

DỊCH GIẢ CĂN ĐỀ

Trưởng lão Mahā Kaccāyana,
Đến sau mà cũng được Chư Thiên,
Cúng dường lễ bái như là Phật,
Làm các sự phạm thấy đảo điên.
Phật dạy: Tỳ khuru tánh dịu hiền,
Lục căn thanh tịnh, đáng siêu nhiên,
Tâm không Ngã mạn, không Tà kiến,
Ắt được lòng yêu của Nhân thiên.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO MAHĀ KACCĀYANA

VII. 6- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA BỊ CÁO GIAN (Sāriputtattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 95)

"Paṭhavīsamō no virujjhati
indakhilūpamo tādi subbato
Rahado'va apetakaddamo
saṃsārā na bhavanti tādino"

"Nhu đất, không hiểm hận,
Nhu cột trụ, kiên trì,
Nhu hổ, không bần nhược,
Không luân hồi, vị ấy".

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), đề cập đến Trưởng lão Sāriputta (Sāriputta).

Một thuở nọ, sau khi mãn mùa an cư, Trưởng lão Sāriputta muốn đi vân du, bèn vào xin phép Đức Bổn Sư, đành lễ cáo từ Ngài và ra đi với đoàn tùy tùng của mình, nhiều Tỳ khưu ở nhóm khác cũng đi theo Trưởng lão. Những Tỳ khưu mà Trưởng lão biết rõ tên họ được Trưởng lão quay lại chào hỏi theo tên họ. Có một Tỳ khưu nọ không được Trưởng lão lưu ý đến vì đứng lẫn lộn trong đám đông Tăng chúng. Vị Tỳ khưu vô danh này thấy mình không được ưu đãi như các Tỳ khưu khác thì buộc oan trái với Trưởng lão. Khi ấy, Trưởng lão vô tình để cái y Tăng Già Lê của mình chạm vào mình của vị Tỳ khưu ấy.

Khi biết: "Có lẽ bây giờ Trưởng lão đã đi khỏi ranh chùa rồi!", vị Tỳ khưu bất bình vào khiếu nại với Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài, Trưởng lão Sāriputta ỷ thị: "Ta đây là Thượng Thích Văn, lớn nhất trong Tăng chúng", nên khi ra đi vân du, Trưởng lão đánh con muốn bể vành tai mà không xin sám hối.

Đức Bổn Sư cho gọi Trưởng lão trở lại để phân xử. Ngay khi ấy hai vị Trưởng lão là Mahā Moggallāna và Ānanda đều nghĩ thầm: "Sư huynh của ta không có đánh Tỳ khưu này, nếu Đức Bổn Sư không biết rõ sự thật thì oan cho Sư huynh của ta lắm". Hai Trưởng lão muốn cho Trưởng lão Sāriputta rống lên tiếng rống của con sư tử, nên bảo nhau: "Ta sẽ triệu tập Tăng chúng câu hội lại tất cả".

Thế rồi, hai vị Trưởng lão mở hoát các cửa vào đạo trường, kêu gọi chư Tỳ khưu Tăng tập họp: "Các Trưởng lão hãy đến hội trường cho đông đủ, hôm nay trước mặt Đức Thế Tôn, Trưởng lão Sāriputta sẽ rống lên tiếng rống con sư tử".

Trưởng lão Sāriputta đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi xuống, khi ấy Đức Bổn Sư hỏi Trưởng lão về câu chuyện vị Tỳ khưu vô danh tố cáo, thay vì nói: "Con không có đánh Tỳ khưu này", Trưởng lão chỉ thuyết trình về đức tính của tự ngã: "Bạch Ngài, thật vậy, Tỳ khưu nào chưa thuần thục trong đề mục niệm Thân trực (Kāyagatāsati), tâm còn luyến lưu một bạn đồng Phạm hạnh nào đó, chưa dứt bỏ được thì nên ra đi hành đạo". Rồi Trưởng lão giảng giải: "Bạch Ngài, ví như mặt đất, trên đó người ta bỏ đồ sạch, hay đồ dơ nó vẫn như thường, tâm mình cũng bình thản như mặt đất vậy đối với mọi sự thị phi. Hoặc nói cách khác tâm mình cũng bình thản như nước, như lửa, như gió, như bụi, như thanh niên Chiên đà la, như bò rừng sừng, như chén mỡ đặc. Và lại, tự thân mình thật đáng ghê tởm như xác rắn chết sinh, như chảo chiên dầu mỡ, chớ nào có đáng gì trân trọng bảo trì?".

Trong khi Trưởng lão đang thuyết trình, tự ví mình như chín vật trên đây, bắt đầu từ đất đến nước,... thì quả địa cầu rung động. Đến khi Trưởng lão ví mình như từ hạt bụi đến thanh niên Chiên đà la, đến chảo chiên dầu mỡ, thì các Tỳ khưu còn phàm không cầm được nước mắt, các bậc Lậu tậ thì kinh cảm vì Pháp (Dhammasamīyego).

Trong khi Trưởng lão đang thuyết trình về các đức tính của mình có theo thứ lớp như vậy, vị Tỳ khưu cáo gian nghe trong mình toàn thân bị nóng như bị lửa đốt. Vị ấy quì mọp dưới chân Đức Thiện Thệ vừa tự thú là mình cáo gian Trưởng lão.

Đức Bổn Sư gọi Trưởng lão và bảo: "Này Sāriputta hãy tha tội cho kẻ này, để cho đầu hắn khỏi bị bể làm bảy mảnh".

Trưởng lão ngồi xổm, chấp tay lại và nói: "Bạch Ngài, con tha thứ lỗi cho vị Tỳ khưu này và xin Trưởng lão ấy hãy xá lỗi cho con, nếu con có lỗi".

Các Tỳ khưu nói chuyện với nhau:

- Này các đạo hữu hãy nhìn xem, Trưởng lão có đức độ vô thượng, bây giờ đối với vị Tỳ khưu nguyên cáo giả dối như vậy mà Trưởng lão không có tâm giận hờn chút chi, lại còn tự mình ngồi xổm, chấp tay xin sám hối nữa.

Đức Bốn Sư nghe câu chuyện của Chư Tăng, liền hỏi:

- Này các Tỳ khưu, các thầy nói chuyện chi vậy?

- Bạch Ngài, chuyện nầy như vậy... như vậy.

Nghe vậy, Đức Bốn Sư dạy rằng: "Này các Tỳ khưu không thể nào làm cho hạng người như Sāriputta phát sanh tâm sân. Này các Tỳ khưu, tâm của Sāriputta bình thản như mặt đất, kiên cố như cột trấn của Chư Thiên, thanh tịnh như nước ao không bùn".

Nói rồi, Ngài thuyết pháp dạy thêm và tóm tắt bằng kệ rằng:

"Paṭhavīsamō no virūjḥati

Indakhīlūpamō tādi subbato

Rahado'va apetakaddamo

Samsārā na bhavanti tādino"

*"La Hán giữ sạch Tam hành,
Tâm như bình địa chí thành cố kiên.
Như cột trấn của Chư Thiên,
Như ao sâu thẳm, lặng yên, không bùn.
Nên vòng sanh tử cuối cùng,
Khởi từ vô thủy cáo chung nơi người."*

CHÚ GIẢI:

Paṭhavīsamō: nầy các Tỳ khưu, ví như trên mặt đất người ta vứt bỏ những vật sạch sẽ là hương thơm, tràng hoa chẳng hạn, người ta vứt bỏ những vật dơ bẩn như phân, nước tiểu chẳng hạn, như ở ngoài cổng thành là chỗ đổ rác vậy.

Indakhīla: lại ví như trụ đá bị lũ trẻ con đến tiểu lên, hoặc đập sứt mẻ, khi khác lại được người khác đến cúng dường dâng hương hoa, lễ vật. Cả mặt đất và cây trụ đá cũng không vui mừng hay phẫn nộ. Bậc Tỳ khưu Lậu tận cũng như thế, tâm không giao động vì Tám pháp thế gian, do có tư cách tốt đẹp mà nên người có hạnh kiễm tốt, không quan tâm nghĩ rằng: "Những người nầy tôn trọng cúng dường ta bằng Tứ vật dụng, còn những người nầy không tôn trọng cúng dường ta". Dầu ai tôn trọng hay không tôn trọng, bậc ấy cũng không hề nổi giận, hoặc chống cự lại, chẳng khác mặt đất và cây trụ đá đó vậy.

Rahado' va: ví như ao hồ nước trong veo vì không lẫn bùn, bậc Lậu tận có tâm thanh tịnh, không lẫn bùn như là phiền não tham ái, sân hận, si mê.

Tādino: đối với vị Thánh thiện như vậy, con đường luân hồi siêu sanh nhân cảnh hay đọa vào bốn khổ cảnh không thể có.

Cuối thời Pháp, chín ngàn vị Tỳ khưu đắc quả A La Hán với Tuệ Phân tích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Pháp Chủ mà còn bị cáo gian,
Người ngay đâu lẽ chịu hàm oan?
Phân minh tự ví mình như đất:
Hàm chứa bao dung chẳng tỏ than!
Phật dạy: Tâm người đã hết sân,
Là tâm La Hán, bậc Siêu nhân,
Vững như trụ đá trên Thiên giới,
Sạch tợ trùng dương, chẳng nhuộm trần.*

VII. 7- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO TISSA Ở KOSAMBI (Kosambivāsītissattherasāmaṇeravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 96)

"Santāṃ tassa manāṃ hoti
santā vācā ca kamma ca
Sammadaññā vimuttassa
upasantassa tādino".

"Người tâm ý an tịnh,
Lời an, nghiệp cũng an,
Chánh trí, Chơn giải thoát,
Tịnh lạc là vị ấy".

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết, khi Ngài an ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), đề cập đến vị Sa di đệ tử của Trưởng lão Đề Xá (Tissa).

Tương truyền rằng: Một vị công tử ở thành Kosambi (Kosambi), sau khi xuất gia trong Giáo Pháp, thọ Cụ túc giới, được mệnh danh là Trưởng lão Tissa ở Kosambi. Trưởng lão an cư ở vùng Kosambi, đến khi mãn mùa an cư, được người hộ độ mang các lễ vật như Tam y, sữa chua, mật mía đặt dưới chân.

Thấy vậy, Trưởng lão hỏi người ấy: "Cái chi đây ông Thiện nam?".

- Bạch Ngài, Ngài đã nhận lời con an cư mùa mưa nơi này, bây giờ mãn mùa an cư, phần lễ vật này phát sanh được đây, xin Ngài hãy hoan hỷ thọ dụng.

- Này Cậ sự nam, ông hãy thông cảm, ta không cần đến những lễ vật này.

- Bạch Ngài, tại sao vậy?

- Này đạo hữu! Vì bản tăng không có Sa di để dâng lễ vật thọ đúng Luật kappiyākasako.

- Bạch Ngài, nếu Ngài không có người phục dịch theo Luật, thì con xin đưa con trai con xuất gia Sa di để phục dịch Ngài.

Trưởng lão im lặng chấp nhận.

Ông Thiện nam dắt đưa con trai của mình vừa được bảy tuổi đến với Trưởng lão, giao cho Trưởng lão và nói: "Kính Ngài, xin cho nó được xuất gia".

Trưởng lão xối nước ướt tóc đứa bé, truyền dạy phần đầu của đề mục quán tưởng thân trước gồm có năm chi: tóc, lông, móng, răng, da cho nó và cho nó xuất gia.

Ngay sau khi lưỡi dao cạo chạm vào da đầu, vị Sa di mới đắc chứng A La Hán quả với Tuệ Phân tích.

Sau khi cho ông Sa di xuất gia, Trưởng lão còn lưu lại chùa thêm nửa tháng, rồi muốn về đảnh lễ Đức Thế Tôn, Trưởng lão bảo ông Sa di thu thập hành lý để lên đường. Đến nửa đường hai thầy trò ghé vào một ngôi chùa, ông Sa di có bốn phận phải lo sửa soạn chỗ trú cho thầy Tế độ. Khi lo cho thầy xong thì trời đã xế chiều, Sa di không thể dọn dẹp chỗ ngụ của mình cho kịp giờ.

Khi ông Sa di đến giờ hầu thầy, trở lại ngồi một bên thầy, Trưởng lão liền hỏi: "Ông Sa di, ông lo sửa soạn chỗ nghỉ của ông chưa?".

- Bạch Ngài, con không có giờ rảnh để sửa soạn!

- Vậy thì, con hãy ở chung chỗ với ta. Mình là khách lữ hành phải chịu khó ở ký túc xá vậy (āgantukaṭṭhāne).

Nói rồi, Trưởng lão dắt Sa di vào chỗ ngụ. Trưởng lão này còn là phạm nhân nên đến giờ đi nghỉ là nằm xuống ngủ. Sa di thầm nghĩ: "Hôm nay ta với thầy Hòa thượng ngụ chung nhau trong một chỗ ngụ đến ngày thứ ba rồi, nếu ta nằm sợ e ta sẽ ngủ quên đến sáng, thì Trưởng lão sẽ phạm giới ngủ chung ba đêm với Sa di. Thôi ta sẽ ngồi cho qua hết đêm nay vậy". Thế rồi, Sa di ngồi kiết già kế bên giường ngủ của thầy Hòa Thượng mà nghỉ cho qua một đêm. Hôm sau, trời vừa mờ mờ sáng, Trưởng lão thức dậy, tự nghĩ: "Ta phải bảo ông Sa di đi ra ngủ bên ngoài mới được", nên lấy

cây quạt để bên giường, Trưởng lão dùng đầu nhọn cây quạt đập xuống chiếc chiếu của Sa di, rồi giở quạt lên gọi: "Nầy Sa di, hãy đi ra ngoài", không may đầu cây quạt xia trúng một mắt của Sa di, tròng mắt bị bể ra.

Sa di giật mình, hỏi lại: "Bạch Ngài, bảo gì?". Khi nghe thầy nói: "Dậy đi ra ngoài!", ông không nói: "Bạch Ngài, mắt con đã bị bể tròng", mà chỉ lấy tay bụm mắt rồi đi ra.

Tới giờ phục dịch thầy, Sa di cũng làm tỉnh không nói "mắt con đã bị bể tròng" mà chỉ đứng chừ không ngồi xuống, một tay bụm mắt đau, còn tay kia cầm lấy cán chổi vào quét cầu tiêu và nhà tắm, múc nước rửa mặt cho thầy, rồi quét sân chùa.

Đến khi dâng cây đánh răng (dantakattam) cho thầy Hòa Thượng, ông cũng chỉ dâng bằng một tay. Thấy vậy, Trưởng lão rầy:

- Cái ông Sa di nầy mắt dạy thật! đối với thầy Tiếp dẫn và thầy Tế độ mà ông dâng cây đánh răng bằng một tay được?

- Bạch Ngài! Con vẫn biết không nên làm như vậy, nhưng một tay con không được rảnh.

- Tại sao vậy Sa di?

Sa di bèn thuật lại câu chuyện từ đầu đến cuối. Nghe xong, vị Trưởng lão phát tâm kinh cảm: "Chao ôi! Nghiệp của ta đã tạo thật là nặng nề!". Than rồi, vị Trưởng lão tuột xuống ngồi chồm hổm dưới chân Sa di bảy tuổi chắp hai tay đưa lên trán và nói: "Xin Thiện nam tử (Sappurisa) xá tội cho tôi! Thật tôi không biết việc ấy, xin hãy là người nâng đỡ tôi".

Vị Sa di điềm nhiên đáp lời Trưởng lão: "Bạch Ngài, con không có ý muốn nói về câu chuyện ấy, xin Ngài cứ an tâm. Theo con nghĩ, trong việc nầy thầy không có lỗi, mà đó cũng không phải là lỗi của con. Xin Ngài đừng lo nghĩ nhiều, con xin giữ kín việc Ngài sám hối với con, không nói cho ai biết hết".

Vị Trưởng lão được lời an ủi của Sa di thì nghe dễ chịu, nhưng rồi lại sanh tâm kinh cảm, mang hết hành lý của Sa di, về đánh lễ Đức Bổn Sư.

Lúc ấy, Đức Bổn Sư ngồi đợi hai thầy trò đến, vị Trưởng lão đi đến đánh lễ Đức Bổn Sư xong, Đức Thế Tôn niềm nở hỏi:

- Nầy Tỳ khưu! Thầy hành đạo có được dễ chịu không? Có gặp điều chi cực khổ lắm không?

- Bạch Ngài, con được dễ chịu, không có chút chi cực khổ thái quá. Hơn thế nữa, con còn có được một Sa di nhỏ, giống như được một vị có hạnh đức phi thường, con chưa từng thấy vậy.

- Ông nầy đã làm cái chi vậy, nầy Tỳ khưu?

Vị Trưởng lão thuật lại câu chuyện xảy ra, từ đầu cho đến cuối với Đức Bổn Sư, rồi nói tiếp:

- Bạch Ngài, khi con yêu cầu sám hối như thế, Sa di đã nói với con như vậy: "Bạch Ngài, trong việc nầy Ngài không có lỗi chi cả, mà đó cũng không phải là lỗi của con, thôi Ngài đừng bận tâm lo nghĩ nhiều". Sa di ấy an ủi con, không tỏ vẻ chi giận hờn, thù ghét chi con cả. Bạch Ngài, từ trước đến giờ con chưa từng thấy một bậc hiền đức hoàn toàn như vậy".

Khi ấy, Đức Bổn Sư bảo Trưởng lão rằng:

- Nầy Tỳ khưu, hễ là bậc Lộ tận thì không còn chút giận hờn, sân hận, cả Lục căn an tịnh và Tâm ý cũng an tịnh".

Nói rồi, Ngài thuyết pháp giải rộng thêm và tóm tắt bằng bài kệ nầy:

"Santam tassa manam hoti

Santā vācā ca kamma ca

Sammadaññā vimuttassa

Upasantassa tādino".

"La Hán thường được thành thoi,

Nhờ có Chánh trí thoát nơi bụi hồng.

Thân nghiệp, Khẩu nghiệp sạch trong,

Ý nghiệp vắng lặng, Không không, hoài hoài."

CHÚ GIẢI:

Satam: tâm ý (Mano) của vị thánh Lậu tận an tịnh (santa có chỗ còn dịch là trầm tĩnh), vì không có tham, sân, si. Trong khi tâm đang yên lặng thái bình như vậy, thì các khẩu ác nghiệp, nhất là vọng ngữ không có, và các thân ác nghiệp, nhất là sát sanh cũng không có, cho nên thân khẩu thường an tịnh luôn.

Sammadaññā vimuttassa: bằng cách suy tư biết rõ nguyên nhân là Ý, hễ Ý đã giải thoát thì cả năm căn kia là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân cũng được giải thoát, nên gọi là Chánh trí giải thoát.

Upasantassa: tâm thường an tịnh vì trong đó tham, sân, si đều vắng lặng.

Tādino: người như thế ấy.

Cuối thời Pháp, Trưởng lão Tissa ở Kosambi đắc A La Hán Quả với Tuệ Phân tích. Kỳ dư đại chúng nghe Pháp đều hưởng được sự lợi ích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Trưởng lão nào hay đệ tử mình,
Cạo đầu liền đắc quả Vô sinh!
Ngủ chung, sáng thọt trò hư mắt,
Trò tỉnh, còn Sư lại cảm kinh.
Sư chấp tay xin sám hối trò,
Trò khuyên: Ngài chớ khá buồn lo,
Không ai tội cả, toàn do nghiệp,
Quả đến, cần chi phải dẫn đo?
Phật dạy: "Người tam nghiệp trọn lành,
Sa di bảy tuổi, Đạo viên thành!"
Sư nghe, Ngã mạn tiêu tan hết,
Cũng đắc như trò, Quả tối linh.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO TISSA Ở KOSAMBI

VII. 8- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA TỰ TIN (Sārīputtattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 97)

"Assaddho akataññū ca	"Không tin", hiểu Vô vi,
sandhicchedo ca yo naro	Người cắt mọi hệ lụy,
Hatāvakāso vantāso	Cơ hội tận, xả ly,
sa ve uttamaporiso"	Vị ấy thật tối thượng".

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi ngụ tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), đề cập đến Trưởng lão Sāriputta (Sārīputta).

Một ngày nọ, có ba mươi vị Tỳ khuru tu hành hạnh Đầu Đà ngụ ở rừng (araññakā), về yết kiến Đức Bổn Sư, đành lễ Ngài rồi ngồi nép qua một bên. Đức Bổn Sư biết rõ những vị này có căn lành đắc A La Hán quả với Tuệ Phân tích, nên Ngài gọi Trưởng lão Sāriputta mà hỏi về Ngũ quyền (Tín, Tấn, Niệm, Định và Tuệ), nhất là Tín quyền, là những yếu tố thành tựu Pháp Bất tử.

- Này Sāriputta, thầy có đức tin chăng?

(Tín quyền là yếu tố phát triển gia tăng thành tựu Pháp Bất tử là Níp Bàn).

- Bạch Ngài, nói về Tín quyền thì con không đặt niềm tin nơi Đức Thế Tôn v.v... Thật vậy, bạch Ngài! Về Tín quyền thì những ai chưa biết, chưa nghe, chưa thấy, chưa làm cho thấu rõ, chưa tiếp xúc Pháp Bất tử trọn vẹn bằng Trí tuệ, thì người đó mới phải đặt niềm tin nơi tha nhân v.v...

Trưởng lão đã giải đáp năm câu hỏi về Ngũ quyền là những yếu tố để thành tựu Pháp Bất tử như thế.

Nghe lời giải của Trưởng lão, các Tỳ khuru họp nhau bàn tán: "Trưởng lão Sāriputta đã giải đáp bằng những luận điệu sai lầm như thế, là hôm nay Trưởng lão đã hết tin nơi Đức Chánh Biến Tri nữa rồi".

Nghe vậy, Đức Bốn Sư hỏi:

- Này các Tỳ khuru, sao các thầy lại nói như thế? Chính Ta đã không làm phát triển Ngũ quyền, không tăng tiến pháp Chỉ Quán (Samathavipassanā) mà đã có thể làm cho thối rã các Đạo quả. Đáp lại câu hỏi: "Này Sāriputta thầy có đức tin chăng?". Thầy ấy cũng làm cho thối rã Đạo quả như thế, nên mới nói: "Bạch Ngài, con không có đức tin (nơi tha nhân), thầy ấy không có đức tin nơi Đạo quả hiện tại hoặc tương lai (Phalavipāka) của ai cho, hoặc của ai làm giùm. Thầy ấy cũng không có đức tin nơi cái chi, nhất là nơi hồng ân của chư Phật.

Thầy ấy tự mình chứng đắc các pháp Thiền Quán, Đạo quả, chứ không đặt niềm tin nơi những người khác, bởi thế cho nên thầy ấy là người không thể chê trách".

Nói rồi, Đức Bốn Sư thuyết pháp giải thêm và tóm tắt bằng bài kệ này:

"Assaddho akataññū ca

Sandhicchedo ca yo naro

Hatāvakāso vantāso

Sa ve uttamaporiso".

*"La Hán chẳng cần tin ai,
Vì đã chứng Đạo không hai thoát trần.
Dứt trừ vĩnh viễn nguyên nhân,
Cùng quả ràng buộc tự thân luân hồi.
Lòng tham dục cũng lìa rồi,
Bực Vô thượng sĩ cao ngời, chính người."*

CHÚ GIẢI:

Assaddho: vô tín hay bất tín, là tự mình chứng biết, không tin lời nói của người khác (một cách mù quáng).

Akataññū: hiểu là Vô vi, đây là làm cho thối rã Níp Bàn là Pháp không có nhân tạo ra (*Akata*).

(*Akataññū* cũng có nghĩa là vô ơn).

Sandhicchedo: người đã cắt đứt mọi ràng buộc là cắt đứt những kiết sử trói buộc trong vòng Luân hồi.

Hatāvakāso: người đã đoạn tuyệt cả phước và tội, là người đã tận trừ những cơ hội để tạo nghiệp thiện và bất thiện.

Vantāso: người đã dứt hết sự tham muốn, vì đã làm xong phận sự bằng bốn Thánh đạo.

Người đủ tư cách như vậy, quả thật là người cao thượng, đặc Pháp cao thượng nhất trong số những người giác ngộ Pháp siêu thế.

Cuối bài kệ, ba mươi vị Tỳ khuru ấy đắc quả A La Hán với Tuệ Phân tích. Kỳ dư đại chúng thính pháp của Đức Bốn Sư thấy đều được hưởng lợi ích lớn.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Muốn độ người cao, Phật hỏi cao,
Phàm phu nghe ngóng, tựa chiêm bao,
Nghĩ rằng: Pháp Chủ theo tà kiến,
Dám nói: Không tin Phật chút nào!..
Dưới thấp cần tin tưởng Phật Đà,
Lên cao, La Hán: "Chỉ tin ta!"
Tự mình thối rã luân hồi khổ,*

Cởi bỏ mười dây kiết sử ra.

DÚT TÍCH TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA TỰ TIN

VII. 9- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO REVATA Ở RỪNG KEO (Khadiravaniyarevatattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 98)

<i>"Gāme và yadi vā'raññe</i>	<i>"Làng mạc hay rừng núi,</i>
<i>ninne và yadi và thale</i>	<i>Thung lũng hay đồi cao,</i>
<i>Yatthārahanto viharanti</i>	<i>La Hán trú chỗ nào,</i>
<i>tam bhūmiṃ rāmaṇeyyakam"</i>	<i>Đất ấy thật khả ái".</i>

Kệ Pháp Cú này, Đức Thế Tôn đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), đề cập đến Trưởng lão Revata (Revata) ở rừng Keo.

Khi Trưởng lão Sāriputta từ bỏ gia sản trị giá đến tám trăm bảy chục triệu đồng vàng (Sattāsātikotī) ra đi xuất gia, nơi nhà còn lại ba chị em gái là Cha La (Cālā), U Pá Cha La (Upacālā) và Xi Xú Cha La (Sīsucālā), cùng với ba em trai. Kế đến, Trưởng lão cho ba người em gái xuất gia, rồi hai người em trai lớn là Chun Đá (Cunda) và U Pá Xê Ná (Upasena) xuất gia, rốt cuộc chỉ còn lại người em út là Revata ở lại nhà.

Lúc bấy giờ, thân mẫu của Trưởng lão tự nghĩ: "Con trưởng nam của ta là Upatissa đã từ bỏ bảy nhiều tài sản mà xuất gia, lại cho ba chị em gái cùng hai người em trai lớn xuất gia nốt. Chỉ còn lại Revata ở lại nhà, nếu nó lại cho thằng út xuất gia nữa thì bảy nhiều tài sản này sẽ tiêu hoại, dòng dõi ta sẽ gián đoạn. Trong khi Revata còn xuân xanh, ta phải lập gia thất cho nó để buộc ràng nó lại".

Về phần Trưởng lão Sāriputta cũng đã tiên liệu, Ngài bắt đầu dặn dò chư Tỳ khưu: "Nầy các đạo hữu! Nếu như Revata có đến đây xin xuất gia, thì quý vị cứ tự tiện cho Revata xuất gia. Song thân của bản tăng là người Tà kiến, khỏi phải hỏi ý kiến của ông bà mà làm chi. Bản Tăng sẽ thế quyền làm cha mẹ của Revata, cho phép là được rồi".

Thân mẫu của Revata, tuy con trai mới bảy tuổi đầu nhưng vì muốn lấy sợi dây gia đình buộc chân con lại, nên bà đã tìm nơi môn đăng hộ đối (Samajātikekule) hỏi vợ cho cậu bé. Đến ngày ấn định lễ cưới, bà lo trang điểm cho công tử thật tươm tất, dắt theo rất đông họ hàng bên trai, đi đến nhà xuôi gia đình gái.

Trong khi hai họ nhóm họp cử hành lễ cưới, thân bằng quyến thuộc đến chúc tụng hạnh phúc lứa đôi vị thành niên, cầm bát nước xối trên tay cô dâu trẻ và nói: "Chúng tôi xin cầu chúc cho cô duyên ưa phận đẹp, tuổi thọ sống lâu như bà lão ấu ngày nay vậy".

Công tử Revata tự hỏi: "Bà lão ấu ngày nay này là ai?", rồi cậu hỏi ngay người chúc: "Bà lão ấu này là bà nào đâu?".

Họ hàng gái đáp: "Nầy con thân, con chưa gặp bà ta sao? Bà này già sống một trăm hai mươi tuổi, răng đã rụng hết, tóc bạc trắng, da mỗi nhăn nhúm, thân hình còm xuống cong như cái sừng bò. Đó là lão ấu đó con thân".

- Vì sao bà lại có hình thù như thế?
- Nếu sống lâu thì sẽ già như thế con thân à.

Chàng rể bé nhỏ suy nghĩ: "Thân thể con người đến tuổi già nua phải chịu thay hình đổi sắc như thế này ư? Vậy thì ta phải gặp anh Upatissa của ta ngay. Hôm nay ta phải bỏ nhà đi xuất gia mới được".

Khi họ hàng trai rước cô dâu lên ngồi chung xe với chàng rể rồi, mọi người đồng lên xe của mình đi theo hộ tống. Công tử Revata chốc chốc lại giả đồ đau bụng muốn đi tiêu, kêu xe ngừng lại cho cậu xuống và chờ cậu trong giây lát. Mỗi lần xuống xe, cậu đi vào trong một bụi rậm ngồi nán một chút rồi đi ra. Cậu cứ viện lẽ này lý kia để xuống xe, lên xe như thế mãi.

Thế rồi các quyến thuộc của cậu cũng không gìn giữ cậu chặt chẽ nữa, vì nghĩ rằng: "Chắc cậu nẩy lên con (khùng)". Một lúc sau, công tử cũng viện lẽ là cần phải đi giải một chút, rồi xuống xe, bảo quyến thuộc: "Bà con cô bác hãy đánh xe về trước đi, để tôi thủng thẳng đi sau". Nói rồi cậu xuống xe đi ngay vào một bụi rậm, các quyến thuộc thân nhân của cậu tưởng cậu sẽ theo sau, nên đánh xe đi luôn về nhà.

Cậu Revata từ đó thoát ra chạy đến một trú xứ nọ, gặp ba mươi vị Tỳ khưu cư trú nơi đó, bèn đánh lễ Chư Tăng và nói:

- Bạch các Ngài, xin các Ngài cho con được xuất gia.

- Nầy đạo hữu, đạo hữu ăn mặc sang trọng, trang sức lộng lẫy như thế. Nhưng Chư Tăng chúng tôi không biết đạo hữu là Hoàng tử con Vua, hoặc là ấm tử con quan Đại thần, thì làm sao chúng tôi dám cho đạo hữu xuất gia?

- Nói thế, các Ngài không biết con hay sao?

- Thật chúng tôi không biết đạo hữu.

- Con là em út của Ngài Upatissa đây mà.

- Người tên Upatissa đó là ai vậy?

- Bạch các Ngài, các Ngài quen gọi anh con là Trưởng lão Sāriputta. Bởi vậy, nghe tên Trưởng lão là Upatissa thì các Ngài không biết.

- Nói vậy đạo hữu là em út của Trưởng lão Sāriputta phải chăng?

- Bạch các Ngài, phải.

- Nếu vậy thì hãy đến đây, anh của đạo hữu đã cho phép đạo hữu xuất gia rồi.

Nói rồi Chư Tăng bảo cậu Revata cởi bỏ đồ trang sức, cất để có nơi, hành lễ xuất gia cho cậu xong, liền gọi thợ báo tin cho Trưởng lão Sāriputta biết. Bắt được tin, Trưởng lão vào bạch với Đức Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Các Tỳ khưu hạnh Đầu Đà ẩn lâm đã cho Revata xuất gia và gọi thợ báo tin cho con biết, con xin đi thăm Revata và sẽ trở về".

Đức Bổn Sư không chấp thuận, bảo với Trưởng lão rằng: "Khoan đi đã này Sāriputta". Vài ngày sau, Trưởng lão lại đến xin phép Đức Bổn Sư, Ngài cũng không cho đi, lại bảo: "Khoan đi đã Sāriputta, để rồi Như Lai sẽ cùng đi nữa".

Sa di Revata, sau khi xuất gia nghĩ thầm: "Nếu ta ở lại đây, người nhà sẽ theo dấu tìm bắt ta về", ông đi đến Chư Tăng xin Chư Tăng dạy đề mục niệm cho đắc thánh A La Hán quả. Thọ trì đề mục rồi, ông đắp y mang bát đi vân du hành đạo. Đi xa khoảng ba mươi do tuần, ông đến một nơi trong rừng Keo an cư mùa mưa nơi đó, rồi đắc chứng A La Hán với Tuệ Phân tích giữa khoảng ba tháng an cư.

Trưởng lão Sāriputta, sau lễ Tự Tứ Tăng, lại đến xin phép Đức Bổn Sư để đi thăm em. Đức Bổn Sư bảo: "Nầy Sāriputta, Ta cũng đi nữa", rồi Ngài khởi hành dắt theo năm trăm Tỳ khưu.

Đi được một khoảng dài, đứng trước một lộ tế, Trưởng lão Ānanda hỏi Đức Bổn Sư rằng: "Bạch Ngài, có hai lối đi đến chỗ ngụ của Revata, lối quanh nầy dài đến sáu mươi do tuần, nhưng có nhà dân chúng. Còn lối đi thẳng nầy tuy xa chỉ có ba mươi do tuần nhưng lại chẳng có nhà, có phi nhân trấn giữ. Chúng ta nên đi lối nào?".

- Nầy Ānanda! Có Tỳ khưu Sīvali (Sīvali) cùng đi với Ta phải chăng?

- Bạch Thế Tôn, phải.

- Nếu có Sīvali đi, thì hãy đi theo con đường thẳng.

Theo truyền thuyết: Đức Bổn Sư không nói: "Ta sẽ làm cơm, cháo phát sanh đến các thầy, các thầy hãy đi theo con đường thẳng", vì Ngài biết phần cúng dường phát sanh đến Chư Tăng là do phước báu của Tỳ khưu Sīvali, nên Ngài bảo: "Nếu có Sīvali cùng đi thì thầy cứ đi đường thẳng".

Trong khi Đức Bổn Sư đang noi theo lộ trình ấy, thì Chư Thiên nghĩ thầm: "Chúng ta sẽ cung nghinh Trưởng lão Sīvali của ta", cứ cách một do tuần trở lại chớ không cho xa hơn thì Chư Thiên lại dựng lên một ngôi chùa. Cứ mỗi sáng tinh sương vừa thức giấc là Chư Thiên mang vật thực, nhất là

cháo trời đến chùa, đi lanh quanh hỏi thăm: "Trưởng lão Sivali của ta ngồi đâu? Trưởng lão ngồi nơi đâu?".

Trưởng lão mang lễ vật của Chư Thiên tặng mình dâng lên chư Tỳ khưu Tăng có Đức Phật cầm đầu.

Đức Bổn Sư với Tăng chúng tùy tùng đã trải qua đoạn đường xa ba mươi do tuần một cách an vui như thế là nhờ oai lực phước báu của Trưởng lão Sivali vậy.

Về phần Trưởng lão Revata, khi biết tin Đức Bổn Sư sắp đến, liền cho xây cất hương thất là chỗ ngụ riêng của Đức Thế Tôn, rồi cho cất tiếp theo năm trăm cái cốc tạm nóc nhọn cho Chư Tăng, cho dọn năm trăm con đường kinh hành, cùng với năm trăm chỗ che nắng ban ngày.

Đức Bổn Sư ngụ an ở nơi Trưởng lão Revata độ một tháng, trong khoảng thời gian đó, tất cả vật dụng phát sanh lên Chư Tăng đều do oai lực phước báu của Sivali cả.

Lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ khưu cao hạ, vì không hoan hỷ với sự việc Đức Bổn Sư ngụ đến rừng Keo, nên đã nghĩ tưởng như vậy: "Tỳ khưu Revata này, mãi lo tạo tác bấy nhiêu chỗ ở mới thì làm sao mà thực hành Sa môn pháp được?". Đức Bổn Sư ngụ đến nơi đạo tràng tân tạo này là do Ngài coi theo mật, vì đây là công trình của em trai út Ngài Sāriputta.

Sáng sớm ngày thứ ba, trong khi quán xét thế gian, Đức Thế Tôn thấy được hai vị Tỳ khưu này, và biết được ý nghĩ trong tâm họ, cho nên sau khi ngụ tại nơi đó khoảng một tháng, đến ngày ra đi, Đức Bổn Sư dùng Thần thông khiến cho hai vị ấy lãng quên những dụng cụ lật vật của mình, nào là hủ dầu, bình nước, giày, dép v.v...

Sau khi quyết định khởi hành, Đức Bổn Sư đi ra khỏi ranh chùa, lúc bấy giờ Ngài mới xả Thần thông.

Khi ấy, hai vị Tỳ khưu cao hạ mới sực nhớ mình còn bỏ quên thứ này, thứ nọ, vị này rủ vị kia trở lại chùa. Vì không nhận định phương vị của chùa, hai vị tuôn bờ lướt bụi qua khu rừng Keo đầy gai góc một hồi, mới thấy đồ đạc của mình treo tòn ten trên một cây Keo, bèn lấy xuống đem đi ra.

Trên đường về, Đức Bổn Sư cũng dắt Tăng chúng đi, cũng mất hết một tháng, nhưng vẫn được an vui, nhờ nương vào phước báu của Trưởng lão Sivali, Đức Bổn Sư ngụ vào Đông Phương Tự.

Sáng hôm sau, hai vị Tỳ khưu cao hạ rửa mặt xong, rủ nhau: "Ta hãy đến độ cháo nơi nhà bà Đại Tín nữ Visākhā, là nữ thí chủ cúng dường vật thực đến khách Tăng". Đến nơi đó, hai vị Trưởng lão độ cháo và đồ ngọt, rồi ngồi nghỉ. Bà Visākhā hỏi Trưởng lão:

- Bạch hai Ngài! Chắc hai Ngài cũng có đi với Đức Bổn Sư đến chỗ ngụ của Trưởng lão Revata phải chăng?

- Phải đó, này bà Tín nữ.

- Bạch hai Ngài, chỗ ngụ của Trưởng lão có ngoạ mục (ramaniya) không?

- Có chi đâu mà ngoạ mục? Chỉ toàn là những cây Keo gai trắng rậm rạp, y như chỗ ngụ của giống Ngạ quỷ vậy, bà Tín nữ ạ!

Khi ấy, có hai vị Tỳ khưu trẻ đến. Bà Tín nữ cũng dâng cháo và bánh ngọt đến hai vị này, rồi cũng hỏi thăm về chỗ ngụ của Trưởng lão Revata. Hai vị sau đáp:

- Đẹp không thể tả, bà Tín nữ ạ. Chỗ ngụ của Trưởng lão chẳng khác nào cảnh giới hóa hiện bằng Thần thông của Quần Tiên hội.

Bà Tín nữ nghĩ thầm: "Hai vị đến trước thì nói khác, hai vị đến sau lại nói khác. Chắc có lẽ hai vị Tỳ khưu trước có quên lãng chút chi, đã chạy ngược trở lại lúc Đức Bổn Sư đã xả Thần thông. Còn hai vị sau ra đi, trong lúc Đức Bổn Sư còn thị hiện Thần thông".

Nhờ tự mình có Trí tuệ sáng suốt, bà Visākhā biết rõ vấn đề này như vậy, nhưng bà cũng chờ dịp đến đánh lễ Đức Bổn Sư để hỏi lại. Ngay lúc ấy, Đức Bổn Sư cùng với đoàn Tỳ khưu tùy tùng doanh vây ngụ đến nhà bà Visākhā, ngồi lên bảo tọa đã soạn sẵn.

Sau khi cung kính phục vụ Chư Tăng có Đức Phật cầm đầu, đến cuối bữa ngộ, bà Tín nữ đánh lễ Đức Thế Tôn và hỏi cận kề:

- Bạch Ngài, trong số các Tỳ khuru cùng đi chung với Ngài, có nhóm nói chỗ ngụ của Trưởng lão Revata là khu rừng rậm đầy Keo gai, có nhóm nói chỗ ấy ngoạn mục. Vậy chỗ ấy ra sao bạch Ngài?

Nghe bà hỏi, Đức Bốn Sư đáp: "Nầy bà Tín nữ, dầu là làng mạc hoặc rừng rậm cũng vậy. Hễ nơi nào có bậc A La Hán tịnh cư thì nơi đó phong cảnh ngoạn mục...".

Nói rồi, Ngài thuyết pháp thêm và tóm tắt bằng bài kệ nầy:

"Gāme và yadi vā'raññe

Ninne và yadi và thale

Yatthārahanto viharanti

Tam bhūmiṃ rāmaṇeyyakam".

*"Dầu ở rừng núi chơi vui,
Xóm làng, gò trũng hay nơi đất bằng.
Chỗ nào có La Hán Tăng,
Thì quanh vùng đó cảnh hằng an vui."*

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của Kệ ngôn nầy là:

Dầu ở xóm làng, các vị A La Hán không được thân biệt lập, nhưng cũng được tâm tịch tịnh. Đối với các Ngài những cảnh tượng đẹp ngang Chư Thiên cũng không thể làm xao động tâm các Ngài. Bởi thế, cho dù ở nơi làng mạc hoặc nơi nào khác, chẳng hạn như rừng núi hay bất cứ nơi đâu, các bậc A La Hán tịnh cư, thì nơi đó phong cảnh phải ngoạn mục, đất đai phải an vui.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khuru chứng đắc Thánh quả nhất là quả vị Tu Đà Hườn.

Thời gian sau, chư Tỳ khuru đề khởi câu chuyện nầy: "Nầy chư đạo hữu, vì duyên cớ nào mà Trưởng lão Sivali đã ở trong bụng mẹ đến bảy năm, thêm bảy tháng và lễ bảy ngày. Tại cớ nào mà Trưởng lão bị thiêu đốt ở Địa ngục, và tại cớ nào mà Trưởng lão được hưởng lợi lộc danh dự tối cao như thế?".

Đức Bốn Sư nghe được câu chuyện của chư Tăng, bèn hỏi:

- Nầy chư Tỳ khuru, các thầy đang nói chuyện chi đó.

- Bạch Ngài, chuyện nầy... chuyện nầy...

Nghe vậy, Đức Bốn Sư bèn thuyết về tiền nghiệp của Trưởng lão Sivali. "Nầy các Tỳ khuru! Cách nay chín mươi mốt đại kiếp có Đức Thế Tôn có hồng danh là Vipassī (Vipassī) giảng thế.

Một thuở nọ, sau khi vân du khắp xứ, Ngài trở về thành của phụ vương. Đức Vua đã chuẩn bị cuộc lễ Trai Tăng để cúng dường vật thực đến Tăng chúng có Đức Phật cầm đầu từ phương xa mới về, sai sứ thông báo cho dân chúng trong thành hay để đến dự lễ cúng dường của nhà Vua với tình hữu nghị.

Dân thành vâng lệnh đến dự lễ Trai Tăng của đức Vua xong, cùng nhau quyết định: "Chúng ta sẽ thiết lễ Trai Tăng trọng đại hơn cuộc lễ của đức Vua". Quyết định xong, cử người đến thỉnh Đức Thế Tôn và Tăng chúng. Rồi cử người đi dâng sớ, cung thỉnh đức Vua đến chia phước với họ.

Đức Vua ngự đến, thấy cuộc đại thí của chúng dân hơn mình, nghĩ rằng: "Trẫm sẽ thiết đãi lễ Trai Tăng trọng đại hơn thế nầy". Đức Vua lại cung thỉnh Đức Bốn Sư vào hoàng cung thọ thực ngày hôm sau. Trong cuộc thi đua làm phước nầy, đức Vua không thể đánh bại dân thành, mà dân thành cũng không thắng nổi đức Vua.

Đến lần thứ sáu, dân thành quyết nghị rằng: "Cuộc lễ Trai Tăng của chúng ta tổ chức ngày hôm nay, không được để thiếu món chi cả".

Sau khi sắp xếp cuộc lễ rồi, họ kiểm soát lại xem còn thiếu món chi chẳng, thì thấy không có mật ong tươi.

Mật ong chín thì đã có nhiều. Ban tổ chức đưa bốn ngàn đồng vàng cho bốn người đi kiếm mua mật ong tươi ở bốn cửa thành.

Khi ấy, có người dân quê, đi đến thị trấn để viếng ông thị trưởng, dọc đường gặp một tổ ong, người ấy xông khói đuổi ong bay đi, rồi chặt nhánh cây có tổ mật đem tổ ong xuống, lấy nhánh cây làm gậy, quảy đi vào thành với ý nghĩ: "Ta sẽ biếu tặng ông thị trưởng".

Người đi tìm mua mật ong tươi, thấy người dân quê bèn hỏi:

- Chú hai ơi, mật của chú có bán hay không vậy?

- Thưa ông chủ, tôi không bán.

- Này, chú em hãy cầm lấy một đồng vàng rồi cho ta xin mật ấy đi.

Người dân quê suy nghĩ: "Tổ ong này giá không đáng một đồng bạc (Pāda), thế mà ông này trả đến một đồng vàng. Có lẽ ông ta có nhiều đồng vàng lắm. Vậy ta phải thách giá mới được". Thế rồi, người dân quê nói với người dân thành:

- Tôi không bán với giá một đồng vàng.

- Vậy thì chú em hãy lấy hai đồng nhé?

- Hai đồng tôi cũng không bán.

Người dân quê thách giá dần lên mãi, sau cùng người dân thành dứt giá:

- Thôi, chú em hãy cầm lấy một ngàn đồng vàng này, rồi giao quảy mật cho ta.

Khi ấy người dân quê hỏi người mua mật: "Nè ông, ông có điên không, hay là ông không tìm được kho để tích trữ tiền vàng? Chỗ mật này không đáng giá một đồng bạc, mà ông lại trả đến một ngàn đồng vàng, là tại sao?".

- Tôi biết thế lắm, chú em à! Nhưng vì chúng tôi có việc cần kíp, muốn có mật này nên mới nói như thế.

- Thưa ông chủ, việc chi thế?

- Chúng tôi có sắp đặt cuộc đại lễ Trai Tăng, cúng dường đến sáu triệu tám trăm ngàn vị Sa môn tùy tùng của Đức Thế Tôn Vipassī, nhưng vì còn thiếu món mật tươi cho nên tôi mới mua với giá như thế.

- Vậy thì thôi! Tôi không bán chác bạc tiền chi cả. Nếu tôi được chia phần phước Trai Tăng thì tôi sẽ giao mật cho ông chủ.

Người mua mật dắt người dân quê vào thành giới thiệu với những thị dân. Dân thành biết được đức tin mạnh mẽ của người dân quê này, nên bằng lòng cho hùn phước.

Sau khi cung thỉnh Chư Tăng có Đức Phật làm tọa chủ an tọa xong, các thí chủ dâng cúng phẩm tâm cháo và đồ ngọt, kể đó họ cho mang đến cái tô lớn bằng vàng, rồi ép lấy mật trong tổ ong ấy.

Lúc ấy có người mang đến tặng một mái (lu lớn) sữa chua (dadhi).

Người dân quê lấy sữa chua hòa với chén mật ong tươi, rồi tự mình đem cúng dường đến tất cả Chư Tăng có Đức Phật cầm đầu, từ trên xuống dưới theo thứ tự. Chỉ một chén mật hòa sữa chua mà đem cúng dường đến tất cả Chư Tăng, Chư Tăng thọ lãnh đầy đủ, không thiếu cũng không dư thừa.

Nơi đây, chúng ta không nên thắc mắc về chỗ mật ít, Tăng nhiều thì làm sao dâng cho đủ? Vậy mà đủ được, là do nhờ oai lực của Đức Phật. Phật giới bất khả tư nghì. Có Bốn Pháp bất khả tư nghì mà Phật giới là một. Ai không tin lời Đức Thế Tôn, cứ suy nghĩ về Phật giới để tìm hiểu thì sẽ điên loạn mà thôi.

Người dân quê tạo được bấy nhiêu nghiệp đó, sau khi mãn tuổi thọ, được sanh lên Thiên giới, hưởng hết tuổi thọ Chư Thiên, lại luân hồi xuống tái sanh làm nhân loại, là vị Hoàng tử trong thành Bārāṇasī). Khi phụ vương băng hà, vị Hoàng tử nối nghiệp Vua cha, vị tân vương này định chiếm đoạt một thành của Vua khác, bèn dẫn binh đến vây thành và gửi tối hậu thư cho dân trong thành: "Hãy dừng biếu đầu hàng hoặc là giao chiến". Dân trong thành gửi thư phúc đáp: "Chúng ta không đầu hàng mà cũng không giao chiến!". Rồi họ theo lối cửa nhỏ mà ra ngoài thành kiếm củi hoặc là làm công gia việc nọ.

Tân vương đóng quân vây chặt bốn cửa thành lớn trọn bảy năm bảy tháng, bảy ngày. Khi ấy, bà Thái hậu hỏi: "Này vương nhi con làm việc chi vậy?".

- Tàu mẫu hậu, việc như vậy... như vậy...

Nghe rõ câu chuyện, bà Thái Hậu nói: "Vương nhi trẻ người non dạ, hãy ra lệnh cho binh sĩ đóng hết cửa nhỏ, cắt đứt mọi đường lối giao thông thì thành mới bị cô lập".

Tân vương vâng lời Thái hậu, đóng kín luôn các cửa nhỏ, dân thành không có lối ra ngoài được, đến ngày thứ bảy nổi loạn, hành thích Vua mình rồi dâng biểu đầu hàng.

Vì tạo nghiệp nầy nên sau khi mãn tuổi thọ, đức Vua bị đọa xuống A tỳ Địa ngục (Avīci) bị thiêu đốt trong đó khoảng thời gian mặt đất cao lên thêm một do tuần, do tội đã đóng kín bốn cửa thành nhỏ. Từ Địa ngục chết đi, lại đầu thai vào lòng bà mẹ cũ, ở trong bụng mẹ bảy năm, bảy tháng lễ bảy ngày và nằm ngang sản môn mẹ thêm bảy ngày nữa.

- Nầy các Tỳ khuru, vì tiền kiếp Sivali đã tạo nghiệp ác là cho vây bốn cửa thành lớn, lại cho đóng chặt bốn cửa thành nhỏ, cho nên bị thiêu đốt trong Địa ngục như thế. Khi đầu thai vào bụng mẹ lại ở đó bảy năm, bảy tháng và bảy ngày. Nhưng nhờ thiện nghiệp là cúng dường mật tươi mà được hưởng quả phú túc vinh quang cùng tột.

Qua ngày sau, Chư Tăng lại câu hội để khởi lên câu chuyện nầy: "Ôi phước lộc của ông Sa di thật lạ, phi thường! Một mình ông mà ông đã kiến tạo năm trăm cái nóc nhọn cho năm trăm vị Tỳ khuru".

Đức Bốn Sư đến hỏi: "Nầy các Tỳ khuru, hôm nay các thầy họp nhau thảo luận việc chi thế?".

- Bạch Ngài, việc như vậy... như vậy.

Nghe vậy, Đức Bốn Sư giải rằng:

- Nầy các Tỳ khuru, đối với con trai Ta không có phước cũng chẳng có tội chi cả, vì đã dứt bỏ cả hai nghiệp thiện và bất thiện rồi".

Nói xong Ngài ngâm lên bài kệ nầy đã được ghi lại trong phẩm Bà la môn:

"Yo'dha puññañ ca pāpañ ca

Ubho saṅgaṃ upaccagā

Asamaṃ virajaṃ suddhaṃ

Tam ahaṃ brūmi brahmaṇaṃ".

(Ở đây, người đã vượt khỏi cả hai điều thiện và ác, và các ràng buộc, người không ưu phiền, không ô nhiễm và thanh tịnh, người ấy Như Lai gọi là Bà la môn). (Phạm Kim Khánh dịch).

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Ai ngờ cậu bé Revata,
Đắc quả sau vài tháng xuất gia,
Nhập hạ trong rừng Keo hẻo lánh,
Phật thăm, không quản ngại đường xa.
La Hán an cư ở chỗ nào,
Dù là thung lũng hoặc đồi cao,
Xóm làng, đồi núi đều ngoạ mục,
Thánh cảnh, trời người thấy ước ao.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO REVATA Ở RỪNG KEO

VII. 10- CHUYỆN PHỤ NỮ GHEO THIÊN SU (Aññatara-itthivatthu)

KÊ NGÔN: (Pháp Cú số 99)

"Ramaṇiyāni araññāni

yattha na ramatī jano

Vitarāgā ramissanti

"Khả ái thay núi rừng,

Chỗ người phàm không ưa,

Vị ly tham ưa thích,

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), đề cập đến một phụ nữ nọ.

Trương truyền rằng: Có vị Tỳ khưu hạnh Đầu Đà đi khát thực, sau khi thọ giáo đề mục Chỉ Quán nơi Đức Bổn Sư, bèn vào một vườn bách thảo đã bỏ phế, thực hành Sa môn pháp.

Khi ấy có một phụ nữ là gái kỹ nữ nơi thành, đã hẹn hò với tình nhân: "Tôi sẽ đến nơi ấy, nơi ấy... Anh hãy đến nơi đó mà gặp tôi". Nhưng khi phụ nữ ấy đến chỗ hẹn thì gã nhân tình lại không đến, cô nàng thất vọng đi tới đi lui, rồi đi vào vườn bách thảo, nàng trông thấy vị Trưởng lão đang ngồi kiết già. Cô ả nhìn quanh nhìn quất không thấy ai khác cả, tự nói thầm rằng: "Đây cũng là một thanh niên, ta sẽ giải tỏa tâm chàng này". Thế rồi cô ta đứng ngay trước mặt Trưởng lão, cởi áo choàng ngoài ra rồi mặc lại, nhiều lần như vậy, còn không thì xả tóc ra, bới tóc lại hoặc vỗ tay cười trêu ghẹo.

Trưởng lão sanh tâm kinh cảm, toàn thân đều rớn óc, tự nghĩ: "Cái chi đây vậy?". Ngay lúc ấy, Đức Bổn Sư dùng Phật nhãn quán xét: "Thấy Tỳ khưu đã đến xin đề mục Chỉ Quán của Ta để hành Sa môn pháp, hiện giờ tiến hóa ra sao?".

Ngài thấy được nàng kỹ nữ đang lơ đãng quyến rũ vị Tỳ khưu, và biết được sự phát tâm kinh cảm của vị Trưởng lão, Ngài vẫn ngồi yên trong hương thất, nói với Trưởng lão rằng: "Nầy Tỳ khưu, chỗ ở không khả ái với những người đi tìm dục lạc như vậy, chính là chỗ ở khả ái của những người xa lánh tình dục (Rāga)". Rồi Đức Bổn Sư phóng hào quang soi sáng đến Trưởng lão, đồng thời Ngài thuyết pháp rồi ngâm kệ rằng:

"*Ramaṇīyāni araṇṇāni*

Yattha na ramatī jano

Vitarāgā ramissanti

Na te kāmāgavesino"

"*Lâm tuyền hẻo lánh xa xôi,*

Cảnh La Hán thích, người đời chẳng ưa.

Dục lạc cảnh La Hán chừa,

Mặc cho kẻ thế thích ưa, tâm cầu."

CHÚ GIẢI:

Araṇṇāni: những cánh rừng đáng gọi là khả ái, là những khu rừng non có cây trồng từng khóm, trổ đầy hoa đủ màu sắc, cảnh trí tuyệt đẹp lại có đủ nước trong mát bốn mùa.

Yatthā ti: trong những khu rừng nói trên, theo nghĩa rộng như rừng sen (Padumavana) thì giống ruồi ở làng xóm là con người đi tìm dục lạc không ưa thích.

Vitarāgā: các bậc Lậu tận đã xa lánh tình dục, vui thích với cảnh núi rừng, giống như những con ong mật ưa thích cảnh rừng sen trên đây vậy. Tại sao?

Na te kāmāgavesino: tại vì các bậc ấy không phải là những người đi tìm dục lạc.

Cuối thời Pháp, vị Trưởng lão chứng đạt A La Hán quả với Tuệ Phân tích ngay tại chỗ ngồi, rồi bay bổng lên hư không ca ngợi ân đức của Đức Như Lai và đáp xuống đánh lễ dưới chân Ngài rồi ra đi.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Vườn cây cổ thụ ít người qua,

Hành giả ngồi thiền, bắt Kiết già.

Cô ả đời mè, lâu chẳng thấy,

Cột trêu Trưởng lão hạnh Đầu Đà!

Phật biết nhà Sư phát cảm kinh,

Phóng hào quang chói sáng rừng xanh,

Dạy rằng: Dục lạc, đời ưa thích,

La Hán không theo lối thế tình.

DÚT TÍCH PHỤ NỮ GHEO THIÊN SƯ
DÚT PHẨM A LA HÂN

VIII. PHẨM NGÀN

(SAHASSAVAGGA)

- 16 bài kệ: Pháp Cú số 100-115

- 14 Chuyện.

VIII. 1- CHUYỆN ĐAO PHỦ THỦ NANH ĐỒNG

(Tambadāṭhikacoraghātakavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 100)

<i>Sahassamapi ce vācā</i>	"Dầu nói ngàn ngàn lời,
<i>anattapadasaṅṅhitā⁽⁴⁾</i>	Nhưng không gì lợi ích,
<i>Ekam atthapadam seyyo</i>	Tốt hơn một câu nghĩa,
<i>yam sutvā upasammati.</i>	Nghe xong, được tịnh lạc".

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur đã thuyết, khi Ngài ngự tại Lâm, đề cập đến đao phủ thủ (Coraghātakam) tên Nanh Đồng (Tambadāṭhika).

Tương truyền rằng: Có bốn trăm chín mươi chín tên cướp, chuyên môn làm việc phi Pháp nhất là cướp phá xóm làng mà nuôi mạng sống.

Khi ấy có một thanh niên tráng kiện không bị việc chi ràng buộc, tên là Nanh Đồng (Tambadāṭhika) đi đến gặp bọn cướp và nói: "Tôi cũng muốn chung sống với mấy anh". Bọn cướp đưa thanh niên vào thưa với đảng trưởng: "Chú này ngỏ ý muốn sống chung với bọn ta".

Chúa đảng cướp nhìn xem tướng thanh niên, nghĩ thầm: "Thằng này tướng ác ôn lắm, nó có thể chặt vú mẹ hoặc là cắt cổ cha mà ăn thịt, uống máu". Chúa đảng nói: "Chúng ta không cần hẳn sống chung với chúng ta làm chi cả". Mặc dù bị chúa đảng không chấp nhận cho vào đảng, gã thanh niên cũng cứ đến hầu hạ, phục dịch lấy lòng tên phó đảng. Tên này lại dắt anh ta vào tiến cử với đảng trưởng: "Xin chúa công chấp thuận cho tên này vào làm người giúp việc cho chúng ta!". Vì có lời yêu cầu của phó đảng, đảng trưởng chấp thuận cho thanh niên vào đảng.

Thế rồi, một ngày nọ, dân chúng trong thành hợp lực với binh đội của đức Vua, bắt hết bọn cướp này, đưa ra tòa án để luận tội. Quan tòa đã lên án tử hình cả bọn, ra lệnh cho đao phủ thủ chặt đầu bọn cướp. Nhưng khi hỏi: "Ai chịu giết những tên phạm nhân này?", thì không một ai chịu lãnh mạng giết chết bọn chúng cả. Sau cùng dân chúng bảo tên đầu đảng: "Nếu nhà ngươi chịu giết chết những tên đồng bọn, thì nhà ngươi sẽ được tha cho toàn mạng sống. Hãy giết chết bọn chúng cho tử tế đi".

Tên đầu đảng không chịu giết đồng đảng, để mình được sống còn. Dân thành cứ thế mà hỏi hết cả bốn trăm chín mươi chín tên cướp, sau cùng người ta hỏi đến Nanh Đồng, thì hẳn ta nhận lời: "Được thôi!". Sau khi giết cả bọn cướp, Nanh Đồng được tha bổng và được tôn trọng quyền sống như một người dân lương thiện.

Về sau, dân thành hợp lực cùng quân đội đức Vua, bắt được năm trăm tên cướp nhiễu loạn ở hướng Nam kinh thành, đưa đến quan xử, bọn cướp bị lên án tử hình như trước, dân thành cũng bắt đầu hỏi tên thủ lĩnh, đến tên đồng đảng cuối cùng, cũng không tên nào chịu giết đồng bọn mình cả. Dân thành nhắc lại: "Lúc trước có người giết hết năm trăm tên cướp, bây giờ người đó ở đâu?". Có người đáp: "Anh ta đang ở xứ ấy, ta đến thì sẽ gặp thôi".

Nghe vậy, quan Chánh án ký trát cho mời Nanh Đồng đến và mọi người đồng yêu cầu: "Hãy giết chết những tên cướp này thì anh sẽ được ban thưởng".

⁴ Anattapadasaṅṅhitā (theo bản Pāli của CSCD/ Dhammagiri, India)

Nanh Đồng nhận lời: "Lành thay" và anh ta giết hết bọn cướp, được dân thành hoan hô nhiệt liệt. Tiếp theo đó dân thành quyết nghị: "Thanh niên này có biệt tài chặt đầu kẻ cướp như vậy, chúng ta hãy để cử anh ta lên giữ chức đao phủ thủ thường trực".

Nanh Đồng được mời đến công sở, được ủy nhiệm chức đao phủ thủ và được dân thành tôn trọng.

Tiếp theo đó, năm trăm tên cướp ở hướng Tây, rồi năm trăm tên cướp ở hướng Bắc bị bắt và bị xử tử, đều giao cho một tay Nanh Đồng hành quyết cả. Đao phủ thủ đã giết tất cả là hai ngàn tên cướp từ bốn hướng giải về như thế.

Từ đó về sau, mỗi ngày Nanh Đồng lai rai chặt đầu một vài người đã bị kết án tử hình và chàng ta hành nghề đao phủ thủ suốt năm mươi lăm năm. Đến khi già yếu, Nanh Đồng không thể chém một nhát đứt lia đầu người như trước, có khi phải chém đến ba nhát khiến tội nhân vô cùng đau đớn.

Dân thành nghĩ rằng: "Chắc ta phải tìm một đao phủ thủ khác, chớ ông này già yếu rồi, làm đau khổ tội nhân thái quá. Chúng ta còn lưu giữ ông ta lại làm gì?". Thế là, người ta cách chức Nanh Đồng.

Lúc trước, khi đang còn làm nghề đao phủ thủ, ông ta không hề được hưởng bốn điều này: một là mặc y phục mới, hai là ăn cháo sữa nấu với bơ trong mới, ba là trang sức bằng những vòng hoa lài và bốn là thoa xức dầu thơm.

Ngày bị ngưng chức, Nanh Đồng dặn người nhà: "Hãy nấu cháo sữa cho ta ăn", rồi ông bảo đem y phục mới, trang điểm với vòng hoa lài, mang dầu thơm ra sông tắm rửa. Tắm xong, Nanh Đồng mặc y phục mới, trang điểm vòng hoa lài, thoa dầu thơm khắp mình rồi về ngôi ở nhà. Lúc bấy giờ người nhà đem đến để trước mặt ông cháo sữa nấu với bơ trong mới cùng với nước rửa tay. Ngay trong sát na ấy, Trưởng lão Sāriputta vừa xuất khỏi Thiền Diệt (Samāpatti), quán xem hôm nay mình phải đi khất thực nơi nào? Thấy món cháo sữa của Nanh Đồng, Trưởng lão tự hỏi: "Người này sẽ hộ độ cho ta hay không?". Trưởng lão quán thấy: "Sau khi thấy ta, Nanh Đồng sẽ cúng dường cháo sữa đến ta và y sẽ được phước báu lớn". Hiểu rõ như thế rồi, Trưởng lão đắp y mang bát đến đứng ngay trước cửa nhà của Nanh Đồng để cho gia chủ thấy.

Nanh Đồng trông thấy Trưởng lão liền phát tâm tịnh tín, nghĩ thầm: "Ta hành nghề đao phủ thủ đã lâu năm, chém giết rất nhiều người rồi, hôm nay trong nhà ta có sẵn cháo sữa và trước cửa nhà ta có vị Trưởng lão đứng chờ, bây giờ ta phải cúng dường cho Trưởng lão mới được".

Nanh Đồng bèn dọn món cháo sữa qua một bên, ra đánh lễ thỉnh Trưởng lão vào ngôi trong nhà, rót cháo sữa vào bát, rưới thêm bơ trong mới, rồi đứng hầu quạt Trưởng lão. Vì đã lâu không dùng món cháo sữa, Nanh Đồng cảm thấy thèm ăn dữ lắm. Trưởng lão biết tâm trạng của ông ta, bèn bảo: "Này gia chủ, ông hãy độ phần cháo của ông đi".

Nanh Đồng liền trao quạt qua tay người khác, rồi đi dùng món cháo sữa của mình.

Trưởng lão lại bảo người quạt hầu rằng: "Hãy đi quạt hầu gia chủ ấy đi".

Được quạt hầu, Nanh Đồng độ cháo đầy bụng rồi, lại đứng hầu quạt Trưởng lão. Chờ Trưởng lão độ xong cháo, thỉnh lấy bát đem đi rửa.

Trưởng lão tụng kinh phúc chúc cho thí chủ, nhưng thí chủ không thể đưa tâm mình theo dõi lời Pháp của Trưởng lão thuyết. Trưởng lão suy nghĩ rồi hỏi: "Này gia chủ, tại sao ông không thể đưa tâm an tịnh để theo dõi Pháp thoại được như vậy?".

- Bạch Ngài, vì tôi hành nghề thô bạo đã lâu năm, giết chết rất nhiều người, tôi mãi nhớ đến hành vi ấy của mình, nên không thể đưa tâm theo dõi lời Pháp của Trưởng lão thuyết.

Trưởng lão tự nghĩ "Ta phải gạt ông này". (Vañcessāminanti) rồi hỏi rằng: "Ông có tự ý mình vui thích làm việc ấy, hay là bị người khác sai bảo ông làm?".

- Bạch Ngài, đức Vua ra lệnh cho tôi làm.

- Vậy thì, này Thiện nam, ông có làm chi bất thiện đâu?

Gia chủ Nanh Đồng vốn tư chất đần độn, nghe Trưởng lão nói như vậy, tự cho là mình chẳng có điều chi bất thiện cả, nên mừng rỡ nói: "Nếu vậy, xin Ngài hãy thuyết pháp".

Trong khi Trưởng lão tụng kinh phúc chúc thì Nanh Đồng định được nhất tâm, nghe Pháp đặc Tu Đà Hườn đạo, rồi tiếp theo đó phát sanh tâm nhẫn nại.

Sau khi chúc phúc xong, Trưởng lão ra đi, ông Nanh Đồng tiến chân Trưởng lão một khoảng đường, rồi quay trở về. Một nữ Dạ xoa nhập vào một con bò cái, chạy đến húc vào ngực Nanh Đồng khiến ông ta ngã xuống chết ngay. Sau khi chết, ông được tái sanh về cung trời Đâu Suất.

Các Tỳ khuru, câu hội cùng nhau tại giảng đường để khởi câu chuyện nầy: "Ông đạo phủ thủ đã hành nghề thô bạo trong năm mươi lăm năm, mới nghỉ việc hôm nay để bát cho Trưởng lão Sāriputta rồi chết ngay, không biết tái sanh về đâu?".

Đức Bốn Sư ngự đến hỏi: "Nầy các Tỳ khuru! Hôm nay các thầy bàn luận về vấn đề gì?".

- Bạch Ngài, về việc như vậy...

Nghe vậy, Đức Bốn Sư dạy: "Nầy các Tỳ khuru, ông ta đã sanh lên cõi Đâu Suất Đà Thiên".

- Bạch Ngài nói sao? Có phải sau khi giết chết bấy nhiêu nhân mạng, trong bấy nhiêu lâu, ông ta được sanh lên cung trời Đâu Suất chăng?

- Phải đó, nầy các Tỳ khuru, may nhờ gặp được một bạn Hiền trí vĩ đại, ông ta nghe Pháp của Đức Sāriputta nên đã hồi tâm, đắc được Pháp nhẫn. Sau khi lìa đời được sanh lên Đâu Suất Đà Thiên.

Nói rồi, Đức Bốn Sư ngâm kệ rằng:

"Subhāsitaṃ suṇitvāna

Nagare coraghātako

Anulomakhantiṃ laddhāna

Modati tivivaṅgatoti".

Sau khi được nghe lời kinh khéo giảng, ông đạo phủ thủ trong thành phố, chúng được Pháp nhẫn hợp thời, hoan hỷ mà đi về Thiên giới.

- Bạch Ngài, kinh phúc chúc không đủ mãnh lực, đối với tổng số lớn lao các nghiệp bất thiện của ông ta. Tại sao chỉ có bấy nhiêu đó mà ông hồi tâm giác ngộ được Chánh Pháp?

Đức Bốn Sư giải thích:

- Nầy các Tỳ khuru, Pháp của Ta thuyết dẫu ít hay nhiều, chớ có so bì số lượng. Quả thật vậy, chẳng thà chỉ nói một lời mà là lời hữu ích, còn hơn là ngàn câu, ngàn lời mà vô ích.

Rồi Đức Bốn Sư thuyết pháp tóm tắt và ngâm kệ rằng:

"Sahassamapi ce vācā

Anatthapadasaṅhitā

Ekam gāthāpadam seyyo

Yam sutvā upasammati".

"Dẫu cho nói đến ngàn câu,

Toàn lời vô nghĩa thì đâu ích gì?

Thà lời chí lý, thích nghi,

Một câu nghe cũng đoạn ly khổ sầu".

CHÚ GIẢI:

Sahassamapi: dẫu cả ngàn lời nói ra, nếu tính số nhiều từ một ngàn đến hai ngàn lời nói như vậy, mà toàn là lời nói vô ích, chẳng hạn như lời nói giải về vũ trụ, về núi non, về rừng rú... Những câu nói vô ích vì không phải là những câu nói là đước soi đường đi Níp Bàn, thì dẫu có nói nhiều bao nhiêu cũng chỉ dẫn đến nơi tội ác.

Ekam atthapadam: một lời nói hữu ích, như câu: "Người có thân, niệm thân trước thì đắc Tam Minh, là đã làm xong lời dạy của chư Phật". Khi được nghe một câu hữu ích rồi, thính giả làm cho lắng dịu các Pháp bất thiện nhất là tình dục, bằng chứng của sự hữu ích ấy là làm cho các Pháp sáng tỏ các pháp liên hệ với Níp Bàn như Ngũ Uẩn (Khandha), Tứ Đại (Dhātu), Thập nhị Xứ (āyatana), Ngũ Quyền (Indriya), Ngũ Lực (Bala), Thất Giác chi (Bojjhanga), Tứ Niệm Xứ (Satipatthāna). Thà chỉ một lời nói như thế, nghe xong cũng được an vui.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Làm nghề chém cổ cướp nhiều năm,
Kẻ ác còn dư chút Thiện tâm,
Thấy Pháp Chủ vừa ra Đại định,
Cúng dường cháo sữa một phần mâm.
Nhờ duyên Bố thí đủ đầy chi,
Sơ Quả chứng liền, dứt ngại nghi,
Đâu Suất được về an hưởng phúc,
Mặc cho bò húc rã thây thi...*

DỨT TÍCH ĐAO PHỦ THỦ NANH ĐỒNG

VIII. 2- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO BĀHIYA MẶC Y VỎ CÂY (Bāhiyadārucīriyattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 101)

Sahassamapi ce gāthā

"Dầu nói ngàn câu kệ,

anattapadasaṅhitā⁵⁾

Nhung không gì lợi ích,

Ekam gāthāpadam seyyo

Tốt hơn nói một câu,

yam sutvā upasammati.

Nghe xong, được tịnh lạc".

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), để cập đến Trưởng lão Ba Hí Dá Mặc Y Vỏ Cây (Bāhiyadārucīriya).

Một thời nọ, có nhiều người ngồi thuyền vượt ra biển khơi, đến giữa đại dương, thuyền bị sóng đánh vỡ, tất cả đều chết chìm, làm mồi cho tôm cá và rùa. Nhưng còn một người sống sót nhờ vó được tấm ván, rán sức lội mãi, thời may tấp vào một bãi cát tại cảng tên là Xúp Pa Rá Ká (Suppāraka). Lúc bấy giờ, nạn nhân không còn quần áo chi cả, không tìm thấy được thứ chi khác, anh bèn lấy cành cây khô, tước vỏ soăn lại làm chỉ đan thành y phục để mặc đỡ che thân cho khỏi bị lửa lỏ, rồi lượm cái bát của Chư Thiên (Vỏ sò) đi vào hải cảng Xúp Pa Rá Ká để khát thực.

Dân chúng thấy người hành khát này, cho là vị A La Hán nên tôn trọng, cúng dường cháo cơm đầy đủ. Khi có người tặng anh y phục bằng vải thì anh ta từ chối, chỉ đắp bằng thứ y phục vỏ cây mà thôi, vì nghĩ rằng: Nếu ta mặc y phục vải này, ta sẽ bị giảm bớt sự tôn trọng cúng dường của dân chúng đi chăng.

Khi ấy, có vị Chư Thiên trong tiền kiếp đã từng kết nghĩa bạn bè với vị khát sĩ mặc y vỏ cây này. Nay thấy bạn cũ thì nghĩ rằng: "Khi bạn ta được nghe người tôn xưng là A La Hán, y đã khởi lên Tà kiến rằng: "Người ta nói có nhiều vị A La Hán, nếu như trên đời này có người nào đắc A La Hán hoặc là chúng A La Hán đạo, thì ta là một trong những vị A La Hán đó", nên ta nhắc nhở bạn ta".

Câu chuyện kết nghĩa trong tiền kiếp để hành Sa môn Pháp đã diễn tiến như vậy:

Theo truyền thuyết thuở xưa, trong thời mà Giáo Pháp của Đức Thập lực Kassapa (Kassapa) đã nhạt, có bảy vị Tỳ khưu trông thấy việc làm phi Pháp của chư Tỳ khưu, nhất là các vị Sa di thì phát sanh tâm kinh cảm, đồng phát nguyện đem hết sức của mình hành đạo để duy trì Giáo Pháp không cho tiêu hoại. Sau khi đánh lễ Bảo tháp vàng thờ Xá lợi của Đức Phật, bảy vị ấy vào rừng trông thấy một ngọn núi cao, bèn rủ nhau: "Ta hãy là người vô dục (Niralayā), chối bỏ tất cả sự luyến tiếc mạng sống. Ta hãy trèo lên núi này hành đạo".

Nói rồi, bảy vị Tỳ khưu kiếm cây buộc làm cái thang trèo lên đỉnh núi, rồi xô bật cái thang ra, nguyện ở lại nơi đó hành Sa môn pháp. Trong bảy vị, vị Trưởng lão cao hạ nhất chỉ qua một đêm đã đắc quả A La Hán. Ngài bay đến hồ Thiên lãnh (Anottatta) ở Hy Mã Lạp Sơn, rửa mặt, súc miệng xong, bay qua xứ Bắc Câu Lưu Châu khát thực mang về, gọi chư Tỳ khưu bạn: "Này các đạo hữu, hãy

⁵ Anattapadasaṅhitā (theo bản Pāli của CSCD/Dhammagiri, India).

lấy dây trầu (māgalatā) nẩy đánh răng, súc miệng, rửa mặt đi, rồi độ những vật thực nẩy". Chư Tăng không muốn độ, hỏi rằng:

- Bạch Ngài, sao Ngài lại bảo vậy. Chúng ta có giao ước với nhau: "Vị nào đặc quả A La Hán đầu tiên, thì phần cơm bát đầu tiên của vị ấy, các vị kia sẽ thọ thực hay không?".

- Không có như vậy đâu, này các đạo hữu.

- Như vậy thì, nếu chúng tôi giác ngộ Níp Bàn, chúng tôi sẽ tự mình đi bát về mà độ.

Qua ngày thứ hai, vị Trưởng lão thứ hai đặc quả A Na Hàm, Ngài cũng bay đi khát thực, mang bát vật thực về mời các bạn kia như vị trước, các Tỳ khưu ấy không chịu độ, đáp rằng:

- Bạch Ngài, sao Ngài bảo vậy? Chúng ta có giao ước hẹn với nhau: "Phần cơm của vị Đại Trưởng lão mang về không được độ, chúng ta sẽ độ phần cơm của Ngài Trưởng lão thứ hai chăng?".

- Không có như vậy, này chư hiền hữu.

- Như vậy, chúng tôi phải rán hành đạo cho giác ngộ như Ngài rồi mỗi người sẽ độ phần cơm của mình tự lực kiếm được mà thôi.

Sau đó, vị đặc A La Hán thì diệt độ, vị A Na Hàm tái sanh về Phạm Thiên giới, còn năm vị kia không đặc chứng Níp Bàn, bị đói kiệt quệ như cánh hoa tàn, đến ngày thứ bảy thì chết và sanh lên Thiên giới.

Trong thời Đức Phật hiện tại giáng sanh, năm vị Thiên nhân tái sanh vào năm gia tộc có danh giá: một vị là Đức Vua Púk Kú Sa Tí (Pukkusati), một vị là Công tử Kassapa Đồng Tử (Kumārakassapa), một vị là Khất sĩ Ba Hí Dá Mặc Y Vỏ Cây (Bāhiyadārucīriya) một vị là Công tử Đáp Bá Man Lá Pút Tá (Dabba-Mallaputta) và một vị nữa là Du sĩ Xá Bhí Dá (Sabhiya). Còn vị Phạm Thiên A Na Hàm, chính là thiên nhân đang muốn trợ giúp cho Ba Hí Dá Mặc Y Vỏ Cây.

Vị Phạm Thiên nẩy suy nghĩ: "Vị nầy cùng với ta trong tiền kiếp đã từng cột thang, bắc trèo lên núi hành Sa môn Pháp. Bây giờ lại chấp giữ tà thuyết (Laddhi) nầy, sợ e lâu ngày sẽ hư hỏng. Ta phải nhắc nhở bạn ta kinh cảm mới được".

Thế rồi, vị Phạm Thiên đến gần vị khất sĩ bảo rằng:

- Nầy ngoại đạo Ba Hí Dá, ông chưa đặc Quả A La Hán, mà cũng chưa đặc Đạo A La Hán nữa, ông không có hành đạo (Paṭipadā) thì bao giờ mới đặc Quả hoặc là đặc Đạo A La Hán được chớ?

Du sĩ Ba Hí Dá nhìn lên thấy vị Đại Phạm Thiên đứng giữa hư không mà nói chuyện với mình thì tự nghĩ: "Chao ôi! Nặng thay nghiệp mà ta đã tạo! Ta đã tự phụ cho mình là vị A La Hán nay ông nầy nói với ta: Ông chưa đặc Đạo quả A La Hán. Vậy trong thế gian nầy có vị Sa môn nào ở rừng là vị A La Hán chăng?". Vị khất sĩ bèn hỏi Đại Phạm Thiên: "Hiện nay trên Thiên giới hoặc ở cõi nhân gian này, có những vị nào đặc Quả A La Hán hoặc là đặc Đạo A La Hán không?"

Vị Phạm Thiên chỉ dạy rằng:

- Nầy Ba Hí Dá, trong quốc độ miền Bắc có thành Sāvattthī, là nơi Đức Thế Tôn đang ngự. Ngài là bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác. Nầy Ba Hí Dá chẳng những Ngài là bậc Thế Tôn đã đặc A La Hán, mà Ngài còn thuyết pháp dạy đệ tử đặc A La Hán nữa.

Ngoại đạo Ba Hí Dá đang đêm, nghe được lời mách bảo của vị Thiên nhân bạn cũ, thì phát tâm kinh cảm (Samviggamānaso), liền lập tức rời bỏ hải cảng Xúp Pa Rá Ka, đi suốt đêm đến thành Sāvattthī, theo người ta nói: Sở dĩ trong khoảng đường xa một trăm hai mươi do tuần mà Ba Hí Dá vượt qua chỉ trong một đêm như thế là nhờ oai lực của vị Chư Thiên và của Đức Phật. Khi Ba Hí Dá vừa đến nơi thì Đức Bốn Sư đã vào thành Sāvattthī khát thực, gặp nhiều vị Tỳ khưu đang đi kinh hành ở ngoài sân trống để cơ thể hết đã dượt sau buổi điếm tâm, ông bèn hỏi: "Đức Tôn Sư bây giờ ở đâu?".

Chư Tăng đáp: "Ngài đã ngự vào thành Sāvattthī để khát thực rồi". Chư Tăng hỏi lại: "Còn Thầy từ đâu đến đây?".

- Tôi từ hải cảng Xúp Pa Rá Ka đến.

- Thầy đi từ bao giờ?

- Tôi khởi hành từ tối hôm qua.

- Thấy từ xa đến, hãy ngồi xuống rửa chân thoa dầu đã, hãy nghỉ khỏe một chút, khi nào Đức Bổn Sư trở về rồi sẽ đến yết kiến Ngài.

- Bạch các Ngài, tôi không biết có chi tai hại xảy ra cho mạng sống của Đức Bổn Sư hoặc của tôi hay không, cho nên trọn cả một đêm, tôi không vì lẽ gì mà đứng lại hoặc ngồi xuống, trừ ra khi tôi đã vượt cả lộ trình một trăm hai mươi do tuần để được gặp mặt Đức Thế Tôn rồi, tôi mới nghỉ ngơi.

Nói như thế rồi, Ba Hí Dá vội vàng đi luôn vào thành Sāvattihī. Trông thấy Đức Bổn Sư đang ngự đi trì bình với tướng hảo quang minh vô tỷ của một vị Chánh Đẳng Giác. Ông nói thầm: "Quả thật, đã lâu lắm rồi, bây giờ ta mới được gặp Đức Chánh Biến Tri Cổ Đàm! "

Từ chỗ trông thấy Đức Bổn Sư, Ba Hí Dá cúi rạp người xuống giữa đường, gieo cả năm vốc xuống đất đánh lễ Ngài, nắm chặt hai mắt cá chân Ngài và nói:

- Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài thuyết pháp cho con nghe. Bạch Đức Thiện Thệ, xin Ngài hãy thuyết pháp nào làm cho con được tấn hóa, được an vui lâu dài.

Khi ấy, Đức Bổn Sư từ khước, đáp rằng: "Này Ba Hí Dá, bây giờ không phải thời, trong khi Ta đang đi bát giữa đường".

Nghe vậy, Ba Hí Dá van nài:

- Bạch Ngài, trong vòng luân hồi chuyển kiếp, hạng người đi khát thực không định trước được bát cơm của thí chủ, con không thể biết trước được sự tai hại sắp xảy đến cho mạng sống của Ngài hay mạng sống của con. Bởi vậy, con xin Ngài thuyết pháp cho con nghe.

Lần thứ hai, Đức Bổn Sư lại từ chối, có lời rằng: Đức Bổn Sư nghĩ: "Ba Hí Dá này từ khi thấy Ta, khắp cả châu thân tràn đầy hỷ lạc, tâm đang bị hỷ lạc mãnh liệt chi phối, dầu có nghe Pháp cũng không thể lãnh hội. Hãy chờ lúc tâm thầy trở lại trạng thái quân bình là Xả. Vả lại, chỉ trong một đêm mà thầy vượt qua đoạn đường xa một trăm hai mươi do tuần đến tận nơi này, tâm còn bút rút. Ta phải để cho thầy ổn định đã".

Do lẽ đó, Đức Bổn Sư từ chối hai lần.

Ba Hí Dá khẩn cầu đến lần thứ ba, mặc dầu đang đứng giữa đường, Đức Bổn Sư thấy đã đến thời, nên Ngài thuyết pháp dạy rằng:

- Này Ba Hí Dá! Ông nên học tập như vậy ba lần:

"Ditṭhe ditṭhamattam bhavissati

Sute sutamattam bhavissati

Mute mutamattam bhavissati

Viññāṇe viññātamattam bhavissati".

Trong Kiến, Văn, Giác, Tri,

Chỉ có Kiến, Văn, Giác, Tri mà thôi.

Được nghe Đức Bổn Sư thuyết pháp này, Ba Hí Dá đương nhiên dứt hết Lậu hoặc, đắc quả A La Hán với Tuệ Phân tích, liền ngỏ lời với Đức Thế Tôn cho mình được xuất gia. Ngài hỏi:

- Ông đã có đủ cả y bát chưa?

- Bạch Ngài, con chưa có đủ.

- Vậy thì, ông hãy lo cụ bị cho đủ y bát đi.

Nói rồi, Ngài đi luôn.

Theo truyền thuyết, thời quá khứ Ba Hí Dá đã từng hành Sa môn Pháp đến hai muôn ngàn năm, giữ đúng hạnh Tỳ khưu và chỉ thọ dụng tứ vật dụng tự mình tìm được, chớ không dòm ngó đến của vị khác, ông không hề tiếp độ y hoặc bát cho một vị Tỳ khưu nào cả. Do biết rằng: Y bát do Thần thông lực phát sanh không có đến Ba Hí Dá nên Đức Bổn Sư đã không cho ông xuất gia: Thiện lai Tỳ khưu (Ehi Bhikkhu). Trong khi ông đang đi tìm y bát để chuẩn bị xuất gia thì một nữ Dạ xoa dưới hình thể một con bò chạy đến húc vào hông bên trái và chấm dứt mạng sống của ông.

Đức Bổn Sư ngự vào thành khát thực, thọ thực xong rồi, cùng nhiều Tỳ khưu trở ra ngoài thành, thấy xác Ba Hí Dá nằm trên một nơi đầy rác rến. Ngài gọi các Tỳ khưu và bảo rằng:

- Nầy các Tỳ khuru, hãy đến đứng trước cửa một nhà Thiện tín, kêu họ mang giường nhỏ, chõ xác nầy ra ngoài thành hỏa táng, thiêu xong hãy lập Thánh tháp thờ Xá lợi.

Các Tỳ khuru làm đúng theo lời của Đức Bổn Sư dạy, rồi trở về chùa báo cho Ngài biết là công việc mình đã làm xong. Kế đó, Chư Tăng hỏi về hậu lai của Ba Hí Dá:

Sau khi chỉ dạy cho Chư Tăng biết rằng Ba Hí Dá đã Vô Dư Níp Bàn. Đức Bổn Sư nói tiếp:

- Nầy các Tỳ khuru! Các Tỳ khuru Thịnh Văn của Ta giác ngộ mau lẹ quả vị tối cao nào, thì ngoại đạo Ba Hí Dá mặc y vỏ cây nầy cũng đạt đến quả vị tối cao đó.

Chư Tăng ngạc nhiên hỏi:

- Bạch Ngài, Ngài nói ngoại đạo Ba Hí Dá Mặc Y Vỏ cây đực quả A La Hán. Ông ta đực quả A La Hán hồi nào?

- Nầy chư Tỳ khuru, khi nghe Ta thuyết pháp.

- Bạch Ngài, Ngài có thuyết pháp lúc nào đâu?

- Trong khi trì bình, lúc Ta đã dừng chân lại giữa đường đó!

- Bạch Ngài, khi đứng giữa đường, Ngài thuyết pháp ít quá mà! Làm sao chỉ nghe có bấy nhiêu đó mà ông ấy giác ngộ Níp Bàn?

Khi ấy, Đức Bổn Sư giải thích rằng:

- Nầy các Tỳ khuru! Pháp của Như Lai thuyết dẫu ít hoặc nhiều, chớ có tính bằng số lượng. Quả vậy, dẫu cho có thuyết hàng ngàn câu kệ vô ích thì cũng chẳng làm gì! Thà là chỉ thuyết một câu kệ hữu ích còn quý hơn.

Đức Thế Tôn thuyết pháp giảng giải thêm rồi kết luận bằng bài kệ nầy:

"Sahassam api ce gāthā

Anatthapadasañhitā

Ekam gāthāpadam seyyo

Yam sutvā upasammati".

"Dẫu cho tụng đến ngàn câu,

Toàn kệ vô nghĩa thì đâu ích gì.

Thà kệ chí lý, thích nghi,

Một câu nghe cũng đoạn ly khổ sâu".

CHÚ GIẢI:

Ekam gāthāpadam: một câu kệ như: Appamādo amatam padam (Cần chuyên là lộ trường tồn)... Yathā matāti (Kẻ buông lung sống lâm chung khác nào) một câu Kệ như thế thì quý hơn. Phần còn lại lý giải câu Kệ trước.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khuru chứng quả Thánh như Tu Đà Hườn.

DỊCH GIẢ CẦN ĐỀ

Ngoại đạo đón đường hỏi Phật Đà:

"Pháp nào tu chứng Tuệ cao xa?"

Phật rằng: "Trong Kiến, Văn, Tri, Giác,

Hãy giữ tâm Không, chớ chấp Ta!"

Ba Hí Dá liền chứng Vô Sanh,

Nhờ duyên tiền kiếp đã tu hành.

Bị bò húc chết, thân nằm đó,

Khó biết tâm ông, Đạo quả thành!

Phật dạy Chư Tăng hãy trà tỳ,

Thiêu ông ngoại đạo đủ uy nghi,

Như A La Hán Thịnh Văn vậy,

Đó thật Tỳ khuru thiếu bát y!

VIII. 3- CHUYỆN TỶ KHU NI TÓC QUẢN
(**Kuṇḍalakesittherīvatthu**)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 102-103)

<i>Yo ca gāthāsataṃ bhāse</i>	"Dầu nói trăm câu kệ,
<i>anattapadasaṅhitā⁽⁶⁾</i>	Nhưng không gì lợi ích,
<i>Ekam dhammapadam seyyo</i>	Tốt hơn một câu Pháp,
<i>yam sutvā upasammati.</i>	Nghe xong, được tịnh lạc".
<i>Yo sahaṣṣam sahaṣṣena</i>	"Dầu tại bãi chiến trường",
<i>saṅgāme mānuse jine</i>	Thắng ngàn ngàn quân địch,
<i>Ekañca jeyyamattānaṃ</i>	Tự thắng mình tốt hơn,
<i>sa ve saṅgāmajuttamo.</i>	Thật chiến thắng tối thượng".

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết, khi Ngài an ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), để cập đến Sư Cô Tóc Quản (Kuṇḍalakesī).

Tương truyền: Trong thành Vương Xá có một nàng tiểu thư con nhà Bá hộ, tuổi vừa hai tám, nhan sắc tuyệt đẹp, con gái khi đến tuổi dậy thì, tình xuân lai láng chớm mộng, thường có ý kiếm chồng. Ông bà Bá hộ cắt một cô tỳ nữ theo giữ gìn, vừa hầu hạ phục vụ tiểu thư và cho hai chủ tớ ở trong một căn phòng sang trọng trên tầng chót của tòa lâu đài bảy tầng.

Khi ấy có một chàng thanh niên con nhà tử tế (Kula-putta) lại hành nghề trộm cướp, bị dân chúng bắt trói thúc ké hai tay sau lưng, dẫn đến pháp trường hành quyết. Đến mỗi ngã tư đường, cậu ta bị dân chúng dùng roi đánh đập.

Tiểu thư nghe tiếng ồn ào của dân chúng tự hỏi: "Cái gì vậy?". Đứng trên lầu nhìn xuống thấy chàng trai, tiểu thư phát tâm ái luyến, bỏ cả cơm nước nằm liệt giường.

Bà Bá hộ hỏi tiểu thư: "Con ơi! Con đau làm sao vậy?".

- Nếu con được lấy chồng là chàng thanh niên bị buộc tội trộm cướp và bị dẫn đi đó, thì con sẽ còn sống. Bằng không chắc mạng căn của con sẽ tuyệt, con sẽ chết tại đây cho mẹ coi.

- Con chớ làm như thế. Con muốn có chồng thì để cha mẹ định đôi gả lư, kiếm nơi môn đăng hộ đối với nhà ta mà kết suối gia. Con sẽ được lấy người khác làm chồng.

- Con không ông chồng nào khác cả. Nếu không được chàng trai này thì nhất định con sẽ chết.

Thuyết phục con gái mình không được, bà Bá hộ báo tin cho chồng biết, ông cũng khuyên nàng không được. Cuối cùng, ông tự nghĩ: "Phải làm gì mới được đây?".

Ông sai người nhà cầm ngàn đồng vàng, ra đón đường người lính giải tội, để hối lộ và xin phóng thích tội nhân. Người lính chấp thuận, nhận tiền rồi thả chánh phạm ra và giết chết một tội nhân khác để thế mạng, rồi gởi sớ tâu với đức Vua là tên cướp đã bị hành quyết rồi.

Ông Bá hộ lãnh tên cướp về giao cho tiểu thư.

Muốn làm đẹp lòng chồng, tiểu thư tự mình trang điểm với tất cả nữ trang và lo việc cơm nước cho chồng hết sức chu đáo.

Nhưng qua mấy ngày sau, tên cướp khởi manh tâm: "Phải giết con này ở đâu để lấy những nữ trang này đem bán ở quán rượu rồi ăn nhậu cho thỏa thích". Anh ta lập mưu, từ chối những cơm, cháo, nằm liệt giường. Tiểu thư ân cần hỏi chồng: "Anh có bệnh gì chăng?".

- Không có bệnh chi cả em à!

⁶ anattapadasaṅhitā (theo bản Pāli của CSCD/Dhammagiri, India).

- Hay là anh buồn giận cha mẹ em?
- Anh cũng không có buồn giận, em à!
- Nếu vậy anh có tâm sự gì thế?

- Em ơi! Trong khi bị bắt dẫn đi, anh có van vái Chư Thiên ngự nơi vực thẳm, chỗ tử hình (Corappapāte) nên mới được toàn mạng sống. Và lại, anh được lấy em làm vợ đây, cũng nhờ oai lực của Chư Thiên. Cho nên anh suy nghĩ: "Phải làm sao trả lễ cúng tế Chư Thiên đó em à!".

- Anh ơi! Anh đừng quá lo âu. Để rồi chúng ta sẽ cúng tế trả lễ Chư Thiên. Anh cho em biết mình cần những thứ gì?

- Com sữa nấu với mật ong và ít nước, cùng với ngũ cốc và hương hoa có vậy thôi.

- Lành thay! Anh ơi, để em lo sắm sửa đủ lễ vật rồi chúng mình sẽ đi cúng tế.

- Vậy thì, em ơi, em hãy bảo thân quyến lui về hết đi. Còn em hãy mặc y phục và đeo những món nữ trang quý giá, rồi cười giỡn và chúng mình sẽ lên đường.

Tiểu thư làm y theo lời chồng bảo.

Khi tới chân núi, tên cướp bảo tiểu thư:

- Em ơi! Từ đây trở đi chúng mình chỉ nên đi hai người thôi. Còn những ai khác em hãy cho họ ngồi xe trở về, một mình em tự đội lấy mâm lễ vật.

Tiểu thư làm theo lời chồng dặn, đội mâm lễ vật trèo lên núi, chỗ xử tử bọn cướp (Corappapāta). Núi này có hai mặt: một mặt có lối đi, người ta theo đó mà lên núi, còn một mặt đứt chân (Chinnatalam) người ta đứng trên chót núi xô kẻ cướp bị tử hình xuống mặt đó, rơi tới đất là tan xương nát thịt, cho nên có tên gọi là vực thẳm xử tử bọn cướp.

Tiểu thư lên đến chót núi rồi, đứng lại bảo chồng:

- Anh hãy cúng tế lễ vật đi!

Tên cướp làm thinh, tiểu thư lại hỏi: "Sao anh lại làm thinh vậy!".

Nghe giục, tên cướp đáp: "Ta cóc cần cúng tế, ta chỉ nói gạt dụ nàng đến đây mà thôi".

- Để làm chi thế anh?

- Để giết nàng cướp đoạt trang sức của nàng mà tẩu thoát.

Bấy giờ tiểu thư, bị hăm dọa sợ chết, năn nỉ tên cướp:

- Anh ơi! Cả thân em và những đồ trang sức này đều thuộc quyền sở hữu của anh, sao anh lại nói như thế?

Mặc dù tiểu thư nhiều lượt van xin tên cướp: "Anh đừng làm vậy". Hắn ta cũng nằng nằng quyết một: "Ta phải giết nàng".

Tiểu thư lại đề nghị: "Thôi anh à, anh khỏi cần giết em làm chi, anh hãy lấy những nữ trang này và dung tha mạng sống cho em. Từ giờ trở đi, anh hãy xem em như đã chết rồi. Em nguyện làm nô lệ cho anh". Nói rồi tiểu thư ngậm kệ rằng:

"Ime suvaṇṇakeyūrā

Sabbe veouriyā mayā

Sabbañca gaṇha bhaddante

Mamaṃ dāsīñca sāvayāti".

Những xuyên vàng này, tất cả đều cân bằng ngọc bích, anh hãy lấy hết đi. Anh ơi, anh hãy gọi em là nữ nô lệ của anh.

Nghe vậy tên cướp nói: "Nếu để nàng sống, nàng sẽ đi thông tin với cha mẹ nàng, ta phải giết nàng mới được. Nàng đừng khóc than cho lắm vô ích". Nói rồi, hắn ngậm kệ ngôn:

"Mā bālham paridesesi

Khippam bhaṇḍakam bandhāhi

Na tuyham jīvitam atthi

Sabbam gaṇhāmi bhaṇḍakanti"

Nàng dùng than khóc chi nhiều, hãy mau mau bó buộc các đồ tư trang. Tuổi thọ của nàng đã hết, ta sẽ lấy tất cả tư trang của nàng.

Tiểu thư tự nghĩ: "Than ôi, nghiệp của anh nầy quá nặng. Lẽ thường bậc Trí tuệ không muốn dùng vật thực chưa được nấu chín. Ta phải dục hoãn cầu mưu, suy tư cho ra phương kế đối phó với anh ta mới được".

Thế rồi, tiểu thư nói với tên cướp:

- Anh ơi! Khi anh bị bắt vì tội trộm cướp và bị giải đi, em bày biểu cha mẹ xuất ra ngàn đồng vàng để lo cho anh được thả ra và dắt anh về nhà tạo lập gia thất cho anh. Từ đó về sau, em là người nội trợ của anh. Hôm nay anh hãy niệm tình cho em được phép nhìn rõ mặt anh một lần cuối cùng và bái biệt anh".

Tên cướp đồng ý: "Lành thay, em hãy nhìn kỹ và đánh lễ đi". Nói rồi, hấn đứng ngay bên bờ vực thẳm trên chót núi. Tiểu thư nhiều quanh người chồng bất nghĩa ba vòng, đến vòng thứ tư, nàng quì xuống đánh lễ và nói:

- Anh ơi! Đây là lần cuối cùng anh còn thấy em. Bây giờ em không còn dịp gặp anh cũng như anh không còn dịp gặp em nữa.

Sau khi giả vờ ôm chồng hôn từ phía trước mặt rồi tới phía sau lưng. Tiểu thư đứng tại mép núi phía sau tên cướp, một tay nắm mình, một tay nắm dây lưng hấn ta, kéo ngược hấn ngã nhào xuống vực thẳm. Xác của hấn bị va vào sườn núi, nát ra manh mún mới tới đất.

Vị Chư Thiên trấn trên đỉnh núi, chỗ xử tử bọn cướp, thấy rõ hành động của cặp vợ chồng nầy, bèn ngâm kệ ngôn tán dương phụ nữ ấy rằng:

"Na so sabbesu tḥānesu

Puriso hoti paṇḍito

Itthipi paṇḍitā hoti

Tattha tattha vicakhaṇāti".

Không phải đàn ông luôn luôn là bậc Hiền trí ở khắp mọi nơi. phụ nữ đôi khi ở đây ở đó cũng tỏ ra là bậc Hiền trí nữa.

Sau khi xô tên cướp rơi xuống vực thẳm rồi, tiểu thư tự nghĩ: "Nếu ta về nhà, cha mẹ ta sẽ hỏi: "Còn chồng con đâu?". Nếu ta trả lời: "Con đã giết anh ấy chết rồi! Át cha mẹ ta sẽ mắng xối vào mặt ta: "Đồ cứng đầu, đã cho ngàn đồng vàng rước chồng về cho mi, bây giờ mi lại giết hấn đi à?". Dầu cho ta có nói thật "Anh ấy muốn giết con để cướp lấy nữ trang", chắc cha mẹ ta cũng không tin lời ta. Thôi, ta đành vĩnh biệt quê nhà".

Tiểu thư vứt bỏ hết nữ trang có mặt tại đó, rồi đi lang thang vào rừng, lần hồi đến chỗ trú ẩn của nhóm du sĩ Ta bà (Paribbajakānaṃ). Nàng đánh lễ các vị nầy, xin cho nàng xuất gia nhập đạo của họ. Họ cho nàng xuất gia, sau đó nàng hỏi: "Bạch các Ngài, người xuất gia trong đạo các Ngài có Pháp nào cao thượng nhất?".

- Nầy hiền hữu! Người xuất gia trong nhóm chúng tôi cần tu hai Pháp nầy là tối thượng nhất: Một là niệm Đề mục Biến xứ (Kasiṇa) cốt để nhập Định, hai là phải học Thiên ngôn luận (Vādasahassa) cho thật nằm lòng.

- Chắc con không có khả năng tham Thiên nhập Định, vậy con xin học Thiên ngôn luận, bạch các Ngài!

Các tu sĩ Ta bà liền bắt đầu dạy cho cô tu nữ mới học Thiên ngôn luận, cho đến khi nàng đã thuần thục rồi, họ bảo nàng:

- Bây giờ con đã học được nghề hay rồi, con hãy đi chu du khắp cõi Diêm Phù Đề để tìm người có khả năng tranh luận biện thuyết với mình.

Sư phụ cô trao cho cô một cành cây Diêm Phù (Jambū: Anh Đào) rồi giục cô ra đi.

- Hãy đi, hỡi đệ tử! Nếu con gặp người cư sĩ nào có thể tranh luận với con thì con hãy theo hầu hạ người ấy, còn nếu con gặp bậc xuất gia có khả năng biện thuyết thì con hãy xin xuất gia với người ấy.

Cô nữ du sĩ từ đây có danh hiệu là nữ du sĩ Diêm Phù (Jambūparibbajikā). Sau khi rời khỏi chỗ ẩn tu, cô đi khắp nơi để tìm cho gặp tay đối thủ về môn biện thuyết. Nhưng không có ai đủ tài tranh biện cùng nàng. Thét rồi, chỉ cần nghe nói: "Nữ du sĩ Anh Đào đến kìa!", mọi người đều bỏ chạy lánh mặt cả.

Nữ du sĩ đi khát thực ở thôn quê lần đến thị thành, mỗi khi vào đến cửa cổng ở đầu làng thì cô vun lên một đồng cát cắm cành Anh Đào xuống đó, xong tuyên bố: "Người nào đủ sức tranh luận cùng ta thì hãy chà đạp cành Anh Đào này!". Rồi cô mới đi vào làng.

Chỗ ở của nữ du sĩ ấy không có một người nào có đủ tài lực để bèn mắng đến gần cả. Khi rời chỗ đó đi nơi khác, cô ta cũng làm như vậy, cành Anh Đào cũ có héo thì cô thay cành khác tươi hơn. Đến thành Sāvattihī, nàng cũng cắm cành Anh Đào tại cổng thành và tuyên bố như trước, rồi vào thành khát thực.

Lúc bấy giờ, Trưởng lão Sāriputta đi trì bình khát thực, độ xong bữa rồi trở ra ngoài thành, thấy lũ trẻ đứng vây quanh cành Anh Đào. Trưởng lão hỏi: "Cái chi thế?".

Lũ trẻ tường thuật rành tự sự cho Trưởng lão biết. Trưởng lão bảo chúng:

- Vậy thì, các em hãy chà đạp cành Anh Đào này đi.

- Chúng con không dám, bạch Ngài.

- Các em cứ chà đạp đi! Để ta đối đáp với cô ấy!

Nghe Trưởng lão khuyến khích, lũ trẻ hăng hái chà đạp cành Anh Đào, vừa la hét vừa làm cho cát bụi tung lên.

Nữ du sĩ trở về trách mắng lũ trẻ và hỏi chúng rằng:

- Ta với các em không có vấn đề gì để tranh luận. Tại sao các em chà đạp cành Anh Đào của ta?"

Lũ trẻ đáp:

- Trưởng lão bảo chúng tôi chà đạp?

- Bạch Trưởng lão! Ngài đã bảo lũ trẻ chà đạp cành Anh Đào của tôi phải chăng?

- Phải đó, này nữ du sĩ!

- Nếu vậy, Ngài hãy tranh luận với tôi.

- Lành thay, ta sẽ tranh luận.

Nữ du sĩ nói rộng áo ở thắt lưng, đến gần Trưởng lão để cất vấn Ngài. Khắp cả kinh thành đều xô xao vì cái tin hai bậc Đại trí sắp so tài biện bác với nhau. Dân chúng rủ nhau lũ lượt đến đánh lễ Trưởng lão rồi ngồi nép qua một bên. Nữ du sĩ mở đầu cuộc khẩu chiến.

- Bạch Ngài, tôi mạn phép được hỏi Ngài một câu.

- Này nữ du sĩ, hãy hỏi đi.

Nữ du sĩ mang "Thiên ngôn luận" của mình ra hỏi, hỏi câu nào cũng đều được Trưởng lão giảng giải rành mạch. Sau cùng, Trưởng lão hỏi lại một câu:

- Ngoài những câu hỏi vừa rồi nàng còn câu hỏi nào nữa chăng?

- Bạch Ngài, chỉ có bấy nhiêu thôi ạ!

- Này giờ nàng hỏi ta rất nhiều, ta cũng có một câu muốn hỏi, nàng có khứng giải đáp chăng?

- Bạch Ngài, xin Ngài cứ hỏi, nếu tôi biết thì tôi sẽ giải đáp.

Trưởng lão liền đưa ra một câu hỏi về Danh Pháp, nữ du sĩ không biết lối nào mà giải đáp, phải hỏi lại Trưởng lão rằng:

- Bạch Ngài, câu Ngài hỏi có tên là gì?

- Là Phật Chú (Buddhamanto).

- Bạch Ngài, xin Ngài cho tôi câu Phật Chú đó được chăng?

- Chùng nào nàng cùng một đạo với ta, thì ta sẽ cho nàng.

- Nếu vậy, xin Ngài cho tôi xuất gia đi.

Trưởng lão chỉ dẫn cho nữ du sĩ đến Ni viện và giới thiệu cho cô được xuất gia. Sau khi thọ Cụ túc giới, cô được mệnh danh là Tỳ khưu Ni Tóc Quăn và mấy hôm sau đắc quả A La Hán với Tuệ Phân tích. Các Tỳ khưu câu hội nơi giảng đường, nêu lên vấn đề này: "Tỳ khưu Ni Tóc Quăn không từng nghe thuyết pháp nhiều, thế mà cũng đắc Quả tối thượng của bậc xuất gia. Nghe nói, cô đã một mình đại chiến với tên cướp, thắng được nó mới đến đây xuất gia"...

Đức Bổn Sư đến hỏi:

- Nay các Tỳ khưu, hôm nay các thầy ngồi đây thảo luận chuyện chi?"

- Bạch Ngài, chuyện nầy...

Nghe vậy, Đức Bổn Sư giải thích:

- Nay các Tỳ khưu, Pháp của Ta thuyết, chớ có trắc lượng bằng số ít hay số nhiều, thà thuyết một câu Pháp Cú còn hơn nói cả trăm câu vô ích. Và lại, người thắng được tất cả kẻ cướp không đáng gọi là anh hùng vô địch, chỉ có người thắng được những kẻ cướp là phiền não ở nội tâm mới thật xứng danh vô địch.

Nói xong, Đức Bổn Sư thuyết Pháp giải thêm và tóm tắt bằng hai bài kệ như sau:

"Yo ca gāthāsataṃ bhāse

Anatthapadasaṅhitā

Ekam gāthāsataṃ seyyo

Yam sutvā upasammati".

"Yo sahasam sahasena

Sangāme mānuse jine

Ekañ ca jeyya m'attānam Sa ve saṅgāmajuttamo".

"Dầu cho tụng đến trăm câu,

Toàn kệ vô nghĩa thì đâu ích gì?

Thà Kệ Pháp cú thích nghi,

Một câu nghe cũng đoạn ly khổ sầu!".

"Chiến trường quyết liệt hơn thua,

Thắng người ngàn trận cũng chưa thật tài.

Thắng mình mới đáng gọi hay,

Chiến công oanh liệt ấy ai dám bì".

CHÚ GIẢI:

Gāthāsataṃ: người tụng kệ cho nhiều đếm cho đủ số một trăm câu.

Anatthapadasaṅhitā: nhưng toàn là những câu vô ích, chẳng hạn như giải về màu sắc bầu trời.

Dhammapadam: Pháp Cú là câu nào có đầy đủ nghĩa lý, có ích lợi thiết thực.

Ngoại đạo du sĩ cũng có bốn câu Pháp Cú, thế nào là bốn?

Du sĩ là người không tham

Du sĩ là người không tác hại.

Du sĩ là người có sự Ghi nhớ (có Chánh niệm).

Du sĩ là người có Chánh Định.

So với Pháp Cú của ngoại đạo như vậy thì một câu Kệ Pháp Cú còn quý hơn!

Yo sahasam sahasena: người nào một mình cầm binh khí ra chiến đấu với một ngàn ngàn (một triệu) người, chỉ trong một trận giao phong mà thắng được cả triệu người, dầu có đem sự thắng lợi về, cũng chưa đáng gọi là người thắng trận tối thượng.

Ekañca jeyya m'attānam: trái lại, người nào luôn cả ngày đêm, ở mọi chỗ, lúc nào cũng tâm tâm niệm niệm, ghi nhớ đề mục Chỉ Quán, tự mình thắng được những phiền não, tham, sân, si, trong nội tâm.

Sa ve saṅgāmajuttamo: người này quả thật là người chiến thắng tối thượng, quý báu, lập được chiến công oanh liệt nhất.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỷ khưu đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Thiếu nữ làm eo để cưới chồng,
Vì thương kẻ cướp bị lao lung,
Ngờ đâu, ngựa vẫn quen đường cũ,
Hắn chẳng mang ơn, lại trở lòng.
Dụ được nàng lên đỉnh núi cao,
Hắn toan giết, đoạt của, bôn đào,
Nàng khôn, giả cách xin tha mạng,
Lừa thế, xô tên phản bội nhào!...
Giết chồng đâu lẽ trở về nhà?
Sương phụ băng rừng đi xuất gia,
Học được một ngàn câu hỏi đố,
"Diêm Phù" nổi tiếng khắp Ta bà.
Pháp chủ hỏi nàng: "Một là gì?"
Nàng thua, xin nhập đạo bên Ni,
Về sau đắc quả A La Hán,
Tặng chúng phàm phu có chỗ nghỉ.
Phật dạy: Kệ vô nghĩa tụng nhiều,
Trăm câu lợi ích chẳng bao nhiêu!
Sao bằng một Kệ nghe vừa dứt,
Tâm được an bình, Khổ não tiêu...
Thắng ngàn quân địch giữa sa trường,
Chẳng phải anh hùng Phật tán dương.
Chỉ có thắng mình là đại thắng,
Chiến công oanh liệt ấy ai đương?...

DỨT TÍCH TỶ KHUU NI TÓC QUẢN

VIII. 4- CHUYỆN BÀ LA MÔN HỎI PHÁP VÔ ÍCH (Anatthapucchakabrāhmanavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 104 - 105)

Attā have jitaṃ seyyo

yā cāyaṃ itarā pajā

Attadantassa posassa

niccaṃ saññatacārino

Neva devo na gandhabbo

na māro saha brahmunā

Jitaṃ apajitaṃ kayirā

tathārūpassa jantuno.

"Tự thắng, tốt đẹp hơn,

Hơn chiến thắng người khác,

Người khéo điều phục mình,

Thường sống tự chế ngự".

"Dầu Thiên Thần, Thát Bà,

Dầu Ma vương, Phạm Thiên,

Không ai chiến thắng nổi,

Người tự thắng như vậy".

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài an ngự tại Kỳ Viên (Jetavana Vihāra), để cập đến thầy Bà la môn hỏi về Pháp Vô ích (Anatthapucchaka-brāhmaṇa).

Tương truyền: Thầy Bà la môn này có ý nghĩ: "Đức Chánh Biến Tri chỉ biết Pháp Hữu ích hay là Ngài biết cả Pháp Vô ích nữa? Để ta hỏi Ngài xem!".

Thầy đến yết kiến Đức Bổn Sư và hỏi:

- Bạch Ngài, người ta cho rằng Ngài chỉ biết Pháp Hữu ích, chớ không biết Pháp Vô ích phải không?

- Này thầy Bà la môn, Ta biết cả Pháp Hữu ích và Pháp Vô ích.

- Nếu vậy, xin Ngài thuyết Pháp Vô ích cho tôi nghe thử coi.

Đức Bổn Sư liền thuyết rằng:

"Ussūraseyyam ālasyam

Caṇḍikkam dīghasotthiyam

Ekassaddhānagamanam

Paradārūpaseyanam

Etam brāhmaṇa sevassu

Anattham te bhavissatīti".

Ngủ nướng sau khi mặt trời đã mọc, đã dượt, biếng nhác, hung bạo mà hưởng phước lâu dài. Hành trình theo một tà đạo, bám theo sắc đẹp của vợ người khác. Này Bà la môn, hãy nương theo các Pháp ấy, thì thầy sẽ không được lợi ích.

Nghe hết bài kệ, thầy Bà la môn hoan hỷ tán dương:

- Lành thay! Lành thay! Ngài thật là bậc Thầy Tổ, là bậc đàn anh của một phái (Gaṇajetṭhaka). Ngài biết cả Pháp Hữu ích và Pháp Vô ích.

- Này thầy Bà la môn, không có người nào biết cả Pháp Hữu ích và Vô ích như Ta đâu!

Khi ấy, Đức Bổn Sư quán xét khuynh hướng của thầy Bà la môn rồi hỏi:

- Này thầy Bà la môn, thầy sống bằng nghề gì?

- Sống bằng nghề cờ bạc, thưa Ngài Cổ Đàm.

- Thầy đánh bạc ăn hay thua?

- Ăn cũng có mà thua cũng có.

Nghe vậy, Đức Bổn Sư bảo:

- Này thầy Bà la môn, người thắng được kẻ khác trong sòng đồ bạc không mấy gì có giá trị, không bằng người tự thắng phục phiền não của chính mình. Quả vậy, người đã tự thắng không còn ai có thể thắng người ấy được.

Nói rồi Đức Bổn Sư thuyết pháp, và kết luận bằng những bài kệ như vậy:

"Attā have jitam seyyo

yā cā' yam itarā pajā

Attadantassa posassa

Niccā saññatacārino".

"N'eva devo na gandhabbo

Na māro saha brahmunā

Jitam apajitam kayirā

Tathārūpassa jantuno".

"Tự mình hãy thắng mình đi!

Hơn thắng kẻ khác làm chi bên ngoài!

Người sống tự chế lâu dài,

Là người khôn khéo, có tài tu thân".

"Dầu Càn thất bà, Thiên thần,

Ma vương, Đại phạm, mấy tầng trời cao.

Cũng không đánh bại được nào,
Người đã tự thắng, anh hào ai đang".

CHÚ GIẢI:

Have: là tiếng bất biến phân từ trong văn phạm Pāli. Jitam: người tự thắng bằng cách thắng phục phiến não thì quý hơn (tiếng này đã đổi từ giống cái ra giống đực). yā cā' yam itarā pajā: ngoài sự thắng ấy ra, ai thắng phục người khác trong sông đổ bát, hoặc dùng thế lực kim tiền, hoặc lực lượng vũ trang mà chiến thắng kẻ địch, thì sự thắng phục cũng không quý báu hơn sự tự thắng. Do đó thà là mình tự thắng còn hơn là thắng những kẻ khác vậy.

Attadantassa: tự chế...v.v...

Tathārūpassa jantuno: như trên đã nói, chúng sanh nào là người tự chế ngự, đã dứt trừ được phiền não, là người luôn luôn có sự ghi nhớ biết mình thì thân, khẩu, ý của người được vô nhiễm. Hạng người có ý chí chế ngự được thân tâm như thế thì dầu là Chư Thiên, Càn thất bà, Ma vương cho đến các Phạm Thiên có ý muốn thử thách: "Ta sẽ đánh bại người ấy, ta sẽ khiến cho phiền não phát sanh lên để cho người bỏ hết Thiên định, Đạo quả".

Dầu cố gắng như thế nào, chẳng hạn như thắng được bằng tài sản về mọi mặt, rồi thắng được bằng phương tiện nào khác nữa, người đánh bại kẻ khác như vậy cũng không thể đánh bại người tự thắng bao giờ.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hoàn quả.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Đức Phật giải rành việc được thua:
Được điều bất lợi chớ tranh đua!
Dậy trưa, ngủ nướng, thua là được,
Quyến rũ vợ người, được cũng thua!
Cờ bạc, được thua ấy sự thường,
Không gì vinh hạnh đáng phô trương!
Tự mình thắng được mình mới quý,
Tự thắng thì ai dám cự đương?...

DỨT TÍCH ĐIỂM CỜ BẠC HỎI ẸN THUA

VIII. 5- CHUYỆN BÀ LA MÔN CẬU CỦA TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA (Sāriputtattherassa mātulabrāhmaṇa vatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 106)

Māse māse sahasena
"Tháng tháng bỏ ngàn vàng,
yo yajetha satam samam
Tế tự cả trăm năm,
Ekañca bhāvitattānam
Chẳng bằng trong giây lát,
muhuttamapi pūjaye
Cúng dường bạc tự tu.
Sà yeva pūjanā seyyo
Cúng dường vậy tốt hơn,
yañce vassasatam hutam.
Hơn trăm năm tế tự".

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài an ngự tại Lâm, để cập đến thầy Bà la môn là cậu của Trưởng lão Sāriputta (Sāriputta).

Tương truyền: Trưởng lão đến thăm người cậu và hỏi:

- Này thầy Bà la môn, thầy có làm chút ít điều Visākhā không?
- Bạch Ngài, tôi có làm.
- Thầy làm điều gì?
- Tháng nào tôi cũng xuất ra hàng ngàn đồng vàng để làm phước, Bồ thí.
- Thầy bố thí cho ai?
- Bạch Ngài cho nhóm Ni Kiên Tử (Nigaṇṭha).
- Mục đích cứu cánh của họ là gì?
- Bạch Ngài cõi Phạm Thiên.
- Đạo này đưa người lên cõi Phạm Thiên phải chăng?
- Dạ phải, bạch Ngài.
- Ai nói vậy?
- Dạ, bạch Ngài, các thầy ācāriya thuyết cho tôi nghe như vậy.

- Thầy không hề biết đường lên cõi Phạm Thiên, cả mấy thầy ācāriya của thầy cũng vậy. Chỉ có mình Đức Bốn Sư biết mà thôi. Lại đây, thầy Bà la môn, ta sẽ đưa thầy đi nghe pháp thuyết về con đường lên Phạm Thiên giới.

Nói rồi Trưởng lão dắt người cậu đến trước Đức Bốn Sư rồi tường trình hết mọi sự và yêu cầu Ngài:

- Bạch Ngài, thầy Bà la môn này đã nói như thế như thế, xin Ngài từ bi hoan hỷ thuyết pháp về con đường lên Phạm Thiên giới cho thầy ấy được nghe.

Đức Bốn Sư hỏi lại: "Này thầy Bà la môn, thầy có nói như thế không?"

- Dạ thưa có, Ngài Cổ Đàm ạ.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này thầy Bà la môn, việc thầy đã làm phước Bồ thí như vậy, dầu thầy có làm liên tục cả trăm năm cũng không bằng trong giây phút thầy có tâm trong sạch, nhìn ngắm một vị Thịnh Văn của Ta, hoặc thầy để bát cúng dường một vá cơm canh đến vị ấy thì sẽ được phước báu còn lớn hơn nhiều.

Nói rồi Đức Bốn Sư thuyết pháp và kết luận bằng bài kệ này:

"Māse māse sahasena

Yo yajetha satam samam

Ekañca bhāvitattānam

Muhuttamapi pūjaye

Sa yeva pūjanā seyyo

Yañ ce vassatam hūtam".

"Mỗi tháng bỏ ra ngàn vàng,

Sắm sanh tế tự đến hàng trăm năm.

Không bằng giây phút ân cần,

Cúng dường đến bậc Chánh chân tu hành.

Cúng dường đúng cách, phước lành,

Còn hơn tế vật hy sanh mãi đời".

CHÚ GIẢI:

Sahasena: bỏ ra ngàn vàng.

Yo yajetha satam samam : người mà hàng tháng xuất ra hàng ngàn đồng để bố thí cho quần chúng ở thế gian suốt cả trăm năm.

Ekañca bhāvitattānam: người nào chỉ một lần cúng dường đến các bậc chân tu đã tiến hóa, thấp nhất là bậc Tu Đà Hườn và cao nhất là bậc Lưu tận, đến đứng trước cửa nhà, một vá cơm canh, hoặc vật thực để nuôi mạng sống, hoặc một lá y choàng nhỏ thì còn tốt hơn người khác lo việc tế tự quý thân cả trăm năm. Sự cúng dường như vậy thì cao cả, quý báu nhất.

Cuối thời Pháp, thầy Bà la môn đấng Tu Đà Hườn quả. Những người khác cũng đấng Thánh quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Pháp chủ cầu mong độ cứu mình,
Thoát vòng tà kiến với vô minh,
Dẫn ông đến Phật, nhờ Phật thuyết,
Chánh Pháp cho ông khởi đức tin.
Phật dạy: Dầu ông cúng lửa thân,
Trăm năm lo lắng thật chuyên cần,
Không bằng một phút giây sùng kính,
Các bậc Thánh Văn tu Chánh chân!*

DỨT TÍCH BÀ LA MÔN CẬU CỦA TRƯỞNG LÃO Sāriputta

□□□□□□□□□□

□□□□□□□□□□

VIII. 6- CHUYỆN BÀ LA MÔN CHÁU CỦA TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA (Sāriputtattherassa bhāgineyyavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 107)

*Yo ca vassasatam jantu
"Dầu trải một trăm năm,
aggiṃ paricare vane
Thờ lửa tại rừng sâu,
Ekañca bhāvitattānam
Chẳng bằng trong giây lát,
muhuttamapi pūjaye
Cúng dường bậc tự tu.
Sà yeva pūjanā seyyo
Cúng dường vậy tốt hơn,
yañce vassasatam hutam.
Hơn trăm năm tế tự".*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết, khi Ngài ngự tại Lâm, đề cập đến cháu Trưởng lão Sāriputta (Sāriputta).

Trưởng lão cũng đến thăm người cháu và hỏi:

- Này thầy Bà la môn, thầy có làm điều Visākhā không?
- Bạch Ngài, có.
- Thầy đã làm điều gì?
- Tháng tháng tôi giết một con thịt để tế lễ giữ gìn lửa thân.
- Thầy làm như vậy có ích gì?

- Người ta nói đó là con đường lên Phạm Thiên giới.

- Ai nói như thế?

- Bạch Ngài, các vị thầy của tôi.

- Thầy đã dốt mà các thầy của thầy lại cũng không biết con đường lên cõi Phạm Thiên. Lại đây, chúng ta cùng đi yết kiến Đức Bổn Sư.

Trưởng lão dắt người cháu đến ra mắt Đức Bổn Sư và thuật lại câu chuyện giữa hai cậu cháu, rồi nói:

- Bạch Ngài, xin Ngài hoan hỷ thuyết về con đường lên cõi Phạm Thiên cho thầy này nghe.

Đức Bổn Sư hỏi lại:

- Thầy đã nói như thế, phải không?

- Dạ phải, bạch Ngài Cổ Đàm.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay thầy Bà la môn, dầu thầy có chăm lo tế tự lửa thần như vậy cả trăm năm đi nữa, sự cúng tế của thầy cũng không bì kịp sự cúng dường đến bậc Thịnh Văn của Như Lai, dầu chỉ trong giây lát.

Nói rồi, Đức Thế Tôn thuyết pháp và kết luận bằng bài kệ:

"Yo ca vassasatam jantu

Aggim paricare vane

Ekañca bhāvitattānam

Muhuttamapi pūjaye

Sà y' eva pūjanā seyyo

Yañca vassasatam hutanti".

*"Trăm năm trọn một kiếp người,
Rừng sâu thờ lửa, chẳng loi ngày nào.
Không bằng giây phút cần lao,
Cúng dường những bậc tu nào Chánh chân.
Cúng dường chân tu một lần,
Còn hơn tế tự lửa thần trăm năm".*

CHÚ GIẢI:

Jantu: chúng sanh.

Aggim paricare vane: dầu cho tránh khỏi mọi chướng ngại, vào rừng lo tế tự lửa thần ở đó...

Phần sau nên giải thích y như bài kệ trước.

Cuối thời Pháp, thầy Bà la môn đặc quả Tu Đà Hườn, nhiều người khác cũng chứng đắc Thánh quả, nhất là quả vị Tu Đà Hườn.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Pháp Chủ cũng mong độ cháu trai,
Sát sanh hàng tháng cúng thần hoài,
Dẫn chàng đến Phật, nhờ Phật thuyết,
Chánh Pháp, cho chàng tránh ác lai.
Phật dạy: Dầu con cúng lửa thần,
Trăm năm lo lắng thật chuyên cần,
Không bằng với đức tin chơn chánh,
Cúng bậc Thịnh Văn chỉ một lần!*

DỨT TÍCH BÀ LA MÔN CHÁU CỦA TRƯỞNG LÃO Sāriputta

VIII. 7- CHUYỆN BÀ LA MÔN BẠN CỦA TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA (Sāriputtattherassa sahāyakabrāhmaṇa-vatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 108)

Yaṅkiñci yitthañca hutañca (Yaṃ kiñci yitṭham va hutam va (theo bản Pāli của CSCD. / Dhammagiri. India.) loka

*"Suốt năm cúng tế vật,
sāmvaccharaṃ yajetha puññapekkho*

*Để cầu phước ở đời,
Sabbampi tam na catubhāgameti
Không bằng một phần tư,*

*abhivādanā ujugatesu (Ujjugatesu (theo bản Pāli của CSCD. / Dhammagiri. India.) seyyo.
Kính lễ bậc chánh trực".*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Lâm, đề cập đến thầy Bà la môn bạn của Trưởng lão Sāriputta (Sāriputta).

Trưởng lão cũng đến thăm thầy và hỏi:

- Này thầy Bà la môn, thầy có làm điều Visākhā không?

- Bạch Ngài có.

- Thầy đã làm điều gì?

- Tôi đã làm nhiều việc Bồ thí hy sinh (Yāgam) to tát. Theo truyền thuyết, người ta dứt bỏ nhiều của để thực hành việc Bồ thí hy sinh này.

Trưởng lão cũng tiếp hỏi thêm như trước, rồi dắt người bạn cũ đến yết kiến Đức Thế Tôn, tường trình hết mọi sự cho Ngài nghe rồi yêu cầu:

- Bạch Ngài, xin Ngài từ bi hoan hỷ thuyết pháp về con đường lên cõi Phạm Thiên cho thầy này nghe.

Đức Bổn Sư hỏi lại:

- Này thầy Bà la môn, thầy có nói như thế không?

- Dạ thưa có.

Nghe vậy, Đức Bổn Sư bảo rằng:

- Này thầy Bà la môn, việc thầy hằng năm làm việc Bồ thí trọng thể đến quần chúng trong thế gian, so với việc người phát tâm trong sạch có tác ý thiện, muốn đảnh lễ những Thánh Văn của Ta thì một phần tư giá trị cũng chưa bằng.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bằng bài kệ:

*"Yaṃ kiñci yitthañca hutañca loka
Sāmvaccharaṃ yajetha puññapekkho
Sabbampi tam na catubhāgameti
Abhivādanā ujugatesu seyyoti".*

*"Cúng dường, Bồ thí suốt năm,
Công đức chẳng được cao thâm như là.
Một phần tư được trích ra,
Từ phước kính lễ các nhà Chánh chơn".*

CHÚ GIẢI:

Yaṃ kiñci: tiếng nói chung bao gồm tất cả mọi việc Bồ thí không dư sót.

Yitṭham: sự Bồ thí trọng đại, nhất là trong những ngày lễ.

Hutam: vật Bối thí mà người tích trữ rồi đem ra hậu đãi khách quý, do có đức tin nơi nghiệp quả mà bố thí.

Samvaccharam yajetha: sự Bối thí với đầy đủ chi tiết kể trên, suốt trong năm trường như vậy, nhưng chỉ bố thí đến quần chúng thế gian, mặc dầu khắp cõi Ta bà.

Puññapekko: muốn được phước báu.

Ujugatesu: những bậc đã đi trên Thánh đạo, từ bậc thấp nhất là các vị Tu Đà Hườn, đến bậc cao nhất là A La Hán. Đối với những bậc đã nói trên đây, ai có tác ý thiện (Kusalacetanā) do đã phát tâm Tịnh Tín (Pasannena cittena) muốn cúi mình lễ bái, thì quả phước cao quý gấp bốn lần tất cả mọi việc Bối thí thông thường, bởi thế cho nên nói: "Việc kính lễ bậc chánh trực là quý hơn".

Cuối thời Pháp, thầy Bà la môn bạn của Trưởng lão Sāriputta đặc quả Tu Đà Hườn. Nhiều người khác cũng đặc Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn quả.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Pháp Chủ còn mong độ bạn thân,
Sát sanh trọng thể cúng Thiên thần,
Dẫn chàng đến Phật, nhờ Phật thuyết,
Chánh Pháp, cho chàng biết Quả nhân!
Phật dạy: Lửa thân, cúng cả năm,
Sát sanh trọng thể, chẳng ăn nhằm,
Vì không sánh được phần tư phước,
Bối thí bản dân, cúng Thánh Tăng.*

DỨT TÍCH BÀ LA MÔN BẠN CỦA TRƯỞNG LÃO Sāriputta

VIII. 8- CHUYỆN CẬU BÉ ÍCH THỌ (āyuvaddhanakumāravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 109)

Abhivādanasīlissa

"Thường tôn trọng, kính lễ,

niccam vuddhāpacāyino

Bậc kỳ lão trưởng thượng,

Cattāro dhammā vaddhanti

Bốn Pháp được tăng trưởng:

āyu vaṇṇo sukham balam.

Thọ, sắc, lạc, sức mạnh".

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết, khi Ngài ngự tại xứ Đì Khá Lam Bí Cá (Dīghalambika), trong một cái cốc trong rừng A Ranh Nhá Kú Tí Ka (Araññakuṭikā), để cập đến công tử Trường Thọ (Dīghāyu).

Tương truyền: Có hai vị Bà la môn cư ngụ trong thành Đì Khá Lam Bí Cá, sau khi xuất gia theo ngoại đạo đã đi ta bà thực hành khổ hạnh (Tapacaranam) trong bốn mươi tám năm. Một trong hai đạo sĩ ấy nghĩ rằng: "Dòng dõi ta sẽ bị tiêu diệt, ta sẽ hoàn tục".

Thế rồi, đạo sĩ bán hết cho người khác những đồ đạc dụng cụ đạo sĩ của mình làm ra, lấy tiền mua súc vật về nuôi và về sau khá giả, thầy cưới vợ và tạo lập gia đình. Rồi vợ thầy sanh được một đứa con trai.

Vị đạo sĩ kia đã xuất ngoại, mới trở về thành trong mấy ngày. Nghe tin đạo sĩ trở về, thầy Bà la môn dắt cả vợ con đi thăm bạn cũ. Gặp đạo sĩ, thầy trao con cho vợ ẵm để thầy đánh lễ. Người mẹ

cũng trao con cho cha bồng để mình đánh lễ đạo sĩ. Đạo sĩ chúc cho cả hai vợ chồng được trường thọ. Đến phiên đưa con đánh lễ thì đạo sĩ làm thỉnh.

Người cha bèn hỏi đạo sĩ:

- Bạch Ngài, tại sao khi chúng tôi đánh lễ Ngài chúc chúng tôi được trường thọ. Còn khi đưa nhỏ này đánh lễ Ngài không nói chi cả?

- Này thầy Bà la môn, đưa bé này sắp lâm đại nạn.

- Bạch Ngài, nó sẽ sống được bao lâu?

- Này Bà la môn, nó sẽ sống được bảy ngày.

- Bạch Ngài, có phép gì tránh khỏi tai nạn chẳng?

- Ta chẳng biết phép gì tránh nạn cả.

- Bạch Ngài, có ai biết phép ấy chẳng?

- Sa môn Cổ Đàm biết, thầy hãy tìm đến Ngài mà hỏi.

- Đi đến đó tôi sợ đứt Giới hạnh đạo sĩ của mình chẳng?

- Nếu thầy có lòng thương tưởng đến con thì đừng quá câu nệ như thế, hãy đi tìm Ngài mà hỏi đi.

Thầy Bà la môn đem cả vợ con đến yết kiến Đức Bốn Sư, khi thấy đánh lễ, Ngài phúc chúc: "Thầy hãy là người trường thọ", khi vợ thầy đánh lễ, Ngài cũng chúc trường thọ, nhưng khi đưa con đánh lễ, Ngài cũng lặng thỉnh.

Thầy Bà la môn cũng hỏi Đức Bốn Sư như đã hỏi đạo sĩ bạn và Đức Bốn Sư cũng đáp lại y như lời của đạo sĩ ấy. Người ta nói: Thầy Bà la môn không hiểu thấu Trí tuệ Toàn Giác (Sabbaññutaññāṇam), chỉ căn cứ theo chú thuật của mình mà so sánh, nên nghĩ rằng bậc Toàn Giác cũng không biết phương pháp nào giúp cho đưa bé thoát khỏi tai họa được.

Thầy Bà la môn hỏi Đức Bốn Sư:

- Bạch Ngài, có phép nào ngăn trở, xa lánh được tai họa chẳng?

- Này Bà la môn có thể có.

- Có thể có phép gì, bạch Ngài?

- Nếu như thầy che rạp trước cửa nhà mình, giữa rạp thầy cho kê một cái ghế dài, vây quanh ghế ấy thầy cho sắp sẵn tám hoặc mười sáu chỗ ngồi rồi cho thỉnh các Thỉnh Văn của Ta ngồi lên đó tụng kinh Pāritta liên tục bảy ngày đêm. Nếu thầy làm được như vậy thì sự tai họa đó có thể tiêu tan.

- Ngài Cổ Đàm à, việc che rạp và sắp xếp chỗ ngồi ở nhà tôi, tôi có thể làm được hết. Nhưng làm sao tôi có thể thỉnh được các vị Thỉnh Văn của Ngài?

- Thầy cứ về lo phần việc của thầy cho xong, Ta sẽ cho các Thỉnh Văn của Ta đến.

- Lành thay, thưa Ngài Cổ Đàm.

Thầy Bà la môn trở về lo châu tất mọi việc ở trước cửa nhà xong, trở lại bạch với Đức Bốn Sư. Ngài cho các Tỳ khưu đi với thầy đến ngồi lên các chỗ đã soạn sẵn, đưa con trai nhỏ cũng được nằm trên chiếc ghế dài.

Các Tỳ khưu tụng kinh Pāritta suốt cả bảy ngày đêm không gián đoạn. Đến ngày thứ bảy, Đức Bốn Sư đích thân ngự đến. Trong cổng cửa nhà ấy, Chư Thiên trong khắp cõi Ta bà thế giới vân tập đến đông đặc.

Lúc bấy giờ, có con Dạ xoa tên là A Vá Rúđ Thá Ká (Avaruddhaka) sau mười hai năm hầu hạ, phục dịch Đức Thiên Vương Vessavana (Tỳ Sa môn, còn gọi là Đa Văn (Kuvera) là Đại Thiên Vương trấn Bắc Châu, cai quản bọn Dạ Xoa (Yakkha) T.K.P.M), đã xin được Ngài ân tứ cho phép bắt đưa nhỏ này, kể từ hôm nay cho đến ngày thứ bảy, cho nên nó cũng đến đứng ở đó.

Đức Bốn Sư tuyên bố rằng:

- Nơi cổng nhà này, Chư Thiên nhiều oai lực câu hội đông đảo, Chư Thiên kém oai lực rút lui ra xa.

Các vị sau này không sao tìm được chỗ trống nên phải lui ra xa mười hai do tuần, con Dạ xoa A Vá Rúd Thá Ká cũng phải ra đứng tuốt ngoài ra.

Suốt đêm ấy, Đức Bổn Sư cũng tụng kinh Pāritta. Quá thời hạn bảy ngày, A Vá Rúd Thá Ká chưa bắt được đứa bé, đến ngày thứ tám khi mặt trời vừa mọc lên, người ta mang đứa bé đến đánh lễ Đức Thế Tôn. Ngài phúc chúc cho nó được trường thọ. Cha đứa bé hỏi:

- Thưa Đức Cổ Đàm, đứa bé này sẽ được trường thọ được bao lâu?
- Sống được một trăm hai mươi năm, thầy Bà la môn ạ!

Do đó, cha mẹ đứa bé đặt tên con là Trường Thọ hay là Ích Thọ. Theo cổ lệ, nó được danh dự đi chơi nơi nào cũng có năm trăm cận sự nam theo bao vây chung quanh.

Một ngày nọ, Chư Tăng ngồi câu hội tại giảng đường, đề khởi câu chuyện như vậy:

- Này các đạo hữu, có thấy chăng? Nghe nói cậu bé Ích Thọ phải bị chết trong vòng bảy ngày. Thế mà bây giờ hóa ra lại sống thọ một trăm hai mươi tuổi, khi đi đâu cũng có năm trăm tùy chúng bao quanh. Chắc phải có lý do khiến chúng sanh ấy tăng tuổi thọ...

Đức Bổn Sư đến hỏi:

- Này các Tỳ khưu, hôm nay các thầy hội thảo chuyện chi đây?
- Bạch Ngài, chuyện này...

Nghe vậy, Đức Thế Tôn giải thích rằng:

- Này các Tỳ khưu, không phải toàn thể chúng sanh đều có thể tăng thêm tuổi thọ như thế đâu! Sở dĩ những chúng sanh này được như thế là nhờ đã kính lễ các vị có đức hạnh. Họ đã phát triển bốn lý do khiến cho giải thoát khỏi điều tai họa, nên mới được tăng tuổi thọ.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và tóm tắt kết luận bằng kệ ngôn:

"Abhivādanasīlissa
Niccāṃ vuddhāpacāyino
Cattāro dhammā vaḍḍhanti
āyu vaṇṇo sukhaṃ balaṃ ti".

"Hoan hỉ lễ bái, kính nhường,
Các bậc Trưởng lão thì thường gia tăng,
Bốn điều phước báo cội căn:

Sống lâu, đẹp đẽ, bình an, hùng cường" (Các Tăng lữ ở những nước Nam phương, mỗi khi thọ người lễ kính thì đọc bài tụng này. Chử Nho nói: Kính lão đắc thọ (TKPM.).)

CHÚ GIẢI:

Abhivādanasīlissa: việc luôn luôn cung kính, lễ bái tỏ vẻ tôn trọng.

Vuddhāpacāyino: người tại gia đối với bậc đã xuất gia, dầu là các Sa di trẻ tuổi và là người xuất gia đối với bậc thọ Cụ túc giới, hoặc lớn tuổi hạ, đạo cao đức cả hơn mình, mà có tâm cung kính đánh lễ, hoặc thường xuyên cúng dường.

Cattāro dhammā: tăng tuổi thọ, là khi tới tuổi thọ mãn thì được gia tăng, triển hạn. Mấy Pháp kia cũng tăng thêm như vậy. Quả nhiên, như người nào đến năm mươi tuổi thọ mới mãn số, nhưng trọn đời làm việc thiện thì dầu ở tuổi hai mươi làm có gặp đại nạn gì xảy đến, người ấy cũng giải trừ được nhờ kính lễ bậc trưởng thượng. Do đó, người ấy không bị giảm thọ, chết yếu.

Cuối thời Pháp, cậu bé Ích Thọ cùng với năm trăm Cận sự nam đều đắc quả Tu Đà Hườn, nhiều người khác cũng chứng đạt quả vị Dự Lưu.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Bảy ngày nghỉ phép đã trôi qua,

Lỡ dịp báo thù khiến Dạ xoa,
Phải chịu rút lui, nên cậu bé,
Được thêm tuổi thọ, phước toàn gia.
Phật dạy: Không riêng tuổi thọ tăng,
An vui, sắc đẹp, với quyền năng,
Đồng thời thêm mãi nơi người biết,
Lễ bái cúng dường bậc lão Tăng.

DỨT TÍCH CẬU BÉ ÍCH THỌ

VIII. 9- CHUYỆN SA DI SAṄKICCA (Saṅkiccasaṃmaṇeravattṭhu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 110)

Yo ca vassasataṃ jīve
"Dầu sống một trăm năm,
dussīlo asamāhito
Ác giới, không Thiên định,
Ekāhaṃ jīvitāṃ seyyo
Tốt hơn sống một ngày,
sīlavantassa jhāyino.
Trì giới, tu Thiên định".

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết, khi Ngài an ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), để cập đến Sa di Đòn Xóc (Saṅkicca).

Tương truyền: Trong thành Sāvattṭhī có ba mươi vị công tử, sau khi nghe pháp rủ nhau xuất gia trong Giáo Pháp của Đức Bốn Sư. Các vị ấy tu Tỳ khuru được năm hạ rồi, liền đến yết kiến Đức Bốn Sư. Nghe Ngài hỏi muốn tu thêm pháp nào trong hai pháp là: Pháp Học và Pháp Hành (Ganthadhuraṃ - Vipassanādhuraṃ). Các vị đều đồng ý xin Đức Thế Tôn dạy cho đề mục Minh Sát để bỏ túc Pháp hành ngũ hầu đắc quả A La Hán, chớ không ông cố gắng thọ trì Pháp học, vì đã lớn tuổi mới xuất gia. Thọ giáo đề mục xong rồi, các vị ấy xin phép Đức Bốn Sư:

- Bạch Ngài, chúng con sẽ vào hành đạo trong một khu rừng.
- Các thầy vào khu rừng nào?
- Bạch Ngài, khu rừng ấy tên là...

Nghe vậy, Đức Bốn Sư biết rằng: "Vào nơi đó, các Tỳ khuru này sẽ phải một phen kinh sợ vì một gã tàn thực (Vighāsādā); nếu có Sa di Đòn Xóc cùng đi thì mọi việc sẽ an bài tốt đẹp, rồi các thầy Tỳ khuru ấy sẽ hoàn tất phận sự xuất gia".

Sa di Đòn Xóc là tên vị Sa di bảy tuổi, đệ tử của Ngài Sāriputta.

Người ta nói mẹ của Sa di là con gái của một gia đình giàu có. Khi mang thai, gần đến ngày sanh bà bị bệnh nặng trong chốc lát rồi chết ngay. Khi người ta thiêu xác bà, trừ ra thịt ở bụng, kỳ dư những nơi khác đều cháy rụi, những người thiêu phải đem thịt bụng của bà xuống khỏi giàn hỏa, lấy cây nhọn đâm thủng hai ba chỗ, mũi nhọn cây chĩa chạm nhằm đuôi mắt của thai nhi. Sau khi đâm thủng măng thịt quanh bụng, người ta vớt nó lên đồng than lửa đỏ, cào than cháy phủ khắp cả, rồi bỏ ra về. Thịt tử cung bị cháy rụi, trên mặt đồng than sáng ngời như chiếc đĩa bằng vàng, đứa hài tử nằm yên như trong một đóa sen hồng. Quả thật, đối với một chúng sanh kiếp chót, dù có bị rơi vào lửa hay từ đỉnh Tu Di (Sineru) rớt xuống, khi chưa đắc quả A La Hán thì không bao giờ bị mạng chung.

Qua ngày sau, những người thiêu xác đến để dập tắt lửa giàn hỏa, trông thấy đứa bé nằm yên nơi đó, hết sức ngạc nhiên kêu lên: "Sao lạ thế này? Với bấy nhiêu củi đó, toàn thể cái xác đều cháy rụi. Tại sao đứa nhỏ không bị cháy? Có cái gì đây nhỉ?".

Người ta mang đứa bé về làng, rồi đi coi thầy bói, các nhà tiên tri nói: "Nếu cậu bé này sống tại gia, thì thân quyến cả bảy đời của cậu sẽ không nghèo khó. Còn nếu cậu sẽ xuất gia thì lúc đi hành đạo sẽ có năm trăm Sa môn theo hầu".

Do cái vết theo ở đuôi mắt bị bể lúc trước, cậu bé được đặt tên là Đòn Xóc (Sankicca), thời gian sau, vết theo hiện ra rõ rệt.

Các thân tộc cậu bé rán nuôi nấng cậu và nguyện rằng:

- Dầu cho đứa bé này sống đến tuổi lớn khôn, chúng ta cũng cho nó xuất gia với Trưởng lão Sāriputta.

Khi cậu bé được bảy tuổi, nó được các trẻ khác cho biết:

- Mẹ mày đã chết khi còn mang mày trong thai. Xác bà bị thiêu rụi, riêng mày còn sống, không bị cháy.

Nghe vậy, Đòn Xóc suy nghĩ: "Ai cũng bảo ta đã thoát khỏi tai nạn khủng khiếp như thế. Vậy ta còn ở nhà mà làm gì? Ta sẽ xuất gia".

Cậu bé Đòn Xóc nghĩ ý định xuất gia của mình với quyến thuộc, họ vô cùng hoan hỷ tán thành ý của cậu, đưa cậu đến ra mắt Trưởng lão Sāriputta và giao cậu cho Trưởng lão.

- Bạch Ngài, xin Ngài cho cậu bé này xuất gia.

Trưởng lão truyền cho cậu niệm năm chi đầu của đề mục thân trước là: tóc, lông, móng, răng, da, rồi cho cậu xuất gia Sa di. Khi cậu xuống tóc, lưỡi dao cạo vừa chạm vào da đầu, cậu liền chứng đắc A La Hán với Tuệ Phân tích. Chính Sa di Đòn Xóc là vị này vậy.

Khi biết rằng: "Vào trong khu rừng đó, ông Sa di này sẽ làm cho êm sự kinh sợ. Nhờ vậy các Tỳ khuru sẽ đạt đến mức viên mãn phạm sự xuất gia". Đức Bổn Sư bảo các vị ấy: "Này các Tỳ khuru, các thầy hãy đi thăm Sư huynh Sāriputta của các thầy đi".

- Lành thay, bạch Thế Tôn. Các Tỳ khuru đáp.

- Các đạo hữu, có chuyện chi đến đây? Trưởng lão Sāriputta hỏi.

- Chúng tôi đã thọ huấn đề mục nơi Đức Bổn Sư, định vào rừng hành đạo, nhưng khi xin phép Ngài, Ngài bảo chúng tôi: "Các thầy hãy đến viếng Sư huynh của các thầy là Sāriputta". Cho nên chúng tôi mới đến đây.

Trưởng lão Sāriputta nghĩ thầm: "Chắc Đức Bổn Sư đã thấy được lý do gì đây, nên bảo các Tỳ khuru đến đây. Vậy lý do đó là gì?".

Khi Ngài quán xét, biết được nguyên nhân, Trưởng lão hỏi:

- Này các đạo hữu, các vị có Sa di nào không?

- Thừa đạo hữu (āvuso là tiếng gọi đồng hạng, hoặc nhỏ hơn. Nhưng khi Phật còn tại thế, Chư Tăng chỉ dùng tiếng này xưng hô với nhau, dầu đối với bậc trưởng thượng.) , không có.

- Nếu không có, quý vị hãy mang theo Sa di Đòn Xóc này đi theo.

- Thôi đi, thừa đạo hữu. Dem Sa di đi theo chúng tôi sẽ vướng bận, tu ở rừng thì cần có Sa di mà làm chi?

- Này các đạo hữu, không phải vì Sa di này khiến các vị thêm ràng buộc, mà trái lại quý vị sẽ là sự ràng buộc đối với ông Sa di này. Vả lại, sở dĩ Đức Bổn Sư dạy quý vị đến thăm tôi là có ý muốn tôi cho ông Sa di cùng đi với quý vị. Vậy quý vị hãy mang theo Sa di này đi.

- Lành thay.

Các Tỳ khuru chấp thuận cho Sa di cùng đi theo, thành ra một nhóm ba mươi mốt người, từ giả Trưởng lão ra khỏi chùa, rồi đi bộ lần hồi, trải qua độ một trăm hai mươi do tuần (Visayojanasatamatthake), đến một khu làng nọ có ngàn nóc nhà. Dân làng thấy chư Tỳ khuru đến, phát tâm tịnh tín, đặt bát cúng dường xong mới hỏi:

- Bạch các Trưởng lão, chẳng hay các Ngài đi đâu?

- Này các đạo hữu, Chư Tăng chúng tôi đi tìm chỗ thuận cảnh tiện nghi.

Nghe vậy, dân chúng nằm mọp dưới chân Chư Tăng, yêu cầu:

- Bạch các Trưởng lão, chúng tôi xin cung thỉnh các Ngài dừng bước lại nơi đây kiết hạ an cư, để chúng tôi có thể thọ trì Tam qui và Ngũ giới, thiết lập trai đàn.

Chư Trưởng lão nhận lời.

Dân làng lo cất những thảo am, dọn đường kinh hành, sắp xếp cho có chỗ Chư Tăng hành đạo ban ngày, lẫn ban đêm, dâng đến Chư Tăng. Xong rồi, chia phiên nhau, nay người này mai người khác siêng năng phục dịch hộ độ Chư Tăng.

Vào ngày an cư kiết hạ, chư Tỳ khưu hội thảo cùng nhau rồi quyết định: "Nầy các đạo hữu, chúng ta đã thọ giáo để mục hành đạo từ nơi Đức Phật, thì không thể nào ta hưởng được ân huệ của Đức Thế Tôn bằng cách hành theo một đường lối nào khác. Và lại, các cửa vào ác đạo đang mở rộng, chúng ta chẳng khá dễ duôi. Bởi vậy, trừ ra buổi sáng sớm là giờ đi khát thực và buổi tối là giờ phục dịch các bậc Trưởng lão, thì chúng ta không nên ở chung hai người một nơi. Nếu ai có bệnh thì người ấy hãy đánh kiếng (Gaṇḍi), chúng ta sẽ đến săn sóc thuốc men cho người ấy. Trong những giờ khác, ban ngày lẫn ban đêm chúng ta phải tinh cần lo tu niệm để mục.

Trong khi Chư Tăng đã giao ước và an cư hành đạo như vậy, thì có một người đàn ông nghèo khổ, sống nương nhờ các con gái. Nơi xứ cô gái ấy lại lâm vào nạn đói, ông ta muốn đến sống nương nhờ nơi cô con gái khác, cất bước lên đường.

Lúc ấy chư Trưởng lão vào làng khát thực xong, trên đường trở về chỗ ngụ, giữa đường các Ngài xuống tắm dưới con sông, rồi lên ngôi trên một bãi cát mà thọ thực.

Ngay lúc ấy, người đàn ông đi đến chỗ đó, đứng một bên nhìn Chư Tăng. Các Trưởng lão bèn hỏi:

- Nầy ông Thiện nam, ông đi đâu đó?

Người chạy nạn đói cho biết mục đích của mình, các Trưởng lão nghe vậy, động lòng bi mẫn nên nói:

- Nầy ông Thiện nam, chắc là ông đói lắm, ông hãy đi tìm lá cây đem lại đây Chư Tăng mỗi vị sẽ bố thí cho ông một vắt cơm.

Khi người ấy mang lá đến, các Tỳ khưu mỗi vị bót com canh của mình đang độ, vắt lại thành một cục, sốt cho ông ta ăn. Đó là một phận sự, người ta nói rằng: Trong giờ ăn mà có người đến xin, vị Tỳ khưu cũng nên Bố thí ít hoặc nhiều vật thực của mình đang độ, trừ ra phần com mật (Aggabhatta), cho nên Chư Tăng đã cho như thế.

Sau khi ăn xong bữa, người đàn ông đánh lễ các vị Trưởng lão và hỏi:

- Bạch các Ngài, hôm nay có ai mời thỉnh các Ngài dự lễ Trai Tăng phải không?

- Nầy ông Thiện nam, không có ai mời thỉnh cả. Mỗi ngày thôn dân đều cúng dường để bát như thế cả.

Người đàn ông suy nghĩ: "Như ta luôn siêng năng làm lụng hết việc này đến việc khác mà chưa hề được ăn bữa cơm như thế này. Vậy ta còn đi tìm chỗ nào khác làm chi, ta sẽ sống chung với các Ngài là tiện nhất".

Thế rồi, ông ta nói với Chư Tăng:

- Con muốn ở gần các Ngài để làm công kia việc nọ phục dịch các Ngài.

- Lành thay, nầy Cậ sự nam.

Ông Thiện nam theo Chư Tăng về đến chỗ ngụ của các Ngài, phụ trách mọi việc đàn tràng hoàng tử tế rất được lòng các Ngài. Nhưng qua hai tháng sau, ông ta lại muốn đi thăm con gái tự nghĩ: "Nếu ta xin phép chắc chắn các Ngài sẽ không buông thả ta ra. Vậy ta hãy rút đi êm là hơn". Thế rồi, ông ta ra đi không cáo từ Chư Tăng, người ta nói, ai lên Chư Tăng mà đi như vậy là phạm một lỗi lầm.

Trên đường đi của ông Thiện nam, có một khu rừng rậm, trong rừng ấy có năm trăm tên cướp mới đến lập sào huyệt và nguyện với Chư Thiên trong rừng rằng: "Ai vào rừng này, chúng tôi sẽ giết chết, lấy máu và thịt cúng tế linh thần". Chúng trú ở nơi ấy được bảy ngày. Hôm ấy là ngày thứ bảy, tên chúa đảng trèo lên cây, canh chừng những bộ hành, trông thấy ông Thiện nam đi đến, bèn ra dấu

cho đồng đảng. Bọn cướp biết được ông ta đã vào đến giữa rừng, bèn bao vây bắt được. Lấy dây trói tay chân ông thật chặt, lấy cây cọ kéo cho ra lửa để nhóm lửa, gom củi lại chất thành một đống lửa lớn, và lấy cây chia thọc cho thông hơi. Ông Thiện nam thấy bọn cướp làm như thế, bèn hỏi:

- Thưa chủ, nơi đây không có thú rừng như heo, nai chẳng hạn. Thế mà ông chủ cho nhóm lửa làm gì thế?

- Chúng ta sẽ giết chết người để lấy thịt và máu cúng tế Thiên địa quỷ thần.

Ông ta quá sợ chết, chỉ lo bảo toàn mạng sống của mình, không còn nhớ đến ân nghĩa của các Tỳ khuru, nên nói:

- Thưa ông chủ, tôi chỉ là một kẻ dùng tàn thực, một kẻ ăn mót cơm thừa, canh cặn, nên có tên là Tàn thực (Vighāsādo) là kẻ xui xẻo bẩm tiện, mới vừa từ biệt các Trưởng lão mà ra đi. Các bậc xuất gia thuộc dòng Sát Đế Lợi, hiện giờ đang ở nơi địa điểm nọ, tất cả là ba mươi một vị Tỳ khuru, ông chủ bắt các vị ấy giết lấy máu và thịt tế chư thần, chắc Chư Thiên sẽ hoan hỷ hơn.

Nghe vậy, bọn cướp suy nghĩ: "Tên này nói nghe cũng có lý. Ta giết kẻ xui xẻo này làm chi? Ta nên giết người thuộc dòng Sát Đế Lợi mà tế thần".

Bọn cướp mở trói cho ông tàn thực, để ông ta dẫn đường, đưa chúng đến chỗ ngụ của Chư Tăng. Đến chùa không thấy Chư Tăng trong chùa, bọn cướp hỏi: "Các Tỳ khuru ở đâu?".

Ông tàn thực đã từng ngụ ở đây hai tháng, đã biết rành nội qui của Chư Tăng, nên chỉ cách cho bọn cướp: "Các Tỳ khuru vô ngồi trong các chỗ tu hành ban ngày hoặc ban đêm, chớ không có ở đây. Các ông hãy đánh kiếng, nghe tiếng kiếng, các Tỳ khuru sẽ tụ hội".

Tên đầu đảng đánh kiếng. Các Tỳ khuru nghe tiếng kiếng, nghĩ thầm: "Kiếng đánh phi thời, chắc có vị nào bệnh chi đây?".

Tất cả Chư Tăng đều tụ vào giữa chùa, theo thứ tự tuổi hạ ngồi lên những thạch bàn đã kê sẵn từ trước.

Vị Trưởng lão Tăng trưởng nhìn bọn cướp rồi hỏi:

- Này các Thiện nam, ai đánh kiếng này vậy?

- Bạch các Ngài, chính chúng tôi đánh.

- Vì lý do nào vậy?

- Chúng tôi có việc cầu khẩn Chư Thiên trong rừng, nên bây giờ đến bắt một vị Tỳ khuru đem về cúng tế trả lễ Chư Thiên.

Nghe vậy, vị Trưởng lão cao hạ nhất bảo các Tỳ khuru:

- Này các đạo hữu, phạm trong đạo nghĩa anh em, hễ có việc chi xảy đến, người anh cả phải đứng ra gánh vác. Tôi nguyện hy sinh mạng sống cho tất cả Chư Tăng mà đi với mấy ông này. Mong cho tất cả đừng bị sự tai hại. Hãy chuyên cần hành Sa môn pháp.

Vị Phó Trưởng lão nói:

- Bạch Ngài, phạm phạm sự nào của người anh, thì người em phải đảm đương. Tôi xin ra đi để Ngài và Chư Tăng ở lại Tinh tấn hành đạo.

Cứ theo thứ tự, từ trên xuống dưới, cả ba mươi vị Tỳ khuru đều tình nguyện xin lãnh phần hy sinh như thế. Tất cả những vị này không phải con một mẹ, không phải con một cha và cũng không phải là những bậc đã xa lìa tình dục, ấy thế mà không ham muốn được sống sót, các vị ấy tuân tự nguyện hy sinh mạng sống, trong nhóm không có vị nào có thể mở miệng bảo vị khác: "Đạo hữu hãy đi đi".

Sa di Đòn Xóc nghe qua những lời tình nguyện của các Tỳ khuru thì bạch rằng:

- Xin các Ngài hãy khoan, để con đi thế mạng cho các Ngài.

- Này đạo hữu, chúng tui thà là chết chung một lượt, chớ khung bao giờ đành để cho người ra đi một mình đâu.

- Bạch các Ngài, tại sao vậy?

- Nầy đạo hữu, đạo hữu là Sa di của Pháp chủ là Trưởng lão Sāriputta, nếu như chúng tôi để đạo hữu ra đi, thì Trưởng lão sẽ trách chúng tôi: "Các thầy đã đem Sa di của tôi đi giao cho bọn cướp". Chúng tôi sẽ không có lời nào biện để khỏi bị Trưởng lão quở, do đó chúng tôi không để cho đạo hữu đi.

- Bạch các Ngài, Đức Chánh Biến Tri đã khiến các Ngài đến thăm Hòa Thượng của con, và thầy con đã khiến con đi chung với các Ngài, bây giờ có việc xảy đến như vậy thì cái lý do khiến con phải đi với các Ngài đã rõ rệt. Vậy xin các Ngài hãy ở lại, để con đi.

Sa di Đòn Xóc đành lễ ba mươi vị Tỳ khưu để cáo biệt và nói: "Nếu con có lầm lỗi chi, xin các Ngài hãy tha thứ cho con".

Ông Sa di ra đi, các Tỳ khưu phát tâm kinh cảm, lụy ứa doanh tròn, tâm tư xúc động. Trưởng lão Trưởng lão bảo bọn cướp:

- Nầy các Thiện nam, đưa bé nầy sẽ kinh hãi khi thấy các ông nổi lửa, gom củi trái lá. Vậy các ông hãy để nó qua một bên rồi hãy làm các việc ấy.

Bọn cướp dắt ông Sa di vào rừng, để ông đứng riêng một nơi, rồi lo làm tất cả mọi việc.

Xong việc rồi, tên chánh đảng rút gươm ra khỏi vỏ, đến gần ông Sa di, còn ông Sa di lúc bấy giờ đang ngồi Tham thiền Nhập định. Tên chánh đảng khoa gươm lên rồi chém xuống cổ ông Sa di, lưỡi gươm cong ngược lên, sóng chạm với sóng. Tướng cướp ngỡ là mình chém không đúng cách, uốn nắn lưỡi gươm cho ngay lại rồi chém một lần nữa, lưỡi gươm lại uốn cong lại như tàu lá thốt nốt, mũi gươm chạm với gốc cán gươm.

Trong khi ấy, ông Sa di dầu có bị xô ngã từ đỉnh núi Tu Di xuống cũng không thể chết, huống hồ gì bị chém bằng gươm. Thấy việc lạ thường, tên chánh đảng tự nghĩ: "Lúc trước lưỡi gươm ta chém vào tảng đá hoặc gốc cây keo đứt ngọt như chém vào đọt thốt nốt, bây giờ lần đầu tiên nó bị cong, lần thứ hai nó bị cuốn lại như tàu lá thốt nốt. Lưỡi gươm nầy tuy là vật vô tình vô ý mà nó còn biết Giới đức của ông Sa di nầy, còn ta là người có tình có ý mà ta lại không biết".

Quăng gươm xuống đất, tên chánh đảng nằm mọp dưới chân ông Sa di và thưa:

- Bạch Ngài, bọn tôi vì lý do của cải chiếm cứ khu rừng nầy, những người vào đây dầu đông đến số ngàn, nhưng thấy chúng tôi từ đằng xa cũng đã run sợ không thể nói lên được một lời, còn Ngài vì sao không có chút gì sợ hãi, sắc diện lại sáng rỡ như vàng ròng, dung nhan tươi tốt như chùm hoa nở vậy Ngài?

Tên chánh đảng lại ngậm kệ hỏi rằng:

"*Tāso te natthi na bhayaṃ*

Bhiyyo vaṇṇo pasīdati

Kasmā na paridevesi

Evarūpe mahabbhayaṃ".

Ngài không run cũng không sợ, hơn thế nữa sắc mặt Ngài trong sáng. Tại sao Ngài không than khóc, trước sự kinh sợ to lớn như vậy?

Vị Sa di xuất thiền, thuyết pháp cho tên cướp nghe:

- Nầy đạo hữu đảng trưởng, bậc Lậu tận xem cái gọi là tự ngã (xác thân) là một gánh nặng. Cho nên khi có sự phá vỡ tự ngã thì bậc ấy càng hoan hỷ chớ không sợ sệt. Nói rồi Sa di ngậm lên kệ rằng:

"*Natthi cetasikaṃ dukkhaṃ*

Anapekkhassa gāmaṇi

Atikkhanto bhayaṃ sabbam

Khīṇasaṃyojano isi

Khīṇā assa bhavanetti

Diṭṭhā dhammā yathā tathā

Nibbhayaṃ maraṇaṃ honti

Bhāroropananaṃ yathāti".

Nầy đảng trưởng không có sự khổ tâm đối với bậc vô dục, nhà đạo sĩ đã dứt trừ mọi kiết sử, là đã vượt qua tất cả sự lo sợ. Nếu như con mắt hữu được phá vỡ hợp pháp, ngay trong hiện kiếp thì sự chết là sự vô úy, giống như sự trút bỏ gánh nặng ấy vậy?

Nghe dứt bài kệ tên tướng cướp quay lại nhìn năm trăm đồng đảng hỏi rằng:

- Mấy anh em sẽ làm gì?"

- Thừa đại ca, đại ca sẽ làm gì?

- Từ lúc thấy pháp mầu huyền diệu, ta tự nghĩ: "Ta đã hết phận sự ở gia đình rồi", cho nên ta sẽ xuất gia với Ngài đây.

- Chúng tôi cũng đồng ý theo gương của đại ca.

- Lành thay, các hiền đệ.

Kế đó, năm trăm tên cướp đồng qui xuống đánh lễ ông Sa di xin cho mình xuất gia.

Sa di Đòn Xóc bảo năm trăm tên cướp lấy lưới grom cạo tóc và cắt bỏ lại quần áo, lấy đất nâu nhuộm màu làm thành y đắp xong rồi, mới truyền mười giới cho đệ tử, lúc dắt họ đi ông thấy tự nghĩ: "Nếu ta đi luôn không về thăm các Trưởng lão thì các Ngài sẽ không thể hành Sa môn Pháp được, vì cứ ngỡ rằng bọn cướp đã bắt giết ta rồi. Từ lúc ta ra đi không một Ngài nào cầm được nước mắt, cứ mãi băn khoăn với ý nghĩ: "Tội nghiệp cho ông Sa di bị bọn cướp giết chết". Các Ngài không thể định tâm chuyên chú niệm để mục được, bởi thế ta phải về thăm các Ngài".

Cùng với đoàn tùy tùng năm trăm Tỳ khuru, Sa di Đòn Xóc trở về chỗ ngụ của các Trưởng lão cho các Ngài được thấy mình.

Các Ngài Trưởng lão mừng rỡ hỏi:

- Ô!Bậc Thiện trí thức (Sappurisa) Đòn Xóc,Ngài còn sống phải chăng?

Nghe vậy Đòn Xóc đáp:

- Dạ phải, bạch các Ngài. Những vị nầy đã tính giết con nhưng không giết được, trở lại có tâm tịnh tín đối với ân đức của con, sau khi nghe pháp các vị nầy đã xuất gia, con về đây thăm các Ngài. Các Ngài hãy chuyên cần hành Sa môn Pháp từ nay về sau, còn con sẽ về yết kiến Đức Thế Tôn.

Sau khi đánh lễ các Trưởng lão, Đòn Xóc dắt các đệ tử về thăm thầy Tế độ, ông thầy hỏi:

- Nầy Đòn Xóc, con mới kiếm được những đệ tử phải không?

- Dạ phải, bạch Ngài.

Rồi Sa di đem những việc đã qua trình cho thầy biết.

Trưởng lão bảo: "Nầy Đòn Xóc, con hãy đi yết kiến Đức Bổn Sư đi".

- Lành thay.

Sa di Đòn Xóc đánh lễ Trưởng lão rồi dắt các đệ tử đến chỗ Đức Bổn Sư đang ngụ. Đức Bổn Sư cũng hỏi:

- Nầy Đòn Xóc con mới kiếm được những đệ tử phải không?

Sa di Đòn Xóc lại đem mọi việc vừa qua trình lên cho Đức Bổn Sư biết. Đức Bổn Sư hỏi các Tỳ khuru đệ tử: "Nầy các Tỳ khuru có đúng như thế không?".

- Dạ đúng, bạch Ngài.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khuru, các thầy đã làm nghề trộm cướp, dẫu cho có sống cả trăm năm trong tà Giới hạnh, không bằng bây giờ chỉ sống một ngày mà Trì Giới nghiêm minh".

Đức Bổn Sư thuyết pháp, rồi kết luận bằng bài kệ rằng:

"Yo ca vassasatam jīve

Dussīlo asamāhito

Ekāham jīvitam seyyo

Sīlavantassa jhāyinoṭi".

"Sống trăm năm, tuổi thọ trường,
Mà không giữ Giới, không nương pháp Thiên.
Không bằng sống một ngày nguyên,
Trì Giới trong sạch, tu Thiên nhất tâm.

CHÚ GIẢI:

Dussilo: Đồng nghĩa với Nissilo là không có hạnh kiểm, phá giới.

Silavantassa: Người phá giới dù sống cả trăm năm nếu so với người Trì giới, tu hai pháp Thiên Chỉ Quán, chỉ sống trong một ngày, hoặc là trong giây lát thì người sau này vẫn quý báu cao thượng hơn.

Cuối thời Pháp, năm trăm Tỳ khuru này đắc quả A La Hán với Tuệ Phân tích. Đại chúng thính pháp cũng đều hưởng được lợi ích.

Thời gian sau, Sa di Đòn Xóc thọ Cụ túc giới và khi tròn đủ mười hạ Tỳ khuru rồi mới thu nhận một vị Sa di, là cháu gọi Trưởng lão Đòn Xóc bằng cậu tên là Siêu Thoát (Adhimuttaka).

Khi Sa di tròn đủ hai mươi tuổi, Trưởng lão gọi ông và bảo: "Ta sẽ cho con thọ Cụ túc giới, con hãy đi về hỏi thân quyến cho biết rõ số tuổi của con rồi trở lại đây".

Từ giã thầy Tế độ, ông Sa di lên đường về thăm cha mẹ, dọc đường ông bị năm trăm tên cướp bắt, định giết ông để tế Chư Thiên, ông đã thuyết pháp cho họ nghe, khiến họ phát tâm trong sạch, thả ông ra và dặn: "Thầy không nên báo tin cho ai biết là có bọn chúng tôi ở trong chỗ này cả nhé!".

Trên đường ngược chiều, thấy cha mẹ đến, ông cùng đi với cha mẹ trở lại lối cũ mà không nói cho ông bà biết sự thật để giữ mình, khi bị bọn cướp bắt và làm khó dễ, nên ông bà trách rằng: "Chắc có lẽ ông một phe với bọn cướp, nên không báo tin cho chúng tôi biết".

Nghe tiếng khóc than của ông bà, bọn cướp mới biết ông Sa di đã giữ đúng lời hứa, dẫu với cha mẹ cũng chẳng tiết lộ sự bí mật của họ, nên họ càng phát tâm tịnh tín, đồng yêu cầu xin xuất gia.

Ông nầy cũng như Trưởng lão Đòn Xóc lúc trước đã cho tất cả bọn cướp xuất gia rồi dắt họ về ra mắt thầy Hòa Thượng. Vâng lời thầy, ông đưa họ đến yết kiến Đức Bổn Sư và tường thuật mọi việc với Ngài. Đức Bổn Sư hỏi:

- Nầy các Tỳ khuru có đúng thế không?

- Bạch Ngài đúng vậy.

Y như lần trước, Đức Bổn Sư thuyết pháp cho năm trăm Tỳ khuru này nghe, rồi kết luận bằng kệ ngôn rằng:

"Yo ca vassasatam jive

Dussilo asamahito

Ekaham jivitam seyyo

Silavantassa jhayinoti".

Do câu chuyện trên đây, sự tích Chú giải câu Kệ Pháp Cú này cũng được gọi là tích Sa di Siêu Thoát.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Sa di Đòn Xóc pháp cao cường,
Gươm chém trơ trơ, cướp phải nhường,
Bảy tuổi đã làm thầy Tiếp dẫn,
Giúp năm trăm cướp được hoàn lương.
Đã cứu ba mươi Trưởng lão già,
Khởi tay cướp giết ở rừng xa,
Thả đều đắc quả A La Hán,
Ông dắt cướp về lễ Phật Đà.
Phật dạy các thầy mới xuất gia:
Một ngày Đạo hạnh, có Thiên na,*

Còn hơn trăm tuổi không tự chế,
Tội lỗi như thời gian đã qua...

DỨT TÍCH SA DI ĐÒN XÓC

VIII. 10- TRƯỞNG LÃO KONḌAÑÑA GỐC CÂY (Khāṇukonḍaññattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 111)

Yo ca vassasatam jīve
"Ai sống một trăm năm,
duppañño asamāhito
Ác tuệ, không Thiên định,
Ekāhaṃ jīvitam seyyo
Tốt hơn sống một ngày,
paññavantassa jhāyino.
Có tuệ, tu Thiên định".

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), để cập đến Trưởng lão Koṇḍañña Gốc cây (Khāṇukonḍañña).

Tương truyền: Sau khi thọ giáo để mục nơi Đức Bổn Sư, Trưởng lão an cư trong rừng, hành đạo đắc quả A La Hán, định về báo tin mừng với Đức Bổn Sư. Đi đường xa mệt mỏi, Trưởng lão dừng chân rẽ vào ngôi nhập Định trên một tảng đá bằng phẳng.

Khi ấy, có một bọn cướp năm trăm tên, vừa mới đánh phá một làng nọ, vơ vét tài vật, gói ghém cột lại, phần người nào người ấy mang đi. Đường xa mệt mỏi, chúng định nghỉ chân, tìm một tảng đá phẳng đặt các gói đồ xuống, rẽ vào tảng đá phẳng có vị Trưởng lão ngồi, nhưng chúng không thấy Ngài, tưởng rằng: "Đây là một gốc cây".

Thế rồi, một tên cướp đặt gói đồ của mình lên đầu Trưởng lão, một tên khác lại đặt một gói nữa chồng lên trên. Cứ như thế năm trăm tên cướp đặt năm trăm gói hàng lên mình Trưởng lão rồi nằm ra ngủ. Ngủ đã rồi, khi mặt trời mọc, bọn cướp mới thức dậy, mạnh ai nấy nhặt gói đồ của mình, sực thấy Trưởng lão chúng tưởng là phi nhân, kinh hoàng bỏ chạy, Trưởng lão bèn gọi họ lại:

- Này các Thiện nam đừng sợ, ta là người xuất gia mà.

Bọn cướp quay lại nằm mọp dưới chân Trưởng lão xin sám hối:

- Bạch Ngài, xin Ngài từ bi hỉ xả tha tội chúng con, chúng con tưởng lầm Ngài là một gốc cây.

Được Trưởng lão miễn lỗi rồi, tên đầu đảng ngỏ lời xin xuất gia với Trưởng lão, nghe vậy tất cả đồng đảng cũng đồng xin xuất gia một lượt với chúa đảng.

Y như Sa di Đòn Xóc, Trưởng lão đã cho năm trăm tên cướp xuất gia. Từ đó về sau Trưởng lão được biết với biệt danh là: Koṇḍañña gốc cây (Khāṇu-koṇḍanna).

Trưởng lão vây đoàn với năm trăm Tỳ khuru mới này về yết kiến với Đức Bổn Sư, Đức Bổn Sư hỏi: "Này Koṇḍañña, thầy mới kiếm được những đệ tử phải không?".

Nghe vậy Trưởng lão đem hết mọi việc đã qua, thuật lại với Đức Bổn Sư. Ngài hỏi lại: "Này các Tỳ khuru, có đúng như vậy chăng?".

- Bạch Ngài, đúng thật như vậy. Chúng con đã xuất gia với Trưởng lão, vì chúng con chưa từng thấy ai có thần lực như Trưởng lão cả.

Nghe vậy, Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Này các Tỳ khuru, lúc trước các thầy đã tạo nghiệp Vô Trí tuệ như thế, thì dầu có sống cả trăm năm cũng vô ích không bằng bây giờ chỉ sống một ngày thôi mà có đầy đủ Trí tuệ, tu hành Thiên định.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bằng bài kệ rằng:

"Yo ca vassasatam jīve

*Duppañño asamāhito
Ekāham jīvitam seyyo
Pañnavantassa jhāyinoṭi".*

"Dầu cho sống cả trăm năm,
Thiếu Trí tuệ, chẳng hành thâm pháp Thiền.
Không bằng sống một ngày nguyên,
Mà có Trí tuệ, tu Thiền nhất tâm".

CHÚ GIẢI:

Duppañño: Đồng nghĩa với (Nippañño) là Vô trí tuệ.

Pañnavantassa: Sáng suốt, có Trí tuệ.

Phần còn lại đồng nghĩa với bài Kệ trước.

Cuối thời Pháp năm trăm Tỳ khưu đắc quả A La Hán với Tuệ Phân tích. Kỳ dư đại chúng đều hưởng được sự lợi ích nhờ thời Pháp của Đức Bổn Sư.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Trưởng lão nhập Thiền như gốc cây,
Nửa đêm, bọn cướp chạy vào đây,
Máng đồ lên đó, lăn ra ngủ,
Sáng dậy, kêu nhau sám hối thầy!
Bỏ nghề cườn đao, xuất gia liền,
Tất cả theo thầy học đạo Thiền,
Thầy trước, trò sau về viếng Phật,
Cùng nhau sấn bước đến Kỳ Viên.
Phật dạy các thầy mới xuất gia:
Một ngày có Tuệ, có Thiền na,
Còn hơn trăm tuổi không Thiền, Tuệ,
Phóng đặng như thời gian đã qua!*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO GỐC CÂY



VIII. 11- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SAPPADĀSA (Sappadāsattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 112)

Yo ca vassasatam jīve

"Ai sống một trăm năm,

kusīto hīnavīriyo

Lười nhác không Tinh tấn,

Ekāham jīvitam seyyo

Tốt hơn sống một ngày,

viriyam ārabhato (Viriyamārabhato (theo bản Pāli của CSCD/Dhammagiri. India.) daḷham.

Tinh tấn tận sức mình".

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), đề cập đến Trưởng lão Sappadāsa (Sappadāsa).

Tương truyền: Trong thành Sāvattthī có một thanh niên con nhà gia giáo, sau khi được nghe Đức Bổn Sư thuyết pháp, đã xuất gia tu lên Tỳ khưu. Một thời gian sau, vị này bất mãn vì hành đạo không tiến triển, nhưng tự nghĩ: "Con nhà gia giáo như ta mà hoàn tục sống đời cư sĩ thì không đúng đắn, thà là chết trong đạo còn hơn". Thế rồi vị Tỳ khưu bất mãn đi lang thang, tìm phương thế để tự sát.

Một hôm nọ, vào sáng sớm các Tỳ khưu đã tắm gội, thọ thực xong đi vào chùa, gặp con rắn trong nhà khói (Aggisālā), các Ngài bắt nó bỏ vào trong cái bình, đập nắp lại rồi mang bình ra khỏi chùa.

Vị Tỳ khưu bất mãn cũng vừa thọ thực xong đi vào thì gặp Chư Tăng đi ra, liền hỏi:

- Cái chi đây, các đạo hữu?
- Con rắn, này đạo hữu.
- Các Ngài sẽ làm gì nó?
- Chúng tôi đem nó đi quăng cho xa.

Nghe chư Tăng nói vậy, vị Tỳ khưu tính thầm: "Ta sẽ cho con rắn này cắn ta chết". Thế nên, vị này nói với Chư Tăng: "Các đạo hữu hãy đưa tôi, tôi sẽ không quăng nó đâu".

Chư Tăng trao cái bình qua vị Tỳ khưu, vị này ôm cái bình đi kiếm chỗ ngồi và nhử cho con rắn cắn mình, con rắn không chịu cắn, vị Tỳ khưu thọc tay vào bình quậy lung tung, rồi còn cạy miệng con rắn ra, đút ngón tay của mình vào nữa, nhưng con rắn vẫn không cắn vị này. Vị Tỳ khưu nghĩ thầm: "Con rắn này không phải loại rắn độc". Bèn bỏ nó đó mà đi vào chùa.

Khi ấy Chư Tăng hỏi vị Tỳ khưu:

- Đạo hữu đã quăng con rắn rồi phải không?
- Này các đạo hữu! Con rắn đó không phải là rắn độc.
- Này đạo hữu! Con rắn đó đã phùng mang, thở khì khì. Chúng tôi khó nhọc lắm mới bắt được nó, sao đạo hữu lại nói như vậy?
- Này các đạo hữu, chính tôi đã thọc tay vào bình cho nó cắn, đút ngón tay vào miệng chọc cho nó cắn, mà còn không được kia mà!

Nghe vậy Chư Tăng làm thinh.

Lại một hôm khác, ba Tỳ khưu tắm xong mang theo hai lưỡi dao cạo vào chùa, bỏ dưới đất một lưỡi, còn một lưỡi dùng cạo tóc cho Chư Tăng.

Vị Tỳ khưu bất mãn lượm lưỡi dao bỏ quên trên đất, tính thầm: "Với lưỡi dao này ta sẽ cắt cổ tự tử". Đứng thẳng cần cổ, tự ví mình như một cái cây, đưa lưỡi dao sát cuống họng, vị Tỳ khưu quán xét lại Giới hạnh của mình từ lúc thọ Giới Tỳ khưu đến nay thì thấy Giới của mình hoàn toàn trong sạch, không tỳ vết, vô nhiễm như mặt trăng rằm, tinh khiết như ngọc Ma ni. Quán thấy Giới mình được như vậy, vị Tỳ khưu phát tâm hỷ lạc, toàn thân vui sướng chẳng cùng.

Sau khi Xả bỏ Hỷ lạc, phát triển Tuệ Minh sát vị Tỳ khưu đắc quả A La Hán với Tuệ Phân tích, rồi bèn cầm lưỡi dao cạo đi vào giữa chùa. Chư Tăng hỏi vị ấy:

- Đạo hữu này giờ đi đâu?
- Thừa các đạo hữu, với lưỡi dao này tôi đã đi cắt cuống họng, tự tử.
- Thế sao đạo hữu không chết?
- Khi cầm con dao này đi ra, tôi tự nhủ: "Ta không có thể sống dưới dao bén này, ta sẽ cắt đứt cuống họng của ta." thì bỗng nhiên lưỡi dao Trí tuệ đã cắt đứt tất cả phiền não của tôi.

Các Tỳ khưu cho là vị này nói dối, phạm giới đại vọng ngữ, nên đi mách với Đức Bổn Sư. Đức Thế Tôn nghe Chư Tăng tường trình xong liền giải thích rằng:

- Này các Tỳ khưu, các bậc Lưu tận không bao giờ tự tay cắt đứt sinh mạng của mình (Nhu lời Phật dạy, vị A La Hán không bao giờ tự sát, vị Tỳ khưu trong Phật giáo tự sát phạm tội tác ác, phải sa Địa ngục bảy ngày sau khi chết. Nhưng cũng có trường hợp tự sát mà đắc A La Hán trong giờ phút chót, như Trưởng lão Cổ Điệt (Kệ Pháp Cú số 57, Phẩm hoa.) Trường hợp của Trưởng lão Sappadāsa

lại khác: Ngài không chết vì chưa cắt cổ mà đã đắc A La Hán, do đó ý nghĩ tự sát không còn. Ngài chỉ cắt đứt phiền não bằng lưỡi dao Trí tuệ mà thôi - Chỗ này bản dịch của ông P.K. Khánh có hơi khác:... Thầy lấy dao tự cắt lấy cuống họng, lúc cắt xong Thầy suy niệm về đời sống toàn thiện, tận lực cố gắng Tham thiền và đắc quả A La Hán trước khi nhắm mắt... Sự sai biệt này có lẽ xuất phát từ nguyên bản Pāli, tức là có hai bản chánh khác nhau vậy. TKPM.)

- Bạch Ngài, Ngài dạy rằng vị này là bậc Lưu tận, nếu đã đầy đủ căn lành để đắc quả A La Hán, tại sao vị này còn bất mãn? Do đâu mà vị ấy đắc quả A La Hán và tại sao con rắn không cắn vị này?

- Này các Tỳ khuru, vì lẽ con rắn ấy đã từng là nô bộc của vị ấy trong ba kiếp, cho nên nay nó không cố gắng cắn mổ thân thể của chủ nó.

Bằng bấy nhiêu lời, Đức Bổn Sư đã chỉ cho các Tỳ khuru thấy được một nguyên do. Do vậy, từ đó về sau Trưởng lão được mệnh danh là Sappadāsa.

Cũng do lời Đức Thế Tôn thuật lại, trong thời của Đức Phật Kassapa, có một thanh niên con nhà khá giả, sau khi nghe pháp của Đức Giáo chủ, phát tâm kinh cảm liền xin xuất gia và được thọ giới Tỳ khuru. Một thời gian sau, sanh tâm buồn chán, vị ấy bày tỏ nỗi lòng cho một Tỳ khuru bạn biết. Vị sau này thường thuyết giảng, nhắc bạn về sự bất lợi tội lỗi của đời sống tại gia. Nhờ nghe pháp, vị trước lại vui thích sống trong Giáo Pháp, mới đem những vật phụ tùng để hành Sa môn pháp mà khi trước mình đã bỏ cho lem ւế, đến ngồi bên một bờ ao để giặt giũ cho sạch bụi. Vị Tỳ khuru bạn cũng đến ngồi gần đó, vị kia nói với bạn rằng:

- Này đạo hữu, khi muốn hoàn tục, tôi đã có ý định tặng đạo hữu tất cả những vật phụ tùng này.

Vị Tỳ khuru bạn sanh lòng tham muốn, nghĩ rằng: "Bạn ta còn tu hay không còn tu, đối với ta có nghĩa gì? Ta đừng để phí mất những vật phụ tùng này". Từ đó về sau, vị Tỳ khuru bạn thay đổi chiều hướng, thuyết pháp ca tụng đời sống tại gia, chẳng hạn như: "Này đạo hữu, tại sao ta cứ mãi sống đời sống xuất gia, hằng ngày ôm bát đi khát thực nơi những gia đình người khác? Tại sao ta không ở nhà vui thú đoàn viên, chuyện trò thân mật với vợ con ta?".

Nghe bạn thốt lời như thế, vị Tỳ khuru kia lại bất mãn, nghĩ thầm rằng: "Bạn ta lúc trước nghe ta ngỏ ý bất mãn đời sống Phạm hạnh thì đã thuyết pháp chỉ rõ sự bất mãn tội lỗi đời sống tại gia, bây giờ lại thường xuyên ca tụng là tại có gì?". Suy xét kỹ, vị ấy biết bạn mình vì có tâm tham muốn được những vật phụ tùng này nên mới trở lòng như vậy. Đó là cái nhân bất mãn từ thời đức Phật Kassapa còn lưu lại đến bây giờ, khiến vị Tỳ khuru này có tâm bất mãn. Còn công phu tu hành Sa môn Pháp suốt hai muôn năm qua là nhân khiến cho vị này có duyên đắc quả A La Hán.

Chư Tăng nghe Đức Thế Tôn giải thích đủ ba nguyên do rồi, còn đặt thêm một câu hỏi nữa:

- Bạch Ngài, nghe nói Tỳ khuru này trong lúc đứng kê lưỡi dao sát cuống họng thì đắc A La Hán ngay. Như thế thì A La Hán đạo phát sanh trong một khoảnh khắc ngắn ngủi bằng một sát na hay sao?

- Phải đó! Này các Tỳ khuru! Tỳ khuru nào chuyên cần Tinh tấn, giở bàn chân lên rồi đặt trở xuống đất, bàn chân chưa tới đất A La Hán đạo đã phát sanh rồi. Đời sống của vị chuyên cần Tinh tấn, dầu trong giây lát còn quý báu hơn đời sống của người một trăm tuổi mà biếng nhác giải đãi.

Nói rồi, Đức Thế Tôn thuyết pháp và kết luận bằng kệ rằng:

"Yo ca vassasatam

Kusīto hīnavīriyo

Ekāham jīvitam seyyo

Viriyaṃ ārabbhato daḥhanti".

"Dầu cho sống cả trăm năm,

Mà lười biếng, chẳng tận tâm tu hành.

Không bằng sống một ngày lành,

Luôn luôn Tinh tấn, nhiệt thành nhất tâm."

CHÚ GIẢI:

Kusīto: Người miệt mài truy hoan, chú tâm đi tìm dục lạc (bằng ba cái tâm: Tīhi vitakkehi)

Hīnavīriyo: Đồng nghĩa với Nibbīriyo là không Tinh tấn.

Viriyaṃ ārabbhato daṭṭham: Đây là đề cập đến sự tinh tấn, có thể đưa hành giả chứng Níp Bàn, bằng hai pháp Thiên Chỉ và Quán.

Các câu khác còn lại đồng nghĩa như trước.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Trưởng lão Xà Nô quá chán đời,
Thò tay chọc răn cản mình chơi,
Răn quen chủ cũ, không thêm cản,
Ngài thả cho đi, bảo: Răn lười!
Lại lượm con dao, dựa nhánh cây,
Nguyện rằng: "Cắt cổ với dao này,
Não phiền sẽ sạch không dư sót,
Mạng sống cũng đành dứt tại đây!"
Nhưng khi quán xét Giới mình xong,
Trưởng lão đắc ngay Lộ tận thông,
Tặng chúng hỏi Ngài: "Sao chẳng chết?"
Ngài rằng: "Nhờ chúng được Tâm không!"
Tặng chúng hoài nghi hỏi Phật Đà,
Phật rằng: "Chỉ sống một ngày qua,
Chuyên cần Tinh tấn còn hơn sống,
Suốt cả trăm năm giải đãi mà!"*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO SAPPADĀSA

VIII. 12- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO NI PAṬĀCĀRĀ (Paṭācārātherivatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 113)

*Yo ca vassasatam jīve
"Ai sống một trăm năm,
apassam udayabbayam
Không thấy Pháp Sinh Diệt,
Ekāham jīvitam seyyo
Tốt hơn sống một ngày,
passato udayabbayam.
Thấy được Pháp Sinh Diệt".*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), đề cập đến Tỳ khưu Ni Sa Đọa (Paṭācārā).

Tương truyền: Tiểu thư Sa Đọa là con gái của một ông Bá hộ giàu có đến bốn trăm triệu đồng vàng, nhan sắc của nàng tuyệt đẹp.

Khi nàng đến tuổi cập kê (mười sáu tuổi), cha mẹ nàng cho nàng ở trên tầng lầu thượng của tòa nhà bảy tầng để tiện bề gìn giữ nàng. Nào ngờ nàng ở một mình lại tư thông với người tớ trai của nàng.

Ông bà Bá hộ kén được một chàng rể môn đăng hộ đối và đã hứa lờì định ngày làm lễ hỏi với đàn trai.

Gần đến ngày đám hỏi, tiểu thư nói với tình nhân rằng:

- Em nghe nói cha mẹ sẽ gả em cho công tử con nhà đó. Họ đang trai cũng sắp đến để lấy danh thiếp của em về coi tuổi. Anh sẽ không được lưu trú ở đây nữa. Nếu anh có lòng yêu em thì anh hãy dắt em đi trốn khỏi nhà này.

Người tớ trai đáp: "Lành thay, em yêu quý. Vậy thì sáng mai anh sẽ đứng đón em tại một địa điểm ấy, ở cổng thành, còn em thì hãy dùng một phương tiện nào đó mà ra khỏi thành rồi đi đến đó".

Ngày sau, chàng trai đi trước, đến đứng chờ tại chỗ đã hẹn, còn tiểu thư từ sáng sớm đã mặc quần áo dơ dáy, bỏ xỏa tóc ra, lấy cám thoa khắp mình mấy đầu cổ, tay ôm cái bình, trà trộn với đám nữ tỳ mà thoát ra khỏi nhà, rồi đi đến ngay chỗ hẹn.

Chàng trai dắt nàng đi thật xa, đến định cư tại một làng nọ, vào rừng phát rẫy cày ruộng rồi đem cây, củi, lá v.v... về nhà. Còn tiểu thư thì ở nhà phải ôm bình đi xách nước, chẻ củi nấu cơm, cam lòng chịu đựng hậu quả việc làm quấy ác của mình. Thế rồi tiểu thư có thai.

Đến khi thai đã đủ tháng, tiểu thư yêu cầu chồng rằng:

- Em ở đây đơn chiếc, không có ai ở đây phụ đỡ tay chân. Cha mẹ nào đối với các con cũng có lòng từ mẫn, vậy anh hãy đưa em về với cha mẹ em, để em sanh con ở đó.

Người chồng từ chối, viện cớ rằng:

- Hiền thể ơi! Sao em nói vậy? Gặp mặt anh ắt là cha mẹ em sẽ hành phạt anh đủ thứ. Anh không thể nào đi về ở đó đâu!

Tiểu thư nài nỉ, van xin năm lần bảy lượt cũng không được, thừa dịp chồng đi vào rừng, mới tìm người láng giềng dặn rằng: "Nếu chồng tôi về không thấy tôi, ắt sẽ hỏi tôi đi đâu, nhờ bà con nói giùm với anh ấy là tôi đã đi về quê ngoại".

Khi người chồng về nhà không thấy vợ, hỏi thăm làng xóm thì được nghe lập lại mấy lời của tiểu thư đã nói nhắn. Anh ta hối hả đuổi theo để bắt vợ trở lại, nhưng khi bắt kịp nàng, anh ta năn nỉ cách gì, nàng chẳng chịu quay đầu.

Hai người cùng đi, đến một chỗ nọ, tiểu thư chuyển bụng. Nàng rẽ vào một bên đường, nói với chồng: "Anh ơi! Em chuyển bụng". Nói rồi, nàng nằm ngay xuống đất, lăn lộn, trần trố khó nhọc lắm mới sanh ra đứa con trai. Con đã sanh rồi, thì mục đích trở về quê cũng không còn, tiểu thư bồng con lủi thủi theo chồng trở về nhà cũ, sống chung như trước.

Một thời gian sau, nàng lại có mang. Khi thai đủ tháng, nàng cũng van xin chồng như trước mà không được, rồi cũng lén chồng ẵm con ra đi. Chồng nàng đuổi theo gặp nàng, nhưng nàng không chịu trở lại.

Hai người đang đi, bỗng nhiên trời đổ trận mưa to, chớp giáng tứ phía sáng rực như lửa cháy. Sấm sét nổ vang như trời long đất lở, mưa tuôn xối xả không ngớt hạt.

Ngay lúc ấy, tiểu thư lại bắt đầu chuyển bụng. Nàng kêu chồng nói rằng: "Anh ơi! Em chuyển bụng! Em không chịu đựng nổi qua cơn mưa này. Anh rán làm sao tìm chỗ cho em đụt mưa".

Người chồng xách dao bén mình đã mang theo, đi đây đi đó, kiếm chỗ che mưa thì thấy một bụi rậm trên một cái nổng cao, định leo lên để chắt. Bất ngờ, một con rắn độc từ trong gò nổng chun ra cắn anh ta. Tức khắc, trong mình anh nghe như có ngọn lửa nổi lên thiêu đốt. Mặt mày anh tái xanh, anh ngã ngay xuống đó.

Tiểu thư nằm chờ chồng trở lại, rán sức chịu đựng đau khổ lớn lao, nhưng càng trông càng bật tích vắng tăm, rốt cuộc nàng sanh ra đứa con trai thứ hai trong cô quạnh. Một mình với hai đứa con thơ giữa cảnh mưa gió phủ phàng, tiểu thư không dần được nỗi lòng, lớn tiếng khóc la thảm thiết... Nhưng nàng gắng gượng đặt hai con thơ vào giữa bụng, tự mình chống hai đầu gối và hai tay xuống đất mà chịu suốt cả một đêm. Toàn thân nàng trở màu vàng như chiếc lá úa, coi như là không có máu vậy.

Khi mặt trời mọc, màu đỏ như cục thịt, tiểu thư tay bồng, tay dắt hai đứa con cô, lần mò đi tìm chồng. Theo dấu chân, nàng đi đến gò mối, thấy chồng đã chết, xác ngã nằm đơ ra đó đã có màu xanh. Tiểu thư rống lên khóc than rên xiết: "Chồng ta là chỗ ta nương tựa, đã chết ở giữa đường rồi".

Trời mưa suốt đêm qua, bây giờ đã tạnh, nhưng nước sông Á Chí Rá Vá Ti (Aciravatī) dâng lên cao, có chỗ sâu tới đầu gối, có chỗ sâu tới ngực. Tiểu thư thấy mình còn yếu đuối, lại đèo bồng hai đứa con thơ, không dám mạo hiểm băng ngang sông, bèn để đứa lớn ở lại bờ bên này, còn đứa nhỏ

thì ầm qua bên kia sông. Tiểu thư bẻ cành cây trái ra, đặt đĩa nhỏ nằm lên đó, để trở lại rước luôn đĩa lớn. Nhưng vì đĩa nhỏ không được, tiểu thư cứ phải quay đi quay lại nhiều lần, vừa đi mà vừa ngó chùng nó.

Trong lúc tiểu thư đi đến giữa sông, một con điều hâu nhìn thấy đĩa bé đỏ hồng, tưởng là cục thịt, từ trên không đáp xuống, thấy con điều hâu đáp xuống định sót con mình, tiểu thư giơ hai tay lên cao, hét lên ba tiếng lớn: hù, hù, hù, để xua đuổi nó. Nhưng vì tiểu thư đứng cách xa, con điều hâu không nghe tiếng la, nên cứ sót đĩa con nhỏ mang đi.

Đứa con lớn còn đứng ở bên bờ này, thấy mẹ ở giữa sông giơ hai tay lên la lớn tiếng, thì tưởng rằng mẹ nó gọi nó, nên chạy a xuống nước. Thế là đứa con nhỏ của tiểu thư đã bị điều hâu sót mất, đứa con lớn thì lại bị nước cuốn trôi.

Tiểu thư khóc nức nở than rằng: "Hai con ta, một đứa bị điều hâu sót, một đứa bị nước cuốn trôi, chồng tôi chết ở giữa đường", vừa đi vừa kể lể như thế. Nàng gặp một người đàn ông từ thành Sāvattthī đi lại bèn hỏi: "Cậu đây là người cư ngụ ở đâu?".

- Tôi là người ở Sāvattthī cô à.

- Trong thành Sāvattthī, dọc đường đó có một gia đình Bá hộ tên đó, cậu có biết chăng?

- Tôi biết lắm, nhưng cô đừng hỏi về gia đình này. Hãy hỏi về gia đình khác đi cô ạ.

- Gia đình khác không dính dáng gì đến tôi, tôi chỉ hỏi về gia đình này mà thôi cậu à.

- Cô à! Chuyện này đáng lẽ thì không nên nói ra cho cô biết làm chi.

- Xin cậu cứ nói cho tôi biết đi cậu.

- Hôm nay cô có thấy trời mưa suốt cả đêm không?

- Có, tôi có thấy trời mưa suốt cả đêm nay. Nhưng thôi cậu đừng đem chuyện trời mưa mà nói với tôi nữa làm chi. Bây giờ xin cậu hãy nói cho tôi biết tin tức về gia đình ông Bá hộ.

- Này cô, hồi hôm này cả nhà ông Bá hộ có ba người là: Ông, bà và cậu công tử đều bị nhà sập đè chết cả. Bây giờ, có nhiều người xúm lại thiêu xác, khói lên ở đây cũng thấy đó cô à!

Nghe vậy, nàng Sa Đọa phát điên, không còn biết đến quần áo gì nữa, cứ đứng trần truồng mà than khóc kể lể.

"Ubho puttā kālakatā

Panthe mayham pati mato

Mātā pitā ca bhātā ca

Ekacitakamhi dayhareti"

Chết rồi hai đứa con thơ,

Giữa đường chồng chết, bơ vơ một mình.

Mẹ, cha, em ở gia đình,

Lửa thiêu mất xác bóng hình còn đâu.

Nàng Sa Đọa cứ đi lang thang, miệng nói lảm nhảm, dân chúng thấy nàng cứ gọi: "Con điên, con điên", rồi kẻ lấy rác, người hốt bụi rắc lên đầu nàng, hoặc lấy đất cục mà chọi nàng.

Đức Bổn Sư đang ngự tọa trong Kỳ Viên đại tự, đang thuyết pháp giữa tứ chúng. Trông thấy nàng đi đến, biết là người có tròn đủ nguyện vọng thực hành pháp Thập Độ Ba La Mật (Pāramī) trong một trăm ngàn đại kiếp vừa qua.

Tương truyền vào thời Đức Phật Thượng Liên Hoa (Padumuttara), nàng Sa Đọa này đã nắm lấy cánh tay của Trưởng lão Ni tinh thông Tạng Luật, đệ tử của đức Giáo chủ Thượng Liên Hoa và hoan hỷ như gặp một vật quý cất giữ trong rừng Khoái Lạc, nàng đã ước mong phát nguyện rằng: "Con nguyện về sau sẽ đạt được quả vị tối cao trong số các Trưởng lão Ni Giới đức, là vị Trì Luật ở Đức Phật vị lai giống như Ngài vậy".

Đức Phật Thượng Liên Hoa quán xét về vị lai, biết rằng lời nguyện này sẽ thành tựu bèn thọ ký cho cô Tín nữ rằng: "Trong ngày vị lai vào thời Đức Phật Cổ Đàm, nàng có tên là Sa Đọa này sẽ là vị Tỳ khưu Ni giỏi nhất về Tạng Luật".

Do nàng đã tròn đủ hạnh nguyện Ba la mật như thế, cho nên vừa thấy nàng từ xa đi đến, Đức Bổn Sư đã nghĩ thầm: "Ngoài Ta ra, không ai có thể là người tế độ cho nàng Sa Đọa cả". Rồi Ngài

dùng Thần thông khiến cho nàng đi ngay đến trước cổng chùa. Các Thiện tín thấy nàng Sa Đọa, vội bảo nhau: "Cô này điên, ta đừng để cô ấy vào đây".

Đức Bổn Sư lên tiếng: "Các Thiện tín hãy lánh mặt, đừng ai cản đường cô ấy cả". Rồi Ngài ra lệnh: "Khi vào đến gần đây, nàng hãy tỉnh trí trở lại!".

Nhờ oai lực của đức Phật, nàng Sa Đọa lập tức phục hồi được Chánh niệm. Ngay lúc ấy nàng nhận thấy trạng thái sa đọa lỏa lồ của mình, tự nhiên phát tâm Tàm quý, liền ngồi xổm xuống, một thanh niên ném cho nàng một chiếc y choàng, nàng quấn lá y, đến trước hai bàn chân màu vàng ròng của Ngài, gieo năm vóc xuống đánh lễ Ngài, mở lời cầu khẩn:

- Bạch Ngài, xin Ngài hãy là người tế độ con, xin Ngài hãy là người giúp đỡ con. Một đứa con của con đã bị điều hâu sót mắt, một đứa nữa bị nước cuốn trôi, chồng con đã chết giữa đường, cha mẹ và em trai của con đều bị sập nhà dè chết, xác đã thiêu trên giàn hỏa...

Nghe mấy lời thiết yếu của thiếu phụ, Đức Bổn Sư khuyên giải rằng:

- Này Sa Đọa, con chớ bận tâm lo nghĩ, khi con nương nhờ ỷ lại vào vào các thân nhân thì họ chỉ có thể tế độ, cứu giúp con đến ngần ấy thôi. Con hãy rón nhớ lại coi, cũng như bây giờ con mất hai đứa con, một đứa bị điều hâu sót, một đứa bị nước cuốn trôi, chồng con bị chết ở giữa đường, cha mẹ và em trai con đã bị nhà sập dè chết. Thì cũng thế, trong vòng luân hồi nầy, con đã từng chịu tang tóc khóc chồng, khóc con, khóc cha mẹ anh em như vậy đã vô số lần rồi, cho đến nỗi nước mắt con đổ ra, nếu chứa lại để dành thì nhiều hơn nước trong bốn đại trùng dương.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

"Catūsu samuddesu jalam parittakam

Tato bahum assujalam anappakam

Dukkkena phutthassa narassa socato

Kimkaranā amma tuvam pamajjasiti"

"Nước trong bốn biển có bao nhiêu?

Nước mắt so ra mới thật nhiều!

Trong cõi nhân gian đầy khổ lụy,

Sao con lơ đãng thả xuôi chiều"???

Trong khi Đức Bổn Sư thuyết giảng về cái vòng sanh tử triển miên mà không ai biết được khởi thủy như thế, thân tâm nàng Sa Đọa voi lần những sâu muện. Biết rằng nàng đã bớt thảm giảm sầu. Đức Bổn Sư lại tiếp gọi nàng và dạy:

- Này Sa Đọa, đến giờ qua thế giới khác, thì dầu cho thân thích như chồng con, cũng không thể làm chỗ cứu giúp, chỗ nương nhờ hoặc chỗ ẩn náu cho nàng được. Bởi thế cho nên, trong giờ phút hiện tại đây, nàng hãy noi gương bậc Hiền trí, Trì giới trong sạch, tự mình quét dọn con đường đi đến Níp Bàn".

Nói rồi Đức Bổn Sư lại thuyết pháp và ngâm lên hai kệ ngôn:

"Na santi puttā tānāya

Na pitā napi bandhavā

Antakenādhīpannassa

Natthi nātisu tānatā".

Etamatthavasam nātvā

Paṇḍito sīlasamvuto

Nibbānagamanam maggam

Khippameva visodhayeti".

Đến giờ phút lâm chung, không có sự bảo vệ từ nơi con cái, hoặc từ nơi cha mẹ, vợ chồng, cũng không có sự bảo vệ từ nơi thân quyến. Hiểu biết chân lý nầy rồi, bậc Hiền trí hãy thu thúc trong Giới luật, sớm lo quét sạch con đường Đạo quả Níp Bàn.

Cuối thời Pháp, bao nhiêu phiền não của nàng Sa Đọa nhiều như số bụi phủ đầy mặt địa cầu đều bị thiêu rụi và nàng đắc quả Nhập lưu. Nhiều người khác cũng đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn.

Sau khi đắc quả Nhập lưu, nàng Sa Đọa xin xuất gia với Đức Bổn Sư. Đức Thế Tôn gởi nàng qua xuất gia bên Tỳ khuru Ni. Sau khi thọ cụ túc giới, người ta vẫn gọi nàng là Tỳ khuru Ni Sa Đọa, nghĩa là "Sa đọa", do quãng đời bi đát của nàng đã trải qua.

Một hôm nọ, Tỳ khuru Ni Sa Đọa cầm bình đi múc nước, xối nước rửa chân, nước xối chảy đi một chút rồi đứng lại, lần thứ hai nước chảy xa hơn, lần thứ ba nước xối càng đi xa hơn nữa.

Sa Đọa lấy việc xối nước làm đối tượng để quán xét ngay lúc ấy: "Những chúng sanh nầy chết khi tuổi thọ đầu tiên, giống như giòng nước ta xối rửa chân lần đầu vậy. Họ chết khi tuổi thọ bậc trung, giống như nước ta xối lần thứ nhì đi xa hơn một chút nữa, và họ sẽ chết khi hết tuổi thọ lần cuối cùng cũng giống như ta xối nước lần thứ ba càng đi xa một chút vậy thôi" (Đoạn nầy tôi căn cứ theo bản Pāli mà phiên dịch: Sà kuena udakam ādāya pāde dhovantī udakam āsiñci. Tam thokam gantvā pacchijjī... Có những bản dịch hơi khác với bản dịch nầy như của ông Phạm Kim Khánh:.... Trong khi rửa chân bên bờ suối, bà ghi nhận rằng những giọt nước từ chân bà rơi xuống, gieo điểm trên giòng nước chảy rồi tan đi. Điểm thì tan gần, điểm thì tan ra xa... (TKPM.)).

Đức Bổn Sư ngự tọa trong hương thất, phóng tỏa hào quang thị hiện như đứng trước mặt Tỳ khuru Ni nầy thuyết rằng:

- Nầy Sa Đọa, những chúng sanh dẫu có sống một trăm năm mà không nhận thấy sự sanh diệt trong ngũ uẩn như thế đó, thì không bằng người chỉ sống trong một ngày hoặc một sát na mà nhận thấy sự sanh diệt của chúng".

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bằng câu kệ rằng:

"Yo ca vassasatam jive

Apassam udayabbayam

Ekāham jīvitam seyyo

Passato udayabbayanti".

"Dẫu cho sống cả trăm năm,

Không thấy sanh diệt thân tâm Vô thường.

Không bằng sống một ngày trường,

Mà được thấy Pháp Vô thường diệt sanh".

CHÚ GIẢI:

Apassam udayabbam : không thấy hai mươi lăm tướng sanh và hai mươi lăm tướng diệt của Ngũ uẩn, gọi là không thấy Pháp Sanh Diệt của Ngũ uẩn (Ngũ Uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức có tất cả là năm mươi tướng Sanh Diệt, chia ra thành mỗi thứ là hai mươi lăm tướng Sanh và hai mươi lăm tướng Diệt. Mỗi Uẩn có mười tướng sanh diệt mà thôi, đó là: 1. Aniccam, 2. palokam, 3. caram, 4. pabhagu, 5. addhavam, 6. viparinamadhammanu, 7. asaram, 8. vibhavam, 9. sankhatam, 10. maranadhammam (1. Vô thường, 2. tan rã, 3. rung động, 4. tiêu diệt, 5. không bền, 6. thay đổi tự nhiên, 7. mềm yếu, 8. hư hoại, 9. hữu vi, 10. có sự chết là thường. - Những chữ gạch dưới là tướng Diệt)).

Passato udayabbayam: người thấy được Pháp Sanh Diệt thì dẫu có sống một ngày cũng còn quý hơn người trước.

Cuối thời Pháp Tỳ khuru Ni Sa Đọa đắc quả A La Hán với Tuệ Phân tích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Rửa chân, gội nước đủ ba lần,

Sa Đọa tự mình đạt Lý chân:

Tuổi thọ quần sanh như thế cả,

Vấn dài, tùy thuộc ở nguyên nhân!

Phật dạy: Một ngày thấy Pháp Hành,

Vô thường biến đổi, thật mong manh,

Còn hơn sống thọ trên trăm tuổi,

Mà chẳng suốt thông lẽ Diệt Sanh.

VIII. 13- CHUYỆN KISĀGOTAMĪ (Kisāgotamīvattu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 114)

"Yo ca vassasatam jive
"Ai sống một trăm năm,
apassam amatam padam
Không thấy Câu Bất tử,
Ekāham jīvitam seyyo
Tốt hơn sống một ngày,
passato amatam padanti".
Thấy được Câu Bất tử".

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), để cập đến nàng Kiều Đàm Ôm (Kisāgotamī).

Tương truyền: Trong thành Sāvattthī, trong nhà một ông Bá hộ tự nhiên tài sản bốn trăm triệu đồng vàng biến thành than. Ông Bá hộ thấy vậy lấy làm phiền muộn, bỏ cả ăn uống nằm liệt trên giường.

Khi ấy, có một người bạn đến nhà thăm ông và hỏi:

- Bạn à, sao bạn buồn rầu dữ vậy?

Nghe rõ câu chuyện tâm sự của Bá hộ, người bạn khuyên:

- Thôi bạn đừng lo rầu nữa, tôi biết một phương pháp giải khổ cho bạn, bạn hãy làm theo lời tôi chỉ dẫn.

- Tôi làm gì bây giờ hở, bạn?

- Nay bạn, bạn hãy đích thân ra chợ, trải chiếc chiếu lác, đổ than vun thành đống, rồi ngồi giả làm người bán than. Trong số những khách hàng qua lại, gặp người nào hỏi: "Mấy người kia bán vải, dầu, mật ong, mật mía... Còn ông sao lại ngồi bán than?". Bạn hãy trả lời rằng: "Cửa của tôi mà tôi không bán thì tôi sẽ làm cái chi?". Còn gặp người nào hỏi: "Mấy người khác bán vải, dầu, mật ong, mật mía... còn ông sao lại ngồi bán vàng bạc ở đây?", bạn hãy trả lời rằng: "Bạc vàng ở đâu?", nếu người ấy chỉ "Đây nè! " Bạn hãy bảo: "Đâu mang lại cho tôi xem". Rồi bạn xòe tay ra thọ lãnh. Khi người ấy trao qua tay bạn như thế than nằm trong tay bạn sẽ trở thành bạc vàng. Nếu đó là một cô gái, bạn hãy cưới về cho con trai bạn cùng ở chung trong nhà, giao hết tài sản bốn trăm triệu đồng vàng cho cô dâu trọn quyền xuất phát. Nếu là cậu con trai, bạn hãy rước về gả con gái tới tuổi cập kê cho cậu, rồi giao hết số tài sản bốn trăm triệu đồng vàng cho chàng rể trọn quyền xuất phát".

Ông Bá hộ mừng rỡ, đem thực hành ngay diệu kế của người bạn, đích thân ra chợ đống, đổ than vun thành đống rồi ngồi giả vờ làm người bán than.

Gặp những người nào hỏi: "Mấy chỗ khác người ta bán vải, dầu, mật ong, mật mía... Còn ông sao ngồi bán than ở đây?", ông Bá hộ đáp: "Cửa của tôi mà tôi không bán thì tôi sẽ làm gì?".

Khi ấy cô gái tên là Kiều Đàm (Gotamī) vì có thân hình ốm yếu, mảnh khảnh nên được gọi là Kiều Đàm Ôm (Kisā: ốm), là con gái của một gia tộc khá giả, hiện đang bị sa sút rõ rệt. Cô có việc cần phải đi ra cửa chợ, khi thấy ông Bá hộ đang ngồi, cô hỏi: "Bác ơi! Mấy người khác người ta bán vải, dầu, mật ong, mật mía.... Còn bác sao lại ngồi đây bán bạc vàng".

- Con ơi! Bạc vàng ở đâu?

- Chớ bác không lấy bạc vàng ra ngồi đây bán sao?

- Đâu con đem lại cho bác một mớ xem sao?

Nàng Kiều Đàm hốt một bùm đặt vào tay ông Bá hộ bụi than hóa ra vàng bạc. Ông Bá hộ liền hỏi cô gái:

- Nhà con ở lối nào?

- Thưa bác ở lối tên ấy.

Nghe nói, ông Bá hộ hỏi tiếp nữa rằng: Cô đã thành gia thất chưa?

- Thưa bác chưa.

Ông Bá hộ sắp xếp tài sản lại, rồi cưới nàng Kiều Đàm Ốm về cho công tử con trai mình. Kế đó, giao hết tài sản bốn trăm triệu đồng vàng cho nàng Kiều Đàm Ốm gìn giữ. Lập tức tất cả tài sản biến thành than ấy đều hoàn lại là bạc vàng như cũ.

Một thời gian sau cô Kiều Đàm Ốm có thai. Đủ mười tháng cô hạ sanh một đứa con trai. Đứa bé vừa biết đi chập chững thì nó bị bạo bệnh mà chết.

Từ trước đến giờ chưa từng thấy ai chết, cho nên thay vì để người ta đem xác đứa bé đi thiêu, cô lại mặc y phục, ẵm xác con đi từng nhà để hỏi xem ai có biết thuốc gì chữa bệnh cho con cô không. Cô được thị dân nói ngay rằng: "Cô ơi, cô phát khùng rồi, nên cô mới đi lang thang, hỏi thuốc trị bệnh cho đứa con trai đã chết!".

Mặc kệ những lời nhắc nhở, cô Kiều Đàm vẫn cứ đi, tin chắc rằng: "Nhất định thế nào cô cũng gặp được người biết sẽ được phương thuốc trị bệnh cho con trai cô".

Khi ấy có một Hiền trí thấy cô như vậy, tự nghĩ rằng:

- Con gái ta đây chắc là một thiếu phụ mới đẻ con so chưa từng chứng kiến sự chết chóc. Vậy ta nên tế độ chỉ bảo giúp cô.

Vị ấy bảo cô:

- Con ơi! Bác không biết thuốc men gì cả, nhưng bác biết một vị lương y.

- Thưa bác vị đó là ai vậy.

- Đức Bổn Sư là vị lương y, vậy con hãy tìm đến Ngài mà hỏi thuốc.

- Cảm ơn bác, để con đi hỏi thuốc.

Nói rồi, cô Kiều Đàm đến yết kiến Đức Bổn Sư đánh lễ Ngài rồi đứng qua một bên, hỏi rằng:

- Bạch Ngài, nghe đồn rằng Ngài biết được thứ thuốc chữa bệnh cho con trai con phải không?

- Phải Ta biết.

- Bạch Ngài, có cần kiếm món chi không?

- Chỉ cần kiếm cho được một nhúm hạt cải mà thôi.

- Bạch Ngài, con sẽ kiếm được hạt cải, nhưng có cần phải kiếm ở nhà người nào không?

- Ở nhà người nào mà chưa từng có đứa con trai hoặc đứa con gái nào chết cả, mới được.

- Lành thay, bạch Ngài.

Nàng Kiều Đàm đánh lễ Đức Bổn Sư ẵm đứa con chết ra đi vào xóm làng, đến đứng trước cửa nhà đầu tiên hỏi chủ nhà:

- Trong nhà này có hạt cải không? Ông lương y nói đó là món thuốc chữa lành bệnh của con tôi.

- Này cô, có.

- Nếu có, cho tôi xin một nhúm.

Khi chủ nhà mang hạt cải ra, cô Kiều Đàm lại hỏi thêm:

- Trong nhà này chưa từng có đứa con trai hoặc đứa con gái nào chết cả, phải không bác?

- Sao nàng lại nói như vậy? Thật ra thì số sống còn chỉ vài ba người, còn số chết thì lu bù, cô em à!

Nghe nói vậy, cô Kiều Đàm giao trả lại nhúm hạt cải và nói: "Thôi xin bác giữ hột cải của bác, nó không phải là thuốc chữa lành bệnh của con tôi".

Kể từ đó, cô Kiều Đàm Ốm lại tiếp tục đi sâu vào trong xóm, đến nhà cuối cùng khi trời đã xế chiều, cô cầm nhúm hột cải, cô tự nghĩ:

- Ôi! Ta thật là nặng nghiệp! Con ta đã chết rồi mà ta cứ mong cho nó cải tử hườn sanh. Khắp cả một xóm làng như vậy mà số người sống còn ít, số tử vong lại nhiều hơn...

Càng suy xét, cô Kiều Đàm Ốm càng dịu lòng thương yêu con, trái tim lần lần trở nên chai lì. Cô vứt bỏ xác con trong rừng, trở về đánh lễ Đức Bổn Sư rồi đứng qua một bên, khi ấy Đức Bổn Sư hỏi cô:

- Con đã kiếm được một nhúm hạt cải phải không?

- Bạch Ngài, con kiếm không được, khắp cả làng số người sống còn thì quá ít, số chết mất lại nhiều hơn.

Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Con cứ mãi băn khoăn nghĩ rằng: "Con trai ta đã chết". Đó chỉ là thường sự đối với chúng sanh. Quả thật, Tử thân hằng lôi cuốn tất cả mọi người ở thời thiếu niên, vị thành niên... Chẳng khác nào thác nước lụt đem vùi thây chúng sanh trong biển cả ác đạo.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bằng bài kệ rằng:

"Tam puttapasusammattam

Byāttamanasam naram

Suttam gāmam mahogho'va

Maccu ādāya gacchati".

"Người tâm ý đắm say,

Con cái và súc vật,

Tử thân bắt người ấy,

Như lụt trôi làng ngủ".

(T.Minh Châu)

Đến cuối bài kệ nàng Kiều Đàm Ốm đắc quả Tu Đà Huòn, nhiều người khác cũng đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Huòn quả.

Kể đó, nàng Kiều Đàm Ốm xin Đức Bổn Sư cho nàng xuất gia. Ngài đã gởi nàng qua xuất gia với các Tỷ khuru Ni. Thọ Cụ túc giới rồi, nàng được gọi là Tỷ khuru Ni Kiều Đàm Ốm.

Một hôm, tới phiên phải sửa soạn chỗ làm lễ Phát lồ (để các Tỷ khuru Ni sám hối với nhau). Sư cô Kiều Đàm Ốm đốt đèn lên rồi ngồi nhìn ngọn đèn chập chờn leo lét, khi tỏ khi mờ, nàng chợt nhận thấy rằng: "Những chúng sanh này giống như ngọn đèn, cứ sanh diệt, sanh diệt như thế mãi, chớ không đi đến chỗ tịch diệt là Níp Bàn". Trong khi Sư Cô đang miên man niệm tưởng đề tài Sanh Diệt, với đối tượng là ngọn đèn thì Đức Bổn Sư ngự tọa trong tòa hương thất phóng tỏa hào quang, thị hiện như ngồi trước mặt sư cô mà thuyết giảng rằng:

- Này Kiều Đàm, những chúng sanh này giống như ngọn đèn cứ sanh diệt, sanh diệt như thế mãi chớ không giác ngộ Níp Bàn là nơi tịch diệt. Người không tịnh tín nơi Níp Bàn như thế, dầu sống cả trăm năm, cũng không bằng người tịnh tín nơi Níp Bàn chỉ sống trong giây lát.

Nói rồi, Đức Thế Tôn thuyết pháp và kết luận bằng kệ ngôn rằng:

"Yo ca vassasatam jive,

Apassam amataṃ padaṃ,

Ekāhaṃ jīvitam seyyo,

Passato amataṃ padaṃ".

"Sống trăm tuổi thọ lão thành

Không thấy Bất tử Vô sanh pháp mẫu

Chỉ bằng sống một ngày lâu

Mà được chứng ngộ pháp mẫu Vô sanh".

CHÚ GIẢI:

Amataṃ padaṃ: con đường bắt tử ám chỉ Níp Bàn Vô dư, nơi không có sự già đau chết (Đạo Tịch tịnh Vô vi (T.Trí Đức) - Pháp Bất tử (T.Minh Châu). Trạng thái Bất diệt (Phạm Kim Khánh).).

Những tiếng khác cũng đồng nghĩa với mấy bài kệ trước.

Cuối thời Pháp, Tỳ khưu Ni Kiều Đàm Ốm đắc quả A La Hán với Tuệ Phân tích ngay tại chỗ ngồi.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Kiều Đàm Ốm thấp nển "Xi ma",
Đèn nển chập chòn gặp gió qua!
Ngọn lửa xuống lên hay tắt phụt,
Khác chi mạng sống của người ta?
Phật dạy: Dầu trăm tuổi thọ trường,
Không thông Khổ não với Vô thường,
Chẳng bằng chỉ sống một ngày ngắn,
Bất tử Vô sanh được tỏ tường.*

DỨT TÍCH NÀNG KIỀU ĐÀM ỐM ĐẮC A LA HÁN

VIII. 14- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO NI BAHUPUTTIKĀ (Bahuputtikattherīvatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 115)

*"Yo ca vassasatāṃ jīve
"Ai sống một trăm năm,
apassāṃ dhammamuttamaṃ
Không thấy Pháp tối thượng,
Ekāhaṃ jīvitāṃ seyyo
Tốt hơn sống một ngày,
passato dhammamuttamanti".
Thấy được Pháp tối thượng".*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), để cập đến vị Tỳ khưu Ni tên Đa Tử (Bahuputtikā).

Tương truyền rằng: Trong một gia đình nọ ở thành Sāvattihī, có bảy đứa con trai và bảy đứa con gái, đến tuổi trưởng thành tất cả đều yên bề gia thất. Tuy đã ra riêng nhưng cũng sống hạnh phúc, bình thường. Một thời gian sau, cha chúng qua đời, bà Đại Tín nữ nghĩ rằng: "Dầu chồng ta đã mất, ta cũng không phân chia gia sản cho các con trai và con gái ta đâu".

Nhưng các con trai bà cứ theo hỏi bà:

- Thưa mẹ, cha chúng con đã mất, mẹ còn giữ gia sản cho ai nữa? Bộ chúng con không bảo quản được gia sản hay sao?

Nghe con hỏi, bà vẫn làm thinh. Nhưng chúng cứ đeo theo hỏi đi hỏi lại mãi. Sau cùng bà tự nghĩ: "Các con trai sẽ phụng dưỡng ta, ta còn giữ gìn gia sản làm của riêng mà làm chi?".

Thế rồi, bà cho hội các con lại và phân chia tất cả di sản của chồng cho chúng.

Cách mấy ngày sau, người vợ của con trai lớn nói với bà rằng: "Trời ơi! Sao mẹ cứ đến nhà con hoài? Mẹ làm như nhà con là trưởng nam được hưởng hai phần gia tài vậy".

Những cô dâu khác cũng đều nói y như con dâu lớn cả. Buồn chán lũ con trai, bà đến ở nhà các con gái, bắt đầu từ nhà đứa lớn, các con gái bà cũng xô đuổi bà với luận điệu như các con dâu.

Bị các dâu con ruồng rẫy, bà Tín nữ tự nghĩ: "Ta còn gần lũ này làm chi nữa, thà là ta xuất gia Tỳ khưu Ni, sống hạnh không nhà còn hơn". Thế rồi, bà đến tịnh xá Ni xin xuất gia, chư Tỳ khưu Ni đã cho bà xuất gia. Sau khi xuất gia, bà được mệnh danh là Tỳ khưu Ni Đa Tử.

Tự xét rằng: "Ta là người lão niên xuất gia, ta phải Tinh tấn siêng năng mới được". Bà rán làm hết phận sự của bậc Tỳ khưu Ni, rồi còn tính: "Ta sẽ hành Sa môn Pháp suốt đêm nay", nên lấy tay ôm một cây cột ở tầng dưới của tòa lầu, rồi hành Sa môn Pháp xoay quanh cây cột ấy. Trong lúc đi kinh hành ở chỗ tối tăm, bà không thấy đường, quỵ tay nắm cây đại thọ, không ngờ va đầu vào cây, rồi lấy tay ôm cây ấy đi vòng quanh mà hành Sa môn Pháp. Bà lại tính thầm: "Ta sẽ hành trì đúng theo Pháp mà Đức Thế Tôn đã thuyết", rồi bà tham Thiền, quán tưởng về Pháp, rán nhớ lại Pháp vừa hành Sa môn Pháp ấy.

Khi ấy, Đức Bổn Sư ngự tọa trong hương thất phóng tỏa hào quang, thị hiện như đang ngồi trước mặt mà đàm thoại với bà: "Này Đa Tử! Pháp của Ta thuyết, người nào không tham cứu, không nhìn thấy thì dầu sống một trăm năm, cũng không bằng người thấy Pháp của Ta thuyết chỉ sống trong một giây lát".

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận tóm tắt rằng:

*"Yo ca vassasatam jive
apassam dhammamuttamam
Ekāham jīvitam seyyo
passato dhammamuttamanti".*

"Sống trăm tuổi thọ lão thành,

*Không thấy Tối thượng Vô sanh pháp mẫu,
Chẳng bằng sống một ngày lâu,*

Thấy Pháp Tối thượng nhiệm mẫu Vô sanh".

CHÚ GIẢI:

Dhammamuttamam: pháp tối thượng gồm có chín Pháp Thánh, gọi là Siêu Thế Pháp (Lokuttaradhamma), là bốn Đạo, bốn Quả và Níp Bàn. Tên Pāli gọi là Uttama dhammo: người không thấy Pháp này, dầu sống một trăm năm, so với người thấy Pháp, thông hiểu Pháp này, chỉ sống trong một ngày, hoặc trong một sát na, thì người sau này vẫn hơn.

Cuối bài kệ, Tỳ khưu Ni Bahuputtikā đặc quả A La Hán với Tuệ Phân tích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Bất nghĩa, con dâu bỏ mẹ già,
Buồn lòng, góa phụ phải ly gia,
Ban ngày, phận sự lo tròn đủ,
Tối đến, hành thâm Pháp Phật Đà...
Phật dạy: Dầu con sống một ngày,
Thấy rồi Siêu pháp cũng còn hay,
Hơn người sống đến trăm năm chẳng,
Mà vẫn chưa thông Diệu Đế này!*

DỨT TÍCH TỖ KHƯU NI BAHUPUTTIKĀ ĐẮC A LA HÁN DỨT PHẨM NGÀN

IX. PHẨM ÁC

(PĀPAVAGGA)

- 13 bài kệ: Pháp Cú số 116-128

- 12 chuyện.

IX. 1- CHUYỆN BÀ LA MÔN MỘT ÁO (Lá y choàng nhỏ)

(Cūḷekasātakabrāhmaṇavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 116)

Abhittharetha kalyāṇe

"Hãy gấp làm điều lành,

pāpā cittaṃ nivāraye

Ngăn tâm làm điều ác,

Dandham hi karoto puññaṃ

Ai chậm làm việc lành,

pāpasmim ramatī mano.

Ý ưa thích việc ác".

TMC.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), để cập đến ông Bà la môn Một Áo (Tiểu Trung Y) (Cūḷekasātika).

Trong thời kỳ Giáo Pháp của đấng Thập Lực có hồng danh là Vipassī (Vipassī), có ông Bà la môn tên là Đại Nhất Trung Y (Mahāekasātika).

Còn bây giờ, ông này ở trong thành Sāvattihī, có tên là Tiểu Trung Y (Cūḷekasātika), ông chỉ có một cái y hạ (cùn, cái váy, cái chăn, để vận theo lối Ấn Độ không có mặc quần) và vợ ông cũng chỉ có một cái y hạ mà thôi. Hai người thay nhau xài chung một cái y trung để đắp lên mình khi ra khỏi nhà.

Một hôm nghe có loa kêu gọi đi chùa thính pháp, ông Bà la môn bảo vợ rằng: "Này bà có loa kêu gọi đi thính pháp, vậy bà sẽ đi nghe pháp ban ngày hay ban đêm? Vì chỉ có một cái y choàng nên chúng ta không thể cùng đi một lượt được".

Bà Bà la môn đáp: "Tôi sẽ đi ban ngày ông à".

Nói rồi bà khoác y lên mình ra đi.

Ông Bà la môn ở nhà cả ngày, tới tối mới ra đi, đến ngồi trước mặt Đức Bổn Sư nghe pháp. Ông thỏa thích đến nỗi phỉ lạc ngũ sắc (xanh, vàng, trắng, đỏ, cam) phát khởi lên thắm đều khắp châu thân ông, ông có ý muốn cúng dường Đức Bổn Sư nhưng lại nghĩ rằng: "Nếu ta đem dâng lá y này thì cả bà Bà la môn và ta đều không có y choàng". Sau hàng ngàn tâm bồn sển sanh lên, các Tâm Chánh tín lại phát khởi để rồi biến đi hết, để cho tâm bồn sển phát sanh. Ông Bà la môn bị sự bồn sển buộc chặt như kẽm hãm ông, nên ông phủ nhận Tín tâm của ông.

Trận giặc lòng kéo dài suốt một canh đầu: "Ta sẽ dâng, ta sẽ không dâng", ông cứ phân vân giữa hai ý tưởng như thế.

Từ đó đến hết canh giữa, cuộc nội chiến vẫn tiếp diễn, nên ông ta không thể cúng dường lá y. Đến canh chót, ông ta suy nghĩ thầm: "Tín tâm và Lận tâm (tâm hà tiện) của ta đã chiến đấu với nhau suốt hai canh qua, mà Tín tâm vẫn không thể thắng. Bây giờ, bằng ấy tâm bồn sển đang tăng trưởng, nó sẽ không cho ta cất đầu lên khi sa xuống bốn đường ác đạo. Ta sẽ dâng lá y choàng".

Khi đã xóa được hàng ngàn Lận tâm và để cho Tín tâm làm hướng đạo. Ông Bà la môn đem lá y choàng đặt trước chân Đức Bổn Sư và hô to lên ba lần: "Ta đã thắng, ta đã thắng!".

Đức Vua Pasenadi (Pasenadi) đang thính pháp, nghe tiếng hô như vậy, bèn phán hỏi: "Nầy ông Bà la môn, ông nói thắng là thắng ai vậy?". Các quan hộ giá đến hỏi ông Bà la môn thì ông ta đem hết tâm sự của mình ra tỏ bày thật cho các quan biết, nhờ các quan tâu lại với đức Vua. Đức Vua nghe chuyện nầy, tự nghĩ: "Ông Bà la môn này đã làm chuyện khó làm, Trẫm sẽ tiếp độ ông ta". Đức Vua sai quân hầu tặng ông ta cặp y choàng, ông Bà la môn đem dâng luôn đến Đức Bốn Sư.

Thấy vậy, đức Vua sai quân hầu đem tặng ông tám vải choàng, ông cũng dâng lên Đức Thế Tôn, rồi đức Vua lại tặng lên gấp đôi, ông cũng dâng tám cặp y, rồi đến mười sáu cặp y. Khi đức Vua ban cho ông ta ba mươi hai cặp y, lần này ông Bà la môn suy nghĩ: "Cứ mỗi lần được y, ta không giữ mà xả ra, rồi lại được nhiều hơn. Như vậy, sợ e người bảo rằng ta bỏ con tép bắt con tôm. Thôi, ta hãy giữ lại hai cặp y, ta một cặp còn vợ ta một cặp". Rồi ông Bà la môn lãnh hai cặp, còn lại ba mươi cặp y ta sẽ dâng đến Đức Thế Tôn.

Hồi đời xưa, ông Đại Nhất Trung Y được sáu mươi bốn cặp y mà ông chỉ nhận có hai cặp. Đời này, Tiểu Trung Y được ba mươi hai cặp và cũng chỉ nhận có hai cặp (Vì ông Mahāekasāṭaka có trước và số y lãnh được nhiều gấp đôi nên được mệnh danh là Đại Nhất Trung Y. Còn ông này có sau và số y lãnh cũng ít hơn, nên được gọi là Tiểu Trung Y, không phải là y lớn hay y nhỏ.) mà thôi.

Đức Vua bèn ra lệnh sai các quan hầu: "Nầy các hiền khanh! Việc làm của ông Bà la môn nầy thật là khó làm, các khanh hãy trở về hoàng cung cho người mang hai lá cấm y (áo gấm) của trẫm đến đây!". Các quan làm theo lệnh của đức Vua. Đức Vua sai đem tặng ông Bà la môn hai tấm y gấm trị giá cả trăm ngàn đồng vàng.

Ông Bà la môn tự nghĩ: "Những y nầy không thích ý với thân hình ta, mà thích ứng với Giáo Pháp của Đức Phật", ông bèn đem một lá y gấm vào trong hương thất treo lên giường nằm của Đức Bốn Sư, còn một lá đem về nhà treo trên chỗ Chư Tăng thường xuyên thọ thực.

Chiều hôm sau, đức Vua đến viếng Đức Bốn Sư nhìn biết lá cấm y, bèn hỏi:

- Bạch Ngài, ai dâng y nầy vậy?
- Ông Một Áo.

Nghe vậy, đức Vua rất hoan hỷ với ông Bà la môn, bèn ra lệnh ban cho ông bốn con voi, bốn con ngựa, bốn ngàn đồng vàng, bốn phụ nữ, bốn tỳ nữ, bốn tớ trai, bốn làng nộp thuế... Cả trăm thứ, thứ gì cũng là bốn hết thầy.

Các Tỳ khuru đề khởi vấn đề này trong giảng đường: "Ôi! Thật là kỳ lạ. Việc làm của Tiểu Trung Y trong giây lát như vậy mà kết quả được ân tứ đủ thứ, thứ gì cũng bốn cái. Rõ ràng là do thiện nghiệp gieo trồng vào phước điền mà quả dị thực trở ngay hôm nay vậy". Đức Bốn Sư đến hỏi:

- Nầy các Tỳ khuru, hôm nay các thầy ngồi đây thảo luận việc chi vậy?
- Bạch Ngài, việc nầy...

Nghe vậy, Đức Bốn Sư dạy:

- Nầy các Tỳ khuru, nếu ông Tiểu Trung Y nầy đã có thể cúng dường đến Ta trong canh đầu thì ông đã được tất cả mọi thứ, mỗi thứ là mười sáu cái. Nếu ông đã có thể cúng dường đến Ta vào canh giữa thì ông đã có tất cả mọi thứ, thứ nào cũng tám cái. Vì ông trì hườn để đến canh chót mới cúng dường, cho nên tất cả mọi thứ, thứ nào cũng bốn cái như vậy. Bởi thế, trong việc tạo thiện nghiệp, hãy tâm khởi lên muốn làm lúc nào, nên làm ngay lúc ấy đừng trì hườn. Làm lành mà chậm trễ thì quả phước phát sanh cũng chậm trễ. Do đó, khi tâm vừa phát sanh muốn tạo thiện nghiệp thì phải nên làm ngay lập tức, đừng hèn lại.

Nói rồi, Đức Thế Tôn thuyết pháp và ngâm kệ rằng:

"Abhittharetha kalyāṇe

Pāpā cittaṃ nivāraye

Dandham hi karoto puññam

Pāpasmim ramati mano".

(Hãy gấp làm việc lành, chế chỉ tâm tội ác. Hễ biếng nhác làm việc lành giờ phút nào thì tâm ưa chuyện ác giờ phút ấy).

CHÚ GIẢI:

Abhittharetha: hãy cấp tốc làm theo, gấp rút thật mau lẹ làm điều lành. Quả thật đối với người cư sĩ tại gia, khi tâm khởi lên: Ta sẽ làm điều lành, chẳng hạn như rút thẻ để bát", thì họ nên hối hả dành lấy thẻ trước, kéo hết thẻ thì không còn dịp nào khác được để bát. Còn bậc xuất gia hoặc người có phận sự phải làm như phục vụ thầy Tế độ chẳng hạn, sợ không xin được dịp nào khác nên cũng gấp rút giành phần trước về mình.

Pāpā cittaṃ: tất cả các việc ác từ thân, ngữ, ý nhất là thân ác hạnh, khi tâm bất thiện khởi lên, muốn tạo nghiệp ác do cửa nào thì phải ngăn chặn ngay tại cửa ấy tất cả.

Dandham hi karoto: người nào cứ dẫn đo "Ta sẽ bố thí, ta sẽ làm phước, nhưng không biết ta có thành tựu hay không", rồi trì hoãn việc làm phước, giống như con người đi trên con đường lầy lội, giống như ông Một Áo đã để cho hàng ngàn tâm bòn sẻn có dịp khởi lên, lúc ấy, tâm người vui thích trong việc ác. Trái lại, trong khi làm việc lành thì tâm vui thích trong việc lành, nhờ đó mà khỏi sa đọa xuống trong cảnh ác quấy.

Cuối thời Pháp, nhiều người chứng quả Thánh, nhất là Tu Đà Hườn quả.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Canh đầu, canh giữa, đến canh ba,
Mới cởi áo choàng cúng Phật Đà.
Thỏa thích la to: "Ta đã thắng!"
Làm Vua đẹp ý, thưởng ông ta.
Nhờ đó, kẻ nghèo bỗng hóa giàu,
Chư Tăng bèn nói: "Thật là mau!"
Nhưng theo Phật dạy thì hơi chậm,
Chỉ hưởng những phần phước nhỏ sau.
Phật khuyên nên gấp rút làm lành,
Chớ để bơ thờ, ác ý sanh,
Cứ một ý lành, ngàn ý ác,
Khó lòng toàn thắng được cho nhanh!*

DỨT TÍCH BÀ LA MÔN MỘT ÁO

IX. 2- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SEYYASAKA (Seyyasakattheravattu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 117)

*Pāpañce puriso kayirā
"Nếu người làm điều ác",
na nam kayirā punappunam
Chớ tiếp tục làm thêm,
Na tamhi chandam kayirātha
Chớ ước muốn điều ác,
dukkho pāpassa uccayo.
Chứa ác, tất chịu khổ".*

TMC.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), để cập đến Trưởng lão Seyyasaka (Seyyasaka).

Trong Tạng Luật quyển hai có ghi: Tỳ khưu Xây Đá Sá Ká là đệ tử sống chung với thầy là Trưởng lão Loḷudāyi (Loḷudāyi). Khi đệ tử có tâm buồn bực không vui (vì không chiến thắng nổi tình

dục) và đã thú thật tâm trạng của mình với thầy, ông thầy lại xúi dục đệ tử thủ dâm (giới Tăng Tàn số một): "Mỗi khi tâm buồn bực nổi lên thì trò hãy làm như tôi vậy!".

Được Chư Tăng báo cáo việc này, Đức Bổn Sư cho gọi Tỳ khuru Xây Dá Sá Ká đến hỏi:

- Nghe nói thầy đã làm như thế có không?

- Bạch Ngài, có!

Nghe vậy, Đức Bổn Sư quở:

- Này kẻ ngu, tại sao người tạo nghiệp nặng nề, không thích đáng như vậy?...

Sau khi trách cứ vị Tỳ khuru phạm lỗi bằng nhiều lối nói..., Đức Bổn Sư đã ban hành học giới Tăng Tàn thứ nhất, rồi kết luận: "Quả thật nghiệp quấy như vậy, dầu trong hiện kiếp, hay kiếp vị lai, cũng đều dắt người vào vòng luân hồi Khổ não".

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bằng bài kệ rằng:

"Pāpañce puriso kayirā

Na tam kayirā punappunam

Na tamhi chandam kayirathā

Dukkho pāpassa uccayo".

(Nếu đã lỡ làm ác, chớ nên thường làm hoài, chớ vui làm việc ác, hễ chừa ác, nhất định thọ khổ)

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của Kệ ngôn này là:

Nếu người mới làm ác một lần đầu mà biết suy xét ngay rằng: "Việc này không đẹp, thô bạo lắm!", rồi quyết định không tái phạm thì lần sau dục vọng có nổi lên người ấy cũng dẹp bỏ, không làm việc quấy ấy nữa. Vì sao? Vì sự chất chứa tích trữ làm cho ác càng ngày càng tăng trưởng khiến cho con người thọ khổ trong hiện kiếp và đưa người vào khổ cảnh trong kiếp vị lai.

Cuối thời Pháp, nhiều người chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Lửa dục bùng lên, khó nén cầm,
Nhà sư cố gắng tự dẫn tâm,
Nhưng nghe thầy dạy dùng phương tiện,
Nên bắt chước thầy phạm Thủ dâm.
Chư Tăng vào mách Phật việc này,
Phật gọi Tỳ khuru đến quở rầy,
Rồi bắt ghi liền trong Giới Bổn,
Tăng Tàn số một kể từ đây.
Phật nhắc: Không nên lập lại hoài,
Mọi điều quấy ác hoặc đơn sai.
Sợ e phải bị luân hồi khổ,
Giờ phút lâm chung, khó trở tay.*

DÚT TÍCH TRƯỜNG LÃO Seyyasaka.

IX. 3- CHUYỆN THIÊN NỮ CỐM RANG (Lājadevadhītavatthu)

(Bắp khô (lúa mạch), ngũ cốc khô. Đây là lúa Xa li (sāli) khô rang nổ làm cốm.)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 118)

Puññañce puriso kayirā

"Nếu người làm điều thiện,

kayirāthenaṃ punappunāṃ

Nên tiếp tục làm thêm,

Tamhi chandaṃ kayirātha

Hãy ước muốn điều thiện,

sukho puññaṃ uccayo.

Chứa thiện, được an lạc".

TMC.

Kệ Pháp Cú này, Đức Thế Tôn đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), để cập đến nàng Thiên nữ Cốm Rang (Lājā).

Chuyện này phát khởi trong thành Vương Xá. Thật vậy, Trưởng lão Mahā Kassapa ngự trong động Bíp Phá Lí (Pipphali), nhập vào Đại Định hưởng vị Thiền Diệt, đến ngày thứ bảy, xuất Thiền định, dùng Thiên nhãn quán xét lối đi khát thực, trông thấy một phụ nữ giữ ruộng lúa nếp Xa li (Sāli) đang rang những hạt lúa của mình.

"Cô này có đức tin hay không?"

Khi quán thêm, biết rõ phụ nữ ấy có đức tin, Trưởng lão quán tiếp: "Cô có tiếp độ cho ta chăng?" thì được biết rằng: Cô gái này thuộc gia đình lễ giáo, có đức tin vững chắc, sẽ tiếp độ ta và hưởng quả phước lớn".

Thế rồi, Trưởng lão đắp y, mang bát đến đứng gần ruộng lúa Xa Li. Thấy Trưởng lão, cô gái con nhà lễ giáo, phát Tâm Tinh tấn, phủi sạch ngũ sắc trần ngập cả thân thể.

- Bạch Ngài, hãy chờ một chút. Nói rồi, cô gái lật đặt lấy cối rang đến sát vào bát của Trưởng lão, gieo năm vốc xuống đánh lễ rồi phát nguyện:

- Bạch Ngài, xin cho con sẽ đắc pháp của Ngài đắc trong lúc hiện tại đây.

Trưởng lão chúc: "Mong cho cô được như ý nguyện".

Phụ nữ ấy đánh lễ cáo từ Trưởng lão, rồi quay đi, vừa suy tư đến việc cúng dường của mình vừa làm.

Lúc bấy giờ, có một con rắn độc nằm trong cái hang trên đường đi giáp ranh bờ ruộng lúa. Nó không cần được bấp chân Trưởng lão vì có y che phủ.

Cô gái vừa đi vừa suy tư đến việc cúng dường, đến ngay chỗ hang rắn, con rắn bò ra khỏi hang, mổ trúng chân cô và cô ngã xuống tại chỗ đó. Nhờ chết khi tâm đang trong sạch, y như người ngủ thức dậy, cô được sanh lên cung trời Đao Lợi, ở trong một ngôi đền vàng cao ba mươi do tuần, khắp mình đeo đủ thứ nữ trang. Cô Thiên nữ vận lá y trời dài mười hai hắc tay, trên khoác một lá nữa, chung quanh có hàng ngàn Thiên nữ theo hầu. Cô đứng tại cửa tòa Kim ốc có trang trí những chung rượ bằng vàng, những tua bông lúa vàng rủ lòng thòng sáng ngời, tự quán xét phước báu của mình và tự hỏi: "Ta đã làm gì mà được quả phước như vậy đây?". Nhờ Thiên nhãn cô quán thấy: "Nhờ ta đã để bát cối rang đến Trưởng lão Kassapa mới được phước này". Cô suy nghĩ: "Chỉ làm phước nhỏ như vậy mà được quả lớn thế này, bây giờ ta không nên để duôi, ta sẽ làm công quả giúp đỡ Trưởng lão để duy trì phước báu này cho được lâu dài bền vững".

Thế rồi, từ sáng sớm, nàng Thiên nữ xách theo cây chổi vàng và cái rổ dùng để hốt rác, xuống quét dọn chung quanh cốc của Trưởng lão. Quét xong, cô xách nước uống, nước xài chằm đầy sẵn cho Trưởng lão dùng.

Trưởng lão thấy lạ, tự hỏi: "Chắc có lẽ ông Sa di hoặc vị Sa môn trẻ nào làm công quả đây!"

Ngày hôm sau, cô Thiên nữ cũng xuống làm công quả như cũ và Trưởng lão cũng nghĩ là các vị sư trẻ làm. Đến ngày thứ ba Trưởng lão nghe tiếng quét của nàng Thiên nữ và nhìn thấy hào quang của thân cô lọt qua kẽ vách, liền mở cửa ra hỏi:

- Ai quét đó?

- Bạch Ngài, con! Con là Thiên nữ Cốt Rang, là người hộ độ của Ngài.

- Bần tăng không có người hộ độ nào tên như thế cả!

- Bạch Ngài, trong khi giữ ruộng lúa Xa Li, con đã cúng dường cốt rang đến Ngài với tâm tịnh tín, khi con quay về bị con rắn độc cắn chết, sanh lên cung trời Đao Lợi. Nhờ Ngài con có được quả phước như thế, nên bây giờ con đến làm công quả với Ngài để duy trì phước báu cho lâu dài đó Ngài!

- Hôm qua và hôm kia cũng chính cô đã đến đây quét dọn và múc nước uống, nước xài, chằm sẵn để dành cho bần tăng phải không?

- Dạ phải, bạch Ngài.

- Thôi được rồi, này Thiên nữ, hãy lảng xa đi lo việc của cô đi! Từ rày về sau cô đừng đến nơi này nữa!

- Bạch Ngài, xin Ngài đừng để con thiệt thòi, hãy để cho con hộ độ đến Ngài, để bảo trì phước báu của con.

- Hãy biến mất đi, cô Thiên nữ! Đừng để từ đây về sau, các vị Pháp Sư cầm quạt ngổi lên Pháp tọa thuyết rằng: Nghe nói có một cô Thiên nữ hằng đến làm công quả múc nước uống, nước xài hộ độ Trưởng lão Mahā Kassapa. Cô hãy đi, từ rày về sau đừng đến đây nữa!

Cô Thiên nữ van lơn nhiều lượt:

- Bạch Ngài, xin Ngài đừng để cho con chịu thiệt thòi.

Trưởng lão tự nghĩ: "Cô này không chịu vâng lời ta!" Trưởng lão vỗ tay quở rằng: "Cô không biết độ lượng!"

Cô Thiên nữ không thể đứng yên tại chỗ, phải bay lên hư không, chấp tay đứng nửa lưng mà khóc than rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài đừng làm con mất phước. Xin Ngài ban ân cho con giữ phước được lâu dài!

Đức Bốn Sư ngổi bên trong hương thất, nghe tiếng khóc của Thiên nữ, bèn phóng hào quang tỏa ra, thị hiện như đang ngổi trước mặt cô mà thuyết giảng rằng: "Này Thiên nữ, con trai Ta là Kassapa, là người nghiêm trì Giới Luật, thu thúc Lục căn, đã xét kỹ không cần đến những người muốn làm phước, đảm đang gánh nặng của mình. Tuy nhiên sự làm phước là một gánh nặng mà đưa con người đến chỗ an vui ngay trong kiếp này và trong những kiếp vị lai nữa".

Nói rồi, Đức Bốn Sư thuyết pháp và ngâm kệ rằng:

"Puññañce puriso kayirā

Kayirāth' enam punappunam

Tamhi chandam kayirātha

Sukkho puññassa uccayoti".

(Nếu đã làm việc lành, hãy nên thường làm mãi, nên vui làm việc lành, hễ chứa lành nhất định thọ lạc).

CHÚ GIẢI:

Puññañ: nếu một người làm phước tự nhu: "Ta đã làm phước được một lần rồi, thì không nên lấy đó làm tự mãn mà hãy rán làm phước nhiều lần nữa. Ngay trong lúc làm phước hãy siêng năng, sốt sắng thỏa thích trong việc phước của mình làm. Tại sao?"

Sukho puññassa uccayo: quả nhiên người tích trữ phước, phước càng tăng trưởng, đưa người đến nơi an vui, hạnh phúc ngay trong đời này và những đời sau.

Cuối thời Pháp, cô Thiên nữ đứng cách xa độ bốn mươi lăm do tuần liền chứng đắc Tu Đà Hườn quả.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Để bát vừa xong, kể chết liền,

Lên trời, hưởng phước lộc Chư Thiên,

Biết mình được phước do làm phước,
Thiếu nữ càng ham chuộng phước điền!
Nhưng Ngài Kassapa chẳng ông cho,
Thiên Nữ hộ Ngài việc nhỏ to,
Lại đuổi cô đi, cô phát khóc,
Phật nghe, bèn dạy: Chớ buồn lo!
Điều lành, nên gắng lập thêm hoài,
Phước báu về sau hưởng mới dai!
Nếu cả một đời tu phước nghiệp,
Lâm chung nào sợ khổ lâu dài!

DỨT TÍCH THIÊN NỮ CỐM RANG.

IX. 4- CHUYỆN ÔNG CẤP CÔ ĐỘC ĐUỔI THIÊN NỮ **(anāthapiṇḍikaseṭṭhivatthu)**

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 119-120)

Pāpopi passati bhadram
"Người ác thấy là hiền,
yāva pāpaṃ na paccati
Khi ác chưa chín muối,
Yadā ca paccati pāpaṃ
Khi ác nghiệp chín muối,
atha(pāpo) pāpāni passati.
Người ác mới thấy ác".
Bhadropi passati pāpaṃ
"Người thiện thấy là ác,
yāva bhadram na paccati
Khi thiện chưa chín muối,
Yadā ca paccati bhadram
Khi thiện được chín muối,
atha (bhadro) bhadrāni passati.
Người hiền thấy là thiện".

TMC.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), để cập đến ông Cấp Cô Độc (anāthapiṇḍaka).

Ông Cấp Cô Độc đã tung ra năm trăm bốn chục triệu đồng vàng trong Phật giáo, để xây cất ngôi đại tự Kỳ Viên và thỉnh Đức Bốn Sư ngự yên nơi đó. Hằng ngày ông đi lo ba lần phục vụ lớn, trước khi đi ông tự hỏi: "Ta phải mang theo gì khi đi chùa? Các Sa di và Tỳ khưu trẻ sẽ nhìn vào tay ta!" Vì thế, ông không bao giờ đi tay không. Đi buổi sáng ông cho người nhà mang theo cháo, đi sau buổi điểm tâm thì ông cho mang theo các thứ thuốc nước (Bhesajjāni) như sữa chua (thục tô), sữa lỏng (sanh tô).v.v... Đi vào buổi chiều thì ông cho mang theo tràng hoa, hương, vật thoa, vải.v.v...

Mỗi ngày ông vẫn thường xuyên giữ Giới và cúng dường như thế.

Một thời gian sau, gia tài của ông bị khánh tận. Những người sống bằng nghề buôn, tự tay vay một trăm tám mươi triệu đồng mà chưa trả nợ cho ông, còn gia sản một trăm tám mươi triệu đồng vàng thô chôn ở bờ sông bị nước phá vỡ đê, cuốn vào lòng biển cả. Thế là từ từ tài sản của ông bị khánh kiệt.

Mặc dầu sa sút, ông vẫn đặt bát Trai Tăng, nhưng không thể cúng dường vật ngon quý như xưa.

Một hôm, Đức Bốn Sư hỏi ông:

- Nầy gia chủ, ông đã cúng dường Tăng chúng chưa?

- Bạch Ngài, con đã cúng dường đến Tăng rồi, nhưng vật thực chỉ có cháo tằm và cải chua (Bilāngadutiyaṃ: Ht.TMC dịch là bột chua để từ đêm qua.) mà thôi.

Đức Bổn Sư bèn an ủi ông rằng:

- Nầy gia chủ, ông đừng lo buồn rằng: "Ta cúng dường vật thực thô kệch quá" miễn là tâm ông nghĩ là cúng dường vật thực cao quý đến các bậc Thánh nhân, nhất là Đức Phật thì sự cúng dường của ông không bao giờ thô kệch đâu! Và lại, nầy gia chủ, ông đã được cúng dường đến tám bậc Thánh nhân. Chính Ta trong kiếp sanh làm Vua Quê La Má (Velāma) Ta đã cho dân chúng trong toàn cõi Diêm Phù Đề nghĩ cả cây bừa (Unnagalaṃ kattā: Ht.TMC dịch là làm náo động.) trong ngày đại thí của Ta, nhưng Ta không có được chút Tam qui nào cả. Sự cúng dường đến các bậc đáng cúng dường thật khó làm được như thế, cho nên ông đừng buồn rằng: "Ta cúng dường vật thực thô kệch quá".

Nói rồi, Đức Thế Tôn thuyết kinh Quê La Má cho ông Cấp Cô Độc nghe.

Khi ấy, có một Thiên nữ ở trong phòng bên cửa gác, không thể ở lại trong phòng khi Đức Bổn Sư và chư Thánh Văn vào trong nhà, vì oai lực của các Ngài rất lớn. Thiên nữ ấy nghĩ thầm: "Ta phải làm sao ly gián gia chủ với mấy vị nầy để họ khỏi vào nhà nầy nữa. Lúc gia chủ còn quyền thế, ta không thể nói lời chi được cả. Bây giờ ông ta sa sút, nghèo khó rồi, ông sẽ nghe theo lời ta".

Thế rồi, ban đêm Thiên nữ vào tư phòng của phú Bá hộ, đứng trên hư không. Bá hộ thấy Thiên nữ bèn hỏi:

- Ai đứng đó?

- Nầy Đại Bá hộ, ta là Thiên nữ ngự ở phòng gác cửa cổng thứ tư, đến để ban huấn từ cho ông!

- Thiên nữ cứ nói đi!

- Nầy Đại Bá hộ, vì ông không thể nhìn xa đến lúc chung cuộc, cho nên ông đã phung phí của cải rất nhiều trong Giáo Pháp của Sa môn Cô Đàm. Bây giờ đã sa sút rồi mà ông còn chưa tỉnh ngộ, dứt bỏ. Nếu ông cứ làm như thế mãi thì chỉ vài ba hôm nữa là ông sẽ không có cơm ăn áo mặc. Hãy từ biệt hẳn Sa môn Cô Đàm để bắt tay vào công việc xây dựng lại sản nghiệp của gia đình.

- Đó là huấn từ của Thiên nữ ban cho ta đó hả?

- Phải đó, nầy Đại Bá hộ!

- Hãy đi đi, dẫu cho một trăm, một ngàn hoặc một trăm ngàn người như cô cũng không lay chuyển lòng ta được. Lời cô nói không thích hợp, sao cô còn cư ngụ trong nhà của ta? Cô hãy đi ra khỏi nhà của ta lập tức.

Nghe lời quyết định của Thánh Thánh Văn Tu Đà Hườn, cô Thiên nữ không thể đứng yên, phải dắt các con đi ra, nhưng đi kiếm chỗ ở khác không được, cô tự nghĩ: "Ta phải đi sám hối với Bá hộ và xin lại chỗ cũ". Thế rồi cô đến yết kiến vị Chư Thiên trấn giữ châu thành, cô không thú nhận việc mình đã làm, mà chỉ yêu cầu: "Xin Thiên tử (Devaputtam) đưa giùm tôi đến yết kiến ông Bá hộ, xin Bá hộ miễn thứ và xin cho tôi được ở lại chỗ cũ".

Vị Chư Thiên từ chối: "Lời cô phân nghe không thích hợp, ta không mắc gì phải đi đến nhà ông Bá hộ!"

Cô Thiên nữ lại cầu viện đến bốn vị Đại Thiên Vương, nhưng cũng bị các Ngài từ chối.

Sau cùng cô đến đánh lễ Thiên Vương Đế Thích, thú nhận lỗi lầm của mình đã phạm và thiết yếu van rằng: "Tâu Đại vương, hiện giờ tôi không có nơi cư ngụ, mẹ con dắt nhau đi lang thang như vậy thật khổ quá. Xin Thiên Vương nói giùm cho tôi có được chỗ ngụ".

Khi ấy, Thiên Vương Đế Thích đáp rằng: "Ta không thể nói lời gì với ông Bá hộ mà binh vực, bào chữa cho người được. Tuy nhiên ta sẽ dạy cho người một phương kế!"

- Lành thay! Xin Thiên Vương dạy đi!

- Người hãy đi! Trước hết hãy hóa thân làm người quản gia của ông Bá hộ, cầm những giấy nợ của những người sống bằng nghề buôn, đã vay tiền ông Bá hộ, đòi cho đủ số một trăm tám mươi triệu đồng vàng, dùng Thần thông quét sạch kho bạc trống không, đổ đầy tiền vào đó. Còn một số tài sản một trăm tám mươi triệu tiền vàng đã chìm sâu dưới biển lớn. Ở một chỗ khác nữa, có một của

chôn vô chủ một trăm tám mươi triệu đồng. Hãy gom tất cả về đổ đầy cái kho trống. Sau khi đoái công chuộc tội như thế rồi, hãy đến xin sám hối gia chủ mới được!

Cô Thiên nữ đáp: "Lành thay, tâu Thiên Vương".

Cô làm đúng theo lời Đức Đế Thích chỉ dạy, rồi đến phòng riêng của ông Bá hộ Cấp Cô Độc, đứng trên không tỏa hào quang sáng khắp căn phòng. Ông Bá hộ hỏi:

- Ai đó?

Nghe vậy, Thiên nữ đáp: "Thưa tôi là Thiên nữ cư ngụ tại cửa gác thứ tư, vì mù quáng si mê mà đã nói xúc phạm đến ông, xin ông miễn thứ cho tôi. Tôi đã nghe lời chỉ dạy của Đức Đế Thích, gom góp năm trăm bốn mươi triệu đồng vàng, chất đầy kho bạc trống không để chuộc lỗi. Xin ông hãy xét công mà cho tôi ở lại, không có chỗ trú ngụ tôi khổ lắm, ông ơi!

Ông Cấp Cô Độc nghĩ thầm: "Cô Thiên nữ này nói mình đã lấy công đền tội rồi, tức là cô đã biết tự hối ăn năn. Ta hãy đưa cô đến bái yết Đức Chánh Biến Tri".

Thế rồi, ông Cấp Cô Độc đưa cô Thiên nữ đến yết kiến Đức Bổn Sư và thuật lại hết câu chuyện của cô đã làm cho Ngài nghe. Cô Thiên nữ quì mọp đầu dưới chân Đức Bổn Sư:

- Bạch Ngài, con vì mù quáng si mê, không biết được ân đức của Ngài, có lỗi lời quấy ác xúc phạm đến Ngài, xin Ngài hãy tha thứ cho con!

Sau khi sám hối với Đức Bổn Sư, cô Thiên nữ lại xin sám hối với ông Đại Bá hộ.

Nhân dịp đó, Đức Bổn Sư ban huấn từ dạy cả Bá hộ và cô Thiên nữ về quả báo dị thực của những hành động thiện ác.

- Này gia chủ, trong đời này lúc mà quả của nghiệp ác chưa muối, thì kẻ ác thấy là vui đẹp lắm. Nhưng đến khi quả ác đã trở, lúc bấy giờ kẻ ác mới thấy là ác. Lúc mà thiện quả chưa muối, kẻ thiện còn thấy là ác, nhưng khi quả thiện đã chín muối thì chừng ấy kẻ thiện mới thấy là thiện.

Nói rồi Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bằng hai bài kệ sau đây:

"Pāpo'pi passati bhadrām

Yāva pāpam na paccati

Yadā ca paccati pāpam

Atha pāpo pāpāni passati".

"Bhadro'pi passati pāpam

Yāva bhadrām na paccati

Yadā ca paccati bhadrām

Atha bhadro bhadrāni passati".

(Khi nghiệp ác chưa thành thực, kẻ ác cho là vui, đến khi nghiệp ác thành thực, kẻ ác mới hay là ác. Khi nghiệp lành chưa thành thực, người lành cho là khổ, đến khi nghiệp lành thành thực, người lành mới biết là lành).

CHÚ GIẢI:

Pāpo: kẻ nào liên can với nghiệp ác, nhất là thân ác hạnh... Kẻ ấy từ trước do các thiện hạnh mà được quả an vui, bắt đầu làm ác thì vẫn còn thấy vui.

Yāva pāpam na paccati: khi mà ác nghiệp chưa trở quả Dị thực (Vipāka) trong hiện kiếp hoặc trong kiếp vị lai, kẻ ác còn thấy vui. Đến chừng ác nghiệp trở quả, chừng ấy trong hiện kiếp thì phải chịu nhiều hình phạt khổ sai. Còn trong kiếp vị lai thì thọ khổ trong bốn ác đạo, lúc bấy giờ kẻ ác mới thấy là ác.

Bài kệ thứ hai: kẻ nào liên can với nghiệp thiện, nhất là thân thiện hạnh... Kẻ ấy từ trước do các ác hạnh mà tái sanh thọ khổ, khi bắt đầu làm việc thiện vẫn còn thấy ác. Khi mà thiện nghiệp chưa chín muối, thì nó chưa trở quả thiện trong hiện kiếp hoặc trong kiếp vị lai. Đến khi nghiệp lành trở quả, chừng ấy trong hiện kiếp kẻ làm thiện được sự an vui, nhất là được nhiều lợi lộc và trong kiếp vị lai được hưởng phước báu an vui của cõi trời. Lúc bấy giờ kẻ làm thiện mới thấy là thiện.

Cuối thời Pháp, cô Thiên nữ đắc quả Tu Đà Huòn, kỳ dư tứ chúng cũng đều được hưởng sự lợi ích do nghe pháp của Đức Bổn Sư. (Xem Bổn sanh Khadirāṅgāra (Jātaka 226) nhân câu chuyện ông Cấp Cô Độc có đức tin kiên cố, Đức Bổn Sư đã kể lại sự tích của Bồ Tát đã vượt qua hầm lửa của Ma vương mà để bát cho vị Phật Độc giác (Kinh Bổn sanh tập I, số 40 trang 147).)

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Bá hộ khi nghèo vẫn cúng Tăng,
Khiến cô Thiên nữ đến khuyên xằng:
Không nghe, còn đuổi cô đi lẹ,
Bế cả con thơ, hết nói năng!
Đế Thích khuyên cô lập đại công,
Qui hoàn tài sản chủ nhân ông,
Rồi xin sám hối, về ngôi cũ.
Thiên nữ vâng lời, mọi việc xong.
Ông dất cô đi lễ Phật Đà,
Phật khuyên: Người Trí lánh điều tà,
Ác lai, ác báo, nhiều khi chặm,
Hậu quả bao giờ cũng xấu xa.
Người Trí cần nên hiểu chánh chơn,
Việc lành tuy thấy khó làm hơn,
Nhưng mà hậu quả là vui thú,
Dầu hiện thời đây gặp tủi hờn.

DỨT TÍCH ÔNG CẤP CÔ ĐỘC ĐUỔI THIÊN NỮ

IX. 5- CHUYỆN TỖ KHU KHINH GIỚI NHỎ (Asaññataparikkhāravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 121)

Māvamaññetha pāpassa
"Chớ chê khinh điều ác,
na mattam āgamissati
Cho rằng "chưa đến mình",
Udabindunipātena
Như nước nhỏ từng giọt,
udakumbhopi pūrati
Rồi bình cũng đầy tràn.
Pūrati bālo pāpassa
Người ngu chứa đầy ác,
thokathokampi ācinam.
Do chất chứa dần dần".

TMC.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), đề cập đến một vị Tỳ khưu không quý trọng Tăng sản.

Tương truyền: Tỳ khưu này sau khi dùng xài Tăng sản, bất cứ vật chi như giường, ghế dài chẳng hạn, thường bỏ luôn vật ấy bên ngoài. Bị dầm mưa đang nắng làm hư hoại hay bị một mối đục khoét, đồ đạc bị hư hao, Chư Tăng thấy vậy nhắc nhở rằng:

- Nầy đạo hữu, đồ đạc dùng rồi, đạo hữu nên đem đi cất cho đàng hoàng tử tế.

Nghe vậy, vị Tỳ khuru ấy cãi rằng:

- Nầy chư đạo hữu, việc tôi làm ấy thật là nhỏ nhen quá mà. Đồ đạc ấy không có tâm, chúng vô tâm mà!

Nói rồi, vị Tỳ khuru ấy vẫn tiếp tục làm như cũ.

Chư Tăng đem hành động của vị này mách lại với Đức Bổn Sư. Đức Bổn Sư cho gọi Tỳ khuru nầy đến và hỏi:

- Nầy Tỳ khuru, nghe nói thầy đã làm như thế phải chăng?

Tỳ khuru nầy không đáp ngay câu hỏi của Đức Bổn Sư mà lại chống chế rằng:

- Bạch Ngài, chuyện ấy có gì đâu? Việc làm của con nhỏ nhen quá mà. Sở dĩ con coi thường đồ đạc là vì chúng không có tâm, chúng là vật vô tâm mà.

Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Các Tỳ khuru không nên làm như vậy, nghiệp ác dầu là nhỏ nhen cũng không nên coi thường. Như cái bình không đầy nắp, để ngoài trời mưa, dầu rằng một giọt nước nhỏ nhen không làm đầy bình được, nhưng nếu trời cứ mưa đi mưa lại mãi thì bình sẽ tràn đầy nước mưa, kẻ tạo nghiệp ác cũng như thế, cứ ngày một ngày hai, lần lần các nghiệp ác lớn nhỏ sẽ chồng chất dồn lại, sẽ thành một đống lớn.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bằng bài kệ rằng:

"Māvamaññetha pāpassa

Na mattam (Có bản chép Na mam tam āgamissati.) āgamissati

Udabindunipātena

Udakumbho pi pūrati"

Pūrati bālo pāpassa

Thokathokampi (Thokam thokampi (theo bản Pāli của CSCD/ Dhammagiri, India).) ācinanti".

(Chớ khinh điều ác nhỏ, cho rằng: chẳng đưa lại quả báo cho ta. Phải biết giọt nước nhiều lâu ngày cũng làm đầy bình. Kẻ ngu phu sở dĩ đầy tội ác bởi chứa dồn từ khi ít mà nên).

CHÚ GIẢI:

Māvamaññetha: đừng khi dễ (Avajāreyya). Có nhiều bản chép Mappamaññetha (Mā appa maññati) chớ tưởng ít.

Pāpassa pāpam: điều ác (Vibhatti assa) ở đây không phải cách thứ tư hay thứ sáu, mà ở đối cách thứ hai.

Na mattam āgamissati : việc ác của tôi làm nhỏ nhen lắm, chừng nào nó mới trở quả? Đừng coi thường việc ác nhỏ như thế.

Udakumbhopi: bất kỳ thứ đồ gốm nào như cái bình, cái chậu mà để ngoài mưa không đầy nắp, giọt mưa cứ nhiều mãi vào, lần lần nó cũng phải đầy. Kẻ ác cũng vậy, cứ tiếp tục làm điều ác nhỏ, lần lần nghiệp ác dồn dập cũng tăng trưởng thành điều ác to.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khuru chứng đắc quả thánh, nhất là quả Tu Đà Hườn. Nhân dịp nầy, Đức Bổn Sư ban hành Học giới, Tỳ khuru nào sử dụng Tăng sản như giường ghế..., khi ra đi không xếp cất thì phạm Ong đối trị.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Giường chiếu của Tăng cứ mượn xài,

Khi đi bỏ cả ở bên ngoài,

Tăng khuyên, viện có rằng lỗi nhỏ,

Chẳng đáng lưu tâm nhắc nhở hoài!

Phật dạy: Đừng khinh lỗi nhen,

Phạm đi phạm lại riết thành quen,

Giọt mưa tuy nhỏ, bình tuy lớn,

nhều mãi đầy bình, việc chẳng hèn!

IX. 6- CHUYỆN BÁ HỘ CHÂN MÈO (Bilālapādakaseṭṭhivatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 122)

Māvamaññetha puññassa

"Chớ chê khinh điều thiện,

na mattam āgamissati

Cho rằng "chưa đến mình",

Udabindunipātena

Như nước nhỏ từng giọt,

udakumbhopi pūrati

Rồi bình cũng đầy tràn.

Pūrati dhīro puññassa

Người trí chứa đầy thiện,

thokathokampi ācinam.

Do chất chứa dần dần".

TMC.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), để cập đến Bá hộ Chân Mèo (Bilālapādaka).

Một thuở nọ, dân thành Sāvattthī lập thành đoàn Hộ pháp, để bát cúng đường đến Tăng, có Đức Phật cầm đầu. Một hôm trong lúc phúc chúc cho các thí chủ, Đức Thế Tôn giảng rằng:

- Này các Thiện nam, nơi đây (trong Giáo Pháp này), có một số người tự mình làm phước Trai Tăng cúng đường mà không rủ thêm ai khác, khi chuyển kiếp lai sinh nơi cảnh giới nào, người ấy cũng được dồi dào của cải mà không được đồng đảo tùy từng. Một số người không tự mình làm phước, nhưng lại rủ ren, đốc xúi người khác làm phước, khi chuyển kiếp tái sinh nơi cảnh giới nào sẽ là người có đồng đảo tùy từng nhưng không được dồi dào của cải. Một số người không tự mình làm phước trai Tăng, cũng không hề rủ ren, đốc xúi ai khác làm phước, trong lúc chuyển kiếp tái sinh, người ấy không có của cải dồi dào, cũng không có tùy từng đồng đảo, phải sống nghèo đói, ăn chực của người. Còn một số người tự mình làm phước trai Tăng lại còn rủ thêm người khác cùng làm phước thì đến khi tái sinh nơi cảnh giới nào, những người sau này đều được dồi dào tài sản và đồng đảo tùy từng.

Khi ấy, có một bậc Hiền trí nghe được thời pháp này, lấy làm thỏa thích nghĩ thầm: "Ôi! Chân lý này thật là kỳ diệu! Bây giờ ta sẽ tạo nghiệp đầy đủ cả hai loại phước báu".

Khi Đức Bổn Sư đứng dậy sắp đi, ông thỉnh rằng:

- Bạch Ngài, ngày mai xin Ngài hãy đến thọ bát của chúng tôi!

- Ông cần bao nhiêu vị Tỳ khuru?

- Bạch Ngài, con xin thỉnh hết tất cả Tỳ khuru.

Đức Bổn Sư im lặng nhận lời.

Ông Thiện nam bèn vào làng kêu gọi đồng bào Phật tử:

- Bà con cô bác ơi, ngày mai này chúng tôi sẽ làm phước thỉnh Tăng có Đức Phật cầm đầu. Tùy theo sức mình, ai có thể đặt bát được bao nhiêu vị Tỳ khuru thì hãy lãnh phần, rồi đem gạo thực phẩm đến để nấu cơm cháo, đến một địa điểm nọ giao cho một người nấu, rồi chúng ta sẽ đặt bát.

Khi ấy có một ông Bá hộ đi đến cửa chợ, thấy ông Thiện nam thì nghĩ rằng: "Cái ông này không thỉnh tất cả Tăng chúng, mà lại đi kêu gọi khắp làng để bát". Bá hộ phát sân, gọi ông Thiện nam:

"Ông hãy đưa bình đây, ta hộ cho!". Rồi ông ta chụm ba ngón tay nắm một chút gạo, một chút đậu xanh và một đậu trắng gói để bát. Từ đó về sau, ông được biệt danh là Bá hộ Chân Mèo (Bilālapādaka).

Sau khi bố thí thuốc nước như sữa chua, nước mía... Ông Bá hộ cũng trút chung từ cái chai, cái hộp nhỏ vào trong một cái bình rồi rót ra từng giọt, từng giọt mà cho.

Sau khi gom chung các vật hùn phước rồi, ông Thiện nam nhận lãnh phần ông Bá hộ và để riêng ra. Thấy ông làm như vậy, ông Bá hộ tự hỏi: "Vì lẽ gì ông nậy lại để phần Bố thí của ta riêng ra?". Ông phái một đầy tớ trai thân tín đi theo ông Thiện nam:

- Hãy đi, xem cho biết việc ông ta làm!

Ông Thiện nam đi về tới chỗ nấu ăn, soạn đồ của ông Bá hộ hùn phước và nói: "Cầu cho ông Bá hộ được phần phước lớn". Rồi ông lấy một vài hạt gạo của ông Bá hộ bỏ chung vào số thực phẩm để nấu cháo, cơm và làm bánh... Đến đậu xanh, đậu trắng, dầu, nước mía... ông cũng thận trọng rót từng giọt vào bình đựng thực phẩm như thế.

Tên tớ trai của Bá hộ thấy vậy, trở về thưa lại cho chủ biết, nghe vậy Bá hộ nghĩ thầm: "Nếu ông nậy nói xấu ta ngay giữa hội chúng thì ta sẽ đập chết ông ta mà rửa nhục". Thế rồi qua ngày sau, ông Bá hộ lặn dao găm vào thắt lưng đến đứng trong trai Tăng đường.

Sau khi hộ độ Chư Tăng, có Đức Phật cầm đầu xong, ông thí chủ bạch với Đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài, chúng con kêu gọi đại chúng hùn phước mà làm xong cuộc lễ Trai Tăng nầy, trong đây những người hùn phước tùy theo sức mình dầu nhiều hay ít, đã dâng cúng vật ăn thức uống cầu xin cho tất cả những vị ấy đều được quả phước lớn!

Nghe vậy ông Bá hộ suy nghĩ: "Ta đã lấy chút ít mẽ cốc mà hùn phước như vậy, rồi lại sợ ông ta bôi lọ tên tuổi mình, nên đến đây chực giết ông ta. Thế nhưng khi hộ độ tất cả Chư Tăng rồi, ông đã hỏi hưởng quả phước lớn cho tất cả các thí chủ. Dầu ai dâng cúng nhiều bằng đầu mẽ cốc hoặc chỉ dâng cúng chút ít cũng vậy. Nếu ta không sám hối với một người công tâm như vậy, có lẽ thiên lôi sẽ đập ta bể đầu".

Ông Bá hộ liền quì mọp dưới chân ông Thiện nam và nói:

- Xin chủ hãy tha lỗi cho tôi!

- Cái gì đây vậy?

Nghe hỏi ông Bá hộ tự thú hết câu chuyện sai quấy của mình. Thấy ông làm như vậy, Đức Bổn Sư hỏi:

- Có việc gì thế, ông muốn làm phước trai Tăng phải chăng?

- Ông Thiện nam đem hết tự sự từ trước đến giờ thuật lại.

Đức Bổn Sư hỏi lại ông Bá hộ:

- Lời nói như thế đó có đúng không ông Bá hộ?

- Bạch Ngài, đúng như vậy.

Đức Bổn Sư giảng rằng:

- Nầy Thiện nam, trong việc làm phước không nên khinh thường việc làm phước nhỏ nhen. Sự làm phước cúng dường đến Tăng có Phật như Ta cầm đầu thì dầu chút ít cũng không nên coi thường. Quả thật, đối với bậc Hiền trí việc làm phước giống như cái bình không nắp hứng những giọt nước mưa, cứ liên tục hứng mãi thì bình ắt phải đầy.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết pháp và ngâm kệ rằng:

"Māvaññetha puññassa

Na mattaṃ āgamissati

Udabindunipātena

Udakumbho' pi pūrati

Pūrati dhīro puññassa

Thokathokampi ācinanti".

(Chớ khinh điều lành nhỏ, cho rằng chẳng đưa lại quả báo cho ta, phải biết giọt nước nhỏ lâu ngày cũng làm đầy bình. Kẻ trí sở dĩ toàn thiện chứa dồn từng khi ít mà nên).

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của Kệ ngôn này là:

Người Hiền trí sau khi làm phước, không nên coi thường, xem khinh việc phước đã làm như nói: "Việc phước của ta đã làm nhỏ nhen, không đáng kể, sẽ không có quả báo. Nghiệp nhỏ như thế sẽ không thấy ta, hoặc ta sẽ không thấy nó ở đâu, chùng nào quả ấy mới chín...." Cũng như giọt mưa cứ nhỏ liên tục bắt đọng vào cái bình sành không đầy nắp, để ngoài trời sẽ đầy tràn cái bình ấy, bậc Hiền nhân Trí giả lai rai từ chút, làm phước mãi lâu ngày cũng tích trữ đầy phước báu vậy.

Cuối thời Pháp, ông Bá hộ đắc quả Tu Đà Hườn. Kỳ dư tứ chúng thính pháp đều được sự lợi ích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Bá hộ nhà giàu, chẳng khác nghèo,
Nổi danh là "Thí chủ Chân mèo",
Tức mình muốn giết người kêu phước,
Sám hối rồi, sau bỏ tính keo.
Phật dạy: Đừng khinh thiện nhỏ nhen,
Làm đi làm lại riết thành quen,
Giọt mưa tuy nhỏ, bình tuy lớn,
Nhều mãi đầy bình, việc chẳng hèn!*

DỨT TÍCH BÁ HỘ CHÂN MÈO

IX. 7- CHUYỆN PHÚ THƯƠNG TRÁNH HIỂM LỘ (Mahāghanavāṇijavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 123)

*Vāṇijova bhayaṃ maggaṃ
"Ít bạn đường, nhiều tiền,
appasattho mahaddhano
Người buôn tránh đường hiểm,
Visaṃ jīvitukāмова
Muốn sống, tránh thuốc độc,
pāpāni parivajjaye.
Hãy tránh ác như vậy".*

TMC.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), đề cập đến ông lái buôn Đại Phú.

Tương truyền rằng: Có năm trăm tên cướp muốn đột nhập vào nhà ông lái buôn này, nhưng tìm chưa được cơ hội thuận tiện.

Một thời gian sau, ông lái buôn cho chở hàng hóa đầy năm trăm cỗ xe bò, rồi bạch với các Tỷ khưu rằng:

- Tôi sắp đi buôn hàng hóa ở một địa phương nọ. Nếu chư Trưởng lão nào muốn đi đến đó, xin các Ngài hãy cùng đi với tôi, dọc đường các Ngài khỏi lo khát thực vất vả.

Nghe vậy, năm trăm vị Tỷ khưu tháp tùng với ông lái buôn lên đường.

Bọn cướp hay tin ông lái buôn đã khởi hành, bèn đứng đón ở một ven rừng.

Ông lái buôn ra đi, đến đầu truông rậm thì dừng xe lại, tạm trú trong làng ở cận rừng độ vài ba ngày, để cho người và xe bò được nghỉ ngơi sửa chữa. Trong lúc ấy, Chư Tăng vẫn được để bát thường xuyên.

Bọn cướp chờ lâu không được, bèn sai một tên đồng bọn ra đi thám thính: "Hãy đi dò cho biết ngày họ xuất hành, rồi hãy về". Tên này đến làng hỏi một người bạn:

- Chùng nào ông lái buôn khởi hành?

Người bạn đáp:

- Quá hai ba ngày!

Rồi hỏi lại: "Anh hỏi để làm gì?".

Tên cướp tỏ thật cho biết: "Chúng tôi năm trăm tên cướp, đang ở trong rừng đón chặn bắt ông lái buôn".

Người bạn tiến chân tên cướp đi và nói: "Vậy thì anh hãy đi! ông ta sẽ đi cấp tốc".

Tên cướp đi rồi, người dân làng suy nghĩ: "Giữa bọn cướp và ông lái buôn, ta nên bênh ai và bỏ ai".

Rồi người ấy quyết định: "Ta bênh bọn cướp làm gì? Ông lái buôn là chỗ nương, để nuôi mạng sống của năm trăm vị Tỳ khuru. Vậy ta sẽ mật báo cho ông ta biết."

Đến gặp ông lái buôn, người dân làng hỏi:

- Chùng nào ông mới khởi hành?

- Đến ngày thứ ba.

Nghe vậy, người dân làng nói: "Ông hãy làm theo lời tôi. Nghe nói có năm trăm tên cướp núp ở trong rừng để chặn đường các ông, vậy các ông đừng nên đi.

- Sao anh biết tin này?

- Trong nhóm ăn cướp có người quen với tôi, y đã nói cho tôi biết.

- Nếu vậy thì tôi không đi tới làm chi, tôi sẽ quay trở về nhà.

Trong khi chờ đợi quá lâu, bọn cướp lại sai tên đồng đảng đi lấy tin. Tên này đến hỏi người bạn, biết được dự tính của ông lái buôn, quay trở về thông tin với bọn cướp: "Nghe nói ông ta sẽ trở về nhà".

Hay tin này, bọn cướp lại chuyển đến một con đường khác để chặn lối về của ông lái buôn. Ở đó đợi quá lâu, bọn cướp lại sai tên đồng đảng đi tiếp xúc với người bạn lấy tin, người này biết được chỗ núp của bọn cướp lại thông tin cho ông lái buôn biết.

Ông lái buôn suy xét rằng: "Ở đây ta không biết thiếu sót thứ gì. Nếu vậy, ta sẽ không đi tới hay đi lui chi cả. Ta nhất định sẽ lưu lại nơi đây". Thế rồi, ông đến gặp chư Tỳ khuru và nói: "Bạch Ngài, nghe nói có bọn cướp định đón đường, cướp giựt hàng hóa. Bây giờ chúng hay tin tôi định trở về, chúng lại chuyển qua chặn đón lối về, phần tôi tấn thối lưỡng nan, chắc phải lưu lại ở đây lâu. Nếu các Ngài muốn ở lại đây thì cứ ở, còn các ngài muốn đi thì cũng tùy thích ra đi".

Các Tỳ khuru đáp: "Nếu vậy, chúng tôi sẽ quay về".

Qua ngày sau, Chư Tăng cáo từ ông lái buôn rồi trở về Sāvattihī đánh lễ Đức Bổn Sư rồi ngồi xuống.

Đức Bổn Sư hỏi: "Này các Tỳ khuru, các thầy không cùng đi với ông lái buôn Đại Phú phải không?".

- Bạch Ngài, phải. Cả hai đường tới lui của ông lái buôn đều bị bọn cướp chặn đón. Do đó, ông ta phải đình trú ở một nơi, chúng con thấy vậy, cáo từ ông ta mà trở về.

Nghe vậy, Đức Thế Tôn dạy:

- Này các Tỳ khưu, người lái buôn lớn biết né tránh con đường có nhiều kẻ cướp. Con người muốn sống biết né tránh chất độc của thuốc độc dữ. Tỳ khưu nào biết được con đường tương đương bị bọn cướp Tam giới đang ngăn đón thì phải biết né tránh điều ác.

Nói rồi, Đức Bổn Sư thuyết giảng thêm và kết luận bằng kệ rằng:

"Vāṇijo'va bhayaṃ maggaṃ

Appasattho mahaddhano

Visaṃ jīvitukāmo'va

Pāpāni parivajjayeti".

(Như người đi buôn mang nhiều của báu mà thiếu bạn đồng hành, tránh xa con đường nguy hiểm làm sao, như kẻ tham sống tránh xa thuốc độc thế nào, thì các người phải tránh xa điều ác thế đó).

CHÚ GIẢI:

Bhayaṃ: ở đây có nghĩa là đáng sợ (Bhāyitabbam), nguy hiểm, vì có nhiều kẻ cướp chặn đường.

Như người thương khách có nhiều của cải, nhưng ít người vây đoàn cùng đi, né tránh con đường nguy hiểm, như người ham sống né tránh thuốc độc thế nào thì Tỳ khưu là bậc Hiền trí phải né tránh các điều ác, không nên để duôi, cũng như thế ấy.

Cuối thời Pháp, các Tỳ khưu ấy chứng đắc A La Hán quả với Tuệ Phân tích. Đại chúng thính pháp cũng đều hưởng được sự lợi ích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Phú thương đi bán thỉnh Tăng theo,
Làm phước mong qua chỗ hiểm nghèo,
Bị cướp chặn đường lui tới hết,
Thỉnh Tăng quay lại, tạm gieo neo!
Tăng trở về thăm Đức Bổn Sư,
Ngài rằng: Cần nhất phải suy tư,
Lánh xa điều ác, như ngừa độc,
Như phú thương ngừa cướp ẩn cư.*

DỨT TÍCH PHÚ THƯƠNG TRÁNH HIỂM LỘ

IX. 8- CHUYỆN THỢ SĂN KUKKUṬAMITTA

(Kukkuṭamittanesādavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 124)

Pāṇimhi ce vaṇo nāssa

"Bàn tay không thương tích,

hareyya pāṇinā visaṃ

Có thể cầm thuốc độc,

Nābbaṇaṃ visamanveti

Không thương tích, tránh độc,

natthi pāpaṃ akubbato.

Không làm, không có ác".

TMC.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Lâm đề cập đến người thợ săn Kê Hữu (Kukkuṭamitta).

Tương truyền: Trong thành Vương Xá có một tiểu thư, con nhà triệu phú, khi nàng đến tuổi cập kê, cha mẹ cho ở riêng trong một gian phòng trên chót tòa lầu bảy tầng, và cấp cho một cô nữ tỳ để chăm sóc, gìn giữ tiểu thư.

Trong khi còn ở chung với cha mẹ như thế, tiểu thư không đi ra khỏi nhà, nhưng một hôm vào lúc xế chiều, tiểu thư ngó qua cửa sổ nhìn xuống đường, trông thấy chàng thợ săn tên Kê Hữu, hàng ngày mang theo năm trăm cái bẫy, năm trăm mũi tên vào rừng để săn dã thú nuôi mạng sống. Hôm nay anh ta bắn được năm trăm con thú rừng, chất đầy thịt thú lên một cỗ xe bò lớn, ngồi lên gọng xe mang vào thành bán thịt. Vừa thấy mặt anh thợ săn, tiểu thư sanh lòng ái luyến, trao thơ cho nữ tỳ cầm đi và dặn:

- Hãy đi trao thơ này cho anh ấy, hãy điều tra biết được chừng nào anh ấy sẽ đi, rồi trở về đây nhé

Nữ tỳ đem thơ trao cho anh thợ săn, rồi hỏi:

- Chừng nào anh sẽ đi?

- Hôm nay bán hết thịt rồi, sáng mai tôi sẽ ra cửa thành nọ mà đi.

Nghe anh nói vậy, con nữ tỳ về học với tiểu thư. Tiểu thư tự mình sắp đặt đồ tế nhuyễn để đem theo phòng thân, rồi sáng hôm sau mặc quần áo dơ, mang vò đi chung với các nữ tỳ như ra bến nước xách nước, tiểu thư ra khỏi nhà, đến chỗ cửa thành đứng đón anh thợ săn đi ra. Quả nhiên, anh Kê Hữu từ sáng sớm đã đánh xe ra khỏi cổng làng, tiểu thư chạy theo sau anh ta. Thấy vậy, thợ săn hỏi:

- Cô là con gái nhà ai, tôi chưa từng quen biết cô? Xin cô vui lòng đừng bám sát theo tôi!

- Không phải anh quyến rũ tôi đi, mà chính tôi tự theo anh. Anh cứ làm thỉnh đánh xe bò của mình đi là đủ!

Anh thợ săn ngăn cản nhiều lượt, tiểu thư bèn nói:

- Khi hạnh phúc đến gần thì không nên ngăn cản.

Được biết tiểu thư tự ý muốn về sống chung với mình, anh thợ săn để tiểu thư lên xe và tiếp tục đi.

Ông bà Bá hộ cho tìm kiếm tiểu thư khắp nơi không thấy, nghĩ rằng con mình đã chết, nên bày nghi lễ cúng tế vong hồn con mình.

Còn tiểu thư chung sống với thợ săn Kê Hữu, lần hỏi có được bảy người con trai. Khi con trai khôn lớn, tiểu thư lo bề gia thất cho chúng để cầm chân chúng lại.

Một hôm vào lúc gần sáng, Đức Bổn Sư xả Thiển rồi, quan sát thế gian, nhìn thấy anh Kê Hữu cùng với các con và dâu lọt vào Võng trí của Ngài. Quán thêm nữa, Ngài thấy tất cả những chúng sanh này có căn đắc Tu Đà Hườn, cho nên sáng sớm hôm sau, Ngài đáp y và mang bát đi ngay đến khu gần bẫy sập của anh Kê Hữu.

Ngày ấy, không có con thú rừng nào mắc bẫy cả. Đức Bổn Sư lưu lại một dấu chân tại chỗ gài bẫy rồi, đi thẳng tới ngôi dưới bóng mát của một chòm cây.

Sáng sớm hôm ấy, Kê Hữu xách cung tên đi đến nơi gài bẫy, trước hết thăm các bẫy không thấy có con thú mắc nào cả mà lại thấy dấu chân của Đức Bổn Sư lưu lại đó. Anh ta nghĩ thầm: "Ai đã đến đây thả hết những con thú mắc bẫy như vậy cả?". Lần theo anh ta thấy Đức Bổn Sư đang ngồi dưới gốc cây, anh liền cột oan trái với Đức Bổn Sư. Anh ta nghĩ thầm: "Tên này đã thả hết thú của ta, ta sẽ giết chết nó", rồi giương cung lên. Đức Bổn Sư để yên cho anh thợ săn giương cung, nhưng không cho anh ta buông tên đi. Anh ta buông tên không được mà bỏ tay không xuống cũng không được, nghe hai bên cạnh sườn như nứt bể ra, từ miệng, nước miếng chảy xuống ròng ròng, cứ đứng trân trân mà chịu khổ như vậy.

Khi ấy, các con trai của Kê Hữu ở nhà, thấy cha đi lâu về, hỏi mẹ thì bà mẹ cũng chẳng biết nguyên do, bèn bảo:

- Các con hãy đi tìm cha con đi!

Bảy người con trai mang cung tên ra đi, thấy cha còn đứng nguyên một chỗ. Nghĩ Đức Bổn Sư là kẻ nghịch với cha mình, cả bảy người con đều giương cung lên và cũng đứng trân như cha của họ, do oai lực Thần thông của đức Phật.

Bà mẹ ở nhà trông ngóng "Không biết cha con ông nầy đi sao mà lâu về vậy?". Bà với bảy nàng dâu cùng đi vào rừng, thấy dạng người thợ săn và bảy người con trai, bà tự hỏi: "Mấy cha con giương cung nhắm bắn ai đây vậy?". Khi nhìn thấy Đức Bốn Sư bà chấp hai tay la lớn lên:

- Mấy người đừng giết cha tôi! Mấy người đừng giết cha tôi!

Thợ săn Kê Hữu nghe la, tự nghĩ: "Ác hại thay! Té ra ông nầy là cha vợ của ta mà ta không biết. Nếu vợ ta không nói thì nghiệp của ta tạo ra nặng nề không biết mấy?".

Các con của Kê Hữu cũng nghĩ rằng: "Nghe nói ông nầy là ông ngoại của ta! Ôi! Nếu ta giết hại ông thì nghiệp của ta nặng lắm vậy!"

Khi Kê Hữu nhìn nhận: "Ông nầy là nhạc phụ của ta" thì tâm Từ phát khởi. Các con của anh ta cũng phát khởi Từ tâm khi nghĩ rằng: "Đây là ông ngoại của ta."

Khi ấy, mẹ của chúng là tiểu thư con ông Bá hộ bảo:

- Hãy rút bỏ hết cung tên xin sám hối với cha ta!

Đức Bốn Sư biết tâm của cha con thợ săn đã mềm dịu, liền cho phép họ hạ cung xuống. Tất cả đều đến đánh lễ Đức Thế Tôn và bạch:

- Xin Ngài tha thứ tội lỗi cho chúng con!

Rồi họ ngồi xuống một bên, khi ấy Đức Bốn Sư liền thuyết lên Tuần tự pháp (Anupubbikatham) cho họ nghe. Cuối thời Pháp thợ săn Kê Hữu cùng các con và dâu, tất cả mười lăm người đều đắc quả Tu Đà Hườn.

Kế đó, Đức Bốn Sư đi khát thực và sau bữa ngọ trai, Ngài trở về chùa. Khi ấy, Trưởng lão Ānanda hỏi:

- Bạch Ngài, hôm nay Ngài đi đâu?

- Nầy Ānanda! Ta đến viếng thợ săn Kê Hữu.

- Bạch Ngài, Ngài có tế độ cho anh ta bỏ nghiệp sát sanh chăng?

- Có, Ānanda ạ! Cả cha con và dâu, mười lăm người sau khi có đức tin bất động không còn hoài nghi Tam Bảo rồi, đều ngưng hẳn nghiệp sát sanh.

Các Tỳ khưu hỏi:

- Bạch Ngài, thế còn vợ anh ta có đắc quả Thánh không?

- Nầy, các Tỳ khưu! Vợ anh ấy khi còn là con gái ở nhà với cha mẹ đã đắc Tu Đà Hườn rồi!

Các Tỳ khưu rập nhau lại để khởi câu chuyện này: "Nghe nói vợ của Kê Hữu khi còn là con gái đã chứng đắc Tu Đà Hườn rồi, mới về làm vợ của Kê Hữu có được bảy người con trai. Bấy lâu nay, mỗi lần chồng bảo: "Đem cung, đem tên, đem dao găm, đem lao, đem lưới lại đây!", thì chị ta đem những thứ khí giới ấy trao cho chồng, để chồng mang đi mà giết thịt. Thử hỏi một vị Thánh nhân Tu Đà Hườn cũng còn sát sanh hay sao?"

Đức Bốn Sư đến hỏi: "Nầy các Tỳ khưu, hôm nay các thầy ngồi đây thảo luận chuyện gì?"

- Bạch Ngài, chuyện nầy....

Nghe vậy, Đức Bốn Sư giải thích:

- Nầy các Tỳ khưu, vị Nữ Thánh Dự Lưu không tạo tội sát sanh. Nàng chỉ nghĩ: "Ta phải vâng lời chồng mà làm việc", chớ không có tâm xúi dục chồng: "Hãy cầm lấy cái nầy, đi đến đó và giết hại chúng sanh đi!". Quả thật, nếu trong lòng bàn tay không có thương tích, ta lấy tay cầm nắm thuốc độc, thuốc độc không thể đốt lòng bàn tay như thế nào, thì cũng thế ấy, người không làm tội ác do không có tác ý bất thiện, dầu có cầm cung tên khí giới mà trao ra cũng không bị tội".

Nói rồi, Đức Bốn Sư thuyết pháp và ngâm kệ rằng:

"Pāṇimhi ce vaṇo nāssa

Hareyya pāṇinā visam̐

Nābbaṇam̐ visamanveti

Natthi pāpam̐ akubbato".

(Vói bàn tay không thương tích, có thể nắm thuốc độc mà không bị nhiễm độc, với người không làm ác thì không bao giờ bị ác).

CHÚ GIẢI:

Nāssa: không có.

Hareyya: có thể cầm lấy.

Vì sao? Vì không có thương tích thì thuốc độc không thể ngấm vào cơ thể tác hại được. Quả thật bàn tay không bị thương, thuốc độc không thể ngấm, cũng vậy, người không có Tác ý bất thiện tính làm việc ác, thì dầu có cầm cung tên khí giới trao ra cũng không bị quả báo ác hại. Cũng như bàn tay không vết tích không bị nhiễm độc, tâm không có ý ác không bị ác theo dõi.

Cuối thời Pháp nhiều vị Tỳ khuru chúng đạt Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn.

Một thời gian sau, các Tỳ khuru lại đề khởi lên câu chuyện này: "Do nhân duyên nào mà Kê Hữu với các con trai và con dâu chúng đấng Tu Đà Hườn đạo? Tại lý do nào mà họ lại tái sanh vào gia đình thợ săn?".

Đức Bổn Sư ngự đến hỏi:

- Này các Tỳ khuru, hôm nay các thầy ngồi đây, thảo luận về chuyện gì?

- Bạch Ngài chuyện này...

Nghe vậy, Đức Bổn Sư giải thích:

- Này các Tỳ khuru, thuở xa xưa, các Phật giáo đồ cùng nhau hội họp bàn tính việc xây cất Thánh tháp để tôn trí xá lợi Phật Kassapa. Họ hỏi nhau: "Lấy thứ đất gì, lấy nước gì để xây Thánh tháp này?". Rồi họ đi đến quyết định lấy hùng hoàng vàng và thạch tín đỏ làm đất, lấy dầu mè làm nước. Họ bèn lấy hai thứ đá ghiền nát như bột trộn với dầu mè thành hồ để gắn gạch, cẩn vàng lót bên trong tháp. Ngoài mặt, ngay cửa lót toàn loại gạch đặc bằng vàng khối, mỗi cục gạch trị giá cả trăm ngàn đồng. Khi đã hoàn thành Thánh tháp, sắp tôn trí xá lợi Phật, các Thiện tín nghĩ rằng: "Cuộc lễ tôn trí xá lợi sẽ rất cần nhiều tiền của. Vậy ta nên bầu ai làm chủ tịch đảm trách việc này đây?".

Khi ấy ông Bá hộ cư ngụ tại làng lên tiếng: "Tôi sẽ làm chủ lễ" rồi ông xuất ra mười triệu đồng để lo tổ chức lễ tôn trí xá lợi. Thấy vậy, dân làng trong nước phàn nàn rằng: "Bá hộ trong thành này tích chứa nhiều của mà không thể làm chủ cuộc lễ Thánh tháp như vậy. Lại để cho ông Bá hộ ở làng bên bỏ ra mười triệu đồng mà làm chủ lễ".

Câu chuyện bàn tán này lọt vào tai ông Bá hộ trong thành, ông bèn bỏ ra hai mươi triệu đồng và nói:

- Tôi xin chịu xuất ra hai mươi triệu đồng để làm chủ lễ này.

Ông Bá hộ làng nói:

- Tôi xin bỏ ra ba mươi triệu đồng sẽ làm chủ lễ.

Ông Bá hộ thành cũng không chịu thua, tăng số tiền xuất ra để làm chủ lễ là tám mươi triệu đồng.

Gia sản của Bá hộ trong làng chỉ có tất cả chín mươi triệu đồng, còn gia sản của ông Bá hộ thành giàu có đến bốn trăm triệu, nên ông ở làng suy nghĩ: Nếu ta nói: "Tôi chịu bỏ ra chín mươi triệu đồng", thì ông này sẽ nói: "Tôi sẽ bỏ ra một trăm triệu", chùng ấy mọi người sẽ biết là ta hết của rồi". Ông liền tuyên bố:

- Tôi cũng xin bỏ ra bảy mươi triệu để làm phước, và hơn nữa, tôi sẽ đem cả vợ con ra làm công quả". Nói rồi, ông dắt cả bảy đứa con trai, bảy nàng dâu cùng với vợ đến làm công quả cho Thánh tháp.

Ông Bá hộ thành có thể tăng thêm số tiền làm phước, nhưng phải nhường cho đối phương phần công quả của tự mình lẫn vợ con và dâu cho Bá hộ làng, nên tuyên bố rằng: "Xin hãy để cho ông này

làm chủ lễ" và tất cả Thiện tín bầu ông ở làng làm chủ lễ ngay". Như thế là cả mười sáu người đều làm công quả nơi bảo tháp Xá lợi, còn Bá hộ thành người ta cho rảnh rang tự do.

Nhờ suốt đời chăm sóc Thánh tháp như thế, sau khi chết cả mười sáu người được sanh lên Thiên giới. Họ ở đó hưởng phước của trời suốt một thời gian không có Phật. Đến thời Đức Phật hiện tại ra đời, người vợ hạ sanh vào làm tiểu thư con ông Bá hộ trong thành Vương Xá. Lúc còn con gái, tiểu thư đã đắc quả Tu Đà Hườn.

Người chồng vì nghiệp còn nặng, không thấy chân lý nên sau khi chết đi, chuyển kiếp đầu thai vào gia đình thợ săn. Tiểu thư con ông Bá hộ sở dĩ vừa thấy mặt người thợ săn là phát tâm ái luyện, vì họ đã từng là vợ chồng với nhau, nay chỉ nối lại mối tình xưa, như Phật ngôn có bài kệ rằng:

*"Pubbe va sannivāsena
Paccuppannahitena và
Evantaṃ jāyate pemaṃ*

Uppalaṃ va yathodaketi".

Xưa từng chung chạ ra vào,

Giờ may tái ngộ, lòng nào chẳng lay.

Men tình vừa nhấp đã say,

Bèo kia gặp nước càng ngày càng tăng.

Tiểu thư con Bá hộ theo về với thợ săn Kê Hữu là vì mối tình tiền kiếp. Các con trai, từ Thiên giới đầu thai vào lòng người mẹ cũ. Còn các nàng Thiên nữ là con dâu cũng tái sanh vào chỗ này chỗ nọ, nhưng đến tuổi cập kê đều quần tụ về một nhà với cha mẹ chồng cũ. Tất cả gia đình nhờ đã công quả chăm sóc Thánh tháp thờ Xá lợi mà kiếp này được chúng quả Tu Đà Hườn.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Sơ quả lấy chồng gã thợ săn,
Bởi duyên chung sống ở tiền căn,
Hằng ngày phụ tiếp chồng hành ác,
Tặng hỏi: "Như nàng có tội chăng?"
Phật dạy: Nàng không có ác tâm,
Thì không thể tạo nghiệp si lầm!
Thuốc kia dầu độc, không phương hại,
Người có bàn tay chẳng vết cằm.*

DỨT TÍCH THỢ SĂN KÊ HỮU

IX. 9- CHUYỆN THỢ SĂN GẶP THIÊN SU' (Kokasunakhaluddakavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 125)

*Yo appaduṭṭhassa narassa dussati
"Hại người không ác tâm,
suddhassa posassa anaṅgaṇassa
Người thanh tịnh, không uế,
Tameva bālaṃ pacceti pāpaṃ
Tội ác đến kẻ ngu,
sukhumo rajo paṭivātaṃva khitto.
Như ngược gió tung bụi".*

TMC.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), đề cập đến tên thợ săn Kô Ká (Koka).

Tương truyền: Tảng sáng sớm một ngày nọ, tên thợ săn này mang cung tên và dắt theo bầy chó săn đi vào rừng. Dọc đường anh ta gặp một Tỳ khưu Đầu đà thường khát thực đang đi bát, liền nổi giận nói thảm rằng: "Ta gặp đồ xui xẻo, chắc bữa nay sẽ không được chút chi cả!", rồi anh ta đi luôn.

Còn vị Trưởng lão vào làng khát thực, đồ cơm xong đi trở về chùa. Tên thợ săn đi loanh quanh trong rừng, không được chi cả, khi trở về lại gặp vị Trưởng lão. Anh ta đã giận sẵn, càng giận thêm: "Hôm nay vì gặp đồ xui xẻo này mà ta đi vào rừng không săn được chút chi cả. Bây giờ trở về lại gặp thứ kỳ đà cản mũi này nữa, ta sẽ xịch chó cho cắn nó mới được". Anh ta ra hiệu lệnh rồi thả chó ra.

Vị Trưởng lão van lơn: "Đừng làm vậy, nầy Thiện nam".

Thợ săn đáp: "Hôm nay ta xuất hành bị mi cản mũi mà ta săn không có thịt chi cả. Bây giờ trở về, lại bị mi cản mũi nữa, nên ta phải xịch chó cho cắn chết mi đi!" Nói rồi ông ta thúc giục đàn chó xốc tới.

Vị Trưởng lão lật đật trèo lên một nhánh cây cao khỏi đầu người, ngồi tránh chó. Đàn chó bao vây quanh gốc cây.

Thợ săn Kô Ká đi đến nói:

- Dầu mi có trèo lên cây, mi cũng không thoát khỏi tay ta.

Anh ta bắn một mũi tên vào gót chân vị Trưởng lão. Trưởng lão lại van xin:

- Ông đừng làm vậy.

Thợ săn bất chấp lời van xin của Trưởng lão, cứ tiếp tục bắn lên. Vị Trưởng lão bị trúng tên ở một gót chân, phải rút chân lên và chân kia vẫn phải thông xuống. Tên thợ săn lại nhắm chân đó buông tên, không đếm xỉa gì đến lời van xin của người tu hành khổ hạnh, tên thợ săn bắn trúng cả hai gót chân của Trưởng lão. Trưởng lão cảm thấy trong mình phát nóng lên như bị lửa đốt. Vì thợ săn quá mạnh, Trưởng lão không giữ được Chánh niệm, vô ý để rơi chiếc y trên (Uttarasāṅgam), chiếc y rơi xuống ngay đầu gã thợ săn Kô Ká và trùm luôn cả mình anh ta.

Bầy chó tưởng là vị Trưởng lão té xuống, áp lại chui đầu vào chiếc y, kéo lôi chủ mình và cắn xé tận xương. Khi nạn nhân đã chết, đàn chó chui ra đứng ngoài lá y. Khi ấy Trưởng lão bẻ một nhánh cây khô liệng xuống, đàn chó nhìn lên thấy Trưởng lão, biết rằng chúng đã cắn lầm chủ của chúng, liền bỏ chạy vào rừng.

Trưởng lão khởi tâm áy náy: "Tại cái y của ta bao trùm, khiến cho anh ta thợ săn, không biết Giới của ta có còn lành mạnh (Arogam) chăng?".

Trưởng lão tuột xuống đất, về đánh lễ Đức Bổn Sư, thuật lại tự sự từ đầu đến cuối rồi hỏi:

- Bạch Ngài, vì lá y của con rơi xuống mà ông thợ săn bị thiệt mạng, không biết Giới của con còn lành mạnh chăng? Không biết Phạm hạnh của con có còn tồn tại chăng?

Sau khi nghe dứt chuyện của vị Tỳ khưu, Đức Bổn Sư giải thích rằng:

- Nầy Tỳ khưu, Giới của thầy vẫn còn lành mạnh, Phạm hạnh của thầy vẫn có như thường. Kẻ làm hại người vô tội, phải gặp tai họa. Không những bây giờ gã thợ săn bị như thế, mà thời quá khứ sau khi hại những người vô tội, kẻ ấy cũng đã bị thợ săn hại như thế rồi.

Tiếp theo đó, Đức Bổn Sư thuyết lên Bốn sanh như sau:

Tương truyền rằng: Trong thời quá khứ có một ông y sĩ đi khắp các làng mạc để hành nghề, nhưng không kiếm được việc chi để làm cả, bụng đói ông đi ra khỏi cổng làng, thấy nhiều đứa trẻ đang chơi thì nghĩ thầm rằng: " Cho rắn cắn mấy đứa nhỏ này, rồi cho thuốc chữa, ta sẽ có cơm ăn". Ông y sĩ bèn kêu lũ trẻ, chỉ cho chúng thấy một con rắn nằm trong bọng cây, thò đầu ra ngoài: "Nầy các em bé, đây có con cưỡng con, hãy bắt lấy nó đi".

Khi ấy, có một cậu bé lanh tay, chụp được cổ con rắn, nắm thật chặt lôi rắn ra ngoài bọng cây. Khi nhận biết đó là con rắn, cậu bé kêu rú lên rồi ném rắn đi. Bất ngờ con rắn rơi ngay trên đầu gã y sĩ đang đứng gần đó. Con rắn quấn quanh cổ ông ta mổ thật mạnh một cái, khiến ông ta chết liền tại chỗ đó. Tên thợ săn chó Kô Ká trong tiền kiếp cũng từng mưu hại người vô tội, rồi tự mình đi đến chỗ diệt vong như thế.

Sau khi kể tích xưa, Đức Bốn Sư thuyết pháp chỉ rõ mối liên hệ giữa tiền kiếp và hiện kiếp, rồi Ngài ngâm kệ kết luận rằng:

"Yo appaduṭṭhassa narassa dussati
Suddhassa posassa anaṅganassa
Tam eva bālaṃ pacceṭi pāpaṃ
Sukhuma rajo paṭivātaṃva khitto".

(Đem ác ý xâm phạm đến người không tà vạy, thanh tịnh vô nhiễm, tội ác sẽ trở lại kẻ ấy, như ngược gió tung bụi).

CHÚ GIẢI:

Appaduṭṭhassa: không tội ác đối với tự thân hoặc đối với tất cả chúng sanh.

Narassa: chúng sanh.

Dussati: phạm lỗi, phạm hình luật.

Suddhassa: vô tội, không phạm lỗi.

Posassa: một lời khác để chỉ định chúng sinh như tiếng Narassa ở trên.

Anaṅganassa: vô nhiễm, không phiền não, cấu uế.

Pacceṭi = Paṭeti: ngược trở lại.

Paṭivātaṃ: cũng như một người đứng phía dưới gió mà muốn tung bụi lên phía trên gió, thì tự nhiên bụi tung ra sẽ bay ngược trở lại rơi lên người đó. Khi người nào làm hại một người vô tội chẳng hạn như đánh bằng tay, thì tự nhiên người ngu ác ấy trong hiện kiếp hoặc trong kiếp vị lai phải thọ khổ, như bị thiêu đốt trong hỏa ngục. Đó là quả dị thực của nghiệp ác đã làm đối với người vô tội, dội ngược lại người làm ác vậy.

Cuối thời Pháp vị Tỳ khuru ấy chứng đắc quả A La Hán. Tứ chúng thánh pháp cũng hưởng được sự lợi ích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Sáng dắt chó đi, gặp thợ săn,
Thợ săn tà kiến tự lo âu,
Đến trưa, chẳng được con chi cả,
Về gặp ông sư, quyết trả thù.
Xít chó rượt nà kẻ tu hành,
Sư trèo cây nọ để đào sanh,
Bị tên trúng gót, buông y xuống,
Chó chụp thợ săn, xé nát banh.
Vì mình vô ý hại thợ săn,
Hỏi Phật: Như con có tội chăng?
Phật bảo: Vô tâm thì chẳng tội,
Thợ săn chết bởi hấn làm nhăng!

DỨT TÍCH THỢ SĂN GẶP THIÊN SƯ

IX. 10- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO TISSA VÀ ANH THỢ NGỌC (Maṇikārakulūpakatissattheravatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 126)

Gabbhameke upapajjanti

"Một số sinh bào thai,

nirayaṃ pāpakammino
Kẻ ác sinh Địa ngục,
Saggaṃ sugatino yanti
Người thiện lên cõi trời,
parinibbanti anāsavā.
Vô lậu chúng Niết bàn".

TMC.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), để cập đến Trưởng lão Đề Xá (Tissa) và anh thợ ngọc là người hộ độ Trưởng lão.

Tương truyền: Vị Trưởng lão này thường xuyên đến thợ thực suốt mười hai năm trong gia đình của một anh thợ ngọc. Trong gia đình này, cả hai vợ chồng đều chăm lo phụng sự Trưởng lão như cha mẹ ruột của Trưởng lão vậy.

Thế nhưng, một hôm anh thợ ngọc này đang ngồi xất thịt trước mặt vị Trưởng lão Tissa. Bỗng nhiên có sứ giả đức Vua Pasenadi phái đến, trao cho anh ta một viên bảo châu và nói: "Anh hãy trau giồi và soi lỗ hòn ngọc này rồi dâng lại đức Vua".

Anh thợ ngọc tay đang dính máu, thợ lãnh viên ngọc, đặt tạm lên nắp hộp, rồi vào trong nhà rửa tay, trong nhà anh thợ ngọc có nuôi một con thiên nga (ngỗng trời) trông thấy viên ngọc dính máu, tưởng là cục thịt, nên mổ nuốt vào bụng trước mặt vị Trưởng lão.

Anh thợ ngọc trở ra không thấy viên ngọc Ma ni, bèn đi hỏi khắp trong nhà từ vợ đến con trai, con gái:

- Có ai lấy viên ngọc không?

Tất cả đều trả lời:

- Chúng tôi không có lấy!

Nghe vậy, anh thợ ngọc nghi: "Chắc là Trưởng lão lấy viên ngọc!", bèn ngỏ ý với vợ rằng:

- Chắc Trưởng lão lấy chớ không ai khác.

Người vợ khuyên can rằng:

- Anh ơi, anh đừng nói vậy. Từ bấy lâu nay chúng ta chưa hề thấy Trưởng lão phạm lỗi gì! Không lẽ Trưởng lão lấy cắp viên ngọc?

Anh thợ ngọc trai hỏi ngay Trưởng lão:

- Bạch Ngài, viên ngọc con để trong chỗ này, Ngài đã lấy cất phải không?

- Này ông Thiện nam, ta không có lấy cất.

- Bạch Ngài, ở đây không có ai khác, vậy ngoài Ngài ra thì ai lấy? Xin Ngài hãy trao trả lại viên bảo châu lại cho con!

Anh thợ ngọc lại vào bàn với vợ một lần nữa rằng:

- Vị Trưởng lão đã ăn cắp viên bảo châu của anh, để anh tra khảo ông ta mới được!

- Anh ơi! Anh đừng báo hại chúng ta. Thà là chúng ta chịu làm nô lệ còn hơn. Ta đừng nói lời như thế với Trưởng lão.

Anh thợ ngọc nói:

- Dầu tất cả chúng ta đi làm nô lệ cũng không đủ đền tiền viên ngọc Ma ni.

Thế rồi, anh ta lấy dây lượt quán, niền đầu Trưởng lão và lấy gậy gỗ mạnh vào. Từ đầu và hai lỗ tai của Trưởng lão máu chảy ra như xối, hai mắt Trưởng lão gấn lòi ra ngoài. Thợ khổ khốc liệt, Trưởng lão ngã nằm xuống đất.

Con thiên nga đánh hơi mùi máu, chạy đến uống máu của Trưởng lão. Sấn trón giận Trưởng lão, anh thợ ngọc hét: "Còn mầy nữa, mầy đã làm gì?" và lấy chân đá hất con Thiên Nga đi. Bị một đá của anh ta, con thiên nga chết ngay, nằm lẩn trên mặt đất. Trưởng lão nhìn thấy vậy mới nói:

- Ông Thiện nam, ông hoan hỷ cởi lỏng bớt vòng dây xiết chặt đầu ta, để ta nhìn cho rõ xem con thiên nga đã chết rồi hay chưa?

Khi ấy, người thợ ngọc nói:

- Rồi ông cũng sẽ chết như nó vậy đó!

- Này ông Thiện nam, con thiên nga này đã nuốt viên ngọc Ma ni, nếu nó chưa chết thì ta chịu chết chứ không nói cho ông biết chuyện này.

Người thợ ngọc mổ bụng con thiên nga, thấy được viên bảo châu rồi, liền phát run lên, tâm thần hoảng hốt, quì mọp dưới chân Trưởng lão xin sám hối.

- Bạch Ngài, xin Ngài xá tội cho con. Vì con mù quáng mà lỡ xúc phạm đến Ngài!

- Này ông Thiện nam, ông không có tội chi mà ta cũng không có tội. Đây chẳng qua là nghiệp quả trong vòng luân hồi, ta tha thứ cho ông rồi đó.

- Bạch Ngài, nếu Ngài tha thứ tội cho con thì con xin thỉnh Ngài vẫn đến ngôi ở nhà con mà thọ bát!

- Này ông Thiện nam, từ rày về sau, ta sẽ không bao giờ đi vào trong mái nhà của những người khác. Quả thật, vì sự xâm nhập vào nhà người mới có phát sanh tội khổ này đây. Từ rày về sau, nếu ta còn khỏe chân đi được, thì ta chỉ sẽ đến đứng trước cửa nhà mà thọ bát mà thôi!

Nói rồi, Trưởng lão nguyện giữ Hạnh Đầu đà bằng bài kệ này:

"Paccati munino bhattam

Thokam thokam kule kule

Pinḍikāya carissāmi

Atthi jaṅghabalam mamāti".

Com đã nấu để cho người tịnh sĩ, mỗi nhà một ít, nhà này nhà kia; ta sẽ đi trì bình khát thực, vì chân ta có sức khỏe!

Sau khi nguyện Đầu Đà thường đi khát thực, Trưởng lão vì bị đánh đến mang bệnh, nên không bao lâu Ngài Níp Bàn. Con thiên nga chết, tái sanh vào thai bào của vợ người thợ ngọc. Còn anh ta, sau khi chết bị đọa vào Địa ngục. Vợ anh sau khi chết được thọ sanh về Thiên giới, nhờ lúc trước có tâm dục hiến đối với Trưởng lão.

Các Tỳ khưu bạch hỏi Đức Bổn Sư về cảnh giới tái sanh của những nhân vật trên đây, Đức Bổn Sư đáp:

- Này các Tỳ khưu, một số đi đầu thai vào cõi Nhân giới, một số kẻ ác bị đọa xuống Địa ngục, một số thiện nhân vãng sanh lên Thiên đàng, các bậc vô lậu thì Níp Bàn Vô Dư.

Nói rồi, Ngài thuyết pháp và kết luận bằng kệ ngôn rằng:

"Gabbhameke upapajjanti

Nirayam pāpakammīno

Saggam sugatino yanti

Parinibbanti anāsavāti".

(Một số sinh ra từ bào thai, kẻ ác thì đọa vào Địa ngục, người chính trực thì sinh lên Chư Thiên, nhưng cõi Níp Bàn chỉ dành riêng cho những ai đã diệt sạch nghiệp sanh tử).

CHÚ GIẢI:

Gabbham: ở đây chỉ bào thai người.

Ba câu kệ sau nghĩa lý đã rõ rệt.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Nói thật thì e phạm sát sinh,

Nhẫn từ, Trưởng lão cứ làm thỉnh,
Chủ nhà sợ mất kim cương quý,
Tra khảo nhà sư, chẳng niệm tình.
Chim chết, sư liền được giải oan,
Nhưng Tâm nhằm chán việc trần gian,
Từ nay nhất nguyện xa gia chủ,
Thọ pháp Đâu Đa, đến Níp Bàn.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO TISSA VÀ ANH THỌ NGỌC

IX. 11- CHUYỆN BA NHÓM TỖ KHU **(Tayojanavatthu)**

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 127)

Na antalikkhe na samuddamajjhe

"Không trên trời, giữa biển,

na pabbatānaṃ vivaraṃ pavissa

Không lánh vào động núi,

Na vijjate (Vijjati - Yathaṭṭhito (theo bản Pāli của CSCD. / Dhammagiri. India)) so jagatippadeso

Không chỗ nào trên đời,

yatraṭṭhito (1) mucceyya pāpakammā.

Trốn được quả ác nghiệp".

TMC.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), để cập đến ba nhóm Tỳ khuru.

Tương truyền: Trong thời Đức Bốn Sư đang ngự tại Kỳ Viên, có nhiều vị Tỳ khuru trên đường về yết kiến Ngài, ghé vào một làng nọ để khất thực.

Dân làng thỉnh bát các Tỳ khuru, mời các Ngài ngồi nơi nhà khách, dâng cháo và bánh ngọt các Ngài điểm tâm xong, ráp nhau ngồi nghe thuyết pháp, vì chưa đến giờ dâng bữa cơm ngọt.

Trong khi ấy, một phụ nữ đã nấu cơm ở nhà bếp, đang còn nấu canh và các món ăn phụ, chụm lửa quá nhiều, ngọn lửa tườu bốc lên bắt cháy mái tranh. Một bụng tranh cháy bay bổng lên không.

Ngay lúc ấy, một con quạ đang bay qua, dút cổ vào trong bụng tranh đang cháy, bị cỏ tranh quấn khấp mình thiêu đốt, rơi xuống giữa làng.

Các Tỳ khuru thấy vậy, nghĩ thầm: "Ôi! Tội nghiệp thay! Các đạo hữu hãy coi đó! Con quạ này chết dữ do tạo nghiệp gì, ngoài Đức Bốn Sư ra, ai mà biết được? Chúng ta sẽ hỏi Ngài cho biết tiền nghiệp của nó!" Rồi các Tỳ khuru lại ra đi.

Một nhóm Tỳ khuru khác, cũng đáp thuyền về Kỳ Viên để yết kiến Đức Thế Tôn. Thuyền đi giữa biển, bỗng nhiên đứng khựng lại.

Hành khách xôn xao hỏi: "Trong đây chắc có người xui xẻo". Họ đồng ý bắt thăm xem ai là người phải chịu hy sinh để tế hải thần. Đợt đầu tiên, vợ của thuyền trưởng rút trúng thăm ấy. Thuyền trưởng lại yêu cầu bắt thăm một lần nữa. Đợt thứ hai, cũng vợ ông ta trúng thăm. Đến đợt thứ ba, lá thăm cũng về phần phụ nữ này.

Hành khách nhìn mặt thuyền trưởng và hỏi:

- Phải tính sao đây, ông chủ?

Thuyền trưởng đáp:

- Ta không thể vì một phụ nữ mà để cho đại chúng phải thọ nạn. Quý vị hãy thả cô ta xuống biển đi!

Khi bị bắt thả xuống nước, phụ nữ ấy kinh hãi sợ chết, khóc thét lên. Thuyền trưởng nghe la, bèn nói:

- Cần gì phải làm hủy hoại những nữ trang của cô ấy cho uống?

Ông ta cởi hết nữ trang của cô vợ, cho cô ta mặc một cái váy cũ, rồi bảo mọi người:

- Hãy ném cô ta đi! Vì ta không thể chịu được khi thấy xác cô ta nổi phình trên mặt nước, cho nên mấy người hãy lấy bình đẩy cát cột vào cổ cô ta rồi liệng cô ta xuống biển cho ta khỏi trông thấy cô nữa.

Mọi người làm theo lời thuyền trưởng.

Ngay chỗ bị ném xuống, phụ nữ ấy bị cá và rùa bao vây cắn rủa.

Chư Tỳ khuru nghe hết câu chuyện này, tự nghĩ: "Ngoài Đức Bổn Sư ra, nào ai khác biết được tiền nghiệp của phụ nữ ấy? Chúng ta sẽ hỏi Đức Bổn Sư về tiền nghiệp của nàng!"

Khi thuyền đến bến, các Tỳ khuru lên bờ và đi bộ về chùa.

Một nhóm Tỳ khuru khác gồm có bảy vị, nhập hạ ở miền biên địa, mãn hạ, trở về yết kiến Đức Bổn Sư. Dọc đường, chiêu tối các vị vào một ngôi chùa xin tạm trú.

Trong một cái động đá có bảy cái giường, Chư Tăng được vào nằm nghỉ trong đó. Đến nửa đêm, một tảng đá to bằng nóc nhà, từ trên núi lăn xuống, chắn bít cửa động đá.

Chư Tăng ở chùa bảo nhau: "Chúng ta đã để cho các Tỳ khuru khách ngụ trong động đá này. Bây giờ tảng đá to này đứng chắn lấp cửa động. Chúng ta hãy dẹp nó đi!" Tất cả dân chúng trong bảy làng họp lại, rán hết sức đẩy cũng không nhúc nhích nổi tảng đá. Bên trong động, các Tỳ khuru cũng tận lực một cách vô ích.

Suốt bảy ngày liền, dân chúng không dời được tảng đá. Các Tỳ khuru khách phải nhịn đói trong bảy ngày, thọ khổ rất khốc liệt.

Đến ngày thứ bảy, tảng đá tự động lăn đi.

Các Tỳ khuru được thoát nạn tự nghĩ: "Quả ác này của chúng ta, trừ Đức Bổn Sư ra thì có ai biết được? Chúng ta sẽ hỏi Ngài!".

Ra khỏi chùa này, các Tỳ khuru nầy gặp hai nhóm Tỳ khuru trước, liền vây đoàn cùng nhau đi về đảnh lễ Đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi đáp lời vấn an của Đức Bổn Sư, Chư Tăng lần lượt hỏi Ngài về lý do của những điều mình đã mục kích. Đức Bổn Sư tuần tự giải thích những lý do ấy như sau:

- Nầy các Tỳ khuru, con quạ ấy tự nó đã tạo nghiệp ác nên mới chịu quả báo như vậy. Quả nhiên, trong thời quá khứ, nơi thành Bārāṇasi (Bārāṇasi) có một nông phu, tự mình tập con bò của mình mà tập không được. Con bò của anh ta cứ đi một chút lại nằm xuống. Anh ta đánh nó đứng dậy thì nó cũng chỉ đi một chút rồi lại nằm ỳ xuống như trước. Rán hết sức mình mà tập con bò lý không được, anh ta nổi nóng nói rằng: "Từ đây về sau mày sẽ nằm ngủ an vui nhé!" Anh ta lấy rom quấn cổ con bò coi như cục rom, rồi lấy lửa châm đốt".

Con bò bị thiêu sống phải chết ngay nơi ấy.

- Nầy các Tỳ khuru, đó là tiền nghiệp của con quạ tạo. Do quả dị thực, nó đã bị thiêu trong hỏa ngục rất lâu và do quả còn dư sót nó đã đầu thai làm quạ bảy lần và bị chết cháy trên không như thế.

- Nầy các Tỳ khuru, sau đây là tiền nghiệp của phụ nữ ấy. Trong thời quá khứ, nơi thành Bārāṇasi, vợ của một gia chủ nọ, một tay quán xuyên tất cả công việc nhà, nào là gánh nước, giã gạo, nấu cơm v.v.. Có một con chó đực, cứ ngồi nhìn chị ta trong khi chị ta đang làm các công việc nhà. Khi chị ta đem cơm ra ruộng cho chồng, hoặc vào rừng kiếm củi, lá v.v.. con chó cũng đi theo chị ta.

Thấy vậy, các thanh thiếu niên chế nhạo rằng: "Anh em ơi, bữa nay thợ săn dắt con chó đi săn, chúng mình sẽ có thịt ăn!"

Nghe lũ trẻ nói vậy, chị ta mắc cỡ, lấy gậy, lấy đá đánh đuổi con chó chạy đi xa. Theo truyền thuyết, con chó nầy đã là chồng của chị ta trong ba tiền kiếp, cho nên không thể đoạn tuyệt duyên ái được. Quả thật, mặc dầu trong cái vòng luân hồi vô thủy, ban đầu không có ai là vợ hoặc là chồng ai

cả, nhưng trong những kiếp gần đây, vì tình thân thuộc mà phát sanh sự ái luyến thái quá, cho đến nỗi con chó lìa xa chị ta không được.

Phụ nữ nổi giận, muốn giết con chó, bèn lấy một cuộn dây đem theo mình, khi đem cháo ra ruộng cho chồng ăn, con chó vẫn lẻo đẻo theo sau phụ nữ ấy.

Sau khi đưa cháo cho chồng ăn rồi, chị ta cầm cái bình không đi đến một ao nước, hốt cát đổ đầy bình. Nhìn thấy con chó đứng gần đó, chị ta tróc kêu nó đến.

Con chó nghĩ thầm: "Từ lâu lắm, hôm nay ta mới được nghe những lời dịu ngọt", nó ngoắt đuôi chạy lại.

Phụ nữ ấy nắm chặt cổ con chó. Một đầu dây đã cột sẵn vào bình đầy cát, còn một đầu chị ta cột cổ con chó, rồi ném cái bình xuống ao nước. Con chó bị lôi theo cái bình và bị chết chìm dưới ao.

Do quả dị thực của nghiệp ác này, phụ nữ đã bị thiêu đốt rất lâu dưới Địa ngục. Do quả dư sót, chị ta bị cột cổ dính với cái bình đầy cát, thả xuống nước và chết đuối như vậy trong một trăm kiếp nữa, khi được trở lại làm người.

- Nầy các Tỳ khưu, các thầy đã gặp nạn cũng là do quả tiền nghiệp. Thật vậy, trong thời quá khứ, có bảy cậu bé chăn bò cư ngụ nơi thành Bārāṇasi, thường đuổi bò cho ăn trong một chỗ đất hoang ở ven rừng, cứ bảy ngày thì trở lại chỗ ban đầu.

Một hôm, khi đuổi bò về, chúng gặp một con kỳ đà và rượt theo nó. Con kỳ đà chạy thoát, chun xuống một gò mối. Cái gò nầy có bảy ngách. Lũ trẻ nói: "Bây giờ chúng ta không thể bắt được nó. Ngày mai ta hãy trở lại bắt nó!". Nói rồi, bảy đứa bé, mỗi đứa bẻ một nhánh cây làm gậy, thọc xuống bít bảy lỗ ngách rồi bỏ đi.

Hôm sau, không nhớ đến con kỳ đà, lũ trẻ đuổi bò cho đi ăn ở một nơi khác. Đến ngày thứ bảy, chúng đuổi bò đáo trở lại chỗ cũ, nhìn thấy gò mối mới nhớ đến con kỳ đà: "Con kỳ đà bây giờ ra sao nhỉ?". Mỗi đứa bé tự khai mở lỗ ngách của mình đã bít.

Con kỳ đà đã ngất ngư gần chết, thân hình ốm chỉ còn xương với da, run rẩy bò lê ra ngoài. Thấy nó như vậy, lũ trẻ thương xót khuyên nhau: "Thôi đừng phá nó nữa, nó đã nhịn đói bảy ngày rồi", chúng xoa lưng nó và nói: "Hãy đi an vui nhé!", rồi thả nó ra. Nhờ con kỳ đà chưa chết, bọn trẻ không bị thiêu ở Địa ngục. Tuy nhiên bảy đứa trẻ đã tạo cộng nghiệp, nên mười bốn kiếp về sau mỗi kiếp chúng đều bị bỏ đói bảy ngày như thế cả.

- Nầy các Tỳ khưu, thuở xưa, khi sanh làm bảy đứa trẻ chăn bò, các thầy đã tạo nghiệp ác ấy.

Đức Bốn Sư đã giải đáp ba câu hỏi của ba nhóm Tỳ khưu như thế.

Khi ấy, một vị Tỳ khưu hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài, nếu vậy thì khi con người đã tạo nghiệp ác rồi, dầu cho bay lên trời, lặn xuống biển, hoặc vào trong hang núi, cũng không thoát khỏi quả của nghiệp phải chăng?

Đức Bốn Sư xác nhận:

- Nầy các Tỳ khưu, đúng như vậy! Bất cứ nơi đâu, như trên trời chẳng hạn, cũng không có chỗ trú để tránh khỏi quả của nghiệp ác.

Nói rồi, Đức Thế Tôn ngâm kệ rằng:

*"Na antalikkhe na samuddamajjhe
Na pabbatānam vivaram pavissa
Na vijjate so jagatippadeso
Yatratthito mucceyya pāpakammāti".*

(Chẳng phải bay lên không trung, chẳng phải lặn xuống đáy biển, chẳng phải chui vào hang sâu núi thẳm, dù tìm khắp thế gian nầy, chẳng có nơi nào trốn khỏi ác nghiệp đã gây).

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của Kệ ngôn nầy là:

Dầu cho ai có giỏi nói: "Bằng phương thế này ta sẽ tránh khỏi quả của ác nghiệp", rồi bay lên ngôi trên không, hoặc lặn xuống đáy biển sâu đến tám muôn bốn ngàn do tuần, hoặc vào ngôi trong hang núi, người ấy cũng không bao giờ thoát khỏi quả của ác nghiệp. Khắp bốn phương tám hướng trên mặt đất này, không có một chỗ đứng an toàn nhỏ bằng mảy lông để tránh khỏi quả của ác nghiệp được.

Cuối thời Pháp, ba nhóm Tỳ khuru đều đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Kỳ dư đại chúng thính pháp đều hưởng được lợi ích.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Ba nhóm Tỳ khuru lễ Phật Đà,
Tường trình mọi việc thấy vừa qua:
Một con quạ tự bay vào lửa,
Thiếu phụ bị thân biển chẳng tha.
Bảy vị Tỳ khuru bị bảy ngày,
Nhốt trong hang núi, lạ lòng thay!
Cầu xin Phật giải Nhân tiền nghiệp,
Phật bảo: "Các thầy lắng nghe đây!"
Con quạ trước là một dân cày,
Đốt con bò chúng chẳng nương tay.
Ngày xưa, thiếu phụ dìm con chó,
Xuống một ao hồ, chết rã thân.
Bảy đứa chẵn trâu, nhốt kỳ đà,
Bảy ngày đói khát, mới buông tha,
Nhân nào Quả nấy không sai chạy,
Chẳng có nơi đâu khỏi Nghiệp mà!*

DỨT TÍCH BA NHÓM TỖ KHUU

IX. 12- CHUYỆN VUA THIỆN GIÁC BỊ ĐẤT RÚT (Suppabuddhasakyavatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 128)

Na antalikkhe na samuddamajjhe

"Không trên trời, giữa biển,

na pabbatānaṃ vivaraṃ pavissa

Không lánh vào động núi,

Na vijjate (Vijjati -Yatthaṭṭhitam (theo bản Pāli của CSCD. /Dhammagiri. India)) so jagatippadeso

Không chỗ nào trên đời,

yatraṭṭhitam (1) nappasaheyyamaccu.

Trốn khỏi tay thần chết".

TMC.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại chùa Nigrodha (Nigrodha), để cập đến đức Vua Thiện Giác (Suppabudhasakka).

Tương truyền: Đức Vua Thiện Giác vì hai lý do sau đây mà đã buộc oan trái với Đức Phật: một là Ngài đã bỏ con gái đức Vua là công chúa Da Du Đà La (Yasodharā) mà ra đi xuất gia, hai là Ngài đã cho con trai đức Vua là Hoàng tử Devadatta xuất gia, cho nên đức Vua căm thù Ngài lắm.

Một ngày nọ, đức Vua có ý nghĩ: "Bây giờ trăm nhất định không cho Cổ Đàm đi đến chỗ thỉnh bát để thọ thực". Đức Vua truyền lệnh đóng cửa chặn đường đi của Đức Thế Tôn, rồi ngồi giữa đường mà uống rượu.

Khi Đức Bổn Sư cùng Chư Tăng tùy tùng sắp đến chỗ đức Vua gác, có tin báo trước cho Vua Thiện Giác hay rằng "Đức Bổn Sư sắp đến".

Đức Vua phán: "Hãy đi đón đường nói cho Cô Đàm biết: Cô Đàm không phải lớn hơn trăm! Trăm sẽ không cho nó đi qua lối này!" Rồi đức Vua cứ ngồi nguyên một chỗ mà lập đi lập lại như thế mãi.

Đức Bồ Sư thấy những người đến xin cậu mình cho phép đi qua đều không được chấp thuận, nên Ngài quay trở về.

Đức Vua lại phái một mật thám theo dõi Đức Bồ Sư: "Hãy đi, nghe ngóng lời nói của Sĩ Đạt Ta, rồi về phục lệnh".

Lúc quay trở về Đức Bồ Sư mỉm cười. Trưởng lão Ānanda thấy lạ bèn hỏi:

- Bạch Ngài, do nhân duyên nào mà Ngài đã mỉm cười?

Đức Bồ Sư hỏi lại:

- Này Ānanda! Thầy đã thấy Vua Thiện Giác rồi chứ?

- Bạch Ngài, con đã thấy.

- Đức Vua đã tạo nghiệp rất nặng là dám cản đường một vị Phật như Ta. Từ đây đến bảy ngày, tại chân cầu thang của đền Vua, đức Vua Thiện Giác sẽ bị đất rút.

Nghe được lời tiên tri này, mật thám về báo cáo lại với Vua Thiện Giác. Đức Vua hỏi:

- Lúc quay trở về, cháu trăm đã nói những gì? Mật thám nghe sao thì thuật lại y như vậy.

Nghe dứt những lời báo cáo, đức Vua nghĩ thầm: "Quả thật, cháu của ta chưa hề nói sai trật, hề nói điều gì là có y điều đó xảy ra. Tuy nhiên, bây giờ đây ta sẽ quở trách Sĩ Đạt Ta về tội nói láo. Quả nhiên cháu ta đã tiên tri, bảy ngày nữa ta sẽ bị đất rút, nó không nói bằng cách mơ hồ mà lại xác quyết rằng ta sẽ bị đất rút ngay chân cầu thang của vương cung. Kể từ bây giờ trở đi, ta sẽ không đặt chân đến đó, và sau khi khỏi bị đất rút tại nơi đó, ta sẽ quở nó về tội nói láo!"

Đức Vua cho mang tất cả đồ vật nhu dụng của mình lên tầng lầu thứ bảy, khiến đẹp cầu thang rồi đóng cửa cái lại. Tại mỗi cửa của mỗi tầng lầu, đức Vua bố trí hai người lực sĩ đứng canh và dặn họ: "Nếu thấy trăm dễ duôi muốn đi xuống lầu, hai người hãy ngăn cản lại!" Nói rồi, đức Vua ngự tọa trong tư phòng trên chót tầng lầu thứ bảy.

Đức Bồ Sư nghe được chuyện này thì phán rằng:

- Này các Tỳ khuru, dầu đức Vua Thiện Giác không ngồi trên đỉnh thượng của tòa lầu bảy tầng mà lên ngồi giữa hư không, hoặc đáp thuyền ra giữa biển lớn, hoặc là vào ngồi trong hang núi cũng mặc. Lời Chư Phật không bao giờ lường ước, y như lời của Ta đã tiên tri, đức Vua sẽ bị đất rút ngay tại chỗ mà Ta đã nói.

Nói rồi Đức Thế Tôn thuyết pháp và ngâm kệ rằng:

"Na antalikkhe na samuddamajjhe

Na pabbatānam vivaram pavissa

Na vijjate so jagatippadeso

Yatratthitam nappasaheyya maccūti".

(Chẳng phải bay lên không trung, chẳng phải lặn xuống đáy bể sâu, chẳng phải chui vào hang sâu núi thẳm, dù tìm khắp thế gian này, chẳng có nơi nào trốn khỏi Tử thần).

CHÚ GIẢI:

Nappasaheyya maccu: khắp trên mặt địa cầu, không có một chỗ nào, dầu nhỏ bằng sợi tóc mà ta có thể nói: "Đứng tại đây tử thần sẽ không áp đảo mình được."

Ba câu trên đồng nghĩa với các câu ở bài kệ trước.

Cuối thời Pháp nhiều vị Tỳ khuru chứng đắc Thánh quả nhất là quả Tu Đà Hườn.

Đến ngày thứ bảy, thời hạn ngăn cấm con đường đi bát của Đức Bồ Sư đã mãn. Bên dưới tòa lầu, con ngựa báu tên Hạnh Phúc (Maṅgala) của Vua Thiện Giác sanh chứng bất kham, cứ đá mãi vào tường vách.

Đức Vua ngồi trên lầu, nghe tiếng động, hỏi quan hầu:

- Cái gì thế?

- Tàu hoàng thượng, con ngựa Hạnh phúc sanh chúng!

Con ngựa này không ai chế ngự nổi, chỉ có thấy mặt đức Vua Thiện Giác thì nó mới chịu đứng yên. Khi ấy, đức Vua muốn xuống lầu để bắt con ngựa, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi ra đến ngạch cửa. Hai cánh cửa tự động mở hoát ra, thành đức Vua lại đứng ngay đầu cầu thang. Hai lực sĩ đứng gác liền nắm cổ đức Vua ném xuống tầng dưới. Cùng một cách như thế, cả bảy tầng cửa đều tự động mở ra. Các đầu cầu thang cũng lần lượt hiện ra trước mặt đức Vua và ở mỗi tầng, hai người lực sĩ đều nắm cổ đức Vua mà ném xuống phía dưới. Thế rồi, khi đức Vua tuột xuống đến chân cầu thang ở dưới tòa vương cung, mặt đất liền nứt ra một khoảng lớn thâu hút đức Vua. Đức Vua băng hà sanh vào Địa ngục A tỳ.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Đức Vua giận Phật bỏ con mình,
Bắt ghế ra ngồi giữa lộ trình,
Cản Phật không cho qua lấy bát,
Phật cười, quay lại, chỉ làm thinh!
Trưởng lão Ānanda bạch rằng:
"Ngài cười có ý nghĩa chi chăng?"
"Đến ngày thứ bảy thì Vua chết,
Đất sụp, chôn Ngài dưới cuối thang."
Quả nhiên, Đức Phật nói không sai!
Tránh được tử thân chẳng có ai,
Dưới biển, trên trời, trong động đá,
Không nơi ẩn úp sống dằng dai.*

DỨT TÍCH VUA THIÊN GIÁC BỊ ĐẤT RÚT DỨT PHẨM ÁC

X. PHẨM ĐAO TRƯỢNG

(DANḬAVAGGA)

- 17 bài kệ: Pháp Cú số 129-145

- 11 Chuyện

X. 1- CHUYỆN NHÓM LỤC SƯ HÀNH HUNG

(Chabbaggiyabhikkhuvatthu)

KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 129)

Sabbe tasanti daṇḍassa

"Mọi người sợ hình phạt,

sabbe bhāyanti maccuno

Mọi người sợ tử vong,

Attānaṃ upamaṃ katvā

Lấy mình làm ví dụ,

na haneyya na ghātaye.

Không giết, không bảo giết".

TMC.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư đã thuyết, khi ngụ tại Kỳ Viên Tự (Jetavana Vihāra), đề cập đến một nhóm Lục Sư gồm có sáu vị Tỳ khuru.

Quả vậy, một lúc nọ, các Tỳ khuru trong nhóm mười bảy vị vừa sửa sang chỗ ngụ xong, liền bị các Tỳ khuru trong nhóm Sáu vị (Lục Sư) đến đuổi:

- Các đạo hữu hãy đi ra, chúng tôi lớn hạ hơn, mới có quyền cư ngụ chỗ này.

Các Tỳ khuru nhỏ hạ đáp:

- Chúng tôi sẽ không nhường chỗ cho các Ngài, vì lẽ chúng tôi đã đến đây trước và đã quét dọn sửa sang rồi.

Nghe vậy, nhóm Lục sư đánh đập nhóm Thập Thất Sư. Nhóm sau này hoảng hốt, sợ chết, la hét rầm lên. Đức Bốn Sư nghe tiếng kêu la của họ, bèn hỏi:

- Chuyện gì vậy?

Chư Tăng bạch: "Chuyện này..."

Đức Bốn Sư ban hành Học giới cấm đánh đập Tỳ khuru rằng: "Này các Tỳ khuru, từ rày về sau, các Tỳ khuru không nên làm như vậy, thầy nào làm vậy phạm tội Ong đối trị."

Ngài dạy tiếp rằng: "Này các Tỳ khuru, phạm là Tỳ khuru thì nhất định không nên đánh đập, không nên giết hại, vì đã biết rằng: Những người khác cũng như ta, ai ai cũng đều sợ đao trượng, đều sợ tử thân cả". Nói rồi, Ngài thuyết pháp và kết luận bằng bài kệ này:

"Sabbe tasanti daṇḍassa

Sabbe bhāyanti maccuno

Attānaṃ upamaṃ katvā

Na haneyya na ghātaye".

(Ai ai cũng sợ gươm đao, ai ai cũng sợ sự chết; vậy nên lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết).

CHÚ GIẢI:

Sabbe tasanti: tất cả chúng sanh đều sợ ăn đòn, sợ đao trượng phạm đến mình.

Maccuno: sợ tử thân tức là sợ chết. Hai câu kệ đầu nói phổ cập đến tất cả mọi người, không bỏ sót một ai, là nói theo lối thông thường.

Quả nhiên, ví như Đức Vua cho người đi cổ động, (đánh trống) truyền rao dân chúng tập họp, trừ ra quan Tể tướng, kỳ dư tất cả đều phải tập họp vì sợ hình phạt của nhà Vua. Tuy nhiên cũng có bốn hạng là bậc Lậu tận, voi thuần chủng, ngựa thuần chủng và bò mộng không bị khép trong số tất cả những người rung động vì sợ chết.

Bậc Lậu tận đã dứt bỏ Thân kiến, không thấy chúng sanh nào không chết cho nên không sợ chết. Còn ba hạng kia, tuy còn Thân kiến nhưng tự tin nơi sức khỏe của mình, không thấy có chúng sanh nào là tay đối thủ cho nên cũng không sợ.

Na haneyya na ghātaye: hãy tự xét: "mình thế nào thì những chúng sanh khác cũng giống vậy", không nên giết, không nên xúi giết kẻ khác.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khuru đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

DỊCH GIẢI CẢN ĐỀ

*Mới dọn cốc rồi, chưa ở yên,
Lục Sư chọt đến, đuổi đi liền,
Các Sư "Thập thất" không tuân lệnh,
Bị đánh, la âm tợ lũ điên,
Phật biết, ban hành Luật cấm ngăn,
Tỳ khuru không được đánh Chư Tăng!
Người người sợ chết, e đao trượng,
Phải cử sát sanh, giữ Đạo hằng!*

DỨT TÍCH NHÓM LỤC SƯ HÀNH HUNG

X. 2- CHUYỆN NHÓM LỤC SƯ ĐE DỌA (Chabbaggiyabhikkhuvatthu)

(PC. 130)

"Sabbe tasantīti...". Kệ Pháp Cú này đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana, để cập đến nhóm Lục Sư.

Quả vậy, trong lúc nọ, do nhóm Lục Sư đánh Tỳ khuru nhóm Thập Thất Sư, nên học giới trước đã được ban hành. Lần này cũng do nhóm đó sanh chuyện, nhưng chỉ giá tay hăm đánh các vị sau mà thôi.

Ở đây, đức Bổn Sư nghe tiếng kêu la của các Tỳ khuru trẻ, bèn hỏi: "Chuyện chi vậy?"

- Bạch Thế Tôn, chuyện này...

Đức Bổn Sư dạy: "Này các Tỳ khuru, từ rày về sau, thấy nào làm phạm Ứng đối trị". Sau khi ban hành học giới cấm các Tỳ khuru giá tay đánh các vị khác. Đức Bổn Sư giải thích rằng:

- Này các Tỳ khuru, phạm là Tỳ khuru thì không nên đánh đập, không nên giết hại, vì biết rằng: Cũng như ta, những người khác đều sợ đao trượng. Hễ ta yêu đời ham sống như thế nào thì họ cũng giống như ta vậy.

Nói rồi, đức Bổn Sư thuyết pháp và ngâm kệ rằng:

"Sabbe tasanti daṇḍassa
Sabbesaṃ Jīvitāṃ piyaṃ
Attānaṃ upamaṃ katvā
Na haneyya na ghātayeti"

(Ai ai cũng sợ gươm dao, ai ai cũng thích được sống còn. Vậy nên lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết) (TTĐ).

"Mọi người sợ đao trượng
Mọi người thích sống còn
Hãy so sánh từ thân
Không giết, không bảo giết" (TMC)

CHÚ THÍCH:

Sabbesaṃ Jīvitāṃ piyaṃ: Trừ bậc Lộ Tận, tất cả chúng sanh còn lại đều yêu quý đời sống, đối với việc sống chết ở đời, bậc Lộ Tận cũng chỉ có tâm xả (Upekkhā) là thân nhiên mà thôi.

Ba câu kệ kia thì nghĩa như trước.

Cuối thời pháp, nhiều Tỳ khuru đặc Thánh Quả nhất là quả Tu Đà Hườn.

DỨT TÍCH NHÓM LỤC SU

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Lục Sư đã bị cấm đánh rồi
Nên chỉ gơ tay dọa nạt thôi
Nhóm Thập Thất Sư còn khiếp sợ
La âm như bị phỏng dầu sôi
Phật cấm Tỳ khuru dọa nạt nhau
Người người thích sống sợ gươm đao
Không nên bảo giết, không nên giết
Ai cũng như ai có khác nào.

X. 3- LỬ TRẺ ĐẬP RẮN

(PC. 131-132)

"Sukhakāmāni bhūtānīti...". Kệ Pháp Cú này đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, để cập đến một lũ trẻ con.

Một ngày nọ, đang vào thành Sāvattihī để khát thực, giữa đường đức Bổn Sư gặp nhiều đứa trẻ, cầm gậy đánh một con rắn hổ, Ngài bèn hỏi:

- Này các cậu bé, các cậu làm gì vậy?

- Bạch Ngài, chúng con đập con rắn.

Đức Bổn Sư bèn dạy rằng:

- Các con tự nghĩ: "Ta sẽ làm cho mình được an vui". Vậy mà các con lại đánh đập con rắn này, làm như thế, khi chuyển kiếp tái sanh ở cảnh giới nào, các con cũng sẽ không được an vui. Quả thật, vì muốn an vui, tự mình hưởng được sự an vui thì không nên đánh đập kẻ khác.

Nói rồi đức Bổn Sư thuyết pháp và ngâm hai kệ ngôn này:

- "Sukhakāmāni bhūtāni
Yo daṇḍena vihiṃsati
Attano sukhaṃ esāno
Pecca so na labhate sukhaṃ" (131)
"Sukhākamāni bhūtāni
Yo daṇḍena na hiṃsati

Attano sukhaṃ esāno
Pecca so labhate sukhaṃ" (132)

(Người nào cầu hạnh phúc cho mình, mà lại lấy dao gậy phá hoại hạnh phúc kẻ khác, thì sẽ không được hạnh phúc).

Người nào cầu hạnh phúc cho mình, mà không lấy dao gậy phá hoại phúc của kẻ khác, thì sẽ được hạnh phúc (TTĐ)

"-Cầu hạnh phúc cho mình
Lại dùng dao dùng trượng
Hại hạnh phúc kẻ khác
Đời sau không hạnh phúc" (131)

"-Cầu hạnh phúc cho mình
Không dùng dao dùng trượng
Hại hạnh phúc kẻ khác
Đời sau được hạnh phúc" (132)

CHÚ THÍCH:

Yo dañḍena: Người nào làm khổ, phá hoại kẻ khác bằng gậy, hoặc bằng đá cù, đất chằng hạn.

Pecca so na labhate sukhaṃ: Người ấy sẽ không hưởng được hạnh phúc khi tái sinh ở cảnh giới khác, dầu là hạnh phúc cõi nhân thiên hoặc hạnh phúc tối cao ở Niếp Bàn cũng không có.

Pecca so lahate sukham (ở kệ thứ hai): Người ấy khi tái sinh ở cảnh giới khác sẽ hưởng được một trong ba hạnh phúc đã được kể trên.

Cuối thời pháp, cả 500 đứa trẻ đều đắc Thánh quả Tu Đà Hườn.

DỨT TÍCH LỬ TRẺ ĐẬP RẪN.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

LỬ TRẺ CẮM CÂY ĐẬP HỔ MANG
BẮT NGỜ GẶP ĐỨC PHẬT ĐI NGANG
NGÀI DỪNG CHÂN HỎI: "VÌ SAO ĐẬP"
TRẺ ĐÁP: VÌ E NÓ CẮN CON...
PHẬT DẠY: KHI CẦN HẠNH PHÚC MÌNH
MÀ DÙNG ĐAO TRƯỢNG HẠI SANH LINH
ĐỜI SAU MẤT PHƯỚC LUÂN HỒI KHỔ
VÔ HẠI, ĐỜI SAU MỚI PHÚC VINH.

X. 4- ĐẠI ĐỨC KONDADHĀNA

(PC. 133-134)

"M'āvoca pharusam kañci...". Kệ Pháp Cú này đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana. Đề cập đến Đại đức Kondadhāna.

Tương truyền rằng: Kể từ ngày xuất gia về sau, Đại đức đi đâu cũng có một bóng người nữ đi theo sau lưng cả. Chính Đại đức thì không thấy bóng phụ nữ ấy, nhưng đại chúng đều thấy.

Khi Đại đức vào làng khất thực, mọi người để bát một phần ăn xong, lại đặt thêm một phần nữa, nói rằng: "Bạch Ngài, đây là phần của Ngài, và đây là phần của cô bạn Ngài"

Thử hỏi: Đại đức đã tạo nghiệp gì trong quá khứ?

Đức Bổn Sư giải rằng:

Trong thời quá khứ, thời đức Phật Kassapa, có hai vị Tỳ khưu hết sức hòa thuận cùng nhau, chẳng khác nào hai anh em ruột cùng cha mẹ sanh đôi.

Suốt thời gian trường thọ của đức Cổ Phật, cứ đúng một năm hoặc sáu tháng chư Tăng lại nhóm họp một lần để làm lễ Phát Lồ (sám hối chúng). Bởi thế hai vị rủ nhau: "Chúng ta đi về chùa dự lễ Phát Lồ", rồi từ chỗ ngụ ra đi.

Một vị chư Thiên mới sanh lên cõi Đạo Lợi nhìn thấy hai vị này, nghĩ thầm rằng: "Hai Tỳ khuru này hòa thuận với nhau quá. Có thể nào ly gián hai ông này được chăng?"

Trong khi vị chư thiên ngu muội này đang nghĩ quấy như vậy. Thì một trong hai vị Tỳ khuru bảo bạn rằng: "Nầy đạo hữu hãy đi từ tốn, chờ tôi đi đại một chút".

Nghe vậy, vị chư thiên hóa hình thành một nữ nhân đi theo vị Đại đức vào trong bụi rậm, đến khi trở ra chỗ trống thì một tay bới lại đầu tóc, một tay vận lại y hạ, đi theo sau lưng vị Đại đức mà vị này không biết.

Trong khi vị này đi ra thì vị Tỳ khuru đứng ngoài quay lại nhìn thấy một người nữ đi ra với dáng điệu khả nghi như vậy.

Người này biết rằng vị tỳ khuru đã nhìn thấy mình rồi biến mất.

Vị Tỳ khuru ở ngoài chờ bạn ra đi đến gần mình rồi, bèn hỏi:

- Nầy đạo hữu! Đạo hữu đã dứt giới rồi phải chăng?

- Không bao giờ tôi phá giới đâu đạo hữu.

- Bây giờ, chính mắt tôi thấy, từ phía sau đạo hữu đi ra một thiếu phụ dáng điệu như vậy, mà đạo hữu còn chối "Tôi không có như thế hay sao".

Như bị sét đánh trên đầu, vị bị vu can không thể nhẫn nại, bèn cãi lại: - "Đạo hữu đừng phá hại tôi, quả tôi không có như thế mà"

Vị kia cứ nhất quyết: Chính mắt tôi trông thấy, tôi tin đạo hữu thế nào được.

Nói rồi, như người bẻ gãy cây gậy, vị ấy bỏ đi tự bảo mình rằng:

- "Đầu đến chỗ làm lễ Phát Lồ, ta cũng sẽ không ngồi sám hối chung với Tỳ khuru này".

Vị Tỳ khuru bị tình nghi thanh minh với chư Tăng rằng:

- Bạch các Ngài, tôi không có một chút lỗi nào, đầu nhỏ như hột mè.

Còn vị Tỳ khuru bạn cứ đề quyết: Chính mắt tôi trông thấy.

Thấy hai vị Tỳ khuru bạn không làm lễ Phát Lồ chung, vị chư Thiên bèn ứng tiếng lên hòa giải với tâm nghĩ rằng: "Ồi nặng thay là nghiệp của ta tạo", vị ấy thưa rằng:

- Bạch các Ngài, vị Đại đức của chúng tôi không dứt giới, đây chỉ là việc làm của tôi để thử lòng các Ngài đó thôi. Vậy các Ngài hãy làm lễ Phát Lồ chung với nhau đi". Khi ấy, vị chư thiên đứng trên không trung nói xuống, làm các Tỳ khuru phát sanh đức tin và làm lễ Phát Lồ chung với nhau. Tuy nhiên vị Đại đức không còn giữ được lòng dịu hòa như trước nữa. Đó là tiền nghiệp của Đại đức Koṇḍadhāna.

Đến khi mãn tuổi thọ, hai vị Đại đức tùy theo phước nghiệp được sanh về cõi Trời Còn vị Chư Thiên bị đọa xuống A Tỳ đại ngục suốt thời gian không có Phật, chịu sự thiêu đốt nơi địa ngục ấy.

Đến thời đức Phật hiện tại, được tái sanh làm người trong thành Sāvattihī, đến tuổi trưởng thành xuất gia trong Phật Pháp và được thọ Cụ Túc Giới. Từ ngày xuất gia về sau, một bóng người nữ thường xuất hiện lên sau lưng Tỳ khuru này. Do đó vị này được mệnh danh là Koṇḍadhāna

Thấy vị này có hiện tượng như vậy, chư Tăng đố xúi Trưởng giả anāthapiṇḍika:

- Nầy Trưởng giả, vị này phá giới, ông hãy đuổi ra khỏi chùa đi. Để vị này ở chung với chư Tăng, sẽ mang tiếng xấu hết.

Trưởng giả anāthapiṇḍika hỏi:

- Bạch các Ngài, có chuyện gì đây? Đức Bổn Sư không có trong chùa ư?

- Nầy Trưởng giả, có.

- Vậy thì bạch các Ngài, đức Bổn Sư sẽ biết rõ việc này.

Các Tỳ khưu đi mách với bà Visākhā. Bà cũng từ chối không làm theo lời của chư Tăng.

Các Tỳ khưu không được hai vị đại thí chủ chấp lời mình, liền báo lên đức Vua.

- Tâu Đại Vương! Tỳ khưu Koṇḍadhāna đi đâu cũng dắt theo một phụ nữ, làm cho tất cả chư Tăng mang tiếng xấu chung, xin Đại Vương hãy thăng phục và đuổi vị ấy đi.

- Bạch các Ngài, vị ấy hiện ở đâu.

- Tâu Đại Vương, vị ấy đang ở chùa.

- Trong chỗ ngụ nào trong chùa.

- Trong cốc tên đó.

- Nếu vậy, các Ngài hãy đi, trăm sẽ cho người bắt vị ấy.

Buổi xế chiều, đức vua ngự đến trước cốc của Đại đức Koṇḍadhāna.

Nghe tiếng ồn ào, Đại đức Koṇḍadhāna đứng trước sân cốc. Đức Vua nhìn thấy thấp thoáng bóng một phụ nữ đứng sau lưng Đại đức.

Đại đức biết có đức Vua ngự đến, bèn leo lên ngói trên chùa. Đức Vua không đành lễ Đại đức, nhưng đến gần thì không thấy bóng phụ nữ đâu cả. Đức vua nhìn qua cửa lớn, nhìn xuống gầm giường cũng không thấy, bèn nói với Đại đức rằng:

- Bạch Ngài, trong chỗ này trăm có thấy một phụ nữ, cô ta ở đâu rồi.

- Tâu Đại Vương! Bần tăng không thấy.

- Rõ ràng vừa mới đây trăm thấy cô ta đứng sau lưng Đại đức mà.

Dầu nghe như vậy, Đại đức cũng đáp:

- Tâu Đại Vương, tôi không thấy.

Đức vua nghĩ thầm: "Thế này là nghĩa gì?"

Đức vua bèn thỉnh Đại đức: "Bạch Ngài, xin Ngài hoan hỷ đi ra khỏi chỗ này xem"

Khi Đại đức ra ngoài cốc, đứng trước sân thì cô phụ nữ lại đứng sau lưng vị ấy.

Đức vua thấy phụ nữ liền treo lên nền chùa, biết đức vua sắp đến Đại đức liền ngói xuống.

Một lần nữa, đức vua soát lại khắp mọi nơi mà chẳng thấy gì bèn hỏi Đại đức: "Cô phụ nữ đâu rồi?"

Đại đức cũng trả lời như trước.

- Tâu Đại vương, tôi không trông thấy.

- Bạch Ngài, xin hãy nói thật, chính trăm vừa mới thấy một nữ nhân phía sau lưng Ngài mà.

- Vậy, tâu Đại Vương! mặc dầu đại chúng đều nói tôi đi đâu cũng dắt theo một phụ nữ. Nhưng sự thật tôi chẳng thấy phụ nữ nào cả.

Đức vua suy xét, cho rằng chắc có chuyện gì bí ẩn, bèn nói với Đại đức:

- Bạch Ngài, xin Ngài hoan hỷ bước xuống khỏi đây xem.

Khi Đại đức bước xuống khỏi nền, đứng trước sân chùa, đức vua lại thấy hình người nữ đứng sau lưng Đại đức, nhưng khi vị ấy trèo lên nền chùa thì đức vua lại hết thấy phụ nữ.

Đức vua hỏi Đại đức, Đại đức lại đáp:

- Tôi không thấy nữ nhân ấy.

Nghe vậy, đức vua nghĩ: "Việc này có chỗ bí ẩn và sẽ chấm dứt", đức Vua nói với Đại đức rằng:

- Bạch Ngài, có bóng phiến não đi theo sau lưng Ngài như vậy, ngoài trăm ra chắc không có một ai đặt bát cho Ngài. Vậy xin thỉnh Ngài hãy thường xuyên vào Hoàng Cung để trăm dâng cúng tứ vật dụng.

Sau khi ngộ lời thỉnh Đại đức, đức vua ra đi. Các Tỳ khuru than phiền với nhau rằng: "Các đạo hữu hãy xem việc làm của nhà vua quấy ác đó. Tướng đầu nghe lời báo cáo, đức vua đến đuổi Tỳ khuru ấy ra khỏi chùa, té ra bây giờ đức vua lại thỉnh thầy ấy vào cung dâng tứ sự, rồi ra đi".

Chư Tăng cũng nói với Đại đức rằng:

- Nầy ông phá giới, giờ đây ông được lên chức Quân sư rồi đấy.

Từ trước không thể nói lời gì nghịch lại chư Tăng, nhưng bây giờ đã có chỗ dựa, vị Đại đức bèn nói trả lại:

- Các ông phá giới, các ông làm Quân sư, các ông đem phụ nữ theo sau.

Chư Tăng mang việc nầy trình với đức Thế Tôn:

- Bạch Ngài, thầy Koṇḍadhāna nghe chúng con nói, thầy mắng trả lại rằng: Các ông cũng phá giới...

- Này các Tỳ khuru! Thầy ấy nói như thế có thật chăng?

- Bạch Ngài! có thật vậy.

- Nầy Tỳ khuru! Tại sao vậy?

- Tại vì các thầy ấy đã nói con.

Này các Tỳ khuru! Tại sao các thầy lại nói thầy nầy như vậy?

- Bạch Ngài, vì chúng con thấy cô phụ nữ đi theo thầy nầy.

- Các thầy nói vì có thấy phụ nữ đi chung với thầy, còn thầy không thấy phụ nữ đi chung với họ mà sao lại nói vậy? Trong tiền kiếp thầy há đã chẳng nương theo tà kiến tội lỗi mà có quả xấu đến kiếp nầy. Bây giờ, tại sao thầy còn cố chấp tà kiến tội lỗi nữa vậy?

Chư Tỳ khuru cùng nhau bạch hỏi: "Bạch Ngài! Kiếp trước thầy ấy đã làm gì?"

Khi ấy, đức Bốn Sư bèn đem tiền nghiệp của vị Tỳ khuru nầy kể lại cho chư Tăng nghe, rồi bảo vị nầy rằng:

- Nầy các Tỳ khuru! Do ác nghiệp nầy mà thầy đã có tướng trạng kỳ quái như vậy. Bây giờ thầy lại cố chấp tà kiến như trước nữa hay sao? Chớ nói lời chi trả treo với chư Tăng nữa, hãy là người câm lặng như chiếc chuông đã bể miệng, làm được như vậy thầy sẽ chứng Niếp Bàn chẳng sai.

Nói rồi, đức Bốn Sư thuyết pháp, kết thúc bằng hai kệ ngôn:

- "M'āvoca pharusam kañci
Vuttā paṭivadeyyu tam
Dukkha hi sārambhakathā
Paṭidaṇḍa phuseyyu tam" (133)
- "Sace nerisi attānam
Kaṁso upahato yathā
Esa patto' si nibbānam
Sārambho te na vijjati" (134)

(Chớ nên nói lời thô ác, khi người dùng lời thô ác nói với người khác, người khác cũng dùng lời thô ác nói lại với người. Thương thay những lời nóng giận thô ác chỉ làm cho người đau đớn khó chịu như đao gậy mà thôi.

Nếu người mặc nhiên như cái đồng la bể trước những người đem lời thô ác cãi vã đến cho mình, tức là người đã tự tại đi trên con đường Niếp Bàn. Người kia chẳng làm sao tìm sự tranh cãi với người được nữa) (TTĐ)

- "Chớ nói lời thô ác
Nói ác họ nói lại
Khổ thay lời thù hận
Hình phạt tất đến thân" (133)
- "Nếu như chiếc chuông bể
Tự mình giữ yên lặng

*Người đã chứng Niếp Bàn
Tự mình không sân hận" (134) (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Kaṅci: Đừng nói lời thô ác với người nào.

Vuttā: Người nói kẻ khác phá giới thế nào, kẻ ấy cũng nói trả lại người thế ấy.

Sārambhakathā: Những lời thô ác để tranh lẩn áp chế nhau là khổ

Paṭiḍaṇḍa: Các thứ hình phạt, nhất là hành phạt thân, người dùng đánh đập kẻ khác như thế nào thì chính người phạt bị chúng rơi trên đầu hình phạt người trả lại trả lại.

Sace neresi: Nếu người có thể giữ mình yên lặng.

Kaṁso upahato yathā: Hãy làm như cái đồng là đã bể miệng, nó không phát ra tiếng được như người đã bảo dùng tay chân hoặc đao trượng mà đánh đập kẻ khác.

Esa patto'si: Nếu người có thể giữ mình như thế, pháp hành được kiện toàn rồi, bây giờ người không dễ duôi, tức là người đã đắc Niếp Bàn vậy.

Sārambho te na vijjati: Được như thế thì những lời nói qua lại của chư Tăng, nói người phá giới là những lời thô ác, không có và sẽ không bao giờ có nữa.

Cuối thời pháp, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn quả. Riêng phần Đại đức Koṇḍadhāna nhờ huấn từ đức Bốn Sư ban cho mà đắc quả A La Hán, liền bay lên hư không, nắm lá phiếu đầu tiên.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC KOṆḌADHĀNA.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Bóng người phụ nữ bám sau thầy
Ai biết là do nghiệp báo gây
Trong kiếp chư thiên vì vọng niệm
Thử xem tình bạn chắc không đây
Chẳng nhẫn để mà trả quả xưa
Lời qua tiếng lại cứ dây dưa
Phật kêu nhớ lại nhân tiền kiếp
Đắc quả vô sanh ác quả chừa
Khác nào chuông bể hết âm vang
Người giữ tâm yên chứng Niết Bàn
Không nói lời thô không uất hận.
Đâu còn hình phạt khổ nhân gian.*

X. 5- BÁT QUAN TRAI

(PC. 135)

"Yathā daṇḍena gopāloti..".

Kệ Pháp Cú này đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự an tại Đông Phương Tự (Pubbārāma), để cập đến giới bát quan của các tín nữ, nhất là bà Visākhā.

Tương truyền: Trong một ngày Uposathano, năm trăm phụ nữ thọ giới bát quan rồi đi chùa. Bà Visākhā đến gần các phụ nữ cao niên trong nhóm ấy rồi hỏi:

- Thưa các bà, các bà giữ giới Bát quan để làm gì?
- Nguyện cho được hưởng phước chư thiên.

Nghe vậy, bà Visākhā lại hỏi các phụ nữ trung niên, các phụ nữ này đáp: "Để thoát khỏi chồng chung (sapattivāsā: Cảnh sống chung hai vợ một chồng. Ông Burlingame dịch là quyền của chồng "The power of our husbands)

Nghe vậy, bà Visākhā hỏi các thiếu nữ, các cô đáp: Để sớm được về làm dâu nhà tử tế.

Sau khi nghe lời nguyện ước của tất cả phụ nữ, bà Visākhā dắt họ đi yết kiến đức Bốn Sư và tuần tự kể lại những lời họ đã nói cho bà nghe. Nghe xong câu chuyện đức Bốn Sư dạy rằng:

- Này Visākhā! Những chúng sanh hằng bị tứ khổ nhất là sự sanh như kẻ chăn bò cầm gậy lừa đi từ sanh đến lão, từ lão đến bệnh, từ bệnh đến tử. Để cho sự tử như búa bén chặt đứt mạng sống, mặc dầu vậy họ không nguyện giảm bớt sự sanh bao giờ cả, mà chỉ nguyện tăng thêm luôn luôn.

Nói rồi, đức Bốn Sư thuyết pháp và ngâm lên kệ ngôn rằng:

"Yathā daṇḍena gopālo
Gāvo Pājeti gocaraṃ
Evaṃ jarā ca maccū ca
āyuj pājenti pāṇinaṃ"

(Như với chiếc gậy, người chăn trâu xua trâu ra đồng, sự già chết cũng thế, thường đưa chúng sanh đến tử vong).

"Vòi gậy người chăn bò
Lừa bò ra bãi cỏ
Già và chết cũng vậy
Lừa người đến tử vong" (TMC)

CHÚ THÍCH:

Pājenti: Người chăn bò khôn khéo dùng gậy ngăn chặn không cho bầy bò xâm phạm chỗ đất có trồng hoa màu, lừa chúng đi tới chỗ đồng trống có nhiều cỏ và nước uống.

āyuj pājenti: Cắt đứt làm hao mòn mạng căn. Quả vậy, lão và tử ví như người chăn bò, mạng căn ví như bầy bò, sự tử vong ví như đồng cỏ. Nơi đây, bao giờ sự sanh cũng đưa mạng căn của chúng sanh đến sự già, sự già đưa đến sự bệnh và sự bệnh đưa đến sự chết. Đến lúc này sự tử vong như tử thần cầm chiếc búa bén chặt đứt mạng căn. Đây là cách nói ví dụ để đối chiếu.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu chứng Thánh Quả nhất là quả Tu Đà Hườn.

DỨT TÍCH BÁT QUAN TRAI.

DỊCH GIẢ CĂN ĐỀ

*Năm trăm tín nữ bạn Visākhā
Giữ Bát quan trai nguyện phước gì
Các cụ già mong khi tạ thế
Lên trời hưởng lộc sống quang huy
Các bà đứng tuổi sợ chồng chung
"Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạng lung"
Thiếu phụ ước sanh trai trưởng tử
Để làm nữ chủ tại gia trung
Thiếu nữ thì mơ được tẩm chôn
Con nhà tử tế khỏi long đong
Không ai nguyện thoát luân hồi khổ
Mong khỏi sanh già bệnh tử vong.*

X. 6- NGẠ QUỶ MÌNH TRẦN (Ajagarapeta)

(PC. 136)

"Atha Pāpāni kammāni...".

Kệ Pháp Cú này, đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Trúc Lâm, đề cập đến ngạ quỷ Ajagare (mình trần).

Một thuở nọ, trong khi đang đi với Đại đức Lakkhaṇa từ núi Kỳ Xà Quật xuống. Đại đức Moggallāna đã thấy bằng thiên nhãn, một con ngạ quỷ mình trần dài đến 25 do tuần, từ đầu nó ngọn lửa bốc lên đến đuôi, từ đuôi nó ngọn lửa bốc lên đi đến đầu. Từ đầu và đuôi nó ngọn lửa bốc lên đi vào khoảng giữa mình nó. Đại đức thấy vậy hé miệng cười. Bị Đại đức Lakkhaṇa hỏi về lý do cái cười đó. Đại đức đáp: "Nầy đạo hữu không phải thời giải đáp câu hỏi này, hãy đến trước đức Thế Tôn đạo hữu hãy hỏi lại tôi"

Nói rồi, hai Đại đức bước vào thành Rājagaha khất thực, khi về đến trước đức Bốn Sư rồi, Đại đức Lakkhaṇa liền hỏi lại và Đại đức

Moggallāna đáp rằng:

Nầy Đạo hữu lúc ấy tôi thấy một con ngạ quỷ, vì thân hình nó kỳ dị, tôi chưa từng thấy như thế bao giờ, nên tôi mỉm cười.

Đức Bốn Sư xác nhận lời nói của Đại đức rằng:

- Này các Tỳ khuru! Quả thật các Thinh Văn của ta đều có chánh kiến như thế cả.

Rồi Ngài nói tiếp rằng: "Nầy các Tỳ khuru, ngạ quỷ ấy chính Ta đã từng nhìn thấy sau khi chúng đạo quả dưới cội Bồ Đề, nhưng ta không nói ra vì e rằng những người không tin lời Ta ắt không được lợi ích. Bây giờ có được Moggallāna làm chứng, nên ta mới nói". Chư tăng hỏi về tiền nghiệp của con ngạ quỷ ấy, đức Bốn Sư bèn giải rằng:

Tương truyền: Trong thời đức Phật Kassapa, có Trưởng giả tên là Sumangala đã lót gạch bằng vàng một khoảng đất rộng hai mươi usabha (một usabha khoảng 140 cubit, một cubit lối 22 ngón tay) đã xuất ra một số tiền tương đương như thế nữa, để kiến tạo một ngôi chùa, và xuất ra một khoản tiền tương đương như thế để khánh thành ngôi chùa.

Một hôm, Trưởng giả đi viếng đức Bốn Sư từ sáng sớm, đi đến cổng thành thấy một kẻ trộm nằm trong cái trại (sālā) đầu trùm chiếc y vàng, hai chân dính đầy bùn, Trưởng giả nói rằng:

- Người có chân dính đầy bùn nầy, chắc đã đi rong ban đêm, mới về nằm đây.

Tên trộm giở y chường mặt ra, thấy Trưởng giả liền buộc oan trái với ông rằng:

- Rồi đây, ta sẽ tìm cách đối phó với ông.

Anh ta đã lén đốt ruộng của Trưởng giả 7 lần, lén vào chặt chân bò bảy lần và lén đốt nhà ông bảy lần. Làm bấy nhiêu chuyện ác ấy cũng chưa đủ nư giận. Tên trộm còn tìm đến kết bạn với người hầu riêng của Trưởng giả, rồi lựa dịp hỏi: Ông Trưởng giả ưa thích cái gì?"

Khi nghe đáp: "Ngoài Hương thất ra, ông Trưởng giả không còn ưa thích cái gì khác". Nghe vậy, tên trộm quyết tâm: "Ta sẽ đốt trụ Hương thất mới hả lòng căm giận của ta"

Chờ khi đức Phật vào thành khất thực, tên trộm lén vào đập bể tan những vò nước uống, nước xài rồi châm lửa đốt Hương Thất.

Hay tin cấp báo Hương Thất bị đốt, Trưởng giả đến ngay nơi đó, trong lúc lửa còn cháy. Nhìn Hương Thất đang cháy, không may mắn chút buồn phiền ông còn vỗ tay cười lớn. Khi ấy, dân chúng đứng gần ông thấy lạ, liền hỏi:

- Thưa chủ, tại sao ông bỏ ra nhiều tiền để tạo Hương thất, mà ông lại vỗ tay cười khi nó đang cháy như vậy.

- Này các người ơi! Bao nhiêu công trình của ta làm đó là của chôn để dành đặc biệt là Phật Giáo. Không có sự tai hại nào nhất là lửa có thể lấy mất được. Vả lại, như vậy ta lại có dịp xuất ra một

số tiền tương đương như vậy để tái tạo Hương thất dâng cúng đức Bổn Sư, nên ta thỏa thích vỗ tay cười.

Sau khi xuất ra một số tiền của nhiều như trước, cho cắt xong Hương Thất, Trưởng giả làm phước trai tăng đến đức Bổn Sư và hai mươi ngàn Tỳ khưu tùy tùng. Thấy Trưởng giả làm như thế, tên trộm nghĩ thầm: "Ta không giết chết được ông này, ta không thể nào rửa được cái nhục này. Ta phải giết ông mới được". Thế rồi, anh ta cột dao dẫu trong thất lưng, đi vào ẩn trong chùa suốt cả bảy ngày mà không gặp được cơ hội thuận tiện.

Riêng ông đại Trưởng giả, sau bảy ngày trai tăng đến Tăng chúng có đức Phật là tọa chủ, mới đánh lễ đức Giáo Chủ và nói:

- Nhờ một người đốt ruộng con bảy lần, chặt chân bò trong chuồng bảy lần. Bây giờ đây cũng nhờ người ấy đốt Hương Thất con mới có dịp làm phước. Vậy trong cuộc phước thí này, phần thứ nhất con xin chia đến người ấy.

Nghe ông Trưởng giả nói như thế, tên trộm tự nghĩ: "Ôi!" Nặng thay là nghiệp của ta đã tạo, ta đã xúc phạm đến ông như vậy mà ông chẳng có chút gì giận ta, lại còn chia cho ta phần phước thứ nhất trong cuộc phước thí này. Ta là một kẻ phản bội, nếu ta không sám hối một người như thế, hình phạt của Chư Thiên sẽ giáng xuống đầu ta.

Tên trộm đến quì mọp dưới chân ông Trưởng giả và nói:

- Thưa chủ, xin chủ xá tội cho con.

- Việc chi thế?

Nghe vậy, tên trộm đáp?

- Thưa chủ, bao nhiêu việc ông vừa kể ra đó, chính con đã làm. Xin ông hãy tha tội ấy cho con.

Ông Trưởng giả hỏi lại tên trộm về tất cả mọi hành vi của anh ta: "Bao nhiêu việc đó chính con đã làm ra cho ta phải không?"

- Thưa phải, chính con đã làm.

Nghe vậy, Trưởng giả hỏi: "Con chưa từng gặp ta, tại sao lại căm thù ta mà làm như thế?"

Tên trộm bèn nhắc lại mấy lời ông đã nói, ngày mà ông Trưởng giả đi ra cổng thành thấy anh ta nằm ngủ rồi nói tiếp rằng:

- Vì lẽ đó mà con đã giận ông chủ.

Trưởng giả nhớ lại mình có nói mấy lời ấy, bèn nhận lỗi: "Ờ, ta có nói như vậy, thôi con hãy tha lỗi cho ta".

Xin lỗi tên trộm xong rồi, ông nói:

- Thôi con hãy đứng dậy, ta tha tội cho con, con hãy đi đi.

- Thưa chủ, nếu chủ đã tha tội cho con, xin chủ nhận cho con đưa cả vợ con đến làm tôi tớ trong nhà ông chủ.

- Nay con, bấy nhiêu việc con gây ra cho ta, là đã dứt khoát rồi. Ta không thể bàn đến chuyện ở chung trong một nhà, con không có phận sự chi ở trong nhà ta cả, ta tha tội cho con, thôi con hãy đi.

Vì tạo nghiệp ấy, khi hết tuổi thọ, tên trộm bị sa xuống địa ngục A Tỳ, bị thiêu đốt rất lâu nơi đó. Do quả còn dư sót nên giờ đây tái sanh làm con ngựa quỉ trần ở trên đỉnh núi Gijjhakūṭa, hằng bị lửa thiêu đốt.

Sau khi giải rõ tiền nghiệp của ngựa quỉ đó, đức Bổn Sư dạy rằng:

- Nay các Tỳ khưu, hạng người ngu khi làm các nghiệp ác thì không tự biết. Nhưng về sau chính những nghiệp của họ đã tạo thiêu đốt họ chẳng khác nào lửa rừng tự nhiên bốc cháy lấy mình vậy.

Nói rồi, đức Bổn Sư thuyết pháp và thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Atha pāpāni kammāni
Karam bālo na bujjhati
Sehi kammehi dummedho
Aggidaddho'va tappati"

(Kẻ ngu phụ tạo các ác nghiệp vẫn không tự biết có quả báo gì chăng? Người ngu tự tạo ra nghiệp để chịu khổ, chẳng khác nào tự lấy lửa đốt mình) (TTĐ)

*"Người ngu làm việc ác
Chẳng biết đến quả báo
Vì tự nghiệp người ngu
Bị thiêu đốt như lửa" (TMC).*

CHÚ THÍCH:

Atha Pāpāni: Không phải hoàn toàn do sân hận mà người ngu làm việc ác. Chính trong lúc làm ác họ cũng không biết mình tạo ác nghiệp, không có người nào trong lúc làm ác mà không biết "ta làm ác". Đây chỉ nói là người làm ác không biết đến hậu quả của cái nghiệp này sẽ thế nào mà thôi.

Sehi: Do những nghiệp quả là của riêng họ

Dummedho: Người vô trí bị sa địa ngục, bị lửa thiêu đốt.

Cuối thời pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn quả.

DỨT TÍCH NGẠ QUỖ TRĂN.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Vì câu nói trống bị cắn thù
Bá hộ không hờn giận kẻ ngu
Đốt ruộng đốt nhà mong báo oán
Đốt luôn hương thất bậc chân tu
Lại đem hôi hướng phước đầu tiên
Cho kẻ giúp mình tạo phước duyên
Rốt cuộc kẻ gian ra sám hối
Dứt ngay oan trái kiếp hiện tiền
Kẻ trộm về sau đọa A Tỳ
Rồi làm ngạ quỉ bởi ngu si
Không lường hậu quả hành vi ác
Thậm thụt mình trần kéo lết đi.*

X. 7- ĐẠI ĐỨC MOGGALLĀNA NIẾT BÀN

(PC. 137..140)

(Truyện tích này hầu hết giống với phần nhập đề Bốn Sanh Jātaka số 2 125-126. Nhưng có chỗ khác biệt quan trọng với Jātaka là: Đại đức Moggallāna bay lên hư không, thoát khỏi tay bọn cướp 6 lần và trong tiền kiếp thay vì giết chết song thân, Đại đức đã hối hận ăn năn vào giờ phút chót)

"Yo daṇḍena damdesu...". Kệ Pháp Cú này đức Bốn Sư đã thuyết, khi Ngài ngự tại Veḷuvana, đề cập đến Đại đức Mahā Moggallāna.

Một thuở nọ các tu sĩ ngoại đạo họp bàn luận với nhau, có người hỏi: "Các đạo hữu có biết vì lẽ gì mà Sa môn Gotama được nhiều lễ vật, còn chúng ta lại mất hết hay chăng?"

- Chúng tôi không biết. Đó là do một người tên là Mahā Moggallāna. Ông lên cõi Trời hỏi về phước nghiệp của chư Thiên rồi về cõi nhân gian thuyết giảng rằng "Ai làm như vậy sẽ được phước báu như vậy", Ông lại xuống địa ngục hỏi về tội nghiệp của các chúng sanh dưới đó, rồi về cõi nhân gian thuyết giảng rằng: Ai làm như vậy ắt sẽ bị tội khổ như vậy đó.

Mọi người nghe Pháp ông ta thuyết mới mang đến dâng cúng rất nhiều lễ lộc. Nếu chúng ta giết chết được ông ta thì phần lễ lộc của ông ta sẽ thuộc về chúng ta.

Sau khi thảo luận tìm ra một giải pháp, tất cả nhóm ngoại đạo đều đồng ý rằng: "Dẫu bằng cách nào chúng ta cũng phải giết chết ông ta" thế rồi, họ xúi tin đồ của họ đóng góp gấp một ngàn

đồng vàng, cho gọi những tên trộm cướp quen thói cướp của giết người đến, muốn chúng với giá một ngàn đồng đó

- Ông Mahā Moggallāna hiện ở tại Kāḷasilāya (Hắc Nham) các người hãy đến đó giết chết ông ta đi.

Bọn cướp vì tham của liền chấp nhận. Chúng tôi sẽ giết ông Đại đức đó.

Chúng liền đến bao vây Đạo trường nơi chỗ ngụ của Đại đức.

Biết bọn cướp bao quanh cốc, Đại đức thoát ra theo lỗ khóa mà bay đi mất.

Ngày ấy không gặp Đại đức, qua ngày sau bọn cướp lại đến bao vây cốc Đại đức nữa.

Cứ thế hết một tháng đầu, rồi hết một tháng giữa nữa mà bọn cướp vẫn chưa bắt được Đại đức. Đến tháng cuối là quả của tiền nghiệp đã chín muồi, không thể né tránh, Đại đức biết vậy nên không lánh mặt nữa.

Bọn cướp đến bắt Đại đức, đập xương Đại đức nát như cám. Khi thấy Đại đức đã chết, chúng vứt xác Đại đức vào sau một bụi rậm rồi bỏ đi. Đại đức nghĩ: "Ta phải yết kiến đức Bổn Sư rồi Niết Bàn". Nên dùng thiên định hoàn xác lại như còn sống bay về chỗ đức Thế Tôn đang ngụ, đánh lễ Ngài rồi bạch rằng:

- Bạch Ngài, con sẽ Niết Bàn.

- Này Moggallāna! Thầy sẽ Niết Bàn sao?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Thầy Niết Bàn tại đâu?

- Bạch Ngài, tại xứ Kāḷasilā.

- Nếu vậy, này Moggallāna, thầy hãy thuyết pháp Như Lai trước khi Niết Bàn. Bậc Thượng Thinh Văn như thầy, Như Lai không còn được trông thấy nữa.

- Bạch Ngài! con sẽ làm theo lời dạy.

Đại đức đánh lễ đức Bổn Sư rồi bay lên hư không thuyết lên pháp thoại. Đến ngày Ngài Đại Niết Bàn cũng giống như Đại đức Sāriputta, Đại đức dùng thần thông sắp xếp mọi công việc, thuyết pháp xong, Đại đức đánh lễ đức Thế Tôn đi trở về rừng trong xứ Kāḷasilā mà Vô Dư Niết bàn.

Tin Đại đức bị bọn cướp ám sát được khẩu truyền đi khắp cõi Diêm Phù. Đức Vua Ajātasattu ra lệnh cho mật thám truy lùng bọn cướp sát nhân. Trong bọn chúng có những đứa đang nhậu rượu trong quán rượu, khi say sưa tên này thoi tên kia vào lưng ngã xuống, tên bị đánh đứng lên sùng sộ nói:

- Đồ mất dạy, có phải mày đã ra tay đánh Đại đức Mahā Moggallāna trước nhất đâu?

- Vạy chớ mày không biết rằng chính tay tao đã hạ sát ông ta à.

Nhờ nghe các tên đồng đảng tranh nhau tự xưng là thủ phạm, các mật thám tóm hết tất cả bọn cướp về phục lệnh đức vua.

Đức vua cho giải bọn cướp tới và phán hỏi:

- Phải chúng bây ám sát Đại đức chăng?

- Tâu Đại vương, phải.

- Ai xúi biếu chúng bây.

- Tâu Đại vương, các Sa môn lửa thề.

Đức vua truyền lệnh bắt luôn cả 500 Sa môn đạo lửa thề chôn chung với 500 tên cướp trước sân châu dưới những hố sâu tối rún, bên trên phủ kín rom rồi châm lửa đốt, khi biết các tội nhân đã bị thiêu, đức vua lại sai lấy cày sắt cày qua cày lại cho nát thân họ ra từng mảnh lớn có, nhỏ có. Đức vua ủy thác việc này cho bốn tên cướp thi hành.

Các Tỳ khưu câu hội trong giảng đường để khởi chuyện rằng:

- Than ôi! Đại đức Mahā Moggallāna tự mình đã chịu một cái chết không xứng đáng.

Đức Bổn Sư đến hỏi: Này các Tỳ khuru, hôm nay các thầy ngồi đây luận bàn về chuyện gì?

- Bạch Ngài, chuyện như vậy...

Nghe vậy, đức Bổn Sư giải thích rằng:

- Này các Tỳ khuru, trong kiếp này Moggallāna đã chết một cách không xứng đáng như vậy, là do tiền nghiệp của Thầy đã tạo trong quá khứ, khiến cho người chết một cách không xứng đáng.

- Bạch Ngài, kiếp trước Đại đức đã tạo nghiệp gì?

Đức Bổn Sư thuật lại tích xưa rằng:

Tương truyền: Thời quá khứ có một thanh niên con nhà gia giáo, cư ngụ trong thành Bārānasī, hằng ngày chăm lo phụng dưỡng cha mẹ, nhất là giả gạo nấu cơm...

Một hôm, cha mẹ bảo cậu rằng: Con à, một mình con mà làm hai công việc, về làm việc nhà vừa làm việc ở rừng thì mệt nhọc lắm, để cha mẹ cưới vợ cho con.

Hai ông ba theo nói mãi và cưới một cô gái đem về làm dâu. Mấy ngày đầu, cô dâu hầu hạ cha mẹ chồng đàng hoàng tử tế. Sau đó cô không muốn gặp mặt ông bà nữa, bèn than thở với chồng:

- Em không thể sống chung với cha mẹ của anh được.

Thấy chồng gát bỏ lời nói của mình, cô chờ chồng đi vắng, lấy thứ (chỉ) gai quét với bột cháo trây trét đầy nhà.

Chồng về hỏi: "Cái gì đây?"

- Hai ông bà lú lẫn đã làm chuyện đó, đã đi lang thang trây trét làm dơ cả nhà. Em không thể nào ở chung với hai ông bà được nữa.

Nghe vợ cứ lập đi lập lại mãi như thế. Một chúng sanh dầu đã bỏ túc rất nhiều Pháp Độ (Pārami) như thế cũng trở lòng đoạn tuyệt tình thân phụ mẫu, thanh niên nói:

- Anh sẽ có cách đối xử với ông bà.

Sau khi hầu cơm cho cha mẹ, thanh niên nói dối với ông ba cụ rằng: "Thưa cha mẹ, những thân quyến của cha mẹ ở xứ đó, mới cha mẹ đến chơi, chúng ta sẽ đi đến nơi đó".

Đỡ cha mẹ lên một cỗ xe nhỏ, thanh niên đánh xe đưa ông ba đi, khi đến giữa khu rừng rậm, thanh niên lại gạt cha mẹ rằng:

- Xin cha mẹ hãy cầm cương cho bò đi thủng thẳng, chỗ này có bọn cướp, để con xuống đi bộ.

Trao dây cương qua tay cha rồi, thanh niên xuống xe đi bộ một đỗi, quay lại đổi giọng nói giả làm tiếng la của bọn cướp. Ông bà mù nghe tiếng la tưởng thật là bọn cướp xông ra đón đường, bèn bảo con rằng: "Con ơi! Cha mẹ đã già rồi, con hãy lo tự bảo vệ lấy mình con".

Dầu nghe cha mẹ la lớn như vậy, nhưng thanh niên vẫn giả làm bọn cướp, hét lại và đánh chết ông bà, vứt xác giữa rừng rồi bỏ ra về.

Đức Bổn Sư chấm dứt câu chuyện về tiền nghiệp của Đại đức Moggallāna, rồi giảng tiếng: "Này các Tỳ khuru, sau khi tạo bấy nhiêu nghiệp, Moggallāna đã bị thiêu đốt vô số trăm ngàn năm dưới địa ngục, rồi do quả còn dư sót sanh lên làm người còn bị đập nát thân như vậy, là do tiền nghiệp của mình đó thôi. Còn 500 tên cướp và 500 tu sĩ ngoại giáo đã làm hại đến bậc Vô hại, là con trai của Như Lai, nên mới chịu chết một cách khốc liệt như thế. Quả thật, kẻ làm hại người vô hại tất phải gặp một trong 10 điều tại họa chẳng sai.

Nói rồi, đức Bổn Sư thuyết pháp và kết luận bằng kệ rằng:

- "Yo daḍḍena adadesu
Appaduṭṭhesu dussati
Dasannam aññataram ṭhānam
Khippam Eva nigacchati" (137)
-"Vedanam pharasam jāniṃ
Sarīrassa ca bhedamaṃ
Garukam vā'pi ābādham
Cittakkepaṃ va pāpuṇe" (138)

- "Rājato và upassaggam
 Abbhakkhānam và dāruṇa
 Parikkhayam và ñātinam
 Bhogānam và pabhaṅgu ram (139)
 - "Atha v'assa agārāni
 Aggi dahati pāvako
 Kāyassa bhedā duppañño
 Nirayam so'papajjati" (140)

(Nếu lấy đao gây hại người toàn thiện toàn nhân (chỉ vị A La Hán hết sạch mọi lậu hoặc) lập tức kẻ kia phải thọ lấy đau khổ trong 10 điều thống khổ vì tiền tài bị tiêu mất, thân thể bị bại hoại, hoặc bị trọng bệnh bức bách, hoặc bị tán tâm loạn ý, hoặc bị vua quan áp bách, hoặc bị vu trọng tội, hoặc bị quyền thuộc ly tán, hoặc bị tài sản tan nát, hoặc phòng ốc nhà cửa bị giặc thiêu đốt và sau khi chết bị đọa vào địa ngục) (TTĐ)

- "Dùng đao phạt không đao
 Làm hại người vô hại
 Phải thọ gấp một loại
 Trong mười loại khổ đau" (137)
 - "Chịu khổ thọ khốc liệt
 Thân thể bị thương vong
 Hoặc thọ bệnh kịch liệt
 Hay loạn ý tán tâm" (138)
 - "Hoặc bị vua áp bức
 Hay vu trọng tội
 Tài sản bị nát tan (139)
 - "Hoặc phòng ốc nhà cửa
 Bị hỏa tai thiêu đốt
 Khi thân hoại mệnh chung
 Kẻ ngu sanh địa ngục" (140 (TMC).

CHÚ THÍCH:

Adaṇḍesu: Những bậc Vô Lậu đã xa lìa những việc làm hại nhất và những hình phạt thân xác (Kāyadaṇḍādivirahitelu)

Appaduttṭhesu: Những người vô hại là không tự hại mình hoặc hại người khác.

Dasannamaññataram thānam: Một trong 10 nguyên do gây ra sự khổ não.

Vedānam: Cảm thọ khốc liệt như bệnh nhức đầu.

Jānim: Sự mất mát của cải kiếm được một cách hết sức khó khăn.

Bhedanam: Thân thể bị phân tán như bị chặt tay chẳng hạn

Garukam: Thọ bệnh trầm trọng đến nỗi què chân, chột mắt, bại liệt, tật nguyên, cùi phong, lở lói chẳng hạn.

Cittakkhepaṃ: Mất trí, điên cuồng.

Unasaggam: Sự nguy hiểm từ đức vua chẳng hạn như bị tước hết danh giá vách chức tướng lãnh.

Abbhakkhānam: Sự vu các tội dữ dần như người chưa thấy, không nghe, không nghĩ gì cả mà bị vu cáo là phạm tội đào tường khoét vách, phạm tội đối với nhà vua...

Parikkayam và ñātinam: Sự mất những người thân thuộc mà mình có thể nương cậy nhờ nhờ.

Pabhaṅgaṇam: Sự tan vỡ, sự thối nát. Như trong nhà người ấy có lúa thì lúa bị thối nát, có vàng thì vàng bị biến thành than, có trân châu thì trân châu trở thành hạt bông gòn, những đồng tiền vàng (ka hāpaṇā) hóa ra nhữn mảnh chén vụn giá đáng hai đến bốn đồng pāda (bạc)

Aggi dahati: Cứ hằng năm bị hoả hoạn hai ba lần ở một nơi nào đó, bằng không thì bị lửa thiên lôi giáng xuống thiêu đốt hoặc tự mình gây nên hỏa hoạn.

Nirayam: Trong kiếp hiện tại bị một trong 10 điều khổ nầy rồi, qua những kiếp sau, mỗi kiếp còn phải chịu khổ thêm nữa, nên mới gọi là sanh vào khổ cảnh như địa ngục.

Cuối thời pháp, nhiều Tỳ khuru chứng Thánh Quả nhất là Tu Đà Hườn quả.

DÚT TÍCH: ĐẠI ĐỨC Mahā MOGGALLāna NIẾT BÀN.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ •

*Ngoại đạo xuất ra số lớn tiền
Mướn người theo giết Moggallāna
Quả muối Đại đức cam lòng chịu
Để cướp bầm mình trả nghiệp duyên
Vì xưa lỡ giết mẹ cha già
Nghe vợ, thành gây nghiệp xấu xa
Nay có thần thông hoàn xác cũ
Bay về cáo biệt Đức Phật Đà
Giết người vô tội, bậc Vô Sanh
Nghiệp sát trở liền quả rất nhanh
Bọn cướp chết chùm cùng ngoại đạo
Lửa hồng thiêu xác rủ từng manh.*

X. 8- TỖ KHUU NHIỀU VẬT DỤNG

(PC. 141)

"Na naggacariyāti...". Kệ Pháp Cú nầy đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana, để cập đến vị Tỳ khuru có nhiều vật dụng.

Tương truyền rằng: Một phú Trưởng giả trong thành Sāvattthī, sau khi vợ chết bèn đi xuất gia. Vị ấy cho cất chỗ ngụ riêng, cùng với nhà bếp (aggisālā), nhà kho rồi cho chất đầy nhà kho tất cả thứ thuốc ngừa bệnh (bhesajja) nhất là bơ trong dầu...

Sau khi xuất gia, vị ấy cho gọi những đầy tớ của mình đến nấu các món ăn theo sở thích rồi độ. Vị ấy có nhiều vật dụng, có nhiều đồ đạc, ban đêm mặc y nội và khoác y khác, ở cách biệt trong ranh của chùa.

Một hôm khi vị ấy đem các y phục của mình trải ra phơi nắng, các Tỳ khuru đi ta bà từ tịnh thất nầy sang tịnh thất khác, đến thấy vậy bèn hỏi: "Những y phục nầy của ai vậy đạo hữu?"

- Của tôi đó.

Nghe vậy, các Tỳ khuru trách:

- Nầy các đạo hữu, đức Thế Tôn chỉ cho phép có tam y, đạo hữu đã xuất gia trong giáo Pháp đức Phật, có hạnh tri túc thiếu dục như thế, đạo hữu lại là người có nhiều vật dụng như vậy sao?

Chư Tăng liền đưa vị ấy đến đức Bốn Sư và báo lại rằng:

- Bạch Ngài, Tỳ khuru nầy là người có quá nhiều vật dụng.

Đức Bốn Sư hỏi rằng: "Nầy Tỳ khuru, lời nói về thầy có đúng như thế chăng?"

- Bạch Ngài! Đúng như vậy.

Đức Bốn Sư quở trách rằng:

- Nầy Tỳ khuru, tại sao Ta đã thuyết giảng về Pháp thiếu dục mà thầy còn làm người có nhiều vật dụng như thế.

Chỉ nghe bấy nhiêu lời, vị ấy nổi giận đáp rằng:

- Ngay bây giờ, tôi sẽ cởi bỏ đồ mà đi ngay đây.

Vị ấy cởi vứt bỏ y choàng ngoài, chỉ còn y nội, đứng giữa hội chúng. Khi ấy, đức Bổn Sư nói lời khích lệ, sách tấn vị ấy rằng:

- Nầy Tỳ khưu! Trước kia thầy há chẳng phải là người đi tìm Tàm Quý suốt 12 năm. Tại sao bây giờ xuất gia trong Giáo Pháp của đức Phật tôn nghiêm như vậy lại vứt bỏ y choàng ngoài giữa từ chúng, từ bỏ cả tàm quý mà đứng như vậy.

Nghe lời của đức Bổn Sư vị ấy lấy lại được tàm quý, bèn nhậy y đắp lên mình, đánh lễ đức Bổn Sư rồi ngồi xuống một bên.

Các Tỳ khưu muốn biết rõ nghĩa lý của việc nầy, nên yêu cầu đức Bổn Sư giải thích.

Đức Thế Tôn liền kể chuyện tiền kiếp như sau:

Thuở xưa, đức Bồ Tát tái sanh vào lòng Hoàng Hậu của đức Vua trong Kinh thành bārānāsī. Đến ngày lễ đặt tên, Bồ Tát có được tên là Mahissāsa (Đại Cung nỏ), tiếp đến Bồ Tát có được một người em tên là Cands. Khi Hoàng Hậu băng hà, đức Vua phong cho một bà Phi khác lên làm Hoàng Hậu, bà nầy cũng sanh được một Hoàng Tử có tên là Suruya. Thấy mặt Hoàng Tử Suriya, đức Vua rất hoan hỷ phán rằng: "Trẫm sẽ ân tứ cho con ái Hậu một yêu cầu"

Hoàng Hậu đáp: "Tâu Hoàng Thượng, Thần thiếp sẽ nhận lãnh ân huệ nầy khi nào có ý muốn". Đến khi Hoàng Tử Suriya đến tuổi trưởng thành, Hoàng Hậu tâu với đức Vua:

- Tâu Hoàng thượng, khi Thần Thiếp sanh Hoàng Tử, Hoajang Thượng đã chuẩn hứa ban cho một ân huệ. Vậy nay xin Hoàng Thượng ban Vương vị cho con của Thần thiếp.

Đức Vua từ khước, bảo rằng: "Hai con trai của Trẫm như hai đóm lửa sáng ngời. Trẫm không thể ban vương vị cho con Hoàng Hậu được"

Tuy lời mình bị vua bác, nhưng Hoàng Hậu cứ tiếp tục yêu cầu mãi, thấy vậy đức Vua nghĩ: "Hoàng Hậu có thể làm điều bất lợi đến hai của Trẫm". Đức vua cho gọi hai Hoàng Tử đến, phán rằng: - "Nầy hai con, khi Hoàng Tử Suriya ra đời, cha có hứa ban cho một ân huệ theo yêu cầu. Nầy Mẫu Hậu của Suriya xin cho con mình được Vương vị, cha không muốn ân tứ. Tuy nhiên, sợ e Hoàng Hậu hãm hại hai con, hai có hãy tạm lánh mặt ngụ trong rừng, chờ khi cha băng hà rồi hãy trở về kế vị." Nói rồi, đức Vua giục hai con ra đi.

Hai hoàng Tử cáo biệt cha, xuống khỏi đền Vua lại gặp Hoàng Tử Suriya đang chơi ở sân ngự, bèn tỏ thật sự tình. Biết rõ nguyên do của cuộc xuất hành, Suriya cùng hai anh ra đi.

Khi đến rừng Tuyết Lãnh, Bồ tát bỏ đại lộ, rẽ vào một con đường mòn đến ngồi dưới một gốc cây rồi bảo Hoàng Tử Suriya:

- Hoàng đệ hãy đến cái ao kia tắm rửa và giải khát đi, rồi lấy lá sen bọc nước đem về cho hai anh.

Ao nầy có con Dạ Xoa đã được Thiên Vương vassavana cho phép đến trấn giữ với Vương lệnh rằng: "Ngoại trừ người biết Thiên pháp, người được phép ăn thịt tất cả những người lợi xuống dưới ao nầy". Khi Dạ Xoa hỏi về thiên pháp mà không biết thì nó bắt lấy ăn thịt.

Hoàng tử Suriya lợi xuống ao mà không dò xét trước, bị Dạ Xoa hiện lên chặn hỏi: "Người biết thiên pháp chăng?"

Hoàng tử đáp: "Thiên pháp đó là mặt trăng và mặt trời"

- Người không biết Thiên Pháp.

Rồi bắt lấy Hoàng Tử Suriya đem an trú tại Thủy cung của mình. Bồ Tát thấy Suriya đi lâu, bèn sai Hoàng Tử cada đi tìm. Hoàng Tử cũng bị thủy thần chặn đường hỏi: "Người có biết thiên pháp chăng?"- Thiên Pháp đó là bốn hướng".

Dạ Xoa bắt nốt luôn canda dưới thủy cung.

Thấy hai em đi lâu, Bồ Tát sanh nghi: "Chắc có sự gì tai hại" liền tự mình đi đến ao nước, thấy dấu chân hai em đi xuống, biết là ao nầy có Dạ Xoa trấn giữ, bèn rút gươm ra và cầm sẵn cung tên trên tay đứng chờ.

Thấy Bồ Tát không lội xuống ao, Thủy thần hóa làm một người thợ rừng đi đến nói với Bồ Tát:

- Này bạn, bạn đi đường mệt sao không xuống ao này tắm rửa, uống nước, ăn củ sen, hái hoa trang điểm rồi hãy đi.

Thấy người thợ rừng, Bồ tát biết ngay là Dạ Xoa, bèn hỏi:

- Phải người đã bắt hai em của ta chăng?
- Phải, ta bắt đấy
- Tại sao vậy?
- Ta được quyền bắt những người lội xuống ao này
- Người được quyền bắt tất cả sao?
- Ngoại trừ những người biết thiên pháp, kỳ dư ta có quyền bắt hết.
- Người có cần biết Thiên pháp chăng?
- Có, ta cần biết.
- Ta sẽ thuyết Thiên pháp.
- Nếu vậy, xin ông hãy thuyết đi.
- Mình ta dơ dáy, Ta không thể thuyết được.

Dạ Xoa để cho Bồ Tát tắm rửa, dâng nước cho Bồ tát uống, trang điểm cho Bồ Tát, thỉnh Bồ tát ngồi trên cái bồ đoàn đặt chính giữa rạp được trang trí hàng hoàng, còn tự mình thì ngồi dưới chân Bồ tát.

Bồ tát bảo Dạ xoa: "Hãy lắng tai nghe cho kỹ"

Nói rồi, ngâm kệ rằng:

"Hiri ottappa sampannā
Sukkadhamma samāhitā
Santo sappurisa loke
Deva dhammāti vuccareti"
*"Đầy đủ tâm và quý
Chuyên tâm về Bạch pháp
An tịnh bậc chân nhân
Ở đời gọi Thiên Pháp." (TMC)*

Dạ xoa nghe bài Pháp này pháp sanh tâm tịnh tín, nói với Bồ tát: "Thưa hiền trí, tôi có tâm tịnh tín với hiền trí! Tôi cho lại hiền trí một người em, tôi sẽ mang đến người nào đây?"

- Hãy đem đến đưa em út.
- Thưa Hiền trí, Ngài biết rành Thiên pháp nhưng Ngài lại không hành Thiên pháp.
- Sao vậy?
- Vì Ngài đã phế truất lập thứ, Ngài không tôn trọng quyền của người anh.

- Này Dạ xoa, ta biết Thiên pháp và thực hành đúng theo Thiên pháp. Quả vậy, vì đưa em út ấy mà chúng ta vào rừng này, lại cũng vì hạnh phúc của nó mà mẹ nó đã xin Vương vị nơi cha chúng ta. Phụ vương ta đã không ban cho nó ân huệ ấy mà còn ra lệnh cho chúng ta đi vào rừng, cốt để bảo vệ chúng ta. Nếu nghe nói có Dạ Xoa ăn thịt nó trong rừng, chắc không một ai tin lời chúng ta. Sợ bị chê trách cho nên ta mới bảo người mang trả nó lại cho ta.

Dạ Xoa càng trong sạch đối với Bồ Tát, nói nói: Lành thay, thưa Hiền trí, Ngài biết Thiên pháp và xử sự đúng theo Thiên pháp"

Rồi Dạ xoa mang cả hai người em trai trao lại cho Bồ Tát. Kế đó, Bồ Tát thuyết pháp giải về những tội lỗi của kiếp sống làm Dạ xoa, rồi cho nó thợ trị ngũ giới. Từ đó, Bồ Tát sống an vui trong rừng ấy, nhờ có Dạ xoa hộ trì và phục vụ chu đáo, cho đến khi Phụ vương thăng hà, dất cả Dạ xoa về thành Bārānasī, lấy lại Vương quốc, phong cho Hoàng đệ canda làm Phó Vương, đặt Hoàng đệ Suriya

làm tổng lãnh binh. Còn đối với Dạ xoa, Bồ tát cho đào một cái ao tại một địa điểm thích hợp, cho nó nhận được lễ lộc vật thực quý giá nhất.

Sau khi thuyết xong tích này, đức Bốn Sư kết thúc Túc Sanh cho biết: Dạ xoa khi ấy nay là vị Tỳ khuru có nhiều vật dụng, Suriya này là ānanda, canda này là Sāriputta. Thái Tử Mahissāa nay chính là Đấng Như Lai vậy.

Đức Bốn Sư giảng xong Bốn Sanh rồi, Ngài dạy rằng:

- Nay Tỳ khuru, trước kia thầy đã là người tâm cầu Thiên pháp như vậy đó, trong mình có đủ Tàm và Quý. Bây giờ thầy cởi y choàng giữa tứ chúng, đứng trước ta mà nói: "Tôi thiếu dụng" là làm điều không xứng đáng. Một vị Sa môn không bao giờ nên cởi bỏ y mà ở trần như thế cả.

Nói rồi, đức Thế Tôn thuyết pháp, xong Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Na naggacariya na jatā na paṅkā
Nanāsakā thandilasāyikā và
Rajojallam⁽⁷⁾ ukkutikappadhānam
Sadhettimaccam avīnnakankham"

(Chẳng phải đi chân không⁽⁸⁾ chẳng phải để tóc xù (bòm), chẳng phải thoa tro đất vào mình, chẳng phải tuyệt thực, chẳng phải nằm trên đất, chẳng phải để thân hình nhớp nhúa, chẳng phải ngồi xồm mà người ta có thể trở nên thanh tịnh, nếu không dứt trừ nghi hoặc) (TTĐ)

*"Không phải sống lỏa thể
Bện tóc tro trét mình
Tuyệt thực lăn trên đất
Sống nhớp nhúa, ngồi xồm
Con người được thanh tịnh
Nếu không trừ nghi hoặc" (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Nāsāsakā (na anāsakā): Không phải là người nhịn ăn, bỏ cơm (tuyệt thực).

Thandikasāyikā: Nằm ngủ trên đất

Rajojallam: Bùn dơ, ngoại đạo lão thể hay lấy bùn thoa khắp mình để cho đóng bụi dơ dáy.

Ukkutikappadhānam: Cố rắng sức ngồi chồm hổm theo một lối đặc biệt để hành hạ xác thân.

Theo các cách trên đây, người nào nghĩ rằng: Ta sẽ đạt đến chỗ thanh tịnh, thoát khỏi thế gian hữu hạn, rồi thọ trì tu tập theo bất cứ

Cách nào trong các lối khởi hạnh của ngoại đạo, nhất là sống lỏa thể, thì người ấy chỉ phát triển toàn diện cái tà kiến và nhọc nhằn vô ích mà thôi, không bao giờ những pháp ấy là những pháp lợi ích, nên thọ trì chính chắn như Bát Chánh Đạo, vì chúng không dứt trừ được ngoài nghi lễ cổ nhiên, không tẩy sạch phiền não được.

Cuối thời Pháp nhiều Tỳ khuru chúng đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Hườn quả.

DÚT TÍCH: TỶ KHUU CÓ NHIỀU VẬT DỤNG.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Tỳ khuru Trưởng giả thích tiện nghi
Vật thực dồi dào, đủ thứ y
Tặng trách: Sư sao không thiếu dụng
Phật khuyên thầy giữ hạnh xả ly
Nổi giận Sư quăng bỏ y ngoài
Mình trần đứng nói sẽ đi ngay
Phật rằng: Tàm quý xưa đâu vậy
Sư nhặt y lên, mặc khỏa vai*

⁷ có bản là: Rajoca jallam

⁸ Nagga cariya dịch là sống lỏa thể (như ngoại đạo) thì đúng hơn (TK. PM)

*Nguyên do kiếp trước trần ao thân
Tâm Quý luôn luôn có tại thân
Nay tự cho mình là thiếu đức
Cởi y như thế chỉ vì sân
Phật dạy không trừ dứt hoặc nghi
Ở truông, bện tóc, nhịn ăn chi
Nằm lẫn trên đất hay ngồi xồm
Chẳng thể thành tâm đến Vô vi.*

X. 9- ĐẠI THẦN SANTATI

(PC. 142)

"Alakato ce'pi samāncareyāti...".

Kệ Pháp Cú này, đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài an ngự tại Jetavana, đề cập đến quan Đại Thần santati.

Một thời nọ, Quan Đại Thần này trở về kinh đô, sau khi vâng lệnh vua Pasenadi xứ Kosala đi tiêu trừ phiến loạn và bình định biên cương. Đức vua rất hài lòng, ban cho Đại thần làm Quốc vương trong bảy ngày và thưởng cho ông một cô vũ nữ danh sắc tuyệt vời. Trong bảy ngày, Santati ăn uống say sưa, đến ngày chót ông đeo tất cả đồ trang sức lên mình, cỡi trên con Bạo Tượng của Vua đi ra bến tấp. Bỗng gặp đức Bốn Sư đi vào thành khát thực, ông ngồi trên lưng tượng gặt dầu vái chào Ngài, đức Bốn Sư mỉm cười, Đại đức Ānanda bạch hỏi: - "Bạch Ngài, do nhân gì duyên gì mà Ngài mỉm cười?"

Đức Bốn Sư giải thích nguyên nhân nụ cười này rằng:

- Này Ānanda! Hãy xem: Hôm nay Santati mình đeo tất cả những vật trang điểm sẽ đến gặp ta. Rồi nhờ kệ ngôn tứ cú mà đắc quả A La Hán, sẽ ngồi trên hư không cao độ khoảng bảy cây thốt nốt mà Vô Dư Niết Bàn.

Đại chúng đều nghe rõ lời tiên tri của đức Bốn Sư đã nói với Đại đức Ānanda, lúc bấy giờ những người tà kiến nghĩ rằng: "Các người hãy xem hành động của Sa môn Gotama, ông ta tự mình dám mở miệng nói rằng: Hôm nay một ông say rượu như vậy, trang điểm xuê xang bạc ấy, mà đến gần nghe ông thuyết pháp rồi sẽ Niết Bàn. Hôm nay chúng ta sẽ khiển trách ông ta về tội nói dối"

Nhóm người chánh kiến thì bảo nhau: "Ôi to lớn thay là oai lực của chư Phật. Hôm nay chúng ta sẽ được trông thấy tướng hấp dẫn của chư Phật và tướng hấp dẫn của quan Đại Thần Santati"

Quan Đại thần Santati cả ngày đùa giỡn nước tại bến tắm, rồi đi đến vườn Thượng Uyển, ngồi trong nhà đãi khách, cô vũ nữ bước vào biểu diễn tài nghệ điêu luyện của mình. Vì nhịn ăn suốt bảy ngày để bảo vệ thân hình tuyệt mỹ của mình để trình diễn, nên ngày ấy khi nàng vũ hát cho Đại thần Santati xem, một ngọn độc phong xâm nhập vào bụng cô, bén như những lưỡi dao nhỏ chết ngay, miệng há hốc, mắt mở trao tráo.

Quan Đại Thần thủ hạ: "Hãy xem coi nàng ra sao?"

- Thưa chủ, nàng đã tắt thở rồi.

Nghe nói vậy, Đại Thần Santati cảm thấy khổ sâu không thể tả. Mặc dầu đã uống rượu suốt cả bảy ngày, giờ phút ấy rượu tiêu mất hết, hầu như trong đầu ông không còn lấy một giọt.

Ông than rằng: "Mối sầu này không ai khác ngoài đức Như Lai có thể làm cho ta nguôi ngoai được"

Xế chiều hôm ấy, Đại thần Santati cùng đoàn quân hộ giá đến bái yết đức Bốn sư và bạch rằng:

- Bạch Ngài, lòng con còn mang mối sầu dường như thế ấy, chỉ có Ngài mới giải khổ được cho con mà thôi. Xin Ngài từ bi làm chỗ nương nhờ cho con đi.

Đức Bốn Sư khuyên bảo Đại Thần Santati rằng:

- Hôm nay ông đến đây vì nghĩ rằng: Đức Bốn Sư có thể dập tắt lửa sầu của ta được. Quả thật vì nữ nhân này, cũng vì sự chết của nàng ấy mà ông đã đổ bao dòng suối lệ, nếu dồn chung lại còn nhiều hơn cả bốn biển vậy.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Yam phbbe tam visesehi
Pacchāte māhi kīncanam
Majjhe ce na gahessasi
Upasanto cirassasīti"
*"Đĩ vãng từ trước quên đi
Hậu lai chưa đến cai chi mà hòng
Hiện tại cứ để tâm không
Vô cầu, vô chấp bền lòng an vui"*

Cuối bài kệ, Đại Thần Santati đắc quả A la Hán, tự quán xét tuổi thọ của mình đã hết, bèn xin với đức Bốn Sư:

- Bạch Ngài, xin phép Ngài cho con được Niết Bàn.

Mặc dầu biết Đại thần Santati đã tạo được thiện nghiệp gì, nhưng đức Bốn Sư suy xét "Những người tà kiến tụ tập quanh đây để bắt quả tang Ta nói dối, sẽ không gặp được dịp may. Những người chánh kiến cũng tụ tập nơi đây để được mục kích tướng hảo quang minh của đức Phật và tướng hảo quang minh của quan Đại Thần Santati. Sau khi được nghe tiền nghiệp của ông ta sẽ hoan hỷ trong các việc làm phước."

Đức Bốn Sư bảo:

- Vậy thì, này Santati hãy bày tỏ tiền nghiệp của ông cho Ta nghe trước đã. Ông đừng đứng dưới đất mà thuật tiền sự, hãy đứng trên hư không cao độ bảy cây Thốt nốt.

Vâng lời đức Phật, Ngài Santati bay lên hư không cao khoảng bảy cây Thốt nốt, ngồi kiết già giữa hư không, nói rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài hãy nghe tiền nghiệp của con.

Cách đây 91 kiếp trái đất, vào thời đức Phật Vipassī, con được sanh trong một gia đình lễ giáo cư ngụ trong thành Bandhumatī con có ý nghĩ: "Làm thế nào để dùng tạo nghiệp gì chia rẽ, hoặc là áp bức kẻ khác?". Suy nghĩ tiếp nữa, con thấy: "Chỉ có đi cổ đông (ghosanakammam), kêu gọi người ta làm việc phước là hơn hết." Kể từ đó về sau, con chuyên môn chỉ làm có việc ấy, là đi khuyến khích đại chúng: "Hãy làm phước, hãy thọ trì Bát quan giới, hãy bố thí trai Tăng, hãy nghe thuyết pháp. Không có chi sánh bằng Tam Bảo, nhất là Phật Bảo hãy tôn kính Tam Bảo."

Lúc con đang đi lớn tiếng kêu gọi đại chúng như thế, đức Vương phụ là thân sinh đức Phật, là đức vua trong thành badhumatī nghe tiếng truyền rao của con, gọi con vào cung phán hỏi:

- Này khanh, khanh đi truyền rao tin chi vậy?

- Tâu Bệ Hạ! Thần đi truyền bá ân đức Phật, ân đức Tam Bảo, đốc thúc đại chúng tạo phước nghiệp.

Nghe vậy, đức vua phán hỏi: "Khanh đi bằng phương tiện gì?"

- Tâu Bệ Hạ! Thần đi bộ.

- Này khanh, khanh đi bộ như vậy coi không được, khanh hãy trang điểm vòng hoa này và cỡi trên lưng ngựa mà đi.

Đức vua đã ban cho con một vòng hoa quý như râu chuỗi ngọc và một con ngựa thuần hóa. Khi con gìn giữ lộc vua ban đi cổ động như thế, rồi đức vua lại cho gọi con vào cung phán hỏi: "Khanh còn đi cổ động chăng?". Khi biết việc con làm, đức Vua hoan hỷ bảo rằng:

- Này khanh, khanh cỡi ngựa đi cũng chưa xứng đáng, hãy ngồi lên xe này mà đi.

Rồi đức vua ban cho con một cỗ xe kéo bằng bốn con tuấn mã. Lần thứ ba, đức Vua lại nghe tiếng con cổ động, gọi là và phán hỏi: "Khanh vẫn còn đi cổ động chăng?". Khi biết con vẫn còn như thế, đức vua phán rằng:

- Nầy khanh, cỗ xe Tứ mã cũng chưa xứng đáng với khanh.

Đức vua ân tứ cho con một huy chương lớn với nhiều tài vật và ban một con Tượng. Từ đó, con mang đầy mình những vật trang sức và ngồi trên lưng tượng mà đi cổ động cho chánh Pháp suốt tám muôn năm. Trong thời gian đó, thân con xông ra mùi hương Chiên Đàn, miệng con phát ra mùi hương sen. Đây là nghiệp mà con đã tạo.

Sau khi thuật lại tiền nghiệp của mình, quan Đại Thần vẫn ngồi yên trên hư không, nhập vào đệ mục Lửa Xà viên tịch. Trong thân Ngài một ngọn lửa bốc lên thiêu hết máu thịt, chỉ còn lại những ngọc Xá Lợi trắng nuốt như hoa lài. Đức Bổn Sư trải vải sạch ra hứng, những Ngọc Xá Lợi rơi xuống đó được tôn trí vào những Thánh thất xây dựng ở những ngã tư đường. Đại chúng đến lễ bái ắt sẽ được phước báu.

Các vị Tỳ khưu ngồi trong giảng đường, đề khởi câu chuyện nầy:

- Nầy các Hiền giả, Đại thần Santati chỉ nghe bài kệ tứ cú mà đắc quả A La Hán, mình vẫn còn trang điểm xuê xang, ngồi giữa hư không mà viên tịch. Thử hỏi chúng ta nên gọi vị ấy là một Sa môn Tỳ khưu hay là chỉ nên gọi là Bà la môn thôi?

Đức Bổn Sư ngự đến hỏi: "nầy các Tỳ khưu, hôm nay các người ngồi bàn luận về việc gì?"

- Bạch Ngài, chuyện nầy...

Nghe vậy, đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khưu, con trai của Ta đáng gọi là Sa môn mà cũng đáng gọi là Ba la môn nữa.

Nói Rồi, đức Bổn Sư thuyết pháp và ngâm bà kệ như sau:

"Alankato ce'pi samam careyya
Santo danto niyato brahmacāri
Sabbesu bhūtesu nidhāya dandam
So brānmano so samano sa bhikkhu"

- "Người nào nghiêm giữ thân tâm, chế ngự khắc phục ráo riết. Thường hành phạm hạnh, không dùng dao gậy hai sanh linh, thì chính người ấy là Bà la môn, là Sa môn, là Tỳ khưu vậy) (TTĐ)

- "*Ai sống trang nghiêm thân
Nhưng an tịnh nhiếp phục
Sống kiên trì phạm hạnh
Không gia hại sanh linh
Xứng danh Bà la môn
Hay Sa môn khát sĩ*" (TMC)

CHÚ THÍCH:

Alankato: Người mặc y phục tốt đẹp và đeo đồ trang sức lộng lẫy. Theo lý nầy thì một người phục sức, trang điểm lộng lẫy, nhưng nếu có nếp sống bình thản, an tịnh dục vọng, nhiếp phục lục căn, Đạo quả kiên cố, phạm hạnh tròn đủ (Sattacariyaya) đã buông bỏ dao trượng (dao, gậy), không còn làm hại một chúng sanh nào khác nữa. Người như thế gọi là Bà la môn cũng phải vì đã xa lìa ác pháp, gọi là Sa môn cũng phải vì đã bình định các ác pháp, gọi Tỳ khưu cũng phải vì đã đoạn tuyệt với các phiền não.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn.

DỨT TÍCH: ĐẠI THẦN SANTATI.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ •

*Ân sủng vua ban đủ bảy ngày
Ngũ trần toại hưởng mặc vui say
Bỗng nhiên nhận thấy Vô thường, khổ
Giác mộng kê vàng thức tỉnh ngay
Tình yêu vũ nữ quá đậm đà*

*Nàng chết lòng ông thật xót xa
Phật dạy: "Vì nàng ông đổ lệ
Nước trong bốn biển chẳng nhiều qua"
Chư Tăng thắc mắc hỏi nhau rằng:
"La Hán Đại thần, mặc xuê xang
Tịch diệt giữa trời ta phải gọi
Bà la môn, Khất sĩ hay chăng?"
Phật dạy: Người ăn mặc rất sang
Nhưng tâm an tịnh, chế ngự căn
Kiên trì sống cuộc đời Phạm hạnh
Đáng gọi Bà la môn Thánh Tăng.*

X. 10- ĐẠI ĐỨC PILOTIKA (VẢI RÁCH)

(PC. 143-144)

"Hirinisedho purisoti...".

Kệ Pháp Cú nầy đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Pilotika.

Một ngày nọ, Đại đức Ānanda gặp một cậu bé ăn mặc rách rưới, tay cầm cái chén đi ăn xin bèn hỏi nó:

- Sao con sống lang thang như thế làm gì? Xuất gia chẳng là cao thượng hơn chăng?
- Bạch Ngài, ai sẽ cho con xuất gia?

Nghe vậy, Đại đức nói: "Ta sẽ cho con xuất gia". Rồi Đại đức đặt cậu bé về chùa, bảo cậu ta tắm rửa sạch sẽ và cho nó thọ đề mục, cho cậu ta xuất gia. Khi trải quần áo cũ vá ra xem, thấy không có chút nào có thể làm vải lọc nước được, ông tân sa di liền máng chúng nó trên nhánh cây chung với cái chén ăn xin.

Về sau, Sa di ấy tu lên Tỳ khưu, gặp thời Phật giáo đang hưng thịnh, lợi lộc phát sanh rất nhiều, ông thọ hưởng quá đầy đủ, đắp toàn những lá y quý giá, thân thể đầy đà, ông lấy làm bất mãn, tự trách: "Ta cần gì đắp y để cho người đời phát sanh đức tín, ta sẽ mặc lại y phục cũ vá của ta"

Đến chỗ nhánh cây, ông cầm lấy quần áo cũ và tự mắng mình:

- Nầy kẻ vô sĩ không biết hổ thẹn, người muốn xả bỏ những y lành lặn như thế nầy. Lại mong mặc lại bộ đồ giẻ rách, cầm cái chén đi ăn xin sao?"

Đây là ông mượn cách nầy làm đối tượng để tự mình khuyến giáo lấy mình, nhờ sự huấn dụ cảnh giác như thế, tâm ông lắng dịu. Sau khi ra khỏi chỗ treo quần áo cũ vá, đè nén phiền não trong tâm rồi, ông trở về chùa. Vài ngày sau, tâm lại bất mãn, ông trở ra chỗ đó và tự giáo hóa tâm như trước, khi tâm lắng dịu, ông lại trở về chùa. Ông cứ đi đi lại lại như thế mãi, khiến chư Tăng thấy lạ, hỏi ông: "Đạo hữu đi đâu vậy"

Đại đức đáp: "Bạch các Ngài, tôi đến viếng thầy ācāriya." Nhon lấy đề mục quần áo cũ vá của mình quán tưởng, Đại đức ngăn được tâm bất mãn, tự chế được mình, nếm mấy hôm sau đắc quả A La Hán.

Các Tỳ khưu hỏi: "Nầy đạo hữu, sao lúc nầy đạo hữu không đi viếng thầy ācāriya nữa, đây không phải là con đường hành đạo của đạo hữu ư?"

- Bạch các Ngài, tôi đến tiếp xúc với thầy ācāriya để nhờ thầy nhắc nhở. Bây giờ, tôi đoạn giao với thầy rồi, nên tôi không đến viếng Thầy nữa (ở đây thầy ācāriya là bộ đồ cũ vá mà vị Tỳ khưu đã xả bỏ những tâm luyến tiếc vì muốn hoàn tục).

Chư Tăng bèn mách với đức Như Lai:

- Bạch Ngài! Tỳ khưu Pilotika phạm đại vọng ngữ.

- Nầy các Tỳ khuru! Thầy ấy đã nói những gì?
- Bạch Ngài, thầy ấy đã nói như thế, như thế...

Nghe rõ câu chuyện, đức Bổn Sư xác nhận rằng: "Đúng vậy, nầy các Tỳ khuru, con trai ta lúc cần tiếp xúc để được nhắc nhở thì đến viếng thầy ācāriya. Bây giờ đã đoạn giao với thầy, tự mình cấm ngăn lấy mình và đã đắc A La Hán rồi."

Nói đoạn, đức Bổn Sư thuyết lê kệ ngôn rằng:

- "Hirinisedho puriso
Kocikokasmim vijjati
Yo nindam appabodhati
Asso Bhadro Kasām iva" (143)
- "Asso yathā bhadro kasānivittho
ātāpino samveginō bhavātha
Saddhāya silena ca viriyena ca
Samādhinā dhammavinicchayena ca
Sampannavijjācaranā patissatā
Pahassatha dukkham
Idam anappakham" (144)

(Hãy biết lấy điều hổ thẹn để tự ngăn cấm mình, thế gian ít người làm được. Những người họ làm được, đã khéo tránh hổ nhục như ngựa hay khéo tránh roi da.

Các người hãy nỗ lực sám hối như ngựa hay còn thể roi. Hãy ghi nhớ lấy chánh tín, tịnh giới tinh tiến, thiền định, trí phân biệt chánh pháp và minh hạnh túc, để tiêu diệt vô lượng thống khổ) (TTĐ)

*"Người biết thẹn tự chế
Thật khó tìm ở đời
Ai cũng tránh chỉ trích
Như ngựa hay tránh roi" (143)
- "Hãy nhiệt tâm tinh cần
Với tín, giới, tinh tấn
Thiền định cùng trạch pháp
Đầy đủ trí, giới đức
Hãy trừ vô lượng khổ" (144) (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Hirinisedho: Người biết hổ thẹn, tự ngăn cấm những ý tưởng bất thiện, không cho sanh lên trong tâm mình.

Koci lokasmim: Người như vậy thật khó tìm gặp trong đời, khó có được trong thế gian.

Yonindam: Người nào không dễ đuổi hành Sa môn Pháp, biết tránh lời chê trách, không để sanh lên đến mình, nên không biết (anobodheti) đến sự hổ nhục.

Kasāmiva: Như ngựa hay khéo tránh roi da, không để phạm đến mình, người khéo tránh sự chê trách thật khó gặp gỡ vậy

Bài kệ thứ hai giảng vắn tắt như vậy: Nầy các Tỳ khuru, như ngựa hay mà sanh chúng. Người ta phải dùng đến roi da, ta đây cũng đánh bằng một thứ roi da khác để phẫn khích các thầy. Như vậy các thầy hãy có nhiệt tâm, hãy có kinh cảm, có đủ cả hai loại đức tin phàm và Thánh, tứ thanh tịnh giới, thân ý tinh cần, tám bậc thiền, Thiền diệt, do có trí phân biệt lý và phi lý, và do có trạch pháp rồi đắc Tam Minh hoặc bát minh với mười lăm cái hạnh, gọi là minh hạnh túc, với chánh niệm hiển tiền, hãy tiêu trừ cái khổ trong vòng luân hồi nầy đi.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khuru đắc Thánh quả nhất là quả Tu Đà Hườn.

DÚT TÍCH: ĐẠI ĐỨC PILOTIKA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Tỳ khưu biết thẹn tự chế mình
Mỗi lúc tâm phiền não phát sanh
Ra chỗ cây treo đồ cũ rách
Quán về thống khổ kẻ cùng đing
Lần lần tâm chúng cảnh an vui
Nẻo đến cây rừng, vắng tới lui
Tặng thấy khác thường kêu hỏi thử
Sư rằng: Thầy hết nhắc thời thôi.
Tặng trách sư kheo đạo quả linh
Phật rằng: Ai kheo biết cảm kinh
Ngựa hay chẳng đợi gùi roi đánh
Tín, tấn, niệm, thường, đing, huệ sinh.

X. 11- SA DI SUKHA

(PC. 145)

"Udakam hi nayanti nettikāti...".

Kệ Pháp Cú này đức Bốn sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Sa di Sukha.

Thuở xưa có chàng thành niên tên Gandha là con ông Trưởng giả trong thành Bārānasī. Khi thân phụ chàng thất lộc, đức Vua triều chàng về triều, an ủi vỗ về, rồi long trọng phong cho chàng chức Trưởng giả. Từ đó về sau mọi người gọi chàng là Trưởng giả Gandha.

Một hôm, người quản gia của Trưởng giả củ, đưa Gandha đi xem xét gia sản, trình với chủ rằng: "Thưa chủ, bấy nhiêu tài sản đây là phần di sản thân phụ ông, bấy nhiêu đây là phần di sản của tổ phụ ông..."

Trưởng giả Gandha nhìn khắp tài sản kếch sù, rồi hỏi người quản gia "Tại sao các cụ ấy không mang tài sản này theo vậy?"

- Thưa chủ, chẳng có ai mang tài sản đi bao giờ cả. Khi ra đi chúng sanh chỉ mang theo mình những nghiệp thiện và nghiệp bất thiện mà mình đã tạo mà thôi.

Trưởng giả Gandha suy nghĩ: "Các Ngài đã khờ dại tom góp tài sản, rồi bỏ lại hết mà ra đi tay không. Đến phiên ta, ta sẽ mang hết tài sản này đi", đó là ý nghĩ của Trưởng giả trẻ, ông tính thầm: "Ta sẽ tiêu xài cho hết tài sản này, rồi mới ra đi", thay vì có dự định: "Sẽ bố thí cho kẻ nghèo khó hoặc ta sẽ cúng dường đến các bậc đáng cúng dường." Ông xuất ra 100 ngàn đồng khiến người cất nhà tắm bằng thủy tinh. Bỏ ra 100 ngàn lót nền nhà bằng thủy tinh, xuất ra 100 ngàn đồng làm cái ghế dài (trường kỷ) cũng bằng thủy tinh, xuất ra 100 ngàn làm cái bát dùng com và xuất ra 100 ngàn làm rạp tại chỗ ngồi dùng com, xuất ra 100 ngàn làm mâm đựng vật thực cho ông. Cách cửa sổ đặc biệt gắn trong nhà ông cũng trị giá 100 ngàn đồng.

Ông đưa cho đầu bếp 1.000 đồng để lo bữa ăn sáng, bữa ăn chiều cũng đáng giá một ngàn đồng. Riêng vào ngày rằm, ông đưa cho đầu bếp 100 ngàn để lo bữa ăn trưa cho ông. Đến ngày rằm, ông xuất ra 100 ngàn để trang hoàng thành phố và cho người đi khắp nơi đánh trống truyền rao: "Nghe đây, nghe đây! Hôm nay là ngày rằm, đại chúng hãy đến mục kích sự sang trọng của bữa com trưa mà ông Trưởng giả Gandha dùng."

Đại chúng mang theo giường lớn, giường nhỏ được kết dính đến tụ hội rất đông.

Ông Trưởng giả vào tắm trong nhà tắm trị giá 100 ngàn đồng, ngồi trên nền nhà tắm trị giá trăm ngàn đồng, tắm rửa với 16 voi nước thơm, xong rồi cho mở cánh cửa sổ đặc biệt ra, ngồi trên trường kỷ. Trong lúc ấy, ngoài bát com được đặt trên mâm có giá trị 100 ngàn đồng, còn có những vật thực thượng vị đáng giá 100 ngàn đồng vàng. Khi ông đang dùng bữa com ấy, cả đoàn vũ nữ vẫy quanh múa hát giúp vui cho bữa ăn sang trọng càng tung bừng nhộn nhịp.

Thời gian sau, có một người dân quê, muốn có tiền tiêu xài nên mang những lâm sản, nhất là củi khổ chất đầy một cỗ xe bò nhỏ, rồi đánh xe ra thành, đến trú tạm nơi nhà một người bạn. Hôm ấy lại là ngày rằm, người đi cỗ động khắp thành phố truyền rao: "Đại chúng hay đến xem cảnh ngoạn mục của Trưởng giả Gandha ăn cơm" Nghe vậy, người bạn hỏi người dân quê: "Anh đã từng thấy cảnh ngoạn mục của Trưởng giả Gandha chưa?"

- Thưa chưa anh à.

- Vậy thì bạn hãy theo tôi, chúng ta cùng đi với anh đánh trống nầy, đến xem đại tài sản của Trưởng giả Gandha cho biết.

Thế rồi, người dân thành dắt người bạn quên ra đi, đến nơi hai người thấy đại chúng đã leo lên trên cả những giường nhỏ, giường lớn đứng xem.

Ngửi được mùi cơm thơm ngát, người dân quê bảo bạn: "Chà, tôi thèm được vắt cơm trong cái bát ấy quá chừng".

- Anh ơi! Đừng có ước mơ như thế, không bao giờ có được đâu mà mơ.

- Anh ơi! Nếu không được vắt cơm ấy, chắc tôi sẽ chết vì sự thèm khát, anh hãy giúp tôi đi.

Sau nhiều lần can gián bạn không được, người dân thành đành len lỏi vào đứng sát ranh các lớp rào đại chúng mà la to ba lần:

- Kính thưa ông chủ, tôi xin đánh lễ ông chủ.

- Ai đó?

- Thưa ông chủ, tôi đây.

- Có việc chi vậy.

- Thưa chủ, có người dân quê sanh tâm thèm khát vắt cơm trong bát của ông chủ. Xin ông chủ vui lòng bố thí cho anh ta một vắt cơm.

- Hẳn không thể có được đâu.

Người dân thành bảo bạn: "Đó, anh có nghe rõ chưa"

- Anh ơi! Tôi có nghe, tuy vậy nếu được ăn thì tôi sẽ sống, còn nếu không được ăn thì tôi sẽ chết.

Người dân thành lại la to một lần nữa: "Kính thưa ông chủ, anh nầy nói: "Nếu không được ăn cơm của ông chủ thì anh ta sẽ chết". Xin ông chủ cứu mạng anh ta.

- Bạn ơi! mỗi miếng cơm của ta đáng giá một hai trăm ngàn, nếu ai cũng xin và ta cho đủ hết mọi người thì ta còn gì mà ăn.

- Ông chủ ơi, anh nầy sẽ chết nếu không được ăn cơm của ông, xin ông mở lòng nhân cứu dùm mạng sống của anh ta.

- Không thể ăn không cơm của ta được. Nếu quả thật không được cơm của ta, hẳn không thể sống được, thì hẳn hãy vào làm công trong nhà ta ba năm đi, rồi ta sẽ đãi cho hẳn ăn một bát cơm của ta như thế nầy.

Nghe vậy, người dân quê chấp nhận ngay và nói với bạn:

- Vậy là được rồi anh ạ.

Về nhà từ biệt vợ con xong, anh đến ở với ông Trưởng giả để làm công không ba năm.

Trong khi ở đợ anh ta làm việc rất đàng hoàng tử tế, dẫu ở nhà hoặc đi rừng, dẫu ban ngày hay ban đêm. Mọi công việc nào anh cần phải làm thì anh đều làm chu đáo, khắp cả thành phố ai cũng biết là anh làm công không để đổi bữa cơm sang trọng, nên gọi anh là Bhattatatika.

Khi số ngày làm công của anh đã đủ, người tổng hộ lo đặt bữa ăn báo cho Trưởng giả biết: "Thưa chủ! Hôm nay đã đủ số ngày ba năm làm công khó nhọc của anh Bhattatatika, anh ta không hề phạm lỗi trong công việc nào cả."

Ông Trưởng liền bảo người quản gia xuất ra ba ngàn đồng Hai ngàn đồng lo bữa cơm trưa và bữa cơm chiều cho mình, còn một ngàn để lo bữa cơm trưa cho người làm công, rồi ông dặn: Hôm

nay tất cả mọi người, trừ nàng Cintamanī là vợ yêu của ông, phải lo phục vụ hầu hạ anh ấy cũng y như là ông vậy. Thế rồi, ông Trưởng giả giao hết tài sản của ông cho Bhattabhatika được quyền hưởng thụ trong ngày ấy. Anh ta bèn vào phòng tắm của Trưởng giả, ngồi trên nền tắm sang trọng, tắm bằng nước thơm, xong rồi mặc y phục Trước giả và ngự trên chiếc trường kỷ. Người cố động của Trưởng giả cũng đi khắp thành phố loan tin rằng: "Anh Bhattabhatika đã làm công không ba năm trong nhà Trưởng giả Gandha, nay được hưởng một bữa cơm đặc giá. Các người hãy đến xem anh ấy thọ dụng bữa cơm sang trọng của ông Trưởng giả!"

Đại chúng đua nhau đem giường nhỏ, giường lớn đến kê cho cao, đứng lên trên xem cho mãn nhãn. Người dân quên mình đâu cũng thấy vẻ xôn xao, náo nức của đại chúng, các vũ nữ thì vây quanh anh, những người hầu bàn đã dọn cơm đặt trên mâm quý, dâng trước mặt anh và đứng chờ lệnh.

Trong khi anh đang rửa tay bằng nước thơm, thì trên núi Gandhamādāna (Hương sơn) có vị Độc Giác Phật, Ngài vừa xuất Thiên Diệt sau bảy ngày nhập Đại định. Ngài quán xét rằng: Hôm nay ta đi khát thức ở đâu? Ngài thấy được ảnh của Bhattabhatika, quán thêm nữa, Ngài biết: Anh này đã làm công không ba năm mới được bữa ăn hôm nay, nhưng anh ta có đức tin hay chẳng? Biết là anh có đức tin, nhưng người tuy có đức tin nhưng không có sự bố thí cúng dường, anh ta có cúng dường đến ta chẳng?

Sau khi quán xét kỹ lưỡng, Ngài thấy: "Bhattabhatika sẽ cúng dường đến ta, nhờ sự cúng dường này anh ta sẽ gặt được quả báo lớn". Ngài liền đắp y mang bát, từ Gandhamādāna theo đường hư không đến đứng trước mặt Bhattabhatika. Anh ta thấy đức Phật Độc Giác liền nghĩ thầm: "Vì kiếp trước ta không bố thí, nên kiếp này phải làm công không cho người khác cả ba năm để được bữa cơm ngon. Bữa cơm này chỉ hộ trì ta trong một ngày đêm mà thôi, nếu ta đem cúng dường đến vị Đại đức này ắt nó sẽ hộ trì ta trong vô số kiếp. Ta hãy dâng cúng nó đến Ngài vậy" Thế là bữa cơm sang trọng mà anh ta đã bỏ ra ba năm làm công không, từ trong bát vàng anh ta đánh tan được sự thèm khát, tự mình mang đến cúng dường đức Phật Độc Giác, xong rồi anh đánh lễ dưới chân Ngài với tư thế năm vóc gieo mình, tự tay mình rót cơm vào bát đức Phật Độc Giác, khi được nửa bát, Ngài đưa tay ngăn lại, thì anh bạch với Ngài rằng: "Bạch Ngài, một khẩu phần không thể chia ra làm hai. Xin Ngài hãy tế độ cho con trong kiếp này lẫn những kiếp vị lai, con xin cúng dường Ngài trọn bát cơm này chớ không để dư sót đâu". Một người làm việc phước như bố thí, tuy ít nhưng không thừa sót lại, gọi là bố thí không dư sót thì quả phước rất lớn. Do đó, thí chủ làm đúng theo lẽ này, sau khi dâng cúng tất cả rồi, anh đánh lễ đức Phật Độc Giác, bạch rằng:

- Bạch Ngài, vì một bát cơm này mà con đã làm công không trọn cả ba năm, cực khổ vô cùng. Xin cho con dầu tái sanh ở cảnh giới nào cũng hằng được an vui và sẽ đắc quả mà Ngài đã đắc trong hiện tại đây."

Đức Phật Độc Giác phúc chúc: "Mong cho con được mãn nguyện như ngọc Mani có thể làm cho tất cả sự ước muốn của con đều thành tựu, hoặc các tư duy của con sẽ tròn đủ như trăng rằm."

Rồi Ngài ngâm kệ ngôn rằng:

"*Icchitam patthitam tuyham*

Khippameva samijjhatu

Sabbe pūrentu sànkappa

Cando pannaraso yathā"

"*Icchitam patthitam tuyham*

Khippameva samijjhatu

Sabbe pūrentu sànkappā

Mani jotiraso yathāti"

"Cầu cho bao nhiêu phước đã ước nguyện

Của tín thí mau kết thành quả nhãn tiền

Bao nhiêu tư duy đạt thành viên mãn

Như tối rằm trăng sáng khắp miền."

"Cầu cho bao nhiêu phước đã ước nguyện

Của tín thí mau kết thành quả nhãn tiền

Bao nhiêu tư duy đạt thành quả viên mãn

Như ngọc Mani ngọc ước chơn truyền"

Đức Phật dứt lời, Ngài nguyện rằng: "Tất cả mọi người đứng ở đây, hãy nhìn thấy ta trở về Gandhamādana." Rồi Ngài bay lên hư không trở về Gandhamādana, và đại chúng ai cũng thấy đức Phật cả.

Khi về núi, Ngài đem bát cơm của Ngài ra chia làm năm trăm phần dâng đến năm trăm vị Độc Giác. Tất cả chư Phật đều thọ bát đầy đủ, ta không nên nghĩ rằng: "Một bát cơm ít quá làm sao chia cho đủ". Quả thật đức Phật đã dạy: Có bốn điều bất khả tư nghị, mà cảnh giới chư Phật là một trong bốn điều ấy.

Đại chúng thấy một bát cơm như thế mà chia sót đến Chư Phật Độc Giác thì hoan hô cả ngàn lần, vang rên như sấm nổ: "Lành thay! Lành thay." Trưởng giả Gandha nghe tiếng hoan hô thì nghĩ thầm: "Chắc Bhattabhatika không chịu nổi sự vinh sang của ta ban cho, nên vụng về lúng túng đến nỗi bị dân chúng la ó lên chế nhạo." Ông sai người nhà ra xem cho biết chuyện gì, họ đi rồi vào thưa lại cho ông biết tự sự đáng gọi là hy hữu, nghe xong câu chuyện, Trưởng giả phát sanh năm thứ phi lạc tràn trề khắp chân thân, buộc miệng kêu lên: Ôi, việc làm của anh nầy làm thật là quá khó, nghĩ lại như ta đây bấy lâu, với sự sản như vậy mà ta không hề bố thí chút gì. "Trưởng giả cho gọi người dân quê đến, hỏi rằng: "Nghe nói anh đã làm như thế, có thật chăng?" - Dạ vâng, thưa ông chủ.

- Nầy anh, anh hãy cầm lấy ngàn đồng vàng rồi chia phước cúng dường bát cơm ấy đến ta đi.

Người dân quê làm theo lời chủ, sau đó Trưởng giả lại đem tất cả tài sản của mình chia ra làm hai, rồi cho anh dân quê một phần.

(Có bốn yếu tố đầy đủ khiến cho phước nghiệp trở quả nhãn tiền. Đó là đối tượng viên mãn (Vatthusampadā), vật thí viên mãn (paccayasampadā), Tư niệm hoàn mãn (cetanā sampadā) và ân đức đặc viên mãn (Gunātireka sampadā). Đối tượng viên mãn là bậc Kakkhineyya (bậc đáng cúng dường) như bậc A La Hán, bậc A Na Hàm đã chứng đắc thiền diệt hay Đại định (Nirodhasamāpatti), vật dụng hoàn mãn là những vật thí phát sanh hợp theo lẽ đạo, tác ý hoàn mãn là tròn đủ trong cả ba thời: Trước khi, trong khi và sau khi làm thiện nghiệp. Ân đức đặc thù hoàn mãn là bậc Dakkhineyya vừa xuất Thiền diệt. Anh dân quê có được đối tượng viên mãn là bậc Độc Giác Phật để cúng dường, vật thí phát sanh chân chánh là do anh làm công không ba năm mà có được, anh lại có sự tư niệm trong sạch cả ba thời, và có được vị Độc Giác Phật vừa xuất khỏi Đại định đó là ân đức đặc thù viên mãn. Do oai lực bốn pháp viên mãn hợp chung, nên chàng được phước báu cho quả nhãn tiền, được Trưởng giả chia cho nửa phần gia tài như thế.

Thời gian sau, đức Vua được biết sự kiện hy hữu nầy của dân quê, cho triệu anh vào triều, ban cho anh một ngàn đồng vàng và xin phước của anh. Đức vua nhận được phước của anh ta, vô cùng đẹp ý, ban cho anh nhiều của cải và phong cho anh làm Trưởng giả nữa. Thế là anh trở thành Trưởng giả Bhattabhatika, Trưởng giả nầy kết bạn với Trưởng giả Gandha. Hai người ở chung, đi chung, dùng vật thực chung với nhau.

Khi mệnh chung, Trưởng giả Bhattabhatika sanh về Thiên giới hưởng lộc chư thiên suốt khoảng thời gian không có Phật. Đến thời đức Phật hiện tại, ông tái sanh vào một gia tộc là người hộ độ cho Trưởng lão Sāriputta ở trong thành Sāvattihī. Mấy ngày sau khi biết mình thọ thai, bà mẹ có ý muốn được thỉnh Đại đức Sāriputta với 500 vị Tỷ khưu đến cúng dường vật thực có 100 hương vị, còn bà thì mặc y vàng bung cái ly bằng vàng ngồi sau chư Tăng và thọ dụng vật thực dư tàn của chư tăng. Bà đã thực hiện được ước muốn đó và sự thèm khát kỳ lạ cũng mất đi. Bà vẫn làm phước thiện như thế trong những ngày tháng tốt, cho đến khi bà hạ sanh được một hài tử, đến ngày đặt tên Hài tử, bà yêu cầu Đại đức rằng: "Bạch Ngài, xin Ngài hãy truyền giới cho con của con"

Đại đức hỏi: "Hài tử tên chi?"

- Bạch Ngài, từ khi con thọ thai hài tử, trong nhà nầy chưa hề có điều chi khốn khổ. Do đó, con muốn đặt tên hài nhi là Sukha đồng tử (Hạnh phúc đồng tử).

Nghe vậy, Đại đức chấp thuận tên ấy cho Hài tử và truyền giới cho nó. Từ đó bà mẹ phát tâm tự nguyện: "Ta sẽ không bao giờ làm sai ý muốn của con trai ta cả"

Trong các ngày lễ chẳng hạn như lễ xỏ lỗ tai cho đứa bé, bà đều cung thỉnh chư tăng đến nhà để làm phước.

Khi cậu bé được bảy tuổi, cậu thưa với mẹ rằng:

- Con muốn được xuất gia theo Ngài Sāriputta quá mẹ à.
- Lành thay! Này con, mẹ không boả giờ làm sai ý muốn của con.

Bà thỉnh Đại đức Sāriputta đến nhà, đặt bát xong bạch rằng:

- Bạch Ngài, con trai của con nó muốn xuất gia, chiều nay con sẽ mang nó đến chùa.

Sau khi tiễn Đại đức đi rồi, bà mời các thân bằng quyến thuộc đến nói rằng: "Hôm nay tôi sẽ làm những việc cần thiết đối với con trai của tôi khi nó còn là cư sĩ", nói rồi bà sửa soạn trang điểm cho Đồng tử Sukha hết sức sang trọng và dắt cậu bé đến chùa giao cho Đại đức.

Đại đức thử hỏi cậu bé rằng: "Này con, đời sống xuất gia rất khó khăn, con liệu có thể kham nhẫn được chăng?"

- Bạch Ngài, con sẽ làm theo lời dạy của Ngài.

Nghe vậy, Đại đức truyền đề mục năm thể trước cho cậu bé niệm và cho cậu xuất gia Sa di. Trong bảy ngày liền cha và mẹ cậu thiết lễ trai tăng trong chùa, dâng cúng đến Tỳ khưu Tăng có đức Phật cầm đầu những thực phẩm thượng vị có đủ 100 hương vị, rồi mới trở về nhà.

Đến ngày thứ tám, sau khi chư Tăng vào làng trì bình khát thực Đại đức làm xong phận sự ở chùa, rồi mới bảo ông Sa di mang bát đắp y theo Ngài vào làng khát thực. Dọc đường ông Sa di trông thấy những sự việc, nhất là việc dẫn thủy nhập điền, cũng hỏi Đại đức y như Sa di Pandita và Đại đức cũng giải đáp y như trước.

Sau khi nghe rõ hết các lý do, Sa di bạch với Đại đức:

- Bạch Ngài, nếu Ngài nhận lấy y bát của Ngài thì con xin quay trở về.

Thay vì bảo: "Hãy mang y bát hộ ta" Đại đức lại không làm trái ý muốn của Sa Di, nhận lại y bát. Sa di đánh lễ cáo từ Đại đức và dặn thầy rằng:

- Bạch Ngài, xin mang vật thực của con có đầy đủ 100 hương vị.
- Này Sa di, Ta có được vật thực ấy từ đâu?

- Bạch Ngài, nếu Ngài không có được vật thực ấy do phước báu của Ngài, thì hãy có được do phước báu của con.

Đại đức trao chìa khóa tịnh thất cho Sa di, bảo rằng:

- Con hãy vào ngồi trong tịnh thất của ta đi.

Rồi Đại đức đi vào làng khát thực. Sa di Sukha trở về chùa, mở tịnh thất của Thầy vào ngồi trong đó, lấy niệm tuệ quán rõ nội thân. Do oai lực thiên quán của Sa di Sukha, ngại vàng của vua Trời Đế Thích bỗng nóng ran, Thiên chúa tự hỏi: "Có chuyện gì đây?". Ngài quán sát biết rằng: "Sa di Sukha sau khi trao y bát lại cho thầy, đang trở về hành Sa môn Pháp". Thiên vương tự nghĩ: "Vây trăm phải đến nơi ấy giúp Sa di." Đức Đế thích cho Triệu Tứ đại Thiên Vương đến và bảo: "Chư Vương hãy đến Jetavana, đuổi hết những con chim làm ồn ào nơi đó, giữ yên lặng nơi ấy". Tứ Thiên Vương vâng lệnh, xuống Jetavana canh giữ khắp cả khu vườn chùa. Đức Đế Thích lại ra lệnh cho Thiên Tử Suriya và Thiên tử Canda nhập cung của mình chờ lệnh. Hai vị Thiên Tử vâng lời, tự thân đức Đế Thích giữ sợi dây giạt then cái cửa. Cả khu chùa trở nên yên lặng.

Với nhất tâm, Sa di Sukha phát triển thiên quán chứng đạt ba quả vị. Trong khi ấy, Đại đức Sāriputta phát tâm suy nghĩ: Sa di này dặn ta mang vật thực có 100 hương vị về cho y, nhưng ta phải đến nhà ai để có được đây?" Đại đức quán thấy một gia đình hộ độ Ngài, có đầy đủ tín tâm, nên Ngài ngự đến nơi ấy. Quả nhiên các tín thí vô cùng hoan hỷ chào mời: "Bạch Ngài, chúng con thật là may mắn, nên hôm nay được Ngài đến nơi đây." Họ thỉnh mời Đại đức ngồi, dâng cháo điểm tâm rồi xin Đại đức thuyết pháp trong khi chờ buổi ngộ.

Đại đức thuyết pháp nhắc nhở các thí chủ và chấm dứt pháp thoại khi thấy đến giờ thọ bát. Thí chủ đặt bát vật thực có 100 hương vị cho Đại đức, khi thấy Đại đức tỏ ý muốn ra về, thì bạch thỉnh rằng: "Bạch Ngài, xin thỉnh Ngài hãy độ hết, chúng con sexdâng thêm một bát nữa". Khi Đại đức độ xong, họ dâng thêm bát đầy nữa, thọ bát rồi Đại đức lật đật đi nhanh về chùa, tự nghĩ rằng:

- Ông Sa di của ta chắc đang đói bụng lắm rồi.

Ngày ấy, từ sáng sớm, đức Bổn Sư đã trì bình khát thực rồi về ngôi trong Hương thất. Ngài quán thấy: "Hôm nay Sa di Sukha giao y bát lại cho thầy Hòa thượng rồi quay trở về để hành Sa môn Pháp". Ngài tự hỏi: "Việc hành đạo của ông Sa di có kết quả gì chăng?". Ngài thấy ông đã đắc được ba quả đầu, Ngài quán tiếp: "Ông có đắc được quả tối thượng chăng?". Ngài thấy: "Hôm nay, ông sẽ đắc A La Hán quả và Sāriputta đang hối hả mang vật thực trở về, vì sợ sa di đói bụng. Nếu như trong lúc Sa di chưa đắc A La Hán mà Sāriputta trở về, chắc có sự trở ngại tai hại đến đạo quả của Sa di. Vậy ta nên trợ giúp Sa di mới được."

Thế rồi, đức Bổn Sư ngự ra khỏi Hương thất, đứng canh giữ cửa cốc cho ông Sa di.

Khi Đại đức đem cơm về đến nền chùa, đức Bổn Sư đón lại hỏi bốn câu thông thường (đã ghi trong bản chú giải kệ Sa di Pandita).

Đây xin nhắc lại, đức Bổn Sư hỏi Đại đức Sāriputta rằng:

- Này Sāriputta! Thầy mang cái chi về thế?
- Bạch Ngài, vật thực.
- Này Sāriputta, vật thực sanh ra cái chi?
- Bạch Ngài, cảm thọ.
- Này Sāriputta, cảm thọ sanh ra chi?
- Bạch Ngài, sanh ra xúc (Trích chú giải kệ Pháp Cú số 80)

Khi Đại đức giải đáp xong, thì Sa di Sukha chứng đắc Thánh quả A La Hán, đức Bổn Sư bảo Đại đức Sāriputta:

- Này Sāriputta hãy đi và đem cơm cho Sa di dùng đi.

Đại đức về tịnh thất, gõ cửa, Sa di ra đánh lễ Thầy tế độ. Nghe thầy bảo: "Hãy độ cơm đi". Ngay lúc đó cậu bé bảy tuổi đắc quả Vô Lậu biết rằng cơm Đại đức mang về không có lợi ích tâm đã an trụ Niết Bàn, cậu thọ thực vừa quán tưởng, xong rồi đi rửa bát.

Khi ấy, Tứ Thiên Vương đã nghỉ sự canh phòng, mặt trời và mặt trăng thoát ra khỏi cung điện và đức Đế Thích cũng trở về Thiên cung, thôi giữ sợi dây giạt then cửa, mặt trời đã xế qua khỏi chánh Ngọ.

Chư Tăng thấy bóng xế nhanh, hỏi nhau rằng: "Bây giờ, khi Sa di nầy vừa độ cơm xong, không biết do mãnh lực gì mà hôm nay buổi sáng lại dài ra, buổi xế lại đến chậm thế."

Đức Bổn Sư đến hỏi: "Này các Tỳ khưu, hôm nay các thầy ngồi bàn luận về chuyện gì thế?"

- Bạch ngài, hôm nay buổi sáng còn sức mạnh, còn buổi xế thì đến chậm. Ông Sa di vừa độ cơm xong, mặt trời lại vượt qua xế bóng rất nhanh, khỏi chánh Ngọ ngay.

Nghe vậy, đức Bổn Sư giải thích rằng:

- Này các Tỳ khưu! Lễ dĩ nhiên là như vậy, trong khi bậc hữu phước đang hành Sa môn Pháp. Hôm nay Tứ Đại Thiên Vương canh giữ khắp mọi nơi trong tịnh xá Jetavana, mặt trăng, mặt trời đình trú trong cung điện. đức Đế Thích gìn giữ sợi dây giạt then gài cửa, đích thân Ta cũng phải trợ giúp cho Sa di. Hôm nay Sa di Sukha được nhìn thấy người ta đưa nước vào ruộng, người làm cung nỗ uốn nắn mũi tên cho ngay, thấy người thợ mộc làm xe nhất là bánh xe. Rồi tự mình chế ngự, đắc thánh A La Hán.

Nói rồi, đức Bổn Sư thuyết lên kệ ngôn như vậy:

"Udakam hi nayanti nettikā
Usukārā namayanti tejanam
Dārum namayanti tacchakā
Attānam damayanti subbatā"

(Người tưới nước lo dẫn nước, thợ làm tên lo uốn tên, thợ mộc lo nẩy mực của cây, người làm lành tự lo chế ngự) (TTĐ)

"Người dẫn thủy vào ruộng
Kẻ làm cung nắn tên"

*Người thợ mộc uốn ván
Bậc thiện chỉ tự điều" (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Subbatā: Nên huấn dụ nhắc nhở bằng lời êm dịu chơn chánh cho mình được an vui. Kỳ dư toàn bài kệ này giống như bài kệ Pháp Cú câu 80 đã giải rồi.

Cuối thời Pháp nhiều Tỳ khưu chúng đạt Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn.

DÚT TÍCH: SA DI SUKHA.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ •

*Ba năm làm mướn chẳng nài công
Một bữa cơm sang mãi ước mong
Gặp Phật thẳng liền tâm ái dục
Nhịn ăn sót bát nguyện viên thông
Do quả phước xưa, khiến kiếp này
Sa di Hạnh Phúc đủ duyên may
Di đường thấy vật, người điều chế
Về cốc hành thiền sửa ý ngay
Đế Thích rời ngôi xuống đứng canh
Chư Thiên túc trực khắp chung quanh
Phật cầm Pháp Chủ khoan kê cửa
Nhật nguyệt ngừng chờ, quả chót sanh
Phật, Thầy, thiên, địa thấy chung lo
Hộ trợ Sa di có phước to
Độ nạn xong rồi trời mới xế
Chư Tăng phàm tục biết đâu dò*

XI. PHẨM TUỔI GIÀ

XI. 1- NHỮNG NGƯỜI BẠN CỦA BÀ VISĀKHĀ

(PC. 146)

"Ko nu hāso kimānando..". Khi bậc Đạo Sư ngự tại Jetavana, Ngài đề cập đến các người nữ là bạn của nàng Visākhā, đã thuyết lên kệ ngôn này:

Tương truyền rằng: Có 500 thiện gia nam tử trong thành Sāvattihī, họ giao vợ mình cho nàng Đại cận sự nữ Visākhā, vì nghĩ rằng

- Nhờ thế, những nữ nhân này không có sự dễ dãi. Thường các nữ nhân ấy cùng với nàng Visākhā đi du ngoạn trong vườn hay trong Tịnh xá Jetavana.

Một hôm, những nữ nhân được nghe loan báo về một trò chơi rằng: "Sẽ có trò chơi nói về rượu suốt cả bảy ngày". Những nữ nhân ấy chuẩn bị rượu cho chồng, những nam tử đã vui chơi về trò chơi ấy trọn cả 7 ngày, và họ trở lại sinh hoạt bình thường vào ngày thứ tám. Bảy giờ những nữ nhân ấy bàn luận cùng nhau:

- Chúng ta không thể uống rượu trước mặt chồng, vậy chúng ta hãy uống rượu đùng cho chồng chúng ta biết.

Sau khi bàn luận xong, họ đi đến nàng Visākhā nói rằng:

- Thưa cô, chúng tôi muốn đi dạo trong vườn.

- Được thôi, các cô hãy làm xong công việc của mình đi.

Khi đi dạo với nàng Visākhā, các nữ nhân lén giấu rượu, cùng nhau kín đáo uống say, rồi lại tiếp tục đi dạo trong vườn.

Nàng Visākhā suy nghĩ: "Các nữ nhân này đã hành quấy rồi, họ khiến cho ngoại đạo có cơ chỉ trích rằng: "Nữ đệ tử của Sa môn Gotama uống rượu vào, rồi đi dạo chơi" Nàng nói với những nữ nhân ấy rằng:

- Này các cô! Các cô đã hành động không thích hợp, các cô đã làm mất danh dự của tôi. Chồng các cô biết được, tra hỏi các cô, các cô sẽ trả lời sao đây?

- Thưa cô! Chúng tôi sẽ bảo là mình có bệnh vậy.

- Thế thì, các cô hãy nhận lãnh hậu quả do hành động của mình đi.

Những nữ nhân ấy trở về nhà, giả vờ bệnh. Những người chồng hỏi nữ tỳ rằng:

- Nữ nhân ấy ra sao? Đã đi đâu mất rồi?

Khi biết được những nữ nhân ấy giả vờ bệnh, họ hiểu ngay rằng: "Nữ nhân này đã lén uống rượu thừa còn lại trong cuộc lễ hội vừa qua". Những người chồng đã trừng phạt vợ rất nặng nề.

Thế nhưng, khi đến kỳ lễ hội khác, những nữ nhân ấy lại muốn uống rượu, liền đi đến nói với nàng Visākhā rằng:

- Thưa cô! xin cô hãy hoan hỷ cùng đi dạo với chúng tôi trong vườn đi.

- Này các cô! Các cô đã làm mất mặt tôi, thôi tôi không dẫn các cô đi đâu.

- Thưa cô, lần này chúng tôi không như trước đâu.

Các nữ nhân ấy lại nói với nàng Visākhā rằng:

- Này cô ơi! Chúng tôi muốn cúng dường đến đức Thế Tôn. Xin cô hãy dẫn chúng tôi đến Tịnh xá đi.

- Này các cô! Thế thì thích hợp lắm, các cô hãy chuẩn bị đi.

Những nữ nhân cho người mang tràng hoa, vật thơm... Rồi lén bỏ chai rượu vào hộp, giấu trong chiếc áo choàng, đi đến tìm nàng Visākhā, rồi cùng nhau đi đến Tịnh xá Jetavana, những nữ nhân ấy ngồi vào nơi phải lẽ, uống rượu rồi liệng chai trước mặt đức Đạo Sư. Nàng Visākhā thấy thế bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy giáo giới những nữ nhân này đi.

Nói về các nữ nhân ấy, do chất rượu làm cho thân thể quay cuồng, lão đảo, các nàng lại khởi lên sự suy nghĩ: "Chúng ta sẽ múa hát". Một Thiên ma suy nghĩ:

- Giờ đây, ta hãy nhập vào các nữ nhân ấy, làm những hành vi quái gở trước mặt Sa môn Gotama.

Thế là, Thiên ma nhập vào các nữ nhân, một số bắt đầu nhảy múa vỗ tay cười giỡn trước mặt Bậc Đạo Sư. Ngài thấy thế, quán xét rằng: "Chuyện gì thế?". Khi biết rõ sự kiện Ngài suy nghĩ:

- Bây giờ Như Lai sẽ không cho Ma vương có cơ hội xen vào. Vì Như Lai thực hành Pháp độ Ba la Mật trong suốt thời gian dài, chẳng phải để cho Ma Vương có cơ hội xen vào.

Để thức tỉnh những nữ nhân đang say men rượu ấy, Ngài bèn phóng hào quang tử tam tinh, hao quang 6 màu tỏa ra xua tan mọi tăm tối mịt mù đã bao trùm các nữ nhân. Các nữ nhân ấy đã run sợ vì sự chết, vì vậy chúng đã tỉnh rượu. Bậc Đạo Sư biến mất tại nơi đó, xuất hiện trên đỉnh núi Sineru, Ngài phóng hào quang từ lỗ chân lông tuôn ra, sáng chói như cả ngàn mặt trăng cùng chiếu.

Bấy giờ Bậc Đạo Sư phán gọi những nữ nhân ấy rằng:

- Khi các nàng đến nơi ngụ của Đấng Như lai, chớ nên có sự dễ dãi, vì chính sự dễ dãi của các người khiến cho Ma Vương có cơ hội xen vào, khiến thân hành của các người biến loạn, đã vui đùa múa hát ở nơi không thích hợp với việc ấy. Giờ đây các người nên tỉnh cần, diệt tất ái dục đi, đó mới là việc đáng làm.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ko nu hāso kimānando
Niccaṃ pajjalite sati
Andhakārena onaddhā
Padīpaṃ na gavessatha"

- Thích thú vui cười là gì? Hoan hỷ khoái lạc là gì, khi mà thế gian không dứt bùng cháy? Bị hao mòn trong đêm tối, há không đi tìm ánh sáng.

"Cười gì, hân hoan gì
Khi đời mãi bị thiêu
Bị tối tăm bao trùm
Sao không tìm ngọn đèn" (TMC).

CHÚ THÍCH:

Sự vui thích gọi là Ānanda trong bài kệ này. Đức Thế Tôn giảng giải rằng: "Khi thế gian này đang bị 11 thứ lửa... Bùng cháy, các người còn vui cười thích thú làm gì, hành động đó không nên làm chẳng phải sao? Các người đang bị tối tăm, đó chính là 8 loại vô minh bao trùm, sao không tìm đến ánh sáng tức là trí để dập tắt sự tối tăm ấy.

Dứt thời pháp cả 500 nữ nhân ấy chứng quả Dự Lưu. Bậc Đạo Sư biết các nữ nhân ấy an trú trong đức tin bất động, Ngài từ đỉnh núi Sineru biến mất, hiện lên trên Phật Bảo tọa.

Kế đến, nàng Visākhā bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Gọi là chất rượu này rất có hại. Những nữ nhân này cũng vì nó nên không còn giữ được tư cách đàng hoàng, các nàng đã vỗ tay vui cười, ca múa... Trước mặt Bậc Chánh Đẳng Giác như Thế Tôn.

- Thật vậy! Này Visākhā chất rượu này rất có hại, vì người uống rượu rồi, sẽ chịu tổn hại nhiều trăm thứ.

- Bạch Thế Tôn! thế thì, chất rượu này phát xuất từ đâu vậy?

Đức Thế Tôn đã thuyết giảng xuất xứ chất rượu cho nàng Visākha hiểu rõ một cách chi tiết trong Bốn Sanh Kumbha.

DÚT TÍCH: NHỮNG NGƯỜI NỮ BẠN VISĀKHĀ.

XI. 2- NÀNG SIRIMĀ

(PC. 147)

"Passa cittakataṃ bimbaṃ...".

Kệ Pháp Cú nầy đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài ngự tại Veluvana (Trúc Lâm), đề cập đến nàng nữ Sirimā.

Được nghe lại rằng: Trong thành Rājagaha có nàng kỹ nữ Sirimā, nàng có một nhan sắc diễm lệ. Vào một mùa an cư, nàng đã xúc phạm đến Tiểu Thư Uttarā, là con gái của Trưởng giả Puṇṇa, cũng là vợ của Công tử Sumana. Nàng Sirimā biết được lỗi lầm của mình, mong được nàng Uttarā tha lỗi, mới tìm đến xin sám hối Bạc Đạo Sư, nàng nhờ Uttarā cung thỉnh Bạc Đạo Sư đến thọ thực nơi nhà của nàng Uttarā và nhân đó nàng Sirimā sám hối nơi đức Thế Tôn. Khi đức Thế Tôn cùng chư Tăng đã thọ thực xong, nàng Sirimā quì xuống đánh lễ đức Thế Tôn xin sám hối tội lỗi mình đã gây ra với nàng Uttarā. Bạc Đạo Sư cho nàng sám hối, rồi nhân đó Ngài thuyết lên bài kệ rằng: "Hãy chinh phục người sân hận bằng sự vô sân, hãy chinh phục người xấu bằng sự tốt, hãy chinh phục kẻ bỏ xén bằng sự bố thí, hãy chinh phục kẻ giả dối bằng sự chân thật".

Dứt kệ ngôn, nàng Sirimā cùng 500 tỷ nữ an trú vào thánh quả Dự Lưu. Đây là phần tóm lược, phần chi tiết sẽ giải rõ ràng trong kệ ngôn trên, trong phần sân hận.

Khi nàng Sirimā chứng đạt Dự Lưu Quả rồi, vào sáng hôm sau, nàng cung thỉnh đức Thế Tôn cùng chư Tăng thọ thực nơi tư thất của nàng. Kể từ hôm ấy trở đi, mỗi ngày nàng cúng dường đến tám vị Tỷ khuru. Tám vị Tỷ khuru đi đến nhà của nàng, thường được nàng bạch thỉnh:

- Thỉnh các Ngài hãy nhận bơ lỏng, sữa tươi...

Nàng cúng dường vật thực cho mỗi vị Tỷ khuru rất nhiều, một bát có thể dùng cho cả 3- 4 vị, toàn là những vật thực thượng vị. Mỗi ngày nàng Sirimā bỏ ra 16 kahāpaṇa cúng dường chư Tăng như thế. Một hôm, có vị Tỷ khuru sau khi nhận vật thực nơi nhà của nàng Sirimā, vị ấy đi đến một ngôi Tịnh thất cách đó ba do tuần. Chư Tỷ khuru trong Tịnh xá hỏi rằng:

- Này Hiền giả! Hiền giả nhận vật thực nơi nào?

- Thưa các Ngài! Tôi nhận vật thực nơi tư thất của nàng Sirimā

- Này Hiền giả! Nàng cúng dường vật thực có được khả ý chăng?

- Thưa các Ngài! Tôi không thể diễn tả được về vật thực của nàng đã cúng dường, thật là thù diệu. Lại nữa, vật thực thượng vị mà nàng cúng dường ấy có thể dùng cho cả 3- 4 vị được đầy đủ. Tuy nhiên, sự được ngắm nhan sắc của nàng còn có giá trị hơn nhận được vật thực cúng dường ấy nữa, vì nàng rất khả ái, xinh đẹp.

Khi ấy, có một vị Tỷ khuru nghe được lời tán tụng nhan sắc của nàng Sirimā như thế, tuy chưa được thấy mặt nàng, nhưng tâm đã khởi lên sự thương yêu, suy nghĩ rằng:

- Ta hãy xem mặt nàng Sirimā vậy.

Vị ấy đi đến Veluvana, báo tuổi hạ của mình đến vị Tỷ khuru sắp xếp vật thực, hỏi rằng:

- Thưa Ngài! bao giờ đến phiên tôi được nhận vật thực nơi nhà nàng Sirimā.

Vị Tỷ khuru sau khi xem xét xong, đáp rằng:

- Này Hiền giả! Mai nầy Hiền giả sẽ là trưởng nhóm của tám vị Tỷ khuru nhận vật thực nơi ấy.

Vào sáng hôm sau, khi trời rựng sáng vị Tỷ khuru ấy, đáp ý, tay cầm lấy y bát đi đến nhà ăn đứng chờ (vì là vị Trưởng nhóm)

Vào sáng hôm trước, khi nàng Sirimā lâm trọng bệnh, vì thế nàng cởi bỏ những trang sức ra, nằm trên giường bệnh.

Sáng ngày hôm sau, khi nhóm tỳ nữ trông thấy chư Tăng đến đầy đủ, vào báo cho nàng Sirimā biết, nàng kiệt sức nên không thể ra đón bát, thỉnh mời ngồi, hoặc đánh lễ các Ngài được, nàng dạy các nữ tỳ rằng:

- Nay các em! Các em hãy rước bát rồi thỉnh các Ngài an ngự nơi được soạn sẵn, cúng dường vật thực thượng vị đến các Ngài đi. Hãy cúng dường đầy đủ bát các Ngài.

- Thưa chủ, vâng.

Nhóm nữ tỳ vâng lệnh nàng Sirimā, sau khi cúng dường vật thực đầy đủ rồi, báo lại nàng rằng:

- Thưa cô! Việc cúng dường đã xong rồi, thỉnh cô hãy ra đánh lễ các Ngài.

- Nay các em, hãy dìu ta ra, để ta được đánh lễ các Ngài.

Do bệnh nặng nên thân hình của nàng run rẩy, y phục của nàng xốc xếch. Vị Tỳ khuru họ, trông thấy nàng Sirimā trong tình trạng ấy, suy nghĩ rằng:

- Nàng này tuy đã mang trọng bệnh như thế, mà còn xinh đẹp dường này, huống chi khi nàng khỏi bệnh rồi, trang điểm với nhiều trang sức thì còn xinh đẹp dường nào.

Thế là, phiền não mà vị ấy đã tích tập trong nhiều tiền kiếp đã kích động tâm vị ấy. Vị ấy chẳng còn chú ý gì khác, ngoài việc tưởng nhớ đến nàng Sirimā mà thôi. Vị ấy không thể thọ thực nơi nhà nàng

Sirimā, đành ôm bát vật thực trở về Tịnh thất của mình đặt bát vào một góc, rồi trải y ra nằm. Vị ấy chẳng màng dùng vật thực, chỉ mơ tưởng đến nàng Sirimā đến nỗi vị Tỳ khuru ngụ chung phòng năn nỉ vị ấy dùng vật thực, vị ấy cũng chẳng màng.

Chiều hôm ấy, nàng Sirimā từ trần. Đức vua Bimbisāra cho người đến Tinh xá Veļuvana báo tin với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nàng Sirimā em gái của lương y Jivaka đã mệnh chung.

Bậc Đạo Sư phán bảo với đức vua Bimbisāra rằng:

- Tâu Đại vương! Chớ nên thiêu xác nàng Sirimā, hãy mang thi hài nàng đem vào trong nghĩa địa, hãy cho người canh giữ thi hài của nàng, đừng cho quạ hoặc chó, giã can ăn.

Đức vua làm theo lời dạy của Bậc Đạo Sư. Đến ngày thứ tư thì xác chết sinh lên, gọi chui ra từ nơi chín cửa, xác thân rã ra thành một loại nước sệt như bột gạo. Đức vua đến báo cho đức Thế Tôn, Ngài phán dạy rằng:

- Hãy cho mọi người đến nghĩa địa thăm nàng Sirimā.

Đức vua vâng lời, phán truyền khắp kinh thành rằng:

- Ngoại trừ trẻ con ra, người nào không đến nhìn xác nàng Sirimā sẽ bị phạt tám kahāpana.

Rồi đức Vua đến trình với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Trẫm cung thỉnh Ngài cùng chư Tỳ khuru Tăng đến xem xác nàng Sirimā.

Bậc Đạo Sư phán dạy chư Tăng rằng:

- Nay chư Tỳ khuru! Chúng ta hãy đến xem xác nàng Sirimā.

Về phần vị Tỳ khuru nhiệm dục ấy, đã bỏ cơm suốt cả bốn ngày qua, cơm trong bình bát đã thiu, làm cho bát rĩ sét, vị ấy từ chối mọi lời khuyên của chư Tỳ khuru bạn, chỉ nằm co ro mơ tưởng bóng hình nàng Sirimā. Bấy giờ, một Tỳ khuru bạn đi vào nói rằng:

- Nầy Hiền giả! Bậc Đạo Sư cùng Tăng chúng sẽ đi thăm xác nàng Sirimā, bạn có đi chăng?

Nghe đến tên nàng Sirimā, dù đang nhịn đói, vị ấy tức khắc choàng dậy, hỏi rằng:

- Nay bạn, bạn vừa nói gì thế?

- Nầy Hiền giả! Bậc Đạo Sư sẽ đi xem xác nàng Sirimā. Vậy Hiền giả có đi chăng?

- Nầy Hiền giả! Tôi sẽ đi chứ.

Rồi vị ấy rửa sạch bát, bỏ vào trong áo bát, cùng đi với chư Tỳ khuru. Khi vào trong nghĩa trang, quanh xác nàng Sirimā ấy, Bậc Đạo Sư cùng chư Tăng đứng một phía, Tỳ khuru này đứng một phía, hội

chúng Vua và Đại thần đứng một phía, các cận sự nam nữ thì đứng về một phía, đứng thành từng nhóm riêng với nhau.

Bấy giờ Bạc Đạo Sư phán hỏi vua Bimbisāra:

- Này Đại Vương! Xác này là ai vậy?

- Bạch Thế Tôn! Đây là xác nàng Sirimā em gái của lương y Jivaka.

- Nàng Sirimā đó sao?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Nếu thế, Đại Vương hãy cho đánh trống truyền rao, thông báo khắp kinh thành rằng: Ai trả 1000 đồng thì sẽ được lãnh nàng Sirimā về.

Đức vua làm y theo lời dạy, nhưng chẳng có ai nói rằng: "Tôi hoặc là chúng tôi" Đức Vua bạch lên Đấng Đạo Sư rằng:

- Bạch Thế Tôn! Dân chúng chẳng có ai nhận lãnh cả.

- Nấu thế, Đại Vương hãy hạ giá xem sao?

Đức vua cho quân sĩ truyền rao rằng: Ai trả 500 đồng thì được lãnh. Chẳng một ai chịu nhận lãnh, thế là đức Vua từ từ giảm giá 250 - 200 - 100 - 50 - 25 kahāpana, rồi lần lượt 10, 5, đến một đồng kahāpana cũng chẳng một ai chịu nhận lãnh, đến nữa kahāpana, 1 māśaka, 1 kākaṇṇika sẽ được lãnh nàng Sirimā đem về (cũng không thấy một ai). Đức vua cho đánh trống truyền rao rằng:

"Hãy đến lãnh không cũng được", thế nhưng cũng chẳng có một ai cả. Đức vua bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Dù trăm có truyền rao rằng: Cho không, nhưng cũng không ai nhận lãnh.

Bạc Đạo sư phán rằng:

- Này các Tỳ khưu: các người hãy nhìn nữ nhân khả ái của kinh thành, trước kia thị dân phải trả 1.000 đồng cho mỗi ngày để được nàng. Giờ đây, dù là cho không cũng chẳng có ai màng nhận cả. Sắc thân ấy đã đi đến hoại diệt như thế, này các Tỳ khưu! các người hãy suy gẫm về xác thân ế trước này vậy.

Rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

"Passa cittakataṃ bimbaṃ
Arukāyaṃ samussitaṃ
āturaṃ bahusaṅkappaṃ
Yassa natthi dhuvāṃ ṭhiti"

- Hãy nhìn thể xác đẹp dễ này, một khối đau đớn, một đồng bịch tạt được người bạn tâm nhiều, nhưng không chứa đựng gì bền vững, không có gì tồn tại"

"Hãy xem bong bóng đẹp
Chỗ chất đựng vết thương
Bệnh hoạn nhiều suy tư
Thật không gì trường cứu" (TMC)

CHÚ THÍCH:

Cittakataṃ: Làm cho xinh đẹp bằng các loại mỹ phẩm như vải.. Tràng hoa...

Bimbaṃ tức là xác thân này bị các phần lớn nhỏ, dài ngắn trong những chỗ xứng đáng cho các phần ấy.

Arukāyaṃ: Là có thân ung nhọt, do cả chín khiếu ung nhọt.

Samussitaṃ: Tức là do 300 khúc xương kết thành

~turaṃ: Gọi là bệnh thường xuyên vì là chỗ phải điều dưỡng bằng oai nghi đi đứng, nằm, ngồi mỗi giờ.

Bahusaṅkappaṃ: Tức là nhiều người bạn tâm đến, lưu tâm thường xuyên.

Yassa natthi dhuvaṃ t̥hiti: Nghĩa là các người hãy nhìn xác thân này không có sự tồn tại hay bền vững, thường bị tan rã và phân ly là thuần nhất.

Dứt Pháp thoại có 84 ngàn chúng sanh chứng ngộ Pháp và vị Tỳ khuru nhiệm dụng cũng an trú vào Dự Lưu Quả.

DÚT TÍCH NÀNG SIRIMĀ.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XI. 3- TRƯỜNG LÃO NI UTTARĀ

(PC. 148)

"Parijñnam idaṃ rūpaṃ...". Kệ Pháp Cú này đức Bổn Sư thuyết lên, khi Ngài ngự tại Veovanna, đề cập đến Trường lão Ni Uttarā.

Tương truyền rằng: Trường lão ni Uttarā có tuổi thọ là 120 tuổi. Một lần nọ, khi Trường lão ni đi khát thực, được vật thực rồi, khi trở về gặp một vị Đại đức ở giữa đường, đã đánh lễ vị ấy tỏ lời thăm hỏi, biết rằng vị Đại đức đang đi khát thực, bà liền cúng dường bát vật thực của mình có được đến vị ấy. Bà cúng dường trọn vẹn số vật thực trong bát đến vị Tỳ khuru ấy cho Ngài thọ dụng, xong rồi bà trở lại Ni viện nghỉ (Bà nhìn đói ngày hôm ấy).

Đến ngày thứ hai, ngày thứ ba cũng như thế, Trường lão ni Uttarā đã nhịn đói trọn cả ba ngày như thế.

Vào sáng thứ tư, khi trời rưng sáng, với Phật Tuệ đức Thế Tôn trông thấy duyên lành Đạo quả của nữ ni Uttarā đã chín muồi, nên Ngài ngự đi khát thực trên con đường mà Bà Uttarā sẽ đi.

Trường lão ni đi bát, bỗng trông thấy đức Thế Tôn trong con đường hẹp, bà đi thụt lùi để tránh đường cho Ngài, và đập phải chéo y của mình rơi thòng xuống đất, không thể gượng lại được, do vì sức khỏe quá yếu, bà ngã lăn ra, nằm dài trên đất. Bậc Đạo Sư ngự đến trước mặt bà, phán dạy rằng:

- Này Uttarā! Thân của người nay đã già còm rồi, chẳng bao lâu nữa đâu, thân này sẽ tan rã mà thôi.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Parijñnam idaṃ rūpaṃ
Rogaṇiḍḍham pabhaṅguraṃ
Bhijjati pūṭisandeho
Maraṇantaṃ hi jīvitam"

- Thế xác này hoàn toàn kiệt quệ, một ổ bệnh tật, dễ hoại diệt. Khói ô trọc này sẽ tan rã. Quả thật vậy, đời sống chấm dứt trong sự chết.

"Sắc này bị suy già
Ổ bệnh tật mong manh
Nhóm bất tịnh đổ vỡ
Chết chấm dứt mạng sống" (TMC)

CHÚ THÍCH:

Bài Kệ này có ý nghĩa rằng: "Này Uttarā, sắc nào kể là thân của người, sắc ấy đã lão nhược, vì người đã già rồi. Chính nơi sắc ấy là một ổ bệnh đang trú ẩn, tuy chưa hiện khởi nhưng đã có ẩn tàng rồi, thân này được xem là già lão là thế, ví như con chó chóc tuy còn nhỏ, nhưng cũng được gọi là chó chóc già (hay ví như chuối già dù còn non xanh vẫn bị gọi là chuối già), hoặc ví như dây leo tuy còn non nhưng bị đứt đọt, sẽ được gọi là dây leo cùn. Sắc này cũng thế, dù chỉ là mới sanh ra trong ngày, có màu vàng tương đẹp cũng gọi là thân sinh mục, vì luôn tươm nước vàng ra liên tục. Thân của người đây là đồng sinh, hãy nên hiểu rằng: "Sẽ tan rã" tức là chẳng còn bao lâu nữa sẽ hoại diệt thôi.

Tại sao vậy? Vì bản chất của đời sống hằng có sự chết là nơi cuối cùng.

Đức Thế Tôn giải rằng: Vì đời sống của chúng sanh có sự chết là nơi cuối cùng đều nhau cả thảy".

Dứt Pháp thoại, Trưởng lão ni an trú vào Dự Lưu quả. Pháp thoại mang lại lợi ích cho thính chúng là như thế.

DÚT TÍCH Trưởng lão NI UTTARA.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XI. 4- NHÓM TỖ KHUU ADHIMĀNIKA

(PC. 149)

"Yānimāni apathāni...".

Kệ ngôn này được đức Đạo Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhóm Tỳ khưu ngỡ mình đã chứng quả A La Hán.

Được nghe lại rằng: Có 500 vị Tỳ khưu học để mục Nghiệp xứ từ Bạc Đạo Sư, rồi đi vào rừng tìm nơi thanh vắng hành Sa môn Pháp. Các vị ấy cố gắng hành đạo đệ đặc được thiền định, khi ấy ngỡ rằng: "Phận sự xuất gia của chúng ta đã thành tựu, phiền não không còn sanh khởi nữa". Các vị ấy liền trở về Tinh xá Jetavana vì nghĩ rằng:

- Chúng ta hãy trình diện Bạc Đạo Sư, Pháp mà mình đã chứng đắc.

Khi chư Tỳ khưu ấy ngoài cổng Tinh xá, Bạc Đạo Sư nói với Trưởng lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Ta với nhóm Tỳ khưu ấy chưa có việc chi cần thiết phải gặp cho lắm. Hãy bảo nhóm Tỳ khưu ấy đến mộ địa tha ma trước đi, rồi hãy trở về Tinh xá.

Đại đức Ānanda vâng lệnh, tuyên đạt lại lời dạy của đức Thế Tôn. Chư Tỳ khưu không hề thắc mắc rằng:

- Chúng ta phải đến tha ma mộ địa để làm chi nhỉ?

Trái lại, các vị lại nghĩ: "Đức Phật là bậc Thiên Nhân Sư, hẳn là Ngài đã thấu được việc chi đó". Thế là, chư vị ấy đi đến mộ địa, thấy những tử thi vừa mới chết được quăng bỏ trong mộ địa. Thay vì ghê tởm các tử thi của nữ nhân vừa chết một ngày, hai ngày mà còn tươi, trái lại các vị ấy lại khởi lên ái dục các tử thi ấy. Các vị ấy hiểu ra rằng: "Chúng ta còn phiền não trói buộc"

Bạc Đạo Sư ngồi trong hương thất, hiểu biết được sự suy nghĩ của chư Tỳ khưu ấy, như đang ngồi trước mặt, dạy rằng:

- Này các Tỳ khưu! Các người đã thấy khúc xương trắng như thế, sao còn khởi lên ái dục như vậy?

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Yānimāni apathāni
Alāpun'eva sārade
Kāpotakāni aṭṭhīni
Tāni disvāna kārati"

- Những que xương trắng bạc màu chim Bồ câu trắng, giống như trái bầu mà người ta vứt đi trong mùa thu. Thích thú gì mà nhìn nó?

"Như trái bầu mùa thu
Bị vứt bỏ quăng đi
Nhóm xương trắng Bồ Câu
Thấy chúng còn vui gì? (TMC)

CHÚ THÍCH:

Apathāni: Tức là họ đã quăng bỏ. Sārade là ví như trái bầu bị gió năng xúc chạm, rơi vãi trên đất trong mùa thu.

Kāpotakāni: Nghĩa là có màu như màu chim Bồ Câu trắng

Hai câu: Tāni disvāna: Nghĩa là: Các người còn vui thích chi khi thấy các khúc xương như thế. Sự vui thích chỉ là chút ít trong các dục cũng chẳng nên có chẳng phải sao?

Dứt kệ ngôn, chư vị Tỳ khưu ấy chứng đắc Thánh Quả A La Hán, đứng tại nơi tha mộ địa ấy, tan dương đức Thế Tôn, và đánh lễ Ngài rồi bay đi.

DỨT TÍCH NHÓM TỖ KHUU ADHIMĀNIKA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XI. 5- TRƯỜNG LÃO NI RŪPANANDĀ

(PC. 150)

"Aṭṭhīnam nagaram kataṃ...".

Kệ ngôn này được đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài ngự tại Tinh xá Jetavana. Nhân đề cập đến Nữ Ni Rūpanandā, là người có được nhan sắc tuyệt đẹp trong thời ấy.

Tương truyền rằng: Nàng Rūpanandā có sự suy nghĩ rằng:

- Anh cả của ta đã từ bỏ Vương quốc ra đi, sống đời ẩn sĩ và đã thành Phật, là bậc Tối Thượng Nhân trong thế gian. Con Ngài là Thái Tử Rāhula, anh trai là Nanda, ngay cả mẹ ta là Mahāpajāti Gotamī cũng lần lượt xuất gia trong Giáo Pháp của đức Thế Tôn. Khi thân tộc chỉ có bấy nhiêu người, mà tất cả đã xuất gia như thế, ta còn sống đời thế tục mà làm gì nhỉ?

Thế là, nàng đi đến trú xứ của Chư Ni, xin được xuất gia. Nàng Xuất gia là do lòng ai luyện gia tộc, chứ không phải do đức tin. Nàng là người có nhan sắc tuyệt đẹp, nên người thời đó gọi nàng với mỹ danh là Rūpanandā.

Tỳ khưu ni Rūpanandā nghe đức Đạo Sư từng thuyết giảng rằng: - Sắc là vô thường, là khổ não, là vô ngã. Thọ là vô thường... Tưởng... Hành... Thức là vô thường, là khổ não, là vô ngã.

Nên nàng không đến đánh lễ và nghe Pháp từ nơi Ngài, vì e ngại rằng: "Bậc Đạo sư, Ngài sẽ nói lên sự tai hại về sắc đẹp khả ái của ta".

Bấy giờ, thị dân thành Sāvattthī, vào ngày Uposatha, buổi sáng cúng dường đến Bậc Đạo Sư và Chư Tăng, buổi chiều thì mang hương hoa, đèn cùng thuộc trị bệnh đến Tinh xá cúng dường, rồi đến nghe Pháp trọn đêm. Cả chư Tỳ khưu lẫn Tỳ khưu ni đều hoan hỷ với Pháp thoại của Bậc Đạo Sư, nên cùng nhau đến Tinh xá Jetavana nghe Pháp.

Sau khi trở về nhà, thị dân luôn tán dương Pháp bảo thù diệu của đức Thế tôn. Thật thế, có bốn hạng chúng sanh trong thế gian này, chỉ một số ít không khởi phát tín tâm nơi đức Đạo Sư khi được yết kiến Ngài. Bốn hạng chúng sanh ấy là:

1- Hạng lấy sắc làm chánh yếu (Rūpappamāṇikā). Tức là hạng chúng sanh khởi phát tín tâm nơi đức Thế Tôn, khi được chiêm bái kim thân có màu vàng ròng tinh anh thanh tịnh cùng với 32 Đại nhân tướng.

2- Hạng thứ hai lấy Thịnh làm chánh yếu (Ghosappamāṇikā). Tức là hạng chúng sanh nghe tiếng thuyết giảng pháp du dương, êm ái của đức Thế Tôn, phát sanh tịnh tín. Đây là hạng chúng sanh đã từng nghe Pháp từ các vị Phật quá khứ, hay là các chúng sanh đã từng nghe bậc Đại Nhân Bồ Tát thuyết giảng trong quá khứ. Và trong hiện tại, lời giảng Pháp của Đấng Như Lai hội đủ tám chi phần (Thánh đạo).

3- Là hạng chúng sanh lấy sự khổ hạnh làm chánh yếu (Lūkappamāṇikā). Do thấy được Ngài hành khổ hạnh đối với các vật dục, nên phát sanh lòng tịnh tín.

4. Hạng chúng sanh lấy Pháp làm Chánh yếu (Dhammappamāṇikā), rằng: Đây là Đấng thập Lực Tuệ, Giới của Ngài đã tròn đủ, Định của Ngài đã tròn đủ, Tuệ cũng tròn đủ. Đức Thế Tôn là tối thượng nhân, chẳng có ai có thể sánh được với Ngài về Giới... Khi chúng thị dân diễn tả về các ân đức của Đấng Như Lai, thì không có ngôn ngữ nào kể xiết cho được.

Thế là, nàng Rūpananadā được nghe tiếng lành lan xa về Pháp thoại của đức Thế Tôn, cùng các ân đức của Đấng Như Lai, nàng suy nghĩ:

- Thị dân hằng tán thán anh trai của ta quá nhiều. Tuy rằng, vào một ngày nào đó Ngài sẽ tuyên thuyết về sự nguy hại của sắc đẹp, nhưng chắc chẳng bao nhiêu đâu. Thôi thì ta hãy đi với chư Tỳ khưu ni, nhưng đừng lộ diện yết kiến Bạc Đạo Sư, ta chỉ đến nghe Pháp rồi trở về.

Suy nghĩ rồi nàng bảo với chư Tỳ khưu ni rằng:

- Hôm nay tôi sẽ đến nghe Pháp từ nơi đức Thế Tôn vậy.

- Lành thay! Đã lâu lắm rồi nàng Rūpanandā chưa vào hầu đức Thế Tôn, hôm nay hẳn Bạc Đạo Sư sẽ căn cứ vào nàng Rūpanandā mà thuyết lên pháp thoại thù diệu. Dù nàng có dấu mặt đi.

Khi nàng Rūpanandā ngồi yên nơi kín đáo rồi, Bạc Đạo Sư suy nghĩ: "Nay nàng Rūpanandā đến hầu Như Lai rồi, Pháp thoại nào sẽ thích hợp với cơ tánh của nàng? ứng với duyên lành của nàng vậy nhỉ?". Ngài xác định rõ ràng rằng: "Nàng Rūpanandā là người có sự ái luyến về thân xác của mình, thiên nặng về xác thân ô trược rất mãnh liệt. Như Lai xê thuyết về sự nguy hại của sự tham đắm trong sắc ấy, ví như người dùng gai nhọn lể gai vậy".

Bạc Đạo Sư dùng thần lực hóa hiện ra một nữ lang xinh đẹp tuyệt trần, tuổi khoảng 16, vận mặc xiêm y màu đỏ thắm cùng với vật trang sức lộng lẫy, đang cầm quạt hầu sau lưng đức Thế Tôn. Chỉ có Bạc Đạo Sư và nàng Rūpanandā trông thấy nữ lang ấy mà thôi.

Nàng đi đến Tinh xá cùng với Ni chúng, đánh lễ đức Thế Tôn bằng ngũ thể đầu địa, rồi ngồi giữa Ni chúng. Nàng ngắm nhìn đức Thế Tôn từ chân cho đến đỉnh đầu, thấy Ngài hiển lộ 30 đại nhân tướng xinh đẹp, màu da vàng óng ánh, hào quang từ Kim thân Ngài tỏa ra cả sải tay. Đang khi nàng ngắm nhìn Phật tướng, bỗng nàng trông thấy một nữ lang đang hầu quạt sau lưng đức Thế Tôn. Ngắm nhìn nữ lang rồi so sánh với mình, nàng có cảm tưởng mình chỉ là con quạ ai so với Hạc chùa vàng. Kể từ khi ấy, mắt của nàng như mê muội trước sắc đẹp nữ lang do thần lực đức Thế Tôn hóa ra, nàng có tâm ái luyến sắc đẹp tuyệt trần của nữ lang ấy:

- Ôi! Tóc của Nàng thật là đẹp, trán của nàng thật xinh...

Nàng Rūpanandā ái luyến mãnh liệt với sắc đẹp của nữ lang, Bạc Đạo Sư thấu rõ điều nầy rồi, Ngài vừa thuyết Pháp thoại vừa vận chuyển thần lực, khiến sắc ấy từ từ trải qua đến 18 tuổi, rồi 20 tuổi. Nàng Rūpanandā có tâm chán nản rằng: "Sắc nầy chẳng còn được như trước nữa". Lần lượt, Bạc Đạo Sư khiến cho sắc ấy thành nữ nhân có được một con, hai con... Rồi trở thành sắc trung niên, rồi thì sắc nữ nhân ấy dần dần trở thành sắc lão niên cần cối, già mại. Nàng Rūpanandā chán nản quá mức trước sắc đẹp chóng phai tàn như thế, nghĩ rằng: "Sắc nầy đã hoại diệt"

Rồi Bạc Đạo Sư cho nàng trông thấy sắc ấy trở nên khô đét, răng rụng, tóc bạc, lưng còng, những thanh xương sườn nhô lên như những thanh chống cửa, tay chân nữ lang ấy trở nên run rẩy, phải chống gậy mới giữ vững thân hình, thấy thế nàng Rūpanandā càng thêm chán nản. Rồi sắc nữ ấy lâm trọng bệnh, té xuống đất nằm lãn lộn trên đất, trên phân và nước tiểu của mình. Đã chán nản lại càng thêm chán nản trước cảnh sắp hoại diệt của sắc tướng. Thế rồi, nữ lang ấy chết đi, sinh lên và nước vàng tươm ra từ nơi chín lỗ, sâu bọ, giòi đục vào chín cửa ấy, các chúng sanh khác như quạ, diều, kền kền... Tranh nhau xâu xé tử thi đã rửa ra đó.

Nàng Rūpanandā cùng cực chán nản trước cảnh tượng ấy, chợt nhận thức được rằng: Sắc tướng nầy quả thật vô thường, rằng:

- Nữ nhân nầy bị bệnh, già, chết ngày chính tại sắc tướng xinh đẹp đó. Vậy thì, sự già, bệnh và chết cũng sẽ đến với thân ta như vậy.

Và khi nàng nhận thấy sắc là vô thường rồi, thì thật vậy sắc nầy sẽ là khổ não và nó chẳng thuộc về ta, của ra. Nàng đưa tâm quán xét theo Tam tướng như thế, tiếp theo là Tam hữu xuất hiện trong trí nàng giống như một tử thi đang cột vào cổ, như lửa cháy trên đầu. Tâm nàng hướng đến xuất ly giới. Bây giờ, đức Đạo sư với tâm mình Ngài hiểu rằng: "Nàng Rūpanandā đang quán thân theo Vô thường tướng, nàng có thể tự mình chứng Đạo Quả được không?"

Ngài thấy rằng: "Không được, nàng cần có ngoại cảnh làm duyên mới thích nghi! Thế là, Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn thích hợp với cơ tánh của Nàng Rūpanandā rằng:

- Nầy Rūpanandā! Ngươi hãy nhìn thể xác do nghiệp tạo nầy, đầy những bất tịnh, những uế trược tràn khắp phía trên lẫn phía dưới. Kể ngu mê luyến thân này như thế nào, cũng như ngu mê

luyện thân nữ lang ấy. Thân của người cũng sẽ trở nên như vậy. Hãy nhìn thân xác này với bản chất rỗng không, đừng nên trở lại với thế gian ấy nữa. Người hãy xả ly ai luyện trong dục hữu, người sẽ trở nên an tịnh thân tâm.

Nàng Rūpanandā hướng tâm theo lời dạy của đức Đạo Sư, và nàng an trú ngay vào Dự Lưu quả. Thế rồi, đức Đạo Sư thuyết pháp về bản chất rỗng không của năm uẩn, làm duyên cho nàng quán tưởng để chứng đắc A La Hán quả, Ngài phán dạy rằng:

- Nầy Nandā! Người đừng tưởng rằng "Có cốt lõi trong thân này"

Chỉ là chút ít cốt lõi trong thân này cũng không hề có, vì thân này đây chỉ là sự kết hợp của 300 khúc xương tạo thành mà thôi.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

- "Aṭṭhīnaṃ nagaraṃ kataṃ
Naṅsalohitalepanaṃ
Yattha jarā ca maccū ca
Māno makkho ca chito"

- Thành trì này được dựng lên bằng xương, đắp thịt và máu bên ngoài, trong đó tích trữ bệnh tật, chết chóc, ngã mạng và phỉ báng.

*"Thành này làm bằng xương
Quét tô bằng thịt máu
Ở đây già và chết
Mạn, lừa đảo chất chứa" (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Ý nghĩa của kệ ngôn này là: "Ví như người đem cây sấp xếp, lấy dây buộc lại rồi tô đắp đất bên ngoài, làm thành căn nhà, tức là thành trì để chứa bên trong những loại hạt giống như lá, gạo, lúa, mạch... và giống đậu mè (ngoài ra mà mẽ cốc)... Như thế nào. Thân này cũng diễn hành như thế, thân này là do sự kết hợp của 300 khúc xương tạo thành trì, với những sợi gân vàng buộc lại, tô đắp thịt và máu bao bọc bên ngoài với da. Bên trong là sự già, bệnh, chết, là tướng của tử thân, của sự hoại vong. Đặt vào bên trong là ngã mạn bởi sự xinh đẹp, sự say mê, thích thú ảo tưởng, có phỉ báng là tướng của sự tổn hại. Bệnh được đặt vào trong thân này đã diễn hành trong thân tâm. Ngoài ra đây, chẳng có gì chấp giữ được cả.

Dứt kệ ngôn, Trưởng lão ni Rūpanandā chứng đạt quả Vô Lộ, Pháp thoại mang lại lợi ích cho đại chúng rất nhiều như vậy.

DỨT TÍCH: Trưởng lão NI RŪPANANDĀ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XI. 6- HOÀNG HẬU MALLIKĀ

(PC. 151)

"Jīranti ve rājaratha sucittā..."

Kệ Pháp Cú này, đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài trú tại Jetavana. Nhân khi đức vua Pasenadi hỏi về sanh thú của Hoàng Hậu Mallikā.

Tương truyền rằng: Có lần nọ, Hoàng Hậu Mallikā đi vào phòng tắm để xúc miệng, rồi cúi mình xuống rửa chân. Con chó mà nàng nuôi, cũng chạy vào trong đó, thấy nàng đang khom mình, nó chồm hai chân trước bám vào hông nàng, toan làm việc phi pháp. Hoàng Hậu lại đứng yên thỏa thích với sự xúc chạm ấy.

Bấy giờ, từ trên lầu cao, đức vua Pasenadi thấy được hành động trác nết của Hoàng Hậu. Khi Mallikā vừa ra khỏi phòng tắm, đức vua quở trách rằng:

- Nầy con ác dâm khốn kiếp kia, tại sao người lại hành động tội bại như thế?

- Tàu Bệ Hạ! Thân thiếp đã làm việc chi ạ
- Người đã giao hoan cùng con chó chứ gì.
- Tàu Đại Vương! Chuyện ấy không hề có đâu.
- Chính mắt ta đã trông thấy rõ ràng. Ta chẳng tin người đâu, hồi nầy con ác dâm khốn kiếp kia.

- Tàu Bệ Hạ! Người đi đến phòng tắm vào giờ nầy, sẽ trở thành cảnh khó coi đối với người đứng trên. Điều nầy chắc là như vậy.

- Nầy dâm nữ! Người nói không thật.

- Tàu Đại Vương! Nếu Ngài không tin thiếp, xin Bệ Hạ hãy đến phòng tắm đó. Thiếp sẽ đứng nhìn qua cửa sổ nầy.

Đức vua không kịp suy nghĩ, đã làm theo lời nàng, đi đến phòng tắm. Hoàng Hậu đứng trên lầu cao nhìn xuyên qua cửa sổ, nói vọng xuống rằng:

- Tàu Bệ Hạ! Vì sao Bệ Hạ lại hành dâm cùng con dê cái như thế?

- Nầy ái khanh! Chớ có nói như thế, trẫm không có hành động tồi bại như thế đâu.

- Chính thiếp đã trông thấy như thế, làm sao thiếp tin được Bệ Hạ chứ.

Đức vua vì kém trí đã thua mưu kế của Hoàng Hậu Mallikā, đã ngỡ rằng: "Thật vậy, người đi vào phòng tắm vào giờ như vậy, sẽ có cảnh tượng tồi bại với người đứng từ trên cao nhìn xuống". Nên Ngài đã bỏ qua chuyện ấy và vẫn thương yêu Hoàng Hậu Mallikā như xưa. Riêng về Hoàng Hậu có sự suy nghĩ rằng: "Đức vua vì kém trí nên bị ta lừa gạt, nhưng ta đã tạo ác nghiệp rồi, lại lừa dối đức Vua bởi lời không thật. Bậc Đạo Sư cùng với 80 vị Đại Trưởng lão cùng hai vị Thượng tinh Văn thấu rõ việc làm của ta. Thật vậy, ta đã tạo ác trọng nghiệp.

Được biết rằng: Hoàng Hậu là người trợ thủ đắc lực cho đức vua Pasenadi, chính nàng nhiều phen giúp đức vua gỡ rối nhiều việc, như việc cúng tế thần lửa phi pháp, việc thực hiện Vô Song thí mỗi ngày là 14 Koni tiền vàng, nào là lọng, bảo tọa, chân bát và vật kê chân của đức Như Lai, bốn vật nầy là vô giá... Tuy tạo nhiều công hạnh như thế, nhưng khi gần lâm chung Hoàng Hậu Mallikā không nhớ tưởng đến thiện nghiệp đã làm, trái lại nàng bức rút do nhớ lại ác nghiệp tà hạnh. Nên khi mệnh chung, nàng thọ sanh vào Địa ngục A Tỳ.

Trong số các Hoàng Hậu, đức vua Pasenadi yêu thương Hoàng Hậu Mallikā nhất. Đức vua rất âu sầu, cho an táng thi hài của nàng xong, Ngài suy nghĩ: "Ta sẽ đến bạch hỏi đức Thế Tôn về sanh thú của nàng Mallikā".

Đức vua đi đến Tinh xá Jetavana, vào đánh lễ đức Thế Tôn xong rồi, ngồi vào nơi phải lễ. Đức Thế Tôn, Ngài dùng Phật lực khiến đức vua quên đi câu cần hỏi mà mình đã dự định. Ngài thuyết pháp thoại đến đức Vua, đức vua để tâm nghe Pháp, suy luận theo Pháp trong trú xứ của đức Thế Tôn, rồi Ngài hoan hỷ ra về. Đến Hoàng Cung, đức Vua mới chợt nhớ lại câu hỏi, phán bảo với cận thần:

- Nầy các khanh! Trẫm dự định sẽ hỏi Bậc Đạo Sư về sanh thú của nàng Mallikā, nhưng khi đến trú xứ của Ngài thì trẫm lại quên mất. Mai nầy trẫm sẽ đến Tinh xá để hỏi vậy.

Hôm sau, đức vua lại thân hành đến Tinh xá Jetavana toan bạch hỏi về sanh thú của Mallikā, Bậc Đạo Sư dùng thần lực khiến cho đức vua lại quên đi. Việc nầy được kéo dài suốt cả 7 ngày, đến ngày thứ tám thì Hoàng Hậu Mallikā được tái sanh về cõi Tusita, nàng chỉ chịu khổ cảnh trong địa ngục có 7 ngày mà thôi.

Hỏi rằng: Vì sao Bậc Đạo Sư lại dùng Phật lực khiến đức vua Pasenadi quên khuấy đi?

Đáp rằng: Biết rằng Hoàng hậu Mallikā là người được vua sủng ái nhất, mà Hoàng Hậu lại là người có nhiệt tâm với Phật Giáo. Nếu đức vua biết rằng nàng thọ khổ trong địa ngục, Ngài còn là phạm nhân, nên Ngài chẳng chịu suy xét sâu, đức vua sẽ rơi vào tà kiến, cho rằng: Người nữ như Hoàng Hậu Mallikā, có đức tin nhiệt thành với Tam Bảo như thế, khi chết lại phải thọ sanh vào địa ngục. Thế thì ta còn bố thí đến chư Tỳ khuru Tăng để mà làm gì chứ. Và như thế, đức Vua sẽ bãi bỏ việc thí hạnh mỗi ngày 500 vị Tỳ khuru tại Hoàng Cung, ngoài ra với Vương quyền Ngài còn có thể tạo

ra những ác trọng nghiệp khác, dẫn đến khổ cảnh nữa. Vì thế, Ngài dùng Phật lực khiến đức vua quên khuấy đi suốt cả 7 ngày.

Vào sáng thứ tám, đức Thế Tôn sau khi vận mặc y phục, tay cầm lấy y bát, một mình ngự đi khát thực ở Hoàng cung. Quan giữ cổng thành Hoàng cung báo tin cho đức Vua rằng:

- Tâu Đại Vương! Đức Thế Tôn đang ngự đến.

Đức vua hoan hỷ, thân hành ra đón tiếp Ngài, rước bát đức Thế Tôn và thỉnh Ngài ngự vào Cung nội. Nhưng Bạc Đạo Sư tỏ ý muốn ngồi nơi kho xe của Hoàng Gia. Đức vua đã cung thỉnh đức Thế Tôn ngồi vào nơi cao quý tại nơi đó, rồi Ngài dâng cơm cháo và thức ăn đến đức Thế Tôn. Xong rồi, đức vua ngồi xuống một bên phải lễ, đánh lễ đức Thế Tôn và bạch rằng:

- Trẫm có ý định đến nơi ngụ của đức Thế Tôn để bạch hỏi về sanh thú của ngang Mallikā, vì suốt cả 7 ngày qua, khi đến Tinh xá trẫm đều quên mất. Bạch Thế Tôn, chẳng hay hiện nay Hoàng Hậu Mallikā thọ sanh về nơi nào?

- Nầy Đại Vương! Hoàng Hậu Mallikā nay thọ sanh về cõi trời Tusita rồi.

- Bạch Thế Tôn! Nếu Hoàng Hậu Mallikā không thọ sanh về nơi ấy, thì còn ai có thể thọ sanh được chứ. Bạch Thế Tôn, người nữ như nàng

Mallikā thật khó kiếm, vì trong mọi nơi, khi đi, đứng, nằm, ngồi ngoài việc suy tư về vật thực dùng để cúng dường rằng: Ngày mai sẽ cúng dường đức Thế Tôn cùng Tăng chúng vật thực như thế này... Các việc suy tư khác không hề có. Bạch Thế Tôn! Từ khi nàng mệnh chung, long thể của trẫm dùng như cũng bất lạc.

Đức Thế Tôn phán dạy đức Vua rằng: "Nầy Đại Vương! Đây là xe của ai?" - Đức vua chấp tay lên khỏi đầu bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! của Nội Tổ trẫm.

- Còn đây là chiếc Long xa của ai thế?

- Của Thân phụ trẫm, bạch Thế Tôn.

- Đây là Long Xa của ai thế?

- Bạch Thế Tôn, là của trẫm.

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền phán bảo rằng:

- Nầy Đại Vương! Vì sao xe của Nội Tổ Ngài, thân phụ Ngài không dùng. Vương xa của Thân phụ Ngài, Ngài lại không dùng. Nầy Đại Vương! Ngày cả gỗ còn phải chịu sự cũ kỹ như thế, thì còn nói gì đến sự già không tìm đến thân xác này. Nhưng nầy Đại vương, Pháp của Bạc Chân Nhân không có sự già cõi, sự già chết không có đến chúng sanh, sự kiện này không hề có.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Jiranti ve rājarathā sucittā
Atho sarīram pi jaram upeti
Sataṃ ca dhammo na jaram upeti
Santo have sabbhi pavedayanti"

- Chí đến chiếc xe trang hoàng lộng lẫy của Hoàng cung cũng cũ hư. Cùng thế ấy, thân này sẽ đến tuổi già. Nhưng Giáo pháp của đức Thiện Nhân không già cõi. Do đó, Bạc Thiện Nhân làm sáng tỏ Giáo Pháp giữa những bậc Thiện Nhân.

"Xe vua đẹp cũng cũ
Thân này rồi sẽ già
Pháp bậc thiện không già
Như vậy bậc chí thiện
Nói lên cho bậc Thiện" (TMC)

CHÚ THÍCH:

Tiếng ve trong kệ ngôn có nghĩa là Nipāta (rớt xuống) đi xuống.

Sucittā: Các vương xa trang hoàng lộng lẫy với 7 loại ngọc quý cùng với những vật khác, tất cả phải già cũ đi.

Sarīram pi: không phải chỉ có xe duy nhứt mà thôi, cho đến xác thân này đây, dù có khéo chăm sóc đi nữa, cũng phải đi đến nơi tóc bạc, răng long... Tức là đi đến sự tàn lụn, gọi là sự già cỗi.

Satañ ca: nhưng Siêu Thế Pháp của Bậc Thiên Nhân như đức Thế Tôn... Sẽ không bao giờ có sự già cỗi. Sự già cỗi không thể nào có với các Pháp ấy được, tức là không có sự tàn rụi.

Pavedayanti nghĩa là: Các Bậc Chân Nhân như đức Phật, thường đàm luận cùng các Bậc Chân Nhân tức là bậc thiện trí.

Dứt thời pháp, có nhiều chúng sanh chứng đắc Thánh Quả, nhứt là quả Tu Đà Hườn.

DÚT TÍCH HOÀNG HẬU MALLIKĀ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XI. 7- TRƯỞNG LÃO LOḶUDĀYI

(PC. 152)

"Apsutāyyam Puriso...".

Khi đề cập đến Trưởng lão Loḷudāyi, khi đức Thế Tôn ngụ tại Jetavana gần thành Sāvattthī. Ngài thuyết lên pháp thoại này.

Trương truyền rằng: Trưởng lão Loḷudāyi là người thường nói pháp không hợp thời. Khi đến nhà gia chủ, tín thì làm khánh hỷ (Maṅgala) thì vị ấy lại tụng lên Avamaṅgala (Bất toại), chẳng hạn như tụng kệ: Tirokuḍḍe sutitṭhanti..". Trái lại, khi gia chủ đang làm lễ cầu cầu siêu (avamaṅgala), nên tụng Tirokuḍḍe thì vị ấy lại tụng kệ Maṅgala (Hạnh phúc), như là: Dānañ ca dhamme cariyā ca..., hoặc tụng kinh Ratana như: Yañkiñci vittam idha và hunrañ và. Vị ấy suy nghĩ rằng: Ta sẽ tụng bài kinh khác, dù rằng đang tụng cũng không hề biết rằng: "Ta nên tụng bài kinh khác".

Chư Tỳ khưu biết được việc tụng pháp phi thời của Trưởng lão Loḷudāyi như thế, bạch trình với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao Trưởng lão Loḷudāyi trong chỗ cần tụng kinh Maṅgala thì lại tụng kinh Avamaṅgala. Và ngược lại trong chỗ cần tụng kinh Avamaṅgala.

- Nay chư Tỳ khưu! Chẳng phải trong kiếp này đâu, cho đến thời trước, Loḷudāyi cũng đã từng tụng như thế.

Chư Tỳ khưu cung thỉnh đức Đạo Sư thuyết lên Bản Sanh. Đức Thế Tôn giảng rằng:

Thuở quá khứ, Bồ Tát Somadatta là con của một vị Bà la môn Aggidatta trong thành Bārānasī. Bồ Tát Somadatta phục vụ đức vua rất chu đáo, nên được đức vua tin. Riêng Bà la môn Aggidatta vẫn sống bằng nghề nông.

Bà la môn Aggidatta có được hai con bò, chẳng may bị chết một con, ông nói với con trai rằng:

- Nay Somadatta thân yêu! Con hãy xin Vua cho cha con bò đi.

Đại Thần Somadatta suy nghĩ: "Nếu ta xin đức vua ban thưởng cho mình, thì sự tình này không xứng đáng vậy!" Ngài bảo với cha rằng: "Thưa cha! Cha hãy tự mình đến xin đức vua đi"

- Con ơi! Nếu thế, con hãy đưa cha đến Triều đình đi.

Đại Thần Somadatta suy nghĩ: "Vị Bà la môn này là người kém trí, hằng nói phi thời, dù chỉ một câu "Hãy tiến lên phía trước, hãy lui về phía sau" cũng nói chẳng hợp thời. Những câu đáng nói thì không nói, trái lại những câu không đáng nói thì lại nói. Ta hãy làm cho vị ấy ý thức trước, rồi hãy đưa đến Triều.

Bồ tát Somadatta đưa cha đến mộ địa có tên là Viraṇatthambhaka, cột các bó cỏ lại, sắp xếp thành một quang cảnh của Triều đình rằng: Đây là đức vua, đây là quan Tế Tướng, đây là Đại tướng quân... Bằng những bó cỏ, Bồ tát chỉ dạy cho cha hiểu rõ, rồi lại dặn bảo cha rằng: "khi cha đến Hoàng Cung, cần phải đi tiến về phía trước như thế này, phải đi thụt lùi như thế này..".

Rồi Bồ Tát dạy cho Bà la môn ấy biết rằng:

- Khi cha đến yết kiến đức Vua, phải làm lễ như vậy, phải chào các Đại thần như vậy. Rồi cha chúc tụng đức vua bằng kệ ngôn này để xin bò.

Ngài dạy cho Bà la môn ấy thuộc lòng bài kệ rằng:

- Tâu Bệ Hạ! Hạ thần chỉ có hai con bò để cày ruộng, nhưng đã chết mất một con. Tâu Bệ Hạ, Ngài thuộc dòng dõi Sát Đế Lý cao quý xin Bệ hạ hãy bi mẫn ban cho Thần con bò đi.

Suốt cả năm trời, vị Bà la môn ấy mới thuộc được kệ ngôn ấy, trả bài cho Bồ Tát xong. Bấy giờ, Bồ Tát chỉ bảo rằng:

- Cha hãy mang chút ít lễ vật dâng lên đức Vua đi, con sẽ đợi cha ở Hoàng cung.

- Này con, được thôi.

Bà la môn mang lễ vật đi đến Hoàng Cung, có Bồ Tát đã chờ nơi ấy. Bà la môn được đức vua ân cần hỏi han, rồi Ngài phán rằng:

- Này khanh! Khanh đến đây lâu chưa? Đây là nơi ngồi, khanh hãy ngồi vào đó, khanh cần những gì từ nơi trẫm, khanh hãy nói lên.

Bà la môn ấy liền quì xuống tâu rằng:

- Tâu Bệ Hạ! Thần có hai con bò để cày ruộng, đã chết mất một con rồi. Tâu Bệ Hạ! Ngài là bậc Sát Đế Lý cao quý, xin Ngài hãy lấy luôn con bò thứ hai đi.

Nghe vậy, đức vua phán hỏi lại rằng:

- Này khanh! Khanh nói chi lạ vậy, hãy nói lại đi.

Bà la môn vẫn lập lại bài kệ trên như vậy. Đức vua hiểu là Bà la môn ấy nói sai ý mình, Ngài mỉm cười quay sang Bồ Tát phán hỏi rằng: "Này Somadatta! Nhà của khanh hẳn có nhiều bò lắm nhỉ?". Bấy giờ, Bồ Tát đáp rằng:

- Tâu Bệ Hạ! Bò được Bệ hạ ban cho thì có nhiều.

Đức vua hoan hỷ trước lời thông minh ấy, Ngài ban thưởng cho Bồ Tát và Bà la môn ấy 16 con bò cùng với đồ phục sức cho bò và nhà ở thì miễn thuế. Rồi tiễn Bà la môn ấy ra về với nhiều lễ vật.

Bậc Đạo Sư sau khi thuyết giảng Bốn Sanh xong, Ngài nhận diện rằng: Đức vua thời ấy nay là Ananda, Bà la môn ấy nay là Loḷudāyi, Đại thần Somadatta nay chính là Đấng Như Lai.

Này các Tỳ khưu! Tỳ khưu Loḷudāyi nói phi thời với những câu nói bất xứng như thế, chẳng phải chỉ có trong kiếp này mà thôi. Trong quá khứ cũng đã từng như thế rồi, vì là người ít nghe Pháp. Do vậy, người thiếu văn ví như bò.

Ngài tuyên thuật kệ ngôn rằng:

"Appassutāyyaṃ puriso
Balivaddo'va jīrati
Maṅsāni tassa vaḍḍhanti
Pañña tassa na vaḍḍhati"

- Con người ít học trưởng hành như bò. Bắp thịt có nở nang nhưng trí tuệ không phát triển.

*"Người ít nghe kém học
Lớn già như trâu đực
Thịt nó tuy lớn lên
Nhưng tuệ không tăng trưởng" (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Appassutāyyaṃ nghĩa là người ít nghe, không có sự học hỏi dù chỉ là một hai bài Kinh. Tuy nhiên, nếu chỉ học để mục Nghiệp xứ, rồi tinh cần Hành Pháp cũng có thể trở thành bậc Đa Văn được.

Balivaddo'va jīrati nghĩa là giống như con bò già, lớn lên không có lợi ích chi, như thế nào. Cũng vậy người ít nghe không hành phạm sự với Tế Độ Sư, Giáo Thọ Sư và những phạm sự khác như tiếp khách... dù tu tập cũng không chuyên cần, gọi là già không có ích lợi gì như vậy.

Mañsāni tassa vaḍḍhanti Nghĩa là: Thịt con bò vô dụng, là bò không thể cày bừa.. Chỉ thả vào rừng cho kiếm ăn, nó lớn lên như thế nào cũng là vô dụng. Cũng vậy, người thiếu văn mà các Tế Độ Sư hay Giáo Thọ Sư đã từ chối rồi, người ấy tuy vào Tăng chúng để có được tứ sự đầy đủ, nuôi thân phát triển, tức là người có thân thể đầy đà, no tròn như vậy.

Pañña tassa có nghĩa là về phần Siêu Thế Tuệ hay Hiệp thế trí của người nghe ít ấy, dù chỉ là 1 lóng tay trí cũng không phát triển, chỉ có tăng trưởng ái và 9 loại ngã mạn do 6 căn, ví như bụi cỏ và dây leo... Mọc trong rừng vậy

Dứt Pháp thoại, Đại chúng an trú vào Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

DÚT TÍCH Trưởng lão LOLUDĀYI

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XI. 8- CHUYỆN ĐẤU TIÊN GIÁC NGỘ

(PC. 153-154)

"Nekajāti saṃsāraṃ...".

Kệ pháp cú này đức Bổn Sư thuyết lên khi ngài ngự dưới cội Bồ Đề, khi ngài vừa chứng đạt Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Về sau, Đại đức Ānanda bạch hỏi, Ngài tuyên thuyết lại Pháp loại này.

Được nghe rằng: Bậc Chánh Đẳng Giác khi ngự tại cội Bồ Đề, khi mặt trời chưa tắt thì Ngài đã chiến thắng được Ma Vương cùng với binh tướng của Ma Chúa.

Vào canh đầu, Ngài đắc Túc Mạng Minh, vào canh giữa Ngài chứng đắc Thiên Nhân Minh, vào canh cuối Ngài pháp khởi tâm từ mẫn đối với chúng sanh, quán xét về nhân duyên theo lý thuận nghịch. Khi bình minh vừa ló dạng, quả Chánh Đẳng Giác hiện khởi đến Ngài cùng các ân đức tối thượng khác. Bây giờ tâm Ngài hoan hỷ, cảm hứng thốt lên kệ mà cả Trăm ngàn chư Chánh Đẳng Giác đã từng thốt lên:

- "Anekajāti saṃsāraṃ
Sandhāvissaṃ anibbisaṃ
Gahakāraṃ gavesanto
Dukkhā jāti punappunaṃ" (153)
- "Gahakāraṃ diṭṭho'si
Puna gehaṃ na kāhasi
Sabbā te phāsukā bhaggā
Gahakūṭaṃ visaṅkhatāṃ
Visaṅkhāragatāṃ cittaṃ
Taṇhānaṃ khayamajjhagā"(154)

- Xuyên qua nhiều kiếp sống, Như Lai thênh thang đi trong vòng luân hồi để tìm, nhưng không gặp người thợ cất nhà này. Phiền muộn thay đời sống triển miên tái diễn.

- Này hỏi người thợ làm nhà! Người đã bị bắt gặp. Người không còn cất nhà nữa. Tất phải rui mè của người đã gãy. Cây đòn dông của người cũng bị phá tan. Tâm Như Lai đã thành đạt trạng thái Vô Lậu. Mọi ái dục đã hoàn toàn chấm dứt.

"Lang thang bao kiếp sống
Ta tìm nhưng không gặp
Người xây dựng nhà này
Khổ thay phải tái sanh" (153)
"Ôi! Người làm nhà kia
Nay ta đã thấy người
Người không làm nhà nữa

*Đòn tay người bị gãy
Kèo cột người bị tan
Tâm ta đạt tịch diệt
Tham ái thấy tiêu vong" (154) (TMC).*

CHÚ THÍCH:

Ganakārakam Gavesanto: nghĩa là khi ta tìm kiếp người thợ là ái dục, tức là người thợ cắt nhà thể xác này.

Nghĩa là từ khi Ngài tạo phước thiện đến đức Phật Dipaṅkara để ước nguyện thành tựu Quả Vô Thượng Giác Ngộ, tức là điều có thể thấy người thợ cắt nhà ấy do tuệ giác, nên mới đi lang thang quanh quẩn, qua lại trong vòng luân hồi cả vô lượng vô kiếp.

Dukkā jāti Punappunam: đây là nói về nguyên nhân của sự tìm kiếm người thợ cắt nhà. Vì là tái sinh nhiều lần nên có sự khổ đĩnh theo, bởi do lẫn lộn với già bệnh và chết.

Khi tìm thấy người thợ cắt nhà, người ấy sẽ không còn sanh trở lại nữa, do vậy du mới du dạo lang thang trong vòng luân hồi để tìm người thợ cắt nhà.

Diṭṭho'si: Nghĩa là ta đã chứng ngộ Toàn Giác và đã gặp người rồi.

Punagaham: Nghĩa là người sẽ làm nhà của ta, tức là thể xác trong luân hồi không thể được nữa.

Sabbā te phāsukā bhaggā: Nghĩa là: rui mè tức là các phiền não còn lại của người, ta đã bẻ gãy.

Gahakūṭam visankhatam: Nghĩa là chí đòn dông tức là Vô minh của căn nhà, tức thể xác mà người tạo nên ta cũng phá tan rồi.

Visankhāragatam cittam: Nghĩa là: Bây giờ tâm của ta đạt đến tức là viễn ly Pháp Hữu vi, tức là lấy Níp Bàn làm cảnh.

Taṇhānam khayamajjhagā: Nghĩa là: Ta đã chứng đạt A La Hán tức là đã đoạn ái dục.

DỨT TÍCH ĐẦU TIÊN GIÁC NGỘ

DỊCH GIẢ CĂN ĐỀ

XI. 9- CHUYỆN CON VỊ TRƯỞNG GIẢ GIÀU CÓ

(PC. 155-156)

"Acaritvā brahmacariyam...".

Kệ Pháp Cú này, đức Bốn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại rừng Isipatana, đề cập đến con vị Trưởng giả

Tương truyền rằng: Có vị Trưởng giả có đại tài sản là 80 koti, ông bà chỉ có một cậu Công Tử, nên có sự suy nghĩ rằng:

- Gia tộc ta có đại tài sản, ta sẽ giao lại con ta, nó sẽ tiêu xài thoải mái, không cần phải làm việc gì khác.

Thế là, ông bà Trưởng giả chỉ cho con mình học khiêu vũ cùng hòa nhạc mà thôi. Khi ấy, trong thành Bārāṇasī ấy cũng có một gia tộc Trưởng giả khác, cũng có gia sản là 80 koti, gia tộc này cũng chỉ có độc nhất một nàng Tiểu Thư, hai ông bà Trưởng giả này lại cùng có cùng sự suy nghĩ như Trưởng giả trên, nên chỉ cho Tiểu Thư học khiêu vũ cùng với hòa tấu.

Khi cả hai trưởng thành, được kết hôn cùng nhau, thời gian sau, song thân của hai người đều qua đời, tài sản được thu về làm một, tổng cộng là 160 Koti. Công Tử thường xuyên vào hầu đức vua, mỗi ngày là ba lần.

Bọn du thủ du thực trong thành Bārāṇasī suy nghĩ rằng:

- Nếu Công Tử này là bạn rượu của chúng ta, chúng ta sẽ có nhiều lợi ích. Ta hãy tập cho Công tử nghiện rượu.

Bọn du thủ ấy sắp đặt sẵn rượu thịt, củ cải muối... Chờ đợi Công tử đi đến Hoàng cung. Khi thấy Công tử đi đến bọn chúng liền uống rượu, cắn củ cải với muốn ăn, và nói rằng:

- Cầu chúc Công tử được trăm tuổi thọ, chúng tôi sống được cũng nhờ có Ngài, nhờ Ngài chúng tôi có được vật thực này.

Nghe bọn chúng cầu chúc như thế, Công tử hỏi gia nhân rằng:

- Bọn chúng đang uống thứ gì thế?

- Thưa chủ! Họ đang uống rượu

- Thế rượu ấy uống có ngon chẳng?

- Thưa chủ! lẽ thường loại nước nên dùng trong đời này, ngoài trừ loại rượu ra, không thể có hơn được.

- Nếu thế, ta cũng nên dùng rượu

Chàng cho người mang đến một bình rượu để uống. Chẳng bao lâu bọn du thủ biết rằng: "Công tử đã nghiện rượu", chúng liền vây quanh Công tử. Thời gian trôi qua, Công tử có rất nhiều tùy tùng toàn là những tay uống rượu, Công tử mua rượu với mọi giá: 100 đồng cũng có, ngàn đồng cũng có. Khi chàng ngồi uống rượu thường cho mang tiền để bên cạnh, khi thì bảo lấy 1 kahāpaṇa hoa, hãy lấy 1 kahāpaṇa mau vật thơm... Người này hát hay, hãy thưởng cho 1000 đồng, người này múa hay... Người này hòa tấu hay... Công tử hoang phí như thế, chẳng bao lâu hết sạch 80 koti gia sản của mình. Người thủ kho gia sản báo rằng:

- Thưa chủ! Tài sản của chủ đã hết sạch rồi.

- Tài sản của vợ ta chẳng còn sao?

- Dạ thưa còn, thưa chủ.

- Thế thì hãy lấy tài sản ấy mà chi tiêu.

Rồi chàng dùng tài sản của vợ để tiếp tục hoang phí như thế. Cuối cùng hết sạch gia sản, phải bán cả vườn tược, ruộng nương... Sau cùng đến những vật dụng trong nhà như đồ trải lót, thảm xe... Cuối cùng, ngay cả căn nhà ở cũng đành phải bán luôn. Người chủ mới đã đuổi cả hai vợ chồng ra ngoài sau khi cho gia hạn nhiều lần. Khi ấy, chàng dẫn vợ đến ở tạm mái hiên của nhà người, hằng ngày dắt vợ đi xin ăn. Một hôm, đức Đạo Sư thấy y đứng trước cửa nhà ăn để chờ nhận tàn thực của Chư Tăng mà các Tỳ khưu và sa di hằng cho đến vợ chồng y. Ngài mỉm cười, thấy thế Đại đức Ānanda bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân nào duyên nào mà Ngài lại mỉm cười?

- Nay Ānanda! Người có trông thấy người Trưởng giả kia cùng với vợ, ngay nay phải ăn xin chẳng? Ông ta đã phá gia sản của mình lẫn của vợ, rồi giờ đây phải dẫn vợ đi ăn xin như thế. Này Ānanda, nếu Công tử ấy không truy lạc phá tán gia sản, mà chuyên tâm làm phước thiện hay nghề nghiệp tốt trong lúc niên thiếu, tài sản của y sẽ tăng vào bậc nhất trong thành Bārāṇasī, nếu xuất gia thì chúng đạt A La Hán, người vợ sẽ chúng đạt A Na Hàm. Nếu không phá sản mà tu chỉnh thân, làm việc thiện trong lúc tuổi trưởng thành sẽ là đệ nhị Trưởng giả trong thành, nếu xuất gia thì chúng đạt A Na Hàm, vợ sẽ chúng đắc Tư Đà Hàm. Vào thuở trung niên nếu lo tinh thân tâm, chuyên cần phước thiện và làm ăn thì sẽ là Đệ tam Trưởng giả trong thành, nếu xuất gia sẽ chúng đạt Tư Đà Hàm, người vợ sẽ đắc Tu Đà Hườn, Nhưng giờ đây, cả hai loại tài sản là Tục sản và Thành sản ấy đã bị y phá hủy tất cả. Khi đã bị phá hủy thì giống như con cò già trong cái ao khô cạn nước vậy.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

155-

"Acaritvā brahmacariyaṃ
Aladhā Yobbane dhanam
Jiṇṇakoicā' va jhāyanti
Khīṇamacche' va pallale"

156

"Accaritvā bramacariyaṃ
Aladdhā yobbane dhanam

Santi cāpātikhīṇā'va
Purāṇāni anutthanaṃ"

- Người không sống đời đạo hạnh thiêng liêng, người không thu thập tài sản lúc thiếu thời, sẽ tàn tạ mỗi mòn như con cò già trong cái ao không cá.

- Người không sống đời đạo hạnh thiêng liêng, người không thu thập tài sản lúc thiếu thời, sẽ nằm dài như cái cung gãy, nhìn dĩ vãng mà than vãn thở dài.

"Lúc trẻ không phạm hạnh

Không tìm kiếm bạc tiền

Như cò già bên ao

Ủ rũ không tìm cá"

"Lúc trẻ không phạm hạnh

Không tìm kiếm bạc tiền

Như cây cung bị gãy

Thở than những ngày qua" (TMC)

CHÚ THÍCH:

Acaritvā Nghĩa là không sống đời Phạm hạnh.

Yobbane nghĩa là thu thập tài sản trong lúc mình có thể làm cho tài sản chưa sanh được phát sanh, hoặc gìn giữ tài sản đã phát sanh rồi.

Khīṇamacche nghĩa là: Người ngu đến như vậy, thường ủ rũ như con cò già lông cánh trơ trọi bên cái ao khô cạn, gọi là ao không có cá vì không có nước.

Có lời giải rằng: Người ngu có trí xứ giống hư cái ao bùn lầy không có nước, ngu nhân không thể có được tài sản như ao không có cá, kẻ ấy không hề thu nhập được tài sản dù là dưới nước hay trên bờ... Hiện tại giống như con cò già lông cánh trơ trụi, khó thể tung cánh bay đi. Do vậy, người ngu mới ủ rũ trong chỗ này, như con cò già lão vậy.

Cāpātikhīṇā'va Nghĩa là rút ra khỏi. Có lời giải rằng: Mũi tên thoát khỏi cung, lao đi khi hết sức sẽ rơi xuống đất, chẳng một ai nhặt lấy, nó sẽ trở thành vật thực cho loài mối tại chính nơi ấy như thế nào, thì người ngu sau khi trải qua ba thời sẽ phải đi đến sự chết, vì không thể đưa mình lên được trong lúc bấy giờ. Do vậy, đức Thế Tôn mới phán dạy rằng: Senti cāpātikhīṇā 'va.

Purāṇāni anutthanaṃ: Nghĩa là thường nằm than thở, tức là sầu muộn đến việc ăn, uống, múa hát và hòa tấu... Mà mình đã làm trong lúc trước rằng: "Chúng ta đã ăn như vậy, đã uống như vậy"...

Dứt Pháp thoại rất nhiều người chúng đấng Dự Lưu quả...

DÚT TÍCH CON VỊ TRƯỞNG GIẢ GIÀU CÓ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XII. PHẨM TỰ NGÃ

XII. 1- HOÀNG TỬ BODHI

(PC. 157)

"Attānaṃ ce piyaṃ jañña...".

Kệ ngôn Pháp cú này đức Thế Tôn thuyết ra, khi Ngài ngự tại Bhesakaḷāvana, đề cập đến Hoàng tử Bodhi.

Trương truyền rằng: Hoàng tử Bodhi cho xây tòa Phi lâu có tên là Kokanada, lâu đài này không giống như các lâu đài khác, nó dường như nổi trên hư không.

Khi mới khởi công, Hoàng Tử Bodhi hỏi ông thợ mộc kỳ tài rằng:

- Người có từng xây dựng tòa phi lâu này cho ai chưa?
- Thưa Hoàng Tử! Đây là một kiến trúc nghệ thuật đầu tiên.

Hoàng tử suy nghĩ: "Nếu người thợ mộc này xây dựng tòa phi lâu xong, ta sẽ hạ sát hẳn ngay, nếu không y sẽ xây dựng tòa phi lâu khác cho nhiều người, thì lâu đài của ta chẳng có gì là độc đáo cả. Ta sẽ cho móc mắt y, hay sẽ cho chặt cả tay chân y. Như thế gã sẽ chẳng còn có dịp xây dựng phi lâu cho bất cứ ai khác".

Hoàng tử Bodhi tỏ thật ý mình cho Công tử con Đại Thần Sañjivaka là bạn tâm đắc của mình. Công tử suy nghĩ:

- Chắc chắn Hoàng tử sẽ hạ sát người thợ mộc kỳ tài này, người có tài nghệ như thế thật hiếm, ta không nên để cho y bị chết oan uổng như thế được. Ta sẽ báo cho y biết.

Công tử báo cho người thợ biết ý nghĩ của Hoàng Tử Bodhi:

- Này ông, công việc xây dựng tòa phi lâu của ông đã xong chưa?
- Thưa Ngài, sắp xong.
- Nếu thế, ông hãy lo bảo vệ lấy mình đi. Hoàng tử Bodhi sẽ sát hại ông, khi tòa phi lâu hoàn tất đấy.

Người thợ mộc vô cùng kinh hãi, nghĩ thầm: "May thật! Ta được tin này thật may mắn". Ông tạ ơn vị Công tử rằng:

- Thưa Ngài, Ngài đã mang đến sự tốt đẹp cho tôi, tôi sẽ cố tự giữ mình.

Khi Hoàng tử Bodhi đến hỏi người thợ mộc rằng:

- Này ông! Việc ông xây dựng tòa phi lâu cho ta, đã xong chưa?
- Thưa Hoàng Tử! Việc xây dựng phi lâu còn quá nhiều việc
- Việc gì mà người bảo là còn quá nhiều?
- Thưa Hoàng Tử! Tôi sẽ cho Ngài biết sau, hiện nay tôi cần dùng nhiều gỗ nhẹ để làm các cơ quan tinh xảo. Xin Ngài hãy cho người mang đến cho tôi.
- Người cần loại gỗ nào?
- Thưa loại gỗ không có lõi.

Hoàng tử Bodhi cho người mang gỗ đến theo yêu cầu của người thợ. Bấy giờ, người thợ mộc nói với Hoàng tử Bodhi rằng:

- Thưa Hoàng tử! Kể từ ngày mai Ngài đừng đến hỏi thăm tôi, vì khi tôi bắt đầu làm những mào móc tinh diệu của tòa phi lâu. Nếu bị hỏi han tâm tôi bị chi phối. Chỉ vợ tôi là được phép mang cơm đến cho tôi thôi, tôi phải biệt lập để chế tạo những cơ quan tinh xảo ấy.

- Được thôi.

Từ ấy, người thợ mộc chuyên tâm chế tạo con chim Đại Bàng trong gian phòng kín đáo. Vào giờ cơm thì vợ ông mang vật thực đến, anh bảo vợ nên bán những món bảo vật trong nhà, đổi thành tiền vàng.

Bên ngoài khu biệt ốc, Hoàng tử Bodhi cho quân canh gác thật nghiêm ngặt, canh phòng người thợ mộc bỏ trốn. Khi con Đại Bàng bằng gỗ đã chế tạo xong, người thợ mộc bảo vợ rằng:

- Ngày mai em hãy mang hết tiền vào đây, bảo các con hãy đến nơi ấy chờ đợi anh.

Người thợ mộc cho vào bụng Đại Bàng Gỗ những tài sản đã đổi thành vàng, y điều khiển con Đại Bàng gỗ cho bay qua cửa sổ, điều khiển cơ quan đến nơi đã hẹn trước với vợ con, toàn bộ gia đình ngồi trong bụng chim gỗ, hướng về Hy Mã Lạp Sơn, tìm nơi tốt đẹp cho Đại Bàng hạ cánh. Người thợ mộc đã xây dựng nơi ấy thành một xứ sở trù phú và Y là vị Hoàng Đế nơi đấy, có tên gọi là Hoàng Đế Kaṭṭhavāhana.

Những quân canh giữ, thấy con chim Đại Bàng gỗ đột nhiên từ khu biệt ốc bay qua cửa sổ đi mất, chúng tìm xét thì biết là ông thợ mộc đã bỏ trốn, quân canh báo tin nầy lại cho Hoàng tử Bodhi.

- Thưa Hoàng tử! Ông thợ mộc dùng chim gỗ trốn đi mất rồi.

Được tin ấy, Hoàng tử tiếc rẻ vô cùng, rồi Hoàng tử nghĩ:

- Ta sẽ làm lễ khánh thành tòa phi lâu nầy.

Chàng đi đến đánh lễ đức Đạo Sư, cung thỉnh Ngài cùng với chư Tăng đến thọ thực tại tòa phi lâu vào ngày mai.

Hoàng tử cho trang hoàng tòa phi lâu cực xinh đẹp, rải bốn loại hoa thơm trên tấm vải trắng lót đường trong tòa phi lâu.

Được biết rằng hoàng tử Bodhi không có con, nên chàng có sự suy nghĩ rằng: "Nếu ta có được đứa con, dù là trai hay gái thì đức Thế Tôn sẽ ngự đi trên tấm vải trắng nầy"

Khi Bậc Đạo Sư ngự đến, Hoàng tử Bodhi đánh lễ Ngài với tử thế ngũ thế đầu địa, rước bát Ngài và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin thỉnh Ngài hãy bước lên vải trắng ngự vào.

Dầu Hoàng tử Bodhi có thỉnh cầu đôi ba lượt, đức Thế Tôn vẫn đứng lặng yên, Ngài đưa mắt nhìn Đại đức Ānanda. Hiểu ý đức Thế Tôn, Đại đức Ānanda bảo Hoàng tử Bodhi rằng:

- Này Hoàng tử, xin Ngài hãy cho cuốn tấm vải trắng ấy đi. Đức Thế Tôn không muốn bước lên tấm vải trắng ấy (vì) đức Như Lai nhìn thấy được những gì sẽ phát sanh.

Thế là, Hoàng tử Bodhi đành phải thu dọn các tấm vải, bạch thỉnh đức Thế Tôn ngự vào cúng dường đầy đủ cháo cơm cùng vật thực thượng vị. Khi đức Đạo Sư cùng Tăng chúng thọ thực xong rồi, tà rời khỏi bát, đã ngăn vật thực. Hoàng tử ngồi xuống một nơi phải lễ, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! con là người phụng sự Ngài, Ngài là nơi nương nhờ của con đến ba lần rồi. Lần thứ nhất, khi con còn trong thai bào của mẫu thân; lần thứ hai khi con lớn lên và lần thứ ba khi con có đầy đủ trí khôn. Tại sao Ngài lại không bước lên tấm vải trắng lót đường nơi phi lâu nầy?

- Này Hoàng tử! Người đã suy nghĩ thế nào, khi người cho trải tấm vải trắng ấy?

- Bạch Thế Tôn! Con suy nghĩ rằng: Nếu ta có được đứa con, dù là trai hay gái. Bậc Đạo Sư sẽ ngự lên tấm vải trắng nầy. Do vậy con cho lót vải trắng lót đường.

- Này Hoàng tử! Hãy hiểu rằng vì sao Như Lai không bước lên tấm vải trắng ấy đi.

- Bạch Thế Tôn! Nếu thế con không có con được sao?

- Thật như vậy, này Hoàng tử.

- Bạch Thế tôn! Vì sao như vậy?

- Vì người cùng vợ người đã dễ duôi trong quá khứ.

- Bạch Thế Tôn! Trong thời nào vậy?

Tiếp đến, đức Thế Tôn thuyết lên Túc Sanh về tiền nghiệp của Hoàng tử Bodhi như sau:

Thuở quá khứ, có đoàn thương buôn hàng trăm người, đi trên một thuyền buôn ra biển. Khi chiếc thuyền ra giữa biển thì một cơn bão lớn nổi lên, đánh đắm con thuyền, có hai vợ chồng người thương buôn nọ nhờ bám vào một tấm ván tàu, sóng đánh tạt họ vào một đảo hoang nhỏ giữa biển nên được sống sót, kỳ dư đều chết dưới lòng đại dương. Hoang đảo ấy có rất nhiều chim trú ngụ, khi hai vợ chồng đói, thì họ dùng trứng chim để ăn, khi trứng chim cạn thì họ lại bắt lấy những con chim non mà dùng, rồi đến các chim lớn. Cả hai vợ chồng đều dùng trứng, chom non và chim lớn suốt cả ba thời kỳ: Thiếu niên, trung niên và lão niên, cả ba thời kỳ ấy hai vợ chồng thương buôn ấy đều dễ duôi như thế. Sự không dễ duôi dù chỉ là 1 thời kỳ thôi cũng không có. Lại nữa, trong hai người nếu chỉ một người không dễ duôi, sự kiện này lại không hề có.

Sau khi thuyết dẫn tiền sự của Hoàng tử Bodhi xong, Bạc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Này Hoàng Tử! Nếu vào thời ấy, người hay vợ người chỉ có một người không dễ duôi dù chỉ trong một thời kỳ, thì kiếp này người có được đứa con trai hoặc gái. Con trai hay con gái được sanh lên nhờ người không dễ duôi trong một thời nào đó. Hoàng tử hãy nên là người không dễ duôi, hãy nên là người tìm chỗ thương yêu chính là mình đi vậy, hãy bảo vệ mình suốt cả ba thời, nếu không được như thế thì cố gắng không dễ duôi trong một thời kỳ vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Attānaṃ ce piyaṃ jañña
Rakkheyya naṃ surakkhitam
Tiṇṇaṃ aññataram yānaṃ
Paṭijaggeyya paṇḍito"

- Thương mình hãy khéo bảo vệ lấy mình. Trong suốt thời gian ba canh, người thiện trí phải giác tỉnh phòng bị.

CHÚ THÍCH:

Yānaṃ nghĩa là Bạc Đạo Sư thuyết giảng một trong ba thời kỳ, gọi là canh vì Ngài là vị Pháp Vương thiện thuyết, văn nghĩa cụ túc. Do đó, trong kệ ngôn này, Bạc trí nên hiểu như vậy: "Nếu người biết rằng: Mình là nơi yêu thương chính mình, hãy khéo bảo vệ lấy ta, tức là bảo vệ mình một cách chu đáo".

Trong những người bảo vệ mình đó, nếu là cư sĩ hãy suy nghĩa rằng: "Ta sẽ bảo vệ lấy mình", rồi trở lại phòng đóng kín cửa lại, cho người canh gác phía trên lẫn phía dưới. Còn Bạc xuất gia thì rút sâu vào hang núi, động thẳm, cho đóng kín tất cả cửa ra vào. Cách thức bảo vệ như thế chưa gọi là tự bảo vệ mình. Nhưng nếu là cư sĩ thì có sự canh phòng bằng cách tinh cần thí hạnh, giới hạnh.... Bạc xuất gia thì tinh cần trong Pháp học hay Pháp Hành, thường nhiệt tâm an trú trong Pháp như thế, được gọi là tự bảo vệ lấy mình.

Nếu bậc trí không thể làm được như vậy trọn cả ba thời (canh) thì cũng phải bảo vệ mình trong một thời kỳ nào đó. Là cư sĩ, không thể tạo phước thiện trong thời niên thiếu vì bận sinh kế thì thời trung niên hãy là người tạo phước thiện, nếu trong thời trung niên bận nuôi nấng gia đình, vợ con không thể tạo phước được thì trong thời lão niên phải tạo phước thiện. Bằng cách đó mới được gọi là mình đã bảo vệ mình ngay tức khắc. Nếu không làm như thế thì không gọi là tự thương mình. Người ấy tự tạo khổ cho mình trước mắt.

Là bậc xuất gia, trong thời niên thiếu (không) thực hành trì tụng, ghi nhớ để làm tròn phận sự với Pháp Học thì gọi là dễ duôi. Trong thời trung niên hãy là người không có sự dễ duôi hành pháp Sa môn.

Lại nữa, nếu thời trung niên (không) vấn hỏi lý nghĩa và quán trạch Pháp Hành mà mình đã học trọn thời niên thiếu thì gọi là đã dễ duôi. Trong thời lão niên hãy không dễ duôi tinh cần hành Pháp Sa môn. Bằng cách đó, người xuất gia ấy gọi là có sự bảo vệ mình. Nếu không làm thế thì gọi là người không bảo vệ mình, không thương yêu mình, bậc xuất gia như thế hằng tạo cho mình sự khổ não về sau.

Dứt Pháp thoại, Hoàng tử Bodhi và nhiều đại chúng chúng đạt quả Dự lưu. Pháp thoại mang lại lợi ích cho hội chúng là như thế.

DỨT TÍCH HOÀNG TỬ BODHI

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XII. 2- TÔN GIẢ UPANANDA

(PC. 158)

"Attānaṃ eva paṭhamam...".

Kệ Pháp Cú này đức Bốn Sư thuyết ra, khi Ngài an trú tại Tinh xá Jetavana trong thành Sāvattihī, đề cập đến Tôn giả Upananda.

Tương truyền rằng: Trưởng lão Upananda có tài thuyết pháp, là vị pháp sư có tài. Nhiều vị Tỳ khuru nghe Ngài thuyết pháp thoại liên hệ đến tri túc, thiếu dục, đã cúng dường thượng y của mình đến Tôn giả Upananda, rồi thọ trì hạnh Đầu đà. Riêng về, Tôn giả Upananda thì thọ dụng tất cả những vật dụng mà chư Tỳ khuru ấy xả bỏ.

Gần đến ngày an cư mùa mưa, Tôn giả Upananda đi đến một trú xứ nọ. Chư Tỳ khuru nơi ấy nói với Tôn giả bằng sự cung kính vị Pháp sư:

- Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài an cư tại nơi này.
- Trong Tinh Xá này được bao nhiêu y tắm mưa.
- Bạch Ngài, mỗi vị được một chiếc.

Tôn giả Upananda để lại nơi ấy đôi dép, rồi đến Tinh xá khác, cũng được bạch thỉnh Tôn giả an cư, Tôn giả hỏi:

- Trong Tinh xá này chư Tỳ khuru được những vật dụng gì?
- Thưa Ngài, mỗi vị được hai tấm vải Sāṭaka.

Tôn giả để lại chiếc gậy nơi đó, rồi đi đến một Tinh xá thứ ba, hỏi rằng: "Trong Tinh xá này, chư Tỳ khuru được vật dụng gì?"

- Mỗi vị được ba chiếc y Sāṭaka.

Tôn giả để lại nơi ấy cái bình nước, đi đến Tinh xá thứ tư:

- Trong Tinh xá này, chư Tỳ khuru được cái chi?
- Thưa, mỗi vị được bốn chiếc y Sāṭaka.
- Thôi thì ta sẽ an cư mùa mưa tại nơi này vậy.

Tôn giả Upananda an cư mùa mưa tại nơi ấy, thuyết pháp đến thính chúng cư sĩ lẫn Tỳ khuru. Các Tỳ khuru cùng cư sĩ đã cúng dường Tôn giả Upananda rất nhiều y và vải. Khi mãn mùa an cư, Tôn giả cho người đến

Các Tinh xá kia báo rằng:

- Tôi cũng được vải nhập hạ đây nhé, vì tôi đã để lại dép nơi ấy... gậy nơi ấy... Bình nước nơi ấy. Vậy chư Tỳ khuru hãy gói vải an cư mùa mưa cho tôi.

Bấy giờ, trong Tinh xá có hai vị Tỳ khuru trẻ phát sanh được hai tấm vải Sāṭaka và một tấm vải Kambala, không thể chia nhau được: "Hiền giả hãy nhận vải Sāṭaka, còn tôi thì nhận vải Kambala". Hai người không thể chia nhau, đang bàn cãi ở gần đường đi. Khi trông thấy Tôn giả Upananda từ xa đi đến, đã bạch rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài hãy chia hộ chúng tôi.
- Các vị hãy tự mình chia đi.
- Thưa Ngài, xin Ngài hãy chia hộ chúng tôi đi.

- Vậy các người có nghe lời ta chăng?
- Thưa vâng, chúng tôi sẽ nghe lời Ngài.

Tôn giả Upananda nói rằng:

- Nếu được như thế, ta sẽ phân xử hộ cho các vị.

Rồi Tôn giả chia cho hai Tỳ khuru trẻ, mỗi vị một chiếc y Sāṭaka, còn mình thì lấy y Kambala, nói rằng:

- Đây là phần của tôi xử kiện.

Hai vị Tỳ khuru trẻ bị nhiệt não, đi đến Bạc Đạo Sư bạch lại mọi việc. Bạc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Nay chư Tỳ khuru! Upananda chia tài vật làm cho người khác bị phiền não chẳng phải chỉ có trong hiện tại mà thôi. Quá khứ y cũng đã từng làm như thế rồi.

Theo lời yêu cầu của chư Tỳ khuru, đức Thế Tôn thuyết lại Bốn Sanh như sau:

Thời quá khứ, có hai con rái, một con tìm vật thực trên bờ, con kia thì tìm vật thực dưới nước. Một hôm chúng cùn tìm được con cá mè lớn, khởi lên sự tranh cãi với nhau rằng:

"Cái đầu của ta, còn cái đuôi là của người". Chúng không thể giải quyết được, bấy giờ một con chó chóc đi đến, chúng bảo chó chóc rằng: "Này bác! Bác hãy chia cho chúng tôi con cá này đi"

- ta được vua ban cho địa vị Phán quan, ta vừa ở Công đường phán xét xong một vụ kiện. Giờ đây ta đang đi dạo chơi, hiện ta không có thời gian đâu.

- Này Bác, xin bác đừng làm thế, bác hãy chia hộ chúng tôi đi.
- Thế thì các người có nghe lời của ta không?
- Chúng tôi sẽ nghe lời bác.
- Nếu vậy, thì ta sẽ chia hộ cho các người.

Rồi chó chóc chia như sau: "Trong hai người, con nào kiếm ăn dọc theo bờ thì nhận cái đầu. Con nào kiếm ăn ở dưới nước sâu thì nhận cái đuôi. Còn khúc giữa là phần công xử kiện của ta. Chó chóc cắt đầu và đuôi giao cho hai con rái, còn mình lấy khúc giữa, nó nói lên kệ rằng:

"Đuôi cá thuộc về rái kiếm ăn dọc bờ. Đầu thuộc về rái kiếm ăn dưới nước sâu. Riêng phần giữa thuộc về người xử kiện:

Rồi chó chóc gặm khúc giữa tha chạy đi. Cả hai con rái bị nhiệt não nhìn theo con chó chóc ấy.

Sau khi thuyết giảng Bốn sanh, Ngài nhận diện rằng: "Này các Tỳ khuru! Trong thời quá khứ Upananda cũng đã từng làm cho người bị nhiệt não như thế. Hai con rái cá nay là hai vị Tỳ khuru trẻ, còn chó chóc này là Upananda".

Rồi đức Thế Tôn quả trách Upananda rằng:

- Lẽ thường người giáo hóa người khác, hãy tự mình thực hành trước.

Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn như vậy:

- "Attānaṃ eva paṭhamam
Paṭirūpe nivesaye
Ath'aññam anusāseyya
Nakilisseyya paṇḍito"

- Hãy tự củng cố trên con đường chơn chánh, sau đó giáo hóa kẻ khác. Người trí như thế ấy sẽ không bị ô nhiễm.

*"Trước hết tự đặt mình
Vào những gì thích đáng
Sau mới giáo hóa người
Người trí khỏi bị nhiễm (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Paṭirūpe nghĩa là: Hãy tự giáo hóa mình cho xứng đáng Bậc Đạo Sư có dạy: "Người muốn dạy kẻ khác các ân đức như thiếu dục... hoặc sự thực hành Phác bậc Thánh... Người ấy hãy tự giáo hóa mình trong các pháp ấy trước. Khi giáo hóa mình được như vậy rồi mới dạy những kẻ khác những pháp ấy sau. Vì người chưa tự giáo hóa lại giáo hóa kẻ khác sẽ bị chỉ trích là người đang ô nhiễm. Khi tự giáo hóa rồi giáo hóa kẻ khác thì được tán dương là "Người không bị ô nhiễm". Bậc trí thực hành như thế gọi là người vô nhiễm.

Dứt Pháp thoại, hai vị Tỳ khuru trở an trú vào Thánh quả Dự Lưu. Pháp thoại mang lại lợi ích cho thính chúng rất nhiều.

DÚT TÍCH TÔN GIẢ UPANANDA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XII. 3- TRƯỞNG LÃO PADHĀNIKATIṢṢA

(PC. 159)

"Attānaṃ ce tathā kariya...".

Kệ Pháp Cú này đức Bổn sư thuyết lên, khi Ngài ngụ tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Padhānikatissa. Được nghe rằng Đại đức Padhānikatissa học đề mục nghiệp xứ từ Bậc Đạo sư, rồi dẫn 500 vị Tỳ khuru vào rừng hành thiền, Đại đức dạy rằng: "Này chư hiền giả! Các vị hoặc đề mục nghiệp xứ với Bậc Đạo Sư khi Ngài còn tại tiền. Vậy các vị chớ nên để đuôi hãy hành Sa môn Pháp đi". Giáo hóa chúng Tăng như vậy, thế nhưng Tôn giả ấy lại chính mình nằm ngủ.

Vào canh đầu, các Tỳ khuru đi kinh hành, đến canh giữa thì vào Tịnh thất riêng. Đại đức Padhānikatissa tỉnh giấc, đi đến chư Tỳ khuru ấy quở trách:

- Các vị trở vào Tịnh thất với ý định: "Sẽ ngủ" đấy à? Hãy nhanh chóng trở ra hành Pháp Sa môn đi.

Rồi Tôn giả lại chính mình trở vào Tịnh thất ngủ. Các Tỳ khuru đi kinh hành trọn cả canh giữa, đến canh cuối mới trở vào tịnh thất. Và Tôn giả lại thức giấc, đến nơi các Tỳ khuru ấy, dẫn các vị ấy ra khỏi Tịnh thất, rồi tự mình trở vào ngủ tiếp.

Tôn giả Padhānikatissa thường làm như thế, chư Tỳ khuru không thể trì tụng hoặc định tâm trên đề mục được, tâm đã bị phóng dật nhiều, chư Tỳ khuru bàn luận cùng nhau rằng:

- Thầy chúng ta hằng đề cập đến sự tinh cần quá mức như thế. Vậy chúng ta hãy rình xem Ngài như thế nào?

Khi biết rõ sự việc như thế, các Tỳ khuru bàn luận với nhau:

- Này chư hiền! Chúng ta đã bị tổn hại rồi, thầy chúng ta chỉ dạy chúng ta suông thôi, khi chính Ngài lại không thực hành.

Trong số 500 vị Tỳ khuru vất vả đó, chẳng có ai chứng đạt Pháp Thượng nhân cả.

Mãn mùa an cư, chư Tỳ khuru trở về yết kiến đức Thế Tôn, được Ngài tự thân đón tiếp thân hữu, Ngài phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ khuru! Các người có là người không để đuôi chăng?

Vật thực có đủ dùng chăng?

Chư Tỳ khuru bạch trình lên đức Thế Tôn mọi việc, Ngài phán dạy rằng: "Thật vậy, này các Tỳ khuru, Tỳ khuru ấy chẳng phải chỉ làm tổn hại các thầy trong hiện tại. Trong quá khứ y cũng đã từng như thế rồi.

Rồi theo lời thỉnh cầu của chư Tỳ khuru, Ngài thuyết giảng rộng rãi Bổn Sanh Akālaravakukkuṭa (con gà gáy phi thời), rằng:

- "Con gà này lớn lên trong chỗ của người không phải là cha mẹ, ở trong gia đình không phải là thầy, nên không biết thời và phi thời". Rồi Ngài phán rằng:

- Này chư Tỳ khuru! Lễ thường Tỳ khuru khi dạy người khác như thế nào, thì chính mình hãy tự kiểm soát mình cho đầy đủ. Người tự hành đúng lời mình đã dạy, gọi là đã kiểm soát.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Attānaṃ ce tathā kariya
Yathaññamanusāsati
Sudanto vata dammetha
Attā hi kira duddamo".

- Dạy người như thế nào, tự mình hành động như thế ấy. Chính mình hãy tự kiểm soát đầy đủ, kể đó dạy (kẻ khác). Thật vậy, kiểm soát mình quả thật khó.

"Hãy tự làm cho mình
Như điều mình dạy người
Khéo tự điều, điều người
Khó thay, tự điều phục..". (TMC)

CHÚ THÍCH

Nên hiểu ý nghĩa kệ ngôn này như vậy: "Tỳ khuru nói rằng: Hãy đi kinh hành trong canh đầu... Gọi là thường dạy người khác như thế nào, chính mình cũng phải chú nguyện phạm sự như kinh hành... Gọi là mình đã thực hiện điều đã dạy người. Như thế đó, gọi là vị Tỳ khuru tự điều phục mình rồi dạy cho người khác.

Sudanto nghĩa là: Tỳ khuru dạy người khác pháp nào, mình hãy là người có được pháp ấy. Khi ấy mới dạy người khác hành Pháp như thế.

Attāhi kira duddamo: Nghĩa là gọi là mình dạy người Pháp khó thực hành, mình nên là người thành thạo trong những Pháp ấy, hãy là người thực hành pháp ấy vậy.

Dứt kệ ngôn, cả 500 vị Tỳ khuru chứng đạt A La Hán quả.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XII. 4- THÂN MẪU TRƯỞNG LÃO KUMĀRASASSAPA

(PC160)

"Attā hi attano nātho...".

Kệ Pháp Cú này đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến mẹ của Đại đức Kumārakassapa.

Được nghe lại rằng: Mẹ của Đại đức Kumārakassapa là con gái của một Trưởng giả trong thành Rājagaha. Khi có trí hiểu biết, nàng lại hướng tâm đến đời sống xuất gia. Nhiều lần Tiểu Thư xin song thân cho mình được sống đời sống vô gia đình trong Giáo Pháp của đức Thế Tôn, nhưng song thân nàng không ưng thuận.

Nàng trưởng thành, song thân nàng gả nàng cho vị Công tử. Chàng như là vị chư Thiên trong nhà của nàng, chẳng bao lâu Tiểu thư có mang nhưng nàng chẳng hề biết được điều đó.

Một hôm, nhân có lễ hội trong thành Rājagaha, nàng lại chẳng tha thiết chi đến lễ hội, không màng trang điểm. Công tử lấy làm lạ, hỏi nàng nguyên nhân, nàng bày tỏ nguyện vọng của mình. Công tử vô cùng hoan hỷ, cho Tiểu thư được xuất gia trong Ni viện.

Chàng dẫn vợ đến trú xứ chư Tỳ khuru ni, xin cho vợ mình được xuất gia. Chàng mang nhiều lễ vật đến cúng dường chư Ni trong buổi lễ xuất gia ấy. Cả chư Ni cũng không biết rằng: "Nàng Tiểu thư này đã có mang.", nên đã cho nàng xuất gia trong trú xứ của Tôn giả Devadatta.

Thời gian sau, khi thai bào tăng trưởng, chư Ni biết được, hỏi nàng rằng: "Này Tôn Ni! Vì sao có chuyện là như thế?"

- Thưa chư Hiền tỷ! Tôi cũng không rõ vì sao nữa. Nhưng giới hạnh của tôi không bị lấm nhơ đâu.

Chư Ni đem việc nầy trình với Tôn giả Devadatta rằng:

- Bạch Ngài! Nữ ni nầy xuất gia do đức tin, nhưng chúng tôi không rõ vì sao nàng lại mang thai cả. Giờ đây chúng tôi phải làm sao?

Tôn giả Devadatta chẳng chịu suy xét kỹ lưỡng, chỉ nghĩ đến một điều là: "Đừng để tai tiếng đến chư Ni trong trú xứ của ta là những người mà chính ta hằng giáo giới" Tôn giả nói với chư Tỳ khưu ni rằng:

- Các cô hãy tẩn xuất nàng ấy ra khỏi trú xứ, cho nàng trở về đời sống thế tục đi.

Nghe Tôn giả Devadatta nói như thế, vị Nữ ni trẻ bạch với chư Tỳ khưu ni rằng:

- Thưa chư Hiền tỷ! Xin các Hiền tỷ đừng làm tổn hại đến tôi, tôi không có xuất gia riêng với Đại đức Devadatta. Xin chư hiền tỷ hãy đưa tôi đến yết kiến đức Thế Tôn, trình bày việc này đến đức Đạo Sư đi.

Chư Tỳ khưu ni hướng dẫn nàng về trú xứ của đức Thế Tôn trong thành Sāvattthī ở Tinh Xá Jetavana. Khi sự việc được trình lên đức Thế Tôn, Ngài đã rõ biết rằng: "Nữ ni nầy đã mang thai từ trước khi xuất gia". Để làm sáng tỏ vấn đề nầy, Ngài cho vời đức vua Pasenadi Kosala, Trưởng gia anāthapindika, Trưởng giả Cūlānāpindika, Đại tín nữ Vikākhā cùng các tín gia khác đến, rồi Ngài phán bảo Đại đức Upāli rằng:

- Này Upāli! hãy làm sáng tỏ việc nầy đến nữ Tỳ khưu ấy đi.

Đức Upāli vâng lệnh đức Thế Tôn, Ngài cho mời nàng Visākhā đến, trước mặt Đại chúng, giao nữ ni cho Visākhā thẩm nghiệm thời gian thọ thai bào, cùng phận sự xác minh giới hạnh của Nữ ni ấy.

Nàng Visākhā cho người che màn chung quanh, tự thân nàng kiểm tra thân thể, chân, rún, âm hộ của nàng nữ ni trong màn. Nàng tính toán ngày, tháng, năm chuẩn xác và biết được rằng: "Tỳ khưu ni nầy đã mang thai trước khi xuất gia". Nàng Visākhā trình bày trước hội chúng việc kiểm nghiệm của mình.

Trưởng lão Upāli cho nàng được sự trong sạch giữa hội chúng. Thời gian sau, nàng hạ sanh được một hài nhi, có tượng mào khô ngô, vị nầy đã có ước nguyện dưới chân Đấng Chánh Đẳng Giác Padumuttara. Hôm sau, đức vua đến gần chỗ của nàng Tỳ khưu ni ấy, nghe tiếng khóc trẻ thơ, Ngài phán hỏi cận tướng rằng:

- Này các khanh! Tiếng gì thế?

- Tâu Bệ Hạ! Nàng Tỳ khưu ni ấy đã sanh, đó là tiếng khóc con của nàng ấy.

Đức vua nhận lãnh đứa bé ấy, đem về Hoàng Cung nuôi, giao cho các nữ mẫu chăm sóc hài nhi ấy. Vào ngày đặt tên, đức Vua đặt tên cho hài nhi ấy là Kumārakassapa, vì rằng: Cậu bé được đức vua cho nuôi dưỡng bởi vật thực dành riêng cho vị Hoàng tử.

Khi được bảy tuổi, nhân khi chơi đùa cùng các trẻ đồng lứa Công tử

Kumārakassapa đã đánh chúng, chúng bảo nhau rằng:

- Chúng ta bị đứa không cha không mẹ đánh.

Công tử Kumārakassapa nghe như thế, liền đi đến đức Vua Pasenadi bạch hỏi rằng:

- Tâu Bệ Hạ! Các đứa trẻ luôn bảo con là đứa không cha không mẹ, xin Ngài hãy chỉ cha mẹ cho con đi.

- Các chủ mẫu chính là mẹ của con đấy.

- Thưa Bệ Hạ! Mẹ của con không nhiều như thế đâu, chỉ có một người mà thôi. Xin Ngài hãy chỉ mẹ của con vậy.

Đức vua suy nghĩ: "Ta khó có thể gạt được Đồng tử nầy". Ngài phán với Kumāradassapa rằng:

- Này con! Mẹ của con là vị Tỳ khưu ni, Ta được con từ nơi vị Nữ ni ấy.

Nghe thế, Kumārakassapa chợt động tâm bởi nguyên nhân ấy, Ngài quì xuống tâu xin với vua Pasenadi rằng:

- Tâu Vương phụ! Nếu thế, xin Ngài hãy cho con được xuất gia đi.

- Này con! Thật lành thay, lành thay,

Đức Vua dẫn Công tử Kumārakassapa đến trú xứ của đức Thế Tôn, mang thật nhiều lễ vật cúng dường đến Tăng chúng, đức vua xin đức Thế Tôn cho Công tử Kumārakassapa được xuất gia.

Khi Ngài Kumārakassapa đến tuổi thọ giới Cụ túc, đã thọ Đại giới, có tên gọi là Tỳ khuru Kumārakassapa, Ngài học về mục nghiệp xứ từ nơi đức Thế Tôn, rồi vào rừng thanh vắng yên tịnh để hành Pháp Sa môn, nhưng sự tinh cần của Ngài không mang lại cho Ngài pháp Thượng Nhân, Ngài suy nghĩ:

- Ta nên trở về học để mục nghiệp xứ đặc biệt hơn.

Trưởng lão trở về yết kiến đức Thế Tôn, khi ấy Bạc Đạo Sư đang ngự tại Andha. Bấy giờ, có vị Đại Phạm Thiên Bất Lai, là thân hữu của Ngài Kumārakassapa, hỏi Ngài 15 kệ ngôn và bảo rằng:

- Ngoại trừ Bạc Đạo Sư ra, không ai có thể giải đáp được những câu hỏi này. Vậy Tôn giả hãy đến nơi Bạc Đạo Sư để tìm hiểu ý nghĩa của những câu hỏi này.

Trưởng lão Kumārakassapa đến đức Thế Tôn, bạch hỏi Ngài ý nghĩa 15 câu hỏi ấy. Bạc Đạo Sư giải thích ý nghĩa vừa xong thì Thánh quả A La Hán hiện khởi đến Đại đức Kumārakassapa.

Kể từ khi Đại đức ra đi hành pháp Sa môn trong rừng, thắm thoát được 12 năm, trong 12 năm trường ấy mẹ Ngài không thể ngăn được nước mắt khi nhớ đến con.

Một hôm, nhân khi thấy Trưởng lão đang trì bình khát thực từ xa, nàng vội vàng chạy đến, đảo thân hình, toan nắm lấy Trưởng lão, vú của nàng tươm sữa ra vì sự xúc cảm mãnh liệt quá mức, dính vào y của nàng. Trưởng lão Kumārakassapa suy nghĩ:

- Nếu ta dùng lời dịu ngọt nói với mẹ ta, sẽ làm thương tổn đến bà mà thôi, chứ chẳng ích lợi cả. Vật ta nên nói với ngôn ngữ lãnh đạm là tốt nhất.

Trưởng lão suy nghĩ như thế, nói với vị Nữ Ni ấy rằng:

- Bà tu làm chi thế? tại sao bà đã xuất gia rồi mà không thể cắt đứt sự thương yêu ấy đi.

Tỳ khuru ni ấy suy nghĩ rằng:

- Lời nói của con ta sao mà bạc như thế?

Liên hỏi Đại đức rằng: - "Này con, con vừa nói chi vậy?"

Trưởng lão liền dùng lời bất êm dịu mà đáp lại như trước. Nàng suy nghĩ rằng: "Ta đã không cầm được nước mắt suốt cả 12 năm trường vì lòng thương nhớ con, nhưng con của ta nói vô tình quá, chẳng nghĩ chi đến ta cả. Vậy thì lợi ích chi tình thương mà ta đã dành cho nó chứ. "Nàng suy nghĩ như thế rồi, buông y Trưởng lão ra, trở về Tịnh Thất, cố gắng quên đi đứa con vô tình, gắng sức hành đạo. Lòng thương con không còn tha thiết như trước nữa, chẳng bao lâu, nhờ áp chế được tình cảm đó nàng chứng đạt A La Hán quả.

Thời gian sau, chư kỳ khuru bàn luận cùng nhau nơi Giảng đường:

- Này chư Hiền! Tôn giả Kumārakassapa và Trưởng lão ni có đầy đủ duyên lành như thế, vậy mà suýt nữa bị Devadatta làm tổn hại. Còn Bạc Đạo Sư là nơi nương nhờ của hai vị ấy, thật là kỳ diệu thay. Lễ thường chư Phật là bậc hằng Tế độ thế gian vậy.

Với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, đức Thế Tôn nghe được sự luận bàn ấy của chư Tỳ khuru, Ngài ngự đến phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ khuru! Các người đang bàn luận cùng nhau về việc gì?

- Bạch Thế Tôn, chuyện này...

- Này các Tỳ khuru! Chẳng phải chỉ trong kiếp này Ta là nơi nương nhờ cho hai mẹ con Kumārakassapa. Trong quá khứ, hai người ấy cũng đã từng nương nhờ nơi ta rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳ khuru, Ngài thuyết giảng lên Túc Sanh Nigoradha chi tiết, rồi Ngài Phán rằng:

"Người hoặc người khác hãy giao du với nai Nigoradha, đừng nên giao du với nai Sākha. Chết vì nai Nigoradha còn cao quý hơn là sống với nai Sākha, sống với nai Sākha có gì là cao quý đâu".

Đức Thế Tôn nhận diện Bốn Sanh rằng: "Nai Sākha trong quá khứ này là Devadatta, hội chúng của nai Sākha nay là hội chúng của Devadatta trong hiện tại. Nai cái nay chính là Trưởng lão ni, con nai con nay là Trưởng lão Kumāsakassapa. Nai chúa Nigoradha nay chính là Đấng Như Lai vậy".

Rồi Ngài nói về sự cắt đứt được tình cảm, sự thương yêu con của Trưởng lão Ni. Khi ấy bà trở nên là nơi nương tựa của chính mình, người khác không thể làm được. Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

"Attā hi attano nātho
Ko hi nātho paro siyā.
Attanā'va sudantena
Nātham labhati dullabham".

- Chính ta là cứu tinh của ta. Quả vậy, ai khác cứu được ta bây giờ? Khéo kiểm soát lấy mình tức là được vị cứu tinh vốn khó tìm.

"Tự mình y chỉ mình
Nào có y chỉ khác
Nhờ khéo điều phục mình
Được y chỉ khó được". (TMC).

CHÚ THÍCH:

Nātho là nương nhờ. Đức Thế Tôn có dạy: "Người khéo điều luyện mình đầy đủ, có thể tạo phước đến ngàn cảnh hay khiến đạo phát sanh hoặc tác chứng Quả. Do đó, chính mình là nơi nương của mình. Ai khác? Là chỗ nương nhờ được đâu, vì khi người tự nương nhờ sẽ đoạn trừ được tri kiến sai lầm. Chỗ nương nhờ mà người khác khó làm được cho chính mình là A la Hán quả.

Nātham labhati dullabham: Đây là đức Thế Tôn, Ngài ám chỉ A la Hán quả.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng quả Thánh, nhất là quả Tu Đà hườn.

DÚT TÍCH THÂN MẪU TRƯỞNG LÃO KUMĀRAKASSAPA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XII. 5- CẬN SỰ NAM MAHĀKĀLA

(PC. 161)

"Attanā'va katam pāpam...".

Kệ ngôn này đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana trong thành Sāvattthī. Đề cập đến Cận sự nam Mahākāla là vị chứng đắc Tu Đà Hườn.

Tương truyền rằng: Cận sự nam Mahākāla hằng thọ trì giới Uposatha vào những ngày Uposatha. Vào ngày ấy, vị này thường đến Tịnh Xá nghe Pháp suốt đêm.

Một hôm cũng vào ngày Trai giới, có bọn trộm đạo đã đánh cắp tài sản của một gia tộc nọ, ở gần Tịnh Xá Jetavana vào lúc ban đêm. Trong khi chúng di chuyển vật trộm đi, gia chủ phát giác được liền báo động, cùng nhau rượt đuổi theo bọn trộm cướp. Chúng quăng bỏ những tang vật rồi bỏ chạy thoát thân. Riêng vị gia chủ vẫn theo truy lùng bọn trộm, chúng chạy tán loạn khắp bốn hướng, có một tên chạy về hướng Tịnh Xá Jetavana.

Bấy giờ, đêm gần mãn, cận sự nam Mahākāla sau khi nghe Pháp trọn đêm, đã ra bờ hồ súc miệng rửa mặt, tên trộm ấy chạy đến hồ, quăng bỏ túi đồ trước mặt Mahākāla, cho vị này là kẻ trộm, nên bắt Mahākāla nói rằng: "Người đã đột nhập vào nhà của ta, lấy trộm đồ vật rồi bỏ chạy đến đây, giả vờ là người đi nghe Pháp". Chúng dân ấy xúm lại đánh chết cận sự nam ấy.

Bấy giờ, các Tỳ khưu trẻ cùng các Sa di đi ra hồ múc nước, thấy Mahākāla chết như thế, bảo nhau rằng:

- Cận sự nam Mahākāla nghe Pháp trong Tịnh Xá suốt cả đêm, nay chết như thế thật là bất xứng.

Các Tỳ khưu trình lên đức Thế Tôn về sự việc này. Bậc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Đúng như vậy, này các Tỳ khuru! Mahākāla chết bất xứng trong kiếp này, nhưng lại tương xứng với nghiệp đã tạo trong quá khứ.

Chư Tỳ khuru cung thỉnh Bạc Đạo Sư thuyết giảng Bốn Sự về tiền nghiệp của Mahākāla.

Thuở quá khứ có một bọn cướp gần bìa rừng, thuộc vùng biên địa của Quốc vương Bārāṇasī. Để giữ an toàn cho sơn dân nơi ấy, đức vua đặt một viên quan trấn giữ nơi bìa rừng, có phận sự đưa người từ bên này rừng sang bên kia rừng hay từ bên kia rừng sang bên này rừng.

Một hôm, có chàng thanh niên cùng cô vợ xinh đẹp khả ái của mình, đánh xe đến nơi bìa rừng ấy. Nhìn thấy sắc đẹp diễm lệ của nàng, viên quan Trấn Thủ phát sanh dục nhiễm, khi người chồng ngỡ ý rằng: "Thưa ông! Xin ông hãy đưa chúng tôi sang bên kia rừng".

- Thưa Ngài! Bây giờ trời đã chiều, xin Ngài hãy nán đợi đến sáng mai, tôi sẽ đưa Ngài sang bên ấy.

- Thưa ông! Bây giờ vẫn còn sớm, ông có thể đưa chúng tôi sang bên ấy được mà.

- Nhưng vì còn phải chờ một số người khác. Thôi Ngài cứ tạm ngụ và dùng vật thực ở đồn trấn của tôi đi.

Tuy không muốn ở lại, nhưng chàng thanh niên cũng đành chịu. Quan Trấn Thủ hướng dẫn chàng đánh xe trở lại đồn trấn của mình, ông sắp xếp vật thực cho chàng thanh niên dùng.

Quan Trấn Thủ có một viên ngọc quý, ông sai gia nhân lén bỏ vào nơi kín đáo trong xe của chàng thanh niên. Vào lúc trời hừng sáng, ông ta cho lính giả làm cướp, đánh cướp đồn, rồi bọn cướp giả vờ thua bỏ chạy. Kế đến gia nhân quan Trấn Thủ trình báo cho ông biết rằng: "Thưa chủ, viên Bảo Ngọc đã bị đánh cướp rồi".

- Các người hãy vây chặt cổng trại, khám xét thật kỹ lưỡng những người ra khỏi trại này.

Chàng thanh niên cùng vợ đã chuẩn bị đi từ sáng sớm, khi gia nhân của quan Trấn Thủ khám xét xe chàng, tìm thấy viên Bảo Ngọc trong xe ấy, ghé tội chàng rằng:

- Người đã đánh cắp viên ngọc này rồi toan trốn đi phải chăng?

Chúng liền bắt trói và đánh đập chàng thanh niên, đem trình lên quan Trấn Thủ:

- Thưa chủ! Tôi đã bắt được người đánh cướp Bảo Ngọc, chính là gã thanh niên này.

- Ta là quan Trấn Thủ nơi này. Ta đã tiếp đãi nó trọng hậu, cho nghỉ lại qua đêm trong đồn. Thế mà nó lại liên hệ với bọn cướp, đánh cắp Bảo Ngọc của Ta như thế. Các người hãy đánh chết nó đi.

Thế là, gia nhân của quan Trấn Thủ đánh chàng thanh niên cho đến chết, ném xác chàng vào rừng. Quan Trấn Thủ chiếm đoạt vợ chàng thanh niên bằng cách như thế. Do ác nghiệp ấy, khi mệnh chung y bị đọa vào Địa ngục A Tỳ, bị lửa thiêu đốt trong thời gian dài đếm năm không kể xiết, khi thoát khỏi địa ngục, quả còn dư sót của ác nghiệp ấy, khiến cho y bị đánh chết vô cớ đã 100 kiếp rồi.

Sau khi thuyết xong tiền tích của Mahākāla, Ngài phán rằng:

- Này các Tỳ khuru! Chính ác nghiệp mà ta đã tạo, thường nghiền nát người ấy trong bốn khổ cảnh như vậy.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Attanā'va kataṃ pāpaṃ
Attajaṃ attasambhavaṃ
Abhimanthati dummedham
Vajiraṃ v'asmamayaṃ maṇiṃ".

- Hành ác chỉ do nơi ta. Điều ác tự xuất phát trong ta, tự bắt nguồn ở ta, và nghiền nát kẻ thiếu trí như kim cương nghiền nát bảo thạch.

"Điều ác tự mình làm
Tự mình sanh, mình tạo
Nghiền nát kẻ ngu si.
Như kim cương, ngọc cương". (TMC)

CHÚ THÍCH:

Vajiram v'asmamayam maṇim: Nghĩa là ví như kim cương (nghiên nát) ngọc sanh từ đá. Ngài phán giải rằng: "Ngọc sanh từ đá (Bảo ngọc thạch), có đá là sở sanh bị kim cương nghiền nát ra, nghĩa là từ khởi điểm đã tự mình làm cho loang lổ, tạo thành những lỗ hổng lớn, nhỏ, tạo ra những mảnh vụn lớn, nhỏ, không dùng làm được vật chi cả, như thế nào cũng vậy ác nghiệp do chính mình làm, xuất phát từ trong ta, có ta là sở sanh thường nghiền nát ta, tức là người thiếu trí hay người kém trí chịu khổ thọ trong bốn ác thú địa như vậy".

Dứt Pháp thoại, nhiều vị Tỳ khuru chứng đạt quả vị nhất là quả Tu Đà Hườn.

DỨT TÍCH CẬN SỰ NAM MAHĀKĀLA

XII. 6- TÔN GIẢ DEVADATTA

(PC. 162)

"Yassa accantadussīyam... ". Kệ Pháp Cú này đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Veluvana, gần thành Rājagaha, để cập đến Devadatta.

Tương truyền rằng: Một hôm các Tỳ khuru cùng nhau hội họp tại Giảng đường, bàn luận cùng nhau rằng:

- Nay chư Hiền giả! Tôn giả Devadatta là người ác giới, có hạ liệt pháp. Ông ta đã quyến dụ Thái tử Ajātasattu, làm phát sanh lợi lộc đến ông một cách phi pháp. Đã khuyến dụ vua Ajātasattu giết cha là vua Bimbisāra, ông ta lại còn mưu hại đức Thế Tôn nhiều phen nữa chứ. Do ông làm cho ái dục cùng tăng trưởng với ác giới nên ông trở nên người ác hạnh vậy.

Với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, đức Thế Tôn nghe được sự bàn luận ấy, Ngài ngự đến nơi ấy, phán hỏi rằng:

- Nay các Tỳ khuru! Các người đang bàn luận về vấn đề gì thế?

- Bạch Ngài, chuyện như vậy...

Ngài phán dạy rằng:

- Nay các Tỳ khuru! Chẳng phải chỉ trong kiếp này Devadatta đã âm mưu sát hại cho được ta đâu. Mà trong quá khứ cũng đã từng như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu các Tỳ khuru, Ngài thuyết giảng lên các Bốn Sanh như Kuruṅga.... Rồi Ngài phán rằng:

- Nay các Tỳ khuru! ái dục phát sanh do người ác giới, bó buộc người ác giới vào các khổ cảnh như địa ngục... Ví như dây leo bó xiết cây Sa la vậy.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Yassa accantadussīyam
Māluvā sālāṃ iv'otatam
Karoti so tatha'ttānam
Yathā nam icchatī dise".

- Như dây Māluvā đeo xiết, làm chết cây sālā. Đường thế ấy, người nhiễm ô quá độ tự tạo cho mình những gì mà kẻ thù của mình được mong ước.

- "*Phá giới quá trầm trọng
Như dây leo bám cây
Gieo hại cho tự thân
Như kẻ thù mong ước". (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Người thuần ác giới gọi là: Accantadussīyam.

Trong kệ ngôn này, người cư sĩ tạo thập ác giới từ khi mới sanh cũng thế, người xuất gia phạm trọng tội kể từ khi thọ Cú túc giới cũng thế, đều gọi là người ác giới. Nhưng trong câu accantadussīyam ở đây, đức Thế Tôn nói đến sanh thú của kẻ ác giới đã trải qua 2- 3 kiếp.

Lại nữa, ái dục nhờ sáu căn của người ác giới sanh khởi, bậc trí nên hiểu rằng: Là người ác giới trong kệ ngôn này.

Māluvā sālam iv'otataṃ nghĩa là: Người ác giới bó buộc, tức bao trùm thân của người sống (bằng những tà hạnh). Ví như dây leo bó siết cây Sāla, bao trùm cả thân cây. Nước rơi xuống từ mưa chỉ đọng trên lá cây rồi lại rơi xuống, người ấy bị ái dục tức là người ác giới sẽ rơi xuống bốn khổ cảnh, ví như cây Sāla bị dây leo làm ngã đổ xuống trên mặt đất. Hay gọi là làm cho mình bị cướp gây ra sự tổn hại.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đạt Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả...

DÚT TÍCH TÔN GIA DEVADATTA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XII. 7- CỐ Ý CHIA RẼ TĂNG

(PC. 163)

"Sukarāni asādhūni..".

Kệ ngôn này được đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Veluvana trong Rājagaha, để cập đến Devadatta cố ý chia rẽ Tăng. Câu chuyện chi tiết về Devadatta cố ý chia rẽ Tăng như vậy:

Một hôm, Tôn giả Devadatta trông thấy Đại đức Ānanda đang trì bình khát thực, đã nói lên ý định của mình rằng:

- Nay Hiền giả Ānanda! Tôi sẽ hành uposatha cùng các Tăng sự riêng, không hành Tăng sự chung với đức Thế Tôn nữa.

Đại đức Ānanda im lặng không hoan hỷ cũng không chỉ trích, sau khi khát thực xong, Trưởng lão trở về bạch trình lên đức Thế Tôn:

- Bạch đức Thế Tôn! Vào sáng nay khi con đang trì bình khát thực, Tôn giả Devadatta trông thấy con đang đi khát thực trong thành Rājagaha, vị ấy đi đến nói với con rằng: "Nay Hiền giả Ānanda! Kể từ hôm nay trở đi tôi sẽ hành uposatha và các Tăng sự riêng, không hành chung với đức Thế Tôn và Tăng chúng nữa. Bạch đức Thế Tôn, hôm nay Devadatta sẽ chia rẽ Tăng, tức là sẽ hành Uposatha và Tăng sự riêng.

Được nghe Trưởng lão Ānanda bạch trình câu chuyện ấy, Bạc Đạo Sư đã thốt lên cảm hứng ngữ rằng:

- "Điều thiện người thiện dễ làm, người ác khó làm điều thiện.

Điều ác người ác dễ làm, thiện nhân khó hành ác".

Rồi Ngài phán rằng:

- Nay Ānanda! Gọi là việc bất lợi cho mình thì dễ làm, việc làm lợi ích cho mình thì khó làm.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Sukarāni asādhūni
Attano ahitāni ca
Yaṃ ve hitaṃ ca sādhuṃ ca
Taṃ ve paramadukkraṃ".

- Làm những việc khó nhọc và bất lợi cho mình thì dễ, nhưng khó thay, quả thật vậy, làm được những việc hữu ích và tốt đẹp.

- "Dễ làm điều ác
Dễ làm tự hại mình
Còn việc lành việc tốt
Thật tối thượng khó làm". (TMC).

CHÚ THÍCH:

Ý nghĩa của kệ ngôn này là:

"Việc làm không tốt tức là xấu và đưa đến khổ, gọi là không đem lại lợi ích cho mình, do hành động tốt trái lại ác nhân rất khó hành, giống như giòng sông Hằng xuôi giòng khó có thể làm cho nước chảy ngược lại. Cũng vậy, hành động tốt người thiện dễ làm. Hành động đưa đến nhàn cảnh, đưa đến Níp Bàn thật khó làm thay.

Dứt kệ ngôn, nhiều người chứng đắc Thánh Quả như Dự Lưu...

DỨT TÍCH CỐ Ý CHIA RẼ TẶNG

XII. 8- TRƯỞNG LÃO KĀLA

(PC. 164)

"Yo sāsanaṃ arahataṃ...".

Kệ Pháp Cú này đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự trú tại Jetavana, trong thành Sāvattihī. Để cập đến Trưởng lão Kāla.

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvattihī có nàng tín nữ, với tâm thành tín, hộ độ cho Trưởng lão Kāla, nàng đã chu đáo trong việc phụng sự Trưởng lão như người mẹ lo lắng cho con mình.

Thân tộc của nàng thường xuyên đến Tịnh Xá Jetavana nghe Pháp từ Bạc Đạo Sư, trở về nhà hằng tán dương:

- Chư Phật thật đáng thù diệu, Giáo Pháp của Ngài thật là thâm thâm.

Nghe người nhà tán thán Pháp Bảo như thế, nàng tín nữ đã bạch với Trưởng lão Kāla rằng:

- Bạch Ngài! Tôi muốn đến Tịnh Xá Jetavana để được nghe Pháp từ nơi đức Thế Tôn.

- Nay cận sự nữ! Nàng chớ nên đến nơi đó.

Sáng hôm sau, nàng tín nữ ấy lại xin Trưởng lão lần nữa, vị ấy lại từ khước. Cả ba lần như thế, và Trưởng lão Kāla cũng ngăn cản trọn cả ba lần việc nàng tín nữ muốn được nghe Pháp từ nơi đức Thế Tôn.

Hỏi rằng: Tại sao vị ấy lại cản trở cô tín nữ.

Đáp rằng: Được biết rằng: Ông ta nhận thấy rằng: Nếu nàng ta được nghe Pháp từ Bạc Đạo Sư rồi, hẳn sẽ bỏ rơi ta. Do vậy, ông mới cản trở cô tín nữ ấy.

Một hôm, vào ngày thọ Bát quan trai, sau khi thọ trì giới hạnh xong, khi thọ thực rồi nàng tín nữ dặn bảo con gái rằng:

- Con hãy ở nhà lo việc cúng dường vật thực đến Trưởng lão cho chu đáo nhé.

Nàng đi đến Tịnh Xá từ mờ sáng, về phần cô con gái đã chu toàn việc mẹ dặn bảo. Trưởng lão đến nơi thọ thực tại tư gia ấy, thấy vắng bóng nàng tín nữ, nên hỏi thăm rằng:

- Mẹ của con đâu rồi.

- Bạch Ngài! Mẹ con đi đến Tịnh Xá Jetavana nghe Pháp.

Nghe như vậy, tâm của Trưởng lão Kāla bồn chồn, lo lắng nghĩ:

- Thật thế, giờ đây nàng ấy đã bỏ ta rồi.

Ông đi nhanh về Tịnh Xá, thấy nàng cận sự nữ ấy đang ngồi trong thính chúng nghe Pháp, mới bạch với Bạc Đạo Sư rằng:

- Bạch Thế Tôn! Người nữ này rất tối trí, không hiểu được Diệu Pháp thâm sâu đâu, xin Ngài đừng giảng thuyết về các chân đế như Uẩn, Xứ, Giới, Đế... Ngài nên nói về bố thí, trì giới cho nàng ta là đủ.

Với Phật Tuệ, đức Thế Tôn hiểu rõ thâm ý của vị ấy, Ngài phán dạy rằng:

- Người là kẻ thiếu trí, do trí kiến sai lạc của mình, nên đã ngăn cản tín nữ này đến nghe lời Giáo Huấn của Như Lai. Chính người đang tự giết mình đấy.

Rồi đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

- "Yo sāsanaṃ arahtaṃ
Ariyānaṃ dhammajīvināṃ
Paṭikkosati dummedho
Diṭṭhiṃ nissāya pāpikāṃ
Phalāni kaṭṭhakass'eva
Attagheññāya phallati".

- Người khờ dại vì quan kiến sai lạc của mình, khinh miệt Giáo huấn của chư vị Thinh Văn A La Hán, những bậc Hiền Thánh, những bậc Chánh Hạnh, sẽ đi đến chỗ hoại vong, giống như trái Kāshta chín muồi để tự diệt.

- "*Kẻ ngu si miệt thị
Giáo Pháp Bậc La Hán
Bậc Thánh Bậc Chánh Hạnh
Chính do ác kiến này.
Như quả loại cây lau (Katthaka: Cây lau)
Mang quả tự hoại diệt". (TMC).*

CHÚ THÍCH:

Ý nghĩa kệ ngôn này như vậy:

- Người thiếu trí vì quan kiến sai lầm, đã ngăn cản những người nói rằng: Sẽ đi nghe Pháp, hay đi cúng dường, "vì sợ tổn hại đến lợi đắc của mình, gọi là cãi lại lời Giáo Huấn của Bậc Thánh Nhân A La Hán, là vị luôn trú trong Pháp là Đấng Chánh Đẳng Giác. Sự ngăn cản Pháp và trí kiến sai lầm ấy giống như măng tre làm hại thân tre khi nó lớn lên như thế nào, thì người ấy cũng như thế. Quả thật thế, đức Thế Tôn đã dạy rằng: "Buồng chuối sẽ hại cây chuối, mục măng thường làm hại thân tre, bông lau thường giết cây lau và thai bào thường giết tài ngựa hay". Như thế nào, thì lợi đắc cũng thường giết người đê tiện như vậy.

Dứt pháp thoại, nàng tín nữ đắc chứng Dự Lưu.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO KĀLA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XII. 9- CẬN SỰ NAM CŪLAKĀLA

(PC. 165)

"Attanā'va kataṃ pāpaṃ... ". Kệ Pháp Cú này đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài ngự tại Tịnh Xá Jetavana, để cập đến sự nam Cūlakāla.

Tương truyền rằng: Cận sự nam Cūlakāla là người tinh cần nghe Pháp, ông trú trong thành Sāvattihī, vào ngày Uposatha, ông đến Tịnh Xá nghe Pháp suốt đêm, đến sáng mới trở về nhà.

Lần nọ, cũng vào ngày trai giới, ông đến chùa nghe Pháp. Trong đêm ấy có bọn cướp đào hang ngầm vào nhà một gia chủ nọ, bị gia chủ phát giác, chúng bỏ chạy tứ tán, một tên cướp chạy đến trước mặt của Cūlakāla quăng bỏ lại gói đồ, khi ông vừa ra đến bờ hồ mức nước súc miệng rửa mặt. Câu chuyện này diễn tiến cũng giống như chuyện Mahākāla.

Những người rượt đuổi bọn cướp thấy tang vật trước mặt Cūlakāla, nghi ngờ vị ấy là kẻ trộm, bắt lấy và đánh đập ông. Khi ấy có nhóm nữ nô đi đến bờ hồ đến mức nước, thấy được việc ấy, đã can ngăn rằng: "Cận sự nam này không có làm việc phi pháp ấy".

Nhóm nữ nô ấy đã phân giải rõ ràng về giới hạnh của Cūlakāla và cận sự nam ấy được buông tha. Cūlakāla đi vào trong Tịnh Xá trình bày với chư Tỳ khưu về chuyện ấy:

- Bạch các Ngài! Tôi vừa bị họ đánh đập, tôi được sống đây là nhờ nhóm nữ nô ấy.

Chư Tỳ khuru mang câu chuyện bạch trình đức Thế Tôn, Ngài dạy:

- Nay các Tỳ khuru! Thật vậy, cận sự nam Cūlakāla đã toàn mạng nhờ nhóm nữ nô đội nước ấy, vì chuyện bị vu oan. Vì rằng: Lẽ thường, tất cả chúng sanh tự mình tạo nên ác nghiệp để bị ô nhiễm phải rơi vào các khổ cảnh như địa ngục... Hay tự mình tạo thiện nghiệp đưa đến nhàn cảnh, hoặc Níp Bàn cũng chính do mình tự thanh tịnh.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Attanā'va kataṃ pāpaṃ
Attanā saṃ kilissati
Attanā akataṃ pāpaṃ
Attanā'va visujjhati
Suddhi asuddhi paccattaṃ
N'āñño aññaṃ visodhaye".

- Làm điều ác do ta. Quả thật vậy, bị ô nhiễm cũng do ta. Cũng do ta. Cũng do ta không làm điều ác. Quả thật vậy, do ta ta được thanh tịnh. Trong sạch hay ô nhiễm đều tùy nơi ta. Không ai làm cho người khác trong sạch được.

- "*Tự mình điều ác làm
Tự mình làm nhiễm ô
Tự mình ác không làm
Tự mình làm thanh tịnh
Tịnh, không tịnh tự mình
Không ai thanh tịnh ai". (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Ý nghĩa của kệ ngôn này như vậy:

"Ác nghiệp do tự mình tạo, khi thọ khổ trong bốn ác đạo gọi là bị ô nhiễm. Điều ấy cũng do tự mình tạo. Tự mình không tạo ác nghiệp hay không tạo ác nghiệp chính do tự mình. Khi được thọ sanh vào nhàn cảnh, hay được chứng đắc Níp Bàn thì được gọi là thanh tịnh. Sự thanh tịnh hay bất hạnh tịnh ấy đều tự do nơi chính mình mà có, không một ai có thể làm cho ta được, không ai có thể làm cho người khác trở nên ô nhiễm hay thanh tịnh được đâu.

Dứt kệ ngôn, cận sự nam Cūlakāla an trú vào Thánh quả Dự Lưu. Pháp thoại mang lại nhiều lợi ích cho thính chúng như vậy.

DỨT TÍCH CẬN SỰ NAM CŪLAKĀLA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XII. 10- TRƯỞNG LÃO ATTADATTHA

(PC. 166)

"Attadatthaṃ paratthena...". Kệ Pháp Cú này đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Tịnh Xá Jetavana, nhân đề cập đến Trưởng lão Attadattha.

Tương truyền rằng: Khi Bạc Đạo Sư nhận lời thỉnh cầu của Ma Vương, Ngài sẽ Níp Bàn sau ba tháng nữa. Rồi Ngài cho triệu tập chư Tăng đến phán dạy rằng:

- Nay các Tỳ khuru! Sau ba tháng nữa, Như Lai sẽ viên tịch vậy.

Nghe lời dạy của đức Thế Tôn như thế, có bảy trăm vị Tỳ khuru phàm, có sự động tâm về việc đức Thiện Thế sẽ Vô Dư Níp Bàn, nên cùng nhau bàn luận rằng:

- Nay chư hiền! Giờ đây, chúng ta phải làm sao nhỉ?

Riêng Trưởng lão Attadattha không tham gia vào việc bàn luận ấy với chư Tỳ khuru, Ngài suy nghĩ riêng rằng:

- Còn ba tháng nữa Bạc Đạo Sư sẽ viên tịch Níp Bàn, mà ta hiện nay chưa đoạn tận các lậu hoặc, phiền não tham ái khi Bạc Đạo Sư còn hiện tiền. Vậy ta nên tinh cần hành đạo để chúng đạt giải thoát trước khi Bạc Đạo Sư viên tịch.

Thế nên Trưởng lão không đi đến nơi chư Tỳ khuru đang luận bàn về sự việc đức Thế Tôn sắp viên tịch, mà tìm nơi thanh vắng để hành đạo. Chư Tỳ khuru không thấy Trưởng lão đến dự bàn như thế, bèn hỏi rằng: "Này Hiền giả! Vì sao Hiền giả không đến nơi hội họp với chúng tôi. Hiền giả chẳng nói chi cả".

Chư Tỳ khuru trình lên đức Thế Tôn chuyện ấy, Ngài cho gọi Đại đức Attadattha đến và hỏi rằng:

- Này Tỳ khuru! Có thật chẳng được nghe nói rằng người không đến nơi hội họp với chư Tỳ khuru?

- Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy".

- Này Tỳ khuru! Vì sao thế?

- Bạch Thế Tôn! Con được nghe đức Thế Tôn sắp viên tịch sau ba tháng nữa, mà con thì chưa chứng đắc Giải thoát quả. Do vậy, con nghĩ rằng: "Ta cố hành Sa môn Pháp để chúng đạt quả Vô Sanh trước khi đức Đạo Sư Níp Bàn".

- Lành thay! Này các Tỳ khuru, người nào tôn kính Đấng Như Lai, hãy như vị Tỳ khuru Attadattha. Vì rằng: Sự cúng dường đến Như Lai bởi tứ sự, bông hoa, trầm hương... Không gọi là sự cúng dường cao thượng, còn cúng dường Như Lai bằng cách thực hành Pháp, tùy hành pháp, đó chính là cúng dường Như Lai cao thượng vậy. Này các Tỳ khuru các người hãy như Tỳ khuru Attadattha đi.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Attadattham paratthena
Bahunā'pi na hāpaye
Attadattham abhiññāya
Sadatthapasuto suyā".

- Không nên vì sự an lành của người khác, dẫu lớn lao đến đâu

Mà lãng quên an lành của chính mình. Hãy nhận định rõ ràng sự an lành của chính mình và lập tâm thành đạt mục tiêu.

*"Dẫu lợi người bao nhiêu
Chớ quên phần tư lợi
Nhờ thắng tri tư lợi
Hãy chuyên tâm lợi mình". (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Ý nghĩa kệ ngôn này như sau: Người cư sĩ không nên để lợi ích của mình, dù chỉ là 1 Kahāpana bị tổn hại vì lợi ích của người khác dù rằng cả ngàn vàng. Vì rằng: Lợi ích của mình dù chỉ là 1 Kākaṇika cũng tốt, nhưng lợi ích của kẻ khác thì chẳng ích lợi chi cho ta. Điều này không phải như thế đâu. Mà ý đức Thế Tôn dạy bởi hai kệ ngôn đầu là: Ngài nêu lên để mục nghiệp xứ. Vì rằng: Vị Tỳ khuru có ý niệm rằng: Ta không để lợi ích mình bị tổn hại, rồi không làm các phận sự như quét chùa, quét Bảo tháp... Phát sanh cho tăng trưởng, hay làm các phận sự đối với Tế Độ Sư hay Giáo Thọ Sư thiếu sót, nhưng ý Ngài dạy rằng: Các Tỳ khuru nên thực hành phận sự abhisamācārika đầy đủ, hằng được tác chứng các Thánh Quả. Vì thế, sự thực hành tròn đủ các phận sự ấy được gọi là lợi ích cho chính mình.

Lại nữa, vị Tỳ khuru thiên về Quán Minh, khởi ý nguyện: "Ta hãy thông suốt hôm nay" rồi thực hành. Vị Tỳ khuru ấy tuy có thiếu sót trong các phận sự đối với Giáo Thọ Sư hay Tế Độ Sư.... Nhưng vẫn nên làm tròn phận sự lợi ích cho chính mình. Vị Tỳ khuru biết rõ lợi ích của mình như thế, tức là xác định rằng: "Đây là lợi ích của ta", rồi tâm cầu lợi ích chính mình.

Dứt pháp thoại, Đại đức Attadattha chứng đạt Thánh quả A La Hán, nhiều Tỳ khuru chứng đạt Tu Đà Hườn.

DÚT TÍCH TRƯỜNG LÃO ATTADATTHA

XIII. PHẨM THẾ GIAN

XIII. 1- VỊ TỖ KHUU TRỂ

(PC. 167)

"Hīnaṃ dhammaṃ na seveyya...". Kệ ngôn này đức Bốn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, nhân đề cập đến vị Tỳ khuru trẻ.

Tương truyền rằng: Có vị Trưởng lão cùng với vị Tỳ khuru trẻ thường đến nhà của Đại tín nữ Visākhā để thọ thực từ sáng sớm.

Nàng Visākhā hằng cúng dường cháo đến 500 vị Tỳ khuru, khi Trưởng lão cùng với vị Tỳ khuru trẻ dùng cháo xong, Ngài để vị ấy ở lại, còn mình thì đến nhà một gia chủ khác.

Bấy giờ, cháu nội của bà Visākhā là người phục vụ chư Tăng, dâng nước đến chư Tăng. Cô cháu gái ấy đang lọc nước để dâng đến vị Tỳ khuru trẻ, thấy gương mặt mình trong nước nên mỉm cười, vị Tỳ khuru trẻ thấy nàng mỉm cười, ngỡ nàng ta mỉm cười mình, vị ấy cũng mỉm cười đáp trả. Thấy thế, nàng ta nói rằng:

- Người đứt đầu hay cười.

Cho rằng nàng miệt thị mình, vị Tỳ khuru trẻ tức giận mắng nàng:

- Người cũng là kẻ đứt đầu, ngay đến cha mẹ người cũng là kẻ đứt đầu.

Cô ấy than khóc, đi mách với bà Visākhā, nàng Visākhā hỏi rằng:

- Này con, việc chi mà khiến con sầu não như thế?

- Thưa nội! Vị Tỳ khuru ấy đã mắng con.

Nàng thuật lại câu chuyện cho bà Visākhā nghe. Bà Visākhā đi đến bạch với vị Tỳ khuru ấy rằng:

- Xin Ngài chớ nên giận, câu nói ấy chẳng phải là câu nói xúc phạm đến Ngài đâu. Vì rằng: Ngài là người có râu tóc đã cạo bỏ, có móng tay móng chân cắt, có y phục khác với y phục thế tục, Ngài là người cắt đứt đời sống tại gia rồi, sống giữa hội chúng đi khát thực để nuôi mạng.

- Thật vậy, này cận sự nữ, cô là người biết tôi là người có râu tóc cạo bỏ... Nhưng cháu của cô đâu hiểu điều đó, cô ấy đã mắng tôi là "người đứt đầu", như thế có nên chăng?

Bà Visākhā không thể giảng hoà giữa cháu nội mình với vị Tỳ khuru trẻ ấy. Khi ấy, vị Trưởng lão trở lại, nghe câu chuyện cãi lầy như thế, hỏi rằng: "Này cận sự nữ, việc gì thế?"

Được nghe lại mọi chuyện, vị Trưởng lão bảo vị Tỳ khuru trẻ rằng:

- Này Hiền giả! Ông hãy nhẫn nại đi, nữ nhân này không có mắng ông đâu, vì ông là người đã cạo bỏ râu tóc... Nên nàng gọi ông là người đứt đầu thôi. Ông nên hiểu như thế đi.

- Đúng vậy, bạch Ngài! Nhưng Ngài hãy rầy la cô ấy đi, sao Ngài lại ra lầy tôi. Nàng ấy nói tôi là kẻ đứt đầu như thế có nên chăng?

Thế là, câu chuyện hoà giải cũng không thành. Kế đến, Bạc Đạo Sư ngự đến tư gia của bà Visākhā, Ngài phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ khuru! Việc gì thế?

Bà Visākhā bạch lại câu chuyện ấy. Bạc Đạo Sư quán thấy duyên lành Thánh quả của vị Tỳ khuru trẻ. Ngài suy nghĩ "Ta nên chuẩn y cho y, khiến y bình tâm lại là việc tốt nhất". Suy nghĩ như thế Ngài phán dạy rằng:

- Này Visākhā! Cháu của người nói đệ tử của Như Lai là người đứt đầu, như thế có xứng đáng chăng? Tuy là nói với ý nghĩa cạo bỏ râu tóc... Nhưng cũng chẳng nên nói như thế.

Nghe vậy, vị Tỳ khưu trẻ đứng dậy, chấp tay đánh lễ đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Ngài thông suốt mọi vấn đề, còn vị Trưởng lão Tế Độ Sư của con cùng nàng Visākhā lại không thông suốt.

Đức Thế Tôn biết tâm vị Tỳ khưu trẻ đã dịu lại rồi, cuộc tranh chấp trong tâm của vị ấy không còn, Ngài lại phán dạy rằng:

- Nay Tỳ khưu sự cười hướng về dục lạc là pháp hạ liệt. Hơn nữa thọ dụng pháp hạ liệt và sống với sự dễ dãi là điều không nên vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Hīnaṃ dhammaṃ na seveyya
Pamādena na saṃvase
Micehādittḥiṃ na seveyya
Na lokavaddhano".

- Không nên phục dịch mục tiêu bản tiện. Không nên sống buông ý lung phóng dật. Không nên ôm ấp tà kiến. Không nên nâng đỡ thế gian.

*"Chớ theo pháp hạ liệt
Chớ sống mặc buông lung
Chớ tin theo tà kiến
Chớ tăng trưởng tục trần". (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Hīnaṃ dhammaṃ: Nghĩa là Pháp hạ liệt, tức là ngũ dục. Thật vậy ngũ dục ấy, dù là chúng sanh hạ liệt như trâu, bò, lạc đà... Cũng thọ dụng. Ngũ dục hằng đưa chúng sanh rơi vào khổ cảnh như địa ngục... Vì vậy ngũ dục gọi là Pháp hạ liệt.

Pamādena nghĩa là: Không nên sống với sự dễ dãi, có tướng là thất niệm.

Na seveyya tức là không nên ôm ấp tri kiến sai lầm.

Lokavaddhano nghĩa là: Người nào hành như vậy, người ấy gọi là người ô nhiễm ở đời. Do đó (không) nên là người ô nhiễm ở đời, do không hành như vậy.

Dứt kệ ngôn, vị Tỳ khưu trẻ chúng đạt Dự Lưu quả.

DỨT TÍCH VỊ TỖ KHUU TRẺ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XIII. 2- ĐỨC VUA SUDDHODANA

(PC. 168 - 169)

"Uttitṭhe nappamajjeyya...". Kệ Pháp Cú này Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự về thành Kapilavatthu, trú trong Tịnh Xá Nigrodha để cập về đức vua Suddhodana.

Tương truyền rằng: Sau khi thành đạo, chúng đạt quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Bậc Đạo Sư ngự về kinh thành Kapilavatthu lần đầu về tế độ quyến thuộc, gia quyến đã tiếp đãi Ngài trọng hậu, cúng dường đến đức Phật và Chư Thánh Tăng Tịnh Xá Nigrodha.

Trong buổi tiếp đón ấy, Ngài thị hiện thần thông, đi kinh hành trên hư không và thuyết pháp thoại để diệt lòng ngã mạn thái quá của dòng Sakya. Các thân quyến của Ngài ngay cả đức vua Suddhodana cũng đánh lễ Ngài. Một trận mưa màu đỏ rơi xuống trong buổi trùng phùng ấy, người nào muốn ướt thì ướt, ai không muốn thì sẽ không có giọt mưa nào chạm vào mình.

Thế rồi, gia tộc Sakya bàn luận về điều kỳ diệu của trận mưa ấy, Bậc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Chẳng phải chỉ trong kiếp này đây, này tác Tỳ khưu! Trong quá khứ mưa cũng rơi xuống khi gia tộc Như Lai được đoàn viên rồi.

Đại đức Sāriputta và Đại đức Moggallāna thỉnh cầu đức Thế Tôn thuyết giảng của Ngài, sau khi nghe xong Pháp thoại, hoan hỷ ra về không một ai nghĩ đến việc thỉnh Ngài cùng chư Tăng thọ thực vào ngày mai. Ngay cả đức vua Suddhodana cũng không nghĩ đến, vì đức vua nghĩ rằng:

- Con của ta còn phải đến đâu ngoài Hoàng Cung nữa chứ.

Thân tộc của Ngài cũng cùng chung một ý nghĩ ấy, nên ra về. Đức vua về đến Hoàng Cung, cho người sắp đặt vật thực thượng vị như cháo com... Để dâng đến đức Thế Tôn cùng hai muôn Tăng chúng, sửa soạn nơi ngồi cho Tăng chúng nơi Hoàng Cung.

Vào buổi sáng hôm ấy, đức Thế Tôn vận mặc y phục, tay cầm y bát, đi vào thành Kapilavatthu khát thực, theo sau Ngài là hai muôn Tăng chúng. Đức Thế Tôn dùng Phật Tuệ phán xét rằng: Chư Phật quá khứ khi về đến thân tộc, có đi khát thực ngay nhà thân tộc hay chăng? Hay là đi khát thực theo tuần tự? Ngài thấy rằng: Chư Phật quá khứ khát thực theo tuần tự thứ lớp.

Thế là, đức Thế Tôn ngự đến căn nhà đầu tiên. Dân thành náo động hẳn lên với tin rằng: Thái Tử Suddhattha đi ăn xin. Các Cung nữ được tin này liền trình lên Hoàng Hậu Yasodharā là mẹ của Thái Tử Rāhula, nàng Yasodharā nghe tin sét đánh ấy vội báo lại cho vua Suddhodana biết. Đức vua hối hả chạy ra cổng Hoàng Cung, đến đánh lễ đức Thế Tôn bạch rằng:

- Con ơi! Vì sao con lại làm cho cha mất mặt như thế. Con đi khát thực như vậy đã làm tổn hại đến cha vô cùng, con không nên làm như thế. Con hãy ngự trên kiệu vàng đi tuần du Hoàng thành mới thích hợp. Này Thái Tử con! Vì sao con làm cha mất mặt như thế?

- Này Đại Vương! Như Lai không có làm Ngài mất mặt đâu, Như Lai đang hành theo phận sự của giòng dõi mình.

- Này con, sự đi khát thực sống là dòng dõi của Sát Đế Ly sao?

- Này Đại Vương! Việc làm ấy không thuộc về dòng Vua như Ngài, nhưng lại thuộc về giòng dõi của Như Lai. Giòng dõi Như Lai là dòng Phật. Chư Phật quá khứ hằng nuôi mạng bằng cách đi khát thực.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

168-

"Uttitṭhe nappamajjeyya
Dhammaṃ sucaritaṃ care
Dhammacārī sukhaṃ setī
Asmiṃ loke paramhi ca".

169-

"Dhammaṃ care sucaritaṃ
Na nam duccharitaṃ care
Dhammacārī sukhaṃ seti
Asmiṃ loke paramhi ca".

- Không nên dễ duôi phóng dật khi đứng (trì bình trước cửa người ta). Hãy trang nghiêm hành chánh hạnh (ấy). Người hành chánh hạnh ấy trang nghiêm sẽ được an vui ở thế gian này và trong thế gian sắp tới.

- Hãy trang nghiêm hành chánh ấy. Không dễ duôi phóng dật. Người hành chánh hạnh ấy trang nghiêm sẽ sống an vui, ở thế gian này và trong thế gian sắp đến.

"*Nỗ lực chớ phóng dật
Hãy sống theo chánh hạnh
Người chánh hạnh hưởng lạc
Cả đời này đời sau*". (168)
"*Hãy khéo sống chánh hạnh
Chớ sống theo tà hạnh
Người chánh hạnh hưởng lạc
Cả đời này đời sau*". (169) (TMC)

CHÚ THÍCH:

Uttitṭhe nghĩa là: Vói miếng cơm mà mình đứng nhận trước cửa nhà người khác.

Nappajjeyya nghĩa là: Khi vị Tỳ khuru bỏ phong tục của hạnh khát thực, lại đi tìm cầu vật thực thượng vị, gọi là người có sự dễ duôi trong vật thực mà mình đứng nhận. Nhưng nếu đi khát thực theo tuần tự thứ lớp thì gọi là không có sự dễ duôi. Hành như thế được là không dễ duôi với vật thực mà mình đón nhận. Dhammam nghĩa là khi bỏ sự tìm kiếm bất chánh rồi, đi khát thực tuần tự, gọi là thực hành Pháp, là sự thất thực nuôi mạng là chánh hạnh.

Sukham seti chỉ sự thuyết giảng rằng: Khi thực hành khát thực Pháp, được gọi là thường thực hành Pháp trong bốn oai nghi, sẽ được an lạc trong đời này lẫn đời sau.

Na nam duccharitam: Nghĩa là khi đi đến nơi phi chánh đạo như nơi lầu xanh... Gọi là hành pháp (khất thực) tà hạnh. Chớ nên hành như thế, hãy thực hành chánh hạnh, không hành tà pháp.

Dứt kệ ngôn, đức vua Suddhodana chung quả Dự Lưu.

DỨT TÍCH ĐỨC VUA SUDDHODANA

DỊCH GIẢ CĂN ĐỀ

XIII. 3- CHƯ TỖ KHUU TU THIỀN QUÁN

(PC. 170)

"Yathā bu bulakam passe...". Kệ Pháp cú này đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, để cập đến 500 vị Tỳ khuru tu quán.

Tương truyền rằng: Có 500 vị Tỳ khuru học đề mục nghiệp xứ nơi đức Thế Tôn được thành thạo phương cách hành để chứng đạt A La Hán. Chư Tỳ khuru ấy đến đánh lễ đức Thế Tôn, rồi ra đi tìm trú xứ thanh vắng hành Sa môn Pháp. Trải qua thời gian dài, các vị ấy chẳng chứng đạt được chi, bàn luận cùng nhau rằng:

- Chúng ta hãy trở về đề mục nghiệp xứ khác.

Cả 500 vị Tỳ khuru cùng nhau trở lại thành Sāvattihī, đến Tịnh Xá Jetavana để yết kiến Bạc Đạo Sư. Trên đường về, chư Tỳ khuru bị một trận mưa lớn, cùng nhau vào ẩn trú trong hang động, nhìn ra ngoài trời thấy những bong bóng nước nổi rồi tan, trước đó chư vị còn trông thấy những ảo ảnh, nay lại thấy bọt nước hiển hiện. Cả 500 vị lấy đề mục này mà quán niệm rằng: "Thân này cũng giống như bọt nước kia, bởi vì có trạng thái sanh diệt nhanh chóng như thế".

Bạc Đạo Sư ngồi nơi Hương Thất, với tâm mình Ngài biết rõ sự suy tư của chư Tỳ khuru ấy, Ngài phóng hào quang từ Hương Thất đến các vị ấy, như hiện ra trước mắt, thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Yathā bubbulakam passe
Yathā passe marīkam
Evam lokam avekkhantam
Maccurājā na passati"

- Như ta nhìn bọt nước. Như ta nhìn ảo ảnh. Nếu người kia nhìn thế gian này như vậy Tử Thân không còn thấy người ấy nữa.

"Hãy nhìn như bọt nước
Hãy nhìn như cảnh huyễn
Quán nhìn đời như vậy
Thân chết không bắt gặp" (TMC)

CHÚ THÍCH:

Marīkam tức ảo ảnh. Thật vậy, ảo ảnh hiện lên từ xa có thể có hình dáng như căn nhà... Là vật không có hình thể, là vật rỗng không (thường xuất hiện) đối với người đến gần. Vì thế, có lời giải rằng: Tử thân không thể thấy được người hằng quán xét ở đời như uẩn... Ví như người nhìn bọt nước, bởi do ý nghĩa sanh rồi diệt (và) ví như người nhìn thấy ảo ảnh, do nó là pháp tự nhiên rỗng không như vậy. Dứt kệ ngôn, cả 500 vị Tỳ khuru chứng đạt A La Hán quả tại chính nơi mình đứng.

DỨT TÍCH CHƯ TỖ KHUU TU THIỀN QUÁN

XIII. 4- HOÀNG TỬ ABHAYA

(PC. 171)

"Etha passath'imam lokam...". Kệ Pháp Cú này Ngài thuyết ra khi ngự tại Veluvana, gần thành Rājagaha, đề cập đến Hoàng Tử Abhaya.

Tương truyền rằng: Hoàng Tử Abhaya vâng lệnh Phụ vương ra biên cương dẹp loạn. Ngài chiến thắng được giặc, ca khúc khải hoàn hồi triều ca. Đức vua Bimbisāra vô cùng đẹp dạ, ban thưởng cho chàng được trị ngôi trời trong 7 ngày, ngoài ra còn ban cho Vương Tử một nàng mỹ nữ tuyệt sắc, với tài vũ điêu luyện.

Hoàng Tử Abhaya thọ hưởng Vương vị trọn bảy ngày, không hề rời cung vi mà ra ngoài. Đến ngày thứ tám, chàng mới ra sông tắm, khi đi chàng mang theo cô vũ nữ xinh đẹp ấy. Tắm xong, Hoàng Tử cùng với tùy tùng và nàng vũ nữ đến vườn Thượng Uyển ngoạn cảnh và nghỉ tại nơi đó. Nàng vũ nữ đang biểu diễn nghệ thuật múa hát của mình cho Vương Tử ngự lãm, chẳng may một ngọn độc phong xâm nhập vào thân nàng, khiến nàng mệnh chung trong nháy mắt, cũng giống như nàng vũ nữ của Đại Thần Santati, ngọn độc phong bén như lưỡi dao nhỏ, cắt đứt trái tim của nàng. Hoàng Tử Abhaya vô cùng sầu não, tiếc thương nàng vũ nữ với vẻ đẹp diễm lệ của nàng. Lòng Vương Tử áo não, chàng suy nghĩ rằng:

- Ngoài Bạc Đạo Sư ra, không ai có thể làm cho ta hết sầu khổ được.

Chàng đi vào Tinh xá Veluvana, đánh lễ đức Thế Tôn xong rồi ngồi vào nơi phải lẽ. Đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Này Vương Tử! Vì sao ngươi lại sầu não như thế?

- Bạch Thế Tôn! Con sầu não bởi tiếc thương nàng vũ nữ diễm lệ đã chết đi.

- Này Vương Tử! Nước mắt mà ngươi khóc cho nàng ấy khi nàng chết đi. Nếu gom lại nhiều hơn cả nước trong bốn đại dương. Nhưng nào ngươi có thấu được đâu.

Nghe như vậy, Hoàng Tử dụi bớt cơn sầu não, biết được tâm chàng vui sầu khổ, đức Thế Tôn phán dạy tiếp rằng:

- Này Hoàng Tử! Ngươi chớ nên sầu khổ nữa, vì đó là nơi sa đọa của ngu nhân.

Rồi đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

"Etha passath'imam lokam
Cittam rājarathūpamam
Yattha bālā visidanti
Natthi saṅgo vijānataṃ"

- Đến đây, hãy nhìn thế gian này, như chiếc Long xa trang hoàng lộng lẫy. Kẻ cuồng dại lặn hụp trong thế gian ấy, nhưng người thiện trí thì không luyến ái.

"Hãy nhìn đời này
Như xe vua lộng lẫy
Người ngu mãi tham đắm
Kẻ trí nào đắm say" (TMC)

CHÚ THÍCH:

Ettha passatha là đức Thế Tôn chỉ vị Hoàng Tử Abhaya.

Imam lokam là xác thân tức là uẩn thế gian.

Cittam nghĩa là trang diễm lộng lẫy với vải, ngọc... Ví như chiếc Long xa được trang hoàng với 7 loại ngọc.

Yatha bālā nghĩa là chỉ có những kẻ ngu dính mắc trong xác thân.

Vijānatam: Nghĩa là nhưng đối với người trí hiểu biết, tức là các bậc trí không bị dính mắc vào các phiền não, vật trói buộc như ái... dù chỉ trong xác thân này cũng không hề có.

Dứt lời Pháp, Hoàng Tử Abhaya chúng đạt Dự Lưu quả, pháp thoại mang lại lợi ích cho thính chúng như thế.

DỨT TÍCH HOÀNG TỬ ABHAYA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XIII. 5- TRƯỞNG LÃO SAMMAJJANA

(PC. 172)

"Yo ca pubbe pamajjitvā...". Đúc Thế Tôn khi ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Sammajjana, tuyên thuyết kệ ngôn này.

Được nghe rằng: Trưởng lão Sammajjana là người không phân biệt thời, bất cứ lúc nào vị ấy cũng cấm chối quét rác cả, ở khắp Tịnh Xá, bất kể là sáng hay chiều.

Một hôm, Trưởng lão đi đến Tịnh thất của Đại đức Revata để quét dọn, thấy Đại đức đang ngồi nơi chỗ ban ngày yên lặng, Trưởng lão Sammajjana nói rằng:

- Vị Trưởng lão này lười biếng quá, dùng vật thực của tín thí gia xong, đến đây ngồi yên, chỉ cấm chối quét một chút cũng không thấy.

Nghe thế Trưởng lão Revata suy nghĩ:

- Ta nên giáo giới vị này vậy.

Ngài nói với Trưởng lão Sammajjana rằng:

- Hãy đến đây, hỏi Hiền giả.

- Bạch Ngài, có chuyện chi vậy?

- Hiền giả hãy đi tắm đi, rồi đến đây.

Sau khi Trưởng lão Sammajjana tắm xong, đi đến Trưởng lão Revata Ngài bảo vị ấy ngồi sang một bên, dạy rằng:

- Nay Hiền giả! Lẽ thường vị Tỳ khuru cứ cấm chối quét suốt cả ngày là điều không hợp lẽ. Tỳ khuru chỉ nên quét dọn vào buổi sáng xong, đi khát thực. Khi về đến Tịnh Xá, ngồi vào chỗ ban ngày hay chỗ ban đêm, để tâm quán xét về 52 thể trước, để thấy được sự sanh diệt của thân này. Vào buổi chiều quét dọn Tịnh Xá, đó là hợp lẽ. Tỳ khuru chớ nên quét suốt cả ngày, hãy dành thời gian tạo lợi ích cho mình vậy.

Trưởng lão Sammajjana vâng theo lời giáo hóa của Trưởng lão Revata, chẳng bao lâu Ngài chứng đắc A La Hán quả. Và trong Tịnh Xá có nhiều chỗ rác đã ứ đọng, bấy giờ chư Tỳ khuru nói với Trưởng lão Sammajjana rằng:

- Nay hiền giả Sammajjana! Các chỗ đã ứ đọng đầy rác, vì sao hiền giả không quét?

- Thưa chư Hiền! Trước đây tôi đã quét rác trong lúc dễ duôi, nhưng bây giờ tôi không còn dễ duôi quét rác nữa.

Chư Tỳ khuru cho rằng Trưởng lão Sammajjana khoe đạo quả cao nhân, tuyên bố mình là vị Thánh Vô Lậu, nên trình lên đức Thế Tôn về câu chuyện đó và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ khuru này nói sai sự thật, vị ấy nói không đúng theo sự thật.

- Nay Tỳ khuru! Thật vậy, trước kia con Như Lai đã cấm chối quét trong lúc dễ duôi. Nhưng giờ đây con Như Lai không còn làm như thế nữa, đã đình chỉ, sống an lạc phát sanh từ Đạo Quả.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Yo ca pubbe pamajjitvā
Pācchā so nappamajjati
So imam lokam pabhāseti

Abbhā mutto'va candimā"

- Người trước kia phóng dật, về sau chuyên cầu tu niệm. Người như thế rọi sáng thế gian như vầng trăng thoát ra khỏi đám mây mờ.

"Ai trước sống phóng dật
Sau sống không phóng dật
Chói sáng rực đời này
Như trăng thoát mây che" (TMC)

CHÚ THÍCH:

Bậc trí nên hiểu ý nghĩa của câu kệ ngôn này như sau:

Người trước kia có sự dễ duôi bằng các phận sự làm đi làm lại, hoặc tụng học.... Về sau đình chỉ những việc làm đó, sống an lạc phát sanh từ Đạo Quả, gọi là người không còn dễ duôi. Người ấy thường rực sáng trong thế gian này như uẩn... Tức là làm cho sáng chói thuần chất với trí đạo, ví như vầng trăng thoát khỏi mây mờ... Là cơ hội giúp cho thế gian được sáng chói như thế.

Dứt kệ ngôn nhiều người chứng đạt Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

DỨT TÍCH Trưởng lão SAMMAJANA

DỊCH GIẢ CĂN ĐỀ

XIII. 6- TRƯỞNG LÃO ANĠULIMĀLA

(PC. 173)

"Yassa pāpaṃ kataṃ kammaṃ...". Đức Thế Tôn khi trú tại Jetavana đề cập đến Ngài Anġulimāla, thuyết lên kệ ngôn này.

Bậc trí nên hiểu theo bài kinh Anġulimāla đó. Khi Trưởng lão xuất gia trong Giáo Pháp của đức Thế Tôn, Ngài đã chuyên cần hành đạo, chẳng bao lâu chứng đạt quả vị A La Hán. Và khi ấy, Trưởng lão thường tịnh cư, sống an hưởng hạnh phúc giải thoát, Ngài thốt lên cảm hứng ngữ trong khi ấy rằng:

- Người nào trước kia đã dễ duôi, về sau không dễ duôi. Người ấy thường rọi sáng thế gian, ví như vầng trăng thoát khỏi áng mây mờ vậy.

Sau khi thốt lên kệ hoan hỷ về sự cảm hứng xong, Ngài viên tịch Níp Bàn. Bấy giờ, chư Tỳ khuru cùng nhau bàn luận nơi Giảng đường:

- Nay Chư Hiền! Trưởng lão Anġulimāla sẽ tái sanh về cảnh giới nào nhỉ?

Với Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, Bậc Đạo Sư nghe được lời bàn luận của chư Tỳ khuru, Ngài nghĩ rằng:

- Đây là thời hợp lẽ, Như Lai sẽ đoạn nghi cho Tăng chúng.

Từ nơi Hương thất, Ngài ngự ra Giảng đường ngồi vào nơi được soạn sẵn, phán hỏi rằng:

- Nay các Tỳ khuru! Bấy giờ các người đang bàn luận về việc gì?

- Bạch Thế Tôn, về chuyện như vậy...

- Nay Tỳ khuru! Con của Như Lai đã viên tịch Níp Bàn rồi, không còn phải tái sanh vào cảnh giới nào nữa.

- Bạch Thế Tôn! Trưởng lão Anġulimāla giết người nhiều như thế mà được Níp Bàn sao?

- Nay các Tỳ khuru! Thật vậy, vì Anġulimāla trước kia chẳng có ai là bạn lành cả, nên mới tạo nhiều ác nghiệp như thế, nhưng về sau vị ấy được thiện bạn hữu, đó là nhân khiến cho vị ấy không có sự dễ duôi. Vì thế con Như Lai đã cố tạo thiện hạnh để ngăn chặn ác nghiệp xưa.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn:

"Yassa pāpaṃ kataṃ kammaṃ

Kusalena pithiyati
So imam lokam pabhāseti
Abbhā mutto'vacandimā"

- Người có hành động lành để che nghiệp xấu, người ấy rọi sáng thế gian như vầng trăng ló dạng, thoát ra khỏi đám mây mờ.

"Ai dùng các hạnh lành
Làm xóa mờ nghiệp ác
Chói sáng rực đời này
Như trăng thoát mây che" (TMC)

CHÚ THÍCH:

Trông ý nghĩa kệ ngôn này, Kusalena Bậc Đạo Sư ám chỉ cho A La Hán đạo. Những câu còn lại có ý nghĩa như kệ ngôn 172.

XIII. 7- CON GÁI NGƯỜI THỌ DỆT

(PC. 174)

"Andhabhūto ayam loko...". Kệ ngôn này được đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại tháp Aggālava để cập đến thiếu nữ con gái người thọ dệt.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, đức Thế Tôn du hành đến xứ ~lavī, thị dân ~lavī đã cúng dường đến chư Tăng có đức Phật là vị Thượng thủ. Khi thọ thực xong, đức Thế Tôn đã tùy hỷ phước với pháp thoại rằng:

- Nay các cận sự! Các người nên tu tập về tùy tiện sự chết như vậy: "Đời sống của ta không tồn tại, sự chết chắc chắn sẽ đến với ta. Ta chắc chắn phải chết, đời sống sự chết của ta có sự chết là lẽ thường hằng". Người không tu tập niệm sự chết, khi lâm chung thường giật mình kinh sợ, than khóc kinh hoàng, ví như người trông thấy rắn độc sẽ kinh hoàng lên như thế. Còn người tu tập niệm sự chết, người ấy không có sự giật mình kinh sợ, hay hoảng hốt trong lúc lâm chung, ví như người trông thấy rắn độc từ xa, dùng cây đuổi nó đi xa như vậy. Do vậy, các người hãy chuyên niệm về sự chết đi.

Những người nghe pháp ấy, sau khi nghe Bậc Đạo Sư thuyết giảng pháp thoại xong, chỉ tâm cầu trong phận sự của mình mà thôi. Riêng nàng con gái người thọ dệt vừa tròn 15 tuổi, có sự suy nghĩ rằng: "Lời dạy của đức Thế Tôn thật là thù diệu, ta nên là người tu tập niệm sự chết vậy".

Thế rồi, nàng hằng chuyên tu về đề mục niệm sự chết cả ngày lẫn đêm. Riêng về đức Thế Tôn sau khi thuyết giảng pháp thoại, Ngài tuần tự du hành về kinh thành Sāvattihī, đến Tịnh Xá Jetavana. Suốt cả ba năm dài, nàng tín nữ ấy luôn tu tập về niệm sự chết. Một hôm, đức Thế Tôn dùng Phật nhãn quán xét thế gian, Ngài nhìn thấy hình ảnh của nàng con gái người thọ dệt trong Giác võng của Ngài. Ngài suy xét rằng "Đây là nhân thể nào nhỉ" Ngài thấu hiểu rằng: "Nàng Chức nữ này, từ khi nghe Pháp của Như Lai, tinh cần tu tập niệm về sự chết đã trọn ba năm. Như Lai sẽ ngự đến đó, nàng đi đến nghe Pháp, Như Lai sẽ hỏi nàng bốn câu hỏi, nàng sẽ trả lời đúng theo ý Như Lai, Như Lai ban cho nàng tiếng Sādhū sau mỗi câu trả lời. Nhân đó, Như Lai sẽ thuyết pháp thoại, khi dứt kệ ngôn nàng Chức Nữ ấy sẽ chứng đạt Dự Lưu quả. Và nương nhờ nàng, đại chúng sẽ nhận được nhiều lợi ích".

Sau khi quán sát rõ ràng rồi, đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu khởi hành đi từ Jetavana đến xứ ālavī. Sau khi tuần tự du hành đến xứ ālavī, Ngài cùng chư Tăng và ngụ tại Tịnh Xá Aggālava.

Thị dân trong xứ ālavī biết rằng:

- Bậc Đạo Sư ngự đến, liền đi đến Tịnh Xá cung thỉnh Ngài và Tăng chúng thọ thực nơi Tịnh Xá ấy, cả nàng Chức Nữ cũng biết được rằng: Bậc Đạo Sư ngự đến, nàng có tâm hoan hỷ rằng:

- Bậc Đạo Sư đã ngự đến nơi này rồi, Ngài là bậc Vô Thượng Pháp Vương, là bậc Tối Thượng Nhân, là bậc thầy của chư Thiên và nhân loại. Ngài có gương mặt sáng rực như trăng rằm, đã ngự đến ālavī.

Nàng lại suy nghĩ thêm rằng:

- Ta đã được điểm phúc chiêm ngưỡng Kim thân Ngài, có màu da vàng ròng tinh anh cao thượng cách đây ba năm. Giờ đây, ta lại được duyên may chiêm ngưỡng kim thân Ngài cùng với sự được nghe lời giáo giới của Ngài. Pháp thoại có hương vị thật thù thắng.

Vào sáng hôm sau, khi cha nàng đi đến häng dệt, dặn bảo nàng:

- Này con! Tắm vải Sāṭaka của người mướn ta dệt, ta đang dệt còn khoảng một gang tay nữa thì xong, ta phải dệt cho xong tấm vải ấy trong ngày hôm nay. Vậy con hãy cuộn tơ đi, khi xong rồi mang đến häng dệt cho cha.

Nàng nghe cha bảo như thế, suy nghĩ rằng:

- Ta đang muốn nghe Pháp nơi đức Đạo Sư, nhưng cha ta lại dặn phải cuộn tơ như thế. Ta phải làm sao đây nhỉ? Nghe Pháp của Bạc Đạo Sư hay là cuộn tơ cho cha ta?

Nàng lo lắng, rồi suy tư: "Nếu ta không lo cuộn tơ cho cha, người sẽ đánh ta. Thôi ta hãy gắng cuộn tơ cho mau chóng, rồi đi đến nghe Pháp sau". Nàng ngồi cuộn tơ, rồi mang cuộn tơ đặt vào giỏ đi đến häng dệt của cha.

Bấy giờ, cả thị dân trong thành ~lavī đều đến Tịnh Xá cúng dường đức Thế Tôn cùng Tăng chúng, rồi ngồi yên lặng chung quanh để chuẩn bị nghe Pháp thoại của đức Thế Tôn. Bạc Đạo Sư im lặng, Ngài suy nghĩ rằng:

- Ta vì nàng tín nữ ấy mà đến đây, du hành trọn quãng đường 30 do tuần. Hiện nay nàng Chức nữ chưa có mặt, khi nào nàng ấy đến, khi ấy Như Lai mới giảng pháp tùy hỷ.

Đấng Như Lai vẫn im lặng, khi Bạc Tối Thượng nhân im lặng thì không một ai trong thế gian này, kể cả Ma Vương, Phạm Thiên có đủ thần lực để bạch hỏi được.

Khi nàng Chức Nữ mang giỏ đựng tơ đi đến Tịnh Xá, nàng đi vào hội chúng, đứng phía sau thính chúng, chiêm ngưỡng đức Thế Tôn. Bấy giờ, Bạc Đạo Sư đưa mắt nhìn nàng, nàng hiểu rằng: "Bạc Đạo Sư đang ngồi giữa đại chúng, Ngài im lặng nhưng lại đưa mắt nhìn ta, nghĩa là Ngài đang chờ đợi ta". Vô cùng hoan hỷ, cô đặt giỏ đựng tơ xuống, đi đến đánh lễ dưới chân đức Đạo Sư.

Hỏi rằng: Vì sao đức Thiện Thệ trông chờ nàng tín nữ ấy?

Đáp rằng: Được biết rằng: Nghiệp đoạn tận sẽ đến cho nàng trong ngày hôm ấy, nếu nàng mệnh chung trong lúc còn phàm nhân thì sẽ không có được sanh thú chắc chắn. Nhưng khi nàng đến nơi ngự của Đấng Như Lai, nghe pháp từ nơi Đấng Như Lai, sẽ chứng đạt Dự Lưu Quả, có được sanh thú chắc chắn, sẽ sanh về cõi Tusita.

Bấy giờ, nàng Chức Nữ đi vào đánh lễ đức Thế Tôn xong rồi, đứng vào nơi phải lễ, đức Thế Tôn phóng hào quang 6 màu tỏa ra. Đợi cho nàng yên vị, đức Thế Tôn phán hỏi nàng rằng:

- Này tín nữ! Nàng từ đâu đến?

- Bạch Thế Tôn! Con không biết.

- Này tín nữ, rồi nàng sẽ đi về đâu?

- Bạch Thế Tôn, con không biết được.

- Này tín nữ, nàng không biết thật ư?

- Bạch Thế Tôn con biết.

- Có thật nàng biết chăng?

- Bạch Thế Tôn, con không biết.

Đức Thế Tôn phán hỏi nàng bốn câu hỏi như thế. Khi ấy đại chúng nghe nàng trả lời như thế, xôn xao trách nàng rằng:

- Này các người, hãy nhìn xem cô con gái người thợ dệt, nàng ta đã đẽu cột đức Đạo Sư. Khi Ngài hỏi: Nàng từ đâu đến, thì nàng nên đáp là: Con sẽ trở về nhà. Khi Ngài hỏi thì nàng ta cần phải trả lời như thế chẳng là thích hợp, chẳng phải sao?

Bấy giờ, đợi cho thính chúng lặng yên, đức Thế Tôn từ tốn hỏi nàng Chức Nữ rằng:

- Này tín nữ, khi Như Lai hỏi nàng: Nàng từ đâu đến? Vì sao nàng trả lời rằng: "Con không biết?"

- Bạch Thế Tôn! Ngài vẫn biết con từ nhà đi đến đây, nhưng Ngài hỏi: "Người từ đâu đến? Không phải là ý như vậy, mà Ngài hỏi rằng: Con từ đâu sanh đến đây? Nhưng con không biết được con từ cảnh giới nào tái sanh vào cảnh giới này, nên con đáp là: Con không biết.

Lần thứ nhất, Đấng Như Lai tán thán rằng: Sādhu! Sādhu. Này tín nữ, người đã giải đáp đúng câu hỏi mà Như Lai hỏi nàng.

Này tín nữ! Thế tại sao, khi Như Lai hỏi nàng: Người sẽ đi về đâu? Thì nàng lại đáp rằng: Con không biết?

- Bạch Thế Tôn! Lẽ thường Ngài vẫn biết sau khi con nghe Pháp xong thì trở về nhà. Nhưng Ngài muốn hỏi con rằng: Sau khi chết, con sẽ tái sanh vào cảnh giới nào? Nhưng con thì không biết cảnh giới tái sanh của mình, nên con đáp là: Con không biết.

- Lành thay! Lành thay, này tín nữ nàng đã đáp đúng với ý nghĩa của câu hỏi này.

Bậc Đạo Sư khi tán thán nàng lần thứ hai rồi, Ngài phán hỏi tiếp:

- Này tín nữ! Khi Như Lai hỏi nàng: Nàng không biết thật sao? Vì sao nàng lại trả lời rằng: Bạch Thế Tôn, con biết.

- Bạch Thế Tôn! Vì con hiểu biết rằng: Hễ có thân tâm này, tất sẽ có ngày hoại diệt. Vì thế con trả lời rằng: Bạch Thế Tôn! Con biết.

Lần thứ ba, đức Thế Tôn tán thán nàng Chúc Nữ:

- Lành thay! Lành thay! Nàng đã đáp đúng ý nghĩa của câu hỏi Như Lai. Này tín nữ! Khi Như Lai hỏi: Nàng biết thật sao? Vì sao nàng lại trả lời rằng: Bạch Thế Tôn, con không biết?

- Bạch Thế Tôn! Con vẫn biết chắc chắn rằng con phải chết, nhưng sau khi chết sẽ sanh vào nơi nào, lại nữa con sẽ chết vào ban ngày hay ban đêm? Chết bằng cách nào? Nơi nào trên rừng hay dưới nước? Vào lúc nào thiếu niên hay trung niên... Con không thể biết được, nên con trả lời rằng: Bạch Thế Tôn! Con không biết.

Lần thứ tư, đức Thế Tôn tán thán nàng rằng:

- Này tín nữ! Câu hỏi của Như Lai, nàng đã giải đáp đúng theo ý nghĩa như thế.

Và Ngài dạy đại chúng rằng:

- Các người không hiểu biết ý nghĩa câu hỏi của Như Lai như nàng tín nữ ấy. Những câu hỏi thâm diệu đã được nàng giải đáp phơi bày đúng lý. Các người nên tán thán nàng, chớ đừng phiền hà trách cứ nàng. Người vô nhãn gọi là người mù, cũng vậy người thiếu trí được gọi là kẻ ngu. Còn người có mắt sẽ thấy được các sắc rõ ràng, người có trí thường thấu đáo lý nghĩa thậm thâm vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Andhabhūto ayam loko
Tanuk'ettha vipassati
Sakunto jālamutto'va
Appo saggāya gacchati"

- Thế gian này mù quáng. Người thấy rõ thật hiếm hoi. Như (số) chim thoát khỏi lưới, ít người vào nhàn cảnh.

*"Đời này thật mù quáng
Ít kẻ thấy rõ ràng
Như chim thoát khỏi lưới
Rất ít đi thiên giới" (TMC).*

CHÚ THÍCH:

Trong những câu văn ấy: Ayam loko nghĩa là thế gian này giống như mù, vì là người không có trí tuệ.

Tanuk'ettha nghĩa là: Trong đời này ít người, tức là không nhiều, có thể liễu ngộ được Tam tướng như vô thường, khổ, vô ngã.

Jālamutto'va: Nghĩa là trong đám chim sẽ bị thợ săn quăng mắc lưới, chỉ có số ít thoát ra được, những con còn lại bị dính trong lưới như thế nào. Cũng vậy đa số chúng sanh bị dính mắc tức là Ma Vương đã tóm lấy rất nhiều chúng sanh, khiến họ tái sanh vào khổ cảnh, chỉ một số rất ít sanh về cõi trời, tức là được nhàn cảnh hay chứng đắc Níp Bàn.

Dứt kệ ngôn, nàng Chúc Nữ chứng đắc Thánh Quả Dự Lưu. Pháp thoại mang lại lợi ích cho đại chúng như thế.

Sau khi nghe Pháp thoại xong, nàng Chúc Nữ hoan hỷ, nhặt lấy giỏ đựng cuộn tơ, đi đến nơi làm việc của cha. Khi ấy cha nàng đang ngồi ngủ, nàng vô ý cúi mình đi vào giỏ tơ chạm vào khung cửi, làm lay động khiến cha nàng giật mình, theo động tác thường ngày, ông kéo ngay khung cửi, thanh suốt khung cửi đã đâm ngay vào ngực của nàng Chúc Nữ. Nàng chết ngay lập tức, được thọ sanh vào Tusita.

Người cha nhìn xác con đầm máu, ngã sòng soài ra chết, ông hối hận tâm tràn ngập sầu não, than khóc thảm thiết. Với gương mặt đầm lệ, ông suy nghĩ:

- Không ai có thể làm cho ta dứt khổ sầu này được, ngoài đức Thế Tôn ra.

Ông đi đến đức Thế Tôn với gương mặt tràn nước mắt, đánh lễ đức Thế Tôn xong rồi, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy nhớ mũi tên sâu muộn trong tâm con đi.

Đức Thế Tôn phủ úy ông rằng: "Này cận sự nam! Người chớ nên sầu thảm nữa, nước mắt mà người tuôn ra vì thương tiếc con mình, nay đã nhiều hơn nước trong bốn đại dương. Không ai thấu rõ sự khổ sâu của người đau, người hãy diệt tắt sự thương mến đi.

Rồi đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại Amatagga. Cận sự nam ấy được vui sâu muộn, xin xuất gia sống đời Phạm hạnh trong Pháp Luật đức Thế Tôn, ông tinh cần hành Sa môn Pháp chẳng bao lâu chứng đạt A La Hán Quả.

DỨT TÍCH NÀNG CON GÁI NGƯỜI THỢ DỆT

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XIII. 8- CHUYỆN BA MƯƠI VỊ TỖ KHUU

(PC. 175)

"Hamsādiccapathe yanti...". Kệ Pháp Cú này đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài ngự tại Tịnh Xá Jetavana, để cập đến chư Tỳ khưu viếng thăm Ngài.

Trong truyền rằng: Một lần nọ, có ba mươi vị Tỳ khưu đến yết kiến đức Thế Tôn. Trưởng lão Ānanda đi đến nơi ngự của Bạc Đạo Sư để làm phận sự của mình, trông thấy ba mươi vị Tỳ khưu Tăng đang ngồi hầu chung quanh đức Thế Tôn, Ngài suy nghĩ:

- Khi nào Bạc Đạo Sư thăm hỏi chư Tỳ khưu ấy xong, ta hãy trở vào làm phận sự của mình.

Trưởng lão đứng đợi bên ngoài Hương thất của đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn sau khi ban những lời thăm hỏi thân hữu đến chư Tỳ khưu ấy, rồi Ngài thuyết lên Pháp thoại thức tỉnh chư Tỳ khưu. Khi nghe được pháp âm từ nơi đức Thế Tôn, cả ba mươi vị Tỳ khưu chứng đắc A Lan Hán quả, đánh lễ đức Thế Tôn xong rồi, dùng thần lực theo đường hư không trở về trú xứ thanh vắng của mình.

Sau một thời gian dài chờ đợi, Trưởng lão Ānanda liền đi vào Hương Thất của đức Thế Tôn, không thấy bóng dáng chư Tỳ khưu khách đâu cả, Ngài bạch hỏi đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ba mươi vị Tỳ khưu ở đây đi đâu rồi?

- Này Ānanda! Các vị ấy đã theo đường hư không đi rồi.

- Bạch Thế Tôn! Các vị ấy đã theo đường hư không đi ư?

- Thật vậy, này Ānanda.

- Thế thì các vị ấy là bậc Lậu Tận hay sao? Bạch Thế Tôn.

- Đúng như vậy, này Ānanda! Chư Tỳ khuru ấy sau khi nghe Như Lai thuyết pháp, đã chứng đắc ngay quả A La Hán tại chỗ ngồi.

Bấy giờ, có con hạc đang bay trên hư không, Bậc Đạo Sư nhân đó dùng hình ảnh ấy, phán dạy Trưởng lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Người nào khéo tu tập Tứ Thần Túc rồi, người ấy thường bay trên hư không, ví như chim hạc kia vậy.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Hamsādiccathe yanti
ākāse yanti iddhiyā
Nīyanti dhīrā lokamhā
Jetvā māraṃ savāhinim"

- Chim Thiên nga bay dài theo đường mặt trời. (Con người) nhờ thần thông hay giữa không trung. Bậc thiện trí thoát ra khỏi thế gian này, nhờ chính phục Ma Vương và khách của Ma Vương.

*"Như chim Thiên nga bay
Thần thông liệng giữa trời.
Chiến thắng ma, ma quân
Kẻ trí thoát đời này" (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Bậc trí nên hiểu câu kệ ngôn này như vậy:

"Đàn hạc thường bay theo đường mặt trời, tức là bay liệng trong hư không. Cũng như thế ấy, người khéo tu tập được Tứ Thần Túc, người ấy thường đi trên hư không do năng lực thần thông của mình.

Người có trí, là bậc sáng suốt thắng được Ma Vương, thoát ra khỏi trói buộc của Chúa Ma, tức là có được phương tiện thoát ra khỏi luân hồi, nghĩa là chứng đắc được Níp Bàn.

Dứt Pháp thoại, có nhiều chúng sanh chúng đắc Pháp nhãn.

DỨT TÍCH CHUYỆN BA MƯƠI VỊ Tỳ khuru

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XIII. 9- NÀNG CIÑCAMĀṄAVIKA

(PC. 176)

"Ekam dhammam atitassa...". Kệ Pháp Cú này được đức Bốn Sư thuyết lên, khi Ngài ngự tại Jetavana, để cập đến nàng Ciñcamāṅavikā.

Tương truyền rằng: Trong thời đầu tiên hoàng hóa Chánh Pháp, Đấng Thập Lực có rất đông đại chúng, số lượng đệ tử ngày càng tăng thịnh. hội chúng Sa môn Thích Tử càng phát triển. Đa số chư thiên cùng nhân loại đi vào Thánh Vực. Khi Đạo Quang của đức Thế Tôn càng lan rộng thì Tăng chúng càng phát sanh nhiều thắng lợi, danh thơm, tài vật càng tăng thịnh...

Bấy giờ, các ngoại đạo sư giống như con đom đóm giữa ánh sáng nhật nguyệt rạng ngời. Bọn Ngoại đạo sư cuồng nộ, đứng bên ven lộ tuyên bố với chúng thị dân rằng:

- Này các người! Chẳng phải chỉ có Sa môn Gotama là vị Phật thôi. Chúng tôi cũng là vị Phật vậy. Cúng dường đến Sa môn Gotama có quả báu như thế nào, thì cúng dường đến chúng tôi cũng có nhiều quả phúc như thế. Các người nên làm những gì đáng làm đến chúng tôi đi.

Tuy ngoại đạo tuyên thuyết âm ỉ như thế, nhưng lợi lộc vẫn không phát sanh đến cho họ được. Họ liền hội họp cùng nhau rằng:

- Chúng ta hãy nêu tội trạng của Sa môn Gotama giữa đại chúng khiến cho lợi lộc của y sẽ bị tổn giảm. Nhưng chúng ta phải làm như thế nào đây nhỉ?

Trong khi ấy, trong thành Sāvattthī có nàng cư sĩ ngoại đạo là Ciñcamāṇavikā, nàng ta có một nhan sắc lộng lẫy như thần tiên, thân nàng có đầy đủ những nét điểm kiêu.

Bấy giờ một gã ngoại giáo suy nghĩ được một cách vu họa đến đức Thế Tôn rằng:

- Chúng ta hãy nhờ nàng Ciñcamāṇavikā kêu tội của Sa môn Gotama, làm cho y cùng hội chúng của y bị tổn giảm lợi lộc.

Chúng ngoại đạo hoan hỷ tán thành kế ấy rằng: "Thật là diệu kế". Thế là, khi nàng Ciñcamāṇavikā đi đến tu viện của ngoại Đạo Sư, nàng đánh lễ xong rồi, đứng yên tại một chỗ. Bọn ngoại đạo không ngó ngang cũng không nói đến nàng chi cả. Nàng Ciñcamāṇavikā suy nghĩ rằng:

- Hẳn là ta đã phạm lỗi gì với quý Ngài đây, nhưng ta không biết được lỗi ấy là lỗi chi?

Nàng liền bạch hỏi rằng: "Thưa các Ngài! Có phải là tôi đã phạm một lỗi lầm trầm trọng đến quý Ngài chăng?"

Bọn ngoại đạo vẫn im lặng, nàng bạch hỏi đến ba lượt:

- Bạch các Ngài! Tôi xin đánh lễ các Ngài, chẳng hay tôi đã phạm vào lỗi gì đối với các Ngài vậy? Tại sao các Ngài lại im lặng đối với tôi như thế?

- Này cô! Cô không biết rằng Sa môn Gotama đã làm chúng tôi tổn giảm lợi đắc hay sao?

- Bạch các Ngài! Tôi nào biết việc ấy đâu. Vậy thì trong chuyện này tôi phải làm sao?

- Này cô! Nếu cô muốn đem lại sự an lạc cho chúng tôi, cô hãy nêu tội Sa môn Gotama ra, như thế sẽ khiến lợi đắc của y tổn giảm.

- Được thôi, điều ấy là việc làm của tôi, xin các Ngài đừng có suy nghĩ chi cả.

Nàng Ciñcamāṇavikā đi vào Tịnh Xá Jetavana ngày hôm sau, nàng mặc chiếc áo có màu vàng như con rùa vào Tịnh Xá, tay cầm hương hoa, vật thơm... Khi vào Tịnh Xá nghe Pháp được thời gian ngắn, bấy giờ nàng đợi cho thính chúng nghe Pháp ra về hết, nàng mới ra về sau, rồi thì nàng chờ cho Đại chúng nghe Pháp ra về khi ấy nàng mới đi đến Tịnh Xá, khi gặp người hỏi, thì nàng xảo quyết trả lời câu hỏi của người ấy: "Nàng đi đâu đến Tịnh Xá vào giờ này?". Rằng: "Tôi đi đâu thì mặc kệ tôi, các người hỏi mà làm gì?". Thờ lúc vắng người, nàng lén trốn về trú nơi Tịnh Xá của Ngoại đạo ở gần đó. Khi gần sáng, đợi có bóng người lảng vảng, là cận sự nữ hay cận sự nam đến đánh lễ đức Thế Tôn, nàng lại giả vờ như người vừa từ trong Tịnh Xá Jetavana trở về, các cận sự hỏi rằng: "Này cô! Cô ở đâu mà về thế?"

- Các người hỏi nơi trú ngụ của tôi để mà làm gì?

Trải qua một, hai tháng sau, khi bị hỏi, nàng tỏ vẻ thật thà nói rằng: "Tôi ngụ chung Hương Thất với Sa môn Gotama trong Tịnh Xá Jetavana".

Những kẻ phàm nhân nghe vậy, phát sanh nghi hoặc rằng:

- Điều nàng này nói có thật như thế chăng nhỉ?

Đến khoảng ba, bốn tháng sau, nàng lấy vải độn vào bụng, giả như người có mang, làm cho hạng phàm nhân thiếu trí nghĩ rằng: "Đây là thai bào Sa môn Gotama tạo ra". Vào khoảng 8 - 9 tháng sau, nàng dùng gỗ tròn, dẻo gọt tròn lẳn rồi độn vào bụng phủ áo bên ngoài, nàng còn gian xảo dùng cây đập vào tay chân, mình mẩy cho sưng lên, giống như người sắp đến thời kỳ sanh nở.

Một hôm, vào buổi chiều khi đức Thế Tôn đang giảng Pháp thoại giữa đại chúng nơi Giảng Pháp đường. Nàng Ciñcamāṇavikā đi vào giữa Giảng đường, đứng giữa hội chúng, trước mặt Đấng Như Lai, nói rằng: "Này ông Đại Sa môn! Ông chỉ giỏi nói Pháp cho thính chúng nghe mà thôi, tiếng của ông thanh tao, giọng nói của ông ngọt ngào, lời nói của ông thật là êm ái. Riêng tôi cũng vì thế mà nay đã đến ngày sanh rồi. Sao ông không biết đến việc sanh nở của tôi, ông không biết điều dưỡng thai nhi bằng những loại thuốc bổ dưỡng như bơ lỏng, sữa, dầu mè... Ông không tự làm, cũng không hề sai bảo cận sự nam hay cận sự nữ của mình như bà Visākhā hoặc ông anāthapiṇḍika, hoặc giả một cận sự nào khác rằng:

"Hãy lo cho nàng Ciñcamānavikā này. Ông chỉ là người biết hưởng thụ khoái lạc, không hề biết đến phận sự chu toàn cho thai nhi của chính mình.

Nàng Ciñcamānavikā giống như người cầm phấn toan bôi bản mặt trắng sáng, nàng tạo thành ác trọng nghiệp quá nặng, là phỉ báng đức Thế Tôn, vu họa cho Ngài giữa đại hội chúng như thế.

Khi ấy, đức Thế Tôn rống lên tiếng rống Sư Tử Vương rằng:

- Nàng Ciñcamānavikā! Sự việc mà nàng vừa nói đó, chỉ có nàng và Như Lai biết rõ mà thôi.
- Đúng như thế, này ông Đại Sa môn! Điều đó phát sanh lên chỉ có ông và tôi biết mà thôi.

Đức Thế Tôn im lặng, khi ấy nơi Bảo Tọa của đức Thiên Vương bỗng nóng ran, Ngài ngạc nhiên suy nghĩ: "Ai muốn chiếm ngôi vị của ta như thế". Thiên Chúa dùng Thiên Nhãn quán xét thế gian biết rằng nàng Ciñcamānavikā đã phỉ báng và vu cáo Ngài giữa đại chúng, làm phát sanh nghi ngờ cho Đại chúng. Thiên Chúa suy nghĩ: "Ta sẽ thanh minh việc này giữa Hội chúng, làm thanh tịnh Giới hạnh Sa môn của Ngài". Đế Thích sai bốn vị Thiên Tử đến phán:

- Các người hãy đến Tịnh Xá Jetavana làm rõ ràng minh bạch việc nàng Ciñcamānavikā vu cáo đức Thế Tôn.

Bốn vị Thiên Tử vâng lệnh Đế Thích, đi đến Jetavana hóa thành bốn con chuột, cắn đứt vải buộc khúc gỗ tròn, rồi nổi gió lên thổi tung vạt áo, khiến khúc gỗ tròn đột nhiên rơi xuống bàn chân nàng Ciñcamānavikā, khiến hai chân nàng đau đớn kinh khủng.

Sự việc ấy, đã làm sáng tỏ giới hạnh thanh nghiêm của đức Thế Tôn, và tố cáo sự cáo gian của nàng Ciñcamānavikā, đại chúng phần nộ rằng: "Này ác nữ! (Tại sao) người lại phỉ báng đức Thế Tôn với những lời phi chân thật như thế?"

Đại chúng tản xuất nàng ra khỏi Tịnh Xá Jetavana, cùng làm những hành phạt ô nhục dành cho nàng. Nàng Ciñcamānavikā vừa ra khỏi Tịnh Xá Jetavana khuất mắt đức Thế Tôn, quả địa cầu bỗng nứt ra rút nàng vào tận Đại địa ngục A Tỳ, ngọn lửa trong ngục A Tỳ phun ra thiêu đốt nàng vàng hực như tấm vải vàng mà nàng hằng mặc. Sau việc này, lợi đặc của ngoại giáo càng tổn giảm nặng nề, trái lại lợi đặc của Tăng chúng càng thêm tăng thịnh.

Sáng hôm sau chư Tỳ khưu cùng nhau bàn luận trong Giảng đường rằng:

- Này chư hiền giả! Nàng Ciñcamānavikā đã phỉ báng đức Thế Tôn Chánh Đẳng Giác, là bậc đáng cúng dường cao thượng hơn mọi nhân thiên, là bậc có ân đức vô lượng như thế. Với lời vu khống, phi chân như thế đã mang đến tổn thất nặng nề cho nàng.

Từ nơi Hương Thất, với thiên nhĩ thuần tịnh Siêu nhân, Bạc Đạo Sư nghe được sự luận bàn ấy, Ngài ngự đến giảng đường, ngồi vào nơi được soạn sẵn, phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ khưu! Bấy giờ các người ngồi lại đây, bàn luận về việc chi thế?
- Bạch Thế Tôn, về chuyện như vậy...

Đức Thế Tôn, Ngài phán dạy rằng:

- Này các Tỳ khưu! Chẳng phải chỉ trong kiếp này nàng Ciñcamānavikā vu khống Như Lai rồi phỉ báng. Mà trong quá khứ, nàng cũng đã từng làm như thế rồi, và cũng bị tổn hại như thế.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tỳ khưu, đức Thế Tôn thuyết lại Bốn Sanh Mahāpaduma trong Dvādasakanipāta với đầy đủ chi tiết rằng: "Người không thấy được lỗi nhỏ, lớn của người khác một cách toàn diện. Tự mình chưa kịp quán xét (thì) không nên hành phạt". Ngài phán rằng: Trong thời đó, nàng Ciñcamānavikā chính là kế mẫu của Bồ Tát Mahāpaduma, là Hoàng Hậu của đức vua, cha của Bồ Tát, đã toan nài ép Bồ Tát hành phi phạm hạnh với nàng, nhưng Bồ Tát cự tuyệt, nàng giả vờ bệnh nặng, tâu với đức vua rằng:

- Con của Bệ hạ đã làm cho thần thiếp không còn muốn sống nữa, nên phải bị bệnh.

Đức vua nổi giận, cho bắt Bồ Tát ném xuống núi, là hố chôn xác bọn cướp cho chết đi.

Một Thiên nhân ngụ gần sườn núi ấy, đã đỡ lấy Bồ Tát mang Ngài xuống Long Cung. Long Vương nhường cho Bồ Tát nửa Thủy Quốc. Bồ Tát sống ở Long Cung được một năm, Ngài lại trở về Nhân giới, xuất gia làm đạo sĩ trong rừng Tuyết Lãnh, chứng đắc thiền định và thần thông.

Bấy giờ, có người săn, y lạc đường khi đi sâu vào rừng Tuyết Lãnh, thấy Bồ Tát liền trở về báo lại đức vua. Đức vua rất vui mừng ngự thân đến nơi ngự của Bồ Tát, được Bồ Tát tiếp đón rất cung kính, Ngài thuật lại mọi việc câu chuyện, cùng với sự dâm loạn của Hoàng Hậu. Nghe rõ câu chuyện, đức Vua hối hận, mời Bồ Tát trở về thay Vua trị quốc, nắm giữ Vương quyền. Nhưng Bồ Tát khước từ, trước khi từ giã Phụ Vương, Ngài ban lời giáo huấn Vương Phụ:

- Tâu Phụ Vương! Con chẳng còn có phận sự gì đối với Vương Quốc cả. Xin Phụ Vương hãy trị dân theo đúng Thập pháp Vương, hãy từ bỏ sự thiên vị. Xin Phụ vương hãy là người cai trị Vương Quốc tốt đẹp đi, hãy xứng đáng là vị Minh quân vậy.

Đức vua đành gạt lệ từ giã đưa con thân yêu hiền trí trở về Kinh thành, trên đường về đức Vua hỏi các Đại Thần rằng:

- Do ai mà trăm mắt đưa con hiền trí, hiếu hạnh như vậy?

- Tâu Bệ hạ! Đó là do Hoàng Hậu làm ra.

Đức Vua nghe tâu như thế, truyền lệnh bắt Hoàng Hậu, tự thân Ngài nắm lấy hai chân Hoàng Hậu dõ lên cao, ném xuống hồ bọt cướp, rồi Ngài trở về kinh thành cai trị Vương Quốc theo đúng Thập Vương pháp của vị Minh quân.

Bồ Tát Mahāpaduma chính là tiền thân của đức Thế Tôn, kế mẫu của Ngài nay là nàng Ciñcamānavikā

Sau khi thuyết giảng ý nghĩa này xong, đức Thế Tôn phán dạy rằng:

- Nay các Tỳ khưu! Gọi là ác nghiệp mà người đã từ bỏ pháp chân thật ấy, sống bằng pháp hư ngụy phi ngôn; là người làm mất đi gốc hướng thượng cho đời sau, vì rằng: Như vậy thì không có tội lỗi nào mà người ấy không dám làm cả.

Rồi Ngài phán lên kệ ngôn rằng:

"Ekaṃ dhammaṃ aṭṭassa
Musāvādiṣṣa Jantuno
Vitiṇṇaparalokassa
Natthi pāpaṃ akāriyaṃ".

- Không có điều ác nào mà người vọng ngữ vi phạm định luật (chơn thật), và đứng dưng trước thế giới bên kia, không làm được.

*"Ai vi phạm một pháp
Ai nói lời vọng ngữ
Ai bác bỏ đời sau
Không ác nào không làm" (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Ekaṃ dhammaṃ nghĩa là pháp độc nhất, chính là pháp chân thật.

Musāvādiṣṣa nghĩa là: Trong 10 lời nói chân thật, thì một lời cũng không có đến cho người nào, người ấy được gọi là người thường vọng ngôn.

Vitiṇṇaparalokassa: Nghĩa là người đã mất gốc, dứt mất sự tăng trưởng tốt đẹp cho đời sau. Người như thế sẽ không nhận được một trong ba loại tài sản là nhân sản, thánh sản và thiên sản.

Natthi pāpaṃ: Nghĩa là: Sự nghi ngờ là tội lỗi như vậy mà người đó, tức là người như vậy không làm thì không có.

Dứt Pháp thoại nhiều người an trú vào Dự Lưu Quả...

DỨT TÍCH NÀNG CIÑCAMĀNAVIKĀ

XIII. 10- ĐẠI THÍ VÔ SONG

(PC. 177)

"Na ve kadariyā devalokam vajanti...". Kệ ngôn Pháp Cú này được đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến cuộc đại thí vô song của vua Pasenadi.

Tương truyền rằng: Một thời nọ, sau khi đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu đi du hóa, rồi Ngài trở về trú tại Jetavana gần thành Sāvattthī. Bấy giờ, đức vua Pasenadi đi đến Tịnh Xá, bạch thỉnh rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin thỉnh đức Thế Tôn cùng chư Tăng ngự đến Hoàng cung của trăm thợ thực vào ngày mai.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời, đức vua trở về Hoàng Cung. Vào sáng hôm sau, Ngài cho chuẩn bị mọi vật thực thượng vị để cúng dường, loan truyền trong thần dân rằng:

- Hãy đến xem sự cúng dường của vua Pasenadi Kosala.

Dân chúng tề tựu đến Hoàng Cung, chứng kiến sự cúng dường của đức vua. Rồi đại chúng đi đến Tịnh Xá bạch thỉnh đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu nhận lời thợ thực vào ngày mai của thị dân Sāvattthī.

Vào sáng hôm sau, khi đã chuẩn bị đầy đủ mọi vật thí thượng vị, đại chúng đến tâu với đức vua rằng:

- Tâu Bệ Hạ! Xin thỉnh Bệ Hạ ngự đến xem chúng thần cúng dường đức Thế Tôn và chư Tăng.

Sự cúng dường của thị dân hơn hẳn đức vua ngày hôm trước. Khi đức Vua ngự đến xem, thấy thế nghĩ rằng: "Dân chúng cúng dường hơn cả ta rồi. Một vị vua như ta không thể thua chúng thần dân".

Thế là, đức vua bạch xin cúng dường Tăng chúng có đức Phật là vị Thượng Thủ vào ngày mai.

Đức vua lại cúng dường hơn thị dân Sāvattthī, cứ như thế cuộc tranh tài về thí sự giữa thị dân và đức vua kéo dài đến 6 lần. Đến lần thứ bảy thì chúng thị dân dốc tất cả tài lực vào cuộc đại thí, cuộc cúng dường của thị dân vô cùng long trọng, không ai có thể phàn nàn rằng: Trong cuộc đại thí này thiếu đi loại vật thực như vậy... Nghĩa là, vật thực nào có được trong nhân giới, đều được chúng dân đem đến cúng dường.

Đức vua kinh hoàng trước đức tin của thị dân, Ngài suy nghĩ:

- Nếu sự cúng dường của ta mà thua kém chúng dân thì ta còn mặt mũi nào làm Chúa của họ được chứ.

Đức vua cứ bần khoăn, suy nghĩ tìm phương cách bố thí hơn thị dân Sāvattthī. Bấy giờ, Hoàng hậu Mallikā đi vào yết kiến đức vua, thấy Ngài đang đăm chiêu suy nghĩ, bà hỏi rằng:

- Tâu Bệ Hạ! Vì sao Ngài ủ rũ như thế? Vì sao Long thể của Bệ Hạ có vẻ đã đuối như thế này?

- Này Hậu! Hậu chưa biết việc chi hay sao?

- Tâu Bệ Hạ! Thần thiếp nào biết được việc gì đâu?

Đức vua tường thuật lại cuộc thi tài cúng dường giữa mình với thị dân, đã trải qua 6 lần bất phân thắng bại cho Hoàng Hậu nghe tận tường. Bấy giờ, Hoàng Hậu tâu rằng:

- Tâu Thánh thượng! Xin Ngài chớ nhọc tâm suy nghĩ nữa. Lẽ thường là vị Chúa tất phải hơn chúng dân chứ. Ngài hãy nghe và biết như thế đi, thần thiếp sẽ giúp Bệ Hạ thắng cuộc trong thí sự này.

Hoàng Hậu tâu với đức Vua như thế, vì nàng muốn rằng sự cúng dường tối thắng này do bà sắp xếp, sự cúng dường này là cuộc đại thí sự không một thí sự nào có thể sánh bằng.

- Tâu Đại Vương! Xin Ngài hãy cho làm nhà Trai đường bằng cây quý, nền được san bằng phẳng, mái nhà là cây mà phải là cây Sāla mới được. Trai thí đường này rộng rãi, đủ chỗ cho đức Thế Tôn

cùng 500 vị Tỳ khuru ngồi theo thứ lớp cao thấp được phân theo hạ lập. Bên ngoài là sân rộng dành cho đại chúng. Hãy cho làm 500 cây lọng trắng, lọng che đức Thế Tôn là lọng hai tầng, còn những vị Tỳ khuru là lọng một tầng. Chọn 500 thớt tượng thuần hóa để cắm lọng che cho các Ngài. Cho làm từ 8 đến 10 chiếc thuyền vàng đặt giữa trai đường, trong thuyền ấy chứa đầy hương trầm Chiên đàn được tán nhuyễn, cho những nàng Công Nương đứng quanh thuyền, dùng hoa sen xanh để rải Hương thơm Chiên Đàn cúng dường đức Phật và chư Tăng, cho mỗi vị Công Nương đứng quạt hầu hai vị Tỳ khuru và rải hương hoa cúng dường khắp hướng. Những vị Công Chúa trẻ tuổi sẽ mang vật thơm được tán nhuyễn đổ vào thuyền. Mùi hương thơm sẽ thơm ngát ngôi trai thí đường ấy. Rồi Đại Vương cho dâng những vật thực có đầy đủ hương vị tối thắng đến đức Thế Tôn cùng chư Tăng. Như thế, Bộ Hạ sẽ thắng cuộc vì thị dân làm sao có được voi thuần hóa, cũng không thể có những Công Nương xinh đẹp trang điểm lọng lấy phục vụ chư Tăng và đức Thế Tôn. Xin Thánh thượng hãy thực hiện như thế đi.

- Lành thay! Lành thay, này ái Hậu.

Đức vua thực hiện y theo lời của Hoàng Hậu Mallikā, mọi việc tiến hành được thuận lợi và tốt đẹp. Chỉ riêng về tượng chiến thì chỉ có được 499 con là thuần hóa, có thể điều khiển voi dùng vòi quấn lọng hầu chư Tăng mà thôi. Đức vua bối rối, hỏi Hoàng Hậu rằng: - Này Hậu! Voi chiến thuần hóa chỉ có được 499 con thôi, thiếu mất một con, vậy trăm phải xử trí ra sao bây giờ?

- Tâu Bộ Hạ, không có đủ 500 voi chiến sao?

- Này Hậu, tượng chiến thì có nhiều, nhưng tượng được thuần hóa rồi chỉ có 499 con thôi. Lại nữa, có con tượng rất hung dữ, e rằng nó sẽ nổi cơn hung bạo như cuồng phong, làm hại đến chư Tỳ khuru.

- Tâu Bộ Hạ! Thần thiếp biết cách sắp xếp hung tượng ấy vào đâu rồi. Bộ Hạ hãy cho hung tượng ấy đứng cắm lọng hầu Ngài Āṅgulimāla đi.

Đức vua y theo lời của Hoàng Hậu Mallikā. Khi hung tượng cắm lọng đứng hầu Trưởng lão Āṅgulimāla thì nó trở nên hiền thực như đã từng được dày công huấn luyện. Nó cúp đuôi vào hai chân sau, hai tai phe phẩy, đứng ôm lọng nhắm mắt che cho Trưởng lão Āṅgulimāla. Chúng thị dân trong thấy như thế, suy nghĩ rằng:

- Tượng này có tiếng là hung dữ bậc nhất, thế mà Trưởng lão Āṅgulimāla chinh phục được tượng hung hãn ấy.

Đức vua sau khi cúng dường vật thực thượng vị loại cúng loại mêm đến chư Tăng rồi cung kính đánh lễ đức Thế Tôn và chư Tăng. Trải qua 7 ngày như thế, đến ngày thứ bảy thì đức Vua bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Trong cuộc đại thí vật trọng thể này, ngoài những vật bất hợp lễ, vật nào dâng cúng hợp pháp trăm xin cúng dường tất cả đến đức Thế Tôn và chư Tỳ khuru Tăng.

Người ta bảo rằng: Trong cuộc đại thí ấy, đức Vua đã tiêu hết 14 koti tiền vàng trong một ngày. Cả bốn vật là: Lọng, Bảo tọa, chân bát và bệ kê chân dành cho đức Phật và chư Tăng Tỳ khuru đều là những vật vô giá toàn bằng vàng ròng cả. Không một ai có thể cúng dường thí vật tối thắng hơn vua Pasenadi được và trong đời đức Phật hiện tiền (kể cả chư Phật quá khứ) các Ngài chỉ có một lần Đại thí vô song mà thôi. Và cũng phải do người nữ sắp xếp (sự cúng dường ấy) đến Bạc Đạo Sư được thành tựu viên mãn.

Đức vua Pasenadi có hai vị quan Đại Thần là Kāla và Junha. Vị Đại Thần Kāla có sự suy nghĩ thấp kém rằng:

- Ôi! Sự tổn hại đã đến và vây Hoàng Tộc rồi, đức vua đã bỏ ra 14 koti tiền vàng trong mỗi ngày cho đại thí này, cúng dường đến các vị Sa môn ấy, khi các vị ấy chỉ có ăn rồi ngủ mà thôi. Công khổ của Hoàng Tộc sẽ đi đến chỗ suy vong mất. Hoàng Tộc có sự tổn hại như vậy rồi.

Riêng Đại Thần Junha thì hoan hỷ, nghĩ rằng:

- Sự cúng dường của đức vua thật là thù diệu và hy hữu, ngoài Ngài ra không một ai có thể cúng dường thí vật cao thượng được như thế nữa. Đức vua không chia phần phước báu của mình đến các chúng sanh, việc như thế sẽ không hề có đến cho Ngài đâu. Vậy ta hãy hoan hỷ với phước báu cao thượng của đức vua Pasenadi.

Khi đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khuru đã thọ thực xong, tay rời khỏi miệng bát, đã ngậm vật thực. Đức Vua đến nhận bát và lời phúc chúc tùy hỷ nơi Bạc Đạo Sư, đức Thế Tôn suy nghĩ:

- Đức vua cúng dường Đại thí như vậy, ví như giòng nước lớn được khai mở, nhưng đại chúng hoan hỷ không nhỉ?

Ngài dùng trí quán xét, thấy được hai nguồn tư tưởng của hai vị Đại Thân, và quán tiếp Ngài thấy rằng: "Nếu Như Lai tùy hỷ phước cho xứng đáng với phước báu của đức vua, thì Đại Thân Kāla sẽ vỡ tim, đầu bị bể thành bảy mảnh mà chết. Trái lại Đại Thân Junha sẽ chứng đạt Dự Lưu Quả".

Với tâm đại bi đối với Đại Thân Kāla, Ngài chỉ tùy hỷ phước bằng bốn kệ ngôn ngắn, rồi từ nơi ngai đứng dậy cùng Tăng chúng trở về Tịnh Xá. Khi về đến Jetavana, chư Tỳ khuru hỏi Trưởng lão Āṅgulimāla rằng:

- Này Hiền giả! Hiền giả thấy con tượng hung dữ ấy, đứng cầm lọng che cho mình như thế, Hiền giả có hãi kinh chẳng?

- Này Chư hiền! Tôi không có sự sợ hãi đó đâu.

Chư Tỳ khuru cho rằng Trưởng lão là người khoa Thượng Nhân Pháp, là Đạo Quả A La Hán, nên trình bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Tỳ khuru Āṅgulimāla đã nói điều phi chân, sai với ý của mình.

- Này các Tỳ khuru! Āṅgulimāla hằng không còn kinh sợ nữa, con của Như Lai giống như Ngưu vương giữa đàn bò, tức là đồng với Bạc Vô Lậu rồi.

Ngài thuyết lên kệ ngôn (trong phần Bà la môn) rằng:

"Ta nói rằng: Người dũng cảm, cao thượng, hùng dũng, người tâm cầu ân đức lớn, người chiến thắng đặc biệt, người không rung động, người đã rửa sạch (mọi ô nhiễm) người đã giác ngộ, đó gọi là Bà la môn".

Riêng đức Vua Pasenadi u sầu khi nghe đức Thế Tôn chỉ tùy hỷ phước bằng bốn câu kệ ngắn, rằng:

"Bậc Đạo Sư đã không tùy hỷ phước xứng đáng với sự cúng dường của ta, giữa hội chúng Ngài chỉ thuyết lên có bốn câu kệ ngôn vắn tắt như thế, rồi từ chỗ ngai đứng dậy ra về. Có lẽ ta đã thất kính với đức Đạo Sư, đã cúng dường bất xứng đến Ngài rồi chăng? Có phải chăng ta đã làm cho Ngài không hoan hỷ. Lẽ ra Ngài sẽ tùy hỷ phước xứng đáng với đại thí này rồi. Vì Ngài hằng tùy hỷ xứng đáng với những ai hằng hành đại thí hạnh kia mà.

Đức vua đi đến Tịnh Xá Jetavana, vào đánh lễ đức Thế Tôn, xong rồi bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Có phải trăm cúng dường vật không thích hợp chăng? Hay là vật cúng dường của trăm không được thanh tịnh? Hoặc trăm chỉ cúng dường vật bất xứng còn vật thích hợp lại không cúng dường?

- Tâu Đại Vương! Vì sao Đại Vương lại hỏi Như Lai như thế?

- Bạch Thế Tôn! Vì trăm thấy Ngài tùy hỷ phước đại thí chỉ bốn kệ ngôn ngắn.

- Này Đại Vương! Đại Vương đã cúng dường đại thí vật Vô song. Đó là sự cúng dường thí vật không sự cúng dường thí vật nào có thể so sánh được. Trong đời chư Phật chỉ có một lần Vô song thí như thế thôi. Lẽ thường, đại thí như thế, người thường khó làm.

- Nếu sự kiện là như thế, vì sao đức Thế Tôn lại không phúc chúc cho xứng với đại thí như thế.

- Này Đại Vương! Vì trong hội chúng của Đại Vương không được trong sạch.

- Bạch Thế Tôn! Vậy trong hội chúng có lầm lỗi chi thế?

Đức Thế Tôn thuật lại hai ý nghĩa của Đại Thân Kāla và Đại Thân Junha, rồi cho vua biết rằng với tâm đại bi miễn đối với Kāla, nên Ngài chỉ chúc phước vắn gọn bằng bốn câu kệ mà thôi.

Được nghe như thế, đức vua trở về Hoàng Cung cho đòi Đại Thân Kāla đến, hỏi rằng:

- Này Kāla khanh! Được biết rằng khanh có ý nghĩ như thế, như thế phải chăng?

- Tâu Đại Vương! Có thật như thế.

- Này khanh! Ta và Hoàng Tộc đâu có dùng tài sản của khanh hay của gia tộc khanh để cúng dường. Trẫm cũng không có làm điều chi khiến khanh buồn phiền cả. Vậy thì, tài sản nào mà trẫm đã ban cho khanh, khanh hãy mang theo đi, khanh hãy rời khỏi Vương quốc của trẫm.

Đức Vua sau khi tẩn xuất Đại Thần Kāḷa ra khỏi Vương quốc rồi, Ngài cho gọi Junḥa đến phán hỏi rằng:

- Được nghe rằng khanh có được ý nghĩ như thế phải chăng?

- Tâu Bệ Hạ! Vâng.

- Lành thay! Lành thay, trẫm rất hài lòng về khanh, trẫm sẽ ban cho khanh ngôi vị Quốc Vương trong 7 ngày, khanh toàn quyền xuất của kho ra hành thí hạnh như trẫm đã làm.

Đức vua Pasenadi giao Vương quốc cho Đại Thần Junḥa trị vì 7 ngày. Rồi đức vua đến trình lên đức Thế Tôn việc làm của mình, bạch rằng: "Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy nhìn thấy hậu quả xấu của kẻ cuồng si kia, y đã khinh thường sự tín thí của trẫm cúng dường như thế đấy.

Đức Đạo Sư phán rằng:

- Thật vậy, này Đại Vương! Kẻ ngu không hoan hỷ với thí hạnh của kẻ khác, là người sẽ nhận lấy khổ cảnh sau này. Còn Bậc Đại trí có sự hoan hỷ thí hạnh của kẻ khác nên nhận được thiên giới sau này vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Nave kadariyā devalokaṃ vajanti
Bālā have nappssaṃsanti dānaṃ
Dhīro ca dānaṃ anumodamāno
Ten'eva so hoti sukhī paratha".

- Đúng như vậy, người hà tiện không lên cảnh trời. Kẻ cuồng si không tán dương đức quảng đại.

Người thiện trí hoan hỷ bố thí, do đó được hạnh phúc về sau.

*"Keo kiệt không sanh thiên
Kẻ ngu ghét bố thí
Người trí thích bố thí
Đời sau được hưởng lạc" (TMC).*

CHÚ THÍCH:

Kadariyā nghĩa là: Người có sự bần sần, bần rít. Người không biết lợi ích đời này và đời sau, gọi là ngu nhân.

Sukhī pararattha nghĩa là: Bậc trí khi thọ hưởng Thiên sản, gọi là người có sự an lạc về sau, vì chính do quả phước tùy hỷ về sự bố thí đó.

Dứt kệ ngôn, Đại Thần Junḥa chứng đắc Pháp Nhãn. Pháp thoại mang lại lợi ích cho Đại chúng như thế.

Đại Thần Junḥa đã cúng dường đến đức Thế Tôn cùng chư Tăng trọn cả 7 ngày như đức vua Pasenadi thường làm.

DỨT TÍCH ĐẠI THÍ VÔ SONG

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XIII. 11- CÔNG TỬ KĀḶA

(PC. 178)

"Pathayyā ekarajjena...". Kệ ngôn Pháp Cú này được đức Bổn Sư thuyết lên, khi Ngài ngự tại Jetavana, để cập đến Công Tử Kāḷa, là con của Trưởng giả anāthapiṇḍika.

Trương truyền rằng: Trưởng giả anāthapiṇḍika là người viên mãn đức tin trong ân đức Tam Bảo, nhưng con trai ông là Công Tử Kāḷa lại không có niềm tin nơi Bậc Đạo Sư. Cậu không muốn gấn gửi

đức Thế Tôn cũng như không muốn nghe Pháp nơi Ngài. Cậu không hài lòng khi thấy Bạc Đạo Sư ngự đến nhà, không muốn phục vụ Tăng chúng. Mặc dù Trưởng giả anāthapiṇḍika nhiều phen khuyên dụ:

- Này Kāla! Con chớ nên như thế, hãy cung kính phục vụ Tăng đi.

Nhưng chàng vẫn cứ lơ là, Trưởng giả suy nghĩ:

- Con ta là Kāla này, mãi chấp giữ thành kiến sai lạc ấy, nó sẽ rơi vào địa ngục A Tỳ về sau thôi. Ta thấy con mình rơi vào khổ cảnh như thế, lại làm nợ đi thì đó là điều không phải cho ta. Lễ thường, chúng sanh là người không hoan hỷ với tài sản, không thỏa thích với tài sản, điều này không hề có đâu. Ta sẽ cải huấn lại tư kiến sai lạc của Kāla, cho nó trở lại chánh kiến bằng cách phủ dụ nó bằng tài vật.

Trưởng giả anāthapiṇḍika nói với Công Tử Kāla rằng:

- Này con thân! Con hãy thọ trì Trai giới đi. Hãy đến Tịnh Xá nghe Pháp trọn đêm. Cha sẽ cho con 100 đồng vàng.

- Có thật thế chứ? Thưa cha.

- Nếu con làm được như thế, cha sẽ cho con ngay.

Công Tử Kāla nhận lời, vào ngày Trai giới, chàng đi đến Tịnh Xá, thọ trì Trai giới. Nhưng chàng chẳng màng nghe Pháp, chỉ tìm chỗ ngủ cho thỏa thích, thoải mái, rồi khi trời rạng sáng, chàng từ Tịnh Xá trở về nhà. Trưởng giả hoan hỷ nói với chàng rằng:

- Con của ta đã thọ trì Giới hạnh trọn cả ngày đêm rồi, các người hãy dọn những vật thực thượng vị cho con ta dùng nhanh đi.

Trưởng giả sai gia nhân dọn vật thực ngon ngọt thượng vị, sai người mời Công Tử Kāla dùng sáng. Nhưng khi ngồi vào bàn, Công Tử không chịu dùng ngay, mà bảo với cha rằng:

- Thưa cha! Cha hứa cho con 100 đồng vàng, nếu con thọ trì Trai giới và nghe Pháp trong Tịnh Xá của đức Thế Tôn. Vậy cha hãy ban thưởng cho con đi.

- Này con! Con hãy dùng vật thực đi, cha sẽ cho con ngay món tiền ấy.

- Thưa cha! Nếu chưa được tiền thì con sẽ không dùng vật thực.

Thấy Công Tử kèo nài như thế, Trưởng giả cho mang tiền ra, bảo rằng: "Này Kāla con! Đây là 100 đồng vàng của con đây".

Sau khi nhận được tiền rồi, Công Tử mới dùng vật thực. Hôm sau, Trưởng giả bảo với Công Tử rằng:

- Này Kāla con! Cha sẽ cho con ngàn đồng vàng, nếu con thuộc được một câu kệ của đức Thế Tôn thuyết giảng, nếu con nghe Pháp từ nơi chính Ngài.

Công Tử nghe vậy, chàng nhận lời đi đến Tịnh Xá Jetavana nghe Pháp với chủ ý rằng: "Ta chỉ cần học thuộc một câu kệ ngôn từ nơi đức Thế Tôn rồi ta sẽ trở về". Bạc Đạo Sư quán xét, thấy được duyên lành đạo quả của Kāla đã chín muồi, Ngài liền dùng Phật Lực khiến cho Công Tử thuộc được câu kệ ngôn, khi vừa ra khỏi Tịnh Xá thì chàng lại quên ngay. Chàng trở vào lại Tịnh Xá nghe Pháp để học thuộc câu kệ ngôn khác, rồi ra về, nhưng khi ra khỏi Tịnh Xá thì lại quên mất. Lần thứ ba, chàng quyết tâm rằng: "Ta sẽ trở lại nghe Pháp, lần này ta cố nhớ cho thật kỹ, học thuộc rõ ràng câu Phật Ngôn rồi mới ra về".

Nhưng chàng với sự tôn kính. Lễ thường sự nghe Pháp với tâm tôn kính, tâm an tịnh như thế sẽ nhận được nhiều lợi ích, là tài sản của Bạc Thánh như Đạo quả Dự Lưu...

Duyên lành của Kāla đã đến thời rục rở, trí tuệ của chàng được Pháp Bảo khai thông, nghe Pháp xong chàng chứng đắc Dự Lưu quả.

Chàng trú lại Tịnh Xá suốt đêm, vào khi trời rạng sáng, chàng cung thỉnh đức Thế Tôn và chư Tăng đến thọ trai tại nhà của mình.

Trưởng giả anāthapiṇḍika trông thấy con mình trở về từ đàng xa, có đức Phật và chư Tỳ khưu ngự đến đàng dẫn đầu. Ông vô cùng hoan hỷ, nghĩ rằng: "Hôm nay con ta đã làm một việc khiến ta rất hài lòng. Cử chỉ con ta hôm nay thật khác hẳn ngày thường".

Trưởng giả thân hành ra rước bát và cung thỉnh đức Phật cùng chư Tăng ngự vào chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Công Tử thưa với cha rằng:

- Thưa cha! Hôm nay con cung thỉnh đức Thế Tôn và chư Tăng đến thọ thực tại nhà chúng ta. Xin cha hãy hoan hỷ phước cùng con.

- Lành thay! Lành thay, này con.

Nhưng rồi chàng lại có sự hổ thẹn trong tâm rằng:

- Mong rằng cha ta đừng nhắc lại việc cho tiền ta trước mặt đức Thế Tôn và chư Tăng. Mong cha ta giữ kín việc ta thọ giới Bát Quan chỉ vì 100 đồng vàng, và đi nghe Pháp chỉ vì món tiền 1000 đồng vàng.

Nhưng mọi việc ấy, đức Thế Tôn đã thấu rõ ngọn ngành. Khi Trưởng giả cúng dường cháo đến đức Thế Tôn cùng chư Tỷ khưu xong, ông bảo với Công Tử Kāla rằng:

- Này con! Con hãy dùng vật thực sáng đi. Món tiền 1000 đồng đang đặt trên bàn cho con đấy. Cha có hứa với con rằng: Khi con nghe Pháp từ đức Thế Tôn, thuộc được một câu kệ ngôn của Ngài cha sẽ cho con ngàn đồng vàng. Đây là số tiền đó, nó đã thuộc về con.

Công Tử Kāla nghe cha nói như thế trước mặt đức Thế Tôn, chàng hổ thẹn nói rằng:

- Thưa cha, giờ đây con không còn mong được tiền như thế nữa.

Mặc cho Trưởng giả nài ép nhiều lần, chàng cương quyết không nhận ngàn đồng vàng. Ngạc nhiên trước thái độ hy hữu ấy, Trưởng giả bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hôm nay con rất hài lòng về tư cách của Kāla.

- Này Trưởng giả, chuyện chi thế?

- Bạch Thế Tôn! Hôm qua khi Kāla thọ trì giới Bát quan, trọn đêm trú trong Tịnh Xá, sáng trở về nhà, nếu chưa nhận được 100 đồng thì không chịu dùng vật thực. Nhưng hôm nay, cả ngàn đồng vàng Kāla lại cương quyết khước từ.

- Thật vậy, này Trưởng giả! Hôm nay chính quả vị Dự Lưu mà Kāla chứng đạt được còn cao quý hơn ngôi vua Chuyển Luân, hơn cả tài sản Chư Thiên, Phạm Thiên sản nữa.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

"Paṭhayaṃ ekarajjena
Baggassa gamanena và
Sabbalokādhīpaccena
Sotāpattiphalaṃ varam".

- Hơn quyền bá chủ trên quả địa cầu, hơn tài sản nơi Thiên giới, hơn quyền chúa tể của toàn thể vũ trụ, là quả bậc Nhập Lưu.

*"Hơn thống lãnh trái đất
Hơn được sanh cõi trời
Hơn chủ trì vũ trụ
Quả Dự Lưu tối thắng" (TMC).*

CHÚ THÍCH:

Paṭhayaṃ ekarajjena: Tức là con quý hơn ngôi vua Chuyển Luân.

Baggassa gamanena và: Nghĩa là cao quý hơn 26 cõi trời.

Sabbalokādhīpaccena: Nghĩa là cao quý hơn sự làm chúa tể trong thế gian, kể cả Long Vương, Kim Sí Diệu Vương...

Sotāpattiphalaṃ varam: Nghĩa là dù cho đức vua tối thượng, thọ hưởng nhân sản như thế nào, cũng không thể thoát khỏi địa ngục.

Còn Bạc Tu Đà Hườn sát trừ được ba kiết sử, thì đoạn tận được bốn cảnh khổ. Dù có dễ duôi mấy, Bạc Tu Đà Hườn cũng chẳng thọ sanh quá 7 kiếp. Vì thế quả Tu Đà Hườn cao tột hơn tất cả mọi tài sản thế gian này.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đạt quả như Tu Đà Hườn...

DÚT TÍCH CÔNG TỬ KĀLA

DỊCH GIẢ CĂN ĐỀ •

XIV. PHẨM PHẬT ĐÀ

XIV. 1- CON GÁI MA VƯƠNG

(PC. 179)

"Yassa jitaṃ n'āvajīyati... ". Kệ Pháp Cú này đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài vừa chứng ngộ Đạo Quả, Ngài ngồi dưới cội Bồ Đề, để cập đến ba nàng Ma nữ là con gái của Ma Vương.

Được biết rằng: Trong kinh thành xứ Kuru, có Bà la môn tên là Māgandiyā. Ông có được một nàng con gái xinh đẹp, tên là Māgandiyā, với sắc đẹp kiều sa lộng lẫy của nàng, rất nhiều Vương Tôn Công Tử, đã cho người đến cầu hôn nàng, nhưng Bà la môn Māgandiyā khước từ tất cả, với lời nói rằng:

- Các vị không xứng đáng với nhan sắc xinh đẹp của con gái tôi.

Một hôm, theo phong tục của Bà la môn, Māgandiyā đi đến đền thờ thần của mình. Bấy giờ, theo thông lệ của chư Phật, vào khi trời hừng sáng, đức Thế Tôn dùng Phật Tuệ quán sát thế gian, nhìn thấy hình ảnh Bà la môn Māgandiyā trong Phật Trí, Ngài quán xét: "Đây là do nhân nào?" Ngài thấy được duyên lành quả vị A Na Hàm của hai vợ chồng Māgandiyā.

Khi trời sáng, đức Thế Tôn vận mặc y phục, tay cầm y bát ngự đến đền thờ thần lửa để tế độ vợ chồng Bà la môn Māgandiyā.

Bấy giờ, khi Bà la môn Māgandiyā vừa đến đền thờ thần lửa, ông nhìn thấy Phật tướng trang nghiêm, vô cùng xinh đẹp với 50 Đại Nhân tướng hiển lộ, ông khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Trong thế gian, ta chưa từng thấy được ai có sắc diện thanh tú xinh đẹp như vị Sa môn này. Vị này quả thật xứng đáng với sắc đẹp diễm kiều của con gái ta. Vậy ta hãy gả con gái của ta cho vị ấy vậy.

Thế rồi, ông Māgandiyā đi đến gần đức Thế Tôn, nói rằng:

- Thưa ông Sa môn xinh đẹp, tôi có được đưa con gái, tên là Māgandiyā, nó rất tuyệt mỹ, rất xứng đáng làm vợ Ngài. Tôi sẽ gả nó cho Ngài để nó được phụng sự Ngài. Ngài hãy đợi tôi nơi này, tôi sẽ dẫn nó đến nơi này.

Nghe y nói như thế, Bạc Đạo Sư không tán thán cũng không ngăn cản. Bà la môn Māgandiyā trở về nhà nói với vợ rằng:

- Nay bà ơi! Nay tôi được trông thấy một người rất xứng đáng với con gái của mình. Chúng ta sẽ gả Māgandiyā cho người ấy.

Vợ chồng Bà la môn Māgandiyā bảo nàng Māgandiyā trang điểm cực kỳ diễm lệ, rồi cùng nhau đi đến nơi ngự của đức Đạo Sư, đại chúng hiếu kỳ cũng rủ nhau đến xem người mà Māgandiyā vừa tán tụng.

Bấy giờ, đức Thế Tôn không đứng tại nơi ấy, Ngài để lại dấu chơn để tế độ hai ông bà Bà la môn, rồi đi đến một nơi gần đó không xa mấy. Tương truyền rằng: Dấu chân chư Phật chỉ xuất hiện nơi mà Ngài chú nguyện rằng: "Người này hãy nhìn thấy dấu chân Như Lai tại nơi này". Rồi Ngài đạp xuống sẽ lưu lại dấu chân, ngoài ra thì không hề lưu lại dấu chân Phật.

Khi hai vợ chồng Māgandiyā đi đến, không thấy Bạc Đạo Sư, người vợ hỏi chồng rằng:

- Nay ông, người ấy đâu rồi?

- Tôi có dặn rằng: Ông hãy đứng chờ đợi nơi đây mà.

Bà la môn Māgandiyā nhìn quanh quất, chợt ông nhìn thấy dấu chân được lưu lại của đức Thế Tôn, nên reo lên rằng:

- Đây rồi, dấu chân này của y, y đã để lại cho chúng ta đây.

Vợ Māgandiya là người tinh tường về khoa chiêm tướng, quan sát dấu chân Phật rồi, bà nói với chồng rằng:

- Ông ơi! Việc mà ông định gả Māgandiyā cho người này, không có được đâu, vì đây là dấu chân của người không còn thọ hưởng dục.

- Nay bà, sự hiểu biết về khoa chiêm tướng của bà, ví như cá lội trong lu nước mà thôi. Chính tôi đã nói với vị Sa môn ấy rằng: Tôi sẽ đem con gái mình mà gả đến Ngài. Vị ấy đã im lặng nhận lời rồi kia mà.

- Thưa ông! Tuy ông đã nói như thế, nhưng đây chính là dấu chân của Bậc đã đoạn lìa phiền não rồi.

Bà ngâm tiếp kệ ngôn rằng:

"Người ái dục với nhiều phiền não thì dấu chân lõm vào giữa. Người nhiều sân hận thì dấu chân nặng về gót. Người tham ái thì dấu chân thiên nặng về đầu ngón chân. Người có bàn chân bằng phẳng như thế này, là người đã chấm dứt phiền não rồi".

- Thôi bà đi, bà chớ có ồn ào như thế. Chúng ta đã tìm thấy vị Sa môn xinh đẹp kia thôi.

Hai vợ chồng Bà la môn Māgandiya đi tìm, thấy được Bậc Đạo Sư ông liền chỉ cho vợ thấy, rằng:

- Nay bà, đây chính là vị Sa môn mà tôi đã nói đấy.

Ông đi đến đảnh lễ đức Thế Tôn xong rồi, thưa rằng:

- Thưa vị Đại Sa môn! Tôi sẽ gả con gái chúng tôi cho Ngài. Đây là con gái tôi, có tên là Māgandiyā.

Khi ấy, Đấng Như Lai không nói rằng: "Như Lai đâu có cần đến con gái người". Ngài lại phán dạy Bà la môn ấy như vậy:

- "Này ông Bà la môn! Như Lai sẽ nói với ông điều như vậy, ông có chịu nghe chăng?"

- Vâng, thưa ông Đại Sa môn.

Đức Thế Tôn liền thuật lại câu chuyện từ khi Ngài rời Hoàng Cung Kapilavatthu ra đi tìm đạo giải thoát, cho đến khi Ngài thăng phục được Ma nữ, tóm tắt câu chuyện như sau:

"Đức Đại Bồ Tát từ bỏ Vương vị, lên ngựa Kaṇṭhaka có chàng hầu cận trung tín là Channa làm bạn đồng hành, Ngài ra đi xuất gia tìm đạo giải thoát khổ". Bấy giờ, Ma Vương đứng tại cổng Hoàng Thành khuyến dụ Đấng Đại Hùng rằng:

- Này Siddhattha! Người hãy quay trở lại đi, kể từ hôm nay trở đi, sau 7 ngày nữa người sẽ là vị vua Chuyển Luân Vương, những Bảo vật của đức vua Chuyển Luân như Thiên báu Luân, Tượng báu, mã báu, ngọc báu, nữ báu, Cư sĩ báu và Tướng quân báu sẽ xuất hiện cho người đấy.

- Này Ma Vương! Ta cũng vẫn rõ biết sẽ có những báu vật ấy, nhưng ta có cần chi những báu vật ấy. Ta cần đạo giải thoát mà thôi.

- Nếu vậy, người ra đi xuất gia như thế, có ích lợi gì cho người?

- Ta xuất gia để trở thành bậc Toàn Giác Vô Thượng, nhằm cứu vớt chúng sanh khỏi khổ.

- Nếu vậy, từ hôm nay trở đi, ta sẽ theo dõi người. Nếu người khởi lên tâm cầu một trong ba loại tâm cầu như dục tâm... Ta sẽ có cách đối phó với người vậy.

Kể từ hôm ấy, Ma Vương luôn theo dõi tâm Bồ Tát để tìm sơ hở của Ngài, hòng bắt lỗi Đấng Đại Hùng. Trọn cả 6 năm dài như thế, y không thể tìm được lỗi lầm dù chỉ là chút ít của Ngài. Sau 6 năm tinh cần khổ hạnh, Ngài đã ép xác quá mức trong khổ hạnh, nhưng không thể chứng đạt Đạo Quả Giải thoát. Thế rồi, nhân nghe được tiếng thiên cầm ba dây: Căng quá dây đàn sẽ đứt, chùn quá thì âm thanh không thể du dương đúng điệu hòa âm, chỉ có sợi dây đàn lên vừa phải thì phát ra những thanh âm thù diệu hòa hợp với nhau. Ngài từ bỏ hai cực đoan là khổ hạnh và lợi dưỡng, thực hành theo Trung đạo.

Dưới cội Bồ Đề, sau khi chiến thắng Ma Vương cùng binh tướng, trong đêm rằm tháng Vesak, Ngài chứng đạt Vô Thượng Chánh Đẳng Giác quả vị. Ngồi dưới cội Bồ Đề an hưởng hạnh phúc giải thoát.

Vào tuần lễ thứ năm, Ngài ngự đến cội cây Ajapālanigrodha, khi ấy Ma Vương đang sầu khổ ngồi ven đường, vạch lên 16 vạch so sánh sự thua kém của mình với đức Đại Giác. Ma Vương suy nghĩ:

- Bấy lâu nay, ta hằng theo dõi Siddhattha để tìm lỗi y, nhưng không tìm được lỗi lầm nào cả. Nay y đã thoát ra khỏi quyền lực của ta rồi.

Bấy giờ, ba nàng Thiên Nữ là con gái của Ma Vương, thấy vắng cha, các cô tìm gặp Ma Vương, suy nghĩ rằng:

- Vương Phụ của Ta đang trú nơi nào nhỉ?

Ba Thiên Nữ thấy cha mình đang ngồi bên vệ đường, đi đến bạch hỏi rằng: "Thưa cha! Vì sao cha lại sầu não như thế?"

Ma Vương tường thuật lại câu chuyện cho ba nàng Thiên Nữ ấy nghe. Các nàng nói với Ma Vương rằng:

- Thưa cha! Cha chớ nên sầu não nữa, chúng con sẽ làm cho Siddhattha ở trong quyền lực của chúng con, rồi sẽ dẫn về cho cha.

- Nay các con! Không một ai trong thế gian này còn có thể làm cho vị ấy rơi vào quyền lực được nữa đâu.

- Thưa cha! Chúng con là nữ nhân, chúng con sẽ quyến rũ y rơi vào cạm bẫy ái dục, luyến ái... Rồi chúng con sẽ dẫn y về cho cha. Xin cha đừng bận lòng, khi cha có được các người con đây quyền lực như chúng con.

Ba nàng Thiên Nữ ấy có tên là Taṇhā, Aratī và Rāgā. Sau khi từ giả Ma Vương, ba nàng đi đến cội cây Ajapālanigrodha, đánh lễ đức Thế Tôn rồi thưa rằng:

- Kính bạch Bậc Đại Sĩ! Chúng em sẽ phục vụ Ngài.

Đức Thế Tôn lặng yên, nhắm mắt, Ngài chẳng màng đoái hoài gì đến các Thiên Nữ ấy. Các Ma Nữ suy nghĩ: "Nam nhân thường có sự yêu thích sai biệt, một số ái luyến những nữ nhân mới lớn, một số thì thương yêu những góa phụ một con, trung niên, còn số khác thì ưa chuộng những srong phụ lớn tuổi. Thế thì, chúng ta sẽ quyến rũ y bằng nhiều hình tướng nữ nhân, bằng nhiều cách kêu gọi dục cảm nơi y".

Ba nàng Thiên Nữ ấy hóa thân thành hàng ngàn cách, từ những thiếu nữ còn xuân, srong phụ một con, hai con, cho đến hạng tuổi trung niên... đi đến yết kiến đức Thế Tôn, thưa rằng:

- Kính thưa bậc Đại Sĩ! Chúng tôi đến phục vụ Ngài đây.

Cả sáu lần như thế, nhưng đức Thế Tôn chẳng màng đến lời của ba Thiên Nữ, tâm Ngài đang hướng đến pháp tận diệt mọi phiền não ái vi tế tiềm miên. Rồi Ngài phán với các Ma nữ rằng:

- Các người hãy đi đi, các người tìm được lợi ích gì mà cố gắng làm như thế chứ. Việc làm của các người chỉ có thể quyến rũ được người còn ái dục thôi. Như Lai đã tận diệt mọi tham ái phiền não rồi. Các người mong Như Lai rơi vào quyền lực của các người do nhân nào được chứ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

179-

" Yassa jitaṃ n'āvajīyati
Jitamassa no jāti kociloke
Taṃ buddhaṃ anataḡocaraṃ
Apadaṃ kena padena nessatha"

180-

"Yassa Jālinā visattikā
Taṇhānatthi kuhiñci netava
Taṃ buddhaṃ anantaḡocaraṃ
Apadaṃ kena padena nessatha"

- Người mà cuộc chinh phục (dục vọng) không thể thất bại trên thế gian này, không (dục vọng nào) đã bị khắc phục còn theo người ấy. Oai lực của vị Phật không dấu vết ấy thật vô cùng tận. Người sẽ dẫn dắt Ngài bằng đường lối nào?

- Người không còn bị ái dục, hỗn tạp và rối ren dẫn dắt đến kiếp sống nào. Oai lực của vị Phật không dấu vết ấy thật vô cùng tận. Người sẽ dẫn dắt Ngài bằng đường lối nào?

- *"Vị chiến thắng không bại*

Vị bước đi trên đời

Không dấu tích chiến thắng

Phật giới rộng mênh mông

Ai dùng chân theo dõi

Bậc không để dấu tích"

- *"Ai giải lửa, lưới tham*

Ái phước hết dất dẫn

Phật giới rộng mênh mông

Không dấu tích chiến thắng

Ai dùng chân theo dõi

Bậc không để dấu tích" (TMC).

CHÚ THÍCH:

Yassa jitaṃ n'āvajiyati nghĩa là: Bản chất phiền não như ái... Mà đức Chánh Đẳng Giác đã chinh phục bằng Đạo Tuệ rồi, Ngài không còn trở lui lại, tức là đã chinh phục rồi thì không còn điều ác nào khởi lên được do nương vào phóng dật.

No yāti (tách thành: Na uyyāti) là không theo đuổi.

Giải rằng: Các phiền não như ái... Dù là chút ít trong đời, cũng không hề có được ở phía sau, tức là phiền não mà bậc Chánh Đẳng Giác đã diệt trừ rồi, sẽ không còn được bậc ấy theo đuổi nữa.

Anantagocaraṃ nghĩa là: Bậc có cảnh giới vô tận bằng khả năng của bậc Toàn Giác, có cảnh giới vô tận.

Hai câu: Kena padena... Nghĩa là: Các dấu vết như ái... Dù chỉ là chút ít cũng không hề có đối với vị Chánh Đẳng Giác. Các người sẽ dùng dấu vết gì để quyến rũ vị ấy được?

Phân tích kệ ngôn thứ hai: Gọi là ái, tức là jālinī (lưới dệt) vì nhận thấy rằng: ái được so sánh như tấm lưới, bởi ý nghĩa bao trùm, cột, trói chặt. Gọi là Visattikā vì có đặc tánh là thường dẫn đi trong các cảnh như sắc, thanh, vị, hương... Được so sánh như vật thực độc, như hoa độc, như trái cây độc, như vật dụng tẩm chất độc. Giải rằng: ái như thế không thể có đối với vị Phật, để có thể đưa Ngài đi vào cảnh giới nào khác được cả. Các người sẽ dùng dấu vết, vết tích nào đối với vị Phật ấy được?

Dứt kệ ngôn, nhiều vị chư Thiên giác ngộ Pháp nhãn. Ba nàng Thiên Ma Nữ ấy biến mất tại chỗ.

Sau khi thuyết lên Pháp thoại này xong, Bậc Đạo Sư phán dạy Bà la môn Māgandiya rằng:

- Nay Māgandiya! Thời trước Như Lai đã trông thấy thân của ba Ma Nữ như vàng ròng tinh anh sáng ngời, không có sự uế nhiễm như mật, đàm, mủ... Dù là như thế, trong thời ấy Như Lai cũng không hề có sự thỏa thích trong dâm pháp, hướng hồ chi thân xác của con người đầy dẫy 32 thể trước, như túi da chứa đựng những trược chất phẩn, nước tiểu... Được trang điểm xinh đẹp bên ngoài. Con người dù có nằm trước ngưỡng cửa, chân Ta dù có bắn chằng nữa, Ta cũng không hề có ý muốn dẫm chân lên, đụng vào người của nàng ấy.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn:

"Sự thỏa thích trong dâm pháp không hề có, cho dù đó là nàng Taṇhā, nàng Aratī, nàng Rāgā. Còn xác thân con người chứa đựng đầy phẩn và nước tiểu. Làm thế nào ta có sự thỏa thích trong dâm pháp được. Thậm chí chân của ta còn chẳng hề muốn đụng vào thân nàng ta nữa là".

Dứt kệ ngôn, hai ông bà Māgandiya đắc quả A Na Hàm.

XIV. 2- THỂ HIỆN SONG THÔNG NHIẾP NGOẠI ĐẠO

(PC. 181)

"Ye jhānapasutā dhītā...". Kệ Pháp Cú này được đức Bổn Sư thuyết lên, khi Ngài trú tại thành Sankassa, để cập đến nhiều vị chư thiên và nhân loại tại cửa thành Sankassa.

Một thời, có vị Trưởng giả trong thành Rājagaha, ông ta cho giăng lưới có hình như chiếc chai bể, để giữ an toàn khu vực tắm riêng mình và giữ lại những đồ vật do vô ý làm rớt xuống nước bị trôi đi như là: Y phục... Chẳng hạn.

Một hôm, khi đi tắm sông, ông bỗng trông thấy một khúc gỗ trầm hương đỏ trôi tấp vào lưới giăng và dính vào đó. Nguyên trên Thượng lưu sông Gaṅgā, có một cây Trầm hương mọc dựa mé thượng nguồn, dần dần nước xoáy gốc trầm hương, cây trầm hương ngã xuống, một đoạn trầm có vòng tròn bằng cái nôi rơi trên một tảng đá, bị đá cắt dần rồi đứt ra, sóng đánh vào và rút dần ra, khúc trầm ấy rơi vào dòng sông Saṅgā, xuôi theo giòng nước trôi xuống miền hạ lưu sông, dính mắc vào lưới của Trưởng giả ấy. Vị Trưởng giả hỏi tùy tùng rằng: "Cái gì thế?"

Khi biết là khúc lõi trầm hương. Ông cho mang lên, quán sát biết đây là loại trầm hương đỏ quý giá. Trưởng giả này chẳng phải là người có chánh kiến, cũng không rơi vào tà kiến của ngoại giáo.

Ông ta không theo một đạo giáo nào cả, khi nhặt được khúc gỗ trầm quý giá đó, ông khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Loại trầm hương đỏ này, nơi gia tộc ta có nhiều. Ta cần thiết chi đến loại trầm hương này.

Rồi ông lại khởi lên ý tưởng rằng: "Hiện nay trong thành Rājagaha có nhiều người tự xưng mình là bậc A La Hán. Riêng ta thì chẳng biết Giáo phái nào có được vị A La Hán. Vậy ta hãy cho tiện khúc gỗ trầm này làm thành bát, treo giữa hư không cao khoảng 60 hắc tay (30m), cho rao truyền rằng: Bậc nào là Thánh A La Hán thì hãy bay lên nhận lấy Bát ấy. Người nào nhận được Bát thần thông lực thì ta cùng với vợ con sẽ theo người ấy.

Ông cho tiện khúc gỗ trầm hương đỏ thành cái bát, rồi thực hành theo ý tưởng của mình, xong rồi cho gia nhân đánh trống rao truyền khắp kinh thành Rājagaha rằng: "Trong thế gian này, bậc nào là A La Hán, vị ấy hãy đến nhận lấy bát này đi".

Nghe được tin ấy, cả Giáo chủ của sáu ngoại đạo, cho người đến thảo luận riêng với Trưởng giả rằng:

- Nay Trưởng giả, cái bát ấy rất xứng đáng với Giáo chủ của chúng tôi, ông hãy dâng bát ấy đến Giáo chủ chúng tôi đi.

- Thưa các Ngài! Giáo chủ của Ngài hãy dùng thần thông bay lên lấy bát ấy đi.

Ông đã từ khước dâng bát bằng cách như vậy. Đến ngày thứ sáu, Giáo chủ ngoại đạo Nigantha là Niganthanātaputta bày mưu cùng các đệ tử rằng:

- Các con hãy đến tán dương oai đức của ta với Trưởng giả ấy, rằng: "Bát trầm này xứng đáng với Giáo chủ của chúng tôi", ông chớ vì cái bát có giá trị nhỏ mọn này mà để giáo chủ chúng tôi phải hiển lộ thần thông như thế.

Nhóm đệ tử Nigantha làm theo lời thầy dạy, nhưng vị Trưởng giả đã trả lời rằng:

- Người nào có khả năng thần thông lực, hãy bay lên hư không mà nhận bát ấy.

Rồi Nātaloputta bàn với đệ tử rằng:

- Khi ta đưa tay chân lên, giả vờ như muốn bay đi lấy bát, các con hãy ôm ta lại, thưa rằng: "Thưa thầy! Thầy làm chi như thế, xin thầy đừng phô diễn khả năng thượng pháp của bậc A La Hán, chỉ vì cái bát có giá trị nhỏ nhoi như vậy". Rồi nắm lấy tay, chân của ta xuống.

Xong rồi, Giáo chủ của Niganthanātaliputta đi đến Trưởng giả nói:

- Nay Đại Trưởng giả! Bát trăm này chỉ xứng đáng với ta, chẳng xứng đáng với ai khác đâu. Ông chớ nên vui thích sự bay lên không trung của ta chỉ vì nguyên nhân cái bát có giá trị nhỏ nhoi này. Ông hãy dâng bát ấy đến ta đi.

- Thưa Ngài, nếu Ngài cần thì Ngài hãy bay lên lấy bát ấy đi.

- Nếu thế thì, ông hãy xem đây.

Nātaliputta giả vờ đưa cao chân tay, như muốn thi triển thần thông bay đi lấy bát, chúng đệ tử Nigantha lập tức chạy đến, nắm lấy tay chân của y, nói rằng:

- Thưa thầy, thầy làm chi thế? Có ích lợi chi cho thầy khi phải phô diễn thần thông lực với Đại chúng chỉ vì cái Bát nhỏ nhoi này chứ.

Rồi họ kéo tay chân của Nātaliputta để xuống. Khi ấy, y nói với Trưởng giả rằng:

- Nay Đại Trưởng giả! Các đệ tử của ta không cho ta phô diễn thần thông. Vậy ông hãy cho ta cái bát trăm ấy đi.

- Thưa Ngài, nếu muốn bát ấy thì Ngài cứ bay lên lấy vậy.

Bọn ngoại đạo dù cho có dùng đủ mọi phương cách, thủ thuật như thế cũng không lấy được bát. Vào ngày thứ bảy, Tôn giả Moggallāna cùng tôn giả Piṇḍolabhāradvāja, hai vị trú ở tầng đá đen (Kāḷassilā) nơi ngoại thành Rājagaha. Sáng hôm ấy, hai vị Đại đức cùng đi vào thành Rājagaha khất thực. Hai Ngài nghe đại chúng bàn luận cùng nhau rằng:

- Trưởng giả cho treo bát cao khoảng 60 hắc tay, loan báo rằng: Vị nào là Thánh A La Hán hãy đến nhận lấy bát ấy. Nhưng đã bảy ngày rồi chẳng có ai lấy được bát ấy cả. Chẳng lẽ trong thế gian này không có bậc A La Hán sao nhỉ?

Lại nữa, thời trước cả 6 vị Giáo chủ danh tiếng, tự xưng là bậc A La Hán trong thế gian, thế mà cũng không thể dùng thần thông bay lên để lấy bát trăm ấy. Cả thời gian 7 ngày trôi qua như thế, không có ai phô diễn năng lực của Bậc A La Hán cho chúng ta được mục kích. Như thế, hôm nay chúng ta biết rằng: Trong thế gian này không có bậc A La Hán đâu.

Nghe vậy, Tôn Giả Moggallāna hỏi Tôn giả Piṇḍolabhāradvāja:

- Nay Hiền giả! Hiền giả có nghe sự bàn luận của chúng dân trong thành Rājagaha chẳng?

- Thưa Hiền giả! Tôi có nghe.

- Nay Hiền giả! Họ đã khích bác Phật Giáo. Hiền giả là người có thần thông lực, hãy bay lên nhận bát ấy và làm đoạn nghi đại chúng đi, mang lại niềm tin cho những ai chưa tín ngưỡng, làm tăng trưởng niềm tin cho người đã có đức tin.

- Thưa Hiền giả! Hiền giả là bậc được đức Thế Tôn ban cho danh hiệu là Tối thắng đệ nhất về thần thông. Xin Hiền giả hãy đi lấy bát ấy đi. Nếu Hiền giả không đi lấy thì tôi sẽ đi lấy vậy, vì đó là phận sự của tôi.

- Nay Hiền giả! Piṇḍolabhāradvāja! Hiền giả hãy lấy bát ấy đi.

Được Tôn giả Moggallāna cho phép. Tôn giả Piṇḍolabhāradvāja nhập vào Tứ Thiên, ước nguyện thi triển thần thông, khi xả thiền Ngài dùng hai ngón chân kẹp lấy một tảng đá lớn khoảng 3 gāvuta, bay lên hư không như người ta kẹp lấy mảnh bông gòn, Tôn giả bay quanh kinh thành 7 vòng. Tảng đá như cái lọng lớn che kín một vùng kinh thành khoảng 7 gāvuta. Thị dân kinh hoàng rằng: "Tảng đá sẽ rớt đè chúng tôi". Họ tìm lấy thúng, nia... Để che trên đầu, thấy chúng dân kinh hoàng, Tôn giả Piṇḍolabhāradvāja hiện rõ thân, Ngài vẫn kẹp chặt tảng đá trong hai ngón chân. Đại chúng thấy được Tôn giả, liền kêu lên rằng:

- Thưa Tôn giả Piṇḍolabhāradvāja! Ngài giữ chặt lấy tảng đá ấy, đừng để rơi xuống đè chết chúng tôi.

Tôn giả Piṇḍolabhāradvāja thấy chúng dân kinh hoàng như thế, Ngài vận thần thông đưa tảng đá trở về nơi cũ, rồi bay đến lấy bát trăm đang treo cao 60 hắc tay ấy. Vị Trưởng giả mục kích được cảnh tượng hy hữu, đúng theo nguyện vọng của mình, ông đi đến đánh lễ Tôn Giả Piṇḍolabhāradvāja, rước bát trăm ấy và bạch:

- Xin thỉnh Ngài hãy ngự vào nhà của con.

Khi Tôn giả ngự vào nhà của Trưởng giả, ngồi lên chỗ đã được soạn sẵn, Trưởng giả cho đặt vào bát trầm ấy bốn loại vật thực có đầy đủ hương vị tối thắng, cúng dường đến Tôn Giả. Tôn giả thọ lãnh xong rồi, trở ra hướng về Tịnh xá Jetavana.

Khi ấy, có những người dân phải ra ngoại thành làm việc trong rừng, hay đồng ruộng, trở về nghe thị dân tán dương và thuật lại cảnh tượng hy hữu ấy. Những người không có duyên mục kích hiện cảnh thần thông lực của Tôn giả, đã hội lại với nhau, đến bạch xin Trưởng lão hãy thi triển Thần thông như ban sáng rằng:

- Xin Ngài hãy thể hiện thần thông cho chúng tôi xem đi.

Tôn giả Piṇḍolabhāradvāja đành phải thi triển lại thông lực như ban sáng để làm lắng yên sự náo động của nhóm người ấy. Đức Thế Tôn nghe được tiếng ồn ào náo nhiệt của nhóm người hiếu kỳ ấy, Ngài phán hỏi Đại đức Ānanda rằng:

- Này ānanda! Tiếng ồn ào náo nhiệt ấy là do nhân chi thế?

Đại đức Ānanda thuật lại mọi sự việc, khi biết được rằng:

"Bạch Thế Tôn! Đó là tiếng thỉnh cầu của Đại chúng, thỉnh Tôn giả Piṇḍolabhāradvāja thi triển lại thần thông như ban sáng".

Đức Thế Tôn cho gọi Tôn giả Piṇḍolabhāradvāja đến hỏi rằng:

- Này Bhāradvāja! Tại sao ngươi lại làm như thế, tại sao ngươi lại phô diễn năng lực Thượng nhân pháp chỉ vì cái bát trầm có giá trị nhỏ nhoi này.

Sau khi khiển trách Tôn giả Piṇḍolabhāradvāja xong, Ngài thuyết Pháp thoại, rồi dạy đập bỏ bát trầm ấy, tán nhuyễn ra dùng làm thuốc nhỏ mắt. Do nhân đó, duyên đó Bạc Đạo Sư chế định học giới cấm Tỳ khưu không được phô diễn thần thông lực.

Bọn ngoại giáo được tin rằng: "Sa môn Gotama cho đập bỏ bát trầm, tán nhuyễn dùng làm thuốc nhỏ mắt, rồi chế định học giới, không cho Tỳ khưu phô diễn thần thông". Chúng liền đi rao truyền trong kinh thành rằng:

- Chúng ra gìn giữ Pháp của mình, nên mới không phô diễn năng lực bậc A La Hán chỉ vì bát trầm có giá trị nhỏ nhoi như thế. Đệ tử Sa môn Gotama đã trình diễn pháp thượng nhân vì bát trầm ấy. Nay Sa môn Gotama đã cấm chế đệ tử mình dùng thần thông, vậy thì giờ đây chúng ta sẽ thi triển thần thông đấu với Sa môn Gotama vậy".

Bọn ngoại đạo biết được rằng: "Các đệ tử của đức Thế Tôn, khi Ngài chế định học giới rồi, dù có chết các Ngài cũng chẳng hề vi phạm, luôn bảo vệ học giới". Nên chúng bảo nhau: "Chúng ta đã có cơ hội làm giảm uy danh của Sa môn Gotama rồi", do vậy chúng mới trôn tráo lên tiếng thách thức, thi đấu thần thông như vậy. Nghe bọn ngoại đạo tuyên bố như thế, đức vua Bimbisāra lo lắng, Ngài đi đến Tịnh xá Veluvana bạch hỏi với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Được biết rằng Ngài chế định học giới cho chư Tỳ khưu: Không được thi triển, phô diễn năng lực thần thông phải chăng?

- Thật như thế, này Đại Vương.

- Hiện nay bọn ngoại giáo đã tuyên bố rằng: Chúng sẽ thi triển thần thông để đấu với Ngài. Giờ đây đức Thế Tôn sẽ làm sao?

- Nếu bọn ngoại đạo muốn dùng thần thông đấu với Như Lai. Như Lai sẽ thể hiện thần thông.

- Bạch Thế Tôn! Có phải Ngài đã chế định học giới ấy rồi?

- Này Đại Vương! Thật vậy Như Lai chế định học giới cho đệ tử Như Lai, chứ chẳng phải chế định học giới ấy cho mình.

- Bạch Thế Tôn! Điều học Ngài chế định chỉ cho riêng đệ tử Ngài, chứ riêng Ngài thì không bó buộc trong học giới ấy sao?

- Này Đại Vương! Như Lai sẽ hỏi Đại vương về vấn đề này. Này Đại Vương! Vườn Thượng Uyển của Hoàng gia trong thành này có chăng?

- Bạch Thế Tôn có.

- Đại Vương có ra lệnh: Người ngoài vào vườn hái hoa quả, người ấy sẽ bị hình phạt chăng?
 - Bạch Thế Tôn! Có.
 - Nếu người khác vi phạm đi vào vườn Thượng Uyển hái trái, hái hoa thì Đại Vương sẽ làm sao?
 - Bạch Ngài! Trẫm sẽ trừng phạt kẻ ấy, vì đã vi lệnh của trẫm.
 - Này Đại Vương! Nếu như Đại Vương vào vườn Thượng Uyển hái lấy những quả chín như xoài... Để dùng, thì Ngài có phạm tội chăng?
 - Bạch Thế Tôn, không.
 - Vì sao vậy, này Đại Vương khi Ngài ra lệnh: Không ai được vào vườn Thượng Uyển hái hoa, trái, người khác vào thì phạm tội, còn riêng Ngài thì không?
 - Bạch Thế Tôn! Trẫm ra lệnh ngăn cấm như thế, là ngăn cấm người khác, chứ riêng trẫm thì không bị ràng buộc bởi sự ngăn cấm ấy.

- Cũng vậy, này Đại Vương! Đấng Như Lai chế định điều học là dành cho đệ tử mình, riêng Như Lai là bậc pháp Vương không hề bị ràng buộc do sự ngăn cấm ấy. Này Đại Vương, điều học mà Như Lai chế định cho đệ tử oai lực đến trăm ngàn koti thế giới, cũng như hình phạt của Đại Vương có năng lực trong 300 do tuần quốc độ của mình. Hình phạt ấy không có hiệu lực đối với Đại Vương như thế nào, thì học giới mà Như Lai chế định cho đệ tử, Như Lai chẳng bị ràng buộc vào trong đó. Do vậy, Như Lai sẽ tự

Thân thi triển thần thông vậy.

Nghe đức Thế Tôn tự thân thi triển thần thông, bọn ngoại đạo lo lắng, bàn luận cùng nhau rằng:

- Giờ đây, chúng ta bị tổn hại rồi, nghe rằng: Sa môn Gotama tự thân thi triển thần thông, ông chỉ chế định học giới cho hàng đệ tử mà thôi, chứ riêng Sa môn Gotama chẳng bị ràng buộc trong điều học này. Giờ đây chúng ta phải làm sao đây?

Thế rồi, đức Vua Bimbisāra đi đến Tịnh xá Veluvana, bạch hỏi đức Thế Tôn rằng: "Bạch Thế Tôn! Khi nào Ngài thể hiện thần thông?" - Này Đại Vương! Còn bốn tháng nữa, vào ngày rằm tháng sáu, Như Lai sẽ thi triển thần thông.

- Bạch Thế Tôn! Ngài sẽ thực hiện thần thông ở nơi đâu?

- Như Lai sẽ thi triển thần thông tại thành Sāvattihī.

Hỏi rằng: Vì sao Bậc Đạo Sư định thời gian xa như vậy?

Đáp rằng: Vì kinh thành Sāvattihī là nơi chư Phật quá khứ đã dùng thần thông nhiếp phục ngoại đạo. Lại nữa, Ngài dự định thời gian dài như vậy, để đại chúng có dịp tụ hội với nhau. Và trong đời chư Phật chỉ một lần Ngài thể hiện Song Thông Lực mà thôi.

Bọn ngoại đạo nghe được tin này, chúng bàn tính với nhau rằng:

- Được nghe nói rằng: Sa môn Gotama còn bốn tháng nữa sẽ thi thố thần thông tại thành Sāvattihī. Bây giờ, chúng ta hãy bám sát theo Sa môn Gotama. Đại chúng thấy thế có hỏi, thì chúng ta đáp rằng: "Chúng tôi có tuyên bố thi triển thần thông với Sa môn Gotama, nay Sa môn Gotama trốn chạy, nên chúng tôi phải truy đuổi theo ông ta".

Bấy giờ, Bậc Đạo Sư sau khi ngự vào kinh thành Rājagaha khát thực xong, khi Ngài trở ra thì bọn ngoại đạo cử người theo sau bám sát Ngài. Khi bọn chúng bị đại chúng hỏi rằng: "Vì sao các ông theo sát đức Thế Tôn như thế?" Chúng trả lời rằng: "Vì chúng tôi tuyên bố sẽ dùng thần thông đấu với Sa môn Gotama, nay ông ấy toan trốn, nên chúng tôi phải theo sát như thế".

Đại chúng suy nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ được mục kích thần thông của Đấng Thập Lực".

Đức Thế Tôn từ giả thành Rājagaha tuần tự du hành đến thành Sāvattihī. Bấy giờ, bọn người ngoại giáo theo phía sau Ngài, khi đi đường, chúng quyên góp tài vật của các giáo dân mình rằng: Hãy bỏ ra 100 đồng vàng, hãy bỏ ra 1.000 đồng vàng. Chúng tích trữ được số tài sản lớn, bỏ ra trăm ngàn đồng vàng kiến tạo mái nhà nóc nhọn bằng gỗ sālā, lớp nóc nhà bằng hoa sen xanh. Rồi tuyên bố với chúng dân thành Sāvattihī rằng: "Chúng tôi sẽ dùng nơi này thi triển thần thông với Sa môn Gotama".

Được tin đức Thế Tôn ngự về quốc độ Kosala của mình, đức Vua Pasenadi đi vào Jetavana, đánh lễ đức Thế Tôn rồi bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hiện nay bọn ngoại đạo đã kiến tạo ngôi nhà nóc nhọn, lợp bằng hoa sen xanh, chính nơi ấy chúng tuyên bố sẽ dùng thần thông đấu với Ngài. Bạch Thế Tôn! Trẫm sẽ kiến tạo mái nhà dằng đến Ngài.

- Nay Đại Vương! Chớ phí sức như thế, Như Lai đã có người làm nhà rồi.

- Bạch Thế Tôn! Ngoài trẫm ra, ai có năng lực làm được việc ấy?

- Nay Đại Vương! Thiên Vương Đế Thích sẽ đảm nhận việc đó cho Như Lai.

- Bạch Thế Tôn! Nếu thế, Ngài sẽ thể hiện thần thông tại nơi nào?

- Nay Đại Vương! Tại cây xoài Gandāmba.

Chúng ngoại giáo được biết: Sa môn Gotama sẽ thi triển thần thông tại cây xoài Gandā. Chúng liền cho những người hộ độ của mình, thuê tiền nhổ tất cả những cây xoài, dù chỉ là cây con mới vừa mọc trong ngày, khắp thành Sāvattihī ném bỏ. Cả 1 do tuần thành phố quanh đó không có cây xoài nào cả, chúng đem những cây xoài nhỏ bỏ đó ném vào rừng.

Vào ngày rằm tháng sáu, sáng hôm ấy đức Thế Tôn ngự vào thành Sāvattihī để khát thực. Bấy giờ, nơi vườn Thượng Uyển của đức vua Pasenadi, có một cây xoài già cằn cỗi, người giữ vườn Thượng Uyển tên là Gānda y nhìn thấy giữa chùm lá có một đàn kiến vây quanh, ngạc nhiên y trèo lên xem xét thì thấy rằng đàn kiến vây chung quanh một trái xoài độc nhất, xoài đang chín, có mùi thơm ngát. Y hái trái xoài ấy xuống, dự định mang vào Hoàng Cung dâng lên đức Vua Pasenadi. Trên đường đi đến Hoàng Cung, Gānda trông thấy đức Thiện Thệ đang ngự đi trì bình, y khởi tâm tịnh tín, nghĩ rằng:

- Đức vua dùng trái xoài này, Ngài cũng chỉ ban thưởng cho ta 8 hoặc 16 đồng kahāpaṇa mà thôi. Số tiền ấy chỉ có lợi cho ta vài tháng mà thôi. Nếu giờ đây ta cúng dường xoài này đến đức Thế Tôn, ta sẽ được lợi ích suốt thời gian lâu dài. Phước báu ấy sẽ hộ trì ta vô lượng kiếp.

Rồi y tín thành dâng xoài ấy đến đức Thế Tôn. Bậc Đạo Sư đưa mắt nhìn Đại đức Ānanda. Hiểu ý đức Thế Tôn, Trưởng lão Ānanda mang chiếc bát mà Tứ Thiên Vương cúng dường đến, đức Thế Tôn dùng bát ấy thọ nhận trái xoài từ tay người giữ vườn Gānda. Ngài tỏ ý muốn ngồi tại nơi ấy, Đại đức Ānanda trải tọa cụ ra, cung thỉnh đức Thế Tôn ngự lên. Rồi Tôn Giả Ānanda dùng nước ép nước xoài ra dâng lên đức Đạo Sư. Thế Tôn thọ dụng nước xoài xong, Ngài bảo người giữ vườn Gānda rằng:

- Nay Gānda! Người hãy gieo trồng hạt xoài này đi.

Gānda đào khoảng đất xốp, rồi gieo hạt xoài xuống đó, lấp đất lại.

Đức Thế Tôn ngự đến Ngài dùng nước rửa tay mình trên chỗ ấy. Khi Ngài vừa rửa tay xong, xoài nứt mọng, mọc lên và tăng trưởng nhanh chóng, chỉ trong thời gian ngắn cây xoài trở thành một cây cổ thụ, thân xoài to bằng cán cày, cao 50 hắc tay (25 m). Cây xoài ấy có năm tàn, một ngọn mọc thẳng, còn bốn ngọn kia xuôi theo bốn hướng, mỗi ngọn dài khoảng 50 hắc tay. Ngay khi ấy, xoài trở nên sum suê, ra hoa kết trái, rồi chín vàng, rơi rụng xuống, chư Tỷ kheu đi đến sau, lượm những trái xoài chín mọng ấy dùng.

Đức Vua Pasenadi được nghe tin: Một cây xoài kỳ diệu vừa phát sanh. "Ngài sợ bọn ngoại đạo cho người chặt bỏ đi, nên phái quân sĩ đến canh giữ, với lệnh truyền rằng: "Cấm bất kỳ ai chặt phá cây xoài này".

Cây xoài ấy được mang tên là Gandāmba, vì là của ông Gānda trồng lên. Bọn côn đồ nghe tin có cây xoài kỳ diệu như thế, tìm đến xem, nhặt lấy những quả xoài chín ăn, hưởng được hương vị thơm ngọt của trái xoài, nên mắng chửi nhóm ngoại đạo rằng:

- Bọn ngoại đạo ác độc này, chúng được tin Sa môn Gotama thể hiện thần thông trên cây xoài, nên chúng cho người đốn phá tất cả xoài trong thành Sāvattihī này. Thậm chí những cây con vừa mọc, chúng cũng chẳng tha. Chúng khiến chúng ta không được nếm hương vị thù diệu của xoài như xoài Gānda này.

Bọn côn đồ tức giận, đi tìm kiếm bọn ngoại giáo, dùng hạt xoài ném vãi vào chúng.

Bấy giờ, nơi Thiên Cung Đạo Lợi, đức Đế Thích biết rằng: Hôm Nay đức Bốn Sư sẽ thi triển thần lực để nhiếp phục ngoại giáo. Ngài ra lệnh cho Thiên Tử Vātavalāhaka (Thần Gió) rằng:

- Người hãy nổi cuồng phong, thổi bay tróc ngôi nhà mái nhọn của ngoại đạo đi, hãy ném nóc nhà ấy vào đồng rác trong thành Sāvattihī.

Rồi Đế Thích ra lệnh tiếp cho Thiên Tử Suriya rằng:

- Người hãy chiếu ánh sáng mặt trời thật mãnh liệt vào chúng ngoại đạo, khiến chúng trở nên nóng nẩy.

Ngài phán bảo thêm Thiên Tử Vātavalāhaka rằng:

- Khi bọn ngoại đạo bị nắng chiếu rục vào người, mồ hôi tuôn đổ, người hãy nổi gió cuốn bụi tấp vào bọn chúng.

Hai vị Thiên Tử vâng lệnh Thiên Vương thực hành y như thế, bấy giờ nhóm ngoại đạo đang nhuế nhại mồ hôi, một cơn gió cuốn bụi vây quanh bọn chúng, người của chúng giống như con mối đỏ, ngôi nhà nóc nhọn của chúng bị trận cuồng phong dữ dội thổi bay mất, nóc nhà rơi vào đồng rác lớn trong thành Sāvattihī.

Đức Đế Thích lại ra lệnh cho Thiên Tử Vassavalāhaka (Thần làm mưa) rằng: "Người hãy làm mưa rơi trên người bọn ngoại giáo đi". Thiên Tử vâng lệnh, bấy giờ, thân hình chúng ngoại đạo giống như con bò đốm. Chúng bị nhiệt bức khi dứt cơn mưa, ánh sáng mặt trời càng gắt chiếu vào người, chúng bỏ chạy tứ tán, chẳng còn tha thiết chuyện đấu thần thông. Khi ấy, có gã nông dân là người hộ độ cho giáo chủ Pūraṇakassapa, y suy nghĩ rằng:

- Chắc giờ này Giáo chủ của ta đang thi triển thần thông, vậy ta hãy đến xem Thần Lực của Giáo chủ ta.

Y thả bò ra, mang theo sợi dây cột bò cùng với cái nồi cháo, trên đường đi đến thành, y trông thấy vị Giáo chủ của mình đang chạy trốn, y liền gọi rằng:

- Bạch Ngài! Tôi đến để xem Ngài thi triển thần thông đây. Ngài bỏ chạy đi đâu thế?

- Người cần thiết chi với thần thông chứ, hãy trao sợi dây và cái nồi cháo cho ta ngay đi.

Pūraṇa cầm lấy nồi cháo cùng với sợi dây mà gã nông dân đệ tử vừa trao cho, chạy thẳng ra bờ sông, cột nồi vào cổ mình rồi nhảy xuống sông để tránh sự nhiệt bức bởi ánh mặt trời, bọt nước bắn lên tung tóe, Pūraṇa mệnh chung dưới giòng sông ấy và rơi vào A Tỳ địa ngục.

Vào xế chiều, đức Như Lai ngự trong Hương thất, Ngài suy nghĩ rằng: "Đây là giờ họp lễ, Như Lai sẽ thể hiện Phật Lực". Đấng Như Lai hóa hiện ra con đường kinh hành bằng ngọc Maṇi trên hư không. Chỗ tận cùng của con đường là tận cùng vũ trụ về phương đông, đầu bên này là chỗ tận cùng của vũ trụ về phương Tây.

Hội chúng thấy được kinh hành lộ bằng ngọc Maṇi như thế, vô cùng hoan hỷ, tụ tập tại nơi ấy một khoảng rộng lớn đến cả 36 do tuần. Rồi từ trong Hương thất, đức Thế Tôn ngự ra, tiến về phía cây xoài Gaṇḍa. Khi ấy một sự nữ đã chứng đạt Bất Lai Quả, đi đến đánh lễ đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài chớ nhọc sức làm chi, khi Ngài có được đứa con gái như con. Con sẽ thể hiện thần thông thay thế Ngài.

- Này Gharanī! Người sẽ thể hiện thần thông như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ biến vũ trụ này thành nước, nhưng mọi chúng sanh đều an toàn, con sẽ lặn trong nước ấy như con ngỗng trời, nổi lên ở ranh giới vũ trụ về phương Đông, phương Nam, phương Tây và phương Bắc, sau cùng con nổi lên ở giữa quả địa cầu cho đại chúng tận tường. Khi sự kiện xảy ra như thế, đại chúng sẽ hỏi:

"Nàng là ai?". Con sẽ đáp rằng: "Tôi là một cận sự nữ của đức Thế Tôn, tên Gharanī". Đại chúng sẽ nghĩ rằng: Chỉ là một cận sự nữ mà có được thần lực như thế, thì còn nói gì đến oai đức của đức Thế Tôn chứ. Và bọn ngoại đạo không kịp trông thấy Ngài, họ đã trốn chạy mất.

- Này Gharanī! Như Lai biết người có khả năng thể hiện thần thông như thế. Nhưng vòng vương miện này họ không dành cho người đâu.

- Bạch Đạo Sư từ chối ta, chắc có người khác có khả năng thần thông để thể hiện rồi.

Và nàng lui đứng sang một bên. Bậc Đạo Sư quán xét rằng:

- Thật vậy, trong hàng cận sự nữ của Như Lai, cũng có được đạo hạnh như thế.

Rồi Ngài quán xét thấy được rằng: "Đệ tử của Đấng Như Lai sẽ rống tiếng rống Sư Tử giã đại chúng rộng 36 do tuần này".

Ngài phán dạy rằng: "Các người sẽ thể hiện thần thông lực như thế nào?"

Chư Thánh đệ tử Thịnh Văn ấy lần lượt tỏ bày rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thể hiện thần thông như thế này...

Trước mặt đức Thế Tôn, giữa đại chúng rộng cả 36 do tuần ấy, các Ngài đã rống lên tiếng rống của con Sư Tử đang thời sung sức.

Được nghe lại rằng: Trong hàng cận sự nam, có Trưởng giả Cūla anāthapiṇḍika suy nghĩ rằng:

- Khi đức Thế Tôn có được người con trai như ta, là bậc Bất Lai Quả. Ngài chẳng cần chi vất vả cả.

Ông liền bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thể hiện thần thông.

- Người thể hiện thần thông như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ hóa hiện như vị Phạm Thiên cao lớn khoảng 12 do tuần, phát ra Phạm âm vang như sấm động giữa đại chúng. Mọi người đều nghe rõ ràng phạm âm, sẽ hỏi rằng: "Đây là âm thanh gì thế?" Con sẽ hiện thân ra, đáp rằng: "Đây là âm thanh của Phạm Thiên, được ông Cūla anāthapiṇḍika phát ra bởi thần lực".

Bọn ngoại giáo sẽ nghĩ rằng: Thần lực của gia chủ, chỉ là một cận sự của đức Thế Tôn thôi, mà còn có oai lực như thế, thì còn nói chi đến oai lực Siêu việt của đức Thế Tôn chứ. "Và chúng chưa kịp nhìn thấy Ngài, đã kinh hoàng bỏ chạy trốn.

- Này Cūlanāthapiṇḍika! Như Lai vẫn biết người sẽ thực hiện được điều đó. Nhưng đây không phải là phận sự của người. Đây là việc làm của Đấng Như Lai.

Đức Thế Tôn từ chối sự thỉnh cầu của gia chủ Cūlanāpiṇḍika, không chấp thuận cho ông thể hiện thần thông.

Kế đến có vị sa di ni, tuổi vừa được 7 tuổi nàng đã chứng đạt Tuệ Phân Tích, đến đánh lễ đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thực hiện pháp thần thông.

- Này Virā! Người sẽ làm như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ man quả núi Sineru, núi Luân Vi và Núi Hy Mã đặt giữa đại chúng này, rồi từ những quả núi ấy, con chui ra nhẹ nhàng, bay lượn giữa hư không như con hạc chứa vàng. Đại chúng sẽ hỏi nhau rằng: "Người này là ai thế?". Con sẽ trả lời rằng: "Ta là Sa di ni Virā". Đại chúng sẽ suy nghĩ rằng: "Vị Sa di ni mới 7 tuổi mà có đại thần lực như thế, thì còn nói gì đến oai lực đức Như Lai chứ". Bọn ngoại giáo sẽ kinh hoàng, không kịp nhìn thấy Ngài đã bỏ chạy trốn mất.

- Này Sa di ni Virā Như Lai biết người có thể thực hiện được điều đã nói. Nhưng đây không phải là phận sự của người.

Đến Sa di Cunda, là bậc Lậu Tận chứng đạt Tuệ Phân Tích, Ngài cũng vừa tròn bảy tuổi, đến đánh lễ đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thể hiện thần thông lực.

- Này Sa di Cunda! Người sẽ làm như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ nắm lấy cây Hồng quân lớn, làm thành cột cờ của cõi Diêm Phù, rung mạnh cho trái hồng quân rơi rụng xuống, đại chúng nhặt lấy dùng. Và con sẽ hóa hiện hoa mạn đà rơi như mưa để cúng dường đức Thế Tôn.

- Này Cunda! Như Lai biết rằng người sẽ thực hiện được những điều như người đã nói. Nhưng đây không phải là phận sự của người.

Tiếp theo là vị Thánh Nữ đệ nhị của đức Thế Tôn là nàng Uppalavaṇṇā, bước ra đánh lễ đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thực hiện thần thông lục.

- Nay Uppalavaṇṇā! Ngươi sẽ làm thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ hóa thành vị Chuyển Luân Vương, có hội chúng vây quanh rộng 36 do tuần, Vị vua Chuyển Luân với đầy đủ 7 báu ấy cùng đại chúng rộng lớn đi đến đây đánh lễ đức Thế Tôn.

- Nay Uppalavaṇṇā! Như Lai biết ngươi sẽ thực hiện được điều ngươi vừa nói. Nhưng đây không phải là phận sự của ngươi.

Tiếp đến, Trưởng lão Moggallāna, vị Thượng Thủ Thịnh Văn đệ nhị bước đến đánh lễ đức Thế Tôn, xin phép Ngài cho thi triển thần thông.

- Nay Moggallāna! Ngươi sẽ thực hiện được điều gì?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ đặt núi Sineru ở giữa đôi hàm răng, rồi con nhai núi ấy như nhai hạt cải.

- Ngươi còn thực hiện được điều gì nữa?

- Con sẽ tước mặt đất này ra, rồi cuộn lại như người cuộn chiếc chiếu, kẹp vào giữa hai ngón tay.

- Ngươi còn thể hiện điều chi nữa?

- Con sẽ xoay mặt đất này như người thợ gốm xoay cái bát trong tay, rồi con lấy mặt đất ra cho đại chúng dùng.

- Ngươi còn làm điều chi nữa?

- Con sẽ đặt quả địa cầu này vào lòng tay trái, đặt tất cả sinh chúng trên địa cầu vào lòng tay phải.

- Ngươi còn làm chi nữa?

- Con sẽ dùng núi Sineru làm thành các lọng, che cho quả địa cầu, rồi một tay cầm lấy núi Sineru như cầm lọng trong tay, đi kinh hành giữa hư không.

- Nay Moggallāna! Như Lai biết ngươi thực hiện được những điều như thế. Nhưng đây không phải là phận sự của ngươi.

Trưởng lão Moggallāna suy nghĩ:

- Có lẽ đức Đạo Sư biết người sẽ thể hiện thần thông rồi.

Trưởng lão lui ra đứng vào nơi thích hợp. Bấy giờ, đức Thế Tôn phán dạy Trưởng lão Moggallāna rằng:

- Nay Moggallāna! Vòng hoa này không phải dành cho ngươi hay bất cứ ai trong đại chúng. Vì rằng: Phận sự nào của Như Lai, thì không một ai có thể làm thay được. Không một ai có thể nhận lãnh phận sự Như Lai trong hiện tại đây, không phải là điều kỳ diệu, mà trong thời quá khứ, việc làm của Như Lai, khi ta sanh làm hạng người vô nhân là bàng sanh, việc làm của Ta cũng chẳng có ai có thể thay thế làm được rồi.

- Bạch Thế Tôn! Câu chuyện ấy như thế nào vậy.

Theo lời thỉnh cầu chư Tỳ khuru, Đấng Như Lai thuyết giảng lên Túc Sanh Kaṇhavisabha với chi tiết như sau:

"Công việc nặng có trong thời nào, con đường khó khăn trong thời nào. Chính trong thời ấy, người chủ bò Kaṇha, chính bò Kaṇha ấy giải quyết được công việc ấy mà thôi".

Rồi Ngài thuyết lên Bốn Sanh ly kỳ Nandavisābha chi tiết như sau: "Người chỉ nên nói lời tao nhã, không nói lời thô ác. Khi Bà la môn nói lời tao nhã, bò Nanda mới kéo được chiếc xe nặng được, khiến Bà la môn ấy được tài sản. Bà la môn ấy có tâm thỏa thích vì nhận được tài sản lớn".

Sau khi thuyết giảng xong Bốn sanh, đức Thế Tôn ngự lên con đường kinh hành bằng ngọc Maṇi ở giữa 24 do tuần đại chúng, phía trái phía phải, trước sau là 12 do tuần đại chúng. Tất cả đều

trông thấy rõ ràng như hiện ra trước mắt mình. Đức Thế Tôn hiển lộ Song Thông Lục giữa đại chúng ấy.

Bậc trí nên hiểu Song Thông Lục ấy theo ý nghĩa Pāli như vậy:

- Thế nào là Song Thông Tuệ của Đấng Như Lai? Tuệ này chỉ có đối với bậc Chánh Đẳng Giác, không phô cập đến Thinh Văn Đại Đệ Tử. Hàng Thinh Văn không thể nào có được Song Thông Tuệ. Trong cùng một lúc, Ngài an trú vào hai đế mục, từ kim thân Ngài lửa và nước cùng tuôn ra, bên phải phun lửa, bên trái tuôn nước; bên trái tuôn lửa thì bên phải phun nước, phía dưới phun lửa, phía trước hiện lửa, phía sau hiện nước; phía trước hiện nước, phía sau hiện lửa. Mắt này phun lửa, mắt kia phun nước và ngược lại. Tai này ra lửa tai kia ra nước và ngược lại. Đầu thượng y bên này ra lửa, đầu thượng y bên kia ra nước và ngược lại. Ngón tay tuôn lửa, kẽ tay tuôn nước và ngược lại. Lòng tuôn nước thì chân lòng tuôn lửa và ngược lại. Hông này ra lửa thì hông kia ra nước và ngược lại. Chân này ra lửa thì chân kia ra nước và ngược lại. Hay là thân trên có màu xanh, thân dưới có màu đỏ, và ngược lại... Hào quang sáu màu là xanh, đỏ, vàng, trắng, cam và dợn sóng tuôn a như vàng tuôn chảy không ngớt từ nôi nấu vàng, khắp cả mười muôn triệu thế giới đều sáng ngời Phật Quang.

Đức Thế Tôn hóa hiện một vị Phật Chánh Đẳng Giác giống như Ngài. Khi hiện thân đi thì hóa thân người, đứng hoặc nằm và ngược lại khi hóa thân đi thì hiện thân đứng, nằm hay ngồi... Hiện thân vấn đạo thì hóa thân đáp, hóa thân vấn pháp thì hiện thân trả lời. Đây là Song Thông Tuệ của đức Chánh Đẳng Giác. Bậc Đạo Sư ngự đi trên kinh hành lộ ngọn Maṇi. Ngài thể hiện song thông trí như thế, nêu lên ý nghĩa rằng: Kim thân phía trên phun lửa là do định lực từ Tejokasīṇa (Đề mục lửa), kim thân phía dưới phun nước là do định lực ~pokasīṇa (đề mục nước), hay bên phải có màu xanh là do định lực đề mục xanh (Nīlakasīṇa), bên trái có màu đỏ là do định lực Lohitakasīṇa (Đề mục Đỏ)... Lửa phun ra từ nước, nước tuôn ra từ lửa. Ánh sáng xanh từ trong ánh sáng đỏ phát ra, ánh sáng đỏ từ trong ánh sáng xanh hiện khởi...

Trưởng lão Sāriputta có giải rằng:

"Hetṭhimakāyato uparimayāyato..". ý nghĩa của những câu văn này cũng như thế. Song Thông Lục này là: Lửa không lẫn với nước, nước chẳng phải lẫn với lửa. Và cả nước với lửa ấy đã xông tới tận Phạm Thiên Giới, rồi lan rộng khắp mọi Luân Vi trong vũ trụ. Vì thế, Trưởng lão Sāriputta mới giải rằng: Channam vaṇṇanam... Hào quang sáu màu của Bậc Đạo Sư phóng ra khắp vũ trụ như khoáng chất vàng thôn chảy từ nôi luyện kim, thấu đến tận Phạm Thiên Giới rồi phản chiếu khắp cùng vũ trụ, ánh sáng đều đồng nhất rực rỡ ví như: Diêm Phù này là trung tâm, tựa cội Bồ Đề được đóng cứng với những cọc sắt, từ nơi ấy phát ra ánh sáng lan rộng khắp nơi đồng nhất như nhau.

Ngày hôm ấy, đức Đạo Sư đi kinh hành trên Ngọc lộ, thuyết pháp thoại giữa đại chúng bằng cách vấn đáp với vị Phật hóa thân, làm cho đại chúng thâm hiểu nghĩa văn thâm mật của Phật Ngôn rõ ràng. Tiếng tán dương vang dội, tiếng Sādhu từ nơi đại chúng vang rền như tiếng sấm nổ giữa trời quang đãng. Bậc Đạo Sư dùng Phật tuệ quán xét cơ tánh chúng sanh của đại chúng ấy, Ngài thấu hiểu tâm chúng sanh đủ cả 16 chi phần. Tâm Chư Phật diễn tiến rất nhanh như thế, người tịnh tín với Pháp nào và loại thần thông nào, Ngài thuyết lên Pháp ấy là loại thần lực ấy, tùy theo cơ tánh từng chúng sanh Ngài thuyết pháp hợp theo cơ tánh ấy. Khi Ngài thể hiện Song Thông Lục và thuyết Pháp thoại như thế, chúng sanh đắc chứng đạo quả không thể kể đến số lượng là ít được. Vì sao Ngài lại hóa thân thêm một vị Phật nữa? Vì rằng: Ngài biết rõ rằng: Giữa Đại chúng này, không một ai có thể giải đáp những câu hỏi thuộc về Phật Giới, cũng không một ai có thể đặt được một câu hỏi thuộc cảnh giới Phật Tuệ. Do đó, Ngài phải hóa thân thêm một vị Chánh Đẳng Giác như Ngài, khi vị hóa thân hỏi thì hiện thân đáp, khi vị hiện thân hỏi thì vị hóa thân đáp. Nên để nêu lên ý nghĩa này, các luận Giải Sư đã nói: "Đức Phật hóa thân đi kinh hành thì đức Phật hiện thân ngồi tham thiền..".

Có đến 22 koti (220 triệu) chúng sanh đắc Pháp do thấy được Song Thông Trí mà Bậc Đạo Sư thể hiện cùng với sự nghe pháp từ hai vị Phật ấy.

Sau khi thể hiện Song Thông Lục rồi, đức Thế Tôn suy nghĩ rằng:

- Chư Phật quá khứ, sau khi dùng thần thông nhiếp phục ngoại đạo rồi, Ngài ngự đi đâu? Nhập hạ tại nơi nào?

Với Phật Trí, Ngài thấy rằng: Sẽ an cư tại cội Đạo Lợi, thuyết lên Tạng Thắng Pháp để tế độ Phật mẫu.

Sau khi hiểu rõ điều này, Ngài đưa chân phải lên đỉnh núi Yugandhara, núi Sineru dường như chạy đến hạ thấp xuống thỉnh rằng: "Xin Bạc Đại Giác hãy đặt chân Ngài lên đỉnh này". Ngài đưa chân trái lên đỉnh Sineru, núi Sineru dường như vươn thẳng người, đưa Ngài đến cõi Đạo Lợi. Khoảng cách ba bước chân ấy là sáu mươi tám trăm ngàn do tuần (6.800.000). Hai chân Ngài đều duỗi thẳng ra như bình thường ngự đi trì bình. Không nên nghĩ rằng: Đức Thế Tôn đưa chân lên cao rồi đặt xuống, vì khi Ngài đưa chân tới trước thì các đỉnh núi như chạy đến đỡ chân Ngài, khi chân Ngài rời khỏi thì như chạy trở về vị trí cũ. Đức Đế Thích trông thấy Bạc Đạo Sư ngự đến, Ngài suy nghĩ rằng:

- Đức Thế Tôn Ngài ngự lên đây để an cư mùa mưa, Ngài sẽ ngự nơi tảng đá vàng Paṇḍukambala. Khi đức Thế Tôn ngự đến nơi này, chư Thiên sẽ phục vụ Ngài, các Thiên Nhân không thể có sự dễ dãi trong phận sự ấy được. Nhưng tảng đá Paṇḍukambala này dài 60 do tuần, rộng 50 do tuần, cao 15 do tuần, đức Thế Tôn ngự lên trên đó quả thật là trống rỗng.

Hiểu được tư tưởng ấy của đức Đế Thích, đức Thế Tôn liền trải tọa cụ ra, phủ trọn vẹn tảng đá vàng Paṇḍukambala, rồi ngự ngồi trên ấy. Thiên Chúa lại suy nghĩ rằng: "Đức Thế Tôn trải tọa cụ như thế, chính Ngài chỉ ngồi có chút ít thôi".

Biết được ý này, đức Thế Tôn liền thu tảng đá Paṇḍukambala vừa vịn với tọa cụ và Ngài ngồi vừa vịn với tọa cụ ấy, giống như vị Tỳ khưu mặc phẩn tảo y ngồi thường nhật trên tọa cụ của mình.

Đức Đế Thích mục kích cảnh tượng thù diệu ấy, Ngài vô cùng hoan hỷ, đánh lễ đức Thế Tôn, Ngài phán rằng:

- Nay Đế Thích, người chớ nghĩ rằng Ngài vàng này rộng lớn đối với Như Lai. Như Lai hành pháp độ với vô lượng kiếp, mong chúng đạt Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, thì không phải là nhỏ đâu.

Bấy giờ, nơi nhân giới, đại chúng bỗng nhiên thấy đức Thế Tôn biến mất, ví như ánh mặt trời cùng mặt trăng cùng vụt tắt. Đại Chúng than khóc rằng:

- Bạc Đạo Sư ngự đến núi Cittakūṭa hay núi Kreylāsa hoặc núi Yugandhara mất rồi, từ nay chúng ta không còn được thấy Ngài nữa, Bạc Chánh Đẳng Giác không còn trở về với chúng ta.

Nhóm khác thì sầu khổ than khóc rằng:

- Bạc Đạo Sư là bậc hăng an trú nơi thanh vắng, tán thán nơi an tịnh, nay Ngài đã ngự đến nơi khác, vì Ngài nghĩ rằng "Ta đã thể hiện Song thông như vậy với đại chúng". Hẳn là chúng ta không còn được chiêm bái Ngài nữa rồi. Họ nói lên kệ ngôn rằng:

"Ngài là bậc Thượng trí, Ngài vui thích nơi thanh vắng, không còn trở lại thế gian này nữa. Chúng ta không còn thấy Bạc Chánh Đẳng Giác, bậc chúa tể của thế gian, bậc cao quý hơn cả nhân thiên".

Đại chúng liền đi đến bạch hỏi Trưởng lão Moggallāna rằng:

- Bạch Ngài, đức Đạo Sư của chúng tôi đang ngự trú nơi nào?

Quán xét rõ việc đức Thế Tôn an cư mùa mưa nơi cõi Đạo Lợi, Trưởng lão Moggallāna không trả lời, mà khuyên dạy thỉnh chúng đến hỏi Tôn Giả Anuruddha, vì Ngài muốn cho đại chúng hiểu rằng: Các Công hạnh của Thánh Thinh Văn thật thù diệu, và làm công hạnh của chư Thánh Thinh Văn được hiển lộ.

Đại Chúng đi đến bạch hỏi Trưởng lão Anuruddha rằng:

- Bạch Ngài, đức Đạo Sư của chúng tôi ngự nơi nào?

- Ngài đang ngự trên cõi Đạo Lợi, nơi tảng đá Paṇḍukambala là ngai vàng của Thiên Vương Đế Thích, để tuyên thuyết Tạng Thắng Pháp tế độ Mẫu Hậu Māyā.

- Bạch Ngài! Bao giờ đức Thế Tôn trở về nhân giới?

- Ngài sẽ thuyết tạng Thắng Pháp trọn cả ba tháng trường (tính theo cõi nhân loại). Rồi Ngài sẽ trở về nhân giới trong ngày Tự Tử (Mahāpavāraṇā).

Đại chúng bàn nhau rằng: "Chúng ta sẽ không rời khỏi nơi này nếu chưa gặp đức Đạo Sư trở về". Và họ cư ngụ tại nơi ấy.

Trương truyền rằng: Đại chúng dùng hư không làm màn, lấy mặt đất làm chiếu trải, nhưng cả đại hội chúng to lớn như thế cũng không làm cho mặt đất nơi ấy trở nên chật và ô nhiễm, mặt đất gồ

ghê ở nơi ấy bỗng trở nên bằng phẳng cho đại chúng và rộng rãi. Sự sạch sẽ luôn hiện đến với Đại chúng. Trước đó, Bạc Đạo Sư đã phán dạy Tôn giả Moggallāna rằng:

- Nay Moggallāna! Ngươi hãy thuyết pháp đến đại chúng ấy. Còn gia chủ Cūla anāthapiṇḍika hãy bố thí vật thực đến đại chúng.

Trưởng giả Cūla anāthapiṇḍika bố thí đến đại chúng cơm, cháo, vật thực, cau, trâu, vật thơm, vật thoa và vật trang điểm cho đại chúng cả sáng lẫn chiều, hay trong mỗi giờ. Đại thí ấy được thực hiện cả ba tháng trọn vẹn như thế. Riêng Tôn Giả Moggallāna thì thuyết lên pháp thoại, giải đáp những thắc mắc, đoạn nghi cho đại chúng đến chứng kiến Thần Thông của đức Phật tại nơi ấy.

Nơi Thiên Giới Đạo Lợi, chư thiên trong 10 muôn triệu thế giới được biết đức Thế Tôn an cư tại cõi Đạo Lợi nên cùng nhau vân tập đến cõi Đạo Lợi ấy, nên các Luận Giải Sư đã ghi rằng:

- Trông thời đức Phật là bậc Cao quý nhất trong nhân, thiên giới, Ngài ngự nơi tảng đá vàng Paṇḍukambala, dưới cội cây Pāricchattaka ở Đạo Lợi Thiên. Bấy giờ, chư thiên trong 10 muôn triệu thế

Giới Sa bà cùng nhau tụ hội đến đánh lễ đức Chánh Đẳng Giác. Khi Ngài ngự trên đỉnh núi Sineru ấy, không một Thiên nhân nào sáng rực hơn đức Chánh Đẳng Giác, chỉ có đức Chánh Đẳng Giác hàng sáng ngời hơn tất cả Thiên nhân".

Đức Thế Tôn ngự giữa ngai vàng Kambala như thế, đức Đế Thích hiểu biết với trí của mình: "Đức Thế Tôn ngự đến cõi Đạo Lợi này, với mục đích là tế độ mẫu hậu Māyā của Ngài". Tự thân đức Đế Thích đi đến cung trời Tusita cung thỉnh Thiên Tử Māyā (hậu thân của Hoàng Hậu Māyā). Được sự thỉnh của vua Trời Đế Thích, Thiên Tử Māyā từ nơi cung trời Tusita ngự xuống cõi Đạo Lợi, và ngồi bên tay phải của đức Thế Tôn.

Khi ấy, có hai vị Thiên Tử là Indaka cũng ngồi phía bên phải đức Thế Tôn và thiên tử inruka thì ngồi phía tay trái của Ngài. Khi chư Thiên có đại oai lực đi đến, Thiên nhân nào kém oai lực thì phải đứng dậy nhường chỗ ngồi lui ra sau. Và Thiên Tử Anruka phải lui ra xa cả 12 do tuần, trái lại Thiên Tử Indaka vẫn ngồi yên một chỗ. Thấu rõ sự kiện này như thế nào rồi, nhưng Bạc Đạo Sư muốn cho chư Thiên thấy rõ oai lực thù diệu của ân đức Phật Đạo rằng: "Vật thí mà tín gia cúng dường đến bậc đáng cúng dường trong Phật Giáo, tuy vật thí dù nhỏ chút ít vẫn có đại oai lực thù thắng, có đại quả báu". Người phán hỏi Thiên Tử Anruka rằng:

- Nay Anruka! Ngươi thọ sanh vào cảnh Thiên Giới này là do phước thiện nào thế?

- Bạch Thế Tôn! Khi còn là nhân loại, con hằng bố thí đến chúng nhân, con đã cho xây lò bếp dùng nấu vật thực bố thí, dài đến 12 do tuần. Con hành thí sự ấy suốt cả 10 ngàn năm như thế. Quả thiện ấy cho con được tái sanh vào cảnh giới này.

- Nay Indaka! Ngươi tái sanh cõi Đạo Lợi là do quả thiện nào?

- Bạch Thế Tôn! Khi còn là người, con cúng dường đến Trưởng lão Anuruddha một vá cơm. Do nhân ấy, con được thọ sanh về cõi này.

- Nay Anruka! Ngươi đã hành thí sự suốt 10 ngàn năm, xây lò bếp dài 12 do tuần. Thế vì sao, hiện nay trong hội chúng này, ngươi lại lui ra xa đến 12 do tuần như thế?

Thật vậy, các Luận Giải Sư đã thuyết lên rằng:

Bậc Chánh Đẳng Giác thấy Thiên Tử Anruka và Indaka Ngài tán dương sự cúng dường bậc đáng tôn kính, đáng cúng dường trong câu Phật Ngôn này: "Nay Anruka! Ngươi đã bố thí rất nhiều trong khoảng thời gian dài 10 ngàn năm, xây bếp lò dài cả 12 do tuần. Nhưng khi đến hội chúng Thiên nhân này, vì sao ngươi lại lui xa 12 do tuần như thế?"

Âm thanh vi diệu của đức Thế Tôn xuyên suốt cả kinh thành Sudassana là thành phố Chư Thiên cõi Đạo Lợi, lan đến nhân giới. Đại chúng đó đã nghe được Phật âm vi diệu ấy.

Nghe Bạc Đạo Sư phán hỏi như thế, Thiên Tử Anruka buồn rầu đáp:

- Bạch Thế Tôn! Con cầu mong được gì nơi quả phước ấy, vì con tạo phước vào thời không có Phật pháp, không có bậc đáng cúng dường. Dạ Xoa Indaka chỉ cúng dường chút ít, nhưng được cúng dường vào thời có Phật Pháp, cúng dường đến bậc đáng cúng dường nên vị ấy có nhiều oai lực hơn con. Ví như vầng trăng rực sáng trong chòm sao như thế.

(Trong những câu văn ấy, chữ Dajjā đổi thành là datvā nghĩa là đã cho). Nghe Thiên Tử Ankura bạch như thế, đức Thế Tôn phán hỏi Thiên Tử Indaka rằng:

- Này Indaka! Vì sao chỉ với chút ít vật thí như thế, mà người có đại oai lực, người không lui ra như vậy?

- Bạch Thế Tôn! Con đã cúng dường đến bậc đáng cúng dường, ví như người nông dân gieo hạt vào ruộng màu mỡ, dù chỉ ít hạt giống nhưng được nhiều kết quả.

Sau khi nêu lên sự kiện cúng dường đến bậc đáng cúng dường như thế, Thiên Tử Indaka bạch tiếp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Dù là hạt giống nhiều, nhưng gieo vào ruộng xấu khô cằn thì kết quả không sung mãn, không thể làm người nông dân ấy hài lòng hoan hỷ như thế nào, cũng vậy người bố thí nhiều đến những kẻ ác giới thì quả phước không được sung mãn, thí nhân ấy hằng không được hoan hỷ với quả ấy. Trái lại, tuy ít hạt giống, nhưng được gieo vào ruộng tốt, đúng thời mưa thuận gió hoà, thì quả sẽ sung mãn, khiến người nông dân hoan hỷ hả dạ. Cũng như thế ấy, thí vật chút ít, nhưng được dâng cúng đến bậc đáng cúng dường là bậc có giới đức, chắc chắn quả ấy sẽ cho người làm thí sự hoan hỷ như thế".

Hỏi rằng: Tiền nghiệp của Thiên Tử Indaka ấy là thế nào?

Đáp rằng: Được biết Thiên Tử Indaka đã cúng dường một vá cơm đến Trưởng lão Anruddha, khi Ngài đang trì bình khát thực trong thành. Nên quả phước của vị ấy có nhiều quả báu hơn sự bố thí của Thiên Tử Anruka xây bếp lò cả 12 do tuần, bố thí suốt thời gian 10 ngàn năm. Do đó, Thiên Tử Indaka mới bạch như thế.

Bậc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Này Anruka! Sự lựa chọn bậc đáng cúng dường rồi cúng dường, thí sự ấy thường có nhiều quả báu. Ví như hạt giống mà được gieo xuống ruộng tốt như vậy. Nhưng người không làm như thế, do vậy thí sự của người mới không có quả tối thắng.

Rồi Ngài nêu lên ý nghĩa để làm sáng tỏ vấn đề này:

"Sự bố thí mà người đã bố thí trong chỗ nào có quả nhiều, người nên lựa chọn rồi bố thí trong chỗ ấy. Sự chọn lựa để cúng dường mà đức Thiện Thệ tán dương là thí sự đến bậc đáng cúng dường hiện hữu trong thế gian, sẽ có quả nhiều, ví như hạt giống được gieo vào ruộng tốt không cỏ dại".

Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ruộng có cỏ là độc hại, chúng sanh có ái là độc hại. Vì vậy sự thí mà người đã bố thí đến người đã đoạn tận ái có nhiều quả.

Ruộng có cỏ là độc hại, chúng sanh có sân hận là độc hại. Vì vậy sự thí mà người bố thí đến người đã đoạn tận sân có nhiều quả.

Ruộng có cỏ là độc hại, người có si mê là độc hại. Vì vậy sự thí mà người thí đến bậc đã đoạn tận si có nhiều quả".

"Ruộng có cỏ là độc hại. Chúng sanh có tham là độc hại. Vì vậy sự thí mà người thí đến bậc đã đoạn tận tham, có nhiều quả".

Dứt kệ ngôn, hai Thiên Tử Anruka và Indaka đều an trú vào Dự Lưu Quả.

Thế rồi, Bậc Đạo Sư ngồi giữa Đại chúng thiên nhiên, đề cập đến Phật Mẫu rằng:

- Mẫu hậu hãy đến đây, lắng nghe Pháp Như Lai. Như Lai sẽ đền đáp lại công ơn của người đã nuôi dưỡng Như Lai trong vòng luân hồi.

Ngài nghĩ tiếp: Công ơn của Mẫu Hậu Māyā đối với Ta thật là vĩ đại. Vậy ta phải dùng Pháp môn nào để đền đáp cho xứng đáng ơn nghĩa thâm sâu kia? Ngài thấy rằng chỉ có Thág Pháp Tạng mới xứng đáng với công ơn của bà Māyā nuôi dưỡng Ngài khi Ngài còn lang thang trong vòng luân hồi. Và Ngài khởi đầu thuyết lên Tạng Thág Pháp rằng: "Kusalā dhammā, Akusalā dhammā, abyākatā dhammā.". Đức Thế Tôn thuyết Tạng Diệu Pháp theo cách này trọn cả ba thág. Trong khi Ngài ngự đi khát thực thì Ngài hóa thân một vị Phật như Ngài và vẫn tiếp tục thuyết Pháp với sự chú nguyện rằng: "Vị Phật hóa thân này sẽ thuyết pháp cho đến khi Như Lai trở về".

Rồi Ngài ngự đến rừng Tuyết Lãnh, đánh răng bằng cây chà răng của rừng ấy ở hồ Anotatta trong rừng anāgalatā. Ngài ngự đi khát thực ở xứ Kuru (Bắc Cưu Lưu Châu), khi khát thực xong, Ngài ngự về ngôi nhà lớn nơi thành Sankassa. Khi ấy, Tôn giả Sāriputta quán:

- Bậc Đạo Sư hiện đang trú tại đâu? "Khi biết đức Thế Tôn đang ngự tại thành Sankassa, Trưởng lão đi đến phục vụ đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn khi thọ thực xong, Ngài phán dạy Trưởng lão Sāriputta rằng: "Này Sāriputta! Hôm nay ta sẽ thuyết pháp như thế như thế. Ngươi hãy thuyết lại ý nghĩa này đến 500 vị tân kỳ khuru vừa mới xuất gia của ngươi đi".

- Thưa vâng! Bạch Thế Tôn.

Trong tuyên rằng: Có 500 thiện gia tử khi được chứng kiến Song Thông Lục của đức Thế Tôn, phát tâm tịnh tín mãnh liệt nơi Phật Lục. Cả 500 vị đã xin xuất gia ngay khi ấy, và Tôn Giả Sāriputta đã tiếp độ cho 500 vị thiện gia tử ấy trong trú xứ của mình. Lời dạy của đức Thế Tôn là Ngài ám chỉ đến 500 tân Tỳ khuru ấy.

Sau khi phán dạy xong, đức Thế Tôn ngự lên cõi Đạo Lợi, vị Phật hóa thân biến mất và đức Phật tiếp tục thuyết lên Pháp thoại Thắng Pháp. Riêng Ngài Sāriputta trở về trú xứ của mình, thuyết lên Pháp mà đức Đạo Sư vừa tóm tắt cho mình đến các vị tân Tỳ khuru một cách rộng rãi. Khi vừa mãn ba tháng an cư thì nhóm Tỳ khuru ấy đã thông suốt trọn vẹn 7 bộ Thắng Pháp Được nghe lại rằng: Trong thời Giáo Pháp của đức Chánh Đẳng Giác Kassapa, có một đàn dơi 500 con trú tại một hang động trong núi. Bấy giờ, có hại vị Tỳ khuru trong Giáo Pháp đức Phật Kassapa cũng trú ngụ nơi động ấy, khi các Ngài kinh hành hay ngồi lại cùng nhau, hằng tụng niệm Abhidhamma. Đàn dơi ấy bắt lấy cảnh thính ấy, với ấn tượng rằng đây là Pháp chư Phật. Đàn dơi ấy không thể hiểu rằng: "Đây là uẩn, đây là xứ, đây là Giới..", chúng chỉ bắt lấy tiếng tụng niệm làm cảnh với ấn tượng là lời Phật dạy mà thôi. Sau khi mệnh chung, cả 500 con dơi ấy tái sinh lên Thiên giới, thọ hưởng Thiên sản trọn một kiếp Phật. Mạng chung từ Thiên giới, 500 vị Thiên Tử tái sinh vào nhân giới trong thời Phật hiện tại, ở trong thành Sāvattī. Nhân dịp mục kích được quang cảnh hy hữu của Song thông trí của Đấng Như Lai. Cả 500 thiện gia tử ấy khởi tâm tịnh tín, xin xuất gia trong Pháp Luật của đức Thế Tôn, và Trưởng lão Sāriputta đã tế độ 500 thiện gia tử ấy trong trú xứ của mình. Và trong ba tháng an cư mùa mưa ấy, 500 vị tân Tỳ khuru ấy thông suốt trọn vẹn 7 bộ Thắng Pháp trước những vị Tỳ khuru kia.

Đức Thế Tôn thuyết trọn vẹn Tạng Thắng Pháp trên cõi Đạo Lợi rộng rãi ba tháng dài (tính theo cõi nhân loại), đã mang đến Đạo Quả cho 80 loại chư Thiên, và Hoàng Hậu Māyā chứng đạt được Pháp Nhãn Dự Lưu Quả.

Còn bảy ngày nữa là đến ngày Đại Lễ Tự Tứ, đại chúng rộng 36 do tuần ấy, khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Từ hôm nay trở đi, đến ngày thứ bảy là ngày đại lễ Tự Tứ. Đức Thế Tôn sẽ ngự về nơi nào?

Họ đi đến Trưởng lão Moggallāna bạch rằng:

- Bạch Ngài! Chúng tôi muốn biết ngày trở về của đức Thế Tôn, nếu chúng tôi chưa được chiêm bái Ngài, chúng tôi sẽ không rời khỏi nơi đây đâu.

- Này Đại chúng, thôi được.

Trưởng lão Moggallāna chú nguyện rằng: "Đại chúng hãy trông thấy ta đi đến cõi Đạo Lợi, diện kiến với đức Thế Tôn".

Ngài độn thổ, đi đến chân núi Sineru, rồi theo triền núi đi dần lên, giống như sợi chỉ vàng xoắn vào viên ngọc Mani đỏ. Ngài đi lên đỉnh núi Sineru, đại chúng thấy rõ ràng như đang thấy cảnh Ngài đi trên núi Sineru trước mặt, Trưởng lão đi được 1 do tuần, 2 do tuần... Tôn Giả Moggallāna đi đến Thiên Cung Đạo Lợi, đến tảng đá Pandukambala, đánh lễ dưới chân Ngài với sự cung kính cực điểm, bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hội chúng muốn yết kiến Ngài, nếu chưa được chiêm bái Ngài, họ sẽ không rời chỗ ấy. Bạch Thế Tôn! Xin Ngài mở lòng bi mẫn ngự về nhân giới.

- Này Moggallāna! Sư huynh ngươi là Tôn giả Sāriputta hiện nay đang ở nơi nào?

- Bạch Thế Tôn! Vị ấy đang trú tại thành Sankassa.

- Này Moggallāna! Kể từ hôm nay trở đi, đến ngày thứ bảy. Như Lai sẽ ngự về nhân giới, tại chân thành Sankassa. Đại chúng muốn yết kiến Đấng Như Lai thì hãy đến nơi ấy.

Từ Sāvattthī đến thành Sankassa chỉ cách nhau 30 do tuần, chẳng cần phải chuẩn bị lương thực chi cho lắm. Ngươi hãy thông báo cho đại chúng biết như thế. Đại chúng hãy thọ trì Trai giới rồi đến nghe Pháp vậy.

- Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Trưởng lão Moggallāna trở lại nhân giới, tuyên ngôn lại lời dạy của đức Thế Tôn cho đại chúng biết. Vào ngày Đại Tự Tứ, Bạc Đạo Sư phán bảo đức Thiên Chúa rằng:

- Này Đại Vương! Như Lai sẽ ngự về nhân giới.

Thiên Chúa liền hóa hiện ba thang trời, một thang ngọc Maṇi ở giữa, một thang bạc và một thang vàng ở hai bên, chân thang đặt ở chân thành Sankassa, đầu thang ở đỉnh núi Sineru. Thang vàng ở bên phải dành cho chư Thiên, thang bạc bên trái dành cho Phạm Thiên, đấng Như Lai ngự đi giữa thang ngọc Maṇi.

Từ đỉnh núi Sineru đức Thế Tôn ngự đi giữa thang ngọc ấy, Ngài đưa mắt nhìn lên trên, thấu suốt cõi Phạm Thiên như tụ hội lại thành một điểm, Ngài đưa mắt nhìn xuống, thấu suốt cõi địa ngục A Tỳ như thu lại thành một điểm. Cả 10 muôn triệu thế giới như thu thành một điểm trong Phật Lực của Ngài như vậy. Chư thiên thấy được nhân loại và Phạm Thiên, nhân loại thấy được chư Thiên cùng Phạm Thiên dường như đang đứng đối diện với nhau. Đức Thế Tôn phóng hào quang 6 màu tỏa đi khắp muôn trùng vũ trụ. Cả 36 do tuần đại chúng ấy, thấy được oai lực tuyệt diệu hy hữu của đức Phật, đều khởi tâm ước muốn thành vị Chánh Đẳng Giác vị lai.

Bấy giờ, Phạm Thiên ngự đi nơi thang bạc cầm lọng che cho đức Thế Tôn, đức Đế Thích ngự đi nơi thang vàng ôm bắt hầu Ngài. Càn Thất bà Pañcasikkha cầm thiên cầm Beluva màu vàng xinh đẹp, tấu lên những thiên khúc, ca hát cúng dường Bạc Đạo Sư, Thiên Tử Mātaliṅgāhaka cầm vật thơm và tràng hoa tung lên hư không cúng dường đức Thiện Thệ, hoa thiên Mạn Đà của chư Thiên cúng dường rơi như mưa cúng dường, Thiên Tử Suyāma cầm quạt Vālavijāṇī quạt hầu đức Đạo Sư...

Đức Thế Tôn ngự về nhân giới, tại chân thành Sankassa. Trưởng lão Sāriputta đến đánh lễ đức Thế Tôn, tán thán tướng hảo quang minh của đức Thế Tôn, vì đây Phật Tướng hiển lộ thù diệu như thế này, Trưởng lão chưa từng trông thấy bao giờ cả. Trưởng lão thốt lên hoan hỷ tán thán như vậy:

"Bạc Đạo Sư với Phật âm du dương, với lời tao nhã. Ngài là bậc Thầy của chư Thiên và nhân loại. Từ Cung trời Đâu Suất Ngài hạ sanh về nhân giới cũng không có được quang cảnh thù thắng như thế này đây. Ta chưa từng thấy tướng hảo của một ai chói sáng rực như Ngài, không ai so sánh được với Phật Thân".

Rồi Tôn Giả Sāriputta bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hôm nay cả nhân thiên đều hoan hỷ cung nghinh Ngài trở về nhân giới.

Đức Đạo Sư phán dạy Tôn Giả Sāriputta rằng:

- Này Sāriputta! Một vị Phật đầy đủ ân đức tối thượng, thường là nơi kính mến của chư Thiên và nhân loại như thế.

Rồi nhân đó, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ye jhānapasutā dhīrā
Nekkhammūpasame ratā
Devā'pi tesam pihayanti
Sambuddhāpanam satimatam".

- Bạc trí chuyên cần hành thiền, đã thỏa thích trong sự an tịnh của hạnh khước từ (tức Níp Bàn), những vị Phật giác tỉnh toàn hảo như vậy, chí đến chư Thiên cũng hết lòng ngưỡng mộ".

*"Người trí chuyên thiền định
Thích an tịnh viễn ly
Chư thiên đều ái kính
Bạc Chánh Giác chánh niệm" (TMC).*

CHÚ THÍCH:

Ye jhānappasutā: Nghĩa là đầy đủ sự chuyên cần về 2 loại thiền là Lakkhaṇūpanijjhāna và ārammaṇūpanijjhāna, bằng sự ghi nhớ, sự an trú, sự chú nguyện, sự xả thiền và sự quán xét. Bậc xuất gia học giả không nên chấp rằng: "Nekkhamma" trong kệ ngôn nekkhammūpasame ratā này, chính câu Nekkhamma đó là chỉ về sự hoan hỷ với Níp Bàn, là nơi đoạn tận phiền não.

Devāpi nghĩa là chư thiên và nhân loại thường hoan hỷ, tức mong mỗi được như bậc Chánh Giác.

Satīmataṃ nghĩa là chư Thiên cùng nhân loại mong muốn thành Đấng Chánh Giác rằng: "Ngài có tướng hảo quang minh thù thắng như thế, ta cũng nên thành vị Phật vị lai". Như vậy, gọi là sự hoan hỷ với Bậc Chánh Đẳng Giác, là người có ân đức lớn như vậy, bậc tròn đủ chánh niệm và giác tỉnh.

Dứt kệ ngôn có đến 30 koṭi chúng sanh chúng đạt Pháp Nhân. Cả 500 vị Tỳ khưu đệ tử của Trưởng lão Sāriputta cũng chúng đạt A La Hán.

Tương truyền rằng: Sự thể hiện Song Thông Tuệ rồi an cư tại cung Trời Đạo Lợi, thuyết Tạng Thắng Pháp tế độ Phật Mẫu, ngự về nhân giới nơi cổng thành Sankassa, đó là cổ lệ của chư Phật Quá khứ. Chỗ di tích dấu chân phải nơi Ngài ngự xuống có tên là Acalacetiyasatthā. Đức Đạo Sư đứng tại chính nơi ấy giảng giải về cơ tánh trí của chúng sanh rằng:

Phàm nhân chỉ biết cơ tánh của mình và đồng bậc, không thể biết được trí của bậc Tu Đà Hườn. Bậc Dự Lưu chỉ biết được căn cơ của hàng Dự Lưu, không biết được căn cơ của bậc Nhất Lai. Bậc Nhất Lai chỉ biết được căn cơ của hàng Nhất Lai, không biết được căn cơ của bậc Bất Lai. Bậc bất Lai chỉ biết được căn cơ của hàng Bất Lai không biết được căn cơ của bậc A La Hán. Bậc A La Hán Nhứt minh... Tam Minh... Lục Thông... Tuệ Phân Tích. Chư Thánh A La Hán Tuệ Phân Tích không biết được căn cơ Thánh Đại Đệ Tử. Chư Thánh Đại Đệ Tử không biết được căn cơ của Tôn giả Moggallāna. Tôn giả Moggallāna không thấu rõ cơ tánh của Tướng Quân Chánh Pháp Sāriputta. Tôn giả Sāriputta không thể giải được căn cơ của bậc Độc Giác Phật. Chư Độc Giác Phật không thể giải được căn cơ của Bậc Chánh Đẳng Giác.

Rồi Ngài phán lên một câu hỏi, Ngài đưa mắt nhìn khắp bốn phương tám hướng, hướng trên hướng dưới, các thế giới tụ về một điểm. Chư thiên, nhân loại, Phạm thiên cả đến Long Vương, Kim Sí Diệu ở hướng dưới đều chấp tay bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Không một ai trong hội chúng này giải đáp được, xin Ngài từ bi quán xét hội chúng này.

Bậc Đạo Sư suy nghĩ: "Sāriputta thường vất vả, vì vị ấy nghe được câu hỏi của đức Như Lai, nhưng câu hỏi ấy thuộc về Phật Giới Trí". Rằng: "Này người vô phiến! Người có trí tuệ phòng hộ mình, khi Như Lai hỏi về sự diễn tiến của người có đầy đủ các Pháp và các Bậc Hữu Học nhiều trong thế gian. Hãy nói lên sự diễn tiến ấy cho Như Lai".

Là người đã đoạn tận hoài nghi về câu hỏi: "Tuy rằng, Bậc Đạo Sư hỏi đến sự diễn tiến của Đạo Hành (Paṭipadā) của bậc Hữu Học và Bậc Vô Học. Dù là như thế, nhưng ta không thể nắm lấy được ý nghĩa trong câu hỏi của Như Lai, Ngài đang đề cập đến vấn đề nào trong các pháp như uẩn, Xứ, Giới, Đế... Khi nhận được Phật ý, ta mới có thể diễn đạt thuận theo câu hỏi mà Ngài vừa nêu ra được". Khi Bậc Đạo Sư không vạch ra đường lối, thì Ngài Sāriputta" không thể giải đáp được, đức Như Lai suy nghĩ: "Như Lai hãy vạch ra đường lối cho Sāriputta". Ngài phán rằng:

- Này Sāriputta! Ngươi hãy quán xét sự thật này đi.

Được nghe rằng: Khi nhận được đường lối rồi. Khi Ngài Sāriputta nhận lấy ý của đức Như Lai, sẽ nói lên ý nghĩa về uẩn... Được.

Câu hỏi của đức Như Lai, làm phát sanh đến Tôn Giả Sāriputta cả trăm, cả ngàn, cả trăm ngàn ý, cùng với sự vạch ra đường lối của đức Như Lai. Khi ấy, Ngài Sāriputta mới trả lời được câu hỏi của đức Thế Tôn.

Được biết rằng: Ngoại trừ đức Thế Tôn, không một Thánh Thinh Văn nào có được Trí như Trưởng lão Sāriputta. Vì rằng: Tôn Giả Sāriputta từng rống lên tiếng rống sư tử đang thời sung sức trước mặt đức Thế Tôn giữa hội chúng rằng:

- Bạch Thế Tôn! Dù cho có mưa suốt cả đại kiếp này, con vẫn có thể đem được số lượng hạt mưa. Con vẫn biết được bao nhiêu hạt rơi xuống biển, chùng này hạt mưa rơi trên đất, chùng này hạt mưa rơi trên núi...

- Nay Sāriputta! Như Lai biết rằng người có được khả năng như thế ấy.

Gọi là điều ví dụ để so sánh với trí tuệ của Tướng Quân Chánh Pháp không có được. Do vậy, Tôn Giả Sāriputta đã bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Cát trong địa đại, nước trong sông Gaṅga luôn được tràn đầy từ suối nguồn, sông rạch, nhưng cũng không so sánh được sự hiểu biết của con".

Ý nghĩa của câu ấy như vậy: Bạch Thế Tôn! Bậc Đại Thượng Trí, bậc nương nhờ của thế gian. Điều hiểu biết (chỉ một điều) của con, người lấy ra 1 hạt cát. Nhưng cát trên địa cầu này có thể hết mà sự hiểu biết của con không hết. Hay là, mỗi một điều hiểu biết của con sánh với 1 giọt nước sông Gaṅga có thể hết, nhưng sự hiểu biết của con thì không biết. Hay là mỗi cảnh đá vụn được so sánh một điều hiểu biết của con, núi đá trên địa cầu này có thể hết, nhưng sự hiểu biết của con thì không hết.

Tuy là bậc Đại Trí như thế, nhưng Tôn Giả Sāriputta vẫn không nắm được gốc ngọn của vấn đề mà đức Thế Tôn phán hỏi theo cá tánh của vị Phật. Chỉ khi nào nhận được đường lối đức Phật vạch ra, bấy giờ vị ấy mới giải đáp được thấu đáo.

Được nghe như thế, chư Tỳ khưu bàn luận cùng nhau rằng:

"Bậc Đạo Sư đã hỏi câu nào rồi, mọi người không thể giải đáp được, chỉ có Bậc Tướng Quân Chánh Pháp mới có thể giải đáp được mà thôi".

Nghe chư Tỳ khưu bàn luận như thế, Bậc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Nay chư Tỳ khưu! Chẳng phải chỉ trong kiếp này Sāriputta giải đáp được câu hỏi của đức Như Lai, câu hỏi mà đại chúng không một ai có thể giải được. Trong quá khứ, vị ấy cũng đã từng là như thế rồi.

Rồi Ngài thuyết lên Bốn Sanh với đầy đủ chi tiết rằng:

"Người đi đến nơi hội họp rồi, dù cả ngàn người vô trí, tuy có quán xét cả 100 năm, người ấy cũng không thấu đáo được ý nghĩa của Phật ngôn. Duy chỉ có bậc trí là cao quý hơn cả".

DÚT TÍCH THỂ HIỆN SONG THÔNG NHIẾP NGOẠI ĐẠO

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XIV. 3- LONG VƯƠNG ERAKAPATTA

(PC. 182).

"Kiccho manussapaṭilābho...". Kệ ngôn Pháp Cú này được đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài ngự tại thành Bārāṇasī, đề cập đến Long Vương Erakapatta.

Tương truyền rằng: Vào thời Giáo pháp của đức Thế Tôn Kassapa, Long Vương Erakapatta là một vị Tỳ khưu trẻ, một hôm khi đi truyền trên dòng sông Gaṅga, dòng nước chảy xiết, khiến thuyền trôi băng băng, kinh hãi vị ấy nắm lấy bụi cỏ tranh để giữ lại, vô ý làm đứt cọng cỏ tranh ấy. Vì vô ý và cho rằng đây là lỗi nhẹ, vị ấy không sám hối, có ý nghĩ rằng: "Đây chỉ là lỗi nhỏ bé".

Tuy hành Sa môn pháp hết 20 ngàn năm, nhưng khi gần lâm chung, vị ấy có cảm tưởng nhiều cọng cỏ tranh đang cứa vào cổ mình, tâm bút rút vì lỗi lầm ấy sanh khởi, vị ấy muốn sám hối lỗi lầm, nhưng hại thay vào khi ấy chẳng có vị nào là Tỳ khưu ở quanh đó, vị ấy khởi lên nhiệt não rằng: "Ôi! Giới của ta đã bất định rồi".

Mạng chung, vị ấy tái sanh làm Long Vương, có thân hình to lớn như chiếc thuyền. Có tên gọi là Long Vương Erakapatta, rồi y đặt Long Nữ lên cái mang phùn rộng của mình, nổi lên mặt sông Gaṅga, cho nàng Long Nữ nhảy múa. Được biết rằng: Y khởi lên sự suy nghĩ rằng: "Bằng cách cho con gái ta hát đối, ta sẽ biết được Bậc Chánh Đẳng Giác đã xuất hiện trên thế gian này chưa? Người nào đáp đối lại được câu đối của con ta, ta sẽ nhường cả Long Cung cho người ấy ngự trị".

Thế là, cứ mỗi nửa tháng, vào ngày Upsatha, y cùng con gái nổi lên giữa sông Gaṅgà để hát đối như thế này:

Nàng Long Nữ đứng trên chiếc mang phùn rộng của Long Vương, nhảy múa rồi hát lên rằng:

"Người lớn như thế nào gọi là Vua? Như thế nào gọi là vua có bụi trên đầu? Như thế nào gọi là không có bụi? Như thế nào Ngài gọi là người ngu?"

Toàn dân trên cõi Diêm Phù đều hiểu rõ câu chuyện rằng: Nếu hát đối được câu hát đối của Long Nữ, sẽ được cưới nàng và làm chủ Long Cung, nên đều đi đến sông Gaṅgà, vận dụng trí tuệ để tìm câu hát đối lại câu hát của Long Nữ. Nhưng họ đều bị nàng Long Nữ vạch rõ những chỗ sai lầm trong câu hát đối của họ.

Cứ như thế, mỗi nửa tháng thì Long Vương nổi lên một lần, suốt cả thời gian dài không một ai giải đáp câu hát đối đó được.

Bấy giờ, đức Thế Tôn Gotama đã xuất hiện trong thế gian, Ngài ban cho chúng sanh Bát Tử Lộ. Theo thông lệ, vào hừng sáng Ngài dùng Phật trí quán xét thế gian, tìm người hữu duyên làm nên tế độ, thấy được duy lành của thanh niên Uttara và Long Vương Erakapatta. Ngài quán rằng: "Đây là do nhân gì thế?" Ngài thấy rằng: "Hôm nay, Long Vương Erakapatta cùng con gái nổi lên hát đối trên mặt sông Gaṅgà. Thanh niên Uttara sẽ học lấy lời giải của Đấng Như Lai, chàng sẽ chứng ngộ Dự Lưu Quả. Long Vương Erakapatta sẽ hiểu biết rằng: "Đức Chánh Đẳng Giác đã xuất hiện trong thế gian". Long Vương sẽ đi đến đánh lễ Như Lai, nhân đó Như Lai sẽ thuyết lên pháp thoại giữa đại chúng, dứt kệ ngôn có 84 ngàn chúng sanh chúng đạt Đạo Quả. Long Vương trú vào Tam qui.

Vào buổi sáng hôm ấy, sau khi vận mặc y, Ngài cầm bát ngự đến gần bờ sông Gaṅgà, gần nơi Long Vương Erakapatta sắp nổi lên, Ngài ngồi dưới gốc cây phượng vĩ, đây là một trong 7 cây phượng nổi tiếng của cõi Diêm Phù, gần thành Bārāṇasī. Bấy giờ, dân chúng cùng nhau mang câu hát đối của Long Nữ ra bàn luận, chàng thanh niên Uttara cũng đến bờ sông, nơi Long Vương cùng Long Nữ nổi lên để hát đối, mong chiếm được nàng Long Nữ yêu kiều ấy. Trông thấy chàng từ xa đi đến, khi chàng trông thấy đức Thế Tôn đang ngồi dưới gốc cây phượng vĩ, Uttara đi đến đánh lễ đức Thế Tôn, xong rồi ngồi vào nơi phải lễ, đức Thế Tôn phán hỏi:

- Này Uttara! Người đi đâu thế?

- Bạch Thế Tôn! Con đi đến nơi Long Vương Erakapatta sắp nổi lên để hát đối cùng với Long Nữ.

- Người có biết câu hát để đối lại câu hát của Long Nữ ấy chăng?

- Bạch Thế Tôn! Con biết.

- Người hãy hát lên xem nào?

Thanh niên Uttara hát lên câu hát đối theo trí tuệ của y đã nghĩ ra, Bạc Đạo Sư phán dạy y rằng:

- Này Uttara! Đó không phải là lời giải đáp câu hát đối của Long Nữ đâu. Này Uttara, người hãy học câu hát này, đó là lời giải đáp.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Này Uttara! Khi Long Nữ hát đối xong, người hãy hát lại rằng: "Người chế ngự được sáu căn gọi là vua, đức vua có dục vọng gọi là có bụi trên đầu. Người không có dục vọng gọi là người vô trần cấu. Người có dục vọng gọi là người ngu".

Câu hát đối của Long Nữ, theo Pāli là như vậy:

"Kiṃsu adhipatīrājā
Kiṃsu rājā rajassiro
Katham su?"

- Người như thế nào gọi là vua? Như thế nào gọi là vua có bụi trên đầu? Như thế nào gọi là vua không có bụi.

Câu đáp giải là:

Chadvārādhipatī.
Rajamāno rajassiro.

Arajam.

- Người làm chủ được sáu căn và cả sáu cảnh như sắc... Dù chỉ một căn cũng không thể xâm nhập được, người ấy gọi là Vua. Vị vua có dục vọng gọi là có bụi trên đầu. Người có dục vọng gọi là người ngu.

Bậc Đạo Sư dạy câu hát đáp ấy cho chàng thanh niên Uttara xong rồi, Ngài phán rằng:

- Này Uttara! Khi người hát lên câu hát giải đáp này rồi, Long Nữ sẽ hát tiếp rằng: "Cái gì người ngu bị cuốn trôi? Bạch trí thường giải trừ như thế nào? Thế nào mới gọi là người có sự an lạc khỏi trôi buột? Ta hỏi chàng, hãy vui lòng trả lời câu hỏi của ta".

Khi ấy, người hãy đáp lại như vậy: "Người ngu bị giòng nước tức dục bộc...) cuốn trôi. Bạch trí thường giải trừ (bộc lưu) ấy với sự tinh tấn. Bạch trí hằng không có sự trôi buột, Ngài gọi là người có sự an lạc khỏi bị trôi buột, Ngài gọi là người có sự an lạc khỏi bị trôi buột".

Câu này có ý nghĩa như vậy:

"Người ngu thường bị bộc lưu (phiền não ví như giòng nước), có bốn loại dục bộc là: Dục bộc, hữu bộc, kiến bộc và vô minh bộc cuốn trôi chúng sanh. Bạch trí thường giải trừ bộc lưu ấy với sự tinh cần, tức là sammappadhāna (Tứ Chánh Cần). Bạch trí không có sự trôi buột như dục kết... Ngài gọi người như thế là người có sự an lạc khỏi trôi buột".

Chàng thanh niên Uttara đang học thuộc câu hát đối như thế, thì chứng đạt được Quả vị Tu Đà Hườn. Khi học thuộc kệ ngôn rồi, chàng đánh lễ đức Thế Tôn, từ giả ra đi đến nơi Long Vương nổi lên, nói với đại chúng rằng:

Chàng đứng giữa đại chúng đông đảo, khi ấy Long Nữ đang nhảy múa, hát rằng: "Người như thế nào được gọi là vua?". Chàng Uttara đáp rằng: "Người làm chủ được sáu căn gọi là Vua".

Long Nữ hát tiếp rằng: "Như thế nào gọi là đức Vua có bụi trên đầu?" - "Đức vua có dục vọng, gọi là có bụi trên đầu"...

Long Nữ lại hát tiếp câu thứ hai rằng:

- "Cái gì người ngu bị cuốn trôi?..".

Thanh niên Uttara đáp lại rằng:

- Người ngu bị giòng nước cuốn trôi...

Nghe được những lời hát giải đáp của thanh niên Uttara, Long Vương Erakapatta biết rằng: Đức Phật đã khởi hiện trên thế gian, tâm y vô cùng hoan hỷ rằng: "Ta chưa từng được nghe câu kệ giải đáp này suốt cả khoảng thời gian dài không có đức Phật, nay có được kệ ngôn này, hẳn là đức Phật đã xuất hiện". Y liền tuyên bố giữa đại chúng rằng:

- Này quý vị, đức Phật đã hiện khởi trên thế gian rồi.

Y hoan hỷ dùng đuôi đập mạnh xuống nước, nước đạt thành hai ngọn sóng lớn cuốn tấp lên hai bên bờ, đại chúng khoảng một Usabha cả hai bên bờ đều rơi xuống nước, Long vương dùng mang của mình để đại chúng lên trên đó như là chiếc thuyền, rọi đưa đại chúng lên bờ. Long Vương tìm đến thanh niên Uttara, hỏi rằng:

- Này chàng trẻ tuổi! Bậc Đạo Sư hiện đang ngụ nơi đâu?

- Ngài đang ngụ dưới gốc cây phượng vĩ, là một trong bảy cây phượng nổi tiếng, gần thành Bārāṇasi.

- Hãy đến đây chàng trẻ tuổi, chàng hãy đưa ta đến đánh lễ đức Thế Tôn đi.

Long Vương cùng với Uttara với đại chúng đi đến nơi ngụ của đức Thế Tôn. Long Vương đi vào giữa hào quang sáu màu, đánh lễ đức Thế Tôn, rồi đứng lặng mà khóc. Bậc Đạo Sư phán hỏi rằng:

- Này Long Vương! Chuyện chi người lại sầu thảm như thế?

- Bạch Thế Tôn! Trước đây con là một vì Tỳ khưu trong Giáo Pháp của đức Thế Tôn hiệu Kāssapa, con đã hành Sa môn Pháp trọn cả 20 ngàn năm, Sa môn Pháp ấy không thể hộ trì cho con được, chỉ vì con đã dễ dãi, không sám hối tội làm đứt cọng cỏ tranh. Nay con lại phải sanh vào Bàng

sanh giới, là hạng người vô nhân, thuộc loài bò trườn, không được làm người để được nghe Chánh Pháp, không được gặp Phật như Ngài suốt cả một thời gian dài rồi.

Nghe Long Vương bạch như thế, Bậc Đạo Sư phán rằng:

- Này Long Vương! Quả thật như thế, được sanh làm người là điều khó, được nghe Chánh Pháp là điều khó, được thấy đức Phật là điều khó. Cả ba điều này, người hăng hái khó đạt được.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng.

"Kiccho manussapaṭilābho
Kiccham maccāna jīvitam
Kiccham saddhammasāvanam
Kiccho buddhānam uppādo"

- Được sanh làm người quả thật hiếm hoi. Kiếp sống làm người quả thật khó. Nghe được chân lý tối thượng quả là khó. Hy hữu thay, có được vị Phật ra đời.

- "*Khó thay được làm người
Khó thay còn được sống
Khó thay nghe Diệu Pháp
Khó thay Phật ra đời*" (TM. TMC)

GIẢI NGHĨA:

Ý nghĩa kệ ngôn này nên hiểu như sau:

"Được xác thân làm người là khó", vì được sanh làm người rất khó, người cần phải tinh cần với nhiều thiện pháp.

"Sự sống thọ của chúng sanh thật là khó", vì rằng phải làm những việc hằng ngày để duy trì được mạng sống, sự sống này quá mỏng manh.

"Được nghe Chánh pháp cũng là điều khó", vì khó tìm người nói pháp, cả kiếp cũng khó tìm được.

Lại nữa, được gặp Phật ra đời cũng là điều khó vô cùng, vì phải có hành đủ Pháp độ với sự tinh tấn nhiều. Và khi người có được pháp độ như thế rồi, cũng chẳng phải gặp được vị Chánh Đẳng Giác xuất hiện, có khi phải trải qua thời gian cả ngàn kiếp.

Dứt Pháp thoại có 84 ngàn chúng sanh an trú vào Thánh Quả. Lẽ ra, Long Vương Erakapatta cũng chứng đạt Dự Lưu, nhưng vì phải mang thân thú, Long Vương ấy có năm chướng ngại với thân Rong là phải xuất hiện nguyên hình tướng với năm trường hợp: Khi tái sanh, khi lột da, khi ngủ mê, khi giao hợp cùng Long Nữ đồng chủng và khi chết. Vì Long Vương khó mang thân Rong đi đây đi đó, nên Long Vương Erakapatta thường hóa thân thành thanh niên để đi.

DỨT TÍCH LONG VƯƠNG ERAKAPATTA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XIV. 4- VỊ TỖ KHUÙ KHÔNG HOAN HỖ

(PC. 186-187)

"Nakahapanavasena...". Kệ ngôn Pháp Cú này đức Bốn Sư thuyết khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến vị Tỳ khuru không hoan hỷ (trong đời sống Phạm Hạnh).

Vào thời đức Phật, có vị Tỳ khuru xuất gia, thọ Cụ túc giới, vị Tế Độ Sư bảo rằng:

- Hiền giả hãy đến nơi ấy để học Xiển thuật (uddesa).

Vị Tỳ khuru ấy vâng lời. Khi song thân vị ấy lâm trọng bệnh, muốn gặp mặt con, nhưng không có người đến nhắn tin được, song thân y vì thương nhớ vị Tỳ khuru ấy, nên khi sắp lâm chung, bảo lại với người em trai rằng:

- Này em, em hãy dâng y bát đến con trai ta nhé.

Song thân vị ấy trao lại người em số tiền là 100 kahāpaṇa rồi mệnh chung.

Khi vị Tỳ khuru trở về, người chú quì dưới chân vị ấy mà than khóc rằng:

- Bạch Ngài! Vì sầu muộn do thương nhớ Ngài, nên song thân của Ngài đã qua đời. Cha Ngài có treo lại cho Ngài số tiền là 100 kahāpaṇa, vậy tôi sẽ phải làm thế nào với món tiền nầy đối với Ngài đây.

- Nầy chú! Thôi được, tôi chẳng cần chi số tiền ấy đâu.

Thời gian sau, vị ấy suy nghĩ: "Lợi ích chi mà ta phải đi bát từng nhà để nuôi mạng sống, ta có thể nhờ vào 100 kahāpaṇa để nuôi mạng sống cũng được. Vậy ta hãy hoàn tục đi.

Thế là, vị ấy không còn hoan hỷ trong đời sống phạm hạnh nữa, y bỏ trì tụng kinh điển và bỏ rơi việc Thiển Định, chẳng bao lâu y trở nên ốm o gầy còm, chư Tỳ khuru trẻ và các Sa di hỏi thăm, vị ấy bày tỏ ý mình rằng: "Tôi bị cảm dục, tôi muốn hoàn tục".

Chư Tỳ khuru trẻ cùng các Sa di mang vị Tỳ khuru ấy đến trình bạch cùng với đức Thế Tôn. Bậc Đạo Sư phán hỏi rằng:

- Nầy Tỳ khuru! Có thật chẳng? Được nghe nói rằng người bị cảm dục nên muốn lìa bỏ đời sống phạm hạnh.

- Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy.

- Nầy Tỳ khuru! Vì sao người lại hành động như thế? Người có chi làm duyên để nuôi mạng chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Có.

- Vậy người có cái chi?

- Thừa con có được 100 kahāpaṇa, bạch Thế Tôn.

- Nếu thế, người hãy mang một số sỏi, người hãy tính thử xem. Người có thể nuôi mạng sống với số kahāpaṇa bấy nhiêu chẳng? Hay là không thể đủ nuôi mạng sống.

Vị Tỳ khuru ấy mang sỏi đến, Bậc Đạo Sư phán dạy y rằng:

- Người hãy bỏ ra 50 đồng vàng mua vật thực trước, bỏ ra 25 đồng vàng mua đôi bò, bỏ ra bao nhiêu đây để mua hạt giống, bấy nhiêu đây để mua ách và cày, bấy nhiêu mua cuốc, bấy nhiêu mua rựa và búa. Khi người tính như vậy rồi, thì 100 kahāpaṇa này cũng không đủ được.

Rồi Bậc Đạo Sư phán dạy vị Tỳ khuru ấy rằng:

- Này các Tỳ khuru! Số Kahāpaṇa mà người có được quá ít, người nhờ số kahāpaṇa nầy để tâm cầu thì làm sao thỏa mãn được. Được nghe rằng: Thời trước bậc trí làm vua Chuyển Luân, chỉ cần vỗ tay thì mưa bảy báu rơi xuống ngập đến ngang lưng trong khoảng 12 do tuần, dù cho vị Chuyển Luân Vương ấy làm chúa nửa cõi Đạo Lợi suốt khoảng thời gian của 36 vị Đế Thích, nhưng cũng không hề thỏa mãn, phải mệnh chung.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tỳ khuru, đức Thế Tôn thuyết lên Bốn Sanh đức vua Mandhātu theo chi tiết rằng:

"Mặt trời và mặt trăng (thường xoay tròn) rọi sáng các hướng như thế nào, tất cả chúng sanh sống trên trái đất nầy thường là kẻ nô lệ của vua Mandhātu như vậy".

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Na kahapaṇnavassena

Titi kāmesu vijjati

Appasādā dukkhā kānā

Tti viññāya paṇḍito" (186)

- "Api dibbesu kāmesu

Katim so n'ādhigacchati

Tanhakkhayarato hoti

Sammāsambuddhasāyako" (187)

- Trận mưa bạc mưa vàng không làm cho hạnh tri túc phát sanh đến người dục lạc. Khoái lạc vật chất đem lại chút ít êm đềm và nhiều đau khổ. Biết như thế, người thiện trí không tìm được thỏa mãn trong khoái lạc, dầu ở cảnh giới trời. Hàng môn đệ của Đấng Toàn Giác hoan hỷ tận diệt ái dục.

- "*Dầu mưa bằng tiền vàng*

Dục tình khó thỏa mãn

Dục, đặng nhiều ngọt ít

Biết vậy là bậc trí"

- "*Đệ tử Bậc Chánh Giác*

Không tìm cầu dục lạc.

Dầu ở cõi chư Thiên

Chỉ ưa thích ái diệt" (TMC).

CHÚ THÍCH:

Kahāpaṇavassena nghĩa là: Bạc trí vỗ tay khiến cho mưa 7 báu rơi xuống, mưa bảy báu này Ngài gọi là kahāpaṇavassam trong bài kệ này. Gọi là dục và phiền não dục cũng không sao thỏa mãn được, dù là mưa bảy báu. Chính sự tham dục ấy khó được thỏa mãn như vậy.

Uppassāda tức là có sự vui ít, vì giá trị của dục ví như giấc

Mộng...

Dukkha tức gọi là khổ thi có nhiều, chắc chắn do tác động của khổ đưa đến như trong bài kinh Đại Khổ Uẩn...

Iti viññāya: Tức là biết rõ các dục với điều như thế.

Api dibbesu: Nghĩa là nếu có ai mời thiên dục. Dù như vậy, các Ngài vẫn không hoan hỷ trong các dục ấy, giống như Ngài Samiddhi được chư Thiên mời.

Taṇhakkhayarato: Nghĩa là người hoan hỷ nhất với A La Hán và Níp Bàn, tức là mong muốn A La Hán với Níp Bàn.

Vị Tỳ khuru hành giả chứng quả được do nghe Pháp của đức Chánh Đấng Giác thuyết. Đó gọi là đệ tử của Bậc Chánh Đấng Giác.

Dứt Pháp thoại vị Tỳ khuru ấy chứng quả Dự Lưu. Pháp thoại mang lại nhiều lợi ích cho thánh chúng.

DỨT TÍCH VỊ Tỳ khuru KHÔNG HOAN HỶ

XIV. 5- VỀ CÂU HỎI CỦA TRƯỞNG LÃO ĀNANDA

(PC. 183-184-185)

"Sabbapāpassa akaranam...". Kệ ngôn Pháp Cú này, đức Bổn Sư thuyết ra, khi Ngài ngự tại Jetavana, để cập đến câu hỏi của Trưởng lão Ānanda.

Tương truyền rằng: Một hôm Trưởng lão Ānanda ngồi nơi chỗ ngụ ban ngày, khởi lên suy nghĩ rằng:

- Bậc Đạo Sư chỉ tuyên thuyết về mỗi sự kiện của bảy vị Phật là: Cha, mẹ, tuổi thọ, cây Bồ Đề, cuộc đại hội, Thượng Thỉnh Văn và đại thí chủ. Nhưng Ngài không nói gì về Uposatha, Uposatha của chư Phật quá khứ có giống như Uposatha của đức Thế Tôn hiện tại chăng? Hay là có sự khác biệt nhỉ?

Trưởng lão bèn đi đến nơi ngự của đức Thế Tôn, đánh lễ Bậc Đạo Sư xong rồi, trình lên sự suy nghĩ của mình. đức Thế Tôn giảng rằng: "Chư Phật quá khứ có sự khác biệt về thời gian, nhưng lời dạy thì không sai khác. Bậc Chánh Đấng Vipassī cứ bảy năm Ngài hành Uposatha một lần, vì lời Giáo giới của Ngài chỉ ban trong một ngày được tồn tại cả bảy năm. Bậc Chánh Đấng Giác Sikha và Đấng Chánh Đấng Giác Vessabhū cứ 6 năm Ngài hành Uposatha một lần, vì lời Giáo giới của các Ngài chỉ trong một ngày được tồn tại suốt 6 năm. Bậc Chánh Đấng Giác Kakusandha và Đấng Chánh Đấng

Giác Konāgamana cứ mỗi năm Ngài hành Uposatha một lần, lời giáo giới của Ngài chỉ trong 1 ngày được tôn tại suốt một năm. Đấng Chánh Đẳng Giác Kassapa thì cứ 6 tháng Ngài ban hành Giáo giới một lần, vì lời Giáo Giới trong một ngày của Ngài có được sự tôn tại suốt 6 tháng.

Đức Thế Tôn thuyết lên sự sai biệt thời gian ban Giáo giới của chư Phật quá khứ, rồi Ngài dạy rằng:

- Còn Uposatha của Đấng Như Lai hiện tại, cứ nửa tháng thì hành một lần, vì lời dạy của Như Lai chỉ trong một ngày được tôn tại suốt nửa tháng. Này Ānanda! Còn tất cả lời giáo giới của chư Phật đều như nhau cả.

Để nói lên sự đồng nhất của chư Phật về Uposatha, Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

183-

"Sabbapāpassa akaranam
Kusalassa upasampadā.
Sacittapariyodapanam
Etam buddhāna sāsanam".

184-

"Khantī paramam tapo titikkhā
Nibbānam paramam va- danti Buddhā
Nahi pabbajito parūpaghātī
Samaṇo hoti pataṃ Vihe- ṭṭhayanto".

185-

"Anūpavādo anūpaghāto
Pātimokkhe ca saṃvaro
Mattaññutā ca bhattasmim
Panthañ ca sayanāsanam
Adhicitte ca āyogo
Etam buddhāna sāsanam".

- Không làm điều ác. Trau dồi việc thiện. Thanh lọc tâm. Đó là lời Giáo Huấn của chư Phật.

- Hành Pháp nhẫn nại là khổ hạnh cao thượng nhất. Níp Bàn là tối thượng, chư Phật dạy. Đúng vậy, người gây tổn hại cho kẻ khác không phải là bậc xuất gia. Bậc Sa môn không hề áp bức ai.

- Không lãng mả, không gây tổn hại, tự thu thúc đúng theo Giới Luật Căn Bản, ẩm thực tiết độ, sống ẩn dật, chuyên cần chú niệm cao thượng. Đó là Giáo Huấn của chư Phật.

- *"Không làm mọi điều ác*

Thành tựu các hạnh lành

Tâm ý giữ trong sạch

Chính lời chư Phật dạy" (183)

- *"Nhẫn, khổ hạnh tối thượng*

Níp Bàn quả tối thượng

Xuất gia không phá người

Sa môn không hại người" (184)

- *"Không phỉ báng, phá hoại*

Bảo vệ giới căn bản

Ăn uống có tiết độ

Sàng tọa chỗ nhàn tịnh

Chuyên chú tăng thượng tâm.

Chính lời chư Phật dạy". (185)

CHÚ THÍCH:

Sabbapāpassa: Tức là mỗi điều ác pháp.

Làm cho thiện pháp phát sanh, kể từ khi xuất gia cho đến khi chứng đắc A La Hán quả, và khi tạo thiện pháp phát sanh rồi hãy làm cho tăng trưởng thiện pháp ấy, gọi là upasampadā.

Giữ tâm cho trong sạch thoát qua năm pháp cái, gọi là Sa citta pariyopanam.

Etam Buddhāna sāsanaṃ: Đây là lời dạy của Chư Phật.

Khantī: Gọi là sự kiên trì, tức nhẫn nại. Đây là hạnh cao thượng trong Giáo Pháp.

Nibbānam paramam vadanti buddhā: Cả ba bậc Toàn Giác, Độc Giác và Thinh Văn Giác thường nói về Níp Bàn là pháp cao Thượng.

Na hi pabbajito: Người tác hại chúng sanh khác bằng những vật như đao, guom, gậy, trượng... Gọi là người gây hại kẻ khác, không gọi là bậc xuất gia.

Samaṇa: Người áp bức chúng sanh khác, không phải là bậc Sa môn.

Tự mình không chỉ trích và không bảo kẻ khác chỉ trích, gọi là anūpavādo.

Pātimokkhe tức là Giới làm chủ. Sự gìn giữ gọi là samvaro. Người biết tri túc, biết sử gọi là mattaññutā.

Panthañ tức là vắng lặng.

Adhicitte nghĩa là tâm an trụ, tức là tâm tương ứng với 8 bậc thiền.

āyogo: Gọi là tính cần.

Etam: Nghĩa là lời dạy của chư Phật trong kệ ngôn này.

Đức Thế Tôn nói về Giáo thuộc khẩu bằng anūpavāda, nói về Giới thuộc về thân là anūpaghāta, nói về giới thuộc thu thúc lục căn bằng câu này: Pātimokkhe ca samvaro. Nói về Giới nuôi mạng chân chánh và Giới quán tưởng khi thọ lãnh tứ sự bằng câu Mattaññutā, nói về chỗ ngụ thanh vắng bằng câu pantaschāsana. Nói về Tám bậc Thiên bằng

Adhicitta. Cả ba điều học này, Ngài đã nói lên như thế.

Dứt kệ ngôn, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả như là quả Dự Lưu.

DỨT TÍCH VỀ CÂU HỎI CỦA Trưởng lão ĀNANDA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XIV. 6- QUỐC SƯ AGGIDATTA

(PC. 188..192)

"Bahum ve saraṇam yanti...". Kệ Pháp Cú này, đức Bốn Sư thuyết lên khi Ngài ngự trú tại Jetavana, đề cập đến vị Quốc Sư của đức vua Pasenadi.

Tương truyền rằng: Aggidatta là vị Quốc Sư của Vua Mahākosala. Khi Vua băng hà, ngài vương được trao lại cho đức Vua Pasenadikosala, đức vua Pasenadi suy nghĩ rằng: "Aggidatta là Quốc Sư của Vương Phụ", nên Ngài vẫn ban cho vị ấy địa vị cũ, khi Quốc Sư Aggidatta đến, đức Vua đứng dậy tiếp nghinh một cách tôn kính, thỉnh ngồi ngang hàng với mình và phán rằng:

- Thưa thầy! Xin thầy hãy ngự vào nơi này.

Khi ấy, Quốc Sư Aggidatta suy nghĩ:

- Đức vua này rất tôn kính ta, nhưng ta không thể nào làm hài lòng đức vua mãi mãi được. Lại nữa, đức Vua là người còn trẻ, phải có người đồng trang lứa mới hợp với Ngài, đem lại sự an lạc và thoải mái khi Ngài cùng vị ấy bàn chuyện. Còn ta nay đã già, thôi ta hãy xin Ngài được phép xuất gia đi.

Quốc Sư Aggidatta xin đức Vua cho mình được xuất gia, mặc cho đức vua nài nỉ can ngăn, sau cùng đức Vua đành chịu theo ý của

Aggidatta. Quốc Sư cho người đánh trống truyền rao khắp kinh thành, mang tài sản của mình ra bố thí tất cả trọn bảy ngày, rồi ra đi xuất gia.

Bấy giờ, có 10 ngàn tùy tùng của Quốc Sư cũng xuất gia theo hầu hạ Aggidatta. Du sĩ Aggidatta cùng với đại chúng tùy tùng tuần tự du hành đến xứ Anga, Magadha, Kuru, ban lời giáo huấn rằng:

- Này các con! Người nào khi có dục tâm... Sanh khởi, người ấy đến bờ sông, múc một nôi cát đem lại đây.

- Thưa thầy! Vâng. Thế là, trong khi dục tâm... Sanh khởi, người đê tử ấy múc nôi cát ở bờ sông mang đến đổ vào một nơi. Thời gian sau, đồng cát trở nên to lớn, khi ấy có con Long Vương đến nơi đồng cát ấy mà trú ngụ. Dân xứ ba xứ lớn là Anga, Magadha, và Kuru đã hộ độ cúng dường các du sĩ ấy mỗi tháng. Aggidatta đã dạy cho nhóm đê tử nương nhờ rằng:

- Các người hãy nương vào núi, rừng, chùa miếu, đền vắng, cội cây để được thanh tịnh. Các người sẽ được chấm dứt đau khổ với cách nương nhờ như vậy.

Bấy giờ, đức Đạo Sư đang ngụ trú nơi Jetavana trong thành Sāvattihī. Vào rạng đông, Ngài dùng Phật Nhãn quán xét thế gian, thấy được hình ảnh của Aggidatta cùng chúng đê tử của ông trong võng tuệ của Ngài, Ngài biết được rằng: "Những người này có duyên lành đặc A La Hán quả".

Vào buổi chiều, Ngài phán gọi Trưởng lão Moggallāna rằng:

- Này Moggallāna! Người có thấy Bà la môn Aggidatta dạy đại chúng của mình theo con đường phi pháp, là con đường phi giải thoát, không phải là con đường đưa đến bờ kia chăng? Người hãy đến ban lời giáo huấn bọn họ đi.

- Bạch Thế Tôn! Nhóm đại chúng ấy quá đông, một mình con không thể chinh phục được. Nếu Ngài ngự đến thì sẽ chinh phục được nhóm ấy dễ dàng.

- Này Moggallāna! Như Lai sẽ đi cùng với người, người hãy đến nơi ấy trước đi.

Trưởng lão Moggallāna vừa đi vừa suy nghĩ:

- Hội chúng này quá đông, họ có nhiều sức mạnh, nếu ta nói lời chi nghịch ý họ, họ sẽ nổi lên bênh vực nhau. Vậy ta hãy dùng thần lực của mình khiến cho mưa đá rơi xuống, khi những người ấy bị mưa đá sẽ chạy về trú trong Tinh xá của mình.

Trưởng lão đi đến Tịnh thất của Aggidatta nói rằng:

- Này Aggidatta.

Nghe tiếng Trưởng lão, Aggidatta hỏi lại: "Ai đó?", vì y phát sanh ngã mạn trong tâm rằng:

- Trong thế gian này, không ai dám gọi ta là Aggidatta tục danh như thế. Vậy ai đã dám gọi tên ta như thế chứ?

- Này Bà la môn! Là Ta đây.

- Này ông! Ông vừa nói chi thế?

- Này Bà la môn! Ông vừa nói chi thế? Ông hãy soạn nơi nghỉ cho ta đi, ta sẽ nghỉ lại nơi đây một đêm.

- Này ông, nơi đây không có chỗ nghỉ, mỗi tịnh thất chỉ vừa cho một người mà thôi.- Này Aggidatta! Lễ thường! Người đến chỗ người, bò đến chỗ bò, bậc xuất gia thì đến nơi trú của bậc xuất gia. Ông chớ nên xử sự với ta như thế. Ông hãy cho ta chỗ ngụ đi.

- Thế ông là bậc xuất gia hay sao?

- Đúng thế, ta là bậc xuất gia.

- Nếu ông là bậc xuất gia, thì túi Sa môn cụ của ông đâu?

- Ta có thật đấy, nhưng ta thấy rằng túi Sa môn cụ mang theo công kênh, khó đi, do đó ta chỉ mang theo một số ít tư cụ Sa môn mà thôi, để đi du hành. Nay Bà la môn y cụ Sa môn ta mang theo trong tâm đây.

Nghe vậy, Bà la môn Aggidatta phát khởi sân tâm với Trưởng lão:

- Ông không có đem theo vật dụng hay sao?

- Này Aggidatta! Người chớ có sân hận với ta, hãy cho ta một chỗ trú đêm nay đi.

- Ở đây không có chỗ cho người.

- Vậy thì, nơi đồng cát ấy có ai nghỉ chăng?

- Ở đó có con Long Vương Ahichatta hung ác trú đấy.
- Thế thì, ông hãy cho ta chỗ ấy đi.
- Không được, vì Long Vương ấy hung dữ lắm.
- Không sao cả, ông hãy cho ta chỗ ấy đi.
- Nếu ông muốn nơi ấy thì tùy ông.

Trưởng lão đi đến đồng cát, Long Vương Ahichatta trông thấy Trưởng lão đi đến, nó nổi cơn hung ác, suy nghĩ rằng:

- Vị Sa môn này không biết có ta nơi này, toan chiếm chỗ trú của ta, ta sẽ phun khói làm vị này chết ngạt đi.

Long Vương liền phun khói độc ra, toan sát hại Trưởng lão. Ngài suy nghĩ: "Long Vương này tưởng rằng: Chỉ có ta có thể phun khói được, không ai có thể làm được như nó". Ta sẽ phun khói ra thu phục nó.

Trưởng lão vận thần lực phun khói làm vị này chết ngạt đi. Long Vương liền phun khói độc ra, toan sát hại Trưởng lão. Ngài suy nghĩ: "Long Vương này tưởng rằng: Chỉ có ta có thể phun khói được, không ai có thể làm được như nó". Ta sẽ phun khói ra thu phục nó. Trưởng lão vận thần lực phun khói ra đối kháng với luồng hung khói của Long Vương. Cả hai luồng khói bốc cao thấu đến Phạm Thiên Giới, nhưng hai luồng khói ấy chẳng tác hại gì đến ai cả, chỉ tác hại riêng đến Long Vương mà thôi. Long Vương không thể chịu đựng được sức mạnh của Trưởng lão, liền phun lửa ra, Trưởng lão liền nhập vào hỏa giới, phun lửa ra đấu với lửa Long Vương, ngọn lửa bốc cao lên Phạm Thiên Giới, rồi đốt vào thân của Long Vương, Long Vương như một thân đuốc rực sáng khởng lồ. Các Du sĩ thấy cảnh ấy, suy nghĩ rằng:

- Long Vương hung dữ này sẽ thiêu đốt vị Sa môn kia, thật y chết cũng phải, vì chẳng chịu nghe lời chúng ta.

Bấy giờ, Đại đức Moggallāna dùng thần lực của mình, chinh phục được

Long Vương, Ngài ngồi trên đồng cát. Long Vương dùng thân khoanh tròn đồng cát, phùng mang ra thật lớn che trên đầu Đại đức như mái che lớn.

Các du sĩ đi đến đồng cát với sự suy nghĩ rằng:

- Chúng ta hãy đến xe ông Sa môn này chết chưa? Khi trông thấy Trưởng

Lão ngồi trên đồng cát, được Long Vương che chở như thế, phát sanh tâm kính phục, chấp tay đánh lễ tán dương rằng: "Thưa Ngài Đại Sa môn! Long Vương không làm hại Ngài được sao?"

- Các người không thấy Long Vương đang che trên đầu của ta, với mang lớn y bảo vệ ta đó sao?

Các du sĩ đồng thanh tán thán rằng:

- Thật kỳ diệu thay! Bạch Ngài, thần lực của vị Sa môn này là như vậy, vị Sa môn đã chinh phục được Hung Long.

Các du sĩ đứng vây quanh Trưởng lão với lời chúc tụng như thế. Đức Thế Tôn ngự đến, Trưởng lão trông thấy đức Thế Tôn từ xa đang ngự đến, Ngài đứng lên đánh lễ đức Thế Tôn. Các du sĩ hỏi Trưởng lão rằng:

- Bạch Ngài! Vị Sa môn này còn cao quý hơn Ngài nữa sao?

- Thật vậy, vì Ngài là Bậc Đại Sư của ta! Ta chỉ là đệ tử của Ngài mà thôi.

Đức Thế Tôn ngồi yên trên đồng cát, các du sĩ chấp tay đánh lễ và tán dương Ngài rằng:

- Thần lực của vị đệ tử mà như thế thì còn nói gì đến thần lực của Bậc Đạo Sư như Ngài nữa chứ.

Đức Thế Tôn cho phán gọi Aggidatta đến phán dạy rằng:

- Này Aggidatta! Người đã giáo huấn môn đệ và các tín thí hộ độ người như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con đã giáo giới đại chúng tùy tùng như vậy: "Các người hãy nương vào nơi núi, rừng, đền miếu... Vì rằng: Các người nương vào đó sẽ được thanh tịnh sẽ chấm dứt được đau khổ."

- Này Aggidatta! Người đã đi đến các chỗ như núi rừng... Nương dựa vào những nơi ấy không thể thoát khổ được. Còn người nương vào Phật, Pháp, Tăng sẽ thoát khỏi khổ trong luân hồi. Rồi Ngài tuyên thuyết lên

Kệ ngôn rằng:

"Bahum ve saraṇaṃ yanti
Pabbatāni vanāni ca
ārāmarukkhacetyāni
Manusā bhayatajjitā" (188)
- "N'etaṃ kho saraṇaṃ khemaṃ
N'etaṃ saraṇaṃ uttamaṃ
N'etaṃ saraṇaṃ āgamma
Sabbadukkhā pamuccati" (189)
- "Yo ca buddhañ ca dham- mañ ca
Saṅghañ ca saraṇaṃ gato
Cattāri ariyasaccāni
Sammappaññāya passati" (190)
- "Dukkhaṃ dukkhasmup- pādaṃ
Dukkhasa ca atikkamaṃ
Ariyañcattahaṅgikaṃ mag- gaṃ
Dukkhūpasamagāminam" (191)
- "Etaṃ kho saraṇaṃ khe- maṃ
Etaṃ saraṇaṃ uttamaṃ
Etaṃ saraṇaṃ āgamma
Sabbadukkhā pamuccati" (192)

- Con người kinh hãi đi tìm nơi nương tựa ở nhiều nơi - đồi núi, rừng, vườn, cây cối và đền miếu.

- Không, đó không phải là nơi nương tựa an toàn, không phải là nơi nương tựa tối thượng. Ấn náu như vậy không thể thoát khỏi phiền não.

(190 - 191 - 192) - Người đi tìm nơi nương tựa nơi đức Phật, Giáo Pháp, và Tăng Già, có tri kiến chân chánh để nhận thức Tứ Đế: Khổ, nguồn khổ, vượt khỏi khổ và Bát chánh đạo dẫn đến sự diệt khổ.

Đó quả thật là nơi nương tựa an toàn. Đó quả thật là nương tựa tối thượng. Tìm đến các nơi nương tựa ấy ắt thoát ra khỏi mọi phiền não.

188- "Loài người sợ hoảng hốt

Tìm nhiều chỗ tựa nương

Hoặc rừng rậm núi non

Hoặc vườn cây đền tháp".

189- "Các chỗ nương tựa ấy

Không nương tựa an ổn.

Không nương tựa tối thượng

Nương tựa các chỗ ấy

Không thoát mọi khổ đau".

190- "Ai quy y đức Phật

Chánh Pháp và chư Tăng

Ai dùng chánh tri kiến

Thấy được bốn Diệu Đế".

191- "Thấy khổ và khổ tập

Thấy sự khổ vượt qua

*Thấy đường Thánh tám ngành
Đưa đến khổ não tận".
192- "Thật nương tựa an ổn
Thật nương tựa tối thượng.
Có nương tựa như vậy
Mới thoát được mọi khổ đau" (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Bahum là bahū nghĩa là nhiều.

Câu Pabbatāni... nghĩa là những người đó bị nguy hiểm, muốn thoát khổ, hoặc muốn được con, muốn được tài sản, danh vọng... Thường đi vào nương nơi những ngọn núi Isigilivepulla và Vebhāra... hay các khu rừng như rừng Mahāvana, Gosingasālavana... hay những cội cây, đền tháp như Udenacetiya, Gotamacetiya...

Hai câu N'etam saranam... Nghĩa là nương tựa chỗ không an toàn, không cao quý; vì rằng tất cả chúng sanh có sự sanh, già... Là lẽ thường, dù một thời nương tựa nơi đó thì không thể thoát khỏi khổ được như sanh, già...

Yo ca... Đức Thế Tôn nói chỗ nương tựa không an toàn, không cao quý, Ngài đề cập đến nơi nương tựa an toàn và cao quý.

Ý nghĩa của câu Yo ca... Như vậy: Người cư sĩ hay bậc xuất gia cũng thế, nhờ vào Niệm Xứ tức là ân đức Phật, ân đức Pháp, ân đức Tăng... rằng: "Nương tựa nơi Phật, Pháp, Tăng... Rằng: Đức Thế Tôn là bậc A la Hán Chánh Đẳng Giác, nương tựa nơi Phật, Pháp Tăng đó là sự nương tựa cao quý. Sự nương nhờ vào rừng, núi... Của người vẫn còn tâm phiền não, khiến cho giao động với những điều như sự đánh lễ của ngoại đạo... Nhưng đức Thế Tôn tuyên thuyết rằng sự nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng ấy là những đối tượng không còn bị giao động với cung kính, lợi đắc, danh vọng... Ngài tuyên bố rằng hãy nương vào Thánh Quả, Đạo Tuệ, rằng: "Hãy liễu ngộ Tứ Thánh Đế bằng trí tuệ chân chánh". Vì rằng: Do nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng sẽ liễu ngộ được những điều như thế. Đó là chỗ nương tựa tối thượng và an ổn, nương tựa như thế mới thoát khỏi luân hồi.

Do vậy, đức Thế Tôn mới phán rằng: "Etam kho saranam khemam...!"

Dứt Pháp thoại, các du sĩ chúng đảnh lễ A La Hán cùng với tuệ phân tích, đảnh lễ dưới chân đức Thế Tôn xin xuất gia sống đời phạm hạnh trong Giáo Pháp của Ngài. đức Thế Tôn đưa tay phán:

- Hỡi các Tỳ khưu, hãy đến đây, thực hành phạm hạnh đi.

Lập tức, râu tóc các du sĩ rụng mất, các tư cụ Sa môn xuất hiện cho các vị ấy, tuy mới xuất gia nhưng các Ngài có Tăng tướng như vị Trưởng lão trăm tuổi hạ.

Hôm ấy, cũng là ngày uposatha, dân chúng xứ Anga, magadha và Kuru mang lễ vật đến cúng dường các du sĩ, thấy các du sĩ ấy đã xuất gia, có sự suy nghĩ rằng: "Bà la môn Aggidatta của chúng ta cao thượng hơn Sa môn Gotama hay Sa môn Gotama cao thượng hơn Bà la môn của chúng ta nhỉ?". Và họ lại xác nhận trong tâm:

- Có lẽ Aggidatta lớn hơn, vì Sa môn Gotama phải đến nơi ngụ của Bà la môn Aggidatta.

Với tâm mình, đức Thế Tôn biết được sự suy nghĩ của đại chúng, Ngài phán rằng:

- Này Aggidatta! Ngươi hãy đoạn nghi cho đại chúng đi.

Tôn giả Aggidatta bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con cũng đang muốn như thế.

Rồi vị ấy bay lên hư không cao độ 1 cây thốt nốt, hạ xuống đảnh lễ đức Thế Tôn, rồi lại bay lên cao độ 2 cây thốt nốt, rồi hạ xuống đảnh lễ đức Thế Tôn. Vị ấy làm như thế 7 lần đến độ cao khoảng 7 cây thốt nốt, đảnh lễ đức Thế Tôn, và tuyên bố rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ngài là Bậc Đạo Sư của con, con là đệ tử của Ngài.

Đại chúng vô cùng hoan hỉ, tiếp theo đức Thế Tôn thuyết lên Pháp thoại sách tấn, khích lệ làm hoan hỷ đại chúng. Rồi Ngài cùng đại chúng Tỳ khưu trở về Jetavana.

XIV. 7- CÂU HỎI TRƯỞNG LÃO ĀNANDA

(PC. 193)

"Dullabho puurisājanno...". Khi đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, đề cập đến các câu hỏi của Đại đức Ānanda, Ngài thuyết lên kệ ngôn này.

Được nghe rằng: Một hôm, Trưởng lão Ānanda ngồi trên chỗ ngồi ban ngày, khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Bậc Đạo Sư phán dạy rằng: Voi thuần chủng thì sanh vào dòng Chaddanta hay Uposatha, ngựa thuần chủng thì sanh vào dòng Sindhava hay dòng Valāhaka, bò thuần chủng thì sanh vào dòng Dakkhiṇāpathajampada... Đó là Ngài nói đến sanh chủng của những chúng sanh cao quý là voi thuần chủng... Còn Bậc Đại Nhân thì sanh vào giòng nào nhỉ?

Rồi Trưởng lão đi vào yết kiến Bậc Đạo Sư, đảnh lễ Ngài, bạch hỏi về vấn đề này. Đức Thế Tôn phán rằng:

- Này Ānanda! Bậc Đại Nhân không sanh cùng khắp, mà chỉ giáng sanh vào miền trung tâm (thế giới). Nơi có chu vi là 300 do tuần đường kính, rộng 900 do tuần. Khi tái sanh thì không sanh vào gia tộc có dòng dõi thấp kém, thường chỉ sanh vào dòng cao quý nhất trong thời ấy như là dòng Hoàng Gia hay dòng Bà la môn cao thượng.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Dullabho purisājāṇṇo
Na so sabbattha jāyati
Yattha so jāyati dhiro
Tam kulaṃ sukkhaṃ ed- hati"

- Khó tìm được hạng người trí tuệ cao siêu. Người như thế không sanh ra tại nơi nào. Nơi nào có người thiện trí dẫn sanh, gia đình ấy dồi dào hạnh phúc.

- "*Khó gặp bậc Thánh
Nhân Không phải đâu cũng có
Chỗ nào kẻ trí sanh
Gia đình tất an lạc*". (TMC)

CHÚ THÍCH:

Dullabho... nghĩa là Bậc Đại Nhân là người khó tìm, giống như voi thuần chủng... Bậc Đại Nhân không sanh ra nơi cùng khắp, tức là nơi biên địa hay trong gia tộc dòng hạ liệt, mà chỉ sanh vào trong gia tộc thuộc dòng Bà la môn cao quý hay dòng Sát Để Ly là giai cấp cao quý nhất đương thời, là nơi tôn kính, nhận lãnh sự đảnh lễ của đại chúng, thì sanh nơi trung tâm địa cầu mà thôi.

Bậc Đại nhân, tức là bậc đại trí tuệ tột cùng, nghĩa là Bậc Chánh Đẳng Giác khi tái sanh như vậy, thường sanh vào gia tộc nào thì gia tộc ấy hằng được sự an lạc dồi dào.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.

DỨT TÍCH CÂU HỎI CỦA Trưởng lão ĀNANDA

XIV. 8- CHUYỆN CHƯ TỖ KHUU

(PC. 194)

"Sukho buddhānam uppādo...". Kệ ngôn này được đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, để cập về sự bàn luận của các vị Tỳ khuru.

Một hôm, Chư Tỳ khuru gồm có 500 vị, ngồi trong Giảng Đường bàn luận cùng nhau rằng:

- Nầy chư hiền! Điều chi là an lạc trong đời nầy?

Một số cho rằng: Sự an lạc sánh với Vương quyền thì không có. Một số lại cho rằng: Sự an lạc sánh với dục thì không có. Hay có ý kiến rằng:

Sự an lạc sánh với vật thực thì không có.

Nơi Hương thất với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, đức Thế Tôn nghe được câu chuyện luận bàn ấy, Ngài nghĩ rằng:

- Đây là thời phải lẽ, Như Lai sẽ đoạn nghi cho Tăng chúng.

Từ nơi Hương Thất, Ngài ngự đến Giảng đường ngồi vào nơi được soạn sẵn, Ngài phán dạy chư Tỳ khuru rằng:

- Nầy các Tỳ khuru! Các người đang bàn luận gì về câu chuyện? Đang hội họp về đề tài gì?

- Bạch Thế Tôn, về câu chuyện như vậy, như vậy...

- Nầy các Tỳ khuru! Tất cả sự an lạc ấy đều liên quan đến khổ trong vòng luân hồi cả. Chỉ có sự giảng sanh của Chư Phật, sự giảng giải Giáo Pháp, sự hòa hợp Tăng chúng là nhân an lạc trong đời.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Sukho buddhānam uppādo
Sukhā saddhamma desanā
Sukhā saṅghassa sāmaggī
Samaggānam tapo sukho"

- Hạnh phúc thay chư Phật giảng sanh. Hạnh phúc thay Giáo Pháp cao minh. Hạnh phúc thay Tăng Già hòa hợp. Hạnh phúc thay giới luật của người đồng tu.

*"Vui thay Phật ra đời
Vui thay, Pháp được giảng
Vui thay Tăng hòa hợp
Hòa hợp tu, vui thay" (TMC).*

CHÚ THÍCH:

Buddhānam uppādo: Chư Phật khi giảng sanh thường tế độ đại chúng thoát khỏi mọi sự trở ngại như ái... Do đó sự giảng sanh của chư Phật mới gọi là nhân đem lại an lạc. Tất cả chúng sanh đều có pháp là khổ, là sanh, là già... Sự giảng pháp của Bậc Thánh Nhân thường mang lại sự thoát ra khỏi khổ như khổ sanh, khổ già... Do đó, sự giảng pháp của bậc Chân Nhân mới gọi là nhân đem lại an lạc.

Là người có tâm đồng nhau gọi là sự hòa hợp. Sự hòa hợp ấy là nhân đem lại an lạc.

Lại nữa, sự học Phật ngôn hay sự thọ trì hạnh đầu đà hoặc sự hành Sa môn Pháp của người hòa hợp, tức là người có tâm đồng nhau là nhân đem lại an lạc. Do vậy, Bậc Đạo Sư mới phán dạy rằng: Samaggānam tapo sukho "Vì đức Thế Tôn có phán rằng:

- Nầy chư Tỳ khuru! Ngày nài các người còn hội họp cùng nhau, cùng đồng hành sự thì ngày ấy nầy chư Tỳ khuru Tăng chúng chỉ có cường thịnh, không bị suy giảm.

Dứt pháp thoại có rất nhiều Tỳ khuru chứng ngộ Vô Lậu quả Giải thoát.

Pháp thoại mang lại nhiều lợi ích cho đại chúng.

XIV. 9- BẢO THÁP CỦA ĐẮNG KASSAPA

(PC. 195-196)

"pūjārahe pūjayato...". Kệ Pháp Cú này được đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài du hành, để cập đến Bảo Tháp của đức Chánh Đẳng Giác Kassapa.

Một thời, đức Thế Tôn cùng hội chúng Tăng Tỳ khuru 500 vị, khởi sự du hành, rời khỏi kinh thành Sāvattthī đi đến thành Bārāṇasī. Tuần tự du hành, Ngài trú tại một ngôi đền gần làng Todeyyagāma ở giữa đường. Đức Thế Tôn ngự tại ngôi đền ấy và Ngài phán bảo vị

Dhammabhaṇḍagārika (Vị Thủ Khổ Chánh Pháp, tức là Ngài Ānanda) rằng: "Này Ānanda! Hãy gọi người đang cày ruộng đến đây".

Bà la môn ấy đi đến nơi Phật ngự, ông không đánh lễ đức Đạo Sư mà lại đánh lễ ngôi đền, rồi bước đứng sang một bên, đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Này Bà la môn! Người nghĩ rằng: Nơi này là nơi nào?

- Thưa Ngài Sa môn Gotama! Tôi đánh lễ ngôi đền này vì nghĩ rằng là bảo tháp theo tục lệ của chúng tôi.

Đức Thế Tôn khiến tâm của Bà la môn ấy hoan hỷ, Ngài phán:

- Lành thay! Này Bà la môn, người đánh lễ nơi này là tốt đẹp lắm. Chư Tỳ khuru nghe vậy, khởi lên sự hoài nghi rằng:

- Vì lẽ nào đức Thế Tôn làm cho Bà la môn ấy hoan hỷ như thế.

Để đoạn nghi cho Tăng chúng, bấy giờ đức Thế Tôn liền thuyết giảng bài kinh Chātikāra (trong Trung Bộ Kinh). Rồi Ngài dùng thần thông hóa hiện ngôi Bảo Tháp vàng của Đấng Thập Lực Kassapa cao một do tuần, ngôi Bảo Tháp vàng ấy lơ lửng giữa hư không, đại chúng chiêm ngưỡng

Bảo Tháp vàng ấy lơ lửng giữa hư không, đại chúng chiêm ngưỡng Bảo Tháp như là Bảo Tháp đang đứng trước mặt mình. Ngài phán dạy là Bà la môn ấy rằng:

- Này Bà la môn! Sự cúng dường đến Bạc Đẳng cúng dường loại Bảo Tháp như thế này thì rất xứng đáng.

Rồi Ngài tuyên thuyết về bốn hạng người xứng đáng được lập tháp thờ là: Đấng Chánh Đẳng Giác, Đấng Độc Giác Phật, Bạc úng Cúng A La Hán và

Vua Chuyển Luân Vương. Theo ý nghĩa mà Ngài thuyết trong Kinh Đại Bát Níp Bàn. Rồi Ngài thuyết giảng chi tiết về ba loại Bảo Tháp là Sāricetīya - Uddisacetīya - Paribhogacetīya.

Sau cùng, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

195- "pūjārahe pūjayato
Buddhe yadi va sāvake
Papañcasamatikkante
Tiṇṇasokapariddave".

196- "Te tādise pūjayato
Nibbute akutobhaye
Na sakkā puññaṃ saṅkhā- tum
Im "ettam" iti kena ci".

- Người tôn kính những bậc xứng đáng thọ lãnh sự tôn kính, chư Phật hay chư Thánh Văn đệ tử, những bậc đã khắc phục mọi chướng ngại và đã thoát khỏi mọi phiền não ấu sâu - công đức của người tôn kính cúng dường bậc an tịnh, bậc vô úy thật là vô lượng.

- "*Cúng dường bậc đáng cúng
Chư Phật hoặc đệ tử*

*Các vật vượt ma chướng
Đoạn diệt mọi sầu bi"
- "Cúng dường bậc như vậy
Bậc tịch tịnh vô úy.
Các công đức như vậy
Không ai ước lượng được" (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Người đáng cúng dường gọi trong kệ ngôn này là pūjārahapuggala. Câu nói của người đáng cúng dường đến Bậc đáng cúng dường nghĩa là: Người cúng dường bằng cách như đánh lễ... Hoặc bằng tứ vật dụng.

Đức Thế Tôn thuyết giảng người đáng cúng dường là Buddhē, nghĩa là chư Phật... Là bậc Chánh Đẳng Giác.

Yadi tức là yadivā. Có lời giải rằng: Attavā tức là vậy thì. Câu nói chư Phật Đốc Giác mà Ngài phán dạy trong kệ ngôn này (hoặc chư Thinh Văn Giác đệ tử). Câu nói người đã vượt qua pháp chướng ngại, nghĩa là các pháp chướng ngại tức là ái, tà kiến, mạn mà các Ngài đã vượt qua. Câu nói: Người đã thoát khỏi sáu muộn tức là bậc không còn sáu muộn, nghĩa là đã vượt qua cả hai thứ. Bậc đáng cúng dường mà đức Thế Tôn đã phán dạy trong câu Visesana. Câu nói: Các Bậc đáng cúng dường như đức Phật... Câu nói: Người như vậy tức là người có đầy đủ ân đức như đã nói trên. Câu nói: Người đã Níp Bàn. Nghĩa là đã Níp Bàn do sự đã dập tắt phiền não như ái dục...

Câu nói: Không còn nguy hiểm bất cứ ở đâu từ nơi sanh hữu hay cảnh hữu đối với các Bậc Thánh, là bậc đáng cúng dường. Do đó các Ngài mới không còn gọi là không còn sự nguy hiểm bất cứ ở nơi đâu. Đó là bậc không còn nguy hiểm ở bất cứ nơi nào.

Câu nói: Không ai có thể ước lượng quả phước, nghĩa là không ai có thể kể được số lượng. Nếu có câu hỏi rằng: Đếm như thế nào? Thì hãy đáp rằng: Không ai có thể đếm được quả phước này là có được bao nhiêu đây, có được khoảng chừng này, quả phước kia có số lượng khoảng chừng bấy nhiêu.

Chữ Api ghép trong câu Kenaci. Nghĩa là: Không có người nào hoặc bằng cách nào đếm được.

Trong hai câu này, câu nói NGƯỜI, tức là người đó như Phạm Thiên. Câu nói: Cách đếm, tức là đếm bằng ba cách: Cách ước lượng, cách cân và cách đong. Cách ước lượng là theo như thế này: khoảng chừng bao nhiêu đây, gọi là ước lượng. Cách làm cho ngang bằng gọi là cân. Cách làm cho đầy gọi là đong.

Không ai có thể đếm được quả phước của người cúng dường đến bậc đáng cúng dường như thế nào, tức là cúng dường đến đức Phật... Ba cách đếm này không thể đếm được quả dị thực thiện. Bởi vì nó có quá nhiều, có vô số lượng. Quả thí của người cúng dường trong hai trường hợp ra sao?

Quả phước của người cúng dường đến đức Phật... Khi Ngài còn tại tiền thì như thế. Nhưng quả phước của người cúng dường đến đức Phật đã Níp Bàn có sự sai khác nhau chăng? Cũng không có sự sai khác nhau đâu. Vì rằng, đức Đế Thích có nói lên kệ ngôn trong bộ Thiên Cung Sự rằng:

- "Khi Bậc Chánh Đẳng Giác còn tại tiền hay Ngài đã Níp Bàn rồi cũng thế. Nếu tâm đồng nhau thì quả thì cũng đồng nhau, vì rằng nhân tạo phước do sự tịnh tín nơi tâm, tất cả chúng sanh đều sanh về nhàn cảnh như vậy".

Dứt kệ ngôn, Bà la môn ấy chứng đắc Pháp Nhân Dự Lưu.

Ngôi Bảo Tháp vàng cao 1 do tuần ấy, đứng giữa hư không trọn cả 7 ngày. Đại chúng cúng dường Bảo Tháp trọn bảy ngày. Về sau, đại chúng trở lại cố tục của mình. Ngôi Bảo Tháp đã trở về nơi cũ do Phật Lực, trên nền tảng thạch của Bảo Tháp ở chính tại nơi ấy, đã hiện ra trở lại như xưa.

Trong hội chúng ấy có khoảng 84 ngàn chúng sanh chứng ngộ Pháp.

DỨT TÍCH BẢO THÁP CỦA ĐỨC PHẬT KASSAPA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XV. PHẨM HẠNH PHÚC

XV. 1- HAI HOÀNG TỘC TRANH GIÀNH NƯỚC

(PC. 197-198-199)

"Susukham vata jīvāma...". Kệ Pháp Cú này, đức Bổn Sư thuyết ra khi ngự giữa hai Hoàng Tộc Thích Ca, đề cập đến sự tranh chấp nước của quyền thuộc.

Tương truyền rằng: Hai họ Hoàng Tộc Sakya và Koliya đã hiệp tác nhau đắp một cái đập chung để dẫn nước từ sông Rohinī vào giữa hai thành Kapilavatthu và Koliya, và trồng trọt hoa màu trên những cánh đồng ở hai bên bờ sông.

Đến tháng Jettha mūla (tháng 6 -7 D.L) năm ấy, nhận thấy các vụ mùa bị thất nhiều, hai bên nông dân hai bờ sông họp nhau lại. Dân thành Koliya lên tiếng trước rằng:

- Nếu nước sông này dẫn nước chia đôi để tưới cả hai bên sông thì không đủ cho các vị lẫn cho bên chúng tôi. Vụ mùa của chúng tôi sắp chín tới, chỉ cần một lần tưới nữa thôi. Vậy các vị hãy dành trọn nước sông này cho chúng tôi xử dụng đi.

Nhóm dân họ Thích cũng nói rằng: "Sau khi các vị gặt lúa chín, chất đầy kho lắm rồi, chẳng lẽ chúng tôi lại lấy vàng, bạc, ngọc bích, ngọc tuyền và tiền bạc ra, xách theo thúng rổ hoặc túi bao mà đi đến nhà các người. Vụ mùa của chúng tôi cũng chỉ cần một lần tưới nữa thôi.

Vậy hãy nhường cả nước sông này cho chúng tôi.

- Chúng tôi nhất định không nhường được.

- Chúng tôi cũng không cho các vị lấy hết nước dòng sông này.

Cuộc bàn luận đi đến nơi bế tắc. Một người đứng lên đánh đối phương, người này đánh trả lại. Thế là, cuộc xô xát bành trướng ra, hai họ trong Hoàng gia đánh nhau, cùng với những lời lẽ bêu xấu nhau kịch liệt. Những người giòng Koliya nói:

- Này những người dân thành Kapilavatthu, các người hãy dắt con cái đi đi. Những kẻ nào sống chung với em gái mình, giống như chó nhà và chó rừng, thì những voi, ngựa, khiên, vũ khí mà những kẻ ấy có được, sẽ làm gì được chúng tôi.

Những người dòng Thích Ca cũng mắng lại rằng:

- Này các kẻ hủi! Các người hãy dắt con cái đi đi. Những kẻ hủi khốn nạn, vô hại, giống như loài thú ở trên cây táo, thì những voi, ngựa, khiên và vũ khí của những kẻ ấy làm gì được chúng tôi.

Hai nhóm nông dân này đem câu chuyện tranh chấp này báo cáo lên cho hai Hoàng Tộc biết tin.

Các chiến sĩ Thích Ca lập tức nai nịch gọn gàng, mang vũ khí ra đi và hét lớn rằng:

- Chúng ta sẽ biểu diễn tài nghệ của những người sống với em, chị gái mình cho bọn chúng nó thấy. Các chiến sĩ Koliya cũng nai nịch gọn gàng, mang vũ khí ra đi và hét lớn rằng:

- Chúng ta sẽ biểu diễn tài lực của những người cùi sống trên cây táo cho chúng nó thấy.

Sáng hôm ấy, đức Bổn Sư quán xét thế gian theo thông lệ, và nhìn thấy những quyền thuộc của Ngài. Ngài tự nghĩ: "Nếu ta không can thiệp thì những người này sẽ giết hại lẫn nhau. Ta phải đến đó mới được".

Thế rồi, Ngài theo đường hư không đến đứng giữa giòng sông Rohinī, Ngồi kiết già giữa hư không.

Các quyền thuộc trông thấy đức Bổn Sư liền ném vũ khí xuống đất và đảnh lễ Ngài. Đức Bổn Sư bèn hỏi mỗi bên rằng:

- Tâu Đại Vương! Vì sao có cuộc tranh chấp này.
- Bạch Ngài! Trẫm không được biết.
- Vậy thì, ai biết bây giờ đây?

Hai vua đáp: "Có lẽ Phó Vương". Khi hai vị Phó Vương bị hỏi thì đáp là "Có lẽ quan Tổng binh biết", lần theo thứ tự từ trên xuống, cuối cùng đến các nông dân, họ đáp: "Bạch Ngài, đây là cuộc tranh giành nước sông Rohinī". Đức Thế Tôn hỏi lại hai vị Vua:

- Tâu Đại Vương! Nước đáng giá bao nhiêu?
- Bạch Ngài, nước giá rẻ lắm.
- Tâu Đại Vương! Các chiến sĩ Sát Đế Ly giá bao nhiêu?
- Bạch các Ngài! Các chiến sĩ Sát Đế Ly giá rất cao.

- Thế thì, vì nước có giá trị rẻ như thế lại đem đánh đổi bằng các chiến sĩ Sát Đế Ly. Như vậy có thích đáng chăng?

Mọi Người đều im lặng, đức Phật gọi hai vị Vua đến phán rằng:

- Tâu Đại Vương! Vì sao Ngài lại làm như thế? Nếu hôm nay Như Lai không ngự đến đây, thì máu các người lại nhuộm xuống dòng sông rồi. Các Ngài đã làm điều không xứng đáng, các Ngài sống trong thù hận, trú trong ba pháp hận thù, còn Như Lai sống không thù hận. Các Ngài sống với phiền não tật bệnh còn ta sống không tật bệnh, các Ngài sống trong tham ái, còn Ta sống không tham ái.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn như sau:

197-

"Susukham̐ vata
Jāvāma Verinesu averino
Verinesu manussesu
Viharāma averino"

198-

"Susukham̐ vata jīvāma
āturesu anāturā
āturesu manussesu
Viharāma anāturā"

199-

"Susukham̐ vata jāvāma
Ussukesu anussukā
Ussukesu manussesu
Viharāma anussukā"

- Hạnh phúc thay! Sống không thù hận giữa hận thù. Giữa những người hận thù. Ta sống không hận thù.

- Hạnh phúc thay! Ta sống mạnh khỏe giữa ốm đau. Giữa những người bệnh tật, Ta sống không ốm đau.

- Hạnh phúc thay! Ta sống không tham ái. Giữa những người dục vọng ta sống không tham ái.

CHÚ THÍCH:

Susukham̐: Sutthusukham̐: Sự an vui tốt đẹp. Đại ý của bài kệ này là: Những người cư sĩ tại gia, không phải bậc xuất gia, sống bằng một nghề nào như y sĩ... Hằng nói "chúng ta sống an vui". Những người nào nghĩ: "Chúng ta là những người không thù hận trong số những người thù hận với tâm hận thù, là những người không bệnh tật do không phiền não trong số những người bệnh tật là phiền não. Là những người không tham ái tìm cầu ngũ dục, những người ấy có thể nói là hạnh phúc thay.

Hai kệ ngôn sau cũng cùng chung một ý nghĩa như thế. Cuối thời pháp, nhiều người đắc Thánh Quả, như là Tu Đà Hườn quả.

DỨT TÍCH: HÒA GIẢI GIA TỘC

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Hai họ Hoàng Gia suýt giết nhau
Bởi tranh chút nước tưới hoa màu
Khi thương lựa nói lời ngon ngọt
Lúc giận moi tìm lý lẽ sâu.
Trước múa tay chân còn phải quấy
Sau khoe gương giáo hết đuôi đầu.
"Máu đào một giọt hơn ao nước"
"Phật giảng hòa ngay, khỏi đợi lâu".*

XV. 2- MA VƯƠNG TRÊU PHẬT

(PC. 200)

"Susukham vata jivāma...". Pháp cú này được đức Bổn Sư thuyết ra khi ngự trong làng Bà la môn Pāñcasālā, để cập đến Ma Vương.

Một lần nọ, nhân thấy 500 cô gái có duyên lành để đắc quả Tu Đà Hườn. Đức Bổn Sư bèn ngự đến gần làng ấy. Những cô gái này nhân ngày lễ sao, đã đi xuống sông tắm, tắm xong trang điểm chu tất rồi đông đi thẳng một mạch về nhà. Đức Bổn Sư cũng đi vào làng ấy khát thực. Ma Vương đã nhập vào toàn thể thôn dân, khiến đức Bổn Sư không được để bát chút nào cả, dầu là một muỗng cơm.

Sau khi làm như thế, Ma Vương đứng trước cổng làng, chờ đức Bổn Sư ôm bát ngự ra, nói trêu gheo rằng:

- Ông Sa môn ơi! Ông không được vật thực chi phải chăng?
- Này Ma Vương! Vì sao ngươi lại khiến Như Lai không được vật thực?
- Bạch Ngài! Thế thì xin Ngài hãy quay trở lại làng đi.

Nghe rằng: Ma Vương tính thâm: "Sa môn Gotama trở lại làng, ta sẽ nhập vào thôn dân, khiến cho họ vỗ tay cười chế nhạo trước mặt ông ta". Ngay khi ấy, thì 500 cô gái đi đến cổng làng, gặp được đức Đạo Sư, đến đánh lễ Ngài rồi đứng qua một bên.

Ma Vương lại trêu gheo đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài, không được vật thực chắc Ngài phải khổ vì sự đói dữ lắm phải chăng?
- Này ác ma! Mặc dù hôm nay Như Lai chẳng được chút chi cả, nhưng ta sẽ toại hưởng phỉ lặc suốt ngày giống như vị trời Phạm Thiên ở cõi Quang Âm vậy.

Nói rồi, Ngài Thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Susukham vata jivāma
Yesam no natthi kiñcanam
Pitibhakkhā bhavissāma
Devā ābhassarā yathā".

- Hạnh phúc thay! Nếu được sống thoát khỏi mọi nghiệp phiền chương. Ta sẽ được hỉ lặc như chư Thiên Quang âm.

CHÚ THÍCH:

Yesanno: Không có mối buộc ràng nào cả, trong số những dây trói buộc ràng chúng ta, nhất là luyến ái.

Pitibhakkhā: Chư Thiên cõi Quang âm có hỉ lặc làm cơm nên sống tự tại như thế nào, thì ta cũng sẽ có cơm hỉ lặc như thế ấy.

Cuối thời Pháp, năm trăm thiếu nữ chúng đắc Tu Đà Hườn.

DỨT TÍCH: MA VƯƠNG TRÊU PHẬT

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Dân thành điên đảo tại ma xui
Ôm bát về không, Phật vẫn vui
Lại độ nửa ngàn cô thiếu nữ
Có duyên, chánh tín chẳng hề lui
Phật ví mình như Đại Phạm Thiên
Suốt ngày toại hưởng lạc trường miên
Có đâu bận trí vì con đời.
Ma chỉ chuyên lo việc hảo huyền.*

XV. 3- ĐỨC VUA KOSALA BẠI TRẬN

(PC. 101)

"Jayam veram pasavati...".

Pháp Cú này, đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến sự bại trận của vua Pasenadi.

Trong truyền rằng: Đức Vua Kosala chiến đấu với cháu mình là đức vua Ajātasattu, gần làng Kāsika đã bị bại trận ba lần liên tiếp. Đến lần thứ ba, đức vua tự nghĩ: "Trăm không thắng được đứa con nít miệng còn hôi sữa. Vậy trăm còn sống để làm gì?" Đức vua bèn tuyệt thực, nằm liệt trên Long sàng.

Tin này được loan truyền khắp kinh thành, Chư Tăng trình lên đức Thế Tôn: - "Bạch Ngài! Được tin rằng đức vua Kosala ngự giá thân chinh gần thành Kāsika, bị đánh bại ba lần, và bây giờ rút binh trở về. Ngài âu sầu nên tuyệt thực nằm liệt giường, vì nghĩ rằng: Đã không thắng nổi đứa con nít miệng còn hôi sữa, thì trăm còn sống làm gì?"

Nghe Chư Tăng thuật lại câu chuyện, đức Bổn Sư phán dạy:

- Này các Tỳ khuru! Người thắng cũng bị thù oán, người bại cũng chịu đau khổ.

Rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

- "Jayam veram pasavati
Dukkham seti parājito
Upasanto sukham seti
Hitvā jayaparājayam"
- "Thắng lợi sinh thù oán
Thất bại chịu khổ đau
Bỏ sau mọi thắng bại
Sống an bình tịnh lạc".

CHÚ THÍCH:

Jayam: Người thắng ắt bị thù oán.

Parājito: Người bị thắng tức là kẻ bại, ắt chịu khổ trong bốn oai nghi là đi, đứng, nằm, ngồi. Lúc nào cũng khổ, luôn luôn tự hỏi:

Chùng nào ta mới có thể trả thù rửa hận.

Upasanto: ở giữa hai người trên đây. Bạc Lầu Tận đã làm an tịnh phiền não tham ái, đã dứt bỏ sự thắng và bại, luôn luôn được an vui trong cả bốn oai nghi.

Cuối thời pháp, nhiều vị Tỳ khuru chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn.

DỨT TÍCH: VUA KOSALA BẠI TRẬN

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Nhà vua tham đất, nở quên tình

*Chẳng đánh người dung, đánh cháu mình.
Ba lượt ra quân, ba lượt bại
Nghĩ càng tủi nhục, có gì vinh.
Hai đàng ra sức giựt giành nhau
Thắng lợi sinh thù, bại khổ đau.
Chẳng thắng, chẳng thua, lòng tịnh lạc.
Người quen tri túc khỏe làm sao.*

XV. 4- MỘT THIẾU NỮ GIA GIÁO

(PC. 202)

"Natthi rāgam...".

Pháp Cú này, đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nàng thiếu nữ con nhà gia giáo.

Tương truyền rằng: Cha mẹ của thiếu nữ này đã nhận lễ cầu hôn của nhà trai, và đã thỉnh đức Thế Tôn đến thọ bát vào ngày gả con lấy chồng.

Đức Thế Tôn cùng với Tăng chúng tùy tùng ngự đến và an tọa vào chỗ ngồi được soạn sẵn. Cô dâu đi qua lại, lo phục dịch chư Tăng, nhất là lọc nước để dâng đến Tăng. Chàng rể thì cứ đứng nhìn cô dâu. Chàng nhìn cô dâu với tâm tham ái, phiền não dục khởi lên trong tâm chàng, bị sự si mê thắng phục, chàng không lo phục dịch đức Phật cùng với 80 vị Đại Trưởng lão, mà gơ tay ra định ôm lấy cô dâu. Đức Bổn Sư nhìn thấy tư tưởng của chàng ta, khiến chàng không còn trông thấy cô dâu nữa, không thấy được cô dâu chàng ta đành đứng yên nhìn đức Bổn Sư. Khi chàng đứng nhìn Đức Bổn Sư như vậy, Ngài bảo:

- Nầy cận sự nam, không có lửa nào sánh bằng lửa tham ái, không có ác nao sánh bằng ác sân hận, không có khổ nào bằng khổ giữ gìn ngũ uẩn, không có sự an vui nào bằng sự an vui của Níp Bàn.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Natthi rāgasamo aggi
Natthi dosasamo kali
Natthi khandhassamā duk- khā
Natthi santiparam sukham"
- "Lửa nào sánh lửa tham
Ác nào bằng ác hận
Khổ nào bằng khổ thân
Lạc nào bằng tịnh lạc"

CHÚ THÍCH

Natthi rāgasamo: Tuy không thấy khói hoặc lửa ngọn hoặc tham lửa đỏ, nhưng lửa tham ái có thể cháy rần rần trong nội tâm con người, sự tàn phá thiêu đốt của nó không có thứ lửa nào khác sánh kịp.

Kali: Không có tội lỗi nào bằng tội của sân.

Khandhassamā: Khandhehi samā: Là bằng ngũ uẩn, không có thứ khổ nào khác có thể sánh bằng khổ ngũ uẩn.

Cũng không có sự an lạc nào bằng, có thể sánh với sự an lạc của Níp Bàn. An Lạc Níp Bàn là tối thượng.

Cuối thời Pháp, cô dâu và chàng rể chứng đắc quả vị Tu Đà Hườn.

Ngay lúc đó, đức Thế Tôn thu hồi Phật Lực và hai người đã thấy mặt nhau trở lại.

Dứt tích: THIẾU NỮ CON NHÀ GIA GIÁO

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Ngày lễ vu quy thỉnh Phật Đà
Nàng dâu chẳng bận tiếp thông gia
Hộ tăng sợ trẻ phân cơm nước
Chàng rể mong chờ kiệu đước hoa
Lửa ái nung lòng trai khó nhịn
Âm từ mát dạ khổ mau qua
Mắt mờ lại sáng vì Sơ quả
Người đẹp còn đây, há cách xa.*

XV. 5- ÔNG THIÊN NAM ĐƯỢC ĂN CƠM PHẬT

(PC. 203)

"Jighachā paramā rogā...".

Pháp Cú này, đức Bổn Sư đã thuyết khi ngự tại thành Àlāvī, đề cập đến một thiện nam.

Lần nọ, đức Thế Tôn tịnh tọa trong Hương thất ở Jetavana, vào buổi sáng Ngài đến quán xét thế gian, Ngài thấy đước duyên lành của người đàn ông nghèo khổ, nên Ngài ngự đến thành Àlāvī cùng với 500 Tỳ khưu tùy tùng.

Dân thành Àlāvī liền cung thỉnh đức Thế Tôn. Được tin đức Thế Tôn ngự đến, người đàn ông nghèo khổ ấy cũng có ý định đến nghe Pháp của Ngài, nhưng trong ngày ấy con bò của y sút chuồng chạy mất, người ấy suy nghĩ: "Ta nên đi kiếm bò hay là đi nghe Pháp" Rồi y quyết định "Ta hãy tìm bò mang về chuồng, rồi hãy đi nghe Pháp". Từ bình minh, người ấy đã ra đi khỏi nhà tìm con bò, dân thành Àlāvī đã cung thỉnh chư Tăng có đức Phật là vị Thượng thủ thọ thực nơi Trai thí đường, sau khi Ngài thọ thực xong, họ xin thỉnh Bát của đức Bổn Sư để yêu cầu Ngài phúc chúc phước, đức Bổn Sư phán dạy;

- Chỉ vì một người mà Như Lai vượt khoảng đường xa 30 do tuần đến đây để tiếp độ y. Hiện y đang vào rừng để kiếm con bò đi lạc khi nào người ấy đến, Như Lai sẽ thuyết pháp.

Rồi Ngài im lặng. Người đàn ông nghèo kiếm được con bò xong, đưa nó trở về với đàn bò, rồi tự nhủ rằng: "Nếu không có chuyện chi khác, ta hãy đi đánh lễ đức Bổn Sư". Mặc dù đang lúc đói bụng, nhưng y không có ý định trở về nhà mà lật đật tìm đến đánh lễ đức Bổn Sư, và đứng qua một bên.

Chờ người ấy đứng yên, đức Bổn Sư hỏi người phụ lo việc trai tăng rằng:

- Vật thực của chư Tăng còn chút chi chăng?
- Bạch Ngài! Còn có đủ ạ.
- Nếu vậy, hãy dọn cơm cho người này dùng đi.

Sau khi mời người đàn ông nghèo ngồi nơi đức Bổn Sư chỉ dạy, người hộ tăng chăm lo khoản đãi người ấy với cháo, vật thực cúng dường thượng vị loại cứng loại mềm. Sau khi dùng bữa xong, người đàn ông ấy súc miệng (người ta bảo rằng: Ngoài ra chỗ này, khắp nơi khác trong Tam Tạng không có ghi chép việc đức Phật lo lắng về vấn đề cơm nước như thế). Sự khổ thân vừa được yên thì tâm của y cũng được tịnh lặng.

Cuối thời Pháp, người ấy chứng đắc Tu Đà Hườn quả. Sau khi phúc chúc xong, đức Thế Tôn đứng dậy ra đi, đại chúng theo sau tiễn đưa đức Bổn Sư một đỗi đường rồi quay trở lại. Chư Tăng đang đi với đức Thế Tôn, than phiền rằng:

- Này chư hiền! Hãy xem việc làm của đức Thế Tôn đó, trong những ngày khác thì không có chuyện như vậy, nhưng hôm nay Ngài đã vì một người đàn ông nghèo, mà lo lắng bảo người hộ Tăng dâng hộ cháo cơm.

Đức Bổn Sư quay lại, đứng hỏi rằng:

- Này các Tỳ khưu! Các thầy đang bàn chuyện chi thế?

Khi nghe rõ mọi sự, Ngài bảo rằng:

- Phải đó, này các Tỳ khưu! Sở dĩ ta vượt đường dài cả 30 do tuần mà đến đây, vì ta thấy được duyên lành của ông Thiện nam này. Ông ta đang đói bụng quá sức, vì từ sáng sớm đã thức dậy vào rừng để tìm con bò đi lạc. Đang khổ vì đói, đâu có người thuyết pháp, người ấy cũng không thể lãnh hội được Pháp. Vì nghĩ vậy, nên ta đã làm như thế. Này các Tỳ khưu, không có bệnh nào sánh bằng bệnh đói cả.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Jighachā paramā rogā
Samkhārā paramā dukkhā
Etaṃ ñātvā yathābhūtaṃ
Nibbānaṃ paramaṃ suk-kaṃ"
- "Đói khát bệnh tối thượng
Các hành khổ tối thượng
Hiếu chơn thực như vậy
Níp Bàn lạc tối thượng".

CHÚ THÍCH:

Jighachā paramā rogā: Mọi bệnh khác chỉ chữa một lần là dứt tuyệt hoặc tạm thời biến mất. Còn chứng đói bụng thì thường xuyên phải chữa trị mãi. Đối với tất cả chứng bệnh khác, bệnh đói này là tối thượng.

Samkhārā: Pháp hành, ám chỉ ngũ uẩn.

Etaṃ ñātvā: Không có bệnh nào bằng bệnh đói, không có khổ nào bằng khổ ngũ uẩn. Bậc hiền trí biết rõ vấn đề này như thật, nên làm cho thấu rõ Níp Bàn.

Nibbānaṃ paramaṃ sukkaṃ: Sự an vui của Níp Bàn ưu việt cao thượng hơn tất cả mọi sự an vui.

Cuối thời pháp nhiều Tỳ khưu chứng Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

DỨT TÍCH: ÔNG THIỆN NAM ĐƯỢC CƠM PHẬT

DỊCH GIẢ CẨN ĐỀ

*Bệnh đói to hơn các bệnh thường
Phàm nhân vì nó phải tư tương
Chú nghèo đến trễ cam lòng đói
Đức Phật từ bi nghĩ xót thương
Cơm Tăng một bữa tạm no lòng
Sơ quả sanh liền khởi đợi mong
Tứ chúng nào hay vì kẻ khó
Đường xa, Phật chẳng ngại hoài công.*

XV. 6- ĐỨC VUA PASENADI BỚT ĂN

(PC. 204)

"ārogiya paramā lābhāti...". Pháp Cú này, đức Bổn Sư thuyết lên khi Ngài ngự nơi Jetavana, để cập đến đức vua Pasenadi.

Một thời, đức Vua Pasenadi thường dùng cơm hấp chung với canh và các món ăn khác. Một hôm, sau khi độ điểm tâm sáng, đức Vua không thắng được sự hôn trầm vì ăn quá no, bèn ngự giá đến bái yết đức Bổn Sư rồi đi bách bộ trước mặt Ngài với vẻ mệt mỏi, mặc dù buồn ngủ hết sức nhưng không dám nằm dài xuống. Đức vua ngồi qua một bên. Khi ấy, đức Bổn Sư hỏi đức vua rằng:

- Tâu Đại vương! Có phải chưa được nghỉ ngơi thoải mái mà Đại Vương đã đến nơi đây chăng?

- Bạch Ngài, phải, sau bữa cơm trẫm rất đau khổ nặng nề.

Đức Bổn Sư bèn nói với đức vua rằng:

- Tâu Đại vương, sự thọ thực quá nhiều hằng có cái khổ như thế.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn dạy rằng:

- "Middhi yadā hoti magagghaso ca
Niddāyitvā sampari vattusayi
Mahāvarāhova nivāpapatthu
Punappunaṃ gabbhamupetimamdeti".
- *"Người ưa ngủ tham ăn
Lăn lóc nằm qua lại
Chẳng khác heo no bụng
Tục sanh mãi luân hồi"*. (PC. 325)

Sau bài kệ này, đức Bổn Sư dạy tiếp rằng:

- Tâu Đại Vương! Phàm trong sự ăn uống, con người phải biết tiết độ. Người biết tiết độ trong ăn uống hằng được sự an vui.

Rồi Ngài dạy thêm câu kệ ngôn:

- "Mannijassa sadā satimato
Mattam jānato haddhabhojane
Tanukassa bhavanti devanā
Sanikaṃ jīrati āyu pālayanti".
- *"Nếu người luôn có chánh niệm
Nếu người biết độ lượng khi thọ vật thực
Sự đau khổ của người sẽ ít ỏi
Người sẽ lâu già, bảo trì được tuổi thọ"*.

Đức vua không thể học thuộc được bài kệ này, đức Bổn Sư bảo Hoàng đế Sudassana học thuộc bài kệ, đức Bổn Sư được Sudassana hỏi rằng:

- Bạch Ngài, con sẽ làm gì với kệ ngôn này?

- Khi nào đức vua độ cơm đến vắt cuối cùng, Hoàng đế nên đọc lên bài kệ này, đức vua sẽ thấu rõ nghĩa lý của nó, sẽ ném bỏ vắt vom cuối cùng. Vãi lại, trong cơm ấy có được bao nhiêu hạt cơm, thì đến giờ nấu cơm cho đức vua, hãy bảo đầu bếp bớt ra bấy nhiêu hạt gạo.

- Lành thay, bạch Ngài.

Thế rồi, suốt cả hai buổi sáng và chiều, khi đức vua ngự thiện đến vắt cơm cuối cùng, Hoàng đế Sudassana liền đọc lên bài kệ ấy. Trong vắt cơm cuối cùng được bỏ đếm được bao nhiêu hạt cơm thì bảo đầu bếp bớt ra bấy nhiêu hạt gạo.

Mỗi lần được nghe kệ ngôn, đức vua ban thưởng Sudassana ngàn đồng vàng. Thời gian sau, đức vua tập được thói quen tri túc với một đấu gạo (độ 1 lít) mỗi bữa ăn và được an vui, nhưng Long thể có ốm bớt.

Thế rồi, một hôm đức vua đến bái yết đức Bổn Sư, bạch rằng:

- Bạch Ngài, bây giờ trẫm được an vui. Hơn thế nữa, trẫm còn có thể săn đuổi thú, bắt được hươu nai và ngựa rừng nữa. Lúc trước trẫm hay chiến đấu với cháu trẫm, nhưng mới đây trẫm gả Công nương Kim Cương cho Hoàng đế. Trẫm đã ban cho Công Chúa làng Kāsi để Công Chúa có thể làm hồ tắm. Sự tranh chấp giữa Hoàng đế và trẫm đã chấm dứt. Nhờ vậy, trẫm càng được an vui. Hôm trước viên bảo ngọc của Hoàng Gia bị mất cắp, nay nó được tìm thấy, trở về với trẫm, do đó trẫm càng thêm an vui. Muốn được tình thân thiện với các Thinh Văn của Ngài, trẫm đã cưới Công Chúa giòng Thích Ca, là quyến thuộc của Ngài, do đó trẫm lại càng được an vui hơn.

- Tâu Đại Vương! Thật vậy, vô bệnh là lợi tối thượng, biết tri túc là khi được bạc tiền, tình thân mật là những quyến thuộc tốt nhất, sự an vui của Níp Bàn không có gì sánh được.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Aroya paramā lābhā
Santutṭhi paramam dha- nam
Vissāsa paramā ñāti
Nibbānam paramam suk- ham".
*"Vô bệnh là tối thượng
Biết đủ là tối thượng
Thành tín, bạn tối thượng
Níp Bàn lạc tối thượng" (TMC)*

CHÚ THÍCH:

ārogya paramā: Trạng thái vô bệnh là tối thượng. Quả vậy, những người có bệnh đau đang có lợi cũng giống như không được lợi, bởi thế, tất cả lợi lộc đều có đến cho người vô bệnh, vì thế đức Bổn Sư đã dạy sự vô bệnh là lợi tối thắng.

Santutṭhi paramam dhanam: Người cư sĩ hoặc bậc xuất gia nào có sự vui thích đến lợi lộc của mình hoặc tài sản của mình, sự vui thích ấy là biết đủ hay tri túc. Nó là của cải cao thượng hơn những thứ của cải khác.

Vissāsa paramā ñāti: Ví như mẹ, cha của một người nào mà đối với họ không có tình thân mật cũng là quyến thuộc tối thượng. Do đó, đức Bổn Sư đã nói tình thân mật là quyến thuộc tối thượng vậy.

Không có sự an vui nào sánh bằng sự an vui của Níp Bàn, nên nói Níp Bàn là lạc tối thượng vậy.

Cuối thời pháp nhiều người đắc chứng Đạo quả Dự Lưu.

DỨT TÍCH ĐỨC VUA PASENADI

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Lợi dường như vua dễ phát phì
Nặng nề Long thể, chẳng vui chi
Ngôi lo mệt mỏi, sanh buồn ngủ
Đừng sợ hôn trầm ráng sức đi.
Phật dạy bớt cơm bằng giọng kệ
Cháu mình nhắc cậu với bài thi.
Uống ăn tiết độ, người tinh tiến
Vô bệnh, nương nhờ hạnh xả ly.*

XV. 7- ĐẠI ĐỨC TISSA CÙNG DƯỜNG CAO THUỘNG

(PC. 205)

"Pavivekarasam pītvā...".

Pháp cú này, đức Bổn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại thành Vesāvi, để cập đến vị Tỳ khuru.

Khi đức Thế Tôn tuyên bố rằng:

- Này các Tỳ khuru! Từ nay đến bốn tháng nữa, Như Lai sẽ viên tịch Níp Bàn.

Nghe xong như vậy, cả 700 vị Tỳ khuru ở gần Ngài phát sanh kinh cảm, cả chư Thánh Thánh Văn Lậu Tận cũng phát sanh sự động tâm về pháp hữu vi vô thường. Những Tỳ khuru phàm không cảm được nước mắt. Chư Tỳ khuru họp thành từng nhóm, đi quanh hỏi ý kiến nhau: "Chúng ta phải làm gì đây?".

Khi ấy, có vị Tỳ khuru tên là Tissa, tự nghĩ rằng: "Nghe nói còn bốn tháng nữa, đức Bổn Sư sẽ Đại Níp Bàn, thế mà ta chưa diệt được tham ái, ta sẽ phải nỗ lực hành đạo đắc quả A la Hán, trong đức Bổn Sư còn tại tiền".

Thế rồi, vị ấy nguyện hành Sa môn pháp trong cả bốn oai nghi, sống hạnh độc cư, không thân cận với chư Tăng, hoặc không trò chuyện với Tỳ khuru nào cả. Chư Tăng nói với vị ấy rằng:

- Nầy hiền giả Tissa! Tại sao hiền giả lại làm như thế?

Vị ấy cũng chẳng màng nghe chuyện chư Tăng nói. Chư Tăng bèn đem chuyện nầy mách lại với đức Bổn Sư.

- Bạch Ngài! Đại đức Tissa không yêu nể đức Thế Tôn.

Đức Bổn Sư cho gọi Đại đức Tissa đến, hỏi rằng:

- Nầy Tissa! Vì sao ngươi lại làm như vậy.

Đại đức Tissa trình bày việc mình suy nghĩ lên đức Bổn Sư, Ngài tán thán, nói rằng:

- Nầy các Tỳ khuru! Những vị nào yêu mến Ta, hãy noi gương của Tissa nầy. Dầu có ai cúng dường hương hoa, tràng hoa đến ta, ta không gọi là họ cúng dường Ta cao thượng. Trái lại, những ai hành đạo đúng theo chánh pháp, chính họ là người cúng dường Ta cao thượng vậy.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

- "Pavivekarasam pītvā
Rasam upasamassa ca
Niddaro hoti nippāpo
Dhammapītirasam pibam".
- "Ai nếm vị độc cư
Ai hưởng mùi nhàn tịnh
Không còn ác khổ đau
Nhờ mến ưa vị pháp" (TMC).

CHÚ THÍCH

Pavivekarasam: Vị phát sanh từ nơi thanh vắng, ám chỉ sự an vui của trạng thái độc cư.

Pītvā: Do sự hành thiện làm cho thấu rõ Tứ Đế, nhất là khổ đế mà nếm được hương vị độc cư nhàn tịnh.

Rasam upasamassa ca: Nếm vị của Níp Bàn tịnh lạc, không còn phiền não.

Niddaro hoti: Do được uống hai thứ nước cam lồ độc cư và nhàn lạc.

Rasam upasamassa ca: Nếm vị của Níp Bàn tịnh lạc, không còn phiền não.

Dhammapītirasam pibam: Nhờ 9 Pháp Thánh mà phỉ lạc phát sanh.

Người hưởng được thứ gì phỉ lạc của bậc Thánh Nhân thì không còn buồn rầu đau khổ, quấy ác nữa.

Cuối thời pháp Đại đức Tissa đắc A La Hán, kỳ dư đại chúng thính pháp đều hưởng được lợi ích.

DỨT TÍCH: ĐẠI ĐỨC TISSA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Nhân lành tuy có, thiếu công phu
Đại đức cầu mong quả đặc thù.
"Cõi Phật", Phật về trong bốn tháng
Đời ta, ta sẽ ở bao thu.
Cúng dường hạ cấp đành buông bỏ
Hành đạo cao nhân quyết tiến tu
Tăng chẳng thấu tình, đem xử lý.
Thầy khen một tiếng, khỏe chẳng ru?*

XV. 8- THIÊN VƯƠNG ĐẾ THÍCH SẴN SÓC PHẬT

(PC. 206-207-208)

"Sādu dassanaṃ ariyānaṃ...".

Pháp cú này, đức Bổn Sư đã thuyết ra khi ngự tại làng Beluva, để cập đến Vua Trời Đế Thích.

Khi thân ngũ uẩn của đức Như Lai mòn mỏi, sắp hết tuổi thọ, Ngài bịnh kiết lỵ. Thiên Vương Đế Thích biết tin này thì tự nghĩ:

- Ta phải xuống thăm đức Bổn Sư và săn sóc chữa bịnh cho Ngài.

Liền đó, Thiên Vương rời bỏ thân xác Trời cho cao lớn ba phần tư do tuần, xuống đánh lễ đức Thế Tôn, lấy hai tay xoa bóp chân Ngài. Khi ấy, đức Thế Tôn phán hỏi: Ai đó? - Bạch Ngài! Trẫm là Đế Thích.

- Đại Vương xuống đây làm chi?

- Bạch Ngài, trẫm xuống săn sóc chữa bệnh cho Ngài.

- Này Đế Thích, đối với chư Thiên, mùi hôi của con người ở cách xa từ 100 do tuần trở lại, giống như xác thú đeo dính nơi cổ. Thôi, Thiên Vương, hãy đi đi, Ta đã có chư Tỳ khưu nuôi bịnh rồi.

- Bạch Ngài! Dù có đứng cách xa tám muôn bốn ngàn do tuần, trẫm cũng ngửi được mùi hương giới đức của Ngài mà đến đây. Một mình trẫm sẽ săn sóc cho Ngài khi Ngài đang bị bịnh.

Thiên Vương không để ai khác lấy tay sờ đến chậu phần của thân đức Thế Tôn, mà tự mình đội lên đầu mang đi, không nhăn mặt chút nào cả, y như đang đội một chậu hương thơm.

Đức Đế Thích đã nuôi bịnh đức Bổn Sư như thế và khi Ngài mạnh khoẻ trở lại, Thiên Vương mới từ giả ra đi.

Chư Tỳ khưu đề khởi câu chuyện thảo luận rằng:

- Ôi! Lớn thay là sự yêu kính của đức Thiên Vương đối với đức Bổn Sư. Sự vinh quang cõi Trời như thế mà dám bỏ, để đi nuôi bịnh cho đức Thế Tôn. Đội chậu phần của thân Ngài, mang đi mà không chút nhăn mặt, giống như đội một chậu hương thơm vậy.

Khi nghe chư Tỳ khưu thảo luận như thế, đức Bổn Sư phán hỏi:

- Này các Tỳ khưu! Các ngươi đang bàn luận về chuyện gì thế?

- Bạch Ngài, chuyện như vậy...

Nghe vậy, đức Bổn Sư dạy rằng:

- Này các Tỳ khưu! Chuyện ấy chẳng có chi lạ. Thiên Vương Đế Thích yêu kính Như Lai, vì nhờ ta Thiên Vương Đế Thích rời bỏ thân xác Đế Thích già cũ, nghe thuyết pháp rồi đắc Tu Đà Hườn, đổi lấy trạng thái Đế Thích trẻ. Có lần, Thiên Vương Đế Thích cùng với Càn thất bà Pañcasikha đi trước, Thiên Vương tìm đến ta, bản khoản lo sợ sự chết và ngồi trong động đá Indasāla, chính giữa đại chúng chư thiên tùy tùng, ta đã thuyết giảng lên kệ ngôn rằng:

"Pucchā vāsava maṃpañ- haṃ

Taṃ kiñci manasicchasi.

Tasaṃ tasseva pañhassa

Ahaṃ antaṃ karomiteti"

(Này, Vāsava, hãy hỏi ta. Bất cứ vấn đề nào mà ông muốn hỏi. Bất cứ vấn đề gì mà ông hỏi. Ta sẽ trả lời rõ ràng tất cả.)

Và ta đã thuyết thoại đoạn nghi cho Đế Thích. Cuối thời Pháp một trăm bốn mươi triệu chúng sanh chúng đắc Pháp Nhân, và chính cả đức Đế Thích cũng chúng đạt quả Tu Đà Hườn ngay tại chỗ ngồi và trở thành Đế Thích trẻ. Ta đã giúp cho Thiên Vương nhiều như thế, cho nên không lạ gì khi Thiên Vương yêu mến ta.

Này các Tỳ khưu! Sự gặp gỡ các bậc Thánh Nhân cũng là sự an vui, sự sống chung với những vị ấy ở một nơi cũng là sự an vui. Trái lại với những kẻ ngu, tất cả mọi sự đều là khổ.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn:

"Sādhu dassana mariyānam
Sannivāso sadā sukho.
Adassanena bālānam
Niccameva sukham siyā" (206)
"Bālasaṅganacārī hi
Dīgham addhāna socati
Dukkho bālchi saṁvāso
Amitten'eva sabbadā
Dhīro ca sukhasaṁvāso
ñātīnam'va samāgamo". (207)

"Tasmā hi: Dhīrañ ca paññañ ca bahussutañca

Dhorayhasilaṁ vatavantam āriyam

Tam tādisaṁ sappurisaṁ sumedham

Bhajetha nakkhattapatham'va candimā" (208)

- *"Lành thay, gặp Thánh nhân*

Sống chung thường hưởng lạc

Không thấy các người ngu

Thường được hưởng an lạc" (206)

- *"Khổ thay gần người ngu*

Như thường sống kẻ thù

Lành thay gặp người hiền

Như sống với bà con" (207)

- *"Do vậy: Bậc hiền trí nghe nhiều Bậc Thánh nhân trì giới.*

Hãy gần gũi nương tựa Thiện nhân trí giả ấy.

Như trăng theo đường sao" (TMC). (208)

CHÚ THÍCH:

Sādhu: Lành thay, tốt đẹp thay.

Sannivāso: Chẳng những chỉ gặp gỡ các vị ấy thôi, mà việc sống chung, ngồi chung một chỗ với các vị ấy, cùng được làm chung những phận sự lớn nhỏ của các vị ấy cũng là tốt cả.

Bālāsaṅgatacārī hi: Người nào sống chung với kẻ ngu.

Dīghamaddhānam: Người ấy khi bị bạn ngu rủ: "Lại đây, chúng ta cùng hành đạo chính". Đồng tính với bạn rồi đi đào tường khoét vách, rủ bị bắt hành phạt như bị chặt tay, thì ắt là phải buồn khổ lâu dài.

Sabbadā: Cũng như người đoàn kết sống chung với kẻ thù tay cầm gươm bén nhọn, hoặc với loài rắn độc bị khổ luôn luôn, người chung sống với kẻ ngu cũng như vậy mãi.

Dhīro ca sukhasaṁvāso: ở đây, người sống chung an vui, nghĩa là người sống một chỗ với bậc hiền trí thì được an vui. Tại sao?

ñātīnam va samāgamo: ở đây, người đoàn tụ với các quyến thuộc thân yêu được an vui như thế nào, người ấy cũng được an vui như thế ấy.

Tasmā hi: Vì lẽ rằng sống chung với kẻ ngu là khổ, sống chung với bậc hiền trí là an vui, cho nên người trí có đầy đủ nghị lực, người không có đủ phàm trí cùng thánh trí, người đa văn thông suốt các bộ kinh, người đã đắc quả A la Hán, người khép mình trong giới luật, người có giới đức đang hộ trì giới, người có thọ các chi Pháp Đầu đà, bậc Thánh nhân đã xa lìa hết mọi phiền não, bậc thiện trí thức có trí tuệ sáng chói cỡ ấy, ta hãy nương tựa, thân cận những người như vậy, giống như mặt trăng nơi theo đường tinh khiết của sao đi trong hư không.

Cuối thời pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

DÚT TÍCH: ĐỂ THÍCH SẴN SÓC PHẬT

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Phật đau kiết ly, khiến vua Trời
Tự xuống lo nuôi khỏi đói mòi.
Giới Thánh lòng ghi hằng cảm mến
Phần phàm, đầu đội tạm quên hôi.
Gần hiền mới thấy vui vì đạo
Xa trí, còn nghe khổ tại đời.
Tặng chúng luận bàn câu chuyện lạ.
[Yêu thì phải vậy, bạn vàng ơi.*

XVI. PHẨM THÂN ÁI

XVI. 1- BỘ BA CHA-MẸ-CON XUẤT GIA

(PC. 209-210-211)

"Ayoge juñjam attānam...".

Pháp cú này được đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến ba người xuất gia.

Trương truyền rằng: Trong một gia đình ở thành Sāvattihī, có được đứa con trai duy nhất mà cha mẹ rất thương yêu quý mến.

Một hôm, trong khi chư Tỷ khưu được thỉnh mời đến nhà, đang tụng kinh phúc chúc và thuyết pháp. Cậu con nghe xong, liền phát tâm muốn xuất gia, mới xin cha mẹ cho mình được xuất gia. Nhưng hai ông bà không chấp nhận lời con mình. Cậu trai tự nghĩ rằng: Chờ dịp cha mẹ ta không lưu ý, ta sẽ thoát, ngoài mà đi xuất gia.

Mỗi khi người cha rời khỏi nhà thì dặn vợ ở nhà lo gìn giữ đứa con. Còn người mẹ khi đi ra thì cũng dặn chồng hãy lo gìn giữ con như vậy.

Một hôm, khi người cha đi khỏi, bà mẹ suy nghĩ: "Ta phải gìn giữ con trai ta". Thế rồi, bà ngồi dưới đất mà quay chỉ, sau khi dùng hai chân chặn hai bên ngạch cửa ra vào. Cậu con trai suy nghĩ: "Ta sẽ gạt mẹ ta mà ra đi mới được". Cậu nói với mẹ rằng:

- Mẹ thân ơi! Xin mẹ hãy tránh qua một bên đặng cho con đi cầu.

Bà mẹ rút chân, cậu đi ra ngoài được, lật đật chạy đến chùa tìm các vị Tỷ khưu: - "Bạch các Ngài! Xin cho con được xuất gia"

Sau khi yêu cầu, cậu được xuất gia với chư Tỷ khưu ấy. Khi người cha trở về hỏi người vợ rằng:

- Con trai ta đâu rồi?

- Mình ơi! Con nó mới vừa ở đây mà.

Người cha tìm quanh quất không thấy con mình, nghĩ rằng: "Chắc có lẽ nó đến chùa để xuất gia rồi".

Khi đến chùa thấy con trai mình đã xuất gia, người cha than khóc kêu gào: "Con ơi! Sao con đành giết cha như vậy?"

Nhưng một lát sau, ông tự nghĩ: "Con trai ta đã xuất gia, bây giờ ta còn ở nhà mà làm gì?"

Thế rồi, tự mình ông cũng xuất gia với các Tỷ khưu. Còn bà mẹ ở nhà cũng tự nghĩ rằng: "Sao con trai và chồng ta đi lâu quá vậy? Có lẽ cả hai cha con đến chùa xuất gia rồi chẳng?"

Khi đến chùa tìm chồng con, bà thấy cả hai đều xuất gia cả rồi, thì nghĩ thầm: "Trong hai người này đã xuất gia cả rồi, ta còn ở lại nhà có ích lợi chi đâu?". Tự mình, bà cũng đến Tinh xá của Tỷ khưu ni mà xin xuất gia.

Tuy đã xuất gia, nhưng cả ba người này không thể tách rời nhau. Dầu ở chùa hoặc ở Tinh xá của chư Ni, họ cũng ngồi chung nhau một chỗ, nói chuyện cùng nhau suốt ngày. Do đó, chư Tăng và chư Ni đều lấy làm gay mắt. Một hôm, chư Tăng đem hành động của ba người bạch trình lên đức Thế Tôn, Ngài cho gọi bọn họ đến và hỏi:

- Nghe nói các ngươi đã hành động như thế, có phải chăng?

- Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy?

- Tại sao các ngươi lại làm như thế? Việc làm ấy không thích đáng với các bậc xuất gia.

- Bạch Ngài! Chúng con không thể sống xa nhau được.

- Kể từ khi xuất gia về sau, việc làm như thế không còn phù hợp nữa. Sự xa cách những người thương và sự gần gũi những người không thương đều là khổ cả. Bởi thế, đối với chúng sanh hoặc các pháp hữu vi ta không phân biệt là thương hay ghét cái chi cả.

Rồi đức Bốn Sư thuyết lên kệ ngôn như sau:

- "Ayoge yuñjam attānaṃ
Yogasmiñ ca ayojayam
Attham hitvā piyaggāhī
Pihet'attānuyoginam" (209)
- "Mā piyehi samāgañchi
Appiyehi kudācanaṃ
Piyānaṃ adassanaṃ duk- khaṃ
Appiyānañ ca dassanaṃ" (210)
- "Tasmā piyam na kayirā tha
Piyapāyo hi pāpako
Ganthā tesam na vijjanti
Yesam natthi piyappiyam" (211).
- "*Làm việc không đáng làm
Không làm việc đáng làm
Bỏ lợi theo hỷ ái
Ghét bỏ kẻ tự lực*" (209)
- "*Chớ gần gũi kẻ yêu
Cũng không gần kẻ ác
Không gặp thân, gần ác.
Cả hai đều đau khổ*" (210)
- "*Yêu không gặp là khổ
Ái biệt ly là khổ.
Những ai không yêu ghét
Không thể có buộc ràng*" (211).

CHÚ THÍCH

Ayogo: Trong việc không đáng cố gắng, không đáng cố ý làm. Như sáu chỗ không thường đến, nhất là nhà gái điếm (Người xuất gia không nên đến thường 6 chỗ là: 1- Vesiyāgocara: Đến nhà điếm. 2- Vidhavagocara: Đến nhà đàn bà góa 3- Thūlāgocara: Đến nhà phụ nữ lỡ thời 4- Bhikkhunigocara: Đến chỗ Tỷ khưu ni 5- Pandakāgocara: Đến nhà người lại cái 6- Pānāgārāgocara: Đến nhà bán rượu). Là những chỗ không chú tâm niệm tưởng, mà mình lại năng lui tới, nhớ tưởng.

Yogasmiṃ: Và trong chỗ khác đáng lưu tâm, đáng cố gắng, mình lại không cố gắng.

Attham hitvā: Từ khi xuất gia trở về sau, được lợi ích thọ trì tam học nhất là những học giới cao thượng, lại bỏ lợi ích ấy đi.

Piyaggāhī: Người bám chặt, luyện ái ngũ trần dục lạc.

Pihetattānuyoginam: Những người xuất gia hành đạo rồi hoàn tục trở về trạng thái cư sĩ, về sau thấy những người tự lực tinh tấn, kiện toàn Giới, định, tuệ được chư thiên và nhân loại lễ bái cúng dường cũng hâm mộ, ước ao: Ôi! Phải chi ta là những người ấy.

Māpiyehi: Với những chúng sanh hoặc đồ vật (hữu vi) mà ta yêu, ta chẳng nên hội họp, bất cứ lúc nào dù chỉ trong giây lát. Với những người và đồ vật mà ta không yêu thích cũng vậy. Tại sao thế? Bởi vì ái ly tức là sự xa cách, không gặp gỡ những người hay đồ vật thương mến và oán mà phải gần gũi, gặp gỡ những người hay vật mà không yêu thích đều là khổ cả.

Tasmā: Vì lẽ cả hai vật thương và ghét đều là khổ cả, cho nên ta chớ yêu ai hoặc vật chi cả.

Piyapāyo: Sự biệt ly, cách xa nhân vật ta thương yêu

Pāpako: thấp kém, tội lỗi.

Ganṭhā tesam na vijjanti: Những người không yêu, không tham lam, dứt được dây ràng buộc xác thân, những người không ghét thì không sân hận, cũng dứt được dây ràng buộc thân. Những người ấy đã bỏ được hai mối dây ràng buộc thì kể như bao nhiêu triển phược khác cũng cởi bỏ được cả. Bởi vậy, ta không nên thương ghét chi cả.

Cuối thời pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Còn bộ ba người với nhau đã nói: "Chúng ta không thể sống xa nhau". Thế rồi, họ lại hoàn tục trở về nhà.

DỨT TÍCH: BỘ BA CHA-MẸ-CON XUẤT GIA

DỊCH GIẢ CẦN ĐỀ

Ghét với thương chi cũng khổ sâu.

Ba người thân thuộc mãi lo âu

Xuất gia chẳng búng điều ly biệt

Hoàn tục nào qua cuộc bể dâu.

Chánh pháp an lành tu há dễ

Trần gian lẩn quẩn sông bao lậu

Cái vòng lẩn quẩn làm sao thoát.

Bốn Đế hành thâm, rõ nhiệm mầu.

XVI. 2- MỘT GIA TRƯỞNG KHÓC CON

(PC. 212)

"Piyato jāyati soko...".

Pháp cú này, đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến một người gia trưởng nọ.

Ông gia trưởng này quá buồn khổ vì cái chết của đứa con trai mình, hằng đi đến bãi tha ma mà than khóc kể lể, nhưng không giảm được lòng thương nhớ con.

Đức Bổn Sư khi quán sát thế gian trong buổi sáng sớm, thấy ông gia trưởng có duyên đặc đạo Tu Đà Hườn. Sau khi đi khát thực về, Ngài cùng nhóm Sa môn tùy tùng đi đến nhà của gia trưởng ấy.

Nghe báo tin, có đức Bổn Sư cùng chư Tăng ngự đến, ông tự nghĩ: Chắc Ngài muốn chuyện trò thân mật với ta.

Ông cung thỉnh đức Thế Tôn và chư Tăng vào nơi được soạn sẵn, thỉnh ngồi xong, đành lễ Ngài và tự ngồi xuống một bên.

Đức Bổn Sư liền hỏi ông rằng:

- Này thiện nam, sao ông buồn vậy?

- Bạch Ngài! Con buồn vì cái chết của con con.

- Này Thiện nam! Ông chớ nên sầu muộn, cái mà chúng ta gọi là sự chết này, chẳng phải chỉ có ở nơi này, không phải chỉ có ở nơi kia, không phải chỉ để riêng cho một người. Mà để chung cho tất cả chúng sanh trong hoàn vũ. Không có một pháp hữu vi nào là thường tồn cả, bởi vậy không nên khóc than sầu muộn, mà trái lại phải chú ý quán xét về sự chết một cách hợp lý rằng: "Vật phải chết, vật phải tan rã đã tan rã rồi".

(Maraṇadhammam matam, bhijjadhammam bhinnam)

Các bậc hiền trí thuở xưa đã không than khóc khi đứa con yêu chết, mà chỉ dùng chánh niệm tham thiền quán tưởng rằng: Vật phải chết đã chết, vật phải tan rã đã tan rã.

- Bạch Ngài, bậc hiền trí nào đã làm như vậy? Và làm trong thời nào? Xin Ngài hoan hỷ giải rành cho con được biết.

Theo lời yêu cầu của gia trưởng, đức Bổn Sư thuật Bổn Sanh bằng kệ ngôn rằng:

- "Oragova tacam jinnam hitvā gacchati santanuô

Evam sarire nibhoge pete katakate sati

Payhamāno na jānāti ñātinam paridevitam

Tasmā etaṃ na socāmi gato so tassa ya gatīti".

Cũng như con rắn lột bỏ da cũ, con người lột bỏ xác thân mà đi qua cảnh giới khác.

Trong xác thân trống rỗng bỏ lại đó, người chết đã ra đi. Trong khi cái xác nó bị thiêu, nó không nghe lời than khóc của thân quyến. Bởi vậy, tôi không thương tiếc nó, mặc nó đi đâu thì đi.

Sau khi giải rộng Bốn Sanh Uruga có năm chương. Đức Bốn Sư dạy tiếp: Thuở xưa các bậc hiền trí đã xử sự như thế khi đứa con yêu chết, chớ không như ông bây giờ đã bỏ phứt mọi việc trong nhà, bỏ cả ăn uống mà khóc than suốt ngày đêm. Chẳng những thế, các bậc hiền trí còn tham thiền quá tưởng để mực chết, không buồn rầu khóc lóc, vẫn ăn uống như thường và chăm lo công việc của mình. Vậy ông đừng ôm ấp ý nghĩ: "Đứa con thân yêu của ta đã chết nữa". Sở dĩ có sự buồn khổ ấy nổi lên, chỉ vì nó có chỗ nương là tình yêu mới dấy lên được.

Rồi Ngài ngâm lên bài kệ rằng:

- "Piyato jāyati soko
Piyato jāyati bhayaṃ
Piyato vippamuttassa
Natthi soko kuto bhayaṃ".

- "*Thân ái sinh ưu tư*

Thân ái sinh sợ hãi

Ai giải thoát thân ái

Không ưu không sợ hãi" (TMC)

CHÚ THÍCH:

Sự ưu tư, sự sợ hãi là nguồn gốc của vòng sanh tử luân hồi, sau khi sanh lên, bao giờ cũng nương theo sự ái luyến người và vật mà sanh lên. Một khi đã giải thoát sự thân ái rồi tự nhiên cả hai thứ phiền não trên đây không có nữa.

Cuối thời Pháp, ông gia trưởng mất con chúng đặc quả Tu Đà Hườn. Kỳ dư thánh chúng đều hưởng sự lợi ích từ pháp thoại.

DÚT TÍCH: Trưởng giả KHÓC CON

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Con sớm chết đi để lại cha

Khóc thương măng trẻ, tội cha già

Ngày ngày bỏ ngủ, thâm rùng xác

Bữa bữa quên ăn, phứt việc nhà

Kiếp trước tạo duyên lành cúng Phật.

Đời này rãnh nợ khổ tìm ma

Luyến lưu dứt được nhờ nghe Pháp

Đặc quả đầu tiên lúc tại gia.

XVI. 3- TÍN NỮ VISĀKHĀ KHÓC CHÁU GÁI

(PC. 213)

"Pemato jāyati soko...".

Pháp Cú này, đức Bốn Sư thuyết khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến Bà Visākhā.

Tương truyền rằng: Bà Visākhā thường giao phó cho cô cháu gái tên là Sudattī là cháu nội, thay bà mà lo việc hộ Tăng ở nhà bà. Một thời gian sau, cô ấy chết, sau khi an táng xác cháu gái rồi, bà

không thể ngăn được khổ sâu, liền đi đến bái yết đức Bổn Sư và ngổi khóc, mặt tràn đầy nước mắt, trông có vẻ sầu thảm.

- Này Visākha! Trong thành Sāvattthī này có được bao nhiêu người?
- Bạch Ngài! Con nghe Ngài nói: Trong thành Sāvattthī có được 70 triệu người.
- Nếu tất cả số này đều đáng được nàng yêu như cháu gái của nàng, nàng có đồng ý chăng?
- Bạch Ngài, con đồng ý.
- Hàng ngày trong thành Sāvattthī này có bao nhiêu người chết?
- Bạch Ngài! Nhiều lắm.
- Nếu vậy, người phải khóc than suốt cả ngày lẫn đêm, chứ không có lúc nào vui khổ được phải chăng?

- Bạch Ngài! Con đã hiểu ý Ngài rồi.

Đức Thế Tôn khuyên nhủ bà Visākhā:

- Vậy thì, người đừng phiền muộn nữa. Sự ưu tư hoặc sự sợ hãi đều từ luyến ái mà sanh ra.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

- "Pemato jāyati soko
Pemato jāyati bhayaṃ
Pemato vippamuttassa
Natthi soko kuto bhayaṃ".

CHÚ THÍCH

Pemato: Sự luyến ái, tiếc thương con cái đã mất.

Mgoài chữ pemato này, ý nghĩa kệ ngôn này giống như câu kệ trên.

Cuối thời Pháp nhiều người đắc Thánh Quả, nhất là Dự Lưu.

DÚT TÍCH BÀ VISĀKHA KHÓC CHÁU

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Buồn thay tín nữ Visākhā
Khóc cháu còn xuân, đủ nét na
Góp mặt, chung lòng làm thí chủ
Thay tay để bát họ Tăng Già
Bóng tiền đã vắng nơi trần tục
Người đại cang thân chỗ xuất gia
Phật dạy: Khổ sanh từ luyến ái
Không yêu, lo sợ chẳng sanh mà.*

XVI. 4- CÁC VƯƠNG TỬ LICCHAVĪ GIÀNH KỸ NỮ

(PC. 214)

"Ratīyā jāyati soko...".

Pháp Cú này, đức Bổn Sư thuyết khi Ngài trú tại ngôi giảng đường nóc nhọn gần thành Vesālī, để cập nhóm Vương tử Licchavī.

Trương truyền rằng: Trong một ngày lễ hội, các vương tử Licchavī rủ nhau trang điểm lộng lẫy không ai bằng, rồi ra đi khỏi thành để đến vườn Thượng Uyển. Lúc đức Bổn Sư vào thành đi bắt, thấy các Vương tử, Ngài gọi các Tỳ khuru và bảo rằng:

- Này các Tỳ khuru! Hãy nhìn xem các Vương Tử Licchavī kia. Các thầy nào chưa từng trông thấy chư thiên nơi Cung Đạo Lợi thì hãy nhìn các Vương Tử này.

Nói rồi, Ngài ngự đi vào thành. Các Công Tử khi đi đến Công Viên có dắt theo một nàng kỹ nữ, vì ghen tương tranh quyền làm chủ cô ấy, các Vương Tử đã đánh đập nhau máu chảy thành sông. Khi ấy người ta đặt các Vương tử trên những chiếc càn rồi khiêng các vị ấy trở về thành.

Bấy giờ, đức Bổn Sư sau khi thọ thực xong, vừa ra khỏi cổng thành, chư Tăng trông thấy các Vương tử bị khiêng đến, thì bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài! Các vương tử Licchavī từ lúc sáng sớm trang điểm lộng lẫy giống như chư Thiên ra khỏi thành. Bấy giờ vì tranh nhau cô kỹ nữ mà phải ra nông nổi này đây.

- Này các Tỳ khuru! Sự ưu tư, sự lo sợ khi sanh lên đều nương vào hỷ ái mà sanh ra.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Ratīyā jāyati soko
Ratīyā jāyati bhayaṃ
Ratīyā vippamuttassa
Natthi soko kuto bhayaṃ".

- "*Luyến ái sanh sầu muộn
Luyến ái sanh sợ hãi
Ai giải thoát luyến ái
Không ưu tư, sợ hãi*".

CHÚ THÍCH:

Ratīyā: Sự đam mê ngũ trần dục lạc. Kỳ dư bài kệ này có ý nghĩa giống như hai kệ ngôn trước.

Cuối Pháp thoại, nhiều Tỳ khuru chứng đạt Thánh Quả, nhất là Dự Lưu quả.

DÚT TÍCH: CÁC VƯƠNG TỬ LICCHAVĪ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Các vua Lục sĩ giống chư thiên
Ngày lễ đưa nhau dạo ngự viên
Muốn hưởng ngũ trần, tranh quốc sắc
Thành toan nhất cử lập vương quyền.
Ai thua ai thắng đều mang binh
Kẻ thì cùng phi, thủy đảo điên
Hỷ ái coi chừng, nguy hiểm lắm
Sợ lo, từ nó khởi liên miên.*

XVI. 5- CÔNG TỬ ANITTHIGANDHA

(PC. 215)

"Kāmato jāyati soko...".

Pháp Cú này, đức Bổn Sư thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Công Tử Anithigandha (không quen hơi nữ nhân).

Tương truyền rằng: Anitthigandha từ cõi Phạm Thiên hạ sanh vào nhân giới, tái sanh vào một gia tộc Trưởng giả trong thành Sāvattihī. Từ ngày chào đời cho đến về sau, cậu không chịu gần phụ nữ, nếu nữ nhân ẵm cậu thì cậu la khóc lên. Khi cho cậu bú, người mẹ phải lấy vải bao phủ kín ngực mình lại.

Khi Anitthigandha đến tuổi trưởng thành, cha mẹ cậu bảo rằng:

- Này con, cha mẹ sẽ lo việc hôn nhân cho con.

- Con không cần đến nữ nhân.

Hai ông bà này nỉ nhiều lượt, nhưng cậu vẫn một mực chối từ, sau cùng khi cha mẹ khuyên cậu rằng:

- Này con, nếu con không chịu có vợ, gia đình ta sẽ tuyệt tự. Vậy con hãy để cha mẹ tìm vợ cho con.

Chàng cho gọi 500 người thợ bạc đến nhà, lấy 1000 đồng vàng Nikkha, đặt họ làm một pho tượng mỹ nhân bằng vàng thật xinh đẹp theo ý của cậu. Rồi thưa với cha mẹ rằng:

- Được rồi! Nếu cha mẹ tìm được một nữ nhân xinh đẹp y như pho tượng này, con sẽ tuân theo lời cha mẹ ngay.

Cậu nói xong, đưa pho tượng vàng ra. Ông bà Trưởng giả cho mời các vị Bà la môn danh tiếng đến nhà và nhờ cậy họ rằng:

- Con trai tôi là bậc đại phúc. Chắc thế nào cũng phải có một thiếu nữ đã từng làm phước chung với nó. Quý vị hãy mang pho tượng này đi và hãy tìm đem về một nữ nhân cực kỳ xinh đẹp như pho tượng này vậy.

- Lành thay.

Các ông mai lãnh sứ mạng ra đi kiếm cô dâu, vân du hết nơi này sang nơi nọ, sau cùng họ đi đến thành Sāgala trong xứ Madda.

Bấy giờ, trong thành ấy có một cô Tiểu Thư, tuổi vừa cặp kê, nhan sắc tuyệt đẹp. Cha mẹ cô cho cô ở trên lầu bảy của ngôi lầu đài 7 tầng.

Các vị Bà la môn đặt pho tượng xuống bên lề đường rồi đi đến bãi tắm, ngôi xuống một bên, nghĩ rằng:

- Nếu ở đây có được nàng thiếu nữ đẹp như pho tượng, thì khi thấy pho tượng, dân chúng sẽ nói: "Pho tượng này tuyệt đẹp, chẳng khác nào Tiểu Thư con gái của nhà đó".

Khi bà nữ mẫu của Tiểu Thư ấy, sau khi tắm cho nàng xong, đưa nàng trở về nhà, bà trở ra bến tắm để tắm. Thấy pho tượng vàng, bà lầm tưởng là Tiểu Thư, nên nói với pho tượng rằng: "Ôi! Người thật là khó dạy, ta vừa tắm cho mi xong rồi đi ra, mi đã đi ra đây trước ta rồi". Bà giơ tay đánh vào pho tượng, thấy chai cứng, bà biết rằng mình đã lầm, bèn nói: "Ta đã lầm tưởng pho tượng này là con gái của ta. Sự thật nó là cái chi vậy cà?".

Khi ấy, nhóm Bà la môn hỏi bà nữ mẫu rằng:

- Bà ơi! Con gái bà giống pho tượng này lắm ư?

- So với con gái tôi thì pho tượng này có giá trị chi đâu.

- Vậy con gái bà đâu? Bà hãy chỉ chúng tôi "coi mắt" xem nào.

Bà vú cùng với khách về nhà, giới thiệu khách với ông Trưởng giả. Hai ông bà niềm nở tiếp chuyện cùng khách, rồi cho gọi nàng Tiểu Thư xuống, nàng đến đứng gần pho tượng vàng, pho tượng vàng bị sắc đẹp của nàng lấn át, chẳng còn rực sáng được như trước.

Các ông mai tặng pho tượng vàng cho hai ông bà Trưởng giả, làm lễ vật đính ước, rồi vội vã trở về báo tin vui đến hai ông bà Trưởng giả thành Sāvattihī.

Hai ông bà rất hài lòng, lại phái mấy ông Bà la môn đi rước cô dâu về cho mau cùng với nhiều lễ vật trọng hậu.

Công Tử Anitthagandha được tin: Tìm được cô gái có nhan sắc mỹ lệ, còn xinh đẹp hơn pho tượng vàng của cậu. Chỉ nghe có bấy nhiêu, tình yêu đã chớm nở trong lòng của Công Tử. Cậu giục cha mẹ rằng: "Hãy rước cô dâu về cho mau".

Cô dâu được rước đi bằng xe, nhưng người cô mảnh mai, yếu ớt quá, không chịu nổi sự dằn xóc, nên bị trúng gió cảm sương, đến nửa đường thì chết.

Công tử sốt ruột chờ mong, hỏi thăm không ngớt: "Cô dâu đến chưa?" Nghe cậu hỏi một cách si tình như thế, các bạn bè thân quyến không ai nói rõ sự thật cho cậu biết ngay, đợi vài ngày sau, khi chàng bớt rạo rức, mới báo tin là cô dâu đã chết. Công Tử kêu lên: "Trời ơi! Ta đã vô duyên, không được kết đôi với giai nhân tuyệt sắc thế này ư?". Cối lòng tràn ngập ưu tư, công tử nghe sầu khổ nặng nề, giống như núi đá đè lên mình.

Đức Bổn Sư thấy được duyên lành của Công Tử, nhân khi đi bát, Ngài đến đứng trước cửa nhà Công Tử. Khi ấy, cha mẹ cậu thỉnh đức Bổn Sư vào nhà và cung kính cúng dường, rót bát. Sau khi xong bữa, đức Bổn Sư hỏi: "Công tử Anitthagandha đâu rồi?"

- Bạch Ngài! Nó đã bỏ ăn, nằm liệt giường trong thư phòng.
- Hãy cho gọi cậu ấy ra đây.

Công Tử bước ra đánh lễ, chào đức Bổn Sư xong rồi, ngồi xuống một bên, đức Bổn Sư phán hỏi:

- Này Công Tử! Trông cậu có vẻ buồn rầu lắm phải không?
- Dạ phải, bạch Ngài, một giai nhân tuyệt sắc đã chết ở dọc đường. Hay tin này, con phát sanh buồn khổ, cơm canh cũng không muốn ăn.
- Này Công Tử! Công Tử có biết tại sao mà Công Tử phát sanh buồn khổ chẳng?
- Bạch Ngài! Con không biết.
- Này Công Tử! Tại vì ái dục mà sự buồn khổ của cậu mới sanh lên, sự ưu tư hay sợ hãi đều do dục ái mà sanh lên cả.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

- "Kāmato jāyati soko
Kāmato jāyati bhayaṃ
Kāmato vip̐pamuttassa
Natthi soko kuto bhayaṃ".
- "*Tham dục sanh sầu muộn
Tham dục sanh sợ hãi
Ai giải thoát tham dục
Không ưu không sợ hãi*". (TMC)

CHÚ THÍCH:

Kāmato: Từ hai thứ dục ái là vật dục (vatthukāma) và phiền não dục (kilesakāma) mà phát khởi lên.

Cuối thời Pháp, Công Tử Anitthagandha đắc quả Tu Đà Hườn.

DÚT TÍCH: CÔNG TỬ ANITTHIGANDHA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Phạm Thiên đọa lạc xuống hồng trần
Không thích mùi hơi xác nữ nhân
Vú nọ vẫn nhòm khi khát sữa
Lòng cha quen chịu lúc cầu thân
Tưởng đâu đã thoát đường dâm dục
Xem lại còn mang nợ ái ân...
Có khóc vì tang người đẹp huyệt
Dự Lưu Đạo quả mới lên lần.*

XVI. 6- ÔNG BÀ LA MÔN THẮT MÙA

(PC. 216)

"Tanhāya jāyati soko...".

Pháp cú này, đức bổn Sư thuyết ra, khi Ngài trú ngụ tại Jetavana, đề cập đến vị Bà la môn mất mùa.

Tương truyền rằng: Ông Bà la môn ấy là người tà kiến, một hôm ông ra bờ sông dọn đất ruộng. Đức Bổn Sư quán thấy ông có duyên lành đạo quả, nên đi đến gần ông ta. Mặc dù nhìn thấy đức Bổn Sư, ông chẳng tỏ vẻ gì cung kính Ngài, cứ lặng thinh.

Đức Bổn Sư mở lời trước, hỏi rằng:

- Này ông Bà la môn! Ông đang làm gì đó?

- Tôi dọn đất, này Sa môn Gotama ạ.

Đức Bổn Sư chỉ nói bấy nhiêu, rồi Ngài ngự đi. Qua ngày sau, Ngài lại đến chỗ Bà la môn đang cày ruộng và hỏi:

- Này Bà la môn! Ông đang làm chi đó?

- Tôi cày đất ruộng, này Sa môn Gotama ạ.

Nghe vậy, đức Bổn Sư lại ngự đi. Từ đó cứ mỗi ngày là mỗi lần đức Thế Tôn đến hỏi thăm Bà la môn về việc làm của ông.

Nghe đáp: "Tôi đang gieo mạ... Tôi đang cấy lúa... Tôi đang giữ ruộng...". Đức Bổn Sư cũng đi luôn.

Thế rồi, một hôm Bà la môn nói với đức Bổn Sư rằng:

- Này Ngài Gotama! Kể từ ngày tôi dọn đất ruộng cho đến nay đều được ông đến hỏi thăm. Nếu sau này tôi được mùa tôi sẽ chia phần cho ông, nếu chưa dâng cúng cho ông, tôi chưa ăn đâu. Từ nay về sau ông là bạn của tôi đấy.

Thế rồi, thời gian sau, lúa mùa của ông rất trúng, ông tính thầm: "Lúa của ta trúng lắm, ngày mai ta sẽ kêu công nhân gặt". Và ông sắp đặt sẵn mọi việc để mai gặt lúa. Nhưng đêm ấy, mưa to gió lớn đã phá tan mùa màng của ông. Đám ruộng của ông trống trơn, coi như là bị phá sạch.

Ngay từ ngày đầu tiên, đức Bổn Sư đã biết trước rằng: "Mùa lúa của Bà la môn này sẽ hư hoại thôi". Sáng hôm ấy, ông Bà la môn tự nghĩ thầm: "Ta sẽ đi xem ruộng lúa".

Nhưng khi đến ruộng, thấy ruộng lúa trống trơn, ông ta phát tâm buồn chán quá, suy nghĩ rằng: "Sa môn Gotama có đến thăm ruộng này kể từ ngày ta mới dọn đất về sau, và ta đã hứa với ông ấy. Nếu lúa trúng mùa, ta sẽ chia phần đến ông. Nếu chưa cúng dường đến ông thì tôi chưa ăn. Từ nay về sau, ông là bạn của tôi đấy. Thế mà điều mong ước của ta không đạt được sự thành tựu".

Ông Bà la môn bỏ ăn uống, nằm liệt trên giường.

Khi ấy, đức Bổn Sư đến trước nhà của ông. Nghe tin có đức Bổn Sư ngự đến, ông bảo người nhà rằng: "Hãy đưa bạn ta vào đây và mời ngồi cho đàng hoàng tử tế". Gia nhân làm theo lời của Bà la môn ấy. Sau khi an tọa, đức Bổn Sư phán hỏi rằng:

- Này ông Bà la môn! Ông có biết vì đâu mà sự buồn khổ phát sanh lên cho ông không?

- Tôi không biết được, này Sa môn Gotama ạ. Nhưng ông có biết chăng?

- Phải rồi, này Bà la môn! Khi nào sự ưu tư hoặc sự sợ hãi phát sanh, nó chỉ xuất ra từ sự tham ái (taṇhā) mà thôi.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

- *Taṇhāya jāyati soko*
Taṇhāya jāyati bhayaṃ
Taṇhāya vippamuttasa
Natthi soko kuto bhayaṃ".
- *Ái dục sanh sầu muộn*
Ái dục sanh sợ hãi
Ái giải thoát ái dục
Không ưu tư không sợ hãi" (TMC).

CHÚ THÍCH:

Taṇhāya: Mỗi thứ tham ái trong sáu cửa đều do nơi dục ái làm gốc mà phát khởi lên.

Cuối thời Pháp, ông Bà la môn chúng đấng Thánh quả Tu Đà Hườn.

DÚT TÍCH: ÔNG BÀ LA MÔN THẤT MÙA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Từ lúc ban đầu lúa mới gieo
Bao nhiêu mộng ước phải sanh theo
Đến khi sắp gặt đây hy vọng
Một tối mưa giông!... Nghĩ chán phèo.
Chủ ruộng chưa quen mặt chữ ngờ
Một mình đức Phật rõ tri cơ
Bởi nhân khát ái mà lo sợ
Hết sợ lo, nhờ quả Tối Sơ.*

XVI. 7- NĂM TRĂM CẬU BÉ DÂNG BÁNH ĐẾN NGÀI KASSAPA

(PC. 217)

"Sīladassansampannaṃ...".

Pháp Cú này, đức Bốn Sư thuyết ra, khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến 500 cậu bé dâng bánh.

Một lần nọ, nhằm ngày đại lễ, đức Thế Tôn cùng 80 vị Đại Trưởng lão và 500 Tỳ khuru Tăng ngự vào thành Sāvattihī để khất thực. Ngài gặp 500 đứa trẻ mang 500 giỏ bánh lên vai ra đi khỏi thành, về hướng vườn Thượng Uyển. Thấy Ngài, lũ trẻ đành lễ Ngài rồi đi luôn chớ không có lời mời vị Tỳ khuru nào thọ bánh cả.

Khi chúng đã đi qua, đức Bốn Sư hỏi chư tăng:

- Này các Tỳ khuru! Các thầy có muốn độ bánh chăng?

- Bạch Ngài, bánh đâu mà độ.

- Các người không thấy 500 đứa trẻ ấy sao? Chúng xách 500 giỏ bánh vừa đi qua đây.

- Bạch Ngài! Lũ trẻ đó không có dâng bánh đến ai cả.

- Này các Tỳ khuru! Mặc dù các đứa trẻ ấy không dâng bánh đến Ta hay các thầy, nhưng vị Tỳ khuru chủ của bọn trẻ ấy đang đi đến phía sau Ta. Các thầy hãy độ bánh rồi đi.

Chư Phật không hề có tâm ganh tỵ hoặc sân hận đối với một nhân vật nào, bởi vậy đức Phật đã nói như thế.

Rồi Ngài đưa chư tăng đến ngồi trong bóng mát của một cội cây bên vệ đường.

Lũ trẻ trông thấy Đại đức Mahākassapa từ phía sau đi đến, chúng phát tâm hoan hỷ, yêu mến Đại đức. Do phỉ lặc phát sanh khắp thân rất lạ, chúng đặt giỏ bánh xuống, mọp năm vóc đánh lễ dưới chân Đại đức, rồi nâng các giỏ bánh lên nói với Đại đức:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hãy thọ bánh đi.

- Này các em! Có đức Bốn Sư cùng tăng chúng đang ngự bên cội cây kia. Các con hãy mang lễ vật đi đến chia sót bát cho chư Tăng đi.

- Lành thay! Bạch Đại đức.

Sau khi đi giáp vòng, bọn trẻ đi đến Đại đức và dâng bánh đến Ngài, rồi đứng một bên nhìn Đại đức. Khi bọn trẻ thấy đức Bốn Sư và chư Tăng độ xong bánh, chúng mang nước đến dâng cúng Đại đức.

Chư Tỳ khuru than phiền rằng: "Mấy cậu bé này dâng cúng cũng chọn mặt. Chính Đấng Chánh Đẳng Giác cùng các vị Đại Trưởng lão chúng không hỏi, Vừa thấy Đại đức Mahākassapa, chúng liền mang cả giỏ bánh đến cúng dường".

Đức Bổn Sư nghe chư Tăng bàn tán, bèn giải thích rằng:

- Này các Tỳ khuru! Một Tỳ khuru như con trai là Mahākassapa thì chư Thiên và nhân loại cùng ái mộ. Một người như vậy, ai cũng hoan hỷ cúng dường bốn món vật dụng.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

- "Sīla dassanasampannaṃ
Dhammatthaṃ saccavādi- nam
Attano kammakubbānaṃ
Tamaṃ jano kurute piyanti"
- "Đủ giới đức, trí đức
An trú pháp, chân lý
Tự làm tròn bốn phận
Là người đáng kính mến" (TMC)

CHÚ THÍCH:

Sīla dassanasampannaṃ: Có đầy đủ Tứ thanh tịnh giới và Tương ưng đạo quả, tức là đầy đủ chánh tri kiến.

Dhammatthaṃ: An trú trong 9 Pháp Thánh, có nghĩa là làm cho thấu rõ Pháp Siêu Thế.

Saccavādiṇaṃ: Người giác ngộ chân lý, do đã làm thấu rõ 16 chi của Tứ Diệu Đế.

Attano tammakubbānaṃ: Phận sự của mình là Tam Học: Giới - Định - Tuệ. Phải làm cho tròn.

Tamaṃ jano: Con người ấy, đại chúng phàm phú yêu mến, muốn gặp gỡ

Muốn lễ bái và muốn dâng cúng tứ vật dụng.

Cuối thời pháp, cả 500 đứa bé đều đặc chúng Tu Đà Hườn.

DÚT TÍCH: NĂM TRĂM CẬU BÉ DÂNG BÁNH

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Đầu tiên gặp Phật chẳng vui mừng
Đại đức đi sau lại cúng dâng
Tánh trẻ đã ưa nào lựa mặt
Tăng già không mộ mới xây lưng
Kassapa đến sau đức Thích Ca
Có duyên được bánh họ Tăng già
Xưa gieo nay gặt tùy nhân quả
Đáng mến thay, người thật xuất gia.*

XVI. 8- ĐẠI ĐỨC A NA HÀM

(PC. 218)

"Chandajāto anakkāte...".

Pháp Cú này, đức Bổn Sư thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, Đề cập đến vị Đại đức đã đặc quả A Na Hàm.

Tương truyền rằng: Một ngày nọ, các Tỳ khuru đệ tử đã hỏi Đại Đức sư phụ câu hỏi rằng: "Bạch Ngài! Ngài đã đặc quả đặc thù chưa?".

Đại đức tự nghĩ: "Quả Bất Lai thì hàng cư sĩ tại gia cũng có thể đặc. Vậy để khi nào đặc quả Vô Sanh (A La Hán) rồi, ta sẽ nói chuyện với các đệ tử ta".

Đang còn đắn đo e dè, chưa nói gì cả, thì Đại đức mệnh chung, tái sinh lên cõi Tịnh Cư Thiên.

Khi ấy, các đệ tử khóc lóc thở than, rồi đến bái kiến đức Bổn Sư, ngồi xuống một bên mà vẫn còn khóc.

Đức Bổn Sư bèn hỏi các vị ấy rằng:

- Này các Tỳ khưu! Có gì mà các thầy lại khóc?

- Bạch Ngài, Tể Độ Sư của các con đã mệnh chung.

- Này các Tỳ khưu! Dầu sao các thầy cũng chớ nên sầu não, vì đó là lẽ thường.

- Bạch Ngài, chúng con vẫn biết như thế, tuy nhiên chúng con có hỏi Tể Độ Sư của chúng con có chúng đạt quả vị đặc thù nào chưa, Tể độ Sư không trả lời chi cả, kể đến thì mệnh chung. Do đó chúng con mới buồn khổ.

Đức Bổn Sư giải rằng: "Này các Tỳ khưu, chớ nên buồn khổ, thầy Tể độ của các thầy đã đắc A Na Hàm", nhưng tự nghĩ rằng: "Quả Bất Lai này, cư sĩ tại gia có thể chúng đạt được, đợi khi nào ta chúng đắc A la Hán rồi, ta sẽ nói cho chúng đệ tử nghe. Đang ngần ngại, chưa kịp nói thì Thầy Tể Độ các người đã mệnh chung, tái sanh về cõi Tịnh Cư. Hãy vui lên đi, này các Tỳ khưu! Thầy của các người đã giải thoát tâm khỏi sự ràng buộc của ngũ trần, thành bậc Thượng Lưu Bang rồi".

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

- "Chandajāto anakkhāte

Manasā ca phuṇo siyā

Kāmesu ca appaṭibaddha- citto

Uddhamsoto'ti vuccati".

- "*Khát cầu pháp ly ngôn (Níp Bàn)*

Tâm xúc cảm thượng quả (ba thánh quả)

Không đắm say ái dục

Thật xứng bậc Thượng Lưu". (TMC)

CHÚ THÍCH:

Chandajāto: Do sự ước ao mong mỏi, muốn làm phát sanh, khát cầu mãnh liệt.

Anakkhāte: Níp Bàn là pháp ly ngôn, bởi vì không thể nói, hay làm hoặc tả được rằng: Màu sắc như thế này, hình dáng như thế này...

Manasā ca phuṇo siyā: Tâm phải thấm nhuần, sung mãn ba đạo quả thấp.

Appaṭibaddhacitto: Tâm đã thoát khỏi sự ái luyến ngũ trần do nhờ A na Hàm Đạo.

Uddham soto: Một Tỳ khưu như thế, sau khi tái sanh vào Vô Phiền thiên (avihā), từ đó trở đi, do ảnh hưởng của sự liên kết sanh lên tới Sắc cứu Cánh thiên (Akaniṭṭha), gọi là Thượng Lưu Bang. Thay Tể Độ của các thầy đã đạt được như thế.

Cuối thời pháp, các Tỳ khưu ấy chúng đắc A La Hán quả.

Đại chúng thính pháp đều được hưởng lợi ích Pháp thoại ấy.

DÚT TÍCH ĐẠI ĐỨC BẤT LAI

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Cư sĩ tu còn đắc Bất Lai

Tỳ khưu cũng vậy, có chi tài.

Cầu mong quả tột cùng La Hán

Mới xứng làm gương để dạy ai...

Thầy tịch mà không trối tiếng chi

Trò ngu tưởng quấy, lại sầu bi

Nghe lời Phật giải liên tiêu khổ

Đắc quả Vô Sanh, lệ cấp kỳ.

XVI. 9- NANDIYA VỀ TRỜI

(PC. 219-220)

"Cirappavāsim purisaṃ...".

Pháp cú này, đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Isipatana (Chư Tiên Đọa xứ), đề cập đến chàng Nandiya.

Tương truyền rằng: Tại thành Bārāṇasī, có chàng Nandiya, là con trai của một gia đình có đức tin nơi Tam Bảo. Chàng cũng có đức tin như thế, là người hộ Tăng đắc lực, đúng theo sở cầu của cha mẹ. Khi trưởng thành, cha mẹ chàng tìm người mũ mồn đấng hộ đối với gia tộc, định cưới con gái của cậu chàng tên là Revatī đem về nhà, nhưng nàng nầy lại là người không có đức tin nơi Tam Bảo, không quen bố thí, thọ trì giới nên chàng Nandiya không ưng cưới nàng làm vợ. Mẹ chàng bảo với nàng Revatī rằng:

- Nầy con gái cung, trong nhà nầy, nơi ngồi của Chư Tăng con nên lau chùi sạch sẽ, sắp đặt sẵn ghế ngồi kê chân cho có thứ tự. Khi chư Tăng đến, con hãy xin rước bát, thỉnh chư Tăng ngồi và lọc nước hộ Tăng bằng đồ lọc, chư Tăng độ cơm xong, con hãy rửa bát cho Ngài. Làm được như thế con mới trở nên là người bạn đường của con trai ta.

Nàng Revatī chịu nghe lời mẹ chồng dạy, để cho chàng Nandiya hài lòng nàng, khi ấy bà báo tin cho con trai biết, chàng đáp rằng: "Lành thay!". Được chàng nhận lời rồi, hai họ định ngày lành tháng tốt cử hành lễ hôn phối.

Chàng Nandiya nói với người vợ mới cưới rằng:

- Nếu em chăm lo phục vụ chư Tăng và cha mẹ anh đàng hoàng tử tế, thì em sẽ được trọn quyền trong nhà nầy. Vậy em hãy siêng năng cần mẫn đi nhé.

Nàng Revatī vâng lời chồng, đáp: "Lành thay"

Nàng xử sự được như thế, chỉ trong vài ngày đầu như là người có chánh kiến, có đức tin đầy đủ. Nàng chăm lo quán xuyến hết công việc trong nhà, và có được hai con với chàng Nandiya. Khi cha mẹ chàng qua đời, nàng nắm hết mọi quyền trong nhà, trọn quyền là nữ chủ nhân của gia tộc. Từ ngày cha mẹ khuất bóng, Nandiya trở thành một đại thí chủ, thiết lập việc để bát thường xuyên đến Tỷ khưu, và đồng thời bày ra việc thí thực tại nhà của mình cho những kẻ nghèo khó và những khách lữ hành đi đến.

Thời gian sau, được nghe đức Bổn Sư thuyết pháp thoại, chàng Nandiya suy tư đến quả phước của việc bố thí trú xứ là chỗ ngụ đến Tăng, chàng cho xây cất Đại Tự Isipatana, bốn nhà khách gồm có bốn căn phòng, lại cho kê giường, ghế, lót chiếu xong rồi, cung thỉnh đức Thế Tôn cùng với chư Tăng đến cúng dường, cử hành đại lễ thí chỗ ngụ. Ngay khi nước thí vừa rơi vào tay đức Thế Tôn, thì đồng thời trên cõi Chư Thiên Đọa Lợi nổi lên tòa Thất Bảo Thiên Lâu, cao 100 do tuần, dài và rộng 12 do tuần, làm toàn 7 báu và chứa đầy những nhóm Ngọc Nữ xinh đẹp.

Một lần nọ, Đại đức Moggallāna di hành lên thiên giới, Ngài dùng chân tại tòa Thất Bảo Lâu ấy và hỏi chư thiên đến gần mình rằng: "Tòa Thiên Lâu này chứa đầy những nhóm Ngọc Nữ, phát sanh lên cho người có phước nào thế?".

Chư Thiên liền nói cho Đại đức biết chủ tòa Thiên Lâu ấy:

- Bạch Ngài! Con trai của một gia tộc Trưởng giả tên là Nandiya cất chùa dâng đến Tăng Tứ phương có đức Bổn Sư làm tọa chủ, nên tòa Thiên Lâu nầy phát sanh đến y, do phước báo của cậu ấy.

Cả đoàn Thiên Nữ trông thấy Đại đức bèn đi xuống lầu, ra khỏi lầu đài đến đánh lễ Đại đức và bạch rằng:

- Bạch Ngài, chúng con là những nàng hầu của thanh niên Nandiya đã sanh lên đây mà không gặp chàng, chúng con rất là vô phước. Vì chúng con rất mong mỗi gặp chàng, xin Đại đức hãy khuyên chàng mau về nơi này, ví như người đập bỏ nổi đất để nhận lấy bát bằng vàng, bỏ sản nghiệp nhân giới để hưởng được tài sản cõi chư Thiên.

Đại đức từ Thiên giới trở lại cõi người, đến bái yết đức Bổn Sư, bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài, có phải trong khi con người còn sống ở nhân gian, những thiện nghiệp của họ đã tạo cũng kết quả thành tài sản có nơi Thiên giới được chăng?

- Nầy Moggallāna! Chính người đã thấy tận mắt phước báo của Nandiya đã thành tựu cõi Đạo Lợi phải chăng? Tại sao người còn hỏi lại Như Lai?

- Bạch Ngài, quả có thật như thế.

- Nầy Moggallāna! Vì có gì mà thấy lại nói như vậy? Ví như đưa con trai hay đưa em trai vắng nhà lâu ngày, từ xứ xa trở về, đứng tại cổng làng. Bất cứ ai trông thấy nó, cũng lật đật về báo cho nhà biết tin: "Có cậu ấy trở về". Tức nhiên thân bằng quyến thuộc của người ấy rất vui mừng hớn hở, vội vã ra đi tiếp đón cậu: "Chào cậu, cậu mới về". Cùng như thế ấy, người nữ hoặc nam đã tạo thiện nghiệp ở đây, sau khi từ giả cõi đời này, đi tái sinh ở cảnh giới khác, sẽ được chư Thiên mang theo 10 thứ lễ vật của trời, hoan hỷ đến tranh nhau tiếp rước, nói rằng: "Để tôi rước trước, để tôi rước trước".

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Cirappavāsiṃ purisaṃ

Dūrato sotthiṃ āgataṃ

ñātimittā suhajā ca

Abhinandanti sāgataṃ" (219)

- "Tath'eva katapuññaṃ pi

Asmā lokā param gataṃ

Puññāni paṭigaṇhanti

Piyam ñātim'va āgataṃ" (220)

- "*Khách lâu ngày ly hương*

Từ viễn xứ về làng

Bà con cùng thân hữu

Hân hoan đến chào mừng". (219)

- "*Cũng vậy, các phước thiện*

Đón chào người làm lành

Đời này đến đời kia

Như thân nhân chào đón" (TMC).

CHÚ THÍCH:

Cirappavāsiṃ: Cūrappavuttham: Người ly hương ở hải ngoại đã lâu.

Dūrato sotthi māgataṃ: Sau khi làm nghề buôn hoặc làm công chức thu thuế lợi, hoặc lãnh tiền lương, lần hồi có nhiều của cải, sống đầy đủ an toàn rồi, từ xứ xa trở về quê cũ.

ñātimittā suhajā ca: Những quyến thuộc là người cùng một giòng họ và những thân bằng là bạn mới gặp gỡ kết tình thâm giao.

Abhinandanti sāgataṃ: Khi thấy người cũ, họ nói: "Cậu ấy đã về kìa", bằng lời nói, hoặc nắm tay chân, hay chấp tay chào, rồi rước về nhà, họ còn hân hoan hậu đãi bằng nhiều cách, như mang quà đến tặng.

Tatheva: Bởi lẽ đó, người đã tạo phước từ cõi đời này sang qua đời khác, sẽ được các phước cõi Trời chờ đợi, hoan hỷ tiếp đón như cha mẹ ruột, đem cho 10 thứ tặng phẩm của Trời tuổi thọ, sắc đẹp, sự an lạc, danh vọng, quyền thế cùng với ngũ dục trường dưỡng cõi Trời là sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Piyam ñātiva Giống như những thân nhân trong đời này và tất cả họ hàng quen thuộc đều đến tiếp rước.

Cuối thời pháp nhiều Tỳ khuru chứng đắc Thánh Quả, nhất là quả vị Tu Đà Hườn.

DỨT TÍCH CHÀNG NANDIYA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Cốc dâng Tăng ngụ lúc sanh tiền

Phước đã thành ngay ở Thượng thiên

*Ngọc nữ bán khoản chờ khách tục
Cao lâu sừng sừng đợi người tiên
Mâm vàng đổi lấy thêm ngàn lượng
Bát đất quăng đi, bót mấy tiền.
Nhân chủ là chàng Nandiyā
Thông qua Đại đức Moggallāna.*

XVII. PHẨM PHẦN NỘ

XVII. 1- THÍCH NỮ ROHINĪ

(PC. 221)

"Kotham jahe vippajaheyya mānam...".

Pháp Cú này, đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại chùa Nigrodha, đề cập đến Thích Nữ Rohinī.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, Đại đức Anuruddha cùng với 500 Tỳ khưu tùy tùng về thành Kapilavatthu.

Khi hay tin Đại đức về, những thân quyến của Đại đức đều đến thăm Đại đức, trừ ra người em gái của Ngài là Công Chúa Rohinī Đại đức hỏi các quyến thuộc rằng: - "Nàng Rohinī ở đâu rồi?"

- Bạch Ngài, ở nhà.
- Tại sao nàng ấy không đến?
- Bạch Ngài, nàng ấy nói: "Khắp mình tôi bị bệnh lác, vì mắc cở nên nàng ấy không đến".
- Hãy cho gọi nàng ấy đến đây?

Khi nàng Rohinī vận kín y phục, che khắp mình rồi, đi đến Đại đức hỏi rằng: - "Này Rohinī! Vì sao nàng không đến?"

- Bạch Ngài, khắp mình tôi nổi lác, bởi vậy tôi mắc cở không đến nơi này.
- Thế thì nàng cần phải làm phước thiện đi.
- Bạch Ngài! Tôi phải làm gì đây?
- Nàng hãy cất lên một Tầng đường đi.
- Tôi lấy chi để cất lên Tầng đường bây giờ?
- Nàng há chẳng có đồ trang điểm ư?
- Bạch Ngài có, nhưng không đủ.
- Giá có được là bao nhiêu?
- Bạch Ngài, lối chừng 10 ngàn đồng vàng.
- Nếu vậy, nàng hãy xuất hết tiền ấy ra cất Tầng đường đi.
- Bạch Ngài! Tôi sẽ nhờ ai kiến tạo Tầng đường bây giờ?

Đại đức nhìn những thân bằng đứng cạnh đó bảo rằng:

- Các thân quyến hãy đảm trách việc này với nàng Rohinī đi.
- Còn Ngài, Ngài sẽ làm việc chi?
- Ta cũng lưu ngự tại nơi đây. Vậy các thân quyến hãy mang vật liệu đến cho nàng Rohinī.
- Lành thay! Lành thay.

Rồi họ chở vật liệu xây dựng đến, Đại đức trông coi việc cất Tầng đường, đề nghị cùng nàng Rohinī rằng:

- Nàng hãy cho cất Tầng đường hai tầng. Từ lúc cho đóng ván để xây dựng tầng trên, lập tức nàng hãy quét dọn sạch tầng dưới, cho lót chỗ ngồi và chăm lo đổ đầy nước vào nơi chứa thường xuyên.

- Lành thay, bạch Ngài.

Nàng Rohinī bỏ ra toàn bộ nữ trang của mình, mượn cất một Tầng đường hai tầng, khi tầng trên bắt đầu xây dựng, nơi tầng dưới nàng thường xuyên quét dọn sạch sẽ, các Tỷ khưu thường xuyên trú ngụ tại nơi ấy.

Trong khi nàng Rohinī quét dọn Tầng đường thì bệnh lác của nàng giảm bớt. Đến khi cất xong Tầng đường, nàng cung thỉnh đức Phật và chư Tăng ngự đến Tầng đường, rồi cúng dường vật thực thượng vị cúng, mềm đến chư Tăng có đức Phật làm tọa chủ.

Khi độ xong bữa, đức Phật hỏi:

- Cuộc trai thí này của ai vậy?
- Bạch Ngài, của nàng Rohinī.
- Cô ấy đâu rồi?
- Bạch Ngài, ở trong nhà.
- Hãy cho gọi nàng ấy đến đây.
- Bạch Thế Tôn, nàng Rohinī không chịu đến.
- Hãy gọi nàng ấy đến, nhân danh Như Lai vậy.

Dù không muốn đến, nhưng vì lệnh của đức Phật gọi, nên nàng Rohinī phải đến, đánh lễ Ngài xong rồi, ngồi xuống một bên, Ngài phán hỏi rằng:

- Này Rohinī! Vì sao nàng lại không đến đây?
- Bạch Ngài, vì con bị bệnh lác, con mắc cỡ nên không dám đến.
- Nàng có biết vì sao bệnh ấy lại phát sanh lên cho nàng chăng?
- Bạch Ngài! Con không biết.
- Bệnh ấy phát sanh do nương vào sự phẫn nộ của nàng.
- Bạch Ngài, con đã làm cái chi?
- Nếu thế, nàng hãy lắng nghe.

Thế rồi, đức Bổn Sư thuyết lại Bổn Sanh rằng: Thuở xưa, có bà Hoàng Hậu của Quốc Vương Bārāṇasī, bà kết oan trái với một cô vũ nữ của đức Vua. Bà nghĩ rằng: "Ta sẽ làm cho nó phải khổ". Bà sai người đi hái một loại trái cây có chất ngứa (kacchu) đem về, nghiền nát ra thành bột, Hoàng Hậu cho đòi nàng vũ nữ ấy đến cung mình, đồng thời cho người lén rắc bột ngứa lên giường, ghế, áo choàng, mũ, mền... của cô ấy, bà lại giả vờ giỡn chơi, rắc bột ngứa vào mình nàng vũ nữ ấy, nàng vũ nữ nổi lên nhiều mụn ngứa, cô vừa gãi vừa làm việc hay vũ múa, khi lên giường nằm, cũng bị chất bột ngứa tẩm vào người, mặc áo cũng vương phải bột ngứa... Nàng chịu đau khổ vô cùng. Hoàng hậu ấy nay chính là nàng Rohinī.

Sau khi nhắc lại tiền tích, đức Bổn Sư dạy rằng:

- Này Rohinī, đó là bất thiện nghiệp mà cô đã tạo trong lúc trước. Quả thật vậy, phẫn nộ hay ganh tỵ, dù cho chút ít, cũng không hề thích đáng cả.

Nói rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

- *"Kodham jahe vippajaheyya mà nam
Saññojanam sabbam atikhameyya
Tam nāmārūpasmim asajjamānam
Akincaṇam nānupatanti dukkhā".*
- *"Xả bỏ lòng giận dữ
Trừ diệt tánh kiêu căng
Vượt ngoài mọi ràng buộc
Không chấp trước danh sắc
Người không còn một vật*

Khổ không sao theo dõi". (TMC)

CHÚ THÍCH

Kodham Tất cả các mức độ của sự phẫn nộ và chín lớp ngã mạn đều bỏ cả (kho tàng Pháp Bảo trang 130)

Saññojanam: Cả mười kiết sử, nhất là dây ràng buộc về tình dục (Kāmarāga) đều được giải thoát hết.

Asajjamānam: Alaggamānam là không bị dính mắc. Người nào cố chấp sắc của ta, thọ của ta... Tức là cố chấp danh sắc và thở than, khóc lóc khi danh sắc tan rã, người ấy gọi là dính mắc trong danh sắc. Người không cố chấp như thế, gọi là không dính mắc. Người ấy không bị dính mắc do không có tình dục, không gặp nỗi khổ bất ngờ xảy đến cho mình.

Cuối thời Pháp nhiều người chứng đắc Thánh quả, nhất là Quả Dự Lưu, nàng Rohinī cũng chứng đạt quả Tu Đà Hườn. Ngay lúc ấy toàn thân nàng tỏa rực màu vàng y.

Sau khi từ trần, nàng được sanh về cõi Trời Đạo Lợi, chỗ giáp ranh của bốn vị Thiên tử, nhan sắc nàng mỹ miều, khả ái. Bốn vị Thiên Tử thấy nàng đều phát sanh lòng luyến ái, vị nào cũng nói: "Nàng nầy sanh trong ranh giới của tôi". Để giải quyết vụ tranh chấp nầy, họ đưa nhau đến trước Thiên Vương Đế Thích, yêu cầu phân xử:

- Tâu Thiên Vương! Xin Ngài xét đoán giùm chúng tôi, xem ai đáng được nàng Thiên nữ nầy.

Đức Đế Thích trông thấy Thiên nữ Rohinī cũng sanh lòng yêu mến, nên phán rằng: "Từ khi trông thấy Thiên nữ nầy, tâm của quý vị sanh khởi ra sao?"

Một vị Thiên tử đáp: "Từ bấy giờ, tâm của tôi rộn ràng như trống trận, không thể nào im lặng được".

Vị thứ hai đáp: "Tâm của tôi cuộn cuộn chảy nhanh như thác đổ".

Vị thứ ba nói: "Từ lúc thấy nàng nầy, cặp mắt tôi lồi ra như mắt cua".

Vị thứ tư đáp: "Tâm của tôi thì giống như phướn treo trên Thánh tháp, không thể nào đứng yên được".

Đức Đế Thích bèn nói với bốn vị thiên tử: "Quý vị ơi! tâm của quý vị thật là nồng nhiệt. Tuy nhiên đối với trẫm, nếu được Thiên nữ nầy trẫm mới sống, còn không được thì trẫm sẽ băng".

Chư thiên đồng thanh: "Tâu Đại vương, Ngài không cần phải chết"

Nói rồi, họ nhường thiên nữ lại cho đức Đế Thích và ra đi.

Thiên nữ là người yêu mến của đức Đế Thích. Mỗi khi nàng đề nghị:

- Chúng ta hãy đi dự cuộc vui đó.

Đức Đế Thích không thể nào từ chối, bác bỏ lời nói của nàng.

DỨT TÍCH: THÍCH NỮ ROHINĪ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Vì nhân hại vũ nữ sẵn mình
Thích nữ không ngờ quả lác sinh
Xấu mặt, ngán mừng Tăng Đại đức
Hổ mày, e gặp Phật cao mình
Quét chùa tẩy sạch lòng sân hận
Dọn cốc trừ tan ý ghét ganh
Sắc đẹp khi lên trời Đạo Lợi
Làm vua Đế Thích cũng si tình...*

XVII. 2- TỖ KHUÙ ĐỐN CÂY RỪNG

(PC. 222)

"Yo ve uppatitam kodham...".

Kệ ngôn này được đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Tháp Aggālava, đề cập đến một vị Tỷ khuru nọ.

Từ khi đức Thế Tôn cho phép chư Tỷ khuru Tăng ngự trong các cốc ngoài ranh chùa, các thí chủ nhất là các Trưởng giả ở thành Vương Xá (Rājagaha) lo xây cất cốc cúng dường, một vị Tỷ khuru ở Alāvī quyết định tự mình cất cốc cho mình, vị ấy tìm thấy một cây rừng thích hợp, nên đốn hạ cây ấy. Nơi ấy là nơi trú ngụ của một vị thiên nữ, nàng có một đứa con trai còn bé thơ. Thiên nữ ẵm con, hiện ra trước mặt vị Tỷ khuru, yêu cầu rằng:

- Thưa chủ! Xin chủ đừng đốn phá đền đài của tôi. Tôi không thể ẵm con đi lang thang vì không có chỗ trú ngụ được.

- Ta không thể nào tìm được cây khác tốt bằng cây này được.

Rồi không cần đếm xỉa gì đến lời của Thiên nữ, vị ấy tiếp tục đốn cây, Thiên nữ suy nghĩ: "Nếu nhìn thấy đứa bé này, chắc Ngài sẽ dùng tay". Cô bèn để đứa con trai mình nằm trên nhánh cây. Tuy nhiên vị Tỷ khuru vung búa lên rồi, và không thể điều khiển kềm lại được, theo đà búa đã chặt đứt cánh tay đứa bé. Thiên nữ nổi giận dữ dội, đưa cao hai tay định đập chết vị Tỷ khuru, nhưng nàng tự nghĩ:

- Tỷ khuru này là người có giới đức, nếu ta giết chết người, ta sẽ phải rơi vào địa ngục. Vả lại, khi ấy các thọ thần khác thấy vậy sẽ theo gương này, sẽ tự nhủ khi thấy có Tỷ khuru đốn cây của mình rằng: "Đã có một Thọ thần đó, giết chết vị Tỷ khuru trong trường hợp như vậy rồi", rồi họ sẽ sát hại Tỷ khuru. Vả lại, Tỷ khuru này là người có chủ, vậy ta hãy đem chuyện này nói lại cho chủ của ông ta.

Khi hạ tay xuống, nữ Thọ thần vừa đi vừa khóc, đến đánh lễ đức Bổn Sư rồi đứng nép qua một bên. Đức Bổn Sư bèn hỏi Thọ thần rằng:

- Có chuyện gì thế, này Thiên nữ.

- Bạch Ngài! Một vị Thinh Văn của Ngài đã làm như thế này, thế này. Con nổi giận toan giết ông ta, nhưng con suy nghĩ lại, dần tâm sân hận xuống và đi đến đây trình lên Ngài.

Vị nữ Thọ thần thuật lại trọn vẹn câu chuyện lên đức Thế Tôn, nghe xong, đức Thế Tôn phán rằng: - Lành thay! Lành thay! Này Thiên nữ, việc nàng dần được tâm sân đang khởi lên như thế, ví như người kềm chế được chiếc xe đang chạy nhanh, thật là tốt đẹp vậy.

- "Yo ve uppatitam kodham
Ratham bhantam'va uṇhā- raye
Tam aham sārathim brūmi
Rasmiggāho itaro jano"

- "Ai chặn được con giận
Như dùng xe đang lăn
Ta gọi người đánh xe
Kẻ khác cầm cương hờ". (TMC)

CHÚ THÍCH

Uppatitam: Uppanam: đã nổi dậy, đã sanh khởi.

Ratham bhantam'va: Ví như người đánh xe thông thạo có thể thắng đứng chiếc xe đang chạy rất mau tùy theo ý muốn như thế nào, thì người nào có thể kềm hãm lại được con giận dữ đang nổi dậy cũng như thế ấy.

Tam aham: Người ấy, ta gọi là người đánh xe.

Itaro jano: Người khác, chẳng hạn như Quốc Vương, Phó Vương tuy cũng là người đánh xe, nhưng chỉ xứng đáng là kẻ cầm cương thôi, không phải là người đánh xe thiện xảo.

Cuối thời Pháp, nàng Thiên nữ chứng đạt Thánh quả Dự Lưu, tứ chúng hiện diện cũng được nhiều lợi ích khi nghe Pháp.

Mặc dầu chúng quả Tu Đà Hườn, nhưng Thiên nữ vẫn đứng khóc. Đức Bốn Sư hỏi nàng:

- Này Thiên nữ, cái gì thế?
- Bạch Ngài! đền đài của con đã tan nát, bây giờ con sẽ làm gì đây?
- Được rồi, Thiên nữ đừng bi lụy nữa. Ta sẽ cho cô một ngôi đền để ở.

Ngài chỉ một cây Đại thọ trong vòng chùa Kỳ Viên, gần Hương thất mà vị thọ thần nơi ấy vừa mệnh chung hôm qua, nói rằng:

- Ở nơi ấy, là nơi trú của cô, là nơi cô tịch với nàng vậy.

Nữ thọ thần vui mừng đến nơi ấy. Từ đó về sau, chư Thiên Đại Thần lực có đến cũng không dám chiếm đoạt nơi trú của nàng, vì biết rằng ngôi đền này được đức Thế Tôn ban cho nàng Thiên nữ ấy.

Nhân dịp này, đức Thế Tôn chế định học giới, cấm các Tỳ khưu phá hoại thảo mộc.

DÚT TÍCH: TỖ KHUU ĐỐN CÂY RỪNG

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Luật cấm Tỳ khưu việc đốn cây
Trước tiên, phạm lỗi tại ông này
Con Thần bé bỏng đang nằm đó
Búa bén to sẫm vệt chém đây
Nhờ tỉnh, dẫn tâm thưa thẳng Phật
Nếu mô, nổi giận giết ngay Thầy...
Oan gia ráng mở đòng nên buộc
Trong rủi làm sao cũng có may.*

XVII. 3- TÍN NỮ UTTARĀ

(PC. 223)

"Akkhodhena jine kodham...".

Pháp Cú này, đức Bốn Sư đã thuyết ra khi Ngài trú tại Veouavana, khi thọ thực tại nhà của nàng Uttarā, để cập đến nàng.

Câu chuyện này tuần tự diễn tiến như sau:

Tương truyền rằng: Trong thành Rājagaha, có một người nghèo khổ tên là Punṇa, làm thuê cho Trưởng giả Sumana mà sống qua ngày. Vợ và con của anh đều có tên là Uttarā, đều làm công trong nhà Trưởng giả. Một ngày nọ, trong thành Rājagaha có tin loan truyền rằng:

- Trong bảy ngày liền, mọi người được nghỉ lễ và ăn chơi.

Nghe tin này, sáng hôm sau, Trưởng giả Sumana thấy Punṇa đi đến, bèn hỏi anh rằng:

- Này Punṇa! Những công nhân của ta đều nghỉ lễ để vui chơi, còn ngươi thì thế nào?

- Thưa cha! Việc nghỉ lễ để vui chơi là việc của những người giàu có. Còn trong nhà tôi, ngày mai này không có gạo để nấu cháo, thì tôi nghỉ lễ làm chi. Tôi sẽ bắt bò đi cày.

- Ừ phải! Ngươi hãy bắt bò đi cày đi.

Sau khi bắt một đôi bò khỏe và lấy cái cày, Punṇa đi về nhà bảo vợ: "Này em! Dân thành sẽ vui chơi trong bảy ngày lễ hội, còn mình thì nghèo quá phải đi làm thuê. Vậy hôm nay, em hãy lấy gạo nhiều gấp đôi, nấu cơm rồi mang ra đồng cho anh nhé".

Dặn vợ xong, anh mang bỏ ra ruộng cà.

Lúc bấy giờ, sau bảy ngày nhập đại định, Trưởng lão Sāriputta vừa xuất định trong ngày ấy, Ngài quán xét rằng: "Hôm nay ta sẽ tế độ ai đây?" hình ảnh Punṇa lọt vào võng trí của Ngài. "Anh ta có đức tin và cúng dường đến ta chăng?". Được biết rằng có và nhờ đó Punṇa sẽ có quả báo lớn.

Khi quán xét xong rồi, Đại đức đắp ý mang bát đi đến chỗ Punṇa đang cà ruộng, Ngài đứng trên bờ ruộng nhìn về phía lùm cây.

Punṇa trông thấy Đại đức, phát tâm tịnh tín, bỏ cà xuống đánh lễ Đại đức với cách ngũ thể đầu địa và nghĩ rằng: "Chắc Ngài cần dùng cây đánh răng". Y liền làm cây đánh răng đúng theo pháp rồi dâng đến Đại đức. Khi ấy, Đại đức trao Bát và đổ lọc nước cho y. Punṇa suy nghĩ: "Chắc Ngài cần dùng nước". Anh đi lấy nước, lọc nước xong cúng dâng đến Đại đức. Đại đức suy nghĩ:

- Punṇa nầy ở nhà cuối xóm, nếu ta đến nhà anh, vợ anh không thể gặp được ta. Chi bằng ta hãy nán chờ nơi nầy giây lát.

Ngài dùng trí quán xét, khi biết vợ Punṇa đang trên đường mang cơm đến cho chồng, Ngài bèn đi thẳng vào thành Rājagaha.

Nàng Uttarā gặp Đại đức giữa đường, tự nghĩ rằng:

- Đôi khi ta có vật để Bát mà không gặp Ngài, đôi khi mình gặp Ngài mà chẳng có chi để bát. Hôm nay vừa được gặp Ngài vừa có vật đặt bát, không biết Ngài có tế độ mình hay chăng?"

Đặt mâm cơm xuống, vợ Punṇa đánh lễ Đại đức xong, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài từ bi tế độ cho kẻ tôi đòi của Ngài, đừng lưu ý vật thực nầy ngon hay dở.

Đại đức đưa bát ra, nàng Uttarā một tay bung com một tay sót com vào bát. Khi được nửa phần com, Đại đức bảo:

- Thôi vừa rồi.

Ngài lấy tay che miệng bát lại.

Thí chủ van lơn rằng: "Bạch Ngài! Một bữa ăn không thể chia làm hai phần được. Ngài khỏi tế độ kẻ tôi đòi nầy trong đời nầy, nhưng xin Ngài hãy tế độ trong đời vị lai. Con muốn dâng tất cả com nầy cho Ngài, không còn để dư sót lại".

Nói rồi, thí chủ sót bát trọn vẹn cho Ngài và phát nguyện rằng: "Mong sao con đạt được Pháp mà Ngài đã giác ngộ". Đại đức chúc phúc rằng: "Mong cho người được như vậy". Đại đức tụng lên bài kệ hoan hỷ phước, rồi Đại đức đi đến một nơi mát mẻ, có nước uống, nước rửa tay chân, Ngài ngồi xuống độ com.

Vợ Punṇa quay về nhà nấu phần cơm khác cho chồng. Punṇa cà được độ nửa mẫu ruộng, y đói bụng quá, bèn mở bờ ra thả đi ăn, rồi vào ngồi trong bóng mát của một cây to, nhìn ra lộ.

Vợ Punṇa mang cơm ra cho chồng, nhìn thấy Punṇa đang ngồi trong một bóng mát, hướng nhìn ra lộ, tự nghĩ rằng: "Anh ấy đang đói bụng và đang ngồi chờ mình". Nếu anh ấy trách mắng mình "Sao lâu quá vậy?" Và dùng roi đánh mình thì sẽ làm mất lợi ích. Vậy ta hãy lên tiếng trước. Nàng nói với chồng rằng:

- Anh ơi! Hôm nay anh nên phát tâm trong sạch đừng phá tan phần phước mà em đã tạo. Hồi sáng, khi mang cơm ra ruộng cho anh, dọc đường gặp Trưởng lão Sāriputta, em đã cúng dường phần com ấy đến Ngài, rồi trở về nấu lại phần com cho anh. Mong anh hãy phát tâm trong sạch đi.

Punṇa hỏi lại: "Em vừa nói cái chi thế?". Khi nghe vợ lập lại, anh hoan hỷ nói rằng: "Nầy em! Việc mình đã làm là cúng dường đến Đại đức phần com ấy là phải lắm. Chính anh cũng đã cúng dường Ngài cây đánh răng cùng nước súc miệng, rửa mặt sáng hôm nay".

Với tâm trong sạch thỏa thích khi nghe vợ nói, Punṇa dùng com xong, thân mệt mỏi, Punṇa nằm xuống gác đầu lên đùi vợ mà ngủ. Khi ấy, thửa ruộng mà Punṇa vừa cà được từ ban sáng, tất cả đất nát đều trở thành vàng sáng rực như một đồng hoa Kanikāra.

Khi thức dậy, nhìn thấy cảnh tượng ấy, Punṇa bảo vợ rằng:

- Này em! Thửa ruộng hình như hóa thành vàng cả, có lẽ vì tôi hoa mắt do đói bụng mà thấy như vậy phải chăng? - Anh à? Chính em cũng thấy như anh vậy.

Punṇa đứng dậy, đi đến thửa ruộng, cầm lấy cục đất đập vào cán cày, biết đất thành vàng, thì kêu lên: "May thật. Việc đặt bát cúng dường đến Ngài Pháp Chủ đã trở quả ngay hôm nay. Nhưng bấy nhiêu vàng đây, ta không thể cất hưởng trọn vẹn được".

Punṇa lấy vàng đựng vào mâm com mà vợ anh mang com ra cho anh, đi thẳng vào Hoàng cung, chờ được lệnh vua, anh vào yết kiến đức vua. Đức vua phán hỏi: "Cái chi đây? Khanh?"

- Tâu Bệ hạ! Hôm nay đất mà thân vừa cày lên bỗng hóa thành vàng xin Bệ Hạ hãy cho chở về Hoàng Cung đi.

- Khanh là ai?

- Dạ! Thân là Punṇa

- Hôm nay khanh đã làm gì?

- Sáng hôm nay con có cúng dường cây chà răng cùng nước đến đức Pháp chủ Sāriputta và vợ con thì cúng dường com là phần của con đến Ngài.

Nghe vậy, đức vua tán thán rằng: "Vậy thì, việc cúng dường của khanh đến đức Sāriputta đã trở quả rồi đó. Này khanh! Giờ đây trăm phải làm gì bây giờ?"

- Xin Bệ Hạ cho người mang mấy ngàn cỗ xe bò đến ruộng mà chở vàng về.

Đức vua cho người đánh xe bò mang vàng về. Trong khi chất vàng lên xe các viên chức Triều đình bảo nhau rằng: "Đây là vàng của đức vua". Tự nhiên các thỏi vàng biến thành đất hết. Mọi người lạ lùng, trở về báo lại cho đức vua biết, đức vua phán hỏi rằng:

- Thế các khanh đã nói những gì?

- Tâu Bệ Hạ! Chúng thần chỉ nói là "Đây là vàng của đức vua"

- Này chư khanh! Đó không phải là tài sản của trăm, mà là của Punṇa. Hãy đi, khi cầm lên nói rằng: "Đây là tài sản của Punṇa".

Các quan làm theo lời của đức vua, tự nhiên những cục đất họ cầm trên tay đều hóa thành vàng. Họ chở tất cả vàng về đổ thành một đồng giữa sân rộng, cao đến 80 hắc tay. Đức vua cho triệu tập thị dân vào Hoàng cung và phán hỏi rằng:

- Trong thành này, có ai là người có được số tài sản như vậy chăng?

- Tâu Bệ Hạ! Chẳng có ai cả.

- Vậy nên ban thưởng cái chi cho người có được tài sản như vậy?

- Tâu Bệ Hạ! Nên ban thưởng danh vị Trưởng giả cho người ấy.

- Vậy thì trăm phong cho Punṇa tước vị Trưởng giả Bahudhana (Đa kim).

Rồi đức vua ân tứ cho Punṇa nhiều phẩm vật với chiếc lọng Trưởng giả. Punṇa tâu với đức vua rằng:

- Tâu Bệ Hạ! Bấy lâu thân ở nương vào gia tộc của Trưởng giả Sumana. Xin Bệ Hạ hãy ban nơi ngụ cho Thân đi.

Đức vua chỉ tay về hướng Nam của ngôi nhà Trưởng giả Sumana, ở khoảng đất trống, nói với Punṇa rằng:

- Khanh hãy nhìn theo đây. Về phía tay mặt, khanh thấy có lùm cây rậm rạp. Hãy dọn sạch nơi đó và cất nhà ở đi.

Chỉ vài ngày sau, Punṇa đã cho cất xong ngôi nhà tại chỗ đức vua ban cho. Nhân dịp khánh thành ngôi biệt dinh cùng với lễ thọ phong danh vị Trưởng giả được cử hành cùng một ngày, Trưởng giả Punṇa cho thỉnh chư Tăng Tỳ khưu có đức Phật là vị Thượng Thủ đến dự, cúng dường vật thực đến đức Phật và chư Tăng.

Khi thọ thực xong, đức Thế Tôn tùy hỷ bằng thời pháp thoại Tuần Tự Pháp (Anupubbe katham). Dứt thời pháp, Trưởng giả Punṇa cùng vợ và con gái là nàng Uttarā, cả ba người chứng đạt Thánh Quả Tu Đà Hườn. Thời gian sau, Trưởng giả Sumana định cưới Tiểu Thư Uttarā cho con trai mình, nhưng Punṇa từ chối rằng:

- Tôi không gả con đâu.

Ông Trưởng giả thành Rājagaha năn nỉ rằng:

- Xin ông đừng làm vậy, bấy lâu nay Ngài vẫn ở chung với chúng tôi, nay được phú quý vinh hoa rồi! Xin hãy gả con cho con trai tôi đi.

- Ông là người tà kiến. Con gái tôi không thể sống xa Tam Bảo được. Không bao giờ tôi gả con cho con ông được đâu.

Khi ấy, nhiều Công Tử, Trưởng giả... xúm nhau thuyết phục Punṇa:

- Xin Ngài đừng đoạn tình hữu nghị như vậy, hãy gả con gái cho con trai ông ấy đi.

Sau cùng, Trưởng giả Punṇa chấp thuận lời yêu cầu của khách, chọn ngày rằm tháng āsakha (tháng 6 âm) để gả con.

Từ ngày Uttarā về nhà chồng, cô không còn được dịp thân cận chư Tăng hoặc Ni, không được cúng dường, đặt bát đến chư Tăng hoặc được nghe Pháp từ các Ngài.

Trải qua hai tháng rười như thế, cô hỏi những nữ tỳ rằng:

- Bây giờ, còn bao nhiêu ngày nữa là ngày ra hạ?

- Thưa cô! Còn nửa tháng nữa.

Nghe vậy, Uttarā liền gửi thư cho cha, nói rằng:

- Tại sao vớt con vào một nhà tù như vậy? Thà bắt con mang danh hiệu rồi tuyên bố con là nữ tỳ của kẻ khác, còn hơn là gả con về một gia đình tà kiến như vậy. Kể từ ngày con về làm dâu đến nay, con không hề gặp được một vị Tỳ khưu nào cả, hoặc là được cúng dường một lần nào cả.

Khi nhận được thư con gái như thế, Punṇa xót thương nàng Uttarā, than rằng: "Khổ thân con gái ta thật".

Trưởng giả Punṇa cho con gái mình 15.000 đồng vàng Kahāpana với phong thư có lời dạy rằng: "Trong thành này có nàng kỹ nữ tên là Sirimā, nhận tiếp khách với giá một ngàn đồng vàng mỗi đêm. Với số tiền này, con hãy rước nàng về hầu hạ chồng con nửa tháng, để con được rảnh rang làm phước thiện".

Nàng Uttarā liền cho rước nàng Sirimā đến nhà, bảo với nàng:

- Này cô! Cô hãy nhận số tiền này và cố gắng tiếp đãi bạn của tôi trong thời gian nửa tháng đi.

- Được thôi.

Nàng Uttarā đưa kỹ nữ Sirimā đến gặp chồng mình. Chồng nàng thấy nàng Sirimā xinh đẹp liền hỏi rằng: "Có chuyện gì thế?"

- Thưa anh! Trong nửa tháng này, anh hãy để bạn em hầu hạ anh, còn em muốn được đi nghe Pháp và cúng dường đến Bắc Đạo Sư và Tăng Chúng.

Chồng này đắm say nhan sắc của Sirimā, nên nhận lời ngay. Nàng Uttarā liền cung thỉnh Tỳ khưu Tăng có đức Phật là vị Thượng Thủ, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trong nửa tháng này, xin thỉnh Ngài thọ bát tại nhà của con, đừng ngự đến nơi nào khác.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời, nàng Uttarā hoan hỷ, nghĩ rằng:

"Từ nay cho đến ngày Lễ Tự Tứ (Pavāraṇa). Ta may mắn được phục vụ đức Thế Tôn cùng Chư Tăng và được nghe Pháp thoại từ các Ngài".

Nàng Uttarā thường đến nhà bếp dọn dồ, chỉ bảo các nữ tỳ rằng: "Hãy nấu cháo như vậy, hãy nướng bánh như vậy...".

Bấy giờ, còn ngày mai nữa là đến ngày Lễ Tự Tứ, chồng nàng chợt nhớ đến Uttarā, nghĩ thầm rằng:

- "Chẳng biết nàng Uttarā đang làm gì nhỉ?" Chàng ngó xuống nhà bếp, thấy nàng Uttarā đang tát bột, sửa soạn lễ Trai Tăng để cúng dường đến đức Phật và chư Tăng vào ngày mai, mình nàng

đắm ướt mồ hôi, đầu cổ thì lấm lem tro bụi, chàng nghĩ rằng: "Cô này thật là lẳng trí, ở nơi như vậy mà không biết hưởng thụ, lại thỏa thích làm việc hầu hạ mấy ông Sa môn". Nghĩ vậy, chàng tức cười rồi bỏ đi nơi khác. Thấy vậy, nàng Sirimā hiếu kỳ, đi đến nơi vừa đứng của Công Tử, nhìn xuống thấy nàng Uttarā, nàng Sirimā suy nghĩ: "Chàng ta cười vì thấy được vợ mình là nàng Uttarā, hẳn hai người có tình ý chi đây" (Người ta nói rằng: Trong thời gian nửa tháng ấy, trong nhà với vai trò Tiểu thiếp nhưng nàng Sirimā đã quên hẳn đi, cứ ngỡ rằng mình là chủ nhân của ngôi nhà).

Nàng Sirimā liền cột oan trái với nàng Uttarā rằng:

- Ta sẽ làm cho nó khổ sở mới được.

Từ nhà trên, nàng đi xuống bếp đến nơi chiên bánh, nàng múc một muổng bơ sôi, đi thẳng đến nàng Uttarā. Thấy nàng Sirimā đi đến, nàng Uttarā suy nghĩ rằng: "Bạn ta đã giúp ta thật hữu ích! Cỗ Sa bà này vẫn còn chật hẹp. Cỗ Phạm Thiên vẫn còn thấp kém so với ân đức của bạn ta đã giúp ta. Nhờ có cô mà ta được tạo phước cúng dường chư Tăng và nghe Pháp. Nếu như ta có tâm sân hận với nàng thì bơ này sẽ làm hại ta, bằng không thì xin cho ta không bị khổ sở do bơ này". Rồi nàng rời từ tâm đến nàng Sirimā. Tuy bị Sirimā tạt bơ sôi lên đầu, nhưng bơ ấy khi chạm vào nàng thì trở nên nguội lạnh. "Có lẽ bơ này bị nguội" nghĩ vậy, Sirimā lại múc một muổng bơ khác tạt vào người Uttarā. Các nữ tỳ trông thấy la lên rằng: "Hãy rút đi, đồ ác độc! Người đã tạt bơ nóng lên người chủ chúng ta thật không phải lễ". Vừa la hét, vừa xúm nhau lại, các nữ tỳ dùng tay chân đánh đá vào người nàng Sirimā, nàng ta ngã xuống đất, quá bất ngờ, nàng Uttarā không ngăn cản kịp thời, bèn ngã nằm trên người của Sirimā che cho nàng và đẩy lùi bọn nữ tỳ ra. Và nàng khuyên giải rằng: "Sao bạn lại tạo ác nghiệp nặng như thế?".

Nàng Uttarā còn pha nước ấm tắm cho nàng Sirimā, dùng dầu được tinh chế hàng trăm lần xức vào những nơi bầm của nàng Sirimā.

Khi ấy, nàng Sirimā mới ý thức được địa vị của mình nơi nhà ấy, tự nghĩ rằng: "Ta đã gây tội ác nặng nề, khi ta tạt bơ nóng vào người nàng, khi chồng nàng cười với nàng. Thay vì oán hận ta, bảo bọn nữ tỳ bắt bớ ta, nàng lại dùng thân che chở cho ta, quát lui nhóm nữ tỳ khi họ đang áp đảo ta, còn pha nước tắm cho ta, thoa xức dầu. Nếu ta không sám hối tội lỗi với nàng, chắc đầu ta sẽ vỡ thành bảy mảnh".

Nàng liền mọp dưới chân của Uttarā, nói rằng:

- Xin cô từ bi xá lỗi cho tôi đi.

- Tôi là con có cha, nếu cha tôi tha thứ cho cô thì tôi sẽ tha thứ cho cô.

- Thưa vâng! Xin cô tha lỗi tôi đi, rồi tôi sẽ tìm đến Trưởng giả Puṇṇa xin sám hối nữa.

- Này cô! Trưởng giả Puṇṇa chỉ là cha của tôi trong vòng sinh tử, người cha mà tôi muốn nói là người đã vượt ngoài sinh tử.

- Ai là cha cô? Là người vượt khỏi sanh tử.

- Chính là đức Chánh Biến Tri.

- Tôi chưa từng được diện kiến với Ngài. Ngày mai đức Thế Tôn sẽ cùng 500 Tỳ khưu Tăng đến đây. Hãy mang lễ vật tùy theo sức mình đến cúng dường và sám hối cùng với Ngài đi.

- Lành thay! Thưa cô chủ.

Nàng Sirimā đứng dậy, trở về nhà của mình, ra lệnh cho 500 nữ tỳ của nàng phải sẵn sàng chuẩn bị đủ thứ vật thực để cúng dường. Nàng Sirimā đi đến nhà nàng Uttarā nhưng nàng không dám đặt bát cúng dường vật thực đến đức Phật và chư Tăng. Nàng Uttarā thu nhận tất cả những lễ vật, rồi nàng cúng dường đến đức Phật và Tăng chúng thế cho nàng Sirimā.

Khi đức Thế Tôn thọ thực xong, nàng Sirimā cùng 500 nữ tỳ phủ phục dưới chân Ngài xin sám hối tội lỗi, Ngài phán hỏi:

- Con đã phạm lỗi chi?

- Bạch Ngài! Hôm qua con đã làm như thế này, thế này. Nhưng nàng Uttarā đã ngăn cản nữ tỳ đang áp đảo và hành hạ con, nàng lại còn giúp đỡ cho con nữa. Khi con hối lỗi, xin sám hối với nàng, thì nàng bảo nếu Ngài tha thứ cho con thì nàng mới tha thứ.

- Này Uttarā! Con có nói như thế chẳng?

- Bạch Ngài có! Hôm qua bạn con đã tạt bơ nóng vào đầu của con.

- Lúc ấy, tâm của con như thế nào?

- Bạch Ngài! Con rãi tâm từ đến nàng Sirimā, tự nghĩ rằng: "Cõi ta bà này còn hẹp, cõi Phạm thiên còn thấp kém so với ân đức của bạn ta. Nhờ nàng Sirimā, ta được dịp đứng đường và nghe pháp từ nơi đức Thế Tôn và Tăng chúng trọn nửa tháng nay. Nếu như ta có tâm sân hận với nàng thì bơ này sẽ làm hại ta, còn như tâm ta ta không có sân hận với nàng thì bơ sôi này không làm phỏng mình ta được".

- Lành thay! Lành thay. Này Uttarā, cần phải thắng phục sự phẫn nộ như vậy. Thật thế, nên thắng phục kẻ mắng nhiếc, phải báng mình bằng sự từ hòa dịu ngọt. Nên thắng kẻ bòn xén rít róng bằng sự bố thí tài sản của mình. Nên thắng kẻ dối trá hư ngụy bằng sự chân thật.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Akkodhena jine kodham

Asādhum sādhuṇa jine

Jine kadayam dānena

Saccena alikavādinam"

- "*Lấy không giận thắng giận*

Lấy thiện thắng bất thiện

Lấy thí thắng xan tham

Lấy chân thật thắng hư ngụy" (TMC)

CHÚ THÍCH:

Akkodhena: Gặp người đang nóng giận, con nên lấy tâm từ hòa mà thắng họ.

Asādhū: Gặp người không tốt, con lấy tâm hiền lành mà thắng phục họ. Bởi thế ta mới nói: "Lấy từ thắng sân hận... Lấy chơn thắng hư ngụy".

Cuối thời pháp, nàng Sirimā và 500 nữ tỳ chúng đạt quả Dự Lưu.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Thân nghèo há nghĩ chuyện vui say

Ngày lễ, Punṇa vẫn ráng cày

Bụng đói, giờ trưa mong vợ đến

Đường xa, gói mỗi, sự chồng đày

Hai người áo rách duyên tròn đủ

Một đồng vàng y, quả trở đây

Trưởng giả Đa Kim nhờ Pháp Chủ

Càng tin tưởng, càng nhớ ơn thầy.

Dùng tâm mát mẻ thắng tâm sân

Bơ nóng vô mình, chẳng hại thân

Tiểu thiếp ganh chồng toan bỏ nghĩa

Chánh thể mến bạn, cứ hàm ân

Đức lạnh cảm hóa người ngu ác

Đạo cả dung thông kẻ độn đần

Gái điếm vào dòng thành Phật tử

Nhờ con Bá Hộ giúp tròn nhân.

XVII. 4- MOGGALLĀNA VẤN ĐẠO

(PC. 224)

"Saccam bhāṇe na kujjheyya...".

Kệ ngôn Pháp Cú nầy đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài ngự tại Tinh xá Jetavana, đề cập đến câu hỏi của Trưởng lão Moggallāna.

Một thửa nọ, Đại đức đi du ngoạn trên cõi Trời, thấy một Thiên nữ có nhiều oai lực đang đứng tại cửa đền. Thiên nữ ấy đi đến đảnh lễ Đại đức, Đại đức bèn hỏi rằng:

- Nầy Thiên nữ! Sự vinh hiển của cô thật lớn thay. Chẳng hay cô đã làm việc chi mà được phước như vậy.

- Bạch Ngài, xin Ngài đừng hỏi tôi việc phước nhỏ nhen ấy.

(Người ta nói rằng: Vì Thiên nữ hổ thẹn với phước báu nhỏ nhặt của nàng nên nói thế).

Tuy nhiên, Đại đức cứ hỏi đi hỏi lại mãi. Sau cùng thiên nữ bèn đáp:

- Tôi chẳng bao giờ biết làm phước bố thí hoặc cúng dường lễ bái, cũng chẳng màng nghe Pháp chi cả. Tất cả việc tôi làm là chỉ giữ lời chân thật mà thôi.

Đại đức lại lần lượt đi đến các tòa Thiên cung khác và hỏi thăm các Thiên nữ về thiện nghiệp của các nàng. Tuy dẫu quanh như Thiên nữ trước, nhưng cuối cùng các nàng cũng thưa rằng:

- Bạch Ngài! Tôi không có làm phước bố thí chi cả. Trong thời đức Phật Kassapa, tôi là một nữ nô lệ. Chủ tôi là người hung hăng, bạo ngược. Ông ta luôn có ý nghĩ cầm roi đánh hoặc gậy cầm tay đánh bẽ đầu người khác. Có lắm lúc tôi nổi giận, nhưng lại nghĩ rằng: "Ông ta là chủ của mây, ông ta có quyền hài tội mây giữa đại chúng, hoặc xẻo mũi, xẻo tai mây, mây không được quyền giận chủ mây". Tôi đã tự nguyện khuyến cáo như thế và đã kềm chế được sự nóng giận. Do đó mà tôi được sự vinh hiển này.

Một Thiên nữ khác bạch rằng:

- Bạch Ngài, thưở trước tôi là người giữ ruộng mía, tôi có dâng một cây mía đến vị Tỳ khưu...

Cô khác thì: "Tôi có dâng một trái Timbarasaka⁽⁹⁾

Cô khác nói: Tôi có dâng trái dưa chuột... Cô khác thì: Tôi có dâng một nắm trái Nimba⁽¹⁰⁾

Bằng những lời lẽ như vậy, mỗi Thiên nữ cho biết sự cúng dường nhỏ mọn của mình. Tất cả đều kết luận rằng: Do lẽ đó, chúng tôi được sự vinh hiển nầy.

Khi nghe rõ các tiền nghiệp của chư Thiên nữ ấy, Đại đức từ cung Trời trở về, đảnh lễ đức Thế Tôn và bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài! Có thể nào chỉ với lời chân thật, chỉ dập tắt sự nóng giận, chỉ cúng dường vật rất hèn mọn như trái Timbarasaka... mà được hưởng sự vinh hiển của chư Thiên chẳng?

- Này Moggallāna! Tại sao người còn hỏi Như Lai? Vậy các Thiên nữ há chẳng giải rõ cái lý này cho người nghe rồi hay sao?

- Vâng! Bạch Ngài, con tin tưởng rằng chỉ làm bấy nhiêu đó cũng có thể hưởng được phước lộc chư Thiên.

- Nầy Moggallāna! Dẫu chỉ nói lời chân thật, chỉ dứt bỏ sự sân hận, chỉ cúng dường chút ít. Người ấy cũng có thể thọ sanh lên Thiên giới được như thế cả.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

- *Saccam bhāṇe na kujjheyya*
Dajjā appampi yācito
Etehi tīhi ṭhāchi
Gacche devjana santike"

⁹ Hay Tinduka, là cây Diaspyros thường mọc miền Nhiệt đới.

¹⁰ Cây ở miền Bắc ấn, trái lột làm dầu thơm.

- "Nói thật, không nóng giận
Của ít thí người xin
Nhờ ba việc lành này
Đưa người gần thiên giới" (TMC)

CHÚ THÍCH

Saccam bhāṇe: Nói năng, thuyết giảng lẽ thật, trú vững trong sự chân thật.

Na kujjheyya: Đừng giận hờn người khác.

Yācito: Tiếng người ăn xin đây ám chỉ những người xuất gia, có giới đức. Những người tuy không mở miệng xin "hãy cho chút ít" nhưng đến tại nhà người cũng có nghĩa là đi xin. Gặp người đi xin có giới đức như vậy, dầu cho chút ít vật thí hãy cho theo sức của mình.

Etehi tīhi: Trong ba việc lành đó, bất cứ việc nào cũng đưa người lên thiên giới cả.

Cuối thời pháp, nhiều Tỳ khưu chứng Thánh quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

DÚT TÍCH: MOGGALLĀN VẤN ĐẠO

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Muốn biết làm sao đủ thiện duyên
Sanh lên hưởng phước lộc chư Thiên
Hãy nghe Phật dạy ba điều thiện
Đúng với lòng tin đức Mục Liên
Chân thật là nhân sắp đứng đầu
Kể là tất giận, chớ câu mâu
Sau cùng dâng cúng, tuy rằng ít
Đến bậc ăn xin chẳng vọng cầu.*

XVII. 5- CHƯ TĂNG VẤN ĐẠO

(PC. 225)

"Ahimsakè ye munayo...".

Pháp cú này được đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài ngự tại añjanavana, gần thành Sāketa, để cập đến câu hỏi của vị Tỳ khưu.

Tương truyền rằng: Khi đức Thế Tôn với đoàn Tăng lữ vào thành Sāketa khát thực, một lão Bà la môn từ trong thành đi ra, gặp đức Thập Lực, liền nằm mọp dưới chân Ngài, nắm chặt lấy hai cổ chân Ngài và nói rằng:

- Con ơi! Con há chẳng phải có phận sự phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già ư? Tại sao bấy lâu nay con không về thăm mẹ của con. Mãi đến bây giờ cha mới gặp mặt con. Con hãy trở về thăm mẹ của con.

Ông nắm lấy tay đức Thế Tôn dắt về nhà mình. Đức Bổn Sư ngự đến đó, ngồi vào chỗ ngồi được soạn sẵn cùng với chư Tỳ khưu.

Bà vợ ông Bà la môn ấy cũng đi đến nằm trước chân đức Thế Tôn và nói:

- Nay con ơi! Bấy lâu nay con đi đâu? Con há chẳng có bổn phận phải phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già ư?

Rồi bà bảo các con trai, con gái hãy ra đánh lễ: "Hãy đánh lễ anh các con đi". Với tâm thỏa thích, hai ông bà cúng dường đến Tăng chúng có đức Phật là vị Thượng Thủ, rồi bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài thường xuyên thọ bát tại nơi đây.

- Này Bà la môn! Chư Phật không bao giờ thường xuyên thọ bát ở một nơi như vậy.

- Nếu vậy thì những ai đến thỉnh Ngài, xin Ngài hoan hỷ bảo họ đến với chúng tôi.

Kể từ đó, những người đến thỉnh đức Thế Tôn, Ngài đều dặn họ:

"Hãy báo tin cho ông Bà la môn biết nhé". Họ đến bảo ông rằng:

- Ngày mai chúng tôi sẽ thỉnh đức Thế Tôn đến nhà trai tăng.

Hôm sau, Ông Bà la môn mang cơm canh từ nhà mình đến nơi ngự của đức Thế Tôn. Những ngày không có ai thỉnh thì đức Thế Tôn ngự thực tại nhà của ông bà Bà la môn ấy.

Hai ông bà cúng dường đức Thế Tôn và nghe pháp từ Đấng Như Lai như thế, thời gian sau chúng đắc quả A Na Hàm.

Chư Tỳ khuru câu hội cùng nhau trong Giảng đường, bàn luận:

- Nầy các Hiền giả! Ông Bà la môn ấy biết đức vua Suddhodana là cha và Hoàng hậu Māyā là mẹ đức Như Lai. Đã biết thế, mà ông bà còn gọi đức Như Lai là "con của chúng ta". Và đức Thế Tôn lại chấp nhận như thế chứ? Tại sao vậy nhỉ.

Đức Thế Tôn nghe chư Tăng thắc mắc, bèn giải thích rằng:

- Này các Tỳ khuru! Hai ông bà gọi Như Lai là con trai của chúng ta, là hai ông bà đã kêu con của mình thật vậy.

Rồi Ngài dẫn tiền tích rằng: Nầy các Tỳ khuru! Vào thời quá khứ, Bà la môn nầy là cha ta liên tiếp 500 kiếp, làm dưỡng ta 500 kiếp liên tiếp, làm ông nội ta năm trăm kiếp liên tiếp. Còn Bà Bà la môn đã 500 kiếp liên tiếp là mẹ ta, 500 kiếp làm cô ta, và 500 kiếp liên tiếp làm bà nội ta. Thế là ta được trưởng dưỡng trong tay ông bà Bà la môn một ngàn năm trăm kiếp như thế.

Sau khi giải rõ tiền tích, đức Thế Tôn ngâm lên kệ ngôn rằng:

- "Yasmiṃ mano nivāsati cittañcāpi pāsīdati

Adiṭṭhapubbake pase kāmaṃ tasmīpi vissase

Pubbe va sanivāsena paccuppannahitena và

Evantaṃ jāyate penam uppalāmya yatho dakoti".

- *"Trong tâm nếu thấy bình yên*

Trọn lòng tin kẻ có duyên với mình

Dẫu rằng gặp gỡ thành linh

Cũng nên tín nhiệm như tình thâm giao

Xưa từng chung chạ ra vào

Giờ may tái hội, lòng nào chẳng lay?

Men tình vừa nhấp đã say

Bảo xanh gặp nước ngày ngày gia tăng..."

Đức Thế Tôn an cư suốt ba tháng hạ, nhờ gia đình ấy hộ độ. Mãn mùa an cư, hai ông bà chúng đạt A la Hán quả và viên tịch Vô Dư Thiện tín làm ma chay cúng dường hai ông bà trọng thể, cho xe tang rước thi hài hai ông bà đem ra chỗ hỏa táng. Đại chúng nghe tin cha mẹ của đức Phật đã Níp Bàn, rủ nhau ra khỏi thành, đi theo đưa đám xác. Đức Thế Tôn đứng trong một nhà mồ, gần nơi hỏa táng, nhiều người đến đánh lễ Ngài xong rồi, tỏ lời phân ưu cùng Ngài rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài đừng buồn vì cha mẹ mình đã khuất bóng.

Thay vì phản đối họ rằng: "Chớ nên nói như thế". Đức Thế Tôn quán xét duyên lành của hội chúng, rồi Ngài thuyết lên pháp thoại hợp cơ tánh căn duyên trong hoàn cảnh đặc biệt nầy rằng:

- "Appam vata jīvitam idam ūram vassasatāpi mīyati

Ye cepi atcca jīvati atthekho sojarasāpi mīyatiti".

- *"Đời người ngắn ngủi mong manh*

Trăm năm chưa trọn đã thành quỉ ma

Nếu ai chết lúc về già

Quá trăm tuổi thọ thật là sống dai!".

Đức Thế Tôn thuyết lên Lão Kinh (Jarāsutta). Cuối thời Pháp có tám muôn tám ngàn chúng sanh chứng đắc Pháp Nhãn. Chư Tỳ khưu không biết ông bà Bà la môn đã viên tịch, nên bạch hỏi Phật:

- Bạch Ngài! Hai ông bà sẽ thọ sanh về nơi nào vậy?

- Nay các Tỳ khưu! Những bậc Tịnh giả Vô Học như thế không còn cảnh giới tái sanh. Những bậc như thế chỉ có Vô Dư Níp Bàn, là Bất diệt (Accutaṃ) là Bất tử (Amataṃ).

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Ahimsakā ye munayo
Niccaṃ kāyena saṃvutā
Te yanti accutaṃ ṭhānaṃ
Yattha gantvā na socare".
- "*Không hại người thanh tịnh
Thường chế ngự thân tâm
Đạt được cảnh Bất tử
Đến đây không sầu bi*" (TMC)

CHÚ THÍCH

Munayo: Chỉ bậc Tịnh giả Vô học đã đắc Đạo Quả nhờ lối tu hành hoàn hảo.

kāyena: Lời kinh thì vắn tắt, nhưng theo Lý thì cả ba là Thân, Khẩu và ý đều phải thu thúc.

Accutaṃ: Bất hoại, thường tồn (sassataṃ)

~ṭhānaṃ: Chỗ vững bền, không xao động, chỗ vĩnh cửu, trường tồn.

Yattha: Nơi đó, ám chỉ Níp Bàn là nơi không còn sầu bi, khóc lóc nữa.

Cuối thời Pháp nhiều vị Tỳ khưu chứng Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

DỨT TÍCH: CHƯ TĂNG VẤN ĐẠO

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Ba ngàn kiếp sống, rõ lâu xa
Ấp ủ tình thân mẹ với cha
Ai dễ nào quên con, cháu cũ
Dẫu nay cách biệt, chẳng chung nhà
Phật không phủ nhận tiếng kêu con
Tình đã phai pha nghĩa vẫn còn
Độ mẹ cha già xưa khỏi khổ
Ba trắng, bốn Quả kịp vuông tròn.*

XVII. 6- NỮ TỖ PUNṆĀ

(PC. 226)

"Sadā jāgaramānānaṃ...".

Kệ ngôn này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngụ tại núi Gijjhakūṭa, đề cập đến cô Punṇā đãi lúa rất nhiều. Giả lúa đến tối mịt, cô phải đốt đèn lên. Để nghỉ xả hơi, cô bước ra ngoài để hóng gió cho mát, mình thấy cô đầm đìa mồ hôi.

Thời ấy, Ngài Dabba mallaputta là người có phận sự sắp xếp chỗ ngụ cho chư Tăng. Sau khi nghe dứt pháp thoại, Ngài nhập hòa giới, triển khai thần thông ngón tay trở của Ngài sáng rực giống như ngọn đuốc cháy sáng, Ngài dẫn đường đưa chư Tăng về nơi chỗ ngụ. Nhờ có ánh sáng từ ngón

tay trở của Ngài, cô Puṇṇā trông thấy chư Tăng đi trên núi. Cô tự nghĩ: "Như ta đây, vì hoàn cảnh khổ ép ngặt, mãi đến giờ này chưa ngủ được. Còn mấy Ngài Đại đức tại sao cũng chưa đi ngủ?" Rồi nàng kết luận rằng: "Trên đó, chắc có vị Tỳ khuru nào bị bệnh hoặc bị tai nạn vì rấn rít".

Với sự lầm tưởng như vậy, sáng hôm sau cô Puṇṇā lấy cám nhồi với nước trong lòng bàn tay, làm thành bánh cám nướng lên trên lửa than. Bánh chín nàng định ăn bánh, nhưng vì còn mức nước nơi bến nước, nên nàng mang theo ra bến nước.

Đức Thế Tôn ngự vào thành khất thực, Ngài gặp nàng Puṇṇā đang đi ra, nhìn thấy đức Như Lai, cô nghĩ thầm rằng: "Trong mấy ngày khác khi gặp Ngài thì không có vật đặt bát, khi có vật đặt bát lại không gặp Ngài. Hôm nay ta có vật đặt bát lại vừa gặp Ngài, nếu Ngài đừng chê khen vật thực dở hay ngon, ta sẽ yêu cầu: "Xin Ngài hoan hỷ thọ lãnh, con xin dâng bánh này đến Ngài".

Để vò nước xuống một bên, nàng Puṇṇā đành lễ đức Bổn Sư rồi bạch rằng: - "Bạch Ngài! Xin Ngài hoan hỷ thọ lãnh vật thí thô kệch này, rồi ban phước tế độ cho con".

Đức Thế Tôn đưa mắt nhìn Đại đức Ānanda. Đại đức liền rút cái bát mà Tứ Đại Thiên Vương đã dâng, trao đến đức Thế Tôn. Ngài đưa bát ra thọ lãnh bánh. Sau khi đặt bánh vào bát của đức Thế Tôn, cô Puṇṇā đành lễ Ngài với năm vốc gieo mình xuống đất, nguyện rằng: "Bạch Ngài, mong sao con chứng đạt được Pháp mà Ngài đã chứng ngộ".

Đức Thế Tôn chúc rằng: "Hãy được như vậy đi". Rồi Ngài phúc chúc đến nàng Puṇṇā. Khi ấy, nàng ấy nghĩ thầm rằng: "Mặc dầu đức Thế Tôn thọ bánh và ban phước cho ta, nhưng chắc Ngài sẽ không độ bánh đó đâu. Thế nào rồi, khi đi đến chỗ vắng Ngài sẽ ném bỏ bánh ấy cho quạ hay cho chó ăn. Rồi Ngài ngự đến dinh quan Đại thần nào đó để độ cơm ngon quý thượng vị".

Với tâm thông đức Thế Tôn quán xét biết rõ ý nghĩ của Puṇṇā, Ngài đưa mắt nhìn Đại đức ānanda, tỏ ý muốn ngồi. Đại đức bèn xếp y lót làm tọa cụ dâng lên Ngài, đức Bổn Sư ngồi ngay gần cổng thành mà thọ thực.

Chư thiên khắp cõi Sa bà ép lấy dưỡng tố (ojā) trời, giống như người ép mật ong, rồi trộn vào trong bánh cám cúng dường đến đức Đạo Sư. Còn nàng Puṇṇā thì ngẩn ngơ đứng nhìn đức Thế Tôn thọ thực. Khi đức Thế Tôn thọ thực xong, Đại đức Ānanda dâng nước đến Ngài, rồi Ngài gọi Puṇṇā đến hỏi rằng:

- Này Puṇṇā! Vì sao cô lại chỉ trích các Thinh Văn của Như Lai.
- Bạch Ngài! Con đâu dám chỉ trích các Ngài.
- Đêm qua cô đã nghĩ gì khi nhìn thấy Thinh Văn của Như Lai?
- Bạch Ngài! Con chỉ nghĩ rằng: "Như ta vì hoàn cảnh ép buộc nên giờ này chưa thể đi ngủ được, còn chư Đại đức vì sao chưa đi ngủ? Chắc có vị nào bị bệnh hay bị tai nạn vì loài bò sát cắn?"
- Này Puṇṇā! Nàng vì hoàn cảnh không ngủ được, còn Thinh Văn của Như Lai sở dĩ không ngủ được là vì phải tinh tấn giác tỉnh luôn luôn.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Sadā jāgaramānānam
Ahorattānusikkhinam
Nibbānam adhimuttānam
Attham gacchanti āsavā"
- "*Những người thường giác tỉnh
Ngày đêm năng tu tập
Chuyên tâm hưởng Níp Bàn
Mọi lậu hoặc được tiêu*" (TMC)

CHÚ THÍCH

Ahorathānusikkhinam: Cả ngày lẫn đêm đều lo tu tập Giới, định, tuệ.

Nibbānam adhimuttānam: Chú ý trọn vẹn vào đối tượng Níp Bàn.

Attham gacchanti: Nơi những người như vậy, tất cả các lậu hoặc đều hoại

Diệt, trở thành không.

Cuối thời pháp, nữ tỳ Puṇṇā chứng đắc Dự Lưu quả ngay tại chỗ đang đứng. Kỳ dư hội chúng thính pháp đều được hưởng lợi ích.

Sau khi độ xong bữa ngộ với bánh cám nướng trên lửa hồng, đức Thế Tôn trở về Tinh xá. Chư Tỳ khuru câu hội tại giảng đường, bàn luận cùng nhau rằng:

- Này chư đạo hữu! Khó thay là việc làm của đức Chánh Biến Tri đã làm, Ngài đã độ xong bữa ngộ với bánh cám nướng của nàng nữ tỳ Puṇṇā cúng dâng.

Đức Bốn Sư ngự đến phán hỏi rằng: "Này các Tỳ khuru! Hôm nay các thầy đang luận bàn về vấn đề gì thế?"

- Bạch Ngài, chuyện này...

Nghe xong, đức Thế Tôn dạy rằng: "Này các Tỳ khuru, không phải chỉ hiện nay thôi. Xưa kia Ta cũng đã thọ thực bằng bánh cám của nàng này dâng cúng như thế rồi".

Nói đoạn, Ngài ngâm lên bài kệ dẫn chứng tích xưa rằng:

- "Bhutvā tibapatighāsam bhutvā ācāmaṇḍakam

Etante bhojanam āsi kasmādāni na bhuñjasi

Yattha posam najānanti jātiyā vinayena và

Bahu taṭṭha māhā brahme api ācāma kuṇḍakam tvañca kho ma

Tvañca kho nam pajānāsi yādisāyam hayuttamo

Jānanto jānamāgamma nate bhakkhāmi kuṇḍakanti".

- "*Quen ăn rỗng cổ dư thừa*

Quen dùng cháo cám cả trưa lẫn chiều

Đã từng ăn uống hẩm hiu

Nay sao người lại làm kiêu chẳng dùng?

Nơi nào thiên hạ chẳng thông

Người do Luật nắn hay dòng bắm sinh?

Này ông Đại Phạm bất minh

Nơi đó cháo cám cũng đành phải ăn

Nhưng ông đã biết dư rằng

Ta là tuấn mã giòng sang trên đời

Cháo ông, ta chẳng thèm xơi

Vì ta biết rõ giống nòi của ta".

Đức Bốn Sư thuật lại chi tiết trong Bốn Sanh Kuṇḍakasindhavapotaka (Jātaka 254).

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Đèn thiên đêm vắng rọi đời cao

Tặng chúng giờ khuya vẫn thức thao

Khiến gái Puṇṇā lòng thắc mắc

"Có khi rắn cắn vị sư nào?"

Người tu tinh tấn mãi hành thiền

Há dám chờ đêm để ngủ yên

Giác ngộ lý này, cô tớ gái

Tự nhiên đắc quả Nhập Lưu liền.

Muốn độ dân nghèo đủ thiện căn

Bánh thô, cám nướng Phật ưng ăn

Đời nay chiếu lại phim tuồng cũ

Nào có chi mà gọi khó khăn?

XVII. 7- THIỆN NAM ATULA

(PC. 227)

"Porāṇam...".

Pháp cú này đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Tinh xá Jetavana, đề cập đến cận sự nam Atula.

Atula là một thiện nam cư ngụ trong thành Sāvattihī, cầm đầu một nhóm 500 thiện nam khác. Một hôm, ông ta dẫn đoàn tùy tùng của mình đi chùa nghe pháp. Muốn nghe Đại đức Revata thuyết pháp, ông đến đánh lễ Đại đức rồi ngồi xuống chờ đợi. Nhưng Đại đức giữ hạnh độc cư, thỏa thích ở nơi thanh vắng một mình như Sư tử chúa, bởi thế, Ngài chẳng thuyết chỉ đến thiện nam Atula cả.

Ông ta nổi giận đứng dậy nói: "Đại đức này không có gì để thuyết cả". Rồi ông ta đến với Đại đức Sāriputta đứng nép qua một bên sau khi đã đánh lễ Ngài.

- Này cận sự nam! Ông đến đây với ý gì?

- Bạch Ngài! Con đưa những thiện nam này đi nghe Pháp và đến gặp Ngài Revata. Nhưng vị ấy chẳng có gì để thuyết cho con nghe cả, nên con giận bỏ đi đến gặp Ngài. Xin Ngài hãy thuyết pháp cho chúng con nghe.

- Nếu vậy, các người hãy ngồi xuống, lắng tai nghe pháp.

Đại đức liền thuyết về Vi Diệu Tạng. Atula suy nghĩ: "A Tỳ Đàm luận rất là sâu xa, tế nhị, thế mà Đại đức giải dài dòng, nào có ích lợi gì cho chúng ta đâu".

Tâm ông phát sân hận, liền dẫn đoàn tùy tùng đi tìm Đại đức Ānanda. Đại đức hỏi:

- Cái gì thế? Này ông thiện nam.

- Bạch Ngài! Chúng con tìm đến Đại đức Revata nghe Pháp, nhưng chẳng nghe được lời nào cả. Chúng con bỏ đi tìm đến Đại đức Sāriputta, Đại đức lại thuyết quá nhiều về Vi Diệu Tạng, pháp này rất vi tế sâu xa, có ích gì cho chúng con đâu. Nên chúng con bỏ Ngài Sāriputta đi đến đây. Bạch Ngài! Xin Ngài hoan hỷ thuyết pháp cho chúng con nghe đi.

- Nếu vậy, các người hãy ngồi xuống nghe Pháp đi.

Đại đức Ānanda thuyết lên thời Pháp ngẩn, nhưng giải thật rành mạch cho hội chúng dễ hiểu. Nhưng họ cũng không hài lòng, bỏ đi, tìm đến đức Đạo Sư, đánh lễ Ngài xong rồi, ngồi nép một bên, đức Thế Tôn phán hỏi:

- Này các cận sự! Vì sao các người đến đây?

- Bạch Ngài, chúng con muốn nghe pháp.

- Nhưng các người đã được nghe pháp rồi mà.

- Bạch Ngài! Ban đầu chúng con đến Ngài Revata, nhưng Đại đức chẳng thuyết chỉ cả. Giận Đại đức chúng con tìm đến Đại đức Sāriputta, thì Đại đức thuyết quá nhiều về Vi Diệu Tạng, chúng con nghe không thấu. Chúng con lại tìm đến Đại đức Ānanda, nhưng Đại đức lại thuyết cho chúng con nghe thời pháp ngẩn ngủi, chúng con lại bất mãn rủa nhau đến đây.

- Này Atula! Từ xưa đến giờ con người vẫn có thói quen chê trách kẻ lạng thính, kẻ nói nhiều và kẻ ít nói như vậy rồi. Không một ai là khỏi bị chê trách hoặc là khỏi bị khen ngợi. Dầu là vua chúa đi nữa vẫn có người chê trách và vẫn có người khen tặng. Cho đến địa đại, mặt trăng, mặt trời, hư không hoặc ngay Đấng Chánh Biến Tri đang ngồi thuyết pháp giữa hội chúng, cũng có một số người chê và một số người khen. Sự chê và khen của kẻ ngu si thì không giới hạn. Nhưng các bậc hiền trí, hàng thức giả thì chê đáng gọi là chê, khen đáng gọi là khen.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Porāṇam etaṃ atula N'etaṃ ajjatanam iva

Nindanti tuṇhiṃ āsīnaṃ Nindanti bahubhāṇinaṃ"

- "Mitibhāṇinaṃ pi nindanti Natthi loke anindito"

- "Na cāhu na ca bhavissati Na cetaṛahi vijjati

Ekantaṃ nindito poso Ekantaṃ và pasamaṃ santin"

- "Yañ ce viññū pasamsanti Anuvicca suve suve

Acchiddavuttiṃ medhaviṃ Paññāsīlasamāhitam"

- "Nekkham jambonaddas eva Ko tam ninditum arahati

Devā pi tam pasamsanti Brahmaṇā pi pasamsito"

- "A tu La nên biết

Chẳng phải chuyện đời nay

Đời xưa cũng từng nói

Ngồi im bị người chê"

- "Nói nhiều bị người chê

Nói vừa phải bị chê

Làm người không bị chê

Thật khó tìm ở đời" (227)

- "Xưa, vị lai và nay

Đâu có sự kiện nầy

Người hoàn toàn bị chê

Người trọn vẹn được khen" (228)

- "Sáng sáng, thẩm xét kỹ

Bậc có trí tán thán

Có hạnh không tỳ vết

Đầy đủ Giới, định, tuệ". (229)

- "Hạnh sáng như vàng ròng

Ai dám chê vị ấy

Chư thiên cũng tán dương

Phạm Thiên phải khen thưởng". (TMC)

CHÚ THÍCH

Parāmetam (Purānakam etam) Chuyện ấy đã xưa, đã có từ xưa.

Atula: tên gọi cận sự nam.

N'etam ajjatanāmiya: Chuyện chê hay khen nầy không phải vừa mới sanh lên đâu. Quả vậy, người làm thính thì bị chê rằng: "Ông đó cứ ngồi làm thính hoài, giống như cầm, như điếc, như không biết chi hết vậy". Người nói nhiều cũng bị chê rằng: "Ông nầy sao cứ nói lòng vòng mãi, không có chỗ tận cùng, giống như gió thổi qua tàu lá thốt nốt vậy". Người nói ít cũng bị chỉ trích rằng: "Ông nầy nói có một hai tiếng rồi làm thính, tưởng như lời nói của mình là vàng bạc vậy". Như thế thì khắp nơi trên thế giới, không đâu không có người bị chê trách.

Na cāhu: Trong quá khứ không có, trong hiện tại cũng không có, trong tương lai cũng sẽ không có.

Yañce viññū: Việc chê hay khen của hạng người ngu xuẩn không giới hạn. Còn việc nào mà bậc hiền trí hằng ngày quán xét biết rõ là việc chê hay khen, rồi mới chê hoặc khen. Đó là việc khen chê đúng đắn.

Acchiddavuttiṃ: Có đầy đủ sự nuôi mạng thanh tịnh và Học giới không sút mẻ. Bậc Trí giả (Medhavi) là bậc có đầy đủ trí tuệ và hương vị chánh pháp. Bậc hiền trí khen ngợi bậc đã thanh lọc, bậc không ô nhiễm, như đồng tiền vàng sáng chói. Ai dám chê bậc ấy?

Devāpi: Dầu là chư Thiên hay nhân loại hiền trí đều tán dương bậc trí giả ấy.

Brahmaṇāpi: Chẳng những nhân thiên mà thôi, luôn cả Đại hạm thiên trong 10 ngàn thế giới cũng khen ngợi vị ấy nữa.

Cuối thời pháp, 500 cận sự nam chúng đắc quả Tu Đà Hườn.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Nói nhiều, nói ít, hoặc làm thinh
Đều bị cười chê, chẳng vị tình
Vị gặp nhà vua hay đức Phật
Nhưng ông ngã mạn vẫn xem khinh
Miệng thế dèm pha khó liệu lường
Tỳ khuru Giới hạnh ráng tìm nương
Gặp ai cao kiến, nên cầu học
Hạnh sáng như vàng, Phật tán dương
Dắt dẫn người nghe pháp Nhiệm mầu
Sao lòng tự mãn cứ câu mầu
Năm trăm thính giả nhờ không giận
Qua mặt "ácHÀ" chúng quả mầu.

XVII. 8- NHÓM TỖ KHU LỤC SỰ

(PC. 231..234)

"Kāyappakopanti...".

Pháp cú này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Veluvana, đề cập đến nhóm Lục Sự Tỳ khuru.

Một hôm, nhóm Lục Sự mang guốc, tay cầm gậy đi khua trên đường kinh hành. Đức Bổn Sư nghe tiếng guốc khua lộp cộp, Ngài hỏi Đại đức Ānanda rằng: - "Này Ānanda! Tiếng kêu chi thế?"

- Bạch Ngài! Nhóm Lục Sự mang guốc gỗ đi kinh hành, mới có tiếng khua lộp cộp vậy.

Nhân dịp này, đức Thế Tôn chế định học giới, dạy rằng: "Vị Tỳ khuru cần giữ gìn thân, khẩu, ý của mình". Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

-*"Giữ thân đừng nóng giận
Chế thân khéo điều phục
Xa lìa thân làm ác
Dùng thân làm hạnh lành" (231)*
-*"Giữ lời đừng nóng giận
Chế lời khéo điều phục
Xa lìa lời thô ác
Dùng lời nói điều lành" (232)*
-*"Giữ ý đừng nóng giận
Chế ý nghĩ hạnh lành"
Xa lìa ý độc hại
Dùng ý nghĩ hạnh lành" (233)*
-*"Kẻ trí điều phục thân
Điều phục luôn lời nói
Điều phục cả tâm tư
Ba nghiệp thấy tự điều" (234)*

CHÚ THÍCH:

Kāyappakopam: Hãy ráng giữ ba thân ác hạnh (sát sanh, trộm cắp, tà dâm)

kāyena samvuto: Sau khi ngăn chặn lối vào ác hạnh trong thân môn, có được sự thu thúc, sự đóng chặt các môn rồi, là đã dứt bỏ thân ác hạnh, chỉ còn thân thiện hạnh. Con người làm được hai việc (cải ác, tòng thiện) một lúc. Bởi vậy mới nói: "Xa lìa thân làm ác, dùng làm hạnh lành".

Trong những bài kệ tiếp theo về thân khẩu ý ta cũng nên hiểu theo ý như vậy.

kāyena samvutā dhīrā: Bậc Hiền trí không phạm giới sát, đạo, dâm, gọi là đã điều phục thân, không phạm giới vọng ngữ, lường thiệt, thô ngữ, hý ngữ gọi là đã điều phục khẩu, không tham, sân, tà kiến gọi là đã điều phục ý. Các bậc ấy là những bậc khéo tự điều phục, khéo tự giữ gìn, khéo thu thúc, đóng chặt lục căn trong thế gian nầy vậy.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đạt Thánh Quả.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Sáu Sư mang quốc, gậy cầm tay.
Đạp đá kinh hành, khiến Phật hay
Dạy chúng Tăng gìn thân, khẩu ý
Ngài ban việc cấm chuyện tà lay.*

XVIII. PHẨM CẤU UẾ

XVIII. 1- CON TRAI ÔNG HÀNG BÒ

(PC. 235..238)

"Paṇḍupalāsavavadānisīti...".

Pháp Cú này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến người con trai của ông hàng bò.

Tương truyền rằng: ở thành Sāvattihī có ông hàng bò, sau khi giết bò lấy thịt ngon đem cho người nấu nướng, rồi cùng vợ con ngồi ăn thịt ấy. Phần thịt còn dư ông mới bán lấy tiền. Trong suốt 15 năm hành nghề như thế, ông không hề có được một lần nào cúng dường một muổng cháo hoặc một muổng com đến đức Bốn Sư đang ngự trong một ngôi chùa gần đó. Ông ta có một tật xấu là: Vắng thịt thì không dùng com được.

Một hôm, sau khi lấy phần thịt dành cho mình, giao cho vợ để nấu vật thực cho mình. Phần thịt còn lại ông bán hết cả, rồi ông đi tắm. Khi ấy có một người bạn đi đến bảo với vợ ông ta rằng:

- Chị hãy bán cho tôi một chút ít thịt. Tôi vừa có khách.
- Thịt bán không còn. Bạn anh đã bán hết rồi, hiện giờ ảnh đang đi tắm.
- Chị đừng nên từ chối, còn cục thịt nào thì hãy để cho tôi đi.
- Trừ thịt dành cho ảnh ra, không còn thịt nào khác nữa.

Bạn người đồ tể suy nghĩ: "Không còn thịt ngoài thịt dành cho anh ta. Mà bạn ta không có thịt thì không dùng com, chắc chắn anh ta không nhường thịt này cho ta đâu". Thế là, người bạn ấy lấy ngay phần thịt ấy đi, không hỏi han gì cả.

Khi người đồ tể tắm xong, trở về, vợ ông dọn com và vật thực là vài thứ rau nấu với gia vị. Ông ta hỏi rằng:

- Còn thịt đâu?
- Không có ông à.
- Trước khi đi, tôi há không đưa thịt cho bà rồi còn gì?
- Bạn của ông đến nói rằng: Nhà có khách, và cần thịt. Mặc dầu tôi đã nói rằng hết thịt rồi, đây là phần thịt dành cho ông dùng. Nhưng bạn ông vẫn cứ lấy đi mất rồi.
- Không có thịt, tôi không ăn com, bà hãy dẹp com đi.
- Biết làm sao bây giờ, thôi ông hãy dùng com đi.
- Tôi không ăn com đâu.

Bảo vợ đem dẹp com rồi, ông đồ tể cầm dao nhỏ ra đi phía sau nhà. Nơi đó có con bò đang bị cột đứng tại đó. Ông đến gần con bò, thọc tay vào miệng, kéo lưỡi bò ra, đưa dao cắt phẳng khúc lưỡi bò, xách vào bảo vợ nướng cho mình dùng. Bà vợ nướng lưỡi bò trên lửa, ông dùng mỗi vắt com với một miếng lưỡi bò vừa nướng chín. Đột nhiên lưỡi ông ta chột đứt ngang, rớt xuống đĩa com. Ngay lúc ấy ông thọ quả ác trong hiện tại xứng với việc làm của mình, máu từ miệng chảy ra như suối, ông bò lê vào nhà, rống lên như bò bị hành hình.

Cậu con trai của ông đang đứng gần đó, bà mẹ bảo cậu rằng:

- Này con! Hãy nhìn xem, ác nghiệp của ông đồ tể đã hiện, con khỏi lo cho mẹ, hãy bỏ chạy đi ngỏ hầu cứu vãn hạnh phúc của mình.

Cậu con trai vì quá sợ chết, liền lạy từ giả mẹ rồi chạy trốn, thoát khỏi nơi ấy, cậu đi đến xứ Takkasilā. Ông đồ tể thì bò quanh trong nhà, rống lên như bò rống, khi chết bị rơi vào địa ngục A Tỳ.

Khi đến Takkasilā, cậu học nghề thợ bạc. Một hôm, thầy có việc đi xa làng, bảo học trò rằng: "Con hãy làm một món nữ trang như thế này, thế này...". Cậu làm đúng theo lời chỉ của thầy, khi trở về nhìn thấy món trang sức cậu ta làm, người thầy suy nghĩ:

- Thanh niên này, giờ đây đến nơi nào sống cũng được rồi.

Khi cậu tới tuổi thành nhân, thầy cậu gả cho cậu con gái của mình. Về sau, gia tộc cậu sung mãn, có đầy đủ con trai, con gái. Các người con khi trưởng thành, lại tìm về thành Sāvātthī sinh sống, với sự thành thạo nghiệp nghệ, và trở nên những người có chánh tín trong sạch. Cha của họ vẫn ở tại thành Takkasilā đến tuổi già mà không có chút phúc thiện nào cả. Các người con bàn tính:

- Cha chúng ta đã già rồi, chúng ta hãy rước người về ở với chúng ta đi.

Rồi họ lại rủ nhau: "Chúng ta hãy làm phúc trai tăng để cầu an cho cha chúng ta". Họ cung thỉnh chư Tỳ khưu có đức Phật là vị tọa chủ đến nhà thọ bát.

Qua ngày sau, khi đức Phật và chư tăng ngự đến tư gia, họ cúng dường vật thực như cơm, nước, bánh trái... Đến Tăng. Chờ Tăng thọ thực xong, họ thưa với đức Bổn Sư rằng: "Bạch Ngài! Cuộc lễ Tăng thí này, chúng con làm để cầu an cho cha chúng con được sống lâu, xin Ngài hoan hỷ tụng kinh phúc chúc cho cha chúng con.

Đức Bổn Sư bèn kêu ông lão mà rằng: "Nầy thiện nam! Nay ông tuổi thọ đã cao, xác thân đã chín muồi như chiếc lá vàng, ông không có phúc lành làm tư lương để sang qua thế giới khác. Ông hãy tự nương nhờ lấy mình cố gắng trở nên bậc hiền trí, đừng làm kẻ ngu si".

Rồi Ngài tụng kinh phúc chúc như sau:

235-

"Paṇḍupalāso va dāni si
Yamapurisā' pi ca tam upaṭṭhitā
Uyyogamukhe ca tiṭṭhasi
Pātheyyam pi ca te na vij- jati"

236-

"So karoḥi dīpaṃ attano
Khippaṃ vāyāma paṇḍito bhava
Niddhantamalo anaṅgaṇo
Dibbaṃ ariyabhūmim ehisi".
- "*Người nay giống lá khô
Diêm Sứ đang chờ người
Hãy tự tạo hòn đảo
Đường trường thiếu tư lương*" (235)
- "*Người đứng trước cửa chết
Hãy tinh cần sáng suốt
Trừ cấu uế, thanh tịnh
Người đạt chứng Thánh địa*" (236)

CHÚ THÍCH:

Paṇḍupalāso va dānisi: Nầy Thiện nam, ông giờ đây chẳng khác gì lá vàng khô đã lìa cành, rụng gần tới đất rồi.

Yamapurisā: Sứ giả của Diêm Vương. Thành ngữ này ám chỉ sự chết, câu này có nghĩa là sự chết đang chờ người.

Uyyogamukhe: Người đang đứng trước cửa của sự sụp đổ, của diệt vong.

Pātheyyam: Tư lương là vật thực đem theo ăn dọc đường của khách lữ hành. Câu này có nghĩa là: Người sang qua cảnh giới khác mà không có việc lành để làm tư lương, tư lương.

So karohi Bởi vậy, như người bị đắm thuyền giữa biển khơi mà thiết lập được một hòn đảo để trú vững trên đó, người hãy cố gắng làm các việc lành cho thật mau lẹ, để tự tạo một hòn đảo giữa biển đời, hãy ráng tu hành cho mau thành bậc thông minh. Người nào tránh được Tử thân, có thể tùy thời làm các việc lành, người đó xứng danh là bậc hiền trí, hãy ráng làm người thông minh như vậy, chớ đùng để làm kẻ dốt nát ngu si.

Dibbam ariyabhūmiṃ: Một khi đã hành tinh tấn như vậy rồi, các thứ phiền não như ái dục (rāga), cấu uế (mala) đều trừ bỏ được, thành người không cấu uế, do không có sự nhớ bấn tinh thần, thành người vô nhiễm (amaṅgaḷo) vô phiền (nikkilesa) thì người sẽ đạt đến năm tầng Trời Tịnh Cư (Suddhāvāsa) chẳng sai.

Cuối thời Pháp, ông thiện nam chúng quả Tu Đà Huòn. Kỳ dư thính chúng đều được hưởng lợi ích của thời Pháp.

Các thí chủ lại thỉnh đức Bổn Sư qua ngày sau đến thọ bát. Sau buổi lễ, đức Bổn Sư thọ thực xong, Ngài sắp tùy hỷ phước thí gia chủ bạch rằng:

- Bạch Ngài! Cuộc lễ này chúng con làm để cầu an cho thân phụ chúng con, chúc thọ đến thâm phụ. Xin Ngài hoan hỷ tụng phước lành cho người.

Và đức Bổn Sư lại thuyết lên tiếp hai kệ ngôn rằng:

237-

"Upanītavayo va dāni si
Sampayāto si yamassa san- tike
Vāso pi ca te natthi antarā
Pātheyyam pi ca te na vij- jati".

238-

"So karohi dīpaṃ attano
Khippaṃ vāyama paṇḍito bhava
Niddhantamato anaṅgaḷo
Napuna jātijaram upehisi"
- "Đời người sắp lụn tàn
Tiến gần đến Diêm Vương
Giữa đường không nơi nghỉ
Đường trường thiếu tư lương"

- "Hãy tự làm hòn đảo
Tinh cần và sáng suốt
Trừ cấu uế, thanh tịnh
Chẳng trở lại sanh tử" (238)

CHÚ THÍCH:

Upanītavayo: Upa tiếp đầu ngữ có nghĩa là rơi xuống, đi xuống, tàn tạ. Nītavayo là tuổi thọ đã luống qua, đã mất đi. Bây giờ người đã trải qua ba lứa tuổi (ấu, trung và lão niên), người đã đứng trước mặt sự chết rồi.

Sampayātosī yamassa santikam: Người đã đứng giáp mặt với sự chết rồi.

Vāso cate natthi antarā: Những người đi đường xa mà làm công việc nọ, việc kia, họ tạm cư trú dọc theo đường. Nhưng người đi qua cảnh giới khác thì không được như thế. Thật vậy, không thể nào đi qua cảnh giới khác, các người có thể nói xin trì hoãn lại vài ba ngày để cho tôi kịp làm phước bố thí, để cho tôi kịp nghe Pháp... Tự nhiên, vừa chết nơi đây đã thọ sanh nơi cảnh giới khác lập tức. Do đó mới nói: Giữa đường không có trạm nghỉ ngơi.

Pātheyyam: Danh từ này tuy có đề cập đến rồi, nhưng đức Bổn Sư đã lập đi lập lại cốt để nhấn mạnh ý nghĩa của nó cho ông thiện nam lưu ý.

Jātijaram: Sanh lão. Chỗ này nên hiểu có thêm bệnh và tử nữa cho đủ tứ khổ.

Hai kệ ngôn trước thuyết về A na Hàm đạo. Hai câu kệ này là nói về A La Hán Đạo. Ở đây, chẳng khác nào nhà vua vất com vừa miệng trao tặng cho con. Nhưng Hoàng Tử chỉ cầm lấy vất com

vừa với miệng mình thôi. Cũng như thế, đầu đức Bổn Sư có thuyết pháp đề cập đến đạo cao, nhưng thiện nam ấy cũng tùy theo duyên, theo sức mà chúng đắc quả thấp là Tu Đà Huàn. Lần sau thì ông chúng A na Hàm, kỳ dư đại chúng đều hưởng được lợi ích của thời Pháp.

DÚT TÍCH: CON TRAI ÔNG HÀNG BÒ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Mổ bò, khi chết hiện thân bò
Quả ác hành cha, khiến mẹ lo
Xúi trẻ bỏ nhà qua đất khách
Thay nghề thợ bạc, phát tài to
Đời ông dẫn xuống đến đời cha
Tiền của gom vào chẳng thí ra
Con cái sau tìm nương chánh pháp
Quy y Phật Bảo hộ Tăng Già.
Hai buổi cầu an chúc thọ ông
Phật bàn Tam quả dễ như không
Ý bình cha ác cùng con thiện
Học đủ ba thầy, đạo lý thông.*

XVIII. 2- ÔNG BÀ LA MÔN TUẦN TỰ

(PC. 239)

"Anupubbena medhavī...".

Kệ Pháp Cú này đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến ông Bà la môn nọ.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, ông Bà la môn ấy vào sang tinh sương, đã ra khỏi thành, chợt ông trông thấy Tỳ khưu đang đắp y. Ngay tại chỗ đứng đắp y của chư Tỳ khưu, cỏ mọc rậm rì, khi ấy một đường viên y của một vị Tỳ khưu đang đắp bị kéo lê trên cỏ và bị thấm ướt bởi những giọt sương đêm. Thấy vậy, Bà la môn nghĩ thầm: "Cần phải là sạch cỏ chỗ này mới được". Qua ngày sau, ông mang cuốc đến làm sạch cỏ nơi ấy và ban bằng phẳng như cái sân phơi lúa.

Qua ngày sau, ông đến nơi ấy lại thấy đường viên y của chư Tỳ khưu kéo lê trên đất, lấm bụi vào y, ông suy nghĩ: "Cần phải rải cát lên nơi này mới được." Và ông đã thực hiện việc ấy.

Một lần khác, nhìn thấy chư Tỳ khưu bị nóng bức, mồ hôi chảy tuôn ra khi đứng đắp y. Ông suy nghĩ: "Ta cần cất một cái rạp che mát tại nơi này mới được". Ông thuê người đến che thành một rạp che mát tại nơi ấy. Hôm sau, khi ông đến thì trời đang vẫn vũ, mưa tạt vào y của chư Tỳ khưu đứng trong rạp ấy, ông lại suy nghĩ: "Nơi đây, ta cần cho người dựng lên một gian phòng kín đáo và lớn". Sau khi mướn người dựng xong đại sảnh, ông suy nghĩ rằng: "Giờ đây, ta nên làm lễ khánh thành gian phòng lớn này".

Ông thỉnh Tỳ khưu Tăng có đức Phật là vị Thượng Thủ đến ngôi vào nơi được soạn sẵn trong Đại sảnh ấy, dâng vật thực cúng dường xong, chờ đức Bổn Sư thọ thực xong, ông thỉnh bát Ngài và mong Ngài chúc phúc cho ông. Ông bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài! Trong khi con đứng tại chỗ này, đã trông thấy chư Tỳ khưu đã như thế này... Như thế này. Và con đã làm như thế này... Như thế này...

Ông thuật lại mọi việc đến đức Thế Tôn. Khi nghe dứt câu chuyện, đức Thế Tôn dạy rằng: - Này Bà la môn! Bạch được gọi là hiền trí vẫn giữ mực chằm rãi từ tốn, tuần tự làm việc lành để giải trừ sự cấu uế của các ác hạnh của mình thế đó.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Anupubbena medhavī
Thokathokam khāṇe khāṇe
Kammāro rajatass'eva

Niddhame malam attano"
- "Người trí theo tuần tự
Từng sát na trừ dần
Những cấu uế nơi mình
Như thợ vàng lọc quặng" (TMC)

CHÚ THÍCH

Anupubbena: Lần lượt theo thứ tự.

Medhavī: Bạc viên mãn trí, nếm được hương vị của Thành Pháp rồi.

Khaye khaye: Từng dịp, từng dịp làm lành.

Kammāro rahatass'eva: Cũng như người thợ vàng, không thể nào chỉ một lần mà nung đốt, nghiền nát, lọc bỏ chất dơ được của vàng để làm thành món nữ trang được, nhiều lần lượt bỏ chất bẩn lẫn trong vàng mới có thể làm thành món nữ trang. Cũng như thế ấy, bậc hiền trí phải làm lành nhiều lượt để tổng trừ những ô nhiễm, cấu uế, nhất là tham ái từ nơi mình. Có như thế mới giải trừ được những ô nhiễm, phiền não, uế trước.

Cuối thời Pháp, ông Bà la môn chứng đắc Quả Tu Đà Hườn, đại chúng thính Pháp cũng được nhiều lợi ích.

DÚT TÍCH: ÔNG BÀ LA MÔN TUẦN TỰ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Từ từ chấm rãi tiến dần lên
Việc nhỏ an bài, việc lớn nên
Bậc trí kiên tâm trừ cấu uế
Đầu tiên lập chí phải cho bền
Như ông Phạm Chí trước ban nền
Dẩy cỏ vừa xong, rải cát lên
Cất rạp tiện bề Sư đụt nắng
Cho làm phòng rộng, cũng không quên
Nhân lễ khánh thành nghe Pháp Phật
Thời lai Tuệ Nhãn tự nhiên thông.*

XVIII. 3- ĐẠI ĐỨC TISSA GIỮ Y

(PC. 240)

"Ayasāva malam amuṭṭhāyā...".

Kệ Pháp Cú này được đức Bốn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, để cập đến Đại đức Tissa.

Tương truyền rằng: Một thiện gia tử con nhà lễ giáo, sau khi xuất gia thọ Cụ túc giới, được coi là Đại đức Tissa.

Thời gian sau, Đại đức an cư mùa mưa trong một ngôi chùa miền quê và được dâng tấm vải thô dài tám tấc (hattha). Khi mãn mùa an cư, xong Lễ Tự Tứ rồi, Đại đức mang tấm vải ấy gởi người chị. Người chị lại nghĩ rằng: "Tấm vải này không xứng với em trai ta". Nàng dùng dao rọc vải ra từng mảnh, rồi bỏ vào cối giã nhuyễn, sau đó se chỉ lại, gởi thợ dệt dệt thành tấm vải mịn.

Phần Đại đức Tissa đi tìm kim chỉ rồi rủ vài vị Sa di trẻ biết may y đi đến nhà chị, bảo rằng: "Chị hãy đưa vải cho tôi, tôi sẽ may thành y để mặc".

Người chị rút tấm vải mịn chín hắc tay, trao cho Đại đức. Đại đức trải y ra, nói rằng: "Tấm vải của tôi thô và chỉ có tám hắc. Còn tấm này mịn mà lại dài chín hắc, đây không phải là tấm vải của tôi, tôi không dùng đến nó. Hãy đưa tôi tấm vải mà tôi đã trao cho chị".

- Bạch Ngài! Đó chính là vải của Ngài, Ngài hãy lấy đi.

Đại đức không chịu nhận, khi ấy người chị mới tỏ bày sự thật các việc mình làm và dâng vải đến Đại đức rằng:

- Bạch Ngài, tấm vải này thuộc về Ngài, xin Ngài cứ lấy đi.

Đại đức mang vải về chùa, khiến Sa di may y. Chị Ngài cúng dường vật thực đến các vị Sư may y. Khi y may xong, nàng còn dâng cúng thêm một bữa ăn thịnh soạn.

Đại đức nhìn lá y mới, sanh tâm ưa thích nó lắm, nghĩ thầm rằng: "Ngày mai ta sẽ mặc tấm y này" Đại đức xếp y lại, phơi y trên sào phơi y.

Đêm ấy, Đại đức bị trúng thực, đau bụng mà chết, tái sanh làm con rận trong chiếc lá y ấy. Người chị hay tin Đại đức chết, nàng khóc than lăn lộn dưới chân chư Tỳ khuru.

Sau khi hỏa táng xác Đại đức Tissa xong, chư Tăng quyết định: "Vì Đại đức không có người nuôi bịnh, nên chiếc y này thuộc về Tăng chúng. Vậy Chúng ta hãy bắt thăm đi"

Con rận trong lá y chạy lằng xằng qua lại, kêu rằng:

"Mấy ông này cướp đoạt tài sản của ta"

Mặc dầu đang an tọa trong Hương thất, đức Thế Tôn với thiên nhĩ, nghe được tiếng kêu thét của con rận, Ngài dạy Đại đức Ānanda rằng: - "Này Ānanda! Hãy bảo chư Tỳ khuru giữ chiếc y của Tissa lại, qua bảy ngày sau hãy chia nhau".

Đại đức ānada làm theo lời đức Bổn Sư dạy.

Đến ngày thứ bảy, con rận chết, tái sanh lên cung Trời Đâu Suất, qua ngày thứ tám, đức Bổn Sư ra lệnh:

- Các Tỳ khuru hãy chia nhau lá y của Tissa đi.

Chư Tỳ khuru vâng lệnh. Thế rồi, trong Giảng đường, chư Tỳ khuru cùng nhau bàn luận rằng: "Tại sao đức Bổn Sư bảo phải giữ y lại bảy ngày, đến ngày thứ tám mới cho phép xử dụng".

Đức Bổn Sư ngự đến hỏi: "Này các Tỳ khuru! Hôm nay các thầy ngồi đây thảo luận về vấn đề gì?"

- Bạch Thế Tôn, về chuyện như vậy... Như vậy...

Nghe vậy, đức Thế Tôn giải rằng:

- Này các Tỳ khuru! Thầy Tissa đã tái sanh làm con rận trong chiếc y của mình. Khi các thầy chia y ấy, con rận chạy lằng xằng, la lên rằng: "Những ông này cướp giựt y tôi". Nếu các thầy lấy chiếc y ấy, nó sẽ phát sanh tâm oán hận rồi phải sa địa ngục. Do đó, Ta bảo giữ y lại sau bảy ngày rồi hãy chia. Bây giờ Tissa đã thọ sanh về cõi Tusita rồi, cho nên ta cho phép thầy xử dụng chiếc y ấy.

- Bạch Ngài! Thật là đáng sợ thay cho tâm tham ái (taṇhā)

- Thật vậy! Này các Tỳ khuru, đối với các chúng sanh, tham ái thật là đáng sợ. Như sét sanh từ sắt lại ăn mòn ngay cả sắt, làm cho hư hoại, trở thành vật vô dụng như thế nào thì tham ái (taṇhā) sau khi sanh khởi giữa những chúng sanh, làm cho họ phải rơi vào đọa xứ địa ngục, đẩy họ xuống hố diệt vong như thế ấy.

Nói rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn:

"Ayaṣā'va malam samuḷ-ṭhitam
Taduṭṭhāya tam'eva khā- datī
Evam atidhonacārinam
Sakakammāni nayanti dug- gatim"
- "Như sét do sắt sanh
Trở lại ăn thân sắt
Ác nghiệp tự mình tạo
Đẫn mình đến cõi ác" (TMC)

CHÚ THÍCH

Ayasā: Ayato: Do nơi, từ nơi sắt.

Samuṭṭhāya: Samuṭṭhāhitvā: Sau khi phát sanh lên.

Taduṭṭhāya: Sau khi sanh lên từ nơi đó.

Atidhona-carinam: Tiếng Dhona chỉ những người khôn ngoan, sáng suốt, biết dùng trí tuệ quán tưởng rồi mời thọ tứ sự. Atidhona-carinam là những người vi phạm giới quán tưởng.

Đại ý bài kệ này nói rằng: Ví như sét từ nơi sắt sanh ra, lúc sanh ra như vậy rồi, sét trở lại ăn mòn sắt.

Cũng như thế, những người thọ tứ vật dụng mà không quán tưởng. Trong khi thọ dụng mà không quán tưởng, họ đã tạo ra ác nghiệp từ nơi ấy, do họ phát khởi lên ngã sở, ngã mạn. Chính nó đưa đến khổ cảnh.

Cuối thời Pháp nhiều vị Tỳ khuru chúng đắc Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

DÚT TÍCH: Đại đức TISSA GIỮ Y

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Chuyển kiếp còn tham giữ lá y
Bấy hôm làm rộn quả nên si
Thấy thương đợi đến Trời Đẩu Suất
Bạn sợ e sa ngục Đại Tỳ
Kẻ thế vẫn tưởng: Sanh hữu hạn
Người tu chưa biết: Tử vô kỳ
Lâm chung một quên thường niệm
Khổ cảnh luân hồi, khó thoát ly.*

XVIII. 4- ĐẠI ĐỨC LOḶUDĀYI DỐT PHÁP

(PC. 241)

"Assajjhāyamahā mantāti...".

Pháp Cú này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Tinh xá Jetavana, đề cập đến Đại đức Loḷudāyi.

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvattihī có đến 50 triệu Thánh Thỉnh Văn, trước buổi ngọ thì cúng dường trai thực, sau ngọ thì mang theo lễ vật như là bơ trong, dầu ăn, mật ong, mật mía... Đi đến chùa cúng dường và nghe Pháp. Khi nghe Pháp xong, trên đường về, các vị ấy ca tụng ân đức của hai Ngài Sāriputta và Moggallāna.

Bấy giờ, Đại đức Udāyi nghe các thánh giả đàm luận cùng nhau, đã xen vào nói rằng:

- Các ông chỉ nghe pháp hai vị ấy thuyết mà tán tụng như thế. Nếu được nghe Pháp từ nơi ta thì còn tán thán đến chừng nào nữa.

Mọi người nghe lời của Đại đức như thế, nghĩ rằng:

- Ngài này hẳn là một Pháp Sư, chúng ta cũng nên nghe Pháp từ nơi Ngài vậy.

Một hôm, các thánh giả trên yêu cầu Đại đức:

- Bạch Ngài! Hôm nay sau khi cúng dường trai thực xong, buổi chiều chúng tôi sẽ đến chùa nghe Pháp. Xin Ngài hãy hoan hỷ thuyết pháp đến chúng tôi.

Đại đức im lặng nhận lời. Đến giờ thỉnh pháp, thánh giả cung thỉnh Đại đức: "Bạch Ngài! Xin Ngài hoan hỷ thuyết pháp cho chúng tôi nghe đi" Đại đức Loḷudāyi lên Pháp tọa ngồi, phe phẩy quạt lông, nhưng không nhớ ra được một câu Pháp Cú nào cả, bèn nói rằng: "Ta sẽ tụng chú, vị khác hãy lên thuyết pháp đi" Rồi Đại đức leo xuống Pháp tọa.

Khi vị Pháp sư thuyết pháp xong, thiện tín thỉnh Đại đức lên Pháp tọa tụng chú thuật. Một lần nữa, Đại đức lại bí lối, nên thối thác rằng: "Ta sẽ tụng vào ban đêm. Bây giờ vị khác hãy tụng trước đi". Nói rồi, Đại đức bước xuống khỏi Pháp tọa.

Khi vị tụng kinh ban ngày dứt rồi, đến thời ban đêm thỉnh giả thỉnh Đại đức Loḷudāyi. Té ra vị ấy cũng chẳng nhớ được chi, nên nói rằng: "Ta sẽ tụng vào lúc hừng sáng. Bây giờ vị khác tụng đi" Rồi lại rời khỏi Pháp tọa.

Và khi trời hừng sáng, thỉnh chúng lại thỉnh Đại đức. Lúc ấy, Đại đức cũng chẳng nhớ được chút chi cả. Đại chúng phẫn nộ, cầm lấy gậy, đá hăm dọa Đại đức rằng: "Nầy ông sư dốt, khi chúng tôi tán dương hai Ngài Sāriputta và Moggallāna thì ông nói thế nầy thế nọ. Bây giờ sao ông không giỏi thuyết pháp đi".

Thấy dáng hùng hổ của đại chúng, Đại đức kinh sợ, bỏ chạy, bị đại chúng rượt theo bén gót. Trong lúc hoảng hốt, Đại đức hụt chân té xuống hầm phần. Đại chúng bàn luận rằng:

- Khi nghe chúng ta tán thán ân đức của hai Ngài Sāriputta và Moggallāna, Đại đức Loḷudāyi ganh tỵ, khoác lác khoe khoang tài thuyết pháp của mình. Đến khi người ta thỉnh cầu, nói rằng: "Chúng tôi muốn nghe Pháp". Đại đức lên Pháp tọa cả bốn lần mà không tìm được pháp chi để thuyết cả. Giờ đây, Đại đức lại rơi xuống hầm phần như thế.

Đức Thế Tôn ngự đến, phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ khuru! Các Thầy đang bàn luận việc chi thế?

- Bạch Ngài, chuyện nầy... Chuyện nầy.

Nghe xong, đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ khuru! Chẳng phải chỉ bây giờ, mà xưa kia thầy ấy cũng bị lún chìm trong phần rồi vậy.

Rồi Ngài ngâm kệ Bốn Sanh rằng:

Catuppado ahaṃ samma tvam̐pi samma catuppado

Ehi siha nivattassu kinnu bhīto palāyasi

Asuci pūtilomosi duggandho vāyasi sūkara

Sace yujjhitukāmosi jayaṃ samma dadāni teti.

Chúa ơi! Chúa có bốn chân

Tôi cũng có bốn cẳng, ta gần ngang nhau

Lại đây, Sư tử anh hào

Có chi mà sợ chạy nhẫu thế kia

Heo ơi! Mình chú thúi tha

Lông chú dơ dáy, thật là quá hôi

Xin nhường chú thắng cho rồi

Nếu như chú muốn cùng tôi tranh tài.

Sau khi thuyết xong Bốn sanh, đức Bốn Sư cho biết rằng Sư tử trước nay là Đức Sāriputta, còn con heo chính là Đại đức Loḷudāyi. Xong rồi, đức Thế Tôn phán dạy rằng:

- Này các Tỳ khuru! Loḷudāyi chỉ học rất ít Pháp mà không bao giờ lo ôn tập. Pháp nào dẫu học ít, một khi đã học được nếu không ôn tập ắt trở thành nhóp nhúa vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn như sau:

"Asajjhāyamalā mantā

Anuṭṭhānamalā gharā

Malam vaṇṇassa kosajjam

Pamādo rakkhato malam"

"Không tụng làm nhóp kinh

Không siêng làm bản nhà

Biếng nhác làm nhơ thân

Phóng dật làm tâm uế" (TMC)

CHÚ THÍCH

Asajjhāyamaḷā: Bất luận là Kinh pháp hoặc học nghề nghiệp chi nếu không thường ôn tập, thực hành, thì nó sẽ tiêu lẩn hoặc đứt đoạn không để nhớ ra, bởi vậy mới nói "Không tụng làm nhóp kinh"

Người là cư sĩ hoặc bậc xuất gia mà biếng nhác không lo chăm sóc gìn giữ thân thể hoặc đồ vật dụng, thì thân sẽ có màu sắc xấu xa, bởi vậy mới nói: "Biếng nhác làm nhơ thân".

Người chần giữ bò cái mà dễ duôi, cứ lo ngủ hoặc lo chơi thì bấy bò không phát triển, dễ bị hao hụt vì thú dữ, trộm cướp làm thiệt hại. Hoặc bò vào ăn mất lúa ruộng của người khác, chủ bị bắt bớ, đền bồi. Chính mình là người chần cũng bị hành phạt hoặc bị mắng nhiếc.

Cũng vậy, bậc Xuất gia không lo thu thúc lục căn, dễ duôi để cho phiền não làm sa đọa, rồi phải hoàn tục xa lìa giáo pháp. Bởi vậy mới nói: "Phóng dật làm tâm uế". Vì lẽ nó dẫn dắt người ấy đến chỗ hư hỏng, dơ bẩn nên gọi là nhơ uế vậy.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả Tu Đà Hườn.

DỨT TÍCH: Đại đức LOḶUDĀYI

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Nếu dốt thì cam chịu dốt đi
Huyền hoang bịp chúng có hay gì
Bốn lần thỉnh Pháp, chưa thềm thuyết
Một trận ăn đòn, đã chạy thi
Vì thích cầu cao, sa hố phần
Bỏ ưa tật đố, mất màu y
Cần thầy sao chẳng chuyên cần học
Lại móng hư danh, nghĩ cũng kỳ!...*

XVIII. 5- MỘT CÔNG TỬ BỊ CẠM SÙNG

(PC. 242)

"Mal'itthiyā duccharitaṃ...".

Pháp cú này được đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Veluvana, đề cập đến chàng Công tử nọ.

Tương truyền rằng: Công tử ấy đã cưới vợ là một Tiểu Thư môn đăng hộ đối. Từ ngày về nhà chồng, cô vợ cứ tà hạnh mãi, Công tử xấu hổ về việc làm của vợ, không thể đến gặp gỡ tiếp xúc cùng ai cả, nên cắt đứt luôn cả sự viếng thăm và hộ độ cúng dường đức Phật. Thế rồi, sau vài ngày chàng lại viếng thăm đức Bốn Sư, sau khi đánh lễ Ngài xong rồi, ngồi qua một bên, Ngài hỏi Công tử:

- Này Công Tử! Đạo này sao ngươi ít đến đây vậy?

Công Tử liền đem việc nhà ra giải bày cùng đức Thế Tôn, Ngài dạy rằng:

- Này Công Tử! Xưa kia ta đã từ dạy rằng: Đàn bà giống như sông rạch, và bậc hiền trí không nên giận nữ nhân. Nhưng vì ngươi do cõi luân hồi khuất lấp nên không thấu đáo đó thôi.

Công Tử thỉnh Ngài thuyết giảng Bốn Sanh, Ngài ngâm lên rằng:

Yathā naḍi ca pantho ca pānāgāraṃ sabbā papā.

Evam lokitthiyo nāma velā tālam navijjatīti

Đàn bà như thể rạch, sông

Đường đi, động đá, nhà công, quá chờ.

Đàn bà thế tục bản nhơ

Lãng loàn xá kể ngày giờ chi đâu.

Sau khi thuyết xong Bốn Sanh, đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nầy Công Tử! Tà hạnh trác nết là vết nhơ của nữ nhân, sự bòn rít là vết nhơ của tín thí, nghiệp ác là vết nhơ là hại chúng sanh cả đời nầy và đời sau. Vô minh là vết nhơ tối thượng của tất cả vết nhơ.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

242 -

"Mal'itthiyā duccharitam
Maccheram dadato malam
Malā ve pāpakā dhammā
Asmiṃ loke paramhi ca"

243 -

"Tato malā malataram
Avijjā paramam malam
Etam malam pahatvāna
Nimmalā hotha bhikkhavo"

- *"Tà hạnh nhơ đàn bà*

Xan tham nhơ kẻ thí

Tội ác là vết nhơ

Đời nầy và đời sau" (242)

- *"Trong hàng cấu ố ấy*

Vô minh nhơ tối thượng

Hãy trừ bỏ nhơ ấy

Thành Tỳ kheo vô cấu" (243) (TMC)

CHÚ THÍCH

Duccharitam: Aticaro: Tà hành, chỉ sự lằng loàn trác nết, gian dâm, ngoại tình. Phàm đàn bà ngoại tình bị chồng đuổi trở về cùng cha mẹ, cũng bị mắng rằng: "Mầy không nên làm ô nhục, tội bại gia phong, nhục nhã tông đường..." Rồi bị cha mẹ đuổi ra khỏi gia tộc, nữ nhân ấy sống bơ vơ khổ sở vô cùng. Do đó mới nói rằng "Tà hạnh là nhơ nữ nhân"

Dadato: Đến thí chủ (dāyakassa). Người nào khi mới cày ruộng đã lập nguyện rằng "Nếu lúa trúng kỳ này, ta sẽ làm phước trai Tăng hoặc rút thẻ để bát chảng hạn". Nhưng khi gặt hái có kết quả tốt đẹp, lại phát sanh tâm bòn xén, ngăn chặn tâm bố thí. Do ảnh hưởng tâm bòn xén thắng được tâm xả ly, người ấy không được hưởng ba phước lộc là nhân sản, thiên sản và Níp Bàn. Do đó mới nói rằng: Sự bòn xén là vết nhơ của bố thí.

Trong các câu khác đều có một lý chung như vậy.

Pāpakā dhammā: Chỉ những pháp bất thiện, là vết nhơ của chúng sanh từ đời này đến những đời sau.

Tato: Từ vết nhơ đã nói trên.

Malataram: Ta sẽ thuyết về vết nhơ tối thượng cho các người nghe.

Avijjā: Vô minh, dốt nát, các thầy dứt bỏ vết nhơ Vô minh mà thành bậc Vô nhiễm (nimmamla).

Cuối thời pháp, nhiều thánh giả chứng đắc Thánh quả, nhất là quả Dự Lưu.

DÚT TÍCH: CÔNG TỬ BỊ CẤM SỪNG

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Không may vớ phải thứ đàn bà

Trác nết, lằng loàn thật xấu xa

Tủi phận lảng giềng, không tiếp xúc

Buồn duyên bạn lữ, chẳng giao hòa...

Chon ngôn Phật dạy bình tâm xét

*Chánh lý thầy khuyên mở tuột ra
Nghịch báo cửa nhà, con ấy nợ
Đa tình, trẻ đẹp, vợ oan gia.*

XVIII. 6- TỖ KHUU CŪLASĀRI TÀ MẠNG

(PC. 244- 245)

"Sujjivam abirikenāti...".

Pháp cú này được đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Tỳ khưu Cūlasāri là đệ tử theo hầu Đại đức Sāriputta.

Tương truyền rằng: Một ngày nọ, sau khi làm nghề thầy thuốc, Tỳ khưu Cūlasāri được dâng cúng thực phẩm ngon quý, đang ôm bát ra cổng thành, giữa đường gặp Đại đức, bèn thưa rằng: "Bạch Ngài, vật thực này con có được nhờ làm y sĩ. Ở nơi khác Ngài sẽ không có được loại vật thực này đâu. Xin thầy hãy thọ dụng vật thực này. Với nghề thầy thuốc, con sẽ cúng dường Ngài vật thực ngon quý như vậy luôn luôn".

Đại đức nghe dứt mấy lời của đệ tử, Ngài im lặng bỏ đi luôn.

Chư Tỳ khưu về đến chùa, đem chuyện này bạch với đức Thế Tôn. Ngài dạy rằng: - Này các Tỳ khưu, người xuất gia mà vô tầm vô quý, giống như con quạ, sống theo 21 pháp tà mạng để được sung sướng. Còn bậc có đầy đủ tầm quý thì hằng sống vất vả cực khổ.

Nói rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn.

244 -

"Sujivam ahirikena
Kākasūrena dhamṣinā
Pakkhadinā pagabbhena
Samkiliṭṭhena jīvitam"

245 -

"Hirimatā ca dujjivam
Niccām sucigavesinā
alinen'appasabbhena
Suddhājīvena passatā"
- "Sống không biết tầm quý
Sống lở mắng như quạ
Sống chê bai khoác lác
Sống ngạo mạn nhiệm ô" (244)
- "Sống vô cầu khiếm tốn
Sống thường cầu thanh tịnh
Sống thanh tịnh sáng suốt
Khó thay đời sống ấy". (245)

CHÚ THÍCH

"Ahirikenā: Sống mà không có sự hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi. Tỳ khưu không có tầm quý, gặp người nữ không phải mẹ cũng nhận làm mẹ mình, người nam không phải cha cũng nhận là cha mình, hoặc dùng lối nói hay hành vi tưng bợ người thế theo 21 pháp tà mạng, có thể sống sung sướng.

Kākasūrena: Sống bạo dạn như con quạ, như là con quạ lở mắng (sūrakāko) muốn xót vật thực như cháo... Trong nhà khá giả, thường đậu lên trên mái nhà cao như đầu tường... Sợ người ta biết ý đồ của mình nên giả vờ như không có ý nhìn vật chi cả, hoặc giả vờ ngủ, chờ người ta sơ ý, không lưu tâm gìn giữ nói chuyện cùng nhau, nó bay xuống cực nhanh xót đồ ăn đầy miệng rồi bay vụt đi. Cũng như thế, kẻ vô tầm vô quý cùng các Tỳ khưu vào làng để biết những nơi nào có cúng dường tứ vật dụng. Sau khi khát thực về, chư Tỳ khưu quán tưởng, rồi tham thiền chú tâm trên để mục thiền định, hoặc quét sạch Tăng đường. Kẻ vô tầm vô quý thì chẳng làm ấy, chỉ thừa cơ Tăng vào làng, sợ chư

Tăng để ý mình, đầu đang nhìn cũng giả cách không nhìn, giả vờ như ngủ hoặc như đang thắt dây lưng, đang xếp y... Rồi nói rằng "Tôi bận việc này..." Từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào làng, đến một nhà trong số những nhà được Tăng chỉ định từ sáng sớm. Mặc dầu gia chủ đã khép kín cửa, vị ấy cũng đưa tay mở cửa để đi vào. Khi thấy vị Sa môn, dù muốn dù không, gia chủ cũng phải mời ngồi, tiếp hộ cơm cháo, dâng cúng vật theo khả năng có được của mình. Sau khi thọ thực rồi, còn tàn thực thì kẻ vô tâm vô quý bỏ vào bát mang về. Kẻ vô tâm vô quý sống một cách sung sướng như thế, thật đáng gọi là con quạ lỗ mông.

Dhamsinā: Khi nghe chư Tăng nói: "Đại đức tên đó là vị Tỳ khuru tri túc, thiếu dục..." thì lại chê rằng: "Như vậy có gì đáng khen đâu? Chúng ta há chẳng phải cũng là những Sa môn tri túc thiếu dục sao?" cốt ý hạ bớt giá trị ân đức của kẻ khác và tự đề cao mình. Mọi người nghe vậy, tưởng lầm rằng: "Vị này cũng là bậc có giới đức trong sạch, tri túc, thiếu dục". Rồi họ nghĩ đến sự cúng dường. Nhưng từ đó về sau, kẻ hay chê bai cũng không lấy được niềm tin của hàng thức giả, vì thế lợi lộc cũng suy tàn. Kẻ chê bai (dhamṣi) phá hoại lợi lộc của chính mình và của người khác như thế đó.

Pakkhandinā (Sống khoác lác), kẻ khoác lác thì hay mạo nhận những công việc của người khác là công việc chính mình. Như buổi sáng sớm chư Tăng chi nhau thành từng nhóm làm công việc nợ việc kia, như quét sân thánh tháp chẳng hạn, làm xong việc rồi, ngồi tịnh tham thiền giây lát mới đứng dậy vào làng khát thực. Lúc bấy giờ kẻ khoác lác mới dậy súc miệng rửa mặt khoác y vàng lên mình, nhỏ thuốc vào hai mắt, xúc dầu... Trang điểm thân thể xong, giả vờ lấy chổi quét sân chùa, nhưng chỉ quét qua loa vài cái thôi.

Ngay trước cổng chùa, những người đến từ sáng sớm với ý định chúng ta sẽ lễ bái Thánh tháp, chúng ta sẽ dâng cúng tràng hoa"

Trông thấy vị Sa môn đang quét thì nghĩ rằng: "Nhờ có vị này chăm nom, sân sóc ngôi chùa mới được sạch sẽ như vậy, chúng ta chớ nên lãng quên vị ấy." Nói rồi, họ làm phước cúng dường đến ông ta. Do khéo giả vờ mà kẻ khoác lác sống được an vui hạnh phúc.

Pagabbhena: Nhờ có đủ tư cách bạo dạn bằng thân, khẩu, ý, do dám liều lĩnh.

Sankiliṭṭhena jīvitam: Con người sống nếp sống như thế, đáng gọi là sống nhiễm ô. Sống như thế là sống xấu xa tội lỗi.

Hiramatā ca: Người có đầy đủ tâm quý thì sống khó khăn. Thật vậy: Những ai không phải là cha mẹ ruột, người ấy không mạo nhận: Đây là cha, là mẹ của tôi". Tứ vật dụng không hợp lẽ đạo, người ấy thị như phần uế. Khi đói khát, người đi khát, người đi khát thực với tâm bình đẳng đi bát từng nhà mà nuôi mạng sống và sống một nếp sống đạm bạc, thô sơ.

Sucigavesinā: Sống thường cầu thanh tịnh cả ba nghiệp thân, khẩu, ý.

alīna: Sống hoạt động, không làm biếng.

Suddhājīvena passata: Người như thế đáng gọi là người sống trong sạch. Do nếp sống thanh bạch như thế, người ấy càng nhớ rõ, hiểu rành nếp sống thanh bạch, rồi cam chịu sống vất vả khổ cực với nếp sống đạm bạc thô sơ.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khuru đắc Thánh quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

DÚT TÍCH: Tỳ khuru CŪLASĀRI TÀ MẠNG

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Tu thật, làm sao cũng chịu nghèo
Giả thì hồng mất hạnh Tỳ khuru
Mỗi ngày quán tưởng, tùy duyên sống.
Hàng bữa tham thiền, liệu sự đeo
Tà mạng⁽¹⁾ lòng no, ăn giống quạ
Chánh tâm, bụng đói hươi như mèo
Thành phạm hai hạng, xưa từng vậy*

¹ Hai mươi một pháp tà mạng của vị Tỳ khuru, có ghi trong Tứ Thanh Tịnh giới của Ngài Bửu Chơn. Đây kể sơ lược: 1- Cho tre, 2- cho lá, 3- cho hoa, 4- cho trái, 5- cho cây đánh răng. 6- Cho nước rửa mặt, 7- cho vật tắm gội, 8- cho phấn sáp, 9- cho đất sét, 10- nịnh bợ. 11- nói nửa thật nửa đùa, 12- giúp đỡ, 13- làm công nhân, 14- làm thầy thuốc, 15- đem tin, 16- làm tay sai. 17- Cho ăn bát trước, 18- cho qua cho lại, 19- làm thầy địa lý, 20- Xem thiên văn, 21- Xem tướng coi tay.

Răng khở, răng vui, chớ trả treo...

XVIII. 7- NĂM CẬN SỰ NAM (VỚI NĂM GIỚI)

(PC. 246..248)

"Yo pāṇaṃ atipāṭeti...".

Pháp Cú này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài trú tại tinh xá Jetavana, đề cập đến năm ông thiện nam.

Trong năm ông, có một vị giữ giới sát sanh, bốn vị kia mỗi vị giữ một giới khác nhau.

Một hôm, cả năm người tranh luận cùng nhau rằng: "Tôi giữ được giới khó giữ nhất". Rồi họ mang câu chuyện trình lên đức Thế Tôn. Nghe xong câu chuyện, đức Thế Tôn không xác định là giới nào khó giữ nhất, là kém nhất mà Ngài lại dạy rằng:

- Tất cả năm giới đều khó hành trì như nhau.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

246-

"Yo pāṇaṃ atiteti
Musāvādaṃ ca bhāsati
Loke adinnaṃ ādiyati
Paradāraṃ ca gacchati"

247-

"Surāmerayapānaṃ ca
Yo naro anuyuñjati
Idh'evam eso lokasmiṃ
Mūlaṃ khaṇati attano"

248-

"Evaṃ bho purisa jānāhi
Pāpadhammā asaṅṅatā
Mā taṃ lobho adhammo ca
Ciraṃ dukkhāya rand- hayuô"

- "Ai sống hại sanh linh

Nói láo trong đời này

Lấy của người không cho

Qua lại với vợ người" (246)

- "Lại rượu chè say sưa

Người sống đời sống ấy

Tất chính ngay đời này

Tự đào bỏ thiên căn". (247)

- "Vậy người hãy nên biết

Chế ác chẳng dễ gì

Chớ tham lam phi pháp

Mà trường khở lụy thân". (248)

CHÚ THÍCH

Yo pāṇaṃ atiteti: Bằng một lối nào trong sáu payoga (phương thế) bằng thân, khẩu hoặc ý cắt đứt mạng căn của kẻ khác.

Musāvādaṃ: Người nào nói lời dối trá và phá nát lợi ích của những người khác.

Loke adinnaṃ ādiyati: Bằng một cách nào trong cái trộm cắp trong thế gian này mà lấy cắp vật người khác gìn giữ.

Paradārañ ca gacchati: Làm điều sai quấy, khi xâm phạm những tài vật có kẻ khác bảo vệ.

Surāmerayapānam: Bất cứ thứ rượu hay thứ nước có chất say nào.

Anuyuñjati: Hằng sống nương vào, hằng thực hành làm cho phát sanh, phát triển.

Mūlam khaṇati: Khởi cần nói đến đời sau, chính trong kiếp hiện tại đây, tài sản nào như ruộng vườn, nhà cửa... Đã tạo được bằng tiền, không biết khuếch trương thêm lại tuôn ra bán lần mà uống rượu là tự mình đang đào gốc tài sản của chính mình, để rồi trở thành kẻ bần cùng, nghèo khổ xin ăn.

Evam bho: Người bị phạm năm giới cấm được kêu gọi thân mật là bho.

Pāpadhammā: Những pháp thấp hèn tội lỗi.

Pāpadhammā: Những pháp thấp hèn tội lỗi.

Asaññatā: Người vô độ, không tiết chế thân, khẩu lại mãi miết trong sự buông lung, người vô tư lự (ácittako)

Lobho adhammo ca: Tham và sân hận đều là bất thiện cả hai.

Ciram dukkhāya randhayum: Chớ phạm ngũ giới, nhất là sát sanh, để khỏi sa vào cảnh khổ như địa ngục, lâu dài không được siêu thoát.

Cuối thời Pháp cả năm thiện nam đều chứng đạt Tu Đà Huàn quả. Thính chúng câu hội cũng đạt được nhiều lợi ích.

DÚT TÍCH: NĂM THIỆN NAM GIỮ GIỚI.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Năm giới đầu tiên nếu chẳng gìn
Đừng hòng thoát khỏi ngục U minh
Sát sanh, trộm cắp đều nên sợ
Uống rượu, tà dâm thấy đáng kinh
Nói dối, cười chơi, thường uống tiếng.
Rửa ngay, thọc xéo, chỉ làm thinh
Cư gia khó bước vô dòng Thánh
Lỗi tại tham sân, khiến lụy mình.*

XVIII. 8- TISSA NHÀ SƯ TRẺ (HAY CHÊ)

(PC. 249-250)

"Dadāti ve yathasaddham...".

Pháp Cú này đúc Bốn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Tỳ khuru Tissa.

Người ta nói rằng: Vị Sa môn trẻ này thường hay chê sự cúng dường, bố thí của Trưởng giả anāthapiṇḍika, của Bà Visākhā, chê luôn cả sự bố thí của 50 triệu Thánh Thinh Văn, cho đến cuộc Vô song thí của Đức vua Pasenadi cũng bị vị ấy chê tuốt. Vào trong Phước Xá, nếu được vật nguội thì vị ấy chê là vật thực quá nguội, được vật thực nóng thì lại chê là đồ nóng. Thí chủ đặt bát ít thì bị vị ấy quở rằng: "Sao lại đặt bát ít thế?". Còn nếu dâng nhiều thì bị nói rằng: "Có lẽ trong nhà này không còn chỗ cất giữ vật thực sao? Nên họ không biết cúng dường vừa phải để Tỳ khuru vừa đủ nuôi mạng thôi, lại dâng cúng quá nhiều cháo cơm như thế này, thật là phí phạm quá".

Tuy nhiên, khi nói đến quyền thuộc của mình, nhà sư lại đổi giọng khen ngợi rằng: "Ồ! Ngôi nhà của quyền thuộc chúng tôi thật là quán nước, tha hồ chư Khách Tăng từ bốn phương tựu đến".

Thật sự thì, vị sư trẻ này vốn là con của người gác cổng thành, nhân đi chung với nhóm thợ mộc, phiêu du khắp nơi, đến thành Sāvattihī, rồi y xin xuất gia.

Khi chư Tỳ khuru thấy vị sư trẻ này cứ chê sự bố thí cúng dường của người khác thì nghĩ rằng: "Chúng ta hãy tìm hiểu sự thật về ông sư này đi". Chư khách tăng hỏi vị ấy rằng:

- Nầy hiền gia! Quyển thuộc của hiền giả ở đâu?

- Ở nơi làng ấy, nơi trú xứ ấy.

Chư Tỳ khuru phái vài vị Tỳ khuru trẻ đi dò hỏi. Các vị đi đến làng ấy, được thôn dân cung thỉnh vào ngồi trong Kỳ túc xá. Chờ đợi họ cúng dường vật thực xong, các vị hỏi rằng: "Có vị sư trẻ tên Tissa, gốc người ở làng nầy đi xuất gia. Ở đây, ai là thân nhân của vị ấy?"

Những người dân nghĩ rằng: "Làng nầy không có ai là con nhà vọng tộc đi xuất gia cả, vì sao các vị nầy lại hỏi như thế?".

Họ bạch rằng: - Bạch Ngài! Chúng tôi có nghe rằng một cậu con trai của người giữ cổng thành, sau khi phiêu lưu cùng với nhóm thợ mộc đã xuất gia rồi. Có lẽ các Ngài hỏi về vị ấy phải chăng?

Các vị Tỳ khuru biết được vị Sa môn trẻ Tissa kia không có quyển thuộc giàu sang, thế lực ở tại đó, nên trở về thành Sāvattthī thuật lại với Tăng chúng rằng:

- Bạch các Ngài! Thầy Tissa không phải nói thật, đã bày chuyện vô cớ, nói nhảm nhí mà thôi.

Chư Tăng mang câu chuyện bạch trình lên đức Thế Tôn, Ngài phán dạy rằng: "Nầy chư Tỳ khuru! Chẳng phải bây giờ Tissa mới khoe khoang khoác lác. Thuở xưa, y cũng đã từng như thế rồi". Chư Tỳ khuru thỉnh cầu đức Bổn Sư thuyết giảng Bổn Sanh, Ngài thuật lại tiền tích với kệ ngôn rằng:

- "Bahumpi so vikattheyya sññam janapadam gato

Anvāgantvāna duseyya bhuñja bhoge katāhakāti".

- *"Khoe khoang, khoác lác lung tung*

Đã qua xứ lá ai lòng mà lo

Hại thay, bị kẻ theo dò...

Katāhaka, ăn no đi nò!...".

Sau khi thật xong Bổn sanh Katāhaka, đức Bổn Sư dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khuru! Nếu vị nào cảm thấy hổ thẹn vì được người dâng cúng ít hoặc nhiều, thô đạm hay thanh quý, hoặc không được cúng dường sau khi mình đã dâng phần mình cho những người khác, thì thiền định (jhānam) hoặc Minh sát (Vipassanā) hoặc Đạo quả (Maggaphalāni) không phát sanh đến vị ấy.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

249-

"Dadāti ve yathāsaddham

Yathāpasādanam jano

Thattha yo yathāsaddham

Paresam pānobhojane

Na so divā và rattim và

Samādhim addhigacchati".

250-

"Yassa c'etam sammuc- chinnaṃ

Mūlagaccham samuhātam

Save divā vāratim và

Samādhim adhigavvhati".

- *"Do tín tâm, hỷ tâm*

Loài người mới bố thí

Kẻ sanh lòng đố kỵ

Vật thực cúng đến người

Ngày đêm không an tịnh". (249)

- *"Những ai đã đoạn tận*

Dứt trừ tâm ganh tỵ

Ban ngày lẫn ban đêm

Tâm hằng được tịnh lạc". (TMC)

CHÚ THÍCH:

Dadāti ve yathāsaddham: Con người ta khi dâng cúng món chi dẫu thô bạc hay thanh quý cũng đều tùy theo đức tin của mình mà dâng cúng cả.

Yathā Padādanam: NGười phát tâm trong sạch đối với các vị Đại đức Trưởng lão... Khi dâng cúng đến các vị ấy là dâng cúng tùy theo tâm trong sạch của mình.

Tattha: Trong sự bố thí (Vật thí) của người khác, có trạng thái hổ thẹn sanh lên, nghĩ rằng: "Ta được ít, ta được đồ thô bạc".

Samādhim: Ban ngày hoặc ban đêm, người ấy không đặc thiền định như cận định hoặc Đạo quả.

Yassa cetam: Người nào đã cắt đứt, đã nhổ bật gốc rễ trạng thái bất thiện, có tên là sự hổ thẹn trong những chỗ ấy và đặc A la Hán đạo tuệ. Người ấy là người chứng đạt thiền định ấy.

Cuối thời pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng Thánh quả, nhất là quả vị Tu Đà Huòn.

DÚT TÍCH: NHÀ SU' TRẺ HAY CHÊ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Ai ngờ Sư trẻ gốc nhà quê
Lại giả làm sang cứ nhúng trẻ
Thọ ít, than phiền dâng ít quá
Dâng nhiều, trách móc: Thọ nhiều ghê
Bày điều quyến thuộc ta giàu có
Đặt chuyện anh em tớ bọn bê
Rốt cuộc để lòi gương mặt mốc
Chê người, sao khỏi bị người chê?...*

XVIII. 9- NĂM CẬN SỰ NAM THỈNH PHÁP

(PC. 251)

"Natthi rāgasamo aggi...". Pháp Cú này được đức Bổn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến năm cận sự nam.

Năm cận sự nam này muốn đi nghe Pháp, bèn rù nhau đến chùa, đánh lễ đức Bổn Sư rồi ngồi nép lại một bên nghe pháp. Tâm bậc Chánh Đẳng Giác không bao giờ khởi lên, nghĩ rằng: "Đây là Sát Đế Ly, đây là Bà la môn, người này là Trưởng Giả, kẻ ấy là Thủ Đà La (giòng nô lệ). Đây là người giàu, nọ là kẻ nghèo. Đối với người này ta sẽ thuyết pháp cao siêu, đối với người kia ta sẽ thuyết trung bình. Còn đối với người này ta sẽ không thuyết". Dẫu bất cứ đối tượng nào, thuyết pháp như Thiên hà đổ từ cao xuống vậy (ākāsagaṅgā).

Trong khi Đức Như Lai đang thuyết giảng Pháp như thế. Năm cận sự nam có năm trạng thái khác nhau: Một ông thì ngủ gật, một ông dùng ngón tay xúi dưới đất, ông kia thì ngồi lắc một cái cây, một ông nhìn lên trời, chỉ có một vị ngồi chăm chú lắng nghe Pháp mà thôi.

Đang quạt hầu đức Thế Tôn, Đại đức Ānanda nhìn thấy những hành động ấy, bèn bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài, Ngài thuyết pháp cho các người này nghe. Ví như trời sấm sét trong trận mưa to, thế mà họ lại hành động như thế này thế nọ trong khi Ngài đang thuyết giảng Pháp.

- Này Ānanda! Người không biết gì về những cận sự nam này ư?

- Bạch Ngài! Con không biết.

- Trong những ông ấy, người ngồi ngủ gật đã từng là rắn năm trăm kiếp và mỗi kiếp đều tựa đầu lên mang mà ngủ. Bây giờ ông ta vẫn mê ngủ như thế. Không có tiếng nói nào của ta lọt vào tai ông ta cả.

- Bạch Ngài! Xin Ngài giải rõ sự tái sinh của ông ta tuần tự diễn tiến hay là có bị gián đoạn?

- Này Ānanda! Có khi ông sanh làm người, có khi ông sanh làm chư Thiên, có khi làm Long Vương. Sự tái sinh của ông ta nhiều vô số kể, không thể biết chính xác số lượng. Nhưng trong năm trăm kiếp liên tục, ông đã sanh làm Rắn và cư mê ngủ như thế cho đến kiếp này vẫn còn mê ngủ như thế.

Người dùng tay xùi đất kia, đã sanh làm con trùng năm trăm kiếp liên tục, cứ lo đào đất mãi. Bây giờ do thói quen từ trước, ông ta cứ lo xùi đất như thế, tiếng của Như Lai không vào tai ông ta được.

Ông đang ngồi lắc cây, thì đã từng là khỉ liên tục 500 kiếp, vì thói quen tạp nhiễm như thế, ông ta cứ lo xùi đất chớ không lắng nghe Pháp Như Lai.

Còn Ông Bà la môn nhìn trời, do đã từng là nhà thiên văn trọn 500 kiếp liên tục. Giờ đây, do thói quen tạp nhiễm nên cứ ngồi nhìn trời như thế. Tiếng nói của ta không lọt vào tai của ông.

Vị Bà la môn ngồi nghe pháp chăm chú kính cẩn, thì đã từng sanh liên tiếp 500 kiếp là vị Bà la môn trì tụng Tam Phệ đà, chuyên việc thám thiên niệm chú, bây giờ cũng ngồi kính cẩn lắng nghe Pháp, giống như đang niệm chú vậy.

- Bạch Ngài! Pháp của Ngài thuyết banh da xẻ thịt, thối tận xương tủy. Tại sao, trong khi Ngài thuyết Pháp, mấy ông này lại không chăm chú nghe?

- Này Ānanda! Người ngỡ rằng Pháp Như Lai thuyết là dễ nghe lắm sao? dễ lãnh hội lắm sao?

- Bạch Ngài! Ngài cho rằng Pháp ấy khó lãnh hội lắm sao?

- Thật như vậy, này Ānanda!

- Tại sao vậy? Bạch Ngài.

- Này Ānanda! Những chúng sanh này đã trải qua vô số trăm ngàn kiếp trái đất, chưa từng nghe tiếng đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, cho nên bây giờ không thể nghe được Pháp của ta thuyết đây.

Trong vòng luân hồi vô thủy, những chúng sanh này chỉ thường nghe ngôn ngữ của cầm thú dưới mọi hình thức, bởi vậy họ quen la cà tại những nơi mà người ta ăn uống vui chơi, ca hát, nhảy múa. Họ không thể nào nghe Pháp được.

- Bạch Ngài! Tại có nào mà họ không thể nghe Pháp được?

- Này Ānanda! Không thể nghe Pháp được tại vì tham (Rāga), tại vì sân (Dosa) tại vì si (moha). Không có lửa nào bằng lửa tham, một thứ lửa không thấy tro than mà hằng thiêu đốt chúng sanh. Lửa nương từ bảy mặt trời sanh lên trong Hoại kiếp của trái đất để thiêu đốt cháy tan thế gian này, thứ lửa ấy có lúc thiêu đốt, có lúc không có để thiêu đốt. Còn lửa tham thì không lúc nào là không thiêu đốt cả. Bởi thế mới gọi rằng: "Không có lửa nào bằng lửa tham, không chấp nào bằng sân, không lưới nào bằng si, không sông nào bằng sông ái".

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

251- "Natthi rāgasamo aggi

Natthi dosasamo gaho

Natthi mohasamaṃ jālaṃ

Natthi taṇhāsamā nadi".

- "*Không lửa nào bằng lửa tham*

Không chấp nào bằng sân

Không lưới nào bằng si

Không sông nào bằng ái". (TMC)

CHÚ THÍCH:

Rāgasamo aggi: Mặc dầu bên ngoài không thấy có khói, nhưng sức thiêu đốt của tham phát khởi bên trong không có lửa nào sánh bằng,

Dosasamo: Mặc dầu Dạ xoa, con trăn, con sấu... Có thể cầm giữ, quấn chặt, gắp cái xác thân này, nhưng so với sự sân thì sự nắm chắc hay cố chấp, không có chấp nào sánh bằng.

Mohasamaṃ jalāṃ: Nói về sự bao vây, trùm kín, không chừa lối thoát thì không có lưới nào bằng lưới si.

Taṇhā samā: Các sông rạch, khi nước lớn, khi nước ròng và khi cạn hết cũng đều có thể thấy rõ được. Còn khát ái (Taṇhā) không có khi đầy tràn hoặc khô cạn, luôn luôn lúc nào cũng thấy nó thiếu thốn. Về sự khó làm cho đầy của khát ái, không có sông nào sánh bằng.

Cuối thời Pháp ông cận sự nam chăm chú nghe Pháp chứng đắc quả Tu Đà Huờn. Hội chúng cũng được hưởng nhiều sự lợi ích.

DÚT TÍCH: NĂM ÔNG THIỆN NAM NGHE PHÁP.

DỊCH GIẢ CẨN ĐỀ

- Ông ngồi nhắm mắt ngáy o o...
Mặc Pháp cao siêu, cứ ngủ khò
Thuở trước đã từng quen tánh rắn
Năm trăm kiếp ngủ ít buồn lo.
- Ông ngồi xụi đất chẳng nghe kinh
Tánh cũ thường quên lủi xuống sình
Sợ đói đêm ngày, trùn kiếm đất
Ngờ đâu đất vẫn ở quanh mình
- Ông lác cây kia giữ tánh xưa
Năm trăm kiếp khi, nét không chừa
Ngồi nghe thuyết Pháp tai dờng điếc
Tâm đông, người ông cứ đẩy đưa
- Ông nẩy ngồi cứ ngó trên không
Quen tánh xem trời, đoán kiết hung
Tai chẳng buồn nghe Kinh Phật thuyết
Tâm còn bận nghĩ chuyện mông lung.
- Còn ông kính cẩn ráng nghe kinh
Do biết tham thiên, đắc quả linh
Được Pháp nhắc vài câu Pháp Cú
Năm trăm kiếp đạo đủ công trình.

XVIII. 10- TRƯỞNG GIẢ MENḌAKA

(PC. 252)

"Sudassam vajjamaññesanti...". Pháp Cú này, đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jātiya, gần thành Bhaddiya, đề cập đến Trưởng Giả Menḍaka (Miên Dương).

Tương truyền rằng: Trong khi đi vân du trong xứ Aṅguttara, đức Thế Tôn quán thấy: Ông Trưởng giả Menḍaka cùng vợ là Candapadumā (Nguyệt Liên), con trai Dhanañjaya (Tài thắng), người dâu Sumanadevī (Tổ Tâm Nương Tử), cô cháu gái Visākhā (Visākhā) và người đầy tớ Puṇṇa (Viên mãn), tất cả đều có duyên lành với Thánh Quả Tu Đà Huờn. Nên Ngài ngự đến thành Bhaddiya, an cư trong rừng Jātiya. Trưởng giả Menḍaka hay tin đức Thế Tôn đã ngự đến rồi.

Vì sao có tên là Menḍaka? Người ta đồn rằng: Phía sau nhà của Trưởng giả, trong một khoảng đất rộng tám Karīsa (lối 8 mẫu) có nhiều con trùn (Niên dương) bằng vàng, lớn cỡ con voi, con ngựa, và con bò mộng, đội đất hiện ra đứng nối đuôi nhau, đầu lưng cùng nhau chập cả khoảng đất. Trong miệng chúng có những cuộn chỉ. Khi nào cần dùng năm nón thuốc như bơ, sữa, mật, đường, dầu hoặc vải vóc, y phục, hay vàng ròng, vàng thô... người ta móc cuộn chỉ trong miệng con dê ra, chỉ một con cũng đủ tất cả dân trong coi Diêm Phù Đệ. Nên Trưởng giả có tên gọi là Menḍaka (Miên Dương).

Ông đã tạo thiện nghiệp gì trong quá khứ? Theo truyền thuyết, vào thời đức Phật Vipassī, ông có người cậu là Trưởng giả Avaraja và ông cũng đồng tên như cậu của mình.

Bấy giờ, người cậu dự kiến xây dựng một Hương thất. Ông đến gặp mặt cậu và đề nghị: "Thưa cậu, hai cậu cháu mình hợp tác nhau mà làm nhé".

- Cậu không muốn làm chung với ai cả. Cậu chỉ làm một mình thôi.

Bị cậu từ chối không cho hợp tác, ông nghĩ thầm: " Khi nào Hương thất này cất xong, thì ta sẽ cất thêm một cái Tượng đình (Kuñjarasāla)". Thế rồi, ông khiến người mang vật liệu từ rừng về, dựng thành một cây trụ cần vàng, một cây cần bạc, một cây cần ngọc Mañi. Tất cả những cột kèo, đòn tay ngạch cửa cái, cửa sọ, mái hiên, nóc, mái lợp ông cũng đều cho cần bằng vàng, bạc và ngọc Mañi như thế. Rồi đối diện với hương thất, ông cho dựng lên ngôi Tượng đình của Đức Như Lai toàn bằng bảy báu. Trên nóc Tượng đình có ba cái tháp nhọn bên dưới bằng vàng khối, bên trên bằng ngọc San Hô. Ngay chính giữa tượng đình, ông cho làm một cái nhà bằng Bảo ngọc và cho đặt Pháp tạo trong đó. Bốn chân Bảo Pháp, ông cho thợ làm bốn con trầu bằng vàng kê dưới chân Pháp tọa. Làm thêm hai làm bốn con trầu bằng vàng kê dưới chân Pháp tọa. Làm thêm hai con trầu để làm ghế kê chân, và sau con khác cũng bằng vàng bao quanh ngôi Giảng Pháp đường. Bên dưới Pháp Tọa ông cho dệt bằng chi thường, lớp giữa là chỉ vàng, và bên trên là chỉ bạc, còn chỗ dựa lưng của Pháp tọa là gỗ Chiên đàn.

Khi hoàn tất ngôi Tượng đình, ông tổ chức lễ khánh thành, cung thỉnh đức Thế Tôn cùng với sau triệu tám trăm ngàn Tỳ khuru đến dự lễ, rồi cúng dường vật thực suốt bốn tháng. Đến ngày cuối, ông cúng dường Tam y đến toàn thể chư Tăng, mỗi bộ có giá trị là cả ngàn đồng Kahāpana.

Trong thời đức Phật Vipassī, ông đã tạo phước lành như thế, nên luân chuyển hai cõi nhân thiên cho đến hiền kiếp (Bhaddakappa) này. Ông tái sinh vào một đại gia tộc Trưởng giả ở thành Bārāṇasī và được phong chức Trưởng giả nơi thành ấy.

Một hôm, trong lúc vào Cung vào Đức Vua, ông gặp vị Quân sư tế tự, hỏi rằng:

- Thưa Quân Sư! Ngài vẫn thường xem Thiên văn để tiên đoán Quốc sự đấy chứ?
- Phải rồi, tôi vẫn thường làm việc này, ngoài ra tôi có còn đảm nhận việc gì khác đâu.
- Xin Quân Sư cho biết tình hình trong nước như thế nào?
- Sẽ có một thiên tai nặng nề.
- Thiên tai chi thế?
- Nạn đói sẽ hoành hành, Trưởng giả ạ.
- Chùng nào mới có nạn đói?
- Kể từ nay cho đến ba năm nữa.

Được nghe lời tiên đoán của vị Quân sư tế tự, Trưởng giả thành Bārāṇasī đốc thúc người nhà làm thật nhiều ruộng, xuất hết tiền của hiện đang có mua trữ thóc gạo, cho xây dựng 2.500 kho, vừa chứa lúa, đồ đầy kho vừa ấy. Khi kho hết chỗ chứa lúa, ông cho đổ đầy các lu, hũ... Và cho đào hố chôn dưới đất. Số lúa còn dư sau cùng ông cho nhào trộn cùng đất sét rồi trét lên vách nhà.

Thời gian sau, khi có nạn đói, ông cho lấy số lúa được tích trữ mà ra dùng. Khi số lúa để dành trong các kho lấm, các đồ đựng đã hết sạch. Trưởng giả cho triệu tập tất cả gia nhân đến, bảo:

- Các người hãy vào trong núi mà sống chung với nhau. Đến thời hết nạn đói thì trở về, ai muốn về với ta thì về, bằng không thì cứ ở luôn nơi đó đi.

Bấy giờ, chỉ còn có người nô lệ tên Punṇa là ở lại phục dịch hầu hạ chủ mà thôi. Gia tộc chỉ còn lại tổng cộng là năm người, hai ông bà Trưởng giả, cậu Công tử, cô dâu và người tớ Punṇa.

Dùng số lúa chôn dưới đất đã hết, bà Trưởng giả đập số đất sét trét tường ra, lọc lấy những hạt thóc để nấu cơm, cháo sống qua ngày. Khi nạn đói kéo dài, số hạt thóc trét tường cũng hết, chỉ còn lại độ nửa ālahaka lúa, giả ra được một lon gạo. Bà Trưởng giả tự nghĩ: "Trong thời đói kém, kẻ trộm cướp rất nhiều". Vì sợ trộm cướp bà bỏ gạo vào cái vò, đem chôn dưới đất.

Khi Trưởng giả đi châu Vua về, ông bảo vợ rằng:

- Bà ơi! Tôi đói bụng quá, có chi cho tôi ăn không?

Thay vì nói "Không có chi", vợ ông lại nói: "Thưa ông! còn một lon gạo". "Bà để ở đâu?"

- Tôi chôn dưới đất vì e sợ trộm cắp.

- Vậy bà hãy đào lên lấy chút ít nấu com đi.

- Nếu tôi nấu cháo thì sẽ dùng được hai bữa. Còn nấu com thì chỉ dùng được một bữa thôi. Vậy tôi sẽ nấu cái chi đây thưa ông?

- Chúng ta chỉ còn nước ăn com rồi chờ chết, chớ còn làm cái chi nữa đâu. Bà hãy nấu com đi.

Bà Trưởng giả lấy gạo nấu com, rồi chia làm năm phần, xúc trong nồi ra một phần đầy một bát của ông Trưởng giả, để trước mặt ông.

Bấy giờ, trong núi Gandhmādana (Hương Đàn) có vị Độc Giác Phật vừa xuất thiên Diệt. Theo truyền thuyết, trong lúc nhập Đại Định, vì Độc Giác Phật không bị sự áp bức của đói khát do nhờ mãnh lực thiên định. Nhưng khi xuất khỏi định, sự đói khát phát khởi mãnh liệt, như có lửa đốt phía bụng dưới các Ngài. Bởi thế, các Ngài quán xét nơi nào có được vật thực là Ngài sẽ đến ngay nơi đó để thọ nhận vật thực. Trong ngày ấy, người cúng dường đến vị ấy sẽ được quả sanh khởi ngay trong hiện tại mau chóng, chẳng hạn như sẽ trở thành vị Trưởng giả hay trở thành quan Đại Thần... Khi đức Phật Độc Giác dùng thiên nhãn quán xét cõi Diêm phù, thấy nạn đói đang hoành hành, và hình ảnh năm người trong gia tộc Trưởng giả lọt vào võng trí của Ngài, thấy cả năm người chỉ còn có một lon gạo để nấu com. Ngài tự hỏi: "Những người này có đức tin và cúng dường đến ta chăng?". Khi quán thấy họ có đức tin và cúng dường vật thực đến mình. đức Phật Độc Giác từ núi Gandhamādana ngự xuống, đứng trước nhà ông Trưởng giả.

Thấy Ngài, Trưởng giả phát tâm trong sạch, nghĩ rằng: "Vì kiếp trước ta không làm phước bố thí, nên kiếp này gặp phải cảnh đói khát như thế này. Phần com này chỉ hộ trì ta sống được một bữa, nhưng nếu ta cúng dường nó đến Ngài, nó sẽ có lợi ích cho ta vô số kiếp trái đất".

Thế rồi, Trưởng giả dời bát com qua một bên, đánh lễ dưới chân Đức Độc Giác với ngũ thể đầu địa, đoạn rước Ngài vào nhà, thỉnh Ngài ngồi nơi được soạn sẵn, dùng nước rửa chân Ngài, đặt ghết thấp bằng vàng cho Ngài gác chân. Xong rồi đem cúng dường bát com của mình đến Đức Độc Giác Phật. Khi ông sốt được phân nửa bát com, thì Đức Độc Giác dùng tay ngăn lại. Trưởng giả thưa rằng:

- Bạch Ngài! Một lon gạo nấu thành com, được chia cho năm người, đây là phần của con, không thể xẻ phần này ra làm hai được. Con không xin Ngài ban phước trong hiện tại, con chỉ cúng dường Ngài cả phần com này để lợi ích trong vị lai.

Nói rồi, Trưởng giả cúng dường trọn bát com đến đức Phật Độc Giác, xong rồi ông phát nguyện rằng:

- Bạch Ngài! Trong các cảnh giới luân hồi, xin cho con đừng bao giờ gặp lại cảnh nạn đói như đây. Hơn nữa, từ nay về sau cho con có đủ phương tiện, khả năng bố thí lúa gạo cho tất cả cư dân trong toàn cõi Diêm Phù. Xin cho con khỏi phải làm lụng vất vả để nuôi sống. Sau khi cho người quét sạch 2.500 kho lúa, con gọi đầu ngay trước những kho lúa ấy, khi ngẩng lên trời thì trận mưa lúc Sāli đổ từ trên hư không tràn ngập vào các kho vựa. Và trong những cảnh giới tái sanh, xin cho những người này sẽ là vợ, là con trai, là con dâu là nô nhân như trong hiện tại đây.

Bà Trưởng giả suy nghĩ: "Trong khi chồng ta nhịn đói sốt ruột. Ta không thể nào no bụng riêng mình được". Rồi Bà cũng đem phần com của mình cúng dường đến Đức Độc Giác, phát nguyện rằng: "Bạch Ngài! Xin cho con từ nay trở đi, dầu tái sanh ở cảnh giới nào, đừng bao giờ cho con gặp lại cảnh đói khủng khiếp như vậy nữa. Xin cho con có quyền năng bố thí com đến tất cả cư dân trong toàn cõi Diêm Phù, bằng cách đặt một nồi com trước mặt, con xúc com bố thí cách mấy nồi com vẫn đầy tràn lại như cũ, cho đến khi nào con đứng dậy mới thôi. Xin cho những người này là chồng con, con trai con, con dâu con và nô bộc của con y như quan hệ bây giờ".

Công tử con Trưởng gia cũng dâng phần com của mình lên Đức Độc Giác và phát nguyện rằng: "Xin cho con đừng bao giờ gặp lại nạn đói như vậy nữa. Xin cho con có quyền năng, chỉ với một túi tiền đựng ngàn đồng, con có thể bố thí cho tất cả cư dân trên cõi Diêm phù, dầu cho con có bố thí bao nhiêu, túi tiền vẫn không vơi. Xin cho những người này hãy là cha, là mẹ, là vợ, là nô bộc của con như quan hệ trong hiện tại này mãi mãi".

Cô dâu của Trưởng giả cũng dâng cúng phần com của mình đến đức Phật Độc Giác và nguyện rằng: "Xin cho con đừng bao giờ gặp phải nạn đói như vậy nữa. Xin cho con có quyền năng bố thí cho

tất cả mọi người trên cõi Diêm Phù này, xin cho thúng mễ cố mà con dùng bố thí chẳng bao giờ voi. Trong các cảnh giới con tái sinh xin cho những người này là cha chồng, mẹ chồng, là chồng và nô bộc của con như trong hiện tại đây".

Người tở Punṇa cũng dâng phần cơm mình đến Đức Độc Giác, phát nguyện rằng: "Xin cho con đừng gặp cảnh đói như vậy nữa. Xin cho tất cả những người này hãy là chủ của con mãi mãi". Khi con cày một đường cày thì mỗi bên lại có thêm ba đường cày ruộng cỡ một aminaṇa.

Trong ngày ấy, người tở Punṇa có thể nguyện kết quả là vị Đại thần được, nhưng vì lòng mến chủ nên tự nguyện "Xin cho những người này là chủ con" như vậy.

Khi mọi người cúng dường và phát nguyện xong rồi, đức Phật Độc Giác chúc phúc: "Mong cho được như vậy". Rồi tụng lên kệ ngôn mà chư Độc Giác hằng tụng chúc phúc khi thọ thực. Ngài suy nghĩ rằng: "Ta có phận sự khiến cho những gia chủ này phát tâm hoan hỷ và tịnh tín hơn nữa. Mong cho những người này trong thấy ta về đến núi Gadhamādana". Ngài theo đường hư không về núi, cả năm người chứng kiến như đang diễn ra trước mắt mình. Về đến núi Ngài mang phần cơm ra cúng dường đến 500 vị Độc Giác Phật. Nhờ thần lực của Ngài, cả 500 vị Độc Giác dùng cơm ấy vẫn không hết. Cả năm người chứng kiến quanh cảnh ấy càng tịnh tín và hoan hỷ thêm lên.

Qua khỏi giờ ngộ rồi, Bà Trưởng gia đem nồi đi rửa, xong rồi đem cất. Ông Trưởng giả vì bụng cồn đói, nên đi ngủ, đến xế chiều ông thức giấc, nói với vợ rằng:

- Bà ơi! Tôi đói quá, ba coi đáy nồi còn dư sót cơm chăng?

Dầu biết rằng đã rửa nồi cất rồi, nhưng bà Trưởng giả không nói là "Không còn gì đâu", mà lại nói "Để tôi giờ coi thử".

Bà đứng dậy đi đến cái nồi, gỡ nắp nồi ra. Lạ thay! trong nồi đầy áp cơm trắng, mùi thơm như nụ hoa lài. Cơm nở vun lên đầy nắp nồi lên cao.

Thấy vậy, toàn thân bà Trưởng giả phát sanh phỉ lạc, bảo rằng:

- Ông ơi! hãy dậy xem này, tôi đã rửa nồi cất đi rồi. Thế mà bây giờ trong nồi, cơm trắng xuất hiện thơm như những nụ hoa lài. Việc phước thiện quả thật đáng nên làm, việc bố thí thật đáng nên làm. Ông hãy ăn cơm đi.

Rồi bà mang cơm cho cả Trưởng giả, mình, Công tử, con dâu và nô lệ Punṇa dùng. Mặc dầu cơm được xúc dùng no đủ, nhưng vẫn đầy tràn trở lại như củ không hề voi đi một muống nào cả.

Cũng ngay trong lúc ấy, những kho lúa của Trưởng giả khi trước tràn đầy như thế nào, thì này lại tràn đầy như thế đó. Trưởng giả cho người loan truyền khắp thành Bārāṇasī rằng:

- Trong nhà Trưởng gia có cơm trắng phát sanh. Ai thiếu hụt lúa gạo hãy đến đó mà lãnh đi.

Thế là, tất cả dân trong cõi Diêm Phù nhờ ông Trưởng giả mà thoát khỏi nạn đói, được sống còn.

Sau khi mệnh chung, tất cả đều sanh về Thiên giới. Đến thời hiện tại, từ nơi Thiên giới Trưởng giả hạ sanh vào một gia tộc Trưởng giả trong thành Bhaddiya. Bà Trưởng giả cũng tái sanh vào một gia đình cự phú. Khi trưởng thành, hai người được thành gia tộc với nhau như quan hệ trong thuở trước. Do phước của tiền nghiệp, phía sau nhà Trưởng giả nổi lên những con trầu bằng vàng như đã nói ở trước. Cậu Công tử, cô dâu và chàng nô bộc Punṇa cũng sum họp trong gia tộc như lời nguyện ước khi xưa.

Một hôm, để trải nghiệm quả phước của mình. Sau khi cho người quét sạch một ngàn năm trăm kho lúa, ông gõ đầu tại cửa kho, xong rồi ngược mắt nhìn lên hư không. Tất cả các kho lúa tự nhiên đầy áp lúa Sālī đỏ như đã thuật ở trước.

Ông Trưởng gia muốn trải nghiệm phước của Bà Trưởng giả nên bảo rằng: "Các người hãy thử nghiệm quả phước của mình xem sao?".

Bà Trưởng giả trang điểm thật xinh đẹp, đeo tất cả những nữ trang lên mình ngay trước mắt đại chúng, bà đong một đấu gạo đầy đủ nấu một nồi cơm, bà ngồi lên chỗ ngồi đã soạn sẵn tại phòng khánh tiết, tay cầm muống vàng, bà gọi lớn rằng: "Ai cần dùng cơm hãy đến nơi đây". Bất cứ người nào mang chén, tô... Bà đều múc đầy cơm trắng vào cả. Bà cho cơm như thế suốt cả ngày mà nồi cơm trắng không hề voi, vẫn tràn đầy như cũ.

Trong những kiếp trước nàng Cadapadumā đã từng cúng dường đến chư Tỳ khưu Tăng của các vị Cổ Phật, cũng như bấy giờ, bà tay trái bưng nôi com, tay phải cầm muỗng sớt com đầy bát dâng đến chư Tăng. Nhờ vậy mà lòng bàn tay trái của bà có hình hoa sen, còn lòng bàn tay phải có hình mặt trăng tròn, nên bà có tên là Candapadumā. Hơn nữa, bà đã từng cầm đồ lọc nước đi tới đi lui, lọc nước hộ chư Tỳ khưu Tăng. Nhờ vậy lòng bàn chân phải của bà có hình mặt trăng, còn lòng bàn chân trái thì có hình cánh hoa sen.

Bấy giờ, Công tử tên là Dhanañjaya cũng gọi đầu, lấy túi tiền có đựng ngàn đồng vàng của mình ra, tuyên bố rằng: "Những ai cần tiền hãy đến đây".

Tất cả mọi người đến, cầm các thứ đồ đựng, đều được cậu cho đầy đủ, nhưng túi tiền vẫn còn nguyên vẹn ngàn đồng Kahāpana.

Đến nàng dâu Sumanadevī, cô cũng trang điểm và đeo tất cả nữ trang rồi bung thúng lúa ra ngoài ngoài sân trống rỗng:

- Những ai cần dùng mễ cốc hãy đến đây.

Mọi người cầm thúng đồ đựng đưa ra, tất cả đều được nàng cho đầy đủ, những túng lúa không hề rơi đi chút nào cả.

Người tớ Punṇa cũng trang điểm bằng đủ thứ đồ trang sức rồi mắc bỏ vào ách vàng, dây giày vàng, tay cầm roi vàng, in dấu năm ngón tay của bàn tay xèo có thoa hương liệu lên mình bò, và buộc dây lên sừng con bò những chén chung bằng vàng. Xong rồi, anh mới dắt bò ra ngoài ruộng, bắt đầu cày. Lập tức lớp đất mặt lật lên thành bảy luống cày ba luống bên này và ba luống bên kia và một luống ngay chính diện.

Thế là, từ nơi Trưởng giả, chúng dân cõi Diêm Phù được lãnh nào là mễ cốc, nào là vàng thô, vàng ròng, đủ thứ tùy theo nhu cầu, sở thích.

Khi Trưởng Giả là người đại phúc như thế, hay tin đức Thế Tôn ngự đến, ông quyết định: "Ta sẽ đi nghinh tiếp đức Bổn Sư ra khỏi nhà", dọc đường ông gặp các nhóm du sĩ ngoại đạo. Họ hỏi ông: "Nầy gia trưởng. Tại sao ông là người theo thuyết hữu vi mà lại đi tìm Sa môn Gotama là người chủ trương thuyết hữu vi mà lại đi tìm Sa môn Gotama là người chủ trương thuyết Vô vi".

Dẫu họ có ngăn cản, Trưởng giả cũng không màng nghe theo họ, cứ thế đi đến gặp đức Bổn Sư, đảnh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, đức Bổn Sư thuyết lên tuần tự Pháp cho ông ta.

Cuối thời Pháp, Trưởng giả Menḍaka đắc quả Tu Đà Huờn. Ông kể lại chuyện các nhóm ngoại đạo nói xấu đức Thế Tôn, cốt để ngăn cản không cho ông viếng đức Thế Tôn.

- Nầy gia trưởng, đối với những chúng sanh này, dẫu lỗi của họ có lớn đến đâu họ cũng không thấy. Còn người khác không có lỗi gì, họ cũng bịa đặt ra mà nói như là sàng sẩy trấu vậy.

Nói rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Sudassam vajjam aññe- sam
Tattano pana duddasaṃ
Pasesaṃ hi so vajjāni
Oppuṇāti yathā bhusaṃ
Attano pana chādeti
Kalim'va kitavā saṭho".

- "*Thấy lỗi người thì dễ
Thấy lỗi mình mới khó
Lỗi người ta phanh tìm
Như tìm trấu trong gạo
Còn lỗi mình dẫu
Như thợ săn dẫu mình". (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Sudassam: Một mảy may tội lỗi của người khác cũng dễ thấy, ta có thể thấy được dễ dàng. Trái lại tội lỗi của chính mình, dẫu hết sức to lớn, ta cũng khó thấy được.

Paresam hi: Bởi lẽ đó, Tỳ khưu ở giữa Tăng chúng hằng nêu lên những tội lỗi của những vị khác mà bắt bẻ, y như người ta sàng sảy trấu trong gạo vậy.

Kalim'va kitavā saṭho: ở đây tiếng Kaki ám chỉ xác thân con người mà loài chim sợ, không dám đến gần, tiến Kitvā chỉ sự nguy trang như dùng nhánh, lá cây che dấu thân mình, là xảo thuật của người săn chim. Người thợ săn chim muốn bắt chim làm thịt phải nguy trang, che dấu thân mình như thế nào, thì người che dấu lỗi mình cũng như thế đó.

Cuối thời Pháp, nhiều người chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Huòn quả.

DỨT TÍCH: TRƯỞNG GIẢ MEṇḍAKA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Năm người nhện đối chằng rời nhau
Khỏi chết mà còn nhẹ khổ đau
Kiếp trước chung tình giờ khốn khó
Đời sau hiệp mặt buổi sang giàu
Bạc vàng bố thí hoài không hết
Lúa thóc quy hoàn mãi, rất mau
Chồng vợ con dâu, thêm tớ giỏi
Gương ông Trưởng giả sáng lâu lâu
Kẻ nói xấu người để tự khoe
Miên Dương có trí chẳng thềm nghe
Xưa từng Hộ Pháp nay tìm Phật
Chứng quả ban đầu thật khỏe ra.*

XVIII. 11- ĐẠI ĐỨC UJJHĀBASAÑÑĪ

(PC. 253)

"Paravajjānupassissa...". Pháp Cú này được đức Thế Tôn thuyết ta khi Ngài ngự tại Jetavana, để cập đến vị Đại đức Ujjhānasaññī (ưa bắt lỗi).

Tương truyền rằng: Vị Đại đức này thường đi đây đó, tìm lỗi chư Tỳ khưu, nói rằng: "Ông này mặc y như thế này, ông kia khoác y vai trái như thế kia". Chư Tỳ khưu mách với đức Bốn Sư rằng:

- Bạch Ngài! Có vị Đại đức Ujjhānasaññī thường hành động như thế đó.

- Này các Tỳ khưu! Người đứng ở địa vị trưởng, khi ban huấn từ để giáo hóa thì không gọi là người ưa bắt lỗi. Còn người có tâm đi tìm lỗi người để chỉ trích, là người vạch lá tìm sâu thì trong tám bậc thiền, dầu một bậc cũng không phát sanh đến người đó, mà toàn là lậu hoặc tăng trưởng lên thôi.

Nói rồi, đức Bốn Sư ngâm lên kệ ngôn rằng:

253- "Paravajjānupassissa
Niccāṃ ujjhānasaññīno
āsavā tassa vaḍḍhanti
ārā so āsavakkhayā".

- "Ai thấy rõ lỗi người

Thường sanh lòng nóng giận

Lậu hoặc ắt tăng trưởng

Rất xa, lậu hoặc trừ". (TMC)

CHÚ THÍCH

Ujjhānasaññīno: Phải mặc y nội như vậy, phải đắp y vai trái như vậy... "Người nào mà ưa đi tìm lỗi người đó để chỉ trích thế nọ, thế kia, thì một trong tám bậc thiền định không phát triển đến người đó mà các lậu hoặc lại tăng trưởng. Bởi lẽ đó, người ấy rất xa cái gọi là A La Hán lậu tận".

Cuối thời Pháp, nhiều người chứng đắc quả Thánh, nhất là Tu Đà huòn quả.

DÚT TÍCH Đại đức ƯA BẮT LỖI

DỊCH GIẢ CẢN DẸ

*Phải được làm Sư mới dạy trò
Không thì chớ để nặng lòng lo...
Càng hãy chỉ trích tâm càng động
Lỗi nhỏ nơi người lại thấy to
Bắt lỗi ai chi, tự xét mình
Tâm từ thanh tịnh, miệng làm thanh
Tám thiền, tám quả, may còn đạt
Lậu hoặc nhờ đây hết tái sinh.*

XVIII. 12- DU SĪ SUBHADDA

(PC. 254-255)

"ākāseva padam natthi...". Pháp cú này đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại rừng Ta la xứ Kusināra, để cập đến Du sĩ Subhadda, khi Ngài ngoạ thiền trên giường của xứ Malla, tại Upavattana.

Tương truyền rằng: Trong thời quá khứ, khi em trai của Subhadda trong một mùa lúa đã làm phước cúng dường chín lần những sản phẩm đầu tiên thì chính Subhadda không thích làm phước, nên cứ trì hoãn mãi, nhưng rốt cuộc cũng làm phước. Do đó, ông không gặp được đức Phật trong thời giác ngộ đầu tiên và thời giác ngộ khoảng giữa của Ngài. Tuy nhiên vào lúc Hậu thời Giác, khi đức Bổn Sư sắp Niết Bàn, Subhadda tự nghĩ:

- Ta vẫn thắc mắc về ba nghi vấn mà ta chưa hỏi Sa môn Gotama, vì ta cho là ông còn trẻ quá. Nhưng giờ đây, là thời Sa môn Gotama sắp viên tịch, nếu ta không hỏi ông thì sau này ta phải hối tiếc.

Khi ông vào gần đức Bổn Sư, Đại đức Ānanda tìm lời ngăn cản ông, nhưng đức Bổn Sư đã cho phép ông được dịp may gặp Ngài. Ngài bảo: Này Ānanda đừng cản ngăn Subhadda, hãy để cho thầy ấy vào gặp Như Lai.

Nghe vậy, Subhadda vén màn bước vào trong, ngồi tại chân giường và hỏi đức Bổn Sư ba câu rằng:

- Thưa vậy, Subhadda vén màn bước vào trong, ngồi tại chân giường và hỏi đức Bổn Sư ba câu rằng:

- Thưa Sa môn Gotama, trên hư không có dấu vết gì chăng? Ngoài Phật giáo có Sa Môn chăng? Pháp hữu vi có thường tồn chăng?

Đức Thế Tôn chỉ rõ những vật ấy là không thật hữu, rồi Ngài dạy hai kệ ngôn rằng:

254-

"ākāse padam natthi
Samaṇo natthi bāhine
Papañcābhiratā pajā
Nippapañca tathāgatā".

255-

"ākāse padam natthi
Samaṇo natthi Bāhine
Saṅkhārā sassatā natthi
Natthi Buddhānam iñji- tam".
- "Hư không không dấu vết
Ngoại đạo không Sa môn

*Chúng sanh thích hư vọng
Như Lai vọng diệt trừ".
- "Hư không không dấu vết
Ngoại đạo không Sa Môn
Hữu vi không thường trú
Chư Phật không loạn động". (255)*

CHÚ THÍCH:

Padam: Trên hư không này không có vết tích của ai cả, ví như ta không thể làm hiển lộ vật gì không có màu sắc hình dáng ra sao cả.

Bāhino: Ngoài Giáo Pháp của Như Lai, không có hạng Sa Môn chứng đắc Bốn Đạo và Bốn quả.

Pajā: Chúng sanh trên thế gian này vui thích trong những chướng ngại cho sự giải thoát, nhất là ái dục (Taṇhā)

Nippapañca: Như Lai không còn chướng ngại vì đã cắt đứt tất cả mọi chướng ngại trong bờ giác ngộ dưới cội Bồ Đề.

Saṅkhārā: Trong ngũ uẩn, không có một uẩn nào là thường tồn cả.

Iñjitaṃ: Trong các tâm vọng động, cố chấp rằng các pháp hữu vi thường tồn, như tâm ái dục, ngã mạn, tà kiến... Chư Phật không có một vọng tâm nào cả.

Cuối thời Pháp, du sĩ Subhadda đắc quả A Na Hàm, Tứ chúng hiện diện nơi ấy cũng hưởng được lợi ích

Dứt Tích: DU SĨ SUBHADDA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Chần chờ, chậm gặp Đức Như Lai
Những thắc mắc này biết hỏi ai
Phật sắp Niết Bàn, cơ hội chót
Bỏ qua, sau sẽ hận lâu dài
Phật vẫn trông chàng Sú Phách Đa
"Thinh Văn tối hậu của đời ta,
Ānanda cứ để chàng vào hỏi
Dứt hết hoài nghi đắc quả đã"
"Hư không không giữ dấu chân bay
Chẳng có Sa môn ngoài đạo này
Ngũ uẩn thường tồn không thể có
Tam không, Phật đã giải cho thầy"!*

XIX. PHẨM PHÁP TRỤ

XIX. 1- CÁC QUAN TÒA

(PC. 256-257)

"Na tena hoti dhammaṭṭho...".

Pháp Cú này đức Bổn Sư thuyết ra khi ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến các quan Thẩm phán.

Một ngày nọ, chư Tỳ khuru đi khất thực ở cổng thành phía Bắc của Sāvattihī, khi đi bát xong, các vị ấy xuyên qua trung tâm thành phố và đi về chùa. Ngay lúc ấy, trời kéo mây vần vũ rồi đổ mưa. Vào ngay trong tòa án phía trước mặt, chư Tăng thấy các quan tòa ăn hối lộ rồi tước đoạt quyền làm chủ của sở hữu chủ, thì nghĩ rằng: "Than ôi! Mấy ông này làm việc trái đạo. Vậy mà bấy lâu nay ta cứ tưởng là mấy ông xử đoán công minh chánh trực chớ".

Tạnh mưa, chư Tăng về chùa đánh lễ đức Bổn Sư, ngồi xuống một bên và tường thuật việc mình đã mục kích. Đức Bổn Sư phán rằng:

- Này các Tỳ khuru! Người nào chịu theo tham dục xấu xa, cử đoán một cách thô bạo, thì không đáng gọi là Pháp Trụ. Người nào thấu triệt tội lỗi tùy theo tội nặng nhẹ mà xử phạt công minh, không thô bạo, thì đáng gọi là Pháp trụ vậy

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

256- "Na tena hoti dham-

Yen'attham sahasā naye

Yo ca attham anattañ ca

Ubho niccheyya paṇḍito".

257- "Asāhasena dhammena

Samena nayatī pare

Dhammassa gutto medhavī

Dhammaṭṭho'ti pavuccati".

- "*Người đâu phải pháp trụ*

Nếu xử sự khinh suất

Kẻ trí cần phân biệt

Đâu chánh, đâu tà vậy".

- "*Không khinh suất, đúng pháp*

Công bằng đất dẫn người

Kẻ trí hộ trì Pháp

Thật xứng danh Pháp trụ". (TMC)

CHÚ THÍCH:

Tena: Do nhưng lẽ trên đây

Dhammaṭṭho: Người là quan tòa mà xử phạt thiên vị, theo ý riêng mình, thì không xứng danh là Pháp trụ (người công bình)

Yena: Do lẽ nào

Attham: Cần phải xử đoán rồi quyết định là có.,

Sahasā naye: Người chịu theo tham dục, dùng cách thô bạo như nói dối mà xử phạt. Như người chịu theo ái dục mà bình vực bà con, bạn hữu của mình, nói dối rằng họ là sở hữu chủ, khi họ không là sở hữu chủ thật. Người chịu theo sân hận gặp kẻ thù của mình thì cũng nói dối phủ nhận quyền

làm sở hữu chủ của họ. Còn người chịu theo si mê, sau khi đã ăn của đút lót, hối lộ rồi, ngồi xử kiện, giả tuồng như tâm đang bận nghĩ đến việc khác, nhìn bên này bên kia và nói dối phủ nhận quyền làm sở hữu chủ của họ. Còn người chịu theo si mê, sau khi đã ăn của đút lót, hối lộ rồi, ngồi xử kiện, giả tuồng như tâm đang bận nghĩ đến việc khác, nhìn bên này bên kia và nói dối rằng: "Người này thắng, người này bại" Còn người thiên vị vì sợ hãi thì cho dù người quyền cao chức trọng thất thế chẳng nữa, cũng tuyên bố cho người ấy được kiện bằng cách thô bạo, ức hiếp như vậy. Người xử kiện như vậy không phải là Pháp trụ.

Yo ca attham anatthañca: Hữu lý và vô lý hay phi lý, chơn và nguỵ, chánh và tà.

Ubho niccheyya: Nếu là bậc hiền trí, sau khi xét đoán cả hai bên nguyên và bên bị, xem bên nào chân thật, bên nào giả trá rồi mới quyết định.

Asāhasena: Không dùng cách nói dối,

Dhammena: Xử đoán đúng theo lẽ công, không có sự thiên vị nhất là vì tham.

Samena: Bằng lẽ công dắt dẫn người, ai thắng nói thắng, ai bại nói bại, tùy theo tội mà lên án xử phạt.

Dhammassa gutto: Bậc hiền trí đã chứng đắc Pháp hỷ, là người hộ trì pháp, gìn giữ pháp, hằng xử đoán đúng theo lẽ công bằng, đáng gọi là pháp trụ.

Cuối thời pháp, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh Quả nhất là Tu Đà Hườn quả.

Dứt tích: CÁC QUAN TÒA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Làm tòa xử đoán chẳng công minh

Bởi bốn điều tư phải vị tình

Thương, ghét, sợ, mê chưa dứt bỏ

Cầm cân bên trọng, lại bên khinh

Bậc trí không hề bỏ lẽ công

Thân, sơ, quý, tiện cũng xem đồng

Chánh tà thấu triệt, tâm bình đẳng

Pháp trụ là người đạo lý thông.

XIX. 2- NHÓM LỤC SƯ GÂY RỐI

(PC. 258)

"Na tena paṇḍito hoti...".

Pháp Cú này, đức Bổn Sư đã thuyết khi ngự tại Jetavana, đề cập đến nhóm Tỳ khưu Lục Sư.

Tương truyền rằng: Nhóm sau Tỳ khưu này hằng đi la cà đến các chùa, hoặc các làng, gây sự rối loạn trong trai đường.

Một hôm, sau khi thọ thực trong làng trở về chùa, chư Tăng hỏi các Tỳ khưu trẻ và các Sa di rằng: "Này các đạo hữu, các đạo hữu thấy trai đường này ra sao?"

- Bạch Ngài! Xin các Ngài đứng hỏi.

Nhóm Lục Sư bàn luận cùng nhau rằng: "Chỉ có chúng ta là khôn khéo, chỉ có chúng ta là bậc hiền trí. Chúng ta sẽ đánh, sẽ đổ rác lên đầu mấy ông này rồi đuổi tống họ đi."

Thế rồi, nhóm ấy nắm lấy lưng chúng tôi, đổ rác lên đầu chúng tôi, làm rối loạn cả trai đường.

Chư Tăng đến gặp đức Bổn Sư, phúc trình lên Ngài chuyện ấy. Đức Bổn Sư dạy rằng:

- Này các Tỳ khưu! Ta không gọi kẻ nói nhiều và làm phiền đến người khác là bậc hiền trí. Ta chỉ gọi người an tịnh, không oán thù, không sợ sệt là bậc hiền trí mà thôi.

Nói rồi, Ngài ngâm kệ ngôn rằng:

258- "Na tena paṇḍito hoti
Yāvatā bahu bhāsati
Khemì averi abhayo
Paṇḍito' ti pavuccati".
- "*Không phải vì nói nhiều
Mới xứng danh kẻ trí
An tịnh, không oán sợ
Mới xứng danh kẻ trí*". (TMC)

CHÚ THÍCH:

Yāvatā: Kẻ nào vì mình mà nói nhiều ở giữa Tăng chúng, kẻ ấy không phải là bậc hiền trí. Kẻ nào tự mình an tịnh, không có năm sự oán hận, là kẻ không oán hận đã hết sợ sệt, dầu gặp Đức Vua cũng không sợ, kẻ ấy đáng gọi là kẻ trí.

Cuối thời Pháp nhiều Tỳ khuru chúng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Huòn quả.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Nhóm sau Tỳ khuru khuấy rối chùa
Hiếp nhiều Tăng khách, sợ hơn thua
Ý mình Đại đức xưng hiền trí
Đuổi chúng Sa di chẳng thẹn thua
Há phải nói nhiều gọi trí đâu?
Trí hiền, tâm tịnh, sạch lo âu
Không hay ganh tỵ, không thù oán
Không để cho ai phải khổ sầu.*

XIX. 3- ĐẠI ĐỨC EKUDĀNA (NHẤT KỆ)

(PC. 259)

"Na tāvatā dhammadhro...".

Pháp Cú này được đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana. Đề cập đến vị Lậu Tận Minh có tên là Ekudāna.

Tương truyền rằng: Đại đức một mình tịnh cư trong khu rừng nọ. Ngài chỉ thuộc lòng một kệ ngôn "Tự thuyết (Udāna)" như vậy:

- Adhīcetaso appamajjato munino monapathesu sikkhato

Sokāna bhavanti tādino upasantassa sadā satīmototi

- *Với tâm cao thượng, chí cần chuyên*

Học tập đường tu tịnh, định thiền

Bậc đức tâm hình, thường chánh niệm

Như trên những chỗ chứa ưu phiền.

Tương truyền rằng: Trong ngày lễ phát lồ, Đại đức tự mình lớn tiếng kêu gọi người nghe pháp, rồi đọc bài kệ trên đây. Chư Thiên đồng thanh tán dương, tiếng vang rền như nổ tung cả địa đại.

Về sau, cũng trong ngày lễ Phát Lồ, có hai vị Tỳ khuru thuộc lòng Tam tạng, mỗi vị dắt theo 500 tỳ giả, đi đến chỗ ngụ của Đại đức. Thấy chư khách Tăng đến, Đại đức rất hoan hỷ, nói rằng:

- Lành thay! Hôm nay được chư Tăng quang lâm đến đây. Chúng tôi sẽ được nghe Pháp trong dịp được gần gũi với các Ngài.

- Nhưng này Hiền giả! ở đây có thính giả chăng?

- Bạch các Ngài! Trong ngày thuyết pháp, khu rừng này vang dội tiếng hoan hô của chư thiên.

Hai vị Pháp Sư Tam Tạng thuyết pháp, nhưng không có vị thiên nhân nào tán dương cả. Hai vị trách Đại đức rằng: "Nầy hiền hữu! Hiền hữu nói trong ngày lễ Phát Lồ, chư thiên trong khu rừng nầy đã tán dương vang dội. Nhưng thế nầy là nghĩa làm sao?"

- Bạch các Ngài, trong những ngày khác quả có như thế. Nhưng hôm nay tôi cũng không biết tại sao vậy.

- Nếu thế thì, hiền giả thử thuyết pháp xem sao?

Đại đức cầm quạt, lên ngôi trên Pháp tọa thuyết bài kệ đã thuộc lòng như trước. Chư thiên đồng thanh hoan hô vang dậy. Khi ấy hai đoàn Tăng lữ của hai Đại đức Tam tạng Pháp Sư trách móc rằng:

- Trong khu rừng nầy, chư Thiên chỉ coi mặt mà tán thán, ca tụng.

Hai Ngài Tam Tạng Pháp Sư thuyết bằng ấy Pháp mà chư thiên chẳng có một lời khen ngợi, còn vị Đại đức già nầy chỉ thuyết có một bài kệ mà chư Thiên lại lớn tiếng hoan hô.

Khi trở về chùa, chư Tăng đem sự kiện nầy bạch với đức Bổn Sư, Ngài dạy rằng:

- Nầy các Tỳ khuru, người học được nhiều hoặc thuyết ra nhiều Pháp, Ta không gọi là Pháp Hộ (Dhammadhro). Người chỉ thuộc lòng một câu kệ mà thấu triệt chơn lý, mới xứng danh là Pháp hộ vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

259- "Na tâvatā dhamma- dharo
Yāvatā bahu bhāsati
Yo ca appam̃ pi sutvāna
Dhammam̃ kāyena passati
Sa ve dhammadharo hoti
Yo dhammam̃ nappama- jjati".
- "*Không phải vì nói nhiều
Mới xứng danh Pháp Hộ
Những ai tuy nghe ít
Nhưng tâm hành chánh Pháp
Không buông lung chánh pháp
Mới xứng danh Pháp Hộ*". (TMC)

CHÚ THÍCH:

Yāvatā: Không phải do nơi học nhớ cho nhiều Phật ngôn và Chú giải... Rồi đem thuyết giảng cho nhiều mà xứng đáng gọi là Pháp Hộ. Người bảo tồn giọng giống của mình mới là người giữ gìn gia phong.

Appampi: Người dẫu chỉ nghe ít pháp, nhưng chú ý theo dõi nghĩa lý của Pháp, rồi vâng giữ hành theo pháp, do danh sắc (nāmakāya) mà hiểu rõ các trạng thái vui, khổ... Thấy được Pháp Tứ Đế, người ấy chính là Pháp Hộ vậy.

Yo dhammam̃ nappamajjati: Người nào từng mong mỏi: Hôm nay ta sẽ giác ngộ, rồi chuyên cần tinh tấn mãi, không để xuôi Pháp, người ấy cũng là Pháp Hộ nữa.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khuru chứng đắc Thánh quả, nhất là quả Tu Đà Huòn.

Dứt Tích: Đại đức EKUDāna

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Tuy thuộc một bài kệ bốn câu
Nhưng hành chứng đắc tuệ cao sâu
Còn hơn giải thích rành Tam Tạng
Mà chỉ phô trương pháp khẩu dẫu
Nhà Sư sợ khổ, chẳng đi hành
Đeo níu chùa chiền, bám lợi danh*

Học hỏi cho nhiều Kinh Pháp thuyết
Thưa Ngài nhất Kế ở rừng xanh.

XIX. 4- ĐẠI ĐỨC LAKUṆṬAKA BHADDIYA

(PC. 260-261)

"Na tena thero ho ti...".

Pháp Cú này, đức Bốn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Lakuṇṭaka Bhaddiya.

Một hôm nọ, khi vị Đại đức ấy đến hầu hạ đức Thế Tôn, Ngài vừa đi ra thì có ba mươi vị Tỳ khuru ở rừng về, thấy Đại đức các Tỳ khuru vào đảnh lễ đức Bốn Sư rồi ngồi xuống.

Thấy duyên lành đặc quả A La Hán của nhóm Tăng này, đức Bốn Sư nêu lên một câu hỏi như vậy:

- Các thầy có gặp vị Đại đức từ nơi đây vừa đi ra chăng?
- Bạch Ngài! Chúng con không thấy.
- Các thầy há chẳng thấy vị ấy ư?
- Bạch Ngài, chúng con có trông thấy một Sa di.
- Này các Tỳ khuru, đó là một vị Đại đức, chứ không phải là Sa di đâu.
- Bạch Ngài! Ông ta còn quá trẻ mà.
- Này các Tỳ khuru! Ta không gọi Thera

(Đại đức hay Trưởng Lão) vì lẽ tuổi cao hạ lớn, vì lẽ được ngồi ở chỗ ngồi của các Thượng tọa. Ai thấu triệt Tứ Diệu Đế, không có tâm nào hại đại chúng, người ấy mới xứng danh Thera đó thôi.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

260- "Na tena thero hoti
Yanassa palitaṃ siro
Paripakko vayo tassa
Moghajinnoti vuccati"
261- "Yamhi saccaṃ ca dhammo ca
Ahiṃsā sannaṃ damo
Sa ve vantaṃ dhiro
Thero iti pavuccati"
*"Không phải vì bạc đầu
Mà được gọi là Trưởng Lão
Chỉ có tuổi tác cao
Danh chỉ xứng "Lão ngu"
- "Ai chân thật đúng pháp
Bất hại biết chế phục
Kẻ trí không cấu uế
Mới xứng danh Trưởng lão". (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Paripakho: (Chín mươi) là già mùa, đã đến tuổi lão rồi.

Moghajinno: Người không có những pháp hành trong Pháp vị Thượng nhân thì chỉ là già sông, là lão rỗng (Tucchajjino).

Saccaṃca: Nơi người nào đã hiểu rõ 16 lý, đã dùng trí tuệ làm cho thấu rõ bốn chân lý, ắt phải có Chín pháp Siêu thế.

Ahiṃsa: Trạng thái vị nào, không làm hại, không bạo động. Phải có thiên chứng về Tứ Vô lượng tâm là Từ, Bi, Hỷ, xả.

Saṅgamo damo: Người có sự kềm chế, thu thúc trong Giới Luật và thu hút lực căn.

(1) Danh từ này ngày xưa đồng nghĩa với Bhikkhu, dầu mới thọ Cụ túc cũng được gọi làthera. Về sau, chư Tăng tu lâu lại chỉ định Thera là Tỳ khưu 10 hạ, anuthera là Tỳ khưu dứt 10 hạ và mahāthera là Tỳ khưu trên 10 hạ

Vantamalo: Đã tẩy sạch ten sét như bản

Dhīro: Người có đầy đủ nghị lực, quả quyết.

The ra: Người có điều kiện để trở thành xứng đáng là Trưởng lão.

Cuối thời Pháp, nhóm Tỳ khưu ấy chúng đặc A la Hán.

Dứt Tích: Đại đức LAKUṬĀKA BHADDIYA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Chẳng đời già nua mới xứng danh
Thủ tòa, Đại đức, bậc đàn anh
Già nua, ngu dốt, tên già rỗng
Đầu bạc không, sao gọi lão thành
Trẻ, nhưng Tứ Đế hiểu thành rành
Vô não, không làm hại chúng sanh
Lậu Tận, Phật khen, kêu Trưởng Lão
Niết Bàn tu chúng lúc đầu xanh.*

XIX. 5- NHIỀU VỊ TỶ KHU THAM VỌNG

(PC. 262)

"Na vākkaraṇamattena...".

Pháp Cú này, đức Bổn Sư đã thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhiều vị Tỳ khưu.

Một thuở nọ, khi nhìn thấy các Tỳ khưu trẻ và các Sa di lo hầu hạ các vị ācāriya (ācariya) của mình như: Giắt, nhuộm y, và làm việc lật vật hộ các Ngài, thì một số Đại đức đề nghị với nhau rằng: "Chúng ta tuy có tài thuyết pháp nói đạo nhưng rốt cuộc chẳng được ai phục dịch cả... Hay là bây giờ chúng ta hãy đến bạch với bạch với đức Bổn Sư như vậy: Bạch Ngài, chúng con thông thạo về Kinh điển, Phật ngôn. Xin Ngài ra chỉ thị cho các Tỳ khưu trẻ và các Sa di rằng: "Dầu học Pháp với thầy khác, các con cũng phải đến nhờ các thầy này bổ túc cho rồi mới nên ôn tập". Làm như vậy, ắt lẽ lộc chúng ta sẽ tăng trưởng.

Thế rồi, các Đại đức ấy đến bạch với đức Bổn Sư như vậy.

Sau khi nghe lời các Đại đức bạch, đức Bổn Sư biết ngay rằng: "Theo Giáo Pháp này, nếu theo truyền thống là đúng. Nhưng các vị này chỉ chú trọng phần lễ lộc mà thôi". Do đó, Ngài phán dạy rằng: "Ta không gọi các thầy là Lương thiện (Sādhurūpā) chỉ vì các thầy có tài biện thuyết thiện xảo. Người nào đã cắt đứt các pháp bất thiện, nhất là ganh tỵ bằng A La Hán đạo, người ấy thật là người lương thiện".

Nói rồi Ngài ngâm lên hai bài kệ rằng:

262- "Na vākkaraṇamat- tena
Vaṇṇapokkharatāya và
Sādhurūpo naro hoti
Issukī maccharī saṭho".

263- "Yassa c'etaṃ sam- uūhataṃ
Sa vantadoso medhavī
Sādhurūpo'ti vuccati

Mūlaghaccaṃ samūhataṃ".
- "Không phải nói lưu loát
Không phải sắc mặt đẹp
Mà thành người lương thiện
Nếu con người ganh tỵ
Xan tham và dối trá". (262)
- "Chỉ những ai cắt tuyệt
Nhổ tận gốc đoạn trừ
Người trí tận diệt sân
Mới phải người lương thiện". (TMC)

CHÚ THÍCH:

Na vākkaraṇamattena: Không phải bằng lời nói, không phải bằng cái tướng có đầy đủ thiện xảo về khoa nói như hùng biện...

Vaṇṇapokkharatāya và: Hoặc dung nhan có đầy đủ sắc đẹp mỹ miều khả ái.

Naro: Do các lẽ trên đây, người có tâm ganh tỵ lợi lộc của kẻ khác, có đủ cả năm pháp bợn xén (là āsāva, kula, lābha, vaṇṇa, dhamma macchariyāṃ) nhập theo phe phái xảo trá, lường gạt, không phải là người lương thiện.

Yassa cetam: Người chúng A la Hán đạo tuệ cắt đứt tận gốc rễ các

Tội lỗi nhất là ganh tỵ, không tái sanh, người đã xa lìa tội lỗi, có đầy đủ trí tuệ hưởng thụ pháp hỷ, gọi là người lương thiện.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu chúng đắc Thánh quả nhất là Tu Đà Huòn.

Dứt Tích: NHIỀU Tỳ khưu THAM VỌNG

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Lương thiện là tâm chánh thiện lương
Không do môi miếng khéo trảm đường
Tỳ khưu mặt đẹp, lòng đen xấu
Chẳng phải tăng đồ Phật tán dương
Ai khéo trừ tan gốc rễ phàm
Đoạn lìa sân hận với xan tham
Không tâm dối trá cùng ganh tỵ
Thật xứng danh là Phật hiếu nam.*

XIX. 6- HATTHAKA TRỚ TRÊU

(PC. 264)

"Na muṇḍakena samaṇo...".

Pháp Cú này đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Hatthaka.

Tương truyền rằng: Mỗi khi tranh luận với ngoại đạo mà đuối lý thì Hatthaka đề nghị rằng: "Mấy người hãy đến nơi đó, vào giờ đó, rồi chúng ta sẽ tiếp tục bàn cãi với nhau! "Thế rồi, vào giờ đó thầy đến nơi hẹn trước và nói với mọi người rằng:

- Hãy coi đó, nhóm ngoại đạo quá sợ tôi nên không dám đến, thấy chưa. Như vậy, đủ chứng minh rằng họ chịu thua.

Hatthaka dùng cách trớ trêu như vậy mà xử sự với đối phương mỗi lần tranh luận khi bị đuối lý, lẽ ra thì Hatthaka nên nhận mình thua.

Đức Bổn Sư nghe chuyện Hatthaka trớ trêu như thế, bèn cho gọi đến và phán hỏi rằng:

- Này Hatthaka! Nghe nói thầy đã hành động như thế có thật chẳng.

- Bạch Ngài! Có thật như vậy.

- Tại sao thầy làm như vậy? Người nói dối như thế, nếu đi đây đi đó với cái đầu trọc thì không xứng danh là bậc Sa Môn. Người nào làm yên lặng các ác pháp đầu nhỏ hoặc lớn, người ấy mới thật sự là một Sa môn.

Nói rồi, đức Bổn Sư thuyết lên kệ ngôn rằng:

264- "Na muṇḍakena sa- maṇo

Abbato alikaṃ bhaṇaṃ

Icchālobhasamāpanno

Samaṇo kiṃ bhavissati".

265- "Yo ca sameti pāpāni

Aṇuṃ thūlāni sabbaso

Samitattā hi pāpānaṃ

Samaṇo'ti pavuccati".

- "*Không tự chế, nói láo*

Dầu cạo tóc trọc đầu.

Ai còn đẩy dục ái

Sao được gọi Sa Môn" (264)

- "*Ai trừ tiệt điều ác*

Không luận nhỏ hay lớn

Điều phục được ác pháp

Xứng danh là Sa môn" (TMC)

CHÚ THÍCH:

Muṇḍakena: Chỉ với đầu trọc thôi

Abbato: Trống rỗng, không có Giới Luật và pháp hành đầu đà chi cả

Alikaṃ bhaṇaṃ: Nói vọng ngữ trong những cảnh giới thiền chưa đạt đến, lòng còn dấy tham xan, chỉ đạt tới cảnh ái dục thì làm sao gọi là Sa môn.

Sameti: Người nào làm yên lặng các ác Pháp, đầu nhỏ hoặc lớn, người ấy mới đáng gọi là Sa môn.

Cuối thời Pháp, nhiều người chứng đắc Thánh quả nhất là quả Tu Đà Huòn.

Dứt Tích: HATTHAKA TRỚ TRÊU

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Tên Hatthako thật đúng thay

Miệng mồm tráo trở bòn tay

Đến nơi hẹn trước người tranh luận

Để nói: Người thua, sợ đến đây

Phật quở: Tỳ khuru nghịch lối nầy

Tăng già cả đám chịu như lây

Sa môn phải nói lời chân thật

Đầu trọc không, chưa đủ gọi Thầy.

THẦY BÀ LA MÔN KHẮT SĨ

(PC 266-267)

"Na tena bhikku hoti...".

Pháp Cú này, đức Bổn Sư thuyết ra khi ngự tại Jetavana, đề cập đến một thầy Bà la môn họ.

Tương truyền rằng: Thầy Bà la môn này đã xuất gia tu theo Giáo phái ngoại đạo. Lúc đi khất thực, thầy ấy tự nghĩ: "Sa môn Gotama gọi các Thinh Văn hằng đi khất thực của mình là Tỳ khuru. Vậy thì ta đây cũng phải được gọi là Tỳ khuru". Thầy ấy đến gặp đức Bổn Sư nói rằng: "Thưa Sa môn Gotama, tôi cũng đi khất thực mà nuôi mạng, vậy thầy cũng nên gọi tôi là Bhikkhu."

- Này Bà la môn! Ta không gọi là Tỳ khuru chỉ vì việc đi khất thực mà thôi. Không phải một người thọ trì đủ các pháp về mặt hình thức mà xứng danh là Tỳ khuru đâu. Người hằng suy xét tất cả pháp hữu vi, người ấy mới xứng danh Tỳ khuru.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

266- "Na tena bhikkhu hoti

Yāvatā bhikkhate pare

Vissam dhammam sam- ādāyā

Bhikkhu hoti na tāvatā".

267- "Yo'dha puññan ca pāpañ ca

Bāhetvā brahmacariyavā

Sāṅkhāya loke carati

Sa ve bhikkhū' ti vuccati".

- "*Chỉ mang bình khất thực*

Đâu phải là Tỳ khuru

Phải theo Giới pháp bổn

Mới xứng danh Tỳ khuru".

- "*Ai bỏ cả thiện ác*

Chuyên tu hành thanh tịnh

Lấy hiểu biết ở đời

Mới xứng danh Tỳ khuru". (267) (TMC)

CHÚ THÍCH

Yāvatā: Chỉ bấy nhiêu đó, là chỉ có một việc ôm bát đi khất thực thì không đáng gọi là Tỳ khuru.

Visam: các Pháp khác nhau. Đây ám chỉ toàn thể giới hạnh mà một vị Tỳ khuru phải thọ trì, chứ chỉ một hạnh đi khất thực không thôi, chưa đủ được gọi là Tỳ khuru.

Yodha: (Yo idha): Người nào trong Giáo Pháp này, vượt qua cả phước và tội, đi trên con đường phạm hạnh cao thượng.

Sāṅkhāya: Bằng trí tuệ sáng suốt

Loke: Trong thế gian nhất là ngũ uẩn: Đây là nội uẩn, đây là ngoại uẩn. Tất cả pháp đều thông suốt như vậy, người dùng trí tuệ mà phá vỡ phiền não, đáng gọi là Tỳ khuru.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khuru đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà hườn quả.

Dứt tích: KHẮT SĨ BÀ LA MÔN

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Tỳ khuru có nghĩa kẻ xin ăn

Nhưng phải tu thiện, giữ giới răn

Chẳng giống Bà-La-Môn cùng Khất cái

Biết mình cao thượng, bậc Thinh Văn

Ngoại đạo trì bình nhận bạc tiền

*Món ăn sống sít chẳng hề kiêng.
Thọ nhiều, tích trữ rồi đem bán
Phá giới, làm hoen ố cửa thiền...*

XIX. 7- NGOẠI ĐẠO LÀM THINH

(PC. 268-269)

"Na momena munī hoti...".

Pháp Cú này được đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, để cập đến các ngoại đạo.

Tương truyền rằng: Sau khi thọ thực ở một nơi nào, các tu sĩ ngoại đạo thường chúc phúc cho thí chủ như vậy: Xin cho người được bình yên, xin cho người được hạnh phúc, xin cho người tăng thêm tuổi thọ. Ở nơi nọ có sinh lý, ở nơi nọ có gai góc, người không nên đi đến chỗ như vậy.

Trong thời kỳ Giác Ngộ đầu tiên, sự tụng kinh chúc chưa được đức Thế Tôn cho phép, nên các Tỳ khưu sau khi thọ thực tại nhà gia chủ là ra đi, chớ không chúc phúc cho gia chủ chi cả. Các tín gia bất mãn than phiền rằng: "Gần các tu sĩ ngoại đạo, chúng ta còn được nghe chúc phúc. Riêng các Sa môn Thích Tử đây chỉ làm thỉnh ra đi"

Chư Tỳ khưu đem việc này bạch trình với đức Bổn Sư, Ngài dạy rằng: "Này các Tỳ! từ rày về sau ở trong Trai đường hoặc nơi nào khác, Ta cho phép các thầy chúc tụng theo sở thích và trò chuyện cởi mở với thí chủ khi ngồi gần bên họ".

Chư Tăng tuân theo lời dạy như vậy. Khi các thiện tín được nghe những lời chúc phúc, họ càng tinh tấn thêm hằng mời thỉnh và cúng dâng lễ vật đến Chư Tăng.

Các nhóm ngoại đạo than phiền rằng: "Chúng ta là những bậc Tịnh giả. Chúng ta giữ sự im lặng. Còn các Thinh Văn của Sa môn Gotama hay thuyết giảng dài dòng trong các trai đường hoặc những chỗ khác tương tự như vậy".

Khi nghe những lời chỉ trích của nhóm ngoại đạo, đức Bổn Sư nói: "Này các Tỳ khưu, ta không gọi ai là Tịnh Giả (Muni) chỉ vì người ấy giữ sự im lặng. Quả thật, có một số người vì không biết mà không nói, một số khác vì thiếu sự tín nhiệm và một số khác nữa lại sống cao ngã mạn sợ e người khác học được những tri kiến quan trọng của họ. Là vị họ bôn xén pháp. Bởi vậy, Ta không gọi là Tịnh giả chỉ vì lẽ họ giữ sự im lặng. Theo ta ai làm Tịnh giả, làm im lặng được các pháp bất thiện, người ấy mới xứng danh Tịnh giả.

Rồi Ngài thuyết lên hai kệ ngôn rằng:

268- "No monena munī hoti

Mūlharūpo aviddasu

Yo ca tulaṃ'va paggayha

Varam ādāya paṇḍito"

269- "Pāpāni parivajjeti

Sa munī tena pavuccati

Yo munāti ubho loke

Munī tena so munī".

- "Im lặng nhưng ngu đần

Đâu được gọi Tịnh giả

Như người cầm cán cân

Kẻ trí chọn điều lành".

- "Từ bỏ các ác pháp

Mới thật là Tịnh giả

Ai thật hiểu hai đời

Mới xứng danh tịnh giả"

(269) (TMC)

CHÚ THÍCH:

Na monena: Tịnh giả là người đã làm im lặng tình dục bằng sự im lặng của Đạo tuệ, bằng sự im lặng của Pháp hành (patipadā). Ở đây ám chỉ sự làm thinh, không nói.

Mūlharūpo: Là người vô trí.

Người như vậy dầu có im lặng chẳng nữa cũng không phải là Tịnh giả. Hoặc là người mà chỉ sự rỗng không, vô trí thì không đáng gọi là Tịnh giả

Yo ca tulaṃ'va paggayha: Ví như người cầm cân lấy ra bên dư đưa vào bên thiếu như thế nào, thì cũng như thế ấy, bậc hiền trí lấy bên dư là ác pháp bỏ ra, chêm đầy thiện pháp vào bên thiếu. Nói cách khác, bậc hiền trí hàng bỏ tức các pháp cao nhân quý báu là Giới, Định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến và mang theo mình, đồng thời xa lánh các tội ác, các nghiệp bất thiện.

Sa munī: Bậc ấy đáng gọi là Tịnh Giả

Tena so munī: tại sao bậc ấy gọi là Tịnh Giả?

Vì mấy lẽ đã giải triên, nên bậc ấy gọi là Tịnh giả vậy

Yo munāti ubho loke: Người nào đã cân nhắc kỹ mọi thế giới, nhất là ngũ uẩn, như cách phân biệt: Đây là nội uẩn, đây là ngoại uẩn. Theo cách này biết rõ cả hai thế gian Pháp.

Munī tena pavuccati: Do lý lẽ trên mà gọi bậc ấy là Tịnh Giả vậy.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Huòn quả.

Dứt Tích: NGOẠI ĐẠO LÀM THINH

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Tịnh giả, người tu tịnh nơi tâm
Tận trừ tam độc, tuệ cao thâm
Không vì danh lợi phê tuông giả
Một mực làm thinh, giống kẻ câm
Tịnh khẩu thì không nói bá xàm
Nói điều hữu ích, chống sân tham
Nương theo chánh mạng, xa tà kiến
Cấm khẩu là xa lánh tục phàm.*

XIX. 8- NGƯỜI DÂN CHÀI TÊN ARIYA

(PC. 270)

"Na tena ariyo hoti...".

Kệ Pháp Cú này, đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến người dân chải tên Ariya.

Một hôm, quán thấy Ariya này có duyên lành đắc quả Tu Đà Huòn. Đức Bổn Sư dẫn chư Tỳ khưu đi khất thực trong làng ở phía Bắc thành Sāvatthī, rồi trở về chùa.

Ngay lúc bấy giờ, người dân chải đang lo câu cá. Khi trông thấy Tỳ khưu Tăng có đức Phật cầm đầu, người ấy buông bỏ cần câu và đứng im.

Đức Bổn Sư dừng chân không xa chỗ Ariya đứng và quay lại hỏi Đại đức Sāriputta và các vị khác rằng: "Thầy tên gì?". Chư Tỳ khưu lần lượt đáp tên mình như là: Con là Sāriputta, con là Moggallāna...

Người câu cá tự nghĩ rằng: "Đức Thế Tôn hỏi tên các vị Tỳ khưu, có lẽ Ngài sẽ hỏi đến tên ta chẳng sai"

Đức Thế Tôn biết được tâm ý của y, liền hỏi rằng

- Này thiện nam, ông tên là chi?

- Bạch Ngài! Con tên Ariya (Thánh nhân)

Nghe vậy, đức Bổn Sư cải chính rằng: Nầy thiên nam sát sanh như ông không xứng danh là Ariya. Bậc Ariya thì tâm đầy từ bi, không bao giờ có lòng nảo hại chúng sanh.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn:

270- *"Na tena ariyo hoti
Yena pāṇāni hiṃsati
Ahiṃsa sabbapāṇānam
Ariyo' ti pavuccati"*
- *"Còn sát hại chúng sanh
Đâu được gọi hiền thánh
Không hại mọi chúng sanh
Xứng danh bậc Hiền thánh"*

CHÚ THÍCH:

Bằng sự vô nảo hại. Như trên đã nói người nào nảo hại chúng sanh thì vì lẽ đó không phải là Ariya (Bậc Thánh Nhân). Còn người nào bằng cách vô hại, không dùng tay chân, gậy gộc... Mà đối với tất cả chúng sanh, trú tâm trong thiền định nhất là niệm tâm từ mà xa lìa được nảo hai (bạo động), người ấy chính là bậc Ariya vậy.

Cuối thời Pháp người câu cá chúng đắc Tu Đà Huòn. Thính chúng hiện diện cũng được nhiều lợi ích.

Dứt tích: NGƯỜI DÂN CHÀI TÊN ARIYA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Ariya là bậc Thánh Nhân
Giống như Vô Nảo đã dùng chân
Không còn sát hại sanh linh nữa
Bỏ kiếm quay về với Phật thân.
Ariya nầy ném cá câu
Đứng im nghe Phật hỏi cơ mầu
Dứt liền niệm ác, tâm Vô nảo
Hiệp đủ nhân duyên, đắc quả đầu*

XIX. 9- NHIỀU TỶ KHU TỰ MÃN

(PC. 271-272)

"Na sībatamattena...".

Pháp Cú nầy đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhiều vị Tỷ khuru đầy đủ giới hạnh.

Tương truyền rằng: Trong các Tỷ khuru nầy, có một số nghĩ rằng: "Chúng ta là bậc Cự túc giới, chúng ta sẽ đắc A la Hán trong ngày đó.

Cùng một lối như vậy, các Tỷ khuru đã đắc A Na Hàm cũng tự nghĩ rằng: "Bây giờ, đối với chúng ta quả A La Hán không khó đắc"

Tuy nhiên, một ngày nọ, tất cả các Tỷ khuru đều đến yết kiến đức Bổn Sư. Đánh lễ xong rồi ngồi xuống, đức Bổn Sư bèn hỏi:

- Nầy các Tỷ khuru! Các thầy đã đạt đến mục đích cứu cánh của bậc xuất gia giải thoát chưa?

- Bạch Ngài! Chúng con đã đạt đến trình độ như thế, như thế... Bởi vậy, chúng con có thể đạt đến quả vị A la Hán ngay lúc nào mà chúng con muốn. Với ý nghĩ như vậy, chúng con hằng sống bình an.

Nghe chư Tăng phúc đáp như thế, đức Bổn Sư cảnh cáo rằng:

- Nay các Tỳ khuru! Một Tỳ khuru xứng đáng không nên chỉ ý thị vào chỗ mình đã thọ trì đầy đủ Tứ Thanh tịnh giới, hoặc hạnh đầu đà, hoặc chỉ ý thị vào chỗ đã hưởng hỷ lạc của A na hàm quả mà vội cho rằng: "Hiện nay đời sống của ta ít có khổ não" ngày giờ nào chưa đạt đến mức lậu tận thì chớ nên để khơi lên cái tâm nghĩ rằng: "Ta được an vui". Nói rồi, Ngài ngâm kệ rằng:

"Na silabbatamattena
Bāhusaccena và puna
Atha và samādhilābhena
Vivicca sayanena và" (271)
"Phusāmi nekkhammasuk- ham
Aputhujjanasevitam
Bhikkhu vissāsam āpādi
Appatto āsavakkhayam". (272)
- "Chẳng phải giữ giới cấm,
Cũng chẳng phải nghe nhiều
Hoặc chúng được thiên định
Sống cô độc một mình". (271)
- "Tự xem đã thọ hưởng
Hạnh phúc giải thoát lạc
Phàm phu chưa hưởng được Tỳ khuru chớ bằng lòng
Nếu lậu hoặc chưa đoạn diệt". (272)

CHÚ THÍCH:

Silabbatamattena: Do nơi sự giữ Tứ Thanh Tịnh giới hoặc thọ trì mười ba chi đầu đà, hoặc là do sự nghe nhiều học rộng hoặc thuộc lòng cả Tam Tạng kinh.

Samādhilābhena: Do đắc tám tầng thiền.

Nekkhammasukham: Hỷ lạc của bậc A Na Hàm. Bởi vậy mới nói Ta hưởng hạnh phúc của A na Hàm.

Apputhujjanssevitam: Phàm phu không được hưởng, nhưng Thánh nhân thì hưởng được.

Bhikkhu: nầy Tỳ khuru! Đây là gọi một Tỳ khuru nào trong đó.

Vissāsamāpādi: Chớ tin cậy, bằng lòng. Như trên đã nói: Nầy Tỳ khuru, việc thọ trì Túc giới và đắc thiên định, theo Ta vẫn còn ít oi, nhỏ nhen, nếu chưa đắc quả Lậu Tận.

Chưa đắc A La Hán, một Tỳ khuru xứng đáng chưa bằng lòng. Ví như phần đầu chỉ chút ít cũng có mùi hôi thúi như thế nào thì biết là cảnh giới tái sanh đầu nhỏ nhen chút ít cũng là khổ.

Cuối thời Pháp, các Tỳ khuru ấy đều đắc quả A La Hán. Thính chúng câu hội nơi đó cũng hưởng được lợi ích của thời Pháp.

Dứt Tích: NHIỀU VỊ Tỳ khuru TỰ MÃN

DỊCH GIẢI CẢN ĐỀ

*Chưa đến tận cùng mục đích tu
Chớ nên hưỡn đãi việc công phu
Bao giờ đắc quả A la Hán
Mới chắc từ đây thoát ngục tù...
Giữ giới tu thiền chẳng đủ đâu
Đầu Đà thêm học vấn cao sâu
A na Hàm hỉ làm chi đó
Nếu vẫn còn trong "hữu" khổ sâu.*

XX. PHẨM ĐẠO

XX. 1- NĂM TRĂM TỶ KHUU LUẬN ĐẠO

(PC. 273..276)

"Maggā'aṭṭhangiko seṭṭho...".

Pháp Cú này đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến năm trăm vị Tỷ khưu.

Tương truyền rằng: Sau khi theo đức Bổn Sư đi vân du khắp xứ rồi trở về thành Sāvattihī, chư Tỷ khưu ngồi trong Hội trường đàm luận về đường xá, nói rằng: "Con đường từ làng nọ sang làng kia bằng phẳng, con đường qua làng khác thì không bằng phẳng, con đường có sạn sỏi, con đường kia không sạn sỏi... Bằng cách ấy, chư Tăng nhắc lại lộ trình mình đã trải qua. Đức Thế Tôn quán thấy duyên lành A la Hán quả của chư Tỷ khưu, bèn ngự đến Giảng đường, ngồi lên trên chỗ ngồi đã soạn sẵn và hỏi:

- Này các Tỷ khưu! Hôm nay các thầy nhóm họp thảo luận về chuyện gì đây?

- Bạch Ngài! Chuyện như thế, như thế...

- Nghe vậy, đức Bổn Sư phán dạy rằng: "Này các Tỷ khưu, đó là con đường bên ngoài (ngoại đạo), một Tỷ khưu chính danh cần phải công tác trên con đường thánh. Có làm như thế, thầy mới được giải thoát khỏi mọi đau khổ.

Nói rồi, Ngài thuyết lên các kệ ngôn rằng:

"Maggā'aṭṭhangiko seṭṭho
Saccānam caturo padā
Virāgo seṭṭho dhammānam
Dipadānañ ca cakkhumā"
274- "Eso'va maggo nat- th'añño
Dassanassa visuddhiyā
Etamhi tamhe paṭipajjatha
Mārās'etaṃ pamohanaṃ"
275- "*Etamhi tumhe paṭi- pannā
Dukkhassantaṃ karissatha
Akkhāto ve maṃya maggo
Aññāya sallasanthanaṃ*".
276- "Tumhehi kiccaṃ āt- appaṃ
Akkhātāro tathāgatā
Paṇipannā pamokkhanti
Jhāyino māra bandhamā".
- "*Bát chánh đường thù thắng
Bốn đế lý thù thắng
Ly dục pháp thù thắng
Giác nhân người thù thắng*"
- "*Chỉ đường này độc nhất
Khiến trí kiến thanh tịnh
Nếu người theo đường này
Ma quân sẽ mê loạn*" (274)

- "Nếu người theo đường- này
Đau khổ được diệt trừ
Hiểu được diệt gai chướng
Ta dạy người con đường" (275)
- "Người hãy tự nỗ lực
Như lai chỉ thuyết dạy
Người thiên định tu đạo
Thoát khỏi lưới ma quân". (276)

CHÚ THÍCH:

Maggānatthangiko: Dấu kẻ tất cả những con đường, nhất là các con đường của sau mười hai chủ thuyết tà kiến, khi đem ra so sánh bằng tám chi đạo. Tuân tự lấy Chánh kiến dẹp bỏ tà kiến... Tám lần như thế cho đến diệt tuyệt các đối tượng để giác ngộ khổ đế trong Tứ Đế, thì thấy rằng Bát Chánh Đạo là con đường tối thượng thù thắng nhất.

Saccānaṃ caturo padā: Không nên nóng giận với lời chân thật. Xin cho có sự chân thật trong lời nói ngày vị lai. Người Bà la môn thật, người Sát Đế Ly thật theo sự phân chia gia cấp ở ấn độ, tất cả sự thật (Sacca) này chỉ là giả định, thuộc về Tục đế sự thật (Sammatisacca) hay chỉ là chân lý của thế gian chỉ là không tưởng (Moghamañña) chân lý tà kiến hoặc là Tứ Đế nhất là Khổ Đế. Còn đối với Bậc Thánh thì sự thật ở đây chính là sự thật cùng tột hay Thánh Đế, hay Đệ nhất nghĩa đế (paramatthasacca)

Nói cách khác, trong hai thứ chân lý: Tục Đế và Chân Đế thì Chân đế là điều cần phải thực thi như: Khổ đế cần phải thẳng tri, Tập đế cần phải đoạn trừ, Diệt Đế cần phải tác chứng và Đạo Đế cần phải tu tiến. Chân lý hay Tứ đế ấy là tối thượng.

Virāgo seṇṇho dhammānaṃ: Có Phật ngôn rằng: Này các Tỳ khưu khi so sánh với các hữu vi hoặc vô vi thì sự ly dục là cao siêu hơn cả các pháp ấy. Do đó, ly dục gọi là Niết Bàn thù thắng.

Dipadānañ ca cakkhuma: Trong tất cả các chúng sanh nhất là về phái chư Thiên và nhân loại là giống lưỡng túc (hai chân), chỉ có Đức Như Lai là thù thắng trong thân sắc, ngay cả trong vô sắc Pháp hay danh pháp thì Đức Như Lai cũng thù thắng tối thượng (hơn cả Phạm Thiên Vô sắc)

Dassanassa visuddhiya: Con đường nào khiến ta hưởng được lợi ích của đạo quả tri kiến tịnh, chính đó là con đường độc nhất Vô nhị.

Etamhi: Bởi thế, các thầy hãy hành trì theo như vậy.

Mārassetaṃ pamohanaṃ: Ma Vương sẽ mê loạn, sẽ bị phỉnh lừa, sẽ ngỡ ngác.

Dukkhasantaṃ: Hãy đoạn tuyệt toàn thể cái vòng luân hồi khổ.

Sallasanthanaṃ: Các mũi nhọn, nhất là mũi nhọn của tình ái, các dao bén, các sự đè ép, trói buộc. Con đường đó không có ai chỉ dạy ta cả, chỉ tự ta giác ngộ lấy một mình, nay ta chỉ dạy cho các thầy. Bây giờ, con đường đó đã được chỉ dạy, các thầy đang bị phiền não thiêu đốt. Muốn mau giác ngộ con đường đó, các thầy phải nỗ lực, chuyên cần làm các phận sự cần thiết mà Như Lai đã chỉ dạy toàn bộ rồi. Bởi vậy, những hành giả nào noi theo những điều chỉ dạy, hành thiên Chỉ quán, những hành giả ấy sẽ thoát khỏi những trói buộc của Ma Vương, có tên là cái vòng luân hồi trong Tam giới.

Cuối thời pháp, năm trăm Tỳ khưu đều đắc quả A La Hán, Kỳ dư thánh chúng cũng được hưởng sự lợi ích của thời Pháp.

Dứt Tích: NĂM TRĂM Tỳ khưu LUẬN ĐẠO

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Con đường Bát Chánh Phật tìm ra
Dẫn chúng sanh lên khỏi ái hà
Lấy Khổ làm đầu trong Tứ Đế
Vô vi khắc phục chúa quân ma
Là đường độc nhất cả xưa nay*

*Có sẵn nhưng không được hiển bày
Phật tự giác rồi đem giáo hóa
Chư Tăng hưởng ứng bước theo ngay
Chẳng phải đường đi của thế nhân
Ngựa xe rộn rịp khách quen chân
Hoặc được đạo khác theo tà kiến
Đương Niết Bàn xa hẳn bụi trần....*

XX. 2- NĂM TRĂM TỶ KHU QUÁN VÔ THƯỜNG

(PC. 277)

"Sabbe saṅkhārā aniccāti...". Pháp Cú này đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, để cập đến 500 vị Tỷ khuru.

Tương truyền rằng: Sau khi thụ huấn đề mục thiền (Chỉ- Quán) nơi đức Thế Tôn, nhóm Tỷ khuru này đã vào rừng hành đạo, nhưng dầu tinh tấn cách nào cũng không đắc quả A la Hán, nên tự nghĩ rằng:

- Chúng ta nên trở về học đề mục khác thích hợp hơn.

Rồi chư Tăng lên đường trở về bái yết đức Thế Tôn, Ngài quán xét rằng: "Ta nên chọn đề mục nào thích hợp với duyên lành của chư Tỷ khuru này?" Ngài thấy rằng: Trong thời đức Phật Kassapa chư Tỷ khuru này đã từng chú niệm án xứ Vô thường tướng suốt 20 ngàn năm. Bởi vậy, Ta nên thuyết về pháp môn vô thường tướng là thích hợp.

Suy xét xong, đức Thế Tôn dạy rằng

- Này các Tỷ khuru! Trong các cảnh giới, nhất là dục giới tất cả pháp hữu vi là không có thật, là không vững bền, là vô thường

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Sabbe saṅkhārā aniccāti
Yadāpaññāya passati
Atha nibbindati dukke
Esa maggo visuddhiyā"
- "*Các hành là vô thường
Nhờ trí quán xét vậy
Sẽ nhàm chán thống khổ
Chính là đạo thanh tịnh*" (277)

CHÚ THÍCH:

Sabbe saṅkhārā: Trong các cõi nhất là cõi Dục, các uẩn sanh lên tại đâu thì diệt tại nơi đó, nên nói: "Các hành là vô thường" Như Minh sát tuệ (Vipassanāpaññāya) thấy được như vậy, mới sanh tâm nhàm chán trong khổ do vì bảo dưỡng thân ngũ uẩn này. Người đang nhàm chán do sự từng trải kinh nghiệm cái khổ mà thấu triệt các lẽ thật (của Thánh nhân)

Esa maggo visuddhiyā: Chính đó là con đường để thánh hóa, làm cho trở nên trong sạch thanh tịnh vậy.

Cuối thời Pháp, cả nhóm Tỷ khuru ấy đều đắc A La Hán. Tứ chúng hiện diện cũng hưởng được lợi ích của thời Pháp.

Dứt tích 500 VỊ Tỷ khuru QUÁN VÔ THƯỜNG

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Năm trăm Tăng lữ quán vô thường
Thấy rõ thân sanh đáng chán chường*

*Giác ngộ đầu tiên chân lý khổ
Xa ly ngã chấp, khỏi sâu thương.*

XX. 3- QUÁN KHỔ NÃO

(PC. 279)

"Sabbe saṅkhārā dukkhāti...".

Kệ ngôn này được đức Thế Tôn thuyết ra khi ngự tại Jetavana.

Cũng như trong ý nghĩa kệ ngôn trước, đức Thế Tôn thấy duyên lành đạo quả của 500 vị Tỳ khuru, do quán xét Khổ não tướng, nên Ngài phán dạy rằng:

- "Sabbe saṅkhāra dukkhāti
Yadā paññāya passati
Atha nibbindati dukke
Esa maggo visuddhiya"
*"Chư hành là khổ não
Nhờ trí quán xét vậy
Sẽ nhàm chán thống khổ
Chính là đạo thanh tịnh" (279)*

GIẢI NGHĨA:

Dukkā: nghĩa là khổ não, hằng bị áp bức. Những câu sau có ý nghĩa như đã giải ở kệ ngôn trên.

XX. 4- QUÁN PHI NGÃ

(PC. 280)

"Sabbe dhammā anattāti...".

Bài kệ thứ ba này cũng đồng một sự tích và cùng ý nghĩa, chỉ khác chút ít là: ở đây đức Thế Tôn biết chư Tăng đã từng quen niệm đề mục Phi ngã tướng, nên dạy rằng: "Nầy các Tỳ khuru, tất cả ngũ uẩn đều là phi ngã, do ý nghĩa ta không thể điều hành gì được nơi chúng cả". Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Sabbe dhammā anattāti
Yadā paññāya passati
Atha nibbindati dukkhe
Esa maggo visuddhiyāti" (280)

CHÚ THÍCH:

Sabbe dhammā: Đây là ngũ uẩn mà giải rộng như vậy.

Anattā: Phi ngã, không phải là ta, không phải của ta. Do cái lý không có uy lực áp chế pháp ấy nên gọi là phi ngã, ta không thể ra lệnh, bảo nó: Đừng sống nữa, đừng sống nữa. Mà bắt nó phải làm theo ý ta, không ai có thể làm chủ, sai khiến được nó cả.

Mấy câu kia cũng giống như trước.

DỊCH GIẢI CĂN ĐỀ

*Phi ngã là không phải của mình
Không quyền bảo nó: Hãy đừng sinh
Thân ta chớ tưởng là ta nhé
Chính NGã là "không", chẳng tướng hình
Đừng nghĩ không, là không có chi*

"Không" là đẹp trống nộ, dâm, si
Không còn ngã chấp hay duy kỷ
Giới, định kiện toàn, tuệ đủ y.

XX. 5- ĐẠI ĐỨC TISSA NÔN TU

(PC. 280)

"Uṭṭhānakālamhi anuṭṭhāno...".

Pháp Cú này, đức Bốn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Tissa Padhāna kammika (Tinh Cần khổ hạnh)

Tương truyền rằng: Có năm trăm công tử con nhà gia thế, cư ngụ trong thành Sāvattihī, sau khi xuất gia với đức Bốn Sư, đã thụ huấn để mục chỉ quán và đi vào rừng hành đạo. Trong số đó, có một số rút lại phía sau, kỳ dư điều hành Sa môn pháp trong rừng và chùng đắc A La Hán quả. Các Ngài trở về thành Sāvattihī với ý nghĩ:

- Chúng ta sẽ báo tin mừng đắc quả cho đức Bốn Sư hay.

Khi về còn cách Sāvattihī độ một do tuần, các ngài đi trì bình ở một trang, một cộng sự nam trông thấy Ngài, đã hộ độ cơm, cháo, bánh trái... Sau khi nghe kinh phúc chúc, lại thỉnh chư Tỳ khưu nhận vật thực vào ngày mai.

Trong ngày ấy chư Tỳ khưu về đến thành Sāvattihī, sau khi cất dẹp y bát, vào xe chiều đến yết kiến đức Thế Tôn, dâng lễ rồi ngồi xuống một bên. Đức Bốn Sư rất hoan hỷ đối với đoàn khách Tăng, niềm nở tiếp đãi, chuyện trò thân mật với chư Tăng. Khi ấy có vị Tỳ khưu là bạn cũ của chư Tăng này, nhưng vì giải đãi mà rút lại phía sau, tự nghĩ rằng:

- Đức Bốn Sư không đủ lời lẽ để tiếp đãi, chuyện trò thân mật với các vị này. Còn đối với ta, có lẽ vì ta chưa đắc Đạo Quả nên Ngài không nói lời nào cả. Nội ngày mai ta sẽ hành cho đắc quả A La Hán để được Ngài nói chuyện với ta.

Đoàn Tăng khách sau cuộc hàn huyên, các từ đức Thế Tôn lui ra, bạch rằng: - "Bạch Ngài! Trên đường về chùa, chúng con được một thiện nam cung thỉnh nhận vật thực vào ngày mai. Vậy sáng sớm mai, chúng con sẽ đi đến đó.

Khi ấy, một vị Tỳ khưu của chư Tăng vì thức đi kinh hành suốt đêm, đến khuya mòn mỏi, pháp sanh hôn trầm, té xuống một tảng đá bằng phẳng ở đầu đường kinh hành và bị gãy xương bấp vể. Vị ấy kêu thét lên một tiếng lớn. Các Tỳ khưu khách nhận ra tiếng kêu của Đại đức Tissa, nên đốt đèn lên, tìm thuốc, săn sóc, băng bó vết thương cho Đại đức Tissa. Khi công việc đã xong, thì mặt trời đã lên cao, chư Tăng không còn đủ thời giờ đi đến làng ấy khát thực nữa.

Đức Bốn Sư thấy vậy, hỏi chư Tăng rằng:

- Nầy các Tỳ khưu! Các thầy không đi đến lành nhận vật thực ư?

- Bạch Ngài, không ạ". Chư Tăng thuật chuyện đến đức Thế Tôn.

- Nầy các Tỳ khưu! Không phải đây chỉ là lần đầu mà vị ấy làm trở ngại việc nhận thực thí của chư Tăng. Mà xưa kia thầy ấy cũng đã từng như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu chư Tăng, Ngài thuyết lên tiền tích rằng:

"Yo pubbe karaṇīyāni
Paccha so kātumichāti
Varanakattham bhaṅgova
Sa pacchā anutappatīti"
" Ai việc phải làm trước
Về sau mới muốn làm
Như bẻ củi Varana
Nó về sau bị khô"

Rồi Ngài giảng rộng Bốn Sanh rằng: Theo truyền thuyết: Thuở xưa, chư Tăng nầy cũng là 500 thanh niên, chàng trai lười biếng nầy là Tỳ khuru Tissa, Giáo Sư năm xưa nay là Đấng Như Lai vậy.

Để kết thúc câu chuyện, đức Bốn Sư dạy rằng:

- Này chư Tỳ khuru! Kẻ không thức dậy khi đến thời cần thức dậy, kẻ lười biếng, ý chí nhu nhược, kẻ ấy không bao giờ phát triển được Thiền Định hay giác ngộ Đạo quả Niết Bàn cùng các pháp Thượng nhân khác.

Rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

"Uṭṭhānakālamhi anutthāno
Yuvā balī ālasiyaṃ upeto
Samsannasaṅkappamano kusīto
Paññāyya maggaṃ alaso na vindati"
" Khi cần không nỗ lực
Tuy trẻ mạnh, nhưng lười.
Chỉ tiêu trầm nhu nhược
Sao có trí ngộ đạo" (280) (TMC)

CHÚ THÍCH:

Anutthāno: Anutthahanto là không tinh tấn.

Yuvā balī: Trong thời trai tráng, có đầy đủ sức mạnh

ālasiyaṃ upeto: Sanh tật lười biếng, ăn no lại nằm.

Samsannasaṅkappamano: Cái tâm tốt đẹp trở thành nhu nhược vì ba thứ tư tưởng tà kiến (Tīhimicchāvitakkehi) (Câu nầy theo bản dịch của ông Phạm Kim Khánh dịch từ Ngài Nārada là: Tinh thần suy nhược, trong ấy các tâm chân chánh bị suy đồi.)

Kusīto: Không tinh tấn

Alaso: Uể oải, lười biếng, kẻ đại lãn (mahā- alaso) ấy không giác ngộ, không đắc vì không thấy Thánh Đạo cần phải thấy bằng trí tuệ.

Cuối thời Pháp nhiều Tỳ khuru chứng đắc Thánh Quả Tu Đà Huàn.

Dứt tích: Đại đức TISSA NÔN TU

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Xưa đã từng quen nét biếng lười
Nay tu chẳng tiến kịp theo người
Nôn nao muốn gấp hầu bên Phật
Hăng hái hành khuya, sợ sáng trời
Mệt mỏi thành ra tâm ý muôi
Hôn trầm mới để xác thân rơi
Xương đùi Sư gãy, làm Tang đối
Một phút Vô mình, tật suốt đời.*

XX. 6- NGẠ QUỶ HEO

(PC. 281)

"Vācānurakkhī...".

Pháp Cú nầy được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Veluvana, đề cập đến ngạ quỷ heo

Một ngày nọ, lúc đang đi xuống núi Gijjhakūṭa (Kỳ Xà Quật) với Đại đức Lakkhaṇa bèn hỏi: "Nầy Đạo hữu, do nhân gì mà Hiền giả lại mỉm cười?"

- Nầy Hiền giả! Không phải thời để trả lời câu hỏi này. Khi về trước đức Thế Tôn Hiền giả hãy hỏi tôi việc ấy.

Nói rồi, hai vị Đại đức cùng vào thành Sāvattihī khất thực. Vào xế chiều hai vị đến Veluvana đánh lễ đức Thế Tôn xong rồi, ngồi xuống một bên, khi ấy Đại đức Lakkhaṇa hỏi về sự mỉm cười của Đại đức

Moggallāna vào ban sáng rằng:

- Nầy Hiền Giả Moggallāna! Do nhân gì duyên gì vào ban sáng hôm nay Hiền giả lại mỉm cười?

- Nầy Hiền giả Lakkhaṇa! Tôi đã thấy con ngựa quỉ heo, mình dài 3 dậm (Tigāvuta), mình như người nhưng đầu lại là đầu heo, trong miệng nó mọc ra cái đuôi, từ đó giò bò ra lúc nhúc, tôi nghĩ thầm rằng: "Từ trước đến nay ta chưa từng thấy một chúng sanh có hình tướng như thế" nên tôi mỉm cười.

Đức Thế Tôn xác nhận rằng: "Thật vậy, này chư Tỳ khuru! Các Thinh văn của ta hằng là bậc có chánh kiến (tức Thiên nhân: Cakkhubhutta)! Chính Như Lai đã từng thấy loại chúng sanh như thế khi Như Lai đắc quả Vô Thượng Chánh Giác dưới cội Bồ Đề, nhưng không tuyên thuyết vì chưa có ai trông thấy, Như Lai suy nghĩ: "Những ai không tin lời Như Lai sẽ có nhiều bất lợi cho họ. Nay có được Moggallāna làm chứng nên ta xác nhận như thế".

- Nầy Tỳ khuru Moggallāna đã nói đúng sự thật.

- Bạch Thế Tôn! Chẳng hay trong tiền kiếp chúng sanh ấy đã tạo ác

Nghiệp gì?

- Nầy các Tỳ khuru! Các thầy hãy lắng nghe.

Rồi Ngài thuật tiền nghiệp của con ngựa quỉ heo như sau:

Tương truyền rằng: Trong thời đức Phật Kassapa, trong một thôn nọ có hai vị Đại đức sống hòa hợp cùng nhau. Vị lớn được 60 tuổi, vị nhỏ thì 59 tuổi. Mỗi khi hai vị đi đâu, vị nhỏ cũng mang y vị bát theo hầu vị lớn, làm tất cả mọi công việc phục dịch y như vị Sa di theo hầu thầy. Giống như hai anh em cùng cha mẹ sinh ra. Hai vị Đại đức thuận hòa êm ấm, cho đến một hôm có một vị khách Tăng Pháp sư ghé vào chùa của hai Đại đức.

Hôm ấy là ngày pháp lệ. Hai vị Đại đức hoan hỷ cho vị khách Tăng trú ngụ trong chùa, nói rằng:

- Thưa bậc Thiện trí thức! Xin hãy thuyết pháp cho chúng tôi nghe đi.

Vị Pháp Sư thuyết pháp, hai vị Đại đức hoan hỷ với ý nghĩa rằng:

- Chúng ta thỉnh được vị Pháp Sư rồi.

Qua hôm sau, hai vị Đại đức dẫn vị khách Tăng đi khất thực trong làng. Sau khi thọ thực nơi ấy, hai Ngài bảo vị Pháp Sư rằng:

- Thưa Hiền giả! Hãy thuyết pháp đến tín gia đi.

Hai vị Đại đức thỉnh cầu vị Pháp sư thuyết pháp cho dân chúng nghe như thế. Sau khi nghe pháp, mọi người cung thỉnh ba vị sáng mai đến thọ thực tại nơi ấy. Cứ đều đều như thế, hai vị Đại đức cùng vị Pháp Sư đi khất thực khắp các làng quanh chùa, thọ bát hai ngày liền ở một nơi nhà thí chủ.

Vị Pháp Sư suy nghĩ: "Hai ông này nhu nhược quá. Ta phải làm sao cho họ bỏ trú xứ này đi, ta sẽ chiếm ở luôn trong chùa này mới được"

Buổi chiều, vị Sư khách đến phục dịch hai Đại đức, khi hai vị trở về phòng riêng thì vị ấy quay lại nơi ngụ của vị Đại đức lớn và thưa rằng: "Bạch Ngài! Con có chút chuyện cần phải bạch với Ngài"- Hiền giả cứ nói.

- Vị Pháp sư suy nghĩ đôi chút, rồi nói rằng:

- Bạch Ngài, chuyện này nếu con nói ra e phạm lỗi nặng lắm.

Rồi vị ấy từ giả ra đi, đến phòng vị Đại đức nhỏ, ông cũng làm như thế. Ngày hôm sau, vị Pháp sư làm y như cũ. Qua ngày thứ ba, sự tò mò của hai vị Đại đức lên cực độ, khi vị Pháp Sư đến gặp riêng vị Đại đức lớn rằng:

- Bạch Ngài, con có chút chuyện cần phải bạch, nhưng trước mặt Ngài con không dám nói ra.
- Không sao đâu, Hiền hữu cứ nói ra đi.

Sau cùng, làm như bị nài ép quá, vị Pháp Sư hỏi rằng:

- Bạch Ngài! Vị Đại đức nhỏ có điều chi xích mích với Ngài chẳng - Nầy Bậc thiện trí thức! Vì sao hỏi như vậy? Chúng tôi chẳng khác nào như anh em ruột từ một cha một mẹ sanh ra. Hễ người này được lợi lộc thì người kia cũng được lợi lộc. Từ trước đến nay tôi chưa hề thấy Sư đệ tôi làm lỗi gì cả.

- Thật thế ư? Bạch Ngài.
- Nầy hiền hữu! Thật như vậy.

- Bạch Ngài! Vị Sư đệ của Ngài nói với con rằng: "Nầy bậc thiện trí thức, người là con nhà gia thế, còn vị Đại đức lớn kia, nếu người ngờ là thanh tịnh, có tâm có quý thì làm đây, khi tiếp xúc với vị ấy, người nên cẩn thận thân và khẩu đi." Vị Sư đệ của Ngài nói với con như thế, từ khi con vừa đến nơi nầy.

Nghe vậy, vị Đại đức lớn phát sanh sân hận, tâm thần bấn loạn như cái bát sành bị gậy đập nát vậy. Rồi Vị Pháp Sư đi ngay đến vị Đại đức nhỏ và cũng nói y như trước. Vị sau cũng phát sanh sân hận, tâm thần bấn loạn như vị kia.

Suốt thời gian chung sống trước đây, không bao giờ hai vị vào làng riêng nhau, nhưng qua việc nầy, ngày hôm sau vị Đại đức nhỏ một mình vào làng khát thực, rồi trở về trước đứng ở Giảng đường, vị Đại đức lớn khát thực về sau, đi đến Giảng đường. Vị nhỏ suy nghĩ: "Ta có nên rước bát Ngài hay không?". Mặc dầu có ý nghĩ: "Sẽ không rước bát", nhưng vị Đại đức nhỏ suy nghĩ: "Từ trước giờ ta chưa từng làm như thế, thôi ta không nên bỏ qua phận sự của mình"

Khi tự làm tâm diệu xuống, vị Đại đức nhỏ đến gần vị lớn nói:

- Bạch Ngài! Cho con thỉnh y bát.
- Hãy đi đi! Người không xứng đáng thỉnh y bát của ta.

Vừa nói, vị ấy khoát tay xua đuổi, tỏ vẻ bất cần.

- Dạ phải rồi! Thưa Ngài, con cũng có ý nghĩ là không rước y bát của Ngài nữa đâu.
- Này Hiền giả! Có lẽ người nghĩ rằng ta quyến luyến ngôi chùa nầy lắm phải chẳng?

- Bạch Ngài! Xin Ngài cũng đừng tưởng lầm rằng con quyến luyến ngôi chùa nầy. Đây là chùa của Ngài mà.

Nói rồi, vị Đại đức nhỏ mang lấy y bát ra đi. Vị Đại đức lớn cũng bỏ chùa đi luôn. Hai vị không cùng đi một đường, vị đi cửa sau, vị đi cửa trước. Vị Pháp Sư giả vờ rằng: "Bạch hai Ngài! Các Ngài chớ nên làm như thế". Hai vị Đại đức bảo rằng:

- Thôi, hiền giả hãy ở lại đi.

Qua ngày sau, vị Pháp Sư đi vào làng kế cận. Các thiện tín hỏi:

- Bạch Ngài! Còn hai vị Đại đức nữa đâu.

- Thôi, các tín gia đừng hỏi nữa. Hôm qua hai vị Đại đức của quý vị tranh chấp cùng nhau, rồi bỏ đi cả rồi. Ta đã hết lời yêu cầu các Ngài ở lại mà không được.

Trong số ấy, những người thiếu trí thì làm thỉnh, trái lại các bậc có trí suy nghĩ rằng:

- Hai Đại đức ấy, từ bấy lâu nay chẳng hề phạm lỗi lầm chi gọi là nhỏ nhặt. Nếu có điều kinh sợ, tai hại phát sanh đến hai Ngài, chắc hẳn là do nơi vị Sư mới nầy vậy.

Còn hai vị Đại đức, dầu đi đến nơi nào tâm trí cũng không hề an vui, Đại đức lớn suy nghĩ:

- Than ôi! Nặng thay là việc hành quấy của vị mới tu kia, vừa mới gặp khách Tăng trong giây phút đã nói: Đừng tiếp xúc thân thiện với Đại đức lớn.

Còn vị Đại đức nhỏ cũng nghĩ rằng: "Ôi! Nặng thay là việc làm sai quấy của vị Đại đức lớn. Vừa gặp khách Tăng trong giây lát mà đã dấn đùng nên tiếp xúc thân thiện với ông Sư này."

Cả hai đều không còn tâm trí để ôn tập kinh điển hay, thiền định chi cả. Một trăm năm trôi qua. Một hôm, cả hai vị cùng đi đến một ngôi chùa ở phía Tây và cùng vào một Đạo trường. Vừa nhìn thấy vị Đại đức nhỏ, vị lớn không cầm được lòng, nước mắt tuôn trào. Vị Đại đức nhỏ cũng nhận thấy vị lớn, hai mắt đầy lệ nhỏ, tự nghĩ rằng: "Ta nên nói trước hay là không?". Rồi nghĩ rằng: "Điều này cũng chẳng có chi là hệ trọng". Nên đành lễ vị lớn, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Từ trước đến lúc chia tay, con hằng rước y bát của Ngài, đi chung với Ngài. Ngài có thấy con làm điều chi lầm lỗi với Ngài chăng?

- Ta chưa hề trông thấy, này hiền giả.

- Thế sao Ngài lại bảo với Pháp Sư rằng: Đùng nên tiếp xúc thân thiện với con.

- Này Hiền giả! Ta không hề nói như thế đâu. Nhưng ta được nghe rằng Hiền giả cũng nói với vị Pháp Sư về ta như thế đó.

- Bạch Ngài! Con không bao giờ nói như thế.

Khi ấy, hai vị mới vỡ lẽ ra, biết rằng: "Chắc vị Pháp Sư có ý muốn ly gián chúng ta, nên nói như thế?". Rồi hai vị xin sám hối với nhau về chuyện đã hiểu lầm nhau.

Suốt một trăm năm không thể làm cho tâm được an vui, ngày hôm ấy hai vị hòa hợp cùng nhau, và quyết định: "Chúng ta sẽ tống cổ vị Pháp Sư ra khỏi chùa". Thế rồi, hai vị Đại đức khởi hành lên hồi về ngôi chùa cũ. Vị Pháp sư trông thấy hai vị Đại đức trở về, bèn ra rước y bát. Hai vị Đại đức khoát tay rằng:

- Thầy là người không xứng đáng ở trong ngôi chùa này nữa.

Không thể ở nán lại, vị Pháp sư liền ra khỏi chùa ngay và đi nơi khác. Mặc dầu đã hành Sa môn Pháp hết 2 muôn năm, nhưng vị ấy không thể chịu đựng nổi sự trách mắng. Đến lúc chết phải sa xuống A Tỳ địa ngục, bị thiêu đốt suốt cả thời gian một vị Phật. Bây giờ, quả còn dư sót, vị ấy còn thọ khổ với thân hình ngạ quỷ heo ở trên núi Gijjhakūṭa như đã nói ở phía trước.

Sau khi thuật lại tiền nghiệp của ngạ quỷ heo, đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳ khuru! Vị Tỳ khuru chánh danh cần phải có thân, khẩu, ý thanh tịnh.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

"Vācānurakkhī manasā susāmvuto
kāyena ca akusalamnakayirā
Ete tayo kammapathe visodhaye
ārādhaye maggaṃ isippaveditaṃ"
*"Ý điều lời thận trọng
Thân không làm điều ác
Ba nghiệp này thanh tịnh
Chúng đạo Thánh nhân dạy". (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Vācānurakkhī: Giữ gìn lời nói, đừng để phạm giới vọng ngữ, lường thiệt, ác ngữ, ý ngữ.

Manasā: Thu thúc ý đừng cho tham, sân, tà kiến.

kāyena: Giữ thân đừng làm ba hạnh bất thiện là sát sanh, trộm cắp, tà hạnh.

Hãy làm thanh tịnh thân, khẩu như vậy. Người làm thanh tịnh thân khẩu như thế, sẽ thành tựu được Bát Chánh Đạo mà chư Phật và các Đạo sĩ hằng chỉ dạy.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khuru chứng Thánh quả, nhất là Tu Đà Huòn quả.

DỨT TÍCH: NGẠ QUỴ HEO.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Hai Sư hòa hợp sống chung vui

*Tin khách đường xa, thọc mũi dùi
Một sớm rời nhau tâm đã khổ
Trăm năm gặp lại, lệ còn rơi
Đoạt chùa, trách kẻ lòng đanh đá
Nghĩ bạn, thương ai dạ ngậm ngùi...
Núi trọc chưa mờ gương Nga quý
Thân người, đầu lợn, miệng lòi đuôi
Thân tịnh, miệng dầu chẳng tịnh theo
Làm con nọ quý mọc đầu heo
Lưỡi trong, thêm lưỡi ngoài: đuổi thú
Ăn nói làm sao? Rõ ngật nghèo.*

XX. 7- ĐẠI ĐỨC POTHILA

(PC. 282)

"Yogā veti...".

Pháp Cú này được đức Bốn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại đức Pothila.

Tương truyền rằng: Vị Đại đức này đã từng là Tam Tạng Pháp Sư suốt cả 7 đời vị Phật Tổ và hằng thuyết giảng kinh điển cho một nhóm 500 vị Tỳ khưu nghe.

Một hôm, đức Bốn Sư tự nghĩ: "Tỳ khưu này không có tâm nghĩ đến sự giải thoát khỏi khổ. Ta sẽ làm cho y kinh cảm mới được". Từ ấy về sau, mỗi khi Đại đức ấy đến hầu đức Bốn Sư, Ngài gọi: "Hãy đến, này Pothila rỗng không! Hãy ngồi xuống này Pothila rỗng không!?" Đại đức làm chi cũng dùng danh từ Poñila rỗng không mà gọi Đại đức cả. Đại đức suy nghĩ: "Ta thông suốt Tam Tạng luôn cả Sớ giải. Hơn thế nữa, ta là Giảng sư dạy pháp cho 500 Tỳ khưu và đứng đầu mười tám đoàn Tăng lữ. Thế mà đức Bốn Sư cứ gọi ta là Pothila rỗng không mãi. Chắc tại ta không xúc tiến pháp hành, tham thiền nhập định, cho nên Ngài mới gọi ta như thế."

Sanh tâm kinh cảm, Đại đức quyết định: "Ta sẽ vào rừng hành Sa Môn Pháp ngay bây giờ". Sau khi đã tự mình sắp đặt sẵn y Bát. Lúc rạng đông, Đại đức ra đi chung với Tỳ khưu sau cùng, là vị Pháp Sư dở nhất. Các Tỳ khưu ngồi trong lớp ấy đang đọc tụng Kinh tụng, không lưu ý thấy đó là "Thầy ācāriya" của mình.

Sau khi vượt qua một trăm hai mươi do tuần (Visamyojanasatam) Đại đức đến một Thiền thất trong rừng. Có ba mươi vị Tỳ khưu trú nơi ấy. Vào gần chừ Tăng, Đại đức đánh lễ vị Tăng Trưởng nhóm và bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài từ bi tế độ cho con.

- Này Đạo Hữu, hiền giả là một Pháp Sư danh tiếng, chính tôi còn có điều cần học nơi Hiền giả. Sao Hiền giả lại nói như thế?

- Bạch Ngài! Xin Ngài đừng nói thế, xin Ngài từ bi tế độ cho con.

Thật sự thì, chư Tăng Thiền Sư nơi ấy đều là bậc Lậu Tận. Vị Đại đức Tăng trưởng nghĩ rằng: Vị này ỷ vào Pháp học của mình, còn có tâm ngã mạn cống cao. "Nên Ngài bảo Pothila đến bạch với vị Phó Tăng trưởng và xin nương nhờ. Pothila đến bạch với vị Phó Tăng trưởng và cũng được giới thiệu tiếp đến vị kế. Cứ như thế Pothila được giới thiệu đến vị trẻ nhất là vị Sa Di bảy tuổi, Ngài đang ngồi vá y nơi chỗ tham thiền ban ngày. Thế là Thiền Sư triệt hạ tánh ngã mạn của Pothila. áp chế được tâm ngã mạn, Pothila đến gần vị Thánh Sa di, chấp tay kính cẩn:

- Xin bậc thiện trí thức, từ bi tế độ cho tôi.

- Thầy ācāriya ơi! Sao thầy lại nói như thế, thầy niên cao kỹ trưởng, quảng kiến đa văn. Chính tôi phải tìm thầy mà học hỏi điều gì cần nên hiểu biết chứ.

- Bậc trí thức ơi! Ngài đừng làm như thế. Xin hãy là thầy tế độ của tôi đi.

- Bạch Ngài! Nếu Ngài nhẫn nại làm theo lời huấn từ, thì tôi sẽ tế độ Ngài.

- Bậc Thiện trí thức ơi! Tôi xin vâng lệnh Ngài. Nếu Ngài khiến tôi nhảy vào lửa đỏ, tôi cũng sẽ nhảy vào lập tức.

Khi ấy, ông Sa di chỉ một ao nước ở gần đó và nói với Pothila rằng: "Bạch Ngài! Xin Ngài để nguyên bộ y đang mặc mà lội xuống ao này này đi".

Mặc dầu, Sa di vẫn biết Pothila đang mặc thượng y, y nội và y hai lớp loại đặc giá, nhưng Ngài vẫn bảo như thế để xem tâm của Pothila có nhẫn nại theo huấn từ hay không. Ngài Sa di vừa dứt lời thì Pothila đã đi xuống ao ngay, khi các đường viền y của Đại đức bị thấm ướt, vị Sa di gọi: "Bạch Ngài, hãy đến đây" Vị Sa di vừa dứt lời, Đại đức đã đến trước mặt ông Sa di. Vị Sa Di lại nói:

- Bạch Ngài! Ví như trong một gò mồi có sáu lỗ ngách và một con kỳ đà theo một lỗ ngách nào đó mà chiu vào trong gò mồi. Người ta muốn bắt được con kỳ đà đó, phải bít cả năm cửa ngách, chừa lại chỉ có một cửa mà thôi, và bắt con kỳ đà tại cái lỗ ngách mà nó đã chui qua. Đối với lục căn môn, Ngài cũng phải làm như thế, hãy đóng chặt hết năm căn môn và định tâm vào ý căn môn. Mấy lời của Sa di vừa dứt, khiến tâm tư Pothila đa văn vụt bật sáng như cây đèn vừa được thắp lên. Pothila nói:

- Bậc Trí giả ơi! Bấy nhiêu đây cũng đủ rồi.

Hạ thấp sự hiểu biết trong thân bất tịnh này xuống, vị Tỳ khuru đa văn hướng tâm đến Sa môn Pháp.

Đức Bổn Sư đang ngồi cách xa một trăm hai mươi do tuần, nhìn theo dõi vị

Tỳ khuru ấy và tự nghĩ rằng: "Tỳ khuru này phải tự mình hành đạo như thế để trở nên bậc trí tuệ quảng bác." Nghĩ rồi, đức Bổn Sư phóng hào quang, thị hiện như đang nói chuyện với Pothila và nói lên kệ ngôn rằng:

282- "Yogā ve jāyati bhūri
Ayogā bhūrisaṅkhayo
ETam dvedhā pathamā nā- tvā
Bhāvāya vibhāvāya ca
Tath'attānam niveseyya
Yathā bhūri pavaḍḍhati".
*"Tu thiền trí tuệ sanh
Bỏ thiền trí tuệ diệt
Biết con đường hai ngã
Hướng đến lợi và hại
Hãy tự mình nỗ lực
Khiến trí tuệ tăng trưởng". (TMC)*

CHÚ THÍCH:

Yogā: Chú tâm trên ba mươi tám đối tượng.

Bhūri: Có trí tuệ rộng lớn như địa đại

Savi khayō: Tiêu diệt.

ETam dvedhā pathamā: Con đường hai ngã là có tu thiền.

Bhāvāya vibhāvāya ca: Có lợi và bất lợi.

Tath'attānam niveseyya: Tự mình hãy nỗ lực thế nào để trí tuệ phát triển đến mức gọi là trí quảng bác như mặt đất.

Cuối bài kệ, Đại đức Pothila đắc quả A La Hán.

Dứt Tích: Đại đức POTHILA RỎNG KHÔNG

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Pháp thuyết học rồi thật lắm công
Mà sao Phật cứ gọi "Đầu không"?*

Bực mình Đại đức Bồ Thí Lá
 Lặn lội vô rừng kiến "Nội TÔNG"
 Ngã mạn vì: Ta cũng bậc cao
 Gặp Thiển Sư trưởng mới xin vào
 Các Ngài Đại đức không ai nhận
 Phải lại Sa di, hết tự hào
 Ngờ đâu bảy tuổi đã Vô sanh
 Dạy Pháp Sa Môn gắng thực hành
 Phật ở xa đường nhưng cũng độ
 ĐỀU KHÔNG, đạo quả kịp viên thành.

XX. 8- CÁC ĐẠI ĐỨC GIÀ

(PC. 283-284)

"Vanam chindatha...".

Pháp Cú này đức Bổn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, để cập đến nhiều vị Tỳ khuru già.

Trong truyền rằng: Trong thời gian còn là cư sĩ các vị ấy là những Trưởng giả trong thành Sāvattthī thuộc hạng cự phú. Là những bạn thân, họ thường rủ nhau đi làm phước và nghe đức Bổn Sư thuyết pháp. Rồi họ tự hỏi lẫn nhau rằng: "Chúng ta đã già rồi. Chúng ta còn nán lại nơi nhà làm gì nữa".

Sau khi xin xuất gia với đức Bổn Sư. Vì tuổi già nên họ không thể học thuộc lòng Pháp thuyết. Do đó, họ cho cất một thảo am, ở sát ranh chùa rồi sống chung ở đó. Khi đi trì bình xong, họ ghé qua nhà để vợ con họ thêm vật thực mà độ.

Trong nhóm các vị Sư ấy, có một bà vợ cũ của một vị, có tên là Madhurapanikā (Mādhurapacikā) (Bàn tay thiện xảo), là người hộ độ cho tất cả nhóm. Cho nên các vị ấy thường mang vật thực khát thực được đến nhà bà mà ngồi độ, và bà tùy tiện nấu nướng thêm canh với thức ăn vào vật thực các vị ấy.

Ít lâu sau, bà lâm trọng bệnh và mệnh chung. Khi ấy các vị Sư gia ấy ngồi tụ hội lại cùng nhau tại thảo am, ôm cổ nhau mà khóc than, kể lể rằng:

- Bà tín nữ có Tay thiện xảo nay mất rồi.

Chư Tỳ khuru khắp nơi đi đến hỏi thăm rằng:

- Có việc chi thế, nầy các Hiền giả?

- Bạch các Ngài! Bà vợ cũ bạn chúng tôi đã mất rồi. Một tay bà đã hộ độ chúng tôi thật nhiều. Nay bà mất đi, chúng tôi tìm đâu ra được một bà hộ tăng như thế đó nữa. Do đó, chúng tôi khóc.

Chư Tỳ khuru đem việc nầy ra thảo luận tại Giảng đường. đức Thế Tôn ngự đến phán hỏi rằng:

- Nầy các Tỳ khuru! Hôm nay các thầy tụ hội thảo luận việc chi vậy?

- Bạch Ngài, việc như thế... Như thế.

- Này các Tỳ khuru! Không phải bây giờ, mà trước kia bà ấy là con qua mái. Một hôm đi kiếm ăn dọc bờ biển, bị một lượn sóng kéo lôi xuống biển mà chết. Các vị Tỳ khuru này khi ấy là những quạ trống, chúng cũng đã từng khóc than trước cái chết của con qua mái, thở than cùng nhau rằng: "Chúng ta sẽ vớt nàng lên" Rồi chúng dùng mỏ định rút hết nước biển lớn, nhưng chỉ nhọc công vô ích." Nói rồi, Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

"Api na bahukā santā
 Mukhañca Parisassati
 Cramāma na pārema
 Pūrateva mahodathati"
 " Quai hàm ta đã mỗi

*Miệng môn ta đã khô
Ta không tát voi nước
Biển lớn lại đầy tràn"*

Sau khi thuật xong Bốn sanh con quạ. Đức Thế Tôn gọi chư Tỳ khuru già đến bảo rằng:

- Này các Tỳ khuru! Sở dĩ các thầy gặp phải khổ nầy là tại vì khu rừng tham, sân, si. Phải đốn tuyệt khu rừng ấy đi thì các thầy sẽ thoát khỏi khổ

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

"Vanam chindatha mà rukkam
Vanoto jāyati bhayam
Chetvā vanañ ca vanathā ca
Nibbanā hotha bhikkhavo"
284- "Yāvam hi vanatho na chijjati
Aṭumatto' pi narassa nārisu
Paṭibaddhamano va tāva so
Vaccho khīrapako'va mātari"
- " Đốn rừng không đốn cây (dục vọng)
Từ rừng sinh sợ hãi
Đốn rừng và củi gỗ (dục)
Tỳ kheo hãy thoát ly" (283)
- " Khi nào chưa dứt sạch
Dây tình giữa trai gái
Tâm ý vẫn buộc ràng
Như bò con vú mẹ". (284)

CHÚ THÍCH:

nā rukkam: Nghe đức Bốn Sư bảo: Hãy đốn rừng. Những vị mới tu ngỡ rằng: Đức Bốn Sư bảo ta hãy dùng búa, lấy rìu đi đốn rừng rồi khởi lên ý đốn cây.

Thật ra, đức Bốn Sư ngụ ý nói đến rừng phiền não nhất là tình ái, chứ không ám chỉ các cây, nên nói rằng: "Đùng đốn cây"

Vanato: Ví như từ khu rừng thông thường hằng có sự sợ hãi do thú dữ trú ẩn như sư tử... Cũng vậy, những sợ hãi khởi lên từ khu rừng dục vọng phiền não, phát sanh bốn sợ nhất là sợ sợ sanh.

Vanam hi vanatthā ca: ở đây, những cây to gọi là rừng (vana) những cây mọc sau gọi là củi gỗ. Cũng vậy, những đại phiền não dẫn đi thọ sanh các cảnh giới gọi là rừng, còn các phiền não cho quả dị thực, gọi là củi gỗ. Cả hai thứ nầy cần nên chặt đứt bằng Bốn Đạo, nên mới có câu: "Đốn rừng và củi gỗ"

Nibbanā hotha: Hãy dập tắt phiền não.

Yāvam hi vanatho: Dầu nhỏ như hạt bụi của các củi gỗ ấy, là dây luyến ái giữa nam và nữ chưa cắt đứt đến chừng nào, tâm còn bị dính mắc buộc ràng, như bò con chưa rời vú mẹ.

Cuối thời Pháp, các vị Tỳ khuru già đắc quả Tu Đà Huờn. Thính chúng cũng được hưởng nhiều lợi ích.

Dứt Tích: CÁC ĐẠI ĐỨC GIÀ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Bà hộ Tăng nay đã mất rồi
Sư già khóc tợ trẻ mồ côi
Vắng người dâng phụ đồ ăn uống
Thiếu kẻ lau qua chỗ đứng ngồi
Khát sữa bò con mơ tưởng vú
Thèm cơm quạ trống ước ao môi*

*Dây tình trai gái còn miên viễn
Biển khổ trầm luân mãi mãi trôi.*

XX. 9- ĐỆ TỬ ĐẠI ĐỨC SĀRĪPUTTA

(PC. 285)

"Ucchinda sineham...".

Pháp Cú này được đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, để cập vị đệ tử Ngài Sāriputta.

Tương truyền rằng: Một thanh niên con nhà làm nghề thợ bạc, đẹp trai đã xin xuất gia với Đại đức Sāriputta. Đại đức nghĩ: "Các thanh niên thì tình ái rất mạnh". Thế rồi Đại đức cho đệ tử mình để mục niệms tử thi (bất tịnh), ngõ hầu chống lại tình xuân. Đề mục này không thích hợp với vị đệ tử. Bởi vậy, khi vào rừng hành thiền suốt cả ba tháng, vị này chẳng đạt đến trạng thái định tâm (citta ekaggatā), bèn trở về bạch với Đại đức.

Đại đức hỏi: "Này Hiền giả! Hiền giả đã đạt được đề mục chưa?"

Vì trò liền đem chuyện mình bạch lại với thầy. Khi ấy, Đại đức nói với đệ tử rằng:

- Hành giả không nên bỏ cuộc, nói rằng "Đề mục thiền của ta không thành tựu.

Rồi Đại đức lại giảng giải thật kỹ về đề mục Bất tịnh này cho đệ tử. Nhưng lần thứ hai, vị đệ tử cũng không đạt được pháp Thượng nhân nào cả, nên lại trở về bạch với thầy, lần này Đại đức Sāriputta cũng vẫn dạy đề mục cũ, dùng nhiều ví dụ để vạch rõ những lý do then chốt. Rồi cuộc lại cũng chẳng có kết quả chi.

Đại đức nghĩ thầm: "Vị Tỳ khuru đang hành đạo, nếu trong tâm có phiền não dục vọng thì biết rằng có, không có thì biết rằng là không có. Tỳ khuru này hành đạo tinh tấn không phải không tinh tấn. Đi trên chánh lộ chớ không phải tà lộ, trích ngoài chánh lộ. Chắc có lẽ người này có duyên được đức Thế Tôn chuyển hóa". Vào xế chiều, Đại đức dắt vị đệ tử đến yết kiến đức Bổn Sư và tường trình hết mọi việc, nói rằng: "Bạch Ngài! Đây là vị Tỳ khuru đệ tử của con. Do đó con đã truyền dạy vị ấy mục quán bất tịnh"

- Này Sāriputta! Tuệ hiểu biết rõ những khuynh hướng và tùy miên phiền não của chúng sanh, chỉ có nơi Đấng Chánh Đẳng Giác, là bậc đã viên mãn Pháp Độ, chúng đắc Toàn Giác quả khiến cho mười ngàn thế giới hoan hô vang dội

Đức Thế Tôn quán xét nội tâm của vị Tỳ khuru trẻ rằng: "Tỳ khuru này từ gia tộc nào xuất gia?". Khi biết vị này từ gia đình thợ bạc đi xuất gia. Đức Thế Tôn tiếp tục quán tiền kiếp của vị ấy, thấy được rằng: "Vị này đã tái sanh trong gia đình thợ bạc đã 500 kiếp liên tục rồi"

Đức Bổn Sư suy nghĩ rằng: "Tỳ khuru này đã từng sống trong gia đình thợ bạc 500 kiếp, đã nhiều lần nói: Ta sẽ làm ra những cánh hoa

Kannikā (Bông đeo tai), những đóa hoa sen..." và quanh quẩn chỉ tiếp xúc với chất vàng ròng mà thôi. Những đề mục bất mỹ, những thể trước không thích hợp với Tỳ khuru này. Nên cho Tỳ khuru ấy niệms những đề mục khả ái hơn". Đức Bổn Sư bảo rằng:

- Này Sāriputta! Đề mục của người khiến Tỳ khuru này mệt mỏi, dụng công trong bốn tháng mà chẳng kết quả chi. Hôm nay, sau bữa thợ trai ngày mai, đệ tử thấy sẽ chúng A La Hán. Thôi thầy hãy về đi.

Đại đức Sāriputta ra về. Vào sáng hôm sau, đức Thế Tôn dùng thần thông tạo ra một đóa sen vàng lớn như bánh xe bò, khiến cho những cánh hoa và cuốn sen có vẻ như có nước nhiều ra từng giọt và dẫn người đệ tử ấy ra bờ hồ, trao đóa sen ấy cho thầy, bảo rằng:

- Này Tỳ khuru! Hãy cầm lấy đóa sen này đi đến tận ranh chùa và đặt nó lên một đống cát. Ngồi kiết già, lưng thẳng trước cánh hoa sen, khởi niệms đề mục "Lohitakaṃ! Lohitakaṃ" (Đỏ! Đỏ)

Cầm lấy cánh hoa sen từ tay đức Phật trao cho, thấy Tỳ khuru trẻ bỗng phát sanh tâm tịnh tín. Thấy ra tận ranh chùa, vun cát thành đồng rồi cắm cuống sen lên đó, ngồi kiết già đối diện với cánh hoa sen, niệm đề mục Lohitakam! Lohitakam!.

Ngay khi đó, năm pháp cái (Nīvaraṇa) đều bị vệt ra và Cận định (Upacārajhānam) sanh lên. Không gián đoạn, vị Tỳ khuru liền nhập Sơ định, xuất Sơ thiền, đi kinh hành cho đến khi thuần thực năm pháp Vasi, rồi lại ngồi hành đạo chứng đắc Nhị Thiền, rồi Tam Thiền. Sau khi thuần thực trong Tứ thiền, vị ấy tâm thỏa thích với thú vui Thiền định (jhānakitamkilanto nisīdi).

Đức Bổn Sư biết vị Tỳ khuru trẻ đắc các tầng thiền rồi, nhưng Ngài quán xét thêm rằng: "Tỳ khuru này có thể tự lực phát triển Quán minh để chứng đạt Đạo quả cao siêu chăng?" Khi Ngài thấy rằng "Không thể được". Ngài liền khiến cho cánh hoa sen từ từ héo úa, trở thành đen giống như bị vò nát trong hai bàn tay vậy.

Vị Tỳ khuru trẻ xuất thiền, nhìn thấy đóa hoa sen hiện rõ tướng vô thường như vậy, tự nghĩ rằng: "Đóa sen này sao là lộ vẻ như là bị sự già nua đánh đập vậy? Rất đổi những vật không có sự bám víu vào thế gian (Anupādinna) mà còn phải già nua như vậy huống chi những chúng sanh có sự bám víu vào thế gian sẽ bị sự già nua thắng phục". Đồng thời với sự thấy rõ Vô thường tướng: (Aniccālakkaṇa), hành giả cũng thấy khổ não tướng (dukkhālakkaṇa) và phi ngã tướng (anattālakkaṇa). Bấy giờ ba tướng hiện lên giống như đang thiêu đốt cả Tam giới, và ghê tởm như xác chết buộc vào cổ vậy.

Ngay lúc ấy, cách vị Tỳ khuru trẻ không xa, một đứa con trai lội xuống ao, hai những cánh hoa sen trắng chất đồng trên bờ. Vị Tỳ khuru ngắm những đóa Bạch liên dưới nước và trên bờ, thì thấy những cánh dưới nước có vẻ tuyệt đẹp giống như chúng đang vươn lên đâm nước mát, còn những cánh sen nằm trên bờ thì dần héo tàn.

Vị ấy tự nghĩ: "Với những vật không có thủ hữu mà sự già còn đánh đập như thế, huống hồ gì những vật có thủ hữu nó lại buông tha (không đánh những chúng sanh bám víu vào thế gian) hay sao?"

Càng suy xét, vị ấy càng thấy rõ bản chất các tướng vô thường, khổ não và phi ngã hơn bao giờ hết. Đức Bổn Sư biết rõ rằng: "Bây giờ, những đề mục của Tỳ khuru này được thấu triệt đến nguồn cội". Ngồi trong Hương Thất, Ngài phóng hòa quang đến ngay trước mặt vị Tỳ khuru trẻ. Vị ấy suy nghĩ: "Cái chi thế?" Ngược mắt nhìn lên thấy hình ảnh đức Thế Tôn suy xét đến pháp tánh thích hợp có vị ấy rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ucchida sineham attano
Kumudaṃ sārādikaṃ'va pāṇinā
Santimaggam eva brūhaya
Nibbānaṃ sugatena desi- tam".

"*Tự cắt dây tình ái
Như tay bẻ sen thu
Hãy tu đạo tịch tịnh
Niết bàn, Thiện Thệ dạy*". (TMC)

CHÚ THÍCH:

Ucchina: Cắt đứt bằng A La Hán đạo

Sārādikaṃ: Mọc trong mùa thu

Santimaggam: Bát Chánh đạo, đường đến Niết Bàn

Eruhāya: Phát triển gia tăng.

Nibbānam: Niết bàn, Đức Thiện Thệ đã thuyết giảng rồi, bởi vậy hãy tu theo Đạo của Ngài.

Cuối thời Pháp vị Tỳ khuru chứng đắc A La Hán quả

Dứt tích: ĐỆ TỬ ĐỨC SārīpUTTA

DỊCH GIẢ CĂN ĐỀ

*Bốn tháng nguyên đề niệm chẳng thông
Đối đề, một ngọc đã nên công*

*Truy ra chỉ tại năm trăm kiếp
Thợ bạc ưa vàng, thích chạm bông
Tuy nhiên vạn vật thấy vô thường
Sắc đẹp khi già hết chỗ nương
Tình ái như sen thu sắp úa
Đoạn tình, mới dứt được sầu vương.*

XX. 10- ĐẠI PHÚ THƯƠNG

(PC. 286)

"Idha vassantī...".

Pháp Cú Nầy, đức Bổn Sư đã thuyết tại Jetavana, đề cập đến ông phú thương Mahādhana.

Tương truyền rằng: Đại phú thương nầy cho chất đầy 500 cỗ xe bò vật dụng như vải nhộm vàng, đồ... Từ thành Bārāṇasī đi buôn bán. Trên đường trở về thành Sāvattihī, khi đến bờ sông, ông nghĩ thầm: "Ngày mai ta sẽ sang sông". Ông cho mở bò, dừng xe tại nơi ấy. Ban đêm trời bỗng nổi giông to bão lớn suốt cả 7 ngày, nước sông dâng cao. Dân chúng trong thành mở lễ hội vui chơi, thế là số vải đó, vàng không có dịp bày ra bán. Ông lái buôn thầm nghĩ: "Ta từ phương xa đến đây, nếu trở về thì phí mất nhiều ngày. Chi bằng ta hãy lưu lại nơi nầy cả mùa mưa, mùa lạnh và mùa nóng. Vừa làm công việc của ta, vừa bán các hàng vải nầy".

Đức Bổn Sư đang đi khát thực trong thành Sāvattihī, biết được tâm của người thương buôn nên Ngài mỉm cười. Đại đức Ānanda thấy lạ liền bạch hỏi Ngài về lý do sự mỉm cười, Ngài hỏi rằng:

- Nầy Ānanda! Thấy có thấy người thương buôn nầy chẳng?

- Bạch Ngài! Có.

- Vì không biết có sự tai hại đến sinh mạng của mình, nên ông ta quyết định ở lại nơi nầy trọn năm để bán hàng hóa.

- Bạch Ngài! Ông ta gặp tai nạn gì?

- Phải! Nầy Ānanda! Ông ta chỉ còn sống được bảy ngày nữa thôi, rồi ông sẽ rơi vào bụng cá.

Tiếp theo, đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Ajeva kiccaṃ ātappaṃ
Kojañña maranaṃ suve
Nahino savigarantena
Mahāsenana maccunā
Taṃ ve bhaddekarattoti
Santo ācikkhate munīti"

(Hãy gấp rút làm việc phải làm trong ngày hôm nay. Ai đâu biết ngày mai tử thân có thể đến. Vì chúng ta chưa chiến đấu với Tử thần và đội hùng binh của nó)

Hạnh phúc thay! Người hằng tinh cần ngày đêm như vậy, không biết mệt mỏi. Dầu người chỉ sống một đêm thôi. Bạch Tịnh giả đã tuyên bố như thế)

- Bạch Ngài! Xin Ngài cho phép con báo cho ông ta biết.

- Lành thay! Nầy Ānanda! Thấy cứ đi tự do.

Đại đức đi đến vòng rào xe bò và trì bình nơi ấy, người lái buôn cúng dường vật thực đến Đại đức. Đại đức hỏi ông ta rằng:

- Ông còn định ở đây bao lâu nữa?

- Bạch Ngài! Con từ phương xa đến, nếu con quay về thì phí thời giờ, bất tiện lắm. Con sẽ lưu lại đây trọn năm nay và chừng nào con bán hết hàng hóa rồi con mới đi.

- Nầy thiện nam, cho dầu là phút lâm chung cũng khó biết được. Ông nên tinh cần mới được.

- Bạch Ngài! Chắc là có tai nạn gì cho con chẳng?

- Phải, nầy thiện nam, ông chỉ còn sống thêm bảy ngày nữa mà thôi.

Sanh tâm kinh cảm, ông lái buôn cung thỉnh Tỳ khưu có đức Phật là vị Thượng Thủ đến thọ trai thực suốt cả bảy ngày liền, rồi rước bát đức Thế Tôn, thỉnh cầu Ngài ban phúc. Ngài tùy hỷ bằng những lời rằng:

- Nầy cận sự nam! Bậc hiền trí không bao giờ nghĩ rằng: Ta sẽ ở đây trọn cả mùa mưa, mùa lạnh và mùa nóng. Ta sẽ làm công việc này, công việc kia. Trái lại, vị ấy hằng quán tưởng rằng: Phút lâm chung của mình". Rồi đức Thế Tôn ngâm kệ ngôn rằng:

"Idha vassam vasissāmi

Idha hemantagimhisu

Iti bālo vicinteti

Antarāyam na bujjhati"

" Mùa mưa ta ở đây Đông,

Hạ cũng ở đây

Người ngu tâm tưởng vậy

Không tự giác hiểm nguy" (286)

CHÚ THÍCH:

Idha vassam: Trong chỗ nầy ta sẽ kiết hạ an cư trong bốn tháng, vừa làm việc nầy việc nọ.

Hemantagimhisu: Trong bốn tháng lạnh và bốn tháng nóng, ta sẽ ở đây làm việc nầy, việc nọ. Kẻ ngu cứ nghĩ như vậy, chớ không hiểu biết sự lợi ích hiện tại và vị lai.

Antarāya: Không biết trước giờ phút lâm chung của mình: Như ta sẽ chết tại một địa điểm nào, vào thời nào, ở xứ nào, chừng tuổi nào...

Cuối thời Pháp, lái buôn chúng đác quả Tu Đà Huần. Thính chúng câu hội hưởng được sự lợi ích của thời Pháp.

Thương nhân theo tiến chân đức Phật, khi quay trở lại, ông kêu:

- Tôi nhức đầu quá. Rồi ông lên giường nằm và mệnh chung, tái sanh về cõi Tusita.

Dứt Tích: ĐẠI PHU THƯƠNG

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Điều cần hãy gấp rút làm đi

Chớ để dây dưa trễ hạn kỳ

Ai chắc ngày mai ta vẫn sống

Hay là chết đọa xuống A tỳ

Phú thương định ở trọn năm nay

Khi biết mình còn sống bảy ngày

Lật đật cúng dường luôn một thất

Vãng sanh Đẩu Suất cũng là may.

XX. 11- NÀNG KISĀ GOTAMĪ

(PC. 287)

"Taou puttapasusammattam...".

Pháp Cú nầy, đức Bổn Sư đã thuyết khi ngự tại Jetavana, đề cập đến nàng Kisāgotamī.

Sự tích nàng Kisāgotamī nằm trong phẩm NGÀN và được nói rõ trong kệ ngôn 114.

Lúc Bảy giờ đức Bổn Sư hỏi:

- Nầy Kisā gotamī! Con đã kiếm được một nhúm hạt cải chưa?

- Bạch Ngài! Con kiếm không được. Khắp cả làng số người chết nhiều hơn cả số người sống.

Nhân đó, đức Bổn Sư dạy rằng: "Con trai ta đã chết. Thật uổng công vô tích. Đó là định luật tự nhiên đối với tất cả chúng sanh. Tử thần như luồng nước lũ lôi cuốn tất cả chúng sanh chìm đắm xuống biển khổ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Tam puttapasusammattam
Byāsattamanasam naram
Suttam gāmam mahogho'va
Maccu ādāya gacchati"

- "Tâm còn bị đắm say

Con cái và súc vật

Bị tử thần bắt đi

Như nước trôi làng ngủ" (TMC)

CHÚ THÍCH:

Tam puttapasusammattam: Người nào có con cái và súc vật, đầy đủ các hạnh phúc như sức khỏe, sống lâu... Hằng tự hào rằng: Những con trai ta tuần tú khôi ngô, đầy đủ sức mạnh, là bậc hiền trí có khả năng làm đủ mọi công việc. Bò đực của ta hình dáng xinh đẹp, vô bệnh, có sức khỏe kéo xe nặng, bò cái và súc vậy vậy.

Byāsattamanasam: Trong nhữn tài vật như bạc, vàng hoặc là bát y chẳng hạn. Nếu được chút ít chi, từ đó người ta lại mong ước và tâm bị dính mắc vào sự mong ước cao xa hơn nữa. Trong những đối tượng có thể nhận thức bằng nhãn quan... Đã kể trên hoặc những nhu cầu phụ thuộc kiếm được món nào rồi là tâm bị dính mắc vào món đồ đó ngay, nên nói là tâm con bị đắm say.

Suttam gāmam: Làng ngủ. Đây là chỉ những chúng sanh còn đang ngủ trong làng đó.

Mahoghova: Ví như nguyên cả làng như vậy, mà dòng nước lũ sâu rộng mênh mông cũng cuốn lôi đi tất cả, dầu một con chó cũng không sót lại. Như thế nào, thì tử thần cũng lôi cuốn con người ra đi như thế ấy.

Cuối thời Pháp, nàng Kisā Gotamī đặc quả Tu Đà Huòn. Kỳ dư tính chúng đều hưởng lợi ích

DỨT TÍCH NÀNG KISĀ GOTAMĪ

XX. 12- NÀNG PĀTĀCĀRA

(PC. 288-289)

"Na santi puttati...".

Pháp Cú này đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nàng Patācārā

Sự tích nàng Patācārā cũng nằm trong phẩm NGÀN, được thuyết giảng đầy đủ ở kệ ngôn 113.

Lúc bấy giờ, đức Bổn Sư biết rằng nàng Patācārā đã voi bót sâu khổ, nên dạy nàng rằng:

- Nay Patācārā! Khi con người sang thế giới khác, thì vợ chồng, con cái, cha mẹ, anh em chi cũng không thể làm chỗ nương nhờ, chỗ trú ẩn, chỗ an toàn cho mình được cả. Bởi vậy dầu cho có họ cũng như không mà thôi. Ai là bậc hiền trí thì phải lo giữ giới cho trong sạch và phải quét sạch con đường đi đến Niết Bàn.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

288- "Na santi puttā tānāya
Na pitā na'pi bandhavā
Antakenādhīpannessa
ñātthi ñātisu tānatā"

289- "Etam atthavasam ĩa- tvā
Paṇḍito silasāmvuto

Nibbānagamanam maggam
Kippam'eva visodhaye"
- "*Một khi tử thân đến*
Không có con che chở"
Không cha không bà con
Không thân thích che chở" (288)
- "*Biết rõ lý lẽ trên*
Kẻ trí siêng trì giới
Thấu triệt đường Niết Bàn
Sớm chứng thanh tịnh đạo" (289)

CHÚ THÍCH:

Tāṇāya: Để che chở giúp đỡ cho mình.

Bandhavā: Ngoài con cái và cha mẹ ra, còn những thân bằng quyến thuộc.

Antakenā'dhipannassa: Bị Tử thân thắng phục. Quả nhiên dầu cho tất cả thân nhân, nhất là con cái bao vây, chăm lo cúng dường cơm nước, thuốc men... Và làm hết mọi công việc để giúp đỡ, che chở, như tới giờ phút lâm chung thì phương tiện nào cũng không thể dùng để tránh cái chết được cả. Do nơi không có sự giúp đỡ, chở che lẫn nhau vì đó là việc vô ích. Bậc hiền trí ráng lo thu thúc thọ trì, gìn giữ Tứ thanh tịnh Giới và tiếp thoe đó cấp tốc quét sạch phiền não theo đường Bát Chánh Đạo, là con đường đi đến Niết Bàn.

Cuối thời Pháp, nàng Patācārā đắc quả Tu Đà Huòn. Ngoài ra còn nhiều người khác cũng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Huòn quả.

Dứt tích NÀNG PACĀCĀRĀ.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Chống con, em út, mẹ cùng cha
Một lúc trùng tang hết cả nhà
Mệnh bạc, nóng lòng như lửa đốt
Má hồng, đổ lệ tợ mưa nhòa
Thất tình, tuột áo, quên mình khóc
Loạn trí, đi đường chọc chúng la...
Tĩnh ngộ đắc liền Sơ thánh quả
Noi gương từ phụ đắp cà sa...

CHÚ GẢI PHÁP CÚ

XXI. PHẨM TẠP LỤC

XXI. 1- HẠNH NGHIỆP CỦA ĐỨC PHẬT

(PC. 290)

"Mattāsukhapariccāgā...".

Pháp Cú này được đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài ngự tại Veluvana, đề cập đến hạnh nghiệp của Ngài.

Tương truyền rằng: Một thời, kinh thành Vesālī là một Vương Quốc giàu có, đất đai trù phú, dân cư đông đúc. Vương quốc này có 7. 7000 vị vua kế vị theo tuần tự. Nói về sự kiện tạo Hoàng Cung, châu viên, vườn Thượng Uyển, hồ sen thì đều như nhau cả.

Lần nọ, thành Vesālī phát sanh nạn đói kém, thất mùa, dân cư chết quá nhiều, phi nhon khuấy phá, bệnh dịch lan khắp. Dân chúng tấu trình với Đức Vua:

- Trong thành pháp sanh ba điều kinh hoàng, đã 7 đời vua rồi chưa bao giờ có điều nguy hại như vậy. Vì những đời vua trước đã thực hành Thập Pháp Vương nên không có nguy hại.

Đức vua liền xuất của kho bố thí cho toàn dân và Ngài phán:

- Nếu trăm không hành đúng pháp Minh Quan, thì thần dân hãy xem xét việc gì đã xảy ra.

Dân chúng thấy nhà Vua rất quang minh chính đại, không có sai phạm điều gì. Nhưng tại sao chúng ta phải khổ sở, không an lạc?

Có người bảo rằng: "Phải cúng tế, cầu an mới thoát khỏi", nhưng không thể được. Có người lại cho rằng: "ở đây, có sau vị Giáo Chủ có đại thần lực, chúng ta nên nhờ quý Ngài giúp mới được an lành". Và có người ý kiến rằng: "Đức Thế Tôn đã xuất hiện trong thế gian, Ngài có đại thần lực, Pháp âm của Ngài đưa chúng sanh giác ngộ. Nếu Ngài ngự đến đây, mọi điều rủi ro tai hại sẽ tan biến." Họ đồng tán thành ý kiến ấy. Và không biết bây giờ Bậc Đạo Sư ngự tại nơi nào?

Lúc bấy giờ là thời điểm nhập hạ, vì lời hứa đối với vua Bimbisāra nên Ngài phải ngự về Veluvana. Thời đó, Đức Vua Bimbisāra chúng quả Dự Lưu và Đức vua Licchavīmahāli cũng chúng quả Dự Lưu và cũng là chư hầu của Đức vua Bimbisāra. Đức vua Vesālī cùng với các Vương Tôn, công tử Licchavī và thần dân xứ Vesālī sắm lễ vật đến hiến dâng cho Đức Vua Bimbisāra và trình bày sự việc đó, nhờ Ngài thỉnh cầu Bậc Đạo Sư ngự về kinh đô. Dù thần dân có "van xin khẩn cầu" nhưng Đức Vua vẫn một mực từ chối. Cuối cùng, dân chúng đi đến yết kiến đức Thế Tôn và bạch thỉnh:

- Bạch hóa Thế Tôn! Trong thành Vesālī phát sanh ba điều kinh sợ, nếu Ngài ngự đến thì quốc thái dân an, chúng con xin thỉnh cầu Ngài từ bi quang lâm.

Bậc Đạo Sư quán xét thấy duyên lành của Kinh đô Vesālī, dứt thời Kinh năng lực sẽ thấu đến 100. 000 Kotī thế giới và có 84. 000 chúng sanh chúng ngộ Pháp và dân an lạc thái hòa. Nên Ngài nhận lời thỉnh cầu.

Đức Vua hay tin: "Bậc Đạo Sư quang lâm về thành Vesālī" và truyền tin cho tất cả thần dân đến yết kiến đức Phật và bạch hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Ngài nhận lời về thành Vesālī hay sao?

- Đúng vậy, này Đại Vương.

- Bạch Thế Tôn! Nếu vậy xin Ngài tạm ngự nơi đây, con cho dọn đường trước.

Rồi truyền lệnh cho thu dọn con đường dài năm do tuần giữa kinh đô Rājagaha và sông Hằng, thu dọn Tịnh xá rồi mới thỉnh Đức Đạo Sư.

Đức Thế Tôn cùng ngự đến với 500 vị Tỳ khuru. Đức vua cho rải hoa ngũ sắc cao ngang gối, treo cờ xí khắp nơi, che lọng hai tầng cho đức Phật và lọng một tầng cho chư Tỳ khuru, cúng dường hoa, hương liệu... thỉnh Ngài an ngự trong Tịnh Xá, cúng dường trọng thể. Ngài an ngự dưới thuyền năm ngày, truyền cho thần dân xứ Vesālī hãy cung nghinh Bạc Đạo Sư long trọng.

Phần dân xứ Vesālī nghinh tiếp đức Thế Tôn từ sông Hằng đến kinh đô, xa khoảng ba do tuần. Che lọng bốn tầng cho đức Phật lọng hai tầng cho chư Tăng, cung nghinh long trọng như vậy.

Dưới hai chiếc thuyền trang hoàng hoa màu rực rỡ, trái bảo tọa lộng lẫy thỉnh Ngài an ngự và Tăng chúng ngồi vây quanh. Đức Vua lợi xuống nước tới cổ và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bao giờ Ngài ngự về, con sẽ ở đây chờ Ngài đến chùng đó.

Rồi Đức vua tiễn biệt Ngài ra đi, đức Phật ngự trên thuyền khoảng 1 do tuần mới đến lãnh thổ xứ Vesālī. Các Vương tôn Licchavī xuống nước kéo thuyền vào, lúc Bạc Đạo Sư vừa đặt chân lên bờ, cơn mưa bắt đầu đổ xuống, làm trôi đi các tử thi ra sông Hằng, không còn ô uế nữa. Các Vương tôn Licchavī thỉnh đức Thế Tôn an ngự một nơi, cúng dường trọng thể suốt ba ngày, mới thỉnh Ngài về kinh thành Vesālī. Đức Thiên Vương Đế Thích cùng hội chúng chư thiên đến đó, thì các phi nhơn đều biến mất.

Nắng vừa tắt, Bạc Đạo Sư ngự đến cổng thành và phán gọi Đại đức Ānanda:

- Này Ānanda! Người hãy tụng kinh Paritta khắp ba vòng thành Vesālī này.

Đại đức lấy bát đá của Ngài múc nước, suy niệm về các công đức của Phật là 10 Pháp Pārami, 10 pháp Upapārami, 10 pháp Pāramatthapārami, 5 pháp Đại thí, 3 pháp hành: Lokatthacariyā, ñātatthacariyā và Buddhatthacariyā. Tư cách giáng sanh vào lòng mẹ trong kiếp chót, tư cách ra đời, tư cách xuất gia, tư cách tu khổ hạnh, tư cách cảm thắng Ma Vương, tư cách chứng quả Chánh Biến Tri trên Bồ Đoàn, 9 Pháp Thánh.

Đại đức Ānanda tụng kinh Pāritta cả đêm, trọng đủ ba canh tại trong ba vòng thành Vesālī, tụng: "Yamkiñci.." rải nước bên trên và khắp nơi.

Từ bài kệ "yānīdha bhūtāni..." rải bên trên bên dưới, tất cả tật bệnh của nhân loại đều tiêu diệt. Đại đức vừa tụng bài kinh Yamkiñci... Những giọt nước vừa chạm phải chúng phi nhơn không nơi nương trú đều biến mất. Dân chúng trang trí Bảo tọa để Ngài an ngự.

Bạc Đạo Sư an ngự trên bảo tọa, chư Tỳ khuru Tăng cùng với các Vương Tôn Licchavī ngồi doanh vây nơi ấy. Cả Đức Đế Thích và hội chúng chư thiên cũng đến đó. Sau khi tụng kinh Paritta xong, Đại đức Ānanda cùng dân chúng đến đánh lễ Ngài, đức Thế Tôn quán xét thấy duyên lành của hội chúng, Ngài đã thuyết bài Kinh trên. Dứt thời Pháp, 84. 000 chúng sanh Giác ngộ.

Đức Thế Tôn tụng kinh Paritta trọng 7 ngày, do oai lực Phật ác thần dân an lạc thái hòa. Sau khi giáo giới các Vương tôn Licchavī, Ngài rời thành Vesālī. Các Vương Tôn cúng dường đức Phật trọng thể trọn ba ngày tại bờ sông Hằng.

Các Long vương thấy nhân loại cúng dường Đức Như Lai long trọng, chúng hóa ra thuyền vàng, bạc, ngọc. Trong thuyền đầy đủ tiện nghi và ngôi Bảo tọa bằng ngọc, rải hoa sen ngũ sắc rồi đến bạch thỉnh: "Bạch Thế Tôn! Xin Ngài từ bi tế độ cho chúng con." Nhân loại và Long vương cúng dường long trọng đến Ngài như vậy.

Tất cả chư Thiên và Phạm thiên khắp nơi bên trên đều hân hoan cúng dường. Lòng của nhân loại và Long vương che khắp một do tuần, Long vương bên dưới, loài người trên đất, chư thiên cội cây, bông cây, hang núi... Che giữa hư không, tàn lọng từ Long Vương thấu đến Phạm Thiên che khắp thế giới như vậy. Cờ xí, tràng hoa, hương liệu treo rải các nơi. Các Thiên tử trang sức lộng lẫy thông báo khắp hư không. Được nghe rằng: Có ba Đại Hội chư thiên lớn:

1- Lúc Ngài thể hiện Song Thông Lực

2- Lúc Ngài từ Thiên giới ngự về.

3- Lúc Ngài ngự đến sông Hằng.

Đức vua Bimbisāra đứng bên bờ này, thấy các Vương tôn Licchavī cúng dường long trọng khi đức Phật ngự về, Ngài cũng cúng dường gấp đôi sự cúng dường ấy.

Bậc Đạo Sư thấy đại thí của hai vị Vua ở hai bên bờ Sông Hằng, Ngài thấy rõ duyên lành của Long Vương... Nên hóa ra một vị Phật có 500 vị Tỳ khưu ngồi trong con thuyền dưới tàn lọng Như ý với tràng hoa màu sắc rực rỡ. Tất cả chư Thiên trong khắp vũ trụ đã vui mừng ca hát. Bậc Đạo Sư ban huấn từ cho Long Vương.

Chúng Long Vương thỉnh đức Phật và Tăng chúng ngự về Long Cung thuyết pháp suốt đêm, rạng ngày thứ hai đã cúng dường thực phẩm thượng vị đến đức Phật và chư Tỳ khưu Tăng. Sau khi phúc chúc, Ngài rời khỏi Long Cung, 500 con thuyền của chư Thiên trong vũ trụ cũng đến sông Hằng để cúng dường trọng thể đến Ngài.

Khi Ngài ngự về, Đức vua thỉnh Ngài cúng dường, rồi thỉnh Ngài đến thành Rājagaha cúng dường liên tiếp năm ngày như đã nói trên. Ngày hôm sau, chư Tỳ khưu ngồi tại Giảng đường bàn luận:

- Thật đáng tán dương oai đức của Chư Phật. Thật hy hữu thay! Chư thiên và loài người đều tịnh tín Ngài. Các vị Vua cho dọn con đường dài 8 do tuần, cả bên bờ này bên bờ kia sông Hằng, rải hoa đủ loại tới gối cúng dường Ngài, do oai lực Long Vương sông Hằng đầy hoa ngũ sắc. Tất cả Chư Thiên che lọng cho đến cõi Sắc Cứu Cánh, toàn cõi Diêm Phù đều hân hoan tịnh tín.

Bậc Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Này chư Tỳ khưu! Bây giờ các người ngồi hội nhau bàn luận về câu chuyện gì?

Chư Tỳ khưu đã bạch lại sự kiện đó, Ngài bèn phán rằng:

- Này các Tỳ khưu! Chẳng phải sự cúng dường đến Như Lai do Phật lực hay do oai lực chư Thiên, Phạm Thiên. Mà sự cúng dường do phước báu của Như Lai trong quá khứ.

Chư Tỳ khưu thỉnh cầu đức Thế Tôn thuyết giảng Bốn Sanh, Ngài giảng tiền tích quá khứ như sau:

Trong thời quá khứ, tại thành Takkasilā có vị Bà la môn Samkha. Ông có người con trai là Susima vừa tròn 16 tuổi. Một hôm thanh niên Susima xin phép cha: "Cho con đến thành Bārāṇasī để học chú thuật".

- Này con! Nếu vậy, có vị Bà la môn ấy là bạn cũ của cha, con hãy đến đó mà thọ giáo.

Chẳng vâng lời, đi đến thành Bārāṇasī, tìm đến Bà La môn ấy và thưa lại sự gởi gắm của cha. Bà la môn suy nghĩ:

- Không biết thanh niên này có cố gắng học và có uy từ về lứa tuổi dậy thì?"

Thanh niên Susima học nhiều, mau thuộc, khó quên, không bao lâu chàng đã thọ giáo tất cả học vấn của vị thầy truyền dạy, chàng thấy Kinh điển của thầy chỉ có bấy nhiêu, chưa tìm ra được cứu cánh, chàng hỏi Thầy rằng:

- Thưa thầy! Chẳng lẽ Kinh điển của Thầy chỉ có bấy nhiêu? Không còn gì nữa sao?

- Thật vậy, thầy cũng chỉ thấy có bấy nhiêu.

- Thưa thầy, nếu vậy có vị nào hiểu được chỗ cứu cánh chăng?

- Này thanh niên! ở trong rừng Isipatana, có các vị Đạo sĩ đã hiểu. Vậy con hãy đi đến bạch hỏi đi.

Chàng tìm đến chư Phật Độc Giác, bạch hỏi:

- Thưa các Ngài! Được nghe rằng các Ngài biết được chỗ cứu cánh phải chăng?

- Này thanh niên đúng vậy.

- Nếu vậy, xin các Ngài chỉ giáo cho con

- Chúng tôi không thể chỉ giáo cho người cư sĩ. Nếu chàng muốn biết tận tường thì hãy xuất gia đi.

Chàng Susima thuận ý xuất gia với các Ngài. Chư Phật Độc Giác đã dạy y thọ trì những học giới: "Nên mặc như vậy, nên đạp như vậy"... Do nghiêm trì trong sạch và có duyên lành, không bao lâu chứng quả Phật Độc Giác, danh thơm tỏa khắp kinh thành Bārāṇasī như vầng nhật nguyệt và các

vì sao sáng cả bầu trời, đạt được lợi lộc và địa vị tối thượng. Không bao lâu, Ngài Niết Bàn Vô dư vì tuổi thọ quá ít. Chư Độc Giác Phật cùng thị dân an táng thi thể Ngài và xây tháp tôn thờ.

Phần Bà La môn Saṅgha suy nghĩ: "Con ta đi lâu quá sao chưa về, không biết hiện giờ ra sao?" Rồi ông đến thành Bārāṇasī tìm con, thấy dân chúng tụ hội đông đảo mới hỏi rằng:

- Chàng Susima có đến kinh thành này chẳng? Các người có biết chàng chẳng?

- Này Bà La môn! Chúng tôi biết, thanh niên Susima thông suốt Tam Phệ Đà đã học với vị Bà la môn đó, rồi xuất gia chứng quả vị Độc Giác, đa viên tịch Niết Bàn rồi. Đây là tháp của Ngài mà chúng tôi kiến tạo thờ.

Bà la môn vừa nghe đến đó, than khóc, bi ai, rồi đi đến tháp nhỏ cỏ, hốt cát rải sỏi chung quanh tháp, tưới nước cho sạch, treo cờ, lọng trên tháp, cúng dường hoa rừng.

Sau khi thuyết giảng tiền tích quá khứ, Bậc Đạo Sư phán:

- Này các Tỳ khuru! Bà la môn Saṅgha quá khứ, Bậc Đạo Sư phán:

- Này các Tỳ khuru! Bà la môn Saṅgha trong lúc đó, chính là Như Lai hiện tại, ta đã nhổ sạch cỏ ở chân tháp của đức Phật Susima do quả phước ấy nên hiện tại dân chúng dọn sạch con đường dài tám do tuần cho Như Lai ngự qua, do cúng dường hoa rừng ở tháp nên chúng dân rải đủ các loại hoa suốt đường dài 8 do tuần sông Hằng đầy hoa sen ngũ sắc. Do treo cờ, lọng trên bảo tháp nên khắp cả vũ trụ treo cờ lọng thấu đến trời Sắc Cứu Cánh. Hân hoan vui mừng, nên do quả phước này mưa đổ xuống thành Vesālī. Này các Tỳ khuru! Sự cúng dường phát sanh cho Như Lai không phải do nhờ Phật Lực hay oai lực của chư Thiên, Phạm Thiên, mà phát sanh do phước báu Như Lai đã tạo trong quá khứ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

290- "Mattāsukhapariccāgā
Passe ce vipulaṃ sukhaṃ
Caje mattā sukhaṃ dhīro
Sampassaṃ vipulaṃ suk-kaṃ"

- Nếu từ bỏ hạnh phúc nhỏ mà có thể thành đạt hạnh phúc lớn, người thiện trí hãy từ bỏ hạnh phúc nhỏ để mưu cầu hạnh phúc lớn.

CHÚ THÍCH:

Mattāsukhapariccāgā: là từ bỏ hạnh phúc nhỏ mà đức Thế Tôn gọi là Mattāsukhaṃ, thành đạt hạnh phúc lớn là Niết Bàn, Ngài gọi là hạnh phúc tuyệt đối.

Ngài giảng giải: "Hạnh phúc nhỏ như người được một mâm vật thực rồi tiêu mất, còn Niết Bàn hiện hữu với người từ bỏ hạnh phúc nhỏ, như hành Uposatha, bố thí... Vì vậy, người thành đạt hạnh phúc lớn do từ bỏ hạnh phúc nhỏ. Nếu thế, người thiện trí hãy từ bỏ hạnh phúc nhỏ để thành đạt hạnh phúc chân chánh.

Dứt thời Pháp rất nhiều người chứng đạt Quả Dự Lưu

Dứt CHUYỆN HẠNH NGHIỆP CỦA ĐỨC PHẬT

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXI. 2- THIẾU NỮ ĂN TRÚNG GÀ

(PC. 291)

"Paradukkūpadhānena...".

Pháp Cú này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Tinh xá Jetavana, đề cập đến thiếu nữ ăn trứng gà.

Trương truyền rằng: Ở làng Paṇḍura gần thành Sāvattihī có một ngư dân. Trên đường đến thành Sāvattihī, ông nhặt được trứng rùa ở gần bờ sông Aciravatī, ông cho con gái một trứng ăn, còn mình ăn một trứng. Từ đó nàng con gái ấy chỉ thích ăn trứng rùa.

Một hôm nọ nàng nhặt được trứng gà, cho nàng. Bấy giờ nàng chỉ thích ăn trứng gà do hợp với khẩu vị của mình. Cứ mỗi lần gà đẻ là nàng đến lấy trứng, gà mẹ bị nàng bức hiếp lấy trứng nên cật oan trái.

- Nếu sau khi chết ta sanh làm Dạ Xoa thì ta sẽ ăn thịt con nó.

Chết đi sanh làm con mèo ở trong nhà ấy. Cả thiếu nữ cũng mệnh chung chung và sanh làm con gà mái trong nhà đó. Gà mái đẻ ba lần đều bị mèo cái ăn hết. Gà mái nguyện: "Nó ăn trứng của ta ba lần, lần này định ăn luôn ta, ta chết đi sẽ ăn thịt con nó". Gà mái chết sanh làm con cọp cái. Mèo chết sanh làm nai cái, khi nai đẻ con ra bao nhiêu đều bị cọp ăn hết. Hai con thú này oan trái lẫn nhau, sanh khổ suốt 500 kiếp. Cuối cùng, một người sanh làm nữ dạ xoa, người kia sanh làm con gái Trưởng giả trong thành Sāvathī. Phần này đã có ghi trong bài kệ Na hi verena verāni:

- Hận thù được chấm dứt nhờ không hận thù.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

291 "Paradukkhūpadānena
Attano sukham icchati
Verasamsaggasamvettho
Verā so na parimuccati"

- Người gây đau thương cho kẻ khác để mưu cầu hạnh phúc cho mình không thoát khỏi hận thù. Vì sẽ vướng vào nguồn máy phức tạp của hận thù.

CHÚ THÍCH:

Paradukkhūpadhānena: Gây đau khổ cho kẻ khác.

Verasamsaggasamvettho là người ấy uất ức, oan trái làm hại lẫn nhau như lang mạ, đánh đập...

Vera so na parimuccati là đưa đến đau khổ triển miên vì sự hận thù.

Dứt thời Pháp nữ Dạ Xoa quy y Tam Bảo, thọ trì ngũ giới, tâm an lạc. Còn thiếu nữ cũng chúng qua Dự Lưu. Pháp thoại mang lại lợi ích cho hội chúng.

DỨT CHUYỆN THIẾU NỮ ĂN TRỨNG GÀ.

XXI. 3- CHUYỆN TỖ KHUU XỨ BHADDIYA

(PC. 292..293)

"Yam hi kiccaṃ...".

Pháp Cú này được Đức Đạo Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jātiyavana trong thành Bhaddiya, để cập đến vị Tỳ khưu xứ Bhaddiya.

Nghe rằng: Nhóm Tỳ khưu xứ Bhaddiya chỉ lo trang trí đôi dép. Đúng thật như lời Trưởng Lão Upāli nói:

- Cũng chính thời đó nhóm Tỳ khưu Bhaddiya chỉ lo làm các loại dép, bằng cỏ ống, bằng lông thỏ, bằng cây, bằng vải Kambala, từ làm hoặc bảo người khác làm, lãng quên bốn phận (thọ trì Pháp Luật), sự vấn hỏi, Tăng thượng giới (adhisīla), Tăng thượng tâm (Adhicitta), Tăng thượng Tuệ (adhipaññā), tu tập chỉ quán. Chư Tỳ khưu thấy sự kiện đó mới bạch với Bạc Đạo Sư.

Bạc Đạo Sư khiển trách nhóm Tỳ khưu ấy:

- Này các Tỳ khưu! Các người xuất gia với bốn phần nào mà làm những việc không nên làm lại làm.

Rồi Ngài thuyết kệ ngôn:

292- "Yam hi kiccaṃ tada- paviddham
Aikkiccam pana kayirati
Unnalānam pamattānam
Tesam vadḍhanti āsavā"
293- "Yesañ ca susama- raddhā

Niccama kāyagatā sati
Akiccaṃ te na sevanti
Kicca sātaccakārino
Satānaṃ sampajānānaṃ Atthaṃ gacchanti āsavā"

292- "Không làm những gì phải làm. Những gì không nên làm lại làm. Các lậu hoặc của người ngã mạn và không có tâm niệm ấy sẽ tăng trưởng.

293- Những ai hằng chuyên cần thực hành pháp NIỆM THÂN, không theo những gì không nên làm và chuyên cần làm những việc phải làm. Lậu hoặc của người suy tư và có tâm niệm ấy sẽ chấm dứt.

CHÚ THÍCH:

Yam hi kiccaṃ: Là phận sự... Thu thúc giới Luật, trú nơi thanh vắng (rừng), hành đầu đà, hoan hỷ trong thiền định, đó là phận sự nên làm của Tỷ khưu từ khi xuất gia. Nhưng nhóm Tỷ khưu này bỏ quên bốn phận của mình.

Akiccaṃ... Làm dù, dẹp, để bát, vãi lọc nước, dây lưng, hồng sắc. Đó là việc không nên làm của vị Tỷ khưu. Nghĩa là vị Tỷ khưu nào làm những việc đó, cả bốn lậu hoặc tăng trưởng cho vị Tỷ khưu ấy, ngã mạn ngày càng nhiều như cây sậy được dựng đứng, đó gọi là bất kính suốt, thất niệm.

Susamāradhā là khéo phòng hộ.

Kāyagatāsati: Là pháp Niệm thân.

Akiccaṃ là nhóm Tỷ khưu đó không dính mắc những gì không nên làm như dù...

Kicca là nên nhiệt tâm với những phận sự là nghiêm trì Giới luật... từ khi xuất gia.

Sātaccakārino: Hằng tinh tấn thực hành liên tiếp, luôn có tỉnh giác:

- 1- Satthakasampajañña: Lợi lương tri
- 2- Sappāyasampajañña: Thuận lương tri
- 3- Gocarasampajañña: Hành xử lương tri
- 4- Asammohasampajañña: Vô hôn lương tri.

Thì Tứ Lậu của vị Tỷ khưu đó chứng quả A La Hán. Pháp thoại mang lại kết quả lợi ích cho hội chúng vậy

Dứt Tích NHÓM Tỷ khưu XỨ BHADDIYA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXI. 4- TRƯỞNG LÃO LAKUṆṬAKABHADDIYA

(PC. 294-295)

"Mātaraṃ pitaraṃ hantvā...".

Bậc Đạo Sư trú tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Lakuṇṭaka thuyết pháp thoại này.

Tương truyền rằng: Một hôm có các vị Tăng khách từ phương xa về yết kiến đức Thế Tôn, đánh lễ rồi ngồi xuống một nơi phải lễ. Khi ấy Đại đức Lakuṇṭakahaddiya đi gần đó.

Bậc Đạo Sư hiểu ý nghĩ của nhóm Tỷ khưu ấy, Ngài bèn phán rằng:

- Này Tỷ khưu! Các người thấy chăng? Vị Tỷ khưu này giết cha giết mẹ, ra đi không sầu muộn.

Chư Tỷ khưu nhìn nhau vấn: "Do nhân gì mà bậc Đạo Sư phán như vậy?"

- Bạch đức Thế Tôn! Do nhân gì mà đức Thế Tôn phán như thế?

Đức Thế Tôn liền thuyết lên kệ ngôn rằng:

294- "Mātaraṃ pitaraṃ hantvā
Rajāno dve ca khattiye

Rattham sānucaram hantvā
Anīgho yati brahmaṇo".
295- "Mātaram potaram hantvā
Rajano dve ca setthiye
Veyyagghapañcanam hantvā
Anīgho yati brāhmaṇo".

- "Đã giết mẹ (ái dục), cha (ngã mạn) và hai vua hiếu chiến (thường kiến và đoạn kiến) và đã tiêu diệt một quốc gia (Lục căn và lục trần) cùng với vị Đại thần phụ trách quốc khố (ái luyến). Vị A la hán ra đi không sầu muộn". (294)

- "Đã giết mẹ, cha và hai ông vua của giai cấp Bà la môn và tiêu diệt con đường nguy hiểm (chướng ngại), vị A la hán ra đi không sầu muộn".

CHÚ THÍCH

Sānucaram là cùng với vị quan Đại thần phụ trách quốc khố, người thu thuế.

Bài kệ này Bậc trí nên hiểu rằng: Mẹ tiêu biểu tâm ái dục, đưa tái tạo trong ba cõi. Pali gọi là "Ái dục là nhân sanh tái tục".

Assamimāna (Tự ngã - là của ta). Cha tiêu biểu tánh ngã mạn, chấp cái ta như: "Ta là con của vị vua đó, hay con của vị Đại thần kia và của vị vua nọ".

Diṭṭhi: Cả hai đoạn kiến và thường kiến, như quyền lực của vị vua. Vì vậy, ở đây hai vị vua tiêu biểu thường kiến - sasatadiṭṭhi và đoạn kiến - Ucchedadiṭṭhi.

12 xứ (āyatana: 6 nội xứ như mắt... 6 ngoại xứ như sắc...) gọi là vương quốc, là luyến ái bám níu vào đời sống như vị Đại Thần phụ trách quốc khố trông nom kho tàng quốc gia.

Anīgho là không sầu muộn.

Brāhmaṇo: là đã không chấm dứt mọi lậu hoặc như ái dục... Tự mình cầm gươm chặt đứt, tức A la hán mới ra đi không sầu muộn.

Đứt pháp thoại, nhóm Tỳ khưu ấy chứng quả A la hán.

Dve ca sotthiya: là cả hai ông vua.

Bài kệ thứ hai đức Phật thuyết về cả hai vị vua giai cấp Bà la môn tiêu biểu cho thường kiến và đoạn kiến, vì ngài là bậc tối thượng pháp vương, nên Ngài có thiện xảo trí thuyết.

Bậc trí nên hiểu câu Veyyagghapañcamam: Con đường nguy hiểm là chỗ có nhiều cọp thường lui tới, sự đi lại rất khó khăn, pháp triền cái chỉ về con đường nguy hiểm, trong ấy hoài nghi hay tâm bất quyết là chướng ngại thứ năm trong năm chướng ngại, hoài nghi là một chướng ngại được ví như con đường thế ấy.

Bài kệ thứ hai giải: "Người tiêu diệt 5 chướng ngại bằng gươm A la hán, do đó ra đi không sầu muộn".

Những câu như trên.

DÚT TÍCH: TRƯỞNG LÃO LAKUṇṬAKABHADDIYA.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXI. 5- CON TRAI ÔNG DĀRUSĀKAṬIKA

(PC. 296..301)

"Suppabuddam...".

Khi Bậc Đạo Sư trú tại Veḷuvana, Ngài đề cập đến con trai ông Dārusākaṭika, thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Có hai đứa trẻ cùng nhau trú ngụ chung một kinh thành, một đứa là con nhà chánh kiến, đứa kia thì con nhà tà kiến. Đứa có chánh kiến trước khi chơi môn nào, thường tưởng

niệm ân đức Phật: Namo budhassa. Còn đưa kia niệm tưởng tà giáo: Namo arahantānam. Và trẻ chánh kiến hằng niệm như thế mà thắng nó, nên nó cũng lần niệm tưởng theo cách của bạn mình.

Một hôm, hai cha con vào rừng kiếm củi, trên đường trở về kinh thành, dừng chân tạm nghỉ gần mộ địa để ăn tối, và cho bò nghỉ ngơi uống nước. Chẳng may bò của ông lại nhập đàn với bầy bò của đàn khác, đi vào thành đã đóng không vào được. Khi ấy còn có con trai ông đang ngủ dưới xe.

Thành Rājagaha rất nhiều phi nhon. Hai phi nhon thấy đứa bé đang ngủ gần đó, một phi nhon tà kiến đối nghịch với đức Phật, còn phi nhon kia là hạng chánh kiến luôn có lòng tin tam bảo.

Phi nhon tà kiến bảo bạn rằng: "Ta sẽ ăn thịt đứa bé", nhưng phi nhon chánh kiến cản lại, không đồng ý với sát niệm ấy. Dù bị ngăn cản, nhưng phi nhon nầy vẫn hành động, lôi chân đứa bé.

Lúc đó đứa bé giật mình niệm "Namo buddhassa" vì trong đời sống bình nhật quen niệm rồi, phi nhon ấy khiếp sợ biến mất.

Khi Phi nhon chánh kiến nói với phi nhân tà kiến:

- Chúng ta không nên hành động như vậy. Vậy hãy vào thành vua, đem vật thực về cho đứa bé nầy mong chuộc lỗi.

Hai phi nhon như cha mẹ đứa bé, lúc thức dậy đứa bé thấy thực phẩm đầy mâm mà phi nhon mang về. Rồi với nguyện lực của mình, hai phi nhon nguyện rằng: "Chỉ có Đức vua mới nhìn thấy chúng ta thôi". Sáng hôm sau, quân lính báo động: "Bọn cướp đã vào Hoàng cung đánh cắp mâm vàng", nên bắt đem về trình với Đức vua. Đức vua nhìn thấy phán hỏi rằng:

- Nầy đứa bé, chuyện nầy là thế nào?

- Tâu Hoàng Thượng! Con không rõ, cha mẹ của con đem cho con hỏi hôm và bảo vệ cho con, cho nên con yên tâm ngủ, con chỉ biết có bấy nhiêu.

Khi cho đòi cha mẹ của đứa bé đến, rồi thì hai phi nhon hiện rõ cho Đức vua biết sự kiện nầy. Cả ba người là cha mẹ đứa bé cùng đến tinh xá yết kiến đức Bốn Sư, bạch trình tự sự và hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! chỉ có niệm tưởng ân đức Phật, ân đức Pháp, ân đức Tăng... Mà được bảo vệ sao?

- Nầy Đại Vương! Chẳng phải chỉ có niệm Phật, người nào tâm khéo tu tập sáu đặc điểm, người ấy không bùa chú hay tật bệnh.

Rồi thuyết lên kệ ngôn:

296- "Suppabuddham pabu- jhamti

Sadā gottamasāvaka

Yesam divā ca ratto ca

Miccamō buddhagatāsati".

297- "Suppabuddham pabu- jhanti

Sadā Gotamasavakā

Yesam divā ca ratto ca

Niccam dhammagatāsati".

298- "Suppabuddham pabu- jhanti

Sadā gotamasāvakā

Yesam divā ca ratto ca

Niccam saṅghatāsati".

299- "Suppabudham pabu- jhanti

Sadā gotamasāvakā

Yesam diva ca ratto ca

Niccam kāyagatāsati".

300- "Suppabuddham pabu- jhanti

Sadā Gotamasāvakā

Yesam divā ca ratto ca

Ahiṃsāya rato mano".

301- "Suppbuddham pabu- jhanti

Sadā Gotamasāvakā

Yesam divā ca ratto ca
Bhāvanāya rato mano..."

- "*Chư đệ tử của Đấng Cổ Đàm ngày đêm luôn giác tỉnh, hằng suy niệm về Phật*". (296)

- "*Chư đệ tử của Đấng Cổ Đàm, ngày đêm luôn giác tỉnh, hằng suy niệm về Giáo pháp*". (297)

- "*Chư đệ tử của Đấng Cổ Đàm, ngày đêm luôn giác tỉnh, hằng suy niệm về Tăng già*". (298)

- "*Chư đệ tử của Đấng Cổ Đàm, ngày đêm luôn giác tỉnh, hằng suy niệm về thân*". (299)

- "*Chư đệ tử của Đấng Cổ Đàm, ngày đêm luôn giác tỉnh, hằng suy niệm về đức vô hại*". (300)

- "*Chư đệ tử của Đấng Cổ Đàm, ngày đêm luôn giác tỉnh, hằng suy niệm, thoả thích trong thiên định*". (301)

CHÚ THÍCH

Câu Suppabuddham pabuhanti là ngày đêm giác tỉnh, hằng suy niệm về Phật lúc ngủ hay lúc thức cũng vậy.

Sadā gotamasāvakā là đệ tử của đấng Cổ Đàm là người tín thọ lời dạy của đức Thế Tôn.

Hai câu: Buddhagatāsati là tâm luôn luôn niệm các hồng ân đức Phật như: Itipi so bhagava... Ngày đêm không xao lãng. Một ngày người ấy không niệm đủ cả ba lần, hay hai lần, dù chỉ niệm một lần cũng gọi là thức tỉnh.

Hai câu Dhannagatāsati là tâm luôn luôn niệm ân đức Pháp như: Svākhāto bhagavatā dhammo...

Hai câu Saṅghagatāsati: là tâm luôn niệm tướng ân đức Tăng như suppati panno bhagavato savakāngaho...

Hai câu Kayagatāsati là luôn niệm thân, suy niệm 32 thể trước, tử thi, tứ đại, thể xác như màu xanh...

Hai câu: Ahimsaya rato là thoả thích thiên định mà đức Thế Tôn đã truyền dạy "Vị Tỳ khưu an trú từ tâm rải nhất hướng".

Câu Bhāvanāya an trú tâm từ. Lời của đức Thế Tôn chỉ về Bhāvanāya trong phần đầu. Nhưng ở đây Ngài ám chỉ tu tập tâm từ. Những câu sau như trên.

Dứt thời pháp thoại ấy, đưa bé cùng cha mẹ chứng quả dự lưu. Sau đó đều xuất gia chứng quả A la hán. Pháp thoại kết quả lợi ích cho hội chúng.

DỨT TÍCH: CON TRAI ÔNG DārUDAKaṭIKA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXI. 6- TỶ KHUU VAJJĪPUTTA

(PC. 302)

"Dubbajjam durabhiramam..."

Khi Bậc Đạo Sư ngự tại Vesāli trong Đại Lâm, đề cập đến vị Tỳ khưu là con vua Vajjī, thuyết lên kệ ngôn này.

Các vị luận sự giải ý nghĩa: Vị Tỳ khưu con vua Vajjī này sống một mình độc cư trong rừng, gần thành Vesāli. Vị ấy nghe vắng vắng tiếng đàn hát từ thành vọng đến, lấy làm bất mãn mới thốt lên bài kệ:

*Ta sống độc cư trong rừng sâu
Như khúc gỗ người vút hố sâu*

Đêm về tiếng hát từ đâu?

Có ai sánh cùng ta đâu.

Được nghe rằng: Vị Tỳ khuru là Hoàng Tử xứ Vajjī, đã bỏ lầu son, điện ngọc đi xuất gia. Một hôm, khắp kinh thành Vesali treo cờ xí trang trí kinh đô rực rỡ, mừng đại hội. Có 7. 707 vị vua cùng triều thần các xứ và cả Tứ Đại Thiên Vương đến dự, cuộc lễ diễn ra đêm ngày. Hôm ấy là đêm rằm nhằm lúc sen nở, bầu trời đầy trăng sao, vị này đi kinh hành liên tiếp, bỗng nghe khúc khải ca từ xa vọng đến, chạnh lòng Tăng sĩ, nên đã nói lên như vậy.

Chư thiên ngụ tại đó nói lên bài kệ như sau:

*"Người sống độc cư trong rừng
Như khúc gỗ bị người vứt bỏ
Thích thú (khoái lạc) đưa địa ngục
Thích thú hành thiện đến cõi trời".*

Vị ấy nghe bài kệ động tâm, sáng ngày vào yết kiến Bạc Đạo Sư. Đức Thế Tôn hiểu rõ sự kiện này, Ngài biết rõ đời sống tại gia là đau khổ, nên sách tấn vị ấy bằng kệ ngôn rằng:

302" *Dubajjam durabhiramam
Durāvāsā gharā dukhā
Dukkho samānasamvāso
Dukkhanupatitaddagū
Tasmā na c'addhagū siyā
Na ca dukkhanupatito siyā".*

- "Xuất gia là khó, thoả thích trong sự xuất gia là khó. Đời sống tại gia là khó và đau khổ. Liên kết với người không tương hợp là đau khổ. Đau khổ đến với người khách lữ hành (trong vòng luân hồi) Vậy chớ nên làm khách lữ hành, chớ nên làm người chạy theo đau khổ".

CHÚ THÍCH

Duppabbajjam là sự từ bỏ tài sản ít hay nhiều, hoặc là thân quyến để xuất gia (hiến dâng) cho Đạo pháp là khó làm.

Durabhiramam là người Nam tử xuất gia, đi khát thực thích thú trong giới hạnh, dù chưa thực hành pháp trọn vẹn, là đã khó rồi.

Durāvāsa: Là phận sự của vị vua cai trị Minh chánh, Bạc Sa môn, Bà la môn hành đúng pháp mới tế độ. Dù vậy, trong gia đình nếu không khéo lãnh đạo sẽ sanh khổ.

Dukkho samānasamvāso: Dù người cư sĩ giai cấp, gia đình, tài sản đồng nhau và khi đã xuất gia là đồng giới hạnh, đa văn, đều tương xứng. Nhưng chỉ hỏi rằng: Ông ấy là ai? Tôi là ai? Cốt ý tìm hiểu như vậy, sự sống chung không tương ứng là đau khổ.

Dukkhanupatitaddhagū là đau khổ đến với khách lữ hành đi đường xa, là luân hồi. Vậy khách lữ hành chớ nên chạy theo đau khổ như đã giải trên.

Sau khi Đức Thế Tôn thuyết về năm sự khổ, vị Tỳ khuru ấy chấm dứt thập phân kiết sử, chứng quả A la hán.

DỨT TÍCH Tỳ khuru VAJJŪPUTTA.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXI. 7- TRƯỜNG GIẢ CITTA

(PC. 303)

"Saddho silena...".

Kệ ngôn này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi ngụ tại Tinh xá Jetavana, đề cập đến Trường giả Citta.

Chuyện này đã có trong phẩm Cuồng đại: "Asamtam bhāvamicchayya"... Thật vậy, Đại đức Ānanda bạch hỏi Bạc Đạo Sư rằng:

- Bạch Thế Tôn! Gia chủ này chỉ đến viếng Ngài mà được kính trọng. Vậy đến nơi khác có được như thế không?

- Này Ānanda! Gia chủ Citta này đến với Như Lai hay đến nơi khác cũng đều được trọng đãi như vậy. Vì do nhờ lòng tịnh tín, giới hạnh trang nghiêm, nên đến bất cứ nơi nào cũng đều được kính mộ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

303- "Sadho sīlena sam- panno
Yasobhogasamappito
Yam yam padesaṃ bhajati
Tattha yam tatth eva pū- jito".

- *Người có niềm tin và giới hạnh, có thiên tài thành đạt địa vị và tài sản (của bậc Thánh giả) người ấy ở đâu cũng được quý trọng bất cứ trên lãnh thổ nào.*

CHÚ THÍCH:

Saddho là người có niềm tin, thế gian và siêu thế.

Sīlena: Có hai loại giới, tại gia giới và xuất gia giới. Nhưng ở đây, đức Thế Tôn ám chỉ về giới tại gia cư sĩ.

Yasobhogasamappito: Người có địa vị như Trưởng giả Anghapindika có 500 tùy tùng... Có hai loại gia sản là: Tài sản phàm nhân và Thất Thánh sản.

Yam tam... Là nam tử ấy đi bất cứ nơi nào cũng được ái mộ, trọng đãi như vậy.

Dứt pháp thoại, nhiều người chứng đạt Thánh quả Dự lưu...

Dứt tích: TRƯỞNG GIẢ C ITTA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXI. 8- NÀNG CŪLASUBHADDĀ

(PC. 304)

"Dūre santo pakāsentī...".

Pháp cú này được đức Thế Tôn ngụ tại Jetavana, thuyết ra nhân để cập đến ái nữ của anāthapiṇḍika là Cūlasugbhaddā

Tương truyền rằng: Triệu phú Ugga thành Ugga là bạn của Trưởng giả anāthapiṇḍika. Lúc thiếu thời, đôi bạn chân tình cùng học chung thầy, đã ước hẹn cùng nhau rằng: "Khi hai ta thành gia thất, sẽ kết làm thông gia với nhau". Thời gian thấm thoát trôi đưa hai người nay đã trở thành trưởng giả.

Một hôm, Trưởng giả Ugga chở 500 cỗ xe hàng đến thành Sāvattihī bán. Trưởng giả anāthapiṇḍika gọi con gái mình là Cūlabhaddā đến bảo rằng:

- Này con, đây là Triệu phú Ugga, sẽ là thân phụ con. Vậy con phải hết lòng kính cẩn.

Nàng vâng lời cha, tự thân nấu những thực phẩm hợp vị. Từ ngày Triệu phú Ugga đến đây, nàng luôn phục vụ chu đáo làm triệu phú rất hài lòng.

Triệu phú Ugga thấy nàng Cūlasugbhaddā công dung ngôn hạnh và có tâm tịnh tín, nhân một ngày đẹp trời, đang ngồi trò chuyện vui vẻ với Trưởng giả anāthapiṇḍika, chợt ông nhớ lại lời hẹn ước "Lúc thiếu thời" mới tỏ lời tác hợp lương duyên cho nàng Cūlasubhaddā với con trai mình. Nhưng vì ông là người tà kiến theo ngoại đạo nên Trưởng giả anāthapiṇḍika trình bạch việc này đến đức Thế Tôn. Bạc Đạo Sư nhận thấy duyên lành của Ugga nên Ngài thuận ý. anāthapiṇḍika hợp ý kiến của vợ rồi nhận lời cầu hôn của gia chủ Ugga định ngày hôn lễ. Cuộc lễ diễn ra rất long trọng như Trưởng giả Dhanañjaya gã nàng Visākhā vậy. Trưởng giả anāthapiṇḍika cũng giáo giới con gái mình bằng 10

lời dạy như Trưởng giả Dhanañjaya dạy và Visākhā. Ông cho mời 18 vị bô lão của gia tộc đến hỏi thăm rằng: "Nếu lễ thành hôn cho con gái, trưởng giả cung thỉnh đức Thế Tôn cùng chư Tăng đến cúng dường trọng thể. Lễ vu quy của nàng Culasubbhaddā được linh đình rực rỡ là do phước nghiệp quá khứ của nàng. Khi xe hoa về đến kinh thành Ugga, được bên nhà trai tiếp đón nồng hậu.

Còn nàng Culasubbhaddā cũng vinh hạnh, hãnh diện với mọi người như nàng Visākhā, nàng chúng tỏ mình là một tiểu thư trâm anh thế phiệt, khiến mọi người trong thành vui mừng sự vinh hạnh của nàng.

Hôm ấy, gia đình bên chồng cũng tổ chức lễ an lành... Nhạc phụ nàng bảo nàng ra đánh lễ nhóm loã thế ngoại đạo, nàng hổ thẹn khi thấy ngoại đạo trần trụi, không vâng lời ra đánh lễ chúng. Dù nhạc phụ nàng có nhắc mãi, nàng vẫn một mặt khước từ, ông nổi giận "Hãy đuổi nó đi đi". Nàng thấy mình chẳng có lỗi lầm chi, chỉ vì lý do đó thôi, bèn cho mời 18 vị bô lão đến, tỏ bày mọi sự. Các vị bô lão minh giải nàng vô tội, cuối cùng, Ugga đành thuận ý. Ông bà Triệu phú nói chuyện với nhau rằng:

- Nàng dâu chúng ta không đánh lễ các sa môn của chúng ta, vì nghĩ rằng: "Chẳng hay các vị sa môn của con gái ta như thế nào? Mà sao nó tán dương nhiều vậy?".

Bà hỏi dâu rằng:

- Các vị sa môn của con ra sao? Phẩm hạnh trang nghiêm như thế nào? Nghe con thường tán dương đạo mạo.

*Khiến lòng mẹ nôn nao
Con hãy thuật lại mau.*

Muốn mẹ chồng phát tâm tín ngưỡng, nàng tán thán công hạnh của đức Phật và chư Thánh Thinh văn như sau:

*Bậc thanh tịnh vắng lặng
Oai nghi và tế chỉnh
Nhãn căn phòng hộ, nói hợp thời.
Bậc sa môn của con như vậy
Tinh khiết như ngọc trai
Bên trong và bên ngoài
Tinh thông các giáo điển
Bậc sa môn của con như vậy
Thế gian vui lợi, danh thịnh
Buồn khổ lợi danh suy
Không vui lợi danh thịnh
Không buồn lợi danh suy
Bậc sa môn của con như vậy.
Thế gian vui được khen
Buồn phiền bị chỉ trích
Các Ngài tâm bình thản
Không ưu buồn, khen chê
Thế gian thích thú trong an lạc
Buồn phiền khi khổ đau
Các Ngài không vui buồn lạc khổ
Không rung động rung chuyển
Bậc sa môn của con như vậy.*

Nghe vậy mẹ chồng nàng muốn được diện kiến chư Tăng, nên bảo nàng tìm cách đặng xin gặp, nàng chuẩn bị sẵn vật thực dâng cúng, đứng tại biệt thự hướng về Tinh xá Jetavana, đánh lễ đức Thế Tôn, gói lương tư tưởng thỉnh cầu đức Phật và Tăng chúng sáng mai thọ thực tại nhà nàng, do năng lực này Bậc Đạo Sư hiểu được tâm tôi. Rồi nàng liệng tám cánh hoa lài lên không trung.

Các hoa ấy liền rơi xuống trước mặt bậc Đạo Sư trong khi Ngài đang thuyết pháp cho Tứ chúng.

Lúc ấy, Triệu phú anāthapiṇḍika vừa nghe Pháp xong, cung thỉnh đức Thế Tôn đến nhà ngày mai để ông cúng dường. Bậc Đạo Sư trả lời rằng:

- Nầy gia chủ! Sáng mai Như Lai đã nhận lời thỉnh cầu của con gái ông trước rồi.

Ông ngạc nhiên vì ông đã gả con gái đi xa cách đây 120 do tuần rồi kia mà. Khi ông bạch hỏi, đức Phật dạy rằng:

- Nầy gia chủ! Người tốt được nhận thấy từ xa.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

- "Dure santo pakāsentī
Himavanto va pabbato
Asante'ttha na dīanti
Rattī khittā yathā sarā".

- "*Người thiện nổi bậc từ đằng xa tựa như là Hi Mã Lạp Sơn, lộ rõ trước mọi người. Người hạ liệt tội lỗi, dù ở kề cận cũng không ai trông thấy tựa như mũi tên bay trong đêm tối*".

CHÚ THÍCH

Santo... Bậc chân nhân như đức Phật... Vì các ngài đã tận diệt gốc rễ của ái dục.. Nhưng ở đây đức Thế Tôn chỉ về người đã tạo phước trong quá khứ, nên Ngài dạy về phương pháp tu tập của bậc chân nhân.

Pakāsentī dù ở đằng xa, tác ý đến chư Phật đó được gọi là nhận thấy.

Câu Himavanto như núi Hi Mã Lạp Sơn lớn 3.000 do tuần, cao 500 do tuần, ngọn cao 84.000 hiện rõ trước mặt dân chúng từ xa như thế nào, người thiện cũng lộ lộ như vậy.

Asantettha: Người cuồng dại tri kiến sai lạc, nghiêng về lợi lộc xuất gia mục đích nuôi mạng, đó gọi là phi chân nhân. Người ấy dù kề cận bên đức Phật cũng không trông thấy.

Rattī khittā: Như mũi tên bay trong đêm tối.

Kẻ phi chân nhân không trông thấy, do không có duyên lành.

Dứt thời Pháp nhiều người chứng quả dự lưu.

Đức Thiên Vương Đế Thích biết: "Bậc Đạo Sư nhận lời thỉnh cầu của nàng Cūḷasubhaddā", mới truyền lệnh cho Thiên Tử Kiến Trúc tạo ra 500 ngôi biệt thất dựng ngày mai đức Phật và Tăng chúng đến Thành Ugga an ngự.

Sau khi Thiên Tử xong phận sự, đến trước Tinh xá Jetavana. Đức Thế Tôn cùng với 500 vị Thánh Tăng Vô Lậu ngự đến thành Ugga.

Triệu phú Ugga thấy đức Phật từ xa ngự đến, với tướng hào quang minh, ông khởi tâm thỉnh mộ cúng dường tràng hoa.. Đảnh lễ và bạch thỉnh cúng dường trọn 7 ngày.

Đức Phật thuyết pháp hợp theo cơ tánh của Triệu phú. Dứt thời pháp, Trưởng giả Ugga cùng với 84.000 chúng sanh chúng ngộ pháp.

Để tế độ nàng Subhaddā, Ngài phán bảo Đại đức Anuruddha

- Ngươi hãy trú tại đây.

Và Ngài ngự về kinh thành Sāvattihī. Kể từ đó kinh thành ấy tín thành Giáo pháp.

DỨT TÍCH: NÀNG CŪḶSUBHADDĀ

XXI. 9- TRƯỜNG LÃO EKAVIHĀRĪ

(PC. 305)

"Ekāsanam..".

Bậc Đạo Sư khi ngự tại Jetavana thuyết lên kệ ngôn này khi đề cập đến Đại đức Ekavihārī

Được nghe rằng: Vị Đại đức ấy dù ở giữa Tứ chúng nhưng vẫn ngồi một mình, đi một mình, đứng một mình. Chư Tỳ khuru đã bạch lại sự kiện này với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ khuru đó có cử chỉ như thế ấy

- Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ khuru, vị Tỳ khuru hãy sống độc cư tịch mịch.

Rồi Ngài thuyết lên kệ rằng:

Ekāsanam ekaseyyam
Eko casam atandito
Eko damayam attanam
Vanante ramito siyā"

- Vị Tỳ khuru ngồi một mình, nghỉ một mình, đi một mình, sống độc cư, không biếng nhác, tự kiểm soát tâm trong cảnh cô đơn, thoả thích ở trong rừng.

CHÚ THÍCH

Trong những câu văn ấy, hai câu: Ekāsanam ekāseyyam là dù giữa cả ngàn vị Tỳ khuru, vị ấy vẫn chánh niệm tỉnh giác, đó là ngồi một mình. Dù chung trong một biệt thự cả vị Tỳ khuru nghỉ, vị ấy vẫn tìm chỗ trải thích hợp, tác ý hành đạo. Đó gọi là nghỉ một mình. Vị Tỳ khuru ngồi một mình và nghỉ một mình như vậy.

Câu Atandito là vị Tỳ khuru không biếng nhác, dù thân bệnh hoạn, vị ấy vẫn đi một mình.

Câu Eko damayamattāmaṃ vị ấy kiểm soát tâm trong cảnh tịch tịnh, thành đạt đạo quả.

Câu Vanante ramito siyā là vị ấy kiểm soát tâm như vậy, thoả thích sống trong rừng không có tiếng nói nam nữ... Nếu vị ấy sống ồn ào, không thể nhiếp tâm được.

Dứt thời pháp thoại, rất nhiều vị Tỳ khuru chứng quả Dự lưu.. Từ đó, mọi người chỉ thích sống độc cư.

DỨT TÍCH TRƯỜNG LÃO EKAVIHĀRĪ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

DỨT PHẨM TẬP LỤC - PAKIṄṄAKA VAGGA

DỨT PHẨM 21.

XXII. PHẨM KHỔ CẢNH

XXII. 1- NỮ NGOẠI GIÁO SUNDARĪ

(PC. 306)

"Abhūtavādī nirayaṃ upeti...".

Khi Bạc Đạo sư lưu trú tại Jetavana, Ngài đề cập đến nữ ngoại giáo Sundarī, thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Khi tất cả mọi người tập trung vật chất cúng dường Đức Thế Tôn. Vì Ngài và Tăng chúng được mọi người dâng cúng dồi dào, ngược lại nhóm ngoại giáo bị suy giảm. Khi vắng hồng lộ dạng, chúng xầm xì bàn tán.

- Từ ngày Sa Môn Gotama xuất hiện, lợi lộc của chúng ta bị suy giảm, không ai hiểu chia sẻ cùng chúng ta. Lỗi lầm này do sa môn Gotama gây ra.

Chúng bàn tính: "Chỉ có nàng Sundarī hy sinh cho chúng ta".

Nhân một ngày nọ, nàng đến tu viện chào hỏi mà bọn ngoại giáo vẫn không trả lời, vì thắc mắc nàng mới hỏi rằng:

- Chẳng hay các Ngài có điều chi buồn phiền?
- Cô không thấy Sa môn Gotama làm chúng tôi suy giảm lợi lộc hay sao?
- Nếu vậy, tôi có giúp được việc gì?
- Cô thật là một mỹ nhân sắc nước hương trời, phải làm thế nào cho Sa môn Gotama mất uy tín.

Nàng Sundarī nhận lời, chấp hành phương kế, hằng ngày nàng đem tràng hoa vật thơm đi đến Jetavana, đợi lúc mọi người nghe pháp xong ra về thì nàng vào, nếu ai có hỏi "đi đâu?" thì trả lời "đi đến trú xứ Sa môn Gotama, vì tôi ở chung Hương thất với ngài", nàng đến trú ở một tu viện gần đó rồi từ mờ sáng nàng từ Jetavana đi về thành, nếu có người gặp hỏi "đi đâu vậy Sundarī" thì trả lời "Sa môn Gotama và ân ái với tôi nên tôi mới ra về."

Hai ba ngày sau chúng thuê người giết Sundarī, chôn vùi dưới đồng rác, gần hương thất của Bạc Đạo Sư. Rồi phao tin nàng mất tích, sự kiện này chúng tấu trình với Đức vua, cho phép vào Jetavana để tìm nàng Sundarī, vì suốt ngày nàng chỉ ở nơi đó. Chúng đến đồng rác bươi xác lên, loan tin khắp nơi: "Đệ tử Sa môn Gotama giết nàng Sundarī chôn dưới đồng rác" nhằm mục đích triệt hạ uy tín của Đạo Bạc Đạo Sư: "Xin quý vị hãy nhìn xem những hành động của các Sa môn Thích tử". Đức vua truyền lệnh đem xác Sundarī liệng vào rừng khiến cho mọi người nghi vấn, chỉ trừ những bậc thánh nhân lòng tin bất động nơi Tam Bảo. Chư Tỳ khưu đem câu chuyện này bạch với Đức thiện Thệ. Đức Thế Tôn phán dạy kệ ngôn rằng:

306- "Abhūtavādī nirayaṃ upeti
Yo c'āpi katvā na karomīti c'āha
Ubho pi te pecca samā bhavanti
Nihinakammā manujā paratha"

- *Người nói điều không thật vào khổ cảnh, người đã làm rồi nói "tôi không có làm cũng vậy. Sau khi chết cả hai đều bằng nhau, người có hành động ti tiện trong thế giới khác.*

CHÚ THÍCH

Trong những câu văn ấy, câu Abhūtavādī: Không thấy lỗi người khác nhưng nói thấy (nói dối).

Câu Katvā: Người có hành động ti tiện nói "tôi không có làm".

Câu Pecca samābhavanti: Cả hai người đều bằng nhau, sau khi chết sanh

Vào khổ cảnh, sanh thú của họ Ngài đã xác định rõ ràng mà tuổi thọ thì Ngài không xác định. Nếu người hành động bất thiện hằng bị thiêu đốt trong địa ngục lâu dài, dù chỉ là điều ác nhỏ cũng bị thiêu đốt theo mức của việc làm. Cả hai trường hợp đều là hành vi hạ liệt mà đức Thế Tôn gọi là "nahīnakammā manujā parattha".

Câu: Parrattha chung với câu Pecca trên. Người hành vi hạ liệt, sau khi chết đi vào khổ cảnh.

Đức vua truyền lệnh cho quan quân "đi tìm hiểu về cái chết của nàng Sundarī". Lúc đó, bọn côn đồ giết nàng Sundarī đang uống rượu cùng nhau, chúng say sưa, ấu đả nhau, chúng chửi nhau:

"Chính mấy đã giết nàng Sundarī chôn dưới đồng rác". Thôi chuyện ấy bỏ qua đi. Quân lính liền bắt chúng tra gạn, trình lên vua:

- Có phải các ngươi giết nàng Sundarī không?

- Thưa vâng, tâu Hoàng Thượng.

- Ai bảo các ngươi giết?

- Thưa các tu sĩ ngoại giáo.

Đức vua truyền lệnh cho các tu sĩ ngoại giáo đi vào kinh thành thông báo:

- Chúng tôi phao vu Sa môn Gotama giết nàng Sundarī, nhằm triệt hạ uy tín. Chuyện này Đệ tử Sa môn Gotama vô tội, chính chúng tôi có tội.

Do tội sát nhân nên bọn ngoại giáo và bọn côn đồ bị hành hình. Từ đó đức Phật và chư Thánh Văn được dân chúng sùng bái cúng dường rất nhiều.

DÚT TÍCH: NỮ NGOẠI GIÁO SUN DA RÌ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

CHUYỆN KHỔ NHÂN

PC. 307

"Kāsavakaṇṭhā...".

Pháp Cú này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến những khổ nhân tạo ác nghiệp.

Đại đức Moggallāna cùng với Đại đức Lakkhaṇa từ trên núi Gijjhakūṭa đi xuống, thấy con ngựa quỉ hình dáng bộ xương... Đại đức mỉm cười, thấy vậy, Đại đức Lakkhaṇa vẫn hỏi:

- Thưa Tôn giả! Lý do gì mà Ngài mỉm cười.

- Này hiền giả! Lúc này chẳng phải thời, hiền giả nên hỏi tôi khi nào có Đức Thiện Thệ.

Sau khi về đến Jetavana, Đại đức Lakkhaṇa vẫn hỏi, Đại đức trả lời:

- Này hiền giả! Tôi từ núi Gijjhakūṭa đi xuống, đã thấy ngựa quỉ đắp y vàng hình dáng bộ xương đang phùng phùng cháy trên hư không.

Bậc Đạo Sư giải thích rằng đó là hậu quả của Một kiếp sống làm tăng sĩ ô nhiễm trong thời Giáo pháp của đấng Thập Lục Kassapa.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn như sau:

307-

"Kāsāvakaṇṭhā bahavo

Pāpadhammā asaṅṅatā

Pāpā pāpehi kammehi

Nirayaṃ te upapajjare"

- Nhiều người đắp y vàng, không điều phục pháp bất thiện. Chính hành vi hạ liệt của mình sẽ tái sanh vào đọa xứ.

CHÚ THÍCH

Trong những câu văn ấy, câu: Kāsāvakaṅṭhā: Người đắp y casa. Câu Pāpadhammā là pháp bất thiện.

Câu: Asaññatā thúc liễm thân nghiệp... Người đã tạo điều bất thiện đưa đến khổ cảnh, hết nghiệp ở địa ngục sanh làm ngựa quỉ bị thiêu đốt do quả dư sót.

Dứt thời pháp thoại rất nhiều người chứng quả Dự Lưu...

DÚT TÍCH: CHUYỆN KHỔ NHÂN

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXII. 2- CHUYỆN CHƯ TỖ KHƯU TRÚ GẮN SÔNG VAGGUMUDA

(PC. 308)

"Seyyo ayogulo...".

Pháp Cú này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại thành Vesālī, đề cập đến chư Tỳ khuru trú gần sông Vaggumudā.

Chuyện này thuộc về điều học Pārājika về khoe pháp Thượng nhân:

- Này các Tỳ khuru! Có phải các người khoe pháp thượng nhân, tôn xưng lẫn nhau đặng đàn việt dâng cúng phải chăng?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Nhân đó, đức Thế Tôn giảng pháp và Ngài thuyết lên kệ ngôn:

308- "Seyyo ayogulo bhutto
Tattho aggisikhūpamo
Yañ ce bhuñjeyya dussilo
Raṭṭhapiṇḍam asaññato"

- "Thà nuốt một hòn sắt cháy đỏ (có khả năng thiêu đốt) như một ngọn lửa còn hơn làm vị Tỳ khuru sống nhờ vật thực của dân chúng mà có hành động bất thiện và không thu thúc thân tâm".

CHÚ THÍCH

Trong những câu văn ấy, hai câu: Yañca bhuñjeyya: Vị Tỳ khuru ác giới không thúc liễm thân nghiệp... Tuyên bố mình "là vị Sa môn" thọ lãnh vật thực của người cúng dường với lòng tin như thế nào, thà nuốt hòn sắt cháy đỏ còn hơn. Do duyên gì?

Vì hòn sắt cháy đỏ chỉ thiêu chết có một kiếp, còn hơn người ác giới thọ lãnh của tín thí dâng cúng với lòng tin, bị thiêu đốt trong địa ngục cả nhiều trăm kiếp.

Dứt thời pháp rất nhiều người chứng quả Dự Lưu...

DÚT TÍCH CHƯ TỖ KHƯU TRÚ GẮN SÔNG VAGGUMudā

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXII. 3- THANH NIÊN KHEMAKA

(PC. 309-310)

"Cattāri ṭhānāni...".

Pháp Cú này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến chàng Khemaka.

Được nghe rằng: Thanh niên Khemaka đẹp trai, khiến nhiều nữ nhân mê mẩn, rơi vào tay của chàng. Một đêm nọ, quân lính bắt dẫn đến nhà vua. Đức vua không giam giữ, thả về vì nể tình ông Đại triệu phú là cha chàng. Như vậy mà Khemaka cũng chưa từ bỏ hành động tà quấy của mình.

Chàng bị bắt cả ba lần và đều được thả về như thế. Cuối cùng cha chàng phải dẫn chàng đến Bạc Đạo Sư, thỉnh cầu Ngài khuyên dạy.

Sau khi giảng giải về hậu quả của sự tà hạnh vợ người, Ngài thuyết giảng kệ ngôn rằng:

309- "Cattāri tñhānāni nara pamatto
āpajjati paradārūpasevī
Apuññalābham na nikāmaseyyam
Nindam tatiyam nirayam catgttham"
310- "Apuññalābho ca gati ca pāpikā
Bhītassa bhītāya ratī ca thoki là
Rājā ca dandaṃ garukaṃ paṇeti
Tasmā nara paradāraṃ na seve".

- "Bốn điều bất hạnh đến với người bất cẩn, có hành động tà dâm: Gạt hái tội khổ, ngủ không yên giấc, ba là bị khiển trách và bốn là ở khổ cảnh.

- Sự gạt hái tội khổ cũng như số phần bất hạnh. Mỹ lạc của nam nhân và nữ nhân đang run sợ quả thật ngán ngùi. Vua lại ban hành hình phạt nặng nề. Vì vậy không nên lân la với vợ người.

CHÚ THÍCH

Trong những câu văn ấy, câu: tñhānāni là nhân sanh khổ.

Pamatto là thất niệm

āpajjati: là đi đến.

Paradārūpasevī lân la với vợ người.

Apuññalābham là bất thiện.

Na nikāmaseyyam là người ấy không được ngủ yên theo ý, thường thức giấc.

Apaññalābho ca là gạt hái quả khổ, sanh thú hạ liệt, do nhân đó họ phải lãnh hậu quả tai hại.

Ratī ca thotikā khoái lạc của nam nhân và nữ nhân đang run sợ thật ngán ngùi.

Garukaṃ Đức vua ban sắc lệnh hình phạt như chặt tay...

Tasmā... Lân la với vợ người, hành động bất chánh... Do đó không nên vi phạm điều ấy.

Dứt thời pháp, thanh niên Khemaka chứng quả Tu Đà Hườn và từ đó gia đình mọi người được hạnh phúc.

Hạnh nghiệp của Khemaka như thế nào mà chàng có duyên chứng đắc đạo quả? Lại như thế nào mà phải mang nghiệp tà hạnh như thế?

Được nghe lại rằng: Trong thời Giáo Pháp của đức Phật Kassapa, y là võ sĩ vô địch, đã treo hai lá cờ màu vàng trên ngôi Bảo tháp của Đấng Thập Lực, phát nguyện rằng:

- Trừ ra những nữ nhân thân quyến ra, bất cứ những nữ nhân nào nhìn thấy ta đều khởi sanh dục tình.

Đây là tiền nghiệp của y. Vì vậy, các nữ nhân vừa thấy y đã sanh khởi và trao thân cho y.

DỨT TÍCH THANH NIÊN KHEMAKA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXII. 4- TỶ KHUU ĐA NGÔN

(PC. 312-313)

"Kuso yathā...".

Khi Bạc Đạo Sư lưu trú tại Jetavana, Ngài đã đề cập đến vị Tỷ khưu đa ngôn, thuyết lên pháp thoại nầy.

Tương truyền rằng: Vị Tỳ khuru ấy vô tình kéo những ngọn cỏ đứt, khởi lên hoài nghi mới đến một vị Tỳ khuru hỏi rằng:

- Nầy hiền giả! Nếu có vị Tỳ khuru nào kéo đứt những ngọn cỏ. Vậy vị ấy có phạm tội chăng?

- Nầy hiền giả! Vị ấy vô tội do vô ý, nhưng phạm tội do cố ý và sám hối thì hết tội.

Tưởng chừng là như thế, vị ấy vẫn tiếp tục làm như thế. Chư Tỳ khuru bạch chuyện này đến đức Thế Tôn, Ngài khiển trách bằng kệ ngôn rằng:

311-

"Kuso yathā duggahito
Hattham evānukantati
Sāmaññaṃ dupparāmaṭ- ṭham
Nirayāyūpakaddhati"

312-

"Yaṃ kiñci sithilaṃ kam- maṃ
Saṅkiliṭṭhaṃ ca yaṃ vataṃ
Saṅkassaraṃ brahma cari- yaṃ
Na taṃ hoti mahapphalaṃ"

313-

"Kayirā ce kayirāthenaṃ
Dalhaṃ enaṃ parakkame
Sithilo hi paribbājo
Bhiyyo ākirate rajam"

311- Cỏ cắt tay người không khéo nắm như thế nào, đời sống xuất gia lôi kéo vào khổ cảnh người xử dụng nó một cách sai lầm.

312- Một hành động buông lung, một pháp hành ô nhiễm, một đời sống đạo hạnh không vững chắc, nếu người hành động như vậy, không đem lại kết quả tốt đẹp.

313- Nếu có điều nào phải làm, hãy làm điều ấy, hãy tiến hành vững chắc, vì đời tu sĩ dễ đuổi càng tung loạn bụi cát.

CHÚ THÍCH

Kuso là một loại cỏ, thậm chí kể cả lá thốt nốt cũng được gọi là kusa như trong bài kệ này. Cỏ cắt tay người không khéo nắm thế nào, thì đời Sa môn không khéo hành trì Pháp, bất cẩn vì phạm giới trọng... cũng như thế ấy.

Nirāyāyūpakaddhati là đưa đến khổ cảnh.

Câu Sithilaṃ: Hành động buông lung, cấu thả.

Câu Saṅkiliṭṭham một pháp hành ô nhiễm như là kỹ nữ.

Câu Saṅkassaram nghi ngờ khi thấy Tăng hội nhau hành Uposatha

"Chư Tỳ khuru biết chuyện làm của ta nên hội nhau - tuyên bố phạt ta"

Na taṃ hoti là một đời sống đạo hạnh không vững chắc, vì không được người dâng cúng vật thực.

Kayirā ce: Vì vậy nếu có điều nào phải làm điều ấy.

Dalhamenam parakkame là hãy tiến hành vững chắc, là phải làm cho chắc chắn.

XXII. 5- CHUYỆN NỮ NHÂN HÒN GHEN

(PC. 314)

"Akātaṃ...".

Pháp cú này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến nữ nhân hòn ghen.

Một nữ nhân hờn ghen, bà đã hành phạt tàn nhẫn đối với một nữ tỳ đã gian dúa với chồng bà. Bà bắt trói giam vào nhà, rồi hai vợ chồng đi đến Tinh xá nghe Pháp. Thân tộc thấy tội nàng nữ tỳ, nên thả nàng ấy ra. Người tớ gái liền đi đến Tinh Xá, bạch sự kiện này đến Đấng Thập Lực. Đức Đạo Sư phán dạy rằng:

- Dù chỉ một việc ác nhỏ cũng không nên Phạm. Dù chính hành động không ai biết cũng thể hiện, vì hành vi bất thiện sẽ kết quả khổ ở tương lai, hành vi thiện sẽ được sự an lạc.

Rồi Ngài thuyết kệ ngôn:

314-

"Akataṃ dukkataṃ seyyo
Pacchā tapati dukkataṃ
Katañ ca sukataṃ seyyo
Yaṃ katvā nānutappati"

- Tốt hơn không nên có hành vi sai lầm, nếu hèn nhác sẽ làm khổ ta về sau. Nên có hành động tốt, sau khi làm không sấu muộn.

CHÚ THÍCH

Trong những ý nghĩa các câu văn ấy, câu: Dukkataṃ hành ác dẫn đến khổ cảnh tốt hơn nên hành thiện, hướng thượng.

Pucchā tappaṭi chính hành động ấy khiến chúng sanh mòn mỏi sấu muộn mỗi khi nhớ đến.

Sakataṃ hành thiện sẽ đưa chúng sanh đến nhàn cảnh.

Yaṃ katvā người có hành động tốt về sau không sấu muộn, là hoan hỷ với việc thiện mình đã làm.

Dứt thời pháp cả hai vợ chồng chúng quả Dự Lưu... Tất cả gia nhân cùng gia chủ đều hướng về Chánh Pháp.

DỨT TÍCH: NỮ NHÂN HỜN GHEN

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXII. 6- CHUYỆN TẶNG KHÁCH

(PC. 315)

"Nagaram...".

Pháp cú này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến chư khách Tăng.

Được nghe rằng: Nhóm Tỳ khưu đó nhập hạ ở thành Paccanta, tháng đầu được an vui. Bỗng đâu vào tháng giữa bọn cướp tấn công thành, dân chúng bị trấn lột, từ đó thị dân luôn canh phòng bọn cướp cẩn mật, nên không có cơ hội hộ độ chư Tăng thường xuyên. Suốt thời gian an cư còn lại, các vị về yết kiến Bậc Đạo Sư, đánh lễ rồi ngồi xuống một bên cho phải lễ. Đức Thế Tôn phán:

- Này chư Tỳ khưu! Suốt ba tháng hạ, các người có được an vui chăng?

- Bạch Thế Tôn, chúng con chỉ được an ổn trong tháng đầu, tháng giữa bị cướp bóc, dân cư phải lo rộn rịp canh phòng không thường xuyên ủng hộ, nên chúng con rất vất vả.

- Này các Tỳ khưu! Các người đừng nghĩ khó tìm cuộc sống an vui bền lâu. Tỳ khưu hãy canh chừng thân tâm như người canh phòng thành trì vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn sau:

315-

"Nagaram yathā paccantaṃ
Guttaṃ santarabāhiraṃ
Evaṃ gopetha attānaṃ
Khaṇo ve na upaccagā
Khaṇātītā hi socanti"

Nirayaṃhi samappitā".

- Các người hãy cẩn mật giữ mình như người canh ải trấn biên thù, thận trọng bên trong và ngoài không nên bỏ qua cơ hội, vì người bỏ lỡ cơ hội sẽ sầu muộn khi sanh vào đọa xứ.

CHÚ THÍCH

Câu Santarabāhiram... như người đóng bít các cửa ải trong và ngoài, canh giữ nghiêm nhặt như thế nào. Cũng vậy, chư Tỳ khuru hãy an trú niệm, thúc liễm lục căn, cẩn mật 6 nội xứ dứt bỏ 6 ngoại xứ, đó là cẩn mật giữ mình.

Khaṇo vo mà upaccagā là không canh phòng thân tâm, những cơ hội như khi có đức Phật giáng sanh tại Trung ấn Độ, có thân hình khỏe mạnh, có chánh kiến chớ bỏ lỡ cơ hội sẽ sầu muộn về sau.

Khaṇātītā... Người bỏ lỡ cơ hội sẽ sầu muộn khi sanh vào khổ cảnh.

Dứt thời pháp chư Tỳ khuru ấy chúng quả A la Hán.

DỨT TÍCH: CHUYỆN TẶNG KHÁCH

XXII. 7- CHUYỆN NIGANTHA

(PC. 316-317)

"Alajjitāye...".

Pháp cú này được Đức Đạo Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến phái Nigantha.

Câu chuyện chi tiết rằng: Ngày kia, chư Tỳ khuru gặp phái Nigantha, rồi về luận bàn cùng nhau rằng:

- Phái Nigantha tốt hơn phái lỏa thể, vì họ che thân kín đáo và có sự hổ thẹn.

Phái Nigantha nghe được chuyện luận bàn này, họ giải thích:

- Sở dĩ chúng tôi che kín thân thể, cát bụi đừng rơi vào thức ăn.

Họ tranh luận sôi nổi với chư Tỳ khuru. Nhân cơ hội này, chư Tỳ khuru về yết kiến Bậc Đạo Sư, bạch rõ câu chuyện ấy.

Đức Thế Tôn phán rằng:

- Này chư Tỳ khuru! Chúng sanh hổ thẹn ở chỗ không nên hổ thẹn và không hổ thẹn ở chỗ đáng hổ thẹn. Ôm ấp sai lầm ấy dẫn đến khổ cảnh.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn sau:

316-

"Alajjitāye lajjanti
Lajjitāye na lajjare
Micchādiṭṭhisam ādāna
Sattā gacchanti duggatim"

317-

"Abhaye ca bhayadassino
Bhaye cābhayadassino
Micchādiṭṭhisamādānā
Sattā gachanti duggatim"

- Chúng sanh hổ thẹn ở chỗ không đáng hổ thẹn, không hổ thẹn ở chỗ đáng hổ thẹn, ôm ấp tà kiến sẽ rơi vào khổ cảnh.

- Chúng sanh thấy run sợ ở chỗ không nên run sợ, không sợ ở chỗ đáng sợ, là ôm ấp tà kiến sẽ rơi vào khổ cảnh.

CHÚ THÍCH:

Alajjitāye: Không đáng hổ thẹn nơi chỗ đi khát thực. Thật vậy, sự hành khát thực không nên hổ thẹn, mà chúng cho là đáng hổ thẹn, đó gọi là hổ thẹn nơi không đáng hổ thẹn.

Lajjitāye thân thể lửa lò không kín đáo. Thật vậy, đó là chỗ đáng hổ thẹn mà chúng không hổ thẹn, lang thang đó đây. Vì vậy, chúng hổ thẹn ở chỗ không đáng hổ thẹn, không hổ thẹn ở chỗ đáng hổ thẹn.

Ôm ấp tà kiến, chấp thủ tự ngã, chúng cố chấp bám chấp như vậy, sau khi Chết phải thọ sanh khổ cảnh - địa ngục...

Abhaye... Là đi hành khát không đáng sợ, vì những phiền não như ái dục, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự nguy hại không sanh khởi do nhờ hạnh trì bình. Mà chúng không hành vì sợ sệt, đó là thấy chỗ không nên sợ lại sợ. Chỗ đáng sợ là lửa thể không kín đáo, khiến cho ái dục... Phát sanh, đó là thấy chỗ đáng sợ không sợ. Chúng sanh ôm ấp tà kiến vì chấp thủ kiến sai lầm ấy, sau khi mệnh chung sanh vào khổ cảnh.

Dứt thời pháp, phái Nigantha xuất gia theo chánh pháp. Pháp thoại có lợi ích cho hội chúng.

XXII. 8- MÔN ĐỒ NGOẠI GIÁO

(PC. 318-319)

"Alajje...".

Pháp cú này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi ngụ tại Jetavana, đề cập đến môn đồ ngoại giáo.

Tương truyền rằng: Một ngày kia vài người ngoại đạo thấy con mình chơi đùa cùng với những đứa bé con nhà chánh kiến, mẫn cuộc chơi chúng về nhà, bị cha mẹ chúng ngăn cấm rằng: "Không được đánh lễ các Sa Môn Thích Tử, và không được đến chùa của các Sa Môn"

Một hôm chúng đang chơi gần cổng chùa Jetavana, chúng khát nước nên bảo những đứa kia vào chùa xin nước uống. Lúc vào chùa mấy đứa kia đánh lễ Bậc Đạo Sư và thuật lại chuyện ấy.

Đức Phật bảo chúng kêu đám trẻ nọ vào chùa uống nước. Sau khi chúng uống xong, Ngài giảng giải Giáo pháp cho nghe, chúng phát tâm tín thành quy y. Chúng trở về thuật lại cha mẹ nghe, cha mẹ chúng không hài lòng rằng:

- Các con đã sai lầm rồi.

Lúc bấy giờ, đứa trẻ thông minh nhất đám, đã truyền lại bài Pháp mà chúng vừa được nghe cho họ bớt phần nộ.

Cha mẹ chúng nghe xong vô cùng hoan hỷ:

- Chúng ta sẽ giao những đứa bé này cho Sa Môn Gotama.

Rồi họ đi đến Tịnh Xá yết kiến đức Phật. Đức Phật quán xét thấy được túc duyên của họ, Ngài thuyết lên kệ ngôn như sau:

318-

"Avajje vajjadassino
Vajje cāvajjadassino
Mochādiṭṭhisemādānā
Sattā gacchanti duggatim"

319-

"Vajjañ ca vajjato ñatvā
Avajjañ ca avajjato
Sammaṭṭhisamādānā
Satta gacchanti suggatim"

- Chúng sanh nghĩ lỗi lầm ở chỗ không có lỗi, không thấy sai ở chỗ sai. Ôm ấp tà kiến sẽ rơi vào khổ cảnh.

- Chúng sanh hiểu sai, biết sai, thấy đúng, biết đúng, là có chánh kiến sẽ vào nhàn cảnh.

CHÚ THÍCH:

Trong những câu văn ấy, câu Avajje trong Chánh kiến có 10, nhờ pháp trợ duyên cho tri kiến chân chánh.

Vajjamatino tưởng rằng: "Có lỗi". Nhưng chúng sanh không thấy sai ở chỗ sai, tà kiến có 10, những sai lầm trợ duyên cho tà kiến, chúng sanh ôm ấp tà kiến, cho mình đúng, nhận thức chánh cho là tà, tà cho là chánh. Do đó cứ khẳng khẳng cố chấp, sau khi chết sanh vào khổ cảnh.

Bài kệ thứ hai, Bậc Trí hãy hiểu nghịch lý như đã nói trên.

Dứt thời Pháp, cả những người ấy đều quy y Tam Bảo và chứng quả Dự Lưu.

DỨT CHUYỆN MÔN ĐỒ NGOẠI GIÁO

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXIII. PHẨM VOI

XXIII. 1- CHUYỆN BẠCH ĐẠO SU

(PC. 320..322)

"Aham nāgo' va...".

Pháp Cú này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại kinh thành Kosambi.

Chuyện này được nói rõ trong phẩm BÁT KHINH SUẤT. Tuy nhiên ở đây chỉ trích lược: Khi thứ phi Magandiyā không làm được gì Hoàng Hậu Sāmāvati và 500 cung nữ, nên tìm cách ám hại đức Phật. Nàng thuê người cả những côn đồ, nô lệ hay bất cứ ai, khi thấy đức Thế Tôn đi vào thành phố là lảng mạ Ngài thậm tệ. Những kẻ sai lầm, không tin nơi Tam Bảo cứ đi theo sau đức Phật mà mắng nhiếc Ngài với 10 thô tục ngữ như: Người là đồ cướp, đồ ngu, đồ điên, đồ lừa, đồ bò, đồ lạc đà, đồ súc sanh, địa ngục, người không thể sanh về nhân cảnh, người chỉ có khổ cảnh mà thôi.

Không chịu nổi, Đại đức Ānanda bạch thỉnh đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Dân cư ở đây lảng mạ chúng ta, vậy xin Ngài hãy đi nơi khác vậy.
- Đi đâu đây hỡi Ānanda!
- Bạch Thế Tôn, đến nơi nào cũng được, miễn là rời khỏi đây.
- Nếu người xứ đó lại mắng chửi nữa thì phải làm sao?
- Bạch Ngài! Chúng ta sẽ đi xứ khác nữa.
- Nếu nơi mới lại lảng mạ chúng ta nữa thì sao?
- Bạch Thế Tôn! Ta lại tiếp tục đến xứ khác nữa.
- Này Ānanda! Không nên như thế, sự kiện nào khởi sanh nơi đâu thì phải dàn xếp chính tại nơi ấy, rồi mới ra đi. Này Ānanda! Ai là người lảng mạ chúng ta?
- Bạch Thế Tôn, tất cả mọi người ngay cả những nô lệ.
- Này Ānanda! Ta ví như voi chiến lâm trận, bình thản vững tiến trước làn tên mũi đạn tứ phía bắn vào. Cũng vậy, hãy thản nhiên hứng chịu những lời nguyện rửa ấy đi.

Rồi Ngài thuyết lên bài kệ như sau:

320-

"Aham nāgo' va saṅgāme
Cāpāto patitaṃ saram
Ativākyam titikkhissam
Dussilo hi bahujjano".

321-

"Dantaṃ nayanti samitiṃ
Dantaṃ rājābhirūhati
Danto seṭṭho manussesu
Yo tivākyam titikkhati".

322-

"Varam assatarā dantā
ājāniyā ca sindhavā
Kuñjarā ca mahānāgā
Attadanto tato varam".

- "Như Lai sẽ chịu đựng những lời nguyên rủa, giống như voi chiến ở trận mạc, hừng lãnh những làn tên mũi đạn. Thật vậy, phần nhiều là những người sống phi pháp".

- "Người ta dẫn những con ngựa đã khéo điều luyện đến nơi (Vua quan) hội họp. Nhà vua chọn con nào thiện xảo nhất để cưỡi. Cũng vậy, giữa những người, tối thượng nhất là người thiện xảo chịu đựng những lời nhục mạ".

- "Cao quý thay, những con lừa thuần thực, những con ngựa thuần chủng của xứ Sindha và những thốt tượng sang trọng có ngà, hơn những loài thú khác. Nhưng con người thuần thực (tự che) là hơn tất cả".

CHÚ THÍCH

Nāgo va: Giống như thốt tượng. Hai câu: Cāpāto patitam rōt khōi cung. Câu Ativākyam là vọng ngôn, có tám điều (1- Aditthe ditthivāditā: Không thấy nói thấy 2- Assute sutavāditā: Không nghe nói nghe 3- Amute mutavāditā: Không hiểu nói hiểu 4- Aviññāte viññātavāditā: Không biết nói biết 5- Ditthe aditthavāditā: Thấy nói không thấy 6- Sute asutavāditā: Nghe nói không nghe 7- Mute amutavāditā: Hiểu nói không hiểu 8- Viññāte aviññātavāditā: Biết nói không biết).

Titikkhissam: Như Voi thuần thực lâm trận, phải hừng lãnh những mũi tên bắn vào người thế nào, Như Lai sẽ kham nhẫn đối với những lời lăng mạ như vậy.

Dussilohi: Thế gian rất nhiều người phi pháp, nói những lời thô bỉ cho vừa ý mình. Sự kham nhẫn là trách nhiệm của Như Lai.

Samitim: là giữa hội chúng như nơi vườn Thượng Uyển - Hội trường... bò hay ngựa kéo xe rất điều luyện.

Rājā Đức Vua rất hài lòng khi cỡi con vật khéo thuần thực.

Câu Manussesu Những người thiện xảo chấm dứt mọi phiền não bằng Tứ Thánh Đạo, là người tối thượng nhất.

Yotivākyam người kham nhẫn là không trả lời, không rung động trước những lời lẽ thô bỉ, vì đã khéo huấn luyện, đó là người tối thượng nhất.

Mẹ ngựa - cha lừa sẽ sanh ra con La thuần thực, gọi là Assatara. ājāniyā nhạy bén trong lúc người xà ích luyện tập.

Ngựa sinh ra ở xứ Sindha gọi là ngựa Sindha, thốt tượng gọi là voi chiến.

Attadanto... Lừa thuần thực hay ngựa thuần chủng hoặc voi chiến đã khéo huấn luyện là thú quý nhất. Người tự điều phục mình, chấm dứt mọi trói buộc bằng Tứ Thánh Đạo, người này còn cao quý hơn tất cả những loài thuần chủng ấy.

Dứt thời Pháp, những người đứng lăng mạ Ngài ở ngã ba đường chúng quả Dự Lưu.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

CHUYỆN MỘT TĂNG SĨ

(PC. 323)

"Na hi etehi...".

Pháp Cú nầy Bạc Đạo Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến vị Tỳ khưu trước kia huấn luyện voi.

Được nghe rằng: Một ngày kia, vị ấy thấy người nài đang huấn luyện con voi ở gần bờ sông Aciravati, nhưng không điều khiển được nó, thấy vậy vị ấy chỉ cách điều voi cho người nài voi:

- Anh hãy thọt đót vào chỗ đó, chỗ đó, thì nó sẽ vâng lời anh ngay. Theo lời chỉ dẫn của vị ấy, người nài voi đã thành công. Chư Tỳ khưu bạch trình chuyện nầy lên đức Thế Tôn. Ngài cho đòi vị ấy đến, phán hỏi rằng?! Nầy Tỳ khưu! Hư thật ra sao vậy?"

Khi vị ấy xác nhận là đúng theo sự thật như thế. Ngài khiển trách:

- Hỡi kẻ cuồng si, vì sao ngươi lại làm như vậy. Vì rằng chẳng có cỗ xe nào đưa mình đến cứu cánh cả, chỉ có tự khắc phục lấy mình mới đi đến đó được. Do đó, hãy tự đào luyện mình, cần gì với những phương tiện đó chứ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn như sau:

323- "Na hi etehi yānehi
Gaccheyya agatam disam
Yathā attanā sudantena
Danto dantena gacchati".

- "Chắc chắn không bao giờ có những phương tiện đưa đến cứu cánh, giống như người khéo điều luyện khắc phục tự ngã chân chánh".

CHÚ THÍCH

Bài kệ nầy có ý rằng: Đến mục đích là Níp Bàn, thì dù cho có mơ ước đi bằng phương tiện nào cũng chẳng được. Chỉ trừ ra tự đào luyện trí tuệ để đưa đến Níp Bàn là chỗ chưa từng đến, phải thu thúc các căn ở giai đoạn đầu, tu tiến Thánh Đạo ở giai đoạn cuối như vậy. Vì vậy phải chuyên cần khắc phục tự ngã tối thượng.

Dứt thời pháp, nhiều người chứng quả Dự Lưu...

DỨT TÍCH: MỘT TĂNG SĨ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXIII. 2- BÀ LA MÔN LÃO NIÊN

(PC. 324)

"Dhanapālako...".

Khi Bạc Đạo Sư khưu trú ở Jetavana, Ngài đề cập đến con trai vị Bà la môn già.

Được nghe rằng: Tại thành Sāvattthī có một ông Bà la môn có gia sản trị giá là 80 koti, ông có bốn người con. Khi chúng trưởng thành, ông phân chia cho chúng nửa gia sản. Rồi thì theo định luật vô thường, nó như bóng câu qua cửa sổ, vợ ông mệnh chung. Bấy giờ các con ông bàn tính rằng:

- Nếu ông ta bước thêm bước nữa thì e rằng gia đình suy sụp, vì phải chia tài sản cho em cùng cha khác mẹ. Nhất trí cùng nhau, họ an ủi và phụng dưỡng cho ông. Hằng ngày chúng săn sóc cho ông từ miếng ăn thức uống, cho đến việc tắm rửa cho ông rất chu đáo. Ngày kia, sau khi ông thức dậy, chúng vừa vệ sinh cho ông vừa nói về kiếp sống thế tục đau thương, rồi khẩn khoản:

- Cha hãy an lòng, chúng con sẽ nuôi dưỡng cha suốt đời. Vậy cha hãy giao hết gia sản cho chúng con đi.

Và ông đã cho thêm mỗi người là 10 koti tiền vàng, chỉ chừa lại những bộ xiêm y. Người con trưởng nuôi ông được vài ba ngày, rồi khi ông vừa đi tắm trở về, nàng dâu hỏi ông rằng:

- Cha có cho anh hai hơn những người kia số tiền là 100 hay 1000 đồng vàng đâu? Sao cha lại ở nơi nầy lâu như thế, mà không ở những nhà người kia.

Ông tức giận nạt rằng: "Thôi người hãy im đi!". Ông bỏ đi đến nhà người con trai thứ hai, và vài ngày sau ông cũng bị nàng dâu thứ hai hỏi như thế. Ông lại lần lượt đến hai nhà của hai người con kia, cũng bị như thế nữa. Sự đau buồn càng lúc càng dồn dập trong tâm ông, ông quyết định xuất gia làm Đạo sĩ, đi hành khất từ tháng nầy sang năm nọ nên thân thể hao mòn, sức lực ngày càng mỗi mòn vì thiếu chất bổ dưỡng. Ông cảm thấy mình cô đơn hiu quạnh, khi tuổi đã xế chiều mà không có người con nào nuôi dưỡng cả. Càng nghĩ ông càng buồn tủi, chợt ông nhớ đến đức Phật "Sa môn Gotama vẻ mặt thanh nhã vui tươi, lời nói thanh tao nhã nhặn". Rồi ông mang hành trang đi đến trú xứ của đức Thế Tôn, để tìm nguồn an ủi tinh thần.

Thật vậy, ngay cả những vị ācāriya đã ghi lại: Lúc đó, Bà la Môn ấy thiếu não, xiêm y tả toại, đi đến điện kiến đức Phật.

Bậc Đạo Sư thấu rõ nỗi khổ tâm của ông, Ngài bèn phán hỏi:

- Nầy Bà la Môn vì sao người u buồn, y áo rách rưới đến như vậy?

Ông nói với những nỗi nghẹn ngào:

- Thưa Sa môn Gotama! Tôi có bốn người con. Chúng nghe lời vợ sàm tấu nên đuổi tôi đi.

- Nầy Bà la Môn! Nếu vậy ông hãy học lấy bài kệ nầy, đi đến chỗ đông người, chớ có con ông ông hãy đọc lên: "Tôi có bốn người con, tôi thương chúng vô hạn, mong muốn chúng trưởng thành hạnh phúc, nhưng ngờ đâu chúng hắt hủi tôi như con chó uy hiếp con lợn. Chúng là kẻ phi nghĩa, hạ liệt, tuy hình thức là con tôi nhưng thực chất là loài phi nhơn dã thú, chúng bỏ tôi lang thang buồn khổ khi tuổi xế chiều, nên bây giờ phải đi hành khất từng nhà, giống như ngựa già không còn sức kéo xe, nên bị họ mổ thịt vậy. Tôi còn có cây gậy quý báu, những người còn hồ nghi: Cây gậy đồng nghĩa với con bò dữ hoặc con chó, tuy nhiên nó có hại đối với người không khéo dùng. Khi đi ban đêm bị ngã nó chống đỡ tôi dậy, nó trở thành hữu dụng đúng cách".

Sau khi thọ trì bài kệ nơi đức Thế Tôn rồi, nhân ngày hội có đủ mặt mọi người, có cả những nghịch tử của ông, đứng giữa hội chúng, ông kiến nghị: "Tôi muốn nói với quý vị bài kệ nầy, chẳng hay quý vị có lắng nghe hay chăng?"

Mọi người nôn nóng muốn nghe, ông liền nói lên bài kệ ấy. Lúc ấy, những vị có quan chức đã đề nghị:

- Người con nào đã thừa hưởng phụ ấm (mà) không phụng dưỡng cha mẹ. Người con ấy phải xử tử.

Lúc bấy giờ, các con ông quì xuống khẩn cầu:

- Cha ơi! Xin cha thương xót tha chết cho chúng con.

Ông xúc động tình phụ tử nên cũng xin cho con rằng:

- Xin quý vị hãy ân xá cho chúng, chúng sẽ nuôi dưỡng tôi.

Khi mọi người quyết định: "Kể từ nay trở đi, các người phải hết lòng phụng dưỡng ông, nếu còn tái phạm chúng tôi sẽ trừng trị đích đáng". Các con thất kinh, rước ông về tắm rửa sạch sẽ thoa sức hương liệu... Các nữ Bà la môn cũng đến răn dạy: Từ nay trở đi các người hãy cố tâm chăm sóc cho ông, nếu còn tái phạm sẽ bị trừng trị đích đáng đó".

Nhờ vật thực bổ dưỡng nên thân thể ông hồng hào mập tròn, hai ba ngày sau thân thể ông khỏe mạnh. Ông lại nhớ đến đức Phật nên mới được như vậy. Ông mang một cặp vải đến dâng Ngài, đảnh lễ Ngài rồi bạch rằng:

- Thưa Sa môn Gotama, con là Bà la môn được tài sản nhờ Ngài, xin Ngài vui lòng nhận chút quà nhỏ bé này, gọi là tấm lòng thành của con, (kể từ nay) con xin làm đệ tử Ngài.

Đức Thế Tôn nhận lãnh cặp vải rồi, Ngài giảng pháp tế độ cho ông. Dứt thời pháp, ông Bà la môn quy y Tam Bảo, rồi bạch rằng:

- Thưa Sa môn Gotama! Con được bốn bát cơm của con cho con, con xin dâng Ngài hai bát.

- Lành thay! Nầy Bà la môn Ta sẽ đến đó theo ý ông.

Ông về nhà bảo các con: "Các con ơi! Sa môn Gotama! là bạn của cha. Ngày mai Ngài đến đây, các con nhớ dâng hai bát cơm nầy cho Ngài".

Sáng ngày đức Phật ngự đến nhà con Trưởng nam của ông. Vừa thấy Ngài, y rước bát thỉnh vào nhà an ngự chỗ thích hợp và đã dâng cúng thực phẩm thượng vị. Tuần tự mỗi ngày, Ngài tiếp tục ngự đến nhà những người con kia. Và những người ấy đã dâng cúng Ngài rất kính trọng.

Ngày hôm sau, người Trưởng nam tổ chức lễ cầu an mới thưa với ông Bà la môn: "Thưa thân phụ! Chúng con sẽ thỉnh vị nào tụng kinh an lành?"

- Cha chỉ biết Sa môn Gotama, bạn của cha thôi.

- Nếu vậy, cha hãy thỉnh Ngài và 500 vị Tỳ khưu sáng mai đến đây thọ thực.

Ông đã đến thỉnh Ngài. Sáng ngày Bậc Đạo Sư cùng Tăng chúng ngự đi, gia tộc đã cung thỉnh đức Thế Tôn và Tăng chúng an vị nơi sang trọng và thích hợp, cúng dường cơm để hỗ cùng vật thực thượng vị. Bốn người con của ông bạch rằng:

- Thưa Sa môn Gotama! Chúng con đã phụng dưỡng thân phụ của chúng con chu đáo, xin Ngài từ bi tế độ cho ông.

- Các người đã hành hiện sự, sự nuôi dưỡng cha mẹ, các bậc trí tuệ ngày xưa đã từng làm rồi.

Và Ngài thuyết giảng Bốn Sanh chi tiết rằng: "Con tượng ấy bỏ đi vì những cây non đâm chồi sung mãn"... Rồi Ngài thuyết bài kệ như sau:

324- "Dhanapālako nāma kuñjalo
Kaṭukappabhedano dunnivārayo
Baddho kabalaṃ na bhuñjati
Sumarati nāgavanassa kuñjaro"

- "Tượng Dhanap alako bất trị, bị giam cầm bỏ ăn, nhịn đói. Tượng (luôn) nhớ tưởng về rừng nhà".

CHÚ THÍCH

Câu Dhanapālako nāma đó là tên con voi của Đức vua Kāsikarāja, do người nài voi bắt ở rừng Nāga (Mù U) đem về.

Kaṭukappabhedano hung tợn. Thật vậy, trong lúc nó thịnh nộ, hai tai nó vểnh lên, ngay cả lúc bình thường nó không sợ vũ khí, nhưng con tượng Dhanapālako rất hung dữ, vì thế đức Thế Tôn gọi là Kaṭukappabhedano dunnivārayo.

Câu Baddho kabalaṃ na bhuñjati: Voi Dhanapālako bị giam cầm dù nhà vua ra lệnh cho họ trái lốt thảm nhưng và cho ăn những thức ăn ngon, nó chẳng màng đến, cho nên câu: Baddho kabalaṃ na bhuñjati (nầy) đức Thế Tôn chỉ về trạng thái của con tượng bị giam cầm.

Samurati nāgavanassa chẳng phải con voi Dhanapālako chỉ nhớ về khu rừng, trú xứ an lành, mà nó nhớ tưởng mẹ phải xa lìa con, con voi ấy luôn có pháp phụng dưỡng cha mẹ và dẫn đo suy nghĩ: "Vật thực nầy đối với ta có ích gì". Mà chỉ luôn lo nghĩ về cha mẹ. Chính con voi ấy có những pháp đó cho nên đức Phật gọi là Sumarati nāgavanassa kuñjaro".

Sau khi Ngài thuyết dẫn Bốn Sanh của con tượng ấy, các con của Bà la môn già động tâm, thân tình phụ tử nổi lên dào dạt và thối nhập lạc pháp, rồi Ngài thuyết lên Tứ Thánh Đế.

Dứt thời Pháp Bà la môn cùng các con chúng quả Dự Lưu.

DỨT TÍCH: BÀ LA MÔN LÃO NIÊN

XXIII. 3- QUỐC VƯƠNG PASENADIKOSALA

(PC. 325)

"Middhī yadā...".

Pháp Cú này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, để cập đến Vua Pasenadikosala.

Tương truyền rằng: Ngày kia Đức vua ăn uống quá độ, không tiết chế vật thực, rồi đi đến yết kiến đức Phật, thân hình mệt mỏi khó chịu, ráng kham nhẫn hôn mê, mãi lo nhìn quanh quẩn. Lúc bấy giờ đức Thế Tôn Ngài phán hỏi rằng:

- Nầy Đại Vương! Đại vương chưa được nghỉ ngơi sao lại đến đây?

- Bạch Thế Tôn! Vì con ăn quá độ nên thấy khó chịu.

Đức Thế Tôn phán rằng:

- Nầy Đại Vương! Người ăn uống thiếu tiết độ thường cảm nhận là khổ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

325- "Middhī yadā hoti mahagghaso ca
Niddāyitā samparivattasāyī.
Nihāvarāho va nivāpapuṭṭho
Punappunam gabbham upeti mando."

- "Người thiếu trí ăn quá độ, khi mê thích ngủ, ngã lăn nằm dài như con heo to mà họ nuôi bằng thức ăn thừa như vậy. Người ấy sanh tử trở đi trở lại triền miên".

CHÚ THÍCH

Trong những câu văn ấy, câu Middhī: Người uế oải hôn mê.

Mahagghaso: Người ăn quá độ giống như āharahatthakabrāhmaṇa alaṅsātakabrāhmaṇa, tathavaṭṭhakabr'ahmaṇa, kākamāsakabrāhmaṇa và bhuttavammika- brāhmaṇa: Một người nào.

Nivāpapuṭṭho nghĩa là: Được nuôi bằng cám... Thật vậy, con heo được họ nuôi từ nhỏ, thân hình béo mập, cứ quanh quẩn trong chuồng rồi ngủ mê man. Cũng vậy, Ngài giảng giải: "Như người hôn mê ăn nhiều, không thể luyện tập thân thể khỏe mạnh, thường ngủ mãi như con heo to được họ nuôi bằng thức ăn thừa thế nào. Khi người không thể suy niệm về Tam tướng "Aniccaṃ, dukkhaṃ, anattā" được, vì trí tuệ lu mờ, nặng bụng, khó chịu.

Dứt thời Pháp, Ngài liền thuyết tiếp bài kệ:

"Người chánh niệm luôn khi, ẩm thực tiết độ, thiếu bệnh và trường thọ". Ngài đã dạy thanh niên Uttara bài kệ này: Khi nào Đức Vua dùng, người hãy nói lên để Đức Vua tiết chế lại. "Y theo lời dạy của Ngài, Uttara nói lên kệ ngôn ấy khi Đức vua đang dùng vật thực".

Nhờ sự khuyên dạy của đức Phật, nhà vua ăn uống tiết độ, thân thể khỏe mạnh, càng tăng thêm niềm kính mến Ngài, rồi Đức vua cúng dường trọng thể trọn 7 ngày. Sau khi Ngài phúc chúc, hội chúng tại nơi ấy chứng quả Thánh Nhân.

XXIII. 4- SA DI SĀNU

(PC. 326)

"Idam pure...".

Kệ ngôn này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, để cập đến Sa di Sānu.

Tương truyền rằng: Sa di tuổi trẻ ấy là con của một cận sự nữ, được mẹ cho xuất gia từ nhỏ. Sau khi xuất gia, vị ấy giữ giới hạnh rất trang nghiêm, luôn làm tròn phận sự đối với bậc Trưởng thượng như thầy Hòa thượng, thầy Giáo thọ và những vị Khách Tăng.

Một tháng tám ngày (bát quan) vị ấy thức dậy sớm, múc nước nhà tắm, quét dọn giảng đường, thắp hương dâng, vị ấy thuyết pháp rất thanh tao, lời nói ngọt ngào tuyệt diệu. Chư Tỳ khuru thường biết Sānu là người có nhiều kiến thức nên thường mời Sa di giảng Pháp. Vị ấy không bao giờ viện lẽ mệt mỏi hay bệnh hoạn, luôn sẵn lòng giảng giải, lời nói rất trôi chảy như nước từ hư không đổ xuống, luôn hồi hướng công đức Pháp thì đến cha mẹ. Mọi người đều biết sau thời giảng vị ấy luôn tâm nguyện như vậy.

Một nữ Dạ xoa là mẹ kiếp trước của Sa di Sānu, bà cùng chư Thiên được Sa di hồi hướng phước Pháp thí. Chư thiên giới đức trang nghiêm hằng được chư thiên và nhân loại mến mộ. Do đó, chư thiên rất kính trọng và nể sợ Sa di như vị Đại Phạm Thiên. Cả nữ Dạ xoa là mẹ của Sānu cũng kính trọng Sa di, những lúc thính pháp hay hội họp nơi đâu, nữ Dạ xoa nhờ năng lực hồi hướng pháp thí của Sānu mà được chư thiên kính trọng. Các nữ dạ xoa khác rất ưu trọng nữ Dạ xoa về cung cách như nhường chỗ sang trọng, đãi những loại nước thơm ngon tinh khiết, hoặc những vật thực thượng vị, vì luôn tâm niệm "Dạ Xoa nữ này là mẹ của vị Sa di Sānu.

Dù cho nữ Dạ Xoa đại uy lực khi thấy nữ Dạ xoa này cũng kiêng nể mà nhường đường, nhường chỗ.

Khi đến tuổi trưởng thành, thân hình tráng kiện, bị mùi tục lụy cám dỗ. Sa di chán nản với đời sống đạo hạnh, để tóc và móng tay dài, y bát như nhóp, thui thủi một mình trở về nhà mà chẳng tỏ bày cho ai biết cả. Mẹ ông thấy ông về nhà mới hỏi rằng:- Khi trước Sư về nhà với chư Tăng hay thầy Hòa thượng hoặc Giáo thọ sư hoặc bạn đồng phạm hạnh, mà sao hôm nay Sư lại về một mình.

Sa di trình bày sự việc ấy cho mẹ biết. Bà mẹ là tín nữ thuần thành, bà có giải thích về sự khổ của thế tục bằng cách nào đi nữa, Sa di cũng không chán nản, vẫn khẳng khái quyết định theo ý muốn mình. Bà mẹ nói:

- Thôi, nếu sư đã quyết định thì hãy chờ tôi nấu cơm ăn xong rồi, sẽ lựa những loại hàng quý để may đồ theo ý thích của sư.

Rồi trải chỗ ngồi cho Sa di gần chỗ bà nấu cơm. Trong lúc đó, nữ Dạ xoa suy nghĩ: Sa di đi đâu? Có được vật thực hay chưa? Bà thấy được ông đang ở nhà và có ý niệm hoàn tục, nghĩ rằng: Ông này sẽ làm cho ta thẹn với Chư Thiên, Ta phải đến khuyên ngăn chuyện hoàn tục của ông. "Rồi nhập vào Sa di, bẻ vô mắt trợn ngược, sôi bọt miếng, té sấp dưới đất. Bà mẹ thấy thế hết hoảng la to rằng: "Ồi này Sa di", rồi ôm con vào lòng. Tất cả mọi người chung quanh tụ lại cúng vái khẩn cầu". Bà tín nữ than khóc bằng kệ ngôn rằng:

- *"Người thọ trì Bát quan
Trong một tháng tám ngày
14, 15 và mùng tám
Giữ tròn ngày đưa rước
Thực hành phạm hạnh ấy
Dạ xoa không uy hiếp
Tôi tín thọ lời này
Từ những bậc La Hán
Tại sao ngày hôm nay
Tôi thấy các Dạ xoa
Bắt ta đi Sānu".*

Nữ Dạ xoa nghe bài nói kệ như thế, liền đáp rằng:

- *"Dạ xoa không uy hiếp
Những người thọ rất quen
Trong một tháng tám ngày
14, 15 và mùng tám
Giữ tròn ngày nguyện xả*

*Thực hành phạm hạnh ấy
Đó là lời giảng dạy
Của các Bạc La Hán
Chân chánh và thuần mỹ".*

Rồi bà nói tiếp rằng:

*- "Xin bà hãy thuật lại
Những lời của Dạ Xoa
Cho Sa di Sānu
Tĩnh ngộ và chánh niệm
Ông không nên tạo ác nghiệp
Chỗ thanh vắng hay kín đáo
Một khi ông sắp làm
Đây đang làm một tội nào
Dù ông bay trốn đâu
Cũng không thoát khỏi khổ đau".*

Nữ Dạ Xoa nói: "Một khi đã tạo các ác nghiệp, dù có cánh bay như các loài chim cũng không tránh khỏi". Rồi bà xuất ra.

Sa di tỉnh lại, thấy mẹ xả tóc khóc than và có rất nhiều người láng giềng vây quanh, không biết mình đã bị phi nhon nhập vào, ông ngạc nhiên hỏi mẹ rằng:

- Khi này con ngồi trên ghế, mẹ ngồi nấu cơm gần đây, sao giờ con lại nằm dưới đất.

Ông lại hỏi mẹ bằng kệ ngôn rằng:

*- "Mẹ ơi người ta khóc
Những người chết hay sống?
Ở đây không thấy nói
Mẹ ơi! Mẹ có thấy
Con vẫn còn sống mà
Mà sao lại khóc than
Tại sao vậy hở mẹ".*

Bà liền nói về các tai hại của đời sống thế tục, cùng ác quả của người đã từng xuất gia, từ bỏ lạc thú ở đời và bây giờ định hoàn tục. Bà đáp rằng:

*"Thật đúng vậy con ạ
Người ta khóc kể người
Quá cố hay sinh tồn
Ở đây không để cập
Mà ở đây chỉ nói
Người ta than khóc cho
Người đã bỏ trần tục
Bây giờ lại trở về
Thọ hưởng trần dục lạc
Dù người ấy còn sống
Cũng xem như đã chết".*

Sự nguy hại của thế tục, đời sống xuất gia là tốt đẹp, đời sống gia đình tựa như lò lửa than hay như vực thẳm đang trói buộc chúng ta.

*"Con ơi! Con thoát khỏi
Vòng trói buộc, vực thẳm
Mà bây giờ lại rớt*

Vào trời buộc vực thăm".

- Con ơi! Con hãy chuyên cần tinh tấn và bây giờ tôi nhờ ai giải quyết được việc này. Con yêu quý của tôi, xuất gia trong đạo Pháp ví như người đem vật quý trong nhà đang cháy ra ngoài, mà hôm nay lại trở vào căn nhà cháy. Xin quý vị giúp tôi khuyên ngăn Sa di Sānu việc này. Rồi Bà nói lên kệ ngôn rằng:

- *"Xin quý vị giúp tôi
Sách tấn cho Sa di
Tôi nhờ ai giải quyết
Nỗi khổ tâm khó xử
Sa di như vật báu
Được đem từ nhà cháy
Bây giờ trở lại vào
Căn nhà đang bị cháy".*

Sa di Sānu nghe vậy chán nản "không hoàn tục nữa". Và khi đúng tuổi thọ Tỳ khuru. Mẹ ông rất hoan hỷ lo lễ cho ông xuất gia Tỳ khuru.

Sự kiện này thấu đến Bạc Đạo Sư, Ngài đã khuyên dạy rằng:

- Dĩ nhiên, tâm thường bám vào trần cảnh, tức nhiên tâm người ấy không được an vui. Vì vậy, người hãy cố gắng khắc phục tâm cũng như người quản tượng cố gắng điều phục con tượng vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

326- *"Idam pure cittam acāri cārikam*

Yena icchakam yatthakāmam Yatthāsukham

Tadajj'aham niggahessāmi yoniso

Hatthippabhinnaviya ankusaggaho".

- "Trước kia tâm này buông lung phóng dật, theo trần cảnh tùy thích, theo ý muốn. Ngày nay ta nắm vững và điều phục nó với chánh niệm, như người quản tượng trị thốt tượng".

CHÚ THÍCH

Ý nghĩa của bài kệ này là: Trước kia tâm này buông lung, phóng dật tùy thích theo các cảnh như cảnh sắc... Làm theo ước vọng của nó như ái dục... Đó là (đi theo) cảnh trần tùy sở thích của tâm. Khi nào nó chạy theo khi ấy lạc thú cũng bám dính, nhưng hôm nay ta sẽ chế ngự nó, an trú chánh niệm, trói cột nó như người quản tượng nắm vững và điều phục con tượng vậy.

Dứt thời pháp vô số chư thiên và Sānu đặt thành Thánh nhân. Từ đó, tỳ kheo Sānu học giỏi thông suốt Tam Tạng trở thành vị Pháp Sư lỗi lạc và sống đến 120 tuổi mới Níp Bàn.

DỨT TÍCH: SA DI Sānu

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXIII. 5- THỐT TƯỢNG PĀVERAKA

(PC. 327)

"Appamādaratā...".

Bạc Đạo Sư khi trú tại Jetavana, đề cập đến tượng Pāveraka của Quốc vương Pasenadi, thuyết lên kệ ngôn này.

Được nghe rằng: Tượng ấy đã hết sức mạnh vì đã già nua, một hôm đi xuống hồ tắm bị mắc lầy không còn đủ sức để vươn lên khỏi bùn lầy. Mọi người thấy vậy, bàn tán xôn xao: "Tượng này chưa kiệt sức". Sự kiện này thấu đến Đức vua, Ngài truyền lệnh cho người quản tượng "đi cứu tượng khỏi đầm lầy". Ông cho đánh chiêng trống lên như đang sẵn sàng lâm trận. Tượng nổi hăng rút chân ra khỏi đầm lầy. Chư Tỳ khuru thấy sự việc này về bạch trình với Bạc Đạo Sư. Ngài phán rằng:

- Nầy chư Tỳ khuru! Tượng ấy cố gắng rút mình ra khỏi đầm lầy. Cũng vậy, các người hãy tinh cần rút ra khỏi đầm lầy phiền não, cho nên các người hãy nỗ lực như con tượng ấy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Appamādaratā hotha
Sa cittaṃ anurakkhattha
Duggā uddharathattānaṃ
Paṃke satto va kuñjaro".

- Các người hãy thỏa thích trong chánh niệm, hãy tinh cần canh phòng tâm, hãy rút mình ra khỏi đầm lầy như vậy.

CHÚ THÍCH

Câu Appamādaratā: Là các người hãy thỏa thích trong sự bất khinh suất.

Sa cittaṃ nghĩa là hãy canh phòng tâm trong các cảnh trần như sắc trần... Đừng để nó chạy ra theo.

Sanno nghĩa là con tượng cố gắng rút chân ra khỏi đầm lầy, lên bờ được như thế nào, cả các người cũng hãy nhiệt tâm nỗ lực rút khỏi đầm lầy phiền não, thành đạt Níp Bàn như vậy.

Dứt thời Pháp chư Tỳ khuru ấy chứng quả La Hán.

DỨT TÍCH: TƯỢNG PāvĒRAKA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXIII. 6- CHUYỆN CHƯ TỖ KHUU

(PC. 328..330)

"Sace labhetha...".

Khi Bạc Đạo Sư lưu trú khu Lâm Vụ Pālileyyaka thuộc Đại Lâm Rakkhita, Ngài đề cập đến số đông Tỳ khuru, thuyết Pháp thoại nầy.

Tương truyền rằng: Câu chuyện nầy đã có trong kệ ngôn Pare ca na vijānati, thuộc Phẩm Song Yếu.

Thật vậy, câu chuyện đức Thế Tôn trú ngụ tại rừng Rakkhita, Ngài được Tượng chúa phục dịch chu đáo, mọi người đều hiểu rõ. Những gia đình đại cự phú tộc như Trưởng giả anāthapiṇḍika, Bà Visākhā đã khẩn cầu Đại đức Ānanda rằng:

- Bạch Ngài, Ngài hãy nói rõ cho chúng tôi biết hiện Đức Đạo Sư ngụ tại nơi nào?

Cả 500 vị Tỳ khuru khác cũng đến nơi, yêu cầu Đại đức Ānanda thỉnh đức Thế Tôn trở về, muốn diện kiến và nghe Pháp của đức Thế Tôn, vì đã lâu rồi không được nghe.

Đại đức cùng chư Tăng đến rừng Rakkhita, Đại đức suy nghĩ:

- Suốt ba tháng an cư kiết hạ, Ngài sống độc cư một mình, không có bóng dáng vị tỳ kheo nào đến trú xứ của Ngài, mà bây giờ vào đông đảo như thế này thì không thích hợp.

Một mình Đại đức đi vào yết kiến đức Thế Tôn. Tượng chúa Pālileyyaka Vừa thấy Đại đức đến, vội ngăn cản, nó ngâm khúc cây chạy đến. Liên khi đó đức Thế Tôn phán bảo rằng:

- Nầy Pālileyyaka! Hãy tránh ra, đó là đệ tử của Đức Như Lai.

Nghe lời Ngài dạy, nó liền buông cây xuống, tỏ ý thăm hỏi bằng cách nhận y bát. Đại đức Ānanda không trao. Tượng chúa suy nghĩ: "Nếu vị Tỳ khuru nầy đa văn, kiến thức thâm sâu thì không bao giờ đặt y bát trên tảng đá, chỗ ngụ của đức Phật". Đại đức đặt y bát xuống đất, tất nhiên nếu vị Tỳ khuru thông suốt và hành động đúng Luật thì không bao giờ để những vật dụng trên chỗ ngồi hay nằm của vị Thầy. Đại đức đành lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống nơi phải lẽ. Ngài phán hỏi rằng:

- Nầy Ānanda! Người đến một mình hay sao?

- Bạch Thế Tôn! Con đến với 500 vị Tỳ khuru

- Này Ānanda! Nếu vậy chư Tỳ khưu ấy hiện giờ ở đâu?

- Bạch Thế Tôn! Con không biết Ngài như thế nào, nên để các vị nghỉ bên ngoài rồi con vào đây một mình.

- Này Ānanda! Hãy gọi các Tỳ khưu ấy vào đi.

Đại đức Ānanda tín thọ lời dạy đức Thế Tôn.

Khi vào yết kiến, đánh lễ đức Thế Tôn xong rồi, các Tỳ khưu ấy hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ngài là bậc Tối thượng Giác, là Pháp Vương cao thượng, suốt ba tháng Ngài sống đơn độc, chắc gặp nhiều vất vả có lẽ không ai phục dịch Ngài như dâng nước súc miệng...

- Này các Tỳ khưu! Đã có Tượng chúa Pālileyyaka phục dịch Như Lai. Thật vậy, nếu không gặp được bạn đồng hành cùng chung lý tưởng, thì tốt hơn nên đơn độc một mình.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn như vậy:

328- "Sace labetha nipakaṃ saḥāyaṃ
Saddhiṃ caraṃ sādhuviḥāridhiraṃ
Abhibhuyya sabbāni parissayāni
Careyya ten'attamaṇo satimā".

329- "No ce labetha nipakaṃ saḥāyaṃ
Saddhiṃ caraṃ sādhuviḥāridhiraṃ
Rājā va raṭṭhaṃ vijitaṃ pahāya
Eko care mātaṅgaraññ'eva nāgo".

330- "Ekassa caritaṃ seyyo
Natthi bāle sāhāyatā
Eko care na ca pāpāni kayirā
Apposukko mātaṅgaraññ'eva nāgo".

- "Nếu trên đường đời con gặp được bạn đồng hành thân trọng, (thích hợp) để sống với nhau, người có phong cách và trí tuệ, hãy kết hợp với người ấy một cách hoan hỷ và giác tỉnh, sẽ vượt khỏi mọi hiểm nguy".

- "Nếu không gặp được bạn đồng hành thân trọng (thích hợp) để sống chung, người có phong cách chân chính và trí tuệ thì con nên đơn độc một mình như vị vua đã rời bỏ một Vương quốc đã chinh phục, hãy sống một mình như voi sống giữa rừng sâu vậy".

- "Tốt hơn đơn độc một mình, không kết hợp với kẻ cuồng dại, hãy sống cô độc, không hành mọi điều ác, khỏi lo âu như voi Mātanga sống giữa rừng sâu vậy".

CHÚ THÍCH

Nipakaṃ là người có trí tuệ sáng suốt thân trọng

Sādhuviḥāridhiraṃ Phong cách chân chánh và trí tuệ

Parissayāni... Nếu gặp được bạn lành an vui, trú tâm từ sẽ vượt khỏi mọi hiểm nguy như: Sư tử, cọp... Và vắng lặng ái dục, sân hận. Tất cả hãy kết hợp với người ấy một cách hoan hỷ và giác tỉnh một cách vững chắc.

Rājāva raṭṭhaṃ là như vị Vua từ bỏ ngai vàng, Vương quốc, xuất gia làm Đạo sĩ vậy. Ngài giảng giải "Đức Vua đã từ bỏ lãnh thổ mà ngự trị với ý niệm": Đòi sống Vương giả là sự khinh suất trọng đại, có ích gì cho ta sống trong nhung lụa cao sang" rồi bỏ vào rừng sâu xuất gia làm đạo sĩ, chỉ một mình đơn độc trong Tứ oai nghi thế nào, người hãy sống đơn độc, độc cư một mình như vậy.

Mātaṅga saññeva nāgo: Nghĩa là như Tượng Chúa "Mātanga" suy nghĩ: "Ta thường bị đàn quấy rầy, như voi già, voi trẻ, voi cái, voi con, lúc ta ăn thì chúng kéo ngọn xuống ăn, khi ta vói nhánh cây thì chúng ghì xuống, lúc ta uống nước chúng xuống quấy cho đục nước, bây giờ ta chỉ ra đi một mình". Rồi tượng ấy đơn độc một mình vào rừng sâu, sống an lạc trong mọi oai nghi thế nào, người hãy sống đơn độc như vậy.

Câu Ekassa nghĩa là ra đi xuất gia, hoan hỷ sống đơn độc, tốt hơn là nếp sống cô đơn.

Natthi bāle saḥāyatā nghĩa là Pháp Thượng nhân là: Tiêu Giới (Cūlasīla), Trung giới (Majjhimasīla), Đại giới (Mahāsīla). Mười kathāvatthu, 13 pháp Đầu Đà (dhutaṅgagūṇa), Minh sát tuệ (Vipassanāñāṇa) Bốn đạo, Bốn quả, Tam minh, Lục thông, và Bất Tử Đại Níp Bàn. Đó là Pháp Thượng Nhân của thiện hữu. Những người không thành đạt những ân đức này là kẻ cuồng dại, vì vậy người thiện hữu không kết hợp với kẻ cuồng si.

Câu: Eko care... là do đó, người chỉ sống đơn độc một mình trong mọi oai nghi, dù điều ác nhỏ cũng không tác hành. Người ấy chỉ sống đơn độc như voi Mātanga, khỏi lo âu, đi tự tại giữa khu rừng sâu, nơi nào mình thích như vậy, dù việc ác nhỏ cũng không làm.

Vì thế, Bạc Đạo Sư giảng giải:

- Nếu các người không gặp được thiện hữu, chỉ nên sống một mình.

Dứt thời Pháp, cả 500 vị Tỳ khuru ấy chúng đạt quả A la Hán.

DÚT TÍCH: CHƯ Tỳ khuru

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXIII. 7- CHUYỆN MA VƯƠNG

(PC. 331..333)

"Atthamhi...".

Kệ ngôn này được đức Thế Tôn ngự tại một thảo am trong rừng Himalava, đề cập đến Ma Vương.

Tương truyền rằng: Thời đó các vị vua cai trị thần dân rất khắc nghiệt. Khi ấy đức Thế Tôn quán thấy thần dân bị hình phạt nặng nề của những vị vua bất minh. Ngài an trú Bi quán: "Ta là một minh quân, không uy hiếp hay áp chế kẻ khác, không tranh thắng bại, vô ưu, luôn đem lại hạnh phúc cho mọi người".

Ma Vương hiểu được ý nghĩ của đức Phật "Sa môn Gotama tư niệm - Ta là vị Minh quân - hay sao? Hiện giờ Sa môn Gotama muốn làm Quốc Vương, nếu hoài vọng như vậy, ta sẽ có cơ hội trừ giặc Ngài "Rồi đến yết kiến đức Phật và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy trị vì Vương Quốc, trở thành vị Minh Quân, là không uy hiếp hay áp chế kẻ khác, không tranh thắng bại vô ưu và đem lại an lạc cho mọi người.

Lúc đó Ngài phán hỏi Ma Vương:

- Này ác ma! Người thấy thế nào về Như Lai mà nói bất nhã như vậy?

- Bạch Ngài! Nếu Ngài đã khéo tu tập Tứ Như ý Túc, thì Ngài hãy hóa núi Hy Mã Lạp Sơn này trở thành vàng, khi ấy cả tôi sẽ phục vụ cho Ngài. Nhờ đó Ngài thành kẻ Minh quân.

Rồi Ma Vương nói lên bài kệ rằng:

- *"Núi hãy trở thành vàng
Dù tặng gấp hai lần
Cũng chưa thỏa mãn người
Ai hiểu được như vậy
Hãy thực hành chân chánh
Người đã sinh tồn ra
Thấy khổ đau của Dục
Tại sao người ấy lại
Chìm đắm trong Dục lạc
Ai hiểu rõ sinh tồn
Là trói buộc thế gian
Sao không chịu thực hành*

Để thoát khỏi sinh tồn".

Đức Thế Tôn phán rằng:

- Nầy ác Ma, Như Lai không có gì giống như người vì Như Lai hằng dạy như vậy, người không thể Luân Pháp cùng ta.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

331- "Atthamhi jātamhi sukhā saḥāya
Tuṭṭhī sukhā yā itarītareṇa
Puññaṃ sukhaṃ jīvitsaṅkhaṃ
Sabbassa dukkhassa sukhaṃ pahānaṃ".

332- "Sukhā matteyyatā loke
Atha petteyyatā sukhā
Sukhā samaññaṭā loke
Atha brahmaññaṭā sukhā".

333- "Sukhaṃ yāva jarā silāo
Sukhā saddhā paṭiṭṭhitā
Sukho paññāya paṭilābho
Pāpānaṃ akaraṇaṃ sukhaṃ".

- "Vui thay gặp bạn lúc cần. Lành thay tri túc các vật dụng, đã tạo thiện lúc đời sống chấm dứt. Chấm dứt khổ đau là hạnh phúc".

- "Trên thế gian nầy sự phụng dưỡng phụ mẫu là an lạc, phụng dưỡng cha là an lạc, và phụng dưỡng bậc Thánh nhân là an lạc trên thế gian".

- "Vui thay có giới hạnh từ lúc trẻ chí đến tuổi già. Lành thay có niềm tin vững chắc và thành đạt trí tuệ, lành thay không hành ác".

CHÚ THÍCH

Câu Atthamhi nghĩa là nên làm những việc như may y hay giăng hòa những sự kiện xảy ra trong Tăng chúng, hoặc giải quyết đê dai giữa những người thế tục, người bạn nào có khả năng làm những việc ấy thành tựu hoặc giăng hòa được, đó là thiện hữu đem lại sự an lạc.

Tuṭṭhī sukhā nghĩa là cả những hàng cư sĩ không tri túc mới sanh những bất thiện... Còn bậc xuất gia không tri túc trong vật dụng thường sanh những pháp tà mạng, cho nên cả hai tại gia và xuất gia mới không an lạc. Vì thế, sự tri túc vật nầy vật nọ, tự biết là đủ tức là đem lại an lạc.

Puññaṃ nghĩa là tạo phước theo ý muốn, sẽ an lạc trong lúc lâm chung.

Câu Sabbassa nghĩa là bậc A la Hán đã chấm dứt mọi khổ đau trong luân hồi, là an lạc trên thế gian.

Sự phụng dưỡng mẹ gọi là Metteyyatā.

Sự phụng dưỡng cha gọi là Petteyyata.

Sự phụng dưỡng cha mẹ, đức Thế Tôn gọi cả hai câu đó vậy. Thật vậy, cha mẹ biết các con không phụng dưỡng, những gia sản chôn giấu ông bà đem ra bố thí cho kẻ khác. Những người con phải bị chỉ trích: "Con bất hiếu không nuôi cha mẹ", sau khi chết chúng sanh vào khổ cảnh, còn người con nào phụng dưỡng cha mẹ một cách tôn kính, được thừa hưởng của phụ ấm và được thế gian khen ngợi. Vì vậy, lúc lâm chung được sanh vào nhàn cảnh. Do đó, cả hai điều này, đức Phật gọi là an lạc. Sự phụng dưỡng các bậc Sa Môn gọi là Sāmaññaṭā. Sự phụng dưỡng chư Phật Toàn Giác, Phật Độc Giác, Phật Thịnh Văn Giác gọi là Brāhmaññaṭā vì các Ngài đã chấm dứt mọi điều ác, như cúng dường Tứ vật dụng đến chư Phật. Nên đức Phật gọi cả hai câu này. Điều này Ngài gọi là an lạc trên thế gian này.

Câu Silāo... Những đồ trang sức như ngọc báu, bông tai... Chỉ nổi bật xinh đẹp trong lứa tuổi trẻ, hoặc nếu người già trang sức xinh đẹp như hồi còn trẻ không được, (thế gian) họ sẽ cho là "người loạn trí", còn Giới hạnh như ngũ giới, thập giới... Luôn Đẹp cho mọi lứa tuổi, chí đến tuổi già, hằng đem lại an lạc và được mọi người khen ngợi "thật là một người có giới hạnh". Do đó, đức Phật gọi là "Sukhaṃ yāva jarāsilāo".

Hai câu: Saddhā paṭiṭṭhitā Nghĩa là có cả hai niềm tin: Phạm tín và Thánh tín bất động kiên cố, là đem lại an lạc.

Câu Sukho paññā paṭilābho nghĩa là thành đạt trí tuệ Hiệp thế và Siêu Thế, là an lạc.

Pāpānam akaranam nghĩa là không hành các điều ác, chấm dứt mọi bất thiện bằng Thánh Đạo là an lạc trên thế gian.

Dứt thời Pháp, vô số chư Thiên chứng quả Thánh nhân.

XXIV. PHẨM ÁI DỤC

XXIV. 1- CHUYỆN CON CÁ KAPILA

(PC. 334..337)

"Manujassa pamattacārino...". Kệ ngôn này Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại thành Sāvattthī, nơi Tịnh xá Jetavana, để cập đến con cá Kapila.

Tương truyền rằng: Thời quá khứ, khi Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác có hồng danh là Kassapa đang rực sáng trong thế gian. Khi Ngài Níp Bàn rồi, bấy giờ có hai anh em của một thiện gia tử, xuất gia với chư Tỳ khuru. Người anh có tên là Sodhanā, người em tên là Kapila, mẫu thân là Sodhanā cùng với cô em gái tên là Tāpamā cũng xuất gia làm Tỳ khuru ni trong Ni chúng.

Sau khi xuất gia, hai thiện gia tử ấy đã hành tròn bốn phận đối với Giáo Thọ Sư cùng với Tể Độ Sư. Một hôm, hai vị bạch hỏi thầy rằng:

- Bạch Ngài! Trong Giáo Pháp này có bao nhiêu phận sự phải hành?

- Này Hiền giả! Có hai phận sự cần phải hành là: Pháp Học và Pháp hành.

Tỳ khuru Sodhana suy nghĩ: "Ta sẽ tu tập Pháp hành?". Sau khi ở với Tể Độ Sư tròn năm hạ, Tỳ khuru Sodhana học để mục nghiệp xứ cho thông suốt để đắc chúng A La Hán, mới đi vào rừng chuyên cần hành Sa Môn Pháp và chứng đắc Vô Lậu Quả.

Riêng Tỳ khuru Kapila suy nghĩ rằng:

- "Bây giờ ta còn trẻ, khi đến tuổi già rồi thì sẽ hành pháp Sa Môn cũng chưa phải là muộn".

Vì vậy bắt đầu học Tam Tạng Pháp Bảo, chẳng bao lâu vị ấy thông Tam Tạng, có nhiều tùy chúng vây quanh và lời đắc phát sanh đến cho vị ấy. Do nhân lợi đắc dồi dào Tỳ khuru Kapila phát sanh sự ngã mạn, cho rằng "Ta là bậc đại tri". Y đã dùng biện tài của mình, nói lên những điều sai lệch với chân lý khi tranh biện cùng với người khác, những điều hợp pháp y cho rằng "không hợp pháp" những điều có tội y cho rằng "vô tội". Trái lại điều vô tội y cho rằng có tội, điều không hợp pháp y cho rằng là hợp pháp. Chư Tỳ khuru có Giới hạnh khuyên nhủ y rằng:

- Này Hiền giả Kapila, Hiền giả chớ nên nói như thế.

Chư Tỳ khuru giảng giải Luật đến y, y đã phản nộ đối với chư Tỳ khuru rằng:

- Các vị mà biết cái gì? Các vị ví như người nắm tay trắng...

Thấy khuyên nhủ Tỳ khuru Kapila không có hiệu quả, chư vị ấy đem sự việc ấy bạch lên Trưởng Lão Sodhana. Trưởng lão khuyên ngăn y rằng:

- Này Hiền giả Kapila! Sự thực hành chân chính của Chư Tỳ khuru được xem là tuổi thọ của Giáo Pháp, Hiền giả chớ nên từ bỏ việc thực hành chân chánh Sa môn Pháp.

Rồi Trưởng Lão Sadhana đã khuyên giải những điều hợp lý về Pháp, về Luật... Nhưng Tỳ khuru Kapila vẫn để ngoài tai những lời khuyên nhủ ấy, y không nhận lấy lời khuyên của anh mình.

Trưởng Lão Sodhana đã khuyến giáo Tỳ khuru Kapila đến hai, ba lần mà kết quả chẳng được chi cả. Ngài biết rằng: "Tỳ khuru Kapila là người khó dạy, y đã chẳng vâng lời ta". Ngài bảo với Tỳ khuru Kapila rằng:

- Này Hiền giả Kapila! Nếu sự việc là như thế, Hiền giả sẽ nhận lãnh quả nghiệp của mình vậy.

Và Trưởng Lão bỏ đi. Kể từ đó những vị Tỳ khuru có Giới hạnh thanh tịnh đã lìa xa Tỳ khuru Kapila. Tỳ khuru Kapila có hành vi bất thiện như thế nên thường thân cận với những người bất thiện.

Một hôm, vào ngày Uposatha, Tỳ khuru Kapila đi đến nơi hội họp của chư Tỳ khuru với ý niệm rằng: "Ta sẽ là người Tụng Giới Bổn". Y liền

Cầm quạt đi đến ngôi trên Pháp tòa trong Giảng Pháp đường, hỏi rằng:

- Nầy chư Hiền! Chư Tỳ khuru hội họp nơi đây để tụng đọc Giới Bản phải chăng?

Chư Tỳ khuru im lặng, tự ngã của Kapila bị xúc phạm, y suy nghĩ: Y bèn nói rằng: "Nầy chư Hiền, Pháp chẳng có đâu, Luật cũng chẳng có đâu, lợi ích chi với Giới Bản mà các vị nghe hay không nghe chứ". Nói rồi, y rời bỏ Pháp tòa đi khỏi Giảng đường. Tỳ khuru Kapila đã làm Giáo Pháp của đức Thế Tôn Kassapa tổn giảm như thế. Và Trưởng Lão Sodhana đã Vô Dư Níp Bàn ngay trong ngày ấy.

Khi mãn tuổi thọ, Tỳ khuru Kapila rơi vào A Tỳ địa ngục, mẹ và em gái của y là Sdhanā và Tāpanā thuở sanh tiền đã xu hướng với Tỳ khuru Kapila, đã mắng chửi Tỳ khuru nào khuyên giải Kapila. Do đó cả hai cùng chịu chung số phận như Tỳ khuru Kapila.

Vào thời đó, có 500 thanh niên tụ hội với nhau thành một đảng cướp, bọn cướp đã cướp giạt dân chúng, sách nhiễu đến chúng dân. Bọn chúng sanh sống bằng nghề nghiệp phi chân chánh như thế. Một hôm, chúng dân cùng quan binh truy nã bọn chúng, cả 500 tên cướp chạy vào rừng trốn, nhưng quân binh cùng chúng dân theo rượt quá gắt, bọn chúng chẳng có nơi nào ẩn thân được. Trên đường chạy vào rừng trốn, 500 tên cướp trông thấy vị Sa môn sống hạnh ẩn lâm đang ngồi thiền tư. Chúng vui mừng như bắt gặp tài sản quý, cả 500 tên cướp đến đánh lễ vị ẩn lâm Tỳ khuru, bạch rằng:

- Bạch ngài! Xin Ngài hãy là nơi nương nhờ của chúng con đi.

- Nầy các người, chẳng có nơi nào nương nhờ an ổn cho bằng Giới. Vậy các người hãy thọ trì ngũ giới đi.

- Thưa vâng, bạch Ngài.

Bọn cướp đã thọ trì ngũ giới, thế rồi vị Tỳ khuru khuyên dạy bọn chúng rằng:

- Bây giờ các người là người có giới rồi, dù có thiệt hại đến mạng sống đi nữa, các người cũng không lìa bỏ giới hạnh của mình, một ý ác cũng không nên vọng đến.

- Thưa vâng, bạch Ngài.

Khi ấy, dân chúng cùng quan quân kéo đến bắt được bọn cướp tại nơi ấy, bọn cướp không chống trả lại và bị sát hại hết. Và cả 500 tên cướp thọ sanh vào Thiên giới, tên chúa đảng trở thành vị Thiên tử trưởng của nhóm Thiên tử ấy.

Trải qua tuổi thọ của một vị Phật, 500 Thiên tử ấy tái sanh vào nhân giới, thời đức Phật hiện tại. Cả 500 vị Thiên Tử ấy hạ sanh vào nhân giới, vào bao thai của 500 gia tộc chuyên nghề đánh cá ở ven sông Aciravatī gần kinh thành Sāvattihī. Vị Thiên Tử trưởng nhóm nay cũng là người cầm đầu 500 thanh niên chài lưới ấy. Cả 500 thanh niên đã hạ sanh cùng một ngày như vậy.

Được biết rằng vào ngày hạ sanh đứa bé Trưởng đoàn, gia tộc trưởng của nhóm dân chài cho người đi tìm "có đứa bé nào hạ sanh cùng ngày, trong làng này chăng?". Được biết có 500 đứa bé trai cùng sanh ra trong ngày, nên gia tộc trưởng nhóm dân chài cho tiền trợ cấp nuôi dưỡng của năm trăm hài nhi ấy, với ý niệm rằng: "Những hài nhi này sẽ là bạn của con ta".

Những hài nhi ấy sinh hoạt chung với nhau từ thuở bé cho đến lớn, và con của người trưởng Tộc dân chài có uy quyền hơn cả.

Tỳ khuru Kapila bị thiêu đốt trong lửa địa ngục A Tỳ hết một đời vị Phật, quả nghiệp còn dư sót, vào thời đức Phật Gotama y tái sanh làm con cá vàng ở sông Aciravatī, con cá có làn da vàng óng ánh, nhưng khi nó mở miệng ra thì phát sanh mùi hôi thúi nồng nặc đây là kết quả dị thực của lời phi ngữ đã hủy bán Giáo Pháp chư Phật. một hôm, 500 thanh niên bàn luận cùng nhau rằng:

- Chúng ta ra sông bắt cá đi.

Họ mang lưới đánh dọc theo sông Aciravatī. Con cá vàng đã mắc lưới của 500 chàng thanh niên. Khi kéo lưới lên, thấy con cá vàng xinh đẹp óng ánh, 500 chàng thanh niên reo lên rằng:

- Ô! Lần đầu tiên chúng ta đánh bắt được con cá kỳ lạ như vậy, lần nầy chúng ta sẽ mang đến dâng Đức vua, chắc chắn Ngài sẽ ban thưởng chúng ta trọng hậu.

Những chàng thanh niên mang con cá lên thuyền, bơi thuyền đến Hoàng Cung, dâng lên Đức vua con cá vàng xinh đẹp. Đức vua Pasenadi vị thủ lãnh xứ Kosala phán hỏi rằng: "Cái chi thế?".

- Tâu Bệ hạ! Đây là con cá kỳ lạ mà chúng thần vừa bắt được trên sông Aciravatī.

Trông thấy con cá như thế, Ngài suy nghĩ rằng: "Việc này ngoài Bạc Đạo sư ra, hẳn không ai hiểu được tiền nghiệp của con cá vàng này đâu. Vậy ta hãy mang đến Jetavana bạch hỏi đức Thế Tôn vấn đề này".

Ngài truyền lệnh mang con cá vàng đến Tịnh xá Jetavana, khi con cá mở miệng ra ngáp, một mùi thối nồng nặc bay khắp kinh thành Sāvathī. Đức vua bạch hỏi đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân chi mà con cá này có màu da vàng óng ánh. Và do nhân chi mà miệng nó thối nồng nặc như thế?

- Nầy Đại Vương! con cá này chính là vị Tỳ khuru Kapila, y là bậc đa văn, có nhiều tùy tùng trong thời Giáo pháp của đức Thế Tôn Kassapa, do bị tham đắm lợi lộc chửi mắng chư Tỳ khuru có giới hạnh, vì những vị này đã khuyên nhủ y. Y lại làm tổn giảm Giáo Pháp của Đấng Kassapa. Do nghiệp ác ấy, y phải rơi vào địa ngục A Tỳ trọn cả một đời vị Chánh Đẳng Giáo, khi thoát khỏi địa ngục, quả nghiệp còn dư sót, Tỳ khuru Kapila thọ sanh làm con cá vàng ở sông Aciravathī. Thuở trước do nhờ y thuyết giảng Phật ngôn, tán dương ân đức Phật và thân hạnh của y trong sạch một thời gian, nên có được màu da vàng ròng. Do mắng chửi chư Tỳ khuru và làm tổn giảm Giáo Pháp của đức Thế Tôn nên miệng có mùi thối. Nầy Đại Vương Như Lai sẽ khiến con cá này nói lên sự kiện ấy.

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy làm con cá nói lên đi.

Đức Thế Tôn phán hỏi con cá vàng rằng:

- Này cá Acivaratī! Người thuở trước tên là chi?

- Bạch Thế Tôn! Con là Tỳ khuru Kapila

- Người từ đâu đến?

- Con từ địa ngục A Tỳ thọ sanh lên đây.

- Này Kapila! Anh trai của người ở đâu rồi?

- Bạch Thế Tôn! Anh con là Trưởng lão Sodhana đã Níp Bàn rồi.

- Còn nàng Sodhana, mẹ người hiện ở đâu?

- Đã rơi vào địa ngục A Tỳ rồi, bạch Thế Tôn.

- Còn nàng Tāpanā, em gái của người thì sao rồi?

- Bạch Thế Tôn, cũng rơi vào địa ngục A Tỳ.

- Nầy Kapila, giờ đây người sẽ phải đi về đâu?

- Bạch Thế Tôn! Con cũng sẽ rơi vào địa ngục trở lại thôi.

Cá Kapila bị nhiệt não khi nhớ lại nghiệp ác thuở trước, nó đập đầu vào thuyền và mệnh chung, ngay khi ấy nó lại tái sanh vào địa ngục A Tỳ một lần nữa. Đại chúng kinh cảm trước sự việc ấy, lông tóc dựng ngược.

Đức Thế Tôn khi ấy dùng Phật trí phán xét hội chúng, Ngài thuyết lên Pháp thoại thích ứng với căn cơ hội chúng, Ngài thuyết bài kinh Kapila trong Suttanipāta rằng:

- Bậc trí đã nói lên sự thực hành Pháp và sự thực hành Phạm hạnh, đó là: Viên ngọc quý nhất.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

334- "Manujassa pamattacà- rino
Taphā vaḍḍhati māluvā viya
So plavati hurāhuram
Phalam iccham'va vanasmiṃ vānaro".

335- "Yam esā hahatī jammī
Taphā loke visattikā
Sokā tassa pavaḍḍhati
Abhivaṭṭham'va bīramam".

336- "Yo c'etam sahātī jam- miṃ
Tanham loke ducaccayam
Sokā tamhā papatanti

Udabindu'va pokkharā vo".
 337- "Tam vo vadāmi bhad- dam vo
 Tāvant'ettha sa māgatā
 Taṇhāya mūlaṃ khanatha
 Usīrattho'va bīraṇaṃ
 Māvo nalaṃ va soto'va
 Māro bhañfi punappunaṃ".
 - "Người sống đời phóng dật
 Ái tăng như dây leo
 Nhảy đời này đời khác
 Như vượn tham trái rùng". (334)
 - "Ai sống trong đời này
 Bị ái dục ràng buộc
 Sầu khổ sẽ tăng trưởng
 Như cỏ bị ngập mưa". (335)
 - "Ai sống trong đời này
 Ái dục được hàng phục
 Sầu rời khỏi người ấy
 Như giọt nước lá sen". (336)
 - "Dây điều lành ta dạy
 Các người tụ họp đây
 Hãy nhỏ tận gốc ái
 Như nhỏ gốc cỏ bi
 Chớ để ma phá hoại
 Như giòng nước cỏ lau". (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Pamattacārino nghĩa là: Thiên không phát triển Minh sát, Đạo quả cũng không phát triển với người sống để duôi như thất niệm.

Có lời giải rằng: Giống như dây leo quấn vào thân cây thường phát triển làm cho thân cây ấy bị tổn hại như thế nào, thì ái dục cũng như thế đó. Gọi là đã phát triển cho người ấy qua sáu căn, luôn luôn sanh khởi.

So pariḷavati hurāhuraṃ: Nghĩa là: Người ấy diễn tiến theo đường lối của ái dục, thường lang thang kiếp này sang kiếp khác.

Hỏi rằng: Họ thường lang thang giống như gì?

Đáp rằng: Giống như con khỉ mong muốn trái cây rùng, nhảy nhót trên những cành cây.

GIẢI RẰNG:

Khi con khỉ mong muốn trái cây, nó sẽ nhảy nhót trong rùng, nó nắm lấy cành này, buông bỏ cành kia, bắt lấy cành nọ. Nó không phải là loài thú được người ta bảo rằng: "Vì không bắt được cành cây nên nó ngồi yên", nó cứ lao chao mãi. Cũng vậy, người diễn tiến theo đường lối ái dục, thường lang thang từ kiếp này sang kiếp khác, không thể là người được nói rằng: "Họ không bắt được cành rồi mới ngồi yên, không tâm cầu dục". Họ luôn đi tìm cảnh khả ái.

Câu: Yam... Nghĩa là ái diễn tiến trong sáu căn môn là hạ liệt, vì đó là điều bất thiện, kể là: Visattikā, vì ái dục phóng đi tức là bắt theo cảnh sắc... Giống như vật thực độc, hoa độc, trái độc, vật dụng độc thường xâm nhập người nào, thì các sự sầu muộn như luân hồi làm gốc thường tăng trưởng nhiều trong tâm của người ấy, giống như loại cỏ bén nhọn khi trời mưa xuống thường xanh tươi trong rùng vậy.

Duraccayam.. Nghĩa là: Người nào khắc phục được ái dục như đã nói rằng: Khó vượt qua, vì đó là điều khó dứt bỏ được. Thì người ấy làm cho các sấu muộn như luân hồi làm gốc không thể thấm vào người ấy, giống như giọt nước không thể thấm trên lá sen.

Tam vo vadāmi tức là do đó Như Lai mới dạy các người.

Hai câu: Bhadam vo nghĩa là: may mắn cho các người. Có lời giải rằng: Các người chớ làm tổn hại như Tỳ khuru Kapila này.

Mūlam... Nghĩa là: Các người hãy đào xới tận gốc rễ ái dục diễn tiến trong sáu căn này bằng trí tương ứng đạo A La Hán.

Hỏi: Đào xới tận gốc rễ giống như gì?

Đáp: Giống như người ta đào lấy rễ của loại cỏ bén nhọn bằng cuốc như thế nào, các người hãy đào xới tận gốc rễ ái dục bằng trí tuệ như vậy.

Mā vo nalamva sotova māro bhañji punappunam nghĩa là: Phiền não ma, Tử thần ma, và chư thiên ma chớ để cho nó xâm nhập, chiếm ngự các người mãi mãi giống như giòng nước chảy mạnh cuốn trôi cả lát mọc ở bờ sông vậy.

Dứt pháp thoại cả 500 thanh niên làng chài lưới động tâm, muốn dứt khỏi khổ. Cả 500 thanh niên xin xuất gia sống đời Phạm hạnh trong Giáo Pháp của đức Thế Tôn. Chẳng bao lâu, các vị ấy đã đoạn tận khổ ưu, cùng an trú trong một Pháp là Aneñājavihāradhamma và Samāpattidhamma với Bạc Đạo Sư.

DỨT TÍCH: CON CÁ KAPILA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXIV. 2- CHUYỆN CON HEO NÁI

(PC. 338... 343)

"Yathā'pi mūle... "

Kệ ngôn này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi ngự trú tại Veluvana, gần thành Rājagaha, Ngài đề cập đến con heo nái tơ.

Tương truyền rằng: Một hôm, đức Thế Tôn đi vào thành Rājagaha để trị bình, Ngài nhìn thấy con heo nái tơ, Ngài mỉm cười rồi bước sang vệ đường. Trưởng lão Ānanda trông thấy đức Thế Tôn mỉm cười liền bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân chi duyên chi Ngài lại mỉm cười?
- Này Ānanda! Người có trông thấy con heo nái tơ ấy chăng?
- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Này Ānanda! Con heo nái tơ ấy thuở quá khứ là con gà mái, ở gần ngôi trai đường, nhằm thời đức Phật Kakusandha, Giáo Pháp của Ngài hiển chiếu trong thế gian. Con gà mái ấy được nghe vị Tỳ khuru trì tụng về Thiên Quán, nó nghe kinh với ấn tượng đây là Pháp Bảo. Nhờ hạnh nghiệp ấy, sau khi mệnh chung, con gà mái được sanh làm công chúa tên là Ubbarī. Một hôm, nàng công chúa Ubbarī đi vào nhà cầu, nhìn thấy những con dòi trong hầm cầu, nàng quán tưởng về trước, chứng đắc được Sơ thiền. Sau khi hết tuổi thọ, nàng tái sanh về Phạm Thiên Giới, từ Phạm Thiên Giới nàng tái sanh về nhân giới và do tư vị nên nàng phải sanh làm con heo nái tơ. Do vậy ta mới mỉm cười.

Trưởng lão Ānanda cùng hội chúng Tỳ khuru của Ngài, nghe câu chuyện như thế, tâm kinh cảm vô cùng, chán nản thế gian bản chặt nầy.

Bạc Đạo sư khiến chư Tỳ khuru phát sanh sự động tâm rồi, từ nơi vệ đường Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn:

338- "Yathā'pi mūle anupaddave daḥhe
Chinno'pi rukkho punareva rùhati
Evam pi taṇhānudayē anūhate

Nibbattatī dukkhaṃ idō punappunam".

339- "Yassa chattimsatī so- tà

Manāpassavanā bhusā

Vāhā vahanti duddiṭṭhiṃ

Saṅkappā rāganissitā".

340- "Savanti sabbadhī so- tà

Latā ubbhijja tiṭṭhati

Tañ ca disvā latam jātam

Mūlam paññāya chindatha".

341- "Saritānisianehitāni ca

Somanassāni bhavanti jan- tuno

Te sātasiṭā sukhesino

Te ve jātijarūpagā narā".

342- "Tasiṇāya purakkharā pajā

Parisappanti saso'va bādhitō

Saññojanasaṅgasattā

Dukkham upenti punappunam ciraya".

343- Tasiṇāya purakkhatā pajā

Parisappanti saso' va badhito

Tasmā tasiṇam vinodaye

Bhikkhu ākaṅkhī virāgam attano".

- "Như cây bị chặt đốn

Rễ chưa hại vẫn bền

Sẽ được mọc lên lại

Ái tùy miên chưa nhỏ

Khổ nầy vẫn sanh hoài". (338)

- "Ba mươi sáu dòng ái

Còn đầy mạnh người nầy

Đến cảnh giới ái lạc

Các tư tưởng ái dục

Như giòng nước cuốn trôi

Người có ác tà kiến".

(339)

- "Dòng ái dục chảy khắp

Như dây leo mọc tràn

Thấy dây leo vừa sanh

Với tuệ leo mọc tràn".

(340)

- "Người đời nhớ ái dục

Ưa thích các hỷ lạc

Tuy mong cầu hạnh phúc

Chúng vẫn phải sanh già". (341)

- "Người bị ái buộc ràng

Vùng vầy và lẩn lóc

Như thỏ bị sa lưới

Bị kiệt sử trói buộc

Chúng sanh chịu khổ đau

Tiếp tục và lâu dài". (342)

- " Người bị ái buộc ràng

Vùng vấy và lãn lóc
Như thỏ bị sa lưới
Do vậy, vị Tỳ kheo
Nên nhiếp phúc ái dục
Tự ly tham vô cầu". (HT. TMC.)

CHÚ THÍCH:

Câu Mũle... Punappunam: nghĩa là khi cả năm rễ cây, bốn rễ đâm ra bốn hướng, một rễ chính cắm sâu vào đất thì rễ ấy rễ ấy sẽ vững chắc, không có sự nguy hại nào như chặt, đốn... Ảnh hưởng được. Và khi đó vững chãi như thế, dù người ta có chặt đốn, róc bên trên chẳng nữa, nó vẫn có khả năng tái phát triển lại những cành nhỏ, cành lớn. Cũng vậy, khi khổ sanh, khổ già... Đang còn tiềm ẩn bên trong, tức là sự ngủ ngầm của ái còn đang diễn tiến trong tâm theo sáu năm môn, ái dục ấy chưa bị trí đạo diệt đi, ái ấy vẫn còn tái diễn trở lại từ kiếp này sang kiếp khác.

Yassa... Rāganissitā nghĩa là: ái gồm có ba mươi sáu dòng do tính theo đặc tính của nó, tức là theo 18 nội xứ và 18 ngoại xứ, nó trôi chảy, nghĩa là thường diễn tiến trong các cảnh khả ái như cảnh sắc, cảnh thanh... Nó có bản chất rất mạnh, nghĩa là ái có một sức mạnh khi phát sanh lên cho người nào rồi, nó có sự tầm cầu là pháp đại chủng, vì rằng: Nó hằng làm trưởng, luôn luôn phát sanh không cần nương vào thiên định hay thiên quán. Sự tầm cầu của ái dục ấy không cần nương vào thiên định hay thiên quán. Sự tầm cầu của ái dục ấy thường lôi cuốn người có ác kiến ấy, vì có tri kiến sai lầm.

Savanti sabbadhī sotā nghĩa là dòng ái dục thường trôi chảy các cảnh, như nó trôi chảy theo cảnh sắc phối hợp với nhãn môn...

Hoặc do các ái như tinh ái, hương ái, vị ái, xúc ái và pháp ái tuôn chảy khắp các cảnh.

Latā nghĩa là ái được gọi là latā. Latā theo nghĩa đen là dây leo, ở đây có ý nghĩa là vật liên kết, hay là vật trói buộc.

Hai câu Ubbhijja tiṭṭhathi nghĩa là ái ví như dây leo sanh lên theo sáu căn, thường có mặt trong các cảnh sắc...

Tañ ca disvā nghĩa là Ngài thấy ái như dây leo, do năng lực của nó phát sanh lên, rằng: ái dục này phát sanh theo Piyaṛūpa hay theo Sātarūpa.

Paññāya nghĩa là các người hãy đào tận gốc rễ bằng trí đạo như người chặt dây leo mọc trong rừng bằng dao bén.

Saritāni nghĩa là phóng đi, tức là làn rộng.

Sinehitāni nghĩa là dính nhựa ái dục do quyền lực của ái dục như nhựa bám dính trong các vật dụng như y phục... Lời giải rằng: Bị nhựa tức là bị ái dục bao bọc.

Somanassāni: Nghĩa là hỷ lạc loại như vậy thương phát sanh cho người sống trong quyền lực của ái dục.

Hai câu Tesātasitā nghĩa là những người ấy, tức là người sống trong quyền lực của ái dục, là người đang sống với lạc, đang hưởng lạc, đang tầm cầu đến lạc.

Te ve... Na rā nghĩa là: Người nào như thế, hằng đi đến sanh, già, bệnh, chết. Do đó, mới gọi là đi đến sanh diệt.

Pajā nghĩa là chúng sanh bị ái dục quá mạnh.

Tasiṇa (sự luống cuống) do tạo sự kinh sợ đầy đủ, tức là kinh sợ đang bao phủ người ấy.

Bādhita nghĩa (chúng sanh)) thường kinh hoàng, rối rắm đầy sợ hãi như con thỏ bị thợ săn bẫy được bằng lưới chằng trong khu rừng.

Saññojanasaṅgasattā nghĩa là tất cả chúng sanh bị lo loại triển phục và phiền não ái trói buộc... Hoặc đang bị cột trói trong triển phục...

Cāriya nghĩa là tất cả chúng sanh thường đi đến sự khổ như sanh.... triển miên lâu dài.

Tasmā... Do tất cả chúng sanh bị ái dục tạo ra sự kinh sợ và bị ràng buộc như thế. Vì vậy, vị Tỳ khuru mong cầu Pháp để sát trừ, nghĩa là đạt đến Níp bàn, đó là Pháp sát tuyệt phiền não như ái...
Hãy xa lìa, hãy ném bỏ, hãy liệng quăng ái dục bằng chính A La hán đạo.

Dứt kệ ngôn nhiều chúng sanh an trú vào Thánh quả Như Dự lưu...

Riêng con heo nái tơ ấy, sau khi dứt hết kiếp sống ấy, thọ sanh vào dòng Hoàng tộc thuộc lãnh thổ Suvanna. Dứt kiếp ấy, thọ sanh vào kinh thành Bārānasī. Mạng chung kiếp ấy, nàng tái sanh vào gia đình người lái đò ở bến Givira, kế đến nàng sanh vào gia tộc Trưởng giả trong thành Anurādhapurā. Mạng chung kiếp ấy lại tái sanh vào gia tộc Trưởng giả Sumana theo tên gọi của Tộc Trưởng.

Khi ấy, dân chúng lìa bỏ xứ ấy ra đi, cha của nàng cũng ra đi đem gia đình đến trú tại xứ Dīghavāpī, sống trong làng Mahāmuniḡāma. Thế rồi, vị Đại Thần của Đức vua Duṭṭhagāmaṇī tên là Lakuṇṭaka Atima nhận một vài công vụ đã đi đến làng ấy, Quan Đại Thần trông thấy nàng Tiểu Thư phát sanh lòng ái luyến, xin cưới nàng làm vợ, lễ cưới được diễn ra rất long trọng. Sau lễ thành hôn, quan Đại Thần Lakuṇṭaka Atima rước nàng về làng Mahāpunṇagāma sinh sống. Bấy giờ, Trưởng lão Mahā Atula cư ngụ Tinh xá Koṭipabbata, một hôm Ngài đi vào làng Mahāpunṇagāma để trì bình khát thực, đứng tại cổng nhà của nàng ấy, chợt trông thấy nàng, Trưởng lão nói với các Tỳ khuru rằng:

- Nầy chư Hiền giả! Thật kỳ diệu thay, con heo nái đã sanh lên đây rồi, và đang là phu nhân của Đại Thần Lakuṇṭaka.

Nghe nói như vậy, nàng chợt động tâm, cố đưa tâm quán xét và nhớ lại kiếp quá khứ của mình. Tâm nàng kinh đảm, xin chồng cho mình được xuất gia. Đại Thần Lakuṇṭaka Atima đồng ý cho nàng xuất gia trong Ni chúng. Sau khi xuất gia, nàng tinh cần hành pháp, phát triển ngũ quyền lớn mạnh, làm cho ngũ lực được sung mãn. Một hôm, nàng nghe giảng kinh Mahāsatiṭṭhāna (Đại Niệm Xứ), nhân đó nàng triển khai tuệ quán, chứng đắc Dự Lưu quả.

Thời gian sau, khi Đức vua đánh chiếm lại thổ xứ Damila, vị Trưởng lão ni áy du hành đến làng Bhekkantagāma là trú xứ của cha mẹ nàng. Chính tại nơi này, nàng nghe được bài kinh āsivirūpa trong Tinh xá Kallaka, vị Trưởng Lão ni chứng đạt A la Hán quả.

Khi nàng Níp Bàn, vào ngày ấy nàng vị chư Tỳ khuru ni cật vấn, nàng đã thuật lại tiểu sử với đầy đủ chi tiết về tiền kiếp của nàng, rồi bạch với Trưởng Lão Mahātissa đang ngồi giữa Tăng chúng rằng:

- Thuở quá khứ, tôi sanh làm người, sanh làm gà đã bị con Diều hâu bắt cắn đứt đầu, rồi tái sanh vào thành Rājagaha xuất gia trong giáo phái ngoại đạo. Lại sanh lên cõi Sơ thiên, tái sanh vào gia tộc Trưởng Giả, rồi sanh làm heo nái tơ, từ đó lại lăn trôi các sanh thú như: Làm người trong xứ Suvanna, nơi thành Bārānasī, ở bến Suppāraka, ở bến đò Gārika, tái sanh vào thành Anurādhapurī, tái sanh vào làng Bhekkantagāma. Tôi đã trải qua 13 sanh thú như thế với xác thân cao thấp... Như vậy. Giờ đây tôi có được xác thân cao quý, xin các Ngài đầy đủ thiện pháp, hãy sống với sự không dễ duôi.

Trưởng lão ni sau khi làm đại chúng động tâm kinh cảm rồi, bà liền Vô Dư Níp Bàn.

DỨT TÍCH: CON HEO NÁI TƠ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXIV. 3- CHUYỆN VỊ TỶ KHUU HOÀN TỤC

(PC. 345-346)

"Yo nibbanatho...".

Pháp Cú này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài an trú tại Jetavana, gần thành Sāvattthī. Để cập đến vị Tỳ khuru hoàn tục.

Tương truyền rằng: Có vị Tỳ khuru là đệ tử của Ngài Kassapa, vị ấy chứng được ngũ thiên. Một hôm, vị ấy thấy cảnh sắc đối ngại (tức là sắc khả ái) trong nhà của người thợ bạc là chủ của mình, y liền thả tâm ái nhiễm trong cảnh sắc ấy, nên hoàn gia trở về với đời sống thế tục.

Thời gian sau, do sự lười biếng, thân tộc đã xua đuổi y ra khỏi nhà, không cho y theo nghề thợ bạc nữa. Thế là, y thân cận với những ác nhân, nuôi sống bằng nghề trộm cướp.

Một lần nó, y bị quan quân bắt được, chúng trói quặt hai tai y ra phía sau, mang đến Pháp trường để chém đầu. Trên đường đi, tại mỗi ngã tư đường, y bị quan quân đánh đập bằng roi và bị rao truyền cho mọi người biết y là tên tội phạm.

Y bị trói để giữa Pháp trường để chờ giờ hành quyết, khi ấy Đại đức Kassapa đi vào thành khất thực, đến đây trông thấy tình trạng bi thảm của y như thế, Ngài xin quan canh giữ nói lỏng dây trói cho y được thông thả đôi chút, rồi Ngài dạy rằng:

- Người hãy quán tưởng đến nghiệp xứ đã hành trì khi trước đi.

Vâng theo lời dạy của Đại đức, y an trú chánh niệm với án xứ đã từng tụ tập, chỉ trong giây phút sau y chứng đắc ngũ thiên trở lại. Kế đó đã đến giờ hành quyết, quan quân mang y đến trước cây cọc, đặt đầu y trên thớt với ý niệm là "Sẽ giết chết tên cướp". Tuy nhiên, y chẳng chút chi sợ sệt cả hay là có sự hoảng hốt. Tuy mọi người đứng chung quanh y, với vũ khí tuốt ra khỏi vỏ như grom giáo... Mọi người thấy y vẫn điềm nhiên không đổi sắc, nên kinh ngạc, bàn luận cùng nhau rằng:

- Các bạn hãy nhìn xem, tên này không có chút chi là run sợ trước cái chết đang kề cận với y. Giữa những vũ khí trong tay, y vẫn an nhiên trầm tĩnh. Thật là kỳ diệu thay.

Tiếng thán phục y lan rộng ra, những người hành quyết thấy vậy, tạm đình chỉ án lệnh, trình lên Đức vua sự kiện hy hữu này. Nghe sự việc lạ lùng, Đức Vua truyền lệnh rằng:

- Các khanh hãy tha tên tử tội ấy ra đi.

Và Đức Vua Bimbisāra đi đến Tinh xá Veluvana bạch trình lên đức Thế Tôn sự kiện ấy. Từ nơi Hương thất ở Veluvana, Đức Đạo Sư phóng hào quang đến trước mặt tên tử tội ấy, thuyết lên kệ ngôn rằng:

344- "Yo nibbanatho vanādhimatto
Vanamuotto vanam eva dhāvati
Tam puggalam etha passatha
Mutto banuhanam eva dhāvati"
- "Người là được xuất gia
Sống khổ hạnh rừng núi
Thoát rừng chạy theo rừng
Nên xem người như vậy
Được thoát khỏi ràng buộc
Lại chạy theo ràng buộc". (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Ý nghĩa của kệ ngôn này là: Người nào có sự quyến luyến như đám cây trong rừng mà mình đã ra khỏi rồi, vì mình đã từ bỏ đám cháy trong rừng tức là sự luyến ái đời sống cư sĩ. Đã xuất gia rồi nhưng chạy trở lại rừng tức là theo lại sự ái luyến, là kẻ trói buộc, là vật trói buộc, quay về đời sống thế gian. Như vậy, ái là đời sống thế gian, là vật ràng buộc, các người hãy nhìn những người ấy như vậy, người đã thoát ly khỏi vật ràng buộc là gia đình rồi, lại còn chạy vào vòng trói buộc là gia đình trở lại nữa.

Trên cọc nhọn, giữa pháp trường chung quanh là quan quân, y liền quán pháp bắt đầu từ sự sanh rồi diệt, sau đó chuyên tâm qua quán Tam Tướng, chứng đắc Đạo quả Dự Lưu, y thọ hưởng quả vị Giải thoát, một trạng thái phỉ lạc do định sanh, y bay lên hư không rồi bước xuống đánh lễ đức Thế Tôn, xin được xuất gia lại. Đức Thế Tôn nhận lời, và sau đó Ngài thuyết lên kinh Pháp tuần tự. Y nghe xong chứng đắc quả A la Hán giữa hội chúng có cả Đức vua nơi ấy.

DỨT TÍCH: VỊ Tỳ khuru HOÀN TỤC

XXIV. 4- CHUYỆN KHÁM ĐƯỜNG

(PC. 345-346)

"Na tam dalham...".

Kệ ngôn nầy được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngụ tại Jetavana, đề cập đến khám đường.

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvattthī có một bọn cướp, chúng thường xuyên gây rối loạn trong chúng dân, đã cạy cửa, cướp dọc đường và đã sát hại rất nhiều người.

Một lần nọ, quan quân truy lùng và bắt được bọn chúng, đem trình lên Đức vua Kosala. Đức vua truyền giam chúng vào những gông cùm, trói hay xiềng chúng lại bằng những dây gai, dùng cùm xích xiềng vững chắc.

Sáng hôm ấy, có 30 vị Tỳ khưu sau khi đến đánh lễ đức Thế Tôn rồi, các Ngài đi vào thành khất thực. Các vị ấy đi ngang qua khám đường, trông thấy bọn cướp đang bị gông cùm khổ sở như thế, sau khi khất thực xong, trở về yết kiến Bạc Đạo Sư và bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con đi khất thực thấy bọn cướp trong khám đường bị giam cầm bằng gông... Thọ khổ vô cùng, chúng không thể bẻ xiềng trốn được. Bạch Thế Tôn có loại gông cùm nào chắc hơn gông xiềng đó không?

- Nầy các Tỳ khưu, có loại gông cùm xiềng xích chắc chắn hơn, gông xiềng mà các người thấy đó chẳng đáng gọi là xông xiềng đâu. Gông xiềng phiền não là ách đối với các động sản, bất động sản như tiền bạc, lúa gạo, kho lẫm, vợ con... Là gông xiềng chắc hơn cả. Loại gông xiềng này chắc chắn gấp trăm ngàn lần gông xiềng mà các người trông thấy. Nhưng bậc trí thuở quá khứ, dù rằng là loại gông xiềng chắc chắn như vậy vẫn khước bỏ đi được, đi vào Tuyết Lãnh Sơn sống đời ẩn sĩ.

Rồi đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự rằng:

"Thuở quá khứ, khi Đức vua Brahmadata trị vì Kinh đô Bārānasī Bồ Tát hạ sanh vào một gia đình nông phu nghèo khổ, khi Ngài đến tuổi trưởng thành thì thân phụ qua đời. Bồ Tát đi làm công nuôi dưỡng mẫu thân.

Thấy con mình quá cực nhọc vì phải chăm lo bên trong lẫn bên ngoài, mẹ Bồ Tát khuyên Ngài cưới vợ. Tuy không hài lòng lắm, nhưng để cho mẹ vui lòng Bồ Tát đành ưng thuận. Mẹ Bồ Tát cưới một nàng thiếu nữ cho Bồ Tát, thời gian sau, mẹ Bồ Tát cũng qua đời, riêng vợ Bồ Tát đang mang thai, Ngài không biết vợ đang mang thai, nên nói rằng: "Này em thân, em hãy đi làm công để nuôi mạng sống đi, còn anh sẽ xuất gia sống đời ẩn sĩ vậy"

- Nầy anh thân yêu, em nay mang thai chẳng phải vậy sao? Vậy anh hãy đợi khi em sanh nở xong, anh hãy xuất gia cũng chẳng muộn.

- Nầy em, thôi được.

Khi nàng sanh con xong được khỏe mạnh, Bồ Tát nói với vợ rằng:

- Nầy em, em nay em đã sanh nở tốt đẹp rồi. Giờ đây anh sẽ đi xuất gia vậy.

- Nầy anh thân! Xin anh hãy đợi khi nào con mình dứt sữa mẹ, khi ấy anh hãy đi cũng chẳng muộn gì.

- Thôi được này em.

Khi con nàng vừa dứt được sữa mẹ thì nàng lại mang thai lần nữa. Bồ Tát suy nghĩ: "Nếu ta nói lên ý của mình, nàng nầy sẽ chẳng chấp nhận đâu. Thế thì ta sẽ không nói, ta sẽ trốn đi xuất gia." Bồ Tát yên lặng, vào lúc canh khuya vắng người, Ngài lén trốn ra đi. Trên đường đi, Ngài bị người giữ thành bắt lại, Ngài nói rằng: "Thưa các Ngài! Tôi còn phải nuôi mẹ tôi nữa, xin các Ngài hãy thả tôi ra đi.

Ngài khơi dậy mối từ tâm của những người gác cổng khiến họ thả Ngài ra. Sau khi tìm một nơi nghỉ mệt, Ngài tiếp tục hướng về rừng thiêng Tuyết Lãnh, xuất gia làm ẩn sĩ, chẳng bao lâu Ngài chứng đắc được Bát thiên và thần thông lực. Ngài cư ngụ nơi Tuyết Lãnh Sơn, với tâm hân hoan,

Ngài thốt lên cảm hứng ngữ rằng: "Vật trói buộc là vợ con, là phiền não chướng, người đời khó dứt bỏ được. Như vậy ta đã thoát được rồi".

Sau khi thuyết giảng xong Bốn sanh đức Thế Tôn tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

345- "Na taṃ daḥamā bandhanam āhu dhīrā

Yadāyaṣaṃ dārujaṃ babbajaṃ ca

Sārattarattā maṇokuṇḍalesu

Puttesu dāresu ca yā apekkhā".

346- "Etaṃ daḥamā bandhanam āhu dhīrā

Ohāriṇaṃ sithilaṃ duppamuñcaṃ

Etaṃ pi chetvāna vajanti dhīrā

Anapekkhino kāmasukhaṃ pahāya".

- "Sắt, cây, gai trói buộc

Người trí xem chưa bền

Tham châu báu trang sức

Tham vọng vợ và con". (345)

- "Người có trí nói rằng:

Trói buộc nầy thật bền

Trì kéo xuống, lỏng lẻo

Nhưng thật sự khó thoát

Người trí cắt trừ nó

Bỏ dục lạc, không màng". (TMC)

CHÚ THÍCH

Câu Dhīrā... Nghĩa là các bậc trí như đức Phật... Gọi các loại gông xiềng làm bằng sắt, bằng gỗ, bằng gai hay những loại gông xiềng được bện lại từ cỏ lát, dây đai... Những loại nầy không bền chắc, vì rằng: Người ta có thể phá hủy hay cắt đứt bằng những vũ khí bén như gươm dao... Được.

Sārattarattā: Nghĩa là người có dục vọng mãnh liệt, tức là dục vọng do ái hướng đạo, do ái sai xử.

Maṇikuṇḍalesu: Ngọc Maṇi và các loại trang sức, hay loại trang sức làm bằng ngọc Maṇi.

Daḥamā nghĩa là: Sự dục vọng của người luyến ái mãnh liệt với ngọc Maṇi và xác trang sức ấy, cùng với sự luyến ái vợ con. Các bậc trí gọi là sự dục vọng. Và sự ái luyến ấy là vật trói buộc làm bằng phiền não dục thì bền chắc hơn cả.

Chāriṇaṃ: Sự trì xuống, kéo xuống, đưa đến nơi thấp, làm cho rơi vào bốn đường ác.

Sithilaṃ nghĩa là: Dù vì nó không cứa đứt da thịt, không làm máu tuốn rơi nơi bị trói buộc. Tức là người bị trói buộc không có cảm giác rằng: Mình đang bị trói buộc như thường có, khi đang thực hiện các việc làm như là: Đi trên đường phố, đường thủy...

Duppamuñcaṃ Nghĩa là khó tháo gỡ vì phiền não trói buộc sanh khởi bởi năng lực của lợi lộc dù chỉ một lần, nó là bản chất phiền não khó tháo gỡ, giống như con rùa khó thoát ra nơi trói buộc vậy.

Etaṃ pi chetvāna: Dù nó bền chắc như vậy, nhưng các bậc trí vẫn cắt đứt được nhờ gươm trí tuệ, đã chấm dứt được sự quyến luyến, đã từ bỏ dục lạc hoàn toàn, xa lánh thế gian, tìm đường xuất gia.

Dứt thời pháp thoại, nhiều người chứng đạt Thánh quả như Dự Lưu quả.

DỨT TÍCH: CHUYỆN KHÁM ĐƯỜNG

XXIV. 5- HOÀNG HẬU KHEMĀ

(PC. 347)

"Ye rāgattānupatanti...".

Pháp Cú này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Tinh xá Veluvana, đề cập đến Hoàng Hậu Kheṃā.

Tương truyền rằng: Hoàng hậu Kheṃā đã phát nguyện dưới chân của Đức Chánh Đẳng Giác có Hồng danh là Padumuttara, nàng mong cầu được sắc đẹp vô cùng khả ái cho mình. Đến thời đức Phật hiện tại, nàng thành tựu sắc đẹp tuyệt mỹ, nàng là Vương Hậu của vua Bimbisāra. Khi Bạc Đạo Sư ngự về Vương Xá thành để tế độ quần sanh, tiếng tán than Ngài lan truyền đến tai Hoàng Hậu Kheṃā và nàng cũng được nghe rằng: "Bạc Đạo Sư thường chỉ trích về thể trược của xác thân". Vì thế, nàng e ngại khi đến đánh lễ đức Thế Tôn.

Để khuyến dụ nàng Kheṃā, Đức vua Bimbisāra biết nàng rất ưa thích cảnh đẹp khả ái, Ngài liền thuê những thi nhân mặc khách, sáng tác những vần thơ ca ngợi cảnh trí u nhã thanh nhã của Tinh xá Trúc Lâm. Ngài giao cho nhạc sĩ những vần thơ tạo thành những khúc ca du dương, rồi những vũ nữ của nàng Kheṃā ngâm vịnh, hoặc hát lên những bài hát tán thán cảnh trí u tịch của Tinh xá Veluvana. Hoàng hậu Kheṃā nghe những đoản thi, những khúc nhạc ấy, có cảm tưởng rằng mình chưa từng được viếng cảnh Trúc Lâm, chưa từng thưởng thức được cảnh đẹp u nhã thanh mặc như vậy. Nàng phán hỏi nữ tỳ rằng: "Cảnh này ở đâu thế?"

Tâu lệnh Bà! Đây là cảnh thanh nhã của Veluvana.

Hoàng hậu Kheṃā khởi lên sự ước muốn đến thăm viếng cảnh đẹp Veluvana.

Một hôm, không dần được lòng với sự náo nức của tâm, Hoàng Hậu Kheṃā lần dò đến Tinh xá Veluvana. Đức Thế Tôn bây giờ đang thuyết giảng Pháp thoại đến thính chúng, biết được duyên lành của Hoàng hậu Kheṃā đã chín mùi. Ngài liền hóa hiện ra một nữ Lang xinh đẹp tuyệt trần, đang cầm quạt hầu quạt đức Thế Tôn.

Hoàng hậu Kheṃā lần bước đi đến nơi ngự của Đức Đạo Sư, trông thấy mỹ nữ đang cầm quạt hầu quạt đức Thế Tôn, nàng suy nghĩ:

- Mọi người thường nói "Bạc Chánh Đẳng hăng chê trách sắc đẹp, thế nhưng nàng thiếu nữ này đang quạt hầu Ngài đây, nhan sắc của ta so với nàng thật một trời một vực, ta không được một phần xinh đẹp của nàng. Nhan sắc tuyệt mỹ như thiên tiên này, ta chưa từng thấy bao giờ cả. Hẳn mọi người đã vu khống cho Ngài với lời lẽ không thật rồi.

Thế là, Hoàng hậu Kheṃā bị nhan sắc thiếu nữ ấy thu nhiếp, nàng không nghe Pháp thoại của đức Thế Tôn, chỉ chú trọng ngắm nhìn nhan sắc của nàng thiếu nữ.

Đức Thế Tôn biết rằng Hoàng Hậu Kheṃā khởi tâm so sánh về sắc đẹp. Ngài dùng thần thông lực biến chuyển sắc ấy thay đổi theo từng thời: Thiếu niên, trung niên, lão niên, cho đến khi thiếu nữ ấy chết đi, thây thi đã rời, chỉ còn lại một bộ xương (như chuyện nàng Pūpanandā).

Hoàng hậu Kheṃā theo dõi, thấy được sắc ấy lão mọi rồi đi đến suy vong như thế, suy nghĩ rằng: "Sắc đẹp tuyệt trần như thế ấy, cũng phải đi đến sự hoại diệt chỉ trông chốc lát như vậy. Thật vậy, thân này quả thật trống không, không có cốt lõi."

Bạc Đạo Sư thấu rõ tâm trạng chán nản của Hoàng Hậu Kheṃā, Ngài liền phán rằng:

- Này Kheṃā, người đang suy nghĩ: Lỗi có thật trong sắc thân này có chăng? Này Kheṃā, người hãy nhận thức rằng: Trong sắc thân này chẳng có cốt lõi đâu. Người hãy nhận biết như thế tại nơi này đi.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

- *Này Kheṃā! Người hãy nhìn xác thân bịnh tật này, đầy dẫy chất bất tịnh, sinh thúی chảy ra cả phía trên, phía dưới mà kẻ ngu ham thích (đắm say) vô cùng.*

Dứt kệ ngôn Hoàng Hậu Khemā an trú vào Dự Lưu Thánh Quả. Kế tiếp, đức Thế Tôn phán dạy nàng rằng:

- Nầy Khemā! Tất cả chúng sanh tràn đầy với mọi ái dục, nóng nảy với sân hận, say cuồng với si mê mới không thể thoát dòng ái dục được, phải bị dính trong dòng ái dục như vậy đó.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

347- "Ye rāgarattānupatanti sotam
Sayam katam makkatako'va jātam
Etam pi chetvāna vanjanti dhīrā
Anapekkhino sabbadukkhā pahāya".
- "Người đắm say ái dục
Tự lao mình xuống dòng
Như nhận sa lưới dệt
Người trí cắt đứt nó". (HT. TMC)

CHÚ THÍCH:

Makkaṭoko va jātam nghĩa là: Giống như con nhện làm lưới, tức là nó nằm ngay giữa lưới được chính nó dệt, để bắt giết những con côn trùng nào rơi vào lưới ấy, sau khi ăn xong, nhện lại quay về nằm nơi chỗ cũ. Việc ấy như thế nào, thì tất cả chúng sanh ấy sẽ rơi vào dòng ái dục do chính mình tạo ra, chúng sẽ không thoát ra được dòng ái dục như thế được như vậy.

Do vậy, dòng ái dục người ta khó thoát được là như vậy.

Etam pi chatvāna vajanti dhīrā nghĩa là các bậc trí đã cắt đứt sự trói buộc ấy, không ái luyến, chấm dứt mọi khổ đau bằng A la Hán đạo và ra đi.

Dứt kệ ngôn Hoàng Hậu Khemā an trú vào Thánh Đạo A La Hán. Đức Thế Tôn phán dạy Đức vua Bimbisāra rằng:

- Nầy Đại Vương, nên để Hoàng Hậu Khemā xuất gia hay để nàng Vô Dư Níp Bàn?

- Bạch Thế Tôn, xin Ngài hãy cho nàng được xuất gia, chớ nên để người như nàng sớm Níp Bàn.

Thế là Hoàng Hậu Khemā được xuất gia trong Ni chúng, nàng trở thành vị Tỳ khưu ni tối thắng về hạnh trí tuệ.

DỨT TÍCH: HOÀNG HẬU KHEMĀ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXIV. 6- CÔNG TỬ UGGASENA

(PC. 348)

"Muñca pure...".

Pháp Cú này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Veluvana, đề cập đến công tử Uggasena.

Trương truyền rằng: Vào thuở ấy, trong thành Rājagaha cứ khoảng 6 tháng hay là một năm, thì có đoàn hát khoảng 500 người đến kinh thành Rājagaha để trình diễn những tiết mục độc đáo hầu Đức vua thưởng thức, biểu diễn trong cả 7 ngày đêm, và họ được Đức vua ban thưởng rất nhiều vàng ngọc. Sự ban thưởng của Đức vua rất dồi dào, khi đại chúng đến xem biểu diễn nghệ thuật ấy cũng ban thưởng và thường đại chúng mang cả giường, ghế dài... Đến nơi trình diễn xem và nghỉ tại nơi ấy.

Trong đoàn xiếc ấy có một cô vũ nữ chuyên nghề nhào lộn trên không trung, nàng bắt một tấm ván ngang qua hai thanh tre cao, nàng vừa đi, nhào vừa ca hát trên tấm ván ấy, hay là vũ những vũ khúc điệu luyến trên không qua hai thanh ván ấy.

Trong thành Rājagaha có một Công Tử tên Uggasena, chàng là con một đại Trưởng giả trong thành. Khi chàng đi đến vui chơi lễ hội, nhìn thấy nàng vũ nữ biểu diễn nghệ thuật nhào trên không

trung, với những động tác uyển chuyển, mềm mại, nên tâm chàng phát sanh ái luyến. Công tử Uggasena bị ái nhiễm tấn công tâm quá mực, khi trở về nhà chàng suy tưởng đến hình bóng của nàng vũ nữ rằng:

- Nếu ta không được nàng vũ nữ ấy, chắc là ta phải chết thôi.

Chàng sầu não, nằm tuyệt thực với dáng ủ rũ. Song thân chàng gạn hỏi chàng rằng: "Này con thân! Con đang bị bệnh chi thế?"

- Thưa cha mẹ! Nếu con không được nàng vũ nữ đó làm vợ, chắc là con sẽ chết thôi.

- Này con thân! Con chớ nên ao ước như thế, cha mẹ sẽ tìm cho con một cô Tiểu Thư môn đăng hộ đối với nhà ta.

Bỏ mặc lời khuyên của cha mẹ ngoài tai, chàng Uggasena vẫn im lặng, mơ tưởng đến hình bóng của nàng vũ nữ ấy.

Song thân chàng khuyên giải chàng nhiều phen nhưng không được không thể làm cho nàng thay đổi ý niệm, nên nhờ những thân hữu của chàng đến khuyên giải chàng. Vẫn vô ích, chàng khẳng khăng giữ mãi ý định của mình.

Cuối cùng hai ông bà Trưởng giả đành nhờ người thân, đi đến đoàn hát gặp người Trưởng đoàn trao cho ông ta một ngàn đồng vàng, mời ông đến nhà nói rằng:

- Này ông! Ông hãy nhận số tiền này đi, rồi hãy gả con gái ông cho con chúng tôi đi.

- Thưa bà! Cho dù tôi nhận số tiền lớn như vậy, nhưng tôi không thể gả con gái mình cho Công Tử được. Vì nếu vắng con gái tôi thì đoàn hát sẽ thất thu ngay, nó là cột trụ của đoàn đấy.- Này ông, chớ nên như vậy, nếu con trai tôi không cưới được con gái ông, nó sẽ chết mất.

- Thưa ông bà, nếu Công Tử không cưới được con gái tôi thì sẽ chết, thế thì Công Tử hãy theo đoàn hát của chúng tôi đi. Bấy giờ chúng tôi sẽ gả con gái cho cậu ấy.

Song thân chàng báo lại cho chàng biết sự việc ấy. Công tử Uggasena bảo rằng? "Nếu thế, con sẽ theo đoàn hát ấy".

Và Công tử đã đi theo đoàn hát ấy, mặc cho những lời khuyên giải tha thiết của song thân chàng. Người chủ gánh xiếc gả con cho Công Tử Uggasena như lời hứa. Công tử cùng đoàn hát trôi nổi lang bạt qua các làng mạc, thị trấn, kinh thành để biểu diễn nghệ thuật nhào lộn trên không. Nàng vũ nữ làm vợ Công tử chẳng bao lâu thì có mang và hạ sanh một đứa bé trai. Một hôm, nàng cùng với con đùa giỡn, ngoảnh ra thấy Công tử đang lấy cỏ cho bò ăn và chất những tảng phẩm lên xe, nàng hát trêu cột chống rằng:

- Này con! Con của người giữ xe, con của người chắt hàng, con của người chẳng biết làm chi cả.

Nghe câu hát cột đùa ấy, Công Tử Uggasena hổ thẹn hỏi vợ rằng:

- Có phải nàng hát trêu cột ta chẳng?

- Này anh, sự thật là như vậy.

- Nếu là như thế, anh sẽ bỏ ra đi.

- Này anh, sự ra đi hay ở lại của anh có làm thiệt thòi hay lợi ích chi cho đoàn đâu.

Thế rồi, nàng lại tiếp tục nô đùa cùng con với những câu hát trêu cột chống như thế. Được biết rằng: Nàng vũ nữ ấy ý vào nhan sắc cùng với nghệ thuật nhào xiếc của mình ở trên không trung, nên chẳng nề nang chi chống cả, bất cứ là chuyện gì. Công tử Uggasena suy nghĩ: Nàng này kiêu hãnh như thế do dựa vào cái chi nhĩ? Chàng biết được rằng: "Do nghệ thuật nhào xiếc trên không". Chàng suy nghĩ tiếp: "Thôi được, ta sẽ cố gắng học lấy nghệ thuật này".

Chàng đi đến cha vợ học nơi ông ta tài nghệ, sở trường của cha vợ cho đến khi thành thục thông thạo. Và chàng trở thành một nghệ thuật gia nhào xiếc trên hư không xuất sắc. Theo đoàn hát chàng lang bạt khắp nơi, tuần tự trở lại thành Rajagaha. Bấy giờ chàng thông báo:

- Kể từ hôm nay trở đi, sau 7 ngày nữa, Công Tử Uggasena sẽ biểu diễn nghệ thuật trên không. Đại chúng hãy đến xem tài nghệ của Công Tử Uggasena.

Vào ngày thứ bảy, khi đại chúng tụ hội đông đảo nơi biểu diễn, Công Tử Uggasena đi đi lại lại trên hai tấm ván cao 60 hắc tay (30 mét), và chàng đứng trên tấm ván ấy.

Cũng trong ngày hôm ấy, vào buổi hùng đông, đức Thế Tôn dùng Phật trí tỏ ra khắp thế gian, tìm người hữu duyên nên tế độ. Ngài thấy Uggasena trong vọng trí của mình, Ngài quán xét rằng: "Nguyên nhân nào đây", Ngài biết được rằng: "Hôm nay thanh niên Uggasena đứng trên tấm ván để biểu diễn nghệ thuật nhào lộn, đại chúng hội họp tại nơi ấy để xem y biểu diễn. Như Lai sẽ thuyết lên bốn câu kệ ngôn trong hội chúng ấy, sẽ có 84 ngàn chúng sanh chứng ngộ do nghe Pháp, cả thanh niên Uggasena cũng chứng đạt A la Hán quả.

Vào sáng ngày, đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu đi vào thành khất thực. Bấy giờ, Công Tử Uggasena đang ra hiệu cho đại chúng hãy chú ý, chàng sẽ biểu diễn nghệ thuật trên hư không. Chàng nhào lộn trên hư không 7 vòng, rơi xuống tấm ván bắt cao 60 hắc tay. Đại chúng chưa kịp vỗ tay hoan hô tán thán, thì đức Thế Tôn cùng chư Tăng ngự đến. Ngài dùng thần lực khiến cho đại chúng không màng đến Uggasena nữa, chỉ chú tâm vào đoàn Tăng lữ có đức Phật đang dẫn đầu. Khi ấy, Công Tử Uggasena trông thấy cảnh nầy, tâm tư chàng sầu muộn, vô cùng chán nản nghĩ rằng: "Đại chúng nầy chẳng có màng gì ta cả, nghệ thuật nầy ta chỉ biểu diễn tại đây mỗi năm có một lần. Thế nhưng khi Bạc Đạo Sư ngự đến thì đại chúng không chú ý gì đến ta, chỉ chú tâm chiêm ngưỡng Ngài và Chư Tăng thôi. Sự biểu diễn nghệ thuật nầy của ta thật vô ích thay."

Biết được ý nghĩ của Uggasena, Ngài dạy Trưởng lão Moggallāna.

- Này Moggallāna, hãy nói với Uggasena như thế nầy "Người hãy biểu diễn tài nghệ nhào lộn trên không đi".

Trưởng lão Moggallāna vâng lệnh dạy của đức Thế Tôn, đi đến nói với Uggasena bằng kệ ngôn rằng:

"Mời Uggasena người nhẩy múa, người có nhiều sức mạnh, xin người hãy nhìn đây, xin người hãy làm cho đại chúng vui thích phấn khởi đi".

Công Tử Uggasena nghe trưởng Lão nói như thế, chàng khởi hoan hỷ tâm rằng: "Bạc Đạo Sư muốn xem tài nghệ của ta". Chàng đứng yên trên tấm ván, nói kệ ngôn rằng: "Xin mời Ngài Moggallāna, bậc có nhiều trí tuệ, có nhiều thần thông, xin Ngài hãy nhìn đây, tôi sẽ làm cho hội chúng vui thích và phấn khởi".

Khi chàng nói xong rồi, từ nơi tấm ván phóng mình lên hư không nhào lộn đến 14 vòng, rồi quay trở về đứng trên tấm ván như trước.

Liền đó, bậc Đạo Sư phán dạy y rằng:

- Này Uggasena! Lẽ thường người trí hăng dứt bỏ sự luyến ái đối với các uẩn cả ba thời quá khứ, vị lai và hiện tại để thoát khỏi mọi khổ đau sâu muộn sanh, già...

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

348- "Muñca pure muñca pacchato

Majjhe muñca bhavassa pāragū.

Sabbattha vimuttamānaso

Na puna jātijaram upehisi".

- "*Bỏ quá, hiện, vị lai*

Đến bờ kia cuộc đời

Ý giải thoát tất cả

Chớ vướng lại sinh già". (TMC)

CHÚ THÍCH

Muñca pure nghĩa là hãy dứt bỏ sự ái luyến, sự vui thích, say mê, mong muốn, tầm cầu, sự chấp thủ, sự tham dục trong các uẩn thuộc quá khứ.

Pacchato: Là hãy dứt bỏ sự luyến ái... Trong các uẩn vị lai

Majjhe nghĩa là hãy dứt bỏ các luyến ái trong các uẩn thuộc về hiện tại.

Bhavassa pāragū nghĩa là khi đã thực hành như vậy rồi, mới vượt qua cả ba bờ sanh hữu được theo sự hiểu biết, từ bỏ, tu tiến và chứng ngộ bằng trí cao thượng, tâm giải thoát các pháp hành như uẩn, xứ, giới... không còn đi tới sự sanh, già và chết.

Dứt pháp thoại có đến 84 ngàn chúng sanh chứng ngộ Pháp. Riêng Công Tử Uggasena đang đứng yên trên tấm ván, chứng quả A la Hán cùng với tuệ Phân tích, từ trên tấm ván phóng xuống đánh lễ dưới chân Bạc Đạo Sư với tư thế ngũ thể đầu địa, bạch xin xuất gia với Bạc Đạo Sư. Đức Thế Tôn đưa tay phán rằng: "Ehi bhikkhu" lập tức râu tóc của Công Tử Uggasena rụng mất, trên thân xuất hiện tám món vật dụng của bậc xuất gia, tuy mới xuất gia nhưng Trưởng lão Uggasena có tướng tướng như vị Sa môn trăm tuổi hạ. Vào buổi chiều, chư Tăng ngồi lại thiện Pháp đường, hỏi Trưởng lão Uggasena rằng:

- Nầy Hiền giả Uggasena, khi Hiền giả rời tấm ván, phóng từ trên cao xuống, đánh lễ đức Thế Tôn, Hiền giả có sợ sệt chi chăng?

- Nầy chư Hiền giả! Tôi không còn sự sợ hãi như thế nữa. Chư Tỳ khuru cho rằng Trưởng Lão Uggasena khoe pháp Thượng nhân, nên đem câu chuyện ấy trình bạch lên đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, hiền giả Uggasena nói rằng "Tôi không còn sự sợ hãi như thế nữa". Vị ấy nói không thật, sự thật không được vị ấy nói lên.

- Nầy các Tỳ khuru! Vị Tỳ khuru nào đã cắt đứt mọi triển phục như Uggasena, con của Như lai thì không còn phải lo sợ chi cả.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn trong Phẩm Bà La Môn rằng: "Đã cắt đứt mọi triển phục, người không còn chao động không run sợ, ta gọi người đã vượt qua khỏi các triển phục ấy là Bà la môn". Dứt kệ ngôn nhiều người chứng ngộ Pháp.

Sáng hôm sau, chư Tỳ khuru lại cùng nhau bàn luận nơi Giảng đường rằng:

- Nầy chư hiền, do nhờ người con gái vũ nữ mà một người có duyên lành A la Hán phải đắm đuối nàng ta, phải bỏ cả thân tộc ra đi theo nàng, chẳng hay đó là nhân duyên chi nhỉ?

Bạc Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Nầy chư Tỳ khuru, các người đang bàn luận về vấn đề chi thế? Vấn đề gì đang bàn luận được bỏ dở?

Chư Tỳ khuru bạch trình lên đức Thế Tôn câu chuyện như vậy, Ngài phán dạy rằng:

- Nầy chư Tỳ khuru, đây là hai nhân duyên mà Tỳ khuru Uggasena đã tạo trong quá khứ cùng một lúc.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tỳ khuru, Đức Đạo Sư thuật lên Bốn Sanh như vậy:

Thuở quá khứ, khi Đức Chánh Đẳng Giác có hồng danh Kassapa đã Níp Bàn, ngôi Bảo Tháp bằng vàng thờ Xá Lợi của Ngài được kiến tạo nơi thành Bārāṇasī. Các Thiện gia tử trong thành Bārāṇasī mang nhiều xe vật thực đi đến Tháp Vàng với ý định: "Chúng ta sẽ kiến tạo ngôi Bảo Tháp vàng thờ Xá Lợi của Đấng Chánh Đẳng Giác".

Bấy giờ, có đôi vợ chồng thiện gia tử cũng sắm sửa vật thực, trên đường đi đến nơi xây dựng Bảo tháp vàng. Chợt người vợ trông thấy vị Thánh Tăng A La Hán đang trì bình khát thực, nàng nói với chồng rằng:

- Này anh ơi! Ngài của chúng ta đang đi khát thực kia, trong xe của chúng ta có nhiều vật thực. Vậy anh hãy thỉnh Bát Ngài đi, chúng ta sẽ cúng dường vật thực đến Ngài vậy.

- Lành thay, này em thân. Người chồng thỉnh bát vị Thánh Tăng, cả hai vợ chồng cúng dường vật thực đến Ngài. Người chồng dâng bát đến Trưởng lão, xong rồi cả hai đánh lễ dưới chân vị Thánh Tăng Vô Lậu phát nguyện rằng:

- Bạch Ngài, xin cho chúng con được chứng ngộ an lạc Pháp mà Ngài đã chứng ngộ được.

Là bậc Thánh Vô Lậu nên Trưởng lão dùng trí quán xét, biết được lời ước nguyện của hai vợ chồng nam tử nầy sẽ được thành tựu trong vị lai, nên Ngài hoan hỷ mỉm cười. Người vợ trông thấy Ngài mỉm cười như thế, nói với chồng rằng:

- Nầy anh, Ngài của chúng ta mỉm cười giống như người múa hát cười vậy. Người chồng chẳng kịp suy nghĩ, nói theo vợ rằng:

- Nầy em, thật như vậy.

Rồi họ lại tiếp tục lên đường. Đây là tiền nghiệp của họ. Khi vợ chồng thiện gia tử ấy mãn tuổi thọ, tái sanh về Đạo Lợi thiên Cung, rồi họ trôi lăn theo dòng luân hồi, người vợ tái sanh lại làm cô con gái người chủ đoàn gánh xiếc. Còn người chồng tái sanh vào dòng gia tộc Trưởng giả có tên là Uggasena.

Thuở trước do đồng ý với vợ, cho nên trong kiếp nầy Công Tử Uggasena mới đắm say nàng vũ nữ, lia bỏ gia tộc cùng thân hữu để đi theo nàng vũ nữ như thế. Còn người vợ do quả dị thực nói vị Thánh Tăng như người làm xiếc, nên nàng phải trở thành vũ nữ làm xiếc trên không như thế.

Lại nữa, do phước nguyện đạt thành quả vị Vô Lậu nên Uggasena chứng đạt Bất Tử Pháp như thế.

Nói về nàng vũ nữ, khi thấy chồng mình đã xuất gia sống đời Phạm hạnh trong Pháp luật của đức Thế Tôn, nàng suy nghĩ rằng: "Đường lối nào của chồng ta, đường lối ấy cũng chính là của ta".

Và nàng cũng xin được xuất gia trong ni chúng. Chẳng bao lâu nàng tinh cần hành Pháp Sa Môn, chứng đắc được Vô Lậu Thánh quả.

DỨT TÍCH CÔNG TỬ UGGASENA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXIV. 7- HIỀN GIẢ CỬA DHANUGGAHA

(PC. 349-350)

"Vitakkapamathitassa...".

Kệ ngôn nầy được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana để cập đến vị Tỳ khuru.

Được nghe lại rằng: Có vị Tỳ khuru trẻ, bắt được phiếu cháo nên đi đến trai đường dùng cháo sáng. Nhưng vì không có nước uống, Tỳ khuru ấy đi tìm nước uống. Vị ấy đi đến một ngôi nhà, trong nhà có một nàng thiếu nữ, trông thấy vị Tỳ khuru có các căn thanh tịnh trong chiếc y vàng, tâm nàng xúc động, phát sanh sự ái luyến vị Tỳ khuru trẻ ấy, bạch rằng:

- Bạch Ngài, khi nào Ngài cần dùng nước, xin thỉnh Ngài hãy đến nơi đây.

Kể từ khi ấy, khi không có nước uống thì vị Tỳ khuru đi đến ngôi nhà ấy, bất kể lúc nào.

Nàng thiếu nữ dần dần xin dâng cháo cúng dường đến Tỳ khuru. Thời gian trôi qua, một hôm nàng thỉnh vị Tỳ khuru vào nhà để dâng cháo, sau khi dâng cháo xong, nàng ngồi gần vị Tỳ khuru bạch rằng:

- Bạch Ngài! Mọi vật trong nhà tôi đều đủ cả, nhưng tôi thiếu người cai quản.

Nghe thiếu nữ gợi dục cảm như thế, chỉ trong vài ba ngày vị Tỳ khuru ấy bị dục cảm xâm nhiễm. Do đó, thân hình vị Tỳ khuru ấy trở nên xanh xao vàng vọt, một hôm chư khách Tăng viễn phương tìm đến yết kiến đức Thế Tôn nơi Jetavana, trông thấy vị Tỳ khuru xanh xao vàng vọt như thế, mới hỏi rằng:

- Nầy hiền giả, vì sao hiền giả ốm xanh xao như thế? - Thừa chư hiền! Tôi bị cảm dục.

Chư Tỳ khuru dẫn vị ấy đến Giáo Thọ Sư và Tế Độ Sư của vị ấy, rồi cùng nhau trình lên đức Thế Tôn việc nầy. Đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Nầy Tỳ khuru! Có thật chẳng? Được nghe rằng người khởi cảm dục.

- Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy.

- Nầy Tỳ khuru! Tại sao người xuất gia trong Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác, là bậc hướng đến sự tinh cần như Như Lai, người không để cho mọi người tôn xưng người là vị Thánh Vô Lậu, trái lại người để cho họ gọi là "người bị cảm dục" như thế.

- Bạch Thế Tôn! Một nàng thiếu nữ đã nói với con rằng: Như vậy... Như vậy.

- Này Tỳ khuru! Việc này chẳng có chi lạ, nàng ấy trong quá khứ đã từng bỏ rơi bậc hiền trí, khởi tâm thương yêu người nam xa lạ mà nàng chỉ vừa gặp gỡ trong giây lát. Và nàng đã làm cho người hiền trí thiệt mạng rồi.

Chư Tỳ khuru cung thỉnh Đức Đạo Sư thuyết giảng Bốn sanh, và Ngài làm sáng tỏ chuyện hiền trí Cūladhanuggaha như sau:

Thời quá khứ có vị hiền trí là Cūladhanuggaha. Chàng đi đến kinh thành Takkasilā học nghệ thuật với danh sư đīsāpa. Với bản chất thông minh, chẳng bao lâu chàng học xong mọi nghiệp nghệ của thầy. Danh sư Đīsāpa rất thương mến người học trò thông minh như thế, nên ông gả cô con gái cho chàng.

Hiền trí Cūladhanuggaha từ tạ thầy trở về quê quán nơi kinh thành Bārānasī, mang theo người vợ lên đường. Hai vợ chồng đi đến một khu rừng, khu rừng này có 500 tên cướp trú ẩn, chúng thường xuyên chặn khách xuyên rừng để cướp giết tài vật. Khi thấy hai vợ chồng hiền trí đi vào rừng, bọn chúng liền xông ra toan cướp giết tài sản, nhưng với tài nghệ của mình hiền trí Cūladhanuggaha đã giết chết những tên cướp, chỉ còn lại tên Chánh đảng, và tên chánh đảng chống trả với Bồ Tát mãnh liệt, hẳn ta bị Bồ Tát đè xuống trên mặt đất. Bồ Tát bảo vợ rằng:

- Này em, em hãy đưa grom bện cho anh đi. Người vợ vừa trông thấy tên cướp, tâm nàng chợt khởi lên tâm ái luyến với gã ta, nàng ta lừa kế, trao mũi grom đến cho Hiền trí Cūladhanuggaha còn chuôi grom thì quay về phía tên cướp, tên cướp nhân cơ hội rút grom ra sát hại hiền trí Cūladhanuggaha.

Sau khi thoát hiểm, tên cướp mang nàng ta theo, trên đường đi tên cướp chợt suy nghĩ rằng:

- Cô này vừa trông thấy ta, sẽ mê say ngay và tìm cách sát hại chồng mình. Nếu như nàng trông thấy gã đàn ông khác thì nàng cũng say mê rồi sẽ giết ta như đã sát hại chồng nàng vậy.

Khi đến bên bờ sông, y lập kế bảo nàng ta rằng:

- Này em! Anh sẽ mang hành trang qua sông trước, rồi trở lại rước em sau. Vì thuyền này nhỏ bé, không thể chở nặng được. Em hãy chờ đợi anh.

Tên cướp mang những hành trang qua sông rồi y bỏ đi luôn mặc cho nàng ta ở bên sông này. Đến khi biết được mình bị bỏ rơi, nàng ôm mặt khóc. Với Thiên nhãn, đức Thế Tôn Đế Thích biết rõ câu chuyện, Ngài muốn cảnh tỉnh nàng ra, hóa hiện thành con chó chóc đi đến bên nàng, liền hóa thành con chó chóc đi đến bên nàng. Câu chuyện này được giảng rộng trong Bốn Sanh Pañcakanipāta chi tiết rằng:

- Này chàng Bà la môn, anh hãy mang hết hành trang qua sông đi, rồi hãy trở lại rước em với.

- Này nàng xinh đẹp ơi, nàng đã chọn tôi không phải là chồng nàng, không phải là người sống chung với nàng, thay vì người chồng đã cùng nàng chung sống từ lâu. Này nàng thiếu nữ xinh đẹp kia, nàng sẽ chọn người đàn ông xinh đẹp khác thay vì tôi. Tôi sẽ xa lánh nàng, sẽ đi khỏi nơi này thật xa.

- Ai đã cười trong bụi cỏ, ở nơi đây chẳng có sự múa hát hay sự hòa tấu nào mà người tạo nên cả. Này nàng xinh đẹp, nàng có mộng tròn đầy, tại sao nàng lại sụt sùi than khóc?

- Này chó chóc, là loài Jambuka ngu si thiếu trí, người không có cá (thịt) rồi ử rử giống như con thú mỡ côi.

- Lỗi người thấy thật dễ dàng, còn lỗi mình thì khó thấy, chính nàng vừa bị mất chồng, vừa bị mất tình nhân. Nàng đang ử rử còn hơn ta nữa kia.

- Này thú Jambuka! Chuyện ấy đúng như người nói. Ta sẽ ra khỏi nơi này, ta chắc chắn sẽ tìm được chàng.

- Người nào dùng bát đất được thì cũng dùng bát đồng được, người đã làm việc ác thuận thực và sẽ làm ác như thế tiếp tục nữa. Khi đức Thế Tôn thuyết giảng xong Bốn sanh, Ngài phán rằng:

- Trong thời đó, hiền trí Cūladhanuggaha chính Tỳ khuru trẻ hiện nay, nữ nhân khi ấy nay chính là nàng thiếu nữ trong hiện tại. Còn Thiên Vương Đế Thích chính là Như Lai vậy. Tiếp theo Ngài giáo giới vị Tỳ khuru trẻ ấy rằng:

- Nầy Tỳ khuru! Người thiếu nữ ấy đã giết chết hiền trí cao quý ấy chỉ vì thương yêu người nam vừa gặp mặt trong giây lát như thế. Nầy Tỳ khuru, người hãy cắt đứt ái dục của người đi, hãy cắt đứt ái dục với nàng thiếu nữ ấy.

Rồi đức Thế Tôn tuyên thuyết kệ ngôn rằng:

349- "Vitakkapamathitassa jantuno

Tibbarāgassa subhānupassino

Bhiyyo taṇhā pavaḍḍhati

Eda kho daḥmaṃ karoti bandhanaṃ".

350- "Vitakkūpasame ca yo rato

Asubhaṃ bhāyayati sadāsato

Esa kho vyantikāhiti

Eso checchati mārabandhanaṃ".

- "*Người tà ý nhiếp phục*

Đi sắc bén nhiệt nồng

Thường quán nhìn tịnh tướng

Người ấy ái tăng trưởng". (349)

- "*An vui an tịnh ý*

Quán bất tịnh thường niệm

Người ấy sẽ diệt ái

Cắt đứt ma trói buộc". (350)

CHÚ THÍCH

Vitakkapamathitassa tức là người bị ba loại tâm như dục tâm... Chi phối.

Tibbarāgassa tức là người tham ái quá độ.

Subhānupassino: Nghĩa là người thấy cảnh rằng: "đẹp" vì tâm đã phóng theo các cảnh ước muốn do sự chấp thủ cảnh khả ái.

Taṇhā: Nghĩa là trong các bậc Thiền như Sơ thiền... Thậm chí chỉ một tầng thiền cũng không đắc chứng hay phát triển được với người nhiều tham dục như vậy. Thật sự ái được tăng trưởng qua sáu căn môn.

Esa kho nghĩa là: Chính người đó làm dây trói buộc tức ái càng bền chắc.

Vikkūpasame nghĩa là cả 10 đề mục bất tịnh trong Sơ thiền, tức là Pháp khắc phục các tà tư duy.

Sadāsato: Nghĩa là vị Tỳ khuru nào hoan hỷ trong Sơ thiền... Gọi là có niệm, do có niệm vững chắc luôn luôn mới phát triển thiền bất tịnh ấy.

Vyantikāhiti: Nghĩa là Vị Tỳ khuru ấy đã làm cho ái sanh trong ba cõi được chấm dứt.

Mārabandhanaṃ: Nghĩa là vị Tỳ khuru ấy đã cắt đứt dây ràng buộc của Ma vương, tức là vòng luân hồi diễn tiến trong ba cõi.

Dứt pháp thoại vị Tỳ khuru trẻ chứng đạt quả vị Tu Đà Hườn Pháp thoại mang lại lợi ích cho hội chúng là như thế.

DÚT TÍCH HIỀN TRÍ CŪLAHANUGGAHA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXIV. 8- CHUYỆN MA VƯƠNG

(PC. 351-352)

"Niṭṭhaṅgato...". Pháp cú này được Đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Ma Vương.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, chư Tăng viễn phương đến yết kiến đức Thế Tôn nơi Đại Tự Jetavana quá nhiều. Và Ngài Rāhula phải nhường nơi ngụ của mình cho chư Tỳ khưu cao hạ khi không còn nơi nào nghỉ được nữa, Trưởng lão Rāhula nằm nghỉ trước cửa Hương thất của đức Thế Tôn, khi ấy Trưởng lão Rāhula đã chứng đạt quả Vô lậu rồi, nhưng Ngài chưa có hạ nào cả.

Bấy giờ, Ma vương Vasavatti nhân cơ hội ấy, thấy Ngài Rāhula nằm trước Hương thất như thế, nghĩ rằng: "Mâm non của Sa môn Gotama đang nằm phía ngoài, còn Sa môn Gotama thì nằm bên trong, nếu ta xúc chạm đến mâm non này, làm cho y hoảng sợ, có nghĩa là ta đã xúc chạm đến Sa môn Gotama và làm cho y kinh hoàng vậy".

Thế là, Ma Vương hóa thân thành một Tượng Vương to lớn, đẩy hung ác đi đến trước Hương thất, dùng vòi quấn vào đầu Trưởng Lão Rāhula, rống lên những tiếng rống như tiếng kêu vang của loài Hồng Hạc. Bậc Đạo Sư an trú trong Hương thất, biết rằng Tượng Vương ấy chính là Ma Vương hóa thân, Ngài phán rằng:

- Này Ma Vương! Cho dù cả trăm ngàn người cũng không làm cho con Như Lai rung động được. Vì con Như Lai đã cắt lìa ái dục rồi, có nhiệt tâm tinh cần, có nhiều trí tuệ nên không còn run sợ nữa. Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

351-

"Niṭṭhaṅgato anaṅgano
Vītataṅho anaṅgano
Acchiddi bhavasallāni
Antimo'yam samussayo".

352-

"Vītataṅho anālāno
Niruttipadakovido
Akkarānam sannipātam
Jañña pubbaparāni ca
Sa ve antimasārīro
Mahāpañño mahāpuriso'ti vuccati".

- "Ai đến đích không sợ

Lìa ái không nhiễm ô

Nhỏ mũi tên sanh tử

Thân này thân cuối cùng". (351)

- "Ai lìa không chấp thủ

Cú pháp khéo biện tài

Thấu suốt từ vô ngại

Hiểu thứ lớp trước sau

Thân này thân cuối cùng

Vì như vậy được gọi

Bậc Đại trí, đại nhân". (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Niṭṭham gato nghĩa là Bậc A la Hán, được gọi là vị thành tựu cứu cánh của Bậc xuất gia trong Pháp Luật này, đã đạt đến tận cùng Phạm Hạnh, tức là Đạo quả A la Hán.

Asantāsī: Là người không còn sợ hãi, do không còn phiền não

XXIV. 9- CHUYỆN MA VƯƠNG

(PC. 351-352)

"Niṭṭhaṅgato...". Pháp cú này được đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngụ tại Jetavana, đề cập đến Ma Vương.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, chư Tăng viễn phương đến yết kiến đức Thế Tôn nơi Đại Tự Jetavana quá nhiều. Và Ngài Rāhula phải nhường nơi ngụ của mình cho chư Tỳ khưu cao hạ khi không còn nơi nào nghỉ được nữa, Trưởng lão Rāhula nằm nghỉ trước cửa Hương thất của đức Thế Tôn, khi ấy Trưởng lão Rāhula đã chứng đạt quả Vô lậu rồi, nhưng Ngài chưa có hạ nào cả.

Bấy giờ, Ma vương Vasavatti nhân cơ hội ấy, thấy Ngài Rāhula nằm trước Hương thất như thế, nghĩ rằng: "Mâm non của Sa môn Gotama đang nằm phía ngoài, còn Sa môn Gotama thì nằm bên trong, nếu ta xúc chạm đến mâm non này, làm cho y hoảng sợ, có nghĩa là ta đã xúc chạm đến Sa môn Gotama và làm cho y kinh hoàng vậy".

Thế là, Ma Vương hóa thân thành một Tượng Vương to lớn, đầy hung ác đi đến trước Hương thất, dùng vòi quấn vào đầu Trưởng Lão Rāhula, rống lên những tiếng rống như tiếng kêu vang của loài Hồng Hạc. Bậc Đạo Sư an trú trong Hương thất, biết rằng Tượng Vương ấy chính là Ma Vương hóa thân, Ngài phán rằng:

- Này Ma Vương! Cho dù cả trăm ngàn người cũng không làm cho con Như Lai rúng động được. Vì con Như Lai đã cắt lìa ái dục rồi, có nhiệt tâm tinh cần, có nhiều trí tuệ nên không còn run sợ nữa. Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

351-

"Niṭṭhaṅgato anaṅgano
Vītataṅho anaṅgano
Acchiddi bhavasallāni
Antimo'yam samussayo".

352-

"Vītataṅho anālāno
Niruttipadakovido
Akkarānaṃ sannipātaṃ
Jañña pubbaparāni ca
Sa ve antimasāriro
Mahāpañño mahāpuriso'ti vuccati".

- "Ai đến đích không sợ
Lìa ái không nhiễm ô
Nhỏ mũi tên sanh tử
Thân này thân cuối cùng". (351)

- "Ai lìa không chấp thủ
Cú pháp khéo biện tài
Thấu suốt từ vô ngại
Hiểu thứ lớp trước sau
Thân này thân cuối cùng
Vì như vậy được gọi
Bậc Đại trí, đại nhân". (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Niṭṭham gato nghĩa là Bậc A la Hán, được gọi là vị thành tựu cứu cánh của Bậc xuất gia trong Pháp Luật này, đã đạt đến tận cùng Phạm Hạnh, tức là Đạo quả A la Hán.

Asantāsi: Là người không còn sợ hãi, do không còn phiền não ái trong tâm.

Acchiddi bbavasallāni: Nghĩa là đã nhỏ bỏ mũi tên đi đến sanh hữu.

Samusayo: Tức là xác thân này của người ấy là sau cùng.

anādāno: Là người không còn chấp thủ trong các uẩn...

Niruttipadakovido nghĩa là người thông suốt cả Tứ Vô Ngại giải như từ vô ngại giải, biện vô ngại giải...

Akkharānaṃ sannipātaṃ jañña pubbaparāni ca nghĩa là biết rõ sự kết cấu của văn tự, biết chữ cuối do chữ đầu và biết chữ đầu do chữ cuối.

Thế nào gọi là biết được chữ cuối do chữ đầu: Nghĩa là khi thấy được chữ đầu, dù chữ giữa và chữ cuối chưa thấy vẫn biết được rằng: "Đây là có chữ giữa và có chữ cuối".

- Thế nào là biết được chữ đầu do chữ cuối: Nghĩa là khi thấy được chữ cuối, dầu rằng chữ đầu và chữ giữa chưa thấy, cũng hiểu biết được rằng: "Đây có chữ đầu, có chữ giữa". Khi thấy được chữ giữa, dù chữ đầu và chữ cuối chưa được thấy cũng hiểu biết rằng: "Có chữ đầu và có chữ cuối".

Mahāpañño: Nghĩa là người có xác thân cuối cùng. đức Thế Tôn gọi vị ấy là BẬC ĐẠI TRÍ, vì có đầy đủ trí tuệ, thông suốt nghĩa pháp, từ biện, giới, uẩn... Và Ngài còn gọi là BẬC ĐẠI NHÂN vì tâm vị ấy đã giải thoát theo Pālī rằng: "Này Sāriputta, ta gọi người có tâm giải thoát là BẬC ĐẠI NHÂN"

Dứt pháp thoại, nhiều chúng sanh chúng đạt Đạo Quả. Riêng Ma Vương suy nghĩ rằng:

- Sa Môn Gotama biết được ta.

Ma Vương bèn biến mất tại chỗ.

DÚT TÍCH: CHUYỆN MA VƯƠNG

DỊCH GIẢ CĂN ĐỀ

XXIV. 10- TU SĨ UPAKA

(PC. 353)

"Sabbābhibhū sabbaavidū'ham... ". Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn này khi Ngài trú tại Jetavana, để cập đến du sĩ Upaka.

Tương truyền rằng: Sau khi chiến thắng Ma Vương, Bồ Tát đắc thành quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Đức Thế Tôn an hưởng vị giải thoát trọn bốn mươi chín ngày dưới cội Đại Giác Cổ Thọ. Bấy giờ, sau 49 ngày đức Thế Tôn đi đến kinh thành Bārāṇasī để tế độ cho năm thầy Koṇḍañña, tiến về vườn Isipatanamigādaya để chuyển Pháp Luân. Ngài ngự du hành suốt 48 do tuần, vì Ngài thấy được duyên lành của ngoại đạo du sĩ Upaka.

Trên đường du hành, ngoại đạo Upaka trông thấy đức Thế Tôn, y chiêm ngưỡng Pháp tướng với Lục căn thanh tịnh, màu da trong sáng như vàng ròng tinh anh của Bạc Đạo Sư, y liền bạch hỏi rằng:

- "Này hiền giả, lục căn của Hiền giả thật là thanh tịnh, màu da trong sáng. Này Hiền giả, Hiền giả xuất gia với ai? Ai là Bạc Đạo Sư của hiền giả? Hoặc Hiền giả hoan hỷ với Giáo Pháp của vị nào?".

- Này Upaka! Như Lai không có ai là Tế Độ Sư cả, hay là Y chỉ Sư. Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

353- "Sabbābhibhū sabbaavidū'ham asmi

Sabbesu dhammesu anūpalitto

Sabbañjaho taṇhakkhaya vimutto

Sayam abhiññāya kam uddiseyyam".

- "*Ta hàng phục tất cả*

Ta biết rõ tất cả

Không ướ nhiễm pháp nào

Ta từ bỏ tất cả

Ái diệt tự giải thoát

Đã tự mình thắng trí

Ta cần học việc gì?". (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Sabbābhibhū: Tức là bậc toàn thắng tất cả các diễn tiến trong ba cõi.

Sabbaavidū tức là thông suốt các pháp diễn tiến trong bốn cõi.

Sabbesu dhammesu là ái và kiếp diễn tiến trong ba cõi không thể xâm chiếm được.

Sabbañjaho: Tức là đã từ bỏ các pháp trong ba cõi.

Taṇhākkhaye vimutto nghĩa là đã giải thoát, tức là A La Hán đạo quả, là pháp chấm dứt ái dục, đã đến tận cùng của sự chứng đạt, chấm dứt trọn vẹn ái dục bằng sự giải thoát của Bạc Vô Học.

Sayam abhiññāya: Là tự mình thấu triệt các Pháp...

Kam uddiseyyam: Nghĩa là ta cần phải y cứ ai là TẾ ĐỘ SƯ hay là YCHỈ SƯ của ta nữa.

Dứt kệ ngôn, du sĩ Upaka không hoan hỷ cũng không phản đối lời dạy của Bạc Đạo Sư. Nhưng y lắc đầu le lưỡi nói rằng:

- Nay Hiền giả! Mong rằng Hiền giả sẽ là như thế.

Rồi y tiếp tục du phương theo con đường của mình, đi đến nhà người thợ săn.

DỨT TÍCH: DU SĨ UPAKA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXIV. 11- ĐỨC THIÊN VƯƠNG ĐẾ THÍCH

(PC. 354)

"Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti...". Kệ ngôn này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana. Ngài trả lời những câu hỏi của Thiên Vương Đế Thích.

Tương truyền rằng: Một hôm chư Thiên nơi Đạo Lợi Cung cùng nhau ngỗ hội họp tại Giảng đường Sudhammā, nêu lên bốn câu hỏi rằng: "Trong các sự thí bậc trí gọi sự thí nào là tối thắng? Trong các sự hoan hỷ, bậc trí gọi hỷ nào là hoan hỷ tối thắng? Trong các vị, vị nào được bậc trí cho là tối thượng? Vì sao sự chấm dứt ái dục gọi là cao thượng nhất?"

Khi nêu lên bốn nghi vấn này rồi, không có vị Thiên Tử nào giải đáp được cả. Chư Thiên hỏi lẫn nhau về lời giải đáp bốn vấn đề này, tiếng hỏi nhau lan rộng đi khắp 10 ngàn thế giới và trải qua 12 năm, không vị Thiên nhân nào giải đáp được.

Sở dĩ được lan rộng là vì: Khi chư Thiên địa cầu nghe được bốn vấn đề này liền đi đến hỏi Tứ Thiên Vương. Tứ Thiên Vương hỏi chư thiên địa cầu rằng:

- Nay các Thiên Tử! Việc chi mà các ngươi đến hội họp nơi đây?

- Chúng tôi được bốn nghi vấn như thế này... Thế này. Nhưng không ai giải đáp được, do đó mới đến hỏi Ngài đây.

- Nay các bạn! Chúng tôi cũng không thể giải đáp được. Chỉ có Thiên Vương Đế Thích có sự hiểu thấu được bốn vấn đề này, vì Ngài có trí hiểu được ý nghĩa của ngàn người có cùng một lúc chỉ trong giây phút. Thiên chủ là bậc thù thắng hơn chúng ta về phước báu và trí tuệ. Vậy chúng ta hãy mang vấn đề này đến hỏi nơi Ngài.

Thế là Chư thiên cùng Tứ Thiên Vương đi đến Đạo Lợi hỏi lời giải bốn vấn đề nơi Thiên Chúa Đế Thích. Đức Thiên chủ nói rằng:

- Nay các khanh, vấn đề này không một ai có thể thấu triệt, vì đây thuộc về trí tuệ của vị Chánh Đẳng Giác. Nay các khanh! Hiện nay đức Thế Tôn đang ngự nơi nào?

- Thừa Thiên Chủ, đức Thế Tôn đang trú tại Tinh xá Jetavana.

- Nay các khanh chúng ta hãy đến yết kiến đức Thế Tôn, trình lên Ngài vấn đề này.

Và Thiên Vương Đế Thích cùng chư Thiên tùy tùng đi đến Jetavana, làm cho trọn cả Tinh xá rực sáng trong đêm ấy. Vua Trời sau khi đánh lễ đức Thế Tôn rồi, đứng vào nơi phải lễ, đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Nay Đại Vương! Có việc chi mà Ngài cùng chư Thiên tùy tùng đi đến đây?

- Bạch Thế Tôn! Tất cả Chư thiên nêu lên bốn vấn đề như thế, nhưng không một ai có thể hiểu thấu đáo ý nghĩa bốn vấn đề này. Xin Thế Tôn từ mẫn giảng giải ý nghĩa này cho chúng con đi.

- Nay Đại Vương! Được rồi Như Lai đã hành pháp Độ đến bờ cao thượng, đắc thành bậc Chánh Đẳng Giác là để giải trừ hoài nghi cho chúng sanh như Đại Vương đây. Nay Đại Vương, Ngài hãy lắng nghe ý nghĩa này đi:

Trong tất cả sự thí, pháp thí là tối thắng; Pháp vị là vị tối thượng trong tất cả vị, trong các hỷ thì Pháp hỷ là thù diệu nhất. Sự chấm dứt ái dục là tối thắng nhất vì khiến chúng sanh ấy chứng đắc Vô Lậu quả, chấm dứt trọn vẹn khổ uẩn này.

Rồi đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn rằng:

354- "Sabbadānam dhammadānam jināti

Sabba rasam dhammaraso jināti.

Sabbaratim dhammaratī jināti

Taṇhakkhayo sabbadukkham jināti".

- "*Pháp thí thắng mọi thí*

Pháp vị thắng mọi vị

Pháp hỷ thắng mọi hỷ

Ái diệt thắng mọi khổ".

CHÚ THÍCH

Sabba dānam... Nghĩa là người cúng dường như là tam y, vật thực... đến chư Phật Chánh Đẳng Giác, hay chư Phật Độc Giác và bậc Lậu Tận nhiều vô số kể, các bậc ấy ngồi khít khao tràn ngập cả thế giới cho đến cõi Phạm Thiên. Sự bố thí ấy chẳng sánh bằng 1/16 của pháp tùy hỷ mà chư Phật tuyên thuyết, dù chỉ là bốn kệ ngôn. Sự nghe Pháp, sự thí pháp, thuyết pháp là cao quý hơn mọi sự thí khác.

Lại nữa, người chú tâm nghe Pháp sẽ tạo được vô lượng công đức, quả lành chắc chắn sẽ phát sanh đến người ấy. Chính sự thí pháp mà đức Thế Tôn ban bố bằng tùy hỷ pháp với 4 kệ ngôn thôi, cũng cao quý hơn sự thí vật thực thượng vị đầy bát đến hội chúng Thánh Tăng nhiều vô số.

Hơn cả sự thí dược phẩm trị bệnh mà tín thí gia dâng cúng bởi năm loại thuốc đến chư Tăng tỳ khuru. Hơn cả sự thí trú xứ mà người thí xây dựng cốc liêu... Hay lâu đài vĩ đại có giá trị trăm lần, ngàn lần, hơn cả sự thí Tinh xá Jetavana của Trưởng Giả anāthapiṇḍika... Vì sao vậy? Vì rằng: Những người làm được phước như vậy, do nhờ được nghe Pháp mới làm được, nếu không được thính pháp thì chẳng bao giờ có tâm dũng mãnh để làm việc đại thí ấy, nếu chúng sanh không được nghe pháp, thì dù là một muống cơm chúng cũng không cúng dường. Do vậy thí pháp là tối thắng hơn mọi sự thí.

Lại nữa, ngoại trừ bậc Chánh Đẳng Giác, Độc Giác Phật. Ngay cả vị Thượng Thủ Thịnh Văn là Sāriputta chẳng hạn, là người có trí tuệ quảng đại, có thể đếm được những hạt mưa rơi suốt một kiếp trái đất, nhưng cũng không thể tự mình chứng Đạo quả được theo với căn tánh của mình, Ngài cũng phải nghe Pháp của Trưởng Lão Assaji mới chứng quả Dự Lưu được, và tác chứng Vô Lậu quả từ nơi Pháp Bảo của Bậc Đạo Sư.

Vì vậy đức Đạo Sư mới tuyên thuyết rằng: "Nay Đại Vương! Thí pháp là tối thắng mọi sự thí" - "sabba dānam dhammadānam jināti".

Hương vị mọi loại cây như là gỗ trầm hương, là vị ngon ngọt thù diệu nhất như Thiên vị chẳng hạn, những hương vị ấy vẫn khiến chúng sanh chịu khổ ái trong trầm luân, chịu sanh tử triền miên ngập tràn đau khổ. Còn hương vị của Giáo Pháp tức là 37 nhân trợ Bồ Đề Giáo cùng với 9 pháp Siêu Thế, hương vị ấy mới thật cao quý hơn mọi hương vị. Vì thế, Bậc Đạo Sư phán dạy rằng:

"Sabbarasam dhmmaraso jināti".

Sự hoan hỷ với con trai, con gái, tài sản, nữ nhân tuyệt sắc... Sự hoan hỷ ấy chỉ là một phần nhỏ của sự hoan hỷ khi múa hát... Sự hoan hỷ này cũng khiến chúng sanh phải trầm luân khổ ải, chịu đau khổ trong vòng sanh tử. Còn hỷ lạc sanh lên khiến cho người thính pháp, thuyết Pháp và dạy pháp thường mang đến sự an lạc cho tâm, làm sung mãn, tràn đầy an lạc nơi tâm. Sự hỷ lạc ấy đưa đến chấm dứt luân hồi được như bậc A La Hán là vị đã đến nơi cuối cùng của thế gian. Chính nhờ hỷ lạc quán pháp ấy mới là tối thượng, cao quý hơn mọi hỷ lạc khác. Do đó đức Thế Tôn phán dạy rằng: "Sabbaratim dhammaratī jināti".

Sự chấm dứt ái dục ấy đồng nghĩa với Bậc A La Hán. Bậc A La Hán là cao quý hơn mọi chúng sanh, vì các Ngài đã nhiếp phục được luân hồi. Do đó, đức Thế Tôn phán dạy rằng: "Taṇhakkhayo sabbadukkham jināti".

Đức Thế Tôn giảng giải trọn vẹn ý nghĩa của bốn vấn đề ấy, có đến 84 ngàn chúng sanh chứng đạt Đạo Quả. Ngay cả Thiên Vương Đế Thích khi được nghe Pháp rồi, đánh lễ và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Thật là bất lợi cho chúng con khi Ngài không dạy bảo chia phước thí Pháp cao quý như thế. Kể từ nay trở đi, xin Ngài từ bi phán bảo chư tỳ khưu chia phước pháp thí đến chúng con đi. Bạch Thế Tôn.

Nhận lời thỉnh cầu của Thiên Vương Đế Thích, Ngài đã phán dạy chư tỳ khưu rằng:

- Nay chư tỳ khưu! Kể từ nay trở đi khi các người thuyết pháp hay dạy pháp, hoặc đàm luận chánh pháp, chỉ đến sự tùy hỷ pháp, các người nên chia phước đến tất cả chúng sanh vậy.

DÚT TÍCH: ĐỨC THIÊN VƯƠNG ĐẾ THÍCH

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXIV. 12- VỊ TRƯỞNG GIẢ KHÔNG CON

(PC. 355)

"Hanati bhogā...".

Kệ Pháp cú này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến vị Trưởng giả Aputtaka.

Được nghe rằng: Một hôm, đức Vua Pasenadi vị thủ lãnh xứ Kosala. đức vua được tin 1 vị Trưởng Giả trong thành Savatthī vừa mệnh chung, thị dân đến báo cho Ngài rõ tài sản của vị ấy. đức vua phán hỏi: - Tài sản ấy sẽ chuyển giao cho ai?

- Tâu Đại Vương, sẽ chuyển giao cho Đại Vương, sẽ sung vào công khố. Thế là đức vua cho chuyển di tài sản ấy vào công khố, trọn cả bảy ngày mới chuyển hết tài sản ấy vào Hoàng Cung. Rồi đức vua Pasenadikosala đi đến Đại Tự Jetavana, yết kiến đức Thế Tôn, Bậc Đạo Sư phán hỏi rằng:

- Nay Đại Vương! Có chuyện gì mà Đại Vương đến đây vào buổi trưa nắng gắt thế này?

- Bạch Thế Tôn! Có vị Trưởng giả trong thành Sāvattthī vừa mệnh chung, con phải di chuyển tài sản của vị ấy vào công khố, vì vị ấy không có người thừa tự.

Bạch Thế Tôn! Được nghe rằng Trưởng Giả ấy rất giàu có, nhưng khi gia nhân mang thực phẩm thượng vị đến cho ông dùng, thực phẩm ấy đựng trong chiếc mâm vàng, thì ông ta nói rằng: "Loài người (mà) được dùng vật thực ngon như vậy ư? Các người đang mai mỉa ta chắc". Khi gia nhân đặt mâm vật thực xuống thì ông lấy cây, gậy, gạch, đá... Ném xua đuổi gia nhân đi. Y chỉ dùng gạo nát với nước cải chua và nói rằng: Đây mới thật sự là vật thực của nhân loại. Và khi gia nhân mang vải tốt đến cho ông, hay mang chiếc xe đạp tốt lộng lẫy đến, thì ông mắng nhiếc, dùng gậy gộc, đá gạch để xua đuổi gia nhân. Ông ta chỉ dùng y thô xấu, chỉ đi xe thô xấu mà thôi.

- Nay Đại Vương! Chuyện này quả có thật như thế. Vì thuở quá khứ ông cúng dường đến đức Phật Độc Giác Tagarasikhī vật thực. Một lần nọ, khi ông đang ngồi trên gác, chợt trông thấy đức Phật Độc Giác đang trì bình đứng trước cửa nhà. Y Bảo với gia nhân rằng: "Hãy cho vị Sa môn ấy bát cơm đi", rồi ông ta đứng dậy bỏ đi, được nghe rằng: Vị Trưởng giả ấy là người không có đức tin, nên mới nói như thế thôi.

Riêng vợ ông ta là người có đức tin suy nghĩ rằng: "Lâu nay ta mới được nghe chồng ta nói lên tiếng CHO, sự ước nguyện của ta sẽ được viên mãn trong ngày hôm nay vậy. Ta hãy cúng dường vật thực hảo hạng đến Ngài".

Bà liền thỉnh bát và đặt vào bát những món vật thực thượng vị, cúng dường đến đức Phật Độc Giác. Ngài nhận bát rồi đi ra, ông Trưởng giả đi cửa sau ra gặp đức Độc Giác đang ôm bình đi ra, nên hỏi vị Độc Giác rằng:

- Nay ông Sa môn, ông có được chi chăng?

Không đợi đức Độc Giác trả lời, y mở nắp bát Ngài ra xem, thấy những loại vật thực thượng vị, y bất bình suy nghĩ rằng: "Vật thực này nên cho nô lệ ta dùng còn có lợi ích hơn, vì khi họ dùng vật thực này rồi, họ sẽ làm việc cho ta. Còn ông Sa môn này khi ăn rồi sẽ tìm nơi ngủ mà thôi, vật thực của ta sẽ hao phí đi".

Lại nữa, này Đại Vương, cũng trong kiếp ấy Trưởng giả đã giết chết cháu ruột của mình mà sang đoạt tất cả tài sản.

Được biết rằng Trưởng giả ấy khi dạo chơi với cháu mình, thì đứa cháu nắm lấy tay chú nói rằng: "Chiếc xe này là của cha con, con bò này cũng của cha con". Trưởng giả ấy suy nghĩ: "Hiện giờ nó đã biết nói như thế rồi, khi nó trưởng thành thì ai sẽ là người gìn giữ gia sản này chứ?" ác tâm sanh khởi cho Trưởng Giả ấy, y dẫn đứa cháu mình đi dạo chơi trong rừng, dùng lấy hai tay bóp cổ đứa cháu như người ta bóp củ khoai chín, rồi liệng bỏ xác cháu mình vào một bụi rậm gần đó. Này Đại Vương! Đây là tiền nghiệp của Trưởng giả ấy.

Đức Thế Tôn phán dạy tiếp rằng:

- Này Đại Vương! Do quả Trưởng Giả cúng dường vật thực đến đức Độc Giác Phật Tagarasikhī, nên được thọ sanh làm Chúa Đế Thích 7 lần, quả còn dư sót được làm đệ nhất Trưởng giả có đại tài sản trong thành Sāvattihī này 7 lần. Do nghiệp quả khởi lên tâm bất bình hối tiếc rằng: Nên cho vật thực này đến nô lệ dùng, vì dùng vật thực này sẽ làm việc cho ta là có ích lợi hơn. Nên tâm của Trưởng giả ấy không chịu dùng vật thực thượng vị, không thích dùng vải quý, hay dùng loại xe đạp... Không chịu dùng hay thọ dụng năm dục trưởng dưỡng.

Do quả nghiệp sát hại cháu mình để cưỡng đoạt gia tài, nên y bị thiêu đốt trong lửa địa ngục với thời gian dài không sao đếm xiết được, và quả còn dư sót nên y bị tuyệt tự, và cái tài sản ấy thường bị sung vào công khố quốc độ đã 7 lần rồi.

Này đại vương! Lại nữa, phước cũ nay đã hết mà y không có tạo phước thiện mới, vì có tâm bồn xồn. Này Đại Vương! Chính khi mệnh chung thì y rơi vào địa ngục Mahārōruva, bị thiêu đốt trong lửa địa ngục.

Nghe được tiền nghiệp của Trưởng giả Anaputta như thế, đức Vua bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu thay, đây là quả nghiệp quá nặng. Khi Trưởng giả ấy có được tài sản như thế mà không tự thọ hưởng. Và khi được Đấng Chánh Đẳng Ngự trú nơi đây, ông ấy cũng chẳng tạo được phước thiện gì cả.

- Thật vậy! Này đại vương, người thiếu trí đã được tài sản thường không tầm cầu Níp Bàn. Lại nữa, ái dục phát sanh do tài sản thường giết người ấy lâu dài.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

355- "Hanati bhogā dumme- dham

No ve pāragavesino

Bhogatañhāya dummedho

Hanti añña'va attanam".

- "*Giàu sang hại người ngu*

Không hại người cầu tìm

Đến được bờ bên kia

Kẻ ngu vì ham giàu.

Hại mình và hại người". (TMC).

CHÚ THÍCH

No ve pāragavesino là tài sản hằng không hại người tầm cầu bờ thường hằng, tức là Níp Bàn.

Hanti añña'va attanam nghĩa là người thiếu trí thường tự giết mình như giết người khác, cũng vì tham muốn do tài sản mà phát sanh lên.

Dứt kệ ngôn, nhiều người chứng đạt Thánh quả như Dự Lưu....

DỨT TÍCH: TRƯỞNG GIẢ VÔ TỰ

XXIV. 13- THIÊN TỬ ANKURA

(PC. 356..359)

"Tiṇadosāni khettāni...".

Kệ ngôn này được đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài ngự tại Thiên Cung Đạo Lợi, trên ngai vàng Paṇḍukambala để cập đến Thiên Tử Ankura.

Trương truyền rằng: Thiên Tử Indaka đã cúng dường đến Đại đức Anuruddha một muống com mà người ta đã cho mình khi Trưởng Lão đang trì bình khát thực. Quả dị thực của thiện nghiệp ấy, tạo cho Thiên Tử Indaka một uy lực to lớn, phước ấy thù thắng hơn sự bố thí của Thiên Tử Anruka, vị ấy đã xây lò cả 12 do tuần, bố thí hết 10 ngàn năm. Do đó Thiên Tử Indaka đã bạch trình với đức Thế Tôn rằng: Ye jhānappasutā dhrā... (Vì con cúng dường thời có Phật Pháp, đến bậc đáng cúng dường).

Và Bậc Đạo Sư đã phán dạy rằng:

- Nay Thiên Tử Ankura! Sự tuyển thí là việc tốt. Sự thí (của Indaka) có quả phước dồi dào, giống như gieo hạt giống xuống ruộng tốt. Do người không làm như vậy nên người mới không có quả báu dồi dào.

Rồi đức Thế Tôn nói lên ý nghĩa như sau:

- Người nên chọn chỗ bố thí có quả báu dồi dào. Do sự chọn lựa nên đã được quả báu dồi dào. Đã được Đấng Thiện Thệ tán dương, sự thí đến bậc đáng thọ lãnh ở đời này là có quả báu dồi dào, giống như gieo hạt giống xuống ruộng tốt vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

356- "Tiṇadosāni khettāni
Rāgadosā ayam pajā
Tasmā hi vitarāgesu
Dinnam hoti mahappa- lam".

357- "Tiṇadosāni khettāni
Dosadosā ayam pajā
Tasmā hi vitadosesu
Dinnam hoti opphalaṃ".
358- "Tiṇadosāni khettāni
Mohadosā ayam pajā
Tasmā hi vitamohesu
Dinnam hoti mahappa- lam".

359- "Tiṇadosāni khettāni
Icchādosā ayam pajā
Tasmā hi vigaticchesu
Dinnam hoti mahappa- lam".
- "Cỏ làm hại ruộng vườn
Tham làm hại người đời
Bố thí người lia tham
Do vậy, được quả lớn". (356)

- "Cỏ làm hại ruộng vườn
Sân hận hại người đời
Bố thí người lia sân
Do vậy, được quả lớn". (357)
- "Cỏ làm hại ruộng vườn
Si làm hại người đời

*Bố thí người lìa si
Do vậy được quả lớn". (358)
- "Cỏ làm hại ruộng vườn
Dục làm hại người đời
Bố thí người lìa dục
Do vậy, được quả lớn". (HT. TMC)*

CHÚ THÍCH

Tiṇadosāni nghĩa là: Sự thật các loại cỏ như cỏ rom... Khi sanh trưởng sẽ làm hại ruộng của những loại cây giống đã sanh trước, hay làm hại đến những loại cây giống sẽ sanh lên, và như thế đồng ruộng ấy sẽ không được xanh tươi. Cũng như thế ấy, khi tham ái sanh khởi trong tâm của chúng sanh thường làm hại chúng. Do đó, sự bố thí đến người còn nhiều tham ái, bố thí ấy không có quả lớn, sự bố thí đến người còn nhiều tham ái, bố thí ấy không có quả lớn, sự bố thí đến bậc Vô Lậu là sự thí có phước báo cao thượng. Vì thế, bậc Đạo Sư phán dạy rằng: "Ruộng có cỏ là độc hại, chúng sanh có tham ái là độc hại". Chính vì thế, sự thí đến người đã xa lìa tham ái, bố thí ấy mới có quả báo cao thượng".

Những câu còn lại cũng tương tự như trên.

Dứt Pháp thoại, Thiên Tử Āṅkura và Indaka chứng đạt quả vị Dự Lưu.

DỨT TÍCH: THIÊN TỬ ĀṅKURA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXV. PHẨM TỶ KHUU

XXV. 1- NĂM VỊ TỶ KHUU

(PC. 360-361)

"Cakkhumā samvaro sādhu...".

Kệ ngôn nầy được đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, để cập đến năm vị Tỷ khưu.

Như được nghe rằng: Có năm vị tỷ khưu, mỗi vị phòng hộ chế ngự một căn môn, như là chế ngự mắt, chế ngự tai...

Một hôm, cả năm vị Tỷ khưu ấy cùng ngồi lại với nhau trong Thiện Pháp đường, bàn luận cùng nhau rằng:

- Nầy chư hiền! Tôi là người chế ngự căn môn là mắt, vì mắt là căn khó chế ngự hơn cả.

Vị khác lại nói:

- Nầy chư hiền! Tai là căn môn khó chế ngự hơn cả, tôi là người phòng hộ căn môn ấy.

Một vị lại bảo rằng:

- Này chư Hiền! Theo tôi mũi là căn môn khó chế ngự hơn cả, tôi là người phòng hộ căn môn ấy.

Một vị lại bảo rằng:

- Này chư Hiền! Theo tôi lưỡi là căn môn khó chế ngự hơn cả, tôi là người phòng hộ tỷ môn.

Và vị tỷ khưu thứ năm lại nói:

- Thưa chư hiền! Thật ra thân môn mới khó chế ngự hơn cả, tôi là người chế ngự được thân môn. Cả năm vị đều cho rằng căn môn mà mình đang chế ngự, phòng hộ là khó chế ngự hơn cả.

Thế rồi, cả năm vị bảo nhau rằng:

- Chúng ta hãy mang vấn đề nầy bạch hỏi nơi đức Đạo Sư vậy.

Sau khi đánh lễ đức Đạo Sư xong rồi, chư tỳ khuru ấy ngồi vào nơi phải lễ, bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con mỗi người chế ngự một căn môn. Chúng con cho rằng môn quyền mà mình đang chế ngự phòng hộ là khó chế ngự hơn cả. Bạch Thế Tôn, trong chúng con, ai là người chế ngự được môn quyền khó chế ngự nhất.

Đức Đạo Sư không làm cho vị tỳ khuru nào sanh tâm bất lạc cả, Ngài dạy rằng:

- Nay các tỳ khuru! Tất cả các căn đều khó phòng hộ thật sự. Một lẽ nữa, chẳng phải bây giờ các người mới là người thu thúc căn môn đâu, trong quá khứ các người vì không thu thúc căn môn, không thực hành theo lời Giáo giới của bậc hiền trí, nên đã đi đến sự hoại vong. Chính vì không thu thúc căn môn ấy.

Chư tỳ khuru thỉnh cầu rằng: "Bạch Thế Tôn!" Khi nào vậy?

Đức Thế Tôn khi ấy thuyết giảng lên Bốn Sanh Takkasilā chi tiết rằng: "Ta không bị rơi vào quyền lực của Dạ Xoa, là do ta định tĩnh với sự tinh cần vững chắc trên con đường Giáo Giới của bậc trí, và vì đã không để duôi trước tai hại, nên ta mới đạt được sự an lành, thoát khỏi đại nạn ấy.

Và Bồ Tát làm lễ tôn vương trước sự suy vong của Hoàng Tộc sanh lên từ Dạ Xoa. Ngài ngồi trên Long Ngai dưới cây lọng trắng chín tầng của Vương triều, nhìn Vương quốc mình, thốt lên rằng: "Sự tinh cần là Pháp mà tất cả chúng sanh nên thọ trì".

Tiếp theo Ngài nhận diện Bốn Sanh rằng:

- Nay các tỳ khuru! Trong thời ấy, các người cầm lấy vũ khí sắc bén, tháp tùng theo bậc hiền trí đi chiếm lấy Vương quốc Takkasilā. Trên đường đi do không thụ thúc mắt, tai, mũi, lưỡi và thân nên các người lần lượt rơi vào chạm bẫy của Dạ Xoa. Các người đã không hành theo lời Giáo huấn của bậc trí trên đường đi, nên đã đi đến sự hoại vong. Riêng bậc trí không màng đến những cảnh ấy, dù cho Dạ xoa có hóa thân thành Thiên Nữ theo đuổi phía sau Ngài, Ngài cũng chẳng màng và đi đến thành Takkasilā được bình an vô sự và được làm vua. Hiền trí ấy chính là Đấng Như Lai hiện tại vậy.

Này các tỳ khuru! Lễ thường Tỳ khuru cần phải thu thúc các căn, vì khi tỳ khuru nào thu thúc các căn đó rồi, thì sẽ thoát khỏi mọi khổ đau. Đức Thế Tôn thuyết giảng xong Bốn Sanh, Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

360- "Cakkhumā saṃvaro sādhu

Sādhu sotena saṃvaro

Chāṇena saṃvaro sādhu

Sādhu jivhāya saṃvaro".

361- "kāyena saṃvaro sādhu

Sādhu vācāya saṃvaro

Manasā saṃvaro sādhu

Sādhu sabbattha saṃvaro

Sabbattha saṃvuto bhik- khu

Sabbadukkhā pamuccati".

- "*Lành thay phòng hộ mắt*

Lành thay phòng hộ tai

Lành thay phòng hộ lưỡi

Lành thay phòng hộ mũi". (360)

- "*Lành thay, phòng hộ thân*

Lành thay phòng hộ khẩu

Lành thay phòng hộ ý

Tỷ kheo khéo phòng hộ

Phòng hộ khắp tất cả

Thoát được mọi khổ đau". (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Nên hiểu câu Cakkhumā... Trong kệ ngôn này rằng: Khi nào cảnh sắc đi vào lộ nhãn môn của vị tỳ khuru, khi ấy vị tỳ khuru không vui thích với sắc ấy, với cảnh khả ái khả lạc, cũng không bất bình với cảnh xấu, bất mỹ, khả ố. Không có sự phóng dật vì tác ý không đều đặn. Thu thúc là sự ngăn trừ, nghĩa là phòng hộ cho hành động mà vị tỳ khuru thực hiện trong môn quyền ấy. Nhĩ môn, thiết môn, tỳ môn... Cũng đồng ý nghĩa.

Thu thúc hay bất thu thúc không sanh lên trong môn đó, nhưng sẽ sanh tiếp nối theo trong lộ đồng lực. Thật vậy, sự bất thu thúc sanh lên là do nương vào năm pháp bất thiện là:

- Vô tín, bất kham nhẫn - lười biếng, thất niệm và vô minh. Năm pháp bất thiện này thường hiện khởi trong lộ tâm đồng lực bất thiện. Còn thu thúc có được là do năm pháp: Đức tin, nhẫn nại, tinh cần, ghi nhớ và trí tuệ hiểu biết, năm pháp này thường hiện khởi trong lộ đồng lực thiện.

Pasādakāya hay Copanakāya có trong hai câu: "kāyena saṃvaro". Hai câu Pasādakāya và Copanakāya đều là thân môn vậy. Trong cả hai môn ấy, đức Thế Tôn nói về sự thu thúc và bất thu thúc trong Pasādavāra (thân môn). Nghĩa là đức Thế Tôn nói về ba thân trước hạnh là sát sanh, trộm cắp, tà hạnh do y cứ vào Pasādavāra kể cả Copanadvāra. Vị tỳ khuru không thu thúc thân môn thì ba ác thân hạnh sẽ hiện khởi trong đồng lực bất thiện qua thân môn. Còn vị tỳ khuru thu thúc, ba thân thiện hạnh thường hiện khởi trong lộ đồng lực thiện qua thân môn.

Copanavācā, Ngài nói trong câu: "Sādhū vācāya". Do không thu thúc khẩu môn (copanadvāra) nên bốn khẩu ác hạnh là nói dối, nói ác, nói đâm thọc, nói nhảm nhí sanh lên trong lộ đồng lực bất thiện. Vị tỳ khuru thu thúc do có tác ý từ bỏ vọng ngữ, ác ngữ, hại ngữ, hý ngữ và khẩu thiện hạnh sanh lên trong đồng lực thiện.

Còn ý ác hạnh như tham ác, sân ác, tà kiến ác cùng với các tâm khác từ tâm phóng dật không đề cập đến trong câu Manasā saṃvaro. Ý môn không thu thúc thì lộ đồng lực bất thiện hiện khởi qua ý môn sẽ có tham, sân, tà kiến... Trái lại ý môn được thu thúc thì lộ ý môn đồng lực sẽ có vô tham vô sân và trí tuệ.

Sādhū sabbattha nghĩa là sự thu thúc trong các môn như nhãn... Sẽ mang lại sự an lạc. Đức Thế Tôn có thuyết giảng tám điều vị tỳ khuru nên hành trì và tám điều không nên hành trì chắc chắn sẽ thoát khỏi khổ đau, luân hồi, còn y cứ vào 8 điều không nên hành trì chắc chắn sẽ rơi vào khổ cảnh. Vì thế, đức Thế Tôn dạy: "Sabbattha samvuto bhikkhu, sabbadukkhā pamuccati".

Dứt pháp thoại cả năm vị tỳ khuru chúng đạt quả Dự Lưu...

DỨT TÍCH: NĂM VỊ TỖ KHUU

DỊCH GIẢ CĂN ĐỀ

XXV. 2- VỊ TỖ KHUU GIẾT HẠC

(PC. 362)

"Hatthasaññato...". Nhân khi đề cập đến vị tỳ khuru giết hạc, đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn này, khi Ngài ngự tại Jetavana.

Được nghe như vậy: Trong thành Sāvattihī có hai thiện gia tử nhờ nghe Pháp từ nơi đức Thế Tôn, hai vị ấy xin xuất gia trong Giáo Pháp của Ngài, hai vị ấy thường đi chung với nhau.

Một hôm, hai vị ấy đi đến bờ sông Aciravatī tắm, khi tắm xong, đang đứng phơi khô thân mình và đàm luận cùng nhau. Khi ấy, trên hư không có hai con hạc bay ngang, một vị tỳ khuru cầm viên sỏi trong tay nói rằng:

- Này Hiền giả! Nếu muốn tôi có thể búng trúng mắt con hạc.
- Hiền giả không thể nào búng trúng được đâu.
- Chừa con mắt này ra, tôi sẽ búng trúng con mắt kia.
- Dù là mắt nào Hiền giả cũng không búng trúng được.
- Vậy thì, Hiền giả hãy xem đây.

Vị ấy bèn búng viên sỏi lao vút lên không trung về phía đuôi con hạc.

Nghe tiếng sỏi rít lên phía sau mình, con hạc quay đầu lại nhìn. Khi ấy, vị tỳ khuru nhặt lấy viên sỏi khác cầm tay chờ sẵn, và búng ngay vào mắt con hạc, viên sỏi xuyên trúng mắt hạc, hạc kêu thét lên, co quắp người lại và rơi xuống đất.

Chư tỳ khuru thanh tịnh, thiếu dục trông thấy như thế, liền quở trách vị tỳ khuru ấy rằng:

- Nầy Hiền giả! Hiền giả là bậc xuất gia, lại sát sanh như thế thật bất xứng với hành động của mình.

Rồi các vị tỳ khuru mang vị ấy đến trình bạch sự kiện lên đức Thế Tôn.

Bậc Đạo Sư phán hỏi rằng?

- Nầy tỳ khuru! Có thật chăng, nghe rằng ngươi đã búng sỏi sát hạc.

- Bạch Thế Tôn! Có thật như thế.

- Nầy tỳ khuru! Ngươi đã xuất gia trong Giáo Pháp thanh tịnh của Đấng Như Lai, là con đường đưa chúng sanh thoát khổ. Tại sao này, hồi kể rỗng không kia, tại sao ngươi lại làm như thế. Thuở quá khứ, khi Đấng Chánh Giác chưa hiện khởi trong thế gian, bậc trí uy sống đời thế tục, vẫn có sự hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi với giới hạnh của mình dù chỉ là chút ít. Còn ngươi nay đã xuất gia trong Pháp Luật rực sáng như thế, lại chẳng có sự hổ thẹn, ghê sợ với Giới hạnh của mình chi cả.

Theo lời khẩn cầu của chư Tỳ khuru, đức Thế Tôn thuyết giảng Bốn Sanh như sau:

Trong thời quá khứ, khi đức vua Dhanañjaya đang trị vì xứ Kuru, trong kinh thành Indapatta. Bồ Tát giáng hạ vào thai bào của Hoàng Hậu Dhanañjaya.

Khi Bồ Tát trưởng thành, Ngài tinh thông mọi nghiệp nghệ đương thời, Ngài theo học nghệ thuật với vị Danh sư trong thành Takkasilā. Ngài được vua cha phong cho địa vị Phó Vương. Thời gian sau, khi thân phụ qua đời, Ngài lên nối Vương vị, Ngài luôn hành trì Thập Pháp Vương, an trú trong Pháp Kuru (5 giới được gọi là Pháp Kuru). Bồ Tát đã thọ trì năm giới phật trong sạch, rồi thì noi gương Ngài mọi người đều thọ trì giới hạnh, nổi bật nhất là các vị như: Hoàng Thái Hậu, Hoàng Hậu, Phó Vương (em trai Ngài), vị quân sư, người xa phu, người đặc điển, vị Trưởng giả, người thủ khổ lương thực, người giữ công thành và nàng kỹ nữ.

Cả 11 người đang hành trì pháp Kuru như thế. Nói về nước lân bang xứ Kuru là xứ Kalinga, bây giờ nơi kinh đô Dantapurī của xứ Kalinga đang bị hạn hán, đức vua cho hợp triều thần lại, để tìm cho ra nguyên nhân hạn hán và phương pháp đem lại an lạc cho thần dân trong quốc độ.

Triều thần xứ Kalinga luận bàn rằng: "Được nghe rằng Vua xứ Kuru có con Tượng Hạnh Phúc tên là añjanāsabha có nhiều phước báu. Chúng ta hãy đến xin tượng ấy. Và họ đã đến xin tượng báu Maṅgala của Bồ Tát, vì nghĩ rằng: "Khi được tượng nầy thì xứ Kalinga sẽ mưa thuận gió hòa".

Đức Vua Kalinga cử các Đại Thần Bà la môn đến xin voi hạnh phúc. Để nói lên sự việc của các vị Bà la Môn ấy, Bậc Đạo Sư thuyết giảng Bốn Sanh trong Tikanipāta rằng:

"Kính thưa đấng thống lĩnh của nhân giới, chúng thần đã biết được tin đức vua cùng với Giới hạnh của Ngài rồi. Xin Ngài hãy đổi vàng với con voi có sắc tươi đẹp như hoa đi, chúng thần sẽ mang voi ấy về xứ Kalinga".

Nhưng khi Bà la môn mang voi Maṅgala về xứ Kalinga vẫn hạn hán như cũ. Lại triệu tập các vị Đại thần vào triều luận bàn. Và có ý kiến nêu lên rằng:

- Do đức vua Kuru thọ trì pháp Kuru, nên vương quốc ấy mưa thuận gió hòa. Chúng ta hãy đến xin thọ trì Pháp Kuru nơi đức vua Kuru vậy.

Vua xứ Kalinga cho các vị Đại thần Bà la môn lên đường đến vương quốc Kuru học pháp Kuru, Ngài giao cho các vị ấy tám bảng vàng, dặn rằng:

- Nầy chư khanh, hãy ghi chép pháp Kuru mà đức vua ấy thọ trì vào tám bảng vàng nầy, mang về đây cho trẫm.

Khi các đại thần Bà la môn ấy bạch xin Pháp Kuru, thì từ đức vua cho đến nàng kỹ nữ đều có sự áy náy về giới hạnh của mình, và từ chối rằng: "Giới của tôi chưa được trong sạch trọn vẹn". Mỗi vị đều thuật lại điều e ngại của mình. Đến khi các vị Đại Thần khẩn thiết rằng: "Sự phá giới chẳng phải do nguyên nhân nhỏ nhặt ấy đâu". Bấy giờ các vị ấy mới truyền thụ pháp Kuru.

Đức vua Kalinga thọ trì pháp Kuru do các quan Đại Thần ghi chép mang về và Ngài truyền cho cả quốc độ Kalinga đồng thọ trì giới hạnh ấy cho thật trong sạch, nạn hạn hán liền chấm dứt, mưa khởi lên khắp quốc độ ấy, xứ Kalinga trở nên sung mãn có vật thực dễ dàng.

Bậc Đạo Sư sau khi thuyết giảng Bốn Sanh rồi, Ngài nhận diện bốn sanh rằng: "Kỹ nữ thời ấy nay là tỳ khuru ni Uppalavaṇṇā, người đặc điển nay là Tỳ khuru Kaccāyana, quan giữ kho nay là Tỳ khuru Koḷita, Trưởng giả nay là Trưởng lão Sārīputta, người xa phu nay là Anuruddha, vị Giáo sĩ Đại thần nay là Trưởng Lão Kassapa. Phó Vương nay là Trưởng Lão Nandapaṇḍita. Hoàng Hậu nay là mẹ Rāhula, Hoàng Thái Hậu nay là Hoàng Hậu Māyā. Đức vua xứ Kuru nay chính là Đấng Như Lai vậy.

Này chư tỳ khuru! Bậc trí trong thời trước, khi có sự khó chịu chút ít khởi lên, đã có sự e ngại về giới hạnh của mình rồi, còn các người xuất gia trong Giáo pháp của đức Phật như ta mà còn sát sanh, đã tạo nên nghiệp bất xứng. Lẽ thường vị tỳ khuru nên tự điều chế tay, chân và lời nói.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

362- "Hatthasaññato pādasaññato
Vācāya saññato saññatuttamo
Ajjhatarato samāhito
Eko santusito tam āhu bhikkhum".

- "*Người chế ngự tay chân*

Chế ngự lời và đầu

Vui thích nội thiền định

Độc thân biết vừa đủ

Thật xứng gọi tỳ kheo". (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Hatthasaññato: Nghĩa là người tự điều chế tay, vì không có sự múa tay... Hoặc đánh đập chúng sanh khác bằng tay. Gọi là người tự điều chế lời nói, do không nói bốn ác khẩu hạnh như vọng ngữ, ác ngữ, thô ngữ, hý ngữ.

Saññatattamo nghĩa là người tự điều chế thân, là không làm điều kỳ lạ như lắc mình, lắc đầu hay nhú mày...

Ajjhatarato nghĩa là người thỏa mãn, thỏa thích sự tu tập nghiệp xứ, tức là pháp diễn hành bên trong.

Samāhito nghĩa là người có tâm vững chắc.

Eko santusito là người thường độc cư hoan hỷ với sự hoan hỷ, tức là tâm hoan hỷ với pháp thành của mình kể từ khi tu tập thiền quán.

Thật vậy, tất cả hạng hữu học kể từ phạm thiên thường hoan hỷ với pháp Thành của mình, vì thế được gọi là bậc Tri túc, riêng bậc A la Hán thì có sự hoan hỷ thuần nhất. Đức Thế Tôn ám chỉ bậc A la Hán, nên Ngài thuyết rằng: Eko santusito.

Dứt Pháp thoại nhiều người chúng đắc quả Thánh.

DỨT TÍCH: VỊ TỖ KHUU GIẾT HẠC

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXV. 3- TỖ KHUU KOKĀLIKA

PC. 363

"Yo mukhasaññato". Pháp Cú này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, để cập đến tỳ khuru Kokālika.

Câu chuyện này trong Tạng Kinh ghi rằng: "Lần ấy, Tỳ khuru Kokālika đã đi đến yết kiến đức Đạo Sư..." Câu chuyện này, bậc trí hãy hiểu theo nghĩa thuyết của nhà chú giải.

Khi Tỳ khuru Kokālika tái sanh vào địa ngục, chư tỳ khuru cùng nhau ngồi hội họp tại Giảng Pháp đường, bàn luận rằng:

- Ô! Tỳ khuru Kokālika đã bị tổn hại, do đã lãng mạ hai vị Thượng Thủ Thịnh Văn là Sāriputta và Moggallāna, nên bị rơi vào địa ngục.

Bậc Đạo Sư đi đến giảng Pháp đường, ngồi vào nơi được soạn sẵn phán hỏi rằng:

- Nay các tỳ khuru! Các người ngồi hội họp cùng nhau bàn luận về vấn đề gì?

Chư tỳ khuru trình lên đức Thế Tôn câu chuyện đang bàn luận. Bậc Đạo Sư phán rằng:

- Nay các tỳ khuru, chẳng phải bây giờ Tỳ khuru Kokālika bị tổn hại đâu, trong quá khứ Kokālika cũng bị tổn hại như vậy rồi.

Theo lời thỉnh cầu của chư tỳ khuru, đức Thế Tôn thuyết giảng Bốn sanh như vậy:

Vào thời quá khứ có một con rùa sống tại một hồ nước xanh, trong rừng Tuyết Lãnh. Bấy giờ có đôi hạc thường hay đến hồ nước ấy tìm vật thực, đôi hạc kết bạn với con rùa ấy. Một hôm, đôi hạc hỏi con rùa rằng:

- Bạn ơi! Nhà của tôi ở hang núi Cittakūṭa trong rừng Tuyết Lãnh. Bạn có muốn đi với chúng tôi chẳng?

- Này bạn! Tôi sẽ đi với phương tiện nào bây giờ.

Chúng tôi sẽ mang bạn đi, nếu bạn giữ được miệng mình.

- Bạn ơi! Tôi sẽ giữ, xin bạn hãy mang tôi đi đi.

- Được thôi! Này bạn.

Rồi đôi hạc cho rùa ngậm giữa khúc cây, còn hai con thì ngậm hai đầu, đồng cất cánh bay lên.

Khi bay ngang qua kinh thành bọn trẻ trông thấy con rùa như vậy, chúng reo lên rằng:

- Hai con hạc đem con rùa đi bằng khúc cây.

Nghe như thế, con rùa muốn thốt lên rằng: "Bạn ta mang ta đi, ta cần gì chúng bây nói chứ, đồ ngu si". Nó liền mở miệng để trả lời, lập tức nó rơi xuống đất. Bấy giờ hai con hạc đang bay ngang Hoàng cung thành Bārāṇasī, con rùa rơi xuống sân châu bể ra làm hai mảnh mà chết.

Đức Thế Tôn thuyết giảng Bốn Sự xong rồi, Ngài liền thuyết giảng tiếp Bốn Sanh Bahubhāni trong Dukanipāta với chi tiết rằng: "Con rùa thốt lên lời nói, tự giết mình đó vậy. Trong khi khúc cây mà mình đang ngậm chắc rồi, đã giết mình chính với lời nói mình. Thưa bậc nhân chủ, người thấy được nhân ấy rồi, hãy nói lên thiện ngôn hợp thời. Ngài đã thấy con rùa thiệt mạng do nói phi thời (chẳng phải vậy sao?)

- Này chư tỳ khuru, lẽ thường vị tỳ khuru hãy là người thu thúc khẩu hành thường xuyên, chớ nên phóng dật, có tâm an tịnh vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

363- "Yo mukhasaññato bhikkhu

Mantabhāṇi anuddato

Atthaṃ dhammaṃ ca dīpeti

Medhuraṃ tassa bhāsitaṃ"

- "*Tỳ kheo chế ngự lưỡi*

Vừa lời, không cống cao

Khi trình bày Pháp nghĩa

Lời lẽ dịu ngọt ngào". (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Mukhasaññato nghĩa là đã thu thúc khẩu, do không nói rằng: Người là dòng hạ tiện, người là kẻ ác giới. Tuy người ấy là nô lệ hay người Chandāla.

Mantabhāṇi nghĩa là trí tuệ. Đức Thế Tôn gọi là mantā, Ngài ám chỉ đến trí mà người thường gọi.

Anuddhato tức là có tâm an tịnh

Attham dhammañca dīpeti nghĩa là thường trình bày ý nghĩa Pháp tức là thuyết Pháp.

Madhuram nghĩa là văn ngôn của vị tỳ khuru ấy được gọi là thánh thiện.

Còn vị tỳ khuru nào thuyết ý nghĩa thuần nhất, không có Pāli hay có Pāli thuần nhất mà không có ý nghĩa, hoặc không có cả hai. Văn ngôn của vị tỳ khuru ấy không gọi là thánh thiện.

Dứt pháp thoại nhiều người chứng đắc quả thánh như quả Dự Lưu...

DÚT TÍCH TỖ KHUU KOKĀLIKA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXV. 4- TRƯỞNG LÃO DHAMMĀRĀMA

(PC. 364)

"Dhammāramo dhammarato...". Kệ ngôn này Bạc Đạo Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Tinh xá Jetavana, để cập đến Trưởng lão Dhammārāma.

Tương truyền rằng: Khi đức Thế Tôn phán dạy rằng: "Chỉ còn ba tháng nữa Như Lai sẽ viên tịch Níp Bàn"

Bấy giờ, ngàn vị tỳ khuru vây quanh Ngài, trong số đó có những vị Phàm Tăng, không cảm được giọt lệ thương xót từ phụ. Riêng các vị Thánh Vô Lậu thì phát sanh Pháp động tâm rằng: "Ôi! Các pháp thật là vô thường thay".

Toàn thể chư Tăng bàn luận cùng nhau rằng:

- Chúng ta phải làm sao đây?

Các vị thường xuyên bàn luận cùng nhau tại nơi Giảng đường, từng nhóm họp nhau bàn luận mãi văm đề này. Riêng vị tỳ khuru Dhammārāma suy nghĩ rằng: "Thế Tôn sắp diệt độ mà ta thì chưa chứng đạt được Thánh quả nào cả. Vậy ta hãy cố gắng hành pháp Sa môn để diệt trọn vẹn lậu hoặc trước khi đức Thế Tôn viên tịch".

Tỳ khuru Dahammārāma không đi đến cùng với chư tỳ khuru nữa, khi chư tỳ khuru hỏi: "Này Hiền giả! Hiền giả nghĩa sao?" Vị ấy vẫn im lặng. Và rồi, vị ấy độc cư suy niệm Pháp, được Bạc Đạo Sư hằng thuyết. Chư tỳ khuru bạch việc này lên đức Thế Tôn rằng:

"Bạch Thế Tôn, tỳ khuru Dhammārāma không có sự thương mến đức Thế Tôn, vị ấy không bàn luận với con rằng: Được tin đức Thế Tôn sẽ Níp Bàn sau ba tháng, chúng ta sẽ làm thế nào bây giờ"

Đức Thế Tôn cho gọi Tỳ khuru Dhammārāma không có sự thương mến đức Thế Tôn, vị ấy không bàn luận với con rằng: "Được tin đức Thế Tôn sẽ Níp Bàn sau ba tháng, chúng ta sẽ làm thế nào bây giờ"

Đức Thế Tôn cho gọi Tỳ khuru Dhammārāma đến hỏi rằng:

- Được nghe người có hành động như thế, có thật vậy chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Có thật như vậy.

- Này Tỳ khuru! Do nhân chi người lại hành động như thế?

- Bạch Thế Tôn, con được nghe tin Ngài sẽ Níp Bàn sau ba tháng nữa, nhưng con chưa trừ tuyệt ái dục khi Ngài còn tại tiền, nên con cố gắng thực hành pháp để chứng đạt A la Hán trước khi Ngài Níp Bàn. Do vậy con hằng suy niệm Pháp mà Ngài đã thuyết giảng.

- Lành thay! Lành thay! Này chư tỳ khuru, vị tỳ khuru nào thương kính Như Lai, hãy thực hành như tỳ khuru Dhammārāma đó vậy. Thật vậy, này các tỳ khuru, vị tỳ khuru nào thương kính Như Lai, hãy thực hành như tỳ khuru Dhammārāma đó vậy. Thật vậy, này các tỳ khuru, sự cúng dường tràng hoa hay vật thơm... Không gọi là cúng dường ta, còn người thực hành Pháp chân chánh mới gọi là người cúng dường Như Lai.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

364- "Dhammārāmo dhammarato
Dhammaṃ anivicintayaṃ
Dhammaṃ anussaraṃ bhikkhu
Saddhammā na paruhāyati".
- "*Vị tỳ kheo thích Pháp
Mến pháp suy tư Pháp
Tâm tư niệm Chánh Pháp
Không rời bỏ Chánh Pháp*". (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Hãy hiểu ý nghĩa những câu này như vậy: "PHÁP" tức là Thiên Chỉ hay Thiên quán, vị tỳ khưu trú ẩn nơi ấy. Do ý nghĩa TRÚ, nên được gọi là người trú trong Pháp (ẩn nấu trong Pháp), có sự hoan hỷ với Pháp nên gọi là người thỏa thích trong Pháp. Gọi là người suy xét về Pháp do suy xét về Pháp luôn khi, nên gọi là người suy niệm Pháp.

Anussaram là hằng tưởng nhớ Pháp.

Saddhammā nghĩa là: Vị tỳ khưu như thế ấy, thường không xa lìa 37 Pháp Bồ Đề và 9 pháp Siêu Thế.

Dứt pháp thoại, Tỳ khưu Dhammārāma chứng đạt A la Hán quả.

Dứt Tích: TỖ KHUU DHAMMĀRĀMA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXV. 5- HAI VỊ TỖ KHUU NGHỊCH GẶP NHAU

(PC. 365 - 366)

"Salābham nātimaññeyya...". Kệ ngôn này được đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngụ tại Veļuvana, để cập đến hai vị tỳ khưu nghịch.

Tương truyền rằng: Có một vị tỳ khưu trong hội chúng của Davadatta là bạn của một vị tỳ khưu hội chúng đức Thế Tôn. Một hôm tỳ khưu (Devadatta) trông thấy vị kia cùng với chư tỳ khưu đang trì bình khát thực. Sau khi thọ thực xong, vị tỳ khưu (Devadatta) đi đến hỏi bạn rằng:

- Này Hiền giả, hiền giả khát thực ở đâu?

- Tôi đi khát thực ở nơi ấy.

- Hiền giả có được vật thực chi chăng?

- Tôi có được vật thực.

- Này Hiền giả, chính nơi đây tôi có nhiều lợi đắc và vật cúng dường. Vậy hiền giả hãy ở đây vài ngày đi.

Thế là, vị tỳ khưu (đức Thế Tôn) ở lại nơi đó vài ngày theo lời mời của vị tỳ khưu (Devadatta), rồi trở về nơi ngụ của đức Thế Tôn.

Chư tỳ khưu biết được câu chuyện liền trình bạch lên đức Thế Tôn, đức Thế Tôn cho gọi vị ấy lên, phán hỏi rằng:

- Này tỳ khưu! Có thật chăng, được nghe nói rằng ngươi đã hành động như thế?

- Bạch Thế Tôn, có thật như vậy. Con vì nể lời của vị tỳ khưu bạn nên ở lại vài ngày, chứ con không hoan hỷ hội chúng của Devadatta.

- Này tỳ khưu! Tuy ngươi không hoan hỷ với hội chúng của Devadatta, nhưng ngươi vẫn ở chung trong hội chúng ấy như là người có sự hoan hỷ trong hội chúng ấy. Này tỳ khưu, chẳng phải hiện nay ngươi đã hành động như thế, trong quá khứ ngươi cũng đã từng hành động như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của chư tỳ khưu, đức Thế Tôn thuyết lên Bản Sư rằng (trong Bản sanh Mahilamukha)

"Con voi Mahilamukha nghe bọn cướp nói rồi, đã quật chết người nài, nhưng khi nghe vị Sa môn nói đã trở nên con voi có đức hạnh cao quý" Rồi Ngài phán rằng:

- Này chư tỳ khuru! Lẽ thường vị tỳ khuru chỉ nên hoan hỷ với lợi của mình, không mong muốn lợi lộc của người khác, vì trong các loại thiên định, Minh Sát và Đạo Quả tuy chỉ là một pháp, cũng không phát sanh đến người mong mỗi lợi lộc của người khác. Nhưng các đức tánh Thiên Định... Chỉ phát sanh đến vị Tỳ khuru hoan hỷ với lợi lộc của chính mình.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

365- "Salābham nāti- maññeyya

N'aññesaṃ pihayaṃ care

Aññesaṃ pihayaṃ bhikkhu

Samādhim n'ādhigacchati".

366- "Appalābho'pi ce bhik- khu

Salābham n'ātimaññati

Tam ve devā pasamsanti

Suddhājivim atanditam".

- "*Không khinh điều mình được*

Không ganh người khác được

Tỳ khuru ganh tỵ người

Không sao chứng thiên định".

- "*Tỳ kheo dù được ít*

Không khinh điều mình được

Sống thanh tịnh không nhác

Chư thiên khen vị này". (TMC)

CHÚ THÍCH

Salābham tức là lợi lộc phát sanh cho mình. Thật vậy, vị tỳ khuru từ bỏ hạnh đi khát thực từng nhà, nuôi mạng bằng sự tâm cầu bất chánh, gọi là khinh rẽ, tức là khinh thường lợi lộc của mình, vì thế vị tỳ khuru không nên khinh rẽ lợi lộc của mình, là không nên thực hành pháp như thế.

Aññesaṃ pihayaṃ nghĩa là không mong muốn lợi lộc của người khác.

Samādhim nādhigacchati nghĩa là: Khi vị tỳ khuru mong muốn lợi lộc của người khác như sự thèm muốn y phục... Đối với hạng người đó thì không thể đắc thiên định hay cận định được.

Salābham nātimaññati nghĩa là dù chút ít lợi lộc, khi vị tỳ khuru đi khát thực từng nhà, bất luận giàu hay nghèo như thế, gọi là không khinh rẽ lợi lộc của mình.

Tam ve... nghĩa là: Tất cả chư thiên thường tán dương vị tỳ khuru ấy, người như vậy gọi là có chánh mạng trong sạch, là có chánh mạng chân chánh, gọi là người không biếng nhác, là vì không ngần ngại với sự nỗ lực nuôi sống.

Dứt pháp thoại nhiều chúng sanh chúng đạt đạo quả, như Thánh Quả Dự Lưu...

DỨT TÍCH: HAI VỊ TỖ KHUU NGHỊCH

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXV. 6- BÀ LA MÔN PANCAGGADĀYAKA

(PC. 367)

"Sabbasso nāmaarūpasmim...". Đức Thế Tôn trú tại Jetavana, đề cập đến Bà La Môn Pañcagaadāyaka, thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Trong thành Rājagaha có vị Bà La Môn thường cúng dường Khalagga trong lúc mang lúa về, cúng dường Khalabhaṇḍagga trong lúc đập lúa, cúng dường Ukkhalikagga trong lúc

bỏ vào nồi, cúng dường Pātigga trong lúc xới cơm ra bát. Vị Bà La Môn ấy thường cúng dường năm vật thí trong thời cao thượng như thế.

Lại nữa, Bà La Môn nếu có người đến xin vật thí, nếu chưa cho thì vị ấy chưa ăn. Vì thế ông có tên gọi là Pañcaggadāyaka.

Theo thông lệ, một hôm khi thả Phật trí quán xét thế gian đức Phật thấy duyên lành Bất Lai quả của hai vợ chồng Bà La Môn ấy. Ngài đi đến nhà của Bà la Môn khát thực vào giờ ăn của vị ấy, Ngài đứng trước cửa tư thất. Bấy giờ, Bà La Môn quay lưng ra ngoài, đang ngồi ăn bên cửa sổ, nên y không thấy Bạc Đạo Sư.

Nữ Bà La Môn đang hầu quạt cho chồng, trông thấy đức Thế Tôn bà ta suy nghĩa: "Vị Bà la Môn này thường thí năm vật thí cao thượng rồi mới dùng. Giờ đây Sa môn Gotama đang đứng trước cửa nhà, nếu Bà la Môn này thấy vị ấy, y sẽ mang vật thí ra cúng dường, ta không thể nấu phần khác được."

Rồi nàng suy nghĩ tiếp: "Ta sẽ làm cho Bà la môn không thể thấy Sa môn Gotama". Bà xoay lưng che Bạc Đạo Sư, ví như người dùng tay mà che mặt trăng. Khi che như thế rồi, nữ Bà la Môn liếc nhìn xem Bạc Đạo Sư Ngài bỏ đi chưa.

Bạc Đạo Sư vẫn đứng yên, nàng không thể nói lớn rằng: "Bạch Ngài, xin Ngài ngự đi nơi khác" vì e ngại Bà la môn nghe được, nàng lùi về phía sau bạch nhỏ rằng: "Xin thỉnh Ngài hãy tế độ những chúng sanh phía trước".

Đức Đạo Sư lắc đầu, tỏ ý rằng: "Ta không đi". Đức Phật là nơi tôn khinh của thế gian, Ngài lắc đầu tỏ ý rằng: "ta không đi" như thế, khiến nữ Bà la môn không dám được, bật cười lớn lên.

Vừa khi ấy, đức Thế Tôn liền phóng hào quang ngay vào nhà Vị Bà la môn đang dùng vật thực, nghe tiếng cười của nữ bà la môn và trông thấy ánh sáng rực chiếu của đức Đạo Sư, ông ngẩng lên trông thấy đức Phật.

Lẽ thường chư Phật chưa tế độ người có duyên lành thì Ngài chưa rời nơi đó ra đi. Bà la môn trông thấy đức Phật, nói rằng:

- Này cô! Sao cô không nói với tôi là: Thái Tử đang đứng trước cửa nhà. Cô đã làm tổn hại đến tôi, cô đã tạo trọng nghiệp lớn. Rồi Bà la môn liền mang bát vật thực mình đang ăn sót ra phân nửa, đi đến Bạc Đạo Sư bạch rằng:

- Thưa Ngài Sa môn Gotama! Con cúng dường cả năm vật thí rồi mới dùng, nhưng con chỉ mới dùng có chút ít. Đây là vật thực tinh khiết, xin Ngài hãy từ bi thọ dụng cho con đi.

Bạc Đạo Sư không nói rằng: "Này Bà la Môn, ta không cần vật thực ấy đâu", Ngài lại nói rằng:

- Này Bà La Môn! Phần thù thắng nhất cũng vậy, vật thực mà người đã dùng rồi cũng vậy, tất cả đều thích hợp với Như Lai, dù chỉ là một vạt cơm thừa. Vì rằng, này Bà la môn, ta sống nhờ vào vật thực của người khác dâng cúng như ngựa quỷ sống nhờ vào phước của người khác.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

"Vị tỳ khuru nhờ vật thực người khác nuôi dưỡng. Được vạt cơm thù thắng, hay trung bình hoặc là phần dư thừa cũng vậy. Vị tỳ khuru ấy không nên chê khen ngon dở, mọi người tán dương vị ấy là bậc ẩn sĩ tịch mặc".

Nghe dứt kệ ngôn, Bà la môn khởi tâm tịnh tín:

"Ô! Thật kỳ diệu thay, vị Thái Tử rực sáng ấy không nói rằng: Ta không cần vật thực dư thừa của người, mà lại nói như thế" Liền đó, y đứng tại cửa nhà, bạch hỏi đức Thế Tôn rằng:

- Thưa Sa môn Gotama, Ngài gọi đệ tử mình là tỳ khuru. Vậy có bao nguyên nhân được gọi là tỳ khuru?

Đức Đạo Sư quán xét rằng: "Pháp nào thích hợp với Bà la môn này nhỉ?" Ngài xét thấy "Cả hai người này trong thời đức Phật Kassapa, đã nghe chư tỳ khuru giảng giải về DANH SẮC. Vậy Như Lai sẽ thuyết DANH SẮC đến hai người này". Quán xét xong, đức Thế Tôn phán rằng:

- Này Bà la môn! Người vô dục vọng, không dính mắc trong danh sắc, được gọi là Tỳ khuru.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

367- "Sabbaso nāmarūpas- mīm
Yassa natthi mamāyitaṃ
Asatā ca na socati
Sa ve bbikkhū'ti vuccati".
- "*Hoàn toàn đối danh sắc
Không chấp TA, CỦA TA
Không chấp không sâu não
Thật xứng danh tỳ khuru.*" (TMC)

- CHÚ THÍCH:

Sabbaso là Danh sắc diễn tiến theo năng lực của ngũ uẩn, gồm sắc uẩn và tứ danh uẩn như thọ uẩn, tưởng uẩn...

Samāyitaṃ là sự chấp thủ là ta hay của ta không có với người nào.

Asatā ca na socati nghĩa là khi danh sắc bị hoại diệt, người không sâu muộn, không nhiệt não rằng: "Sắc của ta bị hoại diệt, thọ của ta bị hoại diệt... Thức của ta bị hoại diệt" và thấy như thật rằng: "Lẽ thường, danh sắc này hằng bị hoại diệt".

Sa ve bhikkhu'ti vuccati Nghĩa là: Người ấy tức là người dứt bỏ sự chấp chủ trong danh sắc là ta hay của ta, hay không sâu muộn vì danh sắc cũng có, Bạc Đạo Sư gọi người ấy là tỳ khuru.

Dứt pháp thoại hai vợ chồng Bà la môn chứng đắc A Na Hàm quả.

Dứt tích: ÔNG BÀ LA MÔN PANCAGGADĀYAKA

DỊCH GIẢ CĂN ĐỀ

XXV. 7- NHIỀU VỊ TỖ KHUU

(PC. 368..376)

"Mettāvihārī...". Kệ Pháp Cú này đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, đề cập đến nhiều vị tỳ khuru, thuyết lên Pháp thoại này.

Tương truyền rằng: Vào thời đức Phật hiện tại, khi Trưởng Lão Mahā Kaccāyana ngự ở thôn trang thuộc xứ Avantī, trong núi Pavatta. Có người cận sự nam tên là Sonakuṭṭikanna đã tịnh tín nơi Pháp Bảo của Ngài, khởi tâm chán nản muốn được xuất gia nơi Ngài. Trưởng Lão giải thích rõ đời sống Phạm Hạnh có nhiều sự khó khăn, hai lần giải thích như vậy:

- Nay Soṇa có tâm xuất gia mãnh liệt, chàng đã xin được xuất gia đến lần thứ ba. Và Trưởng Lão đã cho xuất gia ra đi. Ba năm sau Soṇa mới được thọ Cụ Túc giới vì trong xứ Avantī ít tỳ khuru.

Sau khi Thọ Cụ Túc Giới, Soṇa muốn lên đường đến kinh thành Sāvattthī để yết kiến Bạc Đạo Sư, tỳ khuru Soṇa đến xin phép thầy Tế Độ, được thầy chấp thuận và Tỳ khuru Soṇa lên đường, mang theo lời đánh lễ cùng với những điều xin phép đức Thế Tôn của Bạc Tế Độ Sư của mình.

Tuần tự du hành, tỳ khuru Soṇa đến kinh thành Sāvattthī, Ngài đi vào Tinh xá Jetavana, yết kiến đức Thế Tôn, sau khi được đức Thế Tôn ân cần thăm hỏi, Bạc Đạo Sư cho phép tỳ khuru Soṇa được phép ngụ chung trong Hương Thất của Ngài. Trong đêm ấy, tỳ khuru Soṇa phần lớn là ở ngoài trời trợn canh đầu, đến giữa đêm mới vào Hương Thất. Rồi khi rạng đông, đức Đạo Sư phán bảo Soṇa rằng:

- Nay Soṇa, hãy tụng đọc Pháp đi.

Ngài Soṇa liền tụng thuộc lòng 16 bài Kinh trong phẩm thứ tám. Khi Ngài vừa tụng dứt, đức Thế Tôn ban lời khen thưởng tùy hỷ rằng: "Sādhu! Sādhu". Nghe đức Thế Tôn tán dương tỳ khuru Soṇa, chư thiên địa cầu, Kim Xí Điểu, Long Vương cũng đồng thanh tán dương Sādhu, Sādhu. Tiếng tán dương vang động đến Trời Phạm Thiên rồi có vị Thiên tử ngự trong nhà mẹ Soṇa cũng tán thán sādhu, nơi ấy cách kinh thành Sāvattthī 120 do tuần. Nghe tiếng tán thán của vị Thiên Tử ấy, mẹ Ngài Soṇa hỏi rằng:

- "Tiếng ai Sādhū thế?"
- Này nàng Đại tín nữ, đó là tiếng của tôi.
- Người là ai?
- Tôi là vị Thiên Tử ngụ ở trong nhà này.
- Vì sao từ trước đến giờ, Ngài không tán thán tôi, nay lại tán thán tôi như thế.
- Này nàng, ta đâu có tán thán nàng.
- Thế thì Ngài tán thán ai?
- Ta tán thán Ngài Soṇakūṭikāṇṇa con của nàng.
- Con của tôi đã làm gì mà Ngài tán thán?
- Hôm nay Ngài Soṇa ngụ chung Hương thất với đức Thế Tôn, và đã thuyết pháp cho đức Thế Tôn nghe. Đức Thế Tôn tán thán Ngài Soṇa. Tiếng tán thán đã vang từ địa cầu đến Phạm thiên giới.
- Thưa Chư thiên, chẳng hay con tôi thuyết pháp cho đức Thế Tôn nghe, hay đức Thế Tôn thuyết pháp cho con tôi nghe?
- Con của bà thuyết pháp cho đức Thế Tôn nghe.

Nghe Thiên nhân đáp như thế, bà tín nữ phát sanh năm loại phỉ lạc, lan tỏa khắp châu thân. Nàng suy nghĩ rằng: "Nếu con ta ở chung Hương Thất của Bạc Đạo Sư và thuyết pháp đến Ngài được, thì con ta sẽ thuyết pháp đến ta được. Khi con ta đến, ta sẽ thỉnh cầu thuyết pháp cho ta nghe".

Riêng về Trưởng lão Soṇa, sau khi đức Thế Tôn ban lời khen thưởng rồi, Ngài suy nghĩ rằng:

- Đây là thời hợp lẽ, ta nên trình bày sự việc mà Tế Độ Sư của ta giao phó.

Trưởng lão Soṇa nhân danh Thầy Tế Độ là Trưởng Lão Mahākaccāyana, bạch xin năm điều nơi đức Thế Tôn là:

- 1- Xin được thọ Cụ túc giới với nhóm Tăng 5 vị.
- 2- Xin được mang dép nhiều lớp.
- 3- Xin được tắm thường xuyên
- 4- Xin được dùng đồ trải bằng da.
- 5- Nếu có người dâng y ở ngoài Simā, xin được phép thọ lãnh.

Đức Thế Tôn chuẩn y bốn điều đầu tiên được thực thi ở nơi biên địa Trung ấn. Sau khi trú tại Jetavana được đôi ngày, Trưởng lão Soṇa bạch với đức Thế Tôn rằng: "Bạch Thế Tôn! Con sẽ trở về thăm Tế Độ Sư".

Sau khi đánh lễ đức Đạo Sư, tỳ khưu Soṇa từ giả đức Thế Tôn tuần tự du hành về đến xứ Avantī thăm viếng Tế Độ Sư.

Sáng hôm sau, Trưởng lão Mahākaccāyana cùng tỳ khưu Soṇakūṭikāṇṇa đi khát thực nơi gia tộc mình. Mẹ Soṇa thấy con trở về, khởi tâm hoan hỷ cúng dường trọng thể và hỏi rằng:

- Bạch Sư! Được biết rằng Sư ngụ chung hương thất với đức Đạo Sư, và đã thuyết pháp cho Ngài nghe phải vậy chăng?

- Điều này ai đã thuật lại cho thân mẫu biết vậy?

- Bạch Sư, có vị Thiên nhân ngụ trong nhà này, đã sādhu tán dương Sư. Khi ấy tôi hỏi rằng: "Ai đó?", vị ấy đáp "thưa tôi" và đã thuật lại câu chuyện ấy cho tôi nghe. Tôi thâm nghĩ: "Nếu con ta thuyết pháp đến đức Thế Tôn được, thì sẽ thuyết pháp cho ta được. Vậy khi con ta về ta sẽ thỉnh con ta thuyết pháp cho ta nghe". Bạch Sư, khi Sư thuyết pháp đến Bạc Đạo Sư nghe được, thì Sư hãy thuyết pháp đến tôi được. Vào ngày đó, tôi sẽ thỉnh trai tăng và nghe Pháp của Sư. Tỳ khưu Soṇakūṭikāṇṇa nhận lời. Bà tín nữ suy nghĩ:

- Ta sẽ cúng dường đến chư Tỳ khưu, rồi sẽ đi nghe Pháp nơi con ta. Bà giao phó mọi việc trong nhà cho người nữ tỳ thân tín, bà dẫn đoàn gia nhân đi đến Tinh xá, và Vị Pháp Sư là tỳ khưu Soṇa

đang ngồi giữa Pháp tòa của ngôi nhà nóc nhọn mà bà đã kiến tạo dâng cúng đến chư Tăng. Vào thời điểm ấy có 900 tên cướp, chúng từ lâu dò xét trang viên của bà tín nữ ấy, chờ dịp bà sơ hở sẽ đánh cướp tài sản của bà. Ngôi nhà của bà tín nữ ấy được canh phòng bởi 7 vòng rào, với 7 cánh cửa ra vào độc nhất. Mỗi cánh cửa được hai con chó hung dữ canh chừng, dưới chân rào bà cho đào những muông hố, đổ chất gang nóng chảy xuống dưới, ban ngày thì gang chảy ra dưới ánh sáng mặt trời, còn ban đêm thì đông đặc lại, người rớt xuống có thể bị đứt chân. Bà lại cho đặt chông nhọn ở mỗi cửa làm bẫy sập, chỉ có con đường nhỏ là an toàn thôi. Bọn cướp không thể đột nhập vào ngôi nhà được do sự canh giữ nghiêm phòng như thế.

Hôm ấy, chúng được tin bà tín nữ cùng gia nhân đến Tinh xá nghe Pháp, lập tức chúng kéo nhau đến cướp tài sản của bà ta, chúng sắp xếp như vậy: "Nếu bà tín nữ hay tin trở về, tên Chánh đảng sẽ chận giết chết bà ta ngay tại cửa". Tên chánh đảng núp một nơi gần đó.

Bọn cướp thắp sáng cả trang viên, rồi mở kho tiền ra khuân. Người tớ gái thấy thế, vội đến Tinh xá báo tin rằng:

- Thưa bà, bọn cướp đánh chiếm tài sản, chúng đang khuân kho tiền.

- Cứ để bọn cướp khuân vác theo ý chúng thích. Hãy để yên cho ta nghe Pháp của con ta. Người đừng làm hại đến Pháp thoại của ta, hãy trở về đi.

Bọn cướp khuân xong kho tiền, chúng tiếp tục đi đến kho bạc và cùng nhau khuân ra, tiếc của cho chủ, người nữ tỳ lại chạy đến Tinh xá báo tin rằng:

- Thưa chủ! Bọn cướp đang đánh cướp kho bạc rồi.

- Hãy để yên ta nghe pháp, bọn chúng cứ lấy gì mà chúng muốn.

Tiếp đến bọn cướp lấy đến kho vàng, người nữ tỳ lại nóng lòng với tài sản của chủ, chạy đến Tinh xá báo tin rằng:

- Thưa chủ, bọn cướp đã lấy đến kho vàng.

- Ta đã bảo bọn chúng muốn lấy gì thì lấy tùy thích, người cứ quấy rầy sự nghe pháp của ta mãi. Nếu người còn đến quấy rầy ta nữa, ta sẽ trị tội đấy. Hãy trở về đi.

Bấy giờ, người nữ tỳ trở về bảo với bọn cướp rằng:

- Chủ ta bảo các người muốn lấy gì thì cứ lấy tùy thích, chủ ta không màng đâu, vì bà còn đang nghe Pháp nơi con mình.

Nghe vậy, tên Chánh đảng có sự suy nghĩ rằng:

- Chúng ta đã tạo nghiệp nặng rồi, chúng ta lấy tài sản của người có đức hạnh như thế, tai hại sẽ giáng xuống đầu chúng ta thôi.

Đầu chúng ta sẽ bể thành bảy mảnh chẳng sai.

Nghĩ như thế, tên chánh đảng ra lệnh cho tùy tùng khuân trả lại những tài sản đã đánh chiếm được. Được nghe rằng: "Pháp hằng hộ trì người hành pháp như thế, đó là lẽ thường". Vì thế, đức Thế Tôn có thuyết giảng rằng: "Pháp thường hộ trì người hành pháp, người khéo hành trì Pháp sẽ đem lại an lạc, đây là phước báu mà người khéo thực hành Pháp. Người thường hành trì Pháp sẽ không thối đạo".

Bọn cướp cùng nhau đi đến Tinh xá để sám hối với bà Tín nữ. Và bọn chúng đứng lặng yên để nghe Pháp. Ngài Soṇa thuyết pháp cho đến rạng sáng, Ngài rời Pháp tọa, khi ấy 900 tên cướp đồng đi đến trước mặt bà tín nữ, quỳ xuống đánh lễ bà, bạch rằng:

- Thưa bà! Xin bà hãy tha thứ tội lỗi cho chúng tôi.

- Này các ông, chuyện chi vậy?

- Chúng tôi đã cột oan trái cùng với bà, chúng tôi đã toan cướp tài sản của bà và sát hại cả bà nữa.

- Này các ông, nếu thế tôi sẽ cho các ông sám hối vậy.

Tên Chánh Đảng nói:

- Thưa bà, nếu bà đã thứ lỗi cho chúng tôi, thì xin bà hãy cho chúng tôi được xuất gia với con bà đi.

Bà tín nữ đành lễ Tỳ khuru Soṇa, rồi bạch rằng:

- Bạch Sư, bọn cướp này đã tịnh tín do đức hạnh của tôi, và chúng được nghe Pháp của Sư, chúng xin được xuất gia với Sư, vậy Sư hãy từ bi tế độ cho chúng đi.

- Nay thân mẫu, được thôi.

Ngài Soṇa cho sửa chữa lại y phục trở thành những tấm y ca sa, nhuộm y ấy trở thành hoại sắc bởi bùn đen, rồi Ngài cho 900 tên cướp xuất gia, thọ trì Giới luật. Khi bọn chúng thọ cụ túc giới xong, Ngài Soṇa chia mỗi nhóm thánh 100 người, tổng cộng là 9 nhóm, dạy đề mục nghiệp xứ cho họ. 900 vị tỳ khuru ấy học đề mục nghiệp xứ khác nhau, rồi đi tìm đến một ngọn núi, ngồi dưới cội cây mà hành Pháp.

Bấy giờ, đức Thế Tôn ngồi nơi Tinh xá Jatavana, cách xa 120 do tuần. Ngài quán thấy duyên lành của 900 vị tỳ khuru ấy, nhận định pháp duyên của những vị ấy, Ngài phóng hào quang đến trước mặt các vị ấy, lần lượt Ngài nói lên 9 kệ ngôn cho chín nhóm tỳ khuru rằng:

368-

"Mettāvihārī yo bhikkhu
Pasanno buddhasāsane
Adhigacche padaṃ santaṃ
Saṅkhārūpasamaṃ sukhaṃ".

369 -

"Siñci bhikkhu iramaṃ nāvaṃ
Sittā te lahum essati
Chetvā rāgaṃ ca dosaṃ ca
Tato nibbānaṃ chisi".

370-

"Pañca chinde pañca jahe
Pañca c'uttari bhāvaye
Pañca saṅgātigo bhikkhu
Oghatiṇṇo'ti vuccati".

371-

"Jhāya bhikkhu mà ca pamādo
Mā te kāmagaṇe bhamassu cittaṃ
Mā lohagaḷaṃ gilī pamatto
Mā kandi dukkhaṃ idan'ti dayhanāno".

372-

"Natthi jhānaṃ apaññassa
Paññā natthi ajhāyato
Yampi jhānaṃ ca paññā ca
Sa ve nibbānasantike".

373-

"Sunnāgaram paviṭṭhassa
Santacittassa bhikkhuno
Amānusī ratī hoti
Sammā dhammaṃ vipas- sato".

374-

"Yato to sammaasati
Khandhānaṃ udayabbayaṃ
Labhati pīti pāmojjaṃ
Amataṃ taṃ vijānataṃ".

375-

"Tatrāyam ādi bhavati
Idha paññassa bhikkhuno

Indriyagutti san tuṭṭhi
 Pātimokkhe ca saṃvaro
 Mitte bhajassu kalyāne
 Suddh'ajīve atandito".
 376- "Paṭisanthāravutyassa
 ācāra kusalo siyā
 Tato pāmojjahulo
 Dukkhaṣṣ'antaṃ karissati".
 - "Tỷ kheo trú từ bi
 Tín thành Giáo Pháp Phật
 Chứng cảnh giới tịch tịnh
 Các hạnh an tịnh lạc" (378)
 - "Tỷ kheo tát thuyền này
 Thuyền không nhẹ đi mau
 Trừ tham, diệt sân hận
 Tát mau chúng Níp Bàn". (369)
 - "Đoạn năm, từ bỏ năm
 Tu tập năm tối thượng
 Vượt khỏi năm say đắm
 Tỷ kheo xứng vượt dòng". (370)
 - "Tỷ kheo hãy tu thiền
 Chớ buông lung phóng dật
 Tâm chớ đắm say dục
 Phóng dật nuốt sắt nóng
 Bị đốt chớ than khổ". (371)
 - "Không trí tuệ không thiền
 Không thiền không trí tuệ
 Người có thiền có tuệ
 Nhất định gần Níp Bàn". (372)
 - "Sống bước vào nhà trống
 Tỷ kheo tâm an tịnh
 Tịnh quán theo chánh pháp
 Thọ hưởng vui Siêu nhân". (373)
 - "Người luôn luôn chánh niệm
 Sự sanh diệt các uẩn
 Được hưởng hỷ hân hoan
 Dành bậc biết Bất Tử". (374)
 - "Vị tỷ kheo có trí
 Tu tập Pháp căn bản
 Hộ căn biết vừa đủ
 Gìn giữ căn bản giới
 Thường gần gũi bạn lành
 Sống thanh tịnh tinh cần." (375)
 - "Giao thiệp khéo thân thiện
 Cử chỉ mực đoan trang
 Do vậy hưởng vui nhiều
 Sẽ dứt mọi khổ đau". (376)

CHÚ THÍCH:

Cắt đứt năm: Nghĩa là cắt đứt năm hạ phần kiết sử là: Thân kiến hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái và sân.

Từ bỏ năm: Là năm thượng phần kiết sử: ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật và vô minh.

Tụ tập năm: Là tụ tập ngũ quyền hay ngũ lực: Tín, tấn, niệm, định và tuệ.

Mettāvīhāri là người tu tập hạnh từ tâm, hoặc khiến cho ba hay bốn bậc Thiên sanh khởi theo năng lực của từ tâm, được gọi là người hằng trú trong từ tâm thật sự.

Pasanno là vị tỳ khuru đã định tín, nghĩa là thường vun bồi đức tin trong Phật Giáo vậy.

Padam santam đó là tên gọi của Níp Bàn. Thật vậy, vị Tỳ khuru như vậy thì chứng đạt, nghĩa là thường thấy được Níp Bàn, là phần an tịnh tuyệt đối. Gọi là đình chỉ các hành vì các hành đã được đình chỉ, tức Níp Bàn, nghĩa là an lạc, vì đó là an lạc tối thượng.

Siñci bhikkhu iram nāvam nghĩa là: Đây Tỳ khuru, người hãy tát nước thuyền, thuyền tức là xác thân này, nước là tà tư duy.

Sattā te lahumessati nghĩa là: Ví như chiếc thuyền đầy nước trong biển mà họ đã tát sạch, khi tát nước sạch rồi thuyền có thể nhẹ nhàng, không bị chìm sẽ đi nhanh đến nơi. Thuyền là xác thân nước là tà tư duy, người tát sạch nước rồi là người không còn tà tư duy, do nhờ thu thúc các môn như nhãn môn... Bằng sự phòng hộ biển luân hồi và sẽ đến Níp Bàn nhanh chóng.

Chetvā... nghĩa là người hãy cắt đứt vòng trói buộc là tham và sân, khi đã cắt đứt vòng trói buộc rồi thì sẽ chứng đạt A la Hán, nghĩa là từ đó trở đi sẽ chứng Vô Sư Níp Bàn.

Pañca chinde tức là hãy cắt đứt năm hạ phần kiết sử bằng Ba Đạo thấp, vì đó là nhân làm chúng sanh rơi vào khổ cảnh, giống như người cắt đứt sợi dây trói chân bằng gươm bén.

Pañca jahe là hãy từ bỏ, cắt đứt năm thượng phần kiết sử bằng A la Hán đạo, vì đó là nguyên nhân khiến chúng sanh luân hồi trong cõi Thiên giới, ví như người cắt đứt sợi dây trói cổ vậy.

Pañca cuttari bhāvaye là hãy tụ tập 5 quyền như tín quyền... Để từ bỏ những kiết sử thượng phần.

Pañca saṅgātino nghĩa là: Nếu như thế, Tỳ khuru sẽ vượt qua được năm loại phiền não là tham, sân si, mạn và kiến. Bậc Đạo Sư gọi người ấy là: "Người đã vượt qua Tứ Bậc thật sự".

yhāye bhikkhu: Nghĩa là: Đây Tỳ khuru, người hãy tinh cần với hai loại Thiên và chớ nên là người có sự dễ nuôi với thân hành, khẩu hành và ý hành.

Bhamassu là tâm của người đừng xoay vần theo năm dục.

Mālohagulam: Nghĩa là người dễ duôi do thất niệm hằng nuốt hòn sắt nóng trong địa ngục, vì thế ta mới nói với người, người chớ nên dễ duôi nuốt hòn sắt nóng, và bị đốt trong lửa địa ngục. Có sự than khóc rằng: "Đây là khổ".

Natthi jhānam nghĩa là Thiên Định thường không phát sanh với người thiếu trí, vì trí tuệ là nhân tinh tấn khiến thiên định phát sanh.

Natthi paññā nghĩa là: Trí tuệ có tướng mà đức Thế Tôn phán dạy rằng: Vị tỳ khuru, có tâm vững chắc thường biết rõ, thường thấy rõ theo sự thật "Hằng không có với người không chuyên cần". Yamhi jhānañca paññā ca nghĩa là: Thiên định và trí tuệ, cả hai có với người nào, người ấy gọi là gần với Níp Bàn.

Suññāgāram pavṛthassa tức là người thường xuyên hành nghiệp xử nơi thanh vắng.

Santacittassa là người có tâm an tịnh.

Sammā... nghĩa là sự an lạc không có trong loài ngoài, tức Minh sát hay sự an lạc thiên, tức là Tám Bậc Thiên hằng có, tức là thường phát sanh cho người giác ngộ các pháp nhân quả.

Yato yato sammasati nghĩa là hành 38 đề mục bằng cách nào, tức là hành trong các thời như: Trong giờ thọ thực... Bằng cách thích hợp với mình, hay với đề mục nghiệp xử thích hợp với mình, gọi là thường quán xét thấy rõ.

Udayabbayaṃ tức là sự sanh của năm uẩn do 25 tướng, và sự diệt của năm uẩn cũng do 25 tướng.

Pīti pāmojjaṃ là khi đã quán xét sự sanh diệt của năm uẩn như vậy, gọi là thường có sự phỉ lạc trong Pháp và sự hân hoan trong Pháp.

Amataṃ nghĩa là khi danh sắc cùng với duyên hiện bày thì phỉ lạc và hân hoan phát sanh, gọi là người liễu tri bất tử, là bậc trí thật sự. Vì phỉ lạc và hân hoan là Pháp đưa chúng sanh đến Bất Tử Đại Níp Bàn.

Tatrāyamādi bhavati nghĩa là đây là phần khởi đầu, tức là sự phỉ lạc và sự hân hoan, là nền tảng khởi đầu cho Bất Tử Pháp.

Idha paññassa tức là đối với vị Tỳ khuru trí tuệ trong Giáo Pháp này. Bấy giờ, đức Đạo Sư thuyết về nền tảng khởi đầu rằng: "ādi" đó, Ngài mới nói câu: Indriyagutti: Thật vậy, Tứ Thanh tịnh Giới đó được gọi là nền tảng khởi đầu.

Sự phòng hộ các căn đó được gọi là Indriyagutti trong bài kệ này. Sự trì túc với Tứ Vật dụng được gọi là: Santuṭṭhi. Giới nuôi mạng chân chánh (ājīva-parisuddhisīla), Giới quán tưởng thanh tịnh trong khi thọ dụng bốn món Vật dụng (Paccayasannissitaasīla). Bậc Đạo sư phán với câu Santuṭṭhi đó.

Sự hành toàn vẹn trong giới cao thượng là Giới Bốn. Bậc Đạo Sư phán với câu Pāṭimokkha.

Mitte bhayassa kālyāṇe nghĩa là: Người từ bỏ bạn ác có các hành vi nên từ bỏ, hãy giao du với bạn lành là người có chánh mạng trong sạch, và gọi người không biếng nhác do nỗ lực nuôi mạng sống.

Paṭisanthāravuttassa tức là hãy nhiệt tình chào hỏi tiếp đãi, là người tiếp đãi với phần vật chất và Pháp. Đó gọi là người nhiệt tình chào hỏi tiếp đãi.

ācāsakusala: Nghĩa là Giới cũng được gọi là tế nhị, cho đến phạm sự cũng gọi là tế nhị, hãy là người khôn khéo, nghĩa là có phong cách tế nhị.

Tato pāmojjabahulo nghĩa là người sẽ được tràn đầy sự hân hoan do phát sanh phỉ lạc của Pháp, do sự chào hỏi tiếp đãi và có phong cách tế nhị đó, mới chấm dứt được mọi khổ luân hồi.

Trong chín kệ ngôn mà đức Thế Tôn tuyên thuyết, khi dứt một kệ ngôn thì có 100 tỳ khuru chứng đạt A la Hán quả cùng với Tuệ Phân tích. Các vị Thánh Nhân Vô Lậu ấy, ngay nơi mình ngồi bay lên hư không đi đến Tinh xá Jetavana cách đó 120 do tuần, đánh lễ dưới chân Bậc Đạo Sư.

DỨT TÍCH: NHIỀU VỊ TỶ KHUU

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

CHUYỆN 500 VỊ TỶ KHUU

(PC. 377)

"Vassikā viya pupphāni... ". Kệ ngôn này được đức Thế Tôn ngự tại Jetavana thuyết ra, khi đề cập đến 500 vị tỳ khuru.

Tương truyền rằng: Nhóm tỳ khuru đó học đề mục nghiệp xứ với Bậc Đạo Sư rồi vào rừng hành Sa Môn Pháp, thấy cánh hoa lài nở ra từ sáng, đến chiều thì đã tàn rụng khỏi cuống, đồng khởi lên sự suy nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ tinh cần thoát khỏi phiền não như tham, sân... Trước khi hoa lài rụng khỏi cuống".

Bậc Đạo Sư thả Phật trí quán xét thế gian, thấy được duyên lành của 500 vị tỳ khuru ấy, Ngài hiện đến phán dạy rằng:

- "Này chư Tỳ khuru, lẽ thường vị Tỳ khuru nên tinh cần để thoát khỏi khổ luân hồi như cánh hoa rụng khỏi cuống vậy". Rồi từ Hương Thất, Ngài phóng hào quang đến trước mặt những vị ấy, tuyên thuyết lên kệ ngôn:

377-

"Vassikā viya pipphāni
Maddavāni pamuñcati

*Evam rāgañca dosañ ca
Vippamuñcetha bhikkhavo".
- "Như hoa Vassikā
Quảng bỏ cánh úa tàn
Cũng vậy, vị tỳ kheo
Hãy giải thoát tham sân". (HT. TMC)*

CHÚ THÍCH

Hoa lài gọi là Vassikā trong kệ ngôn này.

Majjavāṇi: nghĩa là đã tàn (hay là maddavāṇi) Ngài thuyết giảng rằng: "Chùm hoa lài thường buông rơi những cái hoa đã nở hôm qua vào buổi sáng, là hoa úa héo, lìa khỏi cuống như thế nào. Cả các người hãy dứt bỏ các tai hại như tham...

Dứt Pháp thoại, chư tỳ khuru ấy chúng đạt A la Hán.

DỨT TÍCH: CHUYỆN 500 VỊ TỖ KHUU

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXV. 8- TRƯỞNG LÃO SANTAKĀYA

(PC. 378)

"Santakāyo santavāco... ". Đề cập đến Trưởng Lão Santakāya, đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn này, khi Ngài trú tại Jetavana.

Trương truyền rằng: Trưởng Lão Santakāya không bao giờ có sự múa máy tay chân hay uốn mình. Trưởng Lão là người có được sắc thân tướng an tịnh nhàn nhã.

Được nghe lại rằng: Trưởng Lão Santakāya trong thời quá khứ, Ngài là Sư Tử Vương. Theo chủng loại Sư tử thuần chủng, sau khi no mỗi rồi, Sư Tử Vương đi đến hang bạc, hang vàng hay hang ngọc Māṇi, nằm ngủ trên tảng đá thạch tín đỏ và tảng đá Hồng Hoàng suốt cả bảy ngày, đến ngày thứ bảy thức dậy quan sát nơi nằm, nếu thấy có cát bụi nơi mình nằm đang văng tung tóe do sự ve vẩy tai, hay chân thì Giống Sư Tử Vương ấy suy nghĩa: "Hành vi như vậy thật không xứng đáng với giòng giống Sư Tử Vương". Rồi nằm ngủ trở lại, nhìn đỏi thêm bảy ngày nữa, khi tỉnh thức không thấy cát bụi xung quanh tung tóe, suy nghĩ rằng: "Hành vi thế này mới xứng đáng với chủng tộc Sư Tử Vương".

Thế rồi, Sư Tử Vương máy động chân, vươn mình đi ra khỏi hang động, quan sát các hướng, rống lên tiếng rống ba lần và đi tìm mồi. Vị Trưởng Lão đã từng sanh làm Sư Tử Vương như thế ấy. Chư tỳ khuru thấy sắc tướng thân của Trưởng Lão thanh nhã mới bạch Bạch Đạo Sư rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị Trưởng Lão như Ngài Santakāya này, chúng con chưa từng trông thấy, ngay cả trong lúc ngôi, vị ấy cũng không hề có sự múa tay.

- Nay chư tỳ khuru! Lễ thường vị tỳ khuru nên có các căn an tịnh như thân căn... Như Santakāya vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

378- "Santakāya santavāco
Santavā susamāhito
Vantalokāmisso bhikkhu
Upasanto ti vuccati".
- "Thân tịnh lời an tịnh
An tịnh khéo Thiền định
Tỳ kheo bỏ thế vật
Xứng danh người tịch tịch". (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Santakāyo... Nghĩa là người có thân nhàn tịnh, do không có thân ác hạnh như sát sanh... Gọi là người có khẩu nhàn tịnh do không có khẩu ác hạnh như nói dối, nói ác, nói đâm thọc, hý ngữ. Gọi là người có ý nhàn tịnh vì đã tránh xa ý ác hạnh như tham lam, sân hận, tà kiến...

Gọi là người đã an trú vững chắc cả ba căn môn như thế, đã khép tu tập thuần thực, gọi là không vướng bận thế sự, do đã ra khỏi danh lợi thế gian bằng Bốn Đạo. Bậc Đạo Sư phán gọi là NGƯỜI TÍCH TỊNH, do các phiền não như tham sân, si... Bên trong đã được đoạn diệt.

Dứt Pháp thoại, Trưởng Lão Santakāya chứng đạt A La Hán quả. Pháp thoại đã có ích cho hội chúng như thế.

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO SANTAKĀYA.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXV. 9- TRƯỞNG LÃO NAṄGALAKŪṬA

(PC. 379-380)

"Attānā coday'attānam...". Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng Lão Naṅgalakūṭa thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvattihī có một nam tử, y phải làm lưng vất vả tự nuôi sống mình. Một hôm, có vị Tỳ khưu đi đến nơi y làm việc, thấy y vác cày ra ruộng cày, trên người y mặc manh áo cũ kỹ. Động lòng trắc ẩn, vị tỳ khưu nói với y rằng:

- Người nên xuất gia đi, đời sống xuất gia không cao thượng hơn đời sống hiện tại của người sao?

- Bạch Ngài! Ai sẽ cho tôi được xuất gia bây giờ?

- Nếu người muốn, ta sẽ cho người được xuất gia.

- Lành thay, bạch Ngài. Xin hãy cho tôi được xuất gia đi.

Vị Trưởng Lão mang y về Tinh xá Jetavana, cho y tắm rửa, rồi nghỉ trong Phước xá. Sau đó, y được chư Tỳ khưu cho xuất gia. Ngài Tế Độ Sư bảo y đem chiếc cày cùng bộ quần áo cũ máng lên nhánh cây gần Phước xá. Trong lúc thọ Đại giới, y có tên gọi là Naṅgalakūṭa như vậy. Tỳ khưu Naṅgulakūṭa sống nương nhờ lợi lộc phát sanh từ ân đức Phật, thời gian sau, vị ấy phát sanh cảm dục, không thể chế ngự nổi, mới quyết định rằng:

- Giờ đây, ta không còn xứng đáng mặc chiếc y vàng mà tín thí dâng cúng cho nữa.

Vị ấy đi đến nhánh cây máng bộ quần áo cũ và chiếc cày, đã tự giáo giới mình rằng:

- "Người là kẻ không có tầm quý, người lại muốn mặc y phục này để trở lại đời sống thế gia hay sao?" Khi tự giáo giới mình như thế, vị ấy đã hồi tâm với đời sống Phạm Hạnh và trở về Tinh xá.

Hai ba hôm sau, lại bị cảm dục nữa, tỳ khưu Naṅgalakūṭa lại đi đến nơi treo bộ quần áo cũ và cây cày, rồi tự giáo giới mình cho đến khi không còn cảm dục. Và từ ấy trở đi, mỗi khi tâm khởi lên cảm dục muốn hoàn tục, vị ấy thường đi đến nhánh cây có máng bộ đồ cũ kỹ và cây cày để tự giáo giới mình.

Chư tỳ khưu thấy Tỳ khưu Naṅgalakūṭa thường xuyên đến cội cây bèn hỏi rằng:

- Nay Hiền giả Naṅgalakūṭa! Do nhân chi Hiền giả đến nơi này!

- Thưa chư Hiền! Tôi đi đến trú xứ của Giáo Thọ Sư của tôi. Trải qua một thời gian, nhờ tinh cần hành pháp vị ấy chứng đạt A la Hán quả và Trưởng Lão Naṅgalakūṭa không còn đi đến cội cây đó nữa. Chư tỳ khưu liền trêu rằng:

- Nầy Hiền giả Naṅgalakūṭa, do nhân chi Hiền giả không còn đến nơi Giáo thọ Sư của mình nữa vậy. Con đường đi của Hiền Giả không có dấu vết, hay là Hiền giả không muốn gặp mặt Giáo Thọ Sư của mình.

- Thưa vâng! Thưa chư hiền, khi tâm tôi còn bị cảm dục, chưa lìa được phiền não dục tôi còn đi đến đấy. Nhưng giờ đây tôi không còn phải đi đến đấy nữa.

Chư tỳ khuru nghe như thế, nghĩa rằng:

- Vị tỳ khuru này nói lời không thật, tự cho mình đắc chứng A la Hán quả rồi.

Các vị trình bạch lên Thế Tôn câu chuyện ấy.

- Thật vậy, này chư tỳ khuru, tỳ khuru Naṅgalakūṭa, con của Như Lai đã kiểm soát được tâm mình, nên đã hoàn toàn thành tựu phận sự của mình trong đời sống Phạm Hạnh.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

379-

"Attanā codaay'attānaṃ
Paṭimāso attam attanā
So attagutto satimā
Sukham bhikkhu vihāhisi".

380-

"Attā hi attano nātho
Attā hi attano gati
Tasmā saññanay'attānaṃ
Assam bhadrām'va vāṇijo".
- "*Tự mình chỉ trích mình
Tự mình dò xét mình
Tỷ kheo tự phòng hộ
Chánh niệm trú an lạc*". (379)
- "*Tự mình che chở mình
Tự mình nương tựa mình
Vậy hãy tự điều phục
Như thương khách ngựa hiền*". (380)

CHÚ THÍCH

Day'attānaṃ là hãy tự kiểm soát mình. Tức là tự mình biết mình.

Paṭimāse tức là tự quán xét mình.

Câu So.... Nghĩa là: Này Tỳ khuru, khi người kiểm soát quán xét mình như vậy, gọi là tự canh phòng mình, gọi là có chánh niệm vững chắc trong mỗi oai nghi, sẽ được sự an lạc.

Nātho là chỗ nương tựa, tức là (không ai là nơi nương nhờ được) vì người nương nhờ vào phước của người khác không thể đến cõi trời hoặc Níp Bàn được. Do đó, gọi là không ai là chỗ nương nhờ được.

Tasmā... nghĩa là chính mình là nơi nương, nơi bảo hộ, là nơi y chỉ cho chính mình.

Người thương khách bảo vệ ngựa quý để chuyên chở hàng hóa đi đường xa, thánh cho ngựa quý những nơi nguy hiểm, cho ngựa quý dùng những vật thực thích hợp và no đủ. Gọi là chăm sóc, gìn giữ ngựa quý như thế nào, cũng vậy người chế ngự sự sanh khởi của bất thiện pháp, đoạn trừ bất thiện pháp đã sanh do thất niệm, gọi là sự canh giữ, phòng hộ. Khi người thực hành như thế sẽ chứng được Siêu Thế Pháp và Hiệp thế thượng nhân Pháp, kể từ Sơ Thiên.

DỨT TÍCH: TRƯỞNG LÃO NAṅGALAKŪṬA.

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

TRƯỞNG LÃO VAKKALI

(PC. 381)

"Pāmojjabahulo bhikkhu...". Kệ ngôn này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Vakkali.

Tương truyền rằng: Trưởng Lão Vakkali. Một hôm trông thấy đức Thế Tôn đi khát thực, với ba mươi hai tướng tốt, với màu da vàng rực sáng như kim tinh anh cao thượng, với lục căn thanh tịnh

trang nghiêm. Ngài đã chiêm ngưỡng kim thân đức Thế Tôn không biết chán, thế là Ngài xin được xuất gia với Bạc Đạo Sư với ý nghĩ: "Với các này, ta sẽ được chiêm ngưỡng đức Thế Tôn hoài".

Từ khi xuất gia, Tỳ khuru Vakkali không có sự tinh cần tu tập Sa môn Hạnh, vị ấy mãi đứng vào nơi thuận tiện để chiêm ngưỡng sắc tướng của Bạc Đạo Sư, vị ấy buông lìa mọi phận sự như trì tụng hay tu tập nghiệp xứ.

Đức Thế Tôn không nói chi cả, vì Ngài thấy bằng trí tuệ của vị ấy chưa được chín muồi. Khi Ngài thấy rằng:

- Giờ đây, trí tuệ của Vakkali đã thuần thực, lão luyện rồi. Như Lai sẽ Giáo giới Vakkali vậy.

Rồi Thế Tôn giáo giới Tỳ Khuru Vakkali rằng:

- Này Vakkali, lợi ích chi khi người chiêm ngưỡng xác thân hôi thối này. Này Vakkali, chính người nào thấy Pháp người ấy (gọi là) thấy Như Lai, người nào thấy Như Lai người ấy (gọi là-) thấy Pháp. Tuy Bạc Đạo Sư đã khuyến cáo như thế, tỳ khuru Vakkali vẫn mãi mê say đắm, chiêm ngưỡng Kim thân Ngài. Bạc Đạo Sư suy nghĩ: "Nếu vị tỳ khuru này không được khởi động tâm, vị ấy sẽ không chứng đạt Đạo Quả".

Khi đến mùa an cư mùa mưa, đức Thế Tôn phán gọi tỳ khuru Vakkali đến dạy rằng:

- Này Vakkali! Người hãy đi đi.

- Tỳ khuru Vakkali suy nghĩ: "Ôi, đức Thế Tôn đã không hề đoái hoài gì đến ta cả. Nhưng ta sẽ không thể sống được, nếu ta phải xa lìa Ngài trọn cả ba tháng".

Rồi vị ấy suy nghĩ rằng:

- "Lợi ích chi ta phải sống nửa chừ, ta sẽ leo lên đỉnh núi cao Vakkali đến núi Gijjhakūṭa, leo lên đỉnh núi.

Bạc Đạo Sư biết được sự chán nản trong tâm của Vakkali, Ngài suy nghĩ: "Nếu Tỳ khuru Vakkali không được sự an ủi của Như Lai, duyên lành của y sẽ bị tổn giảm". Đức Thế Tôn phóng hào quang đến trước mặt Tỳ khuru Vakkali vậy gọi rằng:

- Này Vakkali hãy đến đây!

Tỳ khuru Vakkali nghe đức Thế Tôn kêu gọi, mọi sầu muộn trong tâm vụt tan biến. Vị ấy nghĩ rằng: "Bạc Đạo Sư gọi đến ta".

Bạc Đạo Sư như hồ nước trong mát đã làm nhiệt não của Vakkali tiêu mất, vị ấy phát sanh phi lạc, nhưng nhìn quanh không thấy đường đi xuống, lập tức Vakkali từ trên cao gieo mình xuống trước mặt đức Thế Tôn, đức Thế Tôn tuyên thuyết lên kệ ngôn khi Vakkali còn lơ lửng trên hư không rằng:

381-

"Pāmojjabahulo bhikkhu
Pasanno buddhasāsane
Adigacche padaṃ santam
Saṃkhāruūpasamaṃ sukham"

381-

"Tỷ kheo nhiều hân hoan
Tịnh tín Giáp Pháp Phật
Chứng cảnh giới tịch tịnh
Chánh niệm trú an lạc" (HT. TMC)

CHÚ THÍCH:

Nên hiểu ý nghĩa của kệ ngôn rằng: Vị Tỷ kheo đầy phi lạc, thường vun bồi niềm tin nơi Giáo Pháp. Vị Tỷ khuru tịnh tín trong Giáo Pháp sẽ chứng đạt Níp Bàn, được gọi là Santapada chấm dứt các hành, an lạc (tối thượng).

Rồi đức Thế Tôn đưa tay phóng hào quang đỡ lấy Vakkali với bài kệ ngôn rằng:

- Hãy đến đây Vakkali! Người đừng sợ, hãy nhìn Như Lai. Như Lai sẽ đưa người lên như người dẫn voi bị sa lầy lên đất liền vậy. Hãy đến đây, này Vakkali, người đừng sợ hãy nhìn Như Lai, Như Lai sẽ đưa người lên như người giúp mặt trăng thoát khỏi Rāhu vậy.

Vị ấy phát khởi phỉ lạc mãnh liệt, khi chân vừa rời khỏi núi, rơi vào hư không, suy tưởng được lời dạy của Bạc Đạo Sư, tịnh chỉ niềm phỉ lạc tại trong hư không đó và chúng đắc A la Hán quả cùng với tuệ phân tích. Từ trên hư không vị ấy bước xuống đành lễ dưới chân Bạc Đạo Sư đứng trước mặt Ngài.

Thời gian sau, đức Thế Tôn ban cho Trưởng Lão Vakkali địa vị đệ nhất niềm tin nơi đức Thế Tôn (Sandhāhimutta).

DỨT TÍCH: TRƯỞNG LÃO VAKKALI

DỊCH GIẢ CĂN ĐỀ
SA DI SUMANA

(PC. 382)

"Yo have daharo...". Đức Đạo Sư khi ngự tại Pubbārāma, đề cập đến Sa di Sumana, Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Trong thời đức Phật có Hồng danh là Padumuttara, một thiện gia nam tử được trông thấy đức Đạo Sư ban địa vị tối thắng đến một vị Tỷ khưu là Đệ nhất về Thiên Nhân. Nam tử ấy muốn đạt được địa vị ấy, đã cung thỉnh đức Thế Tôn cùng chư Đại chúng tăng đến tư thất cúng dường trọn 7 ngày. Đến ngày thứ bảy, sau khi đức Phật cùng chư Tăng thọ thực xong, nam tử cúng dường y phục đến đức Phật và Chư Tỷ khưu, xong rồi phát nguyện rằng: "Bạch Thế Tôn! Do công hạnh này, con chỉ mong ước được chúng đạt địa vị Tỷ khưu thù thắng nhất về Thiên Nhân trong thời kỳ Giáo Pháp của đức Thế Tôn".

Đức Thế Tôn Padumuttara dùng Phật trí quán xét. Ngài thấy rằng: Sau trăm ngàn đại kiếp nữa, lời ước nguyện của thiện gia tử này sẽ được thành tựu, Ngài liền thọ ký rằng:

- Này Nam tử, kể từ kiếp trái đất này trở đi, sau một trăm ngàn đại kiếp, ước nguyện hôm nay của ngươi sẽ thành tựu, ngươi có tên là Anuruddha trong Giáo Pháp của Đấng Chánh Giác có Hồng danh là Gotama.

Được đức Thế Tôn Padumuttara thọ ký như thế, y tưởng chừng rằng tài sản ấy y sẽ đạt được trong nay mai, nên phát sanh năm loại phỉ lạc sung mãn.

Khi đức Thế Tôn Padumuttara viên tịch, y hỏi chư tỷ khưu sự tu tập để đạt được Thiên Nhân. Và y đã tạo ngàn ngọn đuốc xung quanh ngôi Bảo Tháp thờ Xá Lợi đức Phật cao 7 do tuần.

Sau khi mệnh chung, y thọ sanh về Thiên Giới, từ ấy luân chuyển trong vòng luân hồi với hai sanh thú là chư thiên và người trọn cả 100 ngàn đại kiếp, cho đến hiện kiếp này.

Trong hiện kiếp này, thiện gia tử ấy tái sanh vào một gia tộc nghèo khổ trong thành Bārāṇasī, là người cắt cỏ cho Trưởng giả Sumana, y có tên gọi là Annabhāra. Trưởng giả Sumana là người có tâm đại thí, hằng cúng dường đại thí trong thành Bārāṇasī.

Một hôm, có vị Độc Giác Phật Uparittha, Ngài xả thiên Diệt dùng Phật trí quán xét rằng: - "Hôm nay ta sẽ tế độ cho ai?"

Ngài thấy được duyên lành của thanh niên Annabhāra, y đang cắt cỏ ở bìa rừng, rồi y đang trên đường về nhà: "Khi thanh niên Annabhāra thấy được ta, y sẽ phát sanh tịnh tín cúng dường đến ta vậy".

Thế là, từ núi Gandhamādana đức Độc Giác Phật đắp y mang bát theo đường hư không, xuất hiện trước mặt thanh niên Annabhāra. Vừa trông thấy đức Phật Độc Giác, Annabhāra bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài! Ngài được vật thực chi chăng?
- Này người đại phước, ta sẽ được vật thực thôi.
- Bạch Ngài, nếu thế xin Ngài hãy hoan hỷ chờ con một chốc. Y liệng bỏ bó cỏ trên vai xuống, chạy nhanh về nhà hỏi vợ rằng:
- Em đã có vật thực cho anh chưa?
- Thưa anh có chứ.

Y hoan hỷ chạy nhanh đến nơi đức Phật Độc Giác với tâm hoan hỷ rằng: "Khi ta muốn cùng đường đến Ngài thì không gặp Ngài, khi gặp Ngài lại không có vật thí. Hôm nay ta có được hai điều hạnh phúc ấy, là lợi đặc lớn đến với ta vậy".

Y đặt đầy bát vật thực, rồi cúng dường đến đức Phật Độc Giác, xong rồi Annabhāra phát nguyện rằng:

"Do sự cúng dường này, xin cho con đừng lâm vào cảnh nghèo khổ, đừng nghe biết đến tiếng KHÔNG CÓ trong những kiếp sau".

Đức Độc Giác ban lời tùy hỷ rằng: "Xin cho phước nguyện của người được mau thành tựu như ý". Rồi đức Phật Độc Giác từ giả về núi Gandhamādana. Vị Thiên Tử ngự trên cây lọng trắng trong nhà Trưởng giả Sumana chứng kiến trọn vẹn cảnh ấy, đã tán thán lòng tịnh tín của Annabhāra rằng: "Thật rất hoan hỷ với vật thực thù thắng mà Annabhāra đã cúng dường đến đức Độc Giác Phật". Rồi vị Thiên Tử ấy đã sādhu ba lần. Trưởng giả Sumana nghe tiếng Sādhu, hỏi vị Thiên tử rằng:

- Này Thiên Tử, người không thấy ta cúng dường trong bấy lâu nay hay sao? Hôm nay người mới Sādhu như thế.

- Tôi không Sādhu sự cúng dường của ông, tôi sādhu do sự cúng dường vật thực của Annabhāra đến đức Phật Độc Giác Uparittha mà thôi. Trưởng giả Sumana suy nghĩ: "Thật kỳ diệu thay, ta thường xuyên cúng dường cũng không khiến cho vị Thiên nhân này tán thán. Annabhāra đang sống nương vào ta, y chỉ cúng dường vật thực có một lần, thế mà được Thiên nhân tán thán. Vậy ta sẽ làm thế nào đây để sự để bát của y trở thành là của ta".

Trưởng giả Sumana cho gọi thanh niên Annabhāra đến hỏi rằng "Hôm nay người đã cúng dường vật thực đến ai thế?"

- Thưa chủ, hôm nay tôi cúng dường vật thực đến Ngài Uparittha

- Người hãy nhận lấy số tiền này đi, rồi cho ta phần phước ấy đi.

- Thưa chủ, không được đâu. Dù cho Trưởng giả Sumana có tăng số tiền lên đến cả ngàn Kahāpana, thanh niên Annabhāra vẫn không màng, không nhường phần phước mà mình đã tạo cho Sumana.

- Thôi được, nếu người không bằng lòng nhường phần phước lại. Người hãy nhận số tiền 1000 kahāpana này, rồi chia phước lại cho ta đi.

- Thưa chủ! Việc này để tôi hỏi lại đức Phật đã. Y tìm đến hỏi đức Phật Độc Giác, Ngài nói rằng:

- Này thanh niên! Sự chia phước đến người khác là một điều tốt. Người nên hiểu theo ví dụ này đi. Này thanh niên Annabhāra! Ví như có người thắp sáng lên ngọn đèn rồi cho ngàn gia tộc khác mỗi lửa từ ngọn đèn ấy mang đi. Này thanh niên, vậy ngọn lửa có vì sự mỗi lửa mà hao bớt đi chăng?

- Bạch đức Độc Giác, không.

- Nhưng bấy giờ ánh sáng ở tại nơi đó thì như thế nào?

- Thưa Ngài, nơi ấy ánh sáng càng tỏ rạng hơn.

- Cũng vậy, này thanh niên người trí dùng cúng dường chỉ là một muống cháo hay muống vật thực cũng vậy. Khi chia phước cúng dường vật thực của mình đến người khác dù là bao nhiêu người đi nữa, phước ấy càng tăng trưởng. Tuy người chỉ cúng dường một muống vật thực thôi, nhưng khi người chia phước đến Trưởng Giả, phần vật thực ấy trở thành hai phần, của người là một và một của Trưởng giả.

- Lành thay, bạch Ngài. Rồi thanh niên Annabhāra đánh lễ đức Độc Giác Phật, tâm hân hoan vui vẻ ra về, nói với Trưởng giả Sumana, rằng:

- Thưa chủ, tôi chia phước này đến ông với niềm tin.

- Thế thì, người hãy nhận tiền đi.

- Thưa chủ, tôi không bán vật thực. Tôi chỉ chia phước đến Ngài bởi niềm tin mà thôi.

- Này thanh niên, người đã chia phước đến ta bởi đức tin, thế thì ta cũng biểu người công đức bởi đức tin. Lại nữa, kể từ nay trở đi, người không cần phải làm việc bằng tay hay chân nữa, hãy dựng nhà ở cạnh đây và muốn dùng những vật chi hãy đến nơi ta mà lấy.

Vật thực mà người cúng dường đến Bậc xả Thiên Diệt thường phát sanh quả hiện tại ngay trong ngày là như thế. Vì thế, thậm chí đến đức Vua khi nghe được sự kiện ấy, Ngài cho gọi Annabhāra đến Hoàng Cung, xin chia phước rồi ban thưởng cho chàng nhiều tài sản và ban cho y địa vị Trưởng giả.

Thanh niên Annabhāra kết bạn với Trưởng giả Sumana cùng nhau đắp xây thiện hạnh suốt đời. Khi mệnh chung thọ sanh về Thiên giới. Đến thời Giáo Pháp của đức Thế Tôn Gotama, từ nơi Thiên giới Thiên Tử Annabhāra thọ sanh vào chủng tộc Sakya có tên là Amitodana trong thành Kapilavatthu. Thân quyến đặt tên cho Hoàng tử là Anuruddha, vị này là em của Hoàng Thân Mahānāma, là em chú bác với đức Đạo Sư. Ngài là bậc đại phước.

Được biết rằng: Có một hôm, Hoàng Thân Anuruddha cùng với sáu vị Tử Hoàng khác chơi đánh cầu, dùng bánh đặt cuộc. Hoàng Tử Anuruddha thua, nhắn mẹ cho bánh để chung cho 5 vị kia, đến lần thứ tư thì không còn bánh nữa.

Ba lần trước mẹ Ngài dùng mâm vàng đựng bánh mang ra cho Anuruddha. Lần thứ tư bà bảo rằng: Bánh KHÔNG CÓ. Nghe mẹ cho người báo như thế, Ngài Anuruddha ngỡ rằng: Có loại bánh tên là không có. Vì từ nhỏ đến lớn, Tử Hoàng Anuruddha chưa từng biết đến tiếng KHÔNG CÓ, nên bảo với gia nhân rằng: "Người hãy mang bánh không có đến nơi đây".

Mẹ Ngài nghe Gia nhân báo lại như thế rằng:

- Tâu Linh Bà! Hoàng Tử bảo mang bánh KHÔNG CÓ đến cho Hoàng Tử. Mẹ Ngài suy nghĩ: "Con ta chưa từng nghe tiếng KHÔNG CÓ, ta sẽ làm cho nó biết ý nghĩa KHÔNG CÓ bằng cách nào đây nhỉ?". Bà lấy mâm vàng trống rỗng úp lên chiếc mâm vàng khác, bảo với tùy tùng rằng: "Các người hãy mang Bánh KHÔNG CÓ ĐẾN Hoàng Tử".

Bấy giờ, vị Chư Thiên giữa thành Kapilavatthu suy nghĩ rằng:

- Hoàng Tử Anuruddha khi còn là nhân loại thuở trước, có tên là Annabhāra, chàng cúng dường vật thực đến đức Độc Giác Phật, có tên là Upariṭṭha, phát nguyện rằng: Xin cho đừng biết tiếng KHÔNG CÓ. Nếu ta biết giai thoại này, mà vẫn yên lặng thì đầu ta sẽ bể thành bảy mảnh.

Chư thiên kinh sợ, vội mang bánh trời đặt vào mâm vàng đầy ắp. Khi vị Tử Hoàng trông thấy gia nhân mang bánh ra đặt trước mặt các vị Tử Hoàng, chàng liền dở nắp ra, một mùi thơm tỏa ngát khắp kinh thành Kapilavatthu. Bánh ấy khi chạm vào lưới, lập tức tan ra lan rộng khắp 700 sợi thần kinh vị.

Hoàng tử Anuruddha suy nghĩ: "Có lẽ từ trước đến nay mẹ ta chẳng hề thương ta, vì bà không hề làm loại bánh không có cho ta dùng". Hoàng Tử không chơi đùa nữa, lập tức trở về lâu đài, đi đến gặp mẹ hỏi rằng: "Thưa mẹ, chắc mẹ không thương con phải không?" - Này Anuruddha! Con nói chi lạ vậy. Con là nơi thương yêu của mẹ, ví như người giữ gìn con mắt còn lại, hay người gìn giữ trái tim của chính mình.

- Nếu mẹ thương con, tại sao từ trước đến giờ mẹ không làm bánh KHÔNG CÓ cho con ăn? Ngạc nhiên, bà hỏi lại tên gia nhân rằng:

- Người có thấy vật chi trong mâm vàng không?

- Thưa bà! Trong mâm vàng chứa đầy loại bánh có mùi thơm lan khắp cả kinh thành này. Một loại bánh quý mà con chưa từng thấy như thế bao giờ cả.

Bà suy nghĩ rằng: "Thật vậy, con ta là bậc Đại phước. Do đó, chư thiên đã mang bánh đặt vào".

Rồi Hoàng Tử Anuruddha nói với mẹ rằng:

- Thưa mẹ loại bánh như vậy con chưa từng được dùng, từ nay trở đi mẹ chỉ nên làm loại bánh như thế cho con dùng thôi.

Từ đó, mỗi khi Tử Hoàng Anuruddha đòi ăn bánh, Hoàng Hậu chỉ rửa sạch mâm vàng, chụp lên mâm khác rồi bảo rằng bánh KHÔNG CÓ. Thế là Chư thiên mang bánh Trời đặt vào. Với cách ấy, Hoàng Tử Anuruddha thọ dụng bánh trời như vậy.

Khi các Hoàng Tử trong Hoàng gia Sakya đã lần lượt xuất gia trở thành tùy tùng của đức Thế Tôn như lời giao ước. Bấy giờ ông Hàng Mahānāma hỏi em rằng:

- Này em, trong gia tộc ta phải có một người xuất gia, vậy em hay anh sẽ phải xuất gia một người.

- Thừa anh! Em là người hay đau ốm nên không thể xuất gia được.
- Nếu thế, em hãy học nghiệp nghệ của người tại gia đi. Để cai quản gia sản của gia tộc.
- Thừa anh, công việc gì cần phải làm như thế? Thật ra, nơi phát sanh ra vật thực để dùng, Hoàng Tử Anuruddha còn chưa biết, vì thế Ngài mới hỏi anh như thế.

Tương truyền rằng: Một hôm ba vị Tử Hoàng là Anuruddha, Baddiya và Kimbila tranh luận cùng nhau rằng: "Vật thực phát sanh từ nơi nào?". Hoàng Tử Kimbila bảo rằng: "Vật thực phát sanh từ trong kho" Vì rằng: Một hôm, Hoàng Tử Kimbila trông thấy họ vác lúa từ kho ra để đập, xây xát thành gạo, do đó mới tưởng rằng "vật thực phát sanh từ trong kho". Hoàng Tử Baddiya nói với Kimbila rằng:

- Ôi! Thật khó nhọc thay đời sống tại gia. Thừa anh, em sẽ xuất gia vậy. - Thừa mẹ, con không còn ham đời sống tại gia. Con sẽ xuất gia. Xin mẹ hãy cho con được xuất gia.

Thế rồi, Hoàng Tử Anuruddha cùng với 5 vị Tử Hoàng dòng Sakya cùng đi xuất gia, đó là Hoàng Đế Bhaddiya, Hoàng thân Kimbila, Bhagu, Ānanda và Devadatta. Cùng đi đến yết kiến đức Thế Tôn tại Anupiy Ambavana xin được xuất gia. Sau khi xuất gia xong, tỳ khuru Anuruddha tinh cần hành Sa môn pháp, chẳng bao lâu Ngài thành đạt Phạm Hạnh cứu cánh, chứng đạt Tam Minh. Với Thiên Nhân Minh đệ nhất trong hàng Cao đồ của đức Thế Tôn, Ngài ngồi giữa hư không, có thể trông thấy cả ngàn thế giới như người nhìn thấy trái me trong lòng bàn tay. Ngài đã thốt lên cảm hứng ngữ rằng:

"Ta đã chứng được Túc Mạng Minh, ta đã đạt được Thiên nhãn minh, ta đã đạt được Lưu Tận Minh. Tam Minh ta đạt được cùng với thần không lực. Lời Phật dạy nay ta đã làm xong".

Sau khi đắc quả, Ngài quán xét rằng: "Ta đã tạo được thiện nghiệp gì trong thời quá khứ? Mới được tài sản như vậy". Biết được rằng: Ta đã phát nguyện dưới chân đức Phật Padumuttara. Rồi quán xét tiếp rằng: Ta đã luân chuyển trong luân hồi, là thanh niên Annabhāra, làm thuê cho Trưởng giả Sumana để nuôi sống. Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

"Trong thời trước ta tên là Annabhāra là người nghèo khổ cắt cỏ, ta đã cúng dường vật thực đến đức Phật Độc giác Upariṭṭha là bậc cao quý".

Bấy giờ, Trưởng Lão Anuruddha suy nghĩ: "Trưởng giả Sumana bạn cũ của ta, đã xin phước báu mà ta đã cúng dường đến đức Phật Độc Giác trong thời đó, nay sanh ở đâu nhỉ?" Ngài thấy rằng Trưởng giả ấy nay sanh vào làng Muṇḍanigāma, tại chân núi gần khu rừng cháy. Trong làng ấy, có người thiện nam tên là Muṇḍa, y có hai người con là Mahāsumana và Cūlasumana. Trưởng giả Sumana chính là Cūlasumana. Sau khi quán thấy như thế rồi, Ngài suy nghĩ: Khi ta đến đó, có sự tiếp đãi hay chăng?". Ngài quán thấy Cūlasumana sẽ được xuất gia khi tròn 7 tuổi và sẽ chứng đạt A la Hán quả khi vừa cạo tóc xong.

Quán xét xong rồi, Trưởng Lão Anuruddha ngự đến làng Muṇḍanigama vào mùa an cư. Ngài dùng thần thông hiện ra trước cửa nhà. Còn Thiện nam Mahāmuṇḍa là người thân quen với Trưởng Lão từ trước. Khi vừa thấy Trưởng lão, ông đứng dậy tiến rước bát, bảo con trai lớn là Mahāsumana rằng:

- Này con, Trưởng Lão Anuruddha đã ngự đến đây, con hãy thỉnh y bát Ngài và cung thỉnh Ngài vào ngự nơi phòng khách đi. Mahāsumana vâng lời cha, thiện nam ấy cúng dường cung thỉnh đức Anuruddha an cư mùa mưa tại làng ấy.

Trưởng lão nhận lời. Thiện nam Muṇḍa cúng dường tứ sự đến Trưởng lão trọn ba tháng dễ dàng như chỉ cúng dường có một buổi. Đến ngày lễ Tự Tứ, Muṇḍa cúng dường Tam y cùng tứ sự đến Trưởng Lão, những vật dụng như dầu, sữa, đường... Đặt dưới chân Trưởng Lão, ông thiện nam bạch rằng:

- Xin Ngài hãy hoan hỷ thọ dụng những vật này đi.
- Thôi được rồi! Này cận sự nam, những vật này ta không nhận, không cần dùng đến.
- Bạch Ngài! Những vật này gọi là Vassāvāsikalābha (Lợi lộc phát sanh đến người an cư). Xin Ngài hãy nhận lấy đi.
- Thừa vừa rồi, này cận sự nam.
- Bạch Ngài! Vì sao Ngài không nhận?

- Vì ta không có Sa đi để làm thích hợp.
- Bạch Ngài, nếu thế thì Mahānāma sẽ làm Sa đi cho Ngài.
- Ta không cần đến Mahāsumana.
- Bạch Ngài! Thế thì Cūlasumana có thích hợp chăng?
- Được thôi, nầy cận sự nam.

Trưởng lão cho Giới tử Sumana xuất gia Sa đi. Cūlasumana vừa cạo tóc xong đã quán tưởng theo lời dạy của thầy qua để mục thể trước. Ngài chứng đắc ngay A la Hán quả. Trưởng lão cùng Sa đi trú tại nơi đó chừng nửa tháng, rồi khởi hành tuần tự về Sāvattthī để báo kiến đức Thế Tôn. Khi hai vị đi đến một căn chòi tranh trong rừng, gần Himavanta (Tuyết Sơn).

Trưởng Lão Anuruddha là người hằng có sự tinh cần, Ngài đi kinh hành khi trú đêm tại nơi đó vào canh đầu, tiếp theo vào những canh sau thì Ngài phát sanh chứng đau bụng. Sa đi Sumana thấy thầy bệnh khó nhọc như thế, bạch hỏi rằng:

- Bạch Thầy, Thầy lâm bệnh chi thế?
- Ta khởi bệnh đau bụng.
- Bạch thầy, thế thì thầy có thường bị chứng bệnh nầy chăng?
- Thường hay bị lắm Sa đi ạ.
- Khi thầy đau bụng như thế, thầy dùng vật chi mới hết?
- Ta dùng nước ở hồ Anotatta mới hết bệnh.
- Bạch Thầy, con sẽ đi lấy nước hồ Anotatta về dâng Thầy.
- Nầy Sa đi, con đi lấy được chăng?
- Bạch Thầy được.

- Nầy Sa đi, trong hồ ấy có con Long Vương Pannaka, Long Vương rất hung dữ đấy, con hãy cẩn thận khi lấy nước hồ Anotatta.

- Bạch thầy vâng.
- Sa đi Sumana đánh lễ thầy xong, dùng thần lực bay lên hư không đi suốt cả 500 do tuần.

Trong ngày hôm ấy, Long vương cùng đoàn Long nữ đang vui đùa múa hát. Long vương trông thấy Sa đi bay trên hư không hướng về hồ Anotatta, nên nó phát sanh sân hận rằng:

- Sa đi nầy bay trên hư không, bụi dưới chân y rơi rớt trên đầu ta. Sa đi nầy đi đến hồ Anotatta để lấy nước. Ta sẽ không cho y lấy nước hồ ấy.

Long Vương liền phùng mang che đậy cả ao Anotatta đến 50 do tuần, như người dậy nổi com bằng nắp lớn. Thấy Long Vương làm như thế, Sa đi Sumana biết rằng: "Long vương đang sân hận", liền nói rằng: "Nầy Long Vương, người là bậc có đại uy lực, có đại sức mạnh. Người hãy lắng tai nghe ta. Hãy cho ta xin bát nước dùng làm thuốc trị bệnh cho Thầy ta".

- "Sông Gangà ở phía Đông thường chảy vào Đại Dương, người hãy lấy nước từ con sông Gangà ấy đi".

Sa đi Sumana suy nghĩ rằng:

- Long Vương nầy không chịu cho nước theo lời xin của ta. Ta sẽ cho nó biết thần lực, ta sẽ uy hiếp nó để nó phục tùng cho ta nước hồ Anotatta.

Sa đi Sumana nói với Long Vương rằng:

- Nầy Đại Vương! Thấy Tế Độ của ta bảo, chỉ lấy nước từ hồ Anotatta mà thôi. Do vậy, ta chỉ có thể lấy nước hồ nầy mang về, người hãy cho nước ấy đến ta đi, đừng nên ngăn cản ta.

Rồi Sa đi Sumana nói lên kệ ngôn rằng:

"Ta chỉ lấy nước từ hồ Anotatta nầy thôi. Ta chỉ cần nước hồ nầy. Nếu có sức mạnh, hỏi Long Vương người hãy liệu giữ lấy".

- Này Sa di, nếu ngươi làm như thế, ta gọi ngươi là Bậc Đại Hùng. Ta rất hài lòng về lời nói của ngươi. Ngươi hãy dùng thần lực lấy nước của ta đi.

Sa di Sumana nói với Long Vương rằng: "Này Đại Vương ta sẽ lấy nước cho ngươi xem".

- Ngươi có khả năng thì cứ lấy đi.

Sau khi đã xác định rõ ràng ba lần như thế, Sa di Sumana suy nghĩ: "Giờ đây, ta hiển lộ Phật Pháp lực để lấy nước hồ Anotatta là hợp lẽ vậy".

Sa di Sumana đi mời tất cả chư Thiên địa cầu, chư thiên trên hư không, các vị ấy đánh lễ và bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài, chuyện chi vậy?

- Này chư Thiên, ta sẽ thi đấu với Long Vương tại hồ Anotatta, các ngươi hãy đến xem ai thắng ai bại.

Tuần tự Sa di Sumana đi đến Tứ Đại Thiên Vương, đức Vua Sakka, đức vua Suyāma, đức vua Santusita, đức vua Sunimmita và đức vua Vasavattī trình bày sự việc như thế. Rồi Sa di Sumana tuần tự đi đến Phạm Thiên Giới, các vị Phạm Thiên ở cõi đó đến đánh lễ và bạch hỏi:

- Bạch Ngài, có chuyện chi thế? Sa di Sumana thuật lại câu chuyện. Và vị ấy đi khắp nơi chỉ trừ cõi Vô tướng và Vô sắc. Chư Thiên và Phạm Thiên nhận được lời thỉnh, đã hội họp đông đảo trên hư không, chẳng có một khoảng trống nơi hồ Anotatta, ví như bột bánh mà người ta chắt đầy trong nia đó vậy.

Khi Chư Thiên Phạm Thiên đến đông đủ rồi, Sa di Sumana đứng trên hư không nói với Long Vương rằng:

- Này hỡi Long Vương, ngươi có nhiều quyền lực, có đại thần lực, ngươi hãy nghe lời ta, hãy cho ta xin bát nước để về làm thuốc cho thầy ta.

- Này Hỡi Sa di, nếu ngươi là bậc anh hùng. Ta rất thích lời nói của ngươi. Vậy ngươi cứ việc lấy nước của ta đi.

Sa di Sumana xác nhận đủ ba lần rồi, đứng trên hư không hóa thân thành vị Đại Phạm Thiên to lớn 12 do tuần, bay xuống đạp lên đầu Long Vương nhận chìm xuống hồ. Bị Sa di Sumana đè đầu nhận xuống đáy hồ, Long Vương lập tức co rút đầu lại cho nhỏ để thoát ra, đầu Long Vương lúc ấy nhỏ như cái muống, giống như mảnh da tươi bị người có sức mạnh đạp lên co rút lại. Khi Long vương co đầu lại thì một luồng nước lớn bằng cây thốt nốt đã phún lên không. Sa di Sumana hứng đầy bát nước ngay trên hư không. Chư thiên tán dương vang dội Sādhū. Sa di Sumana hứng đầy bát nước ngay trên hư không. Chư thiên tán dương vang dội Sādhū. Sa di Sumana lấy được nước rồi, dùng thần lực bay về nơi trú của thầy. Long Vương hổ thẹn nổi sân hận vội rượt theo Sa di Sumana, hai mắt nó đỏ rực như hoa hồng. (Japā). Nó suy nghĩ: "Sa môn trọc đầu ấy đã mời Chư thiên đến chứng kiến cuộc tranh hùng này, làm cho ta hổ thẹn. Ta sẽ đuổi theo, bắt được y ta sẽ thọt tay vào ngực moi lấy trái tim y, hay nắm lấy tay chân y quăng qua bên kia sông Hằng."

Long Vương dùng thần lực rượt theo Sa di Sumana, nhưng không thể theo kịp. Sa di về dâng nước lên Tể Độ Sư, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hãy dùng nước đi.

Long Vương theo sau đi đến nói rằng:

- Bạch Ngài Anuruddha! Vị Sa di ấy lấy nước của tôi, nước ấy chưa cho, xin Ngài đừng dùng.

- Này Sa di, thế này là như thế nào vậy?

- Bạch Thầy! Xin thầy cứ dùng nước ấy, nước này Long Vương đã cho nên con mới mang về.

Trưởng lão biết rằng: "Bậc Vô Lậu như Sa di chẳng bao giờ nói dối bao giờ". Rồi Ngài đã dùng nước ấy trị bệnh cho mình.

Khi bệnh đã thuyên giảm ngay. Long Vương bạch với Trưởng Lão rằng: "Bạch Ngài! Sa di này đã thỉnh Chư thiên tụ hội lại nơi hồ Anotatta để tranh tài. Và vị ấy đã làm cho tôi hổ thẹn giờ đây tôi sẽ bóp nát trái tim của ông ấy hay nắm lấy chân mà ném qua bên kia sông Hằng!".

- Nầy Long Vương! Sa di này là bậc có Đại uy lực, có Đại thần lực, người không thể thắng được đâu. Người nên sám hối vị ấy đi, rồi trở về hồ Anotatta.

Long Vương vẫn biết thần lực của Sa di, nhưng vì lòng tự ái bị tổn thương nên nó làm như thế thôi. Bây giờ nghe lời của Anuruddha, nó tỉnh ngộ và bình tâm lại. Long Vương liền sám hối Sa di, kết thân với Sadi Sumana rằng:

- Bạch Ngài! Kể từ nay trở đi, khi nào Ngài cần nước hồ Anotatta Ngài khỏi cần nhọc sức đi lấy, Ngài chỉ nhắn tin đến tôi, tôi sẽ mang nước đến cho Ngài.

Khi lành bệnh rồi, Trưởng Lão cùng Sa di lại lên đường về thành Sāvattthī. Đức Thế Tôn biết rằng: Trưởng Lão Anuruddha sắp về đến, Ngài ngự nơi lầu đài của Migāramāta nhìn ra đường. Chư tỳ khuru trông thấy Trưởng Lão trở về, hoan hỷ ra đánh lễ và chào đón thân tình, tiếp rước y bát.

Bấy giờ, có vài vị tỳ khuru phàm thấy Sa di Sumana còn nhỏ dễ thương, nên nô đùa, vò đầu cũng có, néo tai cũng có, kéo tay cũng có, đùa cợt rằng: "Nầy Sa di! Ông không có cảm dục sao?" Đức Thế Tôn thấy hành động thô tháo của các vị ấy, suy nghĩ:

- Hành động của các tỳ khuru nầy thật là tai hại. Họ nắm lấy cổ, đầu của Sa di Sumana chẳng khác gì đang nắm lấy đầu cổ của con rắn độc mà không biết. Chúng nào thấu đáo được oai lực của Sa di Sumana. Hôm nay Như Lai sẽ làm sáng tỏ thần lực của Sumana vậy.

Trưởng Lão Anuruddha đi đến đánh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn ân cần thăm hỏi Trưởng Lão Anuruddha, Ngài cho gọi Trưởng Lão ānandā đến dạy rằng:

- Này ānandā! Như Lai đang cần nước rửa chân, nước ấy phải được múc từ hồ Anotatta. Người hãy đưa bát cho các vị Sa di, bảo lấy nước đem về cho Như Lai.

Trưởng Lão tụ hội 500 vị Sa di lại, phán truyền lệnh ấy. Trong số đó, Sa di Sumana là vị trẻ nhất, Trưởng Lão Ānanda phán dạy Trưởng Sa di rằng:

- Nầy Sa di! Bậc Đạo Sư đang cần nước ở hồ Anotatta để rửa chân. Vậy hiền giả hãy đi lấy nước về cho Bậc Đạo Sư đi.

- Bạch Trưởng Lão! Con không đủ khả năng. Thế là Trưởng Lão tuần tự hỏi đến các vị Sa di còn lại. Các vị ấy đều từ chối cả.

Hỏi rằng: Trong số 500 vị Sa di ấy, không có vị nào là bậc Vô Lậu hay sao?

Đáp rằng: Có chứ, nhưng các vị Sa di ấy biết rằng: Vòng hoa nầy không phải kết cho ta, mà đức Thế Tôn kết cho Sa di Sumana. Đối với các vị còn phàm thì từ chối, vì thấy rằng mình không có khả năng ấy. Cuối cùng thì đến Sa di Sumana. Trưởng Lão Ānanda nói:

- Nầy Sa di ơi! Bậc Đạo Sư đang cần nước hồ Anotatta để rửa chân, vậy hiền giả hãy lấy bát đem nước ấy về đi.

- Bạch Ngài! Khi Bậc Đạo Sư cho phép thì con sẽ đi lấy nước đem về. Rồi Sa di Sumana đi đến đánh lễ đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Được nghe rằng: Ngài phán dạy con đi lấy nước hồ Anotatta phải chăng?

- Đúng thế, nầy Sumana.

Sa di Sumana cầm bát lớn như cái nồi, bát ấy có thể chứa được 6 cái bát thường. Những bát nầy được dùng trong Tinh thất do nàng Visākhā cúng dường. Vị ấy xách đi với ý nghĩa: "Ta không cần phải vác lên vai". Và Ngài bay lên hư không nhắm hướng hồ Anotatta mà lướt đến. Long Vương trông thấy Sa di Sumana từ xa đi đến, tiếp lấy bát để lên vai, nói rằng:

- Bạch Ngài! Khi Ngài có người phục vụ như tôi đây, vì sao Ngài lại đích thân đến lấy nước chứ. Khi Ngài cần nước sao không nhắn cho tôi biết.

Rồi Long Vương múc đầy bát nước, vác lên vai nói rằng:

- Bạch Ngài, xin thỉnh Ngài hãy đi trước, tôi sẽ mang nước theo sau.

- Được rồi, nầy Long Vương, vì Bậc Đạo Sư bảo ta đi lấy.

Sa di Sumana dạy Long Vương hãy trở về, tự tay nắm lấy bát bay lên hư không.

Trông thấy Sa di Sumana trở về, Bậc Đạo Sư phán dạy chư tỳ khuru rằng:

- Này chư tỳ khuru! Các người hãy nhìn con đường bay của Sa di, đẹp như thiên nga trong hư không vậy.

Sa di Sumana đặt bát nước xuống, đánh lễ đức Thế Tôn xong rồi và đứng sang một bên, Bạc Đạo Sư phán hỏi rằng:

- Này Sa di Sumana, người được bao nhiêu tuổi?

- Bạch Thế Tôn! Con vừa được 7 tuổi.

- Này Sumana, nếu thế từ nay trở đi, người sẽ là vị tỳ khuru. Đức Thế Tôn ban Dāyajja upasampada (Cụ túc đặc biệt) đến Sa di Sumana. Được biết rằng: Chỉ có hai vị Sa di là Sumana và Sopāka vừa được 7 tuổi, được đức Thế Tôn ban cho địa vị Thera. Bấy giờ Chư tỳ khuru cùng nhau bàn luận trong Giảng đường về sự kiện hy hữu ấy rằng:

- Nầy chư hiện giả, việc làm nầy thật là kỳ diệu thay, từ trước đến nay chúng ta chưa từng thấy vị Sa di trẻ nào có được thần lực như thế. Đức Thế Tôn ngự đến phán hỏi rằng:

- Nầy chư tỳ khuru! Các người đang ngồi lại bàn luận về vấn đề gì thế? Chư Tỳ khuru liền bạch lên Thế Tôn về việc ấy, Ngài phán rằng:

- Này tỳ khuru! Trong Giáo Pháp của Như Lai, dù là người trẻ tuổi nhưng thực hành chân chánh, thường đạt được tài sản như vậy. Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

382-

"Yo have daharo bhikkhu
Yuñjati buddhasāsane
So imam lokam pabhāseti
Abhā mutto va canimā".

- *"Tỷ kheo tuy nhỏ tuổi
Siêng tu Giáo Pháp Phật
Soi sáng thế gian nầy
Như trăng thoát khỏi mây". (HT. TMC)*

CHÚ THÍCH

Yuñjati là tính cần siêng năng.

Pabhāseti nghĩa là vị tỳ khuru hăng làm cho thế gian như uẩn, xứ..., chói sáng, tức là làm cho ánh sáng bằng trí Tương ưng với A la Hán Đạo của mình, như mặt trăng ra khỏi vầng mây che.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đạt Thánh quả như Dự lưu.

DỨT TÍCH: SA DI SUMANA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. PHẨM BÀ LA MÔN

XXVI. 1- VỊ BÀ LA MÔN NHIỀU ĐỨC TIN

(PC. 383)

"Chinda sotaṃ parakkamma...". Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, Ngài đề cập đến nhiều Bà la Môn nhiều niềm tin, thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Vị Bà la môn ấy nghe Pháp của đức Thế Tôn, khởi tâm tịnh tín. Mỗi ngày vị ấy sắp đặt vật thực cho 16 vị tỳ khuru tại tư gia của mình. Khi chư tỳ khuru đến, ông ra rước bát rất cung kính, bạch rằng:

- Xin thỉnh các Ngài A La Hán hãy vào trong, xin Thỉnh các Ngài A La Hán hãy ngồi...

Bất kỳ một câu nào, ông cũng đều xưng tụng là A la Hán. Chư phàm Tăng suy nghĩ rằng: "Vị Bà la môn này ngỡ rằng ta là vị A la Hán".

Còn những vị là Bạc Lậu Tạn thì nghĩ: "Bà la môn này đã biết ta rõ rồi". Và thế là chư tỳ khuru e ngại cách xưng hô ấy, nên không đến tư gia của vị ấy nữa. Ông buồn phiền rằng:

- Tại sao các Ngài lại không đến nhà ta như thế? Ông đi đến Tinh xá đánh lễ đức Thế Tôn, trình bạch lên Ngài sự việc ấy. Bạc Đạo Sư cho gọi chư tỳ khuru đến phán hỏi rằng:

- Này chư tỳ khuru! Điều ấy là như thế nào?

Chư tỳ khuru trình bày lên đức Thế Tôn sự suy nghĩ của mình như thế. Ngài phán rằng:

- Này chư tỳ khuru, các người không hài lòng về câu nói A la Hán phải chăng?

- Bạch Thế Tôn! Chúng con không hài lòng về câu nói ấy.

- Này các tỳ khuru! Đây là câu nói do sự tịnh tín, vô tội với lời nói bằng sự tịnh tín. Lại nữa, đây là sự cảm mến của Bà la môn ấy với các vị Thánh Vô Lậu rất nhiều. Lẽ ra, các người cần phải cắt đứt ái dục để chúng đạt quả A la Hán mới phải.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

"Chinda sotaṃ pakkamma

Kāmo panuda brāhmaṇa

Saṅkhārānaṃ Khayaṃ ñattvā

Akataññūsi brāhmaṇa".

- "*Hỡi này Bà la Môn*

Hãy tinh tấn đoạn dòng

Từ bỏ các dục lạc

Biết được hành đoạn diệt.

Người là bậc Vô si". (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Parakkamma:... Nghĩa là: dòng ái dục không ai có thể cắt đứt bằng sự tinh cần yếu kém được. Do đó, người hãy tinh cần cắt đứt bằng sự quyết tâm mạnh cùng với trí tuệ. Tức là hãy giảm trừ, nghĩa là hãy dứt bỏ hai loại dục.

Brahmaṇa: Là câu gọi chỉ các Bạc Vô Lậu.

Saṅkhārānaṃ nghĩa là đã thấu hiểu sự hoại diệt của các uẩn

Akataññū nghĩa là: Nếu như vậy người là người vô ơn, vì rằng đã thấu hiểu nghĩa Níp Bàn là gì, đã thấu hiểu các nguyên chất như vàng ròng như thế, (mà tại sao) người lại không thực hành để đến mục đích cứu cánh chứ.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh quả.

DỨT TÍCH: VỊ BÀ LA MÔN NHIỀU ĐỨC TIN

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 2- NHIỀU VỊ TỶ KHUU

(PC. 384)

"Yadā dvayesu...". Kệ ngôn này được đức Đạo Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhiều vị tỳ khưu.

Được nghe rằng: Một hôm, có ba mươi vị tỳ khưu từ phương xa đến Tinh xá, sau khi đánh lễ đức Thế Tôn rồi, ngồi vào nơi phải lễ. Bấy giờ Trưởng Lão Sāriputta quán xét thấy được duyên lành của chư tỳ khưu ấy, Ngài đi vào yết kiến đức Thế Tôn bạch hỏi rằng:

- "Bạch Thế Tôn, có hai pháp mà Ngài hằng dạy, đó là hai pháp thế nào?"

- Nầy Sāriputta, đó là CHỈ và QUÁN.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Yadā dvayesu dhammesu
Pāragū hoti brāhmaṇo
Thassa sabbe saṃyogā
Atthaṃ gacchanti janato".

- "*Nhờ thường rú hai pháp
Đến được bờ bên kia
Bà la môn có trí
Mọi kiết sử dứt sạch*". (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Yadā... nghĩa là: Trong thời nào vị Vô Lậu đạt đến bờ bên kia, do nhờ hai pháp là CHỈ và QUÁN được an trú cả đến sự chứng đắc Lục Thông... thì trong thời đó các pháp tạo tác cho sự luân hồi của Bậc Vô Liệu đó, bậc tỉnh giác như vậy không còn tồn tại tức là hoại diệt.

Dứt pháp thoại, ba mươi vị tỳ khưu ấy chứng đạt A la Hán quả.

DỨT TÍCH: NHIỀU VỊ TỶ KHUU

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 3- CHUYỆN MA VƯƠNG

(PC. 385)

"Yassa pāraṃ apāraṃ và...". Kệ ngôn này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Ma Vương.

Một hôm Ma Vương giả dạng người đi đến yết kiến đức Thế Tôn bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nơi Ngài gọi là Bờ đó là cái chi? Cái gì được gọi là Bờ.

Bậc Đạo Sư thấu hiểu: "Đây là Ma Vương". Ngài bèn phán dạy rằng:

- Nầy Ma Vương! Bờ hay không phải bờ, có lợi ích gì cho người đâu (mà hỏi), bờ chỉ có đối với người đã tận diệt tham ái và đã đi đến. Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

"Yassa pāraṃ apāraṃ và

Pārāpāraṃ na vijjati
Vitaddaraṃ viṣaṃyuttaṃ
Taṃ ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".
- "*Không bờ nầy bờ kia
Cả hai bờ không có
Lìa khổ không trói buộc
Ta gọi Bà la môn*". (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Bờ kia là sáu nội xứ. Bờ kia cũng ám chỉ cho sáu ngoại xứ. Tiếng Bờ ở đây chỉ cho 12 xứ.

Pāraṃ (bờ) là sáu nội xứ. Sáu ngoại xứ gọi là apāraṃ (phi bờ).

Na vijjati nghĩa là bờ và không phải bờ, không có với người nào người không có sự chấp thủ TA hay là Của ta người ấy chấm dứt sầu, chấm dứt được phiền não, đã thoát ly khỏi phiền não. Người ấy được gọi là Bà la môn.

DỨT TÍCH MA VƯƠNG

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 4- MỘT VỊ BÀ LA MÔN

(PC. 386)

"Jhāyīṃ virajam āsīnam...". Đức Thế Tôn ngụ tại Đại Tự Jetavana, đề cập đến vị Bà la môn, thuyết lên kệ ngôn nầy.

Tương truyền rằng: Có một vị Bà la Môn khởi lên sự suy nghĩ rằng: "Sa Môn Gotama gọi đệ tử mình là Bà la môn, còn ta cũng là vị Bà la Môn theo chủng tộc và dòng giống. Ngài cũng nên gọi ta như vậy mới phải".

Bà la môn ấy liền đi đến Tinh xá, yết kiến đức Thế Tôn xong rồi bạch trình việc ấy.

- Nầy Bà la Môn, Như Lai không gọi người Bà la Môn chỉ vì giòng giống chủng tộc, Như Lai chỉ gọi người chúng đạt lợi ích tối thượng là Bà la môn.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

386-
"Jhāyīṃ virajam āsīnam
Katakiccaṃ anāsavaṃ
Uttamatthaṃ anuppattam
Taṃ ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".
- "*Tu thiền trú ly lần
Phận sự xong Vô Lậu
Đạt được đích tối thượng
Ta gọi là Bà la Môn*". (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Jhāyam... Là ta gọi người nhiệt tâm tinh cần với hai loại thiền vô uế (tức là Dục), sống tịnh cư trong rừng, đã hoàn thành phận sự vì cả 16 loại phận sự mà mình đã hành xong với bốn Đạo gọi là không còn lậu hoặc do đã chứng đạt lợi ích tối thượng là A La Hán. Người ấy được gọi là Bà la môn.

Mười sáu phận sự đó là:

KHỔ ĐỂ có 4:

- 1- Piḷanatta: ý nghĩa là áp bức
- 2- Saṅkhatatta: ý nghĩa là cấu kết

3- Santāpanattha: ý nghĩa là nhiệt nã

4- Vipariṇāmattha: ý nghĩa là thay đổi.

TẬP ĐẾ có 4:

1- āyuhanattha: ý nghĩa là làm phát sanh khổ

2- Nidānattha: ý nghĩa là nhân sanh của khổ

3- Saṅyogattha: ý nghĩa là kết cấu luân hồi.

4- Palibodhanattha: ý nghĩa là bị giam trong căn nhà tức là luân hồi.

DIỆT ĐẾ có 4:

1- Nissaranattha: ý nghĩa là thoát khỏi sanh y

2- Vivekattha: ý nghĩa là vắng lặng phiền nã

3- Asaṅkhatattha: ý nghĩa là vô tạo tác.

4- Amatattha: ý nghĩa là Bất Tử.

ĐẠO ĐẾ có 4 là:

1- Niyānattha: ý nghĩa là thoát ra khỏi luân hồi

2- Hetuvattha: ý nghĩa là nhân của Níp Bàn

3- Dassanattha: ý nghĩa là liễu tri Níp Bàn

4- Adhipatayya: ý nghĩa là Trưởng trong sự Giác ngộ Níp Bàn.

DÚT TÍCH: MỘT VỊ BÀ LA MÔN

XXVI. 5- TRƯỞNG LÃO ĀNANDA

(PC. 387)

"Divā tapati ādicco...". Kệ Ngôn này được đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại ngôi nhà nóc nhọn của Đại Tín nữ Migāramātā, đề cập đến câu hỏi của Trưởng lão Ānanda.

Được nghe rằng: Trong ngày lễ Tự Tứ, đức vua Pasenadikosala trang điểm thật lộng lẫy với đủ loại trang sức, mang các hương liệu cùng vật thơm khắp mình. Đức vua đi vào Tinh xá cúng dường rồi ngồi xuống một bên nghe Pháp.

Cạnh đó không xa lắm, Trưởng Lão Kāḷudāyi hành thiên, thân tướng của Trưởng Lão có màu vàng sáng chói và mặt trời bắt đầu lặn, nhường cho ánh trăng sắp hiện khởi.

Trưởng lão Ānanda nhìn thấy ánh sáng mặt trời đang lặn, ánh sáng mặt trăng sắp hiện ra, nhìn Long thể của đức vua, nhìn ánh sáng phát sanh từ Thiên định của Ngài Kāḷudāyi và Phật tướng của đức Thế Tôn. Trong năm loại ánh sáng đó, thì ánh Phật quang rực rỡ hơn cả. Trưởng lão Ānanda đến đánh lễ đức Thế Tôn bạch rằng:

- Hôm nay con nhìn thấy các ánh sáng này, con chỉ khả ý với Phật quang của đức Thế Tôn thôi. Vì rằng: Kim thân của Ngài chói sáng hơn tất cả các ánh sáng khác.

- Này Ānanda! Là thường mặt trời chiếu sáng ban ngày, mặt trăng rực rỡ ban đêm. Đức vua chói sáng bởi Vương phục. Bạc Vô Lậu từ bỏ hại chúng chói sáng trong lúc thiên định. Riêng Đáng Như Lai chói sáng với Phật lực cả ngày lẫn đêm.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Divā tapati ādicco
Rattim abhāti candimā
Sannaddho khattiyo tapati
jhāyī tapati brāhmaṇo
Atha sabbam ahorattim

Buddho tapati tejasā".
- "Mặt trời sáng ban ngày
Mặt trăng sáng ban đêm
Khí giới sáng Sát Ly
Thiên sáng Bà la môn
Còn hào quang đức Phật
Chói sáng cả ngày đêm". (TMC)

CHÚ THÍCH

Divā tapati nghĩa là mặt trời chỉ chiếu sáng ban ngày nhưng ban đêm không xuất hiện

Candimā nghĩa là mặt trăng ra khỏi vầng mây... Chỉ chiếu sáng ban đêm, nhưng ban ngày không chiếu sáng.

Sannadho: Là đức vua chỉ rực sáng với các trang phục là vàng và ngọc Maṇi, có bốn bệ chũng vây quanh. Nếu đức vua cải trang như thường dân thì không có gì gọi là chói sáng.

Jhāṇi là Bạc Vô Lậu từ bỏ hội chúng, chuyên cần với Thiền Định gọi là chiếu sáng

Tejasā: Nghĩa là Bạc Chánh Đẳng Giác chinh phục ác giới bằng Giới lực, chinh phục ác hạnh bằng Thiện hạnh, chinh phục ác tuệ bằng Trí tuệ. Chinh phục sự vô phần bằng Hữu phần. Chinh phục các bất thiện pháp là thiện pháp. Ngài thường hằng chói sáng như thế với năm oai lực như vậy.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt A la Hán cùng với các Thánh Quả.

DÚT TÍCH: TRƯỞNG LÃO ĀNANDA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 6- CHUYỆN MỘT NGƯỜI XUẤT GIA

(PC. 388)

"Bāhitapāpo'ti brāhmaṇo...". Kệ ngôn này, đức Thế Tôn thuyết ra khi ngự tại jetavana, đề cập đến một người xuất gia. Tương truyền rằng: Có một Bà La Môn tu theo ngoại giáo, có sự suy nghĩ tăng:

"Sa Môn Gotama gọi đệ tử mình là bậc xuất gia, ta đây cũng là bậc xuất gia. Sa môn Gotama nên gọi ta như vậy mới phải lễ."

Y đi đến yết kiến đức Thế Tôn, bạch hỏi đức Thế Tôn về việc này. Ngài phán dạy rằng:

- Này Bà La môn! Ta không nói rằng: Là bậc xuất gia chỉ là bấy nhiêu thôi. Người được gọi là bậc xuất gia vì đã đoạn trừ được mọi phiền não cấu uế.

Rồi Ngài tuyên thuyết kệ ngôn rằng:

- "Bāhitapāpo'ti brāhmaṇo
Samacariyā samaṇo'ti vuc- cati
Pabbājay'aatano maḷam
Tanmā pabbajito'ti vuccati"
- "Dứt bỏ ác gọi Phạm Chí
Tịnh Hạnh gọi Sa Môn
Tự mình xuất cấu uế
Nên gọi Bạc Xuất gia". (HT. TMC)

CHÚ THÍCH:

Samacariyāya tức là do đã ngăn trừ các pháp bất thiện.

Tasmā nghĩa là người được bậc Đạo Sư gọi là Bà La Môn, do đã xa lìa các ác nghiệp. Người được Bậc Đạo Sư gọi là Sa môn, do đã vắng lặng các pháp bất thiện. Vì vậy, người ấy được Bậc Đạo Sư gọi là bậc xuất gia, do đã tẩy sạch các cấu uế đó.

Dứt pháp thoại, ngoại đạo Bà La môn chứng đạt Thánh quả Dự Lưu.

DỨT TÍCH: CHUYỆN MỘT NGƯỜI XUẤT GIA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 7- TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

(PC. 389)

"Na brāhmaṇassa pahareyya...". Đức Thế Tôn khi trú tại Jetavana đề cập đến Trưởng lão Sāriputta, thuyết lên pháp thoại này.

Tương truyền rằng: Dân chúng thường tán dương Ngài rằng: "Thật đáng khen ngợi Ngài của ta, Ngài có đầy đủ đức nhẫn nại. Khi có người lăng mạ, hoặc đánh đập, dù trong bất cứ trường hợp nào, Ngài cũng không giận."

Bấy giờ, một Bà la môn tà kiến hỏi rằng:

- Ai là người không giận chứ?
- Trưởng lão Sāriputta của chúng tôi.
- Không ai có thể làm cho Ngài nổi giận được hay sao?
- Điều khiến Ngài nổi giận đó, không bao giờ có đâu.
- Nếu như thế, ta sẽ làm cho Ngài nổi giận đấy.
- Nếu ông làm được thì hãy làm đi.

- Gã bà la môn tà kiến suy nghĩ rằng: "Được rồi, ta sẽ có cách". Khi Trưởng lão đang trì bình khát thực, y bèn theo sau lưng Ngài, đánh thật mạnh vào sau lưng Ngài. Trưởng lão suy nghĩ: "Chuyện gì thế?". Và Ngài vẫn tiếp tục đi. Khi ấy toàn thân của Bà la môn nóng nảy vô cùng, y biết rằng:

- Ngài đây là bậc có đầy đủ ân đức cao quý. Y liền quỳ xuống chân Trưởng Lão mà bạch rằng:
- Kính bạch Ngài! Xin Ngài hãy tha lỗi cho con.
- Chuyện chi vậy?
- Con đã đánh Ngài để xem sự nhẫn nại của Ngài đến đâu.
- Thôi được rồi! Ta tha lỗi cho ông đó.
- Bạch ngài! Nếu Ngài tha lỗi cho con, xin Ngài hãy thọ lãnh vật thực nơi nhà con đi.

Rồi y thỉnh Bát của Ngài. Trưởng lão trao bát cho y. Vị Bà La môn thỉnh Ngài về nhà cúng dường.

Dân chúng bất bình rằng: "Ngài của chúng ta vô lỗi mà bị Bà la môn này đánh, y không thể thoát khỏi gậy gộc được, chúng ta sẽ giết y tại nơi đó."

Rồi cầm đá, gậy... Núp ở cửa nhà Bà la môn. Trưởng lão đứng lên trao bát cho Bà la môn. Dân chúng thấy vị Bà la môn ấy đi với Trưởng lão mới bạch rằng:

- Xin Ngài hãy nhận bát lại, để Bà la môn ấy trở về.
- Này các cận sự, chuyện chi vậy?
- (Vị) Bà la môn này đã đánh Ngài, nên chúng con sẽ trị hắn.
- Thế các người bị đánh hay ta bị đánh?
- Thưa Ngài bị gã đánh.

Bà la môn này đánh ta và đã sám hối với ta rồi, Vậy các người hãy về đi.

Khi Ngài bảo họ và Bà la môn về rồi, Ngài trở về Tinh xá, chư Tỳ khuru tán thán rằng:

- Thế này là thế nào? Ngài Sāriputta đã bị Bà la môn ấy đánh mà còn nhận vật thực tại nhà của họ. Như vậy, kể từ nay chư Tỳ khuru sẽ tiếp tục bị Bà la môn đánh.

Bậc Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Này chư tỳ khuru! Các người đang bàn luận về câu chuyện gì thế?

Chư tỳ khuru trình lên đức Thế Tôn câu chuyện ấy, Ngài phán rằng:

- Này các tỳ khuru! Bà la môn không hãm hại Bà la môn. Nhưng Bà la môn tu sĩ sẽ bị Bà la môn cư sĩ hãm hại. Và Bậc A Na Hàm đạo đã sát tuyệt sân hận rồi.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ rằng:

389- "Na brāhmaṇassa pahareyya

N'āssa muñcetha brāhmaṇo

Dhī brāhmaṇassa hantāraṃ

Tato dhī yassa muñcati"

390- "Na brāhmaṇassa etadakiñci seyyo

Yadā nisedho manaso piyehi

Yatoyato hiṃsamano nivattati

Tato tato sammatimeva dukkhaṃ."

-*"Chớ đập Bà la môn*

Bà la môn chớ có

Buông thả trả đũa lại

Đập Phạm Chí đáng hổ

Bà la môn buông thả

Trả đũa lại hổ hơn" (389)

-*"Đối với vị Bà la môn*

Đây không phải là ít nhỏ

Khi ý không ái luyến

Tâm lại được chân đứng

Chỉ khi thấy khổ diệt"

(HT. TMC)

CHÚ THÍCH:

Pahareyya nghĩa là Bà la Môn Vô Lậu biết rằng: "Ta là (Vô lậu), không còn hãm hại Bà la Môn Vô Lậu hay Bà la môn khác".

Nāssa muñcetha là vị Bà la Môn Vô Lậu dù bị họ đánh đập cũng không cột oan trái với họ, tức là cũng không sân hận với người đánh mình.

Dhī brāhmaṇassa nghĩa là ta chỉ trích Bà la Môn đánh đập Bà la môn Vô Lậu.

Tato dhi nghĩa là người nào đánh lại người đánh mình gọi là cột oan trái với họ, ta chỉ trích người cột oan trái đó (người bị đánh) hơn là người đánh đập ấy.

Etadakiñci seyyo Nghĩa là đối với Bậc Vô Lậu nào không lăng mạ lại người lăng mạ mình hay không hãm hại lại người hãm hại mình sự không lăng mạ lại và sự không hãm hại lại mà điều cao thượng vô cùng đối với vị Bà La Môn Vô Lậu ấy.

Yadānisedho manaso piyehi nghĩa là sự phát khởi sân hận gọi là cảnh thương yêu của tâm (Theo ý chúng tôi, kệ ngôn Na brāhamaṇassetadakiñci deyyo nghĩa là pháp sanh khởi trong tâm thuộc về sân hận, nghĩa là pháp thương yêu trong kệ ngôn. Vị Bà la môn thích cột oan trái là do pháp thương yêu đồng lực đó. Không chế ngự tâm ra khỏi pháp thương yêu là không cao quý, là tiếp trợ oan trái đối với ngu nhân). Đối với người thường hay sân. Người hay sân thường tà hạnh với cha mẹ

và đức Phật.... Cũng do ảnh hưởng cảnh yêu thương đó. Do vậy, sự chế ngự tâm ra khỏi cảnh yêu thương đó tức là áp chế tâm sân ấy được chấm dứt do Đạo A na Hàm.

Tato tato nghĩa là sự chấm dứt từ vật ấy, tức là chấm dứt khổ luân hồi.

Dứt kệ ngôn, nhiều người chứng đạt Thánh Quả.

DÚT TÍCH: TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 8- TRƯỞNG LÃO NI MAHĀ PAJĀPATIGOTAMĪ

(PC. 391)

"Yassa kāyena vācāya...". Kệ ngôn này được đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, để cập đến Trưởng Lão ni Mahā Pajāpatigotamī

Tương truyền rằng: Trưởng lão ni Mahā pajātigotamī cùng tùy tùng thọ trì 8 trọng pháp mà đức Thế Tôn ban hành là:

1- Tỳ khuru ni dầu trăm tuổi hạ cũng phải đành lễ vị tỳ khuru mới xuất gia trong ngày.

2- Tỳ khuru ni phải nhập hạ nơi có tỳ khuru Tăng.

3- Tỳ khuru ni phải hành Uposatha ở lưỡng phái Tăng.

4- Tỳ khuru ni phải hành Pavāranā ở Lưỡng phái Tăng.

5- Tỳ khuru ni phạm trọng pháp phải hành phạt Pakkamānatta ở lưỡng phái Tăng.

6- Học nữ (Sikkhāmānā) phải thọ trì 6 giới trong hai năm liên tục, mới được xuất gia thọ Cụ túc giới trước lưỡng phái Tăng.

7- Tỳ khuru ni không được khiển trách và lăng mạ tỳ khuru Tăng.

8- Tỳ khuru ni không được giáo giới tỳ khuru, chỉ có Tỳ khuru được phép giáo giới tỳ khuru ni.

Bà Gotamī hân hoan thọ lãnh tám trọng pháp như người thích trang điểm nhận lãnh vòng hoa với sự yêu thích quý trọng. Khi thọ Cụ túc rồi, Bà không có Tế Độ Sư và Y chỉ Sư, chư tỳ khuru ni sau này đã nói Bà Gotamī như vậy. Thời gian sau này câu chuyện ấy đã được lan rộng, bàn tán xôn xao rằng:

- Bà Gotamī không có Tế Độ Sư cùng y chỉ Sư, nên Bà không phải là tỳ khuru ni, bà tự động đắp y.

Câu chuyện được bàn tán như thế, chư tỳ khuru ni không chịu hành Uposatha và Pavāranā với Bà. Chư Tỳ Khuru ni bạch sự việc ấy lên đức Như Lai, Ngài phán dạy rằng:

- Nay chư tỳ khuru ni, Tám trọng pháp mà Như Lai ban hành cho Bà Mahā pajāpatigotamī chính là Tế Độ Sư của Bà. Các người chớ có hoài nghi đối với Bạc Vô Lậu, là người đã chấm dứt thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh.

Rồi ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Yassa kāyena vācāya

Manasā natthi dukkatam

Samvutam tīhi thānehi

Tam aham brūmi brāhmaṇam"

- "Với người thân, khẩu ý

Không làm các ác hạnh

Ba nghiệp được phòng hộ

Ta gọi Bà là Môn" (HT. TMC)

CHÚ THÍCH:

Ác nghiệp có quả là khổ, hằng đưa chúng sanh đến khổ cảnh, gọi là dukkatam.

Tīhi t̄hānehi nghĩa là ta gọi người đã phòng hộ các môn không cho ác hạnh như thân ác hạnh... Vào theo ba cửa là Bà la môn.

Dứt pháp thoại nhiều người chúng đạt Thánh quả như là Dự lưu....

XXVI. 9- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

(PC. 392)

"Yamhā dhammaṃ vijāneyya...". Đức Thế Tôn trú tại Jetavana, đề cập đến Trưởng Lão Sāriputta, thuyết lên kệ ngôn này.

Trong truyền rằng: Trưởng lão Sāriputta từ nghi nghe được pháp của Trưởng lão Assaji, Ngài chúng đắc được Dự lưu quả khi vừa nghe dứt hai câu kệ đầu. Và từ đó, mỗi khi biết Trưởng lão ở nơi nào, Ngài Sāriputta thường hướng về Trưởng lão Assaji chấp tay đánh lễ và nằm quay đầu về hướng đó. Chư tỳ khưu bàn luận cùng nhau trong Giảng đường rằng:

- Trưởng lão Sāriputta là người tà kiến, đến như giờ mà vẫn còn đánh lễ các hướng.

Chư tỳ khưu mang vấn đề này trình bạch lên Bạc Đạo Sư. Đức Thế Tôn cho gọi Trưởng lão đến hỏi rằng:

- Này Sāriputta! được nghe rằng người thường đánh lễ các hướng có thật vậy chăng?

- Bạc Thế Tôn! Chỉ có ngài thấu hiểu sự đánh lễ của con ở các hướng, hay không đánh lễ ở các hướng.

Rồi đức Thế Tôn! phán dạy chư tỳ khưu rằng:

- Này chư Tỳ khưu! Sāriputta không đánh lễ các hướng nhưng vì vị ấy được nghe pháp từ Assaji, chúng đạt quả Dự Lưu. Do vậy, vị tỳ khưu nhờ ai được thông suốt Giáo pháp của Như Lai đã thuyết giảng, vị Tỳ khưu ấy phải thành kính tôn thờ người ấy, như Bà la môn hằng tôn thờ thần lửa vậy.

Rồi ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

392-"Yamhā dhammaṃ vijāneyya
Sammāsambuddhadesitaṃ
Sakkaccaṃ taṃ namasseyya
Aggihuttaṃ'va brāhmaṇo"
-"Từ ai nghe Chánh pháp
Bậc Chánh Giác thuyết giảng
Hãy kính lễ vị ấy
Như Phạm Chí thờ lửa" (HT. TMC)

CHÚ THÍCH:

Aggihuttaṃ'va nghĩa là: Nhờ ai ta thông suốt Giáo pháp mà Bạc Toàn Giác đã thuyết giảng, ta phải thành kính tôn thờ vị ấy, giống như là Bà la môn tôn thờ thần lửa bằng cách tế lễ, cúng dường...

Dứt Pháp thoại nhiều người chúng đạt Thánh quả

DỨT TÍCH: CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 10- CHUYỆN BÀ LA MÔN JAṬILA

(PC. 393)

"Na jaṭāhi na gottena...". Đức Đạo Sư khi ngự tại Jetavana, đề cập đến Bà la môn Jāṭila, thuyết lên pháp thoại này.

Được nghe rằng: Bà la Môn Jāṭila suy nghĩ rằng:

- Ta thọ sanh vào dòng Bà la môn, thiện sanh cả phụ mẫu hệ. Nếu Sa môn Gotama gọi đệ tử mình là Bà la Môn, Ngài cũng nên gọi ta như thế mới phải.

Thế là, Bà la Môn ấy đi đến Tinh xá yết kiến đức Thế Tôn xong rồi, trình lên đức Thế Tôn vấn đề này. Ngài phán rằng:

- Nay Bà la môn, ta không gọi Bà la môn do vì thắt bím tóc, hay giai cấp hoặc gia tộc, nhưng ta gọi người thông suốt chơn đế là Bà la môn.

Rồi Ngài tuyên thuyết kệ ngôn rằng:

393- "Na jaṭāhi na gottena
Na jaccā hoti brāhmīo
Yamhi saccañ ca dhammos ca
Sosucī so ca brāhmaṇo"
-*Được gọi Bà la Môn
Không vì đầu bện tóc
Không chủng tộc thọ sanh
Ai thật chơn, chánh, tịnh
Mới gọi Bà la Môn" (HT. TMC)*

CHÚ THÍCH

Saccam... Nghĩa là người nào có Sacca ñāṇa thông suốt Tứ Đế với 16 chi và 9 Pháp Siêu Thế, người ấy là người trong sạch và là Bà la Môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả như Dự Lưu.

DỨT TÍCH: BÀ LA MÔN JAṬILA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 11- BÀ LA MÔN KUHAKA

(PC. 394)

"Kim te jaṭāhi dummedha...". Kệ ngôn này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Kūṭagārasālā, Ngài đề cập đến Bà la Môn Kuhaka, tuyên thuyết lên.

Tương truyền rằng: Bà la Môn Kuhaka treo lên một cái cây, gắn kinh thành Vesālī treo ngược đầu xuống, nói rằng:

- Các người hãy cho ta 100 con bò, hãy cho ta tiền và hãy cho nữ nhân hầu hạ ta. Nếu các người không tuân, ta sẽ rút xuống chết, khiến kinh thành các người sẽ tiêu hoại ngay.

Bấy giờ, đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu đi vào thành khất thực khi trở ra vẫn thấy Bà la môn ấy treo mình như thế. Riêng về dân chúng suy nghĩ:

- Bà La môn này treo mình như thế từ sáng đến giờ, nếu y rút xuống (chết) thì kinh thành sẽ tan nát như lời nguyện của y.

Vì e sợ kinh thành bị tiêu hoại, nên dân chúng chấp nhận yêu cầu của Bà la Môn Kuhaka. Kuhaka được những món y xin, mới chịu bỏ đi

Chư tỳ khưu thấy y đi giống như loài bò gắn Tinh xá, sực nhớ nên hỏi Bà la môn ấy rằng:

- Này Bà la môn, người có được những vật như ý muốn chăng?

- Vâng được rồi.

Chư tỳ khưu bạch trình lên đức Thế Tôn việc này, Ngài phán rằng:

- Này chư tỳ khưu, chẳng phải bây giờ Bà la Môn ấy là người đối trá đâu. Trong quá khứ y cũng đã từng đối trá như thế rồi. Bà la môn ấy chỉ lừa dối được kẻ ngu thôi, chứ trong quá khứ y không thể gạt được người trí.

Chư Tỳ khưu cung thỉnh đức Thế Tôn thuyết giảng Bốn Sanh.

Thời quá khứ, có vị Đạo sĩ đối trá, y sống nhờ một gia đình hộ độ trong làng kāsika. Gia đình ấy xem đạo sĩ như là con ruột trong nhà, dâng vật thực đến y vào buổi sáng. Phần vật thực buổi chiều thì để dành dâng ngay hôm sau.

Một hôm, gia đình ấy bắt được con kỳ đà, nấu thành món canh thượng vị, để dành một phần canh ấy dâng cho y vào ngày hôm sau. Đạo sĩ dùng thịt Kỳ Đà, tâm bị đắm nhiễm vào món ăn ấy, y hỏi rằng: thịt gì thế? Khi biết được đó là thịt kỳ đà, đạo sĩ liền đi khất thực, được bơ sữa cùng những món gia vị như muối... Y đem cất riêng.

Bấy giờ, có con kỳ đà ở trong gò mối gần Tịnh thất, thường kỳ đà đi đến đánh lễ Đạo sĩ trong những thời thích hợp. Ngày hôm ấy, Đạo sĩ suy nghĩ rằng: "Ta sẽ giết con kỳ đà này". Y giấu cây, ngồi lim dim như ngủ cạnh gò mối. Con kỳ đà từ gò mối chui ra, đi đến thấy y có những cử chỉ khả nghi bất thiện, nó suy nghĩ:

- Hôm nay ta không hoan hỷ với hành động của Đạo sĩ này.

Kỳ đà liền quay lại hang, thấy vậy gã đạo sĩ liền ném khúc cây để giết chết kỳ đà, nhưng khúc cây trượt đi, kỳ đà chạy vào hang, đưa đầu ra nói với đạo sĩ rằng: "Ta lầm tưởng ngươi là bậc có sự thu thúc như Sa môn. Nay người kia, người chẳng phải là Sa môn, người đã dùng khúc cây hại ta. Hỡi người kém trí, sự thất bại của người có lợi ích chi? Bên trong ngươi đầy ô uế, nhưng bề ngoài ngươi lại điểm tô rất đẹp."

Thấy âm mưu của mình bị lộ, đạo sĩ dụ dỗ kỳ đà rằng:

- Nay hỡi kỳ đà, ngươi hay chui ra ăn cơm Sāli, dầu, muối, tiêu của ta đầy đủ.

Kỳ đà đáp lại rằng:

- Bấy lâu nay ta ngỡ ngươi là Sa môn, giờ đây ngươi ném khúc cây toan giết ta. Ngươi không phải là Sa môn. Sự thất bại của người thiếu trí như người có lợi ích chi? Sự vận mặc y bằng da nai Jina của người lại khéo điểm trang.

Sau khi thuyết giảng Bốn sanh, đức Thế Tôn phán rằng:

Này chư tỳ khưu! Đạo sĩ ấy nay chính là Bà la môn Kuhala. Kỳ đà có trí nay chính là Đấng Như lai vậy.

Sau khi nhận diện bốn sanh rồi, Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

-*Kim te jaṭāhi dummedha*

Kim te ajinasāṭiyā

Abbhantaram te gahaṇam

Bāhiram parimajjasi"

-*Kẻ ngu có ích gì*

Bện tóc với da dê

Nội tâm toàn phiền não

Ngoài mặt đánh bóng suông" (TMC)

CHÚ THÍCH

Kim te jaṭāhi là hỡi người kém trí, sự thất bại tức ích lợi chi cho ngươi mà ngươi bện, cùng với sự mặc y da dê của ngươi.

Abbhantaram nghĩa là bên trong ngươi còn đầy ô uế như phiền não như ái... Bên ngoài ngươi lại khéo tô điểm như phấn đê, phấn ngựa sơn phết bên ngoài.

DÚT TÍCH: BÀ LA MÔN KUHAKA

XXVI. 12- NÀNG KISĀGOTAMĪ

(PC. 395)

"Paṅsukūladharaṃ jantaṃ...". Kệ ngôn này được đức Thế Tôn trú tại núi Gijjhakūta để cập đến nàng Kisa Gotamī.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, Thiên vương Đế Thích Sakka cùng Thiên Tử tùy tùng đi đến núi Gijjhakūta đánh lễ đức Thế Tôn vào canh đầu. Sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn, Thiên vương cùng tùy tùng ngồi xuống một bên.

Khi ấy, vị tỳ khưu ni Kisāgotamī suy nghĩ rằng: "Ta nên đến đánh lễ Bạc Đạo Sư"

Nàng Kisāgotamī, Thiên Vương đến đánh lễ nàng, rồi quay trở lại bạch hỏi đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị nữ ni ấy là ai thế? vì sao vừa thấy Ngài, vị ấy lại ra về.

- Này Thiên Vương! Đó là Kisāgotamī, con gái của Như Lai. Nàng là người thù thắng nhất trong hàng Tỳ Khưu Ni về hạnh mặc y phấn tảo.

Rồi đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn rằng:

-*Paṅsukūladharaṃ jantuō
Kisaṃ dhammanisanthataṃ
Ekaṃ Vanasmiṃ jhāyantaṃ
Tam ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ*"

-*Người mặc y phấn tảo*

Gầy ốm, lộ mạch gân

Riêng sống tu rừng thiền

Ta gọi Bà la Môn" (395) (HT.TMC)

CHÚ THÍCH

Kisaṃ nghĩa là người mặc y phấn tảo, hành những điều thích hợp với mình, gầy ốm, thân mình lộ gân xanh. Do vậy đức Thế Tôn phán như thế.

Ekaṃ vanasmiṃ nghĩa là ta gọi người hành thiền một mình trong nơi thanh vắng là Bà la Môn.

Dứt pháp thoại nhiều người chứng đạt thánh quả như là Dự lưu.

DÚT TÍCH: NÀNG KISĀ GOTAMĪ

XXVI. 13- CHUYỆN VỊ BÀ LA MÔN

(PC. 396)

"Na c'āhaṃ brāhmaṇaṃ brūmi...". Khi Bạc Đạo Sư ngự tại Jetavana Ngài để cập đến vị Bà la môn, thuyết lên kệ này:

Tương truyền rằng: Bà la môn ấy suy nghĩ rằng:

Sa Môn Gotama gọi đệ tử của Ngài là Bà La môn. Ta cũng sanh từ dòng Bà la môn, Ngài nên gọi ta như vậy mới phải.

Bà la môn ấy đi đến Tinh xá Jetavana đánh lễ đức Thế Tôn xong rồi trình lên Ngài việc đó.

-Này Bà la môn, Như lai không gọi "Bà la môn" chỉ vì thọ sanh từ dòng Bà la môn, người nào đã chằm dứt không còn phiền não không còn chấp thủ, ta gọi người ấy là Bà la môn.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

"Na c'āhaṃ brāhmaṇaṃ brūmi
Yonijaṃ mattisambhavaṃ
Bhov'adi nāma so hoti
Sa ce hoti sakiñcana
Akiñcanaṃ anādānaṃ
Tam ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ"
*"Ta không gọi Phạm Chí
Vì chỗ sanh mẹ sanh
Chỉ được gọi tên suông
Nếu tâm còn phiền não
Không phiền não chấp trước
Ta gọi Bà La Môn". (HT. TMC)*

CHÚ THÍCH

yonijaṃ tức là thọ sanh.

Mattisambhavaṃ nghĩa là người thọ sanh vào thai bào của mẹ là nữ Bà la môn.

Bhovādi nghĩa là câu nói thường dùng cho người thân mến cách xưng hô như thế.. Gọi là Bhovādi. Vì rằng chính y vẫn còn phiền não như ái.. Nhưng ta gọi người đã chấm dứt phiền não như ái. Không còn chấp thủ người ấy là Bà la môn.

Dứt pháp thoại, vị Bà la Môn ấy chúng quả Dự lưu.

DỨT TÍCH: CHUYỆN VỊ BÀ LA MÔN

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 14- NGÀI UGGASENA

(PC. 397)

"Sabbasaṃyo janaṃ hetvā...". Đức Thế Tôn khi ngự tại Veluvana. Ngài đề cập đến con trai Trưởng giả Uggasena, tuyên thuyết lên pháp thoại này.

(Câu chuyện này được giảng rộng trong bài kệ Muñca pūre muñca pacchato.... (PC. 347)

Bấy giờ chư Tỳ khuru ngồi lại giảng đường, bàn luận với nhau về Ngài Uggasena, nói rằng:

- Này hiền giả Uggasena, khi hiền giả từ trên cao phóng xuống, hiền giả có sợ hãi chăng?
- Nay chư hiền, tôi không có sợ hãi.

Chư Tỳ khuru đã trình lên đức Thế Tôn về chuyện ấy:

- Bạch Thế Tôn! Hiền giả Uggasena hay nói rằng: "Ta không có sợ hãi". Chắc vị ấy khoe pháp Thượng nhân với lời phi chân.

- Này Tỳ khuru! Con của Như Lai đã cắt đứt mọi triển phục, không còn sợ hãi nữa.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

397-
"Sabbasaṃyo janaṃ hetvā
Yo ve na paritassati
Saṅgātigaṃ viśaṃyuttaṃ
Taṃ ahaṃ brūhmi brāhmaṇaṃ"
*- "Đoạn hết các kiết sử
Không còn gì lo lắng
Không đả trước buộc ràng
Ta gọi Bà La Môn" (HT. TMC)*

CHÚ THÍCH

Sabbasaṃyo janam̐ tức là thập triển (lo sợi dây trói buộc)

Na paritassati là hằng không sợ hãi do ái.

Tamahaṃ phân tích thành Tam + ahaṃ nghĩa là gọi người đã vượt qua mọi ràng buộc, do đã vượt qua mọi buộc ràng như tham ái... Đã thoát khỏi vì không còn tử kết, người ấy là Bà La Môn.

Đứt pháp thoại nhiều người chứng thánh quả.

DÚT TÍCH NGÀI UGGASENA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 15- CHUYỆN HAI VỊ Bà-La-Môn

(PC. 398)

"Chetvā naddhiṃ varattañ ca...". Kệ ngôn này được đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, để cập đến hai vị Bà La Môn.

Tương truyền rằng: Có hai vị bà la môn, mỗi người có một con bò, tên là Mahāroḥita và Cūlaroḥita.

Một hôm, hai vị Bà-La-Môn ấy gặp nhau, họ tranh cãi nhau:

- Bò ta mạnh hơn bò của người.

Sau một lúc tranh cãi, ai cũng cho bò của mình mạnh hơn. Cả hai đồng ý với nhau rằng:

- Sự tranh cãi như vậy chẳng đưa đến kết quả chi cả. Vậy chúng ta hãy cho hai con bò thử sức với nhau thôi.

Thế là, họ chất đầy xe cát ở bờ sông Acrivatī cho bò kéo đi. Bây giờ, chư tỳ khuru cũng đến sông Acrivatī tắm, thấy hai con bò không thể kéo được xe đi, chỉ có đai da và cương bị đứt cả.

Chư tỳ khuru trở về tịnh xá, bạch trình lên đức Thế Tôn sự việc này. Ngài phán dạy rằng:

- Này chư tỳ khuru! Đai da và các loại dây ấy chỉ là bên ngoài, cũng có người chặt đứt đai da tức sự sân hận và dây tức là ái luyến ở bên trong.

Rồi ngài tuyên thuyết kệ ngôn rằng:

- "Chetvā naddhiṃ varattañ ca
Sandāmaṃ sahanukkhamam̐
Ukkhittapaḷigham̐ buddham̐
Tam̐ aham̐ b̐mi brāhmaṇam̐"

- "*Bỏ đai (Hận), bỏ dây cương (ái)*

Bỏ gậy (tà kiến), đỡ sở thuộc (tùy miên)

Bỏ then chốt (vô minh) sáng suốt

Ta gọi Bà la môn" (HT. TMC)

CHÚ THÍCH:

Nadhiṃ tức là sân hận là vật trói buộc.

Varattam̐ tức là ái, là vật trói buộc.

Sandanam̐ sahanukkhamam̐... Nghĩa là người đã chặt đứt mối nối là 62 tà kiến cùng với những tùy miên, gọi là người đã nhổ bỏ được then chốt, tức là vô minh. Đã giác ngộ Tứ Diệu Đế, người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Đứt thời pháp cả 500 vị tỳ khuru chứng đạt A la hán. Pháp thoại mang lại lợi ích cho thính chúng.

DÚT TÍCH: CHUYỆN HAI VỊ Bà-La-Môn

XXVI. 16- BÀ LA MÔN AKKOSAKA BHĀRADVĀJA

(PC. 399)

"Akkosam vadhabandhañ ca...". Đức Thế Tôn khi trú tại Veluvana, đề cập đến Bà la môn Akkosaka Bhāradvāja, đã thuyết lên kệ ngôn.

Trong truyền rằng: Ba la môn Akkosaka Bhāradvāja có một người anh, người này có người vợ là một Nữ bà la môn đã đắc chứng đạo dự lưu, vợ Bà la môn Bhāradvāja có thói quen tụng niệm danh hiệu đức Thế Tôn mỗi khi bà ho hoặc nhảy mũi. Khi ấy nàng thường niệm: Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.

Một hôm, trong lúc mang vật thực lên cho Bà La Môn ấy, bà bị vấp té, nên giật mình tụng lời niệm ấy. Bà La môn Bhāradvāja tức giận mắng nhiếc bà:

- Con khốn này, lúc nào cũng tán dương sa môn trọc đầu ấy. Giờ đây ta sẽ đến chấp vấn Sa môn ấy, là Bậc Đạo sư của người đây.

- Này ông! Ông hãy đi đi, tôi chưa bao giờ thấy ai có thể chấp vấn với đức Đạo sư được. Ông hãy đi chấp vấn đức Thế tôn đi.

Bà La môn ấy đi đến Tinh xá, đánh lễ đức Thế Tôn xong rồi, đứng một bên chất vấn Ngài rằng:

- "Người diệt được chi gọi là sống an lạc? Diệt được vật chi mới không sầu muộn. Thưa sa môn Gotama, Ngài thường tán tụng pháp chi nhất?

- "Này ba la môn! Người diệt được sân hận sống an lạc. Diệt được sân hận sống không sầu muộn. Này bà la môn bậc Thánh hằng tán thán sự diệt được sân hận, sân hận có rễ là độc, có ngọn là vị ngọt. Người đã trừ được sân hận, không còn sầu muộn.

Nghe được pháp âm của đức Thế tôn, Bà la môn phát sanh tịnh tín và xin xuất gia với bậc Đạo sư. Chẳng bao lâu ông tinh cần hành pháp chứng đắc quả vị A la hán.

Bây giờ nghe tin anh mình đi xuất gia, Bà la môn Akkosaka (người em) cùng với người em kế bất bình đi đến Tinh xá Jetavana lăng mạ đức Thế Tôn bằng lời nói thô tục. Và y cùng với người em kế cũng được đức Đạo Sư nhiếp phục và tế độ bằng ví dụ đem dãi khách. Y tịnh tín xin xuất gia với bậc Đạo sư và về sau tinh cần hành pháp cũng chứng đạt A la hán quả.

Akkosaka còn có hai người em nữa là Sundarika và Balanka cũng lăng mạ đức Thế Tôn như vậy, cả hai cũng được Ngài tế độ, rồi họ cũng được xuất gia trong giáo pháp của Ngài và chứng đạt A la hán quả.

Một hôm, chư tỳ khưu ngồi lại giảng đường bàn luận với nhau rằng:

- Này chư hiền, ân đức Phật thật là thù diệu. Cả bốn anh em Bà la môn ấy lăng mạ Ngài, Ngài vẫn an nhiên trái lại Ngài còn tế độ, là nơi nương nhờ cho các vị bà la môn ấy.

Đức Thế Tôn ngự đến phán hỏi rằng:

- Này các tỳ khưu! các người đang bàn luận về vấn đề gì?

Chư tỳ khưu trình lên đức Thế Tôn vấn đề đang bàn luận.

- Này chư tỳ khưu! Như Lai không ác hại với người ác hại. Vì Như Lai có đủ sức mạnh là sự nhẫn nại, thường là nơi nương nhờ của đại chúng thật sự.

Rồi ngài thuyết lên kệ ngôn:

- "Akkosam vadhabandhañ ca
Aduṭṭho yo titikkhati
Khantibalam bālāṇikam
Tam aham brūmi brāmaṇam"
- "*Không ác ý nhẫn chịu
Phỉ báng, đánh, phạt hình
Lấy nhẫn làm quân lực
Ta gọi là Bà la môn*" (HT. TMC)

CHÚ THÍCH:

Aduṭṭho... Nghĩa là người nào tâm sân hận, chịu đựng lời lăng mạ và lời đã kích với lo sợ đánh đập bằng tay... Hoặc sự hình phạt bằng gông xiềng. Người lấy nhẫn nại làm sức mạnh, do có sự nhẫn nại, là sức mạnh người ấy có được quân lực tối thắng, người ấy như Lai gọi là Bà la môn

Dứt pháp thoại nhiều người chúng đạt thánh quả.

DỨT TÍCH BA LA MÔN AKKOSAKABHĀRADVĀJA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 17- TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

(PC. 400)

"Akkodhanam vatavantam...". Kệ ngôn này được đức Đạo sư thuyết ra khi ngài ngự tại Veluvana, đề cập đến Trưởng lão Sāriputta.

Tương truyền rằng: Khi Trưởng lão cùng với 500 tỳ khưu tùy tùng một hôm đến nhà của mình để khát thực ở làng Nālaka.

Thân mẫu của Trưởng lão Sāriputta đã cung thỉnh chư tỳ khưu tằng vào ngôi trong tư gia, trong lúc cúng dường vật thực đã trách mắng Trưởng lão rằng:

- Con chỉ được toàn những vật thực dư thừa, cơm nước dư thừa, loại vật thực dính nơi đáy nồi của người mà thôi. Con đã từ chối 80 koti tài sản để đi xuất gia, cũng vì con mà ta bị phá sản, nầy con! Con hãy ăn đi.

Trong lúc bà dâng vật thực đến chư tỳ khưu, đã trách mắng các ngài rằng:

- Con của tôi bị các ông quyến rũ, nầy các ông hãy ăn đi.

Trưởng lão cùng với chư tỳ khưu nhận vật thực xong rồi, yên lặng trở về Tịnh xá.

Và Ngài Rāhula dâng vật thực lên đức Thế Tôn, Ngài phán hỏi rằng:

- Nầy Rāhula (hôm nay) ngươi đi khát thực nơi nào vậy?

- Bạch Thế Tôn, hôm nay chúng con đi khát thực nơi nhà thân mẫu tế độ sư của con.

- Thế thì Thầy Tế Độ của con có bị nói chi chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Tế Độ Sư của con bị bà thân mẫu mắng.

- Thầy của con bị trách như thế nào? - Bạch Thế Tôn! Bị mắng như thế nầy như thế nầy.

- Thầy của con đã nói như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Chẳng nói chi cả, Ngài chỉ im lặng mà thôi.

Thế rồi, chư tỳ khưu đã bàn luận về sự kiện ấy nơi giảng đường rằng:

- Nầy chư hiền! ân đức của Trưởng lão Sāriputta thật kỳ diệu thay, dù thân mẫu Ngài có mắng trách như vậy. Ngài cũng chẳng mảy may bất bình.

Đức Thế Tôn đi đến phán hỏi rằng:

- Nầy chư tỳ khưu! Các người đang bàn luận về vấn đề gì?

Chư tỳ khưu trình lên đức Thế Tôn vấn đề ấy. Ngài phán rằng:

- Nầy chư tỳ khưu! Lễ thường Bạc Vô Lậu không còn sân hận chi cả. Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

"Akkodhanam vatavantam

Silavantam anussutam

Dantam antimasariram

Tam aham brumi brahmanam"

"Không hận, hết bốn phận

Trì giới không tham ái

*Nhiếp phục thân cuối cùng
Ta gọi Bà la môn" (HT. TMC)*

CHÚ THÍCH:

Vattavataṃ... Nghĩa là người làm tròn phận sự là hạnh đầu đà có tứ thanh tịnh giới là giới hạnh. Gọi là đã chấm dứt ái dục, vì đã thoát ra khỏi ái. Gọi là người điều luyện bởi nhiếp phục được các căn. Gọi là người mang thân xác cuối cùng vì không còn sanh tử nữa, người ấy Như lai gọi là Bà la môn.

Dứt kệ ngôn nhiều người chứng đạt thánh quả.

DỨT TÍCH: TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

DỊCH GIẢ CĂN ĐỀ

XXVI. 18- TRƯỞNG LÃO NI UPPALAVANNA

(PC. 401)

"Vāripokkarapatt'eva...". Kệ ngôn này được Đức Đạo sư thuyết ra khi Ngài ngự nơi Jetavana, để cập đến bà Uppalavanna.

Chuyện này được giải rộng trong kệ ngôn: "Madduvā muññāti bālo..." (Pháp cú 69)

Giảng thêm chi tiết rằng: thời gian sau, chư tỳ khuru ngồi tại giảng đường, bàn luận cùng nhau rằng:

- Này chư hiền, đến bậc Vô lậu mà còn thọ hưởng ngũ dục nữa, điều này có thật như thế chăng? Sao lại không chứ, vì các Ngài không phải vô tri giác, không phải là cây cỏ, gò mối, cây đá chi. Da thịt vẫn còn tươi tốt do vậy các vị vô lậu vẫn còn thọ hưởng dục lạc.

Đức Đạo sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Này chư tỳ khuru! Các người đang bàn luận về vấn đề chi thế?

Chư Tỳ khuru trình lên ngài vấn đề đang bàn luận, Ngài dạy rằng:

- Này chư tỳ khuru, Bậc vô lậu hằng không thích trong dục lạc, không thọ hưởng dục lạc, giống như giọt nước không thể dính trên lá sen được. Hoặc ví như hạt cải không thể dính trên đầu mũi kim được như thế nào, cả hai loại dục không thể dính mắc trong tâm của bậc vô lậu như thế ấy.

Rồi ngài tuyên thuyết kệ ngôn rằng:

- "Vāripokkharapatteva
Āraggeriva sāsapo
Yo na limpati kāmesu
Tam ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ"
- "*Như nước trên lá sen
Như hạt cải đầu kim
Người không nhiễm ái dục
Ta gọi Bà la môn*"
(HT. TMC)

CHÚ THÍCH:

Yo na limpati... Nghĩa là người tâm không dính mắc trong hai loại dục, tức là không luyến ái theo dục lạc như thế. Như Lai gọi người ấy là Bà la môn. Dứt pháp thoại nhiều người chứng đạt thánh quả.

DỨT TÍCH: TRƯỞNG LÃO NI UPPALAVANNA

XXVI. 19- CHUYỆN MỘT VỊ BÀ-LA-MÔN

(PC. 402)

"Yo dukkhassa pajānāti...". Kệ ngôn này được Đức Đạo sư thuyết ra khi ngài ngự tại Jetavana để cập đến vị Bà-La-Môn.

Tương truyền rằng: Khi đức Thế Tôn chưa ban hành giới luật chế định, có một người nô lệ của vị Bà-La-Môn, y trốn chủ xin được xuất gia trong giáo pháp của Đấng chánh Đẳng chánh giác và vị Trưởng lão ấy chứng đạt quả vị vô lậu. Vị Bà-La-Môn ấy tìm kiếm người nô lệ của mình nhưng không gặp.

Một hôm Bà-La-Môn ấy thấy được vị Trưởng lão đang đi khát thực với đức Thế Tôn, y liền chạy đến nắm lấy y của Trưởng lão kéo lại. Đức Thế Tôn quay lại phán hỏi:

- Này Bà la môn, chuyện gì thế?
- Thưa Sa môn Gotama, vị tỳ khưu này là nô lệ của tôi.
- Này bà la môn, vị tỳ khưu ấy đã đặt gánh nặng xuống rồi.

Nghe đức Thế Tôn bảo "đã đặt gánh nặng xuống rồi" Bà la môn ấy biết rằng:

- Thưa sa môn Gotama có thật vậy chăng?
- Thật vậy, này Bà la môn vị ấy đã thành đạt mục đích Phạm hạnh rồi.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Yo dukkhassa pajānāti
Idh'eva khayam attano
Pannabhāram visamyuttam
Tam aham brūmi brāhmaṇam"

- "Ai tự trên đời này
Giác khổ diệt trừ khổ
Bỏ gánh nặng giải thoát
Ta gọi là Bà la môn"

(HT. TMC)

CHÚ THÍCH:

Dukkha là khổ uẩn

Pannabhāram... Nghĩa là: Người đã đặt gánh nặng xuống tức là (gánh nặng ngũ ấm) và siêu thoát khỏi tứ kết hay tất cả phiền não, người ấy ta gọi là Bà la môn.

Dứt pháp thoại bà la môn chứng đạt quả Dự lưu.

DỨT TÍCH:CHUYỆN MỘT VỊ BÀ-LA-MÔN

XXVI. 20- TRƯỞNG LÃO NI KHEMĀ

(PC. 403)

"Gambhirāpaññam medhaviṃ...". Đức Thế Tôn ngự tại Gijhakūṭa, đề cập đến Trưởng lão Ni Khenā thuyết lên pháp thoại này.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, Thiên Vương Đế Thích cùng chư Thiên tùy tùng đi đến yết kiến đức Thế Tôn vào cuối canh đầu sau khi đánh lễ Bậc Đạo Sư rồi, cùng Thiên chúng ngồi vào một bên.

Bây giờ, Tỳ khưu Ni Khemā suy nghĩ rằng: - Ta sẽ đến yết kiến Bạc Đạo sư. Trưởng Lão Ni đi đến đứng trên hư không, thấy thiên chúng đang tụ hội quanh Thế Tôn, Trưởng lão Ni Khemā đành lễ đức Thế Tôn xong rồi quay về.

Đức thiên Vương thấy Trưởng lão ni Khemā bạch hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Vị nữ Ni ấy là ai thế? Đứng trên hư không đánh lễ ngài rồi quay về ấy.

- Này Thiên vương! Đó là tỳ khưu Ni Khemā con gái của Như Lai có nhiều trí tuệ, thấu hiểu đạo và phi đạo.

Rồi ngài nói lên kệ ngôn rằng:

- "Gambhirāpaññaṃ medhāviṃ

Maggāmagga kovidāṃ

Uttamatthāṃ anuppattāṃ

Tam ahaṃ bhūmi brāhmāṇāṃ"

- "Người trí tuệ sâu xa

Biết rõ đạo, phi đạo

Chúng đạt đích vô thượng

Ta gọi Bà la môn" (HT. TMC)

CHÚ THÍCH:

Gambhirāpaññaṃ... Là người có trí tuệ thâm sâu, biết rõ sự diễn tiến các pháp như uẩn xứ... Là người có trí tuệ sáng chói trong pháp, gọi là người thấu hiểu Đạo và phi đạo, tức là biết rõ đây là đường dẫn đến Níp bàn. Đây là đạo, đây là phi đạo. Người đã thành đạt được lợi ích tối thượng tức là A la hán người ấy như ai gọi là Bà la môn.

DỨT TÍCH TỖ KHƯU NI KHEMĀ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 21- TRƯỞNG LÃO TISSA NGỤ TRONG NÚI

(PC. 404)

"Nidhāya daṇḍam bhūtesu...". Kệ ngôn này được đức Thế Tôn thuyết ra, khi Ngài ngụ tại Jetavana, để cập đến Trưởng lão Tissa.

Tương truyền rằng: Trưởng lão Tissa sau khi học thông thạo đề mục nghiệp xứ với đức Thế Tôn rồi, Ngài đi sâu vào rừng núi, tìm nơi thích hợp để hành Phạm Hạnh pháp. Ngài tìm được một hang núi thích hợp với mình, vì khi đến nơi ấy, tâm của Ngài đạt được sự thanh tịnh, Trưởng lão suy nghĩ:

- Ta sẽ ở đây hành Sa Môn Pháp của mình. Nơi hang núi ấy có một vị Thiên nhân trú ngụ, suy nghĩ:

- Vị tỳ khưu này là người có Giới hạnh, nếu ta ngụ chung với Ngài thì bất tiện cho ta lắm. Vị tỳ khưu này ngụ nơi đây có lẽ chỉ một đêm rồi đi.

Sáng hôm sau, Trưởng lão Tissa đi vào làng khát thực, một tín nữ trông thấy Trưởng lão, đã phát sanh niềm thương mến như con của mình, thỉnh Trưởng lão vào nhà cúng dường vật thực, rồi thỉnh cầu rằng:

- Bạch Ngài! xin Ngài hãy nhận vật thực nơi đây trọn ba tháng

Trưởng lão Tissa nghĩ rằng:

- Nhờ sự hộ độ của tín nữ này, ta sẽ an tâm thực hành để đạt đến giải thoát pháp.

Và Trưởng lão nhận lời thỉnh cầu ấy.

Vị Thiên nhân thấy Trưởng lão trở về hang núi, khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Hẳn là có ai đã thỉnh Ngài ở lại, có lẽ nay mai Ngài sẽ đi thôi.

Đến khoảng nửa tháng sau, vị Thiên Nhân vẫn thấy Trưởng lão ấy, liền suy nghĩ:

- Có lẽ Trưởng lão nảy trứ ngụ nơi đây cho hết mùa mưa chẳng?

Nếu như thế sẽ bất tiện cho mẹ con ta, vì ta không thể ngụ sống chung với người có Giới hạnh được, mà ta cũng không thể xua đuổi vị ấy với lời lẽ rằng: "Xin thỉnh Ngài đi nơi khác". Chẳng hay Giới của vị ấy có được thanh tịnh chẳng?

Thiên nhân dùng Thiên nhãn thấy được Giới hạnh của Ngài Tissa thanh tịnh, kể từ ngày thọ trì cụ túc Giới. Y suy nghĩ: "Ta sẽ tìm cơ hội phá hoại Giới của vị này."

Thiên nhân ấy liền đi đến nơi nhà người tín nữ hộ độ cho Trưởng lão, nhập vào đưa bé là con trai lớn của tín nữ ấy, làm cho hai mắt lòi ra, nước dãi chảy ra từ hai khe miệng, đưa bé đau khổ vô cùng. Nàng tín nữ ấy hoảng hốt sâu muộn than khóc rằng:

Vì sao con tôi như thế này vậy?

Bây giờ vị Thiên nhân hiện ra nói với nàng rằng:

- Con của nàng bị ta bắt rồi. Nhưng nếu nàng muốn con nàng khỏi, phải nghe theo lời ta. Ta chẳng cần lễ vật gì nơi nàng cả, chỉ cần nàng xin Trưởng lão Tissa lấy nước cam thảo để chữa bệnh cho con mình. Đem cam thảo ấy về rang với dầu và cho nó nguội, nếu như thế ta mới tha mạng cho con nàng.

- Thừa cô, dầu có chết đi nữa tôi cũng không thể xin vị ấy cam thảo được đâu.
- Nếu nàng không xin được cam thảo thì hãy xin bột A Quý để nhỏ vào mũi nó.
- Tôi cũng không thể xin được vật ấy nơi Trưởng lão.
- Nếu vậy, hãy xin nước rửa chân của Trưởng lão rồi gội đầu đưa bé.
- Nếu thế tôi có thể làm được.

Khi Trưởng lão đi đến thọ thực, tín nữ ấy sau khi cúng dường vật thực, đã bạch rằng:

- Bạch Ngài, con sẽ lấy nước rửa chân của Ngài để gội đầu cho đứa bé.

Được Trưởng lão cho phép, nàng gội đầu cho con mình, vị thiên nhân xuất ra khỏi đứa bé trở nên mạnh khỏe như xưa. Thiên nhân trở về đứng trước cửa hang, Trưởng lão thọ thực xong, trở về hang Trưởng lão hằng trì tụng các thể trước, chuyên chú trong nghiệp xứ của mình. Vừa đến cửa hang, Thiên Nhân hiện ra nói với Trưởng lão rằng:

- Này thầy lương y, Ngài chớ nên đi vào nơi đây nữa.
- Nàng là ai?
- Tôi là thiên nhân ngụ tại nơi đây.

Trưởng lão Tissa suy nghĩ: "Ta đâu làm thầy thuốc". Rồi Ngài quán xét Giới hạnh của mình kể từ ngày thọ cụ túc Giới tới nay, thấy hoàn toàn thanh tịnh, không bị lấm nhơ, nên trả lời với Thiên nhân rằng:

- Này Thiên nhân, ta không thấy chỗ nào ta đã làm Thầy thuốc cả, duyên có chi ngươi lại nói thế?
- Ngài không thấy điều này sao?
- Đúng vậy.
- Tôi sẽ cho Ngài biết điều này thôi.
- Ngươi cứ nói đi.
- Tôi không nói điều xa xôi chi, hôm nay có phải Ngài đã cho nước rửa chân đến con trai người hộ độ Ngài bị phi nhân nhập vào để gội đầu cho nó.
- Này thiên nhân thật như vậy.
- Bạch Ngài! Đó (Chính là) thầy thuốc còn gì nữa?
- Này thiên nhân, ngươi cho rằng điều ấy là thầy thuốc sao?

Rồi Trưởng lão quán xét, suy nghĩ rằng:

- Ôi! Ta đã thật khéo an trú, ta đã thực hành chân chính với Giáo Pháp thật sự. Ngay cả thiên nhân này cũng không thấy được điểm lấm nhơ, chỉ thấy ta cho nước rửa chân để gội đầu cho đứa bé thôi.

Do quán xét đến giới hạnh của mình như thế, Trưởng lão Tissa phát sanh hỷ lạc, khi đình chỉ phỉ lạc, ngài chứng đạt quả vị A la hán chính tại nơi đó. Khi chân chưa rời khỏi vị trí, Ngài thốt lên rằng:

- Này Thiên nhân, người đã ác hại đến vị sa môn như ta, người chớ nên ở lại nơi này nữa, người hãy rời khỏi khu rừng già này đi.

Trưởng lão nói lên kệ ngôn rằng:

- Sự sống của ta thật trong sạch người chớ ác hại ta, là người vô uế, người có giới hạnh, người trong sạch, người hãy ra khỏi khu rừng già này đi.

Trưởng lão đã trú ngụ nơi ấy trọn ba tháng, khi mãn mùa an cư Ngài trở về yết kiến đức Thế Tôn, chư Tỷ khuru hỏi Ngài rằng:

- Này Hiền giả, phạm sự xuất gia Hiền giả đã hoàn thành chưa?

Trưởng giả Tissa thuật lại đầu đuôi câu chuyện từ khi đang nhập hạ hang núi ấy. Chư tỷ khuru hỏi rằng:

- Này Hiền giả! Khi thiên nhân ấy nói như vậy, Hiền giả không giận sao.

- Này chư hiền, tôi không giận.

Chư tỷ khuru bạch lên Đấng Thế Tôn câu chuyện này rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị tỷ khuru ấy nói không đúng sự thật. Sự thật không như lời vị ấy nói. Dù vị thiên nhân ấy nói như thế, vị ấy bảo rằng: "Ta không có giận".

- Này chư tỷ khuru! Thật vậy, con Như Lai không còn giận nữa, vì đã thoát ra khỏi sự dính mắc của hàng tại gia lẫn xuất gia. Con Như Lai không có sự dính mắc đâu, đã thiếu dục tri túc.

Rồi Ngài nói kệ ngôn rằng:

404 -"Asaṃsaṭṭhaṃ gahaṭṭhehi

Anāgārehi cūbhayaṃ

Anokasāriṃ appicchaṃ

Tam ahaṃ brūmi brāhmaṇa"

- "*Không liên hệ cả hai*

Xuất gia và thế tục

Sống độc thân ít dục

Ta gọi Bà la Môn" (HT. TMC)

CHÚ THÍCH:

Asaṃsaṭṭhaṃ nghĩa là người không dính mắc với sự nhìn, sự nghe, sự bàn luận, sự thọ dụng, và sự tự thân.

Ubhayaṃ là người vô dính mắc cả hai hạng: Tại gia và xuất gia.

Anokasāriṃ là người du hành không luyến ái. Người ấy ta gọi là Bà la môn.

Dứt pháp thoại nhiều người chứng đạt thánh quả như là Dự Lưu.

DỨT TÍCH: TRƯỞNG LÃO TISSA NGỰ TRONG NÚI

XXVI. 22- CHUYỆN NHIỀU VỊ TỖ KHUU

(PC. 405)

"Nidhāya daṇḍam bhūtesu...". Kệ ngôn này được đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến vị Tỳ Khưu,

Tương truyền rằng: Có vị tỳ khưu học để mục Nghiệp xứ nơi Bạc Đạo Sư, chuyên cần hành trì Pháp môn cho đến khi chúng đắc được quả vị A La Hán. Ngài suy nghĩ:

- Ta sẽ trình lên đức Thế Tôn Pháp mà ta đã chúng đắc, thành đạt.

Ngài rời khỏi khu rừng, du hành về Tinh xá để yết kiến đức Đạo Sư. Bấy giờ có nàng thiếu nữ trong làng có sự cãi vã với chồng, nhân lúc vắng chồng nàng trốn về với cha mẹ ruột. Trên đường đi về gia đình cha mẹ ruột, trông thấy Trưởng Lão đi trên đường ấy, nàng suy nghĩ: "Ta hãy đi theo sau vị này". Rồi nàng đi theo phía sau, nhưng Trưởng lão không hề hay biết. Người chồng trở về nhà thấy vắng vợ, biết rằng: "Nàng đã trốn về với cha mẹ ruột" liền đi tìm vợ và suy nghĩ rằng: "Nữ nhân như vợ ta không thể can đảm băng qua khu rừng này đâu, hẳn phải có người hướng đạo cho nàng". Y rượt theo kịp vợ, trông thấy vị Sa Môn liền suy nghĩ:

- Vị Sa môn này, đã hướng dẫn nàng ta đi trốn.

Y liền phản bộ với Trưởng Lão, nàng ấy liền bảo chồng rằng:

- Này ông vị sa Môn này chẳng quyến rũ chi tôi, Ngài cũng chẳng hay biết tôi đi theo Ngài, ông chớ nên xúc phạm đến Ngài. Đang con phần nợ, chồng nàng bắt kể lời nàng, nói rằng:

- Nếu người không chỉ ai là người quyến rũ người, dẫn người đi. Ta sẽ trừng trị gã Sa môn này.

Rồi tức giận với vợ, y đã đánh đập Trưởng Lão ấy, rồi dẫn vợ trở về,

Toàn thân Trưởng Lão sưng phù lên. Khi về đến Tinh Xá, chư Tỳ khưu đấm bóp, xoa tay chân cho Ngài, thấy như vậy đã hỏi rằng:

- Bạch Ngài! Vì sao như thế này?

- Trưởng lão thuật lại câu chuyện cho chư Tỳ khưu nghe rằng:

- Thừa Tôn giả, khi người ta đánh đập Tôn giả như thế, Tôn giả đã nói như thế nào? và có phiền hận chi chăng?

- Này chư hiền! Tôi chẳng có sự phiền hận đâu.

Chư Tỳ khưu cho rằng Trưởng Lão khoe pháp Bạc Thượng nhân, nên trình bạch lên đức Thế Tôn câu chuyện ấy rằng:

- Bạch thế Tôn! Chúng con hỏi vị ấy rằng: "Tôn giả không có phiền hận sao?". Vị ấy trả lời: "Này chư tỳ khưu! Tôi không có phiền hận". Vị ấy đã nói không thật, không đúng với sự thật. Bạc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Này chư Tỳ KHUU! thật thế, lẽ thường Bạc Vô Lậu đã từ bỏ gậy gộc, không sân hận với người ác hại mình.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

405.

- "Nidhāya daṇḍam bhūtesu

Tasesu thāvaresu ca

Yo na hanti na ghātehi

Tam ahaṃ brūmi brāhmaṇam"

- "*Bỏ trượng đối chúng sanh*

Yếu kém hay kiên cường

Không giết không bảo giết

Ta gọi Ba la môn" (HT. TMC)

CHÚ THÍCH:

Nidhāya tức là đã rời bỏ.

Tasesu thāvaresu ca nghĩa là rúng động vì bị sức mạnh của ái lôi cuốn. Gọi là vững chắc vì đã thoát ly ái.

Yo na hanti... Là người nào đã rời bỏ gây gộc vì đã đoạn tận sự hiểm kỵ đối với tất cả chúng sanh như vậy, không tự giết cũng không bảo người khác giết bất luận một chúng sanh nào, ta gọi người ấy là Ba La Môn.

Dứt pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.

DỨT TÍCH: CHUYỆN VỊ TỀ KHUU

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 23- CÁC SA DI

(PC. 406)

"Avīruddham viruddhesu...". Kệ ngôn này được đức thế Tôn thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến các vị Sa di.

Trương truyền rằng: Có một nữ Bà La môn được nghe pháp rồi phát tâm tịnh tín, thỉnh bốn vị Tỳ khưu đến thọ thực tại tư gia của mình. Khi sắp đặt vật thực rồi, bà bảo chồng rằng:

- Này ông! Hãy đến Tinh xá thỉnh bốn vị Tỳ khưu.

Ông Bà la môn đến Tinh xá bạch thỉnh rằng:

Xin Ngài hãy cho đến tôi bốn vị Tỳ Khưu.

Và chư Tăng đã sắp xếp cho bốn vị Vô Lậu là Sa di Saṅkicca, Paṇḍita, Sopāka và Revata đi đến nhà của Bà la môn ấy.

Nói về Bà la môn sau khi sắp đặt vật thực xong rồi, sửa soạn nơi ngồi trang trọng, khi trông thấy bốn vị Sa di đến, bà buồn phiền than vãn, luôn lăm bắm với những lời đay nghiến chồng rằng:

- Ông đến Tinh Xá mà thỉnh bốn vị Sa Môn trẻ tuổi như thế này à.

Những vị này tuổi đáng cháu mình, ông thỉnh như vậy thật là bất xứng với chúng ta quá.

Bà không cung thỉnh các vị ấy vào nơi được soạn sẵn, chỉ trải một chỗ thấp hơn, nói rằng:

- Xin mời các vị hãy ngồi chỗ này rồi bảo chồng rằng:

- Ông hãy đến Tinh Xá thỉnh cho được các vị Trưởng Lão đi.

Ông Bà la môn đến Tinh Xá, tìm gặp được Trưởng Lão Sāriputta bạch rằng: "Xin thỉnh Ngài đến nhà của tôi đi".

Trưởng lão đi đến thấy bốn vị Sa di đang ngồi nơi ấy, hỏi rằng:

- Các vị được vật thực chưa?

- Bạch Ngài, sẽ được thôi.

Trưởng Lão biết rằng vật thực ấy chỉ đủ dùng cho bốn vị, Ngài liền bảo rằng:

- Hãy trao bát cho tôi.

Rồi Ngài từ giả ra đi, bà vợ hỏi rằng: "Trưởng Lão nói chi thế?"

- Có lẽ Ngài đợi các vị Sa môn này được vật thực rồi Ngài mới thọ lãnh, Ngài bảo đưa bát lại cho Ngài, và đã ra đi rồi.

- Trưởng Lão thấy như vậy nên không muốn thọ vật thực nữa. Vậy ông hãy đi tìm vị Trưởng Lão khác đi.

Ông Bà la môn đi tìm, gặp được Trưởng Lão Moggallāna cũng cung thỉnh như thế và Ngài Moggallāna đến thấy các vị Sa di, Ngài cũng hỏi và nhận lại bát mình mà ra đi. Bà vợ lại bảo chồng rằng:

- Các vị Sa môn không nhận được vật thực chi từ sáng đến giờ rồi, vậy ông hãy đến đền thờ Bà la môn, thỉnh vị Bà la môn về đi.

Nói về các vị Sa di, tuy từ sáng sớm đến trưa chưa nhận được vật thực, bị con đói áp chế nhưng các Ngài vẫn kham nhẫn chịu đựng chẳng nói lên tiếng chi cả.

Bấy giờ, trên Thiên Cung Đạo Lợi, ngôi Bảo Toạ Paṇḍukambala nóng rực lên do oai lực của Bốn vị Thánh Vô Lậu. Đức Đế Thích dùng thiên Nhân quán xét, biết được rằng:

- Các vị Sa di đang chịu đói từ sáng đến giờ này.

Ngài suy nghĩ: "Ta nên đến đó làm tỏ rạng oai lực của các các vị ấy". Thiên vương Đế Thích liền hoá thân thành Lão Bà la môn ngồi ở nơi trang trọng nhất trong đền thờ đó. Ông Bà la môn đi đến, trông thấy đức Đế Thích khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Lần này thì vợ ta sẽ hài lòng mà thôi.

Rồi bạch rằng: "Xin thỉnh Ngài đến thọ thực tại tư gia của tôi". Ông Ông đưa Vua Trời Đế Thích đến nhà của mình.

Bà vợ trông thấy Đế Thích, khởi tâm hoan hỷ, trải hai tấm sa lên sàng toạ, nói rằng:

- Xin thỉnh Ngài hãy an ngự vào đây.

Nhưng Vua Trời Đế Thích đi vào đánh lễ bốn vị Sa di bằng tư Thế ngũ thể đầu địa, rồi ngồi phía sau bốn vị Sa di ấy.

Thấy thế, bà vợ lại khiển trách chồng nữa rằng:

- Khổ thật! Ông lại thỉnh về đây một vị Bà-La-Môn điên (nửa), vị Bà-La-Môn này lại đánh lễ các vị Sa di tuổi đáng con cháu của chúng ta. Vậy có cần thiết chi Lão Bà-La-Môn ấy, hãy đuổi y ra khỏi nhà đi.

Thế là, vị Bà-La-Môn ấy bị ông Bà la môn cùng vợ nắm cổ, lôi chân, lôi tay kéo ra khỏi nhà, nhưng vô hiệu vị Bà-La-Môn vẫn yên lặng bất động, không làm sao lay chuyển được gã Bà-La-Môn già ấy. Bà vợ nói với chồng rằng:

- Ông hãy nắm một tay, còn tôi nắm một tay.

Cả hai nắm hai bên tay, đấm vào lưng vị Bà-La-Môn lôi ra khỏi nhà nhưng khi trở vào lại thấy vị Bà-La-Môn ấy vẫn ngồi tại chỗ cũ, hai vợ chồng kinh hoảng bỏ chạy. Bấy giờ Vua Trời hiện thân, phán dạy cho họ biết mình là Vua Trời Đế Thích, rồi tán thán oai đức của các vị Sa di cho ông bà Bà la môn biết. Cả hai hoan hỷ cúng dường đến bốn vị Sa di, sau khi dùng vật thực xong, Bốn vị Sa di thì triển năng lực thần thông: Một vị trở nóc nhà ra đi, một vị trở nóc phía trước, một vị trở nóc bay lên hư không. Cả năm người cùng ra khỏi như ông Bà la môn ấy với năm chỗ khác nhau.

Kể từ ấy, nhà của ông Bà la môn có năm chỗ trống. Các vị Sa di về đến Tinh xá, chư tỳ khưu hỏi rằng:

- Này các chư Hiền! Có chuyện gì như thế?

- Xin Các Ngài đừng hỏi nữa! Nữ bà La môn ấy thấy chúng tôi đến, khởi tâm bất hoan hỷ, phiền muộn, nói với chồng rằng: "Ông hãy đi nhanh thỉnh vị Trưởng Lão khác". Khi Thấy Tế Độ của chúng tôi đến, hỏi chúng tôi rằng: "Khi các vị này thọ lãnh vật thực rồi, tôi mới thọ lãnh", rồi Ngài nhận bát ra đi. Nữ Bà la môn lại bảo chồng đi tìm vị Trưởng Lão khác. Ông ta thỉnh Trưởng lão Moggallāna đến. Ngài thấy chúng tôi và cũng như thầy Tế Độ, Trưởng lão cũng nhận lại Bát và ra đi. Bà vợ lại bảo chồng rằng: "Các vị này không muốn thọ lãnh, ông hãy đến đền thờ Bà la môn thỉnh vị Trưởng lão cũng nhận lại Bát và ra đi. Bà vợ lại bảo chồng rằng: "Các vị này không muốn thọ lãnh, ông hãy đến đền thờ Bà la môn thỉnh vị Trưởng lão Bà la môn về đây". Ông thỉnh được Vua Trời Đế Thích, Ngài hoá thân thành vị Bà-La-Môn già. Khi đức đức Đế Thích đến, Ngài làm cho ông bà Bà la môn ấy thấy được oai lực của mình. Khi ấy họ mới cúng dường vật thực đến chúng tôi.

- Khi ông bà Bà la môn ấy cư xử như thế, các vị có phiền giận chăng? hay là không có phiền giận?

- Thừa vâng, chúng tôi không có phiền giận chi cả.

Nghe như thế, chư tỳ khuru phàm cho rằng các vị Sa Di khoe pháp Thượng nhân. Đã trình bạch lên đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Các vị Sa di nầy nói không thật, rằng: "Chúng tôi không phiền giận".

- Nầy chư tỳ khuru! Lễ thường bậc Lộ Tận hằng không thù nghịch với người thù nghịch.

Rồi Ngài phán dạy kệ ngôn rằng:

- "Aviruddhaṃ viruddhesu
Attadaṇḍesu nibbutaṃ
Sādānesu anādānaṃ
Am ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ"
- "Thân thiện giữa thù nghịch
Ôn hoà giữa hung hăng
Không nhiễm giữa nhiễm trước
Ta gọi Bà la môn". (HT. TMC)

CHÚ THÍCH:

Aviruddha... Nghĩa là Như lai gọi người ấy là người vô thù địch, vì không cột oan trái với tất cả chúng sanh, dù đó là người thù nghịch với sự hận thù.

Gọi là người dứt bỏ, là người đã bỏ hình phạt giữa đám người hung hăng.

Gọi là người hung hăng vì họ không từ bỏ sự hãm hại người khác dù người ấy trong tay có gươm đao hay không.

Gọi là người chấp thủ vì không còn chấp thủ giữa những người có sự chấp giữ.

Gọi là người chấp thủ vì còn chấp vào ngũ uẩn là Ta là của Ta.

Người vô chấp như thế, Như Lai gọi là Bà La Môn.

Dứt pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.

DỨT TÍCH CÁC VỊ SA DI

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

-

XXVI. 24- TRƯỞNG LÃO MAHĀ PAṆṬHAKA

(PC. 407)

"Yassa rāgo ca doso ca...". Kệ ngôn nầy được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự nơi Veḷuvana, để cập đến Trưởng Lão Mahā Paṇṭhaka.

Tương truyền rằng: Trưởng Lão Cūḷapaṇṭhaka vì không thuộc bốn câu kệ, đã bị anh minh đuổi ra khỏi Tinh xá rằng:

- Này Cūḷapaṇṭhaka! Đối với Giáo Pháp thì ngươi thiếu duyên, đối với đời sẽ là người không có tài sản, thế thì còn lợi ích chi nữa đối với ngươi sống trong Tinh xá nầy, ngươi hãy rời khỏi đây đi.

Rồi Trưởng Lão Mahāpaṇṭhaka đóng cửa Tinh Xá lại. Chư tỳ khuru bàn luận cùng nhau rằng:

- Này chư hiền, Ngài Mahā paṇṭhaka còn hành động như thế, hẳn bậc Vô Lộ Tận còn sân hận.

Bậc Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

- Này chư tỳ khuru! Giờ đây các ngươi đang ngồi bàn luận về vấn đề gì?

Chư tỳ khuru trình bạch lên vấn đề mình đang luận bàn, Ngài dạy:

- Này các tỳ khuru! các phiền não như tham, sân... Hằng không có đối với Bậc Lộ Tận, nhưng con Như Lai có hành động như thế vì hướng đến Pháp.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

- "Yassa rāgo ca do so ca
Māno makkho ca pātito
Sāsaporiya āraggā
Tam ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ"
- *"Người bỏ rơi tham sân
Không mạn, không ganh tị
Như hạt cải đầu kim
Ta gọi Bà la Môn" (HT. TMC)*

CHÚ THÍCH

āraggā.. Nghĩa là phiền não như tham, sân...

Makkha là sự xem thường ân đức của người khác, những phiền não kiêu mạn ấy, người nào đã bỏ rơi như hạt cải rơi khỏi đầu kim. Các phiền não ấy không còn trong tâm giống như hạt cải không dính trên đầu kim, ta gọi người ấy là Bà la môn.

Dứt pháp thoại, nhiều người chứng đạt quả Dự Lưu.

DỨT TÍCH: TRƯỞNG LÃO MAHĀ PAṆṬHAKA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 25- TRƯỞNG LÃO PILIṆḌAVACCHA

(PC. 408)

"Akakkasaṃ viññāpaniṃ". Kệ ngôn này được đức Thế Tôn ngự tại Veluvana, đề cập đến Trưởng Lão Piliṇḍavaccha, thuyết lên.

Tương truyền rằng: Trưởng Lão Piṇḍavaccha thường nói rằng:

- Người đê tiện hãy đến đây, người đê tiện hãy đi đi... Thường vị ấy vẫn gọi Bạc Xuất gia hay tại gia bằng danh từ ấy.

Một hôm chư tỳ khuru bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch thế Tôn! Hiền giả Piliṇḍavaccha thường gọi Chư tỳ khuru bằng danh từ: "Người đê tiện".

Đức Thế Tôn cho gọi Trưởng Lão Piliṇḍavaccha đến phán hỏi rằng:

- Này Piliṇḍavaccha, được nghe rằng: Người gọi chư Tỳ khuru bằng danh từ đó, có thật chăng?

- Thưa vâng! Bạch thế Tôn.

Đức Thế Tôn quán xét về tiền hạnh của Trưởng Lão Piliṇḍavaccha rồi, ngài phán dạy rằng:

-Này các tỳ khuru! Các người chớ nên buồn phiền Tỳ khuru Piliṇḍavaccha. Vị ấy không có ác ý khi gọi các người bằng danh từ đó đâu. Này chư tỳ khuru, đó là tiền khiên tật của Tỳ khuru này. Vì trong quá khứ, tỳ khuru Vaccha thọ sanh vào gia tộc Trưởng giả 500 kiếp liên tục, y thường gọi danh từ đó trong nhiều kiếp như thế. Nên đã trở thành thói quen. Bạc Vô lậu không còn nói lời thô bỉ chướng tai để xúc phạm đến người khác, do vậy lời nói ấy của con Như lai là vì tiền khiên tật.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

- "Akakkasaṃ viññāpaniṃ
Giraṃ saccam udīraye
Yāyan'ābhisaje kiñci
Tam ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ"
- *"Nói lên lời ôn hoà
Lợi ích và chân thật
Không mất lòng một ai
Ta gọi Bà la Môn" (HT. TMC)*

CHÚ THÍCH:

Akakkasaṃ là lời nói tao nhã.

viññāpaniṃ tức là hiểu được nhau.

Saccaṃ tức là chơn thật

Nābhisaje là lời nói nào không làm người khác buồn phiền và tức giận thì các bậc Vô Lậu thường dùng những lời ấy. Do vậy, ta gọi người như thế là Bà la Môn.

Dứt Tích: TRƯỞNG LÃO PILIṄḌAVACCHA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 26- CHUYỆN MỘT VỊ TỖ KHUU

(PC. 409)

"Yo'dha dīghaṃ va rasaṃ và...". Kệ ngôn này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, để cập đến vị Tỳ khưu.

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvattihī có vị Bà-La-Môn là người tà kiến, y cởi choàng tắm, rồi để qua một bên vì e ngại mùi hôi thối bốc lên nên y ngoảnh mặt về hướng khác.

Bấy giờ, vị Vô Lậu Sa Môn sau khi thọ thực xong, trên đường về Tinh xá, thấy chiếc choàng tắm, Ngài nhìn chung quanh chẳng thấy ai, ngỡ là vật vô chủ. Suy nghĩ rằng: "Choàng tắm này là vật vô chủ". Rồi Ngài chú nguyện làm Paṇsukūla.

Khi ấy, gã Bà-La-Môn đi tìm choàng tắm, thấy Ngài cầm lấy chiếc choàng tắm đã lảng mạ rằng:

- Này Ông Sa Môn trọc đầu kia, Ông có lấy choàng tắm của tôi chăng?

- Này Bà la môn, choàng tắm này của người sao?

- Đúng vậy, này ông Sa Môn.

- Vì tôi không thấy chủ, nên mới lượm choàng tắm ấy và tôi cho rằng là vải Paṇsūkula, vậy xin ông hãy nhận lại.

Và ngài đưa lại cho gã Bà la môn ấy cái choàng tắm, rồi đi về Tinh xá, thuật lại cùng chư tỳ khưu.

Chư tỳ khưu nghe vậy, nhạo báng rằng:

-Này Hiền giả, choàng tắm ấy dài hay ngắn, tốt hay xấu.

-Này chư hiền, choàng tắm ấy dài hay ngắn, tốt hay xấu cũng vậy thôi. Vì tôi chẳng có tâm ái luyến choàng tắm ấy, tôi chỉ nghĩ đây là vải Paṇsūkula.

Chư Tỳ khưu nghe vậy, bạch lên đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị tỳ khưu ấy nói không thật, tuyên bố mình là bậc Thượng nhân, có thượng nhân Pháp.

- Này chư tỳ khưu! Vị tỳ khưu ấy đã nói lời chân thật. Vì lẽ thường Bậc Vô Lậu hằng không có tâm trộm cắp của người khác.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

409-"Yo'dha dīghaṃ va rasaṃ và

aṇuṃ thūlaṃ subhāsubhaṃ

Loke adinnaṃ nādiyāti

Tam ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ"

- "Ở đời vật dài ngắn

Nhỏ lớn, đẹp hay xấu

Phàm không cho không lấy

Ta gọi Bà la Môn" (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Nên hiểu ý nghĩa của kệ ngôn này như vậy:

Trên thế gian này, người không thấy vật gì, dài hay ngắn như là choàng tấm và vật trang điểm... Nhỏ hay lớn như ngọc Maṇi hay ngọc bích.... To ót hay xấu tùy theo giá trị nhiều hay ít mà người khác gìn giữ, Như Lai gọi người ấy là Bà la môn.

Dứt pháp thoại nhiều người chứng quả thánh như là quả vị Dự Lưu.

DÚT TÍCH: CHUYỆN MỘT VỊ TỖ KHU

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 27- TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

(PC. 410)

"Āsā yassa na vijjani". Kệ ngôn này được đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, để cập đến Trưởng Lão Sāriputta.

Tương truyền rằng: Trưởng Lão Sāriputta cùng với 500 vị tỳ khưu tùy tùng đi đến thôn xá để an cư mùa mưa. Những cận sự trông thấy Trưởng Lão đến, chuẩn bị nhiều y. Khi mãn mùa an cư chưa đến ngày lễ dâng y thì Ngài đã nhận lời yêu cầu. Và Ngài trở về để yết kiến đức Thế Tôn, Ngài dặn bảo chư tỳ khưu rằng:

- Khi các thiện gia dâng y, hãy để cho các tỳ khưu cùng sa di trẻ. Các vị hãy nhận và phân phát đi. Khi xong việc rồi thì báo tin cho ta được biết.

Sau khi dặn bảo như thế rồi, Trưởng Lão lên đường du hành về Jetavana để yết kiến đức Đạo Sư. Chư Tỳ khưu bàn luận cùng nhau rằng:

-Cho đến hôm nay, chắc chắn Trưởng Lão Sāriputta là người còn ái dục. Thật vậy, vì Trưởng Lão đã dặn bảo chư tỳ khưu rằng: "Khi Thiện gia tử dâng y rồi, các vị hãy gửi y cho nhóm đệ tử mình, hoặc là cất đi và nhắn tin cho tôi hay".

Đức Đạo Sư đến phán hỏi rằng:

-Này chư tỳ khưu, bây giờ các người đang bàn luận về vấn đề gì? Chư tỳ khưu bạch trình lên đức Thế Tôn về vấn đề đang bàn luận, Ngài dạy rằng:

-Này chư tỳ khưu! Con Như Lai không còn ái dục, nhưng vị ấy nói như thế vì nghĩ rằng: "Không bị thiệt cho các thiện gia tử về phước báu do sự cúng dường ấy, đó cũng là lợi lộc phát sanh chân chánh cho chư tỳ khưu và Sa di trẻ".

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

-*Āsā yassa na vijjani
Asmiṃ loke paramhi ca
Nirāsayaṃ visaṃyuttaṃ
Tam ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ"*
- *"Người không có hy cầu
Đời này và đời sau
Không hy cầu giả thoát
Ta gọi Bà la Môn" (HT. TMC)*

CHÚ THÍCH

Āsā là tên của ái dục

Nirāsayaṃ tức là không còn tham ái

Visaṃyuttaṃ là ta gọi người đã thoát ly mọi phiền não là Bà la môn.

Dứt kệ ngôn nhiều người đạt thành Thánh Quả.

DÚT TÍCH: TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA

XXVI. 28- TRƯỞNG LÃO MOGGALLĀNA

(PC. 411)

"Yassālayā na vijjanti...". Kệ ngôn này đức Đạo Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng Lão Moggallāna.

Câu chuyện này tương tự như câu chuyện Ngài Sāriputta ở kệ ngôn trên nhưng ở đây là Ngài Moggallāna.

Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn rằng:

411-"Yassālayā na vijjanti
Aññāya akatthamkathī
Amatogadham anuppattam
Tam aham brūmi brāhmaṇam"
-"Người không còn tham ái
Có trí không nghi hoặc
Thể nhập vào Bất Tử
Như Lai gọi Ba la môn" (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

ālaya là tên của ái dục

Aññāya akatthamkathī là người thấu triệt về tám sự thật, không còn hoài nghi với tám điều.

Amatogadham anuppattam nghĩa là đã thành đạt Níp Bàn gọi là Bất Tử, ta gọi người ấy là Bà la Môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.

DỨT TÍCH: TRƯỞNG LÃO MOGGALLĀNA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 29- TRƯỞNG LÃO REVATA

(PC. 412)

"Gāme vāyādi vā raññe...". Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng Lão Revata, Ngài thuyết lên kệ ngôn này.

Câu chuyện này được giải rộng trong kệ ngôn:

"Gāme vā yadi vāraññe..." (PC. 98). Thật vậy, câu chuyện ấy được chư tỳ khuru bàn luận cùng nhau rằng:

- Thật vi diệu thay, một Sa di có nhiều lợi đặc như thế, một vị mà có thể kiến tạo 500 ngôi Tịnh thất cho cả 500 vị tỳ khuru được.

Bậc Đạo sư đến phán hỏi rằng:

- Này chư tỳ khuru, các người đang bàn luận về vấn đề gì thế?

- Bậc Thế Tôn với câu chuyện như thế...

- Này chư tỳ khuru! Thiện hay ác con Như Lai chẳng còn nữa, cả hai thiện ác ấy, con Như Lai đã thoát ly.

Rồi Ngài tuyên thuyết rằng:

"Yodha paññam ca pāpañ ca
Ubho saṅgam upaccagā
Asakam virajam suddam
Tam aham brūmi brāhmaṇam"

- "Người sống ở đời này
Không nhiễm cả thiện ác
Không sâu không bụi cấu
Thật thanh tịnh trong sạch
Ta gọi là Bà la môn"
(412) (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Ubbho nghĩa là thoát ly cả hai điều thiện ác.

Saṅgaṃ là các phiền não khác với ái...

Uppaccagā tức là đã vượt khỏi. Có lời giải rằng: Người không còn sâu muộn là do không có luân hồi làm nhân. Gọi là không ô nhiễm là do không có tham ái bên trong, gọi là thanh tịnh là do không có phiền não tùy miên. Người ấy, Như Lai gọi là Bà la môn.

DÚT TÍCH: TRƯỜNG LÃO REVATA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 30- TRƯỜNG LÃO CANDĀBHA

(PC. 413)

"Candaṃ'va vimalaṃ suddhaṃ...". Đức Thế Tôn khi ngự trú tại Jetavana, đề cập đến Trường lão Candābha, Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Thời quá khứ có người thương buôn ở thành Bārāṇasī suy nghĩ rằng:

- Ta sẽ đến biên địa để đem trầm hương về

Rồi y mang nhiều vải lụa, và đồ trang sức... Đi đến biên địa. Thương buôn cho 500 cỗ xe bò dừng nghỉ gần cổng làng, hỏi nhóm mục đồng rằng:

- Trong làng này có người nào làm việc tại chân núi ấy chăng?

- Có chứ.

- Người đó là ai vậy? Tên là gì?

Mục đồng cho rõ người và tên họ cho thương buôn biết, rồi y hỏi

- Người này có vợ con chi chăng?

- Có vợ chứ.

Thương nhân hỏi nhà người dẫn gỗ ấy, đi đến nhờ anh ta theo sự chỉ dẫn của nhóm mục đồng. Khi anh tìm đến nhà người tiểu phu, hỏi thăm đúng tên họ, vợ người thợ rừng suy nghĩ rằng:

-Người này hẳn là thân quyến của ta vậy.

Nàng trải chỗ ngồi, tiếp rước thương nhân ấy. Người thương buôn sau khi đã an vị rồi, y hỏi thăm rằng:

- Này nàng, bạn của tôi đâu rồi?

- Thưa ông, đã đi vào rừng rồi.

Thế rồi, người thương buôn theo lời của Mục đồng hỏi tên các đứa con của người thợ rừng rằng:

- Con tôi tên ấy, con gái tôi tên này... Chúng đã đi đâu rồi?

Rồi y bảo với vợ người thợ rừng rằng:

- Cô hãy đưa vải cùng với những trang sức này cho các con của tôi đi. Khi bạn của tôi từ rừng về, cô hãy trao cho anh ấy những phần quà của bạn tôi.

Y cho quà tặng đến từng người, vợ người thợ rừng cũng được tặng phẩm có nhiều giá trị. Vợ người thợ rừng tỏ vẻ cung kính thương nhân lắm. Khi thợ rừng về, nàng nói với chồng rằng:

- Này anh thân, người này khi đến đây đã biết rõ tên từng người trong nhà ta, lại biếu tặng vật cho từng người nữa.

Thế là, người thợ rừng phát sanh sự kính trọng y. Vào buổi chiều, người thương nhân trở lại, hỏi y rằng:

Này bạn thân mến, bạn làm việc tại chân núi ấy, bạn thấy cái chi nhiều nhất?

- Tôi chẳng thấy chi nhiều cả, chỉ có loại cây màu đỏ là nhiều nhất mà thôi.

- Loại ấy có nhiều lắm không?

- Thừa nhiều lắm.

- Thế thì bạn hãy chỉ cho tôi xem loại ấy đi.

- Này bạn, được thôi.

Thương nhân cùng người thợ rừng đi đến rừng trầm hương đỏ, đốn trầm hương chất đầy cả 50 cỗ xe bò, khi trở về kinh thành, y nói với người thợ rừng rằng:

- Này bạn ơi! Tôi ở kinh thành Bārāṇasī, nếu bạn có đến đó hãy tìm đến thăm tôi. Bạn chỉ cần mang những loại cây như vậy cho tôi là đủ, khỏi cần phải quà cáp chi cho sang trọng.

- Vâng, thưa bạn.

Thế là, mỗi dịp người thợ rừng đi đến thành Bārāṇasī, y mang biếu người thương nhân trầm hương đỏ và thương nhân cũng tặng lại y vải vóc, tiền bạc cùng những trang sức...

Thời gian sau, khi Đấng Thập Lực Kassapa Níp Bàn, ngôi Bảo Tháp vàng của Ngài đang được kiến tạo, chàng thợ rừng mang trầm hương đến thăm bạn nơi kinh thành Bārāṇasī. Người thương nhân buồn cho tán nhuyễn trầm hương, chất đầy mâm và nói rằng:

- Này bạn thân! Chúng ta hãy đến ngôi Bảo Tháp, khi cơm chín, chúng ta sẽ trở về dùng.

Người thợ rừng đi đến ngôi Bảo Tháp, dùng trầm hương tạo thành một vòng tròn cúng dường Bảo tháp như vầng trăng tròn. Đây là tiền nghiệp của Candābha.

Người thợ rừng sau khi mệnh chung, thọ sanh về Thiên Giới, hưởng thiên sản trọn một kiếp Phật, đến thời đức Thế Tôn hiện tại, từ nơi thiên cung y hạ sanh vào gia tộc Bà la môn đại hào phú (māhāsāla) trong thành Rājagaha. Do quả phước của y, từ nơi rún của Đồng Tử ấy phát ra ánh sáng như vầng trăng tròn. Do nhân ấy, thân quyến đặt tên y là Candābha.

Các vị Bà-La-Môn thân tộc của Candābha suy nghĩ:

- Chúng ta có thể dùng đồng tử Candābha để sinh sống.

Các Bà-La-Môn ấy cho Đồng Tử Candābha ngồi trên một cỗ xe nhỏ, kéo đi khắp làng mạc, thị trấn, châu quận, thông báo rằng:

- Người nào sờ vào thân Đồng tử Candābha sẽ được giàu sang, hạnh phúc. Vì Đồng Tử Candābha là bậc đại phước.

Rồi thì, dân chúng đã cho 100 đồng cũng có, ngàn đồng cũng có, trăm ngàn đồng cũng có.. Để được sờ tay vào người của Candābha.

Đoàn Bà la môn ấy trải qua các Kinh thành, châu quận, thị trấn, tuần tự đi đến kinh thành Sāvattihī, dừng chân nghỉ tại khoảng giữa kinh thành và Tinh Xá Jetavana.

Vào khi ấy, trong thành Sāvattihī có khoảng 5 koti Thánh đệ tử, vào buổi sáng các vị cúng dường đến đức Thế Tôn cùng chư tỳ khưu, vào buổi chiều tay cầm hương hoa, vật thoạ, vật thơm, thuốc trị bệnh đến Tinh xá để cúng dường và nghe pháp. Các Bà-La-Môn trông thấy chư Thánh đệ tử mang hương hoa cùng thuốc trị bệnh đến Tinh Xá, đã hỏi rằng:

- Các vị đi đâu thế?

(Chúng tôi đi đến đức Thế Tôn nghe pháp.)

- Các người đến nơi ấy có lợi ích chi, không ai có thân phước báu như Đồng tử Candābha của chúng tôi. Vì khi các người sờ vào thân của Candābha sẽ được giàu sang, do vậy các người hãy đến với Candābha Bà la Môn đi.

- Thần lực của Bà la môn Candābha của các ông ra sao. Chỉ có đức Thế Tôn của chúng tôi mới có Đại Thần Lực mà thôi.

Thế là, nhóm Bà-La-Môn cùng chư Thánh Đệ Tử chẳng ai thuyết phục được ai cả, đồng ý cùng nhau rằng:

- Chúng ta hãy đi đến Tinh Xá, khi ấy sẽ biết rõ thần lực của Bà la môn Candābha và Bạc Đạo Sư, ai sẽ thắng ai?

Và đại chúng cùng đưa Candābha đến Tinh Xá yết kiến đức thế Tôn. khi vừa đến trú xứ của đức Thế Tôn, hào quang của Candābha liền tan biến mất, Bà la môn Candābha so với đức Thế Tôn (về oai lực hào quang) ví như con quạ đen so với lò lửa rực sáng.

Nhóm Bà-La-Môn đưa Candābha ra ngoài Tinh Xá, hào quang của y lại chiếu rọi như thường, khi đưa y trở lại vào Tinh xá thì hào quang của y biến mất. Cả ba lần như thế, Candābha suy nghĩ rằng:

- Có lẽ vị Sa môn này biết được chú thuật làm mất hào quang, phải chăng?

- Đúng vậy, này đồng tử.

- Nếu thế, xin ngài hãy dạy con đi.

- Này Đồng tử, ta không thể ban cho người chưa xuất gia được.

Candābha liền nói với nhóm Bà la Môn rằng:

- Khi tôi được chú thuật này rồi, tôi sẽ là người tối thắng trong cõi Diêm Phù này. Các vị hãy chờ tôi vài ngày, tôi sẽ xuất gia để học chú thuật.

Và Candābha xin xuất gia với Bạc Đạo Sư. Đức Thế Tôn dạy cho vụ ấy quán tưởng đề mục 32 thể trước. Candābha hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Đây là chi Thế?

- Đây là khởi sự của môn chú thuật ấy, người nên hành trì đi. Vài ngày sau, nhóm Bà-La-Môn đi đến hỏi rằng:

- Ông đã học xong môn chú thuật chưa?

- Thưa các ông! Tôi còn đang học.

Và chỉ trong hai ba ngày sau, Candābha đã chứng đắc Vô Lậu quả, khi nhóm Bà-La-Môn đến hỏi rằng:

- Ông đã thông thuộc thần chú chưa?

- Này các ông, các ông hãy trở về đi, giờ đây tôi có được Pháp không du hành rồi (tức là không còn đi lại, ám chỉ không còn sanh tử luân hồi)

Chư tỳ khuru nghe được câu chuyện, trình bạch lên đức Thế tôn rằng:

-Bạch Thế Tôn! Vị ấy nói không thật, tuyên bố mình có pháp Thượng Nhân.

- Này chư tỳ khuru! Bây giờ con của Như Lai là Candābha đã đoạn tận các lậu hoặc rồi, chỉ nói lời chân thật thôi.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

413-"Candaṃ va vimalaṃ suddhaṃ

Vippasaṇaṃ anāvaraṇaṃ

Nandībhava-parikkhīṇaṃ

Tam ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ"

-*"Như trắng vô cấu, tịnh*

Sáng trong và tinh lặng

Hữu ái được đoạn tận

Ta gọi Bà la Môn" (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Vimalam tức là giả thoát khỏi cấu uế, ví như mây che.

Suddham là không còn phiền não ngủ ngẫm.

Vippasannam: là tâm trong sạch.

anāvilam Là đoạn trừ cấu uế như phiền não...

Nandībhavaparikkhīnam: Nghĩa là ta gọi người đã đoạn tận ái trong ba cõi là Bà la Môn.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt quả Thánh.

DỨT TÍCH: TRƯỞNG LÃO CANDĀBHA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 31- TRƯỞNG LÃO SĪVALĪ

(PC. 414)

"Yo imaṃ palipathaṃ duggaṃ
Samsaram moham accāga"

"Vượt qua đường hiểm nầy..." Đức Thế Tôn trú tại Kuṇḍikoḷiya, ngự tại rừng Kuṇḍadhāna, để cập đến Trưởng Lão Sivalī, ngài tuyên thuyết pháp thoại nầy,

Trương truyền rằng: Nàng Suppavāsā là con gái dòng Sát Đế Ly Koliya, nàng mang thai nhi đến 7 năm, 7 tháng và 7 ngày sanh nở nàng chịu thống khổ vô cùng. Nàng Suppavāsā nhẫn nại với sự thống khổ do suy niệm ba điều là:

1- Đức Thế Tôn thuyết pháp để đoạn trừ khổ của sắc nầy, Ngài là bậc tự giác viên mãn.

2- Tăng chúng là người thực hành để đoạn trừ khổ của sắc nầy, các vị ấy đã thực hành chánh rồi.

3- Khổ như thế nầy chẳng có trong Níp Bàn. Níp Bàn là nơi an lạc tuyệt đối.

Nàng bảo chồng rằng: - "Hãy đến dẫn lễ Bạc Đạo Sư, dẫn lễ Ngài rồi nhân danh em rằng: Bạch thế Tôn, nàng Suppavāsā dẫn lễ đức Thế Tôn, nàng đau thọ khổ, mong an lạc sẽ đến với nàng".

Chồng nàng Suppavāsā làm theo lời dặn của vợ. Bạc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Xin cho nàng Suppavāsā, con gái dòng Koliya được sự an lạc vô bệnh, hạ sanh được hài nhi an toàn.

Do nhờ oai lực của Phật bảo, nàng Suppavāsā hạ sanh được hài nhi an toàn, mọi thống khổ tiêu tan. Vô cùng hoan hỷ, nàng Suppavāsā cung thỉnh đức Phật và Chư Tăng thọ thực nơi tư dinh của nàng trọn 7 ngày.

Công Tử Sivalī cũng dùng ống lọc nước, lọc lấy nước dâng cúng đến chư Tăng. Chán nản với thế tục quá nhiều khổ não khi Công Tử Sivalī nhớ lại nơi thay bào mà mình chịu khổ, Công Tử xin cha mẹ cho mình được xuất gia. Và Ngài chứng quả A La Hán khi vừa cạo tóc xong. Một hôm, chư Tỳ Khuru ngồi lại bàn luận với nhau trong giảng đường rằng:

- Nầy chư Hiền, các vị hãy xem, vị tỳ khuru đầy đủ duyên lành A La Hán như thế, mà phải chịu khổ trong bụng mẹ suốt 7 năm 7 tháng, 7 ngày thì còn nói chi đến người khác. Giờ đây khổ ấy vị Tỳ Khuru đã đoạn tận rồi.

Bạc Đạo Sư ngự đến phán hỏi rằng:

-Nầy chư Tỳ Khuru, các người đang bàn luận về vấn đề gì thế?

Chư Tỳ Khuru bạch lên Thế Tôn câu chuyện bàn luận.

-Nầy chư Tỳ Khuru, đúng thật vậy, con Như Lai đã thoát khỏi mọi đau khổ ấy, bây giờ đã Níp Bàn rồi.

Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

-*"Yo imaṃ palipathaṃ duggaṃ*

Saṃsaraṃ moham accagā

Tiṇṇo pāragato jhāyī

Anejo akathaṃkathī

Anupādāya nibbuto

Tam ahaṃ brūmi brābhmaṇa"

- *"Vượt đường nguy hiểm nầy*

Nhiếp phục luân hồi, si

Đến bờ kia thiền định

Không dục ái, không nghi

Không chấp trước tịch tịnh

Ta gọi bà la Môn" (TH. TMC)

CHÚ THÍCH

Nên hiểu ý nghĩa của kệ ngôn như vậy:

Vị tỳ khuru đã vượt qua đường vòng tức là ái dục, vượt qua hầm là phiền não, vượt qua luân hồi và si, đã chứng đạt Tứ Đế. Là người vượt khỏi Tứ bực, đi đến bờ kia an tịnh theo tuần tự, tịch tịnh với hai loại thiền định.

Gọi là vô phiền não rúng động vì không còn ái dục.

Gọi là không còn hoài nghi để nói lên vì không còn gì phải nói nữa.

Gọi là Vô thủ vì không còn chấp. Gọi là dập tắt vì đã đoạn tận phiền não, Như Lai gọi là Bà la Môn.

DỨT TÍCH: TRƯỞNG LÃO SĪLAVĪ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 32- TRƯỞNG LÃO SUNDARASAMUDDA

(PC. 415)

"Yo'dha kāme pahatvāna anāgāro paribbaje...". Đức Thế Tôn Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Sundarasamudda, thuyết lên kệ ngôn nầy.

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvattthī có 1 Thiện gia tử là Sundarasamudda, là con 1 Trưởng giả có đại tài sản là 40 koti.

Một hôm công tử Sundarasamudda trông thấy chư thánh đệ tử tay mang vật thom được phẩm... Đi đến Tinh xá nghe pháp, công tử hỏi rằng:

- Nầy các vị, các vị đi đâu thế?

- Chúng tôi đi đến Tinh xá nghe pháp từ Bạc Đạo Sư.

- Thế tôi cũng đi nghe pháp nữa.

Bạc Đạo Sư thấy được duyên lành xuất gia của công tử, nên thuyết lên tuần tự pháp. Công tử nghe pháp xong suy nghĩ:

- Theo Bạc Đạo Sư, người sống tại gia khó có thể thực hành Phạm Hạnh viên mãn được, ví như vỏ ốc đánh bóng mà thôi. Vậy ta hãy xuất gia đi.

Công tử đợi đại chúng ra về hết, đi đến bạch xin đức Thế Tôn cho mình được xuất gia. Theo thông lệ, chư Phật sẽ không cho người xuất gia nếu chưa có lệnh cha mẹ.

Thế là công tử Sundarasamuda trở về xin cha mẹ cho mình được xuất gia và công tử cũng thực hiện biện pháp tuyệt thực như công tử Ratthapāla... Khi thành đạt ước nguyện xuất gia rồi, tỳ khưu Sundaramamudda suy nghĩ:

- Ta ở đây chẳng lợi ích chi, ta hãy rời khỏi nơi đây vậy.

Tỳ khưu Sundaramamudda rời thành Sāvattthī, ông bà Trưởng giả trông thấy bạn bè của con mình vui vẻ trong lễ hội với y phục sang trọng, lộng lẫy, chợt nhớ đến con, ông bà ngồi than thở rằng:

- Trò chơi vui như thế nầy mà con ta chẳng còn có cơ hội hưởng thụ được nữa.

Bấy giờ, có nàng kỹ nữ đi ngang dinh của ông bà Trưởng giả, thấy mẹ Ngài Sundarasamudda đang nhớ con than khóc như vậy, nàng ngạc nhiên hỏi rằng:

- Thưa bà! Vì sao ông bà lại than khóc như thế?

- Nầy cô vì ta nhớ con của ta.

- Thế Công tử đi đâu rồi?

- Nó đã đi xuất gia rồi, nó xuất gia với sa môn Gotama.

- Vậy thì, ông bà hãy bảo công tử hoàn gia đi.

- Nầy cô, con chúng ta không chịu điều nầy đâu, nó đã lìa bỏ Sāvattthī đến trú tại Rājagaha rồi.

- Nếu tôi quyến rũ được công tử hoàn gia, bà sẽ đối xử với tôi như thế nào?

- Nếu được như thế, tôi sẽ giao cô cai quản hết gia sản nầy.

- Vậy bà hãy cho tôi trước một món tiền để làm lộ phí đi.

Nàng Kỹ nữ nhận lấy món tiền lớn cùng với tùy tùng đến kinh thành Rājagaha. Biết rõ con đường Trưởng lão Sundarasamudda hằng đi khát thực, nàng cho kiến tạo ngôi biệt thự 7 tầng ở trên con đường đó, rồi nàng cho chuẩn bị những loại vật thực thượng vị để cúng dường Trưởng lão từ mờ sáng. Khi Trưởng lão ngự đi khát thực, nàng cung thỉnh Ngài hãy ngồi nơi hành lang của tòa lầu đài nầy thọ thực đi.

Nàng kỹ nữ cúng dường đến Trưởng lão những loại thực thượng vị, bạch với Trưởng lão rằng:

- Bạch ngài! xin ngài hãy thường xuyên đến đây thọ thực đi, việc khát thực ở nơi nầy thật là bất tiện lắm.

Trưởng lão nhận lời, qua đôi ba ngày, nàng kỹ nữ cho các đứa trẻ tiên, và dặn rằng: "Nầy các em! Khi Trưởng lão ngự đến đây, các em hãy nô đùa, làm cho cát bụi tung lên. Nếu ta có la thì các em vẫn nô đùa hằng lên nữa".

Sáng hôm sau, khi Trưởng lão đang dùng vật thực, bọn trẻ đùa giỡn làm tung cát bụi lên, nàng kỹ nữ giả vờ la hét thì chúng càng nô đùa thêm lên nữa. Hôm sau, nàng bạch với Trưởng lão rằng:

- Bạch Ngài! Những đứa bé nầy làm tung bụi cát, dù tôi có la rầy chúng vẫn ngang bướng không nghe. Vậy xin Ngài hãy vào ngự bên trong nhà đi.

Trưởng Lão nghe lời nàng thỉnh nên vào ngôi thọ thực bên trong nhà. Trải qua vài ngày, nàng lại bảo bọn trẻ rằng: "Khi Trưởng lão đang thọ thực, dù chị có la rầy, các em hãy làm hơn lên nhé". Và đám trẻ làm theo lời dặn của nàng kỹ nữ. Hôm sau, nàng bạch với Trưởng lão rằng:

- Bạch Ngài cho dù tôi có la rầy, nhưng bọn trẻ vẫn cứ làm nhộn lên. Vậy thỉnh Ngài hãy lên lầu đi.

Khi Trưởng lão lên tầng một rồi, nàng kỹ nữ đóng các sổ lại, đóng các cửa lớn rồi lên sau.

Trưởng lão là người trì hạnh khát thực để sống, nhưng vì tham đắm vào vị ngon của vật thực, đã lần lượt rơi vào mưu kế nàng kỹ nữ, đi đến tầng lầu thứ bảy.

Khi Trưởng lão ngồi vào nơi đã được dọn sẵn nơi lầu bảy, bấy giờ nàng kỹ nữ đã khiêu gọi dục tình nơi Trưởng lão, biểu lộ những cách gọi dục của nữ nhân rằng:

- "Hỡi chàng có khuôn mặt đẹp như trăng rằm....".

Được biết rằng: Nữ nhân hàng quyến rũ nam nhân bằng 40 cách: (có giải rõ trong Bốn sanh Kuṇā jāta) là:

1- Nũng nịu 2- Cúi xuống 3- ẻo lả người 4- Giả e thẹn 5- Khảy móng tay 6- Đạp chân nhau 7- Dùng cây vẽ trên đất 8- Bồng trẻ thơ 9- Thả trẻ xuống đũa 10- Tự đũa cột 11- Cho trẻ đũa 12- Tự hôn mình 13- Cho trẻ hôn 14- Ăn uống 15- Cho trẻ ăn 16- Cho đồ trẻ em 17- Xin lại quà 18- Giả ngây thơ 19- Nói lớn tiếng 20- Nói êm dịu 21- Nói ngắn gọn 22- Nói úp mở 23- Múa hát, hoà tấu, than khóc và trang điểm 24- Cười khúc khích 25- Nhìn thẳng 26- Lắc đầu 27- Lắc hông 28- Dang chân 29- Khép đùi 30- Hở ngực 31- Hở nách 33- Chớp mắt 34- Nhíu mày 35- Cắn môi 36- Le lưỡi 37- Cởi áo ra 38- Mặc áo vào 39- Xoả tóc 40- Cột tóc lại.

Nàng kỹ nữ trở hết 40 cách khêu gọi, đứng trước mặt Trưởng lão Sundarasamudda.

Nàng kỹ nữ có đôi chân nhuôm hồng, mang dép xinh đẹp nói rằng:

- "Chàng là nam tử xinh đẹp của em, em là nữ xinh đẹp của chàng. Cả hai chúng ta sẽ xuất gia khi tuổi đã xế chiều".

Nghe như vậy, Trưởng lão Sundarasamudda khởi dục tâm rằng:

- Ôi! Sự nguy hại đã sanh lên với ta rồi, do vì ta không quán xét kỹ.

Bấy giờ, cách 25 do tuần, Bạc Đạo Sư đang trú tại Jetavana, Ngài mỉm cười. Thấy thế, Trưởng lão Ānanda bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân chi, duyên chi mà Thế Tôn lại mỉm cười?

- Này Ānanda! Tỳ khuru Sundarasamudda cùng nàng kỹ nữ đang có trận thư hùng quyết liệt với nhau, trận chiến đang diễn ra trên lầu bảy, ở thành Rājagaha.

- Bạch Thế Tôn! Trong cuộc thư hùng đó ai sẽ thắng? Ai sẽ bại?

- Này Ānanda! Tỳ khuru Sundarasamudda là kẻ thắng trận, nàng kỹ nữ thua trận.

Đức Thế Tôn sau khi tuyên bố như thế rồi, từ nơi Hương thất Ngài phóng hào quang đến trước mặt Trưởng lão Sundarasamudda. Phán dạy rằng:

- Này Tỳ khuru! hãy cắt đứt ái luyến, hãy thoát ly cả hai loại dục đi.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

415- "Yo'dha kāme pahatvāna

Anāgāro paribbaje

Kāmabhavaparikkīṇaṃ

Tam ahaṃ brūmi brāmaṇaṃ"

- "Ai ở đời đoạn dục

Bỏ nhà sống suốt gia

Dục hữu được đoạn tận

Ta gọi Bà la Môn" (HT. TMC)

CHÚ THÍCH:

Nên hiểu ý nghĩa kệ ngôn nầy như sau:

Trên thế gian nầy, người đã dứt bỏ được hai loại dục, đã từ bỏ đời sống tại gia trở thành người không nhà. Người đã tuyệt trừ dục lạc và hữu, người ấy Như Lai gọi Bà la Môn.

Dứt kệ ngôn, Trưởng lão chứng đạt A la hán, Ngài dùng thần thông trở nóc nhà bay lên hư không, tán dương oai lực đức Phật, từ hư không đi xuống đánh lễ dưới chân Bạc Đạo Sư.

Chiều đến, chư tỳ khuru ngồi lại Giảng đường bàn luận cùng nhau rằng:

- Này chư hiền! Tỳ khuru Sundarasamudda do tham đắm vị, suýt nữa làm mất đời sống phạm hạnh. Nhưng có Bạc Đạo sư là nơi nương nhờ cho vị ấy.

Bạc Đạo Sư ngự đến phán rằng:

- Này chư tỳ khuru! Ta là nơi nương nhờ cho tỳ khuru ấy chẳng phải là bây giờ đâu, mà trong quá khứ ta cũng từng là nơi nương nhờ cho vị ấy rồi.

Chư tỳ khuru thỉnh cầu Thế tôn thuyết giảng Bốn sanh, Ngài nhân đó thuyết lên Bốn sanh Vātamiga chi tiết rằng:

- Được nghe rằng: "Không có điều đê tiện hơn các vị, người giữ vườn tên là sañjaya đã bắt được con nai rừng, cũng do các vị ấy".

Rồi Ngài nhận diện Bốn sanh rằng:

- Trong thời ấy, tỳ khuru Sundarasamudda là con nai, Quan đại thần nói lên bài kệ để người giữ vườn thả nai chính là Như Lai vậy.

DÚT TÍCH:TRƯỜNG LÃO SUNDARASAMUDDA

DỊCH GIẢ CĂN ĐỀ

XXVI. 33- TRƯỜNG LÃO KOTIKA

(PC. 416)

"Yo'dha tañham pahatvāna...". Kệ ngôn này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Veluvana, đề cập đến Trường lão Jotika, tuyên thuyết lên kệ ngôn này.

Vào thời quá khứ, có hai anh em một tộc trưởng ở thành Barāṇasī. Hai anh em cùng nhau làm ruộng mía. Một hôm người em đi thăm ruộng mía, với ý niệm rằng:

- Ta hãy lấy về một cây cho anh ta, một cây cho ta.

Sau khi thăm ruộng mía xong, anh chặt lấy hai cây mía mang về.

Vào thời ấy, loại mía ấy chỉ cần chặt đứt hai đầu thì nước mía từ trong thân mía chảy ra như nước chứa từ trong chiếc ống rỗng.

Trên đường từ rẫy mía về, y trông thấy vị Độc Giác Phật đang trì bình trước mặt. Nguyên vị Độc giác ấy vừa xuất khỏi Thiên Diệt, Ngài quán xét rằng: "Hôm nay ta sẽ tế độ cho ai nhỉ? Ai là người hữu duyên?". Ngài thấy hình ảnh của y hiển lộ trong võng trí của mình. Thế là, từ nơi núi Gandhmādana Ngài đắp y mang bát, xuất hiện trước mặt của y.

Vừa thấy đức Độc giác Phật, chàng phát tâm hoan hỷ tịnh tín, lấy chiếc khăn choàng trải chỗ ngồi cho Ngài ngồi ở một nơi cao ráo, thỉnh đức Phật ngự tại nơi đó, bạch rằng:

- Bạch ngài, xin thỉnh Ngài hãy trao bát cho con.

Rồi y cởi dây cột mía ra, lấy nước mía dâng lên đức Phật Độc giác, Ngài thọ dụng nước ấy rồi. Tâm Tộc Trưởng ấy lại phát sanh niềm hỷ lạc vô biên, y suy nghĩ: "Thật hoan hỷ thay, Ngài đã thọ dụng nước mía của ta. Giờ đây, còn lại cây mía của anh ta, ta sẽ dâng lên ngài, nếu anh ta đòi tiền thì ta sẽ trả tiền, nếu anh ta cần phước thì ta sẽ đưa phước cho anh ấy". Anh bạch rằng:

- "Bạch Ngài, xin hãy cho con bát" và y cúng dường nước mía đến đức Phật Độc giác. Việc làm này của y không mang tính gian xảo, hay có ý nghĩ rằng: "Ta sẽ lấy cho anh ta cây mía khác". Riêng về đức Phật Độc giác Phật muốn cho y hoan hỷ cùng tăng thêm niềm tịnh tín, và chia vị ngọt của mía đến cho các vị Độc giác khác, vì ngài đã dùng một cây mía rồi. Ngài ngồi im lặng đưa mắt nhìn Tộc Trưởng, biết được ý của đức Độc giác, Tộc trưởng đánh lễ đức Phật Độc giác với tư thế ngũ thể đầu địa, phát nguyện rằng:

- Bạch Ngài! Do sự cúng dường vị mía này, xin cho con đạt được nhân sản, Thiên sản và Thánh sản, là Pháp mà Ngài đã chứng đắc.

Đức Độc giác phúc chúc cho y rằng:

- Xin cho sự ước nguyện của gia chủ được như ý.

Rồi ngài tùy hỷ bằng kệ ngôn:

"Icchitaṃ patthitaṃ tumhaṃ...",

Ngài chú nguyện cho y thấy Ngài theo đường hư không về đến núi Gandhamādana, đem nước mía ấy chia cho 500 vị Độc Giác Phật dùng, nước mía vẫn còn như cũ. Thấy được thần thông lực ấy, Tộc Trưởng phát sanh phỉ lạc sung mãn. Ý trở về nhà, người anh hỏi y rằng: "Em đi đâu thế?"

- Em đi thăm ruộng mía.

- Em thật là đoảng, đến ruộng mía mà trở về với tay không. Lẽ ra em nên mang về một hai cây mía chứ?

- Em có mang về hai cây mía, nhưng giữa đường gặp đức Phật Độc Giác, em đã cúng dường phần mía của mình đến Ngài. Sau đó, lại dâng luôn phần mía của anh với ý niệm rằng: "Nếu anh cần tiền sẽ trả lại bằng tiền, nếu anh cần phước sẽ trả lại anh bằng phước". Vậy anh nhận tiền hay phước?

- Này em! Nếu như thế, vị Độc Giác Phật hành động ra sao?

- Ngài dùng phần mía của em, riêng phần mía của anh, Ngài mang về núi Gandhamādana chia cho 500 vị Độc Giác Phật dùng.

Và y thuật lại những gì mình mục kích được, trông thấy được, toàn thân người anh đều phát sanh phỉ lặc, càng lúc càng sung mãn, đã phát nguyện rằng:

"Phước báu này, hãy cho tôi đắc được Pháp mà đức Phật Độc Giác ấy chứng đắc".

Như thế, người em ước nguyện ba loại tài sản, riêng người anh chỉ hướng tâm đến Đạo Quả A la hán mà thôi.

Sau khi mệnh chung, anh em Tộc Trưởng ấy thọ sanh về Thiên giới, thọ hưởng thiên sản hết một đời vị Phật, người anh vẫn là vị Thiên Tử anh, người em là vị Thiên Tử em. Sau khi dứt kiếp chư Thiên, hai vị thọ sanh về nhân giới cũng theo thứ tự, người anh vẫn là anh, em vẫn là em. Cả hai anh em sanh vào một gia tộc Trưởng giả Đại gia tộc. Ở thành Bandhumatī. Người anh có tên là Sena, người em có tên là Aparājita. Bấy giờ, thế gian nầy đang rực sáng với Phật quang của Đấng Đại Giác Kassapa. Giáo Pháp Ngài rực rỡ trong thế gian.

Hai Công Tử khi đến tuổi trưởng thành thì song thân qua đời, người anh kế tục tài sản gia tộc. Một hôm, người anh được tin rằng: "Phật Bảo đã hiện khởi trong thế gian, Pháp Bảo hiện khởi trong thế gian và Tăng Bảo hiện khởi trong thế gian".

Một Thiện gia Tử đã truyền rao trong thành Bandhuvatī rằng: "Tam Bảo đã hiện khởi, chiếu sáng thế gian. Các vị hãy nên bố thí, hãy nên làm phước. Hôm nay là ngày Uposatha, hãy thọ trì Bát giới, hãy đến nghe pháp nơi đức Thế Tôn".

Công Tử Sena thấy đại chúng cúng dường vật thực đến Tăng Chúng vào buổi sáng xong rồi, vào buổi chiều tay mang hương hoa cùng được phẩm trị bịnh vào Tinh xá nghe Pháp, chàng nói rằng:

- Tôi cũng sẽ đi nghe Pháp nữa.

Và Công Tử Sena nhập đoàn với đại chúng, đến Tinh xá ngồi chung với thính chúng ở nơi cuối cùng.

Đức Thế Tôn thấy được duyên lành của y, Ngài thuyết lên tuần tự Pháp. Được nghe Pháp thoại từ nơi đức Phật, tâm Trưởng giả Sena bỗng phát sanh sự chán nản đời sống thế tục, hướng về sự yếm ly, xuất gia. Đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Ngươi còn thân quyến chi chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Con còn có đứa em trai.

- Vậy ngươi hãy từ giả em ngươi đi.

- Thưa vâng! Bạch Thế Tôn.

Công Tử Sena trở về bảo với em rằng:

- Này em! Kể từ nay tài sản của gia tộc nầy là của em.

- Thế còn anh thì sao?

- Anh sẽ xuất gia sống đời sống Phạm hạnh trong Giáo Pháp của đức Thế Tôn.

- Thưa anh! Anh nói chi lạ thế? Khi song thân qua đời, em xem anh như là cha mẹ. Trong gia tộc nầy có đại tài sản, anh hãy sống đời tại gia mà làm phước thiện như bố thí... Anh chớ nên xuất gia.

-Anh đã nghe Pháp của đức Đạo Sư rồi, đời sống tại gia không thể hành Phạm hạnh được viên mãn. Anh quyết chí xuất gia, em hãy trở về chăm nom tài sản của gia tộc đi.

Thế rồi, Trưởng giả Sena từ giả em, đến Tinh xá xuất gia với đức Thế Tôn. Chẳng bao lâu, Ngài tinh cần hành pháp chứng đạt được quả vị A la Hán.

Công Tử Aparājata suy nghĩ: "Ta sẽ cúng dường đến đức Thế Tôn như anh ta vậy".

Chàng cúng dường đại thí đến chư Tăng có đức Phật là Thượng Thủ trọn bảy ngày. Rồi đến đánh lễ Trưởng lão Sena, bạch rằng:

- Bạch Ngài! ngài đã thực hành Pháp để đoạn hữu rồi. Còn tôi bị năm dục cuốn lôi, ràng buộc nhiều, không thể xuất gia sống đời Phạm Hạnh như Ngài được. Vậy xin Ngài hãy chỉ dạy phương thức hành thiện Pháp đến tôi đi.

- Lành thay! Nầy Tộc Trưởng, là người có trí nguời hãy kiến tạo Hương Thất cúng dường đến đức Thế Tôn đi.

- Lành thay! Lành Thay.

Tộc Trưởng cho người mang các loại vật liệu như cát, cây... Đen, các cây cột được chạm trổ đỉnh bằng ngọc 7 báu, 1 cây nạm vàng, 1 cây nạm bạc, 1 cây nạm ngọc Mani, 1 cây nạm thủy tinh, 1 cây nạm Pha Lê, 1 cây nạm Mã Não. Tộc Trưởng cho kiến tạo Hương thất bằng bảy loại ngọc quý như thế, mái Hương thất cũng được lợp bằng 7 loại ngọc như thế.

Trong khi đang kiến tạo hương thất, người cháu trai trùng tên với Tộc Trưởng là Aparājata, đi đến nói với Tộc Trưởng rằng:

- Cháu cũng muốn kiến tạo Hương thất, xin cậu hãy cho cháu hùn phước với.

- Nầy cháu không được đâu. Khi ta kiến tạo Hương thất nầy, ta chẳng cho ai hùn phước cả.

Người cháu khẩn khoản nhiều lần, nhưng Tộc Trưởng Aparājata kiên quyết bác bỏ, y suy nghĩ rằng:

"Cậu ta không chịu cho ta hùn phước, vậy ta hãy kiến tạo một giảng đường hình con voi để đổi lại với Hương thất ấy".

Thế là, y cho kiến tạo một Giảng đường hình con voi lớn, bằng những loại ngọc quý để cúng dường đến Tăng chúng, có đức Phật là tọa chủ. Y chính là Trưởng giả Menḍaka sau nầy trong thời đức Phật hiện tại.

Tộc Trưởng Aparājata kiến tạo Hương thất, có ba cửa sổ, mỗi cửa sổ làm bằng bảy loại ngọc báu, từ trong Hương thất nhìn ra cửa sổ sẽ thấy hồ sen lớn xây bằng vôi trắng, trong hồ chứa nước thơm gồm bốn loại nước, trong hồ trồng 5 loại hoa ngũ sắc quý, tỏa ngát hương thơm. Xung quanh Hương thất, Tộc Trưởng cho nghiền 7 loại ngọc báu làm bằng cát, cao ngấp đến đầu gối.

Khi hương thất hoàn tất, Tộc Trưởng Aparājata đi đến Trưởng Lão Sena bạch rằng:

- Bạch Ngài, Hương thất đã hoàn tất, mong rằng Hương thất sẽ được sử dụng, tôi được nghe rằng: Sẽ có nhiều phước báu khi Hương Thất được sử dụng.

Trưởng lão Sena đi đến yết kiến đức Đạo Sư bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Tộc Trưởng Aparājata kiến tạo hương thất cúng dường đến đức Thế Tôn và Tăng chúng, giờ đây y mong Ngài sẽ sử dụng Hương thất ấy.

Đấng thập Lực Kassapa từ nơi chỗ ngồi đứng dậy cùng Tăng chúng đi đến Hương thất, Ngài thấy bảy loại ngọc báu trải chung quanh Hương thất, Ngài đứng lặng yên trước cổng Hương thất. Hiểu ý, Tộc Trưởng bạch với đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Việc canh giữ Hương thất ấy là trách nhiệm của con, xin Ngài hãy ngự vào.

Bậc Đạo Sư ngự vào Hương thất ấy, Tộc Trưởng cho người canh giữ chung quanh với lời rằng:

- Các nguời hãy ngăn cấm những ai lấy (báu vật) với khăn, rổ hay bao... Nhưng đừng ngăn cấm những ai dùng tay nắm lấy chút ít. Hãy loan báo khắp kinh thành rằng: "Tộc Trưởng Aparājata cho rải ngọc báu 7 loại chung quanh Hương thất, những kẻ nghèo đến nghe Pháp từ đức Thế Tôn được phép lấy ngọc với hai nắm tay, người khá giả chỉ nên nhận ngọc bằng một bàn tay thôi".

Được biết rằng: "Y có sự suy nghĩ rằng: "Những người có đức tin muốn nghe Pháp sẽ đi. Riêng những ai chưa có đức tin cũng sẽ đến nghe Pháp vì nhân lợi lộc. Khi nghe được Pháp Bảo rồi cũng sẽ thoát khỏi khổ đau". Do đó, Tộc Trưởng đã thông báo như thế để tế độ những người nghèo khổ.

Đại chúng đến nghe Pháp nơi đức Thế Tôn và ra về với bàn tay nắm ngọc ấy, số ngọc rãi đã hết, Tộc Trưởng lại tiếp tục rải lần nhì cũng ngập đến gối, rồi lần thứ ba cũng thế. Ngoài ra, Tộc Trưởng còn cúng dường viên ngọc Maṇi lớn bằng quả dưa hấu, có màu đỏ rất xinh đẹp, y đặt viên ngọc dưới chân đức Thế Tôn, vì y suy nghĩ rằng: "Đại chúng mong nhìn viên Bảo Ngọc, chắc chắn sẽ có cơ hội chiêm ngưỡng dung quang của đức Phật không biết chán". Và đại chúng nhờ đó mà chiêm ngưỡng Phật Thân rồi phát sanh tịnh tín nơi Ngài cũng có rất nhiều.

Một hôm, có gã Bà-La-Môn nghèo, y có tâm tà vạy rằng: "Được nghe có Bảo ngọc đỏ Maṇi vô giá của Tộc Trưởng gã cúng dường đức Phật, đặt dưới chân Ngài. Ta hãy đến đó đánh cắp Bảo Ngọc".

Gã Bà-La-Môn đi đến Tinh xá, trà trộn vào với đại chúng, và đánh lễ đức Đạo Sư. Thấy được dáng điệu khả nghi của gã Bà-La-Môn ấy, Tộc Trưởng Aparājita biết rằng: "Gã Bà-La-Môn này sẽ đánh cắp Bảo châu thôi! Thật là bất xứng với hành động của y vậy".

Gã Bà-La-Môn đi đến đánh lễ đức Phật, để tay giống như người đánh lễ, rồi hạ mình xuống, nhân cơ hội ấy, y cuộn viên Bảo Ngọc vào trong tay áo, rồi trốn ra khỏi đại chúng. Tộc Trưởng không hài lòng với hành động xấu xa của Gã Bà-La-Môn ấy, khi dứt Pháp thoại, Aparājita đi đến đánh lễ đức Phật bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con cho rãi ngọc 7 báu ba lần ngập đến gối ở chung quanh Hương thất này để cúng dường đến Ngài và Tăng chúng. Khi Đại chúng đến nghe Pháp và nhặt lấy những bảo ngọc ấy, con không hề phiền muộn. Nhưng hôm nay con không hoan hỷ với hành động của gã Bà-La-Môn khi gã ấy đánh cắp viên bảo châu Maṇi đỏ.

Nghe Tộc trưởng trình bày như thế, đức Thế Tôn phán rằng:

Này thiện gia tử, người không thể tự gìn giữ bảo vật của mình, để khỏi bị người khác đánh cắp hay sao?

Ngài gợi ý cho Tộc Trưởng như thế, Tộc Trưởng Aparājita hiểu ý liền phát nguyện rằng:

- Bạch Thế Tôn! Từ nay trở đi dù cho cả trăm cả ngàn hay trăm ngàn người như đức vua hay bọn cướp đi nữa, cũng không thể nào uy hiếp cướp đoạt của con được dù đó chỉ là sợi chỉ trong tay áo hay của chiếc khăn choàng, nếu như không có sự đồng ý của con. Ngay cả lửa cũng không đốt được tài sản ấy, nước cũng không thể cuốn trôi được tài sản ấy.

Đức Thế Tôn tùy hỷ rằng: "Sự ước nguyện của người được thành tựu như vậy đi".

Vào ngày khánh thành Hương thất, Tộc Trưởng đã cúng dường đại thí đến 680 ngàn vị Tỳ khưu trọn 9 tháng, cuối cùng vào ngày sau chót, y đã dâng Tam y đến mỗi vị tỳ khưu, y ấy bằng vải Saṭṭhaka có giá trị là 1000 đồng vàng.

Tộc Trưởng Aparājita tạo thiện hạnh như thế cho đến khi mệnh chung, thọ sanh về Thiên giới, luân chuyển trong hai cõi Nhân thiên suốt thời gian một vị Phật.

Vào thời hiện tại, từ Thiên Cung vị Thiên Tử ấy hạ sanh vào thai bào của một Đại gia tộc (Mahāsāla) Trưởng giả trong thành Rājagaha, vị ấy ở trong thai bào chín tháng rưỡi. Vào ngày hạ sanh đồng tử ấy, tất cả kinh thành đều rực sáng, nhưng vật trang sức chiếu ngời như đang hiển lộ hào quang, toàn kinh thành đã chói rực đồng loạt như vậy. Từ ban sáng Trưởng giả là thân phụ của Đồng tử ra đi vào Hoàng Cung để triều kiến đức Vua Bimbisāra. Thấy hiện tượng kỳ lạ xảy ra trong kinh thành, đức vua phán hỏi các Đại Thần rằng:

- Này chư khanh, vì sao hôm nay tất cả vũ khí, luôn cả những vật trang điểm, ngay cả kinh thành cũng sáng rực lên như thế? Các khanh có biết là do nhân chi chăng?

Trưởng giả tâu rằng:

- Tâu Đại Vương! Thần biết.

- Này Trưởng giả! Chẳng hay do nhân chi thế?

- Tâu Bệ Hạ! Đó là do nô lệ của Ngài vừa chào đời. Sự rực sáng ấy là do năng lực phước báu của Hài tử là con của Hạ thần.

- Này khanh! Nó sẽ trở thành giặc cướp hay sao?

- Tâu Đại Vương! Không phải như thế đâu, đó là hiện tượng của bậc đại phúc nên đã khiến xảy ra điều hào quang rực rỡ như thế.

Nghe vậy, đức vua Bimbisāra vô cùng hoan hỷ, ban cho Đồng tử ấy mỗi ngày một ngàn đồng và phán rằng:

- Nếu như thế, nầy khanh! Khanh hãy nuôi dưỡng Hải Tử ấy cho chu đáo. Đây là tiền sữa của nó đấy.

Vào ngày lễ đặt tên, đại chúng đã đặt cho Hải Tử tên là Jotika (Quang Minh) vì đã khiến cho Kinh thành rực sáng đồng loạt.

Công Tử Jotika khi trưởng thành, được 16 tuổi, chàng muốn kiến tạo cho mình tòa lâu đài, khi chọn được khoảng đất vừa ý, Công Tử Jotika gọi thợ đến kiến tạo cho mình tòa lâu đài.

Khi ấy, nơi Đạo Lợi Thiên Cung, chiếc ngai vàng Paṇḍukambala của đức Thiên Vương Đế Thích chột nóng rang, Thiên chúa quán sát rằng: "Đây là do nhân chi thế?". Ngài biết rằng: Công Tử Jotika đang muốn xây dựng lâu đài cho mình. Ngài suy nghĩ: "Công Tử Jotika là bậc đại phúc, không thể ở trong lâu đài do người kiến tạo được. Vậy ta phải giúp đỡ cho chàng". Ngài sai vị Thiên Thần kiến trúc giúp cho Jotika, đích thân Ngài đi xuống nhân giới, hóa thân thành người thợ mộc kỳ tài, đi đến nơi toan xây dựng lâu đài, hỏi đại chúng rằng:

- Các người đang làm chi đó?

- Chúng tôi đang dọn đất cho bằng phẳng để kiến tạo lâu đài cho Công Tử Jotika.

- Các người hãy tránh ra đi, Công Tử Jotika không thể nào ngụ được trong tòa lâu đài do các người kiến tạo đâu.

Rồi Thiên Vương đưa mắt nhìn khoảnh đất rộng 16 mẫu, lập tức nơi ấy trở nên bằng phẳng như vòng Kasīṇa. Thiên Vương lại chú nguyện rằng: "Lâu đài bảy tầng bằng 7 loại bảo ngọc hãy hiện khởi nơi nầy: "Ngay lập tức, tòa Thiên Lâu bảy tầng liền xuất hiện. Rồi Ngài chú nguyện tiếp: "7 vòng rào bằng 7 loại báu vật hãy hiện khởi quanh lâu đài". Và bảy hàng rào đã xuất hiện. Ngài lại nguyện tiếp: "Bốn Như ý thọ hãy mọc lên ở bốn góc lâu đài đi". Hãy xuất hiện bốn hầm báu vật. Và lập tức bốn hầm báu vật cùng với bốn Như ý thọ hiện ra.

Trong bốn hầm báu vật ấy, một hầm rộng 1 do tuần, một hầm rộng 3 gāvuta, một hầm rộng nửa do tuần và một hầm rộng 1 gāvuta. Nơi bảy cánh cửa của 7 vòng rào có 7 vị Chúa Dạ Xoa canh giữ lâu đài. Cửa thứ nhất là Chúa Dạ Xoa Yamamoli, cửa thứ hai là Chúa Dạ Xoa Uppala, cửa thứ ba là Dạ xoa chúa Vajira, cửa thứ tư là Dạ xoa chúa Vijirabaha, cửa thứ năm là Dạ xoa chúa Sakata, cửa thứ sáu là Dạ xoa chúa Sakattattha, cửa thứ bảy là Dạ xoa chúa Disāmukha. Cửa thứ nhất có 1000 dạ xoa tùy tùng, cửa thứ hai là 2000 dạ xoa tùy tùng, cửa thứ ba là 3000, cửa thứ tư là 4000, cửa thứ năm là 5000, cửa thứ sáu là 6000 và cửa thứ bảy là bảy ngàn dạ xoa tùy tùng. Bên trong lẫn bên ngoài đều có sự canh phòng, giữ gìn nghiêm mật như thế.

Đức vua Bimbisāra được tin rằng: "Lâu đài bằng 7 loại ngọc báu, cao 7 tầng xuất hiện cho Công Tử Jotika, cùng với bốn hầm Châu báu và bốn Như ý Thọ". Ngài vô cùng hoan hỷ, ban chức vị Trưởng giả cho Công Tử Jotika. Và chư Thiên phải mang một người nữ tuyệt sắc hữu phúc từ xứ Bắc Câu Lưu Châu đến tòa lâu đài ấy để kết duyên cùng với Trưởng giả Jotika. Nữ nhân xinh đẹp ấy khi về nhà chồng có mang theo ba bảo vật là ba tảng đá cùng với một đấu gạo. Khi họ dùng gạo trong đấu ấy, mang đặt lên ba tảng đá lửa ấy, lửa tự nhiên phát ra, khi vật thực chín thì tự nhiên lửa tắt đi, ngay cả nấu những loại vật thực khác cũng như thế. Còn về đấu gạo thì cả hai người chỉ dùng loại gạo từ đấu ấy và gạo ấy không bao giờ voi, dù rằng sống trọn kiếp trái đất cũng không hề hấn chi cả.

Được nghe lại rằng: Khi những người ấy muốn có gạo khoảng 100 xe bò, lập tức gạo từ đấu ấy tuôn ra, đầy tràn cả trăm cỗ xe bò, nhưng gạo trong đấu ấy chẳng hề voi đi một hạt. Lại nữa, người trong tòa lâu đài ấy không sống với ánh sáng của lửa, mà chỉ sống bằng ánh sáng phát ra từ bảo châu Maṇi.

Khi tài sản thù diệu tối thắng của Trưởng giả lan truyền khắp cõi Diêm Phù như thế, đại chúng từ muôn phương kéo về kinh thành Rājagaha để chiêm ngưỡng kỳ quan đặc biệt ấy, bấy giờ, Trưởng giả Jotika lấy gạo từ đấu ấy nấu lên cho đại chúng dùng, và bảo rằng: "Quý vị hãy nhận vải cùng với vật trang sức từ nơi cây Như ý đi".

Sau đó, Trưởng giả lại khai mở một hầm châu báu nhỏ nhất là 1 gāvuta, nói rằng:

- Các vị hãy nhận lấy tài sản đi, muốn lấy bao nhiêu thì lấy.

Khi toàn dân trong cõi Diêm Phù nhận lấy tài sản từ lâu đài của Jotika, ở nơi hầm châu báu ấy. Sự vui đi tài sản châu báu từ hầm ấy, dù chỉ là một lông tay cũng không hề có. Đây là quả phước của việc rải ngọc 7 báu quanh Hương Thất.

Đại chúng lấy vải, trang sức cùng với những loại châu báu tài sản theo ý thích rồi ra đi. Tiếng tán thán về tài sản của Jotika lan đến tai đức Vua Bimbisāra, Ngài muốn ngự lâm đến lâu đài của Jotika, nhưng không thể đến được vì đại chúng quá đông. Về sau, khi đại chúng thưa dần rồi, đức vua Bimbisāra phán với thân phụ của Trưởng giả Jotika rằng:

- Này Khanh! Trẫm muốn ngự đến lâu đài bảy báu của Jotika.

- Tâu Đại Vương! Lành thay.

Trưởng giả về bảo với con rằng:

- Này con! đức vua muốn ngự đến lâu đài của con đấy.

- Thưa vâng! Thưa cha, cha hãy thỉnh đức Vua ngự đến đi.

Đức vua cùng với đoàn tùy tùng ngự đến tòa lâu đài, khi ấy nàng tỳ nữ quét rác trước cổng lâu đài, nơi cánh cửa thứ nhất, nàng cung kính chào đức Vua khi thấy Ngài ngự đến, đưa tay cho đức vua nắm lấy. Đức Vua e ngại, vì ngỡ rằng là Trưởng giả phu nhân. Ngài không dám nắm tay nàng nữ tỳ ấy. Trưởng giả đi đến tiếp kiến đức vua, tâu rằng:

- Tâu Đại Vương! Xin thỉnh Ngài hãy ngự đi.

Nền lâu đài bằng ngọc Mani trắng trong, đức Vua không thể phân biệt được, nhìn thấy như có những hố sâu khoảng trăm người chổng lên cũng chưa chạm đáy. Đức Vua khởi lên ý nghĩ rằng:

"Chẳng lẽ Jotika cho đào hố để ám hại ta?" nên Ngài không dám ngự đi vào, hiểu ý vua, Trưởng giả Jotika tâu rằng:

- Tâu Bệ Hạ! Đây không phải là hố sâu đây, xin Bệ Hạ hãy theo chân hạ thân.

Đức vua theo chân Trưởng giả Jotika, quan sát từ lầu một cho đến lầu bảy. Trong khi ngắm nhìn tòa lâu đài, Hoàng Tử Ajātasattu đã khởi lên tư tưởng rằng: "Phụ Vương ta thật là ngu xuẩn, gia chủ này sống trong tòa lâu đài bằng ngọc bảy báu. Phụ Vương ta là vua mà lại sống trong Hoàng Cung bằng gỗ. Khi ta làm Hoàng Đế ta sẽ chiếm đoạt tòa lâu đài này ngay, ta sẽ không cho gia chủ này sống trong nơi này nữa".

Khi đức vua cùng với tùy tùng lên đến lầu bảy thì đến giờ thọ thức buổi sáng, đức vua phán bảo với Trưởng giả Jotika rằng:

- Này Khanh! Chúng ta sẽ thọ thực tại nơi này.

- Tâu Đại Vương! Thần đã cho chuẩn bị sẵn sàng rồi.

Trưởng giả Jotika thỉnh đức vua tắm rửa trước khi đồ vật thực. Đức vua tắm bằng nước hoa đựng trong 16 chậu vàng, khi tắm xong Ngài ngự trên sàng tạo được trang hoàng lộng lẫy, bên trên được che bằng chiếc lọng trắng chín tầng bằng ngọc Mani trắng của Trưởng giả Jotika.

Gia nhân mang nước rửa tay đến dâng đức vua, rồi dâng cơm để hồ đựng trong mâm vàng có giá trị là trăm ngàn đồng vàng, mâm cơm đầy vật thực thượng vị đặt trước mặt đức vua. Khi đức vua toan dùng cơm ấy thì Trưởng giả ngăn lại rằng:

- Tâu Đại Vương! Hãy đợi, vì đây chỉ là loại cơm để hồ thôi.

Rồi gia nhân lại dâng những loại vật thực phụ tùng dùng chung với cơm để hồ lên. Đức vua dùng vật thực rất nhiều, nhưng không hề thấy thỏa mãn. Thấy như thế, Trưởng giả Jotika thưa rằng:

- Tâu Bệ hạ! Thôi vừa đủ rồi, Ngài chớ nên dùng quá hạn lượng như thế.

- Này Jotika! Khanh lo ngại mình sẽ vui hết vật thực sao?

- Tâu Đại Vương! Chẳng phải như thế đâu. Lượng vật thực như thế này vẫn đủ dùng cho tất cả quan quân trong triều cả tháng, thần chỉ e ngại mình mang tai tiếng mà thôi.

- Vì sao khanh lại mang tai tiếng?

- Tàu Bệ hạ, nếu như Bệ hạ không kềm chế, thì Bệ Hạ sẽ bội thực. Và thần sợ rằng: "Tiếng đồn rằng: "Hôm qua đức vua ngự đến lâu đài của Trưởng giả Jotika, chẳng biết Jotika đã dùng loại vật thực gì để tiếp đãi nhà vua, khiến cho nhà vua phải lâm bệnh như thế ấy.

- Nếu thế thì, khanh hãy mang vật thực này đi đi. Và đoàn tùy tùng của đức vua đã dùng loại vật thực như thế vẫn không thể nào làm cho hết được vật thực ấy. Sau khi thọ thực xong, đức vua Bimbisāra ngồi bàn bạc về sự an lạc với Trưởng giả Jotika, Ngài hỏi rằng:

- Này Jotika khanh! Chẳng hay phu nhân của khanh ở đâu? Nàng không có ở trong lâu đài này sao?

- Tàu bệ Hạ, có ạ.

- Vậy nàng ở đâu?

- Nàng luôn ở trong phòng khánh tiết, nên không hay Bệ Hạ ngự đến nơi này.

Thật vậy, nàng Kiều nữ của Bắc Câu Lưu Châu ấy, tuy đức vua ngự đến toà lâu đài từ sáng đến trưa như vậy, nhưng nàng ta chẳng hề hay biết chi cả. Biết rằng: Đức vua muốn biết mặt vợ mình, Trưởng giả Jotika đi vào phòng loan nói với nàng ấy rằng:

- Này em thân yêu! Đức vua ngự đến lâu đài của chúng ta, chẳng lẽ em không ra diện kiến với Ngài hay sao?

- Này anh thân yêu, đức vua ấy là thế nào?

- Này em, đó là vị lãnh tụ quân của xứ Magadha này, là chúa của chúng ta đấy.

Nghe vậy, nàng cau mày lại, lộ vẻ phiến muộn rằng:

- Than ôi! Chúng ta còn có người làm chủ, thế thì việc phước của chúng ta làm khi trước không đủ đức tin trong sạch, nên tài sản này phát sanh lên lại có người lớn hơn ta nữa. Chắc chắn sự thí của chúng ta đã thiếu đức tin, nên quả thí mới như thế. Này anh, bây giờ đây em phải làm thế nào?

- Em hãy cầm quạt ra hầu đức vua đi.

Và vợ Trưởng giả đến quạt hầu đức vua, trong lúc quạt, màu sắc rực rỡ của chiếc khăn quàng cùng với mùi mồ hôi của đức vua xông lên mắt và mũi nàng, khiến nàng chảy nước mắt. Thấy vậy, đức vua Bimbisāra phán với Trưởng giả Jotika rằng:

- Này Trưởng giả! Thường nữ nhân là người kém hiểu biết, có lẽ nàng khóc vì sợ rằng: Đức vua sẽ chiếm đoạt tài sản của chồng mình chẳng? Khanh hãy làm cho nàng yên lòng đi, trẫm không chiếm đoạt tài sản của khanh đâu.

- Tàu Đại Vương! Chẳng phải nàng khóc đâu.

- Nếu thế thì vì sao vậy?

- Nàng tuôn nước mắt vì màu sắc rực rỡ của chiếc khăn vấn đầu của đại vương, cùng với mùi hơi từ ánh sáng của lửa. Vì rằng: Tàu Đại vương, vợ của thần từ trước đến giờ chưa bao giờ quen với loại ánh sáng từ lửa, nàng quen sống với ánh sáng của ngọc Mañi. Còn Bệ Hạ thì quen với ánh sáng từ nơi lửa.

- Thật như vậy ư, này Trưởng giả.

- Tàu Đại vương! Từ nay trở đi Ngài hãy sống với ánh sáng của Bảo ngọc Mañi đi.

Trưởng giả Jotika dâng đức vua Bimbisāra viên bảo châu lớn bằng quả dưa hấu.

Đức vua ngự lãm tài sản của Jotika xong rồi, Ngài phán rằng:

- Tài sản của Jotika quả thật vĩ đại.

Rồi Ngài cùng với đoàn tùy tùng trở về Hoàng Cung.

XXVI. 34- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO JĀṬILA

Cũng trong thời ấy, trong thành Bārānasī có nàng Tiểu Thư là con gái một Đại Trưởng giả, nàng có một nhan sắc tuyệt đẹp. Cha mẹ nàng cho một nữ tỳ hầu hạ nàng và an trú nàng ở lầu bảy của một toà lâu đài bảy tầng. Một hôm, có một chàng chú thuật gia, dùng chú thuật bay trên hư không, chợt trông thấy nàng Tiểu thư đang đứng dựa cửa sổ ngắm nhìn ra bên ngoài, Tiểu Thư trông thấy chú thuật gia nàng mỉm cười, chàng bỗng phát sanh ái luyến với nàng, đi đến bên cửa sổ trò chuyện cùng Tiểu thư. Và cả hai đã tư thông với nhau. Thời gian sau, nàng Tiểu Thư có thai, nữ tỳ thấy được sự khác lạ từ thân của Tiểu Thư, gạn hỏi rằng:

- Thưa Tiểu Thư! Vì sao có chuyện như vậy.

Tiểu Thư lo sợ, tỏ thật với nữ tỳ và yêu cầu nữ tỳ giữ kín chuyện ấy rằng:

- Người đừng cho ai biết việc này nhé.

Thời gian sau, nàng hạ sanh ra một bé trai, bảo nữ tỳ lấy chiếc thau, bỏ hài nhi vào trong đó, chụp lên trên một vòng hoa, rồi bảo nữ tỳ rằng:

- Em hãy mang đứa bé này ra khỏi toà lâu đài, thả nó trôi sông đi. Nếu có người hỏi thì nói rằng: "Là vật tế lễ của cô tôi".

Nàng nữ tỳ làm theo lời dặn, nó bỏ đứa bé trong thau thả trôi trên sông Gaṅgā.

Cái mâm trôi xuôi theo giòng nước về miền hạ lưu, đến lãnh thổ xứ Avantī, có hai nữ tỳ đang tắm sông, chợt trông thấy mâm trôi theo giòng nước, một cô nói rằng: "Chiếc mâm là của tôi".

Còn cô kia thì nói rằng: "Nếu vậy thì vật trong mâm là của tôi". Hai nàng nữ tỳ vớt mâm thau ấy, thấy có đứa bé trong đó, cả hai phát sanh sự thương mến, giành rằng: "Đây là vật của tôi".

- Này chị, đứa bé là vật của tôi. Còn mâm thau là vật của chị kia mà.

Cả hai giành nhau đứa bé, cuối cùng phải mang sự việc trình lên quan Đại thần xử kiện. Vị Đại thần cũng không thể giải quyết được, nên trình lên đức vua. Nghe xong câu chuyện, đức vua phán giải rằng: "Người ước mâm thau thì nhận lấy mâm thau, người ước vật đựng trong mâm thì nhận lấy đứa bé".

Người nữ tỳ nhận được đứa bé là người hộ độ cho Trưởng lão Mahākaccāyana, nên nàng có ý nghĩ rằng: "Ta sẽ cho con ta xuất gia với Trưởng lão Mahākaccāyana".

Tóc đứa bé bện lại thành từng lọn vì dính lấy chất thau mà Tiểu Thư tắm rửa cho con không sạch. Do vậy đứa bé có tên gọi là Jāṭila (tóc bện giả) vào ngày lễ đặt tên cho nó.

Khi Jāṭila vừa biết đi, nàng nữ tỳ cung thỉnh Trưởng Lão Mahākaccāyana đến thọ thực tại tư gia của nàng. Sau khi cúng dường vật thực xong rồi, nàng đánh lễ Trưởng lão và bạch rằng:

- Bạch Ngài! Con xin dâng Hài Tử này đến Ngài.

Thấy Jāṭila, Trưởng lão hỏi rằng:

- Này tín nữ! Cô có được đứa bé này sao?

- Thưa vâng! Bạch Ngài, đây là con nuôi của con, con nuôi đứa bé này với sự ước nguyện rằng: Sẽ cho nó xuất gia với ngài. Vậy xin Ngài hãy tế độ cho nó đi.

- Được thôi! Này tín nữ.

Nàng tín nữ giao đứa bé cho Trưởng Lão, ngài quán xét rằng:

"Đứa bé này có phước hưởng tục sản chăng?" Ngài thấy rằng có.

"Đức bé này là bậc đại phước, sẽ thọ dụng đại tài sản, giờ đây nó còn quá bé, trí tuệ chưa viên mãn".

Trưởng lão Mahākaccāyana đưa Jāṭila đến nhà người hộ độ của mình trong thành Takkaṣilā. Người hộ độ chăm nom săn sóc Jāṭilarất cẩn thận, vì rằng: Khi gặp Ngài Mahā Kaccāyana, người hộ độ gia ấy đánh lễ Ngài, rồi đứng sang một bên, chợt trông thấy Jāṭila, ông đã bạch hỏi rằng:

- Ngài có được đứa bé này rồi sao?

- Đúng thế, nầy thiện nam, nó sẽ xuất gia sau này, nhưng giờ đây nó còn quá bé. Vậy hãy để nó ở lại đây với ông nhé.

- Thưa vâng, bạch Ngài.

Người hộ độ nhận lời nuôi dưỡng đứa bé, xem Jāṭila như là con mình. Người hộ độ ấy có nhiều tài sản đã ứ đọng cả 12 năm rồi, ông phải tồn trữ trong nhà suốt thời gian 12 năm như thế. Một hôm vào ngày hội chợ, ông mang những tài sản ấy ra bán, dặn bảo Jāṭila rằng:

- Con hãy bán món nầy với giá tiền như vậy, món nầy có giá như thế nầy...

Rồi y trở về nhà, hôm ấy vị Thiên Nhân trấn giữ thành Takkasilā đã khiến mọi người đi đến gian hàng của Jāṭila mua hết tất cả những món tài sản ấy, dù chỉ là trái ớt hay cọng rau, họ cũng tìm đến cửa hàng ấy mà mua. Đồng tử Jāṭila đã bán sạch những hàng hoá được tồn trữ cả 12 năm chỉ nội trong một ngày.

Vị Tộc Trưởng trở ra chợ, thấy hàng hoá đã hết, nên hỏi rằng:

- Này Jāṭila con! Những hàng hoá đã mất hết rồi phải chăng?

- Chẳng có mất đâu cha! con đã bán hết số hàng hoá ấy theo lời cha bảo rồi. Đây là tiền bán được.

Tộc trưởng vô cùng hài lòng trước kết quả tốt đẹp ấy, suy nghĩ rằng: "Người đại phước như thế nầy, dù cho có sống ở bất cứ nơi nào cũng tốt cả. Vậy ta hãy gả con gái ta cho y".

Thế là, Trưởng giả gả con cho Jāṭila, rồi ông bảo gia nhân rằng:

- Các người hãy kiến tạo toà lâu đài cho hai đứa con của ta đi.

Khi ngôi nhà được hoàn tất rồi, ông bảo rằng:

- Hai đứa con hãy ở trong nhà ấy đi.

Chàng Jāṭila vừa đặt chân vào toà nhà, lập tức một núi vàng cao 80 hắc tay (40 mét) từ dưới đất chui lên, ở phía sau nhà của Jāṭila. Đức vua nghe tin rằng:

- Núi vàng nổi lên gần nhà của Jāṭila.

Đức vua liền ban lệnh Trưởng giả đến Jāṭila, đặt chàng vào địa vị đệ nhất Trưởng giả nơi thành Takkasilā. Trưởng giả Jāṭila có được ba người con trai, khi các Công Tử đã trưởng thành, được tin đức Phật đã xuất hiện trên thế gian, tâm của Jāṭila mong muốn xuất gia, ông suy nghĩ rằng:

- Nếu giờ ta đi xuất gia, chắc chắn các con ta không cho ta đi đâu. Nếu có vị Trưởng giả nào có đại tài sản như ta hay hơn ta thì các con ta mới chịu cho ta xuất gia. Chẳng lẽ trên cõi Diêm Phù nầy không có người giàu có bằng hoặc hơn ta sao?

Trưởng giả Jāṭila cho thợ đúc những thỏi vàng ra thành những viên gạch bằng vàng, cho đúc cán dù bằng vàng, và đôi dép cũng bằng vàng, rồi bảo những vị Bà-La-Môn gia tộc rằng:

- Các vị hãy mang những vật nầy, đi du đạo khắp cõi Diêm Phù giả như đang đi tìm một vật chi đó. Xem có ai giàu bằng hay hơn ta chăng?

Nhóm Bà-La-Môn ấy đi đến kinh thành Bhaddiya trong thành Bhaddiya có Trưởng giả Meṇḍaka, trông thấy nhóm gia nhân ấy, hỏi rằng:

- Các người đang đi tìm cái chi thế?

- Chúng tôi đi tìm một nóm đồ.

Trưởng giả trông thấy họ mang những viên gạch vàng, cán dù vàng và đôi dép vàng như thế, thì biết rằng: "Những người nầy chẳng phải đi tìm vật chi khác lạ, họ đang tìm xem kẻ nào giàu hơn người đại phú gia nầy đây?"

Nghĩ như thế rồi, Trưởng giả Meṇḍaka nói rằng:

- Nầy các ông, các ông hãy quan sát phía sau nhà của tôi đi.

Phía sau nhà Trưởng giả Meṇḍaka, một khoảng đất trống rộng nơi đó nổi lên những con đê bằng vàng lớn như con voi, con bò mộng Usabha hay con ngựa, những con nầy đứng nối đuôi con kia chập cả 8 mẫu. Quan sát được tài sản của Trưởng giả Meṇḍaka rồi, nhóm Bà-La-Môn biết được rằng:

Đây là người mà chúng ta muốn tìm, họ liền trở lại thành Takkasilā, trình lại với Trưởng giả Jāṭila rằng: "Thưa ông! Chúng tôi đã trở về".

- Các người có thấy ai giàu bằng hoặc hơn ta chẳng?

-Thưa ông! Ông mà thắm vào đâu so với đại tài sản của Trưởng giả Meṇḍaka. Trong thành Baddiya có Trưởng giả tên là Meṇḍaka có tài sản còn nhiều hơn ông nữa kìa.

Rồi nhóm Bà-La-Môn ấy thuật lại cho Trưởng giả Jāṭila nghe. Nghe được tin này, Trưởng giả Jāṭila phát sanh hoan hỷ rằng:

- Ta đã gặp được một gia đình đại phú rồi. Giờ đây, còn gia tộc nào giàu có hơn nữa chẳng?

Trưởng giả Jāṭila giao cho nhóm Bà-La-Môn tấm vải Kambala trị giá trăm ngàn đồng vàng, bảo rằng:

- Các vị hãy đi tìm xem có gia tộc nào là bậc đại phú gia nữa chẳng? Nhóm Bà-La-Môn lại ra đi, sau nhiều nơi du hành, nhóm Bà-La-Môn đi đến kinh thành Rājagaha, họ đi lần đến gần lâu đài của Trưởng giả Jotika. Họ giả vờ đi tìm củi, nhóm lên bếp lửa, thị dân trông thấy họ, nên hỏi rằng:

- Các ông đang làm chi thế?

- Chúng tôi có tấm vải trị giá trăm ngàn đồng vàng, chúng tôi muốn bán nhưng chẳng có ai mua nổi. Nay chúng tôi phải lên đường, con đường này có nhiều bọn cướp trộm. Chúng tôi sợ cướp nên đành phải đốt bỏ tấm vải ấy để khỏi có sự tai hại đến mình.

- Nếu thế, các ông hãy mang đến bán cho Trưởng giả Jotika đi.

Nhóm Bà-La-Môn ấy tìm đến lâu đài của Trưởng giả Jotika, Trưởng giả Jotika hỏi rằng:

- Các ông đến có việc chi chẳng?

Nhóm gia nhân bạch trình lại sự việc ấy, Trưởng giả hỏi rằng:

- Vải Kambala này trị giá là bao nhiêu?

- Thưa chủ, trăm ngàn đồng vàng.

Trưởng giả sai người giao cho họ trăm ngàn đồng vàng rồi nhờ họ rằng:

- Các người hãy mang tấm vải này cho đến người nữ tỳ quét rác trước cổng lâu đài hộ tôi đi.

Nàng nữ tỳ nhận lãnh chiếc vải Kambala ấy, nàng khóc lên đi tìm Trưởng giả Jotika mà than khóc rằng:

- Thưa gia chủ, tôi có phạm lỗi chi, chủ hãy đánh mắng tôi đi, vì sao chủ lại cho tôi tấm vải thô xấu như vậy. Làm thế nào tôi có thể mặc hoặc đắp loại vải thô xấu như vậy được.

- Chẳng phải ta cho người dùng để mặc hay đắp, ta cho người để người đặt gần giường, khi ngủ người sẽ lau chân bằng vải đó vậy.

- Thưa chủ, nếu dùng để lau chân thì tôi có thể xử dụng được.

Nhóm Bà-La-Môn chứng kiến được sự kiện ấy, vô cùng kinh hoàng trước đại gia sản của Trưởng giả Jotika, nên trở về Takkasilā báo lại cho Trưởng giả Jāṭila biết. Trưởng giả Jāṭila hỏi:

- Các người có gặp người nào có đại tài sản hơn nữa chẳng?

- Thưa gia chủ! Gia sản của ông chẳng thắm vào đâu so với gia sản của Trưởng giả Jotika ở thành Rājagaha cả.

Rồi họ thuật lại câu chuyện được chứng kiến đến gia chủ Jāṭila. Nghe xong, tâm của Jāṭila vô cùng phấn khởi rằng:

- Bây giờ thì ta dễ dàng xuất gia rồi. Ta hãy đi xuất gia thôi.

Trưởng giả Jāṭila đi đến Hoàng Cung, tâu lên đức vua nguyện vọng của mình rằng:

-Tâu Đại vương! Thần muốn được xuất gia.

- Lành thay! Lành thay! Nay Trưởng giả hãy làm theo những gì ông cho là hợp thời.

Trưởng giả Jāṭila cho gọi ba người con đến, trao cho người con cả cái cốc bằng vàng, nói rằng:

- Con hãy cuốc một ít vàng ở núi vàng cho cha đi.

Người con cả cầm cuốc vàng đi đến núi vàng để cuốc vàng, nhưng vàng trở nên cứng rắn như đá tảng, không thể cuốc được.

Trưởng giả Jāṭila lại giao cuốc đến cậu Công Tử thứ hai, cậu này cũng như anh, không cuốc được vàng ở núi vàng đó. Tiếp đến, Trưởng giả Jāṭila giao cuốc đến cậu Công Tử thứ ba. Công tử cuốc vàng như ta cuốc vào trong đất vậy. Trưởng giả nói với Công Tử út rằng:

- Thôi được rồi! Này con, bao nhiêu đó được rồi.

Ông cho gọi ba người con lại bảo rằng:

- Núi vàng này không phải phát sanh cho hai con, mà là phát sanh cho cha và em út của hai con. Vậy hai con phải sống an vui với em của các con đi.

Hỏi rằng: Vì sao núi vàng chỉ phát sanh đến Jāṭila và người con út vậy? Tại sao Trưởng giả Jāṭila bị cuốn trôi sông?

Đáp rằng: do tiền nghiệp của hai vị ấy. Được biết rằng: Vào thời quá khứ, khi đại chúng đang kiến tạo ngôi Bảo tháp vàng của Đấng Thập Lực Kassapa, có một vị Thánh Vô Lậu đi đến, sau khi xem xét Bảo Tháp, hỏi:

- Này quý vị, tại sao không xây mặt tiền hướng Bắc của ngôi Bảo Tháp?

- Bạch Ngài! Vì không đủ vàng.

- Nếu thế, tôi sẽ đi vào làng mạc để kêu gọi, các người hãy tùy hỷ phước thiện ấy đi.

Vị Thánh Vô Lậu đi vào thôn xóm, kêu gọi đại chúng rằng:

- Này quý vị thiện gia tử, mặt tiền hướng Bắc của ngôi Bảo Tháp Đấng Thập Lực còn đang thiếu vàng. Vậy quý vị hãy cùng nhau tạo phước đi.

Tuần tự, Ngài đi đến ngôi nhà của người thợ bạc, ông ta vừa mới cãi cọ với vợ xong, sự phẫn nộ còn đang tiềm ẩn trong tâm. Khi ấy vị Thánh Vô Lậu đi đến kêu gọi người thợ bạc rằng:

- Này gia chủ, vàng dùng kiến tạo Bảo Tháp của Đấng Thập Lực còn thiếu. Vậy ông hãy hùn phước đi.

Con giận còn đang ẩn náu trong tâm của y, nên y thốt lên rằng:

- Ngài hãy quăng bỏ đức Đạo Sư của Ngài xuống sông đi.

Nghe ác trọng nghiệp khẩu như thế, vợ ông kinh hoàng nói:

- Này ông! Ông đã tạo một ác trọng nghiệp quá nặng rồi. Ông có sân hận mà đánh đập hay chửi mắng tôi thì ác nghiệp ấy vẫn còn nhẹ. Vì sao ông lại quăng đức Sư xuống sông chứ? Tại sao ông lại xúc phạm đến chư Phật ba đời như thế?

Người thợ bạc nghe vợ nhắc nhở như thế, y kinh hoàng nói rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài cho con được sám hối đi.

Y đánh lễ dưới chân bậc Thánh Vô Lậu ấy. Ngài nói rằng:

- Này thiện nam! Ông chẳng có lỗi lầm gì với ta cả, ông chỉ nên sám với đức Đạo Sư mà thôi.

- Bạch Ngài! Con phải làm như thế nào để sám hối đức Đạo Sư?

- Ông hãy làm ba bình bông để tôn trí Xá Lợi Phật, rồi mặc đồ ướt đẫm, tóc gội ướt đi đến sám hối với Ngài trước Xá Lợi Phật ấy.

- Thưa vâng! Bạch Ngài.

Người thợ bạc có ba người con, ông cho vời các con đến, tỏ bày sự kiện ấy xong rồi, nói rằng:

- Này các con! Cha đã nói xúc phạm đến Đấng Thập Lực, nay cha phải làm ba bình hoa vàng để tôn trí Xá Lợi đức Thế Tôn, và sẽ sám hối với Ngài. Vậy các con hãy giúp cha làm bình hoa vàng cho mau chóng đi. Hai người con lớn của ông, nói rằng:

- Thưa cha! Chúng con không có bảo cha nói như thế. Ác nghiệp này của cha tạo ra, vậy cha hãy làm bình hoa vàng để chuộc lỗi cho được tốt đẹp hơn.

Riêng người con út suy nghĩ rằng:

- Lễ thường phận sự của cha cũng là trách nhiệm của con vậy.

Y hoan hỷ cùng cha làm thành ba bình hoa vàng khoảng một gang tay để tôn trí Xá Lợi đức Thế Tôn nơi ấy. Rồi ông thợ bạc mặc đồ đầm ướt, tóc đầm ướt nước, đến trước Xá Lợi Phật mà sám hối. Nhưng quả còn dư sót lại, khiến cho nàng Tiểu Thư sanh con ra, gọi nữ tỳ đem quãng Hải Tử xuống sông như vậy.

Hai người con lớn vì không có tâm hoan hỷ làm bình hoa vàng nên núi vàng không phát sanh đến cho hai người con lớn ấy.

Mà núi vàng chỉ phát sanh đến Jāṭila cùng người con út, do vì cậu hoan hỷ cùng với cha làm ba bình hoa vàng như vậy.

Trưởng giả Jāṭila sau khi giáo giới con xong rồi, ông tìm đến Tinh Xá Jetavana xin được xuất gia với đức Thế Tôn. Sau khi xuất gia, Ngài tinh cần hành Sa môn Pháp nên chẳng bao lâu chứng đạt La Hán quả.

Thời gian sau, đức Thế Tôn cùng đại chúng tỳ khuru du hành đến xứ Takkasilā, Ngài cùng với 500 vị tỳ khuru ngự đến tư thất của ba người con Trưởng lão Jāṭila để nhận lấy vật thực. Các vị Công tử cúng dường vật thực đến chư Tăng có đức Phật là vị toạ chủ suốt cả nửa tháng.

Một hôm, chư tỳ khuru bàn luận trong Giảng đường rằng:

- Nay Hiền giả Jāṭila! Giờ đây Hiền giả còn luyện ái núi vàng cao 80 hắc tay ấy chăng?

- Thừa chư hiền! Tôi không còn ái luyện cùng với sự ngã mạn đối với núi vàng ấy nữa.

Chư tỳ khuru cho rằng: "Tỳ khuru Jāṭila khoe pháp thượng nhân, nói lời không thật, tự cho mình là bậc A La Hán".

Chư tỳ khuru trình bạch lên đức Thế Tôn vấn đề này, Ngài dạy rằng: "-Này các tỳ khuru! Vì ái và mạn đối với núi vàng hay các con mình, con Như Lai đã đoạn tận cả rồi.

Rồi đức Thế Tôn dạy lên kệ ngôn rằng:

"Yo'dha taṇhaṃ pahatvā na
Anāgāro paribbaje
Taṇhābhavaparikkhīnaṃ
Tam ahaṃ brūmi brāhamaṇaṃ"
"Ai ở đời đoạn ái
Bỏ nhà sống xuất gia
Ái hữu được đoạn tận
Ta gọi Bà la Môn" (HT. TMC)

CHÚ THÍCH:

Nên hiểu kệ ngôn này như vậy:

Người đã đoạn tận ái và kiến diễn tiến theo năng lực 6 môn, là bậc sống vô gia cư, tức là đã khước từ đời sống tại gia. Ta gọi người đã trừ tuyệt ái và hữu như thế là Bà la Môn.

Dứt pháp thoại, nhiều người chứng đạt Thánh quả như Dự Lưu...

Vào thời ấy, Hoàng Tử Ajātasattu giao du với Tỳ khuru Devadatta, sát hại cha mình là đức vua Bimbisāra, để ngự trị trên chiếc ngai vàng, là vị lãnh tụ quân của xứ Magadha. Khi ấy Vua Ajātasattu suy nghĩ rằng:

- Ta sẽ chiếm lấy lâu đài của Trưởng giả Jotika

Đức vua kéo đại binh hùng mạnh, đẩy dũng tướng đến toà lâu đài của Jotika, toan chiếm đoạt lấy toà Bảo Ngọc Lâu bảy tầng ấy, nhưng khi đến nơi, nhìn thấy bóng dáng binh lính (của chính mình) thấp thoáng qua tường ngọc Bích, Pha Lê. Vua Ajātasattu ngỡ rằng: "Trưởng giả Jotika đã chuẩn bị quân lính để giao tranh cùng với ta".

Đức vua chột chùn chân, không dám ngang nhiên kéo đại binh xông vào toà lâu đài. Hôm ấy lại nhằm ngày Uposatha, nên Trưởng giả đi đến Tinh Xá Veluvana để hầu Phật và nghe Pháp tại nơi ấy.

Dạ xoa Yamamolì canh giữ cổng thứ nhất thấy đức vua Ajātasattu kéo đến, liền hiện ra hỏi rằng:

- Ngài đi đâu thế?

Rồi Dạ Xoa dùng thần lực của mình xua đuổi đức vua cùng quân binh tùy tùng chạy tán loạn khắp nơi. Đức vua thua trận, cảm tức nghĩ thầm rằng:

Ta sẽ đến Tinh xá tìm cho được thầy của Jotika.

Đức vua Ajātasattu tìm đến Tinh Xá, gặp phải Trưởng giả Jotika đang ngồi nghe Pháp, thấy đức vua, Trưởng giả hỏi rằng:

- Tâu Đại Vương! Có chuyện chi thế?

- Này gia chủ! Có phải khanh cho người chống lại ta, còn riêng khanh thì đến đây giả vờ ngồi nghe pháp chẳng?

- Có phải Bộ Hạ toan xua quân tiến chiếm lâu đài của tôi chẳng?

- Này khanh, sự thật là như vậy.

- Tâu Đại Vương! Nếu thần chưa đồng ý cho thì dù cho cả trăm, cả ngàn, cả trăm ngàn vị Vua như Đại Vương cũng không thể nào chiếm được toà lâu đài ấy đâu. Tài sản của hạ thần chẳng bao giờ bị ai chiếm đoạt được cho dù đó chỉ là một sợi chỉ nhỏ của khăn choàng.

Đức vua Ajātasattu nổi giận rằng:

- Khanh có phải là đức vua chẳng? Tại sao khanh dám nói như thế.

- Hạ thần không phải là Vua, nhưng khi thần chưa đồng ý thì chẳng một ai có thể chiếm được tài sản của thần.

- Này khanh! Làm thế nào chứng minh được lời khanh nói là sự thật chứ?

- Tâu Đại Vương! Đây là 10 chiếc nhẫn trên tay hạ thần, ở chân cũng có 10 chiếc, tổng cộng là hai mươi chiếc. Thần không dâng cho Đại Vương. Đại Vương làm thế nào lấy được đi.

Đức vua Ajātasattulā người có nhiều sức mạnh, khi ngồi thì nhảy cao được 18 hắc tay, khi đứng có thể nhảy xa được 80 hắc tay. Nhưng dù đức vua có dùng đủ mọi cách cũng không thể nào tháo chiếc nhẫn ra khỏi tay Trưởng giả Jotika được. Trưởng giả Jotika tâu với đức vua rằng:

- Tâu Đại Vương! Xin Ngài hãy trải vải Sāṭaka ra đi.

Rồi Trưởng giả duỗi thẳng các ngón tay ra, cả 20 chiếc nhẫn rơi trên tấm vải Sāṭaka dễ dàng. Trưởng giả tâu rằng:

- Tâu Đại Vương! Chẳng một ai có thể chiếm đoạt được tài sản của thần, nếu như thần không đồng ý.

Rồi Trưởng giả suy xét hành động của vua Ajātasattu, Ngài chột động tâm, do thấy đức vua tạo ác nghiệp cũng chỉ vì tài sản mà ra, nên tâu với đức vua rằng:

- Tâu Đại Vương! Xin Ngài cho phép Thần được xuất gia đi.

Đức vua Ajātasattu nghĩ thầm rằng:

- Khi Trưởng giả xuất gia rồi, ta sẽ có được cơ hội chiếm toà lâu đài ấy.

Nên Đức vua phán rằng:

- Này khanh Jotika! Khanh hãy xuất gia đi.

Được phép của đức vua, Trưởng giả Jotika xuất gia với đức Thế Tôn, chẳng bao lâu Ngài chứng đạt A la Hán quả, và được gọi là Trưởng lão Jotika.

Khi Ngài thành bậc Vô Lậu rồi, ngay khi ấy mọi tài sản của Ngài biến mất, chư thiên thỉnh nàng Kiều Nữ trở về Bắc Câu Lưu Châu, nàng có tên là Satulakāya.

Một hôm, chư tỳ khưu cùng nhau bàn luận nơi Giảng đường, hỏi:

- Này hiền giả Jotika! Hiền giả có còn quyến luyến lâu đài hay người nữ báu vợ của mình chăng?

- Thừa chư hiền! Tôi không còn lưu luyến chi những vật ấy.

Chư tỳ khuru cho rằng Trưởng lão nói lời không thật, khoe Pháp Thượng nhân, nên đem câu chuyện ấy trình lên đức Thế Tôn, Ngài dạy rằng:

- Này chư tỳ khuru! Con Như Lai không còn luyến ái toà lâu đài hay người vợ mình nữa.

Rồi Ngài dạy lên kệ ngôn rằng:

- *"Ai ở đời đoạn ái
Bỏ nhà sống xuất gia
Ái hữu được đoạn tận
Ta gọi Bà La Môn"*.

Dứt thời pháp, nhiều chúng sanh chứng đạt Thánh Quả như là Dự Lưu...

DÚT TÍCH: TRƯỞNG LÃO JOTIKA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 35- CHUYỆN VỊ TỖ KHUU KHIÊU VŨ (THỨ NHẤT)

(PC. 417)

"Hitvā mānussakam yogam...". Đức Thế Tôn trú tại Veluvana, nhân đề cập đến vị Tỳ khuru đã từng khiêu vũ, thuyết lên kệ ngôn này.

Tương truyền rằng: Có một thiện gia tử từng sinh sống bằng nghề khiêu vũ, một hôm y theo đại chúng đến Tinh xá nghe pháp của đức Thế Tôn, nhằm chán đời sống thế tục, y xuất gia, tinh cần hành đạo chẳng bao lâu chứng đạt quả vị Vô Lưu.

Một hôm, vị ấy cùng với đại chúng tỳ khuru có đức Phật là vị Thượng thủ đi vào làng khát thực, chư tỳ khuru thấy con một người khiêu vũ khác đang biểu diễn nghệ thuật nhảy múa, nên hỏi rằng:

- Này Hiền giả! Con của người khiêu vũ đang biểu diễn những trò mà Hiền giả từng biểu diễn. Vậy hiền giả có còn thoả thích với nghệ thuật đó nữa chăng?

- Thừa chư hiền! Tôi không còn thoả thích nữa.

Chư tỳ khuru nói với nhau rằng:

- Này chư hiền, vị tỳ khuru này nói không thật, tự cho mình là vị A La Hán.

Đức Thế Tôn nghe được những lời bàn tán ấy, Ngài phán dạy rằng:

- Này chư tỳ khuru! Con Như Lai đã vượt khỏi mọi phiền não rồi.

Sau đó, Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

417- *"Hitvā mānussakam yogam
Dibbam yogam upaccagā
Sabbayogavisamyuttam
Tam aham brūmi brāhamaṇam"*
- *"Bỏ trói buộc loài người
Vượt trói buộc cõi trời
Giải thoát mọi buộc ràng
Ta gọi Bà La Môn"*. (HT. TMC)

CHÚ THÍCH:

Mānussakam yogam: Là tuổi thọ và năm dục Tăng trưởng của loài người. Cả sự trói buộc cảnh trời cũng vậy.

Upaccāgā: Là người nào đã vượt khỏi trói buộc của loài người và trói buộc của cảnh trời, đã thoát ly cả bốn điều trói buộc, người ấy - Như Lai gọi là Bà La Môn.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chúng đạt đạo quả như Dự Lưu...

DỨT TÍCH: VỊ TỶ KHUU KHIÊU VŨ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 36- CHUYỆN VỊ TỶ KHUU KHIÊU VŨ (THỨ HAI)

(PC. 418)

"Hitvā ratiñ ca aratiñ ca...". Kệ ngôn này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài trú tại Veluvana, đề cập đến vị tỳ khuru từng khiêu vũ.

Câu chuyện này cũng tương tự như câu chuyện trước, nhưng ở đây đức Thế Tôn phán dạy rằng:

- Này chư tỳ khuru! Con Như Lai đã từ bỏ thương và ghét, đã thể nhập bất tử.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

418- "Hitvā ratiñ ca aratiñ ca

Sītibhūtaṃ nirūpadhiṃ

Sabbalokābhibhuṃ vīraṃ

Ta ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ".

- "Bỏ điều ưa điều ghét

Mát lạnh diệt sanh y

Bậc anh hùng chiến thắng

Khắc phục mọi thế giới

Ta gọi Bà La Môn" (HT. TMC)

CHÚ THÍCH:

ratiñ là thương yêu, là thoả thích trong dục.

aratiñ là không ưa đời sống trong rừng, đời sống tịch mặc ẩn cư.

Sītibhūtaṃ tức là đã dập tắt.

nirūpadhiṃ là không còn phiền não.

vīraṃ là người đã chinh phục mọi thế giới, uẩn và đã thể nhập.

Bậc anh hùng, chiến thắng ở đời, người ấy Như Lai gọi là Bà La Môn.

DỨT TÍCH: TỶ KHUU KHIÊU VŨ

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

XXVI. 37- TRƯỜNG LÃO VAṄGISA

(PC. 419-420)

"Cutim yo vedi sattānaṃ...". Kệ ngôn này được đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Trường lão Vaṅgisa

Trương truyền rằng: "Có một vị Bà La môn tên là Vaṅgisa ở thành Rājagaha, vị ấy có môn chú thuật là khi gõ vào sọ người chết, thì biết được rằng: "Người này sanh vào địa ngục, sanh vào loài bàng sanh, sanh vào nạ quỷ giới, sanh làm người hay chư thiên"

Nhóm Bà-La-Môn suy nghĩ rằng:

- Chúng ta hãy nương nhờ vào vị Bà-La-Môn này mà sinh sống, có thể sống được sung mãn.

Nhóm Bà-La-Môn ấy cho Vaṅgisa ngồi lên trên cỗ xe, mặc chiết áo đỏ, đưa vị ấy đi khắp thôn trang, làng mạc, châu quận thị tứ rao giảng với chúng dân rằng:

- Bà la môn Vaṅgisa nẩy gỗ vào sọ người chết, có thể biết được sanh thú của người ấy. Các người hãy đến để biết nơi thọ sanh của thân tộc mình đi.

Tuỳ theo sức mình, đại chúng đã cho nhóm ấy 10 đồng, 20 đồng, 50 đồng, 100 đồng hay ngàn đồng... Và hỏi thăm sanh thú của thân tộc.

Nhóm Bà-La-Môn ấy trải qua khắp châu quận rồi đi lần đến kinh thành Sāvattthī, dừng lại nghỉ ở giữa khoảng đường kinh thành và Tinh xá Jetavana. Nhóm Bà-La-Môn ấy đại chúng trong thành Sāvattthī vào buổi chiều tay cầm hương hoa cùng thuốc trị bệnh đi đến Tinh xá cúng dường và nghe Pháp, đã hỏi thăm rằng:

- Các vị đi đâu thế?

- Chúng tôi đến Tinh xá nghe Pháp nơi Thế Tôn.

- Các người đến đó có lợi ích chi, chẳng có ai bằng vị Bà La Môn của chúng tôi cả. Đó là Vaṅgisa, vị ấy gõ vào sọ người chết có thể biết được sanh thú của người đó. Các người hãy tìm biết sanh thú của thân tộc mình đi.

- Vị Bà la môn Vaṅgisa của các ông làm thế nào có thể so sánh với đức Thế Tôn chứ.

- Nầy các người, không ai bằng vị Bà-La-Môn Vaṅgisa của chúng tôi đâu.

Hai nhóm tranh luận cùng nhau, sau cùng đồng ý với nhau rằng:

- Chúng ta hãy đến tinh xá thử xem đức Thế Tôn và Vaṅgisa, ai tối thắng hơn.

Từ nơi Tinh Xá, với Phật Trí đức Thế Tôn biết được duyên lành của Vaṅgisa. Ngài cho người đem vào Tinh xá 5 cái sọ người, trong đó gồm bốn sọ còn tái sanh và một sọ của vị Thánh Lộ Tật. Ngài cho sắp thứ tự sanh thú từ địa ngục, bàng sanh, nhân loại chư thiên và dứt luân hồi. Khi Vaṅgisa đến, Ngài phán hỏi rằng:

- Nầy Vaṅgisa, được biết rằng người gõ nhẹ vào sọ người chết thì biết được sanh thú của người ấy phải chăng?

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

- Vậy người nẩy tái sanh về đâu?

- Vào đại ngục, bạch Thế Tôn.

Tiếp theo Bà la môn Vaṅgisa đều đáp được sọ của người đang tái sanh vào bàng sanh, vào nhân giới, vào Thiên giới. Nhưng khi chạm vào sọ của Bậc thánh Vô lậu thì y không tìm thấy sanh y của vị ấy. Bấy giờ, đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Nầy Vaṅgisa! Người có biết sanh y của người nẩy chăng?

- Bạch Thế Tôn! Con không biết. Ngài có biết chăng?

- Nầy Vaṅgisa ta biết.

Ngài biết bằng cách nào?

- Ta biết bằng bí thuật.

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy dạy bí thuật ấy cho con.

Ta không thể dạy cho người chưa xuất gia được.

Vaṅgisa nghĩ thầm rằng: "Khi ta học được chú thuật nầy rồi, ta sẽ là người tối thắng trên cõi Diêm Phù nầy". Y liền nói với nhóm Bà-La-Môn rằng:

- Các vị hãy đợi tôi đôi ba ngày, khi tôi học thành môn chú thuật nầy rồi, chúng ta sẽ ra đi thôi.

Ngài Vaṅgisa xuất gia với đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư dạy về 32 thể trực quán tướng, Ngài phán rằng:

- Người hãy trì tụng chú thuật nầy đi.

Trong khi Vaṅgisa đang trì tụng, quán tướng thì nhóm Bà-La-Môn đi đến hỏi rằng:

- Ông đã học bí thuật xong chưa?

- Các người hãy chờ đợi thêm đôi ba ngày nữa, tôi đang học đây.

Chỉ vài ngày sau, tỳ khuru Vaṅgisa chúng đắc quả vị Lộ Tận, trở thành Thánh A la Hán, Khi nhóm Bà-La-Môn ấy đến hỏi thì ngài trả lời rằng:

- Nầy các hiền hữu! Giờ đây tôi chẳng còn việc gì mà phải đi nữa.

Chư tỳ khuru nghe được lời nầy, trình lên đức Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Tỳ khuru Vaṅgisa nói không thật, tuyên bố mình là vị Thánh A la Hán.

- Nầy các tỳ khuru! Các người chớ nên nói như thế, con Như Lai đã thấu triệt sự sanh diệt rồi.

Rồi Ngài thuyết kệ rằng:

419-

"Cutim yo vedī sattānaṃ
Upattiṃ ca sabbaso
Asattaṃ sugataṃ Buddhaṃ
Tam ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ"

420-

"Yassa gatiṃ na jānanti
Devā gandhabbamānusa
Khipasavaṃ arahantaṃ
Tam ahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ"

- *"Ai hiểu rõ hoàn toàn*

Sanh tử loại hữu tình

Không nhiễm khéo vượt qua

Sáng suốt chân giác ngộ

Ta gọi Bà la môn" (419)

- *"Với ai là người trời*

Vị ấy lộ hoặc tận

Bậc ứng cúng la hán

Ta gọi Bà la môn" (420) (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Yo vedi.. Là người biết rõ sự sanh diệt của chúng sanh thông suốt.

Câu nói: "Không nhiễm" nghĩa là không dính mắc.

"Khéo vượt qua" là khéo thực hành

"Người sáng suốt" là biết rõ Tứ Diệu Đế, người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Yassa.. Là người nào mà chư Thiên.. Không chỗ thọ sanh.

"Đã đoạn tận lộ hoặc" nghĩa là đã chấm dứt lộ hoặc.

"Đã thoát ly phiền não" nghĩa là đã tách rời khỏi các phiền não. Người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt kệ ngôn nhiều chúng sanh chúng đạt thánh quả..

DỨT TÍCH: TRƯỞNG LÃO VAṄGISA

XXVI. 38- TRƯỞNG LÃO DHAMMADINNĀ

(PC. 421)

"Yassa pure ca pacchā ca...". Đức Thế Tôn trú tại Veluvana, đề cập đến Trưởng lão ni Dhammadinnā, Ngài thuyết lên Pháp thoại nầy.

Tương truyền rằng: Một ngày nọ nàng Dhammadinnā còn tại gia cư sĩ, chồng nàng là cận sự nam Visākhā. Vị ấy nghe được Pháp từ đức Thế Tôn, chứng đạt quả A Na Hàm, có sự suy nghĩ rằng:

- Giờ đây, ta nên giao tài sản nầy đến cho Dhammadinnā mới phải.

Trước đây, khi Visākhā đi đâu về, nhìn thấy nàng Dhammadinnā nơi cửa sổ thường mỉm cười với nàng, nhưng hôm ấy Visākhā không màng nhìn nàng Dhammadinnā như lệ thường, mà đi thẳng vào phòng để nghỉ. Nàng Dhammadinnā suy nghĩ rằng: "Chắc có chuyện gì đây? Ta hãy tạm gác qua, rồi sẽ hỏi chàng sau, khi đến giờ chàng thọ thực".

Nàng Dhammadinnā chuẩn bị vật thực thương vị cho chồng. Những ngày trước, cận sự nam Visākhā thường bảo rằng:

- "Hãy đến đây, chúng ta hãy cùng nhau dùng cơm". Nhưng hôm nay, Visākhā vẫn yên lặng dùng vật thực một mình. Nàng Dhammadinnā suy nghĩ rằng: "Chắc chồng ta đã giận ta do một lý do nào đây?". Rồi khi thọ thực xong, Visākhā gọi nàng đến nói rằng:

- Nầy Dhammadinnā, tất cả gia sản trong nhà nầy, nàng hãy giữ lấy tất cả đi.

Nàng Dhammadinnā suy nghĩ rằng:

- Lễ thường, người giận hơn người khác thì không thể giao tài sản cho người ấy đâu. Vậy chẳng hay do nhân duyên gì thế?

Nàng bèn hỏi chồng rằng: "Còn anh thì sao?"

- Riêng ta giờ đây không còn mong muốn chi nữa.

Cận sự nam Visākhā cho vợ biết rằng: Vì mình được nghe Pháp của đức Thế Tôn, nhận chân được pháp Bất tử rồi, không còn tha thiết chi với chuyện gia đình nữa, không còn mong mỗi dục lạc nữa.

- Vậy thì ai sẽ là người nhận lãnh bãi nước bọt mà anh đã nhổ ra chứ? Nếu anh cho phép, em xin được xuất gia trong Giáo pháp của đức Thế Tôn.

- Lành thay! Lành thay, nầy nàng.

Cận sự nam Visākhā đưa Dhammadinnā đến trú xứ Tỳ khưu ni, tổ chức đại thí cúng dường đến chư tỳ khưu ni rồi ông tổ chức lễ xuất gia cho nàng Dhammadinnā thật trọng thể. Khi nàng Thọ Cụ Túc giới, có tên là Trưởng lão ni Dhammadinnā

Muốn được thanh tịnh nơi thanh vắng để hành Sa môn Pháp, nàng Dhammadinnā cùng với chư tỳ khưu ni đi đến một thôn trang để trú. Nàng tinh cần hành đạo, chẳng bao lâu chứng đắc được A La Hán quả cùng với Tuệ Phân tích. Nàng trở về kinh thành Rājagaha với thiện ý rằng

- Giờ đây thân tộc sẽ nương vào ta mà tạo phước thiện tốt đẹp cho mình.

Cận sự nam Visākhā biết nàng Dhammadinnā trở về, ông có sự suy nghĩ rằng: "Vì có nào Trưởng lão ni nầy trở về nhỉ?"

Visākhā đi đến trú xứ của chư tỳ khưu ni, sau khi đánh lễ chư tỳ khưu ni rồi, đánh lễ Dhammadinnā xong, cận sự nam Visākhā suy nghĩ: "Nếu ta hỏi: Thưa Tôn Ni! Tôn ni có còn luyến ái chi chẳng? Thì thật không phải lẽ. Vậy ta sẽ đặt những câu hỏi để hỏi vị ấy mà thăm dò sự tu tập của vị ấy."

Thế là cận sự nam Visākhā hỏi những câu hỏi liên quan đến Dự Lưu quả. Nàng Dhammadinnā trả lời thông suốt, tiếp đến cận sự nam Visākhā đặt những câu hỏi cao hơn. Và Trưởng lão ni

Dhammadinnā đã trả lời thông suốt những câu hỏi ấy. Cuối cùng cận sự nam Visākha đã đặt một câu hỏi ngoài đề. Bấy giờ Trưởng lão ni Dhammadinnā dạy rằng:

- Này cận sự nam Visākha Câu hỏi đã đi quá xa. Nếu muốn, Hiền giả hãy đến bạch trình lên đức Thế Tôn về vấn đề này.

Cận sự nam Visākha đành lễ Trưởng lão ni Dhammadinnā, từ giả ra về, ông đi đến bạch trình lên đức Thế Tôn cuộc đối pháp Đạo Pháp giữa mình và nàng Dhammadinnā ở Veluvana. Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này Visākha! Dhammadinnā, con gái Như Lai đã giải đáp đúng theo chân Pháp tất cả. Nếu người hỏi Như Lai, Như Lai cũng chỉ trả lời như con gái của Như Lai mà thôi.

Rồi Ngài tuyên thuyết kệ ngôn rằng:

421-
"Yassa pure ca pacchā ca
Majjhe ca natthi kiñcanam
Akiñcanam anādānam
Tam aham brūmi brāhmaṇam"
- *"Ai quá khứ, vị lai
Không một sở hữu gì
Không sở hữu không đấm
Ta gọi Bà la môn"* (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Pure là các uẩn thuộc về quá khứ.

Pacchā là các uẩn thuộc về vị lai.

Majjhe là các uẩn thuộc về hiện tại.

Natthi kiñcanam... Nghĩa là không nắm giữ cái chi cả.

Người như thế, Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt pháp thoại, nhiều người chứng đạt Thánh Sản...

DỨT TÍCH: TRƯỞNG LÃO NI DHAMMDINNĀ.

XXVI. 39- TRƯỞNG LÃO ANĠULIMĀLA

(PC. 422)

"Usabham pavaram vīram...". Kệ ngôn này đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, để cập đến Trưởng lão Anġulimāla

Chuyện nầy được giảng rộng trong kệ ngôn "Na ve kadariyā..." (PC. 177). Bấy giờ, chư tỳ khưu ngồi lại Giảng đường, bàn luận với nhau rằng:

- Này Hiền giả Anġulimāla! Hiền giả thấy con tượng hung hăng cắm lọng đứng sau lưng mình. Hiền giả có sợ chăng?

- Thừa chư hiền, tôi không có sợ con tượng hung dữ ấy.

Chư tỳ khưu cho rằng Trưởng lão Anġulimāla khoe pháp Thượng nhân, nói lên lời không thật. Nên đem câu chuyện ấy bạch trình lên đức Thế Tôn rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Hiền giả Anġulimāla, con của Như Lai hằng không còn sợ hãi nữa, vì rằng: Chư tỳ khưu Vô Lậu dũng mãnh như thế nào, con Như Lai là một trong những người dũng mãnh ấy. Anġulimāla đã dứt khỏi sự sợ hãi rồi.

Đức Thế Tôn nhân đó thuyết lên kệ ngôn rằng:

422-
"Usabham pavaram vīram

Mahesiṃ vijitāvināṃ
Anejaṃ nahātakāṃ buddhaṃ
Tam ahaṃ brūmi brāhmaṇāṃ"
- "*Bậc Nguru vương thù thắng
Bậc anh hùng đại sĩ
Bậc chiến thắng không nhiễm
Bậc tẩy sạch Giác ngộ
Ta gọi Bà la môn*" (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Nên hiểu ý nghĩa của kệ ngôn này như sau:

Người hùng dũng ví như Nguru vương không bao giờ biết sợ, không bao giờ run sợ.

THÙ THẮNG nghĩa là cao thượng

CUỖNG MẠNH nghĩa là can đảm

NGƯỜI TẮM CẦU ĐẠI ÂN ĐỨC nghĩa là mưu cầu, mong tìm ân đức lớn như Giới uẩn, Định uẩn, Tuệ uẩn...

NGƯỜI CHIẾN THẮNG HOÀN TOÀN là tự mình đã chiến thắng tất cả loại ma (phiền não ma, pháp hành ma và ngũ uẩn ma).

NGƯỜI ĐÃ TẮY SẠCH là đã rửa sạch phiền não.

NGƯỜI ĐÃ GIÁC NGỘ là đã thấu triệt cả TỨ ĐẾ. Người ấy Như Lai gọi Bà la môn.

Dứt pháp thoại, nhiều người chứng đắc quả thánh như Dự lưu.

DỨT TÍCH: TRƯỞNG LÃO ANGULIMĀLA

DỊCH GIẢ CĂN ĐỀ

XXVI. 40- BÀ LA MÔN DEVAHITA

(PC. 423)

"Pubbenivāsaṃ yo vedi...". Kệ ngôn này đức Đạo sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến câu hỏi của Bà la môn Devahita.

Tương truyền rằng: Có lần đức Thế Tôn bị chứng bệnh cảm gió, Ngài phán dạy Trưởng lão Upavāna đến nhà Bà la môn Devahita xin nước nóng cho Ngài. Vị Trưởng lão đến nhà Bà la môn Devahita trình bày bệnh chứng của đức Đạo Sư, rồi xin nước nóng mang về.

Bà la môn Devahita nghe vậy, khởi tâm hoan hỷ rằng:

- Đấng Chánh Đẳng Giác bảo Trưởng lão Upavāra đến nhà ta để xin nước nóng. Thật là lợi đặc cho ta thay.

Y bảo gia nhân gánh nước nóng cùng với nước mía dâng lên Trưởng lão Upavāra

Trưởng lão bảo nhóm gia nhân mang vật thứ ấy về Tinh xá Jetavana, thỉnh đức Thế Tôn tắm, xong rồi ngài pha nước mía với nước nóng dâng lên đức Thế Tôn.

Khi dùng xong nước mía ấy, bệnh của đức Thế Tôn dứt khỏi, Bà la môn Devahita suy nghĩ rằng:

- Giờ đây, ta nên cúng dường đến ai? Cúng dường đến vị nào có quả phước nhiều? Ta nên bạch hỏi đức Đạo Sư.

Bà la môn Devahita đi đến Tinh xá, đành lễ đức Thế Tôn xong rồi, bạch hỏi rằng:

- Người nên cúng dường đến ai? Vật cúng dường đến người nào có quả phước nhiều? Sự cúng dường như thế nào sẽ được kết quả tốt đẹp?

- Nầy Bà la môn! Vật cúng dường mà người cúng dường đến Bà la môn như thế này mới có nhiều quả phước cao thượng.

Rồi Ngài thuyết giảng về tư cách thành tựu Bà la môn đến Bà la môn Devahita.

Tiếp theo Ngài tuyên thuyết kệ ngôn rằng:

423-

"Pubbenivāsam yo vedi
Saggāpāyañ ca passati
Atho jātikkhayam patto
Abhiññā vosito muni.
Sabbavositavosānam
Tam aham brūmi brāhmaṇam"
- "Ai biết được đời trước
Thấy thiên giới đạo xứ
Đạt được danh đoạn diệt
Thắng trí tự viên thành
Bậc Mâu Ni Đại Sĩ
Viên mãn mọi thành tựu
Ta gọi Bà la môn" (HT. TMC)

CHÚ THÍCH

Nên hiểu ý nghĩa của kệ ngôn này như sau:

Người biết rõ các uẩn ở đời trước, thấy được 26 cõi Trời và bốn cõi đạo xứ bằng Thiên Nhãn và chứng đạt Vô Lậu quả, tức là đạt được sanh diệt tận. Thắng trí được Viên thành tức là bằng cách thông suốt những; pháp cần thông suốt, đoạn trừ những pháp cần đoạn trừ, chứng ngộ những pháp cần chứng ngộ tức là đắc chứng được Níp bàn, tu chứng pháp cần tu chứng.

Câu nói: "Bậc Đại Sĩ Mâu Ni" là người đã chứng đạt trạng thái của người đã giác ngộ bằng trí tuệ là nhân chấm dứt tất cả phiền não tức là A la hán đạo tuệ.

Câu nói: "Viên mãn thành tựu" nghĩa là đã hoàn thành Phạm hạnh, chấm dứt mọi phiền não do nhờ A la hán đạo tuệ. Người ấy Như Lai gọi là Bà la môn.

Dứt pháp thoại, nhiều người thành đạt thánh quả. Bà la môn Devahita phát tâm tịnh trí, quy y Tam Bảo, tự tuyên bố mình là người cận sự nam trọn đời.

DỨT TÍCH: BÀ LA MÔN DEVAHITA

DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

Evam Niṭṭhitam

Mục Lục

I. PHẨM SONG ĐỐI.....	1
I. 1- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO CAKKHUPĀLA.....	1
I. 2- CHUYỆN CẬU MAṬṬHAKUṆḌALI.....	15
I. 3- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO TISSA.....	24
I. 4- CHUYỆN NGƯỜI SANH LÀM NỮ DẠ XOA.....	29
I. 5- CHUYỆN CÁC TỶ KHUU Ở KOSAMBI.....	38
I. 6- CHUYỆN TIỂU HẮC SƯ VÀ ĐẠI HẮC.....	45
I. 7- CHUYỆN DEVADATTTA ĐƯỢC Y QUÍ.....	52
I. 8- CHUYỆN ÔNG SAÑJAYA KHÔNG ĐẦU PHẬT.....	56
I. 9- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO NANDA.....	74
I. 10- CHUYỆN ĐỒ TẾ CUNDA.....	82
I. 11- CHUYỆN THIỆN NAM SÙNG ĐẠO DHAMMIKA.....	84
I. 12- CHUYỆN DEVADATTTA.....	87
I. 13- CHUYỆN SUMANĀDEVĪ.....	98
I. 14- CHUYỆN HAI VỊ TỶ KHUU BẠN.....	101
II. PHẨM CHUYÊN NIỆM.....	105
II. 1- CHUYỆN HOÀNG HẬU SĀMĀVATĪ.....	105
II. 2- CHUYỆN KUMBHAGHOSAKA.....	145
II. 3- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO CŪḶAPANTHAKA.....	151
II. 4- CHUYỆN CÁI TẾT THÁC LOẠN.....	160
II. 5- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO MAHĀKASSAPA.....	162
II. 6- CHUYỆN HAI VỊ TỶ KHUU BẠN.....	164
II. 7- CHUYỆN ĐỨC SAKKA.....	166
II. 8- CHUYỆN VỊ TỶ KHUU QUÁN LỬA RỪNG.....	176
II. 9- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO TISSA Ở THỊ XÃ.....	177
III. PHẨM TÂM.....	180
III. 1- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO MEGHIYA.....	180
III. 2- CHUYỆN VỊ TỶ KHUU Ở THỦY LƯU THÔN.....	182
III. 3- CHUYỆN VỊ TỶ KHUU BẮT MẪN.....	187
III. 4- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO BHĀGINEYYASAṄGHARAKKHITA.....	189
III. 5- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO CITTAHATTHA.....	192
III. 6- CHUYỆN CÁC TỶ KHUU ĀRADDHAVIPASSAKA.....	197
III. 7- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO PŪTIGATTATISSA.....	200
III. 8- CHUYỆN NANDAGOPĀLAKA.....	202
III. 9- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SOREYYA.....	204
IV. PHẨM HOA.....	209
IV. 1- CHUYỆN 500 VỊ TỶ KHUU ĐÀM LUẬN VỀ ĐỊA ĐẠI.....	209

IV. 2- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO MARĪCIKAMMATTHĀNIKA.....	211
IV. 3- CHUYỆN VIDŪḌABHA (LƯU LY VƯƠNG).....	212
IV. 4- CHUYỆN NÀNG PATIPŪJIKĀ.....	225
IV. 5- CHUYỆN BÁ HỘ MACCHARIYAKOSIYA.....	228
IV. 6- CHUYỆN TU SĨ PĀṬIKĀJĪVAKA.....	233
IV. 7- CHUYỆN THIỆN NAM CHATTAPĀNI.....	235
IV. 8- CHUYỆN ĐẠI TÍN NỮ VISĀKHĀ.....	238
IV. 9- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO ĀNANDA VẤN ĐẠO.....	257
IV. 10- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO MAHĀKASSAPA ĐƯỢC VUA TRỜI ĐỂ BÁT.....	259
IV. 11- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO GODHIKA VIÊN TỊCH.....	263
IV. 12- CHUYỆN ÔNG GARAHADINNA.....	266
V. PHẨM NGU NHƠN.....	273
V. 1- CHUYỆN TRAI NGHÈO CÓ VỢ ĐẸP.....	273
V. 2- CHUYỆN ĐỆ TỬ CỦA TRƯỞNG LÃO MAHĀ KASSAPA.....	282
V. 3- CHUYỆN TRƯỞNG GIẢ ĀNANDA.....	286
V. 4- CHUYỆN NGƯỜI ĐIỂM MÓC TÚI.....	289
V. 5- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO UDĀYI.....	290
V. 11- CHUYỆN JAMBŪKĀJĪVAKA.....	306
V. 12- CHUYỆN NGẠ QUI MÌNH RẮN.....	313
V. 13- CHUYỆN NGẠ QUI BÚA ĐẬP ĐẦU.....	316
V. 14- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO THIỆN PHÁP.....	319
V. 15- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO TISSA Ở RỪNG.....	325
VI. PHẨM HIỂN TRÍ.....	336
VI. 2- CHUYỆN ÁC TĂNG.....	339
VI. 3- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO CHANNA.....	340
VI. 4- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO MAHĀ KAPPINA.....	342
VI. 5- CHUYỆN SADI PAṆḌITA.....	349
VI. 6- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO LAKUṆṬAKABHADDIYA.....	360
VI. 7- CHUYỆN MẸ CÔNG CHÚA KĀṆĀ.....	361
VI. 8- CHUYỆN NĂM TRĂM VỊ TỶ KHUU.....	364
VI. 9- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO HỢP PHÁP.....	366
VI. 10- CHUYỆN NGHE THUYẾT PHÁP.....	368
VI. 11- CHUYỆN ĀGANTUKA.....	369
VII. PHẨM A LA HÁN.....	372
VII. 1- CHUYỆN NGỰ Y JĪVAKA VẤN ĐẠO.....	372
VII. 2- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO MAHĀ KASSAPA BỊ CHÊ.....	374
VII. 3- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO BELAṬṬHASĪSA.....	376
VII. 4- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO ANURUDDHA.....	377
VII. 5- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO MAHĀ KACCĀYANA.....	379

VII. 6- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA BỊ CÁO GIAN.....	381
VII. 7- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO TISSA Ở KOSAMBI.....	383
VII. 8- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA TỰ TIN.....	385
VII. 9- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO REVATA Ở RỪNG KEO.....	387
VII. 10- CHUYỆN PHỤ NỮ GHEO THIỀN SƯ.....	392
VIII. PHẨM NGÀN.....	395
VIII. 1- CHUYỆN ĐAO PHỦ THỦ NANH ĐỒNG.....	395
VIII. 2- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO BĀHIYA MẶC Y VỎ CÂY.....	398
VIII. 3- CHUYỆN TỶ KHU NI TÓC QUẦN.....	402
VIII. 4- CHUYỆN BÀ LA MÔN HỎI PHÁP VÔ ÍCH.....	407
VIII. 5- CHUYỆN BÀ LA MÔN CẬU CỦA TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA.....	409
VIII. 6- CHUYỆN BÀ LA MÔN CHÁU CỦA TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA.....	411
VIII. 7- CHUYỆN BÀ LA MÔN BẠN CỦA TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA.....	413
VIII. 8- CHUYỆN CẬU BÉ ÍCH THỌ.....	414
VIII. 9- CHUYỆN SA DI SAṆKICCA.....	417
VIII. 10- TRƯỞNG LÃO KOṆḌAÑÑA GỐC CÂY.....	424
VIII. 11- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SAPPADĀSA.....	425
VIII. 12- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO NI PAṬĀCĀRĀ.....	428
VIII. 13- CHUYỆN KISĀGOTAMĪ.....	433
VIII. 14- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO NI BAHUPUTTIKĀ.....	436
IX. PHẨM ÁC.....	438
IX. 1- CHUYỆN BÀ LA MÔN MỘT ÁO (Lá y choàng nhỏ).....	438
IX. 2- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SEYYASAKA.....	440
IX. 3- CHUYỆN THIỀN NỮ CỐM RANG.....	441
IX. 4- CHUYỆN ÔNG CẤP CÔ ĐỘC ĐUỐI THIỀN NỮ.....	444
IX. 5- CHUYỆN TỶ KHU KHINH GIỚI NHỎ.....	447
IX. 6- CHUYỆN BÁ HỘ CHÂN MÈO.....	449
IX. 7- CHUYỆN PHÚ THƯƠNG TRÁNH HIỂM LỘ.....	451
IX. 8- CHUYỆN THỢ SẴN KUKKUṬAMITTA.....	453
IX. 9- CHUYỆN THỢ SẴN GẶP THIỀN SƯ.....	457
IX. 10- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO TISSA VÀ ANH THỢ NGỌC.....	459
IX. 11- CHUYỆN BA NHÓM TỶ KHU.....	462
IX. 12- CHUYỆN VUA THIỀN GIÁC BỊ ĐẤT RÚT.....	465
X. PHẨM ĐAO TRƯỢNG.....	468
X. 1- CHUYỆN NHÓM LỤC SƯ HÀNH HUNG.....	468
X. 2- CHUYỆN NHÓM LỤC SƯ ĐE DỌA.....	469
X. 3- LŨ TRẺ ĐẬP RẴN.....	470
X. 4- ĐẠI ĐỨC KOṆḌADHĀNA.....	471
X. 5- BÁT QUAN TRAI.....	475

X. 6- NGẠ QUỶ MÌNH TRẦN (Ajagarapeta).....	477
X. 7- ĐẠI ĐỨC MOGGALLĀNA NIẾT BÀN.....	479
X. 8- TỶ KHUU NHIỀU VẬT DỤNG.....	483
X. 9- ĐẠI THẦN SANTATI.....	487
X. 10- ĐẠI ĐỨC PILOTIKA (VẢI RÁCH).....	490
X. 11- SA DI SUKHA.....	492
XI. PHẨM TUỔI GIÀ.....	499
XI. 1- NHỮNG NGƯỜI BẠN CỦA BÀ VISĀKHĀ.....	499
XI. 2- NÀNG SIRIMĀ.....	501
XI. 3- TRƯỞNG LÃO NI UTTARĀ.....	504
XI. 4- NHÓM TỶ KHUU ADHIMĀNIKA.....	505
XI. 5- TRƯỞNG LÃO NI RŪPANANDĀ.....	506
XI. 6- HOÀNG HẬU MALLIKĀ.....	508
XI. 7- TRƯỞNG LÃO LOḬUDĀYI.....	511
XI. 8- CHUYỆN ĐẦU TIÊN GIÁC NGỘ.....	513
XI. 9- CHUYỆN CON VỊ TRƯỞNG GIẢ GIÀU CÓ.....	514
XII. PHẨM TỰ NGÃ.....	517
XII. 1- HOÀNG TỬ BODHI.....	517
XII. 2- TÔN GIẢ UPANANDA.....	520
XII. 3- TRƯỞNG LÃO PADHĀNIKATIṢṢA.....	522
XII. 4- THÂN MẪU TRƯỞNG LÃO KUMĀRASASSAPA.....	523
XII. 5- CẬN SỰ NAM MĀHĀKĀLA.....	526
XII. 6- TÔN GIẢ DEVADATTA.....	528
XII. 7- CỐ Ý CHIA RẼ TẶNG.....	529
XII. 8- TRƯỞNG LÃO KĀLA.....	530
XII. 9- CẬN SỰ NAM CŪḬAKĀLA.....	531
XII. 10- TRƯỞNG LÃO ATTADATTHA.....	532
XIII. PHẨM THẾ GIAN.....	535
XIII. 1- VỊ TỶ KHUU TRẺ.....	535
XIII. 2- ĐỨC VUA SUDDHODANA.....	536
XIII. 3- CHƯ TỶ KHUU TU THIỀN QUÁN.....	538
XIII. 4- HOÀNG TỬ ABHAYA.....	539
XIII. 5- TRƯỞNG LÃO SAMMAJJANA.....	540
XIII. 6- TRƯỞNG LÃO AṄGULIMĀLA.....	541
XIII. 7- CON GÁI NGƯỜI THỢ DỆT.....	542
XIII. 8- CHUYỆN BA MƯƠI VỊ TỶ KHUU.....	545
XIII. 9- NÀNG CIṅCAMĀṄAVIKA.....	546
XIII. 10- ĐẠI THÍ VÔ SONG.....	550
XIII. 11- CÔNG TỬ KĀLA.....	553

XIV. PHẨM PHẬT ĐÀ.....	557
XIV. 1- CON GÁI MA VƯƠNG.....	557
XIV. 2- THỂ HIỆN SONG THÔNG NHIẾP NGOẠI ĐẠO.....	561
XIV. 3- LONG VƯƠNG ERAKAPATTA.....	576
XIV. 4- VỊ TỀ KHUƯ KHÔNG HOAN HỠ.....	579
XIV. 5- VỀ CÂU HỎI CỦA TRƯỞNG LÃO ĀNANDA.....	581
XIV. 6- QUỐC SƯ AGGIDATTA.....	583
XIV. 7- CÂU HỎI TRƯỞNG LÃO ĀNANDA.....	588
XIV. 8- CHUYỆN CHƯ TỀ KHUƯ.....	589
XIV. 9- BẢO THÁP CỦA ĐẮNG KASSAPA.....	590
XV. PHẨM HẠNH PHÚC.....	592
XV. 1- HAI HOÀNG TỘC TRANH GIÀNH NƯỚC.....	592
XV. 2- MA VƯƠNG TRÊU PHẬT.....	594
XV. 3- ĐỨC VUA KOSALA BẠI TRẬN.....	595
XV. 4- MỘT THIẾU NỮ GIA GIÁO.....	596
XV. 5- ÔNG THIỆN NAM ĐƯỢC ĂN CƠM PHẬT.....	597
XV. 6- ĐỨC VUA PASENADI BỚT ĂN.....	598
XV. 7- ĐẠI ĐỨC TISSA CÚNG DƯỜNG CAO THƯỢNG.....	600
XV. 8- THIÊN VƯƠNG ĐỂ THÍCH SẴN SÓC PHẬT.....	602
XVI. PHẨM THÂN ÁI.....	605
XVI. 1- BỘ BA CHA-MẸ-CON XUẤT GIA.....	605
XVI. 2- MỘT GIA TRƯỞNG KHÓC CON.....	607
XVI. 3- TÍN NỮ VISĀKHĀ KHÓC CHÁU GÁI.....	608
XVI. 4- CÁC VƯƠNG TỬ LICCHAVĪ GIÀNH KỶ NỮ.....	609
XVI. 5- CÔNG TỬ ANITTHIGANDHA.....	610
XVI. 6- ÔNG BÀ LA MÔN THẤT MÙA.....	612
XVI. 7- NĂM TRĂM CẬU BÉ DÂNG BÁNH ĐẾN NGÀI KASSAPA.....	614
XVI. 8- ĐẠI ĐỨC A NA HÀM.....	615
XVI. 9- NANDIYA VỀ TRỜI.....	617
XVII. PHẨM PHẦN NỘ.....	620
XVII. 1- THÍCH NỮ ROHINĪ.....	620
XVII. 2- TỀ KHUƯ ĐỐN CÂY RỪNG.....	623
XVII. 3- TÍN NỮ UTTARĀ.....	624
XVII. 4- MOGGALLĀNA VẤN ĐẠO.....	630
XVII. 5- CHƯ TẶNG VẤN ĐẠO.....	631
XVII. 6- NỮ TỀ PUNṆĀ.....	633
XVII. 7- THIỆN NAM ATULA.....	636
XVII. 8- NHÓM TỀ KHUƯ LỤC SƯ.....	638
XVIII. PHẨM CẤU UẾ.....	640

XVIII. 1- CON TRAI ÔNG HÀNG BÒ.....	640
XVIII. 2- ÔNG BÀ LA MÔN TUẦN TỰ.....	643
XVIII. 3- ĐẠI ĐỨC TISSA GIỮ Y.....	644
XVIII. 4- ĐẠI ĐỨC LOḶUDĀYI DỐT PHÁP.....	646
XVIII. 5- MỘT CÔNG TỬ BỊ CÂM SÙNG.....	648
XVIII. 6- TỶ KHUU CŪLASĀRI TÀ MẠNG.....	650
XVIII. 7- NĂM CẬN SỰ NAM (VỚI NĂM GIỚI).....	652
XVIII. 8- TISSA NHÀ SƯ TRẺ (HAY CHÊ).....	653
XVIII. 9- NĂM CẬN SỰ NAM THÍNH PHÁP.....	655
XVIII. 10- TRƯỞNG GIẢ MENḌAKA.....	657
XVIII. 11- ĐẠI ĐỨC UJJHĀBASAÑÑĪ.....	662
XVIII. 12- DU SĪ SUBHADDA.....	663
XIX. PHẨM PHÁP TRỤ.....	665
XIX. 1- CÁC QUAN TÒA.....	665
XIX. 2- NHÓM LỤC SƯ GÂY RỐI.....	666
XIX. 3- ĐẠI ĐỨC EKUDĀNA (NHẤT KÊ).....	667
XIX. 4- ĐẠI ĐỨC LAKUṆṬAKA BHADDIYA.....	669
XIX. 5- NHIỀU VỊ TỶ KHUU THAM VỌNG.....	670
XIX. 6- HATTHAKA TRỚ TRÊU.....	671
XIX. 7- NGOẠI ĐẠO LÀM THINH.....	674
XIX. 8- NGƯỜI DÂN CHÀI TÊN ARIYA.....	675
XIX. 9- NHIỀU TỶ KHUU TỰ MẶN.....	676
XX. PHẨM ĐẠO.....	678
XX. 1- NĂM TRĂM TỶ KHUU LUẬN ĐẠO.....	678
XX. 2- NĂM TRĂM TỶ KHUU QUÁN VÔ THƯỜNG.....	680
XX. 3- QUÁN KHỔ NÃO.....	681
XX. 4- QUÁN PHI NGÃ.....	681
XX. 5- ĐẠI ĐỨC TISSA NÔN TU.....	682
XX. 6- NGẠ QUỶ HEO.....	683
XX. 7- ĐẠI ĐỨC POTHILA.....	687
XX. 8- CÁC ĐẠI ĐỨC GIÀ.....	689
XX. 9- ĐỆ TỬ ĐẠI ĐỨC SĀRĪPUTTA.....	691
XX. 10- ĐẠI PHÚ THƯƠNG.....	693
XX. 11- NÀNG KISĀ GOTAMĪ.....	694
XX. 12- NÀNG PĀTĀCĀRA.....	695
XXI. PHẨM TẬP LỤC.....	698
XXI. 1- HẠNH NGHIỆP CỦA ĐỨC PHẬT.....	698
XXI. 2- THIẾU NỮ ĂN TRÚNG GÀ.....	701
XXI. 3- CHUYỆN TỶ KHUU XỨ BHADDIYA.....	702

XXI. 4- TRƯỞNG LÃO LAKUṆṬAKABHADDIYA.....	703
XXI. 5- CON TRAI ÔNG DĀRUSĀKĀṬIKA.....	704
XXI. 6- TỶ KHUU VAJJĪPUTTA.....	706
XXI. 7- TRƯỞNG GIẢ CITTA.....	707
XXI. 8- NÀNG CŪLASUBHADDĀ.....	708
XXI. 9- TRƯỞNG LÃO EKAVIHĀRĪ.....	711
XXII. PHẨM KHỔ CẢNH.....	712
XXII. 1- NỮ NGOẠI GIÁO SUNDARĪ.....	712
XXII. 2- CHUYỆN CHƯ TỶ KHUU TRÚ GẦN SÔNG VAGGUMUDA.....	714
XXII. 3- THANH NIÊN KHEMAKA.....	714
XXII. 4- TỶ KHUU ĐA NGÔN.....	715
XXII. 5- CHUYỆN NỮ NHÂN HÒN GHEN.....	716
XXII. 6- CHUYỆN TẶNG KHÁCH.....	717
XXII. 7- CHUYỆN NIGANTHA.....	718
XXII. 8- MÔN ĐỒ NGOẠI GIÁO.....	719
XXIII. PHẨM VOI.....	721
XXIII. 1- CHUYỆN BẬC ĐẠO SƯ.....	721
XXIII. 2- BÀ LA MÔN LÃO NIÊN.....	723
XXIII. 3- QUỐC VƯƠNG PASENADIKOSALA.....	726
XXIII. 4- SA DI SĀNU.....	726
XXIII. 5- THỐT TƯỢNG PĀVERAKA.....	729
XXIII. 6- CHUYỆN CHƯ TỶ KHUU.....	730
XXIII. 7- CHUYỆN MA VƯƠNG.....	732
XXIV. PHẨM ÁI DỤC.....	735
XXIV. 1- CHUYỆN CON CÁ KAPILA.....	735
XXIV. 2- CHUYỆN CON HEO NÁI.....	739
XXIV. 3- CHUYỆN VỊ TỶ KHUU HOÀN TỤC.....	742
XXIV. 4- CHUYỆN KHÁM ĐƯỜNG.....	744
XXIV. 5- HOÀNG HẬU KHEMĀ.....	746
XXIV. 6- CÔNG TỬ UGGASENA.....	747
XXIV. 7- HIỀN TRÍ CŪḶA DHANUGGAHA.....	751
XXIV. 8- CHUYỆN MA VƯƠNG.....	753
XXIV. 9- CHUYỆN MA VƯƠNG.....	754
XXIV. 10- TU SĨ UPAKA.....	756
XXIV. 11- ĐỨC THIÊN VƯƠNG ĐẾ THÍCH.....	757
XXIV. 12- VỊ TRƯỞNG GIẢ KHÔNG CON.....	759
XXIV. 13- THIÊN TỬ ANKURA.....	761
XXV. PHẨM TỶ KHUU.....	762
XXV. 1- NĂM VỊ TỶ KHUU.....	762

XXV. 2- VỊ TỶ KHUU GIẾT HẠC.....	764
XXV. 3- TỶ KHUU KOKĀLIKA.....	766
XXV. 4- TRƯỞNG LÃO DHAMMĀRĀMA.....	768
XXV. 5- HAI VỊ TỶ KHUU NGHỊCH GẶP NHAU.....	769
XXV. 6- BÀ LA MÔN PANCAGGADĀYAKA.....	770
XXV. 7- NHIỀU VỊ TỶ KHUU.....	772
XXV. 8- TRƯỞNG LÃO SANTAKĀYA.....	779
XXV. 9- TRƯỞNG LÃO NAṄGALAKŪṬA.....	780
XXVI. PHẨM BÀ LA MÔN.....	791
XXVI. 1- VỊ BÀ LA MÔN NHIỀU ĐỨC TIN.....	791
XXVI. 2- NHIỀU VỊ TỶ KHUU.....	792
XXVI. 3- CHUYỆN MA VƯƠNG.....	792
XXVI. 4- MỘT VỊ BÀ LA MÔN.....	793
XXVI. 5- TRƯỞNG LÃO ĀNANDA.....	794
XXVI. 6- CHUYỆN MỘT NGƯỜI XUẤT GIA.....	795
XXVI. 7- TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA.....	796
XXVI. 8- TRƯỞNG LÃO NI MAHĀ PAJĀPATIGOTAMĪ.....	798
XXVI. 9- CHUYỆN TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA.....	799
XXVI. 10- CHUYỆN BÀ LA MÔN JAṬILA.....	799
XXVI. 11- BÀ LA MÔN KUHAKA.....	800
XXVI. 12- NÀNG KISĀGOTAMĪ.....	802
XXVI. 13- CHUYỆN VỊ BÀ LA MÔN.....	802
XXVI. 14- NGÀI UGGASENA.....	803
XXVI. 15- CHUYỆN HAI VỊ Bà-La-Môn.....	804
XXVI. 16- BÀ LA MÔN AKKOSAKA BHĀRADVĀJA.....	805
XXVI. 17- TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA.....	806
XXVI. 18- TRƯỞNG LÃO NI UPPALAVANṆĀ.....	807
XXVI. 19- CHUYỆN MỘT VỊ Bà-La-Môn.....	808
XXVI. 20- TRƯỞNG LÃO NI KHEMĀ.....	808
XXVI. 21- TRƯỞNG LÃO TISSA NGỰ TRONG NÚI.....	809
XXVI. 22- CHUYỆN NHIỀU VỊ TỶ KHUU.....	812
XXVI. 23- CÁC SA DI.....	813
XXVI. 24- TRƯỞNG LÃO MAHĀ PAṆṬHAKA.....	815
XXVI. 25- TRƯỞNG LÃO PILIṆḌAVACCHA.....	816
XXVI. 26- CHUYỆN MỘT VỊ TỶ KHUU.....	817
XXVI. 27- TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA.....	818
XXVI. 28- TRƯỞNG LÃO MOGGALLĀNA.....	819
XXVI. 29- TRƯỞNG LÃO REVATA.....	819
XXVI. 30- TRƯỞNG LÃO CANDĀBHA.....	820

XXVI. 31- TRƯỜNG LÃO SĪVALĪ.....	823
XXVI. 32- TRƯỜNG LÃO SUNDARASAMUDDA.....	824
XXVI. 33- TRƯỜNG LÃO KOTIKA.....	827
XXVI. 34- CHUYỆN TRƯỜNG LÃO JĀṬILA.....	834
XXVI. 35- CHUYỆN VỊ TỶ KHUƯ KHIÊU VŨ (THỨ NHẤT).....	840
XXVI. 36- CHUYỆN VỊ TỶ KHUƯ KHIÊU VŨ (THỨ HAI).....	841
XXVI. 37- TRƯỜNG LÃO VAṄGISA.....	841
XXVI. 38- TRƯỜNG LÃO DHAMMADINNĀ.....	844
XXVI. 39- TRƯỜNG LÃO AṄGULIMĀLA.....	845
XXVI. 40- BÀ LA MÔN DEVAHITA.....	846